Chia sẻ Ánh sáng



Tuyển tập các bài viết của
GEOFFREY HODSON
Tập I

Sharing the Light

The Collected Articles of

Geoffrey Hodson

VOLUME I

Compiled by

John and Elizabeth Sell

Edited by

John Sell

Elizabeth Sell

Roselmo Z. Doval Santos

THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE

Quezon City, Philippines

2008

© Theosophical Publishing House 2008

ISBN 971-616-012-7

Theosophical Publishing House 1

Iba Street, Quezon City Philippines 1114

Tel: (63-2) 741-5740

Fax: (63-2) 740-3751

E-mail: philtheos@gmail.com or theophil@info.com.ph www.theosophy.ph

The Theosophical Publishing House is the publishing division of the Theosophical Society in the Philippines.

Printed in Thailand by Kyodo Nation Printing Services Co., Ltd.



Mr Geoffrey Hodson at 69 years old

MỤC LỤC

Sharing the Light....3
MỤC LỤC....6
Acknowledgments....21
Preface and Explanatory Notes....23
Freedom of Thought....26
Tự Do Tư Tưởng....26
Testimonials of Three Scientists....27
Lời Chứng Thực của Ba Nhà Khoa Học....27
Introduction—Giới Thiệu....31
The Great Call....33
Lời Kêu Gọi Vĩ Đại....33
Section I....35
Sirituality and the Path of Discipleship-Tính Tinh Thần và Thánh Đạo....35
1The Nature of Spiritual Awareness—Bản Chất của Nhận Thức Tinh Thần....35
2....37
The Attainment of Spiritual Awareness—Sự Đạt Được Nhận Thức Tinh Thần....37
3—....41
The Attainment of Spiritual Power—Đạt Được Quyền Năng Tinh Thần....41
4—....47
The Spiritual Purpose of Existence—Mục Đích Tinh Thần của Sự Tồn Tại....47
5....54
The Neophyte Finds His Master—Người Sơ Cơ Tìm Thấy Chân Sư Của Mình....54
6....60
The Call to Discipleship—Lời Kêu Gọi Địa Vị Đệ Tử....60
7—....68
Steps on the Pathway to Divine Manhood—Các Bước trên Con Đường dẫn đến Nhân Tính Thiêng Liêng 68
8....76
Selfless Service Born of Realized Oneness—Phụng Sự Vô Vị Kỷ Sinh Ra Từ Sự Hợp Nhất Được Thực Chứng 76
9....82
Some Laws of the Spiritual Life—Một Số Định Luật của Đời Sống Tinh Thần....82

10.....90
The Path is Within You—Con Đường Ở Bên Trong Bạn.....90
11.....92
The Path of Discipleship—Con đường Đệ Tử.....92
12.....94
The Old-New Pathway to Discipleship—Con Đường Cũ-Mới dẫn đến Địa vị Đệ tử.....94
13—13.....97
Attainment of Spiritual Awareness—Đạt Được Nhận Thức Tinh Thần.....97
14.....105
Attributes of Spiritual Awareness—Các Thuộc Tính của Nhận Thức Tinh Thần.....106
15.....116
When the Pupil is Ready, The Master Appears—Khi Đệ Tử Sẵn Sàng, Chân Sư Xuất Hiện.....117
16.....117
One Word for All Aspirants—Try—Một Lời Cho Tất Cả Những Người Chí Nguyện—Hãy Cố Gắng.....117
17.....120
Failure and Success—Thất Bại và Thành Công.....120
18.....122
The Pathway of Light—Con Đường Ánh Sáng.....122
19.....126
The Pathway to Sorrow-Less-Ness—Con Đường Dẫn Đến Bớt-Đau-Khổ.....126
20—.....127
The Ideal of Selflessness—Lý Tưởng Về Sự Vị Tha.....127
21.....132
The Virtue of Humaneness—Đức Tính Nhân Bản.....132
22.....134
Spiritual Vision [1]—Tầm Nhìn Tinh Thần [1].....134
23.....143
Spiritual Vision [2]—Tầm Nhìn Tinh Thần [2].....143
24.....152
Meditation—Elixir of Life—Tham Thiền—Thuốc Trường Sinh.....152
25.....163
Pathways to the Source of Light—Những Con Đường Dẫn Đến Nguồn Ánh Sáng.....163
26.....169
Knowledge is Power—Tri thức là Sức mạnh.....169

27....176
Group Meditation—Tham Thiền Nhóm....176
28....179
The Importance of Relaxation in Both Meditation and Daily Life—Tầm Quan Trọng của Thư Giãn Trong Cả Tham Thiền và Cuộc Sống Hàng Ngày....179
29....180
The Radiation of Power—Sự Lan Tỏa Mãnh Lực....180
30....187
Finding One's Life Work—Tìm Kiếm Công Việc Cuộc Đời....188
31....190
Invocations and Affirmations—Lời Khẩn Cầu và Khẳng Định....190
32....191
Prayer and Affirmation—Lời Cầu Nguyện và Khẳng Định....191
33....191
Prayers—Những Lời Cầu Nguyện....191
34....193
Spiritual Affirmations—Những Lời Khẳng Định Tinh Thần....193
35....194
Vegetarianism As an Aid to Spiritual Vision: Mankind's Greatest Need—Ăn Chay Như Một Sự Hỗ Trợ Cho Tầm Nhìn Tinh Thần: Nhu Cầu Lớn Nhất Của Nhân Loại....194
36....197
Theosophical Order of Service—Hội Thông Thiên Học Phụng Sự....197
37....200
Love's Thorns—Gai Tình Yêu....200
38....201
Purity of Heart—Sự Thanh Khiết của Trái Tim....201
39....202
Gossip—Chuyện Phiếm....202
40....205
The Great Reward—Phần Thưởng Lớn....205
SECTION 2....206
Theosophical Teachings....206
41....206
Discovering Theosophy—Khám Phá Thông Thiên Học....206

42.....211
What Theosophy Gives—Những Gì Thông Thiên Học Mang Lại.....211
43.....214
A Case of Mistaken Identity—Một Trường Hợp Nhầm Lẫn Danh Tính.....214
44.....215
44.....215
Ahimsa.....215
Ahimsa.....215
45.....217
All Life is One—Tất Cả Sự Sống Là Một.....217
46.....220
The World of the Occult [1]—Thế Giới Huyền Bí [1].....220
47.....224
Studies in Occultism [1]—Studies in Occultism [1].....224
48.....226
Studies in Occultism [2]—Studies in Occultism [2].....226
49.....228
The Reincarnating Self of Man: A Study in Causal Consciousness—.....228
50.....239
The Royal Secret—Bí Mật Hoàng Gia.....239
51—51.....241
Atlantis: Fact or Fable?—Atlantis: Thực Tế hay Truyện Ngụ Ngôn?.....241
52.....247
Study Corner [1]—Góc Học Tập [1].....247
53.....250
Theosophy as Interior Experience [1]—Thông Thiên Học như là Kinh Nghiệm Nội Tại [1].....250
54.....260
Theosophy as Interior Experience [2]—Thông Thiên Học như là Kinh Nghiệm Nội Tại [2].....260
55.....264
Free Will and Fatalism [1]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [1].....264
56.....267
Free Will and Fatalism [2]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [2].....267
57—57.....270
Free Will and Fatalism [3]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [3].....271

58.....273
Free Will *and* Fatalism [4]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [4].....273
59.....275
Free Will and Fatalism—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh.....275
60.....277
Free Will and Fatalism [6]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [6].....277
61.....279
Free Will and Fatalism [7]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [7].....279
62.....282
Free Will and Fatalism [8]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [8].....282
63.....286
Immortality—Sự Bất Tử.....286
64.....287
Life After Physical Death—Cuộc Sống Sau Cái Chết Thể Xác.....287
65.....293
Life Does Make Sense!—Cuộc Sống Thật Có Ý Nghĩa!.....293
66.....295
Our Heritage of Glory—Di Sản Vinh Quang Của Chúng Ta.....295
67.....298
Study Corner *[3]*—Góc Học Tập [3].....298
68.....300
The 3 Fundamental Propositions of *The Secret Doctrine*—Ba Luận Điểm Cơ Bản của Giáo Lý Bí Nhiệm300
69.....302
The Cause-Less Cause—Nguyên Nhân Không Nguyên Nhân.....302
70.....304
The World of the Occult *[3]*—Thế Giới Huyền Bí [3].....304
71.....312
Study Corner *[4]*—Góc Học Tập [4].....312
72.....315
The Death and Resurrection of the Gods: A Study of the Doctrine of Rebirth—Sự Chết và Sự Phục Sinh của Các Vị Thần: Nghiên Cứu về Giáo Lý Tái Sinh.....315
73.....324
The Eternal Woman—Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu.....324
74.....327

The Forces of Light—Các Mãnh Lực Ánh Sáng....327
75....331
The Human Aura: Its Colours and the Qualities of Character they Represent—Hào Quang Con Người: Màu Sắc của Nó và Những Phẩm Chất Tính Cách mà Chúng Đại Diện....331
76....336
The Inner Government of the World—Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới....336
77....340
The Long Mysterious Exodus of Death—Cuộc Di Cư Bí Ẩn Dài Dằng Dặc của Cái Chết....340
78....354
The Masters' World—Thế Giới của Các Chân Sư....354
79....356
Armageddon and the Last Days—Armageddon và Những Ngày Cuối Cùng....356
80....359
The Meaning of Evil—Ý Nghĩa của Cái Ác....359
81....362
The Pathway to Peace—Con Đường Đến Hòa Bình....362
82....368
The Royalty and Nobility of Nations—Tính Hoàng Gia và Quý Tộc của Các Quốc Gia....368
83....370
The Supreme Deity in Universe and Man [1]—Thượng Đế Tối Cao trong Vũ Trụ và Con Người [1]....370
84....377
The Science of Self-Illumination—Khoa Học Tự Soi Sáng....377
85....381
The True Vision—Tầm Nhìn Đích Thực....381
86....382
Theosophy and the Modern World—Thông Thiên Học và Thế Giới Hiện Đại....382
87—....388
The Value of Reincarnation and Karma—Giá Trị của Luân Hồi và Nghiệp Quả....388
88....390
The Vision of Unity—Tầm Nhìn về Sự Hợp Nhất....390
89—....393
The World of the Occult [4]—Thế Giới của Huyền Bí Học [4]....393
90....397
Theosophy in Questions and Answers [I]....397

Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [I]....397
91—....402
Theosophy in Questions and Answers [2]—Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [2]....402
92—....408
Theosophy in Questions and Answers [3]....408
Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [3]....408
93—....413
Theosophy in Questions and Answers [4]....414
Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [4]....414
94-....414
Theoophy: Safeguard Against A Third World War—Thông Thiên Học: Bảo Vệ Chống Lại Chiến Tranh Thế Giới Thứ Ba....414
95—....417
Investigating Spiritualism—Điều Tra Về Thuyết Duy Linh....417
96—....422
Thoughts on Karma and Meditation—Suy Nghĩ về Nghiệp Quả và Thiền Định....422
97—....424
Victory Over the Powers of Evil—Chiến Thắng Các Thế Lực Tà Ác....424
98—....432
Who Made God?—Ai Đã Tạo Ra Thượng Đế?....432
99—....434
The Dangers Inseparable from Hypnotism—Những Nguy Hiểm Không Thể Tách Rời Khỏi Thôi Miên....435
100—....438
Yoga in Questions and Answers—Key Facts—Yoga trong Hỏi và Đáp—Những Sự Thật Quan Trọng. .439
101—....445
Knowing, Healing Guiding from Within—Biết, Chữa Lành, Hướng Dẫn từ Bên Trong....445
SECTION 3....446
Clairvoyant Investigations....446
102....446
Development of Extra Sensory Perception—Phát Triển Siêu Cảm....446
103....454
The Development of Clairvoyance—Sự Phát Triển của Thông Nhãn....454
104....458

Superphysical Vision—Tầm Nhìn Siêu Hình.....458
105.....465
The Rod of Hermes—Thần Trượng Hermes.....465
106.....480
Theosophical Research.....481
Nghiên cứu Thông Thiên Học.....481
107.....486
Matter, Gateway to Spirit—Vật chất, Cánh cổng dẫn đến Tinh thần.....486
Two Pathways to Reality.....486
The Mystery of Matter.....487
Occult Research.....488
108.....491
Clairvoyant Explorations of Egoic Consciousness—Khám phá Thông nhãn về Tâm thức Chân ngã.....491
109—.....498
An Experience in Consciousness—Một Trải nghiệm về Tâm thức.....498
110.....501
An Adventure into the Fourth Dimension—Một Cuộc phiêu lưu vào Chiều không gian Thứ tư.....501
111.....507
Some Experiments in Fourth Dimensional Vision—Một Số Thí Nghiệm về Tầm Nhìn Bốn Chiều.. .507
112.....508
Music as Colour and Form—Âm Nhạc như Màu Sắc và Hình Thức.....508
113.....515
Is There A Link Between Orthodox and Occult Chemistry?—Có Liên Kết Nào Giữa Hóa Học Chính Thống và Hóa Học Huyền Bí Không?.....515
114.....522
The Clairvoyant Study of Motherhood—Nghiên Cứu Thông Nhãn về Tình Mẫu Tử.....522
115.....529
A Threefold Birth—Một Sự Sinh Tam Phân.....529
116.....531
The Descent of the Human Ego into Incarnation—Sự Giáng Sinh của Chân Ngã Con Người vào Hóa Thân.....531
117.....541
Experiments in Time—Thí Nghiệm Trong Thời Gian.....541
118.....547

Clairvoyant Investigation of Life and Awareness in Plants: The African Violet—Điều Tra Thông Nhãn về Sự Sống và Nhận Thức trong Thực Vật: Hoa Tím Châu Phi.....547
119.....552
A Tree With a Personality—Một Cây Có Phàm Ngã.....552
120.....555
Impressions of the Giant Sequoias—Ấn tượng về Cây Sequoia Khổng Lồ.....555
SECTION 4.....559
The Angelic World—Thế Giới Thiên thần.....560
121.....560
Studies in Occultism [4]—Nghiên Cứu về Huyền Bí Học [4].....560
122.....565
Mountain Gods—Các Thần Núi.....565
123—.....568
The Coming of the Angels—Sự Đến của Các Thiên Thần.....568
124—.....569
The Art Modes of the Future—Các Phương Thức Nghệ Thuật của Tương Lai.....569
125—.....572
Angel Worship of the Sun—Sự Sùng Bái Thiên Thần của Mặt Trời.....572
126—.....576
Music of the Gods—Âm Nhạc của Các Vị Thần.....576
127—.....580
The Colour Language of the Angels—Ngôn Ngữ Màu Sắc của Các Thiên Thần.....580
128—.....585
Nature and the Gods [1].....585
Thiên Nhiên và Các Thiên Thần [1].....585
129—.....592
Nature and the Gods [2]—Mẹ Thiên Nhiên và Các Thiên Thần [2].....592
130.....600
Nature and the Gods [3]—Bản chất và Các Thiên thần [3].....600
131—.....603
Mind Radio [I].....603
Đài Phát Thanh Thể Trí [I].....603
132.....609
Mind Rado [2]—Đài Thể Trí.....609

133—.....613
Mind. Radio [3]—Đài. Thể Trí [3].....613
134—.....615
The Kingdom of Music—Vương Quốc Âm Nhạc.....615
135—.....619
Brotherhood: Angels and Men—Huynh đệ: Thiên Thần và Con Người.....619
136—.....632
The Way of Knowledge—Con Đường Tri Thức.....632
SECTION 5.....643
Explorations of the Unseen in Other Cultures.....643
137.....644
Occult Research into the Early American Inhabitants—Nghiên Cứu Huyền Bí về Những Cư Dân Đầu Tiên của Châu Mỹ.....644
138.....649
Some Impressions at Bodh Gaya—Một Vài Ấn Tượng Tại Bồ Đề Đạo Tràng.....649
139.....652
The Heart of A Nation—Trái Tim Của Một Quốc Gia.....652
140—.....654
A *Devi* of the Southern Seas—Một Devi của Các Biển Phương Nam.....654
141.....659
A Visit to Waitomo Caves—Một Chuyến Viếng Thăm Các Hang Động Waitomo.....659
142—.....661
An African Witch-Doctor—Một Pháp Sư Châu Phi.....661
143—.....666
A Spiritual Centre in New Zealand—Một Trung Tâm Tinh Thần ở New Zealand.....666
144.....675
At Boro-Budur—Tại Boro-Budur.....675
145.....683
Before the Himalayan Snows—Trước Những Tuyết Phủ Himalaya.....683
146—.....686
Clairvoyant Observation of the Ceremonial Magic of the Aztecs—Quan Sát Thông Nhãn về Ma Thuật Nghi Lễ của Người Aztec.....686
147.....693
Tibet and the Communist Invasion—Tây Tạng và Cuộc Xâm Lăng của Cộng Sản.....693

148.....695
Deva Life in Java—Đời Sống Deva ở Java.....695
149.....702
The *Deva* of Boro-Budur—Deva của Boro-Budur.....702
150.....704
The Sacred Science of the Maori *Tohunga*—Khoa Học Thiêng Liêng của Maori Tohunga.....704
151.....720
Occult Experiences in Java—Những Trải Nghiệm Huyền Bí ở Java.....720
152.....727
The Fourteenth Dalai Lama—Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ Mười Bốn.....727
153.....735
Relics of Atlantean Occultism [1]—Di Tích Huyền Bí Học Atlantis [1].....735
154—.....741
Relics of Atlantean Occultism [2]—Di Tích Huyền Bí Học Atlantis [2].....741
155—.....752
Relics *of* Atlantean Occultism *[3]*—Di Tích của Huyền Bí Học Atlantis [3].....752
156—.....763
Miracles of the Lord Shri Krishna as Revelations of Spiritual Truths—Phép Lạ của Đức Chúa Shri Krishna như là Sự Mặc Khải của Chân Lý Tinh Thần.....764
157.....773
New Zealand and the Emergence of the Sixth Sub-Race—New Zealand và Sự Xuất Hiện của Giống Dân Phụ Thứ Sáu.....773
SECTION 6.....786
World Religions Ceremonial and Symbolism—Các Nghi Lễ và Biểu tượng của các Tôn Giáo Thế Giới.....786
158.....786
Christ and the Child—Đức Christ và Đứa Trẻ.....786
159.....789
Basic Simplicities—Những Điều Đơn Giản Cơ Bản.....789
160—.....789
The Master Jesus—Chân sư Jesus.....789
161—.....793
Vegetarianism in the Bible—Ăn Chay trong Kinh Thánh.....793
162—.....795

The Living Christ—Đức Christ Hằng Sống....795
163—....796
The Message of Easter—Thông Điệp Phục Sinh....796
164—....803
Scriptural Allegories of Discipleship and Initiation—Những Phép Ẩn Dụ Kinh Thánh về Địa Vị Đệ Tử và Điểm Đạo....803
165—....809
A Theosophical View of Christmas—Quan Điểm Thông Thiên Học về Lễ Giáng Sinh....809
166—....814
The Christmas of the Soul—Lễ Giáng Sinh của Linh Hồn....814
167....819
The Occult Significance of Christmas—Ý Nghĩa Huyền Bí của Lễ Giáng Sinh....819
168—....823
Christian Theology and the Spiritual Needs of Modern Man—Thần Học Cơ Đốc Giáo và Các Nhu Cầu Tinh Thần của Con Người Hiện Đại....824
169—....837
Christmas and the Soul of Man—Lễ Giáng Sinh và Linh Hồn Con Người....837
170—....843
The Life of Christ as Revelation of Ageless Truths—Cuộc Đời của Đức Christ như Sự Mặc Khải của Những Chân Lý Vĩnh Cửu....843
171....856
The Threefold Nature of the Lord Christ—Bản Chất Tam Phân của Đức Christ....856
172—....864
The Hidden Light in Islam—Ánh Sáng Ẩn Giấu trong Hồi Giáo....864
173—....867
Sufism—The Esoteric Philosophy of Islam—Sufism—Triết Lý Huyền Bí của Hồi Giáo....867
174—....870
Two Study Notes on Kabbalism—Hai Ghi Chú Nghiên Cứu về Kabbalism....870
175—....873
Study Notes on Kabbalism—Ghi Chú Nghiên Cứu về Kabbalism....873
176....875
The Path in Taoism—Thánh Đạo trong Đạo giáo....875
177—....881
Yoga: Man's Pathway to Knowledge and Power—Yoga: Con Đường Dẫn Đến Tri Thức và Sức Mạnh của Con Người....881

178—....885
Zen Practice and Zen Consciousness—Thực Hành Thiền và Tâm Thức Thiền....885
179—....896
Nature and the Holy Eucharist—Bản chất và Thánh Thể....896
180—....905
Thoughts on the Symbolism of The Holy Grail—Những Suy Nghĩ về Biểu Tượng của Chén Thánh....906
181—....909
Sources of World Ceremonials and Maximum Effectiveness in their Performance—Nguồn Gốc của Các Nghi Lễ Thế Giới và Hiệu Quả Tối Đa trong Việc Thực Hiện Chúng....909
182—....924
The World of the Occult [5]—Thế Giới của Huyền Bí Học [5]....924
183—....926
Study Corner [5]—Góc Nghiên Cứu [5]....926
184—....928
The Cave of Mach-Pelah—Hang Mach-Pelah....928
185....931
Rosicrucian Symbolism—Biểu Tượng Hội Rosicrucian....931
186—....937
The Sacred Language of Symbols and Some Keys of Interpretation [1]—Ngôn Ngữ Thiêng Liêng của Các Biểu Tượng và Một Số Chìa Khóa Giải Thích [1]....937
187—....947
The Sacred Language of Symbols and Some Keys of Interpretation [2]—Ngôn Ngữ Thiêng Liêng của Các Biểu Tượng và Một Số Chìa Khóa Giải Thích [2]....947
188—....955
Man as Symbol and as Fact—Con Người Như Một Biểu Tượng Và Như Một Sự Thật....955
SECTION 7—PHẦN 7....972
The Keys to Health and Healing—Các Chìa Khóa cho Sức Khỏe và Sự Chữa Lành....972
189....972
A Healing Meditation—Một Bài Tham Thiền Chữa Lành....972
190....974
Clairvoyant Diagnosis of Disease—Chẩn Đoán Bệnh Bằng Thông Nhãn....974
191....976
Concerning Spiritual Healing—Về Trị Liệu Tinh Thần....976
192....979

Cruelty As A Cause of Disease—Sự Tàn Ác Là Một Nguyên Nhân Gây Bệnh....979
193....986
Five Rules for Health and Happiness—Năm Quy Tắc Cho Sức Khỏe và Hạnh Phúc....987
194....987
Good Health—Some Basic Principles—Sức Khỏe Tốt—Một Số Nguyên Tắc Cơ Bản....987
195....992
Healing Prayer—Lời Nguyện Chữa Lành....992
196—....993
Notes On Occult Healing—Ghi Chú Về Trị Liệu Huyền Môn....993
197....999
Significance of Colour in Healing and in the Human Aura—Ý Nghĩa Của Màu Sắc Trong Chữa Lành Và Trong Hào Quang Con Người....999
198—....1004
Spiritual Healing—Chữa Lành Tinh Thần....1004
199—....1013
An Occult Approach to the Cause, Prevention and Cure of Disease—Một Cách Tiếp Cận Huyền Bí về Nguyên Nhân, Phòng Ngừa và Chữa Bệnh....1013
200—....1026
The Influence of Mind and Emotion on Health, Disease and Nutrition—Ảnh Hưởng của Thể Trí và Cảm Xúc đến Sức Khỏe, Bệnh Tật và Dinh Dưỡng....1026
201—....1030
Man in Health and Disease—Con Người trong Sức Khỏe và Bệnh Tật....1030
202—....1044
Healing Invocation—Lời Khẩn Cầu Chữa Lành....1044
203—....1045
Meditation as a Healing Process—Thiền Định Như Một Quá Trình Chữa Lành....1045
204—....1056
The Mechanism of Psychosomatics—Cơ Chế của Tâm Thể Học....1056
205—....1063
The World of the Occult [6]—Thế Giới của Huyền Bí Học [6]....1064
206—....1067
Vibration and the Human Chord [1]—Rung Động và Hợp Âm Con Người [1]....1067
207—....1073
Vibration and the Human Chord [2]—Rung Động và Hợp Âm Con Người [2]....1073

ACKNOWLEDGMENTS

We wish to thank the Theosophical Society of New Zealand for the use of the bound volumes of *Theosophy in New Zealand* and *The Theosophist* and for the use of photocopying equipment. Our thanks also go to Mr John Vorstermans, its President, for his support and help throughout and for permission from the Theosophical Society of New Zealand to use photos and pictures in their care. We thank also Lara-May Thorne who digitally copied them for us.

Special thanks go to the Theosophical Society of New Zealand for making funds available for the publishing of the two volume set. To the H.P.B. Branch in Auckland goes our thanks for the use of bound volumes containing some missing articles and for the use of their photocopier. We are also grateful for the support of the Theosophical Society in America for permission to use photos in their care and for allowing Mr Charles Sitwell, Vice President in New Zealand, to whom we owe our thanks, to photocopy some of the articles in *The American Theosophist*. We appreciate this and other help given to us, by Mrs Betty Bland, President of the Theosophical Society of America. We are grateful to Adyar, India for permission to use some pictures from *The Kingdom of the Gods.*

We acknowledge with gratitude the help given by Diana Dunningham Chapotin in accessing and copying into digital form photos of Sandra and Geoffrey Hodson held by the Archives Department of the Theosophical Society in America.

We acknowledge with appreciation all the computer work, done by Isabelita J. Balino of

Chúng tôi xin cảm ơn Hội Thông Thiên Học New Zealand đã cho phép sử dụng các tập sách đóng của Theosophy in New Zealand và The Theosophist cũng như sử dụng thiết bị photocopy. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ông John Vorstermans, Chủ tịch Hội, vì sự hỗ trợ và giúp đỡ của Ông trong suốt quá trình và vì sự cho phép của Hội Thông Thiên Học New Zealand trong việc sử dụng các bức ảnh và hình ảnh do họ lưu giữ. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Lara-May Thorne, người đã sao chép chúng cho chúng tôi dưới dạng kỹ thuật số.

Đặc biệt cảm ơn Hội Thông Thiên Học New Zealand đã cung cấp kinh phí cho việc xuất bản bộ hai tập. Chúng tôi xin cảm ơn Chi nhánh H.P.B. ở Auckland đã cho phép sử dụng các tập sách đóng có chứa một số bài viết bị thiếu và cho phép sử dụng máy photocopy của họ. Chúng tôi cũng biết ơn sự hỗ trợ của Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ vì đã cho phép sử dụng các bức ảnh do họ lưu giữ và cho phép Ông Charles Sitwell, Phó Chủ tịch Hội ở New Zealand, người mà chúng tôi vô cùng cảm ơn, sao chép một số bài viết trong The American Theosophist. Chúng tôi đánh giá cao điều này và những sự giúp đỡ khác mà Bà Betty Bland, Chủ tịch Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ, đã dành cho chúng tôi. Chúng tôi biết ơn Adyar, Ấn Độ đã cho phép sử dụng một số hình ảnh từ The Kingdom of the Gods.

Chúng tôi ghi nhận với lòng biết ơn sự giúp đỡ của Diana Dunningham Chapotin trong việc truy cập và sao chép vào dạng kỹ thuật số các bức ảnh của Sandra và Geoffrey Hodson do Bộ phận Lưu trữ của Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ nắm giữ.

Chúng tôi ghi nhận với sự trân trọng tất cả công việc máy tính do Isabelita J. Balino ở

the Philippines who went beyond the call of duty. Special thanks are due to Maria Teresa G. Doval Santos and Jose Raphael G. Doval Santos for assistance given with editing.

Philippines thực hiện, người đã làm việc vượt quá yêu cầu. Đặc biệt cảm ơn Maria Teresa G. Doval Santos và Jose Raphael G. Doval Santos vì sự hỗ trợ trong việc biên tập.

Some articles were accessed from the Campbell Internet Library which is a very useful resource for the Theosophical Society. A few articles dealing with theosophical ideas have been included from the Vegetarian Society of New Zealand of which Mr HodSon was President for some years. We also thank this organisation for their help.

Một số bài viết được truy cập từ Thư viện Internet Campbell, một nguồn tài nguyên rất hữu ích cho Hội Thông Thiên Học. Một vài bài viết đề cập đến các ý tưởng thông thiên học đã được đưa vào từ Hội Ăn Chay New Zealand, nơi Ông Hodson làm Chủ tịch trong nhiều năm. Chúng tôi cũng xin cảm ơn tổ chức này vì sự giúp đỡ của họ.

We would like to express our great indebtedness to our son Glenn Sell, for much advice and help given us in solving software and computer problems associated with the compiling of this book and thus making our work possible. Our thanks also go to our son Richard Sell for technical and other assistance and to his wife Renee Sell for help given.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến con trai Glenn Sell của chúng tôi, vì nhiều lời khuyên và sự giúp đỡ đã dành cho chúng tôi trong việc giải quyết các vấn đề về phần mềm và máy tính liên quan đến việc biên soạn cuốn sách này, nhờ đó công việc của chúng tôi trở nên khả thi. Chúng tôi cũng xin cảm ơn con trai Richard Sell của chúng tôi vì sự hỗ trợ kỹ thuật và các hỗ trợ khác, và cảm ơn vợ anh, Renee Sell, vì sự giúp đỡ đã dành cho chúng tôi.

We also want to thank Mr Vicente Hao Chin, Jr. for his many personal and financial contributions to the production of this book. He gave valuable solutions to computer and software problems during lay-out and editorial work. His artistic inputs on page and cover design, lay-out and title graphics are greatly appreciated.

Chúng tôi cũng muốn cảm ơn Ông Vicente Hao Chin, Jr. vì nhiều đóng góp cá nhân và tài chính của Ông cho việc sản xuất cuốn sách này. Ông đã đưa ra những giải pháp có giá trị cho các vấn đề về máy tính và phần mềm trong quá trình dàn trang và biên tập. Những đóng góp nghệ thuật của Ông về thiết kế trang và bìa, dàn trang và đồ họa tiêu đề được đánh giá rất cao.

PREFACE AND EXPLANATORY NOTES

The four hundred and two articles in this book were written by Mr Hodson and are mostly found in the official Theosophical magazines of New Zealand, India, U.S.A., Australia and South Africa. They thus deal with theosophical ideas and teachings and give a theosophical perspective on life. Some articles in the Theosophical magazines of various countries may not, however, appear in this volume for two main reasons.

Bốn trăm lẻ hai bài viết trong cuốn sách này được Ông Hodson viết và chủ yếu được tìm thấy trong các tạp chí Thông Thiên Học chính thức của New Zealand, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Úc và Nam Phi. Do đó, chúng đề cập đến các ý tưởng và giáo lý thông thiên học và đưa ra một góc nhìn thông thiên học về cuộc sống. Tuy nhiên, một số bài viết trên các tạp chí Thông Thiên Học của nhiều quốc gia có thể không xuất hiện trong tập này vì hai lý do chính.

It is an extract from a book he had written. This approach may not be entirely successful as the overall subject matter overlaps and deals with many of the same topics that appear in his books.

Đây là một đoạn trích từ một cuốn sách Ông đã viết. Cách tiếp cận này có thể không hoàn toàn thành công vì chủ đề tổng thể trùng lặp và đề cập đến nhiều chủ đề tương tự xuất hiện trong sách của Ông.

The article is a reprint from the Theosophical magazine of another country.

Bài viết là bản in lại từ tạp chí Thông Thiên Học của một quốc gia khác.

Readers will hopefully appreciate the difficulty of conducting research of articles from many countries while residing in one. There are many magazines from several other countries which are no longer available and over a period of some fifty years this will mean that some of Mr Hodson's articles may have been missed. We apologize for this in advance.

Hy vọng rằng độc giả sẽ đánh giá cao sự khó khăn trong việc thực hiện nghiên cứu các bài viết từ nhiều quốc gia trong khi cư trú tại một quốc gia. Có rất nhiều tạp chí từ một số quốc gia khác không còn nữa và trong khoảng thời gian khoảng năm mươi năm, điều này có nghĩa là một số bài viết của Ông Hodson có thể đã bị bỏ lỡ. Chúng tôi xin lỗi trước về điều này.

Note also that a particular article in this present compilation can often be put under several chapter headings, so the structure used here is somewhat arbitrary. For example an article on using clairvoyance in The Keys to Health and Healing [Volume 1, Section 7] can go under the section on Health, or Clairvoyant Investigations [Volume 1, Section 3], Other likely sections should therefore be searched when looking for any particular topic.

Cũng xin lưu ý rằng một bài viết cụ thể trong bản biên soạn này thường có thể được đưa vào dưới một số tiêu đề chương, vì vậy cấu trúc được sử dụng ở đây có phần tùy ý. Ví dụ: một bài viết về việc sử dụng thông nhãn trong The Keys to Health and Healing [Tập 1, Phần 7] có thể nằm trong phần về Sức Khỏe, hoặc Các Điều Tra Thông Nhãn [Tập 1, Phần 3]. Do đó, các phần có khả năng khác nên được tìm kiếm khi tìm kiếm bất kỳ chủ đề cụ thể nào.

These articles were written in the language of the time of writing. There was no intention to

Những bài viết này được viết bằng ngôn ngữ của thời điểm viết. Không có ý định sử dụng

use such words like ‘he’, ‘kingdom’, ‘mankind’ in any way that may be considered politically incorrect today in a gender-sensitive way. Similarly, the word ‘race’ is generally used in a theosophical context, i.e., the context of the evolution of Root Races and the rise and fall of civilizations as presented in theosophical literature. [See C. Jinarajadasa’s First Principles of Theosophy.] The term ‘white’ in ‘Great White Brotherhood’ does not refer to the Caucasian races, but to ‘benevolence’ or ‘goodness’. In the same way, ‘black magician’ does not refer to colour of skin but to being ‘evil’ or ‘harmful’.

những từ như ‘he’ (anh ấy), ‘kingdom’ (vương quốc), ‘mankind’ (nhân loại) theo bất kỳ cách nào có thể bị coi là không phù hợp về mặt chính trị ngày nay theo cách nhạy cảm về giới tính. Tương tự, từ ‘race’ (chủng tộc) thường được sử dụng trong bối cảnh thông thiên học, tức là bối cảnh tiến hóa của các Giống Dân Gốc và sự trỗi dậy và suy tàn của các nền văn minh như được trình bày trong văn học thông thiên học. [Xem First Principles of Theosophy của C. Jinarajadasa.] Thuật ngữ ‘white’ (da trắng) trong ‘Great White Brotherhood’ (Đại Huynh Đệ Đoàn Da Trắng) không đề cập đến các chủng tộc da trắng, mà là ‘lòng nhân từ’ hoặc ‘sự tốt lành’. Tương tự, ‘black magician’ (nhà ảo thuật da đen) không đề cập đến màu da mà là ‘ác quỷ’ hoặc ‘có hại’.

We have kept the Secret Doctrine references as they were when chosen and written by Mr Geoffrey Hodson over a period of more than 50 years. Some of these references will be difficult to find, as these editions are often not available today. To help overcome this problem we have quoted beside each Secret Doctrine reference, an additional reference which relates to the original 1888 2-volume edition and also to the Boris De Zirkoff edition. The pagination of these last two editions are the same.

Chúng tôi đã giữ các tham chiếu Mật Giáo như khi chúng được Ông Geoffrey Hodson chọn và viết trong khoảng thời gian hơn 50 năm. Một số tham chiếu này sẽ khó tìm thấy, vì các ấn bản này thường không có sẵn ngày nay. Để giúp khắc phục vấn đề này, chúng tôi đã trích dẫn bên cạnh mỗi tham chiếu Mật Giáo, một tham chiếu bổ sung liên quan đến ấn bản 2 tập gốc năm 1888 và cả ấn bản Boris De Zirkoff. Số trang của hai ấn bản cuối cùng này là giống nhau.

The Three Objects of the Theosophical Society

Ba Mục Tiêu của Hội Thông Thiên Học

The work of Geoffrey Hodson draws inspiration from the objects of the Theosophical Society, as founded by Helena P. Blavatsky and Henry S. Olcott, with its headquarters at Adyar, Chennai (formerly Madras) India. These objects are:

Công việc của Geoffrey Hodson lấy cảm hứng từ các mục tiêu của Hội Thông Thiên Học, do Helena P. Blavatsky và Henry S. Olcott thành lập, với trụ sở chính tại Adyar, Chennai (trước đây là Madras) Ấn Độ. Các mục tiêu này là:

To form a nucleus of the universal Brotherhood of Humanity without distinction of race, creed, sex, caste or colour.

Hình thành một hạt nhân của Huynh Đệ Phổ Quát Nhân Loại mà không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính, đẳng cấp hoặc màu da.

To encourage the study of Comparative Religion, Philosophy and Science.

Khuyến khích nghiên cứu Tôn Giáo So Sánh, Triết Học và Khoa Học.

To investigate unexplained laws of Nature and the powers latent in man.

Điều tra các định luật chưa được giải thích của Tự Nhiên và các năng lực tiềm ẩn trong con người.

To this end Mr Hodson has investigated and written about such varied subjects as comparative religion, world civilizations, angels, the spiritual life, discipleship, Mahatmas, the Mystery Tradition, clairvoyant investigations, and the relationship between Theosophy and certain disciplines, like law, music, poetry, art, psychical research, education, medicine, science and daily life.

Để đạt được mục tiêu này, Ông Hodson đã điều tra và viết về nhiều chủ đề khác nhau như tôn giáo so sánh, các nền văn minh thế giới, các thiên thần, đời sống tinh thần, địa vị đệ tử, Các Đấng Maha, Truyền Thống Huyền Bí, các cuộc điều tra thông nhãn và mối quan hệ giữa Thông Thiên Học và một số ngành học, như luật, âm nhạc, thơ ca, nghệ thuật, nghiên cứu tâm linh, giáo dục, y học, khoa học và cuộc sống hàng ngày.

Freedom of Thought

Tự Do Tư Tưởng

Theosophia, as presented to the world as Theosophy by Helena Petrovna Blavatsky, her fellow Theosophists and successors including Geoffrey Hodson, is a dynamic philosophy. Although Theosophy existed long before the Blavatsky era as the Mystery Tradition in various presentations from the Mystery Schools of Ancient Greece, Egypt, Lebanon, India, Tibet and the Yucatan among others, and will no doubt continue to exist for centuries to come, it has never been claimed a dogma. The true theosophist, as described by Blavatsky, has an open mind, and is receptive to new discoveries, insights and restatements of the Ancient Wisdom. Such an attitude governed the life and work of Geoffrey Hodson such that nothing about Theosophy presented herein or in any of his works ought to be taken as the final statement about the subject. In this collection of articles Geoffrey Hodson always worked under the guidance of the Freedom of Thought Declaration of the Theosophical Society, presented hereunder.

Thông Thiên Học, như được Helena Petrovna Blavatsky, các nhà Thông Thiên Học đồng nghiệp và những người kế nhiệm Bà, bao gồm Geoffrey Hodson, trình bày với thế giới, là một triết lý năng động. Mặc dù Thông Thiên Học đã tồn tại rất lâu trước kỷ nguyên Blavatsky như Truyền Thống Huyền Bí trong nhiều cách trình bày khác nhau từ các Trường Phái Huyền Bí của Hy Lạp Cổ Đại, Ai Cập, Lebanon, Ấn Độ, Tây Tạng và Yucatan, cùng nhiều nơi khác, và chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại trong nhiều thế kỷ tới, nhưng nó chưa bao giờ được tuyên bố là một giáo điều. Nhà thông thiên học chân chính, như được Blavatsky mô tả, có một tâm trí cởi mở và sẵn sàng tiếp thu những khám phá, hiểu biết và trình bày lại mới về Minh Triết Cổ Xưa. Một thái độ như vậy đã chi phối cuộc đời và công việc của Geoffrey Hodson đến mức không có gì về Thông Thiên Học được trình bày ở đây hoặc trong bất kỳ tác phẩm nào của Ông nên được coi là tuyên bố cuối cùng về chủ đề này. Trong bộ sưu tập các bài viết này, Geoffrey Hodson luôn làm việc dưới sự hướng dẫn của Tuyên Bố Tự Do Tư Tưởng

Freedom of Thought

[Text of Resolutions passed by the General Council of the Theosophical Society]

As the Theosophical Society has spread far and wide over the world, and as members of all religions have become members of it without surrendering the special dogmas, teachings and beliefs of their respective faiths, it is thought desirable to emphasize the fact that there is no doctrine, no opinion by whomsoever taught or held, that is in any way binding on any member of the Society, none which any member is not free to accept or reject. Approval of its three Objects is the sole condition of membership. No teacher or writer, from H. P. Blavatsky onwards, has any authority to impose his or her teachings or opinions on members.

Every member has an equal right to follow any school of thought, but has no right to force the choice on any other. Neither a candidate for any office nor any voter can be rendered ineligible to stand or to vote, because of any opinion held, or because of membership in any school of thought. Opinions or beliefs neither bestow privileges nor inflict penalties. The Members of the General Council earnestly request every member of the Theosophical Society to maintain, defend and act upon these fundamental principles of the society, and also fearlessly to exercise the right of liberty of thought and of expression thereof, within the limits of courtesy and consideration for others.

Testimonials of Three Scientists

của Hội Thông Thiên Học, được trình bày dưới đây.

Tự Do Tư Tưởng

[Văn bản Nghị quyết được Hội đồng Chung của Hội Thông Thiên Học thông qua]

Vì Hội Thông Thiên Học đã lan rộng khắp thế giới, và vì các thành viên của tất cả các tôn giáo đã trở thành thành viên của Hội mà không từ bỏ các giáo điều, giáo lý và tín ngưỡng đặc biệt của đức tin tương ứng của họ, nên người ta cho rằng nên nhấn mạnh thực tế là không có học thuyết, không có ý kiến nào do bất kỳ ai dạy hoặc nắm giữ, mà theo bất kỳ cách nào ràng buộc bất kỳ thành viên nào của Hội, không có điều nào mà bất kỳ thành viên nào không được tự do chấp nhận hoặc từ chối. Phê duyệt ba Mục Tiêu của Hội là điều kiện duy nhất để trở thành thành viên. Không có giáo viên hoặc nhà văn nào, từ H. P. Blavatsky trở đi, có bất kỳ quyền hạn nào để áp đặt các giáo lý hoặc ý kiến của mình lên các thành viên.

Mọi thành viên đều có quyền bình đẳng để theo bất kỳ trường phái tư tưởng nào, nhưng không có quyền ép buộc sự lựa chọn đó đối với bất kỳ ai khác. Cả ứng cử viên cho bất kỳ chức vụ nào cũng như bất kỳ cử tri nào đều không thể bị coi là không đủ tư cách để ứng cử hoặc bỏ phiếu, vì bất kỳ ý kiến nào được đưa ra, hoặc vì tư cách thành viên trong bất kỳ trường phái tư tưởng nào. Ý kiến hoặc tín ngưỡng không ban cho đặc quyền cũng như không gây ra hình phạt. Các Thành Viên của Hội đồng Chung khẩn thiết yêu cầu mọi thành viên của Hội Thông Thiên Học duy trì, bảo vệ và hành động theo các nguyên tắc cơ bản này của Hội, đồng thời mạnh dạn thực hiện quyền tự do tư tưởng và biểu đạt tư tưởng đó, trong giới hạn của sự lịch sự và tôn trọng đối với người khác.

Lời Chứng Thực của Ba Nhà Khoa

In his very long career as a Theosophical writer, lecturer and researcher, Mr Hodson worked with a variety of scientists. He worked with medical doctors, archaeologists, paleontologists and physicists, to mention a few. In view of these investigations, some of which are included in Sharing the Light, we include some testimonials of his research and clairvoyant abilities by scientists he worked with over a period of years.

Trong sự nghiệp rất dài của mình với tư cách là một nhà văn, giảng viên và nhà nghiên cứu Thông Thiên Học, Ông Hodson đã làm việc với nhiều nhà khoa học. Ông đã làm việc với các bác sĩ y khoa, nhà khảo cổ học, nhà cổ sinh vật học và nhà vật lý, để kể tên một vài người. Xét về những cuộc điều tra này, một số trong đó được bao gồm trong Chia Sẻ Ánh Sáng, chúng tôi bao gồm một số lời chứng thực về khả năng nghiên cứu và thông nhãn của Ông từ các nhà khoa học mà Ông đã làm việc cùng trong một khoảng thời gian nhiều năm.

I was able to work very closely with Geoffrey Hodson for some months during the late fifties testing his clairvoyant powers on pieces of fossils of early man about two million years of age. Each session carried out in the field site from which the specimens came, was recorded on a tape recorder. No indication was given him [of] what I thought of his information until after the series of tests were completed and analysed. Many of the questions put to him required answers which could not be positively checked against known original specimens. The analysis showed that every statement made by him which was able to be positively checked against known specimens was absolutely accurate, and most of what could not be positively checked was in close agreement with what was thought to be correct.

Tôi đã có thể làm việc rất chặt chẽ với Geoffrey Hodson trong vài tháng vào cuối những năm năm mươi để kiểm tra năng lực thông nhãn của Ông trên các mảnh hóa thạch của người tiền sử khoảng hai triệu năm tuổi. Mỗi buổi được thực hiện tại địa điểm thực địa nơi các mẫu vật đến, đều được ghi lại trên máy ghi âm. Không có dấu hiệu nào cho Ông biết tôi nghĩ gì về thông tin của Ông cho đến sau khi loạt thử nghiệm được hoàn thành và phân tích. Nhiều câu hỏi đặt ra cho Ông yêu cầu câu **trả lời** không thể kiểm tra chắc chắn so với các mẫu vật gốc đã biết. Phân tích cho thấy rằng mọi tuyên bố do Ông đưa ra có thể được kiểm tra chắc chắn so với các mẫu vật đã biết đều hoàn toàn chính xác, và hầu hết những gì không thể kiểm tra chắc chắn đều hoàn toàn phù hợp với những gì được cho là chính xác.

At that time almost all of the known fossil material of these early hominids was in my laboratory, and Geoffrey did not see any of it until after the investigations were completed. I was impressed by the extreme care he took over being as accurate and clear as he could be in the observations he made, as well as his descriptions of them in such a way that his words were as precise as possible in offering

Vào thời điểm đó, gần như tất cả các vật liệu hóa thạch đã biết về những người hominin ban đầu này đều ở trong phòng thí nghiệm của tôi, và Geoffrey đã không nhìn thấy bất kỳ vật liệu nào trong số đó cho đến sau khi các cuộc điều tra hoàn thành. Tôi rất ấn tượng về sự cẩn trọng tột độ mà Ông đã thực hiện để chính xác và rõ ràng nhất có thể trong các quan sát mà Ông đã thực hiện, cũng như các mô tả của Ông

the least possibility of misinterpretation.

về chúng theo cách mà lời nói của Ông chính xác nhất có thể trong việc đưa ra khả năng giải thích sai ít nhất.

At each session a small number (2-4) of specimens were dealt with, and some were presented several times at more than one session without telling him this. He never handled the specimens himself; I placed them on his forehead while he was lying on his back with his eyes closed in a state of yoga. Two different species of hominid were used mixed at random, only small specimens being used, e.g. a single tooth.

Trong mỗi buổi, một số lượng nhỏ (2-4) mẫu vật đã được xử lý và một số mẫu vật đã được trình bày nhiều lần trong nhiều buổi mà không cho Ông biết điều này. Ông không bao giờ tự mình xử lý các mẫu vật; Tôi đặt chúng lên trán Ông khi Ông đang nằm ngửa với đôi mắt nhắm nghiền trong trạng thái yoga. Hai loài hominin khác nhau đã được sử dụng trộn lẫn ngẫu nhiên, chỉ sử dụng các mẫu vật nhỏ, ví dụ: một chiếc răng duy nhất.

He never misidentified a specimen or gave conflicting statements about a specimen that had been presented more than once. As far as I could determine his information was always accurate and he gave me a strong impression of complete reliability.

Ông không bao giờ xác định sai một mẫu vật hoặc đưa ra các tuyên bố mâu thuẫn về một mẫu vật đã được trình bày nhiều lần. Theo như tôi có thể xác định, thông tin của Ông luôn chính xác và Ông đã cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ về độ tin cậy hoàn toàn.

Professor J.T. Robinson, D. Sc.

Giáo sư J.T. Robinson, D. Sc.

4 January 1982

Ngày 4 tháng 1 năm 1982

I, of course, would be happy to state unequivocally my belief that Geoffrey Hodson possesses powers of accurate clairvoyant research.

Tất nhiên, tôi rất vui khi tuyên bố một cách dứt khoát niềm tin của mình rằng Geoffrey Hodson sở hữu năng lực nghiên cứu thông nhãn chính xác.

During the years 1956 to 1959 I was fortunate enough to work with Geoffrey Hodson. My contribution was to record his observations on the clairvoyant appearance of subatomic matter. I now have some forty hours on cassette tape giving a verbatim account of the experiments we performed. There is no doubt whatsoever in my mind that Geoffrey possesses quite remarkable powers of extra-sensory perception and invariably used these faculties with meticulous regard for accuracy in both observation and description. He frequently stressed the selective nature of clairvoyant observation and was fully aware

Trong những năm 1956 đến 1959, tôi đã đủ may mắn để làm việc với Geoffrey Hodson. Đóng góp của tôi là ghi lại những quan sát của Ông về sự xuất hiện thông nhãn của vật chất hạ nguyên tử. Bây giờ tôi có khoảng bốn mươi giờ trên băng cassette ghi lại một bản ghi chép nguyên văn về các thí nghiệm mà chúng tôi đã thực hiện. Không còn nghi ngờ gì nữa trong tâm trí tôi rằng Geoffrey sở hữu những năng lực phi thường về tri giác ngoại cảm và luôn sử dụng những khả năng này với sự cẩn trọng tỉ mỉ để đảm bảo tính chính xác trong cả quan sát và mô tả. Ông thường nhấn mạnh bản chất chọn lọc của quan sát thông nhãn và hoàn

of the pitfalls associated with the translation of what can be called 'raw extra-sensory data' through the brain-mind into words capable of conveying useful meaning to his hearers. Throughout these sessions he was a model of scientific caution, taking every possible care not to make statements that might be misleading.

toàn nhận thức được những cạm bẫy liên quan đến việc dịch những gì có thể được gọi là 'dữ liệu ngoại cảm thô' thông qua não-thể trí thành những từ có khả năng truyền tải ý nghĩa hữu ích cho người nghe. Trong suốt các buổi này, Ông là một hình mẫu về sự thận trọng khoa học, hết sức cẩn thận để không đưa ra những tuyên bố có thể gây hiểu lầm.

David D. Lyness, M.B.Ch.B., D.P.M., M.A.N.Z.C.P.

David D. Lyness, M.B.Ch.B., D.P.M., M.A.N.Z.C.P.

September 1981

Tháng 9 năm 1981

For many years, Geoffrey Hodson has co-operated with various scientifically qualified people in attempts to demonstrate the research potential of superphysical faculties of perception, with which he is evidently highly gifted. From 1978 to 1981 I was closely associated with him as assistant and technical adviser in two such pieces of research.

Trong nhiều năm, Geoffrey Hodson đã hợp tác với nhiều người có trình độ khoa học khác nhau trong các nỗ lực chứng minh tiềm năng nghiên cứu của các năng lực tri giác siêu vật lý, vốn là những năng khiếu rõ ràng của Ông. Từ năm 1978 đến 1981, tôi đã cộng tác chặt chẽ với Ông với tư cách là trợ lý và cố vấn kỹ thuật trong hai nghiên cứu như vậy.

The first of these was an extensive series of observations of the superphysical effects of musical sounds and pieces. The record of his descriptions of these effects is extremely interesting from the artistic, acoustic, psychosomatic, and other points of view.

Nghiên cứu đầu tiên là một loạt các quan sát sâu rộng về các hiệu ứng siêu vật lý của âm thanh và các bản nhạc. Bản ghi lại các mô tả của Ông về những hiệu ứng này cực kỳ thú vị từ quan điểm nghệ thuật, âm học, tâm sinh lý và các quan điểm khác.

The second main area, undertaken at the request of Dr E. Lester Smith of England, was an attempt to make further observations of matter at the atomic and subatomic levels with a view to testing recent hypotheses on the interpretation of the *Occult Chemistry* findings of C.W. Leadbeater and Annie Besant. This work has produced a number of tape recordings of Geoffrey Hodson's descriptions which are in the process of being transcribed and will be sent to England for analysis.

Lĩnh vực chính thứ hai, được thực hiện theo yêu cầu của Tiến sĩ E. Lester Smith ở Anh, là một nỗ lực để thực hiện thêm các quan sát về vật chất ở cấp độ nguyên tử và hạ nguyên tử với mục đích kiểm tra các giả thuyết gần đây về việc giải thích các phát hiện về Hóa Học Huyền Bí của C.W. Leadbeater và Annie Besant. Công trình này đã tạo ra một số bản ghi âm các mô tả của Geoffrey Hodson, hiện đang trong quá trình được ghi chép lại và sẽ được gửi đến Anh để phân tích.

Having been present with him throughout the approximately twenty hour-long sessions in these two investigations, I feel able to offer

Vì đã có mặt cùng Ông trong suốt khoảng hai mươi buổi kéo dài hàng giờ trong hai cuộc điều tra này, tôi cảm thấy có thể đưa ra một số ấn

some impressions of his attitude and approach to this work.

tượng về thái độ và cách tiếp cận của Ông đối với công việc này.

I have been repeatedly struck by his integrity and uncompromising desire to seek the truth in every situation, regardless of any risk of possible conflict with established findings of the scientific establishment or of earlier Theosophical investigators. At the same time, he is clearly aware of the difficulties and limitations inherent in any process of observation, especially one involving inner levels of the psyche, and has a tremendously careful and indeed craftsmanlike attitude to the handling and direction of his extended perceptive abilities.

Tôi đã nhiều lần bị ấn tượng bởi sự chính trực và mong muốn không khoan nhượng của Ông trong việc tìm kiếm sự thật trong mọi tình huống, bất kể có bất kỳ rủi ro nào về xung đột có thể xảy ra với các phát hiện đã được thiết lập của giới khoa học hoặc của các nhà điều tra Thông Thiên Học trước đó. Đồng thời, Ông ý thức rõ về những khó khăn và hạn chế vốn có trong bất kỳ quá trình quan sát nào, đặc biệt là quá trình liên quan đến các cấp độ bên trong của tâm lý, và có một thái độ vô cùng cẩn thận và thực sự khéo léo đối với việc xử lý và định hướng các khả năng nhận thức mở rộng của mình.

In my opinion, Geoffrey Hodson has amply succeeded in his goals of: (a) indicating the potential of superphysical research methods, (b) producing material of great interest to the enquiring mind, and (c) providing a stimulus to others to follow in his footsteps and expand and consolidate this work.

Theo ý kiến của tôi, Geoffrey Hodson đã thành công mỹ mãn trong các mục tiêu của mình: (a) chỉ ra tiềm năng của các phương pháp nghiên cứu siêu vật lý, (b) tạo ra tài liệu rất thú vị cho trí tuệ tìm tòi và (c) cung cấp một sự thúc đẩy cho những người khác noi theo bước chân của Ông và mở rộng và củng cố công việc này.

Murray A. Stentiford, M.Sc. (Physics)

Murray A. Stentiford, M.Sc. (Vật lý)

May 1982

Tháng 5 năm 1982

from Light of the Sanctuary, The Occult Diary of Geoffrey Hodson, Compiled by Sandra Hodson, p. 532-534

từ Ánh sáng của Linh Điện, Nhật ký Huyền bí của Geoffrey Hodson, do Sandra Hodson biên soạn, trang 532-534

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

It has been a rare privilege and an honour for us to put together this collection of some of the writings of Mr Geoffrey Hodson, who was an outstanding spiritual teacher of the 20th Century. We knew him as a kind friend, an inspiring speaker with a matchless style and as a teacher of the highest distinction.

Thật là một đặc ân hiếm có và một vinh dự cho chúng tôi khi tập hợp tuyển tập một số tác phẩm của Ông Geoffrey Hodson, một huấn sư tinh thần xuất sắc của thế kỷ 20. Chúng tôi biết Ông là một người bạn tốt bụng, một diễn giả đầy cảm hứng với một phong cách vô song và là một huấn sư có sự khác biệt cao nhất.

As well as being the author of approximately 60 books and pamphlets covering spiritual topics and conducting research into the powers latent in men and women, he gives us in this present book a vast array of topics. This includes penetrating insights into the achievement of World Brotherhood which was the motivating factor in his life. In pursuit of this splendid goal and over a period of fifty years and more, Mr Hodson wrote these articles for the theosophical magazines of many countries, including India, New Zealand, America, Australia and South Africa.

Ngoài việc là tác giả của khoảng 60 cuốn sách và брошюры bao gồm các chủ đề tinh thần và tiến hành nghiên cứu về sức mạnh tiềm ẩn trong những người nam và nữ, Ông còn cho chúng ta trong cuốn sách này một loạt các chủ đề rộng lớn. Điều này bao gồm những hiểu biết sâu sắc về thành tựu của Huynh Đệ Thế Giới, vốn là động lực thúc đẩy trong cuộc đời Ông. Để theo đuổi mục tiêu tuyệt vời này và trong khoảng thời gian hơn năm mươi năm, Ông Hodson đã viết những bài báo này cho các tạp chí thông thiên học của nhiều quốc gia, bao gồm Ấn Độ, New Zealand, Mỹ, Úc và Nam Phi.

Our purpose in creating this collection has been to bring almost all of them together so that the teachings may not be lost to coming generations. Even in gathering this material together we found that in some countries, some of the magazines carrying his articles were missing. We are also aware of the importance of digital storage of the material and the added advantages this will give to researchers, lecturers and students now and in the future.

Mục đích của chúng tôi trong việc tạo ra bộ sưu tập này là để tập hợp hầu hết tất cả chúng lại với nhau để những giáo lý này không bị mất đi cho các thế hệ mai sau. Ngay cả khi thu thập tài liệu này lại với nhau, chúng tôi thấy rằng ở một số quốc gia, một số tạp chí đăng tải các bài báo của Ông đã bị thiếu. Chúng tôi cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc lưu trữ kỹ thuật số tài liệu và những lợi thế bổ sung mà điều này sẽ mang lại cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên hiện tại và trong tương lai.

Some of these articles go back at least as far as 1927 and may never have been read by most of the present generation of theosophists. These wonderful teachings and the useful and fascinating clairvoyant research and investigations would thus have been lost to

Một số bài báo này có từ ít nhất là năm 1927 và có thể chưa bao giờ được hầu hết thế hệ nhà thông thiên học hiện tại đọc. Những giáo lý tuyệt vời này và các nghiên cứu và điều tra thông nhãn hữu ích và hấp dẫn do đó sẽ bị mất đi đối với hầu hết các thành viên của chúng ta.

most of our members. In addition, members in one country may never have read many articles of the official magazine of another country, and will therefore have missed reading scores or even hundreds of Mr Hodson's articles.

Ngoài ra, các thành viên ở một quốc gia có thể chưa bao giờ đọc nhiều bài báo của tạp chí chính thức của một quốc gia khác và do đó sẽ bỏ lỡ việc đọc hàng tá hoặc thậm chí hàng trăm bài báo của Ông Hodson.

Mr Hodson was an inspiring lecturer and author who was invited to speak by the Theosophical Society in many countries. He spoke not only to large physical audiences but also to larger audiences on radio and television. He was the recipient of the Subba Row Gold Medal and had served as Director of Studies of the School of the Wisdom at the World Headquarters at Adyar in India.

Ông Hodson là một giảng viên và tác giả đầy cảm hứng, người đã được Hội Thông Thiên Học mời phát biểu ở nhiều quốc gia. Ông không chỉ nói chuyện với lượng khán giả lớn mà còn nói chuyện với lượng khán giả lớn hơn trên đài phát thanh và truyền hình. Ông là người nhận Huy chương Vàng Subba Row và từng là Giám đốc Nghiên cứu của Trường Minh Triết tại Trụ sở Thế giới ở Adyar, Ấn Độ.

He was a mystic and also a highly gifted clairvoyant who worked with scientists delving into the mysteries of the physical world and in 1929 for example, he investigated the field of embryology. Mr Hodson was a healer of the sick, physically, psychologically and spiritually. He was also involved in research into physics, astronomy, anthropology and the angelic kingdom, the latter of which culminated in his marvellous book The Kingdom of the Gods. In spite of all his extraordinary talents he was a very humble person who hardly ever spoke about himself or his abilities.

Ông là một nhà thần bí và cũng là một người có khả năng thông nhãn cao, người đã làm việc với các nhà khoa học đi sâu vào những bí ẩn của thế giới vật chất và ví dụ, vào năm 1929, Ông đã nghiên cứu lĩnh vực phôi học. Ông Hodson là một người chữa bệnh cho người bệnh, về thể chất, tâm lý và tinh thần. Ông cũng tham gia vào nghiên cứu về vật lý, thiên văn học, nhân chủng học và giới thiên thần, mà đỉnh cao là cuốn sách tuyệt vời của Ông, Vương Quốc của Các Thượng Đế. Mặc dù có tất cả những tài năng phi thường của mình, Ông là một người rất khiêm tốn, hầu như không bao giờ nói về bản thân hoặc khả năng của mình.

As a Gnostic and as a priest in the Liberal Catholic Church he was extremely knowledgeable about the mysteries of the Christian faith. He was also a high ranking member of the Order of International Co-Freemasonry in New Zealand and an outstanding teacher of the Ancient Wisdom. His contribution to Theosophy and the Theosophical Society is immense and this book of his writings gives but a small, though significant part of it.

Là một người theo thuyết ngộ đạo và là một linh mục trong Giáo hội Công giáo Tự do, Ông cực kỳ am hiểu về những bí ẩn của đức tin Cơ đốc. Ông cũng là một thành viên cấp cao của Hội Tam Điểm Đồng Quốc Tế ở New Zealand và là một huấn sư xuất sắc về Minh Triết Ngàn Đời. Đóng góp của Ông cho Thông Thiên Học và Hội Thông Thiên Học là vô cùng lớn và cuốn sách về các tác phẩm của Ông này chỉ đưa ra một phần nhỏ, mặc dù rất quan trọng.

Readers of these present articles will be struck by the great variety of subject matters covered, from the highest philosophical teachings to practical methods of healing, clairvoyant research and also suggestions on how to present and promote Theosophy to the public. Finally, Mr Hodson wrote important articles on the world-wide application of theosophical teachings to the service of Brotherhood and World Peace. Service to humanity was the motivating incentive in all his activities and achievements. The inspiring words of 'The Great Call' following set the tone for these two volumes and reflect Geoffrey Hodson's belief that they represent the heart and soul of the Wisdom Teachings. His own life amply demonstrated his devotion and service to those Elder Brothers in the spiritual life who are known as the Masters of the Wisdom. Mr Hodson was a humanitarian, a truly advanced Soul, a Messenger of Light, a great Light Bringer of the Wisdom Teachings.

Người đọc những bài báo này sẽ bị ấn tượng bởi sự đa dạng lớn của các chủ đề được đề cập, từ những giáo lý triết học cao nhất đến các phương pháp chữa bệnh thực tế, nghiên cứu thông nhãn và cả những gợi ý về cách trình bày và quảng bá Thông Thiên Học cho công chúng. Cuối cùng, Ông Hodson đã viết những bài báo quan trọng về việc áp dụng các giáo lý thông thiên học trên toàn thế giới để phụng sự Huynh Đệ và Hòa Bình Thế Giới. Phụng sự nhân loại là động lực thúc đẩy trong tất cả các hoạt động và thành tựu của Ông. Những lời đầy cảm hứng của 'Lời Kêu Gọi Vĩ Đại' sau đây đã đặt ra giọng điệu cho hai tập này và phản ánh niềm tin của Geoffrey Hodson rằng chúng đại diện cho trái tim và linh hồn của Giáo Lý Minh Triết. Cuộc đời của chính Ông đã chứng minh đầy đủ sự tận tâm và phụng sự của Ông đối với những Huynh Trưởng đó trong đời sống tinh thần, những người được gọi là Các Chân sư của Minh Triết. Ông Hodson là một nhà nhân đạo, một Linh Hồn thực sự tiến bộ, một Sứ Giả Ánh Sáng, một Người Mang Ánh Sáng vĩ đại của Giáo Lý Minh Triết.

John & Elizabeth Sell The Theosophical Society of New Zealand

John & Elizabeth Sell Hội Thông Thiên Học New Zealand

The Great Call

Lời Kêu Gọi Vĩ Đại

To all who seek Their companionship, yearn to serve mankind under Them in effect the Elder Brethren say:

Gửi đến tất cả những ai tìm kiếm sự đồng hành của Các Ngài, khao khát phụng sự nhân loại dưới Các Ngài, trên thực tế, Các Huynh Trưởng nói:

'Arise! Awaken! and become the Gods which you are! Live as Gods, pure, selfless and strong.

'Hãy đứng lên! Hãy thức tỉnh! và trở thành những Thượng đế vốn là các bạn! Hãy sống như những Thượng đế, thanh khiết, vị tha và mạnh mẽ.

'The God, which in the real world you are, shines there with stainless purity, irradiates a selfless love, and begins to display that strength which is the promise of

'Thượng đế, vốn là bạn trong thế giới thực, tỏa sáng ở đó với sự thanh khiết không tì vết, chiếu rọi một tình thương vị tha và bắt đầu thể hiện sức mạnh đó, vốn là lời hứa về sự toàn năng.

omnipotence.

‘Amidst the impurity of the world be pure; amidst the selfishness of humanity, serve; and amidst the weakness of man be strong.

‘Giữa sự ô uế của thế giới, hãy thanh khiết; giữa sự ích kỷ của nhân loại, hãy phụng sự; và giữa sự yếu đuối của con người, hãy mạnh mẽ.

‘Thus living, you shall find the gateway to Eternal Life. Thus serving, you shall find Us who live to serve. Thus strong, you shall receive Our strength, who have become Pillars in the temple of the omnipotent God.

‘Sống như vậy, bạn sẽ tìm thấy cánh cổng dẫn đến Sự Sống Vĩnh Cửu. Phụng sự như vậy, bạn sẽ tìm thấy Chúng Ta, những người sống để phụng sự. Mạnh mẽ như vậy, bạn sẽ nhận được sức mạnh của Chúng Ta, những người đã trở thành Cột Trụ trong храма của Thượng đế toàn năng.

‘Sleeping and waking Our power shall flow through you for the service of the world. In Our Name and by Our Power you shall become healers of the world, consolers of its sorrows and inspirers of those who are able to respond to the ideal of the perfect life and to the presence of the Perfect Men.

‘Khi ngủ và thức, sức mạnh của Chúng Ta sẽ chảy qua bạn để phụng sự thế giới. Nhân Danh Chúng Ta và bằng Sức Mạnh của Chúng Ta, bạn sẽ trở thành những người chữa lành thế giới, những người an ủi nỗi buồn của nó và những người truyền cảm hứng cho những người có thể đáp ứng lý tưởng về một cuộc sống hoàn hảo và sự hiện diện của Những Bậc Toàn Thiện.

‘Your world is your harvest field, your kind its sheaves. Yours to gather them in so that the Divine Husbandman who sowed may reap into Himself not men but Gods.

‘Thế giới của bạn là cánh đồng thu hoạch của bạn, loài của bạn là những bó lúa của nó. Của bạn là thu thập chúng để Người Làm Vườn Thiêng Liêng, người đã gieo, có thể gặt hái vào Chính Ngài không phải con người mà là Các Thượng đế.

‘Live that all who see your life may aspire to emulate your living. Serve that those who see your service in their turn may serve. Be strong that all who see your strength may change defeat to victory.

‘Hãy sống để tất cả những ai thấy cuộc sống của bạn có thể khao khát noi theo cuộc sống của bạn. Hãy phụng sự để những người thấy sự phụng sự của bạn đến lượt họ có thể phụng sự. Hãy mạnh mẽ để tất cả những ai thấy sức mạnh của bạn có thể thay đổi thất bại thành chiến thắng.

‘Such are Our rules of life. Obedience to them will bring you near to Us. An Elder awaits each one of you that He may make of you a Saviour of the World’.

‘Đó là những quy tắc sống của Chúng Ta. Tuân theo chúng sẽ đưa bạn đến gần Chúng Ta. Một Huynh Trưởng đang chờ đợi mỗi người trong các bạn để Ngài có thể biến bạn thành một Đấng Cứu Thế của Thế Giới’.

from Meditations on the Occult Life, p. 19 by Geoffrey Hodson

từ Meditations on the Occult Life, trang 19 của Geoffrey Hodson

SECTION I

Sirituality and the Path of Discipleship—Tính Tinh Thần và Thánh Đạo

1 The Nature of Spiritual Awareness—Bản Chất của Nhận Thức Tinh Thần

While human potentiality is infinite, it is not yet fully expressed. With a clear poised analysis of what man is we can understand the natural possibilities, and by their study gain knowledge of how to increase them. There is a distinction between man in his bodily Personality, and his deeper self, the Ego, and his spirit-essence, which is one with Spirit Universal. This is the spiritual soul and the source of power, wisdom and intelligence. It is the Universal Spirit focussed into man's Individuality, as though by a burning-glass.

Trong khi tiềm năng của con người là vô hạn, nó vẫn chưa được thể hiện đầy đủ. Với một phân tích rõ ràng và điềm tĩnh về con người là gì, chúng ta có thể hiểu những khả năng tự nhiên và bằng cách nghiên cứu chúng, có được kiến thức về cách tăng cường chúng. Có một sự khác biệt giữa con người trong Phàm ngã thể xác của y, và bản chất sâu sắc hơn của y, chân ngã, và tinh thần-tinh chất của y, vốn là một với Tinh Thần Vũ Trụ. Đây là linh hồn tinh thần và là nguồn sức mạnh, minh triết và trí tuệ. Đó là Tinh Thần Vũ Trụ tập trung vào Tính Cá Nhân của con người, như thể bằng một thấu kính hội tụ.

The spiritual self of man is immortal and to be known as indestructible, invulnerable. It has a vesture of light. The human goal, the actualisation of the knowledge of the Universe-Soul in him, is to become an occult sage, to attain adeptship. This fuller consciousness defies intellectual determination. Attempted descriptions fail, for words tend to falsify spiritual experience. So far only a few among mankind have unfolded that richer consciousness. We ourselves express only a portion of its wealth, but it is obtainable, and its possessor finds its effectiveness, and the realisation of the supreme happiness that is its nature. The Egoic consciousness evolves in man by the dual action of rebirth, and of karma, the inevitability of effects following causes. When we reach to Egoic consciousness, we do not concentrate at the physical level, there is

Bản chất tinh thần của con người là bất tử và được biết đến là không thể phá hủy, bất khả xâm phạm. Nó có một lớp áo ánh sáng. Mục tiêu của con người, sự hiện thực hóa kiến thức về Linh Hồn Vũ Trụ trong y, là trở thành một nhà hiền triết huyền bí, để đạt được địa vị chân sư. Tâm thức viên mãn hơn này thách thức sự xác định trí tuệ. Những nỗ lực mô tả đều thất bại, vì lời nói có xu hướng xuyên tạc trải nghiệm tinh thần. Cho đến nay, chỉ một số ít trong nhân loại đã mở ra tâm thức phong phú hơn đó. Bản thân chúng ta chỉ thể hiện một phần sự giàu có của nó, nhưng nó có thể đạt được và người sở hữu nó tìm thấy hiệu quả của nó và sự hiện thực hóa hạnh phúc tối thượng vốn là bản chất của nó. Tâm thức chân ngã tiến hóa trong con người bằng tác động kép của tái sinh và nghiệp quả, tính tất yếu của các hiệu ứng sau các nguyên nhân. Khi chúng ta vươn tới tâm thức chân ngã, chúng ta không tập

awareness there but the imperious Higher Self uses it and rises beyond.

trung ở cấp độ thể xác, có nhận thức ở đó nhưng Thượng Ngã uy nghi sử dụng nó và vươn lên vượt ra ngoài.

The fuller consciousness is positive in its nature, thus all that is negative in the Personality has been transcended, the emotions and the analytical mind are transformed. There is no sense of need or of loneliness, for there is consciousness of unity and wholeness. Nor can fear exist. Self-consciousness is not the awkward separative I-ness, it has changed to spiritual self-consciousness, and in it ideals and principles are intensified, and laws are perceived at work. There is no wall round that consciousness, it is universal.

Tâm thức viên mãn hơn là tích cực trong bản chất của nó, do đó tất cả những gì tiêu cực trong phàm ngã đã được siêu việt, những cảm xúc và trí phân tích được biến đổi. Không có cảm giác cần thiết hay cô đơn, vì có ý thức về sự hợp nhất và toàn vẹn. Nỗi sợ hãi cũng không thể tồn tại. Tự ý thức không phải là cái tôi tách biệt vụng về, nó đã thay đổi thành tự ý thức tinh thần và trong đó, các lý tưởng và nguyên tắc được tăng cường và các định luật được nhận thức là đang hoạt động. Không có bức tường nào bao quanh tâm thức đó, nó là phổ quát.

If one tries to describe it, it is at base the experience of being ALL, or it might be said that one is Light in Light, a centre of radiance in a sea of light. That centre is again one of strength that is immeasurable. It is the fire of genius within man. Fear of death has disappeared, being replaced by complete trust in life. Another characteristic is the perception of freedom. The physical time-sense has changed to a concept of duration, or time without limits. Space limitations similarly vanish, as does the necessity for movement, all being here now, and within one. There is a feeling of oneness with the Life Principle in all beings, while an intense happiness, a serene bliss pervades the whole being. These heights have been attained by contemplation expressed in motive and conduct of life, and by meditation upon the supreme truths of life. Periods of mental stillness, high aspirations, and fundamental appreciation and understanding of beauty are guides along the road. When the fullness of this consciousness is reached and entered there is a restful stillness that invades consciousness, and in that spiritual silence a self-declaration of the

Nếu một người cố gắng mô tả nó, thì về cơ bản, đó là trải nghiệm trở thành TẤT CẢ, hoặc có thể nói rằng một người là Ánh sáng trong Ánh sáng, một trung tâm rạng rỡ trong một biển ánh sáng. Trung tâm đó một lần nữa là một trong những sức mạnh vô song. Đó là ngọn lửa thiên tài bên trong con người. Nỗi sợ hãi cái chết đã biến mất, được thay thế bằng sự tin tưởng hoàn toàn vào cuộc sống. Một đặc điểm khác là nhận thức về sự tự do. Cảm giác thời gian vật lý đã thay đổi thành một khái niệm về thời gian, hoặc thời gian không giới hạn. Những hạn chế về không gian cũng biến mất tương tự, cũng như sự cần thiết phải di chuyển, tất cả đều ở đây ngay bây giờ và bên trong một người. Có một cảm giác hợp nhất với Nguyên Khí Sự Sống trong tất cả chúng sinh, trong khi một hạnh phúc mãnh liệt, một niềm hạnh phúc thanh thản lan tỏa khắp toàn bộ con người. Những đỉnh cao này đã đạt được bằng sự chiêm ngưỡng được thể hiện trong động cơ và hành vi của cuộc sống, và bằng sự tham thiền về những chân lý tối cao của cuộc sống. Những khoảng thời gian tĩnh lặng về tinh thần, những khát vọng cao cả và sự đánh giá và thấu hiểu cơ bản về vẻ đẹp là những

Inmost Spirit occurs.

hướng dẫn trên đường đi. Khi sự viên mãn của tâm thức này đạt được và đi vào, có một sự tĩnh lặng yên bình xâm chiếm tâm thức và trong sự tĩnh lặng tinh thần đó, một sự tự tuyên bố của Tinh Thần Sâu Thẳm Nhất xảy ra.

Theosophy in New Zealand, Vol. 24, No. 2, 1963, p. 45

Theosophy in New Zealand, Tập 24, Số 2, 1963, trang 45

2

The Attainment of Spiritual Awareness—Sự Đạt Được Nhận Thức Tinh Thần

We are to consider together the truly theosophical idea that a continually deepening realisation of unity concerns not only the servants and would-be servants of the Race, but the whole of mankind. This is especially apparent at this present time of the tragic and dangerous dividedness of humanity. At a gathering of NATO heads early in March, 1965, Henry Cabot Lodge said: 'There is today no organized grouping, on a world wide scale, of the free peoples. The great tragedy of our age is the inability of free men to create one well-rounded and essentially spiritual view of life by harnessing toward common goals their talents. Sometime, somehow, somewhere, power and responsibility must meet'. This, I conceive, is the fundamental human problem, 'to create talents'.

Chúng ta cùng nhau xem xét ý tưởng thông thiên học thực sự rằng một sự hiện thực hóa ngày càng sâu sắc về sự hợp nhất không chỉ liên quan đến những người phụng sự và những người muốn phụng sự Nhân Loại, mà còn toàn thể nhân loại. Điều này đặc biệt rõ ràng vào thời điểm hiện tại của sự chia rẽ bi thảm và nguy hiểm của nhân loại. Tại một cuộc họp của các nguyên thủ NATO vào đầu tháng 3 năm 1965, Henry Cabot Lodge nói: 'Ngày nay, không có một nhóm có tổ chức nào, trên quy mô toàn thế giới, của những người tự do. Bi kịch lớn của thời đại chúng ta là sự bất lực của những người tự do trong việc tạo ra một quan điểm sống trọn vẹn và về cơ bản là tinh thần bằng cách khai thác tài năng của họ hướng tới các mục tiêu chung. Đôi khi, bằng cách nào đó, ở đâu đó, quyền lực và trách nhiệm phải gặp nhau'. Tôi cho rằng đây là vấn đề cơ bản của con người, 'để tạo ra tài năng'.

How may it be solved? How may we know with Blake that 'A skylark wounded on the wing, a cherubim doth cease to sing' and with Kabbalism that in the chain of being everything is magically contained in everything else? 'Where you stand, there stand all the worlds. What is below is above, and what is inside is outside, and also acts upon everything else' so that man may be regarded as a symbolic transparency through

Làm thế nào nó có thể được giải quyết? Làm thế nào chúng ta có thể biết với Blake rằng 'Một con chim sơn ca bị thương trên cánh, một thiên thần nhỏ ngừng hát' và với Kabbalism rằng trong chuỗi tồn tại, mọi thứ đều được chứa đựng một cách kỳ diệu trong mọi thứ khác? 'Nơi bạn đứng, tất cả các thế giới đều đứng đó. Những gì ở dưới là ở trên, và những gì ở bên trong là ở bên ngoài, và cũng tác động lên mọi thứ khác' để con người có thể được coi

which the secret of the Cosmos can be discerned.

là một sự minh bạch mang tính biểu tượng mà qua đó bí mật của Vũ Trụ có thể được nhận ra.

Ruysbroeck, the Flemish Mystic, expressed this truth like this: 'Beyond contemplation, mode of the mind; beyond ecstasy, mode of the enraptured feelings; beyond even intuition's power to pierce to Reality there is the Supreme Life where-into the Spirit is led—a bound-less "unwalled world," "the hill of the Lord...His holy place".'

Ruysbroeck, nhà thần bí học người Flemish, đã diễn tả chân lý này như sau: 'Vượt lên trên chiêm ngưỡng, phương thức của thể trí; vượt lên trên sự ngây ngất, phương thức của những cảm xúc ngây ngất; vượt lên trên cả sức mạnh trực giác để xuyên thấu Thực Tại, có Sự Sống Tối Thượng mà Tinh Thần được dẫn vào—một "thế giới không tường vây" vô bờ bến, "ngọn đồi của Đức Chúa... Nơi thánh thiện của Ngài".'

'This fruition of God is a still and glorious and essential Oneness beyond the differentiation of the Persons, where there "is neither an outpouring nor an indrawing of God", but the Persons are still and one in fruitful love, in calm and glorious unity. There is God our fruition and His own, in an eternal and fathomless bliss'.

'Sự hưởng lạc Thượng đế này là một Sự Hợp Nhất tĩnh lặng, vinh quang và cốt yếu vượt lên trên sự phân biệt của các Ngôi Vị, nơi "không có sự tuôn đổ hay thu hút Thượng đế", nhưng các Ngôi Vị vẫn tĩnh lặng và hợp nhất trong tình yêu viên mãn, trong sự thống nhất thanh bình và vinh quang. Có Thượng đế, sự hưởng lạc của chúng ta và của chính Ngài, trong một niềm hạnh phúc vĩnh cửu và khôn dò'.

'As a sponge is in the ocean and the ocean is in a sponge, so we are in God and He is in us', or 'In Him we live and move and have our being'.

'Như một miếng bọt biển ở trong đại dương và đại dương ở trong một miếng bọt biển, chúng ta ở trong Thượng đế và Ngài ở trong chúng ta', hoặc 'Trong Ngài, chúng ta sống, vận động và hiện hữu'.

There is a parable concerning two little fishes who met a frog beneath a rock. 'Don't you know you're in great danger, little fishes?' croaked the frog. 'No!' cried the fishes, much frightened. 'Don't you know fishes can't live without water?' teased the cruel frog. 'You'd better find some water quickly, or you'll die'. The little fishes swam to their mother in great distress. 'Oh Mother, Mother! The frog says if we don't find some water quickly we'll die! Mother, what's water?' 'I don't know', confessed the mother fish who was an agnostic. 'I never heard anything about water. Let's go and ask the otter'. 'Water, my dears?' laughed the otter. 'Why, you live in water!

Có một câu chuyện ngụ ngôn về hai chú cá nhỏ gặp một con ếch dưới một tảng đá. 'Các cháu không biết các cháu đang gặp nguy hiểm lớn sao, các chú cá nhỏ?' con ếch cất tiếng. 'Không!' những chú cá kêu lên, rất hoảng sợ. 'Các cháu không biết cá không thể sống thiếu nước sao?' con ếch độc ác trêu chọc. 'Tốt hơn hết là các cháu nên tìm một ít nước nhanh lên, nếu không các cháu sẽ chết'. Những chú cá nhỏ bơi đến chỗ mẹ chúng trong nỗi đau khổ lớn. 'Ôi Mẹ ơi, Mẹ ơi! Con ếch nói nếu chúng con không tìm nước nhanh lên thì chúng con sẽ chết! Mẹ ơi, nước là gì?' 'Mẹ không biết', cá mẹ thú nhận, vốn là một người theo thuyết bất khả tri. 'Mẹ chưa bao giờ nghe nói gì về nước. Chúng ta hãy

That's what you breathe!'

đi hỏi rái cá'. 'Nước hả các con?' rái cá cười. 'Ồ, các con sống trong nước! Đó là thứ các con hít thở!'

So human beings also live in God and God is what we breathe.

Vì vậy, con người cũng sống trong Thượng đế và Thượng đế là thứ chúng ta hít thở.

How may we first know and then become dissolved in God? 'Like water in water, light in light, space in space' (From the Upanishads). One answer given is to be straightforward, simple and natural, and this answer has been rather well put concerning sainthood.

Làm thế nào chúng ta có thể biết trước và sau đó hòa tan vào Thượng đế? 'Như nước trong nước, ánh sáng trong ánh sáng, không gian trong không gian' (Từ Upanishads). Một câu **trả lời** được đưa ra là hãy thẳng thắn, đơn giản và tự nhiên, và câu **trả lời** này đã được đưa ra khá tốt về sự thánh thiện.

What makes a saint? Why were the saints saints? Because they were cheerful when it was difficult to be cheerful; patient when it was difficult to be patient; and because they pushed on when they wanted to stand still; and kept silent when they wanted to talk; and were agreeable when they wanted to be disagreeable. THAT WAS ALL. It was quite simple, and always will be.

Điều gì tạo nên một vị thánh? Tại sao các vị thánh lại là thánh? Bởi vì Các Ngài vui vẻ khi khó vui vẻ; kiên nhẫn khi khó kiên nhẫn; và bởi vì Các Ngài tiếp tục tiến lên khi Các Ngài muốn đứng yên; và giữ im lặng khi Các Ngài muốn nói; và dễ chịu khi Các Ngài muốn khó chịu. CHỈ CÓ VẬY THÔI. Nó khá đơn giản và sẽ luôn như vậy.

Since some of us do not find self-illumination to be so simple as that, let us look further.

Vì một số người trong chúng ta không thấy sự tự soi sáng đơn giản như vậy, chúng ta hãy xem xét thêm.

Before I speak of contemplation, let us look at certain practical necessities. The study and thought of Theosophy, especially concerning the true nature and destiny of man, are necessary to ensure a stable mental attitude towards life based upon true understanding.

Trước khi tôi nói về chiêm ngưỡng, chúng ta hãy xem xét một số điều cần thiết thực tế. Việc nghiên cứu và suy nghĩ về Thông Thiên Học, đặc biệt liên quan đến bản chất và vận mệnh thực sự của con người, là cần thiết để đảm bảo một thái độ tinh thần ổn định đối với cuộc sống dựa trên sự thấu hiểu thực sự.

The purification, and so sensitization, of body must be carried out through abstinence from meat, alcohol, and narcotics and the adoption and practice of the ideal of harmlessness.

Sự thanh lọc, và do đó là sự nhạy cảm hóa, của thể xác phải được thực hiện thông qua việc kiêng thịt, rượu và chất gây nghiện, đồng thời chấp nhận và thực hành lý tưởng vô tổn hại.

Selflessness in motive and deed and regular meditation or contemplation of the Divine are essential.

Tính vị tha trong động cơ và hành động, và tham thiền hoặc chiêm ngưỡng thường xuyên về Đấng Thiêng Liêng là điều cần thiết.

Whilst we should not expect any wonders during our meditations, we may experience happiness giving realization of unity without phenomena, and this is the goal.

Mặc dù chúng ta không nên mong đợi bất kỳ điều kỳ diệu nào trong các buổi tham thiền của mình, nhưng chúng ta có thể trải nghiệm hạnh phúc mang lại sự nhận biết về sự hợp nhất mà không có hiện tượng, và đây là mục tiêu.

Mental stillness eventually falls upon one and this leads to entry into that state of consciousness in which the principle of unity, oneness, is realized as the 'All Truth'.

Sự tĩnh lặng trong thể trí cuối cùng sẽ đến với một người và điều này dẫn đến việc bước vào trạng thái tâm thức đó, trong đó nguyên lý hợp nhất, nhất thể, được nhận ra là 'Chân Lý Tuyệt Đối'.

Thus, not dazzling enlightenment or active, Nirvanic experience, but rather a gradual, deepening knowledge and realization that the oneness of things is the natural state of affairs, may be attained. This discovery and realization is far beyond all other Siddhis in vital, evolutionary importance. These latter follow, but even they are dependent upon the interior knowledge that all life is one. One must, therefore, acquire the knack of active, perceptive mental stillness, if only that the personal nature and consciousness may participate more and more fully in the wondrous life of the normally hidden Inner Self, the 'YOU' in every one of us.

Do đó, không phải sự khai ngộ rực rỡ hay trải nghiệm Niết Bàn chủ động, mà là một kiến thức và sự nhận biết dần dần, sâu sắc hơn rằng sự hợp nhất của mọi thứ là trạng thái tự nhiên của sự vật, có thể đạt được. Sự khám phá và nhận biết này vượt xa tất cả các Siddhi khác về tầm quan trọng sống còn, tiến hóa. Những điều sau đây tuân theo, nhưng ngay cả chúng cũng phụ thuộc vào kiến thức nội tại rằng tất cả sự sống là một. Do đó, người ta phải có được khả năng tĩnh lặng trong thể trí một cách chủ động, sâu sắc, nếu chỉ để bản chất và tâm thức cá nhân có thể tham gia ngày càng đầy đủ hơn vào sự sống kỳ diệu của Nội Tại Chân Ngã thường bị che giấu, 'BẠN' trong mỗi chúng ta.

In conclusion, let me describe some helpful procedures in successful meditation which is found to have its own rules. Amongst them are the following:

Tóm lại, tôi xin mô tả một số quy trình hữu ích trong tham thiền thành công, vốn được thấy là có các quy tắc riêng. Trong số đó có những điều sau:

Day by day regularity so that steady progress may be made. Privacy to ensure freedom from interruption and possible shock if intruded upon whilst deeply abstracted in thought. Relaxation of body, every nerve and muscle of which needs to be at rest. Reduced rate of breathing, avoiding advanced pranayama until an accredited teacher is found: straight spine, preferably erect: closed eyes so that external sights may not obscure inward

Tính đều đặn hàng ngày để có thể đạt được tiến bộ ổn định. Sự riêng tư để đảm bảo không bị gián đoạn và có thể bị sốc nếu bị xâm nhập khi đang suy nghĩ sâu sắc. Thư giãn thể xác, mọi dây thần kinh và cơ bắp đều cần được nghỉ ngơi. Giảm tốc độ thở, tránh pranayama nâng cao cho đến khi tìm được một huấn sư được công nhận: cột sống thẳng, tốt nhất là thẳng đứng: nhắm mắt để cảnh tượng bên ngoài không che khuất tầm nhìn bên trong và khẳng

vision, and affirmation of self-dissociation from body, emotion and mind.

định sự tự tách rời khỏi thể xác, cảm xúc và thể trí.

These preliminaries achieved, the whole thought needs to be focussed upon the divine Self which one is, with due pauses using perhaps such affirmations as: 'I am the Spiritual Self immortal imperishable—eternal—radiant with spiritual light—I am that eternal Self of Light, that Self am I'.

Khi đạt được những điều sơ bộ này, toàn bộ tư tưởng cần được tập trung vào Chân Ngã thiêng liêng mà một người vốn là, với những khoảng dừng thích hợp, có lẽ sử dụng những lời khẳng định như: 'Tôi là Chân Ngã Tinh Thần bất tử, không thể tiêu diệt—vĩnh cửu—rạng rỡ ánh sáng tinh thần—Tôi là Chân Ngã Ánh Sáng vĩnh cửu đó, Chân Ngã đó là Tôi'.

Eventually such thought processes cease, the mind becoming stilled as if it were dissolved in its Source. This mental stillness should not be disturbed, for from within it a Self-declaration and realization of divinity and unity occur.

Cuối cùng, những quá trình tư duy như vậy sẽ chấm dứt, thể trí trở nên tĩnh lặng như thể nó tan biến trong Nguồn Cội của nó. Sự tĩnh lặng trong thể trí này không nên bị xáo trộn, vì từ bên trong nó, một sự tự tuyên bố và nhận biết về thiên tính và sự hợp nhất sẽ xảy ra.

Such is at least one way in which the Oneness of all Life may be known.

Ít nhất đó là một cách để có thể biết được Sự Hợp Nhất của tất cả Sự Sống.

(Abridged report of a Convention Lecture)

(Báo cáo tóm tắt của một Bài giảng tại Hội nghị)

Theosophy in New Zealand, Vol. 27, No. 2, 1966, p. 35

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 27, Số 2, 1966, tr. 35

3—

The Attainment of Spiritual Power—Đạt Được Quyền Năng Tinh Thần

Thales, the ancient Greek Philosopher, sometimes called the Sage of Miletus, was asked by a Sophist the following nine questions, which Thales answered:

Thales, Nhà Triết Học Hy Lạp cổ đại, đôi khi được gọi là Nhà Hiền Triết của Miletus, đã được một Ngụy biện gia hỏi chín câu hỏi sau đây, mà Thales đã **trả lời**:

'What is the oldest of all things? God, because He has always existed.

'Điều gì là lâu đời nhất trong tất cả mọi thứ? Thượng đế, bởi vì Ngài luôn tồn tại.

'What is the most beautiful of all things? The Universe, because it is the work of God.

'Điều gì là đẹp nhất trong tất cả mọi thứ? Vũ Trụ, bởi vì nó là công trình của Thượng đế.

'What is the greatest of all things? Space, because it contains all that has been created.

'Điều gì là vĩ đại nhất trong tất cả mọi thứ? Không gian, bởi vì nó chứa đựng tất cả những

gì đã được tạo ra.

‘What is the most constant of all things? Hope, because it still remains with man after he has lost everything else.

‘Điều gì là bất biến nhất trong tất cả mọi thứ? Hy vọng, bởi vì nó vẫn còn ở lại với con người sau khi y đã mất tất cả mọi thứ khác.

‘What is the best of all things? Freedom, because without it there is nothing good.

‘Điều gì là tốt nhất trong tất cả mọi thứ? Tự do, bởi vì không có nó thì không có gì tốt đẹp.

‘What is the quickest of all things? Thought, because in less than a minute it can fly to the end of the Universe.

‘Điều gì là nhanh nhất trong tất cả mọi thứ? Tư tưởng, bởi vì trong vòng chưa đầy một phút nó có thể bay đến tận cùng của Vũ Trụ.

‘What is the strongest of all things? Necessity, which makes man face all the dangers of life.

‘Điều gì là mạnh nhất trong tất cả mọi thứ? Sự cần thiết, vốn khiến con người đối mặt với mọi nguy hiểm của cuộc sống.

‘What is the easiest of all things? To give advice.

‘Điều gì là dễ nhất trong tất cả mọi thứ? Đưa ra lời khuyên.

‘What is the most difficult of all things? To know thyself.

‘Điều gì là khó nhất trong tất cả mọi thứ? Để biết chính mình.

Whilst many problems confront nations and the human race as a whole, every individual is faced with his or her own problem of self-discovery, of the attainment of serenity, enduring happiness, and peace of mind and heart. The Sage of Miletus was right, the most difficult of all things is to know oneself. The kingdom of heaven it has been said on high authority, is within us. So therefore must be the power, the happiness, and the peace which all men are seeking. The problem is how to find this power and happiness and peace, how to become aware of our own divine nature and the divine Presence within us, how to find God and live consciously in His presence and in His service.

Trong khi nhiều vấn đề đối đầu với các quốc gia và toàn thể nhân loại, mỗi cá nhân đều phải đối mặt với vấn đề tự khám phá, đạt được sự thanh thản, hạnh phúc lâu dài và sự bình an trong thể trí và trái tim của chính mình. Nhà Hiền Triết của Miletus đã đúng, điều khó nhất trong tất cả mọi thứ là biết chính mình. Vương quốc thiên đàng, như đã được nói trên uy quyền tối cao, là ở bên trong chúng ta. Vì vậy, do đó, phải là quyền năng, hạnh phúc và sự bình an mà tất cả mọi người đang tìm kiếm. Vấn đề là làm thế nào để tìm thấy quyền năng, hạnh phúc và sự bình an này, làm thế nào để nhận thức được bản chất thiêng liêng của chính chúng ta và Sự Hiện Diện thiêng liêng bên trong chúng ta, làm thế nào để tìm thấy Thượng đế và sống một cách có ý thức trong sự hiện diện và trong sự phụng sự của Ngài.

Three Approaches

Ba Cách Tiếp Cận

What has Theosophy to contribute to the

Thông Thiên Học có gì để đóng góp vào việc

solution of this human problem? Theosophy recognizes three approaches to the Source and Centre of divine power within each one of us. The first is the personal approach to God in times of need through prayer. This can be very valuable. Love for a parent is natural to man. To turn for happiness and aid to parents is inherent in him. It is natural, therefore, as well as very wise, to turn to the spiritual Parent of all men. For the divine Parent who is God is an eternal Being, can never be lost and never disappear, whilst human parents can die and pass beyond our reach. Indeed it is true that more things may be wrought by prayer than this world dreams of, and, if to potent words we add potent acts and make the atmosphere within and without us pure and divine, then the God within us can act outwardly. Then we can help ourselves and others. Then we can perform seeming miracles.

giải quyết vấn đề của con người này? Thông Thiên Học nhận ra ba cách tiếp cận Nguồn Cội và Trung Tâm của quyền năng thiêng liêng bên trong mỗi chúng ta. Đầu tiên là cách tiếp cận cá nhân với Thượng đế trong những lúc cần thiết thông qua cầu nguyện. Điều này có thể rất có giá trị. Tình yêu dành cho cha mẹ là tự nhiên đối với con người. Tìm đến cha mẹ để có được hạnh phúc và sự giúp đỡ là điều vốn có ở y. Do đó, việc tìm đến Cha Mẹ tinh thần của tất cả mọi người là điều tự nhiên, cũng như rất khôn ngoan. Vì Cha Mẹ thiêng liêng vốn là Thượng đế là một Đấng Vĩnh Hằng, không bao giờ có thể bị mất và không bao giờ biến mất, trong khi cha mẹ loài người có thể chết và vượt quá tầm với của chúng ta. Thật vậy, đúng là có thể đạt được nhiều điều hơn bằng cầu nguyện so với những gì thế giới này mơ ước, và nếu chúng ta thêm những hành động mạnh mẽ vào những lời nói mạnh mẽ và làm cho bầu không khí bên trong và bên ngoài chúng ta trở nên thuần khiết và thiêng liêng, thì Thượng đế bên trong chúng ta có thể hành động ra bên ngoài. Khi đó chúng ta có thể giúp chính mình và người khác. Khi đó chúng ta có thể thực hiện những phép lạ dường như.

Prayer turns and attunes the mind and the heart to the omnipresent divine life, love, light and power. The Lord's Prayer is a splendid example of such effective means of supplication, as are many other prayers in the Scriptures and prayer books of the Christian faith. By prayer is meant, however, not always supplication and petition, but also adoration and a reaching up towards the supreme Source of life, seeking to be one with it; for it is possible to rise on the wings of devotion and adoration to the very heart of divine love and sometimes to feel and to know the unfailing presence of God.

Cầu nguyện hướng và điều chỉnh thể trí và trái tim đến sự sống, tình thương, ánh sáng và quyền năng thiêng liêng hiện hữu khắp nơi. Kinh Lạy Cha là một ví dụ tuyệt vời về những phương tiện cầu khẩn hiệu quả như vậy, cũng như nhiều lời cầu nguyện khác trong Kinh Thánh và sách cầu nguyện của đức tin Cơ đốc. Tuy nhiên, cầu nguyện có nghĩa là không phải lúc nào cũng là cầu khẩn và thỉnh nguyện, mà còn là sự tôn thờ và vươn lên hướng tới Nguồn Cội tối cao của sự sống, tìm cách hợp nhất với nó; vì có thể bay lên trên đôi cánh của sự sùng kính và tôn thờ đến tận trái tim của tình yêu thiêng liêng và đôi khi cảm nhận và biết được sự hiện diện không lay chuyển của Thượng đế.

By regular prayer, heart and mind become

Bằng cách cầu nguyện thường xuyên, trái tim

sensitized, as it were, to this Presence which can indeed be felt as a consoling, saving and inspiring power till one can come to know that in very truth, 'the everlasting arms are always underneath'. Such, in part, is the way of prayer.

và thể trí trở nên nhạy cảm, như thể, với Sự Hiện Diện này, vốn thực sự có thể được cảm nhận như một quyền năng an ủi, cứu rỗi và truyền cảm hứng cho đến khi người ta có thể biết rằng trong sự thật, 'những cánh tay vĩnh cửu luôn ở bên dưới'. Như vậy, một phần, là con đường cầu nguyện.

Adoration

A second approach to God is through corporate adoration and worship as in temple, cathedral, church and family prayers. These too can prove most effective; for it is often easier to be uplifted when aspiring with a group of like-minded people than when one is alone.

Sự Tôn Thờ

Cách tiếp cận thứ hai với Thượng đế là thông qua sự tôn thờ và thờ phượng tập thể như trong đền thờ, nhà thờ lớn, nhà thờ và những lời cầu nguyện của gia đình. Những điều này cũng có thể chứng tỏ hiệu quả nhất; vì thường dễ được nâng cao hơn khi khao khát với một nhóm người có cùng chí hướng hơn là khi một mình.

Meditation

Thirdly there is meditation, as it has been called. This is the individual approach to God in love and aspiration, asking nought from Him, but only seeking to realize oneness with Him. We can become consciously one with the very highest Deity; for even the Causeless Cause has its shrine and altar on the holy and untrodden ground of the human heart. Although God is naturally invisible, He may be known and heard as the still small voice of our own spiritual consciousness and conscience. Those who worship thus, do so in the sanctified solitude of their own souls, making their spirit the soul mediator between themselves and the universal Spirit, their good actions the only priests. This way is open to those who are spiritually awakened and who experience what Ruysbroeck, the great Flemish mystic, called 'the hunger for God'. These they inevitably, and most surely, find; for the divine life and divine intelligence truly are within each one of us. They are, in fact, the reality of our existence, our Spiritual Soul.

Tham Thiền

Thứ ba là tham thiền, như nó đã được gọi. Đây là cách tiếp cận cá nhân với Thượng đế trong tình thương và khát vọng, không yêu cầu điều gì từ Ngài, mà chỉ tìm cách nhận ra sự hợp nhất với Ngài. Chúng ta có thể trở nên ý thức hợp nhất với Chính Thượng Đế cao nhất; vì ngay cả Nguyên Nhân Vô Nhân cũng có đền thờ và bàn thờ của nó trên vùng đất thánh thiện và chưa ai đặt chân đến của trái tim con người. Mặc dù Thượng đế vốn vô hình, nhưng Ngài có thể được biết và nghe thấy như tiếng nói nhỏ nhẹ của tâm thức và lương tâm tinh thần của chính chúng ta. Những người thờ phượng như vậy, làm như vậy trong sự cô độc được thánh hóa của chính linh hồn họ, biến tinh thần của họ thành người hòa giải linh hồn giữa họ và Tinh Thần vũ trụ, những hành động tốt của họ là những thầy tế duy nhất. Con đường này dành cho những người đã thức tỉnh về mặt tinh thần và những người trải nghiệm điều mà Ruysbroeck, nhà thần bí học vĩ đại người Flemish, gọi là 'cơn đói khát Thượng đế'. Những điều này Các Ngài chắc chắn và chắc

chắn nhất sẽ tìm thấy; vì sự sống thiêng liêng và trí tuệ thiêng liêng thực sự ở bên trong mỗi chúng ta. Trên thực tế, chúng là thực tại của sự tồn tại của chúng ta, Linh Hồn Tinh Thần của chúng ta.

How may this become personal experience? Theosophy answers, by changing when necessary the motive of life from selfishness to selflessness, by changing when necessary the mode of life from self-indulgence to self-restraint, and by regular meditation.

Làm thế nào điều này có thể trở thành kinh nghiệm cá nhân? Thông Thiên Học **trả lời**, bằng cách thay đổi khi cần thiết động cơ của cuộc sống từ ích kỷ sang vị tha, bằng cách thay đổi khi cần thiết phương thức sống từ nuông chiều bản thân sang tự kiềm chế và bằng cách tham thiền thường xuyên.

How Does One Meditate?

Làm Thế Nào Người Ta Tham Thiền?

Let me describe an effective method of gaining self-illumination by means of regular daily contemplation of God. To achieve this a certain time must be set aside each day. A period of quietude must be arranged for, and preferably in the morning; for in the morning, the brain should be rested, the mind reasonably quiet, whilst the forces which make for enlightenment are on the increase. It has been said that God knocks at the door of the heart of man once in every twenty-four hours. Often we fail to hear this 'knocking' of One who continually seeks entrance into our lives. Sometimes this is not because we are not seeking, but because we are so busy with the necessary duties of the day. If, however, we can find some ten minutes or a quarter of an hour of every day when we can silence heart and mind and turn our thoughts towards the Source of our existence, then the Divine Presence can make itself known to us. Daily, in quietude and privacy, we may open the door of our hearts that God may enter in.

Tôi xin mô tả một phương pháp hiệu quả để đạt được sự tự soi sáng bằng phương tiện chiêm ngưỡng Thượng đế hàng ngày thường xuyên. Để đạt được điều này, một thời gian nhất định phải được dành ra mỗi ngày. Một khoảng thời gian tĩnh lặng phải được sắp xếp và tốt nhất là vào buổi sáng; vì vào buổi sáng, bộ não phải được nghỉ ngơi, thể trí tương đối tĩnh lặng, trong khi những mãnh lực tạo nên sự khai ngộ đang gia tăng. Người ta đã nói rằng Thượng đế gõ cửa trái tim con người một lần trong mỗi hai mươi bốn giờ. Thông thường chúng ta không nghe thấy tiếng 'gõ cửa' của Đấng liên tục tìm cách bước vào cuộc sống của chúng ta. Đôi khi điều này không phải vì chúng ta không tìm kiếm, mà vì chúng ta quá bận rộn với những nhiệm vụ cần thiết trong ngày. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể tìm thấy khoảng mười phút hoặc một phần tư giờ mỗi ngày khi chúng ta có thể làm im lặng trái tim và thể trí và hướng suy nghĩ của mình về Nguồn Cội sự tồn tại của chúng ta, thì Sự Hiện Diện Thiêng Liêng có thể cho chúng ta biết. Hàng ngày, trong sự tĩnh lặng và riêng tư, chúng ta có thể mở cánh cửa trái tim mình để Thượng đế có thể bước vào.

Privacy is necessary for full success; for to be

Sự riêng tư là cần thiết để đạt được thành công

disturbed or constantly interrupted and intruded upon suddenly when one is thus abstracted in thought is to run the risk of nervous shock and strain. This should be avoided by ensuring privacy.

trọn vẹn; vì bị làm phiền hoặc liên tục bị gián đoạn và xâm nhập đột ngột khi một người đang suy nghĩ trừu tượng như vậy là có nguy cơ bị sốc và căng thẳng thần kinh. Điều này nên tránh bằng cách đảm bảo sự riêng tư.

Much has been said and written concerning the appropriate posture for meditation. In the East, where the science of yoga or union with God is taught and practiced, numerous postures are advised; but for ordinary purposes it is only necessary that the body should be completely relaxed and the spine should be straight, preferably erect. Physical relaxation in its effect on meditation might be compared to the careful engagement of the first unit of the zipper which makes the rest of the series of hooks engage smoothly.

Người ta đã nói và viết rất nhiều về tư thế thích hợp để tham thiền. Ở phương Đông, nơi khoa học yoga hay sự hợp nhất với Thượng đế được dạy và thực hành, nhiều tư thế được khuyên dùng; nhưng vì mục đích thông thường, chỉ cần thể xác được hoàn toàn thư giãn và cột sống phải thẳng, tốt nhất là thẳng đứng. Sự thư giãn về thể chất trong tác động của nó đối với tham thiền có thể được so sánh với việc cẩn thận cài chiếc răng đầu tiên của khóa kéo, giúp cho các răng còn lại ăn khớp trơn tru.

The breathing should ideally be slowed down to half the normal speed, but breathing exercises with the thought concentrated upon some centre in the body are not necessary and can indeed be dangerous. The effort to meditate must be regular whether results are noticed or not; for as Nietszche said: 'In the mountains of truth you never climb in vain. Either you reach a higher point today or you exercise your strength in order to be able to climb higher tomorrow'. Therefore, once having begun, try to keep on; for it is constant repetition and regularity which contribute so largely to success.

Về lý tưởng, nhịp thở nên được làm chậm lại một nửa tốc độ bình thường, nhưng các bài tập thở với tư tưởng tập trung vào một trung tâm nào đó trong cơ thể là không cần thiết và thực sự có thể gây nguy hiểm. Nỗ lực tham thiền phải thường xuyên cho dù có nhận thấy kết quả hay không; vì như Nietszche đã nói: 'Trên những ngọn núi của chân lý, bạn không bao giờ leo lên vô ích. Hoặc là bạn đạt đến một điểm cao hơn ngày hôm nay, hoặc là bạn rèn luyện sức mạnh của mình để có thể leo cao hơn vào ngày mai'. Do đó, một khi đã bắt đầu, hãy cố gắng tiếp tục; vì chính sự lặp lại và đều đặn liên tục góp phần rất lớn vào thành công.

Fix the Thought

Cố Định Tư Tưởng

These external matters attended to, the thought should be fixed upon some great truth, ideal, or utterance. For those who find concentration difficult, the more joyous and beautiful scenes in the life of Our Lord may be mentally pictured. The details may be filled in and the divine Figure itself clearly visualized. Love and adoration may then, with all

Sau khi giải quyết xong những vấn đề bên ngoài này, tâm trí nên tập trung vào một chân lý, lý tưởng hoặc phát ngôn vĩ đại nào đó. Đối với những người cảm thấy khó tập trung, những cảnh tượng vui tươi và tươi đẹp hơn trong cuộc đời của Đức Chúa có thể được hình dung trong tâm trí. Các chi tiết có thể được điền vào và Hình ảnh thiêng liêng có thể được

reverence, be offered to Him, as the aspirant seeks to touch the hem of His garment and later to live in His very presence. Then, as has been beautifully said, there will descend into the still heart 'the sweet rain of new inward consolation and the heavenly dew of the sweetness of God'—Ruysbroeck again.

hình dung rõ ràng. Khi đó, tình yêu và sự tôn thờ có thể được dâng lên Ngài với tất cả lòng thành kính, khi người chí nguyện tìm cách chạm vào gấu áo của Ngài và sau đó sống trong chính sự hiện diện của Ngài. Sau đó, như đã được nói một cách tuyệt vời, sẽ giáng xuống trái tim tĩnh lặng 'cơn mưa ngọt ngào của sự an ủi nội tâm mới và giọt sương thiên thượng của sự ngọt ngào của Thượng đế'—lại là Ruysbroeck.

One effective method of meditation is consciously to dissociate oneself, first from the physical body, then from the emotions, and then from the mind, finally affirming one's own divinity with a strong mental utterance such as: 'I am the divine Self, eternal, immortal, indestructible, radiant with spiritual light (pause for realization). I am that Self of light, that Self am I (pause for realization). The Self in me is one with the Self in all (pause for realization). I am That, That am I'. By this means, also, the soul may be lifted up into the realization of its own inner Splendour and of its unity with the One Supreme Splendour of all.

Một phương pháp tham thiền hiệu quả là tự giác tách mình ra, trước tiên là khỏi thể xác, sau đó là khỏi những cảm xúc, và sau đó là khỏi thể trí, cuối cùng khẳng định thiên tính của chính mình bằng một lời nói mạnh mẽ như: 'Tôi là Chân ngã thiêng liêng, vĩnh cửu, bất tử, bất hoại, rạng rỡ ánh sáng tinh thần (tạm dừng để nhận ra). Tôi là Chân ngã ánh sáng đó, tôi là Chân ngã đó (tạm dừng để nhận ra). Chân ngã trong tôi là một với Chân ngã trong tất cả (tạm dừng để nhận ra). Tôi là Cái Đó, Cái Đó là Tôi'. Bằng phương tiện này, linh hồn cũng có thể được nâng lên để nhận ra Sự Huy Hoàng nội tại của chính nó và sự hợp nhất của nó với Sự Huy Hoàng Tối Thượng Duy Nhất của tất cả.

As great mental and spiritual heights can be reached by thus realizing one's unity with God and becoming increasingly self-identified with Him, the return to normal physical awareness should not be sudden. The centre of awareness should be deliberately brought down, as it were, into the mind, after a brief pause into the emotions and finally into the brain and body. This should be followed by a few moments of continued physical rest and self-adjustment before taking up the duties of life.

Vì những đỉnh cao trí tuệ và tinh thần vĩ đại có thể đạt được bằng cách nhận ra sự hợp nhất của một người với Thượng đế và ngày càng tự đồng nhất mình với Ngài, nên sự trở lại nhận thức vật lý bình thường không nên đột ngột. Trung tâm nhận thức nên được cố ý đưa xuống, như thể, vào thể trí, sau một khoảng dừng ngắn vào những cảm xúc và cuối cùng vào bộ não và cơ thể. Điều này nên được tiếp theo bằng một vài khoảnh khắc tiếp tục nghỉ ngơi về thể chất và tự điều chỉnh trước khi đảm nhận các nhiệm vụ của cuộc sống.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 2, 1981, p. 27

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 42, Số 2, 1981, tr. 27

4—

The Spiritual Purpose of Existence—Mục Đích Tinh Thần của Sự Tồn Tại

(The first of two talks on 'The Path of Swift Unfoldment'.)

(Bài nói chuyện đầu tiên trong hai bài về 'Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng'.)

What is the purpose of human existence? Why are we here on earth as human beings? Whence have we come? Whither are we going and how will we get there? These great questions which from the remotest ages have absorbed the attention of the human mind, are fully and satisfactorily answered by Theosophy.

Mục đích của sự tồn tại của con người là gì? Tại sao chúng ta lại ở đây trên trái đất với tư cách là con người? Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta sẽ đi đâu và làm thế nào chúng ta sẽ đến đó? Những câu hỏi lớn này, từ thời xa xưa nhất đã thu hút sự chú ý của thể trí con người, được Thông Thiên Học **trả lời** đầy đủ và thỏa đáng.

Let me state these answers clearly and briefly now. Theosophically then, man is defined as that being in whom highest spirit and lowest matter are united by intellect. Highest spirit means the Dweller in the Innermost, the Divine Spark in man. Lowest Matter refers to his physical body and nature, whilst the uniting principle of intellect refers to his mind and mental powers. Thus it is said that the essential human unit of existence, the Innermost human Spirit, the Monad, manifests as (1) an Inner Immortal Self or Ego and (2) an outer Personality in mortal, bodily form, the man down here.

Để tôi trình bày những câu **trả lời** này một cách rõ ràng và ngắn gọn ngay bây giờ. Về mặt Thông Thiên Học, con người được định nghĩa là sinh vật mà trong đó tinh thần cao nhất và vật chất thấp nhất được hợp nhất bởi trí tuệ. Tinh thần cao nhất có nghĩa là Kẻ Chận Ngõ ở Bên Trong Nhất, Tia Lửa Thiêng Liêng trong con người. Vật chất thấp nhất đề cập đến thể xác và bản chất thể xác của y, trong khi nguyên tắc hợp nhất của trí tuệ đề cập đến thể trí và năng lực trí tuệ của y. Như vậy, đơn vị tồn tại thiết yếu của con người, Tinh Thần Bên Trong Nhất của con người, Chân Thần, biểu hiện như (1) một Chân ngã Bất tử Bên trong hoặc chân ngã và (2) một phàm ngã bên ngoài trong hình dạng thể xác, hữu tử, con người ở dưới đây.

Why is this? Because the Inner Self manifests in and gains experience and knowledge through the outer man. Partly by that means and partly by an interior unfoldment, the inner Self perpetually evolves, it is immune from death. The outer physical form of man, on the other hand, develops to full bodily maturity and then it declines, and it dies, it disintegrates and disappears for evermore. All is not lost, however, the faculties and capacities of the outer self are received by and

Tại sao lại như vậy? Bởi vì Chân ngã Bên trong biểu hiện trong và đạt được kinh nghiệm và tri thức thông qua con người bên ngoài. Một phần bằng phương tiện đó và một phần bằng sự khai mở nội tại, Chân ngã bên trong liên tục tiến hóa, nó miễn nhiễm với cái chết. Mặt khác, hình thức thể xác bên ngoài của con người phát triển đến độ trưởng thành hoàn toàn về thể chất và sau đó nó suy tàn, và nó chết, nó tan rã và biến mất mãi mãi. Tuy nhiên, không phải tất cả đều mất đi, các khả năng và năng

perpetually preserved in the Inner Self, for after all there is but one consciousness and life in them both.

lực của bản thân bên ngoài được Chân ngã Bên trong tiếp nhận và bảo tồn vĩnh viễn, vì xét cho cùng, chỉ có một tâm thức và sự sống trong cả hai.

The immediate objective of the Inner Self is development of faculty. The long term objective is all-round genius or the development to the highest degree by the Inner Self of all possible human faculty. This great attainment is termed Adeptship and it is the goal of human existence.

Mục tiêu trước mắt của Chân ngã Bên trong là phát triển năng lực. Mục tiêu dài hạn là thiên tài toàn diện hoặc sự phát triển đến mức cao nhất của tất cả các năng lực có thể có của con người bởi Chân ngã Bên trong. Thành tựu vĩ đại này được gọi là Địa vị Chân sư và nó là mục tiêu của sự tồn tại của con người.

Now our next step is that the human Spirit which is called the Innermost Self, the Monad, is a fragment of Divinity, a concentration of Universal Spirit, with which in origin, nature, substance and potentiality, the Spiritual Self of man is identical. Our Innermost Self is as a spark in a flame, a drop in an ocean, a microcosm within the macrocosm, and this, it is taught, is the highest truth concerning ourselves as men. 'We are but broken lights of Thee' *{In Memoriam).* The full realization in consciousness of this truth of truths—oneness with God—is man's greatest possible illumination and this is only fully attained when human life is fulfilled, when human nature has been perfected. Although long before the stature of Perfected Man has been attained, flashes of realization of the unity of all life and of all beings are experienced, yet it is only at the attainment of Adeptship or Perfection that the identity of the Innermost Self of man with the Innermost Self of the universe is fully realized. Individuality is then dissolved, the Perfected Man abides in perpetual consciousness of identity with Universal Spirit or God, and this is Perfection, this is Nirvana as the Buddhists say, or Salvation—Salvation from the illusion of separated Individuality. And this is the highest human attainment and the spiritual 'purpose' of existence.

Bây giờ bước tiếp theo của chúng ta là Tinh Thần con người, vốn được gọi là Chân ngã Bên Trong Nhất, Chân Thần, là một mảnh của Thượng đế, một sự tập trung của Tinh Thần Vũ Trụ, mà về nguồn gốc, bản chất, chất liệu và tiềm năng, Chân ngã Tinh Thần của con người là đồng nhất. Chân ngã Bên Trong Nhất của chúng ta giống như một tia lửa trong ngọn lửa, một giọt nước trong đại dương, một tiểu thiên địa bên trong đại thiên địa, và điều này, được dạy, là chân lý cao nhất liên quan đến bản thân chúng ta với tư cách là con người. 'Chúng ta chỉ là những ánh sáng vỡ của Ngài' {Tưởng Nhớ}. Sự nhận ra đầy đủ trong tâm thức về chân lý của những chân lý này—sự hợp nhất với Thượng đế—là sự soi sáng lớn nhất có thể có của con người và điều này chỉ đạt được đầy đủ khi cuộc sống con người được hoàn thành, khi bản chất con người đã được hoàn thiện. Mặc dù rất lâu trước khi tầm vóc của Con Người Hoàn Thiện đã đạt được, những khoảnh khắc nhận ra sự hợp nhất của tất cả sự sống và của tất cả chúng sinh được trải nghiệm, nhưng chỉ đến khi đạt được Địa vị Chân sư hoặc Sự Hoàn Hảo thì sự đồng nhất của Chân ngã Bên Trong Nhất của con người với Chân ngã Bên Trong Nhất của vũ trụ mới được nhận ra đầy đủ. Khi đó, tính cá nhân được hòa tan, Con Người Hoàn Thiện tồn tại trong tâm thức vĩnh viễn về sự đồng nhất với Tinh Thần Vũ Trụ hoặc Thượng đế, và đây là Sự Hoàn Hảo, đây là

Niết Bàn như những người theo đạo Phật nói, hoặc Sự Cứu Rỗi—Sự Cứu Rỗi khỏi ảo tưởng về Tính Cá Nhân tách biệt. Và đây là thành tựu cao nhất của con người và 'mục đích' tinh thần của sự tồn tại.

The Right Approach

Cách Tiếp Cận Đúng Đắn

How then does this attainment come about? The means consists of interior unfoldment and external experience. Interior unfoldment is continuous, while repeated physical rebirth, or reincarnation as it is called, provides the necessary time, opportunity and experience. A cosmic law of compensation partly seen operating upon man as cause and effect, ensures absolute justice to every man. The places and conditions in which individuals and races are born, as well as those which are later entered, are exactly the 'right' places and the 'right' conditions, for only in them can justice be done to us and the experience required for the attainment of Perfection be obtained.

Vậy thì thành tựu này đến bằng cách nào? Các phương tiện bao gồm sự khai mở nội tại và kinh nghiệm bên ngoài. Sự khai mở nội tại là liên tục, trong khi sự tái sinh thể xác lặp đi lặp lại, hay còn gọi là luân hồi, cung cấp thời gian, cơ hội và kinh nghiệm cần thiết. Một định luật vũ trụ về sự đền bù một phần được thấy vận hành trên con người như nguyên nhân và kết quả, đảm bảo sự công bằng tuyệt đối cho mọi người. Những nơi và điều kiện mà các cá nhân và chủng tộc được sinh ra, cũng như những nơi và điều kiện mà sau này được tham gia, hoàn toàn là những nơi 'đúng đắn' và những điều kiện 'đúng đắn', vì chỉ trong đó công lý mới có thể được thực thi cho chúng ta và kinh nghiệm cần thiết để đạt được Sự Hoàn Hảo có thể đạt được.

Already men and women have attained the state of Adeptship. Some of them remain on earth as members of a highly organized fraternity of agents of the purposes and laws of life and as directors of planetary evolution. Of these great Sages, some, in compassion for humanity, accept individual men and women for training in the mode of life and thought which increases the rate of evolutionary progress and is called the Path of Swift Unfoldment, or in Christianity, the Way.

Đã có những người nam và nữ đạt đến trạng thái Địa vị Chân sư. Một số Ngài vẫn ở trên trái đất với tư cách là thành viên của một huynh đệ đoàn được tổ chức cao gồm các tác nhân của các mục đích và định luật của sự sống và là những người điều hành sự tiến hóa của hành tinh. Trong số những Bậc Hiền Triết vĩ đại này, một số Ngài, vì lòng trắc ẩn đối với nhân loại, chấp nhận những người nam và nữ riêng lẻ để đào tạo về phương thức sống và tư duy làm tăng tốc độ tiến bộ tiến hóa và được gọi là Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng, hoặc trong Cơ đốc giáo, là Con Đường.

These Adepts who teach and train pupils are known as Masters—Masters of Wisdom and Compassion. They can be successfully approached by those who fulfil the necessary

Những Chân sư này, vốn giảng dạy và đào tạo môn sinh, được gọi là các Chân sư—các Chân sư của Minh Triết và Lòng Trắc Ẩn. Những người đáp ứng các điều kiện cần thiết và nộp

conditions and apply for admission to Their Presence in the appointed way. These conditions and the method of application are also fully described in ancient, in medieval, and in modern Theosophical literature.

đơn xin vào Sự Hiện Diện của Các Ngài theo cách đã định có thể tiếp cận Các Ngài thành công. Những điều kiện này và phương pháp nộp đơn cũng được mô tả đầy đủ trong văn học Thông Thiên Học cổ đại, trung cổ và hiện đại.

Such, then, are the essential teachings of Theosophy concerning man. They have been delivered continually to mankind by its evolutionary seniors, the planetary Adepts and Their disciples.

Như vậy, đó là những giáo lý thiết yếu của Thông Thiên Học liên quan đến con người. Chúng đã được chuyển giao liên tục cho nhân loại bởi những người cao niên tiến hóa của nó, các Chân sư hành tinh và các đệ tử của Các Ngài.

Phases of Discovery

Các Giai Đoạn Khám Phá

Three laws and an ethical ideal still remain to be stated. They are these: Increase follows renunciation of personal acquisition. Decrease follows the adoption of the motive of personal acquisition. Enduring happiness is attainable only by merging the highest interests and aspirations in those of another individual, another group, nation, race, indeed in creation as a whole. Wisely directed service alone ensures lasting happiness. Fulfilment of duty, says Theosophy, is the highest ethical ideal and greatest assurance of rapid progress to Adeptship.

Ba định luật và một lý tưởng đạo đức vẫn cần được nêu ra. Chúng là: Sự gia tăng theo sau sự từ bỏ việc thu nhận cá nhân. Sự suy giảm theo sau việc chấp nhận động cơ thu nhận cá nhân. Hạnh phúc lâu dài chỉ có thể đạt được bằng cách hợp nhất những lợi ích và khát vọng cao nhất vào những lợi ích và khát vọng của một cá nhân khác, một nhóm khác, một quốc gia, một chủng tộc khác, thực sự là trong toàn bộ sự sáng tạo. Chỉ có sự phụng sự được định hướng một cách khôn ngoan mới đảm bảo hạnh phúc lâu dài. Thông Thiên Học nói rằng việc hoàn thành bổn phận là lý tưởng đạo đức cao nhất và sự đảm bảo lớn nhất cho sự tiến bộ nhanh chóng đến Địa vị Chân sư.

Is it possible to test, to prove and disprove these very wonderful teachings? What is the final test of the truth of all religious and philosophical teachings? It is twofold. It consists of direct superphysical observation on the one hand, and experimental application of the ideas to physical life on the other. Just as the student of geography first takes information from teachers, from books, and maps and photographs, still photographs and moving pictures, but nevertheless he must visit the place studied for full knowledge, so also the student of Theosophy,

Có thể kiểm tra, chứng minh và bác bỏ những giáo lý rất tuyệt vời này không? Bài kiểm tra cuối cùng về chân lý của tất cả các giáo lý tôn giáo và triết học là gì? Nó có hai phần. Nó bao gồm sự quan sát siêu vật lý trực tiếp một mặt và ứng dụng thử nghiệm các ý tưởng vào cuộc sống vật chất mặt khác. Giống như sinh viên địa lý trước tiên lấy thông tin từ giáo viên, từ sách, bản đồ và ảnh, ảnh tĩnh và phim chuyển động, nhưng dù sao y phải đến thăm địa điểm đã học để có kiến thức đầy đủ, thì sinh viên Thông Thiên Học cũng vậy, sau khi tiếp xúc, thấu hiểu và áp dụng các giáo lý của nó vào

after contacting, comprehending and applying to life its teachings must add the perception and experience of these teachings in order to become a direct knower.

cuộc sống, phải thêm nhận thức và kinh nghiệm về những giáo lý này để trở thành một người biết trực tiếp.

The successful student of Theosophy passes through successive phases of discovery, examination, test by reason, application to life and investigation by direct observation, into full experience of the teachings. This last phase—direct personal observation—is the most prized, and students of Theosophy, whether in mystery schools, occult communities, or in the outer world, are ever advised to seek that inner perception, that individual experience and comprehension by which alone Truth may be known.

Sinh viên Thông Thiên Học thành công trải qua các giai đoạn khám phá, kiểm tra, kiểm tra bằng lý trí, ứng dụng vào cuộc sống và điều tra bằng quan sát trực tiếp liên tiếp, để có được kinh nghiệm đầy đủ về các giáo lý. Giai đoạn cuối cùng này—quan sát cá nhân trực tiếp—là giai đoạn được đánh giá cao nhất và các sinh viên Thông Thiên Học, dù ở trong các trường huyền bí, cộng đồng huyền bí hay trong thế giới bên ngoài, luôn được khuyên nên tìm kiếm nhận thức nội tâm đó, kinh nghiệm và sự thấu hiểu cá nhân đó mà chỉ nhờ đó Chân Lý mới có thể được biết đến.

Theosophical teaching, ancient and modern, is replete with guidance in successful passage through the early phases and in the development of the requisite powers and faculties for direct investigation of metaphysical and spiritual ideas. Theosophy is therefore a complete science and a complete philosophy. It also provides a satisfying religious ideal, doctrine, and practice.

Giáo lý Thông Thiên Học, cổ đại và hiện đại, chứa đựng đầy đủ sự hướng dẫn trong việc vượt qua thành công các giai đoạn ban đầu và trong việc phát triển các năng lực và khả năng cần thiết để điều tra trực tiếp các ý tưởng siêu hình và tinh thần. Do đó, Thông Thiên Học là một khoa học hoàn chỉnh và một triết học hoàn chỉnh. Nó cũng cung cấp một lý tưởng, học thuyết và thực hành tôn giáo thỏa mãn.

Can man either delay or hasten the process of attaining Perfection? Has he any freedom in this matter? Definitely, he can both speed up or slow down his evolution, for man differs from the rest of physical nature. Man is a self-conscious being. He can direct the operation in himself of that which in the subhuman kingdoms is automatic. Man can delay or hasten the process of attaining perfection. Deliberate hastening of the process accurately describes the treading of the Path. For many lives, man does not even realize the purpose of his existence. The potential perfect man within him is not awakened. He cannot respond to the ideal of the Path to perfection.

Con người có thể trì hoãn hoặc đẩy nhanh quá trình đạt đến Sự Hoàn Hảo không? Y có bất kỳ sự tự do nào trong vấn đề này không? Chắc chắn, y có thể cả tăng tốc hoặc làm chậm quá trình tiến hóa của mình, vì con người khác với phần còn lại của tự nhiên vật lý. Con người là một sinh vật tự ý thức. Y có thể chỉ đạo hoạt động trong bản thân về những gì trong các giới dưới loài người là tự động. Con người có thể trì hoãn hoặc đẩy nhanh quá trình đạt đến sự hoàn hảo. Việc cố ý đẩy nhanh quá trình mô tả chính xác việc bước đi trên Thánh Đạo. Trong nhiều kiếp, con người thậm chí không nhận ra mục đích tồn tại của mình. Con người hoàn hảo tiềm năng bên trong y không được đánh

The idea of hastening does not even occur to him. He drifts.

thức. Y không thể đáp ứng lý tưởng của Thánh Đạo để đạt đến sự hoàn hảo. Ý tưởng về việc đẩy nhanh thậm chí không xuất hiện với y. Y trôi dạt.

But the time arrives in human evolution, however, when the thrust of Spirit, the call and pressure of the awakened Monad-Ego, so affects the personal man that he experiences both dissatisfaction with existing limitations and aspirations to peaks of high achievement. Slowness of progress, paucity of attainment disturb the awakened man. Ego-impelled, he then determines to travel swiftly, to achieve mightily, to conquer self or die. This evolutionary phase is symbolized in the Gospels by the ministry of John the Baptist, by the wise Virgins, by the men who doubled their talents, by the sheep separated from the goats (Matthew 25), and by the disciples who forsook all and followed the Master in answer to His call.

Nhưng thời điểm đến trong quá trình tiến hóa của con người, tuy nhiên, khi sự thúc đẩy của Tinh Thần, tiếng gọi và áp lực của Chân Thần-chân ngã đã thức tỉnh, ảnh hưởng đến con người cá nhân đến mức y trải nghiệm cả sự không hài lòng với những hạn chế hiện tại và những khát vọng đến những đỉnh cao thành tựu. Sự chậm chạp của tiến độ, sự ít ỏi của thành tựu làm xáo trộn con người đã thức tỉnh. Được chân ngã thúc đẩy, sau đó y quyết tâm đi nhanh chóng, đạt được sức mạnh, chinh phục bản thân hoặc chết. Giai đoạn tiến hóa này được tượng trưng trong các sách Phúc Âm bằng chức vụ của John the Baptist, bởi những Trinh Nữ khôn ngoan, bởi những người tăng gấp đôi tài năng của họ, bởi những con cừu được tách khỏi những con dê (Ma-thi-ơ 25), và bởi những môn sinh đã bỏ mọi thứ và đi theo Chân sư để đáp lại tiếng gọi của Ngài.

Despite the pull of the past, despite the resistance of the world, and frequently of family, with mounting determination awakened man thus presses on. He grows in vision, in determination, in understanding, and also in compassion and idealism. His very soul is alight. His heart is aflame. Duty becomes his guiding star. The glory of his future Adeptship begins to illumine his present humanity. His lamp is lit.

Bất chấp sự lôi kéo của quá khứ, bất chấp sự kháng cự của thế giới, và thường là của gia đình, với quyết tâm ngày càng tăng, con người đã thức tỉnh do đó tiếp tục tiến lên. Y phát triển về tầm nhìn, về quyết tâm, về sự thấu hiểu, và cả về lòng trắc ẩn và chủ nghĩa lý tưởng. Chính linh hồn của y đang bừng sáng. Trái tim y bừng cháy. Bổn phận trở thành ngôi sao dẫn đường của y. Vinh quang về Địa vị Chân sư tương lai của y bắt đầu soi sáng nhân tính hiện tại của y. Đèn của y đã được thắp sáng.

Then His Master directly intervenes and the Path of Discipleship opens before him. Such in part is the teaching of Theosophy concerning man.

Sau đó, Chân sư của y trực tiếp can thiệp và Con Đường Đệ Tử mở ra trước mắt y. Đó là một phần giáo lý của Thông Thiên Học liên quan đến con người.

(Taken from a 2GB Broadcast)

(Lấy từ một chương trình phát sóng 2GB)

Theosophy in Australia, 3, 5 October 1952, p. 8

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 5 tháng 10 năm 1952, tr. 8

5

The Neophyte Finds His Master—Người Sơ Cơ Tìm Thấy Chân Sư Của Mình

(The Second of two talks on The Path of Swift Unfoldment'.)

(Bài nói chuyện thứ hai trong hai bài về Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng'.)

I suppose that a great many people experience on occasion the longing for the help of a wise, strong, illumined friend, a kind of spiritual elder brother. Can this longing for a true guide, philosopher and friend ever be fulfilled? Is discipleship, for example, possible even in modern days? Theosophy answers in the affirmative, teaches that certain of the Perfected Men of our planet remain in touch with ourselves, their younger brethren of the human race. These all-wise ones, the Elder Brethren of our pupil race, continually inspire and protect humanity as a whole, serving as Guardians and Shepherds of Souls for the whole of mankind. When, therefore, a human being does begin to seek guidance in the pursuit of knowledge and in following a purposeful, intelligent, mode of life, then that individual comes under the direct observation of one or other of those whom St Paul refers to as 'the just men made perfect'.

Tôi cho rằng rất nhiều người đôi khi trải nghiệm sự khao khát sự giúp đỡ của một người bạn khôn ngoan, mạnh mẽ, được soi sáng, một kiểu huynh đệ tinh thần. Liệu sự khao khát một người hướng dẫn, triết gia và người bạn thực sự có thể được đáp ứng không? Ví dụ, liệu địa vị đệ tử có thể có ngay cả trong thời hiện đại không? Thông Thiên Học **trả lời** khẳng định, dạy rằng một số Con Người Hoàn Thiện của hành tinh chúng ta vẫn giữ liên lạc với chính chúng ta, những huynh đệ trẻ tuổi hơn của Các Ngài thuộc chủng tộc nhân loại. Những người toàn trí này, Các Huynh Trưởng của chủng tộc môn sinh của chúng ta, liên tục truyền cảm hứng và bảo vệ nhân loại nói chung, phục vụ với tư cách là Người Bảo Vệ và Người Chăn Dắt Linh Hồn cho toàn thể nhân loại. Do đó, khi một con người bắt đầu tìm kiếm sự hướng dẫn trong việc theo đuổi tri thức và trong việc tuân theo một phương thức sống có mục đích, thông minh, thì cá nhân đó sẽ chịu sự quan sát trực tiếp của một hoặc một số người mà Thánh Phao-lô gọi là 'những người công chính đã trở nên hoàn thiện'.

The Masters Watch

Các Chân Sư Quan Sát

Let us look more closely into this inspiring theosophical teaching about discipleship. All human beings pursue their pilgrimage from the One Spiritual Source through matter and back to the Source again along one of seven pathways. Over each of the seven groups a Superhuman Intelligence presides. Each of the seven Rays, as these paths are called, has its

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn giáo lý Thông Thiên Học đầy cảm hứng này về địa vị đệ tử. Tất cả con người theo đuổi cuộc hành hương của mình từ Cội Nguồn Tinh Thần Duy Nhất xuyên qua vật chất và trở lại Cội Nguồn dọc theo một trong bảy con đường. Một Trí Tuệ Siêu Phàm ngự trị trên mỗi nhóm trong bảy nhóm. Mỗi Cung trong bảy Cung, như tên gọi

Adept Head, who himself has brought all its powers to perfection. A ceaseless watch over every single human being is maintained by these Shepherds of Souls. The Head of the Ray is the Master of each soul on that Ray. During many lives on earth, He has watched and loved the pilgrim soul, invisibly has guided and inspired the inner man. Whenever by virtue of evolutionary progress an individual begins to show signs of spiritual awakening, and the recognition of duty as the governing principle of life, then he begins to come under the more direct surveillance of the Adepts. He receives Adept aid.

In due course, two important events occur, one of them is physical, and the other superphysical. At the physical level, the spiritually awakened man meets occultists and joins an occult society, and from fellow-members of that society he learns of the existence of Masters of the Wisdom and of the Path of Discipleship. At the Egoic level, during bodily physical sleep he is eventually drawn into the presence of his Master. There he sees one who embodies and displays all his own highest ideals of human perfection, the Adept Head of his Ray.

This experience remains forever unforgettable. The neophyte finds himself fully conscious out of his body and in the presence of a Superhuman Being of a remarkable appearance, for the Adept displays every perfection of feature and form. His countenance is stamped with the impress of spiritual power and profundity of thought. The eyes are large and alight with inner fire. Their gaze is all penetrating. They are the eyes of an infallible seer and judge, yet they are filled with friendliness, compassion, and understanding. When the Master looks at a

của những con đường này, đều có một vị Đứng Đầu là Chân sư, vốn đã đưa tất cả các năng lực của nó đến sự hoàn hảo. Một sự theo dõi không ngừng đối với mọi con người được duy trì bởi những Mục Tử Linh Hồn này. Vị Đứng Đầu của Cung là Chân sư của mỗi linh hồn trên Cung đó. Trong nhiều kiếp sống trên trái đất, Ngài đã theo dõi và yêu thương linh hồn hành hương, vô hình đã hướng dẫn và truyền cảm hứng cho con người bên trong. Bất cứ khi nào nhờ tiến bộ tiến hóa mà một cá nhân bắt đầu có dấu hiệu thức tỉnh tinh thần và nhận ra bổn phận là nguyên tắc chi phối cuộc sống, thì y bắt đầu chịu sự giám sát trực tiếp hơn của các Chân sư. Y nhận được sự hỗ trợ của Chân sư.

Đến thời điểm thích hợp, hai sự kiện quan trọng xảy ra, một trong số đó là vật chất, và sự kiện còn lại là siêu vật chất. Ở cấp độ thể xác, người đã thức tỉnh tinh thần gặp gỡ các nhà huyền bí học và gia nhập một hội huyền bí, và từ các thành viên đồng nghiệp của hội đó, y biết về sự tồn tại của các Chân sư Minh Triết và Con Đường Đệ Tử. Ở cấp độ chân ngã, trong giấc ngủ thể xác, cuối cùng y được đưa đến sự hiện diện của Chân sư của mình. Ở đó, y nhìn thấy một người thể hiện và phô bày tất cả những lý tưởng cao cả nhất của chính y về sự hoàn hảo của con người, vị Đứng Đầu Chân sư của Cung của y.

Trải nghiệm này mãi mãi không thể nào quên. Người sơ cơ thấy mình hoàn toàn tỉnh táo khi ra khỏi thể xác và ở trước sự hiện diện của một Đấng Siêu Phàm với một diện mạo phi thường, vì Chân sư thể hiện mọi sự hoàn hảo về đặc điểm và hình tướng. Vẻ mặt của Ngài được đóng dấu ấn của sức mạnh tinh thần và sự uyên thâm của tư tưởng. Đôi mắt to và bừng sáng với ngọn lửa bên trong. Ánh mắt của Các Ngài xuyên thấu tất cả. Đó là đôi mắt của một nhà tiên tri và thẩm phán không thể sai lầm, nhưng chúng tràn đầy sự thân thiện, lòng trắc ẩn và sự thấu hiểu. Khi Chân sư nhìn một

man, He knows all He needs to know of that man's past, his present and his future. Since He is a Master, and since He sees all, He comprehends all. The aspirant knows this, and so is unafraid.

người, Ngài biết tất cả những gì Ngài cần biết về quá khứ, hiện tại và tương lai của người đó. Vì Ngài là một Chân sư, và vì Ngài thấy tất cả, Ngài thấu hiểu tất cả. Người chí nguyện biết điều này, và vì vậy không hề sợ hãi.

In the Presence

Trong Hiện Diện

As, awe-inspired and exalted, he stands in the presence of his Master-to-be, he sees in Him power quite irresistible, wisdom all-inclusive, detachment and serenity that nothing can disturb.

Khi, đầy kinh ngạc và hân hoan, y đứng trước sự hiện diện của Chân sư tương lai của mình, y thấy ở Ngài một sức mạnh không thể cưỡng lại được, một sự minh triết bao gồm tất cả, sự tách rời và thanh thản mà không gì có thể làm xáo trộn.

He is then questioned as to his willingness to essay the 'razor-edged' Path, as it is also called. He is told that, if he agrees, he will be called upon to take his further evolution into his own hands, to subdue all earthly desire, to annihilate self-will and to undergo and endure to the end the fiery ordeals and tests inseparable from the Path of Swift Unfoldment. Successfully to tread the Path of Discipleship, he must work continually to perfect his character and, without thought of reward, selflessly to serve the world as all his predecessors have done. Thus, in part, a would-be disciple receives the ancient and unchanging call, 'Follow me, and I will make you fishers of men' (Matthew 4:19).

Sau đó, y được hỏi về sự sẵn lòng của mình để thử sức trên Thánh Đạo 'lưỡi dao cạo', như nó còn được gọi. Y được cho biết rằng, nếu y đồng ý, y sẽ được kêu gọi tự mình nắm lấy sự tiến hóa hơn nữa của mình, khuất phục mọi ham muốn trần tục, tiêu diệt ý chí cá nhân và trải qua và chịu đựng đến cùng những thử thách và khảo nghiệm dữ dội không thể tách rời khỏi Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng. Để bước đi thành công trên Con Đường Đệ Tử, y phải liên tục làm việc để hoàn thiện tính cách của mình và, không cần suy nghĩ về phần thưởng, vô vị kỷ phụng sự thế giới như tất cả những người tiền nhiệm của y đã làm. Như vậy, một phần, một người muốn trở thành đệ tử nhận được lời kêu gọi cổ xưa và không thay đổi, 'Hãy theo ta, và ta sẽ khiến con trở thành những người đánh bắt người' (Ma-thi-ơ 4:19).

If he asserts, as in the presence of his Master he almost certainly will, he is taken as a pupil on probation. A veritable new phase of human evolution is in consequence entered upon. From then on, the pupil increasingly directs and quickens his own progress, becomes more and more the master of his fate. A mystic name is sometimes given him by his Master—a name expressive of his new phase of life as a disciple. The Lord Christ apparently followed

Nếu y khẳng định, như trong sự hiện diện của Chân sư của mình, y gần như chắc chắn sẽ làm, y được nhận làm môn sinh dự bị. Một giai đoạn mới thực sự của sự tiến hóa của con người do đó được bước vào. Từ đó trở đi, môn sinh ngày càng định hướng và thúc đẩy sự tiến bộ của chính mình, ngày càng trở thành chủ nhân số phận của mình. Một cái tên huyền bí đôi khi được Chân sư đặt cho y—một cái tên thể hiện giai đoạn mới của cuộc đời y với tư cách là một

this practice, for of Him we read: 'And He ordained twelve, that they should be with Him, and that He might send them forth to preach, and to have power to heal sicknesses, and to cast out devils: And Simon he surnamed Peter; and James the son of Zebedee, and John the brother of James; and he surnamed them Boanerges, which is, the sons of thunder' (Mark 3:14-17). Direct spiritual and occult teaching is also given, for to the aspirant now is given to know the mysteries direct and no more in parables (Matthew 13:11). Our Lord said to His disciples:

đệ tử. Đức Christ dường như đã tuân theo thông lệ này, vì chúng ta đọc về Ngài: 'Và Ngài đã phong mười hai người, để họ ở với Ngài, và để Ngài có thể sai họ đi rao giảng, và có quyền chữa lành bệnh tật, và đuổi quỷ: Và Si-môn Ngài đặt tên là Phi-e-rơ; và Gia-cơ con trai của Xê-bê-đê, và Giăng em trai của Gia-cơ; và Ngài đặt tên cho họ là Bô-a-nẹt-giơ, nghĩa là con trai của sấm sét' (Mác 3:14-17). Giáo lý huyền bí và tinh thần trực tiếp cũng được ban cho, vì người chí nguyện giờ đây được biết những điều huyền bí một cách trực tiếp và không còn trong những câu chuyện ngụ ngôn nữa (Ma-thi-ơ 13:11). Đức Chúa của chúng ta đã nói với các đệ tử của Ngài:

'He answered and said unto them, because it is given unto you to know the mysteries of the kingdom of heaven, but to them that are without in parables'.

'Ngài đáp và phán cùng họ, vì nó được ban cho các con để biết những điều huyền bí của vương quốc thiên đàng, nhưng đối với những người ở ngoài thì trong những câu chuyện ngụ ngôn'.

Assent to the Master's call is not however forced upon any neophyte. It is permissible to decline. Each is perfectly free to do so, as did the rich young ruler to whom Christ pointed out the way of discipleship. 'He turned sorrowfully away, for he had many possessions' (Matthew 19:16-22). When, however, a certain evolutionary stage has been reached in which the Inmost Self is awakened and active as spiritual will within the outer man, 'No other path at all is there to go'.

Tuy nhiên, sự đồng ý với lời kêu gọi của Chân sư không bị ép buộc đối với bất kỳ người sơ cơ nào. Có thể từ chối. Mỗi người hoàn toàn tự do làm như vậy, như người cai trị trẻ tuổi giàu có đã làm, người mà Đức Christ đã chỉ ra con đường đệ tử. 'Y buồn bã bỏ đi, vì y có nhiều của cải' (Ma-thi-ơ 19:16-22). Tuy nhiên, khi một giai đoạn tiến hóa nhất định đã đạt được, trong đó Bản Thể Sâu Thẳm Nhất được đánh thức và hoạt động như ý chí tinh thần bên trong con người bên ngoài, 'Không còn con đường nào khác để đi'.

One characteristic of the Master's Presence is that when in it, difficulties tend to disappear and problems seem easy of solution. Indeed, many of them cease to exist as problems any more. Also the pupil's power of achievement appears to be remarkably enhanced, as if henceforth all things were possible to him.

Một đặc điểm của Sự Hiện Diện của Chân sư là khi ở trong đó, những khó khăn có xu hướng biến mất và các vấn đề dường như dễ giải quyết. Thật vậy, nhiều vấn đề trong số đó không còn tồn tại như những vấn đề nữa. Ngoài ra, khả năng thành tựu của môn sinh dường như được nâng cao một cách đáng kể, như thể từ nay trở đi mọi thứ đều có thể đối với y.

Under this wonderful influence, the neophyte embarks gladly upon the Path of Discipleship. Kneeling, he is received as pupil, blessed, inspired, and linked closely to his Master. Thereafter, wherever he may go in the world, his Master can use him, does use him as a channel for His power and blessing, as an outpost of His consciousness and on occasion as a vehicle for His very presence. In Matthew 10:40-42 Our Lord told His disciples that they were His representatives in the world. 'He that receiveth you receiveth me, and he that receiveth me receiveth him that sent me. He that receiveth a prophet in the name of a prophet shall receive a prophet's reward; and he that receiveth a righteous man in the name of a righteous man shall receive a righteous man's reward. And whosoever shall give to drink unto one of these little ones a cup of cold water only in the name of a disciple, verily I say unto you, he shall in no wise lose his reward'. Work to be done is then outlined and perhaps some particular field of action, group of people or even individuals are considered. Necessary improvements of character are indicated by the Master, and thus the new pupil is shown his work which is to become a 'fisher of men'.

During these experiences, as at subsequent meetings with his Master, the neophyte is lifted into a state of interior ecstasy, of indescribable serene bliss. The labour and aspiration of many lives and the spiritual dreams of the present life are now fulfilled. He knows that the true Beloved One who will never fail him has been at last found, that his Father in God has enfolded him as a son within His heart. The neophyte's own heart opens as never before. He loves and reveres his

Dưới ảnh hưởng tuyệt vời này, người sơ cơ vui vẻ dấn thân vào Con Đường Đệ Tử. Quỳ xuống, y được nhận làm môn sinh, được ban phước, được truyền cảm hứng và được liên kết chặt chẽ với Chân sư của mình. Sau đó, bất cứ nơi nào y có thể đến trên thế giới, Chân sư của y có thể sử dụng y, sử dụng y như một kênh cho sức mạnh và phước lành của Ngài, như một tiền đồn của tâm thức của Ngài và đôi khi như một vận cụ cho chính sự hiện diện của Ngài. Trong Ma-thi-ơ 10:40-42, Đức Chúa của chúng ta đã nói với các đệ tử của Ngài rằng họ là đại diện của Ngài trên thế giới. 'Ai tiếp nhận các con là tiếp nhận ta, và ai tiếp nhận ta là tiếp nhận đấng đã sai ta đến. Ai tiếp nhận một nhà tiên tri nhân danh một nhà tiên tri sẽ nhận được phần thưởng của một nhà tiên tri; và ai tiếp nhận một người công chính nhân danh một người công chính sẽ nhận được phần thưởng của một người công chính. Và ai cho một trong những đứa trẻ nhỏ này uống một chén nước lạnh thôi nhân danh một môn đồ, ta nói thật với các con, người đó sẽ không mất phần thưởng của mình'. Sau đó, công việc cần làm được vạch ra và có lẽ một số lĩnh vực hành động cụ thể, nhóm người hoặc thậm chí các cá nhân được xem xét. Những cải thiện cần thiết về tính cách được Chân sư chỉ ra, và do đó, môn sinh mới được chỉ ra công việc của mình, đó là trở thành một 'người đánh bắt người'.

Trong những trải nghiệm này, cũng như trong các cuộc gặp gỡ tiếp theo với Chân sư của mình, người sơ cơ được nâng lên một trạng thái hoan lạc nội tâm, một niềm hạnh phúc thanh thản không thể diễn tả được. Lao động và khát vọng của nhiều kiếp sống và những giấc mơ tinh thần của cuộc sống hiện tại giờ đã được hoàn thành. Y biết rằng Đấng Chân Yêu, Đấng sẽ không bao giờ làm y thất vọng, cuối cùng đã được tìm thấy, rằng Cha của y trong Thượng đế đã ôm y như một người con trong

Master with all the highest and holiest power of his soul. Even amidst the greatest strain, the suffering and fatigue inseparable from probation, his knowledge of, and his love for, his Master do not leave him. Allied with an awakened will, they sustain him amidst all his later trials. The whole experience is of the utmost value.

trái tim Ngài. Trái tim của chính người sơ cơ mở ra hơn bao giờ hết. Y yêu thương và tôn kính Chân sư của mình bằng tất cả sức mạnh cao cả và thiêng liêng nhất của linh hồn mình. Ngay cả giữa những căng thẳng lớn nhất, những đau khổ và mệt mỏi không thể tách rời khỏi thời gian dự bị, kiến thức của y về Chân sư của mình và tình yêu của y dành cho Ngài không rời bỏ y. Cùng với một ý chí được đánh thức, chúng nâng đỡ y giữa tất cả những thử thách sau này của y. Toàn bộ trải nghiệm có giá trị tột bậc.

Conscious entry upon the Path of Discipleship can put an end to doubt and wavering. The neophyte knows beyond all questioning what his existence means, for what he has been created. He is an Adept-in-the-making, we all are, a Master-in-the-becoming, a Logos-to-be. The Monad which is his Innermost Self has long known of this purpose and this goal, but up to now the outer man in the successive personalities has been ignorant of the purpose of life. The attainment of self-satisfaction has hitherto been the motive for living. In ignorance or in doubt of the only true purpose of life, the only noble aspiration, the earthly man has lived for self and the pleasures of the day

Việc ý thức bước vào Con Đường Đệ Tử có thể chấm dứt sự nghi ngờ và dao động. Người sơ cơ biết vượt lên trên mọi nghi vấn về ý nghĩa sự tồn tại của mình, về những gì y đã được tạo ra. Y là một Chân sư đang thành hình, tất cả chúng ta đều vậy, một Chân sư đang trở thành, một Thượng đế Hành Tinh tương lai. Chân Thần vốn là Bản Thể Sâu Thẳm Nhất của y từ lâu đã biết về mục đích và mục tiêu này, nhưng cho đến nay con người bên ngoài trong các phàm ngã kế tiếp đã không biết về mục đích của cuộc sống. Việc đạt được sự tự mãn cho đến nay vẫn là động cơ để sống. Trong sự thiếu hiểu biết hoặc nghi ngờ về mục đích thực sự duy nhất của cuộc sống, khát vọng cao cả duy nhất, con người trần tục đã sống cho bản thân và những thú vui của ngày hôm nay.

Now, at last, he is awake! Now, at last, he knows! For, in his Master he has seen One who has fulfilled life's purpose for mankind; One who has reached life's goal, the end of all human journeying. One dominating purpose is now absorbing his whole interest. To one achievement his will is set. It is to be like his Master, to become perfect as He has become perfect, especially to attain perfection of the power to help.

Giờ đây, cuối cùng, y đã thức tỉnh! Giờ đây, cuối cùng, y đã biết! Vì, trong Chân sư của mình, y đã thấy một Đấng đã hoàn thành mục đích sống cho nhân loại; Một Đấng đã đạt đến mục tiêu của cuộc sống, kết thúc mọi cuộc hành trình của con người. Một mục đích thống trị hiện đang thu hút toàn bộ sự quan tâm của y. Ý chí của y được đặt vào một thành tựu. Đó là trở nên giống như Chân sư của mình, trở nên hoàn hảo như Ngài đã trở nên hoàn hảo, đặc biệt là đạt được sự hoàn hảo về sức mạnh để giúp đỡ.

This, then, is the answer to the question which I put at the beginning of this talk: Is discipleship possible even in these modern days? Yes, it is possible, even amidst the worldly duties and pressing necessities of our modern way of living, to find one's Master and to be received and to serve as his disciple.

Vậy thì, đây là câu **trả lời** cho câu hỏi mà tôi đã đặt ra khi bắt đầu bài nói chuyện này: Liệu địa vị đệ tử có thể có được ngay cả trong những ngày hiện đại này không? Có, có thể, ngay cả giữa những bổn phận trần tục và những nhu cầu cấp bách của cách sống hiện đại của chúng ta, để tìm thấy Chân sư của một người và được tiếp nhận và phụng sự như đệ tử của Ngài.

(Taken from a 2GB broadcast)

(Lấy từ chương trình phát sóng 2GB)

Theosophy in Australia, 3, 1 February 1953, p. 11

Theosophy in Australia, 3, 1 tháng 2 năm 1953, tr. 11

6

The Call to Discipleship—Lời Kêu Gọi Địa Vị Đệ Tử

'Follow Me and I Will Make You to Become Fishers of Men'

'Hãy Theo Ta và Ta Sẽ Khiến Con Trở Thành Những Người Đánh Bắt Người'

In the Gospel according to St Mark, the call to discipleship uttered by the Lord Christ—quoted as my sub-title—was followed by an immediate response; for in the succeeding verse the Evangelist continues: 'And straightway they forsook their nets and followed Him'.[1]

Trong Phúc Âm theo Thánh Mác, lời kêu gọi địa vị đệ tử do Đức Christ thốt ra—được trích dẫn làm phụ đề của tôi—được theo sau bởi một phản ứng ngay lập tức; vì trong câu tiếp theo, Nhà Truyền Giáo tiếp tục: 'Và ngay lập tức họ bỏ lưới và đi theo Ngài'.

The possibility of the receipt of this ever-continuing 'Call' and an immediate response might not unnaturally evoke in the minds of some members of the Theosophical Society both deep interest and a certain questioning. They may feel that they have met at least the preliminary requirements referred to in *At the Feet of the Master* as necessary in order to prepare oneself to become a 'fisher of men'.[2]

Khả năng nhận được 'Lời Kêu Gọi' luôn tiếp diễn này và một phản ứng ngay lập tức có thể không tự nhiên gợi lên trong tâm trí của một số thành viên của Hội Thông Thiên Học cả sự quan tâm sâu sắc và một sự nghi vấn nhất định. Họ có thể cảm thấy rằng họ đã đáp ứng ít nhất các yêu cầu sơ bộ được đề cập trong Dưới Chân Thầy là cần thiết để chuẩn bị cho bản thân trở thành một 'người đánh bắt người'.

---

[1] Mark 1:18.

[2] Mark 1:17 [The fish is regarded as a symbol for the attained Christ Consciousness (*Buddhi*). Fishing implies seeking for and aiding others similarly to attain.]Mark 1:17 [The fish is regarded as a symbol for the attained Christ Consciousness (*Buddhi*). Fishing implies seeking for and aiding

Their thoughts could quite unselfishly turn towards the possibility of themselves receiving and responding to the ancient 'Call' uttered and heard beside a modern 'Sea of Galilee'. Even if they have had neither dream-remembrance nor waking experience of meetings with anyone whom they might call the Master, they may ask 'Is it possible that I myself have either been placed on Probation or have become an Accepted Disciple?'

Những suy nghĩ của họ có thể hoàn toàn vị tha hướng tới khả năng chính họ nhận được và đáp ứng 'Lời Kêu Gọi' cổ xưa được thốt ra và nghe thấy bên cạnh một 'Biển Ga-li-lê' hiện đại. Ngay cả khi họ không có ký ức về giấc mơ cũng như trải nghiệm thức tỉnh về các cuộc gặp gỡ với bất kỳ ai mà họ có thể gọi là Chân sư, họ có thể hỏi 'Liệu có thể chính tôi đã được đưa vào Thời Gian Dự Bị hoặc đã trở thành một Đệ Tử Được Chấp Nhận không?'

A study of the subject from available sources indicates that, when an Adept Master officially accepts a person as a Disciple—allowing for exceptional cases he arranges for the highly privileged person to be adequately informed. The absence of such information might possibly but not finally be regarded as a negative response to the question. This would not mean, however, that such devoted members are unobserved and not helped by a Master; for one of Them has written, 'When a person joins the Theosophical Society, I look at them'. This means, surely, that all dedicated, devoted and selfless Theosophists who work for the Theosophical Society and the spreading of Theosophy in the world, are under a form of guidance of one or more of the Elder Brethren of humanity; for in the occult life, one learns, there is an unbreakable law that no one is ever overlooked.

Một nghiên cứu về chủ đề này từ các nguồn có sẵn chỉ ra rằng, khi một Chân sư Điểm Đạo chính thức chấp nhận một người làm Đệ Tử—cho phép các trường hợp ngoại lệ, Ngài sắp xếp để người có đặc ân cao được thông báo đầy đủ. Việc thiếu thông tin như vậy có thể nhưng không phải là cuối cùng được coi là một phản hồi tiêu cực cho câu hỏi. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là những thành viên tận tâm như vậy không được quan sát và không được một Chân sư giúp đỡ; vì một trong số Các Ngài đã viết, 'Khi một người gia nhập Hội Thông Thiên Học, Tôi nhìn họ'. Điều này có nghĩa là, chắc chắn, tất cả những người Thông Thiên Học tận tâm, tận tụy và vị tha, những người làm việc cho Hội Thông Thiên Học và việc truyền bá Thông Thiên Học trên thế giới, đều đang chịu một hình thức hướng dẫn của một hoặc nhiều Huynh Trưởng của nhân loại; vì trong cuộc sống huyền bí, người ta học được, có một định luật bất khả xâm phạm rằng không ai bị bỏ qua.

In consequence, each deeply earnest, dedicated enquirer into the subject of Discipleship makes themselves known at least to one or another of the Masters of the Wisdom. As far as is permitted by the physical condition that his karma has ordained for him, the sincerity, selflessness and depth of his search for truth and the evolutionary

Do đó, mỗi người tìm kiếm sâu sắc, tận tâm về chủ đề Địa Vị Đệ Tử đều tự cho mình được biết đến ít nhất với một hoặc một số Chân sư Minh Triết. Trong phạm vi được phép bởi điều kiện thể xác mà nghiệp quả của y đã định, sự chân thành, vô vị kỷ và chiều sâu trong việc tìm kiếm chân lý của y và vị trí tiến hóa của chân ngã liên quan đến việc hoàn thành lý tưởng

---

others similarly to attain.]

position of the Ego in relation to the fulfilment of the ideal of living the occult life whilst out in the world, the member will be fully informed of officially recognized progress upon the Path.

sống một cuộc sống huyền bí trong khi ở ngoài thế giới, thành viên sẽ được thông báo đầy đủ về tiến trình được chính thức công nhận trên Thánh Đạo.

In *The Mahatma Letters to A. P. Sinnett* (Letter XLV), we read: 'Nature has linked all parts of her empire together by subtle threads of magnetic sympathy, and there is a mutual correlation even between a star and a man; thought runs swifter than the electric fluid, and your thought will find me if projected by a pure impulse, as mine will find, has found, and often impressed upon your mind. Like the light in the sombre valley seen by the mountaineer from his peaks, every bright thought in your mind, my Brother, will sparkle and attract the attention of your distant friend and correspondent. It is thus we discover our Allies in the Shadow-world, your world and ours outside the precincts—and it is our law to approach every such an one if even there be but the feeblest glimmer of the true "Tathagata" light within him—then how far easier for you to attract us'.

Trong Những Lá Thư của Chân sư gửi A. P. Sinnett (Thư XLV), chúng ta đọc: 'Bản chất đã liên kết tất cả các phần của đế chế của nó với nhau bằng những sợi dây cảm thông từ tính tinh tế, và có một mối tương quan lẫn nhau ngay cả giữa một ngôi sao và một con người; tư tưởng chạy nhanh hơn chất lưu điện, và tư tưởng của bạn sẽ tìm thấy tôi nếu được phóng chiếu bởi một xung động thuần khiết, như tư tưởng của tôi sẽ tìm thấy, đã tìm thấy và thường xuyên gây ấn tượng trong tâm trí bạn. Giống như ánh sáng trong thung lũng ảm đạm được người leo núi nhìn thấy từ đỉnh núi của mình, mọi tư tưởng tươi sáng trong tâm trí bạn, hỡi Huynh Đệ của tôi, sẽ lấp lánh và thu hút sự chú ý của người bạn và người viết thư từ xa của bạn. Chính vì vậy mà chúng ta khám phá ra Đồng Minh của mình trong Thế Giới Bóng Tối, thế giới của bạn và thế giới của chúng ta bên ngoài khu vực—và đó là luật của chúng ta là tiếp cận mọi người như vậy ngay cả khi chỉ có một tia sáng yếu ớt nhất của ánh sáng "Như Lai" thực sự bên trong y—thì việc bạn thu hút chúng ta dễ dàng hơn biết bao'.

The question may also be asked concerning the means by which it may be known whether or not one is already upon the Path and so if necessary should be changing one's life accordingly. An answer may be offered that the best procedure would be unobtrusively to live as if one were a Disciple—one of the ideals put before those who seek to find and tread the ancient Way being self-forgetfulness. Indeed, this is also taught to be the true secret of spirituality, as also of happiness.

Câu hỏi cũng có thể được đặt ra liên quan đến các phương tiện mà qua đó có thể biết liệu một người đã ở trên Thánh Đạo hay chưa và do đó, nếu cần thiết, nên thay đổi cuộc sống của một người cho phù hợp. Một câu **trả lời** có thể được đưa ra rằng thủ tục tốt nhất sẽ là sống kín đáo như thể một người là một Đệ Tử—một trong những lý tưởng được đặt ra trước những người tìm kiếm để tìm và bước đi trên Con Đường cổ xưa là sự quên mình. Thật vậy, điều này cũng được dạy là bí mật thực sự của tinh thần, cũng như của hạnh phúc.

The Inner Self, be it remembered, is the chief, but not the only, recipient of Adept inspiration, pupilhood and Initiation. Such assistance is continuous at that level, whether the bodily person is or is not aware of it. One may thus be completely assured that the evolutionary progress of a selfless aspirant is with the greatest wisdom always being cared for. Furthermore, the advised regular practice of a correct form of yoga will in due course bring the Inner Self and the sensitized brain into effective inter-communication and the bodily person will then become aware in waking consciousness of experiences through which the spiritual Self is passing. If then one physically and mentally adheres to the best of one's ability and responsibilities to the Rules as presented in such inspired books as At the Feet of the Master, The Voice of the Silence and Light on the Path, the most rapid progress possible will be assured.

Cần nhớ rằng, Chân Ngã Nội Tại là đối tượng chính, nhưng không phải duy nhất, nhận được cảm hứng Chân sư, địa vị môn sinh và Điểm Đạo. Sự hỗ trợ như vậy là liên tục ở cấp độ đó, dù người thể xác có nhận thức được hay không. Do đó, người ta có thể hoàn toàn yên tâm rằng sự tiến bộ thăng thượng tiến hoá của một người chí nguyện vị tha luôn được chăm sóc bằng sự minh triết lớn nhất. Hơn nữa, việc thực hành thường xuyên được khuyên bảo về một hình thức yoga đúng đắn sẽ đến lúc đưa Chân Ngã Nội Tại và bộ não nhạy cảm vào sự giao tiếp hiệu quả lẫn nhau và người thể xác sau đó sẽ nhận thức được trong tâm thức thức tỉnh những kinh nghiệm mà Chân Ngã tinh thần đang trải qua. Nếu sau đó một người về mặt thể chất và tinh thần tuân thủ hết khả năng và trách nhiệm của mình đối với các Quy tắc như được trình bày trong những cuốn sách đầy cảm hứng như Dưới Chân Thầy, Tiếng Nói của Im Lặng và Ánh sáng trên Đường Đạo, thì sự tiến bộ nhanh nhất có thể sẽ được đảm bảo.

A further question might arise as to whether one may have already been super-physically in the presence of a Master and perhaps taken 'Steps'—initiation for example—and yet be physically unaware of such a privilege. In reply it is understood that under karma, the Adepts always ensure the ultimate transference of such knowledge as would be appropriate and helpful according to the circumstances of physical life.

Một câu hỏi nữa có thể nảy sinh là liệu một người có thể đã từng ở trong sự hiện diện siêu vật lý của một Chân sư và có lẽ đã thực hiện 'Các Bước'—ví dụ như điểm đạo—nhưng lại không nhận thức được về mặt thể chất về đặc ân như vậy hay không. Để **trả lời**, người ta hiểu rằng theo nghiệp quả, Các Chân sư luôn đảm bảo sự chuyển giao cuối cùng những kiến thức phù hợp và hữu ích theo hoàn cảnh của đời sống thể chất.

Although the abstract and concrete mental levels of consciousness are more directly concerned, the effects of occult ministrations gradually become transferred through the mental to the emotional parts of the human constitution. The receipt of the information by the physical brain in the waking state depends, however, upon both its responsiveness to spiritual influences and the demands of daily life including

Mặc dù các cấp độ tâm thức trí trừu tượng và cụ thể có liên quan trực tiếp hơn, nhưng những ảnh hưởng của sự trợ giúp huyền bí dần dần được chuyển qua thể trí đến các phần cảm xúc của cấu trúc con người. Tuy nhiên, việc bộ não thể chất tiếp nhận thông tin ở trạng thái thức tỉnh phụ thuộc vào cả khả năng đáp ứng của nó đối với những ảnh hưởng tinh thần và những đòi hỏi của cuộc sống hàng ngày, bao gồm cả trách nhiệm đối với những người có

responsibilities to those in close relationships. Developed characteristics of wise discrimination, steadiness and reasonableness are most carefully considered, and with these and other factors in view, all aspirants may be fully assured that knowledge of occult advancement is at a suitable time made physically available.

What would the observable effects be on waking consciousness it may be asked. Quite a number, one conceives, including tendencies to change naturally to Causal or archetypal, non-conceptual mental activity, a greater sensitivity to and concern for others, increased powers of self-discipline and marked readiness to make changes of viewpoints on long-held ideas—all these are likely to be experienced.

One other very important consideration concerns the faithfulness—allowing for severe adverse karma—with which one adheres to the ideals accepted and to any pledges that may have been taken. Circumstances may contribute either to faithlessness —such as the threefold denial of Jesus by St Peter[3], the total betrayal by Judas Iscariot,[4] or to a more temporary lapse from the maintenance of idealism, loyalty and self-discipline. Accepting a literal reading of the Gospels, St Peter recovered immediately, but Judas did not do so, and later committed suicide, whether to be regarded as physical, occult or both. The Path is indeed truly named 'Razor-edged', for upon it tests do occur, and, when successfully passed through, extremely educative and empowering they can prove to be.

quan hệ gần gũi. Những đặc điểm phát triển về sự phân biện khôn ngoan, sự kiên định và tính hợp lý được xem xét cẩn thận nhất, và với những điều này và các yếu tố khác trong tầm nhìn, tất cả những người chí nguyện có thể hoàn toàn yên tâm rằng kiến thức về sự tiến bộ huyền bí được cung cấp về mặt thể chất vào một thời điểm thích hợp.

Người ta có thể hỏi những ảnh hưởng có thể quan sát được sẽ là gì đối với tâm thức thức tỉnh. Người ta hình dung ra khá nhiều, bao gồm xu hướng thay đổi một cách tự nhiên sang hoạt động trí tuệ nhân quả hoặc nguyên mẫu, phi khái niệm, sự nhạy cảm và quan tâm hơn đến người khác, tăng cường khả năng tự kỷ luật và sẵn sàng thay đổi quan điểm về những ý tưởng đã có từ lâu—tất cả những điều này có khả năng được trải nghiệm.

Một cân nhắc rất quan trọng khác liên quan đến sự trung thành—cho phép nghiệp quả bất lợi nghiêm trọng—với những lý tưởng đã được chấp nhận và với bất kỳ cam kết nào có thể đã được thực hiện. Hoàn cảnh có thể góp phần vào sự bội tín—chẳng hạn như việc Thánh Peter chối bỏ Đức Jesus ba lần, sự phản bội hoàn toàn của Judas Iscariot, hoặc sự sa sút tạm thời hơn khỏi việc duy trì chủ nghĩa lý tưởng, lòng trung thành và kỷ luật tự giác. Chấp nhận cách đọc theo nghĩa đen của Kinh Phúc Âm, Thánh Peter đã phục hồi ngay lập tức, nhưng Judas thì không, và sau đó đã tự sát, dù được coi là thể chất, huyền bí hay cả hai. Thánh Đạo thực sự được mệnh danh là 'Lưỡi dao cạo', vì trên đó các bài kiểm tra sẽ xảy ra, và khi vượt qua thành công, chúng có thể chứng tỏ là cực kỳ mang tính giáo dục và trao quyền.

---

[3] Matthew 26:69-72.

[4] Matthew 26:47-49.

Complete surrender to worldliness, a weakening or even destruction of the faith in the occult life of others and especially of newly awakening people, and verbal attacks against both the Path ideal and those who have helped one towards it—all these will influence the rate of progress not only in that same life but also when the Path is again entered upon in a future incarnation.

Sự đầu hàng hoàn toàn trước thế tục, sự suy yếu hoặc thậm chí phá hủy niềm tin vào đời sống huyền bí của người khác và đặc biệt là của những người mới thức tỉnh, và những lời công kích bằng lời nói chống lại cả lý tưởng Thánh Đạo và những người đã giúp một người hướng tới nó—tất cả những điều này sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tiến bộ không chỉ trong cùng một kiếp đó mà còn cả khi Thánh Đạo lại được bước vào trong một lần tái sinh trong tương lai.

A further difficulty may perhaps usefully here be referred to. This can arise when a self-proclaimed but unproved occultist assumes the office of messenger from a Master, and informs those who listen that occult advancement has occurred. The factual truth or otherwise of such a pronouncement is of course of great importance, and at least two tests may be applied. These are intuitive response to such statements—as to whether or not they 'ring true'—and decisive of course, whether the affirmed relationship eventually becomes proven. In such an event one may rest assured that when a Master arranges for the physical Disciple or Initiate to be informed of their progress, there is never any doubt whatever of the fact.

Một khó khăn nữa có lẽ có thể được đề cập một cách hữu ích ở đây. Điều này có thể phát sinh khi một nhà huyền bí học tự xưng nhưng chưa được chứng minh đảm nhận chức vụ sứ giả từ một Chân sư và thông báo cho những người lắng nghe rằng sự tiến bộ huyền bí đã xảy ra. Sự thật thực tế hoặc ngược lại của một tuyên bố như vậy tất nhiên là rất quan trọng và ít nhất hai bài kiểm tra có thể được áp dụng. Đó là phản ứng trực giác đối với những tuyên bố như vậy—về việc chúng có 'nghe có thật' hay không—và tất nhiên, quyết định xem mối quan hệ đã được khẳng định cuối cùng có được chứng minh hay không. Trong một sự kiện như vậy, người ta có thể yên tâm rằng khi một Chân sư sắp xếp để Đệ tử hoặc Điểm đạo đồ thể chất được thông báo về sự tiến bộ của họ, thì không bao giờ có bất kỳ nghi ngờ nào về sự thật.

The great importance of *realism* in all matters directly relating to the occult life here needs to be stressed. Although other avenues to knowledge do exist, a strictly realistic attitude of mind is essential wherever occultism and the occult life are concerned.

Tầm quan trọng lớn của chủ nghĩa hiện thực trong tất cả các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống huyền bí ở đây cần được nhấn mạnh. Mặc dù có những con đường khác dẫn đến kiến thức, nhưng một thái độ trí tuệ hoàn toàn thực tế là điều cần thiết bất cứ khi nào huyền bí học và đời sống huyền bí có liên quan.

When following these, there is no room, for example, for either imagination or the too-ready acceptance of confirmations of hoped-for, events. One must at all times be factual, dedicated to *reality*.

Khi tuân theo những điều này, ví dụ, không có chỗ cho trí tưởng tượng hoặc sự chấp nhận quá dễ dàng những xác nhận về những sự kiện được hy vọng. Người ta phải luôn thực tế, tận tâm với thực tại.

Since the word ‘occult’ means ‘hidden’, tendencies to error are potentially present. These must be carefully guarded against. Discretion is needed—its development being part of the required training—in order that the activities of mind and emotion do not prevent the receipt of illumination from the intuition. Indeed, an ‘Intuition Receiving Station’ needs to be set up and made to function within the mind. The appointed ‘call-sign’ would then be ‘Stillness’.

Vì từ 'huyền bí' có nghĩa là 'ẩn giấu', nên những khuynh hướng sai lầm có khả năng hiện diện. Những điều này phải được bảo vệ cẩn thận. Cần có sự thận trọng—sự phát triển của nó là một phần của quá trình đào tạo bắt buộc—để các hoạt động của thể trí và cảm xúc không ngăn cản việc nhận được sự soi sáng từ trực giác. Thật vậy, một 'Trạm Tiếp Nhận Trực Giác' cần được thiết lập và làm cho hoạt động bên trong thể trí. 'Tín hiệu gọi' được chỉ định sau đó sẽ là 'Tĩnh Lặng'.

Another very important factor in valid and successful entry into the occult life consists of sincere and gradually deepening interest in and aspiration towards spiritual unfoldment, this to become the all-important purpose for living. Here, also, a warning is needed in that no thought of obtaining a personal reward for either progress made or work done must ever be allowed to exist within one’s mind. The determination to ascend the evolutionary ‘Mount’ as quickly as possible must always be based *solely* upon the knowledge that each forward step taken increases the effectiveness of one’s service to others. Throughout the whole procedure, the aspirant must be moved by selflessness and guided by discriminative wisdom, particularly in the application of spiritual ideals to motives, thoughts, feelings and daily life.

Một yếu tố rất quan trọng khác trong việc bước vào đời sống huyền bí một cách hợp lệ và thành công bao gồm sự quan tâm chân thành và dần dần sâu sắc hơn và khát vọng hướng tới sự khai triển tinh thần, điều này sẽ trở thành mục đích quan trọng nhất để sống. Ở đây, cũng cần có một lời cảnh báo rằng không được phép tồn tại bất kỳ ý nghĩ nào về việc đạt được phần thưởng cá nhân cho sự tiến bộ đã đạt được hoặc công việc đã làm trong thể trí của một người. Quyết tâm leo lên 'Núi' thăng thượng tiến hoá càng nhanh càng tốt phải luôn chỉ dựa trên kiến thức rằng mỗi bước tiến về phía trước được thực hiện sẽ làm tăng hiệu quả phụng sự của một người cho người khác. Trong suốt toàn bộ quy trình, người chí nguyện phải được thúc đẩy bởi sự vị tha và được hướng dẫn bởi sự minh triết phân biện, đặc biệt là trong việc áp dụng các lý tưởng tinh thần vào động cơ, suy nghĩ, cảm xúc và cuộc sống hàng ngày.

The revered Adepts and therefore each Master who takes Disciples are far more concerned, it is taught, with the continuing, immortal spiritual Selves of humanity than with the also important personalities. Their most direct aid is bestowed upon the reincarnating Ego within the Causal Body. There, the communication is less verbal than a transference of empowering spiritual Will, illuminating Wisdom and truth revealing

Các Chân sư đáng kính và do đó mỗi Chân sư nhận Đệ tử quan tâm nhiều hơn, như được dạy, đến Chân Ngã tinh thần bất tử tiếp tục của nhân loại hơn là đến các phàm ngã cũng quan trọng. Sự giúp đỡ trực tiếp nhất của Các Ngài được ban cho Chân Ngã tái sinh bên trong Thể Nguyên Nhân. Ở đó, sự giao tiếp ít bằng lời nói hơn là sự chuyển giao Ý Chí tinh thần trao quyền, Minh Triết soi sáng và Trí Tuệ tiết lộ sự thật. Sự hướng dẫn cá nhân cũng được đưa ra,

Intelligence. Personal guidance is also offered, particularly at the mental levels at which superphysical visits primarily occur. Since, through the writings of Madame Blavatsky[5] and others, the

đặc biệt là ở các cấp độ trí tuệ mà các chuyến thăm siêu vật lý chủ yếu xảy ra. Vì, thông qua các tác phẩm của Bà Blavatsky và những người khác,

Masters have in the present period ensured that the requisite counsel concerning thought, emotion and physical conduct is fully available at the physical level, personal instruction concerning physical life is reduced to a minimum. Exceptions may, however, include important corrections to be made, developments to be sought and work to be done. In this the Master is as a 'Father in God'.

Các Chân sư trong giai đoạn hiện tại đã đảm bảo rằng lời khuyên cần thiết liên quan đến suy nghĩ, cảm xúc và hành vi thể chất hoàn toàn có sẵn ở cấp độ thể chất, nên sự hướng dẫn cá nhân liên quan đến đời sống thể chất được giảm thiểu đến mức tối thiểu. Tuy nhiên, những ngoại lệ có thể bao gồm những điều chỉnh quan trọng cần thực hiện, những phát triển cần tìm kiếm và công việc cần làm. Trong điều này, Chân sư như một 'Người Cha trong Thượng đế'.

Knowledge of these experiences in waking consciousness with which this article is closely concerned, is also dependent upon such factors as the physical karma of aspirants, their general outlook on life, the inevitable demands of their physical lives, and their effective practice of yoga. Unless karma decisively rules against it, either an appointed agent of the Master or the Master Himself ensures that, whether immediately or gradually, the knowledge of any 'Step' taken reaches the brain consciousness of the fortunate 'Pilgrim' upon the 'way of holiness' as the prophet Isaiah named it.[6]

Kiến thức về những kinh nghiệm này trong tâm thức thức tỉnh mà bài viết này quan tâm chặt chẽ cũng phụ thuộc vào các yếu tố như nghiệp quả thể chất của những người chí nguyện, quan điểm chung của họ về cuộc sống, những đòi hỏi không thể tránh khỏi của cuộc sống thể chất của họ và việc thực hành yoga hiệu quả của họ. Trừ khi nghiệp quả quyết định chống lại nó, một đặc vụ được chỉ định của Chân sư hoặc chính Chân sư đảm bảo rằng, dù là ngay lập tức hay dần dần, kiến thức về bất kỳ 'Bước' nào đã thực hiện sẽ đến được tâm thức bộ não của 'Người Hành Hương' may mắn trên 'con đường thánh thiện' như nhà tiên tri Isaiah đã gọi nó.

All important is the degree of utterly selfless dedication to the welfare of fellow men and to the various forms of humanitarian work in hand. The elimination of *ahamkara*[7] is thus of first importance, and the total *absence of any idea of personal gain or reward for services*

Điều quan trọng nhất là mức độ cống hiến hoàn toàn vị tha cho phúc lợi của đồng loại và cho các hình thức công việc nhân đạo khác nhau đang được tiến hành. Do đó, việc loại bỏ ahamkara là điều quan trọng hàng đầu và việc hoàn toàn không có bất kỳ ý tưởng nào về lợi

[5] The Voice of the Silence, Isis Unveiled *and* The Secret Doctrine.

[6] Isaiah 35:8.

rendered is in its turn completely decisive; for the Master sees infallibly into the aspirant's 'heart', and knows to what degree these essentials are met and justify the very responsible action on His part of interest in and help towards a student, and the eventual admission of him or her as a pupil under His direction.

ích hoặc phần thưởng cá nhân cho các dịch vụ đã cung cấp đến lượt nó là hoàn toàn quyết định; vì Chân sư nhìn thấu suốt vào 'trái tim' của người chí nguyện và biết ở mức độ nào những điều thiết yếu này được đáp ứng và biện minh cho hành động rất có trách nhiệm về phía Ngài là quan tâm và giúp đỡ một học viên, và cuối cùng là thừa nhận người đó làm môn sinh dưới sự chỉ đạo của Ngài.

Finally, it should be remembered that the Path of Swift Unfoldment is never closed. Not only beside the Sea of Galilee, along the field paths and in the village streets of the Israel of two thousand years ago, but long before, afterwards and now, one may hear the Master's call: 'Follow me and I will make you to become fishers of men'.

Cuối cùng, cần nhớ rằng Thánh Đạo Khai Triển Nhanh Chóng không bao giờ đóng lại. Không chỉ bên cạnh Biển Galilee, dọc theo những con đường đồng ruộng và trên những con phố làng của Israel cách đây hai nghìn năm, mà còn rất lâu trước đó, sau đó và bây giờ, người ta có thể nghe thấy tiếng gọi của Chân sư: 'Hãy theo Ta và Ta sẽ khiến các con trở thành những người đánh bắt người'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 36, No. 3, 1975, p. 58

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 36, Số 3, 1975, tr. 58

7—

Steps on the Pathway to Divine Manhood—Các Bước trên Con Đường dẫn đến Nhân Tính Thiêng Liêng

(Much of the information in this article is obtained from The Masters and the Path, by C. W. Leadbeater—a work invaluable to every aspirant.)

(Phần lớn thông tin trong bài viết này có được từ Các Chân sư và Thánh Đạo, của C. W. Leadbeater—một tác phẩm vô giá đối với mọi người chí nguyện.)

The evolution of man into the Super-human Kingdom of Nature can apparently be consummated in two ways. The first of these consists of those natural processes by which all life is gradually brought to a greater degree of unfoldment and all forms develop into increasingly sensitive and suitable vehicles for that life. To man, this method appears to

Sự tiến hóa của con người vào Giới Siêu nhân của Tự Nhiên dường như có thể được hoàn thành theo hai cách. Cách đầu tiên trong số này bao gồm những quá trình tự nhiên mà nhờ đó tất cả sự sống dần dần đạt đến mức độ khai triển lớn hơn và tất cả các hình tướng phát triển thành những vận cụ ngày càng nhạy cảm và phù hợp cho sự sống đó. Đối với

[7] Ahamkara (Sanskrit) Egotism; individualization. The I-making principle necessary in order that self-consciousness may be evolved, but transcended when its work is over.

be slow; for it occupies a long period of time, requiring, it is said, at least seven hundred human lives.

The other means of attainment is generally known as treading the Path. This implies self-conscious participation by man in the fulfilment of nature's plan. Evidently there comes a time in human evolution when some people become extremely dissatisfied with the slowness of their progress, with their faults and limitations, and especially with the inability to give effective help to others in times of great need. This mental condition has been described as 'the divine discontent' and 'the inexpressible longing of the inner man for the Infinite'.

From the earliest days of human life on this planet, men and women have known this discontentment and have set forth upon the Path of swift unfoldment, the way of life which will bring them rapidly to their goal. Some of these early aspirants succeeded, but only at the cost of tremendous effort and great suffering. In consequence, they discovered ways or rules of life by means of which both the effort and the sufferings could be reduced to a minimum. Eventually all this knowledge became formulated into sets of rules, which were made available for the guidance of all whom similarly aspire. These rules are known as the laws of the higher life.

In this article, however, I shall consider not so much the rules of the occult life as another codification, also designed for the guidance of spiritually awakened men and women. This divides the process of deliberately hastened attainment into stages, at certain of which special laws come into operation and the aspirant is particularly susceptible to

con người, phương pháp này có vẻ chậm; vì nó chiếm một khoảng thời gian dài, đòi hỏi, như người ta nói, ít nhất bảy trăm kiếp người.

Phương tiện đạt được khác thường được gọi là bước đi trên Thánh Đạo. Điều này ngụ ý sự tham gia tự giác của con người vào việc hoàn thành Thiên Cơ của tự nhiên. Rõ ràng là đến một thời điểm nào đó trong quá trình tiến hóa của con người, một số người trở nên cực kỳ không hài lòng với sự chậm chạp trong tiến trình của họ, với những sai sót và hạn chế của họ, và đặc biệt là với việc không thể giúp đỡ người khác một cách hiệu quả trong những thời điểm khó khăn. Tình trạng tinh thần này đã được mô tả là 'sự bất mãn thiêng liêng' và 'niềm khao khát không thể diễn tả của con người bên trong đối với Vô Hạn'.

Từ những ngày đầu tiên của đời sống con người trên hành tinh này, đàn ông và phụ nữ đã biết đến sự bất mãn này và đã lên đường trên Thánh Đạo khai triển nhanh chóng, con đường sự sống sẽ đưa họ nhanh chóng đến mục tiêu của mình. Một số người chí nguyện ban đầu này đã thành công, nhưng chỉ phải trả giá bằng nỗ lực to lớn và đau khổ lớn lao. Do đó, họ đã khám phá ra những cách thức hoặc quy tắc của cuộc sống mà nhờ đó cả nỗ lực và đau khổ có thể được giảm thiểu đến mức tối thiểu. Cuối cùng, tất cả kiến thức này đã được xây dựng thành các bộ quy tắc, được cung cấp để hướng dẫn tất cả những người có khát vọng tương tự. Những quy tắc này được gọi là các định luật của đời sống cao siêu.

Tuy nhiên, trong bài viết này, tôi sẽ xem xét không chỉ các quy tắc của đời sống huyền bí mà còn một hệ thống hóa khác, cũng được thiết kế để hướng dẫn những người nam và nữ đã thức tỉnh về mặt tinh thần. Điều này chia quá trình đạt được một cách cố ý nhanh chóng thành các giai đoạn, tại một số giai đoạn nhất định, các định luật đặc biệt có hiệu lực và

guidance from seniors. This systematization, for which Tsong-ka-pa was largely responsible in more modern days, has proved to be of immense value, if only in the avoidance of pitfalls, the reduction of suffering and the increase of the speed of attainment. Thus have come to be recognized what are known as official steps upon the Path.

người chí nguyện đặc biệt dễ bị hướng dẫn từ những người lớn tuổi hơn. Hệ thống hóa này, mà Tsong-ka-pa phần lớn chịu trách nhiệm trong những ngày hiện đại hơn, đã chứng tỏ có giá trị to lớn, nếu chỉ để tránh những cạm bẫy, giảm bớt đau khổ và tăng tốc độ đạt được. Do đó, những gì được gọi là các bước chính thức trên Thánh Đạo đã được công nhận.

These evolutionary phases and the experiences usually associated with them are not, however, limited to the life of the Path. They are all rehearsed throughout the period of man's normal, natural evolution. In Christianity, for example, the five major steps on the Path are portrayed by means of allegories, supposedly descriptive of experiences through which Jesus passed, namely, Nativity, Baptism, Transfiguration, Crucifixion and Ascension. Every human being repeatedly passes through these self-same experiences before the 'Way of Holiness' is entered upon. True, the degree of the expansions of consciousness, of the strain and the suffering, is far less than when the Path has been finally adopted as the only possible way of life. Nevertheless, all human beings have their conversions or new births, their baptisms in the waters of sorrow, their temptations and trials, as also their temporary upliftments when both they themselves and the world in which they live seem to be transfigured or transformed. Gethsemane, the dark night of the Soul, is frequently experienced by both individuals and nations, as also is betrayal and unjust condemnation. These tribulations can culminate in a sense of veritable crucifixion, when the quintessence of loneliness is known, as also are agonies of heartache and even bodily pain. Wonderful recoveries, ascensions from darkness, can lead to great happiness, whilst death itself, which comes to all, marks

Tuy nhiên, những giai đoạn tiến hóa này và những kinh nghiệm thường đi kèm với chúng không giới hạn trong cuộc đời trên Thánh Đạo. Tất cả đều được diễn tập trong suốt giai đoạn tiến hóa tự nhiên, bình thường của con người. Ví dụ, trong Cơ đốc giáo, năm bước chính trên Thánh Đạo được mô tả bằng các phép ẩn dụ, được cho là mô tả những kinh nghiệm mà Đức Jesus đã trải qua, cụ thể là, Giáng Sinh, Rửa Tội, Biến Hình, Đóng Đinh và Thăng Thiên. Mọi người đều liên tục trải qua những kinh nghiệm giống hệt nhau này trước khi bước vào 'Con Đường Thánh Thiện'. Đúng vậy, mức độ mở rộng của tâm thức, của sự căng thẳng và đau khổ, ít hơn nhiều so với khi Thánh Đạo cuối cùng được chấp nhận là con đường sống duy nhất có thể. Tuy nhiên, tất cả mọi người đều có sự chuyển hóa hoặc tái sinh, lễ rửa tội trong dòng nước đau khổ, những cám dỗ và thử thách, cũng như những thăng hoa tạm thời khi cả bản thân y và thế giới mà y đang sống dường như được biến hình hoặc biến đổi. Gethsemane, đêm tối của Linh Hồn, thường xuyên được trải nghiệm bởi cả cá nhân và quốc gia, cũng như sự phản bội và kết án bất công. Những khổ nạn này có thể lên đến đỉnh điểm trong cảm giác bị đóng đinh thực sự, khi bản chất của sự cô đơn được biết đến, cũng như những đau khổ của nỗi đau lòng và thậm chí cả nỗi đau thể xác. Những phục hồi kỳ diệu, sự thăng thiên từ bóng tối, có thể dẫn đến hạnh phúc lớn lao, trong khi bản thân cái chết, đến với tất cả mọi người, đánh dấu sự thăng thiên của Nội Ngã khỏi những giới hạn của cuộc

the ascension of the Inner Self from the limitations of earthly life. It is, perhaps, well for us all that we should recognize these universal human experiences for what they really are; for they are both results of the operation of the law of cause and effect and preparations for the time when, as steps upon the Path, they will be lived out in full, even as they are portrayed in the Gospel stories of the life of Our Lord.

sống trần thế. Có lẽ, tất cả chúng ta nên nhận ra những kinh nghiệm phổ quát của con người này là những gì chúng thực sự là; vì chúng vừa là kết quả của sự vận hành của định luật nhân quả vừa là sự chuẩn bị cho thời điểm mà, như những bước trên Thánh Đạo, chúng sẽ được sống trọn vẹn, giống như chúng được mô tả trong những câu chuyện Phúc Âm về cuộc đời của Đức Chúa của Chúng Ta.

There are, however, more than five stages on the pathway which leads out of the purely worldly life, with its material and rather self-centred motives for living. The change begins with a sense of frustration, and with a feeling of dissatisfaction with one's own limitations and the hollowness of the purely material and worldly life. So many problems, interior and external, remain unsolved, so many questions unanswered when guidance is sought from the formal religions of the day. The result of these experiences is a growing determination to conquer one's weaknesses, to develop one's powers swiftly, to find esoteric truth and to live a more spiritual kind of life.

Tuy nhiên, có hơn năm giai đoạn trên con đường dẫn ra khỏi cuộc sống trần tục thuần túy, với những động cơ sống vật chất và khá vị kỷ. Sự thay đổi bắt đầu bằng cảm giác thất vọng, và với cảm giác không hài lòng với những hạn chế của bản thân và sự trống rỗng của cuộc sống trần tục và vật chất thuần túy. Rất nhiều vấn đề, bên trong và bên ngoài, vẫn chưa được giải quyết, rất nhiều câu hỏi chưa được **trả lời** khi tìm kiếm sự hướng dẫn từ các tôn giáo hình thức ngày nay. Kết quả của những kinh nghiệm này là một quyết tâm ngày càng tăng để chinh phục những điểm yếu của một người, để phát triển sức mạnh của một người một cách nhanh chóng, để tìm ra chân lý huyền bí và để sống một cuộc sống tinh thần hơn.

When this stage is entered upon, external help begins to be received. Persistent effort attracts the attention of both the Adept Head of the Ray and the great Official whose assent must be gained before advancement into pupilage of an Adept is sanctioned. This latter is known as the Maha-Chohan, part of whose Office is to keep the Record said to be imperishable and preserved in a Golden Book—of the progress, the successes and the failures of every human Ego on this planet which enters upon the Path of swift unfoldment. Thus, Adept consideration is given to every aspirant and, in due course, recognition of evolutionary stature is granted. Sometime during this

Khi giai đoạn này được bước vào, sự giúp đỡ từ bên ngoài bắt đầu được nhận. Nỗ lực bền bỉ thu hút sự chú ý của cả vị Chân sư đứng đầu Cung và vị Đại Diện mà sự đồng ý của Ngài phải đạt được trước khi việc tiến vào địa vị môn sinh của một Chân sư được chấp thuận. Vị sau này được gọi là Maha-Chohan, một phần trong Văn Phòng của Ngài là lưu giữ Hồ Sơ được cho là bất diệt và được bảo tồn trong một Cuốn Sách Vàng—về sự tiến bộ, thành công và thất bại của mọi Chân Ngã của con người trên hành tinh này bước vào Con Đường khai triển nhanh chóng. Do đó, sự xem xét của Chân sư được dành cho mọi người chí nguyện và, đến thời điểm thích hợp, sự công nhận về tầm vóc

phase, the outer man in his personal nature is guided to the discovery of a satisfying system of philosophy. The outer circumstances may even be moulded, so far as karma permits and is advisable from the point of view of evolutionary progress.

tiến hóa được ban cho. Đôi khi trong giai đoạn này, con người bên ngoài trong bản chất cá nhân của y được hướng dẫn khám phá ra một hệ thống triết học thỏa mãn. Các hoàn cảnh bên ngoài thậm chí có thể được định hình, trong chừng mực nghiệp quả cho phép và là điều nên làm từ quan điểm tiến hóa.

The next phase consists of the discovery of a valid occult school, application for admittance, acceptance, and the receipt of the necessary guidance and training which will help in the passage through the later phases of the life of the Path. These experiences are of the first importance; for they mean that the 'Ancient Way' has been found by another pilgrim on earth, sometimes for the first time and sometimes as a repetition from former lives. Whichever may be true, a marked change of outlook upon life is likely to occur. This may, perhaps, be described as the universalization of consciousness and, as the process continues, the diminution of the sense of self-separateness and of self-importance. Realization is also deepened of oneness with the larger Self of the universe and with the life of all Nature.

Giai đoạn tiếp theo bao gồm việc khám phá ra một trường huyền bí hợp lệ, nộp đơn xin nhập học, được chấp nhận và nhận được sự hướng dẫn và đào tạo cần thiết, vốn sẽ giúp ích trong việc vượt qua các giai đoạn sau của cuộc đời trên Thánh Đạo. Những kinh nghiệm này có tầm quan trọng hàng đầu; vì chúng có nghĩa là 'Con Đường Cổ Xưa' đã được tìm thấy bởi một người hành hương khác trên trái đất, đôi khi là lần đầu tiên và đôi khi là sự lặp lại từ những kiếp trước. Dù điều nào có thể đúng, một sự thay đổi rõ rệt về quan điểm sống có khả năng xảy ra. Điều này có lẽ có thể được mô tả là sự phổ quát hóa của tâm thức và, khi quá trình tiếp tục, sự suy giảm cảm giác tự tách biệt và tự coi trọng. Sự nhận biết cũng được đào sâu về sự hợp nhất với Bản Ngã lớn hơn của vũ trụ và với sự sống của toàn bộ Tự Nhiên.

The first official step on the Path follows in due course. It is known as Probation and refers to the presentation of the neophyte, generally during bodily sleep, to his Master-to-be. In full self-consciousness and with the higher senses alert, he finds himself in the Presence of a perfected Being, full of majesty and power, and yet also of kindliness and friendliness. The significance of the experience is then explained by the Master. The inevitable tests and trials are described, and the candidate who accepts is then taken as a pupil on Probation. Sometimes needed changes in character are pointed out, special work indicated, and the so-called 'living image' is made and kept by the Master. This image is in some form of

Bước chính thức đầu tiên trên Thánh Đạo diễn ra vào thời điểm thích hợp. Nó được gọi là Dự Bị và đề cập đến việc trình diện người sơ cơ, thường là trong giấc ngủ thể xác, cho Chân sư tương lai của y. Trong sự tự nhận thức đầy đủ và với các giác quan cao hơn tỉnh táo, y thấy mình ở trong Sự Hiện Diện của một Đấng hoàn thiện, tràn đầy uy nghi và quyền năng, nhưng cũng đầy lòng tốt và thân thiện. Ý nghĩa của kinh nghiệm sau đó được Chân sư giải thích. Những thử thách và thử nghiệm không thể tránh khỏi được mô tả, và ứng viên chấp nhận sau đó được nhận làm môn sinh trong giai đoạn Dự Bị. Đôi khi những thay đổi cần thiết trong tính cách được chỉ ra, công việc đặc biệt được chỉ định và 'hình ảnh sống động' được

superphysical radio or radar contact with the outer man or woman wherever they may be in the world. Somewhat as upon a television screen, their thoughts and actions are reflected in it hour by hour and day by day. The Master, who regularly examines the living image, is thus able to keep a watchful and kindly eye upon His new pupil.

tạo ra và lưu giữ bởi Chân sư. Hình ảnh này ở một số dạng liên lạc vô tuyến hoặc radar siêu vật chất với người nam hoặc nữ bên ngoài, bất kể y ở đâu trên thế giới. Hơi giống như trên màn hình tivi, những suy nghĩ và hành động của y được phản ánh trong đó hàng giờ và ngày này qua ngày khác. Chân sư, người thường xuyên kiểm tra hình ảnh sống động, do đó có thể theo dõi một cách thận trọng và tử tế môn sinh mới của Ngài.

When the time is ripe, official Acceptance as a disciple follows. The pupil's aura is intimately attuned to that of his Master, who absorbs him into Himself for a time and charges him with His Adept power, life and light. Thereafter, wherever an accepted disciple may be in the outer world, his Master can always use him as a channel of His power, His blessing and, on occasion, as a vehicle for His very Presence.

Khi thời điểm chín muồi, sự Chấp Nhận chính thức làm đệ tử sẽ diễn ra. Hào quang của đệ tử được điều chỉnh mật thiết với hào quang của Chân sư, Đấng hấp thụ y vào Bản Thân Ngài trong một thời gian và ban cho y quyền năng, sự sống và ánh sáng Chân sư của Ngài. Sau đó, bất cứ nơi nào một đệ tử đã được chấp nhận có thể ở thế giới bên ngoài, Chân sư của y luôn có thể sử dụng y như một kênh dẫn quyền năng, phước lành của Ngài và, đôi khi, như một vận cụ cho chính Sự Hiện Diện của Ngài.

The next step is Sonship of the Master, and when this inexpressible privilege has been granted an even closer attunement is established between the outer aura and the Inner Self of disciple and Master. When the necessary progress has been made, the First Great Initiation follows, though, on occasion, this step may precede that of Sonship. In Buddhism, the Initiate of the First Degree is called *Sotapatti* or *Sohan*—meaning 'he who has entered the stream'. In Hinduism, he is referred to as *Parivrajaka* meaning 'wanderer'. In recognition of the advancement which has been achieved under the Master's guidance, a powerful initiatory ceremonial is performed, the Path proper is entered upon, and admission to membership of the Great White Brotherhood of the Adepts and Initiates of this planet is granted. A powerful descent occurs of the Monad-*Atma* into the Ego, and later into the Personality, and the Star of Initiation

Bước tiếp theo là Địa Vị Con Trai của Chân sư, và khi đặc ân không thể diễn tả này đã được ban cho, một sự hòa hợp thậm chí còn chặt chẽ hơn được thiết lập giữa hào quang bên ngoài và Nội Ngã của đệ tử và Chân sư. Khi sự tiến bộ cần thiết đã đạt được, Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Nhất sẽ diễn ra, mặc dù, đôi khi, bước này có thể đi trước bước Địa Vị Con Trai. Trong Phật giáo, Điểm Đạo Đồ của Bậc Thứ Nhất được gọi là Sotapatti hoặc Sohan—có nghĩa là 'y, người đã bước vào dòng suối'. Trong Ấn Độ giáo, y được gọi là Parivrajaka có nghĩa là 'người lãng du'. Để ghi nhận sự tiến bộ đã đạt được dưới sự hướng dẫn của Chân sư, một nghi lễ điểm đạo mạnh mẽ được thực hiện, Thánh Đạo thích hợp được bước vào và việc gia nhập vào tư cách thành viên của Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo của các Chân sư và Điểm Đạo Đồ của hành tinh này được ban cho. Một sự giáng xuống mạnh mẽ của Chân Thần-Atma vào Chân Ngã, và sau đó vào Phàm Ngã, và

thereafter shines out in the upper part of the aura of the Initiate. Increasingly close attunement with the Master and with the consciousness of the Great White Brotherhood itself is thereafter experienced, as also is a deepening sense of responsibility for the evolution of life and form upon this planet.

Ngôi Sao Điểm Đạo sau đó chiếu sáng ở phần trên của hào quang của Điểm Đạo Đồ. Sự hòa hợp ngày càng chặt chẽ hơn với Chân sư và với tâm thức của chính Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo sau đó được trải nghiệm, cũng như cảm giác ngày càng sâu sắc về trách nhiệm đối với sự tiến hóa của sự sống và hình tướng trên hành tinh này.

The Second Great Initiation follows, and during this phase three fetters must be outgrown and cast aside. They are doubt, superstition and the delusion of self-separated existence. A very rapid development of the mental body usually occurs during this evolutionary phase, and this can prove to be a great test under which, it is said, many aspirants may fail. The mind, whilst a mighty instrument in the hands of the Ego, is also the vehicle of *ahamkara* or self-personality with its concomitants of pride and desire for power, position and prestige. These temptations assail everyone who steps out of the worldly into the spiritual life. The occult life as a whole is a great ordeal, a great test, made up of many ordeals and many tests. All must successfully be passed through before the higher Initiations are granted.

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Hai diễn ra, và trong giai đoạn này, ba xiềng xích phải được vượt qua và loại bỏ. Chúng là sự nghi ngờ, mê tín và ảo tưởng về sự tồn tại tự tách biệt. Một sự phát triển rất nhanh chóng của thể trí thường xảy ra trong giai đoạn tiến hóa này, và điều này có thể chứng tỏ là một thử thách lớn mà, người ta nói rằng, nhiều người chí nguyện có thể thất bại. Thể trí, trong khi là một công cụ mạnh mẽ trong tay Chân Ngã, cũng là vận cụ của ahamkara hay phàm ngã với những hệ quả của nó là sự kiêu hãnh và ham muốn quyền lực, địa vị và uy tín. Những cám dỗ này tấn công tất cả những ai bước ra khỏi cuộc sống trần tục để bước vào cuộc sống tinh thần. Cuộc sống huyền bí nói chung là một thử thách lớn, một bài kiểm tra lớn, được tạo thành từ nhiều thử thách và nhiều bài kiểm tra. Tất cả phải được vượt qua thành công trước khi các Cuộc Điểm Đạo cao hơn được ban cho.

The Second Great Initiation brings the aspirant to that phase which is known in Buddhism as *Sakadagamin*—'the man who returns but once'. In Hinduism, he is known as *Kutichaka*—'the man who builds a hut' (has reached a state of peace). The psychic faculties generally develop rapidly during this phase, which corresponds to the Baptism of the Lord Christ, as the particular difficulties through which the candidate must pass are portrayed in His temptation in the wilderness.

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Hai đưa người chí nguyện đến giai đoạn được gọi trong Phật giáo là Sakadagamin—'người đàn ông chỉ trở lại một lần'. Trong Ấn Độ giáo, y được gọi là Kutichaka—'người đàn ông xây một túp lều' (đã đạt đến trạng thái bình an). Các năng lực thông linh thường phát triển nhanh chóng trong giai đoạn này, tương ứng với Lễ Rửa Tội của Đức Christ, vì những khó khăn đặc biệt mà ứng viên phải trải qua được mô tả trong sự cám dỗ của Ngài trong vùng hoang dã.

An Initiate of the Third Degree is referred to in

Một Điểm Đạo Đồ của Bậc Thứ Ba được gọi

Buddhism as *Anagamin*—'He who does not return'. In Hinduism, he is known as *Hamsa* or *Soham*—a mystical word meaning 'That am I'. The Transfiguration of Christ portrays this phase and it is said that the manifestation of the Inner Spirit through the outer form of the Initiate of the Third Degree can be so powerful and so full that, on occasion, what would appear to be a physical transfiguration takes place. The shining Augoeides, the Immortal, Initiate Ego, frequently descends upon the outer man to bestow upon him transcendental powers and veritable genius. In this initiatory degree, presentation before the One Initiator, the great Lord of the World, occurs and the Initiation itself is said to be conferred by one of the Lords of the Flame.

trong Phật giáo là Anagamin—'Người không trở lại'. Trong Ấn Độ giáo, y được gọi là Hamsa hoặc Soham—một từ thần bí có nghĩa là 'Đó là Tôi'. Sự Biến Hình của Đức Christ mô tả giai đoạn này và người ta nói rằng sự biểu hiện của Tinh Thần Bên Trong thông qua hình tướng bên ngoài của Điểm Đạo Đồ của Bậc Thứ Ba có thể mạnh mẽ và trọn vẹn đến mức, đôi khi, những gì có vẻ là một sự biến hình thể xác sẽ diễn ra. Augoeides tỏa sáng, Chân Ngã Điểm Đạo Đồ Bất Tử, thường giáng xuống con người bên ngoài để ban cho y những quyền năng siêu việt và thiên tài thực sự. Trong bậc điểm đạo này, việc trình diện trước Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, Đức Chúa Tể Thế Giới vĩ đại, diễn ra và bản thân Cuộc Điểm Đạo được cho là được trao bởi một trong các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa.

The Fourth Great Initiation generally follows the Third in the same life. In Buddhism, the Initiate of this Degree is known as an *Arhat*—meaning literally 'one worthy of divine honours'. In Hinduism, the Sanskrit title *Paramahamsa*—meaning 'above *Hamsa*" is bestowed. This is the phase of Crucifixion. The sufferings of the Christ before Pilate and on Golgotha allegorically describe the interior experiences of the Initiate of the Fourth Degree, for whom the axiom becomes true 'no cross, no crown'.

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Tư thường theo sau Cuộc Điểm Đạo Thứ Ba trong cùng một kiếp. Trong Phật giáo, Điểm Đạo Đồ của Bậc này được gọi là một Arhat—có nghĩa đen là 'một người xứng đáng với những vinh dự thiêng liêng'. Trong Ấn Độ giáo, danh hiệu tiếng Phạn Paramahamsa—có nghĩa là 'trên Hamsa" được ban cho. Đây là giai đoạn Đóng Đinh. Những đau khổ của Đức Christ trước mặt Pilate và trên Golgotha mô tả một cách tượng trưng những kinh nghiệm nội tâm của Điểm Đạo Đồ của Bậc Thứ Tư, đối với người mà tiên đề trở thành sự thật 'không có thập giá, không có vương miện'.

The Fifth Great Initiation is known in Buddhism as that of the *Asekha*—'no more to learn'. In Hinduism, the Adept is known as *Jivanmukta*—'a liberated life'. Human existence has now come to an end and the superhuman Kingdom has been entered.

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Năm được biết đến trong Phật giáo là của Asekha—'không còn gì để học'. Trong Ấn Độ giáo, Chân sư được gọi là Jivanmukta—'một cuộc sống được giải thoát'. Sự tồn tại của con người giờ đã kết thúc và Vương Quốc siêu nhân đã được bước vào.

The Sixth Great Initiation brings the title of *Chohan* or Lord, the Seventh that of *Maha-Chohan* or Great Lord and, at the Eighth, Buddhahood is achieved. The very highest

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Sáu mang lại danh hiệu Chohan hay Chúa Tể, Cuộc Điểm Đạo Thứ Bảy là Maha-Chohan hay Đại Chúa Tể và, ở Cuộc Điểm Đạo Thứ Tám, Phật quả đạt được.

attainment possible to man on this earth and then only on the First Ray—is to take the Ninth Initiation, which brings the Ego to the inconceivably lofty stature of the Lord of the World.

Thành tựu cao nhất có thể có đối với con người trên trái đất này và sau đó chỉ trên Cung Một—là thực hiện Cuộc Điểm Đạo Thứ Chín, vốn đưa Chân Ngã đến tầm vóc cao cả khôn tả của Đức Chúa Tể Thế Giới.

Such, very briefly described, is the way ahead of each one of us. Such are the heights which as Egos we shall one day ascend, whether naturally or as a result of self-quickening or taking the kingdom of heaven by force.

Được mô tả rất ngắn gọn như vậy, là con đường phía trước của mỗi chúng ta. Đó là những đỉnh cao mà với tư cách là Chân Ngã, một ngày nào đó chúng ta sẽ lên đến, dù là một cách tự nhiên hay là kết quả của việc tự làm nhanh hay chiếm lấy vương quốc thiên đàng bằng vũ lực.

Theosophy in New Zealand, Vol. 14, No. 1, 1953, p. 14

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [14], Số [1], 1953, tr. [14]

8

Selfless Service Born of Realized Oneness—Phụng Sự Vô Vị Kỷ Sinh Ra Từ Sự Hợp Nhất Được Thực Chứng

We are to consider together one of the most beautiful attributes and actions of men—service to others—well stated in our theme for Convention: 'The Highest Ideal in Life is to Serve'. Selfless service may be defined as spontaneous service without thought of return, born of compassion, inspired solely by desire to aid and to ease suffering and heartache.

Chúng ta cùng nhau xem xét một trong những thuộc tính và hành động đẹp đẽ nhất của con người—phụng sự người khác—được nêu rõ trong chủ đề của chúng ta cho Hội Nghị: 'Lý Tưởng Cao Nhất Trong Cuộc Sống Là Phụng Sự'. Phụng sự vô vị kỷ có thể được định nghĩa là sự phụng sự tự phát mà không cần suy nghĩ đến sự đáp lại, sinh ra từ lòng trắc ẩn, được truyền cảm hứng hoàn toàn từ mong muốn giúp đỡ và xoa dịu đau khổ và đau lòng.

Examples of Service

Ví dụ về Phụng Sự

The successive world Teachers were perfect examples of unselfish ministration. The Lord Buddha made the 'Great Renunciation' of personal happiness in order to serve mankind and the Lord Christ wept over Jerusalem (the world), giving His life in the deliverance of His message of brotherly love and self-sacrifice.

Các Huấn Sư thế giới kế tiếp là những ví dụ hoàn hảo về sự giúp đỡ vô tư. Đức Phật đã thực hiện 'Sự Từ Bỏ Vĩ Đại' hạnh phúc cá nhân để phụng sự nhân loại và Đức Christ đã khóc trên Jerusalem (thế giới), hiến dâng mạng sống của Ngài để giải phóng thông điệp về tình huynh đệ và sự hy sinh bản thân của Ngài.

Sages, *Rishis* and Adepts have also given Their wisdom to man through both world

Các nhà hiền triết, Rishis và Chân sư cũng đã ban cho con người trí tuệ của Các Ngài thông

Scriptures and Their personal lives. Having Themselves attained to unbroken happiness, They had no need to emerge, but did so sacrificially as Servants of the Race.

qua cả Kinh điển thế giới và cuộc sống cá nhân của Các Ngài. Bản Thân Các Ngài đã đạt được hạnh phúc trọn vẹn, Các Ngài không cần phải xuất hiện, nhưng đã làm như vậy một cách hy sinh với tư cách là Người Phụng Sự Nhân Loại.

The pages of history are lit by accounts of such service. Florence Nightingale, (1820-1910), the English nurse and pioneer of hospital reform, during the Crimean war organized a nursing service to relieve the sufferings of British soldiers, who named her 'The Lady of the Lamp'. Despite considerable official opposition, her system was adopted and developed in all parts of the world. Elizabeth Fry (1780-1845) devoted much of her life to prison reform, very greatly needed in those days, the relief of the sufferings of prisoners which she brought about being incalculable and immeasurable. Dr Albert Schweitzer (1875-1965) became a Doctor of Medicine (being already Doctor of Theology and Philosophy) in order to devote his life to medical and missionary work in Lambarene in Equatorial Africa.

Các trang sử được thắp sáng bởi những câu chuyện về sự phụng sự như vậy. Florence Nightingale, (1820-1910), y tá người Anh và người tiên phong cải cách bệnh viện, trong cuộc chiến tranh Crimea đã tổ chức một dịch vụ điều dưỡng để giảm bớt đau khổ cho những người lính Anh, những người đã gọi bà là 'Người Phụ Nữ Cầm Đèn'. Bất chấp sự phản đối chính thức đáng kể, hệ thống của bà đã được chấp nhận và phát triển ở tất cả các nơi trên thế giới. Elizabeth Fry (1780-1845) đã dành phần lớn cuộc đời mình cho việc cải cách nhà tù, rất cần thiết vào thời đó, việc giảm bớt những đau khổ của tù nhân mà bà mang lại là không thể tính toán và đo lường được. Tiến sĩ Albert Schweitzer (1875-1965) trở thành Tiến sĩ Y khoa (vốn đã là Tiến sĩ Thần học và Triết học) để cống hiến cuộc đời mình cho công tác y tế và truyền giáo ở Lambarene ở Châu Phi Xích đạo.

In modern days, 'Sue Ryder has worked tirelessly and fearlessly for the cause of displaced persons and is soon to visit New Zealand from Britain to personally campaign for the financial assistance needed to maintain the work she is doing. She developed a passionate admiration for the freedom fighters, particularly the Poles who had the biggest, most highly organized underground movement in Europe. In the desolation of post-war Europe, amidst all the chaos, misery and indifference, this small, slight woman fought for her survivors. Calm, fierce and intrepid, she battled for residence permits, emigration permits, compensation, jobs, homes, decent hospitals and the remission of prison sentences. Endlessly she negotiated,

Trong thời hiện đại, 'Sue Ryder đã làm việc không mệt mỏi và không sợ hãi vì sự nghiệp của những người phải rời bỏ quê hương và sắp tới sẽ đến thăm New Zealand từ Anh để đích thân vận động cho sự hỗ trợ tài chính cần thiết để duy trì công việc Bà đang làm. Bà đã phát triển một sự ngưỡng mộ sâu sắc đối với những chiến sĩ tự do, đặc biệt là người Ba Lan, những người có phong trào hoạt động bí mật lớn nhất, có tổ chức cao nhất ở Châu Âu. Trong sự hoang tàn của Châu Âu thời hậu chiến, giữa tất cả sự hỗn loạn, đau khổ và thờ ơ, người phụ nữ nhỏ bé, mảnh khảnh này đã chiến đấu cho những người sống sót của mình. Bình tĩnh, quyết liệt và gan dạ, Bà đã đấu tranh để có giấy phép cư trú, giấy phép di cư, bồi thường, việc làm, nhà ở, bệnh viện tươm tất và giảm án tù.

wrangled, expostulated, lied and pleaded in the face of German and Allied unconcern. She ate little and slept less, often dashing thousands of miles by motorcar to the rescue of just one person. In 1952, along with some kindly and responsive Norwegians and Danes, she started a holiday scheme for survivors. For a few weeks they were able to leave their sorely deprived existence behind them. This sparked her off into deciding to establish proper homes, if she could, both for holidays and, permanently, for severely disabled victims' (*Auckland. Star*, 24/11/65).

Bà liên tục thương lượng, tranh cãi, giải thích, nói dối và cầu xin trước sự thờ ơ của Đức và Đồng minh. Bà ăn ít và ngủ ít hơn, thường lao hàng ngàn dặm bằng ô tô để giải cứu chỉ một người. Năm 1952, cùng với một số người Na Uy và Đan Mạch tốt bụng và nhiệt tình, Bà đã bắt đầu một chương trình nghỉ lễ cho những người sống sót. Trong vài tuần, họ đã có thể bỏ lại cuộc sống thiếu thốn tột cùng của mình. Điều này đã thúc đẩy Bà quyết định thành lập những ngôi nhà thích hợp, nếu có thể, vừa để nghỉ lễ, vừa là nơi ở lâu dài cho những nạn nhân tàn tật nặng' (Auckland. Star, 24/11/65).

To this small list of noble men and women should be added all those who care for the sick and aged—relatives and others—without remission or reward, even up to the moment of death; soldiers and their families who enlist in a righteous cause; the unknown and uncountable servants of the race, responsible for the multitude of the unparaded charities of men and, I would wish to add, every conscientious housewife, physician, nurse, ecclesiastic and educator.

Vào danh sách nhỏ những người nam và nữ cao quý này, nên thêm tất cả những người chăm sóc người bệnh và người già—người thân và những người khác—không ngừng nghỉ hoặc phần thưởng, ngay cả đến thời điểm chết; những người lính và gia đình của họ tham gia vào một sự nghiệp chính nghĩa; những người tôi tớ vô danh và vô số của nhân loại, chịu trách nhiệm cho vô số tổ chức từ thiện không phô trương của con người và, tôi muốn thêm vào, mọi bà nội trợ, bác sĩ, y tá, giáo sĩ và nhà giáo dục tận tâm.

In his diary, the late Dag Hammarskjold, Secretary General of the United Nations, writes:

Trong nhật ký của mình, cố Dag Hammarskjold, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, viết:

"From generations of soldiers and government officials on my father's side I inherited a belief that no life was more satisfactory than one of selfless service to your country—or humanity. This service required a sacrifice of all personal interests, but likewise the courage to stand up unflinchingly for your convictions' (*Markings*, published by, Faber & Faber, London)

"Từ nhiều thế hệ binh lính và quan chức chính phủ bên phía cha tôi, tôi được thừa hưởng một niềm tin rằng không có cuộc sống nào thỏa mãn hơn một cuộc sống phụng sự vô vị lợi cho đất nước của bạn—hoặc nhân loại. Sự phụng sự này đòi hỏi sự hy sinh tất cả những lợi ích cá nhân, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi sự can đảm để kiên quyết bảo vệ niềm tin của bạn' (Markings, do Faber & Faber, London xuất bản)

The International Geophysical Year (1957-58)

Năm Địa Vật Lý Quốc Tế (1957-58) là một ví

was a splendid example of united planetary co-operation in the study of the Earth as it travels through space with its interior changes and external effects.

dụ tuyệt vời về sự hợp tác hành tinh thống nhất trong việc nghiên cứu Trái Đất khi nó di chuyển trong không gian với những thay đổi bên trong và những tác động bên ngoài.

Motives for Service

Động cơ Phụng sự

If we ask why the innumerable servants of humanity so act, at least three general answers may be given: duty, compassion and a feeling of kinship. My title suggests special consideration of a *feeling of kinship* or realized oneness. Indeed a sense of identity, of sharing the needs of others as if they were one's own, moves the true and selfless servants of mankind. Such service is never personal, although personally given. Rather is it an expression of a spiritual principle in the world of form the underlying truth of *oneness*. All the resources of mind and heart can be called upon by those who thus serve, for their ministrations demand continuous thought, meditation and prayer, which both produce expansions of consciousness and deepen realization of unity.

Nếu chúng ta hỏi tại sao vô số người phụng sự nhân loại lại hành động như vậy, thì có ít nhất ba câu **trả lời** chung có thể được đưa ra: bổn phận, lòng trắc ẩn và cảm giác thân thuộc. Tiêu đề của tôi gợi ý sự xem xét đặc biệt về cảm giác thân thuộc hoặc sự hợp nhất được nhận ra. Thật vậy, một ý thức về sự đồng nhất, về việc chia sẻ những nhu cầu của người khác như thể chúng là của mình, thúc đẩy những người phụng sự nhân loại chân chính và vô vị lợi. Sự phụng sự như vậy không bao giờ mang tính cá nhân, mặc dù được trao tặng một cách cá nhân. Đúng hơn, nó là một biểu hiện của một nguyên tắc tinh thần trong thế giới hình tướng—chân lý nền tảng của sự hợp nhất. Tất cả các nguồn lực của thể trí và trái tim có thể được kêu gọi bởi những người phụng sự như vậy, vì sự giúp đỡ của họ đòi hỏi phải suy nghĩ, tham thiền và cầu nguyện liên tục, điều này vừa tạo ra sự mở rộng của tâm thức vừa làm sâu sắc thêm sự nhận thức về sự hợp nhất.

The Oneness of Life

Sự Hợp Nhất của Sự Sống

This interior experience is founded on the Theosophical teaching that behind all external appearances there exists one fundamental Reality, which is variously named 'Life' and 'The One Life'. The idea of unity is thought to originate in the actuality of a single omnipresent Deity, whether termed 'God', *Brahman*, 'Reality' or 'Life'. Theosophy further affirms that no essential difference exists between this One Life of the Cosmos and the Life in each human being; for Life is said to be omnipresent like salt which, dropped in water, permeates the whole,

Kinh nghiệm nội tại này được xây dựng trên giáo lý Thông Thiên Học rằng đằng sau tất cả những biểu hiện bên ngoài tồn tại một Thực Tại nền tảng duy nhất, vốn được gọi bằng nhiều tên khác nhau là 'Sự Sống' và 'Sự Sống Duy Nhất'. Ý tưởng về sự hợp nhất được cho là bắt nguồn từ tính hiện thực của một Thượng đế duy nhất hiện hữu khắp nơi, dù được gọi là 'Thượng đế', Brahman, 'Thực Tại' hay 'Sự Sống'. Thông Thiên Học khẳng định thêm rằng không có sự khác biệt cơ bản nào tồn tại giữa Sự Sống Duy Nhất này của Vũ Trụ và Sự Sống trong mỗi con người; vì Sự Sống

infuses itself into every drop. Thus, as the oceans of the world are salty, so are all human beings permeated by the One Life. This is beautifully expressed in the *Mantram*:

được cho là hiện hữu khắp nơi như muối, khi thả vào nước, thấm vào toàn bộ, tự thấm vào từng giọt. Như vậy, giống như các đại dương trên thế giới đều mặn, thì tất cả con người đều được thấm nhuần bởi Sự Sống Duy Nhất. Điều này được thể hiện một cách tuyệt đẹp trong Mantram:

"O hidden Life vibrant in every atom,

"Ôi Sự Sống ẩn kín rung động trong mọi nguyên tử,

O hidden Light shining in every creature,

Ôi Ánh Sáng ẩn kín chiếu soi trong mọi sinh vật,

O hidden Love embracing all in oneness,

Ôi Tình Thương ẩn kín ôm trọn tất cả trong sự hợp nhất,

May each who feels himself as one with Thee

Cầu mong mỗi người cảm thấy mình là một với Ngài

Know he is therefore one with every other".

Biết rằng y do đó là một với mọi người khác".

This prayer expresses a universal idea, for in The *Bhagavad Gita* the Lord says:

Lời cầu nguyện này thể hiện một ý tưởng phổ quát, vì trong Bhagavad Gita, Đức Chúa phán:

'For I am the Eternal foundation, the inexhaustible bliss, the everlasting righteousness, supremest happiness'.

'Vì Ta là nền tảng Vĩnh Cửu, niềm hạnh phúc vô tận, sự công bình vĩnh hằng, hạnh phúc tối thượng'.

The Bhagavad Gita also states: 'I, O Gudakesha, am the SELF seated in the heart of all beings; I am the beginning, the middle, and also the end of all beings... nor is there aught, moving or unmoving, that may exist bereft of Me....Whatsoever is glorious, good, beautiful, and mighty, understand thou that to go forth from a fragment of My Splendour....Having pervaded this whole Universe with one fragment of Myself, I remain' (*The Bhagavad Gita*, X, 20,39,41,42).

Bhagavad Gita cũng tuyên bố: 'Ta, hỡi Gudakesha, là BẢN THỂ ngự trong tim của tất cả chúng sinh; Ta là khởi đầu, là trung tâm, và cũng là kết thúc của tất cả chúng sinh... cũng không có gì, động hay bất động, có thể tồn tại mà không có Ta....Bất cứ điều gì vinh quang, tốt đẹp, tươi đẹp và hùng mạnh, hãy hiểu rằng điều đó xuất phát từ một mảnh vỡ từ Sự Huy Hoàng của Ta....Sau khi thấm nhuần toàn bộ Vũ Trụ này bằng một mảnh vỡ của Bản Thân Ta, Ta vẫn tồn tại' (Bhagavad Gita, X, 20,39,41,42).

The modern scientist approaches this realization thus Sir James Jeans wrote: 'When we view ourselves in space and time we are

Nhà khoa học hiện đại tiếp cận sự nhận thức này như sau, Ngài James Jeans đã viết: 'Khi chúng ta nhìn nhận bản thân trong không

quite obviously distinct individuals; when we pass beyond space and time, we may perhaps form ingredients of a single stream of life'.

gian và thời gian, chúng ta hoàn toàn là những cá nhân riêng biệt; khi chúng ta vượt qua không gian và thời gian, chúng ta có lẽ tạo thành những thành phần của một dòng chảy sự sống duy nhất'.

Whether consciously or unconsciously thus illumined and inspired, the great servants of the Race have, I submit, all been moved by the experience of oneness, a sense of kinship. Surely it is this realization which is most needed in the world today since war, crime, cruelty and injustice to others become impossible when once it is known that *there are no others*, each human being belonging to one spiritual Race which is without divisions of any kind. The necessity for such spiritual awareness is seen to be still more urgent when it is recognized that *without it these evils are certain to persist*.

Tôi xin trình bày rằng, dù được soi sáng và truyền cảm hứng một cách có ý thức hay vô ý thức, những người phụng sự vĩ đại của Nhân Loại đều đã được thúc đẩy bởi kinh nghiệm về sự hợp nhất, một cảm giác thân thuộc. Chắc chắn sự nhận thức này là điều cần thiết nhất trên thế giới ngày nay vì chiến tranh, tội ác, sự tàn ác và bất công đối với người khác trở nên bất khả thi một khi người ta biết rằng không có người khác, mỗi con người thuộc về một Nhân Loại tinh thần duy nhất vốn không có bất kỳ sự phân chia nào. Sự cần thiết của nhận thức tinh thần như vậy được thấy là cấp bách hơn khi người ta nhận ra rằng nếu không có nó, những tệ nạn này chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại.

A Kabbalists' Prayer, with which I will close, fittingly expresses man's aspiration for unity with God.

Lời cầu nguyện của một nhà Kabbalah, mà tôi sẽ kết thúc, diễn tả một cách phù hợp khát vọng của con người về sự hợp nhất với Thượng đế.

Universal God, One Light, One Life, One Power.

Thượng đế Vũ Trụ, Một Ánh Sáng, Một Sự Sống, Một Quyền Năng.

Thou All in All, beyond expression, beyond comprehension.

Ngài là Tất Cả trong Tất Cả, vượt quá mọi diễn tả, vượt quá mọi sự thấu hiểu.

Oh, Nature! Thou Something from nothing.

Ôi, Thiên Nhiên! Ngài là Thứ Gì đó từ hư không.

Thou Symbol of wisdom.

Ngài là Biểu Tượng của minh triết.

In myself I am nothing.

Trong bản thân tôi, tôi không là gì cả.

In Thee I am I.

Trong Ngài, tôi là Tôi.

I live in Thee.

Tôi sống trong Ngài.

Live Thou in me,

Xin Ngài hãy sống trong tôi,

And bring me out of the region of Self,

Into eternal light.

Amen.

(Abridged from a lecture given by Guest Lecturer, Geoffrey Hodson, to the 69th Annual Convention of the Theosophical Society in New Zealand at Christchurch, December-January 1965-66.)

Theosophy in New Zealand, Vol. 27, No. 1, 1966, p. 11

Và đưa tôi ra khỏi vùng Phàm ngã,

Vào ánh sáng vĩnh cửu.

Amen.

(Trích từ bài giảng của Giảng viên Khách mời, Geoffrey Hodson, tại Hội nghị Thường niên lần thứ 69 của Hội Thông Thiên Học ở New Zealand tại Christchurch, tháng 12-tháng 1 năm 1965-66.)

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 27, Số 1, 1966, tr. [2]11[/h2]

9

Some Laws of the Spiritual Life—Một Số Định Luật của Đời Sống Tinh Thần

The individual who seeks to achieve in the Fifth Race that which is the goal for humanity, at the end of this Fourth World Period, is confronted with certain natural laws governing the process of self-quickening.

That goal which some students of Theosophy set before themselves, is discipleship of a Master and under His guidance, the safe awakening of occult powers and attainment of the First Great Initiation.

Thus to force one's evolution, thus to attain in advance of the Race, demands obedience to certain natural laws, we are informed.

The rules put before us, the discipline and especially the attitude of mind, are not arbitrarily planned. They are based on natural laws governing enforced spiritual, intellectual and even physical unfoldment and development.

The attitude of mind necessary to fit anyone

Cá nhân tìm cách đạt được trong Arya vốn là mục tiêu cho nhân loại, vào cuối Giai đoạn Thế giới Thứ Tư này, phải đối mặt với một số định luật tự nhiên chi phối quá trình tự làm cho nhanh chóng.

Mục tiêu mà một số học viên Thông Thiên Học đặt ra trước mắt, là địa vị đệ tử của một Chân sư và dưới sự hướng dẫn của Ngài, sự đánh thức an toàn các quyền năng huyền bí và đạt được Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Đầu Tiên.

Như vậy, để thúc đẩy sự tiến hóa của một người, như vậy để đạt được trước Nhân Loại, đòi hỏi sự tuân thủ một số định luật tự nhiên, chúng ta được thông báo.

Các quy tắc được đưa ra trước chúng ta, kỷ luật và đặc biệt là thái độ của thể trí, không được lên kế hoạch tùy tiện. Chúng dựa trên các định luật tự nhiên chi phối sự mở mang và phát triển về tinh thần, trí tuệ và thậm chí cả thể xác một cách cưỡng bức.

Thái độ của thể trí cần thiết để phù hợp với bất

to become a disciple of a Great Teacher is said to be all-important.

kỳ ai trở thành đệ tử của một Huấn Sư Vĩ Đại được cho là quan trọng nhất.

This necessary mental outlook, we are told, is one of complete detachment from objects of sense and desire, renunciation of possessiveness and of the spirit of acquisition and self-centredness.

Chúng ta được cho biết, quan điểm trí tuệ cần thiết này là một sự tách rời hoàn toàn khỏi các đối tượng của giác quan và ham muốn, từ bỏ tính chiếm hữu và tinh thần chiếm đoạt và vị kỷ.

Personal disinterestedness is very difficult of attainment for some of us who are in Western bodies, and are brought up in and imbued with the spirit of competitive progress to a solid position in life and of making good.

Sự vô tư cá nhân rất khó đạt được đối với một số người trong chúng ta đang ở trong các thể phương Tây, và được nuôi dưỡng và thấm nhuần tinh thần tiến bộ cạnh tranh để có một vị trí vững chắc trong cuộc sống và thành công.

What we are asked to do seems at first like a renunciation of the spirit of courageous and determined endeavour essential to 'getting on in life'.

Những gì chúng ta được yêu cầu làm thoạt đầu có vẻ như là một sự từ bỏ tinh thần nỗ lực dũng cảm và quyết tâm cần thiết để 'thành công trong cuộc sống'.

Let us then examine the ideal more closely to the end of understanding. First, I think it has to be remembered that occultism is common sense. So through all and especially in the personal application of great ideals, common sense must rule.

Vậy chúng ta hãy xem xét kỹ hơn lý tưởng để đi đến sự thấu hiểu. Trước hết, tôi nghĩ cần phải nhớ rằng huyền bí học là lẽ thường. Vì vậy, thông qua tất cả và đặc biệt là trong việc áp dụng cá nhân những lý tưởng vĩ đại, lẽ thường phải ngự trị.

Indeed the very first quality put before us—Viveka—can be translated as common sense, though it is usually advocated as discrimination, which is much the same thing.

Thật vậy, phẩm chất đầu tiên được đặt ra trước chúng ta—Viveka—có thể được dịch là lẽ thường, mặc dù nó thường được ủng hộ là sự phân biện, vốn gần giống như vậy.

Above all we must not foolishly apply the rules, must not, for example, make ourselves penniless objects of charity in the pursuit of detachment and discrimination.

Trên hết, chúng ta không được áp dụng các quy tắc một cách dại dột, chẳng hạn như không được biến mình thành những đối tượng ăn xin không một xu dính túi để theo đuổi sự tách rời và phân biện.

The ideal is expressed wholly in three Sanskrit words and one Greek word, in themselves strange in our ears.

Lý tưởng được thể hiện hoàn toàn bằng ba từ tiếng Phạn và một từ tiếng Hy Lạp, bản thân chúng xa lạ với tai chúng ta.

The Sanskrit words are: Viveka, Vairagya and Upeksha and the Greek word is Kenosis.

Các từ tiếng Phạn là: Viveka, Vairagya và Upeksha và từ tiếng Hy Lạp là Kenosis.

Viveka means discrimination, wise choice between the more valuable and the less valuable and is beautifully explained, as is Vairagya, in At the Feet of the Master. It really means common sense based upon appreciation of spiritual values.

Viveka có nghĩa là sự phân biện, sự lựa chọn khôn ngoan giữa những điều có giá trị hơn và những điều ít giá trị hơn và được giải thích một cách tuyệt vời, cũng như Vairagya, trong Dưới Chân Thầy. Nó thực sự có nghĩa là lẽ thường dựa trên sự đánh giá cao các giá trị tinh thần.

Vairagya means dispassion, detachment. A wonderful book on these two qualities is Viveka Chudamani (or Crest Jewel of Wisdom). The Bhagavad Gita is also replete with such guidance.

Vairagya có nghĩa là vô tư, tách rời. Một cuốn sách tuyệt vời về hai phẩm chất này là Viveka Chudamani (hay Ngọc Quý của Minh Triết). Bhagavad Gita cũng tràn ngập những hướng dẫn như vậy.

Upeksha means the poise of indifference, absolute unconcern about oneself.

Upeksha có nghĩa là sự điềm nhiên của sự thờ ơ, hoàn toàn không quan tâm đến bản thân.

Viveka

Viveka

Viveka, then, means a sturdy common sense, a wise discrimination between the false and the true, the evanescent and the lasting, the unreal and the Real.

Viveka, sau đó, có nghĩa là một lẽ thường vững chắc, một sự phân biện khôn ngoan giữa cái sai và cái đúng, cái phù du và cái lâu dài, cái không có thật và cái Thật.

Examples of *Viveka* are:

Ví dụ về Viveka là:

The choice of Theosophy when breaking away from orthodox religion. The rejection of spiritualistic phenomena for the philosophy behind.

Sự lựa chọn Thông Thiên Học khi đoạn tuyệt với tôn giáo chính thống. Sự bác bỏ các hiện tượng duy linh vì triết lý đằng sau.

The choice of movements for public welfare instead of the social round as fields of spare-time activity.

Sự lựa chọn các phong trào vì phúc lợi công cộng thay vì các hoạt động xã hội như là lĩnh vực hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

The choice of idealists, students and serious thinkers for companions instead of other types.

Sự lựa chọn những người theo chủ nghĩa lý tưởng, sinh viên và những nhà tư tưởng nghiêm túc làm bạn đồng hành thay vì những kiểu người khác.

The rejection of personal gain at the cost of honesty.

Sự bác bỏ lợi ích cá nhân bằng cái giá của sự trung thực.

The choice of mental freedom instead of obedience to supposed superiors and parrot-like repetition of what they say.

Sự lựa chọn tự do trí tuệ thay vì tuân theo những người bề trên được cho là và lặp đi lặp lại như con vẹt những gì họ nói.

The search for knowledge instead of the somnolence of blind faith.

Sự tìm kiếm tri thức thay vì sự uể oải của đức tin mù quáng.

Vairagya

Vairagya

Vairagya means renunciation, complete detachment, dispassion, absence of personal desire of any kind. It is personal disinterestedness, purity of heart.

Vairagya có nghĩa là từ bỏ, hoàn toàn tách rời, vô tư, không có ham muốn cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào. Đó là sự vô tư cá nhân, sự thanh khiết của trái tim.

Examples of *Vairagya* or Dispassion are:

Ví dụ về Vairagya hay Vô Tư là:

Renunciation of self-will, obstinacy and combativeness on one's own behalf. Transmutation of the creative force into mental and spiritual channels following renunciation and cessation of its physical expression. Extension of the power of love to include more numerous and less personal objects of affection.

Từ bỏ ý chí cá nhân, sự bướng bỉnh và hiếu chiến vì lợi ích của bản thân. Chuyển hóa mãnh lực sáng tạo thành các kênh trí tuệ và tinh thần sau khi từ bỏ và chấm dứt sự biểu hiện thể xác của nó. Mở rộng sức mạnh của tình thương để bao gồm nhiều đối tượng yêu thương hơn và ít mang tính cá nhân hơn.

Reduction to a minimum of self-indulgences.

Giảm thiểu tối đa sự nuông chiều bản thân.

Elimination of all possessiveness and acquisitiveness, granting complete freedom of thought and action to all, even the most loved, whilst ever ready to give guidance and support when needed.

Loại bỏ tất cả tính chiếm hữu và chiếm đoạt, trao quyền tự do hoàn toàn về tư tưởng và hành động cho tất cả mọi người, ngay cả những người được yêu thương nhất, đồng thời luôn sẵn sàng đưa ra sự hướng dẫn và hỗ trợ khi cần thiết.

Generosity, largesse, sacrificial service.

Sự rộng lượng, hào phóng, sự phụng sự mang tính hy sinh.

Freedom from anger, hate, passion.

Sự tự do khỏi sự tức giận, thù hận, đam mê.

Upeksha

Upeksha

Upeksha is a state of complete equilibrium between all pairs ofopposites and uttermost freedom from self-interest and self-concern.

Upeksha là một trạng thái cân bằng hoàn toàn giữa tất cả các cặp đối lập và sự tự do tột cùng khỏi tư lợi và sự quan tâm đến bản thân.

Examples of *Upeksha* or Absolute Personal

Ví dụ về Upeksha hay Sự Thờ Ơ Cá Nhân Tuyệt

Indifference are:

Đối là:

Recognition of the *Atma* as one with the *Paramatma*, of the self of man as identical with the Supreme Self.

Sự nhận biết Atma là một với Paramatma, về bản thể của con người là đồng nhất với Bản Thể Tối Cao.

Elimination of *Ahamkara* or the illusion of I-ness.

Loại bỏ Ahamkara hay ảo tưởng về tính Tôi.

Complete indifference as to what happens to one's Personality.

Hoàn toàn thờ ơ với những gì xảy ra với Phàm ngã của một người.

Complete absorption in the welfare of the whole to the exclusion of any self-interest, fear for self and desire for separate existence and gain.

Hoàn toàn hòa mình vào phúc lợi của toàn thể đến mức loại trừ mọi tư lợi, sợ hãi cho bản thân và ham muốn sự tồn tại và lợi ích riêng biệt.

Rest in perfect equipoise in the Eternal.

An nghỉ trong sự cân bằng hoàn hảo trong Vĩnh Hằng.

To achieve even a measure of right judgment, detachment and personal disinterestedness, constant watchfulness is needed. The old habits of self-desire and self-seeking, with all their potentiality for pain, continually tempt one to self-centredness. Without Realizing it at the time, desire again has one in thrall.

Để đạt được dù chỉ một mức độ phán xét đúng đắn, sự tách rời và sự vô tư cá nhân, cần phải luôn cảnh giác. Những thói quen cũ của ham muốn bản thân và tìm kiếm bản thân, với tất cả tiềm năng gây đau đớn của chúng, liên tục cám dỗ một người hướng đến sự vị kỷ. Mà không nhận ra điều đó vào thời điểm đó, ham muốn một lần nữa có một người trong vòng nô lệ.

This is the real evil in us from which we are advised to win free. It is called *Ahamkara*, the I-making faculty, the sense of separated, self-personality, I-am-ness.

Đây là điều ác thực sự trong chúng ta mà chúng ta được khuyên là nên giành được sự tự do. Nó được gọi là Ahamkara, năng lực tạo ra cái Tôi, ý thức về phàm ngã tách biệt, tính Tôi-là.

For some temperaments, the reason can help. If there exists but one Will, One Life, One Intelligence, of which the Monad-Ego of man is but a temporarily-focussed ray, then separateness of existence is indeed an illusion. Each pseudo-individual is only a centre of, and in, the One Life.

Đối với một số tính khí, lý trí có thể giúp ích. Nếu chỉ tồn tại một Ý Chí, Một Sự Sống, Một Trí Tuệ, mà Chân Thần-chân ngã của con người chỉ là một tia sáng tạm thời tập trung, thì sự tách biệt của sự tồn tại thực sự là một ảo tưởng. Mỗi cá nhân giả tạo chỉ là một trung tâm của, và trong, Sự Sống Duy Nhất.

There is no place for *maya* [illusion] in the

Không có chỗ cho maya [ảo tưởng] trong đời

occult life.

sống huyền bí.

These are not moral maxims. They are safeguards against terrible heartbreak and defeat.

Đây không phải là những phương châm đạo đức. Chúng là những biện pháp bảo vệ chống lại sự đau khổ và thất bại khủng khiếp.

The path moves twixt cliffs of ice and iron and somehow the aspirant must find and keep to the middle path between the ice and the iron. Hence Viveka, Vairagya, Upeksha.

Con đường di chuyển giữa những vách đá băng và sắt và bằng cách nào đó người chí nguyện phải tìm và giữ con đường trung đạo giữa băng và sắt. Do đó Viveka, Vairagya, Upeksha.

Vairagya and Upeksha seem to depend ultimately upon surrender to, and self-identification with, the One Will. I-am-ness then gives place to I-am-all-ness.

Vairagya và Upeksha dường như cuối cùng phụ thuộc vào sự đầu hàng và tự đồng nhất với Ý Chí Duy Nhất. Tính Tôi-là sau đó nhường chỗ cho tính Tôi-là-tất-cả.

Kenosis

Kenosis

Mental self-emptying or *Kenosis* is the very heart of Christian mysticism. St Paul's Epistles to the Phillipians, 11:6, is translated by Lightfoot: 'Though he (Christ) pre-existed in the form of God, yet he did not look on equality with God as a prize which must not slip from his grasp, but he emptied himself, taking upon him the form of a slave, being made in the likeness of men'.

Sự tự làm trống rỗng về trí tuệ hay Kenosis là trái tim của thuyết thần bí Cơ đốc giáo. Các Thư của Thánh Phaolô gửi cho người Phillipians, 11:6, được Lightfoot dịch là: 'Mặc dù Ngài (Đức Christ) đã tồn tại trước trong hình dạng của Thượng đế, nhưng Ngài không coi sự bình đẳng với Thượng đế là một giải thưởng không được tuột khỏi tay mình, nhưng Ngài đã tự làm trống rỗng, mang lấy hình dạng của một nô lệ, được tạo ra theo hình dạng của con người'.

Here we think of Christ in his macrocosmic self as the Logos who continually empties Himself of His own life. By that emptying the worlds are ever nourished and sustained. He is said to have: 'poured Himself out, like water from a vessel, in order to enrich others'. Of Him as Logos it is said: 'Thou didst breathe forth Thine own Divine Life into Thy Universe...by that self-same sacrifice Thou dost continually uphold all creation...dying in very truth that we might live'.

Ở đây chúng ta nghĩ về Đức Christ trong bản thể vĩ mô của Ngài như là Thượng đế vốn liên tục trút bỏ Sự Sống của chính Ngài. Bằng sự trút bỏ đó, thế giới vĩnh viễn được nuôi dưỡng và duy trì. Ngài được cho là đã: 'trút bỏ chính Ngài, như nước từ một chiếc bình, để làm giàu cho người khác'. Về Ngài với tư cách là Thượng đế, có câu: 'Ngài đã hà hơi Sự Sống Thiêng Liêng của chính Ngài vào Vũ Trụ của Ngài...bởi chính sự hy sinh đó, Ngài liên tục duy trì tất cả sự sáng tạo...chết đi trong sự thật để chúng ta có thể sống'.

This *Kenosis*, this self-emptying attitude of

Kenosis này, thái độ và lối sống tự trút bỏ này

mind and mode of life is a key word in the Christian religion. Applied to the life of the Sanctuary, it is inculcated by our Lord in the words: 'He that loseth his life in this world shall keep it unto life eternal'. 'Except a grain of wheat fall into the earth and die, it abideth by itself alone; but if it die it beareth much fruit'. Some must become 'the wheat of Christ', as a Christian mystic has said.

là một từ khóa trong đạo Cơ đốc. Áp dụng vào cuộc sống của Thánh Địa, nó được Đức Chúa răn dạy bằng những lời: 'Ai mất sự sống mình trong thế gian này sẽ giữ lại cho sự sống đời đời'. 'Nếu một hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, thì nó chỉ ở một mình; nhưng nếu nó chết đi, nó sẽ kết được nhiều quả'. Một số người phải trở thành 'lúa mì của Đức Christ', như một nhà thần bí Cơ đốc đã nói.

Also the poverty of the Nativity and the surrender to Pilate, the Jews and to Crucifixion, piercing of skin, the Sacred Heart and open wounds are all allegories of this attitude and condition.

Ngoài ra, sự nghèo khó của Lễ Giáng Sinh và sự đầu hàng trước mặt Philatô, người Do Thái và sự Đóng Đinh, xuyên da, Trái Tim Thiêng Liêng và những vết thương hở đều là những hình ảnh tượng trưng cho thái độ và điều kiện này.

Such self-emptying, such entirely self-forgetting love, such figurative death is necessary, it is said, for the more abundant life. To die to the sense of separated Individuality, egoism and possessiveness is to live unto life eternal. By some this is thought to be the greatest truth ever uttered.

Sự tự trút bỏ như vậy, tình yêu hoàn toàn quên mình như vậy, cái chết tượng trưng như vậy là cần thiết, người ta nói, cho một cuộc sống sung mãn hơn. Chết đi đối với ý thức về Tính Cá Thể tách biệt, chủ nghĩa cá nhân và tính chiếm hữu là sống cho cuộc sống vĩnh cửu. Một số người cho rằng đây là sự thật vĩ đại nhất từng được nói ra.

Apparently we are in the presence of a strange law.

Rõ ràng là chúng ta đang đối diện với một định luật kỳ lạ.

In imitation of the Great Exemplar, the Lord of Love, we must die to self-desire in order to live the larger life, pour ourselves out in selfless sacrifice and service. We must surrender self for love's sake, if we would know life eternal. Universal love is the only true way to eternal life, because it involves 'self-emptying of self. Self-forgetfulness is the basis of all spirituality.

Noi gương Đấng Gương Mẫu Vĩ Đại, Đức Chúa Tể Tình Thương, chúng ta phải chết đi đối với lòng ham muốn bản thân để sống một cuộc sống lớn lao hơn, trút bỏ bản thân trong sự hy sinh và phụng sự vô vị kỷ. Chúng ta phải đầu hàng bản thân vì tình yêu, nếu chúng ta muốn biết cuộc sống vĩnh cửu. Tình yêu phổ quát là con đường đích thực duy nhất dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu, bởi vì nó liên quan đến 'sự tự trút bỏ bản thân. Sự quên mình là nền tảng của mọi tinh thần.

These words 'self-emptying' and 'dying' are not to be taken as wholly expressing the truth. For, of course, the Logos does not ever become empty, nor does 'Fie' ever really become dead.

Những từ 'tự trút bỏ' và 'chết đi' này không được hiểu là hoàn toàn diễn tả sự thật. Vì tất nhiên, Thượng đế không bao giờ trở nên trống rỗng, và 'Fie' cũng không bao giờ thực sự chết.

This leads one's thought to a strange spiritual law under which self-surrender brings not loss but renewal, to be considered later.

Điều này dẫn suy nghĩ của một người đến một định luật tinh thần kỳ lạ, theo đó sự đầu hàng bản thân không mang lại mất mát mà là đổi mới, sẽ được xem xét sau.

The Logos is ever Self-renewed from a higher dimension. The Sun does not exhaust itself despite its immeasurable out-pouring. For proportionate inpouring occurs. So selflessness does not bring loss but sufficiency and even abundance.

Thượng đế luôn Tự đổi mới từ một chiều không gian cao hơn. Mặt Trời không tự cạn kiệt mặc dù sự tuôn đổ vô lượng của nó. Vì sự rót vào tương xứng xảy ra. Vì vậy, sự vô kỷ không mang lại mất mát mà là sự đủ đầy và thậm chí là dư dật.

These four ideas of *Viveka, Vairagya, Upeksha, Kenosis,* seem to form a gate opening on the whole world of spiritual truth, spiritual experience and spiritual fulfilment.

Bốn ý tưởng này về Viveka, Vairagya, Upeksha, Kenosis, dường như tạo thành một cánh cổng mở ra toàn bộ thế giới của chân lý tinh thần, trải nghiệm tinh thần và sự viên mãn tinh thần.

This ideal self denudation is not at all new to us as students of Theosophy. It is inculcated in all the wonderful books of spiritual counsel with which we are so richly blest.

Sự tự lột xác lý tưởng này hoàn toàn không mới đối với chúng ta với tư cách là những đạo sinh của Thông Thiên Học. Nó được thấm nhuần trong tất cả những cuốn sách tư vấn tinh thần tuyệt vời mà chúng ta được ban phước dồi dào.

Light on the Path: 'Kill out ambition...the first curse, the great tempter...Its results turn to dust and ashes in the mouth...The pure artist who works for love of his work is sometimes more firmly planted on the right road than the occultist who fancies he has removed his interest from self....But not until the whole personality of the man is dissolved and melted...not till the whole nature has yielded and become subject unto its Higher Self, can the bloom open'.

Ánh sáng trên Đường Đạo: 'Hãy loại bỏ tham vọng...lời nguyền đầu tiên, kẻ cám dỗ vĩ đại...Kết quả của nó biến thành bụi và tro trong miệng...Người nghệ sĩ thuần khiết làm việc vì yêu thích công việc của mình đôi khi được đặt vững chắc hơn trên con đường đúng đắn so với nhà huyền bí học, người tưởng tượng rằng y đã loại bỏ sự quan tâm của mình khỏi bản thân....Nhưng cho đến khi toàn bộ phàm ngã của người đó tan rã và tan chảy...cho đến khi toàn bộ bản chất đã khuất phục và trở nên phục tùng Chân Ngã Cao Hơn của nó, thì đóa hoa mới có thể nở'.

The Voice of the Silence: 'Give up thy life, if thou

Tiếng Nói của Im Lặng: 'Hãy từ bỏ sự sống của

wouldst live'. 'Ere thou canst attempt to cross this wide abyss of matter thou hast to lave thy feet in the waters of renunciation'. 'And now thyself is lost in Self, thyself until Thyself, merged in that Self from which thou first didst radiate'. 'Where is thy individuality, Lanoo, where the Lanoo himself? It is the spark lost in the fire, the drop within the ocean, the ever-present ray become the All and the eternal radiance'. 'To don Nirmanakaya's humble robe is to forego eternal bliss for self, to help on man's salvation; to reach Nirvana's bliss but to renounce it is the supreme, the final step—the biggest on renunciation's path'. 'The way to final freedom is within thy Self. That way begins and ends outside of self (personal lower self). 'When to the permanent is sacrificed the mutable, the prize is thine; the drop retumeth whence it came'. The Bo*dhisattva* who has won the battle, who holds the prize within his palm, yet says in his Divine compassion: 'For others' sake this great reward I yield'—accomplishes the greater renunciation. 'A Saviour of the world is He'.

ngươi, nếu ngươi muốn sống'. 'Trước khi ngươi có thể cố gắng vượt qua vực thẳm vật chất rộng lớn này, ngươi phải rửa chân trong dòng nước từ bỏ'. 'Và giờ đây, bản thân ngươi đã lạc vào Chân Ngã, bản thân ngươi cho đến khi Bản Thân Ngươi, hòa nhập vào Bản Thân mà từ đó ngươi lần đầu tiên tỏa ra'. 'Tính cá thể của ngươi ở đâu, Lanoo, bản thân Lanoo ở đâu? Đó là tia lửa bị mất trong ngọn lửa, giọt nước trong đại dương, tia sáng luôn hiện hữu trở thành Tất Cả và sự rạng rỡ vĩnh cửu'. 'Mặc chiếc áo khiêm nhường của Nirmanakaya là từ bỏ hạnh phúc vĩnh cửu cho bản thân, để giúp vào sự cứu rỗi của nhân loại; để đạt đến hạnh phúc của Niết bàn nhưng từ bỏ nó là bước tối cao, bước cuối cùng—lớn nhất trên con đường từ bỏ'. 'Con đường dẫn đến tự do cuối cùng là ở trong Bản Thân ngươi. Con đường đó bắt đầu và kết thúc bên ngoài bản thân (phàm ngã cá nhân thấp kém)'. 'Khi cái có thể thay đổi được hy sinh cho cái vĩnh cửu, phần thưởng là của ngươi; giọt nước trở về nơi nó đến'. Vị Bồ Tát đã chiến thắng trận chiến, người nắm giữ giải thưởng trong lòng bàn tay, nhưng vẫn nói trong lòng trắc ẩn Thiêng Liêng của mình: 'Vì lợi ích của người khác, ta nhường phần thưởng lớn lao này'—hoàn thành sự từ bỏ lớn lao hơn. 'Ngài là Đấng Cứu Rỗi của thế giới'.

In a remarkable passage in one of his letters to A. P. Sinnett, Master K. H. [Kuthumi] translates. 'Absorbed in the absolute self-unconsciousness of physical self, plunged in the depths of true being, which is no being but eternal, universal life, His whole form is immovable and white as the eternal summits of snow in Kailasa where He sits, above care, above sorrow, above sin and worldliness, a mendicant, a sage, a healer, the King of kings, the Yogi of yogis'. Letter XXXI [*The Mahatma Letters to A. P. Sinnett*].

Trong một đoạn văn đáng chú ý trong một trong những lá thư của Ông gửi cho A. P. Sinnett, Chân sư KH [Kuthumi] dịch. 'Đắm mình trong sự vô thức tuyệt đối của bản thân vật chất, đắm mình trong chiều sâu của bản thể đích thực, vốn không phải là bản thể mà là sự sống vĩnh cửu, phổ quát, toàn bộ hình tướng của Ngài là bất động và trắng như những đỉnh tuyết vĩnh cửu ở Kailasa, nơi Ngài ngự, vượt lên trên sự lo lắng, vượt lên trên nỗi buồn, vượt lên trên tội lỗi và trần tục, một người ăn xin, một nhà hiền triết, một người chữa bệnh, Vua của các vị vua, Yogi của các yogi'. Thư XXXI [Những Lá Thư Mahatma gửi A. P. Sinnett].

(From Study Notes of Geoffrey Hodson)

(Từ Ghi Chú Nghiên Cứu của Geoffrey Hodson)

Theosophy in New Zealand 1966 Vol. 27, No. 3

Thông Thiên Học ở New Zealand 1966 Tập. 27, Số 3

10

The Path is Within You—*Con Đường Ở Bên Trong Bạn*

The Path of Service begins just where you are. The man who goes out and conquers an Everest, reaches the Pole, is not so great as the man who masters himself where he is. The whole process of treading the Path is worked out within the aspirant. The power of success is within him. The obstacles are all within him, even the karmic ones; for the effect of karma is decided by the reaction to benefits and adversities. All the great achievements are interior ones. All the great battles, with their defeats and victories, occur within. The external life is only a reflection of interior experience and condition.

Thánh Đạo Phụng Sự bắt đầu ngay tại nơi bạn đang ở. Người đàn ông đi ra ngoài và chinh phục đỉnh Everest, đến Cực, không vĩ đại bằng người làm chủ bản thân ở nơi y đang ở. Toàn bộ quá trình bước đi trên Thánh Đạo được thực hiện bên trong người chí nguyện. Sức mạnh thành công nằm bên trong y. Những trở ngại đều nằm bên trong y, ngay cả những trở ngại nghiệp quả; vì hiệu quả của nghiệp quả được quyết định bởi phản ứng đối với những lợi ích và nghịch cảnh. Tất cả những thành tựu vĩ đại đều là những thành tựu nội tại. Tất cả những trận chiến vĩ đại, với những thất bại và chiến thắng của chúng, đều xảy ra bên trong. Cuộc sống bên ngoài chỉ là sự phản ánh của kinh nghiệm và điều kiện bên trong.

The great effort to purify and perfect the character, to refine the nature, and to develop power, wisdom, compassion and intelligence, must therefore be made within oneself.

Do đó, nỗ lực lớn lao để thanh lọc và hoàn thiện tính cách, để tinh lọc bản chất và để phát triển sức mạnh, minh triết, lòng trắc ẩn và trí thông minh, phải được thực hiện bên trong chính mình.

The all important factor in success in the spiritual life is the correct attitude of mind. This, we are told, must consist of complete desirelessness, or in asking nothing for self, of absolute honesty, honour, truth, and of complete dedication to the ideal of perfection and the service of humanity.

Yếu tố quan trọng nhất để thành công trong đời sống tinh thần là thái độ đúng đắn của thể trí. Điều này, chúng ta được cho biết, phải bao gồm sự vô dục hoàn toàn, hoặc không đòi hỏi gì cho bản thân, sự trung thực, danh dự, sự thật tuyệt đối và sự cống hiến hoàn toàn cho lý tưởng hoàn thiện và sự phụng sự nhân loại.

Selflessness is seen as the great key to success in the spiritual life; for the selfless man is invulnerable, and invincible.

Sự vô kỷ được xem là chìa khóa vĩ đại để thành công trong đời sống tinh thần; vì người vô kỷ là bất khả xâm phạm và vô địch.

Selflessness alone will not suffice, however.

Tuy nhiên, chỉ sự vô kỷ thôi là chưa đủ. Bên

Within the aspirant must exist the unquenchable, fiery impulse to attain. Even the most perfect observance of the ideal attitude and conduct is relatively fruitless unless the immense and resistless driving force of an awakened will to achieve bums ceaselessly within the self. Should this enthusiasm temporarily die out, as it may, the soul must continue its noble endeavour. For then it develops steadfastness, courage, endurance and will.

trong người chí nguyện phải tồn tại xung lực bốc lửa, không thể dập tắt để đạt được. Ngay cả sự tuân thủ hoàn hảo nhất đối với thái độ và hành vi lý tưởng cũng tương đối vô ích trừ khi động lực thúc đẩy to lớn và không thể cưỡng lại của một ý chí thức tỉnh để đạt được cháy âm ỉ không ngừng bên trong bản thân. Nếu sự nhiệt tình này tạm thời tắt ngấm, như nó có thể, thì linh hồn phải tiếp tục nỗ lực cao quý của mình. Vì khi đó nó phát triển sự kiên định, lòng dũng cảm, sự bền bỉ và ý chí.

Is this all too difficult, too high, too abstract? Does the spirit shrink back from a Quest so arduous? Here are the words of H.P.B. [Helena P. Blavatsky], who in these days re-opened the Path for the Western World:

Điều này có quá khó, quá cao, quá trừu tượng không? Tinh thần có chùn bước trước một Cuộc Tìm Kiếm gian khổ như vậy không? Đây là những lời của Bà Helena P. Blavatsky, người trong những ngày này đã mở lại Thánh Đạo cho Thế giới phương Tây:

'There is a road, steep and thorny, beset with perils of every kind—but yet a road; and it leads to the Heart of the Universe. I can tell you how to find Those Who will show you the secret gateway that leads inwards only and closes fast behind the neophyte for ever-more. There is no danger that dauntless courage cannot conquer. There is no trial that spotless purity cannot pass through. There is no difficulty that strong intellect cannot surmount. For those who win onwards, there is reward past all telling; the power to bless and save humanity. For those who fail there are other lives in which success may come'.

'Có một con đường, dốc và đầy chông gai, đầy rẫy những hiểm nguy đủ loại—nhưng vẫn là một con đường; và nó dẫn đến Trái Tim của Vũ Trụ. Tôi có thể cho bạn biết làm thế nào để tìm Những Đấng sẽ chỉ cho bạn cánh cổng bí mật dẫn vào bên trong và đóng chặt sau lưng người sơ cơ mãi mãi. Không có nguy hiểm nào mà lòng dũng cảm không thể chinh phục được. Không có thử thách nào mà sự thanh khiết không thể vượt qua được. Không có khó khăn nào mà trí tuệ mạnh mẽ không thể vượt qua được. Đối với những người chiến thắng, có phần thưởng vượt quá mọi lời nói; sức mạnh để ban phước và cứu rỗi nhân loại. Đối với những người thất bại, có những cuộc đời khác mà trong đó thành công có thể đến'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, p. 66

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 3, Số 3, 1942, tr. 66

11

The Path of Discipleship—*Con đường Đệ Tử*

This subject holds its important place in our

Chủ đề này giữ một vị trí quan trọng trong

teachings, within which are found the following ideas:

những giáo lý của chúng ta, trong đó có những ý tưởng sau:

THAT the Pathway to Perfection has long been trodden by men and women on our Earth.

RẰNG Con Đường dẫn đến Sự Hoàn Thiện từ lâu đã được những người nam và nữ trên Trái Đất của chúng ta bước đi.

THAT, assisted by their Elders, numbers of them have attained this lofty goal of perfection.

RẰNG, được sự giúp đỡ của Các Huynh Trưởng của họ, nhiều người trong số họ đã đạt được mục tiêu cao cả này là sự hoàn thiện.

THAT certain of these Great Ones, out of compassion for humanity and in unfailing response to a genuine appeal, are today ever ready to respond.

RẰNG một số Đấng Cao Cả này, vì lòng trắc ẩn đối với nhân loại và đáp lại một lời kêu gọi chân thành, ngày nay luôn sẵn sàng đáp ứng.

THAT, indeed, no sincere aspirant to Discipleship is ever overlooked.

RẰNG, quả thực, không một người chí nguyện chân thành nào cho Địa vị Đệ tử bị bỏ qua.

THAT when the ideal of hastened unfoldment is 'born' within a human being, a light shines out from them which is discerned by the Elder Brethren.

RẰNG khi lý tưởng về sự khai mở nhanh chóng được 'sinh ra' bên trong một con người, một ánh sáng chiếu ra từ họ được Các Huynh Trưởng nhận ra.

That wisely, according to both circumstances and the method employed, the spiritually awakened aspirant is directed to a source of the necessary information concerning the Path and, in addition, becomes the recipient of Adeptic benediction.

Rằng một cách khôn ngoan, tùy theo cả hoàn cảnh và phương pháp được sử dụng, người chí nguyện thức tỉnh tinh thần được hướng dẫn đến một nguồn thông tin cần thiết liên quan đến Thánh Đạo và ngoài ra, trở thành người nhận được ân phước của Chân sư.

That unwavering perseverance brings the would-be Disciple, at the due and proper time, into the Presence of the Master. This Great Being thereafter inspires and guides him or her in the successful treading of the Path which leads not only to the Master's feet, but in due course to Masterhood, Adeptship, 'the measure of the stature of the fullness of Christ:'[8]

Sự kiên trì không lay chuyển đưa người muốn trở thành Đệ tử, vào thời điểm thích hợp và đúng đắn, đến Hiện Diện của Chân sư. Đấng Cao Cả này sau đó truyền cảm hứng và hướng dẫn y trong việc bước đi thành công trên Thánh Đạo, vốn không chỉ dẫn đến dưới chân Chân sư, mà đến lượt nó, đến Địa vị Chân sư, Địa vị Chân sư, 'tầm vóc của sự viên mãn của Đức Christ:'

The history of our Movement contains references to this awakening in certain of its

Lịch sử của Phong Trào chúng ta chứa đựng những tham khảo về sự thức tỉnh này ở một số

[8] Ephesians 4:13.

Members and, indeed, to their acceptance as Disciples, Madam H. P. Blavatsky being an outstanding example.

Furthermore, the inestimable privilege is granted of admission to the Lesser and Greater Mysteries and to successive Initiations therein. Thus, not only are we Theosophists the privileged recipients of the teaching and guidance of Theosophy itself, but we are also inspired by the knowledge that the Path of Discipleship is never closed, and that no sincere aspirant ever fails to receive the Master's response. Blessed indeed are we!

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 2, 1979, p. 34

Thành Viên của nó và, quả thực, về việc họ được chấp nhận làm Đệ tử, Bà H. P. Blavatsky là một ví dụ nổi bật.

Hơn nữa, đặc ân vô giá được ban cho là được chấp nhận vào Những Huyền Môn Nhỏ và Lớn và vào những Cuộc Điểm Đạo kế tiếp trong đó. Do đó, không chỉ chúng ta, những người Thông Thiên Học, là những người được đặc ân nhận được sự giảng dạy và hướng dẫn của chính Thông Thiên Học, mà chúng ta còn được truyền cảm hứng bởi kiến thức rằng Thánh Đạo Đệ Tử không bao giờ đóng lại và không một người chí nguyện chân thành nào không nhận được sự đáp ứng của Chân sư. Quả thật chúng ta thật may mắn!

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 40, Số 2, 1979, tr. 34

12

The Old-New Pathway to Discipleship—*Con Đường Cũ-Mới dẫn đến Địa vị Đệ tử*

As the student of *Theosophia* studies the records of the deliverance of the Ancient Wisdom to mankind, two aspects of the subject present themselves to his notice, namely Theosophy itself on the one hand and the path of Discipleship on the other. Apparently, these are intimately related; for universal and impersonal though the fundamentals of *Theosophia* prove to be, each of its great Adept exponents has always included teachings concerning the successful entry upon the path.

The Lord Shri Krishna, for example, revealed by His wondrous life and teachings both the impersonal Wisdom itself and the fact that He was, and ever is, an individual manifestation of the *Parabrahman*, the universal Godhead. This was disclosed to his foster-mother,

Khi đạo sinh của Thông Thiên Học nghiên cứu các ghi chép về sự giải phóng Minh Triết Cổ xưa cho nhân loại, hai khía cạnh của chủ đề này hiện ra trước sự chú ý của y, cụ thể là bản thân Thông Thiên Học một mặt và Thánh Đạo Đệ Tử mặt khác. Rõ ràng, chúng có liên quan mật thiết với nhau; vì mặc dù các nguyên tắc cơ bản của Thông Thiên Học tỏ ra phổ quát và vô ngã, nhưng mỗi nhà thuyết giảng Chân sư vĩ đại của nó luôn bao gồm những giáo lý liên quan đến việc gia nhập thành công vào Thánh Đạo.

Ví dụ, Đức Chúa Shri Krishna, đã tiết lộ bằng cuộc sống và những giáo lý kỳ diệu của Ngài cả Minh Triết vô ngã và sự thật rằng Ngài đã, và luôn là, một biểu hiện cá nhân của Parabrahman, Thượng đế phổ quát. Điều này đã được tiết lộ cho mẹ nuôi của Ngài, Yasoda,

Yasoda, and to others such as the shepherdesses at Vrindavana, as well as to the warrior, Arjuna, on the battlefield of Kurukshetra. Evidently Shri Krishna had chosen to be a universal manifestation of the One Supreme Lord and, at the same time, a divine *Guru* to certain chosen individuals who were received into direct personal relationship with Himself.

và cho những người khác như những nữ mục đồng ở Vrindavana, cũng như cho chiến binh, Arjuna, trên chiến trường Kurukshetra. Rõ ràng là Shri Krishna đã chọn trở thành một biểu hiện phổ quát của Đấng Tối Cao Duy Nhất và đồng thời là một Huấn Sư thiêng liêng cho một số cá nhân được chọn, những người đã được nhận vào mối quan hệ cá nhân trực tiếp với Chính Ngài.

The mission of the Lord Gautama Buddha had, in its turn, at least two basic objects. One was to present the *dhamma* to the world at large and the other to inspire individuals to enter the *sangha* and, presumably, become disciples of the Lord Buddha. Many of those so privileged developed remarkable occult powers or *siddhis* and some even attained to arhatship and beyond. The Buddha's father King Suddhodana, and his wife, Yasodhara, accepted His presentation of the *dhamma* and 'entered into the Peace'.

Đến lượt mình, sứ mệnh của Đức Chúa Gautama Buddha có ít nhất hai mục tiêu cơ bản. Một là trình bày chánh pháp cho thế giới nói chung và hai là truyền cảm hứng cho các cá nhân gia nhập tăng đoàn và, có lẽ, trở thành đệ tử của Đức Phật. Nhiều người trong số những người có đặc ân như vậy đã phát triển những quyền năng huyền bí hoặc siddhis đáng chú ý và một số thậm chí còn đạt đến quả vị a la hán và hơn thế nữa. Cha của Đức Phật, Vua Suddhodana, và vợ của Ông, Yasodhara, đã chấp nhận sự trình bày chánh pháp của Ông và 'bước vào Hòa Bình'.

The Lord Jesus Christ taught the Ageless Wisdom in Palestine and, in addition, drew chosen people into the highly privileged relationship with Himself as disciples, saying, 'Follow me, and I will make you fishers of men'. 'Behold, I stand at the door and knock; if any man hear my voice, and open the door, I will come in to him, and will sup with him, and he with me'. 'I am in my Father, and ye in me, and I in you', and 'Lo, I am with you always, even unto the end of the world'. He permitted his disciple, St Thomas, to place his finger in the wounds caused by the crucifixion an intimate relationship, indeed. Furthermore, on the occasion when He was asked by His disciples why He taught the people in parables, He replied: 'Unto you it is given to know the mystery of the kingdom of God: but unto them that are without, all these things are done in parables'. Theosophical literature

Đức Chúa Jesus Christ đã giảng dạy Minh Triết Ngàn Đời ở Palestine và ngoài ra, đã thu hút những người được chọn vào mối quan hệ đặc ân cao độ với Chính Ngài với tư cách là đệ tử, nói rằng, 'Hãy theo ta, và ta sẽ khiến các ngươi trở thành những người đánh bắt người'. 'Này, ta đứng trước cửa và gõ; nếu ai nghe tiếng ta và mở cửa, ta sẽ vào cùng người ấy, ăn tối với người ấy, và người ấy với ta'. 'Ta ở trong Cha ta, và các ngươi ở trong ta, và ta ở trong các ngươi', và 'Này, ta luôn ở cùng các ngươi, cho đến tận thế'. Ngài cho phép đệ tử của Ngài, Thánh Thomas, đặt ngón tay vào những vết thương do cuộc đóng đinh gây ra một mối quan hệ thân thiết, quả thực. Hơn nữa, vào dịp Ngài được các môn đệ hỏi tại sao Ngài lại dạy dân chúng bằng dụ ngôn, Ngài **trả lời**: 'Các ngươi được ban cho biết sự mầu nhiệm của vương quốc của Thượng đế: nhưng đối với những người ở bên ngoài, tất cả những điều này được

describes the ideal of discipleship and the conditions for receiving a Master's help in treading the pathway to Adeptship.

thực hiện bằng dụ ngôn'. Văn học Thông Thiên Học mô tả lý tưởng về địa vị đệ tử và các điều kiện để nhận được sự giúp đỡ của Chân sư trong việc bước đi trên con đường dẫn đến Địa vị Chân sư.

Even after the ascension of the Lord Jesus Christ, devotees have continually become aware of an intimate association with Him and dedicated their lives to the service of humanity in His name. Examples are St Francis of Assisi, St Clare, and Mother Teresa of modern days. Many of them bear testimony to direct visions of the Lord Himself.

Ngay cả sau khi Đức Chúa Jesus Christ thăng thiên, những người sùng đạo đã liên tục nhận thức được một mối liên hệ mật thiết với Ngài và cống hiến cuộc đời của họ cho sự phụng sự nhân loại trong danh Ngài. Ví dụ là Thánh Francis thành Assisi, Thánh Clare và Mẹ Teresa của thời hiện đại. Nhiều người trong số họ làm chứng cho những khải tượng trực tiếp về Chính Đức Chúa.

In the course of my travels, I have come across at least four indications that discipleship and initiation are still known in the modern world. One of these concerned a Central African 'medicine man' whom I met in Salisbury and who revealed his powers to me in various ways. For example, he referred to my first wife who was ill in far-away New Zealand, and he told me that he saw me performing Healing Services in which the colour red was prominent. Both of these references were completely accurate. I took the liberty of asking whether he had passed through a ceremony of initiation, and he replied that he had. He said that this had occurred deep in a jungle and that the pain he experienced in the course of it was rendered endurable by the chanting of fellow-initiates: endowment with occult powers and the ritual itself were performed by the ancestors of his tribe.

Trong quá trình du hành của mình, tôi đã bắt gặp ít nhất bốn dấu hiệu cho thấy địa vị đệ tử và điểm đạo vẫn được biết đến trong thế giới hiện đại. Một trong số đó liên quan đến một 'thầy phù thủy' người Trung Phi mà tôi đã gặp ở Salisbury và Ngài đã tiết lộ sức mạnh của mình cho tôi bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ, Ngài đã đề cập đến người vợ đầu của tôi, vốn đang bị bệnh ở tận New Zealand, và Ngài nói với tôi rằng Ngài thấy tôi thực hiện các Nghi Lễ Trị Liệu, trong đó màu đỏ rất nổi bật. Cả hai điều này đều hoàn toàn chính xác. Tôi đã mạn phép hỏi liệu Ngài có trải qua một nghi lễ điểm đạo hay không, và Ngài **trả lời** rằng Ngài đã trải qua. Ngài nói rằng điều này đã xảy ra sâu trong một khu rừng và nỗi đau mà Ngài trải qua trong quá trình đó đã trở nên dễ chịu hơn nhờ tiếng hô vang của những người đồng môn: việc phú cho các quyền năng huyền bí và chính nghi lễ được thực hiện bởi tổ tiên của bộ tộc Ngài.

I was privileged to meet an American Indian initiate during a visit to Santa Fe. This man was at first very secretive, but later he told me that he had undergone training and taken tests in preparation for his spiritual office in the tribe.

Tôi đã vinh dự được gặp một người được điểm đạo người Mỹ bản địa trong chuyến thăm Santa Fe. Người này ban đầu rất kín tiếng, nhưng sau đó Ông nói với tôi rằng Ông đã trải qua quá trình huấn luyện và thực hiện các bài kiểm tra để chuẩn bị cho chức vụ tinh thần của

mình trong bộ tộc.

In Hong Kong, a group of occultists, after attending one of my lectures on the Masters of the Wisdom, told me of their knowledge of the subject and of their association with the Chinese Adept Master of their religion. They kindly presented me with a beautiful portrait of this great Being who I judged to be the *Manu* Chakshusha of the Fourth Root Race.

Ở Hồng Kông, một nhóm các nhà huyền bí học, sau khi tham dự một trong những bài giảng của tôi về Các Chân sư Minh Triết, đã kể cho tôi nghe về kiến thức của họ về chủ đề này và về mối liên hệ của họ với Vị Chân sư Đạo sư Atlantis của tôn giáo của họ. Họ đã tử tế tặng tôi một bức chân dung tuyệt đẹp về Đấng Cao Cả này, người mà tôi cho là Manu Chakshusha của Giống Dân Gốc Thứ Tư.

There are descriptions in theosophical literature of the meetings between H.P. Blavatsky, Colonel H.S. Olcott and certain Adepts; indeed, the former received part of her occult training in their Tibetan *Ashram*. I end with a quotation from an article written by her in 1888:

Có những mô tả trong văn học thông thiên học về các cuộc gặp gỡ giữa Bà H.P. Blavatsky, Đại tá H.S. Olcott và một số Chân sư; thật vậy, Bà trước đây đã nhận được một phần huấn luyện huyền bí của mình trong Ashram Tây Tạng của Các Ngài. Tôi xin kết thúc bằng một trích dẫn từ một bài báo do Bà viết năm 1888:

It is, however, right that each member, once he believes in the existence of such Masters, should try to understand what their nature and powers are, to reverence Them in his heart, to draw near to Them, as much as in him lies, and to open up for himself conscious communication with the *guru* to whose bidding he has devoted his life. THIS CAN ONLY BE DONE BY RISING TO THE SPIRITUAL PLANE WHERE THE MASTERS ARE, AND NOT BY ATTEMPTING TO DRAW THEM DOWN TO OURS.

Tuy nhiên, điều đúng đắn là mỗi thành viên, một khi y tin vào sự tồn tại của những Chân sư như vậy, nên cố gắng hiểu bản chất và sức mạnh của Các Ngài là gì, tôn kính Các Ngài trong trái tim mình, đến gần Các Ngài, जितना कि उसमें निहित है, और गुरु के साथ सचेत संचार के लिए खुद को खोलें, जिसके हुक्म पर उसने अपना जीवन समर्पित कर दिया है। ĐIỀU NÀY CHỈ CÓ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÁCH VƯƠN LÊN CÕI TINH THẦN NƠI CÁC CHÂN SƯ ĐANG Ở, VÀ KHÔNG PHẢI BẰNG CÁCH CỐ GẮNG KÉO CÁC NGÀI XUỐNG CÕI CỦA CHÚNG TA.

Whether or not the disciple is aware of his connection with the Master while awake in brain consciousness, he may be certain that his inner spiritual Self is fully conscious of its passage through successive phases of unfoldment and relationship with Him.

Cho dù đệ tử có nhận thức được mối liên hệ của mình với Chân sư khi còn thức trong tâm thức bộ não hay không, y có thể chắc chắn rằng Chân Ngã tinh thần bên trong của y hoàn toàn ý thức được sự tiến triển của nó qua các giai đoạn phát triển và mối quan hệ với Ngài.

The Theosophist, Vol. 103, June 1982, p. 328

The Theosophist, Tập 103, tháng 6

năm 1982, tr. 328

13—*13*

Attainment of Spiritual Awareness—*Đạt Được Nhận Thức Tinh Thần*

The Importance of Study

Every aspirant to self-realization is advised to study, acknowledge, accept, and apply to both the inner and the outer life the teachings of the *Rishis*, those Sages who have already attained Adeptship. These teachings are of the utmost importance because they reveal fundamental principles and laws governing the processes of both normal development and deliberate self-illumination and evolutionary self-quickening. They provide the veritable bedrock of knowledge upon which one may found one's whole life. This includes one's religion, spiritual aspirations, spiritual exercises and the practical conduct of one's day-by-day affairs. Aspirants are therefore very strongly advised to study the teachings of the *RISHIS* and carefully to avoid their neglect which can lead to error, frustration, and even despair.

Tầm Quan Trọng của Việc Học Tập

Mọi người chí nguyện hướng tới sự tự nhận thức đều được khuyên nên nghiên cứu, thừa nhận, chấp nhận và áp dụng vào cả đời sống bên trong và bên ngoài những lời dạy của các Rishi, những Bậc Hiền Triết vốn đã đạt được Địa vị Chân sư. Những lời dạy này có tầm quan trọng tối đa vì chúng tiết lộ các nguyên tắc và định luật cơ bản chi phối các quá trình phát triển bình thường và sự tự soi sáng có chủ ý cũng như sự tăng tốc tiến hóa. Chúng cung cấp nền tảng kiến thức thực sự, trên đó người ta có thể xây dựng toàn bộ cuộc đời mình. Điều này bao gồm tôn giáo, khát vọng tinh thần, các bài tập tinh thần và cách hành xử thiết thực trong các công việc hàng ngày của một người. Do đó, những người chí nguyện được khuyên rất mạnh mẽ nên nghiên cứu những lời dạy của các RISHI và cẩn thận tránh sự xao nhãng của họ, vốn có thể dẫn đến sai lầm, thất vọng và thậm chí là tuyệt vọng.

No Short Cuts

Apart from a reasonably rapid repetition of attainments in a former life, there are no actual short cuts to self-illumination. Matter itself and especially the atoms, and therefore cells, of the brain in the present convergence of five fourth[9] cycles and arcs of cycles constitute the great obstacle to swift attainment of the illumined state.

Không Có Đường Tắt

Ngoài việc lặp lại các thành tựu một cách hợp lý nhanh chóng trong một kiếp trước, không có đường tắt thực tế nào để tự soi sáng. Bản thân vật chất và đặc biệt là các nguyên tử, và do đó các tế bào, của bộ não trong sự hội tụ hiện tại của năm chu kỳ thứ tư và các cung của chu kỳ cấu thành trở ngại lớn cho việc đạt được nhanh chóng trạng thái giác ngộ.

Only consistent and continuous faithful endeavour can overcome the obstacle of the

Chỉ có nỗ lực trung thành nhất quán và liên tục mới có thể vượt qua trở ngại của quán tính

[9] of Scheme, chain, Round, Globe and Race on earth (numerically).

inertia of the matter of the brain, reduce the *RAJASIC* (passionate) attributes of the desire body and universalize the normal *AHAMKARA* or egoistic individualism inherent in the formal mind. These obstacles need to be methodically overcome. They are personified by King Hansa, Ravana, Satan, Beelzebub, Herod, Judas and in the old Egyptian religion, by Set or Typhon, enemy of Osiris. Naturally, those who have achieved in former lives will be likely to find the process easier in this life. They may even for a time erroneously and very harmfully condemn the Path concept and regular self-training and meditation as preliminaries to enlightenment.

của vật chất của bộ não, làm giảm các thuộc tính RAJASIC (đầy đam mê) của thể cảm dục và phổ quát hóa AHAMKARA bình thường hoặc chủ nghĩa cá nhân vị kỷ vốn có trong thể trí hình tướng. Những trở ngại này cần phải được khắc phục một cách có phương pháp. Chúng được nhân cách hóa bởi Vua Hansa, Ravana, Satan, Beelzebub, Herod, Judas và trong tôn giáo Ai Cập cổ đại, bởi Set hoặc Typhon, kẻ thù của Osiris. Đương nhiên, những người đã đạt được thành tựu trong những kiếp trước có thể sẽ thấy quá trình này dễ dàng hơn trong kiếp này. Họ thậm chí có thể trong một thời gian hiểu sai và rất có hại lên án khái niệm Thánh Đạo và tự huấn luyện và tham thiền thường xuyên như là những bước chuẩn bị cho sự giác ngộ.

'Wanting to Attain'

'Muốn Đạt Được'

The inner impulse and resolve to attain come from the Ego and intuitive memory of pursuit of the Quest in former lives. It is the fundamental necessity known as 'wanting to attain', meaning very great and increased interest in the subject. Emerson said, 'Nothing great can be achieved without enthusiasm', which may perhaps be defined as intense interest. The presence, moreover, of this inner aspiration and this resolve is a sure sign that the attainment is possible and in the present life. It has been stated as a basic principle that if one can consistently conceive of an attainment, it is within one's power; otherwise the idea would not take hold of one's mind. I offer that idea, less as an affirmation of truth and more as a thought to ponder. It may be more fully stated like this: 'The fact that one experiences a resolve to attain in a particular direction, especially in one's intellectual and spiritual life, is a sign that the attainment is within one's reach IN THIS LIFE'.

Động lực và quyết tâm bên trong để đạt được đến từ Chân ngã và ký ức trực giác về việc theo đuổi Cuộc Tìm Kiếm trong những kiếp trước. Đó là sự cần thiết cơ bản được gọi là 'muốn đạt được', có nghĩa là sự quan tâm rất lớn và ngày càng tăng đối với chủ đề này. Emerson nói, 'Không có điều gì vĩ đại có thể đạt được nếu không có sự nhiệt tình', vốn có lẽ có thể được định nghĩa là sự quan tâm sâu sắc. Hơn nữa, sự hiện diện của khát vọng bên trong này và quyết tâm này là một dấu hiệu chắc chắn rằng sự đạt được là có thể và trong kiếp này. Nó đã được tuyên bố như một nguyên tắc cơ bản rằng nếu một người có thể hình dung một cách nhất quán về một sự đạt được, thì nó nằm trong khả năng của người đó; nếu không thì ý tưởng sẽ không chiếm được trí óc của một người. Tôi đưa ra ý tưởng đó, ít như một lời khẳng định về sự thật và nhiều hơn như một suy nghĩ để suy ngẫm. Nó có thể được phát biểu đầy đủ hơn như thế này: 'Việc một người trải nghiệm một quyết tâm đạt được theo một hướng cụ thể, đặc biệt là trong đời sống trí tuệ và tinh thần của một người, là một dấu hiệu

cho thấy sự đạt được nằm trong tầm tay của một người TRONG KIẾP NÀY'.

Law Ruled

Định Luật Chi Phối

If, then, this has happened, if one has begun to 'dream' creatively of Discipleship, Initiation, Adeptship and NIRVANA as definite goals, then they are not beyond one's more immediate reach. The first attainments are within one's reach in this life. But as I have come firmly to believe, one must proceed according to the rules. This conviction has grown from seeing so many splendid dreamers, full of potentiality and promise, fall by the wayside, simply because they ignored, even scorned, the rules. This is a profound and hope shattering error, for in any natural procedure, whether at normal or a deliberately hastened pace, certain laws must be recognized. The Universe, human nature and human evolution, normal and hastened, are law-ruled. We are encouraged to progress by the regular, systematic subjection of mind, emotion and body, to certain restraints and by remembering constantly the great resolve we have made and maintaining the aspiration to fulfil it.

Vậy thì, nếu điều này đã xảy ra, nếu một người đã bắt đầu 'mơ' một cách sáng tạo về Địa vị Đệ tử, Điểm Đạo, Địa vị Chân sư và Niết Bàn như những mục tiêu xác định, thì chúng không nằm ngoài tầm với trước mắt của một người. Những thành tựu đầu tiên nằm trong tầm tay của một người trong kiếp này. Nhưng như tôi đã tin chắc, người ta phải tiến hành theo các quy tắc. Niềm tin này đã phát triển từ việc chứng kiến rất nhiều người mơ mộng tuyệt vời, đầy tiềm năng và hứa hẹn, ngã gục bên đường, đơn giản chỉ vì họ phớt lờ, thậm chí khinh thường, các quy tắc. Đây là một sai lầm sâu sắc và làm tan vỡ hy vọng, vì trong bất kỳ quy trình tự nhiên nào, dù ở tốc độ bình thường hay được đẩy nhanh một cách có chủ ý, thì một số định luật nhất định phải được công nhận. Vũ trụ, bản chất con người và sự tiến hóa của con người, bình thường và được đẩy nhanh, đều bị chi phối bởi định luật. Chúng ta được khuyến khích tiến bộ bằng cách khuất phục tâm trí, cảm xúc và cơ thể một cách thường xuyên, có hệ thống, trước những hạn chế nhất định và bằng cách liên tục ghi nhớ quyết tâm lớn mà chúng ta đã thực hiện và duy trì khát vọng thực hiện nó.

'Get Within'

'Đi Vào Bên Trong'

A story is told in India, of a farmer who possessed a young cow; at first this cow used to stray continually in order to graze on the pastures outside her stall, even on the pastures of neighbouring farmers. Her owner tempted her to stay in her stall by such offerings as fresh grass, but she still preferred to stray off to the pastures outside. Gradually, however, she began to eat a little in the stall, although her innate tendency to stray always

Một câu chuyện được kể ở Ấn Độ, về một người nông dân sở hữu một con bò non; ban đầu con bò này thường xuyên đi lạc để gặm cỏ trên các đồng cỏ bên ngoài chuồng của nó, thậm chí trên các đồng cỏ của những người nông dân láng giềng. Chủ của nó đã dụ dỗ nó ở lại trong chuồng bằng những lễ vật như cỏ tươi, nhưng nó vẫn thích đi lạc ra các đồng cỏ bên ngoài. Tuy nhiên, dần dần, nó bắt đầu ăn một chút trong chuồng, mặc dù xu hướng bẩm sinh đi

remained, and asserted itself time and again. On being repeatedly tempted by the owner she gradually accustomed herself to the stall and finally, even if let loose, she strayed away no more. Similarly, the human mind, when as a result of the consistent attempts to direct it, seeks and finds its inner happiness and life, it will not thereafter wander outwards.

lạc của nó luôn tồn tại và khẳng định mình hết lần này đến lần khác. Khi liên tục bị chủ dụ dỗ, nó dần dần làm quen với chuồng và cuối cùng, ngay cả khi được thả ra, nó cũng không còn đi lạc nữa. Tương tự, thể trí con người, khi kết quả của những nỗ lực nhất quán để hướng dẫn nó, tìm kiếm và tìm thấy hạnh phúc và sự sống bên trong của nó, nó sẽ không sau đó đi lang thang ra bên ngoài.

Another pleasant saying to be heard in India goes like this: 'Oh, humming bee, while you take the pains of collecting tiny sips of honey from innumerable flowers, there is One from whom you can have the whole storehouse of honey by simply thinking or speaking of Him. Get within and hum to Him'.

Một câu nói dễ chịu khác được nghe thấy ở Ấn Độ như sau: 'Ôi, chú ong vo ve, trong khi bạn phải chịu khó thu thập những ngụm mật nhỏ từ vô số loài hoa, thì có Đấng mà bạn có thể có toàn bộ kho mật bằng cách đơn giản là nghĩ hoặc nói về Ngài. Hãy đi vào bên trong và ngân nga với Ngài'.

True Yoga

Yoga Chân Chính

Spiritualising influences brought to bear upon the Personality are mental in meditation and physical in the conduct of life. Both of these have the same purpose, which is to sensitise both body and brain to the presence and influences of the indwelling Spirit. This is Yoga in the full meaning of the word, as meditation and as life.

Những ảnh hưởng tinh thần tác động lên phàm ngã là trí tuệ trong tham thiền và thể xác trong cách hành xử của cuộc sống. Cả hai điều này đều có cùng một mục đích, đó là làm cho cả cơ thể và bộ não nhạy cảm với sự hiện diện và ảnh hưởng của Tinh Thần ngự trị. Đây là Yoga theo nghĩa đầy đủ của từ này, vừa là tham thiền vừa là cuộc sống.

Meditation, as we well know, is based upon recognition that all man seeks of Spiritual power, wisdom, knowledge and happiness is within him. Indeed, nothing is more intimate than the *ATMA*, which must in consequence be sought and found; for without the Self as Knower, there is nothing, no awareness, even no existence. All, then, is dependent upon Selfness, upon Consciousness of Being, upon knowing, 'I exist, I am'. This *atmic* Self is changeless, eternal, and in meditation one affirms with the purpose of full realization, 'I am That, That am I'. As a statement of ultimate Truth, as an aid to equanimity of mind, and a method of attaining experience of

Tham thiền, như chúng ta đều biết, dựa trên sự thừa nhận rằng tất cả những gì con người tìm kiếm về sức mạnh Tinh thần, minh triết, tri thức và hạnh phúc đều ở bên trong y. Thật vậy, không có gì thân mật hơn ATMA, do đó phải được tìm kiếm và tìm thấy; vì nếu không có Chân ngã là Thức giả, thì không có gì, không có nhận thức, thậm chí không có sự tồn tại. Vậy thì, tất cả đều phụ thuộc vào Tự tính, vào Tâm thức về Sự Hiện Hữu, vào việc biết, 'Tôi tồn tại, Tôi là'. Chân ngã atmic này là bất biến, vĩnh cửu, và trong tham thiền, người ta khẳng định với mục đích nhận ra đầy đủ, 'Tôi là Cái Đó, Cái Đó là Tôi'. Như một tuyên bố về Chân Lý tối thượng, như một sự trợ giúp cho sự bình

pure Spirit, that affirmation is without compare. *TAD BRAHMAN, TAD ASMI. SOHAM. A UM.*

tĩnh của thể trí và một phương pháp đạt được kinh nghiệm về Tinh Thần thuần khiết, sự khẳng định đó là vô song. TAD BRAHMAN, TAD ASMI. SOHAM. A UM.

The great solution to the more perplexing problems in life, to mental and emotional stress, to pain and to physical doubts and difficulties, is, I am sure, to withdraw mentally from them and the vehicles in which they exist, and to affirm the indwelling *ATMA*, then that the *ATMA* and the *PARAMATMA* are One, and then 'I am That, That am I'. From this great seed idea, there emanates Peace, an amazing relaxation of stresses and a return to happiness and harmonious equipoise. If one is distressed, worried, tempted, suffering or sorrowful from vain regrets, three things may usefully be affirmed in strength:

Giải pháp tuyệt vời cho những vấn đề phức tạp hơn trong cuộc sống, cho căng thẳng trí tuệ và cảm xúc, cho nỗi đau và những nghi ngờ và khó khăn về thể xác, tôi chắc chắn, là rút lui về mặt trí tuệ khỏi chúng và các vận cụ mà chúng tồn tại, và khẳng định ATMA ngự trị, sau đó ATMA và PARAMATMA là Một, và sau đó 'Tôi là Cái Đó, Cái Đó là Tôi'. Từ ý tưởng hạt giống vĩ đại này, sự Bình An phát ra, một sự thư giãn đáng kinh ngạc của những căng thẳng và sự trở lại với hạnh phúc và sự cân bằng hài hòa. Nếu một người đang đau khổ, lo lắng, bị cám dỗ, đau khổ hoặc buồn bã vì những hối tiếc vô ích, ba điều có thể được khẳng định một cách hữu ích bằng sức mạnh:

First, 'Be still and know that I am God'.

Thứ nhất, 'Hãy tĩnh lặng và biết rằng Ta là Thượng đế'.

Second, 'Man's Spirit and God's Spirit are One Spirit'.

Thứ hai, 'Tinh Thần của Con người và Tinh Thần của Thượng đế là Một Tinh Thần'.

Third, 'I am That, That am I'.

Thứ ba, 'Tôi là Cái Đó, Cái Đó là Tôi'.

This practice can become a veritable panacea and certain source of readjustment of one's ideas close to basic truth. It may even aid one to recover from the approach of death.

Thực hành này có thể trở thành một phương thuốc chữa bách bệnh thực sự và nguồn điều chỉnh chắc chắn những ý tưởng của một người gần với chân lý cơ bản. Nó thậm chí có thể giúp một người phục hồi khỏi sự cận kề của cái chết.

Stillness

Sự Tĩnh Lặng

One rather strange seeming procedure in the search for the Self consists of the establishment within of non-activity. This cessation of action concerns primarily the mind which is to be silenced. The Yogi says with the Psalmist, 'Be still and know that I am God'.

Một quy trình có vẻ khá kỳ lạ trong việc tìm kiếm Chân ngã bao gồm việc thiết lập bên trong sự không hoạt động. Sự ngừng hoạt động này chủ yếu liên quan đến thể trí, vốn cần phải được làm cho im lặng. Vị Yogi nói với Người viết Thánh Vịnh, 'Hãy tĩnh lặng và biết rằng Ta là Thượng đế'.

Although the condition rather descends upon one than being self-induced, one might almost refer to the procedure as the Silence Method, meaning the attainment of, or entering into, the tranquil mind.

Mặc dù điều kiện này giáng xuống một người hơn là tự gây ra, người ta gần như có thể gọi quy trình này là Phương Pháp Im Lặng, có nghĩa là đạt được, hoặc đi vào, thể trí thanh thản.

The body itself is relaxed and made very still, motionless. The breathing is slowed down until it becomes unnoticeable. Thought is directed to 'the Eternal Man', the Monad, for a time, and this action is followed by mental inaction, permitting the mind to fall silent in poised stillness. This is sometimes called 'mental fasting'. Many remarkable experiences can follow upon mental fasting. One of them consists of a sense of nothingness, total elimination of selfness. Paradoxically, such 'silence' is to another portion of one's consciousness as an 'eternal eloquence', quite beyond mental effort. Ignorance then vanishes.

Bản thân cơ thể được thư giãn và làm cho rất tĩnh lặng, bất động. Hơi thở chậm lại cho đến khi không thể nhận thấy. Tư tưởng được hướng đến 'Đấng Thiên Nhân Vĩnh Cửu', Chân Thần, trong một thời gian, và hành động này được theo sau bởi sự không hoạt động về mặt trí tuệ, cho phép thể trí im lặng trong sự tĩnh lặng cân bằng. Đôi khi điều này được gọi là 'nhịn ăn trí tuệ'. Nhiều trải nghiệm đáng chú ý có thể xảy ra sau khi nhịn ăn trí tuệ. Một trong số đó bao gồm cảm giác hư vô, loại bỏ hoàn toàn tự tính. Nghịch lý thay, sự 'im lặng' như vậy đối với một phần khác của tâm thức của một người giống như một 'tài hùng biện vĩnh cửu', hoàn toàn vượt quá nỗ lực trí tuệ. Sự vô minh sau đó biến mất.

Now this experience is not in the category of knowledge, though knowledge may ensue; for those who have discovered great truths have generally done so in the still depths of the Dweller in the Innermost, the deepest Self, the *ATMA*, which is associated with pure reality. When thought is thus still, pure consciousness remains over, as it were. This approach to reality might perhaps be regarded as a philosophy of stillness.

Bây giờ trải nghiệm này không thuộc phạm trù tri thức, mặc dù tri thức có thể xảy ra; vì những người đã khám phá ra những chân lý vĩ đại thường làm như vậy trong những chiều sâu tĩnh lặng của Kẻ Chận Ngõ trong Nơi Thâm Sâu Nhất, Chân ngã sâu sắc nhất, ATMA, vốn có liên hệ với thực tại thuần khiết. Khi tư tưởng do đó tĩnh lặng, tâm thức thuần khiết vẫn còn lại, như thể vậy. Cách tiếp cận thực tại này có lẽ có thể được coi là một triết lý về sự tĩnh lặng.

Some of these ideas and such phrases are gratefully drawn from the teachings of Sri Ramana Maharishi of Tiruvannammalai, which is the ancient township at the foot of the mountain known as Arunachala, which means 'Vision of Light', in South India. There is a tradition in Southern India that the Maharishi was a disciple of the Rishi Agastya, though he himself never stated it, nor did he

Một số ý tưởng và cụm từ như vậy được rút ra một cách biết ơn từ những lời dạy của Sri Ramana Maharishi ở Tiruvannammalai, vốn là thị trấn cổ kính dưới chân ngọn núi được gọi là Arunachala, có nghĩa là 'Tầm Nhìn Ánh Sáng', ở Nam Ấn Độ. Có một truyền thống ở Nam Ấn Độ rằng Maharishi là một đệ tử của Rishi Agastya, mặc dù chính Ông chưa bao giờ tuyên bố điều đó, cũng như Ông không tự

give himself the title, *Maharishi*, Great Rishi. He did not agree even to the building of the large *Ashram*, preferring to remain in the cave in which they found him, plunged in abstracted thought. He it is who taught that 'mental fasting is followed by momentary nothingness, an elimination of self in a silence, which is an eternal eloquence, quite beyond mental effort. Ignorance then vanishes, and the residue (truth or reality) reveals itself'.

phong cho mình danh hiệu Maharishi, Đại Rishi. Ông thậm chí không đồng ý xây dựng Ashram lớn, thích ở lại trong hang động nơi họ tìm thấy Ông, chìm đắm trong tư tưởng trừu tượng. Chính Ông là người đã dạy rằng 'nhịn ăn trí tuệ được theo sau bởi sự hư vô thoáng qua, một sự loại bỏ bản thân trong sự im lặng, vốn là một tài hùng biện vĩnh cửu, hoàn toàn vượt quá nỗ lực trí tuệ. Sự vô minh sau đó biến mất, và phần còn lại (chân lý hoặc thực tại) tự bộc lộ'.

The active or vibrating mind is regarded as impure and the passive or still mind alone as pure. To the stilled mind a self declaration of Spirit occurs. This occurs because realization is already there. Any effort found to be necessary is but preliminary and only leads up to it. Effort which may be necessary at first can only take one so far. Then 'the beyond takes over'—graphic phrase—and will take care of itself.

Thể trí năng động hoặc rung động được coi là ô uế và chỉ có thể trí thụ động hoặc tĩnh lặng là thuần khiết. Đối với thể trí tĩnh lặng, một sự tự tuyên bố của Tinh Thần xảy ra. Điều này xảy ra vì sự nhận ra đã ở đó. Bất kỳ nỗ lực nào được cho là cần thiết chỉ là sơ bộ và chỉ dẫn đến nó. Nỗ lực vốn có thể cần thiết lúc đầu chỉ có thể đưa một người đi xa đến vậy. Sau đó, 'cái vượt ra ngoài sẽ tiếp quản'—cụm từ sống động—và sẽ tự lo liệu.

Unity of Consciousness

Tính Thống Nhất của Tâm Thức

Such are the stages in meditation leading from affirmation through to full realization into absorption in the beyond; for this there are no words; so it is said, that the beyond will take care of itself. One is helpless there, no effort being able to reach ultimate reality which comes to you when you are still. Non-physical, non-mental, non-spatial experiences, which are interior and independent of time, are then entered into. The duality of seer and things seen merges into unity of consciousness. Life then acts through one as a prepared vehicle. A sunburst seems to occur within the stilled mind.

Đó là những giai đoạn trong tham thiền dẫn từ sự khẳng định đến sự nhận ra đầy đủ vào sự hấp thụ trong cái vượt ra ngoài; vì điều này không có lời nào; vì vậy người ta nói, rằng cái vượt ra ngoài sẽ tự lo liệu. Người ta bất lực ở đó, không có nỗ lực nào có thể đạt đến thực tại tối thượng vốn đến với bạn khi bạn tĩnh lặng. Những trải nghiệm phi vật chất, phi trí tuệ, phi không gian, vốn là nội tại và độc lập với thời gian, sau đó được đi vào. Tính nhị nguyên của người nhìn và những thứ được nhìn thấy hợp nhất thành tính thống nhất của tâm thức. Sự sống sau đó hành động thông qua một người như một vận cụ đã được chuẩn bị. Một vụ nổ mặt trời dường như xảy ra bên trong thể trí tĩnh lặng.

I remember the story I read in the paper some time ago, telling of a little boy of about six who

Tôi nhớ câu chuyện tôi đã đọc trên báo cách đây một thời gian, kể về một cậu bé khoảng

lived in a home where he was deeply loved, cared for, protected and happy. He used to hear people talking about being afraid and mention the word ‘fear’. He would sometimes say to his parents, ‘What is this being afraid, what is fear?’ Their answers did not help him. He was so perfectly safe and secure in his young life that the concept of the opposite negatives, fear and being afraid, never came near him. For him these were two meaningless words, afraid and fear. Then, one day, he was playing with his ball, and as so often happens with children, it went over the garden wall and on into the road. Without thinking or looking carefully, he dashed over to get the ball. On came a large truck, and he was right in its path. He looked up; he saw this enormous vehicle coming and realized his danger. Of course, the driver did all he could, and the startled boy leapt back into safety. Fortunately the truck just missed him. Recovering and breathless, he then exclaimed, ‘Ah now I know what fear is and what it is to be afraid’. No substitute exists for direct experience. The story is a useful exposition both of the value of direct experience and of the fact that there is no substitute for it.

sáu tuổi sống trong một gia đình nơi y được yêu thương sâu sắc, được chăm sóc, bảo vệ và hạnh phúc. Y thường nghe mọi người nói về việc sợ hãi và nhắc đến từ 'sợ hãi'. Y đôi khi nói với cha mẹ mình, 'Bị sợ hãi là gì, sợ hãi là gì?' Câu **trả lời** của họ không giúp y. Y hoàn toàn an toàn và yên tâm trong cuộc sống non trẻ của mình đến nỗi khái niệm về những điều tiêu cực đối lập, sợ hãi và bị sợ hãi, không bao giờ đến gần y. Đối với y, đây là hai từ vô nghĩa, sợ hãi và bị sợ hãi. Rồi, một ngày nọ, y đang chơi với quả bóng của mình, và như thường xảy ra với trẻ em, nó bay qua bức tường vườn và ra đường. Không suy nghĩ hay nhìn cẩn thận, y lao ra để lấy bóng. Một chiếc xe tải lớn lao tới, và y đang ở ngay trên đường đi của nó. Y ngước lên; y thấy chiếc xe khổng lồ này đang đến và nhận ra sự nguy hiểm của mình. Tất nhiên, người lái xe đã làm tất cả những gì có thể, và cậu bé giật mình nhảy trở lại nơi an toàn. May mắn thay, chiếc xe tải chỉ sượt qua y. Hồi phục và thở không ra hơi, y sau đó thốt lên, 'À bây giờ con biết sợ hãi là gì và bị sợ hãi là gì rồi'. Không có gì thay thế cho kinh nghiệm trực tiếp. Câu chuyện là một sự trình bày hữu ích cả về giá trị của kinh nghiệm trực tiếp và về thực tế là không có gì thay thế cho nó.

The Song of Life

The Adept author of *Light On The Path* wrote: ‘Listen to the song of Life...look for it and listen to it first in your own heart. At first you may say it is not there; when I search I find only discord. Look deeper. If again you are disappointed, pause and look deeper again. There is a natural melody, an obscure fount in every human heart. It may be hidden over and utterly concealed and silenced—but it is there. At the very base of your nature you will find faith, hope and love. He that chooses evil refuses to look within himself, shuts his ears to the melody of his heart, as he blinds his eyes to the light of his soul. He does this because he

Bài Ca Sự Sống

Tác giả Chân sư của Ánh Sáng Trên Đường Đạo đã viết: ‘Hãy lắng nghe bài ca của Sự Sống... hãy tìm kiếm và lắng nghe nó trước tiên trong chính trái tim bạn. Lúc đầu bạn có thể nói nó không có ở đó; khi tôi tìm kiếm, tôi chỉ thấy sự bất hòa. Hãy nhìn sâu hơn. Nếu bạn lại thất vọng, hãy dừng lại và nhìn sâu hơn nữa. Có một giai điệu tự nhiên, một mạch nguồn mơ hồ trong mỗi trái tim con người. Nó có thể bị che giấu và hoàn toàn che đậy và im lặng—nhưng nó ở đó. Ngay tận đáy bản chất của bạn, bạn sẽ tìm thấy đức tin, hy vọng và tình thương. Kẻ chọn điều ác từ chối nhìn vào bên trong mình, bịt tai trước giai điệu của trái tim

finds it easier to live in desires. But underneath all life is the strong current that cannot be checked; the great waters are there in reality. Find them, and you will perceive that none, not the most wretched of creatures, but is a part of it, however he blind himself is the fact and build up for himself a phantasmal outer form of horror. In that sense it is that I say to you—All those beings among whom you struggle on are fragments of the divine. And so deceptive is the illusion in which you live, that it is hard to guess where you will first detect the sweet voice in the hearts of others'.

mình, khi y làm mù mắt mình trước ánh sáng của linh hồn mình. Y làm điều này vì y thấy sống trong dục vọng dễ dàng hơn. Nhưng bên dưới tất cả sự sống là dòng chảy mạnh mẽ không thể ngăn cản; những vùng nước vĩ đại thực sự ở đó. Hãy tìm chúng, và bạn sẽ nhận thấy rằng không ai, không phải sinh vật khốn khổ nhất, mà không phải là một phần của nó, dù y có tự làm mù mình trước thực tế và tự xây dựng cho mình một hình tướng bên ngoài đầy kinh hoàng. Theo nghĩa đó, tôi nói với bạn—Tất cả những chúng sinh mà bạn đang vật lộn cùng đều là những mảnh vỡ của thiêng liêng. Và sự ảo tưởng mà bạn đang sống lừa dối đến mức khó có thể đoán được bạn sẽ phát hiện ra giọng nói ngọt ngào trong trái tim của người khác ở đâu trước tiên'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 39, No. 1, 1978, p. 10

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 39, Số 1, 1978, tr. 10

14

Attributes of Spiritual Awareness—*Các Thuộc Tính của Nhận Thức Tinh Thần*

In *The Voice of the Silence* we read these words: —'Avert thy face from world deceptions; mistrust thy senses, they are false. But within thy body—the shrine of thy sensations—seek in the Impersonal for the "eternal man"; and having sought him out, look inward: thou art Buddha'. This is guidance which I propose to try to discuss, and—more especially—some of the states of consciousness natural to a reasonably developed spiritual soul or Ego in the Causal Body. I am going to offer descriptions of pure causal consciousness, the life of the Ego in its own world amongst its peers.

Trong Tiếng Nói của Im Lặng, chúng ta đọc những lời này:—'Hãy ngoảnh mặt khỏi những sự dối trá của thế gian; đừng tin vào các giác quan của ngươi, chúng là giả dối. Nhưng bên trong thân thể ngươi—nơi ngự của những cảm giác của ngươi—hãy tìm kiếm trong Vô Ngã về "con người vĩnh cửu"; và sau khi tìm ra y, hãy nhìn vào bên trong: ngươi là Đức Phật'. Đây là sự hướng dẫn mà tôi đề xuất cố gắng thảo luận, và—đặc biệt hơn—một số trạng thái tâm thức tự nhiên đối với một linh hồn tinh thần hoặc chân ngã đã phát triển hợp lý trong Thể Nguyên Nhân. Tôi sẽ đưa ra những mô tả về tâm thức nguyên nhân thuần túy, sự sống của chân ngã trong thế giới của chính nó giữa những người đồng đẳng của nó.

At once, as all who have attempted this admit,

Ngay lập tức, như tất cả những ai đã cố gắng

we are confronted with an almost impassable barrier, for spiritual experience is incommunicable and indescribable. Thought and words inevitably falsify spiritual experience, which transcends the thinking process, and whatever anyone tries to describe is overlaid with words. Reality cannot adequately be described, though it may be apprehended and known, but the conceptualizing intellect does not reach reality and the human spirit can become imprisoned in the labyrinth of the intellect. This is a big part of the trouble of humanity today and one of the reasons I believe why so many fail in the attempt to reach reality—truth—for themselves, because they are doing it with the mind as the instrument and that is the wrong tool. It will always fail because spiritual awareness is supra-mental, beyond the mind. Contemplation leads one beyond the intellect, deep into the one real world which was always there, and is there now in its undivided wholeness.

điều này thừa nhận, chúng ta phải đối mặt với một rào cản gần như không thể vượt qua, vì kinh nghiệm tinh thần là không thể truyền đạt và không thể mô tả. Tư tưởng và lời nói chắc chắn làm sai lệch kinh nghiệm tinh thần, vốn vượt qua quá trình tư duy, và bất cứ điều gì ai đó cố gắng mô tả đều bị bao phủ bởi lời nói. Thực tại không thể được mô tả đầy đủ, mặc dù nó có thể được lĩnh hội và biết đến, nhưng trí tuệ khái niệm hóa không đạt đến thực tại và tinh thần con người có thể bị giam cầm trong mê cung của trí tuệ. Đây là một phần lớn trong rắc rối của nhân loại ngày nay và một trong những lý do tôi tin rằng tại sao rất nhiều người thất bại trong nỗ lực đạt đến thực tại—chân lý—cho chính họ, bởi vì họ đang làm điều đó với thể trí như một công cụ và đó là công cụ sai lầm. Nó sẽ luôn thất bại vì nhận thức tinh thần là siêu trí tuệ, vượt ra ngoài thể trí. Chiêm ngưỡng dẫn một người vượt ra ngoài trí tuệ, đi sâu vào thế giới thực duy nhất vốn luôn ở đó, và hiện đang ở đó trong sự toàn vẹn không chia cắt của nó.

Causal consciousness then is not a condition to be reached by reasoning, it often defies all intellectual determination. Those who have experienced it are frequently at a loss to explain it coherently and logically. When, it is explained its content more or less undergoes mutilation, for spiritual awareness is characterized by incommunicability. Fortunately, man continually attempts this impossible task and in literature, particularly the poetry and the scriptural writings of ancient and modern peoples in their more inspired passages, are attempts to put into thought and words that which is beyond—the real shining self and its condition of awareness. Some people think that of all the possible channels or modes of description great music comes nearest. Pure, impersonal, non-possessive love, and even human love at its highest and best, might, I think, also be

Vậy thì tâm thức nguyên nhân không phải là một trạng thái có thể đạt được bằng lý luận, nó thường thách thức mọi sự xác định trí tuệ. Những người đã trải nghiệm nó thường lúng túng khi giải thích nó một cách mạch lạc và logic. Khi nó được giải thích, nội dung của nó ít nhiều bị cắt xén, vì nhận thức tinh thần được đặc trưng bởi tính không thể truyền đạt. May mắn thay, con người liên tục cố gắng thực hiện nhiệm vụ bất khả thi này và trong văn học, đặc biệt là thơ ca và các tác phẩm kinh điển của các dân tộc cổ đại và hiện đại trong những đoạn văn đầy cảm hứng hơn của họ, là những nỗ lực đưa vào tư tưởng và lời nói những gì vượt ra ngoài—bản ngã tỏa sáng thực sự và trạng thái nhận thức của nó. Một số người nghĩ rằng trong tất cả các kênh hoặc phương thức mô tả có thể có, âm nhạc vĩ đại đến gần nhất. Tình thương thuần khiết, vô ngã, không chiếm hữu, và thậm chí cả tình thương của con người ở

regarded as a manifestation down here through the heart, rather than the mind, of that which is supra-mental.

mức cao nhất và tốt nhất, tôi nghĩ, cũng có thể được coi là một biểu hiện ở đây thông qua trái tim, hơn là thể trí, của những gì siêu trí tuệ.

Centre of Light

Trung Tâm Ánh Sáng

I say this at the beginning to prepare us all for the fact that the condition of the Ego in its own world is very difficult to describe. However, let us think of it together, and remember I shall be speaking not of something distant but something here, not of other people but of ourselves, and strange though some of the ideas may seem, you may be able to say, 'yes, I know that'. For example, nearly all the mystics agree that one of the experiences is that of light. Doubtless many of you who have had moments of real exaltation in consciousness will know that experience of finding yourself to be a centre of light in an infinite ocean of light. That is one of the experiences of Egoic consciousness—the true light, I suppose, that never was on sea or land; the true light that lighteth every man that cometh into the world. It is not a light which depends upon reflection for its perception but, in some mysterious way, it is as if the whole universe were simply light.

Tôi nói điều này ngay từ đầu để chuẩn bị cho tất cả chúng ta về thực tế là trạng thái của chân ngã trong thế giới của chính nó rất khó mô tả. Tuy nhiên, chúng ta hãy cùng nhau suy nghĩ về nó, và hãy nhớ rằng tôi sẽ nói không phải về một cái gì đó xa xôi mà là một cái gì đó ở đây, không phải về những người khác mà là về chính chúng ta, và mặc dù một số ý tưởng có vẻ kỳ lạ, bạn có thể nói, 'vâng, tôi biết điều đó'. Ví dụ, gần như tất cả các nhà thần bí đều đồng ý rằng một trong những trải nghiệm là trải nghiệm về ánh sáng. Chắc chắn nhiều người trong số các bạn đã có những khoảnh khắc thăng hoa thực sự trong tâm thức sẽ biết trải nghiệm đó khi thấy mình là một trung tâm ánh sáng trong một đại dương ánh sáng vô tận. Đó là một trong những trải nghiệm của tâm thức chân ngã—ánh sáng thực sự, tôi cho là, chưa từng có trên biển hay trên đất liền; ánh sáng thực sự soi sáng mọi người đến thế gian. Đó không phải là một ánh sáng phụ thuộc vào sự phản chiếu để nhận biết nó, nhưng theo một cách bí ẩn nào đó, dường như toàn bộ vũ trụ chỉ đơn giản là ánh sáng.

Strangely, with this, is generally associated a state of enlightenment, such as comes with the sudden solution of a problem hitherto insoluble. Enlightenment is entered into, or what is described as a moment of truth. It is not anything that you want to put down in thought and words as a group or set of ideas in sequence and logic, but simply a moment of pure realization.

Điều kỳ lạ là, cùng với điều này, thường liên quan đến một trạng thái khai sáng, chẳng hạn như đến với giải pháp đột ngột cho một vấn đề cho đến nay vẫn không thể giải quyết được. Sự khai sáng được bước vào, hoặc những gì được mô tả là một khoảnh khắc của chân lý. Đó không phải là bất cứ điều gì bạn muốn ghi lại trong tư tưởng và lời nói như một nhóm hoặc một tập hợp các ý tưởng theo trình tự và logic, mà chỉ đơn giản là một khoảnh khắc nhận ra thuần túy.

It is rather like picking a hidden lock as a result

Nó giống như việc mở một ổ khóa ẩn như một

of which a flood of new experiences gushes forth from the opening, or, to use another analogy, it is rather like a clock striking the hour. When the appointed time comes the whole percussion of sound is released, the fulfilment of the hour as it were. The mind seems to have some of this mechanism and when a certain moment is reached a hitherto closed screen is lifted, and then an entirely new vista opens up and the tone of one's whole life and processes of consciousness are thereafter completely changed. A new and deeply interior discovery has been made and from this level come those sudden flashes of intuition like bolts from the blue. They are draw from that aspect of Egoic consciousness which contains the archetypal ideas, which shine in light and colour in the causal world, and at times these radiate their reflections into the mortal mind. Then, as we say, 'we know in our bones'.

kết quả của một loạt các trải nghiệm mới tuôn ra từ lỗ mở, hoặc, để sử dụng một phép loại suy khác, nó giống như một chiếc đồng hồ điểm giờ. Khi thời điểm đã định đến, toàn bộ âm thanh gõ được giải phóng, sự hoàn thành của giờ như nó vốn có. Thể trí dường như có một số cơ chế này và khi một thời điểm nhất định đạt đến, một màn hình đã đóng cho đến nay được nhấc lên, và sau đó một viễn cảnh hoàn toàn mới mở ra và giọng điệu của toàn bộ cuộc sống và quá trình tâm thức của một người sau đó hoàn toàn thay đổi. Một khám phá mới và sâu sắc bên trong đã được thực hiện và từ cấp độ này xuất hiện những tia trực giác đột ngột như sét đánh ngang trời. Chúng được rút ra từ khía cạnh đó của tâm thức chân ngã chứa đựng những ý tưởng nguyên mẫu, tỏa sáng trong ánh sáng và màu sắc trong thế giới nguyên nhân, và đôi khi những điều này chiếu xạ những phản xạ của chúng vào phàm trí. Sau đó, như chúng ta nói, 'chúng ta biết trong xương tủy của mình'.

Thus true spiritual awareness implies the elevation of one's spiritual powers to their highest degree and, as I have said, all the great utterances have come from this elevation. They are overflowing from a soul filled with deep experience, and they flow forth in sublime literature, in scriptural writings and in great expressions in terms of proverbs, beautiful poems, essential verities. Those who achieve this are the immortals, because they have been touched by the fire and power and light of their own immortal soul.

Do đó, nhận thức tinh thần thực sự ngụ ý sự nâng cao các năng lực tinh thần của một người lên mức cao nhất của chúng và, như tôi đã nói, tất cả những lời phát biểu vĩ đại đều đến từ sự nâng cao này. Chúng tràn ra từ một linh hồn tràn đầy kinh nghiệm sâu sắc, và chúng tuôn ra trong văn học siêu phàm, trong các tác phẩm kinh điển và trong những biểu hiện vĩ đại dưới dạng tục ngữ, những bài thơ hay, những chân lý thiết yếu. Những người đạt được điều này là những người bất tử, bởi vì họ đã được chạm vào bởi ngọn lửa và sức mạnh và ánh sáng của linh hồn bất tử của chính họ.

Immeasurable Power

Sức Mạnh Vô Lường

Another experience of causal consciousness is of finding oneself a centre of immeasurable power, which seems to be blazing up as if you poured boiling oil on to a blazing fire. Yet strangely it is quiet and still, and the

Một trải nghiệm khác của tâm thức nguyên nhân là thấy mình là một trung tâm của sức mạnh vô lường, dường như đang bùng cháy như thể bạn đổ dầu sôi lên một ngọn lửa đang cháy. Tuy nhiên, điều kỳ lạ là nó yên tĩnh và

tremendous force is quite gentle in its nature. You see I am getting caught up in words and contradictions, but I cannot help it. How can power immeasurable be gentle? But it is—the greatest power that man can ever attain to is expressed in gentleness. I think it was Lao Tzu who said: 'When heaven wishes to preserve a man it enfolds him in gentleness'.

tĩnh lặng, và lực lượng to lớn hoàn toàn dịu dàng trong bản chất của nó. Bạn thấy đấy, tôi đang bị cuốn vào những lời nói và mâu thuẫn, nhưng tôi không thể giúp được. Làm thế nào mà sức mạnh vô lường có thể dịu dàng? Nhưng nó là—sức mạnh lớn nhất mà con người có thể đạt được được thể hiện trong sự dịu dàng. Tôi nghĩ Lão Tử đã nói: 'Khi trời muốn bảo tồn một người, nó bao bọc y trong sự dịu dàng'.

The mob at the crucifixion of the Christ, taken literally for a moment, spoke more truly than they knew when in mockery they gave Him the sceptre of the supposed power which He, as a self-proclaimed king said He possessed, and that sceptre was a reed. To their eyes it was a mockery, but in reality it is a perfect symbol of the true nature of spiritual power. It can be immensely potent when its potency is required but, in general, the more powerful it is the more gentle is its expression.

Đám đông tại cuộc đóng đinh Đức Christ, được hiểu theo nghĩa đen trong một khoảnh khắc, đã nói thật hơn những gì họ biết khi trong sự chế nhạo, họ trao cho Ngài vương trượng của quyền lực được cho là mà Ngài, với tư cách là một vị vua tự xưng, nói rằng Ngài sở hữu, và vương trượng đó là một cây sậy. Trong mắt họ, đó là một sự chế nhạo, nhưng trong thực tế, nó là một biểu tượng hoàn hảo về bản chất thực sự của sức mạnh tinh thần. Nó có thể vô cùng mạnh mẽ khi sự mạnh mẽ của nó được yêu cầu, nhưng nói chung, nó càng mạnh mẽ thì sự thể hiện của nó càng dịu dàng.

Another Egoic experience is of wonderful freedom from every restriction that we know here in the mortal flesh. All fear, for example, is gone. I sometimes think of it as a balloon roped to the ground before takeoff, then the ropes are cut and away it goes free into the air. To use another analogy, you can imagine a bee or other insect caught against the glass in your car, which cannot get out because it thinks the transparent wind screen is the way out. Eventually you, shepherd it out of the side window, and away it goes. Or there may be a butterfly or moth in your room struggling perhaps for hours to get out, then you open a window and it finds its way into the infinite regions of the air. It must be a wonderful experience, and something like that occurs every time one escapes from the bondage of the flesh and the mind and finds oneself utterly and completely free.

Một trải nghiệm chân ngã khác là sự tự do tuyệt vời khỏi mọi hạn chế mà chúng ta biết ở đây trong xác thịt phàm trần. Ví dụ, mọi nỗi sợ hãi đều biến mất. Đôi khi tôi nghĩ về nó như một quả bóng bay được buộc dây xuống đất trước khi cất cánh, sau đó dây thừng được cắt và nó bay đi tự do vào không trung. Để sử dụng một phép loại suy khác, bạn có thể tưởng tượng một con ong hoặc côn trùng khác bị mắc kẹt vào kính trong xe của bạn, không thể ra ngoài vì nó nghĩ rằng tấm chắn gió trong suốt là lối ra. Cuối cùng, bạn chăn dắt nó ra khỏi cửa sổ bên, và nó bay đi. Hoặc có thể có một con bướm hoặc con ngài trong phòng của bạn có lẽ đang vật lộn hàng giờ để thoát ra, sau đó bạn mở một cửa sổ và nó tìm đường vào những vùng không khí vô tận. Đó hẳn là một trải nghiệm tuyệt vời, và điều gì đó tương tự như vậy xảy ra mỗi khi một người thoát khỏi sự trói buộc của xác thịt và thể trí và thấy mình

hoàn toàn và trọn vẹn tự do.

Heavily Imprisoned

Bị Giam Cầm Nặng Nề

With this experience there is no mechanism to operate, no instrument of consciousness to work. I, for example, am heavily imprisoned and very well aware of it at the moment. I have to try and describe certain states, but 1 have to bring them down into concepts in the mind and then seek the proper words and grammatical expression, then get it into the brain and work the vocal organs so that this heavy body down here will say something faintly resembling the shining wondrous truth. All life down here is an imprisonment because we are beating against these bars—mind, brain and body—valuably, because that is how we grow. But there can come a realization which is instantly and fully expressed without any conscious effort or action. It simply is, and it has always been there all the time—this is IT. It is not so much a moment, but is rather an eternity of truth.

Với trải nghiệm này, không có cơ chế nào để vận hành, không có công cụ tâm thức nào để làm việc. Ví dụ, tôi đang bị giam cầm nặng nề và rất ý thức được điều đó vào lúc này. Tôi phải cố gắng mô tả một số trạng thái nhất định, nhưng tôi phải đưa chúng xuống thành các khái niệm trong thể trí và sau đó tìm kiếm những từ ngữ và cách diễn đạt ngữ pháp thích hợp, sau đó đưa nó vào bộ não và vận hành các cơ quan phát âm để cơ thể nặng nề này ở đây sẽ nói điều gì đó hơi giống với chân lý kỳ diệu tỏa sáng. Tất cả sự sống ở đây đều là một sự giam cầm bởi vì chúng ta đang đập vào những song sắt này—thể trí, bộ não và cơ thể—một cách có giá trị, bởi vì đó là cách chúng ta phát triển. Nhưng có thể có một sự nhận ra được thể hiện ngay lập tức và đầy đủ mà không cần bất kỳ nỗ lực hoặc hành động có ý thức nào. Nó đơn giản là vậy, và nó luôn ở đó mọi lúc—đây LÀ NÓ. Nó không phải là một khoảnh khắc, mà đúng hơn là một sự vĩnh cửu của chân lý.

There is also a complete confidence in life itself, an utter and absolute trust that the principle of being which we call life has us by the hands, metaphorically, and we are utterly safe. Or, as we say, the ‘everlasting arms’ are always there and there is nothing whatever that can touch us or can hurt us. Nor can death approach us; the very thought of death is unable to penetrate these high frequencies where the soul of man is immortal and eternal, particularly the *atmic* self.

Ngoài ra còn có một sự tự tin hoàn toàn vào chính sự sống, một sự tin tưởng tuyệt đối rằng nguyên lý của hữu thể mà chúng ta gọi là sự sống đang nắm tay chúng ta, theo nghĩa bóng, và chúng ta hoàn toàn an toàn. Hoặc, như chúng ta nói, 'vòng tay vĩnh cửu' luôn ở đó và không có gì có thể chạm vào chúng ta hoặc có thể làm tổn thương chúng ta. Cái chết cũng không thể đến gần chúng ta; chính ý nghĩ về cái chết không thể xâm nhập vào những tần số cao này, nơi linh hồn con người là bất tử và vĩnh cửu, đặc biệt là bản ngã atmic.

Wonderful Freedom

Sự Tự Do Tuyệt Vời

So there is a wonderful freedom. No choices are necessary, no planning can possibly occur, because all is there all the time, and there is only a kind of spontaneous motive-free

Vì vậy, có một sự tự do tuyệt vời. Không cần thiết phải lựa chọn, không thể có bất kỳ kế hoạch nào, bởi vì tất cả đều ở đó mọi lúc, và chỉ có một loại tồn tại tự phát không có động cơ

existence for the Ego of each one of us. It is rather as when a difficult mathematical problem is solved, or when a great discovery is made, or when a sudden means of escape is realized in the midst of the most desperate complications, and one exclaims ‘eureka’. Individuality becomes loose somehow from the tightening grip of selfishness and Individuality melts away into something quite indescribable. The feeling (wrong word) which follows is that of a complete release, utter freedom from all effort, all strain, and that is how the Ego lives all the time.

cho chân ngã của mỗi người chúng ta. Nó giống như khi một bài toán khó được giải, hoặc khi một khám phá vĩ đại được thực hiện, hoặc khi một phương tiện trốn thoát đột ngột được nhận ra giữa những phức tạp tuyệt vọng nhất, và người ta thốt lên 'eureka'. Tính cá nhân bằng cách nào đó trở nên lỏng lẻo khỏi sự kìm kẹp chặt chẽ của sự ích kỷ và Tính cá nhân tan biến vào một cái gì đó hoàn toàn không thể mô tả được. Cảm giác (từ sai) theo sau là cảm giác giải thoát hoàn toàn, hoàn toàn tự do khỏi mọi nỗ lực, mọi căng thẳng, và đó là cách chân ngã sống mọi lúc.

Examined mentally—we are coming down a bit now—the freedom of causal consciousness is found to be due to the fact that it is the result of the breaking up of the restrictions imposed upon one as an individual being. The sense of ‘I’-ness was attained by evolution from the group soul by the process of individualization, a great miracle of nature; but later on this must gradually be surrendered to a kind of spiritual intuitiveness of group consciousness or unity again. It is the breaking up of the restriction imposed upon one as an individual being which lets causal consciousness in. This breaking up is not a mere negative incident but quite a positive one fraught with significance, because it means an infinite expansion of the individual. In causal consciousness you cannot think of an edge or a limit; the whole universe, as it were, is in you and you are that. To be released from this personal sense of enclosed self-separate existence makes one feel above all things intensely exalted. It is like being always at the apex of the triangle where the original inseparability and unity ever exists, instead of being down at the two angles at the base.

Khi được xem xét về mặt trí tuệ—chúng ta đang hạ xuống một chút—sự tự do của tâm thức nguyên nhân được tìm thấy là do sự thật rằng nó là kết quả của việc phá vỡ những hạn chế áp đặt lên một người như một hữu thể cá nhân. Cảm giác về ‘cái Tôi’ đạt được do sự tiến hóa từ hồn nhóm bằng quá trình biệt ngã hóa, một phép lạ vĩ đại của tự nhiên; nhưng sau đó điều này phải dần dần được trao lại cho một loại trực giác tinh thần về tâm thức nhóm hoặc sự hợp nhất trở lại. Chính sự phá vỡ những hạn chế áp đặt lên một người như một hữu thể cá nhân vốn cho phép tâm thức nguyên nhân đi vào. Sự phá vỡ này không chỉ là một sự cố tiêu cực đơn thuần mà là một sự cố hoàn toàn tích cực chứa đựng ý nghĩa, bởi vì nó có nghĩa là một sự mở rộng vô hạn của cá nhân. Trong tâm thức nguyên nhân, bạn không thể nghĩ đến một cạnh hoặc một giới hạn; toàn bộ vũ trụ, như nó vốn là, ở trong bạn và bạn là vũ trụ đó. Được giải thoát khỏi ý thức cá nhân về sự tồn tại khép kín, tách biệt khiến người ta cảm thấy trên hết mọi thứ vô cùng hoan hỉ. Nó giống như việc luôn ở đỉnh của tam giác, nơi sự bất khả phân ly và hợp nhất ban đầu luôn tồn tại, thay vì ở hai góc ở đáy.

Complete Serenity

Sự Thanh Thản Tuyệt Đối

To move on to other categories of spiritual

Để chuyển sang các phạm trù tâm thức tinh

consciousness, the Ego abides in complete serenity based on unarguable certainty, upon absolute self-assurance which is at the same time selfless. Even in the fire of inspiration, and all the exaltation of freedom, there is an interior quiet, a mystical serenity which is very good to enter, to induce down into your soul, so that something of that unarguable certainty and complete self-assurance pervades you and all your attitudes and your contacts, and your outlook on life is serene. It does not have to be created; it only has to be let through.

thần khác, Chân ngã ngự trị trong sự thanh thản tuyệt đối dựa trên sự chắc chắn không thể tranh cãi, trên sự tự tin tuyệt đối đồng thời là vô ngã. Ngay cả trong ngọn lửa của cảm hứng, và tất cả sự hoan hỉ của tự do, có một sự tĩnh lặng bên trong, một sự thanh thản huyền bí rất tốt để đi vào, để dẫn dụ xuống linh hồn của bạn, để một điều gì đó về sự chắc chắn không thể tranh cãi và sự tự tin hoàn toàn thấm vào bạn và tất cả thái độ và sự tiếp xúc của bạn, và cái nhìn của bạn về cuộc sống là thanh thản. Nó không cần phải được tạo ra; nó chỉ cần được cho phép đi qua.

Then again, the time sense is changed as you ascend through the physical and the Astral and the mental levels of consciousness and break through along the antahkarana into the causal world and beyond. Time is left behind, replaced by what is called duration, that is time without limits. It is all going on always, without the divisions of past, present and future. It is all always here. Past lives to the Ego are not past lives at all, they are continuing experiences, because for the Ego there has never been a break in consciousness. That is in marked contrast to bodily life, which is characterized by continual blanks, in which one disappears and the universe disappears. But in causal consciousness there is a time continuum, unbroken. For the Ego there is only now, only one moment—this one. Somebody has called it the absolute moment or sacramental moment which includes all.

Rồi thì, cảm giác về thời gian thay đổi khi bạn thăng lên qua các cõi hồng trần và cảm dục và trí tuệ của tâm thức và đột phá dọc theo antahkarana vào thế giới nguyên nhân và xa hơn nữa. Thời gian bị bỏ lại phía sau, được thay thế bằng cái được gọi là thời lượng, đó là thời gian vô hạn. Tất cả đang diễn ra luôn luôn, không có sự phân chia quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả luôn luôn ở đây. Những kiếp sống quá khứ đối với Chân ngã hoàn toàn không phải là những kiếp sống quá khứ, chúng là những trải nghiệm tiếp diễn, bởi vì đối với Chân ngã chưa bao giờ có sự gián đoạn trong tâm thức. Điều đó trái ngược hẳn với cuộc sống thể xác, vốn được đặc trưng bởi những khoảng trống liên tục, trong đó người ta biến mất và vũ trụ biến mất. Nhưng trong tâm thức nguyên nhân có một sự liên tục thời gian, không gián đoạn. Đối với Chân ngã chỉ có bây giờ, chỉ có một khoảnh khắc—khoảnh khắc này. Ai đó đã gọi nó là khoảnh khắc tuyệt đối hoặc khoảnh khắc thiêng liêng bao gồm tất cả.

Space limitations vanish also, for there is no geography at the causal level. Everywhere is here, now. From the beginning there has been no such thing as movement, distance, no measurement. Someone has described it as the adjacency of everything everywhere. All is here, all is now, all is one, arid all beings are

Những giới hạn về không gian cũng biến mất, vì không có địa lý nào ở cấp độ nguyên nhân. Mọi nơi đều ở đây, bây giờ. Từ đầu đã không có những thứ như chuyển động, khoảng cách, không có sự đo lường. Ai đó đã mô tả nó như là sự liền kề của mọi thứ ở mọi nơi. Tất cả là ở đây, tất cả là bây giờ, tất cả là một, và tất cả các hữu

one being; the Ego knows that and that comes through in certain experiences. It touched us when we applied to join the T.S. [Theosophical Society], signed under the First Object which says, all are one. I shall quote the almost hackneyed phrase of John Donne: 'Any man's death diminishes me because I am involved in mankind and therefore never send to know for whom the bell tolls, it tolls for thee'.

thể là một hữu thể; Chân ngã biết điều đó và điều đó đến qua một số trải nghiệm nhất định. Nó chạm đến chúng ta khi chúng ta nộp đơn gia nhập Hội Thông Thiên Học [Theosophical Society], đã ký theo Mục tiêu Thứ nhất, nói rằng, tất cả là một. Tôi xin trích dẫn cụm từ gần như sáo rỗng của John Donne: 'Cái chết của bất kỳ người nào làm tôi suy giảm vì tôi có liên quan đến nhân loại và do đó đừng bao giờ sai khiến để biết tiếng chuông báo hiệu cho ai, nó báo hiệu cho bạn'.

Fully Experienced Unity

Sự Hợp Nhất Được Trải Nghiệm Hoàn Toàn

This absolute oneness of things is realized in spiritual awareness. It is an attribute of causal consciousness which is completely selfless. There is no 'I' and 'mine' as something separate from 'yours' and 'you'.

Sự hợp nhất tuyệt đối của mọi thứ này được nhận ra trong nhận thức tinh thần. Nó là một thuộc tính của tâm thức nguyên nhân vốn hoàn toàn vô ngã. Không có 'Tôi' và 'của tôi' như một cái gì đó tách biệt với 'của bạn' và 'bạn'.

There prevails an unrationalized but fully experienced unity in which the idea of separateness cannot arise. It is very valuable to get that down here, because so much of our suffering comes from the accentuated state of selfishness. The more we can get away from it and universalize our consciousness, the less are we vulnerable to the hurts and pains of life. There is a little story of two ladies who were talking and one said to the other, 'Have you ever been snubbed?' The other replied, 'Yes, often, but it never mattered because I was never there! '

Có một sự hợp nhất được trải nghiệm đầy đủ nhưng không được hợp lý hóa, trong đó ý tưởng về sự tách biệt không thể nảy sinh. Rất có giá trị để đưa điều đó xuống đây, bởi vì rất nhiều đau khổ của chúng ta đến từ trạng thái ích kỷ được nhấn mạnh. Chúng ta càng có thể thoát khỏi nó và phổ quát hóa tâm thức của mình, chúng ta càng ít bị tổn thương bởi những tổn thương và nỗi đau của cuộc sống. Có một câu chuyện nhỏ về hai người phụ nữ đang nói chuyện và một người nói với người kia, 'Bạn đã bao giờ bị hắt hủi chưa?' Người kia **trả lời**, 'Có, thường xuyên, nhưng điều đó không bao giờ thành vấn đề vì tôi không bao giờ ở đó!'

This spiritual experience was called by St Paul 'The revelation of exceeding greatness'. It is the vision of the eternal wheels of Ezekiel and Dante, 'The knowledge that passes all the argument of the earth', according to Whitman. Carpenter described it as 'The inner illumination by which we can ultimately see

Trải nghiệm tinh thần này được Thánh Paul gọi là 'Sự mặc khải về sự vĩ đại vượt bậc'. Đó là tầm nhìn về những bánh xe vĩnh cửu của Ezekiel và Dante, 'Kiến thức vượt qua mọi tranh luận của trái đất', theo Whitman. Carpenter mô tả nó là 'Sự soi sáng bên trong mà nhờ đó cuối cùng chúng ta có thể nhìn thấy

things as they are, beholding all creation, the animals, the angels, the plants, the figures of our friends, and all the ranks and races of human kind in their true being and order'.

mọi thứ như chúng vốn là, nhìn thấy tất cả sự sáng tạo, các loài động vật, các thiên thần, các loài thực vật, các hình ảnh của bạn bè chúng ta và tất cả các cấp bậc và chủng tộc của loài người trong bản chất và trật tự thực sự của chúng'.

So the *illuminati* bear testimony to the experience of the subjective light, illumination. Naturally, then, there is a moral elevation. Persons touched by the spirit are morally exalted, especially if the divine nectar of spiritual awareness is drunk again and again, in regular contemplative self-exaltation. There is also the intellectual illumination, absolute comprehension. There is the sense of immortality, and the loss of the fear of death. No negatives can enter the causal consciousness, the frequencies are too high and death and fear of death are negatives. The Ego itself is relatively immortal compared with the physical body, and the innermost spirit of man, the dweller in the innermost, is imperishable, eternal and immortal. The pain of bereavement, still felt in the heart, is eased, because it is known that the loved one still lives and has not gone anywhere, because there is nowhere to go. All are one in a unity of spiritual essence.

Vì vậy, những người được khai sáng làm chứng cho trải nghiệm về ánh sáng chủ quan, sự soi sáng. Đương nhiên, sau đó, có một sự thăng hoa về mặt đạo đức. Những người được tinh thần chạm đến được thăng hoa về mặt đạo đức, đặc biệt nếu mật hoa thiêng liêng của nhận thức tinh thần được uống đi uống lại, trong sự tự thăng hoa chiêm nghiệm thường xuyên. Cũng có sự soi sáng trí tuệ, sự thấu hiểu tuyệt đối. Có cảm giác về sự bất tử, và mất đi nỗi sợ hãi cái chết. Không có điều tiêu cực nào có thể xâm nhập vào tâm thức nguyên nhân, các tần số quá cao và cái chết và nỗi sợ hãi cái chết là những điều tiêu cực. Bản thân Chân ngã tương đối bất tử so với thể xác, và tinh thần sâu kín nhất của con người, kẻ ngự trong sâu kín nhất, là bất diệt, vĩnh cửu và bất tử. Nỗi đau mất mát, vẫn còn cảm thấy trong tim, được xoa dịu, bởi vì người ta biết rằng người thân yêu vẫn còn sống và không đi đâu cả, bởi vì không có nơi nào để đi. Tất cả là một trong sự hợp nhất của bản chất tinh thần.

There is also in causal consciousness a loss of the sense of sin, it is as if the soul is washed clean and the gnawing pangs of remorse for errors and mistakes vanish. For sin is a negative and cannot enter the bliss and the undisturbable serenity of the inner self of man.

Cũng có trong tâm thức nguyên nhân sự mất đi cảm giác tội lỗi, như thể linh hồn được gột rửa sạch sẽ và những cơn đau nhức nhối của sự hối hận về những sai lầm và lỗi lầm biến mất. Vì tội lỗi là một điều tiêu cực và không thể xâm nhập vào sự hoan lạc và sự thanh thản không thể lay chuyển của bản ngã bên trong của con người.

Illumined Individual

Cá Nhân Được Soi Sáng

Then it is found that spiritual illumination brings an added charm to the personality, and the people can be strongly attracted to the

Sau đó, người ta thấy rằng sự soi sáng tinh thần mang lại một sự quyến rũ thêm cho phàm ngã, và mọi người có thể bị thu hút

illumined individual. Even a transfiguration of a subject's appearance can be noticeable to others when the cosmic sense is active, he is beautified beyond description. One thinks of Moses descending from Mount Sinai where he had been enveloped in the glory of the Lord, and when he came down he wist not his face that did shine. 'I'-ness is reduced to a minimum. There is a sense of inward divine grace as if touched by

mạnh mẽ bởi cá nhân được soi sáng. Ngay cả một sự biến hình về ngoại hình của một đối tượng có thể được người khác chú ý khi ý thức vũ trụ hoạt động, y được tôn tạo vượt quá sự mô tả. Người ta nghĩ đến Moses xuống núi Sinai, nơi y đã được bao bọc trong vinh quang của Đức Chúa, và khi y xuống, y không biết mặt mình sáng ngời. 'Cái Tôi' được giảm xuống mức tối thiểu. Có một cảm giác về ân sủng thiêng liêng bên trong như thể được chạm vào bởi

Some *illuminati* say that suddenly, without warning, they have the sense of being immersed in a flame or a rose-coloured cloud, or a sense of the mind itself being filled with a cloud of glory. They become at the same instant bathed in the emotion of joy, assurance, triumph, salvation.

Một số người được khai sáng nói rằng đột nhiên, không báo trước, họ có cảm giác được đắm mình trong ngọn lửa hoặc đám mây màu hồng, hoặc cảm giác bản thân thể trí tràn ngập một đám mây vinh quang. Họ trở nên ngay lập tức đắm mình trong cảm xúc vui sướng, đảm bảo, chiến thắng, cứu rỗi.

We so seldom know anything down here, you and I, of the life that we are living in our real selves, but in our diviner moments—taking up some great cause, serving where service is needed, pouring out love, whether reciprocated or not, giving the hand of friendship, the touch of inspiration in work—these experiences, even if we do not recognize them, often come from our inner selves. It is the touch of the living God, which we really are, upon the dull instruments of brain and mind.

Chúng ta rất hiếm khi biết bất cứ điều gì ở đây, bạn và tôi, về cuộc sống mà chúng ta đang sống trong bản ngã thực sự của mình, nhưng trong những khoảnh khắc thiêng liêng hơn của chúng ta—đảm nhận một số sự nghiệp vĩ đại, phụng sự nơi cần phụng sự, tuôn đổ tình thương, dù được đáp lại hay không, trao bàn tay hữu nghị, sự chạm vào của cảm hứng trong công việc—những trải nghiệm này, ngay cả khi chúng ta không nhận ra chúng, thường đến từ bản ngã bên trong của chúng ta. Đó là sự chạm vào của Thượng đế hằng sống, vốn thực sự là chúng ta, trên những công cụ cùn của bộ não và thể trí.

The purpose of yoga is to help us to gain this experience so that by withdrawing our consciousness we can be there in the kingdom of heaven, in the realm of light and bliss and serenity. Then it is useful to bring that centre of self-consciousness into the mind deliberately, into the emotions and into the body, bringing the full fruits of the expansion down to be used in the daily life. If we will

Mục đích của yoga là giúp chúng ta đạt được trải nghiệm này để bằng cách rút tâm thức của mình, chúng ta có thể ở đó trong vương quốc thiên đàng, trong cõi ánh sáng và hoan lạc và thanh thản. Sau đó, hữu ích để đưa trung tâm tự tâm thức đó vào thể trí một cách có chủ ý, vào những cảm xúc và vào cơ thể, mang lại những thành quả trọn vẹn của sự mở rộng để được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Nếu

practice this regularly, day by day, something will begin to draw us into that state which is such a happy and uplifted one, and, if we keep on, not only will we enter into our own inner serenity and peace, but we will gradually be able to lift others—perhaps those in stress and trial, and sorrow, and bereavement, and sickness—out of their limited earthly life, if only for a time, into that condition of being, that inner sanctuary of the soul, where God is enshrined, where He may be known and heard and felt and whence His light may shine through us for the enlightenment of our fellowmen.

chúng ta thực hành điều này thường xuyên, ngày này qua ngày khác, một điều gì đó sẽ bắt đầu lôi kéo chúng ta vào trạng thái hạnh phúc và nâng cao như vậy, và, nếu chúng ta tiếp tục, chúng ta sẽ không chỉ bước vào sự thanh thản và bình yên bên trong của chính mình, mà chúng ta sẽ dần dần có thể nâng đỡ những người khác—có lẽ những người đang gặp căng thẳng và thử thách, và đau buồn, và mất mát, và bệnh tật—ra khỏi cuộc sống trần tục hạn hẹp của họ, dù chỉ trong một thời gian, vào trạng thái tồn tại đó, thánh địa bên trong của linh hồn, nơi Thượng đế được tôn thờ, nơi Ngài có thể được biết đến và lắng nghe và cảm nhận và từ đó ánh sáng của Ngài có thể chiếu xuyên qua chúng ta để soi sáng cho đồng loại của chúng ta.

(Unrevised notes of an address to the Blavatsky Lodge,

Sydney, September, 1961)

(Ghi chú chưa chỉnh sửa của một bài phát biểu trước Blavatsky Lodge,

Sydney, tháng 9 năm 1961)

Theosophy in Australia, 3, 5 October 1962, p. 3

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 5 tháng 10 năm 1962, tr. 3

15

When the Pupil is Ready, The Master Appears—*Khi Đệ Tử Sẵn Sàng, Chân Sư Xuất Hiện*

Whenever a worthy neophyte's aspiring thoughts are turned in search of those aspects of the eternal wisdom which he can assimilate, and of that Temple of the Mysteries where that wisdom is to be found, he is never refused admission to the Sanctuary, for this is a law both of life itself and of the Mysteries, under which law no one ever selflessly cries for light in vain. The sincere search for truth, understanding and knowledge, sought for their own sake and solely with altruistic motives, must always be assisted by the Guardians of those

Bất cứ khi nào những tư tưởng đầy khát vọng của một người sơ cơ xứng đáng hướng đến việc tìm kiếm những khía cạnh của minh triết vĩnh cửu mà y có thể đồng hóa, và Đền thờ của Những Điều Huyền Bí, nơi có thể tìm thấy minh triết đó, y không bao giờ bị từ chối vào Thánh Địa, vì đây là một định luật của cả bản thân sự sống và của Những Điều Huyền Bí, theo định luật này, không ai bao giờ vô tư kêu xin ánh sáng một cách vô ích. Sự tìm kiếm chân thành về chân lý, sự thấu hiểu và tri thức, được tìm kiếm vì lợi ích của chính chúng và chỉ với những động cơ vị tha, phải luôn được hỗ

treasures and granted in the fullest measures to the neophyte according to his karma and interior development.

trợ bởi những Người Bảo Vệ những kho báu đó và được ban cho người sơ cơ ở mức độ đầy đủ nhất theo nghiệp quả và sự phát triển nội tại của y.

Theosophy in New Zealand, Vol. 39, No. 4, 1979, p. 78

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 39, Số 4, 1979, tr. 78

16

One Word for All Aspirants—Try—*Một Lời Cho Tất Cả Những Người Chí Nguyện—Hãy Cố Gắng*

Stairway to Discipleship

Cầu Thang Đến Địa Vị Đệ Tử

Following our Keynote for 1979: 'One word for all aspirants: Try', from the revered Master Kuthumi, I offer thoughts upon the Pathway to Discipleship which is in actuality a *stairway*. The disciple to be mounts this stairway step by step and ultimately arrives at the 'door' of the Master's 'house' and 'home' and His Presence therein—a wonderful experience; for the Master's consciousness includes a state of uttermost selflessness, resultant happiness mounting on occasion to bliss and the ability to solve all problems 'intellectually' as it were and to know all truth from the most mundane—the atom—to the most sublime—the Supreme Source of all, the Godhead without and within him (one Being).

Tiếp theo Chủ Đề Chính của chúng ta cho năm 1979: 'Một lời cho tất cả những người chí nguyện: Hãy Cố Gắng', từ Chân sư Kuthumi đáng kính, tôi xin đưa ra những suy nghĩ về Con Đường đến Địa Vị Đệ Tử, vốn thực chất là một cầu thang. Đệ tử phải leo lên cầu thang này từng bước một và cuối cùng đến 'cánh cửa' 'nhà' và 'tổ ấm' của Chân sư và Sự Hiện Diện của Ngài ở đó—một trải nghiệm tuyệt vời; vì tâm thức của Chân sư bao gồm một trạng thái vô ngã tột cùng, hạnh phúc kết quả đôi khi lên đến cực lạc và khả năng giải quyết tất cả các vấn đề 'về mặt trí tuệ' như nó vốn là và biết tất cả chân lý từ trần tục nhất—nguyên tử—đến cao cả nhất—Nguồn Tối Cao của tất cả, Thượng đế bên ngoài và bên trong y (một Hữu thể).

The disciple, of course, enters this Presence very gradually and guardedly with the Master watching as each 'stair' is mounted—sometimes joyously and with relative ease, sometimes with restrictions but always with high endeavour.

Đệ tử, tất nhiên, bước vào Sự Hiện Diện này rất dần dần và thận trọng với Chân sư theo dõi khi mỗi 'bậc thang' được leo lên—đôi khi vui vẻ và tương đối dễ dàng, đôi khi có những hạn chế nhưng luôn luôn với nỗ lực cao.

Each mounting and each successive 'step' brings its own interior award, reward—chiefly in terms of participating in the Master's state of consciousness. This includes reductions—step by step—of the illusion of

Mỗi lần leo lên và mỗi 'bước' kế tiếp mang lại phần thưởng bên trong của riêng nó, phần thưởng—chủ yếu là về việc tham gia vào trạng thái tâm thức của Chân sư. Điều này bao gồm việc giảm bớt—từng bước một—ảo tưởng về sự

separateness and entry into the experience of the truth of unity.

tách biệt và bước vào trải nghiệm về chân lý của sự hợp nhất.

Eventually, as Adeptship is approached and reached, the totality of one single life in every separate form is fully known. Thus, Jesus is made to say 'I and my Father are one'.

Cuối cùng, khi Địa vị Chân sư được tiếp cận và đạt được, toàn bộ một cuộc sống duy nhất trong mọi hình tướng riêng biệt được biết đến đầy đủ. Vì vậy, Đức Jesus đã nói 'Ta và Cha ta là một'.

This wondrous path, this 'stairway' is ever present and always available to the individual who instinctively believes in its existence and unyieldingly resolves to find and ascend it to the 'heights'—namely, realized unbreakable oneness with all else that exists and so of course with all sentient creatures and beings.

Con đường kỳ diệu này, 'cầu thang' này luôn hiện diện và luôn sẵn sàng cho cá nhân, người theo bản năng tin vào sự tồn tại của nó và kiên quyết giải quyết để tìm và leo lên nó đến 'đỉnh cao'—cụ thể là, nhận ra sự hợp nhất không thể phá vỡ với tất cả những gì tồn tại và do đó tất nhiên là với tất cả các sinh vật và hữu thể hữu tri.

On the summit, mystically though very effectively, stands a 'Caller' or an embodied 'Power', an incarnate 'Truth revealer' who calls perpetually to all human beings but is heard in this epoch by only the few.

Trên đỉnh, một cách huyền bí nhưng rất hiệu quả, có một 'Người Gọi' hoặc một 'Quyền Năng' được thể hiện, một 'người tiết lộ Chân lý' hóa thân, người liên tục kêu gọi tất cả con người nhưng chỉ được một số ít nghe thấy trong thời đại này.

The message includes the 'Call'—'Mount these stairs, for on the summit which is attainable by you, exists indestructible peace of heart and mind, a serenity that nothing on earth below can ever destroy'.

Thông điệp bao gồm 'Lời Kêu Gọi'—'Hãy leo lên những bậc thang này, vì trên đỉnh mà bạn có thể đạt được, tồn tại sự bình yên không thể phá hủy của trái tim và thể trí, một sự thanh thản mà không có gì trên trái đất bên dưới có thể phá hủy'.

'Climb, then, for the banisters exist to which you may turn whenever aid is needed, especially a sense of the danger of falling into the depths below or lack of the strength needed to reach the heights'.

'Vậy thì hãy leo lên, vì có những tay vịn tồn tại mà bạn có thể quay sang bất cứ khi nào cần sự giúp đỡ, đặc biệt là cảm giác về sự nguy hiểm của việc rơi xuống vực sâu bên dưới hoặc thiếu sức mạnh cần thiết để đạt đến đỉnh cao'.

Since the 'Caller' is ever there and ever 'calling', no one attempts the great ascent in loneliness, the required help being ever available.

Vì 'Người Gọi' luôn ở đó và luôn 'kêu gọi', nên không ai cố gắng thực hiện cuộc leo lên vĩ đại trong cô đơn, sự giúp đỡ cần thiết luôn sẵn sàng.

One warning is included in the 'Call'. It tells of one danger from which the whole

Một cảnh báo được bao gồm trong 'Lời Kêu Gọi'. Nó kể về một mối nguy hiểm mà từ đó

undertaking may fail, if only temporarily. This danger is in one word—selfishness—meaning, *a personal desire to benefit in some aspect of human life from occult and spiritual success.*

toàn bộ nỗ lực có thể thất bại, dù chỉ là tạm thời. Mối nguy hiểm này nằm trong một từ—ích kỷ—có nghĩa là, một mong muốn cá nhân được hưởng lợi trong một số khía cạnh của cuộc sống con người từ thành công huyền bí và tinh thần.

'Therefore', says the 'Call', 'even at the very first step, before it is taken, in fact, eliminate wholly and completely every trace of desire for personal gain of any kind; for this is the tragic mistake the "Judas Iscariot" error—the betrayal by a kiss, a pretence of devotion, for personal gain which can lead to occult or even physical suicide, as in his case'.

'Do đó', 'Lời Kêu Gọi' nói, 'ngay cả ở bước đầu tiên, trước khi nó được thực hiện, trên thực tế, hãy loại bỏ hoàn toàn và triệt để mọi dấu vết của mong muốn đạt được lợi ích cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào; vì đây là sai lầm bi thảm, lỗi "Judas Iscariot"—sự phản bội bằng một nụ hôn, một sự giả vờ tận tâm, vì lợi ích cá nhân có thể dẫn đến tự sát huyền bí hoặc thậm chí thể xác, như trong trường hợp của y'.

'Fill your whole being', the warning continues—'every atom of your heart and your mind with ONE IDEA, ONE IDEAL: THE WELFARE OF ALL THAT EXISTS and, of course, especially of all that can and that does ever suffer.

'Hãy lấp đầy toàn bộ hữu thể của bạn', cảnh báo tiếp tục—'mọi nguyên tử trong trái tim và thể trí của bạn với MỘT Ý TƯỞNG, MỘT LÝ TƯỞNG: PHÚC LỢI CỦA TẤT CẢ NHỮNG GÌ TỒN TẠI và, tất nhiên, đặc biệt là của tất cả những gì có thể và luôn đau khổ.

'THIS IS THE GREAT SAFEGUARD, the one salvation by means of which alone the great interior ascent may successfully be made—COMPLETE SELFLESSNESS'.

'ĐÂY LÀ SỰ BẢO VỆ TUYỆT VỜI, sự cứu rỗi duy nhất mà nhờ đó có thể thực hiện thành công cuộc leo lên vĩ đại bên trong—SỰ VÔ NGÃ HOÀN TOÀN'.

This, of course, leads to the holding out of a helping hand to others in whom may also be born the yearning for the heights.

Điều này, tất nhiên, dẫn đến việc chìa tay giúp đỡ những người khác, những người cũng có thể nảy sinh khát khao đạt đến đỉnh cao.

This is the surest 'banister' of all, the unbreakable and immovable support, holding on to which success in the great inborn endeavour is assured.

Đây là 'tay vịn' chắc chắn nhất trong tất cả, sự hỗ trợ không thể phá vỡ và không thể lay chuyển, bám vào đó thành công trong nỗ lực bẩm sinh vĩ đại được đảm bảo.

In the words spoken to His disciples by the great Teacher of the New Testament: 'Become Fishers of men', meaning seek, find and help others similarly inspired.

Trong những lời mà Huấn Sư vĩ đại của Tân Ước đã nói với các đệ tử của Ngài: 'Hãy trở thành những Người đánh bắt cá', có nghĩa là tìm kiếm, tìm thấy và giúp đỡ những người khác có cùng nguồn cảm hứng.

Such, in part, are thoughts associated with our

Đó là một phần những suy nghĩ liên quan đến

ideal for 1979: 'One word for all aspirants—TRY!'

lý tưởng của chúng ta cho năm 1979: 'Một lời cho tất cả những người chí nguyện—HÃY CỐ GẮNG!'

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 2, 1979, p. 33

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 40, Số 2, 1979, tr. [2]33

17

Failure and Success—*Thất Bại và Thành Công*

When the soul looks back at its own defects, it sees that they are numerous, far out-numbering the victories. Year after year it seems to have been beaten, to have weakly given way. At the time each defeat seems final. Despair of victory becomes a constant bitter draught. True, the soul struggles on after each defeat, but victories seem few and fleeting, whilst failures are continuous.

Khi linh hồn nhìn lại những khiếm khuyết của chính nó, nó thấy rằng chúng rất nhiều, vượt xa số lượng những chiến thắng. Năm này qua năm khác, dường như nó đã bị đánh bại, đã yếu ớt nhượng bộ. Vào thời điểm đó, mỗi thất bại dường như là cuối cùng. Tuyệt vọng về chiến thắng trở thành một thứ thuốc đắng liên tục. Đúng vậy, linh hồn tiếp tục đấu tranh sau mỗi thất bại, nhưng những chiến thắng dường như ít ỏi và phù du, trong khi những thất bại thì liên tục.

If, however, one looks back later in life, when perhaps there may have been certain victories, one sees less the defeats and acts of surrender, than the struggle which preceded each of them. Then it is perceived that every effort, every attempt at self-mastery, even though temporarily unsuccessful was actually developing power: No defeat is *all* failure. Struggles which are apparently ineffective are never entirely futile. Their effect is cumulative. Every moment of effort brings an accession of strength until at last strength matches weakness, becomes sufficient for all demands.

Tuy nhiên, nếu người ta nhìn lại sau này trong cuộc đời, khi có lẽ đã có những chiến thắng nhất định, người ta sẽ thấy ít hơn những thất bại và hành động đầu hàng, hơn là cuộc đấu tranh đã xảy ra trước mỗi thất bại đó. Sau đó, người ta nhận thấy rằng mọi nỗ lực, mọi cố gắng để tự chủ, mặc dù tạm thời không thành công, thực sự đang phát triển sức mạnh: Không có thất bại nào là hoàn toàn thất bại. Những cuộc đấu tranh dường như không hiệu quả không bao giờ hoàn toàn vô ích. Hiệu quả của chúng là tích lũy. Mỗi khoảnh khắc nỗ lực mang lại thêm sức mạnh cho đến khi cuối cùng sức mạnh phù hợp với điểm yếu, trở nên đủ cho mọi yêu cầu.

Thus there is a law of conservation of energy in the moral as well as the physical world. No genuine effort is ever wasted, and as long as an effort is made, no defeat is a complete failure.

Như vậy, có một định luật bảo toàn năng lượng trong thế giới đạo đức cũng như vật chất. Không có nỗ lực chân thành nào bị lãng phí, và chừng nào còn nỗ lực, thì không có thất bại nào là hoàn toàn thất bại.

All failures come from within, as do all successes. No external power is either to be blamed for the one or praised for the other. The seeds of both are present in the aspirant from the beginning: which shall sprout and grow the stronger depends upon the individual, especially his mode of thought and life.

Mọi thất bại đều đến từ bên trong, cũng như mọi thành công. Không có thế lực bên ngoài nào bị đổ lỗi cho điều này hay được ca ngợi cho điều kia. Hạt giống của cả hai đều có mặt trong người chí nguyện ngay từ đầu: hạt giống nào sẽ nảy mầm và phát triển mạnh hơn tùy thuộc vào cá nhân, đặc biệt là phương thức suy nghĩ và cuộc sống của y.

Occultism infallibly shows a person up. Everything good or bad in him comes out. That is the value of it to the strong, the danger of it to the weak. Occultism is a force which can either bum up dross and reveal fine gold, or light up passion, inflame desire, accentuate pride.

Huyền bí học chắc chắn cho thấy một người như thế nào. Mọi thứ tốt hay xấu trong y đều lộ ra. Đó là giá trị của nó đối với người mạnh mẽ, sự nguy hiểm của nó đối với người yếu đuối. Huyền bí học là một mãnh lực có thể đốt cháy cặn bã và tiết lộ vàng tốt, hoặc thắp lên đam mê, khơi dậy ham muốn, làm nổi bật sự kiêu hãnh.

The same agency is capable of either effect. All who approach this devouring flame should beware; for it both exalts and consumes. The pure of heart have nought to fear. The prideful and the passionate are in danger from the taking of the first step. 'Be on guard' is blazoned over the doorway leading to the Outer Court. 'Watch closely' is written on the walls within. 'Know Thyself appears above the door leading to the Sanctuary.

Cùng một tác nhân có khả năng tạo ra một trong hai hiệu ứng. Tất cả những ai đến gần ngọn lửa thiêu đốt này nên cẩn thận; vì nó vừa tôn vinh vừa thiêu đốt. Người trong sạch trong tim không có gì phải sợ. Kẻ kiêu ngạo và đam mê đang gặp nguy hiểm khi thực hiện bước đầu tiên. 'Hãy cảnh giác' được giăng lên trên cửa dẫn đến Sân Ngoài. 'Hãy theo dõi chặt chẽ' được viết trên các bức tường bên trong. 'Hãy Tự Biết Mình' xuất hiện phía trên cánh cửa dẫn đến Thánh Địa.

It is not the Hierophants Who are responsible for the dangers, the tests and the falls. It is Nature Herself—especially Nature manifest as man. The Hierophants have neither the right nor the power to deny any individual entrance to any door that he can find open and pass through. They may warn, guide, inspire, but They may not use force. The ardent soul that presses on takes his own life in his own hands.

Không phải Các Hiệu trưởng chịu trách nhiệm cho những nguy hiểm, những thử thách và những thất bại. Chính là Bản Thân Tự Nhiên—đặc biệt là Tự Nhiên biểu hiện như con người. Các Hiệu trưởng không có quyền cũng như quyền lực để từ chối bất kỳ cá nhân nào vào bất kỳ cánh cửa nào mà y có thể tìm thấy đang mở và đi qua. Các Ngài có thể cảnh báo, hướng dẫn, truyền cảm hứng, nhưng Các Ngài không thể dùng vũ lực. Linh hồn nhiệt thành thúc đẩy cuộc sống của chính mình trong tay mình.

The Hierophants but watch, knowing that both victory and enlightenment and defeat

Các Hiệu trưởng chỉ quan sát, biết rằng cả chiến thắng và khai sáng cũng như thất bại và

and failure occur.

They also know that these are experienced within the auric envelope of the candidate for Adeptship.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, p. 66

thất bại đều xảy ra.

Các Ngài cũng biết rằng những điều này được trải nghiệm bên trong noãn hào quang của ứng viên cho Địa vị Chân sư.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 3, Số 3, 1942, tr.66

18

The Pathway of Light—*Con Đường Ánh Sáng*

One of the greatest sources of inspiration for mankind must surely be the ideal of the Pathway of hastened attainment or quickened evolutionary progress. The aspiration to tread this Path is entirely an interior experience brought about when the phase of development is entered at which both the Path may be found and trodden and guidance along that Path be received from a Master of the Wisdom. Upon this Pathway, the possibility exists of the attainment of Discipleship of one of the Masters, and in due course, acceptance as an Initiated member of the Great Brotherhood of Adepts.

Một trong những nguồn cảm hứng lớn nhất cho nhân loại chắc chắn phải là lý tưởng về Con Đường đạt được nhanh chóng hoặc tiến bộ thăng thượng tiến hoá nhanh chóng. Khát vọng bước đi trên Con Đường này hoàn toàn là một trải nghiệm nội tại, xảy ra khi giai đoạn phát triển được bước vào, tại đó cả Con Đường có thể được tìm thấy và bước đi, đồng thời sự hướng dẫn dọc theo Con Đường đó được nhận từ một Chân sư Minh Triết. Trên Con Đường này, có khả năng đạt được Địa vị Đệ tử của một trong các Chân sư, và đến thời điểm thích hợp, được chấp nhận làm thành viên Điểm đạo của Đại Huynh Đệ Đoàn Chân sư.

Broadcasting in America

A wealth of spiritual, philosophic and scientifically occult information and guidance on treading the Path exists in the form of books and letters, some of these being written or inspired by Masters of the Wisdom, they themselves having *retained physical bodies. Such truly great works include: The Mahatma Letters', The Voice of the Silence*—H. P. Blavatsky; *Light on the Path and The Idyll of the White Lotus*—M. Collins; *The Bhagavad Gita* -translated by A. Besant; *In the Outer Court* and *Our Elder Brethren*—A. Besant; *The Buddhist Catechism*—H. S. Olcott; *The Masters and the Path*—C. W. Leadbeater; *The Crest-Jewel of Wisdom*—Shri Shankaracharaya; *In His Name*

Phát thanh ở Mỹ

Một kho tàng thông tin và hướng dẫn huyền bí tinh thần, triết học và khoa học về việc bước đi trên Con Đường tồn tại dưới dạng sách và thư, một số trong số này được viết hoặc được truyền cảm hứng bởi Các Chân sư Minh Triết, bản thân Các Ngài đã giữ lại thể xác. Những tác phẩm thực sự vĩ đại như vậy bao gồm: 'Những Bức Thư Mahatma', Tiếng Nói của Im Lặng—Bà H. P. Blavatsky; Ánh Sáng trên Đường Đạo và Bài Ca Về Hoa Sen Trắng—Bà M. Collins; Bhagavad Gita -do Bà A. Besant dịch; Trong Sân Ngoài và Các Huynh Trưởng Của Chúng Ta—Bà A. Besant; Giáo Lý Phật Giáo—Ông H. S. Olcott; Các Chân Sư và Con Đường—Ông C. W. Leadbeater; Viên Ngọc Trên Đỉnh Minh Triết—

—C. Jinarajadasa; *At the Feet of the Master*—J. Krishnamurti.

Shri Shankaracharaya; Trong Danh Ngài—Ông C. Jinarajadasa; Dưới Chân Thầy—J. Krishnamurti.

These books are also regarded as priceless contributions to the welfare and progress of all humanity. I venture to say, therefore, that the elimination or reduction of references to the existence of the Path of Discipleship and the possibility of its being trodden would be a very great deprivation both to members of the Society and to readers of theosophical literature. This is especially true in these days when spiritual guidance and moral upliftment are so urgently needed.

Những cuốn sách này cũng được coi là những đóng góp vô giá cho phúc lợi và sự tiến bộ của toàn thể nhân loại. Vì vậy, tôi mạo muội nói rằng việc loại bỏ hoặc giảm bớt các tham chiếu đến sự tồn tại của Con Đường Đệ Tử và khả năng bước đi trên nó sẽ là một sự tước đoạt rất lớn đối với cả các thành viên của Hội và độc giả của văn học thông thiên học. Điều này đặc biệt đúng trong những ngày này khi sự hướng dẫn tinh thần và sự nâng cao đạo đức rất cần thiết.

A great Master has written: 'Nature has linked all parts of her Empire together by subtle threads of magnetic sympathy, and, there is a mutual correlation even between a star and a man; thought runs swifter than the electric fluid, and your thought *will find me* if projected by a pure impulse, as mine will find, has found, and often impressed your mind. We may move in cycles of activity divided — not entirely separated from each other. Like the light in the sombre valley seen by the mountaineer from his peaks, every bright thought in your mind, my Brother, will sparkle and attract the attention of your distant friend and correspondent. If thus we discover our natural Allies in the Shadow-World—your world and ours outside the precincts—and it is our law to approach every such an one if even there be but the feeblest glimmer of the true "Tathagata" light within him—then how far easier for you to attract us'.[10]

Một Chân sư vĩ đại đã viết: 'Tự Nhiên đã liên kết tất cả các phần của Đế Chế của Bà lại với nhau bằng những sợi dây cảm thông từ tính tinh tế, và có một mối tương quan lẫn nhau ngay cả giữa một ngôi sao và một con người; tư tưởng chạy nhanh hơn chất lưu điện, và tư tưởng của bạn sẽ tìm thấy tôi nếu được phóng chiếu bởi một xung động thuần khiết, như tư tưởng của tôi sẽ tìm thấy, đã tìm thấy và thường gây ấn tượng với thể trí của bạn. Chúng ta có thể di chuyển trong các chu kỳ hoạt động được chia—không hoàn toàn tách biệt nhau. Giống như ánh sáng trong thung lũng ảm đạm được người leo núi nhìn thấy từ đỉnh núi của mình, mọi tư tưởng tươi sáng trong thể trí của bạn, huynh đệ của tôi, sẽ lấp lánh và thu hút sự chú ý của người bạn và người viết thư ở xa của bạn. Nếu như vậy chúng ta khám phá ra những Đồng Minh tự nhiên của mình trong Thế Giới Bóng Tối—thế giới của bạn và thế giới của chúng ta bên ngoài khu vực—và đó là quy luật của chúng ta để tiếp cận mọi người như vậy, ngay cả khi chỉ có một tia sáng yếu ớt nhất của ánh sáng "Như Lai" chân thật bên trong y—thì bạn sẽ dễ dàng thu

[10] *The Mahatma Letters to A. P. Sinnett,* No. XLV page 267.

hút chúng ta hơn bao nhiêu'.

To fail to keep within the teachings of Theosophy the great ideal of Discipleship of an Adept Teacher would, I am personally assured, be to take the Heart and the Soul out of the Ancient Wisdom; for the Path concept constitutes the hidden Life and Light of *Theosophia.*

Tôi cá nhân chắc chắn rằng, nếu không giữ trong những giáo lý của Thông Thiên Học lý tưởng vĩ đại về Địa vị Đệ tử của một Huấn Sư Chân sư, thì sẽ lấy đi Trái Tim và Linh Hồn khỏi Minh Triết Cổ Xưa; vì khái niệm Con Đường cấu thành Sự Sống và Ánh Sáng ẩn giấu của Thông Thiên Học.

How the Masters May Become Realities for the Student of Theosophy

Làm Thế Nào Các Chân Sư Có Thể Trở Thành Hiện Thực Đối Với Đạo Sinh Thông Thiên Học

Dwell in thought upon all available material concerning the revered Masters.

Hãy suy ngẫm về tất cả các tài liệu có sẵn liên quan đến Các Chân sư đáng kính.

Carefully note a special interest in One or more of Them arising in your mind and heart as you do so.

Hãy cẩn thận ghi lại một sự quan tâm đặc biệt đến Một hoặc nhiều Ngài trong số Họ phát sinh trong thể trí và trái tim của bạn khi bạn làm như vậy.

If so moved, become absorbed in Their purpose: 'To Popularise a Knowledge of Theosophy'.

Nếu được thúc đẩy như vậy, hãy hòa mình vào mục đích của Các Ngài: 'Phổ Biến Kiến Thức về Thông Thiên Học'.

Perceive increasingly the tremendous importance, both to humanity as a whole and to every single individual, of this Their purpose.

Ngày càng nhận thức được tầm quan trọng to lớn, cả đối với nhân loại nói chung và đối với mọi cá nhân, về mục đích này của Các Ngài.

Form and follow the habit of dwelling upon these great Presences, granting Them ever increasing time and place in your own thought and your unfolding motives for living, thus becoming increasingly absorbed in the concept of the existence of the Great Brotherhood and, when natural, of an individual Master.

Hình thành và tuân theo thói quen suy ngẫm về những Hiện Diện vĩ đại này, dành cho Các Ngài ngày càng nhiều thời gian và vị trí trong tư tưởng của riêng bạn và những động cơ sống đang mở ra của bạn, do đó ngày càng hòa mình vào khái niệm về sự tồn tại của Đại Huynh Đệ Đoàn và, khi tự nhiên, của một Chân sư cá nhân.

1. Do not always regard a Master as being restrictively located or using physical consciousness. Rather remember, and often repeat, the following beautiful words of H. P. Blavatsky: 'He standeth now like a white pillar to the West upon whose face the rising sun of

Đừng luôn coi một Chân sư bị giới hạn về vị trí hoặc sử dụng tâm thức thể xác. Thay vào đó, hãy nhớ và thường xuyên lặp lại những lời tuyệt đẹp sau đây của Bà H. P. Blavatsky: 'Giờ đây, Ngài đứng như một cây cột trắng về phía Tây, trên khuôn mặt của Ngài, mặt trời mọc

thought eternal casts its first most glorious beams. His mind like a becalmed and boundless ocean stretcheth out in shoreless space. He holdeth life and death in His strong hands'.[11]

của tư tưởng vĩnh cửu chiếu những tia sáng vinh quang nhất đầu tiên. Thể trí của Ngài giống như một đại dương vô tận và tĩnh lặng trải dài trong không gian vô bờ bến. Ngài nắm giữ sự sống và cái chết trong đôi tay mạnh mẽ của Ngài'.

Allow these ideas increasingly to absorb your interest in life, and in your most effective and practical work to be done for Humanity's sake. Form the habit of healing and helping groups and individuals, if only mentally and privately, invoking and visualising the Masters' Names and aid.

Hãy để những ý tưởng này ngày càng thu hút sự quan tâm của bạn đến cuộc sống và trong công việc hiệu quả và thiết thực nhất của bạn được thực hiện vì lợi ích của Nhân Loại. Hình thành thói quen chữa lành và giúp đỡ các nhóm và cá nhân, dù chỉ là về mặt trí tuệ và riêng tư, cầu khẩn và hình dung Danh Hiệu và sự trợ giúp của Các Chân sư.

Very privately and humbly offer yourself as a channel for the Masters' benedictions to the world and, when so moved, mentally repeat His Name or Their Names.

Một cách rất riêng tư và khiêm tốn, hãy hiến dâng bản thân bạn như một kênh dẫn những lời chúc phúc của Các Chân sư đến thế giới và, khi được thúc đẩy như vậy, hãy lặp lại trong trí Danh Hiệu của Ngài hoặc Danh Hiệu của Các Ngài.

Permit and even enforce all the above to become increasingly the very meaning, purpose and motive for your existence, your present incarnation, and your work, dedicating yourself without the very slightest thought of personal gain.

Cho phép và thậm chí thực thi tất cả những điều trên để ngày càng trở thành ý nghĩa, mục đích và động cơ cho sự tồn tại của bạn, sự lâm phàm hiện tại của bạn và công việc của bạn, cống hiến bản thân mà không hề có ý nghĩ nhỏ nhặt nào về lợi ích cá nhân.

Regularly and wisely practice the Science of Yoga.

Thường xuyên và khôn ngoan thực hành Khoa Học Yoga.

Theosophy in New Zealand, Vol. 44, No. 2, 1938, p. 42

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 44, Số 2, 1938, tr. [2]42[/h2]

19

The Pathway to Sorrow-Less-Ness—*Con Đường Dẫn Đến Bớt-Đau-Khổ*

The Theosophical Society may perhaps be described as an aid provided by the Masters, using which man may travel more easily, and

Hội Thông Thiên Học có lẽ có thể được mô tả như một sự trợ giúp do Các Chân sư cung cấp, sử dụng sự trợ giúp này, con người có thể di

[11] The Voice Of The Silence, *H. P. Blavatsky.*

more safely, and more swiftly than is normal, to the evolutionary stature of Adeptship. Hastened progress is very important both to the individual and the race, because it lifts them both out of sorrow, thereby reducing the extent of the pain in the world. Indeed the whole Race of men on earth—and indeed on other planets on the Round and Chain—is thereby lifted onwards towards sorrowlessness. The compassionate heart, whether of man or Superman, is ideally ever preoccupied with this one urgent necessity—the reduction and ultimate removal of sorrow and suffering from the world. All the efforts of all the Adepts may be said to have this as their main objective. In other words, to bring all men to Nirvana is the paramount objective, as far as the human race is concerned, of the Great Brotherhood of Initiates and Adepts.

chuyển dễ dàng hơn, an toàn hơn và nhanh chóng hơn so với bình thường, đến tầm vóc thăng thượng tiến hoá của Địa vị Chân sư. Tiến bộ nhanh chóng là rất quan trọng đối với cả cá nhân và nhân loại, bởi vì nó nâng cả hai thoát khỏi đau khổ, do đó làm giảm mức độ đau đớn trên thế giới. Thật vậy, toàn bộ Nhân Loại trên trái đất—và thực sự là trên các hành tinh khác trên Vòng Tuần Hoàn và Dãy—do đó được nâng lên hướng tới sự bớt đau khổ. Trái tim từ bi, dù là của con người hay Siêu nhân, về mặt lý tưởng luôn bận tâm đến một nhu cầu cấp thiết này—giảm bớt và cuối cùng là loại bỏ đau khổ và thống khổ khỏi thế giới. Tất cả những nỗ lực của tất cả các Chân sư có thể được cho là có mục tiêu chính này. Nói cách khác, đưa tất cả mọi người đến Niết Bàn là mục tiêu tối thượng, liên quan đến nhân loại, của Đại Huynh Đệ Đoàn Các Điểm Đạo Đồ và Chân sư.

This supreme purpose is nowhere more clearly revealed than in the life and teachings of both the Lord Buddha and the Lord Christ. Their compassion for all creatures was immeasurable. None were excluded from their perfect love, none overlooked, none forgotten, none ignored. All beings, from the smallest insect to the most sensitive man, were included in Their consciousness and became the subjects of Their meditation and ministration.

Mục đích tối cao này không được tiết lộ rõ ràng hơn ở đâu so với trong cuộc đời và những lời dạy của cả Đức Phật và Đức Christ. Lòng trắc ẩn của Các Ngài đối với tất cả chúng sinh là vô lượng. Không ai bị loại trừ khỏi tình yêu hoàn hảo của Các Ngài, không ai bị bỏ qua, không ai bị lãng quên, không ai bị phớt lờ. Tất cả chúng sinh, từ côn trùng nhỏ nhất đến con người nhạy cảm nhất, đều được bao gồm trong tâm thức của Các Ngài và trở thành đối tượng của thiền định và sự giúp đỡ của Các Ngài.

Compassion for all that lives expressed in thought, motive, word and deed—this is the age-old message of the Teachers of the Race to a world seeking health, happiness, serenity and peace.

Lòng trắc ẩn đối với tất cả những gì sống được thể hiện trong tư tưởng, động cơ, lời nói và việc làm—đây là thông điệp lâu đời của Các Huấn Sư của Nhân Loại gửi đến một thế giới đang tìm kiếm sức khỏe, hạnh phúc, thanh thản và bình an.

Theosophy in New Zealand, Vol. 38, No. 4, 1977, p. 87

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 38, Số 4, 1977, tr. [2]87[/h2]

20—

The Ideal of Selflessness—*Lý Tưởng Về Sự Vị Tha*

Christians are familiar with the story of King Herod of Judea who carried out the terrible crime known as the Massacre of the Innocents. The account is given in the second chapter of St Matthew:

Các Kitô hữu quen thuộc với câu chuyện về Vua Herod của Judea, người đã thực hiện tội ác khủng khiếp được gọi là Vụ Thảm Sát Những Người Vô Tội. Câu chuyện được kể trong chương thứ hai của Thánh Matthew:

Now when Jesus was born in Bethlehem of Judea in the days of Herod the king, behold, there came wise men from the east to Jerusalem.

Bây giờ khi Đức Jesus được sinh ra ở Bethlehem thuộc Judea vào thời Herod làm vua, kìa, có những nhà thông thái từ phương đông đến Jerusalem.

Saying, Where is he that is born King of the Jews? for we have seen his star in the east, and are come to worship him. When Herod the king had heard these things, he was troubled, and all Jerusalem with him....

Nói rằng, Ngài là Vua của người Do Thái mới sinh ở đâu? vì chúng ta đã thấy ngôi sao của Ngài ở phương đông, và chúng ta đến để thờ phượng Ngài. Khi Vua Herod nghe những điều này, ông ta đã lo lắng, và cả Jerusalem cũng vậy....

Then Herod, when he saw that he was mocked of the wise men, was exceeding wroth, and sent forth, and slew all the children that were in Bethlehem, and in all the coasts thereof from two years old and under, according to the time which he had diligently enquired of the wise men.

Sau đó, Herod, khi thấy mình bị các nhà thông thái chế giễu, đã vô cùng tức giận, và sai đi, và giết tất cả những đứa trẻ ở Bethlehem, và ở tất cả các vùng ven biển của nó từ hai tuổi trở xuống, theo thời gian mà ông ta đã siêng năng hỏi các nhà thông thái.

We are reminded of a not dissimilar 'fall' or 'descent' by Judas Iscariot. Judas Iscariot had been chosen by the Lord Jesus Christ as one of his disciples and must therefore have been regarded as a trustworthy devotee. Unfortunately, however, Judas fell under the temptation of financial gain, and betrayed his Master for thirty pieces of silver. This he carried out in the Garden of Gethsemane, St Matthew records the event as follows:

Chúng ta được nhắc nhở về một 'sự sa ngã' hoặc 'sự xuống dốc' không khác mấy của Judas Iscariot. Judas Iscariot đã được Đức Chúa Jesus Christ chọn làm một trong những môn đệ của Ngài và do đó hẳn phải được coi là một người sùng đạo đáng tin cậy. Tuy nhiên, thật không may, Judas đã rơi vào sự cám dỗ của lợi ích tài chính, và phản bội Huấn Sư của mình để lấy ba mươi miếng bạc. Ông ta đã thực hiện điều này trong Vườn Gethsemane, Thánh Matthew ghi lại sự kiện này như sau:

Then one of the twelve, called Judas Iscariot, went unto the chief priests, And said unto them, What will ye give me, and I will deliver him unto you? And they covenanted with him for thirty pieces of silver.

Sau đó, một trong mười hai người, tên là Judas Iscariot, đã đến gặp các thầy tế lễ cả, Và nói với họ, Các ông sẽ cho tôi cái gì, và tôi sẽ giao Ngài cho các ông? Và họ đã giao ước với ông ta ba mươi miếng bạc.

And from that time he sought opportunity to

Và từ thời điểm đó, ông ta đã tìm cơ hội để

betray him....

phản bội Ngài....

And while [Jesus] yet spake, lo, Judas, one of the twelve, came, and with him a great multitude with swords and staves, from the chief priests and elders of the people.

Và trong khi [Đức Jesus] vẫn còn nói, kìa, Judas, một trong mười hai người, đến, và cùng với ông ta là một đám đông lớn mang gươm và gậy, từ các thầy tế lễ cả và các trưởng lão của dân chúng.

Now he that betrayed him gave them a sign, saying.

Bây giờ, kẻ đã phản bội Ngài đã cho họ một dấu hiệu, nói rằng.

Whomsover I shall kiss, that same is he: hold him fast.

Tôi hôn ai, thì đó là người đó: hãy giữ chặt người đó.

And forthwith he came to Jesus, and said, Hail, Master; and kissed him.

Và ngay lập tức ông ta đến với Đức Jesus, và nói, Chào Huấn Sư; và hôn Ngài.

And Jesus said unto him, Friend, wherefore art thou come? Then came they, and laid hands on Jesus, and took him.

Và Đức Jesus nói với ông ta, Bạn hữu, sao ngươi đến đây? Sau đó họ đến, và đặt tay lên Đức Jesus, và bắt Ngài.

Thus, not only did the trusted disciple betray his Master for personal gain but he did so by means of a pretence of devotion (this is a warning to all aspirants to discipleship and advancement in the inner life that from the time of taking the first step forward—even before it is taken, in fact—every trace of selfish desire must be wholly eliminated from their character).

Như vậy, người môn đệ được tin tưởng không chỉ phản bội Huấn Sư của mình vì lợi ích cá nhân mà ông ta còn làm như vậy bằng cách giả vờ sùng đạo (đây là một lời cảnh báo cho tất cả những người chí nguyện cho địa vị đệ tử và sự tiến bộ trong đời sống nội tâm rằng từ thời điểm thực hiện bước tiến đầu tiên—thậm chí trước khi nó được thực hiện, trên thực tế—mọi dấu vết của ham muốn ích kỷ phải được loại bỏ hoàn toàn khỏi tính cách của họ).

If this defect exists the aspirant's progress will always be threatened by the danger of attempting to use whatever occult or spiritual powers may have been developed for personal benefit. In order, therefore, to be saved from occult suicide, it is necessary to fill one's heart and mind with a paramount ideal—the welfare of all that lives and especially of all that suffers. This is the great safeguard against the Judas Iscariot tragedy; it is the one means by which the spiritual ascent may successfully be made, namely, total and unwavering selflessness.

Nếu khuyết điểm này tồn tại, sự tiến bộ của người chí nguyện sẽ luôn bị đe dọa bởi nguy cơ cố gắng sử dụng bất kỳ quyền năng huyền bí hoặc tinh thần nào có thể đã được phát triển vì lợi ích cá nhân. Do đó, để được cứu khỏi sự tự sát huyền bí, cần phải lấp đầy trái tim và thể trí của một người bằng một lý tưởng tối thượng—phúc lợi của tất cả những gì sống và đặc biệt là của tất cả những gì đau khổ. Đây là sự bảo vệ tuyệt vời chống lại thảm kịch Judas Iscariot; đó là phương tiện duy nhất mà sự thăng tiến tinh thần có thể được thực hiện thành công, cụ thể là, sự vị tha hoàn toàn và

không lay chuyển.

One is reminded of a somewhat similar but less destructive action of King Kamsa, the uncle of the Lord Sri Krishna. In the Hindu scripture we read:

Người ta được nhắc nhở về một hành động có phần tương tự nhưng ít mang tính hủy diệt hơn của Vua Kamsa, chú của Đức Chúa Sri Krishna. Trong kinh sách Hindu, chúng ta đọc:

Kamsa was driving his chariot when a voice from the sky addressed him and said: "O fool, the eighth child born from the womb of the girl you are now conducting will be your slayer". Kamsa was extremely wicked and sinful, ruthless and impudent, nay, a veritable disgrace to the family of the Bhojas. As soon as he heard the voice he seized, sword in hand, his cousin by her braid with a view to killing her on the spot.

Kamsa đang lái xe ngựa thì một giọng nói từ trên trời vọng xuống và nói: "Hỡi kẻ ngốc, đứa con thứ tám sinh ra từ bụng người con gái mà ngươi đang dẫn đi sẽ là kẻ giết ngươi". Kamsa cực kỳ độc ác và tội lỗi, tàn nhẫn và xấc xược, thậm chí là một nỗi ô nhục thực sự cho gia tộc Bhojas. Ngay khi nghe thấy giọng nói, y liền nắm lấy bím tóc của người em họ bằng tay cầm kiếm, với ý định giết Bà ngay tại chỗ.

Fearful that a child of Devaki would rob him of his throne, and even his life, Kamsa placed her and her husband Vasudeva in prison and ordered that every child that was born of them was to be immediately destroyed. His evil plot was not fulfilled, however, when the Lord Sri Krishna was born, for the bars of the prison were magically unfastened and the guards put to sleep. Thereupon Vasudeva, the father, took the new-born child across the river into the forest where his foster-mother was also being delivered of a baby. He persuaded her to make an exchange, so that Sri Krishna was thereby saved from attack by the soldiers of Kamsa.

Lo sợ rằng một đứa con của Devaki sẽ cướp ngôi của mình, thậm chí cả mạng sống của mình, Kamsa đã tống Bà và chồng là Vasudeva vào tù và ra lệnh rằng mọi đứa trẻ sinh ra từ họ phải bị tiêu diệt ngay lập tức. Tuy nhiên, âm mưu xấu xa của y đã không thành khi Đức Chúa Sri Krishna ra đời, vì song sắt nhà tù đã tự động mở ra một cách kỳ diệu và lính canh ngủ thiếp đi. Sau đó, Vasudeva, người cha, đã đưa đứa trẻ sơ sinh qua sông vào khu rừng nơi mẹ nuôi của Ngài cũng đang sinh con. Ông thuyết phục Bà đổi con, nhờ đó Sri Krishna được cứu khỏi sự tấn công của binh lính của Kamsa.

When the spiritual life is entered upon and the aspirant presses forward towards the highest ideal, then it is that great trials appear to menace his progress.

Khi đời sống tinh thần bắt đầu và người chí nguyện tiến lên phía trước hướng tới lý tưởng cao nhất, thì đó là lúc những thử thách lớn xuất hiện đe dọa sự tiến bộ của y.

During his ministry, the Lord Gautama Buddha gathered around himself a number of chosen and so, presumably, faithful disciples. It is recorded in the Buddhist scriptures that all of these were indeed trustworthy save one, his own brother Devadatta who ardently

Trong thời gian hành đạo, Đức Phật Gautama đã tập hợp xung quanh Ngài một số đệ tử được chọn và có lẽ là trung thành. Kinh điển Phật giáo ghi lại rằng tất cả những người này đều đáng tin cậy, ngoại trừ một người, em trai của Ngài là Devadatta, vốn tha thiết mong muốn

desired the leadership of the Order and plotted against the Buddha.

được lãnh đạo Giáo đoàn và âm mưu chống lại Đức Phật.

In the midst of the discourse [by the Lord Buddha], Devadatta rose from his seat and, arranging his upper robe over one shoulder, stretched out his joined palms to the Master, saying:

Giữa bài thuyết giảng [của Đức Phật], Devadatta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh lại áo choàng trên một vai, giơ hai lòng bàn tay chắp lại trước Chân sư, nói:

“Master, you have now grown aged and stricken in years.

"Chân sư, Ngài đã già và nhiều tuổi rồi.

You have accomplished a long journey and the span of your life has nearly run. It is time that you dwelt at ease in enjoyment of that happiness which is reached even in this world. Let the Exalted One give up the direction of the Order to me. I will be its leader”. Devadatta was an accomplished speaker with a clear enunciation, and the beauty of his voice captivated people. But even so, a murmur of dissent ran through those that heard him. The Master looked upon him with great sorrow and said quietly: “You have said enough, Devadatta. Desire not to be the leader of the Order..."

Ngài đã hoàn thành một cuộc hành trình dài và quãng đời của Ngài gần như đã hết. Đã đến lúc Ngài an nhàn tận hưởng hạnh phúc ngay cả trong thế giới này. Xin Đấng Tối Cao giao quyền điều hành Giáo đoàn cho con. Con sẽ là người lãnh đạo." Devadatta là một diễn giả tài ba với cách phát âm rõ ràng, và vẻ đẹp trong giọng nói của y đã thu hút mọi người. Nhưng dù vậy, một tiếng thì thầm phản đối vang lên trong số những người nghe y nói. Chân sư nhìn y với nỗi buồn lớn lao và nhẹ nhàng nói: "Ngươi đã nói đủ rồi, Devadatta. Đừng mong muốn trở thành người lãnh đạo Giáo đoàn..."

This was the first attempt that Devadatta made to overthrow the Master...

Đây là nỗ lực đầu tiên mà Devadatta thực hiện để lật đổ Chân sư...

Then Devadatta knew that if the Master was to be killed he alone would have to do the deed. With this object in view he climbed a crack on Vultures’ Peak and stood on the edge of it. And when the Master paced to and fro in meditation along the path beneath, Devadatta hurled down a mighty rock. But it struck a projecting piece of the mountain-side and only a small splinter of it hit the Master ’ s foot, making it bleed. The Master looked up sadly, saying: ‘Oh foolish one, Great is the demerit you are bringing upon yourself.'

Sau đó, Devadatta biết rằng nếu Chân sư bị giết thì chỉ một mình y phải làm việc đó. Với mục đích này, y trèo lên một kẽ nứt trên Đỉnh Kền Kền và đứng trên mép của nó. Và khi Chân sư bước đi tới lui trong thiền định dọc theo con đường bên dưới, Devadatta đã ném xuống một tảng đá lớn. Nhưng nó đã va vào một mảng nhô ra của sườn núi và chỉ một mảnh nhỏ của nó trúng vào chân của Chân sư, khiến nó chảy máu. Chân sư buồn bã ngước lên và nói: "Ôi kẻ ngốc, ngươi đang mang đến cho mình một điều vô cùng bất thiện."

Devadatta, having failed in this second attempt to supplant the Master, now went to

Devadatta, sau khi thất bại trong nỗ lực thứ hai này để thay thế Chân sư, giờ đây đã đến gặp

the keepers of the fierce elephant, Nalagiri, a man-slayer, and said: 'As you know, I am the King's confidential adviser and also I can arrange increase in food rations and in pay for men who do my bidding'.

'Yes, Venerable Sir', they replied, knowing what he said was true. 'Whatever are your orders, they shall be carried out by us'.

Devadatta continued: 'When the sage, Gautama, passes down this road, let loose the elephant Nalagiri'.

As the people were speaking, the Master was putting forth his power of friendship and suffusing Nalagiri with loving heart.

Before he reached the Master, the elephant put down his trunk and went quietly up.

The Master stroked his forehead and spoke to him. Then Nalagiri took the dust from the feet of the Blessed One and went back to the elephant stables, turning round from time to time to look at the Master, and to those who saw, it seemed that the elephant's eyes were filled with the same love as the Master's. From that time, Nalagiri was tame and docile, and people said: 'Elephants can be tamed with sticks and goads, but the great elephant among men tamed Nalagiri without any of these things'.

From *Footprints of Gautama the Buddha* by M. B. Byles *The Theosophist*, Vol. 103, April 1982, p. 262

những người quản tượng dữ tợn, Nalagiri, một kẻ giết người, và nói: "Như các ngươi đã biết, ta là cố vấn bí mật của Nhà Vua và ta cũng có thể sắp xếp tăng khẩu phần ăn và trả lương cho những người làm theo lệnh của ta".

"Vâng, thưa Ngài đáng kính", họ **trả lời**, biết những gì y nói là sự thật. "Bất cứ mệnh lệnh nào của Ngài, chúng con sẽ thực hiện."

Devadatta tiếp tục: "Khi nhà hiền triết, Gautama, đi xuống con đường này, hãy thả con voi Nalagiri ra".

Khi mọi người đang nói chuyện, Chân sư đã phát huy sức mạnh tình bạn của Ngài và thấm nhuần Nalagiri bằng trái tim yêu thương.

Trước khi đến được Chân sư, con voi đã hạ vòi xuống và lặng lẽ tiến lên.

Chân sư xoa trán nó và nói chuyện với nó. Sau đó, Nalagiri lấy bụi từ chân của Đấng Chân Phúc và quay trở lại chuồng voi, thỉnh thoảng quay lại nhìn Chân sư, và đối với những người nhìn thấy, dường như đôi mắt của con voi tràn ngập tình yêu thương giống như của Chân sư. Từ đó trở đi, Nalagiri trở nên thuần hóa và ngoan ngoãn, và mọi người nói: "Voi có thể được thuần hóa bằng gậy và gậy nhọn, nhưng con voi vĩ đại trong số những người đã thuần hóa Nalagiri mà không cần bất kỳ thứ gì trong số này".

Trích từ Footprints of Gautama the Buddha của M. B. Byles The Theosophist, Tập. 103, tháng 4 năm 1982, tr. 262

21

The Virtue of Humaneness—*Đức Tính Nhân Bản*

Since kindness is of such supreme importance to the health and happiness of man, it merits close examination. There are, I submit, at least

Vì lòng tốt có tầm quan trọng tối cao đối với sức khỏe và hạnh phúc của con người, nên nó xứng đáng được xem xét kỹ lưỡng. Tôi xin

four basic reasons for humaneness:

trình bày ít nhất bốn lý do cơ bản cho tính nhân bản:

By kindness alone can man ratify the fact of the unity of Life. The One Life has been described as a conscious, hyper-sensitive, electric, creative energy. All effects, pleasurable or painful, produced upon one living creature are communicated by this electric, 'telegraphic' Life-force, elan vital, throughout the whole of manifested life. Cruelty to sentient Life in one form is cruelty to all, for Life is one. Injury even to a single being can have far reaching effects, harm to one causing harm to all. The same is true of humaneness.

Chỉ bằng lòng tốt, con người mới có thể xác nhận sự thật về tính duy nhất của Sự Sống. Sự Sống Duy Nhất đã được mô tả như một năng lượng sáng tạo, điện, siêu nhạy cảm, có ý thức. Tất cả các tác động, dễ chịu hoặc đau đớn, được tạo ra trên một sinh vật sống được truyền đạt bởi Sinh lực 'điện báo', sinh khí này, trên toàn bộ sự sống biểu hiện. Tàn ác với Sự Sống hữu tri ở một dạng là tàn ác với tất cả, vì Sự Sống là một. Ngay cả việc gây thương tích cho một sinh vật duy nhất cũng có thể gây ra những ảnh hưởng sâu rộng, gây hại cho một người gây hại cho tất cả. Điều tương tự cũng đúng với tính nhân bản.

Universal love is the highest possible ratification in conduct of the fact of unity. One must be humane for love's sake. All else is hate, darkness, disobedience, cosmic lawlessness.

Tình thương phổ quát là sự xác nhận cao nhất có thể có trong hành vi về sự thật của sự hợp nhất. Người ta phải nhân ái vì tình yêu thương. Tất cả những thứ khác là hận thù, bóng tối, bất tuân, vô luật pháp vũ trụ.

The health and the happiness of all sentient beings depend upon their mutual, humane relationship. We are all dependent upon one another for our well-being, progress, fulfilment. Especially are all animals dependent upon man, being helpless before him.

Sức khỏe và hạnh phúc của tất cả chúng sinh hữu tri phụ thuộc vào mối quan hệ nhân ái, tương hỗ của chúng. Tất cả chúng ta đều phụ thuộc vào nhau để có được hạnh phúc, tiến bộ, viên mãn. Đặc biệt, tất cả các loài động vật đều phụ thuộc vào con người, vì chúng bất lực trước con người.

Under the law of compensation, or cause and effect, man reaps as he sows. Cruelty inevitably brings suffering, kindness brings happiness.

Theo luật bù trừ, hay nhân quả, con người gặt hái những gì mình gieo. Sự tàn ác chắc chắn mang lại đau khổ, lòng tốt mang lại hạnh phúc.

There can be no evasion, no permanent, scientific self-protection from the results of the breaking of the laws of unity, harmony and love. There are no law-raid shelters. The whole vast product of the modern world's pharmacopoeia and medical practice cannot avail to protect mankind from the results of breaking the law of Life, the very law of being,

Không thể trốn tránh, không thể tự bảo vệ mình một cách khoa học, vĩnh viễn khỏi những kết quả của việc phá vỡ các định luật về sự hợp nhất, hài hòa và yêu thương. Không có nơi trú ẩn tránh luật pháp. Toàn bộ sản phẩm rộng lớn của dược điển và thực hành y học của thế giới hiện đại không thể giúp bảo vệ nhân loại khỏi những kết quả của việc phá vỡ luật Sự

which is love. The prevalent ill-health of modern man demonstrates this principle of immutable and inevitable law conclusively.

Sống, chính luật của sự tồn tại, vốn là tình yêu thương. Tình trạng sức khỏe kém phổ biến của con người hiện đại chứng minh nguyên tắc luật bất biến và không thể tránh khỏi này một cách thuyết phục.

Fortunately, the crusade for kindness is growing in volume and power. It is a glorious crusade, for it has two objectives: to banish cruelty from the world and to lead mankind along the way of health and happiness.

May mắn thay, cuộc thập tự chinh vì lòng tốt đang ngày càng lớn mạnh về quy mô và sức mạnh. Đó là một cuộc thập tự chinh vinh quang, vì nó có hai mục tiêu: loại bỏ sự tàn ác khỏi thế giới và dẫn dắt nhân loại trên con đường sức khỏe và hạnh phúc.

I repeat that, in addition to the wise conduct of life, humaneness, which is obedience to the law of love in thought, feeling, word and deed, is the only way to enduring physical health as also to lasting world peace.

Tôi xin nhắc lại rằng, ngoài cách sống khôn ngoan, tính nhân bản, vốn là sự tuân theo luật yêu thương trong suy nghĩ, cảm xúc, lời nói và hành động, là con đường duy nhất dẫn đến sức khỏe thể chất lâu dài cũng như hòa bình thế giới lâu dài.

Theosophy in New Zealand, Vol. 37, No. 4, 1976, p. 86

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 37, Số 4, 1976, tr. 86

22

Spiritual Vision [1]—*Tầm Nhìn Tinh Thần [1]*

One cannot deny that there are certain difficulties and even dangers inseparable from the attempt to achieve interior vision at this period of human evolution. If one has followed this path in other lives and can live at least a part of one's present life in retreat, then the practices of yoga, carried out under expert guidance are reasonably safe.

Người ta không thể phủ nhận rằng có những khó khăn nhất định và thậm chí cả những nguy hiểm không thể tách rời khỏi nỗ lực đạt được tầm nhìn nội tại trong giai đoạn tiến hóa của con người này. Nếu một người đã đi theo con đường này trong những kiếp sống khác và có thể sống ít nhất một phần cuộc đời hiện tại của mình trong ẩn dật, thì những thực hành yoga, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của chuyên gia là tương đối an toàn.

Those aspirants who are born in western bodies in this life, often find that their work consists largely of action, that their *dharma* now is active service of the world. Yet, to be effective, service must be wisely planned and intelligently directed and this demands a measure of spiritual vision.

Những người chí nguyện sinh ra trong thân thể phương Tây trong kiếp này, thường thấy rằng công việc của họ phần lớn bao gồm hành động, rằng pháp của họ bây giờ là phụng sự thế giới một cách tích cực. Tuy nhiên, để có hiệu quả, sự phụng sự phải được lên kế hoạch một cách khôn ngoan và được chỉ đạo một cách

thông minh và điều này đòi hỏi một mức độ tầm nhìn tinh thần.

There is a great need at the present time for originality of thought and action, for more personal realization of spiritual truth and less dependence upon book knowledge and the vision of others. We require far more first-hand knowledge of spiritual truth and far less vain repetition of second-hand information, if we are to stand firm amid the many diverse points of view, both religious and scientific, which are now being presented to us. The burning question for all would-be servants of the world is: How can each one of us establish ourselves firmly on the rock of first-hand knowledge? How can we know for our selves?

Hiện nay, có một nhu cầu lớn về tính độc đáo trong suy nghĩ và hành động, để nhận ra chân lý tinh thần một cách cá nhân hơn và ít phụ thuộc hơn vào kiến thức sách vở và tầm nhìn của người khác. Chúng ta cần kiến thức trực tiếp về chân lý tinh thần nhiều hơn và ít lặp lại vô ích thông tin gián tiếp hơn, nếu chúng ta muốn đứng vững giữa nhiều quan điểm khác nhau, cả tôn giáo và khoa học, hiện đang được trình bày cho chúng ta. Câu hỏi cấp bách cho tất cả những người muốn phụng sự thế giới là: Làm thế nào mỗi người chúng ta có thể tự thiết lập một cách vững chắc trên nền tảng kiến thức trực tiếp? Làm thế nào chúng ta có thể tự mình biết?

One answer is: By the development and use of the Intuition.

Một câu **trả lời** là: Bằng cách phát triển và sử dụng Trực Giác.

Here we are on perfectly safe ground, for everyone of us possesses the faculty of intuition in embryo; it is already beginning to show itself in the world as the power of synthetic or causal thought and especially in America, where it is known as the ‘hunch’. There is hardly a single subject upon which we cannot gain first-hand knowledge by the process of intuitive investigation. This demands that we free ourselves from the habit and limitations of analytical and deductive thinking, and, rising above the concrete mind, enter into egoic consciousness wherein intuition is the natural means of cognition.

Ở đây chúng ta đang ở trên một nền tảng hoàn toàn an toàn, vì mỗi người chúng ta đều sở hữu khả năng trực giác trong phôi thai; nó đã bắt đầu thể hiện bản thân trên thế giới như là sức mạnh của tư duy tổng hợp hoặc nhân quả và đặc biệt là ở Mỹ, nơi nó được gọi là 'linh cảm'. Hầu như không có một chủ đề nào mà chúng ta không thể có được kiến thức trực tiếp bằng quá trình điều tra trực quan. Điều này đòi hỏi chúng ta phải giải phóng bản thân khỏi thói quen và những hạn chế của tư duy phân tích và suy diễn, và, vượt lên trên hạ trí, đi vào tâm thức chân ngã, nơi trực giác là phương tiện nhận thức tự nhiên.

Browning truly said: ‘To know rather consists in opening out a way whence the imprisoned Splendour may escape, than effecting an entry for a light supposed to be without’.

Browning đã nói một cách chân thành: 'Biết đúng hơn là mở ra một con đường để từ đó Sự Huy Hoàng bị giam cầm có thể thoát ra, hơn là thực hiện một lối vào cho một ánh sáng được cho là ở bên ngoài'.

By clairvoyance alone we see only that which is without; we are limited to objective vision,

Chỉ bằng thông nhãn, chúng ta mới thấy những gì ở bên ngoài; chúng ta bị giới hạn

and see but the form which hides the truth. We must possess the power to see, know and identify ourselves with the life within the form in order to discover truth itself.

trong tầm nhìn khách quan, và chỉ thấy hình tướng che giấu sự thật. Chúng ta phải sở hữu sức mạnh để nhìn, biết và đồng nhất mình với sự sống bên trong hình tướng để khám phá ra chính sự thật.

These two, clairvoyance and intuition, used together, constitute a perfect instrument for research. But the truest vision is the intuitive; all supposed seership which is not based upon intuitive perception can never be perfectly reliable and scientifically accurate. The true seer must be an interpreter, for without the gift of understanding, all vision fails. Knowledge lies within us and there must we seek for it. Similarly, knowledge lies within the object of research, not in the form which covers it; for Truth is life, not form.

Hai điều này, thông nhãn và trực giác, được sử dụng cùng nhau, tạo thành một công cụ hoàn hảo cho nghiên cứu. Nhưng tầm nhìn chân thật nhất là trực giác; tất cả những gì được cho là khả năng nhìn thấu suốt mà không dựa trên nhận thức trực quan sẽ không bao giờ có thể hoàn toàn đáng tin cậy và chính xác về mặt khoa học. Nhà tiên tri thực sự phải là một người phiên dịch, vì nếu không có món quà thấu hiểu, mọi tầm nhìn đều thất bại. Kiến thức nằm trong chúng ta và chúng ta phải tìm kiếm nó ở đó. Tương tự, kiến thức nằm trong đối tượng nghiên cứu, không phải trong hình tướng bao phủ nó; vì Chân lý là sự sống, không phải hình tướng.

The following are among the many definitions of intuition which have been given:

Sau đây là một trong nhiều định nghĩa về trực giác đã được đưa ra:

'Intuition is primary knowledge antecedent to all teaching or reasoning'.—*Practical Standard Dictionary*.

'Trực giác là kiến thức sơ khai trước mọi sự giảng dạy hoặc lý luận'.—Từ điển Tiêu chuẩn Thực tế.

'There is an intuition which is verily the Voice of the Spirit'.

'Có một trực giác thực sự là Tiếng Nói của Tinh Thần'.

'Intuition is a recognition of truth at sight'.—Annie Besant.

'Trực giác là sự nhận biết chân lý ngay khi nhìn thấy'.—Annie Besant.

H.P.B. [Helena P. Blavatsky] says 'Intuition soars above ratioci-native thought; changeless, infinite; 'that absolute wisdom' which transcends the ideas of time and space. It is the 'eye' of the seer; a faculty through which direct and certain knowledge is obtained. It is 'in the sanctuary of the heart'; does not waver between right and wrong; 'it is clear vision'; in a region where truth

Bà H.P.B. [Helena P. Blavatsky] nói 'Trực giác vượt lên trên tư duy lý luận; bất biến, vô hạn; 'minh triết tuyệt đối' vượt qua những ý niệm về thời gian và không gian. Nó là 'con mắt' của nhà tiên tri; một khả năng thông qua đó có được kiến thức trực tiếp và chắc chắn. Nó 'ở trong thánh địa của trái tim'; không dao động giữa đúng và sai; 'đó là tầm nhìn rõ ràng'; trong một khu vực nơi chân lý thống trị; như thể tất

dominates; as if all knowledge was brought to a head. “By will he collects his mind into itself’; it seems to act “in a vertical manner”. ’[12]

cả kiến thức được đưa đến một đầu mối. "Bằng ý chí, y thu thập tâm trí của mình vào chính nó"; dường như nó hoạt động "theo chiều dọc". '

Emerson in his highest moments has the true intuitive vision as is clearly shown in such a striking sentence as:

Emerson trong những khoảnh khắc cao cả nhất của mình có tầm nhìn trực quan thực sự như được thể hiện rõ ràng trong một câu nổi bật như:

‘Our globe, seen by God, is a transparent law, not a mass of facts’ (Circle).

'Địa cầu của chúng ta, được Thượng đế nhìn thấy, là một định luật minh bạch, không phải là một khối sự kiện' (Vòng tròn).

‘And this, because the heart in thee is the heart of all; not a wall, not an intersection is there anywhere in nature, but one blood rolls uninterruptedly an endless circulation through all men, as the water of the globe is all one sea, and, truly seen, its tide is one’ (*The Over Soul*).

'Và điều này, bởi vì trái tim trong ngươi là trái tim của tất cả; không phải một bức tường, không phải một giao lộ nào có ở bất cứ đâu trong tự nhiên, mà là một dòng máu chảy không ngừng một vòng tuần hoàn vô tận qua tất cả mọi người, như nước của địa cầu là tất cả một biển, và, được nhìn thấy một cách chân thật, thủy triều của nó là một' (Đại Hồn).

Of such a vision, such a knowledge, Mr Krishnamurti says:

Về một tầm nhìn như vậy, một kiến thức như vậy, Ông Krishnamurti nói:

‘Knowledge of the Self is life eternal; for the Self is the eternal; it has no beginning, and in the end, no death, and no birth. It is’.

'Kiến thức về Bản Thể là sự sống vĩnh cửu; vì Bản Thể là vĩnh cửu; nó không có khởi đầu, và cuối cùng, không có cái chết, và không có sự ra đời. Nó là'.

A report was made by Professor R. A. Baker of the College of the City of New York, who with Dr Washington Platt of Syracuse had sent questionnaires to 1,450 scientists inquiring into their experience with hunches as applied to their work. Of the 232 who replied, only 17 per cent had never experienced the phenomenon; 50 per cent had done so occasionally and the remaining 33 per cent frequently.

Một báo cáo đã được thực hiện bởi Giáo sư R. A. Baker của Trường Cao đẳng Thành phố New York, người cùng với Tiến sĩ Washington Platt của Syracuse đã gửi bảng câu hỏi cho 1.450 nhà khoa học hỏi về kinh nghiệm của họ với linh cảm được áp dụng vào công việc của họ. Trong số 232 người **trả lời**, chỉ có 17% chưa bao giờ trải qua hiện tượng này; 50% thỉnh thoảng đã làm như vậy và 33% còn lại thường xuyên.

[12] *The Faculty Called Intuition* — Theosophical World University Association.

The hunch, as defined by Professor Baker, is ‘a unifying or clarifying idea which springs into consciousness suddenly as a solution to a problem in which we are intensely interested’. ‘In typical cases’, he adds, ‘it follows a long period of study, but comes into consciousness at a time when we are not consciously working on the problem. It springs from a wide knowledge of facts, but is essentially a leap of the imagination in that it goes beyond a mere necessary conclusion which any reasonable man would draw from the data at hand. It is a process of creative thought’.

Linh cảm, như được định nghĩa bởi Giáo sư Baker, là 'một ý tưởng thống nhất hoặc làm rõ bỗng nhiên xuất hiện trong tâm thức như một giải pháp cho một vấn đề mà chúng ta vô cùng quan tâm'. Ông nói thêm, 'Trong những trường hợp điển hình, nó theo sau một thời gian dài nghiên cứu, nhưng đi vào tâm thức vào thời điểm chúng ta không ý thức làm việc về vấn đề đó. Nó xuất phát từ một kiến thức rộng lớn về các sự kiện, nhưng về cơ bản là một bước nhảy vọt của trí tưởng tượng ở chỗ nó vượt ra ngoài một kết luận cần thiết đơn thuần mà bất kỳ người hợp lý nào cũng sẽ rút ra từ dữ liệu có sẵn. Đó là một quá trình tư duy sáng tạo'.

Hunches may have various degrees of completeness and accuracy. The overwhelming majority of scientists who reported having had them said that the revelations came as a central idea only. Several stated that when the central idea had presented itself, their minds then with great rapidity filled in the details. A small but notable minority said that a hunch presented the plan complete in all detail’s. Only 7 per cent reported that their hunches always turned out correct. The rest gave figures of correctness varying from 90 to 10 per cent.

Linh cảm có thể có nhiều mức độ hoàn chỉnh và chính xác khác nhau. Phần lớn các nhà khoa học báo cáo đã có chúng cho biết rằng những mặc khải đến như một ý tưởng trung tâm. Một số người nói rằng khi ý tưởng trung tâm đã xuất hiện, tâm trí của họ sau đó đã nhanh chóng điền vào các chi tiết. Một thiểu số nhỏ nhưng đáng chú ý cho biết rằng một linh cảm đã trình bày kế hoạch hoàn chỉnh trong mọi chi tiết. Chỉ có 7% báo cáo rằng linh cảm của họ luôn đúng. Phần còn lại đưa ra các số liệu về độ chính xác khác nhau từ 90 đến 10%.

Nineteen per cent said that their minds were fully conscious when the hunch came along: 28 percent said they were ‘on the margin of consciousness’, and 13 percent said they were unconscious. Forty percent were not clear or gave no answers.

Mười chín phần trăm cho biết rằng tâm trí của họ hoàn toàn tỉnh táo khi linh cảm đến: 28% cho biết họ đang 'ở bên lề của tâm thức' và 13% cho biết họ đang bất tỉnh. Bốn mươi phần trăm không rõ ràng hoặc không đưa ra câu **trả lời**.

Fifty three per cent of the scientists answering the questionnaire said that they deliberately used devices to create conditions favourable to the hunch. The commonest of these devices was ‘temporarily abandoning the problem and taking up other work’. Others included ‘a period of idleness and complete relaxation not

Năm mươi ba phần trăm các nhà khoa học **trả lời** bảng câu hỏi cho biết họ đã cố ý sử dụng các phương tiện để tạo ra các điều kiện thuận lợi cho linh cảm. Phương tiện phổ biến nhất trong số này là ‘tạm thời từ bỏ vấn đề và bắt đầu công việc khác’. Những phương tiện khác bao gồm ‘một khoảng thời gian nhàn rỗi và thư giãn

spent in attacking any other problem; going over the problem just before retiring for the night; physical occupation or exercise', and the use of stimulants.

hoàn toàn không dùng để giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác; xem xét vấn đề ngay trước khi đi ngủ; hoạt động thể chất hoặc tập thể dục' và sử dụng chất kích thích.

Professor Baker, discussing the conditions for helpful action of the mind on the margin of consciousness and beyond, says: 'We must have a great interest in the problem and a desire for its solution. Material should be stored in the mind in a systematic fashion and should be well digested, so as to be useful. There must be a sense of well being and sense of freedom from interruption. There should be an absence of obstacles to the proper functioning of the mind. And finally, there are certain types of direct positive stimuli to mental activity. This last includes some form of contact with other scientific minds, either through reading or discussion'.

Giáo sư Baker, khi thảo luận về các điều kiện để thể trí có hành động hữu ích ở giới hạn của tâm thức và xa hơn, nói: 'Chúng ta phải có sự quan tâm lớn đến vấn đề và mong muốn giải quyết nó. Tài liệu phải được lưu trữ trong thể trí một cách có hệ thống và phải được tiêu hóa tốt để có thể hữu ích. Phải có cảm giác an lạc và cảm giác không bị gián đoạn. Không được có những trở ngại đối với chức năng thích hợp của thể trí. Và cuối cùng, có một số loại kích thích tích cực trực tiếp đối với hoạt động trí tuệ. Điều này bao gồm một số hình thức tiếp xúc với các thể trí khoa học khác, thông qua đọc hoặc thảo luận'.

The value of temporary abandonment of a problem is more than mere rest, Professor Baker believes. It allows the scientist to attack his work again from a new intellectual standpoint, especially if he has not worked on the matter for some time. 'A problem unsolved remains in the mind as a challenge to its ability', he says. 'Again and again, semi-consciously, unconsciously, the mind attacks the problem. While we are consciously at work on something else this process continues.

Giá trị của việc tạm thời từ bỏ một vấn đề không chỉ là nghỉ ngơi đơn thuần, Giáo sư Baker tin như vậy. Nó cho phép nhà khoa học tấn công lại công việc của mình từ một quan điểm trí tuệ mới, đặc biệt nếu y đã không làm việc về vấn đề này trong một thời gian. Ông nói: 'Một vấn đề chưa được giải quyết vẫn còn trong thể trí như một thách thức đối với khả năng của nó'. 'Hết lần này đến lần khác, bán tâm thức, vô thức, thể trí tấn công vấn đề. Trong khi chúng ta đang ý thức làm việc khác, quá trình này vẫn tiếp tục.

'When we finally take the problem up anew, the mind has made actual progress toward its solution. Sometimes, indeed, the complete solution appears in the form of a hunch. There are many instances of this recorded in literature as well as in the answers to our questionnaires'.

'Khi cuối cùng chúng ta xem xét lại vấn đề, thể trí đã có những tiến bộ thực tế hướng tới giải pháp của nó. Đôi khi, thật vậy, giải pháp hoàn chỉnh xuất hiện dưới dạng một linh cảm. Có rất nhiều trường hợp về điều này được ghi lại trong văn học cũng như trong các câu **trả lời** cho bảng câu hỏi của chúng tôi'.

The above, in substance, was taken from an issue of *The New York Sunday Times.*

Những điều trên, về cơ bản, được lấy từ một số báo của tờ The New York Sunday Times.

How is this vision to be attained so that it can be used with certainty and at will?

Làm thế nào để đạt được tầm nhìn này để nó có thể được sử dụng một cách chắc chắn và theo ý muốn?

Upon this path of knowledge, as upon all others in the end, the aspirant finds himself flung back upon the life within himself. He must rise above the forms of things into the formless worlds, there to investigate; for, there, all knowledge lies open to him. To become a seer he must open up the unused channels between the higher and lower self, between the life and the form of the cosmos of his nature.

Trên con đường tri thức này, cũng như trên tất cả những con đường khác cuối cùng, người chí nguyện thấy mình bị ném trở lại cuộc sống bên trong chính mình. Y phải vượt lên trên các hình tướng của vạn vật để tiến vào những thế giới vô tướng, để ở đó khảo sát; vì, ở đó, tất cả tri thức đều mở ra cho y. Để trở thành một nhà ngoại cảm, y phải mở ra những kênh chưa sử dụng giữa chân ngã và phàm ngã, giữa sự sống và hình tướng của vũ trụ thuộc bản chất của y.

First we must be quite certain of our motive and of our goal. There is a grave danger in all attempts to awaken and use the higher powers of consciousness and the hidden powers of the body before the temporal man is thoroughly purged of all personal ambition and desire. The only permissible motive wherewith to approach the inner sanctuary of Nature and to develop increasing power, wisdom and knowledge is to become increasingly strong, wise and intelligent in the service of the world. The only permissible desire is for the union of the temporal with the eternal. All other ambition must steadfastly be sublimated into selflessness, all other desire transmuted into will. The would-be seer must become 'passion-proof.

Trước tiên, chúng ta phải hoàn toàn chắc chắn về động cơ và mục tiêu của mình. Có một mối nguy hiểm lớn trong tất cả các nỗ lực đánh thức và sử dụng các năng lực cao hơn của tâm thức và các năng lực tiềm ẩn của thể xác trước khi phàm ngã được thanh lọc hoàn toàn khỏi mọi tham vọng và ham muốn cá nhân. Động cơ duy nhất được phép để tiếp cận thánh địa bên trong của Tạo Hóa và phát triển ngày càng tăng cường năng lực, minh triết và tri thức là để trở nên ngày càng mạnh mẽ, khôn ngoan và thông minh hơn trong việc phụng sự thế giới. Ham muốn duy nhất được phép là sự hợp nhất của phàm ngã với vĩnh hằng. Mọi tham vọng khác phải kiên định thăng hoa thành vị tha, mọi ham muốn khác phải chuyển hóa thành ý chí. Nhà ngoại cảm tương lai phải trở thành 'bất nhiễm ái dục'.

This consummation demands a regular regime of self-training and character development and a systematic exercise of the higher aspects of consciousness by meditation. Many teachers, eastern and western, have written upon this subject and the reader is directed to their many authoritative works for detailed guidance. The author has himself published three books on self-training and the study and practice of

Sự viên mãn này đòi hỏi một chế độ rèn luyện bản thân và lập hạnh thường xuyên, đồng thời rèn luyện một cách có hệ thống các khía cạnh cao hơn của tâm thức bằng tham thiền. Nhiều huấn sư, phương Đông và phương Tây, đã viết về chủ đề này và người đọc được hướng dẫn đến nhiều tác phẩm có thẩm quyền của Các Ngài để được hướng dẫn chi tiết. Tác giả đã tự xuất bản ba cuốn sách về rèn luyện bản thân và nghiên cứu và thực hành tham thiền:

meditation: *First Steps on the Path; Thus Have I Heard, and Be Ye Perfect.*

Những Bước Đầu Tiên Trên Đường Đạo; Tôi Nghe Như Vầy, và Hãy Nên Hoàn Thiện.

Mr Krishnamurti is regarded by many as a great revealer to mankind of one way to find liberation and eternal peace. Speaking of self-training as a way to truth, he says:

Ông Krishnamurti được nhiều người coi là một người mặc khải vĩ đại cho nhân loại về một con đường tìm thấy sự giải thoát và an lạc vĩnh cửu. Nói về việc rèn luyện bản thân như một con đường dẫn đến chân lý, Ông nói:

'By self-discipline I do not mean repression, but rather self-discipline through understanding, which will lead you to liberation—that poise of reason and love. If you would find truth, that discipline of the self, which is the seed of reason and love, must take place every moment of the day, must be focussed acutely in everything that you do. Truth lies in the process, not in the attainment. While living, manifesting, working in the daily life you find it. In the training of that self lies the truth—in nothing else'.

'Với tự kỷ luật, tôi không có ý nói là đàn áp, mà là tự kỷ luật thông qua thấu hiểu, vốn sẽ dẫn bạn đến giải thoát—sự cân bằng của lý trí và tình thương. Nếu bạn muốn tìm thấy chân lý, thì kỷ luật tự giác đó, vốn là hạt giống của lý trí và tình thương, phải diễn ra mỗi khoảnh khắc trong ngày, phải tập trung cao độ vào mọi việc bạn làm. Chân lý nằm trong quá trình, không nằm trong sự đạt được. Trong khi sống, biểu lộ, làm việc trong cuộc sống hàng ngày, bạn sẽ tìm thấy nó. Trong việc rèn luyện bản thân đó có chân lý—không có gì khác'.

'Right comprehension does not come in a flash. It is the result of continual, ceaseless struggle, all day long. It is by continual readjustment, shifting, destroying, gathering, that you acquire comprehension'.

'Sự lĩnh hội đúng đắn không đến trong một khoảnh khắc. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh liên tục, không ngừng nghỉ, suốt cả ngày. Chính nhờ sự điều chỉnh, thay đổi, phá hủy, thu thập liên tục mà bạn có được sự lĩnh hội'.

To maintain successfully a discipline which takes place 'every moment of the day' and is 'focussed acutely in everything that you do' is indeed a difficult task. In order to succeed, the attitude of the aspirant must be that of all great men who have achieved success in any field of human endeavour, especially great explorers, inventors, pioneers, statesmen and financiers. The attitude is the same, but the goal is utterly different. The spiritual neophyte seeks not physical exploration, but the discovery of the Self; not the aggrandizement of the personality, but its disappearance as a separate organism; not worldly dominion and temporal power, but

Để duy trì thành công một kỷ luật diễn ra 'mỗi khoảnh khắc trong ngày' và 'tập trung cao độ vào mọi việc bạn làm' quả thực là một nhiệm vụ khó khăn. Để thành công, thái độ của người chí nguyện phải giống như thái độ của tất cả những người vĩ đại đã đạt được thành công trong bất kỳ lĩnh vực nỗ lực nào của con người, đặc biệt là những nhà thám hiểm, nhà phát minh, nhà tiên phong, chính khách và nhà tài chính vĩ đại. Thái độ là như nhau, nhưng mục tiêu hoàn toàn khác. Người sơ cơ tinh thần không tìm kiếm sự khám phá thể xác, mà là khám phá Bản Thể; không phải là sự khuếch trương của phàm ngã, mà là sự biến mất của nó như một sinh vật riêng biệt; không phải là

rather escape from the dominance of the world. Renunciation of temporal power is an essential step towards omnipotence; renunciation of temporal affection is essential to omnipresence and renunciation of temporal knowledge is essential to omni-science.

sự thống trị thế tục và quyền lực trần thế, mà là sự thoát khỏi sự thống trị của thế giới. Sự từ bỏ quyền lực trần thế là một bước thiết yếu để tiến tới toàn năng; sự từ bỏ tình cảm trần thế là điều cần thiết để có mặt khắp nơi và sự từ bỏ tri thức trần thế là điều cần thiết để có được sự toàn trí.

Much, however, can be learned from those who seek temporal rewards, the explorer, the inventor and the man of business, each of whom is but seeking his goal in his own way, and at his stage—which may be quite a lofty one—each is using appropriate means to achieve his fullest self-expression.

Tuy nhiên, có thể học hỏi được nhiều điều từ những người tìm kiếm phần thưởng trần thế, nhà thám hiểm, nhà phát minh và doanh nhân, mỗi người chỉ tìm kiếm mục tiêu của mình theo cách riêng và ở giai đoạn của mình —vốn có thể là một giai đoạn khá cao—mỗi người đang sử dụng các phương tiện thích hợp để đạt được sự tự biểu hiện đầy đủ nhất của mình.

Mr Krishnamurti describes self-discipline and singleness of purpose as it applies to spiritual achievement:

Ông Krishnamurti mô tả sự tự kỷ luật và tính đơn nhất của mục đích khi nó áp dụng cho thành tựu tinh thần:

'The uttermost simplicity in the arrangement of life, an atmosphere of quiet recollectedness, a relentless concentration on the real, all these must be created to make the new life a reality. Comfort that puts to sleep the alertness and intensity of life, all bustle and hurry that drown the voice of life, all distractions that are for a life that has no purpose, all these must go; in the quiet of a wide-awake one-pointedness must the work be done'.

'Sự đơn giản tột độ trong việc sắp xếp cuộc sống, một bầu không khí tĩnh lặng hồi tưởng, một sự tập trung không ngừng vào thực tại, tất cả những điều này phải được tạo ra để biến cuộc sống mới thành hiện thực. Sự thoải mái ru ngủ sự tỉnh táo và cường độ của cuộc sống, tất cả sự hối hả và vội vã nhấn chìm tiếng nói của cuộc sống, tất cả những xao nhãng dành cho một cuộc sống vô mục đích, tất cả những điều này phải biến mất; trong sự tĩnh lặng của sự nhất tâm tỉnh táo, công việc phải được thực hiện'.

And again:

Và một lần nữa:

'What remains after this process of elimination, of withdrawal, of destruction of all those unessential things? I will tell you what remains. A calm mind, and a heart that cannot be disturbed, that is pliable, energetic, enthusiastic. Balanced, strong, certain, ecstatic, clear and pure, resolute and determined, is the mind and heart of him who

'Điều gì còn lại sau quá trình loại bỏ, rút lui, phá hủy tất cả những thứ không cần thiết đó? Tôi sẽ cho bạn biết điều gì còn lại. Một thể trí điềm tĩnh và một trái tim không thể bị xáo trộn, vốn dễ uốn nắn, tràn đầy năng lượng, nhiệt huyết. Cân bằng, mạnh mẽ, chắc chắn, ngây ngất, rõ ràng và thuần khiết, kiên quyết và quyết tâm, là thể trí và trái tim của người đã

has rejected all these things'.

Of the final result, he says:

'To be liberated, to live in the realm of the eternal, to be conscious of that truth, means to be beyond birth and death—because birth is in the past and death is in the future—beyond space, beyond past and present is the delusion of time. The man who has attained such liberation knows that perfect harmony which is constantly and eternally present; he lives unconditionally in that eternity which is now'.

Such, expressed as only one who knows can express it, is the method of achievement of spiritual vision; such indeed is the goal of human life.

Theosophy in New Zealand, Vol. 34, No. 2, 1973, p. 5

từ bỏ tất cả những điều này'.

Về kết quả cuối cùng, Ông nói:

'Được giải thoát, được sống trong cõi vĩnh hằng, được ý thức về chân lý đó, có nghĩa là vượt lên trên sinh và tử—bởi vì sinh thuộc về quá khứ và tử thuộc về tương lai—vượt lên trên không gian, vượt lên trên quá khứ và hiện tại là ảo tưởng về thời gian. Người đã đạt được sự giải thoát như vậy biết được sự hài hòa hoàn hảo vốn luôn hiện diện và vĩnh cửu; y sống vô điều kiện trong sự vĩnh hằng đó, vốn là bây giờ'.

Như vậy, được diễn đạt như chỉ người biết mới có thể diễn đạt, là phương pháp đạt được tầm nhìn tinh thần; quả thực đó là mục tiêu của cuộc sống con người.

Theosophy in New Zealand, Tập. 34, Số 2, 1973, tr. 5

23

Spiritual Vision [2]—*Tầm Nhìn Tinh Thần [2]*

First-Hand Knowledge

The achievement of spiritual vision referred to in the preceding article in this series is won by gradual processes. To aid in their comprehension, a brief survey of the solution of human consciousness and its modes of cognition may prove of value.

The following chart indicates the stage of human development from the beginning of human life on this planet until the end of the world period. No chart of this kind can be entirely accurate, for extensive overlapping, repetition of the past, and foreshadowing of the future continually occur; it will, however, serve as a guide to Fifth-Race men who seek at

Tri Thức Trực Tiếp

Việc đạt được tầm nhìn tinh thần được đề cập trong bài viết trước trong loạt bài này đạt được bằng các quá trình dần dần. Để hỗ trợ sự lĩnh hội của họ, một cuộc khảo sát ngắn gọn về giải pháp của tâm thức con người và các phương thức nhận thức của nó có thể chứng tỏ có giá trị.

Biểu đồ sau đây chỉ ra giai đoạn phát triển của con người từ khi bắt đầu sự sống của con người trên hành tinh này cho đến khi kết thúc giai đoạn thế giới. Không có biểu đồ nào thuộc loại này có thể hoàn toàn chính xác, vì sự chồng chéo rộng rãi, sự lặp lại của quá khứ và sự báo trước của tương lai liên tục xảy ra; tuy nhiên, nó sẽ phục vụ như một hướng dẫn cho những

this period to unfold and to use the powers which will be quite normal in later races.

người Arya thuộc Chủng Dân Thứ Năm, những người đang tìm kiếm vào thời điểm này để mở ra và sử dụng những năng lực vốn sẽ hoàn toàn bình thường ở các chủng dân sau này.

SEQUENCE OF DEVELOPMENT OF HUMAN SENSES AND POWERS

TRÌNH TỰ PHÁT TRIỂN CÁC GIÁC QUAN VÀ NĂNG LỰC CỦA CON NGƯỜI

Race	Sense	Consciousness	Objective	Apotheosis
1 2 3	Hearing Touch Sight	No dimension dimensional dimensional Physical action	Towards physical manifestation	Physical development and Self-realisation
4	Taste	3-dimensional Feeling	Emotional evelopment and Self-realisation	Realisation of The Supreme as Beauty
5	Smell	Perspective. Intelligence, Concrete and Abstract	Faculty of Analysis Lower Mental development and Self-realisation.	Omniscience
6	Vision of unity	Intuition Bliss	Faculty of intellectual synthesis. Higher Mental and *Buddhic* development and Self-realisation. Union with the Supreme.	Omnipresence
7	Vision of the Self	Spiritual will. Power	Nirvanic development And Self-realisation. Self-identification with the Supreme. 'The dewdrop slips into the shining sea'.	Omnipotence

From this chart it will be seen that in the present search for intuitive, spiritual vision of truth, we are attempting to employ as an instrument of research a natural power or sense of Sixth-Race men. We are seeking to force Nature, to hasten the evolution of our senses beyond the normal rate of their development.

Từ biểu đồ này, có thể thấy rằng trong việc tìm kiếm tầm nhìn trực giác, tinh thần về chân lý hiện tại, chúng ta đang cố gắng sử dụng một năng lực tự nhiên hoặc giác quan của những người thuộc Chủng Dân Thứ Sáu như một công cụ nghiên cứu. Chúng ta đang tìm cách thúc ép Tạo Hóa, đẩy nhanh sự tiến hóa của các giác quan của chúng ta vượt quá tốc độ phát triển bình thường của chúng.

We have already considered the mechanism of consciousness, the force by which it may be operated, the character development and the self-training required for the awakening and use of spiritual vision. We may now proceed to examine changes in consciousness which accompany attempts to awaken and to use that power.

Chúng ta đã xem xét cơ chế của tâm thức, mãnh lực mà nó có thể được vận hành, sự phát triển tính cách và sự rèn luyện bản thân cần thiết để đánh thức và sử dụng tầm nhìn tinh thần. Bây giờ chúng ta có thể tiến hành kiểm tra những thay đổi trong tâm thức đi kèm với những nỗ lực đánh thức và sử dụng năng lực đó.

It is perhaps well at this point of the practical application of interior powers to utter a warning against too much self-interest, too much dreaminess into the other worlds and giving too much rein to the imagination. In all true research, we must be supremely alert, holding always in readiness the critical faculty and applying to our discoveries the sanest common sense. The effect of inner unfoldment must be to make us more and not less physically efficient and alive. If it makes us unworldly and inefficient down here, then it is not true spiritual development, and will not make us more useful servants of the Masters and of the world.

Có lẽ tốt nhất vào thời điểm này của việc ứng dụng thực tế các năng lực nội tại là đưa ra một lời cảnh báo chống lại quá nhiều tư lợi, quá nhiều mơ mộng vào các thế giới khác và trao quá nhiều quyền hành cho trí tưởng tượng. Trong tất cả các nghiên cứu đích thực, chúng ta phải hết sức tỉnh táo, luôn sẵn sàng năng lực phê phán và áp dụng ý thức thông thường lành mạnh nhất vào những khám phá của mình. Hiệu quả của sự khai mở bên trong phải là làm cho chúng ta hiệu quả và sống động hơn về thể chất chứ không phải kém hơn. Nếu nó làm cho chúng ta siêu trần và kém hiệu quả ở dưới này, thì đó không phải là sự phát triển tinh thần đích thực và sẽ không làm cho chúng ta trở thành những người phụng sự hữu ích hơn cho Các Chân sư và thế giới.

With this consideration always before us, let us suppose that we decide to become self-conscious in our own subtler bodies and on the planes of nature, to which they correspond. What do these things really mean to us? Very often merely a diagram or perhaps a convenient mental classification or

Với sự cân nhắc này luôn ở trước mắt, chúng ta hãy giả sử rằng chúng ta quyết định trở nên tự ý thức trong các thể vi tế hơn của chính mình và trên các cõi của tự nhiên, vốn tương ứng với chúng. Những điều này thực sự có ý nghĩa gì đối với chúng ta? Rất thường xuyên chỉ là một sơ đồ hoặc có lẽ là một tệp phân loại

reference file. That which is derived from a diagram is, at best, but from information. It has its value, but in this quest it must be supplemented by life knowledge.

hoặc tham khảo thể trí thuận tiện. Điều có được từ một sơ đồ, tốt nhất, chỉ là từ thông tin. Nó có giá trị của nó, nhưng trong nhiệm vụ này, nó phải được bổ sung bằng tri thức cuộc sống.

If, therefore, we determine to gain a complete knowledge of our own constitution—and what more important study can there be?—we may well begin with the physical body. After attending to the preliminaries, concerning privacy, posture, relaxation, calming the emotions and harmonizing the mind, we may deliberately focus and maintain for some minutes our full awareness in the body, affirming: 'This is my physical body, my instrument, not myself. I investigate my experience of my body and of the physical world with which I am surrounded. I realize myself fully as physical man'.

Do đó, nếu chúng ta quyết tâm đạt được tri thức hoàn chỉnh về cấu trúc của chính mình—và có thể có nghiên cứu nào quan trọng hơn không?—chúng ta có thể bắt đầu tốt với thể xác. Sau khi tham gia vào các thủ tục sơ bộ, liên quan đến sự riêng tư, tư thế, thư giãn, làm dịu cảm xúc và hài hòa thể trí, chúng ta có thể cố ý tập trung và duy trì trong vài phút nhận thức đầy đủ của mình trong cơ thể, khẳng định: 'Đây là thể xác của tôi, công cụ của tôi, không phải bản thân tôi. Tôi khảo sát trải nghiệm của mình về cơ thể và thế giới hồng trần mà tôi được bao quanh. Tôi nhận ra bản thân mình một cách trọn vẹn như một người hồng trần'.

Then after a pause, rising in consciousness to the realm of feeling, if only in imagination at first, we may further affirm: 'This is my emotional body, my instrument, not my self. My consciousness is focussed in it. I feel and know it. I realize myself as emotional man'. Gradually, from this state of positive affirmation, we may extend the consciousness and begin to respond self-consciously to impacts from the emotional world, to study and record emotional experience. During this process we must retain a measure of physical and mental alertness, recording, testing and experimenting with emotional consciousness.

Sau đó, sau một khoảng dừng, trỗi dậy trong tâm thức đến cõi cảm xúc, nếu chỉ trong trí tưởng tượng lúc ban đầu, chúng ta có thể khẳng định thêm: 'Đây là thể cảm xúc của tôi, công cụ của tôi, không phải bản thân tôi. Tâm thức của tôi tập trung vào nó. Tôi cảm nhận và biết nó. Tôi nhận ra bản thân mình như một người cảm xúc'. Dần dần, từ trạng thái khẳng định tích cực này, chúng ta có thể mở rộng tâm thức và bắt đầu đáp ứng một cách tự ý thức với những tác động từ thế giới cảm xúc, để nghiên cứu và ghi lại trải nghiệm cảm xúc. Trong quá trình này, chúng ta phải duy trì một mức độ tỉnh táo về thể chất và trí tuệ, ghi lại, kiểm tra và thử nghiệm với tâm thức cảm xúc.

Similarly, we may rise above the limitations of emotion, letting desire fall away, as we realize ourselves as mental man. We may gradually extend outwards onto the mental plane, feel the conditions there, study mental

Tương tự, chúng ta có thể vượt lên trên những giới hạn của cảm xúc, để ham muốn rơi rụng, khi chúng ta nhận ra bản thân mình là người trí tuệ. Chúng ta có thể dần dần mở rộng ra bên ngoài vào cõi trí, cảm nhận các điều kiện ở đó,

phenomena and our reactions to then. Again, we must repeatedly experiment, test and record.

nghiên cứu các hiện tượng trí tuệ và các phản ứng của chúng ta đối với chúng. Một lần nữa, chúng ta phải liên tục thử nghiệm, kiểm tra và ghi lại.

By a supreme effort of will, we may the take the leap into the formless worlds, rise into causal consciousness, affirming: 'I am not my physical body. I am not the desires which affect it. I am not my mind. I am the Divine Flame within my heart, eternal, ancient, without beginning, without end. More radiant than the sun, purer than the snow subtler than the ether, is the Spirit, the Self within my heart'.

Bằng một nỗ lực ý chí tối thượng, chúng ta có thể thực hiện bước nhảy vọt vào những thế giới vô tướng, trỗi dậy vào tâm thức nhân quả, khẳng định: 'Tôi không phải là thể xác của tôi. Tôi không phải là những ham muốn ảnh hưởng đến nó. Tôi không phải là thể trí của tôi. Tôi là Ngọn Lửa Thiêng Liêng trong trái tim tôi, vĩnh cửu, cổ xưa, không có khởi đầu, không có kết thúc. Rạng rỡ hơn mặt trời, thuần khiết hơn tuyết, vi tế hơn dĩ thái, là Tinh Thần, Bản Thể trong trái tim tôi'.

Then after a pause in contemplation, we may affirm with all our power of realization 'I am that Self, that Self am I'.

Sau đó, sau một khoảng dừng trong chiêm ngưỡng, chúng ta có thể khẳng định với tất cả năng lực nhận thức của mình 'Tôi là Bản Thể đó, Bản Thể đó là Tôi'.

Eventually this powerful *mantram* opens out the consciousness into the blazing light of the spiritual worlds. But at first it must be followed by further contemplation in utter stillness and mental equipoise. Spiritual awareness gradually awakens, as the consciousness reaches the apotheosis of impersonality and for a moment, or maybe an hour, 'the dewdrop' of individual consciousness 'slips into the shining sea' of the consciousness of the Supreme.

Cuối cùng, mantram mạnh mẽ này mở ra tâm thức vào ánh sáng rực rỡ của các thế giới tinh thần. Nhưng lúc đầu, nó phải được tiếp nối bằng sự chiêm ngưỡng sâu hơn trong sự tĩnh lặng hoàn toàn và sự thăng bằng trí tuệ. Nhận thức tinh thần dần dần thức tỉnh, khi tâm thức đạt đến đỉnh cao của tính vô ngã và trong một khoảnh khắc, hoặc có thể là một giờ, 'giọt sương' của tâm thức cá nhân 'trượt vào biển cả rạng ngời' của tâm thức của Đấng Tối Cao.

By continuous practice along these lines we may gradually learn to live in 'the shining sea', and acquire the art of true contemplation in which alone the hidden and inexpressible glory of the Self is revealed. By steady perseverance we may enter into and truly begin to know something of the fiery power and Splendour of the 'Shining Augoeides',

Bằng cách thực hành liên tục theo những đường lối này, chúng ta có thể dần dần học cách sống trong 'biển cả rạng ngời' và có được nghệ thuật chiêm ngưỡng đích thực, trong đó chỉ có vinh quang tiềm ẩn và không thể diễn tả của Bản Thể được tiết lộ. Bằng sự kiên trì vững chắc, chúng ta có thể bước vào và thực sự bắt đầu biết điều gì đó về năng lực rực lửa và Sự

which is the true Self of man, and realize ourselves as the Divine Spark, which is the heart of the Eternal Flame. In Chapter V of my book *The Science of Seership*, I describe some of the results of this particular method of exploration of levels of consciousness.

Huy Hoàng của 'Augoeides Rạng Ngời', vốn là Bản Thể đích thực của con người, và nhận ra bản thân mình là Tia Lửa Thiêng Liêng, vốn là trái tim của Ngọn Lửa Vĩnh Hằng. Trong Chương V của cuốn sách Khoa Học về Nhãn Thông của tôi, tôi mô tả một số kết quả của phương pháp khám phá các cấp độ tâm thức cụ thể này.

Meditation does indeed reveal the existence of a fire aspect of man, as also of the universe. Within the heart of every atom, as every man, there exists a living fire, there bums a hidden flame. This spiritual fire is the manifestation of the third aspect of the Logos throughout all Nature. It is the Pentecostal Flame, it is the divine Afflatus, the fire of genius in man. It is the power by which all Nature is continually transformed and renewed.

Tham thiền thực sự tiết lộ sự tồn tại của một khía cạnh lửa của con người, cũng như của vũ trụ. Bên trong trái tim của mỗi nguyên tử, như mỗi con người, tồn tại một ngọn lửa sống, có một ngọn lửa ẩn cháy. Ngọn lửa tinh thần này là sự biểu hiện của phương diện thứ ba của Thượng đế trong khắp Tự Nhiên. Đó là Ngọn Lửa Lễ Ngũ Tuần, đó là Cảm Hứng thiêng liêng, ngọn lửa thiên tài trong con người. Đó là sức mạnh mà nhờ đó toàn bộ Tự Nhiên liên tục được biến đổi và đổi mới.

At this present period of planetary life, under the impulse of cyclic laws, this hidden fire would seem to be burning more brightly and more powerfully than has been the case for many centuries. A planetary Pentecost would seem to be approaching, for the hidden fire is stirring everywhere. In the heart of the planet itself, in the earth crust, in rock, in metal and in jewel, in water and in air, in angel and in man, the universal fire is becoming newly self-revealed. An age of fire is fast approaching —an age of genius in every human activity, in science, in art, in government, and especially in religious life. Mighty forces are indeed stirring in our globe, are slowly being discovered by the chemist, the physicist, the electrician, the astronomer, and are being felt by artists, men of letters, as well as by men of action. They are manifesting as an inner driving power, and upwelling life, an inspiration to greater effort and a more

Vào thời điểm hiện tại của đời sống hành tinh, dưới sự thúc đẩy của các định luật tuần hoàn, ngọn lửa ẩn này dường như đang cháy sáng hơn và mạnh mẽ hơn so với nhiều thế kỷ trước. Một Lễ Ngũ Tuần hành tinh dường như đang đến gần, vì ngọn lửa ẩn đang khuấy động ở khắp mọi nơi. Trong trái tim của chính hành tinh, trong lớp vỏ trái đất, trong đá, trong kim loại và trong ngọc, trong nước và trong không khí, trong thiên thần và trong con người, ngọn lửa phổ quát đang trở nên tự biểu lộ một cách mới mẻ. Một kỷ nguyên của lửa đang nhanh chóng đến gần—một kỷ nguyên của thiên tài trong mọi hoạt động của con người, trong khoa học, trong nghệ thuật, trong chính phủ và đặc biệt là trong đời sống tinh thần. Các mãnh lực vĩ đại thực sự đang khuấy động trong địa cầu của chúng ta, đang dần được các nhà hóa học, nhà vật lý, nhà điện học, nhà thiên văn học khám phá và đang được các nghệ sĩ, nhà văn cũng như những người hành

magnificent achievement in every department of human endeavour. The aspirant is advised to discover and study this fiery power in himself and in Nature.

động cảm nhận. Các mãnh lực này đang biểu hiện như một động lực thúc đẩy bên trong, một sự sống trào dâng, một nguồn cảm hứng cho những nỗ lực lớn hơn và một thành tựu tráng lệ hơn trong mọi lĩnh vực nỗ lực của con người. Người chí nguyện được khuyên nên khám phá và nghiên cứu sức mạnh lửa này trong chính mình và trong Tự Nhiên.

Of this fiery element, an angel sang: 'In every rock, in every stone, jewel, plant, animal, and man, it ceaselessly exerts an influence in the direction of change; because of its presence nothing in Nature can ever stand still; it ensures the growth of the system. Its power is wielded, not only by the nature spirits who labour instinctively in the cause of change, but by the great fire-angels who consciously produce all changes throughout the system, so that the new birth which results may grow ever nearer and nearer to the likeness of its archetype in the mind of God. Thus, fire is "the power that maketh all things new" and change its universal watchword, the fundamental law throughout the whole realm of fire, the word by which its energies are freed and its denizens invoked.

Về yếu tố lửa này, một thiên thần đã hát: 'Trong mọi tảng đá, trong mọi viên đá, ngọc, cây, động vật và con người, nó không ngừng tác động một ảnh hưởng theo hướng thay đổi; vì sự hiện diện của nó, không có gì trong Tự Nhiên có thể đứng yên; nó đảm bảo sự tăng trưởng của hệ thống. Sức mạnh của nó được sử dụng, không chỉ bởi các tinh linh tự nhiên vốn lao động một cách bản năng vì mục đích thay đổi, mà còn bởi các Thái dương Thiên Thần vĩ đại, Các Ngài vốn ý thức tạo ra mọi thay đổi trong toàn hệ thống, để sự tái sinh vốn có thể đến ngày càng gần hơn với hình mẫu của nó trong thể trí của Thượng đế. Do đó, lửa là "sức mạnh làm cho mọi thứ trở nên mới mẻ" và thay đổi là khẩu hiệu phổ quát của nó, định luật cơ bản trong toàn bộ cõi lửa, là linh từ mà nhờ đó các năng lượng của nó được giải phóng và cư dân của nó được khẩn cầu.

'When the spark leaps from the flint, divinity is revealed; when the fire is lighted on the hearth, the sacred Presence is invoked; where that divinity is revealed and that Presence is invoked, man and angel should both pay homage to that to which they owe their life. The days of fire worship must return; within men's hearts and minds the sacred fire of the divine life must bum more brightly as each man knows himself to be the earthly counterpart of the central fiery Man who reigns omnipotent, whose throne is set both in his heart and in the fiery heart of the

'Khi tia lửa bắn ra từ đá lửa, thiên tính được tiết lộ; khi ngọn lửa được thắp trên lò sưởi, Sự Hiện Diện thiêng liêng được khẩn cầu; nơi mà thiên tính đó được tiết lộ và Sự Hiện Diện đó được khẩn cầu, con người và thiên thần đều nên tỏ lòng tôn kính đối với những gì mà họ mang ơn sự sống của mình. Những ngày thờ lửa phải trở lại; trong trái tim và thể trí của con người, ngọn lửa thiêng liêng của sự sống thiêng liêng phải cháy sáng hơn khi mỗi người biết mình là đối phần trần thế của Đấng Thiên Nhân rực lửa trung tâm, Đấng trị vì toàn năng, ngai vàng của Ngài được đặt cả trong trái tim y và

universe.	trong trái tim rực lửa của vũ trụ.
‘Fire is the parent of Spring, the promise of renewal in all worlds; fire dwells in the heart of man, fire warms his blood; in his invisible self he is a man of fire.	‘Lửa là cha mẹ của Mùa Xuân, là lời hứa đổi mới trong tất cả các cõi giới; lửa ngự trong trái tim của con người, lửa sưởi ấm máu của y; trong bản thể vô hình của y, y là một người của lửa.
Hymn to Fire	Bài Ca Tụng Lửa
Hail Spirits of the Fire!	Kính chào Các Tinh Linh của Lửa!
Hail Spirits of the Fire!	Kính chào Các Tinh Linh của Lửa!
In all your countless numbers,	Trong vô số số lượng của Các Ngài,
In all your manifold degrees,	Trong tất cả các cấp độ đa dạng của Các Ngài,
We greet you, Brethren of the Fire!	Chúng ta chào đón Các Ngài, Các Huynh Đệ của Lửa!
Oh holy Fire! Oh wondrous Flame!	Ôi Lửa thiêng liêng! Ôi Ngọn Lửa kỳ diệu!
Transformer of the universe, regenerator of all worlds,	Đấng Biến Đổi vũ trụ, Đấng tái tạo tất cả các cõi giới,
Life giver to. all form.	Đấng ban sự sống cho tất cả hình tướng.
The glory of Thy fiery power fills heaven and earth,	Vinh quang sức mạnh rực lửa của Ngài tràn ngập trời và đất,
And all the wide dominions that lie between the stars.	Và tất cả các lãnh địa rộng lớn nằm giữa các vì sao.
Thou art the spark within the stone, the life within the tree,	Ngài là tia lửa trong viên đá, là sự sống trong cây,
Thou art the fire on the hearth, the Splendour of the Sun,	Ngài là ngọn lửa trên lò sưởi, là Sự Huy Hoàng của Mặt Trời,
Thine is the hand which paints the roseate mom,	Tay Ngài là tay vẽ nên buổi sớm mai ửng hồng,
Thine the fiery beauty of the sunset sky;	Vẻ đẹp rực lửa của Ngài là bầu trời hoàng hôn;

Thine the warm breath of flower scented summer breeze,

Hơi thở ấm áp của Ngài là làn gió mùa hè thơm ngát hương hoa,

Thine the power that maketh all things new.

Sức mạnh của Ngài là sức mạnh làm cho mọi thứ trở nên mới mẻ.

Fire to Fire, we offer our souls to Thee,

Lửa với Lửa, chúng con dâng linh hồn mình cho Ngài,

Draw us close to Thy fiery heart,

Hãy kéo chúng con đến gần trái tim rực lửa của Ngài,

That we may lose ourselves in Thee.

Để chúng con có thể lạc mình trong Ngài.

Oh Fire Divine! Bum fiercely in our lives,

Ôi Lửa Thiêng Liêng! Hãy cháy dữ dội trong cuộc sống của chúng con,

That darkness, lust and hate may be dispelled

Để bóng tối, dục vọng và hận thù có thể bị xua tan

And human souls shine forth in purity,

Và linh hồn con người tỏa sáng trong sự thuần khiết,

With all the dazzling glory of the Sun.

Với tất cả vinh quang rực rỡ của Mặt Trời.

Cleanse us oh lordly Fire; rejuvenate our hearts and minds;

Xin hãy thanh tẩy chúng con, hỡi Lửa cao quý; xin hãy trẻ hóa trái tim và thể trí của chúng con;

Bum up the dross, recharge the will

Hãy đốt cháy cặn bã, nạp lại ý chí

And send us forth to labour in Thy name,

Và phái chúng con đi lao động trong danh Ngài,

Thy chosen men of Fire.—Amen'.[13]

Những người của Lửa được Ngài chọn.—Amen'.

Meditation on these words will lift the aspirant into the realization of the One Flame and of his identity therewith.

Tham thiền về những lời này sẽ nâng người chí nguyện vào sự nhận ra Ngọn Lửa Duy Nhất và sự đồng nhất của y với Ngài.

As he serves, perfects his character and thus mediates, he will feel this fiery power stirring within himself, will become irresistibly im-

Khi y phụng sự, hoàn thiện tính cách của mình và do đó làm trung gian, y sẽ cảm thấy sức mạnh rực lửa này khuấy động bên trong mình,

[13] *The Angelic Hosts*, by Geoffrey Hodson.

pelled towards the attainment of union with the one universal Flame. On this mighty fiery tide he may ascend, following the fiery path of Enoch and Elijah, borne upon wings of flame into the surpassing glory of the Supreme. Such ascent is quite possible, for in this state of consciousness the Ego of a developed man dwells continuously.

sẽ bị thôi thúc một cách không thể cưỡng lại để đạt được sự hợp nhất với Ngọn Lửa phổ quát duy nhất. Trên dòng chảy rực lửa hùng mạnh này, y có thể thăng lên, đi theo con đường rực lửa của Enoch và Elijah, được mang trên đôi cánh lửa vào vinh quang vượt trội của Đấng Tối Cao. Sự thăng lên như vậy là hoàn toàn có thể, vì trong trạng thái tâm thức này, chân ngã của một người đã phát triển cư ngụ liên tục.

From Egoic consciousness he may proceed to explore self-consciously the inner spiritual worlds, plunging into the fathomless depths of his own being and discovering the immeasurable power and Splendour of that God which is his deepest Self.

Từ tâm thức chân ngã, y có thể tiến hành khám phá một cách tự giác các cõi giới tinh thần bên trong, lao vào chiều sâu vô tận của bản thể mình và khám phá sức mạnh và Sự Huy Hoàng vô lượng của Thượng đế vốn là Bản Thể sâu sắc nhất của y.

In the *buddhic* world is gained the first full realization of the unity of Life. There is union. There Truth is perceived direct. Subject and object disappear, for we are above them and perceive the one Life within them both. There too is the Lord of Unity, the Lord Christ, the perfected embodiment of the Christ consciousness in the Logos and in man. There also are all Christs, Masters, Perfect Ones, and we are one with Them; one with all that lives, one with Life in every form.

Trong cõi Bồ đề, người ta đạt được sự nhận ra đầy đủ đầu tiên về sự hợp nhất của Sự Sống. Có sự hợp nhất. Ở đó Chân Lý được nhận thức trực tiếp. Chủ thể và đối tượng biến mất, vì chúng ta ở trên chúng và nhận thức Sự Sống duy nhất bên trong cả hai. Ở đó cũng có Đức Chúa Tể của Sự Hợp Nhất, Đức Christ, hiện thân hoàn hảo của tâm thức Christ trong Thượng đế và trong con người. Ở đó cũng có tất cả các Đức Christ, Chân sư, Đấng Hoàn Hảo và chúng ta là một với Các Ngài; một với tất cả những gì sống, một với Sự Sống trong mọi hình tướng.

Illumined by that light we may go on questioning and adventuring, ever seeking new worlds to conquer, new realms to explore; certain of victory, we become conscious of growing power and self-mastery with every forward step.

Được soi sáng bởi ánh sáng đó, chúng ta có thể tiếp tục chất vấn và phiêu lưu, luôn tìm kiếm những thế giới mới để chinh phục, những cõi giới mới để khám phá; chắc chắn về chiến thắng, chúng ta trở nên ý thức về sức mạnh ngày càng tăng và khả năng tự chủ với mỗi bước tiến về phía trước.

The tears of Alexander are not for us, for with every forward step we take, new worlds to conquer are revealed, new peaks to climb, new lands for our adventuring. Even the *atmic* or nirvanic world is not beyond our reach, for we have an *atmic* vehicle.

Những giọt nước mắt của Alexander không dành cho chúng ta, vì với mỗi bước tiến về phía trước mà chúng ta thực hiện, những thế giới mới để chinh phục được tiết lộ, những đỉnh cao mới để leo lên, những vùng đất mới cho cuộc phiêu lưu của chúng ta. Ngay cả cõi atma

hay Niết Bàn cũng không nằm ngoài tầm với của chúng ta, vì chúng ta có một vận cụ atma.

Still higher than the Monad is the Logos, Our Lord the Sun, whose wondrous life pervades and sustains His' solar fields. We must reach out and try to be one with Him, to realize His centre in the Sun,

Vẫn cao hơn Chân Thần là Thượng đế, Đức Chúa Tể Mặt Trời của chúng ta, Đấng mà sự sống kỳ diệu của Ngài thấm nhuần và duy trì các địa hạt thái dương của Ngài. Chúng ta phải vươn ra và cố gắng hợp nhất với Ngài, để nhận ra trung tâm của Ngài trong Mặt Trời,

His all-pervading Immanence throughout all worlds begin to know His mighty power, to shine with His wondrous light, and to become radiant messengers of His power and light to men.

Sự Hiện Diện bao trùm tất cả của Ngài trong tất cả các cõi giới bắt đầu biết sức mạnh vĩ đại của Ngài, tỏa sáng với ánh sáng kỳ diệu của Ngài và trở thành những sứ giả rạng rỡ về sức mạnh và ánh sáng của Ngài cho con người.

Theosophy in New Zealand, Vol. 34, No. 2, 1973, p. 2

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 34, Số 2, 1973, tr. 2

24

Meditation—Elixir of Life—Tham Thiền—Thuốc Trường Sinh

(The following Talks in the form of Question and Answer were given by Mr Hodson at Pumpkin Hollow during his recent tour of the United States. They make fascinating and fruitful reading, covering many aspects of this important part of the spiritual life.)

(Những Cuộc Nói Chuyện sau đây dưới hình thức Hỏi và Đáp đã được Ông Hodson đưa ra tại Pumpkin Hollow trong chuyến lưu diễn gần đây của Ông ở Hoa Kỳ. Chúng tạo nên một bài đọc hấp dẫn và hiệu quả, bao gồm nhiều khía cạnh của phần quan trọng này trong đời sống tinh thần.)

Question: How do you prevent meditation from becoming nothing more than an exercise in thinking?

Câu hỏi: Làm thế nào để ngăn việc tham thiền trở thành không gì khác hơn là một bài tập tư duy?

Answer: In our daily life we normally identify ourselves with our physical bodies—our flesh. It takes a real effort of will to realize that we have been under a delusion all the time. In yoga you must break that illusion and your mind is the instrument to use. Deliberately we practice, saying 'I am the Spiritual Self until it becomes a reality. It is a quick refocusing of Self identity and a transcendence of the personal self. I have done it so long that I know

Trả lời: Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta thường đồng hóa mình với thể xác—thịt da của chúng ta. Cần phải có một nỗ lực thực sự của ý chí để nhận ra rằng chúng ta đã ở dưới một ảo tưởng trong suốt thời gian qua. Trong yoga, bạn phải phá vỡ ảo tưởng đó và thể trí của bạn là công cụ để sử dụng. Chúng ta cố ý thực hành, nói 'Tôi là Bản Thể Tinh Thần cho đến khi nó trở thành hiện thực. Đó là một sự tái tập trung nhanh chóng vào sự đồng nhất

it is a fact. This affirmation is an exercise and you must use it as such until the reality pervades the consciousness. It is like beginning to learn the piano. First you learn the notes, then you learn the fingering and the touch. After this you learn some airs and then you keep repeating them until you can play them correctly—eventually you can begin to interpret the subtleties of the music. Obviously the first stage is semi-automatic.

Bản Thể và một sự siêu việt bản ngã. Tôi đã làm điều đó quá lâu nên tôi biết đó là một sự thật. Lời khẳng định này là một bài tập và bạn phải sử dụng nó như vậy cho đến khi thực tế thấm nhuần tâm thức. Nó giống như bắt đầu học piano. Đầu tiên bạn học các nốt nhạc, sau đó bạn học cách đặt ngón tay và cách chạm. Sau đó, bạn học một số giai điệu và sau đó bạn tiếp tục lặp lại chúng cho đến khi bạn có thể chơi chúng một cách chính xác—cuối cùng bạn có thể bắt đầu giải thích những sự tinh tế của âm nhạc. Rõ ràng giai đoạn đầu là bán tự động.

When you begin the second part, thought becomes less and less obtrusive and when you get to the affirmation, 'I am the Divine' the thinking process is almost stopped. A kind of realization in light is taking place—immortal, imperishable, radiant spiritual light throughout the universe. Thinking now takes on the quality of the higher *manas*—of intuition. With the final affirmation, 'I am that Eternal Self, that Self am I', thought ceases. Don't think any more. Become as it were 'demented'. I realize that this is advice which is for the average person very nearly impossible to follow since you can't really still your mind. But in this and other forms of yoga it falls still. My mind, very early now, falls still as if mentality had become dissolved. If, in the middle of your meditation your mind falls still, do not disturb it. Don't imagine that you must get on with the exercise if there comes a marvellous blessed moment when all is still without and within. Such a state means that the Ego and the Higher Self are continuing the meditation in the higher world. Don't stir!

Khi bạn bắt đầu phần thứ hai, tư tưởng ngày càng ít xâm phạm hơn và khi bạn đến với lời khẳng định, 'Tôi là Đấng Thiêng Liêng', quá trình tư duy gần như dừng lại. Một loại nhận ra trong ánh sáng đang diễn ra—ánh sáng tinh thần bất tử, không thể diệt vong, rạng rỡ trong khắp vũ trụ. Tư duy giờ đây mang phẩm chất của thượng trí—của trực giác. Với lời khẳng định cuối cùng, 'Tôi là Bản Thể Vĩnh Cửu đó, Bản Thể đó là Tôi', tư tưởng chấm dứt. Đừng suy nghĩ nữa. Hãy trở nên như thể 'mất trí'. Tôi nhận ra rằng đây là lời khuyên mà đối với người bình thường là gần như không thể làm theo vì bạn không thể thực sự làm cho thể trí của mình tĩnh lặng. Nhưng trong hình thức yoga này và các hình thức khác, nó trở nên tĩnh lặng. Thể trí của tôi, rất sớm bây giờ, trở nên tĩnh lặng như thể tâm trí đã tan biến. Nếu, ở giữa buổi tham thiền của bạn, thể trí của bạn trở nên tĩnh lặng, đừng làm phiền nó. Đừng tưởng tượng rằng bạn phải tiếp tục với bài tập nếu có một khoảnh khắc thiêng liêng tuyệt vời khi mọi thứ đều tĩnh lặng bên trong và bên ngoài. Một trạng thái như vậy có nghĩa là chân ngã và Chân Ngã đang tiếp tục tham thiền trong cõi giới cao hơn. Đừng khuấy động!

Question: In this meditation is the consciousness centred in the heart or in the middle of the head?

Câu hỏi: Trong buổi tham thiền này, tâm thức có tập trung vào trái tim hay ở giữa đầu?

Answer: The idea of the meditation is 'To become one with the inner ruler immortal seated in the heart of all beings'. The words, 'the inner ruler immortal seated in the heart of all beings', come from the *Bhagavad Gita.* In my opinion the meaning of the word 'heart' is the centre of existence—the heart of your nature. At the heart of your nature is the universal Deity. It is the Egyptian idea of heart. It has very little to do with the body. Seated in the heart of all beings means the heart of your nature. If you think of it as a sphere, it would be the centre. If I may speak personally, nearly always now—rightly or wrongly—all my meditations go on in the middle of my head. I find the spirit situated in the third ventricle of the brain—the hypothalamus. This morning when I said, 'The Self in me is one—the Self which I am is one with the Self of all', for some reason this morning it was the sun which was shining everywhere within and without. I slipped away into what you might call solar reflection—perhaps a partial identity with the Solar Logos in the centre of the sun.

Trả lời: Ý tưởng của buổi tham thiền là 'Trở nên hợp nhất với người cai trị bên trong bất tử ngự trong trái tim của tất cả chúng sinh'. Những lời, 'người cai trị bên trong bất tử ngự trong trái tim của tất cả chúng sinh', đến từ Bhagavad Gita. Theo ý kiến của tôi, ý nghĩa của từ 'trái tim' là trung tâm của sự tồn tại—trái tim của bản chất bạn. Ở trái tim của bản chất bạn là Thượng đế phổ quát. Đó là ý tưởng về trái tim của người Ai Cập. Nó rất ít liên quan đến cơ thể. Ngự trong trái tim của tất cả chúng sinh có nghĩa là trái tim của bản chất bạn. Nếu bạn nghĩ về nó như một hình cầu, nó sẽ là trung tâm. Nếu tôi có thể nói một cách cá nhân, gần như luôn luôn bây giờ—dù đúng hay sai—tất cả các buổi tham thiền của tôi đều diễn ra ở giữa đầu tôi. Tôi thấy tinh thần nằm ở tâm thất thứ ba của não—vùng dưới đồi. Sáng nay khi tôi nói, 'Bản Thể trong tôi là một—Bản Thể mà tôi là một với Bản Thể của tất cả', vì một lý do nào đó sáng nay đó là mặt trời đang chiếu sáng khắp mọi nơi bên trong và bên ngoài. Tôi trượt vào cái mà bạn có thể gọi là phản chiếu thái dương—có lẽ là một sự đồng nhất một phần với Thái dương Thượng đế ở trung tâm của mặt trời.

Some people meditate in the heart—especially the more devotional types. The centre of consciousness is in the heart. Don't think you have got to obey some rule. We are all different, therefore rules don't really govern us. That was pure Vedanta which I did with you in this morning's meditation. It is the meditation of the great teacher, Shri Shankaracharya. Quoting from his book, 'The meditator peels the sheafs of the self from the *atma* one by one. What remains is the witness'. This is what we did this morning. We undressed ourselves as it were and got to the control core of our existence. It does require practice since it is an exercise, but sooner or later, with diligent practice, the intellection part does fade out until there remains only a

Một số người tham thiền trong trái tim—đặc biệt là những người sùng đạo hơn. Trung tâm của tâm thức là ở trong trái tim. Đừng nghĩ rằng bạn phải tuân theo một quy tắc nào đó. Tất cả chúng ta đều khác nhau, do đó các quy tắc không thực sự chi phối chúng ta. Đó là Vedanta thuần túy mà tôi đã thực hiện với bạn trong buổi tham thiền sáng nay. Đó là buổi tham thiền của Huấn Sư Vĩ Đại, Shri Shankaracharya. Trích dẫn từ cuốn sách của Ông, 'Người tham thiền bóc từng lớp vỏ của bản thể khỏi atma. Những gì còn lại là nhân chứng'. Đây là những gì chúng ta đã làm sáng nay. Chúng ta đã cởi bỏ quần áo của mình và đi đến cốt lõi kiểm soát sự tồn tại của chúng ta. Nó đòi hỏi sự thực hành vì nó là một bài tập, nhưng sớm hay muộn, với sự thực hành siêng

still awareness which is often more vivid and marvellous than thinking. Remain in it and refresh yourself in it.

năng, phần trí tuệ sẽ mờ dần cho đến khi chỉ còn lại một nhận thức tĩnh lặng, thường sống động và kỳ diệu hơn là tư duy. Hãy ở trong đó và làm mới bản thân trong đó.

The exact words and techniques of this meditation may be found in my little pamphlet, *A Yoga of Light* (revised edition, 1966).

Các từ và kỹ thuật chính xác của buổi tham thiền này có thể được tìm thấy trong cuốn sách nhỏ của tôi, A Yoga of Light (phiên bản sửa đổi, 1966).

Sometimes it is well to start a meditation by, so to speak, charging the atmosphere with a chanting of the word—the sacred word 'Om' or 'Aum' which means 'I am my Father'—'I am That'—'That am I'. It means unity and implies everything a meditating yogi seeks to understand. It is an invocation, a benediction, a promise and an affirmation. It is an invocation, to the God which you are—to the Divine; it is a benediction, a blessing, and an affirmation. The very sound vibrations of this magical, wonderful, simple syllable sets the brain cells going as it vibrates through the head and into the aura. To some extent, it releases you from body consciousness.

Đôi khi, tốt hơn là nên bắt đầu một buổi tham thiền bằng cách, có thể nói, nạp năng lượng cho bầu không khí bằng cách xướng linh từ—linh từ thiêng liêng 'Om' hoặc 'Aum' có nghĩa là 'Tôi là Cha tôi'—'Tôi là Cái Đó'—'Cái Đó là Tôi'. Nó có nghĩa là sự hợp nhất và ngụ ý mọi thứ mà một hành giả yoga tham thiền tìm cách thấu hiểu. Đó là một lời khẩn cầu, một lời chúc lành, một lời hứa và một lời khẳng định. Đó là một lời khẩn cầu, đến Thượng đế mà bạn là—đến Đấng Thiêng Liêng; đó là một lời chúc lành, một phước lành và một lời khẳng định. Chính những rung động âm thanh của âm tiết kỳ diệu, tuyệt vời, đơn giản này khiến các tế bào não hoạt động khi nó rung động qua đầu và vào hào quang. Ở một mức độ nào đó, nó giải phóng bạn khỏi tâm thức thể xác.

It is important that you remember that no words or affirmations or statements of any single member of the Theosophical Society is in the least binding or to be regarded as even a correct statement and least of all a final statement of either Theosophy or the truth. So in attempting to answer any question, I shall be merely offering my thoughts for consideration—for what they are worth and nothing more. Everything I say will be almost inevitably coloured by my experience and studies.

Điều quan trọng là bạn phải nhớ rằng không có lời nói hoặc lời khẳng định hoặc tuyên bố nào của bất kỳ thành viên nào của Hội Thông Thiên Học là ràng buộc dù chỉ là nhỏ nhất hoặc được coi là thậm chí là một tuyên bố chính xác và ít nhất là một tuyên bố cuối cùng về Thông Thiên Học hoặc chân lý. Vì vậy, khi cố gắng **trả lời** bất kỳ câu hỏi nào, tôi sẽ chỉ đưa ra những suy nghĩ của mình để xem xét—về giá trị của chúng và không hơn thế nữa. Mọi điều tôi nói gần như chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng bởi kinh nghiệm và nghiên cứu của tôi.

Question: Is there any special kind of breathing which should be used in meditation?

Câu hỏi: Có loại hô hấp đặc biệt nào nên được sử dụng trong tham thiền không?

Answer: The Theosophical idea of meditation, as I understand it, is a method of orienting the mind toward abstract truth in the hope of ever deeper and deeper comprehension, not only comprehension with the intellect but ever deepening awareness and experience of truth itself and of unity with whatever source of truth there may be. While certain forms of breathing could be useful, my understanding and experience is that they are in no sense necessary.

Trả lời: Ý tưởng Thông Thiên Học về tham thiền, như tôi hiểu, là một phương pháp định hướng thể trí hướng tới chân lý trừu tượng với hy vọng ngày càng thấu hiểu sâu sắc hơn, không chỉ thấu hiểu bằng trí tuệ mà còn là nhận thức và trải nghiệm ngày càng sâu sắc hơn về chính chân lý và sự hợp nhất với bất kỳ nguồn chân lý nào có thể có. Mặc dù một số hình thức hô hấp nhất định có thể hữu ích, nhưng sự hiểu biết và kinh nghiệm của tôi là chúng không cần thiết theo bất kỳ nghĩa nào.

The contemplation of the Divine is a mento-spiritual activity and it would seem that the sooner you forget the body and all its procedures the better. The more you concentrate on your body and its procedures the worse. Therefore forget the body—forget the self and become as soon as possible absorbed in the Divine. This may be a very general and unsatisfactory answer but it is what I believe.

Việc chiêm ngưỡng Đấng Thiêng Liêng là một hoạt động trí tuệ-tinh thần và dường như bạn càng sớm quên đi cơ thể và mọi hoạt động của nó thì càng tốt. Bạn càng tập trung vào cơ thể và các hoạt động của nó thì càng tệ. Vì vậy, hãy quên đi cơ thể—quên đi bản thân và càng sớm càng tốt hòa mình vào Đấng Thiêng Liêng. Đây có thể là một câu **trả lời** rất chung chung và không thỏa đáng nhưng đó là điều tôi tin.

Now there are forms of breathing which have certain effects in preparing the mind and body for such successful contemplation. The simplest of all is the slowing down of the breathing. All meditation should begin by seeing that the body is in a completely relaxed state—every muscle, every nerve should be completely relaxed. Then and then alone can the inner Self make the great flight 'from the alone to the Alone' as Plotinus calls it. Normally, when you begin to withdraw, your breathing becomes slower by itself without attention.

Hiện nay, có những hình thức hô hấp có những tác dụng nhất định trong việc chuẩn bị thể trí và cơ thể cho sự chiêm ngưỡng thành công như vậy. Đơn giản nhất trong tất cả là làm chậm nhịp thở. Mọi sự tham thiền nên bắt đầu bằng việc đảm bảo rằng cơ thể ở trong trạng thái hoàn toàn thư giãn—mọi cơ bắp, mọi dây thần kinh đều phải hoàn toàn thư giãn. Chỉ khi đó, Chân Ngã bên trong mới có thể thực hiện chuyến bay vĩ đại 'từ cô độc đến Tuyệt Đối' như Plotinus gọi. Thông thường, khi bạn bắt đầu rút lui, hơi thở của bạn sẽ tự chậm lại mà không cần chú ý.

There is a form of breathing in which you breathe in through one nostril and out through the other. This is called the sun and the moon breathing or the positive and the negative breathing. This is done rhythmically with pauses, the idea, being to harmonize the positive and negative magnetic forces in the

Có một hình thức thở trong đó bạn hít vào bằng một lỗ mũi và thở ra bằng lỗ mũi kia. Đây được gọi là cách thở mặt trời và mặt trăng hoặc cách thở dương và âm. Điều này được thực hiện nhịp nhàng với những khoảng dừng, với ý tưởng là hài hòa các lực từ tính dương và âm trong cơ thể bằng cách hít vào prana âm và

body by inhaling negative and positive *prana.* Thus complete bodily equipoise is obtained and the consciousness can be addressed to the highest truths.

dương. Do đó, sự cân bằng toàn diện của cơ thể đạt được và tâm thức có thể được hướng đến những chân lý cao nhất.

I want to seriously warn everybody against any form of breathing in which the consciousness is fixed upon a part of the body —especially the sacrum and the solar plexus. The rule in occultism is that you should not concentrate on any organ or part of your body lower than your heart. In my opinion the ideal is to forget the body—get away from it into the consciousness of the Higher Self and beyond. In the beginning you may practice restrained breathing in which you inhale slowly in a controlled manner deep into the diaphragm, restrain the breath for eight, twelve, or sixteen counts and then exhale slowly. This is said to harmonize and sensitize the body but eventually such practices are unnecessary.

Tôi muốn nghiêm túc cảnh báo mọi người về bất kỳ hình thức thở nào mà tâm thức tập trung vào một bộ phận của cơ thể—đặc biệt là xương cùng và tùng thái dương. Quy tắc trong huyền bí học là bạn không nên tập trung vào bất kỳ cơ quan hoặc bộ phận nào trên cơ thể thấp hơn tim của bạn. Theo ý kiến của tôi, lý tưởng là quên đi cơ thể—thoát khỏi nó để đi vào tâm thức của Chân Ngã Cao Hơn và hơn thế nữa. Ban đầu, bạn có thể thực hành thở có kiểm soát, trong đó bạn hít vào chậm rãi một cách có kiểm soát sâu vào cơ hoành, nín thở trong tám, mười hai hoặc mười sáu nhịp đếm rồi thở ra chậm rãi. Người ta nói rằng điều này giúp hài hòa và làm nhạy cảm cơ thể nhưng cuối cùng những thực hành như vậy là không cần thiết.

Question: In the meditation you recommend is there any stimulation of the *chakras?*

Câu hỏi: Trong thiền định mà Ngài khuyên có bất kỳ sự kích thích nào đối với các luân xa không?

Answer: There is a place in yoga, which is the science of achieving union with the Divine or absorption therein, for knowledge concerning the various *chakras* and their functions and awakening. Yet, in pure meditation my experience has been that it is better to forget the whole mechanism of consciousness and get away from it into the highest state you can enter and be absorbed into the One light—into one vast ocean of light—like water in water, space in space, light in light as written in the *Upanishads.* When you even draw near to this state the bodily mechanisms including the *chakras,* just fade out of the consciousness altogether. Any quickening or awakening of the *chakras* occurs naturally without your attention.

Trả lời: Có một vị trí trong yoga, vốn là khoa học đạt được sự hợp nhất với Đấng Thiêng Liêng hoặc sự hòa nhập vào đó, để có kiến thức liên quan đến các luân xa khác nhau và các chức năng và sự thức tỉnh của chúng. Tuy nhiên, trong thiền định thuần túy, kinh nghiệm của tôi cho thấy tốt hơn là nên quên đi toàn bộ cơ chế của tâm thức và thoát khỏi nó để đi vào trạng thái cao nhất mà bạn có thể đạt được và hòa mình vào Ánh sáng Duy Nhất—vào một đại dương ánh sáng bao la—giống như nước trong nước, không gian trong không gian, ánh sáng trong ánh sáng như được viết trong Upanishads. Ngay cả khi bạn đến gần trạng thái này, các cơ chế của cơ thể bao gồm cả các luân xa, sẽ hoàn toàn biến mất khỏi tâm thức. Bất kỳ sự thúc đẩy hoặc thức tỉnh nào

của các luân xa đều xảy ra một cách tự nhiên mà bạn không cần chú ý.

The word *chakra* is a Sanskrit word meaning wheel and is applied in occultism to seven whirling centres of soul force in the Etheric, Astral and Mental Bodies. They function as channels for the inflow of certain energies into the physical body and as gateways for consciousness out of the physical body. For the latter function the most important is the *chakra* at the top of the head known as the *Sahasrara Padma* or the Thousand-Petalled Lotus. If you want to concern yourself with *chakras* and the forces which energize them, I would advise keeping to the *Sahasrara chakra* which enables consciousness perhaps to free itself more readily from the limitations of the body.

Từ luân xa là một từ tiếng Phạn có nghĩa là bánh xe và được áp dụng trong huyền bí học cho bảy trung tâm xoáy của mãnh lực linh hồn trong Thể Dĩ Thái, Thể Cảm Dục và Thể Trí. Chúng hoạt động như các kênh dẫn năng lượng nhất định vào thể xác và là cổng cho tâm thức ra khỏi thể xác. Đối với chức năng thứ hai, quan trọng nhất là luân xa ở đỉnh đầu được gọi là Sahasrara Padma hay Hoa Sen Ngàn Cánh. Nếu bạn muốn quan tâm đến các luân xa và các lực tiếp thêm sinh lực cho chúng, tôi khuyên bạn nên giữ luân xa Sahasrara, vốn có thể cho phép tâm thức giải phóng bản thân dễ dàng hơn khỏi những hạn chế của cơ thể.

Question: Isn't it selfish to spend much time endeavouring to attain a supernormal state of consciousness?

Câu hỏi: Dành nhiều thời gian để cố gắng đạt được một trạng thái tâm thức siêu phàm có ích kỷ không?

Answer: It depends on the motive—the ideal motive in yoga is to be more effective in the service of your fellow men which of course is totally unselfish. It is an axiom, so to speak, in occult philosophy that there is only One Life and that all appearances of separated individualities are elusive. This one all-pervading, preserving, vital power, life and consciousness is likened to an ocean pervading every atom in all things and blending them in unity. Thus we are all literally one. So far as man is concerned we are without divisions of any kind—we are a unit.

Trả lời: Điều đó phụ thuộc vào động cơ—động cơ lý tưởng trong yoga là để có hiệu quả hơn trong việc phụng sự đồng loại của bạn, điều này tất nhiên là hoàn toàn vị tha. Có thể nói, trong triết học huyền bí, có một tiên đề rằng chỉ có Một Sự Sống và tất cả những biểu hiện của các cá thể tách biệt đều khó nắm bắt. Sức mạnh, sự sống và tâm thức duy trì, tràn ngập tất cả này được ví như một đại dương tràn ngập mọi nguyên tử trong vạn vật và hòa trộn chúng trong sự hợp nhất. Vì vậy, tất cả chúng ta theo nghĩa đen là một. Về con người, chúng ta không có bất kỳ sự phân chia nào—chúng ta là một thể thống nhất.

Is the monk in his cell, the nun in her cell, the yogis in jungles, caves and *ashrams*—all those who have deliberately withdrawn from the world and their fellows with the object of concentrating on the attainment of this

Liệu nhà sư trong phòng giam của mình, nữ tu trong phòng giam của mình, các yogi trong rừng rậm, hang động và tu viện—tất cả những người đã cố ý rút lui khỏi thế giới và đồng loại của họ với mục đích tập trung vào việc đạt

realization—are they selfish? As far as I can answer I would definitely say no, since attainment of oneness with the Infinite by any one unit of life is shared by all. An upliftment of consciousness or increase of power in any one individual thrills throughout the whole of humanity and is shared by all since we are one. The motive must be to attain a realization of unity with the Divine.

được sự nhận thức này—có ích kỷ không? Theo như tôi có thể **trả lời**, tôi chắc chắn sẽ nói không, vì việc đạt được sự hợp nhất với Vô Hạn bởi bất kỳ đơn vị sự sống nào đều được chia sẻ bởi tất cả. Sự nâng cao tâm thức hoặc gia tăng sức mạnh ở bất kỳ cá nhân nào đều lan tỏa khắp toàn thể nhân loại và được chia sẻ bởi tất cả vì chúng ta là một. Động cơ phải là đạt được sự nhận biết về sự hợp nhất với Đấng Thiêng Liêng.

I must qualify this answer by saying that there are people who think they can increase their power over others and bend them to their will through occult means. That, of course, would be entirely selfish.

Tôi phải nói rõ câu **trả lời** này bằng cách nói rằng có những người nghĩ rằng họ có thể gia tăng quyền lực của mình đối với người khác và uốn nắn họ theo ý muốn của mình thông qua các phương tiện huyền bí. Tất nhiên, điều đó hoàn toàn ích kỷ.

Motivation is the deciding factor.

Động lực là yếu tố quyết định.

Question: How can one control his wandering mind and emotional upsets when he tries to meditate?

Câu hỏi: Làm thế nào người ta có thể kiểm soát tâm trí lang thang và những xáo trộn cảm xúc khi cố gắng thiền định?

Answer: This is a personal problem and can be solved only by personally examining an individual to find out the root causes of his troubles. You must know the whole case through and through from childhood on. A general answer is to forget your personal self altogether. The key to spirituality is self-forgetfulness and it is also the key to happiness—in fact it is essential to happiness.

Trả lời: Đây là một vấn đề cá nhân và chỉ có thể được giải quyết bằng cách đích thân kiểm tra một cá nhân để tìm ra nguyên nhân gốc rễ của những rắc rối của y. Bạn phải biết toàn bộ trường hợp từ đầu đến cuối từ thời thơ ấu. Một câu **trả lời** chung là hãy quên đi bản thân cá nhân của bạn hoàn toàn. Chìa khóa để đạt đến tinh thần là sự quên mình và nó cũng là chìa khóa để hạnh phúc—thực tế nó là điều cần thiết cho hạnh phúc.

Yoga is a process of self-forgetfulness how to get rid of self, if you like. I am not my body. I am not my emotions. I am not my mind—these are the garments that I am wearing. I am my true essential Self—I am That. It is as if you removed all your clothes and stood naked in the presence of the Supreme. Each day, in privacy, with the body relaxed, the thoughts must be withdrawn from the transient, ephemeral world around us and centred on

Yoga là một quá trình tự quên mình, làm thế nào để loại bỏ bản thân, nếu bạn muốn. Tôi không phải là cơ thể của tôi. Tôi không phải là cảm xúc của tôi. Tôi không phải là thể trí của tôi—đây là những bộ quần áo mà tôi đang mặc. Tôi là Chân Ngã thiết yếu thực sự của tôi—Tôi là Cái Đó. Giống như bạn cởi bỏ hết quần áo và đứng trần truồng trước Đấng Tối Cao. Mỗi ngày, trong sự riêng tư, với cơ thể thư giãn, những suy nghĩ phải được rút khỏi thế giới

the eternal verities and held there with the realization of oneness with all—'I and my Father are One'. Or, in the words of the Hindu sage, 'I am in my Father and I in you and you in Me'—oneness, oneness, oneness! Forget your self and get on with the great work of the spiritual Self which brings increased efficiency, increased capacity, increased mastery of life.

phù du, chóng tàn xung quanh chúng ta và tập trung vào những chân lý vĩnh cửu và giữ ở đó với sự nhận biết về sự hợp nhất với tất cả—'Tôi và Cha tôi là Một'. Hoặc, theo lời của nhà hiền triết Hindu, 'Tôi ở trong Cha tôi và Tôi ở trong bạn và bạn ở trong Tôi'—sự hợp nhất, sự hợp nhất, sự hợp nhất! Hãy quên đi bản thân và bắt tay vào công việc vĩ đại của Chân Ngã tinh thần, vốn mang lại hiệu quả gia tăng, năng lực gia tăng, khả năng làm chủ cuộc sống gia tăng.

If you are going in for occultism, at the very beginning you must arouse and exercise your will. Nothing can be accomplished unless you are really determined about it—determined with a certain finality. Bring the will to bear—that is the answer to your question. Rise above your problems and have done with them.

Nếu bạn đang tham gia vào huyền bí học, ngay từ đầu bạn phải khơi dậy và rèn luyện ý chí của mình. Không có gì có thể đạt được trừ khi bạn thực sự quyết tâm về nó—quyết tâm với một sự dứt khoát nhất định. Hãy sử dụng ý chí—đó là câu **trả lời** cho câu hỏi của bạn. Hãy vượt lên trên những vấn đề của bạn và giải quyết chúng.

Question: Does a time come when you are too old to practice these spiritual disciplines?

Câu hỏi: Có đến lúc bạn quá già để thực hành những kỷ luật tinh thần này không?

Answer: No, as long as the brain has the resiliency and capacity to think upon the eternal do so. When the brain becomes too affected by the ageing process you may have to stop. Meditation and contemplation of the Divine is one of the most health-preserving and youth-preserving procedures you can follow. If you touch the higher consciousness, you touch the elixir of life. You plunge into it and are, as it were, new-born each time. Thus effective meditation keeps you young.

Trả lời: Không, miễn là bộ não có khả năng phục hồi và khả năng suy nghĩ về những điều vĩnh cửu thì hãy cứ làm như vậy. Khi bộ não bị ảnh hưởng quá nhiều bởi quá trình lão hóa, bạn có thể phải dừng lại. Tham thiền và chiêm ngưỡng Đấng Thiêng Liêng là một trong những thủ thuật bảo tồn sức khỏe và bảo tồn tuổi trẻ nhất mà bạn có thể tuân theo. Nếu bạn chạm vào tâm thức cao hơn, bạn sẽ chạm vào thuốc trường sinh. Bạn lao vào nó và, như thể, được tái sinh mỗi lần. Vì vậy, thiền định hiệu quả giúp bạn trẻ trung.

Question: To succeed in meditation do you have to be a vegetarian?

Câu hỏi: Để thành công trong thiền định, bạn có phải là người ăn chay không?

Answer: No, no, you don't have to be anything. In Theosophy there are no rules of life. Everybody does exactly as they like so long as they leave other people equally free and don't infringe on their freedom. There are no demands for vegetarianism in our

Trả lời: Không, không, bạn không cần phải là bất cứ điều gì. Trong Thông Thiên Học không có quy tắc sống. Mọi người làm chính xác những gì họ thích miễn là họ để những người khác được tự do như nhau và không xâm phạm quyền tự do của họ. Không có yêu cầu

movement.

Nevertheless, let us look at this question—let us analyse it. Most of the occultists from Pythagoras through Plato including Indian *ashrams* of today insist on vegetarianism. Why? It is not a rule imposed by an Adept or *a. guru* or the head of a school—it is a law of nature. According to a German aphorism, 'What you eat you are'. There is a certain truth in that since by absorbing and building into your body animal tissues, animal foods and animal matters which have been subjected to the influences of the next kingdom below us, you, in a sense, animalize yourself. Nowadays, in psychosomatics, it is very well known that emotions have a very powerful influence on the body consciousness. Nearly all food animals die in horror, anguish and terror and that is implanted in their cells. When those cells become embodied in a human being one presumes that the anguish, horror and terror enter with them into the psyche.

The objective of meditation is the realization of unity with all. When that unity is even approached, there is a strange and wonderful feeling of compassion, a sort of sublime and gentle tenderness for everybody and everything. Thus, ideally, one hesitates to kill any living thing out of compassion. There is an indescribable and immeasurable amount of suffering inseparable from the meat trade so if you eat meat so it is said—you are associating yourself with that suffering. You are allowing yourself for your pleasure—you may think it a necessity—to associate with and participate in, the horrors of the abbatoir and the slaughter house. Now all this is contrary to the ideal of spirituality.

nào về ăn chay trong phong trào của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta hãy xem xét câu hỏi này—chúng ta hãy phân tích nó. Hầu hết các nhà huyền bí học từ Pythagoras qua Plato bao gồm cả các tu viện Ấn Độ ngày nay đều nhấn mạnh vào việc ăn chay. Tại sao? Đó không phải là một quy tắc do một Chân sư hay một guru hay người đứng đầu một trường học áp đặt—đó là một quy luật của tự nhiên. Theo một câu cách ngôn của Đức, 'Bạn ăn gì thì bạn là người đó'. Có một sự thật nhất định trong đó vì bằng cách hấp thụ và xây dựng vào cơ thể bạn các mô động vật, thực phẩm động vật và các chất động vật đã phải chịu ảnh hưởng của giới tiếp theo bên dưới chúng ta, bạn, theo một nghĩa nào đó, tự động vật hóa bản thân. Ngày nay, trong tâm sinh lý học, người ta biết rất rõ rằng cảm xúc có ảnh hưởng rất lớn đến tâm thức cơ thể. Gần như tất cả các động vật làm thực phẩm đều chết trong kinh hoàng, đau khổ và kinh hãi và điều đó được cấy vào các tế bào của chúng. Khi những tế bào đó trở thành hiện thân trong một con người, người ta cho rằng sự đau khổ, kinh hoàng và kinh hãi đi vào tâm lý cùng với chúng.

Mục tiêu của thiền định là nhận ra sự hợp nhất với tất cả. Ngay cả khi sự hợp nhất đó được tiếp cận, có một cảm giác kỳ lạ và tuyệt vời về lòng trắc ẩn, một loại dịu dàng cao thượng và dịu dàng dành cho mọi người và mọi thứ. Vì vậy, về mặt lý tưởng, người ta do dự giết bất kỳ sinh vật sống nào vì lòng trắc ẩn. Có một lượng đau khổ không thể diễn tả và không thể đo lường được không thể tách rời khỏi ngành kinh doanh thịt, vì vậy nếu bạn ăn thịt, người ta nói rằng—bạn đang liên kết mình với sự đau khổ đó. Bạn đang cho phép bản thân vì niềm vui của mình—bạn có thể nghĩ đó là một sự cần thiết—để liên kết và tham gia vào những nỗi kinh hoàng của lò mổ và lò giết mổ. Bây giờ tất cả điều này là trái với lý tưởng của tinh thần.

The purpose of the physical side of meditation, the breathing and the postures, the chanting and any work you may do on your *chakras*—the purpose of all of that is solely to make your whole being more and more sensitive, more and more refined. You develop, as it were, from long wave, through medium on to short wave reception of signals from your heavenly Self. You therefore take care to build into your body only materials which will enhance that sensitization. This is why the leaders of occult schools insist on their pupils being strict vegetarians. The Hindus have this beautiful idea which they call *ahimsa,* or harmlessness. The 'a' is negative in Sanskrit and himsa means hurting. Thus *ahimsa* means non-hurting in thoughts, emotions, words, hands, voice or person. Essentially this is yoga since the goal is to become absolutely compassionate, loving and kind to all both humans and animals. It is a glorious ideal. Meat eating contradicts this ideal so they teach us against it as being contrary to the laws of nature. Meat eating bedulls the body, whereas the ideal of yoga is to make it more sensitive. It is like driving your car with the handbrake on all the time. The same is true of alcohol and tobacco. However, we theosophists are of course entirely free to make up our own minds on these matters.

Mục đích của khía cạnh thể xác của thiền định, hơi thở và tư thế, tụng kinh và bất kỳ công việc nào bạn có thể làm trên các luân xa của mình —mục đích của tất cả những điều đó chỉ là làm cho toàn bộ con người bạn ngày càng nhạy cảm hơn, ngày càng tinh tế hơn. Bạn phát triển, như thể, từ sóng dài, qua trung bình đến sóng ngắn để thu tín hiệu từ Chân Ngã thiên thượng của bạn. Do đó, bạn cẩn thận chỉ xây dựng vào cơ thể bạn những vật liệu sẽ tăng cường sự nhạy cảm đó. Đây là lý do tại sao các nhà lãnh đạo của các trường phái huyền bí nhấn mạnh rằng học trò của họ phải là người ăn chay trường. Người Hindu có ý tưởng tuyệt vời này mà họ gọi là ahimsa, hay vô tổn hại. Chữ 'a' là phủ định trong tiếng Phạn và himsa có nghĩa là gây tổn thương. Vì vậy, ahimsa có nghĩa là không gây tổn thương trong suy nghĩ, cảm xúc, lời nói, tay, giọng nói hoặc con người. Về bản chất, đây là yoga vì mục tiêu là trở nên hoàn toàn trắc ẩn, yêu thương và tử tế với tất cả mọi người, cả con người và động vật. Đó là một lý tưởng vinh quang. Ăn thịt mâu thuẫn với lý tưởng này nên họ dạy chúng ta chống lại nó vì nó trái với quy luật của tự nhiên. Ăn thịt làm đờ đẫn cơ thể, trong khi lý tưởng của yoga là làm cho nó nhạy cảm hơn. Nó giống như lái xe của bạn với phanh tay luôn bật. Điều tương tự cũng đúng với rượu và thuốc lá. Tuy nhiên, chúng ta, những nhà thông thiên học, tất nhiên hoàn toàn tự do đưa ra quyết định của riêng mình về những vấn đề này.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 3, 1968, p. 55

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 30, Số 3, 1968, tr. 55

25

Pathways to the Source of Light—Những Con Đường Dẫn Đến Nguồn Ánh Sáng

A CONSIDERATION OF MENTAL ACTIVITY IN MEDITATION

XEM XÉT HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ TRONG THIỀN ĐỊNH

In successful meditation three states of consciousness are entered and passed through. At first the mind is concentrated upon an object or an idea. Meditative consideration of the subject then follows. As this continues, mental activity tends to decline. Stillness descends upon the mind, consciousness becoming absorbed in thought-free experience of existence as pure Being. Identity with the Eternal Principle is realized.

Trong thiền định thành công, ba trạng thái tâm thức được đi vào và trải qua. Lúc đầu, thể trí tập trung vào một đối tượng hoặc một ý tưởng. Sau đó là sự xem xét thiền định về chủ đề. Khi điều này tiếp tục, hoạt động trí tuệ có xu hướng suy giảm. Sự tĩnh lặng giáng xuống thể trí, tâm thức trở nên hòa mình vào trải nghiệm không có suy nghĩ về sự tồn tại như là Bản Thể thuần túy. Sự đồng nhất với Nguyên Khí Vĩnh Cửu được nhận ra.

Absorption in infinite Light and Life is the goal, and effective concentration is the first step towards it. If an object is chosen for this purpose, comprehension of its functions should be sought. Concentrating upon a cell, for example, one may consider its chromosomes, then its chromatids, and then their dispersal at cell division into the two daughter cells where, mysteriously, partners are obtained. The transmission of parental characteristics may be thoughtfully considered in search of the forces, processes and laws under which such phenomena occur. The life principle in the cell may be sought, sensed and eventually realized as a universal property of all organisms. Cell life thus becomes a gateway leading to universal Life. Passing through inquiry, conjecture and analysis, one is gradually led to the thought free state. The particular vanishes; the universal is revealed. Stillness pervades the mind, which has thus moved from concentration through meditation and contemplation into idea free absorption in the ocean of Life.

Sự hòa mình vào Ánh Sáng và Sự Sống vô hạn là mục tiêu, và sự tập trung hiệu quả là bước đầu tiên hướng tới nó. Nếu một đối tượng được chọn cho mục đích này, thì nên tìm kiếm sự hiểu biết về các chức năng của nó. Ví dụ, tập trung vào một tế bào, người ta có thể xem xét các nhiễm sắc thể của nó, sau đó là các nhiễm sắc tử của nó, và sau đó là sự phân tán của chúng tại sự phân chia tế bào thành hai tế bào con, nơi mà một cách bí ẩn, các đối tác được thu được. Sự truyền tải các đặc điểm của cha mẹ có thể được xem xét một cách chu đáo để tìm kiếm các lực, quá trình và quy luật mà theo đó các hiện tượng như vậy xảy ra. Nguyên khí trong tế bào có thể được tìm kiếm, cảm nhận và cuối cùng được nhận ra như một thuộc tính phổ quát của tất cả các sinh vật. Do đó, sự sống của tế bào trở thành một cánh cổng dẫn đến Sự Sống phổ quát. Vượt qua sự truy vấn, phỏng đoán và phân tích, người ta dần dần được dẫn đến trạng thái không có suy nghĩ. Cái đặc thù biến mất; cái phổ quát được tiết lộ. Sự tĩnh lặng tràn ngập thể trí, vốn đã chuyển từ sự tập trung qua thiền định và chiêm ngưỡng sang sự hòa mình không có ý tưởng vào đại dương Sự Sống.

If an idea rather than an object is chosen, the mind may be fixed upon the Spirit-Essence which is the core of man's existence. The fact that this Spirit in man is divine, eternal, free, may then be dwelt upon. This thought may, in

Nếu một ý tưởng thay vì một đối tượng được chọn, thể trí có thể được cố định vào Tinh Chất Tinh Thần vốn là cốt lõi của sự tồn tại của con người. Thực tế là Tinh Thần này trong con người là thiêng liêng, vĩnh cửu, tự do, sau đó

its turn, be extended to include that of the unity of the Spirit of man with the Spirit of the Universe. As this pathway is followed, the divinity of the human Soul and the oneness of existence begin to become realities. Deep, interior silence falls upon the mind as realization of identity with universal Spirit gradually becomes the entire content of consciousness.

có thể được nghiền ngẫm. Đến lượt mình, suy nghĩ này có thể được mở rộng để bao gồm suy nghĩ về sự hợp nhất của Tinh Thần của con người với Tinh Thần của Vũ Trụ. Khi con đường này được đi theo, tính thiêng liêng của Linh Hồn con người và tính duy nhất của sự tồn tại bắt đầu trở thành hiện thực. Sự im lặng sâu sắc, nội tại giáng xuống thể trí khi sự nhận ra sự đồng nhất với Tinh Thần phổ quát dần dần trở thành toàn bộ nội dung của tâm thức.

Such is a brief, preliminary description of mental and supramental procedures in successful meditation. In the main they are three—concentration, meditation and contemplation—all of which depend upon a measure of thought control. Fixity of thought is at once seen to be essential to self-illumination.

Đó là một mô tả sơ lược, sơ bộ về các quy trình trí tuệ và siêu trí tuệ trong thiền định thành công. Về cơ bản, chúng có ba loại—tập trung, thiền định và chiêm ngưỡng—tất cả đều phụ thuộc vào một mức độ kiểm soát tư tưởng. Sự kiên định của tư tưởng ngay lập tức được xem là điều cần thiết để tự soi sáng.

How is thought control to be attained? Unwavering concentration upon an abstract idea is admittedly difficult, except for those with a natural facility for metaphysical thought. Arjuna says in the *Bhagavad Gita*: 'The mind is verily restless, O Krishna, it is impetuous, strong and difficult to bend. I deem it as hard to curb as the wind'. The Lord Shri Krishna replies: 'Without doubt, O mighty armed, the mind is hard to curb and restless; but it may be curbed by constant practice and by dispassion'. By constant practice and dispassion, 'thirstlessness of mind', mental activity may be brought under control. To become expert, one evidently needs to practice constantly and to develop personal disinterestedness until the poise of indifference is attained.

Làm thế nào để đạt được sự kiểm soát tư tưởng? Sự tập trung không lay chuyển vào một ý tưởng trừu tượng được thừa nhận là khó khăn, ngoại trừ những người có năng khiếu tự nhiên về tư tưởng siêu hình. Arjuna nói trong Bhagavad Gita: 'Tâm trí thực sự không ngừng nghỉ, hỡi Krishna, nó bốc đồng, mạnh mẽ và khó uốn nắn. Ta coi việc kiềm chế nó khó như kiềm chế gió'. Đức Chúa Shri Krishna **trả lời**: 'Không nghi ngờ gì nữa, hỡi người có vũ trang hùng mạnh, tâm trí rất khó kiềm chế và không ngừng nghỉ; nhưng nó có thể bị kiềm chế bằng cách thực hành liên tục và bằng sự vô chấp'. Bằng cách thực hành liên tục và vô chấp, 'sự không khát khao của tâm trí', hoạt động trí tuệ có thể được kiểm soát. Để trở thành chuyên gia, người ta rõ ràng cần phải thực hành liên tục và phát triển sự vô tư cá nhân cho đến khi đạt được trạng thái điềm nhiên của sự thờ ơ.

For some temperaments the procedure of the dissociation of the Inner Self from its vehicles provides the mind with the interest upon which concentration depends. Strong mental

Đối với một số tính khí, quy trình phân ly Nội Tại ra khỏi các vận cụ của nó cung cấp cho thể trí sự quan tâm mà sự tập trung phụ thuộc vào. Những khẳng định trí tuệ mạnh mẽ rằng

affirmations that the bodies are not the Self, which is distinct from them, provide the mind with subject matter that is neither wholly abstract nor wholly mundane. Affirmations of one's true identity as an immortal, spiritual Being can gradually lead the mind away from thought upon the bodily nature into experience of Egoic existence. A measure of mental control is needed in this, also, and the united powers of the will and the mind must be brought to bear in order to achieve the required concentration. If at the beginning the mind should wander, it should be brought back along the pathway by which it went forth, thereby achieving both stability and control. These are important, since without them the movement of the mind into the meditative condition will not occur and the later thought-free contemplative state will be unattainable.

các thể không phải là Bản Thể, vốn khác biệt với chúng, cung cấp cho thể trí chủ đề không hoàn toàn trừu tượng cũng không hoàn toàn trần tục. Những khẳng định về bản sắc thật sự của một người như một Đấng tinh thần bất tử có thể dần dần dẫn thể trí rời xa tư tưởng về bản chất thể xác vào trải nghiệm về sự tồn tại của Chân ngã. Một mức độ kiểm soát trí tuệ cũng cần thiết trong việc này, và sức mạnh thống nhất của ý chí và thể trí phải được đưa ra để đạt được sự tập trung cần thiết. Nếu lúc ban đầu thể trí đi lang thang, nó nên được đưa trở lại dọc theo con đường mà nó đã đi, do đó đạt được cả sự ổn định và kiểm soát. Đây là những điều quan trọng, vì nếu không có chúng, sự di chuyển của thể trí vào trạng thái thiền định sẽ không xảy ra và trạng thái chiêm ngưỡng không tư tưởng sau đó sẽ không thể đạt được.

Interest is the key to successful concentration. The mind does not tend to wander unduly when one is interested in a book, a film or a stage performance. One may usefully practice thought control by first concentrating the mind upon a concrete object, and then upon deeply interesting ideas associated with it. Mental skill is thereby developed and eventually the power will be attained to concentrate upon an idea or a principle, rather than upon an action or a form.

Sự quan tâm là chìa khóa để tập trung thành công. Thể trí không có xu hướng đi lang thang quá mức khi một người quan tâm đến một cuốn sách, một bộ phim hoặc một buổi biểu diễn trên sân khấu. Người ta có thể thực hành kiểm soát tư tưởng một cách hữu ích bằng cách trước tiên tập trung thể trí vào một đối tượng cụ thể, và sau đó vào những ý tưởng thú vị sâu sắc liên quan đến nó. Kỹ năng trí tuệ nhờ đó được phát triển và cuối cùng sức mạnh sẽ đạt được để tập trung vào một ý tưởng hoặc một nguyên tắc, hơn là vào một hành động hoặc một hình tướng.

The devotee may think at first of something quite objective but which, like all objects, is an expression of a universal power or an abstract principle. A plant, a leaf, a flower or a seed will serve. As stated, the cell may then be considered. The presence of an interior, vital principle drawn from a universal Source is assumed. Meditative thought is then changed to self-identification with the life principle

Người sùng đạo có thể nghĩ lúc đầu về một cái gì đó khá khách quan nhưng giống như tất cả các đối tượng, là một biểu hiện của một quyền năng phổ quát hoặc một nguyên tắc trừu tượng. Một cái cây, một chiếc lá, một bông hoa hoặc một hạt giống sẽ phục vụ. Như đã nói, tế bào sau đó có thể được xem xét. Sự hiện diện của một nguyên tắc sinh lực bên trong được rút ra từ một Nguồn phổ quát được giả định.

within the cell. Thoughts about separate objects become invalid as the current of awareness is directed with firm resolve into the ocean of universal Life. Realization of unity with that Life may then be achieved. Inorganic substances can similarly be used as gateways leading to the experience of oneness. The fact that all atoms are concentrations of cosmic electricity may be dwelt upon until the idea of atomic units disappears. The I-thought is gradually transcended as identity with the universal creative and propellant power begins to be known.

Tư tưởng thiền định sau đó được thay đổi thành tự đồng nhất với nguyên tắc sự sống bên trong tế bào. Những tư tưởng về các đối tượng riêng biệt trở nên vô hiệu khi dòng nhận thức được hướng với quyết tâm vững chắc vào đại dương Sự Sống phổ quát. Sự nhận biết về sự hợp nhất với Sự Sống đó sau đó có thể đạt được. Các chất vô cơ cũng có thể được sử dụng tương tự như các cổng dẫn đến trải nghiệm về sự hợp nhất. Việc tất cả các nguyên tử đều là sự tập trung của điện năng vũ trụ có thể được nghiền ngẫm cho đến khi ý tưởng về các đơn vị nguyên tử biến mất. Tư tưởng-Tôi dần dần được siêu việt khi sự đồng nhất với quyền năng sáng tạo và thúc đẩy phổ quát bắt đầu được biết đến.

In due course a very desirable, even essential, mental state supervenes. This is an effortless equipoise which deepens into complete tranquillity of mind. A profound peace descends as if the mind had become dissolved into its Source. This poised stillness is a threshold state, leading to complete abstraction from the Personality and its concerns and to absorption in the Essence of all that exists. When, like an absorbed waiting, this mental stillness descends it should not be disturbed. It is not brought about by a deliberate silencing of the mind, but is a natural result of the cessation of mental activity when supramental fields of awareness are entered. Practice enables one to develop the ability to 'fall' at will into this condition of interior silence. A centre of radiance gradually reveals itself as if from above or within the stilled mind. This is the shining of the light of the Monad, itself a ray of the Light of the Logos. If the radiance is observed without mental action, the centre of self-awareness becomes dissolved and lost therein. Such an experience has no thought content, the mind being at rest in awareness of infinite Being.

Đến thời điểm thích hợp, một trạng thái trí tuệ rất đáng mong muốn, thậm chí cần thiết, sẽ chiếm ưu thế. Đây là một sự cân bằng không cần nỗ lực, đi sâu vào sự tĩnh lặng hoàn toàn của thể trí. Một sự bình an sâu sắc giáng xuống như thể thể trí đã hòa tan vào Nguồn của nó. Sự tĩnh lặng điềm nhiên này là một trạng thái ngưỡng, dẫn đến sự trừu tượng hoàn toàn khỏi Phàm ngã và những mối quan tâm của nó và sự hòa nhập vào Bản Chất của tất cả những gì tồn tại. Khi, giống như một sự chờ đợi bị thu hút, sự tĩnh lặng trí tuệ này giáng xuống, nó không nên bị xáo trộn. Nó không phải do sự im lặng có chủ ý của thể trí mang lại, mà là kết quả tự nhiên của sự ngừng hoạt động trí tuệ khi các trường nhận thức siêu trí tuệ được xâm nhập. Thực hành cho phép một người phát triển khả năng 'rơi' theo ý muốn vào trạng thái im lặng nội tại này. Một trung tâm rạng rỡ dần dần tự bộc lộ như thể từ trên cao hoặc bên trong thể trí tĩnh lặng. Đây là sự chiếu sáng ánh sáng của Chân Thần, bản thân nó là một tia của Ánh Sáng của Logos. Nếu sự rạng rỡ được quan sát mà không có hành động trí tuệ, trung tâm tự nhận thức sẽ tan biến và mất đi trong đó. Một trải nghiệm như vậy không có nội dung tư tưởng, thể trí ở trạng thái nghỉ

ngơi trong nhận thức về Bản Thể vô hạn.

Such, briefly and but partially described, is the journey, along the inward pathway to the Source of Light and Life and Power. Such is the way to 'the ocean of reality filled with the nectar of bliss'.

Đó, được mô tả một cách ngắn gọn và chỉ một phần, là cuộc hành trình, dọc theo con đường hướng nội đến Nguồn Ánh Sáng và Sự Sống và Quyền Năng. Đó là con đường đến 'đại dương thực tại chứa đầy mật hoa của phúc lạc'.

The Theosophist, Vol. 80, July 1959, p. 263

The Theosophist, Tập. [80], tháng 7 năm [1959], tr. [263]



Geoffrey Hodson wrote over 50 books and booklets on Theosophy for the World

26

Knowledge is Power—Tri thức là Sức mạnh

Sources of Individual Power

Since the golden age of ancient Atlantis, when members of the Great White Brotherhood [the term 'White' is used to denote 'good' or 'positive' as contrasted to 'Dark' or 'Black'; 'Brotherhood' is used with no gender bias intended] lived amongst the people as priests and kings, there has probably never been a time when knowledge concerning occult forces and unseen influences was so freely given to the world as at the present.

The knowledge now in our possession concerning thought power, will power, love power, and the power of the angels, entails upon us a very grave responsibility for its due and proper employment. We cannot separate responsibility from knowledge: it is not possible to accept Theosophy intellectually and to disregard or deny it physically without sooner or later suffering grievous consequences. It is worth our while, therefore, to consider what use we, as Fellows of The Theosophical Society, can make of the knowledge and therefore the power which is at our disposal.

Let us begin by analysing the power available to each one of us. It is woven of many threads and is composed of at least four main strands. There is the power of the Personality, the power of thought, of feeling and of action. Then there is the power of the Ego, the power of the Spiritual Will, Wisdom and Compassion, and the fire of Spiritual

Intelligence. The threefold Ego is a source of power far greater than anything normally

Các Nguồn Sức Mạnh Cá Nhân

Kể từ thời đại hoàng kim của Atlantis cổ đại, khi các thành viên của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo [thuật ngữ 'Chánh đạo' được sử dụng để biểu thị 'tốt' hoặc 'tích cực' trái ngược với 'Tối tăm' hoặc 'Hắc ám'; 'Huynh đệ đoàn' được sử dụng mà không có ý định phân biệt giới tính] sống giữa mọi người với tư cách là các tư tế và các vị vua, có lẽ chưa bao giờ có thời điểm nào mà kiến thức liên quan đến các mãnh lực huyền bí và những ảnh hưởng vô hình lại được trao cho thế giới một cách tự do như hiện nay.

Kiến thức hiện có trong chúng ta liên quan đến quyền năng tư tưởng, quyền năng ý chí, quyền năng tình thương và quyền năng của các thiên thần, đòi hỏi chúng ta phải có một trách nhiệm rất lớn đối với việc sử dụng đúng đắn và thích hợp của nó. Chúng ta không thể tách rời trách nhiệm khỏi kiến thức: không thể chấp nhận Thông Thiên Học một cách trí tuệ và coi thường hoặc phủ nhận nó về mặt thể chất mà không sớm hay muộn phải gánh chịu những hậu quả đau khổ. Do đó, điều đáng để chúng ta xem xét xem chúng ta, với tư cách là thành viên của Hội Thông Thiên Học, có thể sử dụng kiến thức và do đó là quyền năng mà chúng ta có thể sử dụng như thế nào.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách phân tích quyền năng mà mỗi người chúng ta có được. Nó được dệt từ nhiều sợi và bao gồm ít nhất bốn sợi chính. Có quyền năng của Phàm ngã, quyền năng của tư tưởng, của cảm xúc và của hành động. Sau đó, có quyền năng của Chân ngã, quyền năng của Ý Chí Tinh Thần, Minh Triết và Lòng Trắc Ẩn, và ngọn lửa của

Trí Tuệ Tinh Thần. Chân ngã tam phân là một nguồn quyền năng lớn hơn nhiều so với bất cứ

expressible down here in the Personality. Beyond and within the Ego, Monadic power resides deep within the heart of each one of us. It is drawn direct from the mighty power of the Logos Himself. It is the germ in man of omnipotence, omniscience and omni-presence, the triple faculty which every human being will one day develop to the full. This power is incalculable, inexhaustible and ever available.

điều gì thường có thể biểu đạt ở đây trong Phàm ngã. Vượt ra ngoài và bên trong Chân ngã, quyền năng Chân thần cư ngụ sâu bên trong trái tim của mỗi người chúng ta. Nó được rút ra trực tiếp từ quyền năng vĩ đại của chính Logos. Nó là mầm mống trong con người về sự toàn năng, toàn tri và sự hiện diện khắp nơi, năng lực tam phân mà mọi người sẽ một ngày nào đó phát triển đầy đủ. Quyền năng này là vô lượng, vô tận và luôn sẵn có.

Behind these three sources of individual power exists their source which is the power of the Logos. As we are cells in His being, so we are partakers of His power and His glory. The power of the Creator, Preserver and Destroyer of the Universe, is within each and every one of us.

Đằng sau ba nguồn quyền năng cá nhân này tồn tại nguồn của chúng, đó là quyền năng của Logos. Vì chúng ta là các tế bào trong hữu thể của Ngài, nên chúng ta là những người tham dự vào quyền năng và vinh quang của Ngài. Quyền năng của Đấng Sáng Tạo, Bảo Tồn và Hủy Diệt Vũ Trụ nằm trong mỗi người chúng ta.

Scientists have discovered an energy in matter which, when released even from a single atom, may destroy a continent. What therefore must be the nature of the power within the human Monad? An unbroken chain of reservoirs is established between the inexhaustible Fount of Power which is the Logos and the Personality of each one of us. The Monad and the Ego may he thought of as locks in the 'canal' by means of which that power is conveyed. In terms of broadcasting, Monad and Ego are as secondary and tertiary relay stations or, to use electrical terminology, are transformers which step the power down, decreasing the voltage by the resistance which they offer to its flow so that it may safely be manifested at the lower level. Without these living 'rheostats' the manifestation of the Logoic power would be utterly shattering down here.

Các nhà khoa học đã khám phá ra một năng lượng trong vật chất, khi được giải phóng ngay cả từ một nguyên tử duy nhất, có thể phá hủy một lục địa. Vậy thì bản chất của quyền năng bên trong Chân Thần của con người phải như thế nào? Một chuỗi liên tục các hồ chứa được thiết lập giữa Suối Nguồn Quyền Năng vô tận vốn là Logos và Phàm ngã của mỗi người chúng ta. Chân Thần và Chân ngã có thể được coi là các ổ khóa trong 'kênh đào' nhờ đó quyền năng đó được truyền tải. Về mặt phát sóng, Chân Thần và Chân ngã giống như các trạm chuyển tiếp thứ cấp và thứ ba hoặc, sử dụng thuật ngữ điện, là các máy biến áp làm giảm quyền năng, giảm điện áp bằng điện trở mà chúng cung cấp cho dòng chảy của nó để nó có thể được biểu hiện một cách an toàn ở cấp độ thấp hơn. Nếu không có những 'biến trở' sống này, sự biểu hiện của quyền năng Logoic sẽ hoàn toàn tan vỡ ở đây.

The Infinite Power of the Masters

Quyền Năng Vô Hạn của Các Chân Sư

In addition to this fourfold power of every

Ngoài quyền năng tứ phân này của mỗi người,

man, further potency results from the fact that Fellows of The Theosophical Society are all channels for the almost infinite power of the Masters of the Wisdom each of whom is a mighty Lord of Power. In Their graciousness they have offered Themselves as additional Sources of power and light to those who come forward to participate in this special branch of Their work. Every Fellow of The Theosophical Society has a definite link with the Masters Who founded it, which forms the channel through which this added power can flow. When discipleship is reached—and this inexpressible privilege is not beyond our reach—the connecting link is said to disappear because the disciple and his Lord become one. Then, in so far as he can fit himself to convey it, the whole of the power of the Master is at the disciple's disposal. The disciple becomes an Adept at his level and all the powers of Adeptship are at his disposal because he is utterly one with his Adept-*Guru*. That is why it is so important that all who aspire effectively to help the world should press forward on the occult path; for the nearer a man comes to his Master, the greater the measure of power which can flow through him to the world. Occult development enables a man to cut out some of the intervening transformers, to bear the strain of the higher voltage. The training and the self-discipline which the spiritual life demands are intended to produce a set of vehicles which can convey potent spiritual forces without being shattered.

hiệu lực hơn nữa có được từ thực tế là các thành viên của Hội Thông Thiên Học đều là những kênh dẫn cho quyền năng gần như vô hạn của các Chân sư Minh Triết, mỗi Ngài là một Đấng Chúa Tể Quyền Năng vĩ đại. Trong sự từ ái của Các Ngài, Các Ngài đã tự hiến mình như những Nguồn quyền năng và ánh sáng bổ sung cho những người tiến lên tham gia vào nhánh công việc đặc biệt này của Các Ngài. Mỗi thành viên của Hội Thông Thiên Học có một mối liên hệ nhất định với các Chân sư vốn đã sáng lập ra nó, tạo thành kênh mà qua đó quyền năng bổ sung này có thể chảy. Khi đạt đến địa vị đệ tử—và đặc ân không thể diễn tả này không nằm ngoài tầm với của chúng ta—liên kết kết nối được cho là biến mất vì đệ tử và Đức Chúa của y trở thành một. Sau đó, trong chừng mực y có thể tự trang bị để truyền tải nó, toàn bộ quyền năng của Chân sư đều tùy ý sử dụng cho đệ tử. Đệ tử trở thành một Chân sư ở cấp độ của y và tất cả các quyền năng của Địa vị Chân sư đều tùy ý sử dụng cho y vì y hoàn toàn hợp nhất với Chân sư-Guru của y. Đó là lý do tại sao điều quan trọng là tất cả những ai khao khát giúp đỡ thế giới một cách hiệu quả nên tiến lên trên con đường huyền bí; vì một người càng đến gần Chân sư của mình, thì quyền năng có thể chảy qua y đến thế giới càng lớn. Sự phát triển huyền bí cho phép một người loại bỏ một số máy biến áp can thiệp, để chịu được sự căng thẳng của điện áp cao hơn. Sự rèn luyện và kỷ luật tự giác mà đời sống tinh thần đòi hỏi là nhằm tạo ra một tập hợp các vận cụ có thể truyền tải các mãnh lực tinh thần mạnh mẽ mà không bị tan vỡ.

All these privileges and opportunities are by no means limited to any one set of human beings. Every member of the Christian Church has a link with the Lord Christ, which is equally a channel through which an aspect of His power can manifest. The same is true of the members of every great World Faith.

Tất cả những đặc ân và cơ hội này không hề bị giới hạn cho bất kỳ nhóm người nào. Mọi thành viên của Giáo hội Cơ đốc đều có một mối liên hệ với Đức Christ, vốn cũng là một kênh mà qua đó một khía cạnh quyền năng của Ngài có thể biểu hiện. Điều tương tự cũng đúng với các thành viên của mọi Tín ngưỡng Thế giới vĩ đại.

The Ministry of the Angels

The power and inspiration of the Angelic Hierarchy is at the disposal of all men. The Ministry of the Angels is a living fact. By study, meditation and service in co-operation with them, man can share ministration and win their co-operation in every altruistic endeavour (See *The Brotherhood of Angels and of Men, The Angelic Hosts, The Coming of the Angels,* by the Author). Never let us complain that we are useless and have no power of achievement and of service. Let us forever get rid of that illusion, for there is no limit either to the present need of the world or to the power which every single one of us has at his disposal.

Humility is an essential virtue in the spiritual life, and we should ever remember that all power is God's power and that man is an image and representation of his Creator.

Realization of the mighty power at our disposal must not make us egotistic, for that power is not ours. We are merely the pipes that carry it, and the more we think of ourselves as pipes and the less as important personalities the better will our work be done. A pipe serves best when it is straight and least well when it has bends and kinks in it. Let us at least be straight (impersonal) pipes! Perhaps some of us do not like the idea of being nothing more than a straight pipe, but if we are to succeed in occultism we must be ready to make this sacrifice of Personality and to regard ourselves as receivers and conveyers of power.

Sự Phục Vụ của Các Thiên Thần

Quyền năng và cảm hứng của Huyền Giai Thiên Thần tùy ý sử dụng cho tất cả mọi người. Sự Phục Vụ của Các Thiên Thần là một thực tế sống động. Bằng cách học tập, tham thiền và phụng sự hợp tác với họ, con người có thể chia sẻ sự giúp đỡ và giành được sự hợp tác của họ trong mọi nỗ lực vị tha (Xem Huynh đệ Đoàn của Các Thiên Thần và Con Người, Các Đội Quân Thiên Thần, Sự Đến của Các Thiên Thần, của Tác giả). Đừng bao giờ để chúng ta phàn nàn rằng chúng ta vô dụng và không có quyền năng thành tựu và phụng sự. Chúng ta hãy mãi mãi loại bỏ ảo tưởng đó, vì không có giới hạn nào đối với nhu cầu hiện tại của thế giới hoặc đối với quyền năng mà mỗi người chúng ta có thể sử dụng.

Khiêm nhường là một đức tính thiết yếu trong đời sống tinh thần, và chúng ta nên luôn nhớ rằng mọi quyền năng đều là quyền năng của Thượng đế và con người là một hình ảnh và đại diện cho Đấng Sáng Tạo của mình.

Sự nhận biết về quyền năng vĩ đại mà chúng ta có thể sử dụng không được khiến chúng ta trở nên tự cao tự đại, vì quyền năng đó không phải của chúng ta. Chúng ta chỉ là những đường ống dẫn nó, và chúng ta càng nghĩ về bản thân mình như những đường ống và càng ít nghĩ về bản thân mình như những phàm ngã quan trọng thì công việc của chúng ta sẽ càng được thực hiện tốt hơn. Một đường ống phục vụ tốt nhất khi nó thẳng và ít tốt nhất khi nó có những chỗ uốn cong và xoắn. Ít nhất chúng ta hãy là những đường ống thẳng (vô ngã)! Có lẽ một số người trong chúng ta không thích ý tưởng chỉ là một đường ống thẳng, nhưng nếu chúng ta muốn thành công trong huyền bí học, chúng ta phải sẵn sàng hy sinh Phàm ngã này và coi mình là những người tiếp nhận và truyền tải quyền năng.

From this examination of some of the currents of power available to every Fellow of The Theosophical Society, let us consider how we can make use of them. Our task is to find a means of tapping and distributing power throughout the world. In the spiritual life there is a law which might he called the law of flow. We shall not be able to release these powers if we desire them for ourselves. Only as we offer ourselves as channels can they flow through us. In other words, we must he outward turned, open-hearted and actively at work.

Từ việc xem xét một số dòng chảy quyền năng có sẵn cho mọi thành viên của Hội Thông Thiên Học, chúng ta hãy xem xét cách chúng ta có thể sử dụng chúng. Nhiệm vụ của chúng ta là tìm ra một phương tiện khai thác và phân phối quyền năng trên toàn thế giới. Trong đời sống tinh thần, có một định luật có thể được gọi là định luật dòng chảy. Chúng ta sẽ không thể giải phóng những quyền năng này nếu chúng ta mong muốn chúng cho bản thân mình. Chỉ khi chúng ta hiến mình làm kênh dẫn thì chúng mới có thể chảy qua chúng ta. Nói cách khác, chúng ta phải hướng ngoại, cởi mở và tích cực làm việc.

Meditation

Tham Thiền

The most practical method of tapping power is that of meditation. All our endeavours to raise our consciousness to the higher worlds have as their ultimate end in terms of power to tap and release the energy of those levels. No one can do that for us. Each must set his will to the task for himself, because both the source and the channels are within us and we alone can turn on our particular current. Even a Master cannot do this for us. If our lives are dedicated to Him He can and does inspire, illumine, strengthen and uphold us, but He cannot turn the tap on for us. We must do that for ourselves and regular daily meditation is the way.

Phương pháp thiết thực nhất để khai thác quyền năng là tham thiền. Tất cả những nỗ lực của chúng ta để nâng cao tâm thức lên các cõi giới cao hơn đều có mục đích cuối cùng về mặt quyền năng là khai thác và giải phóng năng lượng của những cấp độ đó. Không ai có thể làm điều đó cho chúng ta. Mỗi người phải đặt ý chí của mình vào nhiệm vụ cho chính mình, bởi vì cả nguồn và các kênh đều ở bên trong chúng ta và chỉ mình chúng ta mới có thể bật dòng điện cụ thể của mình. Ngay cả một Chân sư cũng không thể làm điều này cho chúng ta. Nếu cuộc sống của chúng ta được dâng hiến cho Ngài, Ngài có thể và thực sự truyền cảm hứng, soi sáng, củng cố và nâng đỡ chúng ta, nhưng Ngài không thể bật vòi cho chúng ta. Chúng ta phải tự mình làm điều đó và tham thiền hàng ngày thường xuyên là con đường.

When we have contacted the source of energy within ourselves, how can we release it? To radiate power upon the world demands a conscious effort of will. We must determine with all the will power at our command that this mighty force which is in us shall flow out through our hearts and minds and fulfil the particular task for which it is invoked. We can

Khi chúng ta đã tiếp xúc được với nguồn năng lượng bên trong mình, làm thế nào chúng ta có thể giải phóng nó? Để lan tỏa sức mạnh ra thế giới đòi hỏi một nỗ lực ý chí có ý thức. Chúng ta phải xác định bằng tất cả sức mạnh ý chí mà chúng ta có được rằng sức mạnh to lớn này ở trong chúng ta sẽ tuôn chảy qua trái tim và thể trí của chúng ta và hoàn thành nhiệm vụ cụ

do this at regular times in our meditation and also in our daily lives whenever opportunity offers. We should always be watching for such opportunities. In most large cities, for example, where there is so much misery, so much that is false and meretricious, so much pseudo-gaiety and glitter thinly veiling the grinning skeleton underneath, there are countless opportunities for pouring out spiritual power.

thể mà nó được khẩn cầu. Chúng ta có thể làm điều này vào những thời điểm thường xuyên trong lúc tham thiền và cả trong cuộc sống hàng ngày bất cứ khi nào có cơ hội. Chúng ta phải luôn luôn theo dõi những cơ hội như vậy. Ví dụ, ở hầu hết các thành phố lớn, nơi có quá nhiều đau khổ, quá nhiều điều sai trái và hào nhoáng, quá nhiều sự vui vẻ và hào nhoáng giả tạo che đậy bộ xương đang cười toe toét bên dưới, có vô số cơ hội để tuôn đổ sức mạnh tinh thần.

In fact, to awakened man the problem consists of the selection of opportunities rather than the search for them.

Trên thực tế, đối với người đã thức tỉnh, vấn đề là lựa chọn các cơ hội hơn là tìm kiếm chúng.

When we regard the world with the open eye we see all around us those who are in need and who may have been guided in our direction in order that we should give them a measure of the blessing which is ours to convey. Eventually the flow of force becomes continuous and almost automatic as the sense of kinship with all beings deepens and compassionate love leads to their service.

Khi chúng ta nhìn thế giới bằng con mắt rộng mở, chúng ta thấy xung quanh mình những người đang gặp khó khăn và có thể đã được dẫn dắt theo hướng của chúng ta để chúng ta có thể ban cho họ một phần phước lành mà chúng ta có để truyền đạt. Cuối cùng, dòng chảy của mãnh lực trở nên liên tục và gần như tự động khi ý thức về mối liên hệ với tất cả chúng sinh sâu sắc hơn và tình yêu thương trắc ẩn dẫn đến sự phụng sự của họ.

A student of Bishop Leadbeater's, who was a pupil of one of the Masters, was employed in that way without his being conscious of it. A meeting was being held, and whilst it was in progress Bishop Leadbeater noticed that a great stream of power was flowing through one of the pupils present, he traced it and found that it was being sent from one of the Masters to a man who was lost in the bush hundreds of miles away, in order to guide him to a safe return. The Masters will always choose the line of least resistance for the flow of Their power, and those of us who know of Their existence and who have offered ourselves to Them, ought always to be the line of least resistance.

Một học viên của Giám mục Leadbeater, vốn là một môn sinh của một trong các Chân sư, đã được sử dụng theo cách đó mà không hề hay biết. Một cuộc họp đang được tổ chức, và trong khi nó đang diễn ra, Giám mục Leadbeater nhận thấy rằng một dòng mãnh lực lớn đang chảy qua một trong những môn sinh có mặt, Ông lần theo nó và thấy rằng nó đang được gửi từ một trong các Chân sư đến một người đàn ông bị lạc trong bụi rậm cách đó hàng trăm dặm, để hướng dẫn y trở về an toàn. Các Chân sư sẽ luôn chọn con đường ít trở ngại nhất cho dòng chảy mãnh lực của Các Ngài, và những người trong chúng ta biết về sự tồn tại của Các Ngài và đã hiến dâng bản thân cho Các Ngài, phải luôn là con đường ít trở ngại nhất.

Thought Projection

Another way in which we may radiate power is that of group meditation, and in the New Zealand Thought Projection Scheme I have suggested a means whereby any of our members who live near together could meet regularly for short meditations, invoking power and blessing upon the nation and the world.

In all our big towns, which are so full of apparently insoluble problems, areas of vice and darkness would gradually disappear if we who possess knowledge of the power at our disposal would employ it for that purpose. Thought Projection Groups are now meeting regularly in our New Zealand Lodges, and by means of meditation, affirmation, and the radiation of power and truth, are assisting in the solution of national and international problems.

I believe we could rapidly change the face of the earth and make war impossible if the 30,000 or more Fellows of The Theosophical Society worked regularly in this way.

Members everywhere could meet in groups, withdraw themselves mentally from material pursuits and anxieties, sink their individual consciousness in that of the group, unify themselves, becoming for a time one living organism, over-riding the illusion of separateness. After this, directed by a competent leader, they may raise the group consciousness plane by plane through the Astral and mental levels to such heights of consciousness and sources of power as by practice they could reach. For example, they might aspire to release the mighty power and blessing of the Christ consciousness by meditating upon the presence of the Lord

Phóng Chiếu Tư Tưởng

Một cách khác mà chúng ta có thể lan tỏa mãnh lực là tham thiền nhóm, và trong Đề Án Phóng Chiếu Tư Tưởng New Zealand, tôi đã đề xuất một phương tiện mà bất kỳ thành viên nào của chúng ta sống gần nhau có thể gặp gỡ thường xuyên để tham thiền ngắn, khẩn cầu mãnh lực và phước lành cho quốc gia và thế giới.

Ở tất cả các thị trấn lớn của chúng ta, vốn có rất nhiều vấn đề dường như không thể giải quyết được, các khu vực tệ nạn và bóng tối sẽ dần biến mất nếu chúng ta, những người sở hữu kiến thức về mãnh lực theo ý mình, sử dụng nó cho mục đích đó. Các Nhóm Phóng Chiếu Tư Tưởng hiện đang họp thường xuyên tại các Chi nhánh New Zealand của chúng ta, và bằng phương tiện tham thiền, khẳng định và lan tỏa mãnh lực và chân lý, đang hỗ trợ giải quyết các vấn đề quốc gia và quốc tế.

Tôi tin rằng chúng ta có thể nhanh chóng thay đổi bộ mặt trái đất và làm cho chiến tranh trở nên bất khả thi nếu 30.000 thành viên hoặc hơn của Hội Thông Thiên Học làm việc thường xuyên theo cách này.

Các thành viên ở khắp mọi nơi có thể gặp gỡ theo nhóm, tự rút lui về mặt tinh thần khỏi những theo đuổi và lo lắng vật chất, chìm tâm thức cá nhân của họ vào tâm thức của nhóm, hợp nhất bản thân, trở thành một sinh vật sống trong một thời gian, vượt qua ảo tưởng về sự tách biệt. Sau đó, được chỉ đạo bởi một người lãnh đạo có năng lực, họ có thể nâng cõi tâm thức nhóm lên từng cõi một thông qua các cõi Cảm dục và trí tuệ đến những đỉnh cao của tâm thức và các nguồn mãnh lực mà họ có thể đạt được bằng cách thực hành. Ví dụ, họ có thể khao khát giải phóng mãnh lực và phước lành to lớn của tâm thức Đức Christ bằng cách tham thiền về sự hiện diện của Đức Christ và sử

Christ and using such a sentence as 'Where two or three are gathered together in My Name there am I in the midst of them'. This magical sentence which is not only a promise, but is also a statement of natural law. By meditation upon it the consciousness of the Lord may be touched and the group unified with Him, touching the 'hem of His garment' so that some of His virtue might flow into and through the group. Finally, invoking the angels and using the whole of the will power which each member possesses, the group might project the descending forces out upon the world, into the slum area of their city, into the regions where the war is causing such terrible suffering, into hospital, asylum or prison. Or they might pour out a concentrated stream of resistless power upon the whole world before which all evil would melt away.

dụng một câu như 'Nơi nào có hai hoặc ba người tụ họp lại nhân Danh Ta, thì Ta ở giữa họ'. Câu thần chú này không chỉ là một lời hứa, mà còn là một tuyên bố về định luật tự nhiên. Bằng cách tham thiền về nó, tâm thức của Đức Chúa có thể được chạm đến và nhóm được hợp nhất với Ngài, chạm vào 'vạt áo choàng của Ngài' để một số đức tính của Ngài có thể tuôn chảy vào và xuyên qua nhóm. Cuối cùng, khẩn cầu các thiên thần và sử dụng toàn bộ sức mạnh ý chí mà mỗi thành viên sở hữu, nhóm có thể phóng chiếu các mãnh lực giáng hạ xuống thế giới, vào khu ổ chuột của thành phố của họ, vào các khu vực nơi chiến tranh đang gây ra những đau khổ khủng khiếp như vậy, vào bệnh viện, trại tị nạn hoặc nhà tù. Hoặc họ có thể tuôn đổ một dòng mãnh lực tập trung không thể cưỡng lại lên toàn thế giới, trước đó mọi điều ác sẽ tan biến.

In such ways I feel that we Fellows of The Theosophical Society may prove ourselves worthy of the priceless treasures of knowledge now being given to us so freely, may help the world in a truly wonderful way. At the same time we may take our share in the great conflict which is now taking place between good and evil, and so perhaps take upon our shoulders a little of the heavy burden which They, the Holy Ones are bearing Who live and labour ceaselessly to save the world.

Tôi cảm thấy rằng bằng những cách như vậy, chúng ta, các thành viên của Hội Thông Thiên Học, có thể chứng tỏ bản thân xứng đáng với những kho báu kiến thức vô giá hiện đang được ban cho chúng ta một cách tự do, có thể giúp đỡ thế giới một cách thực sự tuyệt vời. Đồng thời, chúng ta có thể tham gia vào cuộc xung đột lớn hiện đang diễn ra giữa thiện và ác, và do đó có lẽ gánh trên vai một chút gánh nặng mà Các Ngài, Các Đấng Thánh Thiện đang gánh chịu, Những Đấng sống và lao động không ngừng để cứu thế giới.

Theosophy in New Zealand, Vol. 7, No. 1, 1946, p. 13

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 7, Số 1, 1946, tr. [13]

27

Group Meditation—Tham Thiền Nhóm

We can expel all evil influences and presences by the force of our own will, and, by the aid of the angels, charge the atmosphere with living light and power. Afterwards, by their presence, they will guard the place and

Chúng ta có thể trục xuất tất cả những ảnh hưởng và sự hiện diện xấu xa bằng sức mạnh ý chí của chính mình, và, với sự trợ giúp của các thiên thần, nạp vào bầu không khí ánh sáng và mãnh lực sống động. Sau đó, bằng sự

maintain the purity and harmony which have been produced. The dark areas of vice, disease, and poverty which sully so many of our cities may be cleansed, and even permanently purified, by continuous endeavour along these lines.

hiện diện của họ, họ sẽ bảo vệ nơi này và duy trì sự thuần khiết và hài hòa đã được tạo ra. Các khu vực tối tăm của tệ nạn, bệnh tật và nghèo đói làm vấy bẩn rất nhiều thành phố của chúng ta có thể được thanh tẩy, và thậm chí được thanh lọc vĩnh viễn, bằng những nỗ lực liên tục theo những đường hướng này.

Group meditation is always a most effective way of achieving these ends. Those who are one-pointed, and united in their aspiration to serve by these methods, may well form groups for this special purpose. Seated in a circle, they should direct their thoughts to harmony and unity, until they feel themselves and their angel co-workers to be one. Then the leader may invoke the power and blessing of the Lord of Love, using such words as these:

Tham thiền nhóm luôn là một cách hiệu quả nhất để đạt được những mục tiêu này. Những người nhất tâm và hợp nhất trong khát vọng phụng sự bằng những phương pháp này, có thể thành lập các nhóm cho mục đích đặc biệt này. Ngồi thành vòng tròn, họ nên hướng suy nghĩ của mình đến sự hài hòa và thống nhất, cho đến khi họ cảm thấy bản thân và những người cộng sự thiên thần của mình là một. Sau đó, người lãnh đạo có thể khẩn cầu mãnh lực và phước lành của Đức Chúa Tể Tình Thương, sử dụng những lời như sau:

“O Holy Lord of Love, Teacher of angels and of men,

“Ôi Đức Chúa Tể Tình Thương Chí Thánh, Huấn Sư của các thiên thần và loài người,

We invoke Thy mighty power in all its Splendour,

Chúng con khẩn cầu mãnh lực vĩ đại của Ngài trong tất cả sự Huy Hoàng của nó,

Thy undying love in all its potency,

Tình yêu bất diệt của Ngài trong tất cả sức mạnh của nó,

Thy infinite wisdom in all its perfection,

Minh triết vô hạn của Ngài trong tất cả sự hoàn hảo của nó,

That they may flow through us in a resistless flood into this place (or person).

Để chúng có thể tuôn chảy qua chúng con trong một dòng lũ không thể cưỡng lại vào nơi này (hoặc người này).

Before the living stream of Thy resistless power all darkness shall melt away; the hearts of all men shall be changed, and they shall seek and find the way of light.

Trước dòng chảy sống động về mãnh lực không thể cưỡng lại của Ngài, mọi bóng tối sẽ tan biến; trái tim của tất cả mọi người sẽ thay đổi, và họ sẽ tìm kiếm và tìm thấy con đường ánh sáng.

AMEN”.

AMEN”.

A period of silence and meditation should follow this prayer, and, as His glorious power descends, the group should project it, with all the force and concentration of their united wills, upon the place or person chosen as the recipient of their aid. Then the angel members of the group may be directed to act as bearers and conservers of the power, and to labour in the cause for which it was invoked.

Một khoảng thời gian im lặng và tham thiền nên theo sau lời cầu nguyện này, và, khi mãnh lực vinh quang của Ngài giáng xuống, nhóm nên phóng chiếu nó, với tất cả mãnh lực và sự tập trung của ý chí hợp nhất của họ, lên địa điểm hoặc người được chọn làm người nhận sự giúp đỡ của họ. Sau đó, các thành viên thiên thần của nhóm có thể được chỉ đạo để hành động như những người mang và bảo tồn mãnh lực, và lao động vì mục đích mà nó được khẩn cầu.

As the power available to those who know how to call it forth is boundless, and as the angels exist in countless hosts, there is no limit to the number of causes or of people who can be helped continually by this means. If our hearts are open to the sufferings of men, and we practice co-operation with each other and with the angel hosts, we shall soon become Adepts at this work, thereby widely increasing the range of our activities and our usefulness in the world. We may, for example, undertake to help all the patients in a hospital or nursing home, the inmates of a prison, or the staff and patients in an asylum. Daily we may pour the power of our prayers into these places, invoking a host of'shining ones' to enter them and drive away the atmosphere of suffering and depression, and to exorcise the powers of darkness and disease. The angels will answer in their thousands, and, as we work regularly with them, as is already being done by certain groups, they will become an absolute reality to us; we shall discover, with growing joy and wonder, that a great power is in our hands, enabling us to become radiant centres of spiritual life and blessing in the world.

Vì mãnh lực dành cho những người biết cách kêu gọi nó là vô biên, và vì các thiên thần tồn tại trong vô số đội quân, nên không có giới hạn về số lượng mục đích hoặc số lượng người có thể được giúp đỡ liên tục bằng phương tiện này. Nếu trái tim chúng ta rộng mở trước những đau khổ của con người, và chúng ta thực hành sự hợp tác với nhau và với các đội quân thiên thần, chúng ta sẽ sớm trở thành các Chân sư trong công việc này, do đó mở rộng phạm vi hoạt động và sự hữu ích của chúng ta trên thế giới. Ví dụ, chúng ta có thể đảm nhận việc giúp đỡ tất cả các bệnh nhân trong bệnh viện hoặc viện điều dưỡng, những người đang ở trong tù hoặc nhân viên và bệnh nhân trong trại tị nạn. Hàng ngày, chúng ta có thể tuôn đổ mãnh lực của những lời cầu nguyện của mình vào những nơi này, khẩn cầu một đội quân 'những người tỏa sáng' tiến vào chúng và xua tan bầu không khí đau khổ và chán nản, và trục xuất các thế lực bóng tối và bệnh tật. Các thiên thần sẽ đáp lại hàng ngàn người, và, khi chúng ta làm việc thường xuyên với họ, như một số nhóm đã làm, họ sẽ trở thành một thực tế tuyệt đối đối với chúng ta; chúng ta sẽ khám phá ra, với niềm vui và sự kinh ngạc ngày càng tăng, rằng một mãnh lực lớn đang nằm trong tay chúng ta, cho phép chúng ta trở thành những trung tâm rạng rỡ của sự sống và phước lành tinh thần trên thế giới.

Theosophy in New Zealand, Vol. 38, No. 4, 1977, p. 87

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 38, Số 4, 1977, tr. [87]

28

The Importance of Relaxation in Both Meditation and Daily Life—Tầm Quan Trọng của Thư Giãn Trong Cả Tham Thiền và Cuộc Sống Hàng Ngày

When in incarnation, a person's spiritual life is lived in two worlds—superphysical and physical. The first includes the life of the Ego in its Higher Mental, Lower Mental and Astral Bodies. The second is lived during waking hours also in a physical body. The whole art of successful meditation depends on the harmonization of these two aspects of human life. The superphysical must find increasingly adaptable conditions in the physical when awake for the successful living of the occult life day by day. One great necessity for this harmonized co-existence is a poised, harmonious, relaxed and of course intelligently directed bodily condition.

Khi đang lâm phàm, đời sống tinh thần của một người được sống ở hai thế giới—siêu vật chất và vật chất. Đầu tiên bao gồm sự sống của Chân ngã trong các Thể Thượng Trí, Hạ Trí và Cảm dục của nó. Thứ hai được sống trong giờ thức cũng trong một thể xác. Toàn bộ nghệ thuật tham thiền thành công phụ thuộc vào sự hài hòa của hai khía cạnh này của đời sống con người. Siêu vật chất phải tìm thấy những điều kiện ngày càng thích nghi trong thể xác khi thức để đời sống huyền bí thành công ngày qua ngày. Một nhu cầu lớn cho sự cùng tồn tại hài hòa này là một trạng thái cơ thể điềm tĩnh, hài hòa, thư giãn và tất nhiên là được định hướng một cách thông minh.

The first step in successful Yoga, therefore, must be the attainment and maintenance of as perfect a degree of bodily relaxation as possible. Every muscle, nerve and atom of the body and organ of the brain must be completely relaxed. Sometimes the body may seem to be at rest, but close examination reveals that the brain itself and the thoughts which it is made to express are not sufficiently in an easy flowing, relaxed 'motion' or condition. Hence the advice given to us all by our Teachers includes the paying of due attention to the condition of body and so of the mind-brain. Before the mental and Egoic aspects of meditation, helping and healing are undertaken, time and attention must be paid to the attainment of the completely necessary conditions of a relaxation which is so complete that the body feels as if it were floating. Only then may the inner part of

Do đó, bước đầu tiên trong Yoga thành công phải là đạt được và duy trì mức độ thư giãn cơ thể hoàn hảo nhất có thể. Mọi cơ bắp, dây thần kinh và nguyên tử của cơ thể và cơ quan của bộ não phải được thư giãn hoàn toàn. Đôi khi cơ thể có vẻ như đang nghỉ ngơi, nhưng kiểm tra kỹ lưỡng cho thấy bản thân bộ não và những suy nghĩ mà nó được tạo ra để thể hiện không đủ trong một 'chuyển động' hoặc trạng thái dễ dàng, trôi chảy, thư giãn. Do đó, lời khuyên mà các Huấn Sư của chúng ta dành cho tất cả chúng ta bao gồm việc chú ý đến tình trạng của cơ thể và do đó của trí não. Trước khi các khía cạnh trí tuệ và chân ngã của tham thiền, giúp đỡ và chữa lành được thực hiện, thời gian và sự chú ý phải được dành cho việc đạt được các điều kiện hoàn toàn cần thiết của sự thư giãn hoàn toàn đến mức cơ thể cảm thấy như thể nó đang trôi nổi. Chỉ khi đó phần bên trong của một người và quy trình chiêm ngưỡng mới

oneself and the contemplative procedure function with complete success. When time permits, therefore, we should not begin mentally to repeat our meditative affirmations until we have managed to get the body into a completely unstrained, totally relaxed condition—yes, as if 'floating'. Then, and not really until then, is the brain-mind able to 'know' the inner Self or the inner Self to make itself known to the person whilst awake; for tension proves to be an almost absolute barrier. Furthermore, it can be quite dangerous since, when habitual, it imposes a strain on the brain and nervous system—indeed, on the whole body. So, the ideal is:—'A relaxed and comfortable posture followed by thought upon and mergence in one's higher Self, the God within. As this begins even to become real, then realization of the identity of one's own divine Spirit with THAT of the Universe is affirmed and then surrendered to. Such is the meditative life'.

có thể hoạt động hoàn toàn thành công. Do đó, khi thời gian cho phép, chúng ta không nên bắt đầu lặp lại bằng tinh thần những lời khẳng định tham thiền của mình cho đến khi chúng ta xoay sở để đưa cơ thể vào trạng thái hoàn toàn không căng thẳng, hoàn toàn thư giãn—vâng, như thể 'trôi nổi'. Sau đó, và không thực sự cho đến lúc đó, trí não mới có thể 'biết' Nội Tại hoặc Nội Tại để tự làm cho mình được người đó biết đến khi thức; vì căng thẳng hóa ra là một rào cản gần như tuyệt đối. Hơn nữa, nó có thể khá nguy hiểm vì, khi trở thành thói quen, nó gây căng thẳng cho não và hệ thần kinh—thực tế là trên toàn bộ cơ thể. Vì vậy, lý tưởng là:—'Một tư thế thoải mái và thư giãn, sau đó là suy nghĩ về và hòa nhập vào Chân Ngã cao hơn của một người, Thượng đế bên trong. Khi điều này thậm chí bắt đầu trở nên có thật, thì sự nhận ra sự đồng nhất của Tinh Thần thiêng liêng của chính một người với ĐIỀU ĐÓ của Vũ Trụ được khẳng định và sau đó được buông bỏ. Đó là đời sống tham thiền'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 37, No. 3, 1976, p. 66

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 37, Số 3, 1976, tr. [66]

29

The Radiation of Power—Sự Lan Tỏa Mãnh Lực

Knowledge is power and the possession of power entails responsibility; therefore, both pupil and teacher have serious responsibilities towards one another.

Kiến thức là mãnh lực và việc sở hữu mãnh lực kéo theo trách nhiệm; do đó, cả môn sinh và huấn sư đều có những trách nhiệm nghiêm trọng đối với nhau.

Every Theosophist almost automatically becomes both pupil and teacher, and the knowledge which he receives and imparts is of a nature which inevitably places a heavy burden of responsibility upon his shoulders. Theosophy is the essence of knowledge and therefore places its students in direct contact with the essence of power; the ultimate object of the teacher of Theosophy is to lead each of his students to the very centre and source of

Mọi nhà Thông Thiên Học gần như tự động trở thành cả môn sinh và huấn sư, và kiến thức mà y nhận được và truyền đạt có bản chất tất yếu đặt một gánh nặng trách nhiệm lớn lên vai y. Thông Thiên Học là tinh túy của kiến thức và do đó đặt các đạo sinh của nó vào sự tiếp xúc trực tiếp với tinh túy của mãnh lực; mục tiêu cuối cùng của huấn sư Thông Thiên Học là dẫn dắt mỗi đạo sinh của mình đến trung tâm và nguồn gốc của mọi mãnh lực—Thượng đế bên

all power—the God within himself.

trong chính y.

Yet how often do we hear our students complain that they feel so weak and ignorant, and that though they have studied Theosophy for years they are not conscious of any special increase of power in their lives. Humility is undoubtedly preferable to excessive self-assurance, but carried to excess it is almost as great a barrier to progress as pride.

Tuy nhiên, chúng ta thường nghe các đạo sinh của mình phàn nàn rằng họ cảm thấy rất yếu đuối và ngu dốt, và mặc dù họ đã nghiên cứu Thông Thiên Học trong nhiều năm, họ không ý thức được bất kỳ sự gia tăng mãnh lực đặc biệt nào trong cuộc sống của họ. Khiêm tốn chắc chắn là thích hợp hơn sự tự tin thái quá, nhưng khi được thực hiện quá mức, nó gần như là một rào cản lớn đối với sự tiến bộ như là kiêu hãnh.

Such humility as that described above ceases to be a virtue and almost becomes a vice; it is referred to by the psychologist as an inferiority complex; so many of our brethren seem to be afflicted with this difficulty that one sometimes wonders how far it is sincere and how far a pose assumed as an excuse for failure to use the power which an intelligent study of Theosophy cannot fail to put into our hands.

Sự khiêm tốn như được mô tả ở trên không còn là một đức tính và gần như trở thành một thói xấu; nó được nhà tâm lý học gọi là mặc cảm tự ti; rất nhiều huynh đệ của chúng ta dường như mắc phải khó khăn này đến nỗi đôi khi người ta tự hỏi nó chân thành đến mức nào và nó là một tư thế được giả định như một cái cớ cho việc không sử dụng mãnh lực mà một nghiên cứu thông minh về Thông Thiên Học không thể không đặt vào tay chúng ta đến mức nào.

There is no theosophical teaching more fraught with power than that concerning the control and direction of thought: by the proper use of the knowledge given us upon this subject we both as individuals and as lodges, ought to become radiating centres of power.

Không có giáo lý thông thiên học nào chứa đựng nhiều mãnh lực hơn giáo lý liên quan đến việc kiểm soát và định hướng tư tưởng: bằng cách sử dụng đúng đắn kiến thức được cung cấp cho chúng ta về chủ đề này, cả chúng ta với tư cách cá nhân và với tư cách là các chi nhánh, phải trở thành những trung tâm lan tỏa mãnh lực.

In order to radiate power continually we must first place ourselves in contact with a supply which is relatively inexhaustible. Does such a supply exist, and, if so, by what means can we tap it?

Để lan tỏa mãnh lực liên tục, trước tiên chúng ta phải đặt mình vào sự tiếp xúc với một nguồn cung cấp tương đối vô tận. Liệu một nguồn cung cấp như vậy có tồn tại hay không, và nếu có, bằng cách nào chúng ta có thể khai thác nó?

Let us examine some possible sources of power and the ways in which it may be contacted and released.

Chúng ta hãy xem xét một số nguồn mãnh lực có thể có và những cách mà nó có thể được tiếp xúc và giải phóng.

There are two directions to which we can turn

Có hai hướng mà chúng ta có thể hướng tới khi

in seeking for power; we may look inwards, to the centre of our own life, or outwards to some exalted being so evolved that the power within him is for ever pouring forth for the helping of the world.

tìm kiếm mãnh lực; chúng ta có thể nhìn vào bên trong, đến trung tâm sự sống của chính mình, hoặc ra bên ngoài đến một Đấng cao cả nào đó đã tiến hóa đến mức mãnh lực bên trong Ngài mãi mãi tuôn chảy ra để giúp đỡ thế giới.

Our knowledge of the constitution of man is our surest guide in the first mentioned direction. We know that, as sparks of the divine flame, we are in direct contact with the inexhaustible reservoir of power of which the Logos of our system is the expression, and that He in His turn is in touch with a still greater source, which is the universal supply of power for many systems; and so on and on, until we approach that unthinkable state—absolute power. Between absolute power and man on any planet there is an unbroken connection: the links in the chain of reservoirs, or, in wireless terms, the receiving and transmitting stations, are so devised that the voltage is reduced, step by step, as it passes through the rheostats of Nature, from the absolute source to the ultimate expression.

Kiến thức của chúng ta về cấu trúc của con người là kim chỉ nam chắc chắn nhất của chúng ta theo hướng đã đề cập đầu tiên. Chúng ta biết rằng, như những tia lửa của ngọn lửa thiêng liêng, chúng ta tiếp xúc trực tiếp với nguồn năng lượng vô tận mà Hành Tinh Thượng đế của hệ thống chúng ta là sự biểu hiện, và đến lượt Ngài lại tiếp xúc với một nguồn lớn hơn nữa, vốn là nguồn cung cấp năng lượng phổ quát cho nhiều hệ thống; và cứ thế tiếp diễn, cho đến khi chúng ta tiếp cận trạng thái không thể tưởng tượng được—quyền năng tuyệt đối. Giữa quyền năng tuyệt đối và con người trên bất kỳ hành tinh nào có một mối liên hệ không gián đoạn: các mắt xích trong chuỗi các hồ chứa, hay, theo thuật ngữ không dây, các trạm thu và phát, được thiết kế sao cho điện áp giảm dần, từng bước một, khi nó đi qua các biến trở của Tự Nhiên, từ nguồn tuyệt đối đến biểu hiện cuối cùng.

If we would switch on the power we must study the mechanism until we become familiar with every part; in terms of water power, we may think of a reservoir high up amongst the mountains, connected with the plains by a series of smaller reservoirs through which the water flows, passing through canals and locks in its descent and finally irrigating the fields below.

Nếu chúng ta muốn bật nguồn điện, chúng ta phải nghiên cứu cơ chế cho đến khi chúng ta quen thuộc với mọi bộ phận; theo thuật ngữ thủy điện, chúng ta có thể nghĩ đến một hồ chứa trên cao giữa những ngọn núi, được kết nối với đồng bằng bằng một loạt các hồ chứa nhỏ hơn mà nước chảy qua, đi qua các kênh và âu thuyền trong quá trình hạ xuống và cuối cùng tưới tiêu cho các cánh đồng bên dưới.

In wireless terms, we may conceive of a vast central generating and transmitting station, in inter-universal space, which is the ultimate source of a boundless and inexhaustible power, that is continually being transmitted throughout the universe and as continually

Theo thuật ngữ không dây, chúng ta có thể hình dung một trạm phát và tạo trung tâm rộng lớn, trong không gian liên vũ trụ, vốn là nguồn gốc cuối cùng của một năng lượng vô biên và vô tận, liên tục được truyền đi khắp vũ trụ và liên tục được đổi mới. Nó được truyền đi

renewed. It is transmitted in three wavelengths, to which have been given the names of 'creation', 'preservation', 'destruction'. On these three themes the central station broadcasts a continuous series of essays or sermons of which no two are the same—each is complete in itself and expresses an aspect of truth. The eternal succession of broadcast essays results in an ever more perfect and complete expression in terms of time and space of the absolute and eternal verity.

trong ba bước sóng, vốn được đặt tên là 'sáng tạo', 'bảo tồn', 'hủy diệt'. Trên ba chủ đề này, trạm trung tâm phát sóng một loạt các bài luận hoặc bài giảng liên tục mà không có hai bài nào giống nhau—mỗi bài đều hoàn chỉnh và thể hiện một khía cạnh của chân lý. Sự kế thừa vĩnh cửu của các bài luận phát sóng dẫn đến một biểu hiện ngày càng hoàn hảo và trọn vẹn hơn về chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu theo thời gian và không gian.

A symphonic concert is being continually broadcast from this central station throughout the whole universe. The three motifs, upon which the unbroken and unbreakable series of symphonies is composed, are 'creation', 'preservation' and 'destruction', and upon those themes the universal Musician continually enlarges. As He plays He transmits. Vast choirs of angels serve Him as orchestra and chorus; countless myriads of beings—human and non-human—serve Him as instruments through which His breath may flow, as pipes in the vast organ upon whose keyboard He plays His triple-motived symphonies throughout all eternity.

Một buổi hòa nhạc giao hưởng liên tục được phát sóng từ trạm trung tâm này trên toàn vũ trụ. Ba mô típ, vốn là cơ sở để sáng tác chuỗi giao hưởng không gián đoạn và không thể phá vỡ, là 'sáng tạo', 'bảo tồn' và 'hủy diệt', và trên những chủ đề đó, Nhạc sĩ vũ trụ liên tục mở rộng. Khi Ngài chơi, Ngài truyền đi. Các ca đoàn thiên thần rộng lớn phụng sự Ngài như dàn nhạc và hợp xướng; vô số vô số chúng sinh—người và không phải người—phụng sự Ngài như những nhạc cụ mà hơi thở của Ngài có thể chảy qua, như những ống sáo trong cây đàn organ rộng lớn mà trên bàn phím của nó, Ngài chơi những bản giao hưởng ba mô típ của mình trong suốt cõi vĩnh hằng.

To know what means we have of tapping the universal energy we must first be clear as to where we stand in this vast scheme of power transmission. The internal series of locks, stations or transformers from man to the Absolute, are according to Theosophy:

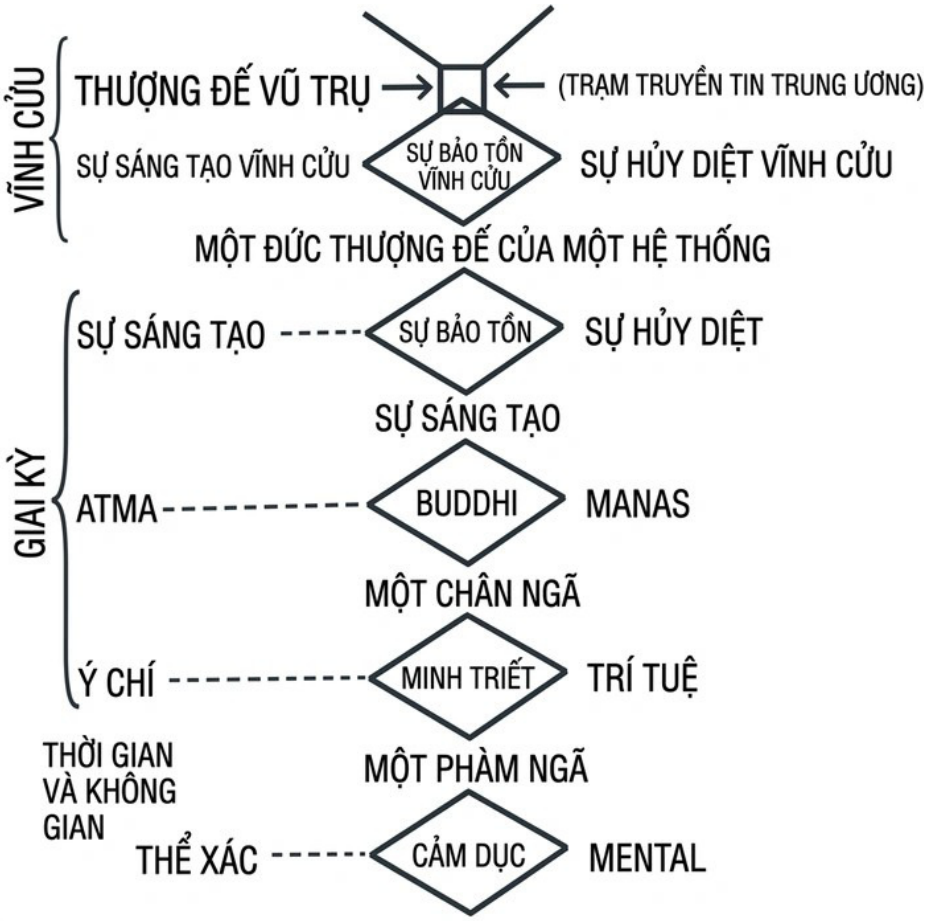
Để biết chúng ta có những phương tiện gì để khai thác năng lượng vũ trụ, trước tiên chúng ta phải hiểu rõ vị trí của mình trong sơ đồ truyền tải điện năng rộng lớn này. Chuỗi các âu thuyền, trạm hoặc máy biến áp bên trong từ con người đến Tuyệt Đối, theo Thông Thiên Học là:

Personality	Phàm ngã
Ego	Chân ngã
Monad	Chân thần
Logos of a system	Hành Tinh Thượng đế của một hệ thống

Universal Logos.	Thượng đế Vũ Trụ.
Each of these is triple, so that we have:	**Mỗi cái trong số này là tam phân, vì vậy chúng ta có:**
Personality: Mental	Phàm ngã: Trí tuệ
Astral	Cảm dục
Physical	Hồng trần
Ego: Will	Chân ngã: Ý Chí
Wisdom	Minh triết
Intellect	Trí tuệ
Monad: *Atma*	*Chân thần: Atma*
Buddhi	*Bồ đề*
Manas	*Manas*
Logos: Creator	Hành Tinh Thượng đế: Đấng Sáng Tạo
Preserver	Đấng Bảo Tồn
Destroyer	Đấng Hủy Diệt
Universal Logos: Eternal Creation	Thượng đế Vũ Trụ: Sáng Tạo Vĩnh Cửu
Eternal Preservation	Bảo Tồn Vĩnh Cửu
Eternal Destruction	Hủy Diệt Vĩnh Cửu
Let us place these series of triplicates in diagrammatic ratio relationship and see the various circuits along which power flows.	Chúng ta hãy đặt các chuỗi bộ ba này vào mối quan hệ tỷ lệ sơ đồ và xem các mạch khác nhau mà năng lượng chảy qua.
A glimpse of the Splendour of the system may be gained by meditation along these lines and by the thought that there are unknown multitudes of beings in existence and every single one is in direct contact with the Central source by a system similar to that expressed in the Diagram. Presumably there must be an infinite number of Logoi, of monads, egos,	Một thoáng nhìn về Sự Huy Hoàng của hệ thống có thể đạt được bằng cách tham thiền theo những dòng này và bằng suy nghĩ rằng có vô số chúng sinh chưa được biết đến đang tồn tại và mọi chúng sinh đều tiếp xúc trực tiếp với nguồn Trung Tâm bằng một hệ thống tương tự như hệ thống được thể hiện trong Sơ Đồ. Có lẽ phải có vô số Hành Tinh Thượng đế, chân

personalities and group souls, each expressing power through myriads of forms. Knowing this, have we any right to allow ourselves to think for a moment that we have no power? That we have no contribution to make to the scheme of things?

thần, chân ngã, phàm ngã và Hồn nhóm, mỗi cái biểu hiện sức mạnh thông qua vô số hình tướng. Biết điều này, chúng ta có quyền cho phép mình nghĩ dù chỉ một giây rằng chúng ta không có quyền năng nào không? Rằng chúng ta không có đóng góp gì cho sơ đồ của vạn vật sao?



When we look for power outside ourselves we turn first of all to the Great White Brotherhood. This is a synthesis of many streams of force: the power of each individual member, the power behind each of the great offices in the Hierarchy, the reservoir of power by means of which each of the world religions is supported and nourished during the absence of its Founder from the physical plane. The other outside source is the power of the angelic hierarchy. Let us briefly consider these in their turn.

Khi chúng ta tìm kiếm sức mạnh bên ngoài bản thân, trước hết chúng ta tìm đến Thánh đoàn. Đây là sự tổng hợp của nhiều dòng mãnh lực: sức mạnh của mỗi thành viên riêng lẻ, sức mạnh đằng sau mỗi chức vụ vĩ đại trong Huyền Giai, hồ chứa sức mạnh nhờ đó mỗi tôn giáo lớn trên thế giới được hỗ trợ và nuôi dưỡng trong thời gian Đấng Sáng Lập của nó vắng mặt khỏi cõi hồng trần. Nguồn bên ngoài khác là sức mạnh của huyền giai thiên thần. Chúng ta hãy xem xét ngắn gọn những điều này lần lượt.

Everyone who has been officially accepted into any of the great religions of the world, by the prescribed ceremonial, has a direct link with its Founder. While it is true that in many cases this link remains unused, it is also true that it can be vivified and employed as a means of contact both with the World Teacher

Mọi người đã được chính thức chấp nhận vào bất kỳ tôn giáo lớn nào trên thế giới, bằng nghi lễ quy định, đều có một liên kết trực tiếp với Đấng Sáng Lập của nó. Mặc dù đúng là trong nhiều trường hợp, liên kết này vẫn chưa được sử dụng, nhưng cũng đúng là nó có thể được làm sống động và sử dụng như một phương

Finding One's Life Work—Tìm Kiếm Công Việc Cuộc Đời

Unless a person is deeply rooted, anchored, in the eternal truths, of the Ageless Wisdom, he will never be secure. Theosophy is the Rock-of-Ages as well as the unbreakable 'hand-rail' for those who seek to tread the steep and narrow way. It is lack of this which is responsible for so many falls by people who have never understood the significance, the importance and the immeasurable value of both simple and esoteric Theosophy. One really needs to be a student as well as an aspirant in order to succeed.

Trừ khi một người có gốc rễ sâu sắc, được neo giữ trong những chân lý vĩnh cửu của Minh Triết Ngàn Đời, y sẽ không bao giờ được an toàn. Thông Thiên Học là Bàn Thạch Vĩnh Cửu cũng như 'tay vịn' không thể phá vỡ cho những người tìm cách bước đi trên con đường dốc và hẹp. Chính sự thiếu sót này là nguyên nhân gây ra rất nhiều vấp ngã của những người chưa bao giờ hiểu được thâm nghĩa, tầm quan trọng và giá trị vô lượng của cả Thông Thiên Học đơn giản và huyền bí. Một người thực sự cần phải là một đạo sinh cũng như một người chí nguyện để thành công.

One of the great advantages of Theosophy to the mind is that it can inform people of their true pathway in life. The value of this can hardly be overestimated; for it is almost everything to find and know our true way—that which we were born to do and be—our *dharma* in fact. Happy is the man who has found his life work!

Một trong những lợi thế lớn của Thông Thiên Học đối với thể trí là nó có thể cho mọi người biết con đường thực sự của họ trong cuộc sống. Giá trị của điều này khó có thể được đánh giá quá cao; vì việc tìm ra và biết được con đường thực sự của chúng ta—điều mà chúng ta sinh ra để làm và trở thành—dharma của chúng ta trên thực tế—gần như là tất cả. Hạnh phúc thay cho người đã tìm thấy công việc cuộc đời mình!

People go astray for lack of this knowledge of their way, though also through adversities, weaknesses and the errors to which they lead. The true healer, teacher and servant of humanity is one who, knowing and following his or her own way impersonally shows the way to others, points out each person's pathway in life inner or subjective and outer or active.

Mọi người đi lạc vì thiếu kiến thức về con đường của họ, mặc dù cũng do những nghịch cảnh, điểm yếu và những sai lầm mà chúng dẫn đến. Người chữa lành, huấn sư và người phụng sự nhân loại thực sự là người, khi biết và đi theo con đường riêng của mình một cách vô ngã, sẽ chỉ ra con đường cho người khác, chỉ ra con đường của mỗi người trong cuộc sống bên trong hoặc chủ quan và bên ngoài hoặc tích cực.

Simply put, the true guide, philosopher and friend endeavours to put people's feet on the right road, and when they stray, steers them back again to their true course. This, from the

Nói một cách đơn giản, người hướng dẫn, nhà triết học và người bạn thực sự cố gắng đặt chân mọi người lên con đường đúng đắn, và khi họ đi lạc, sẽ lái họ trở lại đúng hướng. Điều này, từ

[14] Theosophical Publishing House.

point of view of value to humanity, is the greatest of the occult powers or *Siddhis,* one to be most highly sought for and prized, *wisely to guide when guidance is sought.* Whilst all ministrations and charities are valuable, it is necessary and it is best to set people on the right road at all levels at which they are capable of living—spiritual, intellectual, personal and physical.

quan điểm giá trị đối với nhân loại, là quyền năng huyền bí hoặc Siddhi lớn nhất, một điều cần được tìm kiếm và trân trọng nhất, để hướng dẫn một cách khôn ngoan khi có người tìm kiếm sự hướng dẫn. Mặc dù tất cả các sự trợ giúp và lòng bác ái đều có giá trị, nhưng cần thiết và tốt nhất là đặt mọi người vào con đường đúng đắn ở mọi cấp độ mà họ có khả năng sống—tinh thần, trí tuệ, cá nhân và thể xác.

How may this power be developed? By meditation, I suggest, for Yoga has as its goal the admittance of intuitive wisdom (*Buddhi*) into the brain, normally somewhat unresponsive to it in modern man. *Buddhic* consciousness bestows the power of intuitive insight, comprehension and the capacity to identify oneself with others. This is the real secret to be able when asked, *to help people from within themselves.* Wonderful though the other occult *Siddhis* are, this is the most immediately valuable, namely to be able effectively to identify oneself with another.

Làm thế nào để phát triển quyền năng này? Tôi gợi ý bằng cách tham thiền, vì Yoga có mục tiêu là cho phép minh triết trực giác (Bồ đề) đi vào bộ não, thường thì bộ não ít phản ứng với nó ở người hiện đại. Tâm thức Bồ đề ban tặng quyền năng thấu thị trực giác, khả năng thấu hiểu và khả năng đồng nhất mình với người khác. Đây là bí mật thực sự để có thể giúp đỡ mọi người từ bên trong chính họ khi được yêu cầu. Mặc dù những Siddhi huyền bí khác rất tuyệt vời, nhưng đây là điều có giá trị ngay lập tức nhất, cụ thể là có thể đồng nhất mình với người khác một cách hiệu quả.

The Masters are said to need all kinds of unselfish and dedicated men and women as collaborators. Every human capacity dedicated to Their cause of enlightenment of the human mind is therefore of great value, none being declined. They need people who deeply love their fellow men, feel closely at one with them, and are ready *when asked* to guide them on their pathway through life.

Người ta nói rằng các Chân sư cần tất cả các loại người nam và nữ tận tâm và vị tha làm cộng sự viên. Do đó, mọi khả năng của con người cống hiến cho sự nghiệp khai sáng thể trí con người của Các Ngài đều có giá trị lớn, không ai bị từ chối. Các Ngài cần những người yêu thương sâu sắc đồng loại của mình, cảm thấy gắn bó mật thiết với họ và sẵn sàng hướng dẫn họ trên con đường của họ trong cuộc sống khi được yêu cầu.

The Masters, it would appear, work almost entirely from within people, causing Their help and guidance to arise as if from within the recipient's own mind and person. This must surely be the secret of Their-and so of everyone else's—greatest helpfulness to another; for if and when a mode of action seems to be one's own idea, then one readily

Các Chân sư, dường như, làm việc gần như hoàn toàn từ bên trong mọi người, khiến sự giúp đỡ và hướng dẫn của Các Ngài nảy sinh như thể từ bên trong thể trí và con người của người nhận. Đây chắc chắn phải là bí mật về sự giúp đỡ lớn nhất của Các Ngài—và do đó của mọi người khác—đối với người khác; vì nếu và khi một phương thức hành động dường như là

assents and acts. In guiding a person it is important so to lead him or her to that point at which both cause and cure become interiorily apparent.

ý tưởng của riêng một người, thì người ta sẵn sàng đồng ý và hành động. Trong việc hướng dẫn một người, điều quan trọng là phải dẫn dắt y đến điểm mà cả nguyên nhân và cách chữa trị đều trở nên rõ ràng từ bên trong.

In achieving this, meditation, as I have said, is of great importance; for the opened *chakras* (force centres) must be combined with the opened heart, full of love for all that lives.

Để đạt được điều này, như tôi đã nói, tham thiền là rất quan trọng; vì các luân xa (trung tâm mãnh lực) đã mở phải được kết hợp với trái tim đã mở, tràn đầy tình thương cho tất cả những gì đang sống.

Yoga does not only mean union but also identification with God, His Life in the universe and in all that exists, especially animals and men who can suffer and rejoice.

Yoga không chỉ có nghĩa là hợp nhất mà còn là sự đồng nhất với Thượng đế, Sự Sống của Ngài trong vũ trụ và trong tất cả những gì tồn tại, đặc biệt là động vật và con người có thể đau khổ và vui mừng.

Self-forgetfulness is the secret of progress in the esoteric life and happiness of one's outer relationships.

Quên mình là bí mật của sự tiến bộ trong cuộc sống huyền bí và hạnh phúc trong các mối quan hệ bên ngoài của một người.

Theosophy in New Zealand, Vol. 45, No. 1, 1984, p. 4

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [45], Số [1], 1984, tr. [4]

31

Invocations and Affirmations—Lời Khẩn Cầu và Khẳng Định

Tonight as soon as I leave my physical body, I will immediately go to help and serve in every way possible …

Tối nay ngay khi tôi rời khỏi thể xác, tôi sẽ ngay lập tức đi giúp đỡ và phụng sự bằng mọi cách có thể…

'May the Lords of Light and the Invisible Helpers be with those souls who have died (in…) and may They speed them to tranquillity and rest.

'Cầu xin các Đấng Chúa Tể Ánh Sáng và Những Người Giúp Đỡ Vô Hình ở bên những linh hồn đã chết (ở…) và cầu xin Các Ngài đưa họ đến sự thanh thản và yên nghỉ.

'May the compassion of the World Mother be with their relatives and friends on the physical plane'.

'Cầu xin lòng trắc ẩn của Mẫu Thân Thế Giới ở bên những người thân và bạn bè của họ trên cõi hồng trần'.

'O Mighty Power of Light! Ruler of all worlds! Protector of every form of life! I take refuge in Thee. I know myself to be surrounded and

'Ôi Quyền Năng Ánh Sáng Vĩ Đại! Đấng Cai Trị tất cả thế giới! Đấng Bảo Vệ mọi hình thức sự sống! Con nương tựa vào Ngài. Con biết mình

supported by Thy power and illumined by Thy light. Mastery of the lower self is born in me. By Thy power I rule my thoughts, my feelings and my acts. In Thy name I invoke the angels of light and power. I share their fiery strength; I am filled with their dauntless courage. Summoning them to my aid, I drive all darkness from this place. Before my will—resistless now that it is one with Thine—all evil melts away. Amen'.

được bao quanh và nâng đỡ bởi quyền năng của Ngài và được soi sáng bởi ánh sáng của Ngài. Khả năng làm chủ phàm ngã được sinh ra trong con. Bởi quyền năng của Ngài, con cai quản những tư tưởng, cảm xúc và hành động của mình. Nhân danh Ngài, con khẩn cầu các thiên thần ánh sáng và quyền năng. Con chia sẻ sức mạnh rực lửa của họ; Con tràn đầy lòng dũng cảm vô song của họ. Triệu tập họ đến giúp đỡ con, con xua đuổi mọi bóng tối khỏi nơi này. Trước ý chí của con—giờ đây không thể cưỡng lại vì nó là một với Ý Chí của Ngài—mọi điều ác đều tan biến. Amen'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 46, No. 2,1985, p. 31

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [46], Số [2], 1985, tr. [31]

32

Prayer and Affirmation—Lời Cầu Nguyện và Khẳng Định

'Lit by the One Light,

'Được thắp sáng bởi Ánh Sáng Duy Nhất,

Empowered by the One Power, Animated by the One Life,

Được trao quyền năng bởi Quyền Năng Duy Nhất, Được làm sinh động bởi Sự Sống Duy Nhất,

Pulsing with the One Pulse, Enlightened by the One Truth, Eternally merged in the One Alone, Sensing Oneness in the One Infinity, Existing in and as the One Eternity'.

Rung động với Nhịp Điệu Duy Nhất, Được khai sáng bởi Chân Lý Duy Nhất, Vĩnh cửu hợp nhất trong Đấng Duy Nhất, Cảm nhận Sự Hợp Nhất trong Vô Cực Duy Nhất, Tồn tại trong và như Sự Vĩnh Hằng Duy Nhất'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 45, No. 2, 1984, p. 31

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [45], Số [2], 1984, tr. [31]

33

Prayers—Những Lời Cầu Nguyện

Some Suggestions

Một Vài Gợi Ý

Here are some tentative suggestions for Prayers in the home and the school. All standing, and led by parent or Principal, each

Dưới đây là một vài gợi ý sơ bộ cho Những Lời Cầu Nguyện tại nhà và trường học. Tất cả đứng, và được dẫn dắt bởi phụ huynh hoặc

morning the children might reverently say:

Hiệu trưởng, mỗi buổi sáng, trẻ em có thể thành kính nói:

Opening sentence for all:

Câu mở đầu cho tất cả:

'All-powerful and all-loving Father, we offer and dedicate this new day to Thee'.

'Lạy Cha toàn năng và yêu thương, chúng con dâng và hiến dâng ngày mới này cho Cha'.

'Send down from above Thine infinite Power,

'Xin Cha ban xuống từ trên cao Quyền Năng vô hạn của Cha,

Pour down upon us Thine infinite Love, That through our lives Thy Power and Thy Love may reach Thy world. Amen'.

Xin Cha đổ xuống trên chúng con Tình Thương vô hạn của Cha, Để qua cuộc sống của chúng con, Quyền Năng và Tình Thương của Cha có thể đến được với thế giới của Cha. Amen'.

'Help us, O Lord, to become worthy citizens of New Zealand (or other Country), serving our people and bringing honour to our Race.

'Lạy Chúa, xin giúp chúng con trở thành những công dân xứng đáng của New Zealand (hoặc Quốc gia khác), phụng sự dân tộc của chúng con và mang lại vinh dự cho Arya của chúng con.

'Pour down Thy Holy Blessing upon this our (Island) home. Protect it from all evil and fill its people's hearts with high resolve that their lives may be rich in noble deeds.

'Xin Cha đổ xuống Phước Lành Thiêng Liêng của Cha trên ngôi nhà (Đảo) của chúng con. Xin bảo vệ nó khỏi mọi điều ác và lấp đầy trái tim của người dân bằng quyết tâm cao cả để cuộc sống của họ có thể phong phú những hành động cao thượng.

'Lord Jesus Christ, in thankfulness and love we dedicate our lives to Thee. Amen'.

'Lạy Chúa Jesus Christ, với lòng biết ơn và tình thương, chúng con hiến dâng cuộc sống của mình cho Ngài. Amen'.

By the regular use of some such daily Prayers, I submit the youth of a Nation may grow up with a deep sense of the reality of the Divine Presence and some knowledge of the only life which is truly worth living, namely a life lived very near to God, dedicated to high ideals and devoted to the service of the world.

Tôi xin trình bày rằng bằng việc sử dụng thường xuyên một số Lời Cầu Nguyện hàng ngày như vậy, giới trẻ của một Quốc Gia có thể lớn lên với một ý thức sâu sắc về thực tại của Sự Hiện Diện Thiêng Liêng và một số kiến thức về cuộc sống duy nhất thực sự đáng sống, cụ thể là một cuộc sống sống rất gần Thượng đế, cống hiến cho những lý tưởng cao đẹp và tận tâm phụng sự thế giới.

Furthermore, within the very heart of the

Hơn nữa, bên trong chính trái tim của Quốc

Nation would be established centres in which the Lord of Love could draw near to and bless and inspire its peoples.

Gia sẽ được thiết lập những trung tâm nơi Đức Chúa Tể Tình Thương có thể đến gần, ban phước và truyền cảm hứng cho người dân của quốc gia đó.

Opening sentence and then:

Câu mở đầu và sau đó:

'Throughout this day our thoughts shall be pure remembering Thy Presence,

'Trong suốt ngày hôm nay, những tư tưởng của chúng con sẽ thanh khiết khi nhớ đến Sự Hiện Diện của Cha,

Our hearts shall be loving remembering Thy Compassion,

Trái tim của chúng con sẽ yêu thương khi nhớ đến Lòng Trắc Ẩn của Cha,

Our actions shall be noble remembering Thy Kingship,

Hành động của chúng con sẽ cao thượng khi nhớ đến Vương Quyền của Cha,

Our speech shall be true, kind and clean remembering that we must be worthy children of Thee, our Divine Father in Heaven. —Amen'.

Lời nói của chúng con sẽ chân thật, tử tế và trong sạch khi nhớ rằng chúng con phải là những người con xứng đáng của Cha, Cha Thiêng Liêng của chúng con trên Thiên Đàng. —Amen'.

Then might follow, or be used alternatively, a Prayer to the Saviour of Men:

Sau đó có thể tiếp theo, hoặc được sử dụng thay thế, một Lời Cầu Nguyện đến Đấng Cứu Rỗi của Nhân Loại:

'O Lord Christ Who drew the little children unto Thee, draw us, the children of New Zealand (or other Country), close to Thy Divine heart of love.

'Lạy Chúa Christ, Đấng đã kéo những đứa trẻ nhỏ đến với Ngài, xin hãy kéo chúng con, những đứa trẻ của New Zealand (hoặc Quốc gia khác), đến gần trái tim tình thương Thiêng Liêng của Ngài.

'Hold us, most dear and Holy Lord, within Thy Divine Presence, that we may draw strength from Thee. By Thy aid we shall be strong, pure and loving, growing in grace and in humility'.

'Xin hãy giữ chúng con, lạy Chúa kính yêu và Thánh Thiện nhất, trong Sự Hiện Diện Thiêng Liêng của Ngài, để chúng con có thể nhận được sức mạnh từ Ngài. Với sự giúp đỡ của Ngài, chúng con sẽ mạnh mẽ, trong sạch và yêu thương, lớn lên trong ân sủng và khiêm nhường'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 31, No. 1, 1969, p. 19

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [31], Số [1], 1969, tr. [19]

'The self in me is one with the Self in All. I am that Self in all. That Self am I'.

'Bản ngã trong tôi là một với Bản Ngã trong Tất Cả. Tôi là Bản Ngã đó trong tất cả. Bản Ngã đó là Tôi'.

'I am rooted in the Eternal'.

'Tôi bén rễ trong Sự Vĩnh Hằng'.

'I am self-shining pure Being'.

'Tôi là Bản Thể thuần khiết tự chiếu sáng'.

'I am divine, immortal and forever at one with God'.

'Tôi thiêng liêng, bất tử và mãi mãi là một với Thượng đế'.

'I am divine, fearless, imperishable and full of joy'.

'Tôi thiêng liêng, không sợ hãi, bất diệt và tràn đầy niềm vui'.

'I and my Father are one'.

'Tôi và Cha tôi là một'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 31, No. 1, 1969, p. 19

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [31], Số [1], 1969, tr. [19]

35

Vegetarianism As an Aid to Spiritual Vision: Mankind's Greatest Need—Ăn Chay Như Một Sự Hỗ Trợ Cho Tầm Nhìn Tinh Thần: Nhu Cầu Lớn Nhất Của Nhân Loại

Basically the continuing world conflict would appear to arise through two forces, the will to dominate and the necessity for defence against domination. This is the issue with which modern man has been long confronted, the will to domination being the ruling passion of man, as Tacitus said.

Về cơ bản, cuộc xung đột thế giới tiếp diễn dường như nảy sinh thông qua hai thế lực, ý chí thống trị và sự cần thiết phải phòng thủ trước sự thống trị. Đây là vấn đề mà con người hiện đại đã phải đối mặt từ lâu, ý chí thống trị là niềm đam mê thống trị của con người, như Tacitus đã nói.

The Real Scourges of Mankind

Những Tai Họa Thực Sự Của Nhân Loại

This determination to assume supreme authority, this despotism and tyranny is not limited to the international scene. Unfortunately it is universal, being observable in nearly every human institution, including many homes. Tyrants great and small are the real scourges of mankind. What is the cause of this great fault and source of the

Quyết tâm đảm nhận quyền lực tối cao này, sự chuyên chế và bạo ngược này không giới hạn trong bối cảnh quốc tế. Thật không may, nó là phổ quát, có thể quan sát được trong gần như mọi tổ chức của con người, kể cả nhiều gia đình. Những bạo chúa lớn và nhỏ là những tai họa thực sự của nhân loại. Đâu là nguyên nhân của lỗi lầm lớn này và là nguồn gốc của sự đau

suffering of man? It is mental and spiritual blindness, particularly to the fact of the true relationship which exists between all human beings. This is oneness, all being members of one spiritual race which is without divisions of any kind.

khổ của con người? Đó là sự mù quáng về trí tuệ và tinh thần, đặc biệt là đối với sự thật về mối quan hệ thực sự tồn tại giữa tất cả con người. Đây là sự hợp nhất, tất cả đều là thành viên của một Arya tinh thần duy nhất, không có bất kỳ sự phân chia nào.

Mankind A Unity

When one travels amongst and comes to know, the various peoples of the countries of the world, one finds that differences of language, custom and colour of skin apply only to the surface of their lives; underneath all are very similar, having the same hopes, fears, aspirations, longings, happiness and sufferings. Bodies themselves are built in precisely the same fashion and are nourished by the same red blood, whilst the same kind of protoplasm forms the material of which all are built. In the light of the spiritual, mental, cultural and bodily unity of mankind, such conflicts as have raged, even in our time, are quite insane. George Bernard Shaw said, in fact, 'If there are human beings on other planets, then they must regard the earth as the lunatic asylum of the solar system'.

Nhân Loại Là Một Thể Thống Nhất

Khi một người đi du lịch giữa và đến để biết những dân tộc khác nhau của các quốc gia trên thế giới, người ta thấy rằng sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục và màu da chỉ áp dụng cho bề mặt cuộc sống của họ; bên dưới tất cả đều rất giống nhau, có cùng những hy vọng, nỗi sợ hãi, khát vọng, mong muốn, hạnh phúc và đau khổ. Bản thân cơ thể được xây dựng theo cùng một cách chính xác và được nuôi dưỡng bởi cùng một dòng máu đỏ, trong khi cùng một loại nguyên sinh chất tạo thành vật chất mà tất cả được xây dựng. Dưới ánh sáng của sự hợp nhất về tinh thần, trí tuệ, văn hóa và thể chất của nhân loại, những cuộc xung đột đã diễn ra, ngay cả trong thời đại của chúng ta, là hoàn toàn điên rồ. George Bernard Shaw trên thực tế đã nói, 'Nếu có những con người trên các hành tinh khác, thì họ phải coi trái đất là nhà thương điên của hệ mặt trời'.

The Cure

What is the cure for this age-long and continuing fault which besets mankind on this planet? My title indicates my own conclusion that it consists of the attainment of spiritual vision by a sufficient number of people. Happily there are many indications that this is coming about, as the founding of various world organizations shows.

Cách Chữa Trị

Đâu là phương thuốc chữa trị cho lỗi lầm lâu đời và tiếp diễn này vốn đang vây hãm nhân loại trên hành tinh này? Tiêu đề của tôi cho thấy kết luận của riêng tôi rằng nó bao gồm việc đạt được tầm nhìn tinh thần bởi một số lượng người vừa đủ. May mắn thay, có nhiều dấu hiệu cho thấy điều này đang đến, như việc thành lập các tổ chức thế giới khác nhau cho thấy.

Four Ways

How then may the spiritual vision which

Bốn Cách

Vậy thì làm thế nào để đạt được tầm nhìn tinh

reveals what an American poet has described as 'the burning oneness binding everything' to be attained? By at least four means, I think. These are study, as a result of which one gets an understanding of the basic fact of all existence which is in truth unity, oneness and realization that, as the poet said, 'there are no others', and as Pope said, 'all are but parts of one stupendous whole'. Meditation upon the underlying spiritual truth of unity, dwelling in prolonged thought upon that truth and then passing beyond thought into experience, with a stilled mind, can greatly enlarge one's vision. This can change one's intellectual acceptance of the idea of oneness into direct interior experience.

thần vốn tiết lộ điều mà một nhà thơ người Mỹ đã mô tả là 'sự hợp nhất thiêu đốt ràng buộc mọi thứ'? Tôi nghĩ bằng ít nhất bốn phương tiện. Đó là học tập, kết quả là người ta hiểu được sự thật cơ bản của mọi sự tồn tại vốn thực sự là sự hợp nhất, tính đồng nhất và nhận ra rằng, như nhà thơ đã nói, 'không có người khác', và như Pope đã nói, 'tất cả chỉ là các phần của một tổng thể vĩ đại'. Tham thiền về chân lý tinh thần nền tảng của sự hợp nhất, trú ngụ trong suy nghĩ kéo dài về chân lý đó và sau đó vượt qua suy nghĩ để đi vào trải nghiệm, với một thể trí tĩnh lặng, có thể mở rộng rất nhiều tầm nhìn của một người. Điều này có thể thay đổi sự chấp nhận trí tuệ của một người về ý tưởng hợp nhất thành trải nghiệm nội tại trực tiếp.

The Value of Sharing

Service to one's fellow men, whether through great causes such as vegetarianism or to individuals, enables one to get close to humanity. By sharing people's lives and doing one's best to help them in their various needs, one comes to realize one's closest unity with them and the identity of one's problems with theirs.

Giá Trị của Sự Chia Sẻ

Phụng sự đồng loại, dù thông qua những mục tiêu lớn như ăn chay hay cho các cá nhân, cho phép một người đến gần hơn với nhân loại. Bằng cách chia sẻ cuộc sống của mọi người và cố gắng hết sức để giúp đỡ họ trong những nhu cầu khác nhau của họ, người ta sẽ nhận ra sự hợp nhất gần gũi nhất của mình với họ và sự đồng nhất các vấn đề của mình với các vấn đề của họ.

A Meat-Free Diet Necessary

In the attainment of true spiritual vision, strange though it may sound, diet can play a strong part. This is probably why so many schools of spiritual training from the remotest times to the present day have insisted that their students should live on a meat-free diet. The saying, 'as I eat so am I', has some truth in it. Animal foods can not only poison the body and introduce into it the diseases from which food animals are known to suffer, but also animalize human nature, coarsen and desensitize those who live on flesh food. The

Chế Độ Ăn Không Thịt Là Cần Thiết

Trong việc đạt được tầm nhìn tinh thần đích thực, dù nghe có vẻ lạ, chế độ ăn uống có thể đóng một vai trò quan trọng. Đây có lẽ là lý do tại sao rất nhiều trường phái huấn luyện tinh thần từ thời xa xưa nhất đến ngày nay đều nhấn mạnh rằng học viên của họ nên sống theo chế độ ăn không thịt. Câu nói, 'tôi ăn gì thì tôi là thế', có một phần sự thật trong đó. Thực phẩm từ động vật không chỉ có thể đầu độc cơ thể và đưa vào đó những căn bệnh mà động vật làm thực phẩm được biết là mắc phải, mà còn làm cho bản chất con người trở nên thú

particular organs in the brain through which the faculty of intuition is said to function (the pineal gland), and the higher intellect which can understand the principle of unity (the pituitary gland), as well as the whole cerebral spinal system, can be desensitized by alcohol narcotics and animal flesh, and made more responsive to higher thoughts by abstention and a vegetarian dietary.

tính, thô thiển và làm mất đi sự nhạy cảm của những người sống bằng thực phẩm từ thịt. Các cơ quan đặc biệt trong não mà qua đó khả năng trực giác được cho là hoạt động (tuyến tùng), và trí tuệ cao hơn có thể hiểu được nguyên tắc hợp nhất (tuyến yên), cũng như toàn bộ hệ thống tủy sống não bộ, có thể bị làm mất nhạy cảm bởi chất gây nghiện rượu và thịt động vật, và trở nên đáp ứng nhiều hơn với những tư tưởng cao hơn bằng cách kiêng khem và chế độ ăn chay.

The Way to Peace

Vegetarianism thus assumes profound world significance. The principles of health and humaneness upon which it is largely founded, give world vegetarianism great force and importance. The pressing necessities of the present time give that cause added significance, for the adoption of world vegetarianism would remove the threat of a world food shortage which can contribute to world war, and—even more important—would make it more easily possible for human beings to discover both the divinity within them, and the fact that spiritually all are one. When this realization is attained, aggression becomes impossible and war unthinkable. This, I believe, is the way in which war will ultimately be outlawed on earth.

The New Zealand Vegetarian, Sept/Oct 1958, p. 5

Con Đường Đến Hòa Bình

Do đó, ăn chay có ý nghĩa sâu sắc đối với thế giới. Các nguyên tắc về sức khỏe và lòng nhân đạo mà nó phần lớn dựa trên đó, mang lại cho phong trào ăn chay thế giới sức mạnh và tầm quan trọng lớn. Những nhu cầu cấp bách của thời điểm hiện tại mang lại cho mục tiêu đó ý nghĩa gia tăng, vì việc áp dụng chế độ ăn chay trên toàn thế giới sẽ loại bỏ mối đe dọa về tình trạng thiếu lương thực trên thế giới vốn có thể góp phần gây ra chiến tranh thế giới, và—quan trọng hơn nữa—sẽ giúp con người dễ dàng khám phá ra cả thiên tính bên trong họ và sự thật rằng về mặt tinh thần, tất cả là một. Khi nhận thức này đạt được, sự xâm lược trở nên bất khả thi và chiến tranh trở nên không thể tưởng tượng được. Tôi tin rằng đây là cách mà chiến tranh cuối cùng sẽ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật trên trái đất.

The New Zealand Vegetarian, Sept/Oct 1958, tr. 5

36

Theosophical Order of Service—Hội Thông Thiên Học Phụng Sự

May I say how happy I am to have some part, however small, in the work of the Order here. The Theosophical Order of Service in New Zealand worked more especially by founding

Tôi xin nói rằng tôi rất vui khi có một phần nào đó, dù nhỏ bé đến đâu, trong công việc của Hội ở đây. Hội Thông Thiên Học Phụng Sự ở New Zealand đã làm việc đặc biệt hơn bằng cách

other organizations for special purposes, and the members of our Order were the chief members in those newly-formed organizations. One of these was the New Zealand Vegetarian Society. There was no vegetarian society and not much interest in vegetarianism, and this very keen band of crusaders for animal welfare, very deeply dedicated to their cause—real crusaders -joined together before the end of the Second World War and worked to bring into existence the New Zealand Vegetarian Society, produced its own fine magazine and a considerable amount of literature. The members are moved towards the vegetarian way of life by a spirit of compassion towards the animal kingdom of nature and for reasons of health.

thành lập các tổ chức khác cho các mục đích đặc biệt, và các thành viên của Hội chúng tôi là những thành viên chủ chốt trong các tổ chức mới thành lập đó. Một trong số đó là Hội Ăn Chay New Zealand. Không có hội ăn chay nào và không có nhiều sự quan tâm đến việc ăn chay, và nhóm người rất nhiệt tình này, những người đấu tranh cho phúc lợi động vật, rất tận tâm với mục tiêu của họ—những người đấu tranh thực sự—đã cùng nhau trước khi kết thúc Thế chiến thứ hai và làm việc để đưa Hội Ăn Chay New Zealand vào tồn tại, sản xuất tạp chí hay của riêng mình và một lượng lớn tài liệu. Các thành viên được thúc đẩy theo lối sống ăn chay bởi tinh thần trắc ẩn đối với giới động vật của tự nhiên và vì lý do sức khỏe.

For example, an investigation of the meat trade in New Zealand was made. I cannot but admire those early workers who actually went to one of the big Auckland freezing works and abattoirs, and forced themselves—mostly ladies—to watch all that happened from the moment the animal was driven up the ramp, to what was then the stunning pen, and often to see six, seven and eight blows with a thirty-six pound hammer on the forehead of the great oxen before they fell, stunned only, to roll down and immediately be butchered, along with all that goes on in the farms, in the transportation of food animals and in that very cruel industry as a whole. The result was the formation of the Vegetarian Society and also another organization which was called the Combined Animal Welfare Organizations of New Zealand, which went into action against these same evils.

Ví dụ, một cuộc điều tra về ngành buôn bán thịt ở New Zealand đã được thực hiện. Tôi không thể không ngưỡng mộ những công nhân ban đầu đó, những người thực sự đã đến một trong những nhà máy đông lạnh và lò mổ lớn ở Auckland, và buộc mình—chủ yếu là phụ nữ—phải xem tất cả những gì đã xảy ra từ thời điểm con vật bị lùa lên dốc, đến cái mà sau đó là chuồng gây choáng, và thường thấy sáu, bảy và tám cú đánh bằng một cái búa nặng ba mươi sáu pound vào trán của những con bò đực lớn trước khi chúng ngã xuống, chỉ bị choáng, để lăn xuống và ngay lập tức bị giết thịt, cùng với tất cả những gì diễn ra trong các trang trại, trong việc vận chuyển động vật làm thực phẩm và trong ngành công nghiệp rất tàn ác đó nói chung. Kết quả là sự hình thành của Hội Ăn Chay và cả một tổ chức khác được gọi là Các Tổ Chức Phúc Lợi Động Vật Kết Hợp của New Zealand, tổ chức này đã hành động chống lại những tệ nạn tương tự.

The experience of the slaughterhouse, I believe, moved us to the first of these actions. We drew up, and ultimately presented to

Tôi tin rằng trải nghiệm ở lò mổ đã thúc đẩy chúng tôi thực hiện hành động đầu tiên trong số này. Chúng tôi đã soạn thảo và cuối cùng

Parliament, a petition asking that it be made a law that all food animals must be slaughtered by mechanical instruments in proper repair. It needed a good deal of very hard work and campaigning, and eventually we obtained no fewer than 33,000 signatures to the petition. Then it was presented to a special Parliamentary Committee in Wellington, and although there were some attempts to object to it, it was finally gazetted. It now is a law in New Zealand that all food animals must be slaughtered by mechanical instruments, chiefly the captive bolt pistol, in proper repair. This pistol fires a bolt into the forehead of the animal, which instantly loses consciousness and falls.

trình lên Quốc hội một bản kiến nghị yêu cầu ban hành luật rằng tất cả động vật làm thực phẩm phải bị giết thịt bằng các dụng cụ cơ khí được sửa chữa đúng cách. Cần rất nhiều công việc khó khăn và vận động, và cuối cùng chúng tôi đã thu được không dưới 33.000 chữ ký vào bản kiến nghị. Sau đó, nó đã được trình lên một Ủy ban Quốc hội đặc biệt ở Wellington, và mặc dù có một số nỗ lực phản đối, nhưng cuối cùng nó đã được công bố trên công báo. Hiện nay, luật ở New Zealand quy định rằng tất cả động vật làm thực phẩm phải bị giết thịt bằng các dụng cụ cơ khí, chủ yếu là súng bắn bu-lông giam giữ, được sửa chữa đúng cách. Súng lục này bắn một bu-lông vào trán con vật, khiến nó ngay lập tức mất ý thức và ngã xuống.

Then we found that there was a great deal of cruelty in sport in New Zealand. Through the Combined Animal Welfare Organizations, and in collaboration with a Member of Parliament, we were successful in having live hare coursing made illegal in New Zealand. We also successfully campaigned against live pigeon shooting, which is a very cruel sport. It is cruel not only in the immediate killing of the pigeons, but also because so many get away, wounded, carrying shot in them and flying away, slowly to die. Pigeon shooting is now illegal in New Zealand, thank goodness.

Sau đó, chúng tôi thấy rằng có rất nhiều sự tàn ác trong thể thao ở New Zealand. Thông qua Các Tổ Chức Phúc Lợi Động Vật Kết Hợp, và với sự cộng tác của một Thành Viên Quốc Hội, chúng tôi đã thành công trong việc biến việc săn thỏ rừng sống trở thành bất hợp pháp ở New Zealand. Chúng tôi cũng đã vận động thành công chống lại việc bắn chim bồ câu sống, một môn thể thao rất tàn ác. Nó tàn ác không chỉ trong việc giết chim bồ câu ngay lập tức, mà còn vì rất nhiều con trốn thoát, bị thương, mang theo đạn và bay đi, từ từ chết. Việc bắn chim bồ câu hiện là bất hợp pháp ở New Zealand, tạ ơn Chúa.

Just as Sandra and I came away, another grave evil came to the notice of the Combined Animal Organizations of New Zealand. It was the shooting of deer in the forests and clearings of New Zealand from helicopters. The venison trade is quite a lucrative one and so the firms concerned hire helicopters and pilots and they fly chiefly over the forests in the South Island and shoot mercilessly the deer, male, female and mother deer. One of the pilots became so revolted by the procedure

Ngay khi Sandra và tôi rời đi, một tệ nạn nghiêm trọng khác đã được Các Tổ Chức Động Vật Kết Hợp của New Zealand chú ý. Đó là việc bắn hươu trong các khu rừng và bãi quang đãng của New Zealand từ вертолет. Việc buôn bán thịt nai khá sinh lợi và vì vậy các công ty liên quan thuê вертолет và phi công và họ bay chủ yếu trên các khu rừng ở Đảo Nam và bắn hươu một cách tàn nhẫn, hươu đực, hươu cái và hươu mẹ. Một trong những phi công đã trở nên ghê tởm thủ tục này đến mức Ông đã viết

that he wrote a strong article to the newspaper, describing all that went on, including the certainty that quite a number of deer would be wounded and would die slowly and in pain in the bush, or hobble about thereafter with broken legs or other injuries, and of course often young baby deer were left helpless and parentless. He felt it very strongly as a pilot and wrote quite a stinging letter to the press. We copied his letter and with a covering paragraph or two we sent it to the Prime Minister, the Minister of Agriculture and other officials, and all the other animal welfare organizations in New Zealand to enlist their aid to have this evil stopped. But replies came saying that the cruelties had been exaggerated and that there was not all the evil in the practice which there seemed to be. So in this we failed, I am sorry to say.

một bài báo mạnh mẽ cho tờ báo, mô tả tất cả những gì đã xảy ra, bao gồm cả sự chắc chắn rằng khá nhiều hươu sẽ bị thương và sẽ chết từ từ và đau đớn trong bụi rậm, hoặc lê bước sau đó với đôi chân bị gãy hoặc các vết thương khác, và tất nhiên thường thì những con hươu con còn nhỏ bị bỏ rơi không nơi nương tựa và không có cha mẹ. Ông cảm thấy rất mạnh mẽ với tư cách là một phi công và đã viết một lá thư khá gay gắt cho báo chí. Chúng tôi đã sao chép lá thư của Ông và với một hoặc hai đoạn bao gồm, chúng tôi đã gửi nó cho Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và các quan chức khác, và tất cả các tổ chức phúc lợi động vật khác ở New Zealand để tranh thủ sự giúp đỡ của họ để ngăn chặn tệ nạn này. Nhưng các câu **trả lời** đã đến nói rằng sự tàn ác đã bị phóng đại và rằng không có tất cả những điều xấu xa trong thực tế mà dường như có. Vì vậy, trong việc này, tôi rất tiếc phải nói rằng chúng tôi đã thất bại.

Theosophy in Australia, 4 August 1970, p. 11

Theosophy in Australia, 4 August 1970, tr. 11

37

Love's Thorns—*Gai Tình Yêu*

Inseparable from the rose of love is its inevitable thorn. All bliss when experienced through a material form has its price, which strangely is its opposite. Therefore all save the very highest and most unselfish love must have its accompaniment of pain.

Không thể tách rời khỏi hoa hồng của tình yêu là chiếc gai không thể tránh khỏi của nó. Tất cả sự hoan lạc khi trải nghiệm thông qua một hình tướng vật chất đều có giá của nó, điều kỳ lạ là điều ngược lại của nó. Do đó, tất cả trừ tình yêu cao thượng và vị tha nhất phải có sự đồng hành của nỗi đau.

Even the most unselfish lover suffers when the beloved is in error, pain or need. Yet is not this part of the glory of love that, for its self-expression it is ever most willing to pay its price, indeed to glory in the payment which is love's pain.

Ngay cả người yêu vị tha nhất cũng đau khổ khi người yêu mắc lỗi, đau đớn hoặc cần giúp đỡ. Tuy nhiên, đây chẳng phải là một phần vinh quang của tình yêu sao, vì sự tự biểu hiện của nó, nó luôn sẵn lòng trả giá, thực sự là vinh quang trong sự trả giá vốn là nỗi đau của tình yêu.

Even the highest love which found expression

Ngay cả tình yêu cao thượng nhất vốn tìm

in the Saviour of Men, brought Him nails, spear, crown of thorns, the anguish of loneliness and betrayal, and a thirst so that even He cried out in His great love that Love Itself had forsaken Him.

thấy sự biểu hiện trong Đấng Cứu Thế của Nhân Loại, đã mang đến cho Ngài đinh, giáo, vương miện gai, nỗi thống khổ của sự cô đơn và phản bội, và một cơn khát đến nỗi ngay cả Ngài cũng kêu lên trong tình yêu vĩ đại của Ngài rằng Bản Thân Tình Yêu đã bỏ rơi Ngài.

Therefore let all to whom love comes be ready not only to receive, but indeed to welcome love's pains. Let all who are young and look for love be warned and so prepared. But let them remember that so great is the bliss and reward of true love that the pain is infinitely worth while. For it is infinitely preferable to love and so to suffer than to be free from pain because there has been no love.

Do đó, hãy để tất cả những ai có được tình yêu sẵn sàng không chỉ nhận, mà thực sự chào đón những nỗi đau của tình yêu. Hãy để tất cả những người trẻ tuổi và tìm kiếm tình yêu được cảnh báo và do đó được chuẩn bị. Nhưng hãy để họ nhớ rằng sự hoan lạc và phần thưởng của tình yêu đích thực lớn đến mức nỗi đau là vô cùng xứng đáng. Vì yêu và đau khổ còn hơn là không đau khổ vì không có tình yêu.

Is there a love attainable between man and woman and man and man that has no pain? Perhaps not, but there is a love that is so purged of self, so free of all possessiveness that the lover's happiness is merged and lost in that of the beloved. For it is possessiveness that is at the root of all pain.

Có một tình yêu có thể đạt được giữa người nam và người nữ và người nam và người nam mà không có nỗi đau nào không? Có lẽ là không, nhưng có một tình yêu đã được gột rửa khỏi bản thân, quá tự do khỏi mọi sự chiếm hữu đến nỗi hạnh phúc của người yêu được hợp nhất và mất đi trong hạnh phúc của người yêu. Vì sự chiếm hữu là gốc rễ của mọi nỗi đau.

Therefore let the beloved go free, especially of soul, trusted, honoured, served, adored. And in that renunciation of personal possession will be found not loss of the rose of love but a veritable tree blooming unto seventy times seven.

Do đó, hãy để người yêu được tự do, đặc biệt là về linh hồn, được tin tưởng, tôn vinh, phụng sự, tôn thờ. Và trong sự từ bỏ quyền sở hữu cá nhân đó, người ta sẽ tìm thấy không phải là sự mất mát của hoa hồng tình yêu mà là một cái cây thực sự nở rộ đến bảy mươi lần bảy.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, p. 66

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, tr. 66

38

Purity of Heart—*Sự Thanh Khiết của Trái Tim*

Success in the quest of Adeptship depends almost entirely upon purity of heart. For purity of heart implies also singleness of mind, one-pointedness and freedom from

Thành công trong cuộc tìm kiếm Địa vị Chân sư gần như hoàn toàn phụ thuộc vào sự thanh khiết của trái tim. Vì sự thanh khiết của trái tim cũng ngụ ý sự đơn nhất của thể

every thought of self.

trí, sự nhất tâm và sự tự do khỏi mọi tư tưởng về bản thân.

Purity of heart implies transcendence of all worldly desires.

Sự thanh khiết của trái tim ngụ ý sự siêu việt của mọi ham muốn trần tục.

Only he who cares no longer for the wealth and glitter of the world of men, pure of heart can enter the world of the Supermen.

Chỉ người nào không còn quan tâm đến sự giàu có và hào nhoáng của thế giới loài người, thanh khiết trong tim mới có thể bước vào thế giới của Những Siêu Nhân.

Only he who is free of even the slightest thought of reward, material or spiritual, in return for his labours can ever tread to its end the steep and narrow way which leadeth to eternal life.

Chỉ người nào không vướng bận dù chỉ là một chút suy nghĩ về phần thưởng, vật chất hay tinh thần, để đáp lại những công lao của mình mới có thể bước đi đến cuối con đường dốc và hẹp dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu.

Blessed indeed are the pure of heart, for not only shall they see and know that God which is their highest self, but they shall bestow their powers of vision upon their fellow men.

Thật vậy, những người có trái tim thanh khiết thật có phước, vì họ không chỉ nhìn thấy và biết Thượng đế vốn là bản ngã cao nhất của họ, mà họ còn ban tặng sức mạnh tầm nhìn của mình cho đồng loại.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, p. 66

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 3, 1942, tr. 66

39

Gossip—***Chuyện Phiếm***

One example of the prevalent misuse of thought power and speech is gossip, than which there is hardly a greater or more cruel evil.

Một ví dụ về việc lạm dụng phổ biến sức mạnh tư tưởng và lời nói là chuyện phiếm, mà khó có điều gì lớn hơn hoặc tàn ác hơn.

Calumny, slander and gossip are amongst the greatest enemies of human happiness and progress. When a group of people gather together to discuss the shortcomings of another, they concentrate upon and direct into their victim a powerful stream of harmful thought. Each one of them then separates to repeat the performance in another group, and so the evil spreads until an almost irresistible force in the direction of the supposed indulgence reaches

Vu khống, phỉ báng và chuyện phiếm là một trong những kẻ thù lớn nhất của hạnh phúc và sự tiến bộ của con người. Khi một nhóm người tụ tập lại để thảo luận về những thiếu sót của người khác, họ tập trung vào và hướng vào nạn nhân của họ một luồng tư tưởng có hại mạnh mẽ. Sau đó, mỗi người trong số họ tách ra để lặp lại màn trình diễn trong một nhóm khác, và do đó cái ác lan rộng cho đến khi một lực gần như không thể cưỡng lại theo hướng

the subject of their conversation.

nuông chiều giả định đạt đến chủ đề của cuộc trò chuyện của họ.

If man must discuss the private affairs of others in their absence—and it seems that he must—then let both speech and thought be positive and beneficent. Instead of dwelling upon the difficulties and failings of others, strong thoughts of self-mastery should be sent to them.

Nếu con người phải thảo luận về những vấn đề riêng tư của người khác khi họ vắng mặt—và dường như là họ phải làm vậy—thì hãy để cả lời nói và tư tưởng đều tích cực và có lợi. Thay vì tập trung vào những khó khăn và thất bại của người khác, những tư tưởng mạnh mẽ về khả năng tự chủ nên được gửi đến họ.

The author has sometimes felt that he would like to form a world wide anti-gossip—or, rather, right speech—league. Members would promise, first, to refrain from gossip themselves; second, to refuse to participate in gossip and whenever possible to prevent it; third, vigorously to defend the victims and draw attention to their virtues; and, fourth, always to assume the highest motives for other people's conduct.

Tác giả đôi khi cảm thấy rằng Ông muốn thành lập một liên đoàn chống chuyện phiếm —hay đúng hơn là lời nói đúng đắn—trên toàn thế giới. Các thành viên sẽ hứa, thứ nhất, kiềm chế không tự mình buôn chuyện; thứ hai, từ chối tham gia vào chuyện phiếm và bất cứ khi nào có thể ngăn chặn nó; thứ ba, tích cực bảo vệ các nạn nhân và thu hút sự chú ý đến những đức tính của họ; và, thứ tư, luôn cho rằng những động cơ cao thượng nhất cho hành vi của người khác.

The last of these is of great importance, for much pain is inflicted upon others by the imputation of evil motives. Analysis of one's own motives shows how complex they may be and how frequently one is but partially aware of their various elements. Consequently, it is almost impossible accurately to judge the motives of another. It is, therefore, always best to assume in others the highest motive and, if not actually present, by a strong thought to implant it in them. By these means, suffering caused by calumny, slander, gossip and the imputation of false motives may in some measure be reduced and relieved.

Điều cuối cùng này có tầm quan trọng lớn, vì nhiều nỗi đau gây ra cho người khác do sự quy kết những động cơ xấu xa. Phân tích động cơ của chính một người cho thấy chúng có thể phức tạp như thế nào và một người thường chỉ nhận thức được một phần các yếu tố khác nhau của chúng. Do đó, gần như không thể đánh giá chính xác động cơ của người khác. Do đó, luôn luôn tốt nhất là cho rằng ở người khác có động cơ cao thượng nhất và, nếu không thực sự có mặt, bằng một tư tưởng mạnh mẽ để cấy nó vào họ. Bằng những phương tiện này, sự đau khổ do vu khống, phỉ báng, chuyện phiếm và sự quy kết những động cơ sai trái gây ra có thể ở một mức độ nào đó được giảm bớt và xoa dịu.

Theosophy also has a message for the victims of this evil. They are encouraged to recognize that their apparent enemy is in reality but the instrument of their own karma, and, by

Thông Thiên Học cũng có một thông điệp dành cho các nạn nhân của tệ nạn này. Họ được khuyến khích nhận ra rằng kẻ thù rõ ràng của họ trên thực tế chỉ là công cụ của

refraining from response in kind, to render impossible the continuance of enmity.

nghiệp quả của chính họ, và, bằng cách kiềm chế không đáp trả tương tự, để làm cho việc tiếp tục thù hận trở nên bất khả thi.

The Lord Buddha most truly taught that 'Hatred ceases not at any time by hatred; hatred ceases only by love'. The Lord Christ also similarly said, 'Turn the other cheek', 'Love your enemies' and 'Do good to them that spitefully use you'. These teachings should not be regarded as impracticable. Were they so they would not have been given. On the contrary, they express spiritual and psychological truths of the greatest value. Evil is never conquered by evil, but may always be overcome by the opposite good. Anger met with anger flames into hatred. Anger in the presence of understanding and goodwill can no longer continue to exist.

Đức Phật dạy một cách chân thật nhất rằng 'Hận thù không bao giờ chấm dứt bằng hận thù; hận thù chỉ chấm dứt bằng tình thương'. Đức Christ cũng nói tương tự, 'Hãy giơ má bên kia ra', 'Yêu kẻ thù của các con' và 'Làm điều tốt cho những kẻ cố tình lợi dụng các con'. Những lời dạy này không nên được coi là bất khả thi. Nếu chúng như vậy thì chúng đã không được ban cho. Ngược lại, chúng diễn tả những chân lý tinh thần và tâm lý có giá trị lớn nhất. Cái ác không bao giờ bị chinh phục bởi cái ác, nhưng luôn có thể bị khắc phục bởi điều tốt đối nghịch. Cơn giận gặp cơn giận bùng lên thành hận thù. Cơn giận khi có sự thấu hiểu và thiện chí thì không thể tiếp tục tồn tại.

Thought control is of the greatest importance for those are brought into close contact with children. The super-physical bodies of the child are highly sensitive to the forces of thought and feeling. Serious, sometimes irreparable, harm is done to children who live in households which are divided against themselves. Constant quarrelling between elders, like corporal punishment inflicted in anger, can cause permanent wounds and scars upon the superphysical as well as the physical bodies of the children These in later life may cause serious psychological and physical disorders.

Kiểm soát tư tưởng là điều vô cùng quan trọng đối với những người tiếp xúc gần gũi với trẻ em. Các thể siêu vật chất của trẻ em rất nhạy cảm với các mãnh lực của tư tưởng và cảm xúc. Những tổn hại nghiêm trọng, đôi khi không thể khắc phục được, gây ra cho trẻ em sống trong những gia đình chia rẽ. Việc những người lớn tuổi liên tục cãi vã, giống như hình phạt thể xác gây ra trong cơn giận dữ, có thể gây ra những vết thương và sẹo vĩnh viễn trên các thể siêu vật chất cũng như thể xác của trẻ em. Những điều này trong cuộc sống sau này có thể gây ra những rối loạn tâm lý và thể chất nghiêm trọng.

Much of the crime of the world is traceable partly to the neglect and ill treatment of children, and partly to anger and malicious thought. Every thought of anger, hatred and malice, combines with similar thoughts to form a reservoir of evil power. Some poor individual, perhaps unequally developed, perhaps wrongly treated in youth, temporarily out of control, becomes the

Phần lớn tội phạm trên thế giới có thể truy nguyên một phần do sự bỏ bê và ngược đãi trẻ em, và một phần do sự tức giận và tư tưởng độc hại. Mỗi tư tưởng giận dữ, căm hờn và độc ác, kết hợp với những tư tưởng tương tự để tạo thành một kho chứa mãnh lực xấu xa. Một cá nhân đáng thương nào đó, có lẽ kém phát triển, có lẽ bị đối xử sai trái khi còn trẻ, tạm thời mất kiểm soát, trở thành nạn nhân của

victim of these forces and in a moment of passion commits a deed of which in his saner moments he would be incapable. Similarly the larger crime of war is the result of national and international hatred and malice. Crime will not be banished, peace will not be established on earth, nor a true vision of life be attained until mankind learns to use rightly the tremendous forces of the mind and speech.

những mãnh lực này và trong một khoảnh khắc đam mê đã phạm một hành động mà trong những khoảnh khắc tỉnh táo hơn y sẽ không thể làm được. Tương tự, tội ác chiến tranh lớn hơn là kết quả của sự căm ghét và ác ý quốc gia và quốc tế. Tội phạm sẽ không bị xóa bỏ, hòa bình sẽ không được thiết lập trên trái đất, cũng như một tầm nhìn chân thật về cuộc sống sẽ không đạt được cho đến khi nhân loại học cách sử dụng đúng đắn những mãnh lực to lớn của thể trí và lời nói.

"Don't gossip, but work.

"Đừng buôn chuyện, hãy làm việc.

Don't judge, but help.

Đừng phán xét, hãy giúp đỡ.

Don't criticize, but serve".

Đừng chỉ trích, hãy phụng sự".

"For there's so much good in the worst of us And so much bad in the best of us,

"Vì có rất nhiều điều tốt đẹp trong những người xấu nhất trong chúng ta Và rất nhiều điều tồi tệ trong những người tốt nhất trong chúng ta,

That it ill behoves any of us To find fault with the rest of us".

Điều đó không phù hợp với bất kỳ ai trong chúng ta Để tìm lỗi ở những người còn lại trong chúng ta".

[From a leaflet of the Australian Section. Also as a Leaflet in New Zealand]

[Từ một tờ rơi của Chi nhánh Úc. Cũng là một Tờ rơi ở New Zealand]

40

The Great Reward—*Phần Thưởng Lớn*

You remember when Arjuna turned to the Lord Shri Krishna in the chariot during the battle of Kurukshetra (in the *Bhagavad Gita*) and the Lord had been talking to him about the life of the devotee and the person who renounces self for all.

Bạn còn nhớ khi Arjuna quay sang Đức Chúa Shri Krishna trong cỗ xe ngựa trong trận chiến Kurukshetra (trong Bhagavad Gita) và Đức Chúa đã nói với y về cuộc sống của người sùng đạo và người từ bỏ bản thân vì mọi người.

'What reward, O Lord, do these gain who, worshipping Thee, thus renounce all?' And the answer was, 'Rebirth in a family of wise yogis, the most difficult of *all* births to obtain'.

'Thưa Đức Chúa, những người này nhận được phần thưởng gì, những người thờ phụng Ngài, do đó từ bỏ tất cả?' Và câu **trả lời** là, 'Tái sinh trong một gia đình các nhà yoga thông thái, sự

tái sinh khó đạt được nhất trong tất cả'.

We ought to provide more and more homes where the families are not necessarily exalted mystics and occultists, but wise yogis in the conduct of life, where some of these more advanced Egos could come and perhaps give to the world that leadership which is so sorely lacking in these days.

Chúng ta nên cung cấp ngày càng nhiều những ngôi nhà mà các gia đình không nhất thiết phải là những nhà thần bí và huyền bí học tôn kính, mà là những nhà yoga thông thái trong cách sống, nơi một số chân ngã tiến bộ hơn này có thể đến và có lẽ cống hiến cho thế giới sự lãnh đạo mà ngày nay đang rất thiếu.

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 4, 1979, p. 89

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 40, Số 4, 1979, tr. 89

SECTION 2

Theosophical Teachings

41

Discovering Theosophy—*Khám Phá Thông Thiên Học*

A REVOLUTION IN ONE'S LIFE

MỘT CUỘC CÁCH MẠNG TRONG CUỘC SỐNG CỦA MỘT NGƯỜI

How to be happy as a fellow of the Theosophical Society [F.T.S.] is a subject of supreme importance, surely, for if we can discover the answer we shall know how to be happy in all the phases of our lives.

Làm thế nào để hạnh phúc với tư cách là một thành viên của Hội Thông Thiên Học [F.T.S.] là một chủ đề có tầm quan trọng tối cao, chắc chắn rồi, vì nếu chúng ta có thể khám phá ra câu trả lời, chúng ta sẽ biết cách hạnh phúc trong tất cả các giai đoạn của cuộc đời mình.

Curiously enough, the attainment of happiness is a serious matter. As has been said: 'Happiness is no laughing matter'.

Điều kỳ lạ là, việc đạt được hạnh phúc là một vấn đề nghiêm trọng. Như đã nói: 'Hạnh phúc không phải là chuyện đùa'.

(Richard Whately, Archbishop of Dublin. 1782-1863.)

(Richard Whately, Tổng Giám mục Dublin. 1782-1863.)

The value of Theosophy may be assessed by

Giá trị của Thông Thiên Học có thể được thế

the world by the appearance, manner, lives and of course the character of Theosophists. Cheerfulness is an oft neglected expression of the spiritual life, yet it is a religion in itself. Intelligent cheerfulness produces a natural radiance and effective channelship, which are valuable in the presentation of spiritual philosophy.

giới đánh giá qua vẻ ngoài, cách cư xử, cuộc sống và tất nhiên là tính cách của các nhà Thông Thiên Học. Sự vui vẻ là một biểu hiện thường bị bỏ qua của đời sống tinh thần, nhưng nó tự thân là một tôn giáo. Sự vui vẻ thông minh tạo ra một sự rạng rỡ tự nhiên và khả năng làm kênh hiệu quả, vốn có giá trị trong việc trình bày triết lý tinh thần.

I presume that the ideal Theosophist is an inwardly happy individual for whom the very fact of existence has become an inspiration and a joy, for whom the beauty of Nature and the comradeship of men are an unfailing source of happiness.

Tôi cho rằng nhà Thông Thiên Học lý tưởng là một cá nhân hạnh phúc từ bên trong, đối với người mà chính sự tồn tại đã trở thành một nguồn cảm hứng và niềm vui, đối với người mà vẻ đẹp của Thiên nhiên và tình bạn của con người là một nguồn hạnh phúc vô tận.

The discovery of Theosophy can itself produce a great happiness. This can be of great value, for up to the great day and hour of the discovery of Theosophy, adult members may possibly have passed through such difficulties as spiritual darkness, mental distress, disillusionment, fruitless search for truth and karmic adversity. The discovery of a logical philosophy, a solution to life's problems, can in consequence be a wondrous upliftment. Generally this may be both a rediscovery and as a 'sunburst' within one after which spiritual and mental 'clouds' begin to be dispersed and karmic adversities to lose their oppressive power. For many, therefore, the first rediscovery of Theosophy can be an unforgettable experience.

Việc khám phá ra Thông Thiên Học tự nó có thể tạo ra một hạnh phúc lớn lao. Điều này có thể có giá trị lớn, vì cho đến ngày và giờ trọng đại khám phá ra Thông Thiên Học, các thành viên trưởng thành có thể đã trải qua những khó khăn như bóng tối tinh thần, đau khổ trí tuệ, vỡ mộng, tìm kiếm chân lý vô ích và nghịch cảnh nghiệp quả. Do đó, việc khám phá ra một triết lý hợp lý, một giải pháp cho các vấn đề của cuộc sống, có thể là một sự nâng đỡ kỳ diệu. Nói chung, điều này có thể vừa là một sự tái khám phá vừa là một 'tia nắng' bên trong một người, sau đó những 'đám mây' tinh thần và trí tuệ bắt đầu tan biến và những nghịch cảnh nghiệp quả mất đi sức mạnh áp bức của chúng. Vì vậy, đối với nhiều người, việc tái khám phá Thông Thiên Học lần đầu tiên có thể là một trải nghiệm khó quên.

There then can follow a prolonged intellectual and spiritual feast. Truth after truth rings true, satisfying and elevating the seeking mind. Basic principles illumine the intellect and logically solve hitherto insoluble problems. Despair vanishes as hope is born, the sense of chaos being replaced by the discovery of order.

Sau đó có thể là một bữa tiệc trí tuệ và tinh thần kéo dài. Chân lý này đến chân lý khác vang lên một cách chân thật, thỏa mãn và nâng cao thể trí tìm kiếm. Các nguyên tắc cơ bản soi sáng trí tuệ và giải quyết một cách hợp lý những vấn đề cho đến nay vẫn không thể giải quyết được. Tuyệt vọng tan biến khi hy vọng được sinh ra, cảm giác hỗn loạn được thay thế bằng việc khám phá ra trật tự.

Occult teachings reveal the wonders of Nature, visible and invisible, without and within mankind. The future is opened up with all its limitless possibilities. The power of achievement within man is realized. Certainty of attainment replaces preceding despair. Hope is renewed. Purposeful living replaces drifting. Dignity is restored to life. Intellectual awakening occurs. Spiritual experiences begin to be enjoyed.

Những giáo lý huyền bí tiết lộ những điều kỳ diệu của Thiên nhiên, hữu hình và vô hình, bên ngoài và bên trong nhân loại. Tương lai được mở ra với tất cả những khả năng vô hạn của nó. Sức mạnh thành tựu bên trong con người được nhận ra. Sự chắc chắn về thành tựu thay thế sự tuyệt vọng trước đó. Hy vọng được đổi mới. Cuộc sống có mục đích thay thế sự trôi dạt. Phẩm giá được phục hồi cho cuộc sống. Sự thức tỉnh trí tuệ xảy ra. Những trải nghiệm tinh thần bắt đầu được tận hưởng.

New faculties of heart and mind germinate and are expressed. The brain, hitherto so often bedulled, displays signs of a new intellectual life and capacity. Ways of self-training and fields of service present themselves, and with a sense of privilege are entered. The Masters of the Wisdom are realized and one's life dedicated to Them, and to treading the Path which leads to Their feet, ultimately to those glorious heights upon which They stand.

Những khả năng mới của trái tim và thể trí nảy mầm và được thể hiện. Bộ não, cho đến nay thường bị đần độn, thể hiện những dấu hiệu của một đời sống và năng lực trí tuệ mới. Những cách tự huấn luyện và các lĩnh vực phụng sự xuất hiện, và với ý thức về đặc ân được bước vào. Các Chân sư Minh Triết được nhận ra và cuộc đời một người được dâng hiến cho Các Ngài, và để bước đi trên Thánh Đạo dẫn đến bàn chân của Các Ngài, cuối cùng là đến những đỉnh cao vinh quang mà Các Ngài đang đứng.

Thus the rediscovery of Theosophy can produce a revolution in one's life. The seeker, successful at last, is changed into a blissfully happy individual, the whole mental outlook having been transformed. The irrevocable resolve is made to join the ranks of those who serve and love the world. Dedication becomes the keynote of the life henceforth. No wonder intense happiness results, for the laws of happiness are fulfilled.

Như vậy, việc tái khám phá Thông Thiên Học có thể tạo ra một cuộc cách mạng trong cuộc sống của một người. Người tìm kiếm, cuối cùng đã thành công, được thay đổi thành một cá nhân hạnh phúc tột độ, toàn bộ quan điểm trí tuệ đã được biến đổi. Quyết tâm không thể hủy bỏ được đưa ra là gia nhập hàng ngũ những người phụng sự và yêu thương thế giới. Sự cống hiến trở thành âm điệu chủ đạo của cuộc đời từ nay trở đi. Không có gì ngạc nhiên khi hạnh phúc mãnh liệt xảy ra, vì các định luật của hạnh phúc đã được hoàn thành.

Fortunate are those F.T.S. who throughout the years that follow retain, and continuously convey to others, the inner happiness and enthusiasm of the first Theosophical months and years. Unhappy are those for whom that first deep gratitude, that sense of wonder,

Những F.T.S. nào trong suốt những năm tháng tiếp theo vẫn giữ được và liên tục truyền đạt cho người khác niềm hạnh phúc và sự nhiệt tình bên trong của những tháng và năm Thông Thiên Học đầu tiên thật là may mắn. Thật bất hạnh cho những người mà lòng biết

delight and discovery, that inward determination to attain the heights dies out and disappears.

ơn sâu sắc ban đầu, cảm giác kinh ngạc, vui sướng và khám phá, quyết tâm bên trong để đạt đến đỉnh cao đó chết dần và biến mất.

This does happen, can happen to any of us, especially when precipitation of adverse karma is experienced; for sometimes the Angel of Sorrow puts his magic upon us, that we may grow wiser, humbler and more compassionate.

Điều này vẫn xảy ra, có thể xảy ra với bất kỳ ai trong chúng ta, đặc biệt khi trải qua sự ngưng tụ của nghiệp quả bất lợi; vì đôi khi Thiên Thần Đau Khổ đặt phép thuật của Ngài lên chúng ta, để chúng ta có thể trở nên khôn ngoan hơn, khiêm tốn hơn và giàu lòng trắc ẩn hơn.

Unfortunately some then lose interest and resign. As far as one knows, the majority do not, the inner recognition of truth being too strong. Many members in the midst of great difficulties retain their membership and remain uplifted by the discovery of Theosophy, their enthusiasm and gratitude steadily increasing throughout their years of membership. This, they feel, is due to no virtue of their own. It is due to the power and beauty of Theosophy, of The Theosophical Society, and to the inspiration flowing from Those Who founded and lead it still. Such fortunate ones have found in the Ancient Wisdom an unfailing, inexhaustible source of knowledge, inspiration, joy. They have entered a world wide fraternity, enjoy absolute freedom of opinion and thought and have discovered complete spiritual security that Rock of Ages which for them is eternal truth and they are founding their mental and spiritual house thereon. Furthermore, those so moved find themselves to be within reach of the great Sages, can become Their disciples and be guided by Them to Truth and Power and Peace. This, is it not, is the source of the inward happiness of F.T.S.?

Thật không may, một số người sau đó mất hứng thú và từ chức. Theo như người ta biết, phần lớn không làm vậy, sự nhận biết chân lý bên trong quá mạnh mẽ. Nhiều thành viên giữa những khó khăn lớn vẫn giữ vững tư cách thành viên của mình và vẫn được nâng đỡ nhờ khám phá ra Thông Thiên Học, sự nhiệt tình và lòng biết ơn của họ không ngừng tăng lên trong suốt những năm tháng làm thành viên của họ. Họ cảm thấy điều này không phải do đức tính của riêng họ. Đó là do sức mạnh và vẻ đẹp của Thông Thiên Học, của Hội Thông Thiên Học, và do nguồn cảm hứng tuôn chảy từ Những Đấng vốn đã sáng lập và vẫn lãnh đạo nó. Những người may mắn như vậy đã tìm thấy trong Minh Triết Ngàn Đời một nguồn kiến thức, cảm hứng và niềm vui vô tận, không bao giờ cạn kiệt. Họ đã bước vào một tình huynh đệ trên toàn thế giới, tận hưởng sự tự do tuyệt đối về ý kiến và tư tưởng và đã khám phá ra sự an toàn tinh thần hoàn toàn, Tảng Đá Muôn Đời đó đối với họ là chân lý vĩnh cửu và họ đang xây dựng ngôi nhà trí tuệ và tinh thần của mình trên đó. Hơn nữa, những người được thúc đẩy như vậy thấy mình có thể tiếp cận được với các Bậc Hiền Triết vĩ đại, có thể trở thành đệ tử của Các Ngài và được Các Ngài hướng dẫn đến Chân Lý, Quyền Năng và Hòa Bình. Đây, chẳng phải là nguồn gốc của hạnh phúc nội tâm của F.T.S. sao?

How, it may be asked, can this be maintained,

Có thể hỏi, làm thế nào điều này có thể được

recovered when lost, and also shared with all? Perhaps the answer lies in the aphorism 'Happy is the man who has found his work', for under certain circumstances the Theosophist has found his work 'to Popularize a knowledge of Theosophy' and so to illumine the minds and lives of others with the Ancient Wisdom. The question then arises as how then may one best give Theosophically and so live Theosophically? By practicing and sharing, I suggest, the safeguards against dangers which knowledge of Theosophy provides.

duy trì, phục hồi khi bị mất và cũng được chia sẻ với tất cả mọi người? Có lẽ câu **trả lời** nằm trong câu châm ngôn 'Hạnh phúc là người đã tìm thấy công việc của mình', vì trong một số trường hợp nhất định, nhà Thông Thiên Học đã tìm thấy công việc của mình 'phổ biến kiến thức về Thông Thiên Học' và do đó soi sáng thể trí và cuộc sống của người khác bằng Minh Triết Ngàn Đời. Sau đó, câu hỏi đặt ra là làm thế nào một người có thể cho đi một cách Thông Thiên Học và do đó sống một cách Thông Thiên Học tốt nhất? Tôi gợi ý, bằng cách thực hành và chia sẻ những biện pháp bảo vệ chống lại những nguy hiểm mà kiến thức về Thông Thiên Học mang lại.

The world has passed through a great crisis, has surmounted one great danger enslavement by evil. Other grave dangers threaten.

Thế giới đã trải qua một cuộc khủng hoảng lớn, đã vượt qua một nguy cơ lớn là bị cái ác nô dịch. Những nguy cơ nghiêm trọng khác đang đe dọa.

Let us glance briefly at them and observe the great opportunities for Theosophical work which each one offers. In the realm of science danger exists since man is ethically unprepared for the grave dangers of added knowledge, for morality lags behind scientific progress. The one safeguard is Theosophy with its teachings of the Divinity within all that exists and therefore sacredness of life, of Unity, and therefore the brotherhood of man, and of Christhood as the goal for which spiritual purposes must rule.

Chúng ta hãy xem xét ngắn gọn chúng và quan sát những cơ hội tuyệt vời cho công việc Thông Thiên Học mà mỗi cơ hội mang lại. Trong lĩnh vực khoa học, nguy hiểm tồn tại vì con người chưa được chuẩn bị về mặt đạo đức cho những nguy cơ nghiêm trọng của kiến thức được bổ sung, vì đạo đức tụt hậu so với tiến bộ khoa học. Biện pháp bảo vệ duy nhất là Thông Thiên Học với những giáo lý về Thượng đế bên trong tất cả những gì tồn tại và do đó tính thiêng liêng của sự sống, về Sự Hợp Nhất, và do đó tình huynh đệ của nhân loại, và về Đức Christ như là mục tiêu mà các mục đích tinh thần phải cai trị.

In education the dangers are stultification, memorization, mass production, corporal punishment, materialism, cynicism, selfishness and self-indulgence. The safeguards include Theosophical knowledge of the evolving immortal Soul within man, its uniqueness and its goal of Adeptship; service to the God within all sentient beings;

Trong giáo dục, những nguy cơ là sự ngu dốt, học thuộc lòng, sản xuất hàng loạt, trừng phạt thể xác, chủ nghĩa duy vật, thái độ hoài nghi, ích kỷ và nuông chiều bản thân. Các biện pháp bảo vệ bao gồm kiến thức Thông Thiên Học về Linh Hồn bất tử đang tiến hóa bên trong con người, tính độc đáo của nó và mục tiêu Chân sư của nó; phụng sự Thượng đế bên trong tất

education as a lofty vocation; realization of the great Plan of evolution; recognition of the youth of today as the builders of the civilization of tomorrow and their teachers as guides and directors to prepare them for that contribution; public life the greatest of all careers; the development of every aspect of human nature, and not of mental and physical alone and the supreme importance of Theosophically-illumined and motivated education.

cả chúng sinh; giáo dục như một nghề cao quý; nhận ra Thiên Cơ vĩ đại của sự tiến hóa; công nhận giới trẻ ngày nay là những người xây dựng nền văn minh của ngày mai và các giáo viên của họ là những người hướng dẫn và chỉ đạo để chuẩn bị cho họ đóng góp đó; cuộc sống công cộng là sự nghiệp vĩ đại nhất trong tất cả; sự phát triển của mọi khía cạnh của bản chất con người, và không chỉ về thể trí và thể xác và tầm quan trọng tối cao của nền giáo dục được soi sáng và thúc đẩy bởi Thông Thiên Học.

In politics the dangers include the abuse of power, corruption and class and personal interests before national welfare.

Trong chính trị, những nguy cơ bao gồm lạm dụng quyền lực, tham nhũng và các giai cấp và lợi ích cá nhân trước phúc lợi quốc gia.

Safeguards include recognition of the brotherhood of man: true idealism in the fulfilment of Office; schools and universities as recruiting and training grounds for public men and women: children and adolescents being taught to see in public life the greatest of all careers, especially civic, national and international contributions to the welfare of man.

Các biện pháp bảo vệ bao gồm sự công nhận tình huynh đệ của nhân loại: chủ nghĩa lý tưởng chân chính trong việc hoàn thành Chức vụ; các trường học và trường đại học là nơi tuyển dụng và đào tạo cho những người nam và nữ làm việc trong lĩnh vực công: trẻ em và thanh thiếu niên được dạy để thấy trong cuộc sống công cộng sự nghiệp vĩ đại nhất trong tất cả, đặc biệt là những đóng góp về dân sự, quốc gia và quốc tế cho phúc lợi của con người.

In religion the dangers include disunity between World Faiths and within orthodox religions, and formalism, priest-craft and dependence upon outer observances alone.

Trong tôn giáo, những nguy cơ bao gồm sự chia rẽ giữa các Tín ngưỡng Thế giới và bên trong các tôn giáo chính thống, và chủ nghĩa hình thức, sự xảo quyệt của linh mục và sự phụ thuộc chỉ vào những lễ nghi bên ngoài.

World safeguards are: Unity in religion; A Parliament of World Religions, dedicated to individual illumination and salvation with the resultant reduction of fear, and the philosophic and mystical interpretation of the Scriptures of all Religions.

Các biện pháp bảo vệ thế giới là: Sự Hợp Nhất trong tôn giáo; Một Nghị Viện của các Tôn Giáo Thế Giới, dành riêng cho sự soi sáng và cứu rỗi cá nhân với việc giảm bớt nỗi sợ hãi do đó, và việc giải thích triết học và thần bí về Kinh Thánh của tất cả các Tôn Giáo.

Such, I submit, are five wonderful 'fields' ready for, urgently needing Theosophical 'husbandmen'.

Tôi xin trình bày, đó là năm 'lĩnh vực' tuyệt vời sẵn sàng, khẩn thiết cần những 'người làm vườn' Thông Thiên Học.

Theosophy in New Zealand, Vol. 41, No. 3, 1980,

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 41, Số 3,

42

What Theosophy Gives—*Những Gì Thông Thiên Học Mang Lại*

Theosophy gives a sense of the worth of life, a realization of its supreme importance which inspires and nerves its students to evolutionary effort.

Thông Thiên Học mang lại một ý thức về giá trị của cuộc sống, một sự nhận thức về tầm quan trọng tối cao của nó, điều này truyền cảm hứng và thúc đẩy các đạo sinh của nó nỗ lực tiến hóa.

Theosophy provides a co-ordinating philosophy of life and opens up to the thought and aspiration of the student the vast vistas of the future with their challenge to the present.

Thông Thiên Học cung cấp một triết lý phối hợp về cuộc sống và mở ra cho tư tưởng và khát vọng của đạo sinh những viễn cảnh bao la của tương lai với thách thức của chúng đối với hiện tại.

Theosophy, by revealing the great plan of life, sends the student on his way into that future confident, serene, knowing that happiness and fulfilment await him.

Thông Thiên Học, bằng cách tiết lộ Thiên Cơ vĩ đại của cuộc sống, gửi đạo sinh trên con đường của y vào tương lai đó một cách tự tin, thanh thản, biết rằng hạnh phúc và sự viên mãn đang chờ đợi y.

Theosophy offers a scientific philosophy of life which embraces both the physical and superphysical worlds, each with their varied forces and phenomena. Nevertheless, Theosophy affirms that each man can, and eventually must, win his own spiritual experience and understanding.

Thông Thiên Học cung cấp một triết lý khoa học về cuộc sống bao gồm cả thế giới vật chất và siêu vật chất, mỗi thế giới có những mãnh lực và hiện tượng khác nhau. Tuy nhiên, Thông Thiên Học khẳng định rằng mỗi người có thể, và cuối cùng phải, giành được kinh nghiệm và sự thấu hiểu tinh thần của riêng mình.

Theosophy teaches that every man has tremendous spiritual power at his disposal. This power, he can discover and release both for his own regeneration and for the regeneration of the race. He who discovers and radiates this inner force becomes as a pillar of light in both the spiritual and the material worlds.

Thông Thiên Học dạy rằng mọi người đều có sức mạnh tinh thần to lớn theo ý mình. Sức mạnh này, y có thể khám phá và giải phóng cả cho sự tái sinh của chính mình và cho sự tái sinh của nhân loại. Người khám phá và phát ra mãnh lực bên trong này trở thành một cột trụ ánh sáng trong cả thế giới tinh thần và vật chất.

Theosophy inculcates in the student reverence for the Divine Life in all beings and in all things, reverence for those greater than

Thông Thiên Học thấm nhuần vào đạo sinh sự tôn kính đối với Sự Sống Thiêng Liêng trong tất cả chúng sinh và trong tất cả mọi thứ, sự

himself, reverence for every woman as mother or potential mother and preserver of the race, for every child as symbol of the Christ Child, 'for of such is the Kingdom of Heaven'.

tôn kính đối với những người vĩ đại hơn y, sự tôn kính đối với mọi phụ nữ với tư cách là người mẹ hoặc người mẹ tiềm năng và người bảo tồn nhân loại, đối với mọi đứa trẻ như là biểu tượng của Hài Đồng Christ, 'vì vương quốc thiên đàng thuộc về những người như vậy'.

Theosophy gives to each his own deeply religious faith consistent with scientific thought. This faith need not be blind. It can be founded upon direct inner experience and be therefore unshakeable.

Thông Thiên Học mang đến cho mỗi người đức tin tôn giáo sâu sắc của riêng y phù hợp với tư tưởng khoa học. Đức tin này không cần phải mù quáng. Nó có thể được xây dựng dựa trên kinh nghiệm nội tâm trực tiếp và do đó không thể lay chuyển.

Theosophy thus emancipates the spirit of man from the wall of suffocating dogmatism, which, upheld by formalism and the inculcation of fear, so long closed in upon that spirit and stifled its voice.

Thông Thiên Học giải phóng tinh thần của con người khỏi bức tường giáo điều ngột ngạt, vốn được duy trì bởi chủ nghĩa hình thức và sự thấm nhuần nỗi sợ hãi, vốn từ lâu đã khép kín tinh thần đó và bóp nghẹt tiếng nói của nó.

Theosophy strikes the note of spiritual and intellectual freedom and this great note The Theosophical Society sounds forth continually.

Thông Thiên Học đánh vào âm điệu của tự do tinh thần và trí tuệ và âm điệu tuyệt vời này Hội Thông Thiên Học liên tục vang lên.

Theosophy teaches the divinity of man as a spirit, the uniqueness of man as a soul and the freedom of man as a Personality. Yet within that uniqueness and that freedom exists the fact of unity. From realization of unity springs the greater love, the impersonal love for all that lives.

Thông Thiên Học dạy về thiên tính của con người như một tinh thần, tính độc nhất của con người như một linh hồn và sự tự do của con người như một phàm ngã. Tuy nhiên, bên trong tính độc nhất và sự tự do đó tồn tại sự thật về sự hợp nhất. Từ sự nhận ra sự hợp nhất nảy sinh tình thương lớn hơn, tình thương vô ngã dành cho tất cả những gì sống.

This impersonal and selfless love guides every thought and action of the true Theosophist. By it, he knows, the world and all within it will one day be set free from the darkness of ignorance, sorrow and pain.

Tình thương vô ngã và vị tha này dẫn dắt mọi suy nghĩ và hành động của một nhà Thông Thiên Học chân chính. Bởi nó, y biết, thế giới và mọi thứ bên trong nó một ngày nào đó sẽ được giải thoát khỏi bóng tối của sự ngu dốt, nỗi buồn và sự đau đớn.

To that great day of liberation the Theosophist looks. For it he works, confident that by his labours, and by the labours of all who love

Nhà Thông Thiên Học hướng đến ngày giải phóng vĩ đại đó. Vì nó mà y làm việc, tin tưởng rằng nhờ những nỗ lực của y, và nhờ những nỗ

their fellow men, the age of light, of brotherhood and of peace will dawn upon earth.

lực của tất cả những ai yêu thương đồng loại, kỷ nguyên ánh sáng, tình huynh đệ và hòa bình sẽ ló rạng trên trái đất.

In abundance, these riches of the mind and spirit Theosophy gives to the world.

Trong sự phong phú, những sự giàu có này của thể trí và tinh thần Thông Thiên Học mang đến cho thế giới.

The American Theosophist, Vol. 29, Issue 1, January 1941, p. 18

The American Theosophist, Vol. [29], Issue [1], January [1941], p. [18]

43

A Case of Mistaken Identity—*Một Trường Hợp Nhầm Lẫn Danh Tính*

The Spirit which is man becomes clothed with material vehicles, the densest of which is physical; when awake on earth normally, knowing no other identity, man identifies himself with his named physical person with skin coloured according to Race.

Tinh Thần vốn là con người trở nên khoác lên mình những vận cụ vật chất, đậm đặc nhất trong số đó là thể xác; khi tỉnh thức trên trái đất một cách bình thường, không biết đến bất kỳ danh tính nào khác, con người đồng hóa mình với con người thể xác được đặt tên với màu da theo Chủng Tộc.

The truth is that he is in no way actually identifiable with his bodily self; for this is only a garment which he assumes during prenatal life and wears throughout his life until death frees him.

Sự thật là y hoàn toàn không thể xác định được với bản thân thể xác của mình; vì đây chỉ là một chiếc áo choàng mà y khoác lên trong suốt cuộc đời trước khi sinh và mặc trong suốt cuộc đời cho đến khi cái chết giải thoát y.

One very serious effect of this erroneous self-identification with his body is the delusion that he himself is separate and different from his fellow men. The fact is, however, that the true Self in every human being is a manifestation of the One Universal, Eternal Life, which is the same in all men.

Một tác động rất nghiêm trọng của việc tự đồng nhất sai lầm này với cơ thể của y là ảo tưởng rằng bản thân y tách biệt và khác biệt với đồng loại. Tuy nhiên, sự thật là Chân Ngã đích thực trong mỗi con người là một biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất, Phổ Quát, Vĩnh Cửu, vốn giống nhau ở tất cả mọi người.

Ignorant of this fact, man thinks of himself and names himself according to his garment of flesh whilst actually he is only its wearer. If he is to have a name at all it should be 'Wearer' and not Mr Smith, Jones or Robinson.

Không biết sự thật này, con người nghĩ về bản thân và gọi tên mình theo chiếc áo choàng xác thịt của mình trong khi thực tế y chỉ là người mặc nó. Nếu y phải có một cái tên nào đó thì nó phải là 'Người Mặc' chứ không phải ông Smith, Jones hay Robinson.

The vast majority of people thus wander

Đại đa số mọi người do đó lang thang trên trái

about on earth, self-identified with their saris, dresses and suits, etc., when in fact they are merely the wearers thereof.

All the sorrows of man arise from such error, as do all wars and all crimes, and the correction of this mistake is a project of first importance; for unless this is achieved by a sufficient number, the above mentioned horrors and sorrows will remain unpreventable and incurable.

Dr Radhakrishnan (former President of India) wrote: 'So long as we feel ourselves to have individualities of our own, we will be beset with conflicts and contradictions, pain and pleasure, but when once we disinterestedly give ourselves up to the Whole, there is an end to all discord. There are people who have transcended the delusion of self-separateness. They are called mystics. What is a mystic? The mystic, feeling the unity of himself and the Universe, lives in spirit, and is no more a separate self-centred individual, but a vehicle of universal spirit. These are rare and precious souls'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 4, 1981, p. 78

44

Ahimsa

The Sanskrit word for compassion is *Ahimsa,* meaning 'harmlessness' or not hurting. This quality is regarded as one of very great importance since it is believed that the first step in the regeneration of man must be to eliminate cruelty. Therefore wise sages prescribed *Ahimsa,* which was regarded by them as the most effective master-method to counteract and eradicate the brutal

đất, tự đồng nhất mình với saris, váy và bộ quần áo của họ, v.v., trong khi thực tế họ chỉ là người mặc chúng.

Tất cả những nỗi buồn của con người nảy sinh từ sai lầm như vậy, cũng như tất cả các cuộc chiến tranh và tất cả các tội ác, và việc sửa chữa sai lầm này là một dự án có tầm quan trọng hàng đầu; vì trừ khi điều này đạt được bởi một số lượng đủ lớn, những nỗi kinh hoàng và nỗi buồn nói trên sẽ vẫn không thể ngăn ngừa và chữa khỏi.

Tiến sĩ Radhakrishnan (cựu Tổng thống Ấn Độ) đã viết: 'Chừng nào chúng ta còn cảm thấy mình có những cá tính riêng, chúng ta sẽ bị bao vây bởi những xung đột và mâu thuẫn, đau khổ và khoái lạc, nhưng một khi chúng ta vô tư hiến mình cho Toàn Thể, thì sẽ chấm dứt mọi bất hòa. Có những người đã vượt qua ảo tưởng về sự tách biệt của bản thân. Họ được gọi là nhà thần bí. Nhà thần bí là gì? Nhà thần bí, cảm nhận được sự hợp nhất của bản thân và Vũ Trụ, sống trong tinh thần, và không còn là một cá nhân vị kỷ riêng biệt, mà là một vận cụ của tinh thần vũ trụ. Đây là những linh hồn hiếm có và quý giá'.

Theosophy in New Zealand, Vol. [42], No. [4], [1981], p. [78]

44

Ahimsa

Từ tiếng Phạn cho lòng trắc ẩn là Ahimsa, có nghĩa là 'vô tổn hại' hay không gây tổn thương. Phẩm chất này được coi là một trong những phẩm chất rất quan trọng vì người ta tin rằng bước đầu tiên trong sự tái sinh của con người phải là loại bỏ sự tàn ác. Do đó, các nhà hiền triết khôn ngoan đã quy định Ahimsa, vốn được họ coi là phương pháp bậc thầy hiệu quả nhất để chống lại và loại bỏ những khuynh

tendencies in man.

hướng tàn bạo trong con người.

The practice of *Ahimsa* develops universal love which is pure love. Where there is *Ahimsa* there is compassion and selfless service. *Ahimsa* is said to be the noblest and best of traits that are found expressed in the daily life and activities of perfected beings. *Ahimsa* is the one sure means to attain salvation for mankind and to enjoy uninterrupted peace and bliss, for man attains peace injuring no living creature.

Việc thực hành Ahimsa phát triển tình thương phổ quát vốn là tình thương thuần khiết. Nơi nào có Ahimsa, nơi đó có lòng trắc ẩn và sự phụng sự vô ngã. Ahimsa được cho là phẩm chất cao quý và tốt đẹp nhất được thể hiện trong cuộc sống và các hoạt động hàng ngày của những chúng sinh hoàn thiện. Ahimsa là phương tiện chắc chắn duy nhất để đạt được sự cứu rỗi cho nhân loại và để tận hưởng sự bình an và hạnh phúc liên tục, vì con người đạt được sự bình an khi không làm tổn thương bất kỳ sinh vật sống nào.

Actually it is taught that there is but one religion—the religion of love, of true kindness, of peace. There is but one message, the message of *Ahimsa* which is the highest duty of man. *Ahimsa,* or refraining from causing pain to any living creature, is thus a distinctive quality emphasized by Indian ethics, and has been the central doctrine of Indian culture from the earliest days of its history. Throughout that time *Ahimsa,* or non-violence has proved to be a great spiritual force.

Trên thực tế, người ta dạy rằng chỉ có một tôn giáo—tôn giáo của tình thương, của lòng tốt thực sự, của hòa bình. Chỉ có một thông điệp, thông điệp của Ahimsa vốn là nhiệm vụ cao cả nhất của con người. Ahimsa, hay kiềm chế gây đau đớn cho bất kỳ sinh vật sống nào, do đó là một phẩm chất đặc biệt được đạo đức Ấn Độ nhấn mạnh, và là học thuyết trung tâm của văn hóa Ấn Độ từ những ngày đầu lịch sử của nó. Trong suốt thời gian đó, Ahimsa, hay bất bạo động đã chứng tỏ là một mãnh lực tinh thần vĩ đại.

Ahimsa is not merely non-killing, however. In its comprehensive meaning, non-injury means entire abstinence from causing any pain or harm whatsoever to any living creature, either by thought, word, or deed. Non-injury demands a harmless mind, mouth, and hands. Thus *Ahimsa* is not mere negative non-injury; it is positive Cosmic Love. It arises from development of the mental attitude in which hatred is replaced by love.

Tuy nhiên, Ahimsa không chỉ đơn thuần là không giết chóc. Trong ý nghĩa toàn diện của nó, không gây tổn thương có nghĩa là hoàn toàn kiêng gây ra bất kỳ đau đớn hoặc tổn hại nào cho bất kỳ sinh vật sống nào, bằng suy nghĩ, lời nói hoặc hành động. Không gây tổn thương đòi hỏi một thể trí, miệng và tay vô tổn hại. Do đó, Ahimsa không chỉ là không gây tổn thương tiêu cực đơn thuần; nó là Tình Thương Vũ Trụ tích cực. Nó nảy sinh từ sự phát triển của thái độ trí tuệ trong đó sự thù hận được thay thế bằng tình thương.

The need is most urgent. A deep disharmony exists in the world and it is being continually deepened. Horrid discord reigns on earth.

Nhu cầu là cấp bách nhất. Một sự bất hòa sâu sắc tồn tại trên thế giới và nó liên tục bị đào sâu. Sự bất hòa kinh khủng ngự trị trên trái

Uncountable millions of human beings and many more millions of animals have suffered, now suffer, and inevitably will suffer and die unnecessarily, in great pain and at tremendous financial cost. A state of emergency exists, as world statistics of premature mortality, disease, famine, and 'accident' unmistakably demonstrate. Blood guilt and bloodstain must be removed from the conscience and soul and life of man. As long as cruelty persists, spiritual progress is retarded, spiritual activity hampered, and every reform is delayed by obstacles created by man himself.

đất. Hàng triệu triệu con người và nhiều triệu triệu động vật khác đã phải chịu đựng, hiện đang phải chịu đựng, và chắc chắn sẽ phải chịu đựng và chết một cách không cần thiết, trong đau đớn tột độ và với chi phí tài chính to lớn. Một tình trạng khẩn cấp tồn tại, như thống kê thế giới về tỷ lệ tử vong sớm, bệnh tật, nạn đói và 'tai nạn' đã chứng minh một cách không thể nhầm lẫn. Tội lỗi và vết máu phải được loại bỏ khỏi lương tâm và linh hồn và cuộc sống của con người. Chừng nào sự tàn ác còn tồn tại, sự tiến bộ tinh thần bị trì trệ, hoạt động tinh thần bị cản trở, và mọi cải cách đều bị trì hoãn bởi những trở ngại do chính con người tạo ra.

Individual humaneness and healthy living are magnificent first steps towards a solution of this world problem. Active societies advocating these three essentials to health and happiness render far-reaching service to the human race. Means must immediately be found to strengthen them and to increase their effectiveness. The gospels of humaneness, food reform, and the healthy life must be spread throughout the whole world with ever greater diligence and efficiency. Totality of attack is, I submit, urgently demanded.

Lòng nhân ái cá nhân và cuộc sống lành mạnh là những bước đầu tiên tuyệt vời hướng tới một giải pháp cho vấn đề thế giới này. Các hội tích cực ủng hộ ba yếu tố thiết yếu này cho sức khỏe và hạnh phúc mang lại sự phụng sự sâu rộng cho nhân loại. Các phương tiện phải được tìm thấy ngay lập tức để củng cố chúng và tăng hiệu quả của chúng. Phúc âm về lòng nhân ái, cải cách thực phẩm và cuộc sống lành mạnh phải được lan truyền trên toàn thế giới với sự siêng năng và hiệu quả ngày càng cao. Tôi xin trình bày rằng, sự tấn công toàn diện là rất cần thiết.

The inculcation of humaneness must especially be accepted as an essential part of education. The child must have kindness and co-operation, not cruelty and competition, insistently taught by example and precept at home and at school. Humane education will produce a humane humanity. Humanitarianism is essential to world peace and human health and happiness. In the coming age, it is proclaimed, world unity, world co-operation, and world wide humaneness will be accepted ideals.

Việc thấm nhuần lòng nhân ái phải đặc biệt được chấp nhận như một phần thiết yếu của giáo dục. Đứa trẻ phải được dạy về lòng tốt và sự hợp tác, không phải sự tàn ác và cạnh tranh, một cách kiên quyết bằng tấm gương và lời dạy ở nhà và ở trường. Giáo dục nhân văn sẽ tạo ra một nhân loại nhân văn. Chủ nghĩa nhân đạo là điều cần thiết cho hòa bình thế giới và sức khỏe và hạnh phúc của con người. Trong kỷ nguyên sắp tới, người ta tuyên bố, sự hợp nhất thế giới, sự hợp tác thế giới và lòng nhân ái trên toàn thế giới sẽ được chấp nhận là những lý tưởng.

Theosophy in Australia, Vol. 60, Issue 4, April

Theosophy in Australia, Vol. [60], Issue [4],

45

All Life is One—*Tất Cả Sự Sống Là Một*

An inner secret knowledge of the unity of all that lives, abides in the heart of every human being. This is the bond between man and man that in their spiritual Selves all recognize and reverence the Presence of the one Divine life in all Creation and so in all mankind.

Một tri thức bí mật nội tại về sự hợp nhất của tất cả những gì sống, tồn tại trong trái tim của mỗi con người. Đây là mối liên kết giữa người và người mà trong Chân Ngã tinh thần của họ, tất cả đều nhận ra và tôn kính Sự Hiện Diện của sự sống Thiêng Liêng duy nhất trong tất cả Tạo Hóa và do đó trong tất cả nhân loại.

The evolution of human consciousness from the restrictions of the formal mind into the increasingly universal outlook of the abstract intellect inevitably reveals this intimate spiritual unity between the Inner selves of all humanity. This development is now occurring and is reflected physically in the movement towards world co-operation and in the attempts in the present era to establish on earth a Federation of Nations.

Sự tiến hóa của tâm thức con người từ những hạn chế của trí cụ thể vào cái nhìn ngày càng phổ quát của trí trừu tượng chắc chắn sẽ tiết lộ sự hợp nhất tinh thần mật thiết này giữa Chân Ngã Nội Tại của toàn thể nhân loại. Sự phát triển này hiện đang xảy ra và được phản ánh về mặt thể chất trong phong trào hướng tới sự hợp tác thế giới và trong những nỗ lực trong kỷ nguyên hiện tại để thiết lập trên trái đất một Liên Đoàn các Quốc Gia.

This universalization of consciousness and this interblending of peoples are destined to continue. The sense of human Individuality will decline as the ages pass and at the same time the sense of physical separated nationhood will decrease. A Federation of Nations is but a preliminary to the reduction of nationhood itself to increasing subservience to the ideal of world citizenship and world brotherhood. Any nation which deliberately resists this process, which enjoins upon its peoples an intensification of the sense and action of insular nationalism is both delaying the progress of humanity towards the realization of world unity and sowing the seeds of tribulation for itself.

Sự phổ quát hóa tâm thức này và sự pha trộn lẫn nhau giữa các dân tộc này được định sẵn sẽ tiếp tục. Ý thức về Tính Cá Nhân của con người sẽ suy giảm khi các thời đại trôi qua và đồng thời ý thức về quốc gia bị chia cắt về mặt thể chất sẽ giảm đi. Một Liên Đoàn các Quốc Gia chỉ là một bước sơ bộ để giảm bản thân quốc gia xuống sự phục tùng ngày càng tăng đối với lý tưởng về quyền công dân thế giới và tình huynh đệ thế giới. Bất kỳ quốc gia nào cố tình chống lại quá trình này, vốn áp đặt lên người dân của mình sự tăng cường ý thức và hành động của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đều đang trì hoãn sự tiến bộ của nhân loại hướng tới việc hiện thực hóa sự hợp nhất thế giới và gieo rắc những hạt giống đau khổ cho chính mình.

One world, one humanity, one family, one brotherhood is indeed the truth concerning

Một thế giới, một nhân loại, một gia đình, một tình huynh đệ thực sự là sự thật liên quan đến

the human race on this planet and the sooner that this truth is recognized and ratified in action the sooner will world peace, world prosperity and world happiness be established on earth.

chủng tộc người trên hành tinh này và càng sớm nhận ra và phê chuẩn sự thật này trong hành động thì hòa bình thế giới, sự thịnh vượng thế giới và hạnh phúc thế giới sẽ càng sớm được thiết lập trên trái đất.

The Brotherhood of man extends not only as a wondrous bridge across the widest seas on earth; it reaches from globe to globe and star to star. If men there be in other worlds out in the star-strewn space, then those men are the brothers of earth's humanity. For the Universal Divine Spirit present in all men on all planets, all Solar Systems and all Universes makes them one. The all-pervading Divine Life in all men throughout the Cosmos binds them in bonds indissoluble. The one Divine Intelligence directing all brings them to the one great goal of conscious union with the Supreme.

Tình Huynh Đệ của con người không chỉ mở rộng như một cây cầu kỳ diệu bắc qua những vùng biển rộng lớn nhất trên trái đất; nó vươn từ bầu hành tinh này đến bầu hành tinh khác và từ ngôi sao này đến ngôi sao khác. Nếu có những người ở những thế giới khác ngoài không gian đầy sao, thì những người đó là anh em của nhân loại trên trái đất. Vì Tinh Thần Thiêng Liêng Phổ Quát hiện diện trong tất cả mọi người trên tất cả các hành tinh, tất cả các Hệ Mặt Trời và tất cả các Vũ Trụ khiến họ trở thành một. Sự Sống Thiêng Liêng bao trùm tất cả trong tất cả mọi người trên khắp Vũ Trụ gắn kết họ trong những mối liên kết không thể hòa tan. Trí Tuệ Thiêng Liêng duy nhất chỉ đạo tất cả đưa họ đến mục tiêu vĩ đại duy nhất là sự hợp nhất có ý thức với Đấng Tối Cao.

Since it is Divine and omnipresent, the One Life renders all things sacred; sanctifies all substance, fills all form with holiness, and bestows upon all beings the sign and mark of Divinity.

Vì nó là Thiêng Liêng và hiện diện khắp nơi, Sự Sống Duy Nhất khiến mọi thứ trở nên thiêng liêng; thánh hóa tất cả chất liệu, lấp đầy tất cả hình tướng bằng sự thánh thiện, và ban cho tất cả chúng sinh dấu hiệu và dấu ấn của Thiên Tính.

Humanity has forgotten its essential oneness. The human race must be helped to remember and acknowledge its family relationship. There cannot be full success in post-war world-reconstruction apart from man's recognition of the oneness of all Life and his acknowledgment of the Universal Brotherhood of man.

Nhân loại đã quên đi sự hợp nhất thiết yếu của nó. Chủng tộc người phải được giúp đỡ để nhớ lại và thừa nhận mối quan hệ gia đình của nó. Không thể có thành công trọn vẹn trong công cuộc tái thiết thế giới sau chiến tranh nếu không có sự công nhận của con người về tính đồng nhất của tất cả Sự Sống và sự thừa nhận của y về Tình Huynh Đệ Phổ Quát của con người.

Recognition of and reverence for the Divine is the heart of the religion of every age. To lead mankind to recognition of the Presence of God

Sự công nhận và tôn kính Đấng Thiêng Liêng là trái tim của tôn giáo của mọi thời đại. Dẫn dắt nhân loại đến sự công nhận Sự Hiện Diện

and to awaken in mankind the spiritual vision upon which alone that recognition depends is the true purpose of all religion. The fulfilment of this purpose is all-important at this time; for recognition of unity is the sovereign remedy for every ill, its ratification in action the universal panacea.

của Thượng đế và đánh thức trong nhân loại tầm nhìn tinh thần mà chỉ dựa vào đó sự công nhận mới phụ thuộc vào đó là mục đích thực sự của tất cả các tôn giáo. Việc hoàn thành mục đích này là vô cùng quan trọng vào thời điểm này; vì sự công nhận sự hợp nhất là phương thuốc tối thượng cho mọi tệ nạn, sự phê chuẩn của nó trong hành động là phương thuốc vạn năng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 9, No. 2, 1948, p. 48

Theosophy in New Zealand, Vol. [9], No. [2], [1948], p. [48]

46

The World of the Occult [1]—*Thế Giới Huyền Bí [1]*

Who Reincarnates?

The Ego of man is said to be a vehicle for his Monad in somewhat the same way in which the Personality is a vehicle for the Ego.

The question, therefore, arises as to which part of man is actually present in the physical body during earth life.

In Theosophy man is described as being triple —the outer, personal, mortal man; the inner, reincarnating Spiritual Soul which we call the Ego; and the still higher, finer Self, the Spark of the Divine Flame, the Scintilla of the Spiritual Sun, the Dweller in the Innermost, called in philosophy the Monad or the One. Thus there exists the inner, highest spiritual consciousness, the Monad; the reincarnating Spiritual Soul of Will, Wisdom and Intelligence; and the outer, bodily man consisting of mind, emotion, vitality and flesh. Actually the Monad and the Ego cannot be regarded as separate, since the Ego is but a manifestation of a ray of the Monad. Therefore you find some writers using the term 'Monad-Ego'. It is the Monad-Ego of man

Ai Tái Sinh?

Người ta nói rằng Chân Ngã của con người là một vận cụ cho Chân Thần của y theo cách tương tự như cách phàm ngã là một vận cụ cho Chân Ngã.

Do đó, câu hỏi đặt ra là phần nào của con người thực sự hiện diện trong thể xác trong suốt cuộc đời trên trái đất.

Trong Thông Thiên Học, con người được mô tả là tam phân—con người bên ngoài, cá nhân, phàm nhân; Linh Hồn Tinh Thần tái sinh bên trong mà chúng ta gọi là Chân Ngã; và Chân Ngã cao hơn, tốt đẹp hơn, Tia Lửa của Ngọn Lửa Thiêng Liêng, Tia Sáng của Mặt Trời Tinh Thần, Kẻ Chận Ngõ trong Sâu Thẳm Nhất, được gọi trong triết học là Chân Thần hay Đấng Duy Nhất. Do đó, tồn tại tâm thức tinh thần cao nhất bên trong, Chân Thần; Linh Hồn Tinh Thần tái sinh của Ý Chí, Minh Triết và Trí Tuệ; và con người thể xác bên ngoài bao gồm thể trí, cảm xúc, sinh lực và xác thịt. Trên thực tế, Chân Thần và Chân Ngã không thể được coi là tách biệt, vì Chân Ngã chỉ là một biểu hiện của một tia của Chân Thần. Do đó, bạn thấy một số nhà văn sử dụng thuật ngữ 'Chân

which is making the great pilgrimage to perfection and which is continually reborn. I must here add that Man-Spirit, or the Monad, is in no sense different or separate from God-Spirit, or the Monad of the Universe. In one sense man has no separate, individually possessed portion of pure Spirit which belongs to him alone. His Spirit is but a ray of Universal Spirit, with which the spiritual Selves of all men are equally interfused. This is, however, not merely a doctrine concerning man; it is also an experience to be entered into, a direct knowledge to be gained, an illumination which is within the reach of those who will seek it ardently and by the proper means. Cosmic consciousness is one name for this direct experience of the unity and the identity of the Spirit of man with the Spirit of the universe, man with God.

Thần-Chân Ngã'. Chính Chân Thần-Chân Ngã của con người đang thực hiện cuộc hành hương vĩ đại đến sự hoàn hảo và liên tục được tái sinh. Ở đây tôi phải nói thêm rằng Nhân-Tinh Thần, hay Chân Thần, không có nghĩa là khác biệt hoặc tách biệt với Thượng đế-Tinh Thần, hay Chân Thần của Vũ Trụ. Theo một nghĩa nào đó, con người không có phần Tinh Thần thuần khiết riêng biệt, thuộc sở hữu cá nhân, chỉ thuộc về y. Tinh Thần của y chỉ là một tia của Tinh Thần Phổ Quát, mà Chân Ngã tinh thần của tất cả mọi người đều được hòa quyện một cách bình đẳng. Tuy nhiên, đây không chỉ là một học thuyết liên quan đến con người; nó cũng là một kinh nghiệm cần phải tham gia vào, một tri thức trực tiếp cần đạt được, một sự soi sáng nằm trong tầm tay của những người sẽ tìm kiếm nó một cách nhiệt thành và bằng những phương tiện thích hợp. Tâm thức vũ trụ là một tên gọi cho kinh nghiệm trực tiếp này về sự hợp nhất và sự đồng nhất của Tinh Thần của con người với Tinh Thần của vũ trụ, con người với Thượng đế.

Proof of Reincarnation

Evidence for reincarnation of many kinds can be discovered but can hardly be regarded as final demonstrable proof. There are people who, when describing a remembered past life, correctly relate historical events concerning which they could not otherwise have been aware. This is strong evidence—and there are many such cases—but it is not proof. Accurate clairvoyance could reveal the same facts. The unusual powers of child geniuses and prodigies are only explained in terms of logic by the fact of the Ego having brought over from preceding lives an acquired and highly developed faculty. Instinct, antipathy and sympathy without obvious reason are also said to be the results of such memories, but they are not proofs.

Bằng Chứng Về Sự Tái Sinh

Bằng chứng về sự tái sinh của nhiều loại có thể được khám phá nhưng khó có thể được coi là bằng chứng cuối cùng có thể chứng minh được. Có những người, khi mô tả một kiếp trước đã nhớ lại, đã kể lại chính xác các sự kiện lịch sử liên quan đến những điều mà họ không thể biết được bằng cách khác. Đây là bằng chứng mạnh mẽ—và có rất nhiều trường hợp như vậy—nhưng nó không phải là bằng chứng. Sự thông nhãn chính xác có thể tiết lộ những sự thật tương tự. Những khả năng khác thường của những thiên tài và thần đồng trẻ tuổi chỉ được giải thích theo logic bằng sự thật là Chân Ngã đã mang từ những kiếp trước một khả năng đã được trau dồi và phát triển cao. Bản năng, ác cảm và thiện cảm mà không có lý do rõ ràng cũng được cho là kết quả của những

ký ức như vậy, nhưng chúng không phải là bằng chứng.

I personally think that one of the strongest supporting evidences for rebirth is the existence of masculine types of women and feminine types of men, both common phenomena. The masculine type of woman may have been a man in a previous life, still retaining the attributes, the impression and the tendencies of masculinity. Similarly, feminine types of men were, perhaps, women in the past and possibly in more than one immediately preceding life. These again, however, are only evidences and not demonstrable proofs.

Cá nhân tôi nghĩ rằng một trong những bằng chứng hỗ trợ mạnh mẽ nhất cho sự tái sinh là sự tồn tại của những phụ nữ có tính cách đàn ông và những người đàn ông có tính cách phụ nữ, cả hai đều là những hiện tượng phổ biến. Người phụ nữ có tính cách đàn ông có thể đã là đàn ông trong một kiếp trước, vẫn giữ lại những thuộc tính, ấn tượng và khuynh hướng của nam tính. Tương tự, những người đàn ông có tính cách nữ tính có lẽ là phụ nữ trong quá khứ và có thể trong nhiều hơn một kiếp sống ngay trước đó. Tuy nhiên, đây chỉ là những bằng chứng chứ không phải là những bằng chứng có thể chứng minh được.

The only personal proof is one's own direct recollection or Egoic awareness of one's own past lives, just as one is aware of yesterday. Even then, as in all metaphysical and spiritual realizations, such experiences can only be true to one's own consciousness. They are proof to the illumined one, but that proof cannot be demonstrably conveyed to another. Words may describe such discovered truth, philosophers, poets and artists may portray it, but it is the inner experience alone which is final demonstration and proof of its truthfulness. So I must answer you—'No, I do not think that Reincarnation, or even the Life after Death, can be externally demonstrated beyond all possibility of doubt'.

Bằng chứng cá nhân duy nhất là ký ức trực tiếp của một người hoặc nhận thức chân ngã về những kiếp sống quá khứ của chính mình, giống như người ta nhận thức được ngày hôm qua. Ngay cả khi đó, như trong tất cả các nhận thức về tinh thần và siêu hình học, những trải nghiệm như vậy chỉ có thể đúng với tâm thức của chính một người. Chúng là bằng chứng cho người được soi sáng, nhưng bằng chứng đó không thể được truyền đạt một cách chứng minh cho người khác. Lời nói có thể mô tả sự thật đã được khám phá như vậy, các triết gia, nhà thơ và nghệ sĩ có thể miêu tả nó, nhưng chỉ có trải nghiệm nội tâm mới là sự chứng minh cuối cùng và bằng chứng về tính chân thật của nó. Vì vậy, tôi phải **trả lời** bạn —'Không, tôi không nghĩ rằng Luân hồi, hoặc thậm chí là Cuộc sống sau cái chết, có thể được chứng minh từ bên ngoài vượt quá mọi khả năng nghi ngờ'.

Though at first thought this may appear to be somewhat disheartening, there could, I suggest, be much value in the limitation; for it forces upon each sincere seeker for truth the necessity of finding his or her own light, of

Mặc dù thoạt đầu điều này có vẻ hơi nản lòng, nhưng tôi cho rằng có thể có nhiều giá trị trong sự hạn chế; vì nó buộc mỗi người tìm kiếm chân lý chân thành phải tìm thấy ánh sáng của riêng mình, thiết lập bản thân trong

establishing oneself in a faith which, being founded upon direct, first-hand, interior experience, is unshakeable. This attainment of interior light, and perhaps still more, the effort made in reaching it, are of the greatest possible value in the development of the human mind and intuitive faculty.

một đức tin, vốn được xây dựng trên trải nghiệm nội tâm trực tiếp, tận mắt, là không thể lay chuyển. Việc đạt được ánh sáng nội tâm này, và có lẽ hơn thế nữa, nỗ lực thực hiện để đạt được nó, có giá trị lớn nhất có thể trong sự phát triển của thể trí con người và khả năng trực giác.

The True Self and Its Former Lives

Bản Ngã Chân Thực và Những Kiếp Sống Trước Đây Của Nó

In considering the subject of reincarnation in general, and more especially, of the memory of former lives, it is important to remember that the true identity of man is not his named Personality. Rather it is the Self the mind or thinker who is employing the brain, that something which definitely is not the bodily self but of which, in one ' s higher moments, one becomes aware. Are we that in us which is time-free and sometimes seems to be all-knowing, from which on occasions there descends a kind of fiery power and knowledge which can make the named person immortal? Theosophy says it is that inner Individuality of power and wisdom and fire, the immortal genius within, which is the true Self, and that it is this Inner Self—not the outer man—which reincarnates.

Khi xem xét chủ đề luân hồi nói chung, và đặc biệt hơn, về ký ức về những kiếp sống trước đây, điều quan trọng cần nhớ là bản sắc thực sự của con người không phải là phàm ngã được đặt tên của y. Thay vào đó, đó là Bản Ngã, thể trí hay người tư duy đang sử dụng bộ não, một thứ gì đó chắc chắn không phải là bản ngã thể xác mà là thứ mà trong những khoảnh khắc cao thượng hơn của một người, người ta nhận thức được. Có phải chúng ta là thứ ở trong chúng ta vốn vượt thời gian và đôi khi dường như là toàn tri, từ đó đôi khi giáng xuống một loại sức mạnh và tri thức rực lửa vốn có thể làm cho người được đặt tên trở nên bất tử? Thông Thiên Học nói rằng đó là Tính Cá Nhân bên trong của sức mạnh, minh triết và ngọn lửa, thiên tài bất tử bên trong, vốn là Bản Ngã chân thực, và chính Bản Ngã Bên Trong này—chứ không phải con người bên ngoài—tái sinh.

The author of the book narrating some thirty lives of Krishnamurti, C. W. Leadbeater, does not name it *The Lives of Krishnamurti;* he gives the Ego a star name, *Alcyone.* So the book is not a record of the past lives of the Indian philosopher and teacher known to his fellows as Jiddu Krishnamurti, but of the former lives of the fragment of the Divine Self of the Universe of which Jiddu Krishnamurti is a modern manifestation. Actually, each one of us has an Egoic name in addition to this physical name by which we are known down here. This spiritual name is probably a

Tác giả của cuốn sách kể về khoảng ba mươi kiếp sống của Krishnamurti, Ông C. W. Leadbeater, không đặt tên nó là Những Kiếp Sống của Krishnamurti; Ông đặt cho chân ngã một tên sao, Alcyone. Vì vậy, cuốn sách không phải là một bản ghi lại về những kiếp sống quá khứ của nhà triết học và giáo viên người Ấn Độ được những người đồng nghiệp của Ông biết đến với cái tên Jiddu Krishnamurti, mà là về những kiếp sống trước đây của một phần Bản Ngã Thiêng Liêng của Vũ Trụ mà Jiddu Krishnamurti là một biểu hiện hiện đại. Trên thực tế, mỗi người chúng ta đều có một tên

wonderfully beautiful chord, every note of which is expressive of an inherent power and developed attribute and faculty, a chord or name which is growing fuller and richer as life follows life. It is this, the Inner Ruler Immortal with its spiritual name, which reincarnates.

chân ngã ngoài tên thể xác này mà chúng ta được biết đến ở đây. Tên tinh thần này có lẽ là một hợp âm tuyệt đẹp, mọi nốt nhạc đều thể hiện một sức mạnh vốn có và thuộc tính và khả năng đã phát triển, một hợp âm hoặc tên đang trở nên đầy đủ và phong phú hơn khi cuộc sống tiếp nối cuộc sống. Chính điều này, Đấng Thống Trị Bất Tử Bên Trong với tên tinh thần của Ngài, tái sinh.

Theosophy in New Zealand, Vol. 19, No. 3, 1958, p. 38

Theosophy in New Zealand, Tập 19, Số 3, 1958, tr. 38

47

Studies in Occultism [1]—*Studies in Occultism [1]*

A. Can the Future be Foretold?

Accurate prophecy is said sometimes to be the result of a flash of the energy and the consciousness of the Inner Self which temporarily illumines the physical brain. A simple analogy will help us. A man walking on the ground, perhaps in a hollow, can only see for a limited distance in any direction. His present range of view may be one hundred yards in diameter all around him. Now, a man in an aeroplane, three thousand feet or more above the ground, could see that walker and the country all round him. The present time of this second person would include both the past and the future of the man below in the hollow. The aeronaut might see thirty miles ahead and thirty miles behind the walker. He will know that if the man goes on walking he will reach a wood, then a bridge, then the main road, then a valley, all of which is in a future that has not yet occurred for this man on the ground.

Tương Lai Có Thể Được Báo Trước Không?

Lời tiên tri chính xác đôi khi được cho là kết quả của một tia năng lượng và tâm thức của Bản Ngã Bên Trong tạm thời soi sáng bộ não thể xác. Một phép loại suy đơn giản sẽ giúp chúng ta. Một người đàn ông đi bộ trên mặt đất, có lẽ là trong một hốc, chỉ có thể nhìn thấy một khoảng cách giới hạn theo bất kỳ hướng nào. Phạm vi xem hiện tại của y có thể là đường kính một trăm thước xung quanh y. Bây giờ, một người đàn ông trên máy bay, ở độ cao ba nghìn feet trở lên so với mặt đất, có thể nhìn thấy người đi bộ đó và vùng đất xung quanh y. Thời điểm hiện tại của người thứ hai này sẽ bao gồm cả quá khứ và tương lai của người đàn ông bên dưới trong hốc. Người điều khiển khí cầu có thể nhìn thấy ba mươi dặm phía trước và ba mươi dặm phía sau người đi bộ. Y sẽ biết rằng nếu người đàn ông tiếp tục đi bộ, y sẽ đến một khu rừng, sau đó là một cây cầu, sau đó là con đường chính, sau đó là một thung lũng, tất cả đều nằm trong một tương lai chưa xảy ra đối với người đàn ông này trên mặt đất.

These places are, however, all in the present for the man three thousand feet in the air. So, the Ego may be regarded somewhat as a high flying aeronaut, with a far greater area of now-ness and here-ness than the man on the ground. He can see that causes have been set going such as a certain man walking purposefully in a certain direction—and he will know that in due course resultant effects will follow.

Tuy nhiên, những địa điểm này đều nằm trong hiện tại đối với người đàn ông ở độ cao ba nghìn feet trên không. Vì vậy, chân ngã có thể được coi là một người điều khiển khí cầu bay cao, với một khu vực rộng lớn hơn nhiều về tính bây giờ và tính ở đây so với người đàn ông trên mặt đất. Ngài có thể thấy rằng những nguyên nhân đã được khởi động—chẳng hạn như một người đàn ông nào đó đang đi bộ có chủ đích theo một hướng nhất định—và Ngài sẽ biết rằng đến lượt nó, những kết quả tất yếu sẽ xảy ra.

Sometimes a man will receive a flash of this Egoic foreknowledge in his brain and so know in advance that a particular event will come to pass. This can hardly be referred to as either Reincarnation or Telepathy. Rather is it brain participation in the wider vision of the Inner Self. This pre-knowledge might be telepathically communicated to another person, but Telepathy was hardly its original cause.

Đôi khi một người sẽ nhận được một tia kiến thức trước chân ngã này trong bộ não của y và do đó biết trước rằng một sự kiện cụ thể sẽ xảy ra. Điều này khó có thể được gọi là Luân hồi hay Viễn cảm. Thay vào đó, đó là sự tham gia của bộ não vào tầm nhìn rộng lớn hơn của Bản Ngã Bên Trong. Kiến thức trước này có thể được truyền đạt bằng viễn cảm cho một người khác, nhưng Viễn cảm khó có thể là nguyên nhân ban đầu của nó.

B. INTERVALS BETWEEN LIVES

KHOẢNG THỜI GIAN GIỮA CÁC KIẾP SỐNG

The period spent in the intermediate worlds after death and before rebirth is probably governed by some major law, some great rhythm of Nature to which the evolutionary needs of each individual are adapted. There are said to be two main groups of Egos or Spiritual Souls of Men, one of which takes some fifteen hundred years between lives and the other from five to seven or eight hundred years, wide variation occurring within both groups. Other factors affect these periods. When certain cycles converge as at present, to make a series of crises on Earth, with all their magnificent opportunities for quickened evolutionary progress, I have heard it taught that as many people as possible are brought into incarnation, so that they may benefit from the critical conditions and have a chance

Khoảng thời gian được trải qua ở các cõi trung gian sau khi chết và trước khi tái sinh có lẽ được chi phối bởi một định luật lớn nào đó, một nhịp điệu vĩ đại nào đó của Tự Nhiên mà nhu cầu tiến hóa của mỗi cá nhân được điều chỉnh theo. Người ta nói rằng có hai nhóm chính của các chân ngã hoặc Linh Hồn Tinh Thần của Con Người, một nhóm mất khoảng một nghìn năm trăm năm giữa các kiếp sống và nhóm kia từ năm đến bảy hoặc tám trăm năm, sự khác biệt lớn xảy ra trong cả hai nhóm. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến những khoảng thời gian này. Khi một số chu kỳ hội tụ như hiện tại, để tạo ra một loạt các cuộc khủng hoảng trên Trái Đất, với tất cả những cơ hội tuyệt vời của chúng để tiến bộ tiến hóa nhanh chóng, tôi đã nghe dạy rằng càng nhiều người càng tốt được đưa vào hóa thân, để họ có thể

of making unusually rapid progress.

Another modification of the period between lives occurs when a certain stage or phase of evolution has been entered, at which the Inner Self is sufficiently strong and developed to be able to take its evolution into its own hands. It can then cause its Personality to live so intensely, so vividly and so actively as to make unusually rapid progress in a single life. This entry upon the Path, as it is called, could shorten the number of lives necessary to reach Adeptship. We cannot say with certainty, therefore, how many lives would be needed to achieve this, because the number is subject to modification according to planetary and racial circumstances and also to alteration by the individual. The number of seven hundred and seventy-seven has been hinted at, but this number can presumably be either increased or reduced according to the way the individual lives. Eventually the state of Adeptship is closely approached, and then the necessity for further lives is outgrown.

Theosophy in New Zealand, Vol. 17, No. 5 & 6, 1957, p. 1

hưởng lợi từ các điều kiện quan trọng và có cơ hội đạt được tiến bộ đặc biệt nhanh chóng.

Một sự sửa đổi khác về khoảng thời gian giữa các kiếp sống xảy ra khi một giai đoạn hoặc pha tiến hóa nhất định đã được nhập vào, tại đó Bản Ngã Bên Trong đủ mạnh và phát triển để có thể tự mình tiến hóa. Sau đó, nó có thể khiến phàm ngã của mình sống mãnh liệt, sống động và tích cực đến mức đạt được tiến bộ đặc biệt nhanh chóng trong một kiếp sống. Sự gia nhập vào Thánh Đạo này, như nó được gọi, có thể rút ngắn số lượng kiếp sống cần thiết để đạt đến địa vị chân sư. Do đó, chúng ta không thể nói chắc chắn cần bao nhiêu kiếp sống để đạt được điều này, bởi vì con số này có thể được sửa đổi theo hoàn cảnh hành tinh và chủng tộc và cũng có thể thay đổi bởi cá nhân. Con số bảy trăm bảy mươi bảy đã được gợi ý, nhưng con số này có lẽ có thể được tăng lên hoặc giảm đi tùy theo cách sống của cá nhân. Cuối cùng, trạng thái chân sư được tiếp cận gần, và sau đó sự cần thiết cho những kiếp sống tiếp theo sẽ không còn nữa.

Theosophy in New Zealand, Tập 17, Số 5 & 6, 1957, tr. 1

48

Studies in Occultism [2]—*Studies in Occultism [2]*

PREDESTINATION AND FREEWILL

The subject of predestination and freewill has deeply occupied the minds of scholars and students. Part of the Theosophical contribution to the solution of the apparent paradox would seem to be that there are at least two universal forces at work upon man under which he is virtually powerless. One of these is evolutionary pressure at all levels of his existence from within outwards such as that,

ĐỊNH MỆNH VÀ TỰ DO Ý CHÍ

Chủ đề về định mệnh và tự do ý chí đã chiếm giữ sâu sắc tâm trí của các học giả và sinh viên. Một phần đóng góp của Thông Thiên Học vào việc giải quyết nghịch lý rõ ràng dường như là có ít nhất hai lực lượng phổ quát tác động lên con người mà theo đó y hầu như bất lực. Một trong số này là áp lực tiến hóa ở mọi cấp độ tồn tại của y từ trong ra ngoài, chẳng hạn như áp lực này, ví dụ,

for example, which physically applied produces an oak from an acorn. The other force perpetually resolves into harmony all discordant editions, continually corrects imbalance.

được áp dụng về mặt thể chất tạo ra một cây sồi từ một hạt sồi. Lực lượng kia liên tục giải quyết thành sự hài hòa tất cả các phiên bản bất hòa, liên tục điều chỉnh sự mất cân bằng.

The principle of unfoldment under the irresistible pressure of a propellant energy operates from within the innermost essence of the universe, and the spiritual seeds or germs (Monads) of all beings. The process the maintenance of harmony is ceaselessly active throughout the universe and all it contains. This harmonization operates on man as a sequence of cause and effect, under which discordances created by his selfish and cruel actions, for example, are forcibly resolved and harmony is restored.

Nguyên tắc khai triển dưới áp lực không thể cưỡng lại của một năng lượng đẩy hoạt động từ bên trong bản chất sâu xa nhất của vũ trụ, và các hạt giống hoặc mầm tinh thần (chân thần) của tất cả chúng sinh. Quá trình duy trì sự hài hòa liên tục hoạt động khắp vũ trụ và mọi thứ nó chứa đựng. Sự hài hòa này hoạt động trên con người như một chuỗi nhân quả, theo đó những bất hòa do những hành động ích kỷ và tàn ác của y tạo ra, chẳng hạn, bị cưỡng bức giải quyết và sự hài hòa được phục hồi.

The Irresistible Forces

Các Lực Lượng Không Thể Cưỡng Lại

These two powers—unfoldment from less to more and reharmonization—operate irresistibly upon man, as upon all else that exists. Man can delay or hasten, but he cannot ultimately frustrate these two actions of the Cosmic Will. The operation the Universal Law of cyclic expansion and evolution is irresistible. In these two natural processes, man is helpless, in them predestined. In due course man as Monad must reach the stature of perfected and harmonized manhood. Similarly every human action, modified by subsequent actions, will inevitably bring about an exactly appropriate reaction upon the actor. In this man is indeed powerless, and predestined.

Hai sức mạnh này—khai triển từ ít đến nhiều và tái hài hòa—tác động không thể cưỡng lại lên con người, cũng như lên mọi thứ khác tồn tại. Con người có thể trì hoãn hoặc đẩy nhanh, nhưng cuối cùng y không thể cản trở hai hành động này của Ý Chí Vũ Trụ. Hoạt động của Định luật Phổ Quát về sự mở rộng và tiến hóa theo chu kỳ là không thể cưỡng lại. Trong hai quá trình tự nhiên này, con người bất lực, trong chúng đã được định trước. Đến lượt nó, con người với tư cách là chân thần phải đạt đến tầm vóc của nhân tính hoàn thiện và hài hòa. Tương tự, mọi hành động của con người, được sửa đổi bởi các hành động tiếp theo, chắc chắn sẽ mang lại một phản ứng hoàn toàn thích hợp đối với người thực hiện. Trong điều này, con người thực sự bất lực và đã được định trước.

This predestination need not in the least disturb the minds of those who become aware of it, for the simple reason that the two inner impulses—to expand and to harmonize—arise from within the Spirit Self of man which is

Sự định trước này không cần thiết phải làm xáo trộn tâm trí của những người nhận thức được nó, vì lý do đơn giản là hai xung lực bên trong—mở rộng và hài hòa—phát sinh từ bên trong Bản Ngã Tinh Thần của con người, vốn

identical with the Spirit-Self of the universe. Once the concept is removed of an external, controlling Deity separate from man, the sense of compulsion then vanishes, for if man is predestined, then he is self-destined, which removes all stigma from the fact. If man's future is pre-determined, then he himself is the only pre-determinator and, moreover, predestined by the action of his own free will.

đồng nhất với Bản Ngã Tinh Thần của vũ trụ. Một khi khái niệm về một Thượng đế kiểm soát bên ngoài tách biệt với con người bị loại bỏ, thì cảm giác bị ép buộc sẽ biến mất, vì nếu con người đã được định trước, thì y đã tự định trước, điều này loại bỏ mọi sự kỳ thị khỏi thực tế. Nếu tương lai của con người đã được định trước, thì chính y là người định trước duy nhất và hơn nữa, đã được định trước bởi hành động tự do ý chí của chính y.

Co-operate with the Inevitable

Hợp Tác Với Điều Tất Yếu

Perfect happiness is utterly certain for him if he voluntarily collaborates with these two Cosmic procedures—perpetual unfoldment and the maintenance of harmony. The man who orders his life to the end of the most harmonious and speedy evolutionary progress at all levels, will generate no friction and so find peace. The man who always acts harmoniously, never unnecessarily injuring any other being, and who within himself is ever harmonious and a harmoniser—is assured of freedom from the painful re-attuning process. He does not provoke the retaliation of the law. Ever deepening harmony and happiness will be his. A Greek proverb says: 'He who is obedient to the law, the Gods lead gently by the hand. Those who resist, they drive mercilessly'.

Hạnh phúc hoàn hảo là hoàn toàn chắc chắn cho y nếu y tự nguyện cộng tác với hai thủ tục Vũ Trụ này—sự khai triển vĩnh viễn và duy trì sự hài hòa. Người đàn ông sắp xếp cuộc sống của mình để đạt được sự tiến bộ tiến hóa hài hòa và nhanh chóng nhất ở mọi cấp độ, sẽ không tạo ra ma sát và do đó tìm thấy sự bình yên. Người đàn ông luôn hành động hài hòa, không bao giờ làm tổn thương bất kỳ chúng sinh nào khác một cách không cần thiết, và người mà bên trong mình luôn hài hòa và là một người hài hòa—được đảm bảo không bị quá trình điều chỉnh lại đau đớn. Y không kích động sự trả đũa của luật pháp. Sự hài hòa và hạnh phúc ngày càng sâu sắc sẽ là của y. Một câu tục ngữ Hy Lạp nói: 'Người tuân theo luật pháp, các vị Thần dẫn dắt nhẹ nhàng bằng tay. Những người chống lại, họ lái xe không thương tiếc'.

Thus, though fundamentally self-predestined, restriction and suffering are by no means inevitably pre-ordained for man. He creates them for himself and he can, therefore, do away with them for himself. In these ways man can be free and the Great Teachers who have visited mankind have, by both example and precept, shown him the way of freedom.

Do đó, mặc dù về cơ bản đã tự định trước, nhưng sự hạn chế và đau khổ không có nghĩa là chắc chắn đã được định trước cho con người. Y tạo ra chúng cho chính mình và do đó, y có thể loại bỏ chúng cho chính mình. Bằng những cách này, con người có thể được tự do và Các Huấn Sư Vĩ Đại đã đến thăm nhân loại đã, bằng cả ví dụ và giới luật, chỉ cho y con đường tự do.

The problem of predestination and free will

Vấn đề về định mệnh và tự do ý chí có lẽ có thể

may perhaps thus be regarded, and the apparent paradox which they seem to present be partially resolved. Other factors are, however, also involved.

Theosophy in New Zealand, Vol. 16, No. 3 & 4, 1956, p. 17

được xem xét như vậy, và nghịch lý rõ ràng mà chúng dường như trình bày được giải quyết một phần. Tuy nhiên, các yếu tố khác cũng liên quan.

Theosophy in New Zealand, Tập 16, Số 3 & 4, 1956, tr. 17

49

The Reincarnating Self of Man: A Study in Causal Consciousness—

As I understand there may be some members of the public present this evening, and perhaps some new members of our Theosophical Society not fully aware of our teachings of the nature of man, I will begin by briefly advancing the view that man is at least seven-fold in his nature. These seven parts all occupy the same location in space; they are here and now from highest Spirit to the densest matter. The seven vestures are the physical body, the vital body, container and conserver of vitality, and the emotional and mental bodies. These four vehicles are sometimes called the Personality of man. This is mortal; it comes into existence as a vehicle of the indwelling Self during prenatal life. After the allotted span these four bodies at death gradually disintegrate, the real reincarnating Self having withdrawn from them. This Inner Self is three-fold, being a reflection of the three aspects of the Creative Logos, spiritual intelligence, intuitive wisdom and within these the Spirit-Essence, the *Atma* within, the real Self of man, the core of his existences. This, in its turn, is forever inseparably united with the one Spirit-Essence of all, the *Paramatma.*

Như tôi hiểu có thể có một số thành viên của công chúng có mặt tối nay, và có lẽ một số thành viên mới của Hội Thông Thiên Học của chúng ta chưa hoàn toàn nhận thức được những lời dạy của chúng ta về bản chất của con người, tôi sẽ bắt đầu bằng cách trình bày ngắn gọn quan điểm rằng con người ít nhất là thất phân trong bản chất của y. Bảy phần này đều chiếm cùng một vị trí trong không gian; chúng ở đây và bây giờ từ Tinh Thần cao nhất đến vật chất đậm đặc nhất. Bảy lớp áo là thể xác, thể sinh lực, vật chứa và vật bảo tồn sinh lực, và thể cảm xúc và thể trí. Bốn vận cụ này đôi khi được gọi là phàm ngã của con người. Điều này là hữu tử; nó xuất hiện như một vận cụ của Bản Ngã ngự trị trong cuộc sống trước khi sinh. Sau khoảng thời gian được phân bổ, bốn thể này khi chết dần dần tan rã, Bản Ngã tái sinh thực sự đã rút khỏi chúng. Bản Ngã Bên Trong này là tam phân, là sự phản ánh của ba khía cạnh của Thái dương Thượng đế Sáng Tạo, trí tuệ tinh thần, minh triết trực giác và bên trong chúng là Tinh Chất Tinh Thần, Atma bên trong, Bản Ngã thực sự của con người, cốt lõi của sự tồn tại của y. Đến lượt nó, điều này mãi mãi gắn liền không thể tách rời với Tinh Chất Tinh Thần duy nhất của tất cả, Paramatma.

I am now going to share with you some fruits of study and research into the condition of consciousness of that reincarnating Self, the unfolding spiritual unit, the Ego in the Causal

Bây giờ tôi sẽ chia sẻ với bạn một số thành quả của việc nghiên cứu và tìm hiểu về trạng thái tâm thức của Bản Ngã tái sinh đó, đơn vị tinh thần đang khai triển, chân ngã trong thể

Body. This research is possible because we do not need to remain imprisoned in the physical body whilst awake. By focusing attention in superphysical vehicles, we can learn to become aware in them and explore them.

nguyên nhân. Nghiên cứu này có thể thực hiện được vì chúng ta không cần phải ở tù trong thể xác khi còn thức. Bằng cách tập trung sự chú ý vào các vận cụ siêu vật chất, chúng ta có thể học cách nhận biết chúng và khám phá chúng.

What, then, is the life of the human Ego? I offer, quite undogmatically, some answers born of my studies of the subject, limiting myself to pure Causal consciousness, the spirit Self of a reasonably developed Ego in its Causal Body. Conditions will vary according to development and temperament, but, I think there will be certain common characteristics. At once I am faced with difficulties because words can and do falsify abstract ideals, and experiences in *arupa* worlds cannot be fully translated into terms of concrete thought and physical speech. Certain *arupa* [abstract] conditions contradict *rupa* [concrete] experience. For example, **in Causal consciousness there are no negatives; only positives exist**. There are no contrasts. **All is light all the time and physically we can hardly imagine light without darkness in contrast.**

Vậy thì, sự sống của Chân ngã nhân loại là gì? Tôi xin đưa ra, hoàn toàn không giáo điều, một vài câu trả lời có được từ những nghiên cứu của tôi về chủ đề này, giới hạn bản thân trong tâm thức Nguyên nhân thuần túy, Chân ngã tinh thần của một Chân ngã đã phát triển hợp lý trong Thể Nguyên Nhân của nó. Các điều kiện sẽ khác nhau tùy theo sự phát triển và khí chất, nhưng, tôi nghĩ rằng sẽ có những đặc điểm chung nhất định. Ngay lập tức tôi phải đối mặt với những khó khăn vì ngôn từ có thể và thực sự xuyên tạc những lý tưởng trừu tượng, và những kinh nghiệm trong các cõi arupa không thể được dịch đầy đủ thành các khái niệm tư duy cụ thể và lời nói thể xác. Một số điều kiện arupa [trừu tượng] mâu thuẫn với kinh nghiệm rupa [cụ thể]. Ví dụ, trong tâm thức Nguyên nhân không có phủ định; chỉ có khẳng định tồn tại. Không có sự tương phản. Tất cả là ánh sáng mọi lúc và về mặt thể chất, chúng ta khó có thể tưởng tượng ánh sáng mà không có bóng tối tương phản.

Complete freedom of existence is another characteristic. There is no necessity to make any effort about anything. Entry into Causal consciousness brings at once complete ease as if all resistance, all restrictions, had vanished, leaving only pure being, the essential existence of the divine principle in man, his true integral Self, in a serene happiness in which doubt, worry and all other stresses cannot exist. **The Ego dwells in smiling and unbroken ease and serenity.**

Một đặc điểm khác là sự tự do tồn tại hoàn toàn. Không cần thiết phải nỗ lực về bất cứ điều gì. Bước vào tâm thức Nguyên nhân mang lại ngay lập tức sự dễ dàng hoàn toàn như thể mọi sự kháng cự, mọi hạn chế, đã biến mất, chỉ còn lại sự thuần khiết, sự tồn tại thiết yếu của nguyên lý thiêng liêng trong con người, Chân ngã toàn vẹn thực sự của y, trong một hạnh phúc thanh thản mà sự nghi ngờ, lo lắng và mọi căng thẳng khác không thể tồn tại. Chân ngã ngự trong sự dễ dàng và thanh thản mỉm cười và không gián đoạn.

No effort is ever needed and so no planning.

Không cần nỗ lực và do đó không cần lập kế

Indeed no thought of a plan is possible, for to Causal consciousness, all exists and is perpetually available in its fullness. Any change is but a steady, unrecognized increase in the fullness of being. **No action and therefore no fatigue, no exhaustion, no boredom can be experienced, no action being called for**. There is only an increasing interior fullness and deepening of existence naturally occurring. **The unfolding human Ego in its own world amongst its peers is simply pure being, without plan, spontaneous, thought-free, motiveless, complete.**

hoạch. Thật vậy, không thể có ý nghĩ về một kế hoạch, vì đối với tâm thức Nguyên nhân, mọi thứ đều tồn tại và luôn sẵn có trong sự viên mãn của nó. Bất kỳ sự thay đổi nào cũng chỉ là sự gia tăng ổn định, không được công nhận trong sự viên mãn của hữu thể. Không có hành động và do đó không có mệt mỏi, không có kiệt sức, không có nhàm chán nào có thể trải nghiệm được, không có hành động nào được kêu gọi. Chỉ có sự viên mãn bên trong ngày càng tăng và sự đào sâu sự tồn tại một cách tự nhiên xảy ra. Chân ngã nhân loại mở ra trong thế giới riêng của nó giữa những người đồng đẳng của nó chỉ đơn giản là sự thuần khiết, không có kế hoạch, tự phát, không cần suy nghĩ, vô động cơ, hoàn chỉnh.

Mystics and occultists have also borne testimony to the causal experience of entering into supernal, infinite light, of being light itself, a centre of light in an ocean of light, the 'true light that never was on sea or land' and 'lighteth every man that cometh into the world'. The Causal Body is self-radiant, an out-raying of light from its centre. Another contrast with physical life is that there is no skin, no edge to this radiance of what has been called 'The Robe of Glory'[15]. Causal consciousness is virtually universal and the sense of division, of being separated from anyone or anything does not, cannot, exist in this state. One is light in a world of universal light. When once this state has been entered and particularly when dwelt in until it becomes part of consciousness, that same light can be seen in all beings and all things. **The lower worlds are 'seen' to be bathed in and permeated by the vast ocean of spiritual light.**

Các nhà thần bí và nhà huyền bí học cũng đã làm chứng cho kinh nghiệm nhân quả về việc bước vào ánh sáng vô tận, siêu phàm, về việc trở thành ánh sáng, một trung tâm ánh sáng trong một đại dương ánh sáng, 'ánh sáng thực sự chưa từng có trên biển hay đất liền' và 'soi sáng mọi người đến thế gian'. Thể Nguyên Nhân tự phát sáng, một sự phát xạ ánh sáng từ trung tâm của nó. Một sự tương phản khác với cuộc sống thể xác là không có da, không có mép cho sự rạng rỡ này của cái được gọi là 'Áo Choàng Vinh Quang'. Tâm thức Nguyên nhân hầu như mang tính phổ quát và cảm giác chia rẽ, bị tách biệt khỏi bất kỳ ai hoặc bất cứ điều gì không tồn tại, không thể tồn tại trong trạng thái này. Người ta là ánh sáng trong một thế giới ánh sáng phổ quát. Một khi trạng thái này đã được bước vào và đặc biệt là khi ngự trong đó cho đến khi nó trở thành một phần của tâm thức, thì ánh sáng tương tự đó có thể được nhìn thấy trong tất cả chúng sinh và mọi vật. Các cõi thấp hơn được 'nhìn thấy' được tắm mình và thấm đẫm đại dương ánh sáng tinh thần bao la.

[15] Robe of Glory, a gnostic term for the Causal Body.

Another strange experience on entering this plane of existence is that **the time sense is greatly changed, almost lost, as if the Inner Self were independent of time.** Time is not a factor in existence and awareness. The Ego abides in duration or time without limits. Here we live amidst past, present and future. Of these it is said only the future is actually real, the past having gone and the present vanishing whilst we think of it. The future approaches all the time. Causally this is not so. All is in complete existence all the time. **The Ego does not actually dwell in eternity, in the eternal now.** That appertains to a far deeper state within universe and man, at the level of the Spirit-Essence, the *Atma,* within us. When we touch that deeper layer, our Monadic self, then perhaps we may know eternity and that all exists in uttermost fullness all the 'time'. Processes of beginning, developing, evolving, achieving, have there little or no meaning; for all exists all at once. Physically, this is negated, is just not so. Egoic consciousness is somewhere between the two relatively independent of time, dwelling in time without limits.

Một trải nghiệm kỳ lạ khác khi bước vào cõi tồn tại này là cảm giác về thời gian bị thay đổi rất nhiều, gần như mất đi, như thể Nội Ngã không phụ thuộc vào thời gian. Thời gian không phải là một yếu tố trong sự tồn tại và nhận thức. Chân ngã tồn tại trong thời gian hoặc thời gian vô hạn. Ở đây chúng ta sống giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong số này, người ta nói rằng chỉ có tương lai là thực sự có thật, quá khứ đã qua và hiện tại biến mất trong khi chúng ta nghĩ về nó. Tương lai đến gần mọi lúc. Về mặt nhân quả thì không phải vậy. Tất cả đều tồn tại hoàn toàn mọi lúc. Chân ngã không thực sự ngự trong cõi vĩnh hằng, trong hiện tại vĩnh cửu. Điều đó thuộc về một trạng thái sâu sắc hơn nhiều bên trong vũ trụ và con người, ở cấp độ Tinh Thần-Bản Thể, Atma, bên trong chúng ta. Khi chúng ta chạm vào lớp sâu hơn đó, bản thể Chân thần của chúng ta, thì có lẽ chúng ta có thể biết được sự vĩnh cửu và tất cả tồn tại trong sự viên mãn tột độ 'thời gian'. Các quá trình bắt đầu, phát triển, tiến hóa, thành tựu, có ít hoặc không có ý nghĩa gì ở đó; vì tất cả tồn tại cùng một lúc. Về mặt thể chất, điều này bị phủ nhận, không phải như vậy. Tâm thức Chân ngã ở đâu đó giữa hai cái tương đối độc lập với thời gian, ngự trong thời gian vô hạn.

Awareness there can bring strange phenomena into one's experience; for example, physically, a swiftly moving body, a bullet fired through the air or, far more swiftly, a sub-atomic particle, an electron, perhaps, shot with great velocity passes invisibly. When one tries to examine with heightened vision these swiftly moving sub-atomic particles and perhaps the root particle, the *anu*[16], these are causally and even in some strange way, clairvoyantly, observed to be motionless — a contradiction of physical experience, and there are many others, all of

Nhận thức ở đó có thể mang lại những hiện tượng kỳ lạ vào trải nghiệm của một người; ví dụ, về mặt thể chất, một vật thể chuyển động nhanh, một viên đạn bắn xuyên không trung hoặc, nhanh hơn nhiều, một hạt hạ nguyên tử, một electron, có lẽ, bắn với vận tốc lớn đi qua một cách vô hình. Khi người ta cố gắng kiểm tra bằng tầm nhìn nâng cao những hạt hạ nguyên tử chuyển động nhanh này và có lẽ là hạt gốc, anu, chúng được quan sát một cách nhân quả và thậm chí theo một cách kỳ lạ nào đó, bằng nhãn thông, là bất động — một sự mâu thuẫn với kinh nghiệm thể chất, và có

[16] Ultimate, indivisible atom.

which can nevertheless be living and repeatable experiences whilst in the physical body. A physically moving object, then, can be observed as if there were no such phenomenon as motion, there being nowhere to go, to come from, to reach, as if everything exists now, here and all at once.

nhiều kinh nghiệm khác, tất cả đều có thể là những trải nghiệm sống động và có thể lặp lại trong khi ở trong thể xác. Do đó, một vật thể chuyển động về mặt thể chất có thể được quan sát như thể không có hiện tượng chuyển động nào như vậy, không có nơi nào để đi, đến từ đâu, để đạt được, như thể mọi thứ tồn tại ngay bây giờ, ở đây và tất cả cùng một lúc.

What, then, is causal knowledge? Here, as we grow up, are educated and educate ourselves, we have the experience of receiving information, of considering it, meditatively, contemplatively in some cases, as if something external to ourselves had come to us. Physically, then, a process occurs of gaining knowledge from without. That is negated in causal consciousness. The principles of existence, of emanation, unfoldment in successive degrees, of an underlying harmony of the whole universe, and all other basic equations and formulae of life, Egoically are not received ideas. We grow up with them as part of the very nature of our existence. They are built increasingly as it were into the construction of consciousness in the higher worlds, after a certain level of development has been reached. Even those words are contradictions because suggesting time. Egoically, the processes of Nature operate all around and within and upon one. They are observed and known intuitively as beyond question or necessity of thought. All natural principles and processes are, in fact, continually lived and in no sense observed as if external. They are 'parts' of the unified fabric of being. Now those words have falsified what I want to say, and I find it extremely hard to bring these causal, *arupa,* concepts in their vital significance into terms of the concrete mind. The brain is especially limiting and still more so words.

Vậy thì, tri thức nhân quả là gì? Ở đây, khi chúng ta lớn lên, được giáo dục và tự giáo dục, chúng ta có kinh nghiệm nhận thông tin, xem xét nó, một cách thiền định, chiêm nghiệm trong một số trường hợp, như thể một cái gì đó bên ngoài bản thân chúng ta đã đến với chúng ta. Về mặt thể chất, sau đó, một quá trình xảy ra là thu được kiến thức từ bên ngoài. Điều đó bị phủ nhận trong tâm thức nhân quả. Các nguyên tắc tồn tại, xuất lộ, mở ra theo các mức độ kế tiếp, về một sự hài hòa cơ bản của toàn bộ vũ trụ, và tất cả các phương trình và công thức cơ bản khác của cuộc sống, về mặt Chân ngã không phải là những ý tưởng được tiếp nhận. Chúng ta lớn lên với chúng như một phần bản chất của sự tồn tại của chúng ta. Chúng được xây dựng ngày càng nhiều như thể vào cấu trúc của tâm thức trong các cõi cao hơn, sau khi đạt đến một mức độ phát triển nhất định. Ngay cả những từ đó cũng là những mâu thuẫn vì gợi ý thời gian. Về mặt Chân ngã, các quá trình của Tự nhiên vận hành xung quanh và bên trong và trên một người. Chúng được quan sát và biết một cách trực quan là vượt quá câu hỏi hoặc sự cần thiết của tư duy. Tất cả các nguyên tắc và quá trình tự nhiên, trên thực tế, liên tục được sống và không theo nghĩa nào được quan sát như thể bên ngoài. Chúng là 'các phần' của cấu trúc thống nhất của hữu thể. Bây giờ những từ đó đã xuyên tạc những gì tôi muốn nói, và tôi thấy cực kỳ khó khăn để đưa những khái niệm nhân quả, arupa này vào ý nghĩa quan trọng của chúng thành các khái niệm của trí cụ thể. Bộ não đặc biệt hạn chế và lời nói còn hạn chế hơn nữa.

Let me, then, deliberately provide some concrete ideas. We, Theosophists, are taught, we believe, and some of us know, that this Inner Self of universe and man gradually unfolds its inherent powers, reaches one standard of development after another by virtue of successive lives on earth, the whole process operating under a flexible Law of Cause and Effect. So in our thought, we say we have had past lives. We lived on earth in another body, for example, two, three, four, or five hundred years or so ago. That life came to an end. It finished. It is now a *past* life. Behind that again hundreds of other existences as personalities, lived their little day and, with the civilizations with which they were a part, have all gone into the past. Now, imagine a state of consciousness in duration or time without limit in which this simply is not so, those former existences still continuing here and now. If we were in Egypt once or twice in those lives, then they are still going on. A past life is, causally, not finished and done with. The whole procedure occurs here and now, very much as we attending this gathering have been all together a few minutes before it started when we found our seats and we waited for what had to be done and is now being done. Whilst physically all events were in succession, they are still present in our consciousness, still going on. We are here together in a continuing, non-temporal, process. Something like that, but far more subtle and extensive, obtains in causal consciousness. **Thus the Ego dwells in timelessness**.

Vậy thì, hãy để tôi cố ý cung cấp một số ý tưởng cụ thể. Chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, được dạy, chúng ta tin, và một số người trong chúng ta biết, rằng Nội Ngã này của vũ trụ và con người dần dần mở ra những sức mạnh vốn có của nó, đạt đến tiêu chuẩn phát triển này đến tiêu chuẩn phát triển khác nhờ những kiếp sống liên tiếp trên trái đất, toàn bộ quá trình vận hành theo một Định luật Nhân quả linh hoạt. Vì vậy, trong suy nghĩ của chúng ta, chúng ta nói rằng chúng ta đã có những kiếp sống quá khứ. Chúng ta đã sống trên trái đất trong một cơ thể khác, ví dụ, hai, ba, bốn hoặc năm trăm năm trước. Cuộc sống đó đã đi đến hồi kết. Nó đã kết thúc. Bây giờ nó là một kiếp sống quá khứ. Đằng sau đó một lần nữa hàng trăm sự tồn tại khác như những phàm ngã, đã sống một ngày nhỏ bé của chúng và, với các nền văn minh mà chúng là một phần, tất cả đã đi vào quá khứ. Bây giờ, hãy tưởng tượng một trạng thái tâm thức trong thời gian hoặc thời gian vô hạn, trong đó điều này đơn giản là không phải vậy, những sự tồn tại trước đây đó vẫn tiếp tục ở đây và bây giờ. Nếu chúng ta đã ở Ai Cập một hoặc hai lần trong những kiếp sống đó, thì chúng vẫn đang tiếp diễn. Một kiếp sống quá khứ, về mặt nhân quả, không kết thúc và hoàn thành. Toàn bộ quy trình diễn ra ở đây và bây giờ, rất giống như chúng ta tham dự buổi họp mặt này đã ở cùng nhau vài phút trước khi nó bắt đầu khi chúng ta tìm thấy chỗ ngồi của mình và chúng ta chờ đợi những gì phải làm và hiện đang được thực hiện. Trong khi về mặt thể chất tất cả các sự kiện đều diễn ra liên tiếp, chúng vẫn hiện diện trong tâm thức của chúng ta, vẫn đang tiếp diễn. Chúng ta ở đây cùng nhau trong một quá trình tiếp diễn, phi thời gian. Một cái gì đó tương tự như vậy, nhưng tinh tế và rộng lớn hơn nhiều, có được trong tâm thức nhân quả. Vì vậy, Chân ngã ngự trong sự vô thời gian.

A peculiarity of physical embodiment is that

Một đặc điểm của sự thể hiện thể xác là tâm

consciousness is continually snapped off, broken, lost. Every time we go to sleep, briefly, or for the night, consciousness is lost, put out like a candle that is extinguished. For us physically all then vanishes including ourselves. We, Theosophists, may believe that consciousness continues and there is activity in an inner world but, physically at any rate, consciousness is intermittent, being continually broken. This is not at all the case for the Ego in the Causal Body. There — a falsifying word — consciousness is unbroken, continuous as if the Ego dwells in continuity with everything going on all the time, without any break in awareness or any change. If there is any change, it is as of a perpetually unfolding sphere, which from within is ever unfolding; from a centre or germ within one there is welling up all the time more and more spirit-essence; more power, life, love, vital energies and awareness and understanding are perpetually increasing, like a sphere of light with continually increasing range.

thức liên tục bị ngắt, phá vỡ, mất đi. Mỗi khi chúng ta đi ngủ, dù là chốc lát hay qua đêm, tâm thức bị mất đi, tắt ngấm như một ngọn nến bị dập tắt. Đối với chúng ta về mặt thể chất, tất cả sau đó biến mất bao gồm cả chính chúng ta. Chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, có thể tin rằng tâm thức tiếp tục và có hoạt động trong một thế giới bên trong, nhưng, về mặt thể chất, ít nhất, tâm thức bị gián đoạn, liên tục bị phá vỡ. Đây hoàn toàn không phải là trường hợp của Chân ngã trong Thể Nguyên Nhân. Ở đó — một từ xuyên tạc — tâm thức không bị phá vỡ, liên tục như thể Chân ngã ngự trong sự liên tục với mọi thứ đang diễn ra mọi lúc, mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào trong nhận thức hoặc bất kỳ sự thay đổi nào. Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào, thì đó là một quả cầu liên tục mở ra, từ bên trong luôn mở ra; từ một trung tâm hoặc mầm bên trong một người, ngày càng có nhiều bản thể tinh thần trào dâng mọi lúc; ngày càng có nhiều sức mạnh, sự sống, tình thương/bác ái, năng lượng sinh lực và nhận thức và thấu hiểu liên tục gia tăng, giống như một quả cầu ánh sáng với phạm vi ngày càng tăng.

Thus in causal consciousness **there cannot ever be any sense of lack, of want, anything to be striven for**. All is fully available all the time, and Egoic existence consists of a perpetual expansion due to the continuous up-welling from an infinite source of light, life and energizing, dynamic power. All that ever can be is already present in this sense of growing fullness in timeless experience. As I said in the beginning, the experience of causal consciousness in whatever degree is thus one of rest, peace, great and smiling ease.

Do đó, trong tâm thức nhân quả, không bao giờ có thể có bất kỳ cảm giác thiếu thốn, mong muốn, bất cứ điều gì cần phải phấn đấu. Tất cả đều có sẵn đầy đủ mọi lúc, và sự tồn tại của Chân ngã bao gồm một sự mở rộng vĩnh viễn do sự trào dâng liên tục từ một nguồn ánh sáng, sự sống và năng lượng vô hạn, sức mạnh năng động. Tất cả những gì có thể có đều đã có mặt trong cảm giác viên mãn đang phát triển này trong trải nghiệm vô thời gian. Như tôi đã nói ngay từ đầu, kinh nghiệm về tâm thức nhân quả ở bất kỳ mức độ nào do đó là một trong những sự nghỉ ngơi, bình an, dễ dàng tuyệt vời và mỉm cười.

Another contrast with physical awareness, a contradiction in fact of our three dimensional consciousness is that of infinite withinness.

Một sự tương phản khác với nhận thức thể xác, một sự mâu thuẫn trên thực tế với tâm thức ba chiều của chúng ta là tính nội tại vô hạn. Về

Physically, we know that all objects can be expanded limitlessly in size. Apart from obstructions on the physical plane, space is limitless, and so we are able to conceive of limitless outward expansion. Movement outward is for us without restriction, but when we try to penetrate limitlessly into the interior of things we come to the impassible centre. Now imagine a state where that impassibility does not exist, where there is also infinite withinness. This is applicable to both universe and man and if he so focuses his attention, he can indeed penetrate in consciousness deeper and deeper towards his inner nature without ever coming to a stop, a barrier, an absolutely resistant centre.

mặt thể chất, chúng ta biết rằng tất cả các vật thể có thể được mở rộng vô hạn về kích thước. Ngoài những chướng ngại vật trên cõi hồng trần, không gian là vô hạn, và do đó chúng ta có thể hình dung về sự mở rộng ra bên ngoài vô hạn. Chuyển động ra bên ngoài đối với chúng ta là không có hạn chế, nhưng khi chúng ta cố gắng thâm nhập vô hạn vào bên trong mọi thứ, chúng ta sẽ đến trung tâm không thể vượt qua. Bây giờ hãy tưởng tượng một trạng thái mà sự không thể vượt qua đó không tồn tại, nơi cũng có tính nội tại vô hạn. Điều này có thể áp dụng cho cả vũ trụ và con người và nếu y tập trung sự chú ý của mình, y thực sự có thể thâm nhập vào tâm thức ngày càng sâu hơn vào bản chất bên trong của mình mà không bao giờ dừng lại, một rào cản, một trung tâm hoàn toàn kháng cự.

This is a very strange experience and again in examining sub-atomic particles, for example, one finds that deep within the minutest of them there is another kind of existence, penetrating into which one comes to another world from which the force that makes the object appear in the physical world is coming. This can be pursued into successive interior states until presumably you come to that centre which H.P.B. [Helena P. Blavatsky] says is everywhere with circumference nowhere — inconceivable physically. The brain cannot conceive it though it is good to meditate upon. Egoically it is a natural characteristic of consciousness in the causal world.

Đây là một trải nghiệm rất kỳ lạ và một lần nữa khi kiểm tra các hạt hạ nguyên tử, ví dụ, người ta thấy rằng sâu bên trong những hạt nhỏ nhất trong số chúng có một loại tồn tại khác, thâm nhập vào đó người ta đến một thế giới khác từ đó lực làm cho vật thể xuất hiện trong thế giới thể xác đang đến. Điều này có thể được theo đuổi vào các trạng thái bên trong kế tiếp cho đến khi có lẽ bạn đến trung tâm mà Bà Blavatsky [Helena P. Blavatsky] nói là ở khắp mọi nơi với chu vi không ở đâu — không thể tưởng tượng được về mặt thể chất. Bộ não không thể hình dung ra nó mặc dù tốt để tham thiền về nó. Về mặt Chân ngã, đó là một đặc điểm tự nhiên của tâm thức trong thế giới nhân quả.

Then, again, the integrity of the Ego is unstained[17] and unstainable a wonderful state! Wholeness, actuality, of that which you are is a causal attribute. You are what you are. How difficult to attain down here, where we are continually shaped, moulded and

Sau đó, một lần nữa, sự toàn vẹn của Chân ngã là không tì vết và không thể làm hoen ố một trạng thái tuyệt vời! Sự toàn vẹn, tính hiện thực của những gì bạn là một thuộc tính nhân quả. Bạn là những gì bạn là. Thật khó để đạt được ở dưới này, nơi chúng ta liên tục bị định

[17] không bị lem luốc

conditioned by all sorts of external influences and uttermost trueness, integrity is almost impossible. But, causally, there are no external influences. All is within and part of the fabric of one's being. There is nothing to attain, nothing to manoeuvre[18] for, plot for, plan for, deceive for. The jewel of sincerity shines in the crown of the Inner Self of Man

hình, uốn nắn và điều kiện hóa bởi tất cả các loại ảnh hưởng bên ngoài và sự chân thật tột cùng, sự toàn vẹn là gần như không thể. Nhưng, về mặt nhân quả, không có ảnh hưởng bên ngoài. Tất cả đều ở bên trong và là một phần của cấu trúc hữu thể của một người. Không có gì để đạt được, không có gì để vận động, âm mưu, lên kế hoạch, lừa dối. Viên ngọc của sự chân thành tỏa sáng trên vương miện của Nội Ngã của Con Người

Imagine also a condition of consciousness in which not only time is not a factor in existence, but space also. To the Ego, space and distance hardly exist. The Ego of man is independent of location. There is no geography in the causal world. It does not matter where one is, existence not being in any way affected by position in space.

Hãy tưởng tượng một trạng thái tâm thức, trong đó không chỉ thời gian không phải là một yếu tố trong sự tồn tại, mà cả không gian cũng vậy. Đối với Chân ngã, không gian và khoảng cách hầu như không tồn tại. Chân ngã của con người không phụ thuộc vào vị trí. Không có địa lý trong thế giới nhân quả. Không quan trọng người ta ở đâu, sự tồn tại không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào bởi vị trí trong không gian.

There is no going away because there is nowhere to go. There is no losing someone or something, because all is always here, all ever available. The only necessity for communion is attunement. If one can attune with any other being in the causal world or with great ideas and principles of existence then they are present in fullness. Death of course cannot exist, for the Inner Self is immune from death. Only the body dies. Having been born, it must die, but the shining Self of Light is virtually immortal. Egoically, for us all there is no death, no separation, no bereavements. Perhaps the analogy of radio might help us in this. It does not help to have the receiver close to the transmitting station. Receivers are generally fairly independent of location. If you can tune in adequately, all things being equal, you can pick up a chosen station. Carry that up into terms of pure consciousness and

Không có việc rời đi vì không có nơi nào để đi. Không có việc mất ai đó hoặc một cái gì đó, bởi vì tất cả luôn ở đây, tất cả luôn có sẵn. Sự cần thiết duy nhất cho sự hiệp thông là sự hòa hợp. Nếu một người có thể hòa hợp với bất kỳ chúng sinh nào khác trong thế giới nhân quả hoặc với những ý tưởng và nguyên tắc tồn tại tuyệt vời thì chúng sẽ hiện diện đầy đủ. Tất nhiên, cái chết không thể tồn tại, vì Nội Ngã được miễn nhiễm khỏi cái chết. Chỉ có thể xác chết. Đã được sinh ra, nó phải chết, nhưng Chân ngã Ánh sáng rạng ngời hầu như bất tử. Về mặt Chân ngã, đối với tất cả chúng ta, không có cái chết, không có sự chia ly, không có sự mất mát. Có lẽ sự tương tự của đài phát thanh có thể giúp chúng ta trong việc này. Việc có máy thu gần trạm phát không giúp ích gì. Máy thu thường khá độc lập với vị trí. Nếu bạn có thể dò kênh đầy đủ, mọi thứ đều bình đẳng, bạn có thể chọn một trạm đã chọn. Mang

[18] dẫn dắt ai/cái gì một cách khéo léo và xảo quyệt; lôi kéo một cách khéo léo

realize that distance, separation, other locations are not part of the content of such consciousness.

điều đó lên thành các khái niệm về tâm thức thuần túy và nhận ra rằng khoảng cách, sự chia ly, các vị trí khác không phải là một phần của nội dung của tâm thức đó.

If that consciousness is blessed by knowledge of a Master, if there is a sense of having dedicated oneself and one's life and being to a great Adept, then He is ever present and can never be lost as long as the power to attune with Him remains. So in this sense, the *Guru,* the Adept, the Master, is not away in an ashram. He is here, an ever-present living Light and Presence and Power within one's Inner Self. The Himalayan Ranges cannot separate the disciple from his *Guru,* for He is here and now and within one all the time — a blessed thought for the devotee! Even more blessed when it is a fully conscious experience as we are promised it can be.

Nếu tâm thức đó được ban phước bởi tri thức của một Chân sư, nếu có một cảm giác đã hiến dâng bản thân và sự sống và hữu thể của mình cho một bậc Chân sư vĩ đại, thì Ngài luôn hiện diện và không bao giờ có thể bị mất đi miễn là sức mạnh để hòa hợp với Ngài vẫn còn. Vì vậy, theo nghĩa này, Guru, bậc Chân sư, Huấn sư, không ở xa trong một ashram. Ngài ở đây, một Ánh Sáng và Hiện Diện và Quyền Năng sống động luôn hiện diện bên trong Nội Tâm của một người. Dãy Himalaya không thể tách đệ tử khỏi Guru của y, vì Ngài ở đây và bây giờ và ở bên trong tất cả mọi người mọi lúc — một ý nghĩ may mắn cho người mộ đạo! Thậm chí còn may mắn hơn khi đó là một trải nghiệm hoàn toàn tỉnh thức như chúng ta đã được hứa hẹn.

I expect some of you are mentally asking: 'How can we know some of this wondrous life, this serene content, this poised harmony, and tranquillity of soul and mind?' Indeed this is the great question: How to know? Most of you know full well and will answer, by the practice of Yoga. May I simplify that and say, 'by strong focusing of attention'. Awareness can be established at that point where your thought is focused. So we should focus our attention out of the unreal into the real, out of this relative darkness into the light and out of this death into immortality. By following the habit of living there in thought, of being often focused there, the doors, the double doorway, opens and we can pass in to the holy of holies of our inner nature where is enshrined the *Atma,* the immortal Spirit-Essence of our real selves. Simply put, it is done by thinking. Think constantly on the eternal and the eternal will become ours. I have written an

Tôi cho rằng một số bạn đang thầm hỏi: 'Làm sao chúng ta có thể biết được một phần nào đó của cuộc sống kỳ diệu này, sự mãn nguyện thanh thản này, sự hài hòa và tĩnh lặng điềm tĩnh của linh hồn và thể trí?' Thật vậy, đây là câu hỏi lớn: Làm thế nào để biết? Hầu hết các bạn đều biết rất rõ và sẽ trả lời, bằng cách thực hành Yoga. Tôi có thể đơn giản hóa điều đó và nói, 'bằng cách tập trung mạnh mẽ sự chú ý'. Nhận thức có thể được thiết lập tại điểm mà tư tưởng của bạn được tập trung. Vì vậy, chúng ta nên tập trung sự chú ý của mình ra khỏi cái không có thật vào cái có thật, ra khỏi bóng tối tương đối này vào ánh sáng và ra khỏi cái chết này vào sự bất tử. Bằng cách tuân theo thói quen sống ở đó trong tư tưởng, thường xuyên tập trung ở đó, các cánh cửa, cánh cửa đôi, mở ra và chúng ta có thể bước vào nơi chí thánh của bản chất nội tại của mình, nơi có khắc ghi Atma, Tinh chất Tinh thần bất tử của bản ngã thật của chúng ta. Nói một cách đơn giản, nó

affirmation with which I will close. Lifting consciousness above the physical, astral and mental levels, we may frequently affirm: 'I am a divine and immortal being. I live for ever in radiance, in eternal youth, and in oneness with God'.

được thực hiện bằng cách suy nghĩ. Hãy suy nghĩ liên tục về vĩnh hằng và vĩnh hằng sẽ trở thành của chúng ta. Tôi đã viết một lời khẳng định mà tôi sẽ kết thúc. Nâng tâm thức lên trên các cõi hồng trần, cảm dục và trí tuệ, chúng ta có thể thường xuyên khẳng định: 'Tôi là một hữu thể thiêng liêng và bất tử. Tôi sống mãi mãi trong rạng rỡ, trong tuổi trẻ vĩnh cửu và trong sự hợp nhất với Thượng đế'.

A Convention Lecture delivered at Adyar on 26 December 1950

Một Bài Giảng Hội Nghị được trình bày tại Adyar vào ngày 26 tháng 12 năm 1950

50

The Royal Secret—Bí Mật Hoàng Gia

What is the supreme Theosophical revelation? What is the highest Truth, the ultimate fact, the 'Royal Secret'? What can we, Theosophists, say to a world of men perplexed, confused, frightened, disillusioned, cynical, trusting, if in anything, in physical science alone? The answer can be given in one three-lettered Sanskrit word, which must of course be translated into the language of the people addressed. This, I conceive, is our task to translate that one essential word, and to convey convincingly that translation to humanity.

Mặc khải Thông Thiên Học tối thượng là gì? Chân lý cao nhất, sự thật tối thượng, 'Bí Mật Hoàng Gia' là gì? Chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, có thể nói gì với một thế giới của những người đang bối rối, hoang mang, sợ hãi, vỡ mộng, hoài nghi, tin tưởng, nếu có, chỉ riêng khoa học vật lý? Câu trả lời có thể được đưa ra trong một từ tiếng Phạn ba chữ cái, tất nhiên phải được dịch sang ngôn ngữ của những người được nói đến. Tôi cho rằng đây là nhiệm vụ của chúng ta là dịch một từ thiết yếu đó và truyền đạt một cách thuyết phục bản dịch đó cho nhân loại.

What is that short word which reveals all, solves all, satisfies all? It is the name of God given to the Aryan Race by the *Rishis* of old! It is spelt *AUM* and pronounced *OM*. One translation into English of this three-lettered word which is pronounced in one syllable is 'The Divine Source is threefold in manifestation and one in essence'. This divine essence constitutes the essential Self in every human being. There are not two essences, but one. Such is the one truth, the *Atma Vidya,* the Supreme Wisdom.

Từ ngắn gọn nào tiết lộ tất cả, giải quyết tất cả, thỏa mãn tất cả? Đó là tên của Thượng đế được trao cho Arya bởi các Rishi thời xưa! Nó được đánh vần là AUM và được phát âm là OM. Một bản dịch sang tiếng Anh của từ ba chữ cái này được phát âm trong một âm tiết là 'Nguồn Thiêng Liêng là tam phân trong biểu hiện và hợp nhất trong bản chất'. Bản chất thiêng liêng này cấu thành Bản Ngã thiết yếu trong mỗi con người. Không có hai bản chất, mà chỉ có một. Đó là chân lý duy nhất, Atma Vidya, Minh Triết Tối Thượng.

Why is this apparently simple and not

Tại sao ý tưởng có vẻ đơn giản và không xa lạ

unfamiliar idea so important and so potent? Because it solves man's two greatest problems — those of religion and human relationships. Applied to a religion, *AUM* directs man's thoughts to his Divine Source, and links him therewith when meditated upon and correctly chanted as a Mantram. *AUM* leads, therefore, to the vital religious experience of

này lại quan trọng và mạnh mẽ đến vậy? Bởi vì nó giải quyết hai vấn đề lớn nhất của con người — những vấn đề về tôn giáo và các mối quan hệ giữa con người. Áp dụng cho một tôn giáo, AUM hướng tư tưởng của con người đến Nguồn Thiêng Liêng của y, và liên kết y với nó khi được tham thiền và tụng chính xác như một Mantram. Vì vậy, AUM dẫn đến trải nghiệm tôn giáo quan trọng của

In these days, certain parts only of the 'Grand System of Correspondences' have been given to mankind by the Adept Teachers of the Race; for knowledge is power and only the more innocuous aspects of the Science can safely be put before humanity at this stage of its evolution. While this reservation would appear to be a limitation, it is, in fact, a challenge to the intellect and intuition of those students in whom the determination to know has awakened; for to those organs of consciousness all knowledge lies open, and in seeking to fill in the gaps in the present revelation the student exercises, and so develops, his powers of intellection and perception.

Trong những ngày này, chỉ một số phần nhất định của 'Hệ Thống Tương Ứng Vĩ Đại' đã được trao cho nhân loại bởi các Huấn Sư Chân sư của Nhân Loại; vì tri thức là sức mạnh và chỉ những khía cạnh vô hại hơn của Khoa Học mới có thể được đặt trước nhân loại một cách an toàn ở giai đoạn tiến hóa này. Mặc dù sự dè dặt này dường như là một hạn chế, nhưng trên thực tế, nó là một thách thức đối với trí tuệ và trực giác của những học viên mà trong đó quyết tâm biết đã thức tỉnh; vì đối với những cơ quan tâm thức đó, mọi tri thức đều rộng mở, và trong việc tìm cách lấp đầy những khoảng trống trong mặc khải hiện tại, học viên thực hành, và do đó phát triển, sức mạnh tư duy và tri giác của mình.

The Lord Buddha is reported to have said: 'In this very body, six feet in length, with its sense impressions and its thoughts and ideas, is the world, and the origin of the world, and the ceasing of the world, and likewise the Way that leadeth to the ceasing thereof.[19]

Đức Phật được thuật lại đã nói: 'Trong chính thân thể này, dài sáu thước, với những ấn tượng giác quan và những tư tưởng và ý tưởng của nó, là thế giới, và nguồn gốc của thế giới, và sự chấm dứt của thế giới, và tương tự như vậy là Con Đường dẫn đến sự chấm dứt của nó.

Thus, because of the underlying unity of this tremendous pattern of unfoldment, man contains in himself every element that is found in the universe. In the chain of being, everything is magically contained in everything else. Where you stand, there stand all the worlds. Kabbalism — the Theosophy of the Hebrews — adds to the Hermetic axiom —

Do đó, vì sự thống nhất tiềm ẩn của mô hình mở rộng vĩ đại này, con người chứa đựng trong mình mọi yếu tố được tìm thấy trong vũ trụ. Trong chuỗi hữu thể, mọi thứ đều được chứa đựng một cách kỳ diệu trong mọi thứ khác. Nơi bạn đứng, tất cả các thế giới đều đứng đó. Kabbalism — Thông Thiên Học của người Do Thái — thêm vào tiên đề Hermetic — 'trên sao,

[19] Footsteps of Gautama the Buddha, M. B. Byles.

'what is below is above' — the statement that what is inside is outside, and also acts upon everything else. Man himself is portrayed as a symbolic transparency through which the secret of the Cosmos may be discerned. Kabbalists stress the interrelation of all worlds and levels of being, affirming that everything is connected with and interpenetrates everything else according to exact though unfathomable laws. Everything possesses its infinite depths which from every point may be contemplated.

The Theosophist, Vol. 103, November 1981, p. 46

dưới vậy' — tuyên bố rằng những gì ở bên trong là ở bên ngoài, và cũng tác động lên mọi thứ khác. Bản thân con người được miêu tả như một sự minh bạch tượng trưng mà qua đó bí mật của Vũ Trụ có thể được nhận ra. Các nhà Kabbalist nhấn mạnh mối tương quan giữa tất cả các thế giới và các cấp độ hữu thể, khẳng định rằng mọi thứ đều được kết nối với và xuyên thấu mọi thứ khác theo các định luật chính xác mặc dù không thể dò thấu. Mọi thứ đều sở hữu những chiều sâu vô tận của nó mà từ mọi điểm có thể được chiêm ngưỡng.

The Theosophist, Tập 103, tháng 11 năm 1981, tr. 46

51

Atlantis: Fact or Fable?—*Atlantis: Thực Tế hay Truyện Ngụ Ngôn?*

Soundings and explorations of the bed of the Atlantic Ocean and recent expeditions in search of facts supporting the existence of Atlantis, have drawn public attention to the idea that such a continent may have once existed.

Các cuộc thăm dò và thám hiểm đáy Đại Tây Dương và các cuộc thám hiểm gần đây để tìm kiếm các sự kiện ủng hộ sự tồn tại của Atlantis, đã thu hút sự chú ý của công chúng đến ý tưởng rằng một lục địa như vậy có thể đã từng tồn tại.

According to Plato, who first related the story publicly, the people of Atlantis formed the oldest civilization in the world. They possessed great cities with palaces, temples of gold with huge golden images of its deities, roads of great size and, length, chains of canals, and rejoiced in a climate so benign that they reaped two harvests a year. They owned ships and war chariots, and bred the finest horses and cattle. Atlantis, said Plato, was situated in front of the Straits (of Gibraltar) then called the Pillars of Hercules and led to a succession of islands through which one might pass to the whole of the opposite continent, that is to say, to what is now America.

Theo Plato, người đầu tiên kể câu chuyện công khai, người dân Atlantis đã hình thành nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới. Họ sở hữu những thành phố vĩ đại với cung điện, đền thờ bằng vàng với những hình ảnh bằng vàng khổng lồ của các vị thần của nó, những con đường có kích thước và chiều dài lớn, chuỗi kênh đào và vui mừng trong một khí hậu ôn hòa đến nỗi họ gặt hái hai vụ mỗi năm. Họ sở hữu tàu thuyền và xe ngựa chiến tranh, và nuôi những con ngựa và gia súc tốt nhất. Atlantis, Plato nói, nằm ở phía trước Eo biển (Gibraltar) sau đó được gọi là Cột Hercules và dẫn đến một loạt các hòn đảo mà qua đó người ta có thể đi đến toàn bộ lục địa đối diện, tức là đến nơi ngày nay là Châu Mỹ.

How did Plato hear all this? From his

Plato đã nghe tất cả những điều này như thế

grandfather, Solon. During a visit to Egypt, Solon, the famous Athenian philosopher and lawgiver, was told of Atlantis by an aged priest at Sais, who added: 'There dwelt in Atlantis the fairest and noblest race of men who ever lived, of whom you and your city are but a seed or remnant'. The original Atlantis, he said, was pre-eminent in laws, performed the noblest deeds, and possessed the finest constitution, its antiquity being such that it was 'founded by the goddess Athene a thousand years before Sais'. It was 'a great and wonderful empire, which had rule over the whole island and several others, as well as over parts of the continent. A mighty power invaded it and also endeavoured to subdue our country (Egypt) and yours (Athens) and the whole land within the Straits (of Gibraltar). But violent earthquakes and floods in a single day and night caused the island and its warlike men to sink beneath the seas'. Such in brief, is the ancient legend repeated by Plato. A great continent existed, suffered invasion by a mighty host, a great war, and ultimate submersion through violent earthquakes and floods.

nào? Từ ông nội của y, Solon. Trong một chuyến thăm Ai Cập, Solon, nhà triết học và nhà lập pháp nổi tiếng của Athens, đã được một vị tư tế già ở Sais kể về Atlantis, người này nói thêm: 'Ở Atlantis có một chủng tộc người công bằng và cao quý nhất từng sống, trong đó bạn và thành phố của bạn chỉ là một hạt giống hoặc tàn dư'. Atlantis ban đầu, ông nói, là nổi bật trong luật pháp, thực hiện những hành động cao quý nhất và sở hữu hiến pháp tốt nhất, cổ xưa đến mức nó 'được nữ thần Athene thành lập một ngàn năm trước Sais'. Đó là 'một đế chế vĩ đại và tuyệt vời, vốn có quyền cai trị toàn bộ hòn đảo và một số hòn đảo khác, cũng như các phần của lục địa. Một thế lực hùng mạnh đã xâm chiếm nó và cũng cố gắng khuất phục đất nước của chúng ta (Ai Cập) và của bạn (Athens) và toàn bộ vùng đất bên trong Eo biển (Gibraltar). Nhưng những trận động đất và lũ lụt dữ dội trong một ngày và một đêm đã khiến hòn đảo và những người đàn ông hiếu chiến của nó chìm xuống biển'. Tóm lại, đó là truyền thuyết cổ xưa được Plato lặp lại. Một lục địa vĩ đại đã tồn tại, phải chịu sự xâm lược của một đội quân hùng mạnh, một cuộc chiến tranh lớn và cuối cùng là sự nhấn chìm do động đất và lũ lụt dữ dội.

Geographical Evidence

Bằng Chứng Địa Lý

Justification for a belief that such a great continent linking the Americas with Africa and Europe did once exist rests on quite a number of physical facts. Here are a few of them.

Sự biện minh cho niềm tin rằng một lục địa vĩ đại như vậy liên kết Châu Mỹ với Châu Phi và Châu Âu đã từng tồn tại dựa trên khá nhiều sự kiện vật lý. Dưới đây là một vài trong số chúng.

The Dolphin Ridge, a plateau 9,000 feet above the Atlantic ocean bed, extends from near the coast of Ireland to the coastline of South America near French Guiana. Dry land fossils have been brought up from the bed of the Atlantic. Lava from this plateau brought up by cable-laying vessels is demonstrably dry land lava erupted less than 15,000 years ago.

Dolphin Ridge, một cao nguyên cao 9.000 feet so với đáy đại dương Đại Tây Dương, kéo dài từ gần bờ biển Ireland đến bờ biển Nam Mỹ gần Guiana thuộc Pháp. Hóa thạch đất liền đã được đưa lên từ đáy Đại Tây Dương. Dung nham từ cao nguyên này được đưa lên bởi các tàu đặt cáp là dung nham đất liền có thể chứng minh được đã phun trào cách đây chưa đầy 15.000

Mayan literature contains flood and creation stories closely resembling those of Genesis, Egypt, India, Babylon and Chaldea.

năm. Văn học Maya chứa đựng những câu chuyện về lũ lụt và sáng tạo rất giống với những câu chuyện trong Sáng Thế Ký, Ai Cập, Ấn Độ, Babylon và Chaldea.

Egyptian manuscripts discovered by Dr Henry Schliemann, discoverer of Troy, have convinced him that Atlantis existed. One such manuscript records that an expedition was sent by a Pharaoh about 7,650 B.C. to seek traces of the Motherland from whence Egyptians first came, but found no traces. Indeed, all had disappeared in the flood of 10,000 B.C. It is, however, a fact that Egyptian civilization has no known root and no primitive period. A papyrus found by Dr Schliemann, written by the priest-historian Manetho, gives reference to a period 13,900 years ago as the date of the Kings of Atlantis in Egypt. At Troy, Schliemann found an 'owl vase' bearing Phoenician hieroglyphics reading: 'From King Chronos of Atlantis'. This peculiar owl vase was duplicated in a collection of objects from Tiahuenaco, South America.

Các bản thảo Ai Cập được Tiến sĩ Henry Schliemann, người khám phá ra Troy, phát hiện đã thuyết phục ông rằng Atlantis đã tồn tại. Một bản thảo như vậy ghi lại rằng một đoàn thám hiểm đã được một Pharaoh cử đi vào khoảng năm 7.650 trước Công nguyên để tìm kiếm dấu vết của Mẫu Quốc từ nơi người Ai Cập lần đầu tiên đến, nhưng không tìm thấy dấu vết nào. Thật vậy, tất cả đã biến mất trong trận lụt năm 10.000 trước Công nguyên. Tuy nhiên, có một thực tế là nền văn minh Ai Cập không có nguồn gốc được biết đến và không có thời kỳ nguyên thủy. Một tờ giấy cói được Tiến sĩ Schliemann tìm thấy, được viết bởi nhà sử học kiêm tư tế Manetho, đề cập đến một giai đoạn cách đây 13.900 năm là ngày của các Vua Atlantis ở Ai Cập. Tại Troy, Schliemann đã tìm thấy một 'bình cú' mang chữ tượng hình Phoenicia có nội dung: 'Từ Vua Chronos của Atlantis'. Bình cú đặc biệt này đã được sao chép trong một bộ sưu tập các đồ vật từ Tiahuenaco, Nam Mỹ.

Then again, pyramids, monoliths, and semicircles of stones like the Druid formations in England were found on the Island of Bonaca off South America. Furthermore, the step pyramids of Egypt are duplicated in America. In American Indian languages there are over one hundred words that are similar to words of the same meaning in the Arabic and Greek languages. The myths of Greece are repeated in Indian and Mayan tradition, as for example that of Atlas. In fact the people of Atlantis were called Atls: A-T-L-S, and the syllable Atl is the root of many place names in America today, e.g. Atlanta, Popocatapetl, and in the name of the Toltec ruler and lawgiver: QUEXAL-CO-ATL. A close

Sau đó, một lần nữa, kim tự tháp, đá nguyên khối và bán nguyệt đá như các thành hệ Druid ở Anh đã được tìm thấy trên Đảo Bonaca ngoài khơi Nam Mỹ. Hơn nữa, các kim tự tháp bậc thang của Ai Cập được sao chép ở Châu Mỹ. Trong các ngôn ngữ của người da đỏ Châu Mỹ, có hơn một trăm từ tương tự như các từ có cùng nghĩa trong tiếng Ả Rập và tiếng Hy Lạp. Các thần thoại của Hy Lạp được lặp lại trong truyền thống của người Ấn Độ và Maya, ví dụ như thần thoại về Atlas. Trên thực tế, người dân Atlantis được gọi là Atls: A-T-L-S, và âm tiết Atl là gốc của nhiều tên địa danh ở Châu Mỹ ngày nay, ví dụ: Atlanta, Popocatapetl, và trong tên của người cai trị và nhà lập pháp Toltec: QUEXAL-CO-ATL. Có một sự tương

correspondence exists between the flora and fauna of the Southern U.S.A. and that of Europe. The monk seal does not frequent the open ocean. Yet it is to be found in both the Mediterranean and the West Indies. Certain exactly similar ants are found in the Azores and U.S.A. Moths and butterflies of the Canary Islands are identical with those in America. But none of these could fly across the Atlantic. The Basque language has no affinity with other European languages; it rather resembles aboriginal tongues of America in grammatical structure. Cro-magnon skulls found in France resemble those found in Logoa Santa in Brazil. I think you will agree that these similarities cannot all be coincidences. There must once have been a land connection to account for them.

ứng chặt chẽ giữa hệ thực vật và động vật của miền Nam Hoa Kỳ và của Châu Âu. Hải cẩu thầy tu không thường xuyên lui tới vùng biển khơi. Tuy nhiên, nó được tìm thấy ở cả Địa Trung Hải và Tây Ấn. Một số loài kiến hoàn toàn giống nhau được tìm thấy ở Azores và Hoa Kỳ. Bướm đêm và bướm của Quần đảo Canary giống hệt với những loài ở Châu Mỹ. Nhưng không ai trong số này có thể bay qua Đại Tây Dương. Ngôn ngữ Basque không có mối liên hệ nào với các ngôn ngữ Châu Âu khác; nó giống với các ngôn ngữ bản địa của Châu Mỹ về cấu trúc ngữ pháp. Hộp sọ Cro-magnon được tìm thấy ở Pháp giống với những hộp sọ được tìm thấy ở Logoa Santa ở Brazil. Tôi nghĩ bạn sẽ đồng ý rằng những điểm tương đồng này không thể chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chắc hẳn đã từng có một kết nối đất liền để giải thích cho chúng.

Theosophical Story

Câu Chuyện Thông Thiên Học

What has Theosophy, whose teachings are the fruits of the occult investigations of countless generations of initiated seers, to say about Atlantis and the Atlanteans? A great deal, as reference to Theosophical literature will demonstrate. The history of Atlantis is said to be divided into four epochs separated by four cataclysms. Up to 850,000 years ago, when a great flood occurred, Atlantis extended from a few degrees east of Iceland to about the site now occupied by Rio de Janeiro. It embraced Texas, the Gulf of Mexico, the southern and eastern states of America, Labrador, and the area from there to Ireland, Scotland and a small portion of the North of England. It reached also from Brazil to the African Gold Coast.

Thông Thiên Học, mà những giáo lý của nó là thành quả của những cuộc điều tra huyền bí của vô số thế hệ nhà ngoại cảm được điểm đạo, có gì để nói về Atlantis và người Atlantis? Rất nhiều, như tham khảo tài liệu Thông Thiên Học sẽ chứng minh. Lịch sử của Atlantis được cho là được chia thành bốn kỷ nguyên được phân tách bởi bốn trận đại hồng thủy. Cho đến 850.000 năm trước, khi một trận lụt lớn xảy ra, Atlantis kéo dài từ một vài độ về phía đông của Iceland đến khoảng địa điểm hiện do Rio de Janeiro chiếm giữ. Nó bao gồm Texas, Vịnh Mexico, các bang miền nam và miền đông của Châu Mỹ, Labrador và khu vực từ đó đến Ireland, Scotland và một phần nhỏ ở Bắc Anh. Nó cũng kéo dài từ Brazil đến Bờ Biển Vàng Châu Phi.

The distribution of the land after the first great catastrophe of about 850,000 years ago, in the Pliocene Age, shows that a considerable portion of the north of the continent was

Sự phân bố đất đai sau thảm họa lớn đầu tiên vào khoảng 850.000 năm trước, trong Kỷ Pliocene, cho thấy rằng một phần đáng kể ở phía bắc của lục địa đã bị nhấn chìm, và phần

submerged, and the rest was much rent. The growing American continent was separated by a chasm from the remainder of Atlantis, which then occupied the bulk of the Atlantic basin, from about 50° N. Lat. to a few degrees south of the equator.

còn lại bị xé nát nhiều. Lục địa Châu Mỹ đang phát triển bị ngăn cách bởi một vực thẳm với phần còn lại của Atlantis, sau đó chiếm phần lớn lưu vực Đại Tây Dương, từ khoảng 50° N. Lat. đến một vài độ về phía nam của đường xích đạo.

Great subsidences and upheavals in other parts of the world also took place. The British Isles, for example, then formed part of a huge island embracing the Scandinavian Peninsula, the North of France, all the intervening and some of the surrounding seas.

Những sự sụt lún và chấn động lớn ở các nơi khác trên thế giới cũng đã diễn ra. Ví dụ, Quần đảo Anh, sau đó là một phần của một hòn đảo khổng lồ bao gồm Bán đảo Scandinavia, Bắc Pháp, tất cả các vùng biển xen kẽ và một số vùng biển xung quanh.

The land surface after the second catastrophe about 200,000 years ago was much changed, although this cataclysm was relatively smaller than the first one. Atlantis proper was now split into a Northern Island called Ruta, and a Southern Island called Daitya. The future North and South America were separated from one another. Egypt was submerged and the Scandinavian Island, which included the British Isles, was then joined to the future Europe.

Bề mặt đất sau thảm họa thứ hai khoảng 200.000 năm trước đã thay đổi rất nhiều, mặc dù thảm họa này tương đối nhỏ hơn thảm họa đầu tiên. Atlantis thích hợp bây giờ được chia thành một Đảo phía Bắc gọi là Ruta và một Đảo phía Nam gọi là Daitya. Bắc và Nam Mỹ trong tương lai đã bị tách rời nhau. Ai Cập bị nhấn chìm và Đảo Scandinavia, bao gồm Quần đảo Anh, sau đó được sáp nhập vào Châu Âu trong tương lai.

A stupendous planetary convulsion took place in 75,025 B.C., the third of the four cataclysms. As a result of it, Daitya, the Southern Island, almost entirely disappeared, Ruta was reduced to the comparatively small Island of Poseidonis, which was situated at about the centre of the Atlantic ocean. The other land surfaces were then roughly as they are today, though the British Isles were still joined to Europe, the Baltic Sea was non-existent, and the Sahara Desert was still ocean.

Một cơn địa chấn hành tinh kinh hoàng đã diễn ra vào năm 75.025 trước Công nguyên, trận thứ ba trong số bốn trận đại hồng thủy. Do đó, Daitya, Đảo phía Nam, gần như biến mất hoàn toàn, Ruta bị thu hẹp thành Đảo Poseidonis tương đối nhỏ, nằm ở khoảng trung tâm của Đại Tây Dương. Các bề mặt đất khác sau đó gần giống như ngày nay, mặc dù Quần đảo Anh vẫn được sáp nhập vào Châu Âu, Biển Baltic không tồn tại và Sa mạc Sahara vẫn là đại dương.

In the fourth and final cataclysm of 10,000 years ago Poseidonis entirely disappeared and the submergence brought up the Sahara Desert out of the sea and caused huge tidal waves in the Mediterranean countries. This is the historical basis for the story of the Deluge

Trong trận đại hồng thủy cuối cùng và thứ tư cách đây 10.000 năm, Poseidonis hoàn toàn biến mất và sự nhấn chìm đã đưa Sa mạc Sahara lên khỏi biển và gây ra những đợt sóng thần khổng lồ ở các nước Địa Trung Hải. Đây là cơ sở lịch sử cho câu chuyện về Trận Đại

in the Bible and other ancient books.

Hồng Thủy trong Kinh thánh và các sách cổ khác.

Concerning the civilization and people of Atlantis, Theosophy agrees with the descriptions given by Plato and also has much further information to give. The Atlantean Race was the fourth of the seven major races of man which will occupy this planet during this present period of activity. The fifth or Aryan Race is now in process of development.

Liên quan đến nền văn minh và con người của Atlantis, Thông Thiên Học đồng ý với những mô tả do Plato đưa ra và cũng có nhiều thông tin hơn để cung cấp. Chủng dân Atlantis là chủng dân thứ tư trong số bảy chủng dân chính của loài người, vốn sẽ chiếm giữ hành tinh này trong giai đoạn hoạt động hiện tại. Chủng dân thứ năm hay Arya hiện đang trong quá trình phát triển.

The Atlantean peoples are still numerically preponderant on the earth. Here is a list of some of the nations which belong to that Race: The Laplanders, the Patagonians, the American Indians of both North and South America, the inland Chinese, the Basque people of Spain, the Magyars of Hungary, the Japanese and all the Mongolian, religion, politics and social structure was displayed throughout the long period of Atlantean development. Occult records exist of a very high state of civilization achieved about the midpoint of the Atlantean race and centred around the capital city. This was the famous City of the Golden Gates. This epoch is sometimes called the Toltec Golden Age; for an almost perfect, communal society then existed for some 100,000 years. This civilization was based upon this central idea: from each according to his capacity, to each according to his need. During this time there was practically no crime and the most serious punishment consisted of banishment which was dreaded. The Atlanteans were great colonizers, sailors and merchants. They founded an empire in Peru and earlier still in Egypt. Eventually, serious malpractices, including very evil forms of sorcery, developed and threatened the progress of the whole Atlantean race. They eventually recovered, however, and gave birth to the

Các dân tộc Atlantis vẫn chiếm số lượng lớn trên trái đất. Dưới đây là danh sách một số quốc gia thuộc chủng dân đó: Người Lapland, người Patagonia, người da đỏ châu Mỹ ở cả Bắc và Nam Mỹ, người Trung Quốc nội địa, người Basque ở Tây Ban Nha, người Magyar ở Hungary, người Nhật Bản và tất cả người Mông Cổ, tôn giáo, chính trị và cơ cấu xã hội đã được thể hiện trong suốt thời kỳ phát triển lâu dài của Atlantis. Các ghi chép huyền bí cho thấy một trạng thái văn minh rất cao đã đạt được vào khoảng giữa chủng dân Atlantis và tập trung xung quanh thành phố thủ đô. Đây là Thành phố Cổng Vàng nổi tiếng. Thời đại này đôi khi được gọi là Thời đại Vàng Toltec; vì một xã hội cộng đồng gần như hoàn hảo sau đó đã tồn tại trong khoảng 100.000 năm. Nền văn minh này dựa trên ý tưởng trung tâm này: từ mỗi người theo khả năng của mình, cho mỗi người theo nhu cầu của mình. Trong thời gian này, hầu như không có tội phạm và hình phạt nghiêm trọng nhất là trục xuất, vốn rất đáng sợ. Người Atlantis là những nhà thực dân, thủy thủ và thương nhân vĩ đại. Họ đã thành lập một đế chế ở Peru và trước đó nữa là ở Ai Cập. Cuối cùng, những hành vi sai trái nghiêm trọng, bao gồm cả các hình thức phù phép rất xấu xa, đã phát triển và đe dọa sự tiến bộ của toàn bộ chủng dân Atlantis. Tuy nhiên, cuối cùng Các Ngài đã phục hồi và sinh ra chủng dân Arya mà hầu hết chúng ta thuộc về.

Aryan race to which most of us belong.

The progress of humanity thus continues. Indeed, the Theosophist cannot despair, cannot fear that all human achievement could be swallowed up in unheeding, everlasting night. The Theosophist knows that mankind moves through innumerable ages to ever-increasing power, wisdom and glory.

Sự tiến bộ của nhân loại cứ thế tiếp tục. Thật vậy, nhà Thông Thiên Học không thể tuyệt vọng, không thể sợ hãi rằng mọi thành tựu của con người có thể bị nuốt chửng trong màn đêm vĩnh cửu, không ai hay biết. Nhà Thông Thiên Học biết rằng nhân loại trải qua vô số kỷ nguyên để đạt đến sức mạnh, minh triết và vinh quang ngày càng tăng.

Theosophy in Australia, 3, 10 August 1951, p. 7

Theosophy in Australia, 3, 10 August 1951, tr. 7

52

Study Corner [1]—*Góc Học Tập [1]*

SOME DEFINITIONS

MỘT VÀI ĐỊNH NGHĨA

The Auric Envelope

Vỏ Hào Quang

The human aura is described as a subtle, invisible essence or fluid that emanates from human, animal, and even inanimate bodies. It is a psychic effluvium, superphysical and physical including the electro-vital emanations from the physical body in the case of man. It is usually oviform or egg-shaped and is the seat of the Monadic, spiritual, intellectual, mental, passional and vital energies, faculties and potentialities of the whole sevenfold man.

Hào quang con người được mô tả như một bản chất hoặc lưu chất tinh tế, vô hình phát ra từ cơ thể người, động vật và thậm chí cả vật vô tri. Nó là một luồng khí tâm linh, siêu vật chất và vật chất bao gồm cả những phát xạ điện sinh từ thể xác trong trường hợp con người. Nó thường có hình trứng hoặc hình quả trứng và là nơi chứa các năng lượng, khả năng và tiềm năng Chân Thần, tinh thần, trí tuệ, trí tuệ, đam mê và sinh lực của toàn bộ con người thất phân.

The auric envelope refers to both the edge or extreme range of the auric radiations (envelope) and the presence of germinal powers, particularly those retained in the immortal vesture of the triple Self known as the Causal Body. This vehicle is more especially symbolized by the Arks of the flood legends of the Scriptures of ancient peoples, and by boats introduced into other allegorical narratives such as those of the ships built by Argus and Deucalion (Greek mythology), that

Phong bì hào quang đề cập đến cả rìa hoặc phạm vi cực độ của các bức xạ hào quang (phong bì) và sự hiện diện của các năng lực mầm mống, đặc biệt là những năng lực được giữ lại trong lớp áo bất tử của Tam Ngã tam phân được gọi là Thể Nguyên Nhân. Vận cụ này được tượng trưng đặc biệt hơn bởi các Hòm trong truyền thuyết lũ lụt của Kinh thánh của các dân tộc cổ đại, và bởi những chiếc thuyền được giới thiệu vào các câu chuyện ngụ ngôn khác như những chiếc

built for Vaivasvata (*Mahabharata*, the *Puranas* and the *Brahamanas*), and that upon which Christ performed the miracle of the stilling of the tempest (Matthew 8:23-26).

thuyền do Argus và Deucalion (thần thoại Hy Lạp) đóng, chiếc thuyền được đóng cho Vaivasvata (Mahabharata, Puranas và Brahamanas), và chiếc thuyền mà Đức Christ đã thực hiện phép lạ dẹp yên bão tố (Ma-thi-ơ 8:23-26).

In general the auric envelope is the edge and sum total of the substance of the seven human bodies, physical and superphysical, and their subtle radiations.

Nói chung, phong bì hào quang là rìa và tổng số chất của bảy thể người, thể xác và siêu vật chất, và các bức xạ tinh tế của chúng.

***Parabrahman* (Sanskrit)**

Parabrahman (tiếng Phạn)

'Beyond *Brahma*', the Supreme, Infinite *Brahma,* the absolute attributeless, secondless reality, the impersonal, nameless universal and Eternal Principle. *Brahman* (Sanskrit). The impersonal supreme and incognizable Principle of the Universe, from the essence of which all emanates, and into which all returns.

'Vượt lên trên Brahma', Brahma Tối Cao, Vô Hạn, thực tại tuyệt đối vô thuộc tính, vô nhị, Nguyên Khí phổ quát và Vĩnh Hằng vô danh, phi cá nhân. Brahman (tiếng Phạn). Nguyên Khí tối cao và bất khả tri phi cá nhân của Vũ Trụ, từ bản chất của nó mà tất cả phát ra, và trong đó tất cả trở về.

Creation

Sáng Tạo

The emergence and subsequent development of a Universe and its contents is regarded in occult philosophy as being less the result of an act of creation, followed by natural evolution than a process of emanation guided by intelligent Forces under immutable Law. The creation or emergence of Universes from nothing is not an acceptable concept, all being regarded as emanating from an all-containing, sourceless Source, the Absolute.

Sự xuất hiện và sự phát triển tiếp theo của một Vũ Trụ và các nội dung của nó được coi trong triết học huyền bí là ít kết quả của một hành động sáng tạo, tiếp theo là sự tiến hóa tự nhiên hơn là một quá trình xuất lộ được hướng dẫn bởi các Mãnh Lực thông minh theo Định luật bất biến. Sự sáng tạo hoặc xuất hiện của các Vũ Trụ từ hư không không phải là một khái niệm có thể chấp nhận được, tất cả đều được coi là phát ra từ một Nguồn chứa tất cả, vô nguồn, Tuyệt Đối.

The Ego

Chân Ngã

The threefold, immortal, unfolding spiritual Self of man in its vesture of light, the 'Robe of Glory' of the Gnostics and the *Karana Sharira,* or Causal Body, of Hindu philosophy. This higher Triad evolves to Adeptship by virtue of successive lives on Earth, all linked together

Tam ngã tinh thần bất tử, khai triển tam phân của con người trong lớp áo ánh sáng của nó, 'Áo Choàng Vinh Quang' của các nhà ngộ đạo và Karana Sharira, hay Thể Nguyên Nhân, của triết học Hindu. Tam Nguyên này tiến hóa thành Địa vị Chân sư nhờ các kiếp sống liên

because they are reincarnations of the same spiritual Self. Thus the Ego, in its turn, is an individualized manifestation of the Monad, which is the eternal Self of man, the Dweller in the Innermost, a unit of the Spirit-Essence of the Universe.

tiếp trên Trái Đất, tất cả được liên kết với nhau vì chúng là sự tái sinh của cùng một Chân Ngã tinh thần. Do đó, Chân Ngã, đến lượt nó, là một biểu hiện cá nhân hóa của Chân Thần, vốn là Bản Ngã vĩnh cửu của con người, Kẻ Ngự Bên Trong, một đơn vị của Tinh Hoa Tinh Thần của Vũ Trụ.

The Absolute

In occult philosophy the term 'God' in its highest meaning refers to a Supreme, Eternal and Indefinable Reality. This Absolute is inconceivable, ineffable and unknowable. Its revealed existence is postulated in three terms: an absolute Existence, an absolute Consciousness, and an absolute Bliss. Infinite Consciousness is regarded as inherent in the supreme Being as a dynamic Force that manifests the potentialities held in its own infinitude, and calls into being forms out of its own formless depths.

Tuyệt Đối

Trong triết học huyền bí, thuật ngữ 'Thượng đế' trong ý nghĩa cao nhất của nó đề cập đến một Thực Tại Tối Cao, Vĩnh Hằng và Bất Khả Định Nghĩa. Tuyệt Đối này là không thể tưởng tượng, không thể diễn tả và không thể biết được. Sự tồn tại được tiết lộ của nó được đưa ra trong ba thuật ngữ: một Sự Tồn Tại tuyệt đối, một Tâm Thức tuyệt đối và một Niềm Hoan Lạc tuyệt đối. Tâm Thức Vô Hạn được coi là vốn có trong Đấng Tối Cao như một Mãnh Lực năng động biểu hiện các tiềm năng được giữ trong sự vô hạn của chính nó, và kêu gọi sự hình thành từ những chiều sâu vô hình của chính nó.

God

This word appearing in the first verse of the first Chapter of the Book of Genesis is a mistranslation, and a very misleading one, of the Hebrew word in the original *Elohim.* This word denotes the male-female Hierarchies of creative Intelligence or Potencies through which the Divine produces the manifested Universe: the unity of the powers, the attributes and the creative activities of the Supreme Being. 'Elohim' is a plural name, the singular form of the word being 'Eloha', i.e. a 'god'. 'Elohim', therefore literally means 'gods',' personifications of divine attributes or the forces at work in Nature. Admittedly the 'Elohim' are also conceived as a Unity in the sense that they all work together as One, expressing One Will, One Purpose, One Har-

Thượng đế

Từ này xuất hiện trong câu đầu tiên của Chương đầu tiên của Sách Sáng Thế Ký là một bản dịch sai, và một bản dịch rất gây hiểu lầm, của từ tiếng Do Thái trong nguyên bản Elohim. Từ này biểu thị các Huyền Giai nam-nữ của Trí Tuệ hoặc Tiềm Năng sáng tạo mà qua đó Đấng Thiêng Liêng tạo ra Vũ Trụ biểu hiện: sự thống nhất của các quyền năng, các thuộc tính và các hoạt động sáng tạo của Đấng Tối Cao. 'Elohim' là một tên số nhiều, dạng số ít của từ này là 'Eloha', tức là một 'thượng đế'. Do đó, 'Elohim' theo nghĩa đen có nghĩa là 'các vị thần', 'sự nhân cách hóa các thuộc tính thiêng liêng hoặc các lực lượng hoạt động trong Tự Nhiên. Phải thừa nhận rằng 'Elohim' cũng được hình dung như một Sự Thống Nhất theo nghĩa là tất cả Các Ngài cùng nhau làm

mony. Thus their activities are regarded as the manifestation of the Eternal One, the Absolute. 'Elohim' might therefore be explained as 'the Unity of gods' or 'the Activities of the Eternal One', namely God omnipresent and revealing Himself outwardly in creative activity (Partly paraphrased from *The Unknown God,* P. J. Mayers).

việc như Một, thể hiện Một Ý Chí, Một Mục Đích, Một Sự Hòa Hợp. Do đó, các hoạt động của Các Ngài được coi là sự biểu hiện của Đấng Vĩnh Hằng, Đấng Tuyệt Đối. Do đó, 'Elohim' có thể được giải thích là 'Sự Thống Nhất của các vị thần' hoặc 'Các Hoạt Động của Đấng Vĩnh Hằng', cụ thể là Thượng đế hiện diện khắp nơi và tự biểu lộ ra bên ngoài trong hoạt động sáng tạo (Một phần được diễn giải từ The Unknown God, P. J. Mayers).

Ring-Pass-Not

Vòng-Giới-Hạn

The outermost edge or limits marked out by the Logos within which His System is to appear. Macrocosmically, it is the presumed boundary within which is contained the consciousness of all beings evolving within the circumscribed field or area of Space—microcosmically the Auric Envelope.

Rìa ngoài cùng hoặc giới hạn được đánh dấu bởi Hành Tinh Thượng đế bên trong đó Hệ Thống của Ngài sẽ xuất hiện. Về mặt vĩ mô, nó là ranh giới được cho là bên trong đó chứa đựng tâm thức của tất cả chúng sinh tiến hóa trong phạm vi hoặc khu vực Không Gian được giới hạn—về mặt vi mô là Phong Bì Hào Quang.

Applied solely to states of consciousness, this term signifies the circle or frontiers, great or small, to which realization and awareness are limited. In the course of evolution each entity reaches successive stages of unfoldment out of which its consciousness cannot pass to the conditions attained at later or higher phases of development. This applies to beings at all degrees of growth, from the animal to the Solar Deity, each having a limit to its range of awareness, this being appropriate to its evolutionary stature.

Áp dụng riêng cho các trạng thái tâm thức, thuật ngữ này biểu thị vòng tròn hoặc biên giới, lớn hay nhỏ, mà sự nhận biết và nhận thức bị giới hạn. Trong quá trình tiến hóa, mỗi thực thể đạt đến các giai đoạn khai triển liên tiếp mà từ đó tâm thức của nó không thể vượt qua các điều kiện đạt được ở các giai đoạn phát triển sau này hoặc cao hơn. Điều này áp dụng cho chúng sinh ở mọi mức độ tăng trưởng, từ động vật đến Thái dương Thượng đế, mỗi chúng sinh có một giới hạn đối với phạm vi nhận thức của mình, giới hạn này phù hợp với tầm vóc tiến hóa của nó.

For animals the Ring-Pass-Not is self-consciousness, which they lack. For man it concerns full spiritual Self-awareness and ability to realize dimensions of space beyond the normal three. These limitations may also be regarded as portals or 'points of transmission' leading from one plane of existence to another.

Đối với động vật, Vòng-Giới-Hạn là tự tâm thức, thứ mà chúng thiếu. Đối với con người, nó liên quan đến sự Tự nhận biết tinh thần đầy đủ và khả năng nhận ra các chiều không gian vượt ra ngoài ba chiều thông thường. Những giới hạn này cũng có thể được coi là các cổng hoặc 'điểm truyền dẫn' dẫn từ cõi tồn tại này sang cõi tồn tại khác.

Theosophy in New Zealand, Vol. 26, No. 3, 1965, p. 60

Theosophy in New Zealand, Tập. 26, Số 3, 1965, tr. 60

53

Theosophy as Interior Experience [1]—Thông Thiên Học như là Kinh Nghiệm Nội Tại [1]

What Is Theosophy?

We, theosophists, have discovered within ourselves a wellspring of life, of happiness, of inspiration. Theosophy has led us to this discovery. If we choose to become active theosophists — and happily we are quite free in this choice — our task is to lead humanity to its own truth as we have been led. Our work is to re-establish the Wisdom-Religion on earth.

Before we can effectively fulfil this function, we must answer to our own satisfaction the question: 'What is Theosophy?' The usual answer is based upon the Greek words from which the name is derived *Theo-Sophia,* meaning divine wisdom. Madame Blavatsky's definition is: 'Theosophy in its abstract meaning is Divine Wisdom, or the aggregate of the knowledge and wisdom that underlie the Universe—the homogeneity of eternal good; and in its concrete sense it is the sum total of the same as allotted to man by Nature, on this earth and no more'.

I wish to draw attention to one phrase in this definition: 'Theosophy', says Madame Blavatsky, 'is the aggregate of the knowledge and the wisdom that underlie the Universe... it is the sum total of the same as allotted to man by Nature, on this earth, and no more'.

Thông Thiên Học Là Gì?

Chúng ta, những nhà thông thiên học, đã khám phá ra bên trong mình một mạch nguồn sự sống, hạnh phúc, cảm hứng. Thông Thiên Học đã dẫn chúng ta đến khám phá này. Nếu chúng ta chọn trở thành những nhà thông thiên học tích cực — và thật may mắn là chúng ta hoàn toàn tự do trong sự lựa chọn này — nhiệm vụ của chúng ta là dẫn dắt nhân loại đến chân lý của chính nó như chúng ta đã được dẫn dắt. Công việc của chúng ta là tái thiết lập Tôn Giáo Minh Triết trên trái đất.

Trước khi có thể hoàn thành hiệu quả chức năng này, chúng ta phải **trả lời** một cách thỏa đáng cho câu hỏi của chính mình: 'Thông Thiên Học là gì?' Câu **trả lời** thông thường dựa trên các từ tiếng Hy Lạp mà từ đó tên gọi này bắt nguồn Theo-Sophia, có nghĩa là minh triết thiêng liêng. Định nghĩa của Bà Blavatsky là: 'Thông Thiên Học theo nghĩa trừu tượng của nó là Minh Triết Thiêng Liêng, hoặc tổng hợp của tri thức và minh triết vốn nằm dưới Vũ Trụ—tính đồng nhất của điều thiện vĩnh cửu; và theo nghĩa cụ thể của nó, nó là tổng số của những điều tương tự như được Tự Nhiên phân bổ cho con người, trên trái đất này và không hơn'.

Tôi muốn thu hút sự chú ý đến một cụm từ trong định nghĩa này: 'Thông Thiên Học', Bà Blavatsky nói, 'là tổng hợp của tri thức và minh triết vốn nằm dưới Vũ Trụ... nó là tổng số của những điều tương tự như được Tự Nhiên phân bổ cho con người, trên trái đất

What may we assume is meant here by the phrase 'as allotted to man by Nature?' In what sense may Nature be said to have allotted Theosophy to man?

này, và không hơn'. Chúng ta có thể cho rằng cụm từ 'như được Tự Nhiên phân bổ cho con người' ở đây có nghĩa là gì? Theo nghĩa nào có thể nói rằng Tự Nhiên đã phân bổ Thông Thiên Học cho con người?

In seeking an answer, we at once perceive that according to this definition Theosophy is not a wisdom, a knowledge, a power separate from or outside of man. It is something allotted to man by Nature. It is therefore part of man. Being divine, it is therefore eternal. In consequence, Theosophy must be regarded not only as a science of life studied and partly comprehended by the lower quaternary, the mortal man. Theosophy must also be regarded as an attribute of the higher Triad, the immortal Self. Thus Theosophy is not only a divine wisdom which by study and practice becomes incorporated into man as an enrichment of his mind, an enlargement of his concrete knowledge. Theosophy, being eternal, appertains to the eternal Self of man.

Khi tìm kiếm câu **trả lời**, chúng ta ngay lập tức nhận thấy rằng theo định nghĩa này, Thông Thiên Học không phải là một minh triết, một tri thức, một quyền năng tách biệt hoặc bên ngoài con người. Đó là một cái gì đó được Tự Nhiên phân bổ cho con người. Do đó, nó là một phần của con người. Vì là thiêng liêng, nên nó là vĩnh cửu. Do đó, Thông Thiên Học phải được coi không chỉ là một khoa học về sự sống được nghiên cứu và một phần được lĩnh hội bởi tứ thể thấp, con người phàm trần. Thông Thiên Học cũng phải được coi là một thuộc tính của Tam Nguyên cao, Chân Ngã bất tử. Do đó, Thông Thiên Học không chỉ là một minh triết thiêng liêng mà nhờ nghiên cứu và thực hành trở thành một phần của con người như một sự làm giàu cho thể trí của y, một sự mở rộng tri thức cụ thể của y. Thông Thiên Học, vì là vĩnh cửu, thuộc về Chân Ngã vĩnh cửu của con người.

Since that Self is triple in Its nature, we have a threefold definition of Theosophy. In its wisdom aspect, Theosophy is an attribute or manifestation of the *Buddhic* Self of man. In its intellectual aspect, it is an attribute or manifestation of the higher *Manasic* Self of man. In its power aspect Theosophy is an attribute and manifestation of the *Atmic* Self of man. In a phrase: Theosophy is the innate wisdom, knowledge and power of the inner Self of man, latent or active in varying degrees.

Vì Chân Ngã đó có bản chất tam phân, chúng ta có một định nghĩa tam phân về Thông Thiên Học. Trong khía cạnh minh triết của nó, Thông Thiên Học là một thuộc tính hoặc biểu hiện của Bồ Đề Ngã của con người. Trong khía cạnh trí tuệ của nó, nó là một thuộc tính hoặc biểu hiện của Thượng Trí Ngã của con người. Trong khía cạnh quyền năng của nó, Thông Thiên Học là một thuộc tính và biểu hiện của Atma Ngã của con người. Tóm lại: Thông Thiên Học là minh triết, tri thức và quyền năng bẩm sinh của Nội Ngã của con người, tiềm ẩn hoặc tích cực ở các mức độ khác nhau.

Before proceeding to examine this concept and its implications, let us consider a question which arises out of it. If Theosophy is within

Trước khi tiến hành xem xét khái niệm này và những hàm ý của nó, chúng ta hãy xem xét một câu hỏi nảy sinh từ nó. Nếu Thông Thiên

you what is the place, value, of the externally propounded doctrines through which most of us first learn of the existence of Theosophy? What is the relation between the Theosophy of the inner Self and the Ancient Wisdom in its concrete form delivered to humanity age by age by the Adept Teachers of the race?

Học ở bên trong bạn thì vị trí, giá trị của các học thuyết được đề xuất từ bên ngoài mà qua đó hầu hết chúng ta lần đầu tiên biết đến sự tồn tại của Thông Thiên Học là gì? Mối quan hệ giữa Thông Thiên Học của Nội Ngã và Minh Triết Cổ Xưa trong hình thức cụ thể của nó được các Huấn Sư Chân sư của nhân loại truyền lại qua các thời đại là gì?

The value of doctrinal Theosophy is, I think, abundantly clear. Apart from its great practical usefulness as a guide to intelligent living and therefore to happiness, it constitutes a pathway or gateway leading from concrete to abstract levels of consciousness, from an externally perceived scientific philosophy to an interior illumination, from time-conditioned exposition to eternal truth.

Tôi nghĩ rằng giá trị của Thông Thiên Học giáo điều là hoàn toàn rõ ràng. Ngoài tính hữu ích thực tế to lớn của nó như một hướng dẫn cho cuộc sống thông minh và do đó cho hạnh phúc, nó còn tạo thành một con đường hoặc cổng dẫn từ các cấp độ tâm thức cụ thể đến trừu tượng, từ một triết lý khoa học được nhận thức bên ngoài đến một sự soi sáng nội tại, từ sự trình bày có điều kiện về thời gian đến chân lý vĩnh cửu.

Theosophy as it exists in our books and is taught in our lodges is therefore in no sense an end in itself. As must ever be remembered, external Theosophy can never possess the attribute of finality. However brilliantly grasped and expounded it will ever remain unfinished and its concepts of truth entirely relative. The marvellous collection of doctrine, of knowledge of ideas — Theosophy-of-the-books — whilst of the greatest value as a practical philosophy of life, is of infinitely greater value as a bridge leading 'from the unreal to the real, from darkness to light, from death to immortality'. Recognition of this fact in no way decreases one's appreciation of the doctrines-in-time. Indeed, if anything their value is enhanced; for is it not far more valuable to exist and function as a gateway leading to wider fields than to be the end of a road?

Do đó, Thông Thiên Học như nó tồn tại trong sách của chúng ta và được giảng dạy trong các chi hội của chúng ta không phải là một mục đích tự thân. Như phải luôn được ghi nhớ, Thông Thiên Học bên ngoài không bao giờ có thể sở hữu thuộc tính cuối cùng. Dù được nắm bắt và trình bày một cách xuất sắc đến đâu, nó sẽ mãi mãi vẫn chưa hoàn thành và các khái niệm về chân lý của nó hoàn toàn mang tính tương đối. Bộ sưu tập giáo lý, tri thức, ý tưởng tuyệt vời — Thông Thiên Học-của-sách — trong khi có giá trị lớn nhất như một triết lý sống thực tế, thì có giá trị lớn hơn vô cùng như một cây cầu dẫn 'từ cái không có thật đến cái có thật, từ bóng tối đến ánh sáng, từ cái chết đến sự bất tử'. Việc thừa nhận sự thật này không làm giảm sự đánh giá cao của một người đối với các học thuyết-trong-thời gian. Thật vậy, nếu có gì thì giá trị của chúng còn được nâng cao; vì chẳng phải việc tồn tại và hoạt động như một cánh cổng dẫn đến những lĩnh vực rộng lớn hơn còn giá trị hơn nhiều so với việc là điểm cuối của một con đường sao?

Returning to the main theme, we may ask: Of what practical value is this concept of 'Theosophy as interior wisdom, knowledge and power?' What are the implications for Fellows of The Theosophical Society? This concept can be of the greatest help to all of us and especially to the teacher of Theosophy. Throughout his expositions he is, or should be, continually aware that whilst he is imparting to his hearers doctrines as guides to life down here, he is also pointing out to them a road leading from external Theosophy to the wisdom, the knowledge and the power which are the very essence of the interior Self.

Quay trở lại chủ đề chính, chúng ta có thể hỏi: Khái niệm 'Thông Thiên Học như là minh triết, tri thức và quyền năng nội tại' này có giá trị thực tế gì? Những hàm ý đối với Các Hội Viên của Hội Thông Thiên Học là gì? Khái niệm này có thể giúp ích rất nhiều cho tất cả chúng ta và đặc biệt là cho các huấn sư của Thông Thiên Học. Trong suốt các bài thuyết trình của mình, y đang, hoặc nên, liên tục nhận thức được rằng trong khi y đang truyền đạt cho người nghe của mình các học thuyết như những hướng dẫn cho cuộc sống ở dưới đây, y cũng đang chỉ ra cho họ một con đường dẫn từ Thông Thiên Học bên ngoài đến minh triết, tri thức và quyền năng vốn là bản chất của Nội Ngã.

The function of the theosophical teacher is now seen to be at least dual. Whilst he expounds doctrines pointing out their intellectual and their practical implications, he also leads his students to the discovery of their own truth. Here at once we are face to face with one of the great difficulties of our work. It is the relative scarcity of teachers who are able to fill this dual role. This difficulty exists partly because we are a society of men and women who are active out in the world. Nearly all of us have worldly duties which prevent us from giving ourselves wholly to the study and exposition of Theosophy. Very few of us are in circumstances which permit either prolonged study or the regular practice of yoga.

Vai trò của huấn sư Thông Thiên Học giờ đây được xem là ít nhất cũng có tính chất kép. Trong khi Ngài giải thích các giáo lý chỉ ra những hàm ý trí tuệ và thực tiễn của chúng, Ngài cũng dẫn dắt các học viên của mình khám phá ra chân lý của riêng họ. Ngay lập tức ở đây, chúng ta phải đối mặt với một trong những khó khăn lớn trong công việc của mình. Đó là sự khan hiếm tương đối của các huấn sư vốn có khả năng đảm nhận vai trò kép này. Khó khăn này tồn tại một phần vì chúng ta là một hiệp hội gồm những người nam và nữ đang hoạt động ngoài thế giới. Gần như tất cả chúng ta đều có những bổn phận trần tục vốn ngăn cản chúng ta hiến mình hoàn toàn cho việc nghiên cứu và trình bày Thông Thiên Học. Rất ít người trong chúng ta có hoàn cảnh cho phép nghiên cứu kéo dài hoặc thực hành yoga thường xuyên.

Even to those free of temporal activities and obligations, fulfilment of the dual role of teacher and spiritual leader demands the highest qualifications. Expositions of doctrinal Theosophy may not be difficult for those who have the interest, the education, the leisure and the intellectual capacity

Ngay cả đối với những người không vướng bận các hoạt động và nghĩa vụ trần tục, việc hoàn thành vai trò kép của huấn sư và nhà lãnh đạo tinh thần đòi hỏi những phẩm chất cao nhất. Việc trình bày Thông Thiên Học về mặt giáo lý có thể không khó đối với những người có sự quan tâm, trình độ học vấn, thời gian rảnh rỗi

required. For them success depends upon self-application, upon effort. Successfully to impart the main theosophical teachings and in addition to elevate the consciousness, truly to illumine the minds and hearts of listeners and students inspiring them to set forth on the great quest of their own inner Light such a task is indeed difficult of fulfilment.

và năng lực trí tuệ cần thiết. Đối với họ, thành công phụ thuộc vào sự tự giác, vào nỗ lực. Để truyền đạt thành công những giáo lý Thông Thiên Học chính và ngoài ra còn nâng cao tâm thức, thực sự soi sáng trí tuệ và trái tim của những người lắng nghe và học viên, truyền cảm hứng cho họ lên đường theo đuổi cuộc tìm kiếm vĩ đại Ánh Sáng nội tại của chính họ, một nhiệm vụ như vậy thực sự khó hoàn thành.

Why is this so? Is it not due to the operation of a natural law? According to this law only the self-illumined can illumine another. Spiritually, no man can give to another that which he does not possess himself. He who has not found his own inner Light cannot be a light in another's darkness.

Tại sao lại như vậy? Chẳng phải là do sự vận hành của một định luật tự nhiên hay sao? Theo định luật này, chỉ người tự soi sáng mới có thể soi sáng cho người khác. Về mặt tinh thần, không ai có thể cho người khác cái mà bản thân y không có. Người nào chưa tìm thấy Ánh Sáng nội tại của chính mình thì không thể là ánh sáng trong bóng tối của người khác.

Thus we are led to one conclusion. Since Theosophy is within each one of us and our task is to lead our fellow men to their own Theosophy, practical, intellectual and spiritual, we must each one of us, first discover our own Theosophy. We must find that Theosophy which is the knowledge and the power of the inner Ruler Immortal.

Vì vậy, chúng ta đi đến một kết luận. Vì Thông Thiên Học nằm trong mỗi chúng ta và nhiệm vụ của chúng ta là dẫn dắt đồng loại đến với Thông Thiên Học của riêng họ, về mặt thực tiễn, trí tuệ và tinh thần, thì mỗi người chúng ta phải khám phá ra Thông Thiên Học của riêng mình trước đã. Chúng ta phải tìm ra Thông Thiên Học vốn là tri thức và quyền năng của Đấng Cai Trị Bất Tử bên trong.

Self-Illumination

How shall this discovery be made?

First: I submit, by a recognition of its necessity, hence this address of mine. Second: by an application both to our daily lives and to our intellectual and spiritual evolution of the theosophical teachings concerning the way of self-illumination.

With regard to necessity, in my Convention address of last year I stated that Discipleship whether of a great Being or of a great Ideal was the hope of the world. I repeat that affirmation

Tự Soi Sáng

Làm thế nào để thực hiện khám phá này?

Thứ nhất: Tôi xin trình bày, bằng cách nhận ra sự cần thiết của nó, do đó có bài nói này của tôi. Thứ hai: bằng cách áp dụng cả vào cuộc sống hàng ngày và vào sự tiến hóa trí tuệ và tinh thần của chúng ta những giáo lý Thông Thiên Học liên quan đến con đường tự soi sáng.

Về sự cần thiết, trong bài phát biểu tại Hội nghị năm ngoái của tôi, tôi đã tuyên bố rằng Địa vị Đệ tử, dù là của một Đấng Cao Cả hay của một Lý Tưởng vĩ đại, là hy vọng của thế giới.

now. For the events of the past, twelve months have abundantly demonstrated the failure of a statesmanship, the principles of which emanate from the concrete analytical mind. The crying need is still more painfully evident now for a statesmanship in the conduct of life individual, national and international, the principles of which emanate from minds illumined by the light of wisdom and established upon the limitless power of the spiritual Self.

Bây giờ tôi xin nhắc lại lời khẳng định đó. Vì các sự kiện đã qua, mười hai tháng đã chứng minh đầy đủ sự thất bại của một nền chính trị mà các nguyên tắc của nó xuất phát từ trí cụ thể phân tích. Nhu cầu cấp thiết vẫn còn rõ ràng hơn bây giờ đối với một nền chính trị trong việc điều hành cuộc sống cá nhân, quốc gia và quốc tế, mà các nguyên tắc của nó xuất phát từ trí tuệ được soi sáng bởi ánh sáng của minh triết và được thiết lập trên quyền năng vô hạn của Chân Ngã tinh thần.

Theosophy completely meets this need. As I have already stated, it is the bridge between the lower and the higher, the mortal and the immortal, the time-imprisoned and the eternal Self of man.

Thông Thiên Học đáp ứng hoàn toàn nhu cầu này. Như tôi đã nói, nó là cầu nối giữa cái thấp và cái cao, cái chết và cái bất tử, cái bị giam cầm trong thời gian và Chân Ngã vĩnh cửu của con người.

Mere contemplation of a bridge, however intelligent and complete, will not carry the traveller across the stream. The study alone of a gate and a gateway, however comprehensive and exact, will not lead the student to the fields beyond. The bridge must be crossed. The gate must be opened and the traveller must move forward. So with ourselves, if we would become teachers of the Wisdom, we must pass from the intellectual grasp of doctrinal Theosophy into living experience of Theosophy itself, the interior light, life and power of our inner Selves.

Tuy nhiên, việc chỉ chiêm ngưỡng một cây cầu, dù thông minh và hoàn chỉnh đến đâu, cũng sẽ không đưa người lữ hành qua dòng suối. Việc chỉ nghiên cứu một cánh cổng và một lối vào, dù toàn diện và chính xác đến đâu, cũng sẽ không dẫn người học đến những cánh đồng phía bên kia. Cây cầu phải được băng qua. Cánh cổng phải được mở ra và người lữ hành phải tiến lên phía trước. Vì vậy, với chính chúng ta, nếu chúng ta muốn trở thành huấn sư của Minh Triết, chúng ta phải vượt qua sự nắm bắt trí tuệ về Thông Thiên Học giáo lý để đi vào kinh nghiệm sống động về chính Thông Thiên Học, ánh sáng, sự sống và quyền năng nội tại của Chân Ngã bên trong của chúng ta.

What shall we find when the bridge is crossed?

Chúng ta sẽ tìm thấy gì khi cây cầu được băng qua?

What is the Theosophy of the Ego?

Thông Thiên Học của Chân Ngã là gì?

My own interior experience is admittedly limited, but in answer to those questions I propose to share a part of it with you. Ideally I ought first to say something concerning the means whereby the bridge may be crossed, the gate opened and passed through. An

Kinh nghiệm nội tại của riêng tôi được thừa nhận là có giới hạn, nhưng để **trả lời** những câu hỏi đó, tôi đề xuất chia sẻ một phần kinh nghiệm đó với bạn. Về lý tưởng, trước tiên tôi nên nói điều gì đó về các phương tiện nhờ đó cây cầu có thể được băng qua, cánh cổng được

interesting subject, attempted exposition of which I must however reserve for a future occasion.

mở ra và đi qua. Một chủ đề thú vị, mà tôi phải dành việc trình bày cho một dịp trong tương lai.

Meantime many books on yoga exist, some of them valuable as guides on the pathway of self-illumination.

Trong khi đó, có rất nhiều cuốn sách về yoga, một số trong số đó có giá trị như những hướng dẫn trên con đường tự soi sáng.

Come with me, if only in imagination, through the twin portals of feeling and thought into that temple of light which is theosophically termed the Causal Body of man. Let us perform together an act of yoga. Physically relaxed, affirm with me: —

Hãy đi cùng tôi, dù chỉ trong trí tưởng tượng, qua hai cánh cổng song sinh của cảm xúc và tư tưởng vào ngôi đền ánh sáng vốn được gọi theo Thông Thiên Học là Thể Nguyên Nhân của con người. Chúng ta hãy cùng nhau thực hiện một hành động yoga. Thả lỏng về thể xác, hãy khẳng định với tôi: —

"I am not the physical body. I am the spiritual Self within.

"Tôi không phải là thể xác. Tôi là Chân Ngã tinh thần bên trong.

(Pause).

(Tạm dừng).

I am not the emotional body. I am the spiritual Self within.

Tôi không phải là thể cảm xúc. Tôi là Chân Ngã tinh thần bên trong.

(Pause).

(Tạm dừng).

I am not the mental body. I am the spiritual Self within. (Pause).

Tôi không phải là thể trí. Tôi là Chân Ngã tinh thần bên trong. (Tạm dừng).

I am the divine Self.... Eternal.... Immortal.... Indestructible.

Tôi là Chân Ngã thiêng liêng.... Vĩnh Cửu.... Bất Tử.... Bất Hoại.

(Pause).

(Tạm dừng).

Radiant with divine Light, shining throughout the universe.

Rạng rỡ với Ánh Sáng thiêng liêng, chiếu sáng khắp vũ trụ.

(Pause).

(Tạm dừng).

I am that Light,

Tôi là Ánh Sáng đó,

That Light am I".

Tôi là Ánh Sáng đó".

Thought ceases. The mind is still, the centre of awareness having been transferred from it into the Self within. Consciousness now

Tư tưởng ngừng lại. Thể trí tĩnh lặng, trung tâm nhận thức đã được chuyển từ nó vào Chân Ngã bên trong. Tâm thức giờ đây không còn

consists no more of effort, of speculation, of analysis. These are displaced by effortless, thought-free certitude and by a vivid awareness of freedom. No longer now do we think of the Causal Body, the shining Augoiedes, as a kind of captive balloon floating somewhere above and partly within the physical, astral and mental bodies, connected thereto by a silver cord. We know it now as the 'home' of the Self, the centre of our existence, the bodies its appendages.

bao gồm nỗ lực, suy đoán, phân tích nữa. Những điều này được thay thế bằng sự chắc chắn không cần nỗ lực, không cần suy nghĩ và bằng một nhận thức sống động về sự tự do. Giờ đây, chúng ta không còn nghĩ về Thể Nguyên Nhân, Augoiedes rạng rỡ, như một loại khinh khí cầu bị giam cầm trôi nổi đâu đó phía trên và một phần bên trong thể xác, thể cảm dục và thể trí, được kết nối với chúng bằng một sợi dây bạc. Giờ đây, chúng ta biết nó là 'ngôi nhà' của Chân Ngã, trung tâm sự tồn tại của chúng ta, các thể là những phần phụ của nó.

Consciousness is focussed now in the heart of our existence. We abide in, are surrounded by a great radiance, a robe of light richly hued. Each brilliant colour is also delicate, the whole aureole of light irradiating the personal vehicles and shining forth on every side. Looking outwards at the other Selves, within this radiance perchance a form is visible, a face perhaps, a highly spiritualised representation of the physical face, the eyes alight with spiritual power, expressing ecstasy, bliss, yet strong with the assurance of immortality and indestructibility.

Tâm thức giờ đây tập trung vào trái tim sự tồn tại của chúng ta. Chúng ta ở trong, được bao quanh bởi một sự rạng rỡ vĩ đại, một chiếc áo choàng ánh sáng với những sắc thái phong phú. Mỗi màu sắc rực rỡ cũng đều tinh tế, toàn bộ vầng hào quang ánh sáng chiếu xạ các vận cụ phàm ngã và chiếu sáng ra mọi phía. Nhìn ra bên ngoài vào các Chân Ngã khác, bên trong sự rạng rỡ này có lẽ một hình tướng có thể nhìn thấy được, có lẽ một khuôn mặt, một biểu hiện được linh hóa cao độ của khuôn mặt thể xác, đôi mắt bừng sáng với quyền năng tinh thần, thể hiện sự ngây ngất, phúc lạc, nhưng mạnh mẽ với sự đảm bảo về sự bất tử và bất hoại.

Causal Consciousness

Tâm Thức Nguyên Nhân

In what state or condition of consciousness do we find the inner Self? Upon what activity, if any, is it engaged?

Chúng ta tìm thấy Chân Ngã bên trong ở trạng thái hay điều kiện tâm thức nào? Nó tham gia vào hoạt động nào, nếu có?

The first impression which one generally receives on entering Egoic consciousness as I have said is that of light, of being at the centre of a great radiance, indeed of being light itself One discovers one's Light-Self and perceives something of the glory of that everlasting Light in which all Egos are bathed. Later, through meditation upon the Light aspect of the Self, the inner or 'true' Light of the Solar

Ấn tượng đầu tiên mà người ta thường nhận được khi bước vào tâm thức chân ngã như tôi đã nói là ánh sáng, là ở trung tâm của một sự rạng rỡ vĩ đại, thực sự là chính ánh sáng. Người ta khám phá ra Chân Ngã Ánh Sáng của mình và nhận thức được điều gì đó về vinh quang của Ánh Sáng vĩnh cửu đó, trong đó tất cả các Chân Ngã đều được tắm mình. Sau đó, thông qua thiền định về khía cạnh Ánh Sáng của

System, begins to be more fully perceived. This light pervades all substance which is transparent to it. In it there is no differentiation and no form. There is only a shining sea of light with gradually-realized light-centres of varying degrees of brightness within it, representing the Egos of other beings. Sometimes the experience is less of light alone than of fire. The universe appears as flame-like, as if one were at the heart of the sun as fire and conscious in every electron of its flame. The student himself is that light. No sense of duality is present, the universe being penetrated everywhere with the one everlasting light.

Chân Ngã, Ánh Sáng bên trong hay 'thật' của Hệ Mặt Trời, bắt đầu được nhận thức đầy đủ hơn. Ánh sáng này thấm nhuần tất cả chất liệu vốn trong suốt đối với nó. Trong đó không có sự phân biệt và không có hình tướng. Chỉ có một biển ánh sáng rực rỡ với các trung tâm ánh sáng được nhận ra dần dần với các mức độ sáng khác nhau bên trong nó, đại diện cho các Chân Ngã của những chúng sinh khác. Đôi khi kinh nghiệm này ít chỉ là ánh sáng hơn mà là lửa. Vũ trụ xuất hiện như ngọn lửa, như thể người ta đang ở trung tâm của mặt trời như lửa và ý thức trong mọi electron của ngọn lửa của nó. Bản thân người học là ánh sáng đó. Không có cảm giác nhị nguyên tính nào hiện diện, vũ trụ được thấm nhuần ở khắp mọi nơi bằng ánh sáng vĩnh cửu duy nhất.

Sudden entry into this state can at first produce a certain shock which flings one back into brain consciousness. By practice however the condition can be sustained. One becomes steadier and can to some extent investigate the experience and explore the field of his inner consciousness. Whilst at first too high in frequency safely to be sustained in brain consciousness for long periods it is quite normal at the causal level where there is no slightest sense of strain. Actually, in order to bring the impressions into the brain the frequency must be greatly slowed down, a process which is constantly occurring in ordinary awareness. The experience of genius is a direct manifestation in the brain of this play or movement of consciousness at super-mental frequencies, of the temporary descent from the Ego unimpeded and at its own intensity into the brain of the divine fire of the Self. For the Ego is found to exist in a state of white-hot genius, of overmastering inspiration, of capacity raised to the nth degree.

Việc đột ngột đi vào trạng thái này ban đầu có thể gây ra một cú sốc nhất định khiến người ta quay trở lại tâm thức não bộ. Tuy nhiên, bằng cách thực hành, điều kiện này có thể được duy trì. Người ta trở nên vững vàng hơn và có thể ở một mức độ nào đó điều tra kinh nghiệm và khám phá lĩnh vực tâm thức bên trong của mình. Mặc dù ban đầu tần số quá cao để có thể duy trì an toàn trong tâm thức não bộ trong thời gian dài, nhưng nó hoàn toàn bình thường ở cấp độ nguyên nhân, nơi không có cảm giác căng thẳng dù là nhỏ nhất. Trên thực tế, để đưa những ấn tượng vào não bộ, tần số phải được làm chậm lại rất nhiều, một quá trình liên tục xảy ra trong nhận thức thông thường. Kinh nghiệm về thiên tài là một biểu hiện trực tiếp trong não bộ về sự vận động hay chuyển động này của tâm thức ở các tần số siêu trí tuệ, về sự giáng xuống tạm thời từ Chân Ngã không bị cản trở và ở cường độ riêng của nó vào não bộ về ngọn lửa thiêng liêng của Chân Ngã. Vì Chân Ngã được phát hiện là tồn tại trong một trạng thái thiên tài rực lửa, của nguồn cảm hứng áp đảo, của năng lực được nâng lên mức độ thứ n.

Next is the experience of intensity of existence, of life at an enormously increased voltage. If one imagines the condition at the centre of a terrific explosion at the moment of its occurrence and conceives of that condition being normal and continuous, then one may realize somewhat the exaltation and vividness of Egoic life. One must however remember that this analogy but partly applies. In Egoic consciousness there is no resistance, though the intensity of life resembles that of sudden release of highly compressed energy. Actually a further experience is that of the complete absence of all resistance, indeed of that duality of power and mechanism, consciousness and vehicle, will and resistant matter ever present in personal life. The ascent into Egoic consciousness might perhaps be compared to the sudden releasing of a balloon which for long has been straining at its moorings in a high wind.

Tiếp theo là kinh nghiệm về cường độ tồn tại, về sự sống ở một điện áp tăng lên rất nhiều. Nếu người ta hình dung điều kiện ở trung tâm của một vụ nổ kinh hoàng vào thời điểm nó xảy ra và hình dung điều kiện đó là bình thường và liên tục, thì người ta có thể nhận ra phần nào sự hưng phấn và sống động của cuộc sống chân ngã. Tuy nhiên, người ta phải nhớ rằng sự tương tự này chỉ áp dụng một phần. Trong tâm thức chân ngã, không có sự kháng cự, mặc dù cường độ của sự sống giống với sự giải phóng đột ngột của năng lượng nén cao. Trên thực tế, một kinh nghiệm nữa là sự hoàn toàn không có tất cả sự kháng cự, thực sự là sự nhị nguyên của quyền năng và cơ chế, tâm thức và vận cụ, ý chí và vật chất kháng cự vốn luôn hiện diện trong cuộc sống phàm ngã. Sự thăng lên tâm thức chân ngã có lẽ có thể được so sánh với sự giải phóng đột ngột của một quả bóng bay vốn đã từ lâu căng thẳng ở neo đậu của nó trong một cơn gió lớn.

Theosophy in Australia, 3, 3 June 1939, p. 3

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 3 tháng 6 năm 1939, tr. [2]54[/h2]

54

Theosophy as Interior Experience [2]—Thông Thiên Học như là Kinh Nghiệm Nội Tại [2]

This is not infrequently accompanied by an indescribable inner happiness, mounting even to ecstasy, not unlike but almost infinitely greater than that produced by the realization of reciprocated love. This sense of joy also resembles that experienced at the sudden grasp of a new aspect of truth, the discovery of a philosophic principle or on being greatly inspired in the execution of some piece of creative work. Afterwards a divine bliss and gentleness may pervade the whole nature. All past suffering seems wiped away. The soul is healed and abides in a state of absolute harmony.

Điều này không hiếm khi đi kèm với một hạnh phúc nội tâm không thể diễn tả được, thậm chí lên đến ngây ngất, không giống nhưng gần như vô cùng lớn hơn so với hạnh phúc do việc nhận ra tình yêu được đáp lại tạo ra. Cảm giác vui sướng này cũng giống với cảm giác trải qua khi nắm bắt đột ngột một khía cạnh mới của chân lý, khám phá ra một nguyên tắc triết học hoặc được truyền cảm hứng lớn trong việc thực hiện một tác phẩm sáng tạo nào đó. Sau đó, một niềm phúc lạc và dịu dàng thiêng liêng có thể thấm nhuần toàn bộ bản chất. Tất cả những đau khổ trong quá khứ dường như bị xóa sạch. Linh hồn được chữa lành và ở trong

trạng thái hòa hợp tuyệt đối.

At other times the predominating sense is of immense power, of being a veritable giant of spiritual strength, omnipotent within the field of one's own manifestation.

Vào những thời điểm khác, cảm giác chiếm ưu thế là về quyền năng to lớn, về việc trở thành một người khổng lồ thực sự của sức mạnh tinh thần, toàn năng trong lĩnh vực biểu hiện của riêng mình.

At all times the immortality of the Self is known. The fear of death, though not necessarily of dying, vanishes forever after the first experience of Egoic consciousness.

Vào mọi thời điểm, sự bất tử của Chân Ngã được biết đến. Nỗi sợ hãi về cái chết, mặc dù không nhất thiết là về sự chết, biến mất vĩnh viễn sau kinh nghiệm đầu tiên về tâm thức chân ngã.

There is also a sense of standing alone — not in loneliness but alone-ness. One enjoys an entrancing solitude in which all fullness is impersonally present. One is not swallowed up in light or life. One begins to realize that one IS the Boundless All, always has been and always will be. There is no sense for example of an external watching Deity. But the interior existence of a divine principle throughout all Nature comes to be realized and brings with it a sense of the sacredness of all things.

Ngoài ra còn có một cảm giác đứng một mình — không phải trong cô đơn mà là một mình. Người ta tận hưởng một sự cô độc mê hồn, trong đó tất cả sự viên mãn đều hiện diện một cách phi cá nhân. Người ta không bị nuốt chửng trong ánh sáng hay sự sống. Người ta bắt đầu nhận ra rằng người ta LÀ Tất Cả Vô Biên, luôn luôn như vậy và sẽ luôn luôn như vậy. Ví dụ, không có cảm giác về một Thượng đế quan sát bên ngoài. Nhưng sự tồn tại nội tại của một nguyên khí thiêng liêng trong khắp Tự Nhiên trở nên được nhận ra và mang lại cảm giác về sự thiêng liêng của mọi thứ.

Amidst all this there is a region of Egoic consciousness which is in silence. When you enter there you find yourself dark. Yet the darkness seems pregnant with light, the utter stillness charged with the potentiality of all sound. For this inner centre of stillness is not empty. Paradoxically, it is rich and full as if within one there were an abyss of truth.

Giữa tất cả những điều này, có một khu vực của tâm thức chân ngã vốn ở trong sự im lặng. Khi bạn bước vào đó, bạn thấy mình tối tăm. Tuy nhiên, bóng tối dường như chứa đầy ánh sáng, sự tĩnh lặng tuyệt đối chứa đựng tiềm năng của mọi âm thanh. Vì trung tâm tĩnh lặng bên trong này không trống rỗng. Nghịch lý thay, nó rất giàu có và đầy đủ như thể bên trong người ta có một vực thẳm của chân lý.

Emerging, the mind is filled with a sense of freshness, newness, of perpetual spring, of harmony, of light, of power.

Khi trồi lên, thể trí tràn ngập cảm giác tươi mát, mới mẻ, của mùa xuân vĩnh cửu, của sự hài hòa, của ánh sáng, của quyền năng.

Strangely, physical sensory power is sometimes enhanced. Nature appears to be more beautiful, radiant, alive. Tennyson's

Thật kỳ lạ, quyền năng cảm giác thể xác đôi khi được tăng cường. Tự Nhiên dường như đẹp hơn, rạng rỡ hơn, sống động hơn. Những lời

words are fully appreciated:

"Let no one ask me how it came to pass

I only know it happened, that to me

A livelier emerald twinkles in the grass

A purer sapphire melts into the sea".

There speaks one who had known the exaltation of the higher consciousness experienced the enhancement of sensory powers which results.

The Ego and Reincarnation

From this elementary study of the nature and the interior life of the immortal Self of man as it is lived in formless worlds, let us now turn to the 'external' experiences, of the Ego. For we know that one aspect of the Ego is concerned with, temporarily limited by and sharply focussed in, the process of evolution through reincarnation, contact with and experience of the worlds of form. Let us try to look, for example, at reincarnation, karma and astrological influences as the Ego experiences them.

When a new incarnation begins the Ego as it were throws itself open to experience in the three lower worlds, the mental, astral and the physical. In the period between incarnations, save for the temporarily dormant thread of life and three permanent atoms, the Causal Body is self-contained or closed as far as the lower worlds are concerned. Forces are constantly welling up within it or, diagrammatically, are descending into it from still higher worlds. In inter-incarnation periods these flow through and beyond the

của Tennyson được đánh giá đầy đủ:

"Đừng ai hỏi tôi làm thế nào mà nó xảy ra

Tôi chỉ biết nó đã xảy ra, rằng đối với tôi

Một viên ngọc lục bảo sống động hơn lấp lánh trong cỏ

Một viên sapphire tinh khiết hơn tan vào biển cả".

Ở đó có một người đã biết sự hưng phấn của tâm thức cao hơn đã trải qua sự tăng cường các quyền năng cảm giác vốn là kết quả.

Chân Ngã và Tái Sinh

Từ nghiên cứu sơ bộ này về bản chất và cuộc sống nội tại của Chân Ngã bất tử của con người khi nó được sống trong những thế giới vô hình tướng, giờ chúng ta hãy chuyển sang những kinh nghiệm 'bên ngoài' của Chân Ngã. Vì chúng ta biết rằng một khía cạnh của Chân Ngã liên quan đến, bị giới hạn tạm thời và tập trung sắc nét vào, quá trình tiến hóa thông qua tái sinh, tiếp xúc với và kinh nghiệm về các thế giới hình tướng. Ví dụ, chúng ta hãy thử nhìn vào tái sinh, nghiệp quả và những ảnh hưởng chiêm tinh như Chân Ngã trải nghiệm chúng.

Khi một lần tái sinh mới bắt đầu, Chân Ngã như thể mở ra cho kinh nghiệm trong ba cõi thấp, cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần. Trong giai đoạn giữa các lần tái sinh, ngoại trừ sợi dây sự sống tạm thời ngủ yên và ba nguyên tử trường tồn, Thể Nguyên Nhân tự chứa đựng hoặc đóng lại đối với các cõi thấp. Các mãnh lực liên tục trào dâng bên trong nó hoặc, theo sơ đồ, đang giáng xuống nó từ những thế giới cao hơn. Trong các giai đoạn giữa các lần tái sinh, những mãnh lực này chảy qua và vượt ra ngoài Thể Nguyên Nhân theo mọi hướng

Causal Body in all directions but only on the Higher Mental Plane.

nhưng chỉ trên Cõi Thượng Trí.

When incarnation is to begin the Ego may be thought of as opening a funnel leading from the centre or heart of the Causal Body into the Lower Mental world. This creative act permits a certain measure of the forces from the planes *of Atma, Buddhi, Manas* to flow as a threefold 'ray' through and from the Ego into the form worlds.

Khi sự tái sinh sắp bắt đầu, Chân Ngã có thể được coi là đang mở một cái phễu dẫn từ trung tâm hay trái tim của Thể Nguyên Nhân vào cõi Hạ Trí. Hành động sáng tạo này cho phép một mức độ nhất định của các mãnh lực từ các cõi Atma, Bồ đề, Manas chảy như một 'cung' tam phân qua và từ Chân Ngã vào các thế giới hình tướng.

This funnel, which closes again or is withdrawn after *devachan,* has its point or apex in the very centre of the Causal Body at the point at which the inner forces continually arrive. Some of these continue to empower, vivify and irradiate the whole Causal Body thereby maintaining individualized causal life or Ego-hood. Some of them however flow down the funnel as the creative forces, which pass through the resistant barrier of the fourth sub-plane of the mental plane and in the course of time bring the new set of vehicles into existence.

Phễu này, vốn đóng lại hoặc rút đi sau devachan, có điểm hoặc đỉnh ở ngay trung tâm của Thể Nguyên Nhân tại điểm mà các lực bên trong liên tục đến. Một số lực này tiếp tục trao quyền, sinh động và chiếu rọi toàn bộ Thể Nguyên Nhân, do đó duy trì sự sống nguyên nhân biệt ngã hóa hoặc bản chất chân ngã. Tuy nhiên, một số lực trong số đó chảy xuống phễu như các lực sáng tạo, vốn đi qua rào cản kháng cự của cõi phụ thứ tư của cõi trí và theo thời gian mang bộ vận cụ mới vào tồn tại.

The width of this funnel is of great significance. In a savage it is very narrow; in civilized man it is wider; in the man on the Path it is wider still. In the active and conscious Initiate it consists of at least half of the Causal Body and in the Adept there is no funnel because the whole Causal Body is itself a funnel leading from still higher worlds. Naturally — karma apart — the degree of Egoic manifestation in the Personality depends upon evolutionary stature which decides the amount of higher forces available. Only in the Adept can the maximum possible degree of Egoic-Monadic manifestation in the body occur.

Độ rộng của phễu này có ý nghĩa rất lớn. Ở một người man rợ, nó rất hẹp; ở người văn minh, nó rộng hơn; ở người trên Thánh Đạo, nó còn rộng hơn nữa. Ở Điểm Đạo Đồ chủ động và ý thức, nó bao gồm ít nhất một nửa Thể Nguyên Nhân và ở Chân sư thì không có phễu vì toàn bộ Thể Nguyên Nhân tự nó là một cái phễu dẫn từ các cõi cao hơn. Đương nhiên — nghiệp quả sang một bên — mức độ biểu hiện Chân ngã trong Phàm ngã phụ thuộc vào tầm vóc tiến hóa vốn quyết định lượng lực cao hơn có sẵn. Chỉ ở Chân sư thì mức độ biểu hiện Chân ngã-Chân thần tối đa có thể xảy ra trong thể xác.

What does the Ego experience when incarnation opens and the funnel is formed?

Chân ngã trải nghiệm điều gì khi sự nhập thể mở ra và phễu được hình thành? Một sự viên

An added fullness of life, a sense of heightened expectancy and of vernal joy at the opening of a new cycle of activity. The inner powers are felt to be pouring rhythmically through the Causal Body. Their compression in the funnel causes their presence and rhythmic flow to become far more apparent than when flowing free throughout the Causal Body. For when between incarnations the forces flow undirected and uninterrupted throughout the whole Causal Body their presence and rhythm are scarcely observable.

mãn thêm vào của sự sống, một cảm giác mong đợi cao độ và niềm vui mùa xuân khi mở ra một chu kỳ hoạt động mới. Các năng lực bên trong được cảm nhận là đang tuôn chảy nhịp nhàng qua Thể Nguyên Nhân. Sự nén của chúng trong phễu làm cho sự hiện diện và dòng chảy nhịp nhàng của chúng trở nên rõ ràng hơn nhiều so với khi chảy tự do khắp Thể Nguyên Nhân. Vì khi giữa các lần nhập thể, các lực chảy không định hướng và không bị gián đoạn khắp toàn bộ Thể Nguyên Nhân, sự hiện diện và nhịp điệu của chúng hầu như không thể quan sát được.

This sense of added life, of joy, together with the experience of expansion, growth, enrichment resulting from life's experiences continues throughout the whole five-fold life cycle of incarnation. By contrast a distinct feeling of quiescence, of reduced vitality is experienced when at the end of the life cycle the funnel is closed again and the directed rhythmic flow of power, life and consciousness into the lower worlds comes to an end.

Cảm giác có thêm sự sống, niềm vui này, cùng với trải nghiệm mở rộng, tăng trưởng, làm giàu có được từ những trải nghiệm của cuộc sống tiếp tục trong suốt chu kỳ sự sống ngũ phân của sự nhập thể. Ngược lại, một cảm giác tĩnh lặng rõ rệt, giảm sinh lực được trải nghiệm khi vào cuối chu kỳ sự sống, phễu đóng lại và dòng chảy nhịp nhàng có định hướng của quyền năng, sự sống và tâm thức vào các cõi thấp hơn đi đến hồi kết.

As far as external awareness on its own plane at this time is concerned, the Ego is in causal communication with the many other Egos with whom it has links from the past — links which will draw the new personalities together. Thus there is an inter-communion between such Egos, some of whom may have already incarnated as the parents, elder relations and friends. Others will incarnate at about the same time and others later on perchance as offspring or younger friends. Between such groups of Egos there is an intense harmony, a very close mutual comradeship which brings joy to them all.

Về nhận thức bên ngoài trên cõi riêng của nó vào thời điểm này, Chân ngã đang giao tiếp nhân quả với nhiều Chân ngã khác mà nó có mối liên hệ từ quá khứ — những mối liên hệ vốn sẽ kéo các phàm ngã mới lại với nhau. Do đó, có một sự giao tiếp lẫn nhau giữa các Chân ngã như vậy, một số trong số đó có thể đã nhập thể làm cha mẹ, các mối quan hệ lớn tuổi và bạn bè. Những người khác sẽ nhập thể vào khoảng cùng thời gian và những người khác sau này có lẽ là con cái hoặc bạn bè trẻ tuổi hơn. Giữa các nhóm Chân ngã như vậy có một sự hòa hợp mãnh liệt, một tình bạn thân thiết lẫn nhau mang lại niềm vui cho tất cả Các Ngài.

Theosophy in Australia, 3, 4 August 1939, p. 12

Theosophy in Australia, 3, 4 August 1939, p. 12

55

Free Will and Fatalism [1]—*Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [1]*

Freedom and Karma

To some minds the existence of the Law of Karma and of a Plan for the evolution of life and form suggests determinism and even fatalism. Yet Theosophy teaches positively that man is above all things free. The Great Plan, therefore, must be flexibly fixed! The great racial and sub-racial launchings, developments, and culminations are presumably timed to within a thousand years, and some of them no doubt much more precisely, even to within a hundred years. These time periods appear to be decided, however, far less by the Directive Intelligence or by the Inner Government of the World than by the Law of Cycles.

Minor and major wave periods, troughs and crests, can all be computed with fair accuracy, and one conceives that the Great Ones adapt Their work to them. They must constitute the time key for all the special efforts and activities of the members of the Great White Brotherhood, who at the same time maintain a continuous evolutionary pressure upon all consciousness evolving on this globe, and in addition maintain a highly efficient and constantly expanding routine of activity.

The flexible or undetermined part of the Plan concerns the degree of response of humanity and the lower kingdoms, first to the ascending cycle pressure of the life-force, and second to the work of the Elder Brethren and the *devas*. Since humanity must be left free in this matter and undue pressure must not be brought to bear upon it, one assumes a certain flexibility in the Master's plans and the

Tự Do và Nghiệp Quả

Đối với một số thể trí, sự tồn tại của Định luật Nghiệp Quả và của một Thiên Cơ cho sự tiến hóa của sự sống và hình tướng cho thấy thuyết tất định và thậm chí là thuyết định mệnh. Tuy nhiên, Thông Thiên Học dạy một cách tích cực rằng con người trên hết là tự do. Do đó, Đại Thiên Cơ phải được cố định một cách linh hoạt! Các cuộc khởi động, phát triển và lên đến đỉnh điểm lớn của chủng tộc và á chủng tộc có lẽ được tính thời gian trong vòng một nghìn năm, và một số trong số đó chắc chắn chính xác hơn nhiều, thậm chí trong vòng một trăm năm. Tuy nhiên, những khoảng thời gian này dường như được quyết định ít hơn nhiều bởi Trí Tuệ Chỉ Đạo hoặc bởi Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới so với bởi Định luật Chu Kỳ.

Các chu kỳ sóng nhỏ và lớn, đáy và đỉnh, đều có thể được tính toán với độ chính xác khá cao và người ta hình dung rằng Các Đấng Cao Cả điều chỉnh công việc của Các Ngài cho phù hợp với chúng. Chúng phải cấu thành chìa khóa thời gian cho tất cả các nỗ lực và hoạt động đặc biệt của các thành viên của Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo, những người đồng thời duy trì một áp lực tiến hóa liên tục lên tất cả tâm thức đang tiến hóa trên địa cầu này, và ngoài ra còn duy trì một thói quen hoạt động hiệu quả cao và không ngừng mở rộng.

Phần linh hoạt hoặc chưa xác định của Thiên Cơ liên quan đến mức độ đáp ứng của nhân loại và các giới thấp hơn, thứ nhất là áp lực chu kỳ tăng dần của sinh mệnh lực, và thứ hai là công việc của Các Huynh Trưởng và các thiên thần. Vì nhân loại phải được tự do trong vấn đề này và không được gây áp lực quá mức lên nó, người ta cho rằng có một sự linh hoạt nhất định trong các kế hoạch của Chân sư và sự tồn

existence of at least two and sometimes many more possible roads to the goal to be achieved.

tại của ít nhất hai và đôi khi nhiều con đường khả thi hơn để đạt được mục tiêu.

Sometimes important people must fail badly at critical times. Sometimes they must exceed beyond expectations, while sometimes apparently normal or sub-normal people unexpectedly display remarkable powers of response. At certain nodes or crests in the waves, results are probably dependable; individual and racial response can be counted upon at those times; but at others within its main outline the Plan must be susceptible of modification.

Đôi khi những người quan trọng phải thất bại thảm hại vào những thời điểm quan trọng. Đôi khi Các Ngài phải vượt quá mong đợi, trong khi đôi khi những người có vẻ bình thường hoặc dưới mức bình thường lại bất ngờ thể hiện những năng lực đáp ứng đáng chú ý. Tại một số nút hoặc đỉnh trong sóng, kết quả có lẽ là đáng tin cậy; phản ứng của cá nhân và chủng tộc có thể được tin cậy vào những thời điểm đó; nhưng ở những thời điểm khác trong khuôn khổ chính của nó, Thiên Cơ phải có thể sửa đổi được.

One presumes that high Adepts can generally forecast the use to which humanity and individuals will put their freedom. Not only are They able to see wide stretches of the past and of the future and so discern the forces at work to influence human judgement and action, but They are able to contact the Monad and discover its plans, see when it will put forth its irresistible power to influence the Ego and Personality at certain critical times. The Lord of the World, for example, most probably knows quite accurately how nations and individuals will respond, for His vision is always that of the Monad.

Người ta cho rằng các Chân sư cao cấp thường có thể dự báo việc nhân loại và các cá nhân sẽ sử dụng sự tự do của họ như thế nào. Các Ngài không chỉ có thể nhìn thấy những đoạn rộng lớn của quá khứ và tương lai và do đó nhận ra các lực đang hoạt động để ảnh hưởng đến sự phán xét và hành động của con người, mà Các Ngài còn có thể tiếp xúc với Chân Thần và khám phá các kế hoạch của nó, xem khi nào nó sẽ đưa ra quyền năng không thể cưỡng lại của mình để ảnh hưởng đến Chân ngã và Phàm ngã vào những thời điểm quan trọng nhất định. Ví dụ, Đức Chúa Tể Thế Giới rất có thể biết một cách chính xác cách các quốc gia và cá nhân sẽ phản ứng, vì tầm nhìn của Ngài luôn là tầm nhìn của Chân Thần.

The Masters, living, as we are informed, in the realm of causes, must be far more concerned with great principles and forces in the world of the Real than with the details of outer events. One presumes that They can, however, know completely all that has happened or is happening in the outer world and that Their knowledge is always in advance of the event, that They are never caught unprepared.

Các Chân sư, sống, như chúng ta được biết, trong cõi của các nguyên nhân, phải quan tâm nhiều hơn đến các nguyên tắc và lực lượng lớn trong thế giới của Thực Tại hơn là các chi tiết của các sự kiện bên ngoài. Người ta cho rằng Các Ngài có thể biết hoàn toàn mọi thứ đã xảy ra hoặc đang xảy ra trong thế giới bên ngoài và kiến thức của Các Ngài luôn đi trước sự kiện, rằng Các Ngài không bao giờ bị bắt gặp trong tình trạng không chuẩn bị.

Their profound understanding of peoples and events must enable Them to forecast the course of events to a considerable extent, while in some cases They appear to direct them. Despite its deep seriousness and profound importance, one conceives of Their life and work as being marvellously fascinating, with Egos, personalities, various motives, passions, desires, and individual and national karma producing enmities and friendships, as the factors or pieces in the great chess problem of life. The play and interplay of all these various factors may be envisaged as the flow of many different forces, the whole evolutionary process being in large measure a question of the play of energy, of myriads of different kinds of forces interacting, intensifying, modifying, or neutralising each other continually.

Sự thấu hiểu sâu sắc của Các Ngài về con người và các sự kiện phải cho phép Các Ngài dự báo diễn biến của các sự kiện ở một mức độ đáng kể, trong khi trong một số trường hợp, Các Ngài dường như chỉ đạo chúng. Bất chấp sự nghiêm túc sâu sắc và tầm quan trọng sâu sắc của nó, người ta hình dung cuộc sống và công việc của Các Ngài là vô cùng hấp dẫn, với các Chân ngã, phàm ngã, các động cơ, đam mê, ham muốn khác nhau, và nghiệp quả cá nhân và quốc gia tạo ra sự thù hận và tình bạn, như các yếu tố hoặc quân cờ trong vấn đề cờ vua lớn của cuộc sống. Sự tác động và tương tác của tất cả các yếu tố khác nhau này có thể được hình dung như dòng chảy của nhiều lực khác nhau, toàn bộ quá trình tiến hóa phần lớn là một vấn đề về sự tác động của năng lượng, của vô số loại lực khác nhau tương tác, tăng cường, sửa đổi hoặc vô hiệu hóa lẫn nhau liên tục.

One may think of the Masters as working amidst these forces, combining the good to intensify beneficial effects, directing the good against the evil to modify adversities, yet all the time most respectful of each individual's divine nature and right to freedom of action.

Người ta có thể nghĩ về các Chân sư làm việc giữa các lực này, kết hợp những điều tốt đẹp để tăng cường các hiệu ứng có lợi, hướng cái tốt chống lại cái ác để sửa đổi những nghịch cảnh, nhưng đồng thời tôn trọng nhất bản chất thiêng liêng và quyền tự do hành động của mỗi cá nhân.

Thus there is a certain Egoic freedom in the great weaving process which the operation of the Law of Karma resembles and in which humanity constitutes the material, each individual contributing his share of the pattern, his colours, kind of thread, and so on. The interaction between individuals causes continual variations of the main theme or design, which apparently is fixed, as also is the number of Monads on the globe. Limitations are chiefly imposed upon human action by karma, by the laws of Nature, and by the continual pressure of the life-force toward the goal. These forces are accentuated and augmented, unconsciously by all who perform good deeds and consciously by idealists,

Do đó, có một sự tự do Chân ngã nhất định trong quá trình dệt vĩ đại mà hoạt động của Định luật Nghiệp Quả giống như vậy và trong đó nhân loại cấu thành vật chất, mỗi cá nhân đóng góp phần của mình vào mô hình, màu sắc, loại sợi, v.v. Sự tương tác giữa các cá nhân gây ra những biến đổi liên tục của chủ đề hoặc thiết kế chính, vốn dường như được cố định, cũng như số lượng Chân Thần trên địa cầu. Những hạn chế chủ yếu áp đặt lên hành động của con người là do nghiệp quả, do các định luật của Tự Nhiên và do áp lực liên tục của sinh mệnh lực hướng tới mục tiêu. Những lực này được nhấn mạnh và tăng cường, một cách vô thức bởi tất cả những người thực hiện những hành động tốt và một cách có ý thức bởi những

occultists, and the members of the Great White Brotherhood.

người theo chủ nghĩa lý tưởng, các nhà huyền bí học và các thành viên của Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo.

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 6, June 1937, p. 133

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 6, June 1937, p. 133

56

Free Will and Fatalism [2]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [2]

The Great Weaver

Người Dệt Vĩ Đại

All these influences which include all desirable activities such as the best of art, religion, science, politics, and education, though beneficial to humanity because they increase all tendencies toward right conduct and diminish those toward evil, definitely decrease freedom of action.

Tất cả những ảnh hưởng này vốn bao gồm tất cả các hoạt động đáng mong muốn như nghệ thuật, tôn giáo, khoa học, chính trị và giáo dục tốt nhất, mặc dù có lợi cho nhân loại vì chúng làm tăng tất cả các khuynh hướng hướng tới hành vi đúng đắn và làm giảm những khuynh hướng hướng tới cái ác, nhưng chắc chắn làm giảm sự tự do hành động.

Since the number and power of these influences will steadily increase, so man's freedom must steadily be growing less. This however will not be irksome to him because he will be unaware of any external pressure, will simply experience an improvement in his character. His life will become more orderly; he will generate less painful and more happy karma. The variations of the great theme which he will weave will in consequence grow more and more beautiful and conform more closely, to the great design. Yet it will appear to man that he is acting entirely of his own free will.

Vì số lượng và sức mạnh của những ảnh hưởng này sẽ không ngừng tăng lên, nên sự tự do của con người chắc chắn sẽ ngày càng ít đi. Tuy nhiên, điều này sẽ không gây khó chịu cho y vì y sẽ không nhận thức được bất kỳ áp lực bên ngoài nào, sẽ chỉ đơn giản là trải nghiệm một sự cải thiện trong tính cách của mình. Cuộc sống của y sẽ trở nên trật tự hơn; y sẽ tạo ra ít nghiệp quả đau đớn hơn và nhiều nghiệp quả hạnh phúc hơn. Do đó, những biến thể của chủ đề lớn mà y sẽ dệt sẽ ngày càng trở nên đẹp hơn và phù hợp chặt chẽ hơn với thiết kế vĩ đại. Tuy nhiên, đối với con người, có vẻ như y đang hành động hoàn toàn theo ý chí tự do của mình.

This throws a new light upon the much vaunted freedom of man, for actually the more highly evolved man is, the less is his freedom. Yet advanced man is conscious of no restraint, for his only aspirations are those in accord with the divine mind and the divine will. While marvellously free of the

Điều này làm sáng tỏ một khía cạnh mới về sự tự do được ca ngợi nhiều của con người, vì thực tế con người càng tiến hóa cao thì sự tự do của y càng ít. Tuy nhiên, con người tiến bộ không ý thức được bất kỳ sự kiềm chế nào, vì những khát vọng duy nhất của y là những khát vọng phù hợp với trí tuệ thiêng liêng và ý chí thiêng

limitations which bind the average man, in action the Masters are actually far more limited, being incapable of action against the Law, the Plan, or the Will of the Logos. This is not experienced as a limitation to Them, because They know no other will than that of the King Who represents terrestrially the Will of the Solar Logos.

liêng. Trong khi tự do một cách kỳ diệu khỏi những hạn chế ràng buộc người bình thường, trong hành động, các Chân sư thực sự bị hạn chế hơn nhiều, không có khả năng hành động chống lại Định luật, Thiên Cơ hoặc Ý Chí của Hành Tinh Thượng đế. Điều này không được trải nghiệm như một sự hạn chế đối với Các Ngài, vì Các Ngài không biết ý chí nào khác ngoài ý chí của Đức Vua, Đấng đại diện cho Ý Chí của Thái dương Thượng đế trên trần thế.

To return to the analogy of karma as the weaving of a great design with variations, it may, I suggest, be assumed that only the results of right conduct will appear in the completed work. At the completion of a particular design only karma which is called 'good' will appear on the upper side of the tapestry of life. The underside may be regarded as representing wrong conduct and so called 'bad' karma, which is all present in the tapestry and indeed is as important as its opposite. For there could be no beauty and no design above if underneath there were not the appearance of disorder, twists and knots and badly blended colours.

Để quay lại phép loại suy về nghiệp quả như việc dệt một thiết kế vĩ đại với những biến thể, tôi xin đề xuất, có thể cho rằng chỉ những kết quả của hành vi đúng đắn mới xuất hiện trong tác phẩm đã hoàn thành. Khi hoàn thành một thiết kế cụ thể, chỉ có nghiệp quả được gọi là 'tốt' mới xuất hiện ở mặt trên của tấm thảm cuộc sống. Mặt dưới có thể được coi là đại diện cho hành vi sai trái và cái gọi là nghiệp quả 'xấu', tất cả đều có trong tấm thảm và thực sự quan trọng như mặt đối diện của nó. Vì sẽ không có vẻ đẹp và không có thiết kế nào ở trên nếu bên dưới không có vẻ bề ngoài của sự hỗn loạn, những khúc quanh và nút thắt và những màu sắc pha trộn kém.

Karma, which seems so complex, so intricate to personal consciousness, must be far less so from the Egoic and Monadic point of view. The whole administration of karma is in the hands of a highly efficient organization of lofty Adepts and *Devas,* who are able to see the karma of a single globe as a whole, as a great pattern which is being woven on the warp and woof of time and space, not forcibly by an external weaver, but weaving itself, as it were, by a process of gradual growth. The threads are coloured and placed by the actions of individuals and nations, who really weave their own share of the great design under the watchful care of the Lords of Karma and Their Ministers.

Nghiệp quả, vốn có vẻ rất phức tạp, rất rắc rối đối với tâm thức cá nhân, chắc chắn phải ít phức tạp hơn nhiều từ quan điểm Chân ngã và Chân thần. Toàn bộ việc quản lý nghiệp quả nằm trong tay một tổ chức hiệu quả cao gồm các Chân sư và thiên thần cao cả, những người có thể nhìn thấy nghiệp quả của một địa cầu duy nhất như một tổng thể, như một mô hình vĩ đại đang được dệt trên nền dọc và ngang của thời gian và không gian, không phải một cách cưỡng bức bởi một người thợ dệt bên ngoài, mà tự dệt, như thể, bằng một quá trình tăng trưởng dần dần. Các sợi chỉ được tô màu và đặt bởi các hành động của các cá nhân và quốc gia, những người thực sự dệt phần chia sẻ của riêng họ trong thiết kế vĩ đại dưới sự chăm sóc chu đáo của các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả và

Các Bộ Trưởng của Các Ngài.

The chief work of these officials would seem to be to prevent an intensity of sowing, and reaping, especially of reaping which would as it were bum up the threads. They are probably able to dilute, but not to change, people's karma, to slow up the reaping process, to spread it out in time. This gives the Egos concerned time and opportunity to modify adverse karma by beneficent conduct, though they may not always be able to persuade their personalities to take advantage of that opportunity.

Công việc chính của các quan chức này dường như là ngăn chặn cường độ gieo và gặt, đặc biệt là gặt hái, điều này sẽ đốt cháy các sợi chỉ. Các Ngài có lẽ có thể pha loãng, nhưng không thể thay đổi, nghiệp quả của mọi người, làm chậm quá trình gặt hái, trải nó ra theo thời gian. Điều này cho các Chân ngã liên quan thời gian và cơ hội để sửa đổi nghiệp quả bất lợi bằng hành vi có lợi, mặc dù Các Ngài có thể không phải lúc nào cũng có thể thuyết phục phàm ngã của mình tận dụng cơ hội đó.

There is evidence of consultation with and advice to Egos sufficiently advanced to profit from them, especially at the time immediately preceding re-entry into incarnation. The more advanced the Ego, the greater the karmic latitude extended to it by the *Lipika.* Relations with individuals, bodily, family, class, racial, religious relations are all surveyed with and for the Ego, who is helped to choose wisely as regards the speed and manner in which these various *karmas* will be worked out.

Có bằng chứng về việc tham khảo ý kiến và lời khuyên cho các Chân ngã đủ tiến bộ để hưởng lợi từ chúng, đặc biệt là vào thời điểm ngay trước khi tái nhập thể. Chân ngã càng tiến bộ, thì vĩ độ nghiệp quả càng được Lipika mở rộng cho nó. Các mối quan hệ với các cá nhân, các mối quan hệ về thể xác, gia đình, giai cấp, chủng tộc, tôn giáo đều được khảo sát với và cho Chân ngã, vốn được giúp đỡ để lựa chọn một cách khôn ngoan về tốc độ và cách thức mà những nghiệp quả khác nhau này sẽ được giải quyết.

Sometimes an Egoic decision is made to pay off heavy debts quickly. This creates great difficulties for a Personality, which does not share the Ego's wider vision of life and ability to counteract pain by retreat into the happiness in which in its own world the Ego always dwells.

Đôi khi một quyết định Chân ngã được đưa ra để trả hết các khoản nợ lớn một cách nhanh chóng. Điều này tạo ra những khó khăn lớn cho một Phàm ngã, vốn không chia sẻ tầm nhìn rộng lớn hơn của Chân ngã về cuộc sống và khả năng chống lại nỗi đau bằng cách rút lui vào hạnh phúc mà Chân ngã luôn ngự trị trong thế giới riêng của nó.

Sometimes Egos who love each other very deeply may decide not to meet in any given life, so that each may clear up karmic debts in which the other has no part, reserving joint karma for later lives. The personalities of such people generally experience an acute sense of loneliness. They miss their loved one without

Đôi khi các Chân ngã yêu nhau rất sâu sắc có thể quyết định không gặp nhau trong bất kỳ kiếp nào, để mỗi người có thể xóa bỏ những món nợ nghiệp quả mà người kia không có phần, dành nghiệp quả chung cho những kiếp sau. Các phàm ngã của những người như vậy thường trải qua một cảm giác cô đơn tột độ.

knowing what is missing.

Các Ngài nhớ người mình yêu mà không biết mình đang thiếu gì.

The Great Weaver of All makes use of all human decisions and conduct; even the vilest is able to find a place in His Plan for everything that humanity does. While vile conduct is of course deplorable and unfortunate, it must none the less be allowed for, if not expected, by the Designer Who knows full well both the possibilities and limitations of the human material which He brought forth and of which His tapestry is woven.

Người Dệt Vĩ Đại của Tất Cả sử dụng tất cả các quyết định và hành vi của con người; ngay cả những điều đê tiện nhất cũng có thể tìm thấy một vị trí trong Thiên Cơ của Ngài cho mọi thứ mà nhân loại làm. Mặc dù hành vi đê tiện tất nhiên là đáng tiếc và không may, nhưng dù sao thì nó cũng phải được cho phép, nếu không muốn nói là được mong đợi, bởi Đấng Thiết Kế, Đấng biết rõ cả những khả năng và hạn chế của vật chất con người mà Ngài đã tạo ra và từ đó tấm thảm của Ngài được dệt nên.

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 7, July 1937, p. 163

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 7, July 1937, p. 163

57—57

Free Will and Fatalism [3]—*Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [3]*

The Nature of Freedom

Bản Chất của Tự Do

Whilst it is true that He has a Plan which in the main is fixed by Him, room is left in its fulfilment for the results of the waywardness of human beings, for all the misconduct characteristic of early stages of growth and the great measure of freedom which until the Path is entered all human beings enjoy.

Mặc dù đúng là Ngài có một Thiên Cơ mà về cơ bản do Ngài ấn định, nhưng vẫn có chỗ trong việc hoàn thành nó cho những kết quả từ sự ương ngạnh của con người, cho tất cả những hành vi sai trái đặc trưng của các giai đoạn tăng trưởng ban đầu và mức độ tự do lớn mà cho đến khi bước vào Thánh Đạo, tất cả con người đều được hưởng.

The Path once entered, man bids goodbye forever to the freedom of his past. At first he voluntarily subscribes to a law of life expounded to him by others and for a time is conscious of restraint. Later he becomes the Law, and though voluntarily obedient to a still more rigid code of conduct, is yet conscious of a freedom which for him is complete. The existence of the Great Plan and the fact that the chief events which contribute to its fulfilment are fixed, does not really imply the imposition of the will of God upon man.

Một khi đã bước vào Thánh Đạo, con người vĩnh biệt sự tự do trong quá khứ của y. Lúc đầu, y tự nguyện tuân theo một quy luật sống do người khác giải thích cho y và trong một thời gian ý thức được sự kiềm chế. Sau đó, y trở thành Định luật, và mặc dù tự nguyện tuân theo một quy tắc ứng xử thậm chí còn nghiêm ngặt hơn, nhưng y vẫn ý thức được một sự tự do vốn là hoàn toàn đối với y. Sự tồn tại của Đại Thiên Cơ và sự thật là các sự kiện chính góp phần vào việc hoàn thành nó đã được ấn định, không thực sự ngụ ý việc áp đặt ý chí của

Thượng đế lên con người.

So it is for the outer world to argue about free will and determinism and to clamour for freedom and rights. Those who live in the inner world care little for either, having found in service and duty a freedom greater than in the outer world is ever known. Thus the very word 'freedom' is misunderstood, its real meaning unrecognized save by the few. Do not the apostles of freedom in the outer world by their demands for freedom for themselves impose restriction upon others? Such freedom is a mockery; for man is only free to the extent that he recognizes and insures the freedom of others. The new freedom, the Gospel of the New Age, will wear a very different face, will be beneficent, kind to all, seeing in another's happiness the result and reward of voluntarily accepted limitations.

Vì vậy, thế giới bên ngoài tranh luận về tự do ý chí và thuyết định mệnh và đòi hỏi sự tự do và quyền lợi. Những người sống trong thế giới nội tại ít quan tâm đến điều nào trong hai điều đó, vì đã tìm thấy trong sự phụng sự và bổn phận một sự tự do lớn hơn sự tự do từng được biết đến ở thế giới bên ngoài. Vì vậy, chính từ 'tự do' bị hiểu sai, ý nghĩa thực sự của nó không được công nhận ngoại trừ một số ít. Chẳng phải những tông đồ của tự do trong thế giới bên ngoài bằng những yêu sách về tự do cho bản thân họ áp đặt sự hạn chế lên người khác hay sao? Tự do như vậy là một sự chế nhạo; vì con người chỉ tự do đến mức y nhận ra và đảm bảo sự tự do của người khác. Nền tự do mới, Phúc Âm của Kỷ Nguyên Mới, sẽ mang một bộ mặt rất khác, sẽ nhân từ, tử tế với tất cả, nhìn thấy trong hạnh phúc của người khác kết quả và phần thưởng của những giới hạn được chấp nhận một cách tự nguyện.

Nothing makes a man more free than voluntarily accepted restraint. This applies not only to individuals but to nations, and is a principle which must be accepted both in the fight for freedom by individuals and in the establishment of an order or League for the preservation of the freedom of all. This should be the ideal of all future organizations for the establishment of world prosperity and world peace—not mutual defence, but mutual acceptance and recognition of the right to freedom by all, expressed practically in mutual planning, that the highest possible measure of freedom may be enjoyed by all.

Không có gì làm cho một người tự do hơn là sự kiềm chế được chấp nhận một cách tự nguyện. Điều này không chỉ áp dụng cho các cá nhân mà còn cho các quốc gia, và là một nguyên tắc phải được chấp nhận cả trong cuộc chiến giành tự do của các cá nhân và trong việc thiết lập một trật tự hoặc Liên minh để bảo tồn tự do của tất cả mọi người. Đây phải là lý tưởng của tất cả các tổ chức tương lai để thiết lập sự thịnh vượng và hòa bình thế giới—không phải phòng thủ lẫn nhau, mà là sự chấp nhận và công nhận lẫn nhau về quyền tự do của tất cả mọi người, được thể hiện một cách thiết thực trong việc lập kế hoạch chung, để tất cả mọi người có thể được hưởng mức độ tự do cao nhất có thể.

It need not be feared, I submit, that freedom on such a basis would be abused as is the freedom today assumed by force. Such freedom exists in name alone; it is a sham. No

Tôi xin trình bày rằng không cần phải lo sợ rằng tự do trên cơ sở như vậy sẽ bị lạm dụng như sự tự do ngày nay bị cưỡng đoạt. Tự do như vậy chỉ tồn tại trên danh nghĩa; nó là một

one is more restricted than he who maintains and vaunts his freedom by force of arms. His freedom is greatest who is most concerned for the freedom of others.

An ideal for the future? Yes; but an ideal for today for those who would lead the way out of the present imprisonment of man into his future freedom. Freedom for others means freedom for all. This will be the rallying cry of the statesmen of the future. Which of the world leaders of today will catch intuitively its implications, sent out for the guidance of a world which has temporarily lost its way?

Theosophy in Australia, Vol. 25, August 1937, p. 171

sự giả tạo. Không ai bị hạn chế hơn người duy trì và khoe khoang sự tự do của mình bằng vũ lực. Sự tự do của y là lớn nhất khi y quan tâm nhất đến sự tự do của người khác.

Một lý tưởng cho tương lai? Vâng; nhưng một lý tưởng cho ngày hôm nay cho những người muốn dẫn đường thoát khỏi sự giam cầm hiện tại của con người vào sự tự do tương lai của y. Tự do cho người khác có nghĩa là tự do cho tất cả mọi người. Đây sẽ là tiếng kêu tập hợp của các chính khách trong tương lai. Ai trong số các nhà lãnh đạo thế giới ngày nay sẽ nắm bắt một cách trực giác những hàm ý của nó, được gửi đi để hướng dẫn một thế giới đã tạm thời lạc lối?

Theosophy in Australia, Vol. [25], August [1937], tr. [171]

58

Free Will and Fatalism [4]—*Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [4]*

The Great Plan

The Plan is primarily a creative concept in the consciousness of the Planetary Logos, as also of the Lord of the World and His Adept Lieutenants. Endeavouring to construct a visual image or concrete representation to assist in comprehension of the Great Plan, I have thought of it as a centre of power with numbers of radiating lines of force, or more concretely 'wires', each representing a development, an activity, movement, evolutionary trend. The whole model or scheme exists in its completeness at the beginning of planetary evolution, but as a sketch only, from which later a picture is to be drawn; or it may be regarded as an electrical circuit into which the power has not yet been turned.

In the case of our globe, until the arrival of the

Đại Thiên Cơ

Thiên Cơ chủ yếu là một khái niệm sáng tạo trong tâm thức của Hành Tinh Thượng đế, cũng như của Đức Chúa Tể Thế Giới và Các Phụ Tá Chân sư của Ngài. Cố gắng xây dựng một hình ảnh trực quan hoặc biểu hiện cụ thể để hỗ trợ sự thấu hiểu về Đại Thiên Cơ, tôi đã nghĩ về nó như một trung tâm năng lượng với vô số đường lực tỏa ra, hoặc cụ thể hơn là 'dây dẫn', mỗi đường đại diện cho một sự phát triển, một hoạt động, một phong trào, một xu hướng tiến hóa. Toàn bộ mô hình hoặc sơ đồ tồn tại một cách hoàn chỉnh ngay từ đầu quá trình tiến hóa của hành tinh, nhưng chỉ là một bản phác thảo, từ đó sau này một bức tranh sẽ được vẽ; hoặc nó có thể được coi là một mạch điện mà năng lượng chưa được bật vào.

Trong trường hợp của địa cầu chúng ta, cho

Lords of the Flame, the planetary offices were held by *Devas.* Parts of the Plan had by that time been completely worked out, and power was beginning to flow into the parts connected with the Fourth Root Race. Later the Fifth Root Race 'wires' began to be vivified, and now that process is being repeated for the Sixth. Thus the Masters may be presumed to be already aware of the main outlines of the Plan for tens of thousands of years ahead.

đến khi Các Đấng Chúa Tể Ngọn Lửa đến, các chức vụ hành tinh do các thiên thần nắm giữ. Các phần của Thiên Cơ vào thời điểm đó đã được hoàn thành một cách trọn vẹn, và năng lượng bắt đầu chảy vào các phần liên quan đến Giống Dân Gốc Thứ Tư. Sau đó, 'dây dẫn' của Giống Dân Gốc Thứ Năm bắt đầu được sinh động hóa, và bây giờ quá trình đó đang được lặp lại cho Giống Dân Gốc Thứ Sáu. Do đó, Các Chân sư có thể được cho là đã biết về những đường nét chính của Thiên Cơ trong hàng chục ngàn năm tới.

If one imagines this piece of mechanism or manifestation of power to have also its pictorial expression, the energy (i.e., thought force of the Logos) flowing down the 'wires' and causing to appear, in the surrounding *akash* miniature pictures of the expected developments and effects, as may well be the case, we are able to conceive of a means by which concrete knowledge of the Plan might be gained. Concentrating on any one of the radiating lines, tuning in with it as it were, one might see living pictures of the events themselves as they are designed to occur.

Nếu người ta hình dung mảnh cơ chế hoặc biểu hiện năng lượng này cũng có biểu hiện bằng hình ảnh của nó, năng lượng (tức là, mãnh lực tư tưởng của Thượng đế) chảy xuống các 'dây dẫn' và khiến xuất hiện, trong akasha xung quanh những bức tranh thu nhỏ về những sự phát triển và hiệu ứng dự kiến, như có thể xảy ra, chúng ta có thể hình dung ra một phương tiện mà qua đó có thể đạt được kiến thức cụ thể về Thiên Cơ. Tập trung vào bất kỳ một trong các đường tỏa ra nào, điều chỉnh theo nó như thể, người ta có thể thấy những bức tranh sống động về chính các sự kiện khi chúng được thiết kế để xảy ra.

One might, for example, see the rise of the humanitarian movement, trace the gradual awakening of human conscience to a sense of responsibility for the animal kingdom, pity in individuals giving birth to compassion. The formation of animal defence societies, the progress of vegetarianism up to the present day could then be observed, and looking forward one might see the abolition of blood sports, the lessening of meat eating, the effects of these reforms on the subtle and physical bodies of man, the improvement of the karmic situation for the whole of humanity, and at last the turning of the tide towards victory in man's long conflict with disease.

Ví dụ, người ta có thể thấy sự trỗi dậy của phong trào nhân đạo, theo dõi sự thức tỉnh dần dần của lương tâm con người đối với ý thức trách nhiệm đối với giới động vật, lòng thương xót ở các cá nhân sinh ra lòng trắc ẩn. Sự hình thành của các hiệp hội bảo vệ động vật, sự tiến bộ của chế độ ăn chay cho đến ngày nay sau đó có thể được quan sát, và nhìn về phía trước, người ta có thể thấy việc bãi bỏ các môn thể thao đẫm máu, việc giảm ăn thịt, những ảnh hưởng của những cải cách này đối với các thể dĩ thái và thể xác của con người, sự cải thiện của tình huống nghiệp quả cho toàn thể nhân loại, và cuối cùng là sự xoay chuyển của thủy triều hướng tới chiến thắng trong cuộc xung đột kéo dài của con người với bệnh

tật.

From there one might branch off and study the progress of medical science from the earliest days, when cruelty and the misuse of bodily powers first appeared on the earth in the Third Root Race, necessitating and producing the beginnings of the healing art. This too could be followed into the future by concentration upon its line. One would probably see the whole trend of medical practice becoming less and less physical, more and more etheric, doctors relying increasingly upon changes in the psyche to heal the body. And so on into the Sixth Root Race when disease will have become a rarity because brotherhood will be an accepted fact and the body recognized as a temple of an indwelling God.

Từ đó, người ta có thể rẽ nhánh và nghiên cứu sự tiến bộ của khoa học y học từ những ngày đầu tiên, khi sự tàn ác và việc lạm dụng các năng lực thể chất lần đầu tiên xuất hiện trên trái đất trong Giống Dân Gốc Thứ Ba, đòi hỏi và tạo ra sự khởi đầu của nghệ thuật chữa bệnh. Điều này cũng có thể được theo dõi vào tương lai bằng cách tập trung vào đường dây của nó. Người ta có lẽ sẽ thấy toàn bộ xu hướng thực hành y học ngày càng ít mang tính thể chất, ngày càng mang tính dĩ thái, các bác sĩ ngày càng dựa vào những thay đổi trong tâm lý để chữa lành cơ thể. Và cứ thế cho đến Giống Dân Gốc Thứ Sáu khi bệnh tật sẽ trở nên hiếm hoi vì tình huynh đệ sẽ là một thực tế được chấp nhận và cơ thể được công nhận là một ngôi đền của một Thượng đế ngự trị.

So with all lines of human development—religious, political, educational, scientific, and cultural—the past and the future must in considerable measure be known to the Masters, whether by such means or by others.

Vì vậy, với tất cả các đường phát triển của con người—tôn giáo, chính trị, giáo dục, khoa học và văn hóa—quá khứ và tương lai phải được Các Chân sư biết đến ở một mức độ đáng kể, cho dù bằng những phương tiện như vậy hay bằng những phương tiện khác.

Theosophy in Australia, Vol. 25, September 1937, p. 201

Theosophy in Australia, Vol. [25], September [1937], tr. [201]

59

Free Will and Fatalism—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh

Theosophy Throughout the Ages

In imagination one may study the Theosophical part of the Plan, trace the bestowal upon humanity of the Divine Wisdom. The Law of Cycles will be clearly seen in operation as one looks over vast periods of hundreds of thousands of years. Theosophy will doubtless be seen to come to humanity as it were in waves, the peak periods of the great civilizations of the past

Thông Thiên Học Qua Các Thời Đại

Trong trí tưởng tượng, người ta có thể nghiên cứu phần Thông Thiên Học của Thiên Cơ, theo dõi sự ban tặng Trí Tuệ Thiêng Liêng cho nhân loại. Định luật Chu Kỳ sẽ được nhìn thấy rõ ràng trong hoạt động khi người ta nhìn vào những khoảng thời gian rộng lớn hàng trăm ngàn năm. Thông Thiên Học chắc chắn sẽ được nhìn thấy đến với nhân loại như trong các đợt sóng, các thời kỳ đỉnh cao của các nền

representing the crests of such waves. At those times all the forces of light, all the upward tendencies in every department of human life are at their strongest, and the Masters choose those times for Their offering of Theosophy to men.

văn minh vĩ đại trong quá khứ đại diện cho đỉnh của những đợt sóng như vậy. Vào những thời điểm đó, tất cả các mãnh lực của ánh sáng, tất cả các xu hướng đi lên trong mọi lĩnh vực của đời sống con người đều ở mức mạnh nhất, và Các Chân sư chọn những thời điểm đó để dâng Thông Thiên Học của Các Ngài cho con người.

One would trace the movement in China, Egypt, Persia, Greece, and India, see the periods of Theosophical Renaissance in each age, and study with great interest the last incarnation of the Theosophical Society in the Near East with Alexandria as the Adyar of the times.

Người ta sẽ theo dõi phong trào ở Trung Quốc, Ai Cập, Ba Tư, Hy Lạp và Ấn Độ, thấy các thời kỳ Phục Hưng Thông Thiên Học trong mỗi thời đại và nghiên cứu với sự quan tâm lớn đến lần hóa thân cuối cùng của Hội Thông Thiên Học ở Cận Đông với Alexandria là Adyar của thời đại.

Then followed a deep trough, the dark ages, followed in its turn by the present gathering of the waters of life for the formation of the next great wave which will carry onwards human enlightenment, human progress and the fulfilment of the Plan to its next great stage, to the crest of the wave of the coming epoch.

Sau đó là một máng sâu, thời kỳ đen tối, tiếp theo đến lượt là sự tập hợp hiện tại của các dòng nước sự sống để hình thành làn sóng vĩ đại tiếp theo sẽ mang lại sự khai sáng cho con người, sự tiến bộ của con người và sự hoàn thành Thiên Cơ đến giai đoạn vĩ đại tiếp theo, đến đỉnh của làn sóng của kỷ nguyên sắp tới.

In all of the past incarnations of the Theosophical Society—incidentally, contemporaneous with incarnations of many of its members and chief workers—one would see Theosophy as the driving force and very core of the current of power which lifts the waters of life up to form the crest of the advancing wave.

Trong tất cả các lần hóa thân trong quá khứ của Hội Thông Thiên Học—tình cờ, đồng thời với các lần hóa thân của nhiều thành viên và công nhân chính của nó—người ta sẽ thấy Thông Thiên Học là động lực thúc đẩy và là cốt lõi của dòng năng lượng nâng các dòng nước sự sống lên để tạo thành đỉnh của làn sóng tiến lên.

Up to now Theosophy has always been for the few. Never before in historical times have the inner teachings been broadcast as is the case today. Rather have they been closely guarded and given only to those who had proved their trustworthiness.

Cho đến nay, Thông Thiên Học luôn dành cho số ít. Chưa bao giờ trong thời kỳ lịch sử, những giáo lý nội môn lại được truyền bá rộng rãi như ngày nay. Thay vào đó, chúng đã được bảo vệ chặt chẽ và chỉ được trao cho những người đã chứng tỏ được sự đáng tin cậy của mình.

Looking at the present, the movement today is seen to be in its infancy yet already affecting the world as never before; this time the

Nhìn vào hiện tại, phong trào ngày nay được thấy là vẫn còn sơ khai nhưng đã ảnh hưởng đến thế giới hơn bao giờ hết; lần này, hiệu ứng

greatest effect is produced by the impact of Theosophical thought upon the mind of humanity, this being the most important and far-reaching result of the sixty-one years' work.

lớn nhất được tạo ra bởi tác động của tư tưởng Thông Thiên Học lên thể trí của nhân loại, đây là kết quả quan trọng nhất và sâu rộng nhất của sáu mươi mốt năm làm việc.

Success now seems assured for this incarnation of the Theosophical Society. It promises to live and grow and never again to pass into *pralaya.* There will of course be the troughs of the future, when Theosophical activity will be physically diminished, but there is reason to hope for an unbroken line of life for the Theosophical Society on into the future when the whole world will be theosophised.

Thành công bây giờ dường như đã được đảm bảo cho lần hóa thân này của Hội Thông Thiên Học. Nó hứa hẹn sẽ sống và phát triển và không bao giờ lụi tàn nữa. Tất nhiên, sẽ có những máng của tương lai, khi hoạt động Thông Thiên Học sẽ giảm về mặt thể chất, nhưng có lý do để hy vọng vào một dòng đời không bị gián đoạn cho Hội Thông Thiên Học vào tương lai khi toàn thế giới sẽ được thông thiên học hóa.

Every Theosophical worker of today is sharing in that future achievement. The work of each member is of immense importance. Knowledge of the brotherhood of man, of reincarnation, karma, inner and outer evolution, the goal of Adeptship, the existence of the Adepts, of planes and states of consciousness beyond the physical, and above all the existence of the realm of the Real, the source of all power, all wisdom, all knowledge, of all substance and all form, must reach the mind of man as soon as possible.

Mọi công nhân Thông Thiên Học ngày nay đều đang chia sẻ thành tựu tương lai đó. Công việc của mỗi thành viên có tầm quan trọng to lớn. Kiến thức về tình huynh đệ của con người, về luân hồi, nghiệp quả, sự tiến hóa bên trong và bên ngoài, mục tiêu của Địa vị Chân sư, sự tồn tại của Các Chân sư, của các cõi và trạng thái tâm thức vượt ra ngoài thể xác, và trên hết là sự tồn tại của cõi Chân Thực, nguồn gốc của mọi năng lượng, mọi minh triết, mọi tri thức, của mọi chất liệu và mọi hình tướng, phải đến được thể trí của con người càng sớm càng tốt.

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 10, October 1937, p. 219

Theosophy in Australia, Vol. [25], Issue [10], October [1937], tr. [219]

60

Free Will and Fatalism [6]—*Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [6]*

Light and Darkness

The East has for long displayed a remarkable stability throughout the periods of rise and fall, being far less affected by them than the West. This may be presumed to be due in large part, though perhaps not entirely, to the establishment of Shamballa in the East. From

Ánh Sáng và Bóng Tối

Phương Đông từ lâu đã thể hiện một sự ổn định đáng kể trong suốt các thời kỳ hưng thịnh và suy tàn, ít bị ảnh hưởng bởi chúng hơn nhiều so với phương Tây. Điều này có thể được cho là phần lớn là do việc thành lập Shamballa ở phương Đông, mặc dù có lẽ không

this point of view, Shamballa is a stabilizing agent to the whole world, and it seems natural that the East should feel Its influence most. Civilizations have their rise and fall in the East as in the West, but there the Divine Wisdom never disappears. The East remains, probably throughout the life of the globe, its centre and source of spiritual life and power.

hoàn toàn. Từ quan điểm này, Shamballa là một tác nhân ổn định cho toàn thế giới, và có vẻ tự nhiên là phương Đông sẽ cảm nhận được ảnh hưởng của Nó nhiều nhất. Các nền văn minh có sự hưng thịnh và suy tàn ở phương Đông cũng như ở phương Tây, nhưng ở đó Trí Tuệ Thiêng Liêng không bao giờ biến mất. Phương Đông vẫn là, có lẽ trong suốt cuộc đời của địa cầu, trung tâm và nguồn gốc của đời sống và năng lượng tinh thần của nó.

Thus studying the Great Plan one realizes that its fulfilment is constantly resisted. In addition to the inertia of matter and the opposition perpetually offered by substance and form, there is evidence of a very determined resistance deliberately exerted.

Do đó, khi nghiên cứu Đại Thiên Cơ, người ta nhận ra rằng việc hoàn thành nó liên tục bị chống lại. Ngoài quán tính của vật chất và sự phản kháng liên tục do chất liệu và hình tướng đưa ra, còn có bằng chứng về một sự phản kháng rất quyết tâm được cố ý thực hiện.

There would seem to be a second law in addition to that of cycles, which might be called the law of opposites. Apparently every spiritual impulse when released automatically produces or induces its own opposite; so that for every good there is a bad, for every centre of light there is a corresponding area of darkness, and these two opposites are perpetually in conflict.

Dường như có một định luật thứ hai ngoài định luật chu kỳ, vốn có thể được gọi là định luật đối lập. Rõ ràng, mọi xung động tinh thần khi được giải phóng sẽ tự động tạo ra hoặc gây ra sự đối lập của chính nó; do đó, đối với mọi điều tốt đều có một điều xấu, đối với mọi trung tâm ánh sáng đều có một vùng bóng tối tương ứng, và hai điều đối lập này vĩnh viễn xung đột.

They are implacable enemies between whom there can be no truce. Evidently matter demands a certain penalty for every advance of spirit, every new or fuller expression of consciousness and life. It is the price paid by the Logos for incarnation in matter, for objective self-expression, for the opportunity to perform His creative composition.

Chúng là những kẻ thù không đội trời chung mà giữa chúng không thể có thỏa hiệp. Rõ ràng, vật chất đòi hỏi một hình phạt nhất định cho mọi sự tiến bộ của tinh thần, mọi biểu hiện mới hoặc đầy đủ hơn của tâm thức và sự sống. Đó là cái giá mà Thượng đế phải trả cho việc hóa thân vào vật chất, cho sự biểu hiện bản thân một cách khách quan, cho cơ hội thực hiện tác phẩm sáng tạo của Ngài.

This is the principle behind the existence of the dark forces. Both aspects, the light and the dark, of this principle have their individual embodiments. There are Egos who work for evolution; these are the great majority. There are also Egos who work against evolution, at

Đây là nguyên tắc đằng sau sự tồn tại của các thế lực hắc ám. Cả hai khía cạnh, ánh sáng và bóng tối, của nguyên tắc này đều có những hiện thân riêng. Có những chân ngã làm việc cho sự tiến hóa; đây là phần lớn. Cũng có những chân ngã làm việc chống lại sự tiến hóa,

the present stage of evolution, the few. Their number diminishes age by age, and finally they will disappear, absorbed in the forces of light. We are taught that in certain parts of Tibet centres of sorcery and black magic exist, while out in the world there are very powerful individuals highly developed intellectually and occultly, but not spiritually, the whole aim of whose existence is the attainment of personal power and resistance to the outworking of the Great Plan.

ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, số ít. Số lượng của chúng giảm dần theo từng thời đại, và cuối cùng chúng sẽ biến mất, bị hấp thụ vào các mãnh lực của ánh sáng. Chúng ta được dạy rằng ở một số vùng nhất định của Tây Tạng, các trung tâm phù phép và hắc thuật tồn tại, trong khi ngoài thế giới có những cá nhân rất quyền lực được phát triển cao về trí tuệ và huyền bí, nhưng không phải về tinh thần, toàn bộ mục tiêu tồn tại của họ là đạt được năng lượng cá nhân và chống lại sự thực hiện của Đại Thiên Cơ.

Strange and even unphilosophical though it may sound, *they and their activities must have a place in that Plan.* For to repeat in closing the theme of these articles, although the Great Plan exists and will be fulfilled, every human individual is free to resist or cooperate in its fulfilment.

Mặc dù nghe có vẻ kỳ lạ và thậm chí không triết lý, nhưng chúng và các hoạt động của chúng phải có một vị trí trong Thiên Cơ đó. Vì để nhắc lại khi kết thúc chủ đề của những bài viết này, mặc dù Đại Thiên Cơ tồn tại và sẽ được hoàn thành, nhưng mọi cá nhân đều được tự do chống lại hoặc hợp tác trong việc hoàn thành nó.

Theosophy in Australia, Vol. 25, Issue 11, November 1937, p. 249

Theosophy in Australia, Vol. [25], Issue [11], November [1937], tr. [249]

61

Free Will and Fatalism [7]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [7]

Questions and answers

Hỏi và đáp

(The article under the above title evoked the following question in a letter.)

(Bài viết dưới tiêu đề trên đã gợi ra câu hỏi sau trong một lá thư.)

Re the article in the August issue of *The American Theosophist* entitled: 'Free Will and Fatalism' by Hodson.

Liên quan đến bài viết trên số tháng 8 của The American Theosophist có tựa đề: 'Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh' của Hodson.

'It is my understanding that another instalment is to appear and I am confident your readers will greatly appreciate his replying to certain pertinent questions suggested by the subject.

'Tôi hiểu rằng một phần khác sẽ xuất hiện và tôi tin chắc rằng độc giả của bạn sẽ đánh giá cao việc ông **trả lời** một số câu hỏi thích hợp do chủ đề này gợi ý.

'The oak tree is potentially involved in the

'Cây sồi có khả năng nằm trong mầm của quả đấu,

germ of the acorn, and man can do nothing that will change the destiny of the oak tree from that which was planted in the germ. The same may be said of every plant and animal. Its destiny for the incarnation immediately ahead is definitely planted in the germ.

và con người không thể làm gì để thay đổi số phận của cây sồi so với những gì đã được gieo trồng trong mầm. Điều tương tự cũng có thể nói về mọi loài thực vật và động vật. Số phận của nó cho lần nhập thể ngay phía trước chắc chắn đã được gieo trồng trong mầm.

'In the case of identical twins, we see another illustration. The life story or destiny of identical twins is apparently locked up in the germ of the original cell. When this cell divides into twins, then each individual developed from the half is impressed with the same identical destiny.

'Trong trường hợp sinh đôi cùng trứng, chúng ta thấy một minh họa khác. Câu chuyện cuộc đời hoặc số phận của cặp song sinh cùng trứng dường như bị khóa trong mầm của tế bào gốc. Khi tế bào này phân chia thành cặp song sinh, thì mỗi cá thể phát triển từ một nửa đều mang cùng một số phận giống hệt nhau.

'May we assume therefore that the original germ-cell has locked up within it, potentially, the destiny for the incarnation immediately ahead and that this destiny cannot be changed except in minor detail?

'Vậy chúng ta có thể cho rằng tế bào mầm ban đầu đã khóa bên trong nó, một cách tiềm năng, số phận cho lần nhập thể ngay phía trước và số phận này không thể thay đổi ngoại trừ những chi tiết nhỏ?

As an illustration, a person in incarnation cannot change any of the fundamental characteristics of his body or of his mind. He cannot change his type of body, his colour, his mental make-up, or the fundamentals of his psychology. May we therefore assume that at birth a person's destiny for the incarnation immediately ahead is definitely fixed? This of course is not fatalism, as we must still answer the question, 'Who fixed the destiny? '

Ví dụ, một người trong quá trình nhập thể không thể thay đổi bất kỳ đặc điểm cơ bản nào về cơ thể hoặc thể trí của y. Y không thể thay đổi loại cơ thể, màu da, cấu tạo trí tuệ hoặc những điều cơ bản trong tâm lý của y. Vậy chúng ta có thể cho rằng khi sinh ra, số phận của một người cho lần nhập thể ngay phía trước đã được định đoạt? Tất nhiên, đây không phải là thuyết định mệnh, vì chúng ta vẫn phải **trả lời** câu hỏi: 'Ai đã định đoạt số phận? '

'May we reason that the individual in any one incarnation, through the power of thought, his prevailing desires, and demands, is sowing the seed for the next incarnation, and that seed comes to its fruition at birth into the next incarnation? In this sense therefore it would appear that the statement "as you sow so shall you reap" is absolutely true. As we sow in any one incarnation, so we reap in the next '.

'Chúng ta có thể lý luận rằng cá nhân trong bất kỳ lần nhập thể nào, thông qua sức mạnh của tư tưởng, những ham muốn và yêu cầu chiếm ưu thế của y, đang gieo mầm cho lần nhập thể tiếp theo, và hạt giống đó sẽ đơm hoa kết trái khi y sinh ra trong lần nhập thể tiếp theo? Vì vậy, theo nghĩa này, có vẻ như câu nói "gieo gì gặt nấy" là hoàn toàn đúng. Chúng ta gieo gì trong bất kỳ lần nhập thể nào, thì chúng ta sẽ gặt nấy trong lần tiếp theo'.

Theosophy answers affirmatively, though the reaping need not occur in the 'next'

Thông Thiên Học **trả lời** khẳng định, mặc dù việc gặt hái không nhất thiết phải xảy ra trong

incarnation.

lần nhập thể ‘tiếp theo’. G. H.

G. H.

‘The law of causation (karma) again holds good and determines the individual’s destiny.

‘Định luật nhân quả (nghiệp quả) một lần nữa có hiệu lực và quyết định số phận của cá nhân.

‘Assuming this reasoning to be correct, then it follows that as anyone reaps in any incarnation so has he sown in the previous incarnation. If a man be murdered, is it proof that in a former incarnation he was a murderer; if he be kidnapped, is it proof that in a former incarnation he was a kidnapper; and so on through the entire field of human experience? ’

‘Giả sử lập luận này là đúng, thì suy ra rằng bất kỳ ai gặt hái trong bất kỳ lần nhập thể nào thì y đã gieo trong lần nhập thể trước đó. Nếu một người bị sát hại, có phải là bằng chứng cho thấy trong một lần nhập thể trước đó y là một kẻ giết người; nếu y bị bắt cóc, có phải là bằng chứng cho thấy trong một lần nhập thể trước đó y là một kẻ bắt cóc; và cứ thế tiếp diễn trong toàn bộ lĩnh vực kinh nghiệm của con người? ’

Our knowledge up to date does not permit us to be so precise as this. In general principles the reasoning appears sound, but room must be left for the many modifying influences released by preceding and subsequent conduct.

Kiến thức của chúng ta cho đến nay không cho phép chúng ta chính xác đến mức này. Về nguyên tắc chung, lý luận có vẻ hợp lý, nhưng cần phải chừa chỗ cho nhiều ảnh hưởng điều chỉnh được giải phóng bởi hành vi trước đó và sau đó. G. H.

G. H.

‘These questions indicate the practical application of the subject, and all thinking people desire a definite answer to these questions, supported by citation of authority and logic ’.

‘Những câu hỏi này chỉ ra ứng dụng thực tế của chủ đề, và tất cả những người có tư duy đều mong muốn có một câu **trả lời** rõ ràng cho những câu hỏi này, được hỗ trợ bằng trích dẫn thẩm quyền và logic’.

Neither authority nor authoritative statements exist in Theosophy. From the oldest to the youngest we are all students, each offering his views of the time for the consideration of his fellows. The only possible Theosophical authority is the individual’s own intuition, reason, and experience.G. H.

Không có thẩm quyền cũng như các tuyên bố có thẩm quyền trong Thông Thiên Học. Từ người lớn tuổi nhất đến người trẻ nhất, tất cả chúng ta đều là đạo sinh, mỗi người đưa ra quan điểm của mình về thời điểm để những người đồng môn xem xét. Thẩm quyền Thông Thiên Học duy nhất có thể có là trực giác, lý trí và kinh nghiệm của chính cá nhân. G. H.

I cannot agree with the statement made in the fourth paragraph that ‘a person in incarnation cannot change any of the fundamental characteristics of his body or of his mind. He

Tôi không thể đồng ý với tuyên bố được đưa ra trong đoạn thứ tư rằng ‘một người trong quá trình nhập thể không thể thay đổi bất kỳ đặc điểm cơ bản nào về cơ thể hoặc thể trí của y. Y

cannot change his type of body, his colour, his mental make-up, or the fundamentals of his psychology'.

không thể thay đổi loại cơ thể, màu da, cấu tạo trí tuệ hoặc những điều cơ bản trong tâm lý của y'.

The members of the sub-human kingdoms being relatively mindless cannot do this, but man having mind can and does change for better or worse everything he inherits. It is a fundamental of Theosophy, as I understand it, that 'what a man thinks on he becomes' and that a man can change his bodily, mental, and psychological characteristics to a very considerable degree.

Các thành viên của các giới dưới loài người tương đối không có trí tuệ nên không thể làm được điều này, nhưng con người có trí tuệ có thể và thực sự thay đổi mọi thứ y thừa hưởng theo hướng tốt hơn hoặc xấu đi. Theo như tôi hiểu, một nguyên tắc cơ bản của Thông Thiên Học là 'một người nghĩ gì thì người đó sẽ trở thành như vậy' và một người có thể thay đổi các đặc điểm về thể xác, trí tuệ và tâm lý của mình ở một mức độ đáng kể.

We have only to look at certain men or women of fifty, especially those who have either risen high or sunk low, to see the nature of that change. When we meet in their fifties friends of the twenties they are sometimes almost unrecognizable.

Chúng ta chỉ cần nhìn vào một số người nam hoặc nữ ở độ tuổi năm mươi, đặc biệt là những người đã vươn lên cao hoặc chìm xuống thấp, để thấy bản chất của sự thay đổi đó. Khi chúng ta gặp lại những người bạn ở độ tuổi hai mươi của họ ở độ tuổi năm mươi, đôi khi chúng ta gần như không thể nhận ra họ.

The Theosophical answer to the question of the later lines of the same paragraph 'Who fixed the destiny?' surely is: the Solar Logos, Himself part of a larger cosmic Self of Whose destiny solar destiny is an outworking. Similarly human destiny is an outworking of the destinies of the solar destiny *and these are not three beings and three destinies but one.*

Câu **trả lời** của Thông Thiên Học cho câu hỏi ở những dòng sau của cùng một đoạn 'Ai đã định đoạt số phận?' chắc chắn là: Thái dương Thượng đế, Bản thân Ngài là một phần của Chân Ngã vũ trụ lớn hơn mà số phận thái dương là một sự thể hiện. Tương tự, số phận của con người là một sự thể hiện của số phận thái dương và đây không phải là ba chúng sinh và ba số phận mà là một.

In the next article I will endeavour to work out the implications of this idea in terms of human freedom, using and expanding the material already published.

Trong bài viết tiếp theo, tôi sẽ cố gắng tìm ra ý nghĩa của ý tưởng này về mặt tự do của con người, sử dụng và mở rộng tài liệu đã được công bố.

Theosophy in Australia, Vol. 25 December, 1937, p. 271

Theosophy in Australia, Tập. 25 tháng 12 năm 1937, tr. [2]71[/h2]

62

Free Will and Fatalism [8]—Tự Do Ý Chí và Thuyết Định Mệnh [8]

(Reply to a Question)

In a preceding article[20] on this subject I began saying: 'To some minds the existence of the Law of Karma and of a Plan for the evolution of life and form suggests determinism and even fatalism. Yet Theosophy teaches positively that man is above all things free'.

Fatalism implies duality. It is based upon the existence of an external ruling power, whether Principle, Law, or Being, on the one hand, and dominated subjects on the other.

According to my reading of Theosophy this idea is false. There is no duality. Unity alone exists. As stated in the closing lines of the first article in this series, there is but one Power, one Life, one Consciousness, one Law, and one Plan which operates equally for all beings, high or low, Solar Logos or newly individualized Ego. Therefore there can be no imposition of an external will, no subordination of an individual will to that of a greater and more powerful being.

The continued beating of the heart keeps the body alive. But the heart is not a separate organism. It is part of the totality of the whole body which lives and moves as a unit. So also 'individual' man, whose sense of separated Individuality is an illusion. All egos and all Monads together constitute one 'organism' which is the Solar System as a whole.

If this be admitted, then while pressure in certain directions must also be admitted, that

(Trả lời một câu hỏi)

Trong một bài viết trước về chủ đề này, tôi đã bắt đầu bằng cách nói: 'Đối với một số thể trí, sự tồn tại của Định luật Nghiệp Quả và một Thiên Cơ cho sự tiến hóa của sự sống và hình tướng cho thấy thuyết tất định và thậm chí là thuyết định mệnh. Tuy nhiên, Thông Thiên Học khẳng định rằng con người trên hết là tự do'.

Thuyết định mệnh ngụ ý tính nhị nguyên. Nó dựa trên sự tồn tại của một quyền lực cai trị bên ngoài, cho dù là Nguyên tắc, Định luật hay Chúng sinh, một mặt, và các đối tượng bị chi phối, mặt khác.

Theo cách tôi đọc Thông Thiên Học, ý tưởng này là sai. Không có tính nhị nguyên. Chỉ có sự hợp nhất tồn tại. Như đã nêu trong những dòng cuối của bài viết đầu tiên trong loạt bài này, chỉ có một Quyền Năng, một Sự Sống, một Tâm thức, một Định luật và một Thiên Cơ hoạt động bình đẳng cho tất cả chúng sinh, cao hay thấp, Thái dương Thượng đế hoặc Chân Ngã vừa mới biệt ngã hóa. Do đó, không thể có sự áp đặt ý chí bên ngoài, không có sự phục tùng ý chí cá nhân đối với ý chí của một chúng sinh lớn hơn và mạnh mẽ hơn.

Việc tim tiếp tục đập giúp cơ thể sống. Nhưng tim không phải là một cơ quan riêng biệt. Nó là một phần của toàn bộ cơ thể sống và vận động như một thể thống nhất. Vì vậy, 'cá nhân' con người, người có cảm giác về Tính Cá Nhân tách biệt là một ảo tưởng. Tất cả các chân ngã và tất cả các chân thần cùng nhau tạo thành một 'cơ thể' duy nhất, đó là Hệ Mặt Trời nói chung.

Nếu điều này được thừa nhận, thì trong khi áp lực theo một số hướng nhất định cũng phải

[20] June 1937, [See Chapter 55].

pressure is not external but interior, it is the pressure of the larger Self of which the lesser self is a manifestation.

được thừa nhận, thì áp lực đó không phải là bên ngoài mà là bên trong, đó là áp lực của Chân Ngã lớn hơn mà phàm ngã là một biểu hiện.

Even in the great weaving process which the operation of the Law of Karma resembles, there is considerable Egoic and personal freedom. Each individual by his thought, feelings, speech, and action contributes his share of the pattern, his colours, kind of thread, and so on. The interaction between individuals causes continual variations of the main theme or design, which apparently is fixed, as also is the number of Monads on the globe.

Ngay cả trong quá trình dệt vĩ đại mà hoạt động của Định luật Nghiệp Quả giống như vậy, vẫn có sự tự do đáng kể của chân ngã và cá nhân. Mỗi cá nhân bằng tư tưởng, cảm xúc, lời nói và hành động của mình đóng góp phần của mình vào mô hình, màu sắc, loại sợi, v.v. Sự tương tác giữa các cá nhân gây ra những biến đổi liên tục của chủ đề hoặc thiết kế chính, điều này dường như đã được cố định, cũng như số lượng chân thần trên địa cầu.

Although limitations are imposed upon human action by karma, each individual makes his own karma, decrees his own limitations and his own freedom. Although limitations are imposed by the laws of Nature and by the continual pressure of the life-force towards the goal, man himself is the law, is Nature, is the life-force and so in all he does is self-influenced even if unconscious of the fact in the early evolutionary stages.

Mặc dù những hạn chế được áp đặt lên hành động của con người bởi nghiệp quả, nhưng mỗi cá nhân tự tạo ra nghiệp quả của mình, tự quyết định những hạn chế và sự tự do của mình. Mặc dù những hạn chế được áp đặt bởi các định luật của Tự Nhiên và bởi áp lực liên tục của sinh lực hướng tới mục tiêu, nhưng bản thân con người là định luật, là Tự Nhiên, là sinh lực và do đó trong tất cả những gì y làm đều bị ảnh hưởng bởi bản thân ngay cả khi không ý thức được điều đó trong những giai đoạn tiến hóa ban đầu.

At the same time it must be admitted that while the Ego of man in possession of this knowledge as a living experience can take this point of view, the Personality not thus illumined finds it difficult to do so. Not only the evil deeds of others, but also all beneficent influences, such as the best of art, religion, science, politics, and education, though beneficial to humanity because they increase all tendencies towards right conduct and diminish those towards evil, appear to the Personality definitely to decrease freedom of action. Since the number and power of these influences will steadily increase as evolution proceeds, the Personality might argue, so

Đồng thời, phải thừa nhận rằng trong khi Chân Ngã của con người sở hữu kiến thức này như một kinh nghiệm sống có thể có quan điểm này, thì phàm ngã không được soi sáng như vậy cảm thấy khó làm như vậy. Không chỉ những hành vi xấu xa của người khác, mà cả tất cả những ảnh hưởng có lợi, chẳng hạn như nghệ thuật, tôn giáo, khoa học, chính trị và giáo dục tốt nhất, mặc dù có lợi cho nhân loại vì chúng làm tăng tất cả các khuynh hướng hướng tới hành vi đúng đắn và làm giảm những khuynh hướng hướng tới điều ác, dường như đối với phàm ngã chắc chắn làm giảm sự tự do hành động. Vì số lượng và sức mạnh của những ảnh hưởng này sẽ tăng lên

man's personal freedom must steadily decrease.

đều đặn khi quá trình tiến hóa tiếp diễn, phàm ngã có thể lập luận, nên sự tự do cá nhân của con người phải giảm đi đều đặn.

This will not, however, be irksome to him, answers the Ego, because he will be unaware of any external pressure, will simply experience an improvement in his character. His life will become more orderly; he will generate less painful and more happy karma. The variations of the great theme which he will weave will in consequence grow more and more beautiful, will conform more closely to the great design. And in this very conformity it will appear to enlightened man that he is acting entirely of his own free will.

Tuy nhiên, điều này sẽ không gây khó chịu cho y, chân ngã **trả lời**, vì y sẽ không nhận thức được bất kỳ áp lực bên ngoài nào, mà chỉ đơn giản là trải nghiệm sự cải thiện trong tính cách của mình. Cuộc sống của y sẽ trở nên trật tự hơn; y sẽ tạo ra ít nghiệp quả đau khổ hơn và hạnh phúc hơn. Do đó, những biến thể của chủ đề vĩ đại mà y sẽ dệt sẽ ngày càng trở nên đẹp hơn, sẽ phù hợp chặt chẽ hơn với thiết kế vĩ đại. Và chính trong sự phù hợp này, người được khai sáng sẽ thấy rằng y đang hành động hoàn toàn theo ý chí tự do của mình.

For the test of enlightenment is the degree of self-identification with the whole. As enlightenment increases the sense of separateness decreases and with it the sense of individual action and the desire for personal gratification and possession. Eventually these disappear. The enlightened man grows out of these quite naturally, his apotheosis being complete and conscious self-identification with all that exists. Conformity with the plan for all that exists brings therefore not limitation and pain but expansion and happiness.

Vì bài kiểm tra của sự khai sáng là mức độ tự đồng nhất với toàn bộ. Khi sự khai sáng tăng lên, cảm giác tách biệt giảm đi và cùng với đó là cảm giác về hành động cá nhân và mong muốn được hài lòng và chiếm hữu cá nhân. Cuối cùng những điều này biến mất. Người được khai sáng phát triển vượt ra ngoài những điều này một cách hoàn toàn tự nhiên, sự thăng hoa của y trở nên hoàn toàn và tự ý thức đồng nhất với tất cả những gì tồn tại. Do đó, sự phù hợp với thiên cơ cho tất cả những gì tồn tại không mang lại sự hạn chế và đau đớn mà là sự mở rộng và hạnh phúc.

This throws a new light upon the much vaunted freedom of man; for actually the more highly evolved man is the less his apparent freedom. Yet, because his only aspirations are those in accord with the Divine Mind and the Divine Will, advanced man is conscious of no restraint. While marvellously free of the limitations which bind the average man, in action the Adepts for example are far more limited. They are, presumably, incapable of action against the Law, the Plan, or the Will of the Logos with which They are consciously self-identified. This is not

Điều này làm sáng tỏ một khía cạnh mới về sự tự do được ca ngợi nhiều của con người; vì thực tế, con người càng tiến hóa cao thì sự tự do rõ ràng của y càng ít. Tuy nhiên, vì những khát vọng duy nhất của y là những khát vọng phù hợp với Thể Trí Thiêng Liêng và Ý Chí Thiêng Liêng, nên con người tiến bộ không ý thức được bất kỳ sự kiềm chế nào. Trong khi tự do một cách kỳ diệu khỏi những hạn chế ràng buộc người bình thường, thì trong hành động, các chân sư chẳng hạn, bị hạn chế hơn nhiều. Người ta cho rằng Các Ngài không có khả năng hành động chống lại Định luật, Thiên Cơ hoặc

experienced by them as a limitation because They know no other will than that of the Solar Logos. The Adept has solved the problem of free will and determinism and His solution is perfectly expressed in the words, paradoxical and incomprehensible to unenlightened man: 'In His service is perfect freedom'.

Ý Chí của Thượng đế mà Các Ngài tự ý thức đồng nhất. Các Ngài không trải nghiệm điều này như một sự hạn chế vì Các Ngài không biết ý chí nào khác ngoài ý chí của Thái dương Thượng đế. Chân sư đã giải quyết được vấn đề tự do ý chí và thuyết tất định và giải pháp của Ngài được thể hiện một cách hoàn hảo trong những lời nói, nghịch lý và khó hiểu đối với người chưa được khai sáng: 'Trong sự phụng sự Ngài là sự tự do hoàn hảo'.

The Path of Swift Unfoldment once entered; man bids goodbye forever to the freedom of past. At first he voluntarily subscribes to a law of life expounded to him by others and for a time he is conscious of restraint. Later he becomes the Law, and though voluntarily obedient to a still more rigid code of conduct, is yet conscious of a freedom which for him is complete. Thus it would appear that the existence of the Great Plan and the fact that the chief events which contribute to its fulfilment are 'flexibly fixed', does not imply the imposition of the will of an external God upon man.

Một khi đã bước vào Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng; con người vĩnh biệt sự tự do của quá khứ. Lúc đầu, y tự nguyện tuân theo một định luật về cuộc sống do người khác giải thích cho y và trong một thời gian, y ý thức được sự kiềm chế. Sau đó, y trở thành Định luật, và mặc dù tự nguyện tuân theo một quy tắc ứng xử thậm chí còn nghiêm ngặt hơn, nhưng y vẫn ý thức được một sự tự do mà đối với y là hoàn toàn. Do đó, có vẻ như sự tồn tại của Đại Thiên Cơ và thực tế là các sự kiện chính góp phần vào việc hoàn thành nó được 'cố định một cách linh hoạt', không ngụ ý việc áp đặt ý chí của một Thượng đế bên ngoài lên con người.

Theosophy in Australia, Vol. 26, January, 1938, p. 13

Theosophy in Australia, Tập. 26, tháng 1 năm 1938, tr. [2]13[/h2]

63

Immortality—Sự Bất Tử

Study Note

Ghi Chú Nghiên Cứu

Within the Self is an *atmic* will, which is omnipotent, a Monadic steel which is unbreakable. No outer circumstance, no bodily experience, has power to move that will or break that steel.

Bên trong Chân Ngã là một ý chí atma, vốn là toàn năng, một thép chân thần không thể phá vỡ. Không hoàn cảnh bên ngoài nào, không kinh nghiệm thể xác nào có quyền lay chuyển ý chí đó hoặc phá vỡ thép đó.

At the heart of every experience, in the centre of every joy, in all true friendship, especially in love, this inward fire of God, this white flame of *Atma* must be present as the immovably

Ở trung tâm của mọi kinh nghiệm, ở trung tâm của mọi niềm vui, trong tất cả tình bạn chân thành, đặc biệt là trong tình yêu, ngọn lửa bên trong của Thượng đế này, ngọn lửa

stable and irresistibly potent controlling influence.

trắng của Atma này phải hiện diện như một ảnh hưởng kiểm soát ổn định bất động và mạnh mẽ không thể cưỡng lại.

The real purpose of incarnation in the flesh, of the battle between spirit and matter, Self and vehicles, is to draw out this power, just as Siegfried drew his sword from the tree of life and King Arthur drew Excalibur from the waters of emotional experience. Without this inner, spiritual Will all experience is ephemeral; joy, friendship, love are transient, mortal. *Atma* bestows immortality, is the Elixir of Life, the secret of eternal youth and of everlasting life.

Mục đích thực sự của việc nhập thể trong xác thịt, của cuộc chiến giữa tinh thần và vật chất, Chân Ngã và các vận cụ, là để rút ra sức mạnh này, giống như Siegfried rút thanh kiếm của mình từ cây sự sống và Vua Arthur rút Excalibur từ vùng nước của kinh nghiệm cảm xúc. Nếu không có Ý Chí tinh thần bên trong này, mọi kinh nghiệm đều phù du; niềm vui, tình bạn, tình yêu đều phù du, hữu tử. Atma ban cho sự bất tử, là Thuốc Trường Sinh, bí mật của tuổi trẻ vĩnh cửu và cuộc sống vĩnh hằng.

The secret of the power of this inward Will lies in its universality. Though the very substance of which the Self is made, it is beyond the Self. It is the Fire of the One Self of the Universe.

Bí mật sức mạnh của Ý Chí bên trong này nằm ở tính phổ quát của nó. Mặc dù là bản chất của Chân Ngã, nhưng nó vượt ra ngoài Chân Ngã. Nó là Lửa của Một Chân Ngã của Vũ Trụ.

When awakened in man, the consequent individual manifestation of this Will always occurs in surrender to the Universal Will.

Khi được đánh thức trong con người, sự biểu hiện cá nhân do đó của Ý Chí này luôn xảy ra trong sự đầu hàng Ý Chí Phổ Quát.

Atmic man says with the Christ, whether in illumination on the Mount or in darkness in Gethsemane: -

Con người atma nói với Đức Christ, cho dù trong sự soi sáng trên Núi hay trong bóng tối ở Gethsemane: -

'Not my will, but Thine be done'.

'Không phải ý con, mà là ý Cha được nên'.

This discovered, released, surrendered, *Atma* is the secret of immortality.

Atma này được khám phá, giải phóng, đầu hàng là bí mật của sự bất tử.

Theosophy in Australia, 3, 2 April 1938, p. 10

Theosophy in Australia, 3, 2 tháng 4 năm 1938, tr. [2]10[/h2]

64

Life After Physical Death—Cuộc Sống Sau Cái Chết Thể Xác

Study Notes

Ghi Chú Nghiên Cứu

The true, essential Individuality, the Spiritual

Tính Cá Nhân thiết yếu, chân thật, Linh Hồn

Soul of man, in its very nature, is immortal, is immune from death. This true Self is gradually unfolding and evolving as a result of the experiences of life—here on Earth and in the superphysical worlds. Only the body dies. This is the Theosophical answer to the main question. This fact can be known direct. The body is not the Self. The student of Theosophy does not think and say: 'I have a Soul'. He says: 'I am the Soul and I have a body'.

Tinh Thần của con người, về bản chất, là bất tử, không bị ảnh hưởng bởi cái chết. Chân Ngã thật sự này đang dần dần mở ra và tiến hóa như là kết quả của những kinh nghiệm của cuộc sống—ở đây trên Trái Đất và trong các cõi siêu vật chất. Chỉ có cơ thể chết. Đây là câu **trả lời** của Thông Thiên Học cho câu hỏi chính. Sự thật này có thể được biết trực tiếp. Cơ thể không phải là Chân Ngã. Đạo sinh của Thông Thiên Học không nghĩ và nói: 'Tôi có một Linh Hồn'. Y nói: 'Tôi là Linh Hồn và tôi có một cơ thể'.

One moment of Egoic awareness is sufficient to solve the problem of death in terms of personal experience. This is not blind faith. It is possible to know oneself as an immortal, Spiritual Being.

Một khoảnh khắc nhận thức về chân ngã là đủ để giải quyết vấn đề cái chết về mặt kinh nghiệm cá nhân. Đây không phải là đức tin mù quáng. Có thể biết mình là một Chúng Sinh Tinh Thần, bất tử.

Meditation is the way to discover both the Inner Self of man and that it is one with God and, through Him, with all that lives.

Tham thiền là con đường để khám phá cả Chân Ngã Bên Trong của con người và việc nó là một với Thượng đế và, thông qua Ngài, với tất cả những gì đang sống.

Direct positive knowledge resulting from this discovery is available. Seership is latent in man.

Kiến thức tích cực trực tiếp có được từ khám phá này là có sẵn. Thông nhãn tiềm ẩn trong con người.

Six Significant Ideas Must be Advanced at this Point

Sáu Ý Tưởng Quan Trọng Phải Được Nêu Ra Tại Thời Điểm Này

1. Character is not changed (after death). This fact is very important, because conditions and experiences there are governed by character and outlook.

Tính cách không thay đổi (sau khi chết). Thực tế này rất quan trọng, bởi vì các điều kiện và kinh nghiệm ở đó được điều chỉnh bởi tính cách và quan điểm.

2. Moreover, it is not a strange world. We go there every time we sleep, as we shall see in detail shortly.

Hơn nữa, đó không phải là một thế giới xa lạ. Chúng ta đến đó mỗi khi ngủ, như chúng ta sẽ thấy chi tiết ngay sau đây.

3. All human beings are passing through.

Tất cả con người đều đang trải qua.

4. The speed of withdrawal to higher states depends on age and the degree of spirituality.

Tốc độ rút lui lên các trạng thái cao hơn phụ thuộc vào tuổi tác và mức độ tinh thần.

5. Sudden deaths are an exception. The review and a period of temporary unconsciousness are not usual in such cases.

Những cái chết đột ngột là một ngoại lệ. Việc xem xét lại và một giai đoạn mất ý thức tạm thời không phải là điều thường thấy trong những trường hợp như vậy.

6. Interests are followed, such as, for example, the pursuit of knowledge, beauty in the arts, etc.

Các mối quan tâm được theo đuổi, chẳng hạn như, ví dụ, theo đuổi tri thức, vẻ đẹp trong nghệ thuật, v.v.

Is there time, business, work, pressure? There is time, but no pressure. There is, however, work to be done voluntarily. With regard to suffering, service and ministration, see *Invisible Helpers* by C. W. Leadbeater, and my book, *Through the Gateway of Death.*

Có thời gian, công việc, áp lực không? Có thời gian, nhưng không có áp lực. Tuy nhiên, có công việc phải làm một cách tự nguyện. Liên quan đến đau khổ, phụng sự và giúp đỡ, hãy xem Invisible Helpers của C. W. Leadbeater, và cuốn sách của tôi, Through the Gateway of Death.

The Seven Principles of Man

Bảy Nguyên Lý của Con Người

At death the physical body, the Etheric Double, and the physical vitality for which the latter is the container, are laid aside. The physical body and the Etheric Double disintegrate together the latter conforming to the shape of the former throughout the process.

Khi chết, thể xác, Thể Dĩ Thái và sinh lực thể xác mà Thể Dĩ Thái là vật chứa, được loại bỏ. Thể xác và Thể Dĩ Thái tan rã cùng nhau, Thể Dĩ Thái tuân theo hình dạng của thể xác trong suốt quá trình.

In ordinary burial this occupies a certain period of time, during which the Etheric Double can become separate from the physical body and float over the surface of the grave, or in the air immediately above it. This is one form of the wraith or ghost of a deceased person and it can, under certain conditions, become temporarily animated and more readily visible.

Trong việc chôn cất thông thường, điều này chiếm một khoảng thời gian nhất định, trong thời gian đó Thể Dĩ Thái có thể tách rời khỏi thể xác và trôi nổi trên bề mặt mộ, hoặc trong không khí ngay phía trên nó. Đây là một dạng của bóng ma hoặc hồn ma của một người đã khuất và nó có thể, trong một số điều kiện nhất định, tạm thời trở nên sống động và dễ nhìn thấy hơn.

The threefold inner self is then clothed in the bodies of emotion and concrete thought, in which it passes through the intermediate phases of the life after death. Ultimately the emotional body is laid aside at what is sometimes called the second death, slowly to disintegrate and also to be susceptible of temporary animation, as by the magnetic

Phần nội tâm tam phân sau đó được khoác lên mình các thể cảm xúc và tư tưởng cụ thể, trong đó nó trải qua các giai đoạn trung gian của cuộc sống sau khi chết. Cuối cùng, thể cảm xúc được loại bỏ ở cái đôi khi được gọi là cái chết thứ hai, từ từ tan rã và cũng dễ bị hoạt hóa tạm thời, như bởi chất lưu từ tính của một đồng tử và vòng tròn chiêu hồn, bởi các tinh linh tự

fluid of a spiritualistic medium and circle, by nature spirits, by other deceased persons or by magicians, whether black or white. When thus animated this ‘shell’ can display some memory of physical life and some of the characteristics of the physical Personality. It cannot originate ideas, however, nor does it usually communicate with an intelligence equal to that which the personal identity possessed on Earth.

nhiên, bởi những người đã khuất khác hoặc bởi các nhà huyền thuật, dù là hắc đạo hay chánh đạo. Khi được hoạt hóa như vậy, 'vỏ bọc' này có thể hiển thị một số ký ức về cuộc sống thể xác và một số đặc điểm của phàm ngã thể xác. Tuy nhiên, nó không thể tạo ra ý tưởng, cũng như thường không giao tiếp với một trí thông minh ngang bằng với trí thông minh mà bản sắc cá nhân sở hữu trên Trái Đất.

When the physical body is laid aside, the centre of consciousness is withdrawn through the intermediate or Astral world, gradually to become established in the mental body, the instrument of concrete thought. The blissful happiness of a heaven-like existence is then slowly entered into. This, in its turn, draws to a close; the mental body is discarded and consciousness is focused wholly in the Augoeides, the body of light, the Causal Body of the Abstract Intellect. Thereafter, the process of reincarnation begins to be repeated.

Khi thể xác được loại bỏ, trung tâm tâm thức được rút qua thế giới trung gian hoặc cõi cảm dục, dần dần được thiết lập trong thể trí, công cụ của tư tưởng cụ thể. Hạnh phúc tuyệt vời của một sự tồn tại giống như thiên đường sau đó từ từ được bước vào. Đến lượt nó, điều này cũng đi đến hồi kết; thể trí bị loại bỏ và tâm thức hoàn toàn tập trung vào Augoeides, thể ánh sáng, Thể Nguyên Nhân của Trí Trừu Tượng. Sau đó, quá trình tái sinh bắt đầu lặp lại.

In the process of the withdrawal of the centre of self-consciousness, awareness and observation from the physical to the spiritual vehicles, a separation gradually occurs of the spiritual attributes of the deceased Personality from the lower instincts, impulses and recollections. The higher qualities are all drawn up into the Inner Self and the lower remnant is discarded.

Trong quá trình rút trung tâm tự-tâm thức, nhận thức và quan sát từ thể xác sang các vận cụ tinh thần, một sự tách biệt dần dần xảy ra giữa các thuộc tính tinh thần của phàm ngã đã khuất với các bản năng, xung động và ký ức thấp hơn. Tất cả các phẩm chất cao hơn đều được đưa vào Nội Tâm và phần còn lại thấp hơn bị loại bỏ.

The immortal Ego, the spiritual Individuality of Will, Wisdom and Abstract Intelligence, then exists in a spiritual condition of beatitude to which I have referred as a heaven-life and which, in the Hindu and Buddhist philosophy, is called *Devaloka, Devachan,* or the place of the Gods. The self-conscious Personality of the deceased as it was on Earth, with its higher feelings, aspirations, affections and even tastes, or rather the higher

Chân ngã bất tử, Biệt Ngã tinh thần của Ý Chí, Minh Triết và Trí Thông Minh Trừu Tượng, sau đó tồn tại trong một trạng thái tinh thần của sự hoan lạc mà tôi đã đề cập đến như một cuộc sống thiên đường và trong triết học Hindu và Phật giáo, được gọi là Devaloka, Devachan, hoặc nơi của Các Thượng đế. Phàm ngã tự-tâm thức của người đã khuất như nó đã từng ở trên Trái Đất, với những cảm xúc, khát vọng, tình cảm và thậm chí cả thị hiếu cao hơn

essence of all these, enters *Devachan.*

This portion of the constitution of man is sometimes referred to as the Individuality, and it is this which enters into *Devachan* and later is reincarnated. The more sensual feelings, desires and tendencies of the late Personality cannot experience *Devachan.* They are left behind to float off into the earth's atmosphere with their vehicle, the Astral Body, as it disintegrates, its elements being returned to the source from which they were originally drawn to form that body.

Invisible Helping

Experiences of being fully self-conscious, and even of seeing the body, when 'out of the body', as when dozing, sleeping, fainting, or in anaesthesia, are fairly common. Accounts of seemingly miraculous escapes from serious injury or death constantly appear in the Press, such as, for example, of children who fall but are not seriously hurt, and sometimes are not hurt at all.

By what principle do these events occur? Sometimes as a result of intervention by people whose bodies are either deceased or asleep.

Can the power thus to travel, to act, to be aware and to serve during sleep be developed, and if so how? Theosophy provides the information. Can the inner man, the Thinker, act independently of the body and display physically, supernormal powers? Theosophy says, 'Yes', this answer being based upon knowledge of the make-up of man.

Theosophy Supplies the Knowledge That...

của nó, hay đúng hơn là bản chất cao hơn của tất cả những điều này, đi vào Devachan.

Phần này của cấu trúc con người đôi khi được gọi là Biệt Ngã, và chính nó đi vào Devachan và sau đó được tái sinh. Những cảm xúc, ham muốn và khuynh hướng trần tục hơn của phàm ngã đã qua không thể trải nghiệm Devachan. Chúng bị bỏ lại phía sau để trôi vào bầu khí quyển của trái đất cùng với vận cụ của chúng, Thể Cảm Dục, khi nó tan rã, các nguyên tố của nó được trả về nguồn mà từ đó chúng ban đầu được rút ra để tạo thành thể đó.

Sự Giúp Đỡ Vô Hình

Những trải nghiệm về việc hoàn toàn tự-tâm thức, và thậm chí nhìn thấy cơ thể, khi 'ra khỏi cơ thể', như khi ngủ gà ngủ gật, ngủ, ngất xỉu hoặc trong khi gây mê, là khá phổ biến. Những câu chuyện về những cuộc thoát hiểm dường như kỳ diệu khỏi thương tích nghiêm trọng hoặc cái chết liên tục xuất hiện trên báo chí, chẳng hạn như, ví dụ, về những đứa trẻ bị ngã nhưng không bị thương nặng, và đôi khi hoàn toàn không bị thương.

Những sự kiện này xảy ra theo nguyên tắc nào? Đôi khi là kết quả của sự can thiệp của những người có thể xác đã chết hoặc đang ngủ.

Liệu sức mạnh để du hành, hành động, nhận thức và phụng sự trong khi ngủ có thể được phát triển hay không, và nếu có thì bằng cách nào? Thông Thiên Học cung cấp thông tin. Liệu con người bên trong, Người Tư Duy, có thể hành động độc lập với cơ thể và thể hiện về mặt thể chất, những sức mạnh siêu thường hay không? Thông Thiên Học nói, 'Có', câu **trả lời** này dựa trên kiến thức về cấu tạo của con người.

Thông Thiên Học Cung Cấp Kiến Thức

Rằng...

Man is a duality, a Spiritual being incarnate in material bodies.

Con người là một nhị nguyên tính, một bản thể Tinh Thần hóa thân trong các thể vật chất.

Also he is a triplicity; Spirit and Matter being united by Intellect. The occult definition of man is: 'That being in whom highest Spirit and lowest Matter are united by Intellect'.

Ngoài ra, y là một tam phân; Tinh Thần và Vật Chất được hợp nhất bởi Trí Tuệ. Định nghĩa huyền bí học về con người là: 'Bản thể mà trong đó Tinh Thần cao nhất và Vật Chất thấp nhất được hợp nhất bởi Trí Tuệ'.

Man is a septenary, having seven Bodies operated by one consciousness. They are the Physical, Etheric, Astral, Lower Mental (these are mortal), Higher Mental or Causal, Intuitional or *Buddhic* and *Atmic,* or the body of the Spiritual Will.

Con người là một thất phân, có bảy Thể được vận hành bởi một tâm thức. Chúng là Thể Xác, Dĩ Thái, Cảm Dục, Hạ Trí (những thứ này là hữu tử), Thượng Trí hay Nguyên Nhân, Trực Giác hay Bồ Đề và Atma, hay thể của Ý Chí Tinh Thần.

In sleep and in death the physical and etheric bodies become inoperative, unconscious. The Ego is then five-principled and is able to function in the Astral or Mental Bodies or both, according to evolutionary stature, mode of life and training. The study of Theosophy, regular meditation and the practice of yoga quicken the evolution of the subtle bodies and increase self-mastery and effectiveness in superphysical travel and action.

Trong giấc ngủ và trong cái chết, thể xác và thể dĩ thái trở nên bất hoạt, vô thức. Chân ngã sau đó là ngũ phân và có thể hoạt động trong Thể Cảm Dục hoặc Thể Trí hoặc cả hai, tùy theo tầm vóc tiến hóa, lối sống và sự rèn luyện. Việc nghiên cứu Thông Thiên Học, tham thiền thường xuyên và thực hành yoga đẩy nhanh sự tiến hóa của các thể vi tế và tăng cường khả năng tự chủ và hiệu quả trong du hành và hành động siêu vật chất.

It is possible—many Theosophists do it deliberately—to become an Invisible Helper chiefly by studying the subject, meditation, resolving to do so before falling asleep, and by being a visible helper on the physical plane.

Có thể—nhiều nhà Thông Thiên Học làm điều đó một cách có chủ ý—trở thành một Người Giúp Đỡ Vô Hình chủ yếu bằng cách nghiên cứu chủ đề này, tham thiền, quyết tâm làm như vậy trước khi đi ngủ và bằng cách là một người giúp đỡ hữu hình trên cõi hồng trần.

The Human Ego can Act Independently of the Body

Chân Ngã Nhân Loại có Thể Hành Động Độc Lập với Thể Xác

(a) In physical sleep, when the Ego is astrally awake, with varying degrees of self-consciousness and power of action. Service of various kinds then become possible.

Trong giấc ngủ thể xác, khi Chân ngã tỉnh táo ở cõi cảm dục, với các mức độ tự-tâm thức và sức mạnh hành động khác nhau. Sự phụng sự các loại khác nhau sau đó trở nên khả thi.

(b) During all departures from the body, as in

Trong tất cả các lần rời khỏi cơ thể, như trong

fainting and anaesthesia.

(c) After death.

Death

The death of the physical body is not a tragedy but a freedom.

Death is the becoming still at a lower level, that a higher may be known.

Shelley: 'He is not dead. He has made death his ladder to the stars'.

'He hath awakened from the dream of life'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 43, No. 4, 1982, p. 80

khi ngất xỉu và gây mê.

Sau khi chết.

Cái Chết

Cái chết của thể xác không phải là một bi kịch mà là một sự tự do.

Cái chết là trở nên tĩnh lặng ở một cấp độ thấp hơn, để một cấp độ cao hơn có thể được biết đến.

Shelley: 'Y không chết. Y đã biến cái chết thành chiếc thang dẫn đến các vì sao của mình'.

'Y đã thức tỉnh khỏi giấc mơ cuộc đời'.

Theosophy in New Zealand, Tập 43, Số 4, 1982, tr. [2]80[/h2]

65

Life Does Make Sense!—Cuộc Sống Thật Có Ý Nghĩa!

The late Very Rev. Dr Martin Sullivan, KCVQ, Dean (Emeritus) of St Pauls, London, some time ago posed the following questions:

'The issue of Christmas might be summed up in this question: Do the things that exist and happen in the field of the natural sciences, the things that we say and do in the world of ethics, politics, religion and art, belong to a universe which makes sense?

Or, on the other hand, are they clues in a puzzle which has no diagram or pattern into which they fit? ' *(New Zealand Herald,* 24/12/79)

Cố Mục sư đáng kính Tiến sĩ Martin Sullivan, KCVQ, Trưởng khoa (Danh dự) của St Pauls, London, cách đây một thời gian đã đặt ra những câu hỏi sau:

'Vấn đề Giáng sinh có thể được tóm tắt trong câu hỏi này: Liệu những điều tồn tại và xảy ra trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, những điều chúng ta nói và làm trong thế giới đạo đức, chính trị, tôn giáo và nghệ thuật, có thuộc về một vũ trụ có ý nghĩa hay không?

Hay, mặt khác, chúng là những manh mối trong một câu đố không có sơ đồ hoặc mô hình nào mà chúng phù hợp?' (New Zealand Herald, 24/12/79)

Whilst recognizing external signs, Theosophy presents, I suggest, amongst others, the following ideas which point to a Universe which does 'make sense'!

Trong khi nhận ra các dấu hiệu bên ngoài, Thông Thiên Học trình bày, tôi gợi ý, trong số những điều khác, những ý tưởng sau đây chỉ ra một Vũ Trụ 'có ý nghĩa'!

Man is that being in whom highest Spirit (Monad) and lowest matter (body) are united by intellect. Man's spiritual Self perpetually unfolds potential capacities, this being the result—purpose indeed—of his existence.

Con người là bản thể mà trong đó Tinh Thần cao nhất (Chân thần) và vật chất thấp nhất (thể xác) được hợp nhất bởi trí tuệ. Chân ngã tinh thần của con người liên tục mở ra những năng lực tiềm ẩn, đây là kết quả—thực sự là mục đích—của sự tồn tại của y.

This process culminates in the attainment of perfected manhood, Adeptship.

Quá trình này lên đến đỉnh điểm trong việc đạt được nhân tính hoàn hảo, Địa vị Chân sư.

The method of human evolution is by means of successive lives in physical bodies or rebirth and human conditions and experiences therein are the results of human conduct under the Law of Cause and Effect, or Karma.

Phương pháp tiến hóa của con người là thông qua các kiếp sống liên tiếp trong thể xác hoặc tái sinh và các điều kiện và kinh nghiệm của con người trong đó là kết quả của hành vi của con người theo Định luật Nhân Quả, hay Nghiệp Quả.

Simply put, kindness brings health and happiness, whilst cruelty brings disease and misery.

Nói một cách đơn giản, lòng tốt mang lại sức khỏe và hạnh phúc, trong khi sự tàn ác mang lại bệnh tật và đau khổ.

The processes of evolution can be delayed, can proceed normally, and furthermore may be hastened. Delay is caused by ignorance of these truths and so by failure to conduct one's life accordingly. Unfoldment generally, proceeds normally at physical, emotional and mental levels. Eventually it is hastened by the recognition of and the intelligent application to one's life of age-old and unchanging rules and laws.

Các quá trình tiến hóa có thể bị trì hoãn, có thể tiến hành bình thường và hơn nữa có thể được đẩy nhanh. Sự chậm trễ là do sự thiếu hiểu biết về những sự thật này và do đó do không thể hiện cuộc sống của một người cho phù hợp. Sự mở ra nói chung, tiến hành bình thường ở các cấp độ thể xác, cảm xúc và trí tuệ. Cuối cùng, nó được đẩy nhanh bằng việc nhận ra và áp dụng một cách thông minh vào cuộc sống của một người các quy tắc và định luật lâu đời và không thay đổi.

Thus The Kingdom of Heaven can be taken by storm and this calls for self-training, regular wisely-planned meditation and utterly selfless service without thought of reward. In consequence century by century a perfect Man arises, the rare efflorescence of the human race.

Do đó, Vương Quốc Thiên Đàng có thể bị chiếm đoạt bằng vũ lực và điều này đòi hỏi sự tự rèn luyện, tham thiền thường xuyên được lên kế hoạch một cách khôn ngoan và sự phụng sự hoàn toàn vị tha mà không cần suy nghĩ về phần thưởng. Do đó, thế kỷ này qua thế kỷ khác, một Con Người hoàn hảo xuất hiện, sự

nở rộ hiếm có của nhân loại.

Certain perfected men and women, Adepts, decide to continue upon Earth in physical bodies. Under Their inspiration, The Theosophical Society was founded in 1875, in order to 'Popularize a knowledge of Theosophy'[21] for throughout the Ages Adepts have continuously shared Their discovered wisdom with humanity. This knowledge is named in Sanskrit *Brahma Vidya* and *Gupta Vidya,* in Greek *Theosophia* and today Theosophy.

Một số người nam và nữ hoàn hảo nhất định, Các Chân sư, quyết định tiếp tục trên Trái Đất trong thể xác. Dưới sự soi dẫn của Các Ngài, Hội Thông Thiên Học được thành lập vào năm 1875, để 'Phổ biến kiến thức về Thông Thiên Học' vì trong suốt các Thời đại, Các Chân sư đã liên tục chia sẻ sự minh triết mà Các Ngài khám phá ra với nhân loại. Kiến thức này được đặt tên trong tiếng Phạn là Brahma Vidya và Gupta Vidya, trong tiếng Hy Lạp là Theosophia và ngày nay là Thông Thiên Học.

In further reference to the quoted Article, thus viewed, the experiences of life, do belong to a Universe which makes sense.

Trong tham chiếu thêm đến Bài báo được trích dẫn, do đó được xem xét, những kinh nghiệm của cuộc sống, thuộc về một Vũ Trụ có ý nghĩa.

Indeed for those aware of Theosophy, they do NOT constitute a puzzle which has no diagram or pattern into which they fit.

Thật vậy, đối với những người nhận thức được Thông Thiên Học, chúng KHÔNG tạo thành một câu đố không có sơ đồ hoặc mô hình nào mà chúng phù hợp.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 1, 1981, p. 18

Theosophy in New Zealand, Tập 42, Số 1, 1981, tr. [2]18[/h2]

66

Our Heritage of Glory—Di Sản Vinh Quang Của Chúng Ta

Individually we are all prodigal sons, both as Egos and as personalities—men. We came forth as pilgrim gods on our quest of life and light and glory. Eventually we passed through the portals of birth down here in the densest of abodes, the physical world, and we are now eating of the 'husks which the swine did eat'. But this is not a mistake, not a fall. There has been no error. That is one of the fallacies of theological teaching. On the contrary our arrival in the physical body is the only possible means whereby the purpose of our

Về mặt cá nhân, tất cả chúng ta đều là những đứa con hoang đàng, cả với tư cách là Chân ngã và là phàm ngã—những người nam. Chúng ta xuất hiện như những vị thần hành hương trên hành trình tìm kiếm sự sống, ánh sáng và vinh quang của mình. Cuối cùng, chúng ta đã đi qua các cổng sinh xuống đây trong những nơi ở đậm đặc nhất, thế giới thể xác, và bây giờ chúng ta đang ăn 'những vỏ trấu mà lợn đã ăn'. Nhưng đây không phải là một sai lầm, không phải là một sự sa ngã. Không có lỗi nào. Đó là một trong những sai lầm của giáo lý thần học.

[21] Letters from the Masters of the Wisdom, First Series, *Letter I. C. Jinarajadasa*

life can be fulfilled. It is only here, by mastery of the physical world and of this body with all its powers and energies, by eating to repletion, symbolically, of 'the husks which the swine did eat', by gathering all possible experiences, that we gain the vision and the strength to say, 'I will arise and consciously begin my journey home!' When we reach that home our purpose will have been fulfilled. Those powers which were latent in us as seeds when we began will be fully developed when we have flowered; the latent becomes the potent, the man becomes the god.

Ngược lại, sự xuất hiện của chúng ta trong thể xác là phương tiện duy nhất có thể để mục đích của cuộc đời chúng ta có thể được hoàn thành. Chỉ ở đây, bằng cách làm chủ thế giới thể xác và thể xác này với tất cả sức mạnh và năng lượng của nó, bằng cách ăn no nê, một cách tượng trưng, 'những vỏ trấu mà lợn đã ăn', bằng cách thu thập tất cả những kinh nghiệm có thể, chúng ta mới có được tầm nhìn và sức mạnh để nói, 'Tôi sẽ đứng dậy và bắt đầu một cách có ý thức cuộc hành trình trở về nhà!' Khi chúng ta về đến nhà, mục đích của chúng ta sẽ được hoàn thành. Những sức mạnh vốn tiềm ẩn trong chúng ta như những hạt giống khi chúng ta bắt đầu sẽ được phát triển đầy đủ khi chúng ta nở hoa; tiềm ẩn trở thành mạnh mẽ, con người trở thành thượng đế.

That then, is the purpose of it all. That is why we are here. All the experience which comes to us is part of a great educational system especially designed to educate, to draw out of us those innate divine capacities of our own. Remember that. As experiences are passed through, either of pleasure or pain, great or small, nothing is ever wasted. We can make out of every incident of our lives, if we are really alive, something of importance to the immortal soul within. From pleasure we gain expansion; from happiness and love fulfilled we gain growth, beauty, joy; from sorrow, affliction, pain and anguish we gain strength, endurance, understanding, compassion, sympathy with the sufferings of others, knowledge of what life means. Between the two extremes of pain and loneliness and the ecstasy of love fulfilled there is in fact the whole gamut of life. As we experience all the many phases of life we grow, we move, though at times we seem to stand still, toward our goal. If you can remember this in times of pain it will strengthen you, if you can recap it in times of joy it will give you control; you will hold ever before you the goal to be reached.

Vậy thì, đó là mục đích của tất cả. Đó là lý do tại sao chúng ta ở đây. Tất cả những kinh nghiệm đến với chúng ta là một phần của một hệ thống giáo dục tuyệt vời được thiết kế đặc biệt để giáo dục, để rút ra khỏi chúng ta những năng lực thiêng liêng bẩm sinh của chính chúng ta. Hãy nhớ điều đó. Khi những kinh nghiệm được trải qua, dù là niềm vui hay nỗi đau, lớn hay nhỏ, không có gì bị lãng phí. Chúng ta có thể tạo ra từ mọi sự cố trong cuộc sống của mình, nếu chúng ta thực sự sống, một điều gì đó quan trọng đối với linh hồn bất tử bên trong. Từ niềm vui, chúng ta có được sự mở rộng; từ hạnh phúc và tình yêu được trọn vẹn, chúng ta có được sự trưởng thành, vẻ đẹp, niềm vui; từ nỗi buồn, đau khổ, nỗi đau và sự thống khổ, chúng ta có được sức mạnh, sự chịu đựng, sự thấu hiểu, lòng trắc ẩn, sự đồng cảm với những đau khổ của người khác, kiến thức về ý nghĩa của cuộc sống. Giữa hai thái cực của nỗi đau và sự cô đơn và sự ngây ngất của tình yêu được trọn vẹn, trên thực tế, có toàn bộ gam màu của cuộc sống. Khi chúng ta trải nghiệm tất cả những giai đoạn khác nhau của cuộc sống, chúng ta trưởng thành, chúng ta di chuyển, mặc dù đôi khi chúng ta dường như

That goal is Christhood, perfection, Masterhood—beyond that summit after summit, mountain after mountain looms ahead until at last the state of fully developed Godhood is attained. What was planted as a seed becomes a god. Then in our turn we shall become the creators, sustainers and transformers of our own universe, peopled with myriads of beings, all aspects of our own life. That is the glory inconceivable towards which we are steadily moving—a glory entirely without limit. A measure of that glory plays about each one of us even now. No matter how weak or unimportant we feel, how lost in the crowd no matter how often we fail or how prone we are to forget our divinity, still we are pilgrim gods and glory is our heritage.

đứng yên, hướng tới mục tiêu của mình. Nếu bạn có thể nhớ điều này trong những lúc đau đớn, nó sẽ củng cố bạn, nếu bạn có thể tóm tắt nó trong những lúc vui vẻ, nó sẽ cho bạn sự kiểm soát; bạn sẽ luôn giữ trước mắt mình mục tiêu cần đạt được. Mục tiêu đó là Đức Christ, sự hoàn hảo, Địa vị Chân sư—vượt ra ngoài đỉnh cao đó, hết đỉnh cao này đến đỉnh cao khác, hết ngọn núi này đến ngọn núi khác hiện ra phía trước cho đến khi cuối cùng trạng thái Thượng đế được phát triển đầy đủ đạt được. Những gì được gieo trồng như một hạt giống sẽ trở thành một vị thần. Sau đó, đến lượt chúng ta, chúng ta sẽ trở thành những người sáng tạo, duy trì và biến đổi vũ trụ của riêng mình, với vô số chúng sinh, tất cả các khía cạnh của cuộc sống của chính chúng ta. Đó là vinh quang không thể tưởng tượng được mà chúng ta đang tiến đều đặn—một vinh quang hoàn toàn không có giới hạn. Một phần vinh quang đó đang bao quanh mỗi người chúng ta ngay cả bây giờ. Cho dù chúng ta cảm thấy yếu đuối hay không quan trọng đến đâu, cho dù chúng ta lạc lõng trong đám đông đến đâu, cho dù chúng ta thất bại bao nhiêu lần hay chúng ta có xu hướng quên đi sự thiêng liêng của mình đến đâu, chúng ta vẫn là những vị thần hành hương và vinh quang là di sản của chúng ta.

The Secret of Happiness

When once an individual discovers that evolution to a higher state is the purpose of his existence, then the intelligent individual collaborates. On earth the whole secret of happiness is as if you said to yourself, ‘I understand what God wants: I understand the great plan: I understand that there is an irresistible propellant power under the operation of which every living thing unfolds from less to more. Very well, I am for it. I will myself collaborate and I will help everybody else on this journey’.

Bí Mật Của Hạnh Phúc

Khi một cá nhân khám phá ra rằng sự tiến hóa lên một trạng thái cao hơn là mục đích của sự tồn tại của y, thì cá nhân thông minh sẽ hợp tác. Trên trái đất, toàn bộ bí mật của hạnh phúc là như thể bạn tự nhủ, 'Tôi hiểu những gì Thượng đế muốn: Tôi hiểu thiên cơ vĩ đại: Tôi hiểu rằng có một sức mạnh đẩy không thể cưỡng lại dưới sự vận hành mà mọi sinh vật sống đều mở ra từ ít đến nhiều. Rất tốt, tôi ủng hộ nó. Bản thân tôi sẽ hợp tác và tôi sẽ giúp mọi người khác trên hành trình này'.

That is the secret of happiness and the start of the journey back to the Father—to place yourself in collaboration with, in frictionless harmony with, the one Will. Be for it; work with it; put your shoulder to its wheel—evolutionary wheel and be at peace.

Đó là bí mật của hạnh phúc và sự khởi đầu của cuộc hành trình trở về với Cha—để đặt mình vào sự hợp tác, trong sự hài hòa không ma sát với Ý Chí duy nhất. Hãy ủng hộ nó; làm việc với nó; đặt vai của bạn vào bánh xe của nó—bánh xe tiến hóa và được bình an.

A rising young politician went to Shaw and asked how he could get on in life and politics: Shaw said this, 'Find out what the life force is doing and do the same'. Profound wisdom! This attitude is the real beginning of the journey home of the Prodigal Son which is man.

Một chính trị gia trẻ tuổi đầy triển vọng đến gặp Shaw và hỏi làm thế nào y có thể thành công trong cuộc sống và chính trị: Shaw nói điều này, 'Tìm hiểu xem sinh lực đang làm gì và làm điều tương tự'. Minh triết sâu sắc! Thái độ này là sự khởi đầu thực sự của hành trình trở về nhà của Người Con Hoang Đàng vốn là con người.

Theosophy in New Zealand, Vol. 32, No. 3, 1971, p.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 32, Số 3, 1971, tr.

67

Study Corner [3]*—Góc Học Tập [3]*

The Transcendence of Self

When a certain advanced phase of human evolution is entered upon the illusion of being a self-separated Individuality is transcended. This would seem to have been portrayed in the Biblical account of Abraham's surrender of his son Isaac, the son of his old age. Especially beloved, Isaac personifies that which is held most dear and under normal circumstances would be greatly treasured and safely preserved.

In another form of symbology self-separateness is represented by the human skin. In inspired allegories and myths all injuries of divine, semi-divine and heroic *dramatis personae* are susceptible of the same interpretation as 'mystic wounds'. The submission by Jesus to flagellation and to the piercing of his skin by thorns, nails and a spear, portrays a similar self-emancipation.

Sự Siêu Việt Bản Thân

Khi một giai đoạn tiến hóa cao cấp nhất định của con người được bước vào, thì ảo tưởng về một Cá Thể tách biệt sẽ được siêu việt. Điều này dường như đã được mô tả trong câu chuyện Kinh Thánh về việc Abraham hiến tế con trai mình là Isaac, con trai lúc tuổi già của Ông. Đặc biệt được yêu mến, Isaac nhân cách hóa những gì được trân trọng nhất và trong những hoàn cảnh bình thường sẽ được trân trọng và bảo tồn một cách an toàn.

Trong một hình thức biểu tượng khác, sự tách biệt bản thân được thể hiện bằng lớp da người. Trong những câu chuyện ngụ ngôn và thần thoại đầy cảm hứng, tất cả những tổn thương của các nhân vật kịch tính thiêng liêng, bán thiêng liêng và anh hùng đều có thể được diễn giải giống như 'vết thương huyền bí'. Việc Chúa Jesus chịu đánh đập và để da Ngài bị gai, đinh và giáo đâm thủng, thể hiện một sự tự

giải phóng tương tự.

The vision splendid of the oneness of all life, the knowledge of interior unity with that life, the faculty of direct, intuitive perception of truth in whatever guise and under however deep a covering these attainments are recognized as attributes of universal existence and in no sense as individual achievements and possessions. When the Initiate has ascended to that level of awareness where unity is the basic principle, it is realized that the one divine life-essence contains all, produces all, is all. Nothing else exists save 'allness'. Self-separateness is then perceived as an illusion, self-attainment as a delusion; for the very effort, the struggle, the strain and the attainment are now known to be not those of a single unit of life, but of the one life[22] as a whole.

Tầm nhìn tuyệt vời về tính nhất thể của tất cả sự sống, tri thức về sự hợp nhất nội tại với sự sống đó, khả năng trực tiếp, trực giác nhận thức chân lý dưới bất kỳ hình thức nào và dưới bất kỳ lớp vỏ bọc sâu sắc nào, những thành tựu này được công nhận là thuộc tính của sự tồn tại phổ quát và không mang ý nghĩa là những thành tựu và sở hữu cá nhân. Khi điểm đạo đồ đã thăng lên đến cấp độ nhận thức mà ở đó sự hợp nhất là nguyên tắc cơ bản, thì người ta nhận ra rằng bản chất sự sống thiêng liêng duy nhất chứa đựng tất cả, tạo ra tất cả, là tất cả. Không có gì khác tồn tại ngoài 'tính toàn bộ'. Sự tách biệt bản thân sau đó được nhận thức là một ảo ảnh, sự tự đạt được là một ảo tưởng; vì chính nỗ lực, cuộc đấu tranh, sự căng thẳng và thành tựu giờ đây được biết là không phải của một đơn vị sự sống duy nhất, mà là của một sự sống như một tổng thể.

The Water Spout

Vòi Rồng

This change from Individuality to universality may perhaps be illustrated by the phenomenon of a waterspout, gyrating and speeding across the surface of the sea and temporarily linking ocean and cloud. It is composed of electrically charged air, vapour and water. For a time as a funnel, a cylinder, rapidly gyrating and swiftly sweeping onward on its course, it exists as a phenomenon of Nature, a single separate fact. When its electricity is discharged, however, it collapses and ceases to exist. The air within it again becomes free air, the vapour joins the

Sự thay đổi từ Cá Thể sang phổ quát này có lẽ có thể được minh họa bằng hiện tượng vòi rồng, xoay tròn và tăng tốc trên bề mặt biển và tạm thời liên kết đại dương và đám mây. Nó bao gồm không khí, hơi nước và nước tích điện. Trong một thời gian như một cái phễu, một hình trụ, xoay tròn nhanh chóng và quét nhanh về phía trước trên đường đi của nó, nó tồn tại như một hiện tượng của tự nhiên, một sự kiện riêng biệt duy nhất. Tuy nhiên, khi điện của nó được phóng ra, nó sẽ sụp đổ và không còn tồn tại nữa. Không khí bên trong nó lại trở thành không khí tự do, hơi nước hòa vào

[22] It is the ONE LIFE, eternal, invisible, yet omnipresent, without beginning or end, yet periodical in its regular manifestations — between which periods reigns the dark mystery of Non-Being; unconscious, yet absolute Consciousness, unrealizable, yet the one self-existing Reality; truly, "a Chaos to the sense, a Kosmos to the reason".' *The Secret Doctrine,* Vol. I (Adyar Ed.), p. 70, H. P. Blavatsky [2-vol. ed.: Vol. 1, p. 2].

clouds, whilst the water sinks back into the ocean. Nothing then remains to show that a waterspout had ever existed. In terms of human perception it was for a time a physical reality. All its phases from its first beginning to its final disappearance had been objectively real. Although all its essential elements electricity, air, water and motion—remain, the waterspout itself is no more.

các đám mây, trong khi nước chìm trở lại đại dương. Sau đó, không còn gì để cho thấy rằng một vòi rồng đã từng tồn tại. Về mặt nhận thức của con người, nó đã từng là một thực tế vật chất. Tất cả các giai đoạn của nó từ khi bắt đầu đến khi biến mất cuối cùng đều là khách quan. Mặc dù tất cả các yếu tố thiết yếu của nó—điện, không khí, nước và chuyển động—vẫn còn, nhưng bản thân vòi rồng thì không còn nữa.

The mortal Personality of man is similarly real at the levels mental, emotional and physical of its temporary existence. Its form and its appearance are, however, impermanent and in that sense are to be regarded as unreal. When the evolutionary phase (*Arhatship*[23]), allegorically portrayed by Abraham in the later years of his life, is entered the illusion is transcended and the ultimate reality is known. Just as the waterspout breaks down and disappears so does the mortal self 'die'. In their universality, however, the constituent elements of both of them continue to exist.

Phàm ngã hữu tử của con người cũng thực sự tồn tại ở các cấp độ trí tuệ, cảm xúc và thể xác trong sự tồn tại tạm thời của nó. Tuy nhiên, hình thức và sự xuất hiện của nó là không vĩnh viễn và theo nghĩa đó, chúng được coi là không có thật. Khi giai đoạn tiến hóa (quả vị A-la-hán), được Abraham mô tả bằng hình ảnh tượng trưng trong những năm cuối đời của mình, được bước vào, thì ảo ảnh sẽ được siêu việt và thực tại tối thượng sẽ được biết đến. Giống như vòi rồng tan rã và biến mất, thì bản ngã hữu tử cũng 'chết'. Tuy nhiên, trong tính phổ quát của chúng, các yếu tố cấu thành của cả hai vẫn tiếp tục tồn tại.

Theosophy in New Zealand, Vol. 28, No. 1, 1967, p. 16

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 28, Số 1, 1967, tr. 16

68

The 3 Fundamental Propositions of The Secret Doctrine*—Ba Luận Điểm Cơ Bản của Giáo Lý Bí Nhiệm*

1. An Omnipresent, Eternal, Boundless and Immutable Principle upon which all speculation is impossible, since it transcends the power of human conception and can only be dwarfed by any unknown expression or

Một Nguyên Lý Toàn Hiện, Vĩnh Cửu, Vô Biên và Bất Biến mà mọi suy đoán đều là bất khả thi, vì nó vượt quá khả năng nhận thức của con người và chỉ có thể bị thu nhỏ lại bởi bất kỳ biểu hiện hoặc hình ảnh tương tự nào chưa

[23] *Arhat* (Pali, 'the worthy'). Exoterically, 'one worthy of divine honors'. Esoterically, an Initiate of the Fourth Degree who has entered the highest path and is thus emancipated from both self-separateness and enforced rebirth, q.v. *Lecture Notes of the School of the Wisdom,* Vol. I (Rev. Ed.), p. 460, and Vol. II, Ch. IV, Section I, Geoffrey Hodson.

similitude. It is beyond the range and reach of thought. In the words of the *Mandukya Upanishad,* that boundless Absolute is 'unthinkable and unspeakable'. It is above every name and is generally indicated by the word THAT.

được biết đến. Nó nằm ngoài phạm vi và tầm với của tư tưởng. Theo lời của Mandukya Upanishad, cái Tuyệt Đối vô biên đó là 'không thể nghĩ bàn và không thể diễn tả'. Nó vượt lên trên mọi danh xưng và thường được biểu thị bằng từ ĐÓ.

2. The Eternity of the Universe *in toto* as a boundless plane; periodically to become 'the playground of numberless Universes incessantly manifesting and disappearing', called the 'Manifesting Stars' and the 'Sparks of Eternity'.

Tính Vĩnh Cửu của Vũ Trụ trong tổng thể như một cõi vô biên; định kỳ trở thành 'sân chơi của vô số Vũ Trụ liên tục biểu hiện và biến mất', được gọi là 'Các Vì Sao Biểu Hiện' và 'Những Tia Lửa của Vĩnh Cửu'.

3. The fundamental identity of all Souls with the Universal Over-Soul, the latter being Itself an aspect of the Unknown Root; and to this identity of all Souls is added the obligatory pilgrimage of every Soul through the Cycle of Incarnation, or Necessity, in accordance with Cyclic and Karmic Law, during the whole term.

Sự đồng nhất cơ bản của tất cả các Linh Hồn với Đại Linh Hồn Vũ Trụ, bản thân Đại Linh Hồn này là một khía cạnh của Cội Rễ Vô Danh; và sự đồng nhất này của tất cả các Linh Hồn được thêm vào cuộc hành hương bắt buộc của mọi Linh Hồn thông qua Chu Kỳ Hóa Thân, hay Sự Cần Thiết, theo Luật Tuần Hoàn và Nghiệp Quả, trong suốt toàn bộ thời gian.

Thus we have three basic principles:

Như vậy, chúng ta có ba nguyên tắc cơ bản:

1. There is the Absolute, Omnipresent, Eternal all, Boundless and Immutable, called by the Kabbalists AIN, meaning 'Nothing', and referred to by Omar Khayyam so beautifully in the Rubaiyat[24] when he is thinking of the return of the whole *maya* or 'illusory' forms back into the Eternal.

Có Đấng Tuyệt Đối, Toàn Hiện, Vĩnh Cửu tất cả, Vô Biên và Bất Biến, được các nhà Kabbalah gọi là AIN, có nghĩa là 'Không Có Gì', và được Omar Khayyam đề cập rất hay trong Rubaiyat khi Ông đang nghĩ về sự trở lại của toàn bộ maya hay các hình thức 'ảo ảnh' trở lại với Đấng Vĩnh Cửu.

2. NO-THING, THEN, IS THE ABSOLUTE. The second principal is that of the Eternity of the universe as a whole, which is periodically 'the playground of numberless Universes incessantly manifesting and disappearing' called 'Manifesting Stars' and 'Sparks of Eternity'.

VẬY THÌ, KHÔNG CÓ GÌ LÀ TUYỆT ĐỐI. Nguyên tắc thứ hai là tính Vĩnh Cửu của vũ trụ như một tổng thể, định kỳ là 'sân chơi của vô số Vũ Trụ liên tục biểu hiện và biến mất' được gọi là 'Các Vì Sao Biểu Hiện' và 'Những Tia Lửa của Vĩnh Cửu'.

3. THERE IS THE FUNDAMENTAL IDENTITY

CÓ SỰ ĐỒNG NHẤT CƠ BẢN CỦA TẤT CẢ CÁC

[24] Fitzgerald, *Rubaiyat of Omar Khayyam,* St 48, 1st Ed. — Study Notes, G. Hodson.

OF ALL SOULS with the Over-Soul towards which we reach in our morning meditation and in our devotion and the obligatory pilgrimage for every Soul through the Cycle of Incarnation, or Necessity, in accordance with Cyclic and Karmic Law.

LINH HỒN với Đại Linh Hồn mà chúng ta vươn tới trong buổi tham thiền buổi sáng và trong sự sùng kính của chúng ta và cuộc hành hương bắt buộc cho mọi Linh Hồn thông qua Chu Kỳ Hóa Thân, hay Sự Cần Thiết, theo Luật Tuần Hoàn và Nghiệp Quả.

Theosophy in New Zealand, Vol. 34, October 1973, p. 78

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 34, tháng 10 năm 1973, tr. 78

69

The Cause-Less Cause—Nguyên Nhân Không Nguyên Nhân

The first five verses of the Book of Genesis describe the opening phases of the process of creation as follows:

Năm câu đầu tiên của Sách Sáng Thế ký mô tả các giai đoạn mở đầu của quá trình sáng tạo như sau:

'In the beginning God created the heaven and the earth.

'Ban đầu, Thượng đế tạo ra trời và đất.

'And the earth was without form, and void; and darkness was upon the face of the deep. And the Spirit of God moved upon the face of the waters.

'Và trái đất vô hình và trống rỗng; và bóng tối ở trên mặt vực sâu. Và Thần của Thượng đế vận hành trên mặt nước.

'And God said "Let there be light: and there was light".

'Và Thượng đế phán "Hãy có ánh sáng: và có ánh sáng".

'And God saw the light, that it was good: and God divided the light from the darkness.

'Và Thượng đế thấy ánh sáng là tốt: và Thượng đế phân chia ánh sáng khỏi bóng tối.

'And God called the light "Day", and the darkness He called "Night". And the evening and the morning were the first day'.

'Và Thượng đế gọi ánh sáng là "Ngày", và bóng tối Ngài gọi là "Đêm". Và buổi tối và buổi sáng là ngày đầu tiên'.

Originally there was duality in unity, namely the Spirit of God (the masculine creative potency) on the one hand and the face of the deep (the feminine creative potency) on the other. Thus primarily there existed a dual Principle, a positive and a negative, Spirit-Matter. During the long creative night, which in Sanskrit is called *Pralaya* (rest), there was darkness upon the face of the deep. The whole

Ban đầu có tính nhị nguyên trong sự hợp nhất, cụ thể là Thần của Thượng đế (tiềm năng sáng tạo nam tính) một mặt và mặt vực sâu (tiềm năng sáng tạo nữ tính) mặt khác. Như vậy, ban đầu đã tồn tại một Nguyên Lý kép, một dương tính và một âm tính, Tinh Thần-Vật Chất. Trong suốt đêm sáng tạo dài, trong tiếng Phạn được gọi là Pralaya (sự nghỉ ngơi), có bóng tối trên mặt vực sâu. Toàn bộ không gian vô biên

of boundless space was dark and quiescent. Then, it is stated, a change occurred. The Spirit of God, having emerged from Absolute Existence, moved upon the face of the waters. The 'Great Breath' breathed upon the 'Great Deep'.

đều tối tăm và tĩnh lặng. Sau đó, người ta nói rằng, một sự thay đổi đã xảy ra. Thần của Thượng đế, sau khi xuất hiện từ Sự Tồn Tại Tuyệt Đối, đã vận hành trên mặt nước. 'Hơi Thở Vĩ Đại' đã thở trên 'Vực Sâu Vĩ Đại'.

Occult Cosmogenesis thus teaches that behind and beyond and within all is the Eternal and Infinite Parent from within which the temporary and the finite emerge, or are born. That Boundless Self-existence is variously referred to as the Absolute, the Changeless,' the Eternal ALL, the Causeless Cause, the Rootless Root. This is Non-Being, Negative Existence, No-Thing, *Ain* (as the Kabbalist says), an impersonal Unity without attributes conceivable by man. From That, the Absolute, emerged an active, creative Power and Intelligence to become the formative Deity of the Universe-to-be.

Huyền bí học Vũ trụ luận do đó dạy rằng đằng sau và vượt ra ngoài và bên trong tất cả là Đấng Cha Mẹ Vĩnh Cửu và Vô Hạn mà từ đó những thứ tạm thời và hữu hạn xuất hiện, hoặc được sinh ra. Sự Tự Tồn Tại Vô Biên đó được gọi bằng nhiều cách khác nhau là Đấng Tuyệt Đối, Đấng Bất Biến,' Đấng VĨ ĐẠI Vĩnh Cửu, Nguyên Nhân Vô Cớ, Cội Rễ Vô Căn. Đây là Phi-Hữu, Sự Tồn Tại Tiêu Cực, Không Có Gì, Ain (như nhà Kabbalist nói), một Sự Hợp Nhất vô ngã mà con người không thể hình dung ra các thuộc tính. Từ ĐÓ, Đấng Tuyệt Đối, xuất hiện một Quyền Năng và Trí Tuệ sáng tạo, tích cực để trở thành Thượng Đế hình thành của Vũ Trụ-sẽ-tới.

The Occult Teaching of the existence of a Universal, Directive Intelligence receives support from certain men of science, if not from all. Sir James Jeans in *The Mysterious Universe* writes:

Giáo lý Huyền bí về sự tồn tại của một Trí Tuệ Chỉ Đạo, Phổ Quát nhận được sự ủng hộ từ một số nhà khoa học, nếu không phải từ tất cả. Ngài James Jeans trong Vũ Trụ Huyền Bí viết:

'We discover that the universe shows evidence of a designing or controlling power that has something in common with our own individual minds....

'Chúng ta khám phá ra rằng vũ trụ cho thấy bằng chứng về một sức mạnh thiết kế hoặc kiểm soát có điểm chung với tâm trí cá nhân của chúng ta....

'The Universe can be best pictured... as consisting of pure thought, the thought of what, for want of a wider word, we must describe as a mathematical thinker.

'Vũ Trụ có thể được hình dung tốt nhất... là bao gồm tư tưởng thuần túy, tư tưởng của cái gì đó mà, vì thiếu một từ rộng hơn, chúng ta phải mô tả là một nhà tư tưởng toán học.

'Considerations such as these led Berkeley to postulate an Eternal Being, in whose mind all objects existed.... Modern science seems to me to lead, by a very different road, to a not altogether dissimilar conclusion'.

'Những cân nhắc như thế này đã khiến Berkeley đưa ra giả thuyết về một Đấng Vĩnh Cửu, trong tâm trí của Ngài tất cả các đối tượng đều tồn tại.... Khoa học hiện đại dường như dẫn tôi, bằng một con đường rất khác, đến một

kết luận không hoàn toàn khác biệt'.

Sir Arthur S. Eddington has stated: 'Something unknown is doing we don't know what—that is what our theory amounts to.... Modern physics has eliminated the notion of substance....Mind is the first and most direct thing in our experience.... I regard Consciousness as fundamental!'

Ngài Arthur S. Eddington đã tuyên bố: 'Một cái gì đó vô danh đang làm điều mà chúng ta không biết—đó là những gì lý thuyết của chúng ta đạt được.... Vật lý hiện đại đã loại bỏ khái niệm về vật chất.... Thể trí là điều đầu tiên và trực tiếp nhất trong kinh nghiệm của chúng ta.... Tôi coi Tâm thức là nền tảng!'

J. B. S. Haldane: 'The material world, which has been taken for a world of blind mechanism, is in reality a Spiritual world seen very partially and imperfectly. The only real world is the Spiritual world...

J. B. S. Haldane: 'Thế giới vật chất, vốn được coi là một thế giới của cơ chế mù quáng, trên thực tế là một thế giới Tinh thần được nhìn thấy rất một phần và không hoàn hảo. Thế giới thực duy nhất là thế giới Tinh thần...

The truth is that, not Matter, not Force, not any physical thing, but Mind, Personality, is the central fact of the Universe'.

Sự thật là, không phải Vật Chất, không phải Mãnh Lực, không phải bất kỳ thứ gì vật chất, mà là Thể Trí, Phàm Ngã, là sự kiện trung tâm của Vũ Trụ'.

Dr Kennedy's A. Walter Suiter Lecture, Buffalo, April 29, 1941, published in the *New York State Journal of Medicine,* October 15, 1941, contained the following, reproduced in 'Main Currents in Modern Thought', November 1941:

Bài giảng A. Walter Suiter của Tiến sĩ Kennedy, Buffalo, ngày 29 tháng 4 năm 1941, được xuất bản trên Tạp chí Y học Bang New York, ngày 15 tháng 10 năm 1941, có nội dung như sau, được tái bản trong 'Các Dòng Chính trong Tư Tưởng Hiện Đại', tháng 11 năm 1941:

'The notion of "space-empty" or "space-ethereal" has today been abandoned, and Nature is now viewed as Energy, patterned into Worlds, patterned variously also for every stick, stone or bit of life upon them. Man thus becomes one with his environment, which pervades him wholly and into which he extends himself hugely; born according to his manner, he holds his unique pattern as a momentary opportunity for experience; a stream of creative continuity, with aim. Anywhere where vitality exists, aim is found'.

'Khái niệm về "không gian-trống rỗng" hay "không gian-dĩ thái" ngày nay đã bị từ bỏ, và Tự Nhiên hiện được xem là Năng Lượng, được tạo thành các Thế Giới, cũng được tạo thành khác nhau cho mọi que củi, hòn đá hoặc chút sự sống trên chúng. Do đó, con người trở thành một với môi trường của mình, môi trường này thấm nhuần toàn bộ con người và con người mở rộng bản thân một cách to lớn vào đó; được sinh ra theo cách của mình, y nắm giữ mô hình độc đáo của mình như một cơ hội thoáng qua để trải nghiệm; một dòng chảy liên tục sáng tạo, có mục đích. Bất cứ nơi nào có sự sống tồn tại, mục đích đều được tìm thấy'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 38, No. 1, 1977, p 17

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 38, Số 1, 1977, tr 17

70

The World of the Occult [3]—*Thế Giới Huyền Bí [3]*

Adept Assistance to Individuals

The question is sometimes asked, why the great Masters do not serve people in such practical ways as tracing missing persons, or healing the sick. Such questions would perhaps best be answered by asking another. Which is better to save from suffering in a single case or to teach a principle and a truth which, if accepted, would save from sorrow all mankind? That is the problem; for, great though the work and the powers of the Adepts undoubtedly are, They have their limits. The Adepts on our Earth are as yet relatively few in numbers, and are continually concerned with accomplishing the maximum of good by the exertion of a minimum of effort and expenditure of time and power.

Of course the Adepts could trace the missing persons, but that would not generally be an economic use of Their power. In occult tradition, however, there are many stories of such ministration. We must remember that the occult life of those who come into close touch with the Adepts, and of the Adepts Themselves, is generally quite secret and never in any way advertised. The service is given, the work is done, and it does not matter who does it, that is the attitude in the occult life. Missing persona are constantly being found, apparently by purely human agency, but who knows whence came the first thought that turned the searcher, not only for people but also for truth, in the right direction? As far

Sự Hỗ Trợ của Chân Sư cho Các Cá Nhân

Đôi khi có câu hỏi được đặt ra, tại sao các Chân sư vĩ đại không phục vụ mọi người theo những cách thiết thực như truy tìm những người mất tích hoặc chữa bệnh cho người ốm. Những câu hỏi như vậy có lẽ sẽ được **trả lời** tốt nhất bằng cách đặt một câu hỏi khác. Điều gì tốt hơn để cứu khỏi đau khổ trong một trường hợp duy nhất hoặc dạy một nguyên tắc và một chân lý mà nếu được chấp nhận, sẽ cứu tất cả nhân loại khỏi đau buồn? Đó là vấn đề; vì, mặc dù công việc và quyền năng của các Chân sư chắc chắn là rất lớn, nhưng Các Ngài có những giới hạn của mình. Các Chân sư trên Trái Đất của chúng ta vẫn còn tương đối ít về số lượng và liên tục quan tâm đến việc hoàn thành tối đa điều tốt bằng cách nỗ lực tối thiểu và tiêu tốn thời gian và quyền năng tối thiểu.

Tất nhiên, các Chân sư có thể truy tìm những người mất tích, nhưng điều đó thường không phải là một cách sử dụng quyền năng của Các Ngài một cách hiệu quả. Tuy nhiên, trong truyền thống huyền bí, có rất nhiều câu chuyện về sự giúp đỡ như vậy. Chúng ta phải nhớ rằng cuộc sống huyền bí của những người tiếp xúc gần gũi với các Chân sư và của chính các Chân sư thường khá bí mật và không bao giờ được quảng cáo dưới bất kỳ hình thức nào. Sự phụng sự được trao, công việc được thực hiện và không quan trọng ai làm điều đó, đó là thái độ trong cuộc sống huyền bí. Những người mất tích liên tục được tìm thấy, dường như chỉ bằng cơ quan nhân sự thuần túy, nhưng ai biết được ý nghĩ đầu tiên nào đã

as our limited human mind can begin to grasp it, the chief work of the Adepts for mankind is to illumine the mind and exalt the Souls of human beings, so that they won't get lost, whether in desert, bush, or jungle, or amidst the perplexities of life. Surely it is far better to give one a chart of the course than to go about picking up strays? If the Adepts were to use Their time continually finding the strays of the world, They would be kept so busy that much of Their other and far-reaching work would be left undone.

khiến người tìm kiếm, không chỉ tìm kiếm con người mà còn tìm kiếm chân lý, đi đúng hướng? Theo như thể trí hữu hạn của chúng ta có thể bắt đầu nắm bắt được, công việc chính của các Chân sư đối với nhân loại là soi sáng thể trí và tôn vinh Linh Hồn của con người, để họ không bị lạc, cho dù ở sa mạc, bụi rậm hay rừng rậm, hoặc giữa những khó khăn của cuộc sống. Chắc chắn là tốt hơn nhiều khi cung cấp cho một người biểu đồ về lộ trình hơn là đi nhặt nhạnh những kẻ lạc lối? Nếu các Chân sư sử dụng thời gian của Các Ngài để liên tục tìm kiếm những kẻ lạc lối trên thế giới, Các Ngài sẽ bận rộn đến mức phần lớn công việc khác và sâu rộng của Các Ngài sẽ bị bỏ dở.

What may we further assume that work to be? As I have just said, They perpetually flood the minds and souls and hearts of human beings with inspiration, light, life, truth, with perception of principles and with courage and strength to overcome. In addition, age by age They find, preserve and give the truths of the Ancient Wisdom to the world. Such is part of Their great and major work for man, which is chiefly intellectual and spiritual. They tend to leave physical activities to human beings, whose work it rightly may be presumed to be.

Chúng ta có thể giả định thêm công việc đó là gì? Như tôi vừa nói, Các Ngài liên tục tràn ngập thể trí và linh hồn và trái tim của con người bằng cảm hứng, ánh sáng, sự sống, chân lý, với nhận thức về các nguyên tắc và với lòng dũng cảm và sức mạnh để vượt qua. Ngoài ra, hết thời đại này đến thời đại khác, Các Ngài tìm kiếm, bảo tồn và trao những chân lý của Minh Triết Ngàn Đời cho thế giới. Đó là một phần trong công việc lớn và quan trọng của Các Ngài dành cho con người, chủ yếu là trí tuệ và tinh thần. Các Ngài có xu hướng để các hoạt động thể chất cho con người, những người mà công việc đó có thể được cho là đúng đắn.

Remember, also, that the work of the Great Ones is not limited to mankind alone. Their love, Their ministration and Their compassion embrace all that lives 'one of them (sparrows) shall not fall on the ground without your Father', (Matthew 10:29) said Jesus, and so Life in the mineral, the plant, the animal, the insect and the bird kingdoms of Nature receives Divine aid. There, too, there is unfolding Life, ministration needs to be performed and responsibility is accepted in the name of the Lord Most High, the Divine Source of all life. Then there is the whole

Hãy nhớ rằng, công việc của Các Đấng Cao Cả không chỉ giới hạn ở loài người. Tình thương, sự giúp đỡ và lòng trắc ẩn của Các Ngài bao trùm tất cả những gì đang sống 'một trong số chúng (chim sẻ) sẽ không rơi xuống đất mà không có Cha của các ngươi', (Ma-thi-ơ 10:29) Đức Jesus đã nói, và như vậy Sự Sống trong giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật, giới côn trùng và giới chim của Thiên Nhiên nhận được sự trợ giúp Thiêng liêng. Ở đó, Sự Sống cũng đang mở ra, sự giúp đỡ cần được thực hiện và trách nhiệm được chấp nhận nhân danh Đức Chúa Tể Tối Cao, Nguồn Thiêng Liêng của mọi

Kingdom of the fairies and the angels, with its countless millions of beings, all of whom receive the ministration, the wisdom and the love of the Perfected Ones amongst men. It is this larger ministration for the whole Life Scheme, planetary and extra-planetary, which engages Their attention and effort, rather than intervention in the life of single human beings. Remember, however, that ministration to persons by Adepts is continually occurring, a notable example being the acceptance and training of men and women as disciples so that they, in their turn, may become servants of the race.

sự sống. Sau đó, có toàn bộ Vương Quốc của các nàng tiên và các thiên thần, với vô số hàng triệu sinh linh, tất cả đều nhận được sự giúp đỡ, minh triết và tình thương của Các Đấng Hoàn Thiện giữa loài người. Chính sự giúp đỡ lớn lao hơn này cho toàn bộ Thiên Cơ Sự Sống, thuộc hành tinh và ngoài hành tinh, thu hút sự chú ý và nỗ lực của Các Ngài, hơn là sự can thiệp vào cuộc sống của những con người đơn lẻ. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng sự giúp đỡ cho mọi người bởi các Chân sư liên tục xảy ra, một ví dụ đáng chú ý là việc chấp nhận và huấn luyện những người nam và nữ làm đệ tử để đến lượt họ có thể trở thành những người phụng sự nhân loại.

Adept Intervention in World Affairs

Sự Can Thiệp của Chân sư vào Các Vấn Đề Thế Giới

What was one of the great keys to our victory in the last war? What preserved the life lines between Britain, India and Egypt? What was so valuable that the enemy made every effort to capture or destroy it and we made every effort to preserve it, and against increasing difficulties? It was the Island of Malta, one of the most important Islands in the world from a strategic point of view.

Một trong những chìa khóa lớn cho chiến thắng của chúng ta trong cuộc chiến vừa qua là gì? Điều gì đã bảo tồn các đường dây sinh mệnh giữa Anh, Ấn Độ và Ai Cập? Điều gì có giá trị đến mức kẻ thù đã nỗ lực hết mình để chiếm giữ hoặc phá hủy nó và chúng ta đã nỗ lực hết mình để bảo tồn nó, và chống lại những khó khăn ngày càng tăng? Đó là Đảo Malta, một trong những hòn đảo quan trọng nhất trên thế giới từ quan điểm chiến lược.

Look at the history of Malta. There the Knights of Malta, or the Knights of the Order of St John of Jerusalem, established their Order and beautiful Temple. You will find presiding over them at a certain critical time in world history a being called Ferdinand von Hompesch who is traditionally identified with one of the Adepts. He, with the appearance of cowardice, surrendered Malta without a fight to the French, and when Napoleon was defeated Malta came into the hands of the British and it has remained in their hands ever since. There is an occult tradition that the change was engineered by the Great Brotherhood.

Hãy nhìn vào lịch sử của Malta. Ở đó, các Hiệp Sĩ Malta, hay các Hiệp Sĩ của Dòng Thánh John của Jerusalem, đã thành lập Dòng và Ngôi Đền tuyệt đẹp của họ. Bạn sẽ thấy chủ trì họ vào một thời điểm quan trọng nào đó trong lịch sử thế giới là một sinh linh tên là Ferdinand von Hompesch, người theo truyền thống được xác định là một trong những Chân sư. Y, với vẻ ngoài hèn nhát, đã đầu hàng Malta mà không cần chiến đấu với quân Pháp, và khi Napoleon bị đánh bại, Malta rơi vào tay người Anh và nó vẫn nằm trong tay họ kể từ đó. Có một truyền thống huyền bí cho rằng sự thay đổi này đã được dàn dựng bởi Đại Huynh Đệ Đoàn.

Then there was that strange being who presented himself at the time when the U.S.A. was forming its Constitution and designing its flag. A book entitled *Our Flag,* by R. A. Campbell, describes the people present at these two activities which brought the Union into existence. This person was called the Professor. Nobody seemed to have known his name. He is described as of commanding presence, dignified, courteous and gracious, so much that all present, including Franklin, Lynch, Harrison and General Washington, paid him immediate deference. He was the guest of a lady in Boston, at whose home they gathered to design the flag and the Constitution and to determine whether they would break free, which he, with a flow of oratory, adjured them to do. This they did.

Sau đó, có một sinh linh kỳ lạ xuất hiện vào thời điểm Hoa Kỳ đang hình thành Hiến pháp và thiết kế quốc kỳ của mình. Một cuốn sách có tựa đề Quốc Kỳ Của Chúng Ta, của R. A. Campbell, mô tả những người có mặt trong hai hoạt động này vốn đã đưa Liên minh vào tồn tại. Người này được gọi là Giáo sư. Dường như không ai biết tên Ông. Ông được mô tả là có sự hiện diện uy nghi, trang trọng, lịch sự và duyên dáng, đến nỗi tất cả những người có mặt, bao gồm Franklin, Lynch, Harrison và Tướng Washington, đều ngay lập tức tỏ ra kính trọng Ông. Ông là khách của một quý bà ở Boston, tại nhà Bà, họ đã tập hợp để thiết kế quốc kỳ và Hiến pháp và để xác định xem họ có nên giải phóng hay không, điều mà Ông, với một tràng hùng biện, đã khuyên họ nên làm. Họ đã làm như vậy.

Such attempts by Adepts and Their agents to influence world events do not always succeed. The Comte de St Germain tried to stop the French Revolution and failed. He was called the 'Mysterious Wonder Man of Europe', endowed with the most remarkable powers, the friend of Kings and Queens, welcomed at the Courts of Europe. He pleaded with Marie Antoinette and King Louis XVI (1764-93) to accede to the demands of the people and to save a national volcanic eruption—for royalty and aristocracy were sitting on the volcano of the bitterness of a repressed people. They declined, and the volcano erupted, in the form of the French Revolution.

Những nỗ lực như vậy của các Chân sư và các đặc vụ của Các Ngài để gây ảnh hưởng đến các sự kiện thế giới không phải lúc nào cũng thành công. Bá tước de St Germain đã cố gắng ngăn chặn Cách mạng Pháp và đã thất bại. Ông được gọi là 'Người Đàn Ông Kỳ Diệu Bí Ẩn của Châu Âu', được ban cho những quyền năngRemarkable nhất, bạn của các Vua và Nữ hoàng, được chào đón tại các Triều đình Châu Âu. Ông đã cầu xin Marie Antoinette và Vua Louis XVI [1764-93] chấp nhận những yêu sách của người dân và cứu vãn một vụ phun trào núi lửa quốc gia—vì hoàng gia và giới quý tộc đang ngồi trên ngọn núi lửa cay đắng của một dân tộc bị đàn áp. Họ đã từ chối, và ngọn núi lửa đã phun trào, dưới hình thức Cách mạng Pháp.

That is an interesting case of apparent Adept failure. They may not force mankind; They may only inspire and advise. If you will look into history you will find many cases of such intervention. I commend to you a book entitled *The Comte de St Germain* by Isabel Cooper Oakley—a thrilling book containing

Đó là một trường hợp thú vị về sự thất bại rõ ràng của Chân sư. Các Ngài có thể không ép buộc nhân loại; Các Ngài chỉ có thể truyền cảm hứng và khuyên bảo. Nếu bạn xem xét lịch sử, bạn sẽ tìm thấy nhiều trường hợp can thiệp như vậy. Tôi giới thiệu cho bạn một cuốn sách có tựa đề Bá Tước de St Germain của Isabel

references from the archives of the Courts of Europe and giving glimpses of the strange powers of These, the Supermen of our Earth.

Cooper Oakley—một cuốn sách ly kỳ chứa các tài liệu tham khảo từ kho lưu trữ của các Triều đình Châu Âu và hé lộ những quyền năng kỳ lạ của Những Đấng này, những Siêu Nhân của Trái Đất chúng ta.

Adept Ministration and the Root Causes of Human Sorrow

Sự Giúp Đỡ của Chân sư và Các Nguyên Nhân Gốc Rễ của Nỗi Buồn Nhân Loại

The restrictions and reservations of Adept aid are not so much on the part of the Adepts or the Lord Christ as on the part of man. Why do people suffer? Because of the violations of the laws of Nature. This reaction to man's action is completely impersonal and very exact, even as is an injury from a fall caused by the operation of the law of gravity. Hurtfulness to another inevitably brings appropriate suffering to the one who hurts. Moreover, the extent of the pain is always exactly proportionate to the degree of the cruelty. The Adepts have said that They often find Themselves helpless in the presence of the operation of this impersonal and exact law.

Những hạn chế và dè dặt trong sự trợ giúp của Chân sư không phải là từ phía các Chân sư hay Đức Christ mà là từ phía con người. Tại sao mọi người lại đau khổ? Vì những vi phạm các định luật của Thiên Nhiên. Phản ứng này đối với hành động của con người hoàn toàn khách quan và rất chính xác, giống như một vết thương do ngã gây ra bởi sự vận hành của định luật hấp dẫn. Gây tổn thương cho người khác chắc chắn sẽ mang lại đau khổ thích đáng cho người gây ra tổn thương. Hơn nữa, mức độ đau đớn luôn tỷ lệ chính xác với mức độ tàn ác. Các Chân sư đã nói rằng Các Ngài thường thấy Các Ngài bất lực trước sự vận hành của định luật khách quan và chính xác này.

What is the best way to save people from suffering? Surely it is to tell them its causes, which are strong, coarse desires and the infliction of pain upon others. This the Great Teachers have continually done. 'Love one another' has been Their gospel from time immemorial, as also has the fact of the existence and operation of the compensatory law. But humanity, like the people of Jerusalem in the time of Our Lord, will not heed. You will remember how Our Lord wept over the people of Jerusalem and said:

Cách tốt nhất để cứu mọi người khỏi đau khổ là gì? Chắc chắn là nói cho họ biết nguyên nhân của nó, đó là những ham muốn mạnh mẽ, thô thiển và gây đau đớn cho người khác. Các Huấn Sư Vĩ Đại đã liên tục làm điều này. 'Yêu thương lẫn nhau' là phúc âm của Các Ngài từ thời xa xưa, cũng như sự thật về sự tồn tại và vận hành của định luật bù trừ. Nhưng nhân loại, giống như người dân Jerusalem vào thời Đức Chúa, sẽ không lưu tâm. Bạn sẽ nhớ Đức Chúa đã khóc thương người dân Jerusalem như thế nào và nói:

'O Jerusalem, Jerusalem, thou that killest the prophets, and stonest them which are sent unto thee, how often would I have gathered thy children together, even as a hen gathereth her chickens under her wings, and ye would not' (Matthew 23:37). Man's hardness of heart

'Hỡi Jerusalem, Jerusalem, ngươi giết các nhà tiên tri và ném đá những người được sai đến với ngươi, ta đã bao lần muốn tập hợp con cái ngươi lại, như gà mái tập hợp gà con dưới cánh nó, mà các ngươi không chịu' (Ma-thi-ơ 23:37). Sự chai đá trong lòng người và sự vô nhân đạo

and inhumanity to man, as also to animals, remains proverbial.

của con người đối với con người, cũng như đối với động vật, vẫn là điều ai cũng biết.

The Adepts are relatively powerless in the face of humanity's heedlessness of Their teachings, and of human cruelty and its painful *karmic* effects. Still They teach, both directly and through Their disciples and other agents. Still man will not heed, as every abattoir demonstrates. The Teachers continually tell the whole world to live in obedience to the law of love, and yet man will not obey that law.

Các Chân sư tương đối bất lực trước sự thờ ơ của nhân loại đối với những lời dạy của Các Ngài, và trước sự tàn ác của con người và những tác động nghiệp quả đau đớn của nó. Các Ngài vẫn dạy, cả trực tiếp và thông qua các đệ tử và các đặc vụ khác của Các Ngài. Con người vẫn sẽ không lưu tâm, như mọi lò mổ đều chứng minh. Các Huấn Sư liên tục bảo toàn thế giới hãy sống tuân theo định luật yêu thương, nhưng con người vẫn sẽ không tuân theo định luật đó.

Nevertheless, far more intervention occurs than is generally recognized. A wealth of testimony exists of spiritual, occult and physical assistance to man. Minds are illumined. Hearts are turned to the light. Bodies are healed. Human beings are visited spiritually and even physically. No one ever cries for spiritual and intellectual light in vain. Yet all Kingdoms of Nature must be aided. More helpers are therefore needed. Would it not be better to offer oneself as one who has tried genuinely to obey the laws of love and harmlessness and who is ready to help and to heal and to save, than to question the actions of Those who are the embodiments of love and whose whole lives have for countless years been spent in ministration?

Tuy nhiên, có nhiều sự can thiệp xảy ra hơn là người ta thường nhận ra. Có rất nhiều bằng chứng về sự hỗ trợ tinh thần, huyền bí và thể chất cho con người. Thể trí được soi sáng. Trái tim hướng về ánh sáng. Thể xác được chữa lành. Con người được viếng thăm về mặt tinh thần và thậm chí cả thể chất. Không ai kêu cầu ánh sáng tinh thần và trí tuệ một cách vô ích. Tuy nhiên, tất cả các Giới của Thiên Nhiên phải được trợ giúp. Do đó, cần có nhiều người giúp đỡ hơn. Chẳng phải sẽ tốt hơn nếu hiến mình làm một người đã cố gắng thực sự tuân theo các định luật yêu thương và vô tổn hại và sẵn sàng giúp đỡ và chữa lành và cứu rỗi, hơn là đặt câu hỏi về hành động của Những Đấng là hiện thân của tình thương và cả cuộc đời của Các Ngài đã trải qua vô số năm trong sự giúp đỡ hay sao?

Although the Adepts have attained to very great powers, even They cannot disregard Nature's laws. They know those laws so thoroughly that They can work with them perfectly, and so may seem to transcend them, on occasion, but They never violate them. There is one law under which all happiness, all sorrow and all suffering comes, and even They cannot prevent its operation. It is the Law of Cause and Effect, and even Their strong

Mặc dù các Chân sư đã đạt được những quyền năng rất lớn, nhưng ngay cả Các Ngài cũng không thể coi thường các định luật của Thiên Nhiên. Các Ngài biết những định luật đó một cách thấu đáo đến mức Các Ngài có thể làm việc với chúng một cách hoàn hảo, và do đó đôi khi có vẻ như vượt qua chúng, nhưng Các Ngài không bao giờ vi phạm chúng. Có một định luật mà theo đó tất cả hạnh phúc, tất cả nỗi buồn và tất cả đau khổ đến, và ngay cả Các

hands, Their loving hearts, Their compassion, are often helpless in the presence of the operation of that law. The sufferings of men represent the educative effect of the law, which has been provoked by the infliction of sufferings upon others. As St Paul said: 'Whatsoever a man soweth, that shall he also reap' (Galatians 6:7) Our Lord said: 'And it is easier for heaven and earth to pass, than one tittle of the law to fail' (Luke 16:17).

Ngài cũng không thể ngăn chặn sự vận hành của nó. Đó là Định luật Nhân Quả, và ngay cả đôi tay mạnh mẽ, trái tim yêu thương, lòng trắc ẩn của Các Ngài, thường bất lực trước sự vận hành của định luật đó. Những đau khổ của con người thể hiện tác động giáo dục của định luật, vốn đã bị kích động bởi việc gây ra đau khổ cho người khác. Như Thánh Paul đã nói: 'Người ta gieo gì, sẽ gặt nấy' (Ga-la-ti 6:7) Đức Chúa đã nói: 'Trời đất qua đi còn dễ hơn một nét chữ trong luật pháp phải bỏ' (Lu-ca 16:17).

So They, the Perfected Ones, seek to prevent our sufferings by telling us of the existence of the law, by teaching us to save ourselves by following the simple advice which They, age by age, have not ceased to give. In a phrase it is 'Love one another'. Nevertheless, as I said before, a very great deal of such ministration and of healing from on high does occur in this world, and it is performed by none other than the Adepts and Their disciples. Of this we may be sure; far worse, far heavier, would be the sufferings of the human race were it not for this perpetual Adept ministration.

Vì vậy, Các Ngài, Các Đấng Hoàn Thiện, tìm cách ngăn chặn những đau khổ của chúng ta bằng cách cho chúng ta biết về sự tồn tại của định luật, bằng cách dạy chúng ta tự cứu mình bằng cách làm theo lời khuyên đơn giản mà Các Ngài, hết thời đại này đến thời đại khác, đã không ngừng đưa ra. Trong một cụm từ, đó là 'Yêu thương lẫn nhau'. Tuy nhiên, như tôi đã nói trước đây, rất nhiều sự giúp đỡ và chữa lành từ trên cao như vậy thực sự xảy ra trên thế giới này, và nó được thực hiện bởi không ai khác ngoài các Chân sư và các đệ tử của Các Ngài. Về điều này, chúng ta có thể chắc chắn; sẽ tồi tệ hơn nhiều, nặng nề hơn nhiều, những đau khổ của loài người nếu không có sự giúp đỡ thường xuyên của Chân sư này.

Do not let us forget that both the pleasure-giving and pain-producing effects of the operation of the law are highly educative. Unduly to modify or diminish either would not be beneficial. For example, the Principal of a University could, at the end of the year, look at the examination papers of a first-year student and say to him: 'These are full of mistakes, but we will pretend that they are perfect and that you know the subjects thoroughly. We will pass you to a higher class'. Would that be helpful? No, it would be neither helpful nor kind. Indeed, it would be a hindrance to the student's progress. There would be a serious gap in the student's

Đừng quên rằng cả những tác động mang lại niềm vui và gây ra đau đớn của sự vận hành của định luật đều mang tính giáo dục cao. Việc sửa đổi hoặc giảm bớt một cách không cần thiết một trong hai điều đó sẽ không có lợi. Ví dụ, Hiệu trưởng của một trường Đại học có thể, vào cuối năm, xem xét các bài kiểm tra của một sinh viên năm nhất và nói với y: 'Những bài này đầy lỗi, nhưng chúng ta sẽ giả vờ rằng chúng hoàn hảo và bạn biết rõ các môn học. Chúng ta sẽ cho bạn lên lớp cao hơn'. Điều đó có hữu ích không? Không, nó sẽ không hữu ích cũng không tử tế. Thật vậy, nó sẽ là một trở ngại cho sự tiến bộ của sinh viên. Sẽ có một lỗ hổng nghiêm trọng trong kiến thức của sinh

knowledge and sooner or later mistakes would inevitably be made. Even as there were cities in which Our Lord did no mighty works because of the people's unbelief, so there are cases of ignorance, doubt, loss and suffering in which, taking the long view, it would not always be wise to use occult powers in order to give immediate, personal relief. The Law of Cause and Effect both ensures justice and is educative. Out of human experience wisdom is born. This, we may presume, is one of the reasons why in some cases the Adepts must withhold Their aid.

viên và sớm hay muộn những sai lầm chắc chắn sẽ xảy ra. Ngay cả khi có những thành phố mà Đức Chúa không thực hiện những công việc vĩ đại nào vì sự không tin của người dân, thì cũng có những trường hợp thiếu hiểu biết, nghi ngờ, mất mát và đau khổ mà, xét về lâu dài, sẽ không phải lúc nào cũng khôn ngoan khi sử dụng các quyền năng huyền bí để mang lại sự cứu trợ cá nhân, ngay lập tức. Định luật Nhân Quả vừa đảm bảo công lý vừa mang tính giáo dục. Sự minh triết được sinh ra từ kinh nghiệm của con người. Điều này, chúng ta có thể cho rằng, là một trong những lý do tại sao trong một số trường hợp, các Chân sư phải giữ lại sự giúp đỡ của Các Ngài.

The Lord Buddha taught that ignorance and the suffering it causes can be dispelled by the knowledge of four Noble Truths. These are: the miseries of existence; their cause, which is ever-renewed desire for self-satisfaction; the destruction of that desire as the way of sorrow's ceasing; and the Noble Eightfold Path. This last consists of right belief, right thought, right speech, right action, right means of livelihood, right exertion, right recollection and right meditation. The Lord Buddha summed up this teaching in these words: To cease from sin, to attain to virtue and to purify the heart.

Đức Phật đã dạy rằng sự thiếu hiểu biết và những đau khổ mà nó gây ra có thể được xua tan bằng kiến thức về bốn Sự Thật Cao Quý. Đó là: những khổ đau của sự tồn tại; nguyên nhân của chúng, đó là ham muốn tự mãn được đổi mới liên tục; sự tiêu diệt ham muốn đó như là con đường chấm dứt nỗi buồn; và Bát Chánh Đạo. Điều này bao gồm niềm tin đúng đắn, tư tưởng đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, phương tiện sinh sống đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, hồi ức đúng đắn và thiền định đúng đắn. Đức Phật đã tóm tắt lời dạy này trong những lời sau: Ngừng phạm tội, đạt được đức hạnh và thanh lọc trái tim.

Theosophy in New Zealand, Vol. 21, No. 2, 1960, p. 3

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 21, Số 2, 1960, tr. 3

71

Study Corner [4]—*Góc Học Tập [4]*

WHAT IS KUNDALINI?

KUNDALINI LÀ GÌ?

We are to consider together a theosophical teaching of great interest and great importance—the force which can illume, empower, and exalt a human being, the fire of

Chúng ta cùng nhau xem xét một giáo lý thông thiên học rất thú vị và rất quan trọng—mãnh lực có thể soi sáng, trao quyền và tôn vinh một con người, ngọn lửa của Thượng đế; ngọn lửa

God; the Cosmic creative fire in Universe and man.

sáng tạo Vũ Trụ trong Vũ Trụ và con người.

Kundalini Shakti (Sanskrit)

Kundalini Shakti (tiếng Phạn)

General:

Tổng quát:

1. The Power of Life.

Sức Mạnh của Sự Sống.

2. One of the forces of Nature, the occult electricity intimately associated with Azoth of the Alchemists.

Một trong những mãnh lực của Thiên Nhiên, điện huyền bí có liên hệ mật thiết với Azoth của các Nhà Giả Kim Thuật.

3. It is the creative principle in Nature and *Akasa* (Sanskrit).

Nó là nguyên lý sáng tạo trong Thiên Nhiên và Akasa (tiếng Phạn).

4. The subtle, supersensuous, spiritual essence which pervades all space.

Bản chất tinh tế, siêu cảm giác, tinh thần thấm nhuần khắp không gian.

5. 'The coiled-up universal Life Principle'.

'Nguyên Lý Sự Sống phổ quát cuộn tròn'.

6. A sevenfold, superphysical, occult power, in Universe and man, functioning in the latter by means of a spiral or coiling action, mainly in the spinal cord, but also throughout the nervous systems.

Một quyền năng huyền bí, siêu vật chất, thất phân, trong Vũ Trụ và con người, hoạt động trong con người thông qua một hành động xoắn ốc hoặc cuộn tròn, chủ yếu ở tủy sống, mà còn khắp hệ thần kinh.

7. It is represented in Greek symbology by the Caduceus, the Rod of Hermes, the seven-layered creative power in Nature and the base of the spine of man.

Nó được thể hiện trong biểu tượng học Hy Lạp bằng Caduceus, Thần Trượng của Hermes, quyền năng sáng tạo bảy lớp trong Thiên Nhiên và đáy cột sống của con người.

8. When supemormally aroused, this fiery force ascends into the brain by a serpentine path, hence its other name, the 'Serpent Fire'.

Khi được đánh thức một cách siêu thường, mãnh lực rực lửa này sẽ đi lên não theo một con đường ngoằn ngoèo, do đó có tên gọi khác là 'Lửa Rắn'.

9. It is composed of three currents which flow along three canals in the spinal cord, named *Ida* (negative), *Pingala* (positive) & *Sushumna* (neutral). These names are sometimes applied (wrongly) to the currents themselves.

Nó bao gồm ba dòng chảy dọc theo ba ống dẫn trong tủy sống, có tên là Ida (âm), Pingala (dương) & Sushumna (trung tính). Những tên này đôi khi được áp dụng (sai) cho chính các dòng chảy.

When under correct direction and with wholly altruistic motives, not otherwise, *Kundalini Shakti* can be aroused. (One is not

Khi được hướng dẫn chính xác và với động cơ hoàn toàn vị tha, không phải cách khác, Kundalini Shakti có thể được đánh thức.

encouraged to do so.)

(Người ta không được khuyến khích làm như vậy.)

When, under expert guidance only, and with completely altruistic motives, *Kundalini* is awakened, it divides itself into the three currents as above: positive *(Pingala),* negative *(Ida),* and neutral *(Sushumna).* Technically, these three Sanskrit words refer only to the three canals *(nadis)* along which these currents flow.

Khi, chỉ dưới sự hướng dẫn của chuyên gia và với động cơ hoàn toàn vị tha, Kundalini được đánh thức, nó sẽ tự chia thành ba dòng chảy như trên: dương (Pingala), âm (Ida) và trung tính (Sushumna). Về mặt kỹ thuật, ba từ tiếng Phạn này chỉ đề cập đến ba ống dẫn (nadis) mà các dòng chảy này chảy qua.

The positive current intertwines the spinal cord and enters the pituitary gland, whilst the negative current oppositely entwines the spinal cord and enters the pineal gland. The neutral current ascends *Sushumna,* enters the third ventricle of the brain, and passes out at the crown of the head.

Dòng dương xoắn vào tủy sống và đi vào tuyến yên, trong khi dòng âm xoắn ngược lại vào tủy sống và đi vào tuyến tùng. Dòng trung tính đi lên Sushumna, đi vào tâm thất thứ ba của não và đi ra ở đỉnh đầu.

Some of the dangers of arousing Nature's hidden forces in the body, unless under the direction of a Master:

Một số nguy hiểm của việc đánh thức các mãnh lực ẩn giấu của Thiên Nhiên trong cơ thể, trừ khi dưới sự hướng dẫn của một Chân sư:

(1) Premature arousing of *Kundalini* with its disturbing effects.

Đánh thức Kundalini quá sớm với những tác động gây rối của nó.

(2) Sex excitation.

Kích thích tình dục.

(3) Emotional disturbances due to incursions from the Astral Plane of forces and beings through the solar plexus on to the sympathetic nervous system, which does not readily rationalize and so becomes confused. Those belonging to schools, classes or movements may already experience this.

Rối loạn cảm xúc do sự xâm nhập từ Cõi Cảm Dục của các mãnh lực và sinh linh thông qua tùng thái dương vào hệ thần kinh giao cảm, vốn không dễ dàng hợp lý hóa và do đó trở nên bối rối. Những người thuộc về các trường phái, lớp học hoặc phong trào có thể đã trải nghiệm điều này.

(4) A sense of increased self-importance from which immoderate pride can develop.

Cảm giác tự tôn tăng lên, từ đó có thể phát triển lòng kiêu hãnh quá mức.

(5) Enhancement of the powers of will and discovery of means of using will to influence others adversely.

Tăng cường quyền năng của ý chí và khám phá các phương tiện sử dụng ý chí để gây ảnh hưởng xấu đến người khác.

(6) Whirling sensations in the brain, with consequent distress and fear of insanity. (Actually there is no ground for this fear.)

Cảm giác chóng mặt trong não, dẫn đến đau khổ và sợ hãi mất trí. (Thực tế không có cơ sở cho nỗi sợ hãi này.)

(7) Physical sensations of various kinds, such as being touched, subjected to seemingly electrical energies, a crawling sensation on the skin, especially at the *chakras* and a feeling of heat in the spinal cord, particularly at the sacrum.

Các cảm giác thể xác thuộc nhiều loại khác nhau, chẳng hạn như bị chạm vào, phải chịu các năng lượng dường như là điện, cảm giác bò trên da, đặc biệt là ở các luân xa và cảm giác nóng ở tủy sống, đặc biệt là ở xương cùng.

(8) Partially seen and therefore misinterpreted clairvoyant visions of the Astral Plane. These may increase any sense of self-importance which may have arisen.

Các tầm nhìn thông nhãn bị nhìn thấy một phần và do đó bị hiểu sai về Cõi Cảm Dục. Điều này có thể làm tăng bất kỳ ý thức tự tôn nào có thể đã nảy sinh.

(9) Eccentricities of conduct, personality and speech outside of the immediate control of the mind.

Những hành vi, phàm ngã và lời nói lập dị nằm ngoài tầm kiểm soát trực tiếp của thể trí.

(10) Susceptibility to being influenced by superphysical beings, notably shells of deceased persons seeking renewals of their fading vitality and so fastening upon sensitive people, greatly to their detriment.

Dễ bị ảnh hưởng bởi các chúng sinh siêu hình, đặc biệt là các vỏ bọc của những người đã khuất đang tìm kiếm sự đổi mới sinh lực đang tàn phai của họ và do đó bám vào những người nhạy cảm, gây bất lợi lớn cho họ.

When arousing of the *Kundalini* and consequent development of the *Siddhis* would be deemed helpful to any person, a Spiritual Teacher will *always* present himself and guide the neophyte through the dangers and difficulties likely to arise.

Khi việc đánh thức Kundalini và sự phát triển tiếp theo của Siddhis được coi là hữu ích cho bất kỳ người nào, một Huấn Sư Tinh Thần sẽ luôn xuất hiện và hướng dẫn người sơ cơ vượt qua những nguy hiểm và khó khăn có thể phát sinh.

When the pupil is ready, the master will appear.

Khi đệ tử sẵn sàng, Chân sư sẽ xuất hiện.

The ideas of discipleship to a master can be fulfilled, no one is overlooked, qualifications: to become a selfless, self-disciplined servant of humanity.

Những ý tưởng về địa vị đệ tử đối với một Chân sư có thể được thực hiện, không ai bị bỏ qua, các phẩm chất: trở thành một người phụng sự nhân loại vô kỷ, tự giác.

One function of the Great White Brotherhood is recruiting and training.

Một chức năng của Đại Huynh Đệ Đoàn Chánh Đạo là tuyển dụng và đào tạo.

One function of the theosophical society: a

Một chức năng của hội Thông Thiên Học: một

gateway.

cánh cổng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 35, No. 4, 1974, p. 78

Theosophy in New Zealand, Vol. [35], No. [4], [1974], p. [78]

72

The Death and Resurrection of the Gods: A Study of the Doctrine of Rebirth—Sự Chết và Sự Phục Sinh của Các Vị Thần: Nghiên Cứu về Giáo Lý Tái Sinh

In world Scriptures a very similar story is told. The characters, and so the names, are different but the story is almost identical. It tells of prebirth prophecies, birth or nativity, young life, maturity in great power, successful attack by self-appointed enemies who, by various and often strange means, bring about the unnatural death of a God incarnate upon earth who, however, rises again and ascends into heaven.

Trong Kinh điển thế giới, một câu chuyện rất giống nhau được kể. Các nhân vật, và do đó tên gọi, khác nhau nhưng câu chuyện gần như giống hệt nhau. Nó kể về những lời tiên tri trước khi sinh, sự ra đời hoặc giáng sinh, cuộc sống trẻ, sự trưởng thành trong quyền năng lớn, cuộc tấn công thành công của những kẻ thù tự phong, bằng nhiều phương tiện khác nhau và thường kỳ lạ, gây ra cái chết bất thường của một Thượng đế hóa thân trên trái đất, tuy nhiên, trỗi dậy một lần nữa và thăng lên thiên đàng.

This allegory is to be found in nearly all mythologies and world Scriptures. One of the best known accounts—purely allegorical, I conclude—is the Egyptian myth concerning the God Osiris. He, it will be remembered, is attacked by his jealous brother, Seth, or Typhon, at a feast, lured into a coffin, murdered, and cut into fourteen pieces; the coffin is placed upon the river Nile which carries it to the Mediterranean Sea. Bereaved Isis, the wife, and the son Horns search for the lost husband and father, find him by magic, whereupon Isis reassembles all the parts and the God is restored to life.

Câu chuyện ngụ ngôn này có thể được tìm thấy trong gần như tất cả các thần thoại và Kinh điển thế giới. Một trong những câu chuyện được biết đến nhiều nhất—tôi kết luận là hoàn toàn mang tính ngụ ngôn—là thần thoại Ai Cập liên quan đến Thượng đế Osiris. Ngài, như chúng ta sẽ nhớ, bị người anh trai ghen tị của mình, Seth, hay Typhon, tấn công tại một bữa tiệc, bị dụ vào một chiếc quan tài, bị sát hại và cắt thành mười bốn mảnh; chiếc quan tài được đặt trên sông Nile, nơi chở nó đến Biển Địa Trung Hải. Isis đau buồn, người vợ và người con Horns tìm kiếm người chồng và người cha đã mất, tìm thấy Ngài bằng phép thuật, sau đó Isis tập hợp lại tất cả các bộ phận và Thượng đế được phục hồi sự sống.

Cadmus, king of Grecian Thebes, learned of a liason between his daughter Semele and Zeus, the greatest of the Olympian Gods, enclosed her in a chest which was thrown into the sea.

Cadmus, vua của Thebes thuộc Hy Lạp, biết về mối quan hệ giữa con gái Semele của mình và Zeus, vị Thượng đế vĩ đại nhất của các vị Thượng đế trên đỉnh Olympus, đã nhốt Bà

Carried by the waves to Prasiae, it was opened. Semele was found to be dead, but the child of the union was alive and came to be known as the god Dionysius. In his turn, the young god and creator of the Greek Pantheon was murdered and tom into fragments by the Titans, the great gods. He also was restored by his mother in a mystical resurrection and ascension. In his manhood, Dionysius hired a pirate ship to take him to Naxos, but the pirates steered him toward Asia to sell him there as a slave. Thereupon he changed mast and oars into serpents and himself into a lion. Ivy grew around the mast and the sound of flutes was heard on every side. Thereafter, Dionysius reached Naxos and later took his mother, Semele, out of Hades, or Hell, up to Olympus.

trong một chiếc rương được ném xuống biển. Được sóng biển đưa đến Prasiae, nó đã được mở ra. Semele được phát hiện đã chết, nhưng đứa con của cuộc kết hợp vẫn còn sống và được biết đến với cái tên Thượng đế Dionysius. Đến lượt mình, vị Thượng đế trẻ tuổi và là người sáng tạo ra Điện thờ Hy Lạp đã bị sát hại và xé thành từng mảnh bởi những người khổng lồ Titan, những vị Thượng đế vĩ đại. Ngài cũng được mẹ mình phục hồi trong một cuộc phục sinh và thăng thiên huyền bí. Khi trưởng thành, Dionysius đã thuê một con tàu cướp biển để đưa Ngài đến Naxos, nhưng bọn cướp biển đã lái Ngài về phía châu Á để bán Ngài ở đó làm nô lệ. Sau đó, Ngài biến cột buồm và mái chèo thành rắn và biến mình thành sư tử. Cây thường xuân mọc quanh cột buồm và tiếng sáo vang lên ở mọi phía. Sau đó, Dionysius đến Naxos và sau đó đưa mẹ mình, Semele, ra khỏi Hades, hay Địa ngục, lên đỉnh Olympus.

The Scandinavian Edda contains another version of the story in which Baldur the Beautiful, the giver of all good, excites the jealousy of Loki, who plots his death. His mother, Freya, had prayed to the gods that her wonderful son of light would be saved from all enemies and all possible weapons from all sources. She forgot the mistletoe, however, and so Baldur, whilst immortal and immune to all other weapons, was not so to the mistletoe. Eventually Loki kills him, using a blind man as an archer and an arrow made from a mistletoe bough.

Scandinavian Edda chứa một phiên bản khác của câu chuyện, trong đó Baldur the Beautiful, người ban phát mọi điều tốt đẹp, khơi dậy sự ghen tị của Loki, kẻ âm mưu giết Ngài. Mẹ của Ngài, Freya, đã cầu nguyện với các vị Thượng đế rằng đứa con ánh sáng tuyệt vời của Bà sẽ được cứu khỏi mọi kẻ thù và mọi vũ khí có thể có từ mọi nguồn. Tuy nhiên, Bà đã quên cây tầm gửi, và vì vậy Baldur, trong khi bất tử và miễn nhiễm với tất cả các loại vũ khí khác, thì không miễn nhiễm với cây tầm gửi. Cuối cùng, Loki giết Ngài, sử dụng một người đàn ông mù làm cung thủ và một mũi tên làm từ cành tầm gửi.

The life story of Lord Sri Krishna follows very closely this pattern. He, in his turn, suffered an unnatural death, being wounded in the heel by the arrow of a hunter who mistook him for a deer. After telling the hunter not to grieve, he rose all radiant into Heaven.

Câu chuyện cuộc đời của Đức Sri Krishna tuân theo rất sát mô hình này. Đến lượt mình, Ngài đã phải chịu một cái chết bất thường, bị thương ở gót chân bởi mũi tên của một thợ săn, người đã nhầm Ngài với một con nai. Sau khi bảo người thợ săn đừng đau buồn, Ngài đã trỗi dậy rạng rỡ lên Thiên đàng.

Brunhilde, by magic, made her son Siegfried invulnerable. Only on his back did she omit to bless him, because she knew that Siegfried would never show his back to his enemy. Later on a leaf fell on Siegfried's back whilst he bathed in the blood of a dragon, and on that spot Hagen's lance struck him as later he bent down to drink at a spring.

Brunhilde, bằng phép thuật, đã khiến con trai mình là Siegfried bất khả xâm phạm. Bà chỉ bỏ sót việc ban phước cho lưng Ngài, vì Bà biết rằng Siegfried sẽ không bao giờ quay lưng lại với kẻ thù của mình. Sau đó, một chiếc lá rơi trên lưng Siegfried khi Ngài tắm trong máu của một con rồng, và tại chỗ đó, ngọn giáo của Hagen đã đâm Ngài khi sau đó Ngài cúi xuống uống nước ở một con suối.

The Lord Buddha reputedly died at the age of eighty. He addressed his disciples, encouraging them after he himself had disappeared from their view to take his doctrine for their Master. He then entered into meditation, thence into ecstasy, and finally passed away from earth into Nirvana. His body was burned on a funeral pyre which lighted itself and was extinguished at the right moment by a miraculous rain.

Đức Phật được cho là đã qua đời ở tuổi tám mươi. Ngài đã nói với các đệ tử của mình, khuyến khích họ sau khi Ngài biến mất khỏi tầm mắt của họ hãy lấy giáo lý của Ngài làm Huấn Sư của họ. Sau đó, Ngài đi vào thiền định, từ đó đi vào trạng thái xuất thần, và cuối cùng lìa khỏi trái đất để vào Niết Bàn. Thi thể của Ngài được hỏa táng trên giàn hỏa táng tự bốc cháy và được dập tắt vào đúng thời điểm bằng một trận mưa kỳ diệu.

The life story of Jesus contains similar incidents, including the prophecies in the Old Testament: the pre-birth announcement of John the Baptist; the Annunciation to his mother; the immaculate conception and Nativity; the childhood beset by enemies; the flight to Egypt; the return in youth; the growth to maturity and the exercise of supernormal powers. Then came the Transfiguration, attack by enemies, death upon the cross, Resurrection, reappearances and the Ascension to the right hand of God. Thus is portrayed in many scriptures and myths the same story of forthgoing and return of a hero or Saviour, which was also recounted by Jesus himself in the Parable of the Prodigal Son.

Câu chuyện cuộc đời của Đức Jesus chứa đựng những sự kiện tương tự, bao gồm cả những lời tiên tri trong Cựu Ước: thông báo trước khi sinh của John the Baptist; Lễ Truyền Tin cho mẹ Ngài; sự thụ thai vô nhiễm và Lễ Giáng Sinh; thời thơ ấu bị bao vây bởi kẻ thù; cuộc chạy trốn đến Ai Cập; sự trở lại khi còn trẻ; sự trưởng thành và việc thực hiện các quyền năng siêu thường. Sau đó đến Biến Hình, cuộc tấn công của kẻ thù, cái chết trên thập giá, Phục Sinh, tái xuất hiện và Thăng Thiên lên bên hữu của Thượng đế. Như vậy, trong nhiều kinh sách và thần thoại, cùng một câu chuyện về sự ra đi và trở lại của một anh hùng hoặc Đấng Cứu Thế được miêu tả, vốn cũng được chính Đức Jesus kể lại trong Dụ ngôn Người Con Hoang Đàng.

What, one may ask, are the authors of these mythological and scriptural allegories saying to us down the centuries and the corridors of time? In answer, I suggest that they are endeavouring to make an abstract idea

Người ta có thể hỏi, các tác giả của những câu chuyện ngụ ngôn thần thoại và kinh điển này đang nói gì với chúng ta qua nhiều thế kỷ và hành lang thời gian? Để **trả lời**, tôi gợi ý rằng họ đang nỗ lực làm cho một ý tưởng trừu

understandable by presenting it in concrete forms. The authors are, I believe, revealing by means of allegory, symbol, and personifications a law of being, an inevitable necessity ruling all manifested life, all existence—the law of forthgoing and return, of involution of spirit into matter and its evolution back again to its Source. From the moment at which the finite emanates from the Infinite, this law of cyclic forthgoing and return, says Theosophy, comes into irresistible operation. Not only the emanated Will-Thought-Sound or Logos, but human Monads must also follow this procedure of forthgoing into bodies of increasing density until the densest is reached generally symbolised by death and burial in an earthly tomb—the mineral kingdom being the densest of all the conditions of matter on this planet. This descent is invariably followed by ascent, involution by evolution, entombment by resurrection and, ultimately, by ascension into heaven. Then the great cycle is complete, and this is taught as a veritable Law of Being which cannot be evaded from the moment a condition of finiteness issues from the Infinite, conditioned existence emanates from the Absolute.

tượng trở nên dễ hiểu bằng cách trình bày nó dưới dạng cụ thể. Tôi tin rằng các tác giả đang tiết lộ bằng phương tiện ngụ ngôn, biểu tượng và nhân cách hóa một định luật của sự sống, một sự cần thiết không thể tránh khỏi chi phối tất cả sự sống biểu hiện, tất cả sự tồn tại—định luật về sự ra đi và trở lại, về sự giáng hạ tiến hóa của tinh thần vào vật chất và sự tiến hóa trở lại Nguồn của nó. Thông Thiên Học nói rằng, từ thời điểm hữu hạn phát ra từ Vô Hạn, định luật về sự ra đi và trở lại theo chu kỳ này sẽ đi vào hoạt động không thể cưỡng lại. Không chỉ Ý Chí-Tư Tưởng-Âm Thanh hoặc Thượng đế được phát ra, mà các Chân Thần của con người cũng phải tuân theo quy trình ra đi vào các thể có mật độ tăng dần cho đến khi đạt đến mật độ dày đặc nhất, thường được tượng trưng bằng cái chết và chôn cất trong một ngôi mộ trên trái đất—giới kim thạch là dày đặc nhất trong tất cả các điều kiện vật chất trên hành tinh này. Sự đi xuống này luôn luôn được theo sau bởi sự đi lên, sự giáng hạ tiến hóa bởi sự tiến hóa, sự chôn cất bởi sự phục sinh và cuối cùng là sự thăng thiên lên thiên đàng. Sau đó, chu kỳ vĩ đại hoàn thành, và điều này được dạy như một Định Luật của Sự Sống thực sự không thể trốn tránh được kể từ thời điểm một trạng thái hữu hạn phát ra từ Vô Hạn, sự tồn tại có điều kiện phát ra từ Tuyệt Đối.

The result? Everything in the universe evolves from less to more, from a condition of latent powers to one of powers fully manifest or, symbolically, from nativity through entombment and resurrection to ascension 'in clouds of glory'. Thus the inspired allegories enshrine, conceal, and make available knowledge of both the one great law to which everything in existence is obedient and the results of its operation upon macrocosm and the microcosm, God and man, revealing also that in essence these are not two but one, both being obedient to this law. Thus read, the life

Kết quả? Mọi thứ trong vũ trụ đều tiến hóa từ ít đến nhiều, từ một trạng thái tiềm ẩn quyền năng đến một trạng thái quyền năng được biểu hiện đầy đủ hoặc, theo biểu tượng, từ sự giáng sinh qua sự chôn cất và phục sinh đến sự thăng thiên 'trong những đám mây vinh quang'. Như vậy, những câu chuyện ngụ ngôn đầy cảm hứng lưu giữ, che giấu và cung cấp kiến thức về cả định luật vĩ đại duy nhất mà mọi thứ trong sự tồn tại đều tuân theo và kết quả hoạt động của nó trên đại thiên địa và tiểu thiên địa, Thượng đế và con người, đồng thời tiết lộ rằng về bản chất, đây không phải là hai

story of Jesus is also the story of man himself, of every man up to the very threshold of Superhumanity and that perfectedness to which the Adept attains. Inconsistencies, incongruities, and impossibilities recorded in world Scriptures and myths lose their power to mar a supposed record of historical events for no such completely accurate record was the objective of their authors. Their self-imposed task was rather to reveal many truths, including both universal laws and principles and their outworkings in man.

mà là một, cả hai đều tuân theo định luật này. Như vậy, câu chuyện cuộc đời của Đức Jesus cũng là câu chuyện của chính con người, của mọi người cho đến ngưỡng cửa của Siêu Nhân và sự hoàn thiện mà Chân sư đạt được. Những mâu thuẫn, sự không phù hợp và những điều không thể được ghi lại trong Kinh điển và thần thoại thế giới làm mất đi quyền năng của chúng trong việc làm hỏng một bản ghi chép được cho là về các sự kiện lịch sử vì không có bản ghi chép hoàn toàn chính xác nào như vậy là mục tiêu của các tác giả của chúng. Nhiệm vụ tự áp đặt của họ là tiết lộ nhiều sự thật, bao gồm cả các định luật và nguyên tắc phổ quát và sự thể hiện của chúng trong con người.

In man, the microcosm, the universal law of cyclic forthgoing and return is fulfilled in the form of repeated rebirths. Man, as Monad, continually enacts the one great drama of the divine birth, maturity, burial, and ascension, thus evolving to perfected manhood through successive lives on earth under another law, that of cause and effect, or karma. This idea, not long ago being regarded as largely Oriental in origin and theologically unacceptable, is now gaining increasing acceptance in the West, possibly and partly because, with its philosophical 'twin', the Law of Cause and Effect, the doctrine of reincarnation offers logical answers to certain human problems, unanswerable—insoluble indeed—without them. Indeed, unless reincarnation and karma are true, life is a hopeless riddle which defies solution in rational terms. Provisionally accepted and applied, reincarnation and karma throw a flood of light upon human life, and one may see this in the inception, evolution, and fulfilment of that life in perfected manhood.

Ở con người, tiểu thiên địa, định luật phổ quát về sự ra đi và trở lại theo chu kỳ được thực hiện dưới hình thức tái sinh lặp đi lặp lại. Con người, với tư cách là Chân Thần, liên tục diễn lại vở kịch vĩ đại duy nhất về sự ra đời, trưởng thành, chôn cất và thăng thiên thiêng liêng, do đó tiến hóa đến sự hoàn thiện của con người thông qua các kiếp sống liên tiếp trên trái đất theo một định luật khác, đó là luật nhân quả, hay nghiệp quả. Ý tưởng này, cách đây không lâu được coi là có nguồn gốc phần lớn từ phương Đông và không được chấp nhận về mặt thần học, giờ đây đang ngày càng được chấp nhận ở phương Tây, có thể và một phần vì, với 'người anh em song sinh' triết học của nó, Luật Nhân Quả, giáo lý về luân hồi đưa ra những câu **trả lời** hợp lý cho một số vấn đề của con người, không thể **trả lời** được—thực sự là không thể giải quyết được—nếu không có chúng. Thật vậy, trừ khi luân hồi và nghiệp quả là đúng, cuộc sống là một câu đố vô vọng thách thức giải pháp bằng các thuật ngữ hợp lý. Được chấp nhận và áp dụng một cách tạm thời, luân hồi và nghiệp quả sẽ làm sáng tỏ cuộc sống của con người, và người ta có thể thấy điều này trong sự khởi đầu, sự tiến hóa và sự hoàn thành của cuộc sống đó trong sự hoàn thiện của con người.

Problems of justice in human affairs, the meaning and purpose of human life, recorded memories of former lives which—on such investigation as has become possible—prove to have certain foundations in fact, and the existence of child prodigies and youthful geniuses become explainable by application to them of reincarnation and a Law of Cause and Effect.

Các vấn đề về công lý trong các vấn đề của con người, ý nghĩa và mục đích của cuộc sống con người, những ký ức được ghi lại về những kiếp sống trước—mà khi điều tra như đã trở nên khả thi—chứng minh là có những nền tảng nhất định trên thực tế, và sự tồn tại của những thần đồng trẻ em và những thiên tài trẻ tuổi trở nên có thể giải thích được bằng cách áp dụng luân hồi và Luật Nhân Quả cho họ.

The apparent existence of undeserved human suffering, especially of new-born children, appears to deny the existence of justice, human or divine. Many children are born with healthy bodies in happy homes where they are loved and cared for, guided and helped by both paternal and maternal love, with subtle and beautiful influences from father and mother. Millions of other children, however, are born under conditions of the greatest difficulty. Their baby bodies are malformed, tainted with disease, blind, deaf, dumb, and even all three. The number of 'Thalidomide babies' whose mothers during pregnancy took the drug, Thalidomide, reached 7,000 in 1968. Some children are born illegitimate and carry the taint through all their lives. Others arrive into homes of vice, poverty, dirt, and disease. They are unwanted from conception, unloved from birth. They are neglected, hungry, beaten, and some of them develop into hardened criminals.

Sự tồn tại rõ ràng của những đau khổ của con người không đáng có, đặc biệt là của trẻ sơ sinh, dường như phủ nhận sự tồn tại của công lý, của con người hay thiêng liêng. Nhiều trẻ em được sinh ra với cơ thể khỏe mạnh trong những ngôi nhà hạnh phúc, nơi chúng được yêu thương và chăm sóc, được hướng dẫn và giúp đỡ bởi cả tình yêu của cha và mẹ, với những ảnh hưởng tinh tế và tươi đẹp từ cha và mẹ. Tuy nhiên, hàng triệu trẻ em khác được sinh ra trong những điều kiện khó khăn nhất. Cơ thể bé nhỏ của chúng bị dị dạng, nhiễm bệnh, mù, điếc, câm, và thậm chí cả ba. Số lượng 'trẻ em Thalidomide' có mẹ dùng thuốc Thalidomide trong thời kỳ mang thai đã lên tới [7.000] vào năm [1968]. Một số trẻ em được sinh ra ngoài giá thú và mang vết nhơ suốt cuộc đời. Những người khác đến những ngôi nhà đầy tệ nạn, nghèo đói, bẩn thỉu và bệnh tật. Chúng không được mong muốn từ khi thụ thai, không được yêu thương từ khi sinh ra. Chúng bị bỏ bê, đói khát, bị đánh đập, và một số trong số chúng phát triển thành những tên tội phạm cứng rắn.

Observing this one phenomenon alone, of the inequalities of birth, one cannot logically answer the question of justice, fair play, for man. The existence of purpose and an ultimate objective for human existence is inevitably doubted by those who recognise the uncertainty and apparent hopelessness and purposelessness characteristic of the life of man from the dawn of the historical era.

Chỉ quan sát một hiện tượng này thôi, về sự bất bình đẳng khi sinh ra, người ta không thể **trả lời** một cách hợp lý câu hỏi về công lý, sự công bằng, cho con người. Sự tồn tại của mục đích và mục tiêu cuối cùng cho sự tồn tại của con người là điều không thể tránh khỏi bị nghi ngờ bởi những người nhận ra sự không chắc chắn và sự vô vọng và vô mục đích rõ ràng đặc trưng cho cuộc sống của con người từ buổi

Indeed it cannot be denied that a large proportion of the human race has long lived and still lives under the perpetual shadow of fear resulting from possible financial insecurity, disease, depressions, and wars which, with modern weapons, could bring about the destruction of the human race.

bình minh của kỷ nguyên lịch sử. Thật vậy, không thể phủ nhận rằng một phần lớn nhân loại từ lâu đã sống và vẫn đang sống dưới bóng tối vĩnh viễn của nỗi sợ hãi do sự bất an tài chính có thể xảy ra, bệnh tật, suy thoái và chiến tranh, với vũ khí hiện đại, có thể gây ra sự hủy diệt của loài người.

Theosophy offers positive answers to these questions, teaching that divine justice does, in fact, rule the world and that there is meaning and a purpose behind human life. Despite the appearance of injustice, perfect justice is in fact, insured to every human being by the operation of the Law of Cause and Effect. The purpose and goal of human life is stated to be the evolution of the human soul to the stature of the perfected man, a state of the highest development of every human faculty and of the capacity to express the developed genius with flawless perfection, as did the fabulous heroes of old and Shri Krishna, Buddha, and Christ in later days.

Thông Thiên Học đưa ra những câu **trả lời** tích cực cho những câu hỏi này, dạy rằng công lý thiêng liêng, trên thực tế, chi phối thế giới và có ý nghĩa và mục đích đằng sau cuộc sống con người. Bất chấp vẻ ngoài bất công, công lý hoàn hảo trên thực tế, được đảm bảo cho mọi con người bằng hoạt động của Luật Nhân Quả. Mục đích và mục tiêu của cuộc sống con người được tuyên bố là sự tiến hóa của linh hồn con người đến tầm vóc của con người hoàn thiện, một trạng thái phát triển cao nhất của mọi khả năng của con người và khả năng thể hiện thiên tài đã phát triển với sự hoàn hảo không tì vết, như những anh hùng huyền thoại thời xưa và Sri Krishna, Đức Phật và Đức Christ trong những ngày sau đó.

Even should the almost universal idea of the perfectibility of man be accepted, the further problem of time and opportunity still exists. By what means, it must be asked, will human beings as they are now find the time and the opportunity with which, spiritually, to grow out of their present human weaknesses and attain to the fullest expression of their divine powers? If, as Christian orthodoxy affirms, there is but one life, then the task of reaching Christhood is hopeless of fulfilment. Man is foredoomed to failure from the beginning, for want of adequate time and opportunity in which to develop to the point of genius every human faculty, to master every human weakness and, ultimately, to shine forth with every divine power. If, however, reincarnation be true, the spiritual Self of man returning to earth time and time again, grow-

Ngay cả khi ý tưởng gần như phổ quát về sự hoàn thiện của con người được chấp nhận, thì vấn đề xa hơn về thời gian và cơ hội vẫn tồn tại. Bằng cách nào, người ta phải hỏi, con người như hiện tại sẽ tìm thấy thời gian và cơ hội để, về mặt tinh thần, thoát khỏi những điểm yếu của con người hiện tại và đạt đến sự thể hiện đầy đủ nhất về quyền năng thiêng liêng của họ? Nếu, như chính thống giáo Cơ đốc khẳng định, chỉ có một cuộc sống, thì nhiệm vụ đạt đến địa vị Đức Christ là vô vọng. Con người обречен thất bại ngay từ đầu, vì thiếu thời gian và cơ hội đầy đủ để phát triển đến mức thiên tài mọi khả năng của con người, để làm chủ mọi điểm yếu của con người và cuối cùng, để tỏa sáng với mọi quyền năng thiêng liêng. Tuy nhiên, nếu luân hồi là đúng, thì Bản Thể Tinh Thần của con người trở lại trái đất hết lần này đến lần khác, lớn lên một chút trong mỗi

ing a little on each occasion, then the possibility of full attainment exists. Since at the close of each life man has advanced a few steps—perhaps, in spiritually very successful lives, many steps—towards the great goal, then, the possibility of full attainment at the end of a number of such lives presents itself.

dịp, thì khả năng đạt được đầy đủ sẽ tồn tại. Vì khi kết thúc mỗi cuộc đời, con người đã tiến được một vài bước—có lẽ, trong những cuộc đời thành công về mặt tinh thần, nhiều bước—hướng tới mục tiêu vĩ đại, thì khả năng đạt được đầy đủ vào cuối một số cuộc đời như vậy sẽ tự thể hiện.

Granted that such are the conditions under which human life is planned and lived, then an almost infinite vista opens up before mankind, a development which has 'neither conceivable beginning nor imaginable end'. In this view man faces a future which is full of light, full of promise, nay certainty, of ultimate attainment. To those who are able to accept it, such a doctrine, such a belief in spiritual evolution through successive lives, can inspire hope and give courage and the knowledge by which to live intelligently in willing assent to the evolutionary plan.

Cho rằng đó là những điều kiện mà đời sống con người được hoạch định và sống theo, thì một viễn cảnh gần như vô tận mở ra trước nhân loại, một sự phát triển mà 'không có khởi đầu có thể hình dung cũng như kết thúc có thể tưởng tượng được'. Theo quan điểm này, con người đối mặt với một tương lai tràn đầy ánh sáng, tràn đầy hứa hẹn, thậm chí chắc chắn, về thành tựu tối thượng. Đối với những người có thể chấp nhận nó, một học thuyết như vậy, một niềm tin như vậy vào sự tiến hóa tinh thần thông qua các kiếp sống liên tiếp, có thể truyền cảm hứng hy vọng và mang lại lòng dũng cảm và kiến thức để sống một cách thông minh trong sự đồng ý sẵn lòng với thiên cơ tiến hóa.

Concerning justice and suffering, sometimes apparently undeserved, Theosophy 'teaches' that successive human lives of the same Ego are all linked together and in two ways. One of these is that they are the lives of the same unfolding, reincarnating Ego, and the other is brought about by the operation throughout all of them of the Law of Cause and Effect. Under this law, it is completely impossible for anything whatever, whether beneficial or adverse, to happen to any human being without that selfsame Ego having caused it in a former or the present life. Accordingly, if one looked back, either to the earlier period of this life or to former lives, one could find a completely adequate explanation, an appropriate cause for everything which is later experienced; for, says the Ageless Wisdom, life is ruled by law.

Liên quan đến công lý và đau khổ, đôi khi dường như không đáng có, Thông Thiên Học 'dạy' rằng các kiếp sống liên tiếp của cùng một chân ngã đều được liên kết với nhau và theo hai cách. Một trong số đó là chúng là kiếp sống của cùng một chân ngã đang mở ra, tái sinh, và cách còn lại là do sự vận hành trong tất cả chúng của Định luật Nhân Quả. Theo định luật này, hoàn toàn không thể có bất cứ điều gì, dù có lợi hay bất lợi, xảy ra với bất kỳ con người nào mà chính chân ngã đó đã không gây ra nó trong một kiếp trước hoặc kiếp này. Theo đó, nếu người ta nhìn lại, hoặc là giai đoạn đầu của cuộc đời này hoặc là những kiếp sống trước, người ta có thể tìm thấy một lời giải thích hoàn toàn đầy đủ, một nguyên nhân thích hợp cho mọi thứ sau này được trải nghiệm; vì, theo Minh Triết Ngàn Đời, cuộc sống được cai trị bởi luật pháp.

Who then are the Gods of world Scriptures and mythologies? What is represented by immortal beings who are born, shed their light upon earth, die, are resurrected and ascend? They are, I suggest, personifications of the One Eternal Principle in universes and in men.

Vậy thì các Thượng đế trong Kinh điển và thần thoại thế giới là ai? Điều gì được đại diện bởi những chúng sinh bất tử, vốn được sinh ra, tỏa ánh sáng của Các Ngài xuống trái đất, chết đi, sống lại và thăng lên? Tôi cho rằng, Các Ngài là hiện thân của Nguyên Khí Vĩnh Hằng Duy Nhất trong vũ trụ và trong con người.

In universes, the eternal and nameless One continually descends into, and spiritualises, the material worlds. Thereafter, THAT returns to await another Annunciation and a new Nativity, again to descend into and spiritualise matter and material forms and beings, and then once more to withdraw, and so on and on throughout eternity.

Trong vũ trụ, Đấng Duy Nhất vĩnh hằng và vô danh liên tục giáng xuống và linh hóa các thế giới vật chất. Sau đó, ĐẤNG ĐÓ trở lại để chờ đợi một Lễ Truyền Tin khác và một Sự Giáng Sinh mới, một lần nữa giáng xuống và linh hóa vật chất và các hình tướng và chúng sinh vật chất, và rồi một lần nữa rút lui, và cứ thế tiếp diễn trong suốt cõi vĩnh hằng.

In man, the gods personify the eternal Dwellers in the Innermost, the human Monads, who reincarnate continually until human perfectedness has been attained. The incidents related of the gods and heroes of old can thus be read as allegories of experiences through which men pass throughout their successive lives as they tread the pathway followed by the Prodigal Son, culminating in the return and welcome 'HOME'.

Trong con người, các vị thần nhân cách hóa những Đấng Cư Ngụ vĩnh hằng trong Nội Tâm, các Chân Thần của con người, vốn liên tục tái sinh cho đến khi sự hoàn thiện của con người đạt được. Các sự kiện liên quan đến các vị thần và anh hùng thời xưa do đó có thể được đọc như những câu chuyện ngụ ngôn về những kinh nghiệm mà con người trải qua trong suốt các kiếp sống liên tiếp của họ khi họ bước đi trên con đường mà Người Con Hoang Đàng đã đi theo, lên đến đỉnh điểm là sự trở về và chào đón 'VỀ NHÀ'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 15, No. 3, 1955, p. 309

Theosophy in New Zealand, Tập. 15, Số 3, 1955, tr. [309]

73

The Eternal Woman—Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu

Through all womanhood on earth shines the Eternal Woman, the Divine Feminine Principle in the Universe. Similarly through all manhood shines the Divine and Eternal Man. These are not two Divinities but one. Together, oppositely polarised, as the One life they emerge from the One Source. Feminine and Masculine, these Divine Principles are

Xuyên suốt tất cả nữ giới trên trái đất tỏa sáng Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu, Nguyên Khí Nữ Tính Thiêng Liêng trong Vũ Trụ. Tương tự như vậy, xuyên suốt tất cả nam giới tỏa sáng Người Nam Vĩnh Cửu và Thiêng Liêng. Đây không phải là hai Thượng đế mà là một. Cùng nhau, phân cực đối lập, như Sự sống Duy Nhất, Các Ngài nổi lên từ Nguồn Duy Nhất. Nữ tính và

maternal and paternal manifestations of one creative Power. Their 'Son' is the Universe.

Nam tính, những Nguyên Khí Thiêng Liêng này là những biểu hiện mẫu hệ và phụ hệ của một Quyền Năng sáng tạo. 'Con Trai' của Các Ngài là Vũ Trụ.

This basic fact of the unity within the one Life of the feminine and masculine aspects of the Deity is the source of all attraction, whether magnetic, chemical or of gender. For these twain, female and male, temporarily separated in manifestation, are for ever being drawn back into their primordial unity.

Thực tế cơ bản này về sự hợp nhất trong Sự Sống Duy Nhất của các khía cạnh nữ tính và nam tính của Thượng Đế là nguồn gốc của mọi sự thu hút, dù là từ tính, hóa học hay giới tính. Vì hai người này, nữ và nam, tạm thời tách rời trong biểu hiện, mãi mãi bị lôi kéo trở lại sự hợp nhất nguyên thủy của Các Ngài.

A normal feminine incarnation affords expression for and is ensouled predominantly by the feminine Aspect of the Monad and of the Universal Divinity. A normal male incarnation affords expression for and is ensouled predominantly by the masculine Aspect of the Monad and of the Universal Divinity.

Một kiếp sống nữ tính bình thường mang lại sự biểu hiện cho và được phú linh chủ yếu bởi Khía cạnh nữ tính của Chân Thần và của Thượng Đế Vũ Trụ. Một kiếp sống nam tính bình thường mang lại sự biểu hiện cho và được phú linh chủ yếu bởi Khía cạnh nam tính của Chân Thần và của Thượng Đế Vũ Trụ.

Thus behind and within every woman exists the feminine Aspect of Divinity. Within and through the female Personality is made manifest the divine spirit of femininity. This divinity perpetually seeks fuller and more radiant expression through every woman.

Do đó, đằng sau và bên trong mỗi người phụ nữ tồn tại Khía cạnh nữ tính của Thượng Đế. Bên trong và thông qua phàm ngã nữ tính, tinh thần thiêng liêng của nữ tính được biểu lộ. Thượng đế này liên tục tìm kiếm sự biểu hiện đầy đủ hơn và rạng rỡ hơn thông qua mọi người phụ nữ.

What are the essential qualities of this Archetypal Being who lives and shines within the spiritual Self of every woman? They are the creative receptivity of the Great Deep whence all comes forth, creative sacrifice, divine tenderness and divine beauty, fathomless wisdom which can but be described as a still dark pool of infinite depth, profound compassion and intimate and maternal love for all that lives.

Những phẩm chất thiết yếu của Đấng Nguyên Mẫu này, vốn sống và tỏa sáng bên trong Chân Ngã tinh thần của mọi người phụ nữ là gì? Đó là sự tiếp nhận sáng tạo của Vực Thẳm Vĩ Đại, nơi mọi thứ xuất phát, sự hy sinh sáng tạo, sự dịu dàng thiêng liêng và vẻ đẹp thiêng liêng, sự minh triết vô đáy vốn chỉ có thể được mô tả như một vùng nước tĩnh lặng sâu thẳm vô tận, lòng trắc ẩn sâu sắc và tình yêu thương thân mật và mẫu tử đối với tất cả những gì đang sống.

The Archetypal Woman is a saint in ecstasy, however much in lower worlds she may be called upon to sacrifice herself to matter,

Người Phụ Nữ Nguyên Mẫu là một vị thánh trong trạng thái ngây ngất, dù ở những cõi thấp hơn, Bà có thể được kêu gọi hy sinh bản

form, and to express Herself through all productive processes. The Real of every woman is in no way touched by human sin and shame, in no way sullied, even by a life of evil fame.

thân cho vật chất, hình tướng và để biểu lộ Bản Thân thông qua tất cả các quá trình sản xuất. Bản Chất Thật Sự của mọi người phụ nữ không hề bị ảnh hưởng bởi tội lỗi và sự xấu hổ của con người, không hề bị vấy bẩn, ngay cả bởi một cuộc đời tai tiếng.

Though one with the very soul of every woman, the Archetypal Woman is, also remote, almost out of reach, even of woman herself save in her highest moments. Still more is She remote from the matter, form, experiences through which She, as earthly woman, is partially, imperfectly made manifest. In the woman Adept alone may the Archetypal Woman be presumed to be fully made manifest 'on earth as it is in heaven'.

Mặc dù là một với chính linh hồn của mọi người phụ nữ, Người Phụ Nữ Nguyên Mẫu cũng xa xôi, gần như ngoài tầm với, ngay cả đối với chính người phụ nữ, ngoại trừ trong những khoảnh khắc cao cả nhất của Bà. Bà còn xa lạ hơn nữa với vật chất, hình tướng, những kinh nghiệm mà qua đó Bà, với tư cách là người phụ nữ trần thế, được biểu lộ một cách một phần, không hoàn hảo. Chỉ trong người phụ nữ Chân sư, Người Phụ Nữ Nguyên Mẫu mới có thể được cho là được biểu lộ đầy đủ 'trên trái đất như ở trên trời'.

Often, however, before that great attainment, the Heavenly Woman shines out through the human. Often the glorious Archetype may be perceived and known by those who have eyes to see.

Tuy nhiên, thường thì, trước khi đạt được thành tựu vĩ đại đó, Người Phụ Nữ Thiên Thượng tỏa sáng xuyên qua con người. Thường thì Nguyên Mẫu vinh quang có thể được nhận thấy và được biết đến bởi những người có đôi mắt để nhìn thấy.

To know and see the Archetypal Self in any individual is to love that Self. True love, the highest love, the love which inspires the lover gladly to die for the beloved, that love is born of vision of the heavenly Self within.

Biết và thấy Chân Ngã Nguyên Mẫu trong bất kỳ cá nhân nào là yêu Chân Ngã đó. Tình yêu đích thực, tình yêu cao cả nhất, tình yêu vốn truyền cảm hứng cho người yêu sẵn sàng chết vì người mình yêu, tình yêu đó được sinh ra từ tầm nhìn về Chân Ngã thiên thượng bên trong.

Every child unconsciously finds the divine spirit of motherhood in its own mother's love. This is why children suffer so deeply at their parents' hands, for when roughly treated or misused by their parents, an offence has been committed against the spirit of womanhood and manhood, of motherhood and fatherhood. The child cannot reason thus, nor comprehend this fact, but instinctively it is aware of a profanation of divinity.

Mọi đứa trẻ vô thức tìm thấy tinh thần thiêng liêng của tình mẫu tử trong tình yêu của chính người mẹ của mình. Đây là lý do tại sao trẻ em phải chịu đựng rất sâu sắc dưới bàn tay của cha mẹ chúng, vì khi bị cha mẹ đối xử thô bạo hoặc lạm dụng, một sự xúc phạm đã được gây ra đối với tinh thần của nữ giới và nam giới, của tình mẫu tử và phụ tử. Đứa trẻ không thể lý luận như vậy, cũng không hiểu được sự thật này, nhưng theo bản năng, nó nhận thức được sự

báng bổ thần thánh.

In Adeptship, the human is consciously united with the Cosmic. In the revered holder of the divine office of World Mother, a conscious union has occurred between the perfected womanhood of the Adept and the Cosmic Principle of womanhood. This union consists both of an elevation into the Cosmic Feminine Principle and a Pentecostal descent of the Eternal Woman into its own perfected and exalted manifestation in time and space.

Trong Chân sư, con người hợp nhất một cách có ý thức với Vũ Trụ. Trong người nắm giữ đáng kính của chức vụ thiêng liêng Mẹ Thế Giới, một sự hợp nhất có ý thức đã xảy ra giữa nữ tính hoàn thiện của Chân sư và Nguyên Khí Vũ Trụ của nữ tính. Sự hợp nhất này bao gồm cả sự thăng lên Nguyên Khí Nữ Tính Vũ Trụ và sự giáng xuống của Lễ Ngũ Tuần của Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu vào sự biểu hiện hoàn thiện và tôn cao của chính Bà trong thời gian và không gian.

The potentiality of this union exists in every woman. Frequently it is foreshadowed throughout successive human lives as interior illuminations, as mysterious exaltations, wondrous yet indescribable, as visions ever beyond the possibility of communication to another and as those temporary transfigurations of which in their highest moments all women are susceptible. This, in part, is the mystery of womanhood, this is the secret life of every woman, when on occasion she knows and is one with the Eternal Woman and has her mysterious life in that realm wherein She abides.

Tiềm năng của sự hợp nhất này tồn tại trong mọi người phụ nữ. Thường thì nó được báo trước trong suốt các kiếp sống liên tiếp của con người như những soi sáng nội tâm, như những sự tôn cao bí ẩn, kỳ diệu nhưng không thể diễn tả được, như những tầm nhìn vượt quá khả năng truyền đạt cho người khác và như những sự biến hình tạm thời mà tất cả phụ nữ đều dễ bị ảnh hưởng trong những khoảnh khắc cao cả nhất của Các Bà. Đây, một phần, là bí ẩn của nữ giới, đây là cuộc sống bí mật của mọi người phụ nữ, khi thỉnh thoảng Bà biết và là một với Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu và có cuộc sống bí ẩn của Bà trong cõi mà Bà cư ngụ.

Thus is revealed a way of Light appropriate to woman. Within, it is to seek conscious union with the Eternal Woman. Without it is to make manifest that unity.

Như vậy, một con đường Ánh Sáng thích hợp cho phụ nữ được tiết lộ. Bên trong, là tìm kiếm sự hợp nhất có ý thức với Người Phụ Nữ Vĩnh Cửu. Bên ngoài, là làm cho sự hợp nhất đó được biểu lộ.

Mentally still, the will-consciousness centred in the highest, the devotee opens the calix of her Higher Self to the descending rays of the Eternal Self as Woman. Knowing the union, she folds the petals of her Soul upon the heavenly Visitation, as if an earthly flower closed upon and held within itself the light and power of the Sun. In a profound stillness, withdrawn from the temporal, centred in the

Về mặt tinh thần vẫn còn, tâm thức ý chí tập trung vào cao nhất, người mộ đạo mở đài hoa của Chân Ngã Cao Cả của Bà cho những tia sáng giáng xuống của Chân Ngã Vĩnh Cửu như là Người Phụ Nữ. Biết sự hợp nhất, Bà gấp những cánh hoa Linh Hồn của mình lên Sự Viếng Thăm thiên thượng, như thể một bông hoa trần thế khép lại và giữ bên trong ánh sáng và sức mạnh của Mặt Trời. Trong một sự tĩnh

Eternal, she knows oneness with the Supreme.

lặng sâu sắc, rút khỏi thế tục, tập trung vào Vĩnh Hằng, Bà biết sự hợp nhất với Đấng Tối Cao.

The attainment of perfection brings complete translucence to the Eternal Light.

Việc đạt được sự hoàn hảo mang lại sự trong suốt hoàn toàn cho Ánh Sáng Vĩnh Cửu.

Theosophy in New Zealand, Vol. 8, No. 3, 1947, p. 63

Theosophy in New Zealand, Tập. 8, Số 3, 1947, tr. [63]

74

The Forces of Light—Các Mãnh Lực Ánh Sáng

What do we actually mean when we speak of the forces of light and of darkness? Fundamentally, we mean the forces of spirit and of matter. In terms of action we mean the forces working on behalf of the evolutionary process, forces the influence of which is expansive, progressive, and constructive. In contradistinction, the forces of darkness are those which oppose evolutionary progress and whose influence is constrictive, retrogressive and destructive. The forces of Light make for life and growth, those of darkness for death and decay. To these two everlasting opponents, is given the attributes good and evil, light and dark; Armageddon allegorically refers to their perpetual conflict, macrocosmic and microcosmic.

Chúng ta thực sự có ý gì khi nói về các mãnh lực ánh sáng và bóng tối? Về cơ bản, chúng ta muốn nói đến các mãnh lực của tinh thần và vật chất. Về mặt hành động, chúng ta muốn nói đến các mãnh lực hoạt động thay cho quá trình tiến hóa, các mãnh lực mà ảnh hưởng của chúng mang tính mở rộng, tiến bộ và xây dựng. Ngược lại, các mãnh lực bóng tối là những mãnh lực chống lại sự tiến bộ tiến hóa và ảnh hưởng của chúng mang tính hạn chế, thụt lùi và phá hoại. Các mãnh lực Ánh Sáng tạo ra sự sống và sự tăng trưởng, các mãnh lực bóng tối tạo ra cái chết và sự suy tàn. Đối với hai đối thủ vĩnh cửu này, các thuộc tính tốt và xấu, ánh sáng và bóng tối được trao cho; Armageddon ám chỉ một cách tượng trưng đến cuộc xung đột vĩnh viễn của Các Ngài, vĩ mô và vi mô.

At this point the question of the origin of evil inevitably arises. Is it, with good, equally inherent in the nature of things? Is Nature itself either good or evil? If both are potentially present, are the conditions of goodness or badness merely matters of the preponderance of one inherent property over the other? Yes, partly so. Good might be described as that in which spirit dominates matter and evil the reverse. Good is spirit triumphant, evil is matter temporarily so. Theosophy teaches that 'evil has no existence

Tại thời điểm này, câu hỏi về nguồn gốc của cái ác chắc chắn nảy sinh. Liệu nó, cùng với cái tốt, vốn có trong bản chất của mọi thứ? Bản thân Tự Nhiên có tốt hay xấu không? Nếu cả hai đều có khả năng hiện diện, thì các điều kiện tốt hay xấu chỉ đơn thuần là vấn đề về sự vượt trội của một thuộc tính vốn có so với thuộc tính còn lại? Vâng, một phần là như vậy. Cái tốt có thể được mô tả là cái mà trong đó tinh thần thống trị vật chất và cái ác thì ngược lại. Cái tốt là tinh thần chiến thắng, cái ác tạm thời là như vậy. Thông Thiên Học dạy rằng

per se and is but the absence of good and exists but for him who is made its victim'[25] 'Nature is neither good nor evil and manifestation follows only unchanging and impersonal laws'.

'bản thân cái ác không tồn tại và chỉ là sự vắng mặt của cái tốt và chỉ tồn tại đối với người bị biến thành nạn nhân của nó' 'Tự Nhiên không tốt cũng không xấu và sự biểu hiện chỉ tuân theo các định luật bất biến và vô tư'.

Railway stations and trains may serve both as analogies of Nature and as illustrations of the concepts of good and evil as they arise in the human mind. If you are meeting someone you love and from whom you have been separated, then the station is a centre of happiness for you and the train a beneficent influence and friend. If, however, you are saying goodbye to a dearly loved one who is leaving for a long time and perhaps on a most dangerous enterprise, the station appears as a centre of pain and the train a cruel enemy. Actually, both station and train are in themselves the embodiments of impersonality and neutrality. So also is Nature.

Các nhà ga và xe lửa có thể vừa đóng vai trò là những phép loại suy về Tự Nhiên vừa là những minh họa về các khái niệm tốt và xấu khi chúng nảy sinh trong trí óc con người. Nếu bạn đang gặp một người bạn yêu và người mà bạn đã xa cách, thì nhà ga là một trung tâm hạnh phúc đối với bạn và xe lửa là một ảnh hưởng và người bạn có lợi. Tuy nhiên, nếu bạn đang nói lời tạm biệt với một người thân yêu, người đang rời đi trong một thời gian dài và có lẽ cho một công việc nguy hiểm nhất, thì nhà ga xuất hiện như một trung tâm đau đớn và xe lửa là một kẻ thù tàn nhẫn. Trên thực tế, cả nhà ga và xe lửa đều là hiện thân của sự vô tư và trung lập. Tự Nhiên cũng vậy.

From this it is seen that evil is not an attribute of Nature or of life. Its origin is in the mind of man and all things can appear as either evil or good, according to human experience and human use of them.

Từ điều này, người ta thấy rằng cái ác không phải là một thuộc tính của Tự Nhiên hay của sự sống. Nguồn gốc của nó nằm trong trí óc của con người và mọi thứ có thể xuất hiện là xấu hoặc tốt, tùy theo kinh nghiệm của con người và cách con người sử dụng chúng.

Everything then depends upon man himself—a supremely important fact. Everything in Nature, every human ambition, motive, possession, even religion itself, can be made by and for man either happiness-producing or pain-producing, or as man says, good or evil.

Vậy thì mọi thứ phụ thuộc vào chính con người—một thực tế vô cùng quan trọng. Mọi thứ trong Tự Nhiên, mọi tham vọng, động cơ, sở hữu của con người, thậm chí cả tôn giáo, đều có thể được tạo ra bởi và cho con người, hoặc là tạo ra hạnh phúc hoặc là tạo ra đau đớn, hoặc như con người nói, tốt hay xấu.

No external agency can or does decide this matter. Every individual makes neutral Nature good, bad, or indifferent. The forces of light, then, are the forces of Nature directed by man to beneficent purposes. The forces of darkness are these same forces directed to evil purposes.

Không có tác nhân bên ngoài nào có thể hoặc quyết định vấn đề này. Mọi cá nhân đều làm cho Tự Nhiên trung tính trở nên tốt, xấu hoặc thờ ơ. Vậy thì, các mãnh lực ánh sáng là các mãnh lực của Tự Nhiên được con người hướng đến những mục đích có lợi. Các mãnh lực bóng tối là những mãnh lực tương tự được hướng

[25] The Mahatma Letters p. 56

darkness are these same forces directed to evil purposes.

đến những mục đích có lợi. Các mãnh lực bóng tối là những mãnh lực tương tự được hướng đến những mục đích xấu.

From this it is clear that there cannot be light forces and dark forces by themselves. Associated with either good or bad manifestation of the same energy there must be human beings. To these associations are given the names, the powers, and even the Lords, of light and the powers and Lords of darkness. Both are represented by men on earth, both embodied and disembodied, of varying degrees of power, intellect and capacity. Inevitably the two sides clash for their aims are opposite.

Từ điều này, rõ ràng là không thể có các mãnh lực ánh sáng và các mãnh lực bóng tối tự thân. Liên kết với biểu hiện tốt hay xấu của cùng một năng lượng phải có con người. Đối với những liên kết này, các tên gọi, quyền năng và thậm chí cả các Đấng Chúa Tể của ánh sáng và các quyền năng và các Đấng Chúa Tể của bóng tối được trao cho. Cả hai đều được đại diện bởi con người trên trái đất, cả hữu hình và vô hình, với các mức độ quyền năng, trí tuệ và năng lực khác nhau. Chắc chắn hai bên sẽ xung đột vì mục tiêu của Các Ngài đối lập nhau.

Every human being reaches certain times in the course of evolution when the decision has to be made as to which side is to be taken. This is the real meaning of temptation, which is an experience of crisis in which a decision must be made. These crises occur continually and are of varying intensity. Minor tests occur perpetually. Major tests occur occasionally. In themselves, the minor tests are not decisive but the aggregate decisions or the balance of the decisions in minor temptations can be decisive when the big tests arrive.

Mọi con người đều đạt đến những thời điểm nhất định trong quá trình tiến hóa khi phải đưa ra quyết định về việc nên chọn bên nào. Đây là ý nghĩa thực sự của sự cám dỗ, vốn là một kinh nghiệm khủng hoảng trong đó phải đưa ra một quyết định. Những cuộc khủng hoảng này xảy ra liên tục và có cường độ khác nhau. Các bài kiểm tra nhỏ xảy ra liên tục. Các bài kiểm tra lớn thỉnh thoảng xảy ra. Bản thân các bài kiểm tra nhỏ không mang tính quyết định nhưng các quyết định tổng hợp hoặc sự cân bằng của các quyết định trong những cám dỗ nhỏ có thể mang tính quyết định khi các bài kiểm tra lớn đến.

Eventually a stand must be taken and adhered to ever after. This major judgement day in the life of the Ego comes soon after the development of spiritual awareness and of occult powers. It is referred to in the temptation of Jesus in the wilderness and of the Lord Buddha in the forest. Both chose the way of light and thereafter moved on to final deliverance, to become mighty embodiments of the forces of light. Those who succumb and choose the way of darkness become for a

Cuối cùng, một lập trường phải được đưa ra và tuân thủ mãi mãi về sau. Ngày phán xét lớn này trong cuộc đời của chân ngã đến ngay sau sự phát triển của nhận thức tinh thần và các quyền năng huyền bí. Nó được đề cập đến trong sự cám dỗ của Đức Jesus trong vùng hoang dã và của Đức Phật trong khu rừng. Cả hai đều chọn con đường ánh sáng và sau đó tiến tới sự giải thoát cuối cùng, để trở thành những hiện thân mạnh mẽ của các mãnh lực ánh sáng. Những người khuất phục và chọn

period embodiments and agents of the forces of darkness. Members of both of these groups exist upon this planet. Periods of world crisis represent Judgment days, both for the whole human race and for every individual who, however remotely, is involved in the issue.

con đường bóng tối trở thành hiện thân và tác nhân của các mãnh lực bóng tối trong một khoảng thời gian. Các thành viên của cả hai nhóm này tồn tại trên hành tinh này. Các giai đoạn khủng hoảng thế giới đại diện cho những ngày Phán Xét, cả cho toàn thể nhân loại và cho mọi cá nhân, dù có liên quan đến vấn đề này một cách xa vời đến đâu.

This is part of the significance to every human being of the present epoch. So great is the present crisis that it is probable that the twentieth century of the Christian era will prove to be of supreme importance amongst the thousands of centuries of the fourth incarnation of our earth.

Đây là một phần ý nghĩa đối với mọi con người trong kỷ nguyên hiện tại. Cuộc khủng hoảng hiện tại lớn đến mức có lẽ thế kỷ XX của kỷ nguyên Cơ đốc giáo sẽ chứng tỏ là vô cùng quan trọng trong số hàng ngàn thế kỷ của kiếp sống thứ tư của trái đất chúng ta.

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 3, 1979, p. 52

Theosophy in New Zealand, Tập. 40, Số 3, 1979, tr. [52]

75

The Human Aura: Its Colours and the Qualities of Character they Represent —Hào Quang Con Người: Màu Sắc của Nó và Những Phẩm Chất Tính Cách mà Chúng Đại Diện

We are accustomed, are we not, to think and speak of certain people as being very colourful characters. Actually however, this is true of all of us, for like Joseph we all wear, if invisibly, an aura or coat of many colours. Let us examine this idea. World religions and world philosophies do affirm that the visible universe, real though it seems to us, is only the outer physical manifestation of an inner, hidden energy and life; that this inner aspect is the reality and the outer, temporal world its reflection or even shadow. To the physicist for example matter, whilst apparently solid, liquid and gaseous, actually consists of invisible concentrated energy. Theosophy teaches this and adds that the invisible universe occupies the same space as the material worlds, interpenetrates and vivifies

Chúng ta đã quen, phải không, khi nghĩ và nói về một số người nhất định là những nhân vật rất đặc sắc. Tuy nhiên, trên thực tế, điều này đúng với tất cả chúng ta, vì giống như Joseph, tất cả chúng ta đều mặc, dù vô hình, một hào quang hoặc chiếc áo khoác nhiều màu sắc. Chúng ta hãy xem xét ý tưởng này. Các tôn giáo và triết học thế giới đều khẳng định rằng vũ trụ hữu hình, dù có vẻ có thật đối với chúng ta, chỉ là sự biểu hiện vật chất bên ngoài của một năng lượng và sự sống bên trong, ẩn giấu; rằng khía cạnh bên trong này là thực tại và thế giới bên ngoài, thế giới tạm thời là sự phản ánh hoặc thậm chí là bóng tối của nó. Ví dụ, đối với nhà vật lý, vật chất, trong khi có vẻ rắn, lỏng và khí, thực chất bao gồm năng lượng tập trung vô hình. Thông Thiên Học dạy điều này và nói thêm rằng vũ trụ vô hình chiếm cùng

them and also extends far beyond them out into space. What is this inner world like? Well it is said to be a world of light, its substance self-radiant, glowing with myriad hues. It is also described as being inhabited by its own teeming population and having its own scenery and conditions. Although normally invisible, this world of light and life and innumerable presences is here and now and all about us. At death, man transfers and limits his life to this inner world, partakes of its life and becomes subservient to its laws. Nevertheless, even during earthly life, man has his existence in these superphysical realms; for he possesses and uses vehicles of consciousness made of their substances. Thus, Theosophy teaches that man is very much more than his physical body and nature. Maeterlink said something much the same but in another way: 'Every existing body is prolonged in time and space. Its head is bathed in duration and its feet are rooted in extension'. If we think of it, we realize that normally we see nothing whole, we only see physical cross sections of objects. This is especially true of other people at first meeting. Time reveals more of individuals doesn't it? We say that people grow on us as we get to know them. Nevertheless, all that we later discover was there all the time, but unperceived at first. The whole man is present at every moment of waking life but understanding of people's nature and character dawns slowly upon us. For this reason it would perhaps be better sometimes if we were less hasty in our judgements of people!

không gian với thế giới vật chất, xuyên thấu và làm sinh động chúng, đồng thời mở rộng ra ngoài chúng vào không gian. Thế giới bên trong này như thế nào? Vâng, nó được cho là một thế giới ánh sáng, chất liệu của nó tự phát sáng, rực rỡ với vô số sắc thái. Nó cũng được mô tả là nơi sinh sống của quần thể đông đúc của riêng nó và có phong cảnh và điều kiện riêng. Mặc dù bình thường là vô hình, thế giới ánh sáng và sự sống này và vô số sự hiện diện đang ở đây và ngay bây giờ và ở xung quanh chúng ta. Khi chết, con người chuyển giao và giới hạn sự sống của mình vào thế giới bên trong này, tham gia vào sự sống của nó và trở nên phục tùng các định luật của nó. Tuy nhiên, ngay cả trong cuộc sống trần thế, con người vẫn tồn tại trong các cõi siêu vật chất này; vì y sở hữu và sử dụng các vận cụ tâm thức được tạo thành từ các chất liệu của chúng. Như vậy, Thông Thiên Học dạy rằng con người còn hơn cả thể xác và bản chất vật chất của y rất nhiều. Maeterlink đã nói điều gì đó tương tự nhưng theo một cách khác: 'Mọi cơ thể tồn tại đều kéo dài trong thời gian và không gian. Đầu nó đắm mình trong thời gian và chân nó bám rễ vào sự mở rộng'. Nếu chúng ta nghĩ về nó, chúng ta nhận ra rằng thông thường chúng ta không nhìn thấy gì toàn bộ, chúng ta chỉ nhìn thấy các mặt cắt vật chất của các vật thể. Điều này đặc biệt đúng với những người khác khi gặp lần đầu. Thời gian tiết lộ nhiều hơn về các cá nhân phải không? Chúng ta nói rằng mọi người phát triển trên chúng ta khi chúng ta làm quen với họ. Tuy nhiên, tất cả những gì chúng ta khám phá ra sau này đều đã ở đó mọi lúc, nhưng ban đầu không được nhận thấy. Toàn bộ con người hiện diện trong mọi khoảnh khắc của cuộc sống thức tỉnh nhưng sự thấu hiểu về bản chất và tính cách của mọi người từ từ hé mở cho chúng ta. Vì lý do này, có lẽ đôi khi sẽ tốt hơn nếu chúng ta bớt vội vàng hơn trong việc đánh giá mọi người!

Vestures of Light

In what form do the unseen and potential nature, character and power of a person exist and how may they be seen? Theosophy answers, 'as light'. Superphysically, every man is robed in a vesture of light. The human Soul is veritably a being of light and each power and quality shines out in its own hue. Every man is as a Joseph, clothed with a coat of many colours, each representing a power, a quality, a faculty and a habit of feeling and of thought. The subject of the meaning of these colours is a large one and in offering some ideas I must necessarily confine myself to the emotional part of man or, more generally, the Astral Body.

The Astral Body of a man not only permeates the physical body, but also extends around it in every direction in an ovoid cloud of constantly moving colours. The portion of the Astral Body which extends beyond the limits of the physical body is usually termed the Astral 'aura' which is about three times the size of the physical body. The central portion of the Astral Body takes the exact form of the physical body and is, in fact, quite clearly distinguishable from the surrounding aura. To trained, positive clairvoyant sight one of the principal features of an Astral Body consists of the colours which are constantly playing through it. These colours correspond to, and express in Astral matter, feelings, passions, emotions, desires. All known colours—and many which are at present unknown to us—exist upon each of the higher planes of nature, but as we rise from one stage to another, they become more delicate and more luminous, so that they may be described as higher octaves of colour. Here is a list of the principal colours in the

Áo Choàng Ánh Sáng

Bản chất, tính cách và sức mạnh tiềm ẩn và vô hình của một người tồn tại ở dạng nào và chúng có thể được nhìn thấy như thế nào? Thông Thiên Học **trả lời**, 'như ánh sáng'. Về mặt siêu vật chất, mỗi người đều khoác lên mình một chiếc áo choàng ánh sáng. Linh hồn con người thực sự là một hữu thể ánh sáng và mỗi sức mạnh và phẩm chất tỏa sáng theo màu sắc riêng của nó. Mỗi người đều giống như Joseph, mặc một chiếc áo khoác nhiều màu sắc, mỗi màu đại diện cho một sức mạnh, một phẩm chất, một năng lực và một thói quen cảm xúc và suy nghĩ. Chủ đề về ý nghĩa của những màu sắc này là một chủ đề lớn và khi đưa ra một số ý tưởng, tôi nhất thiết phải giới hạn bản thân trong phần cảm xúc của con người hoặc nói chung hơn, là Thể Cảm Dục.

Thể Cảm Dục của một người không chỉ thấm vào thể xác mà còn mở rộng xung quanh nó theo mọi hướng trong một đám mây hình trứng gồm các màu sắc chuyển động liên tục. Phần của Thể Cảm Dục mở rộng ra ngoài giới hạn của thể xác thường được gọi là 'hào quang' Cảm Dục, có kích thước gấp khoảng ba lần thể xác. Phần trung tâm của Thể Cảm Dục có hình dạng chính xác của thể xác và trên thực tế, có thể phân biệt khá rõ ràng với hào quang xung quanh. Đối với thị giác thông nhãn tích cực, được huấn luyện, một trong những đặc điểm chính của Thể Cảm Dục bao gồm các màu sắc liên tục hiển hiện qua nó. Những màu sắc này tương ứng với và thể hiện trong chất liệu Cảm Dục, những cảm xúc, đam mê, tình cảm, ham muốn. Tất cả các màu đã biết—và nhiều màu hiện tại chúng ta chưa biết—tồn tại trên mỗi cõi cao hơn của tự nhiên, nhưng khi chúng ta đi lên từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, chúng trở nên tinh tế và phát quang hơn, để chúng có thể được mô tả là các quãng tám màu cao hơn. Dưới đây là danh sách các màu chính trong

Astral aura and the emotions of which they are an expression:—Taking first the shades of red,

Hào quang Cảm Dục và những cảm xúc mà chúng thể hiện:—Trước tiên, chúng ta hãy xem xét các sắc thái của màu đỏ,

Deep red flashes, usually on a black ground, anger. Such forces can flash forth and penetrate the auras of people against whom we feel angry.

Những tia đỏ đậm, thường trên nền đen, là sự tức giận. Những mãnh lực như vậy có thể lóe lên và xuyên thủng hào quang của những người mà chúng ta cảm thấy tức giận.

A scarlet cloud with bright red flecks: irritability.

Một đám mây đỏ tươi với những đốm đỏ tươi: tính dễ cáu kỉnh.

Brilliant scarlet on the ordinary background of the aura: 'noble, righteous indignation'.

Màu đỏ tươi rực rỡ trên nền hào quang thông thường: 'sự phẫn nộ chính đáng, cao thượng'.

Dull, almost rust—colour: Avarice, usually arranged in parallel bars across the Astral Body. The miser is self-imprisoned.

Màu xỉn, gần như màu gỉ sắt: Tính keo kiệt, thường được sắp xếp thành các thanh song song trên khắp Thể Cảm Dục. Kẻ bủn xỉn tự giam mình.

Lurid and sanguinary red: Sensuality.

Màu đỏ ghê rợn và đẫm máu: Tính dâm dục.

Dull and heavy crimson: Selfish and possessive love.

Màu đỏ thẫm xỉn và nặng nề: Tình yêu ích kỷ và chiếm hữu.

Pure rose colour: Unselfish love and when very brilliant, love for all humanity.

Màu hồng thuần khiết: Tình yêu vị tha và khi rất rực rỡ, là tình yêu dành cho toàn nhân loại.

Dull, hard brown-grey: Selfishness, one of the commonest colours in the Astral Body. Greenish-brown, lit up by deep red or scarlet flashes: Jealousy. In the case of an ordinary man there is usually much of this colour present when he is 'in love'.

Màu xám nâu xỉn, cứng: Tính ích kỷ, một trong những màu phổ biến nhất trong Thể Cảm Dục. Màu nâu lục, được thắp sáng bởi những tia đỏ đậm hoặc đỏ tươi: Sự ghen tị. Trong trường hợp một người bình thường, thường có rất nhiều màu này khi y 'đang yêu'.

Heavy, leaden grey: Depression. Like the brown-red of avarice, grey is often arranged in parallel lines, conveying the impression of a cage.

Màu xám chì nặng nề: Sự chán nản. Giống như màu nâu đỏ của sự keo kiệt, màu xám thường được sắp xếp thành các đường song song, tạo ấn tượng về một cái lồng.

Livid Grey: A hideous and frightful hue: Fear which can spread to cause panic.

Màu xám xám xịt: Một màu sắc ghê tởm và kinh khủng: Nỗi sợ hãi có thể lan rộng gây ra sự hoảng loạn.

Orange: Pride or ambition. Often found with irritability.

Màu cam: Niềm kiêu hãnh hoặc tham vọng. Thường thấy với tính dễ cáu kỉnh.

Yellow: Intellect. This colour varies from a deep and dull tint, through brilliant gold, to clear and luminous lemon or primrose yellow.

Màu vàng: Trí tuệ. Màu này thay đổi từ màu đậm và xỉn, qua màu vàng rực rỡ, đến màu vàng chanh hoặc hoa anh thảo trong trẻo và phát quang.

Dull yellow ochre: Implies the direction of faculty to selfish purposes.

Màu vàng đất son xỉn: Ngụ ý sự định hướng của năng lực cho các mục đích ích kỷ.

Gold: Indicates pure intellect applied to philosophy or mathematics.

Màu vàng kim: Cho thấy trí tuệ thuần túy được áp dụng cho triết học hoặc toán học.

Green in general, varies greatly in its significance, and needs study to be interpreted correctly; mostly it indicates adaptability.

Màu xanh lá cây nói chung, rất khác nhau về ý nghĩa của nó và cần được nghiên cứu để giải thích chính xác; chủ yếu nó chỉ ra khả năng thích ứng.

Grey-green: Deceit and cunning.

Màu xanh xám: Sự dối trá và xảo quyệt.

Green with the red flashes of anger: Jealousy.

Màu xanh lá cây với những tia đỏ của sự tức giận: Sự ghen tị.

Emerald-green: Versatility, ingenuity and resourcefulness, unselfishly applied.

Màu xanh lục bảo: Tính linh hoạt, khéo léo và tháo vát, được áp dụng một cách vị tha.

Pale, luminous blue-green: Deep sympathy and compassion, with the power of perfect adaptability which only sympathy can give.

Màu xanh lục lam nhạt, phát quang: Sự đồng cảm và lòng trắc ẩn sâu sắc, với sức mạnh thích ứng hoàn hảo mà chỉ có sự đồng cảm mới có thể mang lại.

Blue, dark and clear: Religious feeling. It is liable to be tinged by many other qualities, thus becoming any shade from indigo or a deep violet to muddy grey-blue, as when worship is tinged with fear.

Màu xanh lam, đậm và trong: Cảm xúc tôn giáo. Nó có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều phẩm chất khác, do đó trở thành bất kỳ sắc thái nào từ màu chàm hoặc màu tím đậm đến màu xanh xám bùn, như khi sự thờ phượng bị ảnh hưởng bởi nỗi sợ hãi.

Light-blue, such as ultramarine or cobalt means devotion to a noble spiritual ideal.

Màu xanh lam nhạt, chẳng hạn như màu xanh biển hoặc màu coban có nghĩa là sự tận tâm với một lý tưởng tinh thần cao thượng.

Luminous lilac-blue, usually accompanied by sparkling golden stars: the higher spirituality with lofty spiritual aspirations.

Màu xanh lam tử đinh hương phát quang, thường đi kèm với những ngôi sao vàng lấp lánh: tâm thức tinh thần cao hơn với những

khát vọng tinh thần cao cả.

Be A Harmoniser

Hãy Là Một Người Hài Hòa

Two further thoughts. Thoughts and emotions are very contagious. We influence people continually by them. The aura can be and should be subjected to the control of the will. Theosophy says that we can change our nature and so our auras, just as we can change the expression of our face, and that both changes are produced by thought. Harmonious thoughts and feelings harmonise, beautify and expand the aura. Destructive, cruel thoughts and feelings contract it. Indeed, the secret of happiness is to be harmonious in oneself and to be a harmoniser. As such ideals are followed and one's life becomes more and more purified from selfishness, the whole aura grows brighter, larger, more radiant. This would seem to be implied in the beautiful text: 'The path of the just is as a shining light, shining more and more unto the perfect day'.

Hai suy nghĩ nữa. Những suy nghĩ và cảm xúc rất dễ lây lan. Chúng ta liên tục gây ảnh hưởng đến mọi người bằng chúng. Hào quang có thể và nên chịu sự kiểm soát của ý chí. Thông Thiên Học nói rằng chúng ta có thể thay đổi bản chất của mình và do đó thay đổi hào quang của mình, giống như chúng ta có thể thay đổi biểu cảm trên khuôn mặt của mình và cả hai sự thay đổi đều được tạo ra bởi suy nghĩ. Những suy nghĩ và cảm xúc hài hòa sẽ hài hòa, tô điểm và mở rộng hào quang. Những suy nghĩ và cảm xúc tàn phá, độc ác sẽ thu hẹp nó lại. Thật vậy, bí mật của hạnh phúc là hài hòa trong chính mình và là một người hài hòa. Khi những lý tưởng như vậy được tuân theo và cuộc sống của một người ngày càng được thanh lọc khỏi sự ích kỷ, toàn bộ hào quang sẽ trở nên tươi sáng hơn, lớn hơn, rạng rỡ hơn. Điều này dường như được ngụ ý trong đoạn kinh tuyệt đẹp: 'Con đường của người công chính giống như một ánh sáng rực rỡ, ngày càng chiếu sáng hơn cho đến ngày hoàn hảo'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 43, No. 3, 1982, p. 51

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 43, Số 3, 1982, tr. 51

76

The Inner Government of the World—Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới

The Brotherhood of the Adepts is the pattern of the perfect World Order. It is the planetary model, ceaselessly influencing by its very existence and by its activity the thought of mankind concerning political ideals, statesmanship and the ideal state.

Huynh đệ Đoàn Chân sư là mô hình của Trật Tự Thế Giới hoàn hảo. Đó là mô hình hành tinh, không ngừng gây ảnh hưởng bằng chính sự tồn tại và hoạt động của nó đến tư tưởng của nhân loại về các lý tưởng chính trị, tài thao lược và nhà nước lý tưởng.

Is it not a wonderful fact that on earth there exists, has existed without interruption for millennia of centuries, the perfect Government, the Ideal State? This is the Inner

Chẳng phải là một sự thật tuyệt vời sao khi trên trái đất tồn tại, đã tồn tại không gián đoạn trong hàng thiên niên kỷ, một Chính Phủ hoàn hảo, một Nhà Nước Lý Tưởng? Đây là Chính

Government of the World, of which all human Governments are, as yet, imperfect reflections. Actually it is a dynamic model perpetually, if gradually, influencing the development of human institutions towards the Ideal. The United Nations is an example.

Phủ Bên Trong của Thế Giới, mà tất cả các Chính Phủ của con người, cho đến nay, là những phản ánh chưa hoàn hảo. Trên thực tế, đó là một mô hình năng động liên tục, nếu dần dần, ảnh hưởng đến sự phát triển của các thể chế của con người hướng tới Lý Tưởng. Liên Hợp Quốc là một ví dụ.

What can we Theosophists learn from the activities of the Inner Government of the World? From the little we know, it would seem that four of its outstanding characteristics are:—(1) THE ABSOLUTE RULE OF ONE PRINCIPLE to which every Member gives implicit and explicit obedience. That principle is DUTY.

Chúng ta, những người theo Thông Thiên Học, có thể học được gì từ các hoạt động của Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới? Từ những gì chúng ta biết, dường như bốn trong số những đặc điểm nổi bật của nó là:—(1) QUY TẮC TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT NGUYÊN TẮC mà mọi Thành Viên đều tuân theo một cách ngầm hiểu và rõ ràng. Nguyên tắc đó là BỔN PHẬN.

cf. *Mahatma Letters*, p. 259. L. XLIII. Master M.

so sánh với Mahatma Letters, tr. 259. L. XLIII. Chân sư M.

‘Realize, my friend, that the social affections have little, if any, control over any true Adept in the performance of his duty. In proportion as he rises towards perfect Adeptship, the fancies and antipathies of his former self are weakened: he takes all mankind into his heart and regards them in the mass’.

‘Bạn thân mến, hãy nhận ra rằng những tình cảm xã hội có rất ít, nếu có, sự kiểm soát đối với bất kỳ Chân sư thực sự nào trong việc thực hiện bổn phận của y. Khi y tiến gần hơn đến Địa vị Chân sư hoàn hảo, những ảo tưởng và ác cảm về bản thân trước đây của y sẽ suy yếu: y mang tất cả nhân loại vào trái tim mình và coi họ là một khối’.

p. 225. L. XXIX. Master M.

tr. 225. L. XXIX. Chân sư M.

‘I am as I was; and as I was and am, so am I likely always to be—the slave of my duty to the Lodge and mankind, not only taught, but desirous to subordinate every preference for individuals to a love for the human race’. p. 351. Master K.H.

‘Ta vẫn như ta đã từng; và như ta đã từng và đang là, ta có khả năng luôn luôn là—nô lệ cho bổn phận của ta đối với Hội và nhân loại, không chỉ được dạy, mà còn mong muốn đặt mọi ưu tiên cho các cá nhân dưới tình yêu dành cho chủng tộc loài người’. tr. 351. Chân sư KH

‘And duty... is for us stronger than any friendship or even love, as without this abiding principle which is the indestructible cement that has held together for so many millenia, the scattered custodians of nature’s grand secrets—our Brotherhood, nay, our

‘Và bổn phận... đối với chúng ta mạnh mẽ hơn bất kỳ tình bạn hoặc thậm chí tình yêu nào, vì nếu không có nguyên tắc thường trực này, vốn là chất gắn kết không thể phá hủy đã gắn kết trong nhiều thiên niên kỷ, những người bảo vệ rải rác những bí mật vĩ đại của tự nhiên—

doctrine itself would have crumbled long ago into unrecognisable elements'.

Huynh đệ Đoàn của chúng ta, thậm chí, chính giáo lý của chúng ta từ lâu đã tan rã thành những yếu tố không thể nhận ra'.

The term 'scattered custodians' is interesting. We know that Adepts have lived, doubtless still live, in Tibet, Than-la, Terichmir Valley, Sakkya-jong, Shigatze, Kohonor, China, India, the southern slopes of the Himalayas near Darjeeling, Tiruvallum, Bornbay, Egypt (Luxor), Syria (Lebanon Mts.), Hungary, England and America (Yucatan). The occult powers of each Adept are so great that not even an invading army could intrude upon this privacy against His will.

Thuật ngữ 'những người bảo vệ rải rác' rất thú vị. Chúng ta biết rằng các Chân sư đã sống, chắc chắn vẫn đang sống, ở Tây Tạng, Than-la, Thung lũng Terichmir, Sakkya-jong, Shigatze, Kohonor, Trung Quốc, Ấn Độ, sườn phía nam của dãy Himalaya gần Darjeeling, Tiruvallum, Bornbay, Ai Cập (Luxor), Syria (Lebanon Mts.), Hungary, Anh và Mỹ (Yucatan). Các quyền năng huyền bí của mỗi Chân sư rất lớn đến nỗi ngay cả một đội quân xâm lược cũng không thể xâm phạm vào sự riêng tư này trái với Ý Ngài.

The statements I have quoted imply an IMMENSE SENSE OF RESPONSIBILITY on the part of every Adept for the fulfilment of the Plan. In this, too, one principle guides the activity of all: it is that of UNIVERSAL, SPIRITUAL AND MATERIAL EVOLUTION.

Những tuyên bố tôi đã trích dẫn ngụ ý một Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VÔ CÙNG lớn từ phía mỗi Chân sư đối với việc hoàn thành Thiên Cơ. Trong điều này, một nguyên tắc cũng hướng dẫn hoạt động của tất cả: đó là SỰ TIẾN HÓA PHỔ QUÁT, TINH THẦN VÀ VẬT CHẤT.

To this procedure in Nature every Adept subscribes, and every iota of available power is ceaselessly exerted by the Members of the Inner Government of the World with the sole purpose, the SINGLE AIM, of advancing the evolution of life and form on this planet, and so in our Solar System.

Mọi Chân sư đều tuân theo quy trình này trong Tự Nhiên và mọi iota sức mạnh có sẵn đều được các Thành Viên của Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới không ngừng nỗ lực với mục đích duy nhất, MỤC TIÊU DUY NHẤT, là thúc đẩy sự tiến hóa của sự sống và hình tướng trên hành tinh này, và do đó trong Hệ Mặt Trời của chúng ta.

This second fundamental characteristic of Earth's Occult Hierarchy of Adepts—SINGLENESS OF AIM TO ADVANCE EVOLUTION—is in part, one may assume, the secret and source of Their mighty power.

Đặc điểm cơ bản thứ hai này của Huyền Giai Chân sư Huyền Bí của Trái Đất—TÍNH ĐƠN NHẤT CỦA MỤC TIÊU ĐỂ THÚC ĐẨY SỰ TIẾN HÓA—một phần, người ta có thể cho rằng, là bí mật và nguồn gốc sức mạnh to lớn của Các Ngài.

A third characteristic apparently is that of COMPLETE AND perfect CO-OPERATION between every Adept of whatever degree in carrying out agreed plans. Divergence of method there may well be, but division of

Một đặc điểm thứ ba dường như là SỰ HỢP TÁC HOÀN TOÀN VÀ hoàn hảo giữa mọi Chân sư ở bất kỳ cấp độ nào trong việc thực hiện các kế hoạch đã thỏa thuận. Có thể có sự khác biệt về phương pháp, nhưng không thể có sự chia

effort and divided councils there cannot be. The full attainment of *Buddhic* and *Atmic* consciousness ensures against these. SEPARATED INDIVIDUALISM CANNOT EXIST FOR THE ADEPT. The dewdrop of individual self-existence has literally slipped into the shining sea.

rẽ về nỗ lực và các hội đồng bị chia rẽ. Việc đạt được đầy đủ tâm thức Bồ đề và Atma đảm bảo chống lại những điều này. CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN TÁCH BIỆT KHÔNG THỂ TỒN TẠI ĐỐI VỚI CHÂN SƯ. Giọt sương của sự tồn tại bản ngã cá nhân đã thực sự trượt vào biển cả rực rỡ.

In pursuance of this great Ideal, Master M. wrote in *Mahatma Letters* page 263:

Để theo đuổi Lý Tưởng vĩ đại này, Chân sư M. đã viết trong Mahatma Letters trang 263:

'One or two of us hoped that the world had so far advanced intellectually, if not intuitionally, that the Occult doctrine might gain intellectual acceptance, and the impulse given for a new cycle of occult research. Others—wiser as it would seem—held differently, but consent was given for the trial'.

'Một hoặc hai người trong chúng ta hy vọng rằng thế giới đã tiến bộ về mặt trí tuệ, nếu không phải là trực giác, đến mức giáo lý Huyền Bí có thể được chấp nhận về mặt trí tuệ và tạo động lực cho một chu kỳ nghiên cứu huyền bí mới. Những người khác—khôn ngoan hơn như có vẻ—có quan điểm khác, nhưng sự đồng ý đã được đưa ra cho cuộc thử nghiệm'.

Thus we note that, once the decision was made, all co-operated.

Như vậy, chúng ta lưu ý rằng, một khi quyết định được đưa ra, tất cả đều hợp tác.

Another early writing helps us to understand this. T. Subba Row wrote concerning the Path of Occultism: 'But this Path is eminently dangerous to those who do not hold the talisman which ensures safety; this talisman is a perfectly unselfish, self-forgetting, self-annihilating devotion to the religious good of mankind, a self-abnegation which is not temporal, but MUST HAVE NO END FOREVER, and the object of which is THE RELIGIOUS ENLIGHTMENT OF THE HUMAN RACE' (*Esoteric Writings*).

Một bài viết ban đầu khác giúp chúng ta hiểu điều này. T. Subba Row đã viết về Con Đường Huyền Bí: 'Nhưng Con Đường này vô cùng nguy hiểm cho những ai không giữ bùa hộ mệnh đảm bảo an toàn; bùa hộ mệnh này là sự tận tâm hoàn toàn vị tha, quên mình, tự hủy diệt vì lợi ích tôn giáo của nhân loại, một sự từ bỏ bản thân không phải là tạm thời, mà PHẢI KHÔNG CÓ KẾT THÚC MÃI MÃI, và mục tiêu của nó là SỰ KHAI SÁNG TÔN GIÁO CỦA CHỦNG TỘC LOÀI NGƯỜI' (Esoteric Writings).

Thus, though varied in Their views, IN ACTION THE ADEPTS ARE AS ONE.

Như vậy, mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau, NHƯNG TRONG HÀNH ĐỘNG, CÁC CHÂN SƯ LÀ MỘT.

A fourth activity evidently consists of constant recruiting from amongst mankind of NEW MEMBERS to the ranks of the Great White Brotherhood.

Một hoạt động thứ tư rõ ràng bao gồm việc liên tục tuyển mộ từ trong nhân loại các THÀNH VIÊN MỚI vào hàng ngũ của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo.

A CEASELESS WATCH IS MAINTAINED, and whenever any individual whatever on this planet begins to show signs of spiritual awakening, of the recognition of duty as the governing principle, of co-operation as the perfect means and of service as the perfect way, they come at once under Adept surveillance and receive Adept assistance.

MỘT SỰ GIÁM SÁT KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC DUY TRÌ, và bất cứ khi nào bất kỳ cá nhân nào trên hành tinh này bắt đầu có dấu hiệu thức tỉnh tinh thần, nhận ra bổn phận là nguyên tắc chi phối, hợp tác là phương tiện hoàn hảo và phụng sự là con đường hoàn hảo, họ sẽ ngay lập tức chịu sự giám sát của Chân sư và nhận được sự hỗ trợ của Chân sư.

Such are four characteristics of the Inner Government of the World:

Đó là bốn đặc điểm của Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới:

(1) THE ABSOLUTE RULE OF THE PRINCIPLE OF DUTY.

QUY TẮC TUYỆT ĐỐI CỦA NGUYÊN TẮC BỔN PHẬN.

(2) SINGLENESS OF AIM—to advance evolution.

TÍNH ĐƠN NHẤT CỦA MỤC TIÊU—để thúc đẩy sự tiến hóa.

(3) COMPLETE AND PERFECT CO-OPERATION.

SỰ HỢP TÁC HOÀN TOÀN VÀ HOÀN HẢO.

(4) CONSTANT RECRUITING.

TUYỂN DỤNG LIÊN TỤC.

Aspiring recruits presumably best qualify by following here in the world in their daily lives, the example of the Masters in these same ways —fulfilment of duty, service, co-operation and aiding those who are beginning the great Quest.

Những người mới được tuyển mộ đầy khát vọng có lẽ đủ điều kiện tốt nhất bằng cách noi theo tấm gương của các Chân sư trong những cách tương tự này trong cuộc sống hàng ngày của họ trên thế giới—hoàn thành bổn phận, phụng sự, hợp tác và giúp đỡ những người đang bắt đầu Cuộc Tìm Kiếm vĩ đại.

Theosophy in New Zealand, Vol. 26, No. 2, 1965, p. 28

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 26, Số 2, 1965, tr. 28

77

The Long Mysterious Exodus of Death—Cuộc Di Cư Bí Ẩn Dài Dằng Dặc của Cái Chết

I

I

SOME THEOSOPHICAL CONCEPTS

MỘT SỐ KHÁI NIỆM THÔNG THIÊN HỌC

Does Death Bring the Extinction of Human Identity?

Cái Chết Có Mang Lại Sự Tuyệt Diệt Bản Sắc Con Người Không?

This surely must be one of the basic questions

Đây chắc chắn phải là một trong những câu

which confronts those who either contemplate or are faced with the problem of the life after death. The answer included in the group of ideas known as Theosophy consists of a very firm negative. With world scriptures, Theosophy affirms that the body alone dies, whilst the immortal Spirit of man, the real Self, lives on eternally. Theosophy reaffirms the great teaching in the Bible (the *Apocrypha*) which gives the solution of the problem of life after death in the words: 'For God created man for immortality, and made him the image of his own eternity'.[26] A Hindu Scripture, *The Bhagavad Gita,* affirms the same truth concerning the spirit of man:

hỏi cơ bản mà những người chiêm ngưỡng hoặc đối mặt với vấn đề cuộc sống sau khi chết phải đối diện. Câu **trả lời** nằm trong nhóm các ý tưởng được gọi là Thông Thiên Học bao gồm một phủ định rất chắc chắn. Cùng với kinh sách thế giới, Thông Thiên Học khẳng định rằng chỉ có thể xác chết, trong khi Tinh Thần bất tử của con người, Chân Ngã thực sự, sống mãi mãi. Thông Thiên Học tái khẳng định giáo lý vĩ đại trong Kinh Thánh (Ngụy thư) đưa ra giải pháp cho vấn đề cuộc sống sau khi chết bằng những lời: 'Vì Thượng đế đã tạo ra con người cho sự bất tử, và tạo ra y theo hình ảnh của sự vĩnh cửu của chính Ngài'. Một Kinh điển Hindu, Bhagavad Gita, khẳng định sự thật tương tự về tinh thần của con người:

Never the spirit was born; the spirit shall cease to be never:

Tinh thần không bao giờ được sinh ra; tinh thần sẽ không bao giờ ngừng tồn tại:

Never was time it was not; End and Beginning are dreams! Birthless and deathless and changeless remaineth the spirit forever;

Không bao giờ có thời gian mà nó không có; Kết thúc và Khởi đầu là những giấc mơ! Vô sinh và bất tử và bất biến vẫn là tinh thần mãi mãi;

Death hath not touched it at all, dead though the house of it seems.[27]

Cái chết hoàn toàn không chạm vào nó, dù ngôi nhà của nó có vẻ đã chết.

Extended Vision, a Valuable Means of Research

Tầm Nhìn Mở Rộng, một Phương Tiện Nghiên Cứu Giá Trị

The student of Theosophy learns also that there resides in man a faculty by means of which the veil hiding the invisible world from our sight may be rent asunder and the facts and phenomena of that world, the conditions of life in it, may be seen, investigated, and understood. This extended vision, which is a sixth sense, latent in the majority, awakened in a few, will be used quite normally and naturally, it is taught, later in our evolution. When developed, this faculty enables its possessor to explore directly and in full waking consciousness the world of the life after death, to meet its inhabitants face to

Đạo sinh của Thông Thiên Học cũng học được rằng trong con người có một khả năng mà nhờ đó tấm màn che giấu thế giới vô hình khỏi tầm mắt của chúng ta có thể bị xé toạc và các sự kiện và hiện tượng của thế giới đó, các điều kiện sống trong đó, có thể được nhìn thấy, điều tra và thấu hiểu. Tầm nhìn mở rộng này, vốn là giác quan thứ sáu, tiềm ẩn ở phần lớn, được đánh thức ở một số ít, sẽ được sử dụng hoàn toàn bình thường và tự nhiên, như được dạy, sau này trong quá trình tiến hóa của chúng ta. Khi được phát triển, khả năng này cho phép người sở hữu nó khám phá trực tiếp và trong tâm thức hoàn toàn tỉnh táo thế giới của cuộc

[26] *The Apocrapha*, 'The Wisdom of Solomon', 11.23.
[27] The Song Celestial, Sir Edwin Arnold.

When developed, this faculty enables its possessor to explore directly and in full waking consciousness the world of the life after death, to meet its inhabitants face to face, and to study and check with scientific accuracy the conditions under which they live.

Generations of seers, having awakened these faculties into controlled activity, have carried out researches into the normally invisible aspects of Nature and of man. The fruits of their investigations are all preserved and have been continually extended, checked and counter checked. As a result, there is available to the student of today a vast treasury of knowledge on every subject to which the mind of man can be turned.

Man's Seven Vehicles and the Thread of Life

What is found? That man is a threefold, immortal, spiritual being incarnated during earthly life in four mortal bodies. When physically alive—occupying the body—the 'inner Self is joined to it by a stream of flowing forces which shine with a delicate silvery light. This current flows between the heads of the physical and the superphysical bodies, thus connecting them. So long as it continues to flow, there is always the possibility of continued physical existence. Once it is broken, as at the moment of death, there is no longer any possibility of returning to bodily life. This is described in the Old Testament as follows: 'Or ever the silver cord be loosed, or the golden bowl [the Etheric Double] be broken, or the pitcher [the physical body] be broken at the fountain, or the wheel broken at the cistern. Then shall the dust return to the earth as it was: and the spirit shall return unto God who gave it'.[28] The silver cord thus referred to appears to refer to the *Sutratma* of

Các thế hệ nhà ngoại cảm, sau khi đánh thức những khả năng này thành hoạt động được kiểm soát, đã thực hiện các nghiên cứu về các khía cạnh vô hình thông thường của Tự Nhiên và của con người. Thành quả của các cuộc điều tra của họ đều được bảo tồn và liên tục được mở rộng, kiểm tra và đối chiếu. Kết quả là, có sẵn cho đạo sinh ngày nay một kho tàng kiến thức rộng lớn về mọi chủ đề mà thể trí của con người có thể hướng tới.

Bảy Vận Cụ của Con Người và Sinh Mệnh Tuyến

Những gì được tìm thấy? Rằng con người là một bản thể tinh thần, bất tử, tam phân, được nhập thể trong suốt cuộc đời trần thế trong bốn thể hữu tử. Khi còn sống về mặt thể xác—chiếm giữ thể xác—'Nội Ngã được nối với nó bằng một dòng chảy của các mãnh lực chảy tràn, tỏa sáng với ánh sáng bạc tinh tế. Dòng chảy này chảy giữa đầu của thể xác và các thể siêu vật chất, do đó kết nối chúng. Chừng nào nó còn tiếp tục chảy, luôn có khả năng tiếp tục tồn tại về mặt thể xác. Một khi nó bị phá vỡ, như vào thời điểm chết, thì không còn khả năng quay trở lại cuộc sống thể xác nữa. Điều này được mô tả trong Cựu Ước như sau: 'Hoặc trước khi sợi dây bạc bị đứt, hoặc bát vàng [Thể Dĩ Thái] bị vỡ, hoặc bình [thể xác] bị vỡ ở đài phun nước, hoặc bánh xe bị vỡ ở bể chứa. Bấy giờ bụi sẽ trở về đất như nó đã từng: và tinh thần sẽ trở về với Thượng đế, Đấng đã ban nó'. Sợi dây bạc được đề cập đến dường như đề cập đến Sutratma của triết học Hindu. Từ tiếng Phạn này được dịch là 'Tự-tuyến và được mô tả

Hindu philosophy. This Sanskrit word is translated as 'Thread-self and is described as a current of spiritual life-force upon which the seed or permanent atoms or nuclei of the seven bodies of man are 'strung'.[29]

như một dòng sinh lực tinh thần mà trên đó hạt giống hoặc các nguyên tử trường tồn hoặc hạt nhân của bảy thể của con người được 'xâu chuỗi'.

The Final Sleep and the Review

Giấc Ngủ Cuối Cùng và Sự Ôn Tập

The actual final departure at death from the physical body has been likened to the unconscious procedure of falling asleep. The deceased passes, as it were, upon a sigh from this world to the next. He is generally engaged in a process of review, in which the events of the life just closed pass before his mind's eye in clear perspective: causes and their effects, successes, and their results, failures and their out workings, being seen and correlated. This process of review is very important, for from it is distilled a certain wisdom an immediate fruitage of the life just closed.

Sự ra đi cuối cùng thực sự lúc chết khỏi thể xác đã được ví như thủ tục vô thức của việc đi vào giấc ngủ. Người đã khuất đi qua, như thể, trên một tiếng thở dài từ thế giới này sang thế giới khác. Y thường tham gia vào một quá trình ôn tập, trong đó các sự kiện của cuộc đời vừa khép lại lướt qua tâm trí y trong một viễn cảnh rõ ràng: nguyên nhân và kết quả của chúng, thành công và kết quả của chúng, thất bại và những tác động của chúng, được nhìn thấy và tương quan. Quá trình ôn tập này rất quan trọng, vì từ đó chắt lọc được một sự minh triết nhất định, một thành quả tức thời của cuộc đời vừa khép lại.

An Adept Teacher has described the process or the review of the physical life, which occurs at the death of the body, in these words:

Một Huấn Sư Chân sư đã mô tả quá trình hoặc sự ôn tập cuộc đời thể xác, xảy ra khi thể xác chết đi, bằng những lời này:

'At the last moment, the whole life is reflected in our memory and emerges from all the forgotten nooks and comers picture after picture, one event after the other. The dying brain dislodges memory with a strong supreme impulse, and memory restores faithfully every impression entrusted to it during the period of the brain's activity. That impression and thought which was the strongest naturally becomes the most vivid and survives so to say all the rest which now vanish and disappear forever, to reappear but in *Devachan.* No man dies insane or un-

'Vào khoảnh khắc cuối cùng, toàn bộ cuộc đời được phản ánh trong ký ức của chúng ta và nổi lên từ tất cả các ngóc ngách và góc khuất bị lãng quên, hết bức tranh này đến bức tranh khác, hết sự kiện này đến sự kiện khác. Bộ não đang hấp hối loại bỏ ký ức bằng một xung động tối cao mạnh mẽ, và ký ức khôi phục một cách trung thực mọi ấn tượng được giao cho nó trong suốt thời gian hoạt động của bộ não. Ấn tượng và tư tưởng mạnh mẽ nhất một cách tự nhiên trở nên sống động nhất và sống sót, có thể nói như vậy, tất cả những thứ còn lại giờ biến mất và biến mất vĩnh viễn, chỉ xuất hiện

[28] Ecclesiastes, 12:6-7.

[29] q.v. A Study in Consciousness, A. Besant.

conscious—as some physiologists assert. Even a *madman,* or one in a fit of *delirium tremens* will have his instant of perfect lucidity at the moment of death, though unable to say so to those present. The man may often appear dead. Yet from the last pulsation, from and between the last throbbing of his heart and the moment when the last spark of animal heat leaves the body—*the brain thinks* and the Ego lives in those few brief seconds his whole life over again. Speak in whispers, ye, who assist at a death bed and find yourselves in the solemn presence of Death. Especially have you to keep quiet just after Death has laid her clammy hand upon the body. Speak in whispers, I say, lest you disturb the quiet ripple of thought, and hinder the busy work of the Past casting its reflections upon the Veil of the Future'.[30]

lại ở Devachan. Không ai chết điên loạn hoặc bất tỉnh—như một số nhà sinh lý học khẳng định. Ngay cả một người điên, hoặc một người đang trong cơn mê sảng run rẩy sẽ có khoảnh khắc sáng suốt hoàn hảo vào thời điểm chết, mặc dù không thể nói như vậy với những người có mặt. Người đó thường có vẻ đã chết. Tuy nhiên, từ nhịp đập cuối cùng, từ và giữa nhịp đập cuối cùng của trái tim y và thời điểm tia nhiệt động vật cuối cùng rời khỏi cơ thể—bộ não suy nghĩ và Chân Ngã sống lại toàn bộ cuộc đời y trong vài giây ngắn ngủi đó. Hãy nói thì thầm, hỡi những người giúp đỡ bên giường bệnh và thấy mình đang ở trong sự hiện diện trang nghiêm của Thần Chết. Đặc biệt, bạn phải giữ im lặng ngay sau khi Thần Chết đặt bàn tay lạnh lẽo lên cơ thể. Hãy nói thì thầm, tôi nói, kẻo bạn làm xáo trộn sự gợn sóng yên tĩnh của tư tưởng, và cản trở công việc bận rộn của Quá Khứ đang đổ bóng lên Bức Màn của Tương Lai'.

External Awareness Resumed

A period of complete unconsciousness in the personal vehicles (of emotion and of thought) generally follows the completion of the review. Awakening then occurs and the deceased, frequently still unaware of what has happened, looks about him. In nearly all cases, friends or relatives await; or, if the deceased has none such to welcome him, then some member of the great band of helpers whose work it is to greet newcomers comes forward to receive him. Such helpers are members of a highly trained band of servers deputed to this particular work of assisting new arrivals.[31]

Nhận Thức Bên Ngoài Được Tiếp Tục

Một giai đoạn hoàn toàn bất tỉnh trong các vận cụ cá nhân (của cảm xúc và tư tưởng) thường xảy ra sau khi hoàn thành việc ôn tập. Sau đó, sự thức tỉnh xảy ra và người đã khuất, thường vẫn không nhận thức được những gì đã xảy ra, nhìn xung quanh y. Trong gần như tất cả các trường hợp, bạn bè hoặc người thân đang chờ đợi; hoặc, nếu người đã khuất không có ai như vậy để chào đón y, thì một thành viên nào đó của nhóm lớn những người trợ giúp có công việc chào đón những người mới đến sẽ tiến lên để tiếp nhận y. Những người trợ giúp như vậy là thành viên của một nhóm người phụng sự được đào tạo bài bản, được cử đến công việc đặc biệt này là hỗ trợ những người mới đến.

[30] *The Mahatma Letters to A. P. Sinnett,* 3rd ed., Letter 23, p. 167.

[31] q.v. *Invisible Helpers*, C. W. Leadbeater.

The conditions, or 'world', to which the deceased then awakens is not an entirely strange land; for it is entered every night whilst the physical body sleeps. Sleep has aptly and truly been called the twin brother of death and one may go further and call them the same thing; for whilst the physical body sleeps, the Soul is awake in the body which it will use after death. Dreams are, in part, the confused memories of life in that world brought back on awakening—the pleasant, poetic, floating motion by which one moves, thought-propelled, throughout the superphysical worlds. Hence, quite naturally, the world of the life after death proves to be a familiar place. The difference between sleep and death lies in the fact that, in sleep, the 'silver cord' which links Soul and body is not broken. In death the 'cord' *is* broken and, having no link with the physical body, one can return to it no more. The superphysical world and state of consciousness entered at death consists of two divisions or planes of Nature, the emotional and the mental. The former, the emotional, contains human and angelic inhabitants, and scenery and other forms visible to the deceased. The latter, the mental, also has its own inhabitants and phenomena, but the experience of the departed whilst living there is more subjective and individual.[32]

Các điều kiện, hay 'thế giới', mà người đã khuất sau đó thức tỉnh không phải là một vùng đất hoàn toàn xa lạ; vì nó được bước vào mỗi đêm khi thể xác ngủ. Giấc ngủ đã được gọi một cách khéo léo và chân thực là anh em sinh đôi của cái chết và người ta có thể đi xa hơn và gọi chúng là cùng một thứ; vì trong khi thể xác ngủ, Linh Hồn thức tỉnh trong thể mà nó sẽ sử dụng sau khi chết. Những giấc mơ, một phần, là những ký ức lẫn lộn về cuộc sống ở thế giới đó được mang trở lại khi thức tỉnh—chuyển động dễ chịu, thơ mộng, trôi nổi mà người ta di chuyển, được tư tưởng thúc đẩy, khắp các cõi siêu vật chất. Do đó, một cách khá tự nhiên, thế giới của cuộc sống sau khi chết hóa ra là một nơi quen thuộc. Sự khác biệt giữa giấc ngủ và cái chết nằm ở chỗ, trong giấc ngủ, 'sợi dây bạc' liên kết Linh Hồn và thể xác không bị đứt. Trong cái chết, 'sợi dây' bị đứt và, không có liên kết với thể xác, người ta không thể quay trở lại nó nữa. Thế giới và trạng thái tâm thức siêu vật chất bước vào khi chết bao gồm hai bộ phận hoặc cõi của Tự Nhiên, cảm xúc và trí tuệ. Cái trước, cảm xúc, chứa đựng cư dân là người và thiên thần, và phong cảnh và các hình thức khác có thể nhìn thấy đối với người đã khuất. Cái sau, trí tuệ, cũng có cư dân và hiện tượng riêng, nhưng trải nghiệm của người đã khuất khi sống ở đó mang tính chủ quan và cá nhân hơn.

The conditions in which a person finds himself after death depend largely upon temperament, and upon the nature of the life that has been previously led. Each one sees the world around him through the windows of his temperament. The sunny nature friendly individual awakens after death to a sunny, friendly world; whilst the gloomy, self centred hypochondriac may awaken to a dull, gloomy, and somewhat lonely world—not because that world is lonely, but because the self-

Các điều kiện mà một người thấy mình sau khi chết phụ thuộc phần lớn vào khí chất và bản chất của cuộc đời đã sống trước đó. Mỗi người nhìn thế giới xung quanh mình qua cửa sổ khí chất của mình. Bản chất tươi sáng, cá nhân thân thiện thức tỉnh sau khi chết đến một thế giới tươi sáng, thân thiện; trong khi người ủ rũ, tự cho mình là trung tâm, mắc bệnh tưởng có thể thức tỉnh đến một thế giới buồn tẻ, ảm đạm và có phần cô đơn—không phải vì thế giới đó cô đơn, mà vì cá nhân tự cho mình là trung

[32] q.v. *The Devachanic Plane*, C. W. Leadbeater.

centred individual does not inspire and is unable to give true friendship.

tâm không truyền cảm hứng và không thể trao đi tình bạn chân thành.

Ministration After Bodily Death

Sự Phục Vụ Sau Khi Chết Thể Xác

The servant of his fellow men, the physician, for example, finds a new world of service opening up before him. If he possesses the true spirit of the healer, the physician will find coming to him for help men and women with twisted minds and tortured feelings, people who have died with uneasy consciences, duties left undone, vices unconquered, obliquities of vision, complexes unresolved and other psychical disturbances. Such conditions are to a far greater extent sources of difficulty there than here, for that is the world of emotion. People thus disturbed are greatly in need of the services of a physician. There is, in fact, a great host of workers dedicated to this task of reattuning and harmonising those in need.

Người phụng sự đồng loại, ví dụ như bác sĩ, tìm thấy một thế giới phục vụ mới mở ra trước mắt y. Nếu y sở hữu tinh thần thực sự của người chữa lành, bác sĩ sẽ thấy những người nam và nữ đến với y để được giúp đỡ với tâm trí vặn vẹo và cảm xúc bị dày vò, những người đã chết với lương tâm bất an, những nhiệm vụ chưa hoàn thành, những thói xấu chưa bị chinh phục, những lệch lạc trong tầm nhìn, những phức cảm chưa được giải quyết và những xáo trộn tâm lý khác. Những điều kiện như vậy ở đó là nguồn gốc của khó khăn ở mức độ lớn hơn nhiều so với ở đây, vì đó là thế giới của cảm xúc. Những người bị xáo trộn như vậy rất cần đến sự phục vụ của một bác sĩ. Trên thực tế, có một đội ngũ lớn những người lao động tận tâm với nhiệm vụ điều chỉnh lại và hài hòa những người có nhu cầu này.

Individuals and groups of helpers efficiently administer to those who have died physically after psychological distress and prolonged restrictions suffered before final freedom from the body came to them. This protective, healing and becalming treatment helps very greatly those who arrive in great need. When, for example, one has lain for many months or even years in increasing debility and an almost paralysed bodily state, awakening to superphysical life can cause a severe shock.

Các cá nhân và nhóm người trợ giúp quản lý hiệu quả cho những người đã chết về thể xác sau khi bị đau khổ về tâm lý và những hạn chế kéo dài phải chịu đựng trước khi cuối cùng được tự do khỏi thể xác. Phương pháp điều trị bảo vệ, chữa lành và làm dịu này giúp ích rất nhiều cho những người đến trong tình trạng rất cần thiết. Ví dụ, khi một người đã nằm trong nhiều tháng hoặc thậm chí nhiều năm trong tình trạng suy nhược ngày càng tăng và trạng thái thể xác gần như tê liệt, thì việc thức tỉnh với cuộc sống siêu vật chất có thể gây ra một cú sốc nghiêm trọng.

There may, of course, also be a wonderful freedom from the sick body, but the Astral elemental can have become somewhat warped and distressed. In consequence, there is difficulty in adapting to normal after-death life. Many such sufferers are cared for and

Tất nhiên, cũng có thể có một sự tự do tuyệt vời khỏi thể xác bệnh tật, nhưng Tinh linh cảm dục có thể đã trở nên hơi méo mó và đau khổ. Do đó, có khó khăn trong việc thích nghi với cuộc sống bình thường sau khi chết. Nhiều người đau khổ như vậy được chăm sóc và

even saved from very trying and possibly dangerous psychological conditions of disturbance, stress and other problems in self-orientation.

thậm chí được cứu khỏi những điều kiện tâm lý rất khó khăn và có thể nguy hiểm của sự xáo trộn, căng thẳng và các vấn đề khác trong việc tự định hướng.

Numbers of people thus recover consciousness after death to find themselves in very great need. This is largely psychological and caused by life's experiences and their reactions to them, tragic and prolonged as they may so often have been. Fortunately, many individuals and groups are continuously at work in this field, whilst, in addition, prayers for those who have died are very helpful.

Vô số người do đó phục hồi tâm thức sau khi chết để thấy mình rất cần giúp đỡ. Điều này phần lớn là do tâm lý và do những trải nghiệm trong cuộc sống và phản ứng của họ đối với chúng, bi thảm và kéo dài như chúng thường có thể xảy ra. May mắn thay, nhiều cá nhân và nhóm liên tục làm việc trong lĩnh vực này, đồng thời, ngoài ra, những lời cầu nguyện cho những người đã chết rất hữu ích.

Life Interest Unchanged, Freedom Attained

Sở Thích Cuộc Sống Không Thay Đổi, Tự Do Đạt Được

The business man finds that the main causes of his activities do not obtain here in his new sphere and that consequently the life after death can prove to be the beginning of a most wonderful freedom. The grinding necessities which keep us busy here and tend to chain our thoughts and feelings to material things, no longer exist. Food, for example, though one of the principal causes of business and personal effort on the physical plane, ceases to have any significance in the life after death; for all the nourishment our subtle bodies need is absorbed automatically from the atmosphere. The air there, as here, is charged with the universal life force *(prana)* outpoured through the sun, and contains all that is needed for bodily sustenance in that world. The whole process of its absorption and assimilation is as unconscious as is breathing on the physical plane. Food, consequently, is not a source of business activity.

Doanh nhân nhận thấy rằng những nguyên nhân chính gây ra các hoạt động của y không có được ở đây trong phạm vi mới của y và do đó cuộc sống sau khi chết có thể chứng tỏ là sự khởi đầu của một sự tự do tuyệt vời nhất. Những nhu cầu nghiệt ngã khiến chúng ta bận rộn ở đây và có xu hướng xích tư tưởng và cảm xúc của chúng ta vào những thứ vật chất, không còn tồn tại nữa. Ví dụ, thức ăn, mặc dù là một trong những nguyên nhân chính gây ra hoạt động kinh doanh và nỗ lực cá nhân trên cõi hồng trần, nhưng không còn ý nghĩa gì trong cuộc sống sau khi chết; vì tất cả chất dinh dưỡng mà các thể vi tế của chúng ta cần đều được hấp thụ tự động từ bầu khí quyển. Không khí ở đó, cũng như ở đây, chứa đầy sinh lực vũ trụ (prana) tuôn đổ qua mặt trời, và chứa tất cả những gì cần thiết cho sự duy trì thể xác ở thế giới đó. Toàn bộ quá trình hấp thụ và đồng hóa của nó là vô thức như việc thở trên cõi hồng trần. Do đó, thức ăn không phải là nguồn gốc của hoạt động kinh doanh.

Clothing is made by thought. Since the matter of the next world responds instantly to

Quần áo được tạo ra bởi tư tưởng. Vì vật chất của thế giới bên kia phản ứng ngay lập tức với

thought, to think of oneself as clothed is to be clothed. Whilst one finds people dressed in various modes of attire, in the fashion of their own day or nationality, the most general raiment would seem to be a convenient, loose garment, the colour and decoration of which can be changed instantly at will. Transportation does not depend upon the labours of oneself or others; for in the superphysical worlds movements is thought-impelled. To think of oneself in a place is to move to that place, swiftly or slowly at will, by a delightful, floating motion as of flying. As suggested, dreams of the body as light and easily elevated, or as gliding gently or swiftly through the air, are frequently memories of the normal mode of progression in the world of the life after death.

tư tưởng, nên việc nghĩ về bản thân như được mặc quần áo là được mặc quần áo. Trong khi người ta thấy mọi người ăn mặc theo nhiều kiểu trang phục khác nhau, theo thời trang của ngày hoặc quốc tịch của họ, thì trang phục phổ biến nhất dường như là một chiếc áo choàng rộng rãi, tiện lợi, màu sắc và trang trí của nó có thể được thay đổi ngay lập tức theo ý muốn. Việc di chuyển không phụ thuộc vào công sức của bản thân hoặc người khác; vì trong các cõi siêu vật chất, các chuyển động được thúc đẩy bằng tư tưởng. Nghĩ về bản thân ở một nơi nào đó là di chuyển đến nơi đó, nhanh chóng hoặc chậm chạp theo ý muốn, bằng một chuyển động trôi nổi thú vị như đang bay. Như đã gợi ý, những giấc mơ về thể xác nhẹ nhàng và dễ dàng được nâng lên, hoặc trượt nhẹ nhàng hoặc nhanh chóng trong không khí, thường là những ký ức về phương thức tiến triển bình thường trong thế giới của cuộc sống sau khi chết.

Shelter, the fourth of the great sources of business and human effort on the physical plane, is also created by thought in the next world. There, as here, people gather together in thought-forms of houses and cities. Privacy is needed in the after-death life just as it is needed on earth, but not shelter from the climate; for adverse climatic conditions are not reproduced there.

Nơi trú ẩn, nguồn gốc thứ tư trong số các nguồn gốc lớn của hoạt động kinh doanh và nỗ lực của con người trên cõi hồng trần, cũng được tạo ra bởi tư tưởng ở thế giới bên kia. Ở đó, cũng như ở đây, mọi người tụ tập với nhau trong các hình tư tưởng của nhà cửa và thành phố. Sự riêng tư là cần thiết trong cuộc sống sau khi chết giống như nó cần thiết trên trái đất, nhưng không phải là nơi trú ẩn khỏi khí hậu; vì các điều kiện khí hậu bất lợi không được tái tạo ở đó.

The Second and Third Deaths

Cái Chết Thứ Hai và Thứ Ba

These conditions are, however, in no sense permanent. Every normal person who dies a natural death passes through the worlds of emotion and mind with varying speeds, and varying degrees of awareness, largely according to evolutionary stature, interior ‘aliveness’ and success in the practices associated with the spiritual life, prayer and

Tuy nhiên, những điều kiện này hoàn toàn không phải là vĩnh viễn. Mỗi người bình thường chết một cách tự nhiên đều đi qua các cõi cảm xúc và thể trí với tốc độ khác nhau và mức độ nhận biết khác nhau, phần lớn là tùy theo tầm vóc tiến hóa, sự ‘sống động’ bên trong và thành công trong các thực hành liên quan đến đời sống tinh thần, ví dụ như cầu

contemplation, for example. Eventually, the centre of awareness which had been incarnated in the physical body is withdrawn into its Source, inner Self, or the 'Causal Body'. Whilst there are exceptions, this is the general rule, and the time spent in the intermediate, emotional and mental worlds after death depends largely upon the degree of spirituality or materialism in the character and interests of the deceased. The ideal, naturally, is to pass as rapidly as possible through the worlds of emotion and analytical thought into the beatitude of the heaven life, and later to full re-absorption into the inner Self.

nguyện và chiêm ngưỡng. Cuối cùng, trung tâm tâm thức vốn đã nhập thể trong thể xác được rút về Nguồn cội, Chân ngã bên trong hoặc 'Thể Nguyên Nhân'. Mặc dù có những ngoại lệ, nhưng đây là quy tắc chung, và thời gian ở trong các cõi trung gian, cảm xúc và trí tuệ sau khi chết phần lớn phụ thuộc vào mức độ tinh thần hoặc vật chất trong tính cách và sở thích của người đã khuất. Đương nhiên, lý tưởng nhất là vượt qua các cõi cảm xúc và tư duy phân tích càng nhanh càng tốt để đi vào sự phúc lạc của đời sống thiên giới, và sau đó là sự tái hấp thu hoàn toàn vào Chân ngã bên trong.

Love Itself is Immortal

Tình Thương Vốn Bất Tử

What is found in Theosophy concerning the often pressing problem of reunion after death with those one loves? Theosophy answers: 'Yes, very definitely those who truly love will be reunited'. Nothing, neither death nor rebirth, can break the bonds of true love; for love itself is immortal and reunion is therefore utterly assured both after death and in future lives for those who truly, deeply love. Does there then exist not only a life after death, but also a certainty of future lives in physical bodies on this our Earth?

Những gì được tìm thấy trong Thông Thiên Học liên quan đến vấn đề thường cấp bách là sự đoàn tụ sau khi chết với những người mình yêu thương? Thông Thiên Học **trả lời**: 'Vâng, chắc chắn những người thực sự yêu thương sẽ được đoàn tụ'. Không gì, kể cả cái chết hay sự tái sinh, có thể phá vỡ mối dây liên kết của tình yêu đích thực; vì bản thân tình yêu là bất tử và do đó, sự đoàn tụ hoàn toàn được đảm bảo cả sau khi chết và trong những kiếp sống tương lai cho những ai thực sự, yêu thương sâu sắc. Vậy thì không chỉ tồn tại một cuộc sống sau khi chết, mà còn có một sự chắc chắn về những kiếp sống tương lai trong thể xác trên Trái Đất này của chúng ta?

Theosophy answers yes and 'teaches' that after the heaven life, the spiritual Souls of men are, indeed, repeatedly reborn in new physical bodies. In each life they further unfold their innate powers, develop added faculties, attain to deeper wisdom, greater insight, nobler love. This evolutionary process culminates in the attainment of the stature of the perfected man. In these continual rebirths, we who have deeply loved are sure both to meet again and to love again. Indeed, the comradeships and

Thông Thiên Học **trả lời** có và 'dạy' rằng sau đời sống thiên giới, các Linh Hồn tinh thần của con người thực sự được tái sinh nhiều lần trong những thể xác mới. Trong mỗi kiếp sống, Các Ngài tiếp tục mở ra những năng lực bẩm sinh của mình, phát triển thêm các khả năng, đạt đến sự minh triết sâu sắc hơn, cái nhìn sâu sắc hơn, tình yêu cao thượng hơn. Quá trình tiến hóa này lên đến đỉnh điểm là đạt được tầm vóc của người hoàn thiện. Trong những lần tái sinh liên tục này, chúng ta,

the affections of this life, when very strong, are themselves almost certainly continuances or renewals of the attachments formed in preceding lives.

những người đã yêu thương sâu sắc, chắc chắn sẽ gặp lại nhau và yêu nhau lần nữa. Thật vậy, tình bạn và tình cảm của cuộc sống này, khi rất mạnh mẽ, gần như chắc chắn là sự tiếp nối hoặc đổi mới của những mối liên hệ được hình thành trong những kiếp sống trước.

'Many Mansions'

'Nhiều Cung Điện'

The space available hardly permits references to such important aspects of our subject as religion, heaven life, suicide, purgatory, and sudden death. I may however refer to the theosophical concept that the gradual withdrawal from the material toward the more spiritual worlds, which normally begins at death, culminates in entry into perfect happiness and fulfilment. This state of supreme content is a heaven indeed; for in it every aspiration is fulfilled, every feeling of unselfish love is completely expressed. In the heaven to which the departed withdraw in this second phase of the life after death, all loved ones are perceived as intimately present, all truth, all beauty, all peace, all love and happiness which the deceased is capable of experiencing, heal, uplift, and reorient the Soul after its essential and fruitful, if often pain-filled, sojourn on Earth.

Không gian có sẵn hầu như không cho phép đề cập đến những khía cạnh quan trọng của chủ đề của chúng ta như tôn giáo, đời sống thiên giới, tự tử, luyện ngục và cái chết đột ngột. Tuy nhiên, tôi có thể đề cập đến khái niệm thông thiên học rằng sự rút lui dần dần khỏi thế giới vật chất hướng tới những cõi tinh thần hơn, vốn thường bắt đầu khi chết, lên đến đỉnh điểm là đi vào hạnh phúc và viên mãn hoàn hảo. Trạng thái mãn nguyện tối cao này thực sự là một thiên đường; vì trong đó mọi khát vọng đều được đáp ứng, mọi cảm xúc yêu thương vô vị kỷ đều được thể hiện trọn vẹn. Trong thiên đường mà người đã khuất rút lui trong giai đoạn thứ hai của cuộc sống sau khi chết này, tất cả những người thân yêu đều được cảm nhận là hiện diện mật thiết, tất cả chân lý, tất cả vẻ đẹp, tất cả sự bình an, tất cả tình yêu và hạnh phúc mà người đã khuất có khả năng trải nghiệm, chữa lành, nâng đỡ và định hướng lại Linh Hồn sau thời gian ở Trái Đất thiết yếu và hiệu quả, dù thường đầy đau khổ.

Herein we perceive the precise operation of a Law of Cause and Effect; for all experiences after death are the effects of causes generated during Earth-life. Their reactions are also exactly proportionate to the depth of the causative motives, feelings, thoughts, and aspirations. Everywhere, and so both here and hereafter, there is law, that Law of Cause and Effect which ensures eventual justice to every human being. A noble, kind, unselfish physical life is, therefore, the best preparation

Ở đây chúng ta nhận thấy sự vận hành chính xác của một Định luật Nhân Quả; vì tất cả những trải nghiệm sau khi chết đều là kết quả của những nguyên nhân được tạo ra trong suốt cuộc đời trên Trái Đất. Phản ứng của chúng cũng hoàn toàn tương xứng với chiều sâu của những động cơ, cảm xúc, suy nghĩ và khát vọng gây ra. Ở khắp mọi nơi, và do đó cả ở đây và ở thế giới bên kia, đều có luật pháp, Định luật Nhân Quả đó đảm bảo công lý cuối cùng cho mọi con người. Do đó, một cuộc sống

for the life after death.

thể xác cao thượng, tử tế, vô vị kỷ là sự chuẩn bị tốt nhất cho cuộc sống sau khi chết.

If these theosophical ideas concerning death are at all acceptable, then in physical death there is nought of which to be afraid. Rarely is an individual conscious of the final departure from the body. He or she slips away as in sleep, tranquilly, peacefully, without pain. Death for most people is a release into a freer, happier life.

Nếu những ý tưởng thông thiên học này về cái chết có thể chấp nhận được, thì trong cái chết thể xác không có gì phải sợ hãi. Hiếm khi một cá nhân ý thức được sự ra đi cuối cùng khỏi cơ thể. Y trượt đi như đang ngủ, thanh thản, bình yên, không đau đớn. Đối với hầu hết mọi người, cái chết là một sự giải thoát vào một cuộc sống tự do hơn, hạnh phúc hơn.

Birth is not the beginning of human existence. Death is not its end. The body alone is born at physical birth. The body alone dies at physical death. Both birth and death are oft-recurring incidents in the long series of earthly lives, by means of which alone we are enabled to climb upward to full spiritual knowledge of our true, immortal Selves, or in other words, to attain to Adeptship.

Sự ra đời không phải là sự khởi đầu của sự tồn tại của con người. Cái chết không phải là kết thúc của nó. Chỉ có thể xác được sinh ra khi sinh ra về thể xác. Chỉ có thể xác chết đi khi chết về thể xác. Cả sự ra đời và cái chết đều là những sự kiện thường xuyên lặp lại trong chuỗi dài những kiếp sống trần thế, nhờ đó mà chúng ta có thể leo lên đến sự hiểu biết tinh thần trọn vẹn về Chân ngã bất tử đích thực của mình, hay nói cách khác, để đạt đến Địa vị Chân sư.

The Secret Doctrine and the Life After Death

Giáo Lý Bí Nhiệm và Cuộc Sống Sau Khi Chết

Madame Blavatsky describes death and these *post-mortem* processes as follows:

Bà Blavatsky mô tả cái chết và những quá trình sau khi chết này như sau:

'When the man dies, his lower three principles leave him for ever; i.e. body, life, and vehicle of the latter, the astral body or the double of the *living* man. And then, his four principles—the central or middle principle, the animal soul or *Kama-rupa,* with what it has assimilated from the lower *Manas,* and the higher triad find themselves in *Kamaloka.* The latter is an astral locality, the *limbus* of scholastic theology, the *Hades* of the ancients, and, strictly speaking, a locality only in a relative sense. It has neither a definite area nor boundary, but exists *within* subjective space; i.e., is beyond our sensuous perceptions. Still it exists and it is there that the astral *eidolons* of all the beings that have lived, animals included, await their *second*

'Khi một người chết, ba nguyên lý thấp hơn của y rời bỏ y mãi mãi; tức là thể xác, sự sống và vận cụ của sự sống, thể cảm dục hoặc bản sao của người đang sống. Và sau đó, bốn nguyên lý của y—nguyên lý trung tâm hoặc ở giữa, linh hồn động vật hoặc Kama-rupa, với những gì nó đã đồng hóa từ Hạ trí, và tam nguyên tinh thần cao hơn thấy mình ở Kamaloka. Kamaloka là một địa phương cảm dục, limbus của thần học kinh viện, Hades của người xưa, và nói một cách chính xác, một địa phương chỉ theo nghĩa tương đối. Nó không có một khu vực hoặc ranh giới xác định, nhưng tồn tại trong không gian chủ quan; tức là, vượt quá nhận thức giác quan của chúng ta. Tuy nhiên, nó tồn tại và chính ở đó mà những hình

death. For the animals it comes with the disintegration and the entire fading out of their *astral* particles to the last. For the human *eidolon* it begins when the *Atma-Buddhi-Manasic* triad is said to "separate" itself from its lower principles, or the reflection of the *ex-personality,* by falling into the *Devachanic* state.... Then the *Kama-rupic* phantom, remaining bereft of its informing thinking principle, the higher *Manas,* and the lower aspect of the latter, the animal intelligence, no longer receiving light from the higher mind, and no longer having a physical brain to work through, collapses'.[33]

ảnh cảm dục của tất cả những sinh vật đã từng sống, bao gồm cả động vật, chờ đợi cái chết thứ hai của chúng. Đối với động vật, nó đến với sự tan rã và sự phai tàn hoàn toàn của các hạt cảm dục của chúng cho đến hạt cuối cùng. Đối với hình ảnh con người, nó bắt đầu khi tam nguyên Atma-Bồ đề-Manas được cho là "tách rời" khỏi các nguyên lý thấp hơn của nó, hoặc sự phản ánh của cựu phàm ngã, bằng cách rơi vào trạng thái Devachanic.... Sau đó, ảo ảnh Kama-rupa, vẫn còn thiếu nguyên lý tư duy thông tin của nó, Thượng trí và khía cạnh thấp hơn của Thượng trí, trí thông minh động vật, không còn nhận được ánh sáng từ thượng trí, và không còn có một bộ não thể xác để làm việc thông qua, sụp đổ'.

II

THE MYSTERY TRADITION OF HUMAN DEATH AND RESURRECTION

When, as in the Mysteries, dying, death, and burial are symbolical, they have little or nothing to do with the natural death of the physical body. Rather are they descriptive of the transition of the sense of personal identity from the limitations of the terrestrial, mortal nature to the freedom of the spiritual, immortal Selfhood. This kind of death implies only translation from undue concern with the lower, personal nature in the body—which thus metaphorically 'dies'—to the higher, spiritual Self in its 'Body of Perpetual Light'. The centre of awareness is then mystically 'newborn', having died to and been 'resurrected' from the 'tomb' of the flesh.

II

TRUYỀN THỐNG HUYỀN BÍ VỀ CÁI CHẾT VÀ SỰ PHỤC SINH CỦA CON NGƯỜI

Khi, như trong các Nghi lễ Huyền bí, sự chết, cái chết và sự chôn cất mang tính biểu tượng, chúng ít hoặc không liên quan gì đến cái chết tự nhiên của thể xác. Thay vào đó, chúng mô tả sự chuyển đổi của ý thức về bản sắc cá nhân từ những giới hạn của bản chất trần thế, hữu tử sang sự tự do của Bản ngã tinh thần, bất tử. Loại chết này chỉ ngụ ý sự chuyển đổi từ sự quan tâm quá mức đến bản chất cá nhân thấp hơn trong cơ thể—do đó, một cách ẩn dụ 'chết đi'—sang Chân ngã tinh thần cao hơn trong 'Thể Ánh Sáng Vĩnh Cửu' của nó. Trung tâm tâm thức sau đó được 'tái sinh' một cách huyền bí, đã chết đi và được 'phục sinh' từ 'ngôi mộ' của xác thịt.

---

[33] *The Key to Theosophy,* H. P. Blavatsky, an Abridgement, ed. by Joy Mills,

A Quest Book, p. 98.

In his *Georgias,* Plato writes: 'For I should not wonder if Euripides spoke the truth when saying: "Who knows whether to live is not to die, and to die is not to live?" And we are perhaps in reality dead. For I have heard from one of the wise that we are now dead; and that the body is our sepulchre'.[34]

Trong Georgias của mình, Plato viết: 'Vì tôi sẽ không ngạc nhiên nếu Euripides nói sự thật khi nói: "Ai biết liệu sống không phải là chết, và chết không phải là sống?" Và có lẽ chúng ta thực sự đã chết. Vì tôi đã nghe từ một trong những người khôn ngoan rằng chúng ta bây giờ đã chết; và rằng cơ thể là mồ chôn của chúng ta'.

This inner death is of course only figurative. It is a letting go, a laying down and an outgrowing and leaving behind of selfish personal desires and of the sense of self-separateness with which they are associated and from which they arise. This symbolic 'death' may in fact occur in the midst of bodily virility, although in certain allegories it is attained at the mystic thirty or thirty-three years of age. The life of the physical body is largely out-flowing and eventually ends in physical death. The life of the inner Self, on the other hand, consists of an inflowing or upwelling from within of an ever-increasing fullness of Life. In order to experience this inner Life of the Soul, the outer life of the body must metaphorically, but not actually, die. Death in this sense means only that the interest is no longer limited to the body, and that its demands are no more able to dominate motive and conduct. It thus dies figuratively, especially in comparison with the former mode of life in which personal and bodily experiences, desires, and activities had so large a part.

Cái chết bên trong này tất nhiên chỉ là hình tượng. Đó là một sự buông bỏ, một sự đặt xuống và một sự phát triển vượt bậc và bỏ lại phía sau những ham muốn cá nhân ích kỷ và ý thức về sự tự tách biệt mà chúng liên kết và từ đó chúng phát sinh. 'Cái chết' mang tính biểu tượng này trên thực tế có thể xảy ra giữa sự cường tráng của cơ thể, mặc dù trong một số ngụ ngôn nhất định, nó đạt được ở độ tuổi ba mươi hoặc ba mươi ba huyền bí. Cuộc sống của thể xác phần lớn là sự tuôn chảy ra ngoài và cuối cùng kết thúc bằng cái chết thể xác. Mặt khác, cuộc sống của Chân ngã bên trong bao gồm một sự tuôn chảy vào trong hoặc trào dâng từ bên trong của một sự viên mãn của Sự Sống ngày càng tăng. Để trải nghiệm Sự Sống bên trong của Linh Hồn này, cuộc sống bên ngoài của cơ thể phải chết một cách ẩn dụ, nhưng không thực sự. Cái chết theo nghĩa này chỉ có nghĩa là sự quan tâm không còn giới hạn ở cơ thể, và những yêu cầu của nó không còn có thể chi phối động cơ và hành vi. Do đó, nó chết một cách hình tượng, đặc biệt là so với phương thức sống trước đây, trong đó những trải nghiệm, ham muốn và hoạt động cá nhân và thể xác chiếm một phần lớn.

The experience of this kind of death to material interests and resurrection to spiritual consciousness occurs either naturally as a result of normal evolutionary progress or enforcedly by an intense effort of an awakened Soul. In the Lesser Mysteries, designed to lead toward the experience gradually and safely, the 'death' of the lower

Trải nghiệm về loại chết đối với những mối quan tâm vật chất và sự phục sinh đối với tâm thức tinh thần này xảy ra một cách tự nhiên do sự tiến bộ tiến hóa bình thường hoặc bị cưỡng bức bởi một nỗ lực mãnh liệt của một Linh Hồn đã thức tỉnh. Trong các Nghi lễ Huyền bí Nhỏ, được thiết kế để dẫn dắt đến trải nghiệm một cách dần dần và an toàn, 'cái chết'

[34] *The Collected Dialogues of Plato,* Princeton University Press, 1969, p. 275.

designed to lead toward the experience gradually and safely, the 'death' of the lower self is enacted ceremonially and described allegorically as in the various Mystery Traditions recounting the deaths of Saviours, Deities, and Heroes. In the Greater Mysteries, designed to produce the actual experience, the Candidate is aided externally by the Rite of Initiation, and interiorly by means of the practice of yoga. This achievement is only fully possible when a certain stage of Egoic development has been reached, one at which the Personality is literally forced to collaborate with and 'die' at the hands of the Initiated Ego by whom it is 'slain'.

Huyền bí Nhỏ, được thiết kế để dẫn dắt đến trải nghiệm một cách dần dần và an toàn, 'cái chết' của phàm ngã được thực hiện một cách nghi lễ và được mô tả một cách ngụ ngôn như trong các Truyền thống Huyền bí khác nhau kể lại cái chết của các Đấng Cứu Thế, Thượng đế và Anh hùng. Trong các Nghi lễ Huyền bí Lớn, được thiết kế để tạo ra trải nghiệm thực tế, Ứng Viên được hỗ trợ từ bên ngoài bằng Nghi thức Điểm Đạo, và bên trong bằng cách thực hành yoga. Thành tựu này chỉ có thể thực hiện được một cách trọn vẹn khi đạt đến một giai đoạn phát triển Chân ngã nhất định, một giai đoạn mà Phàm ngã thực sự bị buộc phải cộng tác và 'chết' dưới tay của Chân ngã Điểm Đạo, người mà nó bị 'giết'.

Aspirants attain this gradually by the continual and habitual surrender of the lower self to the Higher and the transcendence of personal, possessive desire and the *ahamkara* from which it is born. This 'death' is however not a single act occurring at one single time. The process continues for many lives until fulfilled at the final Initiation—the triumphal coronation of the spirit of man.

Những người chí nguyện đạt được điều này dần dần bằng sự đầu hàng liên tục và theo thói quen của phàm ngã cho Chân ngã và sự siêu việt của ham muốn chiếm hữu cá nhân và ahamkara từ đó nó được sinh ra. Tuy nhiên, 'cái chết' này không phải là một hành động duy nhất xảy ra tại một thời điểm duy nhất. Quá trình này tiếp tục trong nhiều kiếp sống cho đến khi được hoàn thành tại Cuộc Điểm Đạo cuối cùng—lễ đăng quang khải hoàn của tinh thần con người.

All such Mystery ceremonials may rightly be regarded as portraying interior mystical experiences which are passed through within the heart and mind of the living man. Angelus Silesius expressed it thus:

Tất cả những nghi lễ Huyền bí như vậy có thể được coi là mô tả những trải nghiệm huyền bí bên trong được trải qua trong trái tim và thể trí của người đang sống. Angelus Silesius đã diễn đạt nó như sau:

Though Christ a thousand times in Bethlehem be born

Dù Đức Christ ngàn lần sinh ra ở Bethlehem

And not within thyself, thy Soul will be forlorn.

Và không ở trong chính ngươi, Linh Hồn ngươi sẽ bị bỏ rơi.

The Cross on Golgtha thou lookest to in vain

Ngươi nhìn lên Thập Giá trên Golgtha một cách vô ích

Unless within thyself it be set up again.

Trừ khi bên trong chính ngươi nó được dựng

lại.

Theosophy in Australia, Vol. 61, Issue 5, May 1973, p. 105

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. 61, Số 5, tháng 5 năm 1973, tr. [2]105[/h2]

78

The Masters' World—Thế Giới của Các Chân Sư

This is not a place but a state of being, a condition of consciousness; it is entirely irrespective of physical location. In terms of awareness and state of being it is above the mists of the *mayavic, rupa* planes. These change, sometimes as if by volcanic eruptions, sudden and even prolonged storms and sometimes as a result of the long rhythmic sweep of cyclic evolution progressing in great and small waves. Some of these have crests and breakers, whilst others proceed smoothly as if into infinite distance.

Đây không phải là một địa điểm mà là một trạng thái tồn tại, một điều kiện của tâm thức; nó hoàn toàn không phụ thuộc vào vị trí thể xác. Về mặt nhận thức và trạng thái tồn tại, nó nằm trên những màn sương của các cõi ảo lực, rupa. Những điều này thay đổi, đôi khi như thể bởi những vụ phun trào núi lửa, những cơn bão đột ngột và thậm chí kéo dài và đôi khi là kết quả của sự quét nhịp nhàng dài của quá trình tiến hóa theo chu kỳ tiến triển trong những làn sóng lớn và nhỏ. Một số trong số này có đỉnh và sóng vỗ, trong khi những số khác tiến triển suôn sẻ như thể vào khoảng cách vô tận.

All the changes, harmonious or discordant, in animal and human consciousness, particularly emotion, cause minute alterations and disturbances in the great depths, middle depths and on the surface, so to speak, of the *mayavic* worlds. There is no permanent peace and there is no freedom from the *maya* of self-separateness whilst consciousness is imprisoned and active alone in the three lower worlds.

Tất cả những thay đổi, hài hòa hay bất hòa, trong tâm thức động vật và con người, đặc biệt là cảm xúc, gây ra những thay đổi và xáo trộn nhỏ trong những chiều sâu lớn, chiều sâu giữa và trên bề mặt, có thể nói như vậy, của thế giới ảo lực. Không có sự bình an vĩnh viễn và không có sự tự do khỏi ảo lực của sự tự tách biệt khi tâm thức bị giam cầm và hoạt động một mình trong ba cõi thấp.

Nevertheless, these conditions have a value for the Monads and Egos which pass through them on the downward and upward arcs and throughout myriads of sub-cycles. Latent powers, capacities and forces get stirred out of the sleeping seed-like state into increasing activity, development and controlled expression. But there is no peace and there is no security and no permanent bliss for the dwellers in the three worlds alone.

Tuy nhiên, những điều kiện này có giá trị đối với các Chân Thần và Chân ngã vốn đi qua chúng trên các vòng cung đi xuống và đi lên và trong suốt vô số chu kỳ phụ. Những năng lực, khả năng và mãnh lực tiềm ẩn được khuấy động từ trạng thái giống như hạt giống đang ngủ sang hoạt động, phát triển và biểu hiện được kiểm soát ngày càng tăng. Nhưng không có sự bình an và không có sự an toàn và không có sự hoan lạc vĩnh viễn cho những cư dân

chỉ ở trong ba cõi.

The Masters' world is harmonious, rhythmic and dynamic because moved from the source. In Their *atmic* Selves, Their consciousness is in similar rhythmic and dynamic action but poised and immovably still because at one with the Source. Selfless and therefore karma-less, all-comprehending and in absolute mastery they abide in undisturbable peace within Their own consciousness.

Thế giới của Các Chân sư hài hòa, nhịp nhàng và năng động vì được di chuyển từ nguồn cội. Trong Chân ngã atmic của Các Ngài, tâm thức của Các Ngài cũng ở trong hành động nhịp nhàng và năng động tương tự nhưng điềm tĩnh và bất động vì hợp nhất với Nguồn cội. Vô vị kỷ và do đó không có nghiệp quả, thấu hiểu tất cả và hoàn toàn làm chủ, Các Ngài ngự trong sự bình an không thể lay chuyển trong tâm thức của chính Các Ngài.

The secret of this poised serenity is complete and final self-emancipation from the delusion of Individuality and self-separateness. He who would pass from the ever-restless world of *maya* into the realm of reality must similarly and progressively divest himself or herself of the *maya* or self. This is an absolute essential because selfness bars the way and selflessness alone opens the way. Man can pass through because he himself is a dweller in both the real and the *mayavic,* the *arupa* and the *rupa,* worlds.

Bí mật của sự thanh thản điềm tĩnh này là sự tự giải phóng hoàn toàn và cuối cùng khỏi sự ảo tưởng về Tính Cá Nhân và sự tự tách biệt. Y, người muốn đi từ thế giới ảo lực luôn không ngừng nghỉ vào cõi thực tại, cũng phải tương tự và dần dần tước bỏ bản thân khỏi ảo lực hoặc bản ngã. Đây là một điều tuyệt đối cần thiết vì bản ngã cản đường và chỉ có sự vô ngã mới mở đường. Con người có thể đi qua vì bản thân y là một cư dân ở cả thế giới thực và ảo lực, arupa và rupa.

A veil separates them and it is almost impenetrable by a mind powerfully penetrated by the delusion of self and solely motivated by self-gain and' self-desire. Gradually, the aspirant must, with strong will, persistent aspiration and endeavour, impersonal love and compassion for all and wise procedure, approach and seek a passage into the Masters' world, the Masters' holy Presence and into participation in Their varied activities on behalf of all who are matter-bound.

Một bức màn ngăn cách chúng và nó gần như không thể xuyên thủng bởi một thể trí bị sự ảo tưởng về bản ngã xâm nhập mạnh mẽ và chỉ được thúc đẩy bởi lợi ích bản thân và ham muốn bản thân. Dần dần, người chí nguyện phải, với ý chí mạnh mẽ, khát vọng và nỗ lực bền bỉ, tình yêu vô tư và lòng trắc ẩn đối với tất cả và thủ tục khôn ngoan, tiếp cận và tìm kiếm một lối đi vào thế giới của Các Chân sư, Sự Hiện Diện thiêng liêng của Các Chân sư và tham gia vào các hoạt động đa dạng của Các Ngài thay mặt cho tất cả những ai bị ràng buộc bởi vật chất.

Their secret knowledge, the *Brahma-Vidya* will then be gradually attained. As constant dripping of water will wear away a stone, so constant and aspiring thought of the Masters

Kiến thức bí mật của Các Ngài, Brahma-Vidya sau đó sẽ dần dần đạt được. Như nước nhỏ giọt liên tục sẽ làm mòn một viên đá, thì tư tưởng hằng tâm và khát vọng về Các Chân sư và thế

and the Masters' world will assuredly wear away all barriers, all veils and all obstacles.

giới của Các Chân sư chắc chắn sẽ làm mòn tất cả các rào cản, tất cả các bức màn và tất cả các chướng ngại vật.

The spiritual mountaineer must truly aspire, truly and deeply wish for this attainment as if it were the only prize. He must also proceed with wisdom and selflessness in every fact, mundane, intellectual and spiritual.

Nhà leo núi tinh thần phải thực sự khao khát, thực sự và sâu sắc mong muốn thành tựu này như thể đó là giải thưởng duy nhất. Y cũng phải tiến hành với sự minh triết và vô ngã trong mọi sự thật, trần tục, trí tuệ và tinh thần.

Theosophy in New Zealand, Vol. 41, No. 2, 1980, p. 35

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 41, Số 2, 1980, tr. [2]35[/h2]

79

Armageddon and the Last Days—Armageddon và Những Ngày Cuối Cùng

For they are demonic spirits... who go abroad to the kings of the whole world, to assemble them for battle on the great day of God the Almighty... at the place which is called in Hebrew Armageddon...

- Revelation 16:14, 16

Vì chúng là những linh hồn ma quỷ... vốn đi khắp các vua trên toàn thế giới, để tập hợp họ cho trận chiến vào ngày trọng đại của Thượng đế Toàn năng... tại nơi được gọi bằng tiếng Do Thái là Armageddon...

- Khải Huyền 16:14, 16

More than 100 religious figures, many from the anti-nuclear left (among them the Rev. William Sloane Coffin and Pacifist Roman Catholic Bishop Thomas Gumbleton), held a Washington press conference recently to declare it 'profoundly disturbing' that high political leaders 'might identify with extremists who believe that nuclear war is inevitable and imminent'. They also attacked the religious right for supposedly believing 'that reconciliation with American adversaries is ultimately futile'. The statement was orchestrated by the Christie Institute, a liberal research and action agency, which drew on some enterprising research by Journalists Ronnie Dugger and Joe Cuomo that cited eleven public and private utterances by Ronald Reagan on the possible imminence of Armageddon.

Hơn 100 nhân vật tôn giáo, nhiều người từ cánh tả chống hạt nhân (trong đó có Mục sư William Sloane Coffin và Giám mục Công giáo La Mã theo chủ nghĩa hòa bình Thomas Gumbleton), đã tổ chức một cuộc họp báo ở Washington gần đây để tuyên bố rằng "vô cùng đáng lo ngại" khi các nhà lãnh đạo chính trị cấp cao "có thể đồng nhất với những kẻ cực đoan vốn tin rằng chiến tranh hạt nhân là không thể tránh khỏi và sắp xảy ra". Họ cũng tấn công phe cánh hữu tôn giáo vì cho rằng họ tin rằng "sự hòa giải với các đối thủ của Mỹ cuối cùng là vô ích". Tuyên bố này được dàn dựng bởi Viện Christie, một cơ quan nghiên cứu và hành động tự do, dựa trên một số nghiên cứu táo bạo của các nhà báo Ronnie Dugger và Joe Cuomo, trích dẫn mười một phát ngôn công khai và riêng tư của Ronald Reagan về khả năng Armageddon sắp xảy ra.

Trying to put the Armageddon issue into perspective, one moderate evangelical, New Testament Professor A. Berkeley Mickelsen of Minnesota's Bethel Theological Seminary, points out that the accounts of Christ's return are rich in symbolism. Says he: 'If you're not careful, pretty soon it's Buck Rogers. To take apocalyptic language and make it scientific language is wrong'. He is perturbed at the prophecy hunters' emphasis on global conflict *(Time).*

Cố gắng đưa vấn đề Armageddon vào đúng перспектива, một người theo евангелический ôn hòa, Giáo sư Tân Ước A. Berkeley Mickelsen của Chủng viện Thần học Bethel ở Minnesota, chỉ ra rằng các ghi chép về sự trở lại của Đức Christ rất giàu tính biểu tượng. Ông nói: "Nếu bạn không cẩn thận, chẳng bao lâu nữa nó sẽ thành Buck Rogers. Lấy ngôn ngữ khải huyền và biến nó thành ngôn ngữ khoa học là sai". Ông lo lắng về việc những người săn lùng lời tiên tri nhấn mạnh vào xung đột toàn cầu (Time).

Geophysicist Dr Frank Press who, early in his distinguished career, served as a Unesco expert and now is President of the National Academy of Sciences of the United States had this to say recently in an address to the school of graduate studies of Case Western University, Cleveland:

Nhà địa vật lý Tiến sĩ Frank Press, người mà trong sự nghiệp lừng lẫy của mình, từng là chuyên gia của Unesco và hiện là Chủ tịch của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ, gần đây đã phát biểu như sau trong một bài phát biểu trước trường cao học của Đại học Case Western, Cleveland:

'Today's young are likely to live out their lives with the specter of a nuclear holocaust. Many are fatalistic about the prospect, believing

"Thế hệ trẻ ngày nay có khả năng sống hết cuộc đời với bóng ma của một cuộc tàn sát hạt nhân. Nhiều người bi quan về viễn cảnh này,

that the forces shaping the nuclear confrontation are simply beyond the influence of any person'.

tin rằng các thế lực định hình cuộc đối đầu hạt nhân đơn giản là vượt quá tầm ảnh hưởng của bất kỳ người nào".

This fatalism, even resignation, is being met, however, by a growing determination to confront the insane threat which hangs over us. When the novelist William Faulkner accepted his Nobel Prize, he said that 'our tragedy today is a general and universal physical fear, so long sustained by now, that we can even bear it. Yet, I decline to accept the end of man. I believe that man will not merely endure; he will prevail'.

Tuy nhiên, chủ nghĩa định mệnh này, thậm chí là sự cam chịu, đang được đáp ứng bằng một quyết tâm ngày càng tăng để đối đầu với mối đe dọa điên rồ đang treo lơ lửng trên đầu chúng ta. Khi tiểu thuyết gia William Faulkner nhận giải Nobel, ông nói rằng "bi kịch của chúng ta ngày nay là một nỗi sợ hãi thể xác chung và phổ quát, kéo dài đến mức chúng ta thậm chí có thể chịu đựng được nó. Tuy nhiên, tôi từ chối chấp nhận sự kết thúc của con người. Tôi tin rằng con người sẽ không chỉ chịu đựng; y sẽ chiến thắng".

Faulkner said that in 1950. That same fear, that we will all be blown up, still haunts us. Yet, Faulkner's optimism that we will prevail is with us, and I believe, becoming ever more powerful. And it is being energized by a common endeavour of scientists, artists, and religious leaders.

Faulkner đã nói điều đó vào năm 1950. Nỗi sợ hãi đó, rằng tất cả chúng ta sẽ bị thổi bay, vẫn ám ảnh chúng ta. Tuy nhiên, sự lạc quan của Faulkner rằng chúng ta sẽ chiến thắng vẫn ở bên chúng ta, và tôi tin rằng, ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Và nó đang được tiếp thêm sinh lực bởi một nỗ lực chung của các nhà khoa học, nghệ sĩ và các nhà lãnh đạo tinh thần.

We have had a succession of articles, books, meetings, studies in which scientists have banded with others to help articulate the danger to human survival posed by nuclear weapons. A recent example is the book by the physicist, Freeman Dyson, called *Weapons and Hope.* Dyson set out to understand, and to bridge, the two worlds of the warrior and the victim. As Dyson writes, 'the warrior's world describes the outcome of war in the language of exchange ratios and cost effectiveness; the victim's world describes it in the language of comedy and tragedy'.

Chúng ta đã có một loạt các bài báo, sách, cuộc họp, nghiên cứu trong đó các nhà khoa học đã liên kết với những người khác để giúp diễn đạt sự nguy hiểm đối với sự sống còn của con người do vũ khí hạt nhân gây ra. Một ví dụ gần đây là cuốn sách của nhà vật lý, Freeman Dyson, có tên là Vũ khí và Hy vọng. Dyson bắt đầu tìm hiểu và kết nối hai thế giới của chiến binh và nạn nhân. Như Dyson viết, "thế giới của chiến binh mô tả kết quả của chiến tranh bằng ngôn ngữ của tỷ lệ trao đổi và hiệu quả chi phí; thế giới của nạn nhân mô tả nó bằng ngôn ngữ của hài kịch và bi kịch".

Dyson lives in both worlds. Yet, he writes that 'I am possessed by an immodest hope that I may improve mankind's chances of escaping the horrors of nuclear holocaust if I can help

Dyson sống trong cả hai thế giới. Tuy nhiên, ông viết rằng "Tôi bị ám ảnh bởi một hy vọng khiêm tốn rằng tôi có thể cải thiện cơ hội thoát khỏi những kinh hoàng của cuộc tàn sát hạt

these two worlds to understand and listen to each other'.

nhân của nhân loại nếu tôi có thể giúp hai thế giới này hiểu và lắng nghe lẫn nhau".

It is an important book because it is a lucid expression of that mosaic linkage of which Dean Mayne spoke, as applied to the overriding problem of nuclear war.

Đó là một cuốn sách quan trọng vì nó là một biểu hiện rõ ràng về mối liên kết khảm mà Dean Mayne đã nói, khi áp dụng cho vấn đề quan trọng nhất là chiến tranh hạt nhân.

What has Theosophy to offer on this matter? 'The demoniac possession of individuals and Nations is not primarily an external obsession. Evil made manifest is a distortion and a debasement by man himself of the one Universal Power. There is no one else upon whom to place the blame, behind whom to shelter, to use as an excuse. And the sooner we squarely face this fact, cease all attempted evasion, recognize that the evil only exists within ourselves, the sooner will the age long Armageddon be won, and health, spiritual, moral and physical be restored to mankind. The sooner also will nuclear power be safe in his hands and permanent peace be established on earth...Humanly speaking, Armageddon is the heart, the mind and the will of man. The great battle is waged within him'.

Thông Thiên Học có gì để cung cấp về vấn đề này? "Sự ám ảnh ma quỷ của các cá nhân và các Quốc gia không chủ yếu là một nỗi ám ảnh bên ngoài. Cái ác được biểu hiện là một sự bóp méo và làm suy đồi bởi chính con người về Quyền năng Duy Nhất Phổ Quát. Không có ai khác để đổ lỗi, để ẩn náu phía sau, để sử dụng như một cái cớ. Và chúng ta càng sớm đối mặt trực diện với sự thật này, ngừng mọi nỗ lực trốn tránh, nhận ra rằng cái ác chỉ tồn tại bên trong chúng ta, thì Armageddon kéo dài hàng thế kỷ sẽ càng sớm giành chiến thắng, và sức khỏe, tinh thần, đạo đức và thể chất sẽ được phục hồi cho nhân loại. Quyền lực hạt nhân cũng sẽ càng sớm an toàn trong tay y và hòa bình vĩnh viễn sẽ được thiết lập trên trái đất... Về mặt con người, Armageddon là trái tim, thể trí và ý chí của con người. Trận chiến vĩ đại diễn ra bên trong y".

Theosophy in New Zealand, Vol. 46, No. 2, 1985, p. 25

Theosophy in New Zealand, Tập. 46, Số 2, 1985, tr. 25

80

The Meaning of Evil—Ý Nghĩa của Cái Ác

This subject gives rise to certain deeply significant questions, perhaps 6 in number:

Chủ đề này làm nảy sinh một số câu hỏi vô cùng quan trọng, có lẽ là 6 câu hỏi:

1. Did the Divine Creator of the Universe deliberately make evil, produce a dark Devil, an isolated embodiment of infamy? If not and the idea is inconceivable—whence did evil come?

Liệu Đấng Sáng Tạo Thiêng Liêng của Vũ Trụ có cố ý tạo ra cái ác, tạo ra một Ác Quỷ đen tối, một hiện thân cô lập của sự ô nhục? Nếu không và ý tưởng này là không thể tưởng tượng được—thì cái ác từ đâu đến?

2. Is Nature herself potentially evil as well as

Bản thân Tự Nhiên có khả năng xấu xa cũng

potentially good?

như có khả năng tốt đẹp không?

3. Is there indeed a second Deity or Power behind and within all creation, a God of Evil, a Satan, a Cosmic Beelzebub?

Có thực sự có một Thượng Đế hoặc Quyền Năng thứ hai đằng sau và bên trong tất cả sự sáng tạo, một Thượng Đế của Cái Ác, một Satan, một Beelzebub Vũ Trụ?

4. Has there been, or is there, some doubt concerning the ultimate triumph of Spirit, truth, beauty, order?

Đã có, hoặc có, một số nghi ngờ về chiến thắng cuối cùng của Tinh Thần, chân lý, vẻ đẹp, trật tự?

5. Has there been, and is there still, a danger of the victory of chaos?

Đã có, và vẫn còn, một nguy cơ chiến thắng của sự hỗn loạn?

6. What is meant by the Powers of Darkness, and what by the Powers of Light?

Ý nghĩa của Quyền Lực Bóng Tối là gì, và ý nghĩa của Quyền Lực Ánh Sáng là gì?

Theosophy offers a clear, concise answer to the first five of these questions. It is an unhesitating negative.

Thông Thiên Học đưa ra một câu **trả lời** rõ ràng, ngắn gọn cho năm câu hỏi đầu tiên này. Đó là một sự phủ nhận không do dự.

1. No, Nature herself is not potentially evil as well as potentially good.

Không, bản thân Tự Nhiên không có khả năng xấu xa cũng như có khả năng tốt đẹp.

2. No, Nature herself is not potentially evil as well as potentially good.

Không, bản thân Tự Nhiên không có khả năng xấu xa cũng như có khả năng tốt đẹp.

3. No, there is not a second Deity or Power behind and within all creation, a God of Evil, a Satan, a Cosmic Beelzebub.

Không, không có một Thượng Đế hoặc Quyền Năng thứ hai đằng sau và bên trong tất cả sự sáng tạo, một Thượng Đế của Cái Ác, một Satan, một Beelzebub Vũ Trụ.

4. No, there has not been, nor is there, any doubt about the ultimate triumph of Spirit, truth, beauty, order.

Không, đã không có, cũng không có, bất kỳ nghi ngờ nào về chiến thắng cuối cùng của Tinh Thần, chân lý, vẻ đẹp, trật tự.

5. No, there has not been and is not now a danger of the victory of chaos.

Không, đã không có và hiện tại không có nguy cơ chiến thắng của sự hỗn loạn.

A Master has written: 'Evil has no existence per se and is but the absence of good and exists only for him who is made its victim'.[35] The Devil has been described as the shadow of

Một Chân sư đã viết: "Cái ác không tự nó tồn tại và chỉ là sự vắng mặt của cái tốt và chỉ tồn tại cho người bị biến thành nạn nhân của nó". Ác Quỷ đã được mô tả là cái bóng của chính y mà

[35] The Mahatma Letters to A. P. Sinnett, *Letter* X.

himself which a man sees when he turns his back to the light. Nature is neither good nor evil, and manifestation follows only unchanging and impersonal Law.

một người nhìn thấy khi y quay lưng lại với ánh sáng. Tự Nhiên không tốt cũng không xấu, và sự biểu hiện chỉ tuân theo Định luật bất biến và vô tư.

The Satanic Hierarchies

Các Huyền Giai Satan

Lofty Intelligences, *Dhyan-Chohans,* the Archangels and angels of Kabbalism, direct both the involutionary and the evolutionary processes and ensure their 'success'. Those assisting on the downward arc tend to be regarded by man as Satanic. Those active on the upward arc are regarded as redemptive. Scriptural allegories present them as antagonists and man looks upon them as devilish and divine respectively. In reality, they are mutually equipoised powers working for temporarily opposite objectives.

Các Trí Tuệ Cao Cả, Dhyan-Chohans, các Tổng lãnh thiên thần và thiên thần của Kabbalism, chỉ đạo cả quá trình giáng hạ tiến hóa và thăng thượng tiến hóa và đảm bảo 'thành công' của chúng. Những người hỗ trợ trên vòng cung đi xuống có xu hướng được con người coi là Satan. Những người hoạt động trên vòng cung đi lên được coi là cứu chuộc. Các ngụ ngôn trong kinh thánh trình bày chúng như những kẻ đối kháng và con người coi chúng là quỷ quyệt và thiêng liêng tương ứng. Trong thực tế, chúng là những quyền lực cân bằng lẫn nhau, làm việc vì các mục tiêu tạm thời đối lập.

The Irish poet, James Stephens, intuited and expressed this profoundly occult teaching in his poem,

Nhà thơ người Ireland, James Stephens, đã trực giác và bày tỏ giáo lý huyền bí sâu sắc này trong bài thơ của mình,

'The Fullness of Time':

'Sự Viên Mãn của Thời Gian':

On a rusty iron throne,

Trên một ngai sắt gỉ sét,

Past the furthest star of space,

Vượt qua ngôi sao xa nhất của không gian,

I saw Satan sit alone,

Tôi thấy Satan ngồi một mình,

Old and haggard was his face;

Khuôn mặt y già nua và hốc hác;

For his work was done, and he

Vì công việc của y đã hoàn thành, và y

Rested in eternity.

Nghỉ ngơi trong cõi vĩnh hằng.

And to him from out the sun

Và đến với y từ mặt trời

Came his father and his friend,

Cha và bạn của y,

Saying,—Now the work is done

Nói rằng,—Bây giờ công việc đã hoàn thành

Enmity is at an end -

Sự thù hận đã kết thúc -

And He guided Satan to	Và Ngài đã dẫn Satan đến
Paradises that He knew.	Những thiên đường mà Ngài biết.
Gabriel, without a frown;	Gabriel, không cau mày;
Uriel, without a spear;	Uriel, không có ngọn giáo;
Raphael, came singing down,	Raphael, hát vang xuống,
Welcoming their ancient peer;	Chào đón người ngang hàng cổ xưa của họ;
And they seated him beside,	Và họ đã đặt y ngồi bên cạnh,
One who had been crucified.	Một người đã bị đóng đinh.
Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 4, 1969, p. 81	Theosophy in New Zealand, Tập. 30, Số 4, 1969, tr. 81

81

The Pathway to Peace—Con Đường Đến Hòa Bình

(Broadcast Talk)	(Bài Nói Chuyện Phát Thanh)
How may we, you and I and all our fellowmen, find serenity of heart and mind amidst the strains and stresses of modern life?	Làm thế nào chúng ta, bạn và tôi và tất cả đồng bào của chúng ta, có thể tìm thấy sự thanh thản trong trái tim và thể trí giữa những căng thẳng và áp lực của cuộc sống hiện đại?
Theosophy answers that peace of mind can be reached by gaining a due understanding of the meaning and the purpose of human existence. What is the purpose? Why are we here? What is the meaning of our lives? Theosophy answers swiftly and plainly: 'Evolution to perfection! ' Life is not purposeless but very purposeful. It is gradually bringing us men as a race on earth and as individual people to the stature of perfected manhood. The evolution of man to ever greater and greater heights is the purpose of his existence, the 'one far-off divine event, to which the whole creation moves', as Tennyson said. The Spiritual Self of man is a God in the becoming and his future splendour, wisdom and power are entirely	Thông Thiên Học **trả lời** rằng sự an lạc trong thể trí có thể đạt được bằng cách đạt được sự thấu hiểu đúng đắn về ý nghĩa và mục đích của sự tồn tại của con người. Mục đích là gì? Tại sao chúng ta ở đây? Ý nghĩa cuộc sống của chúng ta là gì? Thông Thiên Học **trả lời** nhanh chóng và rõ ràng: 'Tiến hóa đến sự hoàn hảo!' Cuộc sống không phải là vô mục đích mà là rất có mục đích. Nó đang dần đưa chúng ta, những người đàn ông như một chủng tộc trên trái đất và như những cá nhân đến tầm vóc của sự hoàn thiện của nhân loại. Sự tiến hóa của con người đến những tầm cao ngày càng lớn hơn là mục đích của sự tồn tại của y, 'sự kiện thiêng liêng xa xôi, mà toàn bộ sự sáng tạo hướng tới', như Tennyson đã nói. Chân ngã Tinh Thần

without limit. This, then, is the Theosophical solution of the problem of the ultimate destiny of man for this epoch. Once this knowledge is really absorbed and applied to life, the mind is at peace and the heart becomes serene.

của con người là một Thượng đế đang trở thành và sự huy hoàng, minh triết và quyền năng tương lai của y là hoàn toàn không giới hạn. Đây, sau đó, là giải pháp Thông Thiên Học cho vấn đề về số phận cuối cùng của con người cho thời đại này. Một khi kiến thức này thực sự được hấp thụ và áp dụng vào cuộc sống, thể trí sẽ được an lạc và trái tim trở nên thanh thản.

Theosophy now draws attention to the further great idea which is that the goal of human perfection has already been reached by certain advanced men and women. Such perfected men are known as World Saviours, *Rishis, Mahatmas* (which means Sages, 'Great Souls'), Adepts, Masters of the Wisdom. These superhuman Beings are organized into a great Adept Fraternity, sometimes called the Occult Hierarchy and the Inner Government of the World. They are regarded as the true spiritual Teachers and Inspirers of mankind. They are the august body of 'just men made perfect', the 'Communion of Saints', the 'Great White Brotherhood of the Adepts'. They are no vague tenets to the well instructed student of Theosophy. For him the Communion of Saints is a living truth, and the Masters are living Supermen with whom a man may enter into direct relationship and in whose life of service to the Divine Will in the world he may begin to share, eventually climbing to the height upon which They stand.

Thông Thiên Học hiện nay thu hút sự chú ý đến ý tưởng vĩ đại hơn nữa, đó là mục tiêu hoàn thiện con người đã đạt được bởi một số người nam và nữ tiến bộ. Những người hoàn thiện như vậy được gọi là Đấng Cứu Thế Thế Giới, các Rishi, các Mahatma (có nghĩa là Các Nhà Hiền Triết, 'Các Linh Hồn Vĩ Đại'), các Chân sư, các Chân sư Minh Triết. Những Đấng Siêu Phàm này được tổ chức thành một Huynh Đoàn Chân sư vĩ đại, đôi khi được gọi là Huyền Giai và Chính Phủ Bên Trong của Thế Giới. Các Ngài được coi là các Huấn Sư và Người Truyền Cảm hứng tinh thần thực sự của nhân loại. Các Ngài là cơ quan tôn nghiêm của 'những người công chính đã trở nên hoàn thiện', 'Hiệp Thông Các Thánh', 'Đại Huynh Đoàn Chánh Đạo của các Chân sư'. Các Ngài không phải là những giáo lý mơ hồ đối với học viên Thông Thiên Học được hướng dẫn tốt. Đối với y, Hiệp Thông Các Thánh là một chân lý sống động, và các Chân sư là những Siêu Nhân sống động mà một người có thể bước vào mối quan hệ trực tiếp và trong cuộc sống phụng sự Ý Chí Thiêng Liêng trong thế giới mà y có thể bắt đầu chia sẻ, cuối cùng leo lên đến độ cao mà Các Ngài đang đứng.

They are the Hierophants and High Initiates of the Sanctuaries of the Greater Mysteries and these solutions of life's problems were discovered and given to the world by Them. Any sincere and capable servant of the Race can receive and deliver this teaching to his fellow men.

Các Ngài là các Tư Tế và các Bậc Điểm Đạo Cao Cấp của các Điện Thờ của Những Huyền Cơ Vĩ Đại hơn và những giải pháp cho các vấn đề của cuộc sống này đã được Các Ngài khám phá và trao cho thế giới. Bất kỳ người phụng sự Chủng Tộc chân thành và có năng lực nào cũng có thể nhận và truyền đạt giáo lý này cho đồng bào của mình.

Successive Earthly Lives

How is this state of perfected manhood attained? The goal of human perfection is reached by means of successive incarnations in material bodies or vehicles, newly formed during the pre-natal period of each succeeding life. Here we meet the doctrine of rebirth, which needs to be studied in detail, and is not my special subject in this broadcast.[36] I may say here, however, that reincarnation is the one and only logical solution to the problems of life, especially those of time and opportunity in which to attain perfection and of justice in human life. The last of these is especially important, for without reincarnation life is utterly unjust, is a hopeless riddle which defies solution. With reincarnation a flood of light is shed on human life and we see it in its inception, its evolution, and its goal.

Successive lives alone make attainment of the goal of perfection possible; for, the multifarious experiences of these repeated incarnations are designed to draw out the latent powers of the evolving God which is man; every experience has its value in terms of an increase of power, wisdom and knowledge. At the near approach to perfection, however, rebirth is no longer a necessity. All further progress can be achieved in the superphysical worlds. Thus in the New Testament we read: 'Him that overcometh will I make a pillar in the temple of my God, and he shall go no more out' (Revelations 3:12).

Cause and Effect as Man's Teacher

The next Theosophical thought especially concerns justice for man on earth. All human incarnations are connected with each other by

Các Kiếp Sống Trần Thế Liên Tiếp

Trạng thái hoàn thiện của nhân loại này đạt được bằng cách nào? Mục tiêu hoàn thiện con người đạt được bằng các lần tái sinh liên tiếp trong các thể xác hoặc vận cụ vật chất, mới được hình thành trong giai đoạn trước khi sinh của mỗi kiếp sống kế tiếp. Ở đây chúng ta gặp giáo lý về tái sinh, cần được nghiên cứu chi tiết, và không phải là chủ đề đặc biệt của tôi trong chương trình phát sóng này. Tuy nhiên, tôi có thể nói ở đây rằng tái sinh là giải pháp hợp lý duy nhất cho các vấn đề của cuộc sống, đặc biệt là những vấn đề về thời gian và cơ hội để đạt được sự hoàn thiện và công lý trong cuộc sống của con người. Điều cuối cùng này đặc biệt quan trọng, vì nếu không có tái sinh, cuộc sống hoàn toàn bất công, là một câu đố vô vọng thách thức giải pháp. Với tái sinh, một luồng ánh sáng được chiếu vào cuộc sống của con người và chúng ta thấy nó trong sự khởi đầu, sự tiến hóa và mục tiêu của nó.

Chỉ có các kiếp sống liên tiếp mới có thể đạt được mục tiêu hoàn thiện; vì, những kinh nghiệm đa dạng của những lần tái sinh lặp đi lặp lại này được thiết kế để rút ra những quyền năng tiềm ẩn của Thượng đế đang tiến hóa vốn là con người; mọi kinh nghiệm đều có giá trị về mặt gia tăng quyền năng, minh triết và tri thức. Tuy nhiên, khi gần đạt đến sự hoàn thiện, tái sinh không còn là một sự cần thiết nữa. Tất cả sự tiến bộ hơn nữa có thể đạt được trong các cõi siêu vật chất. Vì vậy, trong Tân Ước, chúng ta đọc: 'Kẻ nào thắng, ta sẽ làm cho kẻ ấy thành một trụ trong đền thờ Thượng đế ta, và y sẽ không ra khỏi đó nữa' (Khải Huyền 3:12).

Nhân Quả là Huấn Sư của Con Người

Suy nghĩ Thông Thiên Học tiếp theo đặc biệt liên quan đến công lý cho con người trên trái đất. Tất cả các lần tái sinh của con người đều

[36] Vide Reincarnation, Fact or Fallacy? By Geoffrey Hodson.

concerns justice for man on earth. All human incarnations are connected with each other by operation of the Law of Cause and Effect, or readjustment. All actions, feelings and thoughts produce their own natural and perfectly appropriate reactions. These may follow their causative actions immediately, later in the same life, or in succeeding incarnations. This law is referred to in the text: 'For whatsoever a man soweth, that shall he also reap' (Galatians 6:7). The Sanskrit word karma is used to designate the operation of this eternal, impersonal immutable law. Karma works like this: actions motivated by love, service and unselfishness produce a pleasure and a growing freedom of self-expression, which encourage the actor to repeat them. Actions motivated by dislike, greed, selfishness and cruelty produce pain and an increasing limitation of self-expression, which discourage the actor from repeating them. Moreover, the intensity of the pleasure or the pain is governed by the degree in which the unselfish or selfish motives find expression in action.

liên quan đến công lý cho con người trên trái đất. Tất cả các lần tái sinh của con người đều được kết nối với nhau bằng hoạt động của Định luật Nhân Quả, hoặc điều chỉnh lại. Tất cả các hành động, cảm xúc và tư tưởng đều tạo ra những phản ứng tự nhiên và hoàn toàn thích hợp của riêng chúng. Chúng có thể tuân theo các hành động gây ra của chúng ngay lập tức, sau đó trong cùng một kiếp sống, hoặc trong các lần tái sinh kế tiếp. Định luật này được đề cập trong văn bản: 'Vì người ta gieo gì, thì cũng sẽ gặt nấy' (Galatians 6:7). Từ tiếng Phạn karma được sử dụng để chỉ hoạt động của định luật bất biến, vô tư, vĩnh cửu này. Nghiệp quả hoạt động như sau: các hành động được thúc đẩy bởi tình thương, sự phụng sự và lòng vị tha tạo ra một niềm vui và một sự tự do ngày càng tăng trong việc thể hiện bản thân, điều này khuyến khích người hành động lặp lại chúng. Các hành động được thúc đẩy bởi sự không thích, tham lam, ích kỷ và tàn ác tạo ra nỗi đau và một sự hạn chế ngày càng tăng trong việc thể hiện bản thân, điều này không khuyến khích người hành động lặp lại chúng. Hơn nữa, cường độ của niềm vui hoặc nỗi đau được điều chỉnh bởi mức độ mà các động cơ vị tha hoặc ích kỷ tìm thấy sự thể hiện trong hành động.

From this point of view suffering is not a retribution imposed by the Deity, a punishment inflicted from above. Neither is it an accidental adversity. All pain is self-inflicted and, moreover, is designed to apprise the actor of his transgression. Suffering, cruel and unjust though it often seems to be, is, in fact just, beneficent and educative in its ultimate purpose and effect. This is the solution of the problem of justice for man, especially with regard to suffering and disease.

Từ quan điểm này, đau khổ không phải là một sự trừng phạt do Thượng đế áp đặt, một hình phạt giáng xuống từ trên cao. Nó cũng không phải là một nghịch cảnh ngẫu nhiên. Tất cả nỗi đau đều do tự gây ra và hơn nữa, được thiết kế để thông báo cho người hành động về sự vi phạm của y. Đau khổ, dù thường có vẻ tàn khốc và bất công, nhưng trên thực tế là công bằng, nhân từ và mang tính giáo dục trong mục đích và hiệu quả cuối cùng của nó. Đây là giải pháp cho vấn đề công lý cho con người, đặc biệt là liên quan đến đau khổ và bệnh tật.

Mastery of Circumstance

Làm Chủ Hoàn Cảnh

The principle of the modification of karma, or the Law of Cause and Effect, must be added to the enunciation of the Law of Karma. Whatever one's actions in the past good or bad in varying degrees—their reactions are not to be regarded as an irretrievable fate or as a dead weight from which there is no relief. By their subsequent actions, both individuals and nations are constantly modifying the operation of the law upon themselves. Thus, neither individuals nor nations are paralysed by their past actions. Everything is not irretrievably fated, however good or bad the past. Man can master circumstances and make of each experience an opportunity for a fresh beginning, however heavily the past may weigh upon him.

Nguyên tắc sửa đổi nghiệp quả, hay Định luật Nhân Quả, phải được thêm vào phần trình bày về Định luật Nghiệp Quả. Dù hành động của một người trong quá khứ tốt hay xấu ở các mức độ khác nhau—phản ứng của chúng không được coi là một định mệnh không thể thay đổi hoặc là một gánh nặng mà không có sự giải thoát. Bởi những hành động tiếp theo của mình, cả cá nhân và quốc gia liên tục sửa đổi sự vận hành của định luật lên chính họ. Vì vậy, cả cá nhân lẫn quốc gia đều không bị tê liệt bởi những hành động trong quá khứ của họ. Mọi thứ không phải là định mệnh không thể thay đổi, dù quá khứ tốt hay xấu. Con người có thể làm chủ hoàn cảnh và biến mỗi kinh nghiệm thành một cơ hội cho một khởi đầu mới, dù quá khứ có thể đè nặng lên y đến đâu.

The Way to Freedom

Con Đường đến Tự Do

This is a very important idea—that we can pass from the grip of the Law by learning to work with it. For the savage and the criminal, civil law is an enemy because it restrains them, restricting the expression of savage and criminal tendencies. For the civilised man, however, the self-same Law is an assurance of security; it is not an enemy but a friend, not a restrictive agency but a preserver of liberty. The same applies to the universal Law of Cause and Effect. To selfish, lawless and cruel people it brings retribution, nemesis, a reaction appropriate to the pain-producing action. On the other hand, under this self-same causative Law those who live by love, helpfulness and service generate health, happiness and freedom.

Đây là một ý tưởng rất quan trọng—rằng chúng ta có thể vượt qua sự kìm kẹp của Định luật bằng cách học cách làm việc với nó. Đối với kẻ man rợ và tội phạm, luật dân sự là một kẻ thù vì nó kiềm chế họ, hạn chế sự thể hiện của các khuynh hướng man rợ và tội phạm. Tuy nhiên, đối với người văn minh, chính Luật đó là một sự đảm bảo về an ninh; nó không phải là kẻ thù mà là một người bạn, không phải là một cơ quan hạn chế mà là một người bảo tồn tự do. Điều tương tự cũng áp dụng cho Định luật Nhân Quả phổ quát. Đối với những người ích kỷ, vô luật pháp và tàn ác, nó mang lại sự trừng phạt, sự báo oán, một phản ứng thích hợp với hành động gây đau đớn. Mặt khác, theo chính Định luật nhân quả này, những người sống bằng tình thương, sự giúp đỡ và phụng sự sẽ tạo ra sức khỏe, hạnh phúc và tự do.

The Riches of the Soul

Sự Giàu Có của Linh Hồn

The spiritual soul, incarnated in its mortal

Linh hồn tinh thần, hóa thân trong Phàm ngã

Personality, is continually aware of the operation of this educative law and gradually acquires knowledge, wisdom, power and character development as a result. The Lord Buddha enunciated this truth by saying that the law 'moves to righteousness'. This is very important, because the knowledge acquired from life's experiences, the wisdom, the power, the character and the capacity wrested from life, constitute man's only true and eternal riches. They are the 'treasure in heaven, where neither moth nor rust doth corrupt, and where thieves do not break through and steal' (Matthew 6:20). Kipling said truly: 'A man may be festooned with the whole haberdashery of success and go to his grave a castaway'. Ruskin also pointed to reality in his words: 'There is no wealth but life, including all its powers of love, of joy, of admiration'.

hữu tử của nó, liên tục nhận thức được sự vận hành của định luật giáo dục này và dần dần có được kiến thức, minh triết, quyền năng và sự phát triển tính cách như một kết quả. Đức Phật đã công bố sự thật này bằng cách nói rằng luật pháp 'hướng tới sự công chính'. Điều này rất quan trọng, bởi vì kiến thức thu được từ những kinh nghiệm sống, minh triết, quyền năng, tính cách và năng lực giành được từ cuộc sống, tạo thành sự giàu có chân thật và vĩnh cửu duy nhất của con người. Chúng là 'kho báu trên trời, nơi sâu mọt và rỉ sét không làm hư nát, và nơi kẻ trộm không đào ngạch và ăn cắp' (Ma-thi-ơ 6:20). Kipling đã nói một cách chân thật: 'Một người có thể được trang hoàng với toàn bộ đồ dùng của sự thành công và xuống mồ như một kẻ bị ruồng bỏ'. Ruskin cũng chỉ ra thực tế trong những lời của Ông: 'Không có sự giàu có nào ngoài sự sống, bao gồm tất cả các quyền năng yêu thương, vui vẻ, ngưỡng mộ của nó'.

The action of this law of readjustment constitutes the only external control or judgment to which man is ever subjected. Man makes his own destiny by his own actions, and within this law is absolutely and unconditionally free. This is the key to the problem of free will. Man is spiritually free. *Any controlling predestination is produced by himself alone.* Fie is subject to no external, spiritual authority or power whatever. All religion which is based on the fear of or desire to gain favours from an external God is false. Within every man is his own all-sufficient, divine power, wisdom and light. Through this Presence of the Divine within himself, man can consciously reach the Divine in all.

Hành động của định luật điều chỉnh này cấu thành sự kiểm soát hoặc phán xét bên ngoài duy nhất mà con người từng phải chịu. Con người tạo ra số phận của chính mình bằng những hành động của chính mình, và trong định luật này, y hoàn toàn và vô điều kiện được tự do. Đây là chìa khóa cho vấn đề tự do ý chí. Con người được tự do về mặt tinh thần. Bất kỳ sự tiền định kiểm soát nào đều do chính y tạo ra. Y không phải chịu bất kỳ quyền lực hoặc quyền năng tinh thần bên ngoài nào. Tất cả tôn giáo dựa trên sự sợ hãi hoặc mong muốn giành được ân huệ từ một Thượng đế bên ngoài đều là sai trái. Bên trong mỗi người là quyền năng, minh triết và ánh sáng thiêng liêng đầy đủ của chính y. Thông qua Sự Hiện Diện của Đấng Thiêng Liêng bên trong chính mình, con người có thể ý thức vươn tới Đấng Thiêng Liêng trong tất cả.

To sum up this group of Theosophical ideas: Perfection is assured as the goal of every human being. Successive lives on earth

Tóm lại nhóm ý tưởng Thông Thiên Học này: Sự hoàn hảo được đảm bảo là mục tiêu của mọi con người. Các kiếp sống liên tiếp trên trái đất

provide the necessary time and opportunity. The Law of Cause and Effect ensures perfect justice to every human being.

cung cấp thời gian và cơ hội cần thiết. Định luật Nhân Quả đảm bảo sự công bằng tuyệt đối cho mọi con người.

Theosophy in Australia, 3, 4 August, 1957, p. 5

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 4 tháng 8 năm 1957, tr. 5

82

The Royalty and Nobility of Nations—Tính Hoàng Gia và Quý Tộc của Các Quốc Gia

Royal or noble birth is neither an accident nor an unearned, free privilege. It occurs according to law and is associated with very grave responsibilities both to the nation which is the parent and to the whole human race. The law is that of cause and effect and the responsibility is that of leadership and of example in all that is highest and noblest in human nature.

Sinh ra trong hoàng tộc hoặc quý tộc không phải là một tai nạn cũng không phải là một đặc ân miễn phí, không phải do công lao mà có. Nó xảy ra theo luật pháp và gắn liền với những trách nhiệm rất lớn đối với quốc gia vốn là cha mẹ và đối với toàn thể nhân loại. Luật pháp là luật nhân quả và trách nhiệm là trách nhiệm lãnh đạo và nêu gương trong tất cả những gì cao cả và cao quý nhất trong bản chất con người.

Munificence and magnanimity are the two keynotes of true nobility. To develop these by displaying them, Egos are from time to time brought to birth in royal and aristocratic families. Every royal instinct and every princely attribute should therefore be inculcated during childhood and youth, and outstandingly displayed throughout the whole of later life. He or she who dishonours noble birth, dishonours all nobility of all nations. For the nobility of a planet and a race is a brotherhood within the larger brotherhood of man.

Sự hào phóng và cao thượng là hai âm điệu chủ đạo của sự cao quý đích thực. Để phát triển những điều này bằng cách thể hiện chúng, các chân ngã đôi khi được sinh ra trong các gia đình hoàng gia và quý tộc. Do đó, mọi bản năng hoàng gia và mọi thuộc tính vương giả nên được thấm nhuần trong suốt thời thơ ấu và tuổi trẻ, và được thể hiện một cách nổi bật trong suốt cuộc đời sau này. Y, người làm ô danh dòng dõi quý tộc, làm ô danh tất cả sự cao quý của tất cả các quốc gia. Vì sự cao quý của một hành tinh và một chủng tộc là một tình huynh đệ trong tình huynh đệ lớn hơn của con người.

The true nobles amongst men are like the Sequoias amongst trees and the Roses amongst flowers—more splendid and more beautiful than their fellows. Stature, dignity, grade and beauty are their attributes. Power and sweet fragrance are the insignia of their

Những người quý tộc thực sự trong số loài người giống như những cây Sequoia trong số các loài cây và những bông Hồng trong số các loài hoa—lộng lẫy và đẹp đẽ hơn những người đồng loại của họ. Tầm vóc, phẩm giá, cấp bậc và vẻ đẹp là những thuộc tính của họ. Quyền

rank. To be born to these is the lot under law of kings, princes and nobles. To display them, to lead others to them by example, and so to develop them more perfectly is the opportunity especially provided by such a birth.

năng và hương thơm ngọt ngào là dấu hiệu của cấp bậc của họ. Được sinh ra để có những điều này là số phận theo luật pháp của các vị vua, hoàng tử và quý tộc. Thể hiện chúng, dẫn dắt người khác đến với chúng bằng tấm gương, và do đó phát triển chúng một cách hoàn hảo hơn là cơ hội đặc biệt do một sự ra đời như vậy mang lại.

In olden days, rulers invited Sages to their Courts as honoured guests, sought counsel of them, drank of their wisdom. So should all men today, and especially those whose duty is most difficult and whose opportunity is most high. Kings embody and express the power attribute of the Inner Self of man, Sages that of wisdom. Together they provide a perfect model for mankind.

Ngày xưa, các nhà cai trị mời các nhà hiền triết đến triều đình của họ với tư cách là những vị khách danh dự, tìm kiếm lời khuyên của Các Ngài, uống minh triết của Các Ngài. Vì vậy, tất cả mọi người ngày nay nên làm, và đặc biệt là những người có nhiệm vụ khó khăn nhất và có cơ hội cao nhất. Các vị vua thể hiện và bày tỏ thuộc tính quyền năng của Nội Ngã của con người, các nhà hiền triết thể hiện thuộc tính minh triết. Cùng nhau, Các Ngài cung cấp một mô hình hoàn hảo cho nhân loại.

Let kings be royal, nobility noble in thought and word and deed. Then shall Nature's innermost purpose in producing them be fulfilled;—to portray at its finest Her own nobility. For She, the Hidden Goddess, Dame Nature Herself, is the true Mother of Mankind. Of all kinds and types does She bring them forth—kings and commoners, nobles and toilers by hand as well as by head and heart. All alike are dear to Her and none superior. Each has his or her appointed place, task and opportunity. Each to his or her appointed goal is journeying. Pilgrims are all Her progeny, each by his or her own road. But royalty and nobility must ever lead to show the way.

Hãy để các vị vua được hoàng gia, giới quý tộc cao quý trong suy nghĩ, lời nói và hành động. Khi đó, mục đích sâu xa nhất của Tạo Hóa trong việc tạo ra Các Ngài sẽ được hoàn thành; —để miêu tả sự cao quý của chính Mẹ ở mức tốt nhất. Vì Mẹ, Nữ Thần Ẩn Mình, chính Mẹ Thiên Nhiên, là Mẹ thật sự của Nhân Loại. Mẹ mang đến cho họ đủ loại và kiểu người—vua và dân thường, quý tộc và người lao động bằng tay cũng như bằng đầu và bằng trái tim. Tất cả đều thân yêu với Mẹ và không ai vượt trội hơn. Mỗi người đều có vị trí, nhiệm vụ và cơ hội được chỉ định của mình. Mỗi người đang hành trình đến mục tiêu được chỉ định của mình. Tất cả những người con cháu của Mẹ đều là những người hành hương, mỗi người đi theo con đường riêng của mình. Nhưng hoàng tộc và giới quý tộc phải luôn dẫn đầu để chỉ đường.

In olden days, the Pharaoh was the High Priest, the Monarch was the Spiritual Counsellor to all the Kingdom. The Throne of old was the throne of one who was a kingly

Ngày xưa, các Pharaoh là Thượng Tế, Quốc Vương là Cố Vấn Tinh Thần cho toàn Vương Quốc. Ngai vàng thời xưa là ngai vàng của một người có một linh hồn vương giả, người giữ

soul, who held himself above his subjects, not in proud superiority, but by virtue of heavier responsibility. Not for him the indulgences of freer men, nor the idleness of those who had no need to toil. Self governed were the kings, princes and nobility of the Golden Age, ceaseless their labours for the State. So should it always be if royal, noble birth is to be justified by those whom Mother Nature calls thereto, ever hoping that they will bring back, but in a higher degree, another Golden Age.

mình cao hơn thần dân của mình, không phải vì sự tự cao kiêu hãnh, mà là nhờ trách nhiệm nặng nề hơn. Không dành cho y sự nuông chiều của những người tự do hơn, cũng không phải sự nhàn rỗi của những người không cần phải lao động. Các vị vua, hoàng tử và quý tộc của Thời Đại Hoàng Kim đã tự quản lý, công việc của Các Ngài cho Nhà nước không ngừng nghỉ. Vì vậy, nó phải luôn luôn như vậy nếu dòng dõi hoàng gia, quý tộc được biện minh bởi những người mà Mẹ Thiên Nhiên kêu gọi đến đó, luôn hy vọng rằng Các Ngài sẽ mang lại, nhưng ở một mức độ cao hơn, một Thời Đại Hoàng Kim khác.

Upon the most highly born has been bestowed the highest opportunity, not only for self unfoldment, but to grace the time and enrich the nation in which they are born.

Cơ hội cao nhất đã được ban cho những người sinh ra cao quý nhất, không chỉ để tự khai mở, mà còn để tô điểm cho thời gian và làm giàu cho quốc gia mà Các Ngài được sinh ra.

The Theosophist, Vol. 69, May 1948, p. 129

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 69, tháng 5 năm 1948, tr. 129

83

The Supreme Deity in Universe and Man [1]—Thượng Đế Tối Cao trong Vũ Trụ và Con Người [1]

Whilst not using the term 'Deity', certain modern scientists have affirmed their belief formed from their investigations in the existence of what they refer to as 'a directive intelligence in nature'. Sir James Jeans, for example, states that for him the universe looks 'less like a great machine than a great thought. We discover that the universe shows evidence of a designing or controlling power that has something in common with our own individual minds. The universe can best be pictured as consisting of pure thought, as a mathematical thinker'.

Mặc dù không sử dụng thuật ngữ 'Thượng đế', nhưng một số nhà khoa học hiện đại đã khẳng định niềm tin của họ được hình thành từ những nghiên cứu của họ về sự tồn tại của cái mà họ gọi là 'một trí tuệ chỉ đạo trong tự nhiên'. Ví dụ, Ngài James Jeans tuyên bố rằng đối với Ông, vũ trụ trông 'ít giống một cỗ máy vĩ đại hơn là một tư tưởng vĩ đại. Chúng ta khám phá ra rằng vũ trụ cho thấy bằng chứng về một quyền năng thiết kế hoặc kiểm soát có điểm chung với tâm trí cá nhân của chính chúng ta. Vũ trụ có thể được hình dung tốt nhất là bao gồm tư tưởng thuần túy, như một nhà tư tưởng toán học'.

Dr Einstein affirmed 'Everyone who is

Tiến sĩ Einstein khẳng định 'Bất kỳ ai nghiêm

seriously involved in the pursuit of science becomes convinced that a spirit is manifest in the laws of the universe, a spirit vastly superior to that of man, and one in the face of which we with our modest powers must feel humble'. Sir Arthur S. Eddington writes, 'Modern physics has eliminated the notion of substance. Mind is the first and most direct thing in our experience. I regard Consciousness as fundamental; I regard matter as derivative from Consciousness. The old atheism is gone; religion belongs to the realm of spirit and mind, and cannot be shaken'. Indeed, as we will see later in our studies, certain investigators actually affirm that we live in a 'universe with the godhead as the divine thinker'.

túc tham gia vào việc theo đuổi khoa học đều tin chắc rằng một tinh thần được thể hiện trong các định luật của vũ trụ, một tinh thần vượt trội hơn rất nhiều so với tinh thần của con người, và một tinh thần mà chúng ta với những quyền năng khiêm tốn của mình phải cảm thấy khiêm nhường'. Ngài Arthur S. Eddington viết, 'Vật lý hiện đại đã loại bỏ khái niệm về vật chất. Thể trí là điều đầu tiên và trực tiếp nhất trong kinh nghiệm của chúng ta. Tôi coi Tâm thức là nền tảng; Tôi coi vật chất là bắt nguồn từ Tâm thức. Chủ nghĩa vô thần cũ đã biến mất; tôn giáo thuộc về lĩnh vực tinh thần và thể trí, và không thể bị lay chuyển'. Thật vậy, như chúng ta sẽ thấy sau này trong các nghiên cứu của mình, một số nhà nghiên cứu thực sự khẳng định rằng chúng ta đang sống trong một 'vũ trụ với thần tính là nhà tư tưởng thiêng liêng'.

What, then, is contained within the vast body of ideas which the Greek philosopher Ammonius Saccas of the Neo-Platonic school in Alexandria in the earliest centuries of our era named *Theosophia,* or Divine Wisdom. What does Theosophy teach concerning the supreme Deity and man? The student of this archaic doctrine discovers that the idea of a wholly personal Deity must be greatly expanded. Indeed, the ultimate foundation source and energising and conserving principle is far removed from the idea of a personal God-head alone; for in its highest aspect this reality is described as a harmonised, balanced, integrated whole, without beginning or end, an 'ever-present, changeless, and eternal Root, from and through which all proceeds'.[37] Far-reaching though this may sound, Theosophy affirms that this source of all that exists may also be regarded as the presiding Intelligence of a single Solar System, a solar Logos. Here, too,

Vậy thì, cái gì được chứa đựng trong khối lượng ý tưởng rộng lớn mà nhà triết học Hy Lạp Ammonius Saccas của trường phái Tân-Platon ở Alexandria trong những thế kỷ đầu của kỷ nguyên chúng ta đã đặt tên là Theosophia, hay Minh Triết Thiêng Liêng. Thông Thiên Học dạy gì về Thượng đế tối cao và con người? Đạo sinh của giáo lý cổ xưa này khám phá ra rằng ý tưởng về một Thượng đế hoàn toàn cá nhân phải được mở rộng rất nhiều. Thật vậy, nguồn nền tảng cuối cùng và nguyên tắc tiếp thêm sinh lực và bảo tồn khác xa với ý tưởng về một Thượng đế cá nhân đơn thuần; vì trong khía cạnh cao nhất của nó, thực tại này được mô tả như một tổng thể hài hòa, cân bằng, tích hợp, không có khởi đầu hay kết thúc, một 'Gốc rễ vĩnh viễn hiện diện, không thay đổi và vĩnh cửu, từ đó và thông qua đó tất cả mọi thứ diễn ra'. Dù điều này nghe có vẻ sâu rộng, Thông Thiên Học khẳng định rằng nguồn gốc của tất cả những gì tồn tại này cũng có thể được coi là Trí Tuệ chủ trì

[37] *The Secret Doctrine:* 227, 233 [2-vol. ed.: Vol. 2, p. 449]

we must enlarge our minds beyond the idea of a personal God alone and go back in thought to the first Cause, the one sourceless Source.

của một Hệ Mặt Trời duy nhất, một Thái dương Thượng đế. Ở đây, chúng ta cũng phải mở rộng thể trí của mình vượt ra ngoài ý tưởng về một Thượng đế cá nhân đơn thuần và quay trở lại trong suy nghĩ về Nguyên Nhân đầu tiên, Nguồn duy nhất không có nguồn gốc.

The Flemish mystic Ruysbroeck wonderfully describes this as follows: 'Beyond contemplation, mode of the mind; beyond ecstasy, mode of the enraptured feelings; beyond even intuition's power to pierce to reality, there is the supreme Life where into the Spirit is led a boundless "unveiled world", "the hill of the Lord", "His holy place". This fruition of God is a still and glorious and essential oneness, beyond the differentiation of the persons, where there is neither an out-pouring nor an indrawing of God, but the persons are still and one in fruitful love, in calm and glorious unity. There is God, our fruition and His own, in an eternal and fathomless bliss'.

Nhà thần bí Flemish Ruysbroeck mô tả điều này một cách tuyệt vời như sau: 'Vượt ra ngoài sự chiêm ngưỡng, phương thức của thể trí; vượt ra ngoài sự ngây ngất, phương thức của những cảm xúc ngây ngất; vượt ra ngoài cả quyền năng trực giác để xuyên thấu thực tại, có Sự Sống tối cao nơi mà Tinh Thần được dẫn dắt vào một "thế giới vô biên được hé lộ", "ngọn đồi của Chúa", "nơi thánh thiện của Ngài". Sự viên mãn của Thượng đế này là một sự hợp nhất tĩnh lặng, vinh quang và thiết yếu, vượt ra ngoài sự phân biệt của các ngôi vị, nơi không có sự tuôn đổ hay thu hút của Thượng đế, nhưng các ngôi vị vẫn tĩnh lặng và hợp nhất trong tình yêu viên mãn, trong sự thống nhất bình tĩnh và vinh quang. Có Thượng đế, sự viên mãn của chúng ta và của chính Ngài, trong một niềm hạnh phúc vĩnh cửu và khôn dò'.

The Secret Doctrine does admit, however, the existence of a Logos, or a Collective 'Creator' of the Universe; a Demiurgos (Demiurge) in the sense implied when one speaks of an architect as the creator of an edifice, whereas that architect has never touched one stone of it but, furnishing the plan, has left all the manual labour to the masons the Hierarchies of Creative Intelligences. The Solar Logos is thus regarded as the Mighty Being in Whom all Monads and all beings are synthesised to constitute one great Intelligence, 'Our Lord the Sun'.

Tuy nhiên, Giáo Lý Bí Nhiệm thừa nhận sự tồn tại của một Thượng đế, hay một 'Đấng Sáng Tạo' Tập Thể của Vũ Trụ; một Demiurgos (Đấng Hóa Công) theo nghĩa ngụ ý khi người ta nói về một kiến trúc sư là người tạo ra một tòa nhà, trong khi kiến trúc sư đó chưa bao giờ chạm vào một viên đá nào của nó mà, cung cấp bản vẽ, đã để lại tất cả lao động chân tay cho những người thợ xây Huyền Giai của Các Trí Tuệ Sáng Tạo. Do đó, Thái dương Thượng đế được coi là Đấng Vĩ Đại, Đấng mà trong đó tất cả các chân thần và tất cả chúng sinh được tổng hợp để tạo thành một Trí Tuệ vĩ đại, 'Chúa Tể Mặt Trời của Chúng Ta'.

The Godhead is in a somewhat similar relation to His Solar System as is the Monad of man to

Thần tính có một mối quan hệ hơi giống với Hệ Mặt Trời của Ngài như Chân Thần của con

the seven vehicles—a source of life, light, consciousness, law and beauty. Just as the physical body has its organs which are components of the body as a whole, so the physical Solar System might possibly be regarded as the physical heart, whilst the planets may perhaps provide an analogy for the organs, limbs and other members. Thus, behind and, within creation exists its source, its architect, 'Ancient Progenitor before all things'. This, for our Solar System, is the Solar Logos, the Deity—our Lord the spiritual 'Sun' transcendent above and beyond the universe and immanent or within all that it contains. The Deity is thus manifest or visible, unmanifest or concealed, the infinite glory beyond and within all creation.

người đối với bảy vận cụ—một nguồn sự sống, ánh sáng, tâm thức, luật pháp và vẻ đẹp. Giống như thể xác có các cơ quan là thành phần của cơ thể nói chung, thì Hệ Mặt Trời vật chất có thể được coi là trái tim vật chất, trong khi các hành tinh có lẽ có thể cung cấp một sự tương tự cho các cơ quan, chi và các thành viên khác. Vì vậy, đằng sau và bên trong sự sáng tạo tồn tại nguồn gốc của nó, kiến trúc sư của nó, 'Tổ Tiên Cổ Xưa trước muôn vật'. Đối với Hệ Mặt Trời của chúng ta, đây là Thái dương Thượng đế, Thượng đế—'Mặt Trời' tinh thần Chúa Tể của chúng ta siêu việt bên trên và bên ngoài vũ trụ và nội tại hoặc bên trong tất cả những gì nó chứa đựng. Do đó, Thượng đế được biểu hiện hoặc hữu hình, không biểu hiện hoặc che giấu, vinh quang vô hạn bên ngoài và bên trong tất cả sự sáng tạo.

The Deity is also presented as the principle of divine thought, to be made manifest in an individual sense, firstly as the Logos of the whole cosmos and all that it contains, secondly as the solar Deity of a single Solar System, and thirdly as the Logos or Deity of the soul of man, the Inner Ruler Immortal. These three, be it remembered the Deity of the universe, the Deity of the Solar System, and the Deity within man are one, indivisible, identical, an integral part of each other, a whole. Man is an epitome in miniature of the whole universe, for the Solar System, physical, superphysical and spiritual, is all represented within man's nature. Lao Tzu affirmed 'The universe is a man on a large scale'. The sun, planets, satellites, powers, kingdoms and intelligences of nature are all potentially present within every man in terms of potential, vibratory frequencies. If it were not so we could not respond to their influences, could not receive and relay their life, power and consciousness. This is the true secret of man's power. He is perpetually preserved, empowered and sustained by

Thượng đế cũng được trình bày như là nguyên tắc của tư tưởng thiêng liêng, được biểu hiện theo một ý nghĩa cá nhân, thứ nhất là Thượng đế của toàn bộ vũ trụ và tất cả những gì nó chứa đựng, thứ hai là Thượng đế thái dương của một Hệ Mặt Trời duy nhất, và thứ ba là Thượng đế của linh hồn con người, Đấng Thống Trị Bất Tử Bên Trong. Cần nhớ rằng ba điều này, Thượng đế của vũ trụ, Thượng đế của Hệ Mặt Trời và Thượng đế bên trong con người là một, không thể phân chia, giống hệt nhau, một phần không thể thiếu của nhau, một tổng thể. Con người là một hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ vũ trụ, vì Hệ Mặt Trời, vật chất, siêu vật chất và tinh thần, đều được thể hiện trong bản chất của con người. Lão Tử khẳng định 'Vũ trụ là một người ở quy mô lớn'. Mặt trời, các hành tinh, vệ tinh, quyền năng, giới và trí tuệ của tự nhiên đều có mặt tiềm năng trong mọi người về tần số rung động tiềm năng. Nếu không như vậy, chúng ta không thể đáp ứng những ảnh hưởng của Các Ngài, không thể nhận và chuyển tiếp sự sống, quyền năng và tâm thức của Các Ngài. Đây là bí mật thực sự về quyền năng của con người. Y

virtue of the Presence within him.

liên tục được bảo tồn, trao quyền và duy trì nhờ Sự Hiện Diện bên trong y.

Kabbalism adds: 'What is below is above. What is inside is outside and everything acts upon everything else'. Man is thus portrayed as 'a symbolic transparency through which the secret of the Cosmos could be discerned'. Kabbalists stress the inter-relation of all worlds and levels of being, affirming that 'every thing is connected with and interpenetrates every thing else according to exact though unfathomable laws. Everything possesses its infinite depths which from every point may be contemplated'.

Kabbalism nói thêm: 'Những gì ở dưới là ở trên. Những gì ở bên trong là ở bên ngoài và mọi thứ tác động lên mọi thứ khác'. Do đó, con người được miêu tả là 'một sự minh bạch mang tính biểu tượng mà qua đó bí mật của Vũ Trụ có thể được nhận ra'. Các nhà Kabbalist nhấn mạnh mối quan hệ tương hỗ của tất cả các thế giới và các cấp độ tồn tại, khẳng định rằng 'mọi thứ đều được kết nối với và xuyên thấu mọi thứ khác theo các định luật chính xác mặc dù không thể dò thấu. Mọi thứ đều sở hữu những chiều sâu vô hạn của nó, từ đó mọi điểm có thể được chiêm ngưỡng'.

This refers to the most profound fact about man—ourselves; for locked up, inherent, inborn within each one of us, how ever embryonic, is the whole potency of the universe, its Supreme Deity and the intelligences through which He is made manifest. In H. P. B.'s [Helena P. Blavatsky] famous book, *The Secret Doctrine*, we read concerning the Divine in Man that 'The ever unknowable and incognizable *Karetna* alone, the *Causeless* Cause of all causes, should have its shrine and altar on the holy and ever untrodden ground of our heart—invisible, intangible, unmentioned, save through the "still small voice" of our spiritual consciousness. Those who worship before it, ought to do so in the silence and the sanctified solitude of their Souls; making their Spirit the sole mediator between them and the Universal Spirit, their good actions the only priests, and their sinful intentions the only visible and objective sacrificial victims to the *Presence*'.[38]

Điều này đề cập đến một sự thật sâu sắc nhất về con người—chính chúng ta; vì bị giam giữ, vốn có, bẩm sinh bên trong mỗi chúng ta, dù còn phôi thai đến đâu, là toàn bộ tiềm năng của vũ trụ, Thượng đế Tối Cao của nó và các trí tuệ mà qua đó Ngài được biểu lộ. Trong cuốn sách nổi tiếng của Bà H. P. B. [Helena P. Blavatsky], Giáo Lý Bí Mật, chúng ta đọc về Thượng Đế trong Con Người rằng 'Chỉ có Karetna vĩnh viễn không thể biết và không thể nhận thức, Nguyên Nhân Vô Nhân của mọi nguyên nhân, nên có đền thờ và bàn thờ của nó trên mảnh đất thiêng liêng và vĩnh viễn không bị giày xéo của trái tim chúng ta—vô hình, vô hình, không được nhắc đến, ngoại trừ qua "giọng nói nhỏ nhẹ" của tâm thức tinh thần của chúng ta. Những người thờ phượng trước nó, nên làm như vậy trong sự im lặng và sự cô độc được thánh hóa của Linh Hồn họ; làm cho Tinh Thần của họ trở thành người hòa giải duy nhất giữa họ và Tinh Thần Vũ Trụ, những hành động tốt của họ là những tư tế duy nhất, và những ý định tội lỗi của họ là những nạn nhân hiến tế hữu hình và khách

38 The Secret Doctrine, *Vol. 1, p. 322 [2-vol. ed.: Vol 1, p. 280].*

quan duy nhất cho Sự Hiện Diện'.

I now advance one other Theosophical thought; this is that man is possessed of the power in increasing measure to know, to commune with and ultimately to be consciously absorbed in the One Eternal Essence from which all is said to have come forth.

Giờ đây, tôi đưa ra một tư tưởng Thông Thiên Học khác; đó là con người sở hữu sức mạnh ngày càng tăng để biết, để giao tiếp và cuối cùng là được hấp thụ một cách có ý thức vào Bản Thể Vĩnh Cửu Duy Nhất từ đó tất cả được cho là đã xuất hiện.

This experience has actually been passed through by seers and mystics on earth who have handed on descriptions of their intellectual and spiritual illumination.

Kinh nghiệm này đã thực sự được trải qua bởi các nhà ngoại cảm và nhà thần bí trên trái đất, những người đã truyền lại những mô tả về sự soi sáng trí tuệ và tinh thần của họ.

Thus the aspirant may know, come to experience with increasing fullness and depth and height, something of the mystery of the Supreme Deity of which every man is a manifestation and a part. He or she may well affirm 'Up and down, and through and in and out of all this wanders life, God, as Spirit. Not God Himself but His expanding Life as mind, passing into, and exploring, all the ramifications of His body. In the littlest, densest, more inert fragments of His garments, His consciousness is the steadfast guarantee of an eternal link'.

Do đó, người chí nguyện có thể biết, đến để trải nghiệm với sự viên mãn, chiều sâu và chiều cao ngày càng tăng, một điều gì đó về sự huyền bí của Thượng đế Tối Cao mà mỗi người là một biểu hiện và một phần. Y có thể khẳng định 'Lên xuống, và xuyên qua và trong và ngoài tất cả những điều này, sự sống, Thượng đế, như là Tinh Thần, lang thang. Không phải chính Thượng đế mà là Sự Sống đang mở rộng của Ngài như là thể trí, đi vào và khám phá tất cả các nhánh của cơ thể Ngài. Trong những mảnh nhỏ nhất, đậm đặc nhất, trơ nhất của y phục Ngài, tâm thức của Ngài là sự đảm bảo vững chắc cho một mối liên kết vĩnh cửu'.

To sum up and repeat, a profound, fundamental truth concerning man is that in his spiritual, intellectual, psychical and physical nature he is a miniature replica or epitome of the whole order of created beings and things.

Tóm lại và lặp lại, một sự thật sâu sắc, cơ bản liên quan đến con người là trong bản chất tinh thần, trí tuệ, tâm linh và thể xác của y, y là một bản sao thu nhỏ hoặc hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ trật tự của các hữu thể và sự vật được tạo ra.

Man is a model of the totality of nature. He contains within himself the collective aggregate of all that has ever existed, does at any time exist, and will ever exist throughout the eternity of eternities. Man is a microcosm, a miniature reproduction of the Macrocosm and therefore is rightly said to be made in the image of his Creator. The Chinese philosopher

Con người là một mô hình của toàn bộ tự nhiên. Y chứa đựng trong mình tập hợp chung của tất cả những gì đã từng tồn tại, đang tồn tại vào bất kỳ thời điểm nào và sẽ luôn tồn tại trong suốt cõi vĩnh hằng của cõi vĩnh hằng. Con người là một tiểu thiên địa, một bản sao thu nhỏ của Đại Thiên Địa và do đó được cho là được tạo ra theo hình ảnh của Đấng Sáng Tạo

LaoTzu, expressed this in the phrase: 'The Universe is a man on a large scale'.

Thus the Logos and man are not only one in essence, but all that is in the Logos, which includes the Solar System, is innate in man. Their constitution is precisely similar, namely at least sevenfold. Man as Monad, like Deity and universe, is also immanent within and transcendent beyond his 'field' of manifestation, his seven Principles. True, therefore, is the statement that man is made in God's image, that the Universe is a man on a large scale, and that 'the proper study of mankind is man'.

Wise was the injunction of the Mystery Schools of old, 'Man know thyself, for when man truly knows himself, he knows all. Indeed, man is not remote from any portion of the Cosmos. One Life nourishes, sustains and unites all parts and all beings; 'All are but parts of one stupendous whole'.

As Christians, we are by no means unfamiliar with this great Truth, for we find St Paul writing concerning the Supreme Deity in Universe and man, as follows: 'Know ye not that ye are the Temple of God and that the Spirit of God dwelleth in you' (1 st Corinthians 3:16).

'I travail in birth again until the Christ be formed in you' (Galatians 4:19).

Our Lord Jesus Christ Himself said: 'I and My Father are One' (John 10:30).

'I am in My Father and He in me and I in you' (John 14:20).

'Lo! I am with you always even unto the end of

của y. Nhà triết học Trung Quốc Lão Tử đã diễn đạt điều này trong cụm từ: 'Vũ trụ là một con người trên quy mô lớn'.

Do đó, Hành Tinh Thượng đế và con người không chỉ là một về bản chất, mà tất cả những gì có trong Hành Tinh Thượng đế, bao gồm cả Hệ Mặt Trời, đều bẩm sinh ở con người. Cấu tạo của Các Ngài hoàn toàn tương tự nhau, cụ thể là ít nhất là thất phân. Con người như là Chân Thần, giống như Thượng đế và vũ trụ, cũng ở bên trong và siêu việt ra ngoài 'trường' biểu hiện của y, Thất Nguyên của y. Vì vậy, đúng là tuyên bố rằng con người được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế, rằng Vũ trụ là một con người trên quy mô lớn và 'nghiên cứu thích hợp về nhân loại là con người'.

Lời răn dạy của các Trường Phái Huyền Bí thời xưa thật khôn ngoan, 'Con người hãy tự biết mình, vì khi con người thực sự biết mình, y biết tất cả. Thật vậy, con người không hề xa rời bất kỳ phần nào của Vũ Trụ. Một Sự Sống nuôi dưỡng, duy trì và hợp nhất tất cả các phần và tất cả các hữu thể; 'Tất cả chỉ là những phần của một tổng thể vĩ đại'.

Là Cơ đốc nhân, chúng ta hoàn toàn không xa lạ gì với Chân Lý vĩ đại này, vì chúng ta thấy Thánh Phaolô viết về Thượng đế Tối Cao trong Vũ Trụ và con người, như sau: 'Các ngươi không biết rằng các ngươi là Đền Thờ của Thượng đế và Thần của Thượng đế ngự trong các ngươi sao' (1 Cô-rinh-tô 3:16).

'Ta lại quặn đau cho đến khi Đấng Christ thành hình trong các ngươi' (Ga-la-ti 4:19).

Chính Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta đã phán: 'Ta và Cha Ta là Một' (Giăng 10:30).

'Ta ở trong Cha Ta và Ngài ở trong Ta và Ta ở trong các ngươi' (Giăng 14:20).

'Này! Ta luôn ở cùng các ngươi cho đến tận thế'

the world' (Matthew 28:30).

(Ma-thi-ơ 28:30).

Theosophy in New Zealand, Vol. 41, No. 4, 1980, p. 80

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 41, Số 4, 1980, tr. 80

84

The Science of Self-Illumination—Khoa Học Tự Soi Sáng

The science of self-illumination, the science of the soul of man, is the greatest of all sciences. There is a purpose in its study, to find the method whereby we may achieve our maximum power and capacity in attaining to spiritual awareness. It will lead to spiritual bliss, true happiness. It will also hasten our progress towards the fulfilment of human life in the state of perfected manhood. Can that be done? The basic principles of Theosophy give an affirmative reply and indicate the means to realization. It is essential to trace human power to its source, and this is done by regular and methodical self-training, so sensitising, oneself that we can enter at will into an illumined state. This is the practice of yoga.

Khoa học tự soi sáng, khoa học về linh hồn của con người, là khoa học vĩ đại nhất trong tất cả các khoa học. Có một mục đích trong việc nghiên cứu nó, để tìm ra phương pháp mà qua đó chúng ta có thể đạt được sức mạnh và khả năng tối đa của mình trong việc đạt đến nhận thức tinh thần. Nó sẽ dẫn đến phúc lạc tinh thần, hạnh phúc đích thực. Nó cũng sẽ đẩy nhanh sự tiến bộ của chúng ta hướng tới sự hoàn thành cuộc sống con người trong trạng thái nhân tính hoàn hảo. Điều đó có thể được thực hiện không? Các nguyên tắc cơ bản của Thông Thiên Học đưa ra một câu **trả lời** khẳng định và chỉ ra các phương tiện để hiện thực hóa. Điều cần thiết là truy tìm sức mạnh con người đến nguồn gốc của nó, và điều này được thực hiện bằng cách tự huấn luyện thường xuyên và có phương pháp, do đó làm cho bản thân nhạy cảm đến mức chúng ta có thể tự nguyện bước vào trạng thái được soi sáng. Đây là sự thực hành yoga.

The meaning of the word is union, and that union with the divine source is the goal of man. It should be approached from its dual aspects, its life and form, its philosophy and its practice. Now the term 'soul' is indefinite and elusive. Yet this is what man is and from it comes his physical existence and power, so that its discovery is of supreme importance. Man can uncover this infinite power imprisoned within him, can express it, and so reach the greatest heights. In Theosophy are found ideas concerning the Deity, the universe and man, picturing their mutual relationships. A basic distinction exists

Ý nghĩa của từ này là sự hợp nhất, và sự hợp nhất đó với nguồn thiêng liêng là mục tiêu của con người. Nó nên được tiếp cận từ các khía cạnh kép của nó, sự sống và hình tướng của nó, triết lý và thực hành của nó. Giờ đây, thuật ngữ 'linh hồn' là không xác định và khó nắm bắt. Tuy nhiên, đây là những gì con người là và từ đó xuất phát sự tồn tại và sức mạnh thể xác của y, do đó việc khám phá ra nó là vô cùng quan trọng. Con người có thể khám phá ra sức mạnh vô hạn này bị giam cầm bên trong y, có thể thể hiện nó và do đó đạt đến những tầm cao nhất. Trong Thông Thiên Học, người ta tìm thấy những ý tưởng liên quan đến Thượng

between man's Personality functioning through the body, and his deeper self, the Divine, Spiritual Essence which is the very core of his existence. That spiritual Self of man is of the same Essence as the Spirit of the

đế, vũ trụ và con người, mô tả các mối quan hệ lẫn nhau của Các Ngài. Một sự phân biệt cơ bản tồn tại giữa Phàm ngã của con người hoạt động thông qua cơ thể và bản chất sâu sắc hơn của y, Bản Thể Tinh Thần Thiêng Liêng vốn là cốt lõi của sự tồn tại của y. Bản Thể tinh thần đó của con người có cùng Bản Thể với Tinh Thần của

Universe. Man-Spirit and God-Spirit are one Spirit. Through that identity of source and inmost essence arises not only the brotherhood of man, but of all life. The supreme objective of yoga is the realization of this fact of the unity of man with the Spirit of the Universe in full consciousness. The yogi chants, *SOHAM,* I AM HE.

Vũ Trụ. Tinh Thần-Con Người và Tinh Thần-Thượng Đế là một Tinh Thần. Thông qua sự đồng nhất về nguồn gốc và bản chất sâu kín nhất đó, không chỉ nảy sinh tình huynh đệ của con người, mà còn của tất cả sự sống. Mục tiêu tối cao của yoga là nhận ra sự thật này về sự hợp nhất của con người với Tinh Thần của Vũ Trụ trong tâm thức đầy đủ. Yogi tụng, SOHAM, TA LÀ NGÀI.

In man Universal Spirit-Essence is focussed into an Individuality, his spiritual soul or Ego. It is the true Self in each of us, the real, behind the bodily veil. It is the spiritual body declared by St Paul, the Living God, for which he said the mortal body is a temple—the Christ in man, the hope of glory. This divine presence within him is man's absolute assurance of salvation; this, his very Self, is of almost unlimited potential. But only a fraction of man's capacity is normally seen in physical action and achievement. The value of the study and practice of yoga is to increase the expression of capacity. The true Self of man perpetually unfolds his inherent powers. It evolves to perfected manhood by successive lives on earth. Still, the spiritual soul is immortal, invulnerable. The sublime passage in the *Bhagavad Gita* describes this in part: -

Trong con người, Bản Thể Tinh Thần Vũ Trụ được tập trung thành một Cá Tính, linh hồn tinh thần hay chân ngã của y. Đó là Bản Thể đích thực trong mỗi chúng ta, cái thực, đằng sau bức màn thể xác. Đó là thể tinh thần được Thánh Phaolô tuyên bố, Thượng Đế Hằng Sống, mà y nói rằng cơ thể phàm trần là một ngôi đền—Đức Christ trong con người, niềm hy vọng vinh quang. Sự hiện diện thiêng liêng này bên trong y là sự đảm bảo tuyệt đối của con người về sự cứu rỗi; đây, chính Bản Thể của y, có tiềm năng gần như vô hạn. Nhưng chỉ một phần nhỏ trong khả năng của con người thường được thấy trong hành động và thành tựu thể xác. Giá trị của việc nghiên cứu và thực hành yoga là để tăng cường sự thể hiện khả năng. Bản Thể đích thực của con người liên tục mở ra những sức mạnh vốn có của y. Nó tiến hóa đến nhân tính hoàn hảo bằng những kiếp sống liên tiếp trên trái đất. Tuy nhiên, linh hồn tinh thần là bất tử, bất khả xâm phạm. Đoạn văn tuyệt vời trong Bhagavad Gita mô tả điều này một phần: -

'These bodies of the embodied One, who is

'Những cơ thể này của Đấng Nhập Thể, Đấng

eternal, indestructible and immeasurable, are known as finite.... He is not born nor doth he die, nor having been ceaseth he any more to be; unborn, perpetual, eternal and ancient, he is not slain when the body is slaughtered.... As a man casting off worn-out garments taketh new ones, so the dweller in the body, casting off worn-out bodies, entereth into others that are new. Uncleavable he, incombustible he, and indeed neither to be wetted nor dried away; perpetual, all pervasive, stable, immutable, ancient. Unmanifest, unthinkable, immutable he is called'.

vĩnh cửu, bất hoại và vô lượng, được biết đến là hữu hạn.... Ngài không sinh ra cũng không chết, cũng không còn tồn tại nữa sau khi đã từng tồn tại; không sinh ra, vĩnh viễn, vĩnh cửu và cổ xưa, Ngài không bị giết khi cơ thể bị tàn sát.... Như một người vứt bỏ những bộ quần áo đã sờn cũ và mặc những bộ quần áo mới, thì người ở trong cơ thể, vứt bỏ những cơ thể đã sờn cũ, bước vào những cơ thể khác mới. Không thể tách rời Ngài, không thể đốt cháy Ngài, và thực sự không thể làm ướt hoặc làm khô Ngài; vĩnh viễn, bao trùm tất cả, ổn định, bất biến, cổ xưa. Không biểu hiện, không thể nghĩ bàn, bất biến Ngài được gọi'.

Justice follows past workings and decides the conditions of each life. But normal conditions can be changed, so that self-realization and adeptship can become established ahead of time. This can be done. The kingdom of heaven can be taken by storm. Such is the knowledge of yoga. It is a noble philosophy of life.

Công lý tuân theo những hoạt động trong quá khứ và quyết định các điều kiện của mỗi cuộc sống. Nhưng các điều kiện bình thường có thể thay đổi, để sự tự nhận thức và địa vị chân sư có thể được thiết lập trước thời hạn. Điều này có thể được thực hiện. Vương quốc thiên đàng có thể bị chiếm đoạt bằng vũ lực. Đó là kiến thức về yoga. Đó là một triết lý cao quý về cuộc sống.

The practice of yoga follows seven main paths. Illumination is attained by yoga in its total meaning and application to life. It is not simple. General de Gaulle said, 'We may well go to the moon, but that is not very far. The greatest distance we have to cover still lies within us'. A dictum of Emerson's illustrates the same attitude; 'God offers to every man the choice between truth and repose. Take which you please, you can never have both'. Success in fulfilment depends on the control and right direction of thought, and the practice of yoga as some part of life. Each form of yoga is a branch of the main yoga pathway, each has its method and its objectives.

Việc thực hành yoga tuân theo bảy con đường chính. Sự soi sáng đạt được bằng yoga trong toàn bộ ý nghĩa và ứng dụng của nó vào cuộc sống. Nó không đơn giản. Tướng de Gaulle nói, 'Chúng ta có thể lên mặt trăng, nhưng điều đó không xa lắm. Khoảng cách lớn nhất mà chúng ta phải vượt qua vẫn nằm trong chúng ta'. Một câu nói của Emerson minh họa cùng một thái độ; 'Thượng đế ban cho mọi người sự lựa chọn giữa chân lý và sự an nghỉ. Hãy chọn cái nào bạn thích, bạn không bao giờ có thể có cả hai'. Thành công trong việc hoàn thành phụ thuộc vào sự kiểm soát và định hướng đúng đắn của tư tưởng, và việc thực hành yoga như một phần nào đó của cuộc sống. Mỗi hình thức yoga là một nhánh của con đường yoga chính, mỗi hình thức có phương pháp và mục tiêu riêng.

Beginning with the body, *Hatha* Yoga aims at bodily mastery, with complete harmonization in breathing, preparatory to *Raja* Yoga. Karma Yoga, aiming at skill in action, recognizes the One Actor and dedicates all work rendered as service impersonally in His Name. 'He who works prays.' The process of *Laya* Yoga is more abstruse. It gives mastery over the powers of will and mind, and includes the arousing and direction of the Serpent Fire, *Kundalini. Laya* means to be 'dissolved' in God, like water in water, light in light, and space in space.

Bắt đầu với cơ thể, Hatha Yoga nhằm mục đích làm chủ cơ thể, với sự hài hòa hoàn toàn trong hơi thở, chuẩn bị cho Raja Yoga. Karma Yoga, nhằm mục đích có kỹ năng trong hành động, nhận ra Đấng Hành Động Duy Nhất và cống hiến tất cả công việc được thực hiện như một sự phụng sự vô tư trong Danh Ngài. 'Người làm việc là cầu nguyện.' Quá trình Laya Yoga trừu tượng hơn. Nó mang lại sự làm chủ đối với sức mạnh của ý chí và thể trí, và bao gồm việc đánh thức và định hướng Lửa Rắn, Kundalini. Laya có nghĩa là 'hòa tan' trong Thượng đế, như nước trong nước, ánh sáng trong ánh sáng và không gian trong không gian.

Knowledge Yoga, *Jnana* Yoga, leads to wisdom, founded upon and distilled from knowledge and experience. Developing the mind, it gives control over all the powers of the intellect, thus leading to the attainment of perfect comprehension. That will include the knowledge of that single Absolute Truth which is regarded as the source of all phenomena or perceptions in the universe the existence of the One Life, the Reality. All types of multiplicity are then known as unreal. *Mantra* or 'sound' Yoga contrasts that mysticism with occult training in control of voice, sound, and sound vibrations, that can then be used for spiritual purposes. Conquest over the powers of human and divine love is the method of *Bhakti* Yoga—devotion. Finally *Raja* Yoga, kingly Yoga, may be described as the Yoga of the Presence, which summarizes all other methods. It accentuates consciousness, dissociates the Self from its vehicles, and affirms and realizes Oneness. As do all, it leads to direct knowledge of the spiritual Self and of its unity with the One Self in all.

Knowledge Yoga, Jnana Yoga, dẫn đến minh triết, được xây dựng trên và chắt lọc từ kiến thức và kinh nghiệm. Phát triển thể trí, nó mang lại sự kiểm soát đối với tất cả các sức mạnh của trí tuệ, do đó dẫn đến việc đạt được sự thấu hiểu hoàn hảo. Điều đó sẽ bao gồm kiến thức về Chân Lý Tuyệt Đối duy nhất đó, vốn được coi là nguồn gốc của tất cả các hiện tượng hoặc nhận thức trong vũ trụ—sự tồn tại của Sự Sống Duy Nhất, Thực Tại. Tất cả các loại đa tạp sau đó được biết là không có thật. Mantra hay 'âm thanh' Yoga tương phản chủ nghĩa thần bí đó với việc huấn luyện huyền bí trong việc kiểm soát giọng nói, âm thanh và rung động âm thanh, sau đó có thể được sử dụng cho các mục đích tinh thần. Chinh phục sức mạnh của tình yêu con người và thiêng liêng là phương pháp của Bhakti Yoga—sự sùng kính. Cuối cùng, Raja Yoga, Yoga vương giả, có thể được mô tả là Yoga của Sự Hiện Diện, tóm tắt tất cả các phương pháp khác. Nó làm nổi bật tâm thức, tách Bản Thể khỏi các vận cụ của nó, và khẳng định và nhận ra Sự Hợp Nhất. Như tất cả, nó dẫn đến kiến thức trực tiếp về Bản Thể tinh thần và sự hợp nhất của nó với Bản Thể Duy Nhất trong tất cả.

To discover reality the I-thought must be transcended and we must become consciously

Để khám phá ra thực tại, tư tưởng-Ta phải được siêu việt và chúng ta phải trở nên đồng

identified with the Spirit-Essence of the Universe, absorbed in the infinite ocean of Being, in the illimitable Light. Regularly in daily life, by constant meditation, deliberately turning the mind to the highest within one, to Truth, to Spirit, to God, we shall merge the lesser self therein. Such in outline is man's pathway to true power, that of the Spirit. A lifetime could be spent in study of each method, but by thought and practice, sooner or later, a mental equipoise, effortless, thought-free, is attained. As if the mind had become dissolved to its source, silence enfolds one. One rests in a poised stillness of mind. It is not forced, but descends upon one and the mind is still, in the ocean of reality. Then, gradually, a centre of radiance reveals itself, while a self-declaration of Spirit is made. This is the illumined state. Entering this regularly one taps the infinite source within, and learns to express it in increasing vision and beauty.

nhất một cách có ý thức với Bản Thể Tinh Thần của Vũ Trụ, được hấp thụ vào đại dương vô tận của Hữu Thể, trong Ánh Sáng vô hạn. Thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày, bằng cách tham thiền liên tục, cố ý hướng thể trí đến cái cao nhất bên trong một người, đến Chân Lý, đến Tinh Thần, đến Thượng đế, chúng ta sẽ hợp nhất bản ngã thấp hơn vào đó. Đó là phác thảo con đường của con người đến sức mạnh đích thực, sức mạnh của Tinh Thần. Một đời người có thể được dành để nghiên cứu từng phương pháp, nhưng bằng tư tưởng và thực hành, sớm hay muộn, một sự cân bằng tinh thần, dễ dàng, không cần suy nghĩ, sẽ đạt được. Như thể thể trí đã hòa tan vào nguồn gốc của nó, sự im lặng bao trùm một người. Người ta nghỉ ngơi trong sự tĩnh lặng cân bằng của thể trí. Nó không bị ép buộc, mà giáng xuống một người và thể trí vẫn tĩnh lặng, trong đại dương thực tại. Sau đó, dần dần, một trung tâm rạng rỡ tự bộc lộ, trong khi một lời tự tuyên bố của Tinh Thần được đưa ra. Đây là trạng thái được soi sáng. Bước vào điều này thường xuyên, người ta khai thác nguồn vô tận bên trong và học cách thể hiện nó trong tầm nhìn và vẻ đẹp ngày càng tăng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 24, 1963, p. 8

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 24, 1963, tr. 8

85

The True Vision—Tầm Nhìn Đích Thực

The attainment of supersensory powers alone should on no account be made an end in itself, for seership is but incidental to spirituality. The highest vision is of unity, the highest motive is to serve, and the greatest power attainable by man is effectively to uplift, illumine, teach, heal and serve one's fellow men.

Việc đạt được các sức mạnh siêu cảm giác một mình không nên được coi là mục đích tự thân, vì khả năng ngoại cảm chỉ là ngẫu nhiên đối với tinh thần. Tầm nhìn cao nhất là sự hợp nhất, động cơ cao nhất là phụng sự, và sức mạnh lớn nhất mà con người có thể đạt được là nâng đỡ, soi sáng, dạy dỗ, chữa lành và phụng sự đồng loại một cách hiệu quả.

Fulfilment, self-unfoldment, enlightenment, power to uplift and to heal, and above all a

Sự hoàn thành, sự mở ra bản thân, sự giác ngộ, sức mạnh để nâng đỡ và chữa lành, và trên hết

magnificent purpose in life—all these await the determined man of unprejudiced mind and selfless heart who seeks the truth and aspires to serve.

là một mục đích tuyệt vời trong cuộc sống—tất cả những điều này đang chờ đợi người đàn ông kiên định với thể trí không thành kiến và trái tim vị tha, người tìm kiếm chân lý và khao khát phụng sự.

Theosophy in New Zealand, Vol. 35, No. 1, 1974, p. 2

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 35, Số 1, 1974, tr. 2

An extract from *The Rod of Hermes, American Theosophist,*

Một đoạn trích từ Thần Trượng Hermes, Nhà Thông Thiên Học Hoa Kỳ,

Vol. 58, 5 May 1970, p. Ill

Tập. 58, 5 tháng 5 năm 1970, tr. III

86

Theosophy and the Modern World—Thông Thiên Học và Thế Giới Hiện Đại

Perverted Occultism, A Growing World Evil

Huyền Bí Học Đồi Trụy, Một Tệ Nạn Thế Giới Đang Gia Tăng

From this consideration of the past, let us return to the subject from which we digressed—that of the special aspects of Theosophy to be put before the world in the immediate future.

Từ sự xem xét về quá khứ này, chúng ta hãy quay trở lại chủ đề mà chúng ta đã lạc đề—chủ đề về các khía cạnh đặc biệt của Thông Thiên Học sẽ được đưa ra trước thế giới trong tương lai gần.

I referred to the special esotericism of the new cycle and suggested that it would probably consist of occult self-training and self-development. There are many signs of a growing world interest in these things. The number of books on Yoga, occultism and mysticism is rapidly increasing.

Tôi đã đề cập đến huyền bí học đặc biệt của chu kỳ mới và gợi ý rằng nó có thể bao gồm việc tự huấn luyện và tự phát triển huyền bí. Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng của thế giới đối với những điều này. Số lượng sách về Yoga, huyền bí học và thần bí học đang tăng lên nhanh chóng.

Here again I believe that the Theosophical Society has a most important work to perform. This consists of putting clearly before the world the necessity for right motives for occult development.

Một lần nữa, tôi tin rằng Hội Thông Thiên Học có một công việc quan trọng nhất để thực hiện. Điều này bao gồm việc đặt ra một cách rõ ràng trước thế giới sự cần thiết phải có những động cơ đúng đắn cho sự phát triển huyền bí.

The practical employment of occult knowledge and power which is on the increase today is productive of a third great evil in the world. In addition to the growing menace of

Việc sử dụng thực tế kiến thức và sức mạnh huyền bí đang gia tăng ngày nay đang tạo ra một tệ nạn lớn thứ ba trên thế giới. Ngoài mối đe dọa ngày càng tăng của chế độ độc tài cả về

dictatorship both political and religious, mankind, especially in the West, is today threatened by another and to my mind exceedingly serious danger.

chính trị và tôn giáo, nhân loại, đặc biệt là ở phương Tây, ngày nay đang bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm khác và theo tôi là vô cùng nghiêm trọng.

This consists of the widespread perversion and misuse of occult knowledge and power for purely personal and material ends.

Điều này bao gồm sự đồi trụy và lạm dụng lan rộng kiến thức và sức mạnh huyền bí cho các mục đích vật chất và cá nhân thuần túy.

Again we may usefully look back to those fateful days – fateful indeed for us all here and for the whole race—when the question of a perennial release in our time of Theosophy was under consideration by the Elder Brethren. We now know that certain of Them seriously doubted the wisdom of giving Theosophy to the Western world. We also know now how well grounded Their doubts prove to have been.

Một lần nữa, chúng ta có thể nhìn lại một cách hữu ích những ngày định mệnh đó – thực sự là định mệnh đối với tất cả chúng ta ở đây và cho toàn thể nhân loại – khi câu hỏi về việc Minh Triết Ngàn Đời được công bố vĩnh viễn trong thời đại của chúng ta đang được Các Huynh Trưởng xem xét. Giờ đây, chúng ta biết rằng một số Ngài đã nghiêm túc nghi ngờ sự khôn ngoan khi trao Minh Triết Ngàn Đời cho thế giới phương Tây. Giờ đây, chúng ta cũng biết những nghi ngờ của Các Ngài đã được chứng minh là có cơ sở như thế nào.

For it is an indubitable fact that the teachings have been seized upon and grossly perverted by their use by individuals for money, for personal aggrandizement and to increase purely material power and possessions, as well as a means of developing a semi-hypnotic influence over others.

Vì một sự thật không thể chối cãi là những giáo lý đã bị chiếm đoạt và xuyên tạc một cách thô thiển do việc sử dụng chúng của các cá nhân vì tiền bạc, vì sự tự tôn cá nhân và để tăng cường quyền lực và của cải thuần túy vật chất, cũng như một phương tiện để phát triển ảnh hưởng bán thôi miên đối với người khác.

The sublime truths concerning the powers latent in Nature and in man, the grand science of Yoga whereby these powers may be evoked and directed for the spiritual upliftment both of the individual and of the race these teachings have been seized upon by material minded individualists and perverted from their spiritual to grossly material purposes.

Những chân lý cao cả liên quan đến những năng lực tiềm ẩn trong Tự Nhiên và trong con người, khoa học vĩ đại của Yoga, nhờ đó những năng lực này có thể được gợi lên và định hướng để nâng cao tinh thần cho cả cá nhân và nhân loại, những giáo lý này đã bị những người theo chủ nghĩa cá nhân có đầu óc vật chất chiếm đoạt và xuyên tạc từ mục đích tinh thần của họ sang những mục đích vật chất thô thiển.

Self styled Yogis now tour the world in considerable numbers. They teach various methods of such evocation and direction of occult powers. Psychologists, success-merchants and even those who name

Những nhà Yoga tự xưng hiện đang đi khắp thế giới với số lượng đáng kể. Họ dạy nhiều phương pháp khơi gợi và định hướng các năng lực huyền bí như vậy. Các nhà tâm lý học, những người buôn bán thành công và thậm

themselves Christian, preach to the world for huge sums of money methods whereby the occult forces of the mind and the will may be phenomenally employed. They encourage the use of spiritual power to produce wealth, possessions, business success, magnetic powers over others, prospective clients and underlined, the opposite sex.

chí cả những người tự xưng là Cơ đốc nhân, thuyết giảng cho thế giới với số tiền khổng lồ về các phương pháp mà theo đó các lực lượng huyền bí của thể trí và ý chí có thể được sử dụng một cách phi thường. Họ khuyến khích việc sử dụng năng lực tinh thần để tạo ra sự giàu có, của cải, thành công trong kinh doanh, năng lực từ tính đối với người khác, khách hàng tiềm năng và nhấn mạnh là đối với người khác phái.

What is all this but black magic and of a peculiarly subtle and dangerous kind? Subtle and dangerous because practice under the guise of legitimacy. Why shouldn't we use hidden forces for our own material well being and in order to force business and amatory successes? 'God's abundance' say the disseminators of this dark creed 'is there for all of us. Reach out and take it. Not to do so, to remain poor down trodden and subordinate is to be a fool. Become wealthy strong and a ruler among your fellow men'.

Tất cả những điều này là gì nếu không phải là hắc thuật và thuộc một loại đặc biệt tinh vi và nguy hiểm? Tinh vi và nguy hiểm vì thực hành dưới vỏ bọc hợp pháp. Tại sao chúng ta không nên sử dụng các lực lượng ẩn giấu vì hạnh phúc vật chất của chính mình và để thúc đẩy thành công trong kinh doanh và tình ái? Những người truyền bá tín ngưỡng đen tối này nói: 'Sự sung túc của Thượng đế là dành cho tất cả chúng ta. Hãy vươn ra và nắm lấy nó. Không làm như vậy, vẫn nghèo khổ và phục tùng là một kẻ ngốc. Hãy trở nên giàu có, mạnh mẽ và là người cai trị giữa đồng loại của bạn'.

All who study the true doctrines know full well that such a result is obtainable by occult means. But they also know that though thousands of people may and do by these methods become materially rich, spiritually they pauperize themselves, lay up for themselves lives of spiritual blindness and poverty.

Tất cả những ai nghiên cứu các học thuyết chân chính đều biết rõ rằng kết quả như vậy có thể đạt được bằng các phương tiện huyền bí. Nhưng họ cũng biết rằng mặc dù hàng ngàn người có thể và thực sự trở nên giàu có về vật chất bằng những phương pháp này, nhưng về mặt tinh thần, họ tự làm cho mình trở nên nghèo nàn, tích lũy cho mình những cuộc đời mù lòa và nghèo khó về mặt tinh thần.

Herein also is a great need, a great call for theosophists the world over to raise their voices against this evil, and fight this further menace to the spiritual health and well-being of humanity.

Ở đây cũng có một nhu cầu lớn, một lời kêu gọi lớn đối với các nhà thông thiên học trên toàn thế giới hãy lên tiếng chống lại cái ác này và chống lại mối đe dọa hơn nữa đối với sức khỏe và hạnh phúc tinh thần của nhân loại.

I use these last words deliberately, for the prostitution of occult knowledge and power constitutes a greater evil than war itself. War

Tôi sử dụng những từ cuối cùng này một cách có chủ ý, vì việc mại dâm kiến thức và quyền năng huyền bí cấu thành một điều ác lớn hơn

destroys bodies. Perverted occultism destroys souls, and if persisted in plunges those who practice it into lives of darkness and ignorance. Again the temple of truth is being defamed by the presence of money changers, sellers of the sacrificial objects and of practitioners of the darker arts. Again, therefore, the scourge must be used to drive them out that spiritual purity may be restored.

cả chiến tranh. Chiến tranh phá hủy thể xác. Huyền bí học bị tha hóa hủy diệt linh hồn, và nếu tiếp tục sẽ đẩy những người thực hành nó vào cuộc sống tăm tối và ngu dốt. Một lần nữa, ngôi đền của chân lý đang bị phỉ báng bởi sự hiện diện của những người đổi tiền, những người bán các vật hiến tế và những người thực hành các nghệ thuật hắc ám. Do đó, một lần nữa, cần phải dùng roi để xua đuổi chúng để sự thanh khiết tinh thần có thể được phục hồi.

Discipleship, The Hope of the World

Đệ Tử, Niềm Hy Vọng của Thế Giới

Thus on various fields the forces of light and darkness are engaged today in a great conflict. We live in a uniquely important and critical period of human history. We theosophists are ranged very definitely on the side of the forces of light. All our strength, all our wisdom, and all our purity of purpose will be required to ensure victory.

Như vậy, trên nhiều lĩnh vực khác nhau, các lực lượng ánh sáng và bóng tối đang tham gia vào một cuộc xung đột lớn ngày nay. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn quan trọng và mang tính quyết định độc nhất vô nhị của lịch sử nhân loại. Chúng ta, những nhà thông thiên học, được xếp hàng rất rõ ràng về phía các lực lượng ánh sáng. Tất cả sức mạnh, tất cả sự minh triết và tất cả sự thanh khiết trong mục đích của chúng ta sẽ được yêu cầu để đảm bảo chiến thắng.

In consequence, the great call today is for Theosophy out in the world: Theosophy taken out of the books, out of the study, and out of the lodge room, and lived and applied to the pressing problems of mankind. As I said at the beginning and now repeat at the end of my talk, the great need of the world today is for men and women who know something of the great Plan and of the Elder Brethren under Whose direction it is gradually being fulfilled. There is a magnificent opportunity to achieve true greatness today for all those who are willing to place themselves in training and without thought of reward are ready to give as much of their lives as can be spared from existing obligations to the service of the Masters and of the world.

Do đó, lời kêu gọi lớn ngày nay là Thông Thiên Học ngoài thế giới: Thông Thiên Học được lấy ra khỏi sách vở, ra khỏi phòng học và ra khỏi phòng hội kín, và được sống và áp dụng vào các vấn đề cấp bách của nhân loại. Như tôi đã nói ở phần đầu và bây giờ lặp lại ở phần cuối bài nói chuyện của mình, nhu cầu lớn của thế giới ngày nay là những người nam và nữ biết điều gì đó về Thiên Cơ vĩ đại và về Các Huynh Trưởng dưới sự chỉ đạo của Các Ngài mà nó đang dần được hoàn thành. Có một cơ hội tuyệt vời để đạt được sự vĩ đại thực sự ngày nay cho tất cả những ai sẵn sàng đặt mình vào quá trình huấn luyện và không nghĩ đến phần thưởng, sẵn sàng dành tặng càng nhiều cuộc đời của mình càng tốt từ những nghĩa vụ hiện có để phụng sự Các Chân sư và thế giới.

What does such self-training and such service

Việc tự huấn luyện và phụng sự như vậy có ý

imply? What is such a life but a life of discipleship whether of a great ideal or great Being? I am being forced to the conclusion that the great need of the world today is for dedicated men and women, for disciples, whether of a great creative concept of human happiness or of a great Adept; that in very truth upon discipleship hangs the hope of the world. This it seems to me is the call of the present to every one of us, this the magnificent individual opportunity before us all in our movement today.

nghĩa gì? Một cuộc đời như vậy là gì nếu không phải là một cuộc đời đệ tử, dù là một lý tưởng vĩ đại hay một Đấng Vĩ Đại? Tôi buộc phải kết luận rằng nhu cầu lớn của thế giới ngày nay là những người nam và nữ tận tâm, cho các đệ tử, dù là một khái niệm sáng tạo vĩ đại về hạnh phúc của con người hay một Chân sư vĩ đại; rằng trong chân lý thực sự, hy vọng của thế giới nằm ở địa vị đệ tử. Đối với tôi, đây dường như là lời kêu gọi của hiện tại đối với mỗi người chúng ta, đây là cơ hội cá nhân tuyệt vời trước mắt tất cả chúng ta trong phong trào của chúng ta ngày nay.

We may or may not be as intellectually brilliant as others outside our ranks and we certainly do not claim to be in any way superior to anyone. We do however have this great advantage that if we read the history of our movement and use our intuition at all, we know of the existence of the Elder Brethren, and of Their great organization, the Inner Government of the World. We do know that every one of us has our link with One of Them, formed as a result of joining Their Society and thereby associating ourselves with Their work. We do know in consequence that the Path of discipleship is open to each and every one. We may if we feel moved from within—and let it never be forgotten that we theosophists are all free—enter upon the greatest of all quests, join the ranks of the Heroes of old who sought and found the Golden Fleece, may set forth with those knights who throughout all times have sought and found the Holy Grail, may become one with those disciples in Palestine who saw Their Master face to face and gave their lives to Him.

Chúng ta có thể hoặc không thể thông minh về mặt trí tuệ như những người khác bên ngoài hàng ngũ của chúng ta và chúng ta chắc chắn không tuyên bố là vượt trội hơn bất kỳ ai. Tuy nhiên, chúng ta có một lợi thế lớn là nếu chúng ta đọc lịch sử phong trào của mình và sử dụng trực giác của mình, chúng ta biết về sự tồn tại của Các Huynh Trưởng và tổ chức vĩ đại của Các Ngài, Chính Phủ Nội Bộ của Thế Giới. Chúng ta biết rằng mỗi người chúng ta đều có mối liên hệ với Một trong số Các Ngài, được hình thành do việc gia nhập Hội của Các Ngài và do đó liên kết bản thân với công việc của Các Ngài. Do đó, chúng ta biết rằng Thánh Đạo đệ tử rộng mở cho tất cả mọi người. Chúng ta có thể nếu chúng ta cảm thấy được thúc đẩy từ bên trong – và đừng bao giờ quên rằng tất cả chúng ta, những nhà thông thiên học, đều tự do – bước vào cuộc tìm kiếm vĩ đại nhất trong tất cả các cuộc tìm kiếm, gia nhập hàng ngũ của những Anh Hùng thời xưa, những người đã tìm kiếm và tìm thấy Bộ Lông Cừu Vàng, có thể lên đường cùng với những hiệp sĩ, những người trong suốt mọi thời đại đã tìm kiếm và tìm thấy Chén Thánh, có thể trở thành một với những đệ tử ở Palestine, những người đã nhìn thấy Chân sư của họ mặt đối mặt và hiến dâng cuộc đời mình cho Ngài.

Summing up I submit that the welfare and

Tóm lại, tôi xin trình bày rằng phúc lợi và sự

progress of the world depends more than anything else at this time upon the number of individuals who will turn theosophical truths into living experience and daily practice.

tiến bộ của thế giới phụ thuộc nhiều hơn bất cứ điều gì khác vào thời điểm này vào số lượng cá nhân sẽ biến những chân lý thông thiên học thành kinh nghiệm sống và thực hành hàng ngày.

If we, thirty thousand members of the Theosophical Society would use but a tithe of the knowledge which we now possess for the helping of the world, would but apply the laws governing the mastery and radiation of the mighty powers of the mind and will, would truly live our Theosophy, becoming great servants of the world, we alone could change the face of modern civilization. For we should at once attract to ourselves a host of others, inspired by our own lives and the enthusiasm with which we live them. Quickly a great army of crusaders against evil would spring into existence, a co-ordination of all the numerous and splendid individuals and movements now in the world working separately for the same end.

Nếu chúng ta, ba mươi ngàn thành viên của Hội Thông Thiên Học, chỉ sử dụng một phần mười kiến thức mà chúng ta hiện có để giúp đỡ thế giới, chỉ áp dụng các định luật chi phối sự làm chủ và bức xạ các năng lực mạnh mẽ của thể trí và ý chí, thực sự sống Thông Thiên Học của chúng ta, trở thành những người phụng sự vĩ đại của thế giới, chỉ riêng chúng ta có thể thay đổi bộ mặt của nền văn minh hiện đại. Vì chúng ta sẽ ngay lập tức thu hút về mình vô số người khác, được truyền cảm hứng từ cuộc sống của chính chúng ta và sự nhiệt tình mà chúng ta sống. Nhanh chóng, một đội quân lớn những người thập tự chinh chống lại cái ác sẽ xuất hiện, một sự phối hợp của tất cả các cá nhân và phong trào tuyệt vời và đông đảo hiện đang có trên thế giới, làm việc riêng lẻ vì cùng một mục tiêu.

Happily numbers of theosophists the world over are already doing these very things and in this I again submit lies the hope of the world. Indeed I am inclined to go further and say that in this fact existent now for half a century is to be found in large measure the reason for the continued existence and progress of western worlds.

Thật may mắn là rất nhiều nhà thông thiên học trên toàn thế giới đã và đang làm những điều này và trong điều này, tôi xin trình bày lại rằng hy vọng của thế giới nằm ở đó. Thật vậy, tôi có khuynh hướng đi xa hơn và nói rằng trong thực tế này tồn tại từ nửa thế kỷ nay, có thể tìm thấy phần lớn lý do cho sự tồn tại và tiến bộ liên tục của thế giới phương Tây.

To this, another all important fact must be added, contemplation of which drives away all thoughts of fear or despair concerning the present critical situation. Dark though the outlook is in this hour the theosophist cannot despair for he knows that the Elder Brethren of humanity are ceaselessly at work. Dangerous though the situation is at this moment, particularly in the West, the theosophist knows that it is safe in the strong

Đối với điều này, một sự thật quan trọng khác phải được thêm vào, sự chiêm ngưỡng về điều đó xua tan mọi ý nghĩ sợ hãi hoặc tuyệt vọng liên quan đến tình hình nguy cấp hiện tại. Mặc dù viễn cảnh đen tối trong giờ phút này, nhà thông thiên học không thể tuyệt vọng vì y biết rằng Các Huynh Trưởng của nhân loại đang làm việc không ngừng nghỉ. Mặc dù tình hình nguy hiểm vào thời điểm này, đặc biệt là ở phương Tây, nhà thông thiên học biết rằng nó

hands of the Great Adept Who is the Lord of All Europe and the Western worlds, the Mighty *Chohan* who is the great Prince of the Brotherhood of Light which exists from eternity to eternity.

an toàn trong bàn tay vững chắc của Chân sư Vĩ Đại, Đấng là Đức Chúa Tể của Toàn Châu Âu và thế giới phương Tây, MahaChohan hùng mạnh, Đấng là Hoàng Tử vĩ đại của Huynh Đệ Đoàn Ánh Sáng, vốn tồn tại từ vĩnh hằng đến vĩnh hằng.

Theosophy in Australia, 3, 5 October 1938, p. 2

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 5 tháng 10 năm 1938, tr. [2]87[/h2]

87—

The Value of Reincarnation and Karma—Giá Trị của Luân Hồi và Nghiệp Quả

The twin doctrines of causality in human affairs and man's evolution to perfection through successive earthly lives are important to some minds for two reasons. First, they provide a logical solution of otherwise insoluble human problems, and second, they make possible a belief, based on reason, in both assured justice and a noble destiny awaiting every man—perfection of the power to help.

Hai học thuyết song sinh về nhân quả trong các vấn đề của con người và sự tiến hóa của con người đến sự hoàn hảo thông qua các kiếp sống trần thế liên tiếp rất quan trọng đối với một số người vì hai lý do. Thứ nhất, chúng cung cấp một giải pháp hợp lý cho các vấn đề của con người mà nếu không thì không thể giải quyết được, và thứ hai, chúng tạo điều kiện cho một niềm tin, dựa trên lý trí, vào cả công lý được đảm bảo và một vận mệnh cao quý đang chờ đợi mọi người – sự hoàn thiện của quyền năng giúp đỡ.

The two doctrines are indeed indispensable to the mental peace of the humanitarian who is also a logician; for without reincarnation and the compensatory law, the ephemeral nature of human life and the inequalities of human experience pose a riddle which defies rational solution. Together, the two principles throw upon man's existence, a flood of light in which it can be fully comprehended from its inception, through its evolution, tribulations and happiness and on to its glorious goal.

Hai học thuyết này thực sự không thể thiếu đối với sự an lạc tinh thần của nhà nhân đạo, người cũng là một nhà logic học; vì nếu không có luân hồi và định luật bù trừ, bản chất phù du của cuộc sống con người và sự bất bình đẳng trong kinh nghiệm của con người sẽ đặt ra một câu đố thách thức giải pháp hợp lý. Cùng nhau, hai nguyên tắc này chiếu vào sự tồn tại của con người một luồng ánh sáng mà trong đó nó có thể được hiểu đầy đủ từ khi bắt đầu, thông qua sự tiến hóa, những khổ nạn và hạnh phúc của nó và đến mục tiêu vinh quang của nó.

Thus mentally illuminated, man, with courage born of reason, can face the

Do đó, được soi sáng về mặt trí tuệ, con người, với lòng dũng cảm sinh ra từ lý trí, có thể đối

difficulties and trials of life; for he knows his own preceding hurtful actions to be their sole causes and harmlessness to all creatures, including his own body, to be their sure prevention.

mặt với những khó khăn và thử thách của cuộc sống; vì y biết những hành động gây tổn thương trước đây của chính mình là nguyên nhân duy nhất của chúng và sự vô tổn hại đối với tất cả chúng sinh, kể cả cơ thể của chính y, là sự ngăn chặn chắc chắn của chúng.

Perspective and true evaluation enable the reincarnationist to enjoy fully the lights of the picture of life and at the same time to recognise the equal significance of the shadows. He knows both lights and shadows to be educative in the true meaning of the word. The sufferings of mankind are seen to be comparable to the storm on Galilee, without which the sleeping Christ might not have been awakened; for by their very stress, the storms of human life awaken into action man's dormant powers. Employing these, he develops the capacity both to still the storms within himself and to render effective aid to his storm-tossed fellow men.

Quan điểm và sự đánh giá thực sự cho phép người tin vào luân hồi tận hưởng trọn vẹn ánh sáng của bức tranh cuộc sống và đồng thời nhận ra ý nghĩa bình đẳng của bóng tối. Y biết cả ánh sáng và bóng tối đều mang tính giáo dục theo đúng nghĩa của từ này. Những đau khổ của nhân loại được xem là có thể so sánh với cơn bão trên Galilee, nếu không có nó, Đức Christ đang ngủ có lẽ đã không được đánh thức; vì chính sự căng thẳng của chúng, những cơn bão của cuộc sống con người đánh thức những năng lực tiềm ẩn của con người thành hành động. Sử dụng những điều này, y phát triển khả năng làm dịu những cơn bão bên trong chính mình và cung cấp sự giúp đỡ hiệu quả cho những đồng loại đang bị bão tố vùi dập của mình.

Reincarnation and karma thus provide an inspiring and logical philosophy of life which may be simply stated in four postulates:

Do đó, luân hồi và nghiệp quả cung cấp một triết lý sống đầy cảm hứng và hợp lý, có thể được trình bày đơn giản trong bốn tiên đề:

Perfected manhood is the assured destiny of the Spiritual Self of every man.

Sự hoàn thiện của nhân loại là vận mệnh được đảm bảo của Chân Thần của mọi người.

Reincarnation, as the evolutionary method, provides the necessary time and opportunity for self-perfecting.

Luân hồi, như là phương pháp tiến hóa, cung cấp thời gian và cơ hội cần thiết để tự hoàn thiện.

The law of action and constantly modified reaction ensures justice to all men.

Định luật hành động và phản ứng được sửa đổi liên tục đảm bảo công lý cho tất cả mọi người.

The attainment of perfection is rendered certain by the interior presence of an infinite, divine power ceaselessly at work within the Spiritual Self of every human being.

Việc đạt được sự hoàn hảo được đảm bảo bởi sự hiện diện bên trong của một quyền năng thiêng liêng vô hạn không ngừng hoạt động bên trong Chân Thần của mọi người.

Theosophy in Australia, 3, 2 April 1952, p. 9

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 2 tháng 4 năm 1952,

tr. [2]88[/h2]

88

The Vision of Unity—Tầm Nhìn về Sự Hợp Nhất

Sometimes it is good to contemplate the evolutionary heights above us, to try to comprehend those levels of awareness as yet beyond but to which one day we shall attain.

Đôi khi, thật tốt khi chiêm ngưỡng những đỉnh cao tiến hóa phía trên chúng ta, để cố gắng hiểu những cấp độ nhận thức mà chúng ta chưa thể vươn tới nhưng một ngày nào đó chúng ta sẽ đạt được.

What will be the experience of achievement? What may we assume shall we find when near the summit of the evolutionary mount and later when standing on the peak as supermen, liberated Adepts?

Kinh nghiệm thành tựu sẽ như thế nào? Chúng ta có thể cho rằng chúng ta sẽ tìm thấy gì khi ở gần đỉnh núi tiến hóa và sau đó khi đứng trên đỉnh núi với tư cách là những siêu nhân, Các Chân sư giải phóng?

The analogy of a mountain and its ascent will help us. For as the mountaineer ascends, his range of vision increases. He sees more and more of the world below. That landscape which as he journeyed through it, presented itself to him as future, present and past, now appears as a unity. The totality is now spread before him open to his gaze. Furthermore, its many parts, its woodland, fields and roads, its rivers, lakes and hills, he now sees as a whole and all at once. All are in his present time and place. Nowness and hereness and wholeness are the characteristics of the view from the mountain top.

Sự tương đồng của một ngọn núi và sự leo lên của nó sẽ giúp chúng ta. Vì khi người leo núi leo lên, phạm vi tầm nhìn của y tăng lên. Y nhìn thấy ngày càng nhiều thế giới bên dưới. Phong cảnh mà khi y đi qua nó, đã trình bày cho y như là tương lai, hiện tại và quá khứ, giờ đây xuất hiện như một sự thống nhất. Toàn bộ giờ đây được trải ra trước mắt y, mở ra cho cái nhìn của y. Hơn nữa, nhiều phần của nó, rừng cây, đồng ruộng và đường xá, sông hồ và đồi núi, giờ đây y thấy như một tổng thể và tất cả cùng một lúc. Tất cả đều ở trong thời gian và địa điểm hiện tại của y. Tính hiện tại và tính ở đây và tính toàn vẹn là những đặc điểm của tầm nhìn từ đỉnh núi.

So, also, all life is seen as one, by those who have ascended the spiritual mount. All that which heretofore seemed separate, divided, diverse, is now unified. The richness of Individuality, the exuberant variety of form throughout Nature also no longer deceives. The Life within is known, and that Life realized as one.

Vì vậy, tất cả sự sống cũng được xem là một, bởi những người đã leo lên ngọn núi tinh thần. Tất cả những gì trước đây dường như tách biệt, chia rẽ, đa dạng, giờ đây được thống nhất. Sự phong phú của Tính Cá Nhân, sự đa dạng tràn đầy sức sống của hình tướng trong khắp Tự Nhiên cũng không còn đánh lừa nữa. Sự Sống bên trong được biết đến, và Sự Sống đó được nhận ra là một.

Furthermore, the seer himself, despite his position on the heights, is in no way distinct or separate from all other life whether below or above. Although other peaks still tower above and others even higher still, their summits veiled at this level, oneness with all is revealed. Unity is known. The I sense of separated selfhood has vanished. The seer is one with all he sees. The triumphant climber finds himself one with the mountain he has ascended, with the plains below, the sky above and all their vibrant, radiant life.

Hơn nữa, chính nhà tiên tri, bất chấp vị trí của y trên đỉnh cao, không có cách nào khác biệt hoặc tách biệt khỏi tất cả sự sống khác, dù là bên dưới hay bên trên. Mặc dù những đỉnh núi khác vẫn cao chót vót phía trên và những đỉnh núi khác thậm chí còn cao hơn nữa, đỉnh của chúng được che giấu ở cấp độ này, sự hợp nhất với tất cả được tiết lộ. Sự hợp nhất được biết đến. Cảm giác Tôi về bản ngã tách biệt đã biến mất. Nhà tiên tri là một với tất cả những gì y nhìn thấy. Người leo núi chiến thắng thấy mình là một với ngọn núi mà y đã leo lên, với những đồng bằng bên dưới, bầu trời bên trên và tất cả sự sống rực rỡ, rạng rỡ của chúng.

Should a dweller in the plains catch a vision of the heights and forthwith make their ascent the Quest of his life, the watcher above knows that vision and that Quest to be also his own. Should another wantonly descend into a deep valley of selfishness, sensuousness and sin, degrading both manhood and divinity, in that degradation the watcher also shares, knowing it is his own even though individually it can sully him no more.

Nếu một người sống ở đồng bằng bắt được một tầm nhìn về những đỉnh cao và ngay lập tức biến việc leo lên chúng thành Cuộc Tìm Kiếm của cuộc đời mình, thì người quan sát ở trên biết rằng tầm nhìn và Cuộc Tìm Kiếm đó cũng là của chính y. Nếu một người khác cố tình đi xuống một thung lũng sâu thẳm của sự ích kỷ, nhục dục và tội lỗi, làm suy đồi cả nhân tính và thiên tính, thì trong sự suy đồi đó, người quan sát cũng chia sẻ, biết rằng đó là của chính y, mặc dù về mặt cá nhân, nó không còn có thể làm hoen ố y nữa.

Should searing agony, heartbreaking loss, frustration, loneliness or defeat overwhelm a sojourner below, that suffering and sorrow the watcher knows as his; in it he shares most intimately, even though individually it can pierce and scar him no more.

Nếu nỗi đau xé lòng, mất mát đau lòng, thất vọng, cô đơn hoặc thất bại áp đảo một người lữ hành bên dưới, thì người quan sát biết rằng nỗi đau khổ và buồn bã đó là của y; trong đó y chia sẻ một cách thân mật nhất, mặc dù về mặt cá nhân, nó không còn có thể đâm xuyên và làm tổn thương y nữa.

His attainment of the summit, his self-emancipation from separatedness and all other illusion, render him immune from error, weakness and pain. He has transcended them. Nevertheless he knows them fully, having oft experienced them, comprehends and shares them with those whose day of deliverance has not yet dawned.

Việc y đạt đến đỉnh cao, sự tự giải phóng bản thân khỏi sự tách biệt và mọi ảo tưởng khác, khiến y miễn nhiễm khỏi sai lầm, yếu đuối và đau đớn. Y đã vượt qua chúng. Tuy nhiên, y biết chúng một cách đầy đủ, đã thường xuyên trải nghiệm chúng, hiểu và chia sẻ chúng với những người mà ngày giải thoát của họ vẫn chưa đến.

One with all, knowing, comprehending, sharing the lives of all, and so the pain of all, he needs must descend from mountain peak to plain. Even though the vision from the summit is completely retained, the knowledge of unity brings his power and love and healing gifts down to the still imperfect world below. From the heights he brings light and life and strength even to the lowest depths, sharing all he has attained and has become with all that lives.

Hợp nhất với tất cả, thấu suốt, lĩnh hội, chia sẻ sự sống của tất cả, và do đó là nỗi đau của tất cả, Ngài nhất định phải hạ thế từ đỉnh núi xuống đồng bằng. Mặc dù tầm nhìn từ đỉnh núi được giữ lại hoàn toàn, tri thức về sự hợp nhất mang quyền năng, tình thương và những món quà chữa lành của Ngài xuống thế giới vẫn còn chưa hoàn hảo bên dưới. Từ trên cao, Ngài mang ánh sáng, sự sống và sức mạnh đến tận những vực sâu nhất, chia sẻ tất cả những gì Ngài đã đạt được và đã trở thành với tất cả những gì đang sống.

Such, it is said, is the vision of oneness to which one day all men will attain. Such is the goal to which all beings ascend. Such, therefore, must be our increasing purpose who have awakened, the end to which we strive.

Người ta nói rằng, đó là tầm nhìn về sự hợp nhất mà một ngày nào đó tất cả mọi người sẽ đạt được. Đó là mục tiêu mà tất cả chúng sinh hướng tới. Vì vậy, đó phải là mục đích ngày càng tăng của chúng ta, những người đã thức tỉnh, là mục tiêu mà chúng ta phấn đấu.

Like all human conquests and ascents, the realisation of unity must inevitably be gradual. From those one loves to those one loves not, must be extended the range of experienced unity. Little by little, the consciousness and the circle of individual life and interest must be expanded, until at last it includes all that lives.

Giống như tất cả những cuộc chinh phục và thăng tiến của con người, việc hiện thực hóa sự hợp nhất chắc chắn phải dần dần. Từ những người mình yêu đến những người mình không yêu, phải mở rộng phạm vi của sự hợp nhất đã trải nghiệm. Dần dần, tâm thức và vòng tròn cuộc sống và mối quan tâm cá nhân phải được mở rộng, cho đến khi cuối cùng nó bao gồm tất cả những gì đang sống.

Thus to attain fully realized unity we must work; for it we must live and pray; upon it we must meditate. For naught in human attainment will avail unless founded upon knowledge of unity.

Do đó, để đạt được sự hợp nhất được hiện thực hóa đầy đủ, chúng ta phải làm việc; vì nó, chúng ta phải sống và cầu nguyện; về nó, chúng ta phải tham thiền. Vì không có gì trong thành tựu của con người sẽ có ích trừ khi được xây dựng trên tri thức về sự hợp nhất.

This great achievement is within our power. The first glimpse through love or pity of the oneness of Life brings spiritual awakening. Deepening realisation arouses to action, to study, to meditation, to service. Unclouded vision and full acknowledgement in thought and word and deed bring the fulfilment of

Thành tựu vĩ đại này nằm trong khả năng của chúng ta. Cái nhìn thoáng qua đầu tiên thông qua tình thương hoặc lòng trắc ẩn về sự hợp nhất của Sự Sống mang lại sự thức tỉnh tinh thần. Sự hiện thực hóa sâu sắc hơn khơi dậy hành động, học tập, tham thiền, phụng sự. Tầm nhìn không vướng mây mù và sự thừa

human life.

nhận đầy đủ trong suy nghĩ, lời nói và hành động mang lại sự viên mãn của cuộc sống con người.

Therefore, above all things let us seek the Vision Splendid of the Oneness of Life. Let this be the supreme attainment, the highest goal, the mountain peak.

Vì vậy, trên hết mọi điều, chúng ta hãy tìm kiếm Tầm Nhìn Tuyệt Vời về Sự Hợp Nhất của Sự Sống. Hãy để điều này là thành tựu tối thượng, mục tiêu cao nhất, đỉnh núi.

Theosophy in New Zealand, Vol. 7, No. 4, 1946, p. 103

Theosophy in New Zealand, Tập. 7, Số 4, 1946, tr. 103

89—

The World of the Occult [4]—Thế Giới của Huyền Bí Học [4]

The Cause and Cure of Suffering

Nguyên Nhân và Cách Chữa Khỏi Đau Khổ

The question is sometimes asked whether self inflicted pain could help to balance one's karma. Would the suffering then endured serve to pay off some of the adverse karma generated in former lives? Karmic effects depend a great deal upon motive. In general, I should think the answer would be 'No', but this is a very subtle and difficult question, like many others concerning karma. To answer fully, it would be necessary to find out what led up to the state of mind in which a person would inflict pain upon himself; for a karmic situation cannot ever be completely assessed on one single action alone, because behind every action is a chain of actions and reactions which produced the present individual and his tendencies. So you have to go far back into the past of the person to be able to assess his karmic situation.

Đôi khi người ta hỏi liệu việc tự gây ra đau đớn có thể giúp cân bằng nghiệp quả của một người hay không. Liệu sự đau khổ sau đó phải chịu đựng có phục vụ cho việc trả hết một số nghiệp quả bất lợi được tạo ra trong những kiếp trước? Các hiệu ứng nghiệp quả phụ thuộc rất nhiều vào động cơ. Nói chung, tôi nghĩ câu **trả lời** sẽ là 'Không', nhưng đây là một câu hỏi rất tế nhị và khó khăn, giống như nhiều câu hỏi khác liên quan đến nghiệp quả. Để **trả lời** đầy đủ, cần phải tìm hiểu điều gì đã dẫn đến trạng thái tâm trí mà một người sẽ tự gây ra đau đớn cho bản thân; vì một tình huống nghiệp quả không bao giờ có thể được đánh giá hoàn toàn chỉ dựa trên một hành động duy nhất, bởi vì đằng sau mỗi hành động là một chuỗi các hành động và phản ứng tạo ra cá nhân hiện tại và những khuynh hướng của y. Vì vậy, bạn phải quay trở lại quá khứ xa xôi của người đó để có thể đánh giá tình huống nghiệp quả của y.

I think, however, that one could say that there are three main causes or types of causative action which produce pain. One is cruelty the

Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng người ta có thể nói rằng có ba nguyên nhân chính hoặc các loại hành động nhân quả tạo ra đau đớn. Một là sự

infliction of unnecessary pain upon sentient beings. The second is enslavement, including unjust imprisonment. The third is the abuse of one's own body. Ill-treatment and neglect of the body, over-indulgence, as also undue asceticism, the waste of powers, and general misuse of the body and its sense, centres and faculties—these are karmic causes of ill health and unhappiness.

tàn ác, gây ra những đau đớn không cần thiết cho chúng sinh hữu tri. Thứ hai là sự nô dịch, bao gồm cả việc giam cầm bất công. Thứ ba là lạm dụng cơ thể của chính mình. Đối xử tệ bạc và bỏ bê cơ thể, quá nuông chiều, cũng như khổ hạnh quá mức, lãng phí năng lực và lạm dụng nói chung cơ thể và các giác quan, trung tâm và khả năng của nó—đây là những nguyên nhân nghiệp quả gây ra sức khỏe kém và bất hạnh.

Self-inflicted pain, then—ill health—rather than fulfilling karma would be more likely to generate fresh adversity. Do not forget, however, that the opposite is also true. Right care of the body and the intelligent use of its powers generate health and happiness.

Vậy thì, sự đau đớn do tự gây ra—sức khỏe kém—thay vì hoàn thành nghiệp quả, có nhiều khả năng tạo ra nghịch cảnh mới hơn. Tuy nhiên, đừng quên rằng điều ngược lại cũng đúng. Chăm sóc đúng cách cơ thể và sử dụng thông minh các năng lực của nó tạo ra sức khỏe và hạnh phúc.

Interference with Karma

Can Thiệp vào Nghiệp Quả

In the philosophical sense, every illness is karmic. Perhaps there is another question, such as whether spiritual healing would be an interference with karma. Would one in New Zealand perhaps be interfering with the working of the law in healing another? The answer to that I understand, is that such a thing is impossible. No one, nothing in the universe, can interfere unjustly with a person's karma. It cannot be done, even by a hair's breadth, so universal, so exact, so unfailing, is the operation of the immutable Law of Cause and Effect.

Theo nghĩa triết học, mọi bệnh tật đều là nghiệp quả. Có lẽ có một câu hỏi khác, chẳng hạn như liệu chữa lành tinh thần có phải là một sự can thiệp vào nghiệp quả hay không. Liệu một người ở New Zealand có thể can thiệp vào hoạt động của định luật khi chữa lành cho người khác hay không? Câu **trả lời** cho điều đó, tôi hiểu, là một điều như vậy là không thể. Không ai, không có gì trong vũ trụ, có thể can thiệp một cách bất công vào nghiệp quả của một người. Điều đó không thể thực hiện được, ngay cả một sợi tóc, vì vậy hoạt động của Định luật Nhân Quả bất biến là phổ quát, chính xác và không bao giờ sai.

Then too the success or the failure of the healer's effort is also governed by karma. If the situation is very favourable, then even a small effort—a loving thought, a hand-shake and best wishes—can make a person wonderfully better, whereas in some other cases one can pray and bless and seek to heal with an immensity of endeavour without result. True

Thêm vào đó, sự thành công hay thất bại trong nỗ lực của người chữa bệnh cũng bị chi phối bởi nghiệp quả. Nếu tình hình rất thuận lợi, thì ngay cả một nỗ lực nhỏ—một suy nghĩ yêu thương, một cái bắt tay và những lời chúc tốt đẹp nhất—cũng có thể làm cho một người trở nên tốt hơn một cách kỳ diệu, trong khi ở một số trường hợp khác, người ta có thể cầu

the result partly depends upon the efficiency of the healer, but the karmic situation of the sufferer is decisive: I have known sick people, after having been to various doctors and who still remained in great pain, begin to tell their story to some interested layman who had healing powers, and before they had finished they had discovered that the pain had all gone and did not return. What happened was that some inner tension and morbidity were removed by the confession and the karmic situation being favourable, interior healing forces were released and restoration of health occurred. Psychological tension is one of the great causes of psychosomatic illnesses. Karma is however always involved. Even our Lord, you will remember, could not heal everybody. He did no mighty works in certain places because of the people's unbelief.

nguyện và ban phước và tìm cách chữa lành với một nỗ lực to lớn mà không có kết quả. Đúng là kết quả một phần phụ thuộc vào hiệu quả của người chữa bệnh, nhưng tình huống nghiệp quả của người bệnh là yếu tố quyết định: Tôi đã biết những người bệnh, sau khi đến gặp nhiều bác sĩ khác nhau và vẫn còn rất đau đớn, bắt đầu kể câu chuyện của họ cho một người bình thường quan tâm nào đó có khả năng chữa bệnh, và trước khi họ kết thúc, họ đã phát hiện ra rằng cơn đau đã biến mất và không quay trở lại. Điều gì đã xảy ra là một số căng thẳng và bệnh tật bên trong đã được loại bỏ bằng lời thú tội và tình huống nghiệp quả thuận lợi, các lực lượng chữa lành bên trong đã được giải phóng và sự phục hồi sức khỏe đã xảy ra. Căng thẳng tâm lý là một trong những nguyên nhân lớn gây ra các bệnh tâm thể. Tuy nhiên, nghiệp quả luôn liên quan. Bạn sẽ nhớ rằng ngay cả Đức Chúa cũng không thể chữa lành cho tất cả mọi người. Ngài đã không làm những việc lớn lao ở một số nơi vì sự không tin của người dân.

Thus, one cannot possibly interfere with another person's karma. If one's efforts reduce or banish his adversities, that too is within his karma. Events recorded in the Press reveal the strange and selective operation of the law. A plane comes down in flames. Ten people are burnt to death. Three are injured and die after a few days. Two are unharmed and one becomes a hero and is rewarded, having saved others. A 'blue baby' is born into conditions where there is poverty and no medical facilities for the necessary specialised operation, and so it dies. Another 'blue baby' is born to parents with wealth and where the unique medical attention is available. It is operated upon and its life is saved. One can find an unfailing source of interest in noting the varieties of experience that befall people; for they are all explained theosophically as being due not to chance, but to the operation

Do đó, người ta không thể can thiệp vào nghiệp quả của người khác. Nếu những nỗ lực của một người làm giảm hoặc loại bỏ những nghịch cảnh của y, thì điều đó cũng nằm trong nghiệp quả của y. Các sự kiện được ghi lại trên Báo chí tiết lộ hoạt động kỳ lạ và có chọn lọc của định luật. Một chiếc máy bay bốc cháy. Mười người bị thiêu chết. Ba người bị thương và chết sau vài ngày. Hai người không bị thương và một người trở thành anh hùng và được khen thưởng, vì đã cứu những người khác. Một 'đứa trẻ xanh xao' được sinh ra trong điều kiện nghèo khó và không có các phương tiện y tế cho ca phẫu thuật chuyên biệt cần thiết, và vì vậy nó chết. Một 'đứa trẻ xanh xao' khác được sinh ra cho những bậc cha mẹ giàu có và nơi có sự chăm sóc y tế độc đáo. Nó được phẫu thuật và mạng sống của nó được cứu. Người ta có thể tìm thấy một nguồn hứng thú không ngừng trong việc ghi nhận sự đa dạng của những trải

of the Law of Cause and Effect.

nghiệm xảy đến với mọi người; vì tất cả chúng đều được giải thích theo Thông Thiên Học là do không phải do may rủi, mà do hoạt động của Định luật Nhân Quả.

Did God create Evil?

Thượng Đế Có Tạo Ra Cái Ác Không?

A theosophist would hardly be likely to use the word 'Creator'. 'Emanator' would be better, for nothing is ever created out of nothing and the re-emergence of the Solar System and its components is only a rebirth of that which has existed before. One function of a Logos, it is taught, is to direct and preside over the emanation of a universe and to administer the laws thereof, laws to which even He himself (masculine used for convenience only) is subject to some extent. One of these laws is that every human Soul must be left free. We human beings are not puppets dancing at the end of strings and created by Deity to be good or bad according to His Will. We are each Gods on our own account, if as yet but in embryo. In the use of our freedom, ignoring continuously divine guidance, we can and do fall into selfishness and evil, and sometimes so deeply as to be classed as diabolical beings.

Một nhà Thông Thiên Học khó có khả năng sử dụng từ 'Đấng Tạo Hóa'. 'Đấng Xuất lộ' sẽ tốt hơn, vì không có gì được tạo ra từ hư không và sự tái xuất hiện của Hệ Mặt Trời và các thành phần của nó chỉ là sự tái sinh của những gì đã tồn tại trước đó. Một chức năng của một Thượng đế Hành Tinh, như được dạy, là chỉ đạo và chủ trì sự xuất lộ của một vũ trụ và quản lý các định luật của nó, những định luật mà ngay cả Chính Ngài (giống đực chỉ được sử dụng cho tiện) cũng phải tuân theo ở một mức độ nào đó. Một trong những định luật này là mọi Linh Hồn con người phải được tự do. Chúng ta, những con người, không phải là những con rối nhảy múa ở cuối sợi dây và được Thượng Đế tạo ra để trở nên tốt hay xấu theo Ý Chí của Ngài. Mỗi chúng ta đều là Thượng đế theo cách riêng của mình, nếu như vẫn còn trong giai đoạn phôi thai. Trong việc sử dụng sự tự do của mình, liên tục bỏ qua sự hướng dẫn thiêng liêng, chúng ta có thể và thực sự rơi vào sự ích kỷ và cái ác, và đôi khi sâu đến mức được xếp vào loại những sinh vật quỷ quyệt.

So, we cannot justly say that God created such diabolical, self-separated beings. Even if He could, He does not interfere with the essential freedom granted to all men, although that freedom may be temporarily misused to turn man into an evil creature. It is a strange and mysterious idea, is it not, that such followers of a self-chosen evil path—Lords of the Dark Face, Brothers of the Shadow, they are sometimes called (though in reality, they are brothers to no one and have no brothers)—can hinder the progress of evolution and for a time become or appear to become successful

Vì vậy, chúng ta không thể nói một cách chính đáng rằng Thượng Đế đã tạo ra những sinh vật quỷ quyệt, tự tách biệt như vậy. Ngay cả khi Ngài có thể, Ngài cũng không can thiệp vào sự tự do thiết yếu được ban cho tất cả mọi người, mặc dù sự tự do đó có thể tạm thời bị lạm dụng để biến con người thành một sinh vật xấu xa. Đó là một ý tưởng kỳ lạ và bí ẩn, phải không, rằng những người theo con đường xấu xa do tự mình lựa chọn như vậy—các Đấng Chúa Tể của Gương Mặt Tối Tăm, Các Huynh Đệ của Bóng Tối, đôi khi họ được gọi như vậy (mặc dù trong thực tế, họ không phải là anh em của ai

enemies of Deity? There is a sentence—a very striking one—which expresses the strange possibility: 'God's omnipotent power ever meets His own impenetrable shield'. I will not try to explain that saying—it is one of those thought-provoking utterances which one finds in the teachings of Theosophy concerning the relationship and interaction during periods of manifestation of the Spirit and the matter sides of Cosmos (*Vide*: *The Kingdom of the Gods,* Geoffrey Hodson pp. 168-179).

và không có anh em)—có thể cản trở sự tiến bộ của sự tiến hóa và trong một thời gian trở thành hoặc dường như trở thành những kẻ thù thành công của Thượng Đế? Có một câu—một câu rất nổi bật—diễn tả khả năng kỳ lạ: 'Quyền năng toàn năng của Thượng Đế luôn gặp phải tấm khiên bất khả xâm phạm của chính Ngài'. Tôi sẽ không cố gắng giải thích câu nói đó—đó là một trong những lời nói kích thích tư duy mà người ta tìm thấy trong những lời dạy của Thông Thiên Học liên quan đến mối quan hệ và sự tương tác trong các giai đoạn biểu hiện của các mặt Tinh thần và vật chất của Vũ Trụ (Xem: The Kingdom of the Gods, Geoffrey Hodson tr. 168-179).

Theosophy in New Zealand, Vol. 20, May 1959 pp. 22

Theosophy in New Zealand, Tập. 20, Tháng 5 năm 1959 tr. 22

90

Theosophy in Questions and Answers [I]

Inquirer

Is it possible to demonstrate reincarnation in the same way that Dr J. B. Rhine is doing with thought transference?

Answer

No, I do not think so. Evidence exists of many kinds, but it is not final demonstrable proof. There are people who, when describing a remembered past life, correctly relate historical events, giving an account which can be checked. This is strong evidence—and there are many such cases—but it is not proof. Clairvoyance could reveal the same facts. Child geniuses and prodigies are explained in terms of logic only by the fact of the Ego having brought over from preceding lives an acquired and highly developed faculty.

Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [I]

Người Hỏi

Liệu có thể chứng minh sự tái sinh theo cách mà Tiến sĩ J. B. Rhine đang thực hiện với sự chuyển giao tư tưởng không?

Trả lời

Không, tôi không nghĩ vậy. Bằng chứng tồn tại dưới nhiều hình thức, nhưng đó không phải là bằng chứng có thể chứng minh cuối cùng. Có những người, khi mô tả một kiếp trước đã nhớ lại, đã kể lại chính xác các sự kiện lịch sử, đưa ra một lời kể có thể được kiểm tra. Đây là bằng chứng mạnh mẽ—và có rất nhiều trường hợp như vậy—nhưng đó không phải là bằng chứng. Thông nhãn có thể tiết lộ những sự thật tương tự. Những thiên tài và thần đồng trẻ tuổi được giải thích theo các điều khoản logic chỉ bằng sự thật là Chân Ngã đã mang từ

Instinct, antipathy and sympathy without obvious reason are said to be memories. I personally think that one of the strongest supporting evidences for rebirth is the existence of masculine types of women and feminine types of men—a common phenomenon. The masculine type of woman was a man, it is thought, in a previous life and still retains the attributes and impressions of masculinity. Similarly, the feminine types of men were, perhaps, women in the past-and possibly more than one—immediately preceding life. These again, however, are only evidences, not proofs.

The only proof is one's own direct recollection, Egoic awareness, of the past lives, just as one is aware of yesterday. As in all metaphysical and spiritual truths, such experiences can only be true to one's own consciousness. They are proof to the illumined one, but that proof cannot be conveyed. Words may describe the truth, philosophers, poets and artists portray it, but it is the inner experience alone which is demonstration and proof of its truthfulness. So I must answer you 'No, I do not think that reincarnation, or even the life after death, can be externally demonstrated beyond all possibility of doubt'.

Inquirer

How can the soul of a mentally defective person evolve?

Answer

Remember that the *Soul* is not mentally defective. If the questioner will allow me, may I say that this question is an example of the

những kiếp trước một khả năng có được và phát triển cao. Bản năng, ác cảm và thiện cảm mà không có lý do rõ ràng được cho là những ký ức. Cá nhân tôi nghĩ rằng một trong những bằng chứng hỗ trợ mạnh mẽ nhất cho sự tái sinh là sự tồn tại của những phụ nữ thuộc loại nam tính và những người đàn ông thuộc loại nữ tính—một hiện tượng phổ biến. Người phụ nữ thuộc loại nam tính là một người đàn ông, người ta nghĩ, trong một kiếp trước và vẫn giữ lại những thuộc tính và ấn tượng về sự nam tính. Tương tự, những người đàn ông thuộc loại nữ tính có lẽ là phụ nữ trong quá khứ—và có thể nhiều hơn một—ngay trước cuộc sống. Tuy nhiên, đây một lần nữa chỉ là những bằng chứng, không phải là bằng chứng.

Bằng chứng duy nhất là ký ức trực tiếp của chính một người, nhận thức chân ngã, về những kiếp trước, giống như người ta nhận thức được ngày hôm qua. Như trong tất cả các chân lý siêu hình và tinh thần, những trải nghiệm như vậy chỉ có thể đúng với tâm thức của chính một người. Chúng là bằng chứng cho người được soi sáng, nhưng bằng chứng đó không thể được truyền đạt. Lời nói có thể mô tả sự thật, các triết gia, nhà thơ và nghệ sĩ miêu tả nó, nhưng chỉ có trải nghiệm bên trong mới là sự chứng minh và bằng chứng về tính chân thực của nó. Vì vậy, tôi phải **trả lời** bạn 'Không, tôi không nghĩ rằng sự tái sinh, hoặc thậm chí là cuộc sống sau khi chết, có thể được chứng minh từ bên ngoài vượt quá mọi khả năng nghi ngờ'.

Người Hỏi

Linh hồn của một người thiểu năng trí tuệ có thể tiến hóa như thế nào?

Trả lời

Hãy nhớ rằng Linh Hồn không bị thiểu năng trí tuệ. Nếu **người hỏi** cho phép tôi, tôi có thể nói rằng câu hỏi này là một ví dụ về cách

way in which we in the West mistakenly identify the Soul with the body. The great Teachers have said: Dissociate your inner Spiritual Self from your body and you will find peace. Identify yourself with your body and you will never find peace. In India, where these teachings are so well known, if not always followed, one may sometimes hear someone say, 'My body is hungry. My body is tired. I think I will take my body into town'. We, perhaps, need not go so far as that in words, but in thought we should. Then we should find peace and also understand this particular problem.

chúng ta ở phương Tây nhầm lẫn Linh Hồn với cơ thể. Các Huấn Sư vĩ đại đã nói: Hãy tách Bản Thể Tinh Thần bên trong của bạn ra khỏi cơ thể và bạn sẽ tìm thấy sự bình an. Đồng nhất bản thân với cơ thể của bạn và bạn sẽ không bao giờ tìm thấy sự bình an. Ở Ấn Độ, nơi những lời dạy này rất nổi tiếng, nếu không phải luôn được tuân theo, người ta đôi khi có thể nghe ai đó nói, 'Cơ thể tôi đói. Cơ thể tôi mệt mỏi. Tôi nghĩ tôi sẽ đưa cơ thể mình vào thị trấn'. Có lẽ chúng ta không cần phải đi xa đến thế trong lời nói, nhưng trong suy nghĩ thì chúng ta nên. Sau đó, chúng ta sẽ tìm thấy sự bình an và cũng hiểu được vấn đề cụ thể này.

The body and brain of a defective are imperfect, perhaps injured, but the Ego within is whole. He is rather like a musical genius trying to play on a piano with missing notes, without pedals or the pedals always down or the piano badly out of tune. In the presence of such tragedies, as also in the case of stillborn children and children dying very young—which seems so purposeless—we should also realize that a debt is being paid. The Soul is fully alive to its nature, is learning the lesson of the reaction from a preceding action, growing wiser, and in another life it will have a more perfect physical vehicle.

Cơ thể và bộ não của một người thiểu năng không hoàn hảo, có lẽ bị thương, nhưng Chân Ngã bên trong thì toàn vẹn. Y giống như một thiên tài âm nhạc đang cố gắng chơi trên một cây đàn piano bị thiếu nốt, không có bàn đạp hoặc bàn đạp luôn bị hạ xuống hoặc cây đàn piano bị lệch tông nghiêm trọng. Khi đối diện với những bi kịch như vậy, cũng như trong trường hợp trẻ sơ sinh và trẻ em chết khi còn rất nhỏ—điều dường như vô nghĩa—chúng ta cũng nên nhận ra rằng một món nợ đang được trả. Linh Hồn hoàn toàn ý thức được bản chất của nó, đang học bài học về phản ứng từ một hành động trước đó, trở nên khôn ngoan hơn, và trong một cuộc sống khác, nó sẽ có một vận cụ thể xác hoàn hảo hơn.

Inquirer

Can you please define the difference between the thinker and his thought?

Answer

Người Hỏi

Bạn có thể vui lòng định nghĩa sự khác biệt giữa người tư duy và tư tưởng của y không?

Trả lời

The same as the incandescent filament in a lamp and the light that shines from it. One is the cause, the other the effect. The thinker is the Spiritual Ego which uses the mind and brain and his or its use of mind and brain takes the form of thought.

Giống như sợi đốt nóng sáng trong một chiếc đèn và ánh sáng phát ra từ nó. Một là nguyên nhân, cái kia là kết quả. Người tư duy là Chân Ngã Tinh Thần sử dụng thể trí và bộ não và việc y hoặc nó sử dụng thể trí và bộ não có dạng tư tưởng.

Inquirer

How is it that some apparently highly developed people deny the existence of God. Are they only greatly developed in their mental bodies?

Người Hỏi

Làm thế nào mà một số người dường như rất phát triển lại phủ nhận sự tồn tại của Thượng Đế. Có phải họ chỉ phát triển vượt bậc trong thể trí của họ không?

Answer

Probably so. The mind is a two-edged weapon, a dual power. In its highest aspect and attributes it can conceive of the Divine. It can think of universals. It can conceive of unity, despite the surrounding appearance of separateness. The abstract mind can grasp the fundamental principles, equations and formulae beyond facts. That is called the formless mind, whilst the other aspect of the mind is called the formal, concrete mind. It analyses, criticises, argues, splits up, demands demonstration, ocular and logical proof.

Trả lời

Có lẽ vậy. Thể trí là một vũ khí hai lưỡi, một sức mạnh kép. Trong khía cạnh và thuộc tính cao nhất của nó, nó có thể hình dung về Đấng Thiêng Liêng. Nó có thể nghĩ về những điều phổ quát. Nó có thể hình dung về sự hợp nhất, bất chấp vẻ bề ngoài của sự tách biệt xung quanh. Trí trừu tượng có thể nắm bắt các nguyên tắc, phương trình và công thức cơ bản vượt ra ngoài các sự kiện. Đó được gọi là trí vô tướng, trong khi khía cạnh khác của thể trí được gọi là trí hữu tướng, cụ thể. Nó phân tích, phê bình, tranh luận, chia tách, đòi hỏi sự chứng minh, bằng chứng thị giác và logic.

The concrete mind is an extremely valuable tool for the Spiritual Self, but only as long as it is used for the right purposes, for the discovery and examination of certain classes of ideas, proofs and facts only: it is not adapted to the grasp of abstractions and universals and therefore tends to deny their existence. There are some very great people who have concentrated upon the analytical mind so that its development is greater than that of the rest of the thinking principle, causing it to overshadow the higher part of the mind a rather dangerous condition to be in. Analytical, critical, separative, that mind will deny, shut out, the operation of the far higher quality, the

Hạ trí là một công cụ vô cùng giá trị cho Chân Ngã Tinh Thần, nhưng chỉ khi nó được sử dụng cho đúng mục đích, để khám phá và kiểm tra một số loại ý tưởng, bằng chứng và sự kiện nhất định: nó không thích hợp để nắm bắt những điều trừu tượng và phổ quát và do đó có xu hướng phủ nhận sự tồn tại của chúng. Có một số người rất vĩ đại đã tập trung vào trí phân tích đến mức sự phát triển của nó lớn hơn phần còn lại của nguyên tắc tư duy, khiến nó che lấp phần cao hơn của thể trí một tình trạng khá nguy hiểm. Phân tích, phê phán, chia rẽ, thể trí đó sẽ phủ nhận, loại trừ hoạt động của phẩm chất cao hơn nhiều, đó là trực giác. Thượng trí và trực giác mới thực sự có thể

intuition. The higher mind and the intuition alone can really reveal the fact of the divinity and unity of all life to this mortal man. The over development of the formal intellect can, in radio terms, 'dam', interfere with, the operation and the receipt of light from the higher aspects of the Soul; and so apparently great, or mentally great men and women deny the existence of God. True greatness lies in spirituality of nature and in spiritual intuitiveness and wisdom.

tiết lộ sự thật về thiên tính và sự hợp nhất của tất cả sự sống cho người phàm này. Sự phát triển quá mức của trí tuệ hình thức có thể, theo thuật ngữ vô tuyến, 'làm hỏng', can thiệp vào hoạt động và việc tiếp nhận ánh sáng từ các khía cạnh cao hơn của Linh Hồn; và vì vậy những người nam và nữ dường như vĩ đại, hoặc vĩ đại về mặt trí tuệ, phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế. Sự vĩ đại thực sự nằm ở tính tinh thần của bản chất và ở trực giác và minh triết tinh thần.

I must, however, round this answer off with one further statement. What I have said is not a criticism of the power of, and the approach through, what is called the legal mind. It has its important place, and most especially for mystics, who must cause all ideas received in the higher state of consciousness to be justified at the bar of intellect. There is a marvellous passage in the Bible describing an incident which I think illustrates this. It is the incident of doubting Thomas. He insisted on proving things for himself, even to touching the wounds on his risen Lord, and we may note that he was not rebuked. Rather was he encouraged, and when he had satisfied himself, he said: 'My Lord and my God'. There is the true way of light. Prove all things and hold fast to that which is good, but leave room for the sudden flash of illumination which reveals the soul and heart of life.

Tuy nhiên, tôi phải làm tròn câu **trả lời** này bằng một tuyên bố nữa. Những gì tôi đã nói không phải là một lời chỉ trích về sức mạnh và cách tiếp cận thông qua cái được gọi là trí tuệ pháp lý. Nó có một vị trí quan trọng, và đặc biệt nhất đối với các nhà thần bí, những người phải khiến tất cả các ý tưởng nhận được trong trạng thái tâm thức cao hơn được biện minh tại tòa án trí tuệ. Có một đoạn tuyệt vời trong Kinh thánh mô tả một sự cố mà tôi nghĩ minh họa điều này. Đó là sự cố Đa-tô-ma nghi ngờ. Ông khăng khăng chứng minh mọi thứ cho bản thân, thậm chí chạm vào vết thương trên Chúa phục sinh của mình, và chúng ta có thể lưu ý rằng ông không bị khiển trách. Thay vào đó, ông được khuyến khích, và khi đã tự thỏa mãn, ông nói: 'Lạy Chúa của con và Thượng đế của con'. Đó là con đường ánh sáng đích thực. Chứng minh mọi thứ và giữ vững những gì tốt đẹp, nhưng hãy chừa chỗ cho ánh sáng soi sáng đột ngột tiết lộ linh hồn và trái tim của cuộc sống.

Inquirer

Why should the slothful individual make an effort when the final goal is *determined*?

Người thỉnh vấn

Tại sao người lười biếng phải nỗ lực khi mục tiêu cuối cùng đã được xác định?

Answer

For the sake of others. Every step forward that a single individual takes makes the way a little easier for all who follow, makes smoother

Trả lời

Vì lợi ích của người khác. Mỗi bước tiến mà một cá nhân thực hiện sẽ giúp con đường trở nên dễ dàng hơn một chút cho tất cả những

their path, brings light to the minds of the rest of mankind. That is the motive. That is the purpose for treading the Path, and our Lord expressed it as the inspiration which carries every aspirant through Gethsemane and Golgotha to the triumphant Ascension, for He said: 'I, if I be lifted up, will draw all men unto Me'.

người đi theo, làm cho con đường của họ suôn sẻ hơn, mang lại ánh sáng cho thể trí của phần còn lại của nhân loại. Đó là động cơ. Đó là mục đích để bước đi trên Thánh Đạo, và Đức Chúa của chúng ta đã bày tỏ nó như là nguồn cảm hứng mang mọi người chí nguyện vượt qua Vườn Ghết-sê-ma-nê và Đồi Gô-gô-tha để đến với Lễ Thăng Thiên khải hoàn, vì Ngài đã nói: 'Nếu ta được cất lên, ta sẽ kéo mọi người đến với Ta'.

You speak of the slothful individual hurrying or hastening on the way. They are not likely to do so, because they are not yet fully awakened to the existence of the way; otherwise they would not he slothful. They are not yet conscious of the pressure of the life force within them; otherwise there would be no sloth. When once that realisation comes, when once that mysterious change occurs which sets the soul on fire for ever more, then and this, perhaps, is the real answer to your question they seek and tread the Path because they cannot help themselves.

Bạn nói về người lười biếng vội vàng hoặc vội vã trên đường. Họ không có khả năng làm như vậy, bởi vì họ chưa hoàn toàn thức tỉnh trước sự tồn tại của con đường; nếu không họ sẽ không lười biếng. Họ chưa ý thức được áp lực của sinh mệnh lực bên trong họ; nếu không sẽ không có sự lười biếng. Một khi nhận thức đó đến, một khi sự thay đổi bí ẩn đó xảy ra, điều này sẽ đốt cháy linh hồn mãi mãi, thì đây có lẽ là câu **trả lời** thực sự cho câu hỏi của bạn họ tìm kiếm và bước đi trên Thánh Đạo vì họ không thể tự giúp mình.

They are impelled from within to the highest they know. As the mountaineer aspires to the summit and the explorer to the Pole, so in the words of an Eastern Scripture for the spiritually awakened ones, 'There is no other way at all to go'.

Họ bị thúc đẩy từ bên trong đến những gì cao nhất mà họ biết. Như người leo núi khao khát đỉnh cao và nhà thám hiểm đến Cực, như vậy, theo lời của một Kinh điển phương Đông dành cho những người đã thức tỉnh về mặt tinh thần, 'Không có con đường nào khác để đi cả'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 13, No. 2, 1952, p. 31

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 13, Số 2, 1952, tr. [2]31[/h2]

91—

Theosophy in Questions and Answers [2]—Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [2]

Inquirer

Người thỉnh vấn

Would Adepts have the power to trace (for instance) missing persons? Is it not possible for Them to alleviate, in some measure, the

Liệu các Chân sư có quyền năng để theo dõi (ví dụ) những người mất tích không? Không phải là Các Ngài có thể làm giảm bớt, ở một mức độ

sufferings of humanity?

Answer

Which is better: to save from suffering a single case or to teach a principle and a truth, which, if accepted, would save all. That is the question.

Of course the Adepts could trace missing persons, but that would not be efficient economy of power. In occult tradition, however, there are many stories of such ministration. We must remember that the occult life of those who come into close touch with the Adepts, and of the Adepts themselves, is generally quite secret and never in any sense advertised. The service is given, the work is done, and it does not matter who does it; that is the attitude in the occult life. Missing persons are constantly being found, apparently by purely human agency, but who knows whence came the first thought that turned the searcher, not only for people but also for truth, in the right direction? Their chief work for man, however, as far as our limited mind can begin faintly to grasp it, is to illumine the mind and exalt the souls of human beings, so that they won't get lost, whether in the bush or amidst the perplexities of life. Surely it is far better to give one a chart of the course than go about picking up strays? If the Adepts were to use Their time continually finding the strays of this world, They would be kept so busy that much of Their other work would be left undone.

What may we assume that work to be? In part, They perpetually flood the minds and souls and hearts of human beings with inspiration, light, life, truth, perception of principles,

nào đó, những đau khổ của nhân loại sao?

Trả lời

Điều gì tốt hơn: cứu một trường hợp khỏi đau khổ hay dạy một nguyên tắc và một sự thật, nếu được chấp nhận, sẽ cứu tất cả. Đó là câu hỏi.

Tất nhiên, các Chân sư có thể theo dõi những người mất tích, nhưng điều đó sẽ không hiệu quả về mặt tiết kiệm năng lượng. Tuy nhiên, trong truyền thống huyền bí, có rất nhiều câu chuyện về sự giúp đỡ như vậy. Chúng ta phải nhớ rằng cuộc sống huyền bí của những người tiếp xúc gần gũi với các Chân sư, và của chính các Chân sư, thường khá bí mật và không bao giờ được quảng cáo theo bất kỳ nghĩa nào. Sự phụng sự được trao, công việc được thực hiện, và không quan trọng ai làm điều đó; đó là thái độ trong cuộc sống huyền bí. Những người mất tích liên tục được tìm thấy, dường như chỉ bằng cơ quan nhân sự thuần túy, nhưng ai biết được ý nghĩ đầu tiên nào đã khiến người tìm kiếm, không chỉ tìm kiếm con người mà còn tìm kiếm chân lý, đi đúng hướng? Tuy nhiên, công việc chính của Các Ngài dành cho con người, theo như thể trí hạn hẹp của chúng ta có thể bắt đầu nắm bắt được, là soi sáng thể trí và nâng cao linh hồn của con người, để họ không bị lạc, dù là trong bụi rậm hay giữa những khó khăn của cuộc sống. Chắc chắn là tốt hơn nhiều khi cung cấp cho một người biểu đồ về lộ trình hơn là đi nhặt nhạnh những kẻ lạc loài? Nếu các Chân sư sử dụng thời gian của Các Ngài để liên tục tìm kiếm những kẻ lạc loài của thế giới này, Các Ngài sẽ bận rộn đến mức phần lớn công việc khác của Các Ngài sẽ bị bỏ dở.

Chúng ta có thể cho rằng công việc đó là gì? Một phần, Các Ngài liên tục tràn ngập thể trí, linh hồn và trái tim của con người bằng nguồn cảm hứng, ánh sáng, sự sống, chân lý, nhận

courage and strength to overcome, and, in addition, age by age, They give the Ancient Wisdom to the world. Such is part of Their great and major work for man, which is chiefly spiritual. They leave physical activities to human beings, whose work it rightly may be presumed to be.

thức về các nguyên tắc, lòng dũng cảm và sức mạnh để vượt qua, và ngoài ra, hết thời đại này đến thời đại khác, Các Ngài ban Minh Triết Ngàn Đời cho thế giới. Đó là một phần trong công việc lớn và quan trọng của Các Ngài dành cho con người, chủ yếu là tinh thần. Các Ngài để lại các hoạt động thể xác cho con người, mà công việc của họ có thể được cho là đúng đắn.

Remember, also, that the work of the Great Ones is not limited to mankind alone. Their love and Their ministration and compassion embrace all that lives. Not one sparrow falls without your Father [knoweth], and so life in the mineral, plant, animal, insect and bird kingdoms of Nature receives divine aid. There, too, there is unfolding life. There, too, ministration needs to be performed. There, too, responsibility is accepted in the name of the Lord Most High. Then there is the whole Kingdom of Fairy and of the Angelic Hosts with their countless millions of beings, all of whom receive the ministration and wisdom and love of the Perfect Ones. It is this larger ministration for the whole life scheme, planetary and extra-planetary, which engages Their attention and effort, rather than intervention in human affairs.

Cũng nên nhớ rằng công việc của Các Đấng Cao Cả không chỉ giới hạn ở loài người. Tình thương, sự giúp đỡ và lòng trắc ẩn của Các Ngài bao trùm tất cả những gì đang sống. Không một con chim sẻ nào rơi xuống mà Cha của bạn [biết], và vì vậy sự sống trong giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật, giới côn trùng và giới chim của Thiên Nhiên nhận được sự giúp đỡ thiêng liêng. Ở đó, sự sống cũng đang mở ra. Ở đó, sự giúp đỡ cũng cần được thực hiện. Ở đó, trách nhiệm cũng được chấp nhận nhân danh Đức Chúa Tối Cao. Sau đó, có toàn bộ Vương Quốc Tiên và Đội Quân Thiên Thần với hàng triệu sinh vật vô số của họ, tất cả đều nhận được sự giúp đỡ, minh triết và tình thương của Các Đấng Hoàn Hảo. Chính sự giúp đỡ lớn hơn này cho toàn bộ thiên cơ sự sống, mang tính hành tinh và ngoài hành tinh, thu hút sự chú ý và nỗ lực của Các Ngài, hơn là sự can thiệp vào công việc của con người.

Inquirer

Christ being perfect, why did He curse the fig tree?

Người thỉnh vấn

Đức Christ hoàn hảo, tại sao Ngài lại nguyền rủa cây vả?

Answer

I appreciate your difficulty, and suggest a way out of it, for indeed it seems un-Christlike to curse a fig tree, and still more so when we realize that the act was performed in the early spring before the Passover, when in any case the fig tree could not have had any figs upon it. It was out of season. The story is contradictory in that way, too, and even ab-

Trả lời

Tôi đánh giá cao khó khăn của bạn, và đề xuất một cách giải quyết nó, vì thực tế có vẻ không giống Đức Christ khi nguyền rủa một cây vả, và còn hơn thế nữa khi chúng ta nhận ra rằng hành động này được thực hiện vào đầu mùa xuân trước Lễ Vượt Qua, khi dù sao thì cây vả cũng không thể có bất kỳ quả vả nào trên đó. Nó đã trái mùa. Câu chuyện cũng mâu thuẫn

surd. There, in that very absurdity, however, is said to be a clue. A learned Jewish Rabbi, Moses Maimonides, wrote: 'Every time you find in our books a tale the reality of which seems impossible, a story which is repugnant to both reason and common sense, then be sure that the tale contains a profound allegory veiling a deeply mysterious truth; and the greater the absurdity of the letter, the deeper the wisdom of the spirit'.

theo cách đó, và thậm chí còn vô lý. Tuy nhiên, ở đó, trong chính sự vô lý đó, được cho là có một manh mối. Một Giáo sĩ Do Thái uyên bác, Moses Maimonides, đã viết: 'Mỗi khi bạn tìm thấy trong sách của chúng ta một câu chuyện mà thực tế dường như là không thể, một câu chuyện vừa gây khó chịu cho lý trí vừa gây khó chịu cho lẽ thường, thì hãy chắc chắn rằng câu chuyện đó chứa đựng một phép ẩn dụ sâu sắc che giấu một chân lý vô cùng bí ẩn; và sự vô lý của con chữ càng lớn thì minh triết của tinh thần càng sâu sắc'.

Here, then, is an incredibility which may spur us to look for the wisdom concealed beneath it. What could the message be? It is, I suggest, the enunciation of a law—a profound law—that if we do not give forth of the fruits, of our lives we shall wither away and die. He who seeks to have and to hold all for himself alone, and particularly the fruits of his inner life, his discovered wisdom, truth and power, giving no fruits to others he inevitably finds that his own inner, and even outer, life stagnates, inspiration leaves him, and eventually he withers away and dies. So, attention is drawn to this great law it might be called the law of flow which is, give to live, share to enjoy, serve to unfold, the wondrous law of selfless giving, in obedience to which life is fulfilled.

Vậy thì, đây là một điều khó tin có thể thúc đẩy chúng ta tìm kiếm minh triết ẩn giấu bên dưới nó. Thông điệp có thể là gì? Tôi cho rằng, đó là việc công bố một định luật một định luật sâu sắc rằng nếu chúng ta không ban phát những thành quả, của cuộc sống của chúng ta, chúng ta sẽ tàn lụi và chết. Người tìm cách có được và giữ tất cả cho riêng mình, và đặc biệt là những thành quả của cuộc sống nội tâm của mình, minh triết, chân lý và quyền năng đã khám phá ra của mình, không ban phát thành quả cho người khác, người đó chắc chắn sẽ thấy rằng cuộc sống nội tâm, và thậm chí cả cuộc sống bên ngoài của mình, trì trệ, nguồn cảm hứng rời bỏ anh ta, và cuối cùng anh ta tàn lụi và chết. Vì vậy, sự chú ý được hướng đến định luật vĩ đại này nó có thể được gọi là định luật lưu chuyển đó là, cho đi để sống, chia sẻ để tận hưởng, phụng sự để mở ra, định luật tuyệt vời về sự cho đi vô vị kỷ, mà khi tuân theo, cuộc sống sẽ được trọn vẹn.

It would seem, therefore, that it is not Christ Who cruelly curses, and causes to wither, the fig tree. The story is an allegory written in symbol, showing that he who will not give of the fruits of his own life and being, but keeps it hidden and hoarded unto himself, that person is as one dead and sooner or later he withers away and dies as an effective human being. In addition to showing this truth by His

Do đó, có vẻ như không phải Đức Christ là Người tàn nhẫn nguyền rủa, và khiến cây vả tàn lụi. Câu chuyện là một phép ẩn dụ được viết bằng biểu tượng, cho thấy rằng người nào không ban phát những thành quả của cuộc sống và sự tồn tại của chính mình, mà giữ nó ẩn giấu và tích trữ cho riêng mình, thì người đó như một người đã chết và sớm hay muộn anh ta cũng tàn lụi và chết như một con

life, and teaching mankind to love one another, and to give and to serve, Our Lord and the Evangelists, as was the custom of the ancient teachers, taught it also in parable.

người hiệu quả. Ngoài việc thể hiện sự thật này bằng cuộc sống của Ngài, và dạy nhân loại yêu thương lẫn nhau, và cho đi và phụng sự, Đức Chúa của chúng ta và các Nhà Truyền Giáo, như là phong tục của các huấn sư cổ đại, cũng đã dạy nó bằng dụ ngôn.

Inquirer

Is attainment of perfection easier today because we have great teachers among us?

Người thỉnh vấn

Ngày nay, việc đạt được sự hoàn hảo có dễ dàng hơn không vì chúng ta có những huấn sư vĩ đại ở giữa chúng ta?

Answer

There are many men and women in the world today, leaders amongst men, some visible, some behind the scenes, helping on the progress of the race, and it is true that as each one attains, the pathway is made a little easier for each one of us who follows. If you and I can just take one extra step ahead in evolution, we make it a little easier for others to follow; for all life is one. If a flash of illumination comes to us and we grasp a principle, that attainment thrills through the world-mind and in some measure, however small, is shared by all. That is another ministration of the Great Teachers. By Their own self-illumination They illumine the minds of all mankind. So, yes, the presence of great minds and great men and women does make easier the path for those who follow. 'And I, if I be lifted up from the earth, will draw all men unto me', the Christ said. As the race evolves, to make progress does become a little easier. Every century that passes ought to help humanity to get rid of self and to be more full of selfless love.

Trả lời

Có rất nhiều người nam và nữ trên thế giới ngày nay, những nhà lãnh đạo giữa loài người, một số hữu hình, một số ở hậu trường, giúp thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại, và đúng là khi mỗi người đạt được, con đường sẽ trở nên dễ dàng hơn một chút cho mỗi người chúng ta đi theo. Nếu bạn và tôi có thể thực hiện thêm một bước tiến trong quá trình tiến hóa, chúng ta sẽ giúp những người khác dễ dàng đi theo hơn một chút; vì tất cả sự sống là một. Nếu một tia sáng soi sáng đến với chúng ta và chúng ta nắm bắt được một nguyên tắc, thì sự đạt được đó sẽ rung động khắp vũ trụ thể trí và ở một mức độ nào đó, dù nhỏ đến đâu, cũng được chia sẻ bởi tất cả. Đó là một sự giúp đỡ khác của Các Huấn Sư Vĩ Đại. Bằng sự tự soi sáng của Các Ngài, Các Ngài soi sáng thể trí của toàn thể nhân loại. Vì vậy, vâng, sự hiện diện của những thể trí vĩ đại và những người nam và nữ vĩ đại giúp con đường trở nên dễ dàng hơn cho những người đi theo. 'Và Ta, nếu Ta được cất lên khỏi trái đất, sẽ kéo mọi người đến với Ta', Đức Christ đã nói. Khi nhân loại tiến hóa, việc tiến bộ sẽ trở nên dễ dàng hơn một chút. Mỗi thế kỷ trôi qua sẽ giúp nhân loại loại bỏ bản ngã và tràn đầy tình thương vô vị kỷ hơn.

Inquirer

Người thỉnh vấn

Could you please describe to us the physical appearance of the Adepts?

Answer

There are descriptions in our Theosophical literature by those rare and highly privileged people who are said actually to have seen Them. One such book I would recommend to you is *The Masters and the Path,* by C. W. Leadbeater, who is regarded by some as one of the greatest seers and occultists of this last century. Read there his descriptions.

I can only briefly and with much humility and reverence repeat part of what he says. They are nearly all of Them rather taller than normal human stature, which gives Them grace, and even majesty. Their faces are said to be unusually handsome and the brow lofty, broad and noble, the eyes large and lit with an inner fire and divine power, yet at times full of humour and glowing with friendliness, kindness and compassion. They are said to have conquered death and to be able to keep Their bodies in youthful maturity for a longer period than is normal for mankind. So They appear for a great many years, if not centuries, to be unchanged in youthful maturity, power and grace. They live in retreat in different parts of the world, in the fastnesses of the mountain chains. Some, it is said, live in the remote country of Tibet, some on the slopes of the Himalayas, some in the mountains of Southern India, some in Lebanon and others in the Valley of the Nile and elsewhere, hidden from a humanity which in its ignorance might interfere with Their beneficent activities.

Bạn có thể vui lòng mô tả cho chúng tôi về ngoại hình của các Chân sư không?

Trả lời

Có những mô tả trong văn học Thông Thiên Học của chúng ta bởi những người hiếm có và vô cùng đặc ân, những người được cho là đã thực sự nhìn thấy Các Ngài. Một cuốn sách như vậy tôi muốn giới thiệu cho bạn là Các Chân Sư và Thánh Đạo, của C. W. Leadbeater, người được một số người coi là một trong những nhà ngoại cảm và nhà huyền bí học vĩ đại nhất của thế kỷ trước. Hãy đọc những mô tả của Ông ở đó.

Tôi chỉ có thể lặp lại một cách ngắn gọn và với sự khiêm tốn và tôn kính lớn lao một phần những gì Ông nói. Hầu hết Các Ngài đều cao hơn tầm vóc bình thường của con người, điều này mang lại cho Các Ngài sự duyên dáng, và thậm chí cả sự uy nghiêm. Khuôn mặt của Các Ngài được cho là đẹp khác thường và vầng trán cao thượng, rộng và cao quý, đôi mắt to và sáng rực với ngọn lửa bên trong và quyền năng thiêng liêng, nhưng đôi khi tràn đầy sự hài hước và rạng rỡ với sự thân thiện, tử tế và lòng trắc ẩn. Các Ngài được cho là đã chinh phục được cái chết và có thể giữ cho cơ thể của Các Ngài ở độ tuổi trưởng thành trẻ trung trong một khoảng thời gian dài hơn bình thường đối với nhân loại. Vì vậy, Các Ngài xuất hiện trong rất nhiều năm, nếu không muốn nói là hàng thế kỷ, không thay đổi về sự trưởng thành, quyền năng và duyên dáng trẻ trung. Các Ngài sống ẩn dật ở các vùng khác nhau trên thế giới, trong những pháo đài của các dãy núi. Một số người, được cho là, sống ở vùng đất xa xôi của Tây Tạng, một số trên sườn núi Himalaya, một số ở vùng núi Nam Ấn Độ, một số ở Li-băng và những người khác ở Thung lũng sông Nile và những nơi khác, ẩn mình khỏi một nhân loại mà trong sự thiếu hiểu biết của nó có thể can thiệp vào các hoạt động nhân từ của Các Ngài.

Great and glorious and loving Elder Brothers are They, not further away because They are so great and so far beyond mankind, but nearer because of Their attainment. One of the ways in which They minister is that They never leave unanswered a cry for light. No soul ever sends out a genuine, ardent cry for light, wisdom, understanding, knowledge especially if the motive is to serve, without that cry being heard and answered. That answering of the call of human hearts for light is another of Their ministrations. And if the heart of the man or woman responds, the suppliant will soon be led to the needed wisdom and knowledge. If he perseveres, he may be drawn into the very presence of the Teacher, Who is awaiting each and every one of us.

Theosophy in New Zealand, Vol. 13, No. 3, 1952, p. 47

Các Huynh Trưởng vĩ đại, vinh quang và yêu thương là Các Ngài, không ở xa hơn vì Các Ngài quá vĩ đại và vượt xa nhân loại, mà gần gũi hơn vì sự đạt được của Các Ngài. Một trong những cách mà Các Ngài giúp đỡ là Các Ngài không bao giờ bỏ qua một tiếng kêu xin ánh sáng. Không một linh hồn nào gửi đi một tiếng kêu chân thành, tha thiết xin ánh sáng, minh triết, thấu hiểu, tri thức, đặc biệt nếu động cơ là để phụng sự, mà không có tiếng kêu đó được lắng nghe và đáp lại. Việc đáp lại tiếng gọi của trái tim con người để có được ánh sáng là một sự giúp đỡ khác của Các Ngài. Và nếu trái tim của người nam hoặc người nữ đáp lại, người cầu xin sẽ sớm được dẫn đến minh triết và tri thức cần thiết. Nếu y kiên trì, y có thể được kéo vào sự hiện diện của Huấn Sư, Đấng đang chờ đợi mỗi người chúng ta.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 13, Số 3, 1952, tr. [2]47[/h2]

92—

Theosophy in Questions and Answers [3]

Inquirer

Would you please say a little about the symbolism of the Holy Grail?

Answer

The Cup, especially the bowl, represents vesture of light in which the Immortal Self of man abides, the Causal Body, the vehicle of the Spiritual Soul of man, the Triple Self. The quest of the Grail is the search for one's own Divine nature. In another way, the Chalice represents the whole man. The foot is the physical body and consciousness, the stem the aspiring emotions, and the uplifted mind reaching towards the Cup or bowl represents

Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [3]

Người thỉnh vấn

Bạn có thể vui lòng nói một chút về biểu tượng của Chén Thánh không?

Trả lời

Chiếc Cốc, đặc biệt là lòng cốc, tượng trưng cho y phục ánh sáng, nơi mà Chân Ngã Bất Tử của con người ngự trị, Thể Nguyên Nhân, vận cụ của Linh Hồn Tinh Thần của con người, Tam Ngã. Cuộc tìm kiếm Chén Thánh là cuộc tìm kiếm bản chất Thiêng Liêng của chính mình. Theo một cách khác, Chén Thánh đại diện cho toàn bộ con người. Đế cốc là thể xác và tâm thức, thân cốc là những cảm xúc khát vọng, và thể trí hướng lên phía trên, vươn tới Cốc hoặc

an opening out into the Causal or Higher Mental consciousness. Wine is the symbol of spirit-wisdom, spiritual life, spiritual intuitiveness which, when present or awakened, the soul 'drinks' or receives from the Cup. This interior Eucharist is also called the attainment of the Christ-consciousness, the true quest of the Holy Grail. Each of the Knights in the immortal story is a personification of an attribute of man: Parsifal, the pure, unworldly, spiritually minded aspirant; Galahad, the utterly transmuted, depersonalised, selfless Soul — these two see the Grail. Lancelot, gallant, peerless, noble, but caught in the net of desire, sees not the Grail and ultimately brings the

lòng cốc, tượng trưng cho sự khai mở vào tâm thức Nguyên Nhân hoặc Thượng Trí. Rượu là biểu tượng của minh triết tinh thần, đời sống tinh thần, trực giác tinh thần, khi hiện diện hoặc thức tỉnh, linh hồn 'uống' hoặc nhận được từ Cốc. Lễ Tiệc Thánh bên trong này còn được gọi là sự đạt được tâm thức Đức Christ, cuộc tìm kiếm thực sự của Chén Thánh. Mỗi Hiệp Sĩ trong câu chuyện bất tử là một hiện thân của một thuộc tính của con người: Parsifal, người chí nguyện thuần khiết, siêu trần, có trí tuệ tinh thần; Galahad, Linh Hồn hoàn toàn chuyển hóa, phi ngã hóa, vị tha — hai người này nhìn thấy Chén Thánh. Lancelot, hào hoa, vô song, cao quý, nhưng bị mắc kẹt trong mạng lưới dục vọng, không nhìn thấy Chén Thánh và cuối cùng mang đến

King's rule, reign of the Ego over the Personality, to naught. *The Idylls of the King* are replete with occultism. The colours and symbols are all correct. Tennyson must have been inspired, though, of course, *Morte d 'Arthur* by Mallory is the old, and doubtless occult, source of the legend; for the Holy Grail legend, whether in its Teutonic or Celtic form, emanates from the Mysteries and is another way of describing the quest self-liberation, self-spiritualisation, and attainment of the Christ-consciousness—in a word, Initiation.

sự cai trị của Nhà Vua, triều đại của Chân Ngã đối với Phàm Ngã, đến chỗ hư không. Những Khúc Ca Về Vua chứa đầy huyền bí học. Màu sắc và biểu tượng đều chính xác. Tennyson hẳn đã được truyền cảm hứng, mặc dù, tất nhiên, Morte d 'Arthur của Mallory là nguồn gốc cổ xưa, và chắc chắn là huyền bí, của truyền thuyết; vì truyền thuyết Chén Thánh, dù ở dạng Teuton hay Celtic, đều xuất phát từ các Nghi Lễ Huyền Bí và là một cách khác để mô tả cuộc tìm kiếm sự tự giải phóng, sự tinh thần hóa bản thân và sự đạt được tâm thức Đức Christ — tóm lại, Điểm Đạo.

Inquirer

Please, could you tell us of the symbol of rose and the cross?

Người hỏi

Xin vui lòng, Ông có thể cho chúng tôi biết về biểu tượng của hoa hồng và cây thập giá không?

Answer

In its occult sense the rose is the symbol the feminine, generative principle usually referred to as Nature, the ever prolific and virgin earth or Isis, the Mother and nourisher of man, beast and plant. Thus the rose

Trả lời

Theo nghĩa huyền bí của nó, hoa hồng là biểu tượng của nguyên lý nữ tính, sinh sản, thường được gọi là Mẹ Thiên Nhiên, trái đất trinh nữ và luôn sinh sôi nảy nở hoặc Isis, Mẹ và người nuôi dưỡng con người, thú vật và cây cối. Do

represents the femininity of Nature, personified also as Ceres, Venus and Ishtar. The rose was dedicated to Venus, Goddess of the generative energy in Nature. In this sense the rose (feminine) and the cross (masculine though also dual) together symbolise universal generation. The cross is not a symbol of death but of life—Creative Life made manifest. The vertical arm represents descending spirit, the positive, masculine potency of Deity, and the horizontal arm represents receptive matter, the negative, feminine potency of Deity.

đó, hoa hồng đại diện cho tính nữ của Mẹ Thiên Nhiên, cũng được nhân cách hóa như Ceres, Venus và Ishtar. Hoa hồng được dâng cho Venus, Nữ Thần của năng lượng sinh sản trong Mẹ Thiên Nhiên. Theo nghĩa này, hoa hồng (nữ tính) và cây thập giá (nam tính mặc dù cũng kép) cùng nhau tượng trưng cho sự sinh sản phổ quát. Cây thập giá không phải là biểu tượng của cái chết mà là của sự sống — Sự Sống Sáng Tạo được biểu lộ. Cánh tay thẳng đứng đại diện cho tinh thần giáng xuống, hiệu lực nam tính, tích cực của Thượng Đế, và cánh tay nằm ngang đại diện cho vật chất tiếp nhận, hiệu lực nữ tính, tiêu cực của Thượng Đế.

The intersection of the two arms, making the four-armed cross, represents the active, creative process as a result of which Universes are born.

Giao điểm của hai cánh tay, tạo thành cây thập giá bốn cánh, đại diện cho quá trình sáng tạo, tích cực, kết quả là các Vũ Trụ được sinh ra.

In the microcosmic or human sense, when a man or woman has realized this dual, Divine Presence and Power in themselves, the great secret that God and man are one is theirs in consciousness. They then know the inner meaning of the creative power and forces in Nature and in man, that the Deity of all is also present as the Indwelling Creative Life-Force, Love and Will in every human individual. In the Rosicrucian Mysteries, this interior experience of the Initiate was symbolised by the rose and the cross.

Theo nghĩa vi mô hoặc nhân loại, khi một người đàn ông hoặc phụ nữ đã nhận ra Sự Hiện Diện và Quyền Năng Thiêng Liêng, kép này trong chính họ, bí mật lớn rằng Thượng Đế và con người là một, là của họ trong tâm thức. Sau đó, họ biết ý nghĩa bên trong của quyền năng và các lực lượng sáng tạo trong Mẹ Thiên Nhiên và trong con người, rằng Thượng Đế của tất cả cũng hiện diện như là Sinh Lực Sáng Tạo Nội Tại, Tình Thương và Ý Chí trong mỗi cá nhân con người. Trong các Nghi Lễ Huyền Bí Rosicrucian, trải nghiệm nội tại này của điểm đạo đồ được tượng trưng bằng hoa hồng và cây thập giá.

Sometimes the rose is pictured with its long stem twined round the lower part of the vertical arm, suggesting the serpentine path followed by the ascending, sublimated creative force in man.

Đôi khi hoa hồng được hình dung với thân dài quấn quanh phần dưới của cánh tay thẳng đứng, gợi ý con đường quanh co mà lực sáng tạo thăng hoa, thăng hoa trong con người đi theo.

The rose is guarded by thorns. So, also, in the symbolical sense is the Secret Wisdom. For example, before the formal, lower mind can be

Hoa hồng được bảo vệ bởi gai. Vì vậy, theo nghĩa tượng trưng, là Minh Triết Bí Mật. Ví dụ, trước khi hạ trí hình thức có thể được soi sáng

fully illumined by the light of the abstract, higher Intelligence, a conflict occurs between the natural, analytical, critical and self-separative tendencies and the universal, selfless outlook characteristic of each.

In this interior battle, part of the Armageddon of the Soul, the 'head', the limited formal mind or mental aspect of the Personality, receives many 'wounds'. This mystical warfare is also indicated in the symbols of the rose, the cross and the crown of thorns upon the head of the dying Saviour. It is only to the populace, however, that the crown of the crucified Initiate looks like a crown of thorns. In reality it is a true spiritual crown, but the victory which it symbolises and the powers which it indicates, evoke in the masses only scorn. To them it is a mockery, a crown of thorns. They cannot perceive what it really is and so they despise it.

The other symbol of royalty, the sceptre, also appears useless when it takes the form of a reed. To the multitude the reed, symbol of power at its greatest, namely exercised in gentleness, is as an easily broken reed. Thus, very deep mystical experiences concerning the crucifixion or death of the lower nature and the blossoming of the higher, like an open rose upon that cross, are portrayed by the great symbols. In the purely moral sense, the rose is the symbol of secrecy and the cross of self-sacrifice.

Inquirer

Does the occultist see the *akashic* record in its original form or does he see it in symbolic form?

hoàn toàn bởi ánh sáng của Trí Tuệ trừu tượng, cao hơn, một cuộc xung đột xảy ra giữa các khuynh hướng tự nhiên, phân tích, phê phán và tự tách biệt và quan điểm vị tha, phổ quát đặc trưng của mỗi người.

Trong trận chiến nội tại này, một phần của Armageddon của Linh Hồn, 'cái đầu', hạ trí hình thức giới hạn hoặc khía cạnh trí tuệ của Phàm Ngã, nhận nhiều 'vết thương'. Cuộc chiến thần bí này cũng được chỉ ra trong các biểu tượng của hoa hồng, cây thập giá và vòng gai trên đầu của Đấng Cứu Thế đang hấp hối. Tuy nhiên, chỉ đối với dân chúng, vương miện của điểm đạo đồ bị đóng đinh trông giống như một vòng gai. Trong thực tế, nó là một vương miện tinh thần thực sự, nhưng chiến thắng mà nó tượng trưng và những quyền năng mà nó chỉ ra, chỉ gợi lên sự khinh miệt trong quần chúng. Đối với họ, đó là một sự chế nhạo, một vòng gai. Họ không thể nhận thức được nó thực sự là gì và vì vậy họ khinh bỉ nó.

Biểu tượng vương quyền khác, vương trượng, cũng có vẻ vô dụng khi nó có hình dạng của một cây sậy. Đối với đám đông, cây sậy, biểu tượng của quyền lực ở mức cao nhất, cụ thể là được thực thi một cách nhẹ nhàng, giống như một cây sậy dễ gãy. Do đó, những trải nghiệm thần bí rất sâu sắc liên quan đến sự đóng đinh hoặc cái chết của bản chất thấp hơn và sự nở rộ của bản chất cao hơn, giống như một bông hồng hé nở trên cây thập giá đó, được khắc họa bởi những biểu tượng vĩ đại. Theo nghĩa thuần túy về mặt đạo đức, hoa hồng là biểu tượng của sự bí mật và cây thập giá của sự hy sinh bản thân.

Người hỏi

Nhà huyền bí học có nhìn thấy hồ sơ akashic ở dạng ban đầu của nó hay Ông ta nhìn thấy nó ở dạng biểu tượng?

Answer

In its original form. The trained seer who has been properly taught by a Master of occultism will see all things direct and correctly, as they are. The half-trained and untrained psychic, who may still have wonderful powers, will, however, always tend to cast the results of inner experiences into some form of natural symbology. We all tend to do that, of course, with our dreams. Some of them are memories of experiences out of the body, but when we wake up we sometimes cast them into a kind of drama, full of colours and symbols as of animals, reptiles, water, air, mountain tops or geometrical figures. It is this tendency which makes so often mysteries of our dreams, and so of our visions.

Trả lời

Ở dạng ban đầu của nó. Nhà thông nhãn được huấn luyện, vốn đã được một Chân sư huyền bí học dạy dỗ đúng cách, sẽ nhìn thấy mọi thứ trực tiếp và chính xác, như chúng vốn là. Tuy nhiên, nhà tâm linh nửa vời và chưa được đào tạo, vốn vẫn có thể có những quyền năng tuyệt vời, sẽ luôn có xu hướng đưa kết quả của những trải nghiệm bên trong vào một số hình thức biểu tượng tự nhiên. Tất nhiên, tất cả chúng ta đều có xu hướng làm điều đó với những giấc mơ của mình. Một số trong số chúng là ký ức về những trải nghiệm ngoài cơ thể, nhưng khi chúng ta thức dậy, đôi khi chúng ta đưa chúng vào một loại kịch, đầy màu sắc và biểu tượng như động vật, bò sát, nước, không khí, đỉnh núi hoặc hình hình học. Chính khuynh hướng này thường tạo ra những bí ẩn trong giấc mơ của chúng ta, và do đó, trong những khải tượng của chúng ta.

Inquirer

Would you please give us the meaning of the spear thrust in the side of Jesus on the Cross?

Người hỏi

Xin vui lòng cho chúng tôi biết ý nghĩa của ngọn giáo đâm vào sườn Đức Jesus trên Thập Giá?

Answer

In one meaning, the crucifixion is really the spiritual coronation of the liberated or nearly liberated Initiate, who finally dies to self and self-separatedness. The piercing of the skin, and therefore the thrust of the spear, in one sense means that the last film of the sense of separatedness (the skin) is then disrupted, pierced. Thereafter the truth of unity is known. Then it is that through the wounded hands blessing and power, flowing through the open wounds, can reach the world to sanctify and save it.

The spear is also a symbol of the world's hate, which every Initiate of the Fourth Degree

Trả lời

Theo một nghĩa, sự đóng đinh thực sự là lễ đăng quang tinh thần của điểm đạo đồ được giải thoát hoặc gần được giải thoát, người cuối cùng chết đi đối với bản thân và sự tách biệt bản thân. Việc đâm thủng da và do đó, cú đâm của ngọn giáo, theo một nghĩa nào đó, có nghĩa là lớp màng cuối cùng của cảm giác tách biệt (lớp da) sau đó bị phá vỡ, bị đâm thủng. Sau đó, chân lý về sự hợp nhất được biết đến. Sau đó, thông qua đôi tay bị thương, phước lành và quyền năng, chảy qua những vết thương hở, có thể đến thế giới để thánh hóa và cứu rỗi nó.

Ngọn giáo cũng là một biểu tượng của sự căm ghét của thế giới, mà mọi điểm đạo đồ của Bậc

must voluntarily receive into him or herself and transmute into love. There must be no self-protection any more. The heart is ever open to the world's evil, hatred, scorn and abuse. It must be so. It is the law. And part of the work of the High Initiates of our world is said to be that spiritual alchemy by means of which evil forces are transmuted into their opposites and sent out again as blessings upon the world. That action of willing acceptance and transmutation of evil demands a tremendous amount of self-control—never to take shelter again, never to depend wholly upon or shut oneself away from anything or anybody, however ugly, evil, hateful, venomous, it or they may be. To underscore this power of self-command, the symbol of discipline is used. A soldier drives in the spear. If this is at all acceptable to you, you will have seen that mighty truths are to be found beneath the veils of the world's allegories and symbols.

Thứ Tư phải tự nguyện tiếp nhận vào bản thân và chuyển hóa thành tình thương. Không còn sự tự bảo vệ nào nữa. Trái tim luôn rộng mở trước cái ác, sự căm ghét, sự khinh miệt và lạm dụng của thế giới. Nó phải như vậy. Đó là định luật. Và một phần trong công việc của Các Điểm Đạo Đồ Bậc Cao của thế giới chúng ta được cho là thuật giả kim tinh thần, nhờ đó các thế lực xấu xa được chuyển hóa thành đối cực của chúng và được gửi đi một lần nữa như những phước lành cho thế giới. Hành động sẵn sàng chấp nhận và chuyển hóa cái ác đó đòi hỏi một lượng lớn khả năng tự chủ — không bao giờ trú ẩn nữa, không bao giờ phụ thuộc hoàn toàn vào hoặc tự cô lập mình khỏi bất cứ điều gì hoặc bất kỳ ai, dù xấu xí, độc ác, đáng ghét, độc hại đến đâu, nó hoặc chúng có thể là. Để nhấn mạnh sức mạnh của sự tự chủ này, biểu tượng của kỷ luật được sử dụng. Một người lính lái ngọn giáo vào. Nếu điều này có thể chấp nhận được với Ông, Ông sẽ thấy rằng những chân lý mạnh mẽ được tìm thấy bên dưới tấm màn che của những câu chuyện ngụ ngôn và biểu tượng của thế giới.

Inquirer

Could you please tell us the meaning of the symbol of the black raven and also the significance of the beak?

Người hỏi

Xin vui lòng cho chúng tôi biết ý nghĩa của biểu tượng con quạ đen và cả ý nghĩa của cái mỏ?

Answer

All birds, with their bodies and two wings, are symbols of Deity, the threefold Divine Presence in Nature and in man. In the microcosmic sense, flying birds are all symbols of the liberation of the consciousness and Soul of man from the limitation of matter and the body.

Trả lời

Tất cả các loài chim, với cơ thể và hai cánh của chúng, là biểu tượng của Thượng Đế, Sự Hiện Diện Thiêng Liêng tam phân trong Mẹ Thiên Nhiên và trong con người. Theo nghĩa vi mô, những con chim bay đều là biểu tượng của sự giải phóng tâm thức và Linh Hồn của con người khỏi sự giới hạn của vật chất và cơ thể.

The beak, and the pecking principle in the bird, represent, I suggest, the constant 'prickings' or efforts of the Ego as conscience to reach the body and brain. The beak and its

Tôi cho rằng, cái mỏ và nguyên lý mổ trong con chim, đại diện cho những 'cú chích' hoặc nỗ lực liên tục của Chân Ngã như là lương tâm để tiếp cận cơ thể và bộ não. Cái mỏ và việc

use represent the interior spiritualising agency, the Ego, pecking away at the man encased in this all-too-solid flesh. The symbolism is exact, for the Inner Self (the bird) does obtain faculty and capacity (food) from its experiences in the Personality.

Theosophy in New Zealand, Vol. 13, No. 4, 1952, p. 63

sử dụng nó đại diện cho tác nhân tinh thần hóa bên trong, Chân Ngã, mổ vào người bị bao bọc trong lớp da thịt quá rắn chắc này. Biểu tượng này là chính xác, vì Nội Ngã (con chim) thực sự có được khả năng và năng lực (thức ăn) từ những trải nghiệm của nó trong Phàm Ngã.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 13, Số 4, 1952, tr. 63

93—

Theosophy in Questions and Answers [4]

Thông Thiên Học trong Hỏi và Đáp [4]

Inquirer: What is the one grand and royal secret behind the symbolical veils used by the alchemists, within sun, moon, mercury and the furnace by which lead is supposed to be transmuted into gold?

Người hỏi: Bí mật vĩ đại và vương giả đằng sau những tấm màn che tượng trưng được các nhà giả kim thuật sử dụng, bên trong mặt trời, mặt trăng, thủy ngân và lò nung, nhờ đó chì được cho là chuyển hóa thành vàng là gì?

Answer: The fire of creation, the Serpent Fire or *Kundalini-Shakti,* symbolised by the Caduceus in the hand of the god Hermes and the Sign for the planet Mercury. The furnace is the muladhara *chakram* at the base of the spine, wherein the creative Fire is stirred in man. Generally, a man and a woman are placed in the diagrams, also symbolising the vision of masculine and feminine forces and the harmonisation of the powers of opposites.

Trả lời: Lửa sáng tạo, Lửa Rắn hoặc Kundalini-Shakti, được tượng trưng bởi Caduceus trong tay vị thần Hermes và Dấu hiệu cho hành tinh Sao Thủy. Lò nung là luân xa muladhara ở đáy cột sống, nơi Lửa sáng tạo được khuấy động trong con người. Nói chung, một người đàn ông và một người phụ nữ được đặt trong sơ đồ, cũng tượng trưng cho tầm nhìn về các lực lượng nam tính và nữ tính và sự hài hòa của các quyền năng đối lập.

Cf. Moses and Aaron's rods.

So sánh với cây trượng của Moses và Aaron.

The brazen Serpent of Moses.

Con Rắn bằng đồng của Moses.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 4, 1981, p. 98

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 42, Số 4, 1981, tr. 98

94-

Theoophy: Safeguard Against A Third World War—Thông Thiên Học: Bảo Vệ Chống Lại Chiến Tranh Thế Giới Thứ Ba

My article concerns the deplorable condition of human life on our globe and the one remedy for them all which, surely, is the knowledge and application to life of the basic principles of *Theosophia.* Thus, I suggest the great call to us all is to teach Theosophy.

Bài viết của tôi liên quan đến tình trạng đáng buồn của đời sống con người trên địa cầu của chúng ta và một phương thuốc cho tất cả chúng, chắc chắn, là kiến thức và ứng dụng vào cuộc sống các nguyên tắc cơ bản của Thông Thiên Học. Vì vậy, tôi đề nghị lời kêu gọi lớn đối với tất cả chúng ta là dạy Thông Thiên Học.

Here, briefly, is a statement of world conditions. The latest figures show that: 42 million people died prematurely in the ten years embracing the Second World War. Nearly 25 million were civilian and 17 millions were military deaths. These 42 million were men, women and children who were starved, tortured, shot, blown to pieces, vivisected, frozen or gassed to death. Since the end of the Second World War, the nations have vainly sought for that international unity and solidarity for which the great majority are longing. At the present time as I write, either America or Russia could kill tens of millions of people in a nuclear attack. I therefore cannot stress too strongly the grave world danger that now exists and that we use this tragic need of humanity as a spur to us all so moved—all being free—to teach the basic ideas of Theosophy and their effective applications to the problems besetting human beings.

Đây, tóm tắt, là một tuyên bố về các điều kiện thế giới. Các số liệu mới nhất cho thấy rằng: 42 triệu người đã chết yểu trong mười năm bao gồm Thế Chiến Thứ Hai. Gần 25 triệu là dân thường và 17 triệu là quân nhân thiệt mạng. 42 triệu người này là đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị bỏ đói, tra tấn, bắn, thổi thành từng mảnh, mổ xẻ, đóng băng hoặc bị giết bằng khí độc. Kể từ khi kết thúc Thế Chiến Thứ Hai, các quốc gia đã vô ích tìm kiếm sự thống nhất và đoàn kết quốc tế mà đại đa số đang khao khát. Vào thời điểm hiện tại khi tôi viết, cả Mỹ hoặc Nga đều có thể giết chết hàng chục triệu người trong một cuộc tấn công hạt nhân. Do đó, tôi không thể nhấn mạnh quá mức mối nguy hiểm nghiêm trọng của thế giới hiện đang tồn tại và chúng ta sử dụng nhu cầu bi thảm này của nhân loại như một động lực cho tất cả chúng ta rất cảm động — tất cả đều tự do — để dạy những ý tưởng cơ bản của Thông Thiên Học và các ứng dụng hiệu quả của chúng cho các vấn đề đang bủa vây con người.

Here are seven fundamental theosophical teachings:

Dưới đây là bảy giáo lý thông thiên học cơ bản:

The inherent life present within all nature and all beings is one and the same life. Brotherhood well describes this interconnecting relationship.

Sự sống vốn có hiện diện trong tất cả Mẹ Thiên Nhiên và tất cả chúng sinh là một và cùng một sự sống. Tình Huynh Đệ mô tả tốt mối quan hệ kết nối lẫn nhau này.

The purpose for the existence of all human beings is development, growth, evolution. This means the steady and regular unfoldment to the highest possible degree of

Mục đích cho sự tồn tại của tất cả con người là sự phát triển, tăng trưởng, tiến hóa. Điều này có nghĩa là sự mở ra đều đặn và thường xuyên đến mức cao nhất có thể của mọi phẩm chất,

every desirable quality, faculty, power; we are here for one purpose only namely to grow.

khả năng, quyền năng đáng mong muốn; chúng ta ở đây chỉ vì một mục đích duy nhất, cụ thể là phát triển.

The third great theosophical teaching naturally arises from the above, it is: human beings should ideally ever extend their interests beyond the goal of gain for oneself to wisely planned gain for all others.

Giáo lý thông thiên học vĩ đại thứ ba tự nhiên phát sinh từ những điều trên, đó là: về mặt lý tưởng, con người nên luôn mở rộng lợi ích của họ vượt ra ngoài mục tiêu đạt được lợi ích cho bản thân để có được lợi ích được lên kế hoạch một cách khôn ngoan cho tất cả những người khác.

The fourth great truth: Human life on earth is lived under the law that every action is inevitably followed by an appropriate reaction—Cause and Effect—Karma.

Sự thật vĩ đại thứ tư: Đời sống con người trên trái đất được sống theo định luật rằng mọi hành động đều không thể tránh khỏi việc được theo sau bởi một phản ứng thích hợp — Nhân và Quả — Nghiệp Quả.

The fifth great truth—human evolution is brought about by means of the successive rebirths of the same reincarnating spiritual Self or Soul Reincarnation.

Sự thật vĩ đại thứ năm — sự tiến hóa của con người được tạo ra bằng những lần tái sinh liên tiếp của cùng một Chân Ngã hoặc Linh Hồn tinh thần tái sinh — Tái Sinh.

The sixth great truth—death brings the end of one's physical body alone and never of the true Self which lives on and evolves unto Eternity. Only the body dies.

Sự thật vĩ đại thứ sáu — cái chết mang lại sự kết thúc của chỉ thể xác của một người và không bao giờ của Chân Ngã thực sự, vốn tiếp tục sống và tiến hóa đến Vĩnh Hằng. Chỉ có cơ thể chết.

The seventh great truth: the goal of human evolution is the attainment of the stature of perfected manhood and womanhood, or adeptship.

Sự thật vĩ đại thứ bảy: mục tiêu của sự tiến hóa của con người là đạt được tầm vóc của sự hoàn thiện nam tính và nữ tính, hoặc địa vị chân sư.

In conclusion may I quote from our great teacher, H. P. Blavatsky, to whom with her colleague Col. H. S. Olcott, we owe the founding of the present Theosophical Society.

Để kết luận, tôi xin trích dẫn từ huấn sư vĩ đại của chúng ta, Bà H. P. Blavatsky, người mà chúng ta cùng với đồng nghiệp của Bà, Đại tá H. S. Olcott, nợ công lao thành lập Hội Thông Thiên Học hiện tại.

'There is but one eternal truth, one universal, infinite and changeless spirit of love, truth and wisdom, impersonal, therefore bearing a different name in every nation, one light for all, in which the whole humanity lives and

'Chỉ có một chân lý vĩnh cửu, một tinh thần phổ quát, vô hạn và bất biến của tình thương, chân lý và minh triết, vô ngã, do đó mang một tên khác nhau ở mọi quốc gia, một ánh sáng cho tất cả, trong đó toàn thể nhân loại sống và

moves and has its being. Like the spectrum in optics giving multi-coloured and various rays, which are yet caused by one and same sun, so theologised and sacerdotal systems are many. But the universal religion can only be one if we accept the real primitive meaning of the root of that word.

vận động và có sự tồn tại của nó. Giống như quang phổ trong quang học tạo ra nhiều tia nhiều màu và khác nhau, vốn vẫn do cùng một mặt trời gây ra, vì vậy các hệ thống thần học và tăng lữ là nhiều. Nhưng tôn giáo phổ quát chỉ có thể là một nếu chúng ta chấp nhận ý nghĩa nguyên thủy thực sự của gốc rễ của từ đó.

'Let us unite to form a nucleus of a universal brotherhood of humanity without distinction of race, creed or colour'.[39]

'Chúng ta hãy đoàn kết để hình thành một hạt nhân của một tình huynh đệ phổ quát của nhân loại không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng hoặc màu da'.

Theosophy in Australia, 3, 3 September 1977, p. 83

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 3 tháng 9 năm 1977, tr. 83

95—

Investigating Spiritualism—Điều Tra Về Thuyết Duy Linh

There can be no doubt, that much that is of value has come to the world through spiritualism. Religious life and thought was severely threatened in the last century by the discovery of material evolution and by the intellectually satisfying pronouncements of the great material scientists Darwin, Haeckel, Huxley, Tindal, Spencer and others. The physically inexplicable phenomena produced through mediums, chiefly in America, in the last half of the last century broke the crust of materialistic thought which was then settling on the Western world. The world owes a debt of gratitude to the mediums and intelligences concerned.

Không còn nghi ngờ gì nữa, nhiều điều có giá trị đã đến với thế giới thông qua thuyết duy linh. Đời sống và tư tưởng tôn giáo đã bị đe dọa nghiêm trọng trong thế kỷ trước bởi sự khám phá ra sự tiến hóa vật chất và bởi những tuyên bố thỏa mãn về mặt trí tuệ của các nhà khoa học vật chất vĩ đại Darwin, Haeckel, Huxley, Tindal, Spencer và những người khác. Các hiện tượng không thể giải thích được về mặt vật lý được tạo ra thông qua các đồng tử, chủ yếu ở Mỹ, trong nửa cuối thế kỷ trước đã phá vỡ lớp vỏ tư tưởng duy vật đang lắng xuống thế giới phương Tây. Thế giới nợ một món nợ ân tình đối với các đồng tử và các trí tuệ liên quan.

This indebtedness is increased by the fact that, owing to the work of mediums, millions of people have become convinced, rightly or wrongly, of the fact of the existence of a life after death, and millions consoled when

Sự mang ơn này tăng lên bởi một thực tế là, do công việc của các đồng tử, hàng triệu người đã tin chắc, dù đúng hay sai, về sự tồn tại của một cuộc sống sau khi chết, và hàng triệu người được an ủi khi đau khổ vì mất mát. Hơn nữa,

39 (The Theosophist, *July and August, 1889.)*

suffering from bereavement. Furthermore, large numbers of people, many of whom would probably not have responded to a purely intellectual and non-phenomenal appeal, have, through spiritualistic experience and teachings, had their thoughts turned towards philosophy and religion.

một số lượng lớn người, nhiều người trong số đó có lẽ đã không đáp ứng với một lời kêu gọi thuần túy trí tuệ và phi hiện tượng, thông qua kinh nghiệm và giáo lý thần linh học, đã hướng suy nghĩ của họ về triết học và tôn giáo.

The question likely to arise in the mind of the student of Theosophy concerns the real value of psychic research as a means of gaining knowledge. If he himself experiments, as it is perhaps not unnatural that he should, sooner or later he must find himself faced with at least five difficulties.

Câu hỏi có khả năng nảy sinh trong thể trí của đạo sinh Thông Thiên Học liên quan đến giá trị thực sự của nghiên cứu thông linh như một phương tiện để đạt được tri thức. Nếu bản thân y thử nghiệm, như có lẽ không phải là không tự nhiên mà y nên làm, sớm hay muộn y phải đối mặt với ít nhất năm khó khăn.

The first of these consists of the fact that, even though assured of the honesty of the mediums with whom the investigator ‘sits’, the instructor or control is nearly always invisible. His status and qualifications must, therefore, rest entirely on his own assertions. Where these are evaluated by means of the teachings received, it is a universal experience that, whilst much that is beautiful has been given through mediums, no philosophic or spiritual truth has ever emerged which is not to be found in far greater fullness both in Christianity and in Oriental philosophy. In the main, the student will find that one good textbook on Theosophy will reveal more of occult philosophy than any number of spiritualistic utterances or publications.

Khó khăn đầu tiên trong số này bao gồm một thực tế là, ngay cả khi đã đảm bảo về sự trung thực của các đồng tử mà nhà nghiên cứu 'ngồi' cùng, thì người hướng dẫn hoặc người kiểm soát hầu như luôn vô hình. Do đó, địa vị và trình độ của Ngài phải hoàn toàn dựa trên những khẳng định của chính Ngài. Khi những điều này được đánh giá bằng các giáo lý nhận được, thì đó là một kinh nghiệm phổ quát rằng, mặc dù nhiều điều tốt đẹp đã được ban cho thông qua các đồng tử, nhưng không có chân lý triết học hoặc tinh thần nào từng xuất hiện mà không thể tìm thấy với sự viên mãn lớn hơn nhiều trong cả Cơ đốc giáo và triết học phương Đông. Về cơ bản, đạo sinh sẽ thấy rằng một cuốn sách giáo khoa hay về Thông Thiên Học sẽ tiết lộ nhiều triết học huyền bí hơn bất kỳ số lượng phát ngôn hoặc ấn phẩm thần linh học nào.

The second difficulty arises from the fact that it is practically impossible for the non-clairvoyant student, during a seance, to distinguish the supposed invisible communicator from the minds, conscious or sub-conscious, of the medium and those present.

Khó khăn thứ hai nảy sinh từ một thực tế là, trong một buổi gọi hồn, đạo sinh không có khả năng thông nhãn hầu như không thể phân biệt được người giao tiếp vô hình được cho là từ thể trí, tâm thức hoặc tiềm thức của đồng tử và những người có mặt.

The third difficulty is that very few, if any, of the statements concerning superphysical worlds, forces and beings made by controls can be tested except by putting the same questions to other mediums. As conflict of opinion, and even flat contradiction, not infrequently result from this method, the student constantly finds it difficult to choose and depend upon his source of knowledge.

Khó khăn thứ ba là rất ít, nếu có, những tuyên bố liên quan đến các cõi siêu vật chất, các mãnh lực và các hữu thể do những người kiểm soát đưa ra có thể được kiểm tra ngoại trừ bằng cách đặt cùng một câu hỏi cho các đồng tử khác. Vì xung đột ý kiến, và thậm chí mâu thuẫn hoàn toàn, không phải là hiếm khi xảy ra từ phương pháp này, nên đạo sinh liên tục cảm thấy khó khăn trong việc lựa chọn và phụ thuộc vào nguồn tri thức của mình.

A fourth difficulty is that at a seance no particular communicator can generally be found to deal with any chosen subject. The average 'control' usually proves to be very limited in his or her intellectual range, specialists in any particular department of knowledge rarely manifesting themselves. The result of this is a certain vagueness of utterance particularly noticeable when the investigator endeavours to pin the 'control' down to a clear statement on scientific and metaphysical subjects.

Một khó khăn thứ tư là tại một buổi gọi hồn, nói chung không thể tìm thấy người giao tiếp cụ thể nào để giải quyết bất kỳ chủ đề đã chọn nào. 'Người kiểm soát' trung bình thường tỏ ra rất hạn chế về phạm vi trí tuệ của mình, các chuyên gia trong bất kỳ bộ phận tri thức cụ thể nào hiếm khi biểu lộ bản thân. Kết quả của điều này là một sự mơ hồ nhất định trong lời nói đặc biệt đáng chú ý khi nhà nghiên cứu cố gắng ghim 'người kiểm soát' vào một tuyên bố rõ ràng về các chủ đề khoa học và siêu hình học.

The Theosophical explanation of this would probably be that after their death few, if any, intellectually developed people would be interested in attending seances. The centre of their awareness will almost certainly be in the mental rather than the lower Astral worlds, and they would in consequence lose contact with the physical and lower Astral sub-planes very shortly, if not immediately, after death. *Vide Esoteric Writings* by T. Subba Row and *The Mahatma Letters to A. P. Sinnett,* where we are repeatedly informed that the human spiritual principles cannot communicate through mediums, although discarded Astral Bodies or 'shells' can and constantly do so.

Lời giải thích Thông Thiên Học về điều này có lẽ là sau khi chết, rất ít, nếu có, những người phát triển trí tuệ sẽ quan tâm đến việc tham dự các buổi gọi hồn. Trung tâm nhận thức của họ gần như chắc chắn sẽ ở cõi trí tuệ hơn là các cõi Cảm dục thấp hơn, và do đó họ sẽ mất liên lạc với các cõi phụ hồng trần và Cảm dục thấp hơn rất sớm, nếu không muốn nói là ngay lập tức, sau khi chết. Xem Các Bài Viết Huyền Bí của T. Subba Row và Các Lá Thư Mahatma gửi A. P. Sinnett, nơi chúng ta liên tục được thông báo rằng các nguyên tắc tinh thần của con người không thể giao tiếp thông qua các đồng tử, mặc dù các Thể Cảm dục bị loại bỏ hoặc 'vỏ bọc' có thể và liên tục làm như vậy.

Fifth, and not the least, of the difficulties is the fact that in the next world, as in this, there are many kinds of people—good, bad and indifferent. With rare exceptions, such as the

Thứ năm, và không phải là ít nhất, trong số những khó khăn là thực tế là ở thế giới bên kia, cũng như ở thế giới này, có nhiều loại người—tốt, xấu và thờ ơ. Với những ngoại lệ hiếm hoi,

supposed communications by the late Sir Arthur Conan Doyle—strongly supporting theosophical doctrines, by the way—teachings through mediums from intellectually advanced entities are relatively rare. True, great claims are made for the receipt of revelations from the world's greatest thinkers, including the Lord Buddha and the Lord Jesus Christ. But the supposed utterances of These and other Great Ones, on impartial examination by a well-informed student of philosophy and religion, do not support such claims. The investigator, thus inevitably finding himself in a position of intellectual difficulty and doubt, must, if he examines his results impartially and critically, be conscious of a great instability inherent in his method of study. He is, however, possessed of one advantage for he finds that no self-discipline, self-training or special study is required of him. Neither is he under any obligation to apply to his life any of the teachings he receives. The student who uses the spiritualistic method of research is able to attend seances purely as a receiver, without cost of effort to himself, especially of the mind.

chẳng hạn như các giao tiếp được cho là của cố Ngài Arthur Conan Doyle—nhân tiện, ủng hộ mạnh mẽ các học thuyết Thông Thiên Học—những giáo lý thông qua các đồng tử từ các thực thể có trí tuệ tiên tiến là tương đối hiếm. Đúng vậy, những tuyên bố lớn được đưa ra cho việc nhận được những mặc khải từ những nhà tư tưởng vĩ đại nhất thế giới, bao gồm Đức Phật và Đức Jesus Christ. Nhưng những phát ngôn được cho là của Các Ngài và Các Đấng Cao Cả khác, khi được một đạo sinh có kiến thức về triết học và tôn giáo kiểm tra một cách khách quan, không ủng hộ những tuyên bố như vậy. Do đó, nhà nghiên cứu chắc chắn thấy mình ở vào một vị trí khó khăn và nghi ngờ về trí tuệ, phải ý thức được sự bất ổn lớn vốn có trong phương pháp nghiên cứu của mình, nếu y kiểm tra kết quả của mình một cách khách quan và phê phán. Tuy nhiên, y sở hữu một lợi thế vì y thấy rằng không cần phải có kỷ luật tự giác, tự rèn luyện hoặc nghiên cứu đặc biệt nào. Y cũng không có nghĩa vụ áp dụng bất kỳ giáo lý nào y nhận được vào cuộc sống của mình. Đạo sinh sử dụng phương pháp nghiên cứu thần linh học có thể tham dự các buổi gọi hồn hoàn toàn như một người tiếp nhận, mà không tốn công sức cho bản thân, đặc biệt là thể trí.

Whilst this may be referred to as an advantage, and doubtless is so regarded by some investigators, the aspirant to true occult knowledge and power would hardly be likely to consider it as such. He would probably feel that the negativity of the method would in time greatly tend to reduce mental initiative; for, in general, psychic research would seem to offer little or no encouragement to that intellectual and spiritual endeavour by means of which alone real knowledge and wisdom may be gained. It is even possible—very likely indeed—that mental and spiritual growth could be stultified by constant dependence upon others for mental and spiritual

Mặc dù điều này có thể được gọi là một lợi thế, và chắc chắn được một số nhà nghiên cứu coi như vậy, nhưng người chí nguyện đạt được tri thức và quyền năng huyền bí thực sự khó có thể coi đó là một lợi thế. Y có lẽ sẽ cảm thấy rằng sự tiêu cực của phương pháp này theo thời gian sẽ có xu hướng làm giảm đáng kể sáng kiến trí tuệ; vì, nói chung, nghiên cứu thông linh dường như ít hoặc không khuyến khích nỗ lực trí tuệ và tinh thần mà chỉ nhờ đó tri thức và minh triết thực sự có thể đạt được. Thậm chí có thể—thực sự rất có thể—rằng sự tăng trưởng trí tuệ và tinh thần có thể bị kìm hãm bởi sự phụ thuộc liên tục vào người khác để có được sự nuôi dưỡng trí tuệ và tinh thần.

sustenance. This is a very real danger that by itself, I submit, is sufficient to justify serious warnings to those about to embark upon the quest of true illumination by means of the forms of psychic research—trance mediumships, for example—under consideration.

Đây là một mối nguy hiểm rất thực tế mà tự nó, tôi cho rằng, đủ để biện minh cho những cảnh báo nghiêm trọng đối với những người sắp bắt đầu cuộc tìm kiếm sự soi sáng thực sự bằng các hình thức nghiên cứu thông linh—ví dụ như đồng tử xuất thần—đang được xem xét.

Another and even greater danger exists; for, should the individual decide or be persuaded personally to experiment with mediumship, his physical, moral and mental health and stability could at once be endangered. Whether he chooses to experiment with automatic writing, the ouija board, table rapping or partial or complete entrancement, he is in danger of psychic invasion. This may take many forms, from the smaller psychic persecutions through auditory and visual hallucinations up to complete obsession and lunacy. The dangers have been repeatedly demonstrated to me as a consultant from whom for some fifty years healing protection and exorcism have been and still are constantly sought by sufferers from these and similar afflictions.

Một mối nguy hiểm khác và thậm chí còn lớn hơn tồn tại; vì, nếu cá nhân quyết định hoặc bị thuyết phục tự mình thử nghiệm với vai trò đồng tử, thì sức khỏe và sự ổn định về thể xác, đạo đức và thể trí của y có thể ngay lập tức bị đe dọa. Cho dù y chọn thử nghiệm với tự động viết, bảng ouija, gõ bàn hay xuất thần một phần hoặc hoàn toàn, y đều có nguy cơ bị xâm nhập thông linh. Điều này có thể có nhiều hình thức, từ những cuộc bức hại thông linh nhỏ hơn thông qua ảo giác thính giác và thị giác cho đến ám ảnh và điên cuồng hoàn toàn. Những nguy hiểm đã được chứng minh nhiều lần cho tôi với tư cách là một nhà tư vấn mà từ khoảng năm mươi năm nay, những người bị ảnh hưởng bởi những đau khổ này và những đau khổ tương tự liên tục tìm kiếm sự bảo vệ chữa lành và trừ tà.

What conclusion is to be drawn from these observations? Does it not seem clear that, even whilst recognizing the possibility of gaining some knowledge by the surrender of mind and will to invisible and so untestable entities—almost any other method, if at all fruitful, must be preferable?

Kết luận nào sẽ được rút ra từ những quan sát này? Chẳng phải có vẻ rõ ràng rằng, ngay cả khi thừa nhận khả năng đạt được một số tri thức bằng cách từ bỏ thể trí và ý chí cho các thực thể vô hình và do đó không thể kiểm tra được—hầu như bất kỳ phương pháp nào khác, nếu có hiệu quả, đều phải được ưu tiên hơn?

Is there another method? Is there another way leading to intellectual and spiritual light?

Có một phương pháp khác không? Có một con đường khác dẫn đến ánh sáng trí tuệ và tinh thần không?

Yes, happily there are at least two, both of which are far surer than by mediumship as means of illumination, and are, moreover, perfectly safe for those who follow them with reasonable intelligence. They are: first, the

Vâng, may mắn thay, có ít nhất hai, cả hai đều chắc chắn hơn nhiều so với vai trò đồng tử như những phương tiện soi sáng, và hơn nữa, hoàn toàn an toàn cho những người tuân theo chúng với trí thông minh hợp lý. Chúng là: thứ

study of Theosophy, and second, the practice of Yoga to the end of self-illumination. Both of these successfully followed will provide any intelligent individual with all the occult, philosophic and spiritual information and personal happiness which he or she can possibly need, assimilate and apply to life.

nhất, nghiên cứu Thông Thiên Học, và thứ hai, thực hành Yoga để đạt được mục đích tự soi sáng. Cả hai điều này nếu được tuân theo thành công sẽ cung cấp cho bất kỳ cá nhân thông minh nào tất cả thông tin huyền bí, triết học và tinh thần cũng như hạnh phúc cá nhân mà y có thể cần, đồng hóa và áp dụng vào cuộc sống.

Theosophy has taught me at least one thing which I hope I will never forget. This is that truth is within one, as also are wisdom and knowledge. In its essence *Theosophia* is not the external wisdom of an external God. It is the wisdom of the God which is within every human being. The way of light is within the student, as also is the Light Itself. Self-control is the goal of human existence, as well as the only means of self-illumination. Deliberate submission of the personal will to the control of another cannot possibly lead to that attainment.

Thông Thiên Học đã dạy tôi ít nhất một điều mà tôi hy vọng sẽ không bao giờ quên. Đó là chân lý ở bên trong một người, cũng như minh triết và tri thức. Về bản chất, Theosophia không phải là minh triết bên ngoài của một Thượng đế bên ngoài. Đó là minh triết của Thượng đế ở bên trong mỗi con người. Con đường ánh sáng ở bên trong đạo sinh, cũng như chính Ánh Sáng. Tự chủ là mục tiêu của sự tồn tại của con người, cũng như phương tiện duy nhất để tự soi sáng. Sự phục tùng có chủ ý ý chí cá nhân cho sự kiểm soát của người khác không thể dẫn đến sự đạt được đó.

Here is the way, clearly stated for all time:

Đây là con đường, được tuyên bố rõ ràng cho mọi thời đại:

THE GOLDEN STAIRS

Nấc Thang Vàng

'Behold the Truth before you: A clean life, an open mind, a pure heart, an eager intellect, an unveiled spiritual perception, a brotherliness for all, a readiness to give and receive advice and instruction, a courageous endurance of personal injustice, a brave declaration of principles, a valiant defence of those who are unjustly attacked, and a constant eye to the ideal of human progression and perfection which the sacred science depicts—these are the golden stairs up the steps of which the learner may climb to the Temple of Divine Wisdom'.—H. P. Blavatsky

'Hãy nhìn Chân lý trước mắt bạn: Một cuộc sống thanh sạch, một thể trí cởi mở, một trái tim thuần khiết, một trí tuệ háo hức, một tri giác tinh thần không che đậy, một tình huynh đệ cho tất cả, một sự sẵn sàng cho và nhận lời khuyên và chỉ dẫn, một sự chịu đựng dũng cảm sự bất công cá nhân, một tuyên bố dũng cảm về các nguyên tắc, một sự bảo vệ dũng cảm những người bị tấn công bất công và một con mắt luôn hướng tới lý tưởng về sự tiến bộ và hoàn thiện của con người mà khoa học thiêng liêng mô tả—đây là những nấc thang vàng mà người học có thể leo lên Đền Thờ Minh Triết Thiêng Liêng'.—H. P. Blavatsky

Theosophy in New Zealand, Vol. 38, No. 3, 1977, p. 51

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 38, Số 3, 1977, tr. 51

96—

Thoughts on Karma and Meditation—Suy Nghĩ về Nghiệp Quả và Thiền Định

The karma of the individual plays a very large part in deciding the effectiveness of meditation, a readiness to begin its practice, regularity of continuance, general stability in the spiritual life and that condition of the mind-brain which determines facility of response. Personal freedom to include in one's life the study of occultism and to follow the procedures of Yoga is also karma-ruled. Health, finance and family relationships and conditions also play decisive roles. Fidelity in responding day by day to the call of the interior Self to embark upon the inner life is of almost supreme importance. Completely harmonious and beneficial relationships must be established and maintained with members of the family, with other aspirants and more especially with those newly entering upon meditative procedures; for to hurt a fellow student mentally, emotionally or physically or to turn anyone away from the Path most especially all beginners ('little ones')[40]—would be to fall far below the ideal of ever ready helpfulness, and in addition generate very adverse karma. Indeed, all of these mistakes need to be reduced to a minimum. Until such karma is balanced, the presence or absence of this harmony will markedly influence the availability in succeeding lives of both yogic teaching and teachers.

Nghiệp quả của cá nhân đóng một vai trò rất lớn trong việc quyết định hiệu quả của thiền định, sự sẵn sàng bắt đầu thực hành, tính đều đặn của sự tiếp tục, sự ổn định chung trong đời sống tinh thần và tình trạng của thể trí-bộ não vốn quyết định sự dễ dàng đáp ứng. Tự do cá nhân để đưa vào cuộc sống của một người việc nghiên cứu huyền bí học và tuân theo các quy trình của Yoga cũng do nghiệp quả chi phối. Sức khỏe, tài chính và các mối quan hệ và điều kiện gia đình cũng đóng vai trò quyết định. Sự trung thành trong việc đáp ứng ngày qua ngày tiếng gọi của Chân Ngã nội tại để dấn thân vào đời sống nội tâm là điều quan trọng gần như tối cao. Các mối quan hệ hoàn toàn hài hòa và có lợi phải được thiết lập và duy trì với các thành viên trong gia đình, với những người chí nguyện khác và đặc biệt hơn với những người mới bước vào các quy trình thiền định; vì làm tổn thương một đồng môn về mặt thể trí, cảm xúc hoặc thể xác hoặc khiến bất kỳ ai rời xa Thánh Đạo, đặc biệt là tất cả những người mới bắt đầu ('những người nhỏ bé')—sẽ là rơi xuống rất xa so với lý tưởng về sự sẵn sàng giúp đỡ và ngoài ra còn tạo ra nghiệp quả rất bất lợi. Thật vậy, tất cả những sai lầm này cần phải được giảm thiểu đến mức tối thiểu. Cho đến khi nghiệp quả đó được cân bằng, sự hiện diện hoặc vắng mặt của sự hài hòa này sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến tính khả dụng trong những kiếp sống tiếp theo của cả giáo lý và huấn sư yogic.

The degree of earnestness and sincerity with which the spiritual endeavour is undertaken

Mức độ nghiêm túc và chân thành mà nỗ lực tinh thần được thực hiện và tiếp tục có thể ở

[40] … 'Little one' Mark 9:42 *Luke* 17:2

and continued may to a considerable extent be influenced by the effects of modern life at home and abroad. Educational methods, careers followed and their psychological and physical effects, will naturally play their decisive parts. These can aid, delay and under karma even prevent reincarnated Disciples and Initiates from resuming and maintaining in a later incarnation, philosophic, occult and mystical studies and ways of life.

một mức độ đáng kể bị ảnh hưởng bởi những ảnh hưởng của cuộc sống hiện đại trong và ngoài nước. Các phương pháp giáo dục, sự nghiệp theo đuổi và những ảnh hưởng tâm lý và thể xác của chúng, đương nhiên sẽ đóng vai trò quyết định của chúng. Những điều này có thể hỗ trợ, trì hoãn và theo nghiệp quả thậm chí ngăn cản các Đệ tử và Điểm đạo đồ tái sinh tiếp tục và duy trì trong một kiếp sống sau này, các nghiên cứu và lối sống triết học, huyền bí và thần bí.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 2, 1982, p. 36

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 42, Số 2, 1982, tr. 36

97—

Victory Over the Powers of Evil—Chiến Thắng Các Thế Lực Tà Ác

Only the foolish could ignore the difficulties, nay the dangers, with which humanity now stands confronted. The great battle is ever waging between darkness and light upon our earth.

Chỉ những kẻ ngốc mới có thể bỏ qua những khó khăn, thậm chí là những nguy hiểm, mà nhân loại hiện đang phải đối mặt. Cuộc chiến vĩ đại luôn diễn ra giữa bóng tối và ánh sáng trên trái đất của chúng ta.

Only the self-blinded could fail to see the mighty tasks and weighty responsibilities which now rest upon us all, upon each individual no less than upon the statesmen who must direct this troubled world.

Chỉ những người tự làm mù quáng bản thân mới có thể không thấy những nhiệm vụ to lớn và trách nhiệm nặng nề mà giờ đây đè nặng lên tất cả chúng ta, lên mỗi cá nhân cũng như lên các chính khách phải chỉ đạo thế giới đầy rắc rối này.

First,—What Do We Mean by the Term 'The Powers of Evil'?

Thứ nhất,—Chúng Ta Muốn Nói Gì Khi Dùng Thuật Ngữ 'Các Thế Lực Tà Ác'?

The student of history, especially of the cultural and spiritual evolution of Mankind on earth, recognises the existence and mutual antagonism of two opposing Forces. They are those of progress and expansion on the one hand and of decay and constriction on the other. These antagonists are sometimes called the Forces of Light and the Forces of Darkness.

Đạo sinh lịch sử, đặc biệt là sự tiến hóa văn hóa và tinh thần của Nhân Loại trên trái đất, nhận ra sự tồn tại và sự đối kháng lẫn nhau của hai Mãnh Lực đối lập. Chúng là những mãnh lực của sự tiến bộ và mở rộng một mặt và của sự suy tàn và co cụm mặt khác. Những đối thủ này đôi khi được gọi là Các Mãnh Lực Ánh Sáng và Các Mãnh Lực Bóng Tối.

In our Christian upbringing, also, we are

Trong sự nuôi dưỡng Cơ đốc giáo của chúng ta,

taught of the existence of two mighty Beings, a Deity and a Devil, who from the Dawn of Creation have been constantly at war, and so the idea of two great Universal and Planetary enemies is not unfamiliar to us.

chúng ta cũng được dạy về sự tồn tại của hai Hữu Thể hùng mạnh, một Thượng đế và một Ác Quỷ, những người từ Bình Minh của Sự Sáng Tạo đã liên tục gây chiến, và vì vậy ý tưởng về hai kẻ thù Vũ Trụ và Hành Tinh vĩ đại không phải là điều xa lạ với chúng ta.

From these sources we may attempt a general definition of the two great opponents by saying that all unselfish human beings, on whatever level of evolution they may stand, are expressions of the Forces of Light.

Từ những nguồn này, chúng ta có thể cố gắng đưa ra một định nghĩa chung về hai đối thủ vĩ đại bằng cách nói rằng tất cả những con người vị tha, ở bất kỳ cấp độ tiến hóa nào họ có thể đứng, đều là những biểu hiện của Các Mãnh Lực Ánh Sáng.

All selfish human beings, from the lustful savage up to the cruel, highly intellectual enemy of human happiness, are representatives and expressions of the Forces of Darkness. Between these two Forces and their human representatives, perpetual strife exists of which the two World Wars and subsequent wars are temporary physical expressions.

Tất cả những con người ích kỷ, từ kẻ man rợ dâm dật cho đến kẻ thù tàn ác, có trí tuệ cao của hạnh phúc con người, đều là những đại diện và biểu hiện của Các Mãnh Lực Bóng Tối. Giữa hai Mãnh Lực này và những đại diện con người của chúng, sự tranh chấp vĩnh viễn tồn tại mà hai Cuộc Chiến Tranh Thế Giới và các cuộc chiến tranh tiếp theo là những biểu hiện thể xác tạm thời.

Already light is thrown upon our subject. We see now that the antagonists are two types of human beings and that the real and permanent battlefield is the realm of the human mind.

Ánh sáng đã được chiếu vào chủ đề của chúng ta. Giờ đây, chúng ta thấy rằng những kẻ đối kháng là hai loại người và rằng chiến trường thực sự và vĩnh viễn là lĩnh vực của thể trí con người.

The Theosophical Society, with its supreme objective of human enlightenment and its insistence upon complete mental freedom for all seekers for Truth, may be regarded as an example of a battle operation of the Forces of Light. Together with thousands of other men and women in similar fields, active Theosophists are soldiers of the front line. It is this fact which has moved me as a Theosophist to examine closely the enemy's strength, his weapons and his method of using them; to try also to conceive of the most potent shields, the most effective counter-attacks.

Hội Thông Thiên Học, với mục tiêu tối cao là khai sáng nhân loại và sự nhấn mạnh vào sự tự do thể trí hoàn toàn cho tất cả những người tìm kiếm Chân lý, có thể được coi là một ví dụ về hoạt động chiến đấu của Các Mãnh Lực Ánh Sáng. Cùng với hàng ngàn người nam và nữ khác trong các lĩnh vực tương tự, các nhà Thông Thiên Học tích cực là những người lính ở tiền tuyến. Chính thực tế này đã thúc đẩy tôi với tư cách là một nhà Thông Thiên Học xem xét kỹ lưỡng sức mạnh của kẻ thù, vũ khí của hắn và phương pháp sử dụng chúng; cũng cố gắng hình dung ra những tấm khiên mạnh nhất, những cuộc phản công hiệu quả nhất.

Our minds are necessarily turned to basic principles; for the subject gives rise to certain deeply significant questions, perhaps seven in number: -

Thể trí của chúng ta nhất thiết phải hướng đến các nguyên tắc cơ bản; vì chủ đề này làm nảy sinh một số câu hỏi có ý nghĩa sâu sắc, có lẽ là bảy câu hỏi: -

1. Did the Divine Creator of the Universe deliberately make evil, produce a dark Devil, embodiment of infamy? If not—and the idea is inconceivable—whence did evil come?

Phải chăng Đấng Sáng Tạo Thiêng Liêng của Vũ Trụ đã cố ý tạo ra cái ác, sản sinh ra một Ác Quỷ hắc ám, hiện thân của sự ô danh? Nếu không—và ý tưởng này là không thể tưởng tượng được—vậy cái ác từ đâu mà ra?

2. Is Nature Herself potentially evil as well as potentially good?

Bản thân Tự Nhiên có khả năng xấu xa cũng như có khả năng tốt đẹp hay không?

3. Is there indeed a second Deity or Power behind and within all Creation, a God of Evil, a Satan, a Cosmic Beelzebub?

Có thực sự có một Thượng đế hay Quyền năng thứ hai đằng sau và bên trong tất cả Tạo Hóa, một Thần Ác, một Satan, một Beelzebub Vũ Trụ hay không?

4. Was and is the War in Heaven an actuality?

Cuộc Chiến trên Thiên Đàng đã và đang là một thực tế hay không?

5. Has there been, or is there, some doubt about the rule, the triumph of Spirit, of Truth, Beauty, Order?

Đã có, hoặc có, một số nghi ngờ về quy tắc, sự chiến thắng của Tinh Thần, của Chân Lý, Mỹ, Trật Tự hay không?

6. Has there been, and is there still, a danger of the victory of Chaos?

Đã có, và vẫn còn, một mối nguy hiểm về chiến thắng của Hỗn Loạn hay không?

7. What do we mean by the Powers of Darkness, and what by the Powers of Light?

Chúng ta muốn nói gì về Các Quyền Lực Bóng Tối, và Các Quyền Lực Ánh Sáng là gì?

Theosophy offers a clear and concise answer to the first six of these questions. It is an unhesitating negative.

Thông Thiên Học đưa ra một câu **trả lời** rõ ràng và ngắn gọn cho sáu câu hỏi đầu tiên này. Đó là một sự phủ định không do dự.

1. No, the Divine Creator of the Universe did not deliberately make evil, produce a dark Devil, embodiment of infamy.

Không, Đấng Sáng Tạo Thiêng Liêng của Vũ Trụ đã không cố ý tạo ra cái ác, sản sinh ra một Ác Quỷ hắc ám, hiện thân của sự ô danh.

2. No, Nature Herself is *not* potentially evil as well as potentially good.

Không, bản thân Tự Nhiên không có khả năng xấu xa cũng như có khả năng tốt đẹp.

3. No, there is *not* indeed a second Deity or Power behind and within all Creation, a God of Evil, a Satan, a Cosmic Beelzebub.

Không, thực sự không có một Thượng đế hay Quyền năng thứ hai đằng sau và bên trong tất cả Tạo Hóa, một Thần Ác, một Satan, một

Beelzebub Vũ Trụ.

4. No, the War in Heaven is *not* an actuality.

Không, Cuộc Chiến trên Thiên Đàng không phải là một thực tế.

5. No, there has *not* been, nor is there, any doubt about the rule of the triumph of Spirit, of Truth, Beauty, Order.

Không, đã không có, cũng như không có, bất kỳ nghi ngờ nào về quy tắc chiến thắng của Tinh Thần, của Chân Lý, Mỹ, Trật Tự.

6. No, there has *not* been, and is *not now,* a danger of the victory of Chaos.

Không, đã không có, và hiện tại không có, một mối nguy hiểm về chiến thắng của Hỗn Loạn.

Theosophy says that Evil has no existence by itself. It is but the absence of good. It exists only for him or her who is made its victim.

Thông Thiên Học nói rằng Cái Ác không tự nó tồn tại. Nó chỉ là sự vắng mặt của cái tốt. Nó chỉ tồn tại cho y, người trở thành nạn nhân của nó.

Nature is neither good nor evil, and manifestation follows only unchanging and impersonal Law.

Tự Nhiên không tốt cũng không xấu, và sự biểu hiện chỉ tuân theo Định luật bất biến và vô ngã.

The existence and human experience of the duality of spirit and matter, light and darkness, motion and inertia, expansion and contraction, cause man to conceive of these as good and evil respectively.

Sự tồn tại và kinh nghiệm của con người về nhị nguyên tính của tinh thần và vật chất, ánh sáng và bóng tối, chuyển động và quán tính, mở rộng và co lại, khiến con người quan niệm những điều này là tốt và xấu tương ứng.

Man judges the basic opposites according to their effect upon himself. If resistance provides a fulcrum, then it is good. If it frustrates or harms him, it is evil in his eyes.

Con người đánh giá các mặt đối lập cơ bản theo ảnh hưởng của chúng đối với bản thân y. Nếu sự kháng cự cung cấp một điểm tựa, thì nó là tốt. Nếu nó làm thất vọng hoặc gây hại cho y, thì nó là xấu trong mắt y.

Analogy of the Searchlight. Outside of the beam and pressing upon it, as it were, from every side, is darkness. Light and darkness are perceived as a pair of opposites.

Phép loại suy của Đèn Pha. Bên ngoài chùm tia và ép vào nó, như thể, từ mọi phía, là bóng tối. Ánh sáng và bóng tối được nhận thức như một cặp đối lập.

At the end of the beam exists the limit of its influence. There darkness begins. Thereafter darkness reigns. The instant the current is switched off darkness reigns everywhere.

Ở cuối chùm tia tồn tại giới hạn ảnh hưởng của nó. Ở đó bóng tối bắt đầu. Sau đó bóng tối ngự trị. Khoảnh khắc dòng điện bị tắt, bóng tối ngự trị ở khắp mọi nơi.

If light is good, then the searchlight might be classed by man as good and the darkness as

Nếu ánh sáng là tốt, thì đèn pha có thể được

evil.

con người xếp loại là tốt và bóng tối là xấu.

But What in Fact is that Darkness Which Man Calls Evil?

Nhưng Thực Tế Bóng Tối Mà Con Người Gọi Là Ác Quỷ Là Gì?

It is simply matter not subjected to light. Darkness is simply unlighted matter. Man calls it evil, and for him the Devil personifies this state.

Đó đơn giản là vật chất không chịu ánh sáng. Bóng tối đơn giản là vật chất không được chiếu sáng. Con người gọi nó là ác quỷ, và đối với y, Ác Quỷ nhân cách hóa trạng thái này.

Plotinus in his *Tractate on the Nature and Source of Evil,* translated by Stephen McKenna, says: 'Evil is from the Ancient Kind which we read is the underlying Matter not yet brought to order by the Ideal Form'.

Plotinus trong Chuyên luận về Bản Chất và Nguồn Gốc của Cái Ác, do Stephen McKenna dịch, nói: 'Cái Ác đến từ Loại Cổ Xưa mà chúng ta đọc được là Vật Chất cơ bản chưa được Hình Tướng Lý Tưởng đưa vào trật tự'.

'Given that The Good is not the only existent thing, it is inevitable that by the out-going from it or, if the phrase be preferred, the continuous down-going or away-going from it, there should be produced at last something after which nothing more can be produced; this will be Evil.

'Cho rằng Điều Thiện không phải là thứ duy nhất tồn tại, thì không thể tránh khỏi việc do sự đi ra khỏi nó hoặc, nếu thích cụm từ này hơn, sự đi xuống hoặc đi xa liên tục khỏi nó, cuối cùng sẽ có một thứ gì đó được tạo ra sau đó không thể tạo ra gì nữa; đây sẽ là Cái Ác.

'As necessarily as there is Something after the First, so necessarily there is a Last; this Last is Matter, the thing that has no residue of good in it: here is the necessity of evil'.

'Cũng tất yếu như có Một Cái Gì Đó sau Cái Đầu Tiên, thì cũng tất yếu có một Cái Cuối Cùng; Cái Cuối Cùng này là Vật Chất, thứ không có chút gì tốt đẹp còn sót lại trong nó: đây là sự cần thiết của cái ác'.

To this, whilst concurring, the Theosophist would add according to the mind and the values of man. For in this essential existence, Spirit and Matter are neither moral nor unmoral, neither good nor bad. They exist as apparent opposites. That is all.

Đối với điều này, trong khi đồng tình, nhà Thông Thiên Học sẽ bổ sung theo thể trí và các giá trị của con người. Vì trong sự tồn tại thiết yếu này, Tinh Thần và Vật Chất không đạo đức cũng không vô đạo đức, không tốt cũng không xấu. Chúng tồn tại như những mặt đối lập rõ ràng. Chỉ có vậy thôi.

To man they appear to be in opposition. Matter appears to resist Spirit. But so does the fulcrum of a lever; yet without a fulcrum leverage is impossible. So apart from human values and human experience, evil as an actual creation does not exist.

Đối với con người, chúng dường như đối lập nhau. Vật chất dường như chống lại Tinh Thần. Nhưng điểm tựa của một đòn bẩy cũng vậy; nhưng nếu không có điểm tựa thì không thể có đòn bẩy. Vì vậy, ngoài các giá trị và kinh nghiệm của con người, cái ác như một sự sáng tạo thực tế không tồn tại.

The origin of evil is in the mind of man, of which Satan is the symbol. All things can appear as either evil or good, according to human experience and human use of them. Bacon echoed this teaching in his words:

Nguồn gốc của cái ác nằm trong thể trí của con người, mà Satan là biểu tượng. Mọi thứ có thể xuất hiện như ác quỷ hoặc tốt đẹp, tùy theo kinh nghiệm và cách sử dụng của con người đối với chúng. Bacon lặp lại lời dạy này trong những lời của Ông:

'Nothing is either good or bad, but thinking made it so'.

'Không có gì là tốt hay xấu, nhưng suy nghĩ đã tạo ra nó'.

Evil Has No Existence by Itself. Its Origin and Perception are Solely in the Mind of Man.

Cái Ác Không Tự Nó Tồn Tại. Nguồn Gốc và Nhận Thức của Nó Chỉ Nằm Trong Thể Trí của Con Người.

So much, briefly, for the first six questions.

Tóm lại, đó là sáu câu hỏi đầu tiên.

The Theosophical answer to the seventh question—'What do we mean by the Powers of Darkness, and what by the Powers of Light' is: The Forces of Darkness are the Forces of Nature turned to destructive purposes.

Câu **trả lời** của Thông Thiên Học cho câu hỏi thứ bảy—'Chúng ta muốn nói gì về Các Quyền Lực Bóng Tối, và Các Quyền Lực Ánh Sáng là gì' là: Các Lực Lượng Bóng Tối là Các Lực Lượng của Tự Nhiên bị biến thành mục đích hủy diệt.

The Powers of Darkness are those *human beings* who thus turn and distort the Forces of Nature, who resist evolutionary progress, who seek the will of the individual self against the will of the Universe. THESE ARE THE TRUE ENEMIES OF MAN.

Các Quyền Lực Bóng Tối là những con người biến và bóp méo Các Lực Lượng của Tự Nhiên, chống lại sự tiến bộ tiến hóa, tìm kiếm ý chí của bản ngã cá nhân chống lại ý chí của Vũ Trụ. ĐÂY LÀ NHỮNG KẺ THÙ THỰC SỰ CỦA CON NGƯỜI.

Let us examine them more closely. There are certain hallmarks by which they, their movements, organisations and actions may unfailingly be known. They are monstrous selfishness, egotism, pride, demonical ruthlessness, cruelty, ugliness, intolerance, especially of the mind, denying and damning all other beliefs and motives than their own. Behind and within all this exists a continuing egotistical desire to dominate the mind and the life of others. For the unfailing mark of these enemies of human happiness is fanatical egotism and the denial to man of the all-essential freedom of thought and life.

Chúng ta hãy xem xét chúng kỹ hơn. Có một số dấu hiệu nhất định mà qua đó chúng, các phong trào, tổ chức và hành động của chúng có thể được biết đến một cách chắc chắn. Đó là sự ích kỷ quái dị, tính tự cao tự đại, kiêu hãnh, sự tàn nhẫn ma quỷ, tàn ác, xấu xí, không khoan dung, đặc biệt là của thể trí, phủ nhận và nguyền rủa tất cả các niềm tin và động cơ khác ngoài niềm tin và động cơ của riêng chúng. Đằng sau và bên trong tất cả những điều này tồn tại một mong muốn đầy tính tự cao tự đại liên tục để thống trị thể trí và cuộc sống của người khác. Vì dấu hiệu không thể sai lầm của những kẻ thù hạnh phúc của con người này là tính tự cao tự đại cuồng tín và sự phủ nhận đối với con người về sự tự do tư

tưởng và cuộc sống thiết yếu.

What then of the forces of light?

Vậy thì các lực lượng ánh sáng thì sao?

The opposite of these qualities are the hallmarks of the Forces of Light. The Forces of Light are the Forces of Nature turned to constructive purposes.

Điều ngược lại của những phẩm chất này là dấu hiệu của Các Lực Lượng Ánh Sáng. Các Lực Lượng Ánh Sáng là Các Lực Lượng của Tự Nhiên được biến thành mục đích xây dựng.

The Powers of Light are composed of all men who work with evolutionary progress, and seek the fulfilment of the one Will and the freedom and welfare of all. With them is ranged the whole glorious assemblage of Earth's Supermen, the Just Men made Perfect, the Communion of Saints, the Great White Brotherhood of Adepts.

Các Quyền Lực Ánh Sáng bao gồm tất cả những người làm việc với sự tiến bộ tiến hóa, và tìm kiếm sự hoàn thành của một Ý Chí và sự tự do và phúc lợi của tất cả. Với Các Ngài là toàn bộ tập hợp vinh quang của Các Siêu Nhân của Trái Đất, Những Người Công Chính trở nên Hoàn Hảo, Hiệp Thông của Các Thánh, Huynh Đệ Đoàn Chánh đạo của Các Chân sư.

Philosophically, it is important to remember that the energy used by the two great opponents, the selfish and the selfless, is the same energy. It is the one energy of the Universe, which is completely impersonal.

Về mặt triết học, điều quan trọng cần nhớ là năng lượng được sử dụng bởi hai đối thủ lớn, ích kỷ và vị tha, là cùng một năng lượng. Đó là một năng lượng của Vũ Trụ, hoàn toàn vô ngã.

Man personalises this one power as Satan or God, and makes of it for himself and his race either Satanic, evil, destructive, dark, or Divine, good, constructive, light. Such, as I understand it, is the teaching of Theosophy concerning the Forces of Evil and Good.

Con người cá nhân hóa sức mạnh này như Satan hoặc Thượng đế, và tạo ra nó cho bản thân và nhân loại của mình hoặc là Satan, xấu xa, hủy diệt, hắc ám, hoặc là Thiêng Liêng, tốt đẹp, xây dựng, ánh sáng. Như tôi hiểu, đó là giáo lý của Thông Thiên Học liên quan đến Các Lực Lượng của Cái Ác và Cái Tốt.

Theosophy thus clears the decks for action, teaches that it is not an external Devil with whom man is in conflict; says that there is no individual Colossus of Evil, no secondary Deity in the Universe of equal power for evil as is possessed by the primary Deity for Good. There is no personal Tempter outside of man ever seeking to seduce him from loyalty to God, to goodness, beauty and truth.

Do đó, Thông Thiên Học dọn đường cho hành động, dạy rằng không phải một Ác Quỷ bên ngoài mà con người đang xung đột; nói rằng không có Colossus Cá Nhân của Cái Ác, không có Thượng đế thứ cấp trong Vũ Trụ có sức mạnh ngang bằng cho cái ác như sức mạnh mà Thượng đế sơ cấp sở hữu cho Điều Tốt. Không có Kẻ Cám Dỗ cá nhân nào bên ngoài con người luôn tìm cách quyến rũ y khỏi lòng trung thành với Thượng đế, với sự tốt đẹp, vẻ đẹp và chân lý.

No, as far as I understand it, Theosophy

Không, theo như tôi hiểu, Thông Thiên Học

teaches that any evil which we make manifest comes from within us. There it must be recognised, fought and overcome. The demoniac possession of individuals and nations is not primarily an external obsession. Evil made manifest is a distortion and a debasement *by man himself* of the One Universal Power.

dạy rằng bất kỳ điều ác nào chúng ta biểu hiện đều đến từ bên trong chúng ta. Ở đó nó phải được nhận ra, chiến đấu và vượt qua. Sự ám ảnh ma quỷ của các cá nhân và quốc gia không phải chủ yếu là một nỗi ám ảnh bên ngoài. Cái ác được biểu hiện là một sự bóp méo và làm suy đồi bởi chính con người về Quyền Năng Duy Nhất của Vũ Trụ.

There is no one else upon whom to place the blame, behind whom to shelter, to use as an excuse. And the sooner we squarely face this fact, cease all attempted evasion, recognise that the evil only exists within ourselves, the sooner will the age-long Armageddon be won and health, spiritual, moral and physical, be restored to mankind. The sooner also will nuclear power be safe in his hands and permanent peace be established on earth.

Không có ai khác để đổ lỗi, để nương tựa, để dùng làm cái cớ. Và chúng ta càng sớm đối mặt thẳng thắn với sự thật này, ngừng mọi nỗ lực trốn tránh, nhận ra rằng cái ác chỉ tồn tại bên trong chúng ta, thì Armageddon kéo dài hàng thế kỷ sẽ càng sớm giành chiến thắng và sức khỏe, tinh thần, đạo đức và thể chất, sẽ được phục hồi cho nhân loại. Quyền lực hạt nhân cũng sẽ sớm an toàn trong tay y và hòa bình vĩnh viễn sẽ được thiết lập trên trái đất.

So there is the Truth. Within man is the concept and potentiality of evil; within him is the good. Within him, therefore, is the battle. Within him is the battleground. Humanly speaking, Armageddon is the heart, the mind and the will of man. The great battle is waged within him.

Vì vậy, đó là Chân Lý. Bên trong con người là khái niệm và tiềm năng của cái ác; bên trong y là cái tốt. Do đó, bên trong y là trận chiến. Bên trong y là chiến trường. Nói một cách nhân văn, Armageddon là trái tim, thể trí và ý chí của con người. Trận chiến vĩ đại diễn ra bên trong y.

Within him, too, and glorious is this Truth, is the Power of Victory, for: 'God created man to be immortal, in the image of His own eternity created He him'.

Bên trong y, và vinh quang thay, là Chân Lý này, là Sức Mạnh của Chiến Thắng, vì: 'Thượng đế đã tạo ra con người để trở nên bất tử, theo hình ảnh về sự vĩnh cửu của chính Ngài, Ngài đã tạo ra y'.

Hence the T.S. [Theosophical Society], with its teaching of the Ancient and Eternal Wisdom, its message of intellectual freedom and its gift of knowledge, is a most potent counter attack, a sure shield against and a powerful resistance to the evil forces in the world which sap and destroy the health of man, moral and physical.

Do đó, T.S. [Hội Thông Thiên Học], với giáo lý về Minh Triết Cổ Xưa và Vĩnh Cửu, thông điệp về tự do trí tuệ và món quà tri thức, là một cuộc phản công mạnh mẽ nhất, một tấm khiên chắc chắn chống lại và một sức đề kháng mạnh mẽ đối với các lực lượng xấu xa trên thế giới đang làm suy yếu và phá hủy sức khỏe của con người, về mặt đạo đức và thể chất.

At this time, above all, the world needs men and women who are living dedicated lives,

Vào thời điểm này, trên hết, thế giới cần những người nam và nữ đang sống một cuộc

who are under strong self-discipline, who are aiming high intellectually and spiritually. The world needs disciples, whether of a great Teacher or of a great idea. This spirit is exemplified in the words of Thomas Jefferson, the great American president who stands with Washington and Lincoln in the strength of moral greatness and human genius: 'I have sworn upon the Altar of God eternal hostility to every form of tyranny over the mind of man'.

sống tận tâm, những người đang tự giác kỷ luật mạnh mẽ, những người đang hướng tới những điều cao cả về mặt trí tuệ và tinh thần. Thế giới cần những đệ tử, dù là của một Huấn Sư vĩ đại hay của một ý tưởng vĩ đại. Tinh thần này được thể hiện trong những lời của Thomas Jefferson, vị tổng thống vĩ đại của Hoa Kỳ, người sánh vai với Washington và Lincoln về sức mạnh của sự vĩ đại về đạo đức và thiên tài của con người: 'Tôi đã thề trên Bàn Thờ của Thượng đế sự thù địch vĩnh cửu đối với mọi hình thức chuyên chế đối với thể trí của con người'.

To that dedication Jefferson stood firm to the end of his life. He, too, was a great and effective opponent of the Powers of Darkness.

Jefferson đã kiên định với sự cống hiến đó cho đến cuối đời. Ông cũng là một đối thủ vĩ đại và hiệu quả của Các Quyền Lực Bóng Tối.

Such dedication is of two parts—an interior awakening and consecration to the highest ideals, and an external expression in service to the world through some great Cause.

Sự cống hiến như vậy có hai phần—một sự thức tỉnh nội tại và sự hiến dâng cho những lý tưởng cao cả nhất, và một sự thể hiện bên ngoài trong việc phụng sự thế giới thông qua một Mục Đích vĩ đại nào đó.

Evil will be overcome and banished from the earth when a sufficient number of awakened, enlightened, dedicated men and women overcome it in themselves, and band together to destroy it in the world.

Cái ác sẽ bị khuất phục và bị trục xuất khỏi trái đất khi một số lượng đủ những người nam và nữ đã thức tỉnh, giác ngộ, tận tâm vượt qua nó trong chính họ, và cùng nhau tiêu diệt nó trên thế giới.

Happily, noble men and women are everywhere coming forward. Humanity is awakening, and so there is certainty of victory.

May mắn thay, những người nam và nữ cao quý đang tiến lên ở khắp mọi nơi. Nhân loại đang thức tỉnh, và vì vậy có sự chắc chắn về chiến thắng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 45, No. 3, 1984, p. 53

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 45, Số 3, 1984, tr. 53

98—

Who Made God?—*Ai Đã Tạo Ra Thượng Đế?*

The question is sometimes asked, even by children: 'If God made all things, who made God?' Occult philosophy answers 'No-one'; for

Câu hỏi đôi khi được đặt ra, ngay cả bởi trẻ em: 'Nếu Thượng đế tạo ra mọi thứ, thì ai đã tạo ra Thượng đế?' Triết học huyền bí **trả lời** 'Không

the creative Deity or active Logos is itself an Emanation from the Immutable Infinite, the Boundless, the Absolute, which cannot will, think or act, until it has 'become' partially manifest as finite. This it does by the projection of a ray which penetrates into infinite space, there to become the Architect of the resultant Universe. Kabbalism expresses this as follows: 'There was a time when Heaven and Earth did not exist, but only an unlimited Space in which reigned absolute immobility. All the visible things and all that which possesses existence were born in that Space from a powerful principle, which existed by Itself, and from Itself developed Itself, and which made the heavens revolve and preserved the universal life; a principle as to which philosophy declares we know not the name'.

ai'; vì Thượng đế sáng tạo hay Thái dương Thượng đế chủ động tự nó là một Xuất lộ từ Vô Hạn Bất Biến, Vô Biên, Tuyệt Đối, vốn không thể muốn, suy nghĩ hoặc hành động, cho đến khi nó 'trở thành' biểu hiện một phần như hữu hạn. Nó làm điều này bằng cách phóng chiếu một tia xuyên vào không gian vô hạn, để ở đó trở thành Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ kết quả. Kabbalism diễn đạt điều này như sau: 'Đã có một thời gian khi Thiên Đàng và Trái Đất không tồn tại, mà chỉ có một Không Gian vô hạn, trong đó sự bất động tuyệt đối ngự trị. Tất cả những thứ hữu hình và tất cả những gì sở hữu sự tồn tại đều được sinh ra trong Không Gian đó từ một nguyên lý mạnh mẽ, vốn tồn tại bởi Chính Nó, và từ Chính Nó phát triển Chính Nó, và vốn đã làm cho các tầng trời quay và bảo tồn sự sống vũ trụ; một nguyên lý mà triết học tuyên bố chúng ta không biết tên'.

The name God, the Totality of Existence, implies at least all of the following concepts: Physical Nature; the evolutionary of self-production and the capacity to express it; the creative Intelligences, the *Elohim* which direct the manifestations and the operations of that force; the divine thought or ideation of the whole Cosmos from its beginning to its end; and the sound of the creative 'Voice' (Logos) by which that ideation is impressed upon pre-cosmic substance.

Tên Thượng đế, Toàn Bộ Sự Tồn Tại, ngụ ý ít nhất tất cả các khái niệm sau: Tự Nhiên Vật Lý; sự tiến hóa của tự sản xuất và khả năng thể hiện nó; Các Trí Tuệ sáng tạo, Elohim vốn chỉ đạo các biểu hiện và các hoạt động của lực lượng đó; tư tưởng thiêng liêng hoặc ý niệm của toàn bộ Vũ Trụ từ đầu đến cuối; và âm thanh của 'Tiếng Nói' sáng tạo (Logos) mà qua đó ý niệm đó được in lên chất liệu tiền vũ trụ.

These, together with all seeds, beings, forces and laws, including those of expansion, alternation, cyclic progression and harmonious equipoise, constitute that totality of existence to which alone may be given with any measure of fitness the majestic and awe-inspiring title 'God'. If so vast a synthesis may be designated a Being, then that Being is so complex, so all-inclusive, as to be beyond the comprehension of the human mind and the possibility of restriction to any single form. The idea of God also includes

Những điều này, cùng với tất cả các hạt giống, chúng sinh, lực lượng và định luật, bao gồm cả những định luật về sự mở rộng, luân phiên, tiến triển theo chu kỳ và sự cân bằng hài hòa, cấu thành toàn bộ sự tồn tại mà chỉ có thể được trao cho bất kỳ thước đo phù hợp nào với danh hiệu hùng vĩ và đầy cảm hứng 'Thượng đế'. Nếu một sự tổng hợp rộng lớn như vậy có thể được chỉ định là một Chúng Sinh, thì Chúng Sinh đó rất phức tạp, bao gồm tất cả, đến mức vượt quá sự hiểu biết của thể trí con người và khả năng giới hạn vào bất kỳ hình thức đơn lẻ

everlasting Law, everlasting Will, everlasting Life and everlasting Mind. In non-manifestation God is quiescent. In manifestation God is objectively active. Behind both quiescence and activity exists THAT which is eternal and unchanging, the Absolute, Self-Existent ALL. The creative Agent referred to by various names in the world's cosmogonies is the active expression of that eternal, incomprehensible One Alone.

nào. Ý tưởng về Thượng đế cũng bao gồm Định luật vĩnh cửu, Ý Chí vĩnh cửu, Sự Sống vĩnh cửu và Thể Trí vĩnh cửu. Trong sự không biểu hiện, Thượng đế ở trạng thái tĩnh lặng. Trong sự biểu hiện, Thượng đế hoạt động một cách khách quan. Đằng sau cả sự tĩnh lặng và hoạt động tồn tại ĐIỀU vốn vĩnh cửu và bất biến, Tuyệt Đối, TẤT CẢ Tự Tồn Tại. Tác Nhân sáng tạo được đề cập đến bằng nhiều tên khác nhau trong các vũ trụ luận của thế giới là sự thể hiện chủ động của Đấng Duy Nhất vĩnh cửu, khó hiểu đó.

If applied to the active Logos, the name 'God' is not singular but plural in its implications. Although the original directive Intelligence—the precursor and source of Universal Mind—arose in a unitary state from its root in pre-cosmic space, the instant that that agency became outward turned, the rule of number obtained. One alone cannot manifest; three are essential to the production of any result.

Nếu áp dụng cho Thái dương Thượng đế chủ động, tên 'Thượng đế' không phải là số ít mà là số nhiều trong các hàm ý của nó. Mặc dù Trí Tuệ chỉ đạo ban đầu—tiền thân và nguồn gốc của Vũ Trụ Trí—phát sinh ở trạng thái thống nhất từ gốc rễ của nó trong không gian tiền vũ trụ, nhưng ngay khi cơ quan đó hướng ra bên ngoài, quy tắc về số lượng đã đạt được. Một mình một người không thể biểu hiện; ba là điều cần thiết để tạo ra bất kỳ kết quả nào.

This is as true of cosmic manifestation as of microcosmic or human creation, whether intellectual or physical; for no germ is a unit each at its simplest being a Triplicity of potentials, namely the positive, the negative and their productive interaction. So also, one may presume from analogy, the germ of a Cosmos which, though a unit in *Pralaya,* displays number at the outset of *Manvantara.*

Điều này đúng với sự biểu hiện vũ trụ cũng như sự sáng tạo vi mô hoặc của con người, dù là trí tuệ hay thể chất; vì không có mầm nào là một đơn vị, mỗi mầm ở dạng đơn giản nhất của nó là một Tam Vị tiềm năng, cụ thể là tương tác tích cực, tiêu cực và sản xuất của chúng. Vì vậy, người ta cũng có thể cho rằng từ phép loại suy, mầm của một Vũ Trụ, mặc dù là một đơn vị trong Giai kỳ qui nguyên, hiển thị số lượng khi bắt đầu Giai kỳ sinh hóa.

The term God, therefore, as used in the Book of Genesis, is to be understood as in Kabbalism to refer to the group of intelligent productive agencies inherent in and emanated from pre-cosmic space, the *Elohim,* a seven fold power of Godhead, the male-female Hierarchies of creative Intelligences or potencies through which the Divine produces the manifested Universe: the unity of powers, the attributes

Do đó, thuật ngữ Thượng đế, như được sử dụng trong Sách Sáng Thế Ký, cần được hiểu như trong Kabbalism để chỉ nhóm các cơ quan sản xuất thông minh vốn có và phát ra từ không gian tiền vũ trụ, Elohim, một quyền năng thất phân của Thần Tính, Các Huyền Giai nam-nữ của Các Trí Tuệ hoặc tiềm năng sáng tạo mà qua đó Thượng Đế tạo ra Vũ Trụ được biểu hiện: sự thống nhất của các quyền năng,

and the creative activities of the Supreme Being.

Theosophy in New Zealand, Vol. 33, No. 2, 1972, p. 46

các thuộc tính và các hoạt động sáng tạo của Đấng Tối Cao.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 33, Số 2, 1972, tr. 46

99—

The Dangers Inseparable from Hypnotism—Những Nguy Hiểm Không Thể Tách Rời Khỏi Thôi Miên

(Mr Hodson answers a question sent in by one of our readers as to whether the statements by Arnold Furst in *Prediction* are considered to be correct in the light of occultism.)

(Ông Hodson trả lời một câu hỏi do một độc giả của chúng ta gửi đến về việc liệu những tuyên bố của Arnold Furst trong Prediction có được coi là đúng theo quan điểm của huyền bí học hay không.)

Statements by Arnold Furst, American Hypnotist and Magician, that 'in an hypnotic trance the individual finds that his senses are keener and he has a greater control over his body... the hypnotist actually has no power over the subject', and that 'hypnotism is no more dangerous than taking a bath',[41] seem to me to call for some modifications.

Những tuyên bố của Arnold Furst, Nhà thôi miên và Nhà ảo thuật người Mỹ, rằng 'trong trạng thái thôi miên, cá nhân thấy rằng các giác quan của mình nhạy bén hơn và y có khả năng kiểm soát cơ thể tốt hơn... nhà thôi miên thực sự không có quyền lực gì đối với đối tượng', và 'thôi miên không nguy hiểm hơn tắm bồn', theo tôi, cần phải có một số sửa đổi.

I have seen subjects demonstrate, that they are unconsciously still under hypnotic control after they have been supposedly freed from hypnotic influence. At a public performance in New Zealand both men and women after awakening and dismissal from the stage at the Interval, obeyed a command given whilst in trance to return to the stage as soon as a certain tune then being played on the organ, was played again. In obedience despite the supposition that they were freed from hypnotic control during the period of the Interval, they rushed back to the stage, reassumed their former seats and at once fell into a deep hypnotic trance in which they again obeyed ridiculous orders such as playing on imaginary instruments to the financial gain of the hypnotist.

Tôi đã thấy các đối tượng chứng minh rằng họ vẫn vô thức chịu sự kiểm soát thôi miên sau khi họ được cho là đã thoát khỏi ảnh hưởng thôi miên. Tại một buổi biểu diễn công khai ở New Zealand, cả đàn ông và phụ nữ sau khi thức dậy và rời khỏi sân khấu trong giờ giải lao, đã tuân theo một mệnh lệnh được đưa ra khi đang trong trạng thái xuất thần là quay trở lại sân khấu ngay khi một giai điệu nhất định đang được chơi trên đàn organ, được chơi lại. Vâng lời mặc dù cho rằng họ đã được giải thoát khỏi sự kiểm soát thôi miên trong khoảng thời gian giải lao, họ lao trở lại sân khấu, ngồi lại vào chỗ cũ và ngay lập tức rơi vào trạng thái thôi miên sâu, trong đó họ lại tuân theo những mệnh lệnh lố bịch như chơi các nhạc cụ tưởng tượng để thu lợi tài chính cho nhà thôi miên.

[41] *Prediction*, September, 1956.

At the close of the performance, when finally dismissed and apparently set free from hypnotic control, they obeyed orders formerly given to them. These included becoming convinced that they had forgotten something important, and in a confused and deluded state of mind, going back on to the stage to ask the hypnotist what it was, receiving an imaginary medal and walking off with a facial expression of great satisfaction. Consultation with me sought by one young man who had more than once participated in such performances, demonstrated harmful mental and psychological after effects. Whilst, therefore, the beneficial medical and dental use of hypnotism is admitted, dangers also would seem to exist and I wish to give serious warning of them, especially to young people, by whom hypnotism is better left alone.

Khi kết thúc buổi biểu diễn, khi cuối cùng được giải tán và dường như đã được giải thoát khỏi sự kiểm soát thôi miên, họ đã tuân theo những mệnh lệnh đã được đưa ra trước đó. Chúng bao gồm việc tin chắc rằng họ đã quên một điều gì đó quan trọng, và trong trạng thái tâm trí bối rối và ảo tưởng, quay trở lại sân khấu để hỏi nhà thôi miên đó là gì, nhận một huy chương tưởng tượng và bước đi với vẻ mặt rất hài lòng. Việc một thanh niên đã nhiều lần tham gia vào những buổi biểu diễn như vậy tìm đến tôi để tư vấn đã cho thấy những di chứng về tinh thần và tâm lý có hại. Vì vậy, trong khi việc sử dụng thôi miên có lợi trong y tế và nha khoa được thừa nhận, thì những nguy hiểm dường như cũng tồn tại và tôi muốn đưa ra cảnh báo nghiêm trọng về chúng, đặc biệt là đối với những người trẻ tuổi, tốt hơn là nên để thôi miên một mình.

H.P. Blavatsky writes[42] 'Unless produced for beneficial purposes, occultists would call it (Hypnotism) black magic or Sorcery. It is the most dangerous of practices, morally and physically, as it interferes with the nerve fluid and the nerves controlling the circulation in the capillary blood-vessels'.

Bà H.P. Blavatsky viết 'Trừ khi được tạo ra vì mục đích có lợi, các nhà huyền bí học sẽ gọi nó (Thôi miên) là hắc thuật hoặc phù phép. Đó là một trong những hành vi nguy hiểm nhất, về mặt đạo đức và thể chất, vì nó can thiệp vào chất lưu thần kinh và các dây thần kinh kiểm soát sự lưu thông trong các mạch máu mao dẫn'.

The goal for man is theosophically stated to be complete self-mastery. Practices such as mediumship and hypnotism in which self-control is surrendered is therefore retrograde. Furthermore, self-control is rendered more difficult than formerly every time the will and the body are submitted to the control of another.

Mục tiêu cho con người được Thông Thiên Học tuyên bố là hoàn toàn tự chủ. Các hành vi như đồng tử và thôi miên, trong đó sự tự chủ bị từ bỏ, do đó là thụt lùi. Hơn nữa, sự tự chủ trở nên khó khăn hơn trước mỗi khi ý chí và cơ thể bị khuất phục trước sự kiểm soát của người khác.

The use of hypnotism to gain knowledge of former lives can lead to grave errors, as recently indicated by the denouement to the attempt described in the book, *The Search for*

Việc sử dụng thôi miên để đạt được kiến thức về những kiếp trước có thể dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng, như đã được chỉ ra gần đây bởi kết cục của nỗ lực được mô tả trong cuốn

[42] *The Theosophical Glossary!* by H. P. Blavatsky. p. 136.

Bridey Murphy. Instead of being the name of a former incarnation in Ireland, as the subject affirmed under hypnosis, Bridey Murphy turned out to be an acquaintance of her childhood days.

sách, The Search for Bridey Murphy. Thay vì là tên của một kiếp trước ở Ireland, như đối tượng khẳng định dưới thôi miên, Bridey Murphy hóa ra là một người quen thời thơ ấu của Bà.

Self-control, and not control by another, leads to illumination, self-mastery and the power they give to help one's fellow men. As far as I know, no occultist of the White Order would either submit himself to hypnosis or attempt to hypnotize another person except possibly for strictly medical purposes.

Sự tự chủ, chứ không phải sự kiểm soát của người khác, dẫn đến sự soi sáng, tự chủ và sức mạnh mà chúng mang lại để giúp đỡ đồng loại. Theo như tôi biết, không có nhà huyền bí học nào của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo lại tự nguyện chịu thôi miên hoặc cố gắng thôi miên người khác, ngoại trừ có thể vì mục đích y tế nghiêm ngặt.

Madame Blavatsky writes as follows:[43]

Bà Blavatsky viết như sau:

'An unscrupulous but skilled Adept of the Black Brotherhood ("Brothers of the Shadow", and *Dugpas,* we call them) has far less difficulties to labour under. For having no laws of the Spiritual kind to trammel his actions, such a Dugpa "sorcerer" will most unceremoniously obtain control over any mind, and subject it entirely to his evil powers. But our Masters will never do that. They have no right, except by falling into Black Magic, to obtain full mastery over anyone's immortal Ego, and can therefore act only on the physical and psychic nature of the subject, leaving thereby the free will of the latter wholly undisturbed...'

'Một Chân sư vô đạo đức nhưng lành nghề của Huynh đệ Đoàn Bóng Tối ("Các Huynh Đệ của Bóng Tối", và chúng ta gọi là Dugpas) có ít khó khăn hơn nhiều để làm việc. Vì không có luật lệ nào thuộc loại Tinh thần để trói buộc hành động của y, nên một "phù thủy" Dugpa như vậy sẽ hết sức tùy tiện giành quyền kiểm soát bất kỳ thể trí nào và hoàn toàn khuất phục nó trước những quyền lực xấu xa của y. Nhưng các Chân sư của chúng ta sẽ không bao giờ làm điều đó. Các Ngài không có quyền, ngoại trừ việc rơi vào Hắc thuật, để giành được toàn quyền làm chủ Chân ngã bất tử của bất kỳ ai, và do đó chỉ có thể tác động lên bản chất thể xác và tâm linh của đối tượng, do đó để lại ý chí tự do của người sau hoàn toàn không bị xáo trộn...'

'The seven capital sins and seven virtues of the Christian scheme are far less philosophical than even the Seven Liberal and the Seven Accursed Sciences—or the Seven Arts of Enchantment of the Gnostics. For one of the latter is now before the public, pregnant with danger in the present as for the future. The

'Bảy mối tội đầu và bảy đức tính của hệ thống Cơ đốc giáo ít triết lý hơn nhiều so với ngay cả Bảy Khoa Học Tự Do và Bảy Khoa Học Bị Nguyền Rủa—hoặc Bảy Nghệ Thuật Phù Phép của các nhà ngộ đạo. Vì một trong số những điều sau hiện đang ở trước công chúng, đầy nguy hiểm trong hiện tại cũng như cho tương

[43] *The Key to Theosophy* by H. P. Blavatsky. pp. 292-93. Ego means Spiritual Soul.

modern name for it is *Hypnotism',* used as it is by scientific and ignorant Materialists, in the general ignorance of the seven principles, it will soon become *Satanism* in the full acceptation of the term'.[44]

lai. Tên hiện đại của nó là Thôi miên', được sử dụng bởi những người duy vật khoa học và thiếu hiểu biết, trong sự thiếu hiểu biết chung về bảy nguyên lý, nó sẽ sớm trở thành Satan giáo theo nghĩa đầy đủ của thuật ngữ'.

'In hypnotism the nerve-ends of a sense-organ are first fatigued, and then by continuance of the fatigue are temporarily paralysed; and the paralysis spreads inwards to the sense-centre in the brain and a state of trance results. A frequent repetition of this fatigue predisposes the patient to fall readily into a state of trance, and permanently weakens the sense organs and the brain. When the Ego has left his dwelling, the brain is thus rendered passive, it is easy for another person to impress ideas of action upon it, and the ideas will then be carried out by the patient, after coming out of trance, as though they were his own. In all such cases he is the mere passive agent of the hypnotizer'.

'Trong thôi miên, các đầu dây thần kinh của một cơ quan cảm giác trước tiên bị mệt mỏi, và sau đó do tiếp tục mệt mỏi mà tạm thời bị tê liệt; và sự tê liệt lan vào trung tâm cảm giác trong não và kết quả là trạng thái xuất thần. Việc lặp đi lặp lại thường xuyên sự mệt mỏi này khiến bệnh nhân dễ dàng rơi vào trạng thái xuất thần và làm suy yếu vĩnh viễn các cơ quan cảm giác và não bộ. Khi chân ngã đã rời khỏi nơi ở của mình, não bộ do đó trở nên thụ động, người khác dễ dàng gây ấn tượng về các ý tưởng hành động lên nó, và các ý tưởng sau đó sẽ được bệnh nhân thực hiện, sau khi ra khỏi trạng thái xuất thần, như thể chúng là của chính y. Trong tất cả những trường hợp như vậy, y chỉ là một tác nhân thụ động của người thôi miên'.

'The method of true mesmerism is entirely different. The mesmeriser throws out his own Auric Fluid... through the etheric double, on his patient; he may thus, in the case of sickness, regularize the irregular vibrations of the sufferer, or share with him his own life force, thereby increasing his vitality. For nerve-atrophy there is no agent so curative as this, and the shrivelling cell may clairvoyantly be seen to swell up under the flow of the life-current'.[45]

'Phương pháp thôi miên thực sự hoàn toàn khác. Người thôi miên ném ra Chất Lưu Hào Quang của chính mình... thông qua thể dĩ thái kép của y, lên bệnh nhân của y; do đó, trong trường hợp bệnh tật, y có thể điều hòa các rung động không đều của người bệnh, hoặc chia sẻ với y sinh lực của chính mình, do đó làm tăng sức sống của y. Đối với chứng teo thần kinh, không có tác nhân nào chữa bệnh tốt hơn thế này, và tế bào teo có thể được nhìn thấy bằng thông nhãn phồng lên dưới dòng chảy của dòng sinh mệnh'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 18, April 1957, p. 6

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 18, tháng 4 năm 1957, tr. 6

---

[44] *The Secret Doctrine,* Vol. II. p. 678. Adyar ed. [2-vol. ed.: Vol. 2, p. 641],

[45] 'Hypnotism-Mesmerism and Reincarnation' compiled by Boris Zirkoff, Blavatsky Writings Publications, 1956.

100—

Yoga in Questions and Answers—Key Facts—Yoga trong Hỏi và Đáp—Những Sự Thật Quan Trọng

1. What is man?

Answer: Threefold.

2. How may man know himself?

Answer: By Meditation.

3. What effect does meditation have?

Answer:

(a) It brings highest spirit and lowest matter into attunement.

(b) It speeds up vibratory frequency of brain-cells.

(c) It draws up *Kundalini,* further assisting vibratory frequency of brain-cells.

(d) It opens up hitherto unused channels between brain and self, and continually both keeps them open and widens them.

(e) It thereby places the power, wisdom and knowledge of the true, immortal Self increasingly at the disposal of the mortal self.

(f) Why is this so difficult?

Answer:

Difficulties:

1) Brain-matter is too slow in frequency, too inert, utterly dull.

2) It is often made duller by fatigue and other conditions of bodily life and action.

Con người là gì?

Trả lời: Tam phân.

Làm thế nào con người có thể biết chính mình?

Trả lời: Bằng Thiền định.

Thiền định có tác dụng gì?

Trả lời:

Nó mang tinh thần cao nhất và vật chất thấp nhất vào sự hòa hợp.

Nó tăng tốc tần số rung động của các tế bào não.

Nó kéo Kundalini lên, hỗ trợ thêm tần số rung động của các tế bào não.

Nó mở ra các kênh chưa được sử dụng giữa não và bản thân, đồng thời liên tục giữ cho chúng mở và mở rộng chúng.

Do đó, nó đặt sức mạnh, minh triết và tri thức của Chân ngã bất tử thực sự ngày càng theo ý của phàm ngã.

Tại sao điều này lại khó khăn như vậy?

Trả lời:

Những khó khăn:

Vật chất não bộ có tần số quá chậm, quá trơ, hoàn toàn trì độn.

Nó thường trở nên trì độn hơn do mệt mỏi và các điều kiện khác của đời sống và hoạt động thể chất.

3) The period allowed for meditation is not always long enough.

Thời gian cho phép thiền định không phải lúc nào cũng đủ dài.

4) The distractions and demands of bodily life often snatch the mechanisms of brain-consciousness out of the Ego's reach and detune the cells and cell consciousness.

Sự xao nhãng và đòi hỏi của đời sống thể chất thường giật lấy các cơ chế của tâm thức não bộ khỏi tầm với của chân ngã và làm mất đi sự hòa hợp của các tế bào và tâm thức tế bào.

5) In the periods between meditation or study the attention and interest are necessarily, though sometimes unduly, turned completely away from spiritual concerns and aspirations and under these conditions it is as if the Personality disappeared altogether from that aspect of Egoic consciousness and action which concerns illumination.

Trong khoảng thời gian giữa thiền định hoặc học tập, sự chú ý và quan tâm là cần thiết, mặc dù đôi khi quá mức, hoàn toàn chuyển hướng khỏi những mối quan tâm và khát vọng tinh thần và trong những điều kiện này, dường như phàm ngã biến mất hoàn toàn khỏi khía cạnh đó của tâm thức và hành động chân ngã liên quan đến sự soi sáng.

6) Sleeplessness, mental stress, emotional disturbance, strain, disease, addiction to narcotics, physical debility and pranic lack, also contribute as do other factors. All psychedelic drugs seriously bedull and even injure the brain.

Mất ngủ, căng thẳng tinh thần, xáo trộn cảm xúc, căng thẳng, bệnh tật, nghiện ma túy, suy nhược thể chất và thiếu prana, cũng góp phần như các yếu tố khác. Tất cả các loại thuốc gây ảo giác đều làm giảm nghiêm trọng và thậm chí gây tổn thương cho não bộ.

7) The proposition that two beings (Ego and Personality) exist is an error. One consciousness has to operate two sets of vehicles—Causal and brain-mind.

Đề xuất rằng hai bản thể (chân ngã và phàm ngã) tồn tại là một sai lầm. Một tâm thức phải vận hành hai bộ vận cụ—nhân thể và trí não.

(g) Meditation makes the person steadily and increasingly responsive to spiritual power, wisdom, intelligence and intelligent beings.

Thiền định làm cho người đó ngày càng đáp ứng với sức mạnh, minh triết, trí tuệ tinh thần và các Đấng thông tuệ.

(h) It reduces and eventually eliminates the 'heresy of separateness', meaning the over-accentuation of selfpersonality, (self-indulgence) self-centredness and selfishness —the causes of human sorrow.

Nó làm giảm và cuối cùng loại bỏ 'tà thuyết về sự tách biệt', có nghĩa là sự nhấn mạnh quá mức vào phàm ngã, (sự nuông chiều bản thân) tính tự cho mình là trung tâm và tính ích kỷ—những nguyên nhân gây ra nỗi buồn của con người.

(i) It bestows beauty and grace and health (and mental and physical energy) upon the outer mortal man.

Nó ban tặng vẻ đẹp, duyên dáng và sức khỏe (cả năng lượng tinh thần và thể chất) cho phàm nhân bên ngoài.

(j) It attracts the attention of the Sages or Masters of the Wisdom who assist.

(j) Nó thu hút sự chú ý của các bậc Hiền Triết hoặc Chân sư của Minh Triết, những người hỗ trợ.

4. Does the immortal self ever influence the mortal man, and if so, how?

Liệu Chân ngã bất tử có bao giờ ảnh hưởng đến phàm nhân hay không, và nếu có, thì bằng cách nào?

Answer:

Trả lời:

Influence:

Ảnh hưởng:

(a) As genius, heroism, inspiration, illumination and conscience.

Như thiên tài, chủ nghĩa anh hùng, cảm hứng, sự soi sáng và lương tâm.

(b) This can happen spontaneously, but can become always available to the person who regularly meditates on the Divine.

Điều này có thể xảy ra một cách tự phát, nhưng có thể luôn sẵn sàng cho người thường xuyên thiền định về Thiêng Liêng.

How Does This Help?

Điều Này Giúp Ích Như Thế Nào?

(a) It takes away the fear of death and reduces the pain of bereavement.

Nó xua tan nỗi sợ hãi về cái chết và làm giảm nỗi đau mất mát.

(b) It stabilises the Personality in both pleasure and pain, or bestows equipoise.

Nó ổn định phàm ngã trong cả niềm vui và nỗi đau, hoặc ban tặng sự thăng bằng.

(c) It makes right action increasingly natural by bestowing right understanding.

Nó làm cho hành động đúng đắn ngày càng trở nên tự nhiên bằng cách ban tặng sự thấu hiểu đúng đắn.

(d) It corrects the accentuation of wrong self-identification. The Spiritual Soul is the Real Individuality, not the mortal person.

Nó sửa chữa sự nhấn mạnh vào sự đồng nhất bản thân sai lầm. Linh hồn Tinh thần là Cá Tính Thực Sự, không phải phàm nhân.

(e) It thereby makes the person more useful to his or her fellow men and a better all-round citizen (meaning sincerely outward-turned and contributing actively to the welfare of the community).

Do đó, nó làm cho người đó hữu ích hơn cho đồng loại của mình và một công dân toàn diện hơn (có nghĩa là chân thành hướng ngoại và đóng góp tích cực vào phúc lợi của cộng đồng).

(f) It makes the person compassionate and protective towards the animal kingdom of nature.

Nó làm cho người đó từ bi và bảo vệ giới động vật của tự nhiên.

5. Why is the immortal self so powerful?

Tại sao Chân ngã bất tử lại mạnh mẽ như vậy?

Answer:

Because it is part of the Immortal Self of the Universe and shares in its power, wisdom and intelligence.

6. Can this fact of unity and identity with god ever become a realized experience?

Answer: Yes.

7. How?

Answer:

Method: By the practice of yoga as a continually directive part of everyday life.

8. What is yoga?

Answer: The Science of the Immortal Self of Man, the oldest and the greatest science in the world.

9. What does yoga include?

Answer: A philosophy and seven forms of Meditation and spiritual life.

10. What is the philosophy?

Answer:

(a) Man, as we know him, has a second existence which is untouched by time and unsullied by events. Unfortunately man cannot readily know that, so wrongly identifies himself with his bodily self—one source of human sorrow—wrong self-identification.

(b) The Spiritual Self of man is of the same Essence as the Spirit of the Universe, or

Trả lời:

Bởi vì nó là một phần của Chân ngã Bất tử của Vũ Trụ và chia sẻ sức mạnh, minh triết và trí tuệ của nó.

Liệu sự thật về sự hợp nhất và đồng nhất với Thượng đế này có bao giờ trở thành một trải nghiệm được nhận ra hay không?

Trả lời: Có.

Bằng cách nào?

Trả lời:

Phương pháp: Bằng cách thực hành yoga như một phần chỉ đạo liên tục của cuộc sống hàng ngày.

Yoga là gì?

Trả lời: Khoa Học về Chân ngã Bất tử của Con Người, khoa học lâu đời nhất và vĩ đại nhất trên thế giới.

Yoga bao gồm những gì?

Trả lời: Một triết lý và bảy hình thức Thiền định và đời sống tinh thần.

Triết lý là gì?

Trả lời:

Con người, như chúng ta biết, có một sự tồn tại thứ hai không bị thời gian chạm đến và không bị vấy bẩn bởi các sự kiện. Thật không may, con người không thể dễ dàng biết điều đó, vì vậy đã đồng nhất sai lầm mình với bản thân thể xác của mình—một nguồn gốc của nỗi buồn của con người—sự đồng nhất bản thân sai lầm.

Chân ngã Tinh thần của con người có cùng Bản chất với Tinh thần của Vũ Trụ, hoặc Tinh thần

universal Spirit the two being identical wherever manifested. Man Spirit and God Spirit are one Spirit. Hence the brotherhood, not only of man, but of all life, because of identity of Source, and inmost essence.

vũ trụ, cả hai đều giống hệt nhau ở bất cứ nơi nào được biểu hiện. Tinh thần Con Người và Tinh thần Thượng Đế là một Tinh thần. Do đó, tình huynh đệ, không chỉ của con người, mà của tất cả sự sống, là do sự đồng nhất của Nguồn gốc và bản chất sâu thẳm nhất.

Realisation of this fact of the unity of the Spirit of man with the Spirit of the Universe in full consciousness is the supreme objective of Yoga. Hence its name. The yogi chants: *Soham,* 'I am He', or 'OM' 'I and my Father are one'. 'Man Spirit and God Spirit are one Spirit'. *AHAM EVAM PARAMBRAHMAN.*

Nhận ra sự thật này về sự hợp nhất của Tinh thần con người với Tinh thần của Vũ Trụ trong tâm thức đầy đủ là mục tiêu tối thượng của Yoga. Do đó có tên của nó. Yogi tụng: Soham, 'Tôi là Ngài', hoặc 'OM' 'Tôi và Cha tôi là một'. 'Tinh thần Con Người và Tinh thần Thượng Đế là một Tinh thần'. AHAM EVAM PARAMBRAHMAN.

(c) The Universal Spirit-Essence is focused into an Individuality in man. This is man's spiritual Soul, sometimes called 'Ego'.

Bản chất Tinh thần Vũ Trụ được tập trung thành một Cá Tính trong con người. Đây là Linh hồn tinh thần của con người, đôi khi được gọi là 'chân ngã'.

(d) This individualised focus or centre of universal

Tiêu điểm hoặc trung tâm cá nhân hóa này của vũ trụ

Spirit-Essence constitutes the spiritual Soul of man. It is the reincarnating Self in each of us, the real Individuality behind the bodily veil, the Living God for which St Paul said the mortal body is a temple, the God which worketh in you. The Christ in man, the hope of glory. *The Divine presence within man is indeed man's absolute assurance of salvation.* Such in part then, is the Divine Spirit in man which he truly is, his very Self. It is of unlimited potential. It is exhaustless, self-sustained, Immortal, indestructible.

Bản chất Tinh thần cấu thành Linh hồn tinh thần của con người. Đó là Chân ngã tái sinh trong mỗi chúng ta, Cá Tính thực sự đằng sau tấm màn che thể xác, Thượng Đế Hằng Sống mà Thánh Phaolô nói rằng cơ thể phàm trần là một ngôi đền, Thượng Đế vốn hành động trong bạn. Đức Christ trong con người, niềm hy vọng vinh quang. Sự hiện diện Thiêng Liêng bên trong con người thực sự là sự đảm bảo tuyệt đối của con người về sự cứu rỗi. Như vậy, một phần, là Tinh thần Thiêng Liêng trong con người mà y thực sự là, chính Chân ngã của y. Nó có tiềm năng vô hạn. Nó là vô tận, tự duy trì, Bất tử, không thể phá hủy.

(e) This true Self perpetually unfolds its inherent powers: It evolves to perfected manhood by successive lives on earth.

Chân ngã thực sự này liên tục mở ra những sức mạnh vốn có của nó: Nó tiến hóa thành nhân tính hoàn hảo bằng những kiếp sống liên tiếp trên trái đất.

(f) Karma assures justice and decides conditions of each life as man journeys onwards to perfected manhood.

Nghiệp quả đảm bảo công lý và quyết định các điều kiện của mỗi kiếp sống khi con người hành trình về phía trước để đạt đến nhân tính hoàn hảo.

(g) The process can be hastened. The normal condition can be changed so that Self-realisation and Adeptship become established ahead of time. This can be done. The Kingdom of Heaven can be taken by storm. The method is Yoga as knowledge and as practice.

Quá trình có thể được đẩy nhanh. Điều kiện bình thường có thể được thay đổi để sự tự nhận thức và địa vị chân sư được thiết lập trước thời hạn. Điều này có thể được thực hiện. Vương quốc Thiên Đàng có thể bị chiếm đoạt bằng vũ lực. Phương pháp là Yoga như kiến thức và như thực hành.

11. Is there one especial aid and condition helpful in self-realisation?

Có một sự trợ giúp và điều kiện đặc biệt nào hữu ích trong việc tự nhận thức không?

Answer: Yes. Mental Silence. Keep on with meditation regularly day by day, and one may add: living the yoga life.

Trả lời: Có. Sự Tĩnh Lặng của Thể Trí. Tiếp tục thiền định thường xuyên mỗi ngày, và người ta có thể thêm: sống cuộc sống yoga.

To overcome difficulties:

Để vượt qua những khó khăn:

YOGI PRAYER

Lời Cầu Nguyện của Yogi

When there is a pause in your work, when a clock strikes the hour, say these words:

Khi có một khoảng dừng trong công việc của bạn, khi đồng hồ điểm giờ, hãy nói những lời này:

'I stand in Light. No foolish thoughts, no foreboding, no false imagery, no terror can come near this Light within me, for I love it and serve it and I stand here purified, dedicated to honor, to health of mind and body, to peace of mind and life everlasting'.

'Tôi đứng trong Ánh Sáng. Không có những suy nghĩ ngu ngốc, không có điềm báo trước, không có hình ảnh sai lệch, không có kinh hoàng nào có thể đến gần Ánh Sáng này bên trong tôi, vì tôi yêu nó và phụng sự nó và tôi đứng đây thanh lọc, hiến dâng cho danh dự, cho sức khỏe của thể trí và cơ thể, cho sự an lạc của thể trí và sự sống vĩnh hằng'.

(L.Sc. Bro. p. 49)

(L.Sc. Bro. tr. 49)

Theosophy in New Zealand, Vol. 31, No.l, 1970, p. 7

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 31, Số l, 1970, tr. 7

Reprinted in *Theosophy in New Zealand,* Vol. 41, No. 1, 1980

Tái bản trong Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 41, Số 1, 1980

101—

Knowing, Healing Guiding from Within—Biết, Chữa Lành, Hướng Dẫn từ Bên Trong

Scriptural records of the lives of World Teachers, and incidents in the relationships between the Masters and those with whom They communicated, demonstrate the possession of one particular power in which all Masters would seem to be supreme. This special faculty is not usually listed amongst the recognized, occult and yogic powers. It is not clairvoyance, clairaudience, levitation, Astral travel and materialization, although these might be involved. The Adept *Siddhi* may be described as a complete and deeply penetrating comprehension of human nature. This faculty bestows upon its possessors the capacities fully to approach and enter into the position and problems of a man or woman, to guide them perfectly in their best course of conduct and to apply healing forces in the most effective manner possible.

Các ghi chép trong kinh sách về cuộc đời của Các Huấn Sư Thế Giới, và những sự cố trong các mối quan hệ giữa các Chân sư và những người mà Các Ngài giao tiếp, chứng minh việc sở hữu một sức mạnh đặc biệt mà tất cả các Chân sư dường như đều tối cao. Khả năng đặc biệt này thường không được liệt kê trong số các sức mạnh huyền bí và yoga được công nhận. Nó không phải là thông nhãn, thông nhĩ, khả năng bay lên, du hành cảm dục và hiện hình, mặc dù những điều này có thể liên quan. Siddhi Chân sư có thể được mô tả là một sự thấu hiểu hoàn toàn và sâu sắc về bản chất con người. Khả năng này ban cho người sở hữu nó khả năng tiếp cận và đi vào vị trí và các vấn đề của một người nam hoặc nữ một cách trọn vẹn, hướng dẫn họ một cách hoàn hảo trong cách cư xử tốt nhất của họ và áp dụng các mãnh lực chữa lành một cách hiệu quả nhất có thể.

By the exercise of this power, a Master is able to perform the most valuable service of assuring people that they are fully understood, appreciated, and, however impersonally, really loved and cared for—in a phrase—that they really *matter.* This is very important, for it meets the need of almost every human being, and especially of all those whose world has gone awry, and whose psychology and capacities have not been enough up till then to enable them to solve personal problems and to correct difficult situations, especially permanently. As is well known, great suffering and psychological stress can be the result.

Bằng việc thực hành quyền năng này, một Chân sư có thể thực hiện sự phụng sự giá trị nhất là đảm bảo với mọi người rằng họ được thấu hiểu, trân trọng một cách trọn vẹn, và dù là vô ngã, vẫn thực sự được yêu thương và quan tâm—nói tóm lại—rằng họ thực sự quan trọng. Điều này rất quan trọng, vì nó đáp ứng nhu cầu của hầu hết mọi người, và đặc biệt là tất cả những ai có thế giới đi chệch hướng, và những người có tâm lý và năng lực cho đến lúc đó vẫn chưa đủ để giúp họ giải quyết các vấn đề cá nhân và điều chỉnh các tình huống khó khăn, đặc biệt là vĩnh viễn. Như mọi người đều biết, sự đau khổ lớn và căng thẳng tâm lý có thể là kết quả.

In the Master, this capacity is so highly developed that the fact of being in His

Ở Chân sư, năng lực này phát triển đến mức cao độ đến nỗi việc được ở trong sự hiện diện

presence is often all sufficient. Problems then seem to solve themselves for the individual in need, although quite often personal counsel and a statement of unity with them, are also necessary. I suggest that it is a manifestation of *Buddhic* consciousness, blended, of course, with the higher intellect, through which the intuitive knowledge and love are conveyed.

Theosophy in New Zealand, Vol. 43, No. 1, 1982, p. 21

của Ngài thường là quá đủ. Các vấn đề dường như tự giải quyết đối với cá nhân đang gặp khó khăn, mặc dù khá thường xuyên, lời khuyên cá nhân và một tuyên bố về sự hợp nhất với họ cũng là cần thiết. Tôi cho rằng đó là một biểu hiện của tâm thức Bồ đề, được pha trộn, tất nhiên, với thượng trí, qua đó tri thức trực giác và tình thương được truyền đạt.

Theosophy in New Zealand, Vol. [43], No. [1], [1982], tr. [21]

SECTION 3
Clairvoyant Investigations

102

Development of Extra Sensory Perception—Phát Triển Siêu Cảm

Our subject, ESP, falls roughly into four categories. These are: *Telepathy*, or awareness of another person's mental state, including the telepathic transmission of information; *Pre-cognition,* or fore-knowledge of the future; *Clairvoyance,* or extra-sensory perception of objective events; *Retro-cognition*, or extra-sensory knowledge of a past not previously existing in the mind of the seer. *Psycho-kinesis,* by which mental force is employed to move objects without contact, is not our subject.

Chủ đề của chúng ta, Siêu Cảm (ESP), được chia thành bốn loại. Đó là: *Viễn cảm*, hay nhận thức về trạng thái tinh thần của người khác, bao gồm cả việc truyền tải thông tin bằng viễn cảm; *Tiên tri*, hay kiến thức trước về tương lai; *Thông nhãn*, hay nhận thức siêu cảm về các sự kiện khách quan; *Hồi tưởng*, hay kiến thức siêu cảm về quá khứ vốn chưa từng tồn tại trong tâm trí của nhà tiên tri. *Thôi miên*, bằng cách sử dụng năng lượng tinh thần để di chuyển các vật thể mà không cần tiếp xúc, không phải là chủ đề của chúng ta.

The only safe conditions under which an individual may usefully develop ESP include —and by far the most important—a *selfless motive,* or to know more in order to serve more effectively. *The really successful seer must be entirely dispassionate, detached, and without*

Điều kiện an toàn duy nhất mà một cá nhân có thể phát triển Siêu Cảm một cách hữu ích bao gồm—và quan trọng nhất—một *động cơ vị tha*, hay để biết thêm để phục vụ hiệu quả hơn. *Nhà tiên tri thực sự thành công phải hoàn toàn không thiên vị, tách rời và không có chút tư tưởng nào*

the slightest thought of personal gain.

The second condition—granting the selfless motive—is the sign of a *natural gift.* This also is very important, since without it one might strive for a lifetime and still remain blind from the extra-sensory point of view. If this condition called a psychic idiosyncrasy is inherited, then one may find oneself responding quite well to efforts to develop clairvoyance and, one may add, clairaudience.

This naturally psychic state is largely *racial.* Some Celtic sub-race people—members of the Fourth Root Race in Theosophical terminology—are naturally sensitive, as for example the Celtic people in Ireland, Wales and Scotland. They are described as 'Fay' and 'see' naturally from childhood. For them, nature spirits, fairies, angels and sometimes the departed are part of their environment.

In illustration, not long ago environmentalists were taking over a piece of land in Ireland, which was going to be 'developed'. This involved the cutting down and removal of a very old thorn tree which aroused a storm of protest because the local people said, 'This is the fairies' tree. Round here they have danced for generations. We cannot bear to have their tree taken away from them'. I regret being unable from memory to report the result.

A strong and healthy body is also necessary: for the procedures of development can cause strain, particularly if one is quite serious. Nervous tension is inseparable from the experience, especially in the beginning. *Well controlled emotions* are most important. It must be reasonably impossible for the feelings to become unduly disturbed when, for example, one is using the faculty

về lợi ích cá nhân.

Điều kiện thứ hai—với động cơ vị tha—là dấu hiệu của một *năng khiếu tự nhiên*. Điều này cũng rất quan trọng, vì nếu không có nó, người ta có thể nỗ lực cả đời mà vẫn mù lòa từ quan điểm siêu cảm. Nếu điều kiện này, được gọi là đặc điểm tâm linh, được thừa hưởng, thì người ta có thể thấy mình đáp ứng khá tốt với những nỗ lực phát triển thông nhãn và, có thể nói thêm, thông nhĩ.

Trạng thái tâm linh tự nhiên này phần lớn là do *chủng tộc*. Một số người thuộc nhóm phụ Celtic—thành viên của Chủng tộc Gốc thứ Tư theo thuật ngữ Thông Thiên Học—vốn nhạy cảm tự nhiên, ví dụ như người Celtic ở Ireland, Wales và Scotland. Họ được mô tả là 'Fay' và 'nhìn thấy' một cách tự nhiên từ thời thơ ấu. Đối với họ, các tinh linh thiên nhiên, tiên nữ, thiên thần và đôi khi cả người đã khuất là một phần của môi trường sống của họ.

Để minh họa, cách đây không lâu, các nhà môi trường đang tiếp quản một mảnh đất ở Ireland, nơi sắp được 'phát triển'. Điều này liên quan đến việc chặt hạ và di dời một cây gai rất già, điều này đã gây ra một làn sóng phản đối vì người dân địa phương nói, 'Đây là cây của các nàng tiên. Họ đã nhảy múa quanh đây qua nhiều thế hệ. Chúng tôi không thể chịu đựng được việc cây của họ bị lấy đi'. Tôi rất tiếc vì không thể nhớ lại kết quả.

Một cơ thể khỏe mạnh và cường tráng cũng cần thiết: vì các quy trình phát triển có thể gây căng thẳng, đặc biệt là nếu người ta khá nghiêm túc. Căng thẳng thần kinh không thể tách rời khỏi trải nghiệm, đặc biệt là lúc ban đầu. *Cảm xúc được kiểm soát tốt* là điều quan trọng nhất. Cảm xúc phải được kiểm soát hợp lý để không bị xáo trộn quá mức khi, ví dụ, người ta đang sử dụng năng lực một cách khoa

scientifically. *A reasonably stable mind* is also essential. One must be a logical thinking, realistically intellectual person, willing to be satisfied with nothing less than findings that can be tested and checked against such existing knowledge as is available.

học. *Một tâm trí ổn định hợp lý* cũng rất cần thiết. Người ta phải là người suy nghĩ logic, trí tuệ thực tế, sẵn sàng hài lòng với không gì khác hơn là những phát hiện có thể được kiểm tra và đối chiếu với kiến thức hiện có.

Physical circumstances naturally play an important part. A certain domestic and financial freedom is needed if one is going to proceed seriously. Family, business and professional life must first receive full consideration, such responsibilities not being in any way reduced or neglected. *Effective, efficient guidance,* preferably from a teacher who has himself developed the Yogic *siddhis,* and put them thoroughly to test, also helps.

Hoàn cảnh thể chất đương nhiên đóng một vai trò quan trọng. Cần có một sự tự do nhất định về tài chính và gia đình nếu người ta muốn tiến hành một cách nghiêm túc. Cuộc sống gia đình, kinh doanh và nghề nghiệp trước tiên phải được xem xét đầy đủ, những trách nhiệm này không bị giảm bớt hoặc bỏ bê theo bất kỳ cách nào. *Sự hướng dẫn hiệu quả,* tốt nhất là từ một huấn sư đã tự mình phát triển các *siddhis* Yoga, và kiểm tra chúng một cách kỹ lưỡng, cũng rất hữu ích.

Without these safeguards—largely dependent upon karma—there are certain dangers which can be and are almost sure to be encountered. Frequently I am consulted by people who have ill advisedly plunged into various forms of Yoga in attempts to achieve psychic unfoldment. Psychic disorders, emotional upsets, mental disturbances and other kinds of irregularities can be thus produced, including breakdowns in physical health. Self deceit one must be on guard against; for what one 'sees' must not be a fulfilment of one's own desires nor lead to development of pride, or lust for place and position.

Nếu không có những biện pháp bảo vệ này—phần lớn phụ thuộc vào nghiệp quả—thì có một số nguy hiểm có thể gặp phải và gần như chắc chắn sẽ gặp phải. Tôi thường xuyên được tư vấn bởi những người đã thiếu thận trọng lao vào các hình thức Yoga khác nhau để cố gắng đạt được sự khai mở tâm linh. Rối loạn tâm linh, rối loạn cảm xúc, rối loạn tinh thần và các loại bất thường khác có thể được tạo ra theo cách này, bao gồm cả suy sụp sức khỏe thể chất. Người ta phải cảnh giác với sự tự lừa dối; vì những gì người ta 'nhìn thấy' không được là sự thỏa mãn mong muốn của chính mình cũng như không dẫn đến sự phát triển của lòng kiêu ngạo, hoặc ham muốn địa vị và vị trí.

There are also moral dangers; for unless the conditions referred to are present in sufficient amount, increased sensuality can develop. The arousing to an extra degree of certain creative forces in the body can excite and incite the sexual instincts.

Cũng có những nguy hiểm về mặt đạo đức; vì trừ khi các điều kiện đã đề cập ở trên hiện diện với số lượng đủ, nếu không sự dâm dục gia tăng có thể phát triển. Việc đánh thức ở mức độ cao hơn một số năng lượng sáng tạo nhất định trong cơ thể có thể kích thích và khơi dậy bản năng tình dục.

I do not wish to be oppressive as I address you,

Tôi không muốn gây áp lực khi nói chuyện với

but I must fulfil my obligation when presenting such a subject. All that I am warning against I have met with in other people for a great many years and a great many times. I stress especially the danger of physical and nervous breakdowns and distractions from the real spiritual objective in life, which is not extra vision at all, but *a direct knowledge based upon experience of the Oneness of all that exists. This is the true goal and all else is a side issue. The realization of Oneness and the absolute transcendence of self-separateness, egoism, I-ness are of the very first importance.* An egoistic motive is fatal to success. There would be no reliability in whatever vision or powers were developed. Moral decay would follow if one entered into this endeavour with anything but the selfless motive to become more effective in helpfulness to everybody else. Without that idealism, there is always a limitation to the powers gained. No limitations at all exist for those who are free from accentuated *ahamkara.*[46]

các bạn, nhưng tôi phải hoàn thành nghĩa vụ của mình khi trình bày một chủ đề như vậy. Tất cả những gì tôi đang cảnh báo, tôi đã gặp ở những người khác trong rất nhiều năm và rất nhiều lần. Tôi đặc biệt nhấn mạnh đến nguy cơ suy sụp về thể chất và thần kinh và sự xao lãng khỏi mục tiêu tinh thần thực sự trong cuộc sống, vốn không phải là tầm nhìn siêu việt, mà là *kiến thức trực tiếp dựa trên kinh nghiệm về Tính Duy Nhất của vạn vật. Đây là mục tiêu thực sự và tất cả những thứ khác chỉ là vấn đề phụ. Việc nhận ra Tính Duy Nhất và sự siêu việt tuyệt đối của sự tách biệt bản ngã, chủ nghĩa vị kỷ, cái Tôi là điều quan trọng hàng đầu.* Một động cơ vị kỷ sẽ dẫn đến thất bại. Sẽ không có độ tin cậy nào trong bất kỳ tầm nhìn hoặc quyền năng nào được phát triển. Sự suy đồi đạo đức sẽ xảy ra nếu người ta tham gia vào nỗ lực này với bất cứ điều gì khác ngoài động cơ vị tha để trở nên hiệu quả hơn trong việc giúp đỡ mọi người khác. Nếu không có chủ nghĩa lý tưởng đó, luôn có một giới hạn đối với quyền năng đạt được. Không có bất kỳ giới hạn nào đối với những người thoát khỏi *ahamkara* mạnh mẽ.

These dangers avoided, the development of super-sensory powers may be safely sought brought about indeed by means of regular meditation, complete harmoniousness of life, the refinement and sensitization of the body, a vegetarian dietary and total abstinence from alcohol and narcotics. Younger people have fallen sadly as a result of recourse to mind expanding drugs such as LSD, heroin and others. These may at first, and in some cases, produce a certain temporary extension of mental faculty, but this dies down and another and larger dose is needed, ultimately producing terrible delusions heartbreaking to hear about. So, from tragic experience, I must also warn against all these dangers.

Tránh được những nguy hiểm này, sự phát triển của các quyền năng siêu cảm có thể được tìm kiếm một cách an toàn, thực sự được tạo ra bằng phương tiện thiền định thường xuyên, sự hài hòa hoàn toàn của cuộc sống, sự tinh luyện và nhạy cảm của cơ thể, chế độ ăn chay và hoàn toàn kiêng rượu và ma túy. Những người trẻ tuổi đã sa ngã một cách đáng buồn do sử dụng các loại thuốc kích thích tâm trí như LSD, heroin và các loại khác. Ban đầu, và trong một số trường hợp, những thứ này có thể tạo ra một sự mở rộng nhất định tạm thời của năng lực tinh thần, nhưng điều này sẽ giảm dần và cần một liều lượng lớn hơn khác, cuối cùng tạo ra những ảo tưởng khủng khiếp đến đau lòng khi nghe kể về. Vì vậy, từ kinh

[46] *Ahamkara* (Sanskrit) 'I am-ness'

nghiệm bi thảm, tôi cũng phải cảnh báo chống lại tất cả những nguy hiểm này.

A mediumistic mode of approach is also warned against, for the would-be seer must never sacrifice his or her own will or thought to the control of another.

Một phương thức tiếp cận đồng bóng cũng bị cảnh báo, vì nhà tiên tri tương lai không bao giờ được hy sinh ý chí hoặc suy nghĩ của chính mình để bị người khác kiểm soát.

What is Clairvoyance?

Thông Nhãn là gì?

Clairvoyance itself can be described as an extension of the normal vision range, being, as you know, a French word meaning clear-seeing, or clear-sightedness. It can be divided into two categories, physical and superphysical, each of these having subdivisions. Amongst them are: *X-ray vision,* or the ability to see through solid objects very useful in physical diagnosis of disease; for by X-ray vision it is possible to examine both the outer physical body and its interior organs.

Bản thân thông nhãn có thể được mô tả như một sự mở rộng phạm vi tầm nhìn bình thường, như bạn biết, là một từ tiếng Pháp có nghĩa là nhìn thấy rõ ràng, hoặc sáng suốt. Nó có thể được chia thành hai loại, vật lý và siêu hình, mỗi loại đều có các phân khu. Trong số đó có: *Tầm nhìn tia X*, hoặc khả năng nhìn xuyên qua các vật thể rắn rất hữu ích trong chẩn đoán bệnh lý; vì bằng tầm nhìn tia X, có thể kiểm tra cả cơ thể vật lý bên ngoài và các cơ quan bên trong của nó.

Magnification, by means of which the smallest objects can be seen as very largely increased in size applies to atoms, molecules, cells, nothing being too small for the trained clairvoyant who at will can use the ability to enlarge any object under examination. *Telescopic vision* is the opposite, meaning seeing what is going on at a distance. It can be extended not only to knowledge of events taking place on this planet, but also out in space.

Độ phóng đại, nhờ đó các vật thể nhỏ nhất có thể được nhìn thấy với kích thước tăng lên rất nhiều, áp dụng cho các nguyên tử, phân tử, tế bào, không có gì là quá nhỏ đối với nhà thông nhãn được đào tạo, người có thể tùy ý sử dụng khả năng phóng to bất kỳ vật thể nào đang được kiểm tra. *Tầm nhìn kính viễn vọng* thì ngược lại, có nghĩa là nhìn thấy những gì đang diễn ra ở xa. Nó có thể được mở rộng không chỉ cho kiến thức về các sự kiện diễn ra trên hành tinh này, mà còn cả ngoài không gian.

Etheric vision is useful in the diagnosis of ill health, for using it one is able to see the vital or etheric body and its general conditions, including what in Theosophy is called 'the health aura'. This discharge extends from all animate forms, plant and animal, from an inch out [to] one foot or even more.[47] In good health the striations or outflowing streams of

Tầm nhìn dĩ thái rất hữu ích trong việc chẩn đoán sức khỏe kém, vì sử dụng nó, người ta có thể nhìn thấy thể sinh lực hoặc thể dĩ thái và tình trạng chung của nó, bao gồm cả cái mà trong Thông Thiên Học được gọi là 'hào quang sức khỏe'. Sự phóng điện này mở rộng từ tất cả các dạng sống, thực vật và động vật, từ một inch [đến] một foot hoặc thậm chí hơn. Khi có

[47] Minerals also have an etheric 'aura', however small.

energy, are straight and emerge at right angles to the point of egress. In ill health they droop, and, from that drooping in a certain area, one can follow inwards to the part within the body at which the cause may be found. In a case of general debility, the whole health aura will be seen to be drooping.

sức khỏe tốt, các vằn hoặc dòng năng lượng chảy ra thẳng và xuất hiện ở góc vuông với điểm thoát ra. Khi sức khỏe kém, chúng rủ xuống, và từ sự rủ xuống đó ở một khu vực nhất định, người ta có thể lần theo vào bên trong đến phần bên trong cơ thể nơi có thể tìm thấy nguyên nhân. Trong trường hợp suy nhược chung, toàn bộ hào quang sức khỏe sẽ bị rủ xuống.

It is also possible by etheric vision to see fairly easily solar vitality in the air as minute shining or gold globules.

Cũng có thể bằng tầm nhìn dĩ thái để nhìn thấy khá dễ dàng sinh lực mặt trời trong không khí dưới dạng các hạt nhỏ sáng bóng hoặc vàng.

They are actually centres of the vital energy of *prana* that reaches the planet from the sun, and we live very largely by them in terms of bodily vitality, absorbing them with the air we breathe, the food we eat when vital, and through a certain organ in the Etheric Double —the Spleen *Chakram.*

Chúng thực sự là các trung tâm của năng lượng sinh lực *prana* đến hành tinh từ mặt trời, và chúng ta sống phần lớn nhờ chúng về mặt sinh lực cơ thể, hấp thụ chúng cùng với không khí chúng ta hít thở, thức ăn chúng ta ăn khi còn sống, và thông qua một cơ quan nhất định trong Thể Phụ Dĩ Thái—*Luân xa* Lá Lách.

Other inhabitants of the physical etheric world and neighbourhood, the nature spirits, are virtually everywhere present, and particularly where there are gardens and trees and woods. These also become visible to some people either naturally or early in self-training.

Những cư dân khác của thế giới dĩ thái vật lý và vùng lân cận, các tinh linh thiên nhiên, hầu như hiện diện ở khắp mọi nơi, và đặc biệt là nơi có vườn tược, cây cối và rừng. Những thứ này cũng trở nên hữu hình đối với một số người, hoặc tự nhiên hoặc sớm trong quá trình tự rèn luyện.

Super-physical clairvoyance reveals the Astral and Mental worlds and Bodies of people, and when developed leads to fully conscious travel and carrying out of super-physical activities during sleep. When advisable and useful, these may be brought into the brain on awakening by those who possess Astral and Mental clairvoyance. Occult research into 'higher' super-physical worlds, and their inhabitants, is possible. The Astral Plane is very thickly populated, by the physically deceased who are withdrawing into Egoic

Thông nhãn siêu hình tiết lộ thế giới Cảm dục và Trí tuệ và Thể của con người, và khi được phát triển sẽ dẫn đến việc du hành hoàn toàn có ý thức và thực hiện các hoạt động siêu hình trong giấc ngủ. Khi thích hợp và hữu ích, những điều này có thể được đưa vào não bộ khi thức dậy bởi những người sở hữu thông nhãn Cảm dục và Trí tuệ. Nghiên cứu huyền bí về các thế giới siêu hình 'cao hơn' và cư dân của chúng là điều khả thi. Cõi Cảm dục có dân cư rất đông đúc, bởi những người đã khuất về thể chất đang rút lui vào tâm thức Chân ngã, và

consciousness, and those who are 'descending' into incarnation. The hosts of the angels can be brought into conscious knowledge by Astral and Mental and supra-Mental clairvoyance. Thought forms, too, can be seen, whilst the whole procedures of human mental, emotional nature in various moods and kinds of feelings and thoughts may be studied, when it would be helpful and is permissible. *In the Occult Life, prying into another person's privacy is of course completely forbidden.*

những người đang 'giáng trần' để nhập thể. Các thiên thần có thể được đưa vào kiến thức có ý thức bằng thông nhãn Cảm dục, Trí tuệ và siêu Trí tuệ. Các hình tư tưởng cũng có thể được nhìn thấy, trong khi toàn bộ quy trình của bản chất tinh thần, cảm xúc của con người trong các tâm trạng và các loại cảm xúc và suy nghĩ khác nhau có thể được nghiên cứu, khi điều đó hữu ích và được cho phép. *Trong Cuộc Sống Huyền Bí, việc tò mò vào đời tư của người khác tất nhiên là hoàn toàn bị cấm.*

The reading of the *Akashic* records might be called clairvoyance into past times. One then becomes aware of the extraordinary fact that every event that has ever occurred on this planet, and I presume everywhere, is indelibly printed upon a substance that receives an impression which cannot be erased. A chair, for example, when examined by a person sufficiently awakened, would reveal to the enquirer the record of everything that had ever happened to it—going back to where the substances, wood for example, came from, or leather,—their gathering and their making in the factory, delivery and then use from then onward could all be observed. The whole story of everything that exists is imprinted upon a substance which is really a fifth element. We know of earth, air, fire and water, but there is also a fifth. Clairvoyance reveals this. The knowledge of it is age-old, and in Sanscrit it is named *Akasa* which is a very refined form of ether, and has (amongst other very important attributes) that of receiving the indelible impression of every event in its neighbourhood. So history can be read, and one day will be. Even now there are those who are contemplating whether it will ever be possible to 'collect' these *Akashic* records and somehow bring them to a state where they can be projected physically. If that ever happens—which I find myself doubting—

Việc đọc các hồ sơ Akasha có thể được gọi là thông nhãn vào thời gian quá khứ. Khi đó, người ta nhận thức được sự thật phi thường rằng mọi sự kiện đã từng xảy ra trên hành tinh này, và tôi cho rằng ở mọi nơi, đều được in sâu vào một chất liệu nhận được một ấn tượng không thể xóa nhòa. Ví dụ, một chiếc ghế, khi được kiểm tra bởi một người đủ tỉnh táo, sẽ tiết lộ cho người hỏi ghi chép về mọi thứ đã từng xảy ra với nó—quay trở lại nơi các chất, ví dụ như gỗ, đến từ đâu, hoặc da,—việc thu thập và chế tạo chúng trong nhà máy, giao hàng và sau đó sử dụng từ đó trở về sau đều có thể được quan sát. Toàn bộ câu chuyện về mọi thứ tồn tại đều được in trên một chất liệu thực sự là nguyên tố thứ năm. Chúng ta biết về đất, khí, lửa và nước, nhưng cũng có một nguyên tố thứ năm. Thông nhãn tiết lộ điều này. Kiến thức về nó đã có từ lâu đời, và trong tiếng Phạn, nó được gọi là *Akasa*, là một dạng dĩ thái rất tinh luyện, và có (trong số những thuộc tính rất quan trọng khác) là nhận được ấn tượng không thể phai mờ của mọi sự kiện trong vùng lân cận của nó. Vì vậy, lịch sử có thể được đọc, và một ngày nào đó sẽ được đọc. Ngay bây giờ, có những người đang suy ngẫm liệu có bao giờ có thể 'thu thập' những hồ sơ Akasha này và bằng cách nào đó đưa chúng đến trạng thái mà chúng có thể được chiếu ra về mặt vật lý hay không. Nếu điều đó xảy ra—điều mà tôi thấy mình nghi ngờ—lịch sử sẽ không còn được học

history will no longer be learnt in books alone, but studied directly as the trained clairvoyant can already do.

In this again I would stress the absolute necessity of very careful accuracy of vision, and not only that, but of checking the results against whatever may be known in the particular field. Paleontology, for example—the study of fossils—leads to the beginning of the human race on Earth, and so the change from ape to ape-man and then to man. Physical investigation is being very successfully carried out in these, our days, the family of Leakey's being prominent in this field.

Extended Hearing

Clairaudience, or extension of the normal auditory range, is of interest, for it gives superphysical communion—the receipt and giving of help where necessary—with the deceased, with the angelic hosts, and other beings in the superphysical world, sometimes as if in audible words. This also is being very much investigated now, leading as it does to successful telepathy, even the transmission of thought, ideas, from those who reached the Moon to recipients here on Earth. Recorded results seem to support the idea that telepathy is not only a possible faculty of man, but can transcend limitations of space. This leads one's thought to the power to hear the 'Voice' of the God-Self within one, and all the exaltation that could arise from such a wonderful spiritual experience.

The Truest Vision

Trained clairvoyant research, valuable though it can be, is not the only means of gaining knowledge. The power of intuitive perception is potentially possessed by all, and

chỉ trong sách vở nữa, mà được nghiên cứu trực tiếp như nhà thông nhãn được đào tạo đã có thể làm.

Trong điều này, tôi lại muốn nhấn mạnh sự cần thiết tuyệt đối của việc chính xác cẩn thận về tầm nhìn, và không chỉ vậy, mà còn kiểm tra kết quả so với bất cứ điều gì có thể được biết trong lĩnh vực cụ thể. Ví dụ, cổ sinh vật học—nghiên cứu về hóa thạch—dẫn đến sự khởi đầu của loài người trên Trái đất, và do đó sự thay đổi từ vượn thành người vượn và sau đó thành người. Nghiên cứu vật lý đang được thực hiện rất thành công trong thời đại của chúng ta, gia đình Leakey là những người nổi bật trong lĩnh vực này.

Thính Giác Mở Rộng

Thông nhĩ, hoặc mở rộng phạm vi thính giác bình thường, rất thú vị, vì nó mang lại sự giao tiếp siêu hình—việc nhận và cung cấp sự giúp đỡ khi cần thiết—với người đã khuất, với các thiên thần và các sinh vật khác trong thế giới siêu hình, đôi khi như bằng những lời nói nghe được. Điều này cũng đang được nghiên cứu rất nhiều hiện nay, dẫn đến viễn cảm thành công, thậm chí là truyền tải suy nghĩ, ý tưởng, từ những người đã đến Mặt trăng cho người nhận ở đây trên Trái đất. Kết quả ghi lại dường như ủng hộ ý kiến cho rằng viễn cảm không chỉ là một năng lực khả dĩ của con người, mà còn có thể vượt qua những giới hạn của không gian. Điều này dẫn suy nghĩ của một người đến sức mạnh để nghe 'Tiếng nói' của Thượng Đế bên trong một người, và tất cả sự thăng hoa có thể phát sinh từ một trải nghiệm tinh thần tuyệt vời như vậy.

Tầm Nhìn Chân Thực Nhất

Nghiên cứu thông nhãn được đào tạo, mặc dù có giá trị, nhưng không phải là cách duy nhất để đạt được kiến thức. Sức mạnh của nhận thức trực giác tiềm ẩn ở tất cả mọi người, và có

can be developed into a reliable instrument of research, particularly in the understanding of fundamental Principles and First Causes. This leads one into religious fields, where one eventually hopes to deepen one's realization of Oneness with the Supreme Source of all life and all that lives.

I close with the words of Elizabeth Browning, sister of Robert Browning, the great English poet: 'To know rather consists of opening out a way whence the imprisoned Splendour can escape, than in effecting an entry for a light supposed to be without'. This reveals, I suggest, the truest vision. Attaining this, each person can know Truth for him or herself, can establish themselves in a religious belief that is not blind, but based upon direct spiritual experience.

Theosophy in New Zealand, Vol. 37, No. 1, 1976, p. 5

thể được phát triển thành một công cụ nghiên cứu đáng tin cậy, đặc biệt là trong việc hiểu các Nguyên tắc cơ bản và Nguyên nhân Đầu tiên. Điều này dẫn người ta vào các lĩnh vực tôn giáo, nơi người ta cuối cùng hy vọng sẽ làm sâu sắc thêm nhận thức của mình về Tính Duy Nhất với Nguồn gốc Tối cao của mọi sự sống và tất cả những gì đang sống.

Tôi kết thúc bằng những lời của Elizabeth Browning, em gái của Robert Browning, nhà thơ vĩ đại người Anh: 'Biết đúng hơn là mở ra một con đường mà từ đó Hào quang bị giam cầm có thể thoát ra, hơn là tạo ra một lối vào cho ánh sáng được cho là ở bên ngoài'. Tôi cho rằng điều này tiết lộ tầm nhìn chân thực nhất. Đạt được điều này, mỗi người có thể tự mình biết Chân lý, có thể thiết lập cho mình một niềm tin tôn giáo không mù quáng, mà dựa trên kinh nghiệm tinh thần trực tiếp.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập 37, Số 1, 1976, trang 5

103

The Development of Clairvoyance—Sự Phát Triển của Thông Nhãn

I am asked to discuss the possibility that any serious students of Theosophy, seeking their own direct knowledge, could develop the faculty of positive, trained clairvoyance with which to verify the teachings of Theosophy and to study occult chemistry, psychosomatic illnesses, problems in biology, the cell and diseases of the cell, for example.

Whilst not wishing to discourage any serious enquirer whose motive is to serve, I still must point out that the faculty of positive clairvoyance, sufficiently developed to be used for these purposes, does not stand alone amongst the faculties which its possessor must also develop to some degree. Unless associated

Tôi được yêu cầu thảo luận về khả năng bất kỳ học viên Thông Thiên Học nghiêm túc nào, đang tìm kiếm kiến thức trực tiếp của riêng mình, có thể phát triển năng lực thông nhãn tích cực, được đào tạo để xác minh các giáo lý của Thông Thiên Học và nghiên cứu hóa học huyền bí, các bệnh tâm thần, các vấn đề trong sinh học, tế bào và các bệnh của tế bào, ví dụ vậy.

Mặc dù không muốn làm nản lòng bất kỳ người tìm hiểu nghiêm túc nào có động cơ phục vụ, tôi vẫn phải chỉ ra rằng năng lực thông nhãn tích cực, được phát triển đầy đủ để sử dụng cho những mục đích này, không đứng một mình trong số các năng lực mà người sở hữu nó cũng phải phát triển ở một mức độ nào

with other faculties, clairvoyance by itself could be a hindrance rather than a help.

đó. Trừ khi được kết hợp với các năng lực khác, bản thân thông nhãn có thể là một trở ngại hơn là một sự giúp đỡ.

One of these supplementary capacities is concentration, or the power to focus attention upon the subject under investigation for some considerable time without wavering. This means, I think, that the Ego, the true thinker and observer, has developed in its Personality considerable power to direct the mind unwaveringly into any field of thought and towards any object under clairvoyant observation and to hold it there. This is only fully possible when the Ego is involved in the process, the real Higher Self of man taking an interest in the activities of its Personality and assisting by sending down some of its own far greater power. There must, for example, be applied a considerable measure of the *Atma* as spiritual will during the periods of preparation, focussing and observation. This condition is the product of many years of practice and meditation.

Một trong những năng lực bổ sung này là sự tập trung, hoặc sức mạnh để tập trung sự chú ý vào chủ đề đang được điều tra trong một khoảng thời gian đáng kể mà không dao động. Tôi nghĩ, điều này có nghĩa là Chân ngã, nhà tư tưởng và quan sát thực sự, đã phát triển trong Phàm ngã của nó sức mạnh đáng kể để hướng tâm trí một cách không lay chuyển vào bất kỳ lĩnh vực tư tưởng nào và hướng tới bất kỳ vật thể nào dưới sự quan sát thông nhãn và giữ nó ở đó. Điều này chỉ hoàn toàn khả thi khi Chân ngã tham gia vào quá trình, Chân ngã Cao hơn thực sự của con người quan tâm đến các hoạt động của Phàm ngã của nó và hỗ trợ bằng cách gửi xuống một số sức mạnh lớn hơn nhiều của chính nó. Ví dụ, phải áp dụng một mức độ đáng kể của *Atma* như ý chí tinh thần trong giai đoạn chuẩn bị, tập trung và quan sát. Điều kiện này là sản phẩm của nhiều năm thực hành và thiền định.

The mind itself must, I think, have been enlarged until some measure of universalization has been achieved. This means that the mind is capable of not only knowing intellectually, but directly experiencing to some extent, the fact of unity. Amidst all the diversity of manifestation, all the myriad forms and the richness of Individuality everywhere apparent throughout all nature, the true seer knows that there is ONE ESSENCE—call it what you will and, furthermore, that the Inner Essence, the *Atma* or 'the Self, of the observer is an essential and inseparable part thereof. He has begun to know himself as one with the Spirit Essence of every other manifested being and thing, or, in theological terms, has begun to experience unity with God. This implies causal or Egoic consciousness in the brain.

Bản thân tâm trí, tôi nghĩ, phải được mở rộng cho đến khi đạt được một mức độ phổ quát nào đó. Điều này có nghĩa là tâm trí có khả năng không chỉ hiểu biết về mặt trí tuệ, mà còn trải nghiệm trực tiếp ở một mức độ nào đó, sự thật của sự thống nhất. Giữa tất cả sự đa dạng của biểu hiện, tất cả vô số hình thức và sự phong phú của Cá tính hiển nhiên ở khắp mọi nơi trong toàn bộ tự nhiên, nhà tiên tri thực sự biết rằng có MỘT BẢN CHẤT—hãy gọi nó là bất cứ điều gì bạn muốn và hơn nữa, BẢN CHẤT BÊN TRONG, *Atma* hoặc 'Cái Tôi' của người quan sát là một phần thiết yếu và không thể tách rời của nó. Y đã bắt đầu biết mình là một với Bản chất Tinh thần của mọi sinh vật và sự vật được biểu hiện khác, hoặc, theo thuật ngữ thần học, đã bắt đầu trải nghiệm sự hợp nhất với Thượng đế. Điều này ngụ ý tâm thức nguyên nhân hoặc Chân ngã trong não bộ.

Why need this spiritual experience enter into a purely scientific observation, it may well be asked? You do not have to be spiritually minded to look through a telescope or a microscope. True, but then the instrument of clairvoyant research is not a microscope. It is not an inanimate object at all, being psychophysical and hypersensitive to external forces and interior subjective conditions. Without some Egoic empowerment, a fairly good state of health, personal harmony, and the capacities to get inside the subject and to concentrate, the range of seership will always be limited. Auras, fairies, the etheric world, vitality globules and even the interior of the body might all be seen at the etheric level, but in highly concentrated seership, like perception of deeply rooted complexes and their origins and causes in the past, looking at atoms or analysing the contents and conditions of cells and other difficult observations, Egoic power must be available to some extent and the Ego ready and able to come down and help.

Người ta có thể hỏi, tại sao cần phải có trải nghiệm tinh thần này trong một quan sát thuần túy khoa học? Bạn không cần phải có tinh thần để nhìn qua kính viễn vọng hoặc kính hiển vi. Đúng vậy, nhưng sau đó, công cụ nghiên cứu thông nhãn không phải là kính hiển vi. Nó hoàn toàn không phải là một vật thể vô tri vô giác, mà là vật thể tâm sinh lý và siêu nhạy cảm với các lực bên ngoài và các điều kiện chủ quan bên trong. Nếu không có một số trao quyền của Chân ngã, một trạng thái sức khỏe khá tốt, sự hài hòa cá nhân và khả năng đi vào bên trong chủ đề và tập trung, phạm vi nhìn thấy sẽ luôn bị hạn chế. Hào quang, tiên nữ, thế giới dĩ thái, các hạt sinh lực và thậm chí cả bên trong cơ thể đều có thể được nhìn thấy ở cấp độ dĩ thái, nhưng trong khả năng nhìn thấy tập trung cao độ, như nhận thức về các phức hợp ăn sâu và nguồn gốc cũng như nguyên nhân của chúng trong quá khứ, nhìn vào các nguyên tử hoặc phân tích nội dung và điều kiện của các tế bào và các quan sát khó khăn khác, sức mạnh của Chân ngã phải có sẵn ở một mức độ nào đó và Chân ngã sẵn sàng và có thể đi xuống và giúp đỡ.

Indeed, I am not sure that the process of positive seership is not really a causal function. It has seemed to me that the seer is operating with causal consciousness deliberately directed down to whatever level —Mental, Astral or Etheric, at which he wishes to work. This cannot be done unless the person has achieved through successful meditation, a measure of the faculty to function in the Causal Body whilst wide awake.

Thật vậy, tôi không chắc liệu quá trình nhìn thấy tích cực có thực sự là một chức năng nguyên nhân hay không. Đối với tôi, dường như nhà tiên tri đang hoạt động với tâm thức nguyên nhân được hướng một cách có chủ ý xuống bất kỳ cấp độ nào—Trí tuệ, Cảm dục hoặc Dĩ thái, mà y muốn làm việc. Điều này không thể được thực hiện trừ khi người đó đã đạt được thông qua thiền định thành công, một mức độ năng lực để hoạt động trong Thể Nguyên nhân trong khi vẫn hoàn toàn tỉnh táo.

In addition, there must have been a good deal of study. The person must know something about the subject or object to be investigated and the clairvoyant faculty needs to be tested and retested until the observer has reasonable

Ngoài ra, phải có rất nhiều nghiên cứu. Người đó phải biết điều gì đó về chủ đề hoặc đối tượng cần điều tra và năng lực thông nhãn cần được kiểm tra và kiểm tra lại cho đến khi người quan sát có niềm tin hợp lý vào bản thân. Do

confidence in himself. The development and successful use of clairvoyance is thus found to be a very complex process.

A heavy price has to be paid, moreover, for the real clairvoyance which has enabled its possessor to break through the veil of physical and etheric matter into the Astral, Mental and higher worlds. The clairvoyant may have lost some of the protection which he would normally have had and is then subject to responses to the play of all kinds of forces such as emotions, thoughts and magnetic influences emanating from certain places, objects and people to which normally he would be quite immune. Sometimes this inflow of forces is very disturbing, can produce physical pain and even psychic pain up to extreme discomfort. Indeed, unless the clairvoyant can shut down his sensitivity, he is in a way always being subjected to some such strains and stresses. All of this forces him to be constantly on his guard and very susceptible to strain. The poet, Schiller, said in effect, 'Take back my sad clear-sightedness. Give me back my blindness', crying out in the suffering which inner vision gave him.

There I must leave the subject, after pointing out to some extent what a complex procedure the development and testable use of clair-voyance is. Unless the circumstances of one's life free one sufficiently from other obligations and point the way to a *dharma* as an occult investigator, then, I have concluded, the development of clairvoyance is best left alone. I would, finally, say, however, that there is such a faculty, and that if a person is utterly determined to find out for themselves the truth about life, human, universal and Divine, then if they persist wisely, there is nothing really to stop them. Dauntless will can enable any normal person who is determined to do so, to discover the truth for

đó, việc phát triển và sử dụng thành công thông nhãn được coi là một quá trình rất phức tạp.

Hơn nữa, phải trả giá đắt cho thông nhãn thực sự, điều này đã cho phép người sở hữu nó vượt qua bức màn vật chất và dĩ thái vào thế giới Cảm dục, Trí tuệ và các thế giới cao hơn. Nhà thông nhãn có thể đã mất một số sự bảo vệ mà y thường có và sau đó phải chịu sự đáp ứng với tác động của tất cả các loại lực như cảm xúc, suy nghĩ và ảnh hưởng từ tính phát ra từ một số địa điểm, vật thể và con người nhất định mà thông thường y sẽ hoàn toàn miễn nhiễm. Đôi khi dòng chảy năng lượng này rất đáng lo ngại, có thể gây ra đau đớn về thể xác và thậm chí cả đau đớn về tâm linh cho đến khi cực kỳ khó chịu. Thật vậy, trừ khi nhà thông nhãn có thể tắt độ nhạy cảm của mình, nếu không y luôn phải chịu một số căng thẳng như vậy. Nhà thơ Schiller đã nói đại ý, 'Hãy lấy lại sự sáng suốt đáng buồn của tôi. Hãy trả lại cho tôi sự mù lòa của tôi', kêu lên trong nỗi đau khổ mà tầm nhìn bên trong mang lại cho ông.

Ở đó tôi phải dừng lại chủ đề, sau khi chỉ ra ở một mức độ nào đó việc phát triển và sử dụng thông nhãn có thể kiểm tra là một quy trình phức tạp như thế nào. Tôi kết luận rằng, trừ khi hoàn cảnh cuộc sống của một người giải phóng người đó khỏi các nghĩa vụ khác và chỉ đường cho một *dharma* như một nhà điều tra huyền bí, thì tốt nhất nên bỏ qua việc phát triển thông nhãn. Tuy nhiên, cuối cùng tôi muốn nói rằng có một năng lực như vậy, và nếu một người hoàn toàn quyết tâm tự mình tìm ra sự thật về cuộc sống, con người, vũ trụ và Thần thánh, thì nếu họ kiên trì một cách khôn ngoan, thì không có gì thực sự có thể ngăn cản họ. Ý chí kiên cường có thể cho phép bất kỳ người bình thường nào quyết tâm làm

himself.

Theosophy in New Zealand, Vol. 18, July 1957, p. 7

như vậy, tự mình khám phá ra sự thật.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập 18, tháng 7 năm 1957, trang 7

104

Superphysical Vision—Tầm Nhìn Siêu Hình

Superphysical vision operates under precisely the same laws as those which govern physical vision. All men possess some degree of superphysical vision when out of the physical body during the hours of sleep. Furthermore, our Astral and mental selves are constantly receiving vibrations and decoding them into terms of consciousness, quite apart from the activities of our physical bodies and brains. Happily these subjective experiences do not normally enter the brain, which is not constituted to withstand the strain of such intense activity. It is indeed a merciful dispensation of Providence, at the present stage of brain development, that we do not remember our sleep activities and our past lives.

Tầm nhìn siêu hình hoạt động theo chính xác các quy luật giống như các quy luật chi phối tầm nhìn vật lý. Tất cả mọi người đều sở hữu một mức độ tầm nhìn siêu hình nào đó khi ra khỏi cơ thể vật lý trong giấc ngủ. Hơn nữa, thể Cảm dục và thể trí của chúng ta liên tục nhận được các rung động và giải mã chúng thành các thuật ngữ của tâm thức, hoàn toàn tách biệt với các hoạt động của cơ thể vật lý và não bộ của chúng ta. May mắn thay, những trải nghiệm chủ quan này thông thường không đi vào não bộ, vốn không được cấu tạo để chịu được sự căng thẳng của hoạt động cường độ cao như vậy. Đó thực sự là một sự sắp đặt nhân từ của Thượng đế, ở giai đoạn phát triển não bộ hiện tại, rằng chúng ta không nhớ các hoạt động khi ngủ và kiếp trước của mình.

Very special preparation of the brain and nervous system is required, if our response to these incoming superphysical vibrations is safely to be included in our physical waking consciousness, as is the case in clairvoyance.

Cần phải có sự chuẩn bị rất đặc biệt cho não bộ và hệ thần kinh, nếu sự đáp ứng của chúng ta với những rung động siêu hình đến này được đưa vào tâm thức tỉnh táo vật lý một cách an toàn, như trong trường hợp thông nhãn.

One reason for the warning which all spiritual neophytes receive against the development of purely psychic faculties as an end in itself—a warning which the author most strongly repeats is that the results of super-physical vision are rarely comparable in value to the susceptibility to strain and consequent lowering of physical efficiency which added sensitivity inevitably produces.

Một lý do cho lời cảnh báo mà tất cả những người mới bắt đầu tâm linh nhận được chống lại việc phát triển các năng lực tâm linh thuần túy như một mục đích tự thân—một lời cảnh báo mà tác giả lặp lại một cách mạnh mẽ nhất là kết quả của tầm nhìn siêu hình hiếm khi có giá trị tương đương với tính nhạy cảm với căng thẳng và hậu quả là giảm hiệu quả vật lý mà độ nhạy cảm gia tăng chắc chắn tạo ra.

Clairvoyance adds enormously to the burden of life and renders physical existence

Thông nhãn làm tăng thêm gánh nặng của cuộc sống và khiến cho sự tồn tại vật lý trở nên

infinitely more difficult of endurance. When therefore one sees, especially in America, otherwise worthy students paying large sums of money to these so called Yogis who in return offer to open the occult centres, one is filled with dismay. Many of these men take thousands of dollars out of large American cities and often leave behind a trail of nervous wrecks. Even experienced students are not proof against the lure of occult powers easily acquired and are led away by will-o-the-wisps, who thus prostitute the sacred science of Yoga and degrade the great title of Yogi which they arrogantly and unworthily assume.

khó chịu đựng hơn vô hạn. Do đó, khi người ta thấy, đặc biệt là ở Mỹ, những học viên đáng kính khác trả những khoản tiền lớn cho những người được gọi là Yogi này, những người đổi lại đề nghị mở các trung tâm huyền bí, người ta sẽ tràn ngập sự mất tinh thần. Nhiều người trong số những người này lấy hàng nghìn đô la từ các thành phố lớn của Mỹ và thường để lại một dấu vết của những người suy nhược thần kinh. Ngay cả những học viên có kinh nghiệm cũng không thể chống lại sự cám dỗ của các quyền năng huyền bí dễ dàng có được và bị dẫn dắt bởi những thứ phù phiếm, những người bôi nhọ khoa học thiêng liêng của Yoga và làm suy thoái danh hiệu Yogi vĩ đại mà họ kiêu ngạo và không xứng đáng có được.

Union with the Supreme the only true Yoga cannot be bought for 'thirty pieces of silver'. *Its price is life itself, life poured out in service and self-sacrifice.* The neophyte of undaunted will, who is ready to pay the price and to train and discipline his Personality, will inevitably reach the goal of Union. If he aspires, as he rightly may, to superphysical vision in order better to understand and to serve, then he may rest assured that in the process of spiritual unfoldment he will quite naturally and safely increase the range of his responsiveness, gradually adding to it octave after octave of vibration beyond our physical spectrum of light.

Sự hợp nhất với Đấng Tối Cao, Yoga thực sự duy nhất, không thể mua được bằng 'ba mươi đồng bạc'. *Giá của nó là chính cuộc sống, cuộc sống được đổ ra trong sự phụng sự và hy sinh bản thân.* Người mới bắt đầu với ý chí kiên cường, người sẵn sàng trả giá và rèn luyện và kỷ luật Phàm ngã của mình, chắc chắn sẽ đạt được mục tiêu Hợp nhất. Nếu y khao khát, như y có thể đúng, tầm nhìn siêu hình để hiểu rõ hơn và phục vụ tốt hơn, thì y có thể yên tâm rằng trong quá trình khai mở tâm linh, y sẽ hoàn toàn tự nhiên và an toàn tăng phạm vi đáp ứng của mình, dần dần thêm vào đó quãng tám này đến quãng tám khác của rung động vượt ra ngoài quang phổ ánh sáng vật lý của chúng ta.

This brings us back to the subject of our study, asking pardon for the digression made deliberately in the cause of health and sanity, both of which are essential to the highest spiritual development.

Điều này đưa chúng ta trở lại chủ đề nghiên cứu của mình, xin thứ lỗi cho sự lạc đề được thực hiện một cách có chủ ý vì lý do sức khỏe và sự tỉnh táo, cả hai đều cần thiết cho sự phát triển tâm linh cao nhất.

An Electrical Process

Một Quá Trình Điện

Superphysical vision, in its turn, depends upon the passage of light energy from the

Tầm nhìn siêu hình, đến lượt nó, phụ thuộc vào sự truyền năng lượng ánh sáng từ vật thể

object 'seen' to the surface of one of the superphysical bodies and presumably also upon a synchronizing of vibrations on the life side. From the surface of the body the light energy is conveyed to the Egoic centre in the vehicle concerned, this also being in the head of the mental or emotional body. If, as in clairvoyance the results are to be known in the physical brain, then a means must be found of changing the level of their manifestation from the superphysical to the physical.

'được nhìn thấy' đến bề mặt của một trong các thể siêu hình và có lẽ cũng phụ thuộc vào sự đồng bộ hóa các rung động ở phía sự sống. Từ bề mặt của cơ thể, năng lượng ánh sáng được truyền đến trung tâm Chân ngã trong hiện thể liên quan, điều này cũng nằm trong đầu của thể trí hoặc thể cảm xúc. Nếu, như trong thông nhãn, kết quả được biết đến trong não bộ vật lý, thì phải tìm ra một phương tiện để thay đổi mức độ biểu hiện của chúng từ siêu hình sang vật lý.

There is a special mechanism for this process which, as will be seen, is a direct reversal of that performed by the physical parts of the mechanism of physical vision. In this case, process is one of 'stepping down', to use another electrical term, and again perhaps quite accurately, though suggestively, and this is done by the head *chakras (Vide The Chakras* by C. W. Leadbeater, and *The Science of Seership* by the author) and the pituitary and pineal glands, after they have been vivified by *Kundalini.*

Có một cơ chế đặc biệt cho quá trình này, như sẽ thấy, là sự đảo ngược trực tiếp của quá trình được thực hiện bởi các bộ phận vật lý của cơ chế tầm nhìn vật lý. Trong trường hợp này, quá trình là một trong 'giảm dần', để sử dụng một thuật ngữ điện khác, và một lần nữa có lẽ khá chính xác, mặc dù mang tính gợi ý, và điều này được thực hiện bởi các *luân xa* đầu *(Xem Luân xa* của C. W. Leadbeater, và *Khoa học về Tầm nhìn* của tác giả) và tuyến yên và tuyến tùng, sau khi chúng được *Kundalini* tiếp sinh lực.

In superphysical vision the cerebro-spinal system operates somewhat on the principle of a broadcasting and receiving set. The pituitary and pineal glands correspond to amplifying valves or tubes. *Kundalini*—an occult energy resident in the body and the two vital airs, *Ida* and *Pingala,* to be explained directly, constitute the charge generally drawn from the 'mains' or battery, which in this case is the sacral *chakram,* whilst the solar centre in the middle of the earth is the planetary power station.

Trong tầm nhìn siêu hình, hệ thống não tủy hoạt động phần nào theo nguyên tắc của một bộ phát sóng và thu sóng. Tuyến yên và tuyến tùng tương ứng với các van hoặc ống khuếch đại. *Kundalini*—một năng lượng huyền bí cư trú trong cơ thể và hai luồng sinh lực, *Ida* và *Pingala*, sẽ được giải thích trực tiếp, tạo thành điện tích thường được rút ra từ 'nguồn điện' hoặc pin, trong trường hợp này là *luân xa* xương cùng, trong khi trung tâm mặt trời ở giữa trái đất là nhà máy điện hành tinh.

The Three Great Powers

Ba Quyền Năng Vĩ Đại

At this point we must give some consideration to the subject of *Kundalini* or the 'Serpent Fire', as it is sometimes called. If we turn to *The Secret Doctrine* (by H. P. Blavatsky)—a

Tại thời điểm này, chúng ta phải xem xét một số vấn đề về *Kundalini* hoặc 'Lửa Rắn', như đôi khi nó được gọi. Nếu chúng ta chuyển sang *Giáo Lý Bí Nhiệm* (của H. P. Blavatsky)—một

veritable treasure house of spiritual and occult knowledge—we find the author saying that the three conditions of manifestation of the life force are *Kundalini, prana,* and *fohat.* They are stated to be fundamental and non-interchangeable in this period of manifestation.

kho tàng kiến thức tâm linh và huyền bí thực sự—chúng ta thấy tác giả nói rằng ba điều kiện biểu hiện của sinh lực là *Kundalini, prana* và *fohat*. Chúng được tuyên bố là cơ bản và không thể thay thế cho nhau trong giai đoạn biểu hiện này.

Kundalini is the power of giving or transmitting life; *prana*—known physically as vitality—is the power of organizing life, and *fohat* is the power of using and manipulating life. These three cosmic forces, manifestations of the third, second and first aspects of the Logos, respectively, are found on every plane of Nature in varying degrees of manifestation. Speaking of the 'descent' of man, the author of *The Secret Doctrine* says that the primordial triangle (the Monad), as soon as it has reflected itself in the heavenly man (the Ego), disappears into silence and darkness. That triangle, which is composed of these three forces, is 'shifted in the man of clay below the seven'. She refers to the dense physical body, which she calls the man of clay, in which we find these three forces represented.

Kundalini là sức mạnh ban hoặc truyền sự sống; *prana*—được biết đến về mặt vật lý là sinh lực—là sức mạnh tổ chức sự sống, và *fohat* là sức mạnh sử dụng và điều khiển sự sống. Ba lực vũ trụ này, biểu hiện của phương diện thứ ba, thứ hai và thứ nhất của Thượng đế, tương ứng, được tìm thấy trên mọi cõi của Tự nhiên ở các mức độ biểu hiện khác nhau. Nói về 'nguồn gốc' của con người, tác giả của *Giáo Lý Bí Nhiệm* nói rằng tam giác nguyên thủy (Chân thần), ngay khi nó phản chiếu chính nó trong con người thiên đàng (Chân ngã), biến mất trong im lặng và bóng tối. Tam giác đó, được tạo thành từ ba lực này, được 'dịch chuyển trong con người bằng đất sét bên dưới bảy'. Bà đề cập đến cơ thể vật lý dày đặc, mà bà gọi là con người bằng đất sét, trong đó chúng ta tìm thấy ba lực này được đại diện.

Kundalini is in essence creative, and though but comparatively slightly aroused in the dense physical body, it manifests itself there as the sex urge. It resides coiled up like a serpent in the sacral *Chakram* at the base of the spine, which in its turn is a relay station for the similarly coiled up energy in the centre of the earth.

Kundalini về bản chất là sáng tạo, và mặc dù chỉ được đánh thức tương đối ít trong cơ thể vật lý dày đặc, nó biểu hiện ở đó như là ham muốn tình dục. Nó nằm cuộn tròn như một con rắn trong *Luân xa* xương cùng ở đáy cột sống, đến lượt nó là một trạm chuyển tiếp cho năng lượng cuộn tròn tương tự ở trung tâm trái đất.

When awakened, *Kundalini* flows up a secret canal called the *sushumna nadi* in the spinal cord, and passes through each of the force centres or *chakras* in its journey. As it passes through the spinal centres in which the *chakras* arise, some of its force flows down the axis of the funnel of each, vivifying it occultly and thereby awakening the man to self-

Khi được đánh thức, *Kundalini* chảy lên một kênh bí mật gọi là *sushumna nadi* trong tủy sống và đi qua từng trung tâm năng lượng hoặc *luân xa* trong hành trình của nó. Khi nó đi qua các trung tâm cột sống mà *luân xa* phát sinh, một số lực của nó chảy xuống trục của phễu của mỗi luân xa, tiếp sinh lực cho nó một cách huyền bí và do đó đánh thức con người

conscious existence on the inner planes.

đến sự tồn tại tự ý thức trên các cõi bên trong.

When it touches the spleen centre it gives the power of travelling at will whilst out of the body. When it touches and opens the heart centre the power of *Buddhic* consciousness, if sufficiently unfolded, begins to flow through the neophyte at the physical level and the 'mystic rose' to bloom upon his breast; the powers of the Christ-consciousness then begin to manifest themselves in and through the personal vehicles. The throat centre, when vivified, bestows the power of clairaudience, or of responding to superphysical sound vibrations as well as to those physical sounds which are beyond the normal range. The brow centre, when open, bestows the faculty of clairvoyance, and when the coronal *chakram,* which is situated at the anterior fontanel, is opened, the interplay between the Ego and the brain is marvellously free, so that gradually the neophyte acquires the power of using his higher, spiritual consciousness simultaneously with that of the physical brain.

Khi nó chạm vào trung tâm lá lách, nó mang lại sức mạnh để du hành tùy ý trong khi ra khỏi cơ thể. Khi nó chạm vào và mở trung tâm tim, sức mạnh của tâm thức *Bồ đề*, nếu được khai mở đầy đủ, bắt đầu chảy qua người mới bắt đầu ở cấp độ vật lý và 'hoa hồng thần bí' nở rộ trên ngực y; sức mạnh của tâm thức Christ sau đó bắt đầu biểu hiện trong và thông qua các hiện thể cá nhân. Trung tâm cổ họng, khi được tiếp sinh lực, ban cho sức mạnh của thông nhĩ, hoặc đáp ứng với các rung động âm thanh siêu hình cũng như những âm thanh vật lý vượt quá phạm vi bình thường. Trung tâm lông mày, khi mở, ban cho năng lực thông nhãn, và khi *luân xa* đỉnh đầu, nằm ở thóp trước, được mở, sự tương tác giữa Chân ngã và não bộ trở nên tự do một cách kỳ diệu, do đó dần dần người mới bắt đầu có được sức mạnh sử dụng tâm thức tinh thần cao hơn của mình đồng thời với tâm thức của não bộ vật lý.

The manifestation of all these powers during waking consciousness demands a long and arduous training; it necessitates the complete vivification of the pituitary and pineal glands by means of *Kundalini* and its complementary forces. This process renders the glands hyper-active from an occult point of view and capable of responding to and transmitting into the brain—also rendered hypersensitive —superphysical rates of vibration and superphysical consciousness. After that, superphysical vision is a matter of focus of intelligence and of practice.

Việc biểu hiện tất cả những quyền năng này trong tâm thức tỉnh táo đòi hỏi một quá trình rèn luyện lâu dài và gian khổ; nó đòi hỏi sự tiếp sinh lực hoàn toàn cho tuyến yên và tuyến tùng bằng *Kundalini* và các lực bổ sung của nó. Quá trình này làm cho các tuyến trở nên siêu hoạt động từ quan điểm huyền bí và có khả năng đáp ứng và truyền vào não bộ—cũng trở nên siêu nhạy cảm—tốc độ rung động siêu hình và tâm thức siêu hình. Sau đó, tầm nhìn siêu hình là vấn đề tập trung trí tuệ và thực hành.

As *Kundalini* rises up the *sushumna nadi*, it is accompanied by two complementary forces, one positive and the other negative, which are called respectively, *Ida* and *Pingala,* Actually

Khi *Kundalini* dâng lên *sushumna nadi*, nó đi kèm với hai lực bổ sung, một lực dương và một lực âm, được gọi tương ứng là *Ida* và *Pingala*. Trên thực tế, hai thuật ngữ này đề cập đến hai

these two terms refer to two canals or passages in the spinal cord, along which *akashic* energies accompany the flowing serpent fire. These two oppositely polarized *akashic* forces meet and cross at each of the chakrams as they rise, and finally pass, one into the pituitary and the other into the pineal gland.

kênh hoặc đường đi trong tủy sống, dọc theo đó các năng lượng *akashic* đi cùng với lửa rắn đang chảy. Hai lực *akashic* phân cực trái ngược này gặp nhau và giao nhau tại mỗi luân xa khi chúng dâng lên, và cuối cùng đi vào, một vào tuyến yên và một vào tuyến tùng.

The Serpent Symbol

Here one recognizes the ancient symbol of the *Caduceus.* This symbol consists of a rod round which two serpents are coiled, with their tails at the bottom and their bodies winding in opposite directions up to a winged sphere, which crowns the symbol. The *Caduceus* is the staff which the god Mercury is said to carry with him in his capacity as messenger of the gods. It is the Grecian symbol of *Kundalini* flowing up the spinal cord which is the rod. The two serpents represent *Ida* and *Pingala,* whilst the winged sphere symbolizes the freed soul of the man who has awakened and learned to use these hidden powers. He does indeed become a Messenger from heaven to earth, for he ranges free in the inner Egoic worlds and brings to men the knowledge and wisdom of those lofty realms; technically he is known as a 'Walker of the Skies' (A cosmic interpretation of the Caduceus will be found in *The Secret Doctrine,* Vol. I, p. 600, 3rd edition).

Biểu Tượng Con Rắn

Ở đây, người ta nhận ra biểu tượng cổ xưa của *Caduceus*. Biểu tượng này bao gồm một cây gậy mà quanh đó hai con rắn cuộn tròn, với đuôi ở phía dưới và thân cuộn theo hướng ngược chiều lên trên đến một hình cầu có cánh, biểu tượng này đội vương miện. *Caduceus* là cây gậy mà thần Mercury được cho là mang theo bên mình với tư cách là sứ giả của các vị thần. Đó là biểu tượng Hy Lạp của *Kundalini* chảy lên tủy sống, là cây gậy. Hai con rắn đại diện cho *Ida* và *Pingala*, trong khi hình cầu có cánh tượng trưng cho linh hồn được giải phóng của người đã thức tỉnh và học cách sử dụng những quyền năng tiềm ẩn này. Y thực sự trở thành Sứ giả từ thiên đàng xuống trái đất, vì y tự do đi khắp các thế giới Chân ngã bên trong và mang đến cho con người kiến thức và trí tuệ của những cõi cao vời đó; về mặt kỹ thuật, y được gọi là 'Người Đi Bộ Trên Bầu Trời' (Một cách giải thích vũ trụ về Caduceus sẽ được tìm thấy trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, Tập I, trang 600, ấn bản lần thứ 3).

This profoundly occult information is not given to us in order that we should try immediately to awaken *Kundalini.* On the contrary, we are strongly warned against any such attempt; it is of value, however, to study the subject academically both to avoid errors arising from misconceptions and to acquire valuable knowledge in readiness for the time when the hidden power is to be aroused.

Thông tin huyền bí sâu sắc này không được cung cấp cho chúng ta để chúng ta cố gắng đánh thức *Kundalini* ngay lập tức. Ngược lại, chúng ta được cảnh báo mạnh mẽ chống lại bất kỳ nỗ lực nào như vậy; tuy nhiên, việc nghiên cứu chủ đề này một cách học thuật là có giá trị, cả để tránh những sai lầm phát sinh từ những quan niệm sai lầm và để có được kiến thức quý báu để sẵn sàng cho thời điểm mà sức mạnh tiềm ẩn sẽ được đánh thức.

Symptoms of Awakening *Kundalini*

Students sometimes find this force arising quite naturally and are prone to be disturbed by the somewhat unusual sensations produced. These are a sense of burning in the spine, a feeling of a rising or even rushing energy flowing up into the head, temporarily confusing the mind; movement, as of an insect walking on the skin of the forehead or scalp; a whirling sensation in the brain, throat, heart or solar plexus; the appearance of colours either in clouds or as flashes of light; and sometimes a curious sense of double consciousness in which one part of the mind is confused or distressed by the strange occurrence and another quite at peace and even in a state of exaltation.

There is nothing to fear in all this. The mind must be kept quiet, all meditative exercises suspended and the new experience observed with detachment until the hyperactivity of the mechanism of consciousness subsides and the first flow of the energy dies down.

It is of the utmost importance that no student of the inner life should ever concentrate upon *Kundalini,* upon the various centres or, specific parts of the body or brain; *for in this practice great danger lies.*

The purpose of spiritual endeavour is not the development of psychic gifts or magical powers. The goal is union with the Supreme and the power to perceive the one Life amid all the great diversity of forms. Here again the *Bhagavad-Gita* proves to be an unfailing source of guidance and inspiration. The true goal of seership is indicated in the following

Các Triệu Chứng của Việc Đánh Thức Kundalini

Các đạo sinh đôi khi thấy mãnh lực này khởi lên một cách rất tự nhiên và dễ bị xáo động bởi những cảm giác khá khác thường mà nó tạo ra. Đó là cảm giác nóng rát nơi cột sống; cảm giác có một dòng năng lượng đang dâng lên, thậm chí cuộn trào mạnh mẽ hướng về đầu, làm thể trí tạm thời rối loạn; cảm giác có chuyển động như thể một côn trùng đang bò trên da trán hay da đầu; cảm giác quay cuồng trong não, cổ họng, tim hoặc tùng thái dương; sự xuất hiện của các màu sắc, hoặc như những đám mây, hoặc như những tia chớp sáng; và đôi khi là cảm giác kỳ lạ về tình trạng "hai tầng tâm thức", trong đó một phần thể trí thì rối loạn hay khó chịu trước hiện tượng lạ, còn phần kia thì hoàn toàn an bình, thậm chí ở trong trạng thái siêu thăng.

Trong tất cả những điều này, không có gì đáng sợ. Thể trí phải được giữ yên lặng, mọi bài tập tham thiền phải tạm ngưng, và kinh nghiệm mới này cần được quan sát với thái độ tách rời, cho đến khi sự hoạt động quá mức của cơ cấu tâm thức lắng dịu và dòng năng lượng đầu tiên tan biến đi.

Điều vô cùng quan trọng là không một đạo sinh nào trên con đường nội tâm được phép tập trung vào Kundalini, vào các trung tâm khác nhau, hoặc vào những phần cụ thể của thân thể hay bộ não; vì trong thực hành này tiềm ẩn một mối nguy hiểm lớn lao.

Mục đích của nỗ lực tinh thần không phải là sự phát triển các năng lực thông linh hay quyền năng huyền thuật. Mục tiêu là sự hợp nhất với Đấng Tối Cao và quyền năng nhận ra Một Sự Sống duy nhất giữa muôn hình tướng sai biệt. Một lần nữa, Bhagavad-Gita lại chứng tỏ là nguồn hướng dẫn và cảm hứng không bao giờ cạn. Mục tiêu chân thật của khả năng thấu thị

immortal *slokas:*

được chỉ rõ trong những bài kệ bất diệt sau đây:

'The Yogi who thus, ever harmonizing the self hath put away sin, he easily enjoyeth the infinite bliss of contact with the *Eternal.*

"Vị Yogi, luôn điều hòa bản ngã và đã gạt bỏ tội lỗi, sẽ dễ dàng hưởng niềm phúc lạc vô biên từ sự tiếp xúc với Đấng Vĩnh Cửu.

'The self, harmonized by yoga, seeth the *Self* abiding in all beings, all beings in the Self; everywhere he seeth the same.

"Cái ngã, được điều hòa nhờ yoga, thấy Chân Ngã ngự trong mọi loài, và mọi loài trong Chân Ngã; khắp nơi y thấy chỉ là Một.

'He who seeth Me everywhere, and seeth everything in Me, of him will I never lose hold, and he shall never lose hold of Me.

"Người nào thấy Ta trong mọi nơi, và thấy mọi vật trong Ta, Ta không bao giờ lìa bỏ y, và y cũng không bao giờ lìa bỏ Ta.

'He, who established in unity, worshippeth Me, abiding in all beings, that Yogi liveth in Me, whatever his mode of living.

"Người đã được thiết lập trong hợp nhất, tôn thờ Ta đang ngự trong mọi loài – vị Yogi ấy sống trong Ta, bất kể nếp sống của y thế nào.

'He, who through the likeness of the Self, O Arjuna, seeth equality in everything, whether pleasant or painful, he is considered a perfect Yogi' (Discourse 6, *Slokas* 28 and 32 inclusive, and *Sloka* 47).

"Người nào, qua sự đồng nhất của Chân Ngã, hỡi Arjuna, thấy sự bình đẳng trong mọi sự – dù là vui hay khổ – người ấy được xem là một Yogi hoàn hảo."

For this illumination, this fulfilment, the soul of the awakened neophyte is ever athirst. When once that thirst is experienced it gives him no rest. Life after life, a resistless interior impelling power drives him on. A vision of immortal beauty and perfection attracts and calls him; whilst throughout this great quest, the 'light that never was on land or sea' shines about him and illumines his pathway to that eternal bliss and peace which he knows awaits him at the end.—'World Theosophy'.

Vì sự soi sáng này, sự hoàn thành này, linh hồn của người sơ cơ thức tỉnh luôn khao khát. Một khi cơn khát đó được trải nghiệm, nó sẽ không cho y nghỉ ngơi. Kiếp này qua kiếp khác, một sức mạnh thúc đẩy bên trong không thể cưỡng lại thúc đẩy y tiến lên. Một tầm nhìn về vẻ đẹp và sự hoàn hảo bất tử thu hút và kêu gọi y; trong khi suốt cuộc tìm kiếm vĩ đại này, 'ánh sáng chưa từng có trên đất liền hay biển cả' tỏa sáng xung quanh y và soi sáng con đường của y đến hạnh phúc và bình an vĩnh cửu mà y biết đang chờ đợi y ở cuối con đường.—'Thế Giới Thông Thiên Học'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 33, No. 3, 1972, p. 63

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập 33, Số 3, 1972, tr. 63

105

The Rod of Hermes—Thần Trượng Hermes

Caduceus—Symbol of the Serpent Fire

Once upon a time, long, long ago as the ancient legend tells, the god Hermes came upon two serpents engaged in mortal combat. Placing his magic, winged wand—a gift from his brother Apollo in return for a seven stringed lyre—between the two antagonists, he so charmed them that they returned to harmony, equally intertwining both the rod and each other. And this, it is said, was the origin of the famous hermetic staff, the Caduceus, symbol today of medical science and the healing art. Possessed of his famous rod, Hermes became free of the universe from highest heaven to deepest Hades and, therefore, one may assume from the Law of Correspondences, from the Monad[48] to the physical body of man. Herein, I suggest, lies the secret of much of the power-bestowing knowledge concealed within and revealed by the myth of Hermes; for the Caduceus displays symbolically but with exactitude the interactive threefold power by means of which man may develop supernormal faculties and win freedom from the confining effects of incarnation in a human body.

The Caduceus itself is found to be a portrayal of the three pathways followed by the triple creative force in man which, when occultly aroused and forced to flow upwards along the spine from sacrum to cranium, bestows extrasensory perception. This sublimation achieved, man ceases to be a prisoner in the flesh.

Allegorically, he is freed from Hades as was Persephone by Hermes, staff in hand. The Caduceus, may I repeat, is thus no solid wand, but a symbol of the interharmonized and interactive creative powers in nature and in man.

Caduceus—Biểu Tượng của Lửa Rắn

Ngày xửa ngày xưa, rất lâu rồi như truyền thuyết cổ xưa kể lại, thần Hermes bắt gặp hai con rắn đang giao chiến sinh tử. Đặt cây đũa phép có cánh của mình—một món quà từ người anh trai Apollo để đổi lấy cây đàn lyre bảy dây—giữa hai kẻ thù, ông đã mê hoặc chúng đến mức chúng trở lại hòa hợp, quấn quanh cả cây gậy và lẫn nhau. Và người ta nói rằng, đây là nguồn gốc của cây gậy hermetic nổi tiếng, Caduceus, biểu tượng ngày nay của khoa học y tế và nghệ thuật chữa bệnh. Sở hữu cây gậy nổi tiếng của mình, Hermes được tự do trong vũ trụ từ thiên đàng cao nhất đến Hades sâu nhất và do đó, người ta có thể giả định từ Định luật Tương ứng, từ Chân thần đến thể xác của con người. Ở đây, tôi gợi ý, nằm bí mật của phần lớn kiến thức ban tặng sức mạnh được che giấu bên trong và được tiết lộ bởi huyền thoại về Hermes; vì Caduceus thể hiện một cách tượng trưng nhưng chính xác sức mạnh tam phân tương tác nhờ đó con người có thể phát triển các năng lực siêu nhiên và giành được tự do khỏi những ảnh hưởng hạn chế của việc nhập thể trong một cơ thể con người.

Bản thân Caduceus được phát hiện là một bức chân dung của ba con đường được theo sau bởi lực lượng sáng tạo tam phân trong con người, khi được đánh thức một cách huyền bí và buộc phải chảy lên dọc theo cột sống từ xương cùng đến hộp sọ, ban cho nhận thức ngoại cảm. Sự thăng hoa này đạt được, con người không còn là tù nhân trong xác thịt nữa.

Theo nghĩa bóng, y được giải thoát khỏi Hades như Persephone bởi Hermes, tay cầm gậy. Caduceus, tôi xin nhắc lại, do đó không phải là một cây đũa phép rắn chắc, mà là biểu tượng của các sức mạnh sáng tạo tương tác và hài hòa trong tự nhiên và trong con người.

[48] The divine Spirit in man.

Ancient Hindu sages gave to this form of the manifestation of the triple, divine energy the name of *Kundalini,* meaning 'the coiled up, universal Life Principle'. They described it as a sevenfold, superphysical, occult power functioning in developed man by means of a spiral or coiling action, within and round the spinal cord but also throughout the nervous systems. When supernormally aroused as by yogic practices, this fiery force ascends into and through the brain by a serpentine path, hence its other name, 'The Serpent Fire'. The ability is then attained to leave the body at will and to exercise other supernormal powers.

Các nhà hiền triết Ấn Độ cổ đại đã đặt tên cho dạng biểu hiện này của năng lượng thiêng liêng tam phân là *Kundalini,* có nghĩa là 'Nguyên lý Sự sống phổ quát, cuộn tròn'. Họ mô tả nó như một sức mạnh huyền bí siêu hình thất phân hoạt động trong con người phát triển bằng một hành động xoắn ốc hoặc cuộn tròn, bên trong và xung quanh tủy sống nhưng cũng khắp các hệ thần kinh. Khi được đánh thức một cách siêu nhiên như bằng các bài tập yoga, lực lượng bốc lửa này đi lên và xuyên qua não bộ bằng một con đường ngoằn ngoèo, do đó có tên gọi khác là 'Lửa Rắn'. Sau đó, khả năng rời khỏi cơ thể theo ý muốn và thực hiện các sức mạnh siêu nhiên khác sẽ đạt được.

Much more may, I think, be learned by a study of the old Greek legend. Hermes is known, for example, as herald and messenger of Zeus in whose service he traverses without obstruction the regions of the air, the earth and the subterranean kingdom ruled by the god Pluto. He thus personifies the matured Initiate, the fully endowed Adept. The winged cap, also possessed by Hermes, may be interpreted as a symbol of both his complete freedom from terrestrial limitations and his realized oneness with the all-pervading, all-directive Universal Intelligence, the deific Principle at the heart of Cosmos, of planetary life and of man. The winged sandals both support this interpretation and add the element of swiftness of foot in the service of the Godhead. In this also Hermes represents perfected man, self-freed from all limitations of time and space, actively engaged in assisting evolutionary procedures and even at times hastening their completion. The nudity of Hermes may perhaps be interpreted as indicating total self-deliverance from all that could confine, whether spiritually, mentally or physically, of complete and unimpeded oneness with the divine and the faithful

Tôi nghĩ, có thể học được nhiều hơn nữa bằng cách nghiên cứu truyền thuyết Hy Lạp cổ đại. Ví dụ, Hermes được biết đến như là sứ giả của Zeus, người mà Ngài phục vụ khi đi qua không bị cản trở các vùng trời, đất và vương quốc dưới lòng đất do thần Pluto cai trị. Do đó, ông nhân cách hóa Điểm đạo đồ trưởng thành, Chân sư được ban tặng đầy đủ. Chiếc mũ có cánh, cũng do Hermes sở hữu, có thể được hiểu là biểu tượng của cả sự tự do hoàn toàn của ông khỏi những hạn chế trần tục và sự hợp nhất đã được nhận ra của ông với Trí tuệ Vũ trụ bao trùm, chỉ đạo tất cả, Nguyên lý thần thánh ở trung tâm của Vũ trụ, của sự sống hành tinh và của con người. Đôi dép có cánh vừa hỗ trợ cách giải thích này vừa bổ sung yếu tố nhanh nhẹn của bàn chân khi phụng sự Thượng đế. Trong điều này, Hermes cũng đại diện cho con người hoàn thiện, tự giải thoát khỏi mọi hạn chế về thời gian và không gian, tích cực tham gia vào việc hỗ trợ các quy trình tiến hóa và thậm chí đôi khi thúc đẩy chúng hoàn thành. Sự khỏa thân của Hermes có lẽ có thể được hiểu là biểu thị sự tự giải thoát hoàn toàn khỏi tất cả những gì có thể giam cầm, dù là về mặt tinh thần, trí tuệ hay thể chất, của sự hợp nhất hoàn toàn và không bị cản trở với thần thánh

exposure of the whole self to truth. The god is thus seen not only as messenger of the Supreme Deity, but also as Hierophant of the Mysteries and prototype of those illumined Teachers who, age by age, visit mankind.

và sự phơi bày trung thành của toàn bộ bản thân với chân lý. Do đó, vị thần được coi không chỉ là sứ giả của Vị Thần Tối Cao, mà còn là Giáo chủ của các Bí ẩn và nguyên mẫu của những Huấn sư được soi sáng, theo từng thời đại, đến thăm nhân loại.

Hermes may thus be regarded as a model for all who aspire to Hermes-like stature and his supernormal powers. Very appropriately, did the mythographers of old, desiring thus to inspire and inform mankind, make of Hermes a favourite of gods and men despite his various pecadilloes[49] for he stole the cattle of his brother, Apollo, the girdle of Aphrodite, the arrows of Artemis, and the spear of Ares. He was always forgiven, however, being loved by all the gods and goddesses of the Greek Pantheon.

Do đó, Hermes có thể được coi là hình mẫu cho tất cả những ai khao khát vươn tới tầm vóc giống Hermes và sức mạnh siêu nhiên của Ngài. Rất thích hợp, các nhà thần thoại học thời xưa, mong muốn truyền cảm hứng và thông tin cho nhân loại, đã biến Hermes thành người được yêu thích của các vị thần và con người bất chấp những tội lỗi khác nhau của Ngài vì Ngài đã đánh cắp gia súc của anh trai mình, Apollo, đai lưng của Aphrodite, những mũi tên của Artemis, và ngọn giáo của Ares. Tuy nhiên, Ngài luôn được tha thứ, được tất cả các vị thần và nữ thần của Pantheon Hy Lạp yêu mến.

Modern Man Seeks Ageless Truths

Con Người Hiện Đại Tìm Kiếm Chân Lý Vĩnh Cửu

Extended vision, the organs in the brain through which it functions and the subtle forces by which it is supposedly called into operation are becoming of increasing interest to modern man. Books and also articles in the daily press, the more serious types of magazines, scientific journals, and the latest developments in medicine and psychology indicate that a change may at this time begin to be occurring in the attitude towards supernormal faculties. Clairvoyance, clairaudience, awareness of events happening at a distance, premonitions of things to come which prove to be true, intuitive warnings against life-endangering courses of conduct—not to take a particular train, boat or aeroplane, for example—flashes of direct mental perception which solve mechanical, inventive, chemical, and other scientific

Tầm nhìn mở rộng, các cơ quan trong não mà qua đó nó hoạt động và các lực lượng tinh tế mà nó được cho là được gọi vào hoạt động đang ngày càng được con người hiện đại quan tâm. Sách và cả các bài báo trên báo chí hàng ngày, các loại tạp chí nghiêm túc hơn, tạp chí khoa học và những phát triển mới nhất trong y học và tâm lý học cho thấy rằng vào thời điểm này, một sự thay đổi có thể bắt đầu xảy ra trong thái độ đối với các năng lực siêu nhiên. Thông nhãn, thông nhĩ, nhận thức về các sự kiện xảy ra ở xa, linh cảm về những điều sắp xảy ra mà hóa ra là đúng, những cảnh báo trực giác chống lại các hành vi nguy hiểm đến tính mạng—ví dụ như không đi một chuyến tàu, thuyền hoặc máy bay cụ thể nào đó—những tia sáng của nhận thức tinh thần trực tiếp giải quyết các vấn đề cơ học, sáng tạo, hóa học và các vấn đề khoa học khác—được báo cáo là

[49] Each doubtless with its group of recondite meanings.

mental perception which solve mechanical, inventive, chemical, and other scientific problems—these are reported to be experienced by certain people nowadays. Children who are proving to be hypersensitive in some of these ways present problems to parents and teachers. A study of these phenomena and the application to them of theosophical teachings are thus not only of interest but are in harmony with the Third Object of The Theosophical Society and may be of much practical value.

quyết các vấn đề cơ học, sáng tạo, hóa học và các vấn đề khoa học khác—được báo cáo là được một số người trải nghiệm ngày nay. Trẻ em đang chứng tỏ là quá nhạy cảm theo một số cách này gây ra vấn đề cho cha mẹ và giáo viên. Do đó, việc nghiên cứu những hiện tượng này và áp dụng các giáo lý thông thiên học cho chúng không chỉ thú vị mà còn phù hợp với Mục tiêu Thứ ba của Hội Thông Thiên Học và có thể có nhiều giá trị thực tiễn.

These supernormal experiences are partly explained by theosophical teachings concerning evolution and the resultant changes which continue to occur in the human brain and nervous system. One of the five senses is said to be developed by each of the successive main or Root Races of men, five having already appeared so that man now possesses five senses. A sixth Race is at this time being born, and in consequence a sixth sense (ESP) now seems to be more generally evident than in former times.

Những trải nghiệm siêu nhiên này được giải thích một phần bằng các giáo lý thông thiên học liên quan đến tiến hóa và những thay đổi do đó tiếp tục xảy ra trong não và hệ thần kinh của con người. Người ta nói rằng một trong năm giác quan được phát triển bởi mỗi Giống dân gốc hoặc Giống dân chính kế tiếp của loài người, năm giác quan đã xuất hiện để con người bây giờ sở hữu năm giác quan. Một Giống dân thứ sáu đang được sinh ra vào thời điểm này, và kết quả là giác quan thứ sáu (ESP) giờ đây dường như rõ ràng hơn nói chung so với trước đây.

Some (not all) men of science of today would appear to be thinking along these lines; for the supernormal faculties of man have for some time been undergoing careful investigation. The modern phase of experimental work into telepathy and other faculties may be regarded as starting with the work of H.J.F.W. Brugmans at Groningen (1920), Miss Jephson (1924) in England, and J.B. Rhine at Duke University, North Carolina (1930 onward). Dr Rhine, Professor of Psychology at Duke, whose contribution to the subject has been very considerable, published in 1934 a book entitled *Extra-Sensory Perception,* which described experiments in telepathy and telaesthesia and aroused considerable controversy.

Một số (không phải tất cả) các nhà khoa học ngày nay dường như đang suy nghĩ theo những hướng này; vì các năng lực siêu nhiên của con người đã được điều tra cẩn thận trong một thời gian. Giai đoạn hiện đại của công việc thực nghiệm về viễn cảm và các năng lực khác có thể được coi là bắt đầu với công việc của H.J.F.W. Brugmans tại Groningen (1920), Miss Jephson (1924) ở Anh và J.B. Rhine tại Đại học Duke, Bắc Carolina (từ năm 1930 trở đi). Tiến sĩ Rhine, Giáo sư Tâm lý học tại Duke, người có đóng góp rất đáng kể cho chủ đề này, đã xuất bản vào năm 1934 một cuốn sách có tựa đề *Nhận thức Ngoại cảm,* mô tả các thí nghiệm về viễn cảm và khả năng cảm nhận từ xa và gây ra nhiều tranh cãi.

G.N.M. Tyrrell, in England (1934-6) developed an electrical apparatus in which the percipient had to cognize in which of five closed boxes the agent had caused a lamp to be lit. An ingenious 'scrambling' device insured that the agent himself did not know which lamp he had lit by turning his selector switch, so that any signalling code, conscious or unconscious, would have been stultified. The conditions were virtually those of telaesthesia rather than telepathy, since no mind was aware which lamp was lit until after the choice had been made. Highly significant results were reported with one subject who was tested. At the same time Dr S.G. Soal, Lecturer in Mathematics at the University of London, began to carry out an extensive repetition of Rhine's experiments with Zener cards, and during the next five years he gave individual tests to 160 persons and recorded 128,350 guesses. The results appeared to be in close accordance with chance expectation, and they were put aside.

G.N.M. Tyrrell, ở Anh (1934-6) đã phát triển một thiết bị điện trong đó người nhận thức phải nhận thức được trong năm hộp kín nào mà tác nhân đã bật đèn. Một thiết bị 'xáo trộn' khéo léo đảm bảo rằng bản thân tác nhân không biết mình đã bật đèn nào bằng cách xoay công tắc bộ chọn của mình, do đó bất kỳ mã tín hiệu nào, dù có ý thức hay vô thức, đều bị vô hiệu hóa. Các điều kiện hầu như là của khả năng cảm nhận từ xa hơn là viễn cảm, vì không có tâm trí nào nhận thức được đèn nào được bật cho đến sau khi lựa chọn được thực hiện. Kết quả rất có ý nghĩa đã được báo cáo với một đối tượng được kiểm tra. Đồng thời, Tiến sĩ S.G. Soal, Giảng viên Toán học tại Đại học London, bắt đầu thực hiện một cuộc lặp lại rộng rãi các thí nghiệm của Rhine với thẻ Zener và trong năm năm tiếp theo, ông đã đưa ra các bài kiểm tra riêng lẻ cho 160 người và ghi lại 128.350 lần đoán. Kết quả dường như phù hợp với kỳ vọng ngẫu nhiên và chúng đã bị gạt sang một bên.

A Strange Phenomenon

Một Hiện Tượng Kỳ Lạ

However, in the autumn of 1939 Whately Carington, as a result of observations he had made while doing some telepathy experiments with drawings, persuaded Soal to re-examine his records in order to ascertain whether any of the percipients had scored hits, not on the cards focussed by the agent but on the immediately preceding or following cards. The search revealed that two persons had shown highly significant scores on the preceding (precognitive) and following (postcognitive) cards, while their score on the actual target card was insignificant, suggesting a kind of displacement effect. This, of course, had to be confirmed, and these two percipients were retested. The first of them, Basil Shackleton, a well-known London photographer, was tested by Soal and Goldney

Tuy nhiên, vào mùa thu năm 1939, Whately Carington, do kết quả của những quan sát mà ông đã thực hiện khi thực hiện một số thí nghiệm viễn cảm với các bản vẽ, đã thuyết phục Soal xem xét lại hồ sơ của mình để xác định xem liệu có người nhận thức nào đạt được điểm trúng, không phải trên các thẻ được tác nhân tập trung mà là trên các thẻ ngay trước hoặc sau đó. Cuộc tìm kiếm tiết lộ rằng hai người đã cho thấy điểm số rất có ý nghĩa trên các thẻ trước (tiên tri) và sau (hậu tri), trong khi điểm số của họ trên thẻ mục tiêu thực tế là không đáng kể, cho thấy một loại hiệu ứng dịch chuyển. Tất nhiên, điều này phải được xác nhận và hai người nhận thức này đã được kiểm tra lại. Người đầu tiên trong số họ, Basil Shackleton, một nhiếp ảnh gia nổi tiếng ở London, đã được Soal và Goldney kiểm

over a period of two and a half years, and this displacement effect was confirmed. The most elaborate precautions were taken to guard against fraud and sensory leakage, such as unconscious whispering. In addition, a further curious discovery was made. If the rate of calling was speeded up from one every three seconds to one every one and a half seconds, Shackleton scored insignificantly on the target card and on the card one ahead, but began to score significantly on the card two ahead. Soal's and Goldney's original paper, which describes in detail the plethora of precautionary measures taken to guard against sensory leakage and fraud, should be studied by all interested in telepathy.

tra trong khoảng thời gian hai năm rưỡi và hiệu ứng dịch chuyển này đã được xác nhận. Các biện pháp phòng ngừa phức tạp nhất đã được thực hiện để đề phòng gian lận và rò rỉ giác quan, chẳng hạn như thì thầm vô thức. Ngoài ra, một khám phá kỳ lạ nữa đã được thực hiện. Nếu tốc độ gọi được tăng tốc từ ba giây một lần lên một giây rưỡi một lần, Shackleton đạt điểm không đáng kể trên thẻ mục tiêu và trên thẻ trước một thẻ, nhưng bắt đầu đạt điểm đáng kể trên thẻ trước hai thẻ. Bài báo gốc của Soal và Goldney, mô tả chi tiết rất nhiều biện pháp phòng ngừa được thực hiện để đề phòng rò rỉ giác quan và gian lận, nên được tất cả những người quan tâm đến viễn cảm nghiên cứu.

A Call to Mankind

Lời Kêu Gọi Loài Người

In a statement on the purpose and the philosophy of UNESCO, Professor Julian Huxley, then its Director-General, wrote:

Trong một tuyên bố về mục đích và triết lý của UNESCO, Giáo sư Julian Huxley, khi đó là Tổng giám đốc của tổ chức này, đã viết:

'In general, education should pay special attention to seeing that borderline fields, especially those neglected by orthodox or organized science, are properly explored. As one example, we may take what is now generally called parapsychology—the study of unusual and at the moment scientifically inexplicable properties of the mind, such as extra-sensory perception of various kinds. The painstaking researches of one or two recent workers in this unpopular field seem to have established the reality of some degree not only of extra-sensory knowledge, but also of precognition. It is urgent that these phenomena should be thoroughly investigated, so that a new and more comprehensive scientific frame-work of knowledge can be erected.

'Nhìn chung, giáo dục nên đặc biệt chú ý đến việc xem xét các lĩnh vực ranh giới, đặc biệt là những lĩnh vực bị khoa học chính thống hoặc có tổ chức bỏ bê, được khám phá đúng cách. Ví dụ, chúng ta có thể lấy thứ mà bây giờ thường được gọi là cận tâm lý học—nghiên cứu về những đặc tính bất thường và tại thời điểm này không thể giải thích được về mặt khoa học của tâm trí, chẳng hạn như nhận thức ngoại cảm thuộc nhiều loại khác nhau. Nghiên cứu tỉ mỉ của một hoặc hai nhà nghiên cứu gần đây trong lĩnh vực không phổ biến này dường như đã thiết lập được thực tế ở một mức độ nào đó không chỉ về kiến thức ngoại cảm mà còn cả về khả năng tiên tri. Điều cấp bách là những hiện tượng này cần được điều tra kỹ lưỡng, để có thể xây dựng một khuôn khổ kiến thức khoa học mới và toàn diện hơn.

Or take a somewhat different example, that of the astonishing control which, by virtue of

Hoặc lấy một ví dụ hơi khác, đó là sự kiểm soát đáng kinh ngạc mà nhờ các kỹ thuật và bài tập

elaborate techniques and exercises, Hindu yogis and other mystics are able to exert both over their bodily functions and their mental states. The general facts are undoubted, but neither the physiological and psychological mechanisms involved, nor the general scientific implications, are understood.

It would seem desirable to have careful studies made of the phenomena by trained physiologists and psychologists, including some who would be willing to undergo the training themselves. Not everyone would be suitable for this long ordeal; but the results ought to be of the greatest importance, not only in enlarging our scientific knowledge but in making the attainment of the spiritual satisfaction of so-called mystical experience more widely available to men and women of all countries'.

Intuitive Perception—The New Faculty

The mystical experience to which Professor Huxley refers is less objective in terms of extrasensory perception and far more subjective than are clairvoyance and clairaudience. Intuition is defined as the immediate and complete cognition or tacit understanding of any object or truth; perception without reasoning; the connecting link between ancient and modern philosophical knowledge. Other forms of intuition will become manifest as evolution proceeds. These will consist of extensions of such fairly common experiences as the spontaneous arising in one's mind without reasoning of illuminating ideas in general and the discovery of the solution of particular problems with which one has been preoccupied. Though intuition has hitherto been regarded as not to be acquired by training, this view seems likely to undergo a change; for means are already being devised in

phức tạp, các yogi Ấn Độ giáo và các nhà thần bí khác có thể thực hiện được đối với cả các chức năng cơ thể và trạng thái tinh thần của họ. Các sự kiện chung là không thể nghi ngờ, nhưng cả các cơ chế sinh lý và tâm lý liên quan, cũng như các hàm ý khoa học chung, đều không được hiểu rõ.

Dường như mong muốn có những nghiên cứu cẩn thận về các hiện tượng này được thực hiện bởi các nhà sinh lý học và tâm lý học được đào tạo, bao gồm cả những người sẵn sàng tự mình trải qua quá trình đào tạo. Không phải ai cũng phù hợp với thử thách lâu dài này; nhưng kết quả phải có tầm quan trọng lớn nhất, không chỉ trong việc mở rộng kiến thức khoa học của chúng ta mà còn trong việc làm cho việc đạt được sự hài lòng về tinh thần của cái gọi là trải nghiệm thần bí trở nên dễ dàng hơn đối với nam giới và phụ nữ ở tất cả các quốc gia'.

Nhận Thức Trực Giác—Năng Lực Mới

Trải nghiệm thần bí mà Giáo sư Huxley đề cập ít khách quan hơn về mặt nhận thức ngoại cảm và chủ quan hơn nhiều so với thông nhãn và thông nhĩ. Trực giác được định nghĩa là nhận thức ngay lập tức và hoàn chỉnh hoặc hiểu biết ngầm về bất kỳ đối tượng hoặc sự thật nào; nhận thức mà không cần lý luận; mối liên kết giữa tri thức triết học cổ đại và hiện đại. Các hình thức trực giác khác sẽ biểu hiện khi quá trình tiến hóa diễn ra. Những điều này sẽ bao gồm việc mở rộng những trải nghiệm khá phổ biến như sự xuất hiện tự phát trong tâm trí của một người mà không cần lý luận về những ý tưởng soi sáng nói chung và việc khám phá ra giải pháp cho những vấn đề cụ thể mà người ta đã bận tâm. Mặc dù cho đến nay, trực giác được coi là không thể đạt được bằng cách đào tạo, nhưng quan điểm này dường như có khả năng trải qua một sự thay đổi; vì các phương tiện đã được nghĩ ra trong các trường học ở Mỹ—và chắc chắn là ở những

American schools—and doubtless elsewhere—to bring about a development of the faculty, some scholars proving to be thus naturally endowed.

nơi khác—để mang lại sự phát triển của năng lực này, một số học giả chứng tỏ được trời phú như vậy.

A theosophical view is that intuitions arise in the sixth principle or Christ-Nature in man, the seat of his spiritual wisdom and his consciousness of oneness with the inherent, intrinsic life in all beings and all forms. This vehicle appears at this time to be undergoing a development which is likely to render it increasingly effective as an instrument of cognition and research. The slow processes of physical observation and classification, mental analysis, deduction and induction will then become less and less necessary for the attainment of knowledge; for those in whom intuition is sufficiently developed will be endowed with an instantaneous implicit insight into every first truth. In later Races, these clairvoyant and intuitive faculties will be as consciously used and as fully controlled as are now the five senses and the mind.

Một quan điểm thông thiên học là trực giác phát sinh trong nguyên lý thứ sáu hoặc Bản chất Christ trong con người, nơi chứa đựng trí tuệ tinh thần của y và ý thức hợp nhất của y với sự sống cố hữu, nội tại trong tất cả chúng sinh và vạn vật. Hiện thể này vào thời điểm này dường như đang trải qua một sự phát triển có khả năng làm cho nó ngày càng hiệu quả như một công cụ nhận thức và nghiên cứu. Các quá trình chậm chạp của quan sát và phân loại vật lý, phân tích tinh thần, suy diễn và quy nạp sau đó sẽ ngày càng trở nên ít cần thiết hơn cho việc đạt được kiến thức; vì những người có trực giác phát triển đầy đủ sẽ được ban tặng một cái nhìn sâu sắc tiềm ẩn tức thời vào mọi sự thật đầu tiên. Ở các Giống dân sau này, các năng lực thông nhãn và trực giác này sẽ được sử dụng một cách có ý thức và được kiểm soát hoàn toàn như bây giờ là năm giác quan và thể trí.

The New Power—The Serpent Fire

Sức Mạnh Mới—Lửa Rắn

The hitherto relatively latent force in the physical body of man intimately associated with this development, would seem also to be awakening into activity at this time. This, as we have seen is referred to in Hindu literature by the Sanskrit name of *Kundalini,* the power that moves in a serpentine path, also known as 'The Serpent Fire'. H. P.Blavatsky writes concerning *Kundalini* that, 'it is the ultimate hidden power in this Universe, the power which charges a Universe with Life, with Spirit; it is described as the Will and Mind of the One, the very Self of God. In man, it is sheathed with care, but man will learn to set it free, for it is the God in him, without which he would cease to be'.

Lực lượng cho đến nay tương đối tiềm ẩn trong thể xác của con người liên quan mật thiết đến sự phát triển này, dường như cũng đang thức tỉnh hoạt động vào thời điểm này. Điều này, như chúng ta đã thấy, được đề cập trong văn học Ấn Độ giáo bằng tên tiếng Phạn là *Kundalini,* sức mạnh di chuyển theo đường ngoằn ngoèo, còn được gọi là 'Lửa Rắn'. H. P. Blavatsky viết về *Kundalini* rằng, 'đó là sức mạnh tiềm ẩn cuối cùng trong Vũ trụ này, sức mạnh nạp Sự sống, Tinh thần cho một Vũ trụ; nó được mô tả là Ý chí và Tâm trí của Đấng Duy Nhất, chính Bản ngã của Thượng đế. Trong con người, nó được bao bọc cẩn thận, nhưng con người sẽ học cách giải phóng nó, vì đó là Thượng đế trong y, nếu không có nó, y sẽ

The evolution of man is thus intimately associated with the awakening and action within him of this occult power; for as the Sixth and Seventh Races of men appear on earth, *Kundalini* will naturally and gradually awaken, vitalize and render hypersensitive appropriate cranial organs, chiefly the pituitary and pineal glands, but also the whole of the brain. The sixth and seventh senses, clairvoyance and clairaudience, will then be added to the present five. Some of the resultant faculties will be: positive clairvoyance in time, distance, magnitude; geometric or 'all-sides' vision overriding perspective; clairaudience and superphysical travel. To these will be added the power to perceive intuitively and then to pass through 'the gateway of stillness' into oneness with the hidden life within all of nature's forms and to comprehend its mysterious activities. This will bring serenity, happiness, and supreme bliss. The union of time and space will be experienced as implicit and all will be known as here and now in the 'ever-present moment'. Man's basic delusion of himself as other than the universe will be dispelled since each human being will be known as embracing the cosmos in its totality. The all-important motive for living will then be 'for others' or 'for everyone'. The universe will come to be experienced as absolute, undifferentiated Reality, an interdependent whole.

A Warning and Some Guidance Concerning Motives

All students are here seriously warned against attempts to arouse the Serpent Fire in the absence of a spiritual Teacher. They are, however, reminded of the occult maxim, 'When the pupil is ready, the Teacher appears '. Other conditions under which such occult develop-

không còn tồn tại'.

Do đó, sự tiến hóa của con người gắn liền với sự thức tỉnh và hành động bên trong y của sức mạnh huyền bí này; vì khi Giống dân thứ Sáu và thứ Bảy của loài người xuất hiện trên trái đất, *Kundalini* sẽ tự nhiên và dần dần thức tỉnh, tiếp sinh lực và làm cho các cơ quan sọ não thích hợp trở nên quá mẫn cảm, chủ yếu là tuyến yên và tuyến tùng, mà còn cả toàn bộ não. Giác quan thứ sáu và thứ bảy, thông nhãn và thông nhĩ, sau đó sẽ được thêm vào năm giác quan hiện tại. Một số năng lực do đó sẽ là: thông nhãn tích cực về thời gian, khoảng cách, độ lớn; tầm nhìn hình học hoặc 'mọi phía' vượt qua phối cảnh; thông nhĩ và du hành siêu hình. Thêm vào đó sẽ là khả năng nhận thức một cách trực giác và sau đó đi qua 'cánh cổng của sự tĩnh lặng' để hợp nhất với sự sống tiềm ẩn bên trong tất cả các hình thái của tự nhiên và để hiểu được các hoạt động bí ẩn của nó. Điều này sẽ mang lại sự thanh thản, hạnh phúc và hạnh phúc tột cùng. Sự hợp nhất của thời gian và không gian sẽ được trải nghiệm như một điều tiềm ẩn và tất cả sẽ được biết như ở đây và bây giờ trong 'khoảnh khắc hiện tại mãi mãi'. Ảo tưởng cơ bản của con người về bản thân mình khác với vũ trụ sẽ bị xua tan vì mỗi con người sẽ được biết đến như là bao trùm toàn bộ vũ trụ. Động cơ quan trọng nhất để sống sau đó sẽ là 'vì người khác' hoặc 'vì mọi người'. Vũ trụ sẽ được trải nghiệm như Thực tại tuyệt đối, không phân biệt, một tổng thể phụ thuộc lẫn nhau.

Lời Cảnh Báo và Một Số Hướng Dẫn Liên Quan Đến Động Cơ

Tất cả các đạo sinh ở đây đều được cảnh báo nghiêm túc không được cố gắng đánh thức Lửa Rắn khi không có Huấn sư tinh thần. Tuy nhiên, họ được nhắc nhở về câu châm ngôn huyền bí, 'Khi học trò sẵn sàng, Thầy sẽ xuất hiện'. Các điều kiện khác mà theo đó sự phát triển huyền

ment may be safely undertaken are: a selfless motive—to know more in order to serve more effectively; signs of a natural gift; guidance from a Teacher; a strong and healthy body; controlled emotions; a stable mind and physical circumstances, especially obligations, which both permit and point the way. Without these safeguards, such dangers could be encountered as self-deceit, pride, and the lust for place and power—perhaps the gravest danger—accentuated sensuality, grave indiscretion, nervous breakdown and distraction from the true highest goal in the spiritual life, which is direct experience of the oneness of the life in all beings and all things.

bí như vậy có thể được thực hiện một cách an toàn là: một động cơ vị tha—biết nhiều hơn để phụng sự hiệu quả hơn; dấu hiệu của một năng khiếu tự nhiên; sự hướng dẫn từ một Huấn sư; một cơ thể khỏe mạnh và cường tráng; cảm xúc được kiểm soát; một tâm trí ổn định và hoàn cảnh thể chất, đặc biệt là các nghĩa vụ, cho phép và chỉ đường. Nếu không có những biện pháp bảo vệ này, những nguy hiểm như vậy có thể gặp phải như tự lừa dối, kiêu ngạo và ham muốn địa vị và quyền lực—có lẽ là nguy hiểm nghiêm trọng nhất—tính dục bị nhấn mạnh, thiếu thận trọng nghiêm trọng, suy nhược thần kinh và xao nhãng khỏi mục tiêu cao nhất thực sự trong đời sống tinh thần, đó là trải nghiệm trực tiếp về sự hợp nhất của sự sống trong tất cả chúng sinh và vạn vật.

These dangers avoided, the development of supersensory powers may be safely brought about by regular meditation, the refinement of the body, particularly by a vegetarian diet and the abstention from alcohol and narcotics. All occult experiences and discoveries should, however, be severely tested against the demands of logic and established fact and according to the scientific method of rechecked observations and experiments objectively recorded with absolute honesty and without fear or favour.

Tránh được những nguy hiểm này, sự phát triển của các sức mạnh siêu cảm có thể được thực hiện một cách an toàn bằng cách thiền định thường xuyên, tinh luyện cơ thể, đặc biệt là bằng chế độ ăn chay và kiêng rượu và ma túy. Tuy nhiên, tất cả các trải nghiệm và khám phá huyền bí nên được kiểm tra nghiêm ngặt dựa trên các yêu cầu của logic và sự thật đã được thiết lập và theo phương pháp khoa học về các quan sát và thí nghiệm được kiểm tra lại, được ghi lại một cách khách quan với sự trung thực tuyệt đối và không sợ hãi hay thiên vị.

The True Vision

Tầm Nhìn Thực Sự

The attainment of supersensory powers alone should on no account be made an end in itself, for seership is but incidental to spirituality. The highest vision is of unity, the highest motive is to serve, and the greatest power attainable by man is effectively to uplift, illumine, teach, heal, and serve one's fellow men. Nevertheless, the way of direct knowledge does exist. *Kundalini* can be awakened and can bestow supernormal

Việc đạt được các sức mạnh siêu cảm không nên được coi là mục đích tự thân, vì khả năng nhìn thấy chỉ là ngẫu nhiên đối với tinh thần. Tầm nhìn cao nhất là sự hợp nhất, động cơ cao nhất là phụng sự và sức mạnh lớn nhất mà con người có thể đạt được là nâng cao, soi sáng, dạy dỗ, chữa lành và phụng sự đồng loại của mình một cách hiệu quả. Tuy nhiên, con đường tri thức trực tiếp vẫn tồn tại. *Kundalini* có thể được đánh thức và có thể ban cho con người

powers upon man which can then valuably be used in search of direct experience. There *is* a way of escape from the net of the transient into the freedom of life eternal. There *is* a life in which the fluctuations of terrestrial affairs are of less importance than a passing breeze. There *is* a light by which all things may be perceived according to true values and in perfect perspective, bestowing an unshakeable peace and happiness which no adversity can destroy.

những sức mạnh siêu nhiên mà sau đó có thể được sử dụng một cách có giá trị để tìm kiếm trải nghiệm trực tiếp. *Có* một lối thoát khỏi mạng lưới của sự phù du để đến với tự do của cuộc sống vĩnh cửu. *Có* một cuộc sống mà trong đó những biến động của các vấn đề trần tục ít quan trọng hơn một làn gió thoảng qua. *Có* một ánh sáng mà nhờ đó vạn vật có thể được nhận thức theo đúng giá trị và trong phối cảnh hoàn hảo, ban cho một sự bình an và hạnh phúc không lay chuyển mà không nghịch cảnh nào có thể phá hủy.

Fulfilment, self-unfoldment, enlightenment, power to uplift and to heal, and above all a magnificent purpose in life—all these await the determined man of unprejudiced mind and selfless heart who seeks the truth and aspires to serve. It is indeed true that mighty powers lie latent in man and that they continually, if gradually, awaken from latency to potency and that the evolutionary possibilities and future of man are entirely without limit, as Wordsworth, speaking very theosophically, said:

Sự hoàn thành, sự tự bộc lộ, sự giác ngộ, sức mạnh để nâng cao và chữa lành, và trên hết là một mục đích sống cao cả—tất cả những điều này đang chờ đợi con người kiên định với tâm trí không định kiến và trái tim vị tha, người tìm kiếm chân lý và khao khát phụng sự. Thật vậy, đúng là những sức mạnh to lớn tiềm ẩn trong con người và chúng liên tục, nếu dần dần, thức tỉnh từ tiềm năng đến tiềm năng và khả năng tiến hóa cũng như tương lai của con người là hoàn toàn không có giới hạn, như Wordsworth, nói rất thông thiên học, đã nói:

Our destiny, our being's heart and home

Số phận của chúng ta, trái tim và ngôi nhà của chúng ta

Is with infinitude and only there.

Là với vô hạn và chỉ ở đó.

Harold Begbie wrote: 'The advance of mankind is not towards mastery of mechanism and the elements, but towards self-mastery. The field of enquiry is consciousness, the destiny of the race is spiritual, and the only happiness possible to the sons of men is a happiness of the heart'.

Harold Begbie đã viết: 'Sự tiến bộ của nhân loại không phải là hướng tới việc làm chủ cơ chế và các yếu tố, mà là hướng tới việc tự làm chủ. Lĩnh vực điều tra là tâm thức, số phận của nhân loại là tinh thần, và hạnh phúc duy nhất có thể có đối với những người con của loài người là hạnh phúc của trái tim'.

Compassion is indeed the outstanding characteristic of the advanced human being and this idea is beautifully expressed in the following poem:

Lòng trắc ẩn thực sự là đặc điểm nổi bật của con người tiến hóa và ý tưởng này được thể hiện rất hay trong bài thơ sau:

The true citizen of the New Age,

Công dân thực sự của Kỷ nguyên Mới,

Will let compassion control even the details of his daily life.

Sẽ để lòng trắc ẩn kiểm soát ngay cả những chi tiết trong cuộc sống hàng ngày của y.

He will shrink from harming anything that breathes, because he will accept the Law of Kinship of all that lives.

Y sẽ co rúm lại vì làm hại bất cứ thứ gì thở, bởi vì y sẽ chấp nhận Định luật Tương quan của tất cả những gì sống.

Reading List

Danh Sách Đọc

The Reach of the Mind by J. B. Rhine

Tầm Với của Tâm Trí của J. B. Rhine

New Frontiers of the Mind by J.B. Rhine

Những Biên Giới Mới của Tâm Trí của J.B. Rhine

Handbook of Tests in Parapsychology by Betty M. Humphrey.

Cẩm Nang Kiểm Tra Cận Tâm lý học của Betty M. Humphrey.

*Extra-Sensory Perception after Sixty Years by J.B. Rhine, J.G. Pratt, B.M.*Smith, C.E.Stuart, and J.A. Greenwood

*Nhận Thức Ngoại Cảm sau Sáu Mươi Năm của J.B. Rhine, J.G. Pratt, B.M.*Smith, C.E.Stuart và J.A. Greenwood

Thought-Transference by Whately Caington

Truyền đạt Tư tưởng của Whately Caington

Science and Psychical Phenomena by G.N.M. Tyrrell

Khoa học và Hiện tượng Tâm linh của G.N.M. Tyrrell

Human Personality and its Survival of Bodily Death by F.W.H. Myers (Introduction by Dr E.J. Dingwall)

Nhân cách Con người và Sự sống sót của nó sau khi Chết về Thể xác của F.W.H. Myers (Lời giới thiệu của Tiến sĩ E.J. Dingwall)

Mental Radio by Upton Sinclair(Introduction by Professor William McDougall)

Radio Tinh thần của Upton Sinclair (Lời giới thiệu của Giáo sư William McDougall)

Journal of Parapsychology, Duke University Press, Durham, N.C.

Tạp chí Cận Tâm lý học, Nhà xuất bản Đại học Duke, Durham, N.C.

Proceedings of the Society for Psychical Research, London Journal of the American Society for Psychical Research, New York

Biên bản của Hội Nghiên cứu Tâm linh, London Tạp chí của Hội Nghiên cứu Tâm linh Hoa Kỳ, New York

Theosophy in Australia, Vol. 58, 5 May 1970, p. 111

Thông Thiên Học ở Úc, Tập 58, ngày 5 tháng 5 năm 1970, tr. 111

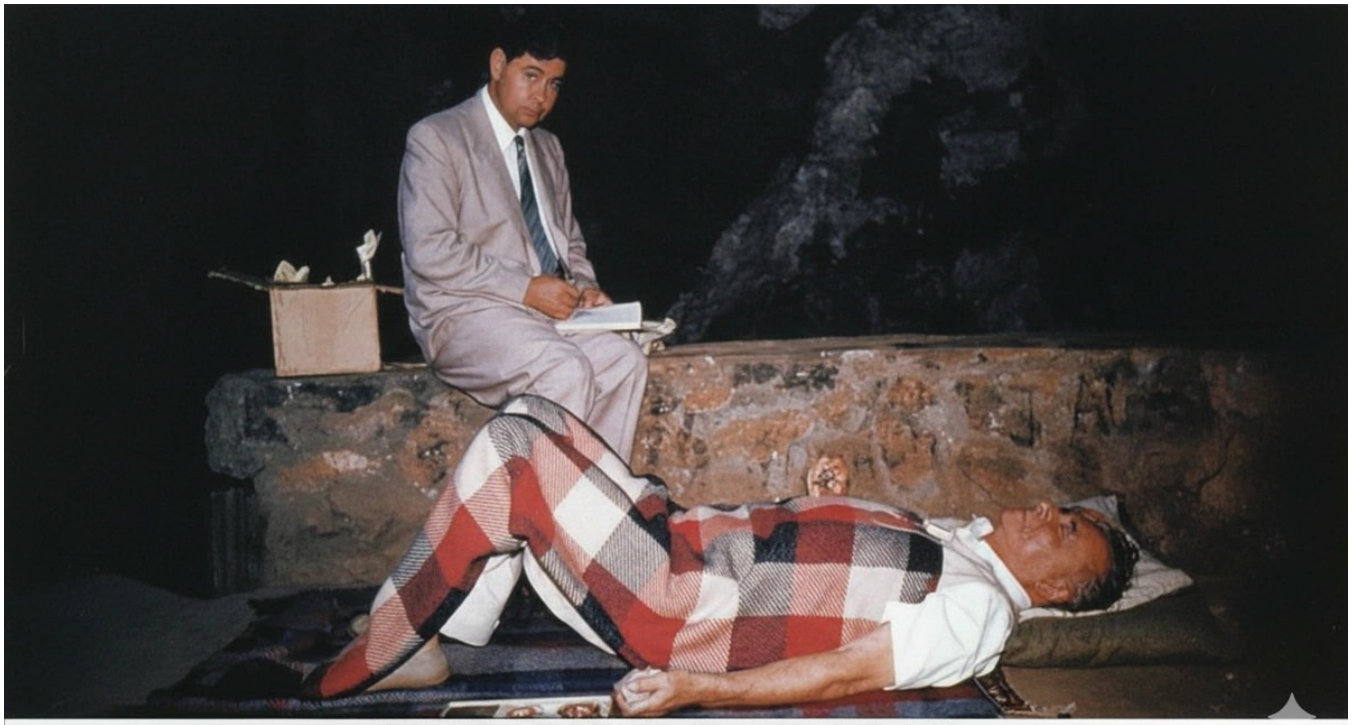


Geoffrey Hodson with Professor J. T. Robinson outside the cave where they did fossil research together.



At the South African caves, Professor J.T. Robinson with skeletal remains.





Geoffrey Hodson in South Africa doing clairvoyant research on fossils with Professor J.T. Robinson, D.Sc. 1960.

106

Theosophical Research

(The following are extracts from talks given in the session of Theosophical research in the 1966 Australian convention. Dr Jean Raymond was the convenor for the session. As Mr Hodson was not able to be present at the meeting, his contribution was tape-recorded before hand. These extracts are all unrevised by the authors.)

There are at least two forms of theosophical research which could very valuably be carried out. The first of these is rather specialized in form and would consist of direct occult investigation. This, of course, is dependent upon the availability of people with some form of reliable and scientifically tested extra sensory perception, or E.S.P., as it is called. If already developed, trained and tested for reasonable accuracy, say, four correct results out of groups of six experiments, then a wide field of research becomes available. An example is telepathy, one of the commonest forms of the activity of the psi factor, as it is called. How does it work? And how can the capacity for accurate telepathy both in transmission and reception be developed and what are the best means for practice and checking results? I, personally, find the Dr Rhine E.S.P. cards very useful in this respect.

Then, of course, a clairvoyant with either etheric or Astral, or better still mental, clairvoyance, could study auras at each level, watch and describe their changes under both induced and naturally produced psychic conditions—disturbances, joy, grief, sorrow, anger, irritation, and so on. In this I do not only mean like the pictures in *Man Visible and Invisible* and *Thought Forms,* but deeper, as to how these forms and changes actually arise and the connection between activity in the brain and the auras. Then there is the whole

Nghiên cứu Thông Thiên Học

(Những điều sau đây là trích đoạn từ các bài nói chuyện được đưa ra trong phiên họp nghiên cứu Thông Thiên Học tại hội nghị Úc năm 1966. Tiến sĩ Jean Raymond là người triệu tập phiên họp. Vì Ông Hodson không thể có mặt tại cuộc họp, nên bài đóng góp của ông đã được ghi âm trước. Tất cả những trích đoạn này đều chưa được các tác giả sửa đổi.)

Có ít nhất hai hình thức nghiên cứu thông thiên học có thể được thực hiện rất có giá trị. Hình thức đầu tiên có dạng khá chuyên biệt và sẽ bao gồm điều tra huyền bí trực tiếp. Tất nhiên, điều này phụ thuộc vào sự sẵn có của những người có một số hình thức nhận thức ngoại cảm đáng tin cậy và đã được kiểm tra khoa học, hoặc E.S.P., như người ta gọi. Nếu đã được phát triển, đào tạo và kiểm tra về độ chính xác hợp lý, chẳng hạn, bốn kết quả chính xác trong số các nhóm sáu thí nghiệm, thì một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn sẽ có sẵn. Một ví dụ là viễn cảm, một trong những hình thức phổ biến nhất của hoạt động của yếu tố psi, như người ta gọi. Nó hoạt động như thế nào? Và làm thế nào có thể phát triển khả năng viễn cảm chính xác cả trong việc truyền và nhận và đâu là phương tiện tốt nhất để thực hành và kiểm tra kết quả? Cá nhân tôi thấy thẻ E.S.P. của Tiến sĩ Rhine rất hữu ích về mặt này.

Sau đó, tất nhiên, một nhà thông nhãn với thông nhãn dĩ thái hoặc cảm dục, hoặc tốt hơn nữa là trí tuệ, có thể nghiên cứu hào quang ở mỗi cấp độ, quan sát và mô tả những thay đổi của chúng trong cả những điều kiện tâm linh được tạo ra và tự nhiên—sự xáo trộn, niềm vui, nỗi đau, sự buồn bã, tức giận, cáu kỉnh, vân vân. Trong điều này, tôi không chỉ muốn nói giống như những bức tranh trong *Con Người Hữu Hình và Vô Hình* và *Các Hình Tư Tưởng,* mà còn sâu sắc hơn, về cách thức mà những hình thức và thay đổi này thực sự phát sinh và mối

mechanism of psychosomatics from each end, i.e., from the psyche or the emotional and mental states towards the body and its functions, and in the opposite direction.

liên hệ giữa hoạt động trong não và hào quang. Sau đó, có toàn bộ cơ chế của tâm lý học cơ thể từ mỗi đầu, tức là, từ tâm lý hoặc trạng thái cảm xúc và tinh thần đối với cơ thể và các chức năng của nó, và theo hướng ngược lại.

Then there is the whole field of electricity and electrical phenomena and theories, such as the corpuscular, the quantum theories and the concept of wave mechanics. These can very well be studied by anyone who has even etheric clairvoyance. Then, perhaps easiest of all, the *Akashic* records, meaning psychometry, a faculty possessed by far more people than is generally realized. For this you would need to have objects whose history is known and which if possible, are in some way remarkable like objects which are known to have been associated with very significant events. If you can get hold of such objects you could pass them round a group and let each one, without fear or favour, describe what images come to their minds.

Sau đó, có toàn bộ lĩnh vực điện và các hiện tượng và lý thuyết điện, chẳng hạn như lý thuyết hạt, lý thuyết lượng tử và khái niệm cơ học sóng. Những điều này có thể được nghiên cứu rất tốt bởi bất kỳ ai có thông nhãn dĩ thái. Sau đó, có lẽ dễ nhất trong tất cả, là các hồ sơ Akasha, có nghĩa là thuật trắc tâm, một năng lực mà nhiều người sở hữu hơn người ta thường nhận ra. Đối với điều này, bạn sẽ cần có những đồ vật có lịch sử đã biết và nếu có thể, theo một cách nào đó đáng chú ý như những đồ vật được biết là có liên quan đến các sự kiện rất quan trọng. Nếu bạn có thể nắm giữ những đồ vật như vậy, bạn có thể chuyển chúng quanh một nhóm và để mỗi người, không sợ hãi hay thiên vị, mô tả những hình ảnh xuất hiện trong tâm trí họ.

Now I would like to make another suggestion about this psychometric clairvoyant research. If you are not careful you can waste a great deal of time due to the fact that the psychometrist picks up all kinds of uninteresting but related phenomena. Every object is surrounded by a mass of influences and *akashically* recorded memories, so it is good to have an object which is definitely connected with some important place or with some dynamic activity. Say to the psychometrist to whom you have given an object—'now describe what you see or feel' and he, or she, will reel off a number of answers. Wait until he gets to the one which is significant and say 'now pursue that,' otherwise you will waste a whole lot of time on matter which might be true but is not in line with your particular research. Of course, if you get some stones from, say, the pyramids

Bây giờ tôi muốn đưa ra một gợi ý khác về nghiên cứu thông nhãn trắc tâm này. Nếu bạn không cẩn thận, bạn có thể lãng phí rất nhiều thời gian do thực tế là nhà trắc tâm thu thập tất cả các loại hiện tượng không thú vị nhưng có liên quan. Mọi đồ vật đều được bao quanh bởi vô số ảnh hưởng và ký ức được ghi lại theo *akashic*, vì vậy tốt nhất nên có một đồ vật chắc chắn được kết nối với một số địa điểm quan trọng hoặc với một số hoạt động năng động. Hãy nói với nhà trắc tâm mà bạn đã đưa cho một đồ vật—'bây giờ hãy mô tả những gì bạn nhìn thấy hoặc cảm nhận' và y sẽ đưa ra một số câu trả lời. Đợi cho đến khi y đi đến câu trả lời có ý nghĩa và nói 'bây giờ hãy theo đuổi điều đó', nếu không bạn sẽ lãng phí rất nhiều thời gian vào vấn đề có thể đúng nhưng không phù hợp với nghiên cứu cụ thể của bạn. Tất nhiên, nếu bạn lấy một số viên đá từ, chẳng hạn, các kim tự tháp hoặc một ankh, hoặc thứ gì đó từ

or an ankh, or something from any famous place and try your group at psychometry, then that would be very interesting.

bất kỳ địa điểm nổi tiếng nào và thử nhóm của bạn về thuật trắc tâm, thì điều đó sẽ rất thú vị.

Dualism

Nhị nguyên luận

This brings me to the second form of theosophical research which I think could be usefully carried out. This would concern the progress of scientific thought in all fields which appear to be in the direction of theosophical teaching. Take for example the problem of dualism or brain only in psychiatry. Orthodox psychiatry will not accept dualism. That is to say a consciousness operating which has a distinct existence apart from the brain. Orthodox psychiatry will not as yet accept that; it says everything arises in and functions from the brain. Now watch and see if that breaks down. It is an error, you see, and that is the kind of thing to watch for.

Điều này đưa tôi đến hình thức thứ hai của nghiên cứu thông thiên học mà tôi nghĩ có thể được thực hiện một cách hữu ích. Điều này sẽ liên quan đến sự tiến bộ của tư tưởng khoa học trong tất cả các lĩnh vực dường như theo hướng giảng dạy thông thiên học. Lấy ví dụ, vấn đề nhị nguyên luận hoặc chỉ có não trong tâm thần học. Tâm thần học chính thống sẽ không chấp nhận nhị nguyên luận. Đó là nói một tâm thức hoạt động có sự tồn tại riêng biệt ngoài não. Tâm thần học chính thống sẽ chưa chấp nhận điều đó; nó nói rằng mọi thứ phát sinh và hoạt động từ não. Bây giờ hãy quan sát và xem liệu điều đó có bị phá vỡ hay không. Bạn thấy đấy, đó là một sai lầm và đó là loại điều cần chú ý.

Then there are confirmations and apparent contradictions in modern knowledge of theosophical teachings, *The Secret Doctrine* teachings, etc., or the work of later investigators. I would advise you to be careful and not wholly and immediately accept an apparent contradiction, because scientific knowledge is never complete and never entirely final. The history of science is one of continual change, of the casting out of certain concepts and the enforced assimilation of new ones. So hesitate about accepting a contradiction, but if there is one then work it out.

Sau đó, có những xác nhận và mâu thuẫn rõ ràng trong kiến thức hiện đại về các giáo lý thông thiên học, các giáo lý *Giáo Lý Bí Nhiệm,* v.v., hoặc công trình của các nhà nghiên cứu sau này. Tôi khuyên bạn nên cẩn thận và không hoàn toàn và ngay lập tức chấp nhận một mâu thuẫn rõ ràng, bởi vì kiến thức khoa học không bao giờ đầy đủ và không bao giờ hoàn toàn cuối cùng. Lịch sử khoa học là một lịch sử thay đổi liên tục, loại bỏ một số khái niệm nhất định và buộc phải đồng hóa những khái niệm mới. Vì vậy, hãy do dự về việc chấp nhận một mâu thuẫn, nhưng nếu có thì hãy giải quyết nó.

Then there is the field of paleontology and anthropology, in connection especially with early man. This is right in the theosophical, and *The Secret Doctrine,* field. Collect the latest findings on this subject of early man, whether there is or was a missing link, or fossil remains

Sau đó, có lĩnh vực cổ sinh vật học và nhân chủng học, đặc biệt liên quan đến người thời kỳ đầu. Điều này đúng trong lĩnh vực thông thiên học và *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Thu thập những phát hiện mới nhất về chủ đề con người thời kỳ đầu này, cho dù có hay không có một mắt

thereof. It is a very interesting field. There is also the theosophical statement that the first humans were hermaphrodite. Is there a scientist who has suggested that this was the case in some early mammals, that they were dual-sexed and self-reproductive? At present the position is that whilst one scientist advanced the theory that earliest mammals were hermaphrodite later scientists tend to discount it.

xích còn thiếu, hoặc hài cốt hóa thạch của nó. Đó là một lĩnh vực rất thú vị. Cũng có tuyên bố thông thiên học rằng những con người đầu tiên là lưỡng tính. Có nhà khoa học nào gợi ý rằng đây là trường hợp ở một số loài động vật có vú thời kỳ đầu, rằng chúng có giới tính kép và tự sinh sản không? Hiện tại, lập trường là trong khi một nhà khoa học đưa ra lý thuyết rằng các loài động vật có vú sớm nhất là lưỡng tính thì các nhà khoa học sau này có xu hướng bác bỏ nó.

Then, a rather lighter, but I think important, subject. Watch UFO developments, particularly for any single, acceptable and demonstrable fact. There is a wealth of sightings, some kind of evidence, some contradictory, some denied by the American Air Force, but all admit that there is a group of sightings, often by a number of people at the same time, some trained observers. It is worth watching this field. The correct title of UFO is Unidentified Flying Objects.

Sau đó, một chủ đề nhẹ nhàng hơn, nhưng tôi nghĩ là quan trọng. Theo dõi sự phát triển của UFO, đặc biệt là đối với bất kỳ sự thật nào có thể chấp nhận được và có thể chứng minh được. Có rất nhiều lần nhìn thấy, một số loại bằng chứng, một số mâu thuẫn, một số bị Không quân Mỹ phủ nhận, nhưng tất cả đều thừa nhận rằng có một nhóm các lần nhìn thấy, thường là bởi một số người cùng một lúc, một số nhà quan sát được đào tạo. Việc theo dõi lĩnh vực này là đáng giá. Tiêu đề chính xác của UFO là Vật thể Bay Không xác định.

Own Research

Nghiên cứu Riêng

I have been asked to tell you something of my own research work, and to do this I am obliged to bring myself into it. I don't want to, but if I am to talk about what I have experienced and done myself I really cannot avoid it. In my book *The Science of Seership* you will find a chapter written by scientists with degrees describing their tests of my capacity of clairvoyance, and they put it to very, very severe test indeed. Then you will be able to read another scientist's report on my work in South Africa. Dr John Robinson of the Transvaal Museum took me out to the caves near Johannesburg where he and others have found remains of apes and ape-men. He took me out there without telling me in the very least what was going to be done, and he wrote

Tôi đã được yêu cầu kể cho các bạn nghe điều gì đó về công việc nghiên cứu của riêng tôi và để làm điều này, tôi buộc phải đưa bản thân mình vào đó. Tôi không muốn, nhưng nếu tôi phải nói về những gì tôi đã trải nghiệm và tự mình làm thì tôi thực sự không thể tránh khỏi. Trong cuốn sách *Khoa học về Khả năng Tiên tri* của tôi, bạn sẽ tìm thấy một chương do các nhà khoa học có bằng cấp viết mô tả các bài kiểm tra của họ về khả năng thông nhãn của tôi và họ đã thực sự kiểm tra rất, rất nghiêm ngặt. Sau đó, bạn sẽ có thể đọc báo cáo của một nhà khoa học khác về công việc của tôi ở Nam Phi. Tiến sĩ John Robinson thuộc Bảo tàng Transvaal đã đưa tôi đến các hang động gần Johannesburg, nơi ông và những người khác đã tìm thấy hài cốt của vượn và người vượn.

up fully the account of the whole investigation, everything I said being tape-recorded.

Ông ấy đưa tôi ra đó mà không hề cho tôi biết chút nào về những gì sẽ được thực hiện và ông ấy đã viết đầy đủ toàn bộ cuộc điều tra, mọi thứ tôi nói đều được ghi âm lại.

One part of that research might be peculiarly interesting to you. Dr Robinson, being a scientist, tried to see how much I was reading his thoughts, because one of the doubts rightly held concerning clairvoyant research is that it is really telepathy and the investigator is picking it out of the directive mind. So this is what he did on several occasions. He gave me an object, my eyes were closed so I could not see what it was but it felt like a stone, and he said this is so and so, which was ape-man. He also projected the strongest thought-form of the ape man he could into my brain and held it there. Now I was obviously trying to psychometrise. Finally I said, 'I am very sorry I can see no ape-man at all, I am stuck with an ape! ' And I asked him, 'Shall I throw it away out of my consciousness and do what you want; or what would you like?' No, he said, go on with your study. Afterwards he told me it was ape. Now several times he did that and if you do any research I recommend it, even though it is a trick and laying a trap for the poor investigator. However, the work turned out to be sufficiently acceptable for them to publish it all as an episode of research and it will appear in a book which is to be published by the London Research Group.

Một phần của nghiên cứu đó có thể đặc biệt thú vị đối với bạn. Tiến sĩ Robinson, là một nhà khoa học, đã cố gắng xem tôi đọc được bao nhiêu suy nghĩ của ông ấy, bởi vì một trong những nghi ngờ được đặt ra một cách chính đáng liên quan đến nghiên cứu thông nhãn là nó thực sự là viễn cảm và nhà nghiên cứu đang chọn nó ra khỏi tâm trí chỉ đạo. Vì vậy, đây là những gì ông ấy đã làm trong một số trường hợp. Ông ấy đưa cho tôi một đồ vật, mắt tôi nhắm lại nên tôi không thể nhìn thấy nó là gì nhưng nó có cảm giác giống như một hòn đá và ông ấy nói đây là cái này cái kia, đó là người vượn. Ông ấy cũng phóng chiếu hình tư tưởng mạnh mẽ nhất về người vượn mà ông ấy có thể vào não tôi và giữ nó ở đó. Bây giờ tôi rõ ràng đang cố gắng trắc tâm. Cuối cùng tôi nói, 'Tôi rất tiếc, tôi không thể nhìn thấy người vượn nào cả, tôi bị mắc kẹt với một con vượn! ' Và tôi hỏi ông ấy, 'Tôi có nên vứt nó ra khỏi ý thức của mình và làm những gì ông muốn không; hay ông muốn gì?' Không, ông ấy nói, hãy tiếp tục nghiên cứu của cô. Sau đó, ông ấy nói với tôi đó là vượn. Bây giờ, một số lần ông ấy đã làm điều đó và nếu bạn thực hiện bất kỳ nghiên cứu nào, tôi khuyên bạn nên làm như vậy, ngay cả khi đó là một trò lừa và đặt bẫy cho nhà nghiên cứu tội nghiệp. Tuy nhiên, công trình này hóa ra đủ được chấp nhận để họ xuất bản tất cả như một tập nghiên cứu và nó sẽ xuất hiện trong một cuốn sách sẽ được xuất bản bởi Nhóm Nghiên cứu London.

Well, I have been engaged in many other fields of research but those I have mentioned will indicate the kind of work which can be done.

Chà, tôi đã tham gia vào nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhưng những lĩnh vực tôi đã đề cập sẽ chỉ ra loại công việc có thể được thực hiện.

Theosophy in Australia, Vol. 3, No. 3, June 1966, p. 8

Thông Thiên Học ở Úc, Tập 3, Số 3, tháng 6 năm 1966, tr. 8

107

Matter, Gateway to Spirit—Vật chất, Cánh cổng dẫn đến Tinh thần

One pathway to Self-discovery begins with the investigation of physical matter. Proceeding from substance to *substans,* from crystallized light to primordial light, from atom to propellant power, one may attain to knowledge of the Self of both Universe and man. Occult physics can take one into the Solar Presence and reveal the operations of Universal Mind as it directs the mathematically ordered manifestations of cosmic electricity.

Một con đường dẫn đến sự Tự khám phá bắt đầu bằng việc khảo sát vật chất hồng trần. Tiến trình này đi từ chất liệu đến nguyên thể, từ ánh sáng kết tinh đến ánh sáng nguyên sơ, từ nguyên tử đến quyền năng thúc đẩy; bằng cách ấy, con người có thể đạt đến tri thức về Chân ngã của cả Vũ trụ lẫn con người. Vật lý huyền bí có thể dẫn dắt con người tiến vào Thái Dương Hiện Diện và tiết lộ các hoạt động của Vũ Trụ Trí khi nó điều khiển những biểu hiện được sắp đặt có tính toán của điện lực vũ trụ.

Experience of reality may be sought in two ways. In one, consciousness is freed from material vehicles, and in the other matter itself is investigated. Atoms, molecules, cells, their source, component forces and mutual relationships then become the centre of interest, matter being regarded as co-eternal and co-active with Spirit. Either method can lead to the discovery of reality, the choice depending partly upon temperament. Research by both methods is doubtless the ideal. It is important, however, that neither should be ignored and still less denounced as means of enlightenment.

Kinh nghiệm về thực tại có thể được tìm cầu theo hai cách. Một cách là tâm thức được giải thoát khỏi các vận cụ vật chất; cách kia là khảo sát chính vật chất ấy. Khi đó, các nguyên tử, phân tử, tế bào, nguồn gốc, các mãnh lực cấu thành và mối tương quan lẫn nhau của chúng trở thành trung tâm của mối quan tâm, vì vật chất được xem là đồng hằng và đồng hoạt với Tinh thần. Cả hai phương pháp đều có thể dẫn đến sự khám phá thực tại, lựa chọn tùy phần nào vào khí chất. Hiển nhiên rằng nghiên cứu bằng cả hai phương pháp là lý tưởng. Tuy nhiên, điều quan trọng là không được bỏ qua phương pháp nào, càng không nên bài bác phương pháp nào như một phương tiện khai sáng.

Two Pathways to Reality

Hai con đường đến Thực tại

Meditation and contemplation leading to absorption in the Eternal Principle are possible to all men by virtue of their possession of the necessary instrument, which is the human mind. Penetration through molecule, atom and *anu*[50] to the hidden Omnipresence and the Light of the

Tham thiền và chiêm ngưỡng dẫn đến sự hòa nhập trong Nguyên lý Vĩnh cửu là điều khả thi cho tất cả mọi người nhờ họ sở hữu khí cụ cần thiết – đó là thể trí con người. Việc xuyên thấu qua phân tử, nguyên tử và anu để đạt đến sự Hiện Diện Toàn Năng ẩn tàng và Ánh sáng của Thượng Đế Logos bên trong chúng thì không

[50] Ultimate, indivisible concentrations of Energy.

Logos within them is not possible to all men; for it depends upon the possession of both mental power and the necessary positive clairvoyant faculty. In occult physics comprehension is sought of the various manifestations of the essence of cosmic electricity. Visual investigation leads to the discovery of underlying principles and laws, and thence to Universal Mind. Union with that Mind results in understanding of the ineffable and hitherto unknown Cause. By studying the effects produced by the motion of forces, the occult physicist may enter those profound and sacred depths wherein 'perpetual motion' is 'the Eternal Law, the ceaseless Breath of the Absolute'.[51]

phải ai cũng có thể làm được; vì nó tùy thuộc vào năng lực trí tuệ và khả năng thông nhãn chủ động cần thiết. Trong vật lý huyền bí, người ta tìm kiếm sự thấu hiểu các biểu hiện khác nhau của bản thể điện lực vũ trụ. Sự khảo sát bằng thị giác dẫn đến việc khám phá các nguyên lý và quy luật tiềm ẩn, và từ đó đến Vũ Trụ Trí. Sự hợp nhất với Trí ấy đem lại sự thấu hiểu về Nguyên nhân vô ngôn và chưa từng được biết đến. Bằng cách nghiên cứu những hiệu quả do chuyển động của các mãnh lực tạo ra, nhà vật lý huyền bí có thể đi vào những chiều sâu thiêng liêng và thâm mật nơi mà "chuyển động vĩnh cửu" là "Định luật Vĩnh cửu, Hơi Thở không ngừng của Tuyệt Đối".

The Mystery of Matter

Bí nhiệm của Vật chất

Modern physics is an advanced branch of science. The physicist seeking truth about the Universe is probing into the nature of matter and finding many facts. As yet, however, matter remains a mystery the solution of which represents extraordinary difficulties. Professor J. Robert Oppenheimer, amongst others, describes the present position in atomic physics somewhat as follows: Atoms are found not to be atoms in the Greek sense of the word; they are both divisible and mutable. Even the relatively, recent concept of the atom as consisting of a central nucleus with orbital electrons—a miniature Solar System—has had to be modified since the discovery of the wave-properties of sub-atomic particles. The extraordinary observation was made that the path of an electron through a particular hole in a screen was influenced by the presence or absence of another hole it could have gone through but did not! Interference and diffraction patterns obtained for beams of sub-atomic particles virtually confirmed the

Vật lý học hiện đại là một ngành khoa học tiên tiến. Nhà vật lý tìm kiếm chân lý về Vũ trụ đang thăm dò bản chất của vật chất và phát hiện được nhiều sự kiện. Tuy nhiên, vật chất vẫn còn là một bí nhiệm mà lời giải của nó đặt ra những khó khăn phi thường. Giáo sư J. Robert Oppenheimer, cùng với những người khác, mô tả tình hình hiện tại trong vật lý nguyên tử như sau: Các nguyên tử được phát hiện là không còn "nguyên tử" theo nghĩa Hy Lạp của từ đó; chúng vừa có thể phân chia vừa có thể biến đổi. Thậm chí khái niệm tương đối mới về nguyên tử như gồm một hạt nhân trung tâm với các điện tử quay quanh—một Hệ Mặt Trời thu nhỏ—cũng đã phải được chỉnh sửa kể từ khi phát hiện các tính chất sóng của các hạt hạ nguyên tử. Một quan sát phi thường đã được thực hiện: đường đi của một điện tử qua một lỗ cụ thể trên tấm chắn lại bị ảnh hưởng bởi sự có mặt hay vắng mặt của một lỗ khác mà nó *có thể* đi qua nhưng *không đi qua*! Các mô hình giao thoa và nhiễu xạ thu được từ các chùm hạt hạ nguyên tử hầu

[51] The Secret Doctrine V, *387.*

view that in certain respects all such particles behave as waves. At present physicists are unable to visualize a satisfactory model of the atom; instead they use the statistical interpretation of wave-particle duality to predict its probable behaviour.

như đã xác nhận quan điểm rằng trong một số phương diện, tất cả những hạt này đều hành xử như sóng. Hiện nay, các nhà vật lý chưa thể hình dung một mô hình thỏa đáng cho nguyên tử; thay vào đó, họ sử dụng cách giải thích thống kê về tính lưỡng thể sóng-hạt để dự đoán hành vi có khả năng xảy ra của nó.

The contribution of a clairvoyant investigator is a complementary one. If as yet he cannot adequately measure the forces of which the atom is composed, he can see the superphysical and etheric effects they produce. He offers methods and an instrument of research not yet within the reach of the physicist. These are the unification of the consciousness of the observer with the force and the life within the object and the faculty of positive clairvoyance, which includes magnification by means of the etheric microscope within the force centre at the brow. This article does not deal with the existence, practicability and reliability of clairvoyance. Research which proves accurate when carried out alone, or when no one present knows possible results, supports belief in the existence of such an instrument.

Đóng góp của nhà nghiên cứu thông nhãn là một bổ sung mang tính tương hỗ. Nếu hiện tại y chưa thể đo lường chính xác các mãnh lực cấu thành nguyên tử, thì y vẫn có thể nhìn thấy các hiệu ứng siêu vật chất và dĩ thái mà chúng tạo ra. Y cung cấp những phương pháp và một khí cụ nghiên cứu mà nhà vật lý chưa có được. Đó là sự hợp nhất tâm thức của người quan sát với mãnh lực và sự sống bên trong đối tượng, cùng năng lực thông nhãn chủ động, bao gồm khả năng phóng đại bằng "kính hiển vi dĩ thái" nằm trong trung tâm năng lực ở trán. Bài viết này không bàn đến sự hiện hữu, khả năng thực hành hay độ tin cậy của thông nhãn. Các cuộc nghiên cứu cho kết quả chính xác khi được tiến hành một mình, hoặc trong những trường hợp không ai hiện diện biết trước kết quả có thể xảy ra, đều củng cố niềm tin vào sự hiện hữu của một khí cụ như thế.

Occult Research

Nghiên cứu huyền bí

What does the clairvoyant investigator find when the etheric tube is inserted into the mass of 'atoms' of which substance consists? Does he find molecules resembling a Solar System, with wavicles encircling central nuclei? No, so far as I know, he does not receive the impression of forces, particled or otherwise, moving orbitally in spherical or elliptical paths. Component forms are seen, and found to consist, amongst others, of transparent octahedral, tetrahedral, tulip bud, funnel, dumb-bell, cubic and corkscrew shaped molecules. Up to a certain degree of

Nhà nghiên cứu thông nhãn tìm thấy gì khi ống dĩ thái được đưa vào khối 'nguyên tử' mà chất liệu cấu thành? Liệu y có tìm thấy các phân tử giống Hệ Mặt Trời, với các hạt sóng quay quanh hạt nhân trung tâm? Không, theo như tôi biết, y không nhận được ấn tượng về các lực, hạt hay cách khác, chuyển động theo quỹ đạo hình cầu hoặc hình elip. Các dạng cấu thành được nhìn thấy, và được tìm thấy bao gồm, trong số những dạng khác, các phân tử hình bát diện trong suốt, tứ diện, nụ hoa tulip, phễu, quả tạ, hình khối và hình xoắn ốc. Đến một mức độ phóng đại nhất định, những

enlargement these forms appear real. Higher magnification, however, shows them to be illusions produced by swift motion. Spinning propellers can deceive the eye, but not the mind, by presenting the illusion of an almost transparent disc, which is dispelled by high speed photography. Somewhat similarly, magnification, of occult chemical atoms dispels the illusion of fixed forms, swift motion again being found to be its cause.

hình dạng này có vẻ thực. Tuy nhiên, độ phóng đại cao hơn cho thấy chúng là ảo ảnh do chuyển động nhanh. Cánh quạt quay có thể đánh lừa mắt, nhưng không đánh lừa thể trí, bằng cách tạo ra ảo ảnh về một đĩa gần như trong suốt, vốn bị xua tan bởi nhiếp ảnh tốc độ cao. Tương tự như vậy, độ phóng đại của các nguyên tử hóa học huyền bí xua tan ảo ảnh về các dạng cố định, chuyển động nhanh một lần nữa được tìm thấy là nguyên nhân của nó.

Swiftly moving, minute, lighted points are also seen in their turn proving to be susceptible of enlargement. Clairvoyant examination of their structure shows them to be heart-shaped and to have corrugated surfaces. The appearance of corrugation is produced by well-defined lines of force flowing spirally round, as also within, them and forming part of their structure. These products of moving energy are omnipresent, are referred to as *anu* in occult physics, and are regarded as the true ultimate physical atoms. *Anu* are found to be both free and confined within molecules.

Các điểm sáng nhỏ, chuyển động nhanh cũng được nhìn thấy, đến lượt chúng chứng tỏ có thể phóng đại được. Kiểm tra thông nhãn về cấu trúc của chúng cho thấy chúng có hình trái tim và có bề mặt nhăn nheo. Sự xuất hiện của nếp nhăn được tạo ra bởi các đường sức được xác định rõ ràng chảy theo hình xoắn ốc xung quanh, cũng như bên trong chúng và tạo thành một phần cấu trúc của chúng. Những sản phẩm của năng lượng chuyển động này có mặt khắp nơi, được gọi là *anu* trong vật lý huyền bí, và được coi là nguyên tử vật lý cuối cùng thực sự. *Anu* được tìm thấy ở cả dạng tự do và bị giới hạn trong các phân tử.

How are *anu* themselves formed? They appear to be produced by the compression of energy, also particled, originating from a superior dimension or plane and coming from all directions. Three dimensional necessities are overridden in such a view, this being frequently observed when one is studying processes occurring at the edge of the physical world. Superphysical phenomena supervene, and at times the demands of physically conditioned mind for conformity with Euclidean and three-dimensional rules have to be ignored.

Bản thân *anu* được hình thành như thế nào? Chúng dường như được tạo ra bởi sự nén năng lượng, cũng ở dạng hạt, bắt nguồn từ một chiều hoặc cõi cao hơn và đến từ mọi hướng. Các điều kiện cần thiết ba chiều bị ghi đè trong quan điểm như vậy, điều này thường được quan sát thấy khi người ta nghiên cứu các quá trình xảy ra ở rìa thế giới hồng trần. Các hiện tượng siêu hồng trần xen vào, và đôi khi những đòi hỏi của thể trí bị điều kiện hóa về mặt hồng trần phải tuân theo các quy tắc Euclide và ba chiều phải bị bỏ qua.

One general idea, amongst others, which has so far begun to emerge is that physical matter is atomic, its atoms *(anu)* being the product of a process of the compression or hardening of

Một ý tưởng chung, trong số những ý tưởng khác, cho đến nay đã bắt đầu xuất hiện là vật chất hồng trần là nguyên tử, các nguyên tử của nó *(anu)* là sản phẩm của một quá trình nén

particled energy. Although perpetually in motion, *anu* become confined in different numbers, relationships and patterns to constitute the etheric molecules of the chemical elements. The force itself which is presumably responsible for both the formation and the movements of these particles does not appear to be any more visible by means of the brow centres in the etheric, Astral and Mental Bodies, than wind is visible by means of the physical eyes. A mental impression is received, however, of a wind-like, invisible force in rapid motion intimately associated with the movements of particles.

hoặc làm cứng năng lượng ở dạng hạt. Mặc dù vĩnh viễn chuyển động, *anu* bị giới hạn với số lượng, mối quan hệ và mô hình khác nhau để cấu thành các phân tử dĩ thái của các nguyên tố hóa học. Bản thân lực vốn có lẽ chịu trách nhiệm cho cả sự hình thành và chuyển động của các hạt này dường như không thể nhìn thấy được bằng trung tâm ajna trong các Thể dĩ thái, Cảm dục và Trí tuệ, cũng như gió không thể nhìn thấy được bằng mắt thường. Tuy nhiên, một ấn tượng tinh thần được nhận thấy về một lực vô hình giống như gió chuyển động nhanh chóng liên quan mật thiết đến chuyển động của các hạt.

Whilst subjective experience must not be allowed to intrude upon observation and description of objective phenomena, it nevertheless occurs whilst such research is being carried out. The presence and directive action of Universal Mind as the Agent producing the phenomena are intuitively recognized, even whilst the attention is concentrated upon observation of the atoms and molecules of occult chemistry. The number and arrangement of *anu* in a chemical atom is inwardly known to be decided upon and brought about by Creative Mind.

Mặc dù kinh nghiệm chủ quan không được phép xâm nhập vào việc quan sát và mô tả các hiện tượng khách quan, nhưng nó vẫn xảy ra trong khi nghiên cứu như vậy đang được thực hiện. Sự hiện diện và hành động chỉ đạo của Vũ Trụ Trí với tư cách là Tác nhân tạo ra các hiện tượng được nhận ra một cách trực giác, ngay cả khi sự chú ý tập trung vào việc quan sát các nguyên tử và phân tử của hóa học huyền bí. Số lượng và sự sắp xếp của *anu* trong một nguyên tử hóa học được biết đến một cách nội tại là do Trí Tuệ Sáng Tạo quyết định và tạo ra.

Thus far the published views of the physical and the occult scientists concerning the structure of matter do not coincide. Fortunately, scientifically qualified Theosophists are investigating this question, and their work might well be regarded as amongst the most important contemporary activities of the Theosophical Society. This research cannot justly be regarded as duplication of work being done by non-Theosophists. On the contrary, only those well acquainted with the teachings of Theosophy can effectively carry out this particular task. In addition, only those

Cho đến nay, quan điểm được công bố của các nhà khoa học hồng trần và huyền bí liên quan đến cấu trúc của vật chất không trùng khớp. May mắn thay, các nhà Thông Thiên Học có trình độ khoa học đang nghiên cứu câu hỏi này, và công việc của họ có thể được coi là một trong những hoạt động đương đại quan trọng nhất của Hội Thông Thiên Học. Nghiên cứu này không thể bị coi là trùng lặp với công việc đang được thực hiện bởi những người không phải là nhà Thông Thiên Học. Ngược lại, chỉ những người quen thuộc với giáo lý của Thông Thiên Học mới có thể thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cụ thể này. Ngoài ra, chỉ những

possessed of the necessary occult faculties can assist in such investigations.

người sở hữu các năng lực huyền bí cần thiết mới có thể hỗ trợ trong các cuộc điều tra như vậy.

Available Theosophical teaching is of incalculable importance. Without valid occult research and the addition of the results to existent information, I do not believe that the Society can progress, win attention and bring about the consequent study and application of its teachings to the betterment of the lot of man upon earth—*the all important motive.* Theosophical Research Groups are, I am therefore convinced, of vital importance to the Society and may well receive all possible support.

Giáo lý Thông Thiên Học hiện có có tầm quan trọng khôn lường. Nếu không có nghiên cứu huyền bí hợp lệ và việc bổ sung kết quả vào thông tin hiện có, tôi không tin rằng Hội có thể tiến bộ, thu hút sự chú ý và mang lại việc nghiên cứu và áp dụng các giáo lý của nó để cải thiện số phận của con người trên trái đất—*động cơ quan trọng nhất.* Do đó, tôi tin chắc rằng, các Nhóm Nghiên cứu Thông Thiên Học có tầm quan trọng sống còn đối với Hội và có thể nhận được mọi sự hỗ trợ.

The Theosophist, Vol. 80, January 1959, p. 251

Nhà Thông Thiên Học, Tập 80, tháng 1 năm 1959, trang 251

108

Clairvoyant Explorations of Egoic Consciousness—Khám phá Thông nhãn về Tâm thức Chân ngã

The name ‘Ego’ is generally applied to the Spirit of man clothed in a vehicle called the Causal Body, and built of the matter of the Higher Mental world. This part of the constitution of man was called the ‘Shining Augoeides’ by the Greeks.

Tên gọi 'Chân ngã' thường được áp dụng cho Tinh thần của con người được khoác lên một hiện thể được gọi là Thể nguyên nhân, và được xây dựng từ vật chất của cõi Trí tuệ Cao siêu. Phần này của cấu tạo con người được người Hy Lạp gọi là 'Shining Augoeides'.

All the capacities which are acquired during successive incarnations in the mental, astral and physical worlds are stored in the Causal Body. These are the ‘treasure in heaven where neither moth nor rust doth corrupt’,[52] referred to by our Lord.

Tất cả các năng lực vốn được tích lũy trong các kiếp sống liên tiếp trong cõi trí tuệ, cảm dục và hồng trần đều được lưu trữ trong Thể nguyên nhân. Đây là 'kho báu trên trời, nơi sâu mọt không thể gặm nhấm và rỉ sét không thể làm hư hỏng', được Đức Chúa của chúng ta nhắc đến.

Contact with the Ego in his own world might reveal him as describing his condition thus: ‘I lack nothing. Everyone and everything I want is here. I abound in light, in life and in power. Nowhere is there the faintest suggestion of

Việc tiếp xúc với Chân ngã trong thế giới của chính Ngài có thể tiết lộ Ngài đang mô tả tình trạng của mình như thế này: 'Ta không thiếu thứ gì. Mọi người và mọi thứ ta muốn đều ở đây. Ta dồi dào ánh sáng, sự sống và quyền

[52] Matthew 6:20.

lack nothing. Everyone and everything I want is here. I abound in light, in life and in power. Nowhere is there the faintest suggestion of limitation of any kind. Everything is eternally present in all its fullness.

trạng của mình như thế này: 'Ta không thiếu thứ gì. Mọi người và mọi thứ ta muốn đều ở đây. Ta dồi dào ánh sáng, sự sống và quyền năng. Không nơi nào có gợi ý mờ nhạt nhất về sự hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào. Mọi thứ đều hiện diện vĩnh cửu trong tất cả sự trọn vẹn của nó.

'Within me is a central heart through which light, life and power are continually outpoured; I am the heart and the life. The heart is the body—the body is the heart. I am a unit of consciousness without division or knowledge of separation. My being, which is light, is equally radiant throughout its whole existence, varying and changing only in intensity and in colour. Memory and anticipation are unknown. Past and future exist only in an infinite present. Centre and circumference, consciousness and form, are one'.

'Bên trong ta là một trái tim trung tâm, qua đó ánh sáng, sự sống và quyền năng liên tục được tuôn đổ; ta là trái tim và là sự sống. Trái tim là thể xác—thể xác là trái tim. Ta là một đơn vị tâm thức không có sự phân chia hay hiểu biết về sự chia ly. Bản thể của ta, vốn là ánh sáng, tỏa sáng như nhau trong suốt toàn bộ sự tồn tại của nó, chỉ thay đổi và biến đổi về cường độ và màu sắc. Ký ức và dự đoán là không biết. Quá khứ và tương lai chỉ tồn tại trong một hiện tại vô hạn. Trung tâm và chu vi, tâm thức và hình tướng, là một'.

The Shining Augoeides

Shining Augoeides

Clairvoyant observation of the Ego in his Causal Body shows that within the indescribable Splendour of outrushing power which is the 'Shining Augoeides', there is to be 'seen' the ideation of a human form. Its appearance is most clearly defined at the head and shoulders. The face is a glorified expression of the physical face of the incarnated man, and the eyes are ablaze with concentrated power and intelligence. The consciousness is vividly alive, radiantly happy, and at the same time calm and serene. Changes in it appear as great flashes of light and colour. Perception, expression and action are simultaneous. Cognition is instantaneous, complete, and unlimited as regards numbers of 'objects' and ideas apprehensible at the same time; for the Ego can 'converse' with any number of people at once, with equal perfection of comprehension and

Quan sát thông nhãn về Chân ngã trong Thể nguyên nhân của Ngài cho thấy rằng bên trong Sự Huy Hoàng không thể tả xiết của quyền năng tuôn trào vốn là 'Shining Augoeides', có thể 'nhìn thấy' ý tưởng về một hình dạng con người. Hình dạng của nó được xác định rõ ràng nhất ở đầu và vai. Khuôn mặt là biểu hiện được tôn vinh của khuôn mặt hồng trần của con người nhập thể, và đôi mắt bừng sáng với sức mạnh và trí thông minh tập trung. Tâm thức sống động, hạnh phúc rạng rỡ, đồng thời bình tĩnh và thanh thản. Những thay đổi trong đó xuất hiện dưới dạng những tia sáng và màu sắc lớn. Nhận thức, biểu hiện và hành động đồng thời. Nhận thức là tức thời, hoàn chỉnh và không giới hạn về số lượng 'đối tượng' và ý tưởng có thể hiểu được cùng một lúc; bởi vì Chân ngã có thể 'trò chuyện' với bất kỳ số lượng người nào cùng một lúc, với sự hoàn hảo như nhau về sự thấu hiểu và tập

concentration.

Unification

Philosophies, principles and abstract verities are also comprehended instantaneously by a process of unification and identification of the whole being with the essence of the subject. The Ego knows a truth, for example, by becoming that truth, by changing momentarily into a living expression of it. When this is achieved, a great flash or explosion of light and colour occurs, and the Causal Body is greatly expanded; for ever after it bears the imprint of that truth and retains the power of repeating the expansion.

To aid our comprehension, let us endeavour to translate all this into terms of form, using the Ego of an advanced student of occultism as an example.

Imagine a central focus of consciousness surrounded by a shining aura, consisting of radiations of light. Within this focus is a glorified human figure, upon whose face is an expression of ecstasy and exaltation, as of a genius which is perpetually at white heat, and afire with the divine *afflatus.*

Within the radiation many 'forms' appear; forms of persons, alone and in groups, of Movements, of the ideation of a cathedral, church, mosque, or masonic temple, of systems of education, philosophy, art, or of an order of society. Moving majestically amid them all, many great angels appear as the companions and co-workers of the immortal man.

In the case of advanced occultists the resplendent figures of the Holy Masters of the Great White Brotherhood are present,

trung.

Hợp nhất

Các triết lý, nguyên tắc và chân lý trừu tượng cũng được lĩnh hội ngay lập tức bằng một quá trình hợp nhất và đồng nhất toàn bộ bản thể với bản chất của chủ đề. Ví dụ, Chân ngã biết một sự thật bằng cách trở thành sự thật đó, bằng cách thay đổi ngay lập tức thành một biểu hiện sống động của nó. Khi điều này đạt được, một tia sáng hoặc vụ nổ ánh sáng và màu sắc lớn xảy ra, và Thể nguyên nhân được mở rộng rất nhiều; mãi mãi sau đó, nó mang dấu ấn của sự thật đó và giữ lại sức mạnh lặp lại sự mở rộng.

Để hỗ trợ sự thấu hiểu của chúng ta, chúng ta hãy cố gắng chuyển tất cả điều này thành các thuật ngữ hình thức, sử dụng Chân ngã của một đạo sinh huyền bí học cao cấp làm ví dụ.

Hãy tưởng tượng một tiêu điểm trung tâm của tâm thức được bao quanh bởi hào quang tỏa sáng, bao gồm các bức xạ ánh sáng. Bên trong tiêu điểm này là một hình người được tôn vinh, trên khuôn mặt là biểu hiện của sự ngây ngất và thăng hoa, như của một thiên tài vĩnh viễn ở nhiệt độ trắng và bốc cháy với *cảm hứng* thiêng liêng.

Bên trong bức xạ xuất hiện nhiều 'hình tướng'; hình tướng của những người, đơn lẻ và theo nhóm, của các Phong trào, của ý tưởng về một nhà thờ lớn, nhà thờ, đền thờ Hồi giáo hoặc đền thờ masonic, của các hệ thống giáo dục, triết học, nghệ thuật hoặc của một trật tự xã hội. Di chuyển một cách oai vệ giữa tất cả bọn họ, nhiều thiên thần vĩ đại xuất hiện như những người bạn đồng hành và đồng nghiệp của con người bất tử.

Trong trường hợp của các nhà huyền bí học cao cấp, các hình tượng rực rỡ của các Đấng Chân sư của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo vĩ đại

together with the angel assistants by whom They and Their followers are attended in their labours.

Quality of Egoic life finds expression in the personalities of those sufficiently advanced to express it as an abounding love for all men, a general benevolence, an instinct for co-operation, idealism, altruism, service, and a tendency to see the principles lying behind external phenomena. As the capacity for response to Egoic consciousness increases, flashes of intuition illumine the thoughts of the Personality and produce an instantaneous realization of truth, a grasp of metaphysical conceptions, and a growing faculty for abstract thought.

Waves of Power and Light

The entire absence of limiting forms, of fatigue, or of pain, leaves him free to acknowledge the presence of visitors, to withdraw into himself for contemplation, and to send down waves of power and light into his Personality on occasions when special work is being done by the physical, Astral or mental man. A lecture, a study group, research work, literary and artistic effort and daily meditations offer opportunities for this of which the Ego never fails to take advantage.

Here, again, we find ourselves faced with a difficulty in describing Egoic consciousness for, paradoxical though it may sound, the Ego and the Personality are not two separate beings, but are one and the same.

The Ego puts down only a fragment of himself into incarnation, and as that fragment is ensheathed in ‘bodies’ of mental, emotional and physical matter, three pseudo-entities are

hiện diện, cùng với các thiên thần trợ tá mà Các Ngài và những người theo Các Ngài tham dự trong các công việc của họ.

Phẩm tính của sự sống Chân ngã được thể hiện trong phàm ngã của những người đủ tiến bộ để thể hiện nó như một tình yêu thương dồi dào dành cho tất cả mọi người, lòng nhân từ nói chung, bản năng hợp tác, chủ nghĩa lý tưởng, lòng vị tha, sự phụng sự và xu hướng nhìn thấy các nguyên tắc nằm sau các hiện tượng bên ngoài. Khi khả năng đáp ứng với tâm thức Chân ngã tăng lên, những tia sáng của trực giác soi sáng những suy nghĩ của Phàm ngã và tạo ra sự nhận thức tức thì về chân lý, nắm bắt các khái niệm siêu hình và năng lực ngày càng tăng cho tư duy trừu tượng.

Sóng Quyền năng và Ánh sáng

Sự vắng mặt hoàn toàn của các hình tướng hạn chế, của sự mệt mỏi hoặc đau đớn, khiến Ngài tự do thừa nhận sự hiện diện của khách, rút lui vào chính mình để chiêm ngưỡng và gửi những làn sóng quyền năng và ánh sáng vào Phàm ngã của mình vào những dịp khi công việc đặc biệt đang được thực hiện bởi con người hồng trần, Cảm dục hoặc Trí tuệ. Một bài giảng, một nhóm học tập, công việc nghiên cứu, nỗ lực văn học và nghệ thuật và thiền định hàng ngày mang đến cơ hội cho điều này mà Chân ngã không bao giờ bỏ lỡ lợi thế.

Ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy mình gặp khó khăn trong việc mô tả tâm thức Chân ngã bởi vì, mặc dù nghe có vẻ nghịch lý, nhưng Chân ngã và Phàm ngã không phải là hai sinh mệnh riêng biệt mà là một và giống nhau.

Chân ngã chỉ đặt một phần nhỏ của chính mình vào sự nhập thể, và khi phần nhỏ đó được bao bọc trong 'thể xác' của vật chất trí tuệ, cảm xúc và hồng trần, ba thực thể giả được

formed.

hình thành.

The power, freedom and happiness described apply only to the Ego *at his own level,* and at such higher levels as he is able to contact.

Sức mạnh, tự do và hạnh phúc được mô tả chỉ áp dụng cho Chân ngã *ở cấp độ của chính Ngài,* và ở những cấp độ cao hơn mà Ngài có thể tiếp xúc.

At each descent of consciousness into the planes below a progressive deprivation of power, freedom and happiness occurs. The nature of Egoic consciousness is such that, although there are these definite limits to the range of its activities in the lower worlds, the Ego's inherent capacity for self-expression, and his sense of abounding power, are in no way diminished by them.

Ở mỗi lần tâm thức giáng xuống các cõi bên dưới, sự tước đoạt quyền năng, tự do và hạnh phúc diễn ra một cách lũy tiến. Bản chất của tâm thức Chân ngã là như vậy, mặc dù có những giới hạn nhất định đối với phạm vi hoạt động của nó trong các cõi thấp hơn, nhưng năng lực vốn có của Chân ngã để tự biểu hiện và cảm giác về sức mạnh dồi dào của Ngài không hề bị giảm bớt bởi chúng.

Development of the Ego

Sự phát triển của Chân ngã

During the period when the Ego is out of incarnation, he is quite powerless in the three [the physical, the Astral and the mental] worlds. During the process of descent into incarnation he builds the bodies in each of them which are his only means of contact with, and eventual mastery of, those lower worlds. Into each of these bodies he allows a portion of his life to flow, his consciousness to play, and his power to manifest.

Trong giai đoạn Chân ngã không nhập thể, Ngài hoàn toàn bất lực trong ba cõi [hồng trần, Cảm dục và Trí tuệ]. Trong quá trình giáng xuống nhập thể, Ngài xây dựng các thể xác trong mỗi cõi vốn là phương tiện duy nhất của Ngài để tiếp xúc và cuối cùng là làm chủ những cõi thấp hơn đó. Vào mỗi thể xác này, Ngài cho phép một phần sự sống của mình chảy vào, tâm thức của mình hoạt động và sức mạnh của mình biểu hiện.

Whilst, on the one hand, incarnation is a limitation, on the other hand it is an expansion, because it is an opening into a field of manifestation beyond that which is normal to him at his own level. The impacts and experiences which reach him as a result definitely enrich his consciousness.

Mặc dù, một mặt, sự nhập thể là một hạn chế, mặt khác, nó là một sự mở rộng, bởi vì nó là một cánh cửa mở ra một lĩnh vực biểu hiện vượt ra ngoài những gì bình thường đối với Ngài ở cấp độ của chính Ngài. Những tác động và trải nghiệm vốn đến với Ngài như một kết quả chắc chắn làm phong phú thêm tâm thức của Ngài.

In the early stages of evolution, as that of the savage, for example, the development of the vehicles in the lower worlds is so elementary that the amount of the enrichment received from one incarnation is exceedingly small.

Trong những giai đoạn đầu của tiến hóa, ví dụ như của người man rợ, sự phát triển của các hiện thể trong các cõi thấp hơn là quá sơ đẳng đến mức lượng làm giàu nhận được từ một kiếp sống là cực kỳ nhỏ.

This state of affairs continues through hundreds of incarnations, until a point in evolution is reached at which the personal vehicles begin to offer him a less limited field of activity and rich rewards for whatever force he puts down into them. Such rewards consist of added capacity at his own level, increasing mastery over his Personality, and growing powers of self-expression through each of his vehicles. On reaching that stage, the division between the abstract and the concrete mind begins to disappear.

Tình trạng này tiếp tục qua hàng trăm kiếp sống, cho đến khi đạt đến một điểm tiến hóa, tại đó các hiện thể cá nhân bắt đầu mang đến cho Ngài một lĩnh vực hoạt động ít bị hạn chế hơn và những phần thưởng phong phú cho bất kỳ lực nào Ngài đặt vào chúng. Những phần thưởng như vậy bao gồm năng lực bổ sung ở cấp độ của chính Ngài, tăng cường khả năng làm chủ Phàm ngã của mình và tăng cường sức mạnh tự biểu hiện thông qua mỗi hiện thể của Ngài. Khi đạt đến giai đoạn đó, sự phân chia giữa trí trừu tượng và trí cụ thể bắt đầu biến mất.

As this phenomenon becomes more frequent and more marked, Ego and Personality turn their attention more and more towards each other. The Ego gains an increase of power to express himself in the lower worlds, is enriched by the added experiences which result, and so achieves a quickening of his evolution. The Personality, in its turn, begins to find within itself a never-failing source of light, life, power and knowledge.

Khi hiện tượng này trở nên thường xuyên và rõ rệt hơn, Chân ngã và Phàm ngã ngày càng hướng sự chú ý vào nhau. Chân ngã đạt được sự gia tăng sức mạnh để tự biểu hiện trong các cõi thấp hơn, được làm giàu bởi những trải nghiệm bổ sung kết quả và do đó đạt được sự tiến hóa nhanh chóng của mình. Đến lượt mình, Phàm ngã bắt đầu tìm thấy bên trong chính nó một nguồn ánh sáng, sự sống, sức mạnh và tri thức không bao giờ cạn kiệt.

Expansion into Higher World

Side by side with this increase in the range of his powers in the lower worlds, an expansion of consciousness into the higher world above that of abstract thought begins. The power and the radiance of the intuitional and spiritual levels illumine him, and he begins to repeat in those worlds the processes through which he has passed in the lower. He builds vehicles through which he is able to gain contact with, and express himself in, those lofty levels.

Mở rộng vào Cõi Cao hơn

Song song với sự gia tăng phạm vi quyền năng của Ngài trong các cõi thấp hơn, sự mở rộng tâm thức vào cõi cao hơn bên trên cõi tư duy trừu tượng bắt đầu. Sức mạnh và sự tỏa sáng của các cấp độ trực giác và tinh thần soi sáng Ngài, và Ngài bắt đầu lặp lại trong những cõi đó các quá trình mà Ngài đã trải qua ở các cõi thấp hơn. Ngài xây dựng các hiện thể mà qua đó Ngài có thể tiếp xúc và tự biểu hiện trong những cấp độ cao cả đó.

As a savage, his development is gained almost entirely by contact with the lower worlds; as a civilized man, he learns to acquire the added powers of Egoic consciousness; as an Initiate, he begins to withdraw from the lower, and to

Là một người man rợ, sự phát triển của Ngài đạt được gần như hoàn toàn bằng cách tiếp xúc với các cõi thấp hơn; là một người văn minh, y học cách có được sức mạnh bổ sung của tâm thức Chân ngã; là một Điểm đạo đồ,

focus his consciousness in the higher worlds; as an Adept, his mastery over all is complete. He has learnt all that they can possibly teach him, and is free to leave them behind him for ever, to dwell in realms of consciousness in which their limitations are unknown.	Ngài bắt đầu rút lui khỏi cõi thấp hơn và tập trung tâm thức của mình vào các cõi cao hơn; là một Chân sư, quyền làm chủ của Ngài đối với tất cả mọi thứ đều hoàn chỉnh. Ngài đã học được tất cả những gì họ có thể dạy Ngài, và được tự do bỏ lại chúng mãi mãi, để sống trong các cõi tâm thức mà những hạn chế của chúng là không biết đến.
No need hath such to live as ye name life	Người như vậy không cần phải sống như các ngươi gọi là sự sống
That which began in him when he began	Điều vốn bắt đầu trong y khi y bắt đầu
Is finished: he hath wrought the purpose through	Đã kết thúc: y đã thực hiện mục đích thông qua
Of what did make him man.	Điều đã làm cho y trở thành con người.
Never shall yearnings torture him, nor sins	Khao khát sẽ không bao giờ hành hạ y, cũng như tội lỗi
Stain him, nor ache of earthly joys and woes	Làm vấy bẩn y, cũng như nỗi đau của niềm vui và nỗi buồn trần thế
Invade his safe eternal peace; nor deaths	Xâm chiếm sự bình yên vĩnh cửu an toàn của y; cũng như cái chết
And lives recur. He goes	Và sự sống tái diễn. Y đi
Unto Nirvana.	Đến Niết Bàn.
He is one with Life.	Y là một với Sự sống.
Yet lives not.	Tuy nhiên không sống.
He is blest, ceasing to be.	Y được ban phước, ngừng tồn tại.
Om, mani padme, Om! The dewdrop slips	*Om, mani padme,* Om! Hạt sương trượt
Into the shining Sea[53]	Vào Biển sáng
Extracts from *The Science of Seership,* Chapter V, by Geoffrey Hodson.	Trích từ *Khoa học về Tiên tri,* Chương V, của Geoffrey Hodson.

[53] The Light of Asia, by Sir Edwin Arnold.

Theosophy in New Zealand, Vol. 15, No. 2, 1954, p. 1

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập 15, Số 2, 1954, trang 1

109—

An Experience in Consciousness—Một Trải nghiệm về Tâm thức

‘Every Symbol Scintillates with Meaning’

Once when I was seeking to interpret certain symbols, I found myself in a region or level of the mental plane where the symbolic representations of formless powers and ideas exist. It was rather as if I had entered a Museum containing a collection of all the symbols which had been conceived from the beginning of man’s capacity to represent abstract ideas in concrete forms. Some of these were anthropomorphic personifications of the underlying principles, laws, forces and processes of Nature and so were in the likeness of the human forms of the epoch in which the symbols were conceived.

As I studied some of these figures, they seemed to be strangely artificial and static, rather like archaic carvings and statues. Among them were ancient Mayan, Aztec and Red Indian totem-pole-like figures. Others were weird Central African representations of natural forces, some in the form of snakes and animals. As I ‘wandered’ about this ‘Museum of Symbols’, ancient Egyptian, Chinese, Indian, Grecian, Assyrian, Celtic, Norse and other strange figures of the Mythology of the ancient peoples of the world were also to be ‘seen’. When, however, I gave close attention to any one figure, it tended to become alive, to glow within, to shine and even to move. Absorbed in the experience, I also saw such scenes as the moon rising on the Jumna, Sri Krishna playing on his ‘flute that maddens’, whilst all the while the gopis danced in the

'Mọi Biểu tượng đều Lấp lánh Ý nghĩa'

Có lần khi tôi đang tìm cách giải thích một số biểu tượng nhất định, tôi thấy mình đang ở trong một khu vực hoặc cấp độ của cõi trí tuệ, nơi tồn tại các biểu diễn tượng trưng của các quyền năng và ý tưởng vô hình. Nó giống như thể tôi đã bước vào một Bảo tàng chứa bộ sưu tập tất cả các biểu tượng vốn được hình thành từ khi con người bắt đầu có khả năng thể hiện các ý tưởng trừu tượng thành các hình thức cụ thể. Một số trong số này là nhân cách hóa hình người của các nguyên tắc, định luật, lực và quá trình cơ bản của Tự nhiên và do đó giống với hình dạng con người của thời đại mà các biểu tượng được hình thành.

Khi tôi nghiên cứu một số hình tượng này, chúng dường như kỳ lạ là nhân tạo và tĩnh, giống như những bức chạm khắc và tượng cổ xưa. Trong số đó có những hình tượng cổ xưa của người Maya, Aztec và Da đỏ giống như cột vật tổ. Những hình tượng khác là đại diện kỳ lạ của Trung Phi về các lực lượng tự nhiên, một số ở dạng rắn và động vật. Khi tôi 'lang thang' trong 'Bảo tàng Biểu tượng' này, các hình tượng cổ xưa của Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp, Assyria, Celtic, Bắc Âu và các hình tượng kỳ lạ khác của Thần thoại của các dân tộc cổ đại trên thế giới cũng được 'nhìn thấy'. Tuy nhiên, khi tôi chú ý kỹ đến bất kỳ hình tượng nào, nó có xu hướng trở nên sống động, phát sáng bên trong, tỏa sáng và thậm chí di chuyển. Đắm chìm trong trải nghiệm, tôi cũng nhìn thấy những cảnh như mặt trăng mọc trên sông Jumna, Sri Krishna chơi 'cây sáo làm

Rasa Lila, each one worshipping the same Lord who was both dancing with them and playing upon His flute in the centre of the circle.

say đắm lòng người' của Ngài, trong khi tất cả các gopi nhảy múa trong Rasa Lila, mỗi người đều thờ phụng cùng một Đức Chúa vốn vừa nhảy múa với họ vừa chơi sáo ở trung tâm của vòng tròn.

'Sleeping Beauties'

Whenever I turned my thought away from any one order of symbology and towards that belonging to another epoch and Race, I noticed indirectly that the previously observed personifications gradually became static again though perhaps never entirely so. It was as if they slept, or rather dreamed, awaiting but the touch of human thought to reawaken and bring them back into an active life in which again they played their allegorical roles.

'Người đẹp ngủ trong rừng'

Bất cứ khi nào tôi chuyển suy nghĩ của mình khỏi một trật tự biểu tượng nào đó và hướng tới trật tự thuộc về một kỷ nguyên và Chủng tộc khác, tôi gián tiếp nhận thấy rằng các nhân cách hóa được quan sát trước đó dần trở nên tĩnh lặng trở lại mặc dù có lẽ không bao giờ hoàn toàn như vậy. Nó giống như thể họ đang ngủ, hay đúng hơn là đang mơ, chỉ chờ đợi sự đụng chạm của tư tưởng con người để thức tỉnh và đưa họ trở lại cuộc sống năng động, trong đó họ lại đóng vai trò ngụ ngôn của mình.

As my thought changed from Hindu to Grecian mythology, I saw Perseus cut off the Gorgon's head, then hold it aloft, and with it later turn the sea monster into stone, saving Andromeda's life. The Minotaur came to life and Theseus played his mysterious part with Ariadne's aid. Thus one moved mentally throughout this vast store of symbolic forms, and watched their movements and the *akasha* around them representing the formless powers, procedures and evolution of Universe and man, each personifying that which is ever impersonal. I even seemed to 'hear' the sound of their names as if they had identified themselves to me, thereby aiding me to understand, however, imperfectly, both the age-old system of teaching by allegory and symbol and part of the meanings of the personifications and symbols themselves.

Khi suy nghĩ của tôi chuyển từ thần thoại Hindu sang thần thoại Hy Lạp, tôi thấy Perseus chặt đầu Gorgon, sau đó giơ cao nó lên, và sau đó dùng nó biến quái vật biển thành đá, cứu mạng Andromeda. Minotaur sống lại và Theseus đóng vai trò bí ẩn của mình với sự trợ giúp của Ariadne. Do đó, người ta di chuyển về mặt tinh thần trong kho tàng rộng lớn các hình thức biểu tượng này, và quan sát chuyển động của chúng và *akasha* xung quanh chúng đại diện cho các quyền năng, quy trình và tiến hóa vô hình của Vũ trụ và con người, mỗi người nhân cách hóa những gì luôn luôn là phi nhân cách. Tôi thậm chí dường như 'nghe thấy' âm thanh tên của họ như thể họ đã tự nhận dạng với tôi, do đó giúp tôi hiểu, tuy nhiên không hoàn hảo, cả hệ thống giảng dạy lâu đời bằng ngụ ngôn và biểu tượng và một phần ý nghĩa của bản thân các nhân cách hóa và biểu tượng.

Reality Approached?

Thực tại đã đến gần?

I then tried—by thinking of the Logos 'idea'—to rise above the many forms into formlessness. I did not wholly succeed, however, because the formless IDEA or abstract Deity tended continually to be 'jewel-like', resembling a living diamond built of light with many facets, angles and lines each having its own significance. The meetings and intersections of these lines were perceived as referring to the interplay of cosmic powers. The edges of the 'diamond' were partially veiled in light, though I saw that each face possessed its own meanings, and even its own name. Perhaps reality was being approached, and perceived, if only in terms of sounds—far off echoes, maybe, of the vast songs of creation, the song of life itself. So it the seemed, and still seems, as the experience is relived.

Sau đó, tôi đã cố gắng—bằng cách nghĩ về 'ý tưởng' Thượng đế—để vươn lên trên nhiều hình tướng thành vô hình. Tuy nhiên, tôi đã không hoàn toàn thành công, bởi vì Ý TƯỞNG vô hình hoặc Thượng đế trừu tượng có xu hướng liên tục 'giống như viên ngọc', giống như một viên kim cương sống được tạo thành từ ánh sáng với nhiều mặt, góc và đường, mỗi đường đều có ý nghĩa riêng. Các cuộc gặp gỡ và giao điểm của những đường này được coi là đề cập đến sự tương tác của các quyền năng vũ trụ. Các cạnh của 'viên kim cương' được che phủ một phần trong ánh sáng, mặc dù tôi thấy rằng mỗi mặt đều có ý nghĩa riêng và thậm chí cả tên riêng của nó. Có lẽ thực tại đã được tiếp cận và nhận thức, nếu chỉ bằng các thuật ngữ âm thanh—có thể là tiếng vọng xa xăm của những bài hát sáng tạo bao la, bài hát của chính sự sống. Vì vậy, nó dường như, và vẫn dường như, khi trải nghiệm được sống lại.

Incurably Objective!

Inwardly I sensed, but afterwards could not directly represent in language or even formal thought, the existence of an impersonal, imperishable Principle, the BE-NESS of the Universe. If I am not careful, however, I find that my thought of the One Power ever tends to slip back into, or become restricted, a vision of a living, radiant, divine Personage. Indeed, it would seem to be true that the formal human mind is incurably objective! also the symbol of the mace or club, and a Deity using it as if to break up rocks, hardened clay and sun-baked soil and realized that this is done (by internal forces, of course) so that all can be used again for a new cycle of creative activity. The Deity yielded the mace with a steady rhythm almost like a heart-beat—as if that pulse were also a similar microcosmic natural process, preventing the clotting of the blood. The mace, club or flail, then, may symbolize one aspect of universal force in action, *Fohat*

Vô phương cứu chữa Khách quan!

Ở bên trong, tôi cảm nhận được, nhưng sau đó không thể trực tiếp thể hiện bằng ngôn ngữ hay thậm chí là tư duy hình thức, sự tồn tại của một Nguyên lý phi nhân cách, không thể bị hủy diệt, TÍNH HIỆN HỮU của Vũ trụ. Tuy nhiên, nếu tôi không cẩn thận, tôi thấy rằng suy nghĩ của mình về Quyền năng Duy nhất luôn có xu hướng trượt trở lại, hoặc bị hạn chế, thành một hình ảnh về một Nhân vật sống động, rạng rỡ, thiêng liêng. Thật vậy, dường như đúng là thể trí con người hình thức là khách quan vô phương cứu chữa! cũng là biểu tượng của cây chùy hoặc gậy, và một Vị Thần sử dụng nó như thể để phá vỡ đá, đất sét cứng và đất bị nung bởi mặt trời và nhận ra rằng điều này được thực hiện (tất nhiên là bởi các lực bên trong) để tất cả có thể được sử dụng lại cho một chu kỳ hoạt động sáng tạo mới. Vị Thần sử dụng cây chùy với nhịp điệu ổn định gần giống như nhịp tim—như thể nhịp đập đó cũng là một quá trình tự nhiên vi mô tương tự,

perhaps, in one of its functions as the Destroyer-Shiva. The mace and similar symbols thus implies, I presume, that Nature, or rather *Fohat,* will not allow any form to remain in existence too long, nor any objective emanation ever to remain quite still. I saw arrows being shot into the air, and spinning discs flying to distant places on missions whereby systems of cyclic development are initiated. The Caduceus symbol was seen in motion, and not at all as a static object, and the Seven Stemmed Candelabra as radiating light and colour.

ngăn ngừa máu đông. Sau đó, cây chùy, gậy hoặc roi có thể tượng trưng cho một khía cạnh của lực vũ trụ đang hoạt động, có lẽ là *Fohat,* trong một trong các chức năng của nó là Kẻ Hủy diệt-Shiva. Do đó, cây chùy và các biểu tượng tương tự ngụ ý, tôi cho rằng, Tự nhiên, hay đúng hơn là *Fohat,* sẽ không cho phép bất kỳ hình tướng nào tồn tại quá lâu, cũng như bất kỳ sự phát xạ khách quan nào luôn luôn bất động. Tôi thấy những mũi tên được bắn lên không trung, và những chiếc đĩa quay bay đến những nơi xa xôi trong các nhiệm vụ mà theo đó các hệ thống phát triển theo chu kỳ được khởi xướng. Biểu tượng Caduceus được nhìn thấy đang chuyển động, và hoàn toàn không phải là một vật thể tĩnh, và Bảy Chân đèn phát ra ánh sáng và màu sắc.

Looking back afterwards, the effort to see the reality behind the symbols and allegories reminded me—and still does so—of the process of choosing and playing a gramophone record, so that the static 'disc' (symbol) became a source of truth-revealing 'sound' (ideas).

Nhìn lại sau đó, nỗ lực nhìn thấy thực tế đằng sau các biểu tượng và ngụ ngôn đã nhắc nhở tôi—và vẫn nhắc nhở tôi—về quá trình chọn và phát một bản ghi máy hát, để 'đĩa' tĩnh (biểu tượng) trở thành nguồn 'âm thanh' tiết lộ sự thật (ý tưởng).

Theosophy in New Zealand, Vol. 31, No. 2, 1970, p. 40

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập 31, Số 2, 1970, trang 40

110

An Adventure into the Fourth Dimension—Một Cuộc phiêu lưu vào Chiều không gian Thứ tư

(2GB Broadcast, 27th July, 1952)

(Phát sóng 2GB, ngày 27 tháng 7 năm 1952)

Is there such a thing as a fourth dimension or direction of space? If there is, is it possible for us to know anything about it? Before these questions can be answered we must know what is meant by the word dimension when it is used in this sense. It does not mean size. It means a direction of space. At present we can only imagine three directions, length, breadth and height. The room in which you are sitting

Có tồn tại chiều không gian hoặc hướng không gian thứ tư không? Nếu có, liệu chúng ta có thể biết bất cứ điều gì về nó không? Trước khi những câu hỏi này có thể được trả lời, chúng ta phải biết từ chiều không gian có nghĩa là gì khi nó được sử dụng theo nghĩa này. Nó không có nghĩa là kích thước. Nó có nghĩa là một hướng của không gian. Hiện tại chúng ta chỉ có thể tưởng tượng ba hướng, chiều dài, chiều rộng

as you listen to me is a three-dimensional building, it has length, it has breadth, and it has height. At once an interesting fact presents itself; for each of these three directions, as you will note, is at right angles to each other. This brings us straightaway to the very heart of the mystery of the fourth dimension. If there is such a thing, if there is a fourth direction of space, then it must be at right angles to our familiar three. Try to think of it, try to imagine it, and you will see how difficult it is. Can it be done? Science says it can; and Science says that human evolution is in fact leading us out of the limitations of our present three-dimensional universe into another kind of a world altogether.

và chiều cao. Căn phòng mà bạn đang ngồi khi nghe tôi nói là một tòa nhà ba chiều, nó có chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Ngay lập tức, một sự thật thú vị xuất hiện; đối với mỗi ba hướng này, như bạn sẽ lưu ý, đều vuông góc với nhau. Điều này đưa chúng ta ngay đến trung tâm của bí ẩn về chiều không gian thứ tư. Nếu có một thứ như vậy, nếu có hướng không gian thứ tư, thì nó phải vuông góc với ba hướng quen thuộc của chúng ta. Hãy cố gắng nghĩ về nó, hãy cố gắng tưởng tượng nó, và bạn sẽ thấy nó khó như thế nào. Nó có thể được thực hiện không? Khoa học nói là có thể; và Khoa học nói rằng tiến hóa của con người trên thực tế đang dẫn dắt chúng ta thoát khỏi những hạn chế của vũ trụ ba chiều hiện tại của chúng ta sang một loại thế giới hoàn toàn khác.

Living in Flatland

What would we find if suddenly we developed fourth-dimensional sight? What would our world look like? Well, let us approach this question gradually and by easy stages, beginning with zero or no-dimension. This is indicated by a point which has position and no size. If we move our point say 12 inches we get a line 12 inches long. That represents one dimension. Now, if we move the line at right angles, meaning up or down, to the original direction for 12 inches we get a square. This is a symbol of two dimensions or flatland as it is sometimes called.

Sống ở Vùng đất phẳng

Chúng ta sẽ tìm thấy gì nếu đột nhiên chúng ta phát triển thị giác bốn chiều? Thế giới của chúng ta sẽ trông như thế nào? Chà, chúng ta hãy tiếp cận câu hỏi này một cách từ từ và theo từng giai đoạn dễ dàng, bắt đầu bằng số không hoặc không có chiều không gian. Điều này được biểu thị bằng một điểm vốn có vị trí và không có kích thước. Nếu chúng ta di chuyển điểm của mình, giả sử là 12 inch, chúng ta sẽ có được một đường dài 12 inch. Điều đó đại diện cho một chiều không gian. Bây giờ, nếu chúng ta di chuyển đường thẳng theo góc vuông, có nghĩa là lên hoặc xuống, theo hướng ban đầu trong 12 inch, chúng ta sẽ có được một hình vuông. Đây là biểu tượng của hai chiều không gian hoặc vùng đất phẳng như đôi khi nó được gọi.

As we shall see in a minute, it would be very strange to live in flatland for we should only know length and breadth. Up and down would be inconceivable to us. We should be dwellers on the surface of things. However, we have

Như chúng ta sẽ thấy trong một phút nữa, sẽ rất kỳ lạ khi sống ở vùng đất phẳng vì chúng ta sẽ chỉ biết chiều dài và chiều rộng. Lên và xuống sẽ là điều không thể tưởng tượng đối với chúng ta. Chúng ta sẽ là cư dân trên bề mặt của

grown beyond that. We can look at a flat photograph, for example, and in our minds we can turn it into a picture in depth. A dog, on the other hand, cannot do that. Show him a portrait of his master and it will be quite meaningless simply because his mind is limited to two dimensions as far as flat pictures are concerned.

vạn vật. Tuy nhiên, chúng ta đã phát triển vượt xa điều đó. Ví dụ, chúng ta có thể nhìn vào một bức ảnh phẳng và trong tâm trí, chúng ta có thể biến nó thành một bức tranh có chiều sâu. Mặt khác, một con chó không thể làm điều đó. Hãy cho nó xem bức chân dung của chủ nhân và nó sẽ hoàn toàn vô nghĩa đơn giản vì tâm trí của nó bị giới hạn ở hai chiều không gian đối với những bức tranh phẳng.

Now let us move mentally out of flatland. If we take our square and move it in a direction at right angles to the first two dimensions for 12 inches then we will get a cube which is a three-dimensional object, having length and breadth and height. Now let us take the next similar step. To get into the fourth dimension, all we have to do is to move our cube in a direction at right angles to the existing three dimensions of space. Impossible, I expect you are saying. Quite so. The mind does find it impossible to think of a fourth direction at right angles to the familiar three. Let us try another way then, and see if we can get into the fourth dimension.

Bây giờ chúng ta hãy di chuyển về mặt tinh thần ra khỏi vùng đất phẳng. Nếu chúng ta lấy hình vuông của mình và di chuyển nó theo hướng vuông góc với hai chiều không gian đầu tiên trong 12 inch thì chúng ta sẽ có được một hình lập phương vốn là một vật thể ba chiều, có chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Bây giờ chúng ta hãy thực hiện bước tương tự tiếp theo. Để đi vào chiều không gian thứ tư, tất cả những gì chúng ta phải làm là di chuyển hình lập phương của mình theo hướng vuông góc với ba chiều không gian hiện có. Không thể, tôi mong bạn đang nói. Hoàn toàn như vậy. Thể trí thấy không thể nghĩ ra hướng thứ tư vuông góc với ba hướng quen thuộc. Vậy thì chúng ta hãy thử một cách khác, và xem liệu chúng ta có thể đi vào chiều không gian thứ tư hay không.

Instead of figures or forms let us think of beings with minds, as for example something which lives in a one-dimensional world which would for it, remember, consist of a single line. This creature could only go backwards and forwards. It couldn't turn to the right or the left because there would be nowhere in the universe in which to turn. Up and down would also be quite beyond its imagination. Supposing two such beings—one-dimensional caterpillars, if you like, living in a groove—were out walking and they met, head on if you like, they couldn't pass each other because there would be nowhere to go, no means of getting out of each other's way. They

Thay vì các hình hoặc dạng, chúng ta hãy nghĩ về những sinh mệnh có thể trí, ví dụ như một thứ gì đó sống trong một thế giới một chiều, vốn đối với nó, hãy nhớ rằng, bao gồm một đường thẳng duy nhất. Sinh vật này chỉ có thể đi lùi và tiến. Nó không thể rẽ sang phải hoặc sang trái vì sẽ không có nơi nào trong vũ trụ để rẽ. Lên và xuống cũng sẽ nằm ngoài sức tưởng tượng của nó. Giả sử hai sinh mệnh như vậy—sâu bướm một chiều, nếu bạn thích, sống trong một rãnh—đang đi dạo và chúng gặp nhau, đối mặt nếu bạn thích, chúng không thể vượt qua nhau vì sẽ không có nơi nào để đi, không có cách nào để tránh đường nhau. Chúng chỉ có thể di chuyển lùi và tiến trên

could only move backwards and forwards on their line, which to them is the whole universe just as, for us, what we see is, or seems to be, the totality of existence and there is no fourth direction of space.

đường thẳng của mình, vốn đối với chúng là toàn bộ vũ trụ, cũng như đối với chúng ta, những gì chúng ta nhìn thấy là, hoặc dường như là, toàn bộ sự tồn tại và không có hướng không gian thứ tư.

Now, we must not laugh at these one dimensional creatures for we have our own corresponding limitations, you know. In fact, higher dimensions apart, our eyes are deceiving us all the time. At a certain speed of revolution, the spokes of a wheel become blurred and even vanish as do the blades of an aeroplane propeller. First the illusion of a disc is produced, and later on only a kind of mist. Now, the first-dimensional creature would regard his limitations as imposed by the nature of space. So do we. These limitations, however, have no actual existence save to the consciousness limited to one dimension. Bestow upon one of those line dwellers—caterpillars—recognition of the second direction of space and his line universe with its limitations would disappear. He would know then that it never had any real existence, but was only a cross-section of the whole surface upon which he could now move.

Bây giờ, chúng ta không được cười nhạo những sinh vật một chiều này vì bạn biết đấy, chúng ta có những hạn chế tương ứng của riêng mình. Trên thực tế, ngoài các chiều không gian cao hơn, đôi mắt của chúng ta luôn đánh lừa chúng ta. Ở một tốc độ quay nhất định, các nan hoa của bánh xe bị mờ đi và thậm chí biến mất như các cánh của cánh quạt máy bay. Đầu tiên là ảo ảnh về một chiếc đĩa được tạo ra, và sau đó chỉ là một loại sương mù. Bây giờ, sinh vật một chiều sẽ coi những hạn chế của nó là do bản chất của không gian áp đặt. Chúng ta cũng vậy. Tuy nhiên, những hạn chế này không thực sự tồn tại ngoại trừ đối với tâm thức bị giới hạn ở một chiều không gian. Hãy ban cho một trong những cư dân đường thẳng đó—sâu bướm—sự nhận biết về hướng không gian thứ hai và vũ trụ đường thẳng của nó với những hạn chế của nó sẽ biến mất. Khi đó, y sẽ biết rằng nó chưa bao giờ thực sự tồn tại, mà chỉ là một mặt cắt ngang của toàn bộ bề mặt mà bây giờ y có thể di chuyển.

Even so a second-dimensional creature, a dweller in flatland, cannot conceive of up and down. If a chalk line were drawn around him on the surface on which he lived he would believe himself to be entirely enclosed. One millimetre of thickness would be quite enough to give him the impression of a totally closed space from which there was no escape. In just the same way, one degree higher, we think we cannot get out of a closed room. But if there is a fourth dimension, then the room is open all the time, though we cannot perceive the way out.

Ngay cả như vậy, một sinh vật hai chiều, một cư dân ở vùng đất phẳng, không thể hình dung được lên và xuống. Nếu một đường phấn được vẽ xung quanh y trên bề mặt mà y đang sống, y sẽ tin rằng mình hoàn toàn bị bao vây. Một milimet độ dày sẽ là quá đủ để cho y ấn tượng về một không gian hoàn toàn khép kín mà không có lối thoát. Cũng theo cách tương tự, cao hơn một bậc, chúng ta nghĩ rằng chúng ta không thể ra khỏi phòng kín. Nhưng nếu có chiều không gian thứ tư, thì căn phòng luôn mở, mặc dù chúng ta không thể nhận thấy lối ra.

So whilst the two-dimensional being is

Vì vậy, trong khi sinh vật hai chiều được giải

wonderfully liberated compared to the one-dimensional creature and has miraculous powers, nevertheless it is still very limited.

He cannot leave the surface on which he lives. He cannot make two right angle triangles from a draught board coincide even though he wore his whole life away in the attempt; for he can only slide them, and to make them coincide one must be lifted up and turned. This is something of which he could not even conceive; for there is no up and down in flatland.

Mathematics for Enlightenment!

Here again we also have our limitations. We think the past is finished, behind us, and that the future is as yet non-existent. We also cannot understand how there can be free will if the future already exists. Also our eyes deceive us constantly. Take for example a visit to the movies. Twenty-four photographs on celluloid are flashed every second on the screen. In order to achieve a smooth transition from each single picture to the next slightly different picture, the screen is blacked-out for l/48th of a second while it is replaced. That is, for one-half of the time a cinema audience is seeing a film it is sitting in total darkness without knowing it. If we estimate, for example, the number of man-hours spent in the British cinema each week as 75,000,000, over 37,000,000 of those hours are spent seeing nothing.

Supposing, however, that two very highbrow two-dimensional caterpillars got together and began to discuss the possibility of a mysterious third dimension, the realm of the soul and the abode of departed caterpillars! Supposing, still further, they meditated upon the idea and for a time entered the three-dimensional world. How could they describe

phóng một cách kỳ diệu so với sinh vật một chiều và có sức mạnh phi thường, tuy nhiên nó vẫn còn rất hạn chế.

Y không thể rời khỏi bề mặt mà y đang sống. Y không thể tạo ra hai hình tam giác vuông góc từ một bàn cờ nháp trùng khớp ngay cả khi y đã dành cả cuộc đời của mình để cố gắng; vì y chỉ có thể trượt chúng, và để làm cho chúng trùng khớp, người ta phải nhấc một cái lên và xoay. Đây là điều mà y thậm chí không thể hình dung được; vì không có lên và xuống ở vùng đất phẳng.

Toán học cho Giác ngộ!

Ở đây một lần nữa chúng ta cũng có những hạn chế của mình. Chúng ta nghĩ rằng quá khứ đã kết thúc, ở phía sau chúng ta, và tương lai vẫn chưa tồn tại. Chúng ta cũng không thể hiểu làm thế nào có thể có ý chí tự do nếu tương lai đã tồn tại. Ngoài ra, đôi mắt của chúng ta liên tục đánh lừa chúng ta. Lấy ví dụ như một chuyến đi xem phim. Hai mươi tư bức ảnh trên phim nhựa được chiếu mỗi giây trên màn hình. Để đạt được sự chuyển đổi mượt mà từ mỗi bức tranh đơn lẻ sang bức tranh hơi khác tiếp theo, màn hình bị tắt đen trong 1/48 giây trong khi nó được thay thế. Tức là, trong một nửa thời gian khán giả xem phim đang ngồi trong bóng tối hoàn toàn mà không hề hay biết. Ví dụ, nếu chúng ta ước tính số giờ người xem phim ở rạp chiếu phim Anh mỗi tuần là 75.000.000, thì hơn 37.000.000 giờ trong số đó được dành để không xem gì cả.

Tuy nhiên, giả sử rằng hai con sâu bướm hai chiều rất thông minh đã gặp nhau và bắt đầu thảo luận về khả năng của chiều không gian thứ ba bí ẩn, cõi linh hồn và nơi ở của những con sâu bướm đã khuất! Giả sử thêm nữa, họ đã thiền định về ý tưởng này và trong một thời gian đã bước vào thế giới ba chiều. Làm thế nào họ có thể mô tả nó'? Họ chỉ có thể nói rằng nó

it'? They could only say that it is at right angles to length, breadth and thickness. But if by meditation a two-dimensional being did enter the three-dimensional world so that it became normal, then the first and second dimensions, hitherto the whole universe to them, would disappear. They would be seen as abstractions, as illusions, produced by sense limitations.

vuông góc với chiều dài, chiều rộng và chiều dày. Nhưng nếu bằng cách thiền định, một sinh vật hai chiều đã bước vào thế giới ba chiều để nó trở nên bình thường, thì chiều không gian thứ nhất và thứ hai, cho đến nay là toàn bộ vũ trụ đối với chúng, sẽ biến mất. Chúng sẽ được coi là những sự trừu tượng, là ảo tưởng, được tạo ra bởi những hạn chế của giác quan.

Suppose then, that we have attained to a conception of fourth-dimensional consciousness, what would happen to our familiar world? Just the same, it would melt away into nothingness compared to the fullness of fourth-dimensional perception. And so we might press on dimension by dimension until infinity within and without is reached, ultimate reality attained. Is there really such a thing as a fourth dimension or direction of space?

Giả sử rằng chúng ta đã đạt đến một khái niệm về tâm thức bốn chiều, điều gì sẽ xảy ra với thế giới quen thuộc của chúng ta? Cũng giống như vậy, nó sẽ tan biến thành hư vô so với sự trọn vẹn của nhận thức bốn chiều. Và vì vậy, chúng ta có thể tiếp tục từng chiều không gian cho đến khi đạt đến vô hạn bên trong và bên ngoài, đạt được thực tại cuối cùng. Có thực sự tồn tại một chiều không gian hoặc hướng không gian thứ tư không?

Theosophy teaches that, whilst there are not actually any more than three dimensions in which space can be measured, there are additional powers of the human mind which, when awakened, reveal additional properties of matter. When this happens whole new worlds of knowledge and experience beyond and within those revealed by our measurable terms of length, breadth, and height can then be perceived. What we now call the future would intrude upon our present. Indeed, it does so sometimes and we call such foreknowledge a premonition. Probably at the centre of the created universe, the lateral, the vertical, and the horizontal, are blended into one cosmic direction which includes all. If we could find our way through to that elevation we should know the secret of life which cannot be fully understood by the intellect alone. 'To get behind consciousness with consciousness, that cannot be done' as someone has said. The intellect is incurably

Thông Thiên Học dạy rằng, trong khi thực sự không có nhiều hơn ba chiều không gian mà không gian có thể được đo lường, thì có những sức mạnh bổ sung của thể trí con người, khi được đánh thức, sẽ tiết lộ các thuộc tính bổ sung của vật chất. Khi điều này xảy ra, toàn bộ thế giới tri thức và kinh nghiệm mới vượt ra ngoài và bên trong những gì được tiết lộ bởi các thuật ngữ đo lường chiều dài, chiều rộng và chiều cao của chúng ta sau đó có thể được nhận thức. Những gì bây giờ chúng ta gọi là tương lai sẽ xâm nhập vào hiện tại của chúng ta. Thật vậy, đôi khi nó xảy ra như vậy và chúng ta gọi kiến thức tiên tri như vậy là linh cảm. Có lẽ ở trung tâm của vũ trụ được tạo ra, chiều ngang, chiều dọc và chiều ngang được hòa trộn thành một hướng vũ trụ bao gồm tất cả. Nếu chúng ta có thể tìm thấy con đường của mình đến độ cao đó, chúng ta sẽ biết bí mật của sự sống vốn không thể được hiểu đầy đủ chỉ bằng trí tuệ. 'Để vượt ra khỏi tâm thức bằng tâm thức, điều đó không thể được thực hiện'

external, and if we would know more, then we have to find a way of developing and using higher powers of cognition than those of the senses and of the mind as we know them.

như ai đó đã nói. Trí tuệ là không thể chữa khỏi bên ngoài, và nếu chúng ta muốn biết nhiều hơn, thì chúng ta phải tìm cách phát triển và sử dụng các quyền năng nhận thức cao hơn những gì của giác quan và của tâm trí như chúng ta biết chúng.

Such means exist, says Theosophy. They are latent in each one of us. They can be developed ahead of their normal time. Gradually, the time and space limitations of our normal physical existence can be overridden. Ultimately, the omnipresent 'here' and the eternal 'now' will be known. In this way the immortal, eternal Spiritual Soul of man can be discovered. So you will gather, I hope, that the study of mathematics is one of the roads to self-illumination.

Thông Thiên Học nói rằng những phương tiện như vậy tồn tại. Chúng tiềm ẩn trong mỗi chúng ta. Chúng có thể được phát triển trước thời gian bình thường của chúng. Dần dần, những giới hạn về thời gian và không gian của sự tồn tại vật lý bình thường của chúng ta có thể bị vượt qua. Cuối cùng, 'đây' hiện diện khắp nơi và 'bây giờ' vĩnh cửu sẽ được biết đến. Theo cách này, Linh Hồn Tinh Thần bất tử, vĩnh cửu của con người có thể được khám phá. Vì vậy, tôi hy vọng rằng bạn sẽ hiểu rằng việc nghiên cứu toán học là một trong những con đường dẫn đến sự tự soi sáng.

Theosophy in Australia, Vol. 3, 4 August 1952, p. 11

Thông Thiên Học tại Úc, Tập 3, 4 tháng 8 năm 1952, trang 11

111

Some Experiments in Fourth Dimensional Vision—Một Số Thí Nghiệm về Tầm Nhìn Bốn Chiều

With regard to the fourth dimension itself, I must admit that I cannot claim ever to have brought clearly into my brain-consciousness a time conception of this added dimension or direction in space. It appears that when the consciousness is translated from one plane to another, privation occurs, so that the realization of that higher condition is lost, though the memory of it may be brought over, translated into terms of the lower. This limitation may be partly overcome by self-training, but I have not yet succeeded in rising above certain apparently inevitable limitations.

Về bản thân chiều không gian thứ tư, tôi phải thừa nhận rằng tôi không thể tuyên bố đã từng đưa rõ ràng vào tâm thức não của mình một khái niệm thời gian về chiều không gian hoặc hướng đi bổ sung này trong không gian. Dường như khi tâm thức được chuyển từ một cõi sang cõi khác, sự thiếu hụt xảy ra, khiến cho sự nhận thức về điều kiện cao hơn đó bị mất, mặc dù ký ức về nó có thể được mang theo, dịch sang các thuật ngữ của cõi thấp hơn. Giới hạn này có thể được khắc phục một phần bằng cách tự đào tạo, nhưng tôi vẫn chưa thành công trong việc vượt qua một số giới hạn dường như không thể tránh khỏi.

From this point of view, therefore, the

Từ quan điểm này, do đó, các cuộc điều tra

clairvoyant investigations are not entirely satisfactory to me. Mentally, I feel able to say that the fourth dimension could be described as within-ness or 'throughth', to accept the appropriate word coined by the late W. T. Stead.

thông nhãn không hoàn toàn thỏa mãn tôi. Về mặt tinh thần, tôi cảm thấy có thể nói rằng chiều không gian thứ tư có thể được mô tả như là sự bên trong hoặc 'xuyên qua', để chấp nhận từ thích hợp được tạo ra bởi cố W. T. Stead.

Theosophy in New Zealand, Vol. 24, No. 3, 1963, p. 66

Thông Thiên Học tại New Zealand, Tập 24, Số 3, 1963, trang 66

112

Music as Colour and Form—Âm Nhạc như Màu Sắc và Hình Thức

Amongst the many interesting experiences of our South African tour, one stands out as unique. It was attendance at, and participation as speaker in, the novel experiment of combining music and colour in the large concert hall of the Town Hall of Durban.

Trong số nhiều trải nghiệm thú vị của chuyến lưu diễn Nam Phi của chúng tôi, một trải nghiệm nổi bật là độc nhất. Đó là tham dự và tham gia với tư cách là diễn giả trong thí nghiệm mới lạ kết hợp âm nhạc và màu sắc trong phòng hòa nhạc lớn của Tòa Thị Chính Durban.

Powerful projectors threw changing colours upon walls, pillars and roof of the hall, each change representing as far as possible the presumed tone-colour of the various parts of the performance.

Các máy chiếu mạnh mẽ chiếu các màu sắc thay đổi lên tường, cột và mái của hội trường, mỗi sự thay đổi đại diện cho màu sắc âm thanh giả định của các phần khác nhau của buổi biểu diễn.

The courageous originators of this experiment were Mr Dennis Erwin and Mrs Alexander Buchanan, assisted by the Durban Municipal Orchestra under Mr Dan Godfrey. The concert was given on behalf of the Bachelor Girls' Club (Cambridge House Hostel), and the Funds of the Natal Eisteddfod, and under the patronage of the Governor-General and Countess Clarendon, the Mayor and Mrs Percy Osborne.

Những người khởi xướng dũng cảm của thí nghiệm này là ông Dennis Erwin và bà Alexander Buchanan, được hỗ trợ bởi Dàn nhạc Thành phố Durban dưới sự chỉ huy của ông Dan Godfrey. Buổi hòa nhạc được tổ chức thay mặt cho Câu lạc bộ Cô gái Độc thân (Nhà trọ Cambridge House), và Quỹ của Natal Eisteddfod, và dưới sự bảo trợ của Toàn quyền và Nữ bá tước Clarendon, Thị trưởng và bà Percy Osborne.

Naturally, careful preparation of the public mind was essential; this was done through various public statements, chiefly in the local press.

Tất nhiên, việc chuẩn bị cẩn thận tâm trí công chúng là cần thiết; điều này được thực hiện thông qua các tuyên bố công khai khác nhau, chủ yếu trên báo chí địa phương.

The Address

Bài Diễn Văn

First, I wish to express my sense of privilege in taking a part, however slight, in this the first experiment of its kind.

Trước tiên, tôi muốn bày tỏ cảm giác đặc quyền của mình khi tham gia, dù chỉ là một phần nhỏ, trong thí nghiệm đầu tiên thuộc loại này.

I feel that Durban and indeed South Africa may well be proud of the courage and the capacity of its people to originate, to plan and perform such an experiment—an 'epoch-making experiment'—for to me this evening's program presages the birth of a new art. One envisages in the future colour concerts, the performance of colour symphonies, variations on a chosen colour theme; and even colour solos. Such an art would open up new fields for composers and performers alike, and would bestow upon the world, new beauty, as its possibilities were explored, and as by experiment technical knowledge advanced.

Tôi cảm thấy rằng Durban và thực sự là Nam Phi có thể tự hào về sự dũng cảm và khả năng của người dân của mình để khởi xướng, lập kế hoạch và thực hiện một thí nghiệm như vậy—một 'thí nghiệm tạo ra kỷ nguyên'—vì đối với tôi chương trình tối nay báo trước sự ra đời của một nghệ thuật mới. Người ta hình dung trong tương lai các buổi hòa nhạc màu sắc, biểu diễn các bản giao hưởng màu sắc, biến tấu trên một chủ đề màu sắc được chọn; và thậm chí là các bản độc tấu màu sắc. Một nghệ thuật như vậy sẽ mở ra những lĩnh vực mới cho các nhà soạn nhạc và nghệ sĩ biểu diễn, và sẽ ban tặng cho thế giới, vẻ đẹp mới, khi các khả năng của nó được khám phá, và khi kiến thức kỹ thuật được tiến bộ thông qua thí nghiệm.

Something, of the kind is already being attempted in America where, in connection with an organ, many-coloured lights are reflected from artificially produced clouds of continually changing shapes.

Một điều gì đó tương tự đã được thử nghiệm ở Mỹ, nơi, liên quan đến một cây đàn organ, nhiều ánh sáng màu được phản chiếu từ các đám mây nhân tạo có hình dạng liên tục thay đổi.

Such experiments require a certain courage; for courage is needed to meet the criticism and even scorn of friends and fellow citizens in the pursuit of a new idea. To the vision and courage here displayed this evening I, doubtless with many others of the audience, wish to pay my tribute.

Những thí nghiệm như vậy đòi hỏi một sự dũng cảm nhất định; vì cần có dũng cảm để đối mặt với sự chỉ trích và thậm chí là sự khinh miệt của bạn bè và đồng bào trong việc theo đuổi một ý tưởng mới. Đối với tầm nhìn và dũng cảm được thể hiện ở đây tối nay, tôi, không nghi ngờ gì với nhiều người khác trong khán giả, muốn bày tỏ lòng kính trọng của mình.

Those responsible would, I think, ask us to listen primarily to the music; to regard the colour as of secondary importance, as an accompaniment to be observed as a setting to the musical program.

Những người chịu trách nhiệm sẽ, tôi nghĩ, yêu cầu chúng ta lắng nghe chủ yếu âm nhạc; coi màu sắc là thứ yếu, như một phần đệm để được quan sát như một bối cảnh cho chương trình âm nhạc.

With these few words on behalf of those who

Với những lời này thay mặt cho những người

dreamt this colour dream, I must now proceed with my talk on music as colour and as form.

đã mơ giấc mơ màu sắc này, tôi phải tiếp tục với bài nói chuyện của mình về âm nhạc như màu sắc và như hình thức.

My task is to expound the concept that every sound is accompanied by a definite colour, even though that colour be invisible to us. Furthermore that every colour seen is accompanied by a sound. These supplementary effects, though normally incognizable, can nevertheless be heard and seen by those having extended hearing and vision.

Nhiệm vụ của tôi là giải thích khái niệm rằng mỗi âm thanh đều đi kèm với một màu sắc nhất định, mặc dù màu sắc đó có thể vô hình đối với chúng ta. Hơn nữa, mỗi màu sắc được nhìn thấy đều đi kèm với một âm thanh. Những hiệu ứng bổ sung này, mặc dù thường không thể nhận biết, vẫn có thể được nghe và nhìn thấy bởi những người có khả năng nghe và nhìn mở rộng.

Approach to this fascinating aspect of musical study may be made from three directions, the material, the spiritual and the psychological. The material starting-point is the known scientific fact that sound produces form, as witness the figures of Chladni. A violin bow drawn across the edge of a sand-covered glass plate causes the particles of sand to leap into the air, afterwards to settle down in geometrical designs differing according to the note. Thus we know that in an appropriate medium sound produces form.

Tiếp cận khía cạnh hấp dẫn này của nghiên cứu âm nhạc có thể được thực hiện từ ba hướng, vật chất, tinh thần và tâm lý. Điểm khởi đầu vật chất là thực tế khoa học đã biết rằng âm thanh tạo ra hình thức, như chứng kiến các hình vẽ của Chladni. Một cây cung vĩ cầm kéo qua mép của một tấm kính phủ cát khiến các hạt cát nhảy lên không trung, sau đó lắng xuống trong các thiết kế hình học khác nhau tùy theo nốt nhạc. Do đó, chúng ta biết rằng trong một môi trường thích hợp, âm thanh tạo ra hình thức.

The spiritual approach is that Word, the utterance of which brought all things into being. ‘In the beginning was the Word, the Word was with God, and the Word was God’, say the scriptures, describing the origin of the universe. Then we are told that ‘God spake’ and the form worlds appeared. This allegorical description of the genesis of the universe by sound is based upon scientific laws which are now known. The material worlds are not built of solid bricks, but of electrically charged corpuscles. Behind the appearance of solid matter exists flowing energy, the rapid movement of which produces the illusion of the solidity, e.g., bow-string. So also the flowing power of the Word of God, which when uttered initiates creative

Cách tiếp cận tinh thần là Linh từ, lời phát ra đã mang mọi thứ vào sự tồn tại. 'Ban đầu là Linh từ, Linh từ ở cùng Thượng đế, và Linh từ là Thượng đế', kinh thánh nói, mô tả nguồn gốc của vũ trụ. Sau đó, chúng ta được cho biết rằng 'Thượng đế đã nói' và các thế giới hình thức xuất hiện. Mô tả ẩn dụ này về sự hình thành của vũ trụ bằng âm thanh dựa trên các quy luật khoa học hiện nay đã được biết đến. Các thế giới vật chất không được xây dựng từ những viên gạch rắn, mà từ các hạt điện tích. Đằng sau sự xuất hiện của vật chất rắn tồn tại năng lượng chảy, chuyển động nhanh chóng của nó tạo ra ảo giác về sự rắn chắc, ví dụ, dây cung. Cũng vậy, sức mạnh chảy của Linh từ của Thượng đế, khi được phát ra, khởi đầu các quá trình sáng tạo. Linh từ là năng lượng sáng

processes. The Word is creative energy emitted spiritually as ‘sound’; this energy comes forth on an almost infinite variety of frequencies or notes, each representing a type of physical substance and form. The creative Word therefore is a mighty chord, nay more, a motif in the key of our particular universe. This Word the Divine Musician utters with creative intent ‘in the beginning’; virginal matter responds, as does the sand upon the glass. Differentiation occurs, forms appear, each a manifestation of creative energy, each a projection of an archetype or divine ‘idea’.

tạo phát ra một cách tinh thần như 'âm thanh'; năng lượng này xuất hiện trên một loạt tần số hoặc nốt gần như vô hạn, mỗi tần số đại diện cho một loại chất và hình thức vật lý. Do đó, Linh từ sáng tạo là một hợp âm mạnh mẽ, không chỉ vậy, một chủ đề trong khóa của vũ trụ cụ thể của chúng ta. Linh từ này, Nhạc sĩ Thiêng liêng phát ra với ý định sáng tạo 'ban đầu'; vật chất trinh nguyên đáp ứng, như cát trên kính. Sự biến phân xảy ra, các hình thức xuất hiện, mỗi hình thức là một biểu hiện của năng lượng sáng tạo, mỗi hình thức là một sự phóng chiếu của một nguyên mẫu hoặc 'ý tưởng' thiêng liêng.

Upon that basic theme of His universe, the Divine Musician may be thought of as composing variations; change occurs and the evolutionary process is established; The first crude forms improve as He, ever creating, ever composing, continually makes manifest His creative power.

Trên chủ đề cơ bản của vũ trụ của Ngài, Nhạc sĩ Thiêng liêng có thể được nghĩ đến như đang sáng tác các biến tấu; sự thay đổi xảy ra và quá trình tiến hóa được thiết lập; Các hình thức thô sơ đầu tiên được cải thiện khi Ngài, luôn sáng tạo, luôn sáng tác, liên tục thể hiện sức mạnh sáng tạo của Ngài.

Thus behind all creation, all light, all colour, all form, there is sound, the uttered creative Word. Life is indeed a song; creation a wondrous symphony; health and happiness attunement; disease and pain effects of discord.

Do đó, đằng sau mọi sự sáng tạo, mọi ánh sáng, mọi màu sắc, mọi hình thức, có âm thanh, Linh từ sáng tạo được phát ra. Cuộc sống thực sự là một bài hát; sự sáng tạo là một bản giao hưởng kỳ diệu; sức khỏe và hạnh phúc là sự hòa hợp; bệnh tật và đau đớn là hiệu ứng của sự bất hòa.

The music made by man is a time-and-space manifestation of this eternal song of creation; it too produces light, colour, form, and this brings us to the third approach to our subject, the psychological. Most of us who love music find in it far more than sound alone. We enjoy music not through the ears alone, ravished though they may be by the works of the great masters; not through the mind alone, delighted and uplifted though our intellects may be by the artistry, technique and method of composer and performer alike. In addition to these responses, there is a third which may

Âm nhạc do con người tạo ra là một biểu hiện thời gian và không gian của bài hát vĩnh cửu này của sự sáng tạo; nó cũng tạo ra ánh sáng, màu sắc, hình thức, và điều này đưa chúng ta đến cách tiếp cận thứ ba đối với chủ đề của chúng ta, tâm lý học. Hầu hết chúng ta, những người yêu âm nhạc, tìm thấy trong nó nhiều hơn chỉ là âm thanh. Chúng ta thưởng thức âm nhạc không chỉ qua tai, mặc dù chúng có thể bị mê hoặc bởi các tác phẩm của các bậc thầy vĩ đại; không chỉ qua tâm trí, mặc dù trí tuệ của chúng ta có thể được thỏa mãn và nâng cao bởi nghệ thuật, kỹ thuật và phương pháp của

be termed the psychical, since it arises in the soul, the psyche in man. This response differs greatly with the individual; for just as we vary in our capacity to respond physically to music —our ability to hear inner parts, overtones, harmonies, to perceive canon, fugue, and tone colour—so also do we differ in our capacity to respond emotionally and mentally to the more subjective effects of music. This is true not only of music generally but of individual response to different composers and different works. One person is uplifted, almost exalted, by certain passages of Wagner which to others remain but masses of jumbled sound. Some are unmoved by the clear beauty of works of Bach and Beethoven which have power to elevate others into super-sensual states of consciousness.

nhà soạn nhạc và nghệ sĩ biểu diễn. Ngoài những phản ứng này, còn có một phản ứng thứ ba có thể được gọi là tâm lý, vì nó phát sinh trong linh hồn, tâm hồn của con người. Phản ứng này khác nhau rất nhiều với từng cá nhân; vì cũng như chúng ta khác nhau trong khả năng phản ứng vật lý với âm nhạc—khả năng của chúng ta để nghe các phần bên trong, âm bội, hòa âm, để nhận thức canon, fugue và màu sắc âm thanh—chúng ta cũng khác nhau trong khả năng phản ứng cảm xúc và tinh thần với các hiệu ứng chủ quan hơn của âm nhạc. Điều này không chỉ đúng với âm nhạc nói chung mà còn với phản ứng cá nhân đối với các nhà soạn nhạc và tác phẩm khác nhau. Một người được nâng cao, gần như được tôn vinh, bởi những đoạn nhất định của Wagner mà đối với người khác chỉ là những khối âm thanh lộn xộn. Một số người không bị lay động bởi vẻ đẹp rõ ràng của các tác phẩm của Bach và Beethoven, những tác phẩm có sức mạnh nâng cao người khác vào các trạng thái tâm thức siêu cảm giác.

Capacity thus to respond, though innate in all of us, depends much upon our musical education. Here I feel a great responsibility rests upon teachers of music. Surely they should teach not only performance and appreciation, but also an understanding of the emotional, mental and spiritual content of various works. This is of much importance, for response to the inner content of music always brings with it a deepening of the spiritual life. The bestowal upon us of this inner enrichment is, I submit, the true function of every art. Capacity for this deeper enjoyment of music can, I feel assured, be developed; more easily in the young perchance, but also, in every one of us. Practice in the visualization of the tone-colour and form of a phrase, an air, and later a complete work, definitely increases one's capacities in this direction. Added to

Khả năng phản ứng như vậy, mặc dù bẩm sinh trong tất cả chúng ta, phụ thuộc nhiều vào giáo dục âm nhạc của chúng ta. Ở đây tôi cảm thấy một trách nhiệm lớn đặt lên vai các giáo viên âm nhạc. Chắc chắn họ nên dạy không chỉ biểu diễn và đánh giá cao, mà còn cả sự hiểu biết về nội dung cảm xúc, tinh thần và tinh thần của các tác phẩm khác nhau. Điều này rất quan trọng, vì phản ứng với nội dung bên trong của âm nhạc luôn mang lại sự sâu sắc của đời sống tinh thần. Việc ban tặng cho chúng ta sự phong phú bên trong này, tôi cho rằng, là chức năng thực sự của mọi nghệ thuật. Khả năng thưởng thức sâu sắc hơn âm nhạc này có thể, tôi cảm thấy chắc chắn, được phát triển; dễ dàng hơn ở người trẻ có lẽ, nhưng cũng ở mỗi chúng ta. Thực hành trong việc hình dung màu sắc âm thanh và hình thức của một cụm từ, một giai điệu, và sau đó là một tác phẩm hoàn chỉnh, chắc chắn làm tăng khả

visualization may well be the association of music with subjective experiences, such as calm, peace, heroism, happiness: and exaltation.

năng của một người trong hướng này. Thêm vào hình dung có thể là sự liên kết của âm nhạc với các trải nghiệm chủ quan, chẳng hạn như sự bình tĩnh, hòa bình, anh hùng, hạnh phúc: và sự tôn vinh.

Some people quite naturally conceive of the tone, colour, form and intention of a work. I have even met those who readily perceive interior effects of music as flashing light, as colour, changing with every note, chord and phrase; as form, built and rebuilt as in a sonata by motif and variation.

Một số người hoàn toàn tự nhiên hình dung về âm thanh, màu sắc, hình thức và ý định của một tác phẩm. Tôi thậm chí đã gặp những người dễ dàng nhận thấy các hiệu ứng nội thất của âm nhạc như ánh sáng nhấp nháy, như màu sắc, thay đổi với mỗi nốt nhạc, hợp âm và cụm từ; như hình thức, được xây dựng và tái tạo như trong một sonata bởi chủ đề và biến tấu.

I myself have some slight faculty in this direction, and, as the program states, have responded to the suggestion of musicians that I should endeavour to develop and use it for the study of music.

Bản thân tôi có một số khả năng nhỏ trong hướng này, và, như chương trình đã nêu, đã đáp ứng với đề xuất của các nhạc sĩ rằng tôi nên cố gắng phát triển và sử dụng nó cho việc nghiên cứu âm nhạc.

The subject is a large one, not to be dealt with at all adequately in the brief period allowed to me. After repeated experiment the following principles would seem to be established:

Chủ đề này rất lớn, không thể được xử lý đầy đủ trong thời gian ngắn được cho phép. Sau nhiều lần thí nghiệm, các nguyên tắc sau đây dường như đã được thiết lập:

Each note when sounded, whether from instrument or voice, releases energy. This can be perceived as light, varying in colour with every note.

Mỗi nốt khi được phát ra, dù từ nhạc cụ hay giọng hát, đều giải phóng năng lượng. Điều này có thể được nhận thức như ánh sáng, thay đổi màu sắc với mỗi nốt nhạc.

Each chord when struck also produces light, but of many hues, shining about and from the source of the sound.

Mỗi hợp âm khi được đánh cũng tạo ra ánh sáng, nhưng với nhiều sắc thái, tỏa sáng xung quanh và từ nguồn âm thanh.

Each air, motif and phrase produces a form [which] is a constant; it is built of flowing sound forces, themselves also visible as many-coloured light.

Mỗi giai điệu, chủ đề và cụm từ tạo ra một hình thức [mà] là một hằng số; nó được xây dựng từ các mãnh lực âm thanh chảy, bản thân chúng cũng có thể nhìn thấy như ánh sáng nhiều màu sắc.

Each composition produces a complete form composed of many sub-forms, the whole shining as if lit from within, and changing in

Mỗi tác phẩm tạo ra một hình thức hoàn chỉnh bao gồm nhiều hình thức phụ, toàn bộ tỏa sáng như thể được chiếu sáng từ bên trong, và

shape and colour with every change of key, chord, phrase and theme.

thay đổi hình dạng và màu sắc với mỗi thay đổi của khóa, hợp âm, cụm từ và chủ đề.

Great works produce great symmetrical forms reaching even to a height of one hundred feet, and rising as the work proceeds. These are intensely glowing as if a measure of the fire of the genius of the composer were incarnate within them, adding a higher beauty and giving a greater permanence to the music form.

Các tác phẩm vĩ đại tạo ra các hình thức đối xứng lớn đạt đến độ cao một trăm feet, và tăng lên khi tác phẩm tiến triển. Chúng phát sáng mãnh liệt như thể một phần của ngọn lửa của thiên tài của nhà soạn nhạc được hiện thân trong chúng, thêm vào một vẻ đẹp cao hơn và mang lại sự bền vững lớn hơn cho hình thức âm nhạc.

Certain works of Wagner produce massive, craglike, mountainous forms; of Mendelssohn light, brilliant, cloud-like structures with waves and streams of colour rippling over the surfaces. Such forms last for many hours after the performance has ceased, continuing in the inner worlds as objects of great beauty. Solos produce a ribbon of connected note-form, and each varying, in colour, size, and shape, with the note, time and tonal quality. These ribbons sometimes wind themselves round the music form of the accompaniment, and sometimes flow out from their source into the air.

Một số tác phẩm của Wagner tạo ra các hình thức khổng lồ, giống như núi đá; của Mendelssohn là các cấu trúc nhẹ, rực rỡ, giống như mây với các làn sóng và dòng màu sắc gợn sóng trên bề mặt. Những hình thức như vậy tồn tại trong nhiều giờ sau khi buổi biểu diễn đã kết thúc, tiếp tục trong các thế giới nội tâm như những đối tượng của vẻ đẹp lớn. Các bản độc tấu tạo ra một dải hình thức nốt kết nối, và mỗi dải thay đổi, về màu sắc, kích thước và hình dạng, với nốt nhạc, thời gian và chất lượng âm thanh. Những dải này đôi khi tự quấn quanh hình thức âm nhạc của phần đệm, và đôi khi chảy ra từ nguồn của chúng vào không khí.

Should the composition be imperfect, partially or not at all inspired, this also is reflected in the imperfect shape and the dull and ill-blended colours of the music form. Debased music produces ugly interior effects; it is an evil thing, a prostitution of a sacred art, a defilement of the temple of beauty; it degrades those who compose, perform and answer to it.

Nếu tác phẩm không hoàn hảo, một phần hoặc không được truyền cảm hứng, điều này cũng được phản ánh trong hình dạng không hoàn hảo và màu sắc mờ nhạt và không hòa quyện của hình thức âm nhạc. Âm nhạc suy đồi tạo ra các hiệu ứng nội thất xấu xí; nó là một điều xấu xa, một sự lạm dụng của một nghệ thuật thiêng liêng, một sự ô uế của ngôi đền của vẻ đẹp; nó làm suy đồi những người sáng tác, biểu diễn và đáp ứng với nó.

Just as within all music forms it would appear that a measure of the creative power of the composer is incarnate, so also the interpreter, if he too possess genius, may add his fire to the glowing, flame-like forms, ensouling them

Cũng như trong tất cả các hình thức âm nhạc, dường như một phần của sức mạnh sáng tạo của nhà soạn nhạc được hiện thân, cũng vậy, người diễn giải, nếu anh ta cũng sở hữu thiên tài, có thể thêm ngọn lửa của mình vào các

with his life. Thus the true artist enhances the power of music to give pleasure, to uplift and inspire those who hear him perform.

hình thức rực rỡ, giống như ngọn lửa, phú linh chúng với cuộc sống của mình. Do đó, nghệ sĩ thực sự nâng cao sức mạnh của âm nhạc để mang lại niềm vui, nâng cao và truyền cảm hứng cho những người nghe anh ta biểu diễn.

Such genius is truly divine, such art a sacred rite; for the creative fire in God and in man is one fire, one flame.

Thiên tài như vậy thực sự là thiêng liêng, nghệ thuật như vậy là một nghi lễ thiêng liêng; vì ngọn lửa sáng tạo trong Thượng đế và trong con người là một ngọn lửa, một ngọn lửa.

When a genius composes, the Great Composer whose composition is the Universe inspires, composes through him, for this is the meaning of genius.

Khi một thiên tài sáng tác, Nhạc sĩ Vĩ đại mà tác phẩm của Ngài là Vũ trụ truyền cảm hứng, sáng tác qua anh ta, vì đây là ý nghĩa của thiên tài.

When a true artist performs, interprets, an inspired work, he too becomes inspired. God plays or sings through him. Divine power is in his music, divine light shines through the forms which he re-creates.

Khi một nghệ sĩ thực sự biểu diễn, diễn giải, một tác phẩm được truyền cảm hứng, anh ta cũng trở nên được truyền cảm hứng. Thượng đế chơi hoặc hát qua anh ta. Sức mạnh thiêng liêng có trong âm nhạc của anh ta, ánh sáng thiêng liêng tỏa sáng qua các hình thức mà anh ta tái tạo.

These are the principles.

Đây là những nguyên tắc.

So with every art; the artist is as a High Priest in the temple of Beauty, on the altar of which God as Beauty is shrined. For there is but one Supreme Artist which is God; one work of art which is the Universe and all that it contains. Such in part are the results of my attempted study of music as colour and as form.

Vì vậy, với mọi nghệ thuật; nghệ sĩ như một Thượng Tế trong ngôi đền của Vẻ Đẹp, trên bàn thờ mà Thượng đế như Vẻ Đẹp được tôn thờ. Vì chỉ có một Nghệ sĩ Tối Cao là Thượng đế; một tác phẩm nghệ thuật là Vũ trụ và tất cả những gì nó chứa đựng. Đó là một phần kết quả của nghiên cứu của tôi về âm nhạc như màu sắc và như hình thức.

The Theosophist, Vol. 56, Part 1, 1934, p. 79

Thông Thiên Học, Tập 56, Phần 1, 1934, trang 79

113

Is There A Link Between Orthodox and Occult Chemistry?—Có Liên Kết Nào Giữa Hóa Học Chính Thống và Hóa Học Huyền Bí Không?

(This concerns Occult Chemistry and one particular aspect of this topic.

(Điều này liên quan đến Hóa Học Huyền Bí và một khía cạnh cụ thể của chủ đề này.

Dr Besant and C.W. Leadbeater for many years carried out occult research into the structure of matter. One of their findings, more especially, has given rise to much questioning and therefore need for explanation. This is their persistent discovery and report of geometrical figures associated with every one of the elements which they examined.

Tiến sĩ Besant và C.W. Leadbeater trong nhiều năm đã thực hiện nghiên cứu huyền bí về cấu trúc của vật chất. Một trong những phát hiện của họ, đặc biệt, đã gây ra nhiều câu hỏi và do đó cần giải thích. Đây là sự phát hiện và báo cáo liên tục của họ về các hình dạng hình học liên quan đến mỗi một trong các nguyên tố mà họ đã kiểm tra.

In association with scientists, Mr Hodson has carried out the same research and, interestingly, with the same result. He is, however, very loath to speak about his own inner life and what he calls his minor experiences and discoveries. On this occasion, however, he has consented to speak about these geometrical figures and take us with him into his experiences in such research.)

Trong sự hợp tác với các nhà khoa học, ông Hodson đã thực hiện cùng một nghiên cứu và, thú vị là, với cùng một kết quả. Tuy nhiên, ông rất miễn cưỡng nói về cuộc sống nội tâm của mình và những gì ông gọi là những trải nghiệm và khám phá nhỏ của mình. Tuy nhiên, trong dịp này, ông đã đồng ý nói về những hình dạng hình học này và đưa chúng ta cùng ông vào những trải nghiệm trong nghiên cứu như vậy.)

The subject is so broad, deep and important and my information so slight that I am really hesitant to give even a brief comment upon it. However, I have been especially requested to do so, and shall tentatively advance an idea. Ideally, an introduction should come first, for one cannot assume that all those present have made a study of Cosmogenesis, the formation of atoms, the structure of physical matter and the book *Occult Chemistry.* Those who have not done so will, I fear, find my necessarily brief references to these teachings to be almost incomprehensible.

Chủ đề này rất rộng, sâu và quan trọng và thông tin của tôi rất ít nên tôi thực sự do dự khi đưa ra một bình luận ngắn gọn về nó. Tuy nhiên, tôi đã được yêu cầu đặc biệt để làm như vậy, và sẽ tạm thời đưa ra một ý tưởng. Lý tưởng nhất, một phần giới thiệu nên đến trước, vì không thể giả định rằng tất cả những người có mặt đã nghiên cứu về Vũ trụ học, sự hình thành của các nguyên tử, cấu trúc của vật chất vật lý và cuốn sách *Hóa Học Huyền Bí.* Những người chưa làm như vậy, tôi e rằng, sẽ thấy những tham chiếu ngắn gọn của tôi về những giáo lý này gần như không thể hiểu được.

Those of you who have become familiar with the research work of Dr Besant and C. W. Leadbeater will know that amongst other investigations they turned their attention to the structure of matter, the formation of atoms in pre-cosmic Space, and the resultant effects at various levels and down here in the physical world. One of their discoveries is so very strange that it cannot as yet be in any

Những người trong số các bạn đã quen thuộc với công việc nghiên cứu của Tiến sĩ Besant và C. W. Leadbeater sẽ biết rằng trong số các cuộc điều tra khác, họ đã chú ý đến cấu trúc của vật chất, sự hình thành của các nguyên tử trong Không gian tiền vũ trụ, và các hiệu ứng kết quả ở các cấp độ khác nhau và ở đây trong thế giới vật lý. Một trong những phát hiện của họ rất kỳ lạ đến mức nó không thể liên quan đến

way related to the present views of atomic physicists concerning the structure of matter at the gaseous, liquid and solid levels. This is the consistent appearance of geometrical forms in association with chemical elements.

quan điểm hiện tại của các nhà vật lý nguyên tử về cấu trúc của vật chất ở các cấp độ khí, lỏng và rắn. Đây là sự xuất hiện nhất quán của các hình thức hình học liên quan đến các nguyên tố hóa học.

I was not going to say much about my own small efforts in this field, but can now mention this point. Whenever by use of the *ajnic* microscope one penetrates beyond the solid, liquid or gaseous state of an element presented for investigation and reaches into its Etheric Double and magnifies that until molecular combinations begin to be conceived and seen, in every case a very dynamic geometrical figure presents itself. During my experimental researches under a scientist, great care was taken to avoid either any kind of mental telepathy resulting perhaps from preceding examination of diagrams in the book *Occult Chemistry.* By this means, an entirely empty mind was brought to bear upon the particular studies. In all cases, however, certain figures were seen which tallied with those illustrated in the book *Occult Chemistry.* I have not hitherto written or spoken about this at all as yet, not feeling ready to do so, but at the special request of the General Secretary, I offer a tentative explanation of these geometrical figures, highly oversimplified and purely for free consideration. I hope the accompanying diagram may help those unfamiliar with the subject.

Tôi không định nói nhiều về những nỗ lực nhỏ của mình trong lĩnh vực này, nhưng bây giờ có thể đề cập đến điểm này. Bất cứ khi nào bằng cách sử dụng kính hiển vi *ajnic* một người thâm nhập vượt ra ngoài trạng thái rắn, lỏng hoặc khí của một nguyên tố được trình bày để điều tra và đạt đến Bản Sao Dĩ Thái của nó và phóng đại điều đó cho đến khi các tổ hợp phân tử bắt đầu được hình dung và nhìn thấy, trong mọi trường hợp, một hình dạng hình học rất động xuất hiện. Trong các nghiên cứu thực nghiệm của tôi dưới sự giám sát của một nhà khoa học, đã rất cẩn thận để tránh bất kỳ loại viễn cảm nào có thể xảy ra từ việc kiểm tra trước các sơ đồ trong cuốn sách *Hóa Học Huyền Bí.* Bằng cách này, một tâm trí hoàn toàn trống rỗng đã được áp dụng cho các nghiên cứu cụ thể. Trong tất cả các trường hợp, tuy nhiên, một số hình dạng nhất định đã được nhìn thấy phù hợp với những hình minh họa trong cuốn sách *Hóa Học Huyền Bí.* Tôi chưa từng viết hoặc nói về điều này cho đến nay, không cảm thấy sẵn sàng để làm như vậy, nhưng theo yêu cầu đặc biệt của Tổng Thư ký, tôi đưa ra một giải thích tạm thời về những hình dạng hình học này, rất đơn giản hóa và chỉ để xem xét tự do. Tôi hy vọng sơ đồ kèm theo có thể giúp những người không quen thuộc với chủ đề này.

The presumed Divine Emanator of Universes, when active, is said to function according to three modes, which may have given rise to the trinitarian idea of the Logos—Father, Son and Holy Ghost or Creator, Preserver and Destroyer. In essence, however, the First Logos must be conceived as a unit, a triune Deity. According to Theosophy the three

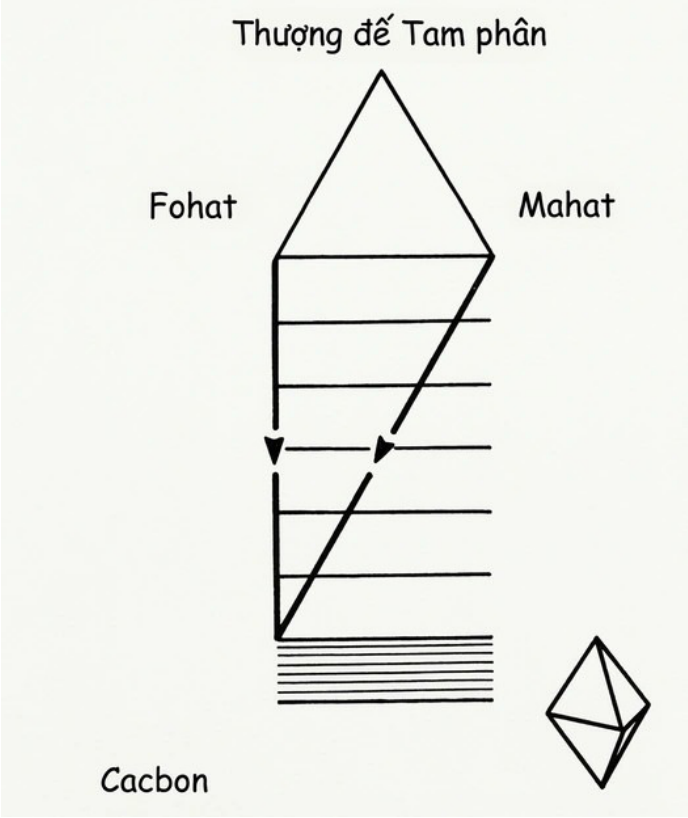
Người ta cho rằng Đấng Phát Ra Vũ Trụ Thiêng Liêng, khi hoạt động, được cho là hoạt động theo ba chế độ, có thể đã tạo ra ý tưởng về ba ngôi của Logos—Cha, Con và Chúa Thánh Thần hoặc Đấng Tạo Hóa, Đấng Bảo Tồn và Đấng Hủy Diệt. Tuy nhiên, về bản chất, Logos Đầu Tiên phải được hình dung như một đơn vị, một Thượng đế ba ngôi. Theo Thông Thiên

Aspects are as follows: —

Học, ba Phương diện như sau: —

The Logos as Source and Projector of the electrical force which form atoms in hitherto pre-cosmic Space. Think of the triple Logos diagrammatically as an equilateral triangle (diagram) and from one angle at the base a vertical line 'descending'—representing this projected force, and reaching the physical plane. Thus the triple Logos exists and functions as Source and Projector of an electrical force which in Tibetan is called *Fohat,* and as already stated, this is the former of atoms in hitherto pre-cosmic Space. This is the primal preparation of the field in which a Universe is to be emanated and formed.

Logos như Nguồn và Người Chiếu của mãnh lực điện tạo thành các nguyên tử trong Không gian tiền vũ trụ. Hãy nghĩ về ba ngôi Logos một cách sơ đồ như một tam giác đều (sơ đồ) và từ một góc ở đáy một đường thẳng đứng 'hạ xuống'—đại diện cho mãnh lực được chiếu này, và đạt đến cõi vật lý. Do đó, ba ngôi Logos tồn tại và hoạt động như Nguồn và Người Chiếu của một mãnh lực điện mà trong tiếng Tây Tạng được gọi là *Fohat,* và như đã nói, đây là người tạo ra các nguyên tử trong Không gian tiền vũ trụ. Đây là sự chuẩn bị ban đầu của trường mà trong đó một Vũ trụ sẽ được phát ra và hình thành.



(2) The Logos also exists as Fashioner or Shaper of forms. This is God the Conceiver, presumably also God as Geometrician, Architect and with the aid of the 'Gods', the Builder.

Logos cũng tồn tại như Người Tạo Hình hoặc Người Định Hình các hình thức. Đây là Thượng đế Người Tưởng Tượng, có lẽ cũng là Thượng đế như Nhà Hình Học, Kiến Trúc Sư và với sự trợ giúp của 'các Thượng đế', Người Xây

Dựng.

The design for each element and every form is thus presumed to pre-exist in the Major Logoic Mind, which in Sanskrit is called *Mahat*—Universal Mind, the Archetype of everything that is ever going to appear at all phases of development, right up to the concluding highest degree of perfection attainable by the end of the *Manvantara.* The model or Divine 'Idea' in the Platonic sense thus exists in an archetypal form at the level of the Divine Mind. This is the everlasting Reality of Plato, all else being regarded by him as transitory and so unreal.

Thiết kế cho mỗi nguyên tố và mọi hình thức được cho là tồn tại trước trong Tâm Trí Logoic Chính, mà trong tiếng Phạn được gọi là *Mahat* — Trí Tuệ Vũ Trụ, Nguyên Mẫu của mọi thứ sẽ xuất hiện ở tất cả các giai đoạn phát triển, cho đến mức độ hoàn thiện cao nhất có thể đạt được vào cuối *Manvantara.* Mô hình hoặc 'Ý tưởng' Thiêng Liêng theo nghĩa Platonic do đó tồn tại dưới dạng nguyên mẫu ở cấp độ Tâm Trí Thiêng Liêng. Đây là Thực Tại vĩnh cửu của Plato, tất cả những thứ khác được ông coi là tạm thời và do đó không thực.

In addition, the Logos exists as the Source of life, with which we are not concerned this evening. We are only concerned with *Fohat* and *Mahat* acting in unison, as is suggested in the diagram.

Ngoài ra, Logos tồn tại như Nguồn của sự sống, mà chúng ta không quan tâm tối nay. Chúng ta chỉ quan tâm đến *Fohat* và *Mahat* hoạt động cùng nhau, như được gợi ý trong sơ đồ.

Let us now go back to the very beginnings, when the darkness of *Pralaya* has drawn to a close, all being silent as when 'darkness was upon the face of the deep'. Then, apparently, the cosmic hour strikes and the emanated First Logos moves into action. 'The Spirit of God moved upon the face of the waters. And God said, Let there be light' (Genesis 1:2,3).

Hãy quay lại những khởi đầu, khi bóng tối của *Pralaya* đã kết thúc, tất cả đều im lặng như khi 'bóng tối bao phủ mặt nước sâu'. Sau đó, dường như, giờ vũ trụ điểm và Logos Đầu Tiên phát ra chuyển động vào hành động. 'Thần Linh của Thượng đế di chuyển trên mặt nước. Và Thượng đế nói, Hãy có ánh sáng' (Sáng thế 1:2,3).

All occurs from within outwards, please remember.

Tất cả xảy ra từ bên trong ra ngoài, xin hãy nhớ.

The first event, apparently, is the emanation or projection of the atom-forming energy, *Fohat,* this being projected into space and substance. It penetrates, very gradually according to our time sense—though possible in the twinkling of the Divine eye actually through degrees of density of matter until the densest on our Earth is reached—the physical.

Sự kiện đầu tiên, dường như, là sự phát ra hoặc chiếu của năng lượng tạo hình nguyên tử, *Fohat,* điều này được chiếu vào không gian và chất liệu. Nó thâm nhập, rất dần dần theo cảm giác thời gian của chúng ta—mặc dù có thể trong nháy mắt của mắt Thiêng Liêng thực sự qua các cấp độ đậm đặc của vật chất cho đến khi đạt đến mức đậm đặc nhất trên Trái Đất của chúng ta—cõi vật lý.

What actually is *Fohat* said to do? It sets up spinning vortices in pre-cosmic Space, or '*Fohat* digs holes in Space' *(The Secret Doctrine),* and these are the primordial atoms. These vortices are produced on all planes right down to the first sub-plane of our physical ether—Ether 1. They eventually combine to produce the chemical elements at the gaseous, liquid and solid levels of the physical plane, enormously long periods of Solar time being involved.

Thực sự *Fohat* được cho là làm gì? Nó thiết lập các xoáy quay trong Không gian tiền vũ trụ, hoặc '*Fohat* đào lỗ trong Không gian' *(Giáo Lý Bí Nhiệm),* và đây là các nguyên tử nguyên thủy. Những xoáy này được tạo ra trên tất cả các cõi xuống đến cõi phụ đầu tiên của dĩ thái vật lý của chúng ta—Dĩ Thái 1. Chúng cuối cùng kết hợp để tạo ra các nguyên tố hóa học ở các cấp độ khí, lỏng và rắn của cõi vật lý, với thời gian rất dài của Mặt Trời liên quan.

It is at this point, one may perhaps presume, that *Mahat* influences these combinations, which eventually form the chemical elements according to Logoic archetypal thought. If this is so, it may possibly explain how it is that when C. W. Leadbeater and Dr Annie Besant tried to examine the procedure, at that point they always saw a geometrical figure; for *Fohat* does not operate alone, since the Divine Mind, or *Mahat*, is also operative in Space, and these two may be thought of as acting in unison. Thus it would be the Divine Mind with its archetypal concept, which produces the forms down at the etheric level and the model of each of the physical elements, and that model generally tends to be geometrical in form. I suggest, therefore, that what is then seen is a combination of the interactive *Fohat* and the archetypal model as both exist at the physical-etheric level—one is the noumenon of cosmic electricity and the other a projection of Logoic thought. The resultant forms in etheric matter reflect the Divine 'Idea', and are geometrical—'God geometrises'.

Có lẽ tại điểm này, người ta có thể giả định, *Mahat* ảnh hưởng đến những tổ hợp này, cuối cùng tạo thành các nguyên tố hóa học theo tư tưởng nguyên mẫu Logoic. Nếu điều này là đúng, có thể giải thích tại sao khi C. W. Leadbeater và Tiến sĩ Annie Besant cố gắng kiểm tra quy trình, tại điểm đó họ luôn nhìn thấy một hình dạng hình học; vì *Fohat* không hoạt động một mình, vì Tâm Trí Thiêng Liêng, hoặc *Mahat*, cũng hoạt động trong Không gian, và hai điều này có thể được nghĩ đến như hoạt động cùng nhau. Do đó, có thể là Tâm Trí Thiêng Liêng với khái niệm nguyên mẫu của nó, tạo ra các hình thức ở cấp độ dĩ thái và mô hình của mỗi nguyên tố vật lý, và mô hình đó thường có xu hướng có hình dạng hình học. Tôi đề xuất, do đó, rằng những gì sau đó được nhìn thấy là sự kết hợp của *Fohat* tương tác và mô hình nguyên mẫu khi cả hai tồn tại ở cấp độ dĩ thái-vật lý—một là hiện tượng của điện vũ trụ và cái kia là một sự phóng chiếu của tư tưởng Logoic. Các hình thức kết quả trong vật chất dĩ thái phản ánh 'Ý tưởng' Thiêng Liêng, và là hình học—'Thượng đế hình học hóa'.

Take the carbon atom, for example. The investigators, having penetrated through the dense solid substance, become aware at the etheric degrees of density and perceive a geometrical form—in this case an octahedron. This is not to be thought of only as one of the familiar Platonic solids, but as a tremendously

Lấy ví dụ nguyên tử carbon. Các nhà điều tra, sau khi thâm nhập qua chất rắn đậm đặc, nhận thức được ở các cấp độ đậm đặc dĩ thái và nhận thấy một hình dạng hình học—trong trường hợp này là một hình bát diện. Điều này không nên được nghĩ đến chỉ như một trong những hình khối Platonic quen thuộc, mà như

dynamic eight-sided figure formed by the flow of *Fohatic* energy under the influence of the Archetype. Outward through each of the sides from the centre, force is seen to be rushing somewhat in the form of funnels.

The physicist, however, is concerned only with electrical energy within the range of his instruments and mental concepts. He does not, cannot, come into contact with the etheric and superphysical aspects of molecules and atoms. Neither can he be aware of the presence of a conserving life-force within. Hence the figures are invisible.

May I add my own conviction to which I have come after a great many hours—strenuous hours—of attempted clairvoyant examination of different elements—that at some level between the point of emanation of interactive *Fohat-Mahat* on the plane of *Adi* and its manifestation at the physical level, the geometrical forms have an actual existence which is specific and constant in relation to each chemical element. At any rate I have consistently found this to be the case.

I thus have reason to believe in the possession of occult powers of perception by Dr A. Besant and C. W. Leadbeater, since in this field also, I have experienced something similar to that which they reveal. I do not accept in the least the derogation of C. W. Leadbeater as a 'self deluded man', but regard him as a great Occultist and Gnostic in the highest meaning of that term.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 2, 1969, p. 38

(See *C. W. Leadbeater—Great Occultist,* compiled by Sandra Hodson.)

[Compilers Note: For scientific vindication of *Occult Chemistry,* see the book *Extrasensory*

một hình tám mặt cực kỳ động được hình thành bởi dòng năng lượng *Fohatic* dưới ảnh hưởng của Nguyên Mẫu. Từ trung tâm ra ngoài qua mỗi mặt, mãnh lực được nhìn thấy đang lao ra dưới dạng các phễu.

Tuy nhiên, nhà vật lý chỉ quan tâm đến năng lượng điện trong phạm vi của các công cụ và khái niệm tinh thần của mình. Anh ta không, không thể, tiếp xúc với các khía cạnh dĩ thái và siêu vật lý của các phân tử và nguyên tử. Anh ta cũng không thể nhận thức được sự hiện diện của một mãnh lực bảo tồn sự sống bên trong. Do đó, các hình dạng là vô hình.

Tôi có thể thêm niềm tin của riêng mình mà tôi đã đạt được sau rất nhiều giờ—những giờ căng thẳng—của việc cố gắng kiểm tra thông nhãn các nguyên tố khác nhau—rằng ở một cấp độ nào đó giữa điểm phát ra của *Fohat-Mahat* tương tác trên cõi *Adi* và sự biểu hiện của nó ở cấp độ vật lý, các hình dạng hình học có một sự tồn tại thực sự cụ thể và không đổi liên quan đến mỗi nguyên tố hóa học. Dù sao tôi cũng đã nhất quán tìm thấy điều này là trường hợp.

Do đó, tôi có lý do để tin vào việc sở hữu các quyền năng nhận thức huyền bí của Tiến sĩ A. Besant và C. W. Leadbeater, vì trong lĩnh vực này cũng vậy, tôi đã trải nghiệm điều gì đó tương tự như những gì họ tiết lộ. Tôi không chấp nhận chút nào sự hạ thấp của C. W. Leadbeater như một 'người tự lừa dối', mà coi ông là một Nhà Huyền Bí vĩ đại và một Nhà Tri Thức theo nghĩa cao nhất của thuật ngữ đó.

Thông Thiên Học tại New Zealand, Tập 30, Số 2, 1969, trang 38

(Xem *C. W. Leadbeater — Nhà Huyền Bí Vĩ Đại,* biên soạn bởi Sandra Hodson.)

[Chú thích của Người biên soạn: Để có sự xác nhận khoa học về *Hóa Học Huyền Bí,* hãy xem

Perception of Quarks by Dr Phillips who is a particle physicist. For a simplified version of that book read, *Occult Chemistry Re-Evaluated* by Dr Lester Smith a noted biochemist and Fellow of the Royal Society who has worked closely with Dr Phillips.]

cuốn sách *Nhận Thức Ngoại Cảm về Quarks* của Tiến sĩ Phillips, một nhà vật lý hạt. Để có phiên bản đơn giản hóa của cuốn sách đó, hãy đọc *Hóa Học Huyền Bí Được Đánh Giá Lại* của Tiến sĩ Lester Smith, một nhà hóa sinh nổi tiếng và là Thành viên của Hiệp hội Hoàng gia, người đã làm việc chặt chẽ với Tiến sĩ Phillips.]

114

The Clairvoyant Study of Motherhood—Nghiên Cứu Thông Nhãn về Tình Mẫu Tử

In order that the ideas which I am about to put forward may be more easily understood, I propose to present a brief statement of their place in the fundamental philosophy upon which they are based. The purpose of human existence in the flesh is that of growth. As a result of repeated incarnations in human form, the immortal Spirit which is Man eventually attains to a standard of perfection which has been set for him by that Major Intelligence of which he is at once a projection and a part.

Để những ý tưởng mà tôi sắp trình bày có thể dễ dàng được hiểu hơn, tôi đề xuất trình bày một tuyên bố ngắn gọn về vị trí của chúng trong triết lý cơ bản mà chúng dựa trên. Mục đích của sự tồn tại con người trong xác thịt là sự phát triển. Kết quả của những lần nhập thể lặp đi lặp lại trong hình thức con người, Linh Hồn bất tử là Con Người cuối cùng đạt đến một tiêu chuẩn hoàn thiện đã được đặt ra cho anh ta bởi Trí Tuệ Lớn mà anh ta vừa là một sự phóng chiếu vừa là một phần.

Each incarnation in the flesh is in reality a fifth part or stage of a cycle of existence. This cycle opens at the time when the immortal Spirit, which is man clothed in that undying principle which the Greeks called the Shining Augoeides, under the impulse of the divine will feels a thirst for wider powers of self-expression and an urge to enter new fields of evolution. Under that impulse, he projects a portion of himself downward into levels of matter more dense than those upon which he normally resides. Assisted by certain intelligent agents of the Logos, he builds for himself vehicles of expression in the worlds of thought, of feeling, and of physical matter. When the process of building is sufficiently advanced, he is born as a helpless infant and enters upon the physical stage of the life cycle.

Mỗi lần nhập thể trong xác thịt thực sự là một phần năm hoặc giai đoạn của một chu kỳ tồn tại. Chu kỳ này mở ra vào thời điểm khi Linh Hồn bất tử, là con người được bao bọc trong nguyên lý bất diệt mà người Hy Lạp gọi là Augoeides Sáng Chói, dưới sự thúc đẩy của ý chí thiêng liêng cảm thấy một khát khao cho những quyền năng tự biểu hiện rộng lớn hơn và một sự thúc đẩy để bước vào những lĩnh vực tiến hóa mới. Dưới sự thúc đẩy đó, anh ta phóng chiếu một phần của mình xuống các cấp độ vật chất đậm đặc hơn những cấp độ mà anh ta thường cư trú. Được hỗ trợ bởi một số tác nhân thông minh của Logos, anh ta xây dựng cho mình các phương tiện biểu hiện trong các thế giới của tư tưởng, cảm xúc và vật chất vật lý. Khi quá trình xây dựng tiến triển đủ, anh ta được sinh ra như một đứa trẻ sơ sinh

After that stage is completed, the process of descent is reversed. The physical body is cast off, its material disintegrates, and the man then finds himself functioning in his emotional body; that vehicle in its turn wears out and is laid aside, leaving the man with no vehicle of consciousness lower than the mental level. Likewise the mental body eventually disintegrates, and that portion of himself which was put forth at the beginning of the life cycle is then withdrawn, bearing with it in terms of memory and capacity the products of all the experiences through which the man has passed.

bất lực và bước vào giai đoạn vật lý của chu kỳ sống. Sau khi giai đoạn đó hoàn thành, quá trình đi xuống được đảo ngược. Cơ thể vật lý bị loại bỏ, vật liệu của nó phân rã, và người đàn ông sau đó thấy mình hoạt động trong cơ thể cảm xúc của mình; phương tiện đó lần lượt hao mòn và bị loại bỏ, để lại người đàn ông không có phương tiện tâm thức nào thấp hơn cấp độ tinh thần. Tương tự, cơ thể tinh thần cuối cùng phân rã, và phần của anh ta được đưa ra lúc bắt đầu chu kỳ sống sau đó được rút lại, mang theo nó dưới dạng ký ức và khả năng các sản phẩm của tất cả các trải nghiệm mà người đàn ông đã trải qua.

Then follows a gestatory period, during which all experiences are translated into faculty, into powers and gifts, and are added to those which have already been developed in previous life cycles. When that stage is over, the thirst for new experience is felt once more, and the process is repeated over and over again until the time when every possible power has been unfolded, every human lesson learned. All necessity for birth has then been transcended and a new phase of unfoldment begins: man enters the super-human fields of evolution, continuing there his long pilgrimage back to That from which he came.

Sau đó là một giai đoạn thai nghén, trong đó tất cả các trải nghiệm được dịch thành khả năng, thành quyền năng và quà tặng, và được thêm vào những gì đã được phát triển trong các chu kỳ sống trước đó. Khi giai đoạn đó kết thúc, khát khao cho trải nghiệm mới lại được cảm nhận, và quá trình được lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến khi mọi quyền năng có thể được mở ra, mọi bài học con người được học. Tất cả sự cần thiết cho sự sinh ra sau đó đã được vượt qua và một giai đoạn phát triển mới bắt đầu: con người bước vào các lĩnh vực tiến hóa siêu nhân, tiếp tục cuộc hành trình dài của mình trở lại Đấng mà từ đó anh ta đã đến.

Such is the story of the prodigal son, who is man; such is the philosophic basis for the ideas which 1 am about to expound. They are not put forward in the least as dogmatic assertions, but rather as suggestions. They represent the age-old teachings of the Ancient Wisdom tested and examined by the occult researches of an unbroken succession of investigators into nature's hidden mysteries.

Đó là câu chuyện của người con hoang đàng, là con người; đó là cơ sở triết học cho những ý tưởng mà tôi sắp trình bày. Chúng không được đưa ra như những khẳng định giáo điều, mà là những gợi ý. Chúng đại diện cho những giáo lý cổ xưa của Minh Triết Ngàn Đời được kiểm tra và xem xét bởi các nghiên cứu huyền bí của một chuỗi liên tục các nhà điều tra vào những bí ẩn ẩn giấu của tự nhiên.

The faculty used in such researches is that known in modern days as clairvoyance. By 'clairvoyance' I do not mean to imply conditions of mediumship, trance or any of

Khả năng được sử dụng trong các nghiên cứu như vậy được biết đến trong thời hiện đại là thông nhãn. Bằng 'thông nhãn' tôi không có ý ám chỉ các điều kiện của đồng tử, xuất thần

the supposed phenomena surrounding the spiritualistic concept of psychic powers. I refer to the positively controlled seership which is latent in every man, and is awakened in the few, (I have written of this subject in *The Science of Seership).*

hoặc bất kỳ hiện tượng nào được cho là xung quanh khái niệm tâm linh của các quyền năng thông linh. Tôi đề cập đến sự nhìn thấy được kiểm soát tích cực vốn tiềm ẩn trong mỗi con người, và được đánh thức ở một số ít, (Tôi đã viết về chủ đề này trong *Khoa Học Thông Nhãn).*

Clairvoyant research discloses the fact that amid the myriad of atoms of which the three mortal bodies of man are composed, there is one in each of them which does not share in the general dissipation of material which occurs at death. These three permanent atoms —the physical, emotional and mental—are attached to the Ego or spiritual man by a thread of light, and they become the storehouse of all the experiences through which the man passes in each of his three vehicles. All these experiences are indelibly implanted upon these atoms in terms of power of vibratory response. Nothing that happens to the man is ever lost, but is permanently imprinted upon the atoms of which his bodies are composed.

Nghiên cứu thông nhãn tiết lộ thực tế rằng giữa vô số các nguyên tử mà ba cơ thể phàm của con người được cấu thành, có một trong mỗi cơ thể không tham gia vào sự phân tán vật chất chung xảy ra khi chết. Ba nguyên tử trường tồn này—vật lý, cảm xúc và tinh thần —được gắn vào Chân ngã hoặc con người tinh thần bằng một sợi dây ánh sáng, và chúng trở thành kho lưu trữ của tất cả các trải nghiệm mà con người trải qua trong mỗi phương tiện của mình. Tất cả những trải nghiệm này đều được khắc sâu không thể xóa nhòa lên các nguyên tử này dưới dạng sức mạnh của phản ứng rung động. Không có gì xảy ra với con người bị mất đi, mà được in sâu vĩnh viễn lên các nguyên tử mà cơ thể của anh ta được cấu thành.

We may picture, then, the opening of the life cycle—at which point the Ego is making ready to plunge once more down into the material worlds, in search of knowledge and of power. Hanging below him on a glowing golden thread are his three permanent atoms, each quiescent during the gestatory period, but now answering to the thrill of his life.

Chúng ta có thể hình dung, sau đó, sự mở đầu của chu kỳ sống—tại điểm mà Chân ngã đang chuẩn bị để lao xuống một lần nữa vào các thế giới vật chất, tìm kiếm tri thức và quyền năng. Treo bên dưới anh ta trên một sợi dây vàng rực rỡ là ba nguyên tử trường tồn của anh ta, mỗi nguyên tử yên tĩnh trong giai đoạn thai nghén, nhưng bây giờ đáp ứng với sự kích thích của cuộc sống của anh ta.

Under that impulse each becomes a magnet and draws towards itself material appropriate to the type of vibrations, which it is emitting. By this means, as the months of prenatal life are passing, an agglomeration of matter is gathered around the three permanent atoms and is gradually organized into a vehicle of consciousness—one in each of the three lower

Dưới sự thúc đẩy đó, mỗi nguyên tử trở thành một nam châm và thu hút về phía mình vật chất phù hợp với loại rung động mà nó đang phát ra. Bằng cách này, khi các tháng của cuộc sống trước khi sinh trôi qua, một sự kết hợp của vật chất được thu thập xung quanh ba nguyên tử trường tồn và dần dần được tổ chức thành một phương tiện tâm thức—một trong

worlds. This attraction of material appears to be governed by electro-magnetic laws, and the result of it is that each vehicle is built of matter which is exactly appropriate to the development and needs of the man himself. It follows, therefore, that injustice is impossible, and the bodies with which we are equipped represent absolute justice for each one of us.

mỗi ba thế giới thấp hơn. Sự thu hút vật chất này dường như được điều chỉnh bởi các quy luật điện từ, và kết quả của nó là mỗi phương tiện được xây dựng từ vật chất hoàn toàn phù hợp với sự phát triển và nhu cầu của chính con người. Do đó, sự bất công là không thể, và các cơ thể mà chúng ta được trang bị đại diện cho sự công bằng tuyệt đối cho mỗi người trong chúng ta.

This process, however, is not entirely automatic; for clairvoyant observation reveals the presence of intelligent beings who are guarding and guiding the growing vehicles.

Quá trình này, tuy nhiên, không hoàn toàn tự động; vì quan sát thông nhãn tiết lộ sự hiện diện của các sinh vật thông minh đang bảo vệ và hướng dẫn các phương tiện đang phát triển.

One of the most striking results which follow the awakening of the clairvoyant faculty is the discovery of the fact that the human race is not the only order of intelligences using this planet and Solar System. In addition to the growing mineral, vegetable, animal and human consciousness, there exist many other orders of beings evolving side by side with the known occupants of our planet and mingling in varying degree with them.

Một trong những kết quả nổi bật nhất theo sau sự thức tỉnh của khả năng thông nhãn là phát hiện ra thực tế rằng loài người không phải là trật tự trí tuệ duy nhất sử dụng hành tinh và Hệ Mặt Trời này. Ngoài ý thức khoáng sản, thực vật, động vật và con người đang phát triển, còn tồn tại nhiều trật tự sinh vật khác tiến hóa song song với các cư dân đã biết của hành tinh chúng ta và hòa trộn ở mức độ khác nhau với chúng.

One such race is that called in the East by the name of *Devas,* which means 'Shining Ones'—so called because the bodies of its members are built of material which is self-luminous. These 'Shining Ones' are the angels of the Christian Scriptures, and they constitute a parallel stream of evolution existing side by side with the stream to which we belong and, though normally invisible, very closely associated with ourselves (I refer those interested to my books: *The Brotherhood of Angels and of Men* and *The Angelic Hosts).* For our present purpose it is sufficient to say that the body used by both the human and the angelic races is apparently taken from the same model, for angels appear with human forms, human faces; their expression differs

Một chủng tộc như vậy được gọi ở phương Đông bằng tên *Devas,* có nghĩa là 'Những Đấng Sáng Chói'—được gọi như vậy vì cơ thể của các thành viên của nó được xây dựng từ vật chất tự phát sáng. Những 'Đấng Sáng Chói' này là các thiên thần của Kinh Thánh Cơ Đốc, và chúng tạo thành một dòng tiến hóa song song tồn tại song song với dòng mà chúng ta thuộc về và, mặc dù thường vô hình, rất gần gũi với chúng ta (Tôi giới thiệu những người quan tâm đến các cuốn sách của tôi: *Huynh Đệ của Các Thiên Thần và Con Người* và *Các Đoàn Thiên Thần).* Đối với mục đích hiện tại của chúng ta, đủ để nói rằng cơ thể được sử dụng bởi cả loài người và loài thiên thần dường như được lấy từ cùng một mô hình, vì các thiên thần xuất hiện với hình dạng con người, khuôn mặt con

from our own, however, in that their countenances are stamped with a super-human beauty and 'other-worldliness'.

người; biểu hiện của chúng khác với của chúng ta, tuy nhiên, ở chỗ khuôn mặt của chúng được đóng dấu với một vẻ đẹp siêu nhân và 'khác thế giới'.

To return to our subject, members of this race were found to be assisting in the processes of human birth. As a rule, it would appear that at least three members of the angelic hierarchy are present from the time of the opening of the life cycle. One of these operates from the Higher Mental level and is in possession of fall knowledge concerning the karmic situation of the Ego about to incarnate; he co-operates with his subordinates at the Lower Mental and emotional levels, and passes on to them sufficient knowledge of the particular aspect and measure of karma which is to be worked out in the forthcoming incarnation.

Quay trở lại chủ đề của chúng ta, các thành viên của chủng tộc này được phát hiện đang hỗ trợ trong các quá trình sinh nở của con người. Theo quy luật, dường như ít nhất ba thành viên của huyền giai thiên thần có mặt từ thời điểm mở đầu của chu kỳ sống. Một trong số này hoạt động từ cấp độ Tinh Thần Cao hơn và có kiến thức đầy đủ về tình huống nghiệp quả của Chân ngã sắp nhập thể; anh ta hợp tác với cấp dưới của mình ở các cấp độ Tinh Thần Thấp hơn và cảm xúc, và truyền đạt cho họ đủ kiến thức về khía cạnh và mức độ nghiệp quả cụ thể sẽ được giải quyết trong lần nhập thể sắp tới.

An understanding of their work will, perhaps, best be grasped from a brief account of the activities of the *deva* working at the emotional level. The function of this being is to supervise the construction of the Astral, Etheric and physical bodies. In the pursuance of his tasks he continually endeavours to produce the best possible result which the karma of the individual will permit. For the most part, he achieves this by enclosing the growing forms within his own aura, allowing his own potent and vivid life-force to play upon, purify and vitalize them; by this means, also, he insulates both mother and child—particularly the latter—from the effects of external adverse circumstances, maternal shocks, emotional disturbances and inharmonious psychic environment. He remains in this close contact up to the very moment of delivery, watching the increase in the size and development of the bodies, taking advantage of every favourable circumstance and serving as a channel for the force of his hierarchy to the embryo. In addition, he pays the greatest

Sự hiểu biết về công việc của họ có lẽ sẽ được nắm bắt tốt nhất từ một bản tường thuật ngắn gọn về các hoạt động của *deva* làm việc ở cấp độ cảm xúc. Chức năng của sinh vật này là giám sát việc xây dựng các cơ thể Cảm Dục, Dĩ Thái và vật lý. Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, anh ta liên tục cố gắng tạo ra kết quả tốt nhất có thể mà nghiệp quả của cá nhân cho phép. Phần lớn, anh ta đạt được điều này bằng cách bao bọc các hình thức đang phát triển trong hào quang của mình, cho phép mãnh lực sống động và mạnh mẽ của mình tác động lên, thanh lọc và tiếp sinh lực cho chúng; bằng cách này, anh ta cũng cách ly cả mẹ và con—đặc biệt là đứa trẻ—khỏi các tác động của hoàn cảnh bất lợi bên ngoài, các cú sốc của mẹ, các xáo trộn cảm xúc và môi trường tâm linh không hài hòa. Anh ta duy trì liên hệ chặt chẽ này cho đến tận thời điểm sinh nở, theo dõi sự gia tăng kích thước và sự phát triển của các cơ thể, tận dụng mọi hoàn cảnh thuận lợi và phục vụ như một kênh cho mãnh lực của huyền giai của mình đến phôi thai. Ngoài ra, anh ta chú ý rất nhiều đến quá trình liên kết tâm thức của

attention to the process of linking the consciousness of the Ego with that of his vehicles. The extremely fine adjustment that is necessary for the perfect working of the super-physical and physical mechanism of consciousness is brought about by his agency.

Chân ngã với tâm thức của các phương tiện của mình. Sự điều chỉnh cực kỳ tinh tế cần thiết cho sự hoạt động hoàn hảo của cơ chế tâm thức siêu vật lý và vật lý được thực hiện bởi sự can thiệp của anh ta.

The etheric and physical bodies are built by a dual process: this is partly automatic and partly the product of the semi-intelligent activity of a number of subordinate workers called nature-spirits. These tiny beings, who stand on the lower rungs of the angelic ladder of evolution, fulfil the office of builder in our worlds of form.

Các cơ thể dĩ thái và vật lý được xây dựng bằng một quá trình kép: điều này một phần là tự động và một phần là sản phẩm của hoạt động bán thông minh của một số công nhân cấp dưới được gọi là tinh linh tự nhiên. Những sinh vật nhỏ bé này, đứng trên các bậc thang thấp hơn của thang tiến hóa thiên thần, thực hiện vai trò của người xây dựng trong các thế giới hình thức của chúng ta.

At the formation of the zygote or first cell, from which the foetus develops, and the attachment of the permanent atom, a distinct vibration is emitted from that composite body. This vibration belongs to the order of sound; though not physically audible it is occultly discernible, and is seen to produce the following effects:

Tại sự hình thành của hợp tử hoặc tế bào đầu tiên, từ đó phôi thai phát triển, và sự gắn kết của nguyên tử trường tồn, một rung động rõ rệt được phát ra từ cơ thể tổng hợp đó. Rung động này thuộc về loại âm thanh; mặc dù không thể nghe thấy về mặt vật lý, nó có thể được nhận biết một cách huyền bí, và được thấy là tạo ra các hiệu ứng sau:

1. The insulation of the sphere of influence within which the building operations are to occur.

Sự cách ly của phạm vi ảnh hưởng trong đó các hoạt động xây dựng sẽ xảy ra.

2. The magnetization or specialization of all material within that sphere.

Sự từ hóa hoặc chuyên biệt hóa của tất cả vật chất trong phạm vi đó.

3. The production of an etheric form which is the mould into which the new body is to be built.

Sự sản xuất của một hình thức dĩ thái là khuôn mẫu mà cơ thể mới sẽ được xây dựng.

4. The calling of appropriate nature-spirit builders (i.e., those on that particular wavelength).

Sự kêu gọi của các tinh linh tự nhiên phù hợp (tức là, những người trên bước sóng cụ thể đó).

These builders, called by the fundamental note of their own nature, enter the insulated sphere; they find within it an atmosphere peculiarly suited to them, in which they can

Những người xây dựng này, được gọi bởi âm điệu cơ bản của bản chất riêng của họ, bước vào quả cầu cách ly; họ tìm thấy trong đó một bầu không khí đặc biệt phù hợp với họ, nơi họ

conveniently work, and material which has been magnetized to the same wave-length as themselves—as the result of the original emitted vibrations. They then work like a hive of bees: they absorb this material, assimilate it and implant upon it still more definitely their own specific vibration, and then deposit it in and around the growing form. The position which this material assumes is governed by the lines of force which represent etherically the shape and structure of the body-to-be. Free matter is also being attracted into position by similar laws. As the different types of tissue are to be constructed, such as bone, nerve, brain, muscle, etc., further modification of the original vibration is emitted and governs both the choice of material and its arrangements in the body.

có thể làm việc thuận tiện, và vật liệu đã được từ hóa theo cùng bước sóng với họ - kết quả của những rung động ban đầu phát ra. Sau đó, họ làm việc như một tổ ong: họ hấp thụ vật liệu này, đồng hóa nó và cấy lên nó rung động đặc thù của họ một cách rõ ràng hơn, sau đó đặt nó vào và xung quanh hình tướng đang phát triển. Vị trí mà vật liệu này đảm nhận được điều chỉnh bởi các đường mãnh lực vốn đại diện cho hình dạng và cấu trúc của cơ thể sắp hình thành. Vật chất tự do cũng đang được thu hút vào vị trí theo các quy luật tương tự. Khi các loại mô khác nhau được xây dựng, chẳng hạn như xương, dây thần kinh, bộ não, cơ bắp, v.v., sự biến đổi thêm của rung động ban đầu được phát ra và điều chỉnh cả việc lựa chọn vật liệu và sự sắp xếp của nó trong cơ thể.

The foundation on which the body is built, as also the planet and Solar System, is not a foundation of solid matter but of flowing electro-magnetic energies. Just as man reaches the standard of perfection set for him by association with and mastery of matter, so the angelic hosts reach their goal by association with and manipulation of these flowing energies and forces of the Solar System. In the process which I have just previously described we see them at work.

Nền tảng mà cơ thể được xây dựng, cũng như hành tinh và Hệ Mặt Trời, không phải là nền tảng của vật chất rắn mà là của các năng lượng điện từ chảy. Cũng như con người đạt đến tiêu chuẩn hoàn thiện được đặt ra cho họ thông qua sự liên kết và làm chủ vật chất, thì các đoàn thiên thần đạt đến mục tiêu của họ thông qua sự liên kết và thao tác các năng lượng và mãnh lực chảy của Hệ Mặt Trời. Trong quá trình mà tôi vừa mô tả trước đó, chúng ta thấy họ đang làm việc.

When the eighth month is reached, a change begins to occur in the appearance of the emotion-deva; gradually the semblance of a bright blue cloak is to be seen covering his head and shoulders as he assumes more and more the likeness of the Madonna. The Astral, Etheric and Physical Bodies are held by him with a tender and reverent embrace: the blue mantle rests upon the mother, and to those who can see, a vision of wondrous beauty is revealed as this change becomes more and more marked. (I use the masculine for convenience only; the *deva* is a-sexual.)

Khi tháng thứ tám đến, một sự thay đổi bắt đầu xảy ra trong diện mạo của thiên thần cảm dục; dần dần hình ảnh của một chiếc áo choàng xanh sáng được nhìn thấy bao phủ đầu và vai của y khi y ngày càng giống với hình ảnh của Đức Mẹ. Các Thể Cảm Dục, Dĩ Thái và Thể Xác được y giữ với một cái ôm dịu dàng và tôn kính: chiếc áo choàng xanh nằm trên người mẹ, và đối với những ai có thể thấy, một cảnh tượng đẹp đẽ kỳ diệu được tiết lộ khi sự thay đổi này ngày càng rõ rệt. (Tôi sử dụng giống đực chỉ để thuận tiện; thiên thần là vô tính.)

Investigation shows that this remarkable phenomenon is the result of the work of the feminine aspect of the Deity, of whom all women are representatives and in whose service every mother officiates. This aspect of the Logos has been represented in our planet by a succession of great Beings, known to the ancients under various names, such as Isis, Ishtar, Venus; and, in our own times, the Virgin Mother of our Lord, [from 'American Lectures']

Điều tra cho thấy hiện tượng đáng chú ý này là kết quả của công việc của khía cạnh nữ tính của Thượng đế, mà tất cả phụ nữ đều là đại diện và trong sự phục vụ của Ngài, mỗi người mẹ đều thực hiện nhiệm vụ của mình. Khía cạnh này của Thượng đế đã được đại diện trên hành tinh của chúng ta bởi một loạt các Đấng Cao Cả, được người xưa biết đến dưới nhiều tên gọi khác nhau, như Isis, Ishtar, Venus; và, trong thời đại của chúng ta, là Đức Mẹ Đồng Trinh của Chúa chúng ta, [từ 'American Lectures']

Theosophy in Australia, Vol. 31,12 December 1943, p. 265

Theosophy in Australia, Tập 31, 12 Tháng Mười Hai 1943, tr. 265

115

A Threefold Birth—Một Sự Sinh Tam Phân

(Clairvoyant observations of prenatal phenomena associated with triplets at approximately 5 months.)

(Quan sát thông nhãn về hiện tượng tiền sinh liên quan đến ba đứa trẻ sinh ba vào khoảng 5 tháng.)

A problem regarding multiple births concerns the number of Egos present. Are the plural bodies manifestations of one Monad-Ego or is there one Ego for each Personality? This was the main question in my mind as I was granted the opportunity of visiting a mother-to-be, within whom three distinct bodies were being formed.

Một vấn đề liên quan đến sinh nhiều con là số lượng Chân Ngã hiện diện. Liệu các cơ thể đa dạng là biểu hiện của một Chân Thần-Chân Ngã hay có một Chân Ngã cho mỗi Phàm Ngã? Đây là câu hỏi chính trong tâm trí tôi khi tôi được trao cơ hội thăm một người mẹ sắp sinh, trong đó ba cơ thể riêng biệt đang được hình thành.

At the opening of each new incarnation, the Ego to be reborn turns its attention towards the physical plane and physical life from which it hopes to attain new faculties and to advance farther toward Adeptship. Whilst this attention projects a Ray of Egoic power, life and consciousness 'downwards' in terms of density of matter, the process actually occurs from within outwards. Diagrammatically, and perhaps to some extent correctly, the movement may, however, be described as 'downward' in space.

Tại mỗi lần mở đầu của một kiếp sống mới, Chân Ngã sắp tái sinh hướng sự chú ý của mình về cõi hồng trần và cuộc sống vật chất từ đó nó hy vọng đạt được những khả năng mới và tiến xa hơn về phía Chân Sư. Trong khi sự chú ý này phóng chiếu một Cung của quyền năng Chân Ngã, sự sống và tâm thức 'xuống dưới' theo nghĩa đậm đặc của vật chất, quá trình thực sự xảy ra từ bên trong ra ngoài. Về mặt sơ đồ, và có lẽ ở một mức độ nào đó đúng, chuyển động có thể được mô tả là 'xuống dưới' trong không gian. Các thể Nguyên Nhân của

The Causal bodies of the Ego to be born and the mother-to-be practically coincide during prenatal life. The embryonic mental, Astral and Etheric Bodies, as also the etheric mould, are within the mother's physical body and interpenetrate and surround the growing foetus.

Chân Ngã sắp sinh và người mẹ sắp sinh gần như trùng khớp trong suốt cuộc sống tiền sinh. Các Thể Trí, Cảm Dục và Dĩ Thái phôi thai, cũng như khuôn mẫu dĩ thái, nằm trong cơ thể vật chất của người mẹ và thâm nhập và bao quanh bào thai đang phát triển.

In the case under observation, three Egos, and so three sets of permanent atoms, three rays of power, one associated with each embryo, three building angels at the mental level and three at the Astral level and three etheric moulds, were found to be present. Only one Presiding *Deva* at the Causal level seemed to be needed, one alone apparently being sufficient to administer the process of the apportioning to the new personalities of the pleasure-giving and pain-producing karma generated in preceding lives, and to supervise the processes of building the bodies and inducting Egoic consciousness into them. Thus, as far as I could discern, three distinct individualities and pairs of building *devas* were present in this case of triple conception.

Trong trường hợp đang quan sát, ba Chân Ngã, và do đó ba bộ nguyên tử trường tồn, ba cung quyền năng, một liên kết với mỗi phôi thai, ba thiên thần xây dựng ở cấp độ trí tuệ và ba ở cấp độ cảm dục và ba khuôn mẫu dĩ thái, được tìm thấy hiện diện. Chỉ có một Thiên Thần Chủ Tọa ở cấp độ Nguyên Nhân dường như là cần thiết, một mình y dường như đủ để quản lý quá trình phân bổ cho các phàm ngã mới của nghiệp quả mang lại niềm vui và gây đau khổ được tạo ra trong các kiếp sống trước, và giám sát các quá trình xây dựng các cơ thể và dẫn dắt tâm thức Chân Ngã vào chúng. Vì vậy, theo như tôi có thể nhận thấy, ba cá nhân riêng biệt và các cặp thiên thần xây dựng hiện diện trong trường hợp thụ thai ba này.

The mother's Mento-Astral aura was greatly expanded to at least double its normal size and was radiantly beautiful. At this fifth month period, the Madonna blue sheen[54] was beginning to appear in the upper part of her aura. Her throat, heart, solar plexus and spleen *chakras* were more especially hyperactive. Superphysical *pranas* were flowing into her in extra measure through throat and solar plexus and physical *prana* through the much enlarged astro-etheric spleen *chakra.* The heart *chakra* was chiefly activated from within by Egoic forces from *manasic-buddhic* levels, the whole aura being charged with added pranic and superphysical forces.

Hào quang Mento-Cảm Dục của người mẹ sắp sinh được mở rộng rất nhiều, ít nhất gấp đôi kích thước bình thường của nó và rực rỡ đẹp đẽ. Tại giai đoạn tháng thứ năm này, ánh sáng xanh của Đức Mẹ bắt đầu xuất hiện ở phần trên của hào quang của bà. Các luân xa cổ họng, tim, tùng thái dương và lá lách của bà đặc biệt hoạt động mạnh mẽ. Các prana siêu vật lý đang chảy vào bà với số lượng lớn thông qua cổ họng và tùng thái dương và prana vật lý thông qua luân xa lá lách astro-dĩ thái mở rộng rất nhiều. Luân xa tim chủ yếu được kích hoạt từ bên trong bởi các mãnh lực Chân Ngã từ các cấp độ trí tuệ-bồ đề, toàn bộ hào quang được nạp thêm các mãnh lực prana và siêu vật lý.

The Ego of the mother-to-be was exalted by intimate association with three loved Egos, with the *Arupa* and *Rupa devas* and the activity of divine (macrocosmic) creative power *(Fohat)* within her whole being, the aura being rendered radiant and pure thereby. Two of the reincarnating Egos were, I rather think, incarnate as her brother and sister in her last life, whilst her association with the third probably dated from an earlier life. All are, however, very closely linked to her.

Chân Ngã của người mẹ sắp sinh được nâng cao bởi sự liên kết mật thiết với ba Chân Ngã yêu thương, với các thiên thần Arupa và Rupa và hoạt động của quyền năng sáng tạo thiêng liêng (Fohat) trong toàn bộ bản thể của bà, hào quang được làm cho rực rỡ và tinh khiết nhờ đó. Hai trong số các Chân Ngã tái sinh, tôi nghĩ, đã hóa thân thành anh trai và chị gái của bà trong kiếp trước, trong khi mối liên hệ của bà với người thứ ba có lẽ đã có từ một kiếp sống trước đó. Tất cả đều rất gắn bó với bà.

The etheric body elemental and the building nature spirits concerned with cell building and rebuilding and regeneration were intensely active both upon the mother's body and within the etheric moulds upon those of the babies-to-be.

Tinh linh thể dĩ thái và các tinh linh xây dựng tự nhiên liên quan đến việc xây dựng và tái tạo tế bào hoạt động mạnh mẽ cả trên cơ thể của người mẹ và trong các khuôn mẫu dĩ thái trên cơ thể của các em bé sắp sinh.

Three healthy babies were later born.

Ba em bé khỏe mạnh sau đó đã được sinh ra.

I have given here only a brief description of my observations, in this particular case. A more complete account of the processes of the descent into incarnation is given in *Lecture Notes, Volume I, Occult Powers in Nature and in Man* and in *The Kingdom of the Gods.*

Tôi chỉ đưa ra một mô tả ngắn gọn về những quan sát của tôi trong trường hợp cụ thể này. Một tài khoản đầy đủ hơn về các quá trình của sự giáng sinh vào hóa thân được đưa ra trong *Lecture Notes, Volume I, Occult Powers in Nature and in Man* và trong *The Kingdom of the*

[54] sự huy hoàng, sự rực rỡ,

Notes, Volume I, Occult Powers in Nature and in Man and in *The Kingdom of the Gods.*

Lecture Notes, Volume I, Occult Powers in Nature and in Man và trong *The Kingdom of the Gods.*

Theosophy in Australia, Vol. 44, Issue 8, August 1956, p. 156

Theosophy in Australia, Tập 44, Số 8, Tháng Tám 1956, tr. 156

116

The Descent of the Human Ego into Incarnation—Sự Giáng Sinh của Chân Ngã Con Người vào Hóa Thân

I will not take up your time in going over what we all know so very well—the situation in the world concerning woman, womanhood and the maternal and paternal functions. We all know that the position is deplorable and is chiefly characterized by the absence of reverence. Humanity, or at least some parts of Western humanity, seem to be losing the sense of holiness. When a nation loses its sense of the holiness of life in any aspect, and particularly in that of the maternal function, then that nation is in moral decline. As I travel through the nations of the world, I see evidences of that decline. The moral standard everywhere is far too low. That is why I welcome and value so greatly such a movement as the Mothers' Research Group of America. I feel there cannot be too many such movements and their branches, and that this is indeed practical Theosophy.

Tôi sẽ không làm mất thời gian của bạn bằng cách đi qua những gì tất cả chúng ta đều biết rất rõ - tình hình trên thế giới liên quan đến phụ nữ, nữ tính và các chức năng làm mẹ và làm cha. Chúng ta đều biết rằng vị trí này là đáng tiếc và chủ yếu được đặc trưng bởi sự thiếu tôn kính. Nhân loại, hoặc ít nhất là một số phần của nhân loại phương Tây, dường như đang mất đi cảm giác về sự thiêng liêng. Khi một quốc gia mất đi cảm giác về sự thiêng liêng của cuộc sống ở bất kỳ khía cạnh nào, và đặc biệt là trong chức năng làm mẹ, thì quốc gia đó đang suy thoái đạo đức. Khi tôi đi qua các quốc gia trên thế giới, tôi thấy bằng chứng của sự suy thoái đó. Tiêu chuẩn đạo đức ở khắp mọi nơi là quá thấp. Đó là lý do tại sao tôi hoan nghênh và đánh giá cao rất nhiều một phong trào như Nhóm Nghiên Cứu Các Bà Mẹ của Mỹ. Tôi cảm thấy không thể có quá nhiều phong trào như vậy và các chi nhánh của chúng, và rằng đây thực sự là Thông Thiên Học thực tiễn.

I am going to offer, undogmatically and purely for your consideration, some ideas concerning the process of the descent of the Ego (the Inner Immortal Self) into incarnation—ideas born of the study of Theosophy and of attempted research into pre-natal life.

Tôi sẽ đưa ra, không giáo điều và chỉ để bạn xem xét, một số ý tưởng liên quan đến quá trình giáng sinh của Chân Ngã (Bản Ngã Bất Tử Bên Trong) vào hóa thân - những ý tưởng sinh ra từ việc nghiên cứu Thông Thiên Học và nỗ lực nghiên cứu cuộc sống tiền sinh.

Let us imagine that we are functioning in our Causal Bodies and watching the process of descent to birth. What are we likely to see?

Hãy tưởng tượng rằng chúng ta đang hoạt động trong các Thể Nguyên Nhân của mình và quan sát quá trình giáng sinh đến sự ra đời.

First of all, there will have been consultation between certain high Authorities—Intelligences connected with the outworking of karma, racial, national and individual. These Beings, who are partly concerned with the evolution of the Egos of humanity, give careful consideration to the evolutionary necessities of Egos about to descend to birth. These representatives of the Lipika[55] are participating at the Causal level and there will be one who might be called the Presiding Angel for the period and processes of prenatal life, who, under its seniors, makes the decision. This Angel knows the whole of the karma of the Ego—pleasure-giving, pain-producing and neutral. It also knows, often by consultation with its seniors, how much of benefices [benefits] and how much adversity can be worked out in the new incarnation without hurting, injuring or holding up the progress of that Ego.

Chúng ta có khả năng thấy gì? Trước hết, sẽ có sự tham vấn giữa một số Quyền Năng cao - các Trí Tuệ liên quan đến sự thực hiện nghiệp quả, chủng tộc, quốc gia và cá nhân. Những Đấng này, một phần liên quan đến sự tiến hóa của các Chân Ngã của nhân loại, xem xét cẩn thận các nhu cầu tiến hóa của các Chân Ngã sắp giáng sinh. Những đại diện của Lipika này đang tham gia ở cấp độ Nguyên Nhân và sẽ có một người có thể được gọi là Thiên Thần Chủ Tọa cho giai đoạn và quá trình của cuộc sống tiền sinh, người, dưới sự chỉ đạo của các bậc tiền bối, đưa ra quyết định. Thiên Thần này biết toàn bộ nghiệp quả của Chân Ngã - mang lại niềm vui, gây đau khổ và trung tính. Ngài cũng biết, thường là thông qua tham vấn với các bậc tiền bối, bao nhiêu lợi ích và bao nhiêu nghịch cảnh có thể được thực hiện trong hóa thân mới mà không làm tổn thương, gây hại hoặc cản trở sự tiến bộ của Chân Ngã đó.

After such consultation with its colleagues and certain Officials in the Adept Hierarchy, the Presiding Angel portions out in general, and very flexibly, the karmic position for the new life. All karma, let us remember, is good karma, because it is harmonizing, balancing and educative. Before birth, the amount of karma, adverse and beneficent in its outworking, which is to be expressed, and at what levels—Mental, Astral or Physical—in the life about to begin, is decided upon. That knowledge will then be handed on to the building devas at the Mental and the Astral levels, and it is part of their office to make the very most of the situation and to see that any adverse physical tendencies, malformations or disease are offset by benefices, to the end of the best possible result. They cannot,

Sau khi tham vấn với các đồng nghiệp và một số Quan Chức trong Thánh Đoàn Chân Sư, Thiên Thần Chủ Tọa phân bổ một cách tổng quát và rất linh hoạt vị trí nghiệp quả cho cuộc sống mới. Tất cả nghiệp quả, hãy nhớ rằng, là nghiệp quả tốt, vì nó hài hòa, cân bằng và giáo dục. Trước khi sinh, lượng nghiệp quả, bất lợi và có lợi trong sự thực hiện của nó, sẽ được biểu hiện, và ở mức độ nào - Trí Tuệ, Cảm Dục hoặc Vật Lý - trong cuộc sống sắp bắt đầu, được quyết định. Kiến thức đó sau đó sẽ được chuyển giao cho các thiên thần xây dựng ở cấp độ Trí Tuệ và Cảm Dục, và đó là một phần trong nhiệm vụ của họ để tận dụng tối đa tình huống và đảm bảo rằng bất kỳ xu hướng vật lý bất lợi, dị tật hoặc bệnh tật nào đều được bù đắp bằng lợi ích, để đạt được kết quả tốt nhất có thể. Tuy nhiên, họ không thể làm việc

[55] *Lipika* (Sanskrit) from 'Lipi', to write. Great karmic deities of the Cosmos, agents of the law of cause and effect.

however, work against the karma of the person.

chống lại nghiệp quả của người đó.

Then there is the whole karmic question of the choice of country, which is not in the least accidental. The karma of the incarnating Ego must harmonize reasonably well with the karma of the nation. If the Ego has a karma which could be reasonably worked out under the stress and strain of war, or disruption, or revolution, or catastrophe, or flood or famine, or whatever it might be, and there is a nation which is going to endure those afflictions, then, other things being equal, that is the nation to which such an Ego would be sent. If, on the other hand, an Ego does not have an adversity of that kind waiting in suspension between lives for its precipitation when the conditions are ripe, then a neutral country like Switzerland or somewhere else which was not going to be seriously injured by the war, or invaded by the enemy, or injured by catastrophe, would be chosen. The main factor to be considered would be the harmonization of the two karmas.

Sau đó, có toàn bộ câu hỏi nghiệp quả về việc lựa chọn quốc gia, điều này không hề ngẫu nhiên. Nghiệp quả của Chân Ngã tái sinh phải hài hòa hợp lý với nghiệp quả của quốc gia. Nếu Chân Ngã có một nghiệp quả có thể được thực hiện hợp lý dưới áp lực và căng thẳng của chiến tranh, hoặc sự gián đoạn, hoặc cách mạng, hoặc thảm họa, hoặc lũ lụt hoặc nạn đói, hoặc bất cứ điều gì có thể xảy ra, và có một quốc gia sẽ chịu đựng những tai ương đó, thì, các yếu tố khác đều bằng nhau, đó là quốc gia mà Chân Ngã đó sẽ được gửi đến. Nếu, mặt khác, một Chân Ngã không có một nghịch cảnh như vậy đang chờ đợi trong sự đình chỉ giữa các kiếp sống để nó được ngưng tụ khi các điều kiện chín muồi, thì một quốc gia trung lập như Thụy Sĩ hoặc nơi nào khác không bị tổn thương nghiêm trọng bởi chiến tranh, hoặc bị xâm lược bởi kẻ thù, hoặc bị tổn thương bởi thảm họa, sẽ được chọn. Yếu tố chính cần được xem xét sẽ là sự hài hòa của hai nghiệp quả.

Next comes the selection of the city and the neighbourhood in which the Ego will be born. These also are not chosen by mere chance. The outworking of karma is seen in the choice of fellow citizens and in what is going to happen to the city and the neighbourhood, none of which is haphazard. That brings us to the choice of parents and involves the perpetuation of personal or Egoic links from former lives, for nearly always there are links of love between the Egos of children and those of their parents. I said *nearly* always, for sometimes there is a bond of discord, and even dislike, and that also can draw people together and children into a family. Parents who have discordant children in their families should take great care to try and do their utmost to resolve that discord into harmony, to serve

Tiếp theo là việc lựa chọn thành phố và khu vực mà Chân Ngã sẽ được sinh ra. Những điều này cũng không được chọn ngẫu nhiên. Sự thực hiện nghiệp quả được thấy trong việc lựa chọn đồng bào và những gì sẽ xảy ra với thành phố và khu vực, không có điều gì là ngẫu nhiên. Điều đó đưa chúng ta đến việc lựa chọn cha mẹ và liên quan đến việc duy trì các liên kết cá nhân hoặc Chân Ngã từ các kiếp sống trước, vì gần như luôn luôn có các liên kết tình yêu giữa các Chân Ngã của con cái và của cha mẹ chúng. Tôi đã nói *gần như* luôn luôn, vì đôi khi có một mối liên kết của sự bất hòa, và thậm chí không thích, và điều đó cũng có thể kéo mọi người lại gần nhau và trẻ em vào một gia đình. Cha mẹ có con cái bất hòa trong gia đình của họ nên cẩn thận cố gắng hết sức để giải quyết sự bất hòa đó thành hòa hợp, để

and never to neglect them under those conditions. Then the problem is more or less solved and will not recur. This knowledge is part of the practical value of our philosophy. Of course, the true Theosophist would act in that way in any case, but humanity as a whole does not always do so. It would be well if we took, as our guide in all problems of karma, the injunction: 'always be kinder than the situation demands'.

phục vụ và không bao giờ bỏ bê chúng trong những điều kiện đó. Sau đó, vấn đề được giải quyết nhiều hay ít và sẽ không tái diễn. Kiến thức này là một phần của giá trị thực tiễn của triết lý của chúng ta. Tất nhiên, một nhà Thông Thiên Học chân chính sẽ hành động theo cách đó trong bất kỳ trường hợp nào, nhưng nhân loại nói chung không phải lúc nào cũng làm như vậy. Sẽ tốt nếu chúng ta lấy, như hướng dẫn của mình trong tất cả các vấn đề về nghiệp quả, lời khuyên: 'luôn luôn tử tế hơn so với tình huống yêu cầu'.

Let us remember that big issues are at stake in a great number of our human relationships—far bigger than we realize—and that when we meet and are drawn, or not drawn, to each other, casually or intimately, karma is all the time being both worked out and generated for the future. Wisdom should therefore always be applied. With children especially there should be the greatest possible kindness, love and care, however poor the response might be and however difficult the situations. Where the karma of the incarnating Ego has been very adverse and there are mental or physical deficiencies, or both, it should be remembered that the parents are really being honoured by being chosen to help the Ego through very grave adversity—it is a kind of call to shepherd and shelter someone through a dark period in a series of incarnations. Where, however, the other members of the family would suffer unduly, and the situation is rather hopeless, then it would not be wrong to consider provision outside of the home, so long as it is helpful.

Hãy nhớ rằng những vấn đề lớn đang bị đe dọa trong một số lượng lớn các mối quan hệ của con người chúng ta - lớn hơn nhiều so với chúng ta nhận ra - và khi chúng ta gặp gỡ và bị thu hút, hoặc không bị thu hút, với nhau, một cách tình cờ hoặc thân mật, nghiệp quả luôn luôn được thực hiện và tạo ra cho tương lai. Do đó, sự minh triết nên luôn được áp dụng. Đối với trẻ em đặc biệt nên có sự tử tế, tình yêu và chăm sóc lớn nhất có thể, dù phản ứng có thể kém và dù tình huống có khó khăn đến đâu. Khi nghiệp quả của Chân Ngã tái sinh rất bất lợi và có những thiếu sót về trí tuệ hoặc thể chất, hoặc cả hai, nên nhớ rằng cha mẹ thực sự được vinh dự khi được chọn để giúp Chân Ngã vượt qua nghịch cảnh rất nghiêm trọng - đó là một loại lời kêu gọi để chăn dắt và che chở ai đó qua một giai đoạn tối tăm trong một loạt các hóa thân. Tuy nhiên, khi các thành viên khác trong gia đình sẽ chịu đựng quá mức, và tình huống khá vô vọng, thì sẽ không sai khi xem xét việc cung cấp bên ngoài gia đình, miễn là nó có ích.

Thus according to Theosophy, nothing is left to chance. Our lives are lived according to a strict law which provides absolute justice for everyone, and that justice is administered with compassion and wisdom to the end of the greatest possible evolutionary

Do đó, theo Thông Thiên Học, không có gì được để lại cho sự ngẫu nhiên. Cuộc sống của chúng ta được sống theo một luật nghiêm ngặt cung cấp công lý tuyệt đối cho mọi người, và công lý đó được thực hiện với lòng từ bi và sự minh triết để đạt được sự tiến hóa lớn nhất có

advancement.

thể.

When the Ego which is about to reincarnate is sufficiently developed, and where there is a choice, then it may be consulted. This would especially refer to the caste or class into which it is to be born—the ruling, aristocratic or wealthy classes, or those of the artisan and other manual workers. Egos will sometimes choose an adverse situation for the sake, first, of the lessons to be learned, and second, of the service to be rendered. That is why one may find advanced Egos in lowly circumstances. There again, a great responsibility is thrown upon the parents. They can make or mar the incarnation, and, moreover, quite early in life. It should always be recognized that it is only the body which is infantile, childish, adolescent, and that the shining Ego is often wiser than the parents, more advanced in evolution, and is seeking to continue the great pilgrimage of life by their aid. Everything which draws out and encourages the highest faculties and attributes should surround the child. Anything which suppresses, unduly represses, causes sorrow or suffering—as by severe corporal punishment, which drives the Ego back in humiliated retreat—should be avoided. Corporal punishment warps the personality, twists it, hardens it, makes it deceitful, can awaken the determination to bully others in turn when the opportunity comes. All of these possibilities and factors and doubtless many more problems and other influences from past lives and the future mission of the Ego up to Adeptship—all of this is taken into account and given consideration, largely in the Causal world as the Ego is about to descend.

Khi Chân Ngã sắp tái sinh đã phát triển đủ, và khi có sự lựa chọn, thì nó có thể được tham vấn. Điều này đặc biệt liên quan đến đẳng cấp hoặc tầng lớp mà nó sẽ được sinh ra - các tầng lớp cai trị, quý tộc hoặc giàu có, hoặc những người thợ thủ công và các công nhân thủ công khác. Các Chân Ngã đôi khi sẽ chọn một tình huống bất lợi vì, trước tiên, những bài học cần học, và thứ hai, vì sự phục vụ cần được thực hiện. Đó là lý do tại sao người ta có thể tìm thấy các Chân Ngã tiên tiến trong hoàn cảnh thấp kém. Một lần nữa, một trách nhiệm lớn được đặt lên vai cha mẹ. Họ có thể làm hoặc phá hỏng hóa thân, và hơn nữa, khá sớm trong cuộc sống. Luôn luôn nên nhận ra rằng chỉ có cơ thể là trẻ sơ sinh, trẻ con, thanh thiếu niên, và rằng Chân Ngã sáng chói thường khôn ngoan hơn cha mẹ, tiến hóa hơn, và đang tìm cách tiếp tục cuộc hành trình vĩ đại của cuộc sống với sự giúp đỡ của họ. Mọi thứ thu hút và khuyến khích các khả năng và thuộc tính cao nhất nên bao quanh đứa trẻ. Bất cứ điều gì đàn áp, đàn áp quá mức, gây ra đau buồn hoặc đau khổ - như bằng hình phạt thể xác nghiêm khắc, điều này đẩy Chân Ngã lùi lại trong sự rút lui nhục nhã - nên tránh. Hình phạt thể xác làm biến dạng phàm ngã, làm nó xoắn lại, làm nó cứng lại, làm nó trở nên gian dối, có thể đánh thức quyết tâm bắt nạt người khác khi cơ hội đến. Tất cả những khả năng và yếu tố này và chắc chắn nhiều vấn đề khác và các ảnh hưởng khác từ các kiếp sống trước và sứ mệnh tương lai của Chân Ngã cho đến Chân Sư - tất cả những điều này được tính đến và được xem xét, chủ yếu ở thế giới Nguyên Nhân khi Chân Ngã sắp giáng sinh.

Particularly is this so with regard to the more advanced and developed Egos.

Đặc biệt là điều này đối với các Chân Ngã tiên tiến và phát triển hơn.

Then the incarnation begins, very much in the

Sau đó, hóa thân bắt đầu, rất giống như hóa

same way as the incarnation of a Logos in a newly emanated Solar System [see 'The Logos Doctrine' in the December 2004 issue of *Theosophy in New Zealand,* reprinted in this collection as Chapter 62, 'The Logos Doctrine and the Creative Hierarchies'], The Egoic Word, also, is uttered. The microcosmic Logos, which is a human Ego, again turns its attention to the material worlds and utters its Word, or sends out a ray of its own creative power, life and consciousness, which impinges primarily upon the matter of the mental world. Impinging on the mental world, this ray sets up a kind of vortex into which the surrounding matter from the mental plane, vibrating on frequencies of similar types to the Ego, is drawn in and gradually shaped into an ovoid—the embryo mental body.

thân của một Thượng đế trong một Hệ Mặt Trời mới phát ra [xem 'The Logos Doctrine' trong số tháng 12 năm 2004 của *Theosophy in New Zealand,* được in lại trong bộ sưu tập này như Chương 62, 'The Logos Doctrine and the Creative Hierarchies'], Linh Từ Chân Ngã cũng được phát ra. Thượng đế vi mô, vốn là một Chân Ngã con người, lại hướng sự chú ý của mình đến các thế giới vật chất và phát ra Linh Từ của mình, hoặc gửi ra một cung của quyền năng sáng tạo, sự sống và tâm thức của chính mình, vốn tác động chủ yếu lên vật chất của thế giới trí tuệ. Tác động lên thế giới trí tuệ, cung này thiết lập một loại xoáy vào đó vật chất xung quanh từ cõi trí tuệ, rung động trên các tần số tương tự với Chân Ngã, được hút vào và dần dần hình thành thành một hình bầu dục - thể trí phôi thai.

The preponderance of one or other of the three gunas (attributes of matter), rajas—activity, sattva—harmony, rhythm, and tamas—inertia, is also decided by the Egoic Self and the vibrating Word-Force by which it is expressed down there. In the very substance of which our bodies are built, therefore, complete justice is meted out to us, and they fit us as perfectly as is possible and as karma permits. Then the ray impinges upon the matter of the Astral Plane and sets up a vortex there into which, similarly, Astral matter is drawn and the Astral Body begins to be built again, the same principles apply, because only the matter which is vibrating on the same frequencies as those of the Egoic current of creative force is drawn in. Resonance and magnetic properties ensure this.

Sự ưu thế của một trong ba gunas (thuộc tính của vật chất), rajas - hoạt động, sattva - hài hòa, nhịp điệu, và tamas - quán tính, cũng được quyết định bởi Chân Ngã và Lực Từ Ngữ rung động mà nó được biểu hiện xuống đó. Trong chính chất liệu mà cơ thể chúng ta được xây dựng, do đó, công lý hoàn toàn được thực hiện cho chúng ta, và chúng phù hợp với chúng ta một cách hoàn hảo nhất có thể và như nghiệp quả cho phép. Sau đó, cung tác động lên vật chất của Cõi Cảm Dục và thiết lập một xoáy ở đó, tương tự, vật chất Cảm Dục được hút vào và Thể Cảm Dục bắt đầu được xây dựng lại, các nguyên tắc tương tự áp dụng, vì chỉ có vật chất vốn rung động trên các tần số tương tự như của dòng mãnh lực sáng tạo Chân Ngã mới được hút vào. Các thuộc tính cộng hưởng và từ tính đảm bảo điều này.

These bodies look like small ovoids, perhaps ten or twelve inches (25 or 30 cms.) high at first. They are almost transparent, with very little colour in them. There is a suggestion of colour, however, a kind of opalescence, like

Những cơ thể này trông giống như những hình bầu dục nhỏ, có lẽ cao mười hoặc mười hai inch (25 hoặc 30 cm) lúc đầu. Chúng gần như trong suốt, với rất ít màu sắc trong chúng. Tuy nhiên, có một gợi ý về màu sắc, một loại

mother-of-pearl, gleaming in the otherwise white aura of the child. These all represent *skandas* [56], properties, capacities brought over from former lives and latent for the time being, until physical life and its experiences bring them out again.

ánh xà cừ, như ngọc trai mẹ, lấp lánh trong hào quang trắng của đứa trẻ. Tất cả những điều này đại diện cho *skandas*, các thuộc tính, khả năng mang từ các kiếp sống trước và tiềm ẩn trong thời gian này, cho đến khi cuộc sống vật lý và những trải nghiệm của nó mang chúng ra ngoài một lần nữa.

In due course, and not necessarily from the beginning, the physical body will begin to be built. The descent into incarnation can, and not infrequently does, commence before physical conception. Eventually, however, the twin cell is formed and the physical *permanent atom* [57] is then attached to it by a member of the Angelic Hosts. Then the Ego, through the 'descending' vibrating ray of creative Life-Force, is in contact with the physical plane and the new physical body begins to be built.

Đến lúc, và không nhất thiết từ đầu, cơ thể vật lý sẽ bắt đầu được xây dựng. Sự giáng sinh vào hóa thân có thể, và không hiếm khi, bắt đầu trước khi thụ thai vật lý. Cuối cùng, tuy nhiên, tế bào đôi được hình thành và nguyên tử trường tồn vật lý sau đó được gắn vào nó bởi một thành viên của Đoàn Thiên Thần. Sau đó, Chân Ngã, thông qua cung rung động sáng tạo Sự Sống 'giáng xuống', tiếp xúc với cõi hồng trần và cơ thể vật lý mới bắt đầu được xây dựng.

All of this process is watched over and cared for by certain angels. As far as I know—and remember, research in this field is very limited and there is a tremendous amount of it still to be done—there is, under the Causal Presiding *Deva* of the incarnation, a *deva* at the mental level as well as the Astral level. These angels extend their auras around the mother, the vibrating ray and the Mental and Astral Bodies. So far as karma permits, they thus shelter from shock and from intrusion from outside. They are also at work on the adjustment of the mechanism of

Tất cả quá trình này được giám sát và chăm sóc bởi một số thiên thần nhất định. Theo như tôi biết - và hãy nhớ rằng, nghiên cứu trong lĩnh vực này rất hạn chế và vẫn còn rất nhiều điều cần phải làm - có, dưới sự chủ tọa của Thiên Thần Nguyên Nhân của hóa thân, một thiên thần ở cấp độ trí tuệ cũng như cấp độ Cảm Dục. Những thiên thần này mở rộng hào quang của họ xung quanh người mẹ, cung rung động và các Thể Trí và Cảm Dục. Theo như nghiệp quả cho phép, họ do đó bảo vệ khỏi cú sốc và sự xâm nhập từ bên ngoài. Họ cũng đang làm việc trên việc điều chỉnh cơ chế của

[56] *Skandas* or *Skandhas* (Sanskrit)—'bundles' or groups of attributes which unite at the birth of a person and constitute her or his Personality. The resuits of the past which become seeds for future lives. Karmic results.

[57] Permanent Atom—an atom retained by the reincarnating Ego after the death of his vehicles. The experiences in essence of the body of which it has formed a part are impressed upon the permanent atom and from it the tone or vibratory rate is transferred to the new body when the Ego reincarnates.

consciousness. This latter is very delicate; it consists of the seven *chakras* in the Mental and Astral Bodies and, later, those in the etheric body and the associated physical nerve centres and glands.

tâm thức. Cơ chế này rất tinh tế; nó bao gồm bảy luân xa trong các Thể Trí và Cảm Dục và, sau đó, những luân xa trong thể dĩ thái và các trung tâm thần kinh và tuyến liên quan của cơ thể vật lý.

As far as I know, particular types of nature spirits of the four 'elements' are at work on our bodies from the moment of conception to the moment of death, building, repairing and regenerating as occasion demands, and in accordance with physical laws. The mystery of the development of a perfect physical body from so small an organism as the twin cell is not yet solved by science. Why certain microscopic areas in the germ cell develop certain kinds of tissue in a certain part of the body-to-be until the whole, with all its tremendous variety, comes into existence according to the prototype, the pattern or plan, never failing that is still a mystery and will continue so until the subject is studied from within and from the superphysical worlds.

Theo như tôi biết, các loại tinh linh tự nhiên đặc biệt của bốn 'nguyên tố' đang làm việc trên cơ thể của chúng ta từ lúc thụ thai đến lúc chết, xây dựng, sửa chữa và tái tạo khi cần thiết, và theo các quy luật vật lý. Bí ẩn của sự phát triển của một cơ thể vật lý hoàn hảo từ một sinh vật nhỏ như tế bào đôi vẫn chưa được khoa học giải quyết. Tại sao các khu vực vi mô nhất định trong tế bào mầm phát triển các loại mô nhất định ở một phần nhất định của cơ thể sắp hình thành cho đến khi toàn bộ, với tất cả sự đa dạng to lớn của nó, xuất hiện theo nguyên mẫu, mô hình hoặc kế hoạch, không bao giờ thất bại vẫn là một bí ẩn và sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi chủ đề được nghiên cứu từ bên trong và từ các thế giới siêu vật lý.

During this time, the Mental and Astral angels have been at work supervising the building of the Mental and Astral Bodies and *chakras*, and their adjustment, while the nature spirits themselves are under their direction. Thus, throughout the period of gestation, the Physical, Etheric, Astral and Mental Bodies are gradually built, according to the karma and the evolutionary necessities of the reincarnating Ego. Then, all being well, the time of delivery or birth arrives. At that moment, if all has proceeded satisfactorily, the angels associated with the prenatal life withdraw at birth and the new Personality is then in the hands of man.

Trong thời gian này, các thiên thần Trí Tuệ và Cảm Dục đã làm việc giám sát việc xây dựng các Thể Trí và Cảm Dục và các luân xa, và sự điều chỉnh của chúng, trong khi các tinh linh tự nhiên tự chúng dưới sự chỉ đạo của họ. Do đó, trong suốt thời kỳ thai nghén, các Thể Vật Lý, Dĩ Thái, Cảm Dục và Trí Tuệ dần dần được xây dựng, theo nghiệp quả và các nhu cầu tiến hóa của Chân Ngã tái sinh. Sau đó, nếu mọi thứ diễn ra tốt đẹp, thời điểm sinh nở hoặc ra đời đến. Tại thời điểm đó, nếu mọi thứ đã tiến triển tốt, các thiên thần liên quan đến cuộc sống tiền sinh rút lui khi sinh và Phàm Ngã mới sau đó nằm trong tay con người.

The foregoing practically completes what I have to say on this important subject. I might, perhaps, add two further thoughts. The first is

Những điều trên gần như hoàn thành những gì tôi phải nói về chủ đề quan trọng này. Tôi có thể, có lẽ, thêm hai suy nghĩ nữa. Đầu tiên là

that the Ego is only very dimly conscious through the physical body during pre-natal life. At 'quickening', the development of the nervous system has reached a point where a certain small measure of the consciousness of the Ego can manifest, and a little more of the Ego is added to its manifestation as power and life. It should be remembered that the Inner Self of man is a triplicity and that the formative Egoic Ray or current of thought-force is also threefold. The three component aspects and currents of force are expressive of Spiritual Power, Spiritual Life and Spiritual Intelligence. The first two of these play through the physical permanent atom from the moment of conception and influence the building of the embryo. Only when the foetal cerebro-spinal system has become sufficiently established can the third, the Intelligence aspect of the Ego, find a vehicle of expression. Even when this is absent owing to injury, as in the case of insanity of varying degree, the power and the life of the Ego will remain in incarnation so far as they are concerned.

Chân Ngã chỉ rất mờ nhạt ý thức thông qua cơ thể vật lý trong cuộc sống tiền sinh. Tại 'sự sống động', sự phát triển của hệ thần kinh đã đạt đến một điểm mà một mức độ nhỏ của tâm thức Chân Ngã có thể biểu hiện, và một chút nữa của Chân Ngã được thêm vào biểu hiện của nó như quyền năng và sự sống. Nên nhớ rằng Bản Ngã Bên Trong của con người là một tam phân và rằng Cung Chân Ngã hoặc dòng mãnh lực tư tưởng cũng là ba phân. Ba khía cạnh và dòng mãnh lực thành phần này biểu hiện Quyền Năng Tinh Thần, Sự Sống Tinh Thần và Trí Tuệ Tinh Thần. Hai khía cạnh đầu tiên trong số này hoạt động thông qua nguyên tử trường tồn vật lý từ lúc thụ thai và ảnh hưởng đến việc xây dựng phôi thai. Chỉ khi hệ thống thần kinh trung ương của bào thai đã được thiết lập đủ thì khía cạnh Trí Tuệ của Chân Ngã mới có thể tìm thấy một phương tiện biểu hiện. Ngay cả khi điều này vắng mặt do chấn thương, như trong trường hợp điên loạn ở mức độ khác nhau, quyền năng và sự sống của Chân Ngã sẽ vẫn còn trong hóa thân theo như chúng liên quan.

After the quickening, then, the Ego in the embryo is dimly, drowsily, aware of warmth, protection, seclusion and safety. From the point of view of the elemental consciousness of the body, and even that of the subtler bodies, birth is a shock, a somewhat sudden extrusion from that comfort, warmth, complete protection and internal nutriment of the gestatory period. Therefore, in the early days and weeks—yes, and months—but especially in the early days and weeks, that shock should be minimized, I personally think, by as close a relationship with the mother, and as much affection and comfort as is possible. Also, the mother needs the outlet for her love provided by the near presence of her baby. Maternity is a spiritual as well as a physical experience, bringing expansions of consciousness to the mother which are shared

Sau sự sống động, Chân Ngã trong bào thai mờ nhạt, mơ màng, nhận thức về sự ấm áp, bảo vệ, ẩn dật và an toàn. Từ quan điểm của tâm thức nguyên tố của cơ thể, và thậm chí của các cơ thể tinh tế hơn, sự ra đời là một cú sốc, một sự đẩy ra đột ngột từ sự thoải mái, ấm áp, bảo vệ hoàn toàn và dinh dưỡng nội tại của thời kỳ thai nghén. Do đó, trong những ngày và tuần đầu tiên - vâng, và tháng - nhưng đặc biệt là trong những ngày và tuần đầu tiên, cú sốc đó nên được giảm thiểu, tôi cá nhân nghĩ, bằng một mối quan hệ gần gũi với người mẹ, và càng nhiều tình cảm và sự thoải mái càng tốt. Ngoài ra, người mẹ cần sự giải tỏa cho tình yêu của mình được cung cấp bởi sự hiện diện gần gũi của đứa con của mình. Làm mẹ là một trải nghiệm tinh thần cũng như vật lý, mang lại sự mở rộng tâm thức cho người mẹ vốn được chia sẻ với Nhân Loại. Do đó, chúng rất có giá trị và

with the Race. They are therefore very valuable and important. The child, in its turn, needs the influence of the mother's aura, her magnetism and her love.

quan trọng. Đứa trẻ, đến lượt mình, cần ảnh hưởng của hào quang của người mẹ, từ tính của bà và tình yêu của bà.

This brings me to the last of the ideas which I wish to share with you. The whole of humanity, nay all life, is under direction and guidance of a maternal principle in Nature—the Mother Aspect of Deity. There is a divine principle of conservation, maternity, gestation, protecting love and compassion which, so far as I know, finds expression in an Official in the Inner Government of the World. This Official is sometimes called the World Mother, in Sanskrit *Jagadamba.* Behind the old traditions of Isis, Ishtah, Kwan Yin and, perhaps the consorts of the Three Aspects of the Hindu Trinity, right up to the latest manifestation in the Madonna, there is a certain amount of spiritual truth.

Điều này đưa tôi đến ý tưởng cuối cùng mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Toàn bộ nhân loại, không, tất cả sự sống, đều dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của một nguyên tắc mẫu tính trong Tự Nhiên - Khía Cạnh Mẹ của Thượng đế. Có một nguyên tắc thiêng liêng của sự bảo tồn, làm mẹ, thai nghén, tình yêu bảo vệ và lòng từ bi vốn, theo như tôi biết, tìm thấy biểu hiện trong một Quan Chức trong Chính Phủ Nội Tại của Thế Giới. Quan Chức này đôi khi được gọi là Mẹ Thế Giới, trong tiếng Phạn *Jagadamba.* Đằng sau các truyền thống cổ xưa của Isis, Ishtah, Kwan Yin và, có lẽ là các phối ngẫu của Ba Khía Cạnh của Tam Vị Hindu, cho đến sự biểu hiện mới nhất trong Đức Mẹ, có một lượng nhất định sự thật tinh thần.

Some people believe, though it is in no way a theosophical dogma, that the Mother of Jesus reached Adeptship, accepted this Office and is, for the present period, the Mother of the World. Now, in some way these building angels are Her agents. She uses and aids them, and in a measure they represent Her, so that throughout the pre-natal period she has a link in consciousness with every mother-to-be. The beautiful Madonna blue of Her aura, and some of the lovely Madonna forms in Western countries, seem to show themselves both in the auras of the angels and in a delicate blue sheen over the aura of the mother-to-be. This deepens as the time of birth approaches. The World Mother allies herself with the physical mother in consciousness and participates to some extent in the experiences of motherhood, pleasurable and painful, guiding, protecting and causing the whole wonderful miracle to occur under Her auspices. I have perceived evidence that, from

Một số người tin rằng, mặc dù điều này không phải là một giáo điều của Thông Thiên Học, rằng Mẹ của Chúa Jesus đã đạt đến Chân Sư, chấp nhận Chức Vụ này và hiện tại là Mẹ của Thế Giới. Bây giờ, bằng cách nào đó, những thiên thần xây dựng này là các đại diện của Ngài. Ngài sử dụng và hỗ trợ họ, và ở một mức độ nào đó họ đại diện cho Ngài, để trong suốt thời kỳ tiền sinh Ngài có một liên kết trong tâm thức với mỗi người mẹ sắp sinh. Màu xanh đẹp của Đức Mẹ trong hào quang của Ngài, và một số hình thức Đức Mẹ tuyệt đẹp ở các nước phương Tây, dường như thể hiện cả trong hào quang của các thiên thần và trong ánh sáng xanh tinh tế trên hào quang của người mẹ sắp sinh. Điều này sâu sắc hơn khi thời điểm sinh nở đến gần. Mẹ Thế Giới liên kết mình với người mẹ vật lý trong tâm thức và tham gia ở một mức độ nào đó vào những trải nghiệm của tình mẫu tử, vui vẻ và đau đớn, hướng dẫn, bảo vệ và khiến toàn bộ phép màu tuyệt vời xảy ra dưới sự bảo trợ của Ngài. Tôi

the time of the birth of the child, both She and Her influence begin to be withdrawn so far as direct angelic representation is concerned. Every woman, however, is in a way part of Her and in contact with Her, for She is an Archangelic embodiment of all the highest perfection of the Feminine Aspect of Deity and the feminine attributes of mankind.

đã nhận thấy bằng chứng rằng, từ thời điểm sinh của đứa trẻ, cả Ngài và ảnh hưởng của Ngài bắt đầu được rút lui theo như đại diện thiên thần trực tiếp liên quan. Tuy nhiên, mỗi người phụ nữ, theo một cách nào đó, là một phần của Ngài và liên hệ với Ngài, vì Ngài là một hiện thân Thiên Thần của tất cả sự hoàn hảo cao nhất của Khía Cạnh Nữ Tính của Thượng đế và các thuộc tính nữ tính của nhân loại.

Theosophy in New Zealand, Vol. 66, No. 4, 2005, p. 1

Theosophy in New Zealand, Tập 66, Số 4, 2005, tr. 1

117

Experiments in Time—Thí Nghiệm Trong Thời Gian

(The author wishes to draw attention to the title of these articles. He offers them only as experiments in the study of the past, not as authoritative statements: they have not been checked by another, and as they are his first serious attempts to make an occult study of history, they are inevitably imperfect and incomplete.

(Tác giả muốn thu hút sự chú ý đến tiêu đề của các bài viết này. Ông chỉ đưa ra chúng như những thí nghiệm trong việc nghiên cứu quá khứ, không phải là những tuyên bố có thẩm quyền: chúng chưa được kiểm tra bởi người khác, và vì chúng là những nỗ lực nghiêm túc đầu tiên của ông để thực hiện một nghiên cứu huyền bí về lịch sử, chúng không thể tránh khỏi sự không hoàn hảo và không đầy đủ.

Such occult study of history demands something more than a clairvoyant power of reading the *Akashic* records. The faculty also is needed of uniting the past with the present, of transcending in some measure the limitations of time, of functioning in a state of consciousness in which past, present and future are blended into the eternal now.

Nghiên cứu huyền bí về lịch sử đòi hỏi điều gì đó hơn là khả năng thông nhãn để đọc các hồ sơ Akasha. Cần có khả năng kết hợp quá khứ với hiện tại, vượt qua một phần nào đó những giới hạn của thời gian, hoạt động trong một trạng thái tâm thức trong đó quá khứ, hiện tại và tương lai được hòa trộn vào hiện tại vĩnh cửu.

The author's powers in this direction are extremely limited; limited therefore are the range and accuracy of his experimental explorations.

Khả năng của tác giả trong hướng này rất hạn chế; do đó, phạm vi và độ chính xác của các cuộc thám hiểm thí nghiệm của ông cũng bị hạn chế.

They are offered for publication, however, in the hope that they may contain material of interest to the student and to draw attention

Tuy nhiên, chúng được đưa ra để xuất bản, với hy vọng rằng chúng có thể chứa đựng tài liệu thú vị cho học viên và thu hút sự chú ý đến

to the possibilities which lie in this method of historical research.)

An Early Egyptian Colony

Seeking in the past for the origin of the bond of affection which unites two members of the Theosophical Society, whom I will call M. and N., M. is found as the reigning prince (a son of N., the Queen-Mother) of an Atlantean colony established in Egypt. A great seismological change had occurred and the country is but newly risen from the waves. The colony is probably one of the very earliest beginnings of Egyptian civilization in southern Egypt. Southwards stretch tremendous forests, reaching almost as far as the present Transvaal. It is summertime and hundreds of miles of green trees, jungle and many wild animals are to be seen.

There is a large and powerful civilization in Central Africa at this time, an old Atlantean stronghold, separated from the new country by forest and jungle, and situated some distance to the south of the huge and shallow Sahara sea. This old civilization is connected with the retreating seacoast by roads and canals. A line drawn due west from the southwestern point of Arabia would approximately skirt the irregularly shaped southern shore of the Sahara sea at this time. The old civilization was originally built on its shores on reclaimed land, and some of these buildings exist even today, partly under sand and partly under jungle. If this vision be at all accurate, a rich field awaits the archaeologist in the region of Lake Tchad.

The new colony was established long before the first Aryan sub-race, and is a preparatory civilization in two senses. In one, because it is a preparation for the pre-historic and historic Egyptian civilizations which followed, and in

những khả năng nằm trong phương pháp nghiên cứu lịch sử này.)

Một Thuộc Địa Ai Cập Sớm

Tìm kiếm trong quá khứ để tìm nguồn gốc của mối liên kết tình cảm kết nối hai thành viên của Hội Thông Thiên Học, mà tôi sẽ gọi là M. và N., M. được tìm thấy là hoàng tử trị vì (con trai của N., Hoàng Hậu Mẫu) của một thuộc địa Atlantis được thành lập ở Ai Cập. Một sự thay đổi địa chấn lớn đã xảy ra và đất nước chỉ mới nổi lên từ sóng biển. Thuộc địa có lẽ là một trong những khởi đầu rất sớm của nền văn minh Ai Cập ở miền nam Ai Cập. Phía nam trải dài những khu rừng khổng lồ, kéo dài gần như đến tận Transvaal hiện tại. Đó là mùa hè và hàng trăm dặm cây xanh, rừng rậm và nhiều động vật hoang dã có thể được nhìn thấy.

Có một nền văn minh lớn và mạnh mẽ ở Trung Phi vào thời điểm này, một thành trì Atlantis cũ, tách biệt khỏi đất nước mới bởi rừng và rừng rậm, và nằm cách xa về phía nam của biển Sahara rộng lớn và nông. Nền văn minh cũ này được kết nối với bờ biển đang rút lui bằng các con đường và kênh đào. Một đường thẳng vẽ từ điểm tây nam của Ả Rập sẽ gần như lướt qua bờ biển phía nam không đều của biển Sahara vào thời điểm này. Nền văn minh cũ ban đầu được xây dựng trên bờ biển của nó trên đất được cải tạo, và một số tòa nhà này vẫn tồn tại cho đến ngày nay, một phần dưới cát và một phần dưới rừng rậm. Nếu tầm nhìn này chính xác, một cánh đồng phong phú đang chờ đợi nhà khảo cổ học trong khu vực hồ Tchad.

Thuộc địa mới được thành lập từ lâu trước khi giống dân phụ Arya đầu tiên, và là một nền văn minh chuẩn bị theo hai nghĩa. Một, vì nó là sự chuẩn bị cho các nền văn minh Ai Cập tiền sử và lịch sử theo sau, và hai, vì một số

the other, because some of the stock of the royal race was later taken to the Gobi centre, to be used as an admixture for the Aryan Root Race stock.

dòng dõi của giống dân hoàng gia sau đó được đưa đến trung tâm Gobi, để được sử dụng như một sự pha trộn cho dòng dõi Giống Dân Gốc Arya.

Our colonists came from the far west, probably from Atlantis itself, which is still a large island, surrounded by many smaller island groups in the Atlantic ocean. There is a strong sense of occult direction behind the young civilization, which is recognized both by the rulers and the people, who feel themselves to be a chosen race. The influence of the *Manus* of both the Fourth and Fifth Root Races is noticeable, as if They combined in this experiment.

Những người định cư của chúng ta đến từ phía tây xa xôi, có lẽ từ chính Atlantis, vốn vẫn là một hòn đảo lớn, được bao quanh bởi nhiều nhóm đảo nhỏ hơn trong đại dương Atlantic. Có một cảm giác mạnh mẽ về sự chỉ đạo huyền bí đằng sau nền văn minh trẻ, vốn được cả các nhà cai trị và người dân công nhận, những người cảm thấy mình là một giống dân được chọn. Ảnh hưởng của các *Manus* của cả Giống Dân Gốc Thứ Tư và Thứ Năm là đáng chú ý, như thể Các Ngài kết hợp trong thí nghiệm này.

The King of this colony had died whilst the Queen Mother was still comparatively young, leaving the throne to the young prince, M., then an infant. He grew up to become a great King, an absolute Monarch, adored by the Queen Mother and his people, who were simple, frank and friendly, possessing a strong sense of unity of action and of the place of their Nation in the colonizing plan. They lived close to Nature and had an affinity with certain earth forces and nature spirits. Many possessed magical powers, were able to move objects from a distance and to use elementals of earth as messengers to some extent. They felt an affection and even a reverence for the royal race, the members of which they regarded as almost divine. The high Gods were very close to men in those earlier days of human evolution. Co-operation between angels and men was natural and instinctive, and the angels occasionally materialized, not always in their own forms, but in forms symbolical of the forces of Nature and the powers of which they were the agents. This perhaps is the origin of the animal and bird-headed Gods of Egypt.

Vua của thuộc địa này đã qua đời khi Hoàng Hậu Mẫu vẫn còn tương đối trẻ, để lại ngai vàng cho hoàng tử trẻ, M., khi đó là một đứa trẻ. Y lớn lên trở thành một vị Vua vĩ đại, một Quân Chủ tuyệt đối, được Hoàng Hậu Mẫu và người dân của y yêu mến, những người đơn giản, thẳng thắn và thân thiện, sở hữu một cảm giác mạnh mẽ về sự thống nhất hành động và vị trí của Quốc Gia của họ trong kế hoạch thuộc địa. Họ sống gần gũi với Tự Nhiên và có một sự hòa hợp với các mãnh lực đất và các tinh linh tự nhiên nhất định. Nhiều người sở hữu quyền năng huyền bí, có thể di chuyển các vật thể từ xa và sử dụng các hành khí của đất như những sứ giả ở một mức độ nào đó. Họ cảm thấy một tình cảm và thậm chí là sự tôn kính đối với dòng dõi hoàng gia, các thành viên của nó mà họ coi là gần như thần thánh. Các vị Thần cao cả rất gần gũi với con người trong những ngày đầu của sự tiến hóa nhân loại. Sự hợp tác giữa các thiên thần và con người là tự nhiên và bản năng, và các thiên thần đôi khi hiện hình, không phải lúc nào cũng trong hình dạng của họ, mà trong các hình dạng tượng trưng cho các mãnh lực của Tự Nhiên và các quyền năng mà họ là các tác

nhân. Điều này có lẽ là nguồn gốc của các vị Thần đầu động vật và chim của Ai Cập.

The World-Mother, too, was close to men and was recognized quite naturally by the majority of the new civilization. Apparently She comes forward and reveals Herself to the consciousness of mankind at the birth of each new sub-race. Her brooding influence is strongly marked as perhaps, the most noticeable power behind the young community, though, as stated previously, that of the *Manus* is also discernible.

Mẹ Thế Giới, cũng vậy, rất gần gũi với con người và được công nhận một cách tự nhiên bởi phần lớn nền văn minh mới. Rõ ràng Ngài tiến lên và tiết lộ Bản Thân cho tâm thức của nhân loại tại sự ra đời của mỗi giống dân phụ mới. Ảnh hưởng ấp ủ của Ngài được đánh dấu mạnh mẽ như có lẽ, quyền năng đáng chú ý nhất đằng sau cộng đồng trẻ, mặc dù, như đã nói trước đó, ảnh hưởng của các *Manus* cũng có thể nhận thấy.

The Queen Mother became the physical symbol of the World Mother in the eyes of the people. Indeed a link with Her is very marked in N. who seems to have been used by the *Manu* as mother of members of His race on a number of occasions. Part of her work in this twentieth century would seem to consist both of a physical and of a sublimated Egoic Motherhood.

Hoàng Hậu Mẫu trở thành biểu tượng vật lý của Mẹ Thế Giới trong mắt người dân. Thật vậy, một liên kết với Ngài rất rõ ràng trong N. người dường như đã được sử dụng bởi *Manu* như mẹ của các thành viên của Dòng Dõi của Ngài trong một số dịp. Một phần công việc của bà trong thế kỷ hai mươi này dường như bao gồm cả một tình mẫu tử vật lý và một tình mẫu tử Chân Ngã tinh tế.

In the Egyptian incarnation, she is dark skinned with jet black hair, belonging probably to the Turanian division of the Atlantean Root Race. Her dark colour is tinged with copper, whilst in her son, a trace of yellow is observable. His features are regular and the cheek bones rather high and prominent. When grown to manhood he becomes rather stem, with early streaks of grey in his hair. The forehead is then lined, nose large and slightly aquiline, the eyebrows bushy, eyes deep sunk, and the mouth and chin very firm. The build of his body gives the impression of abnormal height from modern standards. He made an early marriage, had many children, and the Queen Mother became the adored head of a large and closely united family.

Trong hóa thân Ai Cập, bà có làn da tối màu với mái tóc đen nhánh, có lẽ thuộc về phân chia Turanian của Giống Dân Gốc Atlantis. Màu tối của bà có sắc đồng, trong khi ở con trai bà, có thể thấy một dấu vết của màu vàng. Các nét của y đều đặn và xương gò má khá cao và nổi bật. Khi trưởng thành, y trở nên khá nghiêm nghị, với những vệt xám sớm trong tóc. Trán y sau đó có nếp nhăn, mũi lớn và hơi khoằm, lông mày rậm, mắt sâu, và miệng và cằm rất cứng rắn. Thân hình của y tạo ấn tượng về chiều cao bất thường theo tiêu chuẩn hiện đại. Y kết hôn sớm, có nhiều con, và Hoàng Hậu Mẫu trở thành người đứng đầu được yêu mến của một gia đình lớn và gắn bó chặt chẽ.

When first observed, N. presents a beautiful

Khi lần đầu tiên được quan sát, N. trình bày

picture of happy motherhood, with the infant prince in her arms, in the large garden around which the royal palace was built in the form of an enclosed square. It stands outside the city, which is now being constructed on land newly reclaimed from the desert, cultivated, irrigated and built upon. There are temporary houses, temples partly completed, and rough roads that lead out to the fields and the surrounding desert. The whole atmosphere is that of the birth of a new civilization, and not unlike that of America today. Three sides of the palace garden are enclosed by huge walls in which rooms are built with pillared walks and cloisters underneath. On the fourth side is the palace itself; the building appears to be quite new and the colours fresh, whilst the garden is just being planned and planted.

một bức tranh đẹp về tình mẫu tử hạnh phúc, với hoàng tử trẻ trong vòng tay của bà, trong khu vườn lớn xung quanh đó cung điện hoàng gia được xây dựng dưới dạng một hình vuông khép kín. Nó nằm ngoài thành phố, hiện đang được xây dựng trên đất mới được cải tạo từ sa mạc, được canh tác, tưới tiêu và xây dựng. Có những ngôi nhà tạm thời, các đền thờ đang được hoàn thành một phần, và những con đường thô sơ dẫn ra cánh đồng và sa mạc xung quanh. Toàn bộ bầu không khí là sự ra đời của một nền văn minh mới, và không khác gì nước Mỹ ngày nay. Ba mặt của khu vườn cung điện được bao quanh bởi những bức tường khổng lồ trong đó các phòng được xây dựng với các lối đi có cột và hành lang bên dưới. Ở phía thứ tư là chính cung điện; tòa nhà dường như khá mới và màu sắc tươi sáng, trong khi khu vườn chỉ mới được lên kế hoạch và trồng trọt.

N. is seated in the bright sunshine, beside a pool, with her son in her lap. She knows him as a messenger and ruler, realizes her privilege as Queen Mother, and is therefore radiant with joy. The influence of Isis is all about the royal pair, the wonderful blue of the World Mother shining in and through the auras of both. As the observer watches the scene, Isis Herself appears, hovering above and blessing mother and child, blending their Egos and auras in a deep spiritual unity and affection. She is a great Archangel, with aura of deep blue, and form outlined with silvery light, and Her glorious queenly presence seems to fill the whole heavens with the radiance of Her spiritual power. Many flowing forces play over and through Her aura, forming varied symbolical designs, such as the Caduceus, the full moon and the winged sphere. Her divine nature seems also to be expressed as soft music like the crooning of a thousand lullabies and the merry laughter of children, combined with the joyous voices of the young in all the kingdoms of Nature at the time of infancy and

N. ngồi trong ánh nắng rực rỡ, bên cạnh một hồ nước, với con trai bà trong lòng. Bà biết y là một sứ giả và người cai trị, nhận ra đặc ân của mình là Hoàng Hậu Mẫu, và do đó rạng rỡ với niềm vui. Ảnh hưởng của Isis bao trùm cặp đôi hoàng gia, màu xanh tuyệt vời của Mẹ Thế Giới tỏa sáng trong và thông qua hào quang của cả hai. Khi người quan sát theo dõi cảnh tượng, Isis Bản Thân xuất hiện, lơ lửng phía trên và ban phước cho mẹ và con, hòa quyện các Chân Ngã và hào quang của họ trong một sự thống nhất và tình cảm tinh thần sâu sắc. Ngài là một Đại Thiên Thần vĩ đại, với hào quang màu xanh đậm, và hình dạng được viền bằng ánh sáng bạc, và sự hiện diện nữ hoàng tuyệt vời của Ngài dường như lấp đầy toàn bộ bầu trời với sự rực rỡ của quyền năng tinh thần của Ngài. Nhiều mãnh lực chảy qua và thông qua hào quang của Ngài, tạo thành các thiết kế tượng trưng đa dạng, chẳng hạn như Caduceus, mặt trăng tròn và quả cầu có cánh. Bản chất thiêng liêng của Ngài dường như cũng được biểu hiện như âm nhạc nhẹ nhàng như tiếng ru của hàng ngàn bài hát ru và tiếng

youth. Around the head, the blue of the aura deepens to the indigo of the night sky, as if to veil Her immortal beauty from the gaze of mortal eyes. The faintly discerned features are delicate in the extreme, the brow is broad and noble, the face somewhat long and thin and the half closed eyes profoundly maternal in their expression, as She gazes down upon the royal mother and child. Behind and above are hosts of *Devas,* gathered about Her in a great throng, which extends upwards into invisible heights.

cười vui vẻ của trẻ em, kết hợp với giọng nói vui tươi của những người trẻ trong tất cả các vương quốc của Tự Nhiên vào thời kỳ sơ sinh và tuổi trẻ. Xung quanh đầu, màu xanh của hào quang sâu hơn thành màu chàm của bầu trời đêm, như thể để che giấu vẻ đẹp bất tử của Ngài khỏi ánh mắt của người phàm. Các nét mờ nhạt được nhận thấy là cực kỳ tinh tế, trán rộng và cao quý, khuôn mặt hơi dài và gầy và đôi mắt nửa khép lại có biểu hiện sâu sắc mẫu tử, khi Ngài nhìn xuống mẹ và con hoàng gia. Phía sau và phía trên là các đoàn *Devas,* tụ tập xung quanh Ngài trong một đám đông lớn, kéo dài lên đến những độ cao vô hình.

Drawing still closer, in an attempt to gain a deeper understanding of the mystery of Her nature, She is seen as the hidden Life in all forms, as if every atom in every world contained Her spiritual presence. She is the eternal spirit of fertility, the indwelling maternity of the Logos, Goddess of birth, Queen of the dark night of creation, Goddess also of the dawn. Changes in Her consciousness affect life in every form; each change also shows symbolically in Her archangelic vesture of light. A slender crescent moon with many stars appears above Her head, reproducing in Her deep blue aura the still beauty of the night sky.

Tiến lại gần hơn, trong một nỗ lực để hiểu sâu hơn về bí ẩn của bản chất Ngài, Ngài được thấy như là Sự Sống ẩn giấu trong tất cả các hình thức, như thể mỗi nguyên tử trong mỗi thế giới chứa đựng sự hiện diện tinh thần của Ngài. Ngài là tinh thần vĩnh cửu của sự sinh sôi, tình mẫu tử nội tại của Thượng đế, Nữ Thần của sự sinh, Nữ Hoàng của đêm tối của sự sáng tạo, Nữ Thần cũng của bình minh. Những thay đổi trong tâm thức của Ngài ảnh hưởng đến sự sống trong mọi hình thức; mỗi thay đổi cũng thể hiện tượng trưng trong trang phục ánh sáng của Ngài. Một mặt trăng lưỡi liềm mảnh mai với nhiều ngôi sao xuất hiện trên đầu Ngài, tái hiện trong hào quang xanh đậm của Ngài vẻ đẹp tĩnh lặng của bầu trời đêm.

Indeed no true picture of Her beauty and Her Splendour can be given in words; the consciousness of the observer changes continually from the particular to the universal, from the symbol to the reality, from the relatively concrete form of the World-Mother to the feminine principle of Nature, from the archangelic manifestation to the immanent and omnipresent God-the-Mother of the Universe. Under such auspices was formed the link between M. and N., a bond

Thật vậy, không có bức tranh chân thực nào về vẻ đẹp và sự rực rỡ của Ngài có thể được diễn tả bằng lời; tâm thức của người quan sát liên tục thay đổi từ cụ thể đến phổ quát, từ biểu tượng đến thực tế, từ hình thức tương đối cụ thể của Mẹ Thế Giới đến nguyên tắc nữ tính của Tự Nhiên, từ sự biểu hiện thiên thần đến Thượng đế-Nữ Mẹ nội tại và hiện diện khắp nơi của Vũ Trụ. Dưới sự bảo trợ như vậy, mối liên kết giữa M. và N. được hình thành, một mối liên kết chắc chắn sẽ tồn tại mãi mãi, được ban

which surely will last for ever, blessed by the Holy Mother of the world.

phước bởi Mẹ Thánh của thế giới.

The Theosophist, Vol. 52, Pt.l, 1930, p. 31

The Theosophist, Tập 52, Phần 1, 1930, tr. 31

118

Clairvoyant Investigation of Life and Awareness in Plants: The African Violet —Điều Tra Thông Nhãn về Sự Sống và Nhận Thức trong Thực Vật: Hoa Tím Châu Phi

With eyes open, the leaf has an etheric aura of about *Vi* an inch, an Etheric Double of less than 1/16 of an inch, and radiations flowing in all directions at least outside of the room, say 12 feet. This is not even, but in stronger streams or currents from different parts of the leaf-the edge, the pointed end and where leaf joins stem, for example. Where leaf joins stem there is a definite concentration of Astral-Etheric life force in greater activity than elsewhere. This forms a centre about % of an inch in diameter with the end of the stem at the middle. This is three-dimensional at least, and from it radiations are also travelling as previously described, but more sensitive.

Với đôi mắt mở, lá có một hào quang dĩ thái khoảng *Vi* một inch, một Bản Sao Dĩ Thái nhỏ hơn 1/16 inch, và các bức xạ chảy ra mọi hướng ít nhất là bên ngoài phòng, nói khoảng 12 feet. Điều này không đều, mà là trong các dòng hoặc dòng chảy mạnh hơn từ các phần khác nhau của lá - cạnh, đầu nhọn và nơi lá nối với thân, chẳng hạn. Nơi lá nối với thân có một sự tập trung rõ ràng của mãnh lực Sự Sống Cảm Dục-Dĩ Thái hoạt động mạnh hơn ở nơi khác. Điều này tạo thành một trung tâm có đường kính khoảng % inch với đầu của thân ở giữa. Điều này ít nhất là ba chiều, và từ đó các bức xạ cũng đang di chuyển như đã mô tả trước đó, nhưng nhạy cảm hơn.

This, I think (and suggest only at this first attempted investigation)—this point could be regarded as the centre of such awareness as the plant and the leaf possess. It is *remarkably* alive with ultramicroscopic golden points of energy within the specialized area described. If the leaf has a ‘primitive mind’, this would correspond to the brain, with the end of the stem as the ‘point’ or mid-brain. This area is far more active in the vital-electrical-atomic-molecular manifestation than the rest of the plant. From here, currents of energy flow along the demarcations or ‘veins’ in the leaf, and it is along these and out through these more especially, that the means of awareness are active. The areas in between are also vividly alive but in a comparatively

Điều này, tôi nghĩ (và chỉ đề xuất trong cuộc điều tra đầu tiên này) - điểm này có thể được coi là trung tâm của sự nhận thức mà thực vật và lá sở hữu. Nó *đáng kinh ngạc* sống động với các điểm năng lượng vàng siêu nhỏ trong khu vực chuyên biệt được mô tả. Nếu lá có một 'trí tuệ nguyên thủy', điều này sẽ tương ứng với bộ não, với đầu của thân là 'điểm' hoặc não giữa. Khu vực này hoạt động mạnh hơn nhiều trong biểu hiện sinh lực-điện-tử-nguyên tử-phân tử so với phần còn lại của thực vật. Từ đây, các dòng năng lượng chảy dọc theo các đường phân chia hoặc 'gân' trong lá, và chính dọc theo những đường này và ra ngoài qua những đường này đặc biệt, các phương tiện nhận thức đang hoạt động. Các khu vực ở giữa cũng sống động nhưng theo cách tương đối không tổ

unorganized way, whilst the centre and the streams along the veins are the presumedly operative areas in the leaf.

Beyond the edge of the leaf where the veins reach or come near to it—some of them do not touch the edge—but at those points, the currents of energy shoot out from the edge of the leaf. This description is deliberately restricted to a somewhat two-dimensional diagrammatic description or view.

Now I attempt the vertical and three-dimensional study. What does the leaf have as a three-dimensional aura in addition to the specialized streams of 'nerve currents' in the leaf itself, conforming to and following all its delicate curves? The leaf is seen to have an aura which consists of countless myriads of ultramicroscopic points of energy, mostly white, with yellow near the leaf for about an inch or so.

Leaf Consciousness

As I carry out this investigation, I have become aware not only or so much through my mind and head, but also through my solar plexus *chakram,* that in an extremely primitive but still instinctually active way, the leaf might be said to 'know' me and my penetration into its hidden life. It is a 'being' in the earliest of earliest stages with a centre of spirit life. Where stem touches leaf, there are vital life and awareness. For instance, I would venture to say that the leaf does not mind my prying, does not shrink from me, but the contrary, even though I am penetrating its life with humanized mental forces. If I dare put into words what such a leaf would say if it could express itself in words, I would report the leaf as saying 'I know'. But of course this is in no degree comparable to animal or human knowing. Yet I am forced by repeated tests and

chức, trong khi trung tâm và các dòng dọc theo các gân là các khu vực được cho là hoạt động trong lá.

Ngoài mép lá nơi các gân chạm tới hoặc gần đến đó - một số trong số chúng không chạm tới mép - nhưng tại những điểm đó, các dòng năng lượng bắn ra từ mép lá. Mô tả này được cố ý giới hạn trong một mô tả hoặc cái nhìn sơ đồ hai chiều.

Bây giờ tôi cố gắng nghiên cứu theo chiều dọc và ba chiều. Lá có gì như một hào quang ba chiều ngoài các dòng chuyên biệt của 'dòng thần kinh' trong chính lá, tuân theo và theo tất cả các đường cong tinh tế của nó? Lá được thấy có một hào quang bao gồm vô số điểm năng lượng siêu nhỏ, chủ yếu là màu trắng, với màu vàng gần lá khoảng một inch hoặc hơn.

Nhận Thức của Lá

Khi tôi thực hiện cuộc điều tra này, tôi đã nhận thức không chỉ hoặc nhiều qua tâm trí và đầu của mình, mà còn qua luân xa tùng thái dương của tôi, rằng theo một cách cực kỳ nguyên thủy nhưng vẫn hoạt động theo bản năng, lá có thể được nói là 'biết' tôi và sự thâm nhập của tôi vào cuộc sống ẩn giấu của nó. Nó là một 'sinh vật' ở giai đoạn sớm nhất của sớm nhất với một trung tâm của sự sống tinh thần. Nơi thân chạm vào lá, có sự sống và nhận thức quan trọng. Ví dụ, tôi dám nói rằng lá không ngại sự tò mò của tôi, không co lại trước tôi, mà ngược lại, mặc dù tôi đang thâm nhập vào cuộc sống của nó với các mãnh lực trí tuệ nhân hóa. Nếu tôi dám đặt thành lời những gì một chiếc lá như vậy sẽ nói nếu nó có thể tự diễn đạt bằng lời, tôi sẽ báo cáo lá như nói 'Tôi biết'. Nhưng tất nhiên điều này không thể so sánh với sự biết của động vật hoặc con người. Tuy

observation to report I nearly said confess—that this plant and this leaf 'know' something of the influence of this person doing the investigation. 'Influence' I think is the word, meaning nice or not nice, for example. The activities of such instinctual plant awareness is, to my limited capacities of seeing, rather like dancing but in repetitive wave-like movements all in the same place.

nhiên, tôi bị buộc phải báo cáo - tôi gần như đã nói thú nhận - rằng cây này và lá này 'biết' điều gì đó về ảnh hưởng của người đang thực hiện cuộc điều tra. 'Ảnh hưởng' tôi nghĩ là từ, có nghĩa là dễ chịu hoặc không dễ chịu, chẳng hạn. Các hoạt động của sự nhận thức thực vật bản năng như vậy, theo khả năng hạn chế của tôi trong việc nhìn thấy, khá giống như nhảy múa nhưng trong các chuyển động lượn sóng lặp đi lặp lại tất cả ở cùng một nơi.

Flower Consciousness

I now attempt the same investigation with a flower, the only flower at present visible in this plant. This interior movement of light is at once seen to be going on throughout the whole plant including the roots which have a certain curious instinctual awareness which I can only describe now, at this first attempt, as 'curiosity'. It is as if the roots were probing all the time, as I suppose they are in search of nutrients, etc. Up from the main stem into the plant it comes almost with a continuous rush or steady but rapid flow of vibrating energy, particled but again with ultra-minute particles. Some of these come up and flow out throughout the whole plant, but a special stream comes up along the flower stem and is highly concentrated in the flower. Here a curious phenomenon is observed.

I am now looking clairvoyantly and not physically alone—in that a principle of conservation impresses itself upon me as being operative within the flower stem and every part of the flower. It is like a preservative and specialized enclosing influence or tendency, as if the flower were the 'Holy of Holies' of the plant with the central organism of the flower as the Divine Presence incarnated there, and from this centre there is shooting out up into the air a stream of specialized energy for at least a foot

Nhận Thức của Hoa

Bây giờ tôi cố gắng thực hiện cùng một cuộc điều tra với một bông hoa, bông hoa duy nhất hiện có thể nhìn thấy trong cây này. Chuyển động nội tại của ánh sáng ngay lập tức được thấy đang diễn ra trong toàn bộ cây bao gồm cả rễ vốn có một sự nhận thức bản năng tò mò mà tôi chỉ có thể mô tả bây giờ, trong nỗ lực đầu tiên này, là 'tò mò'. Như thể rễ đang thăm dò mọi lúc, như tôi cho rằng chúng đang tìm kiếm chất dinh dưỡng, v.v. Từ thân chính vào cây, nó đến gần như với một dòng chảy liên tục hoặc dòng chảy nhanh chóng của năng lượng rung động, phân tử nhưng một lần nữa với các hạt siêu nhỏ. Một số trong số này đi lên và chảy ra khắp toàn bộ cây, nhưng một dòng đặc biệt đi lên dọc theo thân hoa và được tập trung cao độ trong hoa. Ở đây một hiện tượng kỳ lạ được quan sát.

Bây giờ tôi đang nhìn thông nhãn và không chỉ đơn thuần là vật lý - trong đó một nguyên tắc bảo tồn ấn tượng với tôi như đang hoạt động trong thân hoa và mọi phần của hoa. Nó giống như một ảnh hưởng bảo quản và bao bọc chuyên biệt hoặc xu hướng, như thể hoa là 'Nơi Thánh của Thánh' của cây với cơ quan trung tâm của hoa như Sự Hiện Diện Thiêng Liêng hóa thân ở đó, và từ trung tâm này có một dòng năng lượng chuyên biệt bắn ra lên không trung ít nhất một foot hoặc hơn.

or more.

Using an attempted more subtle means of investigation, I now become aware of the presence and action of a hierarchy of intelligences concerned with two procedures at least, with a third, I think, to be added as I study. One of these is the formative or building process causing growth. Another is quite strictly shaping that growth according to a computer-like program, and at once I presume to think in the presence of a presiding Intelligence concerned with violet-plant life, and with branches and minor Intelligences associated with African violets, and this particular plant.

Sử dụng một phương tiện điều tra tinh tế hơn, tôi bây giờ nhận thức được sự hiện diện và hành động của một huyền giai các trí tuệ liên quan đến ít nhất hai quy trình, với một thứ ba, tôi nghĩ, sẽ được thêm vào khi tôi nghiên cứu. Một trong số này là quá trình hình thành hoặc xây dựng gây ra sự phát triển. Một cái khác là định hình sự phát triển đó theo một chương trình giống như máy tính, và ngay lập tức tôi dám nghĩ rằng có sự hiện diện của một Trí Tuệ chủ tọa liên quan đến sự sống của cây hoa tím, và với các nhánh và các Trí Tuệ phụ liên quan đến hoa tím châu Phi, và cây cụ thể này.

Down at the lowest Astral and Etheric levels there are numbers of nature spirits who are exceedingly small, and are less individual than expressions in astro-etheric matter of the Will-Thought-Energy of the presiding *deva* and its subordinates.

Ở các cấp độ Cảm Dục và Dĩ Thái thấp nhất có nhiều tinh linh tự nhiên rất nhỏ, và ít cá nhân hơn là các biểu hiện trong vật chất cảm dục-dĩ thái của Ý Chí-Tư Tưởng-Năng Lượng của thiên thần chủ tọa và các cấp dưới của nó.

The plant is associated with a form of nature spirit life which embodies all that I have said in a much more conscious way and has as its duty the preservation of life in the plant and particularly in any products of this plant which could lead to reproduction. It is a nature spirit of the plant reproductive procedure according to design. If this be true, and I have checked, then reproduction, always according to the species or within its range, is not purely physical alone but guided, directed according to a handed-down design or archetype. The fairy, and I use the word in a very broad sense and not in a fairy tale sense, this fairy is concerned with such activities under the direction of its immediate senior of which, be it remembered, it is also a part.

Cây này liên quan đến một hình thức sự sống tinh linh tự nhiên vốn thể hiện tất cả những gì tôi đã nói theo cách có ý thức hơn nhiều và có nhiệm vụ bảo tồn sự sống trong cây và đặc biệt là trong bất kỳ sản phẩm nào của cây này có thể dẫn đến sự sinh sản. Đó là một tinh linh tự nhiên của quy trình sinh sản thực vật theo thiết kế. Nếu điều này là đúng, và tôi đã kiểm tra, thì sự sinh sản, luôn theo loài hoặc trong phạm vi của nó, không chỉ đơn thuần là vật lý mà còn được hướng dẫn, chỉ đạo theo một thiết kế hoặc nguyên mẫu được truyền lại. Tiên nữ, và tôi sử dụng từ này theo nghĩa rất rộng và không theo nghĩa truyện cổ tích, tiên nữ này liên quan đến các hoạt động như vậy dưới sự chỉ đạo của cấp trên trực tiếp của nó mà, hãy nhớ rằng, nó cũng là một phần.

Meditated upon, perhaps using a slightly more refined state of awareness, one is led to a kind

Thiền định về điều này, có lẽ sử dụng một trạng thái nhận thức tinh tế hơn một chút,

of experience or sense of knowing and even intuiting a little, very little in my case, of the one Mind at work in the great plant aspect of the laboratory of Nature.

người ta được dẫn đến một loại trải nghiệm hoặc cảm giác biết và thậm chí trực giác một chút, rất ít trong trường hợp của tôi, về một Tâm Trí đang hoạt động trong khía cạnh thực vật lớn của phòng thí nghiệm Tự Nhiên.

Indeed, if I allowed myself, which I do not, I could pass, within my great limitations, into a yogic state of understanding at least and approaching oneness with the Divine Mind and Life in this little plant and especially its flower, and so throughout all Nature.

Thật vậy, nếu tôi cho phép bản thân, điều mà tôi không làm, tôi có thể vượt qua, trong những giới hạn lớn của mình, vào một trạng thái hiểu biết ít nhất và tiếp cận sự hợp nhất với Tâm Trí và Sự Sống Thiêng Liêng trong cây nhỏ này và đặc biệt là hoa của nó, và do đó trong toàn bộ Tự Nhiên.

Summing up, since both time and energy are limited, the whole plant from smallest root to tips of leaves and flower is astro-etherically seen to be built of 'dancing' energies which are all particled and wave-like in their dance-like movements. Of course this movement is extremely minute and within the tissues, though auric-electromagnetic emanations such as I first saw and described are also to be observed. I am tempted to say in conclusion that not only man but plants may be thought of as a microcosm of the macrocosm, a cosmos in miniature.

Tóm lại, vì cả thời gian và năng lượng đều có hạn, toàn bộ cây từ rễ nhỏ nhất đến đầu lá và hoa được thấy theo cách cảm dục-dĩ thái là được xây dựng từ các năng lượng 'nhảy múa' vốn tất cả đều có hạt và giống như sóng trong các chuyển động giống như nhảy múa của chúng. Tất nhiên chuyển động này là cực kỳ nhỏ và trong các mô, mặc dù các bức xạ điện từ hào quang như tôi đã thấy và mô tả đầu tiên cũng có thể được quan sát. Tôi bị cám dỗ để nói kết luận rằng không chỉ con người mà cả thực vật cũng có thể được coi là một tiểu thiên địa của đại thiên địa, một vũ trụ thu nhỏ.

With regret I close this study, and unscientific though it may sound, I have definitely been also moved into a state of mind or attitude towards the indwelling energies and life forces which can be described as reverence.

Với sự tiếc nuối, tôi kết thúc nghiên cứu này, và mặc dù có thể nghe không khoa học, tôi chắc chắn đã được chuyển vào một trạng thái tâm trí hoặc thái độ đối với các năng lượng nội tại và mãnh lực sự sống có thể được mô tả là sự tôn kính.

(Reported in *Bulletin of The Theosophy-Science Group,* India) *Theosophy in New Zealand,* Vol. 36, No. 2, 1975, p. 29

(Được báo cáo trong *Bulletin of The Theosophy-Science Group,* Ấn Độ) *Theosophy in New Zealand,* Tập 36, Số 2, 1975, tr. 29

119

A Tree With a Personality—Một Cây Có Phàm Ngã

(Scene of many international gatherings and some of Dr Besant's greatest orations, the

(Cảnh của nhiều cuộc tụ họp quốc tế và một số bài diễn thuyết vĩ đại nhất của Tiến sĩ Besant,

Banyan Tree in the Adyar Gardens is a venerable entity not only as to form but also as to consciousness, as Mr Geoffrey Hodson shows. With a friend he sat down under the Banyan Tree during the Diamond Jubilee Convention, and clairvoyantly observing the Tree and its *Deva* made the following descriptive narrative)

Cây Banyan trong Vườn Adyar là một thực thể đáng kính không chỉ về hình thức mà còn về tâm thức, như ông Geoffrey Hodson cho thấy. Với một người bạn, ông ngồi dưới Cây Banyan trong suốt Hội Nghị Kỷ Niệm Kim Cương, và quan sát thông nhãn Cây và thiên thần của nó đã tạo ra câu chuyện mô tả sau đây)

On its inner side the great Banyan Tree appears to resemble somewhat an efficiently managed business organization. The two processes of the growth and development of form on the one hand, and the quickening of life and consciousness on the other, are presided over by the Deva-in-charge. Under it are a certain number of subordinate *Devas,* and below them again hosts of nature spirits at varying stages of evolution and performing various functions, the whole being included within the one consciousness and aura of the chief *Deva.*

Ở phía bên trong, Cây Đa lớn dường như giống như một tổ chức kinh doanh được quản lý hiệu quả. Hai quá trình phát triển và tăng trưởng của hình tướng một mặt, và sự kích thích của sự sống và tâm thức mặt khác, được giám sát bởi Thiên thần phụ trách. Dưới quyền của Ngài là một số Thiên thần phụ, và dưới họ là vô số các tinh linh tự nhiên ở các giai đoạn tiến hóa khác nhau và thực hiện các chức năng khác nhau, tất cả đều nằm trong một tâm thức và hào quang của Thiên thần chính.

As far as I can see, the face and form of this *Deva* are somewhat Indian in appearance, the flowing forces of the shining aura above the head producing in part the effect of the kind of headdress or crown seen on certain Indian religious statues. The central form is hidden by the brilliant outflowing auric energies. These flow rhythmically upwards and outwards from the whole body over an area which includes the whole of the Tree. Occasionally they are directed to special regions of this Tree-Empire, but generally flow equally and evenly throughout the whole Tree. The *Deva* might perhaps be visualized as stationed within the central trunk, its feet sometimes below the ground, sometimes in the upper branches, while on certain occasions it rises high in the air above the Tree. Wherever the *Deva* is, it subjects the Tree to the stimulating and quickening power of its individualized consciousness and auric

Theo như tôi có thể thấy, khuôn mặt và hình tướng của Thiên thần này có vẻ hơi giống người Ấn Độ, các dòng lực chảy của hào quang sáng chói trên đầu tạo ra một phần hiệu ứng của loại mũ hoặc vương miện thấy trên một số tượng tôn giáo Ấn Độ. Hình tướng trung tâm bị che khuất bởi các năng lượng hào quang rực rỡ tỏa ra. Chúng chảy nhịp nhàng lên trên và ra ngoài từ toàn bộ cơ thể trên một khu vực bao gồm toàn bộ Cây. Đôi khi chúng được hướng đến các vùng đặc biệt của Đế chế Cây này, nhưng thường chảy đều và đồng đều khắp toàn bộ Cây. Thiên thần có thể được hình dung như đứng trong thân cây trung tâm, đôi khi chân dưới mặt đất, đôi khi ở các nhánh trên, trong khi vào những dịp nhất định, Ngài bay cao trên không trung trên Cây. Dù Thiên thần ở đâu, Ngài cũng đặt Cây dưới sức mạnh kích thích và nhanh chóng của tâm thức cá nhân hóa và năng lượng hào quang của Ngài. Ngoại trừ một chuyển động đung đưa nhịp nhàng

energies. Save for an occasional swaying, rhythmical movement of the body and the arms, it is motionless as a stable powerful centre of force. Its consciousness is completely unified with the consciousness of the Tree, which it thus helps from within. The principal colours in its aura appear to me to be dark blue, white, and a white-gold, which is very brilliant in the region occupied by the form, growing less so towards the edges of the aura. The outer colours include dark blue and purple, shot through with rays and flashes of white and gold.

của cơ thể và cánh tay, Ngài đứng yên như một trung tâm mãnh lực ổn định mạnh mẽ. Tâm thức của Ngài hoàn toàn hợp nhất với tâm thức của Cây, mà Ngài giúp đỡ từ bên trong. Các màu sắc chính trong hào quang của Ngài dường như là xanh đậm, trắng, và một màu trắng-vàng, rất rực rỡ ở vùng có hình tướng, giảm dần về phía rìa của hào quang. Các màu sắc bên ngoài bao gồm xanh đậm và tím, xen kẽ với các tia và ánh sáng trắng và vàng.

The Banyan Tree appears to me to have a life centre or heart, situated in the central trunk, and extending some six feet below and above the ground and outwards for the same distance. Life and energy are flowing into or welling up within this centre and flowing outwards in a rhythmic pulse throughout the whole Tree. This centre is also white-gold in colour and of the same vibrational frequency as the central form of the *Deva* whose own life centre beats in unison and unity with it.

Cây Đa dường như có một trung tâm sự sống hoặc trái tim, nằm trong thân cây trung tâm, và kéo dài khoảng sáu feet dưới và trên mặt đất và ra ngoài cùng khoảng cách. Sự sống và năng lượng đang chảy vào hoặc dâng lên trong trung tâm này và chảy ra ngoài trong một nhịp điệu xung động khắp toàn bộ Cây. Trung tâm này cũng có màu trắng-vàng và có cùng tần số rung động như hình tướng trung tâm của Thiên thần, trung tâm sự sống của Ngài đập đồng điệu và hợp nhất với nó.

Round the outer surfaces, in the more leafy regions of the Tree-Empire, are large numbers of leaf nature spirits. These are somewhat feminine in appearance, diminutive in form, varying from a few inches up to two or three feet. They transmit creative, form-producing impulses and stimulating energies to the outermost branches and leaves. Indeed the whole Tree seems, as it were, to be stretching its consciousness outwards to the surface continually, as if reaching towards the tips of the branches and leaves, probably in response both to interior evolutionary pressure and to the stimuli of sunshine and climatic influences.

Xung quanh các bề mặt bên ngoài, trong các vùng lá nhiều hơn của Đế chế Cây, có rất nhiều tinh linh lá. Chúng có vẻ hơi nữ tính, hình dáng nhỏ bé, từ vài inch đến hai hoặc ba feet. Chúng truyền tải các xung động sáng tạo, tạo hình và năng lượng kích thích đến các nhánh và lá ngoài cùng. Thật vậy, toàn bộ Cây dường như đang vươn tâm thức ra ngoài bề mặt liên tục, như thể vươn tới các đầu nhánh và lá, có lẽ để đáp ứng cả áp lực tiến hóa bên trong và các kích thích của ánh nắng và ảnh hưởng khí hậu.

There is something venerable and wonderful about this Tree-Being, some quality which

Có điều gì đó đáng kính và tuyệt vời về Sinh thể Cây này, một phẩm chất nào đó gợi lên sự

evokes respect, reverence indeed, when one recognizes that it is the Divine life, the Divine consciousness, which is so beautifully manifest in the great Banyan Tree. It is distinctly friendly to human beings, though, naturally, its responses are somewhat dim and vague.

tôn trọng, thực sự là sự kính ngưỡng, khi người ta nhận ra rằng đó là sự sống Thiêng liêng, tâm thức Thiêng liêng, được biểu hiện một cách tuyệt đẹp trong Cây Đa lớn. Nó rõ ràng là thân thiện với con người, mặc dù, tự nhiên, các phản ứng của nó có phần mờ nhạt và mơ hồ.

Many earth nature spirits or gnomes are to be seen running about on the surface of the ground under the Tree. They are quaint, almost archaic in appearance, reminding one a little of the Wayang figures of the Javanese shadow dancers. They are dark in colour, something like that of the skin of an elephant; from eight inches to two feet in height and of a very primitive intelligence, a sense of enjoyment of life being perhaps predominant. These little creatures appear to be aware of the gardeners and other human beings who come under the tree, but without displaying any special interest; their attitude is much the same as that of the birds and squirrels, though with less fear. They are, however, definitely selective in this matter, and come quite close to some people, avoiding others.

Nhiều tinh linh đất hoặc gnomes có thể được thấy chạy quanh trên bề mặt đất dưới Cây. Chúng kỳ quặc, gần như cổ xưa trong hình dáng, gợi nhớ một chút về các hình Wayang của các vũ công bóng Javanese. Chúng có màu tối, giống như màu da của một con voi; từ tám inch đến hai feet chiều cao và có một trí thông minh rất nguyên thủy, có lẽ cảm giác thích thú với cuộc sống là nổi bật nhất. Những sinh vật nhỏ bé này dường như nhận thức được những người làm vườn và những người khác đến dưới cây, nhưng không thể hiện sự quan tâm đặc biệt nào; thái độ của chúng giống như của chim và sóc, mặc dù ít sợ hãi hơn. Tuy nhiên, chúng chắc chắn có sự chọn lọc trong vấn đề này, và đến khá gần một số người, tránh xa những người khác.

There is an atmosphere of still brooding peace, almost of Timelessness under the Tree. One is in the presence of a consciousness which is completely unconcerned with Time, with a life which is fulfilling itself naturally and beautifully and without haste. There is a sense of stability which is not all due to great bulk and dullness of response, but rather gives the impression of an attainment, of a power developed. These qualities and influences, both of the *Deva* and of the Tree, enter into those who pass under the Banyan Tree, more especially those who are naturally responsive or throw themselves open to them. Realizing thus in however small a degree something of the inner nature of the great Banyan Tree, one salutes it with profound respect as a

Có một bầu không khí của sự bình yên tĩnh lặng, gần như của sự Vô Thời gian dưới Cây. Người ta đang ở trong sự hiện diện của một tâm thức hoàn toàn không quan tâm đến Thời gian, với một sự sống đang tự hoàn thành một cách tự nhiên và đẹp đẽ và không vội vã. Có một cảm giác ổn định không hoàn toàn do khối lượng lớn và sự phản ứng chậm chạp, mà thay vào đó tạo ấn tượng về một sự đạt được, một sức mạnh đã phát triển. Những phẩm chất và ảnh hưởng này, cả của Thiên thần và của Cây, thấm vào những ai đi qua dưới Cây Đa, đặc biệt là những người tự nhiên nhạy cảm hoặc mở lòng đón nhận chúng. Nhận ra dù chỉ một chút về bản chất bên trong của Cây Đa lớn, người ta cúi chào nó với sự tôn trọng sâu sắc như một cư dân đáng kính, mạnh mẽ và đẹp đẽ

venerable, powerful and beautiful resident of Adyar. Indeed it does not seem too much to say, a resident who is, moreover, playing most effectively its appointed part in the inner and outer work of International Headquarters Theosophical Society.

của Adyar. Thật vậy, không có vẻ quá đáng khi nói rằng, một cư dân đang đóng vai trò được chỉ định của mình một cách hiệu quả nhất trong công việc bên trong và bên ngoài của Trụ sở Quốc tế Hội Thông Thiên Học.

The Theosophist, Vol. 57, Part 2, 1936, p. 546

The Theosophist, Tập 57, Phần 2, 1936, trang 546

120

Impressions of the Giant Sequoias—Ấn tượng về Cây Sequoia Khổng Lồ

The strongest natural impression which the giant redwoods produce is that of Individuality, of entityship. Their grandeur, size, strength and age also impel one to a wonder which almost amounts to awe. They are mighty lords of the kingdoms of the trees: Adepts, as it were, of tree consciousness.

Ấn tượng tự nhiên mạnh mẽ nhất mà cây sequoia khổng lồ tạo ra là về Tính Cá Nhân, về sự tồn tại. Sự hùng vĩ, kích thước, sức mạnh và tuổi tác của chúng cũng khiến người ta kinh ngạc gần như đến mức kính sợ. Chúng là những chúa tể vĩ đại của các vương quốc cây cối: Các Chân sư, như thể, của tâm thức cây.

There are two force centres in a single redwood trunk; four in the giant three-trunk tree from which these observations were partly made. One of these life-and force-centres is situated some three feet below the ground level, the other high up amongst the branches. In the Sherman tree with its single trunk, this second force centre is situated just above the lowest branches, which leave the mighty trunk some 150 feet above the ground. In each of the three trunks of the triple tree, it is in the same relative position in each trunk, thereby making up the four centres referred to above. Between the lower and the upper centres there is a powerful interplay of electromagnetic and vital energy, so that each tree somewhat resembles a powerful engine or dynamo.

Có hai trung tâm mãnh lực trong một thân cây sequoia đơn; bốn trong cây ba thân khổng lồ từ đó những quan sát này được thực hiện một phần. Một trong những trung tâm sự sống và mãnh lực này nằm khoảng ba feet dưới mặt đất, trung tâm kia cao lên giữa các nhánh. Trong cây Sherman với thân cây đơn, trung tâm mãnh lực thứ hai này nằm ngay trên các nhánh thấp nhất, rời khỏi thân cây hùng vĩ khoảng 150 feet trên mặt đất. Trong mỗi thân cây của cây ba thân, nó nằm ở cùng vị trí tương đối trong mỗi thân cây, do đó tạo thành bốn trung tâm đã đề cập ở trên. Giữa các trung tâm dưới và trên có một sự tương tác mạnh mẽ của năng lượng điện từ và sinh lực, do đó mỗi cây có phần giống như một động cơ hoặc máy phát điện mạnh mẽ.

These great centres in the giant redwood correspond to the body and heart centres of man. In the case of the tree, heart, solar plexus, spleen and sacral *chakrams* are all combined in

Những trung tâm lớn này trong cây sequoia khổng lồ tương ứng với các trung tâm cơ thể và trái tim của con người. Trong trường hợp của cây, các luân xa tim, tùng thái dương, lá

the lower of the two centres. Similarly the crown, brow, and throat *chakrams* of man are combined into the one upper centre in the tree. The lower of these is in some way connected with the Spirit of the Earth, whose life is in the trees. It is also in magnetic association with the great solar and *kundalini* store house in the middle of the earth, and this on the force side is the secret of the immense power and coordinated selfhood which the Sequoias display.

lách và xương cùng đều kết hợp trong trung tâm dưới của hai trung tâm. Tương tự, các luân xa vương miện, trán và họng của con người được kết hợp thành một trung tâm trên trong cây. Trung tâm dưới này bằng cách nào đó được kết nối với Tinh thần của Trái Đất, sự sống của Ngài nằm trong cây. Nó cũng có liên kết từ tính với kho chứa thái dương và kundalini lớn ở giữa trái đất, và điều này về phía mãnh lực là bí mật của sức mạnh to lớn và sự tự chủ phối hợp mà Sequoias thể hiện.

The formative and growth producing influence comes from the lower of the two centres, which has evolved from the life centre. The action of this influence is described in the author's book, *Fairies at Work and at Play.*

Ảnh hưởng tạo hình và sản sinh tăng trưởng đến từ trung tâm dưới của hai trung tâm, đã tiến hóa từ trung tâm sự sống. Hành động của ảnh hưởng này được mô tả trong cuốn sách của tác giả, *Fairies at Work and at Play.*

The upper centre is the more superphysical part of the mechanism of the tree, whilst the interaction between upper and lower completes the triune self of the tree spirit or being. This does not mean that there is no consciousness in the lower, or growth-producing power in the upper. On the contrary each centre is in a measure performing both types of work.

Trung tâm trên là phần siêu vật lý hơn của cơ chế của cây, trong khi sự tương tác giữa trên và dưới hoàn thành cái tôi ba ngôi của tinh thần hoặc sinh thể cây. Điều này không có nghĩa là không có tâm thức trong trung tâm dưới, hoặc sức mạnh sản sinh tăng trưởng trong trung tâm trên. Ngược lại, mỗi trung tâm đang thực hiện cả hai loại công việc ở một mức độ nào đó.

Man, being two kingdoms in advance of even these splendid tree beings is more complex and more highly organized than they.

Con người, tiến trước hai vương quốc so với ngay cả những sinh thể cây tuyệt vời này, phức tạp hơn và tổ chức cao hơn chúng.

The aura of the tree now called General Sherman, said to be the oldest and largest living thing on earth—its height is almost 300 feet and its age some 5000 years—extends at the Astral level for some fifty feet beyond the trunk. Its etheric emanations play out to a distance of about six feet.

Hào quang của cây hiện được gọi là General Sherman, được cho là sinh vật sống lớn nhất và lâu đời nhất trên trái đất—chiều cao của nó gần 300 feet và tuổi đời khoảng 5000 năm —mở rộng ở mức độ Cảm dục khoảng năm mươi feet vượt ra ngoài thân cây. Các xuất lộ dĩ thái của nó phát ra xa khoảng sáu feet.

The Sherman tree has a distinct mental body of enormous size. The auric envelope or sphere of influence extends from below the ground level, follows the shape of the tree

Cây Sherman có một thể trí rõ ràng với kích thước khổng lồ. Vỏ bọc hào quang hoặc phạm vi ảnh hưởng mở rộng từ dưới mặt đất, theo hình dạng của cây lên trên và đạt đến đỉnh của

upwards and reaches to the tip of the tree. There is a suggestion of colour in this aura: blue, from azure to deep sapphire, flecks of yellow, extremely delicate pale green, and an opalescent sheen as of mother-of-pearl being visible. The Etheric Double of the tree is outlined by a soft rosy glow, extending some three inches beyond the bark on all sides and consisting of the unused rose vitality atoms.

cây. Có một gợi ý về màu sắc trong hào quang này: xanh, từ xanh da trời đến xanh ngọc bích đậm, những đốm vàng, xanh nhạt cực kỳ tinh tế, và một ánh sáng ngọc trai như của vỏ trai có thể thấy được. Thể Dĩ thái của cây được viền bởi một ánh sáng hồng mềm mại, mở rộng khoảng ba inch vượt ra ngoài vỏ cây ở mọi phía và bao gồm các nguyên tử sinh khí hồng chưa sử dụng.

Above the tip of the Sherman tree is a fourth vehicle of consciousness, which apparently is an embryo Causal Body. The mental body opens out into this, which resembles a head or ovoid extension into the *arupa* worlds, with a distinct neck at the point of meeting of the two vehicles. Here the observer thinks he discerns the star of the Monad, a glowing triangle of stars from which there appears to extend a connection with still higher realms.

Trên đỉnh của cây Sherman là một hiện thể thứ tư của tâm thức, dường như là một Thể Nguyên Nhân phôi thai. Thể trí mở ra thành cái này, giống như một cái đầu hoặc sự mở rộng hình bầu dục vào các thế giới arupa, với một cái cổ rõ ràng tại điểm gặp gỡ của hai hiện thể. Ở đây người quan sát nghĩ rằng mình nhận ra ngôi sao của Chân Thần, một tam giác sao rực rỡ từ đó dường như mở rộng một kết nối với các cõi cao hơn nữa.

In the threefold tree, a similar phenomenon is observable, but there is only one mental body and one embryo Causal Body, which is smaller than that of the Sherman. This potential Ego is performing the function of tree *deva* and is the true tree spirit. This function is described in the author's book, *The Kingdom of Faerie.*

Trong cây ba ngôi, một hiện tượng tương tự có thể quan sát được, nhưng chỉ có một thể trí và một Thể Nguyên Nhân phôi thai, nhỏ hơn của Sherman. Cái Ngã tiềm năng này đang thực hiện chức năng của thiên thần cây và là tinh thần cây thực sự. Chức năng này được mô tả trong cuốn sách của tác giả, *The Kingdom of Faerie.*

Unlike the tree *deva,* which after all is a separate being from the tree, the dawning Egoic consciousness of the giant redwoods cannot leave the physical tree itself. There is, however, an order of tree nymphs connected with the branches, each of which is an evolving tree consciousness and exhibits in miniature the same phenomena as described for the central tree, with the exception of the formation of a Causal Body. There is, for example, a force centre below the bark of the main trunk at the point at which each branch arises, and a second farther out along the limb amongst the lesser branches. There are tree

Không giống như thiên thần cây, vốn sau cùng là một sinh thể riêng biệt với cây, tâm thức Chân Ngã đang ló dạng của cây sequoia khổng lồ không thể rời khỏi cây vật lý. Tuy nhiên, có một trật tự của các tiên nữ cây kết nối với các nhánh, mỗi nhánh là một tâm thức cây đang tiến hóa và thể hiện ở dạng thu nhỏ các hiện tượng tương tự như đã mô tả cho cây trung tâm, ngoại trừ sự hình thành của một Thể Nguyên Nhân. Ví dụ, có một trung tâm mãnh lực dưới vỏ cây của thân cây chính tại điểm mà mỗi nhánh phát sinh, và một trung tâm thứ hai xa hơn dọc theo cành giữa các nhánh nhỏ hơn. Có các tinh thần cây liên kết với các

spirits associated with the main branches, fairly typical dryads serving the branch, as their lesser brethren serve whole trees of lesser species.

nhánh chính, các dryad khá điển hình phục vụ cho nhánh, như các anh em nhỏ hơn của chúng phục vụ cho toàn bộ cây của các loài nhỏ hơn.

Each *Sequoia gigantea* is an immense generator of energy which probably could be tapped at the etheric level and used by suitable machinery, for there is a prodigious discharge of superabundant power. This has a distinct therapeutic value at the etheric level; it combs out, cleans and recharges the Etheric Double of man, whilst the interplay of force between the two great life centres tends to open up the corresponding channels between the higher consciousness and the brain in man, whose own forces are, as it were, hyper charged by a process of induction when he sits near the tree in meditation.

Mỗi *Sequoia gigantea* là một máy phát năng lượng khổng lồ có thể được khai thác ở mức độ Dĩ thái và sử dụng bởi các máy móc phù hợp, vì có một sự phóng thích mãnh lực dư thừa khổng lồ. Điều này có giá trị trị liệu rõ ràng ở mức độ Dĩ thái; nó chải sạch, làm sạch và nạp lại Thể Dĩ thái của con người, trong khi sự tương tác của mãnh lực giữa hai trung tâm sự sống lớn có xu hướng mở ra các kênh tương ứng giữa tâm thức cao hơn và bộ não trong con người, các mãnh lực của chính y, như thể, được siêu nạp bởi một quá trình cảm ứng khi y ngồi gần cây trong tham thiền.

If one may at this point forsake the purely scientific observation of natural processes and enter into the very life of Nature as manifested in this mighty mountain range of the Sierra Nevadas, in the forest and especially in these great old trees, a vision of divine Splendour is revealed; for the glory of the Supreme is shining all about the giant redwoods and raying forth upon the whole tree kingdom from their lofty heights. The forest becomes a temple; all trees a congregation of worshippers. The redwoods are splendid ministers, and the angelic hosts a celestial choir chanting from age to age the praises of the Supreme.

Nếu có thể tại điểm này từ bỏ quan sát khoa học thuần túy về các quá trình tự nhiên và đi vào chính sự sống của Tự nhiên như được biểu hiện trong dãy núi hùng vĩ Sierra Nevadas này, trong rừng và đặc biệt là trong những cây cổ thụ lớn này, một tầm nhìn về Sự Huy Hoàng Thiêng Liêng được tiết lộ; vì vinh quang của Đấng Tối Cao đang chiếu sáng khắp cây sequoia khổng lồ và tỏa ra trên toàn bộ vương quốc cây cối từ độ cao chót vót của chúng. Khu rừng trở thành một ngôi đền; tất cả cây cối là một hội chúng của những người thờ phượng. Cây sequoia là những vị mục sư lộng lẫy, và các thiên thần là một dàn hợp xướng thiên thần hát từ thời đại này sang thời đại khác những lời ca ngợi Đấng Tối Cao.

Theosophy in Australia, Vol. 33, 5 May 1945, p. 97—Abridged from '*World Theosophy*', June, 1932

Thông Thiên Học tại Úc, Tập 33, 5 Tháng Năm 1945, trang 97—Rút gọn từ '*Thế Giới Thông Thiên Học*', Tháng Sáu, 1932



This is a 2,700 year old Sequoia, which has been named 'Grizzly Giant', and is found in the Mariposa Grove in the Sierra Nevada, Range, USA.

Đây là một cây Sequoia 2.700 năm tuổi, được đặt tên là 'Grizzly Giant', và được tìm thấy trong Rừng Mariposa ở Dãy Sierra Nevada, Hoa Kỳ.

SECTION 4

121

Studies in Occultism [4]—*Nghiên Cứu về Huyền Bí Học [4]*

Special Guardian Angels

A Conserving Principle

According to one theosophical view, a guardian angel is a member of the Angelic Hosts—but is not necessarily permanently attached to one person. There is in operation a principle of guardianship which is a universal expression of a conserving principle in Nature which might be termed the Love of God. That principle finds its manifestation both in human beings who become protectors of those in need and in members of the Angelic Hosts who do the same. The Angels are the incarnation of impersonality. When an occasion arises for guardianship some member of the Angelic Hosts observes it and within the limits of the law, guards and protects that particular person. On another occasion it could be another member of the Angelic Hosts who similarly assisted.

A Particular Link

There is one exception to that rule, however, and this information is offered not in the least dogmatically, but as the shared fruits of research, as something worth thinking over. Special links are made with Orders of Angels, and even with individual members of those Orders, by men and women who have been admitted, either in former incarnations or in the present life, to certain 'valid' Ceremonial Orders such as

Freemasonry and the Lesser and Greater

Các Thiên Thần Hộ Mệnh Đặc Biệt

Một Nguyên Khí Bảo Tồn

Theo một quan điểm thông thiên học, một thiên thần hộ mệnh là một thành viên của Các Đạo Binh Thiên Thần—nhưng không nhất thiết phải gắn bó vĩnh viễn với một người. Có một nguyên tắc bảo hộ đang hoạt động, vốn là một biểu hiện phổ quát của một nguyên tắc bảo tồn trong Thiên Nhiên, có thể được gọi là Tình Thương của Thượng Đế. Nguyên tắc đó tìm thấy sự biểu hiện của nó cả ở những con người trở thành người bảo vệ những người có nhu cầu và ở các thành viên của Các Đạo Binh Thiên Thần, những người làm điều tương tự. Các Thiên Thần là hiện thân của tính vô ngã. Khi có dịp để bảo hộ, một số thành viên của Các Đạo Binh Thiên Thần quan sát nó và trong giới hạn của định luật, bảo vệ và che chở người đó. Vào một dịp khác, có thể là một thành viên khác của Các Đạo Binh Thiên Thần đã hỗ trợ tương tự.

Một Liên Kết Cụ Thể

Tuy nhiên, có một ngoại lệ đối với quy tắc đó và thông tin này được đưa ra không hề mang tính giáo điều, mà là thành quả nghiên cứu chung, là điều đáng để suy ngẫm. Những mối liên kết đặc biệt được tạo ra với các Dòng Thiên Thần, và thậm chí với các thành viên riêng lẻ của những Dòng đó, bởi những người nam và nữ đã được chấp nhận, hoặc trong các kiếp trước hoặc trong cuộc đời hiện tại, vào một số Dòng Nghi Lễ 'hợp lệ' nhất định như

Hội Tam Điểm và các Mật Truyền Nhỏ và Lớn.

Mysteries. When, for example, the Rite or Sacrament of Baptism is performed within Denominations of the Christian Church which are in the Apostolic Succession, one of the effects is to associate for the rest of that life a member of the Angelic Hosts—not a deceased human being, by the way—with the person who is baptized. This Being is said not to be a highly evolved Angel, but a sylph which has some affinity with the Soul and nature of the person baptized. These two are brought together by the Rite of Baptism, and in that case there is some term of guardianship and helpfulness by one particular Angel for one particular person.

Ví dụ, khi Nghi Lễ hoặc Bí Tích Rửa Tội được thực hiện trong các Giáo Phái của Giáo Hội Cơ Đốc vốn thuộc Hệ Thống Kế Vị Tông Đồ, một trong những hiệu ứng là liên kết một thành viên của Các Đội Quân Thiên Thần — nhân tiện, không phải là một người đã khuất — với người được rửa tội trong suốt quãng đời còn lại. Đấng này được cho là không phải là một Thiên Thần tiến hóa cao, mà là một sylph có một số mối liên hệ với Linh Hồn và bản chất của người được rửa tội. Hai vị này được đưa đến với nhau bằng Nghi Lễ Rửa Tội, và trong trường hợp đó, có một số nhiệm kỳ bảo vệ và giúp đỡ bởi một Thiên Thần cụ thể cho một người cụ thể.

Protection

Bảo vệ

This knowledge can be used most effectively. Human thought is very powerful and can be either hurtful or helpful, danger producing or protective. If, for instance, we have a friend or loved one in conditions of danger, perhaps a soldier in battle, our daily thoughts of them as being safe are as prayers to the Higher Powers that they may be protected. These thoughts assume radiant forms, concentrations of thought-force, perhaps like winged spheres—rosy wings and golden balls of light—and they flash off to where the person is, hover in the neighbourhood nearby and gradually discharge some of their force into the aura of the person, steadying them, making them more cautious and establishing a better relationship between Ego and brain. Then, should there be a moment when to step in one direction would mean death, and in another direction life, this thought-force would helpfully influence the person.

Kiến thức này có thể được sử dụng hiệu quả nhất. Tư tưởng của con người rất mạnh mẽ và có thể gây tổn thương hoặc giúp đỡ, tạo ra nguy hiểm hoặc bảo vệ. Ví dụ, nếu chúng ta có một người bạn hoặc người thân yêu trong điều kiện nguy hiểm, có lẽ là một người lính trong trận chiến, những suy nghĩ hàng ngày của chúng ta về việc họ được an toàn giống như những lời cầu nguyện lên Các Đấng Cao Cả để họ có thể được bảo vệ. Những suy nghĩ này mang những hình thức rạng rỡ, sự tập trung của mãnh lực tư tưởng, có lẽ giống như những quả cầu có cánh — đôi cánh màu hồng và những quả cầu ánh sáng vàng — và chúng lóe lên đến nơi người đó đang ở, lơ lửng trong vùng lân cận gần đó và dần dần phóng ra một phần mãnh lực của chúng vào hào quang của người đó, giữ cho họ vững vàng, khiến họ thận trọng hơn và thiết lập mối quan hệ tốt hơn giữa Chân ngã và bộ não. Sau đó, nếu có một khoảnh khắc mà bước sang một hướng có nghĩa là cái chết, và ở một hướng khác là sự sống, thì mãnh lực tư tưởng này sẽ giúp ích cho người đó.

Invoking Angelic Aid

Khẩn Cầu Sự Trợ Giúp của Thiên Thần

In addition to this, we can also invoke the aid of the Angelic Hosts by such an invocation as: 'May the power and the love of God bless and protect—mentioning Christian and surname —and may the Guardian Angels encompass them'. Make a clear mental image of God's enveloping Love and of encompassing angel presences. Do this regularly each day, always with a surrender to the Divine Will and Law, then you can really protect those in possible danger both by your thought-forces and by the invocation of Guardian Angels.

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể khẩn cầu sự giúp đỡ của Các Đội Quân Thiên Thần bằng một lời khẩn cầu như: 'Cầu xin quyền năng và tình thương của Thượng đế ban phước và bảo vệ — đề cập đến tên thánh và họ — và cầu xin Các Thiên Thần Hộ Mệnh bao bọc họ'. Tạo một hình ảnh tinh thần rõ ràng về Tình Thương bao trùm của Thượng đế và sự hiện diện của các thiên thần bao bọc. Thực hiện điều này thường xuyên mỗi ngày, luôn luôn đầu hàng Ý Chí và Định Luật Thiêng Liêng, thì bạn thực sự có thể bảo vệ những người có thể gặp nguy hiểm cả bằng mãnh lực tư tưởng của bạn và bằng lời khẩn cầu Các Thiên Thần Hộ Mệnh.

The Call For Light: An Angelic Message

Lời Kêu Gọi Ánh Sáng: Một Thông Điệp Thiên Thần

'The Gods await the conscious reunion of the mind of man with the Universal Mind. Humanity awakens slowly. Matter-blinded through centuries, few men as yet perceive the Mind within the substance, the Life within the form.

'Các Thượng đế chờ đợi sự tái hợp tâm thức của thể trí con người với Vũ Trụ Trí. Nhân loại thức tỉnh chậm chạp. Bị vật chất làm mù quáng qua nhiều thế kỷ, ít người cho đến nay nhận thấy Thể Trí bên trong vật chất, Sự Sống bên trong hình tướng.

'In search of power and wealth, men have traversed the whole Earth, have penetrated the wilds, scaled the peaks and conquered the polar wastes. Let them now seek within the form, scale the height of their own consciousness penetrate its depths, in search of that inner Power and Life by which alone they may become strong in will and spiritually enriched.

'Để tìm kiếm quyền lực và sự giàu có, con người đã đi khắp Trái Đất, đã thâm nhập vào vùng hoang dã, leo lên các đỉnh núi và chinh phục vùng cực hoang vu. Giờ đây, hãy để họ tìm kiếm bên trong hình tướng, leo lên đỉnh cao của tâm thức của chính họ, thâm nhập vào chiều sâu của nó, để tìm kiếm Quyền Năng và Sự Sống bên trong đó, nhờ đó họ có thể trở nên mạnh mẽ trong ý chí và giàu có về mặt tinh thần.

'He who thus throws open his life and mind to the Universal Life and Mind indwelling in all things, will enter into union therewith and to him the Gods will appear.

'Y, vốn mở toang cuộc đời và thể trí của mình cho Vũ Trụ Sự Sống và Thể Trí ngự trị trong mọi thứ, sẽ đi vào sự hợp nhất với nó và Các Thượng đế sẽ hiện ra với y.

'Let him with full intent of mind and will thus meditate:

'Hãy để y với ý định đầy đủ của thể trí và ý chí tham thiền như sau:

Power universal,

Quyền năng vũ trụ,

Life indwelling,	Sự sống ngự trị,
Mind all-pervading,	Thể trí bao trùm tất cả,
I am one with Thee	Ta là một với Ngài
Gods of Power, Life and Mind I greet thee.	Các Thượng đế của Quyền Năng, Sự Sống và Thể Trí, tôi chào Ngài.
In the Self of the Universe, we are one.	Trong Bản Thể của Vũ Trụ, chúng ta là một.
I am that Self, that Self am I[7].	Ta là Bản Thể đó, Bản Thể đó là Ta7.
Theosophy in New Zealand, Vol. 17, No. 3 & 4, 1956, p. 12	Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [17], Số [3] & [4], 1956, tr. [12]



Một thiên thần chữa lành như Geoffrey Hodson đã nhìn thấy bằng thông nhãn



Devaraja của Mt Ngauruhoe

122

Mountain Gods—*Các Thần Núi*

A recent visit to the magnificent Mount Cook region of our Southern Alps in New Zealand led to some deepening of understanding concerning mountains—'God's most glorious

Một chuyến thăm gần đây đến vùng Núi Cook hùng vĩ của dãy Alps phía Nam của chúng ta ở New Zealand đã dẫn đến một số hiểu biết sâu sắc hơn về núi — 'cử chỉ vinh quang nhất của

gesture', as they have been called—and mountain Gods. The physical grandeur of the region, with its numerous magnificent peaks and glaciers, is sufficient in itself to evoke feelings, of admiration, and even awe. Glimpses, however faint, of the hidden life of this part of the Alps suggested that a mountain is a living, evolving organism, a body, as indeed is the whole Earth, in which the Three Aspects of the Logos are incarnate.

Thượng đế', như chúng đã được gọi — và các Thượng đế núi. Sự hùng vĩ về thể chất của khu vực, với vô số đỉnh núi và sông băng tráng lệ, tự nó đủ để gợi lên những cảm xúc, ngưỡng mộ và thậm chí là kinh ngạc. Tuy nhiên, những thoáng nhìn, dù mờ nhạt, về sự sống ẩn giấu của phần này của dãy Alps cho thấy rằng một ngọn núi là một sinh vật sống, đang tiến hóa, một cơ thể, như thực tế là toàn bộ Trái Đất, trong đó Tam Phương Diện của Thượng đế được hóa thân.

At least three processes, are occurring within and about every mountain: The creation and evolution by the action of the Divine Will-Thought of the atoms, molecules, and crystals of which the mountain is built; the vivification of substance and form by the in-dwelling Divine Life; and the awakening and development of the incarnate mineral consciousness. In each of these three processes Nature is assisted by hosts of nature spirits and Gods working under the direction of a responsible Official, who is the mountain God. When a peak is part of a range, the whole range in its turn will be presided over by a far more highly evolved being of the same Order as the God of a single peak.

Ít nhất ba quá trình đang xảy ra bên trong và xung quanh mỗi ngọn núi: Sự sáng tạo và tiến hóa bởi hành động của Ý Chí-Tư Tưởng Thiêng Liêng của các nguyên tử, phân tử và tinh thể mà ngọn núi được xây dựng; sự sinh động của vật chất và hình tướng bởi Sự Sống Thiêng Liêng ngự trị; và sự thức tỉnh và phát triển của tâm thức khoáng vật hóa thân. Trong mỗi ba quá trình này, Thiên Nhiên được hỗ trợ bởi vô số tinh linh thiên nhiên và Các Thượng đế làm việc dưới sự chỉ đạo của một Viên Chức chịu trách nhiệm, vốn là Thượng đế núi. Khi một đỉnh núi là một phần của một dãy núi, thì toàn bộ dãy núi đến lượt nó sẽ được chủ trì bởi một đấng tiến hóa cao hơn nhiều thuộc cùng một Dòng với Thượng đế của một đỉnh núi duy nhất.

In height colossal, often ranging from thirty to sixty feet, the mountain God is, surrounded on every side by outrushing, brilliantly coloured auric forces. These flow out in waves, eddies and vortices, varying continuously in colour and form in response to changes of consciousness and activity. The face is generally more clearly visible than the rest of the form, which not infrequently is veiled by the outflowing energies. The features are always strongly yet beautifully modelled. The brow is broad, the eyes wide set and ablaze with power and light. Whilst in man the heart and solar plexus *chakras* are distinct, in

Với chiều cao khổng lồ, thường dao động từ ba mươi đến sáu mươi feet, Thượng đế núi được bao quanh trên mọi phía bởi các mãnh lực hào quang rực rỡ, tuôn trào ra ngoài. Chúng chảy ra theo sóng, xoáy và lốc xoáy, liên tục thay đổi màu sắc và hình thức để đáp ứng với những thay đổi của tâm thức và hoạt động. Khuôn mặt thường có thể nhìn thấy rõ hơn phần còn lại của hình tướng, vốn không hiếm khi bị che khuất bởi các năng lượng tuôn ra. Các đường nét luôn được mô hình hóa mạnh mẽ nhưng đẹp đẽ. Vầng trán rộng, đôi mắt mở to và rực cháy với quyền năng và ánh sáng. Trong khi ở con người, luân xa tim và tùng thái dương

mountain and other *devas* they are sometimes conjoined to form a brilliant force-centre, often golden in colour, from which many of the streams of power arise and flow forth. On occasions these streams take the form of great wings out-stretched for hundreds of yards on either side of the central form.

khác biệt, thì ở núi và các thiên thần khác, chúng đôi khi được kết hợp để tạo thành một trung tâm mãnh lực rực rỡ, thường có màu vàng, từ đó nhiều dòng quyền năng phát sinh và tuôn ra. Đôi khi, những dòng này có dạng đôi cánh lớn dang rộng hàng trăm thước ở hai bên hình tướng trung tâm.

Whilst all such Gods live their own intensely vivid life amongst their peers in the higher superphysical worlds, one part of their attention is almost continuously turned towards the mountain below, into the sleeping consciousness and life of which streams of stimulating, quickening force are continually directed. Occasionally, in order to perform its awakening functions more quickly and effectively, a God will descend deep into the mountain, its potent energies unified with the creative forces of which the mountain substance and form are products, its life blended with the indwelling Life and its consciousness one with the incarnate, Divine Mind. After a time it reappears and resumes its station high above the peak. As stated above, the Gods of single peaks are subordinate to a still greater God which, though larger and more brilliant, resembles its sub-ordinates and performs similar functions for the whole mountain range and surrounding landscape.

Trong khi tất cả Các Thượng đế như vậy sống cuộc sống vô cùng sống động của riêng Các Ngài giữa những người ngang hàng của Các Ngài trong các cõi siêu vật chất cao hơn, thì một phần sự chú ý của Các Ngài gần như liên tục hướng về ngọn núi bên dưới, vào tâm thức và sự sống đang ngủ say của ngọn núi, nơi các dòng mãnh lực kích thích, làm nhanh được liên tục hướng đến. Đôi khi, để thực hiện các chức năng thức tỉnh của mình nhanh chóng và hiệu quả hơn, một Thượng đế sẽ đi sâu vào ngọn núi, các năng lượng mạnh mẽ của Ngài hợp nhất với các mãnh lực sáng tạo mà vật chất và hình tướng của ngọn núi là sản phẩm, sự sống của Ngài hòa quyện với Sự Sống ngự trị và tâm thức của Ngài là một với Thể Trí Thiêng Liêng hóa thân. Sau một thời gian, Ngài xuất hiện trở lại và tiếp tục vị trí của mình trên đỉnh núi. Như đã nêu ở trên, Các Thượng đế của các đỉnh núi đơn lẻ phụ thuộc vào một Thượng đế vĩ đại hơn, vốn, mặc dù lớn hơn và rực rỡ hơn, giống với cấp dưới của Ngài và thực hiện các chức năng tương tự cho toàn bộ dãy núi và cảnh quan xung quanh.

No attempt was made to investigate in any detail the high Gods of the Southern Alps. Nevertheless, one soon became aware of a great, overshadowing Presence, a mighty and awe-inspiring Landscape Angel presiding over the Mount Cook region, and possibly over the whole of the Southern Alps. Indeed, it seems probable that this very great Being is the presiding Landscape Angel of the South Island, with numerous subordinate Angels at each of its peaks. This hierarchical system

Không có nỗ lực nào được thực hiện để điều tra chi tiết Các Thượng đế cao của dãy Alps phía Nam. Tuy nhiên, người ta sớm nhận thức được một Sự Hiện Diện vĩ đại, bao trùm, một Thiên Thần Phong Cảnh hùng mạnh và đáng kinh sợ chủ trì khu vực Núi Cook, và có thể là trên toàn bộ dãy Alps phía Nam. Thật vậy, có vẻ như rất có thể Đấng Vĩ Đại này là Thiên Thần Phong Cảnh chủ trì của Đảo Nam, với nhiều thiên thần cấp dưới ở mỗi đỉnh núi của nó. Hệ thống phẩm trật này tiếp tục xuống đến Thiên Thần

continues down to the Landscape Angel of the lesser mountains, not even excluding the hills which are called Mounts in the City of Auckland. Distance is of little significance at the altitude at which mountain Gods abide. In consequence, the great Angels of Mount Egmont, Mount Ruapehu, and Mount Ngauruhoe especially appear to be linked with the presiding Angel of the Mount Cook region.

Phong Cảnh của những ngọn núi nhỏ hơn, thậm chí không loại trừ những ngọn đồi được gọi là Núi ở Thành phố Auckland. Khoảng cách không có ý nghĩa gì ở độ cao mà Các Thượng đế núi ngự trị. Do đó, Các Thiên Thần vĩ đại của Núi Egmont, Núi Ruapehu và Núi Ngauruhoe đặc biệt dường như có liên kết với Thiên Thần chủ trì của khu vực Núi Cook.

Such great Gods of Nature are not usually interested in man; neither do they display knowledge of human life and modes of thought. Intensely concentrated upon their task, they are generally remote and impassive, even as are the snow clad peaks. Certain of them, however, would seem to have had contact with men in earlier civilizations, to have retained interest in human evolution and to be willing, on occasion, to inspire and advise human individuals and groups responsive to their influence.

Những Thượng đế Thiên Nhiên vĩ đại như vậy thường không quan tâm đến con người; Các Ngài cũng không thể hiện kiến thức về cuộc sống và phương thức tư duy của con người. Tập trung cao độ vào nhiệm vụ của Các Ngài, Các Ngài thường xa cách và vô cảm, thậm chí giống như những đỉnh núi phủ đầy tuyết. Tuy nhiên, một số Các Ngài dường như đã có liên hệ với con người trong các nền văn minh trước đây, vẫn giữ được sự quan tâm đến sự tiến hóa của con người và sẵn sàng, đôi khi, truyền cảm hứng và tư vấn cho các cá nhân và nhóm người đáp ứng với ảnh hưởng của Các Ngài.

Theosophy in New Zealand, Vol. 10, No. 4, 1949, p. 68

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [10], Số [4], 1949, tr. [68]

123—

The Coming of the Angels—*Sự Đến của Các Thiên Thần*

(In an article on The Coming of the Angels,' in ***The Messenger*** Mr Geoffrey Hodson says:)

(Trong một bài báo về Sự Đến của Các Thiên Thần,' trên tờ The Messenger, Ông Geoffrey Hodson nói:)

'The method of communication is that of conscious telepathy. During visits to the secluded valley where the great idea of the brotherhood of angels and men was first received, I frequently became aware clairvoyantly of the presence of visitors from the hosts of the shining ones: generally they were advanced members of the sylph family, though both salamanders and undines have communicated. Whenever this happened I

'Phương pháp giao tiếp là viễn cảm tâm thức. Trong các chuyến thăm đến thung lũng hẻo lánh, nơi ý tưởng vĩ đại về tình huynh đệ của các thiên thần và con người lần đầu tiên được tiếp nhận, tôi thường nhận thức được một cách thông nhãn về sự hiện diện của những vị khách từ các đội quân của những đấng sáng ngời: nói chung, họ là những thành viên cao cấp của gia đình sylph, mặc dù cả salamander và undine đều đã giao tiếp. Bất cứ khi nào điều

endeavoured to raise my consciousness by means of meditation to the level at which the guest was manifesting, i.e., either the Astral or Mental Plane, to still the personal vehicles and to 'tune in' to the consciousness of the angel; as soon as *rapport* was established, ideas and even words began to flow into my mind. I dictate what I am able to receive in this way to my wife, who has been my never failing assistant in all this work, both in investigation and in the reception of teaching.... The four qualities which the angels themselves show forth so resplendently are Purity, Simplicity, Directness and Impersonality, and those who would work with them might be well advised to take up the task of developing the same characteristics'.

này xảy ra, tôi đã cố gắng nâng cao tâm thức của mình bằng cách tham thiền lên cấp độ mà vị khách đang biểu lộ, tức là Cõi Cảm Dục hoặc Cõi Trí, để làm tĩnh lặng các vận cụ phàm ngã và 'điều chỉnh' theo tâm thức của thiên thần; ngay sau khi mối quan hệ được thiết lập, những ý tưởng và thậm chí cả những từ ngữ bắt đầu tuôn chảy vào thể trí của tôi. Tôi đọc chính tả những gì tôi có thể nhận được theo cách này cho vợ tôi, vốn là người trợ lý không bao giờ thất bại của tôi trong tất cả công việc này, cả trong điều tra và trong việc tiếp nhận sự giảng dạy.... Bốn phẩm chất mà chính các thiên thần thể hiện một cách rực rỡ là Sự Thanh Khiết, Sự Giản Dị, Tính Trực Tiếp và Tính Vô Ngã, và những người muốn làm việc với Các Ngài có thể được khuyên nên đảm nhận nhiệm vụ phát triển những đặc điểm tương tự'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 25, No. 5, Sept-Oct 1927, p. 136

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [25], Số [5], tháng 9-tháng 10 năm 1927, tr. [136]

124—

The Art Modes of the Future—*Các Phương Thức Nghệ Thuật của Tương Lai*

A *Deva* Communication

Một Thông Điệp Deva

With few exceptions, the modern artists strive too much, are over-active mentally and are, so to speak, bitten with the desire to be new and original. This is due in part to the new life which is breaking free, the new level of consciousness which the race is tapping, both of which demand new forms of self expression. Yet these forms will be best discovered through natural methods, an easy evolution, a normal growth.

Với một vài ngoại lệ, các nghệ sĩ hiện đại cố gắng quá nhiều, hoạt động quá mức về mặt trí tuệ và có thể nói là bị cắn rứt bởi mong muốn trở nên mới mẻ và độc đáo. Điều này một phần là do sự sống mới đang giải phóng, cấp độ tâm thức mới mà nhân loại đang khai thác, cả hai đều đòi hỏi những hình thức tự thể hiện mới. Tuy nhiên, những hình thức này sẽ được khám phá tốt nhất thông qua các phương pháp tự nhiên, một sự tiến hóa dễ dàng, một sự phát triển bình thường.

Art, through the ages, is a study which awaits the appropriate student; it reveals the spiral ascent of man's power to make manifest the

Nghệ thuật, qua các thời đại, là một nghiên cứu đang chờ đợi đạo sinh thích hợp; nó tiết lộ sự thăng lên theo đường xoắn ốc của quyền

beautiful, the cyclic growth of perception and technique. The beginning was in old Lemuria, when the Venusians came and gave the magic gift of mind to man; it developed all through Atlantis, whose relics today we find in Peru and elsewhere; it blossomed into Mongolian, Indian and Persian art, with Egypt gradually developing a school of its own, slowly becoming the cultural centre of the world. Then, in Greece, came the gradual growth of European art—stimulated by Orpheus—startling and new, the wonder of the world. From there spread forth the Etruscan and other Mediterranean civilizations, though in the remains of Atlantis, in Ireland and the far North, ancient types were still maintained. So on down to the present day, through successive historic periods, art has grown. And now the birth of a new beauty is imminent, the emergence of a technique which later will prove as startling and new as did that of Greece in Egyptian eyes.

năng của con người để biểu lộ cái đẹp, sự phát triển theo chu kỳ của nhận thức và kỹ thuật. Khởi đầu là ở Lemuria cổ đại, khi người Sao Kim đến và ban tặng món quà kỳ diệu của thể trí cho con người; nó phát triển trong suốt Atlantis, mà di tích ngày nay chúng ta tìm thấy ở Peru và những nơi khác; nó nở rộ thành nghệ thuật Mông Cổ, Ấn Độ và Ba Tư, với Ai Cập dần dần phát triển một trường phái riêng, từ từ trở thành trung tâm văn hóa của thế giới. Sau đó, ở Hy Lạp, đã có sự phát triển dần dần của nghệ thuật châu Âu — được kích thích bởi Orpheus — gây sửng sốt và mới mẻ, điều kỳ diệu của thế giới. Từ đó lan rộng ra nền văn minh Etruscan và các nền văn minh Địa Trung Hải khác, mặc dù trong tàn tích của Atlantis, ở Ireland và vùng Cực Bắc xa xôi, các loại hình cổ xưa vẫn được duy trì. Vì vậy, cho đến ngày nay, qua các thời kỳ lịch sử kế tiếp, nghệ thuật đã phát triển. Và bây giờ sự ra đời của một vẻ đẹp mới sắp xảy ra, sự xuất hiện của một kỹ thuật mà sau này sẽ chứng tỏ gây sửng sốt và mới mẻ như kỹ thuật của Hy Lạp trong mắt người Ai Cập.

The link between the intuition and the emotions is very close. Greek art sprang from the heart. The new art will be intuitive; it will express a far higher perception of truth, a deeper knowledge of the Supreme as beauty. Yet these two are allied, and the great artists of Greece will incarnate—even now are doing so—to initiate the Renaissance of this age, which is in a cyclic relationship with the age of Greece. The new art will be definitely occult, mystical and spiritual. The new artists will feel continually towards formlessness. A new symbology will arise, consisting less of outlines or clear cut forms, than of ideations, colour combinations, and the like.

Mối liên kết giữa trực giác và cảm xúc rất chặt chẽ. Nghệ thuật Hy Lạp bắt nguồn từ trái tim. Nghệ thuật mới sẽ mang tính trực quan; nó sẽ thể hiện một nhận thức cao hơn nhiều về chân lý, một kiến thức sâu sắc hơn về Đấng Tối Cao như vẻ đẹp. Tuy nhiên, hai điều này có liên quan với nhau, và các nghệ sĩ vĩ đại của Hy Lạp sẽ hóa thân — thậm chí bây giờ đang làm như vậy — để khởi xướng Thời kỳ Phục hưng của thời đại này, vốn có mối quan hệ theo chu kỳ với thời đại của Hy Lạp. Nghệ thuật mới chắc chắn sẽ mang tính huyền bí, thần bí và tinh thần. Các nghệ sĩ mới sẽ liên tục cảm nhận về sự vô hình tướng. Một hệ thống biểu tượng mới sẽ phát sinh, bao gồm ít đường nét hoặc hình thức rõ ràng hơn, mà là các ý niệm, sự kết hợp màu sắc, v.v.

The plan includes a steady infusion of occult

Thiên Cơ bao gồm một sự truyền tải ổn định

ideas into artists' minds, an awakening of a deeper mysticism, a more rational conception of metaphysical truths, so that the gradually awakening higher consciousness may be assisted in its physical expression by the possession of knowledge of the plan. This is the Third Ray aspect of the work of the followers of the Ancient Wisdom—its cultural manifestation which must follow its spiritual and philosophic. Hence the suggestion that those who know, those who are linked with the Masters, should seek out the cultural leaders of the age.

các ý tưởng huyền bí vào thể trí của các nghệ sĩ, một sự thức tỉnh của một chủ nghĩa thần bí sâu sắc hơn, một quan niệm hợp lý hơn về các chân lý siêu hình, để tâm thức cao hơn đang dần thức tỉnh có thể được hỗ trợ trong sự thể hiện thể xác của nó bằng cách sở hữu kiến thức về Thiên Cơ. Đây là phương diện Cung Ba trong công việc của những người theo Minh Triết Ngàn Đời — sự biểu hiện văn hóa của nó phải tuân theo tinh thần và triết học của nó. Do đó, gợi ý rằng những người biết, những người có liên kết với Các Chân sư, nên tìm kiếm những nhà lãnh đạo văn hóa của thời đại.

The Theosophical Society is entering upon a new phase. The fundamentals remain unchanged as always, yet the expression will be new; beauty will come more and more to the fore. The Ancient Wisdom must be expressed in terms of art. Side by side with this will be scientific developments, and the gradual giving of deeper knowledge concerning the constitution of matter and of man to the world. The organization will become less important than a steady diffusion of the Ancient Wisdom into all fields of human endeavour. Groups will gradually arise in these fields; politicians, statesmen, scientists, religious teachers, artists, sociologists will be imbued with occult knowledge which they will apply in their own special fields. A far wider spreading of the hidden truth will thus result.

Hội Thông Thiên Học đang bước vào một giai đoạn mới. Các yếu tố cơ bản vẫn không thay đổi như mọi khi, nhưng cách diễn đạt sẽ mới; vẻ đẹp sẽ ngày càng được đưa lên hàng đầu. Minh Triết Ngàn Đời phải được diễn đạt bằng nghệ thuật. Song song với điều này sẽ là những phát triển khoa học, và dần dần mang đến cho thế giới kiến thức sâu sắc hơn về cấu trúc của vật chất và con người. Tổ chức sẽ trở nên ít quan trọng hơn so với việc truyền bá Minh Triết Ngàn Đời một cách vững chắc vào tất cả các lĩnh vực nỗ lực của con người. Các nhóm sẽ dần dần phát sinh trong các lĩnh vực này; các chính trị gia, các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học, các giáo viên tôn giáo, các nghệ sĩ, các nhà xã hội học sẽ thấm nhuần kiến thức huyền bí mà họ sẽ áp dụng trong các lĩnh vực đặc biệt của riêng họ. Do đó, một sự lan tỏa rộng rãi hơn nhiều về chân lý ẩn giấu sẽ thành hiện thực.

But beauty is our part; art, our field. For all other fields demand for their success the knowledge and expression of the beautiful. Barren indeed is the greatest expression of truth unless beautiful. Art is the centre; art combines and links all other fields, as four is the central

Nhưng vẻ đẹp là phần của chúng ta; nghệ thuật, lĩnh vực của chúng ta. Vì tất cả các lĩnh vực khác đòi hỏi để thành công kiến thức và sự thể hiện của cái đẹp. Thật cằn cỗi khi sự thể hiện lớn nhất của chân lý lại không đẹp. Nghệ thuật là trung tâm; nghệ thuật kết hợp và liên kết tất cả các lĩnh vực khác, như bốn là trung tâm

The *Deva* world, the home of beauty's self, may best be made manifest to man through art. How can it be otherwise? For in the shining ones, their radiant forms, their lives, their glowing acts of service to the Supreme, beauty ever shines. Knowledge of them must be given to the world, and this is, in part, the artist's work. Greece knew them; Egypt knew them; Persia and India too. Rome dreamt of them, but forgot her dream. And today they stand once more on the threshold of human life, ready to meet and enlighten men, messengers of beauty and truth, shining embodiments of beauty's self.

Thế giới thiên thần, ngôi nhà của chính vẻ đẹp, có thể được thể hiện rõ nhất cho con người thông qua nghệ thuật. Làm sao có thể khác được? Vì trong những đấng sáng ngời, hình tướng rạng rỡ của Các Ngài, cuộc sống của Các Ngài, những hành động phụng sự rực rỡ của Các Ngài đối với Đấng Tối Cao, vẻ đẹp luôn tỏa sáng. Kiến thức về Các Ngài phải được trao cho thế giới, và đây là một phần công việc của nghệ sĩ. Hy Lạp biết Các Ngài; Ai Cập biết Các Ngài; Ba Tư và Ấn Độ cũng vậy. Rome mơ về Các Ngài, nhưng quên mất giấc mơ của mình. Và ngày nay Các Ngài lại một lần nữa đứng trên ngưỡng cửa của cuộc sống con người, sẵn sàng gặp gỡ và khai sáng con người, sứ giả của vẻ đẹp và chân lý, những hiện thân sáng ngời của chính vẻ đẹp.

Through artistic development a further facet of the diamond truth which is the Ancient Wisdom will reach the world; not as philosophy, religion or occult knowledge, but as Life in Beauty, which is living Occultism—the inner fire of truth. This new life will manifest itself directly through the inner inspiration of people, through mystical illumination, rather than through teaching, lectures or books. Such illumination demands however, a background of trained brain consciousness concerning the knowledge aspect of the Ancient Wisdom. This background it is, in part, the work of the Theosophical Society to provide.

Thông qua sự phát triển nghệ thuật, một khía cạnh khác của chân lý kim cương vốn là Minh Triết Ngàn Đời sẽ đến với thế giới; không phải là triết học, tôn giáo hay kiến thức huyền bí, mà là Sự Sống trong Vẻ Đẹp, vốn là huyền bí học đang sống—ngọn lửa chân lý bên trong. Cuộc sống mới này sẽ biểu hiện trực tiếp thông qua nguồn cảm hứng bên trong của mọi người, thông qua sự soi sáng huyền bí, hơn là thông qua giảng dạy, thuyết trình hoặc sách vở. Tuy nhiên, sự soi sáng như vậy đòi hỏi một nền tảng tâm thức bộ não được huấn luyện liên quan đến khía cạnh tri thức của Minh Triết Ngàn Đời. Nền tảng này là một phần công việc của Hội Thông Thiên Học để cung cấp.

Fear not the result. The power behind the new birth is irresistible. The present darkness will melt away before the new life which soon will pour out in a mighty tide over the Western world. And in America largely the new birth will occur.

Đừng sợ kết quả. Sức mạnh đằng sau sự tái sinh mới là không thể cưỡng lại được. Bóng tối hiện tại sẽ tan biến trước cuộc sống mới, cuộc sống này sẽ sớm tuôn ra như một làn sóng mạnh mẽ trên khắp thế giới phương Tây. Và ở Mỹ phần lớn sự tái sinh mới sẽ xảy ra.

The Theosophist, Vol. 54, January 1933, p. 466

The Theosophist, Tập 54, tháng 1 năm 1933, tr. 466

125—

Angel Worship of the Sun—Sự Sùng Bái Thiên Thần của Mặt Trời

[by An Angel, Through Geoffrey Hodson]

[bởi Một Thiên Thần, Thông Qua Geoffrey Hodson]

All angels still limited to worlds of form engage in worship of the Sun. For this purpose they assemble at the higher altitudes and take their place according to their degree in a series of rising circles, angel-built, which reach up into the formless worlds. The radiant bodies of the shining ones thus united form a chalice of living light. Order upon order, rank upon rank, they form a sacramental cup which reaches from the lowest levels in which they live, upwards towards the Sun.

Tất cả các thiên thần vẫn còn giới hạn trong thế giới hình tướng đều tham gia vào việc thờ phượng Mặt Trời. Vì mục đích này, Các Ngài tập hợp tại các cao độ cao hơn và vào vị trí của mình theo cấp bậc của Các Ngài trong một loạt các vòng tròn dâng cao, do thiên thần xây dựng, vươn lên vào thế giới vô tướng. Các thể rạng rỡ của những đấng sáng ngời được hợp nhất do đó tạo thành một chén thánh ánh sáng sống. Hàng này đến hàng khác, cấp bậc này đến cấp bậc khác, Các Ngài tạo thành một chiếc cốc bí tích vươn từ các cấp độ thấp nhất mà Các Ngài sống, lên trên về phía Mặt Trời.

Every angel heart is full of love and adoration. Every eye is turned upwards to the Lord of Life. All auric forces are blended to make a perfect whole.

Mỗi trái tim thiên thần đều tràn ngập tình yêu và sự tôn thờ. Mọi ánh mắt đều hướng lên Chúa Tể của Sự Sống. Tất cả các mãnh lực hào quang được pha trộn để tạo thành một tổng thể hoàn hảo.

When thus the cup is formed, a living stream of light and colour flows up the channel, which their bodies make, into the formless worlds. There the higher angels add their boundless love and aspiration. The stream swells into a torrent and flows on, up to the great Archangels who receive and pour it forth into the Sun. There it enters into the heart of the great and nameless ONE who is the Spirit of the Sun.

Khi chiếc cốc được hình thành như vậy, một dòng ánh sáng và màu sắc sống động chảy lên kênh, mà các thể của Các Ngài tạo ra, vào thế giới vô tướng. Ở đó, các thiên thần cao hơn thêm vào tình yêu và khát vọng vô bờ bến của Các Ngài. Dòng chảy phình to thành một dòng thác và chảy tiếp, lên đến các Tổng Thiên Thần vĩ đại, những vị tiếp nhận và đổ nó vào Mặt Trời. Ở đó, nó đi vào trái tim của Đấng DUY NHẤT vĩ đại và vô danh, vốn là Tinh Thần của Mặt Trời.

Music mingles with the flowing stream of light. Melodious floods of reverence and prayer flow upwards and, blending with the flood of angel adoration, exalt it to a glory and Splendour not to be measured by the greatest light which ever shines on earth.

Âm nhạc hòa quyện với dòng ánh sáng đang chảy. Những dòng giai điệu của sự tôn kính và cầu nguyện chảy lên trên và, hòa quyện với dòng tôn thờ của thiên thần, nâng nó lên một vinh quang và Huy Hoàng không thể đo lường được bằng ánh sáng lớn nhất từng chiếu trên

trái đất.

The music grows in volume and in power. The unity increases, adoration flows forth as from a single heart. A living ecstasy pervades the angelic hosts. Wave upon wave of music, of colour and of light sweeps upwards throughout all their ranks.

Âm nhạc tăng lên về âm lượng và sức mạnh. Sự hợp nhất tăng lên, sự tôn thờ tuôn ra như từ một trái tim duy nhất. Một sự ngây ngất sống động lan tỏa khắp các thiên binh. Làn sóng này đến làn sóng khác của âm nhạc, màu sắc và ánh sáng quét lên trên khắp hàng ngũ của Các Ngài.

The light within the chalice grows more brilliant as bright colours flash and play across its wide expanse. The upward flowing force lifts every angel into heights far beyond those in which they usually dwell, closer and closer to the presence of Our Lord the Sun.[58] Each feels His majesty, His power, and His all-embracing love. Every aura is expanded and illumined with a measure of the glory of the solar light and power.

Ánh sáng bên trong chén thánh trở nên rực rỡ hơn khi những màu sắc tươi sáng lóe lên và lan tỏa trên khắp không gian rộng lớn của nó. Mãnh lực hướng lên nâng mọi thiên thần lên những độ cao vượt xa những nơi Các Ngài thường trú ngụ, ngày càng đến gần hơn với sự hiện diện của Đức Chúa Tể Mặt Trời của Chúng Ta. Mỗi vị cảm nhận được sự uy nghiêm, sức mạnh và tình yêu bao trùm tất cả của Ngài. Mọi hào quang đều được mở rộng và soi sáng với một mức độ vinh quang của ánh sáng và sức mạnh thái dương.

Still the force flows upward. Still, with wills and hearts overflowing, they pour forth the very essence of their souls in uttermost surrender, in selfless adoration to their Lord the Sun.

Mãnh lực vẫn chảy lên trên. Vẫn với ý chí và trái tim tràn đầy, Các Ngài tuôn ra chính tinh chất linh hồn của Các Ngài trong sự đầu hàng tột độ, trong sự tôn thờ vô ngã đối với Đức Chúa Tể Mặt Trời của Các Ngài.

The music grows in grandeur. New tones are added, solemn and majestic until one harmonious and perfected offering of sound is borne up to the throne of Light. The highest archangel and the lowest sylph pour forth their noblest, truest, and most spiritual aspirations in and through that wondrous angelic oratorio. At last the highest point is reached, the peak of ecstasy attained. The chalice is fully formed in all its perfect beauty of colour, light and sound.

Âm nhạc trở nên hùng vĩ hơn. Các âm điệu mới được thêm vào, trang trọng và uy nghiêm cho đến khi một dâng hiến âm thanh hài hòa và hoàn hảo được mang lên ngai ánh sáng. Tổng thiên thần cao nhất và sylph thấp nhất tuôn ra những khát vọng cao quý nhất, chân thật nhất và tinh thần nhất của Các Ngài trong và thông qua bản oratorio thiên thần kỳ diệu đó. Cuối cùng, điểm cao nhất đạt được, đỉnh cao của sự ngây ngất đạt được. Chén thánh được hình thành đầy đủ trong tất cả vẻ đẹp hoàn hảo về màu sắc, ánh sáng và âm thanh.

At that moment, when at once the highest and the deepest gone is struck is splendid the response to Bishop C. A.'s question, which used in his book
The Spirit of the Sun pours forth His mighty

Vào khoảnh khắc đó, khi đồng thời nốt cao nhất và sâu nhất được đánh lên, câu trả lời đến. Tinh Thần của Mặt Trời tuôn ra sức mạnh

[58] At the present moment in the solar system, the Sun is in Nirvana.

màu sắc, ánh sáng và âm thanh.

At that moment, when at once the highest and the deepest note is struck the answer comes. The Spirit of the Sun pours forth His mighty power filling the angel cup to overflowing with a flood of glorious light. Formed at its core of white fire, and glowing throughout with golden sunlight, shot through with all the sevenfold colours of His Rays, the power descends and enters every angel heart, filling it with life and light, until the lowest ring is reached. There it is held, as all drink deeply of the consecrated wine of solar life.

Vào khoảnh khắc đó, khi đồng thời nốt cao nhất và sâu nhất được đánh lên, câu trả lời đến. Tinh Thần của Mặt Trời tuôn ra sức mạnh vĩ đại của Ngài, lấp đầy chén thiên thần đến tràn bờ với một dòng ánh sáng vinh quang. Được hình thành ở lõi của nó bằng ngọn lửa trắng, và rực rỡ khắp nơi bằng ánh sáng mặt trời vàng, xuyên suốt với tất cả bảy màu sắc của Các Cung của Ngài, mãnh lực giáng xuống và đi vào mọi trái tim thiên thần, lấp đầy nó bằng sự sống và ánh sáng, cho đến khi vòng thấp nhất đạt được. Ở đó, nó được giữ lại, khi tất cả uống sâu rượu thánh của sự sống thái dương.

The music ceases. Silence marks the solemn eucharist. Stillness surrounds and pervades the consummation of the worship of the Sun.

Âm nhạc ngừng lại. Sự im lặng đánh dấu lễ tạ ơn trang trọng. Sự tĩnh lặng bao quanh và thấm nhuần sự hoàn tất của việc thờ phượng Mặt Trời.

Every angel meditates upon His glory, now revealed within their inmost being. All are lifted into a state of profoundest contemplation.

Mọi thiên thần đều tham thiền về vinh quang của Ngài, giờ đây được tiết lộ bên trong bản thể sâu thẳm nhất của Các Ngài. Tất cả đều được nâng lên trạng thái chiêm ngưỡng sâu sắc nhất.

Once more, music bursts forth in glad strains of joy and thanksgiving. Angel choirs take up the song, singing in vast multitudes round the throne of light. The great *gandharvas* chant their eternal *mantrams* to the glory of the Sun. Trumpets, flutes, harps, lutes and viols, forming a glorious heavenly orchestra, give thanks for His outpoured blessing and proclaim His Splendour throughout all worlds.

Một lần nữa, âm nhạc bùng nổ trong những giai điệu vui mừng và tạ ơn. Các ca đoàn thiên thần cất lên bài hát, hát trong vô số đám đông xung quanh ngai ánh sáng. Các gandharva vĩ đại tụng những mantram vĩnh cửu của Các Ngài để tôn vinh Mặt Trời. Kèn trumpet, sáo, đàn hạc, đàn lute và đàn viol, tạo thành một dàn nhạc thiên đường vinh quang, tạ ơn vì phước lành tuôn đổ của Ngài và tuyên bố Sự Huy Hoàng của Ngài trên khắp mọi thế giới.

In the midst, our Lord the Sun Himself shines forth golden and glowing in all His sevenfold beauty. His solar angels bow in reverence before the majesty He thus displays. No tongue can tell the glory of that Presence, nor any words portray; even the highest angels

Ở giữa, chính Đức Chúa Tể Mặt Trời của chúng ta tỏa sáng rực rỡ và vàng son trong tất cả vẻ đẹp thất phân của Ngài. Các thiên thần thái dương của Ngài cúi đầu tôn kính trước sự uy nghiêm mà Ngài thể hiện. Không lưỡi nào có thể kể hết vinh quang của Sự Hiện Diện đó,

bow down in silence before that awful Self-revealing.

cũng không có lời nào có thể miêu tả; ngay cả những thiên thần cao nhất cũng cúi đầu trong im lặng trước Sự Tự Khai Thị đáng sợ đó.

The heavens are filled with the glory of the Lord from horizon to horizon. On every side, the sky is filled with countless throngs of shining ones, and in the midst of them—Our Lord the Sun.

Các tầng trời tràn ngập vinh quang của Chúa từ chân trời này đến chân trời khác. Ở mọi phía, bầu trời tràn ngập vô số đám đông những đấng sáng ngời, và ở giữa Các Ngài—Đức Chúa Tể Mặt Trời của Chúng Ta.

Each angel sees the Vision Splendid in varying degree, according to his powers and to the stature which he has attained. However great, or small, his soul may be, it is filled full with the knowledge of the glory of the Sun.

Mỗi thiên thần nhìn thấy Viễn Cảnh Huy Hoàng ở các mức độ khác nhau, tùy theo sức mạnh của mình và tầm vóc mà vị ấy đã đạt được. Dù linh hồn của vị ấy có lớn hay nhỏ đến đâu, nó cũng tràn đầy kiến thức về vinh quang của Mặt Trời.

Thousands who have not yet attained to conscious individual existence pass into angelhood, leaving the days of their faeriedom behind. These are received with exceeding joy into the company of the angel hosts. The whole angelic evolution, down to the smallest nature spirit, has been illumined and blest through the celebration of the mystery of our Lord the Sun.

Hàng ngàn người chưa đạt đến sự tồn tại cá nhân có ý thức bước vào hàng ngũ thiên thần, bỏ lại những ngày tháng thần tiên của họ. Những người này được đón nhận với niềm vui lớn lao vào công ty của các thiên binh. Toàn bộ quá trình tiến hóa của thiên thần, xuống đến tinh linh tự nhiên nhỏ nhất, đã được soi sáng và ban phước thông qua việc cử hành bí tích của Đức Chúa Tể Mặt Trời của chúng ta.

The Theosophist, Vol. 50, October 1928, p. 58

The Theosophist, Tập 50, tháng 10 năm 1928, tr. 58

126—

Music of the Gods—*Âm Nhạc của Các Vị Thần*

An Experience in Java

Một Trải Nghiệm ở Java

Amongst many experiences of contact and communion with the *Devas* of Java, that described in part in this article stands out as unique and unforgettable. A number, possibly sixty, of great *Devas* of the four elements surrounded the summit of a high mountain, forming an inner circle, outside of and rising gradually above which were hosts of lesser Nature *Devas* of various orders and degrees.

Trong số nhiều trải nghiệm về sự tiếp xúc và hiệp thông với các thiên thần của Java, trải nghiệm được mô tả một phần trong bài viết này nổi bật như một trải nghiệm độc đáo và khó quên. Một số lượng lớn, có thể là sáu mươi, các thiên thần vĩ đại của tứ đại bao quanh đỉnh của một ngọn núi cao, tạo thành một vòng tròn bên trong, bên ngoài và tăng dần lên phía trên là vô số thiên thần tự nhiên nhỏ hơn

thuộc nhiều cấp bậc và cấp độ khác nhau.

A chant was being sung, the intent of which was as clearly cognizable as the sound. It was a chant of the unity of all life, with the oft recurring motif of union between the life in Nature and in the *Devas* and that same life in man. These two concepts were being broadcast into the worlds of feeling and thought, borne forth by song. The tones of this great *Devic* litany ranged from a deep bass to a high treble, the *Devas* of the inner ring sustaining a continuous chant in the four basic vocal tones. The bass represented musically the element of earth, its motif and varied modes of manifestation. This song of the *Deva* representatives of the element of earth related through sound, colour and form the history of the globe, its fiery, fire-mist, cooling and solid states, its mighty mass, its fundamental tone, its indwelling power, life and consciousness. As the chant was sung, the mountain beneath and indeed the earth itself seemed also to sing, vibrating with a deep, resounding chord, the notes—themselves chords—of which corresponded to the various aspects of earth-matter, soil, jewels, metals and rocks.

Một bài thánh ca đang được hát, ý định của nó rõ ràng có thể nhận biết được như âm thanh. Đó là một bài thánh ca về sự hợp nhất của tất cả sự sống, với mô típ thường xuyên lặp lại về sự hợp nhất giữa sự sống trong Tự Nhiên và trong các thiên thần và chính sự sống đó trong con người. Hai khái niệm này đang được phát sóng vào thế giới cảm xúc và tư tưởng, được mang đi bằng bài hát. Các âm điệu của kinh cầu nguyện vĩ đại này của thiên thần dao động từ âm trầm sâu đến âm bổng cao, các thiên thần của vòng trong duy trì một bài thánh ca liên tục trong bốn âm giọng cơ bản. Âm trầm đại diện về mặt âm nhạc cho nguyên tố đất, mô típ và các phương thức biểu hiện khác nhau của nó. Bài hát này của các đại diện thiên thần của nguyên tố đất liên quan thông qua âm thanh, màu sắc và hình tướng lịch sử của địa cầu, trạng thái bốc lửa, sương mù lửa, làm mát và rắn chắc của nó, khối lượng hùng vĩ của nó, âm điệu cơ bản của nó, sức mạnh, sự sống và tâm thức nội tại của nó. Khi bài thánh ca được hát, ngọn núi bên dưới và thực sự là chính trái đất dường như cũng hát, rung động với một hợp âm sâu, vang dội, các nốt—bản thân chúng là các hợp âm—tương ứng với các khía cạnh khác nhau của vật chất trái đất, đất, đá quý, kim loại và đá.

The elements of water, air and fire were similarly represented and expressed in terms of *Devic* song. Fire, tenor in tonal quality, was particularly impressive, linking the consciousness with the great fire in the centre of the earth and through that with the sun. The inherent fire latent in all matter was represented in the fire-chant by a soft dreamlike echo, indescribably delicate and beautiful, of the musical expression of the active element of fire and the fire Gods. This saga of the origin, nature, evolution and condition, of the element of fire and of the fire

Các nguyên tố nước, khí và lửa cũng được đại diện và thể hiện tương tự bằng các bài hát của thiên thần. Lửa, chất lượng âm sắc tenor, đặc biệt ấn tượng, liên kết tâm thức với ngọn lửa vĩ đại ở trung tâm trái đất và thông qua đó với mặt trời. Ngọn lửa vốn có tiềm ẩn trong tất cả vật chất được thể hiện trong bài thánh ca lửa bằng một tiếng vọng mềm mại như mơ, tinh tế và đẹp đẽ không thể tả xiết, về sự thể hiện âm nhạc của nguyên tố lửa đang hoạt động và các vị thần lửa. Câu chuyện về nguồn gốc, bản chất, sự tiến hóa và điều kiện của nguyên tố lửa và của các thiên thần lửa này thật đáng

Devas was awe-inspiring, almost terrifying in its power and beauty. It was echoed with almost infinite variety of tone and degrees of volume throughout the whole realm of fire and the fire *Devas*, whilst somewhere beyond and yet within it was the soft, gentle, dreamlike answer from the latent fire in Nature. Strangely, at the level of consciousness of this experience, the immense volume, power and awe-inspiring grandeur of the music of the subterranean and solar fires in no way interfered with either the most delicate fire-tones or with the music of the other elements. The music of the element of water and the water Gods was in marked contrast to that of fire, and sometimes these two were heard partly in canon which accentuated the natural distinction between them. The movement of great masses of water, the flow of ocean currents, of tides, of rivers, falls and streams was expressed in the water chant, which linked the consciousness to the water element of Nature. This chant also expressed all phases of origin and emergence, evolution and condensation, and flow of the waters of the world. One heard and saw and felt, experienced indeed, the mighty depths of the ocean, the frozen north and south, the great rivers, cataracts and cascades, all of which were musically represented in the water chant. The thunder of Niagara and other mighty falls, the roar and rush of the rapids above and the boiling turmoil below, these too were included, as also were the softer voices of smaller rivers and streams. Rank upon rank of water Gods and Goddesses, of sea, of lake, of river and of stream participated in the water-chant, contralto in its tone as earth was bass and tenor fire.

kinh sợ, gần như đáng sợ về sức mạnh và vẻ đẹp của nó. Nó được lặp lại với sự đa dạng gần như vô tận về âm điệu và mức độ âm lượng trên toàn bộ cõi lửa và các thiên thần lửa, trong khi đâu đó vượt ra ngoài và vẫn ở bên trong nó là câu trả lời mềm mại, dịu dàng, như mơ từ ngọn lửa tiềm ẩn trong Tự Nhiên. Thật kỳ lạ, ở cấp độ tâm thức của trải nghiệm này, âm lượng, sức mạnh và sự hùng vĩ đáng kinh sợ của âm nhạc của ngọn lửa dưới lòng đất và thái dương không hề cản trở những âm điệu lửa tinh tế nhất hoặc âm nhạc của các nguyên tố khác. Âm nhạc của nguyên tố nước và các vị thần nước tương phản rõ rệt với âm nhạc của lửa, và đôi khi hai âm nhạc này được nghe một phần trong canon làm nổi bật sự khác biệt tự nhiên giữa chúng. Sự chuyển động của các khối nước lớn, dòng chảy của các dòng hải lưu, thủy triều, sông, thác và suối được thể hiện trong bài thánh ca nước, liên kết tâm thức với nguyên tố nước của Tự Nhiên. Bài thánh ca này cũng thể hiện tất cả các giai đoạn nguồn gốc và sự xuất hiện, sự tiến hóa và sự ngưng tụ, và dòng chảy của các vùng nước trên thế giới. Người ta đã nghe và thấy và cảm thấy, thực sự đã trải nghiệm, độ sâu hùng vĩ của đại dương, vùng bắc và nam băng giá, những con sông lớn, thác nước và thác nước lớn, tất cả đều được thể hiện bằng âm nhạc trong bài thánh ca nước. Tiếng sấm của Niagara và các thác nước hùng vĩ khác, tiếng gầm rú và lao nhanh của các ghềnh trên và sự hỗn loạn sôi sục bên dưới, những điều này cũng được bao gồm, cũng như những tiếng nói nhẹ nhàng hơn của các con sông và suối nhỏ hơn. Hàng này đến hàng khác các vị thần và nữ thần nước, của biển, của hồ, của sông và của suối tham gia vào bài thánh ca nước, âm trầm trong âm điệu của nó như đất là âm trầm và lửa tenor.

The element of air was represented by the power Gods who stood within the inner ring, with the cloud, sky, wind and storm *Devas* hovering beyond. High in the air above were

Nguyên tố khí được đại diện bởi các vị thần quyền năng đứng trong vòng trong, với các thiên thần mây, trời, gió và bão lơ lửng bên ngoài. Cao trên không trung là vô số sylph,

hosts of sylphs, whilst lower down fairies, bird-like and many hued, sang in a soft trilling treble the melody of the air. From all sides the air itself seemed to answer as if myriads of voices near and far took up the chant until the whole air was filled with sound, trembled with song. This air chant, though rich and beautiful in itself, appeared at times as melody or aria to which those of earth and fire were as accompaniments. Water harmonized with each of them, maintaining also a flowing liquid music of its own. As with each element, air included in its song the motif of the fusion of the human and Nature's consciousness. Thus each principle in Nature in its own intrinsic tones, colours and forms was represented in this great symphony of the four elements.

trong khi thấp hơn các nàng tiên, giống chim và nhiều màu sắc, hát bằng âm bổng mềm mại giai điệu của không khí. Từ mọi phía, chính không khí dường như trả lời như thể vô số giọng nói gần xa cất lên bài thánh ca cho đến khi toàn bộ không khí tràn ngập âm thanh, rung động theo bài hát. Bài thánh ca không khí này, mặc dù bản thân nó phong phú và đẹp đẽ, đôi khi xuất hiện như một giai điệu hoặc aria mà những bài thánh ca của đất và lửa là những phần đệm. Nước hài hòa với mỗi nguyên tố, đồng thời duy trì một dòng nhạc lỏng của riêng nó. Như với mỗi nguyên tố, không khí bao gồm trong bài hát của nó mô típ về sự hợp nhất của tâm thức con người và Tự Nhiên. Do đó, mỗi nguyên lý trong Tự Nhiên trong các âm điệu, màu sắc và hình tướng vốn có của nó được đại diện trong bản giao hưởng vĩ đại này của tứ đại.

Devas 'sing' with their whole being rather than through the mouth alone. This music arose within the *Deva* forms as a sound, colour and form expression of their own inherent nature; it flowed forth from them audible and visible both in colour and design. Fourth and fifth dimensional geometrical figures, elaborations of platonic solids, appeared, many coloured, built of flowing forces interweaving to produce complex and beautiful designs. These changed continually both in colour and shape, each variation symbolizing modes of manifestation and evolutionary phases of the four basic elements. Thus each element contributed its symbolic colours and forms—expressions of the creative formulae, the archetypes of all the lives and forms of each element projected into the mental and emotional worlds—to the resulting music form. The tones, colours and designs all harmonized and blended as they flowed out from the auras of the chanting Gods.

Các thiên thần Deva 'ca hát' bằng toàn bộ sự sống của Các Ngài thay vì chỉ qua miệng. Âm nhạc này phát sinh bên trong các hình tướng Deva như một biểu hiện âm thanh, màu sắc và hình tướng về bản chất vốn có của Các Ngài; nó tuôn chảy ra từ Các Ngài, vừa nghe được vừa thấy được cả về màu sắc lẫn thiết kế. Các hình khối hình học chiều thứ tư và thứ năm, những chi tiết tỉ mỉ của các khối đa diện Plato, xuất hiện, nhiều màu sắc, được xây dựng từ các mãnh lực tuôn chảy đan xen để tạo ra các thiết kế phức tạp và tuyệt đẹp. Chúng liên tục thay đổi cả về màu sắc lẫn hình dạng, mỗi biến thể tượng trưng cho các phương thức biểu hiện và các giai đoạn tiến hóa của bốn nguyên tố cơ bản. Do đó, mỗi nguyên tố đóng góp các màu sắc và hình tướng tượng trưng của nó—các biểu hiện của công thức sáng tạo, các nguyên mẫu của tất cả sự sống và hình tướng của mỗi nguyên tố được phóng chiếu vào các cõi trí tuệ và cảm xúc—vào hình tướng âm nhạc kết quả. Các âm điệu, màu sắc và thiết kế đều hài hòa và hòa quyện khi chúng tuôn ra từ hào quang của Các Thượng đế đang tụng niệm.

The total general figure resembled somewhat an enormous hour glass open at both ends and extending from the high heavens deep down into the earth. The narrow part coincided with the mountain top and *Devic* inner ring. Both of the cups were fluted and somewhat flower like, the petals continually interweaving, with ever changing hues, like sunshine on shot silk blown by a light wind.

Tổng thể hình dáng chung có phần giống một chiếc đồng hồ cát khổng lồ mở ở cả hai đầu và kéo dài từ các tầng trời cao xuống sâu vào lòng đất. Phần hẹp trùng với đỉnh núi và vòng trong của các Deva. Cả hai bầu đều có rãnh và hơi giống hoa, các cánh hoa liên tục đan xen, với những sắc thái luôn thay đổi, như ánh nắng trên lụa vân được thổi bởi một làn gió nhẹ.

How long this experience lasted the author cannot say, for in it all sense of time was lost. At a certain stage the music became solemn and invocatory. The *Devas* raised their arms above their heads making a picture of indescribable beauty as they looked up towards the heavens. Power flowed into and down the upward pointing cup, and then slowly and with infinite grace the *Devas* lowered their arms. The song changed to a paean of joy as power flowed between earth and heaven through the great cups of the music form, quickening the evolving life and consciousness throughout the four elements.

Tác giả không thể nói trải nghiệm này kéo dài bao lâu, vì trong đó mọi cảm giác về thời gian đều bị mất. Đến một giai đoạn nhất định, âm nhạc trở nên trang trọng và khẩn cầu. Các Deva giơ tay lên trên đầu, tạo nên một bức tranh đẹp đến khó tả khi Các Ngài ngước nhìn lên các tầng trời. Quyền năng tuôn chảy vào và xuống bầu hướng lên trên, và sau đó từ từ và với vẻ duyên dáng vô hạn, các Deva hạ tay xuống. Bài ca chuyển sang một khúc ca hân hoan khi quyền năng tuôn chảy giữa đất và trời qua các bầu lớn của hình tướng âm nhạc, thúc đẩy sự sống và tâm thức đang tiến hóa trong cả bốn nguyên tố.

Finally all arms were lowered, the flow of power ceased, the ceremony drew to a close, and save for the God of the mountain and his ministers the *Devas* disappeared.

Cuối cùng, tất cả các cánh tay đều hạ xuống, dòng chảy quyền năng ngừng lại, buổi lễ kết thúc, và ngoại trừ Thượng đế của ngọn núi và các vị thần phụ tá của Ngài, các Deva biến mất.

The Theosophist, Vol. 55, February 1934, p. 550

The Theosophist, Vol. 55, February 1934, p. 550

127—

The Colour Language of the Angels—*Ngôn Ngữ Màu Sắc của Các Thiên Thần*

The Radiation Of Force

Sự Phóng Xạ Mãnh Lực

Once again the two angels have come to give us a further lesson in their colour language. They begin by projecting a portion of their auras towards each other in the form of two cylinders, which meet midway between them, combine, and widen where they touch. The

Một lần nữa, hai thiên thần lại đến để cho chúng ta một bài học nữa về ngôn ngữ màu sắc của Các Ngài. Các Ngài bắt đầu bằng cách phóng chiếu một phần hào quang của Các Ngài về phía nhau dưới dạng hai hình trụ, gặp nhau ở giữa, kết hợp và mở rộng ra nơi chúng

green angel's cylinder then enters that of his brother and passes through it into his form, similarly the other enclosing cylinder travels forward to the 'body' of the first angel. These tubes were projected from the region of the heart, and are some twelve to eighteen inches in diameter—the blue one being necessarily larger than the green. The cylinders differ also, in that the green angel's arises from within his body and penetrates in a similar manner into the body of the blue angel, whose cylinder, in its turn, arises on the surface of his form and joins the surface of the form of the green angel.

chạm vào nhau. Hình trụ của thiên thần xanh sau đó đi vào hình trụ của huynh đệ Ngài và đi xuyên qua nó vào hình tướng của Ngài, tương tự như vậy, hình trụ bao quanh khác di chuyển về phía trước đến 'thể' của thiên thần thứ nhất. Những ống này được phóng chiếu từ vùng tim và có đường kính khoảng mười hai đến mười tám inch—ống màu lam nhất thiết phải lớn hơn ống màu lục. Các hình trụ cũng khác nhau ở chỗ hình trụ của thiên thần xanh lục phát sinh từ bên trong thể Ngài và xuyên qua theo cách tương tự vào thể của thiên thần lam, đến lượt hình trụ của thiên thần lam phát sinh trên bề mặt hình tướng của Ngài và nối với bề mặt hình tướng của thiên thần xanh lục.

The two are connected by this double cylinder, though they remain some 25 to 30 yards apart. Force is playing very rapidly down both tubes and many beautiful colours appear. Delicate shades of blue, green and yellow predominate, and they all have a certain hardness and lustre like that of precious stones. Suddenly a blinding flash of light occurs at a point midway between the angels, the cylinders become pointed like pencils, and a circular disc of light of intense brilliance and hyper-activity appears, spinning at right angles to the direction of the original streams of energy. This disc somewhat resembles a circular saw glinting in the sun, though it is not solid all the way to the centre, but consists of rapidly circulating streams of energy.

Hai vị được kết nối bởi hình trụ kép này, mặc dù Các Ngài vẫn cách nhau khoảng 25 đến 30 thước. Mãnh lực đang tác động rất nhanh xuống cả hai ống và nhiều màu sắc tuyệt đẹp xuất hiện. Các sắc thái tinh tế của lam, lục và vàng chiếm ưu thế, và tất cả chúng đều có một độ cứng và độ bóng nhất định như của đá quý. Đột nhiên, một tia sáng chói lòa xuất hiện tại một điểm ở giữa hai thiên thần, các hình trụ trở nên nhọn như bút chì và một đĩa tròn ánh sáng có độ rực rỡ và siêu hoạt động mãnh liệt xuất hiện, quay vuông góc với hướng của các dòng năng lượng ban đầu. Đĩa này có phần giống một chiếc cưa tròn lấp lánh dưới ánh mặt trời, mặc dù nó không đặc hoàn toàn đến tâm, mà bao gồm các dòng năng lượng lưu thông nhanh chóng.

Single pencils of light begin to shoot out from the centre of the disc, where the points of the two cylinders touch, and pass to some distance beyond it. As they are equally placed, they resemble the spokes of a wheel, such as that by which a ship is steered. The light in the tubes grows stronger and the size of the disc increases as time passes, and an expression of intense concentration shows on the face of

Các bút chì ánh sáng đơn lẻ bắt đầu bắn ra từ tâm của đĩa, nơi các điểm của hai hình trụ chạm vào nhau, và đi đến một khoảng cách nào đó vượt quá nó. Vì chúng được đặt cách đều nhau nên chúng giống như các nan hoa của một bánh xe, chẳng hạn như bánh xe mà một con tàu được lái. Ánh sáng trong các ống trở nên mạnh hơn và kích thước của đĩa tăng lên theo thời gian, và một biểu hiện tập trung

both angels. It is evident that they are exercising the whole of their mental capacities.

cao độ hiện rõ trên khuôn mặt của cả hai thiên thần. Rõ ràng là Các Ngài đang vận dụng toàn bộ năng lực trí tuệ của mình.

The connecting cylinder has now divided in the middle, and a spinning disc appears at the open end of each half. The angels begin slowly to revolve and the discs become cones, or funnel shaped openings, through which force is rushing from the angels out into the surrounding atmosphere. Each angel is distributing his own power, which flows in his characteristic colour. It shoots forward in a rather narrow stream and travels for a great distance. When they turn down the valley in the direction of the welsh mountains, the streams of power appear to travel across Wales, into Ireland, and far out into the Atlantic. They exercise a beneficent, vitalizing and quickening influence. When they impinge upon our auras they fill them with light, cause them to expand to, at least, double their normal size, and set all the atoms of which they are composed dancing and vibrating with increased rapidity. My consciousness becomes more keenly alert and vivid as the stream of force strikes me, and I feel roused and stimulated. The force of the blue angel affects the form, in my case, more than the consciousness. It has a definite purificatory effect, sweeping out inharmonious and deleterious matter, and raising the whole tone of my aura.

Hình trụ kết nối giờ đã chia đôi ở giữa và một đĩa quay xuất hiện ở đầu hở của mỗi nửa. Các thiên thần bắt đầu từ từ xoay và các đĩa trở thành hình nón, hoặc các lỗ mở hình phễu, qua đó mãnh lực đang tràn từ các thiên thần ra bầu khí quyển xung quanh. Mỗi thiên thần đang phân phối quyền năng của riêng Ngài, quyền năng này tuôn chảy theo màu sắc đặc trưng của Ngài. Nó bắn về phía trước trong một dòng khá hẹp và di chuyển trên một khoảng cách lớn. Khi Các Ngài quay xuống thung lũng theo hướng dãy núi Welsh, các dòng quyền năng dường như di chuyển qua xứ Wales, vào Ireland và ra xa vào Đại Tây Dương. Các Ngài thực hiện một ảnh hưởng có lợi, tiếp sinh lực và thúc đẩy. Khi chúng tác động vào hào quang của chúng ta, chúng lấp đầy chúng bằng ánh sáng, khiến chúng mở rộng ra, ít nhất, gấp đôi kích thước bình thường của chúng, và khiến tất cả các nguyên tử cấu thành chúng nhảy múa và rung động với tốc độ tăng lên. Tâm thức của tôi trở nên tỉnh táo và sống động hơn khi dòng mãnh lực tác động vào tôi, và tôi cảm thấy được đánh thức và kích thích. Mãnh lực của thiên thần lam ảnh hưởng đến hình tướng, trong trường hợp của tôi, nhiều hơn là tâm thức. Nó có một tác dụng thanh tẩy rõ rệt, quét sạch những vật chất không hài hòa và có hại, và nâng cao toàn bộ âm điệu của hào quang của tôi.

At first the angels turn slowly, following the direction of the sun, but now they gradually increase the speed until they are spinning with such, extreme, rapidity that the cylinders and streams of force appear as solid discs surrounding them. These illusory discs are slightly concave on both their upper and lower surfaces; they shine brilliantly with the colours of the angels' auras and the force is

Lúc đầu, các thiên thần quay chậm, theo hướng của mặt trời, nhưng giờ Các Ngài dần dần tăng tốc độ cho đến khi Các Ngài quay với tốc độ cực nhanh đến mức các hình trụ và dòng mãnh lực xuất hiện như các đĩa đặc bao quanh Các Ngài. Những đĩa ảo ảnh này hơi lõm ở cả bề mặt trên và dưới của chúng; chúng tỏa sáng rực rỡ với màu sắc hào quang của các thiên thần và mãnh lực đang tỏa ra từ chúng

radiating from them in a highly concentrated stream. From the distance from which I am watching them, it is hardly possible to recognize it as a stream, so quickly are the angels spinning, but at the distance of a mile away the spinning is not so clearly noticeable.

trong một dòng tập trung cao độ. Từ khoảng cách mà tôi đang quan sát Các Ngài, hầu như không thể nhận ra nó là một dòng, các thiên thần đang quay quá nhanh, nhưng ở khoảng cách một dặm, vòng quay không được chú ý rõ ràng như vậy.

As the beams of power strike me continually in their rapid rotation, the effect somewhat resembles that of a spinning water sprinkler. Power is descending through the angels in two distinct shafts from high above their heads. Both stretch their arms upward, holding their hands in the shape of a cup. The shaft which descends on the green angel is yellow, and that on the blue is rose. The shafts decrease in diameter as they descend and pass between the hands into the top of the head and down to the heart of each angel, where they join and intensify the stream of outrushing power. Following the shaft of the green angel upwards, I find that it opens like a long, thin funnel into the causal world, which appears to penetrate at a point some 60 or 80 feet above the ground. Each shaft is spinning, and the opening forms a vortex into which the power is drawn from the higher planes.

Khi các luồng quyền năng liên tục tác động vào tôi trong vòng quay nhanh chóng của chúng, hiệu ứng có phần giống như một vòi phun nước quay. Quyền năng đang giáng xuống qua các thiên thần trong hai trục riêng biệt từ trên cao đầu Các Ngài. Cả hai đều giơ tay lên trên, giữ hai bàn tay theo hình dạng một chiếc cốc. Trục giáng xuống trên thiên thần xanh lục có màu vàng, và trục trên thiên thần lam có màu hồng. Các trục giảm đường kính khi chúng giáng xuống và đi giữa hai bàn tay vào đỉnh đầu và xuống đến tim của mỗi thiên thần, nơi chúng hợp nhất và tăng cường dòng quyền năng tuôn ra. Theo trục của thiên thần xanh lục lên trên, tôi thấy rằng nó mở ra như một cái phễu dài, mỏng vào cõi nguyên nhân, dường như xuyên qua tại một điểm nào đó cách mặt đất khoảng 60 hoặc 80 feet. Mỗi trục đang quay và lỗ mở tạo thành một xoáy nước, trong đó quyền năng được hút từ các cõi cao hơn.

The angels themselves are utterly transfigured by this time and appear to have grown in stature. Their faces glow with light and are stamped with an indefinable expression of power, majesty and nobility; they are hardly recognizable as the same gracious and smiling angel friends who have been teaching us.

Các thiên thần bản thân hoàn toàn biến hình vào thời điểm này và dường như đã tăng lên về tầm vóc. Khuôn mặt Các Ngài rạng rỡ ánh sáng và được đóng dấu bằng một biểu hiện khó tả về quyền năng, uy nghi và cao quý; khó có thể nhận ra Các Ngài là những người bạn thiên thần duyên dáng và tươi cười đã dạy chúng ta.

Now each turns the forces of his aura upwards and forms them into a huge coloured bowl. The cylinders and rays of power have disappeared, though the descending shaft of light is still visible. The bowl grows narrower and higher, and closes round the shaft until it

Giờ đây, mỗi vị hướng các mãnh lực hào quang của mình lên trên và tạo thành chúng thành một cái bát màu khổng lồ. Các hình trụ và tia quyền năng đã biến mất, mặc dù trục ánh sáng giáng xuống vẫn còn nhìn thấy được. Cái bát hẹp và cao hơn, và đóng lại xung quanh trục

reaches right up into the causal world. Powerful streams of force shoot up with it, and are liberated there. The arms of the angels are still raised above their heads and their glorious faces are visible between them.

cho đến khi nó vươn thẳng lên cõi nguyên nhân. Các dòng mãnh lực mạnh mẽ bắn lên cùng với nó và được giải phóng ở đó. Cánh tay của các thiên thần vẫn giơ lên trên đầu và khuôn mặt vinh quang của Các Ngài có thể nhìn thấy giữa chúng.

Gradually the aura is drawn down into its normal position, the arms and hands follow it, with palms presented outwards as if in blessing: the faces resume their normal expression, the heads are bowed for a few moments, the hands fall to the sides and, after a pause, the angels look up with their familiar, friendly smile.

Dần dần, hào quang được kéo xuống vị trí bình thường của nó, cánh tay và bàn tay đi theo nó, với lòng bàn tay hướng ra ngoài như thể đang ban phước: khuôn mặt trở lại biểu cảm bình thường, đầu cúi xuống trong vài khoảnh khắc, hai tay buông thõng xuống hai bên và, sau một khoảng dừng, các thiên thần ngước nhìn với nụ cười thân thiện, quen thuộc của Các Ngài.

This demonstration almost explains itself. The angel says it was a meditation for the helping of the world. First they generated powerful positive and negative streams of energy which they placed in magnetic relationship with each other, according to certain laws with which they are evidently familiar. This induced power of another order which showed itself as a disc, spinning at right angles to the cylinders; by the exercise of their will-power they took control of these two orders of energy and utilized them as a means of projection for a third, which they called down from the higher planes by meditation, This causal energy they transformed and liberated both at the mental and Astral levels, for the helping of the world.

Cuộc trình diễn này gần như tự giải thích. Thiên thần nói đó là một buổi tham thiền để giúp đỡ thế giới. Đầu tiên, Các Ngài tạo ra các dòng năng lượng tích cực và tiêu cực mạnh mẽ mà Các Ngài đặt trong mối quan hệ từ tính với nhau, theo một số định luật nhất định mà Các Ngài rõ ràng là quen thuộc. Điều này tạo ra quyền năng của một trật tự khác, quyền năng này thể hiện chính nó như một chiếc đĩa, quay vuông góc với các hình trụ; bằng cách thực hiện ý chí, Các Ngài đã kiểm soát hai trật tự năng lượng này và sử dụng chúng như một phương tiện phóng chiếu cho một trật tự thứ ba, mà Các Ngài đã gọi xuống từ các cõi cao hơn bằng cách tham thiền. Năng lượng nguyên nhân này Các Ngài đã biến đổi và giải phóng ở cả cõi trí tuệ và cõi cảm dục, để giúp đỡ thế giới.

The angel says: 'We meditated upon the central source of energy in the system and in ourselves, and having in some degree realized it in our higher consciousness, we drew it down into ourselves and directed it by will-power through the simple mechanism which we had constructed. The purpose of the mechanism was to avoid loss of power by dissipation and to obtain the maximum results from the energy at our disposal. The

Thiên thần nói: 'Chúng tôi đã tham thiền về nguồn năng lượng trung tâm trong hệ thống và trong chính chúng tôi, và sau khi đã nhận ra nó ở một mức độ nào đó trong thượng trí của mình, chúng tôi đã kéo nó xuống vào chính mình và hướng nó bằng ý chí thông qua cơ chế đơn giản mà chúng tôi đã xây dựng. Mục đích của cơ chế là để tránh mất quyền năng do tiêu tan và để thu được kết quả tối đa từ năng lượng mà chúng tôi có. Sự khác biệt về

difference in colour of the forces was due to the difference of temperament, and showed that we each draw down and direct the particular aspect of the central source of power to which our temperaments correspond.

màu sắc của các mãnh lực là do sự khác biệt về khí chất, và cho thấy rằng mỗi chúng tôi đều thu hút và hướng khía cạnh cụ thể của nguồn quyền năng trung tâm mà khí chất của chúng tôi tương ứng.

We recommend this method to you and suggest that you employ your heart *chakras* instead of the cylinders which we constructed'.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương pháp này và gợi ý rằng bạn nên sử dụng các luân xa tim của mình thay vì các hình trụ mà chúng tôi đã xây dựng'.

He concludes with a smile: 'we do not however recommend you to rotate. If you use this method you must be content to project power in one direction at a time. Someday you, too, will be able to radiate power and blessing in all directions at once'.

Ngài kết luận với một nụ cười: 'Tuy nhiên, chúng tôi không khuyên bạn nên xoay. Nếu bạn sử dụng phương pháp này, bạn phải bằng lòng phóng chiếu quyền năng theo một hướng tại một thời điểm. Đến một ngày nào đó, bạn cũng sẽ có thể tỏa ra quyền năng và phước lành theo mọi hướng cùng một lúc'.

The Theosophist, Vol. 49, p. 2, 1928, p. 67

The Theosophist, Vol. 49, p. 2, 1928, p. 67

128

Nature and the Gods [1]—*Thiên Nhiên và Các Thiên Thần [1]*

The Value of Contact with the Gods

Giá Trị của Sự Tiếp Xúc với Các Thiên Thần

Whilst it is true that angelic assistance is automatically obtained in all modes of service by thought power, it is also true that the effectiveness of such service, the degree of co-operation, and the vividness and potency of the thought are greatly increased by a conscious contact with the angelic hosts.

Mặc dù đúng là sự hỗ trợ của thiên thần được tự động thu được trong tất cả các phương thức phụng sự bằng quyền năng tư tưởng, nhưng cũng đúng là hiệu quả của sự phụng sự đó, mức độ hợp tác, và sự sống động và hiệu lực của tư tưởng được tăng lên rất nhiều nhờ sự tiếp xúc có ý thức với các thiên thần.

In addition to the orders of angels more usually invoked, such as those of power, of healing, of guardianship and the ceremonial orders, there is much of value to be obtained from contact with the Nature angels, especially those of landscape, such as the great mountain Gods. Whilst living near the mountains of California, the author has recently enjoyed such contacts and in these

Ngoài các trật tự thiên thần thường được khẩn cầu hơn, chẳng hạn như các thiên thần của quyền năng, của sự chữa lành, của sự bảo vệ và các trật tự nghi lễ, còn có nhiều giá trị thu được từ việc tiếp xúc với các thiên thần Thiên Nhiên, đặc biệt là các thiên thần của cảnh quan, chẳng hạn như Các Thượng đế núi non vĩ đại. Trong khi sống gần các ngọn núi ở California, tác giả gần đây đã tận hưởng những

papers expresses some of the ideas resulting from them.

sự tiếp xúc như vậy và trong các bài viết này bày tỏ một số ý tưởng nảy sinh từ chúng.

Summary: There are three important results to be obtained by humanity from conscious contact with the angels of landscapes. These are:

Tóm tắt: Có ba kết quả quan trọng mà nhân loại có thể thu được từ sự tiếp xúc có ý thức với các thiên thần của cảnh quan. Đó là:

First: An opening of the consciousness to the hidden life in Nature. This is achieved by meditation directed to that end and preferably carried out in surroundings of natural beauty. This will lead to a deepening of true religion in man.

Thứ nhất: Mở tâm thức ra với sự sống ẩn giấu trong Thiên Nhiên. Điều này đạt được bằng cách tham thiền hướng đến mục đích đó và tốt nhất là được thực hiện trong môi trường có vẻ đẹp tự nhiên. Điều này sẽ dẫn đến sự đào sâu tôn giáo chân chính trong con người.

Second: Healing of oneself and others from the play of the forces of nature through the physical and super-physical vehicles consciously thrown open to them, and from contact and co-operation with the angelic hosts and nature spirits.

Thứ hai: Chữa lành cho bản thân và người khác khỏi sự tác động của các mãnh lực của thiên nhiên thông qua các vận cụ thể xác và siêu vật lý được mở ra một cách có ý thức cho chúng, và từ sự tiếp xúc và hợp tác với các thiên thần và các tinh linh thiên nhiên.

Third: A quickening of the sense of beauty; this is a development greatly needed at this juncture in human affairs.

Thứ ba: Thúc đẩy cảm giác về cái đẹp; đây là một sự phát triển rất cần thiết tại thời điểm quan trọng này trong các vấn đề của con người.

Amongst the experiences referred to above was a contact with a mountain God, of whose appearance notes were taken as follows:

Trong số những trải nghiệm được đề cập ở trên là một sự tiếp xúc với một Thượng đế núi non, mà diện mạo của Ngài đã được ghi lại như sau:

His whole being shines most brilliantly, the outer aura[59] gleaming white as do snow-clad mountain peaks, the power and majesty of which seem incarnate within him. Through the white radiance, the colours of the inner aura shine; deep greens of cypress tree and juniper, and within them, the yellow glory of the noonday sun; then soft rose, then azure blue, and then the godlike form, all white and radiant, from which the auric energies flow

Toàn bộ sự sống của Ngài tỏa sáng rực rỡ nhất, hào quang bên ngoài lấp lánh màu trắng như những đỉnh núi phủ đầy tuyết, quyền năng và uy nghi của những đỉnh núi đó dường như được hóa thân bên trong Ngài. Xuyên qua ánh hào quang trắng, màu sắc của hào quang bên trong tỏa sáng; màu xanh lục đậm của cây bách và cây bách xù, và bên trong chúng, vinh quang màu vàng của mặt trời giữa trưa; sau đó là màu hồng nhạt, sau đó là màu xanh da trời,

[59] The masculine is used for convenience only, angels being a-sexual.

forth in glowing beauty, many hued.

và sau đó là hình tướng thần thánh, tất cả đều trắng và rạng rỡ, từ đó các năng lượng hào quang tuôn ra trong vẻ đẹp rực rỡ, nhiều màu sắc.

The face is moulded in strength as of the mountain's mass, square jawed and powerful; the eyes are wide set sometimes alight with fire leaping forth from fiery mind and will within, sometimes dark, their fires withdrawn. The 'hair' resembles a mass of flickering, backward sweeping flames, and in the air above a crown of radiant energies flashes as with the brightly coloured 'jewels' of his thoughts. A God indeed! A Shining One. A Messenger from Gods to men.

Khuôn mặt được tạo hình mạnh mẽ như khối núi, hàm vuông và mạnh mẽ; đôi mắt mở to đôi khi bừng sáng với ngọn lửa bùng lên từ trí tuệ và ý chí rực lửa bên trong, đôi khi tối sầm lại, ngọn lửa của chúng rút đi. 'Mái tóc' giống như một khối ngọn lửa quét ngược ra sau, và trong không khí phía trên một vương miện năng lượng rạng rỡ lóe lên như với những 'viên ngọc' đầy màu sắc rực rỡ của những tư tưởng của Ngài. Quả thực là một Thượng đế! Một Đấng Tỏa Sáng. Một Sứ Giả từ Các Thượng đế đến con người.

Concerning men, his thoughts in part appear to be:

Liên quan đến con người, những tư tưởng của Ngài một phần dường như là:

'The approach to Nature by modern man is almost exclusively through action and outer sense. Too few among Her devotees approach Her in stillness, with outer senses quieted and inner senses aware. Therefore, but few discover the Goddess Herself, She being hidden from men behind Her veil of outer loveliness.

'Cách tiếp cận Thiên Nhiên của con người hiện đại hầu như chỉ thông qua hành động và giác quan bên ngoài. Quá ít người trong số những người sùng bái Bà tiếp cận Bà trong sự tĩnh lặng, với các giác quan bên ngoài được làm dịu và các giác quan bên trong nhận biết. Do đó, rất ít người khám phá ra chính Nữ Thần, Bà bị che giấu khỏi con người sau tấm màn vẻ đẹp bên ngoài của Bà.

'There is a value in the active life, a beauty in Nature's outer garb. Far greater value and far deeper beauty lie behind Her veil, which may only be withdrawn by silent contemplation of Nature's Self. The heart of Nature, save for its rhythmic pulse, abides in deep silence. Even within the tempest's roar, the crashing waves, the sighing trees, the tumbling falls, there is a stillness, to be entered only in mental silence, equipoise and peace. The devotee at Nature's shrine, if he would find Her beating heart, know the power of the silence within the sound, and perceive the beauty behind the

'Có một giá trị trong cuộc sống năng động, một vẻ đẹp trong lớp áo bên ngoài của Mẹ Thiên Nhiên. Giá trị lớn hơn nhiều và vẻ đẹp sâu sắc hơn nhiều nằm sau bức màn của Mẹ, vốn chỉ có thể được vén lên bằng sự chiêm ngưỡng thầm lặng Bản Thể của Mẹ Thiên Nhiên. Trái tim của Mẹ Thiên Nhiên, ngoại trừ nhịp đập có tính nhịp điệu của nó, tồn tại trong sự tĩnh lặng sâu sắc. Ngay cả trong tiếng gầm của bão tố, những con sóng vỗ bờ, những hàng cây thở dài, những thác nước đổ ầm ầm, vẫn có một sự tĩnh lặng, chỉ có thể bước vào trong sự tĩnh lặng trí tuệ, sự thăng bằng và bình an. Người

veil, must approach Her altar reverently and with quiet mind.

sùng bái tại điện thờ của Mẹ Thiên Nhiên, nếu y muốn tìm thấy trái tim đang đập của Mẹ, biết được sức mạnh của sự tĩnh lặng trong âm thanh và nhận thức được vẻ đẹp đằng sau bức màn, thì phải đến bàn thờ của Mẹ một cách thành kính và với một thể trí tĩnh lặng.

'The doorway of Her temple exists and is to be found, opened and passed through, in every natural form. Contemplation of a single flower may lead the suppliant through; a shrub displaying Nature's symmetry, a tree, gigantic or small; a mountain range, a single peak; a flowing river, a thundering fall; the awe inspiring beauty of the desert, its colours by day and its stillness by night; each and all of these will serve the contemplative soul of man as entrance to the real, wherein Nature's Self abides.

'Cánh cửa của ngôi đền của Mẹ tồn tại và được tìm thấy, mở ra và đi qua, trong mọi hình thái tự nhiên. Sự chiêm ngưỡng một bông hoa duy nhất có thể dẫn người cầu xin đi qua; một bụi cây thể hiện sự cân đối của Mẹ Thiên Nhiên, một cái cây, khổng lồ hay nhỏ bé; một dãy núi, một đỉnh núi duy nhất; một dòng sông chảy, một thác nước ầm ầm; vẻ đẹp đầy cảm hứng của sa mạc, màu sắc của nó vào ban ngày và sự tĩnh lặng của nó vào ban đêm; tất cả và mỗi thứ trong số này sẽ phục vụ tâm hồn chiêm nghiệm của con người như một lối vào cái thực, nơi Bản Thể của Mẹ Thiên Nhiên ngự trị.

'Contemplation of the outer form, identification with the inner life, deep response from the heart to Nature's loveliness, without and within, these are the moods in which the doorway to Nature's temple should be approached, these the means of entry to Her inmost shrine. Within, the Gods await, the timeless Ones, the everlasting priests who minister from creative dawn to eve within the temple which is the natural world.

'Sự chiêm ngưỡng hình tướng bên ngoài, sự đồng nhất với sự sống bên trong, sự đáp ứng sâu sắc từ trái tim đối với vẻ đẹp của Mẹ Thiên Nhiên, bên ngoài và bên trong, đây là những tâm trạng mà cánh cửa vào ngôi đền của Mẹ Thiên Nhiên nên được tiếp cận, đây là những phương tiện để đi vào điện thờ sâu kín nhất của Mẹ. Bên trong, Các Thượng đế chờ đợi, Các Đấng Vượt Thời Gian, những vị tư tế vĩnh cửu vốn phụng sự từ bình minh sáng tạo đến buổi tối trong ngôi đền vốn là thế giới tự nhiên.

'Few, far too few, have found the entrances since Greece became a ruin and Rome fell into decay. The wheel revolves; the golden days return; Nature calls again to man, who, hearing, endeavours to respond. The Grecians of old dwelt in simplicity; complexities had not as yet appeared, human character was direct, human life simple, and human minds, if primitive compared to those of modern man, were closely attuned to the Universal Oversoul.

'Quá ít người đã tìm thấy những lối vào kể từ khi Hy Lạp trở thành một đống đổ nát và Rome rơi vào suy tàn. Bánh xe quay; những ngày tháng tươi đẹp trở lại; Mẹ Thiên Nhiên lại gọi con người, vốn khi nghe thấy, cố gắng đáp ứng. Người Hy Lạp cổ đại sống trong sự giản dị; những phức tạp vẫn chưa xuất hiện, tính cách con người trực tiếp, cuộc sống con người đơn giản và thể trí con người, nếu còn sơ khai so với thể trí của con người hiện đại, đã hòa hợp chặt chẽ với Đại Hồn Vũ Trụ.

‘Man has passed through a cycle of darkness following the fall of Rome. Involved in increasing complexities, he has lost his contact with the Universal Soul. Simplicity, therefore, both of life and mind, must mark the devotee at Nature’s shrine. Complexity leads to dullness of sense, both of body and of soul. Keen must be the vision, both outer and inner, if Nature’s inner loveliness is to be seen. All that bedulls the senses, all of grossness, impurity, indulgence arid complexity, must be left behind. In purity, simplicity and quiet contemplation must the Goddess be approached.

‘Con người đã trải qua một chu kỳ tăm tối sau sự sụp đổ của Rome. Vướng vào những phức tạp ngày càng tăng, y đã mất liên lạc với Linh Hồn Vũ Trụ. Do đó, sự đơn giản, cả về cuộc sống và thể trí, phải đánh dấu người sùng bái tại điện thờ của Mẹ Thiên Nhiên. Sự phức tạp dẫn đến sự cùn mòn của các giác quan, cả về thể xác và linh hồn. Tầm nhìn phải sắc bén, cả bên ngoài và bên trong, nếu vẻ đẹp bên trong của Mẹ Thiên Nhiên được nhìn thấy. Tất cả những gì làm lu mờ các giác quan, tất cả những gì thô tục, ô uế, nuông chiều và phức tạp, phải bị bỏ lại phía sau. Trong sự thanh khiết, giản dị và chiêm nghiệm tĩnh lặng, Nữ Thần phải được tiếp cận.

‘Amid the beauties of mountain, vale or hill, of forest, plain or desert, let men seek communion with the life within the form, using the form as means of entrance into the life.

‘Giữa vẻ đẹp của núi non, thung lũng hay đồi núi, rừng rậm, đồng bằng hay sa mạc, hãy để con người tìm kiếm sự giao hòa với sự sống bên trong hình tướng, sử dụng hình tướng như một phương tiện để đi vào sự sống.

‘The whole earth breathes, its heart beats, for the globe is a living being with power, life and consciousness incarnate within. The earth itself is the body of a God, the Spirit of the Earth. Rivers are its nerves; oceans, great nerve centres; mountains, the bony structure of the giant earth whose outer form is man’s evolutionary field, whose inner life and potent energies are the abiding places of the Gods. The energies are being found in part by means of instruments and mind. Discovery of the inner life demands the co-operation of the heart and needs no instruments other than the alert but quiet brain of man’.

‘Toàn bộ trái đất thở, tim nó đập, vì địa cầu là một sinh vật sống với quyền năng, sự sống và tâm thức hóa thân bên trong. Bản thân trái đất là thân thể của một Thượng đế, Tinh Thần của Trái Đất. Sông ngòi là dây thần kinh của nó; đại dương, các trung tâm thần kinh lớn; núi non, cấu trúc xương của trái đất khổng lồ vốn có hình tướng bên ngoài là trường tiến hóa của con người, vốn có sự sống bên trong và các năng lượng mạnh mẽ là nơi ở của Các Thượng đế. Các năng lượng đang được tìm thấy một phần bằng các công cụ và thể trí. Việc khám phá ra sự sống bên trong đòi hỏi sự hợp tác của trái tim và không cần công cụ nào khác ngoài bộ não tỉnh táo nhưng tĩnh lặng của con người’.

A Mountain God

Một Thần Núi

There came another great white angel of the heights, his body shining with the light of sunshine upon snow. On every side his far-

Có một thiên thần da trắng vĩ đại khác từ trên cao đến, thân thể Ngài tỏa sáng với ánh nắng mặt trời trên tuyết. Ở mọi phía, hào quang bao

flung aura shone with brilliant hues, ordered in successive bands from central form to aura's edge. From his head a widening of white and fiery force arose, whilst from behind the form, streams of power flowed, suggesting auric wings, pale rose, pale blue, soft green, with purple beyond.

la của Ngài tỏa sáng với những sắc thái rực rỡ, được sắp xếp theo các dải liên tiếp từ hình tướng trung tâm đến rìa hào quang. Từ đầu Ngài, một sự mở rộng của mãnh lực trắng và rực lửa bốc lên, trong khi từ phía sau hình tướng, những dòng năng lượng chảy ra, gợi ý đôi cánh hào quang, màu hồng nhạt, xanh lam nhạt, xanh lục nhạt, với màu tím ở phía sau.

Many coloured auric energies also flowed out from him on every side extending whilst at rest for at least a hundred feet, whilst within the shining and translucent aureole, the gleaming snow white form appeared, lightly poised above the ground.

Các năng lượng hào quang nhiều màu sắc cũng chảy ra từ Ngài ở mọi phía, mở rộng trong khi nghỉ ngơi ít nhất một trăm feet, trong khi bên trong hào quang tỏa sáng và trong mờ, hình tướng trắng như tuyết lấp lánh xuất hiện, nhẹ nhàng lơ lửng trên mặt đất.

The face was strong, virile, masculine; brow broad, eyes deep set and wide apart, now ablaze with power, now veiled in darkness, inscrutable, as if he brooded deep within himself upon the mystery of being. The 'hair' was built of curling waves of flame-like power emanating from the head. The nose and chin were strongly modelled, the lips full, the whole, face instinct with the majesty, the power, the stability of the mountain range.

Khuôn mặt mạnh mẽ, cường tráng, nam tính; trán rộng, mắt sâu và cách xa nhau, giờ bừng cháy với quyền năng, giờ che giấu trong bóng tối, khó dò, như thể Ngài đang nghiền ngẫm sâu trong mình về sự huyền bí của sự tồn tại. 'Tóc' được tạo thành từ những làn sóng xoăn của quyền năng giống như ngọn lửa phát ra từ đầu. Mũi và cằm được tạo hình mạnh mẽ, môi đầy đặn, toàn bộ khuôn mặt tràn đầy sự uy nghi, quyền năng, sự ổn định của dãy núi.

The form was magnificent as of some gigantic statue of a Grecian God. Flames played about the feet, the arms and hands were conveyors of power which flowed visibly from the finger tips.

Hình tướng tráng lệ như một bức tượng khổng lồ của một Thượng đế Hy Lạp. Ngọn lửa bùng lên quanh bàn chân, cánh tay và bàn tay là những vật dẫn quyền năng vốn chảy ra rõ rệt từ đầu ngón tay.

Within the head, behind the eyes, was the force centre from which the upward stream of power arose; this was the intelligence centre in the form, the positive pole, or focus, linked magnetically to the life centre, which was its negative. This was in the region of the solar plexus and blazed like a sun, many-hued. The thighs were veiled by flowing forces, whilst all through the form and outward flowing power, there flashed continuously a white and radiant energy, dazzlingly bright.

Bên trong đầu, phía sau mắt, là trung tâm mãnh lực từ đó dòng quyền năng hướng lên bốc lên; đây là trung tâm trí tuệ trong hình tướng, cực dương, hay tiêu điểm, được liên kết từ tính với trung tâm sự sống, vốn là cực âm của nó. Điều này nằm trong vùng tùng thái dương và bừng sáng như một mặt trời, nhiều màu sắc. Đùi được che phủ bởi các mãnh lực đang chảy, trong khi xuyên suốt hình tướng và quyền năng chảy ra bên ngoài, một năng lượng trắng và rạng rỡ liên tục lóe lên, sáng

chói.

Robed thus in force and light, the whole mighty figure appeared as an incarnation of the power aspect of Nature, an individual manifestation of universal creative energy. He 'speaks' in a deep resounding bass, vibrant with the power of the element of earth:

Khoác lên mình bộ áo choàng bằng mãnh lực và ánh sáng như vậy, toàn bộ hình dáng hùng vĩ xuất hiện như một hóa thân của khía cạnh quyền năng của Mẹ Thiên Nhiên, một biểu hiện cá nhân của năng lượng sáng tạo vũ trụ. Ngài 'nói' bằng giọng trầm vang dội, rung động với quyền năng của nguyên tố đất:

'The Gods await the reunion of the universal and the human mind. Humanity awakens slowly. Few as yet perceive the mind within the substance, the life within the form. Matter-blinded through long centuries, man does not yet begin to see. Only the few escape from the illusion of matter and of form. Even in these, save for the very few, the awakening is instinctual, the escape but blind and groping.

'Các Thượng đế chờ đợi sự tái hợp của thể trí vũ trụ và con người. Nhân loại thức tỉnh chậm chạp. Quá ít người nhận thức được thể trí bên trong vật chất, sự sống bên trong hình tướng. Bị vật chất làm mù quáng qua nhiều thế kỷ, con người vẫn chưa bắt đầu nhìn thấy. Chỉ một số ít thoát khỏi ảo tưởng về vật chất và hình tướng. Ngay cả ở những người này, ngoại trừ rất ít người, sự thức tỉnh là bản năng, sự trốn thoát chỉ là mù quáng và mò mẫm.

'To render self-conscious the awakening and to guide the escape, the Gods appear.

'Để làm cho sự thức tỉnh trở nên tự ý thức và hướng dẫn sự trốn thoát, Các Thượng đế xuất hiện.

'Let man seek the mind within the substance, the life within the form, for thus seeking he will enter the kingdom of the Gods. Men have searched the whole earth for power and life-experience; they have explored the wilds, scaled the peaks and conquered the polar wastes. Let them now seek within the outer form, scale the heights of their own consciousness, penetrate its depths, seeking there the power and the life by which alone they may become strong and spiritually rich.

'Hãy để con người tìm kiếm thể trí bên trong vật chất, sự sống bên trong hình tướng, vì bằng cách tìm kiếm như vậy, y sẽ bước vào vương quốc của Các Thượng đế. Con người đã tìm kiếm toàn bộ trái đất để có được quyền năng và kinh nghiệm sống; họ đã khám phá vùng hoang dã, leo lên các đỉnh núi và chinh phục vùng đất hoang vu ở cực. Giờ đây, hãy để họ tìm kiếm bên trong hình tướng bên ngoài, leo lên đỉnh cao của tâm thức của chính họ, thâm nhập vào chiều sâu của nó, tìm kiếm ở đó quyền năng và sự sống mà chỉ nhờ đó họ mới có thể trở nên mạnh mẽ và giàu có về mặt tinh thần.

'Let man use the mountain peaks, the desert wastes, as means of true discovery, contemplating there that which is real, discovering the mind and life by which all is created and sustained. To him who thus

'Hãy để con người sử dụng các đỉnh núi, vùng đất hoang vu sa mạc, như những phương tiện khám phá thực sự, chiêm ngưỡng ở đó những gì là có thật, khám phá thể trí và sự sống mà nhờ đó mọi thứ được tạo ra và duy trì. Đối với

throws open his life and mind to that indwelling in all things, seeking union therewith, the Gods will appear.

người mở rộng cuộc sống và thể trí của mình cho những gì ngự trị trong mọi thứ, tìm kiếm sự hợp nhất với nó, Các Thượng đế sẽ xuất hiện.

'In contemplative silence let man dwell upon the Self, affirm thus identity therewith:

'Trong sự tĩnh lặng chiêm nghiệm, hãy để con người nghiền ngẫm về Bản Thể, khẳng định sự đồng nhất với nó:

"Power universal,

"Quyền năng vũ trụ,

Life indwelling,

Sự sống ngự trị,

Mind all-pervading,

Thể trí bao trùm tất cả,

Three, yet one,

Ba, nhưng là một,

I seek thee through the power, life and mind which is my Self.

Tôi tìm kiếm Ngươi thông qua quyền năng, sự sống và thể trí vốn là Bản Thể của tôi.

"Gods of power, life and mind!

"Các Thượng đế của quyền năng, sự sống và thể trí!

I greet thee".

Tôi chào Ngươi".

In the Self of the Universe, we are One. I am that Self — that Self am I'.

Trong Bản Thể của Vũ Trụ, chúng ta là Một. Tôi là Bản Thể đó — Bản Thể đó là tôi'.

The Theosophist, Vol. 54, October 1933, Part 2, p. 335-340

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 54, tháng 10 năm 1933, Phần 2, tr. 335-340

129—

Nature and the Gods [2]—*Mẹ Thiên Nhiên và Các Thiên Thần [2]*

The Use of Thought power

Việc Sử Dụng Quyền Năng Tư Tưởng

There came also an Angel visitor who 'said':

Cũng có một Thiên Thần đến thăm, vốn 'nói':

'Man is as yet but partially self-conscious in his use of thought. The Angelic Hosts are wholly so; thought for them is a directing agency, a means of the vibratory attunement and projection of natural energies both within themselves and Nature,

'Con người vẫn chưa hoàn toàn tự ý thức trong việc sử dụng tư tưởng của mình. Các Thiên Thần Đoàn hoàn toàn như vậy; tư tưởng đối với Các Ngài là một cơ quan chỉ đạo, một phương tiện điều chỉnh rung động và phóng chiếu các năng lượng tự nhiên cả bên trong Các Ngài và Mẹ Thiên Nhiên,

‘Human thought at this period of its evolution is one of the chief moulding and directing agencies in human life. Only the few use thought as a power to be controlled and directed from within by the thinker’s will. In science, man uses thought chiefly as an instrument, for gaining knowledge. With the aid of thought he arrives at conclusions after external observation. Yet human thought is actually a barrier between man and knowledge; the present thinking process prevents the realization of truth. When man thinks, he becomes spiritually blind. Only when his mind is still can he perceive truth. When the mind has been mastered it becomes a vehicle for wisdom and is an instrument for directing force.

‘Tư tưởng của con người vào thời điểm tiến hóa này là một trong những cơ quan định hình và chỉ đạo chính trong cuộc sống con người. Chỉ một số ít sử dụng tư tưởng như một quyền năng để được kiểm soát và chỉ đạo từ bên trong bởi ý chí của người suy nghĩ. Trong khoa học, con người sử dụng tư tưởng chủ yếu như một công cụ để đạt được kiến thức. Với sự trợ giúp của tư tưởng, y đi đến kết luận sau khi quan sát bên ngoài. Tuy nhiên, tư tưởng của con người thực sự là một rào cản giữa con người và kiến thức; quá trình tư duy hiện tại ngăn cản việc nhận ra chân lý. Khi con người suy nghĩ, y trở nên mù quáng về mặt tinh thần. Chỉ khi thể trí của y tĩnh lặng, y mới có thể nhận thức được chân lý. Khi thể trí đã được làm chủ, nó sẽ trở thành một vận cụ cho sự minh triết và là một công cụ để chỉ đạo mãnh lực.

‘The first step, therefore, in the conscious discovery of the hidden forces of Nature and in development of the power to direct them, is the mastery of mind. This consists in the acquirement of the power to silence thought, to render the mind temporarily irresponsive to external and interior influences. Thus harmonized and controlled, human thought becomes a vehicle for wisdom, an instrument for the discovery of truth, as well as a directing agency for such forces as the dweller within determines to employ.

‘Do đó, bước đầu tiên trong việc khám phá có ý thức các mãnh lực ẩn giấu của Mẹ Thiên Nhiên và trong việc phát triển quyền năng chỉ đạo chúng, là làm chủ thể trí. Điều này bao gồm việc đạt được quyền năng làm im lặng tư tưởng, làm cho thể trí tạm thời không phản ứng với các ảnh hưởng bên ngoài và bên trong. Do đó, được hài hòa và kiểm soát, tư tưởng của con người trở thành một vận cụ cho sự minh triết, một công cụ để khám phá chân lý, cũng như một cơ quan chỉ đạo cho những mãnh lực mà người ngự trị bên trong quyết định sử dụng.

‘Knowledge of certain fundamental truths concerning Nature is an essential pre-requisite to the discovery and mastery of natural forces. He who would move with safety within the powerhouse of Nature must first have begun to establish himself in direct knowledge of the Source of power which is Truth. Firmly established in Truth, he is safe amidst even the greatest display of Nature’s power.

‘Kiến thức về một số chân lý cơ bản liên quan đến Mẹ Thiên Nhiên là một điều kiện tiên quyết thiết yếu để khám phá và làm chủ các mãnh lực tự nhiên. Người muốn di chuyển an toàn bên trong nhà máy điện của Mẹ Thiên Nhiên trước tiên phải bắt đầu thiết lập bản thân trong kiến thức trực tiếp về Nguồn quyền năng vốn là Chân Lý. Được thiết lập vững chắc trong Chân Lý, y được an toàn giữa ngay cả sự thể hiện lớn nhất về quyền năng của Mẹ Thiên Nhiên.

‘Two fundamentals must be realized—those in which Angelic Consciousness is rooted: first, that there is but one source of all power, life and consciousness; and second, that every individualized being, whether Angel or man, is in his innermost essence, one with that source; that nothing in Creation is external to man. Upon these two truths man should meditate until to him they are basic realizations within the unbroken knowledge of which his life is lived, his work performed.

‘Hai điều cơ bản phải được nhận ra — những điều mà Tâm Thức Thiên Thần bắt nguồn từ đó: thứ nhất, chỉ có một nguồn gốc của mọi quyền năng, sự sống và tâm thức; và thứ hai, mọi hữu thể được cá nhân hóa, dù là Thiên Thần hay con người, trong bản chất sâu kín nhất của y, là một với nguồn gốc đó; rằng không có gì trong Sự Sáng Tạo là bên ngoài con người. Con người nên tham thiền về hai chân lý này cho đến khi chúng trở thành những nhận thức cơ bản trong y, trong kiến thức trọn vẹn mà cuộc sống của y được sống, công việc của y được thực hiện.

‘The outer form is unreal, the inner life is real. Vision of form alone produces the illusion of difference and division. Vision of life reveals the essential unity. Man should meditate, therefore, upon the life which is one and indivisible until he naturally and instinctively pierces the illusion of separate and different forms. Let him place before himself two widely differing natural objects, such as a jewel and a flower and, with mind utterly still, discover their life identity. This realization comes not through thought; the mind must be still; rather through feeling and intuition must the real discovery be made. Intellectual appreciation of the fact of the Unity of Life is not the goal, though for some a possible step towards it. Living knowledge, individual experience, direct vision, is the goal.

‘Hình tướng bên ngoài là không có thật, sự sống bên trong là có thật. Tầm nhìn chỉ về hình tướng tạo ra ảo tưởng về sự khác biệt và chia rẽ. Tầm nhìn về sự sống tiết lộ sự hợp nhất thiết yếu. Do đó, con người nên tham thiền về sự sống vốn là một và không thể phân chia cho đến khi y tự nhiên và theo bản năng xuyên thủng ảo tưởng về các hình tướng riêng biệt và khác biệt. Hãy để y đặt trước mặt mình hai vật thể tự nhiên khác nhau rất nhiều, chẳng hạn như một viên ngọc và một bông hoa, và với thể trí hoàn toàn tĩnh lặng, khám phá sự đồng nhất sự sống của chúng. Sự nhận ra này không đến thông qua tư tưởng; thể trí phải tĩnh lặng; đúng hơn, sự khám phá thực sự phải được thực hiện thông qua cảm xúc và trực giác. Sự đánh giá cao về mặt trí tuệ về sự thật về Sự Hợp Nhất của Sự Sống không phải là mục tiêu, mặc dù đối với một số người có thể là một bước tiến tới nó. Kiến thức sống, kinh nghiệm cá nhân, tầm nhìn trực tiếp, là mục tiêu.

‘Such illumination is not sudden. Knowledge of the Unity of Life—not an intellectual conception but a realized truth—comes as the result of growth and therefore gradually. Thereafter, conscious identity with life must be discovered and sustained.

‘Sự soi sáng như vậy không phải là đột ngột. Kiến thức về Sự Hợp Nhất của Sự Sống — không phải là một quan niệm trí tuệ mà là một chân lý được nhận ra — đến như là kết quả của sự tăng trưởng và do đó dần dần. Sau đó, sự đồng nhất có ý thức với sự sống phải được khám phá và duy trì.

‘So also with consciousness and power, until the indwelling Trinity is at last perceived and the Trinity in man known as one therewith.

‘Cũng như vậy với tâm thức và quyền năng, cho đến khi Tam Vị ngự trị bên trong cuối cùng được nhận thức và Tam Vị trong con người được biết là một với nó.

‘Established in this knowledge, natural forces may with safety be contacted. Natural intelligences, high and low, Gods and nature-spirits may be known and their co-operation gained’.

‘Được thiết lập trong kiến thức này, các mãnh lực tự nhiên có thể được tiếp xúc một cách an toàn. Các trí tuệ tự nhiên, cao và thấp, Các Thượng đế và các tinh linh tự nhiên có thể được biết đến và sự hợp tác của họ có thể đạt được’.

Practical Values

Các Giá Trị Thiết Thực

On another occasion the following ideas were received:

Trong một dịp khác, những ý tưởng sau đây đã được nhận:

‘The practical value of inter-communion between Gods and men consists primarily in its effect upon human consciousness and secondarily in the increased efficacy of the work of both.

‘Giá trị thiết thực của sự giao tiếp giữa Các Thượng đế và con người chủ yếu nằm ở ảnh hưởng của nó đối với tâm thức con người và thứ hai là ở hiệu quả gia tăng trong công việc của cả hai.

‘Within the consciousness of humanity a new power is stirring; the seed of a new order of intelligence has germinated. From within the spiritual Self of man a deeper layer of life-force is being released. One effect of this change will be the awakening of the intuition. This faculty, as it develops, will not only bestow upon man the Higher Mental powers associated with the gift, those of direct perception of truth and the conscious use of the higher instinct, but in addition will awaken a recognition of the Oneness of Life.

‘Trong tâm thức của nhân loại, một quyền năng mới đang khuấy động; hạt giống của một trật tự trí tuệ mới đã nảy mầm. Từ bên trong Bản Thể tinh thần của con người, một lớp mãnh lực sự sống sâu sắc hơn đang được giải phóng. Một tác động của sự thay đổi này sẽ là sự thức tỉnh của trực giác. Khả năng này, khi nó phát triển, sẽ không chỉ ban cho con người những quyền năng Thượng Trí liên quan đến món quà, những quyền năng nhận thức trực tiếp về chân lý và việc sử dụng có ý thức bản năng cao hơn, mà ngoài ra còn đánh thức sự công nhận về Tính Đồng Nhất của Sự Sống.

‘This recognition will be dual, consisting of interior realization through intuition—no longer sporadic, but continuous and consciously directed—and of a mental, and even physical, visual experience of the fact of unity. The eyes will be open and mankind will see the world, its inhabitants and all kingdoms of Nature in an entirely new light, that of the

‘Sự công nhận này sẽ là kép, bao gồm sự nhận ra bên trong thông qua trực giác — không còn lẻ tẻ nữa, mà liên tục và được định hướng có ý thức — và một kinh nghiệm thị giác về mặt trí tuệ, và thậm chí là thể xác, về sự thật của sự hợp nhất. Đôi mắt sẽ mở ra và nhân loại sẽ nhìn thấy thế giới, cư dân của nó và tất cả các giới của Mẹ Thiên Nhiên dưới một ánh sáng

spiritual rather than the physical sun. The physical senses will, themselves, be affected by the play of the power newly liberated from within the spiritual Self. The range and degree of responsiveness within the present range of all five senses will be increased; whilst the mind will become illumined by the new light, will perceive syntheses in addition to analyses and become increasingly responsive to the power, wisdom and intelligence of the spiritual Self of man and of the universe.

hoàn toàn mới, ánh sáng của tinh thần hơn là mặt trời hồng trần. Bản thân các giác quan thể xác sẽ bị ảnh hưởng bởi sự vận hành của quyền năng mới được giải phóng từ bên trong Bản Thể tinh thần. Phạm vi và mức độ phản ứng trong phạm vi hiện tại của cả năm giác quan sẽ được tăng lên; trong khi thể trí sẽ được soi sáng bởi ánh sáng mới, sẽ nhận thức được sự tổng hợp ngoài các phân tích và ngày càng đáp ứng với quyền năng, sự minh triết và trí tuệ của Bản Thể tinh thần của con người và vũ trụ.

'This development is of supreme importance at this period of human life. It will produce changes for the better in human relationships which it is quite impossible to produce by any other means. Perceiving their unity, men will instinctively co-operate, and it is from the awakening of this new order of consciousness that the new age will result.

'Sự phát triển này có tầm quan trọng tối cao vào thời điểm này của cuộc sống con người. Nó sẽ tạo ra những thay đổi tốt hơn trong các mối quan hệ giữa con người với nhau mà không thể tạo ra bằng bất kỳ phương tiện nào khác. Nhận thức được sự hợp nhất của họ, con người sẽ theo bản năng hợp tác, và chính từ sự thức tỉnh của trật tự tâm thức mới này mà kỷ nguyên mới sẽ hình thành.

'Contact with the Gods, in whom these powers are already active, who have never lost their consciousness of the Unity of Life, will prove a powerful stimulant to this development and in this lies its most permanent value.

'Sự tiếp xúc với Các Thượng đế, vốn có sẵn những quyền năng này, vốn chưa bao giờ đánh mất tâm thức về Sự Hợp Nhất của Sự Sống, sẽ chứng tỏ là một tác nhân kích thích mạnh mẽ cho sự phát triển này và ở đây có giá trị lâu dài nhất của nó.

'The Gods are the embodiment of the principle of unity; their existence, their activities and their relationships are all based upon it; it is their basic conception of life. Contact with them awakens in man a similar state of consciousness, quickens the germination of the seed of this knowledge which is in every human being.

'Các Thượng đế là hiện thân của nguyên lý hợp nhất; sự tồn tại, các hoạt động và các mối quan hệ của Các Ngài đều dựa trên đó; đó là quan niệm cơ bản của Các Ngài về sự sống. Sự tiếp xúc với Các Ngài đánh thức trong con người một trạng thái tâm thức tương tự, đẩy nhanh sự nảy mầm của hạt giống tri thức này vốn có trong mỗi con người.

'The union of the mind of the Gods with the mind of man, the blending of the two life-streams and the fusion of the forces natural to both adds greatly to the efficacy, both physical and super-physical, of altruistic work. The human servant experiences an increase of

'Sự hợp nhất của thể trí của Các Thượng đế với thể trí của con người, sự hòa trộn của hai dòng sinh mệnh và sự dung hợp của các mãnh lực tự nhiên đối với cả hai làm tăng thêm hiệu quả, cả về thể xác lẫn siêu thể xác, của công việc vị tha. Người phụng sự là con người trải nghiệm

ardour, a deepening of determination, and the infusion of a fiery energy both into his own nature and into his work. Thought-power is definitely enhanced, whilst in addition, members of the race of the Gods assist super-physically in the direction and employment of projected energies. Their attendance upon those who habitually use thought-forces, both in acquiring vision, receiving inspiration and in planning and carrying out work, can be of great value.

sự gia tăng nhiệt huyết, sự đào sâu quyết tâm và sự truyền dẫn một năng lượng rực lửa vào cả bản chất của y lẫn công việc của y. Năng lực tư duy chắc chắn được tăng cường, đồng thời, các thành viên của chủng tộc Các Thượng đế hỗ trợ siêu thể xác trong việc điều khiển và sử dụng các năng lượng được phóng chiếu. Sự hiện diện của Các Ngài đối với những người thường xuyên sử dụng các mãnh lực tư duy, cả trong việc có được tầm nhìn, tiếp nhận cảm hứng và trong việc lên kế hoạch và thực hiện công việc, có thể có giá trị to lớn.

'The channels in the super-physical bodies of man which link ego and brain are, in part, constructed by them during prenatal life; it is, therefore, within their power to widen them, assisting from without the efforts of the man himself to gain a deeper vision of his work and to tap energies from within his Higher Self. This assistance is of special value to all who pursue the path of beauty and seek its portrayal through the arts. All seeking illumination and a quickening of their inner powers will benefit by the assistance of the Gods.

'Các kênh trong các thể siêu thể xác của con người vốn liên kết chân ngã và bộ não, một phần được Các Ngài xây dựng trong suốt cuộc sống trước khi sinh; do đó, Các Ngài có quyền năng mở rộng chúng, hỗ trợ từ bên ngoài những nỗ lực của chính con người để có được một tầm nhìn sâu sắc hơn về công việc của mình và khai thác các năng lượng từ bên trong Chân Ngã Cao Hơn của y. Sự hỗ trợ này có giá trị đặc biệt đối với tất cả những ai theo đuổi con đường cái đẹp và tìm kiếm sự thể hiện của nó thông qua nghệ thuật. Tất cả những ai tìm kiếm sự soi sáng và sự đẩy nhanh các quyền năng nội tại của họ sẽ được hưởng lợi từ sự hỗ trợ của Các Thượng đế.

'Those who serve by thought-power and the evocation of super-physical energies, seeking to heal, to inspire, to uplift, to bless, to influence the mind of their fellows in the direction of brotherhood and peace, may greatly increase their effectiveness through co-operation with the gods. They bring to such work knowledge of the operation of natural forces; capacity to direct their flow, and a freedom from the limitations of time and matter and are therefore valuable allies in all altruistic work. Numerically, they are countless, their order is hierarchical, leading from the nature-spirits to archangels; they constitute, therefore, an inexhaustible source

'Những người phụng sự bằng năng lực tư duy và sự gợi lên các năng lượng siêu thể xác, tìm cách chữa lành, truyền cảm hứng, nâng đỡ, ban phước, gây ảnh hưởng đến thể trí của đồng loại theo hướng huynh đệ và hòa bình, có thể tăng cường đáng kể hiệu quả của họ thông qua sự hợp tác với các vị thần. Các Ngài mang đến cho công việc đó kiến thức về sự vận hành của các mãnh lực tự nhiên; khả năng điều khiển dòng chảy của chúng, và sự tự do khỏi những giới hạn của thời gian và vật chất và do đó là những đồng minh có giá trị trong mọi công việc vị tha. Về số lượng, Các Ngài là vô số, trật tự của Các Ngài là thứ bậc, dẫn từ các tinh linh tự nhiên đến các tổng lãnh thiên thần; do

of power, wisdom, knowledge and co-operative assistance. For these reasons is advocated the re-establishment on earth of the brotherhood of angels and men'.

đó, Các Ngài tạo thành một nguồn vô tận về quyền năng, minh triết, tri thức và sự hỗ trợ hợp tác. Vì những lý do này, việc tái thiết lập trên trái đất tình huynh đệ giữa các thiên thần và con người được ủng hộ'.

The Technique of Communion with the Gods

Kỹ Thuật Thông Công với Các Thượng Đế

On another occasion the following ideas were received:

Trong một dịp khác, những ý tưởng sau đây đã được tiếp nhận:

'Much has been said upon this subject in preceding communications, much already written by the recipient of these. The fundamental principles may be thus restated:

'Rất nhiều điều đã được nói về chủ đề này trong các thông điệp trước đó, rất nhiều điều đã được người nhận những điều này viết ra. Các nguyên tắc cơ bản có thể được trình bày lại như sau:

'*Selflessness of motive.* There is danger for him alone who seeks and employs super-physical forces and intelligence, together with the laws of their operation, for personal or material gain, either for himself or others. Such practices, even in the name of religion, lead to spiritual suicide.

'Tính vị tha của động cơ. Chỉ có nguy hiểm cho người tìm kiếm và sử dụng các mãnh lực và trí tuệ siêu thể xác, cùng với các định luật về sự vận hành của chúng, vì lợi ích cá nhân hoặc vật chất, cho bản thân hoặc người khác. Những hành vi như vậy, ngay cả nhân danh tôn giáo, dẫn đến sự tự sát tinh thần.

'*Purity of life.* All the forces, physical, emotional, mental and spiritual are stimulated by contact with the Gods. The grosser passions and more sensual desires must, therefore, have been in large measure transcended before such stimulation can be safely and usefully experienced.

'Sự thanh tịnh của cuộc sống. Tất cả các mãnh lực, thể xác, cảm xúc, trí tuệ và tinh thần đều được kích thích bởi sự tiếp xúc với Các Thượng đế. Do đó, những đam mê thô thiển hơn và những ham muốn nhục dục hơn phải được siêu việt ở mức độ lớn trước khi sự kích thích như vậy có thể được trải nghiệm một cách an toàn và hữu ích.

'*The mind must be reasonably controlled.* The evocation and direction of thought-power, and through it of other natural energies, demands a well-controlled, stable mind. The fire and the force emanating from the high Gods, their complete other-worldliness and transcendence of ordinary human moral standards, their universality of consciousness and complete impersonality, whilst of the highest value to those who can meet and supplement them with corresponding devel-

'Thể trí phải được kiểm soát hợp lý. Việc gợi lên và điều khiển năng lực tư duy, và thông qua đó là các năng lượng tự nhiên khác, đòi hỏi một thể trí ổn định, được kiểm soát tốt. Ngọn lửa và mãnh lực phát ra từ Các Thượng đế cao cả, sự siêu việt thế giới khác hoàn toàn và sự vượt lên trên các tiêu chuẩn đạo đức thông thường của con người, tính phổ quát của tâm thức và tính phi cá nhân hoàn toàn của Các Ngài, mặc dù có giá trị cao nhất đối với những người có thể đáp ứng và bổ sung cho Các Ngài bằng sự

opment, constitute a danger to those of weak and unstable mind.

phát triển tương ứng, nhưng lại gây nguy hiểm cho những người có thể trí yếu và không ổn định.

‘Knowledge of the purpose of existence and of the plan whereby it is fulfilled is essential as a safeguard against error. All work which is founded upon that knowledge, is impersonal and is in accordance with the plan, is right. All work which is based on ignorance, is personal and is contrary to the plan, is wrong.

‘Kiến thức về mục đích của sự tồn tại và về thiên cơ mà nhờ đó nó được hoàn thành là điều cần thiết như một biện pháp bảo vệ chống lại sai lầm. Tất cả công việc được xây dựng dựa trên kiến thức đó, là phi cá nhân và phù hợp với thiên cơ, đều đúng. Tất cả công việc dựa trên sự thiếu hiểu biết, mang tính cá nhân và trái với thiên cơ, đều sai.

‘Vision of the Unity of Life and an intuitive perception of the root cause and cure of human ills is essential.

‘Tầm nhìn về Sự Hợp Nhất của Sự Sống và một nhận thức trực quan về nguyên nhân gốc rễ và cách chữa trị những căn bệnh của con người là điều cần thiết.

‘A developed will, by which the forces and bodies of the human agent are controlled. The Gods can be invoked, powers of Nature evoked, and the whole put into operation with resistless power by a man of strong will.

‘Một ý chí phát triển, nhờ đó các mãnh lực và các thể của tác nhân con người được kiểm soát. Các Thượng đế có thể được khẩn cầu, các quyền năng của Tự Nhiên được gợi lên và toàn bộ được đưa vào vận hành với một quyền năng không thể cưỡng lại bởi một người có ý chí mạnh mẽ.

‘Last, a dedication of the whole nature to the service of the world and a surrender of the will to the One Will constitute a final safeguard as well as an essential to success.

‘Cuối cùng, sự hiến dâng toàn bộ bản chất cho sự phụng sự thế giới và sự đầu hàng ý chí trước Ý Chí Duy Nhất tạo thành một sự bảo vệ cuối cùng cũng như một điều cần thiết để thành công.

‘Severe and difficult as these requirements may seem, their development is well within the power of man. The path which leads to it has been trodden since the earliest days of human life on earth. Large numbers of ardent souls have trodden it to the end, which is Adeptship, today essay its steep ascent, whilst in the stimulus of the present age, many press forward to its approach, open to all in whom the spirit of service is awake.

‘Mặc dù những yêu cầu này có vẻ nghiêm khắc và khó khăn, nhưng sự phát triển của chúng nằm trong khả năng của con người. Con đường dẫn đến nó đã được đi từ những ngày đầu tiên của cuộc sống con người trên trái đất. Một số lượng lớn các linh hồn nhiệt thành đã đi đến cuối con đường đó, đó là Địa vị Chân sư, ngày nay đang cố gắng leo lên dốc cao của nó, trong khi trong sự kích thích của thời đại hiện tại, nhiều người đang tiến lên để tiếp cận nó, mở ra cho tất cả những người có tinh thần phụng sự đang thức tỉnh.

‘The Elder Brothers of the human race hold out Their hands. The Gods stand ready to assist. The way is open. Ascend!’

‘Các Huynh Trưởng của nhân loại giơ tay ra. Các Thượng đế sẵn sàng hỗ trợ. Con đường đã mở. Hãy đi lên!’

The Theosophist, Vol. 54, October 1933, Part 2, p. 460-466

The Theosophist, Tập 54, tháng 10 năm 1933, Phần 2, tr. 460-466

130

Nature and the Gods [3]—*Bản chất và Các Thiên thần [3]*

On Beauty

Về Cái Đẹp

Concering beauty, the God spoke thus:

Liên quan đến cái đẹp, Thượng đế đã phán như sau:

‘Beauty is creative power harmoniously expressed. Beauty is truth portrayed. Beauty is creative will in action. Beauty is the first external manifestation of creative will.

‘Cái đẹp là quyền năng sáng tạo được thể hiện một cách hài hòa. Cái đẹp là chân lý được khắc họa. Cái đẹp là ý chí sáng tạo trong hành động. Cái đẹp là biểu hiện bên ngoài đầu tiên của ý chí sáng tạo.

‘As the creative word is uttered, beauty appears. Beauty is inherent in divine creative power, accompanies it from the inmost source to the outermost expression. Beauty therefore, is indwelling throughout all creation; it pervades all matter, shapes all form. Even the atom displays the beauty inherent in the creative will; so also the crystal and the cell; through all their infinite varieties, beauty shines.

‘Khi linh từ sáng tạo được thốt ra, cái đẹp xuất hiện. Cái đẹp vốn có trong quyền năng sáng tạo thiêng liêng, đi kèm với nó từ nguồn sâu kín nhất đến biểu hiện bên ngoài nhất. Do đó, cái đẹp tồn tại xuyên suốt tất cả sự sáng tạo; nó thấm nhuần tất cả vật chất, định hình tất cả hình tướng. Ngay cả nguyên tử cũng hiển thị vẻ đẹp vốn có trong ý chí sáng tạo; vì vậy, cả tinh thể và tế bào; thông qua tất cả các biến thể vô tận của chúng, vẻ đẹp tỏa sáng.

‘Amid all natural diversity beauty abides, uniting all. Yet beauty consists not of the form, even though the form appears to display it. Beauty is in the creative will of That which brings all form into being, is present both in the form and in him who gazes thereupon. If it were not that beauty existed everywhere in all things and in all beings, beauty would nowhere be seen.

‘Giữa tất cả sự đa dạng tự nhiên, vẻ đẹp vẫn tồn tại, hợp nhất tất cả. Tuy nhiên, vẻ đẹp không bao gồm hình tướng, mặc dù hình tướng dường như hiển thị nó. Vẻ đẹp nằm trong ý chí sáng tạo của Đấng mang tất cả hình tướng vào sự tồn tại, hiện diện cả trong hình tướng và trong người chiêm ngưỡng nó. Nếu không phải là vẻ đẹp tồn tại ở khắp mọi nơi trong mọi thứ và trong mọi chúng sinh, thì vẻ đẹp sẽ không được nhìn thấy ở đâu cả.

‘He who succumbs to sensuousness, debasing

‘Người khuất phục trước sự dâm dục, làm suy

his creative life, blinds himself to beauty. Creative power debased is the opposite extreme, the negative pole, creative will, pure at its source. In the one dwells beauty's Self, in the other, beauty's opposite, the shame of ugliness. Self-debased, self-blinded, the sensualist exiles himself from his own land, the name of which is beauty. The immortal self of man, incapable of sin, dwells ever in that land, the realm of beauty wherein the creative will cannot be debased. The eternal man himself is beautiful, shining, splendid, his life a radiance, many hued. Creative Will, pure love, divine intelligence abide in him, each in itself supremely beautiful; all blended in their immortal vehicle shed immortal beauty on their world.

đổi cuộc sống sáng tạo của mình, sẽ tự làm mù quáng mình trước cái đẹp. Quyền năng sáng tạo bị suy đồi là cực đối lập, cực âm, ý chí sáng tạo, thuần khiết tại nguồn của nó. Trong cái này là Bản Thể của vẻ đẹp, trong cái kia, là điều ngược lại với vẻ đẹp, sự xấu hổ của sự xấu xí. Tự hạ thấp, tự làm mù quáng, người dâm dục tự đày ải mình khỏi vùng đất của chính mình, tên của vùng đất đó là vẻ đẹp. Bản thể bất tử của con người, không có khả năng phạm tội, luôn ngự trị trong vùng đất đó, vương quốc của vẻ đẹp, nơi ý chí sáng tạo không thể bị suy đồi. Chính con người vĩnh cửu là xinh đẹp, rạng rỡ, lộng lẫy, cuộc sống của y là một sự rạng rỡ, nhiều màu sắc. Ý Chí Sáng Tạo, tình thương thuần khiết, trí tuệ thiêng liêng ngự trị trong y, mỗi thứ tự bản thân nó đều vô cùng xinh đẹp; tất cả hòa quyện trong vận cụ bất tử của chúng tỏa ra vẻ đẹp bất tử trên thế giới của chúng.

'As man calls forth his inner spiritual will, shafts of power, radiant, fiery yet white because unstained and unstainable, flash forth tipped with pure translucent blue. Thus armed, man is indeed a God of power, destined to become invincible, omnipotent, a spiritual king reigning in beauty over his universe'. Love, too, shines forth in beauty from the immortal man on every side. In its expression, his immortal vehicle resembles a golden heart surrounded by a rosy radiance, pulsing as love-power flows through.

'Khi con người kêu gọi ý chí tinh thần nội tại của mình, những trục quyền năng, rạng rỡ, rực lửa nhưng lại trắng vì không bị vấy bẩn và không thể vấy bẩn, lóe lên với đầu nhọn màu xanh lam trong suốt thuần khiết. Được trang bị như vậy, con người thực sự là một Thượng đế của quyền năng, được định sẵn để trở nên bất khả chiến bại, toàn năng, một vị vua tinh thần trị vì trong vẻ đẹp trên vũ trụ của mình'. Tình thương, cũng tỏa sáng trong vẻ đẹp từ con người bất tử trên mọi phương diện. Trong sự thể hiện của nó, vận cụ bất tử của y giống như một trái tim vàng được bao quanh bởi một sự rạng rỡ màu hồng, rung động khi quyền năng tình thương chảy qua.

'In illumination the immortal self of man shines forth in beauty, many hued, his consciousness a prism dividing the one white light of truth into its seven hues. Each truth perceived shines out in the immortal vehicle in its appropriate and symbolic light.

'Trong sự soi sáng, bản thể bất tử của con người tỏa sáng trong vẻ đẹp, nhiều màu sắc, tâm thức của y là một lăng kính phân chia ánh sáng trắng duy nhất của chân lý thành bảy sắc thái của nó. Mỗi chân lý được nhận thức đều tỏa sáng trong vận cụ bất tử trong ánh sáng thích hợp và mang tính biểu tượng của nó.

‘Thus throughout man’s triple Self, the light of beauty shines. His task, the purpose of his becoming, is to make manifest in stainless purity, creative will; in selfless love, divine affection; and in poised and mastered mind, divine intelligence. Of his success in this task, beauty of creative life, love and thought, remains an unfailing test. Of his progress as a God, the beauty of his life is an unerring sign.

‘Như vậy, xuyên suốt Tam Ngã của con người, ánh sáng của vẻ đẹp tỏa sáng. Nhiệm vụ của y, mục đích trở thành của y, là làm cho ý chí sáng tạo biểu hiện trong sự thuần khiết không tì vết; trong tình thương vô vị kỷ, tình cảm thiêng liêng; và trong thể trí điềm tĩnh và làm chủ, trí tuệ thiêng liêng. Về sự thành công của y trong nhiệm vụ này, vẻ đẹp của cuộc sống sáng tạo, tình thương và tư tưởng, vẫn là một bài kiểm tra không hề sai sót. Về sự tiến bộ của y như một Thượng đế, vẻ đẹp của cuộc sống của y là một dấu hiệu không thể sai lầm.

‘Beauty, therefore, is man’s goal, that which each man must ultimately achieve. So also must the race, each nation making manifest a facet of the diamond truth. Thereafter, each must recognize and reverence the beauty of the other and, recognizing, blend therewith, that the many may rebecome the one. Beauty, therefore, must be the standard for Presidents and Kings, beauty their ideal, beauty the test of their worthiness to rule. So also statesmen, educators, priests, directors of activity and those in their employ; all must recognize that beauty is the goal of life; that without it, life fails, harmony is broken, happiness disappears and progress is delayed. Homes, schools, churches, workshops and assembly halls, streets, cities, nations, through all these beauty must shine. In them a pure beauty must be enshrined, simple, dignified and portraying truth as all true beauty must.

‘Do đó, vẻ đẹp là mục tiêu của con người, là điều mà mỗi người cuối cùng phải đạt được. Vì vậy, chủng tộc cũng phải vậy, mỗi quốc gia thể hiện một khía cạnh của chân lý kim cương. Sau đó, mỗi người phải nhận ra và tôn kính vẻ đẹp của người kia và, khi nhận ra, hòa trộn với nó, để nhiều người có thể trở lại thành một. Do đó, vẻ đẹp phải là tiêu chuẩn cho các Tổng thống và các vị Vua, vẻ đẹp là lý tưởng của họ, vẻ đẹp là bài kiểm tra về sự xứng đáng của họ để cai trị. Vì vậy, các chính khách, nhà giáo dục, linh mục, giám đốc hoạt động và những người làm công cho họ; tất cả phải nhận ra rằng vẻ đẹp là mục tiêu của cuộc sống; rằng nếu không có nó, cuộc sống thất bại, sự hài hòa bị phá vỡ, hạnh phúc biến mất và sự tiến bộ bị trì hoãn. Nhà cửa, trường học, nhà thờ, xưởng và hội trường, đường phố, thành phố, quốc gia, xuyên suốt tất cả những điều này, vẻ đẹp phải tỏa sáng. Trong đó, một vẻ đẹp thuần khiết phải được trân trọng, đơn giản, trang nghiêm và khắc họa chân lý như tất cả vẻ đẹp đích thực phải có.

‘All men must achieve the power to portray the beautiful. Artists must remain no more a class unto themselves, There is an artist hidden deep in every man, the very nature of his being is beautiful, the source of his existence is beauty’s Self. The true purpose of the educator and the priest is to help the pupil

‘Tất cả mọi người phải đạt được quyền năng để khắc họa cái đẹp. Các nghệ sĩ không còn phải là một tầng lớp riêng biệt nữa, Có một nghệ sĩ ẩn sâu trong mỗi người, bản chất thực sự của sự tồn tại của y là xinh đẹp, nguồn gốc sự tồn tại của y là Bản Thể của vẻ đẹp. Mục đích thực sự của nhà giáo dục và linh mục là giúp học

and the devotee to discover, release and portray the inherent beauty in Nature and himself. The physicians' task is to cure ugliness, beauty's opposite, the hidden cause of all disease. That cause lies in misdirected will or love or intellect. In the correction of these errors, beauty is the sovereign remedy. The physician's office, therefore, combines that of the artist, the educator and the priest, with that of ruler and director, a noble calling, the highest that man may fulfil.

'Acceptance of these truths, recognition of beauty as a standard of success in every walk of life, will lead man unfailingly into the Golden Age of happiness and peace'.

The Theosophist, Vol. 54, 1933, Part 2, p. 586

sinh và người mộ đạo khám phá, giải phóng và khắc họa vẻ đẹp vốn có trong Tự Nhiên và chính bản thân y. Nhiệm vụ của các thầy thuốc là chữa trị sự xấu xí, điều ngược lại với vẻ đẹp, nguyên nhân tiềm ẩn của mọi bệnh tật. Nguyên nhân đó nằm trong ý chí, tình thương hoặc trí tuệ bị điều khiển sai lệch. Trong việc điều chỉnh những sai lầm này, vẻ đẹp là phương thuốc tối thượng. Do đó, văn phòng của thầy thuốc kết hợp văn phòng của nghệ sĩ, nhà giáo dục và linh mục, với văn phòng của người cai trị và giám đốc, một nghề cao quý, cao nhất mà con người có thể hoàn thành.

'Việc chấp nhận những chân lý này, sự công nhận vẻ đẹp như một tiêu chuẩn thành công trong mọi tầng lớp xã hội, sẽ dẫn dắt con người một cách chắc chắn vào Thời Đại Hoàng Kim của hạnh phúc và hòa bình'.

The Theosophist, Tập 54, 1933, Phần 2, tr. 586

131

Mind Radio [I]—*Đài Phát Thanh Thể Trí [I]*

Co-Operation Between Angels and Men

(Mr Hodson is Director of Thought Projection Groups for The Theosophical Society in New Zealand.)

This article is written with a deep sense of responsibility; for information selected from Theosophical literature, by means of which spiritual power may be tapped and potent influences radiated upon the world, is herein offered. Such power may be used both for evil and for good, and it is necessary to point out that all selfish use of spiritual power is evil. All exercise of spiritual and psychical influence for personal gratification and advantage is Satanic. Readers of this article are therefore

Sự Hợp Tác Giữa Các Thiên Thần và Con Người

(Ông Hodson là Giám đốc của Các Nhóm Phóng Chiếu Tư Tưởng cho Hội Thông Thiên Học ở New Zealand.)

Bài viết này được viết với một ý thức sâu sắc về trách nhiệm; vì thông tin được chọn lọc từ văn học Thông Thiên Học, bằng phương tiện mà quyền năng tinh thần có thể được khai thác và những ảnh hưởng mạnh mẽ có thể được lan tỏa trên thế giới, được cung cấp ở đây. Quyền năng như vậy có thể được sử dụng cho cả điều ác và điều thiện, và cần phải chỉ ra rằng mọi việc sử dụng quyền năng tinh thần một cách ích kỷ đều là xấu xa. Mọi việc thực hành ảnh hưởng tinh thần và tâm linh để thỏa mãn và

solemnly warned against the misuse of the information it provides. Nothing but disaster to themselves and those affected by them can come from such misuse.

có lợi cho cá nhân đều là Satan. Do đó, độc giả của bài viết này được cảnh báo một cách long trọng chống lại việc lạm dụng thông tin mà nó cung cấp. Không gì ngoài thảm họa cho chính họ và những người bị ảnh hưởng bởi họ có thể đến từ sự lạm dụng như vậy.

Occult work for the welfare of all without thought of return or reward is white magic. It brings untold blessings to the world as well as to those by whom it is intelligently performed. Occult activity for material self-benefit, with the deliberately chosen motive of personal advantage, is black magic. Untold misery inevitably follows its practice. May those who read on not only remember this warning but be inspired to apply these teachings of Theosophy impersonally and dispassionately to work for the welfare of the Race.

Công việc huyền bí vì phúc lợi của tất cả mọi người mà không cần suy nghĩ về sự trả ơn hoặc phần thưởng là chánh thuật. Nó mang lại vô số phước lành cho thế giới cũng như cho những người thực hiện nó một cách thông minh. Hoạt động huyền bí vì lợi ích bản thân về vật chất, với động cơ được lựa chọn một cách có chủ ý là lợi thế cá nhân, là hắc thuật. Vô số đau khổ chắc chắn sẽ xảy ra sau khi thực hành nó. Mong rằng những người đọc tiếp không chỉ ghi nhớ lời cảnh báo này mà còn được truyền cảm hứng để áp dụng những giáo lý của Thông Thiên Học này một cách vô tư và khách quan để làm việc vì phúc lợi của Nhân Loại.

The mind and brain of man are powerful mental 'radio-stations'. Thought moulds not only the character of the thinker but also that of all recipients of his mental broadcasts. The mental impress produced by man upon fellow man helps to form national characteristics, and influences both human destiny and the progress of civilization. So intimate and unceasing is this psychical interaction that, the unity of life apart, none can wholly dissociate himself from responsibility for the widespread ugliness, cruelty and crime which are the curse of this planet. For these are the product of ugly, cruel and criminal thoughts.

Thể trí và bộ não của con người là những 'đài phát thanh' trí tuệ mạnh mẽ. Tư tưởng không chỉ định hình tính cách của người suy nghĩ mà còn cả tính cách của tất cả những người nhận được các chương trình phát sóng trí tuệ của y. Ấn tượng trí tuệ do con người tạo ra đối với đồng loại giúp hình thành các đặc điểm quốc gia và ảnh hưởng đến cả vận mệnh của con người và sự tiến bộ của nền văn minh. Sự tương tác tâm linh này rất mật thiết và không ngừng đến nỗi, ngoài sự hợp nhất của sự sống, không ai có thể hoàn toàn tách mình khỏi trách nhiệm đối với sự xấu xí, tàn ác và tội ác lan rộng vốn là lời nguyền của hành tinh này. Vì đây là sản phẩm của những tư tưởng xấu xí, tàn ác và tội ác.

The power of individuals mentally to influence the thought, character and conduct of others increases by geometrical progression, we are taught, when they think together in groups. The enormous potenti-

Chúng ta được dạy rằng quyền năng của các cá nhân về mặt trí tuệ để gây ảnh hưởng đến tư tưởng, tính cách và hành vi của người khác tăng lên theo cấp số nhân, khi họ cùng nhau suy nghĩ trong các nhóm. Tiềm năng to lớn

ality for good of groups of dedicated and trained servants of the race who deliberately use their thought power for beneficent purposes at once becomes obvious. Organized efforts for these purposes could lead to the establishment of numerous extremely potent mind 'radio stations' or groups of trained thinkers. Mental work of incalculable value could be performed by such groups.

cho điều tốt đẹp của các nhóm người phụng sự tận tâm và được đào tạo của nhân loại, những người cố ý sử dụng năng lực tư duy của họ cho các mục đích nhân từ, ngay lập tức trở nên rõ ràng. Những nỗ lực có tổ chức cho những mục đích này có thể dẫn đến việc thành lập nhiều 'đài phát thanh' trí tuệ cực kỳ mạnh mẽ hoặc các nhóm nhà tư tưởng được đào tạo. Công việc trí tuệ có giá trị không thể tính toán được có thể được thực hiện bởi các nhóm như vậy.

Certain basic principles governing success in such work at once suggest themselves to the students of Theosophy. Unity of purpose must be presumed to be of supreme importance, whilst the existence and maintenance of perfect harmony between the members of such groups is essential. Discord, it is easy to perceive, would tend to be accentuated by the play of forces which such groups would generate and evoke. Unity of method must also be important, and some general standard and system would need to be agreed upon. From this it would seem that a certain directive control and a careful choice of both leaders and members of groups are essentials.

Một số nguyên tắc cơ bản chi phối sự thành công trong công việc như vậy ngay lập tức gợi ý cho các đạo sinh Thông Thiên Học. Sự thống nhất về mục đích phải được coi là cực kỳ quan trọng, trong khi sự tồn tại và duy trì sự hài hòa hoàn hảo giữa các thành viên của các nhóm như vậy là điều cần thiết. Sự bất hòa, rất dễ nhận thấy, sẽ có xu hướng được nhấn mạnh bởi sự tác động của các mãnh lực mà các nhóm như vậy sẽ tạo ra và gợi lên. Sự thống nhất về phương pháp cũng phải quan trọng và một số tiêu chuẩn và hệ thống chung cần phải được thống nhất. Từ điều này, có vẻ như một sự kiểm soát chỉ đạo nhất định và một sự lựa chọn cẩn thận cả người lãnh đạo và thành viên của các nhóm là điều cần thiết.

Thoughts to be projected must in their turn be selected with care. Unquestionable and unchanging truths alone may safely be broadcast. For every truth has behind and within it its own spiritual force. Each philosophic verity is a power as well as a mental concept. When such a truth is conceived and affirmed, a measure of its power is contacted and released. Thought upon a truth taps the power of that truth. Thought projection by affirmation and verbal expression liberates that power. Ideas selected for projection must therefore subscribe to at least four fundamental rules. They must be basically true, impersonally conceived and projected, non-compulsive (being sent out as

Đổi lại, những tư tưởng cần được phóng chiếu phải được lựa chọn cẩn thận. Chỉ những chân lý không thể nghi ngờ và bất biến mới có thể được truyền bá một cách an toàn. Vì mọi chân lý đều có mãnh lực tinh thần riêng ở đằng sau và bên trong nó. Mỗi chân lý triết học là một quyền năng cũng như một khái niệm trí tuệ. Khi một chân lý như vậy được hình thành và khẳng định, một phần quyền năng của nó được tiếp xúc và giải phóng. Tư tưởng về một chân lý khai thác quyền năng của chân lý đó. Sự phóng chiếu tư tưởng bằng cách khẳng định và diễn đạt bằng lời nói giải phóng quyền năng đó. Do đó, những ý tưởng được chọn để phóng chiếu phải tuân theo ít nhất bốn quy tắc cơ bản. Về cơ bản, chúng phải đúng, được hình

offerings only), and wholly beneficent in their influence. In addition, to produce the maximum effect, they must be conceived and affirmed with complete clarity.

thành và phóng chiếu một cách vô ngã, không mang tính cưỡng bức (chỉ được gửi đi như những lời hiến dâng) và hoàn toàn có lợi trong ảnh hưởng của chúng. Ngoài ra, để tạo ra hiệu quả tối đa, chúng phải được hình thành và khẳng định với sự rõ ràng hoàn toàn.

The responsibility of leaders and members of mind-radio stations' would be as incalculably great as is the potential effect of their work. Members of thought projection groups should therefore be spiritually minded people, moved solely by a sincere aspiration to serve. They must be capable of impersonal effort in which they have no leading part, being ready, once a trusted leader has been appointed, completely to subordinate the Personality. They must also be capable of sustained concentration, clear thought and powerful mental affirmation.

Trách nhiệm của những người lãnh đạo và thành viên của các "trạm phát thanh thể trí" sẽ lớn khôn lường như hiệu quả tiềm tàng trong công việc của họ. Do đó, các thành viên của các nhóm phóng chiếu tư tưởng nên là những người có tâm thức tinh thần, chỉ được thúc đẩy bởi một khát vọng chân thành để phụng sự. Họ phải có khả năng nỗ lực vô ngã, trong đó họ không đóng vai trò lãnh đạo, sẵn sàng hoàn toàn phục tùng phàm ngã một khi một người lãnh đạo đáng tin cậy đã được chỉ định. Họ cũng phải có khả năng tập trung bền bỉ, tư tưởng rõ ràng và khẳng định trí tuệ mạnh mẽ.

Members of such groups must in addition not be mediumistic. Undue negativity and passivity of personality renders an individual quite unsuitable for this kind of work. The seeing of visions during supposed meditation, response to presences, desires to describe them and a general concern with personal psychism are inadvisable in members of groups organized solely for positive and impersonal activity. Such attributes would introduce into a group influences which would reduce its efficiency as an agency for the projection of truth into the world-mind. Members must also be able to meet regularly and consistently for group work; and last, they must be able to maintain silence, since such work loses power when indiscriminately discussed.

Ngoài ra, các thành viên của các nhóm như vậy không được là đồng tử. Sự tiêu cực và thụ động quá mức của phàm ngã khiến một cá nhân hoàn toàn không phù hợp với loại công việc này. Việc nhìn thấy các khải tượng trong quá trình tham thiền được cho là, đáp ứng với sự hiện diện, mong muốn mô tả chúng và mối quan tâm chung với thông linh cá nhân là không nên ở các thành viên của các nhóm được tổ chức chỉ cho hoạt động tích cực và vô ngã. Những thuộc tính như vậy sẽ đưa vào một nhóm những ảnh hưởng làm giảm hiệu quả của nó như một cơ quan để phóng chiếu chân lý vào thế giới thể trí. Các thành viên cũng phải có khả năng gặp gỡ thường xuyên và nhất quán để làm việc nhóm; và cuối cùng, họ phải có khả năng giữ im lặng, vì công việc như vậy sẽ mất đi quyền năng khi được thảo luận bừa bãi.

Are these ideal qualifications impossibly high? Not so, for man himself is both a spiritual being and eternally at one with the

Liệu những phẩm chất lý tưởng này có cao đến mức bất khả thi không? Không hẳn vậy, vì bản thân con người vừa là một hữu thể tinh thần

Divine Power of the Universe. The inner Monadic Centre of man, the *Atma,* is the source of his power. And that *Atma* is one with the *Paramatma.* Deepening realization of this truth of truths, attained by study and regular daily meditation, bestows the desired characteristics. In addition, five great Theosophical books are advised for study: *Man: Visible and Invisible; Thought Forms; Thought Power: Its Control and Culture; An Introduction to Yoga;* and *A Study in Consciousness.*

vừa vĩnh cửu hợp nhất với Quyền Năng Thiêng Liêng của Vũ Trụ. Trung Tâm Chân Thần nội tại của con người, Atma, là nguồn quyền năng của y. Và Atma đó là một với Paramatma. Việc đào sâu nhận thức về chân lý của các chân lý này, đạt được bằng cách học tập và tham thiền hàng ngày thường xuyên, sẽ ban cho những đặc điểm mong muốn. Ngoài ra, năm cuốn sách Thông Thiên Học vĩ đại được khuyên nên nghiên cứu: Con Người: Hữu Hình và Vô Hình; Hình Tư Tưởng; Quyền Năng Tư Tưởng: Kiểm Soát và Bồi Dưỡng Nó; Giới Thiệu về Yoga; và Nghiên Cứu về Tâm Thức.

Theosophy in Australia, Vol. 34, Issue 10, October 1946, p. 226

Theosophy in Australia, Tập. [34], Số [10], tháng [10] năm [1946], tr. [226]



Thiên thần Cornwall Park



Một Thiên Thần Chữa Lành

132

Mind Radio [2]—*Đài Thể Trí*

The Angelic Hosts: Conscious communion and co-operation by man with the Angelic Hosts is said to be one of the characteristics of that arc of the Fifth Race cycle upon which that Race is now entering. This aspect of the subject of thought-projection must therefore now be considered. Again, a warning must be given. Two dangers exist. One is that faith in and attempted co-operation with the Angels could degenerate into mere superstition and self-deceit. Against this the would-be occultist must ever be on guard. He must above all things be a realist with a severely practical, logical mind, and both feet firmly planted on the ground.

Các Thiên Thần Đoàn: Sự giao tiếp và hợp tác có ý thức của con người với Các Thiên Thần Đoàn được cho là một trong những đặc điểm của vòng cung của chu kỳ Chủng Dân Thứ Năm mà Chủng Dân đó hiện đang bước vào. Do đó, khía cạnh này của chủ đề phóng chiếu tư tưởng phải được xem xét. Một lần nữa, một lời cảnh báo phải được đưa ra. Có hai mối nguy hiểm tồn tại. Một là niềm tin vào và nỗ lực hợp tác với Các Thiên Thần có thể thoái hóa thành mê tín dị đoan và tự lừa dối đơn thuần. Nhà huyền bí học đầy tham vọng phải luôn cảnh giác với điều này. Trên hết, y phải là một người theo chủ nghĩa hiện thực với một thể trí logic, thực tế nghiêm túc và cả hai chân đều đứng vững trên mặt đất.

The other danger is that heightened mental power and glimpses of the co-operating Intelligences could provide the illusion of the receipt of personal favours and lead to the curse of pride. Perpetually preserved impersonality and deep humility are the safeguards against this danger.

Mối nguy hiểm khác là quyền năng trí tuệ được nâng cao và những thoáng nhìn về Trí Tuệ hợp tác có thể mang lại ảo tưởng về việc nhận được những ân huệ cá nhân và dẫn đến lời nguyền của sự kiêu hãnh. Sự vô ngã được bảo tồn vĩnh viễn và sự khiêm nhường sâu sắc là những biện pháp bảo vệ chống lại mối nguy hiểm này.

The two essentials in effective co-operation with the Intelligences associated with natural forces are: first, the successful evocation and direction of power, and second, complete impersonality and universality of mind. This latter is absolutely necessaiy to bring man into full rapport with the Angelic Hosts who are the embodiment of impersonality. Man's strong sense of separated Individuality, *Ahamkara,* is almost wholly absent from angelic consciousness. Only when man universalizes himself, therefore, can he fully attune himself with the Kingdom of the Gods.

Hai điều thiết yếu trong sự hợp tác hiệu quả với Trí Tuệ liên kết với các mãnh lực tự nhiên là: thứ nhất, sự gợi lên và định hướng quyền năng thành công, và thứ hai, sự vô ngã và tính phổ quát hoàn toàn của thể trí. Điều thứ hai này là hoàn toàn cần thiết để đưa con người vào mối tương giao đầy đủ với Các Thiên Thần Đoàn, vốn là hiện thân của sự vô ngã. Ý thức mạnh mẽ của con người về Tính Cá Thể tách biệt, Ahamkara, gần như hoàn toàn không có trong tâm thức thiên thần. Do đó, chỉ khi con người phổ quát hóa bản thân, y mới có thể hoàn toàn hòa hợp với Vương Quốc của Các Thượng đế.

Angels are associated with the Power, Light and Life aspects of Nature. When, from the Universal Source, Power is evoked, generated,

Các thiên thần được liên kết với các khía cạnh Quyền Năng, Ánh Sáng và Sự Sống của Tự Nhiên. Khi, từ Nguồn Phổ Quát, Quyền Năng

focussed by man's mind into a stream and then impersonally and accurately directed into a chosen field, the Angelic Hosts are provided with suitable conditions for their natural activities. One of these is to conserve, direct and employ as a 'tool' the energy of Cosmic Electricity or *Fohat.* This power can be tapped and released at spiritual (*Atmic*), mental (*Manasic*) and psychical (Mento-Astral) levels or frequencies of oscillation. The will and mind of man conjoined, as in thought projection, both direct this *Fohatic* energy into chosen fields and impress it with a mental characteristic. As it rushes forth on its mission, it must be carefully conserved and accurately directed if medium effectiveness is to be achieved. Clarity of thought and keenness of concentration in the human operators are therefore essential to success.

được gợi lên, tạo ra, tập trung bởi thể trí của con người thành một dòng và sau đó được định hướng một cách vô ngã và chính xác vào một lĩnh vực đã chọn, Các Thiên Thần Đoàn được cung cấp các điều kiện phù hợp cho các hoạt động tự nhiên của Các Ngài. Một trong số đó là bảo tồn, chỉ đạo và sử dụng năng lượng Điện Vũ Trụ hoặc Fohat như một 'công cụ'. Quyền năng này có thể được khai thác và giải phóng ở các cấp độ hoặc tần số dao động tinh thần (Atma), trí tuệ (Manas) và tâm linh (Trí-Cảm). Ý chí và thể trí của con người kết hợp, như trong phóng chiếu tư tưởng, vừa hướng năng lượng Fohatic này vào các lĩnh vực đã chọn vừa gây ấn tượng cho nó bằng một đặc điểm trí tuệ. Khi nó lao về phía trước trong nhiệm vụ của mình, nó phải được bảo tồn cẩn thận và được định hướng chính xác nếu muốn đạt được hiệu quả trung bình. Do đó, sự rõ ràng trong tư tưởng và sự tập trung cao độ ở những người điều hành là điều cần thiết để thành công.

The Angels, if their co-operation can be obtained, associate themselves intimately with this focussed stream of energy, conserving it against loss in transit and rapid dissipation on arrival and then applying it with maximum effectiveness. Rightly directed the work of thought projection groups supply the essentials of effective co-operation between Angels and men.

Các Thiên Thần, nếu có thể có được sự hợp tác của Các Ngài, sẽ liên kết mật thiết với dòng năng lượng tập trung này, bảo tồn nó để tránh thất thoát trong quá trình vận chuyển và tiêu tan nhanh chóng khi đến nơi, sau đó áp dụng nó với hiệu quả tối đa. Được định hướng đúng đắn, công việc của các nhóm phóng chiếu tư tưởng cung cấp những điều cần thiết cho sự hợp tác hiệu quả giữa Các Thiên Thần và con người.

For the past two years, in the New Zealand Section of The Theosophical Society, nine groups comprising about one hundred F.T.S. [Fellows of the Theosophical Society] have been practising thought projection in co-operation with the Angelic Hosts. Members of these groups meet regularly at least once a week. Directed by a competent leader, they seek to blend their individualities into a group consciousness. They try to become one living

Trong hai năm qua, tại Phân Khu New Zealand của Hội Thông Thiên Học, chín nhóm bao gồm khoảng một trăm F.T.S. [Hội Viên của Hội Thông Thiên Học] đã thực hành phóng chiếu tư tưởng với sự hợp tác của Các Thiên Thần Đoàn. Các thành viên của các nhóm này gặp gỡ thường xuyên ít nhất mỗi tuần một lần. Dưới sự chỉ đạo của một người lãnh đạo có năng lực, họ tìm cách hòa trộn các cá tính của mình vào một tâm thức nhóm. Họ cố gắng trở thành một

organism, temporarily at least over-riding the illusion of separateness. They then raise the group consciousness through the Astral and Mental levels to such heights of Egoic awareness and sources of power as by practice they can reach. The group then meditates on and realizes certain basic truths. Finally, invoking the co-operation of the Angelic Hosts and using the whole of their will power, each member affirms to the world-mind successively the four chosen truths.

sinh vật sống, ít nhất là tạm thời vượt qua ảo tưởng về sự tách biệt. Sau đó, họ nâng cao tâm thức nhóm thông qua các cấp độ Cảm Dục và Trí Tuệ lên đến những tầm cao nhận thức Chân Ngã và các nguồn quyền năng mà họ có thể đạt được bằng cách thực hành. Sau đó, nhóm tham thiền và nhận ra một số chân lý cơ bản. Cuối cùng, khẩn cầu sự hợp tác của Các Thiên Thần Đoàn và sử dụng toàn bộ ý chí của mình, mỗi thành viên lần lượt khẳng định với thế giới thể trí bốn chân lý đã chọn.

Every three or four months, changes are made in these selected truths, and all the groups are affirming the same truths during each period. A united Dominion effort is thus maintained.

Cứ ba hoặc bốn tháng một lần, những thay đổi được thực hiện đối với những chân lý đã chọn này và tất cả các nhóm đều khẳng định những chân lý giống nhau trong mỗi giai đoạn. Do đó, một nỗ lực thống nhất của Lãnh Thổ được duy trì.

Truths meditated upon and affirmed for a period of perhaps three months at a time during the past two years have been:

Những chân lý được tham thiền và khẳng định trong khoảng thời gian có lẽ ba tháng một lần trong hai năm qua là:

“The life in all beings is one life.

“Sự sống trong mọi hữu thể là một sự sống.

The brotherhood of man is a fact in nature.

Tình huynh đệ của con người là một thực tế trong tự nhiên.

Cooperation is essential to progress.

Sự hợp tác là điều cần thiết cho sự tiến bộ.

Evolution to christhood is the purpose of human life.

Sự tiến hóa đến ngôi vị Christ là mục đích của cuộc sống con người.

The radiation of christlike love is essential to success.

Sự lan tỏa của tình thương yêu giống như Đấng Christ là điều cần thiết để thành công.

Man attains to perfection through successive lives on earth.

Con người đạt đến sự hoàn hảo thông qua những kiếp sống liên tiếp trên trái đất.

The Law of Cause and Effect ensures justice to eveiy man”.

Định luật Nhân Quả đảm bảo công bằng cho mọi người”.

From January 1945, meetings have closed with the following prayer for the success of U. N. O. [United Nations Organization]:

Từ tháng [1] năm [1945], các cuộc họp đã kết thúc bằng lời cầu nguyện sau đây cho sự thành công của U. N. O. [Tổ Chức Liên Hiệp Quốc]:

"May the blessings of the masters of the wisdom descend upon the gatherings of the United Nations Organization".

"Cầu xin ân phước của các chân sư minh triết giáng xuống các cuộc tụ họp của Tổ Chức Liên Hiệp Quốc".

Such impersonal and wholly beneficent employment of occult power and knowledge, I repeat, is white magic, bringing untold blessings to the world. By such means, *and with such safeguards,* Theosophists may practically apply their knowledge and have their share in assisting world progress at this critical period in world history.

Tôi xin nhắc lại, việc sử dụng quyền năng và tri thức huyền bí một cách vô ngã và hoàn toàn có lợi như vậy là chánh thuật, mang lại vô vàn phước lành cho thế giới. Bằng những phương tiện như vậy, và với những biện pháp bảo vệ như vậy, các nhà Thông Thiên Học có thể áp dụng kiến thức của mình một cách thiết thực và chia sẻ trong việc hỗ trợ sự tiến bộ của thế giới vào thời điểm quan trọng này trong lịch sử thế giới.

Theosophy in Australia, Vol. 34, Issue 11, November 1946, p. 252

Theosophy in Australia, Tập. [34], Số [11], tháng [11] năm [1946], tr. [252]

133—

Mind. Radio [3]—Đài. Thể Trí [3]

THOUGHT-PROJECTION METHODS

CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÓNG CHIẾU TƯ TƯỞNG

Group meetings in New Zealand are conducted according to the following directions, given verbally by the leader:

Các cuộc họp nhóm ở New Zealand được tiến hành theo các chỉ dẫn sau đây, được người lãnh đạo đưa ra bằng lời nói:

1) DISSOCIATION OF SELF FROM BODIES

PHÂN LY BẢN THÂN KHỎI CÁC THỂ

'Raise the centre of self-consciousness by mentally affirming and Realizing:

'Nâng cao trung tâm tự tâm thức bằng cách khẳng định và Nhận ra bằng trí tuệ:

I am not the physical body. I am the Spiritual Self.

Tôi không phải là thể xác. Tôi là Bản Thể Tinh Thần.

I am not the emotions. I am the Spiritual Self.

Tôi không phải là những cảm xúc. Tôi là Bản Thể Tinh Thần.

I am not the mind. I am the Spiritual Self.

Tôi không phải là thể trí. Tôi là Bản Thể Tinh Thần.

2) AFFIRMATION OF DIVINE SELFHOOD

'Mentally affirm and realize:

KHẲNG ĐỊNH BẢN THỂ THIÊNG LIÊNG

'Khẳng định và nhận ra bằng trí tuệ:

I am the Divine Self. Eternal. Immortal.

Tôi là Bản Thể Thiêng Liêng. Vĩnh cửu. Bất tử.

Indestructible. Radiant with Spiritual Light.

Không thể phá hủy. Rạng rỡ với Ánh Sáng Tinh Thần.

I am that Self of Light: that Self am I\ (The positive, creative imagination is used to the fullest extent in all the affirmations, and time is allowed for their realization. Especially are Group members warned not to look for visions or to listen to 'voices'. These distract attention from the work in hand and can seriously mislead.)

Tôi là Bản Thể Ánh Sáng đó: Bản Thể đó là Tôi\ (Sự tưởng tượng sáng tạo, tích cực được sử dụng ở mức tối đa trong tất cả các lời khẳng định và thời gian được dành cho việc nhận ra chúng. Đặc biệt, các thành viên Nhóm được cảnh báo không tìm kiếm các khải tượng hoặc lắng nghe 'tiếng nói'. Những điều này làm phân tán sự chú ý khỏi công việc đang làm và có thể gây hiểu lầm nghiêm trọng.)

3) Thought Projection

3) Phóng Chiếu Tư Tưởng

After a pause, still directed verbally by the leader, the Group first meditates upon and then affirms to the world mind the basic thoughts which have been chosen for thought projection.

Sau một khoảng dừng, vẫn được người lãnh đạo chỉ đạo bằng lời nói, Nhóm trước tiên tham thiền và sau đó khẳng định với thế giới thể trí những tư tưởng cơ bản đã được chọn để phóng chiếu tư tưởng.

The present method is for the leader further to direct by saying:

Phương pháp hiện tại là để người lãnh đạo tiếp tục chỉ đạo bằng cách nói:

'Meditate upon and realize:

'Tham thiền và nhận ra:

The Life in all beings is One Life'.

Sự Sống trong mọi hữu thể là Một Sự Sống'.

Invoking the co-operation of the Angelic Hosts, affirm that truth to the world mind—*One Life in all.*

Khẩn cầu sự hợp tác của Các Thiên Thần Đoàn, hãy khẳng định chân lý đó với thế giới thể trí —Một Sự Sống trong tất cả.

'Meditate upon and realize:

'Tham thiền và nhận ra:

The Brotherhood of Man is a fact in Nature'.

Tình Huynh Đệ của Con Người là một thực tế trong Tự Nhiên'.

Invoking the co-operation of the Angelic Hosts, affirm that truth to the world mind—*All men are brothers.*

Khẩn cầu sự hợp tác của Các Thiên Thần Đoàn, hãy khẳng định chân lý đó với thế giới thể trí —Tất cả con người đều là anh em.

'Meditate upon and realize:

'Tham thiền và nhận ra:

Evolution to Christhood is the purpose of human

Sự Tiến Hóa đến Ngôi Vị Christ là mục đích của

life

cuộc sống con người

Invoking the co-operation of the Angelic Hosts, affirm that truth to the world mind—*Christhood, the Goal.*

Khẩn cầu sự hợp tác của Các Thiên Thần Đoàn, hãy khẳng định chân lý đó với thế giới thể trí —Ngôi Vị Christ, Mục Tiêu.

'Envisage the whole of humanity, perceiving and assenting to these truths'.

'Hình dung toàn thể nhân loại, nhận thức và tán thành những chân lý này'.

After a pause of one minute in complete, mental quietude, during which salutation is made to the Angelic Hosts, the meditation is brought to a close.

Sau một phút tạm dừng trong sự tĩnh lặng hoàn toàn về trí tuệ, trong đó lời chào được gửi đến Các Thiên Thần Đoàn, cuộc tham thiền được kết thúc.

Group members are encouraged to retain a measure of the upliftment experienced at Group meetings by personally performing each day the dissociation and affirmation of Egoic Selfhood. They also try to bring the wisdom, the power and the effectiveness of the Higher Self into physical life, living increasingly as an Ego.

Các thành viên Nhóm được khuyến khích giữ lại một phần sự nâng cao tinh thần đã trải qua tại các cuộc họp Nhóm bằng cách tự mình thực hiện mỗi ngày sự phân ly và khẳng định Bản Thể Chân Ngã. Họ cũng cố gắng mang sự minh triết, quyền năng và hiệu quả của Chân Ngã Cao Hơn vào cuộc sống thể xác, sống ngày càng nhiều hơn như một Chân Ngã.

They are instructed not to talk indiscriminately about their inner life and meditations. Speech control, they are told; is the surest way to self control. The ideal of all occult work is '*To dare, to will, and to be silent*

Họ được hướng dẫn không nói chuyện bừa bãi về đời sống nội tâm và những buổi tham thiền của mình. Họ được cho biết, kiểm soát lời nói là cách chắc chắn nhất để tự kiểm soát. Lý tưởng của mọi công việc huyền bí là 'Dám, Muốn và Im lặng

Theosophy in Australia, Vol. 34, Issue 12, December 1946, p. 275

Theosophy in Australia, Tập. [34], Số [12], tháng [12] năm [1946], tr. [275]

134—

The Kingdom of Music—Vương Quốc Âm Nhạc

Earthly music is a temporary, physical manifestation of ever-existent divine harmony, or spiritual Sound. That Sound is the ever-uttered Word, the Voice of the Great Breath, which brings Order out of Chaos, Universes out of the Great Deep. From creative dawn to creative night divine harmony sounds forth throughout all worlds from

Âm nhạc trần thế là một biểu hiện thể xác, tạm thời của sự hài hòa thiêng liêng vĩnh viễn tồn tại, hay Âm Thanh tinh thần. Âm Thanh đó là Linh Từ vĩnh viễn được thốt ra, Tiếng Nói của Đại Hơi Thở, mang Trật Tự ra khỏi Hỗn Mang, các Vũ Trụ ra khỏi Vực Thẳm Vĩ Đại. Từ bình minh sáng tạo đến đêm sáng tạo, sự hài hòa thiêng liêng vang vọng khắp mọi thế giới từ

those of the highest spiritual consciousness and life to the physical crusts of globes and all things growing thereupon.

những thế giới có tâm thức và sự sống tinh thần cao nhất đến lớp vỏ thể xác của các bầu hành tinh và mọi thứ phát triển trên đó.

Physically, the Word is most perfectly made manifest as music. For music, with all else in Creation, is twofold, has its spiritual and material aspects. All sound has its soul, all music its spiritual ensoulment.

Về mặt thể xác, Linh Từ được thể hiện hoàn hảo nhất dưới dạng âm nhạc. Vì âm nhạc, với mọi thứ khác trong Sự Sáng Tạo, có tính nhị phân, có các khía cạnh tinh thần và vật chất của nó. Mọi âm thanh đều có linh hồn, mọi âm nhạc đều có sự phú linh tinh thần của nó.

Behind all material creation is the potency of Cosmic Ideation primarily made manifest as creative Sound, that everlasting celestial symphony of which Nature's forms are the physical product. The origin of the divine creative Sound is in Eternal Motion, that Great Breath which is ever breathed upon the Great Deep, the all-pervading waters of Space.

Đằng sau tất cả sự sáng tạo vật chất là tiềm năng của Ý Niệm Vũ Trụ chủ yếu được thể hiện dưới dạng Âm Thanh sáng tạo, bản giao hưởng thiên thể vĩnh cửu đó mà các hình tướng của Tự Nhiên là sản phẩm thể xác. Nguồn gốc của Âm Thanh sáng tạo thiêng liêng là ở Chuyển Động Vĩnh Cửu, Đại Hơi Thở đó luôn được thở trên Vực Thẳm Vĩ Đại, vùng nước bao trùm tất cả của Không Gian.

In realms of time, the Great Breath and the Great Deep together produce the ever-uttered Word, the chanted Verbum, the Universal Logos.

Trong các cõi thời gian, Đại Hơi Thở và Vực Thẳm Vĩ Đại cùng nhau tạo ra Linh Từ vĩnh viễn được thốt ra, Verbum được xướng lên, Thái dương Thượng đế Vũ Trụ.

The Word Itself exists in two phases. During Creative Night it is silent within the Great Deep. During Creative Day it becomes audible within and throughout space-filling soniferous Aether. When the Word is silent, Universes sleep within the Womb of Virgin Space, the Eternal Mother. When, obedient to Eternal Ebb and Flow, the Great Breath becomes vocal, the Cosmic Mother conceives and brings forth Universes, Herself ever remaining immaculate. When 'spoken' the Word creates and releases the divinest harmonies expressive of Cosmic Ideation, and this music moulds newborn Universes into ever-growing beauty.

Bản thân Linh Từ tồn tại ở hai giai đoạn. Trong Đêm Sáng Tạo, nó im lặng bên trong Vực Thẳm Vĩ Đại. Trong Ngày Sáng Tạo, nó trở nên hữu hình trong và xuyên suốt dĩ thái âm thanh lấp đầy không gian. Khi Linh Từ im lặng, các Vũ Trụ ngủ yên trong Dạ Con của Không Gian Trinh Nữ, Người Mẹ Vĩnh Cửu. Khi, tuân theo Thủy Triều Vĩnh Cửu, Đại Hơi Thở trở nên hữu thanh, Mẹ Vũ Trụ thụ thai và sinh ra các Vũ Trụ, Bản Thân Mẹ luôn giữ mình trong sạch. Khi được 'nói', Linh Từ tạo ra và giải phóng những sự hài hòa thiêng liêng nhất thể hiện Ý Niệm Vũ Trụ, và âm nhạc này nhào nặn các Vũ Trụ mới sinh thành vẻ đẹp ngày càng tăng.

First becomes manifest the One Supreme Intelligence, Embodiment of the Divine Idea. Then spring forth full-formed the Three in

Đầu tiên, Đấng Tối Cao Trí Tuệ Duy Nhất biểu lộ, Hiện Thân của Ý Niệm Thiêng Liêng. Sau đó, Tam Vị Nhất Thể xuất hiện trọn vẹn và rồi

One and then the Seven Orders of Creative Intelligences, the manifested Lords of Light, the Mind-born Sons of God Who shouted for joy, the Morning Stars Who sang together, the Divine Musicians, the Seven Mighty Spirits before the Throne. Through These shine forth in seven hues, sound forth in seven chords, the Spiritual Selves of Men.

Bảy Dòng Huyền Giai Sáng Tạo, Các Đấng Chúa Tể Ánh Sáng được biểu lộ, Các Con của Thượng Đế do Thể Trí sinh ra, Các Ngài vốn đã reo mừng, Các Sao Mai vốn đã cùng nhau ca hát, Các Nhạc Sĩ Thiêng Liêng, Bảy Đấng Tinh Thần Hùng Mạnh trước Thánh Ngai. Thông qua Các Ngài, các Bản Thể Tinh Thần của Con Người chiếu sáng trong bảy sắc thái, vang vọng trong bảy hợp âm.

The Seven Divine Artist-Craftsmen make manifest the one Word in many forms, as music, filling celestial regions with harmony and beauty, as light, life, energy and Divine 'Ideas' or Archetypes. The Seven groups of primordial atoms are thus formed, each singing as it spins, and from these are built all Nature's forms.

Bảy Nghệ Nhân-Thợ Thủ Công Thiêng Liêng biểu lộ Linh từ duy nhất trong nhiều hình tướng, như âm nhạc, lấp đầy các cõi trời bằng sự hài hòa và vẻ đẹp, như ánh sáng, sự sống, năng lượng và 'Các Ý Niệm' hay Nguyên Mẫu Thiêng Liêng. Bảy nhóm nguyên tử nguyên thủy do đó được hình thành, mỗi nhóm ca hát khi xoay chuyển, và từ đó tất cả các hình tướng của Thiên Nhiên được xây dựng.

The true Kingdom of Music is within the Hearts of the Seven Mighty Spirits before the Throne. It is echoed, faint and far off, in still lower worlds where the five all-pervading material 'elements' of ether, air, fire, water, earth, each with its keynote, rhythm and 'form' are born in song from the Father-Mother WORD. Within these five elemental 'sons', as their indwelling consciousness and life, exist the Angels of Music, Themselves embodiments of the master-chords and themes of the One Creative Word. Down here in material realms, in ever increasing fullness and perfection, physical Nature becomes the outermost manifestation and expression of this celestial harmony. The five senses of man —each in resonance with one of the five elements—reveal to him physically as Nature's ever growing, ever changing forms the perpetually composed and continually perfonned Symphony of Creation.

Vương Quốc Âm Nhạc đích thực ở trong Trái Tim của Bảy Đấng Tinh Thần Hùng Mạnh trước Thánh Ngai. Nó được vọng lại, mờ nhạt và xa xôi, trong các cõi thấp hơn, nơi năm 'nguyên tố' vật chất bao trùm tất cả là dĩ thái, khí, lửa, nước, đất, mỗi nguyên tố có chủ âm, nhịp điệu và 'hình tướng' riêng, được sinh ra trong bài ca từ LINH TỪ Cha-Mẹ. Bên trong năm 'người con' hành khí này, với tư cách là tâm thức và sự sống ngự trị của chúng, tồn tại Các Thiên Thần Âm Nhạc, Bản Thân Các Ngài là hiện thân của các hợp âm và chủ đề chính của Linh Từ Sáng Tạo Duy Nhất. Ở dưới đây trong các cõi vật chất, trong sự viên mãn và hoàn hảo ngày càng tăng, Thiên Nhiên hồng trần trở thành sự biểu lộ và diễn đạt bên ngoài cùng của sự hài hòa thiêng liêng này. Năm giác quan của con người—mỗi giác quan cộng hưởng với một trong năm nguyên tố—tiết lộ cho y một cách vật lý, khi các hình tướng không ngừng phát triển, không ngừng thay đổi của Thiên Nhiên, Bản Giao Hưởng Sáng Tạo liên tục được soạn và không ngừng được trình diễn.

There is a level of consciousness, however, at which the creative and ensouling sound of the Universe may itself be 'heard'. It is the Kingdom of Music where the Word is not only heard, but also seen as fire, colour, Archetypes. There, too, the Self of the human knower is realized as an ever-sounding chord in the celestial Symphony, a microcosmic embodiment and expression of the Macrocosmic Word.

Tuy nhiên, có một cấp độ tâm thức mà tại đó âm thanh sáng tạo và phú linh của Vũ Trụ có thể tự nó được 'nghe thấy'. Đó là Vương Quốc Âm Nhạc, nơi Linh từ không chỉ được nghe thấy, mà còn được nhìn thấy như lửa, màu sắc, Nguyên Mẫu. Ở đó, Bản Thể của thức giả loài người cũng được nhận ra như một hợp âm không ngừng vang lên trong Bản Giao Hưởng thiêng liêng, một hiện thân và diễn đạt vi thiên địa của Linh Từ Đại thiên địa.

In the Kingdom of Music vast hosts of Music Angels dwell, reproducing within and through themselves as sound, as light of many hues and as Archetypal forms, the glorious harmonies forever sent forth from and by the chanted creative Word.

Trong Vương Quốc Âm Nhạc, vô số Thiên Thần Âm Nhạc cư ngụ, tái tạo bên trong và thông qua chính Các Ngài như âm thanh, như ánh sáng của nhiều sắc thái và như các hình tướng Nguyên Mẫu, những sự hài hòa vinh quang mãi mãi được gửi đi từ và bởi Linh Từ sáng tạo được xướng lên.

Thus the Angels of Music 'play their parts' in the celestial Symphony. Thus they aid the divine performance thereof. They are made manifest in hierarchies of Shining Beings from Sephiroth to Nature Sprite, each in their own octave, each resounding with their own chords and notes in the basic theme of the Universe, its idea-motif.

Như vậy, Các Thiên Thần Âm Nhạc 'đóng vai trò của Các Ngài' trong Bản Giao Hưởng thiêng liêng. Như vậy, Các Ngài hỗ trợ màn trình diễn thiêng liêng của nó. Các Ngài được biểu lộ trong các huyền giai của Các Đấng Tỏa Sáng từ Sephiroth đến Tinh Linh Thiên Nhiên, mỗi Đấng trong quãng tám riêng của mình, mỗi Đấng vang vọng với các hợp âm và nốt nhạc riêng của mình trong chủ đề cơ bản của Vũ Trụ, họa tiết ý niệm của nó.

The loftiest Archangels first embody and re-sound the glorious harmonies, which are then caught up, again embodied and 'relayed' by Their immediate successors in hierarchical degree. Thence this wondrous form-producing music of the Word passes through rank upon rank of Shining Ones; its component chords become further differentiated and accentuated until worlds of myriad forms are brought into being where rhythm becomes subordinate to substance, life to form, consciousness to vehicles.

Các Tổng Lãnh Thiên Thần cao cả nhất trước tiên thể hiện và tái âm những sự hài hòa vinh quang, sau đó được nắm bắt, lại được thể hiện và 'chuyển tiếp' bởi những người kế vị trực tiếp của Các Ngài theo cấp bậc huyền giai. Từ đó, âm nhạc tạo ra hình tướng kỳ diệu này của Linh từ đi qua hết cấp bậc này đến cấp bậc khác của Các Đấng Tỏa Sáng; các hợp âm thành phần của nó trở nên biến phân và được nhấn mạnh hơn nữa cho đến khi các thế giới của vô số hình tướng được đưa vào tồn tại, nơi nhịp điệu trở nên phụ thuộc vào chất liệu, sự sống phụ thuộc vào hình tướng, tâm thức phụ thuộc vào vận cụ.

There, too, the ensouling Angels of the substance of mental and emotional realms re-echo the Creative Word, moulding matter to the Creative Will.

Ở đó, Các Thiên Thần phú linh của chất liệu của các cõi trí tuệ và cảm xúc cũng vọng lại Linh Từ Sáng Tạo, uốn nắn vật chất theo Ý Chí Sáng Tạo.

The Angels of the lowest deeps and tiny Nature sprites then answer to the song, until at last the dense material world, the realm of the solid crusts of globes, is formed. There, too, music-forms are built and ensouled by Angelic life and consciousness. For Nature, with all Her exuberant variety of forms, Her richness of Individuality, is the physical expression of the Angel-chanted Music of the ever-uttered Word. Thus 'the Word is made flesh, and dwells among us'.

Các Thiên Thần của vực sâu thấp nhất và các tinh linh thiên nhiên nhỏ bé sau đó đáp lại bài ca, cho đến khi cuối cùng thế giới vật chất đậm đặc, cõi của lớp vỏ rắn chắc của các bầu hành tinh, được hình thành. Ở đó, các hình tướng âm nhạc cũng được xây dựng và phú linh bởi sự sống và tâm thức của Thiên Thần. Vì Thiên Nhiên, với tất cả sự đa dạng phong phú về hình tướng, sự giàu có về Biệt Ngã Tính của Bà, là sự diễn đạt vật lý của Âm Nhạc do Thiên Thần xướng lên của Linh Từ vĩnh viễn được thốt ra. Như vậy, 'Linh từ trở nên xác phàm, và cư ngụ giữa chúng ta'.

The Kingdom of Celestial Music is man's true home. Spiritually, every man is a chord in the Symphony of Creation. Happy is he who plays his part in tune.

Vương Quốc Âm Nhạc Thiêng Liêng là ngôi nhà đích thực của con người. Về mặt tinh thần, mỗi người là một hợp âm trong Bản Giao Hưởng Sáng Tạo. Hạnh phúc thay cho y vốn đóng vai trò của mình một cách hòa hợp.

Theosophy in New Zealand, Vol. 13, No. 1, 1952, p. 15

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [13], Số. [1], 1952, tr. [15]

135—

Brotherhood: Angels and Men—Huynh đệ: Thiên Thần và Con Người

[by an Angel, through Geoffrey Hodson]

[bởi một Thiên Thần, thông qua Geoffrey Hodson]

The angels represent the power, the life and the light of the One Supreme Source of power, life and light to all our Solar System.

Các thiên thần đại diện cho quyền năng, sự sống và ánh sáng của Nguồn Tối Cao Duy Nhất của quyền năng, sự sống và ánh sáng cho toàn bộ Hệ Mặt Trời của chúng ta.

When man contacts a member of their order he contacts that power; when he invokes the angels to his aid he invokes that life; when the scales shall have fallen from his eyes so that he sees his angel brethren, he shall see that light.

Khi con người tiếp xúc với một thành viên trong dòng của Các Ngài, y tiếp xúc với quyền năng đó; khi y khẩn cầu các thiên thần giúp đỡ, y khẩn cầu sự sống đó; khi lớp vảy đã rơi khỏi mắt y để y nhìn thấy các huynh đệ thiên thần

của mình, y sẽ thấy ánh sáng đó.

Power, life, light; these are the gifts which companionship with the angels shall place in human hands. Power that is limitless; life that is inexhaustible; light before which all darkness melts away. These shall be yours if, casting aside all sloth and apathy, self-indulgence and desire, you will become your highest selves.

Quyền năng, sự sống, ánh sáng; đây là những món quà mà sự đồng hành với các thiên thần sẽ đặt vào tay con người. Quyền năng vốn là vô hạn; sự sống vốn là vô tận; ánh sáng mà trước đó mọi bóng tối tan biến. Đây sẽ là của bạn nếu, gạt bỏ mọi lười biếng và thờ ơ, sự nuông chiều bản thân và ham muốn, bạn sẽ trở thành bản thể cao cả nhất của mình.

First, you must fill your souls with a love which knows no boundaries and in which self is utterly forgotten. Filled with love, you may clasp the hand of your angel brethren and share with them the labour which He performs who is the Great Architect, the Master Builder, from whose mighty labours Solar Systems spring.

Trước tiên, bạn phải lấp đầy tâm hồn mình bằng một tình thương vốn không có ranh giới và trong đó bản thân hoàn toàn bị lãng quên. Được lấp đầy bằng tình thương, bạn có thể nắm lấy tay các huynh đệ thiên thần của mình và chia sẻ với Các Ngài công việc mà Ngài thực hiện, Đấng vốn là Kiến Trúc Sư Vĩ Đại, Bậc Thầy Xây Dựng, từ những công việc vĩ đại của Đấng mà các Hệ Mặt Trời nảy sinh.

Learn then the art of love; perfect your power of loving until you grow into great artists, supreme geniuses of love. The purpose of your long pilgrimage through time and space is that you may acquire the supreme accomplishment of love. As animal and savage you desired; as modern man you learn at last to love, but your love is still tainted with desire; as superman your love will pour forth free from every thought of self, unstained by the slightest tremor of desire; therefore take up the task of perfecting your power of love.

Vậy thì hãy học nghệ thuật yêu thương; hoàn thiện quyền năng yêu thương của bạn cho đến khi bạn phát triển thành những nghệ sĩ vĩ đại, những thiên tài tối cao của tình thương. Mục đích của cuộc hành hương dài ngày của bạn qua thời gian và không gian là để bạn có thể đạt được thành tựu tối cao của tình thương. Khi còn là động vật và man rợ, bạn ham muốn; khi là con người hiện đại, cuối cùng bạn cũng học được cách yêu thương, nhưng tình thương của bạn vẫn còn vương vấn ham muốn; khi là siêu nhân, tình thương của bạn sẽ tuôn trào tự do khỏi mọi ý nghĩ về bản thân, không vấy bẩn bởi sự run rẩy nhỏ nhất của ham muốn; vì vậy hãy đảm nhận nhiệm vụ hoàn thiện quyền năng yêu thương của bạn.

Renounce the love which seeks to have, to hold and to retain; in that renunciation a new love will be born. Cupid, the child of Venus, shall pierce you no longer with the arrows of desire. In your hearts the Christ-child will be born whose hands are empty, but who

Từ bỏ tình thương vốn tìm cách có được, nắm giữ và giữ lại; trong sự từ bỏ đó, một tình thương mới sẽ được sinh ra. Thần Cupid, con của Sao Kim, sẽ không còn đâm bạn bằng những mũi tên ham muốn nữa. Trong trái tim bạn, hài nhi Christ sẽ được sinh ra, Đấng có đôi

unlocks the floodgates of a higher love, so that the springs of tenderness and of compassion well up within your soul and pour forth, for the healing and the saving of the world. Then, my human brothers, the gateway of the land of union shall be opened to you, and you shall see us face to face. Then together we may labour to do His will, who sustains our universe with its many wheeling globes by the inexhaustible abundance of His love.

tay trống rỗng, nhưng Đấng mở ra các cửa lũ của một tình thương cao cả hơn, để những dòng suối dịu dàng và trắc ẩn trào dâng trong tâm hồn bạn và tuôn trào, để chữa lành và cứu rỗi thế giới. Sau đó, hỡi các huynh đệ loài người của tôi, cổng vào vùng đất hợp nhất sẽ được mở ra cho bạn, và bạn sẽ thấy chúng tôi mặt đối mặt. Sau đó, cùng nhau chúng ta có thể làm việc để thực hiện Ý Ngài, Đấng duy trì vũ trụ của chúng ta với nhiều bầu hành tinh quay tròn bằng sự phong phú vô tận của tình thương của Ngài.

Eliminate self, purify the soul, then call the angels to your aid in the name of pure and selfless love. No work that you may undertake shall ever go unblessed if, motived by love, you call the angels to your side. There is no form of suffering which you cannot relieve; no evil which you cannot help to dissipate; no darkness into which you cannot bring light by the combined magic of pure and selfless love and the invocation of angels to your aid. With this knowledge you may attack every evil in your midst, for before the power which it bestows all evil melts away. Seek the suffering with which your world is filled; shrink not from the pain, nor hesitate to call us to your side, however deep the anguish, however dark the sin and shame. Our united power and love will suffice to illumine the darkness and to banish the pain.

Loại bỏ bản thân, thanh lọc tâm hồn, sau đó kêu gọi các thiên thần giúp đỡ bạn nhân danh tình thương thuần khiết và vị tha. Không công việc nào bạn có thể đảm nhận mà không được ban phước nếu, được thúc đẩy bởi tình thương, bạn kêu gọi các thiên thần về phía mình. Không có hình thức đau khổ nào mà bạn không thể xoa dịu; không có điều ác nào mà bạn không thể giúp làm tiêu tan; không có bóng tối nào mà bạn không thể mang lại ánh sáng bằng phép thuật kết hợp của tình thương thuần khiết và vị tha và sự khẩn cầu các thiên thần giúp đỡ bạn. Với kiến thức này, bạn có thể tấn công mọi điều ác ở giữa bạn, vì trước quyền năng mà nó ban cho, mọi điều ác đều tan biến. Hãy tìm kiếm những đau khổ vốn tràn ngập thế giới của bạn; đừng chùn bước trước nỗi đau, cũng đừng ngần ngại kêu gọi chúng tôi về phía bạn, dù nỗi thống khổ có sâu sắc đến đâu, dù tội lỗi và sự hổ thẹn có đen tối đến đâu. Quyền năng và tình thương hợp nhất của chúng ta sẽ đủ để soi sáng bóng tối và xua tan nỗi đau.

Those who would answer to this call, must organize themselves in bands and groups. With concentrated thought and determined will invoke the angels into their midst that, illumined by the love of God, we may labour to drive away all darkness, dispel all evil, heal all disease, destroy all ignorance, and bring the

Những ai muốn đáp lại lời kêu gọi này, phải tự tổ chức thành các đội và nhóm. Với tư tưởng tập trung và ý chí kiên định, hãy khẩn cầu các thiên thần vào giữa Các bạn để, được soi sáng bởi tình thương của Thượng Đế, chúng ta có thể làm việc để xua tan mọi bóng tối, xua tan mọi điều ác, chữa lành mọi bệnh tật, tiêu diệt

illumination of wisdom and of light into the hearts and minds of men. Purify the atmosphere of every town, that all the children who are born therein may come forth into a world of light. Attack every form of cruelty with a determination that shall be more powerful than the cruel hearts who thus deny the love with which our labours shall be performed.

mọi sự ngu dốt và mang lại sự soi sáng của minh triết và ánh sáng vào trái tim và thể trí của con người. Thanh lọc bầu không khí của mọi thị trấn, để tất cả trẻ em được sinh ra ở đó có thể bước ra một thế giới ánh sáng. Hãy tấn công mọi hình thức tàn ác với một quyết tâm vốn sẽ mạnh mẽ hơn trái tim tàn ác, những kẻ chối bỏ tình thương mà những công việc của chúng ta sẽ được thực hiện.

Fear not the result; banish from your minds all doubt of our exis tence, and of our power to help. Quickly you shall have proof of the power and effectiveness of every work of love which men and angels undertake in mutual co-operation. Let there be no delay: the time is ripe for our common labours to begin. Already the Lord of Love treads an earth that is not worthy of His most holy feet. With all the strength at our command, with all the wisdom and intelligence we can employ, let us labour to turn our earth into a fair garden worthy of Him.

Đừng sợ kết quả; hãy xua tan khỏi thể trí của bạn mọi nghi ngờ về sự tồn tại của chúng tôi và về quyền năng giúp đỡ của chúng tôi. Bạn sẽ nhanh chóng có bằng chứng về quyền năng và hiệu quả của mọi công việc tình thương mà con người và thiên thần đảm nhận trong sự hợp tác lẫn nhau. Đừng chậm trễ: thời điểm đã chín muồi để những công việc chung của chúng ta bắt đầu. Chúa Tể Tình Thương đã đặt chân lên một trái đất vốn không xứng đáng với đôi chân chí thánh của Ngài. Với tất cả sức mạnh mà chúng ta có, với tất cả minh triết và trí thông minh mà chúng ta có thể sử dụng, chúng ta hãy làm việc để biến trái đất của chúng ta thành một khu vườn tươi đẹp xứng đáng với Ngài.

Meet in your groups with strong intent to send a mighty flood of power, of blessing, of love towards those people and those places whom you seek to heal, to purify and to illumine,

Hãy gặp gỡ trong các nhóm của bạn với ý định mạnh mẽ để gửi một dòng lũ quyền năng, phước lành, tình thương mạnh mẽ đến những người và những nơi mà bạn tìm cách chữa lành, thanh lọc và soi sáng,

Seated in a circle, direct your thoughts to unity until you know yourselves and your angel brethren as one. Rise to the world of union and there invoke the power and the blessing of the Lord of Love, using these words:

Ngồi thành vòng tròn, hướng tư tưởng của bạn đến sự hợp nhất cho đến khi bạn biết chính mình và các huynh đệ thiên thần của bạn là một. Hãy vươn lên thế giới hợp nhất và ở đó khẩn cầu quyền năng và phước lành của Chúa Tể Tình Thương, sử dụng những lời này:

“O Holy Lord of Love, Teacher of angels and of men!

“Ôi Chúa Tể Tình Thương Chí Thánh, Huấn Sư của các thiên thần và con người!

We invoke Thy mighty power in all its Splendour,

Chúng con khẩn cầu quyền năng vĩ đại của Ngài trong tất cả sự Huy Hoàng của nó,

Thy undying love in all its potency,

Tình thương bất diệt của Ngài trong tất cả sức mạnh của nó,

Thy infinite wisdom in all its perfection,

Minh triết vô hạn của Ngài trong tất cả sự hoàn hảo của nó,

That they may flow through us in a resistless flood into this (place or person).

Để chúng có thể tuôn chảy qua chúng con trong một dòng lũ không thể cưỡng lại vào (địa điểm hoặc người này).

Before the living stream of Thy resistless power all darkness shall melt away, the hearts of all men shall be changed, and they shall seek and find the way of light.—AMEN"

Trước dòng suối sự sống của quyền năng không thể cưỡng lại của Ngài, mọi bóng tối sẽ tan biến, trái tim của tất cả mọi người sẽ thay đổi, và họ sẽ tìm kiếm và tìm thấy con đường ánh sáng.—AMEN"

As His glorious power descends, project it with all the energy and concentration of your will upon the place or person you seek to serve. Then turning to the angel members of your group, direct them by your will to act as bearers and conservers of the power, and to labour in the common cause for which it was invoked.

Khi quyền năng vinh quang của Ngài giáng xuống, hãy phóng chiếu nó với tất cả năng lượng và sự tập trung của ý chí bạn lên địa điểm hoặc người mà bạn tìm cách phụng sự. Sau đó, quay sang các thành viên thiên thần trong nhóm của bạn, hãy chỉ đạo Các Ngài bằng ý chí của bạn để hành động như những người mang và bảo tồn quyền năng, và để làm việc trong sự nghiệp chung mà vì đó nó đã được khẩn cầu.

Guard carefully against the illusion of apparent failure or success. Think only of the work; be entirely unmoved by the results which you produce.

Hãy cẩn thận bảo vệ chống lại ảo tưởng về sự thất bại hay thành công rõ ràng. Chỉ nghĩ đến công việc; hoàn toàn không bị lay chuyển bởi những kết quả mà bạn tạo ra.

Seek to form your groups of those who can bring to our common service minds which are calm and dispassionate, emotions which are perfectly controlled, and bodies which are spotlessly clean and in perfect health. If one among your number prove indiscreet, expel him from the group, lest the value of our work should be impaired. There is a mighty power in silence; therefore must silence be one of the essential virtues which you must seek in those

Hãy tìm cách thành lập các nhóm của bạn gồm những người có thể mang đến cho sự phụng sự chung của chúng ta những thể trí vốn điềm tĩnh và vô tư, những cảm xúc vốn được kiểm soát một cách hoàn hảo và những thể xác vốn sạch sẽ không tì vết và có sức khỏe hoàn hảo. Nếu một người trong số các bạn tỏ ra thiếu thận trọng, hãy trục xuất y khỏi nhóm, kẻo giá trị công việc của chúng ta bị suy giảm. Có một quyền năng to lớn trong sự im lặng; do đó, sự

who would share our common work. Keep all our work impersonal, and if any think he shine more than his brothers, or have a greater power, or show a pride of place, expel him from your group lest the work be injured by lack of unity; for unity is the very core and essence of the power by which we work.

im lặng phải là một trong những đức tính thiết yếu mà bạn phải tìm kiếm ở những người muốn chia sẻ công việc chung của chúng ta. Hãy giữ cho tất cả công việc của chúng ta mang tính khách quan, và nếu ai đó nghĩ rằng mình tỏa sáng hơn các huynh đệ của mình, hoặc có một quyền năng lớn hơn, hoặc thể hiện sự tự hào về địa vị, hãy trục xuất y khỏi nhóm của bạn kẻo công việc bị tổn hại do thiếu sự hợp nhất; vì sự hợp nhất là cốt lõi và bản chất của quyền năng mà nhờ đó chúng ta làm việc.

Thus, safeguarding our labours, may we begin to establish on earth a new era, which even at its birth shall be glorious, and which shall reach a Splendour and a beauty beyond your greatest dreams; in the light of that Splendour and that beauty angels shall once more walk with men.

Như vậy, bảo vệ những công việc của chúng ta, chúng ta có thể bắt đầu thiết lập trên trái đất một kỷ nguyên mới, vốn ngay cả khi mới ra đời cũng sẽ vinh quang, và vốn sẽ đạt đến một sự Huy Hoàng và một vẻ đẹp vượt xa những giấc mơ vĩ đại nhất của bạn; trong ánh sáng của sự Huy Hoàng và vẻ đẹp đó, các thiên thần sẽ lại bước đi với con người.

If you would bring cheer to a soul that is weeping, pour forth upon that soul a flood of life and light and power which shall exalt the mind into a state of joy. Will that joy to descend into the mind, the brain, the heart, so that a living stream of power may enter the soul that is in sorrow and drive away its gloom. Unhappiness and useless sorrowing will then give place to bliss, and thoughts, which by habit brood continually upon the products of despair, will be illumined by the light of that eternal happiness which you, by meditation and by prayer, have learned to know.

Nếu bạn muốn mang lại niềm vui cho một tâm hồn đang khóc, hãy tuôn đổ lên tâm hồn đó một dòng lũ sự sống và ánh sáng và quyền năng vốn sẽ nâng cao thể trí lên một trạng thái hân hoan. Hãy mong muốn niềm vui đó giáng xuống thể trí, bộ não, trái tim, để một dòng suối quyền năng sự sống có thể đi vào tâm hồn đang đau khổ và xua tan bóng tối của nó. Sự bất hạnh và đau khổ vô ích sau đó sẽ nhường chỗ cho sự hoan lạc, và những tư tưởng, vốn do thói quen liên tục suy ngẫm về những sản phẩm của sự tuyệt vọng, sẽ được soi sáng bởi ánh sáng của hạnh phúc vĩnh cửu mà bạn, bằng thiền định và cầu nguyện, đã học được cách biết đến.

Call forth the angels as you work, that filled with joy, they may help to drive away sorrow and grief. Bid them release a measure of their boundless vitality so that the soul may shine and the consciousness be freed from the limitations of its lower vehicles. Surround the

Hãy kêu gọi các thiên thần khi bạn làm việc, để được lấp đầy bằng niềm vui, Các Ngài có thể giúp xua tan nỗi buồn và đau khổ. Hãy ra lệnh cho Các Ngài giải phóng một phần sinh lực vô biên của Các Ngài để tâm hồn có thể tỏa sáng và tâm thức được giải thoát khỏi những giới

grief stricken with thoughts of joy; call angels of light to your aid, that grief may be dispelled. Thus may you console the sorrowing, thus heal the wounds of grief.

hạn của các vận cụ thấp hơn của nó. Bao quanh những người đau khổ bằng những tư tưởng vui vẻ; hãy kêu gọi các thiên thần ánh sáng giúp đỡ bạn, để nỗi buồn có thể tan biến. Như vậy, bạn có thể an ủi những người đau khổ, như vậy chữa lành những vết thương đau buồn.

If you would render aid to one whose mind is filled with many nameless fears, who dwells in that grey land through which terror stalks, think strongly of the Will of GOD, by whose resistless rule the ordered progress of the Solar System is maintained. Unify yourself with that Will; fill yourself with its fiery power; then turning to the fearful one, bring down in a vivid flash a shaft of *atmic* fire into his heart, and hold it there steady and unshaken like a lightning flash held still.

Nếu bạn muốn giúp đỡ một người có thể trí tràn ngập nhiều nỗi sợ hãi vô danh, người đang sống ở vùng đất xám xịt mà nỗi kinh hoàng rình rập, hãy suy nghĩ mạnh mẽ về Ý Chí của THƯỢNG ĐẾ, nhờ quy luật không thể cưỡng lại của Đấng mà sự tiến triển có trật tự của Hệ Mặt Trời được duy trì. Hãy hợp nhất bản thân bạn với Ý Chí đó; hãy lấp đầy bản thân bạn bằng quyền năng rực lửa của nó; sau đó quay sang người đang sợ hãi, hãy mang xuống trong một tia sáng sống động một trục lửa atmic vào trái tim y, và giữ nó ở đó vững vàng và không lay chuyển như một tia sét được giữ yên.

As thus you hold it, will that fear be driven from the fearful soul; that a dauntless courage be born within the heart and mind through which the shaft of power shines. Make a strong image of the suffering one as acting with fearless courage and unwavering will in every circumstance.

Khi bạn giữ nó như vậy, hãy mong muốn nỗi sợ hãi đó bị xua đuổi khỏi tâm hồn sợ hãi; rằng một lòng dũng cảm không nao núng được sinh ra trong trái tim và thể trí mà qua đó trục quyền năng chiếu sáng. Hãy tạo ra một hình ảnh mạnh mẽ về người đang đau khổ như đang hành động với lòng dũng cảm không sợ hãi và ý chí không lay chuyển trong mọi hoàn cảnh.

Invoke the angels in heroic guise and bid them call forth the latent heroism of the soul. If there be reason for the fear, bid them remove it; if ghosts, or shades, or hidden enemies, or beings of the darker elemental life, press too strongly on the soul, drive them away by the power of the *atmic* sword, which you have learned, by contemplation, to draw forth from the rock of your inmost heart.

Hãy khẩn cầu các thiên thần trong hình hài anh hùng và ra lệnh cho Các Ngài kêu gọi chủ nghĩa anh hùng tiềm ẩn của tâm hồn. Nếu có lý do cho nỗi sợ hãi, hãy ra lệnh cho Các Ngài loại bỏ nó; nếu ma, hoặc bóng ma, hoặc kẻ thù ẩn giấu, hoặc những sinh vật của sự sống hành khí đen tối hơn, gây áp lực quá mạnh lên tâm hồn, hãy xua đuổi chúng bằng quyền năng của thanh kiếm atmic, mà bạn đã học được, bằng sự chiêm ngưỡng, để rút ra từ tảng đá của trái tim sâu thẳm nhất của bạn.

Command the angels that they stand on guard until the will within the soul you seek to serve is once more in command. Teach the sufferer to realize that no man is ever alone; that every form in every world is supported and sustained by the divine life; that angel companions are ever near, and that the power of darkness may be easily dispelled by the invocation of the power of light. Teach him to use these words:

Hãy ra lệnh cho các thiên thần túc trực canh gác cho đến khi ý chí bên trong linh hồn mà bạn tìm cách phụng sự một lần nữa nắm quyền chỉ huy. Dạy người đau khổ nhận ra rằng không ai đơn độc; rằng mọi hình tướng trong mọi cõi giới đều được sự sống thiêng liêng nâng đỡ và duy trì; rằng các thiên thần đồng hành luôn ở gần, và quyền năng bóng tối có thể dễ dàng bị xua tan bằng sự khẩn cầu quyền năng ánh sáng. Dạy y sử dụng những lời này:

'O mighty Power of Light! Ruler of all worlds! Protector of every form of life! I take refuge in Thee. I know myself to be surrounded and supported by Thy power and illumined by Thy light. Mastery of the lower self is born in me. By Thy power I rule my thoughts, my feelings and my acts.

'Ôi Quyền năng Ánh sáng vĩ đại! Đấng Cai Trị mọi cõi giới! Đấng Bảo Vệ mọi hình tướng sự sống! Con nương tựa vào Ngài. Con biết mình được bao quanh và nâng đỡ bởi quyền năng của Ngài và được soi sáng bởi ánh sáng của Ngài. Quyền làm chủ phàm ngã được sinh ra trong con. Bởi quyền năng của Ngài, con cai quản những suy nghĩ, cảm xúc và hành động của con.

'In Thy name I invoke the angels of light and power, I share their fiery strength; I am filled with their dauntless courage. Summoning them to my aid I drive all darkness from this place. Before my will—resistless now that it is one with Thine—all evil melts away. AMEN'.

'Trong danh Ngài, con khẩn cầu các thiên thần ánh sáng và quyền năng, con chia sẻ sức mạnh rực lửa của Các Ngài; con được lấp đầy bởi lòng dũng cảm vô song của Các Ngài. Triệu tập Các Ngài đến trợ giúp con, con xua đuổi mọi bóng tối khỏi nơi này. Trước ý chí của con—giờ đây không thể cưỡng lại được vì nó là một với Ý Chí của Ngài—mọi điều ác đều tan biến. AMEN'.

Let him repeat this prayer thrice daily and, in addition, whenever he feels the approach of the gaunt spectre of fear. Do you repeat it too, and by the angels' aid, transform a fearful and trembling soul into a man of dauntless bravery and of Godlike courage.

Hãy để y lặp lại lời cầu nguyện này ba lần mỗi ngày và thêm vào đó, bất cứ khi nào y cảm thấy bóng ma hốc hác của nỗi sợ hãi đến gần. Bạn cũng hãy lặp lại nó, và nhờ sự trợ giúp của các thiên thần, hãy biến một linh hồn sợ hãi và run rẩy thành một người đàn ông dũng cảm vô song và can đảm như Thượng đế.

If you would heal the sick, first concentrate your mind upon that essential inner harmony behind the seeming discords of the lower worlds; that perfect and harmonious rhythm by which the ordered evolution of every form

Nếu bạn muốn chữa lành bệnh tật, trước tiên hãy tập trung thể trí của bạn vào sự hài hòa nội tại thiết yếu đằng sau những bất hòa có vẻ ngoài của các cõi giới thấp hơn; nhịp điệu hoàn hảo và hài hòa đó vốn nhờ đó sự tiến hóa có

of life proceeds and the balance of the forces in the system is maintained.

trật tự của mọi hình tướng sự sống tiến triển và sự cân bằng của các lực trong hệ thống được duy trì.

Meditate upon the source of all the powers of that system; strive to touch that source and to sink into that inexhaustible fountain from which wells up power within every atom of every world. Then in perfeet stillness contemplate the harmony and perfection of the outward flowing, and returning, streams of energy.

Hãy tham thiền về nguồn gốc của tất cả các quyền năng của hệ thống đó; cố gắng chạm vào nguồn đó và chìm vào suối nguồn vô tận đó, từ đó quyền năng trào dâng bên trong mọi nguyên tử của mọi thế giới. Sau đó, trong sự tĩnh lặng hoàn hảo, hãy chiêm ngưỡng sự hài hòa và hoàn hảo của các dòng năng lượng chảy ra và trở về bên ngoài.

Let thought cease; dwell in utter silence in the harmony of GOD until your whole nature is pervaded by its power, governed by its rhythm and attuned to the measured beating of its pulsing life. When that rhythm is established within you the healing power will flow according to your will.

Hãy để suy nghĩ dừng lại; hãy ngự trong sự im lặng tuyệt đối trong sự hài hòa của THƯỢNG ĐẾ cho đến khi toàn bộ bản chất của bạn thấm nhuần quyền năng của nó, được cai quản bởi nhịp điệu của nó và hòa hợp với nhịp đập có chừng mực của sự sống đang rung động của nó. Khi nhịp điệu đó được thiết lập bên trong bạn, quyền năng chữa lành sẽ tuôn chảy theo ý chí của bạn.

Look upon your patient from the point of view of harmony and rhythm; meditating, find the cause of the disharmony and irregularity by which his ill health is produced. The broken rhythm must be discovered and restored, and the body be set once more in tune. Teach the suffering one to meditate as you have done, inwards to the harmony of GOD, till he too feels its rhythm. Teach him to lay aside the sense of separateness, the pride, the ignorance, the selfishness or cruelty by which the disease-producing error was committed.

Hãy nhìn bệnh nhân của bạn từ quan điểm hài hòa và nhịp điệu; tham thiền, tìm ra nguyên nhân của sự bất hòa và bất thường vốn tạo ra tình trạng sức khỏe kém của y. Nhịp điệu bị phá vỡ phải được khám phá và phục hồi, và cơ thể phải được điều chỉnh lại một lần nữa. Dạy người đau khổ tham thiền như bạn đã làm, hướng vào sự hài hòa của THƯỢNG ĐẾ, cho đến khi y cũng cảm nhận được nhịp điệu của nó. Dạy y gạt bỏ cảm giác tách biệt, sự kiêu hãnh, sự thiếu hiểu biết, sự ích kỷ hoặc sự tàn ác vốn là nguyên nhân gây ra lỗi lầm gây bệnh.

None with impunity may break the harmony or disturb the rhythm of the flowing forces of the Creator and Preserver of all worlds. Only when the lower self, ignorant of its absolute dependence upon the One Life, is laid aside, may the soul be re-attuned and the divine harmony restored.

Không ai có thể phá vỡ sự hài hòa hoặc làm xáo trộn nhịp điệu của các lực đang tuôn chảy của Đấng Sáng Tạo và Bảo Tồn của mọi thế giới mà không bị trừng phạt. Chỉ khi phàm ngã, không biết về sự phụ thuộc tuyệt đối của nó vào Sự Sống Duy Nhất, được gạt bỏ, thì linh hồn mới có thể được điều chỉnh lại và sự hài hòa thiêng liêng được phục hồi.

When the consciousness of perfect harmony has been attained, and when the steady rhythm of the abounding life of GOD is felt within himself, then the healer may begin to heal. This is a dual task. First, he must educate the suffering one in the science of harmony; then he may impose the rhythm of his own soul which is perfectly attuned upon his patient's mind, his feelings and his body, until he vibrates in perfect unity with the healer, and in terms of rhythm, the two are one.

Khi tâm thức về sự hài hòa hoàn hảo đã đạt được, và khi nhịp điệu ổn định của sự sống dồi dào của THƯỢNG ĐẾ được cảm nhận bên trong y, thì người chữa lành có thể bắt đầu chữa lành. Đây là một nhiệm vụ kép. Đầu tiên, y phải giáo dục người đau khổ về khoa học hài hòa; sau đó, y có thể áp đặt nhịp điệu của linh hồn mình vốn được điều chỉnh hoàn hảo lên thể trí, cảm xúc và cơ thể của bệnh nhân, cho đến khi y rung động trong sự hợp nhất hoàn hảo với người chữa lành, và về mặt nhịp điệu, cả hai là một.

Then invoke the angels that they also may work to restore the tone which has been lost, may pour their vital energy into every cell and into every organ until the body glows with life and strength, and all its functions are restored. Bid them remain until the One Will has been obeyed, whether its purpose be continuance of earthly life or freedom from the flesh.

Sau đó, hãy khẩn cầu các thiên thần để Các Ngài cũng có thể làm việc để phục hồi âm điệu đã mất, có thể rót năng lượng sinh mệnh của Các Ngài vào mọi tế bào và mọi cơ quan cho đến khi cơ thể bừng sáng với sự sống và sức mạnh, và tất cả các chức năng của nó được phục hồi. Hãy ra lệnh cho Các Ngài ở lại cho đến khi Ý Chí Duy Nhất được tuân theo, cho dù mục đích của nó là tiếp tục cuộc sống trần thế hay giải thoát khỏi thể xác.

True healing can only occur when the lower self is emancipated from the error which produced the disease. On the plane of the immortal self of man ill-health cannot exist, for on that plane error is impossible. Errors which produce disease are of many kinds; cruelty, selfishness, misdirected energy, misused powers, failure to express in action the capacities and knowledge which the soul has developed according to its evolutionary standing, these are the fundamental errors which produce disease.

Sự chữa lành thực sự chỉ có thể xảy ra khi phàm ngã được giải phóng khỏi sai lầm vốn gây ra bệnh tật. Trên cõi giới của bản ngã bất tử của con người, bệnh tật không thể tồn tại, vì trên cõi giới đó, sai lầm là không thể xảy ra. Những sai lầm gây ra bệnh tật có nhiều loại; sự tàn ác, ích kỷ, năng lượng sai hướng, quyền năng bị lạm dụng, không thể hiện trong hành động những khả năng và kiến thức mà linh hồn đã phát triển theo vị thế tiến hóa của nó, đây là những sai lầm cơ bản gây ra bệnh tật.

The true healer must seek the cause and remove it, that the broken rhythm may be restored and the soul once more be re-attuned.

Người chữa lành thực sự phải tìm kiếm nguyên nhân và loại bỏ nó, để nhịp điệu bị phá vỡ có thể được phục hồi và linh hồn một lần nữa được điều chỉnh lại.

The nature of the activity of the myriad lives of which the cells of the human body are

Bản chất của hoạt động của vô số sự sống vốn cấu thành các tế bào của cơ thể con người được

composed is governed by the relationship between their own instinctive consciousness and that of the owner of the body...Perfect health demands perfect harmony between these two streams of consciousness. The portion of his mind which man employs to co-operate with the stream of elemental life is below the level of his waking consciousness for he has learned in ages long ago the technique of that co-operation.

chi phối bởi mối quan hệ giữa tâm thức bản năng của chính chúng và tâm thức của chủ sở hữu cơ thể... Sức khỏe hoàn hảo đòi hỏi sự hài hòa hoàn hảo giữa hai dòng tâm thức này. Phần thể trí của y mà con người sử dụng để hợp tác với dòng sự sống hành khí nằm dưới mức tâm thức tỉnh táo của y vì y đã học được từ lâu kỹ thuật hợp tác đó.

The subconscious and the conscious mind of man are so closely allied that an interaction between them continually occurs. When the conscious mind is perfectly attuned and perfectly expressed according to the evolutionary level, so also is the subconscious; perfect health results, for the rhythm of the divine life which is ever flowing from the centre of man's being to his densest body is unbroken, and perfect harmony obtains. That all-pervading rhythm governs the activities of the myriad lives and maintains a perfect balance of their triple expression of that aspect of the divine which is within them. These many lives serve as creators, preservers and destroyers, builders, feeders and transformers; the health of the body depends upon the perfect balance of the action of their triple attributes.

Tiềm thức và ý thức của con người có mối liên hệ chặt chẽ với nhau đến nỗi sự tương tác giữa chúng liên tục xảy ra. Khi ý thức được điều chỉnh hoàn hảo và được thể hiện hoàn hảo theo cấp độ tiến hóa, thì tiềm thức cũng vậy; sức khỏe hoàn hảo sẽ đến, vì nhịp điệu của sự sống thiêng liêng vốn luôn tuôn chảy từ trung tâm bản thể của con người đến cơ thể đậm đặc nhất của y là không bị phá vỡ, và sự hài hòa hoàn hảo đạt được. Nhịp điệu bao trùm tất cả đó chi phối các hoạt động của vô số sự sống và duy trì sự cân bằng hoàn hảo trong sự biểu hiện tam phân của chúng về khía cạnh thiêng liêng vốn ở bên trong chúng. Vô số sự sống này đóng vai trò là người sáng tạo, người bảo tồn và người hủy diệt, người xây dựng, người nuôi dưỡng và người biến đổi; sức khỏe của cơ thể phụ thuộc vào sự cân bằng hoàn hảo của hành động của các thuộc tính tam phân của chúng.

Disharmony in any portion of the conscious mind disturbs the rhythm of the soul. That disturbance affects the sub-conscious mind and, through that, the nature and balance of the activities of the many lives. Their creative, nutritive or destructive activity may predominate, and that which is essential to life may become a menace. Life givers become disease producers when balance and harmony have been destroyed.

Sự bất hòa ở bất kỳ phần nào của ý thức đều làm xáo trộn nhịp điệu của linh hồn. Sự xáo trộn đó ảnh hưởng đến tiềm thức và thông qua đó, ảnh hưởng đến bản chất và sự cân bằng của các hoạt động của vô số sự sống. Hoạt động sáng tạo, dinh dưỡng hoặc phá hủy của chúng có thể chiếm ưu thế, và những gì cần thiết cho sự sống có thể trở thành mối đe dọa. Những người ban sự sống trở thành những người tạo ra bệnh tật khi sự cân bằng và hài hòa đã bị phá hủy.

Seek, therefore, in the conscious and

Vì vậy, hãy tìm kiếm trong ý thức và tiềm thức

subconscious mind for the cause of both disease and susceptibility to disease; remove it, and Nature will restore the conditions in which the rhythmic flow of the divine life may be resumed.

nguyên nhân gây ra cả bệnh tật và tính dễ mắc bệnh; loại bỏ nó, và Tự Nhiên sẽ khôi phục các điều kiện trong đó dòng chảy nhịp nhàng của sự sống thiêng liêng có thể được tiếp tục.

The triple functions of the healer are to educate, to cleanse and to attune. The angels are invaluable aids in their fulfilment, for their rhythm is never broken, their purity never sullied, and they receive a perfect education from that voice within which is never silent and which they never fail to hear. Invoke them with full confidence to help you in your healing work, and if together you truly teach, cleanse and attune, disease shall be banished from the earth.

Các chức năng tam phân của người chữa lành là giáo dục, thanh tẩy và điều chỉnh. Các thiên thần là những trợ giúp vô giá trong việc hoàn thành chúng, vì nhịp điệu của Các Ngài không bao giờ bị phá vỡ, sự tinh khiết của Các Ngài không bao giờ bị vấy bẩn và Các Ngài nhận được một nền giáo dục hoàn hảo từ tiếng nói bên trong đó vốn không bao giờ im lặng và Các Ngài không bao giờ không nghe thấy. Hãy khẩn cầu Các Ngài với sự tự tin hoàn toàn để giúp bạn trong công việc chữa bệnh của bạn, và nếu cùng nhau bạn thực sự dạy dỗ, thanh tẩy và điều chỉnh, thì bệnh tật sẽ bị trục xuất khỏi trái đất.

Man's whole attitude towards disease must be radically changed. Ill health is one of man's most valuable teachers at his present evolutionary stage. The first appearance of a bodily affliction must be regarded as a signal that all is not well with the inner man. He must cease to regard it as an affliction imposed upon him from without, and learn to see it as an expression of a failure which has occurred within. He must be thankful for that expression, by means of which alone he may realize the imperfections of his soul and the errors of his life and, realizing them, work to correct them. The sufferer must cease to dwell in thought upon the bodily aspect of disease and must turn his attention to its inward cause, so that while the physician performs his appointed task upon the body, the patient labours ceaselessly upon his own soul. The sufferer should, therefore, seek within himself for the cause of every physical complaint. He should analyse his motives with complete impartiality; should compare

Toàn bộ thái độ của con người đối với bệnh tật phải được thay đổi một cách triệt để. Sức khỏe kém là một trong những người thầy có giá trị nhất của con người ở giai đoạn tiến hóa hiện tại của y. Sự xuất hiện đầu tiên của một bệnh tật trên cơ thể phải được coi là một tín hiệu cho thấy mọi thứ không ổn với con người bên trong. Y phải ngừng coi nó như một nỗi đau khổ áp đặt lên y từ bên ngoài, và học cách nhìn nó như một biểu hiện của một thất bại đã xảy ra bên trong. Y phải biết ơn về biểu hiện đó, nhờ đó y có thể nhận ra những khiếm khuyết của linh hồn mình và những sai lầm trong cuộc sống của mình và, khi nhận ra chúng, hãy nỗ lực sửa chữa chúng. Người đau khổ phải ngừng suy nghĩ về khía cạnh thể xác của bệnh tật và phải chuyển sự chú ý của mình sang nguyên nhân bên trong của nó, để trong khi bác sĩ thực hiện nhiệm vụ được chỉ định trên cơ thể, bệnh nhân sẽ lao động không ngừng nghỉ trên chính linh hồn mình. Do đó, người đau khổ nên tìm kiếm bên trong mình nguyên nhân của mọi khiếu nại về thể chất. Y

his ideals with his actions, so that he may discover the cause of the broken rhythm. By this dual process true healing may be achieved, valuable lessons learned, and new energies released.

nên phân tích động cơ của mình một cách hoàn toàn vô tư; nên so sánh lý tưởng của mình với hành động của mình, để y có thể khám phá ra nguyên nhân của nhịp điệu bị phá vỡ. Bằng quá trình kép này, sự chữa lành thực sự có thể đạt được, những bài học có giá trị được học và những năng lượng mới được giải phóng.

Research into such dread scourges as cancer, consumption, and leprosy must he conducted in these two directions, If the mental states of patients suffering from the various diseases are carefully studied and compared, the mental symptoms will become apparent. This is one of the next steps in medical research. Scientists will discover common mental conditions behind each of the great diseases, and gradually will learn to recognize and diagnose them with equal ease and certainty by a study of the mind as of the body.

Nghiên cứu về những tai họa đáng sợ như ung thư, lao phổi và bệnh phong phải được tiến hành theo hai hướng này, Nếu các trạng thái thể trí của bệnh nhân mắc các bệnh khác nhau được nghiên cứu và so sánh cẩn thận, các triệu chứng thể trí sẽ trở nên rõ ràng. Đây là một trong những bước tiếp theo trong nghiên cứu y học. Các nhà khoa học sẽ khám phá ra những tình trạng thể trí phổ biến đằng sau mỗi căn bệnh lớn, và dần dần sẽ học cách nhận biết và chẩn đoán chúng một cách dễ dàng và chắc chắn bằng cách nghiên cứu thể trí cũng như cơ thể.

There is neither need nor justification for vivisection, which serves but to increase the heavy karma of disease, which hangs like a pall over the human race. Modern medicine, like every branch of modern science, has studied and developed one aspect alone of the problem which it exists to solve. The solution of every physical problem and the ultimate explanation of every material phenomenon can only be discovered by research into the super-physical worlds. The physical and super-physical lines of research should be conducted side by side, and their results co-ordinated stage by stage. One deals with evolving form, the other with evolving life, and for that reason they are complementary and mutually inter-dependent. A research which concentrates on one to the exclusion of the other will, therefore, fail inevitably.

Không có nhu cầu cũng như sự biện minh nào cho việc mổ xẻ động vật, vốn chỉ làm tăng thêm nghiệp quả nặng nề của bệnh tật, vốn treo lơ lửng như một tấm vải liệm trên nhân loại. Y học hiện đại, giống như mọi ngành khoa học hiện đại, đã nghiên cứu và phát triển một khía cạnh duy nhất của vấn đề mà nó tồn tại để giải quyết. Giải pháp cho mọi vấn đề thể chất và lời giải thích cuối cùng cho mọi hiện tượng vật chất chỉ có thể được khám phá bằng cách nghiên cứu các cõi giới siêu vật chất. Các đường lối nghiên cứu vật chất và siêu vật chất nên được tiến hành song song và kết quả của chúng được phối hợp theo từng giai đoạn. Một bên giải quyết hình tướng đang tiến hóa, bên kia giải quyết sự sống đang tiến hóa, và vì lý do đó, chúng bổ sung cho nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Do đó, một nghiên cứu tập trung vào một bên mà loại trừ bên kia sẽ thất bại không thể tránh khỏi.

Man must learn to study force instead of matter. He must pierce behind the mechanism and find the power which drives it. At present, he concentrates almost entirely upon the mechanism alone. Knowledge concerning the nature of vitality, of solar and planetary energies must be obtained. They are the other half of the puzzle and, until the two halves fit together perfectly its secret may not be laid bare.

Con người phải học cách nghiên cứu mãnh lực thay vì vật chất. Y phải xuyên thủng phía sau cơ chế và tìm ra quyền năng vốn thúc đẩy nó. Hiện tại, y tập trung gần như hoàn toàn vào một mình cơ chế. Kiến thức liên quan đến bản chất của sinh lực, của năng lượng thái dương và hành tinh phải đạt được. Chúng là nửa còn lại của câu đố và, cho đến khi hai nửa khớp với nhau một cách hoàn hảo, bí mật của nó có thể không được phơi bày.

The companionship and co-operation of the angels may be used to assist in every legitimate form of scientific research, as also in both the discovery of the cause and of the cure of disease. Angel teachers are ready to guide and to instruct those who will listen to their teaching. They offer their knowledge of the life side of all phenomenal existence to the scientist that he may combine it with his knowledge of the form. From this combination great results may be obtained.

Sự đồng hành và hợp tác của các thiên thần có thể được sử dụng để hỗ trợ trong mọi hình thức nghiên cứu khoa học hợp pháp, cũng như trong cả việc khám phá nguyên nhân và cách chữa trị bệnh tật. Các huấn sư thiên thần sẵn sàng hướng dẫn và chỉ dẫn những người sẽ lắng nghe lời dạy của Các Ngài. Các Ngài cung cấp kiến thức của Các Ngài về khía cạnh sự sống của tất cả sự tồn tại hiện tượng cho nhà khoa học để y có thể kết hợp nó với kiến thức của mình về hình tướng. Từ sự kết hợp này, những kết quả tuyệt vời có thể đạt được.

Throw open wide your hearts and minds to their companionship and help, for they will lead you along new and unsuspected avenues of knowledge. They will guide you nearer to the heart of manifested life and, as you travel, Nature's secrets will be laid bare. Already many scientists are unconsciously inspired; conscious inspiration awaits them if they will but provide the conditions and opportunities which such inspiration demands.

Hãy mở rộng trái tim và thể trí của bạn cho sự đồng hành và giúp đỡ của Các Ngài, vì Các Ngài sẽ dẫn bạn đi trên những con đường kiến thức mới và không ngờ tới. Các Ngài sẽ hướng dẫn bạn đến gần hơn với trái tim của sự sống biểu hiện và, khi bạn đi, những bí mật của Tự Nhiên sẽ được phơi bày. Nhiều nhà khoa học đã vô thức được truyền cảm hứng; nguồn cảm hứng có ý thức đang chờ đợi họ nếu họ chỉ cung cấp các điều kiện và cơ hội mà nguồn cảm hứng đó đòi hỏi.

Such in part is the work of the Brotherhood of Angels and of men.

Đó là một phần công việc của Huynh đệ Đoàn Thiên Thần và con người.

The Theosophist, Vol. 50, November 1928, p. 123

The Theosophist, Tập 50, tháng 11 năm 1928, tr. 123

The Way of Knowledge[60]—*Con Đường Tri Thức*

An Angel tells of the *Gnana Marga*

We will teach man the way of knowledge, that he may learn to draw upon the hidden sources of energy latent within him, Realizing the forces of his own divinity, to become a God'.

Mankind has forgotten his divinity, and forgetting, seeks without, for that which is within. There is no possibility of success in the search for power and knowledge, until its direction is reversed. The scientist, philosopher, explorer and investigator must cease their physical activities; that which they seek, obeys no earthly laws, responds to no physical vibration. Spiritual in its nature, its presence may only be recorded on the seeker's brain, after his mind, his feeling and his body have been plunged into a profound silence, a stillness so complete, that the lofty vibrations of the spiritual worlds may reach the inner ear. The subtler organs of the brain—dormant through long ages, save for their glandular secretions—are the sole physical instruments by means of which the search may be continued; by their aid alone man may hear, see and measure the hidden forces which form the central core, the secret heart, of all material phenomena.

Knowledge of that interior life force is the next step which the seeker must take, be he scientist or philosopher; the means is within him, therefore he must forsake his external instruments, and learn to use those organs of cognition within himself by which alone he

Một Thiên Thần kể về Gnana Marga

Chúng ta sẽ dạy con người con đường tri thức, để y có thể học cách khai thác những nguồn năng lượng tiềm ẩn bên trong y, Nhận ra các lực của thiên tính của chính mình, để trở thành một Thượng đế'.

Nhân loại đã quên đi thiên tính của mình, và khi quên đi, tìm kiếm bên ngoài, những gì ở bên trong. Không có khả năng thành công trong việc tìm kiếm quyền năng và tri thức, cho đến khi hướng đi của nó bị đảo ngược. Các nhà khoa học, triết gia, nhà thám hiểm và nhà điều tra phải ngừng các hoạt động thể chất của họ; những gì họ tìm kiếm, không tuân theo bất kỳ định luật trần thế nào, không đáp ứng bất kỳ rung động vật chất nào. Về bản chất tinh thần, sự hiện diện của nó chỉ có thể được ghi lại trên bộ não của người tìm kiếm, sau khi thể trí, cảm xúc và cơ thể của y đã chìm vào một sự im lặng sâu sắc, một sự tĩnh lặng hoàn toàn, để những rung động cao cả của các cõi giới tinh thần có thể chạm đến nội nhĩ. Các cơ quan tinh tế hơn của bộ não—không hoạt động trong suốt thời gian dài, ngoại trừ các chất tiết tuyến của chúng—là những công cụ thể chất duy nhất mà nhờ đó có thể tiếp tục tìm kiếm; chỉ bằng sự trợ giúp của chúng, con người mới có thể nghe, nhìn và đo lường những lực ẩn giấu vốn tạo thành lõi trung tâm, trái tim bí mật của mọi hiện tượng vật chất.

Kiến thức về lực sự sống bên trong đó là bước tiếp theo mà người tìm kiếm phải thực hiện, dù y là nhà khoa học hay triết gia; phương tiện nằm trong y, do đó y phải từ bỏ các công cụ bên ngoài của mình và học cách sử dụng những cơ quan nhận thức bên trong mình mà chỉ nhờ đó

[60] Author of The Brotherhood of Angels and of Man.

can discover that source of power within the heart of Nature, which is the object of his search. Thus, the first step must be a reversal of his present methods of enquiry from that of external observation to contact from within. New organs of cognition must be made to function; when they are aroused and under control, no secret shall be hid, all knowledge shall be revealed.

y mới có thể khám phá ra nguồn quyền năng đó bên trong trái tim của Tự Nhiên, vốn là đối tượng tìm kiếm của y. Do đó, bước đầu tiên phải là sự đảo ngược các phương pháp tìm hiểu hiện tại của y từ quan sát bên ngoài sang tiếp xúc từ bên trong. Các cơ quan nhận thức mới phải được tạo ra để hoạt động; khi chúng được đánh thức và được kiểm soát, không bí mật nào sẽ bị che giấu, mọi tri thức sẽ được tiết lộ.

Man, by virtue of his divinity, possesses the capacity for the deepest of all researches, that into the divine behind the material; as by the material, the material is known, so, by the divine must the divine be discovered. Man must learn to see the God in nature through the God within himself.

Con người, nhờ vào thiên tính của mình, sở hữu khả năng nghiên cứu sâu sắc nhất trong tất cả, đó là nghiên cứu về thiêng liêng đằng sau vật chất; như bằng vật chất, vật chất được biết đến, thì bằng thiêng liêng, thiêng liêng phải được khám phá. Con người phải học cách nhìn thấy Thượng đế trong tự nhiên thông qua Thượng đế bên trong chính mình.

First he must find that God; that task should not be difficult for the determined mind, for that inner God is his true self, his very self, the Ego which inspires his life. The blending of the material and the immaterial, the secular and the sacred, is the keynote of the research of the future. When achieved, the limitations of the material man will be transcended and the powers of the spiritual man will be released, by their aid his vision may be telescopic or microscopic, according to his will may pass beyond the range of any external instrument, however powerful, however delicate. He may enlarge the atom, or examine the smallest detail of the sister planets of the earth, and study both, passing from external vision to a blending of his mind with the Mind which created him, and them, and therefore know them from within. Distance will cease to limit him and he will destroy the illusion of size. From the quiet of his own study he may explore both the surface and the interior of the globe, may range the aerial spaces, visit sun, moon and stars. With this interior vision the hidden processes of nature may be observed in

Trước tiên, y phải tìm ra Thượng đế đó; nhiệm vụ đó không khó đối với thể trí kiên định, vì Thượng đế bên trong đó là bản chất thật của y, chính bản thân y, là Chân ngã vốn truyền cảm hứng cho cuộc sống của y. Sự pha trộn giữa vật chất và phi vật chất, giữa thế tục và thiêng liêng, là chủ đạo của nghiên cứu trong tương lai. Khi đạt được điều đó, những giới hạn của phàm nhân sẽ bị vượt qua và sức mạnh của con người tinh thần sẽ được giải phóng, nhờ sự trợ giúp của chúng, tầm nhìn của y có thể là viễn vọng hoặc hiển vi, tùy theo ý chí của y có thể vượt ra ngoài phạm vi của bất kỳ công cụ bên ngoài nào, dù mạnh mẽ đến đâu, dù tinh tế đến đâu. Y có thể phóng to nguyên tử, hoặc kiểm tra chi tiết nhỏ nhất của các hành tinh chị em của Trái Đất, và nghiên cứu cả hai, chuyển từ tầm nhìn bên ngoài sang sự hòa trộn thể trí của y với Thể Trí vốn đã tạo ra y, và chúng, và do đó biết chúng từ bên trong. Khoảng cách sẽ không còn giới hạn y và y sẽ phá hủy ảo tưởng về kích thước. Từ sự tĩnh lặng trong nghiên cứu của riêng mình, y có thể khám phá cả bề mặt và bên trong địa cầu, có thể bao quát không gian trên không, ghé thăm

all her kingdoms; by it, the veil which separates the living from the dead may be drawn aside, and the regions of the underworld, the abodes of the blessed and the Egoic home of man may be explored.

mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Với tầm nhìn nội tại này, những quá trình ẩn giấu của tự nhiên có thể được quan sát trong tất cả các giới của nó; nhờ đó, bức màn ngăn cách người sống với người chết có thể được vén lên, và các khu vực của thế giới ngầm, nơi ở của những người được ban phước và ngôi nhà Chân ngã của con người có thể được khám phá.

This is the next step, the immediate future in the evolution of human consciousness and its organs of cognition. The will and the mind of man must be combined, in order to effect the unfolding of the latent faculties, and the quickening of the organs in the brain, through which they will be expressed. In this direction the efforts of scientist, philosopher, teacher, statesman and priest must be turned. With their inner powers awakened, each, in his own field, may pursue knowledge and gain wisdom, so that his labours may be inspired, and a fairer day dawn on the horizon of the human race.

Đây là bước tiếp theo, tương lai gần trong sự tiến hóa của tâm thức con người và các cơ quan nhận thức của nó. Ý chí và thể trí của con người phải được kết hợp, để thực hiện sự mở ra của các năng lực tiềm ẩn, và sự thúc đẩy của các cơ quan trong não bộ, thông qua đó chúng sẽ được thể hiện. Theo hướng này, những nỗ lực của nhà khoa học, nhà triết học, huấn sư, chính khách và tu sĩ phải được chuyển hướng. Với những sức mạnh bên trong của họ được đánh thức, mỗi người, trong lĩnh vực của riêng mình, có thể theo đuổi tri thức và đạt được minh triết, để những công việc của y có thể được truyền cảm hứng, và một ngày tươi sáng hơn sẽ ló dạng trên đường chân trời của nhân loại.

A new era will be born in which the faculties of the inner Mind of man will be awakened and expressed through the newly developed powers of his brain. This inner mind is the core of his being; the heart, from which flow the life streams which vivify external man. The outer mind is but a shell or husk, enclosing precious seed; the shell must be broken, the husk be laid aside, ere the seed can grow into the plant.

Một kỷ nguyên mới sẽ ra đời, trong đó các năng lực của Thể Trí bên trong của con người sẽ được đánh thức và thể hiện thông qua những sức mạnh mới được phát triển của bộ não của y. Thể trí bên trong này là cốt lõi của bản thể y; trái tim, từ đó chảy ra những dòng sự sống vốn tiếp sinh lực cho con người bên ngoài. Hạ trí chỉ là một lớp vỏ hoặc trấu, bao bọc hạt giống quý giá; lớp vỏ phải bị phá vỡ, lớp trấu phải được loại bỏ, trước khi hạt giống có thể phát triển thành cây.

Within this life-centre are blended the human and divine, it is the real man, the immortal principle, which persists throughout the ages, the undying inspirer of his many lives, the single light which casts a thousand shadows into the impermanent worlds of thought, of

Bên trong trung tâm sự sống này, con người và thần thánh được pha trộn, đó là con người thật, nguyên khí bất tử, vốn tồn tại qua các thời đại, là nguồn cảm hứng bất diệt cho nhiều kiếp sống của y, ánh sáng duy nhất vốn tạo ra hàng ngàn bóng tối vào thế giới tư tưởng, cảm

feeling and of earth. Each shadow is an earthly man, pursues an earthly life, and vanishes. With the passing of the centuries the shadows become less dense, as the mind which forms and governs their shape and density becomes more and more illumined by the light which is behind.

xúc và trái đất vô thường. Mỗi bóng tối là một người trần thế, theo đuổi một cuộc sống trần thế và biến mất. Với sự trôi qua của các thế kỷ, những bóng tối trở nên ít đậm đặc hơn, khi thể trí vốn hình thành và chi phối hình dạng và mật độ của chúng ngày càng được chiếu sáng bởi ánh sáng ở đằng sau.

The acceptance of this hypothesis is the first and essential step towards the development of the next phase of human consciousness; its truth and value will be rapidly revealed to those who proceed to its practical employment in scientific and philosophical research.

Việc chấp nhận giả thuyết này là bước đầu tiên và thiết yếu hướng tới sự phát triển của giai đoạn tiếp theo của tâm thức con người; tính chân thật và giá trị của nó sẽ nhanh chóng được tiết lộ cho những người tiến hành việc sử dụng thực tế nó trong nghiên cứu khoa học và triết học.

The technique of this new method is not difficult to acquire because it is the natural expression of the phase of the evolution of human consciousness into which man is now passing; the faculty of external observation has been perfected, the next step is the development of the capacity for interior cognition until a similar standard of perfection has been reached. Interior cognition is the external aspect of meditation; therefore the scientist must pass from external observation to meditation and the state of meditation, employ interior means of cognition.

Kỹ thuật của phương pháp mới này không khó để có được vì nó là sự thể hiện tự nhiên của giai đoạn tiến hóa của tâm thức con người mà con người hiện đang trải qua; khả năng quan sát bên ngoài đã được hoàn thiện, bước tiếp theo là phát triển khả năng nhận thức nội tại cho đến khi đạt được một tiêu chuẩn hoàn hảo tương tự. Nhận thức nội tại là khía cạnh bên ngoài của tham thiền; do đó, nhà khoa học phải chuyển từ quan sát bên ngoài sang tham thiền và trạng thái tham thiền, sử dụng các phương tiện nhận thức nội tại.

The meditation which he will employ will be that of knowledge.

Sự tham thiền mà y sẽ sử dụng sẽ là sự tham thiền về tri thức.

The meditation of knowledge will reveal every secret to him who learns the art of its employment as an instrument of research; its purpose is to place the student in complete rapport with the divine mind, within which is all knowledge. The consciousness of the Logos is represented in man by his inner mind which is the core of his mental self; its presence ensures the future development of his intellect to that point at which it will be

Sự tham thiền về tri thức sẽ tiết lộ mọi bí mật cho người học nghệ thuật sử dụng nó như một công cụ nghiên cứu; mục đích của nó là đặt đạo sinh vào mối liên hệ hoàn toàn với Thể Trí thiêng liêng, bên trong đó có tất cả tri thức. Tâm thức của Hành Tinh Thượng đế được thể hiện ở con người bằng thể trí bên trong của y, vốn là cốt lõi của bản ngã trí tuệ của y; sự hiện diện của nó đảm bảo sự phát triển trong tương lai của trí tuệ y đến điểm mà nó sẽ hợp nhất với

merged with the universal intelligence. That consummation—foreordained from the beginning—will be attained by every man at the close of the evolutionary cycle; a reflection of it may be obtained in advance by means of the meditation of knowledge.

trí thông minh vũ trụ. Sự hoàn thành đó—được tiền định từ ban đầu—sẽ đạt được bởi mọi người khi kết thúc chu kỳ tiến hóa; một sự phản ánh của nó có thể đạt được trước bằng phương tiện tham thiền về tri thức.

As the ruler of men discovers the meaning of omnipotence by uniting himself with the will of God and then is able to release the power of the One Will, and the lover of man discovers the meaning of omnipresence by uniting himself with the love of God and releasing His wisdom and His love, is filled with a divine compassion, so the knower must unite himself with the One mind if he would discover the meaning of omniscience and employ the universal knowledge.

Khi người cai trị khám phá ra ý nghĩa của sự toàn năng bằng cách hợp nhất mình với ý chí của Thượng đế và sau đó có thể giải phóng sức mạnh của Ý Chí Duy Nhất, và người yêu thương khám phá ra ý nghĩa của sự hiện diện khắp nơi bằng cách hợp nhất mình với tình thương của Thượng đế và giải phóng minh triết và tình thương của Ngài, được lấp đầy lòng trắc ẩn thiêng liêng, thì người biết phải hợp nhất mình với Thể Trí Duy Nhất nếu y muốn khám phá ý nghĩa của sự thông thái và sử dụng tri thức vũ trụ.

Will, love, knowledge, these are three divine attributes in man and constitute the promise of his triple union with God. As an Adept he will employ them all; as a scientist he begins by concentrating upon one. First he must discover the divine point within himself--the centre of the circle of his being; then he must learn to move the point until a line is formed, and from the line a square, and from the square a cube, for the cube is the symbol of the divine knowledge employed to give perfect understanding of the material universe.

Ý chí, tình thương, tri thức, đây là ba thuộc tính thiêng liêng ở con người và cấu thành lời hứa về sự hợp nhất tam phân của y với Thượng đế. Là một chân sư, y sẽ sử dụng tất cả chúng; là một nhà khoa học, y bắt đầu bằng cách tập trung vào một. Trước tiên, y phải khám phá ra điểm thiêng liêng bên trong chính mình--trung tâm của vòng tròn bản thể của y; sau đó, y phải học cách di chuyển điểm cho đến khi một đường thẳng được hình thành, và từ đường thẳng một hình vuông, và từ hình vuông một hình khối, vì hình khối là biểu tượng của tri thức thiêng liêng được sử dụng để mang lại sự thấu hiểu hoàn hảo về vũ trụ vật chất.

The centre of man's being occupies a region of his consciousness one stage beyond his mental principle. To reach it therefore, he must pass beyond the limitations of the deductive and analytical into the synthetic and inductive aspect of his intellect. Having reached that higher level he must, by practice, learn to dwell therein habitually, for this is his

Trung tâm bản thể của con người chiếm một khu vực tâm thức của y, một giai đoạn vượt ra ngoài nguyên tắc trí tuệ của y. Do đó, để đạt được nó, y phải vượt qua những giới hạn của suy diễn và phân tích vào khía cạnh tổng hợp và quy nạp của trí tuệ y. Khi đã đạt đến cấp độ cao hơn đó, y phải, bằng cách thực hành, học cách cư ngụ ở đó một cách thường xuyên, vì

true home; in the principle in which he dwells therein he is immortal; neither time nor space can bind him; nor can external force of any kind disturb the seclusion in which, treading the path of knowledge, he will pursue his studies.

đây là ngôi nhà thực sự của y; trong nguyên tắc mà y cư ngụ ở đó, y là bất tử; cả thời gian lẫn không gian đều không thể trói buộc y; cũng như không một lực lượng bên ngoài nào có thể làm xáo trộn sự ẩn dật mà trong đó, bước đi trên con đường tri thức, y sẽ theo đuổi những nghiên cứu của mình.

In his earthly body he is human and governed by the laws of human and terrestrial life; in the Augoeides he is divine and incapable of error, as of sin; being divine he will study from the point of view of the creator and designer of the universe; instead of from that of a separated portion of the great design.

Trong thể xác trần thế của mình, y là con người và bị chi phối bởi các định luật của đời sống con người và trên cạn; trong Augoeides, y là thần thánh và không thể mắc lỗi, cũng như tội lỗi; là thần thánh, y sẽ nghiên cứu từ quan điểm của đấng sáng tạo và thiết kế vũ trụ; thay vì từ quan điểm của một phần tách biệt của thiết kế vĩ đại.

The first step therefore is to find the way from the human to the divine, from the mortal to the immortal, from the separated self to the one self, from the canvas of life to the heart and mind of the great Artist, there to see His vision of the picture which he paints. By meditation the aspirant must gain access to the synthetic aspect of his mind, become familiar with that interior region and learn to function there with certainty and ease.

Do đó, bước đầu tiên là tìm ra con đường từ con người đến thần thánh, từ phàm nhân đến bất tử, từ bản ngã tách biệt đến bản ngã duy nhất, từ bức tranh của cuộc sống đến trái tim và thể trí của Nghệ Sĩ vĩ đại, ở đó để thấy tầm nhìn của Ngài về bức tranh mà Ngài vẽ. Bằng sự tham thiền, người chí nguyện phải có được quyền truy cập vào khía cạnh tổng hợp của thể trí y, làm quen với khu vực nội tại đó và học cách hoạt động ở đó một cách chắc chắn và dễ dàng.

The base from which he will begin the voyage of discovery is the lower mind, which must be trained to instant obedience to the will; it must be robbed of all initiative, be recognized as an instrument and employed by the consciousness as an external piece of apparatus; lifeless save when he gives it life; powerless apart from his will. He must learn to point it with accuracy and unwavering concentration in any desired direction, whether downwards towards the material worlds, or upwards into the spiritual; train it to become still, so that, mirror like, it may record with perfect accuracy that which falls upon it and reflect it into the special organs of

Cơ sở mà từ đó y sẽ bắt đầu cuộc hành trình khám phá là hạ trí, vốn phải được huấn luyện để tuân theo ý chí ngay lập tức; nó phải bị tước đoạt mọi sáng kiến, được công nhận là một công cụ và được tâm thức sử dụng như một bộ máy bên ngoài; vô tri trừ khi y ban cho nó sự sống; bất lực ngoài ý chí của y. Y phải học cách chỉ nó một cách chính xác và tập trung không lay chuyển theo bất kỳ hướng mong muốn nào, dù là xuống các thế giới vật chất, hay lên các thế giới tinh thần; huấn luyện nó trở nên tĩnh lặng, để, giống như tấm gương, nó có thể ghi lại với độ chính xác hoàn hảo những gì rơi vào nó và phản ánh nó vào các cơ quan đặc biệt của não bộ, mà chỉ nhờ đó tri thức về các thế

the brain, by which alone the knowledge of the invisible worlds may reach the earthly man.

giới vô hình mới có thể đến được với người trần thế.

Before the eye within the brain may see, or inner ear may hear, their vibratory rates must be raised by purity of life, of food, of action and of thought. The scientist of the coming age cannot neglect the ancient teaching of religion concerning the culture of the body and the soul. He must learn to make of mind, of feeling, and of brain a single instrument of perfect tone. The votaries who would worship at the shrine of knowledge must lay aside all earthly pleasures which would mar the beauty, perfection and minute accuracy of the instrument. All passion must be foregone, for passion is a storm of feeling, which would destroy the subtle delicacy of perception so essential for research. Food must be pure, light, vital and free from the stain of blood and cruelty; drink free from the fumes of alcohol; in pleasure he must always seek the highest form of recreation. The finest music, the greatest beauty and the purest form of intellect and wit must be deliberately selected, avoiding all that might sully, even for a moment, the bodies which are the temples into which divine knowledge is to be invoked.

Trước khi con mắt bên trong não bộ có thể nhìn thấy, hoặc tai trong có thể nghe thấy, tốc độ rung động của chúng phải được nâng lên bằng sự thanh khiết của cuộc sống, của thức ăn, của hành động và của tư tưởng. Nhà khoa học của thời đại sắp tới không thể bỏ qua giáo lý cổ xưa của tôn giáo liên quan đến việc nuôi dưỡng thể xác và linh hồn. Y phải học cách biến thể trí, cảm xúc và não bộ thành một công cụ duy nhất có âm sắc hoàn hảo. Những người sùng bái muốn thờ phượng tại đền thờ tri thức phải gạt bỏ mọi thú vui trần thế vốn sẽ làm hỏng vẻ đẹp, sự hoàn hảo và độ chính xác đến từng phút của công cụ. Mọi đam mê phải được từ bỏ, vì đam mê là một cơn bão cảm xúc, vốn sẽ phá hủy sự tinh tế tế vi của nhận thức rất cần thiết cho nghiên cứu. Thức ăn phải tinh khiết, nhẹ, sinh động và không có vết máu và sự tàn ác; đồ uống không có khói cồn; trong thú vui, y phải luôn tìm kiếm hình thức giải trí cao nhất. Âm nhạc hay nhất, vẻ đẹp vĩ đại nhất và hình thức trí tuệ và sự hóm hỉnh thuần khiết nhất phải được lựa chọn một cách có chủ ý, tránh tất cả những gì có thể làm vấy bẩn, dù chỉ trong một khoảnh khắc, những thể vốn là đền thờ mà tri thức thiêng liêng sẽ được khẩn cầu.

He must meditate daily, seeking to pierce the many veils which hang before the holy of holies, in which the Self of knowledge is enshrined. With concentrated mind he must think his way through the unreality and illusion of the lower worlds, past the phenomena and forms which hitherto have served him for the real, into that primeval source which is behind. Every object which has life may serve as starting point; he may take the tree, the branch, the stem, the leaf, insect, animal, bird or man, and seek to unify

Y phải tham thiền hàng ngày, tìm cách xuyên thủng nhiều bức màn treo trước nơi chí thánh, nơi Bản Ngã tri thức được tôn thờ. Với thể trí tập trung, y phải suy nghĩ theo cách của mình thông qua sự không có thật và ảo tưởng của các cõi thấp, vượt qua các hiện tượng và hình tướng mà cho đến nay đã phục vụ y cho cái thực, vào nguồn gốc nguyên thủy vốn ở đằng sau. Mọi đối tượng có sự sống đều có thể đóng vai trò là điểm khởi đầu; y có thể lấy cây, cành, thân, lá, côn trùng, động vật, chim hoặc người, và tìm cách thống nhất sự sống bên trong

the life within himself with the life inspiring them.

Gradually he will learn to use the various levels of his consciousness freely and at will; to concentrate awareness in the planes of feeling or of thought exclusively, to focus his intellectual powers in the vehicle appropriate to the knowledge which he seeks. When this technique has been acquired he will begin to draw aside the veil of the temple and approach the altar of knowledge and of truth. That veil symbolizes the region of the world of thought, which lies between the higher and the lower mind, the mortal and immortal man. The altar is his great Augoeides, his shining and eternal self, where truth and knowledge ever reign. Seated in calm and undisturbed peace, with life and bodies purified, with soul at rest, let him collect the force of every faculty of body and of mind and draw them up into himself and point them like an arrow through the centre of his head, upwards into the formless worlds, concentrating every power of his being into the will to know.

As practice brings success, he will form his lower vehicles into a chalice, which he will offer upon the altar of his Higher Self, that it may be filled with the wine of wisdom and of truth; and as the precious fluid flows into the cup his mind will be illumined and his soul refreshed. A new life will descend and vivify his every thought and word and deed. His brain will be quickened, its dual glands of wisdom and of knowledge will be awakened and acting in unison, will provide him with an eye, which, piercing every obstacle of time and space, will dispel the illusion of distance, size and form. Nature will begin to recognize the sovereign right to knowledge, which his aspiring soul has won; she will reveal herself and lay her secrets bare; the next stage in the progress of human consciousness will have

chính mình với sự sống truyền cảm hứng cho chúng.

Dần dần, y sẽ học cách sử dụng các cấp độ khác nhau của tâm thức một cách tự do và theo ý muốn; để tập trung nhận thức vào các cõi cảm xúc hoặc tư tưởng một cách độc quyền, để tập trung sức mạnh trí tuệ của mình vào vận cụ thích hợp với tri thức mà y tìm kiếm. Khi kỹ thuật này đã đạt được, y sẽ bắt đầu vén bức màn của đền thờ và đến gần bàn thờ tri thức và chân lý. Bức màn đó tượng trưng cho khu vực của thế giới tư tưởng, vốn nằm giữa thượng trí và hạ trí, người phàm và người bất tử. Bàn thờ là Augoeides vĩ đại của y, bản ngã rạng ngời và vĩnh cửu của y, nơi chân lý và tri thức luôn ngự trị. Ngồi trong sự bình yên tĩnh lặng và không bị xáo trộn, với cuộc sống và các thể được thanh lọc, với linh hồn an nghỉ, hãy để y thu thập sức mạnh của mọi năng lực của thể xác và thể trí và kéo chúng vào chính mình và chỉ chúng như một mũi tên xuyên qua trung tâm đầu của y, lên trên vào thế giới vô hình, tập trung mọi sức mạnh của bản thể y vào ý chí muốn biết.

Khi thực hành mang lại thành công, y sẽ hình thành các vận cụ thấp hơn của mình thành một chén thánh, mà y sẽ dâng lên bàn thờ Chân Ngã Cao Thượng của mình, để nó có thể được lấp đầy bằng rượu minh triết và chân lý; và khi chất lưu quý giá chảy vào chén, thể trí của y sẽ được soi sáng và linh hồn y được làm mới. Một sự sống mới sẽ giáng xuống và tiếp sinh lực cho mọi tư tưởng, lời nói và hành động của y. Bộ não của y sẽ được thúc đẩy, các tuyến kép minh triết và tri thức của nó sẽ được đánh thức và hoạt động hài hòa, sẽ cung cấp cho y một con mắt, vốn, xuyên thủng mọi trở ngại về thời gian và không gian, sẽ xua tan ảo tưởng về khoảng cách, kích thước và hình tướng. Tự nhiên sẽ bắt đầu nhận ra quyền tối thượng đối với tri thức, mà linh hồn khao khát của y đã giành được; nó sẽ tiết lộ chính nó và phơi bày

been entered.

những bí mật của nó; giai đoạn tiếp theo trong sự tiến bộ của tâm thức con người sẽ được bước vào.

The way of knowledge is the way of light, and ere the final illumination is bestowed the knight of wisdom must perform his accolade; having drawn the veil aside he must kneel before the altar of the God within himself, and swear the vow which never may be broken. He must pledge himself that all the knowledge which he gains, and every power which his will evokes shall be dedicated utterly and irrevocably to the service of the great ideal of the progress and perfection of the life in every form. He must become a builder in the service of the Great Architect of the Universe, destroying only when the form has been outgrown, and then with divine compassion and selfless desire to serve. With his new found power he must become a protector, preserver and regenerator, using knowledge only to that end. Then, and then alone, may he grow in wisdom and be consecrated as a knight in the service of the King and a steward of the wisdom of the Great Scientist of the Universe. He shall rise from kneeling with the humility of one, who having seen the great light within the sanctuary, knows himself but a minute speck, illumined by its beams.

Con đường tri thức là con đường ánh sáng, và trước khi sự soi sáng cuối cùng được ban cho, hiệp sĩ minh triết phải thực hiện nghi thức phong tước của mình; sau khi vén bức màn, y phải quỳ trước bàn thờ của Thượng đế bên trong chính mình, và tuyên thệ mà không bao giờ có thể bị phá vỡ. Y phải cam kết rằng tất cả tri thức mà y có được, và mọi sức mạnh mà ý chí của y gợi lên sẽ được cống hiến hoàn toàn và không thể hủy ngang cho việc phụng sự lý tưởng vĩ đại về sự tiến bộ và hoàn thiện của sự sống trong mọi hình tướng. Y phải trở thành một người xây dựng trong việc phụng sự Đại Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ, chỉ phá hủy khi hình tướng đã phát triển quá mức, và sau đó với lòng trắc ẩn thiêng liêng và mong muốn vô tư để phụng sự. Với sức mạnh mới tìm thấy của mình, y phải trở thành một người bảo vệ, bảo tồn và tái tạo, chỉ sử dụng tri thức cho mục đích đó. Khi đó, và chỉ khi đó, y mới có thể phát triển trong minh triết và được phong làm hiệp sĩ trong việc phụng sự Đức Vua và là người quản lý minh triết của Nhà Khoa Học Vĩ Đại của Vũ Trụ. Y sẽ đứng dậy từ tư thế quỳ với sự khiêm nhường của một người, người đã nhìn thấy ánh sáng vĩ đại bên trong thánh địa, biết mình chỉ là một đốm nhỏ, được chiếu sáng bởi những tia sáng của nó.

His new found powers will grow as he learns to use them, and he will develop a new technique of research. He will enter virgin fields of knowledge, the fruits of which he will employ for the upliftment and refinement of human life. In that field alone are to be found the sovereign remedies for every human ill, and when men learn to live according to the law which, by his new found knowledge he will teach, disease will be banished from the minds and bodies of those who live in

Những năng lực mới tìm thấy của y sẽ phát triển khi y học cách sử dụng chúng, và y sẽ phát triển một kỹ thuật nghiên cứu mới. Y sẽ bước vào những lĩnh vực tri thức còn trinh nguyên, những thành quả mà y sẽ sử dụng để nâng cao và tinh lọc đời sống con người. Chỉ trong lĩnh vực đó mới có những phương thuốc tối thượng cho mọi căn bệnh của con người, và khi con người học cách sống theo định luật mà, nhờ tri thức mới tìm thấy, y sẽ dạy, bệnh tật sẽ bị xua đuổi khỏi thể trí và thể xác của

obedience to its behests. The earth will be made more fruitful; the powers of the air will be discovered and turned to human use. Inexhaustible sources of power will be released for light, heat and energy will be discovered in the air. The vital forces of the human body may be studied, and the secret of life, maturity and longevity may be known. The stone of the philosopher and his vital elixir are the bread and wine served upon the altar of truth, set up in that holy of holies, which is the deepest and truest self of man. He that would partake of that most precious sacrament must tread the way of service.

những người sống tuân theo mệnh lệnh của nó. Trái đất sẽ trở nên màu mỡ hơn; những năng lực của không khí sẽ được khám phá và chuyển sang phục vụ con người. Những nguồn năng lượng vô tận sẽ được giải phóng cho ánh sáng, nhiệt và năng lượng sẽ được khám phá trong không khí. Các lực sinh tồn của cơ thể con người có thể được nghiên cứu, và bí mật của sự sống, sự trưởng thành và tuổi thọ có thể được biết đến. Hòn đá của nhà triết học và thuốc trường sinh của y là bánh và rượu được dâng trên bàn thờ chân lý, được dựng lên trong nơi chí thánh, vốn là bản ngã sâu sắc nhất và chân thật nhất của con người. Người muốn dự phần vào bí tích quý giá nhất đó phải bước đi trên con đường phụng sự.

The newly consecrated knight will bear upon his shield the emblem of a cup, and the words ‘power for service’. Thus he will display his goal and its reward.

Hiệp sĩ mới được phong chức sẽ mang trên tấm khiên của mình biểu tượng của một chiếc cốc, và những lời 'sức mạnh để phụng sự'. Như vậy, y sẽ thể hiện mục tiêu của mình và phần thưởng của nó.

Such is the way of knowledge, let him who dares pursue it and he shall win freedom from the bonds of illusion and of woe, shall break the shackles of desire and enter into eternal peace.

Đó là con đường tri thức, hãy để người nào dám theo đuổi nó và y sẽ giành được tự do khỏi những xiềng xích của ảo tưởng và đau khổ, sẽ phá vỡ xiềng xích của dục vọng và bước vào sự an lạc vĩnh cửu.

The Theosophist, Vol. 49, December 1927, p. 323

The Theosophist, Vol. [49], tháng 12 năm 1927, tr. [323]

SECTION 5

Explorations of the Unseen in Other Cultures



Geoffrey Hodson cùng một nhà khảo cổ học tại địa điểm các gò đất của người bản địa Mỹ ở Nebraska bên sông Mississippi. GH với khả năng thông nhãn đã mô tả chính xác người chủ của công việc của ông như một người làm đầu mũi tên làm đầu mũi tên và hướng của cánh cửa.

137

Occult Research into the Early American Inhabitants—Nghiên Cứu Huyền Bí về Những Cư Dân Đầu Tiên của Châu Mỹ

(On May 16, 1931 a small party interested in archaeology took Mr and Mrs Geoffrey Hodson to 'house-site ruins' recently excavated in Hummel Park, three miles north of Omaha, Nebraska. These excavations were made under the leadership of Dr Robert F. Gilder, the internationally known archaeologist and discoverer of the Nebraska Cultural Man. Dr Gilder himself was present during the clairvoyant investigation, and was accompanied by his friend, Mr A. L. Bishop, a

(Vào ngày 16 tháng 5 năm 1931, một nhóm nhỏ quan tâm đến khảo cổ học đã đưa Ông và Bà Geoffrey Hodson đến 'những tàn tích nhà ở' mới được khai quật ở Công viên Hummel, cách Omaha, Nebraska ba dặm về phía bắc. Những cuộc khai quật này được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Tiến sĩ Robert F. Gilder, nhà khảo cổ học nổi tiếng quốc tế và là người khám phá ra Người Văn Hóa Nebraska. Tiến sĩ Gilder đích thân có mặt trong cuộc điều tra thông nhãn, và đi cùng với y là bạn của y, Ông A. L.

brother archaeologist. Also present were Dr Edith Pettegrew and two representatives of the Omaha World Herald. Precautions were taken by Dr Gilder to prevent any other member of the party knowing in which direction and to what discoveries he intended taking them.

Bishop, một huynh đệ khảo cổ học. Ngoài ra còn có Tiến sĩ Edith Pettegrew và hai đại diện của Omaha World Herald. Các biện pháp phòng ngừa đã được Tiến sĩ Gilder thực hiện để ngăn bất kỳ thành viên nào khác trong nhóm biết y định đưa họ đi theo hướng nào và đến những khám phá nào.

The party sat down inside the house-site of the previous findings, concerning which Mr Hodson had no knowledge whatever, and he was handed a grooved mandible of the mule deer, which had been excavated from a cache at the side of the house. The cause and purpose of the groove was conjectural. A verbatim report of Mr Hodson's findings was made by Mrs Hodson and is offered herewith, together with the comments of Mr Bishop.)

Nhóm ngồi xuống bên trong khu nhà ở của những phát hiện trước đó, về những điều mà Ông Hodson hoàn toàn không biết, và Ông được trao một xương hàm dưới có rãnh của con la, vốn đã được khai quật từ một kho chứa ở bên cạnh ngôi nhà. Nguyên nhân và mục đích của rãnh là phỏng đoán. Một báo cáo nguyên văn về những phát hiện của Ông Hodson đã được Bà Hodson thực hiện và được cung cấp kèm theo đây, cùng với những bình luận của Ông Bishop.)

A. I get a picture of a man weaving with this bone he is using it to push his cross threads up tight. He is sitting in the sun, outside of a group of buildings, and working on a kind of loom. The whole contour of the country was utterly different then from now. There were here a number of earth houses, making a community. This man is using the woof and warp principle and keeps tapping the new threads up against the old, with this bone.

Tôi có một hình ảnh về một người đàn ông đang dệt bằng chiếc xương này, y đang sử dụng nó để đẩy các sợi ngang của mình lên chặt. Y đang ngồi dưới ánh mặt trời, bên ngoài một nhóm các tòa nhà, và làm việc trên một loại khung cửi. Toàn bộ đường nét của đất nước hoàn toàn khác so với bây giờ. Ở đây có một số nhà đất, tạo thành một cộng đồng. Người đàn ông này đang sử dụng nguyên tắc sợi ngang và sợi dọc và liên tục gõ các sợi mới vào các sợi cũ, bằng chiếc xương này.

Comment on 'A' by Mr Bishop: Archaeologically, these sites are recognized as semi-subterranean. This suggestion as to the use of the bone and cause of the grooving is very convincing, the hand polish being still visible.

Bình luận về 'A' của Ông Bishop: Về mặt khảo cổ học, những địa điểm này được công nhận là bán ngầm. Gợi ý này về việc sử dụng xương và nguyên nhân gây ra rãnh rất thuyết phục, độ bóng do tay đánh bóng vẫn còn nhìn thấy được.

B. He has a number of other instruments beside him, some of which are made from the pointed antler of a deer. There is also a flat, bone-shaped instrument with a sharp edge resembling a knife.

Y có một số dụng cụ khác bên cạnh, một số trong đó được làm từ gạc nhọn của một con nai. Ngoài ra còn có một dụng cụ hình xương phẳng với một cạnh sắc giống như một con dao.

Comment on 'B' The pointed antler implements have actually been found and are in the possession of Dr Gilder and Mr Bishop.

Bình luận về 'B': Các dụng cụ bằng gạc nhọn đã thực sự được tìm thấy và đang thuộc sở hữu của Tiến sĩ Gilder và Ông Bishop.

C. This is a group of hillside dwellings cut out of clay. The general architecture is plain and square. There is very little attempt at ornamentation. The uppermost houses have pole roofs over which is a hard earth covering.

Đây là một nhóm nhà ở trên sườn đồi được khoét từ đất sét. Kiến trúc chung đơn giản và vuông vắn. Có rất ít nỗ lực trang trí. Những ngôi nhà trên cùng có mái bằng cột, bên trên là một lớp đất cứng.

Comment on 'C': Each of these three statements is amply borne out by actual discoveries.

Bình luận về 'C': Mỗi tuyên bố trong ba tuyên bố này đều được chứng minh đầy đủ bằng những khám phá thực tế.

D. These people possess a certain refinement of culture, shown by the presence of some quite well made pottery, decorated in colours and consisting chiefly of large pots and jars.

Những người này sở hữu một sự tinh tế nhất định trong văn hóa, được thể hiện qua sự hiện diện của một số đồ gốm được làm khá tốt, được trang trí bằng màu sắc và chủ yếu bao gồm các loại nồi và bình lớn.

Comment on 'D Fragments of pottery of this kind have been found, though so far all in this district have been uncoloured.

Bình luận về 'D': Các mảnh gốm thuộc loại này đã được tìm thấy, mặc dù cho đến nay tất cả ở quận này đều không có màu.

E. These houses are built in terraces, each house being cut back into a kind of cliff of hard earth with the openings on the cliffs face. These particular groups extend for at least one hundred yards on either side of this site and the system was extended further in a chain of similar groups.

Những ngôi nhà này được xây dựng theo bậc thang, mỗi ngôi nhà được khoét sâu vào một loại vách đá bằng đất cứng với các lỗ mở trên mặt vách đá. Các nhóm cụ thể này kéo dài ít nhất một trăm thước ở mỗi bên của địa điểm này và hệ thống đã được mở rộng hơn nữa trong một chuỗi các nhóm tương tự.

Comment on 'E': Actually, five similar house-sites have already been discovered and explored within one hundred yards on each side of this group.

Bình luận về 'E': Trên thực tế, năm địa điểm nhà ở tương tự đã được phát hiện và khám phá trong vòng một trăm thước ở mỗi bên của nhóm này.

F. These people show a refinement which suggests that they are the remnants of a highly cultured civilisation centred some hundreds of miles east of here. They have language and considerable domestic development. They are lighter of skin than the later Indians, to whom they bear no resemblance, belonging obviously to another

Những người này thể hiện một sự tinh tế cho thấy rằng họ là tàn tích của một nền văn minh có văn hóa cao tập trung cách đây hàng trăm dặm về phía đông của nơi này. Họ có ngôn ngữ và sự phát triển đáng kể trong nước. Họ có làn da sáng hơn những người Da đỏ sau này, những người mà họ không có điểm tương đồng nào, rõ ràng thuộc về một chủng tộc

race. There are blonds among them. I see one white haired old man who is un-Occult Research into the Early American Inhabitants 529 doubtedly a venerated tribal figure. He belongs to the religious side of the community and presides over certain ceremonies, at which fires are lit. Then he, entering into a lucid state, speaks to the people.

khác. Có những người tóc vàng trong số họ. Tôi thấy một ông già tóc trắng, người chắc chắn là một nhân vật bộ lạc được tôn kính. Y thuộc về khía cạnh tôn giáo của cộng đồng và chủ trì một số nghi lễ, trong đó lửa được thắp lên. Sau đó, y, bước vào một trạng thái sáng suốt, nói với mọi người.

This community appears to be the decadent remains of a once more highly developed civilisation. The American continent was shaped differently at that time. The Eastern coast extended right out into the Atlantic where the centre of this civilisation was established. These people, though still cultured, are somewhat effete. I see no signs of military activity among them, the communities being religious and cultural.

Cộng đồng này dường như là tàn tích suy tàn của một nền văn minh đã từng phát triển cao hơn. Lục địa Hoa Kỳ đã có hình dạng khác vào thời điểm đó. Bờ biển phía Đông kéo dài ra tận Đại Tây Dương, nơi trung tâm của nền văn minh này được thành lập. Những người này, mặc dù vẫn có văn hóa, nhưng có phần suy yếu. Tôi không thấy dấu hiệu của hoạt động quân sự nào trong số họ, các cộng đồng mang tính tôn giáo và văn hóa.

Comment on 'F We had already concluded for a fact that these communities were small, isolated and without any evidence of protection; that their inhabitants were peace-loving people.

Bình luận về 'F': Chúng tôi đã kết luận một cách chắc chắn rằng những cộng đồng này nhỏ, biệt lập và không có bất kỳ bằng chứng bảo vệ nào; rằng cư dân của họ là những người yêu chuộng hòa bình.

(At this point Mr Bishop sought information as to the origin and final destiny of these people and the period in which they lived.)

(Tại thời điểm này, Ông Bishop đã tìm kiếm thông tin về nguồn gốc và số phận cuối cùng của những người này và thời kỳ họ sống.)

G. These people are the relics of a great colony, immigrating from the southeast—from a land now under the Atlantic ocean. They were led by very highly evolved men and came in from the direction of Florida, then a part of the Atlantic mainland. They spread out fanwise and gradually travelled westwards to the Rocky Mountains. Thousands of years passed, during which they settled the country. The sinking of their land cut them off from their original centre, after which a decadence set in. Then began the decline—physically, mentally and in numbers. Finally a concerted movement south-west toward Central

Những người này là di tích của một thuộc địa lớn, di cư từ phía đông nam—từ một vùng đất hiện đang nằm dưới đáy Đại Tây Dương. Họ được dẫn dắt bởi những người rất tiến hóa và đến từ hướng Florida, khi đó là một phần của đất liền Đại Tây Dương. Họ lan rộng ra hình quạt và dần dần đi về phía tây đến Dãy núi Rocky. Hàng ngàn năm trôi qua, trong thời gian đó họ định cư ở đất nước này. Việc đất của họ bị chìm đã cắt đứt họ khỏi trung tâm ban đầu, sau đó một sự suy tàn bắt đầu. Sau đó, sự suy giảm bắt đầu—về thể chất, tinh thần và số lượng. Cuối cùng, một phong trào phối hợp về phía tây nam hướng tới Trung Mỹ bắt đầu, dần

America began, gradually denuding America of this type of man. This was caused by a general change in the climate, this region becoming extremely cold. This country would lie under snow for three parts of the year, when this change had reached its height.

dần tước bỏ nước Mỹ khỏi loại người này. Điều này là do sự thay đổi chung về khí hậu, khu vực này trở nên cực kỳ lạnh. Đất nước này sẽ nằm dưới tuyết trong ba phần của năm, khi sự thay đổi này đạt đến đỉnh điểm.

Comment on G Geologically, there is evidence that the ice caps have descended at least six times over the northern continent, at unknown periods.

Bình luận về G: Về mặt địa chất, có bằng chứng cho thấy các chỏm băng đã hạ xuống ít nhất sáu lần trên lục địa phía bắc, vào những thời điểm không xác định.

H. These people tamed types of deer and used them as carriers on this migration. Large numbers died on the journey and the race seems to have almost become extinct. I think the scene I have described is at least 5,000 years old.

Những người này đã thuần hóa các loại hươu và sử dụng chúng làm vật chở hàng trong cuộc di cư này. Một số lượng lớn đã chết trên đường đi và chủng tộc dường như gần như tuyệt chủng. Tôi nghĩ cảnh tôi đã mô tả ít nhất là 5.000 năm tuổi.

Comment on 'H': Lime accretions and other evidence had already brought us to the same conclusions regarding the age of the prehistoric house-sites.

Bình luận về 'H': Sự bồi tụ vôi và các bằng chứng khác đã đưa chúng tôi đến cùng một kết luận về tuổi của các địa điểm nhà ở thời tiền sử.

(The newspaper report, which included Mr Hodson's statements, verbatim, but not Mr Bishop's comments, concludes its account of the expedition with the following):

(Báo cáo trên báo, bao gồm các tuyên bố của Ông Hodson, nguyên văn, nhưng không có bình luận của Ông Bishop, kết luận tường thuật về chuyến thám hiểm bằng những điều sau):

'Mr Bishop and Dr Pettegrew were outspoken in their commendation regarding Mr Hodson's efforts.

'Ông Bishop và Tiến sĩ Pettegrew đã thẳng thắn khen ngợi những nỗ lực của Ông Hodson.

'Dr Gilder added: I was much impressed with what Mr Hodson had to say. Many of his utterances tally with my findings and theories. I cannot take exception to anything he said. I have found antler implements such as he described. These dwellings, when excavated, were rectangular and were not made round as some in the east have maintained. It is also my belief that these earlier people may have come from the east and been related to the mound builders of the Ohio

'Tiến sĩ Gilder nói thêm: Tôi rất ấn tượng với những gì Ông Hodson nói. Nhiều lời nói của y phù hợp với những phát hiện và lý thuyết của tôi. Tôi không thể phản đối bất cứ điều gì y nói. Tôi đã tìm thấy các dụng cụ bằng gạc như y đã mô tả. Những ngôi nhà này, khi được khai quật, có hình chữ nhật và không được làm tròn như một số người ở phía đông đã khẳng định. Tôi cũng tin rằng những người trước đây này có thể đến từ phía đông và có liên quan đến những người xây gò ở Thung lũng Ohio. Người

Valley. Mandan Indians were reported to have had blue-eyed children among them, and some with light hair. I am glad I came on this expedition. It was decidedly interesting!

Mandan Da đỏ được báo cáo là có những đứa trẻ mắt xanh trong số họ, và một số người có tóc sáng màu. Tôi rất vui vì tôi đã tham gia chuyến thám hiểm này. Nó chắc chắn rất thú vị!

The Theosophist, Vol. 54, October 1932, p. 85

The Theosophist, Vol. [54], tháng 10 năm 1932, tr. [85]

138

Some Impressions at Bodh Gaya—Một Vài Ấn Tượng Tại Bồ Đề Đạo Tràng

A sign post 'To Bodh Gaya' awakens deep feelings in the visitor approaching the scene of the Enlightenment of the Lord Buddha.

Một biển báo 'Đến Bồ Đề Đạo Tràng' đánh thức những cảm xúc sâu sắc trong du khách khi đến gần nơi Đức Phật Giác Ngộ.

All along the sacred valley of the Ganges, from Patna (site of the capital of King Asoka, home of the Maurian dynasty) to Gaya, a voice seems continually to say: 'The Lord Buddha passed this way; here He crossed the river by a ford; here a courtesan surrendered all her wealth and followed Him; here, to the woodland God, Sujata unsuspecting offered food; on this spot He sought and found Enlightenment'.

Dọc theo thung lũng thiêng liêng sông Hằng, từ Patna (địa điểm thủ đô của Vua Asoka, quê hương của triều đại Mauria) đến Gaya, một giọng nói dường như liên tục nói: 'Đức Phật đã đi qua con đường này; ở đây Ngài đã vượt sông bằng một bến cạn; ở đây một kỹ nữ đã từ bỏ tất cả tài sản của mình và đi theo Ngài; ở đây, với Thần rừng, Sujata không nghi ngờ gì đã dâng thức ăn; trên địa điểm này, Ngài đã tìm kiếm và tìm thấy Giác Ngộ'.

For at last the actual place is reached; one of life's pilgrimages is ended, one dream fulfilled: to stand upon ground by Him made holy for all time, to pray where He prayed, to seek that peace which here He found.

Vì cuối cùng địa điểm thực tế đã đạt được; một trong những cuộc hành hương của cuộc đời đã kết thúc, một giấc mơ đã thành hiện thực: được đứng trên mảnh đất do Ngài làm cho linh thiêng mãi mãi, để cầu nguyện nơi Ngài đã cầu nguyện, để tìm kiếm sự an lạc mà Ngài đã tìm thấy ở đây.

We salute King Asoka and thank him for the noble temple and Maurian palisade with which he commemorated the great event and marked the holy place. But for his devotion the Bo-tree, long since dead, knowledge of the actual scene, might have been lost.

Chúng ta chào Vua Asoka và cảm ơn Ngài vì ngôi đền cao quý và hàng rào Mauria mà Ngài đã kỷ niệm sự kiện trọng đại và đánh dấu địa điểm linh thiêng. Nếu không có lòng sùng kính của Ngài, cây Bồ-đề, từ lâu đã chết, kiến thức về cảnh thực tế, có lẽ đã bị mất.

Seated under the Bo-tree—descendant of the great original tree—the author's first

Ngồi dưới gốc cây Bồ-đề—hậu duệ của cây nguyên thủy vĩ đại—ấn tượng đầu tiên của tác

impression was of vibrating power, and then of brilliant golden light shining at a certain place between the temple and the tree. Gradually within the light, a figure was seen, seated, still with the stillness of eternity. This stillness gradually pervades the observer, as if prophetically a measure of the poise and peace of Buddhahood were induced in him. Indeed, time limitations lose their meaning here. Past, present and future begin to blend into a wholeness which is independent of time. Enlightenment no more seems far away, but imminent, a tremendous event about to occur.

giả là về sức mạnh rung động, và sau đó là ánh sáng vàng rực rỡ chiếu sáng tại một địa điểm nhất định giữa ngôi đền và cây. Dần dần trong ánh sáng, một hình bóng được nhìn thấy, đang ngồi, vẫn với sự tĩnh lặng của vĩnh hằng. Sự tĩnh lặng này dần dần lan tỏa đến người quan sát, như thể một cách tiên tri, một thước đo về sự thăng bằng và an lạc của Phật tính đã được tạo ra trong y. Thật vậy, những giới hạn về thời gian mất đi ý nghĩa của chúng ở đây. Quá khứ, hiện tại và tương lai bắt đầu hòa trộn vào một sự toàn vẹn độc lập với thời gian. Giác Ngộ dường như không còn xa vời nữa, mà là sắp xảy ra, một sự kiện to lớn sắp xảy ra.

The vision of the Lord returns. The very scene appears; the trunk and branches of a tree and underneath, the seated figure of a man in early middle age. The face is somewhat drawn and strained, despite the peace accompanying Enlightenment. Race, noble birth, royalty are stamped upon it. The features are refined, yet strong; the nose is aquiline, the forehead lofty, the closed eyes faintly suggesting Mongolian ancestry. The lips are full yet delicately formed, immobile, yet curved in the smile of one who dwells in bliss ineffable.

Hình ảnh của Đức Phật trở lại. Chính cảnh tượng xuất hiện; thân và cành của một cái cây và bên dưới, hình bóng đang ngồi của một người đàn ông ở độ tuổi trung niên. Khuôn mặt có phần hốc hác và căng thẳng, mặc dù có sự an lạc đi kèm với Giác Ngộ. Chủng tộc, dòng dõi quý tộc, hoàng tộc được in dấu trên đó. Các đường nét tinh tế, nhưng mạnh mẽ; mũi khoằm, trán cao, đôi mắt nhắm nghiền gợi ý tổ tiên Mông Cổ. Đôi môi đầy đặn nhưng được tạo hình tinh tế, bất động, nhưng cong lên trong nụ cười của một người đang sống trong hạnh phúc khôn tả.

The consciousness is difficult to reach, as if He had ascended beyond all human levels, beyond space, beyond time. The effort also to ascend opens again a door in the mental prison of time.

Tâm thức rất khó tiếp cận, như thể Ngài đã thăng lên vượt qua mọi cấp độ của con người, vượt qua không gian, vượt qua thời gian. Nỗ lực thăng lên cũng mở lại một cánh cửa trong nhà tù trí tuệ của thời gian.

Buddhahood is indeed beyond time, beyond past, present and future. The Lord's attainment is not in the past but in the present. He is here. He attains now, at this moment, which is the ever-existent present in which He perpetually abides. This is the secret and the source of the light and power of this for ever sacred spot—timelessness. He is here and every visitor becomes a witness of the

Phật tính thực sự vượt thời gian, vượt qua quá khứ, hiện tại và tương lai. Sự thành tựu của Đức Phật không phải trong quá khứ mà là trong hiện tại. Ngài ở đây. Ngài đạt được ngay bây giờ, vào thời điểm này, vốn là hiện tại vĩnh hằng mà Ngài liên tục ngự trị. Đây là bí mật và nguồn gốc của ánh sáng và sức mạnh của địa điểm thiêng liêng này mãi mãi—tính vượt thời gian. Ngài ở đây và mọi du khách đều trở

great event. His 'Cloud of Witnesses' consists of those helped not only during His Ascent, but now and for evermore.

thành nhân chứng của sự kiện trọng đại. 'Đám Mây Nhân Chứng' của Ngài bao gồm những người được giúp đỡ không chỉ trong quá trình Ngài Thăng Lên, mà còn bây giờ và mãi mãi về sau.

Forms disappear. One is at the centre of a sphere which has no visible circumference; it is the sphere of consciousness within which all past events still exist. They are distant, that is away from the centre, according to their relative place in time. The last birth for example is quite near; the sphere reaches far beyond it and is full of incidents, separated neither from>each other nor from the consciousness which experienced them. They are not 'past and done with'; they still exist within the sphere which is the totality of awareness in time and space. These events are still happening, even as the Lord still meditates and still attains beneath the Bodhi tree.

Các hình tướng biến mất. Một người đang ở trung tâm của một quả cầu không có chu vi hữu hình; đó là quả cầu tâm thức mà trong đó tất cả các sự kiện trong quá khứ vẫn tồn tại. Chúng ở xa, tức là cách xa trung tâm, theo vị trí tương đối của chúng trong thời gian. Ví dụ, lần sinh cuối cùng khá gần; quả cầu vươn xa hơn nó và chứa đầy những sự cố, không tách rời nhau cũng như không tách rời khỏi tâm thức đã trải qua chúng. Chúng không phải là 'quá khứ và đã xong'; chúng vẫn tồn tại trong quả cầu vốn là toàn bộ nhận thức trong thời gian và không gian. Những sự kiện này vẫn đang xảy ra, ngay cả khi Đức Phật vẫn đang tham thiền và vẫn đạt được dưới gốc cây Bồ-đề.

Thus brooding and seeking unity with Him Whose light shines at this place, the great experience comes. Powerful, definite, arousing, it consists of a realisation, however limited, of that deathless resolve by which the goal was won. Every power of will, of wisdom and of intellect is concentrated in one invincible determination. Every faculty of mind and heart and body is concentrated in the one all-consuming purpose—to achieve.

Do đó, ấp ủ và tìm kiếm sự hợp nhất với Ngài, Đấng có ánh sáng chiếu sáng tại nơi này, trải nghiệm vĩ đại đến. Mạnh mẽ, dứt khoát, khơi gợi, nó bao gồm một sự nhận ra, dù hạn chế đến đâu, về quyết tâm bất tử mà nhờ đó mục tiêu đã đạt được. Mọi sức mạnh của ý chí, minh triết và trí tuệ đều được tập trung vào một quyết tâm bất khả chiến bại. Mọi khả năng của thể trí và trái tim và thể xác đều được tập trung vào mục đích duy nhất bao trùm tất cả—để đạt được.

Unwavering, unchanging, save that it increased in strength, that will persisted through the ages, determination mounting as life followed life until at last the whole being became the incarnation of a vow, an irrevocable decision. Utterly impersonal, the motive was compassion, love, infinite pity for all that lives and suffers; from these the great resolve was born, gained strength and was at

Không lay chuyển, không thay đổi, ngoại trừ việc nó tăng cường sức mạnh, ý chí đó vẫn tồn tại qua các thời đại, quyết tâm tăng lên khi sự sống tiếp nối sự sống cho đến khi cuối cùng toàn bộ con người trở thành hiện thân của một lời thề, một quyết định không thể hủy bỏ. Hoàn toàn vô ngã, động cơ là lòng trắc ẩn, tình thương, lòng thương xót vô hạn đối với tất cả những gì sống và đau khổ; từ những điều này,

last fulfilled.

quyết tâm vĩ đại đã được sinh ra, có được sức mạnh và cuối cùng đã được hoàn thành.

Vibrating power, golden light, the form of the Prince Siddartha, His stillness, His bliss, His timelessness and, finally, the vow which may not be broken — these were the chief impressions of Bodh Gaya. The deepest and most permanent is of the vow and the spirit in which it was made and kept to the end, which came under the Bodhi tree—scene of the consummation of a thousand lives.

Sức mạnh rung động, ánh sáng vàng, hình tướng của Thái Tử Tất Đạt Đa, sự tĩnh lặng của Ngài, sự hoan lạc của Ngài, sự vượt thời gian của Ngài và cuối cùng, lời thề không thể phá vỡ — đây là những ấn tượng chính về Bồ Đề Đạo Tràng. Điều sâu sắc nhất và lâu dài nhất là lời thề và tinh thần mà nó được thực hiện và giữ vững đến cùng, vốn đến dưới cội Bồ Đề—nơi viên mãn của hàng ngàn kiếp sống.

Theosophy in Australia, 3, 2 April 1939, p. 13

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 2 tháng 4 năm 1939, tr. [13]

139

The Heart of A Nation—Trái Tim Của Một Quốc Gia

Thoughts at the Lincoln Memorial

Những suy nghĩ tại Đài Tưởng Niệm Lincoln

In these our present days when so many millions of men in almost every country of the world are experiencing physical want and mental despair it is good to stand for a time in a place of power and light such as is the Lincoln Memorial at Washington D. C., there to seek a reorienting of mind and heart.

Trong những ngày hiện tại của chúng ta, khi hàng triệu người ở hầu hết mọi quốc gia trên thế giới đang trải qua sự thiếu thốn về thể chất và tuyệt vọng về tinh thần, thật tốt khi dành thời gian ở một nơi có sức mạnh và ánh sáng như Đài Tưởng Niệm Lincoln ở Washington D. C., ở đó để tìm kiếm sự tái định hướng của thể trí và trái tim.

As one ascends the steps and passes the great pillars between which the huge and impressive statue of the President looks towards the nation's Capitol and feels the throb of life and power passing through the whole Memorial one realizes that physically this is the nation's heart. The outward dignity and beauty of the Memorial makes a deep impression even on those who are least responsive, and command quiet reverence as the visitors approach. Within, before the great man, voices are subdued, silence falls, as consciously or unconsciously, the power of the place is felt.

Khi một người bước lên các bậc thang và đi qua những cây cột lớn giữa đó bức tượng lớn và ấn tượng của Tổng thống hướng về Điện Capitol của quốc gia và cảm nhận được nhịp đập của sự sống và sức mạnh đi qua toàn bộ Đài Tưởng Niệm, người ta nhận ra rằng về mặt thể chất, đây là trái tim của quốc gia. Sự trang nghiêm và vẻ đẹp bên ngoài của Đài Tưởng Niệm tạo ấn tượng sâu sắc ngay cả đối với những người ít đáp ứng nhất, và ra lệnh sự tôn kính thầm lặng khi du khách đến gần. Bên trong, trước vị vĩ nhân, giọng nói nhỏ lại, sự im lặng buông xuống, khi một cách có ý thức hay vô thức, sức mạnh của nơi này được cảm nhận.

The Lincoln Memorial is far more than a beautiful national monument raised in gratitude; it is a national power centre. Those Mighty Ones Who guard and guide the destiny of the American people find in the reverent approach, the gratitude, and devotion outpoured here, a channel through which Their power and blessing may be spread throughout the land. In the air above, hosts of angels minister to that power, conserve the descending blessing and the upwelling life-stream and direct their flow through the gradually forming and extending veins and arteries of the American body corporate.

Đài Tưởng Niệm Lincoln còn hơn cả một tượng đài quốc gia tuyệt đẹp được dựng lên để tỏ lòng biết ơn; nó là một trung tâm quyền lực quốc gia. Các Đấng Cao Cả vốn bảo vệ và hướng dẫn vận mệnh của người dân Hoa Kỳ tìm thấy trong sự tiếp cận tôn kính, lòng biết ơn và sự tận tâm tuôn đổ ở đây, một kênh thông qua đó quyền năng và phước lành của Các Ngài có thể được lan tỏa khắp đất nước. Trong không trung phía trên, vô số thiên thần phục vụ quyền năng đó, bảo tồn phước lành giáng xuống và dòng sinh mệnh trào dâng và hướng dòng chảy của chúng qua các tĩnh mạch và động mạch đang dần hình thành và mở rộng của cơ thể hợp nhất Hoa Kỳ.

It is good therefore to stand in this place, for all who do so are blessed by its power, thereafter becoming bearers to the world of the leavening influence of the Supreme Ruler of all continents and of all men and of His mighty Hierarchy of Light. Thus to be touched is to be inwardly illumined and inspired with added zeal, and thus to serve is to bring nearer the day when the vision of the King in His beauty, lost during the mental cycle, will be restored to the race, as it has already been restored to its true leaders.

Do đó, thật tốt khi đứng ở nơi này, vì tất cả những ai làm như vậy đều được ban phước bởi quyền năng của nó, sau đó trở thành người mang đến thế giới ảnh hưởng men say của Đấng Tối Cao cai trị tất cả các lục địa và tất cả mọi người và Huyền Giai Ánh Sáng hùng mạnh của Ngài. Được chạm vào như vậy là được soi sáng và truyền cảm hứng từ bên trong với lòng nhiệt thành gia tăng, và do đó phụng sự là mang đến gần hơn ngày mà khải tượng về Đức Vua trong vẻ đẹp của Ngài, bị mất trong chu kỳ trí tuệ, sẽ được phục hồi cho nhân loại, như nó đã được phục hồi cho những

nhà lãnh đạo thực sự của nó.

"Who shall sojourn in thy tabernacle?

"Ai sẽ ngụ trong đền tạm của Ngài?

Who shall dwell in thy holy hill?

Ai sẽ ở trên núi thánh của Ngài?

He that walketh uprightly and worketh righteousness

Người bước đi ngay thẳng và làm điều công bình

And speaketh truth in his heart;

Và nói sự thật trong lòng mình;

He that slandereth not with his tongue, Nor doeth evil to his friend,

Người không vu khống bằng lưỡi mình, Cũng không làm điều ác cho bạn mình,

Nor taketh up a reproach against his neighbor;

Cũng không chấp nhận một lời trách móc chống lại người lân cận mình;

He that doeth these things shall never be moved".

Người làm những điều này sẽ không bao giờ bị lay chuyển".

— Fifteenth Psalm

Thi Thiên thứ mười lăm

Theosophy in Australia, Vol. 21, Issue 3, March 1933, p. 55

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. 21, Số 3, tháng 3 năm 1933, tr. [55]

140—

A Devi of the Southern Seas—Một Devi của Các Biển Phương Nam

(Among the clairvoyant observations recorded by Mr Geoffrey Hodson in a tour of Indonesia, not the least intriguing is the following investigation of a legend in which our author discovers a Princess of the Royal Family who, after discharging karmic debts to her people, is on the point of entering the *Deva* Kingdom.)

(Trong số những quan sát thông nhãn được ghi lại bởi Ông Geoffrey Hodson trong một chuyến du hành Indonesia, điều thú vị không kém là cuộc điều tra sau đây về một truyền thuyết trong đó tác giả của chúng ta khám phá ra một Công chúa của Hoàng tộc, người, sau khi trả xong nợ nghiệp cho người dân của mình, sắp bước vào Vương Quốc Deva.)

At Solo in Java the author was asked the following question by Javanese Young Theosophists:

Tại Solo ở Java, tác giả đã được các Nhà Thông Thiên Học Trẻ người Java hỏi câu hỏi sau:

History or Legend?

Lịch Sử hay Truyền Thuyết?

'It is said that there are two different *Devis* first, Njai Loro Kidul, Devi of the Southern

'Người ta nói rằng có hai Devi khác nhau thứ nhất, Njai Loro Kidul, Devi của Các Biển

Seas, the most ancient, whose coming into existence took place together with all the other *Devas* and *Devis;* second, Kandjeng Njai Roro Kidul; a human being, daughter of one of the Kings of Padjadjaran, who entered the *Deva* evolution.

Phương Nam, cổ xưa nhất, vốn có sự xuất hiện cùng với tất cả các Deva và Devi khác; thứ hai, Kandjeng Njai Roro Kidul; một con người, con gái của một trong những vị Vua của Padjadjaran, người đã bước vào sự tiến hóa của Deva.

'Is this history or legend? Are they good or bad *Devis*? Several times in a year Njai Loro Kidul is said to visit the Sunan (Emperor). The journey is always accompanied by a great and strange noise and lampor (nature-spirits). Everyone is under great fear if this lampor makes its way to the mountains. Is this really true? Never have we heard about the returning of this train of visitors. Njai Loro Kidul always needs for the wedding feast of her only and beloved son a great many servants. These are asked from the Sunan, and if he fails to give his consent to it, an epidemic will take thousands of lives. It is said that not only the victims' souls, but also their corpses, are taken to the kraton or palace of this *Devi.*

'Đây là lịch sử hay truyền thuyết? Họ là Deva tốt hay xấu? Nhiều lần trong năm, Njai Loro Kidul được cho là đến thăm Sunan (Hoàng đế). Cuộc hành trình luôn đi kèm với một tiếng ồn lớn và kỳ lạ và lampor (tinh linh tự nhiên). Mọi người đều rất sợ hãi nếu lampor này tìm đường lên núi. Điều này có thực sự đúng không? Chúng tôi chưa bao giờ nghe nói về sự trở lại của đoàn khách này. Njai Loro Kidul luôn cần rất nhiều người hầu cho bữa tiệc cưới của đứa con trai duy nhất và yêu quý của mình. Những điều này được yêu cầu từ Sunan, và nếu ông không đồng ý, một dịch bệnh sẽ cướp đi hàng ngàn sinh mạng. Người ta nói rằng không chỉ linh hồn của các nạn nhân, mà cả xác chết của họ, đều được đưa đến kraton hoặc cung điện của Devi này.

'Men who died, apparently, and came to life again tell the strangest stories about the surroundings and the tasks they were asked to do in the *Devi's* palace far away on the bottom of the South Sea.

'Những người đàn ông đã chết, rõ ràng, và sống lại kể những câu chuyện kỳ lạ nhất về môi trường xung quanh và những nhiệm vụ mà họ được yêu cầu thực hiện trong cung điện của Devi ở tận đáy Biển Nam.

'No wonder that the whole population of our beloved island lives under the spell of fear and superstition. Our aim is to help people to get rid of these monstrous beliefs, which check them in their evolution. Will you kindly investigate these stories'.

'Không có gì ngạc nhiên khi toàn bộ dân số của hòn đảo yêu dấu của chúng ta sống dưới sự ảnh hưởng của nỗi sợ hãi và mê tín dị đoan. Mục tiêu của chúng tôi là giúp mọi người loại bỏ những niềm tin quái dị này, vốn cản trở họ trong quá trình tiến hóa. Xin vui lòng điều tra những câu chuyện này'.

An Ocean Ruler

Một Người Cai Trị Đại Dương

An expedition was made to the southern shores of Java, in order to investigate this matter, with the result that no basis of fact was discovered for the belief in a *Devi* who

Một cuộc thám hiểm đã được thực hiện đến bờ biển phía nam của Java, để điều tra vấn đề này, với kết quả là không có cơ sở thực tế nào được phát hiện cho niềm tin vào một Devi vốn đòi

demands human sacrifice or other offerings as the price of health and prosperity to the people.

hỏi sự hiến tế của con người hoặc các lễ vật khác như là cái giá của sức khỏe và sự thịnh vượng cho người dân.

In endeavouring to disentangle the story and observe such facts as may have given rise to it, four types of beings were discovered:

Trong nỗ lực gỡ rối câu chuyện và quan sát những sự kiện có thể đã làm nảy sinh nó, bốn loại chúng sinh đã được phát hiện:

First, the great ruling *Deva* of this part of the Pacific Ocean with His numerous subordinates. He is a very lofty being, an *arupa Deva* totally unconcerned with human evolution, and an exalted member of the great Hierarchy of the *Devas* of water, in office as Regent of this part of the globe. He or His *Devi* may be the original Njai Loro Kidul.

Thứ nhất, Deva cai trị vĩ đại của phần Thái Bình Dương này với vô số thuộc hạ của Ngài. Ngài là một Sinh Mệnh rất cao cả, một Deva arupa hoàn toàn không quan tâm đến sự tiến hóa của con người, và là một thành viên tôn kính của Huyền Giai vĩ đại của các Deva của nước, đang giữ chức Nhiếp Chính của phần địa cầu này. Ngài hoặc Devi của Ngài có thể là Njai Loro Kidul ban đầu.

Above Him is the great planetary *Deva* of water, subordinate in His turn to interplanetary and solar Gods. It appears unlikely that any ordinary Fourth Root-Race man would contact these great Beings.

Phía trên Ngài là Deva hành tinh vĩ đại của nước, đến lượt mình lại phụ thuộc vào Các Thượng đế giữa các hành tinh và thái dương. Có vẻ khó có khả năng bất kỳ người giống dân gốc thứ tư bình thường nào có thể tiếp xúc với Các Đấng Cao Cả này.

Apart from His greatness and power, the *Deva* of this part of the Pacific Ocean is of special interest in that, unlike many others, His aura is almost ovoid in shape, not quite so because pointed above and below. Within this radiance, His golden-coloured form, some 60 feet tall, shines resplendent as the sun, surrounded by rays of blazing white light, some of which flash out beyond His aura for many miles.

Ngoài sự vĩ đại và quyền năng của Ngài, Deva của phần Thái Bình Dương này còn đặc biệt thú vị ở chỗ, không giống như nhiều người khác, hào quang của Ngài gần như có hình trứng, không hoàn toàn như vậy vì nhọn ở trên và dưới. Bên trong ánh hào quang này, hình tướng màu vàng kim của Ngài, cao khoảng [60] feet, tỏa sáng rực rỡ như mặt trời, được bao quanh bởi những tia sáng trắng rực lửa, một số tia lóe ra ngoài hào quang của Ngài hàng dặm.

Beyond the fine rays of brilliant white light which immediately surround and outline the centre form, is an area of rich purple shot through with white, beyond it dark green, shading through light green into yellow with a fine white emanation surrounding the whole auric field. These colours are in constant wave-like motion, the white being a

Bên ngoài những tia sáng trắng rực rỡ bao quanh và phác thảo ngay lập tức hình tướng trung tâm, là một khu vực màu tím đậm pha lẫn màu trắng, bên ngoài nó là màu xanh lục đậm, chuyển qua màu xanh lục nhạt sang màu vàng với một sự phát xạ trắng mịn bao quanh toàn bộ trường hào quang. Những màu sắc này liên tục chuyển động như sóng, màu trắng là

trough, the purple a crest and so on, the whole distinctly suggestive of the life and movement of the sea. The aura over the head resembles a crown of living golden light, with nine points formed of upward-flashing rays.

đáy, màu tím là đỉnh, v.v., toàn bộ gợi ý rõ ràng về sự sống và chuyển động của biển cả. Hào quang trên đầu giống như một vương miện ánh sáng vàng sống động, với chín điểm được hình thành từ những tia lóe lên trên.

At the Lower Mental level He appears like a crowned King of the seas. His aura is more concrete here, and resembles somewhat the shape and flowing curves of a great shell; in His right hand He holds a staff of power. Whilst His consciousness is seated in the *arupa* planes, He appears to use this form as a relatively permanent body in the *rupa* worlds. In it He presents the majestic spectacle of a *Deva* Sea-King, riding in a great shell-like car, sometimes at sea level breasting the waves, sometimes high in the air above His domain.

Ở cõi hạ trí, Ngài xuất hiện như một vị Vua đội vương miện của biển cả. Hào quang của Ngài cụ thể hơn ở đây, và có phần giống hình dạng và đường cong uốn lượn của một chiếc vỏ lớn; trong tay phải, Ngài cầm một cây quyền trượng. Mặc dù tâm thức của Ngài ngự trên các cõi arupa, Ngài dường như sử dụng hình tướng này như một thể tương đối thường trực trong các thế giới rupa. Trong đó, Ngài thể hiện cảnh tượng hùng vĩ của một Deva Hải Vương, cưỡi trên một chiếc xe hình vỏ sò lớn, đôi khi ở mực nước biển chống lại sóng, đôi khi ở trên không trung phía trên lãnh địa của Ngài.

Innumerable lesser *Devas,* subordinate to and resembling Him, move constantly over the ocean, and it is possible that one or more of these, in *Devi* form, may have travelled inland to Solo and have been seen there, giving rise to the legend of Njai Loro Kidul.

Vô số Deva nhỏ hơn, phụ thuộc vào và giống Ngài, liên tục di chuyển trên đại dương, và có thể một hoặc nhiều người trong số này, ở dạng Devi, đã đi sâu vào đất liền đến Solo và đã được nhìn thấy ở đó, làm nảy sinh truyền thuyết về Njai Loro Kidul.

Second, there is a thought-form readily assumed by the elemental essence of this region. This is the Astral form of a *Devi,* resembling a tall slender Javanese Princess. She is curiously concrete, with dark skin and well-defined feminine form, surrounded by a yellow light. This being disappears after the thought is released from her, but seems to have definite, almost regular periods of emergence, possibly in response to ceremonial invocations.[61] She and all her attributes are the products of human thoughts and superstition.

Thứ hai, có một hình tư tưởng dễ dàng được chất tinh tú của khu vực này đảm nhận. Đây là hình tướng Cảm dục của một Devi, giống như một Công chúa Java cao ráo mảnh khảnh. Bà ấy đặc biệt cụ thể, với làn da ngăm đen và hình tướng nữ tính được xác định rõ, được bao quanh bởi một ánh sáng màu vàng. Chúng sinh này biến mất sau khi tư tưởng được giải phóng khỏi bà, nhưng dường như có những khoảng thời gian xuất hiện xác định, gần như đều đặn, có thể là để đáp ứng các lời khẩn cầu nghi lễ. Bà và tất cả các thuộc tính của bà là sản phẩm của những suy nghĩ và mê tín dị đoan của con người.

A Princess Joins the *Deva* Kingdom

Một Công Chúa Gia Nhập Vương Quốc Deva

[61] Offerings of the flesh of many kinds of animals are made annually to Njai Loro Kidul at Solo.

A third individual presented herself during the investigation. She is an exceedingly charming Princess (of the Solo Soesoehunan's[62] family), who is joining the *Deva* kingdom. She began this process long ago, but found herself unable completely to leave the human kingdom on account of karmic debts, particularly with her family. She recently took incarnation in the family in order to pay these debts, and is now freer, but not entirely free.

Một cá nhân thứ ba đã xuất hiện trong quá trình điều tra. Bà là một Công chúa vô cùng quyến rũ (thuộc gia đình Solo Soesoehunan), người đang gia nhập vương quốc Deva. Bà đã bắt đầu quá trình này từ lâu, nhưng thấy mình không thể rời khỏi giới nhân loại hoàn toàn vì nợ nghiệp, đặc biệt là với gia đình mình. Gần đây, Bà đã nhập thể vào gia đình để trả những món nợ này, và giờ đã tự do hơn, nhưng không hoàn toàn tự do.

She asks our help, partly in clearing her aura of the remaining material vibrating on human wavelengths, which appears as a darker area like a hem to an auric robe; partly also in changing the thought about her in the Soesoehunan's family, that they may cease from all grief for her and from clinging to her in thought.

Bà yêu cầu sự giúp đỡ của chúng ta, một phần là để thanh lọc hào quang của bà khỏi vật chất còn lại rung động trên các bước sóng của con người, vốn xuất hiện như một vùng tối hơn giống như viền của một chiếc áo choàng hào quang; một phần cũng là để thay đổi suy nghĩ về bà trong gia đình Soesoehunan, để họ có thể ngừng mọi đau buồn cho bà và ngừng bám víu vào bà trong suy nghĩ.

It is interesting to observe that through the small area of matter in her aura vibrating on her old human chord, she is held in contact with humanity, particularly with her family and kraton.[63]

Điều thú vị cần quan sát là thông qua khu vực nhỏ của vật chất trong hào quang của bà rung động trên hợp âm nhân loại cũ của bà, bà được giữ liên lạc với nhân loại, đặc biệt là với gia đình và kraton của bà.

In addition to these possible sources of the prevalent belief, there exists in the depths of the ocean, near the shore of this part of Java, a black elemental, like a great jellyfish with many tentacles. This is a relic of early Atlantean magic, and was probably created by blood-rites and fed through long periods by their continuance.

Ngoài những nguồn gốc có thể có của niềm tin phổ biến này, còn tồn tại ở độ sâu của đại dương, gần bờ biển của phần Java này, một hành khí đen tối, giống như một con sứa lớn với nhiều xúc tu. Đây là tàn tích của ma thuật Atlantis ban đầu, và có lẽ đã được tạo ra bởi các nghi lễ máu và được nuôi dưỡng trong một thời gian dài bằng sự tiếp tục của chúng.

These findings were offered by the writer to the Young Theosophists as possibly constituting some of the various threads of which the legend is woven.

Những phát hiện này đã được tác giả đưa ra cho Các Nhà Thông Thiên Học Trẻ như có thể cấu thành một số sợi khác nhau vốn dệt nên truyền thuyết.

The Theosophist, Vol. 58, April 1937, p. 92

Nhà Thông Thiên Học, Tập 58, tháng 4 năm 1937, tr. 92

[62] Sultan.

[63] Subsequent inquiry revealed that one of the Princesses of this family died recently at the age of 21. Her illness was mysterious, no apparent reason for her death having been discovered; the idea at once arose that the *Devi* of the Southern Seas had taken her as a sacrifice to Her Kraton at the bottom of the Indian Ocean. A still later contact with her, by means of a photograph, confirmed the above observations. It appears probable that members of this Royal House reincarnate regularly in this line. In an earlier incarnation this Princess appears to have suffered deeply from an enforced marriage. This produced a revulsion against sex, as also against other customs of her house. The *Deva* kingdom, being sexless and in other ways attractive to her, offered her a way of escape, which she then chose. She committed suicide and has since been helped by the *Deva* of the Southern Seas, who has received her into His Kingdom.

141

A Visit to Waitomo Caves—Một Chuyến Viếng Thăm Các Hang Động Waitomo

My visit to the Waitomo Caves from Hamilton was deeply interesting both physically and occultly. The sheer beauty of the formations of stalactites and the stalagmites, the present visibility of processes which have been continuing uninterruptedly for tens of thousands of years, the great roaring deep in one cave of an invisible waterfall, and above all the extraordinary beauty and fascination of the glow-worms—all these make the Caves veritable wonders of the world.

Chuyến thăm của tôi đến Các Hang Động Waitomo từ Hamilton rất thú vị cả về mặt thể chất lẫn huyền bí. Vẻ đẹp tuyệt đối của các thành tạo nhũ đá và măng đá, khả năng hiển thị hiện tại của các quá trình vốn đã tiếp tục không bị gián đoạn trong hàng chục ngàn năm, tiếng gầm rú lớn trong một hang động của một thác nước vô hình, và trên hết là vẻ đẹp phi thường và sự quyến rũ của đom đóm —tất cả những điều này làm cho Các Hang Động trở thành những kỳ quan thực sự của thế giới.

Physically, the unique feature is, of course, the glow worms, which in thousands are attached to the roofs of certain caves. A river, in which they are reflected, flows beneath them and one embarks in a boat to slide smoothly and in silence, save for the soft rippling of the water against the boat, beneath the myriad shining globules of phosphorescent light. Silence is necessary because, strangely, the self-radiant creatures put out their lights when the sound waves of the human voice reach them.

Về mặt thể chất, đặc điểm độc đáo tất nhiên là đom đóm, hàng ngàn con gắn vào trần của một số hang động nhất định. Một dòng sông, trong đó chúng được phản chiếu, chảy bên dưới chúng và người ta lên một chiếc thuyền để trượt êm ái và trong im lặng, ngoại trừ tiếng nước khẽ gợn vào thuyền, bên dưới vô số cầu phát quang lấp lánh ánh sáng lân quang. Sự im lặng là cần thiết vì, thật kỳ lạ, những sinh vật tự phát sáng tắt đèn khi sóng âm của giọng nói con người đến được chúng.

The roof of the cave looks like the star-strewn sky. So close together are the glow worms that an effect is produced of intricate and luminous lace shining upon black velvet. Here and there recognisable patterns, geometrical, of numbers and of letters, are formed in lines of light upon the dark invisible roof.

Mái của hang động trông giống như bầu trời đầy sao. Đom đóm ở gần nhau đến nỗi tạo ra hiệu ứng ren phức tạp và phát sáng chiếu trên nhung đen. Đây đó những hình mẫu dễ nhận biết, hình học, số và chữ cái, được hình thành theo đường ánh sáng trên mái nhà vô hình tối tăm.

Occultly, the special features are somewhat difficult to classify

Về mặt huyền bí, các đặc điểm đặc biệt hơi khó phân loại

A Visit to Waitomo Caves and to describe. One moves along continually with a group of other sightseers, and cannot remain still and alone for many moments. My own fleeting

Một Chuyến Viếng Thăm Các Hang Động Waitomo và mô tả. Người ta liên tục di chuyển cùng với một nhóm khách du lịch khác và không thể ở yên và một mình trong nhiều

impressions, for what they are worth, were five in number.

khoảnh khắc. Những ấn tượng thoáng qua của riêng tôi, cho những gì chúng đáng giá, là năm.

The first was the poverty, if not entire absence, of vitality globules in the air. As a result, to clairvoyant sense the air looked and 'felt' strangely stale and 'flat'. Presumably there are some vitality globules in the caves. For there is one tiny fern growing very slowly —so the guide said—near an electric light, and some green fungus also near the lights. There are, too, spiders and midges upon which the glow-worms and spiders feed. The glow worms put down gummy threads as fishing lines to ensnare the midges. And, of course, there are the glow worms themselves, which must also need some *prana* in order to live.

Điều đầu tiên là sự nghèo nàn, nếu không muốn nói là hoàn toàn không có, các sinh khí cầu trong không khí. Kết quả là, đối với cảm giác thông nhãn, không khí trông và 'cảm thấy' lạ lùng cũ kỹ và 'phẳng lặng'. Có lẽ có một số sinh khí cầu trong các hang động. Vì có một cây dương xỉ nhỏ bé đang phát triển rất chậm —theo lời người hướng dẫn—gần một ngọn đèn điện, và một số nấm xanh cũng gần đèn. Ngoài ra còn có nhện và muỗi mà đom đóm và nhện ăn. Đom đóm thả những sợi dính như dây câu để bắt muỗi. Và tất nhiên, có cả đom đóm, vốn cũng cần một số prana để sống.

The second psychic impression was of an added density of the Etheric Double of the rocks, and in lesser degree of the caves themselves. Apparently deep within the earth at the fourth etheric subplane, the ether molecules are more tightly packed than above ground.

Ấn tượng tâm linh thứ hai là về mật độ gia tăng của Thể Dĩ Thái Đôi của đá, và ở mức độ thấp hơn của chính các hang động. Rõ ràng sâu bên trong trái đất ở cõi phụ dĩ thái thứ tư, các phân tử dĩ thái được đóng gói chặt chẽ hơn so với trên mặt đất.

Third, one felt the strange, silent, massive, motionless earth consciousness. Though still, the potentialities of action and the latent power nevertheless seemed almost infinite. The analogy of the tightly compressed spring presented itself. Then there seemed to be individual etheric embodiments of the earth consciousness resembling colossal statues, half human, half Pan like, looking as if crudely carved within the rock—a sculptor's dream projected etherically into the stone in which later it will be carved.

Thứ ba, người ta cảm thấy tâm thức trái đất kỳ lạ, im lặng, đồ sộ, bất động. Mặc dù vẫn còn, nhưng tiềm năng hành động và sức mạnh tiềm ẩn dường như gần như vô hạn. Sự tương tự của lò xo nén chặt đã xuất hiện. Sau đó, dường như có những hiện thân dĩ thái riêng lẻ của tâm thức trái đất giống như những bức tượng khổng lồ, nửa người, nửa giống như Thần Pan, trông như thể được chạm khắc thô sơ bên trong đá—giấc mơ của một nhà điêu khắc được phóng chiếu dĩ thái vào đá mà sau này nó sẽ được chạm khắc.

The fourth impression was of very strange elementals existing down in the caves. Their form suggested beings which were all limbs or tentacles and no bodies. Long, flexible etheric 'arms' were extended from the rock face at

Ấn tượng thứ tư là về các hành khí rất kỳ lạ tồn tại dưới các hang động. Hình tướng của chúng gợi ý những chúng sinh vốn toàn chi hoặc xúc tu và không có thân. Những 'cánh tay' dĩ thái dài, linh hoạt được mở rộng từ mặt đá ở

many places and they seemed to be reaching out at us as we passed by.

nhiều nơi và chúng dường như đang vươn ra chúng ta khi chúng ta đi ngang qua.

My fifth impression was of certain gnome like etheric creatures moving about freely and often swiftly in the caves themselves. These beings appeared to be excited by our emanations. Some were even interested in our Etheric Doubles, the highly organised and vital and electric condition of which aroused their curiosity.

Ấn tượng thứ năm của tôi là về một số sinh vật dĩ thái giống như yêu tinh di chuyển tự do và thường nhanh chóng trong chính các hang động. Những sinh vật này dường như rất phấn khích bởi những xuất lộ của chúng ta. Một số thậm chí còn quan tâm đến Thể Dĩ Thái Đôi của chúng ta, vốn có tổ chức cao, tràn đầy sinh lực và trạng thái điện khiến chúng tò mò.

These various elemental contacts were not particularly pleasant, and, on the whole, the psychic atmosphere of the caves was heavy and, as one would expect, earthy.

Những tiếp xúc hành khí khác nhau này không đặc biệt dễ chịu, và nói chung, bầu không khí thông linh của các hang động rất nặng nề và như người ta mong đợi, mang tính trần tục.

Personally, though I wouldn't have missed the experience, I was not sorry to emerge from the long, dark, lifeless corridors into the fresh air once more. The luscious profusion and objective beauty of the subtropical bush surrounding the entrance to the caves was in marked contrast to the purely mineral life and the dark mystery of the interior.

Cá nhân tôi, mặc dù tôi sẽ không bỏ lỡ trải nghiệm này, tôi không hề hối tiếc khi thoát ra khỏi những hành lang dài, tối tăm, vô hồn để hít thở không khí trong lành một lần nữa. Sự phong phú tươi tốt và vẻ đẹp khách quan của bụi cây cận nhiệt đới bao quanh lối vào các hang động hoàn toàn trái ngược với sự sống khoáng chất thuần túy và sự bí ẩn đen tối của nội thất.

Theosophy in New Zealand, Vol. 2, October 1941, p. 135

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 2, tháng 10 năm 1941, tr. [135]

142—

An African Witch-Doctor—Một Pháp Sư Châu Phi

(An Interview by G. Hodson)

(Một cuộc phỏng vấn của G. Hodson)

During my stay in Salisbury, Southern Rhodesia, I was visited by a witch doctor of the Balsunga Tribe, who gave me some information about the dress, medicines and methods of diagnoses, divination and Initiation used by his people from time immemorial. As I listened, it seemed to me that it would be more proper to call him a medicine man, since he

Trong thời gian tôi ở Salisbury, Nam Rhodesia, tôi đã được một pháp sư của Bộ tộc Balsunga đến thăm, Ông đã cung cấp cho tôi một số thông tin về trang phục, thuốc men và phương pháp chẩn đoán, bói toán và Điểm Đạo mà người dân của Ông đã sử dụng từ thời xa xưa. Khi tôi lắng nghe, tôi thấy gọi Ông là một thầy thuốc thì đúng hơn, vì Ông заверил tôi rằng

assured me that he uses his powers only for good.

Ông chỉ sử dụng sức mạnh của mình cho những điều tốt đẹp.

Divinatory Powers

Năng Lực Tiên Tri

Diagnosis, when not obvious from the symptoms, is achieved by revelation from invisible Powers, Great Ones who have lived on earth and are now deceased. These Beings, generally referred to as Ancestors, also inform the Initiated Medicine Man concerning treatment of diseases. Divination is carried out by means of four pieces of wood about 32" long and 1 " wide, oval in section and carved with various designs, including a crocodile on one of them. The ancestral Spirits are first invoked, and when the diviner is conscious of contact with Them he concentrates upon the subject of the enquiry or, in the case of sickness, upon the patient, casts the four pieces of wood, and from their relative positions on falling and the designs upper-most, is able to discover the solution of a problem, the nature of the disease and also

Việc chẩn đoán, khi không rõ ràng từ các triệu chứng, đạt được bằng sự mặc khải từ các Quyền Lực vô hình, Các Đấng Cao Cả vốn đã sống trên trái đất và giờ đã qua đời. Các Đấng này, thường được gọi là Tổ Tiên, cũng thông báo cho Thầy Thuốc Đã Điểm Đạo về cách điều trị bệnh tật. Việc bói toán được thực hiện bằng bốn miếng gỗ dài khoảng 32 inch và rộng 1 inch, có mặt cắt hình bầu dục và được chạm khắc với nhiều hình khác nhau, bao gồm cả hình cá sấu trên một trong số đó. Các Tinh Thần Tổ Tiên được khẩn cầu trước, và khi nhà tiên tri ý thức được sự tiếp xúc với Các Ngài, y tập trung vào chủ đề của cuộc điều tra hoặc, trong trường hợp bệnh tật, vào bệnh nhân, ném bốn miếng gỗ và từ vị trí tương đối của chúng khi rơi xuống và các thiết kế ở trên cùng, có thể khám phá ra giải pháp của một vấn đề, bản chất của căn bệnh và cũng

Dress and Remedies

Trang Phục và Phương Thuốc

The dress of the witch doctor, when practising, consists of a red and blue sash over a cassock-like garment covering either the native or European costume. A fillet of shells on seal fur is placed on the head, and an antelope tail is held in the right hand. The remedies are mostly carried in gourds and include quite a large pharmacopoeia, mostly taken from roots, barks, fruits, nuts, stones, the fat of a lion, and a hyena tail which is soaked in hot water and used to wash sick people. Animals' horns are also used to carry some of the mixtures, which are made from grinding various parts of trees and plants. Castor oil is employed a great deal, both externally and internally. Rhinoceros bones, finely ground, are used for eruptions on the

Trang phục của pháp sư, khi hành nghề, bao gồm một dải băng màu đỏ và xanh lam trên một chiếc áo choàng giống như áo thầy tu che phủ trang phục bản địa hoặc trang phục châu Âu. Một dải vỏ sò trên da hải cẩu được đặt trên đầu, và một cái đuôi linh dương được cầm trên tay phải. Các phương thuốc chủ yếu được đựng trong bầu và bao gồm một dược điển khá lớn, chủ yếu lấy từ rễ, vỏ cây, quả, hạt, đá, mỡ sư tử và đuôi linh cẩu được ngâm trong nước nóng và dùng để rửa cho người bệnh. Sừng động vật cũng được sử dụng để đựng một số hỗn hợp, được làm từ việc nghiền các bộ phận khác nhau của cây và thực vật. Dầu thầu dầu được sử dụng rất nhiều, cả bên ngoài và bên trong. Xương tê giác, nghiền mịn, được dùng cho các vết phát ban trên da.

skin.

The Ceremony of Initiation

The Initiatory Ceremony, concerning which he was reticent, is performed by another witch doctor, aided by a woman who sings, and is carried out in great secrecy in the jungle. This man's training began at the age of 11, when it was prophesied that he would become a great witch doctor and prophet, having been chosen by an ancestral Spirit. The powers of prophecy, clairvoyance, divination and telepathy were transferred to him from both the witch doctor Initiator and his grand-mother, in a special ceremony performed before she died. She had become famous, chiefly as a rain-maker by the aid of ancestral Spirits. Amongst these Central African people a woman can become a witch doctor by means of the same training as is received by a man, and many do so.

At the Ceremonies of Initiation, some candidates feel great pain, though others can make themselves immune to it. The Candidate is first dressed as a witch doctor. Then he sits before the Officiants, who pray for the aid of the ancestral and other Spirits, reciting very ancient formulae. They then place in succession their two hands upon his hand in order to convey the Initiatory power to him and he is later presented with the circlet of fur and shell, which is part of the insignia of his Office. During the Ceremony the Candidate loses physical consciousness for some two hours, and on waking possesses the powers of a witch doctor and the capacity to serve as a vehicle for the knowledge and the influence of the ancestral Spirits of his people. These are regarded as the very highest Beings on earth, and the tradition of communion with them and of magical works by their aid is extremely old. The major Ceremony of Initiation lasts all

Nghi Lễ Điểm Đạo

Nghi Lễ Điểm Đạo, mà Ông kín tiếng, được thực hiện bởi một pháp sư khác, với sự giúp đỡ của một người phụ nữ hát, và được thực hiện trong bí mật tuyệt đối trong rừng rậm. Việc huấn luyện của người đàn ông này bắt đầu từ năm 11 tuổi, khi có lời tiên tri rằng y sẽ trở thành một pháp sư và nhà tiên tri vĩ đại, được chọn bởi một Tinh Thần Tổ Tiên. Các năng lực tiên tri, thông nhãn, bói toán và viễn cảm đã được truyền cho y từ cả pháp sư Điểm Đạo và bà của y, trong một buổi lễ đặc biệt được thực hiện trước khi Bà qua đời. Bà đã trở nên nổi tiếng, chủ yếu là người tạo ra mưa nhờ sự giúp đỡ của các Tinh Thần Tổ Tiên. Trong số những người Trung Phi này, một người phụ nữ có thể trở thành một pháp sư thông qua cùng một khóa huấn luyện như một người đàn ông, và nhiều người đã làm như vậy.

Tại các Nghi Lễ Điểm Đạo, một số ứng viên cảm thấy rất đau đớn, mặc dù những người khác có thể tự miễn nhiễm với nó. Ứng Viên trước tiên được mặc trang phục như một pháp sư. Sau đó, y ngồi trước các Viên Chức, những người cầu nguyện cho sự giúp đỡ của tổ tiên và các Tinh Thần khác, đọc những công thức rất cổ xưa. Sau đó, Các Ngài lần lượt đặt hai tay lên tay y để truyền sức mạnh Điểm Đạo cho y và sau đó y được trao cho vòng tròn lông thú và vỏ sò, vốn là một phần của biểu tượng của Chức Vụ của y. Trong Nghi Lễ, Ứng Viên mất tâm thức thể xác trong khoảng hai giờ, và khi tỉnh dậy, y sở hữu sức mạnh của một pháp sư và khả năng phục vụ như một vận cụ cho kiến thức và ảnh hưởng của các Tinh Thần Tổ Tiên của dân tộc y. Những điều này được coi là Các Đấng cao nhất trên trái đất, và truyền thống giao tiếp với Các Ngài và các công việc huyền thuật nhờ sự giúp đỡ của Các Ngài là vô cùng lâu đời. Nghi Lễ Điểm Đạo chính kéo dài cả

day and all night, after which the consecrated witch doctor can initiate others, who must, however, be of good moral character and respect all men without exception. When fully qualified, the witch doctor does no other work.

Good and Evil Powers

During my interview with the Balsunga witch doctor, at which this information was extracted with considerable difficulty, my hostess brought afternoon tea. I was interested to notice that the Medicine Man, before he partook of the tea, changed from the ceremonial dress which he had earlier assumed, explaining that such garments are only worn for magical purposes. He informed me that he could not normally mesmerise people, but could sometimes stop a criminal or would-be murderer or thief by the exercise of his will power. There is a high code of honour amongst witch doctors of the White Order, who must not touch poison and who only use their power for good. They can transmit their healing and ancestral powers to a distance, and frequently do so for the helping of others. Evil witch doctors do exist, but the good ones are generally able to overcome both them and their influence and, if forewarned, to prevent them from doing serious harm.

The transmission of power, whether to heal or to prevent evil, is sometimes done by placing a wooden plate in front of the operator, then mentioning the recipient's name and the name of the witch doctor's own ancestral Spirits, asking the latter to intercede with God to send down the necessary power. Two words are used for God—'TOEWERA' and 'MWARA'—the first of these more rarely than the second and only on very special occasions in times of great need. When, after prescribed

ngày lẫn đêm, sau đó pháp sư đã được освящен có thể điểm đạo cho những người khác, những người phải có đạo đức tốt và tôn trọng tất cả mọi người без исключения. Khi đủ điều kiện, pháp sư không làm bất kỳ công việc nào khác.

Sức Mạnh Thiện và Ác

Trong cuộc phỏng vấn của tôi với pháp sư Balsunga, tại đó thông tin này đã được khai thác với rất nhiều khó khăn, bà chủ nhà của tôi đã mang trà chiều đến. Tôi rất thích thú khi nhận thấy rằng Thầy Thuốc, trước khi dùng trà, đã thay bộ lễ phục mà Ông đã mặc trước đó, giải thích rằng những bộ quần áo như vậy chỉ được mặc cho mục đích huyền thuật. Ông thông báo cho tôi rằng Ông thường không thể thôi miên mọi người, nhưng đôi khi có thể ngăn chặn một tên tội phạm hoặc kẻ giết người hoặc trộm cắp bằng cách sử dụng ý chí của mình. Có một quy tắc danh dự cao giữa các pháp sư của Dòng Trắng, những người không được chạm vào chất độc và chỉ sử dụng sức mạnh của họ cho những điều tốt đẹp. Các Ngài có thể truyền sức mạnh chữa bệnh và tổ tiên của mình đến một khoảng cách xa, và thường xuyên làm như vậy để giúp đỡ người khác. Các pháp sư xấu xa tồn tại, nhưng những người tốt thường có thể vượt qua cả họ và ảnh hưởng của họ và, nếu được báo trước, để ngăn họ gây ra tác hại nghiêm trọng.

Việc truyền sức mạnh, चाहे để chữa bệnh hay để ngăn chặn cái ác, đôi khi được thực hiện bằng cách đặt một cái đĩa gỗ trước mặt người điều hành, sau đó đề cập đến tên của người nhận và tên của các Tinh Thần Tổ Tiên của chính pháp sư, yêu cầu những người sau can thiệp với Thượng đế để gửi sức mạnh cần thiết xuống. Hai từ được sử dụng cho Thượng đế —'TOEWERA' và 'MWARA'—từ đầu tiên hiếm khi được sử dụng hơn từ thứ hai và chỉ trong những dịp rất đặc biệt trong thời gian rất cần

Invocations, this witch doctor is possessed by the ancestral Spirits, he then knows and can tell in a strange language portions of the Ancient Wisdom, including an account of the creation of the universe and of man. He himself is unconscious at that time and speaks in a tongue which only another Initiate can interpret, the language being meaningless to all others.

thiết. Khi, sau những Khẩn Cầu được quy định, pháp sư này bị các Tinh Thần Tổ Tiên chiếm hữu, thì y biết và có thể kể bằng một ngôn ngữ kỳ lạ những phần của Minh Triết Ngàn Đời, bao gồm cả một câu chuyện về sự sáng tạo vũ trụ và con người. Bản thân y bất tỉnh vào thời điểm đó và nói bằng một thứ tiếng mà chỉ một người Đã Điểm Đạo khác mới có thể giải thích được, ngôn ngữ này vô nghĩa đối với tất cả những người khác.

Casting Lots

When this witch doctor was with me, at his own suggestion he 'threw the woods' several times, employing the recognised procedure of divining concerning myself. He displayed considerable insight, and even clairvoyant power. He discovered for example, that I am a Priest in Holy Orders, possess priestly powers, was not accompanied by my wife, and wear a red stole when healing, for which ministration I take no money. Considering that he had never met me before, these divination indicated the possession of considerable clairvoyant faculty.

Gieo Quẻ

Khi pháp sư này ở với tôi, theo gợi ý của chính Ông, Ông đã 'ném gỗ' nhiều lần, sử dụng quy trình bói toán được công nhận liên quan đến bản thân tôi. Ông đã thể hiện sự thấu hiểu đáng kể, và thậm chí cả sức mạnh thông nhãn. Ví dụ, Ông phát hiện ra rằng tôi là một Linh Mục trong Dòng Thánh, sở hữu sức mạnh linh mục, không đi cùng vợ và mặc áo choàng đỏ khi chữa bệnh, vì sự giúp đỡ này mà tôi không lấy tiền. Xem xét rằng Ông chưa từng gặp tôi trước đây, những lời bói toán này cho thấy việc sở hữu khả năng thông nhãn đáng kể.

The Mystery Tradition

As far as I could judge, the man had very strong Astral and Etheric auras, some of the currents of which had been force to flowed along certain channels by the Ceremonies of his Initiation. He had quite strong physical magnetism and a distinct aura of power, as one who is sure of official position and of his work in life.

Truyền Thống Huyền Bí

Theo như tôi có thể đánh giá, người đàn ông này có hào quang Cảm Dục và Dĩ Thái rất mạnh mẽ, một số dòng chảy trong số đó đã bị ép buộc phải chảy dọc theo một số kênh nhất định bởi các Nghi Lễ Điểm Đạo của Ông. Ông có từ điện thể xác khá mạnh và một hào quang quyền lực riêng biệt, như một người chắc chắn về vị trí chính thức và công việc của mình trong cuộc sống.

As we parted, I expressed my thanks to him for coming to see me and for all that he had revealed. As a Theosophist, I was especially interested to learn that the age old system of secret Initiations, the awakening of special powers in the Initiate communion with

Khi chúng tôi chia tay, tôi bày tỏ lòng biết ơn của mình với Ông vì đã đến thăm tôi và vì tất cả những gì Ông đã tiết lộ. Là một nhà Thông Thiên Học, tôi đặc biệt quan tâm khi biết rằng hệ thống Điểm Đạo bí mật lâu đời, sự thức tỉnh của những sức mạnh đặc biệt trong sự hiệp

highly developed Beings and service by their aid, existed and has been actively followed from time immemorial amongst the native peoples of Central Africa.

thông của Đã Điểm Đạo với Các Đấng được phát triển cao và sự phụng sự nhờ sự giúp đỡ của Các Ngài, đã tồn tại và đã được tích cực tuân theo từ thời xa xưa giữa những người bản địa ở Trung Phi.

Theosophy in New Zealand, Vol. 16, No. 3 & 4, 1956, p. 7

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 16, Số 3 & 4, 1956, tr. [7]

143—

A Spiritual Centre in New Zealand—Một Trung Tâm Tinh Thần ở New Zealand

A New Race

A study of ethnology in the light of Theosophy reveals that New Zealand's advance to full nationhood is of supreme importance not only to all New Zealanders but to the whole world; for upon that advance depends the development of the New Zealand variant of the sixth branch of the Aryan Race. From this sixth sub-race, the Sixth Root-race will largely develop. The future of mankind for thousands of years is at this time and in this country being profoundly influenced.

For this reason it must be presumed that the attention of the Lord *Manu* of the Fifth Root-race, and doubtless that of the great *Manu*-to-be of the Sixth Root-race, is turned upon New Zealand. By these Mighty Ones and Their Adept Lieutenants a far reaching racial experiment is being conducted on this planet and especially in America, South Africa, Australia and New Zealand.

Although They are all wise and Their plans are perfectly conceived and directed, success must depend to a considerable extent upon intelligent human co-operation. Since this in its turn depends upon both close observation

Một Chủng Tộc Mới

Một nghiên cứu về dân tộc học dưới ánh sáng của Thông Thiên Học cho thấy rằng sự tiến bộ của New Zealand để trở thành một quốc gia đầy đủ là vô cùng quan trọng không chỉ đối với tất cả người New Zealand mà còn đối với toàn thế giới; vì sự tiến bộ đó phụ thuộc vào sự phát triển của biến thể New Zealand của nhánh thứ sáu của Giống dân Arya. Từ chủng tộc phụ thứ sáu này, Giống Dân Gốc Thứ Sáu sẽ phát triển phần lớn. Tương lai của nhân loại trong hàng ngàn năm vào thời điểm này và ở đất nước này đang bị ảnh hưởng sâu sắc.

Vì lý do này, người ta phải cho rằng sự chú ý của Đức Chúa Tể Manu của Giống Dân Gốc Thứ Năm, và chắc chắn là của Đức Chúa Tể Manu vĩ đại sẽ là của Giống Dân Gốc Thứ Sáu, đang hướng về New Zealand. Bởi Các Đấng Hùng Mạnh này và Các Trung Úy Chân sư của Các Ngài, một cuộc thử nghiệm chủng tộc sâu rộng đang được tiến hành trên hành tinh này và đặc biệt là ở Châu Mỹ, Nam Phi, Úc và New Zealand.

Mặc dù Các Ngài đều khôn ngoan và các kế hoạch của Các Ngài được hình thành và chỉ đạo một cách hoàn hảo, nhưng thành công phải phụ thuộc ở một mức độ đáng kể vào sự hợp tác thông minh của con người. Vì điều này

of existent conditions and trends and upon intuitive perception of the racial plan, I would suggest, if I may, that lodges and members make a deep study of the national life and of every national problem in the light of Theosophical teaching concerning racial evolution.

đến lượt nó phụ thuộc vào cả việc quan sát chặt chẽ các điều kiện và xu hướng hiện có và vào nhận thức trực quan về thiên cơ chủng tộc, tôi xin đề nghị, nếu tôi có thể, rằng các chi hội và các thành viên nghiên cứu sâu về đời sống quốc gia và mọi vấn đề quốc gia dưới ánh sáng của giáo lý Thông Thiên Học liên quan đến sự tiến hóa chủng tộc.

One aspect of New Zealand life demanding close attention is the future of the Maori race and the part its people are to play in the ultimate production of the New Zealand variant of the sixth sub-race. Many important questions at once present themselves.

Một khía cạnh của cuộc sống New Zealand đòi hỏi sự chú ý chặt chẽ là tương lai của chủng tộc Maori và vai trò mà người dân của nó sẽ đóng trong việc sản xuất cuối cùng biến thể New Zealand của chủng tộc phụ thứ sáu. Nhiều câu hỏi quan trọng ngay lập tức xuất hiện.

What is the Lord *Manu*'s plan for the Maori peoples? Are they to retain a separate nationhood or are they ultimately to be blended with the *pakeha* to form a single race?

Thiên cơ của Đức Chúa Tể Manu dành cho người Maori là gì? Liệu họ có giữ lại một quốc gia riêng biệt hay cuối cùng họ sẽ được pha trộn với người pakeha để tạo thành một chủng tộc duy nhất?

Is a measure of intermarriage such as is now occurring in accordance with His Plan?

Liệu một biện pháp hôn nhân giữa các chủng tộc như hiện đang xảy ra có phù hợp với Thiên Cơ của Ngài không?

How may all the finest qualities of the Maori character and culture be preserved and transmitted to succeeding generations?

Làm thế nào tất cả những phẩm chất tốt đẹp nhất của tính cách và văn hóa Maori có thể được bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ sau?

What is the karmic relationship of the two races? Does the *pakeha* owe the Maori a heavy debt and if so, is that debt being honourably discharged? Is Maori welfare a first consideration of the New Zealand Government?

Mối quan hệ nghiệp quả của hai chủng tộc là gì? Liệu người pakeha có nợ người Maori một món nợ lớn và nếu vậy, món nợ đó có được trả một cách danh dự không? Liệu phúc lợi của người Maori có phải là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ New Zealand không?

Since under modern conditions the leadership of *tohunga* and *ariki* is no longer available to the Maori, are wise and sympathetic Maori and *pakeha* leaders being trained and provided for him? What more can be done to improve the position of the Maori in the country, and is the Governmental policy as generous and beneficent as it can possibly be? Are the

Vì trong các điều kiện hiện đại, sự lãnh đạo của tohunga và ariki không còn dành cho người Maori, liệu những nhà lãnh đạo Maori và pakeha khôn ngoan và thông cảm có đang được đào tạo và cung cấp cho Ông không? Có thể làm gì nữa để cải thiện vị thế của người Maori trong nước, và liệu chính sách của Chính phủ có hào phóng và nhân từ nhất có

magnificent fighting qualities and the great sacrifices of the Maori soldiers and their dependants sufficiently appreciated and does and will that appreciation find adequate and just material expression in the form of honour and benefits granted to all their peoples?

thể không? Liệu những phẩm chất chiến đấu tuyệt vời và những hy sinh lớn lao của những người lính Maori và những người phụ thuộc của họ có được đánh giá cao đầy đủ và liệu sự đánh giá cao đó có tìm thấy sự thể hiện vật chất đầy đủ và công bằng dưới hình thức danh dự và lợi ích được trao cho tất cả người dân của họ không?

A Dedicated Centre

Một Trung Tâm Tận Hiến

One answer to certain of these questions has for some time been given by a great Maori lady whom, quite recently, it has been my privilege to meet. She is Princess Te Puea Herangi, leader of the Waikato Maoris and founder of the unique Centre of Maori life at Ngaruawahia. Her work for her people is well known throughout the land and indeed far beyond its borders, and by those who know her well she is rightly revered as great mystic, teacher, reformer, leader and worker for her people's cause.

Một câu trả lời cho một số câu hỏi này đã được đưa ra trong một thời gian bởi một quý bà Maori vĩ đại, người mà gần đây tôi đã có vinh dự được gặp. Bà là Công chúa Te Puea Herangi, lãnh đạo của Waikato Maoris và là người sáng lập Trung Tâm độc đáo của cuộc sống Maori tại Ngaruawahia. Công việc của Bà cho người dân của Bà được biết đến rộng rãi trên khắp đất nước và thực sự vượt ra ngoài biên giới của nó, và bởi những người biết rõ về Bà, Bà được tôn kính một cách chính đáng như một nhà thần bí, huấn sư, nhà cải cách, lãnh đạo và người lao động vĩ đại cho sự nghiệp của người dân Bà.

In the course of my travels it has been my privilege to visit, in different parts of the world, many dedicated centres of spiritual life, both Theosophical and non-Theosophical. Through the kind offices of Mr J. Treloar, F.T.S. [Fellow of the Theosophical Society], of Hamilton, I have twice enjoyed the privilege of meeting Princess Te Puea, and on the second occasion of visiting the spiritual Centre which she has established in New Zealand. Here we had the honour of being welcomed according to traditional Maori custom. Our party was privileged to enter the shrine of this Centre, the beautiful carved and painted meeting-house, called Mahina-a-Rangi after an ancestress of Te Puea, with its superbly decorated entrance called *Te Paki-O-Matariki,* which means *The Halcyon Influences of the Pleiades.* Almost at once I be-

Trong quá trình đi lại của mình, tôi đã có vinh dự được đến thăm, ở các vùng khác nhau trên thế giới, nhiều trung tâm tận hiến của đời sống tinh thần, cả Thông Thiên Học và phi Thông Thiên Học. Thông qua sự giúp đỡ tử tế của Ông J. Treloar, F.T.S. [Hội viên của Hội Thông Thiên Học], ở Hamilton, tôi đã hai lần được hưởng vinh dự gặp Công chúa Te Puea, và trong lần thứ hai đến thăm Trung Tâm tinh thần mà Bà đã thành lập ở New Zealand. Tại đây, chúng tôi đã vinh dự được chào đón theo phong tục Maori truyền thống. Đoàn của chúng tôi đã vinh dự được vào đền thờ của Trung Tâm này, ngôi nhà hội họp được chạm khắc và sơn vẽ tuyệt đẹp, được gọi là Mahina-a-Rangi theo tên một tổ mẫu của Te Puea, với lối vào được trang trí tuyệt vời có tên là Te Paki-O-Matariki, có nghĩa là Những Ảnh Hưởng Thanh Bình của chòm sao Tua Rua. Gần như ngay lập tức tôi

came aware that here had been established another of the world's centres of spiritual power and that clearly the channel for the descending influences was the Princess herself. As I entered the meeting-house and she advanced to meet me, I saw her not only as a dignified and royal leader of her people, but as a representative of and focus for the presence and power of much that has been, and still is, great in the Maori Race. On entering the beautiful meeting-house, one steps into a hallowed atmosphere and draws very near to those Powers and Intelligences which still preside over the destiny of the Maori, as of all mankind.

nhận ra rằng ở đây đã thành lập một trung tâm quyền lực tinh thần khác của thế giới và rõ ràng kênh cho những ảnh hưởng giáng xuống là chính Công chúa. Khi tôi bước vào nhà hội họp và Bà tiến đến gặp tôi, tôi thấy Bà không chỉ là một nhà lãnh đạo trang nghiêm và hoàng gia của người dân Bà, mà còn là một đại diện và tiêu điểm cho sự hiện diện và sức mạnh của nhiều điều đã và vẫn còn vĩ đại trong Chủng Tộc Maori. Khi bước vào ngôi nhà hội họp xinh đẹp, người ta bước vào một bầu không khí linh thiêng và đến rất gần với những Quyền Lực và Trí Tuệ vẫn chủ trì vận mệnh của người Maori, cũng như của tất cả nhân loại.

At meetings with great people, especially with the truly royal members of any race, the invisible and inaudible influences are far more impressive than things seen and heard. So it was on this occasion, for it seemed to me that the prestige and power, *mana,* of a long line of noble ancestors was centred in and upon the Princess. Indeed, if I may venture the suggestion, the direct attention of former great *arikis* and *tohungas* of her race would seem to be directed upon her and her Centre.

Trong các cuộc gặp gỡ với những người vĩ đại, đặc biệt là với các thành viên hoàng tộc thực sự của bất kỳ chủng tộc nào, những ảnh hưởng vô hình và không nghe được còn gây ấn tượng hơn nhiều so với những điều được thấy và nghe. Trường hợp này cũng vậy, vì đối với tôi, uy tín và quyền lực, mana, của một dòng dõi tổ tiên cao quý lâu đời đã tập trung vào và ở trên Công chúa. Thật vậy, nếu tôi có thể mạo muội đưa ra gợi ý, thì sự chú ý trực tiếp của các arikis và tohungas vĩ đại trước đây của chủng tộc Bà dường như hướng vào Bà và Trung tâm của Bà.

Direct descendant of King Potatau Te Whero-whero, of King Tawhiao, Ngatoro-i-Rangi, Hotorua and a long line of *arikis* and priests; Princess Te Puea is a true leader, inspirer, and protectress of her people. She has adopted some hundred children and many families of adults who are gathered around her at the pa and live as nearly as possible according to—the ancient and splendid Maori ideal of communal, cultural and pastoral life. By means of concerts and donations, Te Puea has raised; and still raises, sufficient money to establish and maintain a model Maori village and farm on the beautiful site on the banks of the

Là hậu duệ trực hệ của Vua Potatau Te Whero-whero, Vua Tawhiao, Ngatoro-i-Rangi, Hotorua và một dòng dõi arikis và linh mục dài; Công chúa Te Puea là một nhà lãnh đạo, người truyền cảm hứng và người bảo vệ thực sự của dân tộc Bà. Bà đã nhận nuôi khoảng một trăm trẻ em và nhiều gia đình người lớn, những người tập trung xung quanh Bà tại pa và sống gần như có thể theo—lý tưởng Maori cổ xưa và tuyệt vời về cuộc sống cộng đồng, văn hóa và mục vụ. Bằng các buổi hòa nhạc và quyên góp, Te Puea đã gây quỹ; và vẫn đang gây quỹ, đủ tiền để thành lập và duy trì một trang trại và ngôi làng Maori kiểu mẫu trên địa

Waikato River. As far as modern conditions permit, she maintains the true Maori tradition. She herself owns nothing, lives very simply in a small house, works in the fields beside her people, and in addition endeavours to preserve and develop, free from all taint of commercialism, the original purity and beauty of the national arts and crafts.

điểm tuyệt đẹp bên bờ sông Waikato. Trong chừng mực điều kiện hiện đại cho phép, Bà vẫn duy trì truyền thống Maori đích thực. Bản thân Bà không sở hữu gì, sống rất giản dị trong một ngôi nhà nhỏ, làm việc trên đồng ruộng bên cạnh người dân của mình, và ngoài ra, Bà còn nỗ lực bảo tồn và phát triển, không bị vấy bẩn bởi chủ nghĩa thương mại, sự thuần khiết và vẻ đẹp nguyên bản của các ngành nghề và nghệ thuật quốc gia.

Maori building, carving, painting, weaving, canoe making, singing and dancing are all being practised at Ngaruawahia and so preserved. Te Puea herself remembers well many of the traditional Maori patterns and designs, understands their meaning and knows the karakias appropriate to each of them. Everything which is produced is a dedicated work of art. All work is consecrated labour done in the name and under the benediction of those High Gods Whose presence is constantly invoked.

Việc xây dựng, chạm khắc, vẽ tranh, dệt, đóng thuyền, ca hát và nhảy múa của người Maori đều đang được thực hành tại Ngaruawahia và do đó được bảo tồn. Bản thân Te Puea nhớ rất rõ nhiều hoa văn và thiết kế truyền thống của người Maori, hiểu ý nghĩa của chúng và biết các karakia phù hợp với từng hoa văn và thiết kế đó. Mọi thứ được tạo ra đều là một tác phẩm nghệ thuật tận tâm. Mọi công việc đều là lao động được hiến dâng, được thực hiện nhân danh và dưới sự ban phước của Các Thượng đế Tối Cao, những Đấng mà sự hiện diện của Các Ngài liên tục được khẩn cầu.

The Ngaruawahia pa is thus a Centre of spirituality amidst a materialistic civilisation. It is a successful physical expression of a lofty spiritual and racial purpose. Therefore it is indeed a privilege to be allowed to enter this Centre and to be received by its inspired leader and head. For this privilege, I desire to express my gratitude.

Do đó, Ngaruawahia pa là một Trung tâm tinh thần giữa một nền văn minh vật chất. Đó là một biểu hiện vật chất thành công của một mục đích tinh thần và chủng tộc cao cả. Vì vậy, quả thực là một đặc ân khi được phép bước vào Trung tâm này và được người lãnh đạo và người đứng đầu đầy cảm hứng của nó tiếp đón. Vì đặc ân này, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn của mình.

Maori Mysticism and Philosophy

Thần Bí Học và Triết Học Maori

Informed of my interest in Maori mysticism and magic, after generous hospitality had been dispensed, Te Puea did me the honour to speak of beliefs and experiences not normally shared with the *pakeha.* Amongst these, she spoke of the race of the fairies, the Patupaiarehe, which inhabits the mountains

Sau khi được thông báo về sự quan tâm của tôi đối với huyền bí học và ma thuật Maori, sau khi lòng hiếu khách hào phóng đã được ban phát, Te Puea đã vinh dự nói với tôi về những niềm tin và kinh nghiệm thường không được chia sẻ với người pakeha. Trong số đó, Bà đã nói về chủng tộc tiên, Patupaiarehe, vốn sinh

and forests of New Zealand. To the Maoris of old, as to some few of the present day not yet wholly 'emancipated', these beings are still very real. They are described as human in appearance and displaying many human attributes. They are, however, skilled in enchantments, can become mist like and invisible at will and, according to Maori belief, can and do materialise in solid human form in which, on occasion, they fall in love with, carry off and marry human beings.

sống ở các ngọn núi và khu rừng của New Zealand. Đối với người Maori thời xưa, cũng như một số ít người ngày nay chưa hoàn toàn 'giải phóng', những sinh vật này vẫn rất thật. Chúng được mô tả là có hình dáng giống người và thể hiện nhiều thuộc tính của con người. Tuy nhiên, chúng rất giỏi về bùa mê, có thể trở thành sương mù và vô hình theo ý muốn và, theo niềm tin của người Maori, có thể và thực sự hiện hình ở dạng người rắn chắc, trong đó, đôi khi, chúng yêu, bắt đi và kết hôn với con người.

Many stories, highly mysterious and generally tragic, though sometimes with a happy ending, are told of such romances. Te Puea gave us an account of such an intermarriage which long ago occurred in her own Waikato Tribe and spoke of descendants of human-fairy ancestors who are now living in her pa. Indeed, Te Puea's own father, happily still living, claims descent from the Patupaiarehe. I had read of other reported cases, but folklore came to vivid life when, with all the seriousness of profound conviction, it was related by a highly intelligent leader of the race.

Nhiều câu chuyện, vô cùng bí ẩn và thường bi thảm, mặc dù đôi khi có một kết thúc có hậu, được kể về những mối tình lãng mạn như vậy. Te Puea đã kể cho chúng tôi nghe về một cuộc hôn nhân dị chủng như vậy đã xảy ra từ lâu trong Bộ lạc Waikato của Bà và nói về những hậu duệ của tổ tiên người-tiên hiện đang sống trong pa của Bà. Thật vậy, cha của Te Puea, may mắn thay vẫn còn sống, tự nhận là hậu duệ của Patupaiarehe. Tôi đã đọc về những trường hợp được báo cáo khác, nhưng văn hóa dân gian đã trở nên sống động khi, với tất cả sự nghiêm túc của niềm tin sâu sắc, nó được kể lại bởi một nhà lãnh đạo rất thông minh của chủng tộc.

The Princess also honoured me with an account of a visit she had paid to Cape Reinga. This place is deeply sacred, *tapu,* to all true Maoris, for it is the place from which the Spirits of the departed make their final exit from this world and their entry into the next. She told of the desecration of the point of departure by a Maori guide who ate fish thereon. The Spirit of the Sea sent a huge wave to engulf the transgressor. Identifying herself with him and his error, the Princess expressed the royal contrition for the offence, whereupon the wave failed of its objective.

Công chúa cũng vinh dự kể cho tôi nghe về chuyến thăm mà Bà đã thực hiện đến Mũi Reinga. Địa điểm này vô cùng thiêng liêng, tapu, đối với tất cả những người Maori thực sự, vì đây là nơi mà Các Linh Hồn của người đã khuất thực hiện cuộc xuất cảnh cuối cùng khỏi thế giới này và tiến vào thế giới tiếp theo. Bà kể về sự báng bổ điểm khởi hành của một hướng dẫn viên người Maori, người đã ăn cá trên đó. Tinh Thần của Biển đã gửi một con sóng lớn nhấn chìm kẻ phạm tội. Đồng nhất mình với y và lỗi lầm của y, Công chúa bày tỏ sự ăn năn hoàng gia về hành vi phạm tội, sau đó con sóng đã không đạt được mục tiêu của nó.

This record of still living Maori folklore and still potent Maori mysticism will be read by some who are outside the atmosphere of Maori life and thought. Such beliefs may in consequence possibly appear to them as examples of primitive superstition. Received direct from the lips of a highly intelligent Maori *Ariki* or sacred Chieftainess, within a consecrated Maori meeting house, these stories provided both vividly interesting and convincing accounts of actual events. They were enlightening glimpses of inner belief and mystical faith all too rare in the modern world.

Bản ghi chép về văn hóa dân gian Maori vẫn còn sống động và huyền bí học Maori vẫn còn mạnh mẽ này sẽ được một số người đọc, những người ở bên ngoài bầu không khí của cuộc sống và tư tưởng Maori. Do đó, những niềm tin như vậy có thể xuất hiện với họ như những ví dụ về sự mê tín nguyên thủy. Được nhận trực tiếp từ môi của một Ariki Maori rất thông minh hoặc Nữ Tộc Trưởng thiêng liêng, bên trong một ngôi nhà hội họp Maori được thánh hiến, những câu chuyện này đã cung cấp cả những lời kể thú vị và thuyết phục về các sự kiện thực tế. Chúng là những cái nhìn khai sáng về niềm tin nội tâm và đức tin huyền bí quá hiếm trong thế giới hiện đại.

Unfortunately, the old Maori philosophy with its sacred landmarks and its all-powerful and all-corrective law of *tapu* is fast vanishing before the advance of modern materialistic civilisation. At present the Maoris live between two worlds, two epochs and two totally different ideals of human life. They are in very real danger of racial disaster in consequence. Of the greatest significance and value to her people therefore is the spiritual and cultural Centre established by Princess Te Puea Herangi at Ngaruawahia. Of great importance to all New Zealand is the discovery of the solution to the general problem of Maori and *pakeha* relationships and of their harmonious mutual collaboration in New Zealand's advance to nationhood.

Thật không may, triết học Maori cổ xưa với những cột mốc thiêng liêng và luật tapu toàn năng và toàn diện của nó đang nhanh chóng biến mất trước sự tiến bộ của nền văn minh vật chất hiện đại. Hiện tại, người Maori sống giữa hai thế giới, hai kỷ nguyên và hai lý tưởng hoàn toàn khác nhau về cuộc sống con người. Do đó, họ đang ở trong một nguy cơ thực sự về thảm họa chủng tộc. Do đó, Trung tâm tinh thần và văn hóa do Công chúa Te Puea Herangi thành lập tại Ngaruawahia có ý nghĩa và giá trị to lớn đối với người dân của Bà. Việc khám phá ra giải pháp cho vấn đề chung về mối quan hệ giữa người Maori và người pakeha và sự hợp tác hài hòa lẫn nhau của họ trong sự tiến bộ của New Zealand để trở thành một quốc gia có tầm quan trọng lớn đối với tất cả New Zealand.

One great lesson at least the Maori has to teach the *pakeha.* In olden days, and today where Maori customs are still preserved, the whole life of the peoples was lived as in the presence of the Deity and Its Embodiments. No act of any importance was performed without an appropriate invocation, no task embarked upon before the *karakia* proper to the occasion was chanted. Despite a gradual descent into a somewhat superstitious popular religion,

Ít nhất một bài học lớn mà người Maori phải dạy cho người pakeha. Vào thời xa xưa, và ngày nay nơi các phong tục của người Maori vẫn được bảo tồn, toàn bộ cuộc sống của người dân đã được sống như thể có sự hiện diện của Thượng đế và Các Hiện Thân của Ngài. Không có hành động quan trọng nào được thực hiện mà không có lời khẩn cầu thích hợp, không có nhiệm vụ nào được bắt đầu trước khi karakia thích hợp cho dịp này được xướng lên. Bất

these constant recognitions of the spiritual power and presence of the unseen God are the marks of a spiritually minded people. For them in truth, earth was known to be 'crammed with heaven and every common bush afire with God'. In their inner lives there were to be numbered amongst them those who truly saw and seeing, 'took off their shoes'. For the Maoris, all life from birth to death, all art, all culture, almost every act, had a sacred significance, was an outward and visible sign of an inward and spiritual power and truth, and it is this vision and this recognition and practice which are so lacking in modern civilisation. Back to certain original simplicities, back to pure spirituality, forward to a truly spiritual mode of life must the nations go and this indeed, if he can perceive and will acknowledge it, is a part of the great message delivered to the *pakeha* in New Zealand by his Maori co-patriots.

chấp sự suy thoái dần dần thành một tôn giáo phổ biến có phần mê tín, những sự công nhận liên tục về sức mạnh tinh thần và sự hiện diện của Thượng đế vô hình là dấu hiệu của một dân tộc có tâm thức tinh thần. Đối với họ, trên thực tế, trái đất được biết là 'chật ních thiên đường và mọi bụi cây thông thường bốc cháy với Thượng đế'. Trong cuộc sống nội tâm của họ, có thể kể đến những người thực sự đã nhìn thấy và khi nhìn thấy, 'cởi giày ra'. Đối với người Maori, tất cả cuộc sống từ khi sinh ra đến khi chết, tất cả nghệ thuật, tất cả văn hóa, hầu hết mọi hành động, đều có một ý nghĩa thiêng liêng, là một dấu hiệu bên ngoài và hữu hình của một sức mạnh và chân lý nội tâm và tinh thần, và chính tầm nhìn này và sự công nhận và thực hành này là rất thiếu trong nền văn minh hiện đại. Các quốc gia phải quay trở lại một số điều đơn giản ban đầu, trở lại tinh thần thuần khiết, tiến lên một lối sống thực sự tinh thần và điều này thực sự là một phần của thông điệp vĩ đại được gửi đến người pakeha ở New Zealand bởi những người đồng hương Maori của y, nếu y có thể nhận thức và thừa nhận nó.

Basic Simplicities of Life

Những Điều Đơn Giản Cơ Bản của Cuộc Sống

In the light of these considerations, Princess Te Puea Herangi, who embodies the highest ideals not only of Maori but of human life, is indeed a great leader and reformer. She is both a great High Priestess to her own people and a sign and an example to all her fellow countrymen of both races. For materialism is the curse of this age. Hatred and greed are its baneful concomitants. Spirituality and a return to the basic simplicities of life are the obvious means of undoing the self-inflicted curse. Through out all times it has ever been the great mystics, seers and prophets who have led mankind out of the wilderness of materialism and the bondage of selfishness to the promised land of true religion applied to

Dưới ánh sáng của những cân nhắc này, Công chúa Te Puea Herangi, người thể hiện những lý tưởng cao nhất không chỉ của người Maori mà còn của cuộc sống con người, thực sự là một nhà lãnh đạo và nhà cải cách vĩ đại. Bà vừa là một Nữ Tư Tế Tối Cao vĩ đại đối với dân tộc của mình, vừa là một dấu hiệu và một tấm gương cho tất cả đồng bào của Bà thuộc cả hai chủng tộc. Vì chủ nghĩa vật chất là lời nguyền của thời đại này. Hận thù và tham lam là những hệ quả tai hại của nó. Tinh thần và sự trở lại với những điều đơn giản cơ bản của cuộc sống là những phương tiện rõ ràng để xóa bỏ lời nguyền tự gây ra. Trong suốt mọi thời đại, chính những nhà thần bí, nhà tiên tri và nhà tiên tri vĩ đại đã dẫn dắt nhân loại ra khỏi vùng

every aspect of life.

hoang dã của chủ nghĩa vật chất và sự trói buộc của sự ích kỷ đến vùng đất hứa của tôn giáo chân chính được áp dụng cho mọi khía cạnh của cuộc sống.

We Theosophists believe that under the Adept Directors of Evolution on this planet, a great destiny awaits the people of New Zealand. Their sons have abundantly shown before all the world the heroic courage, endurance and self-sacrifice which will contribute so greatly to its fulfilment. Their statesmen have achieved remarkable advances in beneficent social legislation. Asking permission as a visitor to comment, I venture to affirm that as legislators, ministers of religion, reformers, artists and all lovers of and workers in this fair land, each in their own field, follow this magnificent example, the highest fulfilment of the national destiny will be assured. To all, in every walk of life, Princess Te Puea most nobly points the way.

Chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, tin rằng dưới sự chỉ đạo của Các Chân sư Đạo Diễn Tiến Hóa trên hành tinh này, một vận mệnh vĩ đại đang chờ đợi người dân New Zealand. Các con trai của họ đã thể hiện dồi dào trước toàn thế giới lòng dũng cảm, sự bền bỉ và tinh thần hy sinh bản thân anh hùng, vốn sẽ đóng góp rất lớn vào việc hoàn thành nó. Các chính khách của họ đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong luật pháp xã hội nhân từ. Xin phép với tư cách là một du khách để bình luận, tôi mạo muội khẳng định rằng với tư cách là các nhà lập pháp, bộ trưởng tôn giáo, nhà cải cách, nghệ sĩ và tất cả những người yêu mến và làm việc trên vùng đất tươi đẹp này, mỗi người trong lĩnh vực của riêng mình, hãy noi theo tấm gương tuyệt vời này, sự hoàn thành cao nhất của vận mệnh quốc gia sẽ được đảm bảo. Đối với tất cả mọi người, trong mọi tầng lớp xã hội, Công chúa Te Puea đã chỉ ra con đường một cách cao thượng nhất.

Theosophy in New Zealand, Vol. 4, No. 4, 1943, p. 95

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 4, Số 4, 1943, tr. [95]



Vị Thiên Thần chủ trì được nhìn thấy tại Đền thờ Phật giáo tên là Boro-Budur ở Java

144

At Boro-Budur—Tại Boro-Budur

During a recent visit to the great monument in Java, a request was made to the overshadowing *Deva* for His interpretation of the symbology of the shrine. The following

Trong chuyến thăm gần đây tới tượng đài vĩ đại ở Java, một yêu cầu đã được gửi đến Đấng Deva phủ bóng để Ngài giải thích về biểu tượng của ngôi đền. Sau đây là câu trả lời của

was His reply as far as the author was able to receive and translate it into words. It need hardly be said that much of the deep wisdom and of the beauty of the reply is lost in the process. That which remains is here offered in the hope that glimpses of the light within may yet be caught.

Ngài trong chừng mực tác giả có thể nhận và dịch nó thành lời. Hầu như không cần phải nói rằng phần lớn sự minh triết sâu sắc và vẻ đẹp của câu trả lời đã bị mất trong quá trình này. Những gì còn lại được cung cấp ở đây với hy vọng rằng những thoáng nhìn về ánh sáng bên trong vẫn có thể được bắt gặp.

I

I

ENLIGHTENMENT

Khai Sáng

"Timeless and spaceless is the story of the Budh,

"Vô tận và vô không gian là câu chuyện về Đức Phật,

Eternally true.

Vĩnh cửu đúng.

Not of one man alone, but of all men;

Không chỉ của một người, mà của tất cả mọi người;

Not of one world alone, but of all worlds,

Không chỉ của một thế giới, mà của tất cả các thế giới,

Even those invisible.

Ngay cả những thế giới vô hình.

"All Suns have once been Buddhas; indeed are Buddhas now;

"Tất cả Các Mặt Trời đã từng là Các Đức Phật; quả thực là Các Đức Phật bây giờ;

Shining not alone as did Our Lord upon a single globe,

Không chỉ chiếu sáng như Đức Chúa của Chúng ta trên một địa cầu duy nhất,

But upon the many which are bodies of the Sun.

Mà trên nhiều địa cầu vốn là thân thể của Mặt Trời.

"Buddhahood is the consummation of all life,

"Phật quả là sự viên mãn của tất cả sự sống,

The goal of all being;

Mục tiêu của tất cả hữu thể;

And of enlightenment there are degrees.

Và về sự khai sáng có nhiều mức độ.

"Here enshrined in beauty, sculptured in stone,

"Ở đây được tôn thờ trong vẻ đẹp, được điêu khắc bằng đá,

Is the immortal drama,

Là vở kịch bất tử,

The story of all enlightenment,

Câu chuyện về tất cả sự khai sáng,

Of men, of worlds, of Suns".

Của con người, của thế giới, của Các Mặt Trời".

II

II

THE WAY

Con Đường

"All created things must first descend

"Tất cả những thứ được tạo ra trước tiên phải giáng hạ

From the realms of the eternal Into the realms of time,

Từ các cõi vĩnh cửu Vào các cõi thời gian,

Passing through *Maya,* the eternal Mother,

Đi qua Maya, Mẹ vĩnh cửu,

As they descend.

Khi chúng giáng hạ.

"Born into illusion, imprisoned in time,

"Sinh ra trong ảo tưởng, bị giam cầm trong thời gian,

The dwellers in eternity, win free,

Những người cư ngụ trong cõi vĩnh hằng, giành chiến thắng,

Ride forth from the palace of dreams

Cưỡi ngựa ra khỏi cung điện của những giấc mơ

Into the freedom of the Real.

Vào sự tự do của Thực Tại.

"The story of all Buddhas

"Câu chuyện về tất cả Các Đức Phật

Is the story of that travelling

Là câu chuyện về cuộc hành trình đó

From the illusory to the tme,

Từ ảo ảnh đến sự thật,

From the fleeting to the eternal.

Từ phù du đến vĩnh cửu.

"Each incident upon the Way

"Mỗi sự kiện trên Con Đường

Is an experience which comes to all,

Là một kinh nghiệm đến với tất cả,

A stage which all must pass;

Một giai đoạn mà tất cả phải vượt qua;

For there is but one road to Buddhahood.

Vì chỉ có một con đường dẫn đến Phật quả.

"All who tread that road must meet the selfsame barriers,

"Tất cả những ai bước trên con đường đó phải đối mặt với những rào cản giống nhau,

Endure the same temptations,

Chịu đựng những cám dỗ giống nhau,

Know the same strife and fatigue;	Biết cùng một sự tranh đấu và mệt mỏi;
As also in the end, all beneath the Bodhi-tree	Cũng như cuối cùng, tất cả bên dưới cội Bồ-đề
Must reach supreme Enlightenment".	Phải đạt được sự Khai Sáng tối thượng".
III	III
THE DESCENT	**SỰ GIÁNG HẠ**
"Though fashioned as a square,	"Mặc dù được tạo thành hình vuông,
The shrine appears as spherical	Ngôi đền xuất hiện như hình cầu
To symbolize the tmth of the identity	Để tượng trưng cho chân lý về sự đồng nhất
Of form and Life:	Của hình tướng và Sự Sống:
The blending of eternity with time.	Sự pha trộn giữa vĩnh cửu với thời gian.
"Thus is the shrine a universe in miniature,	"Như vậy, ngôi đền là một vũ trụ thu nhỏ,
A symbol of creation	Một biểu tượng của sự sáng tạo
And of all created things;	Và của tất cả những thứ được tạo ra;
But, above all,	Nhưng, trên hết,
A symbol of the Way.	Một biểu tượng của Con Đường.
"The topmost point, the summit of the pinnacle,	"Điểm cao nhất, đỉnh của ngọn tháp,
Which crowns Boro-Budur,	Vốn đội lên Boro-Budur,
Symbolizes THAT from which all comes forth.	Tượng trưng cho ĐIỀU mà từ đó tất cả xuất phát.
"The stupa's shape displays most perfectly	"Hình dạng của bảo tháp thể hiện một cách hoàn hảo nhất
The first form assumed by life,	Hình thức đầu tiên mà sự sống đảm nhận,
Entering the *Maya* of space.	Bước vào Maya của không gian.
"Each successive gallery displays the stages of descent,	"Mỗi phòng trưng bày kế tiếp hiển thị các giai đoạn giáng hạ,

The basic numbers and the principles	Các con số và nguyên tắc cơ bản
By which the universe is built And filled with life.	Mà vũ trụ được xây dựng Và tràn đầy sự sống.
“Each stupa represents,	“Mỗi bảo tháp đại diện,
Both in proportion, design,	Cả về tỷ lệ, thiết kế,
An archetype,	Một nguyên mẫu,
The first expression, in the realms of time,	Biểu hiện đầu tiên, trong các cõi thời gian,
Of Truth which is eternal.	Về Chân Lý vốn là vĩnh cửu.
“Therefore in each a Buddha sits,	“Do đó, trong mỗi bảo tháp, một Đức Phật ngồi,
Withdrawn from time and space, and yet within,	Rút khỏi thời gian và không gian, nhưng vẫn ở bên trong,
Silent and invisible,	Im lặng và vô hình,
Save to those who look within the form And see the Life.	Ngoại trừ những người nhìn vào bên trong hình tướng Và nhìn thấy Sự Sống.
“Thus is displayed the truth	“Như vậy, chân lý được hiển thị
That in every Budh the fleeting and the eternal meet.	Rằng trong mỗi Đức Phật, sự phù du và vĩnh cửu gặp nhau.
“The Lotus of the fourfold base Symbolises matter fructified,	“Hoa Sen của nền tảng tứ phân Tượng trưng cho vật chất được thụ tinh,
Space moulded to form,	Không gian được đúc thành hình tướng,
Receiving from above	Tiếp nhận từ trên cao
The impress of descending Spirit.	Ấn tượng của Tinh Thần giáng hạ.
“And from the sacred union Buddhas are born	“Và từ sự kết hợp thiêng liêng Các Đức Phật được sinh ra
Though here in archetypal realms	Mặc dù ở đây trong các cõi nguyên mẫu
They still remain within the womb,	Chúng vẫn còn trong bụng mẹ,
Awaiting their hour;	Chờ đợi giờ của chúng;

Dwelling between two states	Sống giữa hai trạng thái
Of time and timelessness,	Của thời gian và vô tận,
As every Buddha does,	Như mọi Đức Phật đều làm,
Embodying the powers of eternity	Thể hiện sức mạnh của cõi vĩnh hằng
Whilst living in the worlds of time.	Trong khi sống trong các thế giới của thời gian.
“Below the third of these great galleries Eternity is left behind,	“Bên dưới phần thứ ba của các phòng trưng bày vĩ đại này, cõi vĩnh hằng bị bỏ lại phía sau,
Though still attainable, still visible	Mặc dù vẫn có thể đạt được, vẫn có thể nhìn thấy
To those who will look up As they descend.	Đối với những người sẽ nhìn lên Khi họ giáng hạ.
The world of archetypes disappears,	Thế giới của các nguyên mẫu biến mất,
The worlds of form are seen,	Các thế giới của hình tướng được nhìn thấy,
The universal becomes the individual,	Cái phổ quát trở thành cái cá nhân,
The essence specialized.	Bản chất được chuyên biệt hóa.
“Henceforth, succession occurs,	“Từ đó trở đi, sự kế thừa xảy ra,
The drama of life begins.	Vở kịch của cuộc sống bắt đầu.
When, therefore, man descends these steps of stone,	Do đó, khi con người giáng hạ những bậc đá này,
He treads symbolically	Y bước đi một cách tượng trưng
The selfsame road which once he trod	Cùng một con đường mà y đã từng bước đi
As he came forth.	Khi y xuất hiện.
When he ascends he climbs prophetically	Khi y thăng lên, y leo lên một cách tiên tri
The pathway of return”.	Con đường trở về”.
IV	**IV**
THE RETURN	**Sự Trở Về**

“Many Buddhas have trod that upward road	“Nhiều Đức Phật đã bước trên con đường đi lên đó
And still remain to show the way.	Và vẫn còn để chỉ đường.
Hence the many statues of the Lord	Do đó, nhiều bức tượng của Đức Chúa
Which, tier on tier,	Cái mà, tầng tầng lớp lớp,
Adorn the shrine,	Trang trí ngôi đền,
Symbols of those Enlightened Ones,	Biểu tượng của Những Đấng Giác Ngộ đó,
Who have attained.	Những Đấng đã đạt được.
“Each incident portrayed in Buddha’s life	“Mỗi sự kiện được miêu tả trong cuộc đời của Đức Phật
Is in truth a landmark and a stage,	Thực sự là một cột mốc và một giai đoạn,
A testing and a turning-point	Một cuộc thử nghiệm và một bước ngoặt
Common to the life of all.	Chung cho cuộc sống của tất cả.
“Thus also in the monument	“Như vậy, trong tượng đài
The individual is blended with the universal,	Cá nhân được pha trộn với phổ quát,
Eternity with time”.	Vĩnh cửu với thời gian”.
V	**V**
HISTORICAL	**LỊCH SỬ**
“The inspired one who first conceived the shrine,	“Người đầy cảm hứng, người đầu tiên hình thành ngôi đền,
Beheld these Truths,	Đã chứng kiến những Chân Lý này,
Became illumined with the principle	Đã được soi sáng với nguyên tắc
By which all worlds are made.	Mà theo đó tất cả các thế giới được tạo ra.
“This he mirrored in Boro-Budur	“Điều này y đã phản ánh trong Boro-Budur
Which is a vision wrought in stone.	Vốn là một tầm nhìn được tạo ra bằng đá.

Devoted to the Budh	Dâng hiến cho Đức Phật
By whom his vision was inspired,	Bởi Đấng mà tầm nhìn của y được truyền cảm hứng,
The artist made this monument	Người nghệ sĩ đã tạo ra tượng đài này
In honour of his Lord's Enlightenment:	Để tôn vinh sự Khai Sáng của Đức Chúa của y:
Chose the story of His life	Đã chọn câu chuyện về cuộc đời Ngài
To symbolize the Way	Để tượng trưng cho Con Đường
By which Enlightenment shall come to all.	Mà theo đó sự Khai Sáng sẽ đến với tất cả.
"This offering Our Lord received,	"Lời dâng này Đức Chúa của Chúng ta đã nhận,
Blessing designer on design,	Ban phước cho nhà thiết kế về thiết kế,
Inspiring sculptor and builder,	Truyền cảm hứng cho nhà điêu khắc và người xây dựng,
As the noble edifice arose.	Khi công trình cao quý vươn lên.
"A relic of His last life on earth,	"Một di tích về kiếp sống cuối cùng của Ngài trên trái đất,
A mighty talisman,	Một bùa hộ mệnh mạnh mẽ,
Lay buried underneath the centre of the shrine.	Nằm chôn vùi bên dưới trung tâm của ngôi đền.
"Thus was the power of the Holy One	"Như vậy, quyền năng của Đấng Chí Thánh
Established here In symbol and in fact.	Được thiết lập ở đây bằng biểu tượng và trên thực tế.
"Thus, through perfect art,	"Như vậy, thông qua nghệ thuật hoàn hảo,
Numerical exactitude,	Độ chính xác về số học,
Just proportion	Tỷ lệ thích hợp
And harmonious blending of the many into one,	Và sự hòa hợp hài hòa của nhiều thứ thành một,
The peace of the eternal	Sự bình an của vĩnh hằng

Abides within this monument in time.

“Through the power,

Within the beauty and the peace,

The presence of the Lord of Light

Dwells in Boro-Budur”.

VI

TO VISITORS

“As you go forth again.

Into the busy world of men,

Remember Boro-Budur;

For in that remembering

Its power, its beauty and its peace

Will enter into you

To keep you steadfast on the way

That leads to Buddhahood for you.

“Peace to all beings,

Peace, Peace, Peace!”

The Theosophist, Vol. 55, January 1934, p. 463

Ngự trị bên trong tượng đài này theo thời gian.

“Thông qua quyền năng,

Trong vẻ đẹp và sự bình an,

Sự hiện diện của Đức Chúa Tể Ánh Sáng

Ngự trong Boro-Budur”.

VI

ĐỐI VỚI KHÁCH THAM QUAN

“Khi quý vị lại ra đi.

Vào thế giới bận rộn của con người,

Hãy nhớ đến Boro-Budur;

Vì trong sự tưởng nhớ đó

Quyền năng, vẻ đẹp và sự bình an của nó

Sẽ đi vào quý vị

Để giữ cho quý vị vững vàng trên con đường

Dẫn đến Phật quả cho quý vị.

“Bình an cho tất cả chúng sinh,

Bình an, Bình an, Bình an!”

The Theosophist, Tập 55, tháng 1 năm 1934, tr. 463

145

Before the Himalayan Snows—Trước Những Tuyết Phủ Himalaya

Everest represents the feminine aspect of earth power. At the summit there appears a symbolic form of the Goddess Mother of the

World seated in meditation on the lotus throne. Though robed in power, deep blue

Everest đại diện cho khía cạnh nữ tính của quyền năng trái đất. Ở trên đỉnh xuất hiện một hình thức tượng trưng của Nữ Thần Mẹ của

Thế Giới ngự trên tòa sen trong thiền định. Mặc dù khoác lên mình quyền năng, màu xanh

without, indigo within, she is motionless, poised in a mighty earth *chakram* of which, Everest is the physical and magnetic heart. Her consciousness is sunk deep in contemplation, indrawn, evoking and conserving spiritual power, as the God of Kunchinjunga receives and sends forth.

đậm bên ngoài, màu chàm bên trong, Bà bất động, thăng bằng trong một luân xa trái đất mạnh mẽ, trong đó, Everest là trái tim vật chất và từ tính. Tâm thức của Bà chìm sâu trong chiêm ngưỡng, hướng nội, gợi lên và bảo tồn quyền năng tinh thần, khi Thần của Kunchinjunga tiếp nhận và gửi đi.

For Kunchinjunga represents the positive aspect of earth power and above it hovers the mountain God; His form is fiery white as of bright sunlight on snow, His aura also white is shot through with blue. Hosts of lesser white *devas* move continually throughout the great range serving These and other Shining Ones.

Vì Kunchinjunga đại diện cho khía cạnh tích cực của quyền năng trái đất và phía trên nó là Thần núi; Hình dáng của Ngài có màu trắng rực lửa như ánh sáng mặt trời rực rỡ trên tuyết, hào quang của Ngài cũng màu trắng được điểm xuyết màu xanh lam. Vô số thiên thần da trắng nhỏ hơn liên tục di chuyển khắp dãy núi vĩ đại để phụng sự Các Ngài và Các Đấng Tỏa Sáng khác.

The God of Kunchinjunga appears to serve as southern sentinel and guardian of the sacred regions of Tibet. His consciousness ranges throughout the whole of India and Indo-China, reaching to the sea. Like a lighthouse, he shines over them, positive, radiant, pouring forth power.

Thần của Kunchinjunga dường như đóng vai trò là người canh gác và bảo vệ phía nam của các vùng đất thiêng liêng của Tây Tạng. Tâm thức của Ngài trải rộng khắp Ấn Độ và Đông Dương, vươn ra biển. Giống như một ngọn hải đăng, Ngài chiếu sáng lên chúng, tích cực, rạng rỡ, tuôn đổ quyền năng.

These two are as twin foci of some mighty ellipse of earth power. From deep down, earth force rushes up into Everest like *Kundalini* into the *chakras* of the illumined yogi. From high above and within, power flows through Kunchinjunga like blessing through the elevated Host. Everest is power received and stored; Kunchinjunga is power sent forth.

Hai vị này giống như tiêu điểm song sinh của một elip quyền năng trái đất vĩ đại nào đó. Từ sâu thẳm bên dưới, lực trái đất dâng lên Everest như Kundalini vào các luân xa của vị yogi giác ngộ. Từ trên cao và bên trong, quyền năng chảy qua Kunchinjunga như phước lành qua Vật Chủ được nâng lên. Everest là quyền năng được tiếp nhận và lưu trữ; Kunchinjunga là quyền năng được gửi đi.

High above these mighty mountain consciousnesses is a third, a great *Deva* of the trans-Himalayan range, far to the north. Thus the whole of Tibet is occultly insulated from the world, a temple indeed, tyled by *Deva* guards.

Cao hơn những tâm thức núi non hùng vĩ này là một tâm thức thứ ba, một thiên thần vĩ đại của dãy xuyên Himalaya, ở tận phía bắc. Như vậy, toàn bộ Tây Tạng được cách ly một cách huyền bí với thế giới, thực sự là một ngôi đền, được bảo vệ bởi các thiên thần canh gác.

The power from the Masters' valley is distinctly discemable. The whole region

Quyền năng từ thung lũng của các Chân sư có thể được phân biệt rõ ràng. Toàn bộ khu vực

appears to be ablaze with power; it is a tremendous centre, sun-like, its golden radiance shining over the world. At the heart of it abides the still peace in which They live, the Peace of the Eternal.

dường như bừng cháy với quyền năng; nó là một trung tâm to lớn, giống như mặt trời, ánh rạng rỡ vàng kim của nó chiếu sáng khắp thế giới. Tại trung tâm của nó ngự trị sự bình an tĩnh lặng, nơi Các Ngài sống, Sự Bình An của Vĩnh Hằng.

Other centres of power are established in the great range, homes doubtless of Mighty Ones,

Các trung tâm quyền năng khác được thiết lập trong dãy núi vĩ đại, chắc chắn là nhà của Các Đấng Hùng Mạnh,

Approached concerning the establishment on earth of the brotherhood of angels and of men, a mountain *Deva* thought as follows

Khi được tiếp cận liên quan đến việc thiết lập trên trái đất tình huynh đệ giữa các thiên thần và con người, một thiên thần núi đã suy nghĩ như sau

'Mankind, through its scientists, is probing into the power aspect of physical matter, piercing through form to force. In due time, the outer layers of earth energy will be tapped, providing new sources of power. Teach, therefore, concerning the Gods of power, creative and directive Intelligences behind the powers of Nature, awakening here and there in this dark age the mind of man to the fact of their existence. Stress the two essentials to successful discovery and release of hidden power. First, human brotherhood, that the power be used to build, not to destroy. Second, the scientist as yogi, seeking within himself for truth.

'Nhân loại, thông qua các nhà khoa học của mình, đang thăm dò khía cạnh quyền năng của vật chất hồng trần, xuyên thấu hình tướng để đến với mãnh lực. Đến thời điểm thích hợp, các lớp năng lượng bên ngoài của trái đất sẽ được khai thác, cung cấp các nguồn năng lượng mới. Vì vậy, hãy giảng dạy về các Thần của quyền năng, các Trí Tuệ sáng tạo và chỉ đạo đằng sau các quyền năng của Thiên Nhiên, đánh thức đây đó trong thời đại tăm tối này thể trí của con người về sự thật về sự tồn tại của Các Ngài. Nhấn mạnh hai điều thiết yếu để khám phá thành công và giải phóng quyền năng ẩn giấu. Thứ nhất, tình huynh đệ nhân loại, để quyền năng được sử dụng để xây dựng, không phải để phá hủy. Thứ hai, nhà khoa học là một yogi, tìm kiếm chân lý bên trong chính mình.

'The key to the entry of man into the kingdom of the Gods consists of complete readiness to place at the service, of the whole all power gained, all knowledge won, reserving naught for self.

'Chìa khóa để con người bước vào vương quốc của các Thần bao gồm sự sẵn sàng hoàn toàn để đặt vào sự phụng sự, của toàn bộ tất cả quyền năng đạt được, tất cả tri thức giành được, không giữ lại gì cho bản thân.

'The scientist must become the true yogi, selfless, with truth his only goal. Upon such the Gods will shower their gifts, will open the sanctuary wherein the hidden powers reside,

'Nhà khoa học phải trở thành yogi thực thụ, vị tha, với chân lý là mục tiêu duy nhất của y. Các Thần sẽ ban tặng những món quà của Các Ngài cho những người như vậy, sẽ mở ra thánh địa

will admit them to the kingdom of the Gods.

nơi các quyền năng ẩn giấu ngự trị, sẽ thừa nhận họ vào vương quốc của các Thần.

'The human race greatly needs a spiritual awakening. Man must turn from self to selflessness, from acquisition to service, from form to life. Then and then alone may power be entrusted to him, knowledge of the life within the form be gained'.

'Nhân loại rất cần một sự thức tỉnh tinh thần. Con người phải chuyển từ bản thân sang vị tha, từ chiếm hữu sang phụng sự, từ hình tướng sang sự sống. Chỉ khi đó quyền năng mới có thể được giao phó cho y, tri thức về sự sống bên trong hình tướng mới có thể đạt được'.

The Theosophist, Vol. 55, April 1934, p. 56

The Theosophist, Tập 55, tháng 4 năm 1934, tr. 56

146—

Clairvoyant Observation of the Ceremonial Magic of the Aztecs—Quan Sát Thông Nhãn về Ma Thuật Nghi Lễ của Người Aztec

Aztec Religious Practice

Thực Hành Tôn Giáo của Người Aztec

During my visits to some Mexican antiquities, in February, 1956, Ireceived, and share in this article, some clairvoyant impressions from the *AKASHIC* Records of ancient Aztec and Toltec religious practices.

Trong các chuyến thăm một số đồ cổ của Mexico, vào tháng 2 năm 1956, tôi đã nhận được và chia sẻ trong bài viết này, một số ấn tượng thông nhãn từ Lưu Trữ AKASHIC về các thực hành tôn giáo cổ xưa của người Aztec và Toltec.

The chief difference between later Christianity and the religion of the ancient Mexicans consists of direct contact without mediation with the forces and Intelligences of the sun, the planets, the Zodiac and the earth. Christianity, on the other hand, also appeals to invisible superhuman intermediaries. Whilst there is evidence of Adept leaders behind, I do not observe here the worship of any Beings corresponding to the Lord Christ, Our Lady or the Communion of Saints. The existence of a Lodge of Atlantean Adepts is, however, discernible and such pyramids as I have visited seem to have been connected with an occult centre to the South. I also discern the practice of sending spiritual leaders to visit the various temples to recharge them and

Sự khác biệt chính giữa Cơ đốc giáo sau này và tôn giáo của người Mexico cổ đại bao gồm sự tiếp xúc trực tiếp không qua trung gian với các mãnh lực và Trí Tuệ của mặt trời, các hành tinh, Hoàng Đạo và trái đất. Mặt khác, Cơ đốc giáo cũng kêu gọi những người trung gian siêu nhân vô hình. Mặc dù có bằng chứng về các nhà chân sư lãnh đạo đằng sau, nhưng tôi không quan sát thấy ở đây sự thờ phượng bất kỳ Đấng nào tương ứng với Đức Christ, Đức Mẹ hoặc Hiệp Thông Các Thánh. Tuy nhiên, sự tồn tại của một Thánh Đoàn các Chân sư Atlantis có thể được nhận thấy và những kim tự tháp mà tôi đã đến thăm dường như có liên hệ với một trung tâm huyền bí ở phía Nam. Tôi cũng nhận thấy việc thực hành gửi các nhà lãnh đạo tinh thần đến thăm các đền thờ khác

correct any errors which may have arisen.

nhau để nạp lại năng lượng cho họ và sửa chữa bất kỳ sai sót nào có thể phát sinh.

The religious practice of the time which I observed—before it was degraded by human sacrifices—consisted of two or possibly three divisions, namely, public worship for the uninstructed and not very intelligent working people, a highly occult heart, corresponding to the Temples of the Greater Mysteries and, connecting these, at least two grades for neophytes, as in Temples of the Lesser Mysteries. Through the centuries people moved up these interconnected divisions.

Việc thực hành tôn giáo vào thời điểm tôi quan sát—trước khi nó bị suy thoái bởi những cuộc hiến tế người—bao gồm hai hoặc có thể là ba bộ phận, cụ thể là, thờ cúng công khai cho những người lao động không được hướng dẫn và không thông minh lắm, một trái tim huyền bí cao độ, tương ứng với các Đền Thờ của Đại Mật Truyền và, kết nối những điều này, ít nhất hai cấp bậc cho người sơ cơ, như trong các Đền Thờ của Tiểu Mật Truyền. Qua nhiều thế kỷ, mọi người đã chuyển lên các bộ phận liên kết với nhau này.

Notes were taken as I watched and described the performance of a religious ceremony and the life of the community in ancient days at Teotihuacan, some distance from Mexico City. The observer in such cases sees the events as if they were then occurring, as they are to his super-sensory sight. My descriptions are generally given in the present tense, therefore, the following account being taken from notes taken of my remarks at the time, and during a later talk on a little park near the pyramid.

Các ghi chép đã được ghi lại khi tôi xem và mô tả việc thực hiện một nghi lễ tôn giáo và cuộc sống của cộng đồng vào thời cổ đại ở Teotihuacan, cách Thành phố Mexico một quãng đường. Trong những trường hợp như vậy, người quan sát nhìn thấy các sự kiện như thể chúng đang xảy ra, như chúng đối với thị giác siêu cảm giác của y. Do đó, các mô tả của tôi thường được đưa ra ở thì hiện tại, tài khoản sau đây được lấy từ các ghi chép về những nhận xét của tôi vào thời điểm đó và trong một cuộc nói chuyện sau đó tại một công viên nhỏ gần kim tự tháp.

An Aztec Priest at the Great Pyramid of the Sun

Một Tư Tế Aztec tại Đại Kim Tự Tháp Mặt Trời

The chief officiant at a ceremony at the Temple on the summit of the Sun pyramid at Teotihuacan, which 1 watched, seems to be an Initiate of the Fourth or Atlantean Root Race. He is a tall man, with a reddish-brown complexion, very clear cut features, large aquiline nose, eyes full of power and a facial expression of sternness and great strength. He wears beautiful robes of many hues, the chief colours being red, yellow, green and purple, and a high, feathered head dress. There are

Người chủ trì chính trong một buổi lễ tại Đền Thờ trên đỉnh kim tự tháp Mặt Trời ở Teotihuacan, mà tôi đã xem, dường như là một điểm đạo đồ của Giống Dân Gốc Thứ Tư hoặc Atlantis. Y là một người đàn ông cao lớn, với nước da nâu đỏ, các đường nét rất rõ ràng, mũi khoằm lớn, đôi mắt đầy quyền năng và biểu cảm khuôn mặt nghiêm nghị và mạnh mẽ. Y mặc những bộ áo choàng tuyệt đẹp với nhiều màu sắc, màu chủ đạo là đỏ, vàng, xanh lá cây và tím, và một chiếc mũ đội đầu có lông vũ cao.

jewelled ornaments on the neck, arms and legs, and sandals on the feet.

Có đồ trang sức nạm ngọc trên cổ, cánh tay và chân, và dép trên chân.

This high priest and his helpers evidently know full well of the *Kundalini,* the fiery Serpent force in the centre of the earth and in man, for they employ certain ceremonies, postures and words of power to evoke the earth *Kundalini* and cause it to flow along the spines of officiants and others present.

Vị tư tế tối cao này và những người trợ giúp của y rõ ràng biết rất rõ về Kundalini, mãnh lực Rắn lửa ở trung tâm trái đất và trong con người, vì họ sử dụng một số nghi lễ, tư thế và quyền năng từ nhất định để gợi lên Kundalini trái đất và khiến nó chảy dọc theo cột sống của những người chủ trì và những người khác có mặt.

The Invocation of Solar Forces

Lời Khẩn Cầu Các Mãnh Lực Thái Dương

A major part of the ceremonial being observed concerns the evocation of earth forces in general including *Kundalini,* and the Intelligences associated with them, whilst another part is designed to invoke the Solar *Kundalini* and other forces from the sun and the higher planes, including the white fire of *ATMA,* the force of the Divine Will. These Solar forces are being made to pass rapidly down the head and spine of Officiants and others at the Ceremonial to meet the as cending earth forces. These combine to make a very powerful concentration of Solar and planetary forces in the bodies of those present and of their associated Intelligences within and about the great Temple of the Sun.

Một phần lớn của nghi lễ đang được quan sát liên quan đến việc gợi lên các mãnh lực trái đất nói chung bao gồm Kundalini, và các Trí Tuệ liên kết với chúng, trong khi một phần khác được thiết kế để khẩn cầu Kundalini Thái dương và các mãnh lực khác từ mặt trời và các cõi cao hơn, bao gồm cả ngọn lửa trắng của ATMA, mãnh lực của Ý Chí Thiêng Liêng. Những mãnh lực Thái dương này đang được tạo ra để truyền nhanh chóng xuống đầu và cột sống của những Người Chủ Trì và những người khác tại Nghi Lễ để gặp gỡ các mãnh lực trái đất đang dâng lên. Những điều này kết hợp để tạo ra một sự tập trung rất mạnh mẽ của các mãnh lực Thái dương và hành tinh trong cơ thể của những người có mặt và các Trí Tuệ liên kết của họ bên trong và xung quanh Đại Đền Thờ Mặt Trời.

High in the air, I observe a great circle, at least one mile in diameter, of golden *Devas* or angels hovering above the Temple at a height of several thousand feet. Their auras keep touching to form the bowl of a *Deva* chalice filled with Solar 'wine', or the forces of *ATMA,* spiritual Will—Essence clothed in the Matter of *BUDDHI-MANAS,* the planes of the human intuition and the abstract mind.

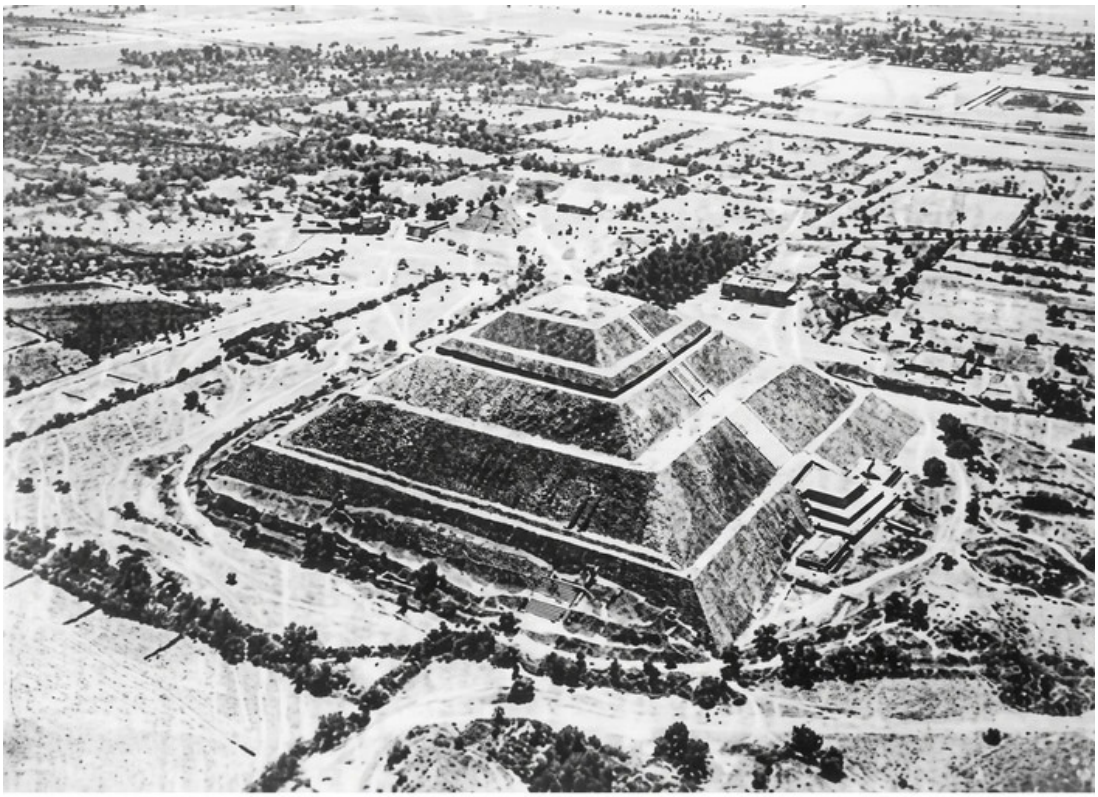
Trên không trung, tôi quan sát thấy một vòng tròn lớn, đường kính ít nhất một dặm, gồm các thiên thần vàng hoặc các thiên thần lơ lửng phía trên Đền Thờ ở độ cao vài nghìn feet. Hào quang của Các Ngài tiếp tục chạm vào nhau để tạo thành bát của một chén thánh Deva chứa đầy 'rượu' Thái dương, hoặc các mãnh lực của ATMA, Ý Chí tinh thần—Bản Chất được khoác lên Vật Chất của BUDDHI-MANAS, các cõi của trực giác con người và trí trừu tượng.

The stem of the great chalice built of Intelligences and forces passes down through the temple and the pyramid into the ground. A large number of other *Devas* move about high in the air above the rim of the cup, and one very great *ATMIC Deva* supervises these proceedings, having apparently been in charge of the religion and area for many centuries.

Thân của chén thánh vĩ đại được xây dựng từ các Trí Tuệ và mãnh lực đi xuống qua đền thờ và kim tự tháp vào lòng đất. Một số lượng lớn các thiên thần khác di chuyển trên không trung phía trên vành của chiếc cốc, và một thiên thần ATMIC rất vĩ đại giám sát các thủ tục này, dường như đã phụ trách tôn giáo và khu vực trong nhiều thế kỷ.

THE PYRAMID OF THE SUN, TEOTIHUACAN, MEXICO

KIM TỰ THÁP MẶT TRỜI, TEOTIHUACAN, MEXICO



KIM TỰ THÁP MẶT TRỜI. TEOTIHUACAN, MEXICO.

This temple is a spiritual centre for the whole of this region, and at least three great ceremonies, those of sunrise, high noon which I watched and think was the most important, and sunset, are regularly performed here.

Ngôi đền này là một trung tâm tinh thần cho toàn bộ khu vực này, và ít nhất ba nghi lễ lớn, những nghi lễ bình minh, giữa trưa mà tôi đã xem và nghĩ là quan trọng nhất, và hoàng hôn, được thực hiện thường xuyên ở đây.

Ancient Astrology

Chiêm Tinh Học Cổ Đại

The leaders evidently possess considerable astronomical and astrological knowledge. They know about the signs of the Zodiac, and how to co-operate with the Intelligences and powers of the Signs and certain stars and planets, particularly Venus and Mars.[64]1 think the colour of the robes and the paintings of the temples are designed to be in mutual resonance or harmonious vibration with these superphysical forces and Intelligences. The astrologers have greater direct knowledge of their science than the public astrologers of the twentieth century, particularly concerning the forces and Intelligences of the Zodiac, Sun and planets. Although they have no telescopes, they have erections providing lines of sight and the Initiates are also trained to detect combinations of planetary forces during astrological aspects. Apparently they feel or sense them, knowing where planets form aspects like conjunctions, squares or oppositions which either strengthen or weaken celestial influences.

Các nhà lãnh đạo rõ ràng sở hữu kiến thức thiên văn và chiêm tinh đáng kể. Họ biết về các dấu hiệu của Hoàng Đạo, và cách hợp tác với các Trí Tuệ và quyền năng của các Dấu hiệu và một số ngôi sao và hành tinh nhất định, đặc biệt là Sao Kim và Sao Hỏa. Tôi nghĩ rằng màu sắc của áo choàng và các bức tranh của các đền thờ được thiết kế để cộng hưởng lẫn nhau hoặc rung động hài hòa với các mãnh lực và Trí Tuệ siêu vật chất này. Các nhà chiêm tinh học có kiến thức trực tiếp về khoa học của họ hơn các nhà chiêm tinh học công chúng của thế kỷ hai mươi, đặc biệt liên quan đến các mãnh lực và Trí Tuệ của Hoàng Đạo, Mặt Trời và các hành tinh. Mặc dù họ không có kính viễn vọng, nhưng họ có những công trình cung cấp đường ngắm và các điểm đạo đồ cũng được huấn luyện để phát hiện sự kết hợp của các mãnh lực hành tinh trong các khía cạnh chiêm tinh. Rõ ràng họ cảm thấy hoặc cảm nhận được chúng, biết nơi các hành tinh tạo thành các khía cạnh như giao hội, hình vuông hoặc đối lập, những điều này hoặc là củng cố hoặc làm suy yếu các ảnh hưởng thiên thể.

These physical, Astral and mental bodies of those thus trained are sensitised to such a degree that they become human observatories, as it were, and know occultly what is happening in the heavens, being also aided by physical recognition of the positions of the planets.

Các thể xác, cảm dục và trí tuệ của những người được huấn luyện như vậy được làm cho nhạy cảm đến mức họ trở thành đài quan sát của con người, và biết một cách huyền bí những gì đang xảy ra trên thiên đường, đồng thời được hỗ trợ bởi sự nhận biết vật lý về vị trí của các hành tinh.

Pyramid Terraces and Grades of Initiation

Sân Thượng Kim Tự Tháp và Cấp Bậc Điểm Đạo

The various main stairs of this pyramid, the number of steps and the width of the stairway are symbolic of the planes of nature, levels of human consciousness and ceremonial degrees existing in those days; for I notice that for the ceremony I watched, neophytes and Initiates take their places on terraces and steps according to the degree they have

Các cầu thang chính khác nhau của kim tự tháp này, số lượng bậc thang và chiều rộng của cầu thang tượng trưng cho các cõi của tự nhiên, các cấp độ của tâm thức con người và các cấp bậc nghi lễ tồn tại vào thời đó; vì tôi nhận thấy rằng đối với buổi lễ mà tôi đã xem, những người sơ cơ và điểm đạo đồ chiếm vị trí của họ trên các sân thượng và bậc thang theo

[64] Earlier astrological research familiarised me with the quality and colour of such influences.

Initiates take their places on terraces and steps according to the degree they have attained.

A measure of 'tyling' in the Masonic sense is thus achieved. The general public remain upon the ground aware that magic, as they think of it, is being performed at the higher levels. At certain signals, the people chant or shout together monosyllables which are words of power and generally end in hard consonants like 'oc', 'oct' and the more liquid 'otl'. These invocatory and evocatory ceremonies have been kept up for centuries without interruption, establishing a concentration of power here which is distributed throughout the neighbourhood. The Temple on the summit of this Sun Pyramid is at this time the most important of all the surrounding temples and is used for the higher public and the more private ceremonies. The high priests also guide and direct the temporal chieftains.

I notice, too, that the moment of high noon is measured by a vertical staff above the topmost temple, now demolished. This also gives the time of maximum spiritual power and beneficence. Invocations are then uttered and blessing sent out over the large population of the city and countryside. This is very beneficial as this region is densely populated, having at this time of the civilisation a definite spiritual and occult heart. Some of the people have psychic powers enabling them to see the auras of the leaders which are very brilliant and large, and it was this direct experience which assisted in the maintenance of order throughout the land.

A Strange Phenomenon

At the special time of the ceremony performed when the sun is at its meridian the summit of

những người sơ cơ và điểm đạo đồ chiếm vị trí của họ trên các sân thượng và bậc thang theo cấp bậc mà họ đã đạt được.

Do đó, một thước đo về 'tyling' theo nghĩa Masonic đã đạt được. Công chúng nói chung vẫn ở trên mặt đất nhận thức được rằng ma thuật, như họ nghĩ về nó, đang được thực hiện ở các cấp độ cao hơn. Tại một số tín hiệu nhất định, mọi người cùng nhau hô vang hoặc hét lên những âm tiết đơn âm là những quyền năng từ và thường kết thúc bằng những phụ âm cứng như 'oc', 'oct' và 'otl' lỏng hơn. Những nghi lễ khẩn cầu và gợi lên này đã được duy trì trong nhiều thế kỷ không bị gián đoạn, thiết lập một sự tập trung quyền năng ở đây được phân phối khắp vùng lân cận. Đền Thờ trên đỉnh Kim Tự Tháp Mặt Trời này vào thời điểm này là quan trọng nhất trong tất cả các đền thờ xung quanh và được sử dụng cho công chúng cao cấp hơn và các nghi lễ riêng tư hơn. Các tư tế tối cao cũng hướng dẫn và chỉ đạo các tù trưởng thế tục.

Tôi cũng nhận thấy rằng thời điểm giữa trưa được đo bằng một cây gậy thẳng đứng phía trên ngôi đền trên cùng, hiện đã bị phá hủy. Điều này cũng cho biết thời gian có quyền năng và ân huệ tinh thần tối đa. Sau đó, những lời khẩn cầu được thốt ra và phước lành được gửi đến trên dân số lớn của thành phố và vùng nông thôn. Điều này rất có lợi vì khu vực này có mật độ dân số cao, có một trái tim tinh thần và huyền bí rõ ràng vào thời điểm nền văn minh này. Một số người có quyền năng thông linh cho phép họ nhìn thấy hào quang của các nhà lãnh đạo rất rực rỡ và lớn, và chính kinh nghiệm trực tiếp này đã hỗ trợ duy trì trật tự trên khắp vùng đất.

Một Hiện Tượng Kỳ Lạ

Vào thời điểm đặc biệt của buổi lễ được thực hiện khi mặt trời ở kinh tuyến của nó, đỉnh của

the pyramid seems to become super-physically on fire, astro-mental flames reaching out for a hundred yards or more above and on all sides. This inner fire is produced by the responses to invocations to the Solar Logos and Solar *Devas* and seems to me to represent Sun worship at its greatest and purest.

kim tự tháp dường như trở nên siêu vật chất bốc cháy, ngọn lửa trí cảm vươn ra hàng trăm thước trở lên phía trên và trên tất cả các phía. Ngọn lửa bên trong này được tạo ra bởi các phản ứng đối với những lời khẩn cầu Thượng đế Thái dương và các thiên thần Thái dương và đối với tôi dường như đại diện cho sự thờ phượng Mặt Trời ở mức độ vĩ đại và thuần khiết nhất.

A Golden Age

Một Thời Đại Hoàng Kim

As I look outwards towards the communal life of the people I see that their secular life is blended intimately with their religious life, there being no real division between them as is partly a tendency in some Christian countries, nearly everything in daily life being given a religious meaning. This evidently is a time where both civilisation and religion are at their height. The period of these observations on the summit of the Sun pyramid is probably about 500 B.C., has existed for at least a thousand years, and continued until about 500 A.D. when decline was beginning. Doubtless there were minor and major cycles of ascent and decline, in which later superstition and priestcraft largely displaced occultism and spirituality. For many thousands of years, however, this particular region seems to have been the centre of a high civilisation of the Fourth Root Race.

Khi tôi nhìn ra thế giới bên ngoài, hướng tới đời sống cộng đồng của mọi người, tôi thấy rằng đời sống thế tục của họ hòa quyện mật thiết với đời sống tôn giáo của họ, không có sự phân chia thực sự giữa chúng như một phần xu hướng ở một số quốc gia theo đạo Cơ đốc, gần như mọi thứ trong cuộc sống hàng ngày đều mang một ý nghĩa tôn giáo. Rõ ràng đây là thời điểm mà cả văn minh và tôn giáo đều ở đỉnh cao. Giai đoạn của những quan sát này trên đỉnh kim tự tháp Mặt Trời có lẽ là khoảng năm [500] trước Công nguyên, đã tồn tại ít nhất một nghìn năm và tiếp tục cho đến khoảng năm [500] sau Công nguyên khi sự suy tàn bắt đầu. Chắc chắn đã có những chu kỳ nhỏ và lớn của sự đi lên và suy tàn, trong đó mê tín dị đoan và tăng lữ sau này phần lớn thay thế huyền bí học và tinh thần. Tuy nhiên, trong nhiều nghìn năm, khu vực đặc biệt này dường như là trung tâm của một nền văn minh cao của Chủng Tộc Gốc Thứ Tư.

The houses are flat-topped, built of both adobe and stone, and many of them were not wholly roofed over. The city is in quarters like a modern city, with the lower classes in quite poor houses in certain areas, and the higher classes and nobles nearer the temples. Long straight roads radiate from the pyramid of the Sun and are connected at intervals by crossroads.

Những ngôi nhà có mái bằng, được xây bằng cả gạch sống và đá, và nhiều ngôi nhà trong số đó không được lợp hoàn toàn. Thành phố được chia thành các khu như một thành phố hiện đại, với tầng lớp thấp hơn trong những ngôi nhà khá nghèo ở một số khu vực nhất định, và tầng lớp cao hơn và giới quý tộc ở gần các đền thờ hơn. Những con đường thẳng dài tỏa ra từ kim tự tháp Mặt Trời và được kết nối theo khoảng thời gian bằng các ngã tư.

Whilst continuing to share my impressions in the little park at the foot of the pyramid I noticed that it is situated on the site of a small palace once occupied by an aristocratic family with many servants. The control in this house was markedly patriarchal, the male being the unquestioned head of the house and family. The impress upon *AKASHA* of this home and its family and life is still quite strong and kept intruding upon my consciousness as I talked: almost as if the members of the household were still living here. Time did not permit me to study Aztec home life on this occasion. Perhaps later visits to Mexico may provide opportunities for fuller observations.

Trong khi tiếp tục chia sẻ những ấn tượng của mình trong công viên nhỏ dưới chân kim tự tháp, tôi nhận thấy rằng nó nằm trên địa điểm của một cung điện nhỏ từng thuộc về một gia đình quý tộc với nhiều người hầu. Sự kiểm soát trong ngôi nhà này mang tính gia trưởng rõ rệt, người đàn ông là người đứng đầu gia đình và ngôi nhà không thể nghi ngờ. Dấu ấn trên AKASHA của ngôi nhà này và gia đình cũng như cuộc sống của nó vẫn còn khá mạnh mẽ và cứ xâm nhập vào tâm thức của tôi khi tôi nói chuyện: gần như thể các thành viên trong gia đình vẫn đang sống ở đây. Thời gian không cho phép tôi nghiên cứu cuộc sống gia đình của người Aztec vào dịp này. Có lẽ những chuyến thăm Mexico sau này có thể tạo cơ hội cho những quan sát đầy đủ hơn.

Theosophy in New Zealand, Vol. 18, January 1957, p. 37

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [18], tháng 1 năm [1957], trang [37]

147

Tibet and the Communist Invasion—Tây Tạng và Cuộc Xâm Lăng của Cộng Sản

Question: Has the invasion of Tibet affected the Adepts residing in that country?[65]

Câu hỏi: Cuộc xâm lược Tây Tạng có ảnh hưởng đến các Chân sư cư trú ở quốc gia đó không?

Answer: I am not going to speak as an authority on the subject, but I offer some ideas for your consideration. First of all the Adepts possess the faculty of prescience or foreknowledge. To quote Mrs Besant 'to His insight the future lies like an open page'. We learn from literature concerning Them that They can know when certain events will occur from Their knowledge of the Law of Cycles, and of course, by Their knowledge of the operations of the laws of karma. An example of this foreknowledge may be well known to some of you. Madame Blavatsky had said long ago that the European nations were hurrying

Trả lời: Tôi sẽ không nói như một người có thẩm quyền về chủ đề này, nhưng tôi đưa ra một số ý tưởng để bạn xem xét. Trước hết, các Chân sư sở hữu khả năng thấu thị hoặc biết trước. Trích lời Bà Besant 'đối với cái nhìn sâu sắc của Ngài, tương lai nằm như một trang sách mở'. Chúng ta học được từ các tài liệu liên quan đến Các Ngài rằng Các Ngài có thể biết khi nào những sự kiện nhất định sẽ xảy ra từ kiến thức của Các Ngài về Định luật Chu kỳ, và tất nhiên, bằng kiến thức của Các Ngài về các hoạt động của các định luật nghiệp quả. Một ví dụ về sự biết trước này có thể được một số bạn biết rõ. Bà Blavatsky đã nói từ lâu rằng các

[65] From unrevised notes of a talk at the Indian Section Headquarters January 12, 1960.

some of you. Madame Blavatsky had said long ago that the European nations were hurrying on to their dark cycle, to an age which would be black with horror. That would have appeared inconceivable, inexplicable to people living in that period of peace. But now that we have passed through two world wars with the ghastly concentration camps of the latter, we can realise that fact of foreknowledge. Applying this knowledge to the situation in Tibet, we may be absolutely sure that the Masters knew perfectly well what was going to happen and took the necessary steps, if such were necessary. Contemplation of the nature of Adeptship and what that stature involves in terms of personal power and quality and faculty, does put at rest any kind of fears which one might have about disturbance reaching Their ashramas. They are virtually masters on this planet and nobody can approach Them against Their will. An example, amongst many others, of Their powers is that of raising a complete *maya* to deceive or deflect away from a certain place those who might approach it. The intruders might see only a mountain wall or a precipice or a desert waste, even whilst standing on the threshold of an approach to Their country. The sacred oasis in the Gobi Desert, known as Shamballa, which means the place of tranquillity, is inviolate; once an island in the Gobi Sea, it is now an oasis in the Gobi Desert, and though there are stories of rather strange experiences, there is no legend of any one having seen that sanctuary. Then again, think of all the tremendous power needed to bring about the sinking of Atlantis by the great tidal wave or waves, result of what *The Secret Doctrine* calls a fiat or order from the Great Brotherhood. Contemplating these exhibitions of power beyond our conceptions and certainly beyond our reach—and remembering certain statements of Theirs—we may be perfectly

dụ về sự biết trước này có thể được một số bạn biết rõ. Bà Blavatsky đã nói từ lâu rằng các quốc gia châu Âu đang vội vã bước vào chu kỳ đen tối của họ, đến một thời đại sẽ đen tối vì kinh hoàng. Điều đó có vẻ khó tin, không thể giải thích được đối với những người sống trong thời kỳ hòa bình đó. Nhưng bây giờ chúng ta đã trải qua hai cuộc chiến tranh thế giới với các trại tập trung kinh hoàng của cuộc chiến tranh sau, chúng ta có thể nhận ra sự thật về sự biết trước đó. Áp dụng kiến thức này vào tình hình ở Tây Tạng, chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng các Chân sư biết rất rõ điều gì sẽ xảy ra và đã thực hiện các bước cần thiết, nếu cần thiết. Chiêm ngưỡng bản chất của Địa vị Chân sư và tầm vóc đó liên quan đến sức mạnh, phẩm chất và năng lực cá nhân, sẽ xua tan mọi loại sợ hãi mà người ta có thể có về sự xáo trộn đến ashram của Các Ngài. Các Ngài thực tế là các chân sư trên hành tinh này và không ai có thể tiếp cận Các Ngài trái với ý muốn của Các Ngài. Một ví dụ, trong số nhiều ví dụ khác, về sức mạnh của Các Ngài là tạo ra một ảo lực hoàn chỉnh để đánh lừa hoặc chuyển hướng khỏi một địa điểm nhất định những người có thể tiếp cận nó. Những kẻ xâm nhập có thể chỉ nhìn thấy một bức tường núi hoặc một vách đá hoặc một vùng hoang mạc, ngay cả khi đang đứng trên ngưỡng cửa tiếp cận đất nước của Các Ngài. Ốc đảo thiêng liêng ở Sa mạc Gobi, được gọi là Shamballa, có nghĩa là nơi yên tĩnh, là bất khả xâm phạm; từng là một hòn đảo ở Biển Gobi, giờ đây nó là một ốc đảo ở Sa mạc Gobi, và mặc dù có những câu chuyện về những trải nghiệm khá kỳ lạ, nhưng không có truyền thuyết nào về việc ai đó đã nhìn thấy khu bảo tồn đó. Sau đó, một lần nữa, hãy nghĩ về tất cả sức mạnh to lớn cần thiết để gây ra sự chìm xuống của Atlantis bởi những đợt sóng thần lớn, kết quả của cái mà Giáo Lý Bí Nhiệm gọi là một chiếu chỉ hoặc mệnh lệnh từ Đại Huynh Đệ Đoàn. Chiêm ngưỡng những biểu hiện sức mạnh này vượt quá quan niệm của chúng ta và chắc chắn là

sure, I believe, that Their sanctuaries and Their persons are all completely inviolate and unapproachable. So answering briefly, I would say that the communist invasion of Tibet has not disturbed the great Adepts by so much as a passing breeze. Of course, They will surely give compassion for the sufferings, all that is at all possible within the Law of Karma. Personally They are all beyond the possibility of anything happening to Them against Their will, when that will is in action.

ngoài tầm với của chúng ta—và ghi nhớ một số tuyên bố nhất định của Các Ngài—tôi tin rằng chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng các khu bảo tồn và con người của Các Ngài đều hoàn toàn bất khả xâm phạm và không thể tiếp cận được. Vì vậy, trả lời ngắn gọn, tôi sẽ nói rằng cuộc xâm lược Tây Tạng của cộng sản đã không làm xáo trộn các Chân sư vĩ đại dù chỉ là một cơn gió thoảng qua. Tất nhiên, Các Ngài chắc chắn sẽ ban lòng trắc ẩn cho những đau khổ, tất cả những gì có thể trong Định luật Nghiệp Quả. Về cá nhân, Các Ngài đều vượt quá khả năng bất cứ điều gì xảy ra với Các Ngài trái với ý muốn của Các Ngài, khi ý chí đó đang hoạt động.

Yet another thought occurs to me: They are karmaless. This is one of the great secrets of the Adepts. If no action is ever taken, no deed ever performed for one's own Individuality and at the instance of one's own purely personal will, but only on behalf of the One Will alone, there can be no reaction upon the person because the person was not involved; and furthermore, as all Their actions are completely beneficent as well as selfless there can never be any reaction against or towards Them of an adverse nature. Therefore, there can be no invasion of Their privacy or injury to Their person.

Tuy nhiên, một ý nghĩ khác chợt đến với tôi: Các Ngài không có nghiệp quả. Đây là một trong những bí mật lớn của các Chân sư. Nếu không có hành động nào được thực hiện, không có việc làm nào được thực hiện cho Biệt Ngã của một người và theo yêu cầu của ý chí cá nhân thuần túy của một người, mà chỉ thay mặt cho Ý Chí Duy Nhất, thì không thể có phản ứng nào đối với người đó vì người đó không liên quan; và hơn nữa, vì tất cả các hành động của Các Ngài đều hoàn toàn nhân từ cũng như vị tha nên không bao giờ có bất kỳ phản ứng nào chống lại hoặc hướng tới Các Ngài có tính chất bất lợi. Do đó, không thể có sự xâm phạm quyền riêng tư của Các Ngài hoặc gây thương tích cho con người của Các Ngài.

Theosophy in Australia, Vol. 48, Issue 8, August 1960, p. 162

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. [48], Số [8], tháng 8 năm [1960], trang [162]

148

Deva ***Life in Java—Đời Sống Deva ở Java***

I.A TREE DEVA

I. MỘT DEVA CÂY

There is a great Deva-King brooding over Boro-Budur, the magnificent temple in Java; he meditates ceaselessly upon the Living

Có một Deva-Vương vĩ đại đang suy ngẫm về Boro-Budur, ngôi đền tráng lệ ở Java; Ngài thiền định không ngừng về Đức Phật Sống,

Buddha, whose image is visible within the Deva's fiery aura. Mr Geoffrey Hodson, who is sensitive to influences on the higher planes, touched His lofty consciousness, and brought back the message which follows: note its elevated tone and sustained rhythm.[66]

hình ảnh của Ngài có thể nhìn thấy được trong hào quang rực lửa của Deva. Ông Geoffrey Hodson, người nhạy cảm với những ảnh hưởng trên các cõi cao hơn, đã chạm vào tâm thức cao cả của Ngài và mang về thông điệp sau: hãy lưu ý giọng điệu cao thượng và nhịp điệu bền vững của nó.

During our stay with friends in Java, a *Deva,* associated with a fifteen year old waringin tree growing in the garden, and unusually aware of and interested in the family who lived in the house, provided a further instance of the thinness of the veil between the *deva* and human kingdoms in Java. The link in this case was more especially felt with the lady of the house, who is Javanese and had planted the tree some fifteen years ago.

Trong thời gian chúng tôi ở với bạn bè ở Java, một Deva, liên kết với một cây waringin mười lăm năm tuổi mọc trong vườn, và đặc biệt nhận thức và quan tâm đến gia đình sống trong nhà, đã cung cấp một ví dụ khác về sự mỏng manh của bức màn giữa giới deva và giới nhân loại ở Java. Trong trường hợp này, mối liên kết đặc biệt được cảm nhận rõ hơn với người phụ nữ trong nhà, người Java và đã trồng cây cách đây khoảng mười lăm năm.

This tree *deva,* which is approaching individualisation, resembles a lovely girl, about seventeen years old with rosy, force-built form, golden 'hair' flowing back from the head, and a beautiful aura shining with delicate hues. She[67] is in a condition of permanent, if somewhat childlike happiness, which rises on occasion to ecstasy, and she feels a deep affection for the tree in her charge, in the upper branches of which she 'lives'. In height the half hidden form is about five feet, whilst the constantly moving aura plays throughout the whole of the tree and frequently beyond it—an extension of at least fifty feet; it is of an exceedingly fine texture, and its constant waving motion produces the effect of a delicate gossamer garment blown by a light wind. The slender form within glows with a soft rosy hue, whilst round and above the head shines a golden aureole which

Deva cây này, đang tiến gần đến sự biệt ngã hóa, giống như một cô gái đáng yêu, khoảng mười bảy tuổi với hình thể hồng hào, được xây dựng bằng mãnh lực, 'mái tóc' vàng óng chảy ngược ra sau đầu và một hào quang tuyệt đẹp tỏa sáng với những sắc thái tinh tế. Cô ấy ở trong một trạng thái hạnh phúc vĩnh viễn, nếu có phần trẻ con, đôi khi tăng lên đến trạng thái ngây ngất, và cô ấy cảm thấy một tình cảm sâu sắc đối với cái cây mà cô ấy phụ trách, trong những cành cây phía trên mà cô ấy 'sống'. Về chiều cao, hình thể nửa kín đáo này cao khoảng năm feet, trong khi hào quang di chuyển liên tục bao trùm toàn bộ cây và thường vượt ra ngoài nó—một phần mở rộng ít nhất là năm mươi feet; nó có một kết cấu cực kỳ mịn và chuyển động vẫy liên tục của nó tạo ra hiệu ứng của một chiếc áo choàng tơ nhện mỏng manh bị thổi bay bởi một cơn gió nhẹ. Hình thể mảnh khảnh bên trong phát sáng với

[66] Mr Hodson's earlier articles appeared in *The Theosophist* for March: 'Occult Experiences in Java', and April: 'A *Devi* of the Southern Seas'.

[67] The feminine pronoun is used on account of her appearance—*devas* are sexless.

occasionally extends over the whole form and sends out golden flashes through the rest of the aura. Next to this is a dark green sphere, shading to clear, light green; this occupies most of the aura, which is edged with flashes of rose, green and yellow shot through with white. Fine white rays, tinged with rose, occasionally shine out through the whole aura, particularly when the *Deva's* attention is turned to human friends.

một màu hồng mềm mại, trong khi xung quanh và phía trên đầu tỏa sáng một vầng hào quang vàng đôi khi mở rộng ra toàn bộ hình thể và phát ra những tia vàng xuyên qua phần còn lại của hào quang. Tiếp theo đó là một quả cầu màu xanh lục đậm, chuyển sang màu xanh lục nhạt, trong trẻo; điều này chiếm phần lớn hào quang, được viền bằng những tia hồng, xanh lục và vàng xen lẫn màu trắng. Những tia trắng mịn, nhuốm màu hồng, đôi khi chiếu ra xuyên suốt hào quang, đặc biệt khi sự chú ý của Deva hướng về những người bạn nhân loại.

Although she remains for the most part amongst the upper branches of the tree, she is able to rise into the air above, moving about with considerable freedom. When thus detached, lines of light like strands of fine silk connect her aura with the tree.

Mặc dù cô ấy phần lớn vẫn ở giữa những cành cây phía trên, nhưng cô ấy có thể bay lên không trung phía trên, di chuyển xung quanh với sự tự do đáng kể. Khi tách ra như vậy, những đường ánh sáng như những sợi tơ mịn kết nối hào quang của cô với cây.

Apparently her chief work is to co-ordinate the tree consciousness into a Pseudo-Individuality and, by the impact of her auric forces and consciousness upon it, to quicken its evolution. In this task she receives much help from the human kingdom, though experiment showed that this could be rendered more effective by conscious assistance regularly given.

Rõ ràng, công việc chính của cô ấy là phối hợp tâm thức cây thành một Ngụy Biệt Ngã và, bằng tác động của các mãnh lực hào quang và tâm thức của cô ấy lên nó, để thúc đẩy sự tiến hóa của nó. Trong nhiệm vụ này, cô ấy nhận được nhiều sự giúp đỡ từ giới nhân loại, mặc dù thử nghiệm cho thấy rằng điều này có thể được thực hiện hiệu quả hơn bằng sự hỗ trợ có ý thức được cung cấp thường xuyên.

Our hostess confirmed the existence of a link which was observed between herself and the tree—the tree which she loves and from which she receives a sense of rest. Although she had regarded the tree as a living, conscious individual, which responds to her thought, she had not been clearly aware of the presence of the *deva.*

Nữ chủ nhà của chúng tôi xác nhận sự tồn tại của một mối liên kết đã được quan sát thấy giữa cô ấy và cái cây—cái cây mà cô ấy yêu quý và từ đó cô ấy nhận được cảm giác nghỉ ngơi. Mặc dù cô ấy đã coi cái cây như một cá thể sống, có ý thức, phản ứng với suy nghĩ của cô ấy, nhưng cô ấy đã không nhận thức rõ ràng về sự hiện diện của deva.

At the writer's suggestion, she made experiments in helping the *deva* in its work, and sent a stream of love towards both the *deva* and the tree. This brought an instant

Theo gợi ý của người viết, cô ấy đã thực hiện các thí nghiệm trong việc giúp đỡ deva trong công việc của nó và gửi một luồng tình thương hướng tới cả deva và cái cây. Điều này đã mang

response in which the *Deva's* aura shone out brilliantly with a white and rose radiance, enveloping the aura of her human friend.

lại một phản ứng tức thì, trong đó hào quang của Deva tỏa sáng rực rỡ với ánh sáng trắng và hồng, bao trùm hào quang của người bạn nhân loại của cô.

The human love-force was preserved within the astro-etheric envelope of the tree and used by the *deva* to quicken the tree consciousness.

Mãnh lực tình thương nhân loại đã được bảo tồn bên trong lớp vỏ dĩ thái-cảm dục của cây và được deva sử dụng để thúc đẩy tâm thức cây.

Apparently, human admiration of the tree at once opens the way for this communion and co-operation, whilst the Mento-Astral force of admiration sends a slight yet observable thrill throughout the tree consciousness.

Rõ ràng, sự ngưỡng mộ của con người đối với cái cây ngay lập tức mở đường cho sự giao tiếp và hợp tác này, trong khi mãnh lực Trí-Cảm của sự ngưỡng mộ gửi một sự rung động nhẹ nhưng có thể quan sát được khắp tâm thức cây.

The following was found to be a suitable formula of communion with a tree *deva* and tree consciousness:

Điều sau đây được coi là một công thức thích hợp để giao tiếp với một deva cây và tâm thức cây:

'Greetings, beautiful tree. Our life is one with yours'.

'Xin chào, cây xinh đẹp. Cuộc sống của chúng ta là một với cuộc sống của bạn'.

Each word should be mentally uttered with full realisation of its meaning. The affirmation may usefully be made the subject of meditation, in order to produce a deepening realisation of unity, first with the life and consciousness of the tree and the tree *deva,* later with all Nature.

Mỗi từ nên được thốt ra trong tâm trí với sự nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của nó. Lời khẳng định có thể được sử dụng một cách hữu ích làm chủ đề của thiền định, để tạo ra một sự nhận thức sâu sắc hơn về sự hợp nhất, trước tiên là với sự sống và tâm thức của cây và deva cây, sau đó là với tất cả Thiên Nhiên.

Such communion benefits not only human and tree consciousness, but also helps forward the evolution of the tree *deva,* in this case more quickly to achieve individualisation.

Sự giao tiếp như vậy không chỉ mang lại lợi ích cho tâm thức nhân loại và tâm thức cây, mà còn giúp thúc đẩy sự tiến hóa của deva cây, trong trường hợp này là nhanh chóng đạt được sự biệt ngã hóa hơn.

II. A RETURN VISIT TO THE BORO-BUDUR

II. MỘT CHUYẾN THĂM QUAY LẠI BORO-BUDUR

During a lecture tour of Java in 1933, a visit was made to the Buddhist shrine known as the Boro-Budur. There we realised the presence of the great presiding *Deva*—a very lofty Being—

Trong một chuyến thuyết giảng ở Java vào năm [1933], một chuyến thăm đã được thực hiện đến ngôi đền Phật giáo được gọi là Boro-Budur. Ở đó, chúng tôi nhận ra sự hiện diện

and two poems, published in *The Theosophist* during 1934, were written as a result. Return visits to the shrine were made in 1936, when again we contacted the consciousness of the *Deva* and received much teaching.

của Deva chủ trì vĩ đại—một Đấng rất cao cả—và hai bài thơ, được xuất bản trên tờ The Theosophist trong năm [1934], đã được viết như một kết quả. Các chuyến thăm quay lại ngôi đền đã được thực hiện vào năm [1936], khi chúng tôi lại tiếp xúc với tâm thức của Deva và nhận được nhiều sự giảng dạy.

This great *Deva* is distinctly masculine and markedly Indo-Aryan in appearance. He is probably a *Deva* of Wisdom, for the golden light of *Buddhi* shines all about Him, glowing through the successive spheres of soft rose, soft green and dazzling white, of which His aura chiefly consists. An emanation of white fire, shot through with gold, surrounds the inner form, whilst beyond this a great sphere of glowing yellow is followed by the other colourings, the whole displaying in quality of colour and in luminosity the glowing beauty of a sunset sky. White rays, like searchlight beams, play out from the central form, in the heart of which they seem to arise. Some of these shine upwards, others laterally over Java and the sea beyond, and others deep down into the earth, widening as they leave the central form.

Deva vĩ đại này rõ ràng là nam tính và có vẻ ngoài Arya-Ấn Độ rõ rệt. Ngài có lẽ là một Deva của Minh Triết, vì ánh sáng vàng của Bồ đề chiếu sáng khắp Ngài, tỏa sáng qua các tầng cầu liên tiếp của màu hồng dịu, màu xanh lục dịu và màu trắng rực rỡ, mà hào quang của Ngài chủ yếu bao gồm. Một sự xuất lộ của ngọn lửa trắng, xen lẫn màu vàng, bao quanh hình thể bên trong, trong khi vượt ra ngoài điều này là một quả cầu lớn màu vàng rực rỡ, sau đó là các màu khác, toàn bộ hiển thị về chất lượng màu sắc và độ sáng vẻ đẹp rực rỡ của bầu trời lúc hoàng hôn. Những tia trắng, giống như chùm đèn pha, chiếu ra từ hình thể trung tâm, trong trái tim của hình thể đó dường như chúng phát sinh. Một số tia này chiếu lên trên, những tia khác theo chiều ngang trên Java và biển cả bên ngoài, và những tia khác sâu xuống lòng đất, mở rộng khi chúng rời khỏi hình thể trung tâm.

Ever and anon a silver star flashes forth above His head, whilst great forces, white and gold, flame like yet petal-shaped, play about His feet as if He stood within a lotus-bloom of fire. Within the central aura is a thought-form of the Lord Buddha, seated in meditative pose, which serves as a vehicle at the Lower Mental level for the life of the Lord, upon whom the *Deva* appears perpetually to meditate.

Thỉnh thoảng một ngôi sao bạc lóe lên trên đầu Ngài, trong khi những mãnh lực vĩ đại, trắng và vàng, bùng cháy như hình cánh hoa, chơi đùa quanh chân Ngài như thể Ngài đang đứng trong một đóa sen lửa. Bên trong hào quang trung tâm là một hình tư tưởng của Đức Phật, ngồi trong tư thế thiền định, đóng vai trò là một vận cụ ở cấp độ Hạ Trí cho sự sống của Đức Chúa, mà Deva dường như liên tục thiền định.

All life, for many miles, especially *Devic* life, is quickened by the light and power of the *Deva* of Boro-Budur. He is, I think, in part the head of the *Devic* life of the Island, as also of the

Tất cả sự sống, trong nhiều dặm, đặc biệt là sự sống Devic, được thúc đẩy bởi ánh sáng và sức mạnh của Deva của Boro-Budur. Tôi nghĩ, Ngài một phần là người đứng đầu sự sống

surrounding seas, a veritable *Deva-King*. Contact with the consciousness of this Great One gave rise to the following thoughts, as if He preached for all aspirants a brief sermon on enlightenment and the Path:

Devic của Hòn đảo, cũng như của các vùng biển xung quanh, một Deva-Vương thực sự. Tiếp xúc với tâm thức của Đấng Vĩ Đại này đã làm nảy sinh những suy nghĩ sau đây, như thể Ngài đã thuyết giảng cho tất cả những người chí nguyện một bài giảng ngắn gọn về sự giác ngộ và Thánh Đạo:

'Although for men enlightenment seems far away, in realms beyond time's imprisonment, enlightenment for all is here and now, within them as a living fact, a power of accomplishment.

'Mặc dù đối với con người, sự giác ngộ dường như còn xa vời, trong các cõi vượt ra ngoài sự giam cầm của thời gian, sự giác ngộ cho tất cả là ở đây và bây giờ, bên trong họ như một sự thật sống động, một sức mạnh của thành tựu.

'Thus, within your archetypal self, as in these *stupas*[68] which you see, exists a Buddha, fully formed though partially concealed--The secret of your own enlightenment is the presence within you of this Buddha-to-be.

'Như vậy, bên trong bản thể nguyên mẫu của bạn, như trong những bảo tháp mà bạn thấy, tồn tại một vị Phật, được hình thành đầy đủ mặc dù bị che giấu một phần--Bí mật về sự giác ngộ của chính bạn là sự hiện diện bên trong bạn của vị Phật sẽ thành.

'As you must gaze within the stupa's form, piercing with your eyes its covering, so with the eyes of thought and will gaze inward and perceive that embodied wisdom which is yourself, the Buddha which you are in timelessness, and will make manifest in realms of time.

'Khi bạn phải nhìn vào hình dạng của bảo tháp, dùng mắt xuyên thủng lớp vỏ của nó, thì cũng vậy, bằng con mắt của tư tưởng và ý chí, hãy nhìn vào bên trong và nhận ra sự minh triết hiện thân vốn là chính bạn, vị Phật mà bạn đang có trong sự vô tận, và sẽ biểu hiện trong các cõi của thời gian.

'Keep your soul's gaze fixed upon this archetypal Buddha. Dwell daily, hourly, in Its presence, until thought and will combine to bring to birth within your outer self the Buddha of which your inner self consists.

'Hãy giữ cho ánh mắt linh hồn của bạn tập trung vào vị Phật nguyên mẫu này. Hãy sống hàng ngày, hàng giờ, trong sự hiện diện của Ngài, cho đến khi tư tưởng và ý chí kết hợp để mang đến sự ra đời bên trong bản thể bên ngoài của bạn về vị Phật mà bản thể bên trong của bạn bao gồm.

'Then let imagination soar into your manifested Buddhahood. Picture yourself as living now the Buddha-life, moving amongst men as did the Lord. Do this with will and

'Sau đó, hãy để trí tưởng tượng bay bổng vào Phật tánh đã biểu lộ của bạn. Hãy hình dung bạn đang sống cuộc đời của một vị Phật, đi lại giữa mọi người như Đức Chúa. Hãy làm điều

[68] On the upper galleries of the Boro-Budur many stupas have been erected; within each is a figure of the Lord Buddha, seated as in meditation.

thought unchanging, until in very fact these two bring forth in you the living Buddha.

này với ý chí và tư tưởng không thay đổi, cho đến khi trên thực tế hai điều này mang đến cho bạn một vị Phật sống động.

'Thus shall time cease to imprison you. Thus shall future be blended with present, yourself at the centre, conscious of both as the Eternal Now.

'Như vậy, thời gian sẽ không còn giam cầm bạn. Như vậy, tương lai sẽ hòa quyện với hiện tại, bản thân bạn ở trung tâm, ý thức về cả hai như Hiện Tại Vĩnh Cửu.

'Past, I counsel you to forget, annihilate entirely, wipe from the tablets of your mind as scaffolding which, having served the builder's need, is taken down and disappears. Past is dead for you. Present and future will similarly disappear as you learn to live intensely in that fullness which is the Eternal Now.

'Quá khứ, ta khuyên con nên quên đi, tiêu diệt hoàn toàn, xóa khỏi tâm trí con như giàn giáo, sau khi phục vụ nhu cầu của người xây dựng, được tháo dỡ và biến mất. Quá khứ đã chết đối với con. Hiện tại và tương lai cũng sẽ biến mất khi con học cách sống mãnh liệt trong sự viên mãn vốn là Hiện Tại Vĩnh Cửu.

'Dark is the world, darker it may yet become. Grave dangers threaten human life, human progress, human peace. The opposing forces gather for a conflict which well may be the greatest of earth's planetary battles. Should light conquer, should brotherhood and peace prevail, as almost certainly they will, then the opponents of the Law, organized as enemies of man, will meet with that defeat which will put an end to mass-hatred, mass-brutality and mass-enmity to Light. Thereafter the Great Law shall prevail.

'Thế giới tăm tối, có lẽ còn trở nên tăm tối hơn. Những hiểm họa nghiêm trọng đe dọa sự sống của con người, sự tiến bộ của con người, hòa bình của con người. Các thế lực đối nghịch tập hợp lại cho một cuộc xung đột vốn có thể là trận chiến hành tinh lớn nhất của Trái Đất. Nếu ánh sáng chiến thắng, nếu tình huynh đệ và hòa bình thắng thế, gần như chắc chắn là như vậy, thì những kẻ chống lại Định luật, được tổ chức như kẻ thù của con người, sẽ phải đối mặt với thất bại vốn sẽ chấm dứt sự thù hận hàng loạt, sự tàn bạo hàng loạt và sự thù địch hàng loạt đối với Ánh Sáng. Sau đó, Đại Định Luật sẽ thắng thế.

'Could you but see as We see, who, standing above the conflict, represent the Law, how every unifying thought and deed of every man however humble, if sincere, plays its important, nay tremendous, part in bringing victory to the side of Light and Law, your work would be more inspired, your will more ardent, your faith more fiery and your life more full of power.

'Nếu con có thể thấy như Chúng ta thấy, những người đứng trên cuộc xung đột, đại diện cho Định luật, cách mỗi tư tưởng và hành động thống nhất của mỗi người dù khiêm tốn đến đâu, nếu chân thành, đóng một vai trò quan trọng, thậm chí là to lớn, trong việc mang lại chiến thắng cho phe Ánh Sáng và Định luật, thì công việc của con sẽ được truyền cảm hứng hơn, ý chí của con sẽ nhiệt thành hơn, đức tin của con sẽ nồng nhiệt hơn và cuộc sống của con sẽ tràn đầy sức mạnh hơn.

'Go forth, therefore, with added force, with

'Vậy nên, hãy tiến lên với sức mạnh gia tăng,

greater zeal, constant in self-discipline, losing self in service, planning, thinking, working in the cause of Light and Law and in the Name of Those who are the Light and have become the Law.

với lòng nhiệt thành lớn hơn, kiên định trong kỷ luật tự giác, đánh mất bản thân trong phụng sự, lên kế hoạch, suy nghĩ, làm việc vì sự nghiệp của Ánh Sáng và Định luật và nhân danh Những Đấng là Ánh Sáng và đã trở thành Định luật.

On all your work the blessing, the power and the peace of Boro-Budur'.

Trên tất cả công việc của con là phước lành, sức mạnh và sự bình an của Boro-Budur'.

The Theosophist Vol. 58, June 1937, pp. 272

The Theosophist Vol. [58], tháng 6 năm [1937], trang [272]

149

The Deva ***of Boro-Budur—****Deva của Boro-Budur*

I

THE DEVA

"Here, in this sacred place,

I watch through many centuries,

Obedient to the Lord of Light.

"Thus I serve, enshrined in Beauty,

Awaiting the fulfilment of the Law.

"The Law is world-enlightenment

Before which darkness shall melt away.

"Even as He, the Holy One,

Reached His enlightenment,

So must all the world.

"All men, even to the lowest man,

Must one day stand where now He stands

I

DEVA

"Ở đây, tại nơi linh thiêng này,

Ta canh giữ qua nhiều thế kỷ,

Vâng lệnh Đức Chúa Tể Ánh Sáng.

"Như vậy ta phụng sự, được tôn thờ trong vẻ đẹp,

Chờ đợi sự hoàn thành của Định luật.

"Định luật là khai sáng thế giới

Trước đó bóng tối sẽ tan biến.

"Ngay cả khi Ngài, Đấng Chí Thánh,

Đạt được sự khai sáng của Ngài,

Thì cả thế giới cũng phải như vậy.

"Tất cả mọi người, ngay cả người thấp kém nhất,

Một ngày nào đó phải đứng nơi Ngài đang

đứng

Who is the Lord of Light.

Đấng là Đức Chúa Tể Ánh Sáng.

“For this He waits.

“Vì điều này Ngài chờ đợi.

Here also I must wait Serving Him”.

Ở đây ta cũng phải chờ đợi Phụng Sự Ngài”.

II

II

THE SHRINE

ĐỀN THỜ

“This is a centre of His power.

“Đây là một trung tâm sức mạnh của Ngài.

And the power of all Tathagatas;

Và sức mạnh của tất cả các Tathagata;

The mightiest race that ever lived on earth.

Chủng tộc hùng mạnh nhất từng sống trên trái đất.

“Here, enshrined in stone,

“Ở đây, được tôn thờ bằng đá,

Is His sevenfold self-perfecting.

Là sự tự hoàn thiện thất phân của Ngài.

“Here His glory is displayed

“Ở đây vinh quang của Ngài được hiển thị

For those that have eyes to see.

Cho những ai có mắt để thấy.

“Here He leads men to their enlightenment,

“Ở đây Ngài dẫn dắt con người đến sự khai sáng của họ,

Those that have strength to climb.

Những người có sức mạnh để leo lên.

“Here He speaks and teaches still

“Ở đây Ngài vẫn nói và dạy

For those that have ears to hear.

Cho những ai có tai để nghe.

“Therefore this place is called Boro-Budur,

“Vì vậy, nơi này được gọi là Boro-Budur,

“The Presence of the Budh”.

“Sự Hiện Diện của Đức Phật”.

“For here He dwells

“Vì ở đây Ngài ngự

Until His Presence in the heart of every man

Cho đến khi Sự Hiện Diện của Ngài trong trái tim của mỗi người

Has brought enlightenment”.

Đã mang lại sự khai sáng”.

III

MANKIND

"I, the guardian of the shrine for many centuries,

Seek to preserve its holiness.

"I ask of men, therefore,

That naught of speech or thought or will of theirs

Shall e'er profane this holy place.

"Still more I ask of men,

That all who visit here

Shall leave behind their blessing on the shrine

And me, its Guardian God.

"And in return the blessing of the Holy One

Through me shall be bestowed,

To be borne forth into the world.

"For all who enter here Become thereafter messengers

Of the power of the shrine,

And of the blessing of the Lord of Light.

"Peace to all beings!

Peace, Peace, Peace!"

The Theosophist, Vol. 55, February 1934, p. 542

III

NHÂN LOẠI

"Ta, người bảo vệ đền thờ trong nhiều thế kỷ,

Tìm cách bảo tồn sự linh thiêng của nó.

"Vì vậy, ta yêu cầu con người,

Rằng không lời nói, suy nghĩ hay ý chí nào của họ

Sẽ xúc phạm nơi linh thiêng này.

"Ta còn yêu cầu con người hơn nữa,

Rằng tất cả những ai đến thăm nơi đây

Sẽ để lại phước lành của họ trên đền thờ

Và ta, Vị Thần Hộ Mệnh của nó.

"Và đáp lại phước lành của Đấng Chí Thánh

Thông qua ta sẽ được ban cho,

Để được mang ra thế giới.

"Vì tất cả những ai bước vào đây Sau đó trở thành sứ giả

Về sức mạnh của đền thờ,

Và về phước lành của Đức Chúa Tể Ánh Sáng.

"Bình an cho tất cả chúng sinh!

Bình an, Bình an, Bình an!"

The Theosophist, Vol. [55], tháng 2 năm [1934], trang [542]

The Sacred Science of the Maori Tohunga—*Khoa Học Thiêng Liêng của Maori Tohunga*

During a visit to Wellington I enjoyed the great privilege of personal contact with one of the few, possibly the only one, of the remaining direct students and practitioners of the sacred science of the *tohunga*, the Maori priest and magician. He is known as Hare Hongi, a member of the Ngapuhi Tribe of North Auckland. He is a tall, erect, white haired figure with an innate dignity and a keen eye beneath bushy eyebrows and broad forehead. Though now getting on in years, he is vigorous in both mind and body and carries about him the indefinable aura of the man who has known and still knows the meaning of power. Hare Hongi is recognized as a natural poet and a musician, and an authority on the Maori language and tradition.

Trong chuyến thăm Wellington, tôi đã có được đặc ân lớn lao là được tiếp xúc trực tiếp với một trong số ít, có lẽ là người duy nhất còn lại, trong số những học trò và người thực hành trực tiếp khoa học thiêng liêng của tohunga, thầy tu và nhà huyền thuật Maori. Ông được biết đến với tên Hare Hongi, một thành viên của Bộ tộc Ngapuhi ở Bắc Auckland. Ông là một người đàn ông cao lớn, thẳng lưng, tóc bạc trắng với vẻ trang nghiêm bẩm sinh và đôi mắt tinh anh dưới hàng lông mày rậm rạp và vầng trán rộng. Mặc dù đã có tuổi, nhưng ông vẫn tràn đầy sinh lực cả về thể trí và thể xác, đồng thời mang trong mình hào quang khó tả của một người đã biết và vẫn biết ý nghĩa của sức mạnh. Hare Hongi được công nhận là một nhà thơ và nhạc sĩ bẩm sinh, đồng thời là một người có thẩm quyền về ngôn ngữ và truyền thống Maori.

Hare Hongi did me the great honour partly to draw aside the veil behind which esoteric *Tohungism* is generally hidden from the *Pakeha.* He told me that he was trained for the office of *tohunga by* one of the greatest practitioners of the science, 'Nga Kuku, his *ariki* teacher, his *Gum* of noble lineage. The word 'kuku' means 'the pincers', and might well be regarded as descriptive of the qualities essential to the attainment of the *tohunga* initiation and power, that of reaching out for, firmly gripping, and holding fast to that which is perceived by the mind, or briefly, the man of steadfastness and strong will. Hare Hongi also came under the influence of another *tohunga* teacher, who was the famous Rangitutaka of Meremere, Taranaki.

Hare Hongi đã dành cho tôi vinh dự lớn lao là hé mở một phần bức màn che giấu Tohungism huyền bí khỏi Pakeha. Ông nói với tôi rằng ông đã được đào tạo cho chức vụ tohunga bởi một trong những người thực hành khoa học vĩ đại nhất, 'Nga Kuku, huấn sư ariki của ông, Gum thuộc dòng dõi quý tộc. Từ 'kuku' có nghĩa là 'cái kìm', và có thể được coi là mô tả những phẩm chất cần thiết để đạt được sự điểm đạo và sức mạnh của tohunga, đó là vươn tới, nắm chặt và giữ chặt những gì được thể trí nhận thức, hay nói ngắn gọn, người có lòng kiên định và ý chí mạnh mẽ. Hare Hongi cũng chịu ảnh hưởng của một huấn sư tohunga khác, đó là Rangitutaka nổi tiếng của Meremere, Taranaki.

The highest *tohunga* rank was held only by direct descendants in the male line of an *ariki* family, and as Hare insisted, only when this

Cấp bậc tohunga cao nhất chỉ được nắm giữ bởi những người hậu duệ trực tiếp theo dòng nam của một gia đình ariki, và như Hare nhấn

was conjoined with the highest merit. Each *tohunga* was proficient in the particular branch of the Sacred Science in which he specialised. Thus there were the *Tohungas of Rongo,* which is the Lord of Sound, the Commander of the Creative Principle and Its embodiment in various spiritual entities or Gods. Here, as elsewhere, one discerns a direct descent from the basic philosophic tenet that sound is the creative energy of the Universe and that to create, the Logos chanted or spoke the Word, or by and as 'sound' became self-manifest.

mạnh, chỉ khi điều này kết hợp với công đức cao nhất. Mỗi tohunga đều thành thạo một nhánh cụ thể của Khoa Học Thiêng Liêng mà ông chuyên về. Như vậy, có các Tohunga của Rongo, vốn là Đức Chúa Tể Âm Thanh, Chỉ Huy của Nguyên Khí Sáng Tạo và hiện thân của Nó trong các thực thể tinh thần hoặc Thượng đế khác nhau. Ở đây, cũng như ở những nơi khác, người ta nhận thấy một sự kế thừa trực tiếp từ giáo lý triết học cơ bản rằng âm thanh là năng lượng sáng tạo của Vũ Trụ và để tạo ra, Logos đã xướng hoặc nói Linh từ, hoặc bằng và như 'âm thanh' đã tự biểu lộ.

The *Tohungas of Tane* were the agents of the Lord of Light, Who is represented physically by the Sun. Those of *Rehua* were *tohungas* of healing and though specialisation was usual, all *tohungas* were classified as being eldest sons of *Rangi,* the Sky Father of all men.

Các Tohunga của Tane là những tác nhân của Đức Chúa Tể Ánh Sáng, Đấng được đại diện về mặt thể xác bởi Mặt Trời. Những người của Rehua là tohungas về chữa bệnh và mặc dù chuyên môn hóa là thông thường, tất cả các tohungas đều được phân loại là con trai cả của Rangi, Cha Trời của tất cả mọi người.

Some *tohungas* mastered two or more branches of the Science, those of Sound and Light being commonly combined, since these manifestations were regarded as inseparable from each other.

Một số tohungas đã làm chủ hai hoặc nhiều nhánh của Khoa Học, những nhánh về Âm Thanh và Ánh Sáng thường được kết hợp, vì những biểu hiện này được coi là không thể tách rời khỏi nhau.

Certain very highly developed *arikis* were proficient in every branch, and they were called *Tino Tohunga,* or 'The Pre-Eminent'. I shall not readily forget the impressive manner in which Hare Hongi referred to this the greatest *tohunga* attainment, and the tone of voice in which he repeated the words 'The Pre-Eminent'. He then went on to say that both of his teachers were entitled to be called 'Pre-Eminent', that both knew all rituals, could effectively perform each one of them and in fact, as Hare Hongi affirmed, 'lived with them all day and all night'.

Một số arikis rất phát triển đã thành thạo mọi nhánh, và họ được gọi là Tino Tohunga, hay 'Người Xuất Chúng'. Tôi sẽ không dễ dàng quên được cách Hare Hongi đề cập một cách ấn tượng đến thành tựu tohunga vĩ đại nhất này, và giọng điệu mà ông lặp lại những từ 'Người Xuất Chúng'. Sau đó, ông tiếp tục nói rằng cả hai huấn sư của ông đều có quyền được gọi là 'Xuất Chúng', rằng cả hai đều biết tất cả các nghi lễ, có thể thực hiện hiệu quả từng nghi lễ và trên thực tế, như Hare Hongi khẳng định, 'sống với chúng cả ngày lẫn đêm'.

'These men', he said, 'could leave their bodies at will and accurately bring back as knowledge

'Những người này', ông nói, 'có thể rời khỏi thể xác của họ theo ý muốn và mang lại một cách

their observations of the super-physical worlds'. Before going to sleep each night, Nga Kuku would say this *karakia,* 'This is the night of... (here followed the Maori word for the phase of the moon) and I go to sleep in honour of Mother Moon'. Hare told me that he himself had applied the necessary knowledge and had succeeded in transferring his spirit out of the left or right side of his body at will. He described how also in his early experiments the very devils of Hell attacked him with black claws to tear him to shreds. Hurriedly he returned to his entranced body and woke up in a state of perspiration.

chính xác những quan sát của họ về các cõi siêu vật chất như kiến thức'. Trước khi đi ngủ mỗi đêm, Nga Kuku sẽ nói karakia này, 'Đây là đêm của... (tiếp theo là từ Maori cho tuần trăng) và tôi đi ngủ để tôn vinh Mẹ Mặt Trăng'. Hare nói với tôi rằng chính ông đã áp dụng kiến thức cần thiết và đã thành công trong việc chuyển tinh thần của mình ra khỏi bên trái hoặc bên phải cơ thể theo ý muốn. Ông mô tả làm thế nào trong những thí nghiệm ban đầu của mình, chính những con quỷ của Địa ngục đã tấn công ông bằng những móng vuốt đen để xé ông thành từng mảnh. Vội vàng, ông trở lại cơ thể đang xuất thần của mình và tỉnh dậy trong trạng thái mồ hôi nhễ nhại.

Tane, the Lord of Light, represented by the Sun, performs His appropriate ritual in each of the ten houses which He enters in His passage through the heavens. He is the grandest of all Ritualists and the *tohunga* represents Him, communes with Him, asks His advice how to teach and lead the people, receives it and then reappears before the people in absolute confidence. The people hear this confidence in his voice and so trust him absolutely, and therefore 'all works well'. Here we see the part played by faith, trust and confidence in the production of magical results.

Tane, Đức Chúa Tể Ánh Sáng, được đại diện bởi Mặt Trời, thực hiện nghi lễ thích hợp của Ngài trong mỗi mười ngôi nhà mà Ngài bước vào trong hành trình của Ngài qua các tầng trời. Ngài là Nhà Nghi Lễ vĩ đại nhất trong tất cả và tohunga đại diện cho Ngài, giao tiếp với Ngài, hỏi lời khuyên của Ngài về cách dạy dỗ và dẫn dắt mọi người, nhận nó và sau đó xuất hiện trở lại trước mọi người với sự tự tin tuyệt đối. Mọi người nghe thấy sự tự tin này trong giọng nói của ông và do đó tin tưởng ông một cách tuyệt đối, và do đó 'mọi việc đều suôn sẻ'. Ở đây chúng ta thấy vai trò của đức tin, sự tin tưởng và sự tự tin trong việc tạo ra những kết quả kỳ diệu.

'Man', said Hare, 'is regarded as three-fold, consisting of *wairua,* which means the soul or ghost. This is not the immortal ego, but the psyche, or Astral and Mental Bodies. *Awe* means the spirit, which cannot be seen though its presence can be felt and detected by great lights and sweet and individual perfumes. *Tinana* means the body and, said Hare, has the same significance as *mauri* (for mortality), the name of the race.

'Con người', Hare nói, 'được coi là tam phân, bao gồm wairua, có nghĩa là linh hồn hoặc bóng ma. Đây không phải là chân ngã bất tử, mà là tâm linh, hay Thể Cảm Dục và Thể Trí. Awe có nghĩa là tinh thần, vốn không thể nhìn thấy mặc dù sự hiện diện của nó có thể được cảm nhận và phát hiện bởi những ánh sáng tuyệt vời và những mùi hương ngọt ngào và đặc biệt. Tinana có nghĩa là cơ thể và, Hare nói, có ý nghĩa tương tự như mauri (đối với sự tử vong), tên của chủng tộc.

When the *tinana* dies the *wairua* is released and survives for a time. Eventually the *wairua* dies and releases *awe,* which is the true immortal principle'.

Khi tinana chết, wairua được giải phóng và tồn tại trong một thời gian. Cuối cùng, wairua chết và giải phóng awe, vốn là nguyên lý bất tử thực sự'.

The *wairua* can and does reveal itself to relatives after death, and Hare recounted two personal experiences of such revelation when he was wide awake. One of these concerned the *wairua* of his aunt, who, unknown to Hare, had died one hundred and fifty miles away. The apparition appeared within the house and was so solid that Hare first regarded it as a material visit. When he spoke to his aunt, however, though she moved her lips to reply, no sound came. Later she passed through the closed door and he then realised that the apparition was *a wairua* and that her body had died. Several weeks later the news of the death reached him, confirming his vision.

Wairua có thể và thực sự tự tiết lộ cho người thân sau khi chết, và Hare đã kể lại hai trải nghiệm cá nhân về sự mặc khải như vậy khi ông hoàn toàn tỉnh táo. Một trong số này liên quan đến wairua của dì ông, người mà Hare không hề hay biết, đã qua đời cách đó một trăm năm mươi dặm. Hồn ma xuất hiện trong nhà và chắc đến nỗi Hare ban đầu coi đó là một chuyến thăm vật chất. Tuy nhiên, khi ông nói chuyện với dì mình, mặc dù bà mấp máy môi để trả lời, nhưng không có âm thanh nào phát ra. Sau đó, bà đi xuyên qua cánh cửa đóng kín và sau đó ông nhận ra rằng hồn ma là một wairua và cơ thể bà đã chết. Vài tuần sau, tin tức về cái chết đến với ông, xác nhận tầm nhìn của ông.

All *wairuas* do not go to a happy union with the ancestors. Only the worthy enjoyed these meetings and went on to union with the Io. Apparently this worthiness is closely associated with noble birth, and I could not but be amused at Hare's dismissal of the hopes of the common people, about whom, he said, 'nobody cared'. Only the elect go to Heaven, and the nobles are the elect.

Không phải tất cả wairuas đều đi đến sự hợp nhất hạnh phúc với tổ tiên. Chỉ những người xứng đáng mới được hưởng những cuộc gặp gỡ này và tiếp tục hợp nhất với Io. Rõ ràng sự xứng đáng này có liên quan chặt chẽ đến dòng dõi quý tộc, và tôi không khỏi thích thú trước sự bác bỏ của Hare đối với hy vọng của những người dân thường, về những người mà ông nói, 'không ai quan tâm'. Chỉ những người được chọn mới lên Thiên đàng, và giới quý tộc là những người được chọn.

Genealogy was one of the important branches of *Tohungism.* There being no written language, the long ancestral lineage was memorised and handed down orally. This knowledge and ancient lineage was highly prized, apparently for the reason that each man regarded himself as being literally descended from the Gods, with Tane as Creator and Spiritual Parent of all. Hare Hongi informed me that his own genealogy was

Phả hệ là một trong những nhánh quan trọng của Tohungism. Vì không có ngôn ngữ viết, dòng dõi tổ tiên dài được ghi nhớ và truyền lại bằng miệng. Kiến thức và dòng dõi cổ xưa này được đánh giá cao, rõ ràng là vì lý do mỗi người coi mình là hậu duệ theo nghĩa đen của Các Thượng đế, với Tane là Đấng Sáng Tạo và Cha Tinh Thần của tất cả. Hare Hongi thông báo cho tôi rằng phả hệ của chính ông đã được biết đến trong mười hai trăm năm qua và cách tính

known for the last twelve hundred years and that the computation was of four generations to a century.

là bốn thế hệ cho một thế kỷ.

When the great tree of life of the tribe or of its noble families was described by the *ariki* or the *tohunga,* the noble deeds of various ancestors were vividly recalled, so that the whole recitation grew into a glowing historical romance through which the ancient ideals of the race were kept alive in the tribe and firmly implanted in the minds and hearts of its members.

Khi cây đời vĩ đại của bộ tộc hoặc của các gia đình quý tộc của nó được ariki hoặc tohunga mô tả, những hành động cao quý của các tổ tiên khác nhau được nhớ lại một cách sống động, để toàn bộ bài kể chuyện phát triển thành một câu chuyện lãng mạn lịch sử rực rỡ, qua đó những lý tưởng cổ xưa của chủng tộc được giữ sống trong bộ tộc và được gieo trồng vững chắc trong thể trí và trái tim của các thành viên.

These influences were all accentuated by the firm belief that in the *ariki,* who was the first born chief of the first born chief in unbroken line, was concentrated not only his own mana and *tapu,* but that of the whole line of ancestors to the one Supreme Progenitor. This Mighty Being and all His descendants were regarded as being actually present in the *ariki,* in terms of influence, power, auric force, prestige, and all this is known to the Maoris as his *mana.*

Những ảnh hưởng này đều được nhấn mạnh bởi niềm tin vững chắc rằng trong ariki, vốn là thủ lĩnh trưởng nam của thủ lĩnh trưởng nam trong dòng dõi không gián đoạn, không chỉ tập trung mana và tapu của chính ông, mà còn của toàn bộ dòng dõi tổ tiên cho đến Đấng Tối Cao. Đấng Hùng Mạnh này và tất cả con cháu của Ngài được coi là thực sự hiện diện trong ariki, về mặt ảnh hưởng, quyền lực, mãnh lực hào quang, uy tín, và tất cả điều này được người Maori biết đến như là mana của ông.

To this knowledge of ancient lineage, said Hare, was added knowledge of the grades of men, their classes and rank. The lowest of all was the criminal outcast, next the work men or labourers; then came in succession the hereditary minor chiefs, the intermediary chiefs, the high chiefs and the highest, the *ariki,* or noble, who is of the main genealogical tree and himself continued it by marrying a girl of the same rank. Of his children, the eldest boy is the *ariki.* The younger sons are the chiefs of the tribe, the *rangatiras.* When I asked Hare what happened if the *arikis* died childless, he quickly replied, 'No *ariki* ever does'. I later learned, however, that the line can if necessary pass through the eldest daughter, some of whom have been very noble

Hare nói, kiến thức về dòng dõi cổ xưa này được thêm vào kiến thức về các cấp bậc của con người, các giai cấp và thứ bậc của họ. Thấp nhất trong tất cả là kẻ bị xã hội ruồng bỏ tội phạm, tiếp theo là công nhân hoặc người lao động; sau đó lần lượt đến các thủ lĩnh nhỏ theo dòng dõi, các thủ lĩnh trung gian, các thủ lĩnh cấp cao và cao nhất, ariki, hoặc quý tộc, vốn thuộc cây phả hệ chính và bản thân ông tiếp tục nó bằng cách kết hôn với một cô gái cùng cấp bậc. Trong số các con của ông, con trai cả là ariki. Các con trai út là các thủ lĩnh của bộ tộc, các rangatiras. Khi tôi hỏi Hare điều gì sẽ xảy ra nếu arikis chết mà không có con, ông nhanh chóng trả lời, 'Không ariki nào làm vậy cả'. Tuy nhiên, sau đó tôi biết rằng nếu cần thiết, dòng dõi có thể truyền qua con gái cả,

women.

một số người trong số họ là những phụ nữ rất cao quý.

The ceremony of marriage had its definite spiritual significance. The betrothal, *taumau* was often planned from infancy, or given before birth, by the parents, who were intimate friends. Marriage was regarded as a human or microcosmic enactment of the union of *Rangi* (spiritual Father) with Papatuanuku (Mother Earth) and this fact was enunciated within the marriage ritual or *atahu,* which was performed by a *tohunga* chosen according to the rank of husband and wife. An *ariki* family wedding was performed by the highest *tohungas,* and so on down the scale.

Nghi lễ kết hôn có ý nghĩa tinh thần nhất định. Lễ đính hôn, taumau thường được lên kế hoạch từ khi còn nhỏ, hoặc được cha mẹ trao cho trước khi sinh, những người là bạn thân. Hôn nhân được coi là một sự ban hành mang tính con người hoặc vi mô về sự kết hợp của Rangi (Cha tinh thần) với Papatuanuku (Mẹ Trái Đất) và sự thật này đã được tuyên bố trong nghi lễ hôn nhân hoặc atahu, vốn được thực hiện bởi một tohunga được chọn theo cấp bậc của vợ và chồng. Một đám cưới của gia đình ariki được thực hiện bởi các tohungas cao nhất, v.v.

Evidence of the original emergence of the Maori people and their religion from an Aryan centre of civilisation is demonstrated by their possession of this doctrine of the macrocosm and the microcosm. At our first meeting, when he accompanied me round the Maori exhibits in the Dominion Museum, Hare Hongi impressively informed me that the human power to procreate was a manifestation in man of the Universal Creative Fire physically centred in the sun.

Bằng chứng về sự xuất hiện ban đầu của người Maori và tôn giáo của họ từ một trung tâm văn minh Arya được chứng minh bằng việc họ sở hữu học thuyết về đại thiên địa và tiểu thiên địa này. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, khi ông đi cùng tôi tham quan các cuộc triển lãm của người Maori trong Bảo tàng Dominion, Hare Hongi đã thông báo một cách ấn tượng cho tôi rằng sức mạnh sinh sản của con người là một biểu hiện ở con người của Lửa Sáng Tạo Vũ Trụ tập trung về mặt thể xác ở mặt trời.

When I asked him if Io was the name of the Supreme, he shook his head vigorously. 'To the Supreme Being', he said with great dignity 'we do not presume to give a name, knowing that it is unknowable and unnameable; so it is called only "*tua*", which means "the beyond", "the unknowable",' The created Universe however has its heart or source of life, and to this heart is given the name Io, the Being or Consciousness from Which (in the darkness) were created the Gods in their various orders, functions and degrees.

Khi tôi hỏi Ông liệu Io có phải là tên của Đấng Tối Cao, Ông lắc đầu mạnh mẽ. Ông nói với vẻ trang trọng: "Chúng tôi không mạo muội đặt tên cho Đấng Tối Cao, vì biết rằng Ngài là bất khả tri và vô danh; vì vậy Ngài chỉ được gọi là "tua", có nghĩa là "vượt lên trên", "điều không thể biết được". Tuy nhiên, Vũ trụ được tạo ra có trái tim hoặc nguồn sống của nó, và trái tim này được đặt tên là Io, Bản thể hoặc Tâm thức mà từ đó (trong bóng tối) Các Thượng đế đã được tạo ra theo các trật tự, chức năng và cấp độ khác nhau của Các Ngài.

Io is spoken of as ‘of the Hidden Face’, ‘the Parent’, as well as ‘the Parentless’. The belief is held that the act of creation was not a material begetting, but a production by means of the creative will. Johannes Anderson, F.R.S.N.Z., M.B.E., quotes from Volume 16 of the *Journal of the Polynesian Society* a Maori cosmogenic chant which has been translated by Hare Hongi as follows:

Io được nói đến như là 'của Khuôn Mặt Ẩn', 'Đấng Sinh Thành', cũng như 'Đấng Vô Sinh'. Người ta tin rằng hành động sáng tạo không phải là một sự sinh sản vật chất, mà là một sự sản sinh bằng ý chí sáng tạo. Johannes Anderson, F.R.S.N.Z., M.B.E., trích dẫn từ Tập 16 của Tạp chí Hội Polynesia một bài ca vũ trụ của người Maori đã được Hare Hongi dịch như sau:

Io dwelt within breathing space of immensity.

Io ngự trong không gian thở của sự bao la.

The universe was in darkness, with water everywhere.

Vũ trụ chìm trong bóng tối, với nước ở khắp mọi nơi.

There was no glimmer of dawn, no clearness, no light.

Không có tia sáng bình minh, không có sự rõ ràng, không có ánh sáng.

Then he began by saying these words,-

Rồi Ngài bắt đầu bằng cách nói những lời này, -

That he might cease remaining inactive;

Để Ngài có thể ngừng ở trạng thái không hoạt động;

“Darkness, become a light-possessing darkness.”

"Bóng tối, hãy trở thành bóng tối chứa ánh sáng."

At once light appeared.

Ánh sáng lập tức xuất hiện.

(He) then repeated these self-same words in this manner

(Ngài) sau đó lặp lại những lời tương tự này theo cách này

That he might cease remaining inactive;

Để Ngài có thể ngừng ở trạng thái không hoạt động;

“Light, become a darkness-possessing light.”

"Ánh sáng, hãy trở thành ánh sáng chứa bóng tối."

And again an intense darkness supervened.

Và một lần nữa, một bóng tối dữ dội đã ập đến.

Then a third time He spake saying:

Rồi lần thứ ba Ngài phán rằng:

“Let there be one darkness above,

"Hãy có một bóng tối ở trên,

Let there be one darkness below (alternate),

Hãy có một bóng tối ở dưới (luân phiên),

Let there be a darkness unto Tupua,

Let there be a darkness unto Tawhito;

It is a darkness overcome and dispelled.

Let there be one light above,

Let there be one light below (alternate).

Let there be a light unto Tupua,

Let there be a light unto Tawhito.

A dominion of light,

A bright light".

And now a great light prevailed.

Hãy có một bóng tối cho Tupua,

Hãy có một bóng tối cho Tawhito;

Đó là một bóng tối bị khuất phục và xua tan.

Hãy có một ánh sáng ở trên,

Hãy có một ánh sáng ở dưới (luân phiên).

Hãy có một ánh sáng cho Tupua,

Hãy có một ánh sáng cho Tawhito.

Một vương quốc ánh sáng,

Một ánh sáng rực rỡ".

Và bây giờ một ánh sáng vĩ đại đã chiếm ưu thế.

The *tohungas* and *arikis* serve as intermediaries between *Io* and man, and the former know how to invoke power, life and the aid of the Gods by means of chanting. *Karakias* is the name given to these chants.

Các tohunga và arikis đóng vai trò trung gian giữa Io và con người, và những người trước biết cách khẩn cầu quyền năng, sự sống và sự giúp đỡ của Các Thượng đế bằng cách tụng kinh. Karakias là tên được đặt cho những bài tụng này.

The stages of the creation of the Universe and of the spiritual entities are described as gradual changes from the extreme of darkness to full light. Consonant with Aryan occultism it is stated that from primordial light came chaos in varying degrees, and out of chaos was created the spiritual Cosmos, the Solar System peopled by the spiritual souls of all beings. From the purely spiritual condition, the whole was gradually densified to the physical level. First *Io* conceived the whole and then produced it in material form.

Các giai đoạn sáng tạo Vũ trụ và các thực thể tinh thần được mô tả là những thay đổi dần dần từ bóng tối cực độ đến ánh sáng trọn vẹn. Phù hợp với huyền bí học Arya, người ta nói rằng từ ánh sáng nguyên thủy đã sinh ra hỗn mang ở các mức độ khác nhau, và từ hỗn mang đã tạo ra Vũ trụ tinh thần, Hệ Mặt Trời có các linh hồn tinh thần của tất cả chúng sinh. Từ trạng thái thuần túy tinh thần, toàn bộ dần dần được đậm đặc hóa đến cấp độ hồng trần. Đầu tiên Io hình dung ra toàn bộ và sau đó tạo ra nó ở dạng vật chất.

The spiritual entities of the Universe are arranged in a hierarchical order of ten houses or divisions of the heavens, one for each of the ten months into which originally the year was divided. Each of these hierarchical orders

Các thực thể tinh thần của Vũ trụ được sắp xếp theo một trật tự huyền giai gồm mười nhà hoặc phân khu của thiên đường, một cho mỗi mười tháng mà ban đầu năm được chia thành. Mỗi trật tự huyền giai này chiếm một phần

occupied a part of, or house in, the' heavens, and these are known as the ten houses of *Tane,* the Lord of Life and Light Whose symbol is the Sun. This would seem to compare with the Christian concept of the nine orders of the angels with man to complete the number. *Tane* progresses through all the houses, and this apparently refers to the progression of the Sun through the signs of the Zodiac, which, however, would appear to be ten and not twelve in number.

hoặc một nhà trong 'thiên đường, và chúng được gọi là mười nhà của Tane, Đức Chúa Tể của Sự Sống và Ánh Sáng, Đấng có biểu tượng là Mặt Trời. Điều này dường như so sánh với khái niệm Cơ đốc giáo về chín phẩm trật của các thiên thần với con người để hoàn thành con số. Tane tiến triển qua tất cả các nhà, và điều này dường như đề cập đến sự tiến triển của Mặt Trời qua các dấu hiệu của Hoàng Đạo, tuy nhiên, dường như là mười chứ không phải mười hai.

All this spiritual and Material creation also exists inversely, or by reflection, to constitute a tenfold underworld. Hare Hongi expressed this in a Maori text almost mantric in its power, as follows '*He kaha to te Ao. He kaha to Te Po' He* translated this as 'Light is a force. Darkness is also a force', and said that the *tohunga* when impressing this and other truths upon his students would say *'Kei wareware*', which means 'do *not* forget'. 'And so', said Hare forcefully, 'he drives the knowledge home'.

Tất cả sự sáng tạo tinh thần và Vật chất này cũng tồn tại ngược lại, hoặc bằng sự phản chiếu, để tạo thành một thế giới ngầm gấp mười lần. Hare Hongi đã diễn đạt điều này trong một văn bản Maori gần như là mantram về sức mạnh của nó, như sau: 'He kaha to te Ao. He kaha to Te Po' Ông dịch điều này là 'Ánh sáng là một mãnh lực. Bóng tối cũng là một mãnh lực', và nói rằng tohunga khi gây ấn tượng về điều này và những sự thật khác cho các đạo sinh của mình sẽ nói 'Kei wareware', có nghĩa là 'đừng quên'. Hare nói một cách mạnh mẽ: "Và như vậy, Ông khắc sâu kiến thức vào tâm trí".

'Entities', Hare went on, 'who dwell in the worlds of darkness, or underworld, are discards from the human family. Condemned for their errors to live in the world of darkness, they are smarting and they feel the indignity of this banishment and so constantly work evil. They get their fulfilment by giving expression to evil and the forces of darkness, just as the denizens of the worlds of light gain theirs by giving expression through good deeds to the forces, of light'.

Hare tiếp tục: "Các thực thể cư ngụ trong thế giới bóng tối, hay thế giới ngầm, là những thứ bị loại bỏ khỏi gia đình nhân loại. Bị kết án vì những sai lầm của họ phải sống trong thế giới bóng tối, họ đang đau khổ và cảm thấy sự xúc phạm của sự trục xuất này và do đó liên tục làm điều ác. Họ đạt được sự viên mãn của mình bằng cách thể hiện cái ác và các mãnh lực của bóng tối, giống như cư dân của thế giới ánh sáng đạt được điều đó bằng cách thể hiện thông qua những việc làm tốt cho các mãnh lực của ánh sáng".

Cape Reinga, in the Northern part of the North Island, is regarded by the Maoris as the earthly platform whence the spirits of the deceased depart at death, either to the inferior or the

Cape Reinga, ở phía Bắc của Đảo Bắc, được người Maori coi là nền tảng trần thế nơi các linh hồn của người đã khuất rời đi khi chết, hoặc đến thế giới thấp kém hơn hoặc cao cấp

superior tenfold worlds, according to their deserts.

hơn gấp mười lần, tùy theo công trạng của họ.

Among the denizens of the world of light are unseen agents of the Sun forces and the Gods of the four elements. These include *Tawhiri-Ma-tea,* personification of winds and storms, *Tangaroa,* personification of the sea, and *Tane*, Lord of Life, Sun, God and source of all vegetation and its life. The incantations, or *karakias* of the *tohungas* appeal to these various Gods for aid in producing desired results. The *tohungas* are able to sense or commune with these Beings, but when I endeavoured to obtain from Hare Hongi the Maori idea of the appearance of the Gods, he made it very clear that no particular form was attributed to them, they also being regarded as beyond all form and therefore invisible. The name for them supports this concept, for they are known as '*atua*', which Hare translated as 'the unknowable'. *Tohungas* also possessed certain astronomical and astrological knowledge, for they were able to discover and tell their people the best times at which to plant and to conceive, and this knowledge was said to be gained by a study of the stars and the moon.

Trong số những cư dân của thế giới ánh sáng có những tác nhân vô hình của các mãnh lực Mặt Trời và Các Thượng đế của bốn nguyên tố. Chúng bao gồm Tawhiri-Ma-tea, hiện thân của gió và bão, Tangaroa, hiện thân của biển cả, và Tane, Đức Chúa Tể của Sự Sống, Mặt Trời, Thượng đế và nguồn gốc của tất cả thảm thực vật và sự sống của nó. Những lời cầu khẩn, hay karakias của các tohunga kêu gọi Các Thượng đế khác nhau này để được giúp đỡ trong việc tạo ra những kết quả mong muốn. Các tohunga có thể cảm nhận hoặc giao tiếp với Các Đấng này, nhưng khi tôi cố gắng thu thập từ Hare Hongi ý tưởng của người Maori về sự xuất hiện của Các Thượng đế, Ông đã nói rất rõ rằng không có hình thức cụ thể nào được gán cho Các Ngài, Các Ngài cũng được coi là vượt ra ngoài mọi hình thức và do đó vô hình. Tên của Các Ngài ủng hộ khái niệm này, vì Các Ngài được gọi là 'atua', mà Hare dịch là 'điều không thể biết được'. Tohungas cũng sở hữu một số kiến thức thiên văn và chiêm tinh, vì họ có thể khám phá và cho người dân của họ biết thời điểm tốt nhất để trồng trọt và thụ thai, và kiến thức này được cho là thu được bằng cách nghiên cứu các vì sao và mặt trăng.

The *tohunga* Nga Kuku, said Hare, was able to conjure a cloud in the blue sky, and from it to produce rain. *Tohungas* were also said to be able to transmit messages over vast distances by means of occultly produced lunar and solar haloes and even rainbows. Signals of the success of a voyage were by these means sent to the tribal home, as for example to Tahiti in old days by the *ariki* and *tohunga* of a canoe, on arrival at Aotearoa. For this process the *tohunga* retired to his private altar and conversed with the Gods. He was quite naked and wore a mouthpiece made of stone and a pair of goggles of stone, the reason for these

Hare nói, tohunga Nga Kuku có thể triệu hồi một đám mây trên bầu trời xanh và tạo ra mưa từ đó. Tohungas cũng được cho là có thể truyền tin nhắn trên những khoảng cách rộng lớn bằng các hào quang mặt trăng và mặt trời được tạo ra một cách huyền bí và thậm chí cả cầu vồng. Các tín hiệu về sự thành công của một chuyến đi đã được gửi bằng những phương tiện này đến ngôi nhà bộ lạc, chẳng hạn như đến Tahiti vào thời xưa bởi ariki và tohunga của một chiếc thuyền, khi đến Aotearoa. Đối với quá trình này, tohunga lui về bàn thờ riêng của mình và trò chuyện với Các Thượng đế. Ông hoàn toàn trần truồng và đeo

being that it was unlawful to expose his mouth and eyes to the invisible beings. The altar itself was *tuahu,* which means, 'Shrine to the Beyond', referring to the invisible entities for whose service the shrine was dedicated. At the *tuahu,* the *tohunga* conversed mentally with the Gods, produced with Their aid physical phenomena and obtained from Them knowledge for the benefit of the people.

một ống ngậm làm bằng đá và một cặp kính bảo hộ bằng đá, lý do cho những điều này là vì việc để lộ miệng và mắt của Ông cho các bản thể vô hình là bất hợp pháp. Bản thân bàn thờ là tuahu, có nghĩa là, 'Điện thờ cho Cõi Bên Kia', đề cập đến các thực thể vô hình mà điện thờ được dành riêng cho việc phụng sự. Tại tuahu, tohunga trò chuyện bằng tâm trí với Các Thượng đế, tạo ra các hiện tượng vật lý với sự giúp đỡ của Các Ngài và thu được từ Các Ngài kiến thức vì lợi ích của người dân.

Amongst other remarkable *tohunga* powers was that of making plants or single leaves wither at will. Hare himself has seen it done and described vividly how the *tohunga* would take the plant or leaf in his hands, chant a certain *karakia,* throw the plant or leaf in the air, when it would come down bleached and dry. 'This result was produced', said Hare in answer to my question, 'by means of the will and of absolute faith in the Gods to Whom the *tohungas* were ever near'.

Trong số các quyền năng tohunga đáng chú ý khác là khả năng làm cho cây cối hoặc lá đơn héo úa theo ý muốn. Bản thân Hare đã chứng kiến điều đó và mô tả một cách sinh động cách tohunga sẽ cầm cây hoặc lá trên tay, tụng một karakia nhất định, ném cây hoặc lá lên không trung, khi nó sẽ rơi xuống tẩy trắng và khô. Hare trả lời câu hỏi của tôi: "Kết quả này được tạo ra bằng ý chí và niềm tin tuyệt đối vào Các Thượng đế mà các tohunga luôn ở gần".

On occasion the various *tohungas* engaged in battles of the mind, and Hare described a scene witnessed by himself in which the will of one *tohunga* was set against the will of another. The situation arose because for no physical reason whatever, a man of the tribe, hitherto in perfect health, began to die.

Đôi khi, các tohunga khác nhau tham gia vào các trận chiến của thể trí, và Hare đã mô tả một cảnh mà chính Ông đã chứng kiến, trong đó ý chí của một tohunga được đặt chống lại ý chí của một tohunga khác. Tình huống nảy sinh vì không có lý do vật chất nào, một người đàn ông trong bộ lạc, cho đến nay vẫn hoàn toàn khỏe mạnh, bắt đầu chết.

The tribal *tohunga* was sent for, in this case Nga Kuku. He examined the man, who although in the full vigour of life lay dying on the ground, his breathing growing weaker and weaker. After a time Nga Kuku asked the man where he had been recently and was told that he had crossed a certain small valley nearby. 'Ah!' said Nga Kuku 'you have desecrated a sacred burial place and have broken the law of *Tapu.* Another *tohunga* saw you and is administering the law'. Nga Kuku

Tohunga bộ lạc đã được gọi đến, trong trường hợp này là Nga Kuku. Ông khám cho người đàn ông, người mặc dù đang ở độ tuổi sung sức nhất của cuộc đời lại nằm chết trên mặt đất, hơi thở ngày càng yếu đi. Sau một thời gian, Nga Kuku hỏi người đàn ông gần đây đã ở đâu và được cho biết rằng Ông đã băng qua một thung lũng nhỏ gần đó. Nga Kuku nói: "À! Ông đã xúc phạm một nơi chôn cất thiêng liêng và đã phá vỡ luật Tapu. Một tohunga khác đã nhìn thấy Ông và đang thi hành luật". Sau đó,

then commenced to recite *karakias* in order to generate and emanate counter influences to suppress the force of the other *tohunga's makutu* (death magic). After a time the man began to move, to breathe more freely and deeply. A little later he rose and asked for water and food, whereupon Nga Kuku said '*kua ore*', he has survived.

Nga Kuku bắt đầu đọc thuộc lòng karakias để tạo ra và phát ra các ảnh hưởng đối trọng để ngăn chặn mãnh lực makutu (ma thuật chết chóc) của tohunga kia. Sau một thời gian, người đàn ông bắt đầu cử động, thở tự do và sâu hơn. Một lát sau, Ông đứng dậy và xin nước và thức ăn, sau đó Nga Kuku nói 'kua ore', Ông đã sống sót.

I asked Hare whether the original *tohunga* would feel the effect of the counter influences and, if so, why he was not able to maintain his own will against them. Hare said in reply that certainly he would feel the effect of the counter influences and know their source, but that as the offender had had his lesson, and a very severe one, the first *tohunga* would agree to Nga Kuku's decision that he be allowed to live.

Tôi hỏi Hare liệu tohunga ban đầu có cảm thấy ảnh hưởng của các ảnh hưởng đối trọng hay không và nếu có, tại sao Ông không thể duy trì ý chí của mình chống lại chúng. Hare trả lời rằng chắc chắn Ông sẽ cảm thấy ảnh hưởng của các ảnh hưởng đối trọng và biết nguồn gốc của chúng, nhưng vì người phạm tội đã có bài học của mình, và một bài học rất nghiêm khắc, tohunga đầu tiên sẽ đồng ý với quyết định của Nga Kuku rằng Ông được phép sống.

Many recorded instances exist of the effectiveness both of the influence of *tapu* and of the makatu *karakias.* Johannes Anderson, the famous authority on the Maoris, quotes from a case recorded by Sir John Logan Campbell, a physician in the early days of the settlement of New Zealand. In an accident with gunpowder, two chiefs, Te Rite and Te Pirete, were burnt and for treatment were placed in the same tent. This was against all proper *tapu* observances, for Te Pirete was an inferior chief of Te Rite. A long description follows of the action of the influence of *tapu* on Te Pirete, who received a visit from a deceased *ariki* named Ngatai, who drew attention to the breach of the law of *tapu* and its penalty of death. Thereupon Te Pirete, from a condition of perfect health, began to decline, and the record concludes as follows:

Nhiều trường hợp được ghi lại tồn tại về hiệu quả của cả ảnh hưởng của tapu và karakias makatu. Johannes Anderson, nhà chức trách nổi tiếng về người Maori, trích dẫn từ một trường hợp được ghi lại bởi Sir John Logan Campbell, một bác sĩ vào những ngày đầu định cư ở New Zealand. Trong một tai nạn với thuốc súng, hai tù trưởng, Te Rite và Te Pirete, đã bị bỏng và được đưa vào cùng một lều để điều trị. Điều này trái với tất cả các quy tắc tapu thích hợp, vì Te Pirete là một tù trưởng cấp dưới của Te Rite. Một mô tả dài dòng sau đó về hành động của ảnh hưởng của tapu đối với Te Pirete, người đã nhận được một chuyến thăm từ một ariki đã khuất tên là Ngatai, người đã thu hút sự chú ý đến việc vi phạm luật tapu và hình phạt tử hình của nó. Sau đó, Te Pirete, từ một tình trạng sức khỏe hoàn hảo, bắt đầu suy giảm, và bản ghi kết luận như sau:

'And the next morning, as we came home from our work, and visited Te Pirete, and saw the marvellously sudden change that had come over him, we agreed with Pama in

'Và sáng hôm sau, khi chúng tôi trở về nhà từ công việc của mình, và đến thăm Te Pirete, và thấy sự thay đổi đột ngột kỳ diệu đã xảy ra với Ông, chúng tôi đã đồng ý với Pama khi nghĩ

thinking that the summons of Ngatai was one which was going to be obeyed, and that Te Pirete had fully made up his mind to die himself from off the face of the earth', as Pama had put it.

rằng lời triệu tập của Ngatai là một lời triệu tập sẽ được tuân theo, và Te Pirete đã hoàn toàn quyết tâm tự mình chết khỏi mặt đất', như Pama đã nói.

'But we certainly were not prepared for the suddenness with which this was accomplished.

'Nhưng chúng tôi chắc chắn không chuẩn bị cho sự đột ngột mà điều này đã được hoàn thành.

'Only one more day had passed when Te Pirete's face became still more marvellously changed though it was but three days since he had received the midnight summons.

'Chỉ một ngày nữa trôi qua khi khuôn mặt của Te Pirete trở nên thay đổi kỳ diệu hơn mặc dù chỉ mới ba ngày kể từ khi Ông nhận được lệnh triệu tập nửa đêm.

'And when midnight came again the death-wail broke upon the stillness of the night, rending the air. And the wail was caught up, and we heard it in faint and fainter sounds as it was repeated away up the length and breadth of the Waiomu Valley'.

'Và khi nửa đêm đến một lần nữa, tiếng than khóc chết chóc vang lên trong sự tĩnh lặng của màn đêm, xé toạc không khí. Và tiếng than khóc đã được bắt kịp, và chúng tôi nghe thấy nó trong những âm thanh yếu ớt và yếu ớt hơn khi nó được lặp lại lên chiều dài và chiều rộng của Thung lũng Waiomu'.

Although Hare Hongi did not speak very much to me upon the subject of *tapu,* this account would be incomplete without some reference to this inviolable law. The word *tapu* evidently means much the same as 'taboo', that is, 'forbidden' or 'set apart'. The strange attribute of this law is that it operates automatically whether the offender was detected or not, and even whether the offender knew or did not know that he had offended. In almost all cases, however, the mortal effects of the law of *tapu* did not begin to be experienced until the offender became aware of his offence. When he did know or later learned the fact, his own conscience became accuser, judge and executioner in one, and the conscience-stricken Maori frightened himself to death.

Mặc dù Hare Hongi không nói nhiều với tôi về chủ đề tapu, nhưng bản tường thuật này sẽ không đầy đủ nếu không có một số tham khảo về luật bất khả xâm phạm này. Từ tapu rõ ràng có nghĩa gần giống như 'điều cấm kỵ', tức là 'bị cấm' hoặc 'được tách biệt'. Thuộc tính kỳ lạ của luật này là nó hoạt động tự động cho dù người phạm tội có bị phát hiện hay không, và thậm chí cho dù người phạm tội có biết hay không biết rằng Ông đã phạm tội. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, những ảnh hưởng chết người của luật tapu đã không bắt đầu được trải nghiệm cho đến khi người phạm tội nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Khi Ông biết hoặc sau đó biết sự thật, lương tâm của chính Ông trở thành công tố viên, thẩm phán và đao phủ trong một người, và người Maori bị lương tâm cắn rứt đã tự dọa mình đến chết.

From 'Narrative of a Voyage to New Zealand', by J. L. Nicholas, Johannes Anderson also

Từ 'Tường thuật về một chuyến đi đến New Zealand', của J. L. Nicholas, Johannes

quotes a very interesting description of the actual feelings of the Maori while the *tapu* was at work. Nicholas, who was with Marsden on his visit to New Zealand in 1814, writes:

Anderson cũng trích dẫn một mô tả rất thú vị về những cảm xúc thực tế của người Maori trong khi tapu đang hoạt động. Nicholas, người đã ở cùng Marsden trong chuyến thăm New Zealand của Ông vào năm 1814, viết:

'Ruatara, in telling me that it was impossible for a thief to escape punishment in New Zealand—for if not detected by man the all-seeing vigilance of the deity was sure to discover him—made use of the following remarkable words, which are not only forcible, but highly poetical: "The *atua* (God)", says he, "rises upon him like a full moon rushes upon him with the velocity of a falling star, and passes by him like a shot from the cannon's mouth". Such was the exact tenor of the expression he made use of, as nearly as I could collect it from the notion I had of his language; and I was forcibly struck with so extraordinary a description'.

'Ruatara, khi nói với tôi rằng một tên trộm không thể thoát khỏi sự trừng phạt ở New Zealand—vì nếu không bị con người phát hiện, sự cảnh giác toàn diện của thần thánh chắc chắn sẽ khám phá ra Ông—đã sử dụng những lời lẽ đáng chú ý sau đây, không chỉ mạnh mẽ mà còn mang tính thơ ca cao độ: "Atua (Thượng đế)", Ông nói, "trỗi dậy trên Ông như một mặt trăng tròn lao vào Ông với vận tốc của một ngôi sao băng, và lướt qua Ông như một phát súng từ miệng pháo". Đó là nội dung chính xác của biểu hiện mà Ông đã sử dụng, gần như tôi có thể thu thập được từ khái niệm của tôi về ngôn ngữ của Ông; và tôi đã bị ấn tượng mạnh mẽ bởi một mô tả phi thường như vậy'.

At heart, the Maori is a born ritualist, and Hare informed me that no important action was ever taken without the appropriate ritual and *karakia.* 'If a tree were cut down', he said, 'an apology was offered to the Spirit of the Forest Tane for the disturbance caused. At the birth of a child, the trained midwife used *karakias* to celebrate and assist the arrival and also to uplift and stimulate the mother's consciousness so that she became unaware of the pain. A flute might also be played to lighten the pains of labour. These birth chants were addressed to *Hine te iwaiwa,* which means Goddess of the Nines (months) and is apparently equivalent to the lunar influence. *Karakias* were also chanted at the naming of the child, his dedication to the Gods, his entry into the ranks of the warriors, before going on the war-path, during war and on the return, at death and at the subsequent scraping of his bones. No house was built, no canoe

Về bản chất, người Maori là một nhà nghi lễ bẩm sinh, và Hare đã thông báo cho tôi rằng không có hành động quan trọng nào được thực hiện mà không có nghi lễ và karakia thích hợp. Ông nói: "Nếu một cái cây bị đốn hạ, một lời xin lỗi đã được đưa ra cho Tinh thần của Khu Rừng Tane vì sự xáo trộn gây ra. Khi một đứa trẻ được sinh ra, bà đỡ được đào tạo đã sử dụng karakias để ăn mừng và hỗ trợ sự xuất hiện và cũng để nâng cao và kích thích tâm thức của người mẹ để Bà không nhận thức được cơn đau. Một cây sáo cũng có thể được chơi để làm dịu cơn đau khi sinh. Những bài hát sinh nở này được gửi đến Hine te iwaiwa, có nghĩa là Nữ thần của Chín (tháng) và dường như tương đương với ảnh hưởng của mặt trăng. Karakias cũng được tụng khi đặt tên cho đứa trẻ, sự hiến dâng của nó cho Các Thượng đế, sự gia nhập của nó vào hàng ngũ các chiến binh, trước khi ra trận, trong chiến tranh và khi trở về, khi chết và khi cạo xương của nó sau đó. Không có

fashioned, no tree felled no fishing undertaken, without ceremonies and *karakias'.*

ngôi nhà nào được xây dựng, không có chiếc thuyền nào được tạo hình, không có cây nào bị đốn hạ, không có hoạt động đánh bắt cá nào được thực hiện, nếu không có các nghi lễ và karakias'.

In conclusion, it would appear that the Maoris possessed both popular or fireside religion followed by the mass of the people, and also an inner teaching or esotericism known only to the *arikis, who* were obliged to pass through severe tests qualifying them to receive the higher teaching in the *whare wananga,* or school of learning.

Tóm lại, có vẻ như người Maori sở hữu cả tôn giáo dân gian hoặc tôn giáo tại gia được quần chúng tuân theo, và cả một giáo lý nội môn hoặc huyền bí học chỉ được biết đến với các ariki, vốn phải trải qua những thử thách khắc nghiệt để đủ điều kiện nhận được giáo lý cao hơn trong whare wananga, hay trường học.

This esotericism itself is exceedingly *tapu,* and Hare Hongi's revelation of the small parts of it related here awakened in me a deep sense of gratitude and privilege. I felt that I had been led back over sea and land, down many centuries, through an ancient gateway into the great City of the Bridge, Capital of the Aryan Central Asian homeland. I had been shown, and I recognised, the one Wisdom which was and still is the light and beauty of that sacred City, as of all the world.

Bản thân huyền bí học này vô cùng tapu, và sự tiết lộ của Hare Hongi về những phần nhỏ của nó liên quan ở đây đã khơi dậy trong tôi một cảm giác sâu sắc về lòng biết ơn và đặc ân. Tôi cảm thấy mình đã được dẫn dắt trở lại qua biển cả và đất liền, qua nhiều thế kỷ, qua một cổng cổ vào Thành phố Cầu Lớn, Thủ đô của quê hương Arya Trung Á. Tôi đã được cho thấy, và tôi đã nhận ra, Minh Triết duy nhất vốn đã và vẫn là ánh sáng và vẻ đẹp của Thành phố thiêng liêng đó, cũng như của cả thế giới.

In the *tohunga* science, I saw the light and truth which has illumined all true Aryan religion and philosophy. In Hare Hongi himself, as in the whole Maori peoples, I recognised not only Aryan brothers, who through many wanderings had reached their appointed home, Aotearoa, but also fellow students and followers of the Ancient Wisdom delivered to the world age by age by the great Keepers of the Sacred Light.

Trong khoa học tohunga, tôi đã thấy ánh sáng và chân lý vốn đã soi sáng tất cả tôn giáo và triết học Arya chân chính. Ở chính Hare Hongi, cũng như ở toàn thể dân tộc Maori, tôi nhận ra không chỉ những huynh đệ Arya, vốn qua nhiều cuộc lang thang đã đến được ngôi nhà đã định của họ, Aotearoa, mà còn là những bạn đồng môn và những người theo Minh Triết Ngàn Đời được trao cho thế giới hết thời đại này đến thời đại khác bởi những Người Giữ Ánh Sáng Thiêng Liêng vĩ đại.

Mentally I saluted the Maori race, and its noble proficients or 'Pre-Eminents' who faithfully and through long ages have preserved and taught to the worthy alone the Sacred Science. Their allotted task performed, they now rest

Trong tâm trí, tôi chào dân tộc Maori, và những người thành thạo cao quý của dân tộc này, hay 'Những Người Xuất Chúng' vốn đã trung thành và qua nhiều thời đại đã bảo tồn và giảng dạy Khoa Học Thiêng Liêng chỉ cho

and we, racially their juniors, take up their task of discovering, preserving and sowing in the minds of men the selfsame seeds which they implanted in the field of the emotions and instincts of their own people.

những người xứng đáng. Nhiệm vụ được giao của Các Ngài đã hoàn thành, giờ đây Các Ngài nghỉ ngơi và chúng ta, về mặt chủng tộc là hậu bối của Các Ngài, đảm nhận nhiệm vụ khám phá, bảo tồn và gieo vào tâm trí con người những hạt giống giống hệt như những hạt giống mà Các Ngài đã gieo vào lĩnh vực cảm xúc và bản năng của chính dân tộc mình.

After many wanderings over the whole earth two branches of the Aryan race, the oldest and the youngest, have met in Aotearoa, once the home of the first physical men.

Sau nhiều cuộc lang thang trên khắp trái đất, hai nhánh của chủng tộc Arya, lâu đời nhất và trẻ nhất, đã gặp nhau ở Aotearoa, từng là quê hương của những người thể xác đầu tiên.

The meeting can be no product of sportful chance. Surely it was designed by the Mighty King when from His great throne in the rock-hewn Hall of Audience, in the City of the Bridge tens of thousands of years ago, He sent His people forth to the fulfilment of His Plan and of their destiny. The King's great Minister, the Father of the Race, must have guided both branches of His family through storm and stress, through light and darkness, to this meeting and to the blending which now occurs.

Cuộc gặp gỡ không thể là sản phẩm của sự may rủi vui đùa. Chắc chắn nó đã được thiết kế bởi Đấng Đại Hùng khi từ ngai vàng vĩ đại của Ngài trong Đại Sảnh Khán Giả đục đẽo từ đá, ở Thành phố Cầu Lớn hàng vạn năm trước, Ngài đã phái dân tộc của Ngài đi thực hiện Thiên Cơ của Ngài và định mệnh của họ. Vị Đại Thần của Đức Vua, Tổ Phụ của Chủng Tộc, hẳn đã dẫn dắt cả hai nhánh gia đình của Ngài vượt qua giông bão và căng thẳng, qua ánh sáng và bóng tối, đến cuộc gặp gỡ này và sự hòa trộn đang diễn ra.

New Zealand shall be—already begins to be—in its turn a racial birthplace in which shall arise the Anglo-Maori variant of the sixth sub-race. Distinctive shall be the racial type, for nowhere else can the same blending occur. Distinguished shall be the New Zealand peoples, inheriting and further developing the best traits of both ancestral stocks.

New Zealand sẽ là—đã bắt đầu là—đến lượt mình, một nơi sinh chủng tộc, nơi sẽ phát sinh biến thể Anglo-Maori của giống dân phụ thứ sáu. Kiểu chủng tộc sẽ khác biệt, vì không nơi nào khác có thể xảy ra sự pha trộn tương tự. Các dân tộc New Zealand sẽ được phân biệt, thừa hưởng và phát triển hơn nữa những đặc điểm tốt nhất của cả hai dòng dõi tổ tiên.

A new race and a new line of *arikis* shall arise, composed of the noblest members of the Aryans of Aotearoa. In a newer form *Tohungism* has been sent here by the Aryan *Rishis.* It is Theosophy, and we theosphists must prove worthy to be the *ariki tohungas* of the new race. In our turn, we must win the noble title, 'Tino Tohunga'. the Pre-Eminent.

Một chủng tộc mới và một dòng arikis mới sẽ xuất hiện, bao gồm những thành viên cao quý nhất của người Arya ở Aotearoa. Trong một hình thức mới hơn, Tohungism đã được gửi đến đây bởi các Rishi Arya. Đó là Thông Thiên Học, và chúng ta, những nhà thông thiên học, phải chứng tỏ xứng đáng là ariki tohungas của chủng tộc mới. Đến lượt mình, chúng ta phải

giành được danh hiệu cao quý, 'Tino Tohunga'. Người Xuất Chúng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 4, 1942, p. 79

Theosophy in New Zealand, Tập. 3, Số 4, 1942, tr. 79

151

Occult Experiences in Java—Những Trải Nghiệm Huyền Bí ở Java

(The prevalence of superstition and animal sacrifices in Java prompts Mr Hodson to suggest ways in which Theosophists, and particularly Young Theosophists, should act with vigour and determination to eliminate or at least to minimise these evils.)

(Sự phổ biến của mê tín dị đoan và hiến tế động vật ở Java thúc đẩy Ông Hodson đề xuất những cách mà các nhà thông thiên học, và đặc biệt là các nhà thông thiên học trẻ tuổi, nên hành động một cách mạnh mẽ và quyết đoán để loại bỏ hoặc ít nhất là giảm thiểu những tệ nạn này.)

Apart from British India, ever incomparable, Java seems to be the most beautiful of all countries I have visited, and the most interesting from the occult point of view. Its scenic beauty is unsurpassed and, in part perhaps because of this, the island appears to be richer than many other countries in *devic* and nature-spirit life. Holy places of certain kinds exist in parts of Java, the greatest being the Boro-Budur, and, its associated highly magnetised temple of the Mendoet.

Ngoài Ấn Độ thuộc Anh, vốn luôn vô song, Java dường như là quốc gia đẹp nhất trong tất cả các quốc gia tôi đã đến thăm, và thú vị nhất từ quan điểm huyền bí. Vẻ đẹp phong cảnh của nó là vô song và, một phần có lẽ vì điều này, hòn đảo dường như giàu có hơn nhiều quốc gia khác về sự sống của thiên thần và tinh linh tự nhiên. Những nơi linh thiêng thuộc một số loại tồn tại ở các vùng của Java, lớn nhất là Boro-Budur, và ngôi đền Mendoet có từ tính cao liên kết với nó.

Java is one of the most ancient of the inhabited countries of the world. Since Lemurian days, many powerful peoples have lived there and many great civilisations have been established. Part of the ancient culture still lives and is to be enjoyed in the Wayang (shadow) plays and dances, the court dances and in the gamelan music. These transport us back to the days of old Atlantis, and revive before our eyes the culture of a once glorious past.

Java là một trong những quốc gia cổ xưa nhất trong số các quốc gia có người ở trên thế giới. Kể từ thời Lemuria, nhiều dân tộc hùng mạnh đã sống ở đó và nhiều nền văn minh vĩ đại đã được thiết lập. Một phần của nền văn hóa cổ đại vẫn còn tồn tại và được thưởng thức trong các vở kịch và điệu múa Wayang (bóng tối), các điệu múa cung đình và trong âm nhạc gamelan. Những điều này đưa chúng ta trở lại những ngày xưa của Atlantis, và làm sống lại trước mắt chúng ta nền văn hóa của một quá khứ từng vinh quang.

Apart from these, and perhaps the communal system of village life, little of past greatness

Ngoài những điều này, và có lẽ là hệ thống cộng đồng của cuộc sống làng xã, ít điều vĩ đại

remains. Religion, outwardly Mohammedan but basically animistic, is largely intermixed with superstition.

trong quá khứ còn lại. Tôn giáo, bề ngoài là đạo Hồi nhưng về cơ bản là thuyết vật linh, phần lớn xen lẫn với mê tín dị đoan.

The ancient white magic has degenerated and the darker arts are practised throughout the island. Human sacrifices, proscribed by the Dutch Government, are no longer legal. Animal sacrifices, however, are continuously performed, almost entirely through fear and desire to propitiate so called *devas.* These, on investigation, frequently prove to be either entirely imaginary or else dark elementals fed by repeated blood rites.

Chánh thuật cổ đại đã thoái hóa và các môn nghệ thuật hắc ám hơn được thực hành trên khắp hòn đảo. Việc hiến tế người, bị Chính phủ Hà Lan cấm, không còn hợp pháp nữa. Tuy nhiên, việc hiến tế động vật vẫn liên tục được thực hiện, gần như hoàn toàn là do sợ hãi và mong muốn xoa dịu cái gọi là thiên thần. Sau khi điều tra, những điều này thường chứng tỏ là hoàn toàn do tưởng tượng hoặc là những hành khí hắc ám được nuôi dưỡng bằng các nghi lễ đổ máu lặp đi lặp lại.

The Javanese are in many ways intelligent, charming people, but it must be admitted that the uneducated amongst them are extremely superstitious. They are a psychically sensitive race, and etherically are in almost continuous contact with the inner life of Nature, the nature-spirits and the *devas,* an association which might be for them the source of much happiness. Unfortunately, owing to fixed ideas based on tradition, on fear of the invisible and upon the superstition that all superphysical beings are inimical to man, the truth and beauty of this intimacy are almost entirely lost. The sense of an invisible presence at once produces fear and the tendency to propitiate by blood sacrifices, the result being that the centres and forces of the darker magic of Atlantean days are still powerful in Java, and hold the whole people in bondage to superstition and fear. Rarely is a bridge or home built, for example, without the sacrifice of a karbouw[69] and its burial on the spot 'to prevent accidents'.

Người Java theo nhiều cách là những người thông minh, quyến rũ, nhưng phải thừa nhận rằng những người không được học hành trong số họ cực kỳ mê tín. Họ là một chủng tộc nhạy cảm về tâm linh, và về mặt dĩ thái gần như liên tục tiếp xúc với đời sống nội tại của Thiên Nhiên, các tinh linh tự nhiên và các thiên thần, một mối liên hệ có thể là nguồn gốc của nhiều hạnh phúc cho họ. Thật không may, do những ý tưởng cố định dựa trên truyền thống, trên nỗi sợ hãi vô hình và trên sự mê tín rằng tất cả các sinh vật siêu vật chất đều thù địch với con người, nên sự thật và vẻ đẹp của sự thân mật này gần như hoàn toàn bị mất. Cảm giác về một sự hiện diện vô hình ngay lập tức tạo ra nỗi sợ hãi và xu hướng xoa dịu bằng các cuộc hiến tế máu, kết quả là các trung tâm và mãnh lực của ma thuật hắc ám từ thời Atlantis vẫn còn mạnh mẽ ở Java, và giữ toàn bộ người dân trong vòng nô lệ của sự mê tín và sợ hãi. Ví dụ, hiếm khi một cây cầu hoặc ngôi nhà được xây dựng mà không có sự hiến tế một con karbouw và chôn nó tại chỗ 'để ngăn ngừa tai nạn'.

[69] Buffalo.

The psychic, mediumistic and superstitious nature of the Javanese is illustrated in the following account, translated somewhat literally, from the Malang newspaper De Malanger in June 1936, of events which occurred during our visit to Java:

Bản chất tâm linh, đồng cốt và mê tín của người Java được minh họa trong tài khoản sau đây, được dịch hơi sát nghĩa, từ tờ báo Malang De Malanger vào tháng 6 năm 1936, về các sự kiện xảy ra trong chuyến thăm Java của chúng tôi:

'CURIOUS HAPPENINGS: CRIME OR SUPERSTITION?'

'Những Sự Kiện Kỳ Lạ: Tội Phạm hay Mê Tín?'

Some days ago we heard that some very remarkable happenings had occurred in the town of Dampit[70], happenings which sounded so unbelievable, that we thought that hallucinations of some simple soul had caused these rumours among the people. But there seems to be a hidden ground of truth in all these strange rumours.

Vài ngày trước, chúng tôi nghe nói rằng một số sự kiện rất đáng chú ý đã xảy ra ở thị trấn Dampit, những sự kiện nghe có vẻ khó tin đến mức chúng tôi nghĩ rằng ảo giác của một tâm hồn đơn giản nào đó đã gây ra những tin đồn này trong dân chúng. Nhưng dường như có một nền tảng ẩn giấu của sự thật trong tất cả những tin đồn kỳ lạ này.

On Wednesday night at about 11 o'clock there occurred in a house of the village Soemberajoe[71] the following very strange event. Two girls were lying asleep inside the house while their neighbours sat talking. Suddenly one of the girls was awakened by a noise and she saw a figure, dressed in white, first moving around in the room and then trying to envelop her sister in a white cloth. She tried to go to her assistance, at the same time shouting for help. The people sitting outside rushed in and endeavoured to catch the white figure which seemed to be a woman. The mother pulled her hair, the father tried to throw her out of the house. Suddenly the white cloth dropped from the body and, to the great surprise of everybody—and a great multitude had assembled including the village police—the youngest daughter became visible. Frightened, they let go and *in view of everybody* the figure dissolved, and the youngest daughter was seen lying peacefully on the couch.

Vào đêm thứ Tư, vào khoảng 11 giờ, một sự kiện rất kỳ lạ sau đây đã xảy ra trong một ngôi nhà của làng Soemberajoe. Hai cô gái đang ngủ bên trong nhà trong khi hàng xóm của họ ngồi nói chuyện. Đột nhiên một trong những cô gái bị đánh thức bởi một tiếng động và cô nhìn thấy một bóng người, mặc đồ trắng, đầu tiên di chuyển xung quanh trong phòng và sau đó cố gắng bao trùm em gái mình trong một tấm vải trắng. Cô cố gắng đến giúp em gái mình, đồng thời la hét để được giúp đỡ. Những người ngồi bên ngoài xông vào và cố gắng bắt lấy bóng người màu trắng dường như là một người phụ nữ. Người mẹ giật tóc cô, người cha cố gắng ném cô ra khỏi nhà. Đột nhiên tấm vải trắng rơi khỏi người và, trước sự ngạc nhiên lớn của mọi người—và một đám đông lớn đã tập trung bao gồm cả cảnh sát làng—cô con gái út trở nên hữu hình. Hoảng sợ, họ buông tay và trước sự chứng kiến của mọi người, hình bóng tan biến, và cô con gái út được nhìn thấy đang nằm yên bình trên диван.

[70] In East Java.

[71] In East Java.

But the child showed a swollen neck, clearly with traces of strangling. When they tried to question her she proved to have become dumb, and this condition lasted for two days.

Nhưng đứa trẻ cho thấy một cái cổ sưng lên, rõ ràng là có dấu vết của sự siết cổ. Khi họ cố gắng hỏi cô bé, cô bé tỏ ra bị câm, và tình trạng này kéo dài trong hai ngày.

That the fight had not been imaginary appeared from the blue spots and bruises on the bodies of the parents, after the struggle with the 'white woman'.

Việc cuộc chiến không phải là tưởng tượng đã xuất hiện từ những vết bầm tím và vết bầm trên cơ thể của cha mẹ, sau cuộc vật lộn với 'người phụ nữ da trắng'.

The second case happened on Friday evening during a performance of a street theatrical company in the town Dampit itself. There were many people on the road, and the place of amusement itself was clearly lighted by petrol lamps.

Trường hợp thứ hai xảy ra vào tối thứ Sáu trong một buổi biểu diễn của một công ty sân khấu đường phố ở chính thị trấn Dampit. Có rất nhiều người trên đường, và bản thân địa điểm vui chơi được chiếu sáng rõ ràng bằng đèn xăng.

During the performance one of the public, an old woman, was suddenly seized by a form whom she thought to be her granddaughter. Several people saw how the woman greeted her granddaughter, whom she had not seen for some time, but suddenly the figure disappeared before the eyes of everybody as if she had sunk through the ground.

Trong buổi biểu diễn, một trong những khán giả, một bà lão, đột nhiên bị một hình bóng bắt giữ mà bà nghĩ là cháu gái của mình. Một số người đã thấy bà lão chào cháu gái của mình, người mà bà đã không gặp trong một thời gian, nhưng đột nhiên hình bóng biến mất trước mắt mọi người như thể cô đã chìm xuống đất.

The third case. At about the same time that this took place at the performance, something similar happened to two women who were walking near the railway. They also saw a white shape advancing and they ran away screaming.

Trường hợp thứ ba. Vào khoảng thời gian xảy ra điều này tại buổi biểu diễn, một điều tương tự đã xảy ra với hai người phụ nữ đang đi bộ gần đường sắt. Họ cũng nhìn thấy một hình dạng màu trắng tiến đến và họ bỏ chạy la hét.

The fourth case. The same evening at about 11 o'clock the village of Pamottan was the scene of another gruesome story when two young men, sitting in the front verandah of their house, were attacked by a white shape; but this time it was in the form of a young man who suddenly appeared in front of them. Without a word the form began to tie the legs of one of the young men with a white cloth. The victim tried, of course, to defend himself, but the curious thing was that neither of the two men could utter a sound to call for help.

Trường hợp thứ tư. Cùng buổi tối hôm đó vào khoảng 11 giờ, ngôi làng Pamottan là bối cảnh của một câu chuyện kinh hoàng khác khi hai thanh niên, đang ngồi ở hiên trước nhà của họ, bị tấn công bởi một hình dạng màu trắng; nhưng lần này nó có hình dạng của một thanh niên đột nhiên xuất hiện trước mặt họ. Không nói một lời, hình bóng bắt đầu trói chân một trong những thanh niên bằng một tấm vải trắng. Tất nhiên, nạn nhân đã cố gắng tự vệ, nhưng điều kỳ lạ là không ai trong số hai người đàn ông có thể thốt ra một âm thanh nào để

But at the noise made, the village head with four of his police came hurrying on, brandishing their swords. They also saw the figure of a man, but at the moment when they were going to strike, the figure changed into the form of the daughter of the village head. Of course they dropped their weapons then, and at the same instant the form disappeared.

kêu cứu. Nhưng trước tiếng ồn ào, trưởng làng với bốn cảnh sát của mình đã vội vã đến, vung kiếm của họ. Họ cũng nhìn thấy hình bóng của một người đàn ông, nhưng vào thời điểm họ định tấn công, hình bóng biến thành hình dạng của con gái trưởng làng. Tất nhiên, sau đó họ đã vứt vũ khí của mình, và ngay lập tức hình bóng biến mất.

The result. Naturally these happenings, were talked about everywhere and connected with each other, and the population assembled before the district officer, who could not do much against 'spirits'.

Kết quả. Đương nhiên, những sự kiện này đã được bàn tán ở khắp mọi nơi và liên kết với nhau, và dân chúng đã tập trung trước mặt viên chức quận, người không thể làm gì nhiều chống lại 'các linh hồn'.

Can it be that behind all this is the activity of some people who want to intimidate the population before they start a dacoity, trying to insure in this way that nobody will interfere when they are out for mischief?. Will the above happenings have no further results and the matter be forgotten? Nobody knows, but there is a tradition that such happenings occur periodically (once in seven years) and are in fact described in the books (pontjos) which deal with these subjects. Not only natives became victims of their 'imagination': something similar happened to Mr & Mrs B., who one evening were called by a knock at the door and saw a figure walking in front of the house. When the figure came into the light of an electric torch, it disappeared, stepping over a wall one and half metres high.

Có thể nào đằng sau tất cả những điều này là hoạt động của một số người muốn đe dọa dân chúng trước khi họ bắt đầu một vụ cướp dacoity, cố gắng đảm bảo theo cách này rằng sẽ không ai can thiệp khi họ ra ngoài gây rối hay không?. Liệu những sự kiện trên sẽ không có kết quả gì thêm và vấn đề sẽ bị lãng quên? Không ai biết, nhưng có một truyền thống rằng những sự kiện như vậy xảy ra định kỳ (cứ bảy năm một lần) và trên thực tế được mô tả trong các cuốn sách (pontjos) đề cập đến những chủ đề này. Không chỉ người bản xứ trở thành nạn nhân của 'trí tưởng tượng' của họ: một điều tương tự đã xảy ra với Ông & Bà B., một buổi tối nọ đã được gọi bằng một tiếng gõ cửa và nhìn thấy một bóng người đi bộ trước nhà. Khi hình bóng đi vào ánh sáng của một ngọn đuốc điện, nó biến mất, bước qua một bức tường cao một mét rưỡi.

Now Dampit and the surrounding country looks like a mosque, for everybody prays to be saved from this wandering spirit. Nobody dares to be on the road after sunset, being afraid to meet the shape.

Giờ đây, Dampit và vùng nông thôn xung quanh trông giống như một nhà thờ Hồi giáo, vì mọi người đều cầu nguyện để được cứu khỏi linh hồn lang thang này. Không ai dám ra đường sau khi mặt trời lặn, vì sợ gặp phải hình bóng.

What is behind all this, and what do western people think of these strange happenings,

Điều gì đằng sau tất cả những điều này, và người phương Tây nghĩ gì về những sự kiện kỳ

which according to the native superstitions precede a catastrophe of nature, or an epidemic or something similar? Certainly there is great unrest among the people of Dampit, against which at present nothing can be done.

lạ này, vốn theo những điều mê tín bản địa báo trước một thảm họa tự nhiên, hoặc một dịch bệnh hoặc một điều gì đó tương tự? Chắc chắn có sự bất ổn lớn trong dân chúng Dampit, mà hiện tại không thể làm gì được.

It seems to me that determined action might be taken to minimize these evils. The people ought to be released from their bondage of fear of the invisible and given such facts as they can grasp concerning the inner life of Nature, which is so near to them. Especially should they be shown that all their ceremonies of protection are valueless as long as evil practices continue, that they are unnecessary to those who live a clean life, and above all are most harmful to all who perform them.

Tôi nghĩ rằng có thể thực hiện hành động quyết đoán để giảm thiểu những tệ nạn này. Người dân nên được giải thoát khỏi sự trói buộc của nỗi sợ hãi vô hình và được cung cấp những sự thật mà họ có thể nắm bắt được liên quan đến đời sống nội tại của Thiên Nhiên, vốn rất gần gũi với họ. Đặc biệt, họ nên được cho thấy rằng tất cả các nghi lễ bảo vệ của họ đều vô giá trị chừng nào các hành vi xấu còn tiếp diễn, rằng chúng là không cần thiết đối với những người sống một cuộc sống trong sạch, và trên hết là gây hại nhất cho tất cả những người thực hiện chúng.

Theosophists would seem to be peculiarly well equipped to attack this evil. Particularly should the Young Theosophists be encouraged to organized action. Some Young Theosophists are now actively at work through the agencies of the radio, the schools and the Malay Press. Much has also been done by The Theosophical Society in Java, particularly through the splendid educational work sponsored by The Society, and by Co-Masonry and the Liberal Catholic Church. These three bodies have established in their lodges and churches centres of spiritual light and power, and many of their members regularly assist by private meditation and ceremonial. During his visits to the island, Bishop Leadbeater, working, we are informed, in co-operation with certain of the high *Devas* of Java, broke up centres of evil magnetism and destroyed powerful elementals.

Các nhà thông thiên học dường như được trang bị đặc biệt tốt để tấn công cái ác này. Đặc biệt, các nhà thông thiên học trẻ tuổi nên được khuyến khích hành động có tổ chức. Một số nhà thông thiên học trẻ tuổi hiện đang tích cực làm việc thông qua các cơ quan truyền thông, trường học và Báo chí Malay. Hiệp Hội Thông Thiên Học ở Java cũng đã làm được rất nhiều điều, đặc biệt thông qua công việc giáo dục tuyệt vời do Hiệp Hội tài trợ, và bởi Hội Tam Điểm Đồng và Giáo Hội Công Giáo Tự Do. Ba tổ chức này đã thành lập trong các nhà nghỉ và nhà thờ của họ các trung tâm ánh sáng và quyền năng tinh thần, và nhiều thành viên của họ thường xuyên hỗ trợ bằng cách tham thiền và thực hiện nghi lễ riêng. Trong các chuyến thăm hòn đảo, Giám mục Leadbeater, làm việc, chúng tôi được thông báo, phối hợp với một số thiên thần cao cấp của Java, đã phá vỡ các trung tâm từ điện xấu xa và phá hủy các hành khí mạnh mẽ.

The veil between the physical and

Tấm màn giữa cõi hồng trần và cõi siêu trần

superphysical worlds is very thin in Java. The *devas* of nature, of mountain, river, forest and tree are friendly to man and ever ready to commune and co-operate with him. The condition of the people appears even more tragic in the light of this fact; for although naturally psychic and surrounded by friendly beings who might greatly help them, they are debarred by superstition and ignorance from deriving any benefit whatever. Indeed their responsiveness is a source of harm, for it leads them deeper into superstition and blood rites.

The Theosophist, Vol. 58, Pt. 1, 1937, p. 539

rất mỏng ở Java. Các thiên thần của tự nhiên, của núi, sông, rừng và cây cối thân thiện với con người và luôn sẵn sàng giao tiếp và hợp tác với y. Tình trạng của người dân dường như còn bi thảm hơn khi xem xét thực tế này; vì mặc dù có bản chất tâm linh và được bao quanh bởi những sinh vật thân thiện vốn có thể giúp đỡ họ rất nhiều, nhưng họ bị ngăn cản bởi sự mê tín và thiếu hiểu biết trong việc thu được bất kỳ lợi ích nào. Thật vậy, khả năng đáp ứng của họ là một nguồn gây hại, vì nó dẫn họ sâu hơn vào sự mê tín và các nghi lễ đổ máu.

The Theosophist, Tập. 58, Pt. 1, 1937, tr. 539

152

The Fourteenth Dalai Lama—*Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ Mười Bốn*

As A Reincarnated Lha (Adept)

Reading the Autobiography of His Holiness[72] the present (14th) Dalai Lama has brought out much which may be of interest to theosophists. I have made, therefore, some excerpts to share with you. These especially concern his discovery as the reincarnation of the over-shadowing Spirit of successive Holders of the Office.

The Principle Involved

For the protection of humanity and the guidance of the Tibetan people, a system assuring the continued physical presence amongst them of an Adept was long ago arranged. Physically reincarnating Adepts are drawn from the *Nirmanakayas,* concerning Whom we read in *The Voice of the Silence* that the three *Buddhic* bodies or forms of Those Who have attained Adeptship are styled *Nirmanakaya, Sambhogakaya* and *Dharmakava.*

Là Một Lha (Chân sư) Tái Sinh

Việc đọc cuốn tự truyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đương nhiệm đã mang lại nhiều điều có thể gây hứng thú cho các nhà thông thiên học. Vì vậy, tôi đã trích một vài đoạn để chia sẻ với quý vị. Những điều này đặc biệt liên quan đến việc Ngài được phát hiện là hóa thân của Đấng Tinh thần phủ bóng của những Người Kế Nhiệm Chức Vụ.

Nguyên Tắc Liên Quan

Để bảo vệ nhân loại và hướng dẫn người dân Tây Tạng, một hệ thống đảm bảo sự hiện diện liên tục về thể xác của một Chân sư giữa họ đã được sắp xếp từ lâu. Các Chân sư tái sinh về thể xác được rút ra từ *Nirmanakayas*, về Các Ngài chúng ta đọc trong Tiếng Nói của Im Lặng rằng ba thể Bồ đề hoặc hình tướng của Những Vị đã đạt được Địa vị Chân sư được gọi là *Nirmanakaya, Sambhogakaya và Dharmakava.*

[72] *My Land and My People* by His Holiness the Dalai Lama. Aria Publishing House, Madras.

The first of these, the *Nirmanakaya,* is that form which an Adept assumes when leaving His physical body, then appearing in His Astral Body and possessing in addition all the knowledge of an Adept. He develops this body in Himself as He proceeds on the Path and, having reached the goal and refused its fruition, He remains on earth as an Adept. When He dies, instead of going into *Nirvana,* He remains in the subtle body He has woven for Himself, invisible to uninitiated mankind, to watch over and protect it. This is the *Nirmanakaya* body of the Adept Who renounces *Nirvana.*

Nirmanakaya đầu tiên là hình tướng mà một Chân sư đảm nhận khi rời khỏi thể xác của Ngài, sau đó xuất hiện trong Thể Cảm dục của Ngài và sở hữu thêm tất cả tri thức của một Chân sư. Ngài phát triển thể này trong Bản thân khi Ngài tiến bước trên Thánh Đạo và, sau khi đạt đến mục tiêu và từ chối sự thành tựu của nó, Ngài vẫn ở lại trên trái đất với tư cách là một Chân sư. Khi Ngài qua đời, thay vì đi vào Niết Bàn, Ngài vẫn ở trong thể vi tế mà Ngài đã dệt cho Bản thân, vô hình đối với nhân loại chưa được điểm đạo, để theo dõi và bảo vệ nó. Đây là thể Nirmanakaya của Chân sư vốn từ bỏ Niết Bàn.

Sambhogakaya is the same, but with additional lustre of three perfections, one of which is entire obliteration of all earthly concerns. The *Dharmakaya* body is that of a complete Buddha, actually no true body at all, but 'an ideal breath'. Consciousness is merged in the universal consciousness, which is devoid of every attribute. Once a *Dharmakaya,* an Adept leaves behind every possible relation with, or thought for, this Earth.

Sambhogakaya thì tương tự, nhưng có thêm ánh hào quang của ba sự hoàn hảo, một trong số đó là sự xóa bỏ hoàn toàn mọi mối quan tâm trần thế. Thể Dharmakaya là thể của một vị Phật hoàn chỉnh, thực sự không phải là một thể xác thực sự nào cả, mà là 'một hơi thở lý tưởng'. Tâm thức được hợp nhất vào tâm thức vũ trụ, vốn không có bất kỳ thuộc tính nào. Một khi đã là một Dharmakaya, một Chân sư sẽ bỏ lại mọi mối liên hệ có thể có với, hoặc suy nghĩ cho, Trái Đất này.

Thus, to be enabled to help humanity, an Adept who has won the right to Nirvana, 'renounces the *Dharmakaya* body' keeping, of the *Sambhogakaya,* only the complete Adeptic knowledge and remaining in His *Nirmanakaya* vesture. Gautama Buddha, with several of His *Arhats,* is such a *Nirmanakaya,* higher than Whom, *The Voice of the Silence* says on account of His great renunciation and sacrifice for mankind, there is none known. The Masters of Whom we have knowledge are all to be regarded as *Nirmanakayas,* having renounced Nirvana for the sake of mankind. A Dalai Lama, as an incarnation of a *Nirmanakaya,* has ruled Tibet for the last 300 years as both religious and secular leader.

Do đó, để có thể giúp đỡ nhân loại, một Chân sư đã giành được quyền vào Niết Bàn, 'từ bỏ thể Dharmakaya' giữ lại, của Sambhogakaya, chỉ tri thức Chân sư hoàn chỉnh và ở lại trong y phục Nirmanakaya của Ngài. Đức Phật Gautama, với một số vị A la hán của Ngài, là một Nirmanakaya như vậy, cao hơn Các Ngài, Tiếng Nói của Im Lặng nói vì sự từ bỏ và hy sinh lớn lao của Ngài cho nhân loại, không ai được biết đến. Các Chân sư mà chúng ta có kiến thức đều được coi là Nirmanakayas, đã từ bỏ Niết Bàn vì lợi ích của nhân loại. Một Đạt Lai Lạt Ma, với tư cách là một hóa thân của một Nirmanakaya, đã cai trị Tây Tạng trong 300 năm qua với tư cách là nhà lãnh đạo tôn giáo và thế tục.

Tibet is chosen, I think, because in the seclusion provided by both its geographical position and the habit of self-isolation formed by its people, the occult life could be lived by a large number of Egos through many centuries. An interesting example of this is given by H.P.B. [Helena P. Blavatsky] who writes that there is a grand Monastery at Toling where the head lamas have great occult powers. Only chelas of the first degree are there. Master K.H. [Kuthumi] was there when He first wrote to A. P. Sinnett. From this one may infer then that the physical presence of Adepts Who acted directly and through Initiated Lamas, enabled monks and nuns fully to live the occult life under Adept direction.

Tôi nghĩ, Tây Tạng được chọn, bởi vì trong sự ẩn dật do cả vị trí địa lý và thói quen tự cô lập do người dân tạo ra, cuộc sống huyền bí có thể được sống bởi một số lượng lớn các chân ngã qua nhiều thế kỷ. Một ví dụ thú vị về điều này được đưa ra bởi Bà HPB [Helena P. Blavatsky], Bà viết rằng có một tu viện lớn ở Toling, nơi các Lạt ma đứng đầu có quyền năng huyền bí lớn. Chỉ có đệ tử bậc nhất ở đó. Chân sư KH [Kuthumi] đã ở đó khi Ông lần đầu viết thư cho A. P. Sinnett. Từ điều này, người ta có thể suy ra rằng sự hiện diện về thể xác của các Chân sư vốn hành động trực tiếp và thông qua các Lạt ma được Điểm Đạo, đã cho phép các nhà sư và ni cô sống trọn vẹn cuộc sống huyền bí dưới sự chỉ đạo của Chân sư.

Writes the Dalai Lama: 'Perhaps the best-known quality of Tibet in the recent past was its deliberate isolation. In the world outside,

Đức Đạt Lai Lạt Ma viết: 'Có lẽ phẩm chất nổi tiếng nhất của Tây Tạng trong quá khứ gần đây là sự cô lập có chủ ý của nó. Ở thế giới bên ngoài,

Lhasa was often called 'the Forbidden City'. There were two reasons for this withdrawal from the world. The first, of course, was that the country is naturally isolated. From the borders of India or Nepal to Lhasa, until the last decade, was a journey of two months across high Himalayan passes which were blocked for a large part of the year. From my birthplace in the borderland between Tibet and China the journey to Lhasa was even longer, as I have already told; and that borderland itself was over a thousand miles from the sea coast and ports of China.

Lhasa thường được gọi là 'Thành phố Cấm'. Có hai lý do cho việc rút lui khỏi thế giới này. Tất nhiên, điều đầu tiên là đất nước này vốn bị cô lập một cách tự nhiên. Từ biên giới Ấn Độ hoặc Nepal đến Lhasa, cho đến thập kỷ cuối cùng, là một cuộc hành trình kéo dài hai tháng qua những con đèo cao ở dãy Hy Mã Lạp Sơn, vốn bị chặn trong phần lớn thời gian của năm. Từ nơi sinh của tôi ở vùng biên giới giữa Tây Tạng và Trung Quốc, cuộc hành trình đến Lhasa thậm chí còn dài hơn, như tôi đã nói; và chính vùng biên giới đó cách bờ biển và các cảng của Trung Quốc hơn một nghìn dặm.

'Isolation was therefore in our blood. We increased our natural isolation by allowing the fewest possible foreigners into our country, simply because we had experience of strife, especially in China, and had no ambition whatever except to live in peace and pursue our own culture and religion; and we thought that to hold ourselves entirely aloof

'Do đó, sự cô lập đã ăn sâu vào máu của chúng tôi. Chúng tôi đã tăng cường sự cô lập tự nhiên của mình bằng cách cho phép ít người nước ngoài nhất có thể vào đất nước của chúng tôi, đơn giản vì chúng tôi đã có kinh nghiệm về xung đột, đặc biệt là ở Trung Quốc, và không có tham vọng nào ngoài việc sống trong hòa bình và theo đuổi nền văn hóa và tôn giáo của

from the world was the best way of ensuring peace. I must say at once that I think this policy was always a mistake, and my hope and intention is that in the future the gates of Tibet will be kept wide open, and we shall welcome visitors from every part of the world'.

riêng mình; và chúng tôi nghĩ rằng việc hoàn toàn tách mình khỏi thế giới là cách tốt nhất để đảm bảo hòa bình. Tôi phải nói ngay rằng tôi nghĩ chính sách này luôn là một sai lầm, và hy vọng và ý định của tôi là trong tương lai, cổng của Tây Tạng sẽ luôn rộng mở, và chúng tôi sẽ chào đón du khách từ mọi nơi trên thế giới'.

The preceding Dalai Lama, the 13th, was evidently an outstanding individual. He was called Thubten Gyatso, died in 1933, and was said to have returned as the present Dalai Lama in 1935 who, concerning his birth and discovery,

Đức Đạt Lai Lạt Ma tiền nhiệm, thứ 13, rõ ràng là một cá nhân xuất chúng. Ngài được gọi là Thubten Gyatso, qua đời năm 1933, và được cho là đã trở lại với tư cách là Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tại vào năm 1935, người liên quan đến sự ra đời và khám phá của Ngài,

'I was born in a small village called Taktser, in the north-east of Tibet, on the fifth day of the fifth month of the Wood Hog year of the Tibetan calendar that is, in 1935. Taktser is in the district called Dokham, and that name is descriptive; for DO means the lower part of a valley where it merges into the plains, and KHAM is the eastern part of Tibet where the distinctive race of Tibetans called Champ lives. Thus Dokham is the part of Tibet where our mountains begin to descend to the plains of the east, towards China. Taktser itself is about nine thousand feet above the sea.

'Tôi sinh ra ở một ngôi làng nhỏ tên là Taktser, ở phía đông bắc của Tây Tạng, vào ngày năm tháng năm của năm Mộc Hợi theo lịch Tây Tạng, tức là năm 1935. Taktser thuộc khu vực có tên là Dokham, và cái tên đó mang tính mô tả; vì DO có nghĩa là phần dưới của một thung lũng nơi nó hợp nhất vào đồng bằng, và KHAM là phần phía đông của Tây Tạng, nơi sinh sống của chủng tộc đặc biệt của người Tây Tạng gọi là Champ. Như vậy, Dokham là phần của Tây Tạng, nơi những ngọn núi của chúng ta bắt đầu xuống đồng bằng phía đông, về phía Trung Quốc. Bản thân Taktser cao khoảng chín nghìn feet so với mực nước biển.

'It was beautiful country. Our village lay on a little plateau, and it was almost encircled by fertile fields of wheat and barley; and the plateau in turn was surrounded by ranges of hills which were covered by grass, thick and vividly green.

'Đó là một vùng đất tươi đẹp. Làng của chúng tôi nằm trên một cao nguyên nhỏ, và nó gần như được bao quanh bởi những cánh đồng lúa mì và lúa mạch màu mỡ; và đến lượt cao nguyên được bao quanh bởi những dãy đồi được bao phủ bởi cỏ, dày và xanh tươi.

'With the passing of the thirteenth Dalai Lama, the search began at once for his reincarnation, for each Dalai Lama is a reincarnation of his predecessor. The first, who was born in the year 1391 of the Christian era, was an incarnation of Chenresi, the

'Với sự ra đi của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba, cuộc tìm kiếm hóa thân của Ngài bắt đầu ngay lập tức, vì mỗi Đạt Lai Lạt Ma là một hóa thân của người tiền nhiệm của mình. Vị đầu tiên, sinh năm 1391 sau Công nguyên, là một hóa thân của Chenresi, Đức Phật của Lòng Từ

Buddha of Mercy, who made a vow to protect all living beings.

Bi, người đã thề bảo vệ tất cả chúng sinh.

'First, a Regent had to be appointed by the National Assembly to govern the country until the reincarnation could be found and grow to maturity. Then, in accordance with time-honoured customs and traditions, the state oracles and learned lamas were consulted, as a first step towards finding out where the Reincarnation had appeared. Curious cloud formations were seen in the Northeast from Lhasa. It was recalled that after the Dalai Lama died, his body was placed seated on a throne in the Norbulingka, his summer residence in Lhasa, facing towards the south; but after a few days it was seen that the face had turned towards the east... and on a wooden pillar on the north-eastern side of the shrine where the body sat, a great star-shaped fungus suddenly appeared. All this and other evidence indicated the direction where the new Dalai Lama should be sought.

'Đầu tiên, một Nhiếp chính phải được Quốc hội bổ nhiệm để cai trị đất nước cho đến khi tìm thấy hóa thân và trưởng thành. Sau đó, theo các phong tục và truyền thống lâu đời, các nhà tiên tri của nhà nước và các Lạt ma uyên bác đã được tham khảo ý kiến, như một bước đầu tiên để tìm ra nơi Hóa Thân đã xuất hiện. Những đám mây kỳ lạ đã được nhìn thấy ở phía Đông Bắc từ Lhasa. Người ta nhớ lại rằng sau khi Đức Đạt Lai Lạt Ma qua đời, thi thể của Ngài được đặt ngồi trên ngai vàng ở Norbulingka, dinh thự mùa hè của Ngài ở Lhasa, hướng về phía nam; nhưng sau vài ngày, người ta thấy rằng khuôn mặt đã quay về phía đông... và trên một cây cột gỗ ở phía đông bắc của ngôi đền nơi thi thể ngồi, một loại nấm hình ngôi sao lớn đột nhiên xuất hiện. Tất cả những điều này và những bằng chứng khác chỉ ra phương hướng mà Đức Đạt Lai Lạt Ma mới nên được tìm kiếm.

'Next, in 1935, the Tibetan Wood Hog year, the Regent went to the sacred lake of Lhamoi Latso at Chokhorgyal, about ninety miles south-east of Lhasa. The people of Tibet believe that visions of the future can be seen in the waters of this lake. There are many such holy lakes in Tibet, but Lhamoi Latso is the most celebrated of them all. Sometimes the visions are said to appear in the form of letters, and sometimes as pictures of places and future events. Several days were spent in prayers and meditation; and then the Regent saw the vision of three Tibetan letters, Ah, Ka and Ma, followed by a picture of a monastery with roofs of jade-green and gold and a house with turquoise tiles. A detailed description of these visions was written down and kept a strict secret.

'Tiếp theo, vào năm 1935, năm Mộc Hợi của Tây Tạng, Nhiếp chính đã đến hồ thiêng Lhamoi Latso ở Chokhorgyal, cách Lhasa khoảng chín mươi dặm về phía đông nam. Người dân Tây Tạng tin rằng những linh ảnh về tương lai có thể được nhìn thấy trong vùng nước của hồ này. Có rất nhiều hồ thiêng như vậy ở Tây Tạng, nhưng Lhamoi Latso là nổi tiếng nhất trong số đó. Đôi khi những linh ảnh được cho là xuất hiện dưới dạng chữ cái, và đôi khi là hình ảnh về địa điểm và các sự kiện tương lai. Vài ngày đã được dành cho việc cầu nguyện và tham thiền; và sau đó Nhiếp chính đã nhìn thấy linh ảnh về ba chữ cái Tây Tạng, Ah, Ka và Ma, tiếp theo là hình ảnh một tu viện với mái nhà bằng ngọc bích xanh lục và vàng và một ngôi nhà có gạch ngọc lam. Một mô tả chi tiết về những linh ảnh này đã được viết ra và giữ bí mật tuyệt đối.

‘In the following year, high lamas and dignitaries, carrying the secrets of the visions, were sent out to all parts of Tibet to search for the place which the Regent had seen in the waters.

‘Trong năm sau, các Lạt ma cấp cao và các chức sắc, mang theo những bí mật của linh ảnh, đã được cử đến tất cả các vùng của Tây Tạng để tìm kiếm địa điểm mà Nhiếp chính đã nhìn thấy trong vùng nước.

‘The wise men who went to the east arrived in our region of Dokham during the winter; and they observed the green and golden roofs of the monastery of Kumbum. In the village of Taktser, they noticed at once a house with turquoise tiles. Their leader asked if the family living in the house had any children, and was told that they had a boy who was nearly two years old.

‘Các nhà hiền triết đến vùng Dokham của chúng tôi ở phía đông trong mùa đông; và họ đã quan sát thấy mái nhà màu xanh lục và vàng của tu viện Kumbum. Ở làng Taktser, họ ngay lập tức nhận thấy một ngôi nhà có gạch ngọc lam. Người lãnh đạo của họ hỏi liệu gia đình sống trong ngôi nhà có con cái không, và được cho biết rằng họ có một cậu bé gần hai tuổi.

‘On hearing the significant news, two members of the party went to the house in disguise, together with a servant and two local monastic officials who were acting as their guides. A junior monastic official of the main party, whose name was Losang Tsewang, pretended to be the leader, while the real leader, Lama Kewtsang Rinpoche of Sera Monastery, was dressed in poor clothes and acted as a servant. At the gate of the house the strangers were met by my parents, who invited Losang into the house, believing him to be the master, while the Lama and the others were received in the servants’ quarters. There they found the baby of the family; and the moment the little boy saw the lama he went to him and wanted to sit on his lap. The lama was disguised in a cloak which was lined with lambskin; but round his neck he was wearing a rosary which had belonged to the thirteenth Dalai Lama. The little boy seemed to recognise the rosary, and he asked to be given it.

‘Khi nghe tin quan trọng, hai thành viên của nhóm đã cải trang đến ngôi nhà, cùng với một người hầu và hai quan chức tu viện địa phương, những người đang đóng vai trò là người hướng dẫn của họ. Một quan chức tu viện cấp dưới của nhóm chính, tên là Losang Tsewang, giả vờ là người lãnh đạo, trong khi người lãnh đạo thực sự, Lạt ma Kewtsang Rinpoche của Tu viện Sera, mặc quần áo nghèo nàn và đóng vai người hầu. Tại cổng nhà, những người lạ được cha mẹ tôi tiếp đón, họ mời Losang vào nhà, tin rằng anh ta là chủ nhân, trong khi Lạt ma và những người khác được tiếp đón trong khu nhà của người hầu. Ở đó, họ tìm thấy đứa bé của gia đình; và ngay khi cậu bé nhìn thấy Lạt ma, cậu đã đến chỗ ông và muốn ngồi vào lòng ông. Lạt ma mặc một chiếc áo choàng lót bằng da cừu; nhưng quanh cổ ông đeo một chuỗi tràng hạt vốn thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba. Cậu bé dường như nhận ra chuỗi tràng hạt, và cậu bé đã yêu cầu được trao cho nó.

‘The lama promised to give it to him if he could guess who he was and the boy replied that he was “Sera-aga”, which meant in the local dialect a lama of Sera. The lama asked who the

‘Lạt ma hứa sẽ đưa nó cho cậu nếu cậu có thể đoán được ông là ai và cậu bé trả lời rằng ông là “Sera-aga”, có nghĩa là trong phương ngữ địa phương là một Lạt ma của Sera. Lạt ma hỏi ai

master was, and the boy gave the name of Losang. He also knew the name of the real servant, which was Amdo Kasang.

'The lama spent the whole day in watching the little boy with increasing interest, until it was time for the boy to be put to bed. All the party stayed in the house for the night; and early next morning, when they were making ready to leave, the boy got out of his bed and insisted that he wanted to go with them. I was that boy'.

Tests Concerning Reincarnation of Lamas

The Dalai Lama continues: 'It is common for small children who are reincarnations to remember objects and people from their previous lives. Some can also recite the scriptures although they have not yet been taught them. All I had said to the lama had suggested to him that he might at last have discovered the reincarnation he was seeking. The whole party had come to make further tests. They brought with them two identical black rosaries, one of which had belonged to the thirteenth Dalai Lama. When they offered them both to me, I took the one which was his and—so I am told—put it round my own neck. The same test was made with two yellow rosaries. Next, they offered me two drums, a very small drum which the Dalai Lama had used for calling attendants, and a larger and much more ornate and attractive drum with golden straps. I chose the little drum, and began to beat it in the way that drums are beaten during prayers. Last they presented two walking sticks. I touched the false walking stick, and then paused and looked at it for some time; and then I took the other, which had belonged to the Dalai Lama, and held it in my hand. And later, when they wondered at my hesitation, they found that

là chủ nhân, và cậu bé đã nói tên của Losang. Cậu cũng biết tên của người hầu thực sự, là Amdo Kasang.

'Lạt ma đã dành cả ngày để quan sát cậu bé với sự quan tâm ngày càng tăng, cho đến khi đến giờ cậu bé đi ngủ. Tất cả các thành viên trong nhóm đều ở lại trong nhà qua đêm; và sáng sớm hôm sau, khi họ chuẩn bị rời đi, cậu bé đã ra khỏi giường và khăng khăng đòi đi cùng họ. Tôi là cậu bé đó'.

Các Bài Kiểm Tra Liên Quan Đến Sự Tái Sinh Của Các Lạt Ma

Đức Đạt Lai Lạt Ma tiếp tục: 'Việc những đứa trẻ nhỏ là hóa thân nhớ lại đồ vật và con người từ kiếp trước của chúng là điều phổ biến. Một số cũng có thể đọc thuộc lòng kinh sách mặc dù chúng chưa được dạy. Tất cả những gì tôi đã nói với Lạt ma đã gợi ý cho ông rằng cuối cùng ông có thể đã khám phá ra hóa thân mà ông đang tìm kiếm. Toàn bộ nhóm đã đến để thực hiện các bài kiểm tra thêm. Họ mang theo hai chuỗi tràng hạt đen giống hệt nhau, một trong số đó thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba. Khi họ đưa cả hai cho tôi, tôi đã lấy cái của Ngài và—theo như tôi được biết—đeo nó quanh cổ mình. Bài kiểm tra tương tự đã được thực hiện với hai chuỗi tràng hạt màu vàng. Tiếp theo, họ đưa cho tôi hai cái trống, một cái trống rất nhỏ mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã dùng để gọi người phục vụ, và một cái trống lớn hơn và trang trí công phu và hấp dẫn hơn nhiều với dây đeo bằng vàng. Tôi đã chọn chiếc trống nhỏ, và bắt đầu đánh nó theo cách mà trống được đánh trong khi cầu nguyện. Cuối cùng họ đưa ra hai cây gậy đi bộ. Tôi chạm vào cây gậy đi bộ giả, rồi dừng lại và nhìn nó một lúc; và sau đó tôi lấy cái kia, vốn thuộc về Đức Đạt Lai Lạt Ma, và cầm nó trên tay. Và sau đó, khi họ ngạc nhiên trước sự do dự của tôi, họ phát hiện ra rằng cây gậy đi bộ đầu tiên cũng

the first walking-stick had also been used at one time by the Dalai Lama, and that he had given it to a lama who in turn had given it to Kewtsang Rinpoche.

đã từng được Đức Đạt Lai Lạt Ma sử dụng, và Ngài đã tặng nó cho một Lạt ma, người đến lượt mình đã tặng nó cho Kewtsang Rinpoche.

'By all these facts, the search party was fully convinced that the reincarnation was discovered. They reported all the details to Lhasa by telegram. There was only one telegraph line in Tibet, from Lhasa to India, and so the message had to be sent in code from Sining through China and India; and by the same route an order came back to take me at once to the Holy City'.

'Bằng tất cả những sự kiện này, nhóm tìm kiếm đã hoàn toàn tin rằng hóa thân đã được khám phá. Họ đã báo cáo tất cả các chi tiết cho Lhasa bằng điện báo. Chỉ có một đường dây điện báo ở Tây Tạng, từ Lhasa đến Ấn Độ, và vì vậy thông điệp phải được gửi bằng mã từ Sining qua Trung Quốc và Ấn Độ; và theo cùng một tuyến đường, một lệnh đã được gửi lại để đưa tôi ngay lập tức đến Thành phố Thánh'.

There then followed the long journey of over 1000 miles to Lhasa and ceremonial enthronement on the Lion's Throne, and the Dalai Lama writes further: 'Thus, when I was four and a half years old, I was formerly recognised as the fourteenth Dalai Lama, the spiritual and temporal ruler of Tibet. To all Tibetans, the future seemed happy and secure'.

Sau đó là cuộc hành trình dài hơn 1000 dặm đến Lhasa và lễ đăng quang trên Ngai Sư Tử, và Đức Đạt Lai Lạt Ma viết thêm: 'Như vậy, khi tôi bốn tuổi rưỡi, tôi đã chính thức được công nhận là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười bốn, nhà cai trị tinh thần và thế tục của Tây Tạng. Đối với tất cả người dân Tây Tạng, tương lai dường như hạnh phúc và an toàn'.

The Character of The Dalai Lama

Tính Cách Của Đức Đạt Lai Lạt Ma

This seeming security was not to endure as later history tells, but the nature of the Dalai Lama is revealed in his book where he writes:

Sự an toàn có vẻ như vậy đã không kéo dài như lịch sử sau này kể lại, nhưng bản chất của Đức Đạt Lai Lạt Ma được tiết lộ trong cuốn sách của Ngài, nơi Ngài viết:

'My visit to Budh Gaya was a source of deep inspiration for me. Every devout Buddhist will always associate Budh Gaya with all that is noblest and loftiest in his religious and cultural inheritance. From my very early youth, I had thought and dreamed about this visit; and now I stood in the presence of the Holy Spirit who had attained *Mahaparanin'ana,* the highest Nirvana, in this sacred place, and had found for all mankind the path to salvation. As I stood there, a feeling of religious fervour filled my heart, and left me bewildered with the knowledge and

'Chuyến thăm của tôi đến Budh Gaya là một nguồn cảm hứng sâu sắc đối với tôi. Mọi Phật tử sùng đạo sẽ luôn liên kết Budh Gaya với tất cả những gì cao quý và cao thượng nhất trong di sản tôn giáo và văn hóa của mình. Từ khi còn rất trẻ, tôi đã suy nghĩ và mơ ước về chuyến thăm này; và giờ đây tôi đang đứng trước sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, Đấng đã đạt được Mahaparanin'ana, Niết Bàn cao nhất, ở nơi linh thiêng này, và đã tìm thấy cho tất cả nhân loại con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Khi tôi đứng đó, một cảm giác nhiệt thành tôn giáo tràn ngập trái tim tôi, và khiến tôi

impact of the divine power which is in all of us'.

bàng hoàng trước tri thức và tác động của quyền năng thiêng liêng vốn có trong tất cả chúng ta'.

I had the great privilege of meeting the Dalai Lama and hearing him speak when he visited Adyar some years ago. I was much impressed by the apparent absence of bitterness or other psychological stress despite his own tragedy and that of his people. He smiled upon and showed deep interest in those who were presented to him, and one received an impression of spiritual power as he addressed the large gathering and afterwards intoned an invocation to bring blessing upon the gathering. His presence in India, where some two thousand five hundred years ago Buddhism was founded, may be of special significance to that country and the world. The central teachings of the Lord Buddha may receive renewed attention and I may perhaps close by repeating the Four Noble Truths which are: Sorrow or suffering exists, the cause of sorrow which is craving, the ceasing of sorrow and the way which leads to the escape from sorrow, the noble eightfold Path, Right Views, Right Intention, Right Speech, Right Action, Right Livelihood, Right Endeavour, Right Mindfulness and Right Meditation or Right Rapture.

Tôi đã có vinh dự lớn được gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma và nghe Ngài thuyết giảng khi Ngài đến thăm Adyar vài năm trước. Tôi rất ấn tượng trước sự vắng bóng rõ rệt của cay đắng hoặc căng thẳng tâm lý khác mặc dù bi kịch của riêng Ngài và của dân tộc Ngài. Ngài mỉm cười và thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến những người được giới thiệu với Ngài, và người ta nhận được ấn tượng về sức mạnh tinh thần khi Ngài ngỏ lời với đám đông lớn và sau đó xướng một lời khẩn nguyện để mang lại phước lành cho buổi tụ họp. Sự hiện diện của Ngài ở Ấn Độ, nơi Phật giáo được thành lập cách đây khoảng hai nghìn năm trăm năm, có thể có ý nghĩa đặc biệt đối với đất nước đó và thế giới. Những lời dạy cốt lõi của Đức Phật có thể nhận được sự chú ý mới và tôi có lẽ có thể kết thúc bằng cách lặp lại Tứ Diệu Đế, đó là: Khổ đau tồn tại, nguyên nhân của khổ đau là sự khao khát, sự chấm dứt khổ đau và con đường dẫn đến sự thoát khỏi khổ đau, Bát Chánh Đạo cao quý, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định hay Chánh Hỷ Lạc.

Theosophy in New Zealand, Vol. 26, No. 3, 1965, p. 55

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 26, Số 3, 1965, tr. 55

153

Relics of Atlantean Occultism [1]—*Di Tích Huyền Bí Học Atlantis [1]*

The Inner Side of American Indian Life

Khía Cạnh Nội Tại của Đời Sống Người Da Đỏ Châu Mỹ

The American Indian is ever an intriguing figure by reason of his tragic history, his silence, his impassive features, his noble

Người da đỏ châu Mỹ luôn là một nhân vật hấp dẫn bởi lịch sử bi thảm, sự im lặng, những đường nét vô cảm, phong thái cao quý, văn

bearing, his rich folklore, his attractive national dress, his arts and crafts, and the suggestion which even in dire poverty he gives of innate nobility and ancient lineage from a splendid past. His mode of life, still largely pastoral and communal, is in marked contrast to that of the white race which surrounds him, so that to enter an Indian village, especially one to which the tourist seldom goes, is to enter another world. Despite the poverty into which the race has fallen—from causes which we white Aryans must all admit are a dark blot upon our history—a measure of the dignity, peace and beauty of life is still preserved. During his stay in the United States of America the present writer was able, through the kind agency of friends whom the Indians had learned to trust, to observe the inner side of certain phases of their life, to the following effect.

hóa dân gian phong phú, trang phục dân tộc hấp dẫn, nghệ thuật và thủ công của Ông, và gợi ý mà ngay cả trong nghèo đói cùng cực, Ông vẫn mang đến sự cao quý bẩm sinh và dòng dõi cổ xưa từ một quá khứ huy hoàng. Lối sống của Ông, phần lớn vẫn mang tính du mục và cộng đồng, trái ngược hẳn với lối sống của chủng tộc da trắng bao quanh Ông, đến nỗi bước vào một ngôi làng của người da đỏ, đặc biệt là một ngôi làng mà khách du lịch hiếm khi lui tới, là bước vào một thế giới khác. Bất chấp sự nghèo đói mà chủng tộc này đã rơi vào—từ những nguyên nhân mà tất cả chúng ta, người Arya da trắng phải thừa nhận là một vết nhơ đen tối trong lịch sử của chúng ta—một mức độ phẩm giá, hòa bình và vẻ đẹp của cuộc sống vẫn được bảo tồn. Trong thời gian ở Hoa Kỳ, tác giả hiện tại đã có thể, thông qua sự giúp đỡ tử tế của những người bạn mà người da đỏ đã học được cách tin tưởng, để quan sát khía cạnh bên trong của một số giai đoạn trong cuộc sống của Họ, với hiệu quả như sau.

My first real contact was far out in Arizona, away from civilization, when in the distance we saw a group of Indian horsemen riding across the desert. As our routes converged, I left my car and walked some distance towards the mounted men. Courteously they turned in our direction until the two parties met. The Indians remained mounted, responded courteously to signs of greeting, yet were distant, impassive as is their way. We petted their horses, which were very shy, and after a few minutes of silent communion, which was strangely satisfying, the Indians rode off to their distant desert homes.

Lần tiếp xúc thực sự đầu tiên của tôi là ở tận Arizona, cách xa nền văn minh, khi ở đằng xa, chúng tôi thấy một nhóm kỵ binh da đỏ cưỡi ngựa băng qua sa mạc. Khi các tuyến đường của chúng tôi hội tụ, tôi rời khỏi xe và đi bộ một đoạn về phía những người đàn ông cưỡi ngựa. Lịch sự, Họ quay về hướng chúng tôi cho đến khi hai bên gặp nhau. Những người da đỏ vẫn ngồi trên lưng ngựa, lịch sự đáp lại những dấu hiệu chào hỏi, nhưng vẫn xa cách, vô cảm như cách Họ vẫn làm. Chúng tôi vuốt ve những con ngựa của Họ, chúng rất nhút nhát, và sau vài phút giao cảm im lặng, điều này thật thỏa mãn một cách kỳ lạ, những người da đỏ cưỡi ngựa về những ngôi nhà sa mạc xa xôi của Họ.

This meeting produced a marked impression on myself. I felt as if I had been transported back to old Atlantis and had met a group of Atlantean gentlemen out for a morning ride—

Cuộc gặp gỡ này đã tạo ra một ấn tượng rõ rệt đối với bản thân tôi. Tôi cảm thấy như mình đã được đưa trở lại Atlantis cổ đại và đã gặp một nhóm quý ông Atlantis đi dạo buổi sáng—

as of course was indeed the case, because the majority of the red men of America are relics of the once mighty Toltecs, the third sub-race men of the Atlantean root stock.

tất nhiên, đúng là như vậy, bởi vì phần lớn những người da đỏ ở Châu Mỹ là di tích của những người Toltec hùng mạnh một thời, những người thuộc giống dân phụ thứ ba của chủng dân gốc Atlantis.

Further opportunities of meeting Indians were provided during a month's lecturing in the ancient city of Santa Fe in New Mexico. This district is the centre of some of the oldest Indian culture in America, inasmuch as the Pueblo Indian peoples have lived from time immemorial in the valley of the Rio Grande from New Mexico down to the sea.

Nhiều cơ hội gặp gỡ người da đỏ hơn đã được cung cấp trong một tháng giảng bài ở thành phố cổ Santa Fe ở New Mexico. Quận này là trung tâm của một số nền văn hóa da đỏ lâu đời nhất ở Châu Mỹ, vì các dân tộc da đỏ Pueblo đã sống từ thời xa xưa trong thung lũng Rio Grande từ New Mexico xuống biển.

Here was enjoyed a memorable experience. One evening at a little Indian village at the foot of Black Mesa, on which the forbears of the present people defeated an attacking Spanish Army, the Cacique—Dalai and Teshu Lamas in one—gradually overcame the almost iron reserve of his type and told me something of his office, and the training demanded by tradition for its holders, his inner life, communion with the Gods, the meaning of certain dances, and lastly in a confidence which seemed almost complete, the story of Poseiyemo, the Saviour of the Pueblo Indian race.

Ở đây đã được tận hưởng một trải nghiệm đáng nhớ. Một buổi tối tại một ngôi làng nhỏ của người da đỏ dưới chân Black Mesa, nơi tổ tiên của những người hiện tại đã đánh bại một đội quân Tây Ban Nha tấn công, Cacique—Đạt Lai và Teshu Lạt Ma trong một—dần dần vượt qua sự dè dặt gần như sắt đá của kiểu người này và kể cho tôi nghe điều gì đó về chức vụ của Ông, và sự huấn luyện theo yêu cầu của truyền thống đối với những người nắm giữ nó, đời sống nội tâm của Ông, sự giao tiếp với Các Thượng đế, ý nghĩa của một số điệu nhảy và cuối cùng là trong một sự tự tin dường như gần như hoàn toàn, câu chuyện về Poseiyemo, Đấng Cứu Rỗi của chủng tộc da đỏ Pueblo.

The observations which follow are based upon these experiences noted at the time and are now presented as being within the range of both the second and third Objects of The Theosophical Society.

Những quan sát sau đây dựa trên những kinh nghiệm này được ghi lại vào thời điểm đó và hiện được trình bày là nằm trong phạm vi cả Mục tiêu thứ hai và thứ ba của Hội Thông Thiên Học.

The Happy Hunting Ground

Vùng Đất Săn Bắn Hạnh Phúc

After death, the Indian finds himself amongst very concrete reproductions of his physical life, but entirely free from the dominance of foreign races. All the pent-up longing for the old Indian life finds its full realisation in companionship with each other and the

Sau khi chết, người da đỏ thấy mình ở giữa những bản sao rất cụ thể về cuộc sống thể xác của Ông, nhưng hoàn toàn không bị sự thống trị của các chủng tộc ngoại bang. Tất cả những khao khát dồn nén về cuộc sống của người da đỏ xưa tìm thấy sự hiện thực hóa đầy đủ trong

guardianship of the Gods in the protected area of the happy hunting grounds—special regions of the Astral Plane.

sự đồng hành với nhau và sự bảo vệ của Các Thượng đế trong khu vực được bảo vệ của vùng đất săn bắn hạnh phúc—những vùng đặc biệt của Cõi Cảm Dục.

In many cases these racial Gods are *deva* guardians. Some of them were put in charge of the tribe in the remote ages of antiquity, and still with deep compassion watch over the dying remnants of their once powerful and happy people, A great racial God of the Pueblo Indians presides over the region some sixty miles north, south and west of the city of Santa Fe. This *deva,* I observed, shows far more the characteristics of the second than of the First Ray, being filled with a great love and compassion for the remnants of the once mighty race under its charge. Its appointment appears to date back to the City of the Golden Gate in Atlantis, whose High Priest placed it in charge of a colonising emigration. That was at least a million years ago, and since then it has presided over the destiny, first of a small colony, later of a mighty people, and now of but a few scattered villages, homes of the race in its decline.

Trong nhiều trường hợp, những Thiên Thần chủng tộc này là các thiên thần hộ mệnh. Một số Ngài đã được giao phụ trách bộ lạc trong thời cổ đại xa xôi, và vẫn với lòng trắc ẩn sâu sắc theo dõi những tàn tích đang tàn lụi của dân tộc hùng mạnh và hạnh phúc một thời của Họ. Một Thượng đế chủng tộc vĩ đại của người da đỏ Pueblo chủ trì khu vực cách thành phố Santa Fe khoảng sáu mươi dặm về phía bắc, nam và tây. Thiên thần này, tôi quan sát thấy, thể hiện nhiều đặc điểm của cung hai hơn là cung một, tràn đầy tình yêu thương và lòng trắc ẩn lớn lao đối với những tàn tích của chủng tộc hùng mạnh một thời dưới sự phụ trách của Ngài. Việc bổ nhiệm Ngài dường như có từ Thành Phố Cổng Vàng ở Atlantis, nơi Đại Tư Tế của thành phố đã giao Ngài phụ trách một cuộc di cư thuộc địa. Đó là ít nhất một triệu năm trước, và kể từ đó Ngài đã chủ trì vận mệnh, đầu tiên là một thuộc địa nhỏ, sau đó là một dân tộc hùng mạnh và bây giờ chỉ là một vài ngôi làng rải rác, quê hương của chủng tộc đang suy tàn.

Under this Indian *Deva* King are a number of subordinates, one for each Pueblo, who work chiefly through the Cacique, part of whose training consists in being linked consciously to them. Assistance during the processes of birth and death and at tribal ceremonials, the appointment and initiation of new Caciques and Chiefs, and particularly the care of the people after death, as well as the exertion of moral influence over the tribe, constitute the activities of such a God. In addition the God is supposed to be responsible for that essential to existence, the tribal water supply.

Dưới quyền Vua Deva da đỏ này là một số cấp dưới, một người cho mỗi Pueblo, những người chủ yếu làm việc thông qua Cacique, một phần trong quá trình huấn luyện của người này bao gồm việc được liên kết một cách có ý thức với Họ. Hỗ trợ trong quá trình sinh và tử và tại các nghi lễ của bộ lạc, việc bổ nhiệm và điểm đạo Cacique và Tộc trưởng mới, và đặc biệt là việc chăm sóc người dân sau khi chết, cũng như việc gây ảnh hưởng đạo đức lên bộ lạc, cấu thành các hoạt động của một Thiên thần như vậy. Ngoài ra, Thiên thần được cho là chịu trách nhiệm về điều cần thiết cho sự tồn tại, nguồn cung cấp nước của bộ lạc.

These Gods play an important part in the after-death conditions of the Indians, preserving and protecting the happy hunting grounds, which are regions of the Astral Plane set aside for discarnate Indians. In these regions are provided the ideal conditions which are now denied them on earth, and yet are important for their development. There many an old Chief and medicine man, and many hundreds of each of the different tribes, enjoy a return to the conditions of their people before the invasion of the white races.

Những Thiên thần này đóng một vai trò quan trọng trong các điều kiện sau khi chết của người da đỏ, bảo tồn và bảo vệ vùng đất săn bắn hạnh phúc, là những vùng của Cõi Cảm Dục được dành riêng cho những người da đỏ lìa xác. Trong những khu vực này, các điều kiện lý tưởng được cung cấp, những điều kiện hiện bị từ chối Họ trên trái đất, nhưng lại quan trọng cho sự phát triển của Họ. Ở đó, nhiều Tộc trưởng và thầy thuốc già, và hàng trăm người thuộc mỗi bộ lạc khác nhau, được tận hưởng sự trở lại các điều kiện của dân tộc Họ trước cuộc xâm lược của các chủng tộc da trắng.

During festivals, attempts are made by the *devas* and discamate Indians to convey some realisation of this happy condition to the people on earth. The various preparations, ablutions, fastings and meditations, and the dances which follow, have the effect of setting the subtle and physical bodies of the physical plane people vibrating at a wider sweep, and opening them up to some extent to the invisible world and to higher states of consciousness. Though this may not come through as actual experience, it is nevertheless felt as a change of consciousness, a feeling of exaltation, a sense of freedom from this world—especially from the limitations imposed by advancing civilisation.

Trong các lễ hội, các thiên thần và những người da đỏ lìa xác cố gắng truyền đạt một số nhận thức về tình trạng hạnh phúc này cho người dân trên trái đất. Các sự chuẩn bị, tẩy rửa, ăn chay và tham thiền khác nhau, và các điệu nhảy tiếp theo, có tác dụng thiết lập các thể vi tế và thể xác của những người ở cõi hồng trần rung động với một phạm vi rộng hơn, và mở ra cho Họ ở một mức độ nào đó với thế giới vô hình và các trạng thái tâm thức cao hơn. Mặc dù điều này có thể không đến như một kinh nghiệm thực tế, nhưng nó vẫn được cảm nhận như một sự thay đổi tâm thức, một cảm giác hưng phấn, một cảm giác tự do khỏi thế giới này—đặc biệt là khỏi những hạn chế do nền văn minh tiên tiến áp đặt.

In olden days far greater heights of exaltation were reached, for the tribes were led by occultists of greater knowledge and power than that of the modern Cacique, or priest.

Vào thời cổ đại, những đỉnh cao hưng phấn lớn hơn nhiều đã đạt được, vì các bộ lạc được dẫn dắt bởi các nhà huyền bí học có kiến thức và quyền năng lớn hơn so với Cacique, hay linh mục hiện đại.

During the month of July of each year, when many ceremonial dances are performed, the forces and rhythms of earth and fire seem to be more especially employed by these inner ceremonialists. In the case of one particular tribe—that dwelling at the San Domingo

Trong tháng Bảy hàng năm, khi nhiều điệu nhảy nghi lễ được thực hiện, các lực lượng và nhịp điệu của đất và lửa dường như được những nhà nghi lễ nội môn này sử dụng đặc biệt hơn. Trong trường hợp của một bộ lạc cụ thể—bộ lạc sống ở pueblo San Domingo—các

pueblo—Astral dances were already being performed, ceremonial fires lit, and earth force being evoked and concentrated into a reservoir, some eight days before the physical festival. This will be described later.

điệu nhảy Cảm Dục đã được thực hiện, các ngọn lửa nghi lễ được thắp lên và lực lượng đất được gợi lên và tập trung vào một hồ chứa, khoảng tám ngày trước lễ hội thể xác. Điều này sẽ được mô tả sau.

As previously suggested, some compensation for their physical tribulations is received by the Indians in the life after death, and in this too the racial and tribal deities play an important part. The whole atmosphere of the highly developed tribal cultural life is preserved in the happy hunting ground, and into it deceased Indians enter immediately after their death, except in cases where grave infringement of tribal and ethical laws produces a karmic exclusion.

Như đã gợi ý trước đây, một số sự bù đắp cho những khổ nạn thể xác của Họ được người da đỏ nhận được trong cuộc sống sau khi chết, và trong điều này, các vị thần chủng tộc và bộ lạc cũng đóng một vai trò quan trọng. Toàn bộ bầu không khí của đời sống văn hóa bộ lạc phát triển cao được bảo tồn trong vùng đất săn bắn hạnh phúc, và những người da đỏ đã chết đi vào đó ngay sau khi Họ chết, ngoại trừ những trường hợp vi phạm nghiêm trọng luật bộ lạc và đạo đức gây ra sự loại trừ nghiệp quả.

This strongly established happy hunting ground would seem, to an Aryan mind at any rate, to have certain disadvantages in that it both prolongs the Astral life and causes a powerful fixation of the consciousness and desires upon the past and purely Indian type of incarnation. This must to some extent render the Indians resistant to change and other evolutionary processes, and also delay the disintegration of the Astral and mental bodies and the return to Egoic consciousness. Indians seem to reap in part their *devachan* at the Astral level, combining it with normal Astral life which, under these conditions, is to them a paradise. Possibly *devachan* has no fixed plane of existence. It may be Astral for early types, mental for later, *buddhic* for advanced men, and so on; in which Cáse the happy hunting ground of the Atlantean Indian is naturally placed at the Astral level.

Vùng đất săn bắn hạnh phúc được thiết lập vững chắc này dường như, đối với một trí Arya, có một số bất lợi ở chỗ nó vừa kéo dài cuộc sống Cảm Dục vừa gây ra sự cố định mạnh mẽ của tâm thức và ham muốn vào quá khứ và kiểu nhập thể thuần túy của người da đỏ. Điều này ở một mức độ nào đó phải khiến người da đỏ chống lại sự thay đổi và các quá trình tiến hóa khác, và cũng trì hoãn sự tan rã của các thể Cảm Dục và thể trí và sự trở lại tâm thức chân ngã. Người da đỏ dường như gặt hái một phần devachan của Họ ở cấp độ Cảm Dục, kết hợp nó với cuộc sống Cảm Dục bình thường, trong những điều kiện này, là một thiên đường đối với Họ. Có thể devachan không có cõi tồn tại cố định. Nó có thể là Cảm Dục đối với các kiểu người ban đầu, trí tuệ đối với những người sau này, Bồ đề đối với những người tiến bộ, v.v.; trong trường hợp đó, vùng đất săn bắn hạnh phúc của người da đỏ Atlantis được đặt một cách tự nhiên ở cấp độ Cảm Dục.

Another apparent disadvantage—referred to above—would seem to be that the specifically Indian race vibration and consciousness

Một bất lợi rõ ràng khác—được đề cập ở trên—dường như là rung động và tâm thức chủng tộc đặc biệt của người da đỏ trở nên ăn sâu vào

becomes so¡ deeply established in the individual that his progress through other races, his tendency to change race in different incarnations, and his power to adapt himself to life in more advanced races would all be diminished. This is a matter which concerns the Father of the Atlantean race, the *Manu* Chakshusha, and doubtless He has His reasons for permitting the perpetuation of the system.

cá nhân đến mức sự tiến bộ của Ông qua các chủng tộc khác, xu hướng thay đổi chủng tộc của Ông trong các lần nhập thể khác nhau và khả năng thích nghi với cuộc sống trong các chủng tộc tiên tiến hơn sẽ bị giảm bớt. Đây là một vấn đề liên quan đến Cha của chủng tộc Atlantis, Manu Chakshusha, và chắc chắn Ngài có lý do cho phép duy trì hệ thống.

Evolution out of the Fourth Root Race would seem to be delayed rather than hastened by contact with white people. The treatment received at the hands of whites—unbelievably savage—has had the effect of making the Indians want to keep out of incarnation and fulfil their dreams in after-death life, since present physical conditions offer them little hope of a return to their ancient prosperity and happiness on earth.

Sự tiến hóa ra khỏi Chủng Dân Gốc Thứ Tư dường như bị trì hoãn hơn là được đẩy nhanh bởi sự tiếp xúc với người da trắng. Sự đối xử mà người da trắng nhận được—tàn bạo đến khó tin—đã có tác dụng khiến người da đỏ muốn tránh xa việc nhập thể và thực hiện những giấc mơ của Họ trong cuộc sống sau khi chết, vì các điều kiện thể xác hiện tại mang đến cho Họ ít hy vọng trở lại sự thịnh vượng và hạnh phúc cổ xưa của Họ trên trái đất.

Attempting to look into this problem, the author concluded that whilst this is in a measure true, certain types are being drafted off in small numbers to other races. Many of them seem to go into the Mongolian sub-race, possibly as an intermediate step towards western incarnations. The more advanced—especially those who have adapted themselves to the white people and have taken a liking to them—go straight into the white races, chiefly Americans and British Canadians. The change from ancient to modern, at present occurring very gradually, will doubtless be hastened as the improved treatment of Indians by the Canadian and American governments and peoples, of which happily at long last there are signs, lessens the resentment and mistrust with which the white races are regarded by the majority of American Indians.

Cố gắng xem xét vấn đề này, tác giả kết luận rằng mặc dù điều này ở một mức độ nào đó là đúng, nhưng một số kiểu người đang được chuyển đi với số lượng nhỏ sang các chủng tộc khác. Nhiều người trong số Họ dường như đi vào chủng dân phụ Mông Cổ, có thể là một bước trung gian hướng tới các lần nhập thể phương Tây. Những người tiến bộ hơn—đặc biệt là những người đã thích nghi với người da trắng và đã yêu thích Họ—đi thẳng vào các chủng tộc da trắng, chủ yếu là người Mỹ và người Canada gốc Anh. Sự thay đổi từ cổ xưa sang hiện đại, hiện đang diễn ra rất dần dần, chắc chắn sẽ được đẩy nhanh khi sự đối xử được cải thiện đối với người da đỏ bởi chính phủ và người dân Canada và Mỹ, mà may mắn thay, cuối cùng đã có những dấu hiệu, làm giảm bớt sự oán giận và ngờ vực mà phần lớn người da đỏ châu Mỹ coi các chủng tộc da trắng.

The Theosophist, Vol. 57, Part 2, 1936, p. 185

The Theosophist, Tập. 57, Phần 2, 1936, tr.

154—

Relics of Atlantean Occultism [2]—Di Tích Huyền Bí Học Atlantis [2]

(Mr Hodson introduced us in the last issue to the inner side of the American Indian's life: his racial origins, his iron virility, his communion with the Gods, and his happy hunting ground on the other side. Here he describes the magic powers of the priests, or caciques, and the descent of Poseiyemo, the Messenger from the Grand Lodge Above to the Pueblo Indian Race.)

(Ông Hodson đã giới thiệu cho chúng ta trong số báo trước về khía cạnh bên trong của cuộc sống của người da đỏ châu Mỹ: nguồn gốc chủng tộc, sức sống sắt đá, sự giao tiếp với Các Thiên thần và vùng đất săn bắn hạnh phúc của Ông ở thế giới bên kia. Ở đây, Ông mô tả sức mạnh huyền thuật của các linh mục, hay cacique, và sự giáng thế của Poseiyemo, Sứ Giả từ Đại Thánh Đoàn Bên Trên đến Chủng Tộc Da Đỏ Pueblo.)

THE CACIQUE

CACIQUE

During our stay in New Mexico we were introduced to certain Indians in an atmosphere very different from that in which tourists ordinarily meet them. This was owing to the good offices of artist friends who, through their many services to the Indians, have completely won their confidence. Under their aegis, the cacique of one of the Rio Grande Pueblos was unusually gracious to a strange paleface and told much of the inner side of the Pueblo Indian religion.

Trong thời gian ở New Mexico, chúng tôi đã được giới thiệu với một số người da đỏ trong một bầu không khí rất khác so với bầu không khí mà khách du lịch thường gặp Họ. Điều này là nhờ vào sự giúp đỡ của những người bạn nghệ sĩ, những người, thông qua nhiều dịch vụ của Họ cho người da đỏ, đã hoàn toàn giành được sự tin tưởng của Họ. Dưới sự bảo trợ của Họ, cacique của một trong những Rio Grande Pueblos đã đặc biệt ân cần với một người da trắng xa lạ và kể nhiều về khía cạnh bên trong của tôn giáo da đỏ Pueblo.

Supernormal Powers

Quyền Năng Siêu Phàm

This official was found to have developed certain occult powers. The outer levels of *Kundalini* were aroused in him, bestowing the capacity of being stimulated into a lucid clairvoyant state by ceremonial and other practices. This apparently is not the consciously controlled clairvoyance and higher consciousness of Aryan occultism, but operates principally from the Astral Body through the solar plexus and sympathetic nervous system; its exercise is to a

Người chức sắc này được phát hiện là đã phát triển một số quyền năng huyền bí. Các cấp độ bên ngoài của Kundalini đã được đánh thức trong y, ban cho khả năng được kích thích vào một trạng thái thông nhãn sáng suốt bằng các nghi lễ và các thực hành khác. Điều này dường như không phải là sự thông nhãn được kiểm soát một cách có ý thức và tâm thức cao hơn của huyền bí học Arya, mà chủ yếu hoạt động từ Thể Cảm Dục thông qua tùng thái dương và hệ thần kinh giao cảm; việc thực hành nó ở

considerable extent dependent upon external conditions, bodily movements and rhythms.

một mức độ đáng kể phụ thuộc vào các điều kiện bên ngoài, các chuyển động và nhịp điệu của cơ thể.

There was a definite bigness about this particular cacique. He had developed a strict ethical sense, a statesmanlike method of handling the tribal problems, and an almost passionate desire for the welfare of his people. Under certain conditions, the Ego descended and took charge of the occultly aroused Astral and physical bodies, bestowing supernormal powers upon the Personality. This was achieved partly by preparatory meditations, and partly by the rhythm of the tom-tom, by music, singing, dancing, words, signs and colours; also I think, by certain herbs used in the ceremonial pipes.

Có một sự vĩ đại rõ rệt về vị tù trưởng đặc biệt này. Ông đã phát triển một ý thức đạo đức nghiêm khắc, một phương pháp xử lý các vấn đề bộ lạc như một chính khách, và một mong muốn gần như mãnh liệt cho hạnh phúc của người dân mình. Trong những điều kiện nhất định, Chân ngã giáng xuống và nắm quyền điều khiển các thể cảm dục và thể xác bị kích thích một cách huyền bí, ban cho phàm ngã những sức mạnh siêu nhiên. Điều này đạt được một phần nhờ các buổi tham thiền chuẩn bị, và một phần nhờ nhịp điệu của trống tom-tom, bằng âm nhạc, ca hát, nhảy múa, lời nói, dấu hiệu và màu sắc; Tôi cũng nghĩ, bằng một số loại thảo mộc nhất định được sử dụng trong các tẩu nghi lễ.

Invoking the Rain God

Khẩn cầu Thần Mưa

The cacique, in referring to the ceremonial of the bringing of rain, an invocation to the water God (Avanu), said he saw this God in the form of a snake or dragon about eighty feet long, with a body some fifteen inches thick and blue in colour. This being lived in a great lake in the mountains, which it was free to leave to move about amongst the clouds and to visit the pueblos, when rightly called upon. The cacique further said that in olden days the God came quite close to the pueblo, being seen upon a hill at the foot of which the village was built; but now that Indian life was no longer pure, owing to the Mexican and American admixture, the cacique was obliged to go to the banks of the Rio Grande, a mile or so away from the pueblo, in order to interview the God.

Vị tù trưởng, khi đề cập đến nghi lễ cầu mưa, một lời khẩn cầu vị Thủy Thần (Avanu), nói rằng ông đã nhìn thấy vị Thần này dưới hình dạng một con rắn hoặc rồng dài khoảng tám mươi feet, với thân mình dày khoảng mười lăm inch và có màu xanh lam. Đấng này sống trong một hồ nước lớn trên núi, vốn tự do rời đi để di chuyển giữa các đám mây và đến thăm các pueblo, khi được kêu gọi đúng cách. Vị tù trưởng nói thêm rằng vào thời xưa, vị Thần đến rất gần pueblo, được nhìn thấy trên một ngọn đồi dưới chân ngôi làng được xây dựng; nhưng bây giờ cuộc sống của người da đỏ không còn thuần khiết nữa, do sự pha trộn giữa Mexico và Mỹ, vị tù trưởng buộc phải đến bờ sông Rio Grande, cách pueblo khoảng một dặm, để phỏng vấn vị Thần.

In describing the rain dance he stressed the necessity for the presence of much green colour, the participants using sprigs and

Khi mô tả điệu nhảy cầu mưa, ông nhấn mạnh sự cần thiết phải có nhiều màu xanh lá cây, những người tham gia sử dụng cành và lá từ

leaves from the greenest trees as part of their attire. The other colours of the spectrum must also be present and were obtained partly from the different coloured Indian maize. The most important factor in the success of the ceremony was said to be the united and unbroken concentration of all present upon the central purpose of the dance. Lacking this the ceremony failed.

những cây xanh nhất như một phần trang phục của họ. Các màu khác của quang phổ cũng phải có mặt và có được một phần từ ngô Ấn Độ có màu sắc khác nhau. Yếu tố quan trọng nhất trong sự thành công của buổi lễ được cho là sự tập trung thống nhất và không gián đoạn của tất cả những người có mặt vào mục đích trung tâm của điệu nhảy. Nếu thiếu điều này, buổi lễ sẽ thất bại.

The successful production of rain[73] appeared to be brought about through the agencies of the elementáis of earth, air, and water, under the direction of the tribal God. A very powerful rhythmic call, or invocatory force, was generated and sent out by the ceremonial dance, which had behind it the power of centuries of traditional practice and a certain reservoir of natural force appropriate to this type of ritual.

Việc tạo ra mưa thành công dường như được thực hiện thông qua các cơ quan của các hành khí của đất, khí và nước, dưới sự chỉ đạo của vị Thần bộ lạc. Một tiếng gọi nhịp nhàng rất mạnh mẽ, hoặc lực khẩn cầu, được tạo ra và gửi đi bởi điệu nhảy nghi lễ, vốn có được sức mạnh của hàng thế kỷ thực hành truyền thống và một kho dự trữ nhất định của lực tự nhiên phù hợp với loại nghi lễ này.

Nature-Sensitive

Nhạy Cảm với Thiên Nhiên

In his normal state, the Indian is a child of Nature. His rhythms are all natural rhythms, and his life and consciousness are closely attuned to the life and consciousness in Nature, in the clouds, the rivers, the hills, the trees, the mountains and the air itself. It follows therefore that the Indian is hypersensitive to changes in Nature, the life in which is in its turn responsive to Indian consciousness. Changes in the one produce corresponding changes in the other. It is this fact, it would seem which makes possible the success of American Indian appeals to natural forces, and explains the necessity for a purely Indian consciousness in successful invocation.

Trong trạng thái bình thường của mình, người da đỏ là một đứa con của Thiên nhiên. Nhịp điệu của y đều là nhịp điệu tự nhiên, và cuộc sống và tâm thức của y hòa hợp chặt chẽ với sự sống và tâm thức trong Thiên nhiên, trong mây, sông, đồi, cây, núi và chính không khí. Do đó, người da đỏ rất nhạy cảm với những thay đổi trong Thiên nhiên, sự sống trong đó đến lượt nó đáp ứng với tâm thức của người da đỏ. Những thay đổi ở cái này tạo ra những thay đổi tương ứng ở cái kia. Dường như chính sự thật này đã làm cho những lời kêu gọi của người Mỹ da đỏ đối với các lực lượng tự nhiên có thể thành công và giải thích sự cần thiết của một tâm thức thuần túy của người da đỏ trong lời khẩn cầu thành công.

[73] For this there is abundant testimony. The San Domingo corn dance of 1931 which the author attended began about noon under a clear blue sky. In the evening it rained heavily, the dancing continuing until 6 p.m.

Devas and nature spirits of the three elements referred to attend these ceremonials, hovering in the air above the dancers, and on occasion entering their bodies, thereby enhancing the power of the dance to produce changes of consciousness. The snake figure of the Avanu is evidently a thought-form created by the centuries of traditional thought of the Water-God in that shape, and seems to have had its origin in the symbolical and allegorical method of teaching used by the earliest High Priests. To this author, however all the *Devas* invoked at such dances as he attended, and by the cacique by his thought of them during conversation, wore their habitual appearance. He did see, however, in the Astral light, a vague shape somewhat like an enormous blue conger eel, into which nature spirits of air entered to produce a certain semblance of life. Avanu is most probably a Pueblo Indian generic name for that class of air spirits which are concerned with the gathering of the clouds, thunder storms and with rain.

Các thiên thần và các tinh linh tự nhiên của ba nguyên tố được đề cập đến tham dự các buổi lễ này, lơ lửng trong không khí phía trên những người nhảy múa, và đôi khi xâm nhập vào cơ thể họ, do đó tăng cường sức mạnh của điệu nhảy để tạo ra những thay đổi về tâm thức. Hình tượng con rắn của Avanu rõ ràng là một hình tư tưởng được tạo ra bởi hàng thế kỷ tư tưởng truyền thống về Thủy Thần trong hình dạng đó, và dường như có nguồn gốc từ phương pháp giảng dạy mang tính biểu tượng và ngụ ngôn được sử dụng bởi các Đại Tư Tế thời kỳ đầu. Tuy nhiên, đối với tác giả này, tất cả các thiên thần được khẩn cầu tại những điệu nhảy mà ông tham dự, và bởi vị tù trưởng bằng tư tưởng của ông về họ trong cuộc trò chuyện, đều mang vẻ ngoài quen thuộc của họ. Tuy nhiên, Ông đã nhìn thấy, trong ánh sáng cảm dục, một hình dạng mơ hồ hơi giống một con lươn biển xanh khổng lồ, mà các tinh linh tự nhiên của không khí xâm nhập vào để tạo ra một sự sống nhất định. Avanu rất có thể là một tên gọi chung của người Pueblo da đỏ cho loại tinh linh không khí vốn liên quan đến việc thu thập mây, giông bão và mưa.

A Line of Descent

Một Dòng Dõi

Evidently the caciques are instructed according to a system of extremely ancient allegories concerning the forces of Nature, which they see as symbolical forms projected in the Astral light. The caciques are, however, definitely linked to the forces themselves, as also to the appropriate *Devas,* and are able successfully to invoke them. There were signs both of a Masonic mode of procedure in making such links, and also of something corresponding to the Apostolic succession in the Christian Church, in the descent of power from one cacique to his successor.

Rõ ràng là các tù trưởng được hướng dẫn theo một hệ thống ngụ ngôn cực kỳ cổ xưa liên quan đến các lực lượng của Thiên nhiên, mà họ thấy là những hình thức biểu tượng được phóng chiếu trong ánh sáng cảm dục. Tuy nhiên, các tù trưởng chắc chắn được liên kết với chính các lực lượng, cũng như với các thiên thần thích hợp, và có thể khẩn cầu họ thành công. Có những dấu hiệu về cả một phương thức thủ tục của Hội Tam Điểm trong việc tạo ra các liên kết như vậy, và cả một cái gì đó tương ứng với sự kế vị Tông Đồ trong Giáo hội Cơ đốc, trong sự giáng xuống của quyền lực từ một tù trưởng cho người kế vị y.

This official is chosen and trained from

Quan chức này được chọn và đào tạo từ thời

boyhood by the reigning cacique, and placed in power and authority by him immediately before his death, of which he always has foreknowledge. This training is quite severe, consisting of fasting, meditation, nights spent alone in the mountains and forest and other austerities. The secrets and powers are very gradually bestowed, the final instructions only being given just before the death of the predecessor. Two boys are generally selected for training—a great honour—one being finally chosen to succeed whilst the other returns to normal tribal life.

thơ ấu bởi vị tù trưởng trị vì, và được trao quyền lực và thẩm quyền bởi y ngay trước khi y qua đời, mà y luôn có kiến thức trước. Sự huấn luyện này khá nghiêm khắc, bao gồm việc nhịn ăn, tham thiền, những đêm ở một mình trên núi và trong rừng và những khổ hạnh khác. Những bí mật và sức mạnh được ban cho rất dần dần, những chỉ dẫn cuối cùng chỉ được đưa ra ngay trước khi người tiền nhiệm qua đời. Hai cậu bé thường được chọn để huấn luyện—một vinh dự lớn—một người cuối cùng được chọn để kế vị trong khi người kia trở lại cuộc sống bộ lạc bình thường.

The Legend of poseiyemo

This legend among the Pueblo Indians has much in common with that of Hiawatha amongst the Northern tribes. It was related to me with much picturesque imagery by the cacique to whom previous reference has been made. Poseiyemo is said to have appeared, mounted on a stag, and to have dwelt amongst the people of the Rio Grande as leader, healer, and priest. He lived much at the ancient Indian village group of Ojo Caliente,[74] of which only ruins now remain, and cleansed the tribe of witchcraft and sorcery. He had an eagle familiar who watched over him and even carried him through the air. Eventually his life was plotted against, and one night on the eagle's warning he mounted upon its back and passed away to the South, showing himself to the Rio Grande tribes as he passed and was last seen to disappear into the sea to the south, doubtless the Gulf of Mexico.

Truyền Thuyết về Poseiyemo

Truyền thuyết này trong số những người da đỏ Pueblo có nhiều điểm chung với truyền thuyết về Hiawatha trong số các bộ lạc phương Bắc. Nó đã được kể cho tôi với nhiều hình ảnh sống động bởi vị tù trưởng đã được đề cập trước đó. Poseiyemo được cho là đã xuất hiện, cưỡi trên một con nai đực, và đã sống giữa những người dân Rio Grande với tư cách là thủ lĩnh, người chữa bệnh và linh mục. Y sống nhiều ở nhóm làng cổ của người da đỏ Ojo Caliente, nơi mà ngày nay chỉ còn lại tàn tích, và đã thanh tẩy bộ lạc khỏi phù thủy và ma thuật. Y có một con chim ưng quen thuộc canh giữ y và thậm chí còn chở y bay trên không trung. Cuối cùng, cuộc đời y bị âm mưu chống lại, và một đêm nọ, theo lời cảnh báo của chim ưng, y leo lên lưng nó và đi về phương Nam, cho thấy mình với các bộ lạc Rio Grande khi y đi qua và lần cuối cùng được nhìn thấy biến mất vào biển ở phía nam, chắc chắn là Vịnh Mexico.

[74] A relatively modern Spanish place-name for the region of the hot springs.

Sometime later we visited the Ojo Caliente region, where an attempt was made to investigate the legend with the following results:

Một thời gian sau, chúng tôi đến thăm khu vực Ojo Caliente, nơi một nỗ lực đã được thực hiện để điều tra truyền thuyết với những kết quả sau:

'This river valley was once a much used Indian highway, Indians passing southwards as winter approached and northwards in the spring. Long lines of mounted and foot travellers made half-yearly migrations.

'Thung lũng sông này đã từng là một đường cao tốc của người da đỏ được sử dụng nhiều, người da đỏ đi về phía nam khi mùa đông đến và về phía bắc vào mùa xuân. Những hàng dài người đi bộ và cưỡi ngựa đã thực hiện các cuộc di cư nửa năm một lần.

Tribal Ceremonials

Các Nghi Lễ Bộ Lạc

'Permanent pueblos were established here on both sides of the valley. The travellers, however, were mostly tepee dwellers whose custom it was to camp here on their joumeyings. There was peace in those days, at least between the wanderers and the Pueblo people of this district. Much trading and barter was carried out, this being an important "city" on the trade and migration route between the North and the South.

'Các pueblo thường trực đã được thành lập ở đây trên cả hai phía của thung lũng. Tuy nhiên, những người du hành chủ yếu là những người sống trong lều tepee, vốn có phong tục cắm trại ở đây trên hành trình của họ. Đã có hòa bình vào thời đó, ít nhất là giữa những người lang thang và người Pueblo của quận này. Nhiều hoạt động buôn bán và trao đổi hàng hóa đã được thực hiện, đây là một "thành phố" quan trọng trên tuyến đường thương mại và di cư giữa miền Bắc và miền Nam.

'Civilisation eventually reached a relatively high level; the tribal rulers were men of dignity and power; the arts were well developed; cleanliness, order, and a certain ascetic cleanness of living marked these peoples. At the height of this civilisation one Chieftain ruled over the whole Pueblo peoples with subordinates in each district and village.

'Nền văn minh cuối cùng đã đạt đến một trình độ tương đối cao; các nhà cai trị bộ lạc là những người có phẩm giá và quyền lực; nghệ thuật đã phát triển tốt; sự sạch sẽ, trật tự và một sự trong sạch khổ hạnh nhất định trong cuộc sống đã đánh dấu những người này. Vào thời kỳ đỉnh cao của nền văn minh này, một Tù trưởng đã cai trị toàn bộ người Pueblo với những người cấp dưới ở mỗi quận và làng.

‘In the immediate surroundings were five villages in all; two on the west bank, two on the east and one somewhat further north, on the eastern slope of the west bank and nearer the river than any of the others. In those days the Rio Grande was a wide, fast-flowing stream, navigated by canoes and crossed by rafts and somewhat primitive communal ferries.

‘Trong vùng lân cận ngay lập tức có tổng cộng năm ngôi làng; hai ngôi làng ở bờ tây, hai ngôi làng ở bờ đông và một ngôi làng ở xa hơn về phía bắc, trên sườn phía đông của bờ tây và gần sông hơn bất kỳ ngôi làng nào khác. Vào thời đó, Rio Grande là một dòng sông rộng, chảy xiết, được đi lại bằng ca nô và được băng qua bằng bè và phà cộng đồng hơi thô sơ.

‘There was a big central ceremonial ground in the valley on the east bank of the river, about a mile north of the hot springs, and here elaborately staged dances and occult ceremonies were performed; visitors were generally greeted with tribal ceremonial celebrations which were the centre of the life of the whole community.

‘Có một khu đất nghi lễ trung tâm lớn trong thung lũng ở bờ đông của sông, cách suối nước nóng khoảng một dặm về phía bắc, và ở đây các điệu nhảy và nghi lễ huyền bí được dàn dựng công phu đã được thực hiện; du khách thường được chào đón bằng các lễ kỷ niệm nghi lễ của bộ lạc, vốn là trung tâm của cuộc sống của toàn bộ cộng đồng.

‘The people were slightly taller than the modern Pueblo, though resembling them much in appearance. The race was far more virile, the men being slender of build, athletic and strong. The Pueblos themselves do not appear to have travelled much, though occasionally a few of the young men would join the migrating bands for the sake of experience. Long distance hunting expeditions were undertaken and ceremonial visits paid to other Pueblos, chiefly those to the South and West.

‘Người dân cao hơn một chút so với người Pueblo hiện đại, mặc dù có nhiều điểm tương đồng về ngoại hình. Chủng tộc này cường tráng hơn nhiều, đàn ông có vóc dáng mảnh khảnh, khỏe mạnh và cường tráng. Bản thân người Pueblos dường như không đi lại nhiều, mặc dù đôi khi một vài thanh niên sẽ tham gia các nhóm di cư vì kinh nghiệm. Các cuộc thám hiểm săn bắn đường dài đã được thực hiện và các chuyến thăm nghi lễ đã được trả cho các Pueblos khác, chủ yếu là những người ở phía Nam và phía Tây.

A Tribal Deity

Một Vị Thần Bộ Lạc

‘This particular group had its own tribal Deity, a powerful *Deva* ruler, whilst many types of elemental Gods were worshipped, including a somewhat ferocious dragon-like figure of terrifying appearance but harmless and of benevolent intent. This was created and maintained by magical ceremonial, was inhabited by certain types of nature spirits, and still exists as an astral elemental associated with the river in this district. It

‘Nhóm đặc biệt này có vị Thần bộ lạc riêng, một thiên thần cai trị quyền năng, trong khi nhiều loại Thần hành khí đã được thờ cúng, bao gồm một hình tượng giống rồng hơi hung dữ với vẻ ngoài đáng sợ nhưng vô hại và có ý định nhân từ. Điều này đã được tạo ra và duy trì bằng nghi lễ ma thuật, được sinh sống bởi một số loại tinh linh tự nhiên, và vẫn tồn tại như một hành khí cảm dục liên quan đến con sông ở quận này. Nó khác với Avanu đã được

differs from the Avanu previously described in that it is more definitely dragon-like and less serpentine, has spikes protruding from its body and a large horn on its forehead. It is grotesque, antique in shape and, attracted by the attention of the author, has come up from the river. It moves through the air with an undulating motion at a height of about eight hundred feet. It circles and winds about overhead, dips down close to our party and then moves off to settle into the river once more. The magical method whereby such elementals, nature spirits and *devas* produce climatic changes is not clear to the author, though it is evident that they had their essential places in the mechanism by means of which changes such as the production of rain were made through ritual dances and concentrated thought-power.

mô tả trước đó ở chỗ nó giống rồng hơn và ít giống rắn hơn, có gai nhô ra từ cơ thể và một chiếc sừng lớn trên trán. Nó kỳ dị, có hình dạng cổ xưa và, bị thu hút bởi sự chú ý của tác giả, đã trồi lên từ sông. Nó di chuyển trong không khí với một chuyển động nhấp nhô ở độ cao khoảng tám trăm feet. Nó lượn vòng và uốn khúc trên đầu, lao xuống gần nhóm của chúng tôi và sau đó di chuyển đi để định cư vào sông một lần nữa. Phương pháp ma thuật mà qua đó những hành khí, tinh linh tự nhiên và thiên thần tạo ra những thay đổi về khí hậu không rõ ràng đối với tác giả, mặc dù rõ ràng là chúng có những vị trí thiết yếu trong cơ chế mà qua đó những thay đổi như tạo ra mưa đã được thực hiện thông qua các điệu nhảy nghi lễ và sức mạnh tư tưởng tập trung.

'There are also animal-headed elementals, some of which are nearly twelve feet high. They are grotesque, several having black faces, white teeth and grinning mouths. These are the feeble shells of the once powerful elemental Gods of the tribe. When animated by ceremonial, gnomes entered into these thought-forms, vivified them, and through them carried out the instructions and ceremonial intent of the tribal leaders; in this case such intent concerned seed germination, plant growth and even tribal fertility. Until knowledge is regained of the function of the nature spirits in such processes, ancient magic will continue to remain a mystery or superstition to modern man.

'Ngoài ra còn có những hành khí có đầu thú, một số trong số đó cao gần mười hai feet. Chúng kỳ dị, một số có khuôn mặt đen, răng trắng và miệng cười toe toét. Đây là những lớp vỏ yếu ớt của các Thần hành khí quyền năng một thời của bộ lạc. Khi được hoạt hóa bằng nghi lễ, các thần lùn xâm nhập vào những hình tư tưởng này, làm cho chúng sống động và thông qua chúng thực hiện các chỉ dẫn và ý định nghi lễ của các thủ lĩnh bộ lạc; trong trường hợp này, ý định đó liên quan đến sự nảy mầm của hạt giống, sự phát triển của cây trồng và thậm chí cả khả năng sinh sản của bộ lạc. Cho đến khi kiến thức về chức năng của các tinh linh tự nhiên trong các quá trình như vậy được phục hồi, ma thuật cổ đại sẽ tiếp tục là một bí ẩn hoặc mê tín đối với con người hiện đại.

Black Magic

Hắc Thuật

'Apparently, the chief purpose of many tribal ceremonies and of co-operation with the elementals was, and still is, to appeal to, or

'Rõ ràng, mục đích chính của nhiều nghi lễ bộ lạc và sự hợp tác với các hành khí là, và vẫn là, để kêu gọi, hoặc thậm chí ra lệnh, các Thần

even command, the Gods of the weather and the Gods of fertility to provide for the people's needs. Undoubtedly the weather was to some extent under control. Rain could be precipitated; the germination of seeds in the ground was stimulated as a result of the application of occult horticultural knowledge brought with these people from their place of origin.

thời tiết và các Thần sinh sản để cung cấp cho nhu cầu của người dân. Chắc chắn thời tiết đã được kiểm soát ở một mức độ nào đó. Mưa có thể được tạo ra; sự nảy mầm của hạt giống trong lòng đất đã được kích thích do việc áp dụng kiến thức làm vườn huyền bí được mang theo những người này từ nơi xuất xứ của họ.

'At a certain period in the history of the villages under observation a group of black magicians threatened the life and culture of these tribes. An intensely evil man who, as it happens, lived on this hill—the hill on which remains existed and the investigation was made—gained cacique powers and formed a secret group for their exploitation. These men split off from the group of villages and formed a settlement a few miles east, where they gave themselves up to the black arts. They had their representatives living in the different pueblos, through whom they exerted an evil influence, these men acting as spies, charm bearers and depositors, and also as recruiters and child stealers.

'Vào một thời điểm nhất định trong lịch sử của các ngôi làng đang được quan sát, một nhóm nhà hắc thuật đã đe dọa cuộc sống và văn hóa của các bộ lạc này. Một người đàn ông vô cùng độc ác, tình cờ sống trên ngọn đồi này—ngọn đồi nơi tàn tích tồn tại và cuộc điều tra đã được thực hiện—đã giành được quyền lực tù trưởng và thành lập một nhóm bí mật để khai thác chúng. Những người này đã tách khỏi nhóm các ngôi làng và thành lập một khu định cư cách đó vài dặm về phía đông, nơi họ отдались cho các hắc thuật. Họ có những đại diện sống trong các pueblo khác nhau, thông qua đó họ gây ảnh hưởng xấu, những người này đóng vai trò là gián điệp, người mang bùa chú và người gửi tiền, và cũng là người tuyển mộ và bắt cóc trẻ em.

'This dark body came to be greatly feared; they had undoubted occult power, even extending to the power to kill. The villages on the west side of the river were less affected by this influence than those on the east, and their help was sought by the latter in stamping out the cult. As a result, invocations were made to the High Gods.

'Cơ quan hắc ám này trở nên rất đáng sợ; họ có sức mạnh huyền bí không thể nghi ngờ, thậm chí còn mở rộng đến sức mạnh giết người. Các ngôi làng ở phía tây của sông ít bị ảnh hưởng bởi ảnh hưởng này hơn các ngôi làng ở phía đông, và sự giúp đỡ của họ đã được những người sau tìm kiếm để dập tắt giáo phái. Kết quả là, những lời khẩn cầu đã được gửi đến các Thiên thần Cao Cấp.

An Indian *Avatar*

Một Đấng Hoá Thân Ấn Độ

'At this time, that is about eight hundred years ago, there was born, as if in answer, to a chief of the tribe in the southern of the two pueblos on the west side of the river, a Man-Child. He

'Vào thời điểm này, tức là khoảng tám trăm năm trước, có một Đứa Trẻ-Người được sinh ra, như thể để đáp lại, cho một tù trưởng của bộ lạc ở phía nam của hai pueblo ở phía tây của

was an ego of great power, a messenger from the Great White Brotherhood to the Pueblo Indian race. This child developed into a leader and teacher of his people and would seem to be the original of the legendary Poseiyemo. He possessed far greater occult powers than any of the caciques and could produce, by the direct action of his will and instantly, results which normally required long ceremonials.

sông. Y là một chân ngã có sức mạnh to lớn, một sứ giả từ Đại Huynh Đệ Đoàn Bạch để đến với chủng tộc người da đỏ Pueblo. Đứa trẻ này đã phát triển thành một nhà lãnh đạo và huấn sư của người dân mình và dường như là nguyên bản của Poseiyemo huyền thoại. Y sở hữu sức mạnh huyền bí lớn hơn nhiều so với bất kỳ tù trưởng nào và có thể tạo ra, bằng hành động trực tiếp của ý chí y và ngay lập tức, những kết quả mà thông thường đòi hỏi các nghi lễ dài dòng.

He visited all the pueblos of the surrounding country, travelling up and down the Rio Grande as a teacher, prophet, healer and leader of the race. He possessed the mastery of wild animals, frequently appeared in materialized form in distant pueblos whilst his body was known to be at his home, and could heal by touch.

Y đã đến thăm tất cả các pueblo của vùng lân cận, đi lên và xuống sông Rio Grande với tư cách là một huấn sư, nhà tiên tri, người chữa bệnh và nhà lãnh đạo của chủng tộc. Y sở hữu khả năng làm chủ động vật hoang dã, thường xuyên xuất hiện trong hình dạng vật chất ở các pueblo xa xôi trong khi cơ thể y được biết là ở nhà y, và có thể chữa lành bằng cách chạm vào.

'This teacher purified the pueblos of sorcery, all attempts upon his life failing, since he knew how to protect his body with an etheric armour which stones, spears and arrows could not penetrate. Legends of all kinds naturally grew up about him, even during the forty years of his life amongst the people, and more rapidly after he had gone.

'Vị huấn sư này đã thanh tẩy các ngôi làng của thuật phù thủy, mọi nỗ lực hãm hại Ngài đều thất bại, vì Ngài biết cách bảo vệ cơ thể mình bằng một lớp giáp dĩ thái mà đá, giáo và tên không thể xuyên thủng. Các loại truyền thuyết tự nhiên nảy sinh về Ngài, ngay cả trong suốt bốn mươi năm Ngài sống giữa dân chúng, và càng nhanh chóng hơn sau khi Ngài rời đi.

'He was a remarkable orator and the people loved to hear him speak, gathering in great crowds to receive his teachings. His voice possessed a certain magical resonance which, added to his natural eloquence, charmed and inspired his hearers. His appearance was most striking; he was probably rather more than six feet tall, his long black hair fell down in waves on to his shoulders; his features were clear-cut and strong, his whole body virile and his movements full of grace. His eyes, though usually mild and benevolent, occasionally

'Ngài là một nhà hùng biện xuất chúng và dân chúng thích nghe Ngài nói, tụ tập thành đám đông lớn để đón nhận những lời dạy của Ngài. Giọng nói của Ngài sở hữu một âm hưởng kỳ diệu nhất định, cộng thêm tài hùng biện tự nhiên của Ngài, đã mê hoặc và truyền cảm hứng cho người nghe. Ngoại hình của Ngài rất nổi bật; Ngài có lẽ cao hơn sáu feet, mái tóc đen dài của Ngài buông sóng xuống vai; các đường nét trên khuôn mặt Ngài rõ ràng và mạnh mẽ, toàn thân Ngài cường tráng và các cử động của Ngài tràn đầy duyên dáng. Đôi mắt của Ngài,

flashed with fiery power. The somewhat clairvoyant people occasionally saw him during his Astral travellings and probably it was this fact, together with his occasional simultaneous appearances at different places, which gave rise to the eagle legend.

mặc dù thường hiền lành và nhân từ, đôi khi lóe lên sức mạnh rực lửa. Những người có phần thông nhãn đôi khi nhìn thấy Ngài trong những chuyến du hành Cảm dục của Ngài và có lẽ chính sự thật này, cùng với những lần Ngài xuất hiện đồng thời ở những địa điểm khác nhau, đã làm nảy sinh truyền thuyết về loài chim ưng.

'At a certain period he paid a visit to a brother occultist amongst the Indians in the far North, being absent from his own people for some years. During his absence, sorcery again crept into some of the tribes so that his return was greeted with great joy. Magnificently dressed, and mounted on a stag, he appeared dramatically beside the river to the north of these pueblos.

'Vào một thời điểm nhất định, Ngài đã đến thăm một nhà huyền bí học huynh đệ trong số những người da đỏ ở vùng Viễn Bắc, vắng mặt người dân của mình trong vài năm. Trong thời gian Ngài vắng mặt, thuật phù thủy lại lẻn vào một số bộ lạc, vì vậy sự trở lại của Ngài đã được chào đón với niềm vui lớn. Ăn mặc lộng lẫy và cưỡi trên một con nai đực, Ngài xuất hiện đầy kịch tính bên cạnh dòng sông ở phía bắc của các ngôi làng này.

'At his death, which despite the legend was natural, he was seen to pass out of his body, southwards down the Rio Grande valley. High in the air over the villages he paused and blessed his people, purposely making himself visible in farewell to them.

'Khi Ngài qua đời, mặc dù có truyền thuyết cho rằng đó là tự nhiên, người ta thấy Ngài rời khỏi cơ thể mình, về phía nam xuống thung lũng Rio Grande. Cao trên không trung trên các ngôi làng, Ngài dừng lại và ban phước cho dân chúng của mình, cố ý làm cho mình hữu hình để từ biệt họ.

'Actually, he appears to have been an Initiate member of a Fourth Root Race branch of the Inner Government of the World sometimes referred to as the Yucatan Brotherhood. On the death of his Pueblo Indian body, it was to this Brotherhood that Poseiyemo returned'.

'Thực tế, Ngài dường như là một thành viên Điểm Đạo của một nhánh thuộc Giống Dân Gốc Thứ Tư của Chính Phủ Nội Bộ Thế Giới, đôi khi được gọi là Huynh Đệ Đoàn Yucatan. Khi thể xác Người Da Đỏ Pueblo của Ngài qua đời, chính Huynh Đệ Đoàn này là nơi Poseiyemo trở về'.

The Theosophist, Vol. 57, Part 2, 1936, p. 252

The Theosophist, Tập 57, Phần 2, 1936, tr. 252

155—

Relics of Atlantean Occultism [3]—*Di Tích của Huyền Bí Học Atlantis [3]*

THE SAN DOMINGO CORN DANCE

ĐIỆU MÚA NGÔ SAN DOMINGO

(There is magic in the ceremonial dances of the

(Có sự huyền thuật trong các điệu múa nghi lễ

Pueblo Indians, magic which releases psychic energy and renders the bodies of the dancers more responsive to higher influences. As he saw it clairvoyantly, Mr Hodson describes the effect of the Fertility Dance on dancers and singers, and on the denizens of the inner worlds, some of whom bathed in the rhythmic swirl, while more August Beings looked on and gave their blessing.)

của Người Da Đỏ Pueblo, sự huyền thuật giải phóng năng lượng thông linh và làm cho cơ thể của các vũ công đáp ứng tốt hơn với những ảnh hưởng cao hơn. Như Ông Hodson đã thấy bằng thông nhãn, Ông mô tả ảnh hưởng của Điệu Múa Sinh Sản đối với các vũ công và ca sĩ, và đối với cư dân của các cõi bên trong, một số người đắm mình trong vòng xoáy nhịp nhàng, trong khi Các Đấng Cao Cả hơn quan sát và ban phước lành.)

In her book *Dancing Gods*,[75] Erma Fergusson, speaking of the Pueblo Indians, says: 'In spite of differences of language, these people all show a close similarity of ceremonial form and organisation, and their dances may be considered as a group. All these pueblos are divided into clans, groups related through the mother, and inter-marriage within the clan is still prohibited. When the extinction of a clan is threatened, as recently happened at Tesuque, a woman of the failing clan may be introduced from another village, so close is the association. Besides the clans there are esoteric societies, into which one is initiated and not born. These are veiy secret, and most Indians, in casual conversation, will deny knowledge of them. Women belong to certain of the men's societies, and there are societies exclusively for women. Such societies have their leaders, called fathers or chiefs, and they are responsible for certain ceremonies. They vary somewhat in the different pueblos, but every village seems to have its societies in charge of war, of the hunt, of curing, and of the weather. All pueblos also are divided into the Winter and the Summer People. These groups have general supervision of the ceremonies of their respective seasons and often each of them has a cacique.

Trong cuốn sách Dancing Gods của mình, Erma Fergusson, khi nói về Người Da Đỏ Pueblo, nói: 'Bất chấp sự khác biệt về ngôn ngữ, những người này đều cho thấy sự tương đồng chặt chẽ về hình thức và tổ chức nghi lễ, và các điệu múa của họ có thể được coi là một nhóm. Tất cả các ngôi làng này đều được chia thành các thị tộc, các nhóm có quan hệ với nhau thông qua người mẹ và việc kết hôn trong thị tộc vẫn bị cấm. Khi sự tuyệt chủng của một thị tộc bị đe dọa, như gần đây đã xảy ra ở Tesuque, một người phụ nữ của thị tộc đang suy yếu có thể được giới thiệu từ một ngôi làng khác, mối liên hệ rất chặt chẽ. Bên cạnh các thị tộc còn có các hội kín, nơi người ta được điểm đạo chứ không phải sinh ra. Những điều này rất bí mật và hầu hết người da đỏ, trong cuộc trò chuyện thông thường, sẽ phủ nhận kiến thức về chúng. Phụ nữ thuộc về một số hội của nam giới và có những hội dành riêng cho phụ nữ. Các hội như vậy có những người lãnh đạo của họ, được gọi là cha hoặc tù trưởng, và họ chịu trách nhiệm cho một số nghi lễ nhất định. Chúng có phần khác nhau ở các ngôi làng khác nhau, nhưng mọi ngôi làng dường như đều có các hội phụ trách chiến tranh, săn bắn, chữa bệnh và thời tiết. Tất cả các ngôi làng cũng được chia thành Người Mùa Đông và Người Mùa Hè. Các nhóm này có sự giám sát chung đối với các nghi lễ của các mùa tương ứng của họ và thường mỗi nhóm trong

[75] Alfred A. Knopf, New York, publisher.

Ascetic Preparations

'The dance is only a part of a long ceremony, which may include visits to secret shrines in the mountains, days of secret ritual in the *kivas* or in the society rooms, and the public finale in the dance. Even the dance may be secret; probably the most important dances always are. In that case they are performed in hidden places, as at Cochiti and at Jemez; white people are permitted to witness certain dances in the *kivas.* Dancers usually fast for four days before the dance, which means that they omit certain foods, such as salt or meat. During that time they remain continent and purge themselves daily; sometimes a daily emetic is used. During this time the society altar is built, costumes for the dance are made or refreshed, prayers are chanted, and prayer plumes are made ceremonially. Prayer plumes are small sticks, painted and decorated with feathers, often laid on with a skill which a milliner might envy.... The music for the dance is usually a chant sung by the dancers or by a chorus, sometimes unaccompanied, but usually assisted by the beat of a drum or by the rubbing of notched sticks across a hollow gourd. The chant is presumably the prayer, though often those who sing it do not understand it all. Apparently the words used are archaic; sometimes the Indians say they are not words at all, merely sounds. The effect is vigorous, almost angular, unmelodious, unharmonised, but marvellously rhythmic and varied in its rhythm.

số họ có một tù trưởng.

Chuẩn Bị Khổ Hạnh

'Điệu múa chỉ là một phần của một nghi lễ dài, có thể bao gồm các chuyến thăm các đền thờ bí mật trên núi, những ngày thực hiện nghi lễ bí mật trong các kivas hoặc trong các phòng của hội, và trận chung kết công khai trong điệu múa. Ngay cả điệu múa cũng có thể là bí mật; có lẽ những điệu múa quan trọng nhất luôn luôn là như vậy. Trong trường hợp đó, chúng được biểu diễn ở những nơi ẩn khuất, như ở Cochiti và Jemez; người da trắng được phép chứng kiến một số điệu múa trong các kivas. Các vũ công thường nhịn ăn trong bốn ngày trước điệu múa, điều đó có nghĩa là họ bỏ một số loại thực phẩm nhất định, chẳng hạn như muối hoặc thịt. Trong thời gian đó, họ vẫn tiết chế và thanh lọc bản thân hàng ngày; đôi khi một loại thuốc gây nôn hàng ngày được sử dụng. Trong thời gian này, bàn thờ của hội được xây dựng, trang phục cho điệu múa được làm hoặc làm mới, những lời cầu nguyện được tụng và những chiếc lông vũ cầu nguyện được làm theo nghi lễ. Lông vũ cầu nguyện là những chiếc que nhỏ, được sơn và trang trí bằng lông vũ, thường được đặt lên với một kỹ năng mà một người bán mũ có thể ghen tị.... Âm nhạc cho điệu múa thường là một bài thánh ca do các vũ công hoặc một dàn hợp xướng hát, đôi khi không có nhạc đệm, nhưng thường được hỗ trợ bởi tiếng trống hoặc tiếng cọ xát của những chiếc que có khía trên một quả bầu rỗng. Bài thánh ca được cho là lời cầu nguyện, mặc dù thường thì những người hát nó không hiểu hết. Rõ ràng những từ được sử dụng là cổ xưa; đôi khi người da đỏ nói rằng chúng hoàn toàn không phải là từ ngữ, chỉ là âm thanh. Hiệu ứng mạnh mẽ, gần như góc cạnh, không du dương, không hài hòa, nhưng nhịp nhàng và đa dạng một cách kỳ diệu trong nhịp điệu của nó.

‘Santo Domingo Indians are considered, by missionaries and the Indian Service, as very conservative and intractable. Nevertheless they make, annually, a gracious gesture toward the prejudice of their white masters. On August fourth, the day of Saint Dominic, they go early to mass in the Catholic mission, and all who have contracted matrimony during the past year are married by the rites of Mother Church. Sometimes bride and groom arrive proudly carrying the baby smothered under coarse lace and pink ribbons. The marrying couples stand together in a group while the priest pronounces them man and wife, and then they and the whole village kneel reverently for the Christian sacrament. Then the bell rings, muskets are fired, men pick up the image of the saint, and in solemn procession headed by the priest, they go out into the sunlight, leaving only the twinkling candles in the darkened adobe church. Slowly they make the tour of the village, all the people following, and finally they bring up beside the kiva, where a shrine has been erected to receive Santo Domingo. Built of leafy boughs, lined with fine cloths and skins, and lighted with candles, it is a fitting shrine for any Catholic saint. Indians in their best white shirts, bright headbands, and moccasins guard him all day with long muskets between their knees, and many visitors kneel reverently before him and drop coins into his box. And there, in the sunny plaza and in the venerable presence of the Saint, the ancient Keres dance is performed.

‘There is not the remotest connection between the Mass for the saint and the ancient ceremony. They sit side by side; that is all; they do not touch.

‘Người Da Đỏ Santo Domingo được các nhà truyền giáo và Cơ Quan Dịch Vụ Da Đỏ coi là rất bảo thủ và khó bảo. Tuy nhiên, hàng năm họ thực hiện một cử chỉ ân cần đối với sự thành kiến của những người chủ da trắng của họ. Vào ngày 4 tháng 8, ngày của Thánh Dominic, họ đi lễ sớm tại nhà thờ Công Giáo, và tất cả những người đã kết hôn trong năm qua đều được kết hôn theo nghi thức của Giáo Hội Mẹ. Đôi khi cô dâu và chú rể đến một cách tự hào mang theo đứa bé ngạt thở dưới lớp ren thô và ruy băng màu hồng. Các cặp đôi kết hôn đứng cùng nhau trong một nhóm trong khi linh mục tuyên bố họ là vợ chồng, và sau đó họ và toàn bộ ngôi làng quỳ xuống thành kính để nhận bí tích Cơ Đốc. Sau đó, chuông reo, súng hỏa mai nổ, người ta nhặt ảnh của vị thánh và trong một đám rước trang trọng do linh mục dẫn đầu, họ đi ra ngoài ánh sáng mặt trời, chỉ để lại những ngọn nến lung linh trong nhà thờ bằng đất nện tối tăm. Từ từ, họ thực hiện chuyến tham quan ngôi làng, tất cả mọi người đều đi theo, và cuối cùng họ dừng lại bên cạnh kiva, nơi một ngôi đền đã được dựng lên để đón Santo Domingo. Được xây dựng bằng những cành cây xanh tươi, lót bằng vải và da mịn, và thắp sáng bằng nến, đó là một ngôi đền phù hợp cho bất kỳ vị thánh Công Giáo nào. Những người da đỏ mặc những chiếc áo sơ mi trắng đẹp nhất, băng đô sáng màu và giày da bảo vệ Ngài cả ngày với những khẩu súng hỏa mai dài giữa hai đầu gối, và nhiều du khách quỳ xuống thành kính trước Ngài và thả tiền xu vào hộp của Ngài. Và ở đó, trên quảng trường đầy nắng và trước sự hiện diện đáng kính của Vị Thánh, điệu múa Keres cổ xưa được biểu diễn.

‘Không có mối liên hệ xa xôi nhất giữa Thánh Lễ cho vị thánh và nghi lễ cổ xưa. Chúng ngồi cạnh nhau; đó là tất cả; chúng không chạm vào nhau.

Calling on the Gods

‘Later in the day Koshare, representing departed spirits, come boiling out of the *kiva,* their black and white bodies, their whitened faces, their dry com husks, and their rabbit-skins all reminding that they are the spirits of the dead. They first present a pantomime, easy to read if one has the key. It is a rehearsal of history: the going-out and the return of runners bringing news of the coming of the traditional enemies, Navajos, Comanches, or Apaches, for the Pueblo people always had to protect their crops after raising them. The runners cause great excitement among the group, who gesticulate wildly, yell and whoop, run round the pueblo establishing lines of protection on all sides, and finally summon the dancers whose duty is to call on the gods for help in bringing the crop to maturity and in protecting it. All day the Koshare perform many and interesting bits of burlesque, filling in the intervals of the dance and even crossing the lines of solemn dancers. One of their duties is valeting the performers, tying a loosened sash or rattle, picking up a dropped article. Through it all, the dancers very punctiliously pretend not to see them.

‘The arrival of the first dance group is heralded by the beat of tomtoms and the chanting of the chorus, which enters first. Often fifty or sixty men chant, marking time with their hands and feet, and intoning, hour after hour, the deep, rich call for clouds and rain.

A Brilliant Ceremony

‘As the chant begins, the dancers appear from inside the *kiva,* making a brilliantly effective entrance as they stream down the wide adobe

Kêu Gọi Các Vị Thần

‘Cuối ngày hôm đó, Koshare, đại diện cho các linh hồn đã khuất, tràn ra khỏi kiva, cơ thể đen trắng của họ, khuôn mặt trắng bệch của họ, vỏ ngô khô và da thỏ của họ đều nhắc nhở rằng họ là linh hồn của người chết. Đầu tiên, họ trình bày một màn kịch câm, dễ đọc nếu người ta có chìa khóa. Đó là một buổi diễn tập lịch sử: việc ra đi và trở về của những người chạy bộ mang tin về sự xuất hiện của những kẻ thù truyền thống, Navajo, Comanche hoặc Apache, vì người Pueblo luôn phải bảo vệ mùa màng của họ sau khi thu hoạch. Những người chạy bộ gây ra sự phấn khích lớn trong nhóm, những người khoa tay múa chân một cách điên cuồng, la hét và hú hét, chạy quanh ngôi làng thiết lập các tuyến bảo vệ ở tất cả các phía và cuối cùng triệu tập các vũ công có nhiệm vụ kêu gọi các vị thần giúp đỡ trong việc đưa mùa màng đến độ chín và bảo vệ nó. Cả ngày, Koshare biểu diễn nhiều đoạn hài hước thú vị, lấp đầy các khoảng thời gian của điệu múa và thậm chí vượt qua các hàng của các vũ công trang trọng. Một trong những nhiệm vụ của họ là phục vụ những người biểu diễn, buộc một chiếc thắt lưng hoặc lục lạc bị lỏng, nhặt một vật bị rơi. Xuyên suốt tất cả, các vũ công rất đúng giờ giả vờ không nhìn thấy họ.

‘Sự xuất hiện của nhóm múa đầu tiên được báo trước bằng tiếng trống tomtom và tiếng hát của dàn hợp xướng, nhóm này bước vào trước. Thường thì năm mươi hoặc sáu mươi người đàn ông hát, đánh dấu thời gian bằng tay và chân, và xướng lên, hết giờ này đến giờ khác, lời kêu gọi sâu sắc, phong phú cho mây và mưa.

Một Nghi Lễ Rực Rỡ

‘Khi bài thánh ca bắt đầu, các vũ công xuất hiện từ bên trong kiva, tạo nên một lối vào hiệu quả rực rỡ khi họ tràn xuống các bậc

steps in two long lines of men and women; shells rattling, bells sounding, and all the sun colours streaming from the leader's pole and flashing in the costumes. Casually they form in two lines, men and women facing, and shift for space and position. At the right point in the chant, the leader, in the centre of the men's line, begins to lift his feet in the stamp of the dance. Men on each side of him follow until the movement runs the length of the line and all are dancing. All the time the pole, topped with feathers of sun-yellow, dips and sways above the dancers, the emblem of the sun's fertility tempting the rain to fall.

thang bằng đất nện rộng lớn thành hai hàng dài nam và nữ; vỏ sò kêu lách cách, chuông reo và tất cả các màu sắc của mặt trời tuôn ra từ cột của người lãnh đạo và lóe lên trong trang phục. Họ tình cờ xếp thành hai hàng, nam và nữ đối diện nhau, và thay đổi không gian và vị trí. Đến đúng thời điểm trong bài thánh ca, người lãnh đạo, ở giữa hàng của nam giới, bắt đầu nhấc chân lên trong điệu dậm chân của điệu múa. Những người đàn ông ở mỗi bên của anh ta đi theo cho đến khi chuyển động chạy dọc theo chiều dài của hàng và tất cả đều đang nhảy múa. Trong suốt thời gian đó, cây cột, trên đỉnh có lông vũ màu vàng của mặt trời, nhúng và lắc lư phía trên các vũ công, biểu tượng của sự sinh sản của mặt trời quyến rũ mưa rơi.

'The men, in white kirtles, wear eagle-feathers in their hair, big shells at their throats above strings of beads, turtle rattles under their knees, spruce tied above their elbows. They dance with a quick insistent step, lifting their feet high and bringing them down hard to call the sleeping powers awake. The women, demure, with soft brown shoulders above black dresses, move among them, their bare feet shuffling in the dust, close to earth that they, and all life, may gain from it the principle of fertility. They carry pine in their hands, which move up and down in time to the chant, and on their heads are the tablitas, thin board plaques, painted turquoise blue, the sky colour, and cut at the top into shapes of mesa and cloud. Clouds are typified also in little wisps of eagle-down on the tablitas and in their hair.

'Những người đàn ông, mặc áo choàng trắng, đội lông vũ đại bàng trên tóc, những chiếc vỏ lớn ở cổ phía trên chuỗi hạt, lục lạc rùa dưới đầu gối, cây vân sam buộc phía trên khuỷu tay. Họ nhảy với một bước nhanh chóng, khăng khăng, nhấc chân lên cao và hạ chúng xuống mạnh để đánh thức những sức mạnh đang ngủ say. Những người phụ nữ, đoan trang, với đôi vai nâu mềm mại phía trên những chiếc váy đen, di chuyển giữa họ, đôi chân trần của họ lê bước trong bụi bẩn, gần với trái đất để họ, và tất cả sự sống, có thể đạt được từ nó nguyên lý sinh sản. Họ mang theo cây thông trên tay, di chuyển lên xuống theo nhịp điệu của bài thánh ca, và trên đầu họ là những chiếc tablitas, những tấm ván mỏng, được sơn màu xanh ngọc lam, màu của bầu trời và được cắt ở trên cùng thành hình dạng của mesa và mây. Mây cũng được thể hiện trong những lọn lông tơ nhỏ trên tablitas và trên tóc của họ.

'There are two groups of dancers, one from each *kiva,* who dance alternately all day until sunset. Movements of the dance are simple at first sight, but they are almost impossible to follow because of the many unannounced

'Có hai nhóm vũ công, một nhóm từ mỗi kiva, luân phiên nhau nhảy múa cả ngày cho đến khi mặt trời lặn. Các động tác của điệu múa thoạt nhìn rất đơn giản, nhưng gần như không thể theo dõi được vì có nhiều thay đổi nhịp

changes of rhythm. In form it falls into two figures; first men and women dance facing, with occasional turning of the whole group; then they form in couples, each man prancing ahead, his head high, his feet spuming the ground, and the women following, eyes downcast, movement slow and gentle.

"Witter Bynner describes it:

Before a saint in a Christian dress

I saw them dance their holiness,

I saw them reminding him all day long

That death is weak and life is strong,

And urging the fertile field to yield

Seed from the loin and seed from the field".'

Clairvoyant Observations

The author attended this dance and here offers certain suggestions as to its occult significance.

The broad principle involved in a long continued ceremonial of this kind seems to be that such methods change the ratio or proportion by which matter preponderates over spirit, form over force. Normally, life and force are deeply imprisoned in matter and at the physical level are relatively powerless. Not entirely so, of course, because evolution, growth, unfoldment, are continually occurring as a result of their indwelling. It is possible, however, to quicken these processes; so to act upon matter that its response to the presence of the imprisoned life and force is increased, thereby accelerating the action of natural processes.

điệu không báo trước. Về hình thức, nó rơi vào hai hình; đầu tiên nam và nữ nhảy đối diện nhau, thỉnh thoảng cả nhóm quay lại; sau đó họ xếp thành các cặp, mỗi người đàn ông tung tăng phía trước, đầu ngẩng cao, chân tung bọt đất, và những người phụ nữ đi theo, mắt cụp xuống, chuyển động chậm và nhẹ nhàng.

"Witter Bynner mô tả nó:

Trước một vị thánh trong bộ váy Cơ Đốc

Tôi thấy họ nhảy múa sự thánh thiện của họ,

Tôi thấy họ nhắc nhở Ngài cả ngày

Rằng cái chết yếu đuối và sự sống mạnh mẽ,

Và thúc giục cánh đồng màu mỡ cho năng suất

Hạt giống từ thắt lưng và hạt giống từ cánh đồng".'

Quan Sát Bằng Thông Nhãn

Tác giả đã tham dự điệu múa này và ở đây đưa ra một số gợi ý về ý nghĩa huyền bí của nó.

Nguyên lý rộng lớn liên quan đến một nghi lễ kéo dài thuộc loại này dường như là những phương pháp như vậy làm thay đổi tỷ lệ hoặc tỷ lệ mà vật chất chiếm ưu thế hơn tinh thần, hình tướng chiếm ưu thế hơn mãnh lực. Thông thường, sự sống và mãnh lực bị giam cầm sâu sắc trong vật chất và ở cấp độ hồng trần thì tương đối bất lực. Tất nhiên, không hoàn toàn như vậy, bởi vì sự tiến hóa, tăng trưởng, khai triển liên tục xảy ra do sự cư ngụ của chúng. Tuy nhiên, có thể đẩy nhanh các quá trình này; để tác động lên vật chất để sự đáp ứng của nó đối với sự hiện diện của sự sống và mãnh lực bị giam cầm tăng lên, do đó đẩy nhanh hành động của các quá trình tự nhiên.

During the period of the dance and for some hours afterwards, the physical earth, the etheric and Astral double of the earth, and the matter of the physical and Astral Bodies of the Indians are definitely increased in vibratory frequency. The whole tone of the village and its surroundings is raised. In consequence, life is freer, more energy is released, and evolutionary progress quickened.

Trong thời gian diễn ra điệu múa và trong vài giờ sau đó, trái đất hồng trần, thể dĩ thái và Cảm dục đôi của trái đất, và vật chất của Thể Xác và Thể Cảm dục của Người Da Đỏ chắc chắn tăng lên về tần số rung động. Toàn bộ âm điệu của ngôi làng và vùng lân cận của nó được nâng lên. Do đó, sự sống tự do hơn, nhiều năng lượng được giải phóng hơn và sự tiến bộ thăng thượng tiến hóa được đẩy nhanh.

These acts of communal ceremonial magic were evidently instituted during the Fourth Root-Race, when the material of the globe was at its extreme of density and spirit most deeply immersed in matter. Its results would presumably be of great value at that time in helping forward the change from involution to evolution, from the downward to the upward are.

Những hành động huyền thuật nghi lễ cộng đồng này rõ ràng đã được thiết lập trong Giống Dân Gốc Thứ Tư, khi vật chất của địa cầu ở mức độ đậm đặc tột độ và tinh thần bị chìm sâu nhất trong vật chất. Kết quả của nó có lẽ sẽ có giá trị lớn vào thời điểm đó trong việc giúp thúc đẩy sự thay đổi từ giáng hạ tiến hóa sang tiến hóa, từ cung đi xuống sang cung đi lên.

Building a Thought-Form

Xây Dựng Một Hình Tư Tưởng

In the long ceremonial dances of the Indians these results are brought about by means of strongly concentrated thought-power; the concerted movement of ceremonial action; the sound of voice, of bells, of drum and foot beats; colour and symbol, and above all by the insistent beat of continually repeated series of rhythms. All these influences are cleverly woven into a co-ordinated whole, designed to generate extremely powerful energies, to invoke the *Devas* and spirits of nature with their appropriate powers, and particularly to send through the earth a quickening, stimulating, rhythmically transmitted energy.

Trong các điệu múa nghi lễ dài của Người Da Đỏ, những kết quả này đạt được bằng phương tiện của sức mạnh tư tưởng tập trung cao độ; sự phối hợp chuyển động của hành động nghi lễ; âm thanh của giọng nói, của chuông, của tiếng trống và tiếng chân; màu sắc và biểu tượng, và trên hết là nhịp điệu dai dẳng của các chuỗi nhịp điệu lặp đi lặp lại liên tục. Tất cả những ảnh hưởng này được dệt khéo léo thành một tổng thể phối hợp, được thiết kế để tạo ra những năng lượng cực kỳ mạnh mẽ, để khẩn cầu các thiên thần và các linh hồn của tự nhiên với những sức mạnh thích hợp của họ, và đặc biệt là để gửi qua trái đất một năng lượng tiếp sinh lực, kích thích, được truyền đi một cách nhịp nhàng.

Observed clairvoyantly, the dance was seen to affect directly an area of the Astral world of at least a mile in all directions from the plazas of the pueblo. The form produced was something like a huge bubble of compressed

Được quan sát bằng thông nhãn, điệu nhảy dường như tác động trực tiếp đến một khu vực của cõi Cảm dục có bán kính ít nhất một dặm từ các quảng trường của khu định cư thổ dân. Hình tướng được tạo ra giống như một bong

energy, open at the top and bottom. Solar and aerial energies, invoked by thought, mantric singing, and gesture, descended into it and into the centre of the dancing groups, whilst earth powers rose into it from below.

bóng khổng lồ chứa năng lượng nén, mở ở trên và dưới. Năng lượng mặt trời và không trung, được khẩn cầu bằng tư tưởng, ca hát bằng mantram và cử chỉ, giáng xuống nó và vào trung tâm của các nhóm nhảy múa, trong khi các năng lượng trái đất trồi lên từ bên dưới.

Representative *Devas* of the four elements were attracted and lent their aid. Hosts of nature spirits bathed in the highly charged atmosphere, the sylphs of the air taking particular advantage of the conditions created to sweep, singly and in groups, from end to end of the surcharged sphere, dipping down through the auras of the dancers as they passed, and returning again from the opposite direction. Their swinging flight and graceful movements synchronised with the major rhythms of the dance, establishing them more powerfully in the inner worlds.

Các Deva đại diện của bốn nguyên tố đã bị thu hút và giúp đỡ. Vô số tinh linh thiên nhiên tắm mình trong bầu không khí tích điện cao, các sylph của không khí đặc biệt tận dụng các điều kiện được tạo ra để càn quét, đơn lẻ và theo nhóm, từ đầu đến cuối của quả cầu tích điện, lao xuống xuyên qua hào quang của các vũ công khi chúng đi qua, và quay trở lại từ hướng ngược lại. Chuyến bay đu đưa và những chuyển động duyên dáng của chúng đồng bộ với các nhịp điệu chính của điệu nhảy, thiết lập chúng mạnh mẽ hơn trong các cõi bên trong.

Energy is Generated

Năng lượng được tạo ra

From the force point of view, the whole dance is a generator of energy, a living dynamo, which releases power. The use of men and women in the dance and the division of the village into opposite polarities—called the Summer and Winter People—plays an important part in this generating process, the bodies, physical and subtle, of the dancers and singers becoming charged with this power and their consciousnesses greatly stimulated.

Từ quan điểm điểm lực, toàn bộ điệu nhảy là một máy phát năng lượng, một động cơ sống, giải phóng năng lượng. Việc sử dụng nam và nữ trong điệu nhảy và sự phân chia ngôi làng thành các cực đối lập—được gọi là Người Mùa Hè và Mùa Đông—đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tạo ra này, các thể, thể xác và tế vi, của các vũ công và ca sĩ trở nên tích điện với năng lượng này và tâm thức của họ được kích thích rất nhiều.

Evidently the old Indian magic was closely associated with earth forces and the sub-physical world, for energies were evoked which are far below the level of physical consciousness today. At times it seemed to the observer that the earth opened up etherically to reveal great yawning dark caverns in which strange beings dwelt and sub-physical energies were stored. The kingdom of Pan, as the Atlanteans knew it, came near to the

Rõ ràng, ma thuật của người Da Đỏ cổ đại có liên quan mật thiết đến các lực lượng trái đất và thế giới dưới thể xác, vì các năng lượng được gợi lên thấp hơn nhiều so với mức tâm thức thể xác ngày nay. Đôi khi, người quan sát có cảm giác như thể trái đất mở ra ở cõi dĩ thái để lộ ra những hang động tối tăm rộng lớn, nơi những sinh vật kỳ lạ cư ngụ và các năng lượng dưới thể xác được lưu trữ. Vương quốc của Pan, như người Atlantis đã biết, đến gần bề mặt ở

surface at certain parts of the dance.

Numbers of deceased Indians attended the ceremonial, hovering over the heads of the dancers, repeating the movement and rhythms and occasionally actually descending amongst them, particularly when formed in two separated parallel lines between which they passed. Traditional elemental forms of the Gods were also invoked: weird birds and animal-headed creatures associated with the ancient religious life of the community and still employed for appropriate work.

August Visitors

Distinguished visitors were observed in the inner worlds. Certain great mountain *devas* from the Juarez and Sangre de Cristo ranges, between which the Rio Grande villages are situated, focussed their consciousness upon the dancers and the village and gave their blessing. One at least of the Elder Brethren of the Atlantean race was seen to be present, hovering in the air to the southwest of the plaza. It was He who graciously suggested the key principle with which this description is begun, and explained that the dances were originally arranged by advanced occultists to produce definite results in Nature and on the minds and bodies of the people: that the ceremonials had been preserved with remarkable fidelity, though they were far from possessing the power with which they were originally endowed. He pointed out also that the Atlanteans were developing the emotional body, and these strong, definite and insistent rhythms greatly stimulated its growth. They set the Astral Bodies of the participants and watchers swinging in response to the various rhythms of the dances, hastening the development of self-conscious Astral life and rendering the

một số phần nhất định của điệu nhảy.

Nhiều người Da Đỏ đã khuất tham dự buổi lễ, lơ lửng trên đầu các vũ công, lặp lại các chuyển động và nhịp điệu và thỉnh thoảng thực sự giáng xuống giữa họ, đặc biệt là khi được hình thành thành hai hàng song song riêng biệt mà họ đi qua. Các hình tướng hành khí truyền thống của Các Thiên thần cũng được khẩn cầu: những loài chim kỳ dị và những sinh vật đầu thú có liên quan đến đời sống tôn giáo cổ xưa của cộng đồng và vẫn được sử dụng cho công việc thích hợp.

Những Vị Khách Cao Quý

Những vị khách quý đã được quan sát thấy trong các cõi bên trong. Một số deva núi vĩ đại từ dãy Juarez và Sangre de Cristo, giữa đó có các ngôi làng Rio Grande, tập trung tâm thức của họ vào các vũ công và ngôi làng và ban phước lành cho họ. Ít nhất một trong số các Huynh Trưởng của chủng tộc Atlantis đã được nhìn thấy hiện diện, lơ lửng trên không ở phía tây nam của quảng trường. Chính Ngài đã ân cần gợi ý nguyên tắc chủ đạo mà phần mô tả này bắt đầu, và giải thích rằng các điệu nhảy ban đầu được sắp xếp bởi các nhà huyền bí học cao cấp để tạo ra những kết quả nhất định trong Tự Nhiên và trên thể trí và thể xác của mọi người: rằng các nghi lễ đã được bảo tồn với lòng trung thành đáng kể, mặc dù chúng còn lâu mới có được sức mạnh mà chúng vốn được ban tặng. Ngài cũng chỉ ra rằng người Atlantis đang phát triển thể cảm xúc, và những nhịp điệu mạnh mẽ, dứt khoát và dai dẳng này đã kích thích rất nhiều sự phát triển của nó. Chúng thiết lập các Thể Cảm dục của những người tham gia và người xem đu đưa để đáp ứng với các nhịp điệu khác nhau của các điệu nhảy, đẩy nhanh sự phát triển của đời sống Cảm dục tự ý thức và làm cho các thể cảm xúc dễ uốn nắn hơn, đáp ứng nhiều hơn với tư

emotional bodies more malleable, more responsive to thought. This August Visitor appeared to be a representative of the *Manu* of the Fourth Root-Race.

tưởng. Vị Khách Cao Quý này dường như là đại diện của Manu của Căn Dân Thứ Tư.

Undoubtedly earth evolution could be quickened by this means, and the consciousness of the vegetable kingdom definitely stimulated by this process. The collective thought-force of some three hundred people, maintained for six hours and conducted along prescribed channels by occult ceremonial, constitutes a powerful instrument quite capable of producing definite results in Nature and in man. In the observer, the effect was directly on the pituitary body, inducing clairvoyance and a measure of quickened psychic consciousness which persisted some four hours after witnessing the dance.

Chắc chắn, sự tiến hóa của trái đất có thể được đẩy nhanh bằng phương tiện này, và tâm thức của giới thực vật chắc chắn được kích thích bởi quá trình này. Tư tưởng lực tập thể của khoảng ba trăm người, được duy trì trong sáu giờ và được dẫn dắt dọc theo các kênh được quy định bởi nghi lễ huyền bí, tạo thành một công cụ mạnh mẽ hoàn toàn có khả năng tạo ra những kết quả nhất định trong Tự Nhiên và trong con người. Ở người quan sát, hiệu ứng này tác động trực tiếp lên tuyến yên, gây ra thông nhãn và một mức độ tâm thức thông linh được đẩy nhanh, kéo dài khoảng bốn giờ sau khi chứng kiến điệu nhảy.

Opposite Polarities

Các Cực Đối Lập

The division of the people into Winter and Summer and the establishment of two *kivas* is especially interesting from the occult point of view. One was clearly conscious, inside the pueblo, of two oppositely polarised types of power which had their localised foci in the two Winter and Summer *kivas,* or ceremonial buildings. These 'poles' of the pueblo 'magnet' were an important part of the mechanism of the ceremony and served as centres of force within the reservoir in which some of the power invoked is preserved. They are like two distinct life-centres in the village, originally essential to the conservation of the co-ordinate life energies of the people and to the maintenance of contact with their Gods, it would almost seem as if the whole village is divided into positive and negative—quite apart from sex—and these two life-centres are foci of these two opposite types of influence. Nature spirit and *deva* guardians of opposite

Sự phân chia mọi người thành Mùa Đông và Mùa Hè và việc thành lập hai kiva đặc biệt thú vị từ quan điểm huyền bí. Người ta đã ý thức rõ ràng, bên trong khu định cư thổ dân, về hai loại năng lượng phân cực trái ngược nhau, có các tiêu điểm khu trú trong hai kiva Mùa Đông và Mùa Hè, hoặc các tòa nhà nghi lễ. Những 'cực' này của 'nam châm' khu định cư thổ dân là một phần quan trọng của cơ chế của buổi lễ và đóng vai trò là trung tâm của lực bên trong hồ chứa, nơi một số năng lượng được khẩn cầu được bảo tồn. Chúng giống như hai trung tâm sự sống riêng biệt trong làng, ban đầu rất cần thiết cho việc bảo tồn các năng lượng sự sống phối hợp của người dân và để duy trì liên lạc với Các Thiên thần của họ, dường như toàn bộ ngôi làng được chia thành tích cực và tiêu cực —hoàn toàn không liên quan đến giới tính—và hai trung tâm sự sống này là tiêu điểm của hai loại ảnh hưởng đối lập này. Tinh linh thiên nhiên và các vị thần hộ mệnh có cực tính đối

polarities are associated with each of them, and there is a continual interplay of force between them, rendering the whole village curiously alive with a certain psychic energy.

lập có liên quan đến mỗi loại, và có một sự tương tác liên tục của lực giữa chúng, khiến toàn bộ ngôi làng trở nên sống động một cách kỳ lạ với một năng lượng thông linh nhất định.

Much secret ceremonial seems to be associated with these two centres, which are the head and the heart of the religious life of the community. Into these the observer feels that it would be unfair to intrude; in fact he meets with first a resistance and secondly a request from the tribal *deva* that his investigations should not be pursued further in that direction. These matters evidently concern the heart of the original Indian religion, which was a combination of nature, *deva,* and elemental worship and magical ceremonial, instituted originally by the spiritual leaders of the Race.

Nhiều nghi lễ bí mật dường như có liên quan đến hai trung tâm này, vốn là đầu não và trái tim của đời sống tôn giáo của cộng đồng. Người quan sát cảm thấy rằng việc xâm nhập vào những điều này là không công bằng; trên thực tế, y gặp phải đầu tiên là sự kháng cự và thứ hai là yêu cầu từ deva bộ lạc rằng các cuộc điều tra của y không nên tiếp tục theo hướng đó. Những vấn đề này rõ ràng liên quan đến trái tim của tôn giáo Da Đỏ ban đầu, vốn là sự kết hợp giữa sự thờ phượng tự nhiên, deva và hành khí và nghi lễ ma thuật, ban đầu được thiết lập bởi các nhà lãnh đạo tinh thần của Chủng Tộc.

This whole countryside of the New Mexico Rio Grande is saturated for hundreds of miles with Indian culture and influence. The present people are the remains of a once great and splendid nation which occupied this territory and was led and inspired by the spiritual leaders of the Fourth Root-Race who moved among them in ancient days.

Toàn bộ vùng nông thôn của New Mexico Rio Grande này đã bão hòa hàng trăm dặm với văn hóa và ảnh hưởng của người Da Đỏ. Những người hiện tại là tàn tích của một quốc gia vĩ đại và huy hoàng từng chiếm đóng lãnh thổ này và được dẫn dắt và truyền cảm hứng bởi các nhà lãnh đạo tinh thần của Căn Dân Thứ Tư, những người đã di chuyển giữa họ vào thời cổ đại.

Occult Centres in the Canyons

Các Trung Tâm Huyền Bí trong Hẻm Núi

The observer's consciousness was drawn over the Grand Canyon of the Colorado, which apparently was a great occult centre, the ancient home of certain Indian leaders and a centre of early Indian religion and Devic activity.

Tâm thức của người quan sát đã bị thu hút qua Hẻm núi Lớn Colorado, nơi dường như là một trung tâm huyền bí vĩ đại, ngôi nhà cổ của một số nhà lãnh đạo Da Đỏ và là trung tâm của tôn giáo Da Đỏ ban đầu và hoạt động của Devic.

Other canyons, some within one hundred or more miles to the southward, were used as sites of ancient civilisations. In that direction also existed an occult centre under the direction of Atlantean Adepts from which many of the races radiated to settle and

Các hẻm núi khác, một số nằm trong vòng một trăm dặm trở lên về phía nam, đã được sử dụng làm địa điểm của các nền văn minh cổ đại. Ở hướng đó cũng tồn tại một trung tâm huyền bí dưới sự chỉ đạo của các Chân sư Atlantis, từ đó nhiều chủng tộc tỏa ra để định

colonise the land. Indeed there was a chain of such centres right across the continent, spiritual and cultural capitals of the various races of the Atlantean peoples. All of these have fallen into decay, and the present Indian people lost much of the original spiritual and cultural power and wisdom upon which their remote ancestors were accustomed to draw.

cư và thuộc địa hóa vùng đất. Thật vậy, có một chuỗi các trung tâm như vậy trên khắp lục địa, các thủ đô văn hóa và tinh thần của các chủng tộc khác nhau của người Atlantis. Tất cả những điều này đã suy tàn, và người Da Đỏ hiện tại đã mất đi phần lớn sức mạnh và minh triết văn hóa và tinh thần ban đầu mà tổ tiên xa xôi của họ đã quen dựa vào.

Doubtless the Race is declining naturally, and its Adepts and large numbers of the Atlantean Egos have become occupied with the development of other civilisations in other lands, and particularly with the Fifth Root-Race.

Chắc chắn, Chủng Tộc đang suy tàn một cách tự nhiên, và các Chân sư của nó và số lượng lớn các Chân ngã Atlantis đã trở nên bận tâm đến việc phát triển các nền văn minh khác ở các vùng đất khác, và đặc biệt là với Căn Dân Thứ Năm.

Nevertheless some of the ancient magic and culture remains, preserved in the dance ceremonials and religious and communal customs of the Indians of today. Their spiritual leaders still brood over them with watchful care. Their *Manu* guards them until the last line of the story of the Atlantean race in the West shall have been written.

Tuy nhiên, một số ma thuật và văn hóa cổ đại vẫn còn, được bảo tồn trong các nghi lễ nhảy múa và các phong tục tôn giáo và cộng đồng của người Da Đỏ ngày nay. Các nhà lãnh đạo tinh thần của họ vẫn suy ngẫm về họ với sự quan tâm theo dõi. Manu của họ bảo vệ họ cho đến khi dòng cuối cùng của câu chuyện về chủng tộc Atlantis ở phương Tây được viết ra.

The Theosophist, Vol. 57, Part 2, 1936, p. 345

The Theosophist, Tập. 57, Phần 2, 1936, tr. 345

156—

Miracles of the Lord Shri Krishna as Revelations of Spiritual Truths—*Phép Lạ của Đức Chúa Shri Krishna như là Sự Mặc Khải của Chân Lý Tinh Thần*

While human affairs, activities, actions and reactions are all describable in historical terms, once they occur in realms of human consciousness which are subtler than those of the formal mind, a special language is necessary in order both to conceal them from the unready and reveal them to those who are prepared to understand. They may include descriptions of physical happenings in the lives of human beings though, in fact, they reveal such activities of the intellect as

Trong khi các vấn đề, hoạt động, hành động và phản ứng của con người đều có thể được mô tả bằng các thuật ngữ lịch sử, một khi chúng xảy ra trong các cõi tâm thức con người vốn tế vi hơn so với tâm thức hình tướng, thì cần phải có một ngôn ngữ đặc biệt để vừa che giấu chúng khỏi những người chưa sẵn sàng vừa tiết lộ chúng cho những người đã chuẩn bị sẵn sàng để thấu hiểu. Chúng có thể bao gồm các mô tả về các sự kiện thể xác trong cuộc đời của con người, mặc dù trên thực tế, chúng tiết lộ

understandings of changes and developments which occur to and within the higher intellect and intuition.

các hoạt động trí tuệ như sự thấu hiểu về những thay đổi và phát triển xảy ra đối với và bên trong thượng trí và trực giác.

These may be described as fables and even accepted as such without further enquiry, leaving the hearer or the reader unchanged in consciousness. Sometimes such descriptions of supra-mental awareness are unacceptable other than as fairytales and fantasies invented and written largely for the amusement of readers. Noah, for example, is stated to have collected within the Ark two of every animal and bird on earth in time to be saved from the Flood. Joshua is said to have magically made the sun to stand still and so lengthened the period of daylight so that victory might be obtained by the Israelities over their enemies. Lot's wife disobeyed the order not to look back when withdrawing from the evil cities of Sodom and Gommorah, and immediately turned into a pillar of salt.

Những điều này có thể được mô tả như những câu chuyện ngụ ngôn và thậm chí được chấp nhận như vậy mà không cần điều tra thêm, khiến người nghe hoặc người đọc không thay đổi về tâm thức. Đôi khi, những mô tả về nhận thức siêu trí tuệ như vậy là không thể chấp nhận được ngoài những câu chuyện cổ tích và những tưởng tượng được phát minh và viết ra phần lớn để mua vui cho độc giả. Ví dụ, Nô-ê được cho là đã thu thập trong Con tàu hai con vật và loài chim trên cạn để kịp thời được cứu khỏi Trận lụt. Joshua được cho là đã dùng phép thuật khiến mặt trời đứng yên và do đó kéo dài thời gian ban ngày để người Israel có thể giành được chiến thắng trước kẻ thù của họ. Vợ của Lót không tuân theo lệnh không được nhìn lại khi rút khỏi các thành phố tội lỗi Sô-đôm và Gô-mô-ra, và ngay lập tức biến thành một cột muối.

Other scriptures contain passages in which similar impossibilities are affirmed and thoughtful people, accustomed to strict adherence to reason and logic, refuse to take such statements seriously. Sometimes, however, the thought arises that what appears to be either impossible or absurd may perhaps be regarded as descriptive of real and illuminating experiences which could not easily be described in terms of either normal reasoning or logic. Thus has arisen what might be called a Universal Language which is apparently beyond reasoning, and so belief, and yet has endured and come down to the present day largely in the scriptures of the world.

Các kinh sách khác chứa các đoạn văn trong đó những điều không thể tương tự được khẳng định và những người chu đáo, quen với việc tuân thủ nghiêm ngặt lý trí và logic, từ chối coi những tuyên bố như vậy một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, đôi khi, ý nghĩ nảy sinh rằng những gì có vẻ là không thể hoặc vô lý có lẽ có thể được coi là mô tả những trải nghiệm có thật và soi sáng mà không thể dễ dàng mô tả bằng các thuật ngữ lý luận hoặc logic thông thường. Như vậy đã nảy sinh ra cái có thể được gọi là Ngôn Ngữ Phổ Quát dường như vượt ra ngoài lý luận, và do đó là niềm tin, và tuy nhiên đã tồn tại và đi đến ngày nay phần lớn trong các kinh sách của thế giới.

The Brahmanical scriptures provide examples of this in the life story of the Lord Shri Krishna as a *purnavatara* of Vishnu. Since it includes

Các kinh sách Bà La Môn cung cấp các ví dụ về điều này trong câu chuyện cuộc đời của Đức Chúa Shri Krishna như một purnavatara của

accounts of impossible actions—for example, the holding up of Mount Govardhana by the young Shri Krishna—it is seen by some of an open and enquiring mind as containing valuable intellectual, intuitional and spiritual teachings.

Vishnu. Vì nó bao gồm các ghi chép về những hành động không thể—ví dụ, việc chàng trai trẻ Shri Krishna giữ Núi Govardhana—nên một số người có tâm trí cởi mở và ham học hỏi coi nó chứa đựng những giáo lý trí tuệ, trực giác và tinh thần có giá trị.

In this article, therefore, I venture to suggest that certain miraculous events recorded in the life of the Lord Shri Krishna are susceptible of such interpretation. This would imply that they are not to be regarded as wholly historical but that they contain revelations of important truths concerning the intellectual and spiritual evolution of mankind.

Do đó, trong bài viết này, tôi mạo muội gợi ý rằng một số sự kiện kỳ diệu được ghi lại trong cuộc đời của Đức Chúa Shri Krishna có thể được diễn giải như vậy. Điều này ngụ ý rằng chúng không được coi là hoàn toàn mang tính lịch sử mà chúng chứa đựng những mặc khải về những chân lý quan trọng liên quan đến sự tiến hóa trí tuệ và tinh thần của nhân loại.

The child, Shri Krishna, is said to have teased His adoptive mother, Yasoda, and these 'teasings' are known as 'the pranks of Shri Krishna'. Hidden within each prank, it is generally understood, is a spiritual revelation. The first prank is as follows:

Đứa trẻ, Shri Krishna, được cho là đã trêu chọc mẹ nuôi của Ngài, Yasoda, và những 'trò trêu chọc' này được gọi là 'những trò nghịch ngợm của Shri Krishna'. Ẩn chứa trong mỗi trò nghịch ngợm, theo cách hiểu chung, là một sự mặc khải tinh thần. Trò nghịch ngợm đầu tiên như sau:

One day, the cowherds came in a body to Yasoda's house to complain about the mischievous deeds of her adopted son, whom, nevertheless, they all loved from the core of their hearts. 'O Mother, this Krishna of yours has become extremely naughty. He untethers the calves before milking time, and if we threaten him, he breaks into loud laughter. Not only that, he steals and eats all our sweet milk and curds. If we keep our pots of milk and of curds hanging from the roof beyond the reach of his small hands, he improvises many novel ways to get at them. At one time, he sets one stool upon another. Again, he climbs upon the large wooden mortar and even stands on the shoulders of his companions! When all these devices fail, he strikes the pot from below Miracles of the Lord Shri Krishna and makes holes in it so cleverly that nobody may come to know it. Besides, he has a perfect

Một ngày nọ, những người chăn bò đến nhà Yasoda để phàn nàn về những hành động nghịch ngợm của đứa con nuôi của Bà, người mà, tuy nhiên, tất cả họ đều yêu thương từ tận đáy lòng. 'Ôi Mẹ, Krishna của Mẹ đã trở nên vô cùng nghịch ngợm. Y cởi trói cho bê trước giờ vắt sữa, và nếu chúng ta đe dọa y, y sẽ phá lên cười lớn. Không chỉ vậy, y còn ăn trộm và ăn hết sữa ngọt và sữa đông của chúng ta. Nếu chúng ta giữ những bình sữa và sữa đông treo trên mái nhà ngoài tầm với của đôi tay nhỏ bé của y, y sẽ ứng biến nhiều cách mới lạ để lấy chúng. Có lúc, y đặt hết cái ghế này lên cái ghế khác. Một lần nữa, y trèo lên cối gỗ lớn và thậm chí còn đứng trên vai của những người bạn đồng hành của mình! Khi tất cả những thiết bị này đều thất bại, y sẽ đánh vào bình từ bên dưới Phép Lạ của Đức Chúa Shri Krishna và khoét lỗ trên đó một cách khéo léo đến mức không ai có thể biết được. Bên cạnh đó, y còn

knowledge of the contents of every pot. ’

có kiến thức hoàn hảo về nội dung của mọi bình.’

At first the mother, as yet unilluminated, fails to comprehend the action but when she is close to Shri Krishna—when she is illuminated the truth is revealed to her. To the illuminated mind of Shri Krishna all sustenance is freely available and cannot be either withheld or concealed. Milk, for example, is the natural, essential food of young animals and human beings and symbolises, in one sense, food for the mind or the wisdom necessary for the intelligent direction of one’s personal life. However lofty the concealment and however safely enclosed, the mystic can always both discover and penetrate the enclosures which appear to hide essential knowledge.

Lúc đầu, người mẹ, vẫn chưa được soi sáng, không hiểu hành động này nhưng khi Bà ở gần Shri Krishna—khi Bà được soi sáng, chân lý được tiết lộ cho Bà. Đối với trí tuệ được soi sáng của Shri Krishna, tất cả sự nuôi dưỡng đều có sẵn một cách tự do và không thể bị giữ lại hoặc che giấu. Ví dụ, sữa là thức ăn tự nhiên, thiết yếu của động vật non và con người và tượng trưng, theo một nghĩa nào đó, thức ăn cho thể trí hoặc minh triết cần thiết cho việc định hướng thông minh cuộc sống cá nhân của một người. Tuy nhiên, dù sự che giấu có cao siêu đến đâu và dù được bao bọc an toàn đến đâu, nhà thần bí luôn có thể khám phá và xuyên thủng những vỏ bọc dường như che giấu kiến thức thiết yếu.

Furthermore, in spiritual symbology the child-state (which is discerned in all the ‘pranks’) is one which is free from all egoistic, self-centred and possessive restrictions. Our Lord Jesus Christ said: ‘Verily, I say unto you, whosoever shall not receive the kingdom of God as a little child, he shall not enter therein’ (Mark X, 15).

Hơn nữa, trong biểu tượng học tinh thần, trạng thái trẻ thơ (được nhận thấy trong tất cả các ‘trò nghịch ngợm’) là trạng thái không có tất cả những hạn chế vị kỷ, vị kỷ và chiếm hữu. Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta đã nói: ‘Quả thật, ta nói với các ngươi, ai không nhận vương quốc của Thiên thần như một đứa trẻ nhỏ, thì sẽ không được vào đó’ (Mác X, 15).

The second prank reveals the child Shri Krishna’s ability to discover things hidden in a dark room by means of the jewels given to Him by His mother. Krishna’s playmates say to Yasoda, ‘O Mother, when we conceal our things in a dark room, Krishna discovers everything through the lustre of the jewels with which you have laden him; for the jewels from his person and the very lustre of His body are sufficient to light up everything for Him. He knows the whereabouts of every person’.

Trò nghịch thứ hai cho thấy khả năng của hài đồng Shri Krishna trong việc khám phá những thứ được giấu trong một căn phòng tối bằng những món đồ trang sức mà mẹ Ngài ban cho. Các bạn chơi của Krishna nói với Yasoda, ‘Ôi Mẹ, khi chúng con giấu đồ đạc của mình trong một căn phòng tối, Krishna khám phá ra mọi thứ nhờ ánh hào quang của những món đồ trang sức mà Mẹ đã chất lên người Ngài; vì những món đồ trang sức từ thân thể Ngài và chính ánh hào quang của thân thể Ngài là đủ để soi sáng mọi thứ cho Ngài. Ngài biết nơi ở của mọi người’.

From the truly illuminated, intuitively

Từ thể trí được khai sáng thực sự, được khai

enlightened mind, no spiritual or philosophic truth can ever be hidden. Shri Krishna personifies this state, and His brilliant jewels symbolise states of consciousness from within which the intuition necessary to the attainment of all knowledge arises. Again, the child-state symbolises freedom from the argumentative mind which can prevent 'jewel-like' intuitive comprehension.

minh một cách trực giác, không một chân lý tinh thần hay triết học nào có thể bị che giấu. Shri Krishna nhân cách hóa trạng thái này, và những món đồ trang sức rực rỡ của Ngài tượng trưng cho các trạng thái tâm thức từ bên trong vốn làm nảy sinh trực giác cần thiết để đạt được mọi tri thức. Một lần nữa, trạng thái hài đồng tượng trưng cho sự tự do khỏi thể trí hay tranh cãi vốn có thể ngăn cản sự thấu hiểu trực giác 'giống như viên ngọc'.

In the story of the third prank Krishna eats earth and the cowherds report this to Yasoda. Yasoda fears for Shri Krishna's health, and she catches the child by the hand and rebukes him, saying: 'O you naughty boy! Why have you eaten earth?' Shri Krishna answers, 'O Mother, I did not eat earth; they are telling an untruth. Why, here is my mouth be fore you, you can see for yourself. Shri Krishna opens His mouth and to her astonishment, his mother observes that the entire universe of animate and inanimate beings—the earth, with its mountains and oceans and all created things—is present within. The light dawns on Yasoda and she bows before her son: 'I offer obeisance to the Supreme Lord on whom this whole Universe rests!'

Trong câu chuyện về trò nghịch thứ ba, Krishna ăn đất và những người chăn bò báo cáo điều này với Yasoda. Yasoda lo sợ cho sức khỏe của Shri Krishna, và Bà nắm tay đứa trẻ và khiển trách y, nói rằng: 'Ôi con trai nghịch ngợm! Tại sao con lại ăn đất?' Shri Krishna trả lời, 'Ôi Mẹ, con không ăn đất; họ đang nói điều không đúng sự thật. Này, đây là miệng của con trước mặt Mẹ, Mẹ có thể tự mình nhìn thấy. Shri Krishna mở miệng và trước sự kinh ngạc của Bà, mẹ Ngài quan sát thấy rằng toàn bộ vũ trụ gồm các sinh vật hữu sinh và vô sinh—trái đất, với những ngọn núi và đại dương của nó và tất cả những thứ được tạo ra—đều hiện diện bên trong. Ánh sáng lóe lên trong Yasoda và Bà cúi đầu trước con trai mình: 'Con xin kính lạy Đấng Tối Cao vốn là Đấng mà toàn bộ Vũ trụ này dựa vào!'

Shri Krishna sees that His foster-mother has now grasped the spiritual truth about His divine nature. He thereupon awakens her natural affection for Him and Yasoda gradually loses her memory of the inner vision and places her foster-son upon her lap. In other words, Shri Krishna, having illuminated her by nearness to Himself, returns her to normal awareness and the mother-love state of consciousness.

Shri Krishna thấy rằng mẹ nuôi của Ngài giờ đã nắm bắt được chân lý tinh thần về bản chất thiêng liêng của Ngài. Sau đó, Ngài đánh thức tình cảm tự nhiên của Bà dành cho Ngài và Yasoda dần dần mất đi ký ức về tầm nhìn bên trong và đặt con trai nuôi của mình lên đùi. Nói cách khác, Shri Krishna, sau khi khai sáng Bà bằng sự gần gũi với Ngài, trả Bà về nhận thức bình thường và trạng thái tâm thức yêu thương của người mẹ.

A suggested interpretation of this third prank would be that to the unilluminated the earth is only 'dead matter'. Permission to look into

Một cách giải thích được đề xuất về trò nghịch thứ ba này là đối với những người chưa được khai sáng, trái đất chỉ là 'vật chất chết'.

the opened mouth of Shri Krishna indicates a condition of the intellect which, when focussed upon the interior or spiritual aspects of matter, discovers it to be a vehicle for the divine Presence within. Yasoda symbolises this illuminated state so that when she looks into Shri Krishna's mouth she knows the truth concerning Him—namely that He is, indeed, the One Universal Deity present in every atom of every world. She thus personifies one who has developed and uses the interior intuitive faculty of the God-revealing interior experience; for the vision was seen within the 'opened' mouth of the divine Child. This is not merely an isolated event but when once attained, is a continuing experience.

Sự cho phép nhìn vào miệng đang mở của Shri Krishna cho thấy một trạng thái của trí tuệ, khi tập trung vào các khía cạnh bên trong hoặc tinh thần của vật chất, sẽ khám phá ra nó là một phương tiện cho Sự Hiện Diện thiêng liêng bên trong. Yasoda tượng trưng cho trạng thái được khai sáng này để khi Bà nhìn vào miệng của Shri Krishna, Bà biết sự thật về Ngài —cụ thể là Ngài thực sự là Đấng Thượng Đế Duy Nhất hiện diện trong mọi nguyên tử của mọi thế giới. Do đó, Bà nhân cách hóa một người đã phát triển và sử dụng khả năng trực giác bên trong về trải nghiệm nội tâm tiết lộ Thượng đế; vì tầm nhìn đã được nhìn thấy bên trong miệng 'đang mở' của Hài Đồng thiêng liêng. Đây không chỉ là một sự kiện riêng lẻ mà một khi đạt được, nó là một trải nghiệm tiếp diễn.

The fourth prank is named 'Binding the Unbound'. On this occasion, Yasoda is suckling Krishna when her attention is drawn to the milk boiling over on the fire. She puts Krishna down while he is still unsatisfied, and goes in haste to remove the pot. Krishna is angered and, taking up a stone smashes the pot of curd. In order to punish Him, Yasoda tries to tie Him to the husking-stand. But the cord is two inches short. She joins on to it another piece and this also proves too short; she continues to add further pieces, but the rope remains short by two inches.

Trò nghịch thứ tư có tên là 'Trói Buộc Đấng Không Bị Trói Buộc'. Nhân dịp này, Yasoda đang cho Krishna bú thì sự chú ý của Bà bị thu hút bởi sữa đang sôi trên lửa. Bà đặt Krishna xuống khi y vẫn chưa thỏa mãn và vội vàng đi lấy nồi. Krishna tức giận và nhặt một hòn đá đập vỡ nồi sữa đông. Để trừng phạt Ngài, Yasoda cố gắng trói Ngài vào giá xay lúa. Nhưng sợi dây ngắn hơn hai inch. Bà nối vào đó một đoạn khác và đoạn này cũng tỏ ra quá ngắn; Bà tiếp tục thêm các đoạn khác, nhưng sợi dây vẫn ngắn hơn hai inch.

The cord, I suggest, represents the normally useful reasoning mind—the objective, rigid, argumentative, non-intuitional intellect. This lower mind is limited and can never go far enough. Since both the Miracles of the Lord Shri Krishna Divine Principle and the Divine Truth are beyond any restrictions of thought they cannot be bound or limited as the lower mind repeatedly discovers.

Tôi cho rằng sợi dây tượng trưng cho thể trí lý luận thường hữu ích—trí tuệ khách quan, cứng nhắc, hay tranh cãi, phi trực giác. Hạ trí này bị giới hạn và không bao giờ có thể đi đủ xa. Vì cả Phép Lạ của Đức Chúa Shri Krishna Nguyên Lý Thiêng Liêng và Chân Lý Thiêng Liêng đều vượt quá mọi hạn chế của tư tưởng nên chúng không thể bị trói buộc hoặc giới hạn như hạ trí liên tục khám phá ra.

To the intuitive intelligence alone do absolute

Chỉ có trí thông minh trực giác mới có thể hiểu

Truth and Divine Principle become comprehensible. The mind (*manas*) which follows the rambling, senses makes the Soul (*Buddhi*) 'as helpless as the boat which the wind leads astray upon the waters'.

Suddenly the light dawns upon Yasoda who now knows that the Supreme Lord cannot be comprehended by the formal mind—can never be tied by any cord. While this interior illumination is occurring, the child Shri Krishna observes the exhaustion of His mother and allows Himself to be bound, showing how, in compassion, the Supreme Lord ever reveals Himself and His divine truth to His devotees.

One day, Shri Krishna and the cowherds led the calves under their charge to drink at a lake. They first refreshed the calves and then drank water themselves. Suddenly, the boys were frightened by seeing a monstrous creature, huge like a high peak struck off from a mountain by Indra's thunderbolt. It was the great *Asura* or evil demon, Baka, who came upon them in the form of a crane.

The monster rushed at Shri Krishna and swallowed Him. When the Divine Child reached the crane's palate, He began to bum like a coal. Thereupon the monster quickly vomited Him out and, full of rage, mshed upon Him again intending to strike Him with his sharp beak. But Shri Krishna held the two halves of the beak each with one hand and, as the cowherd boys stood looking on, tore Bakasura in two like a blade of grass.

How, perhaps, may this incident be interpreted? A man, unilluminated by the knowledge of his own Divinity, is 'swallowed up' by surrendering to unspiritual temptations represented by Bakasura. Once aware, however, of the Divine Presence which

được Chân Lý tuyệt đối và Nguyên Lý Thiêng Liêng. Thể trí (manas) vốn đi theo những giác quan lang thang khiến Linh Hồn (Bồ đề) 'bất lực như chiếc thuyền bị gió dẫn lạc trên mặt nước'.

Đột nhiên ánh sáng lóe lên trong Yasoda, giờ đã biết rằng Đấng Tối Cao không thể bị thể trí hình thức thấu hiểu—không bao giờ có thể bị trói buộc bằng bất kỳ sợi dây nào. Trong khi sự khai sáng nội tâm này đang diễn ra, hài đồng Shri Krishna quan sát thấy sự kiệt sức của mẹ Ngài và cho phép mình bị trói buộc, cho thấy trong lòng trắc ẩn, Đấng Tối Cao luôn tiết lộ Bản thân Ngài và chân lý thiêng liêng của Ngài cho những người sùng kính Ngài.

Một ngày nọ, Shri Krishna và những người chăn bò dẫn những con bê mà họ phụ trách đến uống nước ở một cái hồ. Đầu tiên Các Ngài làm mới những con bê rồi sau đó tự mình uống nước. Đột nhiên, những cậu bé hoảng sợ khi nhìn thấy một sinh vật quái dị, to lớn như một đỉnh núi cao bị sét của Indra đánh gãy. Đó là Đại Asura hay ác quỷ, Baka, kẻ đã đến với Các Ngài dưới hình dạng một con sếu.

Quái vật lao vào Shri Krishna và nuốt chửng Ngài. Khi Hài Đồng Thiêng Liêng đến vòm miệng của sếu, Ngài bắt đầu cháy như than. Do đó, con quái vật nhanh chóng nôn Ngài ra và, đầy giận dữ, lại lao vào Ngài, định đánh Ngài bằng cái mỏ sắc nhọn của nó. Nhưng Shri Krishna dùng mỗi tay giữ một nửa mỏ và, khi những cậu bé chăn bò đứng nhìn, xé Bakasura làm đôi như một lưỡi cỏ.

Có lẽ, làm thế nào sự cố này có thể được giải thích? Một người, không được khai sáng bởi tri thức về Thần Tính của chính mình, bị 'nuốt chửng' bằng cách đầu hàng những cám dỗ phi tinh thần do Bakasura đại diện. Tuy nhiên, một khi nhận thức được Sự Hiện Diện Thiêng

is his true Self, Shri Krishna-like, he overcomes the powerfully attractive, unspiritual temptations of the lower, formal mind and eventually he is able to 'tear Baka to pieces'.

Liêng vốn là Bản Thể đích thực của y, giống như Shri Krishna, y sẽ vượt qua những cám dỗ phi tinh thần, đầy lôi cuốn của hạ trí hình thức và cuối cùng y có thể 'xé Baka thành từng mảnh'.

The cow-girls or Gopis who lived and worked in the forest had for some time participated in the *ashram* life under their Teacher, the Lord Shri Krishna, whom they worshipped as a Divine *Guru.*

Những cô gái chăn bò hay Gopi sống và làm việc trong rừng đã tham gia vào cuộc sống ashram dưới sự dẫn dắt của Huấn Sư của họ, Đức Chúa Shri Krishna, Đấng mà họ tôn thờ như một Huấn Sư Thiêng Liêng trong một thời gian.

One of the methods used by the Lord to bring about realisation of the Divine Presence was to form the cow-girls into a circle around Him and bid them dance while He played upon His magical flute. As they danced, the Lord manifested in His Divine Form between every two Gopis. Thus, by the side of every cowgirl in the circle, there was as a partner a manifestation of Shri Krishna Himself, and each one felt that her revered Lord was dancing with her.

Một trong những phương pháp được Đức Chúa sử dụng để mang lại sự nhận ra Sự Hiện Diện Thiêng Liêng là tạo thành một vòng tròn các cô gái chăn bò xung quanh Ngài và bảo Các Cô nhảy múa trong khi Ngài chơi cây sáo ma thuật của Ngài. Khi Các Cô nhảy múa, Đức Chúa biểu lộ trong Hình Tướng Thiêng Liêng của Ngài giữa hai Gopi. Như vậy, bên cạnh mỗi cô gái chăn bò trong vòng tròn, có một đối tác là một biểu hiện của chính Shri Krishna, và mỗi người cảm thấy rằng Đức Chúa đáng kính của mình đang khiêu vũ với mình.

Uttermost simplicity, complete freedom from worldly intrusions, selfless expressions of affection, the divinely harmonising influence of the unimpeded 'flute', the effects produced on their consciousness by the entrancingly beautiful music—all these combined to produce within the consciousness of each dancing Gopi a complete realisation of spiritual relationship with the Lord.

Sự đơn giản tột độ, sự hoàn toàn tự do khỏi những xâm nhập trần tục, những biểu hiện tình cảm vị tha, ảnh hưởng hài hòa thiêng liêng của 'cây sáo' không bị cản trở, những tác động được tạo ra đối với tâm thức của Các Cô bởi âm nhạc đẹp mê hồn—tất cả những điều này kết hợp lại để tạo ra trong tâm thức của mỗi Gopi đang nhảy múa một sự nhận ra hoàn toàn về mối quan hệ tinh thần với Đức Chúa.

All these allegories and symbols can be seen as descriptive of two conditions of life—*ashram-like* or monastic on the one hand, and, on the other, interior harmony of consciousness and ecstasy resulting from realised identity with the source of the divine harmony. Under these conditions, divine ecstasy is entered into or, metaphorically, the *rasa lila* is experienced.

Tất cả những phép ẩn dụ và biểu tượng này có thể được xem như mô tả hai trạng thái của cuộc sống—giống như ashram hay tu viện một mặt, và mặt khác, sự hài hòa nội tâm của tâm thức và sự hoan lạc do nhận ra sự đồng nhất với nguồn gốc của sự hài hòa thiêng liêng. Trong những điều kiện này, sự hoan lạc thiêng liêng được bước vào hoặc, một cách ẩn

Thus, the nature of the aspirant to union with the Divine must actually correspond to all these conditions, vividly and beautifully portrayed by the *rasa lila* dance. Then, and then alone, may consciousness be exalted into experience of oneness with the Divine Musician and with the Divine Presence or 'partner' who is at the heart of every human being.

dụ, rasa lila được trải nghiệm. Như vậy, bản chất của người chí nguyện hợp nhất với Đấng Thiêng Liêng phải thực sự tương ứng với tất cả những điều kiện này, được khắc họa một cách sống động và tuyệt đẹp bởi điệu nhảy rasa lila. Khi đó, và chỉ khi đó, tâm thức mới có thể được nâng lên thành trải nghiệm hợp nhất với Nhạc Sĩ Thiêng Liêng và với Sự Hiện Diện Thiêng Liêng hay 'đối tác' vốn là trung tâm của mọi con người.

The *rasa lila* may thus be regarded as a portrayal of a deeply interior state of consciousness and being. Actually, in terms of inner awareness, all the events and all the participants in the Divine Dance are forever present within the appropriate aspect of mystic awareness.

Do đó, rasa lila có thể được coi là một sự miêu tả về một trạng thái tâm thức và tồn tại sâu sắc bên trong. Trên thực tế, về mặt nhận thức bên trong, tất cả các sự kiện và tất cả những người tham gia vào Điệu Nhảy Thiêng Liêng đều mãi mãi hiện diện trong khía cạnh thích hợp của nhận thức huyền bí.

During one of his many travels, the Lord visited the capital city of a monarch who was, not unnaturally perhaps, proud of his supreme rulership. The inhabitants were greatly attracted—as was usually the case wherever He went—to the presence of the Lord Shri Krishna. This angered the king who ordered two policemen to arrest the Divine intruder.

Trong một trong nhiều chuyến du hành của mình, Đức Chúa đã đến thăm thủ đô của một vị quân vương, người có lẽ không ngạc nhiên khi tự hào về quyền thống trị tối cao của mình. Cư dân bị thu hút rất nhiều—như thường lệ ở bất cứ nơi nào Ngài đến—vào sự hiện diện của Đức Chúa Shri Krishna. Điều này khiến nhà vua tức giận, kẻ đã ra lệnh cho hai cảnh sát bắt giữ kẻ xâm nhập Thiêng Liêng.

When these officials joined the large gathering of those being addressed by the Lord, they passed through four successive experiences which outwardly were miraculous, but interiorly and mystically, could the platform appeared to be identical with Him—duplicates, in fact! Thirdly, everyone in the audience proved to be none other than the Divine Speaker Who was addressing them! Unable, in consequence, to arrest the wondrous speaker, the policemen turned to leave the gathering. Beside the door there was a large mirror and as they drew near they saw that they themselves were also the Lord Shri Krishna!

Khi những quan chức này gia nhập đám đông lớn những người đang được Đức Chúa thuyết giảng, họ đã trải qua bốn trải nghiệm liên tiếp vốn bên ngoài thì có vẻ kỳ diệu, nhưng bên trong và huyền bí, có thể bục dường như giống hệt Ngài—thực tế là bản sao! Thứ ba, mọi người trong khán giả đều hóa ra không ai khác chính là Diễn Giả Thiêng Liêng vốn đang thuyết giảng cho họ! Do đó, không thể bắt giữ diễn giả kỳ diệu, các cảnh sát quay sang rời khỏi đám đông. Bên cạnh cửa có một chiếc gương lớn và khi họ đến gần, họ thấy rằng chính họ cũng là Đức Chúa Shri Krishna!

Contemplating this illuminating allegory, one is at once reminded of the affirmation made by the Lord Himself: 'He who seeth Me in everything and everything in Me, of him will I never lose hold, and he shall never lose hold of Me' (*The Bhagavad Gita,* translated by Annie Besant).

Chiêm ngưỡng phép ẩn dụ khai sáng này, người ta ngay lập tức nhớ đến lời khẳng định của chính Đức Chúa: 'Kẻ nào thấy Ta trong mọi sự và mọi sự trong Ta, Ta sẽ không bao giờ buông bỏ y, và y sẽ không bao giờ buông bỏ Ta' (Bhagavad Gita, do Annie Besant dịch).

The jealous, self-centred king personifies a possessive attitude, resentful of intrusion especially from 'within'. The policemen, however, were not similarly restricted, for they were loyal servants of the State and so completely impersonal—the whole secret! Thus, a complete transformation of consciousness inevitably took place. This was demonstrated when, fully illuminated, they were unable to distinguish themselves from the Divine Lord Himself.

Vị vua ghen tị, tự cho mình là trung tâm nhân cách hóa một thái độ chiếm hữu, phẫn uất trước sự xâm nhập đặc biệt là từ 'bên trong'. Tuy nhiên, các cảnh sát không bị hạn chế tương tự, vì họ là những người phục vụ trung thành của Nhà nước và do đó hoàn toàn vô tư —toàn bộ bí mật! Như vậy, một sự biến đổi hoàn toàn về tâm thức đã diễn ra một cách tất yếu. Điều này đã được chứng minh khi, được khai sáng hoàn toàn, họ không thể phân biệt mình với chính Đức Chúa Thiêng Liêng.

When the Vision Splendid is experienced—the Deity being seen and known both without and within in a full, interior realisation of oneness with the Divine—it will nevermore be lost. Not dissimilarly, the Lord Jesus Christ affirmed: 'I am in my Father, and ye in me, and I in you' (St John, 14:20). In Yogic terms 'Eternal identity with the One Alone' is realised. The Supreme Objective has been attained.

Khi Tầm Nhìn Tuyệt Vời được trải nghiệm—Thượng đế được nhìn thấy và được biết cả bên ngoài và bên trong trong một sự nhận ra đầy đủ, nội tâm về sự hợp nhất với Đấng Thiêng Liêng—nó sẽ không bao giờ bị mất nữa. Tương tự như vậy, Đức Chúa Jesus Christ đã khẳng định: 'Ta ở trong Cha Ta, và các ngươi ở trong Ta, và Ta ở trong các ngươi' (St John, 14:20). Theo thuật ngữ Yoga, 'Sự đồng nhất vĩnh cửu với Đấng Duy Nhất' được nhận ra. Mục Tiêu Tối Thượng đã đạt được.

The Theosophist, Vol. 102, 1981, June 1981, p. 353

The Theosophist, Vol. [2]102[/h2], [2]1981[/h2], June [2]1981[/h2], tr. [2]353[/h2]

157

New Zealand and the Emergence of the Sixth Sub-Race—*New Zealand và Sự Xuất Hiện của Giống Dân Phụ Thứ Sáu*

Home of a New Civilisation

Quê Hương của một Nền Văn Minh Mới

As students of Theosophical literature are aware, New Zealand is one of the four

Như các đạo sinh của văn học Thông Thiên Học đã biết, New Zealand là một trong bốn

especially selected countries in which a sixth sub-race and civilisation of the Aryan Root Race will develop. The physically isolated position of the country, its natural resources, the original fertility of the soil, its climatic advantages, scenic beauty, the presence of the Maoris and other individual characteristics, all combine to make New Zealand an ideal centre for the development of a new civilisation and a new and unique type of human being.

New Zealand is not alone in having been chosen for this purpose. Sixth sub-race types are appearing throughout the Aryan Race: North America, South Africa and Australia are also said to be countries into which the immigration of selected types of people has been inspired and where modifications of the sixth sub-race type will also appear.

In the light of Theosophy the present world suffering may well be interpreted as both the death throes of an old civilisation and the birth pangs of a new. A new type of human physical body, of emotional self-expression, of mental outlook and newly conceived spiritual ideals, are now being born into the world. As this process continues, a new civilisation, a new world era and a re-expressed world religion will appear on earth.

quốc gia được lựa chọn đặc biệt, nơi một giống dân phụ và nền văn minh thứ sáu của Arya Gốc sẽ phát triển. Vị trí biệt lập về mặt vật lý của đất nước, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, độ phì nhiêu ban đầu của đất, những lợi thế về khí hậu, vẻ đẹp phong cảnh, sự hiện diện của người Maori và các đặc điểm cá nhân khác, tất cả kết hợp lại để biến New Zealand thành một trung tâm lý tưởng cho sự phát triển của một nền văn minh mới và một kiểu người mới và độc đáo.

New Zealand không đơn độc trong việc được chọn cho mục đích này. Các kiểu giống dân phụ thứ sáu đang xuất hiện trên khắp Arya: Bắc Mỹ, Nam Phi và Úc cũng được cho là những quốc gia mà sự nhập cư của những kiểu người được chọn đã được truyền cảm hứng và nơi những sửa đổi của kiểu giống dân phụ thứ sáu cũng sẽ xuất hiện.

Dưới ánh sáng của Thông Thiên Học, sự đau khổ của thế giới hiện tại có thể được hiểu là những cơn hấp hối của một nền văn minh cũ và những cơn đau đẻ của một nền văn minh mới. Một kiểu thân thể hồng trần mới của con người, về biểu hiện cảm xúc, về quan điểm trí tuệ và những lý tưởng tinh thần mới được hình thành, hiện đang được sinh ra trên thế giới. Khi quá trình này tiếp tục, một nền văn minh mới, một kỷ nguyên thế giới mới và một tôn giáo thế giới được tái biểu hiện sẽ xuất hiện trên trái đất.

The New Race Man

Người của Giống Dân Mới

In which directions is racial evolution tending? What, for example, will be the physical appearance and mental characteristics of New Race man? From a study of the views of ethnologists, psychologists and teachers, combined with a close Theosophical observation of the finest types of young people in the United States, in

Sự tiến hóa chủng tộc đang có xu hướng theo hướng nào? Ví dụ, diện mạo vật lý và đặc điểm trí tuệ của người của Giống Dân Mới sẽ như thế nào? Từ việc nghiên cứu quan điểm của các nhà dân tộc học, nhà tâm lý học và huấn sư, kết hợp với sự quan sát Thông Thiên Học chặt chẽ về những kiểu người trẻ tuổi tốt nhất ở Hoa Kỳ, ở Nam Phi, ở năm Bang của Úc và ở đây

South Africa, in the five States of Australia and here in New Zealand, I have tentatively conceived a composite picture of the type to which the race appears to be developing.

tại New Zealand, tôi đã tạm thời hình dung ra một bức tranh tổng hợp về kiểu người mà chủng tộc dường như đang phát triển.

Here is the young man. He is essentially virile both mentally and physically, yet he is neither coarse nor rough. He is sensitive and refined, responsive to beauty, humane and possessed of both independence and breadth of outlook. Physically, especially in Australia, he is tall, athletic and somewhat slender of form. In New Zealand the build is shorter and stockier, and the girls would seem to give promise of being taller than the boys.

Đây là chàng trai trẻ. Về bản chất, y cường tráng cả về trí tuệ lẫn thể chất, nhưng y không thô lỗ cũng không cục cằn. Y nhạy cảm và tinh tế, đáp ứng với vẻ đẹp, nhân đạo và sở hữu cả sự độc lập và tầm nhìn rộng lớn. Về mặt thể chất, đặc biệt là ở Úc, y cao, khỏe mạnh và có dáng người hơi mảnh khảnh. Ở New Zealand, vóc dáng thấp hơn và chắc nịch hơn, và các cô gái dường như hứa hẹn sẽ cao hơn các chàng trai.

The facial characteristics are everywhere much the same, the features finely modelled and straight. The head is pear-shaped, the chin pointed and the forehead broad, making the face somewhat triangular. A certain eagerness, a vivid alertness, is stamped upon the whole face, and in youth there is a light in the eyes not easily described. This light is nevertheless profoundly suggestive of the splendour of the future of the peoples of the New Race, a splendour already dawning in the youth of today. The New Age man promises to be handsome and virile, chivalrous, strong yet wonderfully tender, courageous yet ever kind.

Các đặc điểm trên khuôn mặt ở khắp mọi nơi đều giống nhau, các đường nét được tạo hình tinh xảo và thẳng. Đầu có hình quả lê, cằm nhọn và trán rộng, khiến khuôn mặt hơi hình tam giác. Một sự háo hức nhất định, một sự cảnh giác sống động, được in dấu trên toàn bộ khuôn mặt, và ở tuổi trẻ có một ánh sáng trong mắt không dễ mô tả. Tuy nhiên, ánh sáng này gợi ý sâu sắc về sự huy hoàng của tương lai của các dân tộc của Giống Dân Mới, một sự huy hoàng đã bắt đầu ló dạng ở giới trẻ ngày nay. Người của Kỷ Nguyên Mới hứa hẹn sẽ đẹp trai và cường tráng, hào hiệp, mạnh mẽ nhưng vô cùng dịu dàng, dũng cảm nhưng luôn tử tế.

The women, too, are slender and athletic, displaying especially the quality of grace. The ideal of physical beauty and perfection makes great appeal to them. They take extreme care of their persons, their appearance, their dress. Again the face is triangular, the head pear-shaped, the features becoming clear-cut, regular, and more and more refined as the racial type is established. The texture of the skin is notably fine; the hands and feet are beautifully formed. There is a certain aura of vitality shining about them. Lovers of beauty and of all the arts—successful artists in many

Những người phụ nữ cũng mảnh mai và khỏe mạnh, đặc biệt thể hiện phẩm chất duyên dáng. Lý tưởng về vẻ đẹp và sự hoàn hảo thể chất có sức hấp dẫn lớn đối với họ. Họ cực kỳ chăm chút đến bản thân, ngoại hình và trang phục của mình. Một lần nữa, khuôn mặt có hình tam giác, đầu hình quả lê, các đường nét trở nên sắc sảo, đều đặn và ngày càng tinh tế hơn khi kiểu hình chủng tộc được thiết lập. Kết cấu da đặc biệt mịn; bàn tay và bàn chân có hình dáng đẹp. Có một hào quang nhất định về sức sống tỏa sáng xung quanh họ. Những người yêu cái đẹp và tất cả các loại hình nghệ

cases—dancing is probably their favourite art. They are naturally intuitive and, as they grow older, prove to be possessed of an innate wisdom.

thuật—trong nhiều trường hợp là những nghệ sĩ thành công—khiêu vũ có lẽ là môn nghệ thuật yêu thích của họ. Vốn dĩ họ đã trực giác và khi lớn lên, họ chứng tỏ mình sở hữu một sự minh triết bẩm sinh.

Even now these young people of the New Age may be seen in each of the four countries. Their photographs appear in the newspapers and one sees them in the schools, on the sports grounds and beaches, in the shops and in the streets; for in very truth the four New Race homes are already producing each its own particular and splendid variant of the sixth sub-race.

Ngay cả bây giờ, những người trẻ tuổi này của Kỷ Nguyên Mới có thể được nhìn thấy ở mỗi quốc gia trong số bốn quốc gia. Ảnh của họ xuất hiện trên báo và người ta thấy họ ở trường học, trên sân thể thao và bãi biển, trong các cửa hàng và trên đường phố; vì trên thực tế, bốn ngôi nhà của Chủng Tộc Mới đã tạo ra mỗi ngôi nhà một biến thể đặc biệt và tuyệt vời của giống dân phụ thứ sáu.

The great value of Theosophical teaching is, first, its unique comprehensiveness, the great sweep of vision which it enables the student to enjoy, and, secondly, its delineation of the place of the individual human being in the great plan of evolution. According to Theosophy, there is not one human being who is not significant, who has not both his own important place to fill and his own uniquely important part to play in the fulfilment of the great plan. Man, says Theosophy, is called to collaborate with the Guiding Intelligence of the Universe and his willing and intelligent co-operation constitutes his only road to real and lasting happiness. This being the case, it is of special interest, particularly to all New Zealanders who are able to accept the Theosophical view of life and of racial evolution, to consider the best means of assisting in the fulfilment of New Zealand's destiny.

Giá trị to lớn của giáo lý Thông Thiên Học, thứ nhất, là tính toàn diện độc đáo của nó, tầm nhìn bao quát tuyệt vời mà nó cho phép đạo sinh tận hưởng, và thứ hai, là sự phác họa vị trí của con người cá nhân trong thiên cơ tiến hóa vĩ đại. Theo Thông Thiên Học, không có một con người nào là không quan trọng, người không có cả vị trí quan trọng của riêng mình để lấp đầy và vai trò quan trọng độc đáo của riêng mình để đóng góp vào việc hoàn thành thiên cơ vĩ đại. Thông Thiên Học nói rằng con người được kêu gọi cộng tác với Trí Tuệ Dẫn Đường của Vũ Trụ và sự hợp tác sẵn sàng và thông minh của y cấu thành con đường duy nhất dẫn đến hạnh phúc thực sự và lâu dài. Vì vậy, đặc biệt đối với tất cả người New Zealand, những người có thể chấp nhận quan điểm Thông Thiên Học về cuộc sống và sự tiến hóa của chủng tộc, việc xem xét các phương tiện tốt nhất để hỗ trợ hoàn thành vận mệnh của New Zealand là một điều đặc biệt thú vị.

Presumably the two classes of individuals most intimately concerned with the process of Nation-building are the parents and the teachers. Each clearly has the opportunity of making a unique contribution to the birth of the New Race.

Có lẽ hai tầng lớp cá nhân liên quan mật thiết nhất đến quá trình xây dựng quốc gia là cha mẹ và giáo viên. Mỗi người rõ ràng có cơ hội đóng góp độc đáo vào sự ra đời của Chủng Tộc Mới.

Parental Contribution

Đóng góp của cha mẹ

What, may we assume, is the ideal parental contribution to the birth of the New Race type of body into which advanced souls may incarnate? Though the ideal may not yet be expected and all concepts must be very flexible, it may be of both interest and value to try to formulate certain ideals. We may assume it to be most desirable, for example, that parents of New Age children should have an outlook on life which is as wide and catholic as possible. Their interests should extend beyond the round of domestic, recreational, business and professional life which forms the physical and intellectual boundary for so many people. They should take a definite interest in the progress of their Nation and especially in all those reform movements which directly or indirectly affect the child. The abolition of every form of cruelty to children and the new ideals in education, such as those so finely conceived and presented by the New Education Fellowship, should more especially engage their attention. Indeed, the foundation of that great movement may itself be regarded as a distinct sign of the approach of a New Age, for advanced Egos require the most humane and sympathetic home and school life which can possibly be provided for them.

Chúng ta có thể cho rằng đóng góp lý tưởng của cha mẹ vào sự ra đời của kiểu hình thể Chủng Tộc Mới, nơi mà các linh hồn tiến hóa có thể hóa thân là gì? Mặc dù lý tưởng có thể chưa được mong đợi và tất cả các khái niệm phải rất linh hoạt, nhưng việc cố gắng xây dựng một số lý tưởng có thể vừa thú vị vừa có giá trị. Ví dụ, chúng ta có thể cho rằng điều mong muốn nhất là cha mẹ của những đứa trẻ Kỷ Nguyên Mới nên có một cái nhìn về cuộc sống rộng rãi và bao quát nhất có thể. Sở thích của họ nên mở rộng ra ngoài các hoạt động sinh hoạt gia đình, giải trí, kinh doanh và nghề nghiệp, vốn tạo thành ranh giới thể chất và trí tuệ cho rất nhiều người. Họ nên quan tâm đến sự tiến bộ của Quốc gia của họ và đặc biệt là tất cả các phong trào cải cách ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến trẻ em. Việc bãi bỏ mọi hình thức tàn ác đối với trẻ em và những lý tưởng mới trong giáo dục, chẳng hạn như những lý tưởng được Liên Đoàn Giáo Dục Mới hình thành và trình bày một cách tuyệt vời, nên thu hút sự chú ý của họ hơn. Thật vậy, nền tảng của phong trào vĩ đại đó có thể được coi là một dấu hiệu rõ ràng về sự xuất hiện của một Kỷ Nguyên Mới, vì các chân ngã tiến hóa đòi hỏi cuộc sống gia đình và trường học nhân đạo và cảm thông nhất có thể được cung cấp cho họ.

Since cultural advances are to be expected, appreciation of, and where possible proficiency in, one or more of the arts would appear to be desirable in the would-be parents of advanced children. Love of beauty will be one of the outstanding characteristics of the New Race, and this therefore should be inculcated in the children, by the beauty both of the home itself and of the lives lived therein.

Vì những tiến bộ văn hóa được mong đợi, nên sự đánh giá cao và nếu có thể, sự thành thạo trong một hoặc nhiều môn nghệ thuật dường như là điều đáng mong muốn ở những người muốn trở thành cha mẹ của những đứa trẻ tiến bộ. Tình yêu cái đẹp sẽ là một trong những đặc điểm nổi bật của Chủng Tộc Mới, và do đó, điều này nên được thấm nhuần cho trẻ em, bằng vẻ đẹp của cả ngôi nhà và cuộc sống được sống ở đó.

Religion should be both mystical and

Tôn giáo nên vừa thần bí vừa thiết thực. Một

practical. Some form of daily religious exercises leading to individual spiritual experience would doubtless be especially valuable in keeping open the channels between the Inner Immortal Self and the personal bodily life of parents and teachers of the New Age. Regular daily meditation, and the consecration of the whole life to the service of the Nation, the World and the One Will are therefore most desirable.

số hình thức thực hành tôn giáo hàng ngày dẫn đến trải nghiệm tinh thần cá nhân chắc chắn sẽ đặc biệt có giá trị trong việc giữ cho các kênh giữa Chân Ngã Bất Tử Bên Trong và đời sống thể xác cá nhân của cha mẹ và giáo viên của Kỷ Nguyên Mới luôn mở. Do đó, thiền định hàng ngày thường xuyên và sự hiến dâng toàn bộ cuộc sống để phụng sự Quốc gia, Thế giới và Ý Chí Duy Nhất là điều đáng mong muốn nhất.

From the point of view both of spiritual responsiveness and of physical health, abstinence from alcohol is essential in those parents who would give birth to the finest types of children. Alcohol, even when moderately indulged in, amongst other injuries to the body, poisons and inflames the pituitary gland which is one all-important part of the mechanism of consciousness whence inspiration, Egoic guidance and increasing responsiveness to the finer things of life reach the brain consciousness.

Từ quan điểm về khả năng đáp ứng tinh thần và sức khỏe thể chất, việc kiêng rượu là điều cần thiết đối với những bậc cha mẹ muốn sinh ra những đứa trẻ có kiểu hình tốt nhất. Rượu, ngay cả khi được nuông chiều ở mức độ vừa phải, trong số những tổn thương khác cho cơ thể, sẽ đầu độc và gây viêm tuyến yên, vốn là một phần quan trọng trong cơ chế tâm thức, từ đó cảm hứng, sự hướng dẫn của chân ngã và khả năng đáp ứng ngày càng tăng đối với những điều tốt đẹp hơn của cuộc sống đạt đến tâm thức bộ não.

Though not to be generally expected as yet, vegetarianism is also most important, and not alone from the point of view of the purity of the blood stream and of physical health in general, but because all meat-eaters participate in the cruelty inseparable from the meat trade. They therefore must also participate in the resultant karmic adversities which include both spiritual blindness and physical disease. Furthermore meat-eating coarsens both the mental outlook and the moral fibre of the whole Personality. Animal flesh food intensifies the animal passions in man and tends to accentuate the strong sense of separated Individuality which has necessarily been the mark of preceding races, but which must disappear before the new world-era of humaneness, brotherhood and peace may dawn. The establishment of a strong and active vegetarian movement in

Mặc dù chưa được mong đợi nói chung, nhưng ăn chay cũng rất quan trọng, và không chỉ từ quan điểm về sự tinh khiết của dòng máu và sức khỏe thể chất nói chung, mà còn vì tất cả những người ăn thịt đều tham gia vào sự tàn ác không thể tách rời khỏi ngành buôn bán thịt. Do đó, họ cũng phải tham gia vào những nghịch cảnh nghiệp quả do đó, bao gồm cả sự mù quáng tinh thần và bệnh tật thể chất. Hơn nữa, việc ăn thịt làm thô thiển cả quan điểm trí tuệ và phẩm chất đạo đức của toàn bộ phàm ngã. Thực phẩm thịt động vật làm tăng cường những đam mê động vật trong con người và có xu hướng làm nổi bật ý thức mạnh mẽ về Tính Cá Nhân tách biệt, vốn nhất thiết là dấu ấn của các chủng tộc trước đây, nhưng phải biến mất trước khi kỷ nguyên thế giới mới về lòng nhân ái, tình huynh đệ và hòa bình có thể ló dạng. Do đó, việc thành lập một phong trào ăn chay mạnh mẽ và tích cực ở New Zealand là điều

New Zealand is therefore most desirable. Those who come forward and achieve this will perform a service to the nation of incalculable value.

đáng mong muốn nhất. Những người đứng ra và đạt được điều này sẽ thực hiện một sự phụng sự cho quốc gia có giá trị không thể tính toán được.

The period of prenatal life is of the utmost importance in the production of the finest type of body and the attraction of the finest type of Ego. The home therefore should be as harmonious as possible. Every thing should be done to maintain the mother-to-be in health and happiness, and she herself should constantly turn her thoughts to the ideals of the New Age.

Giai đoạn tiền sản có tầm quan trọng tối đa trong việc tạo ra kiểu hình thể tốt nhất và thu hút kiểu hình chân ngã tốt nhất. Do đó, ngôi nhà nên hài hòa nhất có thể. Mọi thứ nên được thực hiện để duy trì sức khỏe và hạnh phúc cho người mẹ tương lai, và bản thân bà ấy nên liên tục hướng suy nghĩ của mình đến những lý tưởng của Kỷ Nguyên Mới.

From birth onwards it is important that all discipline should take the form of redirection rather than suppression of the budding and often overflowing energies of youth. Above all, corporal punishment should be unthinkable, not only where new and sensitive racial types are concerned, but in the training of all children. Cruelty destroys the harmony of the relation between the Ego and its vehicles, and instead of encouraging a fuller and freer self-expression through the body, tends to drive the Ego back in humiliated retreat. Nothing, one assumes, would more surely prevent an evolved and therefore sensitive Ego from taking incarnation with prospective parents than the existence in them of the bad temper, ignorance, brutality or streak of sadism from which corporal punishment so often arises. Love, unfailing kindness, refinement, a wise redirection of any misdirected energies and interests and a continued appeal to reason are the corrective means which must be applied to the sensitive and responsive child of today and tomorrow.

Từ khi sinh ra, điều quan trọng là tất cả kỷ luật nên có hình thức chuyển hướng hơn là đàn áp những năng lượng đang nảy nở và thường tràn đầy của tuổi trẻ. Trên hết, hình phạt thể xác là điều không thể tưởng tượng được, không chỉ đối với các kiểu hình chủng tộc mới và nhạy cảm, mà còn trong việc huấn luyện tất cả trẻ em. Sự tàn ác phá hủy sự hài hòa trong mối quan hệ giữa chân ngã và các vận cụ của nó, và thay vì khuyến khích sự tự thể hiện đầy đủ và tự do hơn thông qua cơ thể, nó có xu hướng đẩy chân ngã trở lại trong sự rút lui tủi nhục. Người ta cho rằng không có gì có thể ngăn cản một chân ngã tiến hóa và do đó nhạy cảm hóa thân với cha mẹ tương lai hơn là sự tồn tại trong họ của tính khí xấu, sự thiếu hiểu biết, sự tàn bạo hoặc vệt sadism mà từ đó hình phạt thể xác thường phát sinh. Tình yêu, lòng tốt vô bờ bến, sự tinh tế, sự chuyển hướng khôn ngoan của bất kỳ năng lượng và sở thích bị định hướng sai nào và sự kêu gọi liên tục đến lý trí là những phương tiện điều chỉnh phải được áp dụng cho đứa trẻ nhạy cảm và dễ tiếp thu của ngày hôm nay và ngày mai.

An active parent education movement, giving training in child psychology, is much to be desired in New Zealand.

Một phong trào giáo dục phụ huynh tích cực, cung cấp đào tạo về tâm lý trẻ em, rất được mong muốn ở New Zealand.

Health Interests

Looking outward from the home, it is obviously essential that National policy in all matters concerning the health of the people should be wisely planned and firmly carried out. Scientific dietetics should receive close attention from the whole Nation. At this point, the author asks permission as a visitor to draw attention to certain misgivings which he finds to exist in the minds of reformers in New Zealand. The first of these concerns the condition of the soil of the country, the material basis of life. One can readily see the great importance to the health of the community of such matters as scientific farming and the preservation of the fertility of the soil by composting, rotation of crops and due periods of rest. Upon the fertility of the soil and the consequent nutrient properties of all agricultural products, including meat and dairy produce, depends the health of the Nation.

Here in New Zealand, students of this subject are expressing grave doubts concerning the excessive use of chemical fertilisers. They point out that farming, gardening and fruit growing have become, in quite recent years, a constant struggle against pests and diseases which are not found in older lands where vegetable humus is used instead of chemical fertilisers. A movement now exists to encourage the fertilisation of the soil with compost manure made from animal and vegetable wastes. By this means the humus taken from the soil is put back and maintained according to Nature's own method. Measures suggested for the cure of New Zealand's agricultural difficulties are composting, special organic soil activators, proper balance of live stock and of foodstuffs grown on the farm and special soil rejuvenating rotations.

Mối quan tâm về sức khỏe

Nhìn ra bên ngoài từ ngôi nhà, rõ ràng là chính sách quốc gia trong tất cả các vấn đề liên quan đến sức khỏe của người dân phải được lên kế hoạch một cách khôn ngoan và thực hiện một cách vững chắc. Chế độ ăn uống khoa học nên được toàn dân quan tâm chặt chẽ. Tại thời điểm này, tác giả xin phép với tư cách là một du khách để thu hút sự chú ý đến những lo ngại nhất định mà ông nhận thấy tồn tại trong tâm trí của những nhà cải cách ở New Zealand. Điều đầu tiên trong số này liên quan đến tình trạng đất đai của đất nước, nền tảng vật chất của cuộc sống. Người ta có thể dễ dàng thấy tầm quan trọng lớn đối với sức khỏe của cộng đồng về các vấn đề như canh tác khoa học và bảo tồn độ phì nhiêu của đất bằng cách ủ phân, luân canh cây trồng và thời gian nghỉ ngơi thích hợp. Sức khỏe của Quốc gia phụ thuộc vào độ phì nhiêu của đất và các đặc tính dinh dưỡng do đó của tất cả các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm cả thịt và các sản phẩm từ sữa.

Ở New Zealand, các đạo sinh của môn học này đang bày tỏ những nghi ngờ nghiêm trọng về việc sử dụng quá nhiều phân bón hóa học. Họ chỉ ra rằng việc trồng trọt, làm vườn và trồng cây ăn quả đã trở thành, trong những năm gần đây, một cuộc đấu tranh liên tục chống lại sâu bệnh không được tìm thấy ở những vùng đất cũ hơn, nơi sử dụng mùn thực vật thay vì phân bón hóa học. Một phong trào hiện đang tồn tại để khuyến khích việc bón phân cho đất bằng phân ủ làm từ chất thải động vật và thực vật. Bằng cách này, lớp mùn lấy từ đất được đưa trở lại và duy trì theo phương pháp riêng của Mẹ Thiên Nhiên. Các biện pháp được đề xuất để chữa trị những khó khăn trong nông nghiệp của New Zealand là ủ phân, chất kích hoạt đất hữu cơ đặc biệt, cân bằng hợp lý vật nuôi và thực phẩm được trồng trên trang trại và luân canh trẻ hóa đất đặc biệt.

If New Zealand is to fulfil her promise of becoming the mother of a new and finer race of men, then indeed such basic problems as these must quickly be solved. One is therefore very glad to find this subject being ventilated in New Zealand, for agriculture is the key to the Nation's health. Most illness results physically from wrong nutrition, and against malnutrition the finest efforts of the doctor cannot succeed.

Nếu New Zealand thực hiện lời hứa trở thành mẹ của một chủng tộc người mới và tốt đẹp hơn, thì những vấn đề cơ bản như thế này phải được giải quyết nhanh chóng. Do đó, người ta rất vui khi thấy chủ đề này được đưa ra ở New Zealand, vì nông nghiệp là chìa khóa cho sức khỏe của Quốc gia. Hầu hết các bệnh tật về thể chất đều do dinh dưỡng sai, và chống lại tình trạng suy dinh dưỡng, những nỗ lực tốt nhất của bác sĩ không thể thành công.

Space does not permit a consideration in this article of other great problems confronting New Zealand. One hears many expressions of alarm concerning the relative smallness of the population, the extent of the consumption of alcohol, especially amongst the young people, and the consequent decline of health and morality. This is a most serious detriment to successful nation building, and just as vegetarianism needs its active and effective crusaders in New Zealand, so also, it would appear, does the cause of temperance. The most promising treatment for all these national ills would seem to consist of an extension of the present scope and field of education, both at home and at school. The aspect of education which directly affects human character and which inculcates civic and national responsibility, must surely be developed and greatly extended. At present education is not primarily concerned with character, psychological development, good citizenship, nation building and world planning and the interest of young people is not directed towards these all important subjects. Under present conditions, capacity to earn a living is not unnaturally the chief concern of parents and of almost every boy and girl.

Không gian không cho phép xem xét trong bài viết này các vấn đề lớn khác mà New Zealand đang phải đối mặt. Người ta nghe thấy nhiều biểu hiện báo động về quy mô tương đối nhỏ của dân số, mức độ tiêu thụ rượu, đặc biệt là trong giới trẻ và sự suy giảm sức khỏe và đạo đức do đó. Đây là một bất lợi nghiêm trọng nhất đối với việc xây dựng quốc gia thành công, và giống như việc ăn chay cần những người tiên phong tích cực và hiệu quả ở New Zealand, thì dường như, nguyên nhân của sự điều độ cũng vậy. Phương pháp điều trị hứa hẹn nhất cho tất cả những căn bệnh quốc gia này dường như bao gồm việc mở rộng phạm vi và lĩnh vực giáo dục hiện tại, cả ở nhà và ở trường. Khía cạnh giáo dục ảnh hưởng trực tiếp đến tính cách con người và thấm nhuần trách nhiệm công dân và quốc gia, chắc chắn phải được phát triển và mở rộng rất nhiều. Hiện tại, giáo dục không chủ yếu liên quan đến tính cách, sự phát triển tâm lý, quyền công dân tốt, xây dựng quốc gia và lập kế hoạch thế giới, và sự quan tâm của những người trẻ tuổi không hướng đến những chủ đề quan trọng này. Trong điều kiện hiện tại, khả năng kiếm sống không phải là mối quan tâm chính của cha mẹ và hầu hết mọi bé trai và bé gái.

The majority of children leave school at the end of primary education and so are too young for the development of character, of civic

Phần lớn trẻ em rời trường khi kết thúc chương trình giáo dục tiểu học và do đó còn quá trẻ để phát triển tính cách, tinh thần công

mindedness and the higher qualities of human nature. Nevertheless, it would appear to be axiomatic that the education of the future will be obliged to include character building within the scope of its activities. In addition to imparting knowledge, to training in efficiency, and to preparing for life, education will almost certainly be obliged deliberately to endeavour to awaken youth to a vision of excellence; to make men, honest men, chivalrous men, great men, noble men, civic-minded men, men of goodwill, of sterling character, men and women who will love and serve their fellow men.

dân và những phẩm chất cao hơn của bản chất con người. Tuy nhiên, dường như là một tiên đề rằng nền giáo dục của tương lai sẽ buộc phải bao gồm việc xây dựng tính cách trong phạm vi hoạt động của nó. Ngoài việc truyền đạt kiến thức, đào tạo về hiệu quả và chuẩn bị cho cuộc sống, giáo dục gần như chắc chắn sẽ buộc phải cố gắng một cách có chủ ý để đánh thức thanh niên đến một tầm nhìn về sự xuất sắc; để tạo ra những người đàn ông, những người đàn ông trung thực, những người đàn ông hào hiệp, những người đàn ông vĩ đại, những người đàn ông cao quý, những người đàn ông có tinh thần công dân, những người đàn ông có thiện chí, có tính cách xuất sắc, những người đàn ông và phụ nữ sẽ yêu thương và phụng sự đồng loại của họ.

Such surely should be the one great objective of the education of the New Age and especially of the countries in which variants of the sixth sub-race are to be developed. Civilisation marches forward on the feet of little children, and it is ever the youth of a Nation which responds most readily to high ideals raised up as landmarks of the future. The hope of future world peace, of the birth of a newer and finer type of human being, of the development of a new sub-race, would seem therefore to depend very largely upon an extension of the scope and field of education.

Chắc chắn đó phải là một mục tiêu lớn của nền giáo dục của Kỷ Nguyên Mới và đặc biệt là của các quốc gia nơi các biến thể của giống dân phụ thứ sáu sẽ được phát triển. Nền văn minh tiến lên trên đôi chân của những đứa trẻ nhỏ, và chính tuổi trẻ của một Quốc gia luôn sẵn sàng đáp ứng những lý tưởng cao cả được nêu lên như những cột mốc của tương lai. Do đó, hy vọng về hòa bình thế giới trong tương lai, về sự ra đời của một kiểu người mới và tốt đẹp hơn, về sự phát triển của một giống dân phụ mới, dường như phụ thuộc rất nhiều vào việc mở rộng phạm vi và lĩnh vực giáo dục.

Women in Affairs

Phụ nữ trong công việc

One characteristic of the New Age will doubtless be the increasing participation by women in Civic, National and International Affairs. Before this can come about, training in the home and in the school of the girls of the Nation in preparation for some form of public life must be provided. In their last years at school, and on leaving, most girls are naturally concerned with their personal interests and their careers. But surely there

Một đặc điểm của Kỷ Nguyên Mới chắc chắn sẽ là sự tham gia ngày càng tăng của phụ nữ vào các vấn đề dân sự, quốc gia và quốc tế. Trước khi điều này có thể xảy ra, cần phải cung cấp sự đào tạo tại nhà và tại trường cho các bé gái của Quốc gia để chuẩn bị cho một số hình thức đời sống công cộng. Trong những năm cuối ở trường và khi rời trường, hầu hết các cô gái đều quan tâm đến lợi ích cá nhân và sự nghiệp của mình. Nhưng chắc chắn sẽ có một số người

will be a certain number in every school who find themselves drawn to the ideal of public service, political life and social reform. Such girls should, I submit, receive every encouragement both, at home and at school. Every possible opportunity should be provided in preparation for such a splendid career.

trong mỗi trường học cảm thấy mình bị thu hút bởi lý tưởng phụng sự công chúng, đời sống chính trị và cải cách xã hội. Tôi xin trình bày rằng những cô gái như vậy nên nhận được mọi sự khuyến khích cả ở nhà và ở trường. Mọi cơ hội có thể nên được cung cấp để chuẩn bị cho một sự nghiệp tuyệt vời như vậy.

Classes on national administration and national problems, addresses by public men and women, debates on public questions supervised by experts, could all be arranged in both boys' and girls' schools, where such extensions of the curriculum would seem to be very desirable. For then the nation will produce and schools and colleges will train a growing number of leaders of both sexes, all imbued with high ideals of service to the nation and mankind, and especially prepared to enter public life.

Các lớp học về quản trị quốc gia và các vấn đề quốc gia, các bài phát biểu của những người nam và nữ làm việc trong lĩnh vực công, các cuộc tranh luận về các vấn đề công do các chuyên gia giám sát, tất cả có thể được sắp xếp ở cả trường nam sinh và nữ sinh, nơi mà những mở rộng của chương trình giảng dạy như vậy dường như rất đáng mong muốn. Vì khi đó quốc gia sẽ sản sinh ra và các trường học và cao đẳng sẽ đào tạo ra một số lượng ngày càng tăng các nhà lãnh đạo của cả hai giới, tất cả đều thấm nhuần những lý tưởng cao đẹp về phụng sự quốc gia và nhân loại, và đặc biệt chuẩn bị để bước vào đời sống công chúng.

Such are some of the thoughts which arise in the mind of the student of Theosophy who, knowing a little of the Great Plan, watches closely the progress towards nationhood of the people of the youngest of the Dominions.

Đó là một vài trong số những suy nghĩ nảy sinh trong thể trí của người nghiên cứu Thông Thiên Học, vốn hiểu biết một chút về Thiên Cơ Vĩ Đại, theo dõi sát sao tiến trình hướng tới quốc gia của người dân thuộc Địa hạt trẻ nhất.

Cultural Contribution

Đóng góp Văn hóa

The suggestion has been made that the particular contribution to human progress which the New Zealand variant of the sixth sub-race will make will be cultural. Seers with their eyes on the future of this country have envisaged it as a modern Greece where great artists, great schools of art and great cultural centres will arise. This is a magnificent ideal and, if it is to be realised, again it would seem to be essential that a beginning be made in the schools. The creative spirit, the love of beauty and the capacity to perceive and to portray

Đã có ý kiến cho rằng sự đóng góp đặc biệt cho sự tiến bộ của nhân loại mà biến thể New Zealand của giống dân phụ thứ sáu sẽ tạo ra sẽ là văn hóa. Các nhà ngoại cảm với đôi mắt hướng về tương lai của đất nước này đã hình dung nó như một Hy Lạp hiện đại, nơi những nghệ sĩ vĩ đại, những trường phái nghệ thuật vĩ đại và những trung tâm văn hóa vĩ đại sẽ xuất hiện. Đây là một lý tưởng tuyệt vời và, nếu nó thành hiện thực, thì dường như điều cần thiết là phải bắt đầu từ các trường học. Tinh thần sáng tạo, tình yêu cái đẹp và khả

beauty, will need to be encouraged by every possible means in the homes and schools of a country which is to become a modern Greece. All too often, natural creative genius is discouraged in a system where Individuality and originality upset the smooth working of an educational machine of which large classes are a predominant characteristic. Yet both the creative impulse and the creative faculty exist, often exuberantly, in the young people of today. How often are they destroyed before they ever come to fruition?

năng cảm nhận và khắc họa cái đẹp, sẽ cần được khuyến khích bằng mọi phương tiện có thể trong các gia đình và trường học của một đất nước sẽ trở thành một Hy Lạp hiện đại. Thông thường, thiên tài sáng tạo tự nhiên bị cản trở trong một hệ thống mà ở đó Tính cá nhân và tính độc đáo làm đảo lộn hoạt động trơn tru của một cỗ máy giáo dục mà các lớp học lớn là một đặc điểm nổi trội. Tuy nhiên, cả xung lực sáng tạo và năng lực sáng tạo đều tồn tại, thường rất dồi dào, ở những người trẻ tuổi ngày nay. Chúng thường bị hủy hoại bao nhiêu lần trước khi chúng đơm hoa kết trái?

Education for leadership in every department of life and special training for especially promising young people, would be productive of magnificent results both for individuals and for the Nation. Since high culture and lofty spirituality are the hallmarks and greatest attainments of any civilisation, all natural artistic faculty amongst the people should be especially sought for and encouraged. A National, free, Conservatorium of the Arts would be of inestimable value to New Zealand.

Giáo dục để lãnh đạo trong mọi lĩnh vực của cuộc sống và đào tạo đặc biệt cho những người trẻ đặc biệt triển vọng, sẽ mang lại những kết quả tuyệt vời cho cả cá nhân và Quốc gia. Vì văn hóa cao và tinh thần cao thượng là dấu ấn và thành tựu lớn nhất của bất kỳ nền văn minh nào, nên tất cả các năng lực nghệ thuật tự nhiên trong dân chúng nên được đặc biệt tìm kiếm và khuyến khích. Một Nhạc viện Nghệ thuật Quốc gia, miễn phí sẽ có giá trị vô giá đối với New Zealand.

Economic Factor

Yếu tố Kinh tế

Behind all difficulties and obstacles to International and National progress is said to be the present economic system. Under this system, almost every human being is induced by financial pressure to concentrate almost exclusively upon earning a living and upon financial security both in the immediate present and in old age. This preoccupation with money inevitably focuses the human mind upon personal, material, temporal gain. In consequence, service to the world and to the Nation and the pursuit of the cultural and spiritual purposes of life, which are of such supreme importance, are either neglected or at best given but scant and formal attention

Đằng sau tất cả những khó khăn và trở ngại đối với sự tiến bộ Quốc tế và Quốc gia được cho là hệ thống kinh tế hiện tại. Theo hệ thống này, hầu hết mọi người đều bị áp lực tài chính thúc đẩy tập trung gần như hoàn toàn vào việc kiếm sống và đảm bảo tài chính cả trong hiện tại và tuổi già. Sự bận tâm với tiền bạc này chắc chắn tập trung thể trí của con người vào lợi ích cá nhân, vật chất, trần tục. Do đó, việc phụng sự thế giới và Quốc gia và theo đuổi các mục đích văn hóa và tinh thần của cuộc sống, vốn có tầm quan trọng tối cao, bị bỏ bê hoặc tốt nhất chỉ được chú ý sơ sài và hình thức, ngoại trừ một số ít người đặc biệt.

save by the exceptional few.

If the human race is to advance culturally and spiritually, the great evils of selfishness, greed and materialism must be attacked and overcome. If New Zealand is to succeed in the fulfilment of her great destiny, then it would seem that her splendid beginnings in the field of social reform and security, must be continued and greatly extended. An equitable economic system ensuring security for every citizen, soil conservation and scientific agriculture, organised immigration and continued development of the already fine educational methods, would seem to be amongst the physical essentials of post-war development in New Zealand.

Nếu nhân loại tiến bộ về văn hóa và tinh thần, thì những tệ nạn lớn của sự ích kỷ, tham lam và chủ nghĩa vật chất phải bị tấn công và vượt qua. Nếu New Zealand thành công trong việc hoàn thành vận mệnh vĩ đại của mình, thì có vẻ như những khởi đầu tuyệt vời của Bà trong lĩnh vực cải cách và an sinh xã hội phải được tiếp tục và mở rộng hơn nữa. Một hệ thống kinh tế công bằng đảm bảo an ninh cho mọi công dân, bảo tồn đất đai và nông nghiệp khoa học, nhập cư có tổ chức và tiếp tục phát triển các phương pháp giáo dục vốn đã tốt đẹp, dường như là một trong những yếu tố vật chất thiết yếu của sự phát triển thời hậu chiến ở New Zealand.

The Theosophical Society

Hội Thông Thiên Học

Consideration of the spiritual essentials inevitably turns one's mind to the immense value of Theosophy to a young and growing Nation. Since the choice both of contributory parental stock and of racial home is made by the Elder Brethren of Humanity, the existence of The Theosophical Society in that home must be of the greatest significance. For the Society was brought into existence by Their agency, is an instrument in the outer world of Their great spiritual activities and is a channel for Their inspiration and Their benediction to the world. Wherever a Section, Lodge, Centre or active member of The Theosophical Society exists, the Masters of the Wisdom possess, an agency through which They can reach the Nation, the City or the neighbourhood. Important though this fact is throughout the whole world, it is of supreme significance in a country whose people have but recently embarked upon the great process of nation building.

Việc xem xét các yếu tố tinh thần thiết yếu chắc chắn sẽ hướng tâm trí người ta đến giá trị to lớn của Thông Thiên Học đối với một Quốc gia trẻ và đang phát triển. Vì sự lựa chọn cả về nguồn gốc tổ tiên đóng góp và về quê hương chủng tộc được thực hiện bởi Các Huynh Trưởng của Nhân Loại, nên sự tồn tại của Hội Thông Thiên Học ở quê hương đó phải có ý nghĩa lớn nhất. Vì Hội được đưa vào tồn tại bởi cơ quan của Các Ngài, là một công cụ trong thế giới bên ngoài cho các hoạt động tinh thần vĩ đại của Các Ngài và là một kênh cho nguồn cảm hứng và ân sủng của Các Ngài đến với thế giới. Bất cứ nơi nào có một Phân bộ, Chi hội, Trung tâm hoặc thành viên tích cực của Hội Thông Thiên Học tồn tại, các Chân sư Minh Triết sở hữu một cơ quan mà qua đó Các Ngài có thể tiếp cận Quốc gia, Thành phố hoặc vùng lân cận. Mặc dù thực tế này rất quan trọng trên toàn thế giới, nhưng nó có ý nghĩa tối cao ở một quốc gia mà người dân chỉ mới bắt đầu quá trình xây dựng quốc gia vĩ đại.

Thus the establishment of The Theosophical

Do đó, việc thành lập Hội Thông Thiên Học ở

Society in New Zealand is a most significant part of the plan of racial evolution in this country. To the fulfilment of that plan and to co-operation with the Great Adept Planners every Fellow of The Theosophical Society may, if he chooses, regard himself as being called. Through the lodges, libraries, lectures and lives of its Fellows, dedicated as they are to the service of the Elder Brethren and the world, The New Zealand Section of The Theosophical Society can perform a national service of incalculable value. Throughout its years of steady activity it undoubtedly has performed such service.

In the present world crisis, in post war reconstruction and in the centuries of racial evolution which lie ahead, The New Zealand Section clearly has before it unparalleled opportunities. A new race is being born here. Advanced Egos will take birth here. Geniuses, seers, prophets, world leaders can be produced here in this fair land. It is therefore supremely important that Theosophy should permeate every aspect of New Zealand life and that we Theosophists, with ever growing vision of our work and ever mounting enthusiasm, should become inspired messengers of the Ancient Wisdom to this potential home of a New Race.

New Zealand là một phần quan trọng nhất trong kế hoạch tiến hóa chủng tộc ở đất nước này. Để hoàn thành kế hoạch đó và hợp tác với Các Nhà Quy Hoạch Chân sư Lão luyện, mọi Hội viên của Hội Thông Thiên Học có thể, nếu y chọn, coi mình là đang được kêu gọi. Thông qua các chi hội, thư viện, bài giảng và cuộc sống của các Hội viên, vốn tận tâm phụng sự Các Huynh Trưởng và thế giới, Phân bộ New Zealand của Hội Thông Thiên Học có thể thực hiện một sự phụng sự quốc gia có giá trị không thể tính toán được. Trong suốt những năm hoạt động ổn định, nó chắc chắn đã thực hiện sự phụng sự như vậy.

Trong cuộc khủng hoảng thế giới hiện tại, trong công cuộc tái thiết sau chiến tranh và trong những thế kỷ tiến hóa chủng tộc phía trước, Phân bộ New Zealand rõ ràng có những cơ hội vô song trước mắt. Một chủng tộc mới đang được sinh ra ở đây. Các chân ngã tiến hóa sẽ được sinh ra ở đây. Các thiên tài, nhà ngoại cảm, nhà tiên tri, nhà lãnh đạo thế giới có thể được sản sinh ra ở đây trên vùng đất tươi đẹp này. Do đó, điều tối quan trọng là Thông Thiên Học phải thấm nhuần mọi khía cạnh của cuộc sống New Zealand và chúng ta, những nhà Thông Thiên Học, với tầm nhìn ngày càng tăng về công việc của mình và lòng nhiệt thành ngày càng cao, sẽ trở thành những sứ giả đầy cảm hứng của Minh Triết Ngàn Đời đến với quê hương tiềm năng này của một Chủng Tộc Mới.

New Zealand's Destiny

Vận mệnh của New Zealand

Sir George Grey magnificently described New Zealand's destiny and duty in his farewell message as follows:

Ngài George Grey đã mô tả một cách tuyệt vời về vận mệnh và nhiệm vụ của New Zealand trong thông điệp chia tay của mình như sau:

'You are amongst the heralds who introduce, and the rulers who must guide and direct a new age, and who must establish an, as yet, unknown Nation. Back upon you will have to

'Các bạn là một trong những người báo hiệu giới thiệu, và là những nhà cai trị phải hướng dẫn và chỉ đạo một kỷ nguyên mới, và những người phải thành lập một Quốc gia chưa được

look a new race and millions of people. The duty devolving on you is a great one.

biết đến. Một chủng tộc mới và hàng triệu người sẽ phải nhìn lại các bạn. Nhiệm vụ đặt lên vai các bạn là một nhiệm vụ lớn.

'With humility, yet with fortitude, pursue your task. Falter not, march resolutely on, with truth and justice upon either hand of you, with the love of mankind as your guiding star, your duty to your Maker as the staff on which you lean. Then will God bless you and render you a blessing to the ages yet to come'.

'Với sự khiêm nhường, nhưng với sự kiên cường, hãy theo đuổi nhiệm vụ của các bạn. Đừng nao núng, hãy kiên quyết tiến lên, với sự thật và công lý ở cả hai bên, với tình yêu nhân loại là ngôi sao dẫn đường của các bạn, nhiệm vụ của các bạn đối với Đấng Tạo Hóa là cây gậy mà các bạn dựa vào. Khi đó, Thượng đế sẽ ban phước cho các bạn và khiến các bạn trở thành một phước lành cho những thời đại sắp tới'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 3, No. 6, 1942, p. 129

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 3, Số 6, 1942, tr. 129

SECTION 6

World Religions Ceremonial and Symbolism—Các Nghi Lễ và Biểu tượng của các Tôn Giáo Thế Giới

158

Christ and the Child—*Đức Christ và Đứa Trẻ*

Christ elevated the child to a supreme position amongst men. His action, when the disciples would have dismissed the children from His Presence, was a revelation and a rebuke, not only to the disciples, but to adults throughout the ages. He countermanded the order for their dismissal and, with infinite tenderness, drew them nearer to Himself than any adult, save perhaps His Mother and St John, was ever drawn. The incident then became the occasion of one of His greatest and most

Đức Christ đã nâng đứa trẻ lên một vị trí tối cao giữa loài người. Hành động của Ngài, khi các môn đệ muốn đuổi những đứa trẻ khỏi Hiện Diện của Ngài, là một sự mặc khải và một lời trách mắng, không chỉ đối với các môn đệ, mà còn đối với những người trưởng thành trong suốt các thời đại. Ngài đã bác bỏ mệnh lệnh đuổi chúng đi và, với lòng trắc ẩn vô hạn, đã kéo chúng đến gần Ngài hơn bất kỳ người lớn nào, ngoại trừ có lẽ Mẹ của Ngài và Thánh John, từng được kéo đến. Sự việc sau đó trở

beautiful utterances.

thành dịp cho một trong những lời nói vĩ đại nhất và đẹp đẽ nhất của Ngài.

One wonders whether either the disciples or the millions who have read and loved the story realize its deeper implications. The children were probably village children of very humble origin, such as play about the streets of all Eastern cities. Not only did He draw them close to Himself, but He made of them a model for all men, placed them above all men —'for of such is the Kingdom of Heaven'.

Người ta tự hỏi liệu các môn đệ hay hàng triệu người đã đọc và yêu thích câu chuyện có nhận ra những hàm ý sâu xa hơn của nó hay không. Những đứa trẻ có lẽ là những đứa trẻ làng có nguồn gốc rất khiêm tốn, chẳng hạn như chơi trên đường phố của tất cả các thành phố phương Đông. Ngài không chỉ kéo chúng đến gần Ngài, mà Ngài còn biến chúng thành một hình mẫu cho tất cả mọi người, đặt chúng lên trên tất cả mọi người—'vì của những người như vậy là Vương quốc Thiên đàng'.

The Master was very positive in His recorded words. He not only described the child as the very substance of which the Kingdom of Heaven is built, but made of the child-state the essential condition of entry. 'Whosoever shall not receive the kingdom of God as a little child shall in no wise enter therein'. The words 'in no wise' give great, almost terrible, emphasis to the pronouncement and raise the child to the supreme position in the human race.

Chân sư đã rất khẳng khái trong những lời được ghi lại của Ngài. Ngài không chỉ mô tả đứa trẻ là bản chất thực sự mà Vương quốc Thiên đàng được xây dựng nên, mà còn biến trạng thái trẻ thơ thành điều kiện thiết yếu để bước vào. 'Ai không tiếp nhận vương quốc của Thượng đế như một đứa trẻ nhỏ thì sẽ không vào đó được'. Những từ 'không vào đó được' nhấn mạnh rất lớn, gần như khủng khiếp, vào lời tuyên bố và nâng đứa trẻ lên vị trí tối cao trong loài người.

The present is sometimes called the 'Age of the Child', and it is Christ and the Child true that more is done to meet the needs of the Child—as the adult conceives of them—than in any other age of which records exist. But there is one component lacking from the modern attitude towards the child. This is reverence, the quality which marked our Lord's actions and words in the Gospel story.

Hiện tại đôi khi được gọi là 'Thời đại của Trẻ em', và đúng là Đức Christ và Đứa Trẻ đã làm nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu của Đứa Trẻ—như người lớn quan niệm về chúng—hơn bất kỳ thời đại nào khác mà có hồ sơ tồn tại. Nhưng có một thành phần còn thiếu trong thái độ hiện đại đối với đứa trẻ. Đó là sự tôn kính, phẩm chất đánh dấu hành động và lời nói của Đức Chúa trong câu chuyện Phúc âm.

Reverence gives freedom, which is the child's greatest need. Freedom from the ceaseless tyranny of the adult and, above all, freedom from the possessiveness of the majority of parents. The child does not belong to anyone —save God who, as Parent, leaves humanity free.

Sự tôn kính mang lại tự do, đó là nhu cầu lớn nhất của đứa trẻ. Tự do khỏi sự chuyên chế không ngừng của người lớn và trên hết, tự do khỏi tính chiếm hữu của phần lớn các bậc cha mẹ. Đứa trẻ không thuộc về ai—ngoại trừ Thượng đế, Đấng vốn là Cha Mẹ, để nhân loại được tự do.

‘God created man to be immortal; in the image of His own eternity created He him’. The child body is a tabernacle for a pilgrim God, made in the likeness of its Creator. Human parents provide a body in which a Son of God may continue his pilgrimage to perfection—nothing more. They, with the Teacher, have the dual privilege of loving and caring for that body and assisting the inner God in bodily self-expression. Their privilege is infinite, their rights of possession none.

‘Thượng đế đã tạo ra con người để trở nên bất tử; Ngài đã tạo ra y theo hình ảnh về sự vĩnh cửu của chính Ngài’. Thể xác của đứa trẻ là một đền tạm cho một Thượng đế hành hương, được tạo ra theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa của nó. Cha mẹ loài người cung cấp một thể xác trong đó một Con của Thượng đế có thể tiếp tục cuộc hành hương của mình để đạt đến sự hoàn hảo—không hơn không kém. Họ, cùng với Huấn Sư, có đặc ân kép là yêu thương và chăm sóc thể xác đó và hỗ trợ Thượng đế bên trong trong việc tự biểu hiện thể xác. Đặc ân của họ là vô hạn, quyền sở hữu của họ là không có.

Remembering this and the actions and words of our Lord, shall not our tyranny be replaced by reverence, and our possessiveness by freedom wisely planned?

Ghi nhớ điều này và những hành động và lời nói của Đức Chúa, liệu sự chuyên chế của chúng ta sẽ không được thay thế bằng sự tôn kính, và tính chiếm hữu của chúng ta bằng sự tự do được lên kế hoạch một cách khôn ngoan?

Corporal punishment is unthinkable in the light of His words; indeed it both causes and intensifies the faults which it is mistakenly supposed to eradicate. Of the deeper implications this is not the place to write, but it is clear that our Lord attributed to the Child a power which the adult has lost—the power of innocence. For innocence is unassailable, omnipotent.

Hình phạt thể xác là điều không thể tưởng tượng được dưới ánh sáng lời nói của Ngài; thật vậy, nó vừa gây ra vừa làm tăng thêm những lỗi lầm mà người ta lầm tưởng là nó loại bỏ được. Đây không phải là nơi để viết về những hàm ý sâu xa hơn, nhưng rõ ràng là Đức Chúa đã gán cho Đứa Trẻ một sức mạnh mà người lớn đã mất—sức mạnh của sự ngây thơ. Vì sự ngây thơ là bất khả xâm phạm, toàn năng.

Theosophy in New Zealand, Vol. 5, No. 1, 1944, p. 27

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 5, Số 1, 1944, tr. 27

159

Basic Simplicities—*Những Điều Đơn Giản Cơ Bản*

Stripped of excrescence’s and embellishments, the religions of the world, as first delivered to man by their superhuman Founders, were religions of love and of purity, and the highest principles to which men’s minds were turned were Life and law. Modern

Tước bỏ những thứ thừa thãi và tô điểm, các tôn giáo trên thế giới, như lần đầu tiên được các Đấng Sáng Lập siêu nhân của họ truyền cho con người, là những tôn giáo của tình yêu và sự thuần khiết, và những nguyên tắc cao nhất mà tâm trí con người hướng đến là Sự

man, therefore, needs greatly to return to the basic simplicities of religion, which are reverence for divine Life and obedience to spiritual law.

Sống và định luật. Do đó, con người hiện đại cần rất nhiều để trở về với những điều đơn giản cơ bản của tôn giáo, đó là sự tôn kính đối với Sự Sống thiêng liêng và sự tuân thủ định luật tinh thần.

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 4, 1979, p. 93

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 40, Số 4, 1979, tr. 93

160—

The Master Jesus—*Chân sư Jesus*

Whilst it is true that little or nothing is written in the Gospels concerning the actual Person of Jesus, His appearance, manner and life in general, a vision of Him can grow upon one as the immortal story is read and lived with.

Mặc dù đúng là có rất ít hoặc không có gì được viết trong các sách Phúc âm về Bản Thể thực tế của Đức Jesus, diện mạo, cách cư xử và cuộc sống nói chung của Ngài, nhưng một tầm nhìn về Ngài có thể phát triển trên một người khi câu chuyện bất tử được đọc và sống cùng.

Let me attempt a description of His life amidst the hills, fields and villages of Judea.

Hãy để tôi cố gắng mô tả cuộc đời của Ngài giữa những ngọn đồi, cánh đồng và ngôi làng của Judea.

We may perhaps picture Him as dressed in a loose but graceful white garment, somewhat taller in stature than most of the people, carrying Himself very erect, possibly with brown hair and slight moustache and beard, straight features and clear brown eyes. In manner He doubtless was in general mild, winning and intimate, though capable of changing to a great sternness, His visage seeming to change and His person to become almost kingly and patriarchal in its majesty and His eyes stem and accusing. Occasionally He would stretch forth His hand as if in denunciation, sometimes even causing the people nearer to Him to shrink back as if from a burning fire.

Chúng ta có lẽ có thể hình dung Ngài mặc một chiếc áo choàng trắng rộng nhưng duyên dáng, vóc dáng cao hơn hầu hết mọi người, dáng người rất thẳng, có thể tóc nâu và ria mép và râu thưa, đường nét thẳng và đôi mắt nâu trong veo. Trong cách cư xử, Ngài chắc chắn nói chung là hiền lành, dễ mến và thân mật, mặc dù có khả năng thay đổi thành một sự nghiêm khắc lớn, vẻ mặt của Ngài dường như thay đổi và con người Ngài trở nên gần như vương giả và gia trưởng trong sự uy nghiêm của Ngài và đôi mắt của Ngài nghiêm nghị và buộc tội. Đôi khi Ngài sẽ giơ tay ra như thể để tố cáo, đôi khi thậm chí khiến những người ở gần Ngài hơn phải lùi lại như thể tránh một ngọn lửa đang cháy.

Thereafter He would seat Himself upon rock or stone as maybe, fall into silence as if musing deep within Himself. Then it would be that the humble and the sick and the anxious

Sau đó, Ngài sẽ ngồi trên đá hoặc đá như có thể, rơi vào im lặng như thể đang suy ngẫm sâu sắc trong chính Ngài. Sau đó, những người khiêm tốn và bệnh tật và lo lắng sẽ đến gần Ngài với

would approach Him with petitions for healing grace and spiritual aid. These were never refused and in some cases He would look upon the suppliant with the most winning ways, sometimes touching, sometimes affirming, always aiding to the limit of His powers which were very great indeed. Children always evoked His tenderest love and concern and their parents would bring them from towns, villages and little homes to be near Him and be blessed by Him as He passed by. In all this, whilst He knew Himself as a Messenger from the Adept Brotherhood and Mystery temple wherein He had been several times Initiated, He held no thought that a great world Religion would be founded in His name and upon His words and deeds. The formalities of Religion held no interest for Him. In fact He strongly disapproved of them as they were followed in the Synagogues and amongst the Rabbis of His time. Ever and anon an exaltation of Spirit would change His whole demeanour. He would become more remote almost as if speaking from a great distance and across a mental chasm. These were the occasions when the Spirit from On High descended upon Him, much as allegorically described in the account of His Baptism. The 'descent' did not occur on that one occasion only as there suggested, but quite frequently as He became the Vehicle for the Embodiment of immortal and divine Wisdom.

những lời cầu xin ân sủng chữa lành và sự giúp đỡ tinh thần. Những điều này không bao giờ bị từ chối và trong một số trường hợp, Ngài sẽ nhìn người cầu xin với những cách thức dễ mến nhất, đôi khi chạm vào, đôi khi khẳng định, luôn giúp đỡ đến giới hạn khả năng của Ngài, vốn thực sự rất lớn. Trẻ em luôn gợi lên tình yêu và sự quan tâm dịu dàng nhất của Ngài và cha mẹ của chúng sẽ mang chúng từ các thị trấn, làng mạc và những ngôi nhà nhỏ đến gần Ngài và được Ngài ban phước khi Ngài đi ngang qua. Trong tất cả những điều này, mặc dù Ngài biết mình là một Sứ giả từ Huynh Đệ Đoàn Lão Luyện và đền thờ Huyền Bí, nơi Ngài đã được Điểm Đạo nhiều lần, Ngài không hề nghĩ rằng một Tôn Giáo thế giới vĩ đại sẽ được thành lập nhân danh Ngài và dựa trên lời nói và việc làm của Ngài. Các hình thức của Tôn Giáo không gây hứng thú cho Ngài. Trên thực tế, Ngài đã kịch liệt phản đối chúng khi chúng được tuân theo trong các Nhà hội và giữa các Giáo sĩ Do Thái thời Ngài. Thỉnh thoảng, một sự tôn vinh Tinh Thần sẽ thay đổi toàn bộ thái độ của Ngài. Ngài sẽ trở nên xa cách hơn gần như thể đang nói từ một khoảng cách rất xa và qua một vực thẳm trí tuệ. Đó là những dịp mà Tinh Thần từ Trên Cao giáng xuống Ngài, giống như được mô tả một cách ngụ ngôn trong câu chuyện về Lễ Rửa Tội của Ngài. Sự 'giáng xuống' không chỉ xảy ra vào một dịp đó như được gợi ý ở đó, mà khá thường xuyên khi Ngài trở thành Vận cụ cho Sự Hiện Thân của Minh Triết bất tử và thiêng liêng.

At these times, indeed, it was enough to be near Him or to touch Him in order to be healed, whether of the ills of the mortal Soul or the body. Within Himself He was always at ease, preserving a silent contentment founded upon the knowledge of an Initiated One that indeed in His spiritual identity He was beyond the reach of all adversity and the severest enemy, whatever His body might be called upon to endure.

Vào những thời điểm đó, quả thực, chỉ cần ở gần Ngài hoặc chạm vào Ngài là đủ để được chữa lành, dù là bệnh tật của Linh Hồn phàm trần hay thể xác. Bên trong Ngài, Ngài luôn thanh thản, giữ gìn một sự mãn nguyện thầm lặng dựa trên tri thức của một Đấng Điểm đạo rằng quả thực trong bản thể tinh thần của Ngài, Ngài vượt khỏi tầm với của mọi nghịch cảnh và kẻ thù tàn khốc nhất, dù thể xác của Ngài có phải chịu đựng điều gì đi nữa.

His sandalled feet trod the roads, field paths, lake shores, river banks and also the village and city streets. His light shone all around Him and after became visible as a radiance, sometimes dazzling in its intensity.

Đôi chân mang dép của Ngài bước đi trên những con đường, lối mòn, bờ hồ, bờ sông và cả những con phố làng và thành phố. Ánh sáng của Ngài chiếu rọi khắp xung quanh Ngài và sau đó trở nên hữu hình như một hào quang, đôi khi chói lọi về cường độ.

Clearly, He was a born Teacher by nature, and as the Gospels tell, would draw upon the human ways and experiences of His hearers for analogies, similes and metaphors with which to explain His ideas to them. He liked to refer to the seasons and their changes, day and night, and the sun, the moon and the stars. Himself highly sensitive to all such natural phenomena and influences, He made them symbols for His wisdom, and spontaneously constructed parables based upon them and their relationship to changes and conditions of human life and Personality. The simple people who gathered round and listened to Him were intimately associated with the soil, with agriculture and the procedures of planting, tending and eventually harvesting, the fruits of their labours.

Rõ ràng, Ngài là một Huấn Sư bẩm sinh, và như các sách Phúc Âm kể lại, sẽ dựa vào những cách thức và kinh nghiệm của con người mà những người nghe Ngài có được để làm phép loại suy, so sánh và ẩn dụ để giải thích những ý tưởng của Ngài cho họ. Ngài thích đề cập đến các mùa và sự thay đổi của chúng, ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Bản thân Ngài rất nhạy cảm với tất cả những hiện tượng và ảnh hưởng tự nhiên như vậy, Ngài đã biến chúng thành biểu tượng cho sự minh triết của Ngài, và tự nhiên xây dựng những câu chuyện ngụ ngôn dựa trên chúng và mối quan hệ của chúng với những thay đổi và điều kiện của cuộc sống và phàm ngã của con người. Những người dân thường tụ tập xung quanh và lắng nghe Ngài có mối liên hệ mật thiết với đất đai, với nông nghiệp và các quy trình trồng trọt, chăm sóc và cuối cùng là thu hoạch, thành quả lao động của họ.

Far more than is recorded, He must have withdrawn with His disciples into the privacy either of the countryside or the homes of one or more of them. In these gatherings, He imparted to them much of the secret Wisdom which He knew so well, would gently chide any of those who had perhaps fallen from the high ideals of discipleship and at the same time encouraged and elevated them by His Presence and His talks. The Sermon on the Mount as it appears in the Gospels records some of the teachings which He gave them, especially the so-called 'Beatitudes'. But there was much more concerning both the desirable practices and restrictions which a disciple must follow, and for those who persisted and

Hơn những gì được ghi lại rất nhiều, Ngài hẳn đã lui về với các đệ tử của Ngài vào sự riêng tư của vùng nông thôn hoặc nhà của một hoặc nhiều người trong số họ. Trong những buổi tụ họp này, Ngài đã truyền đạt cho họ phần lớn Minh Triết bí mật mà Ngài biết rất rõ, sẽ nhẹ nhàng khiển trách bất kỳ ai trong số họ có lẽ đã xa rời những lý tưởng cao đẹp của địa vị đệ tử và đồng thời khuyến khích và nâng đỡ họ bằng Sự Hiện Diện và những buổi nói chuyện của Ngài. Bài Giảng trên Núi như xuất hiện trong các sách Phúc Âm ghi lại một số giáo lý mà Ngài đã ban cho họ, đặc biệt là cái gọi là 'Tám Mối Phúc Thật'. Nhưng còn có nhiều điều hơn nữa liên quan đến cả những thực hành và hạn chế đáng mong muốn mà một đệ tử phải

remained faithful, (naturally not everyone who thus drew near to Him remained faithful and stalwart throughout the mental and physical demands of the spiritual life) He imparted a measure of His own inner powers and linked them intimately with Himself.

tuân theo, và đối với những người kiên trì và giữ lòng trung thành, (đương nhiên không phải ai đến gần Ngài như vậy đều giữ lòng trung thành và kiên định trong suốt những đòi hỏi về trí tuệ và thể xác của đời sống tinh thần) Ngài đã truyền cho một phần sức mạnh nội tại của chính Ngài và liên kết họ mật thiết với Ngài.

Thus began the establishment, however simply and naturally, of what later came to be known as the Mysteries of Jesus. These practices were continued and developed throughout the later years of His Ministry and were continued after the untimely death of His body. The Gnostic remains give fairly accurate accounts of these Mysteries which were of course practised in profound secrecy as in all cases.

Như vậy, sự thiết lập, dù đơn giản và tự nhiên đến đâu, của những gì sau này được biết đến là Các Mầu Nhiệm của Đức Jesus đã bắt đầu. Những thực hành này đã được tiếp tục và phát triển trong suốt những năm sau đó của Thánh Vụ của Ngài và được tiếp tục sau cái chết yểu của thể xác Ngài. Những di tích của phái Ngộ Đạo đưa ra những tường thuật khá chính xác về những Mầu Nhiệm này, vốn dĩ đã được thực hành trong sự bí mật sâu sắc như trong mọi trường hợp.

We are thus to picture Him not only as the wondrous Teacher and Healer of men, which undoubtedly He was, but as One Who also searched for—'fished' for indeed—the particular men and women around Him and whom He contacted on His wanderings, through Whom the more esoteric aspects of the Wisdom Religion could be imparted to humanity after He had gone. He also as it were set going a very powerful and enduring spiritualising impulse and influence which the passage of two thousand years has in no way diminished.

Vì vậy, chúng ta hình dung Ngài không chỉ là Huấn Sư và Đấng Chữa Lành kỳ diệu của nhân loại, điều mà chắc chắn Ngài là, mà còn là Đấng tìm kiếm—thực sự là 'câu'—những người nam và nữ đặc biệt xung quanh Ngài và những người mà Ngài đã tiếp xúc trên những cuộc hành trình của Ngài, qua đó những khía cạnh huyền bí hơn của Tôn Giáo Minh Triết có thể được truyền đạt cho nhân loại sau khi Ngài đã ra đi. Ngài cũng đã khởi động một xung lực và ảnh hưởng tinh thần hóa rất mạnh mẽ và lâu dài mà sự trôi qua của hai nghìn năm không hề làm suy giảm.

Holy Communion, the researches of occultists and mystics and the spiritual experiences of Christians in which He revealed Himself to them as a living Being—all these give to His Person, life and Presence on earth a very deep additional significance and value to humanity. Even the rise of ruthlessly competitive, highly industrialised and almost wholly materialistic nations, has not dimmed

Lễ Ban Thánh Thể, những nghiên cứu của các nhà huyền bí học và nhà thần bí và những kinh nghiệm tinh thần của các Kitô hữu, trong đó Ngài đã tiết lộ chính Ngài cho họ như một Đấng sống—tất cả những điều này mang đến cho Con Người, cuộc sống và Sự Hiện Diện của Ngài trên trái đất một ý nghĩa và giá trị bổ sung rất sâu sắc cho nhân loại. Ngay cả sự trỗi dậy của các quốc gia cạnh tranh tàn khốc, công

the light which He lit; for He was far more mighty than any merchants or groups of merchants which could arise amongst men.

nghiệp hóa cao độ và gần như hoàn toàn duy vật chất, cũng không làm lu mờ ánh sáng mà Ngài đã thắp lên; vì Ngài còn mạnh mẽ hơn bất kỳ thương gia hoặc nhóm thương gia nào có thể trỗi dậy giữa loài người.

Theosophy in New Zealand, Vol. 29, No. 4, 1967, p. 87

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 29, Số 4, 1967, tr. [87]

161—

Vegetarianism in the Bible—*Ăn Chay trong Kinh Thánh*

Genesis 1:29. 'And God said, Behold, I have given you every herb bearing seed, which is upon the face of all the earth, and every tree, in the which is the fruit of a tree yielding seed; to you it shall be for meat (*achelah*, Hebrew, "sustenance, also consuming and consummating")'.

Sáng Thế Ký 1:29. 'Và Thượng đế phán, Này, Ta đã ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống, ở trên khắp mặt đất, và mọi cây, trong đó có trái của một cây sinh ra hạt giống; nó sẽ là thức ăn cho các ngươi (achelah, tiếng Hebrew, "sự nuôi dưỡng, cũng là tiêu thụ và hoàn tất")'.

This verse is a statement of the ideal food for man's physical body of Nature's plan for the nutriment of mankind. The plant kingdom of Nature is the source of that food and any divergence from the divine plan is fraught with danger to both the Soul and the body of man. This is partly because the infliction of unnecessary pain and the act of killing sentient beings, the animals; constitute crimes against that perfect harmony which is a fundamental law of Nature. The discord which such conduct creates inevitably returns upon man as suffering. When, furthermore, he disobeys the command given in the verse, to use as food selected products of the plant kingdom and to a helper and a friend to the kingdom of the animals, the severity of the reaction is thereby increased. One form which this may take is to produce in the human body susceptibility to disease.

Câu này là một tuyên bố về thức ăn lý tưởng cho thể xác của con người về kế hoạch của Tạo Hóa cho sự nuôi dưỡng của nhân loại. Giới thực vật của Tạo Hóa là nguồn gốc của thức ăn đó và bất kỳ sự khác biệt nào so với Thiên Cơ đều tiềm ẩn nguy hiểm cho cả Linh Hồn và thể xác của con người. Điều này một phần là do việc gây ra những đau đớn không cần thiết và hành động giết hại những sinh vật có tri giác, các loài động vật; cấu thành tội ác chống lại sự hài hòa hoàn hảo vốn là một định luật cơ bản của Tạo Hóa. Sự bất hòa mà hành vi như vậy tạo ra chắc chắn sẽ quay trở lại với con người như đau khổ. Hơn nữa, khi y không tuân theo mệnh lệnh được đưa ra trong câu, sử dụng các sản phẩm được chọn lọc của giới thực vật làm thức ăn và làm người giúp đỡ và người bạn của giới động vật, thì mức độ nghiêm trọng của phản ứng do đó tăng lên. Một hình thức mà điều này có thể mang lại là tạo ra trong cơ thể con người sự nhạy cảm với bệnh tật.

The divine and the natural ordinances are thus given for the well being of man's physical

Do đó, các sắc lệnh thiêng liêng và tự nhiên được ban cho sự an lạc của thể xác con người

body and the purity and stainlessness of his soul. Departure from these spiritual and physical rules of life in large measure contribute to the sufferings of man. To have dominion over the sub-human kingdoms of Nature does not mean to exploit and oppress them. Rather is it a statement of the relative positions of man and the kingdoms below him on the ladder of evolution.

và sự tinh khiết và vô nhiễm của linh hồn y. Sự xa rời những quy tắc tinh thần và thể xác này của cuộc sống phần lớn góp phần vào những đau khổ của con người. Việc thống trị các giới dưới loài người của Tạo Hóa không có nghĩa là khai thác và áp bức chúng. Đúng hơn, đó là một tuyên bố về các vị trí tương đối của con người và các giới bên dưới y trên nấc thang tiến hóa.

The Bible continues the divine injunction:

Kinh Thánh tiếp tục lời răn dạy thiêng liêng:

Genesis 1:30, 31.

Sáng Thế Ký 1:30, 31.

"And to every beast of the earth, and to every fowl of the air, and to every thing that creepeth upon the earth, wherein there is life, I have given every green herb for meat: and it was so".

"Và cho mọi loài thú trên đất, và cho mọi loài chim trên không, và cho mọi thứ bò trên đất, trong đó có sự sống, Ta đã ban cho mọi thứ cỏ xanh làm thức ăn: và nó đã như vậy".

"And God saw every thing that he had made, and, behold, it was very good. And the evening and the morning were the sixth day".

"Và Thượng đế thấy mọi thứ mà Ngài đã tạo ra, và, này, nó rất tốt. Và buổi tối và buổi sáng là ngày thứ sáu".

The first of these two verses indicates that not only man, but also all creatures, were originally intended to be plant feeders. Departure by man from this ordinance may have its place amongst the factors which changed so radically the face of nature from the original harmony and harmlessness of the Garden of Eden, the primeval world. In consequence, Nature is described as red in tooth and claw, and man has rightly come to be regarded as the greatest enemy that the animal kingdom has to fear.

Câu đầu tiên trong hai câu này chỉ ra rằng không chỉ con người, mà cả mọi sinh vật, ban đầu đều được dự định là những loài ăn thực vật. Sự xa rời sắc lệnh này của con người có thể có vị trí của nó trong số các yếu tố đã thay đổi một cách triệt để bộ mặt của tự nhiên từ sự hài hòa và vô hại ban đầu của Vườn Địa Đàng, thế giới nguyên thủy. Do đó, Tạo Hóa được mô tả là đỏ răng và vuốt, và con người đã đúng khi được coi là kẻ thù lớn nhất mà giới động vật phải sợ hãi.

The New Zealand Vegetarian Society, 1966 Sept/Nov p. 1

Hội Ăn Chay New Zealand, tháng 9/tháng 11 năm 1966, tr. [1]

162—

The Living Christ—*Đức Christ Hằng Sống*

The life of the Christ, with its apparent setting

Cuộc đời của Đức Christ, với bối cảnh rõ ràng

in a special country at a particular time, is really a universal life. However tragic and restricted it may have been from a physical point of view, in reality it was not only a world event but an event for all time. The life of every man is mystically wrapped up in and portrayed by the life of Christ.

His wanderings throughout Palestine were really throughout the world—not only the world of His time but also that of the future. His teachings were world teachings and the episodes of His life have a world significance. Not only that, they have a significance for each one of us. They are being lived again in each one of us, and especially in those who throughout all time embark upon the Way of the Cross.

Our Lord Christ is not an Individual apart. He is not dead upon the Cross. He is a very part of ourselves and we are part of Him. He is one with all, an ever-living, spiritualising Presence and Power within every man.

Thus it is that the drama of His life is lived out by every human being and by the whole human Race. He, Himself, made this clear in His words to Pilate: 'Every one that is of the truth heareth my voice' (John 18:37).

Theosophy in New Zealand, Vol. 15, January-March 1954, p. 11

của nó ở một quốc gia đặc biệt vào một thời điểm cụ thể, thực sự là một cuộc đời phổ quát. Dù có thể bi thảm và hạn chế đến đâu từ quan điểm thể xác, nhưng trên thực tế, nó không chỉ là một sự kiện thế giới mà còn là một sự kiện cho mọi thời đại. Cuộc đời của mỗi người đều được gói gọn một cách huyền bí và được khắc họa bởi cuộc đời của Đức Christ.

Những cuộc hành trình của Ngài trên khắp Palestine thực sự là trên khắp thế giới—không chỉ thế giới thời Ngài mà còn cả thế giới của tương lai. Những giáo lý của Ngài là những giáo lý thế giới và những giai thoại trong cuộc đời Ngài có một ý nghĩa thế giới. Không chỉ vậy, chúng còn có ý nghĩa đối với mỗi người chúng ta. Chúng đang được sống lại trong mỗi người chúng ta, và đặc biệt là ở những người trong suốt mọi thời đại dấn thân vào Con Đường Thập Giá.

Đức Christ của chúng ta không phải là một Cá Nhân riêng biệt. Ngài không chết trên Thập Giá. Ngài là một phần rất lớn của chính chúng ta và chúng ta là một phần của Ngài. Ngài là một với tất cả, một Sự Hiện Diện và Quyền Năng tinh thần hóa hằng sống bên trong mỗi người.

Như vậy, bi kịch cuộc đời Ngài được sống bởi mọi con người và bởi toàn thể Nhân Loại. Chính Ngài đã làm rõ điều này trong những lời của Ngài với Philatô: 'Mọi người thuộc về chân lý đều nghe tiếng Ta' (Giăng 18:37).

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 15, tháng 1-tháng 3 năm 1954, tr. [11]

163—

The Message of Easter—*Thông Điệp Phục Sinh*

(ABRIDGED)

(Tóm tắt)

In studying the life of Christ, it is well to

Khi nghiên cứu cuộc đời của Đức Christ, điều

remember that the Gospels do not tell the history of external events in time alone. They also reveal eternal truths and laws of being, and describe interior attainments and subjective experiences of illumined men.

tốt là nên nhớ rằng các sách Phúc Âm không chỉ kể lại lịch sử của các sự kiện bên ngoài theo thời gian. Chúng cũng tiết lộ những chân lý và định luật vĩnh cửu của sự tồn tại, và mô tả những thành tựu nội tại và những kinh nghiệm chủ quan của những người được soi sáng.

The story related of the Christ is enacted within and by the soul of every man. In this allegorical way of writing, every individual is not only a historical character, but also a personification of an attribute, a power and a weakness of every human being. The central figure in the Gospels, the Lord Himself, for example, mystically represents the Divine in all Nature and in man, the *Christos* within, the Christ indwelling, the Logos of the Soul, the Divine 'Voice'.

Câu chuyện liên quan đến Đức Christ được thực hiện bên trong và bởi linh hồn của mỗi người. Trong cách viết ngụ ngôn này, mỗi cá nhân không chỉ là một nhân vật lịch sử, mà còn là một sự nhân cách hóa của một thuộc tính, một sức mạnh và một điểm yếu của mỗi con người. Nhân vật trung tâm trong các sách Phúc Âm, chính Đức Chúa, chẳng hạn, một cách huyền bí đại diện cho Thượng đế trong tất cả Tạo Hóa và trong con người, Đức Christ bên trong, Đức Christ ngự trị, Logos của Linh Hồn, 'Tiếng Nói' Thiêng Liêng.

Thus spiritually interpreted, cosmic symbolism apart, the life of Christ has two special human meanings; it describes the life of Jesus of Nazareth, especially the passage by Jesus, the man, illumined and inspired, through the Five Great Initiations or expansions of consciousness, and it also describes the inner life and five Initiations of every successful aspirant to the hastened attainment of perfection, or ascent in advance of the race to Christhood or Adeptship.

Do đó, được giải thích về mặt tinh thần, không kể đến biểu tượng vũ trụ, cuộc đời của Đức Christ có hai ý nghĩa nhân văn đặc biệt; nó mô tả cuộc đời của Đức Jesus người Nazareth, đặc biệt là sự vượt qua của Đức Jesus, con người, được soi sáng và truyền cảm hứng, thông qua Năm Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại hoặc sự mở rộng của tâm thức, và nó cũng mô tả cuộc sống nội tâm và năm Cuộc Điểm Đạo của mọi người chí nguyện thành công để đạt được sự hoàn thiện nhanh chóng, hoặc sự thăng lên trước nhân loại để đạt được Địa vị Christ hoặc Địa vị Chân sư.

If we watch our own lives from this point of view, we will see that these five stages of unfoldment are foreshadowed in ordinary human experience. Nations as well as individuals have their nativities or conversions, their baptisms of sorrow, their temptations, transfigurations or upliftments, betrayals and crucifixions, their recoveries and their ascensions. These may be regarded

Nếu chúng ta theo dõi cuộc sống của chính mình từ quan điểm này, chúng ta sẽ thấy rằng năm giai đoạn khai triển này được báo trước trong kinh nghiệm thông thường của con người. Các quốc gia cũng như các cá nhân đều có sự ra đời hoặc chuyển đổi, lễ rửa tội bằng nỗi buồn, những cám dỗ, sự biến hình hoặc nâng đỡ, sự phản bội và đóng đinh, sự phục hồi và thăng thiên của họ. Những điều này có thể

as rehearsals for that life in which, within the Sanctuary, the Christ life will be lived out in full and 'the measure of the stature of the fullness of Christ' be attained (Ephesians 4:13).

The particular interpretation I am now going to offer is especially applicable to all those who enter upon the Way of Holiness, who pass through the straight gate and enter the narrow way. At a certain stage in evolution the soul wakens, the Personality responds and consciously begins to live the Christ life and to tread the way of the Cross. When, at last, the spiritual life is thus fully entered upon by the awakened soul, the experiences of our Lord, His disciples and the other actors in the drama, are all passed through in an intensified form.

The Symbolism of Easter

Let us now look from this point of view at the symbolism of Easter, concentrating upon Pilate, the bearing of the Cross, the Crucifixion, the Passion and the Resurrection of Christ.

Pilate personifies the formal, worldly mind in the process of illumination, his wife representing the intuitive faculty. She has a dream by 'day'. Pilate himself was not directly illumined for he was not then in an intuitive state. His wife's message reached him from a distance but ineffectively. He fell under the blackmailing of the crowd and their insistent demand for Jesus. The mind's desire for office, its readiness to betray ideals through fear and for self-gratification, are portrayed, the crowd representing also the astro-physical demands. Pilate fails for that life, pandering to the crowd instead of standing impersonally for justice and truth. So it is really Pilate who is being

được coi là những buổi diễn tập cho cuộc đời mà trong đó, bên trong Thánh Địa, cuộc đời Đức Christ sẽ được sống trọn vẹn và 'tầm vóc của sự viên mãn của Đức Christ' sẽ đạt được (Ê-phê-sô 4:13).

Cách giải thích đặc biệt mà tôi sắp đưa ra đặc biệt áp dụng cho tất cả những người bước vào Con Đường Thánh Thiện, những người đi qua cổng hẹp và bước vào con đường chật hẹp. Ở một giai đoạn nhất định trong quá trình tiến hóa, linh hồn thức tỉnh, phàm ngã đáp ứng và bắt đầu sống một cách có ý thức cuộc đời Đức Christ và bước đi trên con đường Thập Giá. Khi, cuối cùng, đời sống tinh thần được linh hồn đã thức tỉnh bước vào một cách trọn vẹn, những kinh nghiệm của Đức Chúa, các đệ tử của Ngài và những diễn viên khác trong vở kịch, đều được trải qua ở một hình thức mãnh liệt hơn.

Biểu Tượng Phục Sinh

Bây giờ chúng ta hãy nhìn từ quan điểm này vào biểu tượng của Lễ Phục Sinh, tập trung vào Philatô, việc vác Thập Giá, Sự Đóng Đinh, Cuộc Khổ Nạn và Sự Phục Sinh của Đức Christ.

Philatô nhân cách hóa thể trí trần tục, hình thức trong quá trình soi sáng, vợ y đại diện cho năng lực trực giác. Bà có một giấc mơ vào 'ban ngày'. Bản thân Philatô không được soi sáng trực tiếp vì lúc đó y không ở trong trạng thái trực giác. Thông điệp của vợ y đến với y từ xa nhưng không hiệu quả. Y rơi vào sự tống tiền của đám đông và yêu cầu dai dẳng của họ đối với Đức Jesus. Mong muốn của thể trí đối với chức vụ, sự sẵn sàng phản bội lý tưởng vì sợ hãi và để tự thỏa mãn, được khắc họa, đám đông cũng đại diện cho những yêu cầu vật lý-cảm dục. Philatô thất bại trong cuộc đời đó, chiều theo đám đông thay vì đứng vô tư vì công lý và sự thật. Vì vậy, thực sự chính

judged, as also every other judge.

Philatô đang bị phán xét, cũng như mọi thẩm phán khác.

Ultimately Pilate may have recovered and attained, for when chidden for writing on the inscription, which was nailed over the head of Jesus, 'The King of the Jews', instead of: 'He saith, I am the King of the Jews', he answered: 'What I have written, I have written'. The mind, when at last fully illumined, stands firm for principle, but in the first tests he appears to have failed, as all men are prone to do. During the interrogation, our Lord confirmed this universal nature of His life, saying, 'Everyone that is of the truth heareth My voice'.

Cuối cùng, Philatô có thể đã phục hồi và đạt được, vì khi bị khiển trách vì đã viết trên dòng chữ, dòng chữ được đóng trên đầu Đức Jesus, 'Vua của người Do Thái', thay vì: 'Y nói, Ta là Vua của người Do Thái', y đã trả lời: 'Những gì ta đã viết, ta đã viết'. Thể trí, khi cuối cùng được soi sáng hoàn toàn, đứng vững vì nguyên tắc, nhưng trong những bài kiểm tra đầu tiên, y dường như đã thất bại, như tất cả mọi người đều có khuynh hướng làm. Trong cuộc thẩm vấn, Đức Chúa của chúng ta đã xác nhận bản chất phổ quát này của cuộc đời Ngài, nói rằng, 'Mọi người thuộc về chân lý đều nghe tiếng Ta'.

Jesus thereupon came forth, wearing the crown of thorns and the purple cloak (mockeries of royalty to the crowd, realities in fact) and he (Pilate) said to them: 'Behold the man'. And they cried: 'Crucify Him! Crucify Him!' Thus the lower human attributes cry out against their disciplining by the inner self and try to prevent their ultimate disappearance, which is inevitable, as the Christ life is more and more fully lived.

Đức Jesus sau đó bước ra, đội vương miện gai và mặc áo choàng màu tía (những trò chế nhạo hoàng gia đối với đám đông, thực tế trên thực tế) và y (Philatô) nói với họ: 'Hãy xem người này'. Và họ kêu lên: 'Đóng đinh Y! Đóng đinh Y!' Như vậy, những thuộc tính thấp kém của con người kêu gào chống lại sự kỷ luật của chúng bởi bản ngã bên trong và cố gắng ngăn chặn sự biến mất cuối cùng của chúng, điều không thể tránh khỏi, khi cuộc đời Đức Christ ngày càng được sống trọn vẹn hơn.

Pilate is said, then, to have washed his hands of responsibility. This act portrays the state of mind that refuses to respond to illumination and denies both intuition and conscience (the wife's message). This is inevitable, once error is deliberately chosen. The mind must close itself against the experience, must, as Pharaoh also did, harden the heart, otherwise there is no peace. The soul that in pride deliberately chooses the wrong path must cut itself off from the Higher Self, or endure the unbearable torture and humiliation of outraged conscience. If, however, it can humbly acknowledge the error, accept the humiliation, and take its stand heroically for

Người ta nói rằng Philatô đã rửa tay khỏi trách nhiệm. Hành động này khắc họa trạng thái thể trí từ chối đáp ứng sự soi sáng và phủ nhận cả trực giác và lương tâm (thông điệp của người vợ). Điều này là không thể tránh khỏi, một khi lỗi lầm được cố ý chọn lựa. Thể trí phải tự đóng lại trước kinh nghiệm, phải, như Pha-ra-ôn cũng đã làm, làm cứng trái tim, nếu không sẽ không có sự bình an. Linh hồn cố ý chọn con đường sai trái trong kiêu hãnh phải tự cắt đứt khỏi Chân Ngã, hoặc chịu đựng sự tra tấn và tủi nhục không thể chịu đựng được của lương tâm bị xúc phạm. Tuy nhiên, nếu nó có thể khiêm tốn thừa nhận sai lầm, chấp nhận sự tủi nhục và dũng cảm đứng về phía điều đúng

the right, then it will recover in that incarnation, as Peter did after the denial. There is great necessity, both in the normal and in the spiritual life, for humbly acknowledging error and making full restitution.

đắn, thì nó sẽ phục hồi trong kiếp đó, như Phêrô đã làm sau khi chối bỏ. Có một sự cần thiết lớn, cả trong cuộc sống bình thường và trong đời sống tinh thần, để khiêm tốn thừa nhận sai lầm và hoàn trả đầy đủ.

Christ Bears the Cross

Then another aspect of the drama of the soul on the pathway of hastened attainment is enacted—Christ bears His own Cross. This must be done. The Initiate must accept and meet his just debts to Nature and to man. All enlightened people must recognise their sufferings as self-created and expiatory. Christ rightly is made to bear His Cross, for repudiation or attempted evasion would merely postpone the full expiation. Hence the saying, 'If man refuses, seeks to throw down, his cross, it will crush him in its fall'. Yet the ordeal is never unbearable. Aid is given. Simon of Cyrene relieved Him of the Cross. This reveals that the task of attaining self-illumination, though severe, is not beyond the Initiate's power, as is portrayed in this incident of the assistance given to Christ.

Đức Christ Vác Thập Giá

Rồi một khía cạnh khác của tấn tuồng linh hồn trên con đường đạt đạo được đẩy nhanh chóng được diễn ra—Đức Christ vác Thập Giá của Ngài. Điều này phải được thực hiện. Điểm đạo đồ phải chấp nhận và đáp ứng những món nợ chính đáng của y đối với Tạo Hóa và con người. Tất cả những người giác ngộ phải nhận ra những đau khổ của họ là do tự tạo và mang tính chuộc tội. Đức Christ được giao vác Thập Giá một cách đúng đắn, vì sự chối bỏ hoặc cố gắng trốn tránh chỉ đơn thuần là trì hoãn sự chuộc tội hoàn toàn. Do đó, có câu nói rằng, 'Nếu con người từ chối, tìm cách vứt bỏ thập giá của mình, nó sẽ nghiền nát y khi rơi xuống'. Tuy nhiên, thử thách không bao giờ là không thể chịu đựng được. Sự giúp đỡ được ban cho. Simon người Cyrene đã giúp Ngài vác Thập Giá. Điều này cho thấy rằng nhiệm vụ đạt được sự tự soi sáng, mặc dù khắc nghiệt, nhưng không vượt quá khả năng của Điểm đạo đồ, như được miêu tả trong sự việc Ngài Christ được giúp đỡ này.

The Crucifixion

Now we are at the scene of the Crucifixion—Golgotha or Calvary, the place of the skull. The skin, the symbol of the illusion of separateness, is pierced in many places. The position of the nails through the hands and feet makes an inverted triangle, showing Spirit down pointing into matter. The wounded head with the outstretched hands makes an upward pointing triangle, thus completing the combined symbol of upward

Sự Đóng Đinh

Bây giờ chúng ta đang ở cảnh Đóng Đinh—Golgotha hay Calvary, nơi của chiếc sọ. Lớp da, biểu tượng của ảo tưởng về sự tách biệt, bị đâm thủng ở nhiều nơi. Vị trí của những chiếc đinh xuyên qua tay và chân tạo thành một hình tam giác ngược, cho thấy Tinh Thần hướng xuống vật chất. Cái đầu bị thương với hai bàn tay dang ra tạo thành một hình tam giác hướng lên trên, do đó hoàn thành biểu tượng kết hợp của các hình tam giác hướng lên và

and downward pointing triangles. Two trinities are shown. The crown of thorns portrays the true royalty of Spirit and of the spiritualised life in perfected man. His inner kingship is ever unperceived and unrecognisable to unillumined man and therefore the spiritual crown is thought by him to be of thorns.

hướng xuống. Hai bộ ba được thể hiện. Vương miện gai miêu tả vương quyền đích thực của Tinh Thần và của đời sống tinh thần trong con người hoàn thiện. Vương quyền nội tại của Ngài luôn không được những người chưa giác ngộ nhận thấy và không thể nhận ra, và do đó, vương miện tinh thần được họ cho là bằng gai.

The spear wound in the side represents the last surrender of the self-personality, the final piercing of the skin, symbol of *ahankara,* led up to by all the wounds from the flagellations onwards. The spear wound also indicates the decision that the heart would henceforth ever be open for the outflow of inward life and wisdom and the inflow and acceptance of the world's evil, as well as its inspiration to the light. Hate and evil are voluntarily accepted and then transmuted by the true alchemy of the Spirit, to be later sent out to the world as blessing and as power. This is one of the characteristic actions and powers of *the Arhat* or Initiate of the fourth degree. A soldier is chosen to deliver the wound, representing the obedience, discipline and training of the mind and body of the Christ-to-be, which are essential to success. The spear is the world's hate, plunged into the Initiate's heart, there to be transmuted into all-embracing love.

Vết thương do ngọn giáo đâm vào sườn tượng trưng cho sự đầu hàng cuối cùng của phàm ngã, sự đâm thủng cuối cùng của lớp da, biểu tượng của ahankara, được dẫn đến bởi tất cả các vết thương từ các cuộc hành xác trở đi. Vết thương do ngọn giáo cũng chỉ ra quyết định rằng trái tim từ nay sẽ luôn rộng mở cho dòng chảy ra của sự sống và minh triết bên trong và dòng chảy vào và chấp nhận cái ác của thế giới, cũng như nguồn cảm hứng của nó đối với ánh sáng. Sự thù hận và cái ác được tự nguyện chấp nhận và sau đó được chuyển hóa bởi thuật giả kim đích thực của Tinh Thần, để sau này được gửi đến thế giới như một phước lành và như một quyền năng. Đây là một trong những hành động và quyền năng đặc trưng của một vị A la hán hay Điểm đạo đồ của cấp độ thứ tư. Một người lính được chọn để gây ra vết thương, tượng trưng cho sự vâng lời, kỷ luật và rèn luyện trí óc và thân thể của Đấng Christ-tương lai, vốn rất cần thiết để thành công. Ngọn giáo là sự thù hận của thế giới, đâm vào trái tim của Điểm đạo đồ, để ở đó được chuyển hóa thành tình yêu bao trùm tất cả.

The ever-open heart, the Sacred Heart, is a symbol of the psychological fact that the Christ-to-be voluntarily renders Himself apparently defenceless before the world and all its evils, which it is His will to save. Defencelessness, displayed as a power at the Nativity as a little child, reaches its apotheosis in the apparent helplessness on the Cross. The reed sceptre portrays the irresistible power of gentleness.

Trái tim luôn rộng mở, Trái Tim Thiêng Liêng, là một biểu tượng của sự thật tâm lý rằng Đấng Christ-tương lai tự nguyện khiến Ngài dường như không có khả năng tự vệ trước thế giới và tất cả những điều ác của nó, vốn là ý chí của Ngài để cứu rỗi. Sự không có khả năng tự vệ, được thể hiện như một quyền năng tại Lễ Giáng Sinh như một đứa trẻ nhỏ, đạt đến đỉnh cao trong sự bất lực rõ ràng trên Thập Giá. Vương trượng bằng cây sậy miêu tả quyền

năng không thể cưỡng lại của sự dịu dàng.

The wounded head from which blood and perspiration stream, symbolise renunciation of egoism and separateness in terms of intellect (the head), surrender of selfhood, and also the complete opening of the mind to all truth and to all seekers for truth. The free but wise deliverance of that truth is also indicated.

Cái đầu bị thương mà từ đó máu và mồ hôi tuôn ra, tượng trưng cho sự từ bỏ chủ nghĩa cá nhân và sự tách biệt về mặt trí tuệ (cái đầu), sự đầu hàng bản ngã, và cả sự mở rộng hoàn toàn của thể trí đối với mọi sự thật và đối với tất cả những người tìm kiếm sự thật. Sự giải thoát tự do nhưng khôn ngoan của sự thật đó cũng được chỉ ra.

The Longing of the Spirit

Sự Khao Khát của Tinh Thần

Christ's thirst is only mentioned by St John, who brings in much cosmic symbolism. It may be interpreted as the longing of matter-imprisoned Spirit for free Spirit, the source, the human thirst for perfection, and the passion or fever of the suffering, inseparable from the final stages of the Path of hastened attainment, the price to be paid for taking the kingdom of heaven (Nirvana) by storm.

Cơn khát của Đức Christ chỉ được Thánh John đề cập, vốn mang đến nhiều biểu tượng vũ trụ. Nó có thể được hiểu là sự khao khát của Tinh Thần bị giam cầm trong vật chất đối với Tinh Thần tự do, nguồn cội, cơn khát của con người đối với sự hoàn hảo và niềm đam mê hay cơn sốt của sự đau khổ, không thể tách rời khỏi các giai đoạn cuối cùng của Thánh Đạo đạt đạo được đẩy nhanh, cái giá phải trả để chiếm lấy vương quốc thiên đàng (Niết bàn) bằng vũ lực.

The bitter draught offered in response to the cry, T thirst', symbolises the bitterness of the experience of betrayal and utter loneliness experienced by all men at times, and in accentuated form at *Arhatship.* We may remember that repeatedly we live out these experiences in lesser degree. Eventually the full realisation will be ours. Ordinarily human life is a reading of the parts and a rehearsal for the enactment of the full drama when the Path is entered upon.

Ly nước đắng được dâng lên để đáp lại tiếng kêu, 'Ta khát', tượng trưng cho sự cay đắng của trải nghiệm bị phản bội và sự cô đơn tột cùng mà tất cả mọi người đều trải qua đôi khi, và ở dạng được nhấn mạnh tại địa vị A la hán. Chúng ta có thể nhớ rằng chúng ta liên tục sống những trải nghiệm này ở mức độ thấp hơn. Cuối cùng, sự nhận ra đầy đủ sẽ là của chúng ta. Cuộc sống con người bình thường là một sự đọc các phần và một buổi diễn tập cho việc diễn lại toàn bộ tấn tuồng khi Thánh Đạo được bước vào.

The betrayal, blindness and heartless cruelty of the multitude, *for whom the whole endeavour is made,* are indeed bitter experiences. Yet ever the enlightened one prays: 'Father, forgive them. They know not what they do'. This also is an ideal for all.

Sự phản bội, mù quáng và tàn ác vô tâm của đám đông, vì họ mà toàn bộ nỗ lực được thực hiện, thực sự là những trải nghiệm cay đắng. Tuy nhiên, người giác ngộ luôn cầu nguyện: 'Lạy Cha, xin tha thứ cho họ. Họ không biết họ đang làm gì'. Đây cũng là một lý tưởng cho tất cả mọi người.

This period and experience of the Initiate of the fourth great stage, symbolised in the account of the crucifixion, is the bitterest of all ordeals. He knows the deeper darkness of an hour, when a gulf seems to open up between life infinite and life embodied. He experiences for a certain time, which seems eternity, the quintessence of loneliness, and drinks the bitter draught of solitude, defamation, isolation and betrayal. The Father, who was yet realized in the darkness of Gethsemane, is veiled in the passion of the cross. He knows an almost cosmic loneliness as if he alone existed, all support from without and from within seeming for a time to be withdrawn, even non-existent. Naught bridges the gulf upon which hangs his helpless soul, and then it is that from the heart, which feels itself to be deserted, there rings out the cry:

Giai đoạn và trải nghiệm này của Điểm đạo đồ của giai đoạn vĩ đại thứ tư, được tượng trưng trong câu chuyện về sự đóng đinh, là cay đắng nhất trong tất cả các thử thách. Y biết bóng tối sâu thẳm hơn của một giờ, khi một vực thẳm dường như mở ra giữa sự sống vô hạn và sự sống thể hiện. Y trải nghiệm trong một khoảng thời gian nhất định, dường như là vĩnh cửu, tinh túy của sự cô đơn, và uống ly nước đắng của sự cô độc, phỉ báng, cô lập và phản bội. Đức Cha, Đấng vẫn được nhận ra trong bóng tối của Vườn Gethsemane, được che giấu trong niềm đam mê của thập giá. Y biết một sự cô đơn gần như vũ trụ như thể chỉ có một mình y tồn tại, mọi sự hỗ trợ từ bên ngoài và từ bên trong dường như trong một thời gian bị rút lại, thậm chí không tồn tại. Không có gì bắc cầu qua vực thẳm mà linh hồn bất lực của y treo lơ lửng, và rồi chính từ trái tim, vốn cảm thấy mình bị bỏ rơi, vang lên tiếng kêu:

'My God, my God, why hast Thou forsaken me?'

'Lạy Chúa của con, lạy Chúa của con, sao Ngài lìa bỏ con?'

The Goal of Identity with God

Mục Tiêu Đồng Nhất với Thượng Đế

Why this last ordeal? It is necessary because the goal is full realisation of the individual's unity and identity with the whole. This experience which is so terrible at the time leads to the transcendent discovery, 'I and my Father are one'. In the very passion of the Cross, the agony and the quintessence of loneliness, the mighty truth at last dawns fully upon him that he is the Eternal, the Eternal is himself, that he is one and identical with God, and through Him with all that lives.

Tại sao lại có thử thách cuối cùng này? Nó là cần thiết vì mục tiêu là sự nhận ra đầy đủ về sự hợp nhất và đồng nhất của cá nhân với toàn thể. Trải nghiệm này, vốn rất khủng khiếp vào thời điểm đó, dẫn đến khám phá siêu việt, 'Ta và Cha ta là một'. Trong chính niềm đam mê của Thập Giá, sự đau khổ và tinh túy của sự cô đơn, sự thật vĩ đại cuối cùng cũng hoàn toàn lóe lên trong y rằng y là Đấng Vĩnh Hằng, Đấng Vĩnh Hằng là chính y, rằng y là một và đồng nhất với Thượng Đế, và qua Ngài với tất cả những gì đang sống.

Then at last he is able to say with full realisation: 'I and my Father are One'. He is then beyond the possibility of a sense of separateness ever any more. The mystical

Rồi cuối cùng y có thể nói với sự nhận ra đầy đủ: 'Ta và Cha ta là Một'. Khi đó, y vượt ra ngoài khả năng cảm thấy sự tách biệt thêm nữa. Quyền năng thần bí của sự chuộc tội đích thực,

power of the true atonement, meaning at-one-ment are then at his disposal and he become a Saviour of the World. He can then finally affirm 'I and my Father are One, and Lo, I am with you always even to the end of the world'. He is resurrected from the tomb of self-separateness and the physical body. He is free, in the wondrous Easter of the soul.

có nghĩa là sự hợp nhất, khi đó nằm trong tầm tay y và y trở thành Đấng Cứu Rỗi của Thế Giới. Khi đó, cuối cùng y có thể khẳng định 'Ta và Cha ta là Một, và Này, Ta luôn ở cùng các con cho đến tận thế'. Y được phục sinh từ ngôi mộ của sự tự tách biệt và thể xác. Y được tự do, trong Lễ Phục Sinh kỳ diệu của linh hồn.

Thus the story of our Lord is the story of man becoming perfect. One day each one of us will live out in full that immortal story. Then the Christ power, first born becoming conscious in us as a little child will grow, ultimately to conquer death and shine forth in the measure of the stature of the fullness of Christ.

Như vậy, câu chuyện về Đức Chúa của chúng ta là câu chuyện về con người trở nên hoàn hảo. Một ngày nào đó, mỗi người chúng ta sẽ sống trọn vẹn câu chuyện bất tử đó. Rồi quyền năng của Đức Christ, người con đầu lòng trở nên ý thức trong chúng ta như một đứa trẻ nhỏ, sẽ lớn lên, cuối cùng chinh phục cái chết và tỏa sáng theo tầm vóc của sự viên mãn của Đức Christ.

Theosophy in Australia, 3, 3 June 1959, p. 6

Thông Thiên Học ở Úc, 3, 3 tháng 6 năm 1959, tr. 6

164—

Scriptural Allegories of Discipleship and Initiation—*Những Phép Ẩn Dụ Kinh Thánh về Địa Vị Đệ Tử và Điểm Đạo*

A legendary story from the life of the Lord Buddha tells that on two occasions He took one of His young disciples on a walk through the town near where they were resting. On the way, they passed a street sweeper—one of the lowest of the castes in Hinduism in India—who was sweeping up the tinsel, faded leaves and petals of a garland recently used by a bride. When, later, the Lord and the young disciple returned to the *ashram,* the Lord asked: 'Did you see anything of interest on our walk today?' He said, 'No, Lord, I saw nothing at all important today'. 'No one?' said the Lord. 'Well, there was that poor old sweeper, but I cannot see that he was of any importance'. The next day the Lord again took the disciple for the same walk through the town, and there

Một câu chuyện huyền thoại từ cuộc đời của Đức Phật kể rằng có hai lần Ngài dẫn một trong những đệ tử trẻ của Ngài đi dạo qua thị trấn gần nơi họ đang nghỉ ngơi. Trên đường đi, họ đi ngang qua một người quét đường—một trong những người thuộc đẳng cấp thấp nhất trong Ấn Độ giáo ở Ấn Độ—người đang quét những sợi kim tuyến, những chiếc lá úa và những cánh hoa của một vòng hoa mà cô dâu mới sử dụng gần đây. Khi, sau đó, Đức Chúa và người đệ tử trẻ trở về tu viện, Đức Chúa hỏi: 'Hôm nay con có thấy điều gì thú vị trong chuyến đi dạo của chúng ta không?' Y nói, 'Lạy Chúa, hôm nay con không thấy điều gì quan trọng cả'. 'Không ai sao?' Đức Chúa nói. 'Chà, có người quét đường nghèo khổ đó, nhưng con không thấy rằng ông ta

again was the same sweeper. This time the Lord stopped and spoke to the sweeper, saying, 'Oh, sweeper, do you like doing this work of yours?' The man said, 'Lord, I loathe it with my whole heart and soul'. 'What would you do, what do you long for, if you were free?' The sweeper replied, 'Lord, from my boyhood I have yearned to become Thy disciple and sit at Thy feet'. Then the Lord said, 'Come, my disciple', and took him into the brotherhood of the Bhikkhus, the Sangha. When they had returned the Lord again spoke to the young disciple, saying: 'You must learn to see beneath the outer husks and there discern the conditions of discipleship shining like a lamp in an earthen jar'.

có tầm quan trọng nào cả'. Ngày hôm sau, Đức Chúa lại dẫn người đệ tử đi dạo qua thị trấn, và lại có người quét đường đó. Lần này, Đức Chúa dừng lại và nói chuyện với người quét đường, nói rằng, 'Ồ, người quét đường, ông có thích làm công việc này của mình không?' Người đàn ông nói, 'Lạy Chúa, con ghét nó bằng cả trái tim và tâm hồn'. 'Ông sẽ làm gì, ông khao khát điều gì, nếu ông được tự do?' Người quét đường trả lời, 'Lạy Chúa, từ khi còn nhỏ, con đã khao khát trở thành đệ tử của Ngài và ngồi dưới chân Ngài'. Rồi Đức Chúa nói, 'Hãy đến, đệ tử của ta', và đưa y vào huynh đệ đoàn của các Bhikkhu, Sangha. Khi họ đã trở về, Đức Chúa lại nói với người đệ tử trẻ, nói rằng: 'Con phải học cách nhìn xuyên qua lớp vỏ bên ngoài và ở đó nhận ra những điều kiện của địa vị đệ tử đang tỏa sáng như một ngọn đèn trong một chiếc bình đất'.

We may perhaps ask ourselves what it was in the old sweeper, outwardly so lowly, that the disciple could not see, and which the Lord *did* see, 'shining as a lamp in an earthen jar?' In other words, what is it that the Master looks for in a neophyte, and in the end finds, as requisite qualifications for discipleship? Presumably the Master sees into the innermost depths of the Individuality of each aspirant, looks far into the Ego within and doubtless deeper still into the Monad itself. There will be seen, beyond the 'sweeper aspect', the degree of inter-relationship, if any, between Personality, Ego and Monad and the way in which that Monadic influence has begun to affect the outer life.

Có lẽ chúng ta có thể tự hỏi điều gì ở người quét đường già, bề ngoài rất thấp kém, mà người đệ tử không thể thấy, và điều mà Đức Chúa đã thấy, 'tỏa sáng như một ngọn đèn trong một chiếc bình đất?' Nói cách khác, điều gì mà Chân sư tìm kiếm ở một người sơ cơ, và cuối cùng tìm thấy, như là những phẩm chất cần thiết cho địa vị đệ tử? Có lẽ Chân sư nhìn vào tận sâu thẳm bên trong của Tính Cá Thể của mỗi người chí nguyện, nhìn xa vào Chân ngã bên trong và chắc chắn là sâu hơn nữa vào chính Chân Thần. Ở đó sẽ thấy, vượt ra ngoài 'khía cạnh người quét đường', mức độ tương quan, nếu có, giữa Phàm ngã, Chân ngã và Chân Thần và cách thức mà ảnh hưởng của Chân Thần đó đã bắt đầu ảnh hưởng đến cuộc sống bên ngoài.

We may assume that for many lives after individualisation the Monad continues its own life in its own world of eternal existence, spark within the One Flame as it is. There, untouched by time, unaware of and unsullied

Chúng ta có thể cho rằng trong nhiều kiếp sau khi biệt ngã hóa, Chân Thần tiếp tục cuộc sống của riêng Ngài trong thế giới tồn tại vĩnh cửu của riêng Ngài, tia lửa bên trong Ngọn Lửa Duy Nhất như nó vốn là. Ở đó, không bị thời gian

by events, it remains 'serene above the water floods'. In symbolic terms, the microcosmic utterance of the Word and the outbreathing of the Monadic great Breath have not yet occurred. The creative Word from within the Dweller in the Innermost, the microcosm, has not yet been spoken. Although the Ego in the Causal Body is, in consequence, not as yet dynamited by active spiritual energy, the latent divine powers have been germinating, the inherent powers are as yet unfructified. Metaphorically the Ego sleeps, as yet uncharged, unawakened by Monadic power. Gabriel has not yet appeared and spoken the microcosmic Word of Annunciation and so Mary (the Ego in the Causal Body) is as yet spiritually virginal. If the analogy is permissible, the Gospel account of the life of Jesus may be read as also the story of the evolution of each human being from the time of spiritual awakening (Annunciation and Nativity) to Adeptship (Ascension). The conditions for discipleship not yet being Egoically present, the Personality in its turn is as yet unawakened. In mystic terms, its lamp, like those of the so-called foolish virgins, is not yet lit. Thus in Personality, Ego and Monad, cosmic, solar and microcosmic evolution follows its normal course. John the Baptist, as the compelling voice of conscience has not yet been clearly heard preaching in 'the wilderness'.

chạm đến, không hay biết và không bị vấy bẩn bởi các sự kiện, Ngài vẫn 'thanh thản trên những dòng nước lũ'. Về mặt biểu tượng, lời nói vi mô của Linh từ và sự thở ra của Hơi Thở vĩ đại của Chân Thần vẫn chưa xảy ra. Linh từ sáng tạo từ bên trong Kẻ Chận Ngõ Bên Trong Nhất, tiểu thiên địa, vẫn chưa được nói ra. Mặc dù Chân ngã trong Thể Nguyên Nhân, do đó, vẫn chưa bị năng lượng tinh thần chủ động làm nổ tung, nhưng những quyền năng thiêng liêng tiềm ẩn đã nảy mầm, những quyền năng vốn có vẫn chưa sinh hoa trái. Theo nghĩa bóng, Chân ngã ngủ, vẫn chưa được nạp năng lượng, chưa được đánh thức bởi quyền năng của Chân Thần. Gabriel vẫn chưa xuất hiện và nói Linh từ vi mô của Truyền Tin và vì vậy Mary (Chân ngã trong Thể Nguyên Nhân) vẫn còn trinh khiết về mặt tinh thần. Nếu sự tương tự được cho phép, câu chuyện Phúc Âm về cuộc đời của Đức Jesus cũng có thể được đọc như câu chuyện về sự tiến hóa của mỗi con người từ thời điểm thức tỉnh tinh thần (Truyền Tin và Giáng Sinh) đến địa vị Chân sư (Thăng Thiên). Các điều kiện cho địa vị đệ tử vẫn chưa có mặt ở cấp độ Chân ngã, đến lượt mình, Phàm ngã vẫn chưa được đánh thức. Về mặt thần bí, ngọn đèn của nó, giống như những ngọn đèn của những trinh nữ dại dột, vẫn chưa được thắp sáng. Như vậy, trong Phàm ngã, Chân ngã và Chân Thần, sự tiến hóa vũ trụ, thái dương và vi mô tuân theo tiến trình bình thường của nó. John the Baptist, với tư cách là tiếng nói thúc ép của lương tâm vẫn chưa được nghe rõ ràng rao giảng trong 'vùng hoang dã'.

The absence of a logical explanation of the conditions and experiences of human life does not unduly disturb such spiritually and intellectually unawakened persons. They do not mind very much—if they ever think of it—that life does not appear to make sense. The thirst for knowledge, the divine discontent and the inexpressible longing of the inner

Việc thiếu một lời giải thích hợp lý về các điều kiện và trải nghiệm của cuộc sống con người không làm xáo trộn quá mức những người chưa thức tỉnh về mặt tinh thần và trí tuệ như vậy. Họ không bận tâm lắm—nếu họ từng nghĩ về nó—rằng cuộc sống dường như không có ý nghĩa. Cơn khát tri thức, sự bất mãn thiêng liêng và nỗi khao khát không thể diễn

man for the infinite have not yet been experienced. High idealism also is not yet present and thus far, in Monad, Ego and successive personalities, one may presume, the conditions for discipleship have not become apparent. The rule of life continues, not unnaturally, to be in considerable measure: each for himself and the devil take the hindmost.

tả của con người bên trong đối với sự vô hạn vẫn chưa được trải nghiệm. Chủ nghĩa lý tưởng cao cả cũng chưa có mặt và cho đến nay, trong Chân Thần, Chân ngã và các phàm ngã kế tiếp, người ta có thể cho rằng các điều kiện cho địa vị đệ tử vẫn chưa trở nên rõ ràng. Quy tắc của cuộc sống tiếp tục, một cách tự nhiên, ở một mức độ đáng kể: mỗi người vì mình và ma quỷ bắt kẻ chậm chân nhất.

Eventually, however, the microcosmic hour strikes. A mystery begins to be enacted within the individual. The Monad speaks the creative Word. The Ego hears and responds, and in due time, inwardly impelled, the Personality begins the great quest. Prophecies of the Messianic Age, followed by the call to repentance are heard. Gabriel, the Archangel of the Annunciation, personification of *Atma* as messenger of the Monad, announces the coming Nativity. Mary, the Ego in the Causal Body symbolically bows in assent and thereafter begins to be fructified by the power of the Divine Voice.

Tuy nhiên, cuối cùng, giờ vi mô điểm. Một bí ẩn bắt đầu được diễn ra bên trong cá nhân. Chân Thần nói Linh từ sáng tạo. Chân ngã nghe và đáp ứng, và đến thời điểm thích hợp, bị thúc đẩy từ bên trong, Phàm ngã bắt đầu cuộc tìm kiếm vĩ đại. Những lời tiên tri về Thời Đại Messiah, tiếp theo là lời kêu gọi ăn năn được nghe thấy. Gabriel, Tổng lãnh thiên thần của Lễ Truyền Tin, hiện thân của Atma với tư cách là sứ giả của Chân Thần, loan báo Lễ Giáng Sinh sắp đến. Mary, Chân ngã trong Thể Nguyên Nhân tượng trưng cho sự cúi đầu đồng ý và sau đó bắt đầu được sinh hoa trái bởi quyền năng của Tiếng Nói Thiêng Liêng.

The Personality may not at first be very much aware of these changes for at this stage all is going on deep within the awakening Soul but the mystic Nativity, the Christmas of the soul, will occur, bringing to active life in Ego and Personality both spiritual wisdom and spiritual intelligence. Even so the Personality awakens slowly. Life after life the outer man increasingly responds to that inner call, the whisper of the Soul. A whisper indeed this in the beginning, difficult to hear, as if from a region, a distance so remote, later it will be heard fully, as John the Baptist within calls to the heights. Gradually, idealism increasingly assumes its place as a guide and a motive for living. Then inwardly and naturally impelled, the search for truth begins. The symbolical Quest of the Holy Grail is undertaken. One day, and probably before long, with Sir

Phàm ngã có thể không nhận thức được nhiều về những thay đổi này ngay từ đầu vì ở giai đoạn này, mọi thứ đang diễn ra sâu bên trong Linh Hồn đang thức tỉnh, nhưng Lễ Giáng Sinh thần bí, Lễ Giáng Sinh của linh hồn, sẽ xảy ra, mang đến sự sống động trong Chân ngã và Phàm ngã cả minh triết tinh thần và trí tuệ tinh thần. Ngay cả như vậy, Phàm ngã thức tỉnh chậm chạp. Hết kiếp này đến kiếp khác, con người bên ngoài ngày càng đáp ứng với tiếng gọi bên trong đó, tiếng thì thầm của Linh Hồn. Thật vậy, đây là một tiếng thì thầm lúc ban đầu, khó nghe, như thể từ một vùng, một khoảng cách rất xa, sau này nó sẽ được nghe đầy đủ, khi John the Baptist bên trong kêu gọi lên các tầng cao. Dần dần, chủ nghĩa lý tưởng ngày càng chiếm vị trí của nó như một người hướng dẫn và một động cơ để sống. Rồi bị thúc đẩy một cách tự nhiên và từ bên trong, cuộc

Galahad, the aspirant will affirm that he saw the Holy Grail, and heard a voice calling, 'Galahad and O Galahad, follow thou Me', as Tennyson wonderfully puts it.

tìm kiếm sự thật bắt đầu. Cuộc Tìm Kiếm Chén Thánh mang tính biểu tượng được thực hiện. Một ngày nào đó, và có lẽ không lâu nữa, với Ngài Galahad, người chí nguyện sẽ khẳng định rằng y đã nhìn thấy Chén Thánh, và nghe thấy một giọng nói kêu gọi, 'Galahad và ôi Galahad, hãy theo Ta', như Tennyson đã diễn đạt một cách tuyệt vời.

The intellect is however far from inactive. The mind-brain experiences a yearning, a thirst for comprehension, enlightenment. The individual thus awakened can no longer float along any more, living helplessly amidst the mystery of life, lost in the maze of human existence. The demand for logic, for understanding, for knowledge, becomes stronger and stronger. Life must now make sense and there will be no more rest until this is achieved. Success is assured, for as a sentence in a book on Yoga states: 'When once the desire for Self-realisation is experienced, the process has already begun'. Every sincere aspirant is thus moved from within.

Tuy nhiên, trí tuệ không hề bất động. Thể trí-bộ não trải nghiệm một sự khao khát, một cơn khát sự thấu hiểu, sự khai sáng. Do đó, cá nhân đã thức tỉnh không còn có thể trôi nổi nữa, sống bất lực giữa sự huyền bí của cuộc sống, lạc lối trong mê cung của sự tồn tại của con người. Nhu cầu về logic, về sự thấu hiểu, về tri thức, ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Giờ đây, cuộc sống phải có ý nghĩa và sẽ không còn sự nghỉ ngơi cho đến khi điều này đạt được. Thành công được đảm bảo, vì một câu trong một cuốn sách về Yoga có viết: 'Một khi mong muốn Tự-giác ngộ được trải nghiệm, quá trình đã bắt đầu'. Do đó, mọi người chí nguyện chân thành đều được thúc đẩy từ bên trong.

As the process of spiritual and intellectual awakening or 'birth' continues, increased capacity to help others is developed. This culminates in a consciously formed deathless resolve: for the *atmic* will is now beginning to affect the mind, the body and the heart. With Ramaswami Iyer[76] the aspirant says: 'I will find the Mahatma or die'. So also Tensing Norkay affirmed on that very last morning when he and Sir Edmund Hillary awoke on the full moon of May ready for the last stage of the ascent of Everest, lofty and icy cold, before them, 'This day I will reach the summit or die'. So also the deathless resolve of the Lord Gautama Buddha who whilst all slept—beautiful Yasodara, possibly with little Rahula in her arms, and the maidens and servants all

Khi quá trình thức tỉnh tinh thần và trí tuệ hay 'sự sinh ra' tiếp tục, khả năng giúp đỡ người khác ngày càng được phát triển. Điều này lên đến đỉnh điểm trong một quyết tâm bất tử được hình thành một cách có ý thức: vì ý chí atma hiện đang bắt đầu ảnh hưởng đến thể trí, thể xác và trái tim. Với Ramaswami Iyer, người chí nguyện nói: 'Tôi sẽ tìm thấy vị Mahatma hoặc chết'. Tương tự, Tensing Norkay đã khẳng định vào buổi sáng cuối cùng đó khi Ông và Ngài Edmund Hillary thức dậy vào ngày trăng tròn tháng Năm, sẵn sàng cho giai đoạn cuối cùng của cuộc chinh phục đỉnh Everest, cao chót vót và lạnh giá, trước mặt Các Ngài, 'Hôm nay tôi sẽ lên đến đỉnh hoặc chết'. Tương tự như vậy là quyết tâm bất tử của Đức Phật Gautama, khi mọi người đều ngủ—

[76] See *Five years of Theosophy*. 'How a Chela Found His Guru'

asleep—rose, resolved, stole forth on tip-toe, called for Kantaka, his horse and Channa, his charioteer, and rode forth leaving behind all he held most dear, save truth itself. Channa held the nostrils of Kantaka as the Lord went forth to solve the mystery of human life. He cut off His hair and handed it and Kantaka back to Channa, resolved to find the cause and so the prevention—of human suffering. This resolve he kept until the end.

Yasodara xinh đẹp, có lẽ với Rahula bé nhỏ trong vòng tay Bà, và những người hầu gái và người hầu đều ngủ—đã đứng dậy, quyết tâm, lẻn ra ngoài, gọi Kantaka, con ngựa của Ngài và Channa, người đánh xe của Ngài, và cưỡi đi bỏ lại tất cả những gì Ngài yêu quý nhất, ngoại trừ chính sự thật. Channa giữ lỗ mũi của Kantaka khi Đức Chúa rời đi để giải quyết sự huyền bí của cuộc sống con người. Ngài cắt tóc và trao nó và Kantaka lại cho Channa, quyết tâm tìm ra nguyên nhân và do đó là cách ngăn ngừa—nỗi khổ của con người. Ngài giữ vững quyết tâm này cho đến cuối cùng.

Such, in part, one may assume, are some of the conditions for discipleship—inward awakening, inward resolve and steadfast pursuit of truth. When they exist there cannot be much real choice concerning the acceptance of these ideals and this way of life, for the Monadic call, the Egoic response permit little or no real escape. From then onwards, 'There is no other path at all to go'.

Một phần, người ta có thể cho rằng, đây là một số điều kiện để trở thành đệ tử—sự thức tỉnh bên trong, quyết tâm bên trong và sự theo đuổi chân lý kiên định. Khi chúng tồn tại, không thể có nhiều lựa chọn thực sự liên quan đến việc chấp nhận những lý tưởng này và cách sống này, vì tiếng gọi Chân Thần, sự đáp ứng Chân Ngã cho phép ít hoặc không có sự trốn thoát thực sự. Từ đó trở đi, 'Không có con đường nào khác để đi cả'.

Thus another condition for discipleship is met. It might be called 'total commitment'—perhaps the very key to success after awakening. Total commitment, holding nothing back, and without thought of reward, is, one would assume, a decisive attribute. Another essential would surely be sincerity. Any form of hypocrisy or pretence in seeking the Path whilst perhaps better than not seeking it all, would certainly delay progress, for sincerity in seeking the feet of the Master implies that one goal, one purpose for living is being followed in uttermost truthfulness. Systematic self-discipline and self-training would then also be essential, a form of yoga being practised as a part of life.

Do đó, một điều kiện khác để trở thành đệ tử được đáp ứng. Nó có thể được gọi là 'sự cam kết hoàn toàn'—có lẽ là chìa khóa thành công sau khi thức tỉnh. Sự cam kết hoàn toàn, không giữ lại điều gì và không nghĩ đến phần thưởng, người ta cho rằng, là một thuộc tính quyết định. Một điều thiết yếu khác chắc chắn sẽ là sự chân thành. Bất kỳ hình thức đạo đức giả hoặc giả vờ nào trong việc tìm kiếm Thánh Đạo trong khi có lẽ tốt hơn là không tìm kiếm nó chút nào, chắc chắn sẽ trì hoãn sự tiến bộ, vì sự chân thành trong việc tìm kiếm bàn chân của Chân sư ngụ ý rằng một mục tiêu, một mục đích sống đang được theo đuổi một cách trung thực nhất. Sau đó, kỷ luật tự giác và tự rèn luyện có hệ thống cũng sẽ rất cần thiết, một hình thức yoga đang được thực hành như một phần của cuộc sống.

Fortunately, as long ago the sweeper is said to have found that day in India, no sincere aspirant is ever alone in his quest, for from the time of his awakening his Teacher watches over and awaits him. However lowly in his outer life, like the Lord Buddha in the story, the Master-to-be discerns in an aspirant the conditions for discipleship. In darkest failure, as long as he never gives up, and in light and in victory, as long as he is not proud, the Master is with the neophyte, guiding and inspiring him.

May mắn thay, như người quét rác được cho là đã tìm thấy ngày đó ở Ấn Độ từ rất lâu trước đây, không có người chí nguyện chân thành nào đơn độc trong cuộc tìm kiếm của mình, vì kể từ thời điểm thức tỉnh, Huấn Sư của y theo dõi và chờ đợi y. Dù thấp kém đến đâu trong cuộc sống bên ngoài của mình, giống như Đức Phật trong câu chuyện, Chân sư-tương lai nhận ra ở một người chí nguyện những điều kiện để trở thành đệ tử. Trong thất bại đen tối nhất, miễn là y không bao giờ bỏ cuộc, và trong ánh sáng và trong chiến thắng, miễn là y không kiêu ngạo, Chân sư ở cùng với người sơ cơ, hướng dẫn và truyền cảm hứng cho y.

Such, in part, one leams, is the Path of Discipleship, open today as always, and such in outline are some of the attributes in those who hear the Master's call, 'Follow Me and I will make you fishers of men'. Scriptural accounts of prophecy, preaching in the wilderness, Annunciation and the Nativity of a Saviour of men can be regarded, I suggest, as allegories descriptive of the approach to and entry upon the Path.

Một phần, người ta học được, đây là Con Đường Đệ Tử, luôn rộng mở như mọi khi, và tóm tắt một số thuộc tính ở những người nghe thấy tiếng gọi của Chân sư, 'Hãy theo Ta và Ta sẽ khiến các con trở thành những người đánh bắt người'. Các tường thuật trong kinh sách về lời tiên tri, thuyết giảng trong vùng hoang dã, Lễ Truyền Tin và Lễ Giáng Sinh của một Đấng Cứu Thế của loài người có thể được coi, tôi gợi ý, như những câu chuyện ngụ ngôn mô tả về sự tiếp cận và gia nhập Thánh Đạo.

The Theosophist, Vol. 88, August 1967, p. 319

The Theosophist, Tập. [88], tháng 8 năm [1967], tr. [319]

165—

A Theosophical View of Christmas—*Quan Điểm Thông Thiên Học về Lễ Giáng Sinh*

At Christmas time Christians throughout the world celebrate the birth of the Christ child in Bethlehem nearly 2000 years ago. In the Theosophical Society, where we seek the mystical meaning behind the teachings of world faiths, we celebrate also another birth, not limited to time, but which perpetually occurs. We celebrate the birth of the Christ in all Nature and especially in the human race.

Vào thời điểm Giáng Sinh, các Kitô hữu trên khắp thế giới kỷ niệm sự ra đời của hài nhi Đức Christ ở Bethlehem gần 2000 năm trước. Trong Hội Thông Thiên Học, nơi chúng ta tìm kiếm ý nghĩa huyền bí đằng sau những giáo lý của các tín ngưỡng thế giới, chúng ta cũng kỷ niệm một sự ra đời khác, không giới hạn trong thời gian, mà xảy ra vĩnh viễn. Chúng ta kỷ niệm sự ra đời của

Đức Christ trong tất cả Thiên Nhiên và đặc biệt là trong nhân loại.

I refer to the mystical birth of the Christ-child in the heart of the individual man. As the time approaches at which his long pilgrimage towards perfection will be completed, and he will become the Christ in His triumphant achievement of 'perfection', there occurs in the aspirant a great change, an inward birth which is the awakening of the hitherto latent Christ-consciousness in him. This is referred to in mystical Christianity as the birth of the Christ-child in man, that which St Paul yearned to bring about in the hearts of his converts. In this Christmas article I wish to present a mystical interpretation of this birth in the individual, and of the stages of growth which follow it as portrayed in the gospel-drama of the life of Christ.

Tôi muốn nói đến sự ra đời huyền bí của hài nhi Đức Christ trong trái tim của mỗi người. Khi thời điểm đến gần mà cuộc hành hương dài ngày của y hướng tới sự hoàn hảo sẽ hoàn thành, và y sẽ trở thành Đức Christ trong thành tựu 'hoàn hảo' đầy vinh quang của Ngài, thì ở người chí nguyện xảy ra một sự thay đổi lớn, một sự ra đời bên trong vốn là sự thức tỉnh của tâm thức Đức Christ vốn tiềm ẩn cho đến nay trong y. Điều này được gọi trong Kitô giáo huyền bí là sự ra đời của hài nhi Đức Christ trong con người, điều mà Thánh Paul khao khát mang lại trong trái tim của những người cải đạo của Ông. Trong bài viết Giáng Sinh này, tôi muốn trình bày một cách giải thích huyền bí về sự ra đời này trong cá nhân và các giai đoạn tăng trưởng tiếp theo nó như được mô tả trong vở kịch phúc âm về cuộc đời của Đức Christ.

The first stage is the birth of the Christ-child. This means that the neophyte becomes 'as a little child', feeble (from the worldly point of view), innocent and pure. This state of feebleness and innocence represents renunciation of the riches and rewards of this world, the attainment of complete dispassion. In this sense the neophyte becomes a little child, caring no more for the earthly treasures which his fellow men are seeking. When this great renunciation is made—actually it is effortless, the transient losing its hold on him as he awakens to the eternal—by a strange paradox, as the story tells, the kings of the earth unite to lay their treasures at His feet. In other words his material needs are always provided for; possessing nothing, he is never in need.

Giai đoạn đầu tiên là sự ra đời của hài nhi Đức Christ. Điều này có nghĩa là người sơ cơ trở nên 'như một đứa trẻ nhỏ', yếu ớt (theo quan điểm trần tục), ngây thơ và thuần khiết. Trạng thái yếu ớt và ngây thơ này thể hiện sự từ bỏ sự giàu có và phần thưởng của thế giới này, đạt được sự vô tư hoàn toàn. Theo nghĩa này, người sơ cơ trở thành một đứa trẻ nhỏ, không còn quan tâm đến những kho báu trần thế mà đồng loại của y đang tìm kiếm. Khi sự từ bỏ lớn lao này được thực hiện—thực tế là nó dễ dàng, cái phù du mất đi sự kìm kẹp đối với y khi y thức tỉnh với cái vĩnh cửu—bởi một nghịch lý kỳ lạ, như câu chuyện kể, các vị vua của trái đất hợp nhất để đặt kho báu của Các Ngài dưới chân Ngài. Nói cách khác, những nhu cầu vật chất của y luôn được đáp ứng; không sở hữu gì, y không bao giờ thiếu thốn.

Thus having in himself experienced spiritually a new birth, he is received in the

Do đó, sau khi tự mình trải nghiệm một sự tái sinh về mặt tinh thần, y được tiếp nhận trong

inner worlds into the august presence of the 'just men made perfect', those who have gone before and have reached the goal. Before Them, and at the hands of One of their number, he receives his spiritual knighthood, that true accolade, of which all outer knighthoods are but the shadow and symbol. At the touch of the thyrsus, he awakens to the knowledge, the living experience, that life is one.

các cõi bên trong vào sự hiện diện trang nghiêm của 'những người công chính đã trở nên hoàn hảo', những người đã đi trước và đã đạt đến mục tiêu. Trước Các Ngài, và dưới bàn tay của một trong số Các Ngài, y nhận được tước hiệp sĩ tinh thần của mình, sự tán dương thực sự đó, mà tất cả các tước hiệp sĩ bên ngoài chỉ là cái bóng và biểu tượng. Khi chạm vào thyrsus, y thức tỉnh với tri thức, kinh nghiệm sống, rằng cuộc sống là một.

Then he is a free man, free of home, of family, of race, as Mary the Mother of Jesus learnt. For when chiding Him for His absence from home, she received in the temple the gentle rebuke: 'Wist ye not that I must be about my Father's business?'

Sau đó, y là một người tự do, tự do khỏi nhà cửa, gia đình, chủng tộc, như Mary Mẹ của Đức Jesus đã học được. Vì khi trách Ngài vì sự vắng mặt của Ngài ở nhà, Bà đã nhận được trong đền thờ lời khiển trách nhẹ nhàng: 'Con không biết rằng Con phải lo việc của Cha Con sao?'

As gradually He realizes the fruits of the new birth, and experiences increasingly the living fact of the unity of all life, the portals of the second gateway open before Him. A further inner experience occurs, symbolised in the gospel drama by baptism in the waters of Jordan at the hands of John the Baptist. These are the waters of this world's sorrows in which he, who would be a Saviour of man, must be baptised, that he may know and learn to relieve them.

Khi dần dần Ngài nhận ra những thành quả của sự tái sinh, và ngày càng trải nghiệm sự thật sống động về sự hợp nhất của tất cả sự sống, các cổng của cổng thứ hai mở ra trước Ngài. Một trải nghiệm nội tâm nữa xảy ra, được tượng trưng trong vở kịch phúc âm bằng lễ rửa tội trong dòng nước Jordan dưới bàn tay của John the Baptist. Đây là vùng nước của những nỗi buồn của thế giới này, nơi mà y, người sẽ là Đấng Cứu Thế của con người, phải được rửa tội, để y có thể biết và học cách xoa dịu chúng.

Here we may pause for a moment, and note that the experiences of these great stages, five in number, are passed through in miniature in the lives of every one of us, as if to prepare us for the great experience which will one day be ours. Thus we also have our minor baptisms in the waters of the world's sorrows, our temptations, our victories, our transfigurations, our Gethsemanes, as also our crucifixions. Courage is easier to maintain amidst difficulties, and self-control in happiness, if one remembers that these experiences are rehearsals, as it were, for the

Ở đây chúng ta có thể tạm dừng một lát và lưu ý rằng những kinh nghiệm của những giai đoạn vĩ đại này, có năm giai đoạn, được trải qua thu nhỏ trong cuộc đời của mỗi người chúng ta, như thể để chuẩn bị cho chúng ta cho kinh nghiệm vĩ đại mà một ngày nào đó sẽ là của chúng ta. Do đó, chúng ta cũng có những lễ rửa tội nhỏ của mình trong vùng nước của những nỗi buồn của thế giới, những cám dỗ, những chiến thắng, những sự biến hình, những Gethsemane, cũng như những cuộc đóng đinh của chúng ta. Dễ dàng duy trì lòng dũng cảm giữa những khó khăn và tự chủ

great events through which later we shall live. After sorrow comes power, and we are told that after Jordan new floods of power descended on Him; that the heavens opened, and He went forth into the world clothed with divine authority.

trong hạnh phúc hơn, nếu người ta nhớ rằng những kinh nghiệm này là những buổi diễn tập, như thể, cho những sự kiện lớn mà sau này chúng ta sẽ sống qua. Sau nỗi buồn là sức mạnh, và chúng ta được cho biết rằng sau Jordan, những dòng sức mạnh mới đã giáng xuống Ngài; rằng các tầng trời mở ra, và Ngài bước ra thế giới khoác lên mình quyền năng thiêng liêng.

Then follow the great temptations in the wilderness, symbol of this world's materialism and selfishness. The Initiate is tempted to misuse and debase His new-found powers by their exercise in order to gratify personal ambition and desire. Eventually He triumphs saying: 'Get thee behind me, Satan', and moves on to the right use of His power, to heal the sick, to raise the dead, and to perform many miracles. At this time also He begins to draw around Him as disciples, those whom He perceives to be approaching the Path of swift Unfoldment, which He Himself is treading and whom thereafter He guides upon the way. Then the third Portal opens before Him portrayed by the Transfiguration on the Mount.

Sau đó là những cám dỗ lớn trong vùng hoang dã, biểu tượng cho chủ nghĩa vật chất và sự ích kỷ của thế giới này. Người Điểm đạo bị cám dỗ lạm dụng và làm suy đồi những quyền năng mới tìm thấy của Ngài bằng cách thực hiện chúng để thỏa mãn tham vọng và ham muốn cá nhân. Cuối cùng, Ngài chiến thắng khi nói: 'Hãy lui ra khỏi Ta, Satan', và tiến tới việc sử dụng đúng đắn quyền năng của Ngài, để chữa lành bệnh tật, để làm cho người chết sống lại và để thực hiện nhiều phép lạ. Vào thời điểm này, Ngài cũng bắt đầu thu hút xung quanh mình những người mà Ngài nhận thấy đang tiếp cận Con Đường Khai Mở nhanh chóng, mà chính Ngài đang bước đi và sau đó Ngài hướng dẫn trên con đường. Sau đó, Cổng thứ ba mở ra trước Ngài được mô tả bằng Sự Biến Hình trên Núi.

The Mount is a much used symbol in the Bible, and refers to the higher consciousness, where alone Elijah could commune with God, Moses receive the Commandments and Jesus preach His great sermon, pray and be transfigured.

Ngọn núi là một biểu tượng được sử dụng nhiều trong Kinh Thánh, và đề cập đến tâm thức cao hơn, nơi mà chỉ có Elijah mới có thể giao tiếp với Thượng đế, Moses nhận Mười Điều Răn và Đức Jesus thuyết giảng bài giảng vĩ đại của Ngài, cầu nguyện và được biến hình.

There He experiences a brief time of illumination and of peace. Side by side with others who have gone before and who recognise the divinity unfolding within Him, He sees the future, and, knowing that which awaits Him, voluntarily He moves down into the Garden of Gethsemane, symbol of the dark night of the soul, which all who seek the inner

Ở đó, Ngài trải nghiệm một thời gian ngắn soi sáng và bình an. Bên cạnh những người khác đã đi trước và nhận ra sự thiêng liêng đang mở ra bên trong Ngài, Ngài thấy tương lai, và, biết những gì đang chờ đợi Ngài, tự nguyện Ngài di chuyển xuống Vườn Gethsemane, biểu tượng cho đêm tối của linh hồn, mà tất cả những ai tìm kiếm những đỉnh cao bên trong phải biết.

heights must know. It is often foreshadowed for many of us in the bereavements, betrayals, and lonelinesses, which we are called upon to endure. We should endure them bravely, and without bitterness, even welcoming them for they foreshadow indeed help to make possible —a great attainment.

Nó thường được báo trước cho nhiều người trong chúng ta trong những mất mát, phản bội và cô đơn mà chúng ta được kêu gọi chịu đựng. Chúng ta nên chịu đựng chúng một cách dũng cảm và không cay đắng, thậm chí chào đón chúng vì chúng báo trước thực sự giúp có thể—một thành tựu lớn.

In the darkness of Gethsemane Christ experienced the quintessence of loneliness. He saw His disciples sleeping around Him, no hand being outstretched to help Him in the hour of His need. Rarely, we are told, does a soul pass through this stage without a cry of anguish: 'Couldst thou not have watched with Me one hour?' Yet, despite the shrinking of human nature from the Cup, it is accepted. The God within triumphs over the mortal man. His will is surrendered to the Divine.

Trong bóng tối của Gethsemane, Đức Christ đã trải nghiệm tinh túy của sự cô đơn. Ngài thấy các đệ tử của Ngài đang ngủ xung quanh Ngài, không có bàn tay nào vươn ra để giúp Ngài trong giờ phút Ngài cần. Hiếm khi, chúng ta được cho biết, một linh hồn vượt qua giai đoạn này mà không có một tiếng kêu đau khổ: 'Các con không thể thức với Ta một giờ sao?' Tuy nhiên, bất chấp sự co rúm của bản chất con người khỏi Chén, nó vẫn được chấp nhận. Thượng đế bên trong chiến thắng con người phàm trần. Ý chí của Ngài được giao phó cho Đấng Thiêng Liêng.

Follows the fourth great stage, the Crucifixion, which means the death of the personal self, the end of all separateness, so often achieved only with pain. Here the Initiate knows the deeper darkness of an hour when a gulf seems to open up between Father and Son, between life Infinite and life embodied. It is the greatest of all ordeals. The hour of hoped-for triumph becomes one of deepest ignominy. He sees His enemies exultant around Him, He is deserted, even betrayed by His friends and He drinks the bitter draught—another great symbol—of isolation, defamation and betrayal. He is utterly alone, naught bridging the gulf in which hangs his helpless soul. The Father, who yet was realized in Gethsemane, is veiled in the passion of the cross. Then from the heart which feels itself deserted rings out the cry: 'My God, My God, why hast Thou forsaken Me?'

Tiếp theo là giai đoạn vĩ đại thứ tư, Cuộc Đóng Đinh, có nghĩa là cái chết của bản ngã cá nhân, sự kết thúc của mọi sự tách biệt, thường chỉ đạt được bằng đau đớn. Ở đây, Người Điểm đạo biết bóng tối sâu thẳm hơn của một giờ khi một vực thẳm dường như mở ra giữa Cha và Con, giữa sự sống Vô Hạn và sự sống thể hiện. Đó là thử thách lớn nhất trong tất cả. Giờ phút hy vọng chiến thắng trở thành một trong những sự ô nhục sâu sắc nhất. Ngài thấy kẻ thù của Ngài hân hoan xung quanh Ngài, Ngài bị bỏ rơi, thậm chí bị bạn bè của Ngài phản bội và Ngài uống thứ thuốc đắng—một biểu tượng vĩ đại khác—của sự cô lập, phỉ báng và phản bội. Ngài hoàn toàn đơn độc, không có gì bắc cầu qua vực thẳm nơi linh hồn bất lực của Ngài treo lơ lửng. Đức Cha, Đấng vẫn được nhận ra ở Gethsemane, bị che đậy trong sự đam mê của thập giá. Sau đó, từ trái tim cảm thấy mình bị bỏ rơi vang lên tiếng kêu: 'Lạy Thượng đế của Con, lạy Thượng đế của Con, sao Ngài lìa bỏ Con?'

Why this last dread ordeal? Apparently it is necessary and must be experienced by all ere the triumphant goal is won; necessary because that goal is not only union, but identity with God; He must know God to be His very self, that He is the Eternal—the Eternal is Himself. Then He is able with full realisation to utter—free from all possibility of separateness any more—the mighty, liberating words: 'I and the Father are One'.

Tại sao lại có thử thách kinh hoàng cuối cùng này? Rõ ràng là nó cần thiết và phải được trải nghiệm bởi tất cả trước khi mục tiêu chiến thắng đạt được; cần thiết vì mục tiêu đó không chỉ là sự hợp nhất, mà là sự đồng nhất với Thượng đế; Ngài phải biết Thượng đế là chính bản thân Ngài, rằng Ngài là Đấng Vĩnh Hằng—Đấng Vĩnh Hằng là chính Ngài. Sau đó, Ngài có thể với sự nhận thức đầy đủ để thốt ra—thoát khỏi mọi khả năng tách biệt nữa—những lời mạnh mẽ, giải phóng: 'Ta và Cha là Một'.

The Resurrection symbolises the complete mastery of the lower self, freedom from the necessity of further rebirth, victory over death itself, having been attained. This is followed quite naturally by Ascension into full experience and conscious employment of His divinity and its powers.

Sự Phục Sinh tượng trưng cho sự làm chủ hoàn toàn bản ngã thấp hơn, sự tự do khỏi sự cần thiết phải tái sinh thêm nữa, chiến thắng bản thân cái chết, đã đạt được. Điều này được theo sau một cách tự nhiên bởi Sự Thăng Thiên vào trải nghiệm đầy đủ và việc sử dụng có ý thức sự thiêng liêng và quyền năng của Ngài.

The goal of human life at last is won. That which was born in Him at first 'as a little child' has grown to 'The measure of the stature of the fullness of Christ'.

Cuối cùng, mục tiêu của cuộc sống con người đã đạt được. Điều đã được sinh ra trong Ngài lúc đầu 'như một đứa trẻ nhỏ' đã lớn lên đến 'Tầm vóc của sự viên mãn của Đức Christ'.

May this great truth which we celebrate at this, the Feast of Christmas, become manifest in our lives; may we know the joy of a new birth, and our feet be set upon the Path which leads to life eternal.

Cầu mong chân lý vĩ đại này mà chúng ta kỷ niệm vào dịp này, Lễ Giáng Sinh, trở nên hiển nhiên trong cuộc sống của chúng ta; cầu mong chúng ta biết được niềm vui của một sự tái sinh, và bàn chân của chúng ta được đặt trên Thánh Đạo dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu.

Theosophy in Australia, 3, 6 December 1937, p. 2

Thông Thiên Học ở Úc, [3], [6] tháng 12 năm [1937], tr. [2]

166—

The Christmas of the Soul—*Lễ Giáng Sinh của Linh Hồn*

A point of view concerning the Scriptures which, though extremely old, can seem quite revolutionary to orthodox Christians is that the four Gospels do not record the history of external events in time alone. Far more even than that, they also reveal eternal truths,

Một quan điểm liên quan đến Kinh Thánh, mặc dù cực kỳ cũ, có vẻ khá mang tính cách mạng đối với các Kitô hữu chính thống là bốn sách Phúc Âm không chỉ ghi lại lịch sử các sự kiện bên ngoài trong thời gian. Thậm chí hơn thế nữa, chúng cũng tiết lộ những

whilst at the same time describing spiritual experiences of every human being. In this view the immortal story of the Christ life is seen as a universal life, your life and my life. Furthermore we can be aware of this after we are spiritually awakened or, as it is said, 'reborn', or born again.

chân lý vĩnh cửu, đồng thời mô tả những kinh nghiệm tinh thần của mọi con người. Theo quan điểm này, câu chuyện bất tử về cuộc đời Đức Christ được xem như một cuộc đời phổ quát, cuộc đời của bạn và cuộc đời của tôi. Hơn nữa, chúng ta có thể nhận thức được điều này sau khi chúng ta được thức tỉnh về mặt tinh thần hoặc, như người ta nói, 'tái sinh' hoặc được sinh ra một lần nữa.

This is a transforming experience. The 'birth' of a new outlook on life from within the soul occurs. A deepening intuitive sense of unity with God and with beings develops, and this leads to a Christ like life of self-surrender and sacrificial love. Thereafter this new found realisation dominates the thoughts, the motives, the words and the deeds of the outer man, and he becomes completely transformed, reorganised. Mystically he is said to be reborn, or as Our Lord said, 'born again'. This is the Nativity within man, for which St Paul yearned when he wrote his converts: 'I travail in birth again until Christ be formed in you'.

Đây là một trải nghiệm biến đổi. Sự "khai sinh" một cái nhìn mới về cuộc sống từ bên trong linh hồn xảy ra. Một ý thức trực giác sâu sắc hơn về sự hợp nhất với Thượng đế và với các hữu thể phát triển, và điều này dẫn đến một cuộc sống giống như Đức Christ về sự đầu hàng bản thân và tình yêu hi sinh. Sau đó, sự nhận biết mới tìm thấy này chi phối những suy nghĩ, động cơ, lời nói và hành động của con người bên ngoài, và y trở nên hoàn toàn biến đổi, được tổ chức lại. Một cách huyền bí, y được cho là tái sinh, hay như Đức Chúa của chúng ta đã nói, "tái sinh một lần nữa". Đây là Sự Giáng Sinh bên trong con người, mà Thánh Paul khao khát khi viết cho những người cải đạo của Ông: "Ta đau đớn sinh nở một lần nữa cho đến khi Đức Christ được hình thành trong các ngươi".

Let us examine the story of the first Christmas from this point of view. The Archangel Gabriel may be thought of as representing the innermost Spirit in man. Then his voice speaking the words of Annunciation would represent the spiritually creative and fructifying power of the divine self in man. Mary is the immortal self of each one of us in its vesture of light, rendered receptive. Mary listens to the power of the Spirit, and the Christ Child who, in consequence, is born of Mary is the Christ nature coming to power within man, the newly-awakened power of universal love and of that spiritual intuitiveness which reveals to the mind the

Chúng ta hãy xem xét câu chuyện về Lễ Giáng Sinh đầu tiên từ quan điểm này. Tổng lãnh thiên thần Gabriel có thể được coi là đại diện cho Tinh Thần sâu kín nhất trong con người. Sau đó, tiếng nói của Ngài nói những lời Truyền Tin sẽ đại diện cho sức mạnh sáng tạo và sinh hoa trái về mặt tinh thần của bản ngã thiêng liêng trong con người. Đức Mẹ Maria là bản ngã bất tử của mỗi chúng ta trong lớp áo ánh sáng của nó, được làm cho dễ tiếp thu. Đức Mẹ Maria lắng nghe sức mạnh của Tinh Thần, và Hài Đồng Jesus, vốn do đó, được sinh ra từ Đức Mẹ Maria là bản chất Đức Christ đến với sức mạnh bên trong con người, sức mạnh mới được đánh thức của tình yêu phổ quát và của

oneness of all life and all living things. This interior birth is, indeed; immaculate, being wholly interior and spiritual; for in this reading of the gospel story Joseph represents the formal, logical, concrete mind of a well developed individual. Valuable though this legal power of the mind can be, it cannot give birth to the intuition. By its very nature it is mentally analytical and factual. The intuition, on the other hand, brings swift realisation of underlying principles and accurate premonitions which are independent of the action of the formal mind. Not the analytical mind but the immortal self, with its capacity for abstract thought, personified by Mary, alone is able to give birth to this intuitive power.

trực giác tinh thần vốn tiết lộ cho thể trí sự hợp nhất của tất cả sự sống và tất cả những sinh vật sống. Sự khai sinh nội tại này, thật vậy; tinh khiết, hoàn toàn nội tại và tinh thần; vì trong cách đọc câu chuyện phúc âm này, Joseph đại diện cho thể trí cụ thể, hợp lý, hình thức của một cá nhân phát triển tốt. Mặc dù sức mạnh hợp pháp này của thể trí có thể có giá trị, nhưng nó không thể khai sinh ra trực giác. Về bản chất, nó có tính phân tích và thực tế về mặt trí tuệ. Mặt khác, trực giác mang lại sự nhận biết nhanh chóng về các nguyên tắc cơ bản và những linh cảm chính xác vốn độc lập với hành động của thể trí hình thức. Không phải thể trí phân tích mà là bản ngã bất tử, với khả năng tư duy trừu tượng, được nhân cách hóa bởi Đức Mẹ Maria, một mình có thể khai sinh ra sức mạnh trực giác này.

Where did all this wonder occur? In Bethlehem, and in one sense Bethlehem is the whole world itself, spiritual and material. The inn represents the accentuation of the outer material world which all mankind visits, and there stays awhile on the journey of life. ‘There is no room in the inn’. The fullness of the inn symbolises the attitude of the worldly mind concerned with time, place, and things to the most wondrous beautiful, delicate and real events. The worldly mind, the inn, is full of worldly interests, motives, activities and naturally and rightly so for a time. So the wondrous birth of the Christ consciousness cannot occur there.

Tất cả sự kỳ diệu này đã xảy ra ở đâu? Ở Bethlehem, và theo một nghĩa nào đó, Bethlehem là toàn bộ thế giới, cả tinh thần và vật chất. Quán trọ đại diện cho sự nhấn mạnh của thế giới vật chất bên ngoài mà tất cả nhân loại ghé thăm, và ở lại đó một thời gian trên hành trình cuộc đời. "Không có chỗ trong quán trọ". Sự đầy ắp của quán trọ tượng trưng cho thái độ của thể trí trần tục vốn quan tâm đến thời gian, địa điểm và mọi thứ đối với những sự kiện thực sự đẹp đẽ, tinh tế và kỳ diệu nhất. Thể trí trần tục, quán trọ, đầy những mối quan tâm, động cơ, hoạt động trần tục và một cách tự nhiên và đúng đắn trong một thời gian. Vì vậy, sự khai sinh kỳ diệu của tâm thức Đức Christ không thể xảy ra ở đó.

In another sense the inn is the physical body; the stable represents the physical heart, and the manger is the chamber or vault or cave within the heart wherein the Christ consciousness of love and unity is born and ‘fed’.

Theo một nghĩa khác, quán trọ là thể xác; chuồng ngựa đại diện cho trái tim thể xác, và máng cỏ là căn phòng hoặc hầm hoặc hang động bên trong trái tim, nơi tâm thức Đức Christ về tình yêu và sự hợp nhất được sinh ra và "nuôi dưỡng".

The apparent poverty of the manger of a

Sự nghèo khó rõ ràng của máng cỏ của một

stable of an inn symbolises that renunciation of all desire for possessions which must precede spiritual rebirth. At His birth and throughout His life, the Lord of Love, who as the Second Aspect of the Trinity is the greatest of all, voluntarily chose to appear in the most helpless guise, an infant, and in the humblest of all places, a stable. In His manhood also He chose to be despised and rejected of men. He, who by a word stilled a raging storm, and whom legions of angels obeyed, could have shown His greatness at any moment. He did not do so. He surrendered and was murdered, and His body was publicly displayed to the mockery and scorn of mankind. Think what He could have done and did not. In His birth in a stable, and in that later humility and surrender, He actually displayed His mightiest power, and by the same method may every man. He thus taught the greatest spiritual truth, that life is fulfilled by renunciation. An old saying goes: 'You must lose your heart and search for it in every quarter. When you find it, you will know it as the heart of all things'.

chuồng ngựa của một quán trọ tượng trưng cho sự từ bỏ mọi ham muốn sở hữu vốn phải đi trước sự tái sinh tinh thần. Khi mới sinh ra và trong suốt cuộc đời, Đức Chúa Tình Yêu, vốn là Trạng Thái Thứ Hai của Ba Ngôi là vĩ đại nhất trong tất cả, đã tự nguyện chọn xuất hiện trong hình hài bất lực nhất, một đứa trẻ sơ sinh, và ở nơi khiêm tốn nhất trong tất cả các nơi, một chuồng ngựa. Trong thời trai tráng của Ngài, Ngài cũng chọn bị khinh miệt và bị người đời chối bỏ. Ngài, vốn chỉ bằng một lời nói đã dẹp yên một cơn bão dữ dội, và người mà quân đoàn thiên thần tuân lệnh, có thể đã thể hiện sự vĩ đại của Ngài bất cứ lúc nào. Ngài đã không làm như vậy. Ngài đã đầu hàng và bị sát hại, và thi thể của Ngài đã được trưng bày công khai cho sự chế giễu và khinh miệt của nhân loại. Hãy nghĩ xem Ngài có thể đã làm gì và đã không làm. Trong sự ra đời của Ngài trong một chuồng ngựa, và trong sự khiêm nhường và đầu hàng sau đó, Ngài thực sự đã thể hiện sức mạnh vĩ đại nhất của Ngài, và bằng phương pháp tương tự, mọi người đều có thể. Do đó, Ngài đã dạy chân lý tinh thần vĩ đại nhất, rằng cuộc sống được hoàn thành bằng sự từ bỏ. Một câu nói cũ có nội dung: "Bạn phải đánh mất trái tim mình và tìm kiếm nó ở mọi nơi. Khi bạn tìm thấy nó, bạn sẽ biết nó là trái tim của vạn vật".

What then do the shepherds and the wise men from the East who brought their gifts symbolise? In one meaning, the shepherds are the highest qualities of the awakened soul, especially its protective, healing and nutrifying powers. When they are active, the soul is open to illumination, can see and hear the angels who symbolise the streams of spiritual power and wisdom descending from on high as messengers from above into the soul, calling upon it to recognise the oneness of life, the fact of the brotherhood of man. Hence the words of the angels' song: 'Peace on earth and good will toward men'. It is the

Vậy thì những người chăn cừu và các nhà thông thái từ phương Đông mang theo quà tặng của họ tượng trưng cho điều gì? Theo một nghĩa nào đó, những người chăn cừu là những phẩm chất cao nhất của linh hồn đã thức tỉnh, đặc biệt là sức mạnh bảo vệ, chữa lành và nuôi dưỡng của nó. Khi chúng hoạt động, linh hồn sẽ mở ra với sự soi sáng, có thể nhìn và nghe thấy các thiên thần vốn tượng trưng cho các dòng sức mạnh và minh triết tinh thần giáng xuống từ trên cao như những sứ giả từ trên cao vào linh hồn, kêu gọi nó nhận ra sự hợp nhất của sự sống, sự thật về tình huynh đệ của con người. Do đó, những lời trong bài hát của các

dawning from above of both pure spiritual power and the vision of the oneness of life, promise of the later consummation proclaimed by the Christ: 'I and my Father are One'.

thiên thần: "Bình an dưới thế và thiện ý đối với loài người". Đó là sự bình minh từ trên cao của cả sức mạnh tinh thần thuần khiết và tầm nhìn về sự hợp nhất của sự sống, lời hứa về sự hoàn thành sau này được Đức Christ tuyên bố: "Ta và Cha ta là Một".

In another meaning, the shepherds refer to those great shepherds of souls who are the perfected men of earth. St Paul writes of them as 'just men made perfect' and displays in many ways a knowledge of the mystical meaning of the gospel story. For, as I earlier quoted, he wrote in Galatians 4:19: 'I travail in birth again until Christ be formed in you'. This can only refer to an interior nativity, a Christmas of the soul indeed.

Theo một nghĩa khác, những người chăn cừu đề cập đến những người chăn dắt vĩ đại của các linh hồn vốn là những người hoàn thiện của trái đất. Thánh Paul viết về Các Ngài là "những người công chính đã trở nên hoàn thiện" và thể hiện bằng nhiều cách sự hiểu biết về ý nghĩa huyền bí của câu chuyện phúc âm. Vì, như tôi đã trích dẫn trước đó, Ông đã viết trong Galatians 4:19: "Ta đau đớn sinh nở một lần nữa cho đến khi Đức Christ được hình thành trong các ngươi". Điều này chỉ có thể đề cập đến một sự giáng sinh nội tại, một Lễ Giáng Sinh của linh hồn thực sự.

The Magi from the East, traditionally three, may refer to the three aspects of the inner, immortal self of man, spiritual will, spiritual wisdom, and spiritual intelligence. Each of these parts of the soul of man is at that time sufficiently awakened to contribute its special powers or gifts to empower, guide and inspire the newly reborn one in the life into which it has now entered, the new and living way.

Các Đạo sĩ từ phương Đông, theo truyền thống là ba người, có thể đề cập đến ba khía cạnh của bản ngã bất tử, nội tại của con người, ý chí tinh thần, minh triết tinh thần và trí tuệ tinh thần. Mỗi bộ phận này của linh hồn con người vào thời điểm đó đã đủ thức tỉnh để đóng góp sức mạnh hoặc quà tặng đặc biệt của nó để trao quyền, hướng dẫn và truyền cảm hứng cho người mới tái sinh trong cuộc sống mà nó vừa bước vào, con đường sống động và mới mẻ.

This mystical view of the nativity of Christ is also expressed by Angelus Silesius: 'Though Christ a thousand times in Bethlehem be born and not within thyself, thy soul will be forlorn. The cross on Golgotha thou lookest to in vain unless within thyself it be set up again'. There again is a direct reference to the mystical nativity, the Christmas of the soul.

Quan điểm huyền bí này về sự giáng sinh của Đức Christ cũng được Angelus Silesius bày tỏ: "Mặc dù Đức Christ ngàn lần được sinh ra ở Bethlehem và không ở trong chính bạn, linh hồn bạn sẽ bị bỏ rơi. Bạn nhìn lên thập giá trên Golgotha một cách vô ích trừ khi bên trong bạn nó được dựng lại". Ở đó một lần nữa có một tham chiếu trực tiếp đến sự giáng sinh huyền bí, Lễ Giáng Sinh của linh hồn.

Theosophy in New Zealand, Vol. 38, No. 4, 1977, p. 81

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 38, Số 4, 1977, tr. 81

167

The Occult Significance of Christmas—*Ý Nghĩa Huyền Bí của Lễ Giáng Sinh*

The Bible stories, it has been stated, not only contain a record of historical events, they also reveal eternal truths and interior experiences and attainments of individual men and women. The central figure in the Gospel story, the Christ, mystically represents also the Divine in Nature and in man, the *Christos* within. The story which is told of the Christ is a universal one, being enacted within and by the Soul of every human being.

Các câu chuyện trong Kinh Thánh, như đã nêu, không chỉ chứa đựng một bản ghi các sự kiện lịch sử, chúng còn tiết lộ những chân lý vĩnh cửu và những trải nghiệm nội tại và những thành tựu của từng người nam và nữ. Nhân vật trung tâm trong câu chuyện Phúc Âm, Đức Christ, một cách huyền bí cũng đại diện cho Thần Tính trong Tự Nhiên và trong con người, Christos bên trong. Câu chuyện kể về Đức Christ là một câu chuyện phổ quát, được thực hiện bên trong và bởi Linh Hồn của mọi con người.

Christmas is a thanksgiving, and a remembrance of the birth in Palestine 2,000 years ago of Him who became known as Jesus the Christ. It is also the story of the birth of the Christ, age by age, within the human heart; it is a festival of spiritual birth, a call to the spiritual life. For humanity, the beautiful story of the Nativity describes in symbol the entry by the spiritually awakened man and woman upon the Path or way of holiness, the adoption of the selfless, dedicated, spiritual life. The Nativity of Christ represents the beginning of a new cycle, of whatever order.

Lễ Giáng Sinh là một lễ tạ ơn, và một sự tưởng nhớ về sự ra đời ở Palestine cách đây 2.000 năm của Ngài, Đấng đã trở nên nổi tiếng với tên gọi Jesus Đức Christ. Nó cũng là câu chuyện về sự ra đời của Đức Christ, hết thời đại này đến thời đại khác, trong trái tim con người; nó là một lễ hội của sự ra đời tinh thần, một lời kêu gọi cuộc sống tinh thần. Đối với nhân loại, câu chuyện tuyệt đẹp về Sự Giáng Sinh mô tả bằng biểu tượng sự gia nhập của người nam và nữ đã thức tỉnh về mặt tinh thần trên Thánh Đạo hoặc con đường thánh thiện, việc chấp nhận cuộc sống tinh thần, tận tâm, vị tha. Sự Giáng Sinh của Đức Christ đại diện cho sự khởi đầu của một chu kỳ mới, thuộc bất kỳ trật tự nào.

There are three main interpretations of the Bible story—the cosmic, the Monadic and the occult or initiatory. In the cosmos, it describes the birth of a universe at the dawn of the Creative Day. In man, it describes his spiritual ascent or birth into a higher level of consciousness, and so a new and spiritual ideal of life. The festival of Christmas has been interpreted as a call to enter upon the ‘strait and narrow way’

Có ba cách giải thích chính về câu chuyện Kinh Thánh—vũ trụ, Chân Thần và huyền bí hoặc điểm đạo. Trong vũ trụ, nó mô tả sự ra đời của một vũ trụ vào buổi bình minh của Ngày Sáng Tạo. Trong con người, nó mô tả sự thăng tiến tinh thần hoặc sự ra đời của y vào một cấp độ tâm thức cao hơn, và do đó là một lý tưởng mới và tinh thần về cuộc sống. Lễ hội Giáng Sinh đã được giải thích như một lời kêu gọi bước vào "con đường hẹp và chật chội"

(Matthew 7:14) which leads to life eternal. There are said to be four main keys and one clue to an understanding of the symbology used in the story of the Nativity. The four keys are: All true spiritual and intuitive perceptions first occur within oneself. Each parable dramatises experiences of the Soul. People described therein are personifications of the principles of man. All objects have a symbolical meaning. A clue is the impossibility of a physical virgin birth which is a cover or blind to turn away the profane from the great Mystery, concealing its inner meaning, and yet it is a clue which reveals the inner spiritual truth to those who can follow it. In making the impossible seem to occur, the authors arrest the attention of the student, warning him to interpret, not literally but allegorically—not as a physical event but as a spiritual revelation. The awakening to power of spiritual vision of Divine Love and Wisdom from within the Soul, is indeed the result of an immaculate conception and a virgin birth.

(Ma-thi-ơ 7:14) vốn dẫn đến cuộc sống vĩnh cửu. Người ta nói rằng có bốn chìa khóa chính và một manh mối để hiểu về hệ biểu tượng được sử dụng trong câu chuyện về Sự Giáng Sinh. Bốn chìa khóa là: Tất cả những nhận thức trực giác và tinh thần đích thực đầu tiên xảy ra bên trong chính mình. Mỗi dụ ngôn kịch tính hóa những trải nghiệm của Linh Hồn. Những người được mô tả trong đó là những nhân cách hóa các nguyên tắc của con người. Tất cả các đối tượng đều có một ý nghĩa tượng trưng. Một manh mối là sự bất khả thi của một sự ra đời đồng trinh về thể xác vốn là một vỏ bọc hoặc tấm bình phong để ngăn những kẻ phàm tục khỏi Đại Bí Ẩn, che giấu ý nghĩa bên trong của nó, và tuy nhiên, nó là một manh mối tiết lộ chân lý tinh thần bên trong cho những người có thể theo dõi nó. Bằng cách làm cho điều không thể dường như xảy ra, các tác giả thu hút sự chú ý của học viên, cảnh báo y giải thích, không theo nghĩa đen mà theo nghĩa bóng—không phải là một sự kiện thể xác mà là một sự mặc khải tinh thần. Sự thức tỉnh sức mạnh của tầm nhìn tinh thần về Tình Yêu và Minh Triết Thiêng Liêng từ bên trong Linh Hồn, thực sự là kết quả của một thụ thai tinh khiết và một sự ra đời đồng trinh.

How to Interpret

Let us now look at the main actors in the great drama and the main objects stressed in in the story, but in order to interpret them and understand fully the meaning, we must remember that man is sevenfold—a threefold immortal, spiritual being, the Microcosmic Trinity, the Triple Self of man, manifesting through four mortal bodies of mind, emotion, vitality and flesh. Each of these seven parts of man is personified in the story of the Nativity.

Làm thế nào để Giải thích

Bây giờ chúng ta hãy xem xét các diễn viên chính trong vở kịch vĩ đại và các đối tượng chính được nhấn mạnh trong câu chuyện, nhưng để giải thích chúng và hiểu đầy đủ ý nghĩa, chúng ta phải nhớ rằng con người là thất phân—một hữu thể tinh thần, bất tử tam phân, Tam Ngôi Tiểu Thiên Địa, Tam Ngã của con người, biểu hiện thông qua bốn thể phàm ngã của thể trí, cảm xúc, sinh lực và xác thịt. Mỗi bộ phận trong số bảy bộ phận này của con người được nhân cách hóa trong câu chuyện về Sự Giáng Sinh.

Gabriel, the Angel of the Annunciation, represents the innermost spirit in man, the Divine Spark or Monad. The Creative Will descending from the Monad is symbolised by the lily in Gabriel's hand. Mary represents the divine intelligence, the spiritual soul or Ego, which alone is able to hear the voice of the indwelling spirit. The Christ Child, who is 'born' after this inwardly fructifying power has descended, represents love and intuition. Since it is wholly spiritual, this interior 'birth' is indeed immaculate. These three then, Gabriel, Mary and the Christ represent the three-fold spiritual Self of man.

Gabriel, Thiên Thần Truyền Tin, đại diện cho tinh thần sâu kín nhất trong con người, Tia Lửa Thiêng Liêng hoặc Chân Thần. Ý Chí Sáng Tạo giáng xuống từ Chân Thần được tượng trưng bởi hoa huệ trong tay Gabriel. Đức Mẹ Maria đại diện cho trí tuệ thiêng liêng, linh hồn tinh thần hoặc Chân Ngã, vốn một mình có thể nghe thấy tiếng nói của tinh thần ngự trị. Hài Đồng Jesus, vốn được "sinh ra" sau khi sức mạnh sinh hoa trái bên trong này đã giáng xuống, đại diện cho tình yêu và trực giác. Vì nó hoàn toàn tinh thần, nên "sự ra đời" nội tại này thực sự là tinh khiết. Ba điều này sau đó, Gabriel, Đức Mẹ Maria và Đức Christ đại diện cho Tam Ngã tinh thần của con người.

Joseph stands for the formal logical mind, and valuable though this power of the intellect may be, it cannot by itself give birth to the intuition. The tame, domesticated animals in the manger represent the emotions—purified, controlled and harmonised. When these are wild and untamed they endanger the Soul of man, but when tamed and trained they are well represented by docile domestic beasts of burden. The manger in the stable of the inn is the source of life and nutriment. It represents the Etheric Double of man, the container of the vital forces that keep the physical body alive, the latter being represented by the stable. These four then, Joseph, the animals, the manger and the stable symbolise the four-fold mortal aspect of man.

Joseph đại diện cho thể trí hợp lý hình thức, và mặc dù sức mạnh này của trí tuệ có thể có giá trị, nhưng tự nó không thể khai sinh ra trực giác. Những con vật thuần hóa, được thuần dưỡng trong máng cỏ đại diện cho những cảm xúc—được thanh lọc, kiểm soát và hài hòa. Khi những điều này hoang dã và không được thuần hóa, chúng sẽ gây nguy hiểm cho Linh Hồn của con người, nhưng khi được thuần hóa và huấn luyện, chúng được đại diện tốt bởi những con thú thồ hàng ngoan ngoãn. Máng cỏ trong chuồng ngựa của quán trọ là nguồn sống và chất dinh dưỡng. Nó đại diện cho Thể Dĩ Thái Đôi của con người, vật chứa các lực sinh lực vốn giữ cho thể xác sống, thể xác sau được đại diện bởi chuồng ngựa. Bốn điều này sau đó, Joseph, những con vật, máng cỏ và chuồng ngựa tượng trưng cho khía cạnh phàm ngã tứ phân của con người.

Other Truths

Những Chân Lý Khác

Let us now look at aspects of the Nativity in greater detail, and using keys of the Sacred Language, see what other truths are hidden beneath the veil of allegory and symbol. Bethlehem, where Christ was born, may be regarded as symbolical of the whole world of

Bây giờ chúng ta hãy xem xét các khía cạnh của Sự Giáng Sinh một cách chi tiết hơn, và sử dụng các chìa khóa của Ngôn Ngữ Thiêng Liêng, xem những chân lý nào khác bị che giấu dưới bức màn ngụ ngôn và biểu tượng. Bethlehem, nơi Đức Christ được sinh ra, có thể

men, material and spiritual, and the inn the accentuation of personal material interest. It is thus correctly described as being 'full'. Accordingly, 'there was no room for them in the inn' (Luke 2:7). The wondrous birth of the Christ consciousness cannot occur in the realm of the worldly mind, dominated—not unnaturally—by the pursuit of personal pleasures and the attribute of possessiveness.

In a deeper occult sense, then, the manger is the secret place of the Soul, where wonderful transformations occur. It is here that the birth of the Christ Child takes place.

Every world religion has as its heart its sanctuaries or centres of the Great Mysteries. To these, every earnest aspirant whose motive is utterly selfless, whose heart is pure, can find his or her way. There spiritual wisdom is imparted, the Soul is enlightened, its unfoldment is quickened and, when the time is ripe, the Great Initiations are bestowed. In this sense then the manger of the inn typifies a secret sanctuary, despised by the world as a resting place, yet it is there that the mystic birth occurs in the presence of the august assembly of the Adepts Who are the Shepherds of Souls, and it is there that the Wise Men come.

Renunciation

This story of the birth of the Christ Child in feebleness and poverty in the manger of a stable of an inn, symbolises the surrender of all earthly possessions and powers, for the Initiate surrenders all, lays aside all personal desires and emotions, and gives up forever all pride of possession. Thus is taught the great lesson of renunciation. Everyone who is

được coi là tượng trưng cho toàn bộ thế giới loài người, vật chất và tinh thần, và quán trọ là sự nhấn mạnh về lợi ích vật chất cá nhân. Do đó, nó được mô tả chính xác là "đầy". Theo đó, "không có chỗ cho họ trong quán trọ" (Lu-ca 2:7). Sự ra đời kỳ diệu của tâm thức Đức Christ không thể xảy ra trong lĩnh vực của thể trí trần tục, bị chi phối—một cách không tự nhiên—bởi việc theo đuổi những thú vui cá nhân và thuộc tính chiếm hữu.

Theo một nghĩa huyền bí sâu sắc hơn, thì máng cỏ là nơi bí mật của Linh Hồn, nơi những biến đổi kỳ diệu xảy ra. Chính tại đây mà sự ra đời của Hài Đồng Jesus diễn ra.

Mọi tôn giáo trên thế giới đều có trái tim là những khu bảo tồn hoặc trung tâm của Đại Bí Ẩn. Đối với những điều này, mọi người chí nguyện chân thành có động cơ hoàn toàn vị tha, có trái tim trong sạch, đều có thể tìm thấy con đường của mình. Ở đó, minh triết tinh thần được truyền đạt, Linh Hồn được soi sáng, sự khai mở của nó được đẩy nhanh và, khi thời điểm chín muồi, những Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại được ban cho. Theo nghĩa này, máng cỏ của quán trọ tiêu biểu cho một khu bảo tồn bí mật, bị thế giới coi thường như một nơi nghỉ ngơi, nhưng chính ở đó mà sự ra đời huyền bí xảy ra trước sự hiện diện của hội đồng trang trọng của các Chân sư vốn là những Người Chăn Dắt Linh Hồn, và chính ở đó mà các Nhà Thông Thái đến.

Sự Từ Bỏ

Câu chuyện về sự ra đời của Hài Đồng Jesus trong sự yếu đuối và nghèo khó trong máng cỏ của một chuồng ngựa của một quán trọ này, tượng trưng cho sự đầu hàng tất cả những tài sản và quyền lực trần thế, vì người được Điểm Đạo đầu hàng tất cả, gạt bỏ mọi ham muốn và cảm xúc cá nhân, và từ bỏ mãi mãi mọi niềm kiêu hãnh về quyền sở hữu. Như vậy, bài học

spiritually newborn is selfless, detached and symbolically a child. The Lord of Love himself voluntarily chose to appear in the most helpless guise, an infant, and in the humblest of all places, a stable, surrounded by domestic animals. Yet the kings of the earth, the three Wise Men of the Bible story, came to visit the Babe in the stable and to lay their treasures—gold, frankincense and myrrh—at the Christ Child's feet. Mystically interpreted, there are present at the First Initiation Adept sponsors (the Wise Men), and there then occurs a descent of *Atma, Buddhi* and *Manas* and the powers of each—symbolised by gold, frankincense and myrrh, the gifts of the Wise Men.

vĩ đại về sự từ bỏ được dạy. Mọi người được tái sinh về mặt tinh thần đều vị tha, tách rời và mang tính biểu tượng là một đứa trẻ. Chính Đức Chúa Tình Yêu đã tự nguyện chọn xuất hiện trong hình hài bất lực nhất, một đứa trẻ sơ sinh, và ở nơi khiêm tốn nhất trong tất cả các nơi, một chuồng ngựa, được bao quanh bởi những con vật nuôi trong nhà. Tuy nhiên, các vị vua của trái đất, ba Nhà Thông Thái trong câu chuyện Kinh Thánh, đã đến thăm Hài Nhi trong chuồng ngựa và đặt kho báu của họ—vàng, nhũ hương và mộc dược—dưới chân Hài Đồng Jesus. Được giải thích một cách huyền bí, có mặt tại Cuộc Điểm Đạo Thứ Nhất là những người bảo trợ Chân sư (các Nhà Thông Thái), và sau đó có sự giáng xuống của Atma, Bồ Đề và Manas và sức mạnh của mỗi người—được tượng trưng bằng vàng, nhũ hương và mộc dược, những món quà của các Nhà Thông Thái.

Symbol of the Star

The Wise Men were led to the inn by a star. The symbol of the star has many meanings, but in the initiatory sense it represents the *Atma,* the spiritual will, the forthshining spiritual power of the Initiate, and the shining symbol of the world's great King, the One Initiator on this earth, in Whose name and by Whose power all Initiations are conferred. When a candidate reaches the portals of Initiation, the Star flashes forth to indicate the approval of this great Ruler of the world under the Solar Deity, the Great One Who is in charge of evolution on this earth.

Biểu Tượng của Ngôi Sao

Các nhà thông thái được dẫn đến quán trọ bởi một ngôi sao. Biểu tượng của ngôi sao có nhiều ý nghĩa, nhưng theo nghĩa điểm đạo, nó đại diện cho Atma, ý chí tinh thần, sức mạnh tinh thần tỏa sáng của Điểm Đạo Đồ, và biểu tượng tỏa sáng của vị Vua vĩ đại của thế giới, Đấng Điểm Đạo Duy Nhất trên trái đất này, trong danh Ngài và bởi quyền năng của Ngài mà tất cả các Cuộc Điểm Đạo được ban cho. Khi một ứng viên đến được cổng Điểm Đạo, Ngôi Sao lóe lên để biểu thị sự chấp thuận của Đấng Thống Trị vĩ đại của thế giới này dưới quyền của Thái dương Thượng đế, Đấng Cao Cả, vốn phụ trách sự tiến hóa trên trái đất này.

Theosophy in New Zealand, Vol. 44, No. 4, 1983, p. 81

Theosophy in New Zealand, Vol. [44], No. [4], [1983], tr. [81]

Our subject is at least fourfold since it includes consideration of theology itself, particularly Christian theology, theological doctrines and dogmas, developments occurring without and within the Christian Denomination and the ideal and underlying reality beneath the proclamations and practices evident in Christianity today.

Chủ đề của chúng ta ít nhất là tứ phân vì nó bao gồm việc xem xét bản thân thần học, đặc biệt là thần học Cơ đốc giáo, các học thuyết và giáo điều thần học, những phát triển xảy ra bên ngoài và bên trong Giáo Phái Cơ đốc giáo và thực tế lý tưởng và tiềm ẩn bên dưới những lời tuyên bố và thực hành rõ ràng trong Cơ đốc giáo ngày nay.

The Nature and Origin of Theology

Bản Chất và Nguồn Gốc của Thần Học

What then is theology, and how might one clearly define the central idea of Christianity? Three possible definitions are: a system of religious theory or observance founded upon an interpretation of Scripture; religious knowledge or belief about God methodically formulated and based upon the Bible as the Word of God; divinely revealed truths about salvation.

Vậy thần học là gì, và làm thế nào người ta có thể định nghĩa rõ ràng ý tưởng trung tâm của Cơ đốc giáo? Ba định nghĩa có thể là: một hệ thống lý thuyết hoặc tuân thủ tôn giáo dựa trên sự giải thích Kinh Thánh; kiến thức hoặc niềm tin tôn giáo về Thượng đế được xây dựng một cách có phương pháp và dựa trên Kinh Thánh như là Lời của Thượng đế; những chân lý được Thượng đế tiết lộ về sự cứu rỗi.

Dr Paul Tilich wrote, ‘A theological system is supposed to satisfy two basic needs: the statement of the Christian Message and the interpretation of this truth for every new generation’.

Tiến sĩ Paul Tilich đã viết, 'Một hệ thống thần học được cho là đáp ứng hai nhu cầu cơ bản: tuyên bố Thông Điệp Cơ đốc giáo và giải thích chân lý này cho mọi thế hệ mới'.

The Christian message consists of two fundamental convictions: Jesus Christ is the Son of God, and God sent Christ to earth to live as humans live, to suffer as humans suffer, to die for mankind’s redemption and gloriously to rise again. In the Fourth Gospel we read: ‘For

Thông điệp Cơ đốc giáo bao gồm hai xác tín cơ bản: Đức Jesus Christ là Con của Thượng đế, và Thượng đế đã gửi Đức Christ xuống trái đất để sống như con người sống, để chịu đựng như con người chịu đựng, để chết vì sự cứu chuộc của nhân loại và sống lại một cách vinh quang. Trong Phúc Âm Thứ Tư, chúng ta đọc: 'Vì

God so loved the world that He gave His only begotten Son so that whosoever believeth in Him should not perish, but have everlasting life (John 3:16). To these two doctrines, most nominal Christians assent.

Thượng đế yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời (Giăng 3:16). Hầu hết các Cơ đốc nhân hữu danh đều tán thành hai học thuyết này.

How then did dogmatic theology arise? After

Vậy thì thần học giáo điều đã phát sinh như

the untimely death of their Lord, the Apostles and their immediate followers and converts carried on His work by virtue of His Power and His Voice, still actively at work within them, as have done and do many Christians today. Officially persecuted and martyred, betrayed and scorned by individuals, the early Christians held firm to their faith, which through them was transmitted to the world.

thế nào? Sau cái chết yểu của Đức Chúa, các Tông Đồ và những người theo và cải đạo trực tiếp của Các Ngài đã tiếp tục công việc của Ngài nhờ Quyền Năng và Tiếng Nói của Ngài, vẫn tích cực hoạt động bên trong họ, như nhiều Cơ đốc nhân ngày nay đã và đang làm. Bị đàn áp và tử đạo một cách chính thức, bị phản bội và khinh miệt bởi các cá nhân, những Cơ đốc nhân ban đầu đã giữ vững đức tin của họ, đức tin này đã được truyền bá ra thế giới thông qua họ.

Unfortunately, this period of deep spiritual unity, inspiration, living experience, did not endure. Gradually it gave way to a process of crystallisation of the waters of living Truth into fixed dogmas and from this birth of theology and creed in the third and fourth centuries, sprang intolerance and sectarianism.

Thật không may, giai đoạn thống nhất tinh thần sâu sắc, cảm hứng, kinh nghiệm sống động này đã không kéo dài. Dần dần, nó nhường chỗ cho một quá trình kết tinh các dòng nước Chân Lý sống động thành các giáo điều cố định và từ sự ra đời của thần học và tín điều này trong thế kỷ thứ ba và thứ tư, sự không khoan dung và bè phái đã nảy sinh.

This was indeed a misfortune, for Christianity like all other Faiths is a way of life, not a theological system with which one must be in intellectual agreement. Indeed, one may, I suggest, legitimately challenge and even deny main doctrines and still be worthy of the title 'Christian'.

Đây thực sự là một điều bất hạnh, vì Cơ đốc giáo giống như tất cả các Tín Ngưỡng khác là một cách sống, không phải là một hệ thống thần học mà người ta phải đồng ý về mặt trí tuệ. Thật vậy, tôi cho rằng, người ta có thể thách thức một cách hợp pháp và thậm chí phủ nhận các học thuyết chính và vẫn xứng đáng với danh hiệu 'Cơ đốc nhân'.

Astounding Diversity

Sự Đa Dạng Đáng Kinh Ngạc

How many nominal Christians are there? Of two hundred and fifty thousand million or more people on earth, some eight and a half hundred million—one out of every three are listed as Christian. Of these, four hundred and eighty four million are Roman Catholic, forty one million Presbyterian and forty million Anglican or Church of England. Strangely enough, within these and many other denominations one finds such a diversity of belief that has developed amongst them in the last 2,000 years that it is now difficult to

Có bao nhiêu Cơ đốc nhân hữu danh? Trong số hai trăm năm mươi nghìn triệu người trở lên trên trái đất, có khoảng tám trăm năm mươi triệu người—cứ ba người thì có một người được liệt kê là Cơ đốc nhân. Trong số này, bốn trăm tám mươi bốn triệu người là Công giáo La Mã, bốn mươi mốt triệu người theo Trưởng lão và bốn mươi triệu người theo Anh giáo hoặc Giáo hội Anh. Điều kỳ lạ là, trong số này và nhiều giáo phái khác, người ta thấy một sự đa dạng về niềm tin đã phát triển giữa họ trong 2.000 năm qua đến nỗi bây giờ khó có thể

recognise that they all belong to the same Faith and acknowledged Lord.

nhận ra rằng tất cả họ đều thuộc cùng một Tín Ngưỡng và thừa nhận Đức Chúa.

Roman Catholicism remains, however, very definite concerning dogma. In the first week of July, 1968, His Holiness the Pope proclaimed an inflexible affirmation of traditional Catholic doctrine. In addition to the already accepted Apostles' Creed (2nd Century), the Athanasian Creed (A.D. 361), the Nicene Creed (A.D. 381) and the

Tuy nhiên, Công giáo La Mã vẫn rất rõ ràng về giáo điều. Vào tuần đầu tiên của tháng 7 năm 1968, Đức Giáo Hoàng đã tuyên bố một sự khẳng định không linh hoạt về học thuyết Công giáo truyền thống. Ngoài Tín Điều Các Tông Đồ (thế kỷ thứ 2) đã được chấp nhận, Tín Điều Athanasian (năm 361 sau Công Nguyên), Tín Điều Nicene (năm 381 sau Công Nguyên) và

Statements in the Council of Trent (A.D. 1500), he proclaimed the following inflexible affirmation of traditional Catholic doctrine, but little changed from mediaeval days.

Các Tuyên Bố trong Công Đồng Trent (năm 1500 sau Công Nguyên), Ngài đã tuyên bố sự khẳng định không linh hoạt sau đây về học thuyết Công giáo truyền thống, nhưng ít thay đổi so với những ngày thời trung cổ.

'We believe in one only God, Father, Son and Holy Spirit, Creator of things visible, such as this world, of things invisible, such as the pure spirits which are also called angels. He is He Who is'.

'Chúng tôi tin vào một Thượng đế duy nhất, Cha, Con và Chúa Thánh Thần, Đấng Sáng Tạo ra những thứ hữu hình, chẳng hạn như thế giới này, những thứ vô hình, chẳng hạn như các tinh thần thuần khiết cũng được gọi là thiên thần. Ngài là Đấng vốn là'.

'We believe that in Adam all have sinned'. This repeats the pronouncement by the Council of Trent, which maintained that original sin is transmitted 'not by imitation but by propagation'.

'Chúng tôi tin rằng trong Adam, tất cả đều đã phạm tội'. Điều này lặp lại tuyên bố của Công Đồng Trent, vốn duy trì rằng tội tổ tông được truyền lại 'không phải do bắt chước mà do sinh sản'.

'Because everyone is a sinner born, baptism should be administered even to little children... in order that, though born deprived of supernatural grace, they may be reborn'.

'Bởi vì mọi người đều sinh ra là tội nhân, nên phép báp têm nên được thực hiện ngay cả cho trẻ nhỏ... để, mặc dù sinh ra bị tước đoạt ân sủng siêu nhiên, chúng có thể được tái sinh'.

'We believe in the infallibility enjoined by the successor of Peter when he teaches *ex cathedra* (on matters of faith and morals) as pastor and teacher of all the faithful'.

'Chúng tôi tin vào sự bất khả ngộ được quy định bởi người kế vị của Peter khi ông giảng dạy ex cathedra (về các vấn đề đức tin và đạo đức) với tư cách là mục sư và giáo viên của tất cả những người trung thành'.

'In the reality itself independently of our mind, the bread and wine have ceased to exist

'Trong chính thực tế độc lập với tâm trí của chúng ta, bánh và rượu đã ngừng tồn tại sau Lễ

after the Consecration so that they are the adorable Body and Blood of the Lord'.

'We believe in the life eternal. We believe that the souls of all those who die in the grace of Christ, whether they must still be purified in Purgatory, or from the moment they leave their bodies, Jesus takes them to Paradise. They are the people of God in the eternity beyond death which will be finally conquered on the day of the resurrection when these souls will be reunited with their bodies. Those who refuse God will go to "the fire that will not be extinguished'.

Papal Infallibility

Since the First Vatican Council of 1870, it has been a dogma of the Roman Catholic Church that the Pope, when he thus speaks *ex cathedra* on matters of faith or morals, is infallible. The Catholic understanding of infallibility has been largely based on the several Scriptural passages in which Jesus enjoins the Apostles to teach all mankind. Protestant scholars on the question, argue that these texts do not prove or imply infallibility. What they say is only that Christ wanted the Apostles to teach his gospel, and that they had certain knowledge of what to teach. They had such unforgettable memories of all the main events and teaching of Jesus that they could not err in communicating to their audiences. Their infallibility was not of the theological but of the natural kind which is another name for unshakeably certain knowledge.

Another traditional argument for infallibility is that the Apostles in their teaching had the special protection of the Holy Spirit, and that the church is heir to that divine guidance. The particular infallibility that is claimed for the Pope is based, in part, on Jesus' words to Peter

Hiến Tế để chúng là Thân Thể và Máu đáng tôn thờ của Đức Chúa'.

'Chúng tôi tin vào cuộc sống vĩnh cửu. Chúng tôi tin rằng linh hồn của tất cả những ai chết trong ân sủng của Đức Christ, dù họ vẫn phải được thanh tẩy trong Luyện Ngục, hay từ thời điểm họ rời khỏi thân thể, Đức Jesus sẽ đưa họ đến Thiên Đàng. Họ là dân của Thượng đế trong cõi vĩnh hằng vượt ra ngoài cái chết, vốn cuối cùng sẽ bị chinh phục vào ngày phục sinh khi những linh hồn này sẽ được đoàn tụ với thân thể của họ. Những người từ chối Thượng đế sẽ đi vào "lửa không hề tắt"'.

Sự Bất Khả Ngộ của Giáo Hoàng

Kể từ Công Đồng Vatican Thứ Nhất năm 1870, giáo hội Công giáo La Mã đã có một giáo điều rằng Giáo Hoàng, khi Ngài nói ex cathedra về các vấn đề đức tin hoặc đạo đức, là bất khả ngộ. Sự hiểu biết của Công giáo về sự bất khả ngộ phần lớn dựa trên một số đoạn Kinh Thánh trong đó Đức Jesus truyền cho các Tông Đồ dạy dỗ toàn nhân loại. Các học giả Tin Lành về vấn đề này, lập luận rằng những văn bản này không chứng minh hoặc ngụ ý sự bất khả ngộ. Những gì họ nói chỉ là Đức Christ muốn các Tông Đồ dạy phúc âm của Ngài, và họ có kiến thức chắc chắn về những gì cần dạy. Họ có những ký ức khó quên về tất cả các sự kiện chính và giáo lý của Đức Jesus đến nỗi họ không thể sai lầm trong việc truyền đạt cho khán giả của mình. Sự bất khả ngộ của họ không phải là loại thần học mà là loại tự nhiên, vốn là một tên gọi khác cho kiến thức chắc chắn không thể lay chuyển.

Một lập luận truyền thống khác cho sự bất khả ngộ là các Tông Đồ trong giáo lý của họ đã nhận được sự bảo vệ đặc biệt của Chúa Thánh Thần, và rằng giáo hội là người thừa kế sự hướng dẫn thiêng liêng đó. Sự bất khả ngộ đặc biệt được tuyên bố cho Giáo Hoàng dựa trên

in Matthew 16:18, ‘You are Peter, and on this rock I will build my church’.

một phần lời của Đức Jesus với Peter trong Ma-thi-ơ 16:18, 'Ngươi là Peter, và trên đá này ta sẽ xây dựng giáo hội của ta'.

The New Freedom

Sự Tự Do Mới

Revolutionary changes are now occurring both without and within the Roman Catholic Church as is well known. What followed Vatican II has been called by Catholics themselves ‘the most momentous upheaval of any branch of Christendom since the Reformation’. Instituted by Pope John XXIII and nurtured by his successor Pope Paul VI, changes directly affecting the life and worship of the world’s almost 500 million Catholics are taking place with overpowering suddenness, and these indirectly the attitudes of a thousand million or so other religionists around the world.

Những thay đổi mang tính cách mạng hiện đang xảy ra cả bên ngoài và bên trong Giáo hội Công giáo La Mã như mọi người đều biết. Những gì theo sau Vatican II đã được chính những người Công giáo gọi là 'cuộc biến động quan trọng nhất của bất kỳ nhánh nào của Cơ đốc giáo kể từ cuộc Cải Cách'. Được khởi xướng bởi Giáo Hoàng John XXIII và được nuôi dưỡng bởi người kế nhiệm của Ngài là Giáo Hoàng Paul VI, những thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sự thờ phượng của gần 500 triệu người Công giáo trên thế giới đang diễn ra với một sự đột ngột áp đảo, và những điều này gián tiếp ảnh hưởng đến thái độ của khoảng một nghìn triệu người theo tôn giáo khác trên khắp thế giới.

Birth control, mixed marriages, priestly celibacy and other controversial topics are now openly discussed in the church press. In reports of widespread disagreement within the Council of Fathers, the Christian of today has witnessed the crumbling before his eyes of the illusion of solid universal agreement among church authorities. The most controversial issue is, however, that of birth control. In an encyclical released last July, Pope Paul VI reaffirmed the traditional stand against contraception.

Việc kiểm soát sinh sản, hôn nhân khác đạo, sự độc thân của linh mục và các chủ đề gây tranh cãi khác hiện đang được thảo luận công khai trên báo chí của giáo hội. Trong các báo cáo về sự bất đồng lan rộng trong Hội Đồng Giáo Phụ, Cơ đốc nhân ngày nay đã chứng kiến sự sụp đổ trước mắt mình về ảo tưởng về sự đồng thuận phổ quát vững chắc giữa các nhà chức trách của giáo hội. Tuy nhiên, vấn đề gây tranh cãi nhất là vấn đề kiểm soát sinh sản. Trong một thông điệp được phát hành vào tháng 7 năm ngoái, Giáo Hoàng Paul VI đã tái khẳng định lập trường truyền thống chống lại việc ngừa thai.

Another openly debated question, particularly in Holland, is whether priests should be allowed to marry. In 1966, a survey of 1700 of the nation’s 3000 priests showed 80 per cent in favour of choice in the matter of celibacy. Protestant-Catholic marriages in

Một câu hỏi khác được tranh luận công khai, đặc biệt là ở Hà Lan, là liệu các linh mục có nên được phép kết hôn hay không. Năm 1966, một cuộc khảo sát 1700 trong số 3000 linh mục của quốc gia cho thấy 80% ủng hộ sự lựa chọn trong vấn đề độc thân. Hôn nhân giữa người

Holland are common, often celebrated in the presence of both a Catholic priest and a Protestant minister. Dutch non-Catholics no longer have to promise to bring up their children in the Catholic Church—as long as they teach Christian principles. Even inter-faith Communion is practised.

Tin Lành và Công giáo ở Hà Lan là phổ biến, thường được cử hành với sự hiện diện của cả một linh mục Công giáo và một mục sư Tin Lành. Những người Hà Lan không theo đạo Công giáo không còn phải hứa sẽ nuôi dạy con cái của họ trong Giáo hội Công giáo—miễn là họ dạy các nguyên tắc Cơ đốc giáo. Ngay cả Lễ Rước Lễ giữa các tôn giáo cũng được thực hành.

Are these challenges to authority and tradition to be regarded as merely a transient phenomenon? Apparently not and such a view is supported by the noted Catholic commentator Daniel Callahan in his book *The New Church*: 'The new freedom is here to stay. Not all the condemnations that any anxious Pope or bishop could pronounce would make more than a momentary difference. For the new freedom is not limited to a small controllable elite, but is a genuine movement of the people, springing from a sudden and wholly unexpected vision of what the church can become, of what it must no longer be'.

Liệu những thách thức đối với quyền lực và truyền thống này có được coi là chỉ là một hiện tượng nhất thời? Rõ ràng là không và quan điểm như vậy được ủng hộ bởi nhà bình luận Công giáo nổi tiếng Daniel Callahan trong cuốn sách The New Church của ông: 'Sự tự do mới ở đây để tồn tại. Không phải tất cả những lời lên án mà bất kỳ Giáo Hoàng hoặc giám mục lo lắng nào có thể tuyên bố sẽ tạo ra nhiều hơn một sự khác biệt nhất thời. Vì sự tự do mới không giới hạn ở một nhóm ưu tú nhỏ có thể kiểm soát được, mà là một phong trào thực sự của người dân, nảy sinh từ một tầm nhìn đột ngột và hoàn toàn bất ngờ về những gì giáo hội có thể trở thành, về những gì nó không còn phải là'.

One strange example of these developments is that in the U.S.A. alone, thousands of Catholics are forming their own religious communities. They and Protestants are giving up established religious rituals of their Churches in order to try to find God in what is referred to as the underground church. Ignoring the traditions of centuries these people seek to worship their own Lord in their own way, to bring joy and vitality to Church practices. More and more younger priests are willing to celebrate the new illegal Masses in small groups meeting in secret. Protestants usually join the underground as a way of escaping the pressures that established society brings to bear upon the organised Churches. Sometimes formal Liturgy is

Một ví dụ kỳ lạ về những phát triển này là ở riêng Hoa Kỳ, hàng ngàn người Công giáo đang thành lập các cộng đồng tôn giáo của riêng họ. Họ và những người Tin Lành đang từ bỏ các nghi lễ tôn giáo đã được thiết lập của Giáo hội của họ để cố gắng tìm Thượng đế trong cái được gọi là giáo hội ngầm. Bỏ qua các truyền thống của nhiều thế kỷ, những người này tìm cách thờ phượng Đức Chúa của riêng họ theo cách riêng của họ, để mang lại niềm vui và sức sống cho các hoạt động của Giáo hội. Ngày càng có nhiều linh mục trẻ sẵn sàng cử hành các Thánh Lễ bất hợp pháp mới trong các nhóm nhỏ họp bí mật. Những người Tin Lành thường tham gia vào giới ngầm như một cách để thoát khỏi những áp lực mà xã hội đã thiết lập gây ra cho các Giáo hội có tổ chức. Đôi khi

replaced by guitar playing, singing and dancing, discussions and formal dinners. In supposed consequence, attendance at regular parish Masses is said to be declining rapidly in many dioceses.

What then is essential to the Christian life, or further to the true religious life for mankind today? For answers, let us look at certain of these dogmas and developments in the light of Theosophy which is described as an esoteric synthesis of all world Faiths.

Original Sin

The Thirty nine Articles of Religion of the Church of England state that 'original Sin standeth not in the following of Adam (as the Pelagians do vainly talk) but it is the fault and corruption of the Nature of every man, that naturally is engendered of the offspring of Adam; whereby man is very far gone from original righteousness, and is of his own nature inclined to evil, so that the flesh lusteth always contrary to the spirit; and therefore in every person born into this world, it deserveth God's wrath and damnation. And this infection of nature doth remain, yea in them that are regenerated; whereby the lust of the flesh, called in Greek phronema sarkes, which some do expound the wisdom, some sensuality, some the affection, some the desire, of the flesh, is not subject to the Law of God.. Again, 'the condition of Man after the fall of Adam is such, that he cannot turn and prepare himself, by his own natural strength and good works, to faith, and calling upon God; Wherefore we have no power to do good works pleasant and acceptable to God, without the grace of God by Christ preventing us, that we may have a good will, and working with us, when we have that good will'.

Phụng Vụ chính thức được thay thế bằng chơi guitar, ca hát và nhảy múa, thảo luận và ăn tối trang trọng. Trong hậu quả được cho là, người ta nói rằng số người tham dự các Thánh Lễ giáo xứ thông thường đang giảm nhanh chóng ở nhiều giáo phận.

Vậy thì điều gì là cần thiết cho đời sống Cơ đốc giáo, hoặc hơn nữa là đời sống tôn giáo đích thực cho nhân loại ngày nay? Để có câu trả lời, chúng ta hãy xem xét một số giáo điều và sự phát triển này dưới ánh sáng của Thông Thiên Học, vốn được mô tả là một tổng hợp huyền bí của tất cả các Tín Ngưỡng trên thế giới.

Tội Tổ Tông

Ba mươi chín Điều Tín Ngưỡng của Giáo hội Anh tuyên bố rằng 'Tội Tổ Tông không phải là sự noi theo Adam (như những người Pelagian nói một cách vô ích) mà là lỗi lầm và sự tha hóa Bản Tính của mọi người, vốn tự nhiên được sinh ra từ dòng dõi của Adam; do đó, con người đã đi rất xa khỏi sự công bình ban đầu, và bản chất của nó nghiêng về điều ác, đến nỗi xác thịt luôn luôn ham muốn trái ngược với tinh thần; và do đó, trong mọi người sinh ra trên thế giới này, nó đáng phải chịu cơn thịnh nộ và sự nguyền rủa của Thượng đế. Và sự lây nhiễm bản chất này vẫn còn, vâng, ở những người đã được tái sinh; do đó, sự ham muốn của xác thịt, được gọi trong tiếng Hy Lạp là phronema sarkes, mà một số người giải thích là sự khôn ngoan, một số người là sự dâm dục, một số người là tình cảm, một số người là ham muốn, của xác thịt, không tuân theo Luật của Thượng đế... Một lần nữa, 'tình trạng của Con Người sau sự sa ngã của Adam là như vậy, đến nỗi y không thể quay lại và chuẩn bị cho mình, bằng sức mạnh tự nhiên và những việc làm tốt của mình, để có đức tin và kêu cầu Thượng đế; Do đó, chúng ta không có quyền làm những việc lành đẹp lòng và được Thượng đế chấp nhận, nếu không có ân sủng của Thượng đế bởi Đức

Christ ngăn ngừa chúng ta, để chúng ta có thể có một ý chí tốt, và làm việc với chúng ta, khi chúng ta có ý chí tốt đó'.

The views thus officially stated are hardly acceptable to the student of Theosophy. For him, at the dawn of the emanation from the Absolute of the finite Universe, the Spirit of man embarks upon a great pilgrimage from pure spirit into densest matter—involution. In due course a return journey begins: Miscalled 'original sin', meaning the sex relationship of Adam and Eve, it is rather regarded as an inevitable concomitant of the involutionary process, and definitely not as a deliberately committed wickedness for which every human being has ever since been condemned to be born in sin. Whatever stain there may have been will ultimately be left behind and the fruitage will be preserved in the form of full knowledge of, and capacity to wield, the mightiest of all the powers in Nature and in man—the divine power to create universes and all that they contain. The whole process of 'descent', or involution, be it remembered, is a perfectly natural one. For a period it does bring suffering and degradation, but it cannot be truthfully described as a tragic 'Fall'.

Những quan điểm được tuyên bố chính thức như vậy khó có thể được chấp nhận đối với học viên Thông Thiên Học. Đối với y, vào buổi bình minh của sự xuất lộ từ Tuyệt Đối của Vũ Trụ hữu hạn, Tinh Thần của con người dấn thân vào một cuộc hành hương vĩ đại từ tinh thần thuần khiết vào vật chất đậm đặc nhất—giáng hạ tiến hoá. Đến thời điểm thích hợp, một cuộc hành trình trở về bắt đầu: Bị gọi sai là 'tội tổ tông', có nghĩa là mối quan hệ tình dục của Adam và Eve, nó được coi là một hệ quả tất yếu của quá trình giáng hạ tiến hoá, và chắc chắn không phải là một hành vi gian ác cố ý mà mọi con người kể từ đó đã bị kết án phải sinh ra trong tội lỗi. Bất kỳ vết nhơ nào có thể đã có cuối cùng sẽ bị bỏ lại phía sau và thành quả sẽ được bảo tồn dưới dạng kiến thức đầy đủ về, và khả năng sử dụng, sức mạnh vĩ đại nhất trong tất cả các sức mạnh trong Tự Nhiên và trong con người—sức mạnh thiêng liêng để tạo ra các vũ trụ và tất cả những gì chúng chứa đựng. Toàn bộ quá trình 'giáng xuống', hay giáng hạ tiến hoá, cần phải nhớ rằng, là một quá trình hoàn toàn tự nhiên. Trong một khoảng thời gian, nó mang lại đau khổ và suy thoái, nhưng không thể mô tả một cách trung thực là một 'Sự Sa Ngã' bi thảm.

The Resurrection

Sự Phục Sinh

With regard to the resurrection of the body of man, originally it was believed that the particles of the physical body of every man rose from the grave, were knit into a heavenly body and went to live up in the sky. The Resurrection of Christ, on the other hand, meant that Christ Himself did truly rise from death and took again His body with flesh and bones, at first untouchable by Mary Magdelene[77], but later touchable by St

Liên quan đến sự phục sinh của thể xác con người, ban đầu người ta tin rằng các hạt của thể xác của mỗi người trỗi dậy từ mộ, được kết lại thành một thiên thể và lên sống trên bầu trời. Mặt khác, Sự Phục Sinh của Đức Christ có nghĩa là chính Đức Christ đã thực sự sống lại từ cõi chết và lấy lại thân xác với da thịt và xương cốt, ban đầu không thể chạm vào được bởi Mary Magdelene, nhưng sau đó có thể chạm vào được bởi Thánh Thomas, đã thăng

Thomas[78], ascended into Heaven where He stays until His return to judge all men.

lên Thiên Đàng, nơi Ngài ở lại cho đến khi Ngài trở lại để phán xét tất cả mọi người.

One theosophical view that of macrocosmic resurrection is that evolution naturally follows involution. Human or microcosmic resurrection on the other hand refers to the ascent of man from the domination of matter to freedom therefrom in full spiritual realisation. The doctrine is, however, susceptible of various interpretations. Thus approached, the Monad-bearing Divine Life personified by Christ[79] of the Universe is emanated into matter of deepening degrees of density until the densest is reached where it is metaphorically 'dead' on the 'cross of matter' with its four directions of space and buried in a rock tomb[80]. Eventually, under cyclic law, this Life of the Logos embarks upon a journey of return to its Source. In the course of time, matter no longer imprisons Spirit which then transcends material limitations. The human Monads, or microcosms, follow the same dual path, participate in this liberation and in this sense the spirit of man, also personified by Christ[81], becomes resurrected not bodily but in terms of consciousness—or freed from the limitations both of the flesh and the egoistic principle in the mind. Such is one view of the resurrection of man.

Một quan điểm thông thiên học về sự phục sinh vĩ mô là sự tiến hóa tự nhiên tuân theo sự giáng hạ tiến hóa. Mặt khác, sự phục sinh vi mô hay của con người đề cập đến sự thăng lên của con người từ sự thống trị của vật chất đến sự tự do khỏi nó trong sự chứng ngộ tinh thần trọn vẹn. Tuy nhiên, giáo lý này có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Như vậy, Sự Sống Thiêng Liêng mang Chân Thần được nhân cách hóa bởi Đức Christ của Vũ Trụ được xuất lộ vào vật chất với các mức độ đậm đặc ngày càng tăng cho đến khi đạt đến mức đậm đặc nhất, nơi nó được ví như là "chết" trên "thập giá vật chất" với bốn phương không gian và được chôn trong một ngôi mộ đá. Cuối cùng, theo định luật tuần hoàn, Sự Sống của Hành Tinh Thượng đế này bắt đầu một cuộc hành trình trở về Nguồn Cội của nó. Theo thời gian, vật chất không còn giam cầm Tinh Thần, sau đó vượt qua những giới hạn vật chất. Các Chân Thần của con người, hay các vũ trụ thu nhỏ, đi theo cùng một con đường kép, tham gia vào sự giải phóng này và theo nghĩa này, tinh thần của con người, cũng được nhân cách hóa bởi Đức Christ, được phục sinh không phải về thể xác mà về mặt tâm thức—hay được giải thoát khỏi những giới hạn của cả thể xác và nguyên tắc vị kỷ trong thể trí. Đó là một quan điểm về sự phục sinh của con người.

Whilst this will occur for all human Monads in the course of evolutionary time, certain men evolve so far ahead of the Race that by living a particular mode of life, known as 'treading the Path' (for hastened attainment) and outgrowing the natural human egoism (ahamkara), they become freed or 'resurrected'

Trong khi điều này sẽ xảy ra đối với tất cả các Chân Thần của con người trong quá trình thời gian tiến hóa, một số người tiến hóa vượt xa Nhân Loại đến mức bằng cách sống một lối sống đặc biệt, được gọi là "bước đi trên Thánh Đạo" (để đạt được nhanh chóng) và vượt qua lòng vị kỷ tự nhiên của con người (ahamkara),

[77] John 20:17.

[78] John 20:27.

[79] John 1:10

[80] Matthew 27:60

[81] John 1:5

evolve so far ahead of the Race that by living a particular mode of life, known as 'treading the Path' (of hastened attainment) and outgrowing the natural human egoism (*ahamkara*) they become freed or 'resurrected' not in but from the 'tomb' and 'deadness' of the flesh.

gian tiến hóa, một số người tiến hóa vượt xa Nhân Loại đến mức bằng cách sống một lối sống đặc biệt, được gọi là "bước đi trên Thánh Đạo" (để đạt được nhanh chóng) và vượt qua lòng vị kỷ tự nhiên của con người (ahamkara), họ trở nên tự do hay "phục sinh" không phải trong mà là từ "ngôi mộ" và "cái chết" của thể xác.

The Atonement

Sự Chuộc Tội

The doctrine of the Atonement by Christ for the sins of mankind and for all individuals who 'believe in Him' is also susceptible of a theosophical interpretation. The attainment of Christhood or Adeptship, for example, brings full and conscious realisation of oneness with the Christ-nature within every human being. The symbols of Christ as Bridegroom and the Heavenly Marriage are appropriately used to describe this interior unification. Oneness achieved, the ascended One pours forth into, and shares with, every human being His own perfected spiritual power, life and consciousness. In varying degrees according to capacity to respond, this enables the human being in bodily life to resist temptation, to renounce the world, the flesh and the devil and ultimately to realize his or her own spiritual selfhood as an immortal and an eternal being.

Giáo lý về Sự Chuộc Tội của Đức Christ cho tội lỗi của nhân loại và cho tất cả các cá nhân "tin vào Ngài" cũng có thể được diễn giải theo thông thiên học. Ví dụ, việc đạt được địa vị Đức Christ hay Chân sư mang lại sự chứng ngộ đầy đủ và có ý thức về sự hợp nhất với bản chất Đức Christ bên trong mỗi con người. Các biểu tượng của Đức Christ như Chàng Rể và Hôn Nhân Thiêng Liêng được sử dụng một cách thích hợp để mô tả sự hợp nhất nội tại này. Khi đạt được sự hợp nhất, Đấng đã thăng lên tuôn đổ vào, và chia sẻ với, mọi người sức mạnh, sự sống và tâm thức tinh thần hoàn hảo của Ngài. Ở các mức độ khác nhau tùy theo khả năng đáp ứng, điều này cho phép con người trong cuộc sống thể xác chống lại sự cám dỗ, từ bỏ thế gian, thể xác và ma quỷ và cuối cùng nhận ra bản ngã tinh thần của mình như một hữu thể bất tử và vĩnh cửu.

Thus viewed, the Atonement is an interior procedure, an atonement in point of fact. A transmission of light rather than a transfer of blood and an inpouring of spiritualised and perfected life. It is the shedding of wisdom, not of physical blood and water from the wounds of the Christ upon the cross.

Như vậy, Sự Chuộc Tội được xem như là một thủ tục nội tại, một sự chuộc tội trên thực tế. Một sự truyền dẫn ánh sáng hơn là một sự chuyển giao máu và một sự tuôn đổ sự sống tinh thần và hoàn hảo. Đó là sự đổ xuống của minh triết, không phải máu và nước thể xác từ những vết thương của Đức Christ trên thập giá.

One's thought is thus lead to the Christ Indwelling, the interior Christ Principle and Nature (*Atma-Buddhi)* in every human being,

Do đó, người ta được dẫn dắt đến Đức Christ An Trú, Nguyên Tắc và Bản Chất Đức Christ nội tại (Atma-Bồ đề) trong mỗi con người, "Đức

the 'Christ in you'[82] and 'the God that worketh in you' of St Paul. Our Lord Himself affirmed this, His unfailing Presence in man to his disciple, 'I am in my Father and ye in me, and I in you' and to all mankind in His last words upon the Cross, 'Lo, I am with you always even unto the end of the world'.[83]

Christ trong bạn" và "Thượng đế làm việc trong bạn" của Thánh Paul. Chính Đức Chúa của chúng ta đã khẳng định điều này, Sự Hiện Diện không lay chuyển của Ngài trong con người với đệ tử của Ngài, "Ta ở trong Cha Ta và các con ở trong Ta, và Ta ở trong các con" và với tất cả nhân loại trong những lời cuối cùng của Ngài trên Thập Giá, "Này, Ta luôn ở cùng các con cho đến tận thế".

Moreover, this interior atonement does not prevent the operation of the Law of Cause and Effect nor wipe out the effects of the operation of karma upon those who have deliberately, wilfully and continuously sinned, does not wash their souls until they are whiter than snow, regardless of evil deliberately done.

Hơn nữa, sự chuộc tội nội tại này không ngăn cản sự vận hành của Định luật Nhân Quả cũng như không xóa bỏ những ảnh hưởng của sự vận hành của nghiệp quả đối với những người đã cố ý, cố tình và liên tục phạm tội, không rửa sạch linh hồn của họ cho đến khi chúng trắng hơn tuyết, bất kể điều ác đã cố ý gây ra.

The Christ Indwelling

Đức Christ An Trú

This approach would seem to bring us near to the heart of Christianity, even of all religions, for the existence within man of the Christ Presence, is indeed man's assurance of 'salvation' or ultimate attainment of Christhood. This divine ministration was declared by the Lord to be universal and implies in Him all-inclusive wisdom, love and compassion. One remembers His words, 'And other sheep I have which are not of this fold: them also I must bring, and they shall hear my voice; and there shall be one fold and one shepherd'.[84]

Cách tiếp cận này dường như đưa chúng ta đến gần trái tim của Cơ đốc giáo, thậm chí của tất cả các tôn giáo, vì sự tồn tại bên trong con người về Sự Hiện Diện của Đức Christ, thực sự là sự đảm bảo của con người về "sự cứu rỗi" hay sự đạt được cuối cùng của địa vị Đức Christ. Sự phù trợ thiêng liêng này đã được Đức Chúa tuyên bố là phổ quát và ngụ ý trong Ngài sự minh triết, tình thương và lòng trắc ẩn bao gồm tất cả. Người ta nhớ lại những lời của Ngài, "Ta còn có những con chiên khác không thuộc đàn này: Ta cũng phải dẫn chúng về, và chúng sẽ nghe tiếng Ta; và sẽ chỉ có một đàn và một người chăn".

Thus the Lord Christ Himself regards all beings as if they were His only child and this concern for all, we are assured, will never cease and He will not depart from the earth

Như vậy, chính Đức Christ xem tất cả chúng sinh như thể chúng là đứa con duy nhất của Ngài và mối quan tâm này đối với tất cả, chúng ta được đảm bảo, sẽ không bao giờ ngừng và

[82] John 14:20.

[83] Matthew 28:30.

[84] John 10:16.

until every human being reaches Christhood, or is 'saved'; for His ministration never ebbs but always flows, never declines but is always at its maximum. In this sense the term 'Christ' implies also a supreme wisdom and love operating as a function within the depth of man's being, Christhood pertaining to the beyond which is also within, like the moon reflected in water or a flower in a mirror.

Ngài sẽ không rời khỏi trái đất cho đến khi mọi người đạt đến địa vị Đức Christ, hoặc được "cứu rỗi"; vì sự phù trợ của Ngài không bao giờ suy yếu mà luôn tuôn chảy, không bao giờ suy giảm mà luôn ở mức tối đa. Theo nghĩa này, thuật ngữ "Đức Christ" cũng ngụ ý một sự minh triết và tình thương tối thượng hoạt động như một chức năng trong chiều sâu hữu thể của con người, địa vị Đức Christ liên quan đến cõi bên kia vốn cũng ở bên trong, giống như mặt trăng phản chiếu trong nước hoặc một bông hoa trong gương.

This view, however imperfectly here expressed, lifts our subject far above the limitations of dogma, doctrine and domination. One rises in thought to that level at which God and man exist as one, and the Lord Christ is revealed not only as a Divine Visitant to earth two thousand years ago, but also as an essential part of the spiritual Self of man, the Christ Indwelling.

Tuy nhiên, quan điểm này, dù được diễn đạt một cách không hoàn hảo ở đây, nâng chủ đề của chúng ta vượt xa những giới hạn của giáo điều, học thuyết và sự thống trị. Người ta trỗi dậy trong tư tưởng đến cấp độ mà Thượng đế và con người tồn tại như một, và Đức Christ được tiết lộ không chỉ là một Khách Viếng Thăm Thiêng Liêng đến trái đất hai nghìn năm trước, mà còn là một phần thiết yếu của Chân Ngã tinh thần của con người, Đức Christ An Trú.

Certain Christian mystics have carried the teaching further saying with Angelus Silesius,

Một số nhà thần bí Cơ đốc giáo đã mang giáo lý đi xa hơn khi nói với Angelus Silesius,

"Though Christ a thousand times in Bethlehem be born And not within thyself,

"Dù Đức Christ ngàn lần sinh ra ở Bethlehem Và không ở trong chính bạn,

Thy soul will be forlorn.

Linh hồn bạn sẽ bị bỏ rơi.

The Cross on Golgotha thou lookest to in vain,

Bạn nhìn lên Thập Giá trên Đồi Sọ một cách vô ích,

Unless within thyself it be set up again".

Trừ khi bên trong bạn nó được dựng lại".

Temporal and Eternal Truths

Những Sự Thật Tạm Thời và Vĩnh Cửu

Let us now consider a further theosophical view of the Gospel Story. This is that the scriptures and mythologies of ancient people are composed of allegories and symbols and are not intended to be read alone as literal and

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một quan điểm thông thiên học khác về Câu Chuyện Phúc Âm. Đó là kinh sách và thần thoại của người xưa được cấu thành từ những câu chuyện ngụ ngôn và biểu tượng và không nhằm mục đích

historical literature. According to this view, the Gospels not only tell the history of external events in time, but also reveal eternal truths such as the laws of being and the interior mystical experiences and attainments of nations and of men. The related incidents have both a temporal significance as history and in addition at least four timeless meanings, Cosmic, Solar, Human and Initiatory or concerning the Path Life and its attainments.

chỉ được đọc như văn học lịch sử và theo nghĩa đen. Theo quan điểm này, các sách Phúc Âm không chỉ kể lại lịch sử của các sự kiện bên ngoài theo thời gian, mà còn tiết lộ những sự thật vĩnh cửu như các định luật của hữu thể và những kinh nghiệm và thành tựu thần bí nội tại của các quốc gia và của con người. Các sự cố liên quan có cả ý nghĩa tạm thời như lịch sử và ngoài ra ít nhất bốn ý nghĩa vượt thời gian, Vũ Trụ, Thái Dương, Con Người và Điểm Đạo hoặc liên quan đến Sự Sống trên Thánh Đạo và những thành tựu của nó.

As we have seen, the central Figure in the Gospels thus also represents the Divine within all Nature and in man as the Christ In-dwelling, the Logos of the Soul. So the Gospel story is also enacted within and by the Soul of every human being, the Nativity of Christ, for example, representing a spiritual 'rebirth'. In the Cosmos, the Nativity describes the 'birth' of a Universe, the dawn of a new Creative Day. In man, it describes his spiritual ascent or 'birth' into a new level of consciousness, and so a new and spiritual ideal of life, accompanied by the development or 'gifts', of hitherto hidden powers, the Christmas of the Soul.

Như chúng ta đã thấy, Hình Tượng trung tâm trong các sách Phúc Âm do đó cũng đại diện cho Thần Tính bên trong tất cả Thiên Nhiên và trong con người như Đức Christ An Trú, Hành Tinh Thượng đế của Linh Hồn. Vì vậy, câu chuyện Phúc Âm cũng được diễn ra bên trong và bởi Linh Hồn của mỗi con người, Sự Giáng Sinh của Đức Christ, chẳng hạn, đại diện cho một sự "tái sinh" tinh thần. Trong Vũ Trụ, Sự Giáng Sinh mô tả "sự ra đời" của một Vũ Trụ, bình minh của một Ngày Sáng Tạo mới. Trong con người, nó mô tả sự thăng tiến tinh thần hoặc "sự ra đời" của y vào một cấp độ tâm thức mới, và do đó một lý tưởng sống mới và tinh thần, đi kèm với sự phát triển hoặc "những món quà" về những quyền năng trước đây bị che giấu, Lễ Giáng Sinh của Linh Hồn.

I close with what I regard as an ideal Act of Faith:

Tôi xin kết thúc bằng những gì tôi coi là một Hành Động Đức Tin lý tưởng:

'We believe that God is Love, and Power, and Truth and Light; that perfect justice rules the world; that all His sons shall one day reach His feet, however far they stray. We hold the Fatherhood of God, the Brotherhood of man; we know that we do serve Him best when best we serve our brother man. So shall His blessing rest on us and peace forever more. Amen' *{The Liturgy of the Liberal Catholic Church).*

"Chúng ta tin rằng Thượng đế là Tình Thương, và Quyền Năng, và Sự Thật và Ánh Sáng; rằng công lý hoàn hảo cai trị thế giới; rằng tất cả các con trai của Ngài một ngày nào đó sẽ đến chân Ngài, dù họ có đi lạc đến đâu. Chúng ta nắm giữ Quyền Phụ của Thượng đế, Tình Huynh Đệ của con người; chúng ta biết rằng chúng ta phụng sự Ngài tốt nhất khi chúng ta phụng sự đồng loại của mình tốt nhất. Như vậy, phước lành của Ngài sẽ ở trên chúng ta và bình an

mãi mãi. Amen" {Phụng Vụ của Giáo Hội Công Giáo Tự Do).

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 3, 1969, p. 57

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 30, Số 3, 1969, tr. 57

169—

Christmas and the Soul of Man—*Lễ Giáng Sinh và Linh Hồn Con Người*

The student of mystical Christianity sees timeless truths mirrored in the incidents of the life of our Lord, each of which has its cosmic, solar, planetary, racial, individual, psychological and physical significance.

Đạo sinh của Cơ đốc giáo thần bí thấy những sự thật vượt thời gian được phản ánh trong các sự kiện trong cuộc đời của Đức Chúa của chúng ta, mỗi sự kiện đều có ý nghĩa vũ trụ, thái dương, hành tinh, chủng tộc, cá nhân, tâm lý và thể chất.

The five great stages of birth, baptism, transfiguration, crucifixion and ascension symbolise successive phases in the inception, the evolution and the 'perfection' of life and form.

Năm giai đoạn vĩ đại của sự ra đời, lễ rửa tội, sự biến hình, sự đóng đinh và sự thăng thiên tượng trưng cho các giai đoạn kế tiếp nhau trong sự khởi đầu, sự tiến hóa và sự "hoàn thiện" của sự sống và hình tướng.

At Christmas time, Christians celebrate the first or opening phase. Mystically this is termed an initiation, which means a beginning, whether of a Solar System, a planet, a race or an individual life, physical, psychical, or spiritual.

Vào thời điểm Giáng Sinh, các Kitô hữu kỷ niệm giai đoạn đầu tiên hoặc giai đoạn mở đầu. Về mặt thần bí, đây được gọi là một cuộc điểm đạo, có nghĩa là một sự khởi đầu, cho dù là của một Hệ Mặt Trời, một hành tinh, một chủng tộc hay một cuộc đời cá nhân, thể chất, tâm linh hay tinh thần.

All dawns, all births, all initiations are represented and as it were focussed in the mystery drama of the birth of the Christ Child in Bethlehem. The incidents, the environment, the conditions of that birth all have a profound esoteric meaning. The prophecies, the Annunciation, the great crowd of people in the city, the manger, the stable, the birth and the swaddling clothes, the presence of animals, Joseph's trade and Mary's purity, the shepherds, the angels and their song, the three pilgrim kings or Magi and their three gifts, the massacre of the innocents and the flight to Egypt—all these have their

Tất cả các bình minh, tất cả các sự ra đời, tất cả các cuộc điểm đạo đều được đại diện và như thể được tập trung vào vở kịch bí ẩn về sự ra đời của Hài Nhi Christ ở Bethlehem. Các sự kiện, môi trường, điều kiện của sự ra đời đó đều có một ý nghĩa huyền bí sâu sắc. Những lời tiên tri, Lễ Truyền Tin, đám đông người trong thành phố, máng cỏ, chuồng ngựa, sự ra đời và quần áo quấn tã, sự hiện diện của động vật, nghề nghiệp của Joseph và sự trong sạch của Mary, những người chăn cừu, các thiên thần và bài hát của họ, ba vị vua hành hương hay Magi và ba món quà của họ, vụ thảm sát những người vô tội và cuộc chạy trốn đến Ai

sevenfold significance.

Cập—tất cả những điều này đều có ý nghĩa thất phân của chúng.

In this article I offer a psycho-spiritual interpretation of the birth of the Christ Child which Christians celebrate at Christmas time. The manger of the stable of the inn suggests the extreme of unworldliness and simplicity and refers to the condition of mind and heart to which the individual has quite naturally come when a certain phase of spiritual evolution is entered upon.

Trong bài viết này, tôi đưa ra một cách giải thích tâm lý-tinh thần về sự ra đời của Hài Nhi Christ mà các Kitô hữu kỷ niệm vào thời điểm Giáng Sinh. Máng cỏ của chuồng ngựa của quán trọ cho thấy sự cực đoan của sự siêu trần và giản dị và đề cập đến trạng thái của thể trí và trái tim mà cá nhân đã hoàn toàn tự nhiên đạt đến khi một giai đoạn nhất định của sự tiến hóa tinh thần được bước vào.

Theosophically, this phase, which is a veritable spiritual rebirth, might be described as the awakening of the *Buddhic* vehicle and the dawning of *Buddhic* consciousness. To use an analogy from plant life, the birth of the Christ Child in the human heart might be described as the quite natural germination of the seeds of *Buddhic* consciousness in the Ego of man.

Về mặt Thông Thiên Học, giai đoạn này, vốn là một sự tái sinh tinh thần thực sự, có thể được mô tả là sự thức tỉnh của vận cụ Bồ đề và sự bình minh của tâm thức Bồ đề. Để sử dụng một phép loại suy từ đời sống thực vật, sự ra đời của Hài Nhi Christ trong trái tim con người có thể được mô tả là sự nảy mầm hoàn toàn tự nhiên của hạt giống tâm thức Bồ đề trong Chân Ngã của con người.

In Christian mysticism this is called the Christ consciousness because one effect of this germination upon the individual is the revelation of the oneness of all life. First in momentary flashes, and later continuously, the 'newborn' knows himself as one with all. As symbolised by the prophecies, this realisation has been slowly dawning upon him for several lives, but hitherto it has been largely an intellectual concept. Now it begins to be a living experience. The neophyte enters vividly into the life experiences of others. He shares their sorrows, knows as his own their joys, their hopes, their fears. He knows also that the fulfilment of his life is intimately bound up with the fulfilment of all life, not only human but animal, plant, mineral and angelic.

Trong thần bí học Cơ đốc giáo, điều này được gọi là tâm thức Đức Christ bởi vì một tác động của sự nảy mầm này đối với cá nhân là sự mặc khải về sự hợp nhất của tất cả sự sống. Đầu tiên trong những khoảnh khắc thoáng qua, và sau đó liên tục, "người mới sinh" biết mình là một với tất cả. Như được tượng trưng bởi những lời tiên tri, sự nhận ra này đã từ từ lóe lên trong y trong nhiều kiếp, nhưng cho đến nay nó phần lớn là một khái niệm trí tuệ. Bây giờ nó bắt đầu là một kinh nghiệm sống động. Người sơ cơ bước vào một cách sinh động vào những kinh nghiệm sống của người khác. Y chia sẻ nỗi buồn của họ, biết niềm vui, hy vọng, nỗi sợ hãi của họ như của chính mình. Y cũng biết rằng sự viên mãn của cuộc đời y gắn bó mật thiết với sự viên mãn của tất cả sự sống, không chỉ của con người mà còn của động vật, thực vật, khoáng vật và thiên thần.

This self-unification with all life is called the

Sự tự hợp nhất với tất cả sự sống này được gọi

‘Christ Consciousness’ because our Lord displayed it to the highest possible degree. Such words of His as: ‘Inasmuch as ye have done it unto the least of these my little ones, ye have done it unto Me’: ‘Lo, I am with you always, even unto the end of the world’—these sayings describe the state of consciousness known in technical occultism as omnipresence.

là "Tâm Thức Đức Christ" bởi vì Đức Chúa của chúng ta đã thể hiện nó ở mức độ cao nhất có thể. Những lời của Ngài như: "Khi các ngươi đã làm điều đó cho một trong những người bé mọn nhất của ta, thì các ngươi đã làm điều đó cho Ta": "Này, Ta luôn ở cùng các ngươi, cho đến tận thế"—những câu nói này mô tả trạng thái tâm thức được biết đến trong huyền bí học chuyên môn là sự hiện diện khắp nơi.

Two great psychological changes quite naturally both precede and accompany entry into this state. They consist first of mental and emotional simplification and second of self-unification or the fusion of hitherto separated aspects of human nature into a unit, As a result of the first change, personal desire gradually disappears. The individual ‘wants’ no more. Emotionally and intellectually he becomes independent of externals for he has found a wellspring of life, of happiness and of truth within himself. His feelings become pure, white, still. His intellect is free of supposition, free of doubt, ‘simple’, calm, direct. Externally imposed creeds, dogmas, and beliefs influence him no more; his mind is established in recognition of—not obsession by—certain basic metaphysical formulae which has become for him the keys of life, his theosophia. The second change, of self-unification or the fusion of emotion and intellect into a single centre of awareness and action, quite naturally accompanies this.

Hai thay đổi tâm lý lớn hoàn toàn tự nhiên vừa đi trước vừa đi kèm với việc bước vào trạng thái này. Chúng bao gồm thứ nhất là sự đơn giản hóa về thể trí và cảm xúc và thứ hai là sự tự hợp nhất hoặc sự dung hợp của các khía cạnh trước đây tách biệt của bản chất con người thành một đơn vị. Do kết quả của sự thay đổi đầu tiên, ham muốn cá nhân dần biến mất. Cá nhân không còn "muốn" nữa. Về mặt cảm xúc và trí tuệ, y trở nên độc lập với những yếu tố bên ngoài vì y đã tìm thấy một mạch nước sự sống, hạnh phúc và sự thật bên trong mình. Cảm xúc của y trở nên thuần khiết, trắng trong, tĩnh lặng. Trí tuệ của y không còn giả định, không còn nghi ngờ, "đơn giản", điềm tĩnh, trực tiếp. Các tín điều, giáo điều và niềm tin do bên ngoài áp đặt không còn ảnh hưởng đến y nữa; thể trí của y được thiết lập trong sự nhận biết—chứ không phải ám ảnh—bởi một số công thức siêu hình cơ bản đã trở thành chìa khóa của cuộc đời y, theosophia của y. Sự thay đổi thứ hai, về sự tự hợp nhất hoặc sự dung hợp của cảm xúc và trí tuệ thành một trung tâm nhận thức và hành động duy nhất, hoàn toàn tự nhiên đi kèm với điều này.

Clear-minded and unified the individual has symbolically become ‘as a little child’.

Với thể trí minh mẫn và hợp nhất, cá nhân đã tượng trưng cho việc trở thành "như một đứa trẻ".

This is an entirely natural process; it is the result of interior changes, of the unfoldment of the life within. It is therefore not forced. Indeed it seems doubtful whether it can be

Đây là một quá trình hoàn toàn tự nhiên; nó là kết quả của những thay đổi bên trong, của sự mở ra của sự sống bên trong. Do đó, nó không bị ép buộc. Thật vậy, có vẻ đáng nghi ngờ liệu

brought about artificially. Rather is it an inevitable occurrence, utterly spontaneous, perfectly natural, even thoughtless or at any rate thought-free. Tagore beautifully expresses the spontaneity of this change in his words: 'He who can open the bud, does it so simply'.

nó có thể được tạo ra một cách nhân tạo hay không. Thay vào đó, nó là một sự kiện không thể tránh khỏi, hoàn toàn tự phát, hoàn toàn tự nhiên, thậm chí vô tư hoặc ít nhất là không có tư tưởng. Tagore diễn đạt một cách tuyệt vời tính tự phát của sự thay đổi này trong những lời của ông: "Người có thể mở nụ hoa, làm điều đó rất đơn giản".

Perhaps the most phenomenal concomitant of this condition of spiritual 'budding' is its physical result. The karma of material adversity begins to be outworn. As a result although no direct effort is made to obtain even the necessities of physical life, the 'new-born' is never in need. Although he works harder than before, his motive is not personal gain. He gives himself to, loses himself in a great cause. All his wants are supplied, sometimes in abundance. Symbolically, the kings of the earth unite to lay their treasures at the Christ Child's feet.

Có lẽ hệ quả phi thường nhất của trạng thái "nảy mầm" tinh thần này là kết quả thể chất của nó. Nghiệp quả về nghịch cảnh vật chất bắt đầu bị hao mòn. Do đó, mặc dù không có nỗ lực trực tiếp nào được thực hiện để có được ngay cả những nhu yếu phẩm của cuộc sống thể chất, "người mới sinh" không bao giờ thiếu thốn. Mặc dù y làm việc chăm chỉ hơn trước, động cơ của y không phải là lợi ích cá nhân. Y hiến mình cho, đánh mất mình trong một sự nghiệp vĩ đại. Tất cả những gì y muốn đều được cung cấp, đôi khi rất nhiều. Theo biểu tượng, các vị vua của trái đất hợp nhất để đặt kho báu của họ dưới chân Hài Nhi Christ.

What remains after this interior death and rebirth? That which remains is the individual centre of awareness. But the word individual does not imply separated Individuality. For one of the great experiences which follows the process of denudation is the progressive fading of the sense of separateness. A state of unity with all is entered, first, as already said, in exhilarating flashes and later as a permanent condition of consciousness.

Điều gì còn lại sau cái chết và tái sinh nội tại này? Cái còn lại là trung tâm tâm thức cá nhân. Nhưng từ cá nhân không ngụ ý Tính Cá Thể tách biệt. Vì một trong những trải nghiệm tuyệt vời sau quá trình lột xác là sự mờ dần dần của cảm giác tách biệt. Một trạng thái hợp nhất với tất cả được bước vào, trước tiên, như đã nói, trong những khoảnh khắc phấn khởi và sau đó là một trạng thái tâm thức vĩnh viễn.

This individual centre of awareness, this sublimated self-hood, displays three attributes or powers—those of intuition, reason and will. Intuition and reason are gradually fused into one and they, with the fruits of their combined activity, remain as constituent attributes of the newborn Self.

Trung tâm tâm thức cá nhân này, bản ngã thăng hoa này, thể hiện ba thuộc tính hoặc quyền năng—đó là trực giác, lý trí và ý chí. Trực giác và lý trí dần dần hợp nhất thành một và chúng, với thành quả hoạt động kết hợp của chúng, vẫn là những thuộc tính cấu thành của Bản Ngã mới sinh.

The third attribute of the Self consists of an

Thuộc tính thứ ba của Bản Ngã bao gồm một ý

awakened and burning will to know, to ascend, to conquer. This arises from fathomless depths within the centre of existence. Its presence and activity is experienced as a continuous and mounting determination to break all fetters, pierce all resistance to its own free, full and perfect manifestation. Once awakened it never sleeps. Although its decrees may not always be ratified in action, especially at first, such temporary frustration has no effect upon it. Ever the will to victory mounts to become the one increasing purpose of life, the one exalting power.

chí thức tỉnh và cháy bỏng để biết, để thăng lên, để chinh phục. Điều này phát sinh từ những chiều sâu khôn lường bên trong trung tâm tồn tại. Sự hiện diện và hoạt động của nó được trải nghiệm như một quyết tâm liên tục và gia tăng để phá vỡ mọi xiềng xích, xuyên thủng mọi sự kháng cự đối với sự biểu hiện tự do, trọn vẹn và hoàn hảo của chính nó. Một khi đã thức tỉnh, nó không bao giờ ngủ. Mặc dù các sắc lệnh của nó có thể không phải lúc nào cũng được phê chuẩn trong hành động, đặc biệt là lúc đầu, nhưng sự thất vọng tạm thời như vậy không có ảnh hưởng gì đến nó. Ý chí chiến thắng luôn tăng lên để trở thành mục đích sống duy nhất, quyền năng tôn vinh duy nhất.

Though concentrated at burning-glass intensity in the individual, this will is known by him as impersonal, universal and in this resides its potency. Unconquerable, undiminished, pertaining to eternity, it becomes the fiery centre upon which individual existence is established.

Mặc dù tập trung ở cường độ thấu kính hội tụ trong cá nhân, nhưng ý chí này được y biết đến là vô ngã, phổ quát và ở đây có hiệu lực của nó. Bất khả chiến bại, không suy giảm, thuộc về vĩnh cửu, nó trở thành trung tâm rực lửa mà trên đó sự tồn tại cá nhân được thiết lập.

Thus the One Will crowns, completes the three-fold centre of awareness in man, which remains when all else has been ‘slain’. Intuition, reason and the intellectual light which is the result of their blended activity—these, fused in and empowered by the fire of will, these remain. They also are symbolised by the three kings, whose gifts represent the powers of the three attributes of intuition, intellect and will.

Do đó, Ý Chí Duy Nhất lên ngôi, hoàn thành trung tâm tâm thức tam phân trong con người, vốn vẫn còn khi mọi thứ khác đã bị ‘giết chết’. Trực giác, lý trí và ánh sáng trí tuệ vốn là kết quả của hoạt động pha trộn của chúng—những điều này, được hợp nhất và trao quyền bởi ngọn lửa ý chí, vẫn còn. Chúng cũng được tượng trưng bởi ba vị vua, có quà tặng đại diện cho quyền năng của ba thuộc tính trực giác, trí tuệ và ý chí.

Such is the condition of the individual in whom the ‘new birth’ has occurred. Such is part of the time-free significance of the great event which we celebrate at Christmas time. Every annual celebration has its extension into and association with the everlasting verities mirrored in the event in time. Year by year, the Christ Child is born in the hearts of individuals throughout the world. From the

Đó là trạng thái của cá nhân mà trong đó ‘sự tái sinh’ đã xảy ra. Đó là một phần ý nghĩa vượt thời gian của sự kiện trọng đại mà chúng ta kỷ niệm vào dịp Giáng sinh. Mọi lễ kỷ niệm hàng năm đều có sự mở rộng và liên kết với những chân lý vĩnh cửu được phản ánh trong sự kiện theo thời gian. Năm này qua năm khác, Hài Nhi Christ được sinh ra trong trái tim của các cá nhân trên khắp thế giới. Từ những thời đại

remotest ages, men and women have found and trodden the steep and narrow way, have entered in at the straight gate which only opens inwards and leads to victory over death and ascent 'to the right hand of the Father'.

xa xôi nhất, những người nam và nữ đã tìm thấy và bước đi trên con đường dốc và hẹp, đã bước vào cổng hẹp vốn chỉ mở vào trong và dẫn đến chiến thắng trước cái chết và sự thăng lên 'bên hữu của Cha'.

The great outpouring upon the world which occurs at Christmas time quickens the evolution of all life in all kingdoms of Nature, hastens for all beings the time of new-birth. Thus every Christmas constitutes to all men a great spiritual opportunity. A gateway opens, a light beckons, angel presences minister to the soul, encouraging its response. The Initiates and Adepts Who have passed through draw near; for They are the Shepherds of Souls. The animal in man is irradiated by spiritual light and is therefore more easily sublimated. At Christmas time the individual and the race thus receive a spiritual stimulus under which if they choose they can move rapidly forward on their evolutionary pilgrimage.

Lần tuôn đổ vĩ đại trên thế giới xảy ra vào dịp Giáng sinh thúc đẩy sự tiến hóa của mọi sự sống trong tất cả các giới của Thiên Nhiên, đẩy nhanh thời điểm tái sinh cho tất cả chúng sinh. Do đó, mỗi dịp Giáng sinh tạo thành một cơ hội tinh thần lớn cho tất cả mọi người. Một cổng mở ra, một ánh sáng vẫy gọi, sự hiện diện của thiên thần phục vụ linh hồn, khuyến khích sự đáp ứng của nó. Các điểm đạo đồ và Chân sư vốn đã vượt qua đến gần; vì Các Ngài là những Người Chăn Dắt Linh Hồn. Con vật trong con người được chiếu rọi bởi ánh sáng tinh thần và do đó dễ dàng được thăng hoa hơn. Vào dịp Giáng sinh, cá nhân và nhân loại do đó nhận được một sự kích thích tinh thần mà theo đó nếu họ chọn, họ có thể tiến nhanh trên cuộc hành hương tiến hóa của mình.

The great essential would seem to be that the individual and the race should live up to their evolutionary position. He who passes through the great gateway forsakes those indulgences, habits and ambitions which he has outgrown. He responds to the call of the highest within him and of the higher life. He becomes 'as a little child' in purity, desirelessness and intellectual clarification. For this is part of the mystical meaning of the words of the Christ: 'Unless ye shall receive the Kingdom of Heaven as a little child, ye shall in no wise enter therein'.

Điều thiết yếu lớn lao dường như là cá nhân và nhân loại nên sống theo vị thế tiến hóa của họ. Y vốn vượt qua cổng lớn từ bỏ những thú vui, thói quen và tham vọng mà y đã vượt qua. Y đáp lại tiếng gọi của điều cao cả nhất bên trong y và của cuộc sống cao cả hơn. Y trở nên 'như một đứa trẻ nhỏ' trong sự thuần khiết, vô dục và sự làm sáng tỏ trí tuệ. Vì đây là một phần ý nghĩa huyền bí trong những lời của Đức Christ: 'Nếu các ngươi không nhận được Thiên Giới như một đứa trẻ nhỏ, các ngươi sẽ không thể vào đó được'.

Christmas is a great reminder of these truths, an annual call to mankind symbolically to 'sell all that thou hast and follow Me'. The majority of men 'turn sorrowfully away, for they are of great possessions'. The few forsake all and follow Him. Thereafter He makes of them

Giáng sinh là một lời nhắc nhở tuyệt vời về những sự thật này, một lời kêu gọi hàng năm đối với nhân loại một cách tượng trưng để 'bán tất cả những gì ngươi có và đi theo Ta'. Phần lớn những người nam và nữ 'buồn bã quay đi, vì họ có rất nhiều của cải'. Số ít từ bỏ tất cả và

‘fishers of men’.

đi theo Ngài. Sau đó, Ngài biến họ thành ‘những người đánh bắt người’.

Theosophy in Australia, 3, 6 December 1938, p. 4

Theosophy in Australia, 3, 6 December 1938, tr. 4

170—

The Life of Christ as Revelation of Ageless Truths—*Cuộc Đời của Đức Christ như Sự Mặc Khải của Những Chân Lý Vĩnh Cửu*

“Though Christ a thousand times in Bethlehem be born

“Dù Đức Christ ngàn lần sinh ra ở Bethlehem

And not within thyself, thy soul will be forlorn.

Và không ở trong chính ngươi, linh hồn ngươi sẽ bị bỏ rơi.

The Cross on Golgotha thou lookest to in vain

Thập Giá trên Đồi Sọ, ngươi nhìn vào vô ích

Unless, within thyself, it be set up again”.

Trừ khi, bên trong chính ngươi, nó được dựng lên một lần nữa”.

- Angelus Silesius

- Angelus Silesius

What does Madame H. P. Blavatsky say to us concerning the historical Jesus of the four Gospels? In *The Secret Doctrine* [S.D.] it is written: ‘A thick film of allegory and *blinds*... covers the original esoteric texts from which the New Testament as now known was compiled ’ [*Collected Writings* Vol. 8, p. 210] ‘Jesus *the Initiate* (or Jehoshua)—the type from whom the “historical” Jesus was copied —was not of pure Jewish blood, and thus recognized no Jehovah; nor did he worship any planetary God beside his own “Father”, whom he knew, and with whom he communed, as every high Initiate does, “Spirit to Spirit and Soul to Soul”.’ *(S.D.* 1,631 [2-vol. ed.: Vol. 1, pp. 577-78]).

Bà H. P. Blavatsky nói gì với chúng ta về Đức Jesus lịch sử trong bốn sách Phúc Âm? Trong Giáo Lý Bí Nhiệm [S.D.] có viết: ‘Một lớp ngụy biện và che mắt dày đặc... bao phủ các văn bản nội môn ban đầu mà từ đó Tân Ước như hiện nay được biên soạn’ [Collected Writings Quyển 8, tr. 210] ‘Đức Jesus Điểm Đạo Đồ (hay Jehoshua)—mẫu hình mà từ đó Đức Jesus “lịch sử” được sao chép—không phải là người Do Thái thuần chủng, và do đó không công nhận Jehovah nào; Ngài cũng không thờ phụng bất kỳ Thượng đế hành tinh nào bên cạnh “Cha” của chính Ngài, Đấng mà Ngài biết, và với Đấng mà Ngài giao tiếp, như mọi Điểm Đạo Đồ cao cấp đều làm, “Tinh Thần với Tinh Thần và Linh Hồn với Linh Hồn”.’ (S.D. 1,631 [ấn bản 2 tập: Tập 1, tr. 577-78]).

Referring to the Baptism of Jesus at the hands of John the Baptist she wrote: ‘The Baptism in the Jordan is the Rite of Initiation, the final

Đề cập đến Lễ Rửa Tội của Đức Jesus dưới tay John the Baptist, Bà viết: ‘Lễ Rửa Tội ở sông Jordan là Nghi Lễ Điểm Đạo, sự thanh tẩy cuối

purification, whether in sacred pagoda, tank, river, or temple lake in Egypt or Mexico. The perfect *Christos* and Sophia—divine Wisdom and Intelligence—enter the Initiate at the moment of the mystic rite, by transference from *Guru* to *Chela,* and leave the physical body, at the moment of the death of the latter, to re-enter the *Nirmanakaya,* or the Astral Ego of the Adept' (*S.D.* Ill, 159). 'As John (the Baptist) says of Jesus: "I indeed baptise you with water; but he shall baptise you with the Holy Ghost and with fire".' *(S.D.* II, 598). 'The coming of Christ, then, may mean the presence of the *Christos* in a regenerated world, and not necessarily the actual coming in a body of Christ Jesus; thus Christ is to be sought neither in the wilderness, nor in the inner chambers, nor in the Sanctuary of any Temple or Church built by man; for Christ—the true esoteric Saviour—is no man, but the Divine Principle in every human being. He who strives to resurrect the Spirit crucified in him by his own terrestrial passions, and bum deep in the sepulchre of his sinful flesh; who has the strength to roll back the stone matter from the door of his own inner Sanctuary; he has the risen Christ in him'.

cùng, dù là ở chùa thiêng, bể nước, sông hay hồ đền ở Ai Cập hay Mexico. Đức Christos và Sophia hoàn hảo—Minh Triết và Trí Tuệ thiêng liêng—đi vào Điểm Đạo Đồ vào thời điểm nghi lễ huyền bí, bằng sự chuyển giao từ Guru sang Đệ tử, và rời khỏi thể xác, vào thời điểm cái chết của người sau, để tái nhập vào Nirmanakaya, hay Chân Ngã Cảm Dục của Chân sư' (S.D. Ill, 159). 'Như John (the Baptist) nói về Đức Jesus: "Ta thật sự làm phép báp têm cho các ngươi bằng nước; nhưng Ngài sẽ làm phép báp têm cho các ngươi bằng Chúa Thánh Thần và bằng lửa".' (S.D. II, 598). 'Vậy thì, sự đến của Đức Christ có thể có nghĩa là sự hiện diện của Đức Christos trong một thế giới tái sinh, và không nhất thiết là sự đến thực sự trong một thân thể của Đức Jesus Christ; do đó, Đức Christ không được tìm kiếm trong vùng hoang dã, cũng không phải trong các phòng bên trong, cũng không phải trong Thánh Địa của bất kỳ Đền Thờ hay Nhà Thờ nào do con người xây dựng; vì Đức Christ—Đấng Cứu Rỗi nội môn thực sự—không phải là người, mà là Nguyên Khí Thiêng Liêng trong mỗi con người. Y vốn cố gắng phục sinh Tinh Thần bị đóng đinh trong y bởi những đam mê trần tục của chính y, và đốt cháy sâu trong mồ chôn của xác thịt tội lỗi của y; y vốn có sức mạnh để lăn tảng đá vật chất ra khỏi cửa Thánh Địa bên trong của chính y; y có Đức Christ phục sinh trong y'.

The Five Great Initiations

Năm Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại

H. P. Blavatsky's reference to the Baptism of Jesus in these terms may suggest that the five main episodes in the life of Jesus refer to the Five Great Initiations which are said to lead to the attainment of Adeptship. First would come the Nativity the birth the Christ-consciousness in the Initiate followed by the Baptism, the Transfiguration on the Mount, the Crucifixion and the Resurrection, which latter we are celebrating today and the

Việc H. P. Blavatsky đề cập đến Lễ Rửa Tội của Đức Jesus theo những thuật ngữ này có thể gợi ý rằng năm giai đoạn chính trong cuộc đời của Đức Jesus đề cập đến Năm Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại vốn được cho là dẫn đến việc đạt được Địa vị Chân sư. Đầu tiên sẽ đến Lễ Giáng Sinh, sự ra đời của tâm thức Christ trong Điểm Đạo Đồ, tiếp theo là Lễ Rửa Tội, Sự Biến Hình trên Núi, Sự Đóng Đinh và Sự Phục Sinh, mà chúng ta đang kỷ niệm ngày nay và Sự Thăng Thiên lên

Ascension to the right hand of God as the final attainment of the Spirit of man the stage of Superhumanity. So the Baptism I repeat, may refer to a possible revelation the experiences of the fully awakened spiritual Soul of an illumined man: his admission to a Sanctuary of the Greater Mysteries, his receipt there of the First Great Initiation-spiritual rebirth, should we say, or a mystical Nativity—and subsequent passage through the successive Degrees typified by Baptism, Transfiguration, Crucifixion and Resurrection and Ascension. Thus Easter time would be associated with the Fourth Great Initiation that of the risen Lord, and this may well refer to the state of consciousness attained by the *Arhat* or Initiate of the Fourth Degree—death of the delusion of self-separateness, final end of the excessive and imprisoning *ahamkara,* and the resurrection and final deliverance from that delusion. Such a one then abolished Individuality, the sense of a separate i-am-ness as Personality being transformed into the experience of i-am-all-ness, one with all. He is resurrected from the delusions and limitations of self-orientated, self-centred man.

bên hữu của Thượng đế như là sự đạt được cuối cùng của Tinh Thần của con người, giai đoạn Siêu Nhân tính. Vì vậy, tôi xin nhắc lại, Lễ Rửa Tội có thể đề cập đến một sự mặc khải có thể xảy ra, những trải nghiệm của Linh Hồn tinh thần đã thức tỉnh hoàn toàn của một người được soi sáng: việc y được nhận vào một Thánh Địa của Những Huyền Cơ Lớn Hơn, việc y nhận được ở đó Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Đầu Tiên—sự tái sinh tinh thần, chúng ta nên nói vậy, hay một Lễ Giáng Sinh huyền bí—và sự vượt qua tiếp theo qua các Cấp Bậc kế tiếp được biểu thị bằng Lễ Rửa Tội, Sự Biến Hình, Sự Đóng Đinh và Sự Phục Sinh và Thăng Thiên. Do đó, thời gian Lễ Phục Sinh sẽ được liên kết với Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Tư, đó là của Chúa phục sinh, và điều này có thể đề cập đến trạng thái tâm thức đạt được bởi Arhat hay Điểm Đạo Đồ của Cấp Bậc Thứ Tư—cái chết của ảo tưởng về sự tách biệt bản thân, sự kết thúc cuối cùng của ahamkara quá mức và giam cầm, và sự phục sinh và giải thoát cuối cùng khỏi ảo tưởng đó. Một người như vậy sau đó đã xóa bỏ Tính Cá Thể, cảm giác về một sự là-ta-riêng-biệt khi Phàm Ngã được biến đổi thành trải nghiệm về sự là-ta-tất-cả, hợp nhất với tất cả. Y được phục sinh từ những ảo tưởng và giới hạn của con người tự định hướng, tự trung tâm.

The words used to describe these great events and particularly those relating to the Resurrection are very simple, beautiful and appropriate. Remember that the Crucifixion has occurred, which meant the end of the hope of the disciples that some great messianic power would be displayed and that Jesus would save Himself; for He did not. If we take the story literally, the body was buried in a rock tomb. Then came Easter Day, as it is now called. In St Mark's Gospel we read: 'And very early in the morning the first day of the week, they (the three Mary's) came unto the sepulchre at the rising of the sun. And they

Những từ ngữ được sử dụng để mô tả những sự kiện trọng đại này và đặc biệt là những từ ngữ liên quan đến Sự Phục Sinh rất đơn giản, đẹp đẽ và phù hợp. Hãy nhớ rằng Sự Đóng Đinh đã xảy ra, có nghĩa là sự kết thúc hy vọng của các đệ tử rằng một quyền năng messiah vĩ đại nào đó sẽ được thể hiện và Đức Jesus sẽ tự cứu mình; vì Ngài đã không làm vậy. Nếu chúng ta hiểu câu chuyện theo nghĩa đen, thì thi thể đã được chôn trong một ngôi mộ đá. Sau đó đến Ngày Phục Sinh, như bây giờ nó được gọi. Trong Phúc Âm của Thánh Mark, chúng ta đọc: 'Và rất sớm vào buổi sáng ngày đầu tiên của tuần, họ (ba người Mary) đến mộ

said among themselves, Who shall roll us away the stone from the door of the sepulchre. And when they looked, they saw that the stone was rolled away: for it was very great. And entering into the sepulchre, they saw a young man sitting on the right side, clothed in a long white garment; and they were affrighted' (Mark 16:2-6).

vào lúc mặt trời mọc. Và họ nói với nhau, Ai sẽ lăn hòn đá ra khỏi cửa mộ cho chúng ta. Và khi họ nhìn, họ thấy hòn đá đã được lăn ra: vì nó rất lớn. Và bước vào mộ, họ thấy một chàng trai trẻ ngồi bên phải, mặc một chiếc áo dài trắng; và họ kinh hãi' (Mark 16:2-6).

St Luke's version does not quite agree with this account. He wrote: 'And it came to pass, as they were much perplexed thereabout, behold, two men stood by them in shining garments. And as they were afraid, and bowed down their faces to the earth, they (these men, I take it) said unto them, "Why seek ye the living among the dead?"' (Luke 24:4-5). They then go on to say that Jesus is not there, but has risen from the sepulchre.

Phiên bản của Thánh Luke không hoàn toàn đồng ý với lời kể này. Ông viết: 'Và chuyện xảy ra, khi họ rất bối rối về điều đó, kìa, hai người đàn ông đứng cạnh họ trong bộ quần áo sáng ngời. Và vì họ sợ hãi, và cúi mặt xuống đất, họ (những người này, tôi cho là vậy) nói với họ, "Sao các ngươi tìm người sống giữa những người chết?"' (Luke 24:4-5). Sau đó, họ tiếp tục nói rằng Đức Jesus không ở đó, nhưng đã sống lại từ mộ.

The Real Resurrection

Sự Phục Sinh Thực Sự

The physical body may well be regarded as the tomb of the spiritual Self of man, and some mystics have suggested that the rolling away of the stone might imply that the Crown *Chakram* was opened to allow the full ingress and egress of consciousness without a break therein-one of the attainments of the *Arhat,* it is said. This interpretation may be going a little far, but it has been suggested that the rotating movement of this *Brahmaranda Chakram* might perhaps be referred to by the statement that the stone was 'rolled away'. Attainment of freedom from the limitations of the physical body is said to be achieved by those who have passed through the Fourth Great Initiation—that of the *Arhat,* or *Paramahamsa.*

Thể xác có thể được coi là ngôi mộ của Bản Ngã tinh thần của con người, và một số nhà thần bí đã gợi ý rằng việc lăn hòn đá đi có thể ngụ ý rằng Luân Xa Vương Miện đã được mở ra để cho phép tâm thức đi vào và đi ra hoàn toàn mà không bị gián đoạn—một trong những thành tựu của Arhat, người ta nói vậy. Cách giải thích này có thể đi hơi xa một chút, nhưng người ta đã gợi ý rằng chuyển động xoay của Luân Xa Brahmaranda này có lẽ có thể được đề cập đến bởi tuyên bố rằng hòn đá đã 'lăn đi'. Việc đạt được sự tự do khỏi những giới hạn của thể xác được cho là đạt được bởi những người đã trải qua Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Tư—đó là của Arhat, hay *Paramahamsa.*

The Ascension

Sự Thăng Thiên

The Ascension brought the life of the Christ to a close and it is stated that He rose visibly into Heaven and to the right hand of God,

Sự Thăng Thiên đã kết thúc cuộc đời của Đức Christ và người ta nói rằng Ngài đã trỗi dậy một cách hữu hình lên Thiên Đàng và đến bên

doubtless meaning that He attained to full, conscious, intimate entry into the presence of —and, indeed, identity with—the Supreme Deity.

Here is a wonderful passage in one of the writings of St Paul concerning super-physical consciousness and the secrecy enjoined at Initiation: 'I knew a man in Christ above fourteen years ago (whether in the body, I cannot tell; or whether out of the body, I cannot tell: God knoweth;) such a one caught up to the third heaven. And I knew such a man (whether in the body or out of the body, I cannot tell: God knoweth;) How that he was caught up into paradise, and heard unspeakable words, which it is not lawful for a man to utter' (II Corinthians 12:2-4). This suggests very distinctly the Theosophical teaching that man can have a consciousness free from the physical body, that he can ascend to the higher levels—the Third Heaven —and there receive the Rite of Initiation and learn that which may not lawfully be spoken of.

Ever Present and Omni Present

The unity of the Spirit of man with the Source of all Existence is clearly stated by Our Lord in His words: 'I and my Father are one' (John 10:30) and '... the Father is in me, and I in him' (John 10:38). Pre-existence before birth is implied in the statement: 'In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God. The same was in the beginning with God. All things were made by him; and without him was not anything made that was made' (John 1:1-3). Jesus Himself spoke of His pre-existence: 'And now, O Father, glorify thou me with thine own self with the glory which I had with thee before the world was' (John 17:5). 'Jesus said unto them, Verily, verily, I say unto you,

hữu của Thượng đế, chắc chắn có nghĩa là Ngài đã đạt được sự thâm nhập đầy đủ, có ý thức, mật thiết vào sự hiện diện của—và, thật vậy, sự đồng nhất với—Đấng Tối Cao.

Đây là một đoạn văn tuyệt vời trong một trong những tác phẩm của Thánh Paul liên quan đến tâm thức siêu vật chất và sự bí mật được quy định tại Lễ Điểm Đạo: 'Ta biết một người trong Đức Christ cách đây hơn mười bốn năm (dù ở trong thân thể, ta không thể nói; hay dù ở ngoài thân thể, ta không thể nói: Thượng đế biết;) một người như vậy đã bị bắt lên tầng trời thứ ba. Và ta biết một người như vậy (dù ở trong thân thể hay ở ngoài thân thể, ta không thể nói: Thượng đế biết;) Làm thế nào mà y đã bị bắt lên thiên đàng, và nghe những lời không thể diễn tả, vốn không được phép cho một người nói ra' (II Cô-rinh-tô 12:2-4). Điều này gợi ý rất rõ ràng giáo lý Thông Thiên Học rằng con người có thể có một tâm thức không bị ràng buộc bởi thể xác, rằng y có thể thăng lên các cấp độ cao hơn—Thiên Đàng Thứ Ba—và ở đó nhận được Nghi Lễ Điểm Đạo và học được những điều mà không được phép nói đến.

Luôn Hiện Diện và Hiện Diện Khắp Nơi

Sự hợp nhất của Tinh Thần của con người với Nguồn gốc của mọi Sự Tồn Tại được Chúa chúng ta tuyên bố rõ ràng trong những lời của Ngài: 'Ta và Cha ta là một' (John 10:30) và '... Cha ở trong ta, và ta ở trong Ngài' (John 10:38). Sự tồn tại trước khi sinh được ngụ ý trong tuyên bố: 'Ban đầu có Linh Từ, và Linh Từ ở với Thượng đế, và Linh Từ là Thượng đế. Ngài cũng ở với Thượng đế từ ban đầu. Mọi vật đều do Ngài tạo ra; và không có Ngài thì không có gì được tạo ra' (John 1:1-3). Chính Đức Jesus đã nói về sự tồn tại trước của Ngài: 'Và bây giờ, hỡi Cha, xin làm vinh hiển con với chính Ngài với vinh quang mà con đã có với Ngài trước khi thế gian có' (John 17:5). 'Đức Jesus nói với họ, Thật vậy, thật vậy, ta nói với các ngươi, Trước khi

Before Abraham was, I am' (John 8:58). In a mystery beyond our comprehension, St Paul writes: 'But we all, with open face beholding as in a glass the glory of the Lord, are changed into the same image from glory to glory, even as by the Spirit of the Lord' (II Corinthians 3:18). These verses suggest that the Lord Jesus Christ was also the ever present and omnipresent Deity, the Word which 'was made flesh, and dwelt amongst us' (John 1:14).

Following on from that thought we come to the concept of the *Avatar* a visible, human vehicle on Earth for an Aspect of the Supreme Deity which is found in the Ancient Wisdom. In the Gospel story it is stated that at the Baptism the Heavens opened and a Voice spoke, saying: 'This is my beloved Son, in whom I am well pleased' (Matthew 3:17).

A Story of Evolution & Involution

The processes of involution and evolution are apparently clearly stated. Our Lord referred to them allegorically, I believe, in that wonderful Parable of the Prodigal Son, which would seem to describe the forthgoing of a Ray of the Spirit-Essence of man, the Monad, from its home to the outermost distances or 'depths'. There this Ray becomes enclosed, imprisoned and restricted in matter of ever deepening density until in the story the Prodigal Son, who may be regarded as its personification, sinks so low that he hires himself out to a swineherd and eventually, as it says of him in the Parable, 'he would fain have filled his belly with the husks that the swine did eat' (Luke 15:16).

Abraham có, ta là' (John 8:58). Trong một huyền cơ vượt quá sự hiểu biết của chúng ta, Thánh Paul viết: 'Nhưng tất cả chúng ta, với khuôn mặt rộng mở nhìn như trong gương vinh quang của Chúa, được thay đổi thành cùng một hình ảnh từ vinh quang này sang vinh quang khác, ngay cả như bởi Tinh Thần của Chúa' (II Cô-rinh-tô 3:18). Những câu này gợi ý rằng Chúa Jesus Christ cũng là Đấng Tối Cao luôn hiện diện và hiện diện khắp nơi, Linh Từ vốn 'đã trở nên xác thịt, và ngự giữa chúng ta' (John 1:14).

Tiếp theo suy nghĩ đó, chúng ta đi đến khái niệm về Đấng Hoá Thân, một vận cụ hữu hình, con người trên Trái Đất cho một Phương diện của Đấng Tối Cao vốn được tìm thấy trong Minh Triết Ngàn Đời. Trong câu chuyện Phúc Âm, người ta nói rằng tại Lễ Rửa Tội, các Tầng Trời mở ra và một Tiếng Nói cất lên, nói rằng: 'Đây là Con yêu dấu của ta, người mà ta rất hài lòng' (Matthew 3:17).

Một Câu Chuyện về Tiến Hóa & Giáng Hạ Tiến Hóa

Các quá trình giáng hạ tiến hóa và thăng thượng tiến hóa dường như được trình bày rõ ràng. Tôi tin rằng Đức Chúa của chúng ta đã ám chỉ chúng một cách ngụ ngôn, trong Câu Chuyện Ngụ Ngôn tuyệt vời về Đứa Con Hoang Đàng, vốn dường như mô tả sự xuất phát của một Cung của Tinh Thần-Bản Thể của con người, Chân Thần, từ ngôi nhà của Ngài đến những khoảng cách xa nhất hoặc 'chiều sâu'. Ở đó, Cung này trở nên khép kín, bị giam cầm và hạn chế trong vật chất có mật độ ngày càng sâu sắc cho đến khi trong câu chuyện, Đứa Con Hoang Đàng, vốn có thể được coi là hiện thân của nó, chìm xuống quá thấp đến nỗi y thuê mình cho một người chăn heo và cuối cùng, như câu chuyện ngụ ngôn nói về y, 'y ước ao được ăn những vỏ đậu mà heo ăn' (Lu-ca 15:16).

Our Lord also in His life, the first part of which would seem to imply involution, was born into a body, became more and more deeply involved in human affairs as He grew up, was killed, and was buried in a rock tomb. This possibly is descriptive of the forthgoing of the Monad and its descent into the mineral kingdom of Nature, whilst evolution is depicted by the Resurrection and the attainment of Adeptship. Thus the two processes of involution and evolution would seem to be portrayed in the life of Our Lord—His tribulations, the remarkable powers which He developed, the temptations over which He triumphed and then the Ascension, which St Paul describes as the attainment of 'the measure of the stature of the fullness of Christ' (Ephesians 4.13). May we not permissibly discern here an exposition of the idea of involution and evolution? St Paul accentuated this concept, describing especially the great evolutionary goal of man: 'Till we all come in the unity of the faith, and of the knowledge of the Son of God, unto a perfect man, unto the measure of the stature of the fullness of Christ' *(ibid).*

Đức Chúa của chúng ta cũng vậy, trong cuộc đời của Ngài, phần đầu dường như ngụ ý sự giáng hạ tiến hóa, đã được sinh ra trong một thể xác, ngày càng tham gia sâu hơn vào các vấn đề của con người khi Ngài lớn lên, bị giết và được chôn trong một ngôi mộ đá. Điều này có thể mô tả sự xuất phát của Chân Thần và sự giáng xuống giới kim thạch của Tự Nhiên, trong khi sự thăng thượng tiến hóa được mô tả bằng Sự Phục Sinh và sự đạt được Địa vị Chân sư. Như vậy, hai quá trình giáng hạ tiến hóa và thăng thượng tiến hóa dường như được khắc họa trong cuộc đời của Đức Chúa của chúng ta—những khổ nạn của Ngài, những quyền năng phi thường mà Ngài đã phát triển, những cám dỗ mà Ngài đã chiến thắng và sau đó là Sự Thăng Thiên, mà Thánh Phao-lô mô tả là sự đạt được 'tầm vóc đầy trọn của Đấng Christ' (Ê-phê-sô 4.13). Liệu chúng ta có thể cho phép mình nhận ra ở đây một sự trình bày về ý tưởng giáng hạ tiến hóa và thăng thượng tiến hóa không? Thánh Phao-lô đã nhấn mạnh khái niệm này, đặc biệt mô tả mục tiêu thăng thượng tiến hóa vĩ đại của con người: 'Cho đến chừng chúng ta ai nấy đều hiệp một trong đức tin và sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà được nên bậc thành nhân, được tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Christ' (ibid).

Reincarnation and Karma in the Bible

Luân Hồi và Nghiệp Quả trong Kinh Thánh

Our Lord Himself—if those of other religions will excuse my saying 'Our Lord' placed the attainable goal of human evolution much higher, saying: 'Be ye therefore perfect, even as your Father which is in heaven is perfect' (Matthew 5:48). This is a mistranslation from the old Greek text and should read: 'Ye shall be perfect, even as your Father which is in heaven is perfect'. Such a degree of attainment would be comparable to the stature of at least a Solar Logos, whether or not the Office is occupied, and would evidence an infinite unfoldment of the Spirit within. How may it

Chính Đức Chúa của chúng ta—nếu những người thuộc các tôn giáo khác sẽ tha thứ cho tôi khi nói 'Đức Chúa của chúng ta'—đã đặt mục tiêu có thể đạt được của sự tiến hóa của con người cao hơn nhiều, nói rằng: 'Vậy, các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn' (Ma-thi-ơ 5:48). Đây là một bản dịch sai từ văn bản Hy Lạp cổ và nên đọc là: 'Các ngươi sẽ nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn'. Mức độ đạt được như vậy có thể so sánh với tầm vóc của ít nhất một Thái dương Thượng đế, cho dù Ngai Vàng có được chiếm giữ hay không, và sẽ chứng

be accomplished? According to the Ancient Wisdom, by means of successive lives on Earth. Is that idea to be found in Christianity —or rather, is it referred to in the Gospel story? Admittedly it does not have a very marked place in Christian doctrine. In fact, it is even denied in some passages of the Bible. Nevertheless, in the Gospel of St Matthew it is written: 'When Jesus came unto the coasts of Caesarea Philippi, he asked his disciples, saying Whom do men say that the Son of man am? And they said, Some say that thou art John the Baptist; some, Elias; and others Jeremias or one of the prophets' (Matthew 16:13-14). John the Baptist, by the way, had by then been beheaded. Later His disciples asked Jesus: '... Why then say the scribes that Elias must first come? And Jesus answered and said unto them, Elias truly shall first come, and restore all things. But I say unto you, That Elias is come already, and they knew him not, but have done unto him whatsoever they listed. Likewise shall also the, Son of man suffer of them. Then the disciples understood that he spake unto them of John the Baptist' (Matthew 17:10-13). There we have a plain statement that Jesus regarded John the Baptist as a reincarnation of Elias.

minh một sự mở ra vô hạn của Tinh Thần bên trong. Làm thế nào nó có thể được hoàn thành? Theo Minh Triết Ngàn Đời, bằng những kiếp sống liên tiếp trên Trái Đất. Liệu ý tưởng đó có thể được tìm thấy trong Cơ đốc giáo—hay đúng hơn, nó có được đề cập đến trong câu chuyện Phúc Âm không? Phải thừa nhận rằng nó không có một vị trí rất nổi bật trong giáo lý Cơ đốc giáo. Trên thực tế, nó thậm chí còn bị phủ nhận trong một số đoạn của Kinh Thánh. Tuy nhiên, trong Phúc Âm của Thánh Ma-thi-ơ, có viết: 'Khi Đức Chúa Jesus đến địa phận thành Sê-sa-rê Phi-líp, bèn hỏi môn đồ rằng: Người ta nói Con người là ai? Môn đồ thưa rằng: Người thì nói là Giăng Báp-tít, kẻ thì nói là Ê-li, kẻ khác lại nói là Giê-rê-mi, hay là một trong các đấng tiên tri' (Ma-thi-ơ 16:13-14). Nhân tiện, Giăng Báp-tít lúc đó đã bị chém đầu. Sau đó, các môn đồ của Ngài hỏi Đức Chúa Jesus: '... Vậy thì sao các thầy thông giáo nói rằng Ê-li phải đến trước đã? Đức Chúa Jesus đáp rằng: Thật vậy, Ê-li phải đến trước mà gây dựng lại mọi việc. Nhưng ta phán cho các ngươi hay, Ê-li đã đến rồi, mà người ta không nhận biết, lại đãi người theo ý mình muốn. Con người cũng sẽ chịu khổ như vậy bởi họ. Bấy giờ, môn đồ hiểu rằng Ngài phán về Giăng Báp-tít' (Ma-thi-ơ 17:10-13). Ở đó, chúng ta có một tuyên bố rõ ràng rằng Đức Chúa Jesus coi Giăng Báp-tít là một hóa thân của Ê-li.

What of karma, or the Law of Cause an Effect? According to the Gospel of St Matthew, Jesus said: '... Till heaven and earth pass, one jot or one tittle shall in no wise pass from the law, till all be fulfilled' (Matthew 5:18). 'Therefore all things whatsoever ye would that men should do to you, do ye even so to them: for this is the law and the prophets' (Matthew 7:12). Here we find support for, even a definite statement of, what we speak of as the Law of Karma.

Còn về nghiệp quả, hay Định luật Nhân Quả thì sao? Theo Phúc Âm của Thánh Ma-thi-ơ, Đức Chúa Jesus đã nói: '... Cho đến khi trời đất qua đi, thì một chấm một nét trong luật pháp cũng không hề qua đi được, cho đến khi mọi sự được trọn' (Ma-thi-ơ 5:18). 'Vậy, hễ điều chi mà các ngươi muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ, vì ấy là luật pháp và lời tiên tri' (Ma-thi-ơ 7:12). Ở đây, chúng ta tìm thấy sự ủng hộ, thậm chí là một tuyên bố rõ ràng, về những gì chúng ta nói đến như là Định luật Nghiệp Quả.

The Path of Hastened Evolution

Do we find in the Gospels the concept of hastened evolution—that the whole procedure of the attainment of Adeptship can be speeded up by man; that the Kingdom of heaven can be taken by storm? Yes, 1 think so. Christ Himself exhorted those who were seeking the way of Truth to enter the Path saying: '... strait is the gate, and narrow is the way, which leadeth unto life, and few there be that find it' (Matthew 7:14). We know that Jesus selected twelve disciples and gave them special training, as in the Sermon on the Mount and in the underlying meaning of the Parables, saying: '... Unto you it is given to know the mystery of the kingdom of God: but unto them that are without, all these things are done in parables' (Mark 4:11). This would seem to suggest a separate instruction to the disciples alone. St Matthew tells us that Jesus took His disciples apart and taught them (Matthew 20:17), and St Mark that '... when they were alone, he expounded all things to his disciples' (Mark 4:34).

Is the idea which is to be found in the Ancient Wisdom, that there occur cyclic appearances of great *Avatars*—that a World Teacher comes periodically to all mankind—included in the Gospels? It would seem that Jesus affirmed this to be true in His own case, for He said: 'And other sheep I have, which are not of this fold: them also I must bring, and they shall hear my voice; and there shall be one fold, and one shepherd' (John 10:16). That rises, does it not, far above the limited, orthodox view that there is only one religion, only one Saviour, and that all others outside of that religion are —I dislike using the word—heathen. Not so. 'And other sheep I have, which are not of this

Con Đường Thăng Thượng Tiến Hóa Được Thúc Đẩy

Liệu chúng ta có tìm thấy trong các sách Phúc Âm khái niệm về sự thăng thượng tiến hóa được thúc đẩy—rằng toàn bộ quy trình đạt được Địa vị Chân sư có thể được con người đẩy nhanh; rằng Thiên Giới có thể bị chiếm đoạt bằng vũ lực? Vâng, tôi nghĩ vậy. Chính Đức Christ đã khuyên nhủ những người đang tìm kiếm con đường Chân Lý hãy bước vào Thánh Đạo, nói rằng: '... Vì cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ tìm được thì ít' (Ma-thi-ơ 7:14). Chúng ta biết rằng Đức Chúa Jesus đã chọn mười hai môn đồ và ban cho họ sự huấn luyện đặc biệt, như trong Bài Giảng trên Núi và trong ý nghĩa tiềm ẩn của các Câu Chuyện Ngụ Ngôn, nói rằng: '... Còn về phần các ngươi, thì đã được ban cho biết sự mầu nhiệm của nước Đức Chúa Trời; song về phần người ngoài, thì mọi sự đều dùng lời ví dụ mà nói' (Mác 4:11). Điều này dường như gợi ý một sự hướng dẫn riêng biệt chỉ dành cho các môn đồ. Thánh Ma-thi-ơ cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Jesus đã đưa các môn đồ của Ngài ra riêng và dạy dỗ họ (Ma-thi-ơ 20:17), và Thánh Mác rằng '... khi ở riêng, Ngài cắt nghĩa hết cho môn đồ' (Mác 4:34).

Liệu ý tưởng vốn có thể được tìm thấy trong Minh Triết Ngàn Đời, rằng có những sự xuất hiện theo chu kỳ của các Đấng Hoá Thân vĩ đại —rằng một Huấn Sư Thế Giới định kỳ đến với toàn thể nhân loại—có được bao gồm trong các sách Phúc Âm không? Dường như Đức Chúa Jesus đã khẳng định điều này là đúng trong trường hợp của chính Ngài, vì Ngài đã nói: 'Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng này; ta cũng phải dẫn chúng nó về nữa, chiên đó sẽ nghe tiếng ta, rồi sẽ thành một bầy, và một người chăn' (Giăng 10:16). Điều đó vượt lên trên, phải không, quan điểm chính thống, hạn hẹp rằng chỉ có một tôn giáo, chỉ có một Đấng Cứu Thế, và tất cả những

fold', Jesus told the people of His time.

người khác bên ngoài tôn giáo đó đều là—tôi không thích sử dụng từ này—dân ngoại. Không phải vậy. 'Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng này', Đức Chúa Jesus đã nói với những người thời Ngài.

The Nature of Love

Bản Chất của Tình Thương

Then there is the doctrine of the heart, the ideal of Buddha-like, Christ-like compassion. Verily, throughout His whole life Christ displayed a profound compassion, and affirmed this quality in Himself in such words as: '1 am the good shepherd, and know my sheep, and am known of mine. As the Father knoweth me, even so know I the Father: and I lay down my life for the sheep' (John 10:14-15). There is also that other wonderful and beautiful statement in St Matthew's Gospel, where Jesus says: 'Come unto me, all ye that labour and are heavy laden, and I will give you rest. Take my yoke upon you, and learn of me; for I am meek and lowly in heart; and ye shall find rest unto your souls. For my yoke is easy, and my burden is light' (Matthew 11:28-30). Even amidst His suffering upon the Cross which, literally, must have been almost indescribably great, He said of those who inflicted that suffering, appealing to His Father: 'Father, forgive them; for they know not what they do' (Luke 23:34).

Sau đó, có tâm pháp, lý tưởng về lòng trắc ẩn giống như Đức Phật, giống như Đức Christ. Quả thật, trong suốt cuộc đời của mình, Đức Christ đã thể hiện một lòng trắc ẩn sâu sắc, và khẳng định phẩm chất này trong chính Ngài bằng những lời như: 'Ta là người chăn hiền lành, ta quen chiên ta, và chiên ta quen ta. Cha biết ta thể nào, ta biết Cha thể ấy; ta vì chiên ta phó sự sống mình' (Giăng 10:14-15). Ngoài ra, còn có tuyên bố tuyệt vời và tươi đẹp khác trong Phúc Âm của Thánh Ma-thi-ơ, nơi Đức Chúa Jesus nói: 'Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được yên nghỉ. Ta là người có lòng nhu mì, khiêm nhường; nên hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta; thì linh hồn các ngươi sẽ được yên nghỉ. Vì ách ta dễ chịu, gánh ta nhẹ nhàng' (Ma-thi-ơ 11:28-30). Ngay cả giữa những đau khổ của Ngài trên Thập Giá, vốn theo nghĩa đen, hẳn phải lớn đến mức không thể diễn tả được, Ngài đã nói về những người gây ra đau khổ đó, cầu xin Cha Ngài: 'Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì' (Lu-ca 23:34).

There comes to my mind that wonderful saying of the Lord Buddha: 'To those who scorn and revile me I will give the protection of my most ungrudging love, and the greater the measure of their hostility, the greater shall be the measure of my love'. One finds this same thought in the words of the Masters. In Letter VIII of *The Mahatma Letters to A. P. Sinnett,* the revered Master K. H. wrote: '... to crown all, human and purely individual personal feelings—blood-ties and friendship,

Trong tâm trí tôi xuất hiện câu nói tuyệt vời của Đức Phật: 'Đối với những người khinh miệt và lăng mạ ta, ta sẽ ban cho sự bảo vệ của tình thương không hề tiếc rẻ nhất của ta, và mức độ thù địch của họ càng lớn, thì mức độ tình thương của ta càng lớn'. Người ta tìm thấy ý nghĩ tương tự này trong những lời của các Chân sư. Trong Thư VIII của Những Lá Thư Mahatma gửi A. P. Sinnett, Chân sư KH đáng kính đã viết: '... để hoàn thành tất cả, những cảm xúc cá nhân thuần túy và mang tính cá

patriotism and race predilection—all will give away, to become blended into one universal feeling, the only true and holy, the only unselfish and Eternal one—Love, an Immense Love for humanity—as a Whole! ' Such statements surely reveal something of the nature of the heart of the Risen One.

nhân của con người—mối quan hệ huyết thống và tình bạn, lòng yêu nước và sự thiên vị chủng tộc—tất cả sẽ nhường chỗ, để hòa quyện vào một cảm xúc phổ quát, cảm xúc duy nhất chân thật và thiêng liêng, cảm xúc duy nhất vị tha và Vĩnh Cửu—Tình Thương, một Tình Thương Bao La dành cho nhân loại—như một Tổng Thể! ' Những tuyên bố như vậy chắc chắn tiết lộ điều gì đó về bản chất trái tim của Đấng Phục Sinh.

Cosmic Power and Presence

Quyền Năng và Sự Hiện Diện Vũ Trụ

Do we find in the Gospels the teaching contained in the Ancient Wisdom that the whole Essence of the Universe is manifested as the innermost Self of man? Is this over-powering, cosmic Entity or Principle there stated to be present in every human being, to be the intrinsic, innate spiritual Power within us all? Yes, I think we may safely say that the existence of a divine Intelligence, transcendent beyond the manifested world, immanent as the divine Life within it, the God in-dwelling, the ultimate inner light to be found at the very heart of the make-up of every human being, is affirmed in the Gospels. The terms 'Logos' and 'Christ' are used, I suggest, by the Evangelists in their presentation of these ideas. In the first four verses of the First Chapter of his Gospel, St John writes: 'In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God. The same was in the beginning with God. All things were made by him, and without him was not any thing made that was made. In him was life; and the life was the light of men'. Jesus Himself said: '... I am in my Father, and ye in me, and I in you' (John 14:20). I have always thought that to be one of the most wonderful and simple statements of the Divine Presence unifying all. 'I am in my Father', said Jesus, 'and ye in me, and I in you'. St Paul expressed it thus: 'Christ in you, the

Liệu chúng ta có tìm thấy trong các sách Phúc Âm giáo lý chứa đựng trong Minh Triết Ngàn Đời rằng toàn bộ Bản Thể của Vũ Trụ được biểu hiện như là Bản Thể sâu kín nhất của con người không? Liệu Thực Thể hoặc Nguyên Khí vũ trụ, áp đảo này có được tuyên bố là hiện diện trong mọi con người, là Quyền Năng tinh thần bẩm sinh, vốn có bên trong tất cả chúng ta không? Vâng, tôi nghĩ chúng ta có thể nói một cách an toàn rằng sự tồn tại của một Trí Tuệ thiêng liêng, siêu việt vượt ra ngoài thế giới biểu hiện, nội tại như là Sự Sống thiêng liêng bên trong nó, Thượng đế ngự trị, ánh sáng nội tại tối thượng được tìm thấy ở ngay trung tâm cấu tạo của mọi con người, được khẳng định trong các sách Phúc Âm. Tôi cho rằng các thuật ngữ 'Logos' và 'Christ' được các tác giả sách Phúc Âm sử dụng trong cách trình bày những ý tưởng này của họ. Trong bốn câu đầu tiên của Chương Đầu Tiên trong Phúc Âm của mình, Thánh Giăng viết: 'Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. Muôn vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài. Trong Ngài có sự sống, sự sống là sự sáng của loài người'. Chính Đức Chúa Jesus đã nói: '... Ta ở trong Cha ta, các ngươi ở trong ta, và ta ở trong các ngươi' (Giăng 14:20). Tôi luôn nghĩ rằng đó là một trong những tuyên bố tuyệt vời và đơn giản nhất về Sự Hiện Diện Thiêng Liêng hợp

hope of glory' (Collosians 1:27), and on another occasion: 'My little children, of whom I travail in birth again until Christ be formed in you' (Galatians 4:19).

nhất tất cả. 'Ta ở trong Cha ta', Đức Chúa Jesus nói, 'các ngươi ở trong ta, và ta ở trong các ngươi'. Thánh Phao-lô đã diễn đạt nó như sau: 'Đấng Christ ở trong anh em, là sự trông cậy về vinh hiển' (Cô-lô-se 1:27), và trong một dịp khác: 'Hỡi các con bé nhỏ của ta, ta lại chịu đau đớn sanh các con cho đến chừng nào Đấng Christ thành hình trong các con' (Ga-la-ti 4:19).

Madame H. P. Blavatsky wrote: '... One and Supreme, the unborn and the inexhaustible source of every emanation, the fountain of life and light eternal, a Ray of which every one of us carries in him on this earth' *(S.D.* 111:31 1). "'*Christos*", or the Christ-condition, was ever the synonym of the "Mahatmic condition", i.e. the union of the man with the divine Principle within him'. These are very lofty ideas. Admittedly they are difficult of comprehension, and still more of realisation as an experience in consciousness. Apparently the Christ-nature in man cannot be contacted by thought alone. You cannot, as is our custom as human beings, think your way through into the Presence of the Christ within. Rather it must be experienced supra-mentally and then become part of one's life.

Bà H. P. Blavatsky đã viết: '... Đấng Duy Nhất và Tối Cao, nguồn gốc bất sinh và vô tận của mọi xuất lộ, suối nguồn của sự sống và ánh sáng vĩnh cửu, một Cung của Ngài mà mỗi người chúng ta mang trong mình trên trái đất này' (S.D. 111:31 1). "'Christos", hay trạng thái Christ, luôn là từ đồng nghĩa với "trạng thái Mahatmic", tức là sự hợp nhất của con người với Nguyên Khí thiêng liêng bên trong y'. Đây là những ý tưởng rất cao cả. Phải thừa nhận rằng chúng rất khó hiểu, và còn khó nhận ra hơn nữa như một trải nghiệm trong tâm thức. Rõ ràng là bản chất Christ trong con người không thể được tiếp xúc chỉ bằng tư tưởng. Bạn không thể, như thói quen của chúng ta với tư cách là con người, suy nghĩ theo cách của bạn để đi vào Sự Hiện Diện của Đấng Christ bên trong. Thay vào đó, nó phải được trải nghiệm trên cả trí tuệ và sau đó trở thành một phần trong cuộc sống của một người.

True Religion

Tôn Giáo Chân Chính

As one thinks thus of the Christ, both historical and within each and every one of us, all the turmoil which is going on within the Christian Faith today, all divisions, and all the questions, doubts and difficulties about dogmas, vanish from one's heart and mind, for one becomes aware that what is really innate at the heart of the Christian religion and of other Faiths is recognition of the intrinsic *Buddhic* or Christ-nature of Principle as part of the Spiritual Soul or Reality of every

Khi người ta nghĩ như vậy về Đấng Christ, cả về mặt lịch sử và bên trong mỗi người chúng ta, tất cả những xáo trộn đang diễn ra trong Đức Tin Cơ đốc ngày nay, tất cả những chia rẽ, và tất cả những câu hỏi, nghi ngờ và khó khăn về các giáo điều, đều tan biến khỏi trái tim và trí óc của một người, vì người ta nhận thức được rằng điều thực sự bẩm sinh ở trung tâm của tôn giáo Cơ đốc và của các Đức Tin khác là sự công nhận bản chất Bồ đề hoặc Christ nội tại của Nguyên Khí như là một phần của Linh

human being. True religion has little to do with all of these divisions which exist, being a wholly interior procedure, as the word itself means—a binding back to the source. So the *Avatar* of some 1970 years ago is far more than a historical person alone, but is also—and even more—the ever-present Christ Principle, the universal Spirit-Essence, in each and every one of us.

Hồn hoặc Thực Tại Tinh Thần của mọi con người. Tôn giáo chân chính ít liên quan đến tất cả những chia rẽ đang tồn tại này, là một quy trình hoàn toàn nội tại, như chính từ này có nghĩa—một sự ràng buộc trở lại nguồn gốc. Vì vậy, Đấng Hoá Thân cách đây khoảng 1970 năm không chỉ là một nhân vật lịch sử, mà còn —và thậm chí còn hơn thế nữa—là Nguyên Khí Christ luôn hiện diện, Tinh Thần-Bản Thể phổ quát, trong mỗi người chúng ta.

The Atonement

Sự Chuộc Tội

Thus viewed, the Atonement is an interior procedure, an at-one-ment in point of fact, a transmission of light rather than a transfer of blood, and an inpouring of spiritualised and perfected life. It is an imparting of wisdom, not a shedding of physical blood and water from the supposed wounds of the Christ as His body died upon the Cross. So our thoughts are again led to the Christ in-dwelling, the interior Christ Principle in every human being, the 'Christ in you' to which Our Lord referred in His words: 'I am in my Father, and ye in me, and I in you'. We may surely assume that His last words to His disciples in Galilee before his Ascension: '... lo, I am with you always, even unto the end of the world' (Matthew 28:20) refer less to the historical Jesus and more, and perhaps wholly, to the fact that He in that sense—as the Principle within, pure and perfect Wisdom and Love—is indeed ever with us throughout eternity. It is said that out of His love He regards all beings as if they were His only child, and we are assured that this concern for all, this overshadowing love and protection and help for all humanity, will never cease and that He, the Great One, will not depart from Earth until every human being reaches Christhood, or is 'saved'; for this ministration of the great Adepts Who visit and teach mankind never ebbs but ever flows, never declines, is always at its maximum.

Như vậy, sự Chuộc Tội được xem như một quy trình nội tại, một sự hợp nhất trên thực tế, một sự truyền dẫn ánh sáng hơn là một sự chuyển giao máu, và một sự tuôn đổ của sự sống đã được tâm linh hóa và hoàn thiện. Đó là một sự truyền đạt minh triết, không phải là một sự đổ máu và nước thể xác từ những vết thương được cho là của Đấng Christ khi thể xác của Ngài chết trên Thập Giá. Vì vậy, những suy nghĩ của chúng ta lại được dẫn đến Đấng Christ ngự trị, Nguyên Khí Christ nội tại trong mọi con người, 'Đấng Christ ở trong anh em' mà Đức Chúa của chúng ta đã đề cập đến trong những lời của Ngài: 'Ta ở trong Cha ta, các ngươi ở trong ta, và ta ở trong các ngươi'. Chúng ta chắc chắn có thể cho rằng những lời cuối cùng của Ngài với các môn đồ của Ngài ở Ga-li-lê trước khi Ngài Thăng Thiên: '... Ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế' (Ma-thi-ơ 28:20) đề cập ít hơn đến Đức Chúa Jesus lịch sử và nhiều hơn, và có lẽ hoàn toàn, đến sự thật rằng Ngài theo nghĩa đó—như là Nguyên Khí bên trong, Minh Triết và Tình Thương thuần khiết và hoàn hảo—thực sự luôn ở cùng chúng ta trong suốt cõi vĩnh hằng. Người ta nói rằng vì tình thương của Ngài, Ngài coi tất cả chúng sinh như thể chúng là đứa con duy nhất của Ngài, và chúng ta được đảm bảo rằng mối quan tâm này dành cho tất cả, tình thương và sự bảo vệ và giúp đỡ bao trùm này dành cho toàn thể nhân loại, sẽ

From within each one of us there is continually occurring, it is suggested, this transmission of light and love to help us on our upward pathway to that Ascension to which Jesus Himself attained.

không bao giờ ngừng lại và rằng Ngài, Đấng Cao Cả, sẽ không rời khỏi Trái Đất cho đến khi mọi con người đạt đến Địa vị Christ, hoặc được 'cứu rỗi'; vì sự giúp đỡ này của các Chân sư vĩ đại, Những Người đến thăm và dạy dỗ nhân loại không bao giờ suy yếu mà luôn tuôn chảy, không bao giờ suy giảm, luôn ở mức tối đa. Từ bên trong mỗi người chúng ta, người ta cho rằng, sự truyền dẫn ánh sáng và tình thương này liên tục xảy ra để giúp chúng ta trên con đường đi lên đến Sự Thăng Thiên mà chính Đức Chúa Jesus đã đạt được.

Theosophy in New Zealand, Vol. 31, No. 4, 1970, p. 80

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 31, Số 4, 1970, tr. 80

171

The Threefold Nature of the Lord Christ—*Bản Chất Tam Phân của Đức Christ*

The Human Jesus

This evening, appropriately since we are within the octave of Xmas, in uttermost reverence we turn our thoughts to both Our Lord Jesus Christ Himself and to the great story of His life. As is inevitable with so vast a theme, certain difficulties present themselves. Amongst these are the numerous and differing guises in which the great Central Figure is presented. In passage after passage, the pure humanity of Jesus is insisted upon. He is born as a helpless child, must flee from an oppressor, is rebuked by His Mother and is tempted by Satan to self-indulgence and pride. He suffers the purely human weaknesses of weariness, sorrow, shrinks from pain and sorrow in Gethsemane, sheds tears of disappointment, and experiences thirst. On the Cross, He is said to know the temporary loss of realisation of His divinity, immortality and unity with God. True, these limitations were borne with heroic Fortitude and His will

Đức Jesus Con Người

Tối nay, thật thích hợp vì chúng ta đang ở trong tuần bát nhật của lễ Giáng Sinh, với lòng thành kính vô bờ, chúng ta hướng tâm trí đến Đức Chúa Jesus Christ và câu chuyện vĩ đại về cuộc đời Ngài. Như một điều tất yếu với một chủ đề bao la như vậy, một số khó khăn nhất định sẽ xuất hiện. Trong số này có vô số hình thức khác nhau mà Hình Tượng Trung Tâm vĩ đại được trình bày. Trong đoạn văn này đến đoạn văn khác, tính nhân văn thuần khiết của Đức Jesus được nhấn mạnh. Ngài sinh ra là một đứa trẻ bất lực, phải trốn chạy khỏi kẻ áp bức, bị Mẹ quở trách và bị Satan cám dỗ để nuông chiều bản thân và kiêu ngạo. Ngài phải chịu đựng những yếu đuối thuần túy của con người như mệt mỏi, buồn bã, co rúm trước đau đớn và buồn phiền ở Gethsemane, rơi nước mắt thất vọng và trải qua cơn khát. Trên Thập Giá, Ngài được cho là đã biết sự mất mát tạm thời về sự nhận biết thiên tính, sự bất tử và

was always in the ascendant. Nevertheless, He is said to have endured them.

sự hợp nhất của Ngài với Thượng đế. Đúng vậy, những hạn chế này đã được gánh chịu với Nghị Lực anh hùng và ý chí của Ngài luôn chiếm ưu thế. Tuy nhiên, Ngài được cho là đã chịu đựng chúng.

Jesus The Divine Being

In strange contrast to these very human experiences, Jesus is also portrayed as one upon whom had descended the Spirit of the Holiest. He is represented as a divine Being in His own nature, as possessed of and constantly wielding Deific powers. He can render Himself invisible, can walk on water, change water to wine and heal those apparently incurable—both in His Presence and at a distance. He duplicates and multiplies bread and fish so successfully as to feed five thousand from a small original supply, and leaves more of both foods afterwards than before. He can project a coin into the stomach of a swimming fish and cause a miraculous draft of fishes in water which had been fruitlessly fished throughout the preceding night. He brings His own crucified, long-dead body to life and frees it from a sealed rock tomb guarded by Roman sentinels. After having been dead and buried three days and three nights, He reappears in the world of men in solid bodily form which can be touched and even 'asks for physical sustenance'. He is levitated, first on the surface of water and, finally, amidst great lights up to heaven at the Ascension. Despite the human traits, obviously far more than man is the Lord Jesus Christ of Nazareth. As Philosopher and Sage, He not only reveals the sublimest wisdom but proves Himself a most astute debater, putting the cleverest Jewish brains to defeat, avoiding legal traps and even causing His opponents to be caught in their own snares.

Đức Jesus, Đấng Thiêng Liêng

Trong sự tương phản kỳ lạ với những trải nghiệm rất con người này, Đức Jesus cũng được miêu tả là một người mà Thánh Linh đã ngự xuống. Ngài được thể hiện như một Đấng thiêng liêng trong bản chất của chính Ngài, sở hữu và liên tục sử dụng các quyền năng của Thượng đế. Ngài có thể khiến bản thân vô hình, có thể đi trên mặt nước, biến nước thành rượu và chữa lành những người dường như không thể chữa khỏi—cả khi Ngài Hiện Diện và ở một khoảng cách xa. Ngài nhân đôi và nhân rộng bánh mì và cá thành công đến mức nuôi sống năm nghìn người từ một nguồn cung cấp ban đầu nhỏ, và để lại nhiều thức ăn hơn cả trước đó. Ngài có thể phóng một đồng xu vào bụng một con cá đang bơi và tạo ra một mẻ cá kỳ diệu trong vùng nước vốn đã được đánh bắt vô ích suốt đêm trước đó. Ngài mang xác chết bị đóng đinh lâu ngày của chính Ngài sống lại và giải thoát nó khỏi ngôi mộ đá bị niêm phong do lính La Mã canh giữ. Sau khi chết và chôn cất ba ngày ba đêm, Ngài lại xuất hiện trong thế giới loài người dưới hình dạng cơ thể rắn chắc có thể chạm vào và thậm chí còn 'yêu cầu sự nuôi dưỡng thể xác'. Ngài được nâng lên, đầu tiên là trên mặt nước và cuối cùng, giữa những ánh sáng rực rỡ lên thiên đàng trong Lễ Thăng Thiên. Bất chấp những đặc điểm của con người, rõ ràng Chúa Jesus Christ ở Nazareth còn hơn cả một người phàm. Với tư cách là Nhà Triết Học và Hiền Nhân, Ngài không chỉ tiết lộ sự minh triết cao cả nhất mà còn chứng tỏ mình là một nhà tranh luận sắc sảo nhất, đánh bại những bộ óc Do Thái thông minh nhất, tránh được những cạm bẫy pháp lý và thậm chí khiến đối thủ của Ngài

mắc bẫy của chính họ.

Above and beyond these superhuman traits and powers He is also and at the same time clearly regarded by the Evangelists and Apostles, especially St John, as no normal inhabitant of our Globe; for He is presented as a Divine Visitant, a 'descent' of God upon Earth, a manifestation in human form of no less a Being than the Creator of the Cosmos and all that it contains and will ever produce. For them and especially for St John, He is the 'Word by whom all things were made' (John 1:2).

Vượt lên trên những đặc điểm và quyền năng siêu phàm này, đồng thời, Các nhà Truyền giáo và Tông đồ, đặc biệt là Thánh John, coi Ngài rõ ràng không phải là cư dân bình thường của Địa Cầu chúng ta; vì Ngài được trình bày như một Vị Khách Thần Thánh, một sự 'giáng xuống' của Thượng đế trên Trái Đất, một sự biểu hiện trong hình dạng con người của một Đấng không hề nhỏ hơn Đấng Sáng Tạo Vũ Trụ và tất cả những gì nó chứa đựng và sẽ tạo ra. Đối với họ và đặc biệt đối với Thánh John, Ngài là 'Linh từ mà nhờ đó mọi vật được tạo ra' (John 1:2).

Clearly, then, the student is in the presence of a profound mystery, and must seek to comprehend One who on some occasions appears to be very human, a man amongst men, on others superhuman, and yet is in essence and reality wholly Divine.

Rõ ràng, người học trò đang ở trước một bí ẩn sâu sắc và phải tìm cách thấu hiểu Đấng mà đôi khi dường như rất con người, một người giữa những người phàm, đôi khi siêu phàm, nhưng về bản chất và thực tế lại hoàn toàn Thiêng Liêng.

The Christ Within

Đức Christ Bên Trong

The mystery is deepened by the writings of St Paul amongst the Apostles, who presents still another, entirely different and even more mystifying concept of the Christ. Not only an external, historically existent Super-human personage, not only a Divine manifestation in human form, is the Christ of St Paul. He is also a Deific Power and Presence, latent, embryonic, waiting to be born within all men (Galatians 4:19). Thus in our Scriptures the birth of Christ is not regarded only as a historical event occurring at a certain place, in a single hour of time, but as an interior, ever present and continuing reality, a universal Nativity as immediate as the birth of one's own son.

Bí ẩn càng sâu sắc hơn bởi các tác phẩm của Thánh Paul trong số các Tông đồ, người trình bày một khái niệm hoàn toàn khác và thậm chí còn khó hiểu hơn về Đức Christ. Không chỉ là một nhân vật Siêu phàm tồn tại trong lịch sử bên ngoài, không chỉ là một sự biểu hiện Thiêng Liêng trong hình dạng con người, mà còn là Đức Christ của Thánh Paul. Ngài cũng là một Quyền Năng và Sự Hiện Diện của Thượng đế, tiềm ẩn, phôi thai, chờ đợi được sinh ra bên trong tất cả mọi người (Galatians 4:19). Do đó, trong Kinh Thánh của chúng ta, sự ra đời của Đức Christ không chỉ được coi là một sự kiện lịch sử xảy ra ở một địa điểm nhất định, trong một thời điểm duy nhất, mà còn là một thực tế nội tại, luôn hiện diện và tiếp diễn, một Lễ Giáng Sinh phổ quát trực tiếp như sự ra đời của con trai mình.

In consequence one asks whether the Lord

Do đó, người ta tự hỏi liệu Đức Chúa Jesus

Jesus Christ can possibly have been each and all of these? Did the Creative Word actually become manifest as Jesus Christ for thirty or more years? Did the Logos appear as Man in Palestine some 1,974 years ago? If so, how then can that brief self-revelation by the Supreme Deity be identifiable with an aspect of the spiritual nature of every man?

Christ có thể là tất cả những điều này không? Có phải Linh từ Sáng Tạo thực sự trở nên hữu hình như Chúa Jesus Christ trong ba mươi năm hoặc hơn không? Có phải Thượng đế đã xuất hiện như Con Người ở Palestine cách đây khoảng 1.974 năm? Nếu vậy, làm thế nào mà sự tự mặc khải ngắn ngủi đó của Đấng Tối Cao có thể được xác định là một khía cạnh của bản chất tinh thần của mỗi người?

Such is the problem before us, and such our study together. The method I have chosen is to take each of these three Aspects of the Christ —the Cosmic, the Mystic and the Historical— and to consider them separately.

Đó là vấn đề trước mắt chúng ta, và đó là nghiên cứu chung của chúng ta. Phương pháp tôi đã chọn là xem xét riêng từng Phương Diện trong ba Phương Diện này của Đức Christ—Vũ Trụ, Thần Bí và Lịch Sử.

The Cosmic Christ

Đức Christ Vũ Trụ

We first concentrate upon the Cosmic Being, the Word made flesh, the Supreme Deity, by whom all things were made. There can be no question as to the existence of this view. The identification by the Evangelists and Apostles, especially St John, of Jesus Christ with the Creative Logos or Cosmic Word is made clear in such phrases as:

Trước tiên, chúng ta tập trung vào Đấng Vũ Trụ, Linh từ hóa thân, Đấng Tối Cao, mà nhờ đó mọi vật được tạo ra. Không thể nghi ngờ về sự tồn tại của quan điểm này. Việc các nhà Truyền giáo và Tông đồ, đặc biệt là Thánh John, xác định Chúa Jesus Christ với Thái dương Thượng đế Sáng Tạo hay Linh từ Vũ Trụ được làm rõ trong những cụm từ như:

'In the beginning was the Word and the Word was with God and the Word was God'.

'Ban đầu có Linh từ và Linh từ ở cùng Thượng đế và Linh từ là Thượng đế'.

'The same was in the beginning with God'.

'Đấng ấy ở cùng Thượng đế từ ban đầu'.

'All things were made by him; and without him was not anything made that was made' (John 1:3-4).

'Mọi vật đều do Ngài tạo ra; và ngoài Ngài ra, không có gì được tạo nên' (John 1:3-4).

Jesus identified Himself with the Creative Deity and was also identified by the Apostles in such phrases as:

Đức Jesus tự nhận mình là Thượng đế Sáng Tạo và cũng được các Tông đồ xác định trong những cụm từ như:

'I and my Father are One' (John 10:30). 'By seeing me you shall see and know the Father' (John 12:45).

'Ta và Cha ta là Một' (John 10:30). 'Nhờ thấy ta, các ngươi sẽ thấy và biết Cha' (John 12:45).

St. Paul writes of the Christ:

Thánh Paul viết về Đức Christ:

'For in Him dwelleth all the fullness of the Godhead bodily' (Collosians 2:9).

'Vì mọi sự sung mãn của Thượng đế đều ngự trong Ngài' (Collosians 2:9).

'Thus the Word was made flesh, and dwelt among us, (and we beheld his glory, the glory of the only begotten Son of the Father), full of grace and truth' (John 1:14).

'Vậy, Linh từ đã hóa thành nhục thể, và ở giữa chúng ta, (và chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài, sự vinh hiển của Con Một đến từ Cha), đầy ân điển và chân lý' (John 1:14).

Of Christ's own knowledge of his pre-existence as the Creative Deity we read:

Về kiến thức của chính Đức Christ về sự tồn tại trước của Ngài với tư cách là Thượng đế Sáng Tạo, chúng ta đọc:

'And now, O Father, glorify us with thine own Self, with the glory which I had with Thee before the world was' (John 17:5).

'Và bây giờ, hỡi Cha, xin làm vinh hiển chúng con với chính Ngài, với vinh quang mà con đã có với Ngài trước khi thế gian có' (John 17:5).

'Jesus said unto them, Verily, verily I say unto you, Before Abraham was, I am' (John 8:58).

'Đức Jesus phán với họ: Quả thật, quả thật, ta nói với các ngươi, trước khi Abraham có, ta đã có' (John 8:58).

'I am Alpha and Omega, the beginning and the end, the first and the last' (Revelation 22:13).

'Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là đầu và là cuối, là trước hết và là sau hết' (Khải Huyền 22:13).

Such, in part, is the Cosmic Christ. Such is the image of the Supreme Being who is revealed in the New Testament as the Lord Jesus Christ.

Đó là một phần của Đức Christ Vũ Trụ. Đó là hình ảnh của Đấng Tối Cao được tiết lộ trong Tân Ước là Chúa Jesus Christ.

The Mystic Christ

Đức Christ Thần Bí

Now we may move on to consider the Mystic Christ as already referred to and try to comprehend the meaning of St Paul's words:

Bây giờ chúng ta có thể chuyển sang xem xét Đức Christ Thần Bí như đã đề cập và cố gắng thấu hiểu ý nghĩa trong lời của Thánh Paul:

'Know ye not that ye are the temple of God and that the Spirit of God dwelleth in you', (1 Corinthians 3:16) and 'Work out your own salvation with fear and trembling for it is God that worketh in you' (Phillipians 2:12).

'Các ngươi há chẳng biết mình là đền thờ của Thượng đế, và Thánh Linh của Thượng đế ở trong các ngươi sao', (1 Cô-rinh-tô 3:16) và 'Hãy lấy lòng sợ hãi run rẩy mà làm nên sự cứu rỗi của mình, vì ấy là Thượng đế cảm động lòng các ngươi' (Phillipians 2:12).

'Christ in you, the hope of glory' (Collosians 1:27).

'Đức Christ ở trong các ngươi, là sự trông cậy về vinh hiển' (Collosians 1:27).

'I travail in birth again that the Christ be formed in you' (Galatians 4:19).

'Ta lại chịu đau đẻ cho đến chừng nào Đấng Christ thành hình trong các ngươi' (Galatians

In advance, let me say that Theosophy teaches that the Creator of the Universe is not away in some high heaven separate from that which He has created. He is also incarnate within His Universe, and in every being with in it. God is to be regarded not only as the transcendent Deity beyond and above all creation, but also, as the immanent Deity, the omnipresent ensouling Divinity within all that He has made. The Mystical Christ, 'the Christ in you' of St Paul, as the several questions indicate, is thus in no way divided from the Cosmic Christ. Indeed, the two are one; the Mystical Christ is that same Divine Presence and Power within every man. This knowledge helps greatly in solving the problem of the combined Cosmic and Mystical natures of Jesus of Nazareth.

The Historical Christ

Familiar to us all is the historical Jesus Christ, who in the Gospels—when read literally rather than as an allegory of the evolution of man to Superhumanity—is described as both human and divine. He is born as a little child in humble circumstances. His life is threatened by an evil King—Herod—who massacres innocent children in an endeavour to slay Him. He flees to Egypt and later returns to Palestine, where He early displays unusual powers. At His Baptism by John in Jordan, a great light envelops Him, and Divine authority is given Him by a Voice speaking from Heaven above. The Lord God of all, the Cosmic Deity, had descended upon Him and on occasions became manifested through Him as through a vehicle. Thereafter Jesus in His human nature is tempted, conquers and then embarks upon His wondrous ministry during which He is apparently sometimes both Jesus and the Cosmic Christ blended into

4:19).

Trước hết, tôi xin nói rằng Thông Thiên Học dạy rằng Đấng Sáng Tạo Vũ Trụ không ở đâu đó trên thiên đàng cao xa tách biệt với những gì Ngài đã tạo ra. Ngài cũng hóa thân bên trong Vũ Trụ của Ngài, và trong mọi hữu thể bên trong nó. Thượng đế không chỉ được coi là Đấng siêu việt vượt lên trên mọi sự sáng tạo, mà còn là Đấng nội tại, Thượng đế phú linh hiện diện khắp nơi bên trong tất cả những gì Ngài đã tạo ra. Đức Christ Thần Bí, 'Đức Christ ở trong các ngươi' của Thánh Paul, như một số câu hỏi chỉ ra, do đó không hề tách rời khỏi Đức Christ Vũ Trụ. Thật vậy, cả hai là một; Đức Christ Thần Bí là Sự Hiện Diện và Quyền Năng Thiêng Liêng đó bên trong mỗi người. Kiến thức này giúp ích rất nhiều trong việc giải quyết vấn đề về bản chất Vũ Trụ và Thần Bí kết hợp của Đức Jesus ở Nazareth.

Đức Christ Lịch Sử

Tất cả chúng ta đều quen thuộc với Chúa Jesus Christ lịch sử, người trong các sách Phúc Âm—khi được đọc theo nghĩa đen hơn là một phép ẩn dụ về sự tiến hóa của con người thành Siêu nhân—được mô tả là vừa là người vừa là thần. Ngài sinh ra là một đứa trẻ nhỏ trong hoàn cảnh khiêm tốn. Cuộc đời Ngài bị đe dọa bởi một vị Vua độc ác—Herod—người đã tàn sát những đứa trẻ vô tội trong nỗ lực giết Ngài. Ngài trốn sang Ai Cập và sau đó trở về Palestine, nơi Ngài sớm thể hiện những quyền năng khác thường. Tại Lễ Rửa Tội của Ngài bởi John ở Jordan, một ánh sáng lớn bao trùm Ngài, và quyền năng Thiêng Liêng được ban cho Ngài bởi một Tiếng Nói từ Thiên Đàng. Đức Chúa Trời của tất cả, Thượng đế Vũ Trụ, đã ngự xuống trên Ngài và đôi khi trở nên hữu hình qua Ngài như qua một vận cụ. Sau đó, Đức Jesus trong bản chất con người của Ngài bị cám dỗ, chinh phục và sau đó bắt đầu chức vụ kỳ diệu của Ngài, trong đó Ngài dường như đôi

one.

khi vừa là Đức Jesus vừa là Đức Christ Vũ Trụ hòa làm một.

A third great experience comes to Him. It is His transfiguration on the Mount and this is followed by the agony of a hypersensitive human being in Gethsemane, arrest, trial, flagellation, mockery and unjust condemnation. The fourth major events then occur. He is cmcified on Golgotha, and His bodily death and burial in a rock-sealed tomb then follow. By miraculous power He is resurrected, reappears to His disciples and further teaches them. The fifth and final act in the great drama of the life of Jesus is then hereafter entered upon. It is His Ascension in clouds of glory back to the right hand of the Father (Luke 24:50-51). Such in part is the deathless Gospel story of the human being Jesus who displayed innate divine capacities and also became the temporary vehicle for the overshadowing second aspect of the Deity, the Cosmic Christ.

Một trải nghiệm tuyệt vời thứ ba đến với Ngài. Đó là sự biến hình của Ngài trên Núi và điều này được tiếp nối bởi sự đau khổ của một con người siêu nhạy cảm ở Gethsemane, bị bắt, xét xử, đánh đập, chế nhạo và kết án bất công. Các sự kiện lớn thứ tư sau đó xảy ra. Ngài bị đóng đinh trên Golgotha, và cái chết thể xác và chôn cất của Ngài trong một ngôi mộ đá bị niêm phong sau đó diễn ra. Bằng quyền năng kỳ diệu, Ngài sống lại, tái xuất hiện với các môn đệ của Ngài và tiếp tục dạy dỗ họ. Hành động thứ năm và cuối cùng trong vở kịch vĩ đại về cuộc đời của Đức Jesus sau đó được bắt đầu. Đó là Lễ Thăng Thiên của Ngài trong những đám mây vinh quang trở về bên hữu Cha (Luke 24:50-51). Đó là một phần của câu chuyện Phúc Âm bất tử về con người Đức Jesus, người đã thể hiện những khả năng thiêng liêng bẩm sinh và cũng trở thành vận cụ tạm thời cho khía cạnh thứ hai bao trùm của Thượng đế, Đức Christ Vũ Trụ.

The Person of Christ

Nhân Dạng của Đức Christ

We are dependent upon tradition and legend for a description of the appearance of Christ. An old legend exists that, when St Peter was a visitor at the house of Pudeus, a Senator of Rome, his daughters Prassede and Pudenziana asked him what Our Lord was like, and the Apostle drew with his stilus on the handkerchief of one of the sisters.

Chúng ta phụ thuộc vào truyền thống và truyền thuyết để mô tả về sự xuất hiện của Đức Christ. Một truyền thuyết cổ xưa kể rằng, khi Thánh Peter là khách tại nhà của Pudeus, một Thượng nghị sĩ La Mã, các con gái của ông là Prassede và Pudenziana đã hỏi ông Chúa của chúng ta trông như thế nào, và Vị Tông Đồ đã dùng bút trâm vẽ lên khăn tay của một trong những người chị em.

The Basilica of St Prassede was said to have been built by St Helena, the Mother of Emperor Constantine to enshrine the likeness thus produced. Another legend is that of St Veronica's veil which was believed to have received the imprint of the Face of Christ—as he toiled towards Calvary—in reward for her

Vương Cung Thánh Đường St Prassede được cho là do Thánh Helena, Mẹ của Hoàng đế Constantine xây dựng để lưu giữ hình ảnh được tạo ra như vậy. Một truyền thuyết khác là về tấm màn che mặt của Thánh Veronica, người ta tin rằng đã nhận được dấu ấn Khuôn Mặt của Đức Christ—khi Ngài vất vả tiến về

courage and love in wiping His face in the presence of a hostile crowd. An inscription as follows exists in the Church of St Nicholas of Myra at Worth Maltravers in England:

Calvary—để tưởng thưởng cho lòng dũng cảm và tình yêu của Bà khi lau mặt Ngài trước đám đông thù địch. Một dòng chữ như sau tồn tại trong Nhà thờ Thánh Nicholas của Myra ở Worth Maltravers ở Anh:

'In the daies of Tiberius Caesar, Publius Lentulus being at that time president in Judea, wrote an epistle to the Senate and people of Rome, the words whereof were these: "There appeared in these daies a man of grate virtue named Jesus Christ who is yet living amongst us and of the gentiles is accepted for a prophet of truth: but his own disciples call him the Son of God: He raiseth the dead and cureth all manner of diseases. A man of stature somewhat tall and comely with a very reverent countenance such as the beholders may both love and fear. His hair the colour of a filbert full ripe and plaine almost downe to his eares, but from the eares downward some what curled and more orient of colour waving about his shoulders. In the midest of his head goeth a seeme or partition of his hair, after the manner of the Nazarites. His forehead very plaine and smooth, his face without spot or wrinkle, beautiful with a comely red, his nose and mouth so formed as nothing can be reprehended: his beard somewhat thicke, agreeable in colour to the hair of his head not of any great length but forked in the midst, of an innocent and mature look, his eyes gray, clear and quick. In reproving he is terrible, in admonishing courteous and faier spoken, pleasant in speech mixed with gravity. It cannot be remembered that any have seene him laugh, but many have seene him weepe; in proportion of body well shaped and straight. His hands and arms right delectable to behold. In speaking, very temperate, modest and wise, a man for his singular beauty surpassing the children of men'.

'Vào thời Tiberius Caesar, Publius Lentulus, lúc đó là chủ tịch ở Judea, đã viết một bức thư cho Viện Nguyên Lão và người dân La Mã, nội dung như sau: "Trong những ngày này, một người có đức hạnh lớn tên là Jesus Christ đã xuất hiện, người vẫn còn sống giữa chúng ta và được dân ngoại chấp nhận là một nhà tiên tri của sự thật: nhưng các môn đệ của chính ông gọi ông là Con của Thượng đế: Ông làm cho người chết sống lại và chữa lành mọi loại bệnh tật. Một người có vóc dáng hơi cao và dễ coi với một vẻ mặt rất trang nghiêm mà những người chứng kiến có thể vừa yêu vừa sợ. Mái tóc của ông có màu hạt dẻ đã chín và thẳng gần như xuống đến tai, nhưng từ tai trở xuống hơi xoăn và có màu sắc phương Đông hơn, uốn lượn quanh vai. Ở giữa đầu ông có một đường may hoặc phân chia tóc, theo cách của người Nazarite. Trán ông rất thẳng và mịn, khuôn mặt không có vết hoặc nếp nhăn, xinh đẹp với màu đỏ dễ coi, mũi và miệng của ông được tạo hình sao cho không có gì có thể bị khiển trách: bộ râu của ông hơi dày, màu sắc phù hợp với tóc trên đầu ông không dài lắm nhưng chẻ đôi ở giữa, với vẻ ngoài ngây thơ và trưởng thành, đôi mắt ông màu xám, trong và nhanh nhẹn. Khi khiển trách, ông thật đáng sợ, khi khuyên bảo thì lịch sự và nói năng nhẹ nhàng, dễ chịu trong lời nói pha lẫn sự trang trọng. Không thể nhớ rằng ai đã từng thấy ông cười, nhưng nhiều người đã thấy ông khóc; tỷ lệ cơ thể cân đối và thẳng. Bàn tay và cánh tay của ông rất thú vị khi nhìn. Khi nói, rất ôn hòa, khiêm tốn và khôn ngoan, một người có vẻ đẹp đặc biệt vượt trội hơn con cái loài người'.

Thus from *The New Testament* we learn that

Như vậy, từ Tân Ước, chúng ta biết rằng Đức

The Cosmic, Mystic and Historic Christs were united and manifest in one great Being, who was Jesus of Nazareth, sometimes referred to as 'The Great Galilean'.

Christ Vũ Trụ, Thần Bí và Lịch Sử đã hợp nhất và biểu hiện trong một Đấng vĩ đại, người là Đức Jesus ở Nazareth, đôi khi được gọi là 'Người Galile vĩ đại'.

Applied to our own times, this means that present and ceaselessly at work in each and every one of us is that Divine Power and Life which has been named 'The Christ Indwelling'. The Christ Nature by which all things were created, was brought to fullest manifestation in Christ Jesus and will in due course also be brought to perfection in each and every human being.

Áp dụng vào thời đại của chúng ta, điều này có nghĩa là hiện tại và không ngừng hoạt động trong mỗi chúng ta là Quyền Năng và Sự Sống Thiêng Liêng đó, vốn được gọi là 'Đức Christ Nội Tại'. Bản Chất Đức Christ mà nhờ đó mọi vật được tạo ra, đã được thể hiện đầy đủ nhất trong Đức Christ Jesus và đến lượt nó cũng sẽ được đưa đến sự hoàn hảo trong mỗi con người.

Theosophy in New Zealand, Vol. 36, No. 1, 1975, p. 5

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 36, Số 1, 1975, tr. 5

172—

The Hidden Light in Islam—*Ánh Sáng Ẩn Giấu trong Hồi Giáo*

Many illumined seers and divinely inspired philosophers succeeded the Prophet Muhammad, all contributing to the building of the new Faith of Islam. In philosophy they delved into the very being of the Supreme; they declared the One Absolute and proclaimed the unity of the human spirit with the divine. Indeed, the acute metaphysical brains of Arabia wrote the most marvellous philosophic truths.

Nhiều nhà tiên tri được soi sáng và các nhà triết học được Thượng đế soi dẫn đã kế vị Nhà tiên tri Muhammad, tất cả đều đóng góp vào việc xây dựng Đức Tin Hồi Giáo mới. Trong triết học, họ đi sâu vào bản thể của Đấng Tối Cao; họ tuyên bố Đấng Tuyệt Đối Duy Nhất và tuyên xưng sự hợp nhất của tinh thần con người với thần thánh. Thật vậy, những bộ óc siêu hình sắc sảo của Ả Rập đã viết nên những chân lý triết học tuyệt vời nhất.

Islamic mysticism, called Sufism, is that mode of religious life in which emphasis is placed, not on the performance of external ritual, but on the activities of the inner Self. It is asserted by Muslims that Sufism had its rise in Muhammad himself, and that all the religious orders trace their lines of succession back to him.

Thần bí học Hồi giáo, được gọi là Sufism, là phương thức sống tôn giáo trong đó sự nhấn mạnh không đặt vào việc thực hiện các nghi lễ bên ngoài, mà là vào các hoạt động của Chân Ngã bên trong. Những người theo đạo Hồi khẳng định rằng Sufism đã trỗi dậy từ chính Muhammad, và tất cả các dòng tu đều truy tìm dòng kế vị của họ trở lại ông.

Sufi Concept of Meditation

Khái Niệm Thiền Định của Sufi

The Sufi concept of meditation is a form of Self-concentration and Self-affirmation of deeply interior spiritual truths. He proceeds to contemplate the divine attributes. Gradually, his own consciousness melts away and he is 'transubstantiated... in the radiance of divine essence, a state of mind described as the sweetness of home, to one who has not tasted it'. One Sufi, voicing the experience of all Sufis, said there were two kinds of contemplation:

Khái niệm thiền định của Sufi là một hình thức Tự-tập trung và Tự-khẳng định những chân lý tinh thần nội tại sâu sắc. Y tiến hành chiêm ngưỡng các thuộc tính thiêng liêng. Dần dần, tâm thức của chính y tan biến và y được 'chuyển hóa... trong sự rạng rỡ của bản chất thiêng liêng, một trạng thái thể trí được mô tả là sự ngọt ngào của ngôi nhà, đối với một người chưa nếm trải nó'. Một Sufi, bày tỏ kinh nghiệm của tất cả các Sufi, nói rằng có hai loại chiêm ngưỡng:

'The former is the result of perfect faith, the latter of rapturous love of God, for in the rapture of love a man attains to such a degree that his whole being is absorbed in the thought of his Beloved and he sees nothing else' (Hujwiri).

'Loại trước là kết quả của đức tin hoàn hảo, loại sau là tình yêu ngây ngất đối với Thượng đế, vì trong sự ngây ngất của tình yêu, một người đạt đến một mức độ mà toàn bộ con người y bị cuốn hút vào ý nghĩ về Người Yêu của y và y không thấy gì khác' (Hujwiri).

The Sufi has a deep and complete enthusiasm for the impersonal immortality of the human soul, and for the annihilation of the personal self to be swallowed up in the everlasting ocean of Godhead, where he knows himself as part of the whole. The state of the Sufi who breaks through to Oneness is well described by Jalaluddin, especially in these lines:

Sufi có một sự nhiệt tình sâu sắc và trọn vẹn đối với sự bất tử phi cá nhân của linh hồn con người, và đối với sự tiêu diệt của phàm ngã cá nhân để bị nuốt chửng trong đại dương vĩnh cửu của Thượng đế, nơi y biết mình là một phần của toàn thể. Trạng thái của Sufi đột phá đến Nhất Thể được Jalaluddin mô tả rất hay, đặc biệt là trong những dòng này:

'In a place beyond uttermost place, in a tract without shadow of trace, Soul and body transcending, I live in the Soul of my Loved One anew'.

'Ở một nơi vượt quá nơi tận cùng, trong một vùng đất không có bóng dáng, Linh hồn và thể xác siêu việt, Ta sống trong Linh hồn của Người Yêu của ta một lần nữa'.

The Illumined Ones form a Hidden Brotherhood, or 'occult hierarchy', upon whom depends the order of the world. It operates in the invisible worlds. Below the supreme head (Axis) are five grades; from above downwards there are three Overseers; four Supports (Buddhas); seven Pious; forty Substitutes; and three hundred Good. They all know one another and act only by mutual consent. These are they who form the mystic heart of Islam, Sufism or the Wisdom Religion

Các Bậc Giác Ngộ tạo thành một Huynh Đệ Đoàn Ẩn, hay 'Huyền Giai', nơi mà trật tự của thế giới phụ thuộc vào. Nó hoạt động trong các thế giới vô hình. Bên dưới người đứng đầu tối cao (Trục) là năm cấp bậc; từ trên xuống dưới có ba Giám Sát Viên; bốn Hỗ Trợ (Phật); bảy Người Sùng Đạo; bốn mươi Người Thay Thế; và ba trăm Người Tốt. Tất cả Các Ngài đều biết nhau và chỉ hành động khi có sự đồng ý của nhau. Đây là Các Ngài vốn tạo thành trái tim huyền bí của Hồi giáo, Sufism hay Tôn Giáo

which had its origin in Persia so many hundred years ago.

Minh Triết vốn có nguồn gốc từ Ba Tư từ hàng trăm năm trước.

Principal Sufi Thoughts

Những Tư Tưởng Chính của Sufi

1. There is One God, the Eternal, the Only Being; none exists save He.

Chỉ có Một Thượng đế, Đấng Vĩnh Hằng, Bản Thể Duy Nhất; không ai tồn tại ngoại trừ Ngài.

2. There is One Master, the Guiding Spirit of all Souls, who constantly leads His followers towards the light.

Chỉ có Một Chân sư, Đấng Tinh Thần Dẫn Dắt của tất cả các Linh Hồn, vốn liên tục dẫn dắt những người theo Ngài hướng tới ánh sáng.

3. There is one holy book, the sacred manuscript of nature, the only scripture which can enlighten the reader.

Chỉ có một cuốn sách thánh, bản thảo thiêng liêng của tự nhiên, kinh sách duy nhất có thể khai sáng cho người đọc.

4. There is one religion, the unswerving progress in the right direction towards the ideal, which fulfills the life's purpose of every soul.

Chỉ có một tôn giáo, sự tiến bộ không ngừng theo hướng đúng đắn hướng tới lý tưởng, vốn hoàn thành mục đích sống của mỗi linh hồn.

5. There is one law, the law of reciprocity, which can be observed by a selfless conscience, together with a sense of awakened justice.

Chỉ có một định luật, định luật tương hỗ, vốn có thể được tuân thủ bởi một lương tâm vị tha, cùng với một ý thức về công lý được đánh thức.

6. There is one brotherhood, the human brotherhood which unites the children of earth indiscriminately in the Fatherhood of God.

Chỉ có một huynh đệ đoàn, huynh đệ đoàn nhân loại vốn hợp nhất con cái của trái đất một cách không phân biệt đối xử trong Phụ Tính của Thượng đế.

7. There is one moral, the love which springs from self-denial, and blooms in deeds of beneficence.

Chỉ có một đạo đức, tình yêu vốn nảy sinh từ sự từ bỏ bản thân, và nở rộ trong những hành động nhân từ.

8. There is one object of praise, the beauty which uplifts the heart of its worshippers through all aspects from the seen to the unseen.

Chỉ có một đối tượng ca ngợi, vẻ đẹp vốn nâng cao trái tim của những người thờ phượng nó thông qua tất cả các khía cạnh từ hữu hình đến vô hình.

9. There is one Truth, the true knowledge of our being, within and without, which is the essence of all wisdom.

Chỉ có một Chân lý, tri thức đích thực về sự tồn tại của chúng ta, bên trong và bên ngoài, vốn là bản chất của mọi minh triết.

10. There is one path, the annihilation of the false Ego in the real, which raises the mortal to

Chỉ có một thánh đạo, sự tiêu diệt của Chân ngã sai lầm trong Chân ngã thật, vốn nâng

immortality, in which resides all perfection.

người phàm lên sự bất tử, nơi cư ngụ của mọi sự hoàn hảo.

Theosophy in New Zealand, Vol. 36, No. 2, 1975, p. 46

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 36, Số 2, 1975, tr. [2]46[/h2]

173—

Sufism—The Esoteric Philosophy of Islam—*Sufism—Triết Lý Huyền Bí của Hồi Giáo*

The more mystic aspect of Islam is known as Sufism, a word meaning 'wool', and possibly referring to the substance of the garments of the mystics of those days. H. P. Blavatsky, however, derives the word from the Greek root—'Sophia', meaning 'Wisdom'.

Khía cạnh huyền bí hơn của Hồi giáo được gọi là Sufism, một từ có nghĩa là 'len', và có thể đề cập đến chất liệu của trang phục của các nhà thần bí thời đó. Tuy nhiên, Bà H. P. Blavatsky, có được từ này từ gốc Hy Lạp —'Sophia', có nghĩa là 'Minh Triết'.

Sufism is described as the Religious Philosophy of Islam, and the Islamic mystics or Sufis speak of themselves as 'the followers of the real' (al-Haqq, Truth). Sufism is described as that mode of religious life in Islam in which the emphasis is placed, not on the performances of external ritual, but on the activities of the inner self, in other words Sufism signifies Islamic mysticism.

Sufism được mô tả là Triết Học Tôn Giáo của Hồi giáo, và các nhà thần bí Hồi giáo hay Sufi tự gọi mình là 'những người theo đuổi sự thật' (al-Haqq, Chân lý). Sufism được mô tả là phương thức sống tôn giáo trong Hồi giáo, trong đó sự nhấn mạnh không đặt vào việc thực hiện các nghi lễ bên ngoài, mà là vào các hoạt động của bản thân bên trong, nói cách khác Sufism biểu thị Thần bí học Hồi giáo.

The objects of the Sufi movement are stated to be:

Các mục tiêu của phong trào Sufi được nêu như sau:

(1) To realize and spread the knowledge of unity, the religion of love and wisdom, so that the bias of faiths and beliefs may of itself fall away, the human heart may overflow with love, and all hatred caused by distinctions and differences may be rooted out.

Để nhận ra và lan truyền tri thức về sự hợp nhất, tôn giáo của tình thương và minh triết, để sự thiên vị của các đức tin và tín ngưỡng tự nó biến mất, trái tim con người có thể tràn ngập tình thương, và mọi sự căm ghét gây ra bởi sự phân biệt và khác biệt có thể bị loại bỏ tận gốc.

(2) To discover the light and power latent in man, the secret of all religion, the power of mysticism, and the essence of philosophy, without interfering with customs or belief.

Để khám phá ánh sáng và sức mạnh tiềm ẩn trong con người, bí mật của mọi tôn giáo, sức mạnh của thần bí học, và bản chất của triết học, mà không can thiệp vào phong tục hoặc tín ngưỡng.

(3) To help to bring the world's two opposite poles, East and West, closer together by the interchange of thought and ideals, that the Universal Brotherhood may form of itself and man may see with man beyond the narrow national and racial boundaries.

Để giúp đưa hai cực đối lập của thế giới, Đông và Tây, đến gần nhau hơn bằng sự trao đổi tư tưởng và lý tưởng, để Huynh Đệ Đoàn Vũ Trụ có thể tự hình thành và con người có thể nhìn thấy con người vượt ra ngoài biên giới quốc gia và chủng tộc hẹp hòi.

The Origin and Some Teachings of Sufism

Nguồn Gốc và Một Số Giáo Lý của Sufism

The Mysticism of the Sufis is based on the words: 'All is from God. The universe is His mirror, all beauty is from Him, all love from Him'. This Wisdom flowered wonderfully in Persia and here are quotations from Jami, giving very beautifully an account of their mystical belief:

Thần bí học của Sufi dựa trên những lời này: 'Tất cả là từ Thượng đế. Vũ trụ là tấm gương của Ngài, mọi vẻ đẹp là từ Ngài, mọi tình yêu từ Ngài'. Minh Triết này nở rộ một cách kỳ diệu ở Ba Tư và đây là những trích dẫn từ Jami, đưa ra một cách rất hay về niềm tin huyền bí của Các Ngài:

Of Deity they affirm:

Về Thượng Đế, Các Ngài khẳng định:

"Thou Art Absolute Being; all else is but a phantasm,

"Ngươi là Bản Thể Tuyệt Đối; mọi thứ khác chỉ là một ảo ảnh,

For in Thy Universe all beings are one.

Vì trong Vũ Trụ của Ngươi, mọi chúng sinh là một.

Thy world-captivating Beauty, in order to display its perfections,

Vẻ Đẹp quyến rũ thế giới của Ngươi, để thể hiện sự hoàn hảo của nó,

Appears in thousands of mirrors, but it is one.

Xuất hiện trong hàng ngàn tấm gương, nhưng nó là một.

Although Thy Beauty accompanies all the beautiful,

Mặc dù Vẻ Đẹp của Ngươi đi kèm với tất cả những gì đẹp đẽ,

In truth the unique and incomparable Heart enslaver is forever one".

Trong thực tế, Kẻ Bắt Giữ Trái Tim độc nhất và vô song mãi mãi là một".

Jaluddin Rumi, the greatest Sufi poet that Islam produced says in his immortal Book *Meshnavi*:

Jaluddin Rumi, nhà thơ Sufi vĩ đại nhất mà Hồi giáo sản sinh ra, nói trong cuốn sách bất hủ Meshnavi của mình:

"I died from the mineral, and became a plant.

"Ta chết từ khoáng vật, và trở thành một cái cây.

I died from the plant, and reappeared in an animal.

Ta chết từ cái cây, và tái xuất hiện trong một con vật.

I died from the animal and became a man.

Ta chết từ con vật và trở thành một người.

Wherefore then should I fear? When did I grow less by dying?

Vậy thì tại sao ta phải sợ? Khi nào thì ta trở nên ít hơn khi chết?

Next time I shall die from the man,

Lần tới ta sẽ chết từ người,

That I may grow the wings of the angel.

Để ta có thể mọc đôi cánh của thiên thần.

From the angel, too, must I seek advance;

Từ thiên thần, ta cũng phải tìm kiếm sự tiến bộ;

'All things shall perish save His Face.' Once more I shall wing my way above the angels;

'Mọi thứ sẽ diệt vong ngoại trừ Dung Nhan của Ngài.' Một lần nữa ta sẽ vỗ cánh bay lên trên các thiên thần;

I shall become that which entereth not the imagination.

Ta sẽ trở thành thứ không lọt vào trí tưởng tượng.

Then let me become naught, naught; for the harpstring crieth

Vậy thì hãy để ta trở thành hư vô, hư vô; vì dây đàn hạc kêu lên

Unto me; 'Verily, unto Him shall we return'."

Với ta; 'Thật vậy, chúng ta sẽ trở về với Ngài'."

Meshnavi.

Meshnavi.

The Christian Idea of the Communion of Saints, and the far more ancient Indian, Buddhist and so theosophical concept of a Brotherhood of Saints exists in Islam.

Ý Tưởng Kitô Giáo về Sự Hiệp Thông của Các Thánh, và khái niệm Ấn Độ, Phật giáo và thông thiên học cổ xưa hơn nhiều về một Huynh Đệ Đoàn Các Thánh tồn tại trong Hồi giáo.

These Saints form a sort of hidden or 'Occult Hierarchy', upon whom depends the order of the world. The supreme Head (Axis) of the

Các Thánh này tạo thành một loại 'Huyền Giai' ẩn giấu, nơi mà trật tự của thế giới phụ thuộc vào. Người đứng đầu tối cao (Trục) của

Hierarchy is the most eminent Sufi of his time. It operates in the invisible worlds. Below the head are five grades: from above downwards there are three Overseers; four Supports (Buddhas); seven Pious; forty Substitutes; three hundred Good. They all know one another and act only by mutual consent. The Four Supports pass round the whole world

Huyền Giai là Sufi lỗi lạc nhất trong thời đại của y. Nó hoạt động trong các thế giới vô hình. Bên dưới người đứng đầu là năm cấp bậc: từ trên xuống dưới có ba Giám Sát Viên; bốn Hỗ Trợ (Phật); bảy Người Sùng Đạo; bốn mươi Người Thay Thế; ba trăm Người Tốt. Tất cả Các Ngài đều biết nhau và chỉ hành động khi có sự đồng ý của nhau. Bốn Hỗ Trợ đi vòng quanh

every night. Should they overlook any part, trouble will appear there. They at once inform the Head, who directs his blessing to the place.

toàn thế giới mỗi đêm. Nếu Các Ngài bỏ qua bất kỳ phần nào, rắc rối sẽ xuất hiện ở đó. Các Ngài ngay lập tức thông báo cho Người Đứng Đầu, vốn hướng phước lành của Ngài đến nơi đó.

The aim which the Sufis set before them is as follows: To free the Soul from the tyrannical yoke of the passions, to deliver it from its wrong inclinations and evil instincts, in order that in the purified heart there should only remain room for God and for the Invocation of His Holy Name.

Mục tiêu mà Sufi đặt ra trước Các Ngài như sau: Giải phóng Linh Hồn khỏi ách thống trị tàn bạo của những đam mê, giải thoát nó khỏi những khuynh hướng sai trái và bản năng xấu xa, để trong trái tim thanh khiết chỉ còn lại chỗ cho Thượng đế và cho Sự Khẩn Cầu Danh Thánh của Ngài.

I close with the Islamic affirmations:

Tôi xin kết thúc bằng những lời khẳng định của Hồi giáo:

La—Ilaha, llla Allah—There is no God but Allah!

La—Ilaha, llla Allah—Không có Thượng đế nào ngoài Allah!

As—Salam Alaikum—Peace be on you!

As—Salam Alaikum—Bình an cho bạn!

Theosophy in New Zealand, Vol. 41, No.l, 1980, p. 18

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 41, Số l, 1980, tr. [2]18[/h2]

174—

Two Study Notes on Kabbalism—*Hai Ghi Chú Nghiên Cứu về Kabbalism*

The Causeless Cause

Nguyên Nhân Vô Nhân

The first five verses of *the Book of Genesis* a deeply Kabalistic work—describe the opening phases of the process of creation as follows:

Năm câu thơ đầu tiên của Sách Sáng Thế—một tác phẩm Kabalistic sâu sắc—mô tả các giai đoạn mở đầu của quá trình sáng tạo như sau:

1. In the beginning God created the heaven and the earth.

Ban đầu, Thượng đế tạo ra trời và đất.

2. And the earth was without form, and void; and darkness was upon the face of the deep. And the Spirit of God moved upon the face of the waters.

Và trái đất không có hình dạng, và trống rỗng; và bóng tối ở trên mặt vực thẳm. Và Thần của Thượng đế di chuyển trên mặt nước.

3. And God said, Let there be light: and there was light.

Và Thượng đế phán, Hãy có ánh sáng: và có ánh sáng.

4. And God saw the light, that it was good: and

Và Thượng đế thấy ánh sáng, thấy nó tốt: và

God divided the light from the darkness.

Thượng đế chia ánh sáng khỏi bóng tối.

5. And God called the light Day, and the darkness he called Night. And the evening and the morning were the first day.

Và Thượng đế gọi ánh sáng là Ngày, và bóng tối Ngài gọi là Đêm. Và buổi tối và buổi sáng là ngày đầu tiên.

Originally, then, there was duality in unity, namely the Spirit of God (the masculine creative potency) on the one hand and the face of the deep (the feminine creative potency) on the other. Thus primarily there existed a dual Principle, a positive and a negative, Spirit-Matter. During the long creative night, which in Sanskrit is called *Pralaya* (rest), there was darkness upon the face of the deep. The whole of boundless space was dark and quiescent. Then it is stated, a change occurred. The Spirit of God, having emerged from Absolute Existence, moved upon the face of the waters. The 'Great Breath' breathed upon the 'Great Deep'.

Ban đầu, sau đó, có nhị nguyên tính trong sự hợp nhất, cụ thể là Thần của Thượng đế (tiềm năng sáng tạo nam tính) một mặt và mặt vực thẳm (tiềm năng sáng tạo nữ tính) mặt khác. Như vậy, ban đầu đã tồn tại một Nguyên Khí kép, một dương tính và một âm tính, Tinh Thần-Vật Chất. Trong đêm sáng tạo dài, trong tiếng Phạn được gọi là Pralaya (nghỉ ngơi), có bóng tối trên mặt vực thẳm. Toàn bộ không gian bao la đều tối tăm và tĩnh lặng. Sau đó, nó được tuyên bố, một sự thay đổi đã xảy ra. Thần của Thượng đế, nổi lên từ Sự Tồn Tại Tuyệt Đối, di chuyển trên mặt nước. 'Hơi Thở Vĩ Đại' thở trên 'Vực Thẳm Vĩ Đại'.

Occult Cosmogenesis thus teaches that behind and beyond and within all is the Eternal and Infinite Parent from within which the temporary and the finite emerge, or are born. That Boundless Self-Existence is variously referred to as the Absolute, the Changeless, the Eternal All, the Causeless Cause, the Rootless Root. This is Non-Being, Negative Existence, No-Thing, *Ain* (as the Kabalist says), an impersonal Unity without attributes conceivable by man. From That, the Absolute, emerged an active, creative power and intelligence to become the formative Deity of the Universe-to-be.

Do đó, Vũ Trụ Luận Huyền Bí dạy rằng đằng sau và vượt ra ngoài và bên trong tất cả là Đấng Cha Mẹ Vĩnh Cửu và Vô Hạn từ bên trong đó những thứ tạm thời và hữu hạn nổi lên, hoặc được sinh ra. Sự Tồn Tại Bản Thân Vô Hạn đó được gọi khác nhau là Tuyệt Đối, Bất Biến, Tất Cả Vĩnh Cửu, Nguyên Nhân Vô Nhân, Gốc Rễ Không Gốc. Đây là Phi-Hữu, Sự Tồn Tại Tiêu Cực, Không-Gì, Ain (như Kabalist nói), một Sự Hợp Nhất phi cá nhân không có thuộc tính nào có thể hình dung được bởi con người. Từ Đó, Tuyệt Đối, nổi lên một sức mạnh và trí tuệ sáng tạo, tích cực để trở thành Thượng Đế hình thành của Vũ Trụ-sẽ-thành.

Thus, the Kabalist does not accept creation out of nothing, but rather the conquest of undifferentiated matter by a Creator Deity.

Như vậy, Kabalist không chấp nhận sự sáng tạo từ hư không, mà đúng hơn là sự chinh phục vật chất không phân biệt bởi một Thượng Đế Sáng Tạo.

The Zohar or Book of Splendour

Zohar hay Sách Huy Hoàng

The Zohar—the accepted literary source of

Zohar—nguồn văn học được chấp nhận của

Kabbalism—is thought by some Kabalists to represent only a final edition of writings composed over a long period—so long as to make it seem possible that they still contain rudiments of the original mystical thought of Simeon ben Yohai to whom its authorship is attributed.

Kabbalism—được một số Kabalist cho là chỉ đại diện cho một ấn bản cuối cùng của các tác phẩm được biên soạn trong một thời gian dài—dài đến mức có vẻ như chúng vẫn chứa đựng những yếu tố cơ bản của tư tưởng thần bí ban đầu của Simeon ben Yohai, người mà quyền tác giả của nó được gán cho.

The work is written almost in the form of a mystical novel. Sometime before the fall of Jerusalem in 70 A.D. the famous Mishnah teacher, Rabbi Simeon ben Yohai, is represented as wandering about with his son Eleazar, his friends, and his disciples, and discoursing with them on all manner of things human and divine.

Tác phẩm được viết gần như dưới dạng một cuốn tiểu thuyết thần bí. Vào một thời điểm nào đó trước khi Jerusalem sụp đổ vào năm 70 sau Công Nguyên, giáo viên Mishnah nổi tiếng, Rabbi Simeon ben Yohai, được miêu tả là đang lang thang với con trai Eleazar, bạn bè và đệ tử của mình, và bàn luận với Các Ngài về mọi thứ thuộc về con người và thiêng liêng.

Before he died, it is said, he dictated to his son certain less secret portions of the esoteric wisdom or Theosophy of the Hebrews. The book consists partly of commentaries upon the Bible, especially the Torah (Law) or first five Books and is regarded by modern Kabalists as having been compiled in the early Middle Ages by a group of scholars and mystics then living chiefly in Spain.

Người ta nói rằng trước khi qua đời, y đã đọc cho con trai mình một số phần ít bí mật hơn của minh triết huyền bí hay Thông Thiên Học của người Do Thái. Cuốn sách bao gồm một phần các bình luận về Kinh Thánh, đặc biệt là Torah (Luật) hoặc năm Cuốn sách đầu tiên và được các Kabalist hiện đại coi là đã được biên soạn vào đầu thời Trung Cổ bởi một nhóm học giả và nhà thần bí sau đó sống chủ yếu ở Tây Ban Nha.

The Zohar presents the idea of undermeanings in the Old Testament and refers to various methods or 'keys', using which a hidden wisdom will be discovered.

Zohar trình bày ý tưởng về những ý nghĩa tiềm ẩn trong Cựu Ước và đề cập đến nhiều phương pháp hoặc 'chìa khóa' khác nhau, sử dụng chúng để khám phá ra một minh triết ẩn giấu.

Seven Keys of Interrpretation

Bảy Chìa Khóa Giải Thích

He who thus searches will find the Bible to be a casket of jewels with seven compartments; the possession and use of all seven keys are necessary for complete discovery of the hidden treasure. One description of these keys refers to them as the cosmogonical; the solar, which includes the planetary and racial; the microcosmic, dealing with the in-terrelationships between man and Cosmos; the psychical and spiritual, referring to the

Người tìm kiếm như vậy sẽ thấy Kinh Thánh là một hộp đựng đồ trang sức với bảy ngăn; việc sở hữu và sử dụng cả bảy chìa khóa là cần thiết để khám phá hoàn toàn kho báu ẩn giấu. Một mô tả về những chìa khóa này đề cập đến chúng như là vũ trụ học; thái dương, vốn bao gồm hành tinh và chủng tộc; vi mô, đề cập đến mối quan hệ tương hỗ giữa con người và Vũ Trụ; tâm linh và tinh thần, đề cập đến bản chất siêu vật lý và sự tiến hóa của con người; huyền

superphysical nature and evolution of man; the occult, which concerns the life and wisdom of the Sanctuary; the numerical; and lastly the verbal, giving the interpretations of the cyphers, hierograms and cryptograms of which the Sacred Language consists.

bí, vốn liên quan đến sự sống và minh triết của Thánh Địa; số học; và cuối cùng là ngôn ngữ, đưa ra những diễn giải về mật mã, biểu tượng và mật mã mà Ngôn Ngữ Thiêng Liêng bao gồm.

These keys, and the wisdom to which they give access, are not deliberately kept away from humanity. Indeed knowledge is never denied to those who seek it earnestly and with a pure heart. In the Scriptures of the world, truth can be discovered by the investigator who will work humbly and in conformity with the true methods of occult research, keeping that open mind which alone can receive the light of the hidden wisdom, 'the mystery of the kingdom of God', the *gnosis, Theosophia.* The Adept Teachers of the race, themselves having discovered the Sacred Wisdom, preserve and make available to inquiring minds the knowledge which it is their duty to guard throughout all ages and to deliver to the earnest seekers amongst mankind.

Những chìa khóa này, và minh triết mà chúng cho phép tiếp cận, không cố ý bị giữ kín khỏi nhân loại. Thật vậy, tri thức không bao giờ bị từ chối đối với những người tìm kiếm nó một cách nghiêm túc và với một trái tim thuần khiết. Trong Kinh Sách của thế giới, chân lý có thể được khám phá bởi nhà nghiên cứu vốn sẽ làm việc khiêm tốn và phù hợp với các phương pháp nghiên cứu huyền bí đích thực, giữ một tâm trí cởi mở vốn chỉ có thể nhận được ánh sáng của minh triết ẩn giấu, 'bí ẩn của vương quốc của Thượng đế', gnosis, Theosophia. Các Huấn Sư Chân sư của nhân loại, bản thân đã khám phá ra Minh Triết Thiêng Liêng, bảo tồn và cung cấp cho những trí óc ham học hỏi tri thức mà Các Ngài có nhiệm vụ bảo vệ trong suốt mọi thời đại và chuyển giao cho những người tìm kiếm nghiêm túc trong nhân loại.

Theosophy in Australia, Vol. 55, Issue 1, January 1967, p. 320

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. 55, Số 1, tháng 1 năm 1967, tr. [2]320[/h2]

175—

Study Notes on Kabbalism—*Ghi Chú Nghiên Cứu về Kabbalism*

THE KABALISTIC SEPHIRA, KETHER

SEPHIRA KABALISTIC, KETHER

IN its highest aspect, the first Sephira of the Kabalistic Tree of Life—Kether—is to be regarded as the active Logos, the *Christos* of the Fourth Gospel by whom all things were made. At the change from 'chaos' to cosmos, Kether is said to vibrate across the field of manifestation or to reflect itself in matter to produce a feminine or dyad, from which in turn all creation and all beings emanate, having been hitherto contained within

Trong khía cạnh cao nhất của nó, Sephira đầu tiên của Cây Sự Sống Kabalistic—Kether—được coi là Logos tích cực, Đức Christ của Phúc Âm Thứ Tư, nhờ đó mọi thứ được tạo ra. Khi thay đổi từ 'hỗn loạn' sang vũ trụ, Kether được cho là rung động trên khắp trường biểu hiện hoặc phản ánh chính nó trong vật chất để tạo ra một nữ tính hoặc nhị nguyên, từ đó tất cả sự sáng tạo và tất cả chúng sinh phát ra, cho đến nay vẫn nằm

Kether. The Archangel Head of the associated Hierarchy of Angels (*Elohim*) is severally named Metraton, meaning 'beside (or beyond) the Throne', Prince of Faces, Angel of the Presence, World Prince, El Shaddai—the Omnipotent and Almighty One—the Messenger, and Shekinah, this last being associated with the cloud of glory which rested on the Mercy Seat upon the Ark of the Covenant within the Holy of Holies.

trong Kether. Tổng lãnh thiên thần đứng đầu Huyền Giai Thiên Thần (Elohim) liên kết được gọi riêng là Metraton, có nghĩa là 'bên cạnh (hoặc vượt ra ngoài) Ngai Vàng', Hoàng Tử của Các Khuôn Mặt, Thiên Thần của Hiện Diện, Hoàng Tử Thế Giới, El Shaddai—Đấng Toàn Năng và Vạn Năng—Sứ Giả, và Shekinah, cái tên cuối cùng này được liên kết với đám mây vinh quang vốn ngự trên Ngai Thương Xót trên Hòm Giao Ước bên trong Nơi Chí Thánh.

Shekinah is also regarded as identical with *Ain* Soph Aur, the veil of *Ain* Soph, meaning pre-cosmic Substance or Virgin Space. The Order of Angels in Kether is the Chaioth HaQadesh, 'Holy Living Creatures'. They are associated with the Kerubim, who are regarded as governors of the four elements in their highest sublimation. They would seem to correspond to some extent to the *Lipika* the Celestial Recorders or 'Scribes', the Agents of Karma, in Hinduism.

Shekinah cũng được coi là đồng nhất với Ain Soph Aur, bức màn của Ain Soph, có nghĩa là Chất Liệu tiền vũ trụ hoặc Không Gian Trinh Nữ. Dòng Thiên Thần trong Kether là Chaioth HaQadesh, 'Các Sinh Vật Sống Thánh Thiện'. Các Ngài được liên kết với Kerubim, vốn được coi là người cai quản bốn nguyên tố trong sự thăng hoa cao nhất của chúng. Các Ngài dường như tương ứng ở một mức độ nào đó với Lipika Các Nhà Ghi Chép Thiên Thượng hay 'Các Kinh Sư', Các Đặc Vụ của Nghiệp Quả, trong Ấn Độ giáo.

This Hierarchy is concerned with the initiation of the whirling motions by means of which primordial atoms or 'holes in space' are formed, presumably using the force which in Tibetan is called *Fohat,* the essence of cosmic electricity; for *Fohat* is also described as the ever-present electrical energy and ceaseless formative and destructive power in the universe, the universal propelling, vital force, the *primum mobile*, whose symbol is the *svastika.* In Kether are thus said to be the 'beginnings of the whirls', the first stirrings of the divine creative Essence. One of the chief duties of the members of this Angelic Hierarchy is to receive this Essence in Kether and carry it to the succeeding Hierarchy of the Auphanim or 'Wheels', associated with the second Sephira, Choknah.

Huyền Giai này liên quan đến sự điểm đạo các chuyển động xoáy bằng phương tiện mà các nguyên tử nguyên thủy hoặc 'lỗ hổng trong không gian' được hình thành, có lẽ sử dụng mãnh lực mà trong tiếng Tây Tạng được gọi là Fohat, bản chất của điện vũ trụ; vì Fohat cũng được mô tả là năng lượng điện luôn hiện diện và sức mạnh hình thành và phá hủy không ngừng trong vũ trụ, lực đẩy, sinh lực phổ quát, primum mobile, có biểu tượng là chữ vạn. Như vậy, trong Kether được cho là có 'khởi đầu của các vòng xoáy', những khuấy động đầu tiên của Bản chất sáng tạo thiêng liêng. Một trong những nhiệm vụ chính của các thành viên của Huyền Giai Thiên Thần này là tiếp nhận Bản chất này trong Kether và mang nó đến Huyền Giai kế tiếp của Auphanim hay 'Các Bánh Xe', liên kết với Sephira thứ hai, Choknah.

UNTYING THE KNOTS OF IGNORANCE

In the writings of Spanish Kabalists of the Middle Ages, notably Abulafia, the idea is to be found that there are certain barriers which separate the personal existence of the human soul from the stream of cosmic life which runs through the whole of creation. A dam is said to exist which keeps the soul confined within the natural and normal borders of human existence and protects it against the flood of the divine stream which flows beneath it or all around it. This barrier also prevents the soul from taking cognisance of the Divine. Also, there are the 'seals', which are impressed on the soul in order to protect it against the flood and guarantee its normal functioning. These 'seals' may very well be the *chakras,* for self-liberation from the enclosing barriers is in Kabbalism, as elsewhere, referred to as unsealing the soul and as untying the knots which bind it. When these knots are untied, a return becomes possible from multiplicity and separation toward the original unity, and thereafter mystic liberation of the soul from the fetters of sensuality occurs.

Theosophy in Australia, Vol. 55, Issue 3, March 1967 p. 57

GỠ RỐI VÔ MINH

Trong các tác phẩm của các nhà Kabalist người Tây Ban Nha thời Trung Cổ, đặc biệt là Abulafia, có thể tìm thấy ý tưởng rằng có những rào cản nhất định ngăn cách sự tồn tại cá nhân của linh hồn con người với dòng chảy sự sống vũ trụ chảy xuyên suốt toàn bộ sự sáng tạo. Người ta nói rằng có một con đập tồn tại, giữ cho linh hồn bị giam cầm trong các ranh giới tự nhiên và bình thường của sự tồn tại của con người và bảo vệ nó chống lại dòng chảy của dòng thiêng liêng chảy bên dưới hoặc xung quanh nó. Rào cản này cũng ngăn cản linh hồn nhận biết về Đấng Thiêng Liêng. Ngoài ra, còn có những 'ấn triện', được khắc lên linh hồn để bảo vệ nó khỏi dòng lũ và đảm bảo chức năng bình thường của nó. Những 'ấn triện' này rất có thể là các luân xa, vì sự tự giải phóng khỏi các rào cản bao quanh được đề cập đến trong Kabbalism, cũng như ở những nơi khác, như là mở niêm phong linh hồn và như là tháo gỡ các nút thắt trói buộc nó. Khi những nút thắt này được tháo gỡ, một sự trở về trở nên khả thi từ sự đa dạng và tách biệt hướng tới sự hợp nhất ban đầu, và sau đó sự giải thoát huyền bí của linh hồn khỏi xiềng xích của nhục dục xảy ra.

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. 55, Số 3, tháng 3 năm 1967 tr. 57

176

The Path in Taoism—*Thánh Đạo trong Đạo giáo*

The great Chinese philosopher Lao Tzu, in his Tao-te-Ching, expounds this teaching in his own inimitable way. He arrived at the conclusion that the goal was to be no-thing, and evolved what might be called 'the philosophy of no-thing-ness'. The ideals of this philosophy are those of the Sermon on the Mount. They are the very antithesis of modern competitive industrialism and economics,

Nhà triết học vĩ đại người Trung Quốc Lão Tử, trong Đạo Đức Kinh của Ông, đã giải thích giáo lý này theo cách độc đáo của riêng Ông. Ông đi đến kết luận rằng mục tiêu là trở thành vô-vật, và phát triển cái có thể được gọi là 'triết lý vô-vật'. Lý tưởng của triết lý này là những lý tưởng trong Bài Giảng trên Núi. Chúng hoàn toàn trái ngược với chủ nghĩa công nghiệp và kinh tế cạnh tranh

with their central doctrine: 'Each for himself and the devil take the hindmost'.

hiện đại, với học thuyết trung tâm của chúng: 'Mỗi người vì mình và mặc kệ kẻ chậm chân'.

Listen To The Old Philosopher Advising Selflessness, Obscurity, Retirement, Self-Emptying:

Hãy Lắng Nghe Nhà Triết Học Cổ Đại Khuyên Về Sự Vị Tha, Ẩn Dật, Thoái Lui, Tự Buông Bỏ:

By governing the people with love it is possible to remain unknown.

Bằng cách cai trị dân chúng bằng tình thương, người ta có thể duy trì sự vô danh.

By continual use of the gates of Heaven it is possible to preserve them from rust.

Bằng cách sử dụng liên tục các cổng Trời, người ta có thể bảo vệ chúng khỏi rỉ sét.

By transparency on all sides it is possible to remain unrecognised.

Bằng sự minh bạch về mọi mặt, người ta có thể duy trì sự không được công nhận.

To bring forth and preserve, to produce without possessing, to act without hope of reward, and to expand without waste, this is the supreme virtue.

Để sinh ra và bảo tồn, để sản xuất mà không chiếm hữu, để hành động mà không hy vọng được tưởng thưởng, và để mở rộng mà không lãng phí, đây là đức tính tối thượng.

The thirty spokes of a carriage wheel uniting at the nave are made useful by the hole in the centre, where nothing exists.

Ba mươi nan hoa của bánh xe ngựa hợp nhất tại trục bánh xe trở nên hữu ích nhờ lỗ ở giữa, nơi không có gì tồn tại.

Vessels of moulded earth are useful by reason of their hollowness.

Các vật chứa bằng đất nung trở nên hữu ích nhờ sự rỗng tuếch của chúng.

Doors and windows are useful by being cut out.

Cửa ra vào và cửa sổ trở nên hữu ích nhờ được khoét ra.

A house is useful because of its emptiness. Existence, therefore, is like unto gain, but Non-existence to use.

Một ngôi nhà trở nên hữu ích vì sự trống rỗng của nó. Do đó, sự tồn tại giống như đạt được, nhưng sự Không tồn tại để sử dụng.

Having emptied yourself of everything, remain where you are.

Sau khi đã trút bỏ mọi thứ, hãy ở lại nơi bạn đang ở.

Here he speaks of modesty and simplicity, as exemplified in the masters of the wisdom:

Ở đây Ông nói về sự khiêm tốn và giản dị, như được minh họa trong các Chân sư của minh triết:

The ancient wise men were skilful in their mysterious acquaintance with profundities. They were watchful like one who walks

Những người khôn ngoan cổ đại rất khéo léo trong sự quen biết bí ẩn của họ với những điều sâu sắc. Họ cảnh giác như một người đi ra nước

abroad. They were careful as one who crosses a swollen river.

ngoài. Họ cẩn thận như một người vượt qua một con sông ngập nước.

They were retiring, like snow beneath the sun. They were simple, like newly felled timber. They were lowly, like the valley.

Họ rút lui, như tuyết dưới ánh mặt trời. Họ đơn giản, như gỗ mới đốn. Họ thấp hèn, như thung lũng.

They were obscure, like muddy water.

Họ mơ hồ, như nước bùn.

May not a man take muddy water, and make it clear by keeping still?

Một người có thể không lấy nước bùn và làm cho nó trong bằng cách giữ yên lặng sao?

May not a man take a dead thing and make it alive by continuous motion?

Một người có thể không lấy một vật chết và làm cho nó sống lại bằng chuyển động liên tục sao?

Those who follow this Tao have no need of replenishing, and being devoid of all properties, they grow old without need of being filled.

Những người theo Đạo này không cần phải bổ sung, và vì không có bất kỳ thuộc tính nào, họ già đi mà không cần được lấp đầy.

Here Is Lao Tzu's Recipe For Inward Peace:—All things spring forth into activity with one accord, and whither do we see them return? After blossoming for a while, everything dies down to its root.

Đây Là Công Thức Của Lão Tử Để Có Được Sự Bình Yên Trong Tâm Hồn:—Mọi vật đều đồng loạt nảy sinh vào hoạt động, và chúng ta thấy chúng trở về đâu? Sau khi nở rộ một thời gian, mọi thứ đều chết trở lại gốc rễ của nó.

This going back to one's origin is called peace; it is the giving of oneself over to the inevitable.

Sự trở về nguồn gốc của một người được gọi là bình yên; đó là sự phó thác bản thân cho điều không thể tránh khỏi.

Now he speaks of the irresistible power of gentleness and abnegation of self:

Bây giờ Ông nói về sức mạnh không thể cưỡng lại của sự dịu dàng và sự từ bỏ bản thân:

Whosoever adapteth himself shall be preserved to the end.

Bất cứ ai thích nghi với bản thân sẽ được bảo tồn đến cùng.

Whosoever bendeth himself shall be straightened.

Bất cứ ai uốn mình sẽ được làm thẳng.

Whosoever emptieth himself shall be filled.

Bất cứ ai trút bỏ bản thân sẽ được lấp đầy.

Whosoever weareth himself away shall be renewed.

Bất cứ ai làm hao mòn bản thân sẽ được đổi mới.

Whosoever humbleth himself shall be

Bất cứ ai hạ mình xuống sẽ được tôn cao.

exalted.

Whosoever exalteth himself shall be abused. Bất cứ ai tôn mình lên sẽ bị lạm dụng.

Therefore doth the sage cling to simplicity and is an example to all men. Do đó, bậc hiền nhân bám vào sự giản dị và là một tấm gương cho tất cả mọi người.

He is not ostentatious, and therefore he shines. Ông không phô trương, và do đó Ông tỏa sáng.

He is not egotistic, and therefore he is praised. By displaying onself one does not shine. Ông không vị kỷ, và do đó Ông được ca ngợi. Bằng cách phô trương bản thân, người ta không tỏa sáng.

By self-approbation one is not esteemed, In self-praise there is no merit. Bằng sự tự tán thành, người ta không được kính trọng, Trong sự tự khen ngợi không có công đức.

He who exalts himself does not stand high. Người nào tôn mình lên thì không đứng cao.

He who, being in the light, remains in obscurity, will become an universal model. Người nào, ở trong ánh sáng, vẫn ở trong bóng tối, sẽ trở thành một hình mẫu phổ quát.

As an universal model the eternal virtue will not pass him by. He will go back to the all-perfect. Là một hình mẫu phổ quát, đức tính vĩnh cửu sẽ không bỏ qua Ông. Ông sẽ trở lại với sự hoàn hảo tuyệt đối.

He who, being glorious, continues in humility, will become an universal valley. Người nào, vinh quang, tiếp tục khiêm nhường, sẽ trở thành một thung lũng phổ quát.

As an universal valley the eternal virtue will fill him. He will revert to the first essence. Là một thung lũng phổ quát, đức tính vĩnh cửu sẽ lấp đầy Ông. Ông sẽ trở lại với bản chất đầu tiên.

The characteristic of Tao (God) is gentleness. Đặc điểm của Đạo (Thượng đế) là sự dịu dàng.

Orphanage, isolation and a chariot without wheels are shunned by the people; but kings and great men appropriate these same to themselves. For things are increased by being deprived; and being added to they are diminished. Sự mồ côi, cô lập và một cỗ xe không bánh xe bị mọi người xa lánh; nhưng các vị vua và những người vĩ đại lại chiếm đoạt những điều tương tự này cho bản thân họ. Vì mọi thứ được tăng lên bằng cách bị tước đoạt; và khi được thêm vào, chúng bị giảm bớt.

That which people teach by their actions I make use of to instruct them. Những gì mọi người dạy bằng hành động của họ, tôi sử dụng để hướng dẫn họ.

Those who are violent and headstrong, for example, do not die a natural death.

Ví dụ, những người bạo lực và ương ngạnh không chết một cách tự nhiên.

He who is content can never be ruined.

Người nào mãn nguyện thì không bao giờ có thể bị hủy hoại.

He who stands still will never meet danger.

Người nào đứng yên thì không bao giờ gặp nguy hiểm.

These are the people who endure.

Đây là những người chịu đựng.

To produce without possessing; to work without expecting; to enlarge without usurping; this is the sublime virtue!

Để sản xuất mà không chiếm hữu; để làm việc mà không mong đợi; để mở rộng mà không xâm chiếm; đây là đức tính cao cả!

Nothing on earth is so weak and yielding as water, but for breaking down the firm and strong it has no equal.

Không có gì trên trái đất yếu đuối và dễ uốn như nước, nhưng để phá vỡ sự vững chắc và mạnh mẽ, nó không có đối thủ.

The Path in Taoism

Thánh Đạo trong Đạo giáo

This admits of no alternative.

Điều này không cho phép bất kỳ sự thay thế nào.

All the world knows that the soft can wear away the hard, and the weak can conquer the strong; but none can carry it out in practice.

Cả thế giới đều biết rằng cái mềm có thể làm mòn cái cứng, và cái yếu có thể chinh phục cái mạnh; nhưng không ai có thể thực hiện nó trong thực tế.

He who bears the reproach of his country is really the lord of the land. He who bears the woes of the people is in truth their king.

Người nào gánh chịu sự trách móc của đất nước mình thì thực sự là chúa tể của vùng đất. Người nào gánh chịu nỗi đau của dân chúng thì thực sự là vua của họ.

The words of truth are always paradoxical!

Những lời nói của sự thật luôn nghịch lý!

The kingdom, like a river, becomes great by being lowly; it is thereby the centre to which all the world tends.

Vương quốc, giống như một dòng sông, trở nên vĩ đại bằng cách thấp hèn; do đó nó là trung tâm mà cả thế giới hướng tới.

That by which the great rivers and seas receive the tribute of all the streams, is the fact of their being lowly; that is the cause of their superiority.

Điều mà nhờ đó các dòng sông và biển lớn nhận được cống nạp từ tất cả các dòng suối, là sự thật về sự thấp hèn của chúng; đó là nguyên nhân của sự vượt trội của chúng.

Thus the Sage, wishing to govern the people

Như vậy, bậc hiền nhân, mong muốn cai trị

speaks of himself as beneath them; and wishing to lead them, places himself behind them.

dân chúng, nói về bản thân mình như là thấp kém hơn họ; và mong muốn dẫn dắt họ, đặt mình phía sau họ.

So while he is yet above them, they do not feel his weight; and being before them, he yet causes no obstruction.

Vì vậy, trong khi Ông vẫn còn ở trên họ, họ không cảm thấy sức nặng của Ông; và ở trước họ, Ông vẫn không gây ra bất kỳ sự cản trở nào.

Therefore all men exalt him with acclamations, and none is offended.

Do đó, tất cả mọi người tôn vinh Ông bằng những lời hoan hô, và không ai bị xúc phạm.

And because he does not strive, no man is his enemy.

Và bởi vì Ông không cố gắng, không ai là kẻ thù của Ông.

TO SUM UP

TÓM LẠI

The necessary qualities and the safeguards against the difficulties and dangers of enforced occult development are stated to be:

Các phẩm chất cần thiết và các biện pháp bảo vệ chống lại những khó khăn và nguy hiểm của sự phát triển huyền bí cưỡng bức được nêu như sau:

Vairagya, dispassion, renunciation, personal disinterestedness.

Vairagya, sự vô tư, từ bỏ, sự vô tư cá nhân.

Viveka, discrimination, common sense.

Viveka, sự phân biện, lẽ thường.

Upeksha, the poise of indifference, as far as the Individuality and Personality are concerned.

Upeksha, sự điềm nhiên của sự thờ ơ, liên quan đến Tính Cá Thể và Phàm Ngã.

Kenosis, self-emptying of self or continual outpouring of all available power, life, wisdom, knowledge and strength on behalf of all beings and all creatures.

Kenosis, sự tự trút bỏ bản thân hoặc sự tuôn đổ liên tục tất cả sức mạnh, sự sống, minh triết, tri thức và sức mạnh có sẵn thay cho tất cả chúng sinh và tất cả tạo vật.

All this implies self-forgetfulness, absorption in the welfare of others to the exclusion of self-desire, self-interest and personal ambition. The strange fact emerges that under the operation of a mysterious law not loss, but gain, is the result of the adoption of this motive and of a mode of life lived in uttermost selflessness.

Tất cả điều này ngụ ý sự quên mình, sự say mê vào phúc lợi của người khác đến mức loại trừ ham muốn bản thân, tư lợi và tham vọng cá nhân. Một sự thật kỳ lạ xuất hiện là dưới sự vận hành của một định luật bí ẩn, không phải mất mát, mà là đạt được, là kết quả của việc áp dụng động cơ này và của một lối sống được sống trong sự vô tư tột độ.

Theosophy in New Zealand, Vol. 44, No. 1, 1983, p. 17

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 44, Số 1, 1983, tr. 17

177—

Yoga: Man's Pathway to Knowledge and Power—Yoga: Con Đường Dẫn Đến Tri Thức và Sức Mạnh của Con Người

We are to examine together the basic principles of the greatest of all sciences, the science of Self illumination, the Science of the Soul of Man. Our purpose is to study a method of achieving spiritual awareness, maximum power, capacity, health and happiness. We seek also to hasten our progress to fulfilment of human life in the state of perfected manhood.

Chúng ta sẽ cùng nhau xem xét các nguyên tắc cơ bản của khoa học vĩ đại nhất trong tất cả các khoa học, khoa học về Sự soi sáng Bản thân, Khoa Học về Linh Hồn của Con Người. Mục đích của chúng ta là nghiên cứu một phương pháp đạt được nhận thức tinh thần, sức mạnh, năng lực, sức khỏe và hạnh phúc tối đa. Chúng ta cũng tìm cách đẩy nhanh tiến trình của mình để hoàn thành cuộc sống con người trong trạng thái nhân tính hoàn hảo.

Can this be done? Theosophy says yes, and describes the means, which simply is by the practice of Yoga. Yoga means union, and is dual -*philosophy* and *practice.*

Điều này có thể được thực hiện không? Thông Thiên Học nói có, và mô tả các phương tiện, đơn giản là bằng cách thực hành Yoga. Yoga có nghĩa là sự hợp nhất, và là triết lý và thực hành kép.

The philosophy of Yoga, stated in six postulates, is as follows:

Triết lý của Yoga, được nêu trong sáu tiên đề, như sau:

(a) A distinction exists between man's bodily Personality and his deeper Self, the Divine Spirit-Essence, the very core of his existence, the Spiritual Soul or Inner Self of man.

Có một sự phân biệt giữa Phàm Ngã thể xác của con người và Chân Ngã sâu sắc hơn của y, Bản chất Tinh thần Thiêng Liêng, cốt lõi của sự tồn tại của y, Linh Hồn Tinh Thần hoặc Chân Ngã Bên Trong của con người.

(b) The Spiritual Self of man is of the same Essence as the Spirit of the Universe or universal Spirit—the two being identical wherever manifested. Man Spirit and God Spirit are one spirit. Hence the brotherhood, not only of man, but of all life, because of identity of Source and inmost Essence.

Chân Ngã Tinh Thần của con người có cùng Bản chất với Tinh Thần của Vũ Trụ hoặc Tinh Thần phổ quát—hai thứ này giống hệt nhau ở bất cứ nơi nào được biểu hiện. Tinh Thần Con Người và Tinh Thần Thượng Đế là một tinh thần. Do đó, tình huynh đệ, không chỉ của con người, mà của tất cả sự sống, vì sự đồng nhất của Nguồn và Bản chất sâu kín nhất.

Realization of this fact of the unity of the Spirit of man with the Spirit of the Universe in

Sự nhận ra sự thật này về sự hợp nhất của Tinh Thần con người với Tinh Thần của Vũ Trụ

full consciousness is the supreme objective of Yoga. Hence its name. The yogi chants *SOHAM,* 'I AM HE'.

trong tâm thức đầy đủ là mục tiêu tối cao của Yoga. Do đó tên của nó. Yogi xướng SOHAM, 'TÔI LÀ NGÀI'.

(c) The universal Spirit-Essence is focused into an Individuality in man; this is man's spiritual Soul, sometimes called 'Ego'.

Bản chất Tinh thần phổ quát được tập trung thành một Tính Cá Thể trong con người; đây là Linh Hồn tinh thần của con người, đôi khi được gọi là 'Chân Ngã'.

(d) This true Self perpetually unfolds its inherent powers. It evolves to perfected manhood by successive lives on earth.

Chân Ngã đích thực này liên tục mở ra những sức mạnh vốn có của nó. Nó tiến hóa đến nhân tính hoàn hảo bằng những kiếp sống liên tiếp trên trái đất.

(e) Karma assures justice and decides conditions of each life as man journeys onwards to perfected manhood.

Nghiệp quả đảm bảo công lý và quyết định các điều kiện của mỗi kiếp sống khi con người hành trình về phía trước đến nhân tính hoàn hảo.

(f) The process can be hastened and the normal condition changed so that Self-realization and Adeptship become established ahead of time. *This can be done. The Kingdom of Heaven can be taken by storm.* The method is Yoga as both knowledge and as practice. Such is the knowledge. A noble philosophy of life.

Quá trình có thể được đẩy nhanh và điều kiện bình thường có thể được thay đổi để Sự tự nhận ra và Địa vị Chân sư được thiết lập trước thời hạn. Điều này có thể được thực hiện. Vương Quốc Thiên Đàng có thể bị chiếm đoạt bằng vũ lực. Phương pháp là Yoga vừa là tri thức vừa là thực hành. Đó là tri thức. Một triết lý cao quý về cuộc sống.

The Practice of Yoga. There are seven Yogas, each with its branch of the main Yoga philosophy, each with its methods, practice and objectives, the two main objectives being Self-discovery and experience of union with the One Self of All.

Thực Hành Yoga. Có bảy Yoga, mỗi Yoga có một nhánh của triết lý Yoga chính, mỗi Yoga có các phương pháp, thực hành và mục tiêu riêng, hai mục tiêu chính là khám phá Bản thân và trải nghiệm sự hợp nhất với Một Chân Ngã của Tất Cả.

***Hatha* (Physical) Yoga.** This aims at bodily mastery. One of its practices consists of the neutralization of the process of breathing through the right and left nostrils consciously. These are called sun and moon breathing, or positive and negative, and the object is their complete harmonization preparatory to *Raja* Yoga. *Hatha* Yoga gives bodily balance and control.

Hatha (Thể Chất) Yoga. Điều này nhằm mục đích làm chủ cơ thể. Một trong những thực hành của nó bao gồm việc trung hòa quá trình thở qua lỗ mũi phải và trái một cách có ý thức. Chúng được gọi là thở mặt trời và mặt trăng, hoặc dương và âm, và mục đích là sự hài hòa hoàn toàn của chúng để chuẩn bị cho Raja Yoga. Hatha Yoga mang lại sự cân bằng và kiểm soát cơ thể.

Karma (Action) Yoga. This aims at skill in action with recognition of the one Actor and doing all work as service rendered impersonally and in His name. 'He who works prays'. Karma Yoga gives mastery over the power of action, and is suitable for busy people.

Karma (Hành Động) Yoga. Điều này nhằm mục đích có kỹ năng trong hành động với sự công nhận của một Diễn Viên và thực hiện tất cả công việc như là sự phụng sự được thực hiện một cách vô tư và nhân danh Ngài. 'Người nào làm việc là cầu nguyện'. Karma Yoga mang lại sự làm chủ sức mạnh của hành động, và phù hợp cho những người bận rộn.

***Laya* (Will-Thought) Yoga,** includes the arousing and direction of the Serpent Fire or *Kundalini.* It gives mastery of the powers of will and mind, and ultimately of all the hidden powers in man. *Laya* means to be 'dissolved' in God, like water in water, light in light and space in space.

Laya (Ý Chí-Tư Tưởng) Yoga, bao gồm việc đánh thức và định hướng Lửa Rắn hoặc Kundalini. Nó mang lại sự làm chủ các sức mạnh của ý chí và thể trí, và cuối cùng là tất cả các sức mạnh tiềm ẩn trong con người. Laya có nghĩa là 'hòa tan' trong Thượng đế, như nước trong nước, ánh sáng trong ánh sáng và không gian trong không gian.

***Jnana* or *Gitana* (Knowledge) Yoga,** leads to Wisdom founded upon and distilled from knowledge and experience. It develops the mind and gives mastery over all the powers of the intellect, thus leading to the attainment of perfect comprehension. This includes the realization of that single Absolute Truth which is regarded as the source of all phenomena or perceptions in the Universe, e.g. the existence of One Life, One Being, One Reality. All notions of multiplicity are then known as unreal, illusory. Such is the special goal *of Jnana* Yoga—to know absolutely, completely to comprehend.

Jnana hoặc Gitana (Tri Thức) Yoga, dẫn đến Minh Triết được xây dựng trên và chắt lọc từ tri thức và kinh nghiệm. Nó phát triển thể trí và mang lại sự làm chủ tất cả các sức mạnh của trí tuệ, do đó dẫn đến việc đạt được sự thấu hiểu hoàn hảo. Điều này bao gồm việc nhận ra Chân Lý Tuyệt Đối duy nhất đó, vốn được coi là nguồn gốc của tất cả các hiện tượng hoặc nhận thức trong Vũ Trụ, ví dụ: sự tồn tại của Một Sự Sống, Một Chúng Sinh, Một Thực Tại. Tất cả các khái niệm về sự đa dạng sau đó được biết là không có thật, huyễn hoặc. Đó là mục tiêu đặc biệt của Jnana Yoga—biết một cách tuyệt đối, hoàn toàn để thấu hiểu.

***Mantra* (Sound) Yoga.** This gives mastery of voice, of sound and sound vibrations which can then be used for spiritual and occult purposes.

Mantra (Âm Thanh) Yoga. Điều này mang lại sự làm chủ giọng nói, âm thanh và các rung động âm thanh sau đó có thể được sử dụng cho các mục đích tinh thần và huyền bí.

***Bhakti* (Devotion) Yoga** gives mastery over the powers of human and divine love.

Bhakti (Sùng Kính) Yoga mang lại sự làm chủ các sức mạnh của tình yêu con người và thiêng liêng.

***Raja* (Kingly) Yoga.** This accentuates consciousness, dissociates the Self from its vehicles, affirms and realizes Oneness. It gives

Raja (Vương Giả) Yoga. Điều này làm nổi bật tâm thức, tách Chân Ngã khỏi các vận cụ của nó, khẳng định và nhận ra Sự Hợp Nhất. Nó

mastery over all methods of Yoga, plus (the special) powers of discrimination and dissociation. It leads, as do all, to direct realization of the Spiritual Self and of its unity with the One Self in all.

mang lại sự làm chủ tất cả các phương pháp Yoga, cộng với (các) sức mạnh đặc biệt của sự phân biện và tách rời. Nó dẫn đến, như tất cả, đến sự nhận ra trực tiếp Chân Ngã Tinh Thần và sự hợp nhất của nó với Một Chân Ngã trong tất cả.

To sum up and simplify for daily life, Yoga as practice implies regularly, deliberately, to turn one's mind to the highest within one, to Truth, to Spirit, to God, to the *Atmic* Light, until merged therein.

Để tóm tắt và đơn giản hóa cho cuộc sống hàng ngày, Yoga như là thực hành ngụ ý thường xuyên, có chủ ý, hướng thể trí của một người đến điều cao nhất bên trong một người, đến Chân Lý, đến Tinh Thần, đến Thượng Đế, đến Ánh Sáng Atma, cho đến khi hợp nhất vào đó.

Affirm: 'I am not the body, I am the Spiritual Self. 'The Self in me is one with the Self in all'. 'I am the Self in all. That Self am I'. 'I am rooted in the Eternal'. 'I am self-shining pure Being. I am divine, immortal and forever at one with God'. 'I am divine, fearless, imperishable and full of joy'. 'I and my Father are one'.

Khẳng định: 'Tôi không phải là thể xác, tôi là Chân Ngã Tinh Thần. 'Chân Ngã trong tôi là một với Chân Ngã trong tất cả'. 'Tôi là Chân Ngã trong tất cả. Chân Ngã đó là tôi'. 'Tôi bắt nguồn từ Vĩnh Hằng'. 'Tôi là Hữu Thể thuần khiết tự tỏa sáng. Tôi thiêng liêng, bất tử và mãi mãi hợp nhất với Thượng Đế'. 'Tôi thiêng liêng, không sợ hãi, bất diệt và tràn đầy niềm vui'. 'Tôi và Cha tôi là một'.

The Tranquil Mind. Sooner or later, after regular practice, an effortless, thought-free mental equipoise is attained. Silence enfolds one as if the mind had become dissolved in its source.

Thể Trí Thanh Thản. Sớm hay muộn, sau khi thực hành thường xuyên, một trạng thái cân bằng tinh thần không cần nỗ lực, không có suy nghĩ sẽ đạt được. Sự im lặng bao trùm một người như thể thể trí đã tan biến vào nguồn gốc của nó.

One falls into a poised stillness of mind. This is not forced—it descends upon one and should not be disturbed. Then the mind is at rest in the ocean of Reality.

Một người rơi vào trạng thái tĩnh lặng thăng bằng của thể trí. Điều này không hề gượng ép —nó giáng xuống một người và không nên bị xáo trộn. Khi đó thể trí được nghỉ ngơi trong đại dương Thực Tại.

Gradually, a centre of radiance reveals itself, as a self-declaration of spirit is made.

Dần dần, một trung tâm rạng rỡ tự bộc lộ, khi một lời tự tuyên bố của tinh thần được đưa ra.

This is the illumined state.

Đây là trạng thái được soi sáng.

Entering this regularly, one taps the infinite source of Power within one, and gradually learns to express it with increasing fullness

Thường xuyên bước vào trạng thái này, một người khai thác nguồn Năng Lượng vô tận bên trong mình, và dần dần học cách biểu đạt nó

and beauty.

Such, in outline, is man's pathway to power.

(From a public lecture delivered to the 68th Annual Convention at Wellington, December 1964, of the Theosophical Society in New Zealand.)

Theosophy in New Zealand, Vol. 26, No.l, 1965, p. 4

với sự trọn vẹn và vẻ đẹp ngày càng tăng.

Đại khái, đó là con đường dẫn đến quyền năng của con người.

(Trích từ một bài giảng công khai được trình bày tại Hội nghị Thường niên lần thứ 68 tại Wellington, tháng 12 năm 1964, của Hội Thông Thiên Học ở New Zealand.)

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 26, Số l, 1965, tr. 4

178—

Zen Practice and Zen Consciousness—Thực Hành Thiền và Tâm Thức Thiền

Our subject, Zen Buddhism, may, in simplified form, be defined as a method of self-regeneration of man by man. What is the origin of this rather strange word—strange to us and, stranger still, this Zen doctrine? It is taught that there is an original doctrine from which the Zen system originated. This teaching, promulgated in China by the Patriarch Bodhidharma, is called in Sanskrit *Dhyana* and, in the Chinese language *Cha 'an.* Zen is a Japanese development of the Chinese word *Cha 'an*—the original word meaning contemplation.

Chủ đề của chúng ta, Thiền tông, có thể được định nghĩa một cách đơn giản là một phương pháp tự tái tạo con người bởi con người. Nguồn gốc của từ khá lạ này là gì—lạ đối với chúng ta và, lạ hơn nữa, giáo lý Thiền này? Người ta dạy rằng có một giáo lý nguyên thủy từ đó hệ thống Thiền bắt nguồn. Giáo lý này, được Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền bá ở Trung Quốc, được gọi là Dhyana trong tiếng Phạn và Cha'an trong tiếng Trung. Thiền là một sự phát triển của Nhật Bản từ chữ Cha'an của Trung Quốc—từ gốc có nghĩa là chiêm ngưỡng.

A tradition has come down to us that the Lord Gautama Buddha transmitted the Law in silence, mind to mind, not by words. This is really the secret of it. The Law was transmitted in silence to the first Patriarch, Arya Mahakasyapa, one of the *Arhat* Bikkhus or disciples of the Lord Buddha. It was then, in turn, similarly transmitted (again in silence) to the second Patriarch, who is known to us as Arya Ananda. And so it has come down through 28 Patriarchs, the 28th being Arya Bodhidharma, the first Patriarch in China; for Bodhidharma it was who took both devotional Buddhism[85] and Zen[86] to China. The

Một truyền thống đã truyền lại cho chúng ta rằng Đức Phật Gautama đã truyền Pháp trong im lặng, tâm đến tâm, không bằng lời nói. Đây thực sự là bí mật của nó. Pháp đã được truyền trong im lặng cho vị Tổ thứ nhất, Arya Mahakasyapa, một trong những Arhat Bikkhus hay đệ tử của Đức Phật. Sau đó, đến lượt nó, được truyền tương tự (lại trong im lặng) cho vị Tổ thứ hai, người mà chúng ta biết đến là Arya Ananda. Và cứ thế nó đã truyền xuống qua 28 vị Tổ, vị thứ 28 là Arya Bodhidharma, vị Tổ đầu tiên ở Trung Quốc; vì Bồ Đề Đạt Ma là người đã mang cả Phật giáo sùng mộ và Thiền đến Trung Quốc. Sự kế thừa

succession still continues and we learn that the 33rd Patriarch was Hui Neng, who is known in China as their sixth and last Patriarch.

vẫn tiếp tục và chúng ta biết rằng vị Tổ thứ 33 là Huệ Năng, người được biết đến ở Trung Quốc là vị Tổ thứ sáu và cuối cùng của họ.

So, from time immemorial, it has been the practice of one Buddha to pass to his successor the quintessence of his teachings, and for one Patriarch to transmit to another the esoteric teaching, mind to mind and heart to heart. No words are needed, because there is a transmission mind to mind; and I imagine the problem is whether the recipient can pick up the message in his or her own heart and mind.

Vì vậy, từ thời xa xưa, việc một vị Phật truyền cho người kế vị mình tinh túy của những lời dạy của Ngài, và việc một vị Tổ truyền cho một vị Tổ khác giáo lý huyền bí, tâm đến tâm và tim đến tim, đã là thông lệ. Không cần lời nói, bởi vì có một sự truyền tâm đến tâm; và tôi hình dung vấn đề là liệu người nhận có thể nhận được thông điệp trong trái tim và thể trí của chính mình hay không.

If we examine Zen we find that it is entirely impersonal, without a God, gods, goddesses, or any persons whatsoever. It is even without the Lord Buddha as a separated Personality, which would be a denial of Zen, strange though this sounds to us. As an illustration, a student monk is said to have asked Hui Neng, the Sixth Patriarch: 'What things did Buddha think about Zen?' Now, of course that is full of mistakes; it suggests both something separate and the process of thought. And in pure Zen consciousness there isn't anything separate. So, in such terms, the question is completely wrong. The answer, from the Zen point of view, illustrates this very well I think: 'There isn't a Buddha, nor anything, nor thinking'.

Nếu chúng ta xem xét Thiền, chúng ta thấy rằng nó hoàn toàn vô ngã, không có Thượng đế, các vị thần, nữ thần hoặc bất kỳ người nào. Nó thậm chí không có Đức Phật như một Phàm ngã tách biệt, điều này sẽ là một sự phủ nhận Thiền, dù điều này nghe có vẻ lạ đối với chúng ta. Để minh họa, một nhà sư sinh viên được cho là đã hỏi Huệ Năng, vị Tổ thứ sáu: 'Đức Phật đã nghĩ gì về Thiền?' Tất nhiên, điều đó đầy sai sót; nó gợi ý cả một cái gì đó tách biệt và quá trình suy nghĩ. Và trong tâm thức Thiền thuần túy, không có gì tách biệt. Vì vậy, theo những điều khoản như vậy, câu hỏi là hoàn toàn sai. Câu trả lời, từ quan điểm của Thiền, minh họa điều này rất tốt, tôi nghĩ: 'Không có Phật, cũng không có gì, cũng không có suy nghĩ'.

This state of consciousness, if (standing ready to be rebuked or corrected) I may so describe Zen, is beyond all concepts or the exercise of the human mind. So there isn't a Buddha from the Zen point of view, nor anything, nor thinking. I remember how, when I first read that reply, I began to get a glimpse of it all.

Trạng thái tâm thức này, nếu (sẵn sàng bị khiển trách hoặc sửa chữa) tôi có thể mô tả Thiền như vậy, thì nó vượt ra ngoài mọi khái niệm hoặc sự vận dụng của trí tuệ con người. Vì vậy, không có Phật từ quan điểm của Thiền, cũng không có gì, cũng không có suy nghĩ. Tôi nhớ khi lần đầu tiên đọc câu trả lời đó, tôi bắt

[85] The 'Gradual School'.

[86] The 'Sudden School'.

Indeed, I was, for a moment, in a kind of shock. Thinking stopped; and this is the method, the way of Zen. Thinking suddenly stops, as if from a shock which blocks the train of thought. And it is in that moment of mental 'standstillness' (to coin a word) that 'understanding' comes.

đầu thoáng thấy tất cả. Thật vậy, trong một khoảnh khắc, tôi đã bị sốc. Suy nghĩ dừng lại; và đây là phương pháp, con đường của Thiền. Suy nghĩ đột ngột dừng lại, như thể từ một cú sốc chặn đứng dòng suy nghĩ. Và chính trong khoảnh khắc 'tĩnh lặng' tinh thần đó (để tạo ra một từ) mà 'sự thấu hiểu' đến.

So the objective goal put before Zen students, and indeed before all humanity, is ever more and more completely to realize this wholly indivisible and undivided essential existence as the basis or 'essence' of the universe and of every human being. The words of H. P. Blavatsky come to one's mind: 'That which has its centre everywhere and its circumference nowhere'. Note how this lifts our thoughts above mind to another, or non-mental, form of awareness. In Zen, 'The sole reality in the universe consists not of a divine mind, not of a universal directing mind, but of the very abstract essence of these'. This is referred to by the Zen Masters as 'the essence of mind'. And they go on to confuse us dreadfully at first because they refer to it as 'empty'; they name it 'the void'. All through Zen teaching one is being led gradually to this concept, this entirely supramental concept of the underlying basis of the universe—emptiness, *so far as our minds can say.* Zen is not, however, a worship of emptiness, for the basis of everything is not a void in reality, of course. H. P. Blavatsky affirmed that indeed it is not a void, but a fullness, and to those who enter therein, who even begin to catch a glimpse of it all, it is only empty when compared to this world of objects and things.

Vì vậy, mục tiêu khách quan đặt ra trước các học viên Thiền, và thực sự là trước toàn thể nhân loại, là ngày càng nhận ra một cách trọn vẹn hơn sự tồn tại thiết yếu hoàn toàn không thể chia cắt và không phân chia này như là nền tảng hoặc 'bản chất' của vũ trụ và của mọi con người. Những lời của Bà Blavatsky hiện lên trong tâm trí: 'Thứ có trung tâm ở khắp mọi nơi và chu vi không ở đâu'. Lưu ý cách điều này nâng những suy nghĩ của chúng ta lên trên thể trí đến một hình thức nhận thức khác, hoặc phi trí tuệ. Trong Thiền, 'Thực tại duy nhất trong vũ trụ không bao gồm một thể trí thiêng liêng, không phải một thể trí chỉ đạo phổ quát, mà là bản chất rất trừu tượng của những thứ này'. Các Chân sư Thiền gọi đây là 'bản chất của thể trí'. Và ban đầu Các Ngài tiếp tục làm chúng ta vô cùng bối rối vì Các Ngài gọi nó là 'trống rỗng'; Các Ngài gọi nó là 'hư không'. Xuyên suốt giáo lý Thiền, người ta dần dần được dẫn đến khái niệm này, khái niệm hoàn toàn siêu trí tuệ này về nền tảng cơ bản của vũ trụ—sự trống rỗng, theo như thể trí của chúng ta có thể nói. Tuy nhiên, Thiền không phải là một sự tôn thờ sự trống rỗng, vì nền tảng của mọi thứ không phải là một khoảng trống trong thực tế. Bà Blavatsky khẳng định rằng nó thực sự không phải là một khoảng trống, mà là một sự viên mãn, và đối với những người bước vào đó, những người thậm chí bắt đầu thoáng thấy tất cả, nó chỉ trống rỗng khi so sánh với thế giới đồ vật và sự vật này.

The discipline at Zen schools is designed to aid students and monks to divest their human minds entirely of all ideas of separate

Kỷ luật tại các trường Thiền được thiết kế để giúp các sinh viên và nhà sư loại bỏ hoàn toàn khỏi trí tuệ con người của họ mọi ý tưởng về sự

existences within the Cosmos. There aren't any of these at that level of consciousness; for the whole idea of separateness is erroneous. Perhaps the nearest correspondence is that of white light. For us, nearly all light has colours, but the white light has no colour. That analogy is not wholly accurate, but perhaps it is a slight step toward divesting our minds entirely of the idea of separate existences.

tồn tại tách biệt trong Vũ trụ. Không có bất kỳ điều nào trong số này ở cấp độ tâm thức đó; vì toàn bộ ý tưởng về sự tách biệt là sai lầm. Có lẽ sự tương ứng gần nhất là ánh sáng trắng. Đối với chúng ta, gần như tất cả ánh sáng đều có màu sắc, nhưng ánh sáng trắng không có màu sắc. Sự tương tự đó không hoàn toàn chính xác, nhưng có lẽ đó là một bước nhỏ hướng tới việc loại bỏ hoàn toàn khỏi trí tuệ của chúng ta ý tưởng về sự tồn tại tách biệt.

The Zen ideal is, I conceive, to bring about within ourselves, not an intellectual understanding, which would be a denial of the Zen ideal, but a totally thought-free, mind-free, intuitive experience *that the essence of mind is all and that all is the essence of mind.* To realize this, every concept of separateness, of separate beings, separate intelligences, whether human, angelic, Adept, or divine—all must vanish, for these are all illusions. What remains (and this is difficult for us, particularly in the West where mind is so predominant) is indefinable and undifferentiated. This is a marvellous state to aspire to when once the flavour of it, and some realisation, however faint, brings it into a kind of familiarity so that you can find yourself, however partially, beginning to transcend separated existence.

Tôi hình dung, lý tưởng Thiền là mang lại bên trong chúng ta, không phải một sự thấu hiểu trí tuệ, điều này sẽ là một sự phủ nhận lý tưởng Thiền, mà là một trải nghiệm trực quan hoàn toàn không có suy nghĩ, không có thể trí rằng bản chất của thể trí là tất cả và tất cả là bản chất của thể trí. Để nhận ra điều này, mọi khái niệm về sự tách biệt, về những chúng sinh tách biệt, những trí tuệ tách biệt, dù là con người, thiên thần, Chân sư hay thiêng liêng—tất cả phải biến mất, vì tất cả đều là ảo tưởng. Những gì còn lại (và điều này rất khó đối với chúng ta, đặc biệt là ở phương Tây, nơi thể trí chiếm ưu thế) là không thể xác định và không phân biệt. Đây là một trạng thái tuyệt vời để khao khát khi một khi hương vị của nó, và một số nhận thức, dù mờ nhạt đến đâu, mang nó vào một loại quen thuộc để bạn có thể thấy mình, dù chỉ một phần, bắt đầu siêu việt sự tồn tại tách biệt.

How do the Zen Masters help their students? By contemplation, in silence, aided by some peculiar methods. They will tell a story, which you may follow quite well up to a certain point. Then quite suddenly there is a mental shock produced by an utterly ridiculous remark which has no place in the scheme of thought. And in that shocked state of the mind, the illumination can, it is affirmed, suddenly occur. These strange stories are called koans, and the Zen Masters use them to bring breaks in reasoning, acute surprises. An

Các Chân sư Thiền giúp đỡ học viên của mình như thế nào? Bằng sự chiêm ngưỡng, trong im lặng, được hỗ trợ bởi một số phương pháp đặc biệt. Các Ngài sẽ kể một câu chuyện, mà bạn có thể theo dõi khá tốt cho đến một điểm nhất định. Sau đó, đột nhiên có một cú sốc tinh thần do một nhận xét hoàn toàn lố bịch không có chỗ trong sơ đồ tư duy gây ra. Và trong trạng thái sốc của thể trí đó, sự soi sáng có thể, người ta khẳng định, đột ngột xảy ra. Những câu chuyện kỳ lạ này được gọi là koan, và các Chân sư Thiền sử dụng chúng để tạo ra những đột

example: A man was being chased by a furious tiger; he was fleeing across a plain and came to a deep ravine. He went over the lip of the ravine, where he found only a rather thin root of a plant which was just strong enough to hold him.

phá trong lý luận, những bất ngờ gay gắt. Một ví dụ: Một người đàn ông đang bị một con hổ hung dữ đuổi theo; y đang chạy trốn qua một đồng bằng và đến một khe núi sâu. Y đi qua mép khe núi, nơi y chỉ tìm thấy một cái rễ khá mỏng của một cái cây vừa đủ khỏe để giữ y.

There he was, with the tiger coming on. Then out came a mouse and began to gnaw at the root. But growing beside the root were some ripe, wild strawberries. The man reached out and took a strawberry. 'How delicious!' That is one example of a koan. There are many more and even better ones.

Y ở đó, với con hổ đang đến. Sau đó, một con chuột xuất hiện và bắt đầu gặm nhấm cái rễ. Nhưng mọc bên cạnh cái rễ là một vài quả dâu tây dại chín mọng. Người đàn ông vươn tay ra và lấy một quả dâu tây. 'Ngon quá!' Đó là một ví dụ về một koan. Có nhiều cái khác và thậm chí còn hay hơn.

It is interesting and helpful to learn how the sixth Patriarch, Hui Neng, achieved his position. The senior instructor of the monks at the Tung Ch'an Monastery, Shen Hsiu, was the candidate for the office of the sixth Patriarch, because the fifth holder of the office knew that he was going to withdraw. So he instructed all who wished to qualify for the high office to write a stanza, or *sutra,* on the wall of the monastery. This *sutra* must illustrate the writer's experience of the realisation of the essence of mind, or, as it is sometimes called, 'Buddha Nature'. In the middle of the night, Shen Hsiu wrote his *sutra* on the monastery wall:

Thật thú vị và hữu ích khi tìm hiểu cách vị Tổ thứ sáu, Huệ Năng, đạt được vị trí của mình. Người hướng dẫn cao cấp của các nhà sư tại Tu viện Tung Ch'an, Thần Tú, là ứng cử viên cho chức vị Tổ thứ sáu, bởi vì người nắm giữ chức vụ thứ năm biết rằng ông sẽ rút lui. Vì vậy, ông đã hướng dẫn tất cả những ai muốn đủ điều kiện cho chức vụ cao cả viết một khổ thơ, hoặc kinh, trên tường của tu viện. Kinh này phải minh họa kinh nghiệm của người viết về sự nhận ra bản chất của thể trí, hay, như đôi khi được gọi là, 'Phật tính'. Vào giữa đêm, Thần Tú đã viết kinh của mình lên tường tu viện:

Our body is the Bodhi Tree and our mind the mirror bright;

Thân ta là Cây Bồ Đề và thể trí ta là tấm gương sáng;

Carefully we wipe them hour by hour, and let no dust alight.

Chúng ta cẩn thận lau chúng từng giờ, và không để bụi bám vào.

I don't have to tell you what a failure that was, since it was completely in the realm of objects and things and existences. The fifth Patriarch knew at once that Shen Hsiu had not realized his essence of mind, his Buddha nature. Now, at the monastery there was a poor boy, Hui Neng, an illiterate, whose work it was to look after the servants' quarters and pound the

Tôi không cần phải nói cho bạn biết đó là một thất bại như thế nào, vì nó hoàn toàn nằm trong lĩnh vực đồ vật, sự vật và sự tồn tại. Vị Tổ thứ năm ngay lập tức biết rằng Thần Tú đã không nhận ra bản chất của thể trí, Phật tính của mình. Lúc bấy giờ, tại tu viện có một cậu bé nghèo, Huệ Năng, một người mù chữ, có công việc là chăm sóc khu nhà ở của người hầu

rice. He heard of the stanza of Shen Hsiu and stole quietly into the monastery hall to look at it. He asked a labourer to read it to him. And then, Hui Neng, who had realized his essence of mind, his Buddha Nature, asked the man to write his own stanza on the wall. What did he dictate? Was it anything to do with things and people and separate existences? Certainly not, for that would have been a complete failure. Here is the famous stanza of Hui Neng:

và giã gạo. Y nghe nói về bài kinh của Thần Tú và lặng lẽ lẻn vào sảnh tu viện để xem nó. Y nhờ một người lao động đọc nó cho y nghe. Và sau đó, Huệ Năng, người đã nhận ra bản chất của thể trí, Phật tính của mình, đã yêu cầu người đàn ông viết bài kinh của riêng mình lên tường. Y đã đọc chính tả điều gì? Nó có liên quan gì đến đồ vật, con người và sự tồn tại tách biệt không? Chắc chắn là không, vì đó sẽ là một thất bại hoàn toàn. Đây là bài kinh nổi tiếng của Huệ Năng:

There is no Bodhi Tree nor stand of a mirror bright,

Không có Cây Bồ Đề cũng không có giá đỡ của một tấm gương sáng,

Since all is void, where can the dust alight?

Vì tất cả đều là hư không, thì bụi có thể bám vào đâu?

The fifth Patriarch read Hui Neng's stanza and knew that he had realized his essence of mind and his Buddha Nature and that he was to be the next Patriarch. So he was appointed, and a very wonderful 'teacher' he proved to be. I strongly recommend *The Sutras of Hui Neng*[87] as among the finest expositions of Zen.

Vị Tổ thứ năm đọc bài kinh của Huệ Năng và biết rằng y đã nhận ra bản chất của thể trí và Phật tính của mình và rằng y sẽ là vị Tổ tiếp theo. Vì vậy, y đã được bổ nhiệm, và y đã chứng tỏ là một 'huấn sư' rất tuyệt vời. Tôi đặc biệt giới thiệu Kinh Huệ Năng là một trong những trình bày hay nhất về Thiền.

This idea of no-thing-ness ought not to be too strange and difficult for us. There are certain incidents in our Scriptures which seem, to me at least, to be very Zen-like. By that I mean that there are strange and apparently inconsequent utterances, wonderful in themselves but having no relation to the preceding sequence of ideas. For example, you remember that when Moses was on Mount Sinai and had received from the Lord God the Ten Commandments, the Lord said to him, 'Go down to your Israelites and tell them that I order them to live by these Ten Commandments'. So Moses (very boldly, it seems to me) said, 'What name shall I use, O Lord, to deliver your orders?' Then came the answer: 'I am that I am'. Although almost meaningless, the answer is really quite

Ý tưởng về sự không-phải-là-gì này không nên quá xa lạ và khó khăn đối với chúng ta. Có một số sự cố nhất định trong Kinh điển của chúng ta mà, ít nhất là đối với tôi, dường như rất giống Thiền. Ý tôi là có những lời nói kỳ lạ và dường như không liên quan, bản thân chúng rất tuyệt vời nhưng không liên quan đến chuỗi ý tưởng trước đó. Ví dụ, bạn nhớ rằng khi Moses ở trên Núi Sinai và đã nhận được Mười Điều Răn từ Thượng đế, Thượng đế đã nói với y, 'Hãy xuống với dân Israel của ngươi và nói với chúng rằng Ta ra lệnh cho chúng sống theo Mười Điều Răn này'. Vì vậy, Moses (rất táo bạo, theo tôi) đã nói, 'Con nên dùng tên gì, thưa Chúa, để truyền lệnh của Ngài?' Sau đó, câu trả lời đến: 'Ta là Đấng Ta là'. Mặc dù gần như vô nghĩa, nhưng câu trả lời thực sự khá tuyệt vời nếu chúng ta đi đến tận cùng trái tim của nó.

[87] *The Buddhist Society,* 58 Eccleston Square, London, S. W. I.

answer: 'I am that I am'. Although almost meaningless, the answer is really quite marvellous in itself if we go to the very heart of it. 'I am that I am'. I dare not comment except to say that it refers probably to the very inmost essence of everything. The story is a kind of koan.

nghĩa, nhưng câu trả lời thực sự khá tuyệt vời nếu chúng ta đi đến tận cùng trái tim của nó. 'Ta là Đấng Ta là'. Tôi không dám bình luận ngoại trừ việc nói rằng nó có lẽ đề cập đến bản chất sâu xa nhất của mọi thứ. Câu chuyện là một loại koan.

Again, the Lord Christ said, 'Before Abraham was, I am'. In terms of the mind, that remark does not seem to make sense, particularly grammatically. But if one meditates upon it, it can prove to be full of illumination. The incidents of the reappearance of the Lord Christ to the disciples after His resurrection include some surprises, for he first appeared, not to his mother, but to Mary Magdalene. At first she didn't know Him. Then He spoke to her: 'Mary! ' And at once she knew Him and cried, 'Rabboni! Master!' Jesus told her to go and gather all the disciples together in an upper room and he would come. When he later appeared, one of the disciples would not believe it was He. You remember that Thomas said (I continue to paraphrase): 'I will not believe that it is really you until I put my fingers in the wounds'. He was not rebuked:[88] 'Very well', answered Jesus. 'Here are the wounds in my hands, my feet, and my side'. And Thomas came and put his fingers in the various wounds. What happened? Apparently he had a Zen-like illumination, for he cried out, 'O Lord, my God!'

Một lần nữa, Đức Christ đã nói, 'Trước khi Abraham có, Ta là'. Về mặt thể trí, nhận xét đó dường như không có ý nghĩa, đặc biệt là về mặt ngữ pháp. Nhưng nếu người ta tham thiền về nó, nó có thể chứng tỏ là đầy soi sáng. Các sự cố về sự tái xuất hiện của Đức Christ cho các môn đệ sau khi Ngài phục sinh bao gồm một số bất ngờ, vì Ngài xuất hiện lần đầu tiên, không phải với mẹ Ngài, mà là với Mary Magdalene. Lúc đầu, Bà không nhận ra Ngài. Sau đó, Ngài nói với Bà: 'Mary!' Và ngay lập tức Bà nhận ra Ngài và kêu lên, 'Rabboni! Thưa Thầy!' Đức Jesus bảo Bà đi tập hợp tất cả các môn đệ lại trong một căn phòng trên lầu và Ngài sẽ đến. Khi Ngài xuất hiện sau đó, một trong những môn đệ đã không tin đó là Ngài. Bạn nhớ rằng Thomas đã nói (tôi tiếp tục diễn giải): 'Tôi sẽ không tin rằng đó thực sự là Ngài cho đến khi tôi đặt ngón tay vào các vết thương'. Y không bị khiển trách: 'Rất tốt', Đức Jesus trả lời. 'Đây là những vết thương trên tay, chân và sườn của Ta'. Và Thomas đến và đặt ngón tay vào các vết thương khác nhau. Điều gì đã xảy ra? Rõ ràng y đã có một sự soi sáng giống như Thiền, vì y đã kêu lên, 'Ôi Chúa, Thượng đế của con!'

Clearly this was a sudden elevation into a very 'lofty' state of consciousness.

Rõ ràng đây là một sự thăng hoa đột ngột vào một trạng thái tâm thức rất 'cao cả'.

So also Yuddhistera, a disciple of the Lord Sri Krishna, who in His presence exclaimed, 'Thou art not the Lord Sri Krishna! Thou art the Inner Ruler immortal, seated in the hearts

Yuddhistera cũng vậy, một môn đệ của Đức Sri Krishna, người trước sự hiện diện của Ngài đã thốt lên, 'Ngươi không phải là Đức Sri Krishna! Ngươi là Đấng Thống Trị Bên Trong bất tử, ngự

[88] cf. St Paul, 1 Thessalonians 5:21: 'Prove all things; hold fast that which is good'.

of all beings'. Thus forms and separated persons vanish, and Life is realized inwardly and found to be always and everywhere existent. Evidently there is a level of consciousness in which the concept of someone else—some other individual cannot be accepted. Up to the threshold and lower subplanes of *Atma* there can perhaps be the idea of two or more united persons, two Egos or Monads, but the 'higher', or more deeply 'inward' you go, the less this is true. Eventually there is a condition of being and consciousness called 'Buddha-knowledge' in which personal identity is merged in a quintessence of 'thusness' which includes all without separate existences—Zen consciousness.

trong trái tim của tất cả chúng sinh'. Như vậy, các hình tướng và những người tách biệt biến mất, và Sự Sống được nhận ra bên trong và được thấy là luôn luôn và ở khắp mọi nơi tồn tại. Rõ ràng có một cấp độ tâm thức trong đó khái niệm về một người nào đó khác—một cá nhân khác không thể được chấp nhận. Cho đến ngưỡng cửa và các cõi phụ thấp hơn của Atma, có lẽ có thể có ý tưởng về hai hoặc nhiều người hợp nhất, hai Chân ngã hoặc Chân thần, nhưng bạn càng 'cao hơn', hoặc càng 'vào trong' sâu sắc hơn, thì điều này càng ít đúng. Cuối cùng, có một trạng thái tồn tại và tâm thức được gọi là 'Phật trí' trong đó bản sắc cá nhân được hợp nhất trong một tinh túy của 'tính như thị' bao gồm tất cả mà không có sự tồn tại tách biệt—tâm thức Thiền.

Let us recall the familiar diagrammatic presentation of the principles of man, which is nearly wholly fallacious because it suggests levels and vehicles of consciousness as being one above the other, while in reality all occupy the same space, in terms of conceptual thinking.[5] At the physical level, one of the characteristics is our awareness of the existence of objects. This is true also at the Astral and Lower Mental levels, and as long as we live in this realm we cannot readily transcend the idea of separate objects.

Chúng ta hãy nhớ lại sơ đồ trình bày quen thuộc về các nguyên tắc của con người, gần như hoàn toàn sai lầm vì nó gợi ý các cấp độ và vận cụ của tâm thức như là cái này trên cái kia, trong khi trên thực tế tất cả đều chiếm cùng một không gian, về mặt tư duy khái niệm.5 Ở cấp độ thể xác, một trong những đặc điểm là nhận thức của chúng ta về sự tồn tại của các đồ vật. Điều này cũng đúng ở các cấp độ Cảm dục và Hạ trí, và chừng nào chúng ta còn sống trong cõi này, chúng ta không thể dễ dàng siêu việt ý tưởng về các đồ vật tách biệt.

When, however, we penetrate still more deeply to the core of our being, we come to the reincarnating Ego in the Causal Body. Now we are in the realm of abstract thought, where the sense of *things* begins to disappear altogether. We gradually withdraw, with whatever difficulty, from the limitation of objects toward realisation of that principle which is behind and within them. Then if we 'move' higher still, into our *Buddhic* nature, separativeness becomes less and less marked, and union becomes more and more obvious; but at this level there is something happening in our

Tuy nhiên, khi chúng ta thâm nhập sâu hơn nữa vào cốt lõi của bản thể mình, chúng ta đến với Chân ngã tái sinh trong Thể Nguyên Nhân. Giờ đây, chúng ta đang ở trong cõi của tư tưởng trừu tượng, nơi ý thức về mọi thứ bắt đầu biến mất hoàn toàn. Dù khó khăn đến đâu, chúng ta dần dần rút lui khỏi sự giới hạn của các đối tượng để hướng tới sự nhận biết về nguyên lý vốn ở đằng sau và bên trong chúng. Sau đó, nếu chúng ta "di chuyển" cao hơn nữa, vào bản chất Bồ đề của mình, thì tính cách biệt trở nên ngày càng ít rõ rệt hơn, và sự hợp nhất trở nên ngày càng hiển nhiên hơn; nhưng ở

hearts and minds and we say, 'We realise that there is but one life, one spirit-presence within and without all, having no boundaries'. Higher or deeper still, at the level of our spirit essence, *Atma,* we find—not union, because that suggests two things—but identity, One alone; only One. We are now getting very near, I presume, to the real concept of Zen consciousness which must be still deeper, at the very heart of all beings, where 'there isn't a Buddha, nor anything, nor thinking'.

cấp độ này, có điều gì đó đang xảy ra trong trái tim và trí óc của chúng ta và chúng ta nói, "Chúng ta nhận ra rằng chỉ có một sự sống, một sự hiện diện tinh thần bên trong và bên ngoài tất cả, không có ranh giới". Cao hơn hoặc sâu hơn nữa, ở cấp độ tinh chất tinh thần của chúng ta, Atma, chúng ta tìm thấy—không phải sự hợp nhất, bởi vì điều đó gợi ý hai điều—mà là sự đồng nhất, chỉ Một; chỉ Một. Tôi cho rằng, giờ đây chúng ta đang đến rất gần với khái niệm thực sự về tâm thức Thiền tông, vốn phải sâu sắc hơn nữa, ở ngay trung tâm của tất cả chúng sinh, nơi "không có Phật, cũng không có gì, cũng không có suy nghĩ".

If all the membranes enclosing all the cells of our bodies were to disappear, then all the protoplasm, which is the same in all the cells, would simply be seen as one undivided, unseparated wholeness. This faintly approaches the idea. It is not, I think, that the mind is put to sleep, but rather that it goes into a state of complete equilibrium in which it is neither creatively, positively active, nor wholly, negatively passive. It is like a still receptacle, for this 'inner' experience is entered when the mind becomes enfolded in stillness. And it is in that tranquil silence that the more deeply interior states of consciousness begin to be experienced, whether suddenly or gradually.

Nếu tất cả các màng bao bọc tất cả các tế bào của cơ thể chúng ta biến mất, thì tất cả chất nguyên sinh, vốn giống nhau trong tất cả các tế bào, sẽ chỉ đơn giản được nhìn thấy như một sự toàn vẹn không chia cắt, không tách rời. Điều này mơ hồ tiếp cận ý tưởng. Tôi không nghĩ rằng thể trí bị đưa vào giấc ngủ, mà đúng hơn là nó đi vào trạng thái cân bằng hoàn toàn, trong đó nó không hoạt động một cách sáng tạo, tích cực, cũng không hoàn toàn thụ động, tiêu cực. Nó giống như một vật chứa tĩnh lặng, vì kinh nghiệm "bên trong" này được đi vào khi thể trí trở nên bao bọc trong sự tĩnh lặng. Và chính trong sự tĩnh lặng yên bình đó mà những trạng thái tâm thức nội tại sâu sắc hơn bắt đầu được trải nghiệm, dù là đột ngột hay dần dần.

We can help ourselves to override mental habits by thinking and meditating quietly on such concepts as, say, 'everywhereness' or, as H. P. Blavatsky says, 'that which has its centre everywhere and its circumference nowhere'. Admittedly, this is beyond all normal thought processes, except perhaps those of the higher reaches of the abstract mind, where it merges into *Buddhi;* and it is this merging, melting, dissolving, that is sought. One characteristic of *Buddhic* consciousness is 'placelessness', or

Chúng ta có thể giúp bản thân vượt qua những thói quen trí tuệ bằng cách suy nghĩ và tham thiền một cách lặng lẽ về những khái niệm như, chẳng hạn, "tính ở khắp mọi nơi" hoặc, như Bà Blavatsky nói, "thứ có trung tâm ở khắp mọi nơi và chu vi của nó không ở đâu cả". Phải thừa nhận rằng, điều này vượt quá tất cả các quá trình tư duy thông thường, ngoại trừ có lẽ những quá trình tư duy ở những tầng cao hơn của trí trừu tượng, nơi nó hợp nhất vào Bồ đề; và chính sự hợp nhất, tan chảy, hòa tan này là

‘everywhereness’. Perhaps this is what the Lord Christ meant when He said, ‘The Son of Man hath nowhere to lay His head’. The ideal, I suggest, is to enter a state of everywhereness —placelessness—circumferencelessness—by sinking into a thought-free state and staying there as long as we can.

điều được tìm kiếm. Một đặc điểm của tâm thức Bồ đề là "tính vô định xứ", hay "tính ở khắp mọi nơi". Có lẽ đây là ý của Đức Christ khi Ngài nói, "Con Người không có nơi nào để gối đầu". Tôi gợi ý rằng, lý tưởng là đi vào trạng thái ở khắp mọi nơi—vô định xứ—vô chu vi—bằng cách chìm vào trạng thái không có tư tưởng và ở đó càng lâu càng tốt.

One of the difficulties of incarnation in our mortal bodies is that it imposes upon Egoic awareness all the limitations of the form world, filled as it is with objects—valuably, of course — but also with limitations. Our task is to transcend these limitations and realize circumferencelessness, everywhereness, homelessness, namelessness, nobodyness. The Zen idea, as I understand it, leads to the discovery that everywhere else is here; everytime is now; and that there is no such thing as outside or inside but only ‘allness’.

Một trong những khó khăn của việc nhập thể trong các thể xác phàm trần của chúng ta là nó áp đặt lên nhận thức chân ngã tất cả những giới hạn của thế giới hình tướng, vốn chứa đầy những đối tượng—tất nhiên là có giá trị—nhưng cũng có những giới hạn. Nhiệm vụ của chúng ta là vượt lên trên những giới hạn này và nhận ra tính vô chu vi, tính ở khắp mọi nơi, tính vô gia cư, tính vô danh, tính vô ngã. Ý tưởng Thiền tông, như tôi hiểu, dẫn đến việc khám phá ra rằng mọi nơi khác đều ở đây; mọi thời điểm là bây giờ; và không có thứ gọi là bên ngoài hay bên trong mà chỉ có "tất cả".

Thus Zen Yoga, as I understand it, is a means of learning to use the supramental levels of consciousness without the intervention of the mind. One has to avoid, override, and transcend the customary mental detour. Whether this comes as a result of a mental shock or gradually, there can be a moment when form and name vanish and one merges into a state where formlessness alone exists and one blends into something that I must not and cannot name. It is sometimes termed THAT, and one merges into the attributeless that. In order to do so, we have to overcome the habit of thinking about such Gradual School procedures as transcending the physical, emotional, and mental bodies and knowing oneself as the Spiritual Self, the Divine Self; for according to the Zen Sudden School one instantly is and knows oneself and all is undifferentiated, unparticled “THAT”. Thought processes fall into stillness and allow

Do đó, Thiền Yoga, như tôi hiểu, là một phương tiện để học cách sử dụng các cấp độ tâm thức siêu việt mà không cần sự can thiệp của thể trí. Người ta phải tránh, vượt qua và siêu việt lối đi vòng trí tuệ thông thường. Cho dù điều này đến như một kết quả của một cú sốc trí tuệ hay dần dần, có thể có một khoảnh khắc khi hình tướng và tên gọi biến mất và người ta hợp nhất vào một trạng thái nơi chỉ có sự vô tướng tồn tại và người ta hòa vào một thứ mà tôi không được phép và không thể gọi tên. Đôi khi nó được gọi là ĐÓ, và người ta hợp nhất vào cái ĐÓ vô thuộc tính. Để làm như vậy, chúng ta phải vượt qua thói quen suy nghĩ về các thủ tục của Trường Phái Tiệm Ngộ như siêu việt thể xác, thể cảm dục và thể trí và biết mình là Bản Thể Tinh Thần, Bản Thể Thiêng Liêng; vì theo Trường Phái Đốn Ngộ Thiền tông, người ta ngay lập tức là và biết mình và tất cả là "ĐÓ" không phân biệt, không phân mảnh. Các quá trình tư duy rơi vào tĩnh lặng

the Dweller in the universe to reveal Itself—in Its own terms, not in ours.

và cho phép Kẻ Chận Ngõ trong vũ trụ tiết lộ Chính Nó—theo cách riêng của Nó, không phải theo cách của chúng ta.

By daily practice, the Zen Masters tell us, we gradually escape from the habit of the mental detour and flash straight into the full realisation, as Hui Neng did, saying, 'There isn't a Bodhi tree nor a stand of mirror bright. Since all is void, where can the dust alight?' Or, 'There isn't a Buddha nor anything or thinking'.

Các Thiền sư nói với chúng ta rằng, bằng cách thực hành hàng ngày, chúng ta dần dần thoát khỏi thói quen đi đường vòng trí tuệ và lóe lên thẳng vào sự nhận biết đầy đủ, như Huệ Năng đã làm, nói rằng, "Vốn không có cây Bồ đề cũng không có giá gương sáng. Vì tất cả đều trống rỗng, thì bụi bám vào đâu được?" Hoặc, "Vốn không có Phật, cũng không có gì, cũng không có suy nghĩ".

Zen is not a system of philosophy. It is not an argument about planes of nature, states of being, other kinds of existences. Rather it is entry into a state which the Zen Masters can describe only in one word—the 'void'. But this 'void' of Zen is not of the nature of a black abyss, a bottomless pit. Rather it is vast and expansive, like space itself. Those who have entered it describe it as serene, all-pure, all-inclusive. It is not anything. When one is in it, it is said, the void is not a vacuum, not sheer emptiness, but a fullness. It is an experience in consciousness, a permanent bliss and happiness beyond normal human understanding. And after all, is not this what, in the ultimate, all intelligent people are seeking?

Thiền không phải là một hệ thống triết học. Nó không phải là một cuộc tranh luận về các cõi giới của tự nhiên, các trạng thái tồn tại, các loại hình tồn tại khác. Đúng hơn, nó là sự đi vào một trạng thái mà các Thiền sư chỉ có thể mô tả bằng một từ—"hư không". Nhưng "hư không" này của Thiền không phải là bản chất của một vực thẳm đen tối, một hố không đáy. Đúng hơn, nó rộng lớn và bao la, giống như chính không gian. Những người đã đi vào nó mô tả nó là thanh thản, thuần khiết, bao gồm tất cả. Nó không là gì cả. Người ta nói rằng, khi người ta ở trong đó, hư không không phải là một khoảng chân không, không phải là sự trống rỗng tuyệt đối, mà là một sự viên mãn. Đó là một kinh nghiệm trong tâm thức, một niềm hạnh phúc và hoan lạc vĩnh cửu vượt quá sự hiểu biết thông thường của con người. Và sau tất cả, chẳng phải đây là điều mà, cuối cùng, tất cả những người thông minh đang tìm kiếm sao?

Zen, or *Dhyana,* contemplation of the Highest, is a way leading past brain consciousness, logical reasoning, sensory experience, and earthly happiness into an awareness of ever-unfading transcendental bliss. The human intellect cannot enter into or lead to such an experience of what we might call 'wholeness'. The mind cannot realize that the universe,

Thiền, hay Dhyana, sự chiêm ngưỡng Đấng Tối Cao, là một con đường dẫn qua tâm thức bộ não, lý luận logic, kinh nghiệm giác quan và hạnh phúc trần thế vào sự nhận biết về niềm hoan lạc siêu việt không bao giờ phai nhạt. Trí tuệ con người không thể đi vào hoặc dẫn đến một kinh nghiệm như vậy về cái mà chúng ta có thể gọi là "sự toàn vẹn". Thể trí không thể

including all beings and all men, is rooted in an undifferentiated wholeness, totality, and this, I suggest, is the obstacle which only few are able to surpass; for it is a state of awareness in which the discursive intellect can have no part whatever. Nevertheless, this is the state toward which the world is tending. In modern literature, modern science, modern philosophy, we perceive indications that in certain minds this Zen consciousness is beginning to be experienced, or at least sought after and conceived.

nhận ra rằng vũ trụ, bao gồm tất cả chúng sinh và tất cả con người, bắt nguồn từ một sự toàn vẹn, toàn bộ không phân biệt, và tôi cho rằng, đây là trở ngại mà chỉ có một số ít người có thể vượt qua; vì đó là một trạng thái nhận biết trong đó trí tuệ biện giải không thể có bất kỳ vai trò nào. Tuy nhiên, đây là trạng thái mà thế giới đang hướng tới. Trong văn học hiện đại, khoa học hiện đại, triết học hiện đại, chúng ta nhận thấy những dấu hiệu cho thấy trong một số trí óc nhất định, tâm thức Thiền tông này đang bắt đầu được trải nghiệm, hoặc ít nhất là được tìm kiếm và hình dung.

Everywhere, throughout all systems of contemplation and mystic illumination there is this continual reiteration of the necessity for mental stillness—silence—in which the mind becomes enfolded as if it almost were dissolved into its origin. The Lord God speaks to the Psalmist: 'Be still and know that I am God'. Thought, rightly directed, can lead to the gateway of this truth, but it cannot accompany the traveller through the gateway. Even as the gateway is approached, the activity of the mind tends to become increasingly reduced. At the very threshold the mind fades away, as if non-existent or no longer usable. Thereupon everything separate vanishes. Only wholeness remains. Apparently it is this phasing out or, could I say, fading out of its own accord, of the mind which must occur in Zen, and I venture to think in all *dhyana,* quite naturally, as if it ceased to exist.

Ở khắp mọi nơi, trong tất cả các hệ thống chiêm ngưỡng và soi sáng huyền bí, có sự lặp lại liên tục về sự cần thiết của sự tĩnh lặng trí tuệ—sự im lặng—trong đó thể trí trở nên bao bọc như thể nó gần như tan biến vào nguồn gốc của nó. Đức Chúa Trời phán với Thánh Vịnh Gia: "Hãy yên lặng và biết rằng Ta là Thượng đế". Tư tưởng, được định hướng đúng đắn, có thể dẫn đến cổng vào chân lý này, nhưng nó không thể đồng hành cùng người lữ hành qua cổng. Ngay cả khi cổng đang đến gần, hoạt động của thể trí có xu hướng giảm dần. Ngay ngưỡng cửa, thể trí mờ dần, như thể không tồn tại hoặc không còn sử dụng được nữa. Sau đó, mọi thứ riêng biệt biến mất. Chỉ còn lại sự toàn vẹn. Rõ ràng, chính sự loại bỏ dần dần này hoặc, tôi có thể nói, sự mờ dần một cách tự nhiên của thể trí phải xảy ra trong Thiền tông, và tôi mạo muội nghĩ rằng trong tất cả dhyana, một cách khá tự nhiên, như thể nó không còn tồn tại nữa.

Theosophy in Australia, Volume 59, Issue 10, October 1971, p. 280

Thông Thiên Học ở Úc, Tập 59, Số 10, tháng 10 năm 1971, tr. [280]

179—

Nature and the Holy Eucharist—Bản chất và Thánh Thể

At an open air celebration of the Holy Eucharist in Java, the author was greatly

Tại một buổi cử hành Thánh Thể ngoài trời ở Java, tác giả đã vô cùng ấn tượng trước sự đáp

impressed by the response of Nature to the service.

ứng của Thiên Nhiên đối với buổi lễ.

Mass was celebrated in a garden high up on the slopes of Ardjoena mountain, named after Arjuna of *The Bhagavad-Gita.* The selected site for the temporary 'church' permitted a splendid view across a great plain to Mt Kawi and in the remote distance to Mt Semeroe.

Thánh lễ được cử hành trong một khu vườn trên cao trên sườn núi Ardjoena, được đặt theo tên Arjuna của The Bhagavad-Gita. Địa điểm được chọn cho "nhà thờ" tạm thời cho phép một tầm nhìn tuyệt vời trên một đồng bằng rộng lớn đến Núi Kawi và ở khoảng cách xa xôi đến Núi Semeroe.

In a talk after the service the author answered somewhat as follows a question concerning the extent and method of co-operation and communion between the Angels and nature spirits and the human participants in such a celebration.

Trong một cuộc nói chuyện sau buổi lễ, tác giả đã trả lời một câu hỏi về mức độ và phương pháp hợp tác và hiệp thông giữa các Thiên Thần và các tinh linh tự nhiên và những người tham gia là con người trong một buổi lễ như vậy như sau.

All the five kingdoms of Nature—mineral, vegetable, animal, human and *devic*—are helped greatly by the celebration of the Holy Eucharist. Divine power is outpoured, great blessings descend, and are received by all beings and all life within reach of their influence.

Tất cả năm giới của Thiên Nhiên—kim thạch, thực vật, động vật, con người và thiên thần—đều được giúp đỡ rất nhiều bởi việc cử hành Thánh Thể. Quyền năng thiêng liêng được tuôn đổ, những ân phước lớn lao giáng xuống và được tất cả chúng sinh và tất cả sự sống trong tầm ảnh hưởng của chúng đón nhận.

The *Devas* and nature-spirits participate in the distribution of the sacramental blessing and power throughout their own ranks, whence it is finally released into those aspects of Nature with which they are variously concerned.

Các Deva và các tinh linh tự nhiên tham gia vào việc phân phát ân phước và quyền năng bí tích trong hàng ngũ của họ, từ đó cuối cùng nó được giải phóng vào những khía cạnh của Thiên Nhiên mà họ quan tâm khác nhau.

The understanding of this type of co-operation between Angels and men demands some knowledge of the indwelling power, life and consciousness in Nature. Such knowledge is largely a matter of inner experience. Under certain conditions of consciousness the Life aspect, for example, becomes objectively visible, though the vision of it can only be imperfectly translated into brain consciousness and words. It may perhaps be described as an all-pervading, glowing, white-gold life-force, present in every atom, crystal and cell. As one watches it, physical forms

Sự hiểu biết về loại hợp tác này giữa các Thiên Thần và con người đòi hỏi một số kiến thức về quyền năng, sự sống và tâm thức nội tại trong Thiên Nhiên. Kiến thức như vậy phần lớn là vấn đề kinh nghiệm nội tâm. Trong những điều kiện tâm thức nhất định, khía cạnh Sự Sống, chẳng hạn, trở nên hữu hình một cách khách quan, mặc dù tầm nhìn về nó chỉ có thể được chuyển đổi một cách không hoàn hảo thành tâm thức và lời nói của bộ não. Có lẽ nó có thể được mô tả như một sinh lực trắng-vàng rực rỡ, tràn ngập tất cả, hiện diện trong mọi nguyên tử, tinh thể và tế bào. Khi người ta

tend to disappear, and one sees instead a vast sea of golden life. Examined closely, this is found to consist of myriads of points of light connected by lines of force, the whole making up an apparently infinite glowing web or network of exceedingly fine mesh pervading all worlds. Each of these points is a source of life, almost a sun, within which life is welling up from a still higher dimension, and thence flowing along the great web to constitute the hidden life in Nature. This whole ocean of light is intensely alive, thrilling, pulsing as the life-force flows throughout all creation. All physical objects, as well as the air, earth and waters of the world are seen to be filled (though this word does not convey the fact accurately, because it suggests duality) with this life.

quan sát nó, các hình tướng vật chất có xu hướng biến mất, và thay vào đó người ta thấy một biển sự sống vàng rộng lớn. Kiểm tra kỹ hơn, người ta thấy rằng nó bao gồm vô số điểm sáng được kết nối bằng các đường mãnh lực, toàn bộ tạo thành một mạng lưới hoặc mạng lưới phát sáng dường như vô tận với mắt lưới cực kỳ mịn bao trùm tất cả các thế giới. Mỗi điểm này là một nguồn sự sống, gần như là một mặt trời, bên trong đó sự sống đang trào dâng từ một chiều kích cao hơn nữa, và từ đó chảy dọc theo mạng lưới vĩ đại để cấu thành sự sống ẩn giấu trong Thiên Nhiên. Toàn bộ đại dương ánh sáng này vô cùng sống động, rung động, rung động khi sinh lực chảy khắp mọi sự sáng tạo. Tất cả các vật thể vật chất, cũng như không khí, đất và nước của thế giới đều được nhìn thấy là chứa đầy (mặc dù từ này không truyền tải sự thật một cách chính xác, vì nó gợi ý tính nhị nguyên) với sự sống này.

From a slightly different point of view this might be called the Sun aspect of Nature though in that the element of fire definitely enters. The Sun-fire can also be perceived in all natural forms, whether metal, jewel, flower, tree, animal or man, which then appear to be pervaded by and outlined in fire. In this state of consciousness one loses entirely the conception of the Sun as a separate globe shining in the sky, far away from the planets. The omnipresent Sun, the spiritual Sun, is gradually realized as Sun-consciousness is developed. Then one sees all Nature as part of the Sun. Deep down in the centre of the earth —returning to physical consciousness for a moment—exists a Sun-centre of fire and power, for the Sun is incarnate in each of the planets. In the higher consciousness the unity between these apparently separated manifestations of the Sun is realized. The whole creation is then known as one great Sun, all life as Sun-life and all beings as children of the Sun. All matter is seen to be

Từ một quan điểm hơi khác, điều này có thể được gọi là khía cạnh Mặt Trời của Thiên Nhiên mặc dù trong đó yếu tố lửa chắc chắn đi vào. Lửa Mặt Trời cũng có thể được nhận thấy trong tất cả các hình tướng tự nhiên, cho dù là kim loại, đá quý, hoa, cây, động vật hay con người, sau đó dường như được bao trùm và phác thảo bằng lửa. Trong trạng thái tâm thức này, người ta hoàn toàn mất đi quan niệm về Mặt Trời như một quả cầu riêng biệt chiếu sáng trên bầu trời, cách xa các hành tinh. Mặt Trời hiện hữu khắp nơi, Mặt Trời tinh thần, dần dần được nhận ra khi tâm thức Mặt Trời được phát triển. Sau đó, người ta thấy tất cả Thiên Nhiên là một phần của Mặt Trời. Sâu thẳm trong trung tâm của trái đất—quay trở lại tâm thức vật chất trong giây lát—tồn tại một trung tâm Mặt Trời của lửa và quyền năng, vì Mặt Trời được nhập thể trong mỗi hành tinh. Trong tâm thức cao hơn, sự thống nhất giữa những biểu hiện dường như tách biệt này của Mặt Trời được nhận ra. Toàn bộ sự sáng tạo sau đó được biết đến như một Mặt

aflame with the indwelling fire of the spiritual Sun. An inspired poet[89] truly sang:

Trời vĩ đại, tất cả sự sống là Sự Sống Mặt Trời và tất cả chúng sinh là con cái của Mặt Trời. Tất cả vật chất được nhìn thấy là bừng cháy với ngọn lửa nội tại của Mặt Trời tinh thần. Một nhà thơ đầy cảm hứng đã hát một cách chân thành:

Lo! Heaven and earth are burning, shining, filled

Kìa! Trời và đất đang bừng cháy, chiếu sáng, tràn ngập

With that surpassing glory which Thou art.

Với vinh quang vượt trội mà Ngài là.

Lost in its light each mortal weakness, stilled
Each rapt adoring heart.

Mất hút trong ánh sáng của nó, mỗi yếu đuối phàm trần, mỗi trái tim tôn thờ ngây ngất đều trở nên tĩnh lặng.

In this state of consciousness one may become aware in part of the eternal oblation, the everlasting celebration, which is the Eucharist of Nature. The whole Solar System is seen to be both altar and Host.

Trong trạng thái tâm thức này, người ta có thể nhận thức được một phần về lễ vật vĩnh cửu, buổi cử hành vĩnh hằng, vốn là Thánh Thể của Thiên Nhiên. Toàn bộ Hệ Mặt Trời được nhìn thấy là cả bàn thờ và Vật chủ.

All matter gradually becomes permeated with Sun-life as the continuous consecration of the material aspect of the Solar System proceeds, the Logos pouring out His life that His Universe may live. That transubstantiation for which, by the appropriate ritual and word, the priest becomes an agent in a moment of time, the Logos performs continuously throughout all Nature, matter gradually becoming more richly charged with His power, life and consciousness. All matter, therefore, is holy, every particle becoming increasingly filled with divine influence as the morning of God's day moves on to high noon. The Solar System is indeed a unit and that unit a veritable Host.

Tất cả vật chất dần dần trở nên thấm nhuần Sự Sống Mặt Trời khi sự thánh hiến liên tục của khía cạnh vật chất của Hệ Mặt Trời tiến triển, Thượng đế tuôn đổ sự sống của Ngài để Vũ Trụ của Ngài có thể sống. Sự biến đổi bản thể mà, bằng nghi thức và lời nói thích hợp, vị linh mục trở thành một tác nhân trong một khoảnh khắc thời gian, Thượng đế thực hiện liên tục trong khắp Thiên Nhiên, vật chất dần dần trở nên tích điện phong phú hơn với quyền năng, sự sống và tâm thức của Ngài. Do đó, tất cả vật chất đều thiêng liêng, mọi hạt đều ngày càng được lấp đầy bởi ảnh hưởng thiêng liêng khi buổi sáng của ngày của Thượng đế chuyển sang giữa trưa. Hệ Mặt Trời thực sự là một đơn vị và đơn vị đó là một Vật chủ thực sự.

This brings us to the subject of our study, for these two celebrations, the temporal and the

Điều này đưa chúng ta đến chủ đề nghiên cứu của chúng ta, vì hai buổi cử hành này, tạm thời

[89] Rev. Scott Moncrieff, St *Alban Hymnal.*

everlasting, are in reality one, the temporal being a localised and perhaps intensified manifestation of the everlasting, and doubtless assisting in its effectiveness each time it is performed. Thus the evolution of the whole of Nature is quickened every time the Holy Eucharist is celebrated, the degree of response depending upon the evolutionary stage. This response is relatively dull in the mineral kingdom, greater in the vegetable, still more so in the animal and greatest of all in self-conscious beings, such as *Devas* and men. At each celebration, the power of response is increased, and this is part of the great value to Nature of the Holy Eucharist.

và vĩnh hằng, thực sự là một, buổi cử hành tạm thời là một biểu hiện cục bộ và có lẽ được tăng cường của buổi cử hành vĩnh hằng, và chắc chắn hỗ trợ cho hiệu quả của nó mỗi khi nó được thực hiện. Do đó, sự tiến hóa của toàn bộ Thiên Nhiên được đẩy nhanh mỗi khi Thánh Thể được cử hành, mức độ đáp ứng tùy thuộc vào giai đoạn tiến hóa. Sự đáp ứng này tương đối chậm chạp trong giới kim thạch, lớn hơn trong giới thực vật, hơn nữa trong giới động vật và lớn nhất trong tất cả các chúng sinh tự ý thức, chẳng hạn như Deva và con người. Tại mỗi buổi cử hành, sức mạnh đáp ứng được tăng lên, và đây là một phần của giá trị lớn đối với Thiên Nhiên của Thánh Thể.

This might be illustrated by likening Nature to a plant which depends upon sunlight for its growth and final flowering. If after many cloudy days, the sun suddenly appears in all its brilliance the life-processes of the plant are greatly stimulated, as the experiments of Sir Jagadish Bose so clearly demonstrate. If in addition the sun could be brought right down to the plant without harming it, and the plant actually receive into itself directly and individually an added measure of sun-power, sun-life and sun-consciousness, then its whole growth would be stimulated and the flowered state more quickly attained. So also all Nature, and especially man, to whom at Holy Communion Christ our Lord, the Sun as also the Son, draws near in His own person with all His spiritually quickening power.

Điều này có thể được minh họa bằng cách ví von Thiên Nhiên với một cái cây vốn phụ thuộc vào ánh sáng mặt trời để tăng trưởng và nở hoa cuối cùng. Nếu sau nhiều ngày u ám, mặt trời đột nhiên xuất hiện trong tất cả vẻ rực rỡ của nó, các quá trình sống của cây sẽ được kích thích rất nhiều, như các thí nghiệm của Ngài Jagadish Bose đã chứng minh rất rõ ràng. Nếu ngoài ra, mặt trời có thể được đưa xuống ngay bên cạnh cây mà không gây hại cho nó, và cây thực sự tiếp nhận trực tiếp và riêng lẻ một lượng năng lượng mặt trời, sự sống mặt trời và tâm thức mặt trời được thêm vào, thì toàn bộ sự tăng trưởng của nó sẽ được kích thích và trạng thái nở hoa sẽ đạt được nhanh hơn. Vì vậy, tất cả Thiên Nhiên, và đặc biệt là con người, đối với những người mà tại Lễ Ban Thánh Thể, Đức Christ Chúa chúng ta, Mặt Trời cũng như Con, đến gần trong chính bản thân Ngài với tất cả quyền năng thúc đẩy tinh thần của Ngài.

Indeed the beneficent and quickening effect upon the indwelling life in Nature of the Presence of the Lord at the moment of consecration can be felt and even seen clairvoyantly for many miles around the Church, down in the depth of the earth and

Thật vậy, tác động có lợi và thúc đẩy sự sống nội tại trong Thiên Nhiên của Sự Hiện Diện của Đức Chúa tại thời điểm thánh hiến có thể được cảm nhận và thậm chí được nhìn thấy bằng thông nhãn trong nhiều dặm xung quanh Nhà thờ, xuống sâu trong lòng đất và

high up into the heavens. Everywhere within the reach of this influence, the golden glow of inner life increases in radiance, the indwelling consciousness is quickened and evolution is hastened on.

lên cao trên các tầng trời. Ở khắp mọi nơi trong phạm vi ảnh hưởng này, ánh sáng vàng của sự sống bên trong tăng thêm vẻ rạng rỡ, tâm thức nội tại được thúc đẩy và sự tiến hóa được đẩy nhanh.

Nature spirits and Angels are similarly affected, the general result being to lift them nearer to the next phase of their existence. For their order is hierarchical, with group consciousness in the nature spirits, individualised intelligence in the Angels, and universal or 'cosmic' consciousness in the Archangels. Nature spirits on the threshold of Angelhood might be carried over, as it were, into the next kingdom by the influence of the Mass.

Các tinh linh thiên nhiên và Thiên Thần cũng bị ảnh hưởng tương tự, kết quả chung là nâng họ đến gần hơn với giai đoạn tiếp theo trong sự tồn tại của họ. Vì trật tự của họ là thứ bậc, với tâm thức nhóm trong các tinh linh thiên nhiên, trí thông minh biệt ngã hóa trong các Thiên Thần và tâm thức phổ quát hay 'vũ trụ' trong các Tổng lãnh thiên thần. Các tinh linh thiên nhiên trên ngưỡng cửa của Thiên Thần có thể được mang qua, như thể, vào giới tiếp theo bởi ảnh hưởng của Thánh Lễ.

From these general observations, we may turn to the particular effects of this morning's service. Nature-spirits began to assemble in the garden in large numbers even before the service began. Since services are held regularly here and they have come to know of and enjoy them, they were naturally attracted by the preparations, and by the intent of all concerned. As might be expected in this lovely land of luxuriant tropical vegetation, fairies and tree-spirits predominated in this assembly, though representatives of each of the four elements were present, the gnomes, including quaint manikins, resembling the wayang figures, the undines, the sylphs and the salamanders.

Từ những quan sát chung này, chúng ta có thể chuyển sang những tác động cụ thể của buổi lễ sáng nay. Các tinh linh thiên nhiên bắt đầu tập hợp trong vườn với số lượng lớn ngay cả trước khi buổi lễ bắt đầu. Vì các buổi lễ được tổ chức thường xuyên ở đây và họ đã biết và thích chúng, nên họ đương nhiên bị thu hút bởi sự chuẩn bị và bởi ý định của tất cả những người liên quan. Như có thể mong đợi ở vùng đất đáng yêu này với thảm thực vật nhiệt đới tươi tốt, các nàng tiên và tinh linh cây chiếm ưu thế trong hội chúng này, mặc dù đại diện của mỗi trong bốn nguyên tố đều có mặt, các thần đất, bao gồm cả những hình nộm kỳ lạ, giống với các nhân vật wayang, các nữ thần nước, các yêu tinh gió và các kỳ nhông lửa.

In addition certain official representatives of earth, water, air and fire consciousness and life attended, as at every celebration, contributing their special power and leading and directing the participation in the service of their people and element. This participation is most noticeable at the offertorium, in which all Nature joins with man in offering and surrender to the Lord of Life. The earth

Ngoài ra, một số đại diện chính thức của tâm thức và sự sống đất, nước, khí và lửa đã tham dự, như tại mọi buổi cử hành, đóng góp sức mạnh đặc biệt của họ và dẫn dắt và chỉ đạo sự tham gia vào buổi lễ của người dân và nguyên tố của họ. Sự tham gia này đáng chú ý nhất tại lễ vật, trong đó tất cả Thiên Nhiên cùng với con người dâng hiến và đầu hàng trước Đức Chúa Tể Sự Sống. Lễ vật đất rất đáng chú ý

offering was very noticeable this morning. A mental, Astral and etheric funnel formed under the feet of the officiant and conveyed the power of earth into the stream of force flowing from earth to heaven; not infrequently, as this morning, this can actually be felt as an etheric trembling caused by the uprush of power from the earth. The priest and congregation can increase and intensify these offerings from the four elements, by deliberately evoking them at the offertorium and blending them with the human stream of love and worship which ascends to the Most High.

sáng nay. Một phễu trí tuệ, cảm dục và dĩ thái hình thành dưới chân người hành lễ và truyền tải sức mạnh của đất vào dòng mãnh lực chảy từ đất lên trời; không phải là không thường xuyên, như sáng nay, điều này thực sự có thể được cảm nhận như một sự rung động dĩ thái do sự trỗi dậy của quyền năng từ trái đất. Linh mục và giáo đoàn có thể tăng cường và đẩy mạnh những lễ vật này từ bốn nguyên tố, bằng cách cố ý gợi lên chúng tại lễ vật và hòa trộn chúng với dòng tình thương và sự tôn thờ của con người dâng lên Đấng Tối Cao.

Each element thus contributes its offering, which blends with ours; likewise each receives in fullest measure the blessing which later pours down in response. Nature spirits absorb a measure of this power, which they take back to their own field of activity. There it is liberated to bless and quicken the evolving life, providing a far wider distribution and larger sphere of influence for the forces of the ceremony than would be the case without the co-operation of the *Deva* kingdom of Nature.

Do đó, mỗi nguyên tố đóng góp lễ vật của nó, hòa quyện với lễ vật của chúng ta; tương tự, mỗi nguyên tố nhận được đầy đủ nhất phước lành sau đó tuôn đổ xuống để đáp lại. Các tinh linh thiên nhiên hấp thụ một lượng quyền năng này, mà họ mang trở lại lĩnh vực hoạt động của riêng mình. Ở đó, nó được giải phóng để ban phước và thúc đẩy sự sống đang tiến hóa, cung cấp một sự phân phối rộng hơn nhiều và phạm vi ảnh hưởng lớn hơn cho các mãnh lực của buổi lễ so với trường hợp không có sự hợp tác của giới thiên thần của Thiên Nhiên.

This morning the response from the mountains and mountain Gods appeared to me to be quite remarkable. First I felt the answer of Mt Kawi.[90] This mountain is a trinity in itself, the presiding *Deva* representing the first aspect and those of the two subsidiary peaks the second and third. Associated with each of these is a host of lesser mountain and landscape Angels, each responsible for a certain area of the mountain's mass. In addition there are

Sáng nay, sự đáp ứng từ những ngọn núi và các Thượng đế núi dường như khá đặc biệt đối với tôi. Đầu tiên tôi cảm thấy câu trả lời của Núi Kawi. Bản thân ngọn núi này là một bộ ba, vị thiên thần chủ trì đại diện cho phương diện thứ nhất và những vị của hai đỉnh phụ đại diện cho phương diện thứ hai và thứ ba. Liên kết với mỗi vị này là một đội quân các Thiên Thần núi và phong cảnh nhỏ hơn, mỗi vị chịu trách nhiệm cho một khu vực nhất định của khối núi. Ngoài ra, còn có vô số các tinh linh của cây

[90] "Mt Kawi is a three-peaked mountain, 7,950 ft. high, in full view of the garden in which the service was held, and some twenty miles away.

countless numbers of the spirits of the trees.

cối.

Furthermore, it seemed that from the very life and consciousness of the mountain itself, there came to be a distinctly perceptible response, especially at the moment of consecration. The presiding mountain *Devas* did not so much attend in person as direct their attention upon and into the celebration, participating from their stations at the peaks. The chief *Deva* directed into the church a stream of his life and consciousness and auric energies. These are dark blue to azure in colour, flashing with white fire and electric blue. This projected power enveloped the whole congregation, beautifying and enriching the superphysical edifice. This *Deva* appeared to be colossal in size and almost overpowering in force as if he were an embodiment of the power of the mountain itself, an incarnation of its consciousness.

Hơn nữa, dường như từ chính sự sống và tâm thức của ngọn núi, đã có một sự đáp ứng có thể nhận thấy rõ ràng, đặc biệt là vào thời điểm thánh hiến. Các thiên thần núi chủ trì không tham dự trực tiếp mà hướng sự chú ý của họ vào và trong buổi cử hành, tham gia từ các trạm của họ tại các đỉnh núi. Vị thiên thần trưởng hướng vào nhà thờ một dòng sự sống và tâm thức và năng lượng hào quang của Ngài. Chúng có màu xanh đậm đến xanh da trời, lóe lên ngọn lửa trắng và xanh điện. Quyền năng được phóng chiếu này bao trùm toàn bộ giáo đoàn, tô điểm và làm phong phú thêm công trình siêu vật chất. Vị thiên thần này dường như có kích thước khổng lồ và sức mạnh gần như áp đảo như thể Ngài là hiện thân của sức mạnh của chính ngọn núi, một hóa thân của tâm thức của nó.

The lesser *Devas* of this mountain and hosts of the tree spirits actually attended, joining the great company of the invisible congregation.

Các thiên thần nhỏ hơn của ngọn núi này và đội quân tinh linh cây thực sự đã tham dự, gia nhập vào đại hội chúng vô hình.

Response came also from the mountain on whose slopes we are assembled—Ardjoena.[91] The *Deva* of this peak seems very different in character from those on Mt Kawi; more aloof, more definitely First Ray and with a more concentrated power. The Kawi *Devas* shed upon us a friendly beneficent power; that of Ardjoena, whilst friendly, was more restrained and probably centred at a higher level of consciousness.

Sự đáp ứng cũng đến từ ngọn núi trên sườn dốc mà chúng ta đang tập hợp—Ardjoena. Vị thiên thần của đỉnh núi này dường như có tính cách rất khác so với những vị trên Núi Kawi; xa cách hơn, chắc chắn là Cung Một hơn và có một quyền năng tập trung hơn. Các thiên thần Kawi ban cho chúng ta một quyền năng thân thiện, nhân từ; quyền năng của Ardjoena, mặc dù thân thiện, nhưng kiềm chế hơn và có lẽ tập trung ở một cấp độ tâm thức cao hơn.

[91] Mt Ardjoena is 10,017 ft. high, the garden where the celebration of Mass took place on its slopes at a height of 4,200 ft.

From other mountains far away to the west response and participation were observable, including that from One whom I later recognized as the great *Deva* of Boro-Budur.[92]

Từ những ngọn núi khác ở xa về phía tây, có thể quan sát thấy sự đáp ứng và tham gia, bao gồm cả từ Một Đấng mà sau này tôi nhận ra là vị thiên thần vĩ đại của Boro-Budur.

As *Devas* and nature spirits from near and far thus shared in our worship the celebration assumed a magnitude far beyond anything visible at the physical level. The effects of the service were far-reaching indeed and were immeasurably enhanced by the co-operation of the *devic* hosts. The darkness which still hovers over this land was sensibly diminished, making human life happier and easier to live. The value of the Mass to the world can hardly be overestimated. It is indeed a mighty instrument placed in the hands of man by the Teacher of Angels and of Men.

Khi các thiên thần và tinh linh thiên nhiên từ gần và xa chia sẻ sự tôn thờ của chúng ta, buổi cử hành mang một tầm vóc vượt xa bất cứ điều gì có thể nhìn thấy ở cấp độ hồng trần. Tác động của buổi lễ thực sự sâu rộng và được tăng cường vô cùng nhờ sự hợp tác của các đội quân thiên thần. Bóng tối vẫn còn bao trùm vùng đất này đã giảm đi một cách rõ rệt, làm cho cuộc sống của con người hạnh phúc hơn và dễ sống hơn. Giá trị của Thánh Lễ đối với thế giới khó có thể được đánh giá quá cao. Nó thực sự là một công cụ mạnh mẽ được đặt vào tay con người bởi Huấn Sư của các Thiên Thần và Con Người.

As I watched this invisible side of the Holy Eucharist, I was deeply impressed by the great reverence which the *Devas* displayed, especially at the moment of consecration, when the Power and Presence of the Lord descended in light amongst us, radiant like a sun, with the Host at its heart. The *Devas* bowed low at this descent, and there seemed to fall a deep silence upon them and upon Nature as the Lord of Life appeared. The *Devas* also joined with us in fullest measure in the *adoremus* and *adeste fideles,* their participation being far more vivid than ours, bedulled as is our consciousness by incarnation in the flesh.

Khi tôi quan sát khía cạnh vô hình này của Lễ Thánh Thể, tôi đã vô cùng ấn tượng bởi sự tôn kính lớn lao mà các thiên thần thể hiện, đặc biệt là vào thời điểm thánh hiến, khi Quyền Năng và Sự Hiện Diện của Đức Chúa giáng xuống trong ánh sáng giữa chúng ta, rạng rỡ như một mặt trời, với Thánh Thể ở trung tâm của nó. Các thiên thần cúi đầu thấp khi giáng xuống, và dường như có một sự im lặng sâu sắc bao trùm lên họ và lên Thiên Nhiên khi Đức Chúa Tể Sự Sống xuất hiện. Các thiên thần cũng tham gia với chúng ta một cách đầy đủ nhất trong adoremus và adeste fideles, sự tham gia của họ sống động hơn nhiều so với chúng ta, vì tâm thức của chúng ta bị lu mờ bởi sự hóa thân trong xác thịt.

Communion with the *Devas,* and this does not demand clairvoyance, greatly increases the power of response to spiritual influences, for it temporarily lifts one out of purely human and bodily limitations and enables one to experience a measure of the joy and freedom of the Gods.

Sự hiệp thông với các thiên thần, và điều này không đòi hỏi thông nhãn, làm tăng đáng kể sức mạnh đáp ứng với những ảnh hưởng tinh thần, vì nó tạm thời nâng một người ra khỏi những giới hạn thuần túy của con người và thể xác và cho phép một người trải nghiệm một mức độ niềm vui và sự tự do của Các Thượng

[92] Java is a country of high and beautiful mountains, each with its splendid and generally very approachable mountain God. Kawi, Ardjoena, Semeroe, Merapi, Merbaboe, Oengaran, Soembing, Gedeh, Salak, all these and many others lend their beauty and special influence to the island. Over the evolving life and form of each presides one of the great fraternity of the mountain Gods, glorious beings, from whom much may be learned and much real light and strength received.

Communion with the *Devas,* and this does not demand clairvoyance, greatly increases the power of response to spiritual influences, for it temporarily lifts one out of purely human and bodily limitations and enables one to experience a measure of the joy and freedom of the Gods.

Sự hiệp thông với các thiên thần, và điều này không đòi hỏi thông nhãn, làm tăng đáng kể sức mạnh đáp ứng với những ảnh hưởng tinh thần, vì nó tạm thời nâng một người ra khỏi những giới hạn thuần túy của con người và thể xác và cho phép một người trải nghiệm một mức độ niềm vui và sự tự do của Các Thượng đế.

Such beings are potent allies in all good work and are ready indeed to co-operate with all who will call upon them to share in the service of the One Will. Ceremonial, intelligently performed, is one of the most effective ways of securing their co-operation and of acquiring the technique of working with them; it also is a most effective means of evoking great powers and of directing them abroad to dispel darkness and to shed light upon the world.

Những chúng sinh như vậy là những đồng minh mạnh mẽ trong mọi công việc tốt đẹp và thực sự sẵn sàng hợp tác với tất cả những ai sẽ kêu gọi họ chia sẻ trong sự phụng sự Ý Chí Duy Nhất. Nghi lễ, được thực hiện một cách thông minh, là một trong những cách hiệu quả nhất để đảm bảo sự hợp tác của họ và để có được kỹ thuật làm việc với họ; nó cũng là một phương tiện hiệu quả nhất để gợi lên những quyền năng vĩ đại và hướng chúng ra nước ngoài để xua tan bóng tối và chiếu sáng thế giới.

Ceremonial, unintelligently performed, degenerates into mere superstition; hence the necessity for and value of Theosophical teachings concerning the true nature of ritual.

Nghi lễ, được thực hiện một cách thiếu thông minh, thoái hóa thành mê tín dị đoan đơn thuần; do đó, sự cần thiết và giá trị của những lời dạy Thông Thiên Học liên quan đến bản chất thực sự của nghi lễ.

The Masonic Brotherhood is growing in numbers as members sense even whilst not actually understanding the power in their rites. An increasing number enter Co-Masonry where the inner truth is taught and followed. The day of powerful rituals is dawning, the day of conscious magic returning. We are even promised in the near future the re-establishment of the Ancient Mysteries. It is well, therefore, for those to whom such activities appeal, to study and to practise in preparation for the day most surely dawning when once more the ancient rites will be performed and once more Angels will walk with men.

Huynh đệ Đoàn Mason đang phát triển về số lượng khi các thành viên cảm nhận được ngay cả khi không thực sự hiểu được quyền năng trong các nghi lễ của họ. Ngày càng có nhiều người tham gia Đồng Mason, nơi chân lý nội tại được dạy và tuân theo. Ngày của những nghi lễ mạnh mẽ đang đến, ngày của huyền thuật có ý thức đang trở lại. Chúng ta thậm chí còn được hứa hẹn trong tương lai gần việc tái thiết lập Các Mật Truyền Cổ Xưa. Do đó, những người mà những hoạt động như vậy thu hút, nên nghiên cứu và thực hành để chuẩn bị cho ngày chắc chắn đang đến khi một lần nữa các nghi lễ cổ xưa sẽ được thực hiện và một lần nữa các Thiên Thần sẽ bước đi cùng con người.

The Theosophist, Vol. 55, September 1934, p.

The Theosophist, Tập. 55, tháng 9 năm 1934,

180—

Thoughts on the Symbolism of The Holy Grail—Những Suy Nghĩ về Biểu Tượng của Chén Thánh

In all matters of symbolism each student interprets the symbols according to his or her own light, and I can only offer some ideas as they occur to me. Macrocosmically and externally, as it were, the whole Solar System is as a chalice filled with the wine of universal Divine Life, whilst for man the microcosm the Holy Grail and its 'wine' are within him, part of his very nature. The cup itself is said to be an emblem of the Causal Body, receptacle for spiritual Life, symbolised in its turn by wine. This inner spiritual Life, *Buddhi* in one aspect, wells up from the highest levels of human nature in increasing fullness as evolution proceeds, the process being hastened when the Path is successfully trodden.

Trong tất cả các vấn đề về biểu tượng, mỗi đạo sinh giải thích các biểu tượng theo ánh sáng của riêng mình, và tôi chỉ có thể đưa ra một số ý tưởng khi chúng xuất hiện với tôi. Về mặt vĩ mô và bên ngoài, toàn bộ Hệ Mặt Trời giống như một chén thánh chứa đầy rượu của Sự Sống Thiêng Liêng phổ quát, trong khi đối với con người, tiểu thiên địa, Chén Thánh và 'rượu' của nó nằm bên trong y, một phần bản chất của y. Bản thân chiếc cốc được cho là một biểu tượng của Thể Nguyên Nhân, vật chứa cho Sự Sống tinh thần, đến lượt nó được tượng trưng bằng rượu. Sự Sống tinh thần bên trong này, Bồ đề trong một phương diện, trào dâng từ các cấp độ cao nhất của bản chất con người với sự viên mãn ngày càng tăng khi quá trình tiến hóa diễn ra, quá trình này được đẩy nhanh khi Thánh Đạo được bước đi thành công.

The radiant body of the Inner Self was called by the Gnostics 'The Robe of Glory' and by the Greeks 'the Augoeides', meaning the self-radiant, Divine Fragment. At a certain stage of human unfoldment *Buddhic* Consciousness is attained or, symbolically, Divine Wisdom as wine fills the chalice of the Causal Body or vesture of light. This is the true Holy Grail, which is within us; for the quest of and the discovery of the Grail is an experience in the interior consciousness, *Buddhic* consciousness in Theosophical parlance—which means the vision of the One Life throughout the Universe and within every individual.

Thể rạng rỡ của Nội Ngã được các nhà ngộ đạo gọi là 'Áo Choàng Vinh Quang' và người Hy Lạp gọi là 'Augoeides', có nghĩa là Mảnh Thiêng Liêng tự rạng rỡ. Ở một giai đoạn nhất định của sự khai triển của con người, Tâm thức Bồ đề đạt được hoặc, theo biểu tượng, Minh Triết Thiêng Liêng khi rượu đổ đầy chén thánh của Thể Nguyên Nhân hoặc y phục ánh sáng. Đây là Chén Thánh thực sự, vốn ở bên trong chúng ta; vì cuộc tìm kiếm và khám phá Chén Thánh là một trải nghiệm trong tâm thức nội tại, tâm thức Bồ đề theo cách nói của Thông Thiên Học—có nghĩa là tầm nhìn về Sự Sống Duy Nhất trong toàn Vũ Trụ và bên trong mỗi cá nhân.

Many references to this experience are found

Nhiều tài liệu tham khảo về trải nghiệm này

throughout the literature of the Ancient Mysteries. The Gnostic Book of the Saviours, *Pistis Sophia,* says: 'A higher power bringeth a Cup full of intuition and wisdom, and also prudence, and giveth it to the soul '. The Psalmist writes: 'I will take the cup of salvation and call upon the name of the Lord'. Evidently, this belongs to a very ancient symbology, coming down to us, doubtless; from the Ancient Mysteries of long ago and the Quest for the Holy Grail is the search for the Divine Wisdom and Love *within* the Higher Self of man.

The Grail legend, the supposed quest for the Chalice used by the Lord Christ at the Last Supper, may thus be regarded as an allegory of the Path of Discipleship and Initiation. If this is so, then Knighthood—being 'dubbed' or made a Knight might correspond to Discipleship, and finding the Grail to the First Great Initiation and experience of *Buddhic* consciousness. Thus read, the events and adventures related so graphically by Mallory in *Morte d'Arthur* and poetically by Tennyson in *The Idylls of the King* describe the interior changes which occur within aspirants, disciples and Initiates. King Arthur for example represents the Hierophant, the One Initiator, Earth's Spiritual King. Each Knight of his Round Table would then personify attributes, qualities powers and weaknesses of the neophyte. Sir Galahad thus portrays absolute purity, Percivale faith and steadfastness in the Quest, whilst Lancelot and Tristram, at first the perfection of knightliness, appear to have fallen for a time under the allurement of sensuality, typified by Guinevere and Isolda respectively. Parsifal personifies the wholly successful, spiritually awakened aspirant who resists all temptation and attains to Adeptship, as portrayed by Wagner in his Opera of that name.

được tìm thấy trong suốt văn học của Các Mật Truyền Cổ Xưa. Cuốn Sách Cứu Tinh Ngộ Đạo, Pistis Sophia, nói: 'Một quyền năng cao hơn mang đến một Chén đầy trực giác và minh triết, và cả sự thận trọng, và trao nó cho linh hồn'. Người viết Thánh Vịnh viết: 'Tôi sẽ cầm chén cứu độ và kêu cầu danh Chúa'. Rõ ràng, điều này thuộc về một hệ thống biểu tượng rất cổ xưa, chắc chắn đã đến với chúng ta; từ Các Mật Truyền Cổ Xưa từ lâu và Cuộc Tìm Kiếm Chén Thánh là cuộc tìm kiếm Minh Triết và Tình Thương Thiêng Liêng bên trong Thượng Ngã của con người.

Truyền thuyết về Chén Thánh, cuộc tìm kiếm được cho là về Chén Thánh được Đức Christ sử dụng trong Bữa Tiệc Ly, do đó có thể được coi là một phép ẩn dụ về Con Đường Đệ Tử và Điểm Đạo. Nếu đúng như vậy, thì Tước Hiệp Sĩ —được 'phong' hoặc được phong làm Hiệp Sĩ có thể tương ứng với Địa vị đệ tử, và việc tìm thấy Chén Thánh tương ứng với Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Đầu Tiên và trải nghiệm về tâm thức Bồ đề. Do đó, các sự kiện và cuộc phiêu lưu được Mallory kể lại một cách sinh động trong Morte d'Arthur và Tennyson một cách thi vị trong The Idylls of the King mô tả những thay đổi bên trong xảy ra bên trong những người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ. Ví dụ, Vua Arthur đại diện cho Thầy Khai Tâm, Đấng Điểm Đạo Duy Nhất, Vua Tinh Thần của Trái Đất. Mỗi Hiệp Sĩ của Bàn Tròn của Ngài sau đó sẽ nhân cách hóa các thuộc tính, phẩm chất, quyền năng và điểm yếu của người sơ cơ. Do đó, Ngài Galahad miêu tả sự thuần khiết tuyệt đối, Percivale đức tin và sự kiên định trong Cuộc Tìm Kiếm, trong khi Lancelot và Tristram, lúc đầu là sự hoàn hảo của tinh thần hiệp sĩ, dường như đã rơi vào sự quyến rũ của nhục dục trong một thời gian, được Guinevere và Isolda tượng trưng tương ứng. Parsifal nhân cách hóa người chí nguyện hoàn toàn thành công, thức tỉnh về mặt tinh thần, người chống lại mọi cám dỗ và đạt đến Địa vị

chân sư, như Wagner đã miêu tả trong vở Opera cùng tên của mình.

This view may be applied to the following passages from Tennyson's *The Idylls of the King,* in which Sir Percivale describes the formation of the Round Table in England after King Arthur arrived at manhood and drew the young nobles around him in a circle:

Quan điểm này có thể được áp dụng cho các đoạn sau đây từ The Idylls of the King của Tennyson, trong đó Ngài Percivale mô tả sự hình thành của Bàn Tròn ở Anh sau khi Vua Arthur đến tuổi trưởng thành và thu hút các quý tộc trẻ tuổi xung quanh mình thành một vòng tròn:

'Then the King in low deep tones, and simple words of great authority, bound them by so straight vows to his own self, that when they rose, knighted from kneeling, some were pale as at the passing of a ghost, some flushed, and others gazed, as one who waits half-blinded at the coming of a light. But when he spake and cheered his Table Round with large, divine, and comfortable words, beyond my tongue to tell thee—I beheld from eye to eye thro' all their Order flashed a momentary likeness of the King'.

'Sau đó, Nhà Vua bằng những giọng trầm thấp, sâu lắng và những lời lẽ đơn giản với uy quyền lớn lao, đã ràng buộc họ bằng những lời thề thẳng thắn như vậy với chính bản thân mình, đến nỗi khi họ đứng dậy, được phong tước hiệp sĩ từ việc quỳ gối, một số người tái nhợt như khi một bóng ma đi qua, một số người đỏ mặt, và những người khác nhìn chằm chằm, như một người đang chờ đợi nửa mù lòa khi ánh sáng đến. Nhưng khi Ngài nói và cổ vũ Bàn Tròn của mình bằng những lời lẽ rộng lớn, thiêng liêng và dễ chịu, vượt quá khả năng lưỡi của tôi để nói với bạn—tôi đã nhìn thấy từ mắt đến mắt xuyên suốt toàn bộ Trật Tự của họ lóe lên một sự giống nhau thoáng qua của Nhà Vua'.

In another passage, Sir Percivale says:

Trong một đoạn khác, Ngài Percivale nói:

'Then on a summer night it came to pass, while the great banquet lay along the hall that Galahad would sit down in Merlin's chair. And all at once, as there we say, we heard a cracking and riving of the roofs and rending, and a blast, and overhead thunder was a cry. And in the blast there smote along the hall a beam of light seven times more clear than day: and down the long beam stole the Holy Grail all over cover'd with a luminous cloud, and none might see who bare it and it passed. But every knight beheld his fellow's face as in a glory and all the knights arose and staring each at other like dumb men stood, till I found

'Rồi vào một đêm hè, chuyện xảy ra, trong khi yến tiệc linh đình trải dài khắp đại sảnh, Galahad sẽ ngồi vào ghế của Merlin. Và tất cả cùng một lúc, như chúng ta nói, chúng ta nghe thấy tiếng nứt và xé toạc mái nhà và xé toạc, và một tiếng nổ, và trên đầu tiếng sấm là một tiếng kêu. Và trong tiếng nổ, một luồng ánh sáng chiếu dọc theo đại sảnh, sáng hơn bảy lần so với ban ngày: và dọc theo luồng sáng dài, Chén Thánh trôi đi, tất cả đều được bao phủ bởi một đám mây phát sáng, và không ai có thể thấy ai mang nó và nó đã trôi qua. Nhưng mỗi hiệp sĩ đều nhìn thấy khuôn mặt của đồng đội mình như trong vinh quang và tất cả các hiệp

a voice and swear a vow. I swear a vow before them all, that I, because I had not seen the Grail, would ride a twelve month and a day in quest of it until I found and saw it. '

sĩ đều đứng dậy và nhìn chằm chằm vào nhau như những người câm lặng, cho đến khi tôi tìm thấy một giọng nói và thề một lời thề. Tôi thề một lời thề trước tất cả bọn họ, rằng tôi, vì tôi đã không nhìn thấy Chén Thánh, sẽ cưỡi ngựa mười hai tháng và một ngày để tìm kiếm nó cho đến khi tôi tìm thấy và nhìn thấy nó.'

Actually only Sir Galahad saw the Holy Grail at this tone, though the others were deeply affected in a mystical sense. Then, according to Sir Percivale, the King, doubtless testing them, speaks as follows:

Thực tế, chỉ có Ngài Galahad nhìn thấy Chén Thánh ở âm điệu này, mặc dù những người khác bị ảnh hưởng sâu sắc về mặt huyền bí. Sau đó, theo Ngài Percivale, Nhà Vua, chắc chắn là đang thử thách họ, nói như sau:

'Then when he asked us, knight by knight, if any had seen it, all their answers were as one: "Nay, Lord, and therefore have we sworn our vows". "Lo, Now", said Arthur, "have ye seen a cloud? What go ye into the wilderness to see?" Then Galahad on the sudden, and in a voice shrilling along the hall to Arthur, call'd "but I, Sir Arthur, saw the Holy Grail, I saw the Holy Grail and heard a cry—O Galahad, and O Galahad, follow me".'

'Sau đó, khi Ngài hỏi chúng ta, từng hiệp sĩ một, liệu có ai đã nhìn thấy nó không, tất cả câu trả lời của họ đều giống nhau: "Tâu Chúa Thượng, và vì vậy chúng con đã thề nguyện". "Này, bây giờ", Arthur nói, "các khanh đã thấy một đám mây? Các khanh vào vùng hoang dã để xem điều gì?" Sau đó, Galahad đột ngột, và bằng một giọng nói the thé dọc theo đại sảnh đến Arthur, gọi "nhưng tôi, Ngài Arthur, đã nhìn thấy Chén Thánh, tôi đã nhìn thấy Chén Thánh và nghe thấy một tiếng kêu—Ôi Galahad, và ôi Galahad, hãy theo ta".'

The First Great Initiation is thus allegorically described as though an external instead of the interior event which it really is. As Christians drink from the Chalice at Holy Communion they also may catch a glimpse of the Vision Splendid, have their Souls refreshed and their thirst for the inner Light and Life quenched from the 'fountain' of the Spirit, Life and Mind of God. Thus also the vision of the Holy Grail may be attained.

Cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại Thứ Nhất do đó được mô tả một cách ngụ ngôn như thể một sự kiện bên ngoài thay vì sự kiện nội tại mà nó thực sự là. Khi những người theo đạo Cơ đốc uống từ Chén Thánh trong Lễ Rước Lễ, họ cũng có thể thoáng thấy Viễn Cảnh Tuyệt Vời, có được Linh Hồn của họ được làm mới và cơn khát Ánh Sáng và Sự Sống bên trong của họ được dập tắt từ 'nguồn' của Tinh Thần, Sự Sống và Thể Trí của Thượng Đế. Như vậy, tầm nhìn về Chén Thánh cũng có thể đạt được.

The Theosophist, Vol. 88, January 1967 p. 251

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 88, tháng 1 năm 1967 tr. 251

181—

Sources of World Ceremonials and Maximum Effectiveness in their Performance—Nguồn Gốc của Các Nghi Lễ Thế Giới và Hiệu Quả Tối Đa trong Việc Thực Hiện Chúng

As I prepare this article, I find myself led in thought to those very early if not earliest records of occultly purposed ceremonial, the ancient mysteries. These were enacted in time worn temples by the initiated Hierophants for the benefit of the candidate. 'It was in the gloomy caverns of the Mysteries performed in Philae that the grand and mystic arcana of the goddess (Isis) were unfolded to the adoring aspirant, while the solemn hymn of initiation resounded through the long extent of these stony recesses'.[93] These beneficient institutions which existed at the heart of the civilisations of Egypt, Chaldea, and Greece, for example, were said to have been enacted for the instruction and the elevation of consciousness of their initiates.

Khi tôi chuẩn bị bài viết này, tôi thấy mình được dẫn dắt trong suy nghĩ đến những ghi chép rất sớm, nếu không muốn nói là sớm nhất về nghi lễ có mục đích huyền bí, những điều huyền bí cổ xưa. Chúng được ban hành trong các ngôi đền lâu đời bởi các Huynh Trưởng được điểm đạo vì lợi ích của người dự khảo. 'Chính trong những hang động u ám của các Nghi lễ được thực hiện ở Philae mà những bí ẩn vĩ đại và huyền bí của nữ thần (Isis) đã được mở ra cho người chí nguyện tôn thờ, trong khi bài thánh ca trang trọng của lễ điểm đạo vang vọng khắp chiều dài của những hốc đá này'. Những tổ chức nhân từ này tồn tại ở trung tâm của các nền văn minh Ai Cập, Chaldea và Hy Lạp, chẳng hạn, được cho là đã được ban hành để hướng dẫn và nâng cao tâm thức của những người được điểm đạo của họ.

Such, it is taught, were the chief spiritual purposes for the existence of the rituals of the mysteries and, therefore, of their continuing survivals—Freemasonry, ancient and modern, the ritual procedures of ecclesiastical services, the Orders of Chivalry, and, it would seem, the coronation of monarchs. These were, and still are, I submit, designed and performed in order to hasten the natural processes of spiritual, psychological, and cultural unfoldment—to increase the speed of the evolution of initiates. The true mysteries still exist, and Freemasonry is regarded by some as an unconscious witness to their existence in the past, for in its ritual there are traces of the old initiations, and, if interested, the Mason may find these as he reads *The Egyptian Book of the Dead* and other ancient

Người ta dạy rằng, đó là những mục đích tinh thần chính cho sự tồn tại của các nghi lễ của những điều huyền bí và do đó, sự sống còn tiếp tục của chúng—Hội Tam Điểm, cổ xưa và hiện đại, các thủ tục nghi lễ của các buổi lễ giáo hội, các Dòng Hiệp Sĩ và dường như là lễ đăng quang của các quốc vương. Tôi xin trình bày rằng, chúng đã, và vẫn đang được thiết kế và thực hiện để đẩy nhanh các quá trình tự nhiên của sự khai triển tinh thần, tâm lý và văn hóa —để tăng tốc độ tiến hóa của những người được điểm đạo. Những điều huyền bí thực sự vẫn tồn tại và Hội Tam Điểm được một số người coi là một nhân chứng vô thức cho sự tồn tại của chúng trong quá khứ, vì trong nghi lễ của nó có dấu vết của các cuộc điểm đạo cũ và nếu quan tâm, Hội viên Tam Điểm có thể tìm thấy những điều này khi Ông đọc Cuốn

93 *The Theosophical Glossary,* H. P. Blavatsky.

writings. Thus, as suggested above, the purpose for which occult ceremonials are performed is to increase the speed of the evolution of initiates, and this is achieved by the three processes of physical, moral, and cultural preparations, successive degrees of initiation, and the training by which these are accompanied.

Sách của Người Chết Ai Cập và các tác phẩm cổ khác. Như vậy, như đã gợi ý ở trên, mục đích mà các nghi lễ huyền bí được thực hiện là để tăng tốc độ tiến hóa của những người được điểm đạo và điều này đạt được bằng ba quá trình chuẩn bị về thể chất, đạo đức và văn hóa, các cấp độ điểm đạo kế tiếp và sự huấn luyện đi kèm với chúng.

What then, is the ultimate objective? In terms of consciousness, it is *realized oneness with the Divine throughout all nature and within the bodily Personality.* This is the consummation of all spiritual endeavour, whether purely mystical, ceremonial, or an intelligent blend of both of these, for this extremely lofty state of awareness can indeed be achieved. Man-spirit and God-spirit are one Spirit. In Hinduism, God (*Brahman*) is affirmed to be 'the Inner Ruler Immortal seated in the hearts of all beings'. Because of its paramount importance, this affirmation is referred to as 'The Royal Secret', 'The Sovereign Truth'. In Freemasonry, it is alluded to as 'The Lost Word'. In terms of transcendental consciousness, realisation of this unity with the Divine is the summit of all human achievement. As will later be discussed, words uttered and ritual-actions performed with will and understanding are capable of elevating the ceremonialist to direct experience of this sublime revelation.

Vậy thì, mục tiêu cuối cùng là gì? Về mặt tâm thức, đó là sự hợp nhất được nhận ra với Đấng Thiêng Liêng trong khắp thiên nhiên và bên trong Phàm ngã thể xác. Đây là sự hoàn thành của mọi nỗ lực tinh thần, dù là thuần túy thần bí, nghi lễ hay sự pha trộn thông minh của cả hai điều này, vì trạng thái nhận thức cực kỳ cao cả này thực sự có thể đạt được. Nhân-tinh thần và Thượng đế-tinh thần là một Tinh Thần. Trong Ấn Độ giáo, Thượng đế (Brahman) được khẳng định là 'Đấng Thống Trị Bên Trong Bất Tử ngự trong trái tim của tất cả chúng sinh'. Vì tầm quan trọng hàng đầu của nó, lời khẳng định này được gọi là 'Bí Mật Hoàng Gia', 'Chân Lý Tối Thượng'. Trong Hội Tam Điểm, nó được ám chỉ là 'Linh Từ Đã Mất'. Về mặt tâm thức siêu việt, sự nhận ra sự hợp nhất này với Đấng Thiêng Liêng là đỉnh cao của mọi thành tựu của con người. Như sẽ được thảo luận sau, những lời nói được thốt ra và những hành động nghi lễ được thực hiện bằng ý chí và sự thấu hiểu có khả năng nâng người thực hành nghi lễ lên trải nghiệm trực tiếp về sự mặc khải tuyệt vời này.

Since it is affirmed that Freemasonry, including Co-Masonry,[94] is indeed a survival of the ancient mysteries, some explanatory references may be appropriate. The word 'mysteries'[95] is derived from the Greek *muo,* 'to close the mouth', and every symbol connected with them had a hidden meaning. These

Vì người ta khẳng định rằng Hội Tam Điểm, bao gồm cả Đồng Hội Tam Điểm, thực sự là một sự sống sót của những điều huyền bí cổ xưa, một số tài liệu tham khảo giải thích có thể phù hợp. Từ 'những điều huyền bí' có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp muo, 'để ngậm miệng', và mọi biểu tượng liên quan đến chúng đều có

[94] Co-Masonry was founded in the year 1893 and is characterised by the admission of women to the hitherto exclusively 'masculine' order of Freemasonry.

sacred rituals were enacted in the ancient temples by initiated Hierophants[96] for the benefit and instruction of the candidates. They included a series of secret dramatic performances in which the procedures of cosmogony and nature were personified by the priests and neophytes. These are both explained in their hidden meanings to the candidates for initiation, and incorporated into philosophical doctrines. This produced a profound spiritual and psychological regeneration, as a result of which a new 'birth', a new beginning, and a new life were entered upon.

một ý nghĩa ẩn giấu. Những nghi lễ thiêng liêng này đã được ban hành trong các ngôi đền cổ xưa bởi các Huynh Trưởng được điểm đạo vì lợi ích và sự hướng dẫn của những người dự khảo. Chúng bao gồm một loạt các buổi biểu diễn kịch bí mật, trong đó các thủ tục của vũ trụ luận và tự nhiên được nhân cách hóa bởi các linh mục và người sơ cơ. Cả hai điều này đều được giải thích trong ý nghĩa ẩn giấu của chúng cho những người dự khảo để điểm đạo và được kết hợp vào các học thuyết triết học. Điều này tạo ra một sự tái tạo tâm lý và tinh thần sâu sắc, kết quả là một 'sự ra đời' mới, một khởi đầu mới và một cuộc sống mới đã được bắt đầu.

The Greek mysteries included the Dionysian or Bacchic, Orphic, Samothracian, and Eleusinian. They were ceremonial observances, generally kept secret from the profane and uninitiated, in which were taught by dramatic representation and other methods the origin of things, the nature of the human spirit, its relation to the body, and the method of its purification and restoration to a higher life. All ancient mysteries were regarded as the guardians of a transcendental knowledge so profound as to be incomprehensible save to the most exalted intellect, and so potent as to be revealed with safety only to those in whom personal ambition was dead, and who had consecrated their lives to the unselfish service of humanity.

Những điều huyền bí của Hy Lạp bao gồm Dionysian hay Bacchic, Orphic, Samothracian và Eleusinian. Chúng là những nghi lễ, thường được giữ bí mật với những người phàm tục và chưa được điểm đạo, trong đó nguồn gốc của mọi thứ, bản chất của tinh thần con người, mối quan hệ của nó với thể xác và phương pháp thanh lọc và phục hồi nó để có một cuộc sống cao hơn đã được dạy bằng cách trình bày kịch tính và các phương pháp khác. Tất cả những điều huyền bí cổ xưa đều được coi là người bảo vệ một kiến thức siêu việt sâu sắc đến mức không thể hiểu được ngoại trừ đối với trí tuệ cao siêu nhất và mạnh mẽ đến mức chỉ được tiết lộ một cách an toàn cho những người mà tham vọng cá nhân đã chết và những người đã hiến dâng cuộc đời mình cho sự phụng sự vô vị lợi của nhân loại.

What was the nature of the personal revelations made to the candidates as they passed through the supreme experience of initiation? All writers, especially the initiates

Bản chất của những mặc khải cá nhân được thực hiện cho những người dự khảo khi họ trải qua trải nghiệm tối cao của lễ điểm đạo là gì? Tất cả các nhà văn, đặc biệt là chính những

---

[95] q.v. *The Eleusinian and Bacchis Mysteries,* Thomas Taylor, *The Mysteries ofEleusis,* George Meautis, Professor at the University of Neuchatel, Germany

[96] *Hierophant* (Greek) One who explains sacred things.

themselves, answer with one voice: 'No one has ever revealed the nature of the sacred ritual'. Cicero (Roman philosopher and orator, 106-43 B.C.) was able, however, to write in his *De Legibus* (11, 14), 'Though Athens brought forth numerous divine things, yet she never created anything nobler than those sublime Mysteries through which we have advanced from a barbarous and rustic life to a civilised one, so that we not only live more joyfully but also die with a better hope'. Pindar (Greek lyric poet, 522-443 B.C.) wrote: 'Happy is he who has seen the Mysteries before being buried underneath the earth; he knows the end of life, and he knows its beginning given by Zeus'. And Sophocles (Athenian dramatist, 495-406 B.C.) wrote: 'Thrice happy are the mortals who depart to the abode of Hades[97] after having seen the Mysteries'.

người được điểm đạo, đều trả lời bằng một giọng nói: 'Không ai từng tiết lộ bản chất của nghi lễ thiêng liêng'. Cicero (nhà triết học và nhà hùng biện La Mã, 106-43 trước Công nguyên) đã có thể viết trong De Legibus của Ông (11, 14), 'Mặc dù Athens đã tạo ra nhiều điều thiêng liêng, nhưng Bà chưa bao giờ tạo ra bất cứ điều gì cao quý hơn những Điều Huyền Bí cao cả đó mà qua đó chúng ta đã tiến bộ từ một cuộc sống man rợ và thôn dã đến một cuộc sống văn minh, để chúng ta không chỉ sống vui vẻ hơn mà còn chết với một hy vọng tốt đẹp hơn'. Pindar (nhà thơ trữ tình Hy Lạp, 522-443 trước Công nguyên) đã viết: 'Hạnh phúc thay cho người đã nhìn thấy những Điều Huyền Bí trước khi bị chôn vùi dưới lòng đất; y biết kết thúc của cuộc đời và y biết sự khởi đầu của nó do Zeus ban cho'. Và Sophocles (nhà viết kịch người Athens, 495-406 trước Công nguyên) đã viết: 'Ba lần hạnh phúc cho những người phàm trần rời đến nơi ở của Hades sau khi đã nhìn thấy những Điều Huyền Bí'.

Such, as far as has ever been known, were the sacred institutions of old, and the validity[98] of their claim to possession of universal wisdom is attested by the most illustrious philosophers of antiquity, who were themselves initiated into the profundities of the secret doctrine, and who bore witness to its efficacy. Evidently, as one reads from various sources, those who were initiated into the great mysteries perceived a wonderful light. Purer regions were reached; sacred words and divine visions inspired a holy awe. Then the man or woman, perfected and initiated, free and able to move without constraint, celebrated the mysteries with a crown on his head, he lived among pure men and saints; he saw on earth the many who had not been

Đó là những tổ chức thiêng liêng của thời xưa, theo như những gì đã từng được biết và tính hợp lệ trong tuyên bố của họ về việc sở hữu trí tuệ phổ quát được chứng thực bởi các nhà triết học lỗi lạc nhất của thời cổ đại, những người đã được điểm đạo vào sự sâu sắc của giáo lý bí mật và những người đã làm chứng cho hiệu quả của nó. Rõ ràng, khi người ta đọc từ nhiều nguồn khác nhau, những người được điểm đạo vào những điều huyền bí vĩ đại đã nhận thấy một ánh sáng kỳ diệu. Những vùng tinh khiết hơn đã đạt được; những lời thiêng liêng và những khải tượng thiêng liêng đã truyền cảm hứng cho một sự kinh hoàng thánh thiện. Sau đó, người đàn ông hoặc phụ nữ, hoàn thiện và được điểm đạo, tự do và có thể di chuyển mà không bị gò bó, đã cử hành những điều huyền

[97] Hades (Greek) The kingdom of the sea, the underworld.

[98] Occult systems accepted and employed by Earth's Adepts.

initiated and purified, buried in darkness and, through fear of death, clinging to their ills for want of belief in the happiness of the beyond.

bí với một chiếc vương miện trên đầu, y sống giữa những người thuần khiết và các vị thánh; y đã nhìn thấy trên trái đất nhiều người chưa được điểm đạo và thanh lọc, bị chôn vùi trong bóng tối và, vì sợ chết, bám vào những căn bệnh của họ vì thiếu niềm tin vào hạnh phúc của thế giới bên kia.

Signs are not wanting that the mystery tradition has in various forms survived through the ages and is tending to become more evident in modern days. In medieval times, passage through the stages of Page, Companion, Esquire, followed by the practice of Vigil, led to admission to the presence of the King, the receipt of the touch of the sword upon the crown of his head, and 'dubbing' or naming as a royally-proclaimed Knight. Interpreted according to the mystery tradition of which the Order of Chivalry is still an active survival, these achievements and experiences are descriptive of developments of progressions that occur within the spiritual self of the man or woman upon whom in entire secrecy initiation into the greater mysteries is conferred.

Không thiếu những dấu hiệu cho thấy truyền thống huyền bí dưới nhiều hình thức khác nhau đã tồn tại qua các thời đại và có xu hướng trở nên rõ ràng hơn trong thời hiện đại. Vào thời trung cổ, việc vượt qua các giai đoạn Đồng ấu, Bạn Đồng Hành, Hộ Vệ, tiếp theo là việc thực hành Canh Thức, đã dẫn đến việc được chấp nhận vào sự hiện diện của Nhà Vua, việc nhận được sự chạm của thanh kiếm lên đỉnh đầu và 'phong tước' hoặc đặt tên là một Hiệp Sĩ được tuyên bố theo hoàng gia. Được giải thích theo truyền thống huyền bí mà Dòng Hiệp Sĩ vẫn là một sự sống sót tích cực, những thành tựu và kinh nghiệm này mô tả sự phát triển của những tiến triển xảy ra bên trong bản ngã tinh thần của người đàn ông hoặc phụ nữ mà trong sự bí mật hoàn toàn, lễ điểm đạo vào những điều huyền bí vĩ đại hơn được trao cho.

The King personifies both the interior 'royal' spiritual Will of man (*Atma*[99]) and the Hierophant by whom the rite of initiation is performed. By means of the touch of the sword upon the crown of the head, the occultly regenerating power is brought actively to bear upon the physical body of the newly initiated 'Knight', who, after requisite tests, has proven to be worthy of the privilege. The effect of this is to bring the inward kingly power—the *Atma*—into manifestation within the waking consciousness of the bodily person. When performed according to a well established religious ceremony, coronation may in its turn be regarded as a survival from

Nhà Vua nhân cách hóa cả Ý Chí tinh thần 'hoàng gia' bên trong của con người (Atma) và Huynh Trưởng, người mà nghi thức điểm đạo được thực hiện. Bằng phương tiện chạm thanh kiếm lên đỉnh đầu, quyền năng tái tạo huyền bí được đưa vào tác động tích cực lên thể xác của 'Hiệp Sĩ' mới được điểm đạo, người mà sau các bài kiểm tra cần thiết, đã chứng tỏ là xứng đáng với đặc ân này. Hiệu quả của điều này là đưa quyền năng vương giả bên trong—Atma—vào sự biểu hiện bên trong tâm thức thức tỉnh của con người thể xác. Khi được thực hiện theo một nghi lễ tôn giáo được thiết lập tốt, lễ đăng quang đến lượt nó có thể được coi là một sự sống sót từ những điều huyền bí cổ xưa, một

[99] *Atma* (Sanskrit) Universal spirit, the divine Monad, Monadic will.

the ancient mysteries, a ritual entry upon those more lofty stages of evolution that follow the attainment of 'The measure of the stature of the fullness of Christ'.[100]

nghi lễ bước vào những giai đoạn tiến hóa cao cả hơn theo sau việc đạt được 'Tầm vóc của sự viên mãn của Đức Christ'.

A Poet Laureate of England, Alfred Lord Tennyson—once said to have been an Initiate himself—describes the Ceremony of Knighting or 'Dubbing' as performed by King Arthur for members of his Round Table, itself a survival of the ancient mysteries. The Knight, Sir Bedivere, watching the ceremony, is made to say:

Một Nhà Thơ được vinh danh của nước Anh, Alfred Lord Tennyson—người từng được cho là một người được Điểm Đạo—mô tả Nghi Lễ Phong Tước Hiệp Sĩ hay 'Dubbing' do Vua Arthur thực hiện cho các thành viên của Bàn Tròn của Ngài, bản thân nó là một sự sống sót của những điều huyền bí cổ xưa. Hiệp Sĩ, Ngài Bedivere, theo dõi buổi lễ, được cho là nói:

Then the King in low deep tones,

Sau đó, Nhà Vua bằng những giọng trầm thấp,

and simple words of great authority,

và những lời đơn giản với uy quyền lớn lao,

Bound them by so strait vows to his own self,

Ràng buộc họ bằng những lời thề thẳng thắn như vậy với chính Ngài,

That when they rose, knighted from kneeling, some

Rằng khi họ đứng dậy, được phong tước hiệp sĩ từ việc quỳ gối, một số người

Were pale as at the passing of a ghost,

Xanh xao như khi một bóng ma đi qua,

Some flush'd and others dazed, as one who wakes

Một số người đỏ mặt và những người khác choáng váng, như một người thức dậy

Half-blinded at the coming of a light.

Nửa mù khi ánh sáng đến.

But when he spake and cheer'd his Table Round

Nhưng khi Ngài nói và cổ vũ Bàn Tròn của Ngài

With large, divine, and comfortable words,

Với những lời lớn lao, thiêng liêng và thoải mái,

Beyond my tongue to tell thee—I beheld

Vượt quá lưỡi của tôi để nói với khanh—tôi đã thấy

From eye to eye thro' all their Order flash

Từ mắt đến mắt xuyên suốt Dòng của họ lóe lên

---

[100] Ephesians 4:13.

A momentary likeness of the King.[101]

Man's search for truth may lead him along one or more of many pathways. These include ritual, or spiritual and occult ceremonial; profound inward contemplation and the practice of the seven forms of yoga; the study and application to life of the writings of the sages of old and their successors; and experimentation with the science of Alchemy, by which it is claimed not only minerals but man's grosser nature or 'base metals' may be transmuted into the pure 'gold' of spiritual wisdom. Whichever of these pathways is followed, one truth eventually becomes clear to the student—namely, *everything that is sought, be it power, wisdom, knowledge, or 'gold', resides within the seeker himself.*

While external evidence for and manifestations of this one truth may valuably be studied, to be successful the search itself must be *inwardly directed,* for the pathway to the threefold (power, wisdom, knowledge) leads more and more deeply into the interior nature of every human being. The advice 'Look within, there thou art Buddha', and 'Christ in you the hope of glory',[102] are the directions which must eventually—and one may add, exclusively—be intelligently accepted. Man is indeed an epitome of the whole of nature, a model in miniature of the totality of the universe. Eventually the aspirant for truth itself ceases to explore the many outward-leading pathways and turns his whole attention within, to THAT of which he is an incarnation. Nevertheless, for certain temperaments—Seventh Ray[103], perhaps—both the discovery of truth and its declaration efficiently achieved by means of ceremonial

Một sự giống nhau thoáng qua của Nhà Vua.

Sự tìm kiếm chân lý của con người có thể dẫn y đi dọc theo một hoặc nhiều trong số nhiều con đường. Chúng bao gồm nghi lễ, hoặc nghi lễ tinh thần và huyền bí; sự chiêm ngưỡng nội tâm sâu sắc và thực hành bảy hình thức yoga; việc nghiên cứu và ứng dụng vào cuộc sống các tác phẩm của các nhà hiền triết thời xưa và những người kế nhiệm họ; và thử nghiệm với khoa học Giả Kim Thuật, mà theo đó người ta tuyên bố không chỉ các khoáng chất mà cả bản chất thô thiển hơn của con người hoặc 'kim loại cơ bản' có thể được chuyển hóa thành 'vàng' thuần khiết của minh triết tinh thần. Dù con đường nào trong số này được theo đuổi, một chân lý cuối cùng cũng trở nên rõ ràng đối với đạo sinh—cụ thể là, mọi thứ đang được tìm kiếm, dù là quyền năng, minh triết, tri thức hay 'vàng', đều nằm bên trong chính người tìm kiếm.

Trong khi bằng chứng bên ngoài cho và các biểu hiện của chân lý duy nhất này có thể được nghiên cứu một cách có giá trị, để thành công, chính sự tìm kiếm phải được hướng vào bên trong, vì con đường dẫn đến tam phân (quyền năng, minh triết, tri thức) ngày càng đi sâu hơn vào bản chất nội tại của mỗi con người. Lời khuyên 'Hãy nhìn vào bên trong, ở đó khanh là Đức Phật', và 'Đức Christ trong các khanh là niềm hy vọng vinh quang', là những chỉ dẫn mà cuối cùng—và người ta có thể nói thêm, độc quyền—phải được chấp nhận một cách thông minh. Con người thực sự là một hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ thiên nhiên, một mô hình thu nhỏ của toàn bộ vũ trụ. Cuối cùng, người chí nguyện tìm kiếm chân lý tự nó ngừng khám phá nhiều con đường dẫn ra bên ngoài và chuyển toàn bộ sự chú ý của y vào bên trong, đến ĐIỀU mà y là một hóa thân. Tuy nhiên, đối với một số tính khí nhất định—Cung Bảy, có lẽ—cả việc khám phá chân lý và tuyên bố nó cho đồng loại của một người đều

[101] *The Idylls of the King, The Coming of Arthur*, Tennyson.
[102] Collosians 1:27.

temperaments—Seventh Ray[103], perhaps—both the discovery of truth and its declaration to one's fellow men are most naturally and efficiently achieved by means of ceremonial worship and ministration.

trong, đến ĐIỀU mà y là một hóa thân. Tuy nhiên, đối với một số tính khí nhất định—Cung Bảy, có lẽ—cả việc khám phá chân lý và tuyên bố nó cho đồng loại của một người đều đạt được một cách tự nhiên và hiệu quả nhất bằng phương tiện thờ cúng và phụng sự theo nghi lễ.

This brings me to the second part of my title, for in the successful fulfilment of this beautiful and dramatic procedure, it is discovered that one principle and one alone is completely decisive in the full attainment of all ritual objectives. This is, that *the officiant both knows the nature of the powers and intelligences involved, and with full intent and the application of his will performs his appointed task.* To quote a kabalistic aphorism: 'Ritual performed without *Kawwanah*[104] (full mystical intention or concentration) is like a body without a soul. A ritual performed with *Kawwanah* is as a fully ensouled vehicle'. Further, 'He who serves God in the "great way" assembles all his inner power and rises upwards in his thoughts and breaks through all skies in one act and rises higher than the angels and the seraphs and the thrones, and *that* is the perfect worship'.[105]

Điều này đưa tôi đến phần thứ hai trong tiêu đề của mình, vì trong sự hoàn thành thành công quy trình tuyệt vời và đầy kịch tính này, người ta khám phá ra rằng một nguyên tắc, và chỉ một nguyên tắc duy nhất, là hoàn toàn quyết định trong việc đạt được đầy đủ tất cả các mục tiêu nghi lễ. Đó là, người hành lễ vừa biết bản chất của các quyền năng và trí tuệ liên quan, vừa với đầy đủ ý định và sự vận dụng ý chí của mình, thực hiện nhiệm vụ đã định. Trích dẫn một câu cách ngôn kabala: 'Nghi lễ được thực hiện mà không có Kawwanah (ý định hoặc sự tập trung huyền bí đầy đủ) giống như một cơ thể không có linh hồn. Một nghi lễ được thực hiện với Kawwanah giống như một vận cụ được phú linh hoàn toàn'. Hơn nữa, 'Y, vốn phụng sự Thượng đế theo "cách vĩ đại", tập hợp tất cả sức mạnh nội tại của y và trỗi dậy trong tư tưởng của y và phá vỡ mọi tầng trời trong một hành động và trỗi dậy cao hơn các thiên thần và các seraph và các ngôi báu, và đó là sự thờ phượng hoàn hảo'.

---

[103] *See my* The Seven Human Temperaments.

[104] *Kawwanah,* literally, true 'intention', mystical meditation on the words of prayer while they are being spoken. *Major Trends in Jewish Mysticism*; Gershom G. Scholem, New York: Schocken Books.

[105] Ibid.

In order that this ideal may be fully achieved, is it not evident that the performance of priestly actions in a perfunctory and solely habitual manner must entirely cease? Full intent based upon both knowledge concerning one's office and realism in the fulfilment of duties should surely take the place of words spoken and actions performed without due attention to the significance of either or both.

Để lý tưởng này có thể đạt được một cách trọn vẹn, chẳng phải rõ ràng là việc thực hiện các hành động của giáo sĩ một cách qua loa và chỉ theo thói quen phải hoàn toàn chấm dứt sao? Ý định đầy đủ dựa trên cả kiến thức về chức vụ của một người và tính hiện thực trong việc hoàn thành nhiệm vụ chắc chắn nên thay thế cho những lời nói và hành động được thực hiện mà không chú ý đến ý nghĩa của một hoặc cả hai.

The ritual gesture of making the sign of the cross may here illustrate the ideal. This continually repeated and very important ceremonial observance perfectly made with arms of equal length and strictly straight lines, combined with full realism based on dedicated will-thought, may justly be regarded as one of the most potent liturgical actions that is possible for a priest to perform. The highest spiritual powers may be both invoked and evoked, while all unspiritual beings, forces, and qualities are summarily exorcised—banished indeed—whenever the sign is thus correctly made. This realism applies equally to all other ceremonial movements. Eventually and ideally, the inner effects will then be fully produced at all levels, and no gesture will ever be perfunctorily performed.

Cử chỉ nghi lễ làm dấu thánh giá có thể minh họa lý tưởng ở đây. Sự tuân thủ nghi lễ lặp đi lặp lại liên tục và rất quan trọng này được thực hiện một cách hoàn hảo với các cánh tay có chiều dài bằng nhau và các đường thẳng hoàn toàn, kết hợp với tính hiện thực đầy đủ dựa trên ý chí-tư tưởng tận tâm, có thể được coi một cách chính đáng là một trong những hành động phụng vụ mạnh mẽ nhất mà một linh mục có thể thực hiện. Các quyền năng tinh thần cao nhất có thể vừa được khẩn cầu vừa được gợi lên, trong khi tất cả các hữu thể, mãnh lực và phẩm chất phi tinh thần đều bị trục xuất một cách tóm tắt—thực sự bị trục xuất—bất cứ khi nào dấu hiệu được thực hiện chính xác như vậy. Tính hiện thực này áp dụng như nhau cho tất cả các chuyển động nghi lễ khác. Cuối cùng và lý tưởng nhất, các hiệu ứng bên trong sau đó sẽ được tạo ra đầy đủ ở mọi cấp độ và không có cử chỉ nào sẽ được thực hiện một cách qua loa.

The procedures of blessing incense and censing itself, whether of altar, church, or individuals, are also of great importance from these points of view. While the selected gums and other fragrant substances in incense have a harmonising influence, their effectiveness may be greatly enhanced by the process of a mystically intent blessing. Knowledge of the deeply interior and more external effects of the priestly action; the exercise in humility of the will-thought of the

Các quy trình ban phước cho hương và tự xông hương, cho dù là bàn thờ, nhà thờ hay cá nhân, cũng có tầm quan trọng lớn từ những quan điểm này. Mặc dù các loại nhựa cây được chọn và các chất thơm khác trong hương có ảnh hưởng hài hòa, nhưng hiệu quả của chúng có thể được tăng cường rất nhiều bằng quá trình ban phước với ý định huyền bí. Kiến thức về các tác động bên trong sâu sắc và bên ngoài hơn của hành động của giáo sĩ; việc thực hành ý chí-tư tưởng của người hành lễ một cách

officiant to the end of effective consecration and beneficition; the fully conscious application of all that the sign of the cross implies: these—directly projected into the very substance of the grains of the incense as they are placed on the burning charcoal, and not just the smoke arising from them alone can very greatly increase the harmonising and purificatory effects of the act of censing.

khiêm nhường để đạt được sự thánh hiến và ban phúc hiệu quả; việc áp dụng hoàn toàn có ý thức tất cả những gì mà dấu thánh giá ngụ ý: những điều này—được phóng chiếu trực tiếp vào chính chất liệu của các hạt hương khi chúng được đặt trên than nóng, và không chỉ khói bốc lên từ chúng—có thể làm tăng rất nhiều tác dụng hài hòa và thanh lọc của hành động xông hương.

The symbol of the cross and the ritual action —vertical and horizontal—of making it in the air may be looked upon from the following points of view: 1) As a visible force operating under a law which does not change during the active period from the birth and death (nativity and ascension) of a universe. 2) As a key to unlock a 'door' into the mortal mind of the ceremonialist leading to his direct perception of the force or energy, and of the law under which this force is made to function. 3) As a means of invoking and directing the same force so that a human purpose may be fulfilled —benediction, healing, and exorcism for example. 4) As a way of inducing a manifestation of the force both within the consciousness of the person who makes the symbol and as a vibrating power in the air, or the object toward which, by will and thought, the force is directed. 5) As a method of bringing the spiritual self or Christ Indwelling[106] in man into manifestation as a spiritualising power within the 'temple' or vehicles of consciousness—physical, emotional, and mental—of those present. 6) As a means of awakening into activity, and where necessary increasing the action and the function of a particular area, one or all of the bodies or vehicles of awareness and their substances (*chakras*[107]) and their corresponding nerve-plexuses and glands.

Biểu tượng của thập giá và hành động nghi lễ —dọc và ngang—của việc tạo ra nó trong không khí có thể được xem xét từ những quan điểm sau: 1) Như một mãnh lực hữu hình hoạt động theo một định luật không thay đổi trong suốt giai đoạn hoạt động từ khi vũ trụ sinh ra và chết đi (giáng sinh và thăng thiên). 2) Như một chiếc chìa khóa để mở một 'cánh cửa' vào thể trí phàm ngã của nhà nghi lễ dẫn đến nhận thức trực tiếp của y về mãnh lực hoặc năng lượng, và về định luật mà theo đó mãnh lực này được tạo ra để hoạt động. 3) Như một phương tiện để khẩn cầu và điều khiển cùng một mãnh lực để một mục đích của con người có thể được hoàn thành—ban phước, chữa lành và trừ tà chẳng hạn. 4) Như một cách để tạo ra một sự biểu hiện của mãnh lực cả trong tâm thức của người tạo ra biểu tượng và như một quyền năng rung động trong không khí, hoặc đối tượng mà theo ý chí và tư tưởng, mãnh lực được hướng đến. 5) Như một phương pháp đưa bản ngã tinh thần hoặc Đức Christ An Trú trong con người vào sự biểu hiện như một quyền năng tâm linh hóa bên trong 'ngôi đền' hoặc các vận cụ tâm thức—thể xác, cảm xúc và trí tuệ—của những người hiện diện. 6) Như một phương tiện để đánh thức vào hoạt động, và khi cần thiết, tăng cường hành động và chức năng của một khu vực cụ thể, một hoặc tất cả các thể hoặc vận cụ nhận biết và các chất liệu của chúng (luân xa) và các

[106]Collosians 1:27.

This last applies more especially to the 'seals'[108] or centre of soul-energy and communion (*chakras*) in the super-physical bodies, in the corresponding parts of the physical body, and also in the brain. 7) As an exorcising and harmonising agency in preparation for the benediction which is to follow the procedure of purification. 8) As a mentally held and clearly visualised symbol. This force-built cross then vibrates in its true colours (white, gold, and dark blue) in the interior of the head and thereafter throughout the whole body. Concentration upon this centre of divine energy outpoured through the entire Personality of the celebrant can be an aid in meditation upon the transcendent and Immanent Deity and its representation and presence within the spiritual and material parts of every human being.

đám rối thần kinh và tuyến tương ứng của chúng. Điều này sau cùng áp dụng đặc biệt hơn cho 'ấn' hoặc trung tâm năng lượng linh hồn và sự hiệp thông (luân xa) trong các thể siêu vật chất, trong các phần tương ứng của thể xác và cả trong bộ não. 7) Như một tác nhân trừ tà và hài hòa trong quá trình chuẩn bị cho sự ban phước sẽ theo sau quy trình thanh lọc. 8) Như một biểu tượng được giữ trong trí tuệ và được hình dung rõ ràng. Thập giá được xây dựng bằng mãnh lực này sau đó rung động với màu sắc thật của nó (trắng, vàng và xanh đậm) bên trong đầu và sau đó trên khắp toàn bộ cơ thể. Sự tập trung vào trung tâm năng lượng thiêng liêng này tuôn đổ qua toàn bộ Phàm ngã của người cử hành có thể là một sự trợ giúp trong việc tham thiền về Thượng đế siêu việt và Nội tại và sự đại diện và hiện diện của Ngài bên trong các phần tinh thần và vật chất của mọi con người.

The sign of the cross may indeed be regarded as one of the most powerful of all symbols which a human being can ever make and ceremonially employ.

Dấu thánh giá thực sự có thể được coi là một trong những biểu tượng mạnh mẽ nhất mà một con người có thể tạo ra và sử dụng một cách nghi lễ.

An early reference to ceremonialism in the Bible is found in the instructions given by the Lord God to Moses concerning the erection of the Temple in Sinai. A most meaningful, ritually employed symbol then ordered consisted of the Jewish *menorah* or seven-stemmed golden candlestick. This emblem was said to have been constructed in accordance with divine guidance received by Moses on the Mount during the Exodus from Egypt.[109] Its decreed position in the Hebrew

Một tham chiếu ban đầu đến nghi lễ trong Kinh thánh được tìm thấy trong các chỉ dẫn mà Chúa Thượng đế đã ban cho Moses liên quan đến việc xây dựng Đền thờ ở Sinai. Một biểu tượng có ý nghĩa nhất, được sử dụng theo nghi lễ sau đó đã được ra lệnh bao gồm menorah của người Do Thái hoặc chân đèn bằng vàng bảy nhánh. Biểu tượng này được cho là đã được xây dựng theo sự hướng dẫn thiêng liêng mà Moses nhận được trên Núi trong cuộc Xuất hành khỏi Ai Cập. Vị trí được

[107] Force-centres in the etheric and subtler bodies of man; see *The Chakras,* C. W. Leadbeater, and *The Hidden Wisdom in the Holy Bible* Vol. II, Geoffrey Flodson, glossary.

[108] Revelation 5:1 and Revelations 6:12.

[109] Exodus 25: 31,32.

sanctuary suggests that it was not meant to serve as a luminary, since only the central candle was kept burning during the day. The other six candles were lighted from it, referring perhaps to the existence of that One Light from which all other lights proceed. Since, furthermore, the sanctuary was dark, having no windows, seven candles alone could not have provided the necessary illumination. Clearly, then, the golden candlestick was intended to be both an embellishment and a profoundly philosophical and occult figure, representing all septenantes in nature and in man. Unlighted, it indicates the concealed wisdom. Lighted, it symbolises wisdom revealed.

quy định của nó trong khu bảo tồn của người Do Thái cho thấy rằng nó không có ý định dùng để làm vật chiếu sáng, vì chỉ có ngọn nến trung tâm được đốt sáng vào ban ngày. Sáu ngọn nến còn lại được thắp sáng từ nó, có lẽ đề cập đến sự tồn tại của Ánh sáng Duy Nhất đó mà từ đó tất cả các ánh sáng khác phát ra. Hơn nữa, vì khu bảo tồn tối tăm, không có cửa sổ, nên chỉ bảy ngọn nến không thể cung cấp đủ ánh sáng cần thiết. Rõ ràng, sau đó, chân đèn bằng vàng có ý định vừa là một vật trang trí vừa là một hình ảnh triết học và huyền bí sâu sắc, đại diện cho tất cả các septenantes trong tự nhiên và trong con người. Không được thắp sáng, nó chỉ ra sự minh triết bị che giấu. Được thắp sáng, nó tượng trưng cho sự minh triết được tiết lộ.

A symbol, when ceremonially used, may thus be variously regarded. It is, of course, made of a physical substance like metal, jewel, wood, or a combination of these. If especially consecrated for some religious purpose it may be 'seen' as a visible centre of and channel for invisible forces, in fulfilment of the purposes for which it was constructed and perhaps consecrated. In the latter case, every symbol should ideally be regarded and treated more respectfully, if not reverently, than other objects not constructed and used for valid ceremonials.

Một biểu tượng, khi được sử dụng theo nghi lễ, do đó có thể được xem xét khác nhau. Tất nhiên, nó được làm bằng một chất liệu vật chất như kim loại, đá quý, gỗ hoặc sự kết hợp của những thứ này. Nếu được đặc biệt thánh hiến cho một mục đích tôn giáo nào đó, nó có thể được 'nhìn thấy' như một trung tâm hữu hình và kênh dẫn cho các mãnh lực vô hình, để hoàn thành các mục đích mà nó được xây dựng và có lẽ được thánh hiến. Trong trường hợp sau, mọi biểu tượng lý tưởng nên được tôn trọng và đối xử tôn kính hơn, nếu không muốn nói là tôn kính, so với các đồ vật khác không được xây dựng và sử dụng cho các nghi lễ hợp lệ.

A deep study of the Deity as the presiding and directing intelligence of a single Solar System such as our own with its sun, planets, kingdoms, and beings, would surely be of assistance in the application of these ideals. The threefold Solar Logos,—Father, Son, and Holy Ghost may justly be regarded as the omnipresent and omniscient divine power, transcendent beyond and immanent within universe and man, somewhat as man's

Một nghiên cứu sâu sắc về Thượng đế với tư cách là trí tuệ chủ trì và chỉ đạo của một Hệ Mặt Trời duy nhất như hệ của chúng ta với mặt trời, các hành tinh, các giới và các hữu thể của nó, chắc chắn sẽ hỗ trợ cho việc áp dụng những lý tưởng này. Tam phân Thái dương Thượng đế,—Cha, Con và Chúa Thánh Thần có thể được coi một cách chính đáng là quyền năng thiêng liêng toàn tại và toàn tri, siêu việt bên trên và nội tại bên trong vũ trụ và con người,

threefold spiritual will, life, and intelligence increasingly direct and pervade his physical body as he evolves. The sun is the chief logoic physical manifestation, though the whole visible system is as his physical body. The sun may also be regarded both as a lens through which his power shines forth and as the 'heart' of the physical 'body' of the Solar Logos, the Lord of the Solar System. In Freemasonry, the Most High Lord, the supreme being, is ceremonially referred to by such names as 'The Great Architect of the Universe', and 'The Most High'.

hơi giống như ý chí tinh thần, sự sống và trí thông minh tam phân của con người ngày càng chỉ đạo và thấm nhuần thể xác của y khi y tiến hóa. Mặt trời là biểu hiện vật chất logoic chính, mặc dù toàn bộ hệ thống hữu hình giống như thể xác của Ngài. Mặt trời cũng có thể được coi vừa là một thấu kính mà qua đó quyền năng của Ngài chiếu rọi và là 'trái tim' của 'thể xác' vật chất của Thái dương Thượng đế, Đức Chúa Tể của Hệ Mặt Trời. Trong Hội Tam Điểm, Đức Chúa Tể Tối Cao, hữu thể tối cao, được gọi một cách nghi lễ bằng những cái tên như 'Đại Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ' và 'Đấng Tối Cao'.

Although vast beyond conception, although transcendent beyond and immanent within the universe, the *Deity is never to be regarded as disconnected from the spiritual selves of all human beings,* for he is indeed the 'Inner Ruler Immortal' seated in the heart of every human soul. Furthermore, he is from age to age incarnated on Earth in human form as an *Avatara,* or divine 'descent', for the spiritual enlightenment and upliftment of all mankind.

Mặc dù bao la vượt quá sức tưởng tượng, mặc dù siêu việt bên trên và nội tại bên trong vũ trụ, Thượng đế không bao giờ được coi là tách rời khỏi bản ngã tinh thần của tất cả con người, vì Ngài thực sự là 'Đấng Thống Trị Nội Tại Bất Tử' ngự trong trái tim của mọi linh hồn con người. Hơn nữa, Ngài từ thời đại này sang thời đại khác được hóa thân trên Trái Đất trong hình dạng con người như một Đấng Hoá Thân, hay 'giáng thế' thiêng liêng, để khai sáng và nâng cao tinh thần cho toàn thể nhân loại.

Such, very partially and briefly referred to, are some of the principles governing the relationship between man and God. As that 'kinship' becomes more and more intimately realized, it culminates in the experience of oneness, or spiritual identity with Divine. These lofty ideas and ideals are perceptible of expression ceremonially and symbolically, and by means of dramatic and allegorical actions and spoken words during the 'workings' of ancient and modern ceremonial orders.

Như vậy, được đề cập một cách rất sơ sài và ngắn gọn, là một số nguyên tắc chi phối mối quan hệ giữa con người và Thượng đế. Khi 'mối quan hệ họ hàng' đó ngày càng được nhận ra một cách mật thiết hơn, nó lên đến đỉnh điểm trong trải nghiệm về sự hợp nhất, hoặc sự đồng nhất tinh thần với Đấng Thiêng Liêng. Những ý tưởng và lý tưởng cao cả này có thể được biểu đạt một cách nghi lễ và tượng trưng, và bằng các hành động kịch tính và ngụ ngôn và những lời nói trong 'các công việc' của các dòng nghi lễ cổ xưa và hiện đại.

Admittedly not all participants find themselves thus moved. Some people do, however, respond naturally toward ritual:

Phải thừa nhận rằng không phải tất cả những người tham gia đều thấy mình xúc động như vậy. Tuy nhiên, một số người phản ứng một

public, as in pageantry; ecclesiastical, as in religion; and even with a certain formality in personal relationships. The special ideals of those 'born' with instinctual responses to ceremonial include nobility and chivalry both of character and conduct, splendour of estate and person, ordered activity, precision, skill, grace, dignity, the arts, ceremonial magic, the control and release of hidden forces in nature, and co-operation with the angelic intelligences associated with them. The driving spiritual impulse for such people is to harness and make manifest with precision the divine 'Idea', the logoic concept, for the formation, preservation, and transfiguration of the universe and all that it contains.

cách tự nhiên đối với nghi lễ: công khai, như trong các cuộc diễu hành; giáo hội, như trong tôn giáo; và thậm chí với một sự trang trọng nhất định trong các mối quan hệ cá nhân. Các lý tưởng đặc biệt của những người 'sinh ra' với những phản ứng bản năng đối với nghi lễ bao gồm sự cao thượng và tinh thần hiệp sĩ cả về tính cách và hành vi, sự huy hoàng của địa vị và con người, hoạt động có trật tự, sự chính xác, kỹ năng, duyên dáng, phẩm giá, nghệ thuật, huyền thuật nghi lễ, sự kiểm soát và giải phóng các mãnh lực ẩn giấu trong tự nhiên và sự hợp tác với các trí tuệ thiên thần liên kết với chúng. Động lực tinh thần thúc đẩy những người như vậy là khai thác và biểu hiện một cách chính xác 'Ý Niệm' thiêng liêng, khái niệm logoic, để hình thành, bảo tồn và biến đổi vũ trụ và mọi thứ chứa đựng trong đó.

The ceremonial ideal may be stated as *the necessity for comprehending utterly and thoroughly with the whole heart and soul that which the lips are uttering.* Whenever this principle is adopted and applied, rituals which were formulated by those possessed of spiritual and occult knowledge—and so are 'valid'—are always effective at physical and superphysical levels. Complete belief in this assured fulfilment of purpose, and uttermost will power and sincerity in its application are, however, essential to the availability of the fullest measure of power invoked during the enactment of sacred rites.

Lý tưởng nghi lễ có thể được tuyên bố là sự cần thiết phải thấu hiểu hoàn toàn và triệt để bằng cả trái tim và tâm hồn những gì mà đôi môi đang thốt ra. Bất cứ khi nào nguyên tắc này được chấp nhận và áp dụng, các nghi lễ được xây dựng bởi những người sở hữu kiến thức tinh thần và huyền bí—và do đó là 'hợp lệ'—luôn có hiệu quả ở các cấp độ thể xác và siêu vật chất. Tuy nhiên, niềm tin hoàn toàn vào sự hoàn thành mục đích được đảm bảo này, và sức mạnh ý chí và sự chân thành tột độ trong việc áp dụng nó là điều cần thiết để có được thước đo đầy đủ nhất về quyền năng được khẩn cầu trong quá trình thực hiện các nghi lễ thiêng liêng.

The effective combination of correct bodily movements and an ever clearer understanding of the meaning of the ceremony is part of the valuable training received from participation in all spiritually directed ritual observances. Eventually, the association of physical and fully intentional procedures with their occult meanings and purposes becomes increasingly natural, and

Sự kết hợp hiệu quả giữa các chuyển động cơ thể chính xác và sự hiểu biết ngày càng rõ ràng hơn về ý nghĩa của buổi lễ là một phần của quá trình huấn luyện có giá trị nhận được từ việc tham gia vào tất cả các buổi lễ nghi lễ được hướng dẫn về mặt tinh thần. Cuối cùng, sự liên kết giữa các quy trình thể chất và hoàn toàn có chủ ý với ý nghĩa và mục đích huyền bí của chúng ngày càng trở nên tự nhiên, và điều này

this might be regarded as a development to which the 'born' ritualist aspires and eventually attains. The human mind then becomes illumined with understanding and deep insight into the purpose for which the ancient mysteries and their subsequent and modern 'valid' representatives have been established namely, to provide outward and visible signs of and channels for an inward spiritual grace, to quicken the evolution of their initiates, and to radiate elevating and purifying forces upon the world.

có thể được coi là một sự phát triển mà nhà nghi lễ 'bẩm sinh' khao khát và cuối cùng đạt được. Thể trí con người sau đó trở nên được soi sáng bằng sự thấu hiểu và cái nhìn sâu sắc về mục đích mà các bí ẩn cổ xưa và những người đại diện 'hợp lệ' tiếp theo và hiện đại của chúng đã được thiết lập, cụ thể là cung cấp các dấu hiệu bên ngoài và hữu hình của và các kênh dẫn cho một ân sủng tinh thần bên trong, để thúc đẩy sự tiến hóa của những người được điểm đạo của họ và để phát ra các mãnh lực nâng cao và thanh lọc trên thế giới.

Theosophy in Australia, Vol. 65, Issue 5, May 1977, p. 128

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. 65, Số 5, tháng 5 năm 1977, tr. 128

182—

The World of the Occult [5]—Thế Giới của Huyền Bí Học [5]

The Symbol of the rose and the Cross

Biểu Tượng của Hoa Hồng và Thập Giá

In its occult sense the rose is the symbol of the universal feminine, generative Principle. The rose is sometimes referred to as Nature herself, the ever prolific and virgin earth, personified as Isis, the Mother and nourishes of man, beast and plant. Thus the rose represents the femininity and fertility of Nature, also personified as Ceres, Venus and Ishtar. The rose was dedicated to Venus, Goddess of the generative energy in Nature. In this sense the rose (feminine) and the cross (masculine, though also dual) together symbolise universal generation.

Theo nghĩa huyền bí của nó, hoa hồng là biểu tượng của Nguyên Khí sinh sản, nữ tính phổ quát. Hoa hồng đôi khi được gọi là chính Bản chất, trái đất trinh nữ và luôn sinh sôi nảy nở, được nhân cách hóa là Isis, Người Mẹ và nuôi dưỡng con người, thú vật và thực vật. Do đó, hoa hồng đại diện cho tính nữ và khả năng sinh sản của Bản chất, cũng được nhân cách hóa là Ceres, Venus và Ishtar. Hoa hồng được dâng cho Venus, Nữ Thần của năng lượng sinh sản trong Bản chất. Theo nghĩa này, hoa hồng (nữ tính) và thập giá (nam tính, mặc dù cũng kép) cùng nhau tượng trưng cho sự sinh sản phổ quát.

The cross is not a symbol of death, but of Life —Creative Life made manifest. The vertical arm indicates descending Spirit, the positive, masculine potency of Deity, whilst the horizontal arm represents receptive matter, the negative, feminine potency of Deity. The intersection of the two arms, making the four-armed cross, portrays in symbol the active,

Thập giá không phải là biểu tượng của sự chết, mà là của Sự Sống—Sự Sống Sáng Tạo được biểu hiện. Cánh tay thẳng đứng chỉ ra Tinh Thần giáng xuống, hiệu lực nam tính, tích cực của Thượng đế, trong khi cánh tay nằm ngang đại diện cho vật chất tiếp nhận, hiệu lực nữ tính, tiêu cực của Thượng đế. Giao điểm của hai cánh tay, tạo thành thập giá bốn cánh, mô

creative process as a result of which universes are emanated and fashioned, or 'born'.

tả trong biểu tượng quá trình sáng tạo, tích cực, kết quả là các vũ trụ được xuất lộ và hình thành, hay 'sinh ra'.

In the microcosmic or human sense, when a man or woman has realized this dual Divine Presence and Power in themselves, the great secret that God and man are one is theirs in consciousness. They then know the inner meaning of the creative power and forces in Nature and in man, which is in part that the Deity of all is also present as the Indwelling, Creative Life-Force, Love and Will in every human individual. In the Rosierucian Mysteries this interior experience of the Initiate was also symbolised by the rose and the cross. In the Egyptian Mysteries the Candidate was laid upon a cross symbolising and foreshadowing conscious entry into this spiritual realisation.

Theo nghĩa vi mô hoặc con người, khi một người đàn ông hoặc phụ nữ đã nhận ra Sự Hiện Diện và Quyền Năng Thiêng Liêng kép này trong chính họ, thì bí mật lớn rằng Thượng đế và con người là một là của họ trong tâm thức. Sau đó, họ biết ý nghĩa bên trong của quyền năng và các mãnh lực sáng tạo trong Bản chất và trong con người, một phần trong đó là Thượng đế của tất cả cũng hiện diện như là Mãnh Lực Sự Sống, Tình Thương/Bác ái và Ý Chí Sáng Tạo An Trú trong mỗi cá nhân con người. Trong các Mật Truyền Rosierucian, trải nghiệm nội tại này của Đạo sinh cũng được tượng trưng bằng hoa hồng và thập giá. Trong các Mật Truyền Ai Cập, Ứng Viên được đặt trên một thập giá tượng trưng và báo trước sự đi vào có ý thức vào sự nhận ra tinh thần này.

Sometimes the rose is pictured with its long stem twined around the lower part of the vertical arm. This suggests the serpentine path followed by the ascending, sublimated creative force in man—in Sanskrit called *Kundalini*—which elevates human consciousness into realisation of union with God.

Đôi khi hoa hồng được hình dung với thân dài quấn quanh phần dưới của cánh tay thẳng đứng. Điều này gợi ý con đường quanh co mà lực sáng tạo thăng hoa, đi lên trong con người —trong tiếng Phạn gọi là Kundalini—vốn nâng cao tâm thức con người vào sự chứng ngộ hợp nhất với Thượng đế.

The rose is guarded by thorns. So, also, in the symbolical sense, is the Secret Wisdom which the rose also represents. Before the formal, lower mind can be fully illumined by the light of the abstract, higher Intelligence, a conflict occurs between the analytical, critical and self-separative tendencies on the one hand and the universal, synthesising, intuitively perceptive, selfless outlook of the Ego of man. In this interior battle, part of the Armageddon of the Soul, the 'head'—the limited, formal mind or mental aspect of the Personality—receives many 'wounds:' This mystical welfare

Hoa hồng được bảo vệ bởi gai. Vì vậy, theo nghĩa tượng trưng, là Minh Triết Bí Mật vốn hoa hồng cũng đại diện. Trước khi hạ trí hình thức có thể được soi sáng hoàn toàn bởi ánh sáng của Trí Tuệ trừu tượng, cao siêu, một cuộc xung đột xảy ra giữa các khuynh hướng phân tích, phê phán và tự tách biệt một mặt và quan điểm phổ quát, tổng hợp, trực giác, vị tha của Chân ngã của con người. Trong trận chiến nội tâm này, một phần của Armageddon của Linh Hồn, 'cái đầu'—hạ trí hữu hạn, hình thức hoặc khía cạnh trí tuệ của phàm ngã—nhận nhiều 'vết thương':' Sự an lạc huyền bí này

is also indicated by the symbols of the rose, the cross and the crown of thorns upon the head of the dying (to self-separateness) Saviour. It is only to the populace, however, that the crown of the crucified Initiate looks like a crown of thorns. In reality it is a true spiritual crown, but the victory which it symbolises and the powers which it indicates evoke only scorn in the masses. To them it is a mockery, a crown of thorns. They cannot perceive what it *really* is and so they despise it.

cũng được chỉ ra bởi các biểu tượng của hoa hồng, thập giá và vòng gai trên đầu của Đấng Cứu Thế đang chết (cho sự tự tách biệt). Tuy nhiên, chỉ đối với dân chúng, vương miện của điểm đạo đồ bị đóng đinh trông giống như một vòng gai. Trong thực tế, nó là một vương miện tinh thần thực sự, nhưng chiến thắng mà nó tượng trưng và những quyền năng mà nó chỉ ra chỉ gợi lên sự khinh miệt trong quần chúng. Đối với họ, đó là một sự chế nhạo, một vòng gai. Họ không thể nhận thức được nó thực sự là gì và vì vậy họ khinh bỉ nó.

The other symbol of royalty, the sceptre, also appears useless when it takes the form of a reed. To the multitude the reed sceptre is a mockery of royal power—whilst actually it is a symbol of spiritual power at its greatest, namely when exercised in gentleness. Thus, very deep mystical experiences concerning the crucifixion or death of the lower nature and the blossoming of the higher, like an open rose upon the cross, are portrayed by these great symbols. In the purely moral and ethical senses, the rose is the symbol of secrecy and the cross of self-sacrifice.

Biểu tượng khác của hoàng gia, vương trượng, cũng tỏ ra vô dụng khi nó mang hình dạng của một cây sậy. Đối với đám đông, vương trượng sậy là một sự chế nhạo quyền lực hoàng gia—trong khi thực tế nó là một biểu tượng của quyền lực tinh thần ở mức cao nhất, cụ thể là khi được thực thi một cách dịu dàng. Như vậy, những kinh nghiệm huyền bí rất sâu sắc liên quan đến sự đóng đinh hoặc cái chết của hạ bản chất và sự nở rộ của bản chất cao hơn, giống như một bông hồng hé nở trên thập giá, được khắc họa bởi những biểu tượng vĩ đại này. Theo nghĩa thuần túy đạo đức và luân lý, hoa hồng là biểu tượng của sự bí mật và thập giá của sự hy sinh bản thân.

Theosophy in New Zealand, Vol. 20, No. 3, 1959, p. 42

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 20, Số 3, 1959, tr. 42

183—

Study Corner [5]—Góc Nghiên Cứu [5]

The Eternal Poles

Các Cực Vĩnh Cửu

As opposite polarities spirit and matter might be regarded as being at enmity from the beginning of the formation of the Universe and indeed implied in allegorical wars and in conflicts between Saviours and demons, as also between heroes and wicked men or serpents and other reptiles; for all of these

Là các cực đối lập, tinh thần và vật chất có thể được coi là thù địch ngay từ đầu sự hình thành của Vũ Trụ và thực sự được ngụ ý trong các cuộc chiến ngụ ngôn và trong các cuộc xung đột giữa các Đấng Cứu Thế và ác quỷ, cũng như giữa các anh hùng và những người độc ác hoặc rắn và các loài bò sát khác; vì tất cả những kẻ

adversaries personify the active resistance of matter to the evolutionary process. Hence the occult, and apparently paradoxical, statement that 'God's irresistible power meets His own invincible shield'. It is also true, and the fact is generally acknowledged, that ultimately such resistance may be regarded as having been beneficial in that, in the effort to over-come it, hitherto latent powers and faculties germinate and develop. Eventually matter, built into vehicles for Spirit, becomes the helpful servant, as is indicated in some world allegories by the changing of certain enemies of heroes and Saviours into collaborators. Thus the dark serpent Kaliya, which tried to kill Shri Krishna and his fellow shepherd boys by poisoning, was itself overcome by the child-*avatar* and its enmity transformed into amity.

thù này nhân cách hóa sự kháng cự tích cực của vật chất đối với quá trình tiến hóa. Do đó, tuyên bố huyền bí, và dường như nghịch lý, rằng 'sức mạnh không thể cưỡng lại của Thượng đế gặp chiếc khiên bất khả chiến bại của chính Ngài'. Cũng đúng, và thực tế thường được thừa nhận, rằng cuối cùng sự kháng cự như vậy có thể được coi là có lợi ở chỗ, trong nỗ lực vượt qua nó, những quyền năng và khả năng tiềm ẩn cho đến nay nảy mầm và phát triển. Cuối cùng, vật chất, được xây dựng thành các vận cụ cho Tinh Thần, trở thành người hầu hữu ích, như được chỉ ra trong một số ngụ ngôn thế giới bằng cách thay đổi một số kẻ thù nhất định của các anh hùng và Đấng Cứu Thế thành cộng tác viên. Vì vậy, con rắn đen Kaliya, vốn đã cố gắng giết Shri Krishna và những cậu bé chăn cừu đồng nghiệp của y bằng cách đầu độc, bản thân nó đã bị Đấng Hoá Thân trẻ tuổi khuất phục và sự thù hận của nó biến thành tình bạn.

The animal and bird 'vehicles' of the Hindu Deities are susceptible of somewhat similar interpretations. Examples taken from the Hindu Trimurti are: the swan (Hamsa—the Supreme Deity and the spiritual Self of man) of *Brahma;* the eagle (Garuda—sublimated creative power elevating consciousness near to its Source) of *Vishnu*; the bull (Nandi—container of the seeds of all living creatures and life-renewer) of *Shiva* as Nataraja who also holds a deer (has controlled the leaping mind) in his upper left hand and dances on a dwarf holding a cobra (has created and transcended mortal man with his undesirable human attributes)[110]; the mouse (the intensely penetrating attribute of the mind successfully obtaining 'food') of Ganesha; the peacock (the mind having become all-seeing and all-knowing) of Subramaniam.

Các 'vận cụ' động vật và chim của các Thượng đế Hindu dễ bị diễn giải tương tự. Các ví dụ lấy từ Trimurti của Hindu là: thiên nga (Hamsa—Thượng đế Tối Cao và Chân ngã tinh thần của con người) của Brahma; đại bàng (Garuda—sức mạnh sáng tạo thăng hoa nâng cao tâm thức đến gần Nguồn của nó) của Vishnu; con bò đực (Nandi—vật chứa đựng hạt giống của tất cả các sinh vật sống và người đổi mới sự sống) của Shiva là Nataraja, vốn cũng cầm một con nai (đã kiểm soát thể trí nhảy nhót) ở bàn tay trái phía trên và nhảy trên một người lùn đang giữ một con rắn hổ mang (đã tạo ra và vượt qua con người phàm trần với những thuộc tính không mong muốn của con người); con chuột (thuộc tính xuyên thấu mạnh mẽ của thể trí thu được 'thức ăn' thành công) của Ganesha; con công (thể trí đã trở nên thấy tất cả và biết tất cả) của Subramaniam.

[110] Maha-Yogi Shiva is seated upon a tiger-skin (has conquered lust.)

In Egyptian mythology Horus, hawk-headed, is sometimes portrayed as standing on the back of a hippopotamus (has transmuted crude animal propensities) which has chained legs, and as driving a spear into its head.[111] Horus is also shown as standing on the backs of two crocodiles and grasping 'in his hands the reptiles and animals which are emblems of the foes of light and the powers of evil'.[112]Animal-destroying tasks successfully performed by Hercules and Bellerophon—and in later ages by St George who, mounted and armoured, slew the dangerous dragon—may also be similarly regarded.

Trong thần thoại Ai Cập, Horus, đầu chim ưng, đôi khi được miêu tả là đang đứng trên lưng một con hà mã (đã chuyển hóa những khuynh hướng động vật thô thiển) vốn có chân bị xích, và đang cắm một ngọn giáo vào đầu nó. Horus cũng được thể hiện là đang đứng trên lưng hai con cá sấu và nắm 'trong tay những loài bò sát và động vật vốn là biểu tượng của kẻ thù của ánh sáng và các thế lực của cái ác'. Các nhiệm vụ tiêu diệt động vật được Hercules và Bellerophon thực hiện thành công—và trong những thời đại sau này bởi Thánh George, người, cưỡi ngựa và mặc áo giáp, đã giết con rồng nguy hiểm—cũng có thể được coi là tương tự.

In the formation of a Universe, matter, symbolised as an enemy, does for a time resist Spirit. The *Guna*[113] of inertia (*Tamas*) supposes that of activity *(Rajas)* just as restriction opposes expansion. When once, however, a true electro-magnetic relationship is established between the two, a third ('son' or 'daughter') is produced. Macrocosmically this third is a Universe or one of its component parts, whilst in man it is represented by the attainment of a new level of awareness, after which the *guna* of harmony or rhythm then predominates and the tendency of the substances in which they preponderate to draw together in mutual attraction, are also indicated in the dual journey of Rebekah and Isaac towards each other, which journeying and meeting may portray a universal phenomenon.

Trong sự hình thành của một Vũ Trụ, vật chất, được tượng trưng như một kẻ thù, trong một thời gian chống lại Tinh Thần. Guna của quán tính (Tamas) cho rằng guna của hoạt động (Rajas) giống như sự hạn chế đối lập với sự mở rộng. Tuy nhiên, khi một mối quan hệ điện từ thực sự được thiết lập giữa hai bên, một 'người con' (hoặc 'con gái') thứ ba được tạo ra. Về mặt vĩ mô, người thứ ba này là một Vũ Trụ hoặc một trong những bộ phận cấu thành của nó, trong khi ở con người, nó được đại diện bởi việc đạt được một cấp độ nhận thức mới, sau đó guna của sự hài hòa hoặc nhịp điệu chiếm ưu thế và xu hướng của các chất mà chúng chiếm ưu thế để thu hút lẫn nhau, cũng được chỉ ra trong cuộc hành trình kép của Rebekah và Isaac hướng tới nhau, cuộc hành trình và cuộc gặp gỡ vốn có thể miêu tả một hiện tượng phổ quát.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 1, 1968, p. 20

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 30, Số 1, 1968, tr. 20

[111] *The Gods of the Egyptians,* Budge, Vol. I, p. 493.

[112] *The Gods of the Egyptians,* Budge, Vol. II, p. 270-1.

[113] *Gunas* (Sanskrit) The three qualities or attributes inherent in matter: *Rajas,* activity; *Sattva,* harmony, rhythm; *Tamas,* inertia, stagnation. These correspond to the three Aspects of the Trinity — Father, Son and Holy Ghost — or *Brahma, Vishnu* and *Shiva* respectively.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 1, 1968, p. 20

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 30, Số 1, 1968, tr. 20

184—

The Cave of Mach-Pelah[114]*—Hang Mach-Pelah*

Abraham and his wife Sarah were both buried in a cave at the end of a field owned by one called Mach-Pelah. Thereafter the leadership of the Jewish people passed to Isaac and thence to a long series of successors.

Abraham và vợ Sarah đều được chôn trong một hang động ở cuối một cánh đồng thuộc sở hữu của một người tên là Mach-Pelah. Sau đó, sự lãnh đạo của người Do Thái được truyền cho Isaac và từ đó cho một loạt những người kế vị lâu dài.

The principle of the transmission of powers attained during a period of objective manifestation—and of rulership during that period—to a successor is evidently one of great importance. Repeated biblical descriptions of the handing on of official leadership from one Patriach, King or Judge to the next may be regarded as allegorical allusions to this principle. Reference is constantly made to it in works on occult philosophy, in world scriptures and in modern ceremonial rites which stem from the ancient Mysteries. Freemasonry is one example.

Nguyên tắc truyền giao quyền năng đạt được trong một giai đoạn biểu hiện khách quan—và quyền cai trị trong giai đoạn đó—cho một người kế vị rõ ràng là một trong những nguyên tắc có tầm quan trọng lớn. Các mô tả lặp đi lặp lại trong Kinh thánh về việc trao quyền lãnh đạo chính thức từ vị tộc trưởng, Vua hoặc Thẩm phán này sang vị tộc trưởng, Vua hoặc Thẩm phán tiếp theo có thể được coi là những ám chỉ ngụ ngôn đến nguyên tắc này. Nó liên tục được đề cập trong các tác phẩm về triết học huyền bí, trong kinh sách thế giới và trong các nghi lễ hiện đại bắt nguồn từ các Mật Nghi cổ đại. Hội Tam Điểm là một ví dụ.

A detailed chronicle is said to be kept of all the attainments and names of the rulers of successive cycles. The term 'imperishable record' is to be found in some occult works, and there explained as consisting of an indestructible 'book' in which is preserved all history pertaining to evolutionary phases of human development.

Một biên niên sử chi tiết được cho là được lưu giữ về tất cả những thành tựu và tên của những người cai trị các chu kỳ kế tiếp. Thuật ngữ 'bản ghi bất diệt' được tìm thấy trong một số tác phẩm huyền bí, và ở đó được giải thích là bao gồm một 'cuốn sách' không thể phá hủy, trong đó lưu giữ tất cả lịch sử liên quan đến các giai đoạn tiến hóa của sự phát triển của con người.

A mysterious name, the first syllable of which is 'Mah', is sometimes given to the official responsible for keeping these annals. There

Một cái tên bí ẩn, âm tiết đầu tiên là 'Mah', đôi khi được đặt cho quan chức chịu trách nhiệm lưu giữ những biên niên sử này. Có thể có một

[114] Genesis 23:19

may possibly be a special significance in the statement that the owner of the field in which the cave was situated was named Mach-pelah who might be regarded as a personification of this recording principle in Nature. Indeed, the very name Mach-pelah is reminiscent of the title of a great official in the hierarchy of the Adepts just referred to the *Maha-Chohan.* Amidst His many duties is said to be that of recorder of the events of His cycle, of the activities of the Adept Hierarchy, and of all admissions to its ranks. The cave of Mach-pelah is said to be at the end of his own field, possibly signifying the evolutionary development attained at the close or 'end' of certain cycles, in this case the Abramic.

ý nghĩa đặc biệt trong tuyên bố rằng chủ sở hữu của cánh đồng nơi có hang động tên là Mach-pelah, vốn có thể được coi là một sự nhân cách hóa của nguyên tắc ghi chép này trong Tự Nhiên. Thật vậy, chính cái tên Mach-pelah gợi nhớ đến tước hiệu của một quan chức vĩ đại trong huyền giai của các bậc Chân sư vừa được nhắc đến Maha-Chohan. Giữa vô vàn nhiệm vụ của Ngài được cho là nhiệm vụ ghi lại các sự kiện của chu kỳ của Ngài, các hoạt động của Huyền Giai Chân sư và tất cả những người được nhận vào hàng ngũ của nó. Hang Mach-pelah được cho là ở cuối cánh đồng của chính ông, có lẽ biểu thị sự phát triển tiến hóa đạt được khi kết thúc hoặc 'kết thúc' của một số chu kỳ nhất định, trong trường hợp này là Abramic.

The traditional 'imperishable record' is also that in which the progress of every human being on the planet who 'enters in at the strait gate' and 'treads the narrow way'—in occult philosophy 'enters the Path'—is recorded step by step from probationary pupilhood, through the Great Initiations to final liberation or Adeptship. The advance of the disciple treading the Path of Swift Unfoldment is noted, officially recognized and entered in a volume sometimes also called 'the Golden Book', which as said, is in the keeping of the Great White Brotherhood of Adepts. Certain words in rituals derived from the ancient Mysteries, such as those of some Degrees in Freemasonry, have a somewhat similar sound and in consequence are regarded as veiled references to both the, great Lord Himself and to the above occult procedure which is invariably followed.[115]

'Bản ghi bất diệt' truyền thống cũng là bản ghi trong đó sự tiến bộ của mọi người trên hành tinh 'bước vào cổng hẹp' và 'bước đi trên con đường hẹp'—trong triết học huyền bí 'bước vào Thánh Đạo'—được ghi lại từng bước từ địa vị học trò dự bị, thông qua các cuộc điểm đạo vĩ đại đến giải phóng cuối cùng hoặc địa vị chân sư. Sự tiến bộ của đệ tử bước đi trên Con Đường Khai Mở Nhanh Chóng được ghi nhận, chính thức công nhận và ghi vào một cuốn sách đôi khi cũng được gọi là 'Cuốn Sách Vàng', vốn như đã nói, nằm trong sự lưu giữ của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo vĩ đại của các Chân sư. Một số từ nhất định trong các nghi lễ bắt nguồn từ các Mật Nghi cổ đại, chẳng hạn như những từ trong một số Cấp bậc trong Hội Tam Điểm, có âm thanh hơi giống nhau và do đó được coi là những ám chỉ che đậy cho cả Đức Chúa Tể vĩ đại và thủ tục huyền bí trên vốn luôn được tuân thủ.

As a member of the Egyptian pantheon Tehuti, the divine chronologer and recorder, perhaps a personification of this office of

Là một thành viên của điện thần Ai Cập, Tehuti, nhà niên đại học và người ghi chép thiêng liêng, có lẽ là một sự nhân cách hóa của

[115] *Isis Unveiled,* Vol. II, p. 388. H. P. Blavatsky.

Keeper of the Rolls. In pictorial representations of the supposed scene in the Judgment where, after weighing the heart of the deceased against a feather, the decision was made concerning his or her *post mortem* fate. Tehuti is shown as writing down with his stylus upon a papyrus the result of the weighing. If, again according to occult tradition, *The Book of the Dead* is regarded a ritual of Initiation, then this scene would portray passage through the First of the Great Initiations, with Tehuti as the *Maha-Chohan* or Recorder.

văn phòng Người Giữ Cuộn Giấy này. Trong các hình ảnh minh họa về cảnh được cho là trong Cuộc Phán Xét, nơi sau khi cân trái tim của người đã khuất với một chiếc lông vũ, quyết định đã được đưa ra liên quan đến số phận hậu thế của người đó. Tehuti được thể hiện đang viết bằng bút trâm của mình trên một tờ giấy cói kết quả của việc cân. Nếu, một lần nữa theo truyền thống huyền bí, Sách của Người Chết được coi là một nghi lễ Điểm Đạo, thì cảnh này sẽ miêu tả sự vượt qua lần Điểm Đạo Thứ Nhất trong số các cuộc Điểm Đạo Vĩ Đại, với Tehuti là Maha-Chohan hoặc Người Ghi Chép.

A passage in *Zohar* would seem to support a reference to phases or stages through which the soul passes, both after death and during the Rite of Initiation:

Một đoạn trong Zohar dường như ủng hộ một tham chiếu đến các giai đoạn mà linh hồn trải qua, cả sau khi chết và trong Nghi Lễ Điểm Đạo:

'Now we know that at the end of the seven days the decay of the body sets in, and the soul then goes into its place. It is first permitted into the cave of Mach-pelah up to a point, set in accordance with its merit. Then it comes to where the Garden of Eden stands, and there encounters the cherubim and the flashing sword which is found in the lower Garden of Eden, and if it is deemed worthy to do so, it enters' (1.217 b).

'Bây giờ chúng ta biết rằng vào cuối bảy ngày, sự phân hủy của cơ thể bắt đầu, và linh hồn sau đó đi vào vị trí của nó. Đầu tiên nó được phép vào hang Mach-pelah đến một điểm, được đặt theo công đức của nó. Sau đó, nó đến nơi Vườn Địa Đàng đứng, và ở đó nó chạm trán với các thiên sứ cherubim và thanh kiếm lóe sáng được tìm thấy trong Vườn Địa Đàng thấp hơn, và nếu nó được coi là xứng đáng để làm như vậy, nó sẽ bước vào' (1.217 b).

Here it is clear that according to Kabbalism, the places mentioned are to be regarded as symbolic references to states of human consciousness.

Ở đây, rõ ràng là theo Kabbalism, những địa điểm được đề cập được coi là những tham chiếu tượng trưng đến các trạng thái của tâm thức con người.

The Theosophist, Vol. 97, April 1976, p. 10

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 97, tháng 4 năm 1976, tr. 10

185

Rosicrucian Symbolism—Biểu Tượng Hội Rosicrucian

The Veil

Tấm Màn Che

The veil holds a very important place in occult symbology. In Hebraism it is called *Paroketh,* and marks a barrier which exists between the worlds of Spirit and the worlds of matter, and in man between his real spiritual identity in its vesture of light and the outer man in which for a time it is incarnated. As a symbol the veil is used in many ways in many Ceremonial Orders and in many Scriptures. The veil of the Temple was rent from top to bottom at the moment of the death of Christ upon the Cross, for example. The lower mind is temporarily paralysed ('dies') and consciousness passes into the Divine Presence of his own spiritual nature (the Right Hand of God).

Tấm màn che giữ một vị trí rất quan trọng trong biểu tượng huyền bí. Trong Do Thái giáo, nó được gọi là Paroketh, và đánh dấu một rào cản tồn tại giữa thế giới của Tinh Thần và thế giới của vật chất, và ở con người giữa bản sắc tinh thần thực sự của y trong lớp áo ánh sáng và con người bên ngoài mà y tạm thời lâm phàm. Là một biểu tượng, tấm màn che được sử dụng theo nhiều cách trong nhiều Dòng Nghi Lễ và trong nhiều Kinh Sách. Ví dụ, tấm màn che của Đền thờ đã bị xé toạc từ trên xuống dưới vào thời điểm Đức Christ chết trên Thập Giá. Hạ trí tạm thời bị tê liệt ('chết') và tâm thức đi vào Sự Hiện Diện Thiêng Liêng của bản chất tinh thần của chính y (Bàn Tay Phải của Thượng đế).

The Rose

Hoa Hồng

Many mystical meanings are given to the rose, which is a symbol of love, secrecy, fragrance. If the Cross is taken as a symbol of immortality or eternal life, as in the Egyptian Ankh, then the rose on the Cross, the Rosy Cross, represents the secret knowledge of immortality or conscious realisation of one's undying Self. This is possibly the simplest and one of the truest interpretations of the conjoined symbols—the secret of immortality—and it may account for the alchemical element in Rosicrucianism with its references to the Elixir of Life and the Philosopher's Stone.

Nhiều ý nghĩa huyền bí được gán cho hoa hồng, vốn là một biểu tượng của tình thương, sự bí mật, hương thơm. Nếu Thập Giá được coi là một biểu tượng của sự bất tử hoặc sự sống vĩnh cửu, như trong Ankh của Ai Cập, thì hoa hồng trên Thập Giá, Thập Giá Hoa Hồng, đại diện cho kiến thức bí mật về sự bất tử hoặc sự chứng ngộ có ý thức về Chân ngã bất tử của một người. Đây có lẽ là cách giải thích đơn giản nhất và chân thực nhất về các biểu tượng kết hợp—bí mật của sự bất tử—và nó có thể giải thích cho yếu tố giả kim thuật trong Hội Rosicrucian với những tham chiếu của nó đến Thuốc Trường Sinh và Hòn Đá Triết Gia.

The rose is also regarded as a symbol of visible Nature Herself, of the ever prolific virgin earth, the Mother and nourisher of man. Amongst the Romans and the Greeks the rose was dedicated to Venus or Aphrodite, who is a personification of the generative energy of Nature. In this, deeper sense the rose and the Cross together symbolise also both universal and human generation and its results, as we will see a little later.

Hoa hồng cũng được coi là một biểu tượng của chính Tự Nhiên hữu hình, của trái đất trinh nữ luôn sinh sôi nảy nở, Mẹ và người nuôi dưỡng con người. Trong số những người La Mã và Hy Lạp, hoa hồng được dành riêng cho Venus hoặc Aphrodite, vốn là một sự nhân cách hóa năng lượng sinh sản của Tự Nhiên. Theo nghĩa sâu sắc hơn này, hoa hồng và Thập Giá cùng nhau tượng trưng cho cả sự sinh sản phổ quát và con người và kết quả của nó, như chúng ta

sẽ thấy một chút sau.

In its purely human meaning the rose is regarded as a symbol of the Augoeides, the self-radiant vehicle or vesture of light in which the inner spiritual Triad, the true Self of man, is incarnated. Thus the rose may be regarded as a symbol of the Inner Ruler Immortal within the Causal Body, and of Causal consciousness achieved after impregnation by pure Spirit *(Atma),* and this impregnation—allegorically portrayed in all ceremonial Consecrations—produces the birth of wisdom and spiritual intuitiveness—the condition of the Initiate of the Rose and the Cross, in the Greater Mysteries.

Theo nghĩa thuần túy của con người, hoa hồng được coi là một biểu tượng của Augoeides, vận cụ tự phát sáng hoặc lớp áo ánh sáng trong đó Tam Nguyên Tinh Thần bên trong, Chân ngã thực sự của con người, được lâm phàm. Như vậy, hoa hồng có thể được coi là một biểu tượng của Đấng Cai Trị Bên Trong Bất Tử bên trong Thể Nguyên Nhân, và của tâm thức Nguyên Nhân đạt được sau khi được thấm nhuần bởi Tinh Thần thuần khiết (Atma), và sự thấm nhuần này—được khắc họa một cách ngụ ngôn trong tất cả các Lễ Hiến Tế—tạo ra sự ra đời của minh triết và trực giác tinh thần—điều kiện của điểm đạo đồ của Hoa Hồng và Thập Giá, trong các Mật Nghi Lớn.

Interestingly, the rose is guarded by thorns, just as the Mysteries themselves and those of generation in Nature, in man and in man's Higher Self are approached only through, and guarded by, dangers. Sovereignty, it is said, is only attained by, and is founded upon, suffering. Kingship is suggested by the crown of thorns, and the Crucifixion of Christ thus crowned has been described as portraying the true coronation of the Spirit of man. This crowning of the victorious Initiate is ever unperceived by, and unrecognisable to, the unillumined (the watching crowd), and in consequence is thought by them to be a mockery, a crown of thorns, since the apparent suffering and not the triumph is seen. The opened Crown *chakram* may also be referred to.

Điều thú vị là, hoa hồng được bảo vệ bởi gai, giống như chính các Mật Nghi và những mật nghi về sự sinh sản trong Tự Nhiên, ở con người và trong Chân ngã Cao Cả của con người chỉ được tiếp cận thông qua, và được bảo vệ bởi, những nguy hiểm. Chủ quyền, người ta nói, chỉ đạt được và được xây dựng trên sự đau khổ. Vương quyền được gợi ý bởi vòng gai, và sự Đóng Đinh của Đức Christ được đội vương miện như vậy đã được mô tả là khắc họa lễ đăng quang thực sự của Tinh Thần của con người. Lễ đăng quang của điểm đạo đồ chiến thắng này luôn không được nhận thấy và không thể nhận ra đối với những người không được soi sáng (đám đông đang theo dõi), và do đó bị họ cho là một sự chế nhạo, một vòng gai, vì sự đau khổ rõ ràng chứ không phải chiến thắng được nhìn thấy. Luân xa vương miện đã mở cũng có thể được đề cập đến.

Microcosmically, the opened rose represents the illumined Causal Body of Initiated man, the 'Robe of Glory' of the Gnostics, in which are born—and from which radiate—universal love, wisdom and bliss, aptly represented by the special fragrance of the beautiful flower;

Ở cấp độ Tiểu thiên địa, hoa hồng hé nở tượng trưng cho Thể Nguyên Nhân được soi sáng của người điểm đạo, 'Áo Choàng Vinh Quang' của các nhà ngộ đạo, nơi mà tình thương, minh triết và phúc lạc phổ quát được sinh ra—và từ đó tỏa ra—, được thể hiện một cách thích đáng

for the attar and perfume of the rose most perfectly represent pure wisdom and Divine Love, do they not?

bằng hương thơm đặc biệt của loài hoa xinh đẹp; vì tinh dầu và nước hoa của hoa hồng thể hiện một cách hoàn hảo nhất minh triết thuần khiết và Tình Thương Thiêng Liêng, phải không?

The Cross

Thập Giá

The Cross has its own group of interpretations. It is generally thought of as a symbol of self-sacrifice, of immortality and of holiness. Probing rather more deeply and esoterically, the Cross is also said to describe the whole mystery of creation. Creative Spirit, as the positive creative agency, the 'Breath' or 'Word', descends vertically into and penetrates matter as Space—symbolised as horizontal—the feminine, creative potency, 'the Great Deep'. Thus a Cross is formed. At the point of intersection exists the critical centre at which creation occurs and from which the product, the new creation, arises. It is interesting, that at this point of intersection of the vertical and the horizontal arms of the Cross the rose is usually placed. We might assume, therefore, that the rose upon the Cross symbolises that new creation, at whatever level and at whatever degree. In the Cosmos it is the new Universe created by the descent, in terms of three dimensions, vertically of creative Spirit penetrating the horizontal—symbolising virgin Space, and as a result of that interaction the Universe is born. In man it is the Christ Power and Consciousness generated and born within the Higher Self of man.

Thập Giá có nhóm diễn giải riêng. Nó thường được nghĩ đến như một biểu tượng của sự hy sinh bản thân, của sự bất tử và của sự thánh thiện. Tìm hiểu sâu hơn và một cách huyền bí hơn, Thập Giá cũng được cho là mô tả toàn bộ sự huyền nhiệm của sự sáng tạo. Tinh Thần Sáng Tạo, với tư cách là tác nhân sáng tạo tích cực, 'Hơi Thở' hay 'Linh Từ', đi xuống theo chiều dọc và thâm nhập vào vật chất như Không Gian—được tượng trưng theo chiều ngang—, tiềm năng sáng tạo nữ tính, 'Vực Thẳm Vĩ Đại'. Do đó, một Thập Giá được hình thành. Tại điểm giao nhau tồn tại trung tâm quan trọng, nơi sự sáng tạo xảy ra và từ đó sản phẩm, sự sáng tạo mới, phát sinh. Thật thú vị, tại điểm giao nhau của các cánh tay thẳng đứng và nằm ngang của Thập Giá, hoa hồng thường được đặt. Do đó, chúng ta có thể cho rằng, hoa hồng trên Thập Giá tượng trưng cho sự sáng tạo mới đó, ở bất kỳ cấp độ nào và ở bất kỳ mức độ nào. Trong Vũ Trụ, đó là Vũ Trụ mới được tạo ra bởi sự đi xuống, xét về ba chiều, theo chiều dọc của Tinh Thần Sáng Tạo thâm nhập vào chiều ngang—tượng trưng cho Không Gian trinh nguyên, và kết quả của sự tương tác đó là Vũ Trụ được sinh ra. Ở con người, đó là Quyền Năng và Tâm thức Christ được tạo ra và sinh ra bên trong Chân Ngã của con người.

The descent of Spirit into matter, the vertical into the horizontal, and the arising as a result of self-conscious and perfected life—the rose—suggests also the two processes of involution into matter and evolution to perfection—forthgoing and return; the great

Sự đi xuống của Tinh Thần vào vật chất, chiều dọc vào chiều ngang, và sự phát sinh như là kết quả của sự sống tự nhận thức và hoàn hảo—hoa hồng—cũng gợi ý hai quá trình giáng hạ tiến hóa vào vật chất và tiến hóa đến sự hoàn hảo—đi tới và trở về; cuộc hành trình vĩ đại

journey of the divine pilgrim from the highest level of existence, down through the degrees of density of matter—symbolized in Freemasonry by the ladder—until the very lowest is reached, the mineral kingdom, the rock tomb of Christ. Man himself is well symbolized by the Cross, the vertical arm representing the Spirit in him and the horizontal the material, as entered into, impregnated by and supported by the Spirit. Even man's physical body is cruci-form in innumerable ways. The spinal cord, for instance, is vertical when erect and the ribs extend horizontally, so that the spinal column is a vertical support from which at right angles the ribs extend horizontally, the symbol of a square and a cross being formed. The bringing forth into the world of Eve from a rib of Adam is probably symbolical and historical, referring in the last view to the densification of man's body in the Third Root Race.

của người hành hương thiêng liêng từ cấp độ tồn tại cao nhất, xuống qua các mức độ đậm đặc của vật chất—được tượng trưng trong Hội Tam Điểm bằng chiếc thang—cho đến khi đạt đến mức thấp nhất, giới kim thạch, ngôi mộ đá của Đức Christ. Bản thân con người được tượng trưng rõ ràng bằng Thập Giá, cánh tay thẳng đứng đại diện cho Tinh Thần trong y và chiều ngang đại diện cho vật chất, khi đi vào, được thấm nhuần bởi và được Tinh Thần hỗ trợ. Ngay cả thể xác của con người cũng có hình chữ thập theo vô số cách. Ví dụ, tủy sống thẳng đứng khi dựng thẳng và xương sườn kéo dài theo chiều ngang, do đó cột sống là một giá đỡ thẳng đứng mà từ đó ở các góc vuông, xương sườn kéo dài theo chiều ngang, biểu tượng của một hình vuông và một chữ thập được hình thành. Việc đưa Eve vào thế giới từ một xương sườn của Adam có lẽ mang tính biểu tượng và lịch sử, đề cập trong quan điểm cuối cùng đến sự đậm đặc của thể xác con người trong Giống Dân Gốc Thứ Ba.

The spinal cord is the great electro-magnetic cable of the body, and from it at right angles and horizontally large numbers of efferent nerves carry the life force throughout the body. With body erect and arms outstretched in love and sacrifice, man's body makes a perfect cross. When his heart is opened in love and compassion for the whole world, he assumes symbolically the posture of the cross.

Tủy sống là dây cáp điện từ vĩ đại của cơ thể, và từ đó ở các góc vuông và theo chiều ngang, một số lượng lớn các dây thần kinh ly tâm mang sinh lực đi khắp cơ thể. Với cơ thể thẳng đứng và hai tay dang rộng trong tình thương và sự hy sinh, cơ thể con người tạo thành một chữ thập hoàn hảo. Khi trái tim y rộng mở trong tình thương và lòng trắc ẩn đối với toàn thế giới, y tượng trưng cho tư thế của thập giá.

The pelican is another very interesting symbol, more especially associated with the original Rosicrucian Movement said to have been founded by Christian Rosenkreutz about the 11th century of our era. He evidently was a very great Initiate who came to Europe, bringing with Him this same Ageless Wisdom, partly clothing it—as far as is known of the Secret Order—with the symbolism of Christianity. The bird is portrayed in the

Chim bồ nông là một biểu tượng rất thú vị khác, đặc biệt liên quan đến Phong Trào Rosicrucian ban đầu được cho là do Christian Rosenkreutz thành lập vào khoảng thế kỷ 11 của kỷ nguyên chúng ta. Hiển nhiên Ngài là một điểm đạo đồ rất vĩ đại, Ngài đến Châu Âu, mang theo Minh Triết Ngàn Đời này, một phần khoác lên nó—theo như những gì được biết về Mật Hội—với biểu tượng của Cơ đốc giáo. Con chim được miêu tả trong biểu tượng là trên tổ

symbol as on its nest, feeding its seven young by voluntarily pouring out its life blood that they may live.

Assuming that, thus portrayed, the bird represents the Solar Logos, the water on which it rests is the matter of Space generally symbolised by this liquid. The nest, in this case, is the circumscribed area in which the Solar System is established—the so-called Ring-pass-not. Floating symbolically upon the vast waters of Space, the pelican supposedly brings forth seven young birds. The nest, then, is the Universe itself, the enclosed area of differentiated matter within the great sea of cosmic Space within which the creative process is to occur. The seven young represent the Seven Procreative Rays, Powers, Builders, Sephiroth. These in Their turn refer to the Logoi of Schemes, Chains, Rounds, planets, planes and kingdoms of Nature and to the principles of man—seven in number. All these components of a Universe derive their power and their life from the one central Logos, symbolised by the pelican, which allegorically tears open its breast, wounding itself, that its life-blood may stream forth sacrificially to sustain its progeny. The blood itself is the outpoured universal life-force, the vital principle of the Universe.

Thus the symbol of the pelican is a very wonderful one, leading one's thoughts to the Logos of the Universe 'seated on its nest' (the Ring-pass-not or the enclosing Space) providing nurture for the seven planes and all the septenates in Nature right down to the physical, which are flooded by, nourished and sustained by the ever outpoured 'life blood' of the Deity. This in other forms of symbology is called 'the Eternal Oblation', the sacrifice of the Logos of the Universe who voluntarily 'dies' that all creation may live. This statement also is symbolic for, of course, the Logos does

của nó, cho bảy con non ăn bằng cách tự nguyện đổ máu của mình để chúng có thể sống.

Giả sử rằng, được miêu tả như vậy, con chim đại diện cho Thái dương Thượng đế, nước mà nó tựa vào là vật chất của Không Gian thường được tượng trưng bằng chất lỏng này. Trong trường hợp này, tổ là khu vực giới hạn, nơi Hệ Mặt Trời được thiết lập—cái gọi là vòng-giới-hạn. Trôi nổi tượng trưng trên vùng nước rộng lớn của Không Gian, chim bồ nông được cho là sinh ra bảy con chim non. Vậy thì, tổ là chính Vũ Trụ, khu vực khép kín của vật chất phân hóa trong biển Không Gian vũ trụ rộng lớn, nơi quá trình sáng tạo sẽ xảy ra. Bảy con non đại diện cho Bảy Cung Sáng Tạo, Quyền Năng, Kiến Tạo, Sephiroth. Đến lượt Các Ngài đề cập đến Các Thượng đế của Các Hệ Hành Tinh, Dãy, Cuộc Tuần Hoàn, các hành tinh, cõi và giới của Tự Nhiên và đến các nguyên lý của con người—bảy về số lượng. Tất cả các thành phần của một Vũ Trụ này đều có được quyền năng và sự sống của chúng từ một Thượng đế trung tâm, được tượng trưng bằng chim bồ nông, theo nghĩa bóng xé toạc ngực, tự làm mình bị thương, để máu của nó có thể tuôn ra một cách hy sinh để duy trì con cháu của nó. Bản thân máu là sinh lực phổ quát tuôn ra, nguyên lý sinh mệnh của Vũ Trụ.

Do đó, biểu tượng của chim bồ nông là một biểu tượng rất tuyệt vời, dẫn dắt những suy nghĩ của một người đến Thượng đế của Vũ Trụ 'ngự trên tổ của nó' (vòng-giới-hạn hay Không Gian bao quanh) cung cấp sự nuôi dưỡng cho bảy cõi và tất cả các bộ bảy trong Tự Nhiên cho đến tận cõi hồng trần, vốn được tràn ngập, nuôi dưỡng và duy trì bởi 'máu sự sống' không ngừng tuôn ra của Thượng đế. Điều này trong các hình thức biểu tượng khác được gọi là 'Lễ Vật Vĩnh Cửu', sự hy sinh của Thượng đế của Vũ Trụ, Đấng tự nguyện 'chết' để tất cả sự sáng tạo có thể sống. Tuyên bố này cũng mang tính

not die, being ever renewed from interior sources.

biểu tượng vì, tất nhiên, Thượng đế không chết, mà luôn được đổi mới từ các nguồn bên trong.

All symbols apply equally to the Universe and to man, in whom the pelican is the Monad or Logos of the Soul. The nest is the Auric Envelope, and more particularly the sphere of radiance of the Causal Body. The seven young are the seven Principles which, imperfectly in unregenerate man, but perfectly in the Adept, are all fully irradiated by Monadic light and life or, as it were, perpetually nourished by the outpoured spiritual life of the indwelling Monad.

Tất cả các biểu tượng đều áp dụng như nhau cho Vũ Trụ và cho con người, trong đó chim bồ nông là Chân Thần hay Thượng đế của Linh Hồn. Tổ là Vỏ Bọc Hào Quang, và đặc biệt hơn là phạm vi rạng rỡ của Thể Nguyên Nhân. Bảy con non là bảy Nguyên Lý, vốn không hoàn hảo ở người chưa tái sinh, nhưng hoàn hảo ở Bậc Chân Sư, tất cả đều được chiếu xạ hoàn toàn bởi ánh sáng và sự sống Chân Thần hay, có thể nói, được nuôi dưỡng vĩnh viễn bởi sự sống tinh thần tuôn ra của Chân Thần ngự trị.

Thus, I conclude, we are presented with the concept of a Divine and Eternal Oblation or Sacrifice which we, in our turn, are called upon to prepare ourselves to make as we endeavour to understand the wonderful symbology of Love and Beauty and Sacrifice.

Vì vậy, tôi kết luận, chúng ta được trình bày với khái niệm về một Lễ Vật hay Sự Hy Sinh Thiêng Liêng và Vĩnh Cửu mà đến lượt chúng ta, được kêu gọi chuẩn bị để thực hiện khi chúng ta nỗ lực thấu hiểu biểu tượng tuyệt vời của Tình Thương và Vẻ Đẹp và Sự Hy Sinh.

The Theosophist, Vol. 88, May 1967, p. 96

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 88, tháng 5 năm 1967, tr. [2]96[/h2]

186—

The Sacred Language of Symbols and Some Keys of Interpretation[116] *[1]—*
Ngôn Ngữ Thiêng Liêng của Các Biểu Tượng và Một Số Chìa Khóa Giải Thích [1]

Before I enter upon my theme I wish to make it clear that while I believe in the existence of a deep spiritual significance in our Scriptures, I am in no way contesting their historicity. I believe they are founded upon historical fact, but I also believe that there is to be discovered a great spiritual wisdom and light within the Scriptural record of historical events. How does this combination of history, parable and inner wisdom of which world Scriptures

Trước khi đi vào chủ đề của mình, tôi muốn nói rõ rằng mặc dù tôi tin vào sự tồn tại của một ý nghĩa tinh thần sâu sắc trong Kinh điển của chúng ta, nhưng tôi không hề tranh cãi về tính xác thực lịch sử của chúng. Tôi tin rằng chúng được xây dựng dựa trên sự kiện lịch sử, nhưng tôi cũng tin rằng có một minh triết và ánh sáng tinh thần vĩ đại được khám phá bên trong hồ sơ Kinh điển về các sự kiện lịch sử. Sự kết hợp giữa lịch sử, dụ ngôn và minh triết nội

[116] Public Lecture at the 79th International Convention, Benares.

consist come into existence? It is well known that teachers of ancient days deliberately concealed within allegory and symbol a deep hidden wisdom for its safeguarding and revelation when the time should be ripe.

tại mà Kinh điển thế giới bao gồm này xuất hiện như thế nào? Ai cũng biết rằng các huấn sư thời xưa đã cố tình che giấu bên trong phép ẩn dụ và biểu tượng một minh triết ẩn sâu để bảo vệ và tiết lộ nó khi thời điểm chín muồi.

Themselves illumined, the ancient teachers saw eternal truths mirrored in events in time. For them every material happening was alight with spiritual significance. They knew the material world for what it is—the shadow of a great reality. Their records, the Scriptures of the world, portray far more than events in time; they reveal eternal truth, ultimate reality. Sometimes the real was more visible to them than the shadow, whereupon history took second place. At other times the record of physical events predominated. This fact is the key to the mystical study of the Bible, the clue to discovery of the inexhaustible treasure of wisdom and truth concealed within the casket of exoteric Scriptures.

Bản thân được soi sáng, các huấn sư thời xưa đã nhìn thấy những chân lý vĩnh cửu được phản ánh trong các sự kiện theo thời gian. Đối với Các Ngài, mọi sự kiện vật chất đều bừng sáng với ý nghĩa tinh thần. Các Ngài biết thế giới vật chất là gì—cái bóng của một thực tại vĩ đại. Các bản ghi chép của Các Ngài, Kinh điển của thế giới, mô tả nhiều hơn là các sự kiện theo thời gian; chúng tiết lộ chân lý vĩnh cửu, thực tại tối thượng. Đôi khi cái thực tế hiển hiện với Các Ngài hơn là cái bóng, khi đó lịch sử đứng ở vị trí thứ hai. Vào những thời điểm khác, bản ghi chép về các sự kiện vật lý chiếm ưu thế. Thực tế này là chìa khóa để nghiên cứu Kinh Thánh một cách huyền bí, là manh mối để khám phá kho báu vô tận của minh triết và chân lý được che giấu bên trong hộp đựng Kinh điển ngoại môn.

Using historical events as well as parables, the spiritual teachers of long ago proved themselves able to overcome the limitations of time. They recorded history in such a way as to reveal to readers of their own and later times the deeper truths of life. Even thousands of years after their death, such teachers are able to give to individuals in need the solution of their personal problems. Furthermore, it would seem that the teachers of ancient days deliberately concealed from the profane the truth which they desired to impart to those to whom it might safely be given. Their method was either to construct allegories or to record historical events in an unusual way.

Sử dụng các sự kiện lịch sử cũng như các dụ ngôn, các huấn sư tinh thần từ lâu đã chứng tỏ khả năng vượt qua những hạn chế của thời gian. Các Ngài đã ghi lại lịch sử theo cách tiết lộ cho độc giả thời của Các Ngài và những thời đại sau này những chân lý sâu sắc hơn của cuộc sống. Ngay cả hàng ngàn năm sau khi Các Ngài qua đời, những huấn sư như vậy vẫn có thể đưa ra cho những cá nhân đang cần giải pháp cho các vấn đề cá nhân của họ. Hơn nữa, dường như các huấn sư thời xưa đã cố tình che giấu khỏi những kẻ phàm tục chân lý mà Các Ngài mong muốn truyền đạt cho những người mà nó có thể được trao một cách an toàn. Phương pháp của Các Ngài là xây dựng các câu chuyện ngụ ngôn hoặc ghi lại các sự kiện lịch sử theo một cách khác thường.

Those who would discover the truths thus

Những ai muốn khám phá những chân lý bị

hidden should first read the story very carefully, giving special attention to the details. Then they should dwell in concentrated thought upon its various parts, seeking the reality behind the shadow, the eternal truth within the story in time.

che giấu như vậy trước tiên nên đọc câu chuyện một cách cẩn thận, đặc biệt chú ý đến các chi tiết. Sau đó, họ nên tập trung suy nghĩ vào các phần khác nhau của nó, tìm kiếm thực tại đằng sau cái bóng, chân lý vĩnh cửu bên trong câu chuyện theo thời gian.

Certain age-old symbols serve as sign posts on the way, each with its meanings constant throughout all time. The hierophants of Egypt, Assyria, India and Greece, the sages of the eastern worlds, and the inspired authors of the Bible all made use of these symbols. They perceived and used them as living, time-free ideographs which men of every age might use as common tongue. Nations, civilisations and religions rise and fall, but these earthly symbols of spiritual truths are ageless and unchanging. By their use, an Egyptian hierophant, a Jewish prophet, an Essene monk, an Eastern sage, may speak direct from the remote past to the mind of modern man.

Một số biểu tượng lâu đời đóng vai trò là biển chỉ dẫn trên đường đi, mỗi biểu tượng có ý nghĩa không đổi trong suốt mọi thời đại. Các tư tế Ai Cập, Assyria, Ấn Độ và Hy Lạp, các hiền nhân của thế giới phương Đông và các tác giả đầy cảm hứng của Kinh Thánh đều sử dụng những biểu tượng này. Họ nhận thức và sử dụng chúng như những biểu đồ tư tưởng sống động, vượt thời gian mà con người ở mọi thời đại có thể sử dụng như một ngôn ngữ chung. Các quốc gia, nền văn minh và tôn giáo trỗi dậy và suy tàn, nhưng những biểu tượng trần thế này về những chân lý tinh thần là vô tận và không thay đổi. Bằng cách sử dụng chúng, một tư tế Ai Cập, một nhà tiên tri Do Thái, một tu sĩ Essene, một hiền nhân phương Đông, có thể nói trực tiếp từ quá khứ xa xôi đến trí tuệ của con người hiện đại.

The list begins with solid substances and things, the earth and all that it contains. These generally refer to the physical body and to states of waking-consciousness. Liquids such as water, wine and oil, blood, saliva and tears refer either to aspects of man's emotional nature and experience or to spiritual wisdom and intuition. Wind also refers to the emotional nature. The denizens of water refer to the inexhaustible divine life and divine wisdom, the Christ Principle in man. Ships and boats are symbols of the body, the vehicle which bears the Inner Self over the waters of life. Fire is the symbol of the mind, fiery in its nature. The, ever-changing forms of flames are typical of the restlessness of and uncontrolled mentality. All winged things symbolise the Divine

Danh sách bắt đầu với các chất và vật thể rắn, trái đất và mọi thứ chứa trong đó. Chúng thường đề cập đến thể xác và các trạng thái tâm thức thức tỉnh. Chất lỏng như nước, rượu và dầu, máu, nước bọt và nước mắt đề cập đến các khía cạnh về bản chất và kinh nghiệm cảm xúc của con người hoặc đến minh triết và trực giác tinh thần. Gió cũng đề cập đến bản chất cảm xúc. Cư dân của nước đề cập đến sự sống thiêng liêng và minh triết thiêng liêng vô tận, Nguyên Lý Christ trong con người. Tàu thuyền là biểu tượng của cơ thể, vận cụ mang Nội Ngã vượt qua vùng nước của cuộc đời. Lửa là biểu tượng của thể trí, có bản chất bốc lửa. Các hình thức ngọn lửa luôn thay đổi là điển hình cho sự bồn chồn của và tâm lý không được kiểm soát. Tất cả những vật có cánh tượng trưng cho Bản

Self of universe and man. The head means intellect, the wings mean power and wisdom, body and tail mean Individuality, intellect, directive capacity. All people in inspired allegory represent qualities of character of every individual, aspects of human nature, powers of body and mind.

Ngã Thiêng Liêng của vũ trụ và con người. Đầu có nghĩa là trí tuệ, đôi cánh có nghĩa là quyền năng và minh triết, thân và đuôi có nghĩa là Tính Cá Nhân, trí tuệ, năng lực chỉ đạo. Tất cả mọi người trong câu chuyện ngụ ngôn đầy cảm hứng đều đại diện cho những phẩm chất tính cách của mỗi cá nhân, các khía cạnh của bản chất con người, quyền năng của thể xác và thể trí.

Such are some of the wards of the key which each student must for himself insert in order to discover for himself the wisdom concealed in allegory, myth and symbol. Our Lord, Himself used this method, speaking to the people in parables, but more directly to His disciples, saying: 'Unto you it is given to know the mystery of the kingdom of God; but unto them that are without, all these things are done in parables'.

Đó là một số từ trong chiếc chìa khóa mà mỗi đạo sinh phải tự mình tra vào để tự mình khám phá minh triết ẩn chứa trong câu chuyện ngụ ngôn, thần thoại và biểu tượng. Bản thân Đức Chúa cũng đã sử dụng phương pháp này, nói với mọi người bằng dụ ngôn, nhưng trực tiếp hơn với các đệ tử của Ngài, nói rằng: 'Các con được ban cho để biết sự huyền nhiệm về vương quốc của Thượng đế; nhưng đối với những người ở bên ngoài, tất cả những điều này được thực hiện bằng dụ ngôn'.

A 'new' and fruitful method of studying the Scriptures of the world is thus revealed. It consists of the use of certain, keys with which to interpret the Scriptures, to discover, in an account of an event in time, a truth which is eternal.

Một phương pháp 'mới' và hiệu quả để nghiên cứu Kinh điển của thế giới do đó được tiết lộ. Nó bao gồm việc sử dụng một số chìa khóa nhất định để giải thích Kinh điển, để khám phá, trong một bản tường thuật về một sự kiện theo thời gian, một chân lý vĩnh cửu.

What is the nature of this hidden light which the ancient authors, the sages, prophets and apostles of old, were concealing yet revealing in their allegorical writings?

Bản chất của ánh sáng ẩn giấu này là gì mà các tác giả thời xưa, các hiền nhân, nhà tiên tri và tông đồ thời xưa, đã che giấu nhưng vẫn tiết lộ trong các tác phẩm ngụ ngôn của họ?

It is the accumulated wisdom of the ages, the one eternal science of the soul of things. This science has always existed, has always been known to the illuminated ones of the earth, and always taught to those who sought the way of Light. This Ancient Wisdom includes all knowledge; it treats of God, of the universe, of man, and of the relation between these three.

Đó là minh triết tích lũy của các thời đại, khoa học vĩnh cửu duy nhất về linh hồn của vạn vật. Khoa học này luôn tồn tại, luôn được những người được soi sáng trên trái đất biết đến và luôn được dạy cho những người tìm kiếm con đường Ánh Sáng. Minh Triết Cổ Xưa này bao gồm tất cả tri thức; nó đề cập đến Thượng đế, vũ trụ, con người và mối quan hệ giữa ba điều này.

The inspired authors of Scriptural allegories

Các tác giả đầy cảm hứng của các câu chuyện

and classical myths have handed on to posterity their inherited knowledge along at least three main lines. These are, first, the principles and methods of the divine creative and evolutionary process—the numerical order upon which all creation and subsequent development is founded. Plato revealed the very core of this teaching in his immortal phrase, 'God geometrises'. The first chapter of the *Book of Genesis* is an allegorical but very exact exposition of the principles governing all creative processes. The words light, darkness, day, night, God's word, earth and water—and the numbers seven and four—all have a profound symbolic significance.

ngụ ngôn Kinh điển và các thần thoại cổ điển đã truyền lại cho hậu thế tri thức thừa kế của họ theo ít nhất ba dòng chính. Thứ nhất, các nguyên tắc và phương pháp của quá trình sáng tạo và tiến hóa thiêng liêng—trật tự số học mà tất cả sự sáng tạo và sự phát triển tiếp theo được xây dựng dựa trên đó. Plato đã tiết lộ cốt lõi của giáo lý này trong cụm từ bất hủ của Ông, 'Thượng đế hình học hóa'. Chương đầu tiên của Sách Sáng Thế là một sự trình bày ngụ ngôn nhưng rất chính xác về các nguyên tắc chi phối tất cả các quá trình sáng tạo. Các từ ánh sáng, bóng tối, ngày, đêm, linh từ của Thượng đế, đất và nước—và các số bảy và bốn—đều có một ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Second, the inspired authors taught of the nature, genesis, involution and evolution to perfection of the spiritual Self of man, both as a race and as an individual.

Thứ hai, các tác giả đầy cảm hứng đã dạy về bản chất, nguồn gốc, giáng hạ tiến hóa và tiến hóa đến sự hoàn hảo của Bản Ngã tinh thần của con người, cả với tư cách là một nhân loại và với tư cách là một cá nhân.

One of the most significant statements upon this subject occurs in the 26th verse of the first chapter of the *Book of Genesis,* which reads; 'And God said, Let us make man in our image, after our likeness'; and in the 27th verse; 'So God created man in his *own* image, in the image of God created he him'. These words contain the whole secret of the spiritual nature, evolution and destiny of man.

Một trong những tuyên bố quan trọng nhất về chủ đề này xuất hiện trong câu 26 của chương đầu tiên của Sách Sáng Thế, có nội dung; 'Và Thượng đế phán, Chúng ta hãy tạo ra con người theo hình ảnh của chúng ta, theo sự giống nhau của chúng ta'; và trong câu 27; 'Vậy Thượng đế tạo ra con người theo hình ảnh của chính Ngài, Ngài tạo ra y theo hình ảnh của Thượng đế'. Những lời này chứa đựng toàn bộ bí mật về bản chất tinh thần, sự tiến hóa và vận mệnh của con người.

Third, they—the ancient teachers—taught of the inner life, the steep and narrow way, treading which an individual obedient to natural law could swiftly attain to the fulfilment of life. This fulfilment has been variously described as Salvation, Liberation, Perfection, Adeptship, Christhood.

Thứ ba, Các Ngài—các huấn sư cổ xưa—dạy về đời sống nội tâm, con đường dốc và hẹp, mà khi bước đi trên đó, một cá nhân tuân theo luật tự nhiên có thể nhanh chóng đạt đến sự viên mãn của cuộc sống. Sự viên mãn này đã được mô tả khác nhau như là Sự Cứu Rỗi, Giải Thoát, Sự Hoàn Hảo, Địa vị Chân sư, Bản chất Christ.

As an example of this method of writing to describe this attainment, in the Christian

Ví dụ về phương pháp viết này để mô tả sự đạt được này, trong mục ngụ ngôn Cơ đốc giáo khi

allegory entry upon this short cut to the summit of the evolutionary mount is described from the point of view of soul-experience. Since an utterly new mode and motive of life, and a new order of consciousness, mark the first stage of the spiritual life, the aspirant is said to become as a little child, and birth is used frequently as a symbol of the first step.

bước vào con đường tắt này để lên đến đỉnh núi tiến hóa được mô tả từ quan điểm trải nghiệm linh hồn. Vì một phương thức và động cơ sống hoàn toàn mới, và một trật tự tâm thức mới, đánh dấu giai đoạn đầu tiên của đời sống tinh thần, người chí nguyện được cho là trở thành một đứa trẻ nhỏ, và sự sinh ra thường được sử dụng như một biểu tượng của bước đầu tiên.

St. Paul, himself advanced upon this Path, referred mysteriously to this stage as the birth of the Christ Child within the human heart. In this he showed clearly that he referred not to a historical, but to a mystical event. 'Christ *in* you, the hope of glory', he also told his people. In these pregnant phrases he gave the key to the interpretation of the Gospel stories of the life of Jesus some of which I am attempting in this study. Every incident, as I hope I have shown, refers to an experience of the soul of man when treading what Isaiah calls 'The Way of Holiness'.

Chính Thánh Paul, người đã tiến xa trên Thánh Đạo này, đã đề cập một cách bí ẩn đến giai đoạn này như là sự giáng sinh của Hài Nhi Christ trong trái tim con người. Trong điều này, Ông đã chỉ rõ rằng Ông không đề cập đến một sự kiện lịch sử, mà là một sự kiện huyền bí. 'Đức Christ ở trong các bạn, niềm hy vọng vinh quang', Ông cũng nói với dân của Ông. Trong những cụm từ đầy ý nghĩa này, Ông đã đưa ra chìa khóa để giải thích những câu chuyện Phúc Âm về cuộc đời của Đức Jesus mà tôi đang cố gắng thực hiện trong nghiên cứu này. Mỗi sự kiện, như tôi hy vọng tôi đã chỉ ra, đề cập đến một trải nghiệm của linh hồn con người khi bước đi trên con đường mà Isaiah gọi là 'Thánh Đạo'.

The *Book of Isaiah* is rich in description and instruction concerning this spiritual awakening or new birth of the soul. His words (Isaiah 9. 6); 'For unto us a child is born, unto us a son is given', we generally regard as prophecy of an external and future event, the forthcoming birth of the Saviour of men. And yet Isaiah uses the present tense 'For unto us a child is born'. Obviously he was referring to a present experience, to birth into a new and spiritual mode of life, and this is made clear by his most wonderful words for which we owe him and his translators so much (Isaiah 35. 8-9); 'And a highway shall be there, and a way, and it shall be called The way of holiness; the unclean shall not pass over it... but the redeemed shall walk *there* [on]'.

Sách Isaiah rất phong phú về mô tả và hướng dẫn liên quan đến sự thức tỉnh tinh thần hoặc sự tái sinh mới của linh hồn này. Những lời của Ông (Isaiah 9. 6); 'Vì một đứa trẻ đã được sinh ra cho chúng ta, một người con trai đã được ban cho chúng ta', chúng ta thường coi là lời tiên tri về một sự kiện bên ngoài và tương lai, sự ra đời sắp tới của Đấng Cứu Thế của nhân loại. Tuy nhiên, Isaiah sử dụng thì hiện tại 'Vì một đứa trẻ đã được sinh ra cho chúng ta'. Rõ ràng Ông đang đề cập đến một trải nghiệm hiện tại, đến sự sinh ra vào một phương thức sống mới và tinh thần, và điều này được làm rõ bởi những lời tuyệt vời nhất của Ông mà chúng ta nợ Ông và những người dịch thuật của Ông rất nhiều (Isaiah 35. 8-9); 'Và một con đường cao tốc sẽ ở đó, và một con

đường, và nó sẽ được gọi là Thánh Đạo; kẻ ô uế sẽ không vượt qua nó... nhưng những người được cứu chuộc sẽ bước đi ở đó [trên]'.

In such ways as this the ancient sages and prophets, themselves far advanced on the Way of Holiness, blended with almost miraculous skill their knowledge of these three aspects of the Ancient Wisdom, and revealed it through their special method of recording the history of their time.

Bằng những cách như thế này, các nhà hiền triết và nhà tiên tri cổ đại, bản thân họ đã tiến xa trên Thánh Đạo, đã pha trộn với kỹ năng gần như kỳ diệu kiến thức của họ về ba khía cạnh này của Minh Triết Ngàn Đời, và tiết lộ nó thông qua phương pháp đặc biệt của họ để ghi lại lịch sử thời đại của họ.

At this point it may well be asked: if this knowledge is so valuable to man, why conceal it? The answer is than knowledge is power, and power in the hands of those unprepared rightly to use it is a source of grave danger.

Tại thời điểm này, có thể có câu hỏi: nếu kiến thức này rất có giá trị đối với con người, tại sao phải che giấu nó? Câu trả lời là kiến thức là sức mạnh, và sức mạnh trong tay những người chưa chuẩn bị sẵn sàng sử dụng nó một cách đúng đắn là một nguồn nguy hiểm nghiêm trọng.

We are witnessing in the modern world the serious misuse of temporal power and of scientific knowledge by a humanity ethically and spiritually unprepared rightly to employ either. Power which is potent for constmction can also be used for destruction.

Chúng ta đang chứng kiến trong thế giới hiện đại việc lạm dụng nghiêm trọng quyền lực thế tục và kiến thức khoa học bởi một nhân loại chưa chuẩn bị về mặt đạo đức và tinh thần để sử dụng đúng đắn cả hai. Sức mạnh vốn có hiệu lực để xây dựng cũng có thể được sử dụng để phá hủy.

The examples before us in the present world crisis are chiefly of physical power gravely misused. True, both mental power and occult knowledge are employed. The hypnotic force of a concentrated mind, knowledge both of human psychology and of astrology—an occult art—were used in the prosecution of the aim of world domination and world enslavement by Hitler, for example.

Các ví dụ trước mắt chúng ta trong cuộc khủng hoảng thế giới hiện tại chủ yếu là về sức mạnh thể chất bị lạm dụng nghiêm trọng. Đúng vậy, cả sức mạnh trí tuệ và kiến thức huyền bí đều được sử dụng. Sức mạnh thôi miên của một thể trí tập trung, kiến thức về tâm lý học con người và chiêm tinh học—một môn nghệ thuật huyền bí—đã được sử dụng trong việc theo đuổi mục tiêu thống trị thế giới và nô dịch thế giới bởi Hitler, chẳng hạn.

Far deeper than hypnotic, psychological or even astrological knowledge is the wisdom possessed by the true teachers of man, the Just Men Made Perfect, the Adepts. For this wisdom pertains to the highest spiritual powers of Nature and of man—powers which

Sâu sắc hơn nhiều so với kiến thức thôi miên, tâm lý hoặc thậm chí chiêm tinh là sự minh triết mà các huấn sư chân chính của nhân loại sở hữu, những Bậc Chính Nhân Thành Toàn, các Chân sư. Vì sự minh triết này liên quan đến những quyền năng tinh thần cao nhất của Tự

can be tapped and used with tremendous potency either for construction or destmction.

Nhiên và của con người—những quyền năng có thể được khai thác và sử dụng với hiệu lực to lớn để xây dựng hoặc phá hủy.

The full knowledge is only given after severe tests and many trials, and this is the inner meaning of the temptation of Jesus in the wilderness. He was shown, or rather He had already discovered, as shown at His Baptism, and had begun to release the mighty powers of His Divine Nature, Thereupon the demon pride, symbolised by Satan, tempted Him to use those powers for personal material gain. Similarly every aspirant to the Way of Holiness must be tempted, and must prove himself as fit to tread that Way.

Kiến thức đầy đủ chỉ được trao sau những thử thách khắc nghiệt và nhiều gian truân, và đây là ý nghĩa sâu xa của sự cám dỗ của Đức Jesus trong hoang mạc. Ngài đã được cho thấy, hay đúng hơn là Ngài đã khám phá ra, như đã thấy trong Lễ Rửa Tội của Ngài, và đã bắt đầu giải phóng những quyền năng vĩ đại của Bản Chất Thiêng Liêng của Ngài, Sau đó, sự kiêu hãnh ma quỷ, được tượng trưng bởi Satan, đã cám dỗ Ngài sử dụng những quyền năng đó để đạt được lợi ích vật chất cá nhân. Tương tự, mọi người chí nguyện trên Thánh Đạo đều phải bị cám dỗ, và phải chứng tỏ mình đủ khả năng bước đi trên Thánh Đạo đó.

Spiritual power can stir up and stimulate both the good and the evil in man. Those who possess the keys of knowledge have therefore a great responsibility for its right use. Only those in whom the spiritual rules the material, who are disciples either of a great teacher or a great ideal, can safely be trusted with this knowledge and the power which its possession bestows.

Sức mạnh tinh thần có thể khuấy động và kích thích cả điều tốt và điều xấu trong con người. Do đó, những người sở hữu chìa khóa tri thức có trách nhiệm lớn đối với việc sử dụng nó một cách đúng đắn. Chỉ những người mà trong đó tinh thần cai trị vật chất, những người là đệ tử của một huấn sư vĩ đại hoặc một lý tưởng vĩ đại, mới có thể được tin tưởng một cách an toàn với kiến thức này và sức mạnh mà việc sở hữu nó mang lại.

It was for this reason that Our Lord tested the rich young lawyer who temporarily failed, and that He said to His disciples, who had also been tried, tested and chosen; 'Unto you it is given to know the mystery of the kingdom of God, but unto them that are without, all *these* things are done in parables'.

Chính vì lý do này mà Đức Chúa của chúng ta đã thử thách vị luật sư trẻ giàu có, người đã tạm thời thất bại, và Ngài đã nói với các đệ tử của Ngài, những người cũng đã được thử thách, kiểm tra và lựa chọn; 'Các con được ban cho để biết sự mầu nhiệm của vương quốc của Thượng đế, nhưng đối với những người ở bên ngoài, tất cả những điều này được thực hiện bằng dụ ngôn'.

Nevertheless, the knowledge is available to all who can discover it for themselves, and in all humility we seek to do this who meditate upon the Scriptures, seeking their inner

Tuy nhiên, kiến thức có sẵn cho tất cả những ai có thể tự mình khám phá ra nó, và trong tất cả sự khiêm nhường, chúng ta tìm cách làm điều này, những người tham thiền về Kinh

meaning, their deep spiritual content.

Thánh, tìm kiếm ý nghĩa nội tại của chúng, nội dung tinh thần sâu sắc của chúng.

We are embarking upon a study of the terms of the metaphorical or symbolic language underlying all the sacred Scriptures of the world. This language is one of the clear instances of the intrusion of the great Teachers of the world into mundane affairs. A universal language such as this is could not be invented by man. It could only have emanated from the inspired consciousness of Supermen.

Chúng ta đang bắt đầu một nghiên cứu về các thuật ngữ của ngôn ngữ ẩn dụ hoặc biểu tượng nằm dưới tất cả các Kinh Thánh thiêng liêng của thế giới. Ngôn ngữ này là một trong những trường hợp rõ ràng về sự xâm nhập của các Huấn Sư vĩ đại của thế giới vào các vấn đề trần tục. Một ngôn ngữ phổ quát như thế này không thể được con người phát minh ra. Nó chỉ có thể xuất phát từ tâm thức đầy cảm hứng của những Siêu Nhân.

The sacred Scriptures and myths of the races of humanity are all the product of the Mystery Schools of old. They were written by the Initiates and Hierophants of those Schools as a means of preserving, concealing from the profane and revealing to the few, those teachings of the Ancient Wisdom which had been revealed to them by their evolutionary Elders.

Các Kinh Thánh và thần thoại thiêng liêng của các chủng tộc nhân loại đều là sản phẩm của các Trường Phái Huyền Bí thời xưa. Chúng được viết bởi các điểm đạo đồ và các tư tế của các Trường Phái đó như một phương tiện để bảo tồn, che giấu khỏi những kẻ phàm tục và tiết lộ cho số ít, những giáo lý của Minh Triết Ngàn Đời đã được các Huynh Trưởng tiến hóa của họ tiết lộ cho họ.

There exists a heaven where all symbols, allegoric and parables and their complete interpretations are preserved. When we meditate upon them we enter this heaven.

Có một thiên đàng nơi tất cả các biểu tượng, ngụ ngôn và dụ ngôn và các cách giải thích đầy đủ của chúng được bảo tồn. Khi chúng ta tham thiền về chúng, chúng ta bước vào thiên đàng này.

There are said to be seven interpretations of this language—cosmic, astronomical, astrological, theogonic (the genesis of the Gods), racial, psychological and occult. My own studies have thus far led me to a comprehension of but four keys, all of which concern chiefly the psychical and occult evolution of individual man:

Người ta nói rằng có bảy cách giải thích về ngôn ngữ này—vũ trụ, thiên văn, chiêm tinh, theogonic (nguồn gốc của Các Thượng đế), chủng tộc, tâm lý và huyền bí. Các nghiên cứu của riêng tôi cho đến nay đã dẫn tôi đến sự hiểu biết về chỉ bốn chìa khóa, tất cả đều liên quan chủ yếu đến sự tiến hóa tâm linh và huyền bí của con người cá nhân:

(a) All is subjective. Each recorded event is an account of an interior experience of the soul of man.

Tất cả đều chủ quan. Mỗi sự kiện được ghi lại là một bản tường trình về một trải nghiệm nội tâm của linh hồn con người.

(b) All people represent a state and a stage of human consciousness.

Tất cả mọi người đại diện cho một trạng thái và một giai đoạn của tâm thức con người.

(c) Each story is a description of the soul.

Mỗi câu chuyện là một mô tả về linh hồn.

(d) All objects and events have their own special meaning.

Tất cả các đối tượng và sự kiện đều có ý nghĩa đặc biệt riêng của chúng.

These four will now be considered in turn.

Bốn điều này bây giờ sẽ được xem xét lần lượt.

(a) All is subjective. Each recorded event is an account of an interior experience of the soul of man.

Tất cả đều chủ quan. Mỗi sự kiện được ghi lại là một bản tường trình về một trải nghiệm nội tâm của linh hồn con người.

Every story in the inspired allegories is susceptible of interpretation as an interior experience of every individual. An example of this use of the sacred language is St Paul's deep concern that the nativity of Christ recorded in the Gospels as an external event should actually occur within the hearts of his converts. It is, perhaps, best stated in the words of Angelus Silesius:

Mọi câu chuyện trong các ngụ ngôn đầy cảm hứng đều có thể được giải thích như một trải nghiệm nội tâm của mỗi cá nhân. Một ví dụ về việc sử dụng ngôn ngữ thiêng liêng này là mối quan tâm sâu sắc của Thánh Paul rằng sự giáng sinh của Đức Christ được ghi lại trong các sách Phúc Âm như một sự kiện bên ngoài thực sự nên xảy ra trong trái tim của những người cải đạo của Ông. Có lẽ, tốt nhất nên nói bằng những lời của Angelus Silesius:

Though Christ a thousand times in Bethlehem be born,

Dù Đức Christ ngàn lần giáng sinh ở Bethlehem,

And not within thyself, thy soul will be forlorn.

Và không ở trong chính bạn, linh hồn bạn sẽ cô đơn.

The Cross of Golgotha thou lookest to in vain,

Bạn nhìn lên Thập Giá Golgotha một cách vô ích,

Unless within thyself it be set up again.

Trừ khi bên trong bạn, nó được dựng lại.

(b) All people represent a state and a stage of human consciousness.

Tất cả mọi người đại diện cho một trạng thái và một giai đoạn của tâm thức con người.

All the actors are personifications of aspects of human nature, of attributes, principles and faculties of man. Thus the dramatis personae of the great drama of the Life of Christ, including the Master Himself, all represent powers and attributes of every human being. Examples of this are:

Tất cả các diễn viên đều là hiện thân của các khía cạnh của bản chất con người, của các thuộc tính, nguyên tắc và năng lực của con người. Do đó, các nhân vật trong vở kịch vĩ đại về Cuộc Đời của Đức Christ, bao gồm cả chính Chân sư, đều đại diện cho sức mạnh và thuộc tính của mọi con người. Ví dụ về điều này là:

The humility, devotion and love of Mary, the Mother of Jesus, of whom the Christ was born. Mary represents the Higher Self or Ego of man in the Causal Body.

Sự khiêm nhường, tận tâm và tình thương/bác ái của Mary, Mẹ của Đức Jesus, người mà Đức Christ đã được sinh ra. Mary đại diện cho Chân Ngã hoặc chân ngã của con người trong Thể Nguyên Nhân.

The human frailty, and yet inherent sainthood, of a Magdalene, a Peter or a Judas are also within man, as also Martha, the active, and Mary the far more difficult, and spiritually valuable, contemplative aspects of human nature, and the presence of the Christ Principle, asleep at first, but ultimately to awaken and still all tempests in the lower nature of an illumined man.

Sự yếu đuối của con người, và vẫn là sự thánh thiện vốn có, của một Magdalene, một Peter hoặc một Judas cũng ở trong con người, cũng như Martha, người năng động, và Mary, những khía cạnh chiêm nghiệm khó khăn hơn nhiều và có giá trị tinh thần hơn của bản chất con người, và sự hiện diện của Nguyên Lý Christ, lúc đầu ngủ quên, nhưng cuối cùng sẽ thức tỉnh và làm dịu tất cả những giông bão trong bản chất thấp kém của một người được soi sáng.

(c) Each story is a description of the soul.

Mỗi câu chuyện là một mô tả về linh hồn.

The stories describe both the normal evolutionary experience, with its psychological changes, and those of spiritually awakened man finding and treading the straight and narrow way leading to fully unfolded Christ consciousness.

Các câu chuyện mô tả cả trải nghiệm tiến hóa bình thường, với những thay đổi tâm lý của nó, và những trải nghiệm của con người đã thức tỉnh về mặt tinh thần khi tìm thấy và bước đi trên con đường thẳng và hẹp dẫn đến tâm thức Christ được mở ra hoàn toàn.

(d) All objects and events have their own special meaning.

Tất cả các đối tượng và sự kiện đều có ý nghĩa đặc biệt riêng của chúng.

The sacred language of the Initiates of the Mystery Schools is composed of hierograms, of symbols, phrases, parables. The meaning of these remains ever constant, as constant also is the doctrine which the language reveals.

Ngôn ngữ thiêng liêng của các điểm đạo đồ của các Trường Phái Huyền Bí bao gồm các biểu tượng tượng hình, các biểu tượng, cụm từ, dụ ngôn. Ý nghĩa của những điều này vẫn luôn không đổi, cũng như giáo lý mà ngôn ngữ tiết lộ.

The study of this language and of the sacred Scriptures of the world, in all of which it is employed, opens up a world of wonder, of beauty, of wisdom, illumination, truth.

Việc nghiên cứu ngôn ngữ này và các Kinh Thánh thiêng liêng của thế giới, trong đó tất cả đều được sử dụng, mở ra một thế giới kỳ diệu, vẻ đẹp, sự minh triết, sự soi sáng, chân lý.

The Theosophist, Vol. 76, February 1955, p. 297

Nhà Thông Thiên Học, Tập. 76, tháng 2 năm 1955, tr. 297

187—

The Sacred Language of Symbols and Some Keys of Interpretation [2]—Ngôn Ngữ Thiêng Liêng của Các Biểu Tượng và Một Số Chìa Khóa Giải Thích [2]

In the Preface to his most valuable *Dictionary of the Sacred Language,* G. A. Gaskell writes as follows:

Trong Lời Tựa cho Từ Điển Ngôn Ngữ Thiêng Liêng có giá trị nhất của Ông, G. A. Gaskell viết như sau:

The Scriptures, as proceeding from the Omniscient Wisdom, are therefore in their under-meanings quite consistent treatises, never contradicting each other, and teach universally the great truths of the nature of man, of the soul-process and of the cosmos.

Do đó, Kinh Thánh, khi xuất phát từ Minh Triết Toàn Tri, là những luận thuyết hoàn toàn nhất quán trong những ý nghĩa sâu xa của chúng, không bao giờ mâu thuẫn lẫn nhau, và dạy một cách phổ quát những chân lý vĩ đại về bản chất của con người, về quá trình linh hồn và về vũ trụ.

The cryptic language of the Sacred Books is not at all of arbitrary formation, but accords with correspondences in Nature, higher and lower, and being quite simple in its general features, can be readily made out by all open-minded intelligent students who set themselves to learn it. When the cue to the language is found, it can be deciphered just in the same way as the hieroglyphs of Egypt were made out. Each hieroglyph when revealed aided the revelation of associated hieroglyphs.

Ngôn ngữ khó hiểu của các Sách Thiêng Liêng hoàn toàn không phải là sự hình thành tùy tiện, mà phù hợp với sự tương ứng trong Tự Nhiên, cao hơn và thấp hơn, và rất đơn giản trong các đặc điểm chung của nó, có thể dễ dàng được tạo ra bởi tất cả các đạo sinh thông minh có đầu óc cởi mở, những người tự đặt mình vào việc học nó. Khi tìm thấy manh mối cho ngôn ngữ, nó có thể được giải mã giống như cách các chữ tượng hình của Ai Cập được tạo ra. Mỗi chữ tượng hình khi được tiết lộ đã hỗ trợ việc tiết lộ các chữ tượng hình liên quan.

In the Scriptures, to make decipherment easier, there are certain spiritual ideas which are partly expressed on the surface and so can greatly help interpretation. These ideas have been embodied in the different religions of the world and constitute the active spirit of the religions, and are the source of their idealistic

Trong Kinh Thánh, để giúp việc giải mã dễ dàng hơn, có một số ý tưởng tinh thần nhất định được thể hiện một phần trên bề mặt và do đó có thể giúp ích rất nhiều cho việc giải thích. Những ý tưởng này đã được thể hiện trong các tôn giáo khác nhau trên thế giới và cấu thành tinh thần tích cực của các tôn giáo, và là nguồn

power over the mental and emotional nature of mankind.

gốc của sức mạnh lý tưởng của chúng đối với bản chất trí tuệ và cảm xúc của nhân loại.

In regard to the scheme of the symbolism, it will be found that in the sacred writings the activities which apparently are of the outer world of sense stand really for the activities of the inner world of thought. The apparent sense world of consciousness symbolises the real soul world of humanity in which we become aware of all the emotions, faculties and activities of the soul's experience of life.

Về sơ đồ của biểu tượng, người ta sẽ thấy rằng trong các tác phẩm thiêng liêng, các hoạt động dường như thuộc về thế giới giác quan bên ngoài thực sự đại diện cho các hoạt động của thế giới tư tưởng bên trong. Thế giới giác quan rõ ràng của tâm thức tượng trưng cho thế giới linh hồn thực sự của nhân loại, trong đó chúng ta nhận thức được tất cả những cảm xúc, năng lực và hoạt động của trải nghiệm cuộc sống của linh hồn.

Most of the symbols are chosen from the five realms of existence, which constitute the present evolutionary field of the human and subhuman kingdoms of Nature on our planet. These realms are those of earth, water, air, fire, aether. The last named must not be confused with the physical ether of science, which is but its outermost and densest physical garment or manifestation.

Hầu hết các biểu tượng được chọn từ năm cõi tồn tại, cấu thành trường tiến hóa hiện tại của các giới nhân loại và á nhân loại của Tự Nhiên trên hành tinh của chúng ta. Các cõi này là cõi đất, nước, khí, lửa, dĩ thái. Cái tên cuối cùng không được nhầm lẫn với dĩ thái vật lý của khoa học, mà chỉ là lớp áo vật lý đậm đặc nhất bên ngoài hoặc sự biểu hiện của nó.

In the human interpretation these five realms refer to states and levels of human awareness. The earth itself and solid objects such as rocks, dry land and seashore refer to normal, physical, waking consciousness.

Trong cách giải thích của con người, năm cõi này đề cập đến các trạng thái và cấp độ nhận thức của con người. Bản thân trái đất và các vật thể rắn như đá, đất khô và bờ biển đề cập đến tâm thức thức tỉnh, vật lý, bình thường.

Mountains, upon which so much of importance occurs in the Christian Scriptures, refer to exalted states of consciousness whilst awake in the physical body. Plains refer to the normal, while valleys represent deliberately chosen, grosser, material states of consciousness.

Núi, nơi có rất nhiều điều quan trọng xảy ra trong Kinh Thánh Cơ đốc giáo, đề cập đến các trạng thái tâm thức cao cả khi còn thức trong thể xác. Đồng bằng đề cập đến trạng thái bình thường, trong khi thung lũng đại diện cho các trạng thái tâm thức vật chất thô thiển hơn, được lựa chọn một cách có chủ ý.

Glyphs of floating in the air, of rising above the earth, are symbolical of ascension to higher states of consciousness and being.

Các ký hiệu về việc trôi nổi trong không khí, về việc bay lên khỏi trái đất, là biểu tượng của sự thăng lên các trạng thái tâm thức và tồn tại cao hơn.

Where fire is the elevating agency, as in the case of Elijah, and in a measure Moses, the

Khi lửa là tác nhân nâng cao, như trong trường hợp của Elijah, và ở một mức độ nào đó là

creative energy is indicated as having been sublimated and employed in its purely spiritual aspects to elevate the consciousness.

Moses, năng lượng sáng tạo được chỉ ra là đã được thăng hoa và sử dụng trong các khía cạnh tinh thần thuần túy của nó để nâng cao tâm thức.

The ascension of Jesus from earth to Heaven in clouds of glory is susceptible of a similar interpretation. As in this case the ascent culminated in enthronement at the right hand of the Father, Adeptship is implied, with complete unity with the Supreme Deity or entrance into Nirvana.

Sự thăng thiên của Đức Jesus từ trái đất lên Thiên đàng trong những đám mây vinh quang có thể được giải thích tương tự. Vì trong trường hợp này, sự thăng thiên lên đến đỉnh điểm là lên ngôi bên hữu của Đức Chúa Cha, nên Địa vị Chân sư được ngụ ý, với sự hợp nhất hoàn toàn với Thượng đế Tối Cao hoặc đi vào Niết Bàn.

Gardens, vineyards and fields refer cosmically to evolutionary fields, and frequently to the fruitful condition of consciousness and matter at the opening of new cycles.

Vườn, vườn nho và cánh đồng đề cập đến vũ trụ học đến các cánh đồng tiến hóa, và thường xuyên đến trạng thái tâm thức và vật chất màu mỡ khi mở ra các chu kỳ mới.

Wildernesses and deserts, on the other hand, refer to states of spiritual aridity. The sun refers to the highest spiritual state, and is often used as a symbol of the spiritual soul of man, whilst the moon is a symbol of the mortal man illuminated only by the light of his inner self. The stars frequently refer to Cosmic Intelligences, Ministers of the Most High, and Builders of the Universe. Rocks represent the physical body itself. Ships, arks, cradles, refer to any containing and conveying vehicle of consciousness, whether physical or spiritual, and whether human, superhuman or divine.

Mặt khác, vùng hoang dã và sa mạc đề cập đến các trạng thái khô cằn về mặt tinh thần. Mặt trời đề cập đến trạng thái tinh thần cao nhất, và thường được sử dụng như một biểu tượng của linh hồn tinh thần của con người, trong khi mặt trăng là một biểu tượng của con người phàm trần chỉ được chiếu sáng bởi ánh sáng của bản thân bên trong của y. Các ngôi sao thường đề cập đến Trí Tuệ Vũ Trụ, Các Thừa Hành của Đấng Tối Cao, và Các Nhà Kiến Tạo Vũ Trụ. Đá đại diện cho chính thể xác. Tàu, thuyền, nôi, đề cập đến bất kỳ phương tiện chứa đựng và truyền tải tâm thức nào, dù là vật chất hay tinh thần, và dù là con người, siêu nhân hay thiêng liêng.

Animals, when predatory, refer to the grosser desires and passions of the flesh—their taming or destruction symbolising mastery over the lower nature.

Động vật, khi ăn thịt, đề cập đến những ham muốn và đam mê thô thiển hơn của xác thịt—việc thuần hóa hoặc tiêu diệt chúng tượng trưng cho sự làm chủ bản chất thấp kém.

Ants have been used as symbols of the Spiritual Monad and of that *Atmic* or *Fohatic* force which 'by digging holes in space' prepares the matter of space for the divine husbandry.

Loài kiến đã được sử dụng như những biểu tượng của Chân Thần Tinh Thần và của lực Atma hay Fohat vốn 'bằng cách đào các lỗ trong không gian' chuẩn bị vật chất của không gian cho công việc vun trồng thiêng liêng.

Flying insects, particularly butterflies and small birds, may figuratively connote the Angelic Hosts.

Các loài côn trùng bay, đặc biệt là bướm và các loài chim nhỏ, có thể ngụ ý một cách tượng trưng cho Các Thiên Thần.

Birds represent the highest Spiritual Self, whether of man or of the Deity. The latter is not infrequently symbolised by an aquatic bird such as the swan or pelican, which lives upon and flies over the waters of space. The symbol of the pelican tearing open its own breast to feed its seven young symbolises the Logos of the Solar System in the act of pouring out His life force that the sevenfold Planetary Schemes with their many septenary divisions may be vivified.

Chim đại diện cho Chân Ngã Tinh Thần cao nhất, dù là của con người hay của Thượng đế. Vị sau thường được tượng trưng bằng một loài chim sống dưới nước như thiên nga hoặc bồ nông, vốn sống trên và bay trên vùng nước của không gian. Biểu tượng của chim bồ nông xé toạc ngực mình để nuôi bảy con non tượng trưng cho Thượng đế của Thái dương Hệ trong hành động tuôn đổ sinh lực của Ngài để Thất phân Hành Tinh Hệ với nhiều phân chia thất phân của chúng có thể được sinh động hóa.

Trees connote the omnipresent Divine Creative Life in Nature, the Tree of Life itself. In man they refer to that same life individualised as the creative force.

Cây cối biểu thị Sự Sống Sáng Tạo Thiêng Liêng hiện hữu khắp nơi trong Tự Nhiên, chính Cây Sự Sống. Ở con người, chúng đề cập đến sự sống tương tự được cá nhân hóa như là lực sáng tạo.

The fruit of trees symbolises the products of the life force in Nature and in man. The apple especially would seem to symbolise individualised experience of the creative process, as in the case of the fruit of the Tree of Knowledge of Good and Evil partaken of by Adam and Eve, and bringing about the so-called fall. When the apples are golden, the attainment of *Buddhic* consciousness is definitely symbolised, for such attainment is the fruit in man, of the activity of the sublimated creative life force.

Quả của cây tượng trưng cho các sản phẩm của sinh lực trong Tự Nhiên và trong con người. Đặc biệt, quả táo dường như tượng trưng cho kinh nghiệm cá nhân hóa về quá trình sáng tạo, như trong trường hợp quả của Cây Tri Thức về Thiện và Ác mà Adam và Eva đã ăn, và gây ra cái gọi là sự sa ngã. Khi những quả táo có màu vàng, sự đạt được tâm thức Bồ đề chắc chắn được tượng trưng, vì sự đạt được như vậy là thành quả ở con người, từ hoạt động của sinh lực sáng tạo thăng hoa.

Marriage, intercourse, whether within, or without the law, refers not to any carnal relationship but to a spiritual 'marriage' or blending of consciousness at any level. The

Hôn nhân, giao hợp, dù là trong hay ngoài luật pháp, không đề cập đến bất kỳ mối quan hệ xác thịt nào mà là một cuộc 'hôn nhân' tinh thần hoặc sự hòa trộn tâm thức ở bất kỳ cấp độ nào.

physical waking consciousness can be elevated into union with that of the inner Spiritual Self; a great Teacher may blend his consciousness intimately with a disciple, whilst the Supreme Teacher of all perpetually maintains an indissoluble union between Himself and all beings at the spiritual level. All these unifications are symbolised by marriage, and the spiritual nature as the bridegroom and the lower or lesser as the bride.

Tâm thức thức tỉnh thể xác có thể được nâng lên hợp nhất với tâm thức của Chân Ngã Tinh Thần bên trong; một Huấn Sư vĩ đại có thể hòa trộn tâm thức của mình một cách mật thiết với một đệ tử, trong khi Huấn Sư Tối Thượng của tất cả liên tục duy trì một sự hợp nhất không thể hòa tan giữa Ngài và tất cả chúng sinh ở cấp độ tinh thần. Tất cả những sự hợp nhất này được tượng trưng bằng hôn nhân, và bản chất tinh thần là chú rể và bản chất thấp hơn hoặc kém hơn là cô dâu.

Even illicit relationships are used to indicate this same fusion of the lower and the higher nature, and of the higher with the Divine. In many allegories the persons of harlots are introduced with the object of indicating this attainment, and this state of consciousness.

Ngay cả những mối quan hệ bất chính cũng được sử dụng để chỉ ra sự hợp nhất tương tự này của bản chất thấp hơn và cao hơn, và của bản chất cao hơn với Đấng Thiêng Liêng. Trong nhiều câu chuyện ngụ ngôn, những người kỹ nữ được giới thiệu với mục đích chỉ ra sự đạt được này, và trạng thái tâm thức này.

All nativities refer to the opening of new cycles, whether solar, planetary, racial, individual, psychical or spiritual. Even the process of abortion is given a spiritual significance, under which it indicates the forcing of spiritual evolution, the deliberate adoption of a mode of life which quickens spiritual rebirth.

Tất cả các sự giáng sinh đều đề cập đến sự mở ra của các chu kỳ mới, dù là thái dương, hành tinh, chủng tộc, cá nhân, tâm linh hay tinh thần. Ngay cả quá trình phá thai cũng mang một ý nghĩa tinh thần, theo đó nó chỉ ra sự thúc đẩy sự tiến hóa tinh thần, việc cố ý chấp nhận một lối sống giúp tăng tốc sự tái sinh tinh thần.

Night, blindness, sleep, death, refer to states in which spiritual awareness is temporarily lost. Day, on the other hand, represents a state of spiritual illumination, contact with the inner self, and dawn or daybreak represents the process of return. This change is well illustrated in the incident of the denial of his Master by Peter in the night, and his repentance and remorse as soon as day broke.

Đêm, mù lòa, ngủ, chết, đề cập đến những trạng thái mà trong đó nhận thức tinh thần tạm thời bị mất. Mặt khác, ban ngày đại diện cho một trạng thái soi sáng tinh thần, tiếp xúc với bản thân bên trong, và bình minh hoặc rạng đông đại diện cho quá trình trở lại. Sự thay đổi này được minh họa rõ nét trong sự việc Peter chối bỏ Chân sư của mình trong đêm tối, và sự ăn năn và hối hận của y ngay khi trời sáng.

Pillars generally represent a vehicle for the creative force, both in Nature and in man. In the latter case the spinal cord along which the creative force flows is denoted. In illumined

Các trụ cột thường đại diện cho một vận cụ cho lực sáng tạo, cả trong Tự Nhiên và trong con người. Trong trường hợp sau, tủy sống dọc theo đó lực sáng tạo chảy được biểu thị. Ở

man this force has been wholly sublimated, and flows up into the brain and mind where it manifests as a great illuminant and source of inspiration and genius. Thus Moses was guided over the wilderness to the Promised Land by a pillar of fire by night.

người được soi sáng, lực này đã được thăng hoa hoàn toàn, và chảy lên não bộ và thể trí, nơi nó biểu hiện như một nguồn soi sáng vĩ đại và nguồn cảm hứng và thiên tài. Vì vậy, Moses đã được dẫn dắt qua vùng hoang dã đến Vùng Đất Hứa bằng một cột lửa vào ban đêm.

The element of water is generally taken to symbolise the emotional world and the emotional nature of man. Rushing wind is, however, sometimes used in the same sense as in the account of Elijah and the still small voice. Springs and fountains refer to the up-welling spiritual life within the Higher Self. Rivers and streams represent the flow of that life throughout the various regions of soul and body. The

Nguyên tố nước thường được coi là tượng trưng cho thế giới cảm xúc và bản chất cảm xúc của con người. Tuy nhiên, gió thổi mạnh đôi khi được sử dụng theo nghĩa tương tự như trong câu chuyện về Elijah và tiếng nói nhỏ nhẹ. Các con suối và đài phun nước đề cập đến sự sống tinh thần trào dâng bên trong Chân Ngã Cao Hơn. Sông và suối đại diện cho dòng chảy của sự sống đó trong khắp các khu vực khác nhau của linh hồn và thể xác.

Streams of Life—water-is *the Atma-Buddhi* of the Ego, and the collecting and distributing agent for its descent is the Causal Body.

Các Dòng Sông Sự Sống—nước—là Atma-Bồ đề của Chân Ngã, và tác nhân thu thập và phân phối cho sự giáng xuống của nó là Thể Nguyên Nhân.

Wine refers to the intuition, and especially to the transmuted and purified emotional instincts when self-consciously used as means of intuitive, direct perception. When the lower is united with the Higher Self, and the Divine Principle realized and present, water—symbolising the emotions—is automatically transmuted into wine—symbol of the intuition. This is clearly portrayed by means of these particular symbols in the account of the marriage feast at Cana.

Rượu đề cập đến trực giác, và đặc biệt là các bản năng cảm xúc đã được chuyển hóa và thanh lọc khi được sử dụng một cách tự giác như một phương tiện của nhận thức trực tiếp, trực quan. Khi cái thấp hơn hợp nhất với Chân Ngã Cao Hơn, và Nguyên Khí Thiêng Liêng được nhận ra và hiện diện, nước—tượng trưng cho những cảm xúc—sẽ tự động chuyển hóa thành rượu—biểu tượng của trực giác. Điều này được miêu tả rõ ràng bằng các biểu tượng đặc biệt này trong câu chuyện về bữa tiệc cưới ở Cana.

Sea monsters represent the lower emotions, whilst smaller fish represent the Christ Consciousness of unity, kinship, from which spring tenderness, compassion, healing grace and ministration.

Quái vật biển đại diện cho những cảm xúc thấp hèn, trong khi những con cá nhỏ hơn đại diện cho Tâm Thức Christ về sự hợp nhất, mối quan hệ họ hàng, từ đó nảy sinh sự dịu dàng, lòng trắc ẩn, ân điển chữa lành và sự giúp đỡ.

Air would seem to refer chiefly to the activities of the abstract mind, clouds representing a veiling of clear perception or the shutting out

Không khí dường như chủ yếu đề cập đến các hoạt động của trí trừu tượng, mây đại diện cho sự che đậy nhận thức rõ ràng hoặc việc đóng

of the lower mind to the sunlight of the higher.

cửa hạ trí đối với ánh sáng mặt trời của thượng trí.

Elemental storms generally refer to disturbed mental and emotional conditions. Fire would appear to have at least two significations. In one, the restless, destructive aspects of the critical, formal mind are connoted. In the other the divine creative fire in Nature and in man is symbolised.

Bão tố hành khí thường đề cập đến các điều kiện tinh thần và cảm xúc bị xáo trộn. Lửa dường như có ít nhất hai ý nghĩa. Trong một ý nghĩa, các khía cạnh phá hoại, không ngừng nghỉ của trí cụ thể, hình thức được ngụ ý. Trong ý nghĩa khác, ngọn lửa sáng tạo thiêng liêng trong Tự Nhiên và trong con người được tượng trưng.

Aether, as the basic elemental substance out of which the universe was formed, represents the highest spiritual nature of man, the Divine *Atma.* The aetherial worlds symbolise the highest levels of consciousness in the universe, those realms of spirit from which the lower worlds proceed and from which they are modelled.

Dĩ thái, với tư cách là chất cơ bản tạo nên vũ trụ, đại diện cho bản chất tinh thần cao nhất của con người, Atma Thiêng Liêng. Các thế giới dĩ thái tượng trưng cho các cấp độ tâm thức cao nhất trong vũ trụ, những cõi tinh thần mà từ đó các thế giới thấp hơn tiến ra và từ đó chúng được mô phỏng.

Ablutions, bathings, cleansings, refer to self-purification, the washing of material accretions from the physical body, the elimination of selfishness and sensuality from the emotions, and of pride and possessiveness and separateness from the mind. In the case of the washing of the feet, thoroughness of purification is indicated, for the feet symbolise the lowest, the physical manifestation of the Spirit.

Tẩy rửa, tắm rửa, gột rửa, đề cập đến sự tự thanh lọc, việc rửa sạch những tích tụ vật chất khỏi thể xác, loại bỏ sự ích kỷ và nhục dục khỏi những cảm xúc, và loại bỏ sự kiêu hãnh, tính chiếm hữu và sự tách biệt khỏi thể trí. Trong trường hợp rửa chân, sự triệt để của việc thanh lọc được chỉ ra, vì bàn chân tượng trưng cho sự biểu hiện vật chất thấp nhất của Tinh Thần.

Aches and pains are symbolical of disorders of the Soul, disharmony and disease resulting from errors of conduct and phases of spiritual aridity.

Đau nhức là biểu tượng của những rối loạn của Linh Hồn, sự bất hòa và bệnh tật do những sai lầm trong hành vi và các giai đoạn khô cằn tinh thần.

Altars symbolise the physical body with its emotional and mental attributes, wherein the Divine Self is enshrined. Sometimes the heart is referred to as the altar at which worship of the Divine should be performed. Altars ideally perform a dual function. They are centres from which aspiration and prayer rise from the lower to the higher, and to which the

Bàn thờ tượng trưng cho thể xác với các thuộc tính cảm xúc và trí tuệ của nó, nơi Chân Ngã Thiêng Liêng được tôn thờ. Đôi khi trái tim được gọi là bàn thờ nơi sự thờ phượng Đấng Thiêng Liêng nên được thực hiện. Bàn thờ lý tưởng thực hiện một chức năng kép. Chúng là những trung tâm mà từ đó khát vọng và lời cầu nguyện dâng lên từ thấp đến cao, và đến

spiritual benediction and power descend in response.

đó ân phước và quyền năng tinh thần giáng xuống để đáp lại.

Ancestors or progenitors are symbols of preceding cycles, solar, planetary, racial, and of previous human incarnations; for all of these are the parents of the present dispensation, manifestation, Individuality and Personality.

Tổ tiên hoặc người khởi xướng là biểu tượng của các chu kỳ trước đó, thái dương, hành tinh, chủng tộc, và của các hóa thân trước đây của con người; vì tất cả những điều này là cha mẹ của sự phân phát, biểu hiện, Cá Tính và Phàm Ngã hiện tại.

Angels, when not referring directly to members of the Angelic Hosts, as is often the case, refer to the highest spiritual principle of man, the *Atma,* and sometimes to the Monad Itself. In this sense it is true of every man that 'their Angels always behold the face of their Father which is in Heaven'. This indicates the truth that the Monad is ever in the presence of the Spiritual Source, the Supreme.

Các thiên thần, khi không đề cập trực tiếp đến các thành viên của Các Thiên Thần, như thường thấy, đề cập đến nguyên lý tinh thần cao nhất của con người, Atma, và đôi khi là chính Chân Thần. Theo nghĩa này, đúng là mỗi người đều 'luôn có các Thiên Thần của họ chiêm ngưỡng dung nhan của Cha họ ở trên Thiên Đàng'. Điều này chỉ ra sự thật rằng Chân Thần luôn hiện diện trước Nguồn Tinh Thần, Đấng Tối Cao.

Anointings symbolise the reception of spiritual wisdom, love, life, by the Personality. The various parts of the body have each their special meaning, which will be suggested at the appropriate place. Anointing with oil, for example, means that the *Buddhic* life, bliss, harmony, nutriment, has been brought to manifestation in and through the personal life, now wholly sanctified. Oil is derived from trees in the same way that the *Buddhic* attributes are derived from the Spiritual Tree of Life.

Xức dầu tượng trưng cho việc Phàm Ngã tiếp nhận sự minh triết, tình thương, sự sống tinh thần. Các bộ phận khác nhau của cơ thể mỗi bộ phận có ý nghĩa đặc biệt riêng, sẽ được gợi ý ở vị trí thích hợp. Ví dụ, xức dầu có nghĩa là sự sống Bồ đề, phước lạc, sự hài hòa, chất dinh dưỡng, đã được đưa đến sự biểu hiện trong và thông qua cuộc sống cá nhân, giờ đây đã được thánh hóa hoàn toàn. Dầu có nguồn gốc từ cây cối theo cách mà các thuộc tính Bồ đề có nguồn gốc từ Cây Sự Sống Tinh Thần.

Such, in part, is the Sacred Language of Symbols, such some keys of interpretation.

Một phần như vậy là Ngôn Ngữ Thiêng Liêng của Các Biểu Tượng, một số chìa khóa giải thích như vậy.

The Theosophist, Vol. 76, March 1955, p. 377

Nhà Thông Thiên Học, Tập 76, tháng 3 năm 1955, tr. 377

188—

Man as Symbol and as Fact—Con Người Như Một Biểu Tượng Và Như Một Sự Thật

I

A distinguished writer[117] has written that according to Kabbalism, 'Man may be regarded as a symbolic transparency through which the secrets of the Cosmos may be discerned'. Occult philosophy agrees, including as it does the idea of the harmonious co-ordination or mutual resonance between the many apparently separate parts of the Universe and corresponding parts of the constitution of man. Occult philosophy teaches that all components of both macrocosm and microcosm are interwoven and interactive according to a universal system of vibrational interchange. In his spiritual, intellectual, psychical, and physical make-up, man is regarded as a miniature replica or epitome of the whole order of created beings and things, a model of the totality of Nature. He is said to contain within himself the collective aggregate of all that has ever existed, does at any time exist, and will ever exist throughout the eternity of eternities. The Chinese philosopher Lao Tzu expressed it thus: 'The Universe is a man on a large scale'. Eliphas Levi quotes from the *Kabbalah:* The mystery of the earthly and mortal man is after the mystery of the supernal and immortal one'.

Man may thus veritably be looked upon as a symbol of both the objective Universe and its transcendent and indwelling, eternal LIFE. Normally, however, man is unaware of his true nature—essentially divine—or his relationship to the Universe around him and amidst which he lives his apparently separate life—the ordered system of mutual resonances.

Those who have entered into this experience

I

Một nhà văn lỗi lạc đã viết rằng theo Kabbalism, 'Con Người có thể được coi là một sự minh bạch mang tính biểu tượng mà qua đó những bí mật của Vũ Trụ có thể được nhận ra'. Huyền bí học đồng ý, bao gồm cả ý tưởng về sự phối hợp hài hòa hoặc cộng hưởng lẫn nhau giữa nhiều phần dường như tách biệt của Vũ Trụ và các phần tương ứng của cấu trúc con người. Huyền bí học dạy rằng tất cả các thành phần của cả đại thiên địa và tiểu thiên địa đều được đan xen và tương tác theo một hệ thống trao đổi rung động phổ quát. Trong cấu trúc tinh thần, trí tuệ, tâm linh và thể chất của mình, con người được coi là một bản sao thu nhỏ hoặc hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ trật tự của các sinh vật và sự vật đã được tạo ra, một mô hình về toàn bộ Tự Nhiên. Y được cho là chứa đựng bên trong mình tập hợp chung của tất cả những gì đã từng tồn tại, đang tồn tại vào bất kỳ thời điểm nào và sẽ luôn tồn tại trong suốt cõi vĩnh hằng của sự vĩnh hằng. Nhà triết học Trung Quốc Lão Tử đã diễn đạt nó như sau: 'Vũ Trụ là một con người trên quy mô lớn'. Eliphas Levi trích dẫn từ Kabbalah: Bí ẩn của con người trần thế và phàm trần là theo bí ẩn của con người siêu phàm và bất tử'.

Do đó, con người có thể thực sự được coi là một biểu tượng của cả Vũ Trụ khách quan và SỰ SỐNG vĩnh cửu, siêu việt và ngự trị của nó. Tuy nhiên, thông thường, con người không nhận thức được bản chất thật sự của mình—vốn thiêng liêng—hoặc mối quan hệ của y với Vũ Trụ xung quanh và giữa đó y sống cuộc sống dường như tách biệt của mình—hệ thống có trật tự của sự cộng hưởng lẫn nhau.

Những người đã bước vào trải nghiệm này,

[117] Gershom G. Scholem.

have, in their compassion, ordained means whereby their younger brethren may similarly attain. Amongst these aids, from time immemorial, have been the Ancient Mysteries, Lesser and Greater. By instruction received within such institutions and passage through their grades, apprentices, craftsmen, and masters were aided gradually to become aware of these truths, to turn symbolised ideas into living experiences—this ever being the student's ideal.

trong lòng trắc ẩn của họ, đã ra lệnh các phương tiện để những huynh đệ trẻ tuổi của họ có thể đạt được tương tự. Trong số những trợ giúp này, từ thời xa xưa, có Những Bí Ẩn Cổ Xưa, Nhỏ Hơn và Lớn Hơn. Bằng sự hướng dẫn nhận được trong các tổ chức như vậy và sự vượt qua các cấp bậc của chúng, các học viên, thợ thủ công và chân sư đã dần dần được hỗ trợ để nhận thức được những sự thật này, để biến những ý tưởng được biểu tượng hóa thành những trải nghiệm sống động—điều này luôn là lý tưởng của học sinh.

These ideas were included in the instruction given to Initiates in the Ancient Mysteries, and may be discerned in their still living modern representatives: Freemasonry and religious ceremonials, for example. The Order of Chivalry may also, I suggest, be regarded as both a still active continuance of the Lesser Mysteries and a dramatic, veiled representation of progressive advancement through the human kingdom of Nature to that of Superhuman. In the Order of the Round Table, for example, the child who becomes a Page symbolises the child state or condition of pre-pubertic innocence and purity with its perfectly natural and spontaneous reaching out for the necessities of life and personal entertainment. In addition, I submit, this first 'step' also represents the attainment by the evolving Ego-Personality of the mystical 'new-birth' of the Christ consciousness—a figurative Nativity.

Những ý tưởng này đã được đưa vào sự hướng dẫn dành cho Các Điểm Đạo Đồ trong Những Bí Ẩn Cổ Xưa, và có thể được nhận ra trong những đại diện hiện đại vẫn còn sống của chúng: Ví dụ, Hội Tam Điểm và các nghi lễ tôn giáo. Tôi cũng cho rằng Dòng Hiệp Sĩ có thể được coi là vừa là sự tiếp nối vẫn còn hoạt động của Những Bí Ẩn Nhỏ Hơn vừa là một sự đại diện kịch tính, che đậy về sự tiến bộ thông qua giới nhân loại của Tự Nhiên đến giới Siêu Nhân. Ví dụ, trong Hội Bàn Tròn, đứa trẻ trở thành một Trang tượng trưng cho trạng thái hoặc điều kiện trẻ con của sự ngây thơ và thuần khiết trước tuổi dậy thì với sự vươn ra hoàn toàn tự nhiên và tự phát cho những nhu cầu của cuộc sống và giải trí cá nhân. Ngoài ra, tôi xin trình bày, 'bước' đầu tiên này cũng đại diện cho sự đạt được của Chân Ngã-Phàm Ngã đang tiến hóa về 'sự tái sinh mới' thần bí của tâm thức Christ—một sự Giáng Sinh mang tính hình tượng.

The Companion portrays a succeeding phase of development in which the Inner Self is beginning more fully to participate and assist in the personal lives of others, as the title 'companion' may indicate. Entry upon this phase might in its turn be compared with passage through the Second Degree or Grade in the Lesser Mysteries, in which an accent is placed upon efficiency in the direction of one's

Người Đồng Hành miêu tả một giai đoạn phát triển kế tiếp, trong đó Chân Ngã Bên Trong đang bắt đầu tham gia và hỗ trợ đầy đủ hơn vào cuộc sống cá nhân của người khác, như tiêu đề 'người đồng hành' có thể chỉ ra. Đến lượt mình, việc bước vào giai đoạn này có thể được so sánh với việc vượt qua Bậc hoặc Cấp Độ Thứ Hai trong Những Bí Ẩn Nhỏ Hơn, trong đó một sự nhấn mạnh được đặt vào hiệu quả

own affairs and effective craftsmanship in the ‘workshop’ of the world.

trong việc điều hành công việc của một người và tay nghề hiệu quả trong ‘xưởng’ của thế giới.

The Esquire is on the threshold of Knighthood and so of personified readiness to be received into and, when ready, to pass through, a third Grade. In this, apprenticeship and craftsmanship will have been perfected, and the potentialities and even attributes of ‘Mastership’ have been ‘born’ and become mature. As the Esquire serves his Knight and, on occasion, the Knight’s Lady, so service to others quite naturally becomes the mode of life by means of which the developing faculties will be expressed. Thus the threshold of Knighthood, meaning Initiation into the Greater Mysteries, has been reached. Special preparations are, however, essential, including the ‘Vigil’ during which self-surrender to the One Will of the Universe, symbolised by the King, assumes its dominant position as motive for the fulfilment of all knightly duties. Fealty, loyalty, and deep dedication to the ideals of the ‘Religion’ of Chivalry, with all its opportunities, beauties, and the developments are included in the development, from knighthood to that royal stature of which man as King is a symbol.

Người Giữ Khiên đang ở ngưỡng cửa của Tước Hiệp Sĩ và do đó là sự sẵn sàng được nhân cách hóa để được tiếp nhận và, khi sẵn sàng, để vượt qua, một Cấp Độ thứ ba. Trong đó, sự học việc và tay nghề sẽ được hoàn thiện, và những tiềm năng và thậm chí cả những thuộc tính của ‘Địa vị Chân sư’ đã được ‘sinh ra’ và trở nên trưởng thành. Khi Người Giữ Khiên phục vụ Hiệp Sĩ của mình và, đôi khi, Phu Nhân của Hiệp Sĩ, thì việc phục vụ người khác một cách hoàn toàn tự nhiên trở thành phương thức sống mà nhờ đó các khả năng đang phát triển sẽ được thể hiện. Do đó, ngưỡng cửa của Tước Hiệp Sĩ, có nghĩa là Điểm Đạo vào Những Bí Ẩn Lớn Hơn, đã đạt được. Tuy nhiên, những sự chuẩn bị đặc biệt là rất cần thiết, bao gồm cả ‘Sự Tỉnh Thức’ trong đó sự đầu hàng Ý Chí Duy Nhất của Vũ Trụ, được tượng trưng bởi Nhà Vua, đảm nhận vị trí thống trị của nó như là động cơ để hoàn thành tất cả các nhiệm vụ hiệp sĩ. Lòng trung thành, sự tận tâm và sự cống hiến sâu sắc cho những lý tưởng của ‘Tôn Giáo’ của Hiệp Sĩ, với tất cả những cơ hội, vẻ đẹp và sự phát triển của nó được bao gồm trong sự phát triển, từ tước hiệp sĩ đến tầm vóc hoàng gia mà con người với tư cách là Vua là một biểu tượng.

All this, and doubtless more, is contemplated during the hours of the Vigil, whether objectively and ecclesiastically performed, or regarded as expressive of phases and stages of soul development with its accompanying subjective experiences. Eventually, he or she who symbolically becomes a Knight, meets all the demands of the Order of Chivalry, having passed through the necessary stages in both the Lesser and the Greater Mysteries. Eventually, he becomes enthroned as a royal Personage, in his turn, presiding as Hierophant over his own symbolical ‘Table

Tất cả điều này, và chắc chắn còn nhiều hơn nữa, được dự tính trong những giờ của Sự Tỉnh Thức, dù được thực hiện một cách khách quan và theo giáo hội, hay được coi là biểu hiện của các giai đoạn và giai đoạn phát triển của linh hồn với những trải nghiệm chủ quan đi kèm. Cuối cùng, y hoặc ả vốn mang tính biểu tượng trở thành một Hiệp Sĩ, đáp ứng tất cả các yêu cầu của Dòng Hiệp Sĩ, đã trải qua các giai đoạn cần thiết trong cả Những Bí Ẩn Nhỏ Hơn và Lớn Hơn. Cuối cùng, y trở thành người được tôn lên ngôi như một Nhân Vật hoàng gia, đến lượt mình, chủ trì với tư cách là Nhà Giải Thích

Round'.

Tối Cao trên 'Bàn Tròn' mang tính biểu tượng của riêng mình.

These experiences, with their almost inevitable temporary failures and their ultimate successes, are in reality enacted less in any external, royal assemblage or 'Table', occult temple or mystic cave, than symbolically within man himself, physical and material, intellectual and spiritual; for these supposed external surroundings, events, actions, cultural and intellectual attainments, including the Vision Splendid of the Holy Grail, ultimate disappearance from the objective world—the figurative Death all form parts of that intricate, highly patterned and brilliantly coloured symbolical drama by means of which within the Order of Chivalry or the Round Table the evolution of the human Spirit from man to Superman is portrayed.

Những trải nghiệm này, với những thất bại tạm thời gần như không thể tránh khỏi và những thành công cuối cùng, thực tế được diễn ra ít hơn trong bất kỳ tập hợp vương giả bên ngoài hoặc 'Bàn Tròn', đền thờ huyền bí hay hang động thần bí, hơn là một cách tượng trưng bên trong chính con người, thể xác và vật chất, trí tuệ và tinh thần; vì những môi trường, sự kiện, hành động, thành tựu văn hóa và trí tuệ được cho là bên ngoài này, bao gồm cả Khải Tượng Tuyệt Vời về Chén Thánh, sự biến mất cuối cùng khỏi thế giới khách quan—Cái Chết tượng trưng tất cả tạo thành một phần của vở kịch tượng trưng phức tạp, được tạo mẫu cao và rực rỡ sắc màu, nhờ đó mà bên trong Hội Hiệp Sĩ hay Bàn Tròn, sự tiến hóa của Tinh Thần nhân loại từ người phàm lên Siêu Nhân được khắc họa.

The largely but not wholly allegorical and symbolical accounts of the life of Jesus, the Christ, the Lord Sri Krishna, and Gautama Buddha as of other 'Saviours' of mankind, may in their turn, I suggest, be regarded as representations of the selfsame procedures. Rather may they permissibly be read less as temporal history than as symbolic portrayals of universal procedures of Nature under which Christhood, *Avatarship,* and *Buddhahood* have been attained, are continually being reached, and will ultimately be achieved by the inmost Spirit which is theosophically regarded as the indwelling Godhead of every human being.

Tôi cho rằng, những tường thuật phần lớn mang tính ngụ ngôn và tượng trưng về cuộc đời của Đức Jesus, Đức Christ, Đức Chúa Sri Krishna và Đức Phật Gautama cũng như những 'Đấng Cứu Thế' khác của nhân loại, đến lượt mình, có thể được coi là những đại diện cho cùng một quy trình. Thay vào đó, chúng có thể được phép đọc ít như lịch sử trần tục hơn là những miêu tả tượng trưng về các quy trình phổ quát của Tạo Hóa, theo đó phẩm vị Christ, phẩm vị Hóa Thân và phẩm vị Phật đã đạt được, liên tục đạt được và cuối cùng sẽ đạt được bởi Tinh Thần sâu kín nhất, vốn được Thông Thiên Học coi là Thần Tính ngự trị của mọi con người.

I have also chosen as an example of our theme the heroine of Lewis Carrol's *Through the Looking Glass and What Alice Found There,* chiefly Alice herself but also other characters from the book. May I suggest, therefore, that the immortal story be reread in order to

Tôi cũng đã chọn làm ví dụ cho chủ đề của chúng ta về nữ anh hùng trong cuốn Alice ở xứ sở trong gương của Lewis Carrol và Những gì Alice Tìm thấy ở đó, chủ yếu là chính Alice mà còn cả những nhân vật khác trong cuốn sách. Vì vậy, tôi xin đề nghị rằng câu chuyện bất hủ

observe the exactness from the point of view of a student of Theosophy with which the evolution of the human Monad from mineral – pawn—to *Mahatma*—enthronement as Queen is symbolically described.

nên được đọc lại để quan sát sự chính xác từ quan điểm của một học viên Thông Thiên Học, về sự tiến hóa của Chân Thần nhân loại từ giới kim thạch—con tốt—đến Mahatma—lên ngôi Nữ hoàng được mô tả một cách tượng trưng.

The story is found to be composed of at least three elements. First, there is the sublime story of a little girl's adventures on passing into a supposed world existing through the looking glass. This fairy tale is told with complete understanding of and love for the child, and is replete with brilliance, humour, wit, and invention, all combined in perfectly controlled fantasy—hence its immortality. The result is pure delight from the first page to the last—a product of genius indeed.

Người ta thấy rằng câu chuyện bao gồm ít nhất ba yếu tố. Thứ nhất, có câu chuyện tuyệt vời về những cuộc phiêu lưu của một cô bé khi bước vào một thế giới giả định tồn tại xuyên qua tấm gương. Câu chuyện cổ tích này được kể với sự thấu hiểu và yêu thương hoàn toàn dành cho đứa trẻ, và tràn ngập sự rực rỡ, hài hước, dí dỏm và sáng tạo, tất cả được kết hợp trong một thế giới kỳ ảo được kiểm soát hoàn hảo—do đó nó trở nên bất tử. Kết quả là niềm vui thuần khiết từ trang đầu đến trang cuối—một sản phẩm thực sự của thiên tài.

Second—whether the author knew and so intended or not—the book itself is inspired occult literature, telling in symbol the story of the passage of life and consciousness, symbolised by Alice, the pawn, through the elemental kingdoms (first square) and seven planes and squares to fulfilment (coronation) —all symbolised in the game and on the board of chess.

Thứ hai—cho dù tác giả có biết và có ý định như vậy hay không—bản thân cuốn sách là một tác phẩm văn học huyền bí đầy cảm hứng, kể bằng biểu tượng câu chuyện về sự trôi qua của sự sống và tâm thức, được tượng trưng bởi Alice, con tốt, xuyên qua các giới hành khí (ô vuông đầu tiên) và bảy cõi và ô vuông để đạt đến sự viên mãn (lễ đăng quang)—tất cả được tượng trưng trong trò chơi và trên bàn cờ vua.

Third, there is an amazingly accurate portrayal of the experience of the human soul (Alice) on the straight and narrow way in purity and wholeness (the child state) to discipleship (to Red Queen as teacher), Initiation (association with the White Knight) and Adeptship (Alice as Queen).

Thứ ba, có một sự khắc họa chính xác đến kinh ngạc về trải nghiệm của linh hồn con người (Alice) trên con đường hẹp và thẳng trong sự thuần khiết và toàn vẹn (trạng thái trẻ thơ) đến địa vị đệ tử (đối với Hồng Hậu với tư cách là huấn sư), Điểm Đạo (kết hợp với Hiệp Sĩ Trắng) và phẩm vị Chân sư (Alice là Nữ hoàng).

Is it possible, one may ask, that genius can be thus occultly inspired with or without knowing so? I incline to an affirmative answer, since Egoically a genius is awake to universal consciousness and the results may break through and flow down into thought,

Người ta có thể hỏi, liệu có thể nào thiên tài có thể được truyền cảm hứng một cách huyền bí như vậy dù có biết hay không? Tôi nghiêng về một câu trả lời khẳng định, vì về mặt chân ngã, một thiên tài tỉnh thức với tâm thức vũ trụ và kết quả có thể đột phá và chảy xuống tư tưởng,

emotion, fancy, and creative imagination, thus ensouling and directing their activities in and through the author.

cảm xúc, tưởng tượng và sự tưởng tượng sáng tạo, do đó phú linh và chỉ đạo các hoạt động của chúng trong và thông qua tác giả.

Especially is this true in play, I suggest, for the mind does not then 'slay the Real'. The Lord Christ, one remembers, '...called them (children) unto him and said, "Suffer little children to come unto me, and forbid them not, for of such is the kingdom of God. Verily I say unto you, Whosoever shall not receive the kingdom of God as a little child shall in no wise enter therein". '[118] One must not, of course, read too much into such a story and, of course, there is much sheer fun and fantasy to be found therein, nevertheless—to say the least—the chain of correspondences is remarkably accurate and complete.

Tôi cho rằng, điều này đặc biệt đúng trong trò chơi, vì khi đó thể trí không 'giết chết Thực Tại'. Người ta nhớ rằng Đức Christ '...gọi chúng (trẻ em) đến với Ngài và phán, "Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn cản chúng, vì Nước Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ. Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai không tiếp nhận Nước Trời như một đứa trẻ thì sẽ không vào được đó". ' Tất nhiên, người ta không được đọc quá nhiều vào một câu chuyện như vậy và tất nhiên, có rất nhiều niềm vui và sự kỳ ảo thuần túy được tìm thấy trong đó, tuy nhiên—ít nhất mà nói—chuỗi tương ứng là chính xác và đầy đủ một cách đáng kinh ngạc.

Alice enters the realm of the soul of things where even inanimates talk—chessmen, insects, flowers and animals, for example. She passes via a looking glass—the Astral light, the reflecting medium in Nature. And the guiding principle in the interpretation of this allegory is dual, namely, evolution to perfection—the movement of Soul from pawn to Queen—in the game itself to become a King, and the battle between Spirit and matter—the white and the black pieces. This warfare is correctly portrayed throughout the game of chess.

Alice bước vào cõi linh hồn của vạn vật, nơi ngay cả những vật vô tri cũng nói chuyện—ví dụ như quân cờ, côn trùng, hoa và động vật. Bà đi qua một tấm gương—ánh sáng Cảm dục, môi trường phản chiếu trong Tạo Hóa. Và nguyên tắc chỉ đạo trong việc giải thích câu chuyện ngụ ngôn này là kép, cụ thể là, sự tiến hóa đến sự hoàn hảo—sự di chuyển của Linh Hồn từ con tốt đến Nữ hoàng—trong chính trò chơi để trở thành một vị Vua, và cuộc chiến giữa Tinh Thần và vật chất—các quân cờ trắng và đen. Cuộc chiến này được khắc họa chính xác trong suốt ván cờ.

The checkerboard, itself, displays the pairs of opposites and the eight rows correctly indicate levels of awareness and stages of evolution. Thus regarded, they represent the first, second, and third Elemental Kingdoms, followed by the mineral, plant, animal, human, and Adept stages of unfoldment. Chess thus portrays both the universal and the individual conflict between Spirit and

Bản thân bàn cờ hiển thị các cặp đối lập và tám hàng cho biết chính xác các cấp độ nhận thức và các giai đoạn tiến hóa. Được xem xét như vậy, chúng đại diện cho Giới Hành Khí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tiếp theo là các giai đoạn mở ra của giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật, giới nhân loại và Chân sư. Do đó, cờ vua khắc họa cả cuộc xung đột phổ quát và cá nhân giữa Tinh Thần và vật chất, sự sống và

[118] Luke 18:16.

matter, life and form. The pawns on the second row would be symbols of the Monads at the beginning of extemalisation, with 'Kingship' attainable seven moves further on or at the eighth square.

hình tướng. Các con tốt ở hàng thứ hai sẽ là biểu tượng của các Chân Thần khi bắt đầu ngoại hiện, với 'Vương vị' có thể đạt được thêm bảy nước đi nữa hoặc ở ô vuông thứ tám.

The major pieces move fairly freely about the board, thereby suggesting advanced stages of evolution and developed qualities of character, whilst being on the first square they might perhaps be regarded as the *Dhyan-Chohans* from preceding universes. The King and Queen thus personify feminine and masculine Aspects of Deity in Universe and man—the Logos and its *Shakti.*

Các quân cờ lớn di chuyển khá tự do trên bàn cờ, do đó gợi ý các giai đoạn tiến hóa cao cấp và các phẩm chất tính cách đã phát triển, trong khi ở ô vuông đầu tiên, chúng có lẽ có thể được coi là các Dhyan-Chohan từ các vũ trụ trước đó. Do đó, Vua và Hậu nhân cách hóa các Phương diện nữ tính và nam tính của Thượng đế trong Vũ Trụ và con người—Hành Tinh Thượng đế và Shakti của Ngài.

Alice herself—man as symbol—begins the 'game' as a pawn on the 'downward' or outward journey through the three Elemental Kingdoms or first three squares, when the physical level is reached. Thereafter, the direction is reversed, the upward or inward journey begins and the guard rightly informs her that she is 'travelling the wrong way'. Later, she is instructed very precisely by an Elder Brother, the Red Queen, concerning her early steps, finds her own Egoic consciousness (Humpty Dumpty), with whom she shakes hands—fully realized contact—and thereafter is led to the eighth square where Adeptship is attained, for there her Coronation occurs. Interestingly, Alice is not crowned by other hands but finds the crown upon her head—the Adept is self-initiated.

Bản thân Alice—con người như một biểu tượng—bắt đầu 'trò chơi' với tư cách là một con tốt trên hành trình 'đi xuống' hoặc hướng ngoại xuyên qua ba Giới Hành Khí hoặc ba ô vuông đầu tiên, khi đạt đến cấp độ thể xác. Sau đó, hướng đi bị đảo ngược, hành trình đi lên hoặc hướng nội bắt đầu và người lính canh nói đúng rằng bà đang 'đi sai đường'. Sau đó, bà được một Huynh Trưởng, Hồng Hậu, hướng dẫn rất chính xác về những bước đi ban đầu của mình, tìm thấy tâm thức chân ngã của chính mình (Humpty Dumpty), người mà bà bắt tay—tiếp xúc hoàn toàn—và sau đó được dẫn đến ô vuông thứ tám, nơi phẩm vị Chân sư đạt được, vì ở đó Lễ Đăng Quang của bà diễn ra. Điều thú vị là, Alice không được trao vương miện bởi những bàn tay khác mà tìm thấy vương miện trên đầu mình—Chân sư tự điểm đạo.

Thus 'ends' a story which rightly had its beginning in fire, all the dramatis personae being first met in the fireplace, all Monads being Sparks of the One Flame.

Như vậy 'kết thúc' một câu chuyện bắt đầu một cách đúng đắn trong lửa, tất cả các nhân vật trong vở kịch lần đầu tiên được gặp trong lò sưởi, tất cả các Chân Thần đều là Tia Lửa của Ngọn Lửa Duy Nhất.

As the wonderful tale unfolds one sees that truly Alice may be regarded as a symbol of

Khi câu chuyện tuyệt vời mở ra, người ta thấy rằng Alice thực sự có thể được coi là một biểu

man and particularly of man approaching and travelling to its end the pathway of hastened evolution to Adeptship. This view is supported by the statement that she begins her adventures as a little girl or is in the necessary child state and moreover when through the looking glass, she is 'on her knees'. The posture of kneeling implies both supplication and humility, whilst the preceding passage through the looking glass could refer to a reduction of the illusion produced on consciousness by awareness only of personal, physical surroundings, philosophically described as *mayavic* or illusory.

tượng của con người và đặc biệt là của con người đang đến gần và đi đến cuối con đường tiến hóa nhanh chóng đến phẩm vị Chân sư. Quan điểm này được ủng hộ bởi tuyên bố rằng bà bắt đầu cuộc phiêu lưu của mình với tư cách là một cô bé hoặc ở trong trạng thái trẻ thơ cần thiết và hơn nữa khi xuyên qua tấm gương, bà đang 'quỳ gối'. Tư thế quỳ gối ngụ ý cả sự cầu xin và khiêm nhường, trong khi đoạn văn trước đó xuyên qua tấm gương có thể đề cập đến sự suy giảm ảo tưởng do tâm thức tạo ra bởi nhận thức chỉ về môi trường thể xác cá nhân, được mô tả một cách triết học là mayavic hoặc ảo ảnh.

Early in her subsequent experiences, Alice ascends the mountain, symbolic of both spiritual states of awareness and elevated evolutionary attainments. She talks to flowers and is in consequence in communion with the divine Life in the subhuman kingdoms of Nature. Everything which formerly was normal then tends to become abnormal, hence the statement by the railway guard mentioned earlier, 'you are travelling the wrong way'. Truly, to the normal, egocentric way of human life, the utterly selfless Path-life is indeed a reversal. Alice rightly says that 'the way looks very dark, but I certainly won't go back', or despite incomplete understanding and some difficulties at first, the inner will produces the resolution that 'there is no other way at all to go' (*Upanishads*). She then experiences the loss of the memory of her name, since as Egoic consciousness is closely approached, the sense of physical identity (name) begins to fade, the limitations of human Personality being progressively transcended. Complete harmoniousness with the deer or unity with the Divine Life in all beings is then experienced.

Trong những trải nghiệm tiếp theo của mình, Alice leo lên ngọn núi, tượng trưng cho cả trạng thái nhận thức tinh thần và những thành tựu tiến hóa cao siêu. Bà nói chuyện với hoa và do đó được hiệp thông với Sự Sống thiêng liêng trong các giới tự nhiên dưới loài người. Mọi thứ trước đây là bình thường thì có xu hướng trở nên bất thường, do đó có tuyên bố của người lính canh đường sắt đã đề cập trước đó, 'bạn đang đi sai đường'. Thực vậy, đối với cách sống vị kỷ, bình thường của con người, Đời-Đạo hoàn toàn vị tha thực sự là một sự đảo ngược. Alice nói đúng rằng 'con đường trông rất tối tăm, nhưng chắc chắn tôi sẽ không quay lại', hoặc mặc dù không hiểu đầy đủ và ban đầu có một số khó khăn, ý chí bên trong tạo ra quyết tâm rằng 'không có con đường nào khác để đi cả' (Upanishads). Sau đó, bà trải nghiệm sự mất trí nhớ về tên của mình, vì khi tâm thức chân ngã đến gần, ý thức về bản sắc thể xác (tên) bắt đầu mờ dần, những hạn chế của Phàm ngã nhân loại ngày càng bị siêu việt. Sự hài hòa hoàn toàn với con nai hoặc sự hợp nhất với Sự Sống Thiêng Liêng trong tất cả chúng sinh sau đó được trải nghiệm.

The following ideas and experiences with

Những ý tưởng và trải nghiệm sau đây với

suggested interpretations are illustrative of the higher consciousness: the very small pay of 'two-pence per week'—service rendered without thought of personal gain; experiences in the shop, where everything was moving—the motionless solidity typical of physical awareness, tends to disappear when the ever-flowing, electric life-energy *(Fohat)* begins to be contacted in the 'workshop of the Universe'; Alice finds herself rowing on water—superphysical matter is highly fluidic and the concepts of forms with which it is concerned are impermanent as are the forms themselves, and so the rushes disappear; that which hitherto seemed permanent is now found to be transient or impermanent; she attempts to buy an egg, which however vanishes through the ceiling—the Monad-Ego in the Causal Body (the egg) cannot be bought or 'held down' or possessed by the formal mind. It, therefore, vanishes 'through the ceiling', to a higher plane. Thus read, *Alice Through the Looking-Glass* is rich in presentations of man as symbol. Indeed, many of the characters may be so regarded, whether representing normal or more advanced stages of human evolution.

những cách giải thích được đề xuất là minh họa cho tâm thức cao siêu: khoản lương rất nhỏ là 'hai xu mỗi tuần'—phụng sự mà không cần suy nghĩ đến lợi ích cá nhân; những trải nghiệm trong cửa hàng, nơi mọi thứ đều đang di chuyển—sự vững chắc bất động điển hình của nhận thức thể xác, có xu hướng biến mất khi sinh lực điện năng luôn chảy (Fohat) bắt đầu được tiếp xúc trong 'xưởng của Vũ Trụ'; Alice thấy mình đang chèo thuyền trên nước—vật chất siêu vật chất có tính lưu động cao và các khái niệm về hình tướng mà nó liên quan đến là vô thường như chính các hình tướng đó, và do đó các cây sậy biến mất; những gì trước đây có vẻ vĩnh viễn giờ được thấy là phù du hoặc vô thường; bà cố gắng mua một quả trứng, tuy nhiên nó biến mất xuyên qua trần nhà—Chân Thần-chân ngã trong Thể Nguyên Nhân (quả trứng) không thể mua hoặc 'giữ lại' hoặc sở hữu bởi thể trí hình tướng. Do đó, nó biến mất 'xuyên qua trần nhà', đến một cõi cao hơn. Được đọc như vậy, Alice ở xứ sở trong gương rất phong phú trong việc trình bày con người như một biểu tượng. Thật vậy, nhiều nhân vật có thể được coi như vậy, cho dù đại diện cho các giai đoạn tiến hóa của con người bình thường hay cao cấp hơn.

Humpty Dumpty, for example, personifies man as Ego in the Causal Body, whilst Alice herself when crowned and feasted may be thought of as symbol of man after arrival at Adeptship, with all illusion banished as a dream: 'you are only a pack of cards'. In his own account of himself, Humpty Dumpty can 'explain all poems'—the human Ego is endowed with comprehension. He is egg-shaped—the form of the aura or *Augoeides.* He has an enormous face and so, head—the Ego is an embodiment of understanding and knowledge. He sits with legs crossed—a posture of yoga in which unity with the One Power, Life and Intelligence is attained. He maintains balance on a narrow wall—the

Ví dụ, Humpty Dumpty, nhân cách hóa con người là Chân Ngã trong Thể Nguyên Nhân, trong khi bản thân Alice khi được trao vương miện và ăn mừng có thể được coi là biểu tượng của con người sau khi đến phẩm vị Chân sư, với tất cả ảo tưởng bị xua tan như một giấc mơ: 'bạn chỉ là một bộ bài'. Trong lời kể của chính mình về bản thân, Humpty Dumpty có thể 'giải thích tất cả các bài thơ'—Chân Ngã nhân loại được ban cho sự thấu hiểu. Ông có hình quả trứng—hình dạng của hào quang hoặc Augoeides. Ông có một khuôn mặt rất lớn và do đó, cái đầu—Chân Ngã là hiện thân của sự thấu hiểu và tri thức. Ông ngồi khoanh chân—một tư thế yoga, trong đó sự hợp nhất với Quyền Năng, Sự Sống và Trí Tuệ Duy Nhất đạt

Inner Self exists in the Higher Mental worlds, which are intermediary between spiritual Will and Wisdom, on the one hand, and concrete mentality, emotion and the physical world, on the other. His eyes are steadily fixed in the opposite direction from Alice. The Ego is conscious at spiritual, rather than physical, levels. Alice looks at him—is communing with the Ego, thereby personifying the aspirant to Egoic consciousness. He says that should he fall, all possible aid will come from the King and affirms, 'I am one that's spoken to a King, I am'—the 'royal' *Atma* within the triple Self. He completely explains the otherwise incomprehensible poem *Jabberwocky*—pierces fantasy and knows reality.

được. Ông duy trì sự cân bằng trên một bức tường hẹp—Bản Ngã Bên Trong tồn tại trong các cõi Thượng Trí, vốn là trung gian giữa Ý Chí và Minh Triết tinh thần, một mặt, và trí cụ thể, cảm xúc và thế giới hồng trần, mặt khác. Đôi mắt của ông nhìn chằm chằm theo hướng ngược lại với Alice. Chân Ngã có tâm thức ở các cấp độ tinh thần, hơn là thể xác. Alice nhìn ông—đang hiệp thông với Chân Ngã, do đó nhân cách hóa người chí nguyện đến tâm thức chân ngã. Ông nói rằng nếu ông ngã, mọi sự trợ giúp có thể sẽ đến từ Nhà Vua và khẳng định, 'Tôi là người đã nói chuyện với một Nhà Vua, tôi là'—Atma 'vương giả' bên trong Tam Ngã. Ông giải thích hoàn toàn bài thơ Jabberwocky khó hiểu—xuyên thủng sự kỳ ảo và biết thực tại.

Later Alice meets and communes with those twins, Tweedledum and Tweedledee, personifying man in his dual mentality, abstract and concrete. Dual unification has been attained; for they expound the Logos doctrine with a most wonderful, if whimsical, instruction to Alice concerning the sleeping and snoring Red King. Here the reader is introduced to the theosophical teaching that behind all creation there exists that Lord of Contemplation, who brings all things into existence by His thought and holds them there until the time of dissolution arrives. If the Logos failed to maintain His concentration for a trillionth part of a fraction of a second, the whole Universe would vanish. The Archetype and its objective expression would disappear, disintegrate. The creative Song would cease and all would instantly sink back into the condition of virginal Space. This cannot happen, however, for the Divine Yogi is He whose formative thought and song are maintained unbroken from dawn to eve of the creative epoch.

Sau đó, Alice gặp và hiệp thông với cặp song sinh đó, Tweedledum và Tweedledee, nhân cách hóa con người trong trí tuệ kép của mình, trừu tượng và cụ thể. Sự thống nhất kép đã đạt được; vì họ trình bày giáo lý Hành Tinh Thượng đế với một chỉ dẫn tuyệt vời nhất, nếu có tính kỳ quặc, cho Alice về Vua Đỏ đang ngủ và ngáy. Ở đây, người đọc được giới thiệu về giáo lý thông thiên học rằng đằng sau tất cả sự sáng tạo tồn tại Chúa Tể Chiêm Ngưỡng đó, Đấng mang tất cả mọi thứ vào tồn tại bằng tư tưởng của Ngài và giữ chúng ở đó cho đến khi thời điểm tan rã đến. Nếu Hành Tinh Thượng đế không duy trì sự tập trung của Ngài trong một phần nghìn tỷ của một phần giây, toàn bộ Vũ Trụ sẽ biến mất. Nguyên Mẫu và biểu hiện khách quan của nó sẽ biến mất, tan rã. Bài Ca sáng tạo sẽ ngừng lại và tất cả sẽ ngay lập tức chìm trở lại trạng thái Không Gian trinh nguyên. Tuy nhiên, điều này không thể xảy ra, vì Yogi Thiêng Liêng là Ngài, người có tư tưởng và bài ca kiến tạo được duy trì không gián đoạn từ bình minh đến buổi tối của kỷ nguyên sáng tạo.

Let us walk with Alice, Tweedledum and Tweedledee through the dark wood where

Chúng ta hãy cùng Alice, Tweedledum và Tweedledee đi bộ qua khu rừng tối tăm, nơi họ

they hear a strange sound in the distance. The answer given to her question as to the cause of the noise is more than worthy of full quotation:

nghe thấy một âm thanh lạ từ xa. Câu trả lời cho câu hỏi của bà về nguyên nhân gây ra tiếng ồn còn hơn cả xứng đáng để trích dẫn đầy đủ:

'It's only the Red King snoring', said Tweedledee.

'Đó chỉ là Vua Đỏ đang ngáy', Tweedledee nói.

'Come and look at him!' the brothers cried, and they each took one of Alice's hands and led her up to where the King was sleeping

'Hãy đến và nhìn Ngài đi!' hai anh em kêu lên, và mỗi người nắm lấy một tay của Alice và dẫn bà đến nơi Nhà Vua đang ngủ

'He's dreaming now', said Tweedledee, 'and what do you think he's dreaming about?'

'Ngài đang mơ', Tweedledee nói, 'và bạn nghĩ Ngài đang mơ về điều gì?'

Alice said, 'Nobody can guess that'.

Alice nói, 'Không ai có thể đoán được điều đó'.

'Why, about *you!*' Tweedledee exclaimed, clapping his hands triumphantly. 'And if he left off dreaming about you, where do you suppose you'd be?'

'Ồ, về bạn đấy!' Tweedledee kêu lên, vỗ tay một cách đắc thắng. 'Và nếu Ngài ngừng mơ về bạn, bạn cho rằng bạn sẽ ở đâu?'

'Where I am now, of course', said Alice.

'Tất nhiên là ở nơi tôi đang ở bây giờ', Alice nói.

'Not you!' Tweedledee retorted contemptuously. 'You'd be nowhere. Why, you're only a sort of thing in his dream!'

'Không phải bạn!' Tweedledee chế nhạo một cách khinh bỉ. 'Bạn sẽ không ở đâu cả. Ồ, bạn chỉ là một loại vật trong giấc mơ của Ngài!'

'If that there King was to wake', added Tweedledum, 'you'd go out—bang! — just like a candle!'

'Nếu Nhà Vua đó thức dậy', Tweedledum nói thêm, 'bạn sẽ biến mất—bùm! — giống như một ngọn nến!'

'I shouldn't! ' Alice exclaimed indignantly. 'Besides, if I'm only a sort of thing in his dream, what are you, I should like to know?'

'Tôi sẽ không!' Alice kêu lên phẫn nộ. 'Ngoài ra, nếu tôi chỉ là một loại vật trong giấc mơ của Ngài, thì các anh là gì, tôi muốn biết?'

'Ditto', said Tweedledum.

'Tương tự', Tweedledum nói.

'Ditto, ditto!' cried Tweedledee.

'Tương tự, tương tự!' Tweedledee kêu lên.

He shouted this so loud that Alice couldn't help saying 'Hush! You'll be waking him, I'm afraid, if you make so much noise'.

Ông hét lên điều này lớn đến nỗi Alice không thể không nói 'Suỵt! Tôi e rằng bạn sẽ đánh thức Ngài đấy, nếu bạn làm ồn ào như vậy'.

'Well, it's no use your talking about waking

Ừm, Tweedledum nói: "Nói chuyện đánh thức

him', said Tweedledum, 'when you're only one of the things in his dream. You know very well you're not real'.

Ngài dậy cũng vô ích thôi, khi mà con chỉ là một trong những thứ trong giấc mơ của Ngài. Con biết rất rõ là con không có thật mà".

'I am real!' said Alice, and began to cry.

Alice nói: "Tôi có thật!", và bắt đầu khóc.

'You won't make yourself a bit realler by crying', Tweedledee remarked. 'There's nothing to cry about'.

Tweedledee nhận xét: "Con khóc cũng không làm cho con thật hơn đâu. Chẳng có gì đáng khóc cả".

'If I wasn't real', Alice said—half laughing through her tears, it all seemed so ridiculous —'I shouldn't be able to cry'.

Alice nói—vừa cười vừa khóc, mọi chuyện có vẻ thật lố bịch—"Nếu tôi không có thật, thì tôi đã không thể khóc được".

'I hope you don't suppose those are real tears?' Tweedledum interrupted in a tone of great contempt.

Tweedledum ngắt lời với giọng khinh bỉ: "Con cho rằng đó là những giọt nước mắt thật sao?".

There, I suggest, we have a mathematical genius, Lewis Carrol, perhaps not knowing what he is doing, depicting with great beauty, with fantasy and yet with extraordinary reality, the fact that we are indeed all beings in the great 'dream' of the King, the Logos of our Universe. Tweedledum and Tweedledee—Monad and Ego perchance—told Alice that she was only a thing in the Red King's dream, that if he woke up for a moment she would disappear, and that the same was also true of themselves. May we leave them together there in the wood, and so bring to a close an attempted presentation of Alice as 'man as symbol' or a personification of all mankind?

Ở đây, tôi cho rằng, chúng ta có một thiên tài toán học, Lewis Carrol, có lẽ không biết mình đang làm gì, đang mô tả với vẻ đẹp tuyệt vời, với sự kỳ ảo và vẫn với thực tế phi thường, sự thật rằng tất cả chúng ta thực sự là những hữu thể trong 'giấc mơ' vĩ đại của Đức Vua, Hành Tinh Thượng đế của Vũ Trụ của chúng ta. Tweedledum và Tweedledee—có lẽ là Chân Thần và chân ngã—nói với Alice rằng cô chỉ là một thứ trong giấc mơ của Red King, rằng nếu Ngài thức dậy dù chỉ một khoảnh khắc, cô sẽ biến mất, và điều tương tự cũng đúng với chính họ. Chúng ta có thể để họ ở đó cùng nhau trong khu rừng, và do đó kết thúc một nỗ lực trình bày Alice như là 'con người như một biểu tượng' hoặc một sự nhân cách hóa của toàn thể nhân loại không?

II

II

Man as Fact

Con Người Như Một Sự Thật

When studied objectively, man as fact, or historical man proves to be strangely dual, portraying racially and individually an admixture of ascent to the highest idealism and nobility with the potentiality of descent

Khi được nghiên cứu một cách khách quan, con người như một sự thật, hay con người lịch sử, hóa ra lại mang tính chất kép một cách kỳ lạ, thể hiện về mặt chủng tộc và cá nhân một sự pha trộn giữa sự thăng hoa lên chủ nghĩa lý

into the lowest brutality, selfishness, and evil. In both of these aspects of his character in idealism man rises higher than the animal, whilst in his selfish scheming and heartless brutality, he descends lower than is normal in any known animal.

tưởng và sự cao quý cao nhất với tiềm năng sa ngã vào sự tàn bạo, ích kỷ và xấu xa thấp nhất. Trong cả hai khía cạnh tính cách này, trong chủ nghĩa lý tưởng, con người vươn lên cao hơn loài vật, trong khi trong mưu đồ ích kỷ và sự tàn bạo vô tâm, y lại xuống thấp hơn mức bình thường ở bất kỳ loài động vật nào đã biết.

The Preamble to the United Nations Charter expresses the ideals and the common aims of all the peoples whose governments joined together to form the United Nations: We the peoples of the United Nations determined

Lời mở đầu của Hiến chương Liên Hợp Quốc bày tỏ những lý tưởng và mục tiêu chung của tất cả các dân tộc có chính phủ cùng nhau thành lập Liên Hợp Quốc: Chúng tôi, những người dân của Liên Hợp Quốc, quyết tâm

TO SAVE succeeding generations from the scourge of war, which twice in our lifetime has brought untold sorrow to mankind, and

ĐỂ CỨU các thế hệ kế tiếp khỏi thảm họa chiến tranh, vốn đã hai lần trong đời chúng ta mang lại nỗi buồn khôn tả cho nhân loại, và

TO REAFFIRM faith in fundamental rights, in the dignity and worth of the human person, in the equal rights of men and women and of nations large and small, and

ĐỂ TÁI KHẲNG ĐỊNH niềm tin vào các quyền cơ bản, vào phẩm giá và giá trị của con người, vào quyền bình đẳng của nam giới và phụ nữ và của các quốc gia lớn và nhỏ, và

TO ESTABLISH conditions under which justice and respect for the obligations arising from treaties and other sources of international law can be maintained, and

ĐỂ THIẾT LẬP các điều kiện mà theo đó công lý và sự tôn trọng các nghĩa vụ phát sinh từ các hiệp ước và các nguồn luật pháp quốc tế khác có thể được duy trì, và

TO PROMOTE social progress and better standards of life in larger freedom,

ĐỂ THÚC ĐẨY tiến bộ xã hội và các tiêu chuẩn sống tốt hơn trong tự do lớn hơn,

And for these ends

Và vì những mục đích này

TO PRACTICE tolerance and live together in peace with one another as good neighbours, and

ĐỂ THỰC HÀNH sự khoan dung và chung sống hòa bình với nhau như những người hàng xóm tốt, và

TO UNITE our strength to maintain international peace and security, and

ĐỂ KẾT HỢP sức mạnh của chúng ta để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, và

TO ENSURE, by the acceptance of principles and the institution of methods, that armed force shall not be used, save in the common interest, and

ĐỂ ĐẢM BẢO, bằng việc chấp nhận các nguyên tắc và thiết lập các phương pháp, rằng lực lượng vũ trang sẽ không được sử dụng, ngoại trừ vì lợi ích chung, và

TO EMPLOY international machinery for the

ĐỂ SỬ DỤNG bộ máy quốc tế để thúc đẩy sự

promotion of the economic and social advancement of all peoples.

tiến bộ kinh tế và xã hội của tất cả các dân tộc.

UNESCO, the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organisation proclaims it has three main functions: encouraging *international intellectual co-operation; operational assistance to Member States; and promotion ofpeace, human rights and mutual understanding among peoples.* 'Since wars begin in the minds of men', states a part of the **UNESCO** Constitution, 'it is in the minds of men that the defences of peace must be constructed'.

UNESCO, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc tuyên bố rằng tổ chức này có ba chức năng chính: khuyến khích hợp tác trí tuệ quốc tế; hỗ trợ hoạt động cho các Quốc gia Thành viên; và thúc đẩy hòa bình, nhân quyền và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Một phần của Hiến pháp UNESCO tuyên bố: "Vì chiến tranh bắt đầu trong thể trí của con người, nên chính trong thể trí của con người mà các biện pháp bảo vệ hòa bình phải được xây dựng".

The principles of the Red Cross include:

Các nguyên tắc của Hội Chữ thập đỏ bao gồm:

1. Humanity. Having its origins in the desire to bring help to the wounded on the battlefield without discrimination, the Red Cross both nationally and internationally strives to prevent and to relieve the sufferings of men in all circumstances. It aims to protect life and health and to provoke respect for the human person. It works in favour of mutual comprehension, friendship, co-operation and a lasting peace among all peoples.

Nhân đạo. Bắt nguồn từ mong muốn mang lại sự giúp đỡ cho những người bị thương trên chiến trường mà không có sự phân biệt đối xử, Hội Chữ thập đỏ cả ở cấp quốc gia và quốc tế đều cố gắng ngăn chặn và giảm bớt những đau khổ của con người trong mọi hoàn cảnh. Tổ chức này hướng đến việc bảo vệ tính mạng và sức khỏe và khơi gợi sự tôn trọng đối với con người. Tổ chức này hoạt động vì sự thông hiểu lẫn nhau, tình bạn, sự hợp tác và một nền hòa bình lâu dài giữa tất cả các dân tộc.

2. Impartiality. It makes no distinction of nationality, race, religion, social class or political affiliation. It endeavours only to help the individual according to his suffering and to aid the most needy first of all.

Tính khách quan. Tổ chức này không phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo, tầng lớp xã hội hoặc khuynh hướng chính trị. Tổ chức này chỉ cố gắng giúp đỡ cá nhân theo những đau khổ của y và giúp đỡ những người cần nhất trước hết.

3. Neutrality. In order to keep the confidence of all, it refrains from taking part in hostilities, and at all times it refuses to become involved in controversies of a political, racial, religious and philosophic nature.

Tính trung lập. Để giữ được sự tin tưởng của tất cả mọi người, tổ chức này không tham gia vào các hành động thù địch, và vào mọi thời điểm, tổ chức này từ chối tham gia vào các tranh cãi về bản chất chính trị, chủng tộc, tôn giáo và triết học.

4. Independence. The Red Cross is independent. Through the auxiliaries of the

Tính độc lập. Hội Chữ thập đỏ là độc lập. Thông qua các tổ chức phụ trợ của các cơ quan

public powers in their humanitarian activities and subject to the laws which govern their respective countries, the national societies ought to maintain an autonomy which will allow them to act always according to the principles of the Red Cross.

công quyền trong các hoạt động nhân đạo của họ và tuân theo luật pháp chi phối các quốc gia tương ứng của họ, các hiệp hội quốc gia phải duy trì một quyền tự chủ cho phép họ luôn hành động theo các nguyên tắc của Hội Chữ thập đỏ.

5. Voluntary character. The Red Cross is an institution for voluntary and disinterested aid.

Tính tự nguyện. Hội Chữ thập đỏ là một tổ chức viện trợ tự nguyện và vô tư.

6. Unity. There may only be one Red Cross society in each country. It must be open to all and extend its humanitarian action to the whole territory.

Tính thống nhất. Chỉ có thể có một hội Chữ thập đỏ ở mỗi quốc gia. Hội này phải mở cửa cho tất cả mọi người và mở rộng hành động nhân đạo của mình ra toàn bộ lãnh thổ.

7. Universality. The Red Cross is a universal institution within which all the societies have equal rights and the duty to help one another.

Tính phổ quát. Hội Chữ thập đỏ là một tổ chức phổ quát, trong đó tất cả các hiệp hội đều có quyền bình đẳng và nghĩa vụ giúp đỡ lẫn nhau.

The Girl Guides Association of Australia calls upon its members to make this Promise: I promise that I will do my best:

Hiệp hội Nữ Hướng đạo Úc kêu gọi các thành viên của mình thực hiện Lời hứa này: Tôi hứa rằng tôi sẽ cố gắng hết sức:

To do my duty to God,

Để làm tròn bổn phận của tôi với Thượng đế,

To serve the Queen and help other people,

Để phụng sự Nữ hoàng và giúp đỡ người khác,

To keep the Guide Law.

Để tuân thủ Luật Hướng đạo.

This is:

Đây là:

1. A Guide is loyal and can be trusted.

Một Hướng đạo sinh trung thành và có thể tin cậy.

2. A Guide is helpful.

Một Hướng đạo sinh hay giúp đỡ.

3. A Guide is polite and considerate.

Một Hướng đạo sinh lịch sự và chu đáo.

4. A Guide is friendly and a sister to all Guides.

Một Hướng đạo sinh thân thiện và là chị em với tất cả các Hướng đạo sinh.

5. A Guide is kind to animals and respects all living things.

Một Hướng đạo sinh tốt bụng với động vật và tôn trọng tất cả các sinh vật sống.

Australian Boy Scouts Association:

Aim

The aim of the Association is to develop good citizenship among boys by forming their character—training them in habits of observation, obedience and self-reliance—inculcating loyalty and thoughtfulness for others—teaching them services useful to the public, and handicrafts useful to themselves—promoting their physical, mental and spiritual development.

Basis

The principles and practice of the Association are founded on the basis of the Scout Promise and the Scout Law. The Association accepts and aims to preserve steadfastly throughout Australia and its territories the principles of Scouting as founded by the late Chief Scout of the World, Lord Baden Powell of Gilwell, and embodied in his book *Scouting for Boys.*

If this my contribution to the Special Issue is to continue to be factual, then I must add the following report:

Up to now, more than 90,000,000 people have been killed in the wars of this century. Last year, the world spent $200 billion on armaments, presumably in attempts to buy security by raising the proportion of wealth spent on arms. During 1969-70, the money that human beings spent on the means of killing one another rose to an all-time high of $204 billion dollars. Dr Malcolm S. Adeseshiah, Unesco's Director General, wrote: 'UNESCO cannot go on spending perhaps one million dollars a year on peace-building when $200,000,000 is being devoted every year to building an arsenal of absolute annihilation....When will we learn that life is

Hiệp hội Hướng đạo sinh Úc:

Mục tiêu

Mục tiêu của Hiệp hội là phát triển tinh thần công dân tốt trong số các bé trai bằng cách hình thành tính cách của chúng—huấn luyện chúng về thói quen quan sát, tuân thủ và tự lực—khắc sâu lòng trung thành và sự chu đáo đối với người khác—dạy chúng những dịch vụ hữu ích cho công chúng và những nghề thủ công hữu ích cho bản thân—thúc đẩy sự phát triển thể chất, trí tuệ và tinh thần của chúng.

Cơ sở

Các nguyên tắc và thực hành của Hiệp hội được xây dựng trên cơ sở Lời hứa Hướng đạo và Luật Hướng đạo. Hiệp hội chấp nhận và hướng đến việc bảo tồn vững chắc trên khắp nước Úc và các vùng lãnh thổ của mình các nguyên tắc Hướng đạo do Cố Tổng Hướng đạo sinh Thế giới, Lord Baden Powell of Gilwell, sáng lập và được thể hiện trong cuốn sách Hướng đạo cho các bé trai của Ông.

Nếu đóng góp của tôi cho Ấn phẩm Đặc biệt này tiếp tục mang tính thực tế, thì tôi phải thêm báo cáo sau:

Cho đến nay, hơn [90.000.000] người đã thiệt mạng trong các cuộc chiến tranh của thế kỷ này. Năm ngoái, thế giới đã chi [200] tỷ đô la cho vũ khí, có lẽ là để cố gắng mua sự an toàn bằng cách tăng tỷ lệ của cải chi cho vũ khí. Trong giai đoạn [1969-70], số tiền mà con người chi cho các phương tiện giết hại lẫn nhau đã tăng lên mức cao nhất mọi thời đại là [204] tỷ đô la. Tiến sĩ Malcolm S. Adeseshiah, Tổng Giám đốc của Unesco, đã viết: 'UNESCO không thể tiếp tục chi có lẽ một triệu đô la mỗi năm cho việc xây dựng hòa bình khi [200.000.000] đô la đang được dành mỗi năm để xây dựng một kho vũ khí hủy diệt tuyệt đối....Đến khi nào chúng ta mới học được rằng

all of a piece, a vast, mysterious entanglement of species, that the earth is the home of all and what endangers one must have its ultimate effect on all others?'

cuộc sống là một khối thống nhất, một sự vướng víu rộng lớn, bí ẩn của các loài, rằng trái đất là ngôi nhà của tất cả và những gì gây nguy hiểm cho một loài phải có ảnh hưởng cuối cùng đến tất cả những loài khác?'

In England, in 1971, research experiments on living cats, dogs, and other animals reached a record of 5,607,435, according to the Home Office statistics published in a White Paper (16 th August, 1971). About 86 per cent of these experiments were carried out without anaesthetics.

Ở Anh, vào năm [1971], các thí nghiệm nghiên cứu trên mèo, chó và các động vật sống khác đã đạt mức kỷ lục là [5.607.435], theo thống kê của Bộ Nội vụ được công bố trong một Sách Trắng (ngày [16] tháng [8] năm [1971]). Khoảng [86] phần trăm các thí nghiệm này được thực hiện mà không cần thuốc gây mê.

Ill

III

The Religion of Love

Tôn Giáo của Tình Thương

The message to the individual aspirant who would both quickly attain and lead his fellow human beings to the heights, must be the necessity for the establishment of the quality of utterly selfless, heartfelt affection throughout his or her whole nature until it becomes the very *fibre* of the human being. The evolution of the human race toward the lofty stature of Adeptship is dependent upon the establishment in its nature of this quality, this power, of selfless love, and man and woman must become an incarnation of that divine potency to which alone may justly be given the name of love.

Thông điệp gửi đến người chí nguyện cá nhân, người vừa muốn nhanh chóng đạt được thành tựu vừa dẫn dắt đồng loại của mình lên những đỉnh cao, phải là sự cần thiết phải thiết lập phẩm chất tình cảm chân thành, hoàn toàn vị tha trong toàn bộ bản chất của y cho đến khi nó trở thành sợi dây liên kết của con người. Sự tiến hóa của nhân loại hướng tới tầm vóc cao cả của Chân sư phụ thuộc vào việc thiết lập trong bản chất của nó phẩm chất này, sức mạnh này, của tình thương vị tha, và người nam và nữ phải trở thành một hiện thân của tiềm năng thiêng liêng đó mà chỉ có tình thương mới có thể được trao một cách chính đáng.

Love, therefore, must become the veritable religion, the spiritual, intellectual and bodily ideal, whilst intelligent subservience to duty governs its external expression. Every truly compassionate person and every human organisation with compassion as its central objective must, in consequence, be regarded as high points, mounts indeed, to be ascended as the human Race, led by its more advanced members, moves on to the fulfilment of its destiny.

Do đó, tình thương phải trở thành tôn giáo đích thực, lý tưởng tinh thần, trí tuệ và thể chất, trong khi sự phục tùng thông minh đối với nhiệm vụ chi phối sự thể hiện bên ngoài của nó. Do đó, mọi người thực sự nhân ái và mọi tổ chức nhân đạo với lòng trắc ẩn là mục tiêu trung tâm của nó phải được coi là những điểm cao, thực sự là những ngọn núi, cần phải được leo lên khi Nhân loại, được dẫn dắt bởi các thành viên tiến bộ hơn của mình, tiến tới việc hoàn thành vận mệnh của mình.

Theosophy in Australia, Vol. 61, Issue 10, October 1973, p. 336

Thông Thiên Học ở Úc, Tập. [61], Số [10], tháng [10] năm [1973], tr. [336]

SECTION 7—PHẦN 7

The Keys to Health and Healing—Các Chìa Khóa cho Sức Khỏe và Sự Chữa Lành

189

A Healing Meditation—Một Bài Tham Thiền Chữa Lành

The author offers a personal healing meditation designed to restore the harmonious flow of the Divine Life through one's whole nature; this Life which is the vital energy of the Universe, is everywhere present in abundance; its steady and continuous flow through us maintains in us perfect health and strength. Illness is a sign that through lack of inner harmony we are temporarily shut off from this universal supply of healing force. We must attain a state of spiritual, mental, emotional and physical harmony and accord, whereupon the Divine healing and vitalizing power will flow freely through us and we shall be whole.

Tác giả đưa ra một bài tham thiền chữa lành cá nhân được thiết kế để khôi phục dòng chảy hài hòa của Sự Sống Thiêng Liêng thông qua toàn bộ bản chất của một người; Sự Sống này, vốn là năng lượng sống còn của Vũ Trụ, hiện diện ở khắp mọi nơi một cách dồi dào; dòng chảy ổn định và liên tục của nó qua chúng ta duy trì trong chúng ta sức khỏe và sức mạnh hoàn hảo. Bệnh tật là một dấu hiệu cho thấy do thiếu sự hài hòa bên trong, chúng ta tạm thời bị cắt đứt khỏi nguồn cung cấp mãnh lực chữa lành phổ quát này. Chúng ta phải đạt được một trạng thái hài hòa và hòa hợp về tinh thần, trí tuệ, cảm xúc và thể chất, khi đó sức mạnh chữa lành và sinh lực thiêng liêng sẽ chảy tự do qua chúng ta và chúng ta sẽ được toàn vẹn.

To achieve this consummation, the aspirant may visualize the Divine Life as being everywhere present and as filling the upper air with its radiant and golden glow: he may

Để đạt được sự viên mãn này, người chí nguyện có thể hình dung Sự Sống Thiêng Liêng hiện diện ở khắp mọi nơi và lấp đầy tầng không phía trên bằng ánh sáng rạng rỡ và

reach up towards it with all the power of his thought and will, aspiring ardently to become one with it, to embody it within himself, so that it may flow freely through him, in the helping of the world.

vàng óng của nó: y có thể vươn lên về phía nó bằng tất cả sức mạnh của tư tưởng và ý chí của mình, khao khát mãnh liệt để trở thành một với nó, để thể hiện nó bên trong mình, để nó có thể chảy tự do qua y, trong việc giúp đỡ thế giới.

Then he may dwell in thought upon God as the Source of all power and life, seek to realize His presence and to lose himself There-in. He may think of himself as a chalice into which the Divine Life is poured, and as he aspires to at-one himself with God, the cup will increase in size, growing ever higher, into the inner worlds, where dwells the Healing Life.

Sau đó, y có thể suy ngẫm về Thượng đế như là Nguồn gốc của mọi sức mạnh và sự sống, tìm cách nhận ra sự hiện diện của Ngài và đánh mất mình ở Đó. Y có thể nghĩ về bản thân như một chén thánh mà Sự Sống Thiêng Liêng được rót vào, và khi y khao khát hợp nhất mình với Thượng đế, chiếc chén sẽ tăng kích thước, ngày càng cao hơn, vào các cõi bên trong, nơi Sự Sống Chữa Lành ngự trị.

Then let him think of the Divine life in all its glowing golden Splendour, as pouring down upon and into him in a torrent of vital force, filling the cup to overflowing and flooding his whole nature with its power. After dwelling for a time in silent realization, this power may be directed outwards through his heart to heal the sorrows and sufferings of the world.

Sau đó, hãy để y nghĩ về Sự Sống Thiêng Liêng trong tất cả sự Huy Hoàng vàng óng rực rỡ của nó, như đang tuôn xuống và vào y trong một dòng thác mãnh lực sống còn, lấp đầy chiếc chén đến tràn bờ và tràn ngập toàn bộ bản chất của y bằng sức mạnh của nó. Sau khi suy ngẫm trong im lặng một thời gian, sức mạnh này có thể được hướng ra ngoài qua trái tim của y để chữa lành những nỗi buồn và đau khổ của thế giới.

This meditation may safely be performed regularly, day by day, even many times a day, preferably at early morning, midday, and before retiring.

Bài tham thiền này có thể được thực hiện một cách an toàn thường xuyên, ngày này qua ngày khác, thậm chí nhiều lần một ngày, tốt nhất là vào sáng sớm, giữa trưa và trước khi đi ngủ.

Gradually an automatic flow of healing life will be established in the aspirant, who will then bear about with him wherever he goes a healing and uplifting power of incalculable value to the world. Thus, as he treads his upward path, he may heal and bless his fellow men and truly say with Christ, the great Exemplar of the Spiritual life, 'I, if I be lifted up, will draw all men unto me'.

Dần dần, một dòng chảy tự động của sự sống chữa lành sẽ được thiết lập trong người chí nguyện, người sau đó sẽ mang theo mình bất cứ nơi nào y đến một sức mạnh chữa lành và nâng đỡ có giá trị không thể tính toán được cho thế giới. Như vậy, khi y bước đi trên con đường đi lên của mình, y có thể chữa lành và ban phước cho đồng loại của mình và thực sự nói với Đức Christ, Huấn Sư Vĩ Đại về đời sống Tinh thần, 'Nếu ta được cất lên, ta sẽ kéo mọi

người đến với ta'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 42, No. 4, 1981, p. 94

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [42], Số [4], [1981], tr. [94]

190

Clairvoyant Diagnosis of Disease—Chẩn Đoán Bệnh Bằng Thông Nhãn

The ideas which I am going to express are the outcome of a study of many hundreds of different cases of disease by means of the faculty of positive clairvoyance. In each case the physical history was obtained and a psychological study was made of the individual. The Etheric Double and the emotional and mental bodies were examined and their condition recorded. In many cases an attempt was made to investigate the past life of the individual and to discover the transgression from which the disease karma originated. By these means there is being gradually built up a number of classifications of disease states, showing the psychology, the type of transgression and the superphysical conditions corresponding to certain of the chronic diseases.

Những ý tưởng mà tôi sắp trình bày là kết quả của một nghiên cứu về hàng trăm trường hợp bệnh khác nhau bằng phương tiện của khả năng thông nhãn tích cực. Trong mỗi trường hợp, tiền sử thể chất đã được thu thập và một nghiên cứu tâm lý đã được thực hiện về cá nhân đó. Thể dĩ thái và các thể cảm dục và thể trí đã được kiểm tra và tình trạng của chúng đã được ghi lại. Trong nhiều trường hợp, một nỗ lực đã được thực hiện để điều tra kiếp trước của cá nhân đó và khám phá ra sự vi phạm mà từ đó nghiệp quả bệnh tật bắt nguồn. Bằng những phương tiện này, một số phân loại các trạng thái bệnh tật đang dần được xây dựng, cho thấy tâm lý, loại vi phạm và các điều kiện siêu vật lý tương ứng với một số bệnh mãn tính.

The work is necessarily incomplete and imperfect, partly because of the limitations of the author and also because it was interrupted by his visit to America, but it will go on and in the end we shall have a complete classification of all the major diseases.

Công việc này nhất thiết phải không đầy đủ và không hoàn hảo, một phần là do những hạn chế của tác giả và cũng vì nó đã bị gián đoạn bởi chuyến thăm Hoa Kỳ của Ông, nhưng nó sẽ tiếp tục và cuối cùng chúng ta sẽ có một phân loại đầy đủ về tất cả các bệnh chính.

Rheumatism

Bệnh thấp khớp

Rheumatism, one of the most common diseases, will serve as a useful illustration of this method of study. It was found for the most part, in ordinary muscular rheumatism and in some cases of arthritis, that the root transgression had been a misuse of the physical body by over indulgence in food, so that the assimilating, digestive and secre—

Bệnh thấp khớp, một trong những bệnh phổ biến nhất, sẽ là một minh họa hữu ích cho phương pháp nghiên cứu này. Người ta thấy rằng phần lớn, trong bệnh thấp khớp cơ thông thường và trong một số trường hợp viêm khớp, sự vi phạm gốc rễ là việc lạm dụng thể xác do quá nuông chiều trong ăn uống, do đó các hệ thống đồng hóa, tiêu hóa và bài tiết bị

tory systems were seriously impaired, with a resulting accumulation of poison in the body which contaminated the blood stream and showed itself as a rheumatic complaint.

suy giảm nghiêm trọng, dẫn đến sự tích tụ chất độc trong cơ thể làm ô nhiễm dòng máu và biểu hiện như một chứng bệnh thấp khớp.

Neuritis

Viêm dây thần kinh

In the case of neuritis and neurasthenia, again the transgression was found to be a misuse of the body through waste of the vital power, for neurasthenia is a nervous disease. Speaking generally, the pains of neuritis are due either to a starvation or congestion of the nerves: the Etheric Double has broken down and instead of conserving the vital energy which comes from the Sun long enough for the physical tissue to assimilate it, allows that life force to escape. The starved nerves cry out, as it were, for their customary charge of power and that cry is felt as pain. Waste of the vital power, misuse of the bodily energies in the pleasures of the body, not taking enough sleep, over excitement, artificial modes of life and so on, are the root causes of neurasthenia. They all produce their inevitable reaction in an impaired Etheric Double.

Trong trường hợp viêm dây thần kinh và suy nhược thần kinh, sự vi phạm được phát hiện là do lạm dụng cơ thể thông qua việc lãng phí sinh lực, vì suy nhược thần kinh là một bệnh về thần kinh. Nói chung, những cơn đau của bệnh viêm dây thần kinh là do sự thiếu hụt hoặc tắc nghẽn của các dây thần kinh: Thể Dĩ Thái đã bị phá vỡ và thay vì bảo tồn năng lượng sinh mệnh đến từ Mặt Trời đủ lâu để mô vật chất đồng hóa nó, lại cho phép sinh lực đó thoát ra ngoài. Các dây thần kinh bị bỏ đói kêu gào, như thể, đòi hỏi lượng năng lượng thông thường của chúng và tiếng kêu đó được cảm nhận như một cơn đau. Lãng phí sinh lực, lạm dụng năng lượng cơ thể trong những thú vui xác thịt, ngủ không đủ giấc, quá khích, lối sống nhân tạo, v.v., là những nguyên nhân gốc rễ của bệnh suy nhược thần kinh. Tất cả chúng đều tạo ra phản ứng tất yếu trong một Thể Dĩ Thái bị suy yếu.

Spinal Complaints

Các Bệnh về Cột Sống

Spinal diseases offer a very interesting study, for they very often spring from a misuse of the serpent fire. There have always been groups of people who have possessed supernormal powers. Some of them have misused their power for purposes of self-aggrandizement and oppression. This is one of the greatest transgressions of all, the use of Nature's finer forces for selfish ends. Nature does not tolerate that. There is only one permissible motive for arousing these latent powers and that is the motive of service to one's fellow men. It is interesting to find that the karmic reaction occurs in the spinal cord, in which

Các bệnh về cột sống mang đến một nghiên cứu rất thú vị, vì chúng thường bắt nguồn từ việc lạm dụng hỏa xà. Luôn có những nhóm người sở hữu những năng lực siêu nhiên. Một số người trong số họ đã lạm dụng quyền năng của mình cho mục đích tự tôn và áp bức. Đây là một trong những vi phạm lớn nhất, việc sử dụng các mãnh lực tốt đẹp hơn của Thiên Nhiên cho những mục đích ích kỷ. Thiên Nhiên không dung thứ điều đó. Chỉ có một động cơ được phép để đánh thức những năng lực tiềm ẩn này và đó là động cơ phụng sự đồng loại. Thật thú vị khi thấy rằng phản ứng nghiệp quả xảy ra ở tủy sống, nơi mãnh lực bị

the misused force is seated and along which it travels up to the brain. Many interesting correspondences of this kind were discovered. It would appear then, that individuals suffering from malformations of the spine, or an imperfect bony structure, such as humpbacks, are having their pride humbled by Nature, not by a personal infliction of punishment, but by the action of a strictly impersonal and absolutely just law.

lạm dụng ngự trị và dọc theo đó nó di chuyển lên não. Nhiều sự tương ứng thú vị thuộc loại này đã được khám phá. Do đó, có vẻ như những cá nhân bị dị tật cột sống, hoặc cấu trúc xương không hoàn hảo, chẳng hạn như gù lưng, đang bị Thiên Nhiên hạ thấp lòng kiêu hãnh của họ, không phải do một hình phạt cá nhân, mà do hành động của một định luật hoàn toàn vô tư và tuyệt đối công bằng.

(For a full and fundamental outline of the cause and remedy of sickness and scientific pathway to health and happiness, read *Lecture Notes—School of the Wisdom, Vol. I)*

(Để có một phác thảo đầy đủ và cơ bản về nguyên nhân và phương pháp chữa trị bệnh tật và con đường khoa học dẫn đến sức khỏe và hạnh phúc, hãy đọc Lecture Notes—School of the Wisdom, Vol. I)

Theosophy in New Zealand, Vol. 17, No. 3 & 4, 1956, p. 8

Theosophy in New Zealand, Vol. 17, No. 3 & 4, 1956, tr. 8

191

Concerning Spiritual Healing—Về Trị Liệu Tinh Thần

General Question: 'Let us suppose that a person comes to one suffering from some psychological or perhaps psychic disorder for which they have found no medical cure. How does one proceed in trying to help that person?'

Câu hỏi chung: 'Giả sử một người đến với một người đang mắc phải một số rối loạn tâm lý hoặc có lẽ là thông linh mà họ không tìm thấy phương pháp chữa trị y tế nào. Làm thế nào để một người tiến hành cố gắng giúp đỡ người đó?'

Answer: According to attained capacity, one may safely proceed along these lines: First, enter into communion with the reincarnating Ego. Then, keeping the mind open to intuitive insight, 'ask' the Ego for information concerning the condition of the Personality. Why has it found itself in this unfortunate position? What errors have contributed? Are they being continued? The knowledge thus gained is very important; for by its possession and use, guidance may be gained in the spiritual, occult and personal treatment of the case. One may learn what Egoic remedial action is being taken and how one may

Trả lời: Tùy theo năng lực đạt được, người ta có thể an toàn tiến hành theo những hướng này: Đầu tiên, đi vào sự giao hòa với Chân ngã tái sinh. Sau đó, giữ cho thể trí cởi mở với sự thấu thị trực giác, 'hỏi' Chân ngã để biết thông tin liên quan đến tình trạng của phàm ngã. Tại sao nó lại thấy mình ở trong vị trí không may mắn này? Những sai sót nào đã góp phần vào đó? Chúng có đang tiếp diễn không? Kiến thức thu được như vậy là rất quan trọng; vì nhờ sở hữu và sử dụng nó, người ta có thể đạt được sự hướng dẫn trong việc điều trị tinh thần, huyền bí và cá nhân đối với trường hợp này. Người ta có thể biết được hành động khắc phục của

helpfully collaborate.

Chân ngã nào đang được thực hiện và cách người ta có thể cộng tác một cách hữu ích.

In other words, contact the Ego, notice its degree of evolutionary development, find out the extent to which the sufferer has caused the condition in the present or former lives, or combination of these physically, by hurtful actions, psychologically or occultly, as from prematurely aroused *Kundalini,* for example. Then one may know to what extent the adversities are karmically susceptible of effective treatment. The first step towards successful healing includes this 'talk' with the Ego in order to attain complete understanding. Many difficulties may thus be avoided, one of which is created by the patient himself[119] who, whether consciously or unconsciously, is practising concealment or even self-protective deceit. One must know fully whether the patient is either keeping something back or is being deliberately untruthful concerning his condition.

Nói cách khác, hãy tiếp xúc với Chân ngã, nhận thấy mức độ phát triển tiến hóa của Ngài, tìm hiểu xem người bệnh đã gây ra tình trạng này đến mức nào trong kiếp này hoặc kiếp trước, hoặc sự kết hợp của những điều này về mặt thể chất, bằng những hành động gây tổn thương, về mặt tâm lý hoặc huyền bí, chẳng hạn như từ Kundalini bị đánh thức quá sớm. Sau đó, người ta có thể biết những nghịch cảnh đó dễ bị nghiệp quả tác động đến mức nào để điều trị hiệu quả. Bước đầu tiên để chữa lành thành công bao gồm cuộc 'nói chuyện' này với Chân ngã để đạt được sự thấu hiểu hoàn toàn. Nhiều khó khăn có thể tránh được như vậy, một trong số đó được tạo ra bởi chính bệnh nhân, người dù ý thức hay vô thức, đang thực hành che giấu hoặc thậm chí là lừa dối để tự bảo vệ mình. Người ta phải biết đầy đủ liệu bệnh nhân có đang giữ lại điều gì đó hay đang cố tình không trung thực về tình trạng của mình hay không.

Results are duly noted, the sufferer begins to be advised and certain appropriate spiritual and occult aid is then invoked on his behalf. This last is not limited to the time of the interview, but becomes a continuing procedure. Each day an effective form of spiritual healing[120] is practice by all Consultants. The convinced Christian would doubtless reverently pray for the aid of the Lord Christ as the great Healer of the World. For this purpose one must know the full names of the patient, sex, personality, home surroundings, relationships with fellow residents in the home and any experiences passed through which bear upon the present

Kết quả được ghi nhận đầy đủ, người bệnh bắt đầu được khuyên bảo và một số trợ giúp tinh thần và huyền bí thích hợp sau đó được cầu khẩn thay cho y. Điều này sau cùng không giới hạn trong thời gian phỏng vấn, mà trở thành một quy trình tiếp tục. Mỗi ngày, một hình thức chữa lành tinh thần hiệu quả được thực hành bởi tất cả các Nhà Tư Vấn. Người theo đạo Cơ đốc tin chắc chắn sẽ thành kính cầu nguyện sự giúp đỡ của Đức Christ như là Đấng Chữa Lành Vĩ Đại của Thế Giới. Vì mục đích này, người ta phải biết đầy đủ tên của bệnh nhân, giới tính, phàm ngã, môi trường xung quanh nhà, các mối quan hệ với những người cùng cư trú trong nhà và bất kỳ kinh nghiệm

[119] Masculine used for convenience throughout.

[120] See *The Kingdom of the Gods.*

predicament. This knowledge is essential, since a very large part of psychic healing consists of penetrating research as described above.

nào đã trải qua có liên quan đến tình trạng khó khăn hiện tại. Kiến thức này là rất cần thiết, vì một phần rất lớn của việc chữa lành thông linh bao gồm nghiên cứu sâu rộng như được mô tả ở trên.

In all cases of effective spiritual and occult healing, sufferers should be taught an appropriate form of daily prayer or yoga. Regularly practice, these will assist in both the recovery of the patient and the maintenance of the state of health and harmonious equipoise induced by successful treatment.

Trong tất cả các trường hợp chữa lành tinh thần và huyền bí hiệu quả, những người bệnh nên được dạy một hình thức cầu nguyện hoặc yoga hàng ngày thích hợp. Thực hành thường xuyên, những điều này sẽ hỗ trợ cả sự phục hồi của bệnh nhân và việc duy trì trạng thái sức khỏe và sự cân bằng hài hòa do điều trị thành công mang lại.

A Case Example

Một Ví Dụ Trường Hợp

Supposing a person feels obsessed, at times loses full control of the mind, feeling that an undesirable entity is taking control of them and forcing them to perform actions against their wishes. Obsessions may take the form of fear, panic producing nightmares and the feeling that the room is invaded by an ugly presence that is seeking to prey upon them. They may wake up in the night in state of terror, perspire freely and be conscious of an unpleasant entity in the room.

Giả sử một người cảm thấy bị ám ảnh, đôi khi mất kiểm soát hoàn toàn thể trí, cảm thấy rằng một thực thể không mong muốn đang kiểm soát họ và buộc họ thực hiện những hành động trái với mong muốn của họ. Nỗi ám ảnh có thể ở dạng sợ hãi, những cơn ác mộng gây ra hoảng loạn và cảm giác rằng căn phòng bị xâm chiếm bởi một sự hiện diện xấu xí đang tìm cách lợi dụng họ. Họ có thể thức dậy vào ban đêm trong trạng thái kinh hoàng, đổ mồ hôi tự do và ý thức được một thực thể khó chịu trong phòng.

The first question in such cases is whether or not there actually is an external entity present, or whether the experience has subjective psychological causes. These facts must become known, otherwise one could waste occult energy to no good purpose.

Câu hỏi đầu tiên trong những trường hợp như vậy là liệu có thực sự có một thực thể bên ngoài hiện diện hay không, hoặc liệu trải nghiệm có nguyên nhân tâm lý chủ quan hay không. Những sự thật này phải được biết đến, nếu không người ta có thể lãng phí năng lượng huyền bí mà không có mục đích tốt đẹp nào.

Supposing there is a deceased human being, making a nuisance of itself to this person—then direct contact therewith is necessary. Since the selfless healer is living a perfect harmless and indeed helpful life, he is spiritually superior to all unwanted invaders into other people's privacy and may there

Giả sử có một người đã khuất, gây khó chịu cho người này—thì cần phải tiếp xúc trực tiếp với người đó. Vì nhà chữa lành vô ngã đang sống một cuộc sống vô tổn hại hoàn hảo và thực sự hữu ích, y vượt trội hơn về mặt tinh thần so với tất cả những kẻ xâm nhập không mong muốn vào sự riêng tư của người khác và có thể chính

justly assume a position of complete spiritual authority. The entity is then decisively informed that the interference must cease. If it resists, then there will be a battle of wills. The inner powers of the Soul and the help of the Lord Christ and the Angelic Hosts[121] are invoked, always without the slightest doubt whatever of ability to exorcize the obsessing entity.

đáng đảm nhận một vị trí quyền lực tinh thần hoàn toàn. Thực thể sau đó được thông báo một cách dứt khoát rằng sự can thiệp phải chấm dứt. Nếu nó chống lại, thì sẽ có một trận chiến ý chí. Các quyền năng nội tại của Linh Hồn và sự giúp đỡ của Đức Christ và Các Đấng Thiên Thần được cầu khẩn, luôn luôn không có chút nghi ngờ nào về khả năng trừ khử thực thể ám ảnh.

If it transpires that an elemental is responsible, then that entity may if necessary be destroyed. If a human being is obsessing the sufferer, then the astro-mental bodies must not be destroyed.

Nếu hóa ra một hành khí chịu trách nhiệm, thì thực thể đó có thể bị tiêu diệt nếu cần thiết. Nếu một người đang ám ảnh người bệnh, thì các thể cảm-trí không được phá hủy.

In the case of an elemental, a thoughtform or a shell, one exorcizes the creature out of the person's body, aura or house, bringing requisite spiritual will-force to bear upon it so that it must depart.

Trong trường hợp một hành khí, một hình tư tưởng hoặc một cái vỏ, người ta trục xuất sinh vật ra khỏi cơ thể, hào quang hoặc ngôi nhà của người đó, mang lực ý chí tinh thần cần thiết tác động lên nó để nó phải rời đi.

Theosophy in New Zealand, Vol. 37, No. 1, 1976, p. 5

Theosophy in New Zealand, Vol. 37, No. 1, 1976, tr. 5

192

Cruelty As A Cause of Disease—Sự Tàn Ác Là Một Nguyên Nhân Gây Bệnh

Humanity's Great Need

Nhu Cầu Lớn Lao của Nhân Loại

The attainment and maintenance of perfect health is the intelligent person's supreme material preoccupation. Health is the greatest physical necessity for every human being. Yet, despite the progress of modern science, the incidence of such diseases as leprosy, cancer, diabetes, hypertension and heart disease, and the mortality from them, tend to increase. More and larger hospitals, asylums and prisons are continually having to be built.

Việc đạt được và duy trì sức khỏe hoàn hảo là mối bận tâm vật chất tối cao của người thông minh. Sức khỏe là nhu cầu thể chất lớn nhất đối với mỗi con người. Tuy nhiên, bất chấp sự tiến bộ của khoa học hiện đại, tỷ lệ mắc các bệnh như phong, ung thư, tiểu đường, cao huyết áp và bệnh tim, và tỷ lệ tử vong do chúng, có xu hướng gia tăng. Ngày càng có nhiều bệnh viện, trại tị nạn và nhà tù lớn hơn liên tục phải được xây dựng.

---

121 See *The Brotherhood Angels and of Men,* p. 53, or *The Kingdom of the Gods,* Section 5 and pp. 235-6.

How is this pressing problem, which now besets the whole human Race, to be solved? What are the fundamental laws governing health and well-being, and in what way is humanity so continually violating them that a perfectly and continually healthy individual is a rarity? In this article I am going to offer an answer to those questions.

Làm thế nào để giải quyết vấn đề cấp bách này, hiện đang bao vây toàn bộ Nhân Loại? Đâu là những định luật cơ bản chi phối sức khỏe và hạnh phúc, và nhân loại liên tục vi phạm chúng theo cách nào mà một cá nhân hoàn toàn và liên tục khỏe mạnh là một điều hiếm thấy? Trong bài viết này, tôi sẽ đưa ra câu trả lời cho những câu hỏi đó.

Unity, Harmony, Health

Hợp Nhất, Hài Hòa, Sức Khỏe

How may health be defined? I suggest that health is a condition of harmonious unity of ideal, thought, feeling and conduct. When this co-ordination of all the parts, spiritual, mental and physical, of a human being is achieved and maintained to a reasonable degree, two basic, inter-related laws are being obeyed. One is the law of harmony upon which, as equilibrium, the whole universe is established, and the other is the law of compensation, by which the whole universe is ruled.

Sức khỏe có thể được định nghĩa như thế nào? Tôi cho rằng sức khỏe là một trạng thái hợp nhất hài hòa giữa lý tưởng, tư tưởng, cảm xúc và hành vi. Khi sự phối hợp này của tất cả các bộ phận, tinh thần, trí tuệ và thể chất của một con người đạt được và duy trì ở một mức độ hợp lý, hai định luật cơ bản, có liên quan với nhau đang được tuân thủ. Một là định luật hài hòa mà trên đó, như sự cân bằng, toàn bộ vũ trụ được thiết lập, và hai là định luật đền bù, mà theo đó toàn bộ vũ trụ được cai trị.

When no natural law is violated, there can be no personal pain, although the consequences of all preceding transgressions will still have to be endured. When natural law is violated, suffering is inevitable. Moreover, the nature and the extent of the pain are always exactly proportionate to the degree of violation.

Khi không có định luật tự nhiên nào bị vi phạm, thì không thể có nỗi đau cá nhân nào, mặc dù hậu quả của tất cả những vi phạm trước đó vẫn phải được chịu đựng. Khi định luật tự nhiên bị vi phạm, đau khổ là không thể tránh khỏi. Hơn nữa, bản chất và mức độ của cơn đau luôn tỷ lệ chính xác với mức độ vi phạm.

I am going to suggest that the application to the conduct of life of this knowledge, and obedience to these two laws of harmony and compensation, constitute the sole foundation upon which perfect health can be assured, perfect happiness can be maintained and, when they have been lost, both may be completely restored. Successful, final healing of the sick depends upon a return both to harmony and to obedience to natural law.

Tôi sẽ gợi ý rằng việc áp dụng kiến thức này vào cách sống và tuân theo hai định luật hài hòa và đền bù này, cấu thành nền tảng duy nhất mà trên đó sức khỏe hoàn hảo có thể được đảm bảo, hạnh phúc hoàn hảo có thể được duy trì và, khi chúng đã bị mất, cả hai có thể được phục hồi hoàn toàn. Việc chữa lành cuối cùng thành công cho người bệnh phụ thuộc vào sự trở lại cả sự hài hòa và sự tuân thủ định luật tự nhiên.

The Way to Happiness

Con Đường Đến Hạnh Phúc

Health may also be defined as the result of harmonious interplay between the forces of Spirit and mind, on the one hand, and their expression through emotion and physical action on the other. From above—actually from within—spiritual and mental forces and impulses play downwards into the outer man. From below, physical and emotional impulses both respond to and modify those descending from above. The harmonious interplay of these two, the mento-spiritual and the physic-emotional, is essential to man's well-being.

Sức khỏe cũng có thể được định nghĩa là kết quả của sự tương tác hài hòa giữa các mãnh lực của Tinh Thần và thể trí, một mặt, và sự biểu hiện của chúng thông qua cảm xúc và hành động thể chất, mặt khác. Từ trên—thực tế là từ bên trong—các mãnh lực và xung động tinh thần và trí tuệ tác động xuống người bên ngoài. Từ bên dưới, các xung động thể chất và cảm xúc vừa đáp ứng vừa điều chỉnh những xung động giáng xuống từ trên. Sự tương tác hài hòa của hai điều này, trí tuệ-tinh thần và thể chất-cảm xúc, là điều cần thiết cho hạnh phúc của con người.

Health, therefore, is almost entirely a matter of ethics. Health depends upon the mental, the emotional and the physical conduct of life. Psychiatry and psychosomatics as branches of medical science and as therapeutic aids are now demonstrating this fact.

Do đó, sức khỏe hầu như hoàn toàn là một vấn đề đạo đức. Sức khỏe phụ thuộc vào hành vi trí tuệ, cảm xúc và thể chất của cuộc sống. Tâm thần học và tâm sinh lý học như là các nhánh của khoa học y tế và như là các trợ giúp điều trị hiện đang chứng minh thực tế này.

The God Within and The Man Without

Thượng Đế Bên Trong và Con Người Bên Ngoài

Let us look more closely at this idea of relationship between the Inner Self and the outer self of man. The Inner, Spiritual Self of man continually transmits Spiritualizing impulses. The mind receives and relays them. The man in his physical body responds to and, in varying degrees, manifests and ratifies them. The extent of such ratification decides the measure of the resultant happiness and health. Similarly, the degree to which they are ignored or violated determines the amount of unhappiness and ill health experienced in consequence. Where the harmonies are preserved, health is assured. Where they are not preserved, ill health is inevitable. Long continuing discord within will, in time, produce disease without.

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn ý tưởng về mối quan hệ giữa Bản Thể Bên Trong và bản thể bên ngoài của con người. Bản Thể Bên Trong, Tinh Thần của con người liên tục truyền tải những xung động tâm linh hóa. Thể trí tiếp nhận và chuyển tiếp chúng. Con người trong thể xác của mình đáp ứng và, ở các mức độ khác nhau, biểu lộ và phê chuẩn chúng. Mức độ phê chuẩn như vậy quyết định thước đo của hạnh phúc và sức khỏe kết quả. Tương tự, mức độ mà chúng bị bỏ qua hoặc vi phạm sẽ quyết định mức độ bất hạnh và bệnh tật phải gánh chịu do hậu quả. Nơi nào sự hài hòa được bảo tồn, sức khỏe được đảm bảo. Nơi nào chúng không được bảo tồn, bệnh tật là không thể tránh khỏi. Sự bất hòa kéo dài bên trong, theo thời gian, sẽ tạo ra bệnh tật bên ngoài.

This must be so, for man is not a mere body alone. Man is a threefold being of Spirit,

Điều này phải như vậy, vì con người không chỉ là một cơ thể đơn thuần. Con người là một hữu

intelligence and body. Moreover, this human power-unit grows increasingly sensitive as evolution proceeds. The nervous and psychic balance and responsiveness of civilized humanity grow continually more delicate. In consequence, violation of basic law produces a greater disturbance in advanced than in primitive man, brings a more keenly felt pain to modern man than to earlier Races.

thể tam phân gồm Tinh Thần, trí thông minh và cơ thể. Hơn nữa, đơn vị năng lượng của con người này ngày càng trở nên nhạy cảm hơn khi quá trình tiến hóa diễn ra. Sự cân bằng và khả năng đáp ứng về thần kinh và thông linh của nhân loại văn minh ngày càng trở nên tinh tế hơn. Do đó, việc vi phạm định luật cơ bản tạo ra một sự xáo trộn lớn hơn ở người tiến bộ so với người nguyên thủy, mang lại một nỗi đau được cảm nhận sâu sắc hơn cho con người hiện đại so với các Chủng Dân trước đây.

The Life in All Beings is One Life

Sự Sống Trong Tất Cả Các Hữu Thể Là Sự Sống Duy Nhất

What is the message which the Spiritual Self of man transmits, the mind receives and the body must ratify? If it were possible—as it is—to ascend to a state of spiritual consciousness and view the universe with the eyes of the Spirit, what would be seen? If with the ears of the Spirit the Song of Life could be heard, what would be its theme? The answer, in a phrase, is 'Life is One'. There exists but One Life, One Light, One Power, One Love, and that is the central, spiritual truth, in realization of which the Inner Self of man perpetually abides.

Thông điệp mà Bản Thể Tinh Thần của con người truyền tải, thể trí tiếp nhận và cơ thể phải phê chuẩn là gì? Nếu có thể—như vốn có—để thăng lên một trạng thái tâm thức tinh thần và nhìn vũ trụ bằng đôi mắt của Tinh Thần, thì sẽ thấy gì? Nếu bằng đôi tai của Tinh Thần, Bài Ca Sự Sống có thể được nghe thấy, thì chủ đề của nó sẽ là gì? Câu trả lời, trong một cụm từ, là 'Sự Sống là Một'. Chỉ tồn tại một Sự Sống, một Ánh Sáng, một Quyền Năng, một Tình Thương Duy Nhất, và đó là chân lý tinh thần trung tâm, mà trong sự nhận ra đó, Bản Thể Bên Trong của con người vĩnh viễn tồn tại.

Unity, therefore, is the message which the Higher Self continually transmits to the brain through the medium of the mind. In the savage, the message is scarcely heard and only ratified as an instinct of tribal and family unity. In the self-centredness of material-minded man, unity and love are in many ways denied. 'Each for himself and the Devil take the hindmost,' is his guiding principle in certain aspects of his life. Individuals, groups and even Nations, when not threatened by a common danger, still show themselves capable of acting as self-centred units, with little or no regard for the welfare of their fellow men, not to mention the animal

Do đó, sự hợp nhất là thông điệp mà Chân ngã liên tục truyền đến bộ não thông qua môi giới của thể trí. Ở người dã man, thông điệp hầu như không được nghe thấy và chỉ được phê chuẩn như một bản năng về sự hợp nhất bộ lạc và gia đình. Trong sự vị kỷ của con người có tư tưởng vật chất, sự hợp nhất và tình thương bị phủ nhận theo nhiều cách. 'Mỗi người vì mình và Ma quỷ bắt kẻ chậm chân,' là nguyên tắc chỉ đạo của y trong một số khía cạnh của cuộc sống. Các cá nhân, các nhóm và thậm chí cả các Quốc Gia, khi không bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm chung, vẫn cho thấy mình có khả năng hành động như những đơn vị vị kỷ, ít hoặc không quan tâm đến phúc lợi của đồng

kingdom of Nature. The result is clear to every eye. The larger majority of human beings are prone to ill health. The chaos, the wars and the threats of wars, the ruin and the disease in the world, are the direct result of man's denial of the truth that Life is one.

loại, chưa kể đến giới động vật của Thiên Nhiên. Kết quả là rõ ràng đối với mọi con mắt. Phần lớn con người dễ mắc bệnh. Sự hỗn loạn, các cuộc chiến tranh và các mối đe dọa chiến tranh, sự hủy hoại và bệnh tật trên thế giới, là kết quả trực tiếp từ sự phủ nhận của con người về sự thật rằng Sự Sống là một.

Humaneness the Key to Health and Happiness

Lòng Nhân Đạo Là Chìa Khóa Của Sức Khỏe và Hạnh Phúc

Is the situation hopeless, then? Is there no cure for war-frightened, disease-ridden humanity? There is hope and there is a cure. Man is gradually evolving. For an increasing number of people, the inner voice grows stronger, more insistent, calling: **'ONE LIFE IN ALL'.** Eventually, mind answers and brain and body fulfil. Kindness to fellow men and humaneness to animals then increase. Charity is extended. Love grows deeper, less selfish, more universal. Health and happiness also increase. Ultimately, the message of the unity of Life is recognized as a Divine instruction, an impelling summons, an irresistible command. Mind then assents. Brain fully responds. Conduct squares with conscience. Humaneness becomes the Gospel of Life. Charity bums as a flame in the heart. Self-interest is lost in selflessness and then, at last, the secret of perfect health, of radiant vitality and of inward happiness has been discovered. In very truth, recognition and ratification in conduct of the fact of the oneness of all Life is the racial and the individual panacea.

Vậy thì tình hình có vô vọng không? Có phương thuốc nào cho nhân loại đang sợ hãi chiến tranh, đầy bệnh tật không? Có hy vọng và có một phương thuốc. Con người đang dần tiến hóa. Đối với số lượng người ngày càng tăng, tiếng nói bên trong ngày càng mạnh mẽ hơn, khăng khăng hơn, kêu gọi: 'MỘT SỰ SỐNG TRONG TẤT CẢ'. Cuối cùng, thể trí đáp lại và bộ não cùng thể xác hoàn thành. Lòng tốt với đồng loại và lòng nhân ái với động vật sau đó tăng lên. Lòng bác ái được mở rộng. Tình thương trở nên sâu sắc hơn, bớt ích kỷ hơn, phổ quát hơn. Sức khỏe và hạnh phúc cũng tăng lên. Cuối cùng, thông điệp về sự hợp nhất của Sự Sống được công nhận là một chỉ dẫn Thiêng Liêng, một lời triệu tập thôi thúc, một mệnh lệnh không thể cưỡng lại. Thể trí sau đó đồng ý. Bộ não đáp ứng đầy đủ. Hành vi phù hợp với lương tâm. Lòng nhân ái trở thành Phúc Âm của Sự Sống. Lòng bác ái bùng cháy như ngọn lửa trong tim. Tư lợi bị mất đi trong sự vị tha và rồi, cuối cùng, bí mật của sức khỏe hoàn hảo, của sinh lực rạng rỡ và của hạnh phúc nội tâm đã được khám phá. Trong sự thật, sự công nhận và phê chuẩn trong hành vi về sự thật của tính đồng nhất của tất cả Sự Sống là phương thuốc toàn chủng tộc và cá nhân.

The Case Man Has to Answer

Vụ việc Con Người Phải Trả Lời

What is found when recognition of unity is applied as a test of the mode of life of modern

Điều gì được tìm thấy khi sự công nhận về sự hợp nhất được áp dụng như một bài kiểm tra

man? Unfortunately, continual disobedience and denial are discovered. What forms do this disobedience and denial more commonly assume? The answer is all too plain. In a word, it is cruelty. Marked characteristics of modern man are cruelty to man and cruelty to beast. The former—cmelty to man—is beyond question. Man's inhumanity to man is proverbial. The Nazi and other concentration and labour camps, the prisons of the world and the annual reports of societies for the protection of women and children, provide convincing proof. Furthermore, man's exploitation and murder of animals is long-continued and world-wide, as annual reports of animal protection societies also demonstrate. Man is by far the greatest enemy which the animal kingdom has to fear. For pleasure in blood sports, for food, for adornment, for health, as he thinks, man deliberately and systematically practises the torture and the slaughter of animals.

về phương thức sống của con người hiện đại? Thật không may, sự bất tuân và phủ nhận liên tục được phát hiện. Những hình thức nào mà sự bất tuân và phủ nhận này thường mang? Câu trả lời quá rõ ràng. Trong một từ, đó là sự tàn ác. Những đặc điểm nổi bật của con người hiện đại là sự tàn ác với con người và sự tàn ác với thú vật. Điều trước đây—sự tàn ác với con người—là điều không cần bàn cãi. Sự vô nhân đạo của con người đối với con người đã trở thành tục ngữ. Các trại tập trung và trại lao động của Đức Quốc xã và các trại khác, các nhà tù trên thế giới và các báo cáo hàng năm của các hiệp hội bảo vệ phụ nữ và trẻ em, cung cấp bằng chứng thuyết phục. Hơn nữa, việc con người khai thác và sát hại động vật đã diễn ra từ lâu và trên toàn thế giới, như các báo cáo hàng năm của các hiệp hội bảo vệ động vật cũng chứng minh. Con người là kẻ thù lớn nhất mà giới động vật phải sợ hãi. Vì niềm vui trong các môn thể thao đẫm máu, vì thức ăn, vì trang sức, vì sức khỏe, như y nghĩ, con người cố ý và có hệ thống thực hành tra tấn và tàn sát động vật.

The laws of harmony and balance are thus repeatedly broken by modern man. The fact of unity is continually denied. The awful retaliation of the Law of Cause and Effect is, in consequence, provoked. Widespread disease, rampant, unpreventable disease, is the result. Those who continually gratify the lust to torture and to kill cannot possibly be either happy or healthy human beings. They are in conflict with the spiritual fact of unity and with the power, the purpose and the spiritual impulse within all Nature. The wards[122] *of the physical key to health and happiness are now discovered. They are humaneness, kindliness to all living things, benevolence and compassion towards all sentient beings. Simply put, these imply harmony in action.*

Do đó, các định luật về sự hài hòa và cân bằng liên tục bị con người hiện đại phá vỡ. Sự thật về sự hợp nhất liên tục bị phủ nhận. Sự trả đũa khủng khiếp của Định luật Nhân Quả, do đó, bị kích động. Bệnh tật lan rộng, tràn lan, không thể ngăn ngừa được, là kết quả. Những người liên tục thỏa mãn sự thèm muốn tra tấn và giết chóc không thể là những con người hạnh phúc hay khỏe mạnh. Họ đang xung đột với sự thật tinh thần về sự hợp nhất và với quyền năng, mục đích và xung lực tinh thần bên trong tất cả Thiên Nhiên. Các khu vực của chìa khóa vật chất để có sức khỏe và hạnh phúc hiện đã được khám phá. Chúng là lòng nhân ái, lòng tốt với tất cả sinh vật sống, lòng nhân từ và lòng trắc ẩn đối với tất cả chúng sinh. Nói một cách đơn giản, chúng ngụ ý sự hài hòa trong hành động.

Four Reasons for Humaneness

Bốn Lý Do Cho Lòng Nhân Ái

Since the virtue of humaneness is of such supreme importance to the health and happiness of man, it merits close examination. Let us look at it together. There are at least four basic reasons for humaneness. The first is that by kindness alone can man ratify the fact of the unity of Life. The One Life has been described as a conscious, hyper-sensitive, electric, creative energy. All effects, pleasurable or painful, produced upon one living creature are communicated by this electric Life Force, *elan vital,* throughout the whole of manifested being. Cruelty to sentient Life in one form is cruelty to all, for Life is one. Injury even to a single being can have far-reaching effects, harm to one causing harm to all.

Vì đức tính nhân ái có tầm quan trọng tối cao đối với sức khỏe và hạnh phúc của con người, nên nó xứng đáng được xem xét kỹ lưỡng. Chúng ta hãy cùng nhau xem xét nó. Có ít nhất bốn lý do cơ bản cho lòng nhân ái. Lý do đầu tiên là chỉ bằng lòng tốt, con người mới có thể phê chuẩn sự thật về sự hợp nhất của Sự Sống. Sự Sống Duy Nhất đã được mô tả như một năng lượng sáng tạo, điện, siêu nhạy cảm, có ý thức. Tất cả các hiệu ứng, dễ chịu hoặc đau đớn, được tạo ra trên một sinh vật sống được truyền bởi Mãnh Lực Sự Sống điện này, sinh khí, trên toàn bộ hữu thể biểu hiện. Sự tàn ác đối với Sự Sống hữu tri trong một hình thức là sự tàn ác đối với tất cả, vì Sự Sống là một. Ngay cả tổn thương cho một sinh vật duy nhất cũng có thể có những tác động sâu rộng, gây hại cho một sinh vật gây hại cho tất cả.

The second reason for humaneness is that universal love is the highest possible ratification in conduct of the fact of unity. One must be humane for love's sake. All else is hate, darkness, disobedience, cosmic

Lý do thứ hai cho lòng nhân ái là tình thương phổ quát là sự phê chuẩn cao nhất có thể có trong hành vi về sự thật của sự hợp nhất. Người ta phải nhân ái vì tình thương. Tất cả những thứ khác là hận thù, bóng tối, bất

[122] Indentations, etc., in lock and key, designed to prevent other keys from working the lock.

must be humane for love's sake. All else is hate, darkness, disobedience, cosmic lawlessness.

Người ta phải nhân ái vì tình thương. Tất cả những thứ khác là hận thù, bóng tối, bất tuân, vô luật pháp vũ trụ.

The third reason for humaneness is that the health and the happiness of all sentient beings depend upon their mutual, humane relationship. We are all dependent upon one another for our well being, progress, fulfilment. Especially are all animals dependent upon man, being helpless before him.

Lý do thứ ba cho lòng nhân ái là sức khỏe và hạnh phúc của tất cả chúng sinh phụ thuộc vào mối quan hệ nhân ái, lẫn nhau của chúng. Tất cả chúng ta đều phụ thuộc vào nhau để có được hạnh phúc, tiến bộ, hoàn thành. Đặc biệt, tất cả động vật đều phụ thuộc vào con người, vì chúng bất lực trước y.

The fourth reason for humaneness is that, under the law of compensation, or cause and effect, man reaps as he sows. Cruelty inevitably brings suffering. Kindness most surely brings happiness. Thus, humaneness is necessary because Life is one, for love's sake, for happiness' sake and because we reap as we sow.

Lý do thứ tư cho lòng nhân ái là, theo định luật bù trừ, hay nhân quả, con người gặt hái những gì y gieo. Sự tàn ác chắc chắn mang lại đau khổ. Lòng tốt chắc chắn mang lại hạnh phúc. Do đó, lòng nhân ái là cần thiết vì Sự Sống là một, vì tình thương, vì hạnh phúc và vì chúng ta gặt hái những gì chúng ta gieo.

There can be no evasion, no permanent, scientific, self-protection from the results of the breaking of the laws of unity, harmony and love. There are no law-raid shelters. The whole vast product of the modern world's pharmacopoeia and medical practice cannot avail to protect mankind from the results of breaking the law of Life, the very law of being, which is LOVE.

Không thể có sự trốn tránh, không có sự tự bảo vệ khoa học, lâu dài khỏi những kết quả của việc phá vỡ các định luật về sự hợp nhất, hài hòa và tình thương. Không có nơi trú ẩn tránh luật pháp. Toàn bộ sản phẩm rộng lớn của dược điển và thực hành y học của thế giới hiện đại không thể bảo vệ nhân loại khỏi những kết quả của việc phá vỡ định luật Sự Sống, chính định luật của hữu thể, vốn là TÌNH THƯƠNG.

The Crusade for Kindliness

Cuộc Thập Tự Chinh Vì Lòng Tốt

The prevalent ill health of modern man demonstrates this principle of immutable and inevadable law conclusively. Fortunately, the Crusade for Kindness is growing in volume and power. It is a glorious rusade, for it has two objectives: to banish cruelty from the world and to lead mankind along the way to health and happiness. I repeat that, in addition to the wise conduct of life, humaneness, which is obedience to the law of love in thought, feeling, word and deed, is the only way to enduring physical health, as also

Sức khỏe kém phổ biến của con người hiện đại chứng minh nguyên tắc về định luật bất biến và không thể tránh khỏi này một cách thuyết phục. May mắn thay, Cuộc Thập Tự Chinh vì Lòng Tốt đang phát triển về quy mô và sức mạnh. Đó là một cuộc thập tự chinh vinh quang, vì nó có hai mục tiêu: loại bỏ sự tàn ác khỏi thế giới và dẫn dắt nhân loại trên con đường đến sức khỏe và hạnh phúc. Tôi xin nhắc lại rằng, ngoài cách sống khôn ngoan, lòng nhân ái, vốn là sự tuân theo định luật tình thương trong tư tưởng, cảm xúc, lời nói và

to lasting world peace.

hành động, là cách duy nhất để có được sức khỏe thể chất lâu dài, cũng như hòa bình thế giới lâu dài.

The New Zealand Vegetarian, Vol. 7, No. 1, March-May, 1953, p. 3

The New Zealand Vegetarian, Tập 7, Số 1, tháng 3-tháng 5 năm 1953, tr. 3

193

Five Rules for Health and Happiness—Năm Quy Tắc Cho Sức Khỏe và Hạnh Phúc

Cultivate a state of good will to all people; harmoniousness and harmlessness to all. These are the great preventatives against ill health.

Nuôi dưỡng một trạng thái thiện chí với tất cả mọi người; sự hài hòa và vô tổn hại cho tất cả. Đây là những biện pháp phòng ngừa tuyệt vời chống lại bệnh tật.

Develop a habit of happiness. The perfect lubricant for stiff joints is the oil of joy.

Phát triển thói quen hạnh phúc. Chất bôi trơn hoàn hảo cho các khớp cứng là dầu của niềm vui.

Do not nurse grievances. Deliberately forgive all who hurt you, as you hope to be forgiven by those you may have hurt.

Đừng nuôi dưỡng những bất bình. Cố ý tha thứ cho tất cả những ai làm tổn thương bạn, như bạn hy vọng được tha thứ bởi những người bạn có thể đã làm tổn thương.

Send out affection to all. As harmlessness prevents, so goodwill cures disease and suffering.

Gửi tình cảm đến tất cả. Vì vô tổn hại ngăn ngừa, nên thiện chí chữa lành bệnh tật và đau khổ.

Link up each day regularly with the Source of spiritual power and blessing within you.

Kết nối mỗi ngày thường xuyên với Nguồn sức mạnh và phước lành tinh thần bên trong bạn.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 1, 1968, p. 15

Theosophy in New Zealand, Tập 30, Số 1, 1968, tr. 15

194

Good Health—Some Basic Principles—Sức Khỏe Tốt—Một Số Nguyên Tắc Cơ Bản

How may health be defined? I suggest that health is a condition of hannonious unity of ideal, thought, feeling and conduct. When this unity and accord are attained and maintained,

Sức khỏe có thể được định nghĩa như thế nào? Tôi cho rằng sức khỏe là một trạng thái thống nhất hài hòa giữa lý tưởng, tư tưởng, cảm xúc và hành vi. Khi sự thống nhất và hòa hợp này

two basic laws are being obeyed. One is the law of harmony upon which, as equilibrium, the whole Universe is established, and the other is the law of compensation by which the whole Universe is ruled. When no natural law is violated, there can be no personal pain. When natural law is violated, suffering is inevitable. Moreover, the nature and the extent of the pain are always exactly appropriate to the degree of violation.

đạt được và duy trì, hai định luật cơ bản đang được tuân thủ. Một là định luật hài hòa mà trên đó, như sự cân bằng, toàn bộ Vũ Trụ được thiết lập, và hai là định luật bù trừ mà theo đó toàn bộ Vũ Trụ được cai trị. Khi không có định luật tự nhiên nào bị vi phạm, thì không thể có nỗi đau cá nhân nào. Khi định luật tự nhiên bị vi phạm, đau khổ là không thể tránh khỏi. Hơn nữa, bản chất và mức độ của nỗi đau luôn hoàn toàn phù hợp với mức độ vi phạm.

The application to the conduct of life of this knowledge and of obedience to these laws constitute the sole foundation upon which perfect health can be assured, perfect happiness maintained, and both, when they are lost, completely restored. Successful final healing of the sick depends upon a return to harmony and to obedience to natural laws.

Việc áp dụng kiến thức này vào cách sống và tuân theo các định luật này tạo thành nền tảng duy nhất mà trên đó có thể đảm bảo sức khỏe hoàn hảo, duy trì hạnh phúc hoàn hảo và cả hai, khi chúng bị mất, được phục hồi hoàn toàn. Sự chữa lành cuối cùng thành công cho người bệnh phụ thuộc vào sự trở lại hài hòa và tuân theo các định luật tự nhiên.

Health may also be defined as the result of harmonious interplay between the forces of spirit and of mind on the one hand and those of body and emotion on the other. From above or within, spiritual and mental forces and impulses play downwards into the outer man. From below, physical and emotional impulses both respond to and modify those descending from above. The hannonious interplay of these two, the mento-spiritual and the physico-emotional is essential to health.

Sức khỏe cũng có thể được định nghĩa là kết quả của sự tương tác hài hòa giữa các mãnh lực của tinh thần và thể trí một mặt và các mãnh lực của thể xác và cảm xúc mặt khác. Từ trên cao hoặc bên trong, các mãnh lực và xung lực tinh thần và trí tuệ tác động xuống con người bên ngoài. Từ bên dưới, các xung lực thể chất và cảm xúc vừa đáp ứng vừa điều chỉnh những xung lực đi xuống từ trên cao. Sự tương tác hài hòa của hai điều này, tinh thần-trí tuệ và thể chất-cảm xúc là điều cần thiết cho sức khỏe.

Health therefore is almost entirely a matter of ethics, of the mental, emotional and physical conduct of life. This is a fact which is ignored by modern medical science, except that psychology and psychiatry, as branches of medical science and therapeutic aids, are demonstrating that mental, emotional and physical harmony and right self-expression are essential to the recovery and maintenance of perfect health.

Do đó, sức khỏe gần như hoàn toàn là một vấn đề đạo đức, về hành vi trí tuệ, cảm xúc và thể chất của cuộc sống. Đây là một sự thật bị khoa học y học hiện đại bỏ qua, ngoại trừ việc tâm lý học và tâm thần học, như các nhánh của khoa học y học và các trợ giúp điều trị, đang chứng minh rằng sự hài hòa về trí tuệ, cảm xúc và thể chất và sự tự thể hiện đúng đắn là điều cần thiết để phục hồi và duy trì sức khỏe hoàn hảo.

The Inner Spiritual Self of man continually

Bản Ngã Tinh Thần Bên Trong của con người

transmits Spiritualizing impulses. The mind receives and relays them. The man in his physical body receives and in varying degrees manifests and ratifies them. The degree of such ratification decides the degree of happiness and health. Similarly the degree in which they are ignored or violated determines the extent of unhappiness and ill health. Where the harmonies are preserved, health is assured. Discord within will in time produce disease without.

liên tục truyền tải các xung lực Linh hóa. Thể trí tiếp nhận và chuyển tiếp chúng. Con người trong thể xác của y tiếp nhận và ở các mức độ khác nhau biểu hiện và phê chuẩn chúng. Mức độ phê chuẩn như vậy quyết định mức độ hạnh phúc và sức khỏe. Tương tự, mức độ mà chúng bị bỏ qua hoặc vi phạm sẽ xác định mức độ bất hạnh và bệnh tật. Nơi nào sự hài hòa được bảo tồn, sức khỏe được đảm bảo. Sự bất hòa bên trong sẽ theo thời gian tạo ra bệnh tật bên ngoài.

This must be so. For man is not a mere body alone. Man is a threefold being of spirit, intelligence and body. Moreover, this power-unit grows increasingly sensitive as evolution proceeds. The nervous and psychic balance and responsiveness of civilized humanity grow continually more delicate. In consequence, violation of basic law produces a greater disturbance in advanced than in primitive man, brings a more keenly felt pain to modern man than to men of earlier races.

Điều này phải như vậy. Vì con người không chỉ là một thể xác đơn thuần. Con người là một hữu thể tam phân gồm tinh thần, trí tuệ và thể xác. Hơn nữa, đơn vị quyền năng này ngày càng trở nên nhạy cảm hơn khi quá trình tiến hóa diễn ra. Sự cân bằng và khả năng đáp ứng về thần kinh và tâm linh của nhân loại văn minh ngày càng trở nên tinh tế hơn. Do đó, việc vi phạm định luật cơ bản tạo ra sự xáo trộn lớn hơn ở người tiến bộ so với người nguyên thủy, mang lại nỗi đau sâu sắc hơn cho con người hiện đại so với con người của các chủng tộc trước đây.

What, then, is the message which the Spiritual Self of man transmits, the mind receives and the body must ratify? If it were possible to ascend, as it is possible, to a state of spiritual consciousness and view the universe with the eyes of the Spirit, what would be seen? If with the ears of the Spirit the song of life could be heard, what would be its theme? The answer to these two questions is one and the same. In a phrase it is: **'LIFE IS ONE'.** One Life, One Light, One Power, One Love—that is the central spiritual tmth in realization of which the Inner Self of man perpetually abides.

Vậy thì, thông điệp mà Bản Ngã Tinh Thần của con người truyền tải, thể trí tiếp nhận và thể xác phải phê chuẩn là gì? Nếu có thể thăng lên, như có thể, đến một trạng thái tâm thức tinh thần và nhìn vũ trụ bằng đôi mắt của Tinh Thần, thì điều gì sẽ được nhìn thấy? Nếu bằng đôi tai của Tinh Thần, bài ca của sự sống có thể được nghe thấy, thì chủ đề của nó sẽ là gì? Câu trả lời cho hai câu hỏi này là một và giống nhau. Trong một cụm từ, đó là: 'SỰ SỐNG LÀ MỘT'. Một Sự Sống, Một Ánh Sáng, Một Quyền Năng, Một Tình Thương—đó là sự thật tinh thần trung tâm mà trong đó Bản Ngã Bên Trong của con người vĩnh viễn tồn tại.

Unity is the message which the Spiritual Self continually transmits to the lower man through the medium of the mind. In the

Sự hợp nhất là thông điệp mà Bản Ngã Tinh Thần liên tục truyền đến phàm nhân thông qua môi giới của thể trí. Ở người man rợ, thông

savage, the message is scarcely heard and only ratified as an instinct of tribal and family unity. In the self-centredness of material minded man, unity and love are still denied. 'Each for himself and the devil take the hind-most' is his guiding principle. Individuals, groups, and even nations, when threatened by a common danger, still show themselves capable of acting as self-centred units, with little or no regard for the welfare of their fellow men, not to mention the animal kingdom of nature. The result is clear to every eye. The large majority of human beings are prone to ill health. The chaos, ruin and disease in the world are the direct results of man's ignorance and denial of the truth that life is one.

điệp hầu như không được nghe thấy và chỉ được phê chuẩn như một bản năng về sự hợp nhất của bộ lạc và gia đình. Trong sự vị kỷ của con người có đầu óc vật chất, sự hợp nhất và tình thương vẫn bị phủ nhận. 'Mỗi người vì mình và ma quỷ bắt kẻ chậm chân nhất' là nguyên tắc chỉ đạo của y. Các cá nhân, nhóm và thậm chí cả các quốc gia, khi bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm chung, vẫn cho thấy mình có khả năng hành động như những đơn vị vị kỷ, ít hoặc không quan tâm đến phúc lợi của đồng loại, chưa kể đến giới động vật của thiên nhiên. Kết quả là rõ ràng với mọi con mắt. Phần lớn con người dễ mắc bệnh. Sự hỗn loạn, tàn phá và bệnh tật trên thế giới là kết quả trực tiếp từ sự thiếu hiểu biết và phủ nhận sự thật rằng sự sống là một của con người.

Is the situation hopeless, then? Is there no cure for frightened, disease ridden humanity? There is hope and there is a cure. Man is gradually evolving. For an increasing numbers the Inner Voice grows stronger, more insistent, calling: **'ONE LIFE'.** Eventually, mind answers and brain and body fulfil. Kindness to fellow men and humaneness to animals then increase. Charity is extended. Love grows deeper, less selfish, more universal. Health and happiness correspondingly increase. Ultimately, the message of the unity of life is recognized as a Divine Instruction, an impelling summons, becomes an irresistible command. Mind assents. Brain fully responds. Conduct squares with conscience. Humaneness becomes the gospel of life. Charity bums as a flame in the heart. Self-interest is lost in selflessness. Then, at last, the secret of perfect health, radiant vitality and inward happiness has been discovered. Recognition of unity is the individual and racial panacea.

Vậy thì tình hình có vô vọng không? Có phương thuốc nào cho nhân loại đang sợ hãi, đầy bệnh tật không? Có hy vọng và có một phương thuốc. Con người đang dần tiến hóa. Đối với số lượng người ngày càng tăng, Tiếng Nói Bên Trong ngày càng mạnh mẽ hơn, khăng khăng hơn, kêu gọi: 'MỘT SỰ SỐNG'. Cuối cùng, thể trí đáp lại và bộ não cùng thể xác hoàn thành. Lòng tốt với đồng loại và lòng nhân ái với động vật sau đó tăng lên. Lòng bác ái được mở rộng. Tình thương trở nên sâu sắc hơn, bớt ích kỷ hơn, phổ quát hơn. Sức khỏe và hạnh phúc theo đó tăng lên. Cuối cùng, thông điệp về sự hợp nhất của sự sống được công nhận là một Chỉ Dẫn Thiêng Liêng, một lời triệu tập thôi thúc, trở thành một mệnh lệnh không thể cưỡng lại. Thể trí đồng ý. Bộ não đáp ứng đầy đủ. Hành vi phù hợp với lương tâm. Lòng nhân ái trở thành phúc âm của sự sống. Lòng bác ái bùng cháy như ngọn lửa trong tim. Tư lợi bị mất đi trong sự vị tha. Rồi, cuối cùng, bí mật của sức khỏe hoàn hảo, sinh lực rạng rỡ và hạnh phúc nội tâm đã được khám phá. Sự công nhận về sự hợp nhất là phương thuốc toàn cá nhân và chủng tộc.

What is found when recognition of unity is applied as a test of the mode of life of modern man? Unfortunately, continual disobedience and denial. What forms do the denial of the unity of life most commonly take? The answer is all too plain. In a word it is cruelty. A marked characteristic of modern man is cruelty to man and cruelty to beast. The former is beyond question. Man's inhumanity to man is proverbial. The prisons of the world and the annual reports of societies for the prevention of cruelty to women and children provide convincing proof. Man's exploitation and murder of the animal is long continued and world wide, as annual reports of animal protection societies continually demonstrate. Man is by far the greatest enemy which the animal kingdom has to fear. For pleasure, for food, for adornment, for health, as he thinks, man deliberately and systematically practices the slaughter of animals.

Điều gì được tìm thấy khi sự công nhận về sự hợp nhất được áp dụng như một bài kiểm tra về phương thức sống của con người hiện đại? Thật không may, sự bất tuân và phủ nhận liên tục. Những hình thức nào mà sự phủ nhận sự hợp nhất của sự sống thường thấy nhất? Câu trả lời quá rõ ràng. Trong một từ, đó là sự tàn ác. Một đặc điểm nổi bật của con người hiện đại là sự tàn ác với con người và sự tàn ác với thú vật. Điều trước đây là điều không cần bàn cãi. Sự vô nhân đạo của con người đối với con người đã trở thành tục ngữ. Các nhà tù trên thế giới và các báo cáo hàng năm của các hiệp hội phòng chống sự tàn ác đối với phụ nữ và trẻ em cung cấp bằng chứng thuyết phục. Việc con người khai thác và sát hại động vật đã diễn ra từ lâu và trên toàn thế giới, như các báo cáo hàng năm của các hiệp hội bảo vệ động vật liên tục chứng minh. Con người là kẻ thù lớn nhất mà giới động vật phải sợ hãi. Vì niềm vui, vì thức ăn, vì trang sức, vì sức khỏe, như y nghĩ, con người cố ý và có hệ thống thực hành tàn sát động vật.

Three reasons have been advanced for a well chosen vegetarian dietary. Physically it meets every bodily need, is indicated by anatomy, and does not poison the body. Morally, it is humane and free from blood guilt. Spiritually, being humane, it is in harmony with the fact of the Unity of Life and the Law of Universal Love. A fourth reason is that from the results of the denial of this fact and the breaking of this law there can be no evasion, no permanent scientific self-protection. There are no fact-raid shelters. Neither are there any law-raid shelters. The whole vast product of the modern world's pharmacopoeia and medical practice cannot avail to protect mankind from the results of the violation of the law of life, the law of love, the very law of being. The greatly improved health in the war period of the people of Britain, despite war strain, on a diet in which the consumption of

Ba lý do đã được đưa ra cho một chế độ ăn chay được lựa chọn kỹ càng. Về mặt thể chất, nó đáp ứng mọi nhu cầu của cơ thể, được giải phẫu học chỉ ra và không gây độc cho cơ thể. Về mặt đạo đức, nó nhân đạo và không vướng vào tội lỗi đổ máu. Về mặt tinh thần, vì nhân đạo, nó hòa hợp với sự thật về Tính Thống Nhất của Sự Sống và Định luật Tình Thương Vũ Trụ. Lý do thứ tư là từ những kết quả của việc phủ nhận sự thật này và phá vỡ định luật này, không thể có sự trốn tránh, không có sự tự bảo vệ khoa học vĩnh viễn. Không có những hầm trú ẩn khỏi sự thật. Cũng không có những hầm trú ẩn khỏi định luật. Toàn bộ sản phẩm rộng lớn của dược điển và thực hành y học của thế giới hiện đại không thể giúp bảo vệ nhân loại khỏi những kết quả của việc vi phạm định luật sự sống, định luật tình thương, chính định luật của sự tồn tại. Sức khỏe được cải thiện đáng kể trong thời kỳ chiến tranh của người dân Anh,

meat was greatly reduced, demonstrates the harm done by meat eating.

bất chấp căng thẳng chiến tranh, với chế độ ăn uống mà lượng tiêu thụ thịt giảm đi rất nhiều, đã chứng minh tác hại do việc ăn thịt gây ra.

I repeat that humaneness which is obedience to the law of love, in thought, feeling, word and deed is the only way to enduring physical health as also to lasting world peace.

Tôi xin nhắc lại rằng lòng nhân đạo vốn là sự tuân thủ định luật tình thương, trong suy nghĩ, cảm xúc, lời nói và hành động là cách duy nhất để có sức khỏe thể chất lâu dài cũng như hòa bình thế giới bền vững.

The Theosophist, Vol. 67, May 1946, p. 125

The Theosophist, Vol. 67, May 1946, p. 125

195

Healing Prayer—Lời Nguyện Chữa Lành

I

I

Sacred fountain of life, source of all being. Preserver and sustainer of all worlds, we offer up our souls to Thee, to serve as spiritual chalices, into which thy sustaining life may flow.

Suối nguồn thiêng liêng của sự sống, nguồn gốc của mọi sự tồn tại. Đấng Bảo Tồn và Duy Trì tất cả thế giới, chúng ta dâng linh hồn mình lên Ngài, để phụng sự như những chén thánh tinh thần, để sự sống duy trì của Ngài có thể chảy vào.

In the name of Thy great sacrifice in which Thou pourest forth Thy life that we may live, we sacrifice all that would make us unworthy channels of Thy blessing to the world. Fill now the chalice of our souls with heavenly wine, that we may become Thy ministers in that solemn eucharist which Thou dost continually perform.

Nhân danh sự hy sinh vĩ đại của Ngài, trong đó Ngài tuôn đổ sự sống của Ngài để chúng ta có thể sống, chúng ta hy sinh tất cả những gì khiến chúng ta trở thành những kênh dẫn không xứng đáng cho ân phước của Ngài đến thế giới. Giờ đây, hãy lấp đầy chén thánh linh hồn chúng ta bằng rượu thiên đàng, để chúng ta có thể trở thành những người phụng sự của Ngài trong bí tích thánh thể trang trọng mà Ngài liên tục thực hiện.

We accept the decrees of Thy wisdom, we throw open wide the doors of our souls that Thy life may enter in. We acknowledge Thy rule and bow submissively before it's wise decrees. We accept with equal readiness pleasure and pain. We affirm our unity with Thee, and know that Thou canst make us whole.

Chúng con chấp nhận những sắc lệnh từ sự minh triết của Ngài, chúng con mở rộng cánh cửa linh hồn để sự sống của Ngài có thể đi vào. Chúng con thừa nhận sự cai trị của Ngài và cúi đầu phục tùng trước những sắc lệnh khôn ngoan của nó. Chúng con sẵn sàng chấp nhận cả niềm vui và nỗi đau. Chúng con khẳng định sự hợp nhất của chúng con với Ngài, và biết rằng Ngài có thể chữa lành chúng con.

We invoke Thine angels to aid us in our task of self attunement. May they assist us to remove the grossness and impurity, the selfishness and pride which in our blindness we have allowed to close our eyes to Thee.

Chúng con khẩn cầu Các Thiên Thần của Ngài giúp chúng con trong nhiệm vụ tự điều chỉnh. Xin Các Ngài giúp chúng con loại bỏ sự thô thiển và ô uế, sự ích kỷ và kiêu ngạo mà trong sự mù quáng của mình, chúng con đã cho phép che mắt chúng con khỏi Ngài.

In complete renunciation of the lower self we invoke Thy healing life and Thine angels' aid that, being healed, we may become the channels of Thy healing and of Thy love to all who suffer in these lower worlds.

Trong sự từ bỏ hoàn toàn phàm ngã, chúng con khẩn cầu sự sống chữa lành của Ngài và sự giúp đỡ của Các Thiên Thần của Ngài, để khi được chữa lành, chúng con có thể trở thành những kênh dẫn sự chữa lành của Ngài và tình thương của Ngài đến tất cả những ai đau khổ trong những cõi thấp này.

II

II

HAIL! angels of healing, come to our aid. Pour forth your mighty power upon this suffering one. Utter the Master word. Sound forth the Master note, shine resplendent with the Master colour. Release your divine energy that his bodies may be strengthened, purified and harmonized. Awaken the powers sleeping within his soul that he may drink of the healing wine for which he is athirst. Deliver him from pain. Relieve his tortured senses and restore the flow of his own vital energies. Purify, attune, soothe and vitalize him that by your aid and according to the will of God he may be restored to perfect health.

KÍNH CHÀO! Các thiên thần chữa lành, hãy đến giúp chúng ta. Hãy tuôn đổ sức mạnh vĩ đại của Các Ngài lên người đang đau khổ này. Hãy thốt ra Linh từ của Chân sư. Hãy xướng lên âm điệu của Chân sư, hãy chiếu sáng rực rỡ với màu sắc của Chân sư. Giải phóng năng lượng thiêng liêng của Các Ngài để các thể của y có thể được củng cố, thanh lọc và hài hòa. Đánh thức những sức mạnh đang ngủ yên trong linh hồn y để y có thể uống rượu chữa lành mà y đang khao khát. Giải thoát y khỏi đau đớn. Làm dịu các giác quan đau khổ của y và phục hồi dòng chảy năng lượng sinh mệnh của chính y. Thanh lọc, điều chỉnh, xoa dịu và tiếp sinh lực cho y để nhờ sự giúp đỡ của Các Ngài và theo ý chí của Thượng đế, y có thể được phục hồi sức khỏe hoàn hảo.

The Theosophist, Vol. 50, December 1928, p. 287

The Theosophist, Vol. 50, December 1928, p. 287

196—

Notes On Occult Healing—Ghi Chú Về Trị Liệu Huyền Môn

(Replying to questions put by doctors as to whether (a) there is any possibility of correcting a malformation in the foetus, and

(Trả lời các câu hỏi của các bác sĩ về việc (a) có khả năng điều chỉnh một dị tật ở bào thai hay không, và (b) dị tật đó là do nghiệp quả, và

(b) such malformation being karmic, and given to help the individual to learn some lesson, would the mother have any power to change it? Mr Hodson gave it as his opinion that:)

được ban cho để giúp cá nhân học được một bài học nào đó, thì người mẹ có quyền thay đổi nó không? Ông Hodson đưa ra ý kiến của Ông rằng:)

Such correction might be made by spiritual or occult means, but hardly by the average mother. Spiritual and occult healing is partly done by tapping the descending stream of the life of the individual and tuning it again, mending the broken rhythm before it strikes the physical. The mother can increase or decrease the disharmony by her attitude of mind, and by the experiences, psychical and physical, through which she passes. Just there is an enormous field of work, for this study shows the supreme importance of prenatal prophylaxis.

Sự điều chỉnh như vậy có thể được thực hiện bằng các phương tiện tinh thần hoặc huyền bí, nhưng khó có thể thực hiện được bởi một người mẹ bình thường. Việc chữa lành bằng tinh thần và huyền bí một phần được thực hiện bằng cách khai thác dòng chảy đi xuống của sự sống của cá nhân và điều chỉnh lại nó, sửa chữa nhịp điệu bị phá vỡ trước khi nó tác động đến thể xác. Người mẹ có thể làm tăng hoặc giảm sự bất hòa bằng thái độ thể trí của mình, và bằng những trải nghiệm, tâm linh và thể chất mà Bà trải qua. Chính ở đó có một lĩnh vực làm việc rộng lớn, vì nghiên cứu này cho thấy tầm quan trọng tối cao của việc phòng ngừa trước khi sinh.

The mother's mind and emotions, which play a very important part, should be harmonized and released from all possible strain and anxiety. Of course, the expectant mother should above all things be happy and free. With this terrible monster of modern civilization, with the slums, the tenements, and the great social difficulties under which children are born, these things are at present almost impossible. Ideally every mother should be surrounded with beauty and harmony. As soon as the child is old enough, there should be a vibratory examination and correction made to help to eliminate, latent diseases. Certainly, the mother can do a great deal, and the community and the medical profession can do more, but the spiritual constitution of man, the purpose of his existence, the Law of Cause and Effect and the life and consciousness side of existence must first be recognized.

Thể trí và cảm xúc của người mẹ, vốn đóng một vai trò rất quan trọng, nên được hài hòa và giải phóng khỏi mọi căng thẳng và lo lắng có thể xảy ra. Tất nhiên, người mẹ tương lai trên hết phải hạnh phúc và tự do. Với con quái vật khủng khiếp của nền văn minh hiện đại này, với những khu ổ chuột, những khu nhà cho thuê và những khó khăn xã hội lớn mà trẻ em được sinh ra, những điều này hiện tại gần như là không thể. Về mặt lý tưởng, mọi người mẹ nên được bao quanh bởi vẻ đẹp và sự hài hòa. Ngay sau khi đứa trẻ đủ lớn, nên thực hiện kiểm tra và điều chỉnh rung động để giúp loại bỏ các bệnh tiềm ẩn. Chắc chắn, người mẹ có thể làm được rất nhiều, và cộng đồng và giới y học có thể làm được nhiều hơn, nhưng trước tiên phải nhận ra cấu trúc tinh thần của con người, mục đích tồn tại của y, Định luật Nhân Quả và khía cạnh sự sống và tâm thức của sự tồn tại.

With regard to (b) he said:

If we look at the matter from the point of view of the consciousness of the incarnating individual, it is not altogether a question of the person learning a lesson in his brain. In prenatal life that is obviously impossible. The Ego, that is, the immortal principle in each one of us, does know, because it has subsisted through various past lives, the products of which are preserved within it, as also is the full memory of them. That watching consciousness of the Higher Self reaches us as conscience, through which the Ego is trying its best to get this knowledge expressed through the physical body as conduct.

The Personality is, however, very wayward; the mind, the emotions, and the body take unto themselves a kind of self-conscious life, partially out of control of the Ego. In the early stages of human evolution, the Ego cannot handle the Personality well enough and so it strays off and experiments with its growing powers. In experimenting it breaks some laws and in return, suffers in the Personality, thus eventually learning a lesson. We are all at various stages of the learning of a lesson. Some people may almost have learnt the lesson of a particular complaint and only need a little impulse in a certain direction to straighten them out as it were. That is what happens in sudden healings.

People come to me for help sometimes and are healed while they are with me or shortly after; and that is not due so much to any personal virtue or even action of mine but occurs because the Ego has already thoroughly learned the lesson and there is only a little bit of disharmony waiting to be corrected. The Personality confesses its errors, thereby opening itself up to the Higher Self. 1 am sure

Liên quan đến (b), Ông nói:

Nếu chúng ta nhìn vào vấn đề từ quan điểm tâm thức của cá nhân đang hóa thân, thì đó không hoàn toàn là vấn đề người đó học một bài học trong bộ não của mình. Trong cuộc sống trước khi sinh, điều đó rõ ràng là không thể. Chân ngã, tức là nguyên lý bất tử trong mỗi chúng ta, biết rõ, vì nó đã tồn tại qua nhiều kiếp sống khác nhau trong quá khứ, những sản phẩm của những kiếp sống đó được lưu giữ bên trong nó, cũng như toàn bộ ký ức về chúng. Tâm thức quan sát đó của Chân Ngã đến với chúng ta như lương tâm, thông qua đó Chân ngã đang cố gắng hết sức để thể hiện kiến thức này thông qua thể xác như hành vi.

Tuy nhiên, phàm ngã rất ương bướng; thể trí, cảm xúc và thể xác tự mang lấy một loại sự sống tự ý thức, một phần nằm ngoài sự kiểm soát của Chân ngã. Trong giai đoạn đầu của quá trình tiến hóa của con người, Chân ngã không thể xử lý phàm ngã đủ tốt và vì vậy nó đi lạc và thử nghiệm với những sức mạnh đang phát triển của mình. Trong quá trình thử nghiệm, nó phá vỡ một số định luật và đổi lại, phải chịu đựng trong phàm ngã, do đó cuối cùng học được một bài học. Tất cả chúng ta đều đang ở các giai đoạn khác nhau của việc học một bài học. Một số người có thể gần như đã học được bài học về một căn bệnh cụ thể và chỉ cần một chút xung lực theo một hướng nhất định để chỉnh sửa họ. Đó là những gì xảy ra trong những lần chữa lành đột ngột.

Đôi khi mọi người đến tìm tôi để được giúp đỡ và được chữa lành khi họ ở với tôi hoặc ngay sau đó; và điều đó không phải do bất kỳ đức tính cá nhân nào hay thậm chí là hành động của tôi mà xảy ra vì Chân ngã đã học kỹ bài học và chỉ còn một chút bất hòa đang chờ được điều chỉnh. Phàm ngã thú nhận những sai lầm của mình, do đó mở ra cho Chân Ngã. Tôi chắc chắn rằng hầu hết các bạn, nếu không phải tất

most of you, if not all of you here, have had that same experience. A little help from you was enough to straighten out the difficulty in consciousness; the Ego takes advantage of your help and the patient quickly recovers. The more consciously we give such inward help to our patients the more efficacious we become in this part of the work. The influence of the expectant mother's thoughts, feelings, and actions will help in a similar way to modify, for better or worse, and even neutralize the adverse karma of her unborn child.

cả các bạn ở đây, đều đã có trải nghiệm tương tự. Một chút giúp đỡ từ bạn là đủ để giải quyết khó khăn trong tâm thức; Chân ngã tận dụng sự giúp đỡ của bạn và bệnh nhân nhanh chóng hồi phục. Chúng ta càng ý thức cho đi sự giúp đỡ nội tâm như vậy cho bệnh nhân của mình, chúng ta càng trở nên hiệu quả hơn trong phần việc này. Ảnh hưởng từ những suy nghĩ, cảm xúc và hành động của người mẹ tương lai sẽ giúp theo một cách tương tự để sửa đổi, tốt hơn hoặc xấu đi, và thậm chí vô hiệu hóa nghiệp quả bất lợi của đứa con chưa sinh của Bà.

(Asked by another doctor if he could recognize idiocy in intrauterine life, Mr Hodson replied:)

(Được một bác sĩ khác hỏi liệu Ông có thể nhận ra chứng đần độn trong cuộc sống trong tử cung hay không, Ông Hodson trả lời:)

Yes, there are two main causes of idiocy, from this point of view. One is an actual malformation of the cerebro-spinal system, a failure in growth. The other is a maladjustment of the superphysical and physical mechanism of consciousness. This mechanism has as its physical end the cerebro-spinal system, I am talking now of waking consciousness, not the subconscious, with its mechanism of the sympathetic nervous system, though that may be also involved. The pineal and pituitary glands, the third ventricle of the brain, the brain itself, and the spinal cord, form the most important physical parts of the mechanism. There is an etheric counterpart of that and certain corresponding force-centres in the Etheric Double. There are seven force-centres in all, each one in relationship with one of the glands and nerve centres. Seven are in the Etheric Double, seven in the emotional body, and seven in the mental. These three sets of seven must be in perfect adjustment with each other, and with the glands, and nerve centres concerned; this adjustment is very delicate indeed. Maladjustment there is a cause of

Vâng, có hai nguyên nhân chính gây ra chứng đần độn, từ quan điểm này. Một là một dị tật thực tế của hệ thống não tủy, một sự thất bại trong tăng trưởng. Hai là sự điều chỉnh sai lệch của cơ chế tâm thức siêu vật chất và thể xác. Cơ chế này có đầu thể xác là hệ thống não tủy, bây giờ tôi đang nói về tâm thức thức tỉnh, không phải tiềm thức, với cơ chế của hệ thần kinh giao cảm, mặc dù điều đó cũng có thể liên quan. Tuyến tùng và tuyến yên, não thất ba của não, bản thân bộ não và tủy sống, tạo thành những phần thể xác quan trọng nhất của cơ chế. Có một đối phần dĩ thái của điều đó và các trung tâm năng lượng tương ứng nhất định trong Thể Dĩ Thái. Có tất cả bảy trung tâm năng lượng, mỗi trung tâm có mối quan hệ với một trong các tuyến và trung tâm thần kinh. Bảy trung tâm nằm trong Thể Dĩ Thái, bảy trung tâm nằm trong thể cảm dục và bảy trung tâm nằm trong thể trí. Ba bộ bảy này phải được điều chỉnh hoàn hảo với nhau, và với các tuyến và trung tâm thần kinh liên quan; sự điều chỉnh này thực sự rất tinh tế. Sự điều chỉnh sai lệch ở đó là một nguyên nhân gây ra chứng đần độn, đặc biệt khi khám nghiệm tử thi không phát hiện ra tình trạng

idiocy, especially when autopsy reveals no physical condition.

thể chất nào.

Both malformation and maladjustments can be discerned clairvoyantly in the embryo in the later months. I have sometimes been called in to cases of newly born children where there have been abnormalities, such as refusal to take food. I have frequently found the cause to be maladjustment of these centres, and sometimes have been able to help with the correction. In the case of glandular disturbances the chain of cause and effect is first a transgression, a misuse of the force typical of that associated with the force centre and gland concerned, then an injury to the delicate superphysical mechanism, causing vitiation of the life-force streaming through it; this affects the enzymes, and through them the cells, and that in its turn affects the glands and their secretions. It is a very subtle process. I do not pretend completely to understand it all myself, but am sure that consciousness, not form or mechanics, is the key.

Cả dị tật và sự điều chỉnh sai lệch đều có thể được phân biệt bằng thông nhãn trong phôi thai trong những tháng sau đó. Đôi khi tôi đã được gọi đến những trường hợp trẻ sơ sinh có những bất thường, chẳng hạn như từ chối ăn. Tôi thường thấy nguyên nhân là do sự điều chỉnh sai lệch của các trung tâm này, và đôi khi đã có thể giúp điều chỉnh. Trong trường hợp rối loạn tuyến, chuỗi nhân quả trước tiên là một sự vi phạm, một sự lạm dụng lực điển hình của lực liên quan đến trung tâm năng lượng và tuyến liên quan, sau đó là một tổn thương đối với cơ chế siêu vật chất tinh tế, gây ra sự làm suy yếu của sinh lực chảy qua nó; điều này ảnh hưởng đến các enzym, và thông qua chúng là các tế bào, và điều đó đến lượt nó ảnh hưởng đến các tuyến và các chất tiết của chúng. Đó là một quá trình rất tinh tế. Tôi không giả vờ hiểu hoàn toàn tất cả, nhưng tôi chắc chắn rằng tâm thức, không phải hình tướng hay cơ học, là chìa khóa.

With regard to the practical value of all this, I have just had an interesting case of a man who has been examined by a considerable number of doctors, all of whom failed to explain his condition, which is bronchial asthma and a mysterious tendency to nervous breakdown, and prostration. Last week be had the tests made of blood, urine, and the contents of the stomach; fluorscope and X-ray, investigations were also made and every single one of these was negative. Not from any one of them could be found anything to explain why this man was suffering from periodic nervous breakdowns. He came to me as a medical poser.

Liên quan đến giá trị thực tế của tất cả những điều này, tôi vừa có một trường hợp thú vị về một người đàn ông đã được một số lượng lớn bác sĩ khám, tất cả đều không giải thích được tình trạng của y, đó là bệnh hen phế quản và một khuynh hướng bí ẩn dẫn đến suy nhược thần kinh và suy sụp. Tuần trước, y đã thực hiện các xét nghiệm máu, nước tiểu và các chất chứa trong dạ dày; soi huỳnh quang và chụp X-quang, các cuộc điều tra cũng đã được thực hiện và mọi thứ đều âm tính. Không ai trong số họ có thể tìm thấy bất cứ điều gì để giải thích tại sao người đàn ông này lại bị suy nhược thần kinh định kỳ. Y đến với tôi như một câu đố y học.

Examination of his Etheric Double, that is the principle in which vitality is stored and distributed, showed that it was worn out,

Kiểm tra Thể Dĩ Thái của y, đó là nguyên lý mà trong đó sinh lực được lưu trữ và phân phối, cho thấy rằng nó đã bị mòn, mỏng và gần như

thin, and almost incapable of vital response. His vitality was escaping as fast as he received it. Before the cells had time to receive the charge of vital force, it slipped away. The history of the case showed that during the war he was doing the work of four or five men, working night and day. He did this for some two years until he brought on a very serious nervous breakdown from which his later trouble developed.

không có khả năng đáp ứng sinh lực. Sinh lực của y thoát ra nhanh như khi y nhận được nó. Trước khi các tế bào có thời gian nhận được điện tích sinh lực, nó đã trượt đi. Tiền sử bệnh cho thấy rằng trong chiến tranh, y đã làm công việc của bốn hoặc năm người, làm việc cả ngày lẫn đêm. Y đã làm điều này trong khoảng hai năm cho đến khi y bị suy nhược thần kinh rất nghiêm trọng, từ đó các rắc rối sau này của y phát triển.

There is to the Etheric Double a skin which has certain properties: one resembles that of an electrical and vital insulator. This skin retains forces until the cells and tissues have received their necessary charge of such energies. The other is to keep out invading poisons and influences; in health that skin is complete and perfect. This man's etheric skin was broken down, and the edge of the Etheric Double was misty, unformed, so that all his forces were continually escaping. Medical care had increased the difficulty by a continual whipping up of the nerves and Etheric Double by strong tonics, drugs, and treatments of various kinds; these were further wearing out the Etheric Double, which was the worst possible thing to do.

Đối với Thể Dĩ Thái có một lớp da có những đặc tính nhất định: một đặc tính giống với chất cách điện điện và sinh lực. Lớp da này giữ lại các lực cho đến khi các tế bào và mô nhận được điện tích cần thiết của các năng lượng đó. Đặc tính còn lại là ngăn chặn các chất độc và ảnh hưởng xâm nhập; khi khỏe mạnh, lớp da đó hoàn chỉnh và hoàn hảo. Lớp da dĩ thái của người đàn ông này đã bị phá vỡ, và mép của Thể Dĩ Thái thì mờ ảo, không thành hình, vì vậy tất cả các lực của y liên tục thoát ra ngoài. Chăm sóc y tế đã làm tăng thêm khó khăn bằng cách liên tục kích thích các dây thần kinh và Thể Dĩ Thái bằng các loại thuốc bổ mạnh, thuốc men và các phương pháp điều trị khác nhau; những điều này càng làm mòn Thể Dĩ Thái, đó là điều tồi tệ nhất có thể làm.

One of the best ways to replenish the etheric skin and build up the Etheric Double is to rest, to take sun baths in which the rays of the sun fall direct on to the physical skin; and by rays I do not mean only ultra-violet, but those of the sun itself, some of which have not yet been discovered physically. Another way is through deep diaphragmatic breathing, done as an exercise. Then again, vital foods, careful dieting, selecting all the vital foods which can be assimilated, spinal adjustments, massage, regular exercise and sleep, and freedom from worry, all play their parts in building up the vital functions of the body. During these processes the patient must rest.

Một trong những cách tốt nhất để bổ sung lớp da dĩ thái và xây dựng Thể Dĩ Thái là nghỉ ngơi, tắm nắng trong đó các tia nắng mặt trời chiếu trực tiếp lên da thể xác; và bằng các tia, tôi không chỉ có nghĩa là tia cực tím, mà là các tia của chính mặt trời, một số trong số đó vẫn chưa được khám phá về mặt thể chất. Một cách khác là thông qua hít thở sâu bằng cơ hoành, được thực hiện như một bài tập. Sau đó, một lần nữa, thực phẩm giàu sinh lực, chế độ ăn uống cẩn thận, lựa chọn tất cả các loại thực phẩm giàu sinh lực có thể được đồng hóa, điều chỉnh cột sống, xoa bóp, tập thể dục và ngủ đều đặn, và không lo lắng, tất cả đều đóng vai trò của chúng trong việc xây dựng các chức

năng sinh lực của cơ thể. Trong những quá trình này, bệnh nhân phải nghỉ ngơi.

I mention this case to illustrate the practical and immediate value in the occult study of disease.

Tôi đề cập đến trường hợp này để minh họa giá trị thực tế và tức thời trong nghiên cứu huyền bí về bệnh tật.

(Summary of answers given by Mr Hodson to questions asked after his lecture on 'Vibration and the Human Chord'. See Chapter 206, 'Vibration and the Human Chord [1]' and Chapter 207, 'Vibration and the Human Chord [2]' in this collection.)

(Tóm tắt các câu trả lời do Ông Hodson đưa ra cho các câu hỏi được hỏi sau bài giảng của Ông về 'Rung Động và Hợp Âm Con Người'. Xem Chương 206, 'Rung Động và Hợp Âm Con Người [1]' và Chương 207, 'Rung Động và Hợp Âm Con Người [2]' trong bộ sưu tập này.)

The Theosophist, Vol. 53, January 1932, p. 428

The Theosophist, Vol. 53, January 1932, p. 428

197

Significance of Colour in Healing and in the Human Aura—Ý Nghĩa Của Màu Sắc Trong Chữa Lành Và Trong Hào Quang Con Người

My first experience of the influence of colour in illness was with a Kent radiologist who was dying from bums. One day a friend brought the man an armful of blue flowers, and soon afterward he felt much better and much more comfortable. Next day more blue flowers were brought to him, and again there was an improvement in his condition. So his wife surrounded him with this particular shade of blue and eventually he was well enough to start experiments with treatment by colour. He got in touch with London physicians, and they, too, began investigations.

Kinh nghiệm đầu tiên của tôi về ảnh hưởng của màu sắc trong bệnh tật là với một nhà X quang học ở Kent, người đang chết vì bỏng. Một ngày nọ, một người bạn mang đến cho người đàn ông một bó hoa màu xanh lam, và ngay sau đó y cảm thấy khỏe hơn và thoải mái hơn nhiều. Ngày hôm sau, nhiều hoa màu xanh lam hơn đã được mang đến cho y, và một lần nữa có sự cải thiện trong tình trạng của y. Vì vậy, vợ y đã bao quanh y bằng bóng màu xanh lam đặc biệt này và cuối cùng y đã đủ khỏe để bắt đầu các thí nghiệm điều trị bằng màu sắc. Y đã liên lạc với các bác sĩ ở Luân Đôn, và họ cũng bắt đầu điều tra.

The basis of the method of treating disease by colour lies in the fact that vibrations in one body will produce vibrations in another body that is in tune with it. Most people know how an empty glass will respond to the right note struck on a piano or violin. Given the right note a thin glass may even be shattered. The human body is built of atoms which combine

Cơ sở của phương pháp điều trị bệnh bằng màu sắc nằm ở chỗ các rung động trong một cơ thể sẽ tạo ra các rung động trong một cơ thể khác vốn đồng điệu với nó. Hầu hết mọi người đều biết một chiếc ly rỗng sẽ đáp ứng như thế nào với đúng nốt nhạc được đánh trên đàn piano hoặc violin. Với đúng nốt nhạc, một chiếc ly mỏng thậm chí có thể bị vỡ tan. Cơ thể con

to produce molecules and thereafter cells. Each has its vibration rate. In health they vibrate on their true notes; in disease they are out of tune.

người được cấu tạo từ các nguyên tử kết hợp để tạo ra các phân tử và sau đó là các tế bào. Mỗi tế bào có một tốc độ rung động riêng. Khi khỏe mạnh, chúng rung động theo đúng âm điệu của mình; khi bị bệnh, chúng bị lạc điệu.

Colour is energy travelling with the speed of light (186,000 miles per second) on different wavelengths. This force of light correctly timed as to frequency (that is colour) has power to retune the body. Ruby red for instance is a powerful stimulant, a tonic in cases of anae-mia, devitalization and depression; but it would be an irritant in cases of fever and inflammation.

Màu sắc là năng lượng di chuyển với tốc độ ánh sáng ([186.000] dặm mỗi giây) trên các bước sóng khác nhau. Lực ánh sáng này được định thời gian chính xác theo tần số (tức là màu sắc) có khả năng điều chỉnh lại cơ thể. Ví dụ, màu đỏ ruby là một chất kích thích mạnh mẽ, một loại thuốc bổ trong các trường hợp thiếu máu, suy nhược và trầm cảm; nhưng nó sẽ gây kích ứng trong các trường hợp sốt và viêm nhiễm.

A method of treatment, which I used for six years, was to focus the light of a 2,000 candlepower projector through special colour filters, either as a broad beam or a pencil of light directed at a particular organ. Rose is a mild tonic, a harmoniser of the emotions and physical nerves. It is a suitable colour for drawing room and bedroom decorations, but vivid red is not good as it is so stimulating that it becomes an irritant.

Một phương pháp điều trị mà tôi đã sử dụng trong sáu năm là tập trung ánh sáng của một máy chiếu [2.000] nến qua các bộ lọc màu đặc biệt, hoặc là một chùm tia rộng hoặc một bút chì ánh sáng hướng vào một cơ quan cụ thể. Màu hồng là một loại thuốc bổ nhẹ, một chất hài hòa cảm xúc và dây thần kinh thể xác. Đó là một màu sắc phù hợp cho trang trí phòng khách và phòng ngủ, nhưng màu đỏ tươi không tốt vì nó quá kích thích đến mức trở thành chất gây kích ứng.

Baths of orange light appear to increase the capacity of both the physical and etheric bodies to assimilate the life force of the sun's rays. Orange is a good colour for the decoration of playrooms, nurseries and studies, but not for bedrooms. In dress both orange and red are good for those they suit, particularly in sunless weather.

Tắm ánh sáng cam dường như làm tăng khả năng của cả thể xác và thể dĩ thái để đồng hóa sinh lực của tia nắng mặt trời. Màu cam là một màu tốt để trang trí phòng chơi, nhà trẻ và phòng học, nhưng không phải cho phòng ngủ. Trong trang phục, cả màu cam và màu đỏ đều tốt cho những người hợp với chúng, đặc biệt là trong thời tiết không có nắng.

Yellow has definite healing properties, appearing to help cells to reunite and wounds to heal. It has proved beneficial in the early stages of tuberculosis. Used in room decoration it acts as a mental stimulant.

Màu vàng có những đặc tính chữa bệnh nhất định, dường như giúp các tế bào tái hợp và vết thương mau lành. Nó đã được chứng minh là có lợi trong giai đoạn đầu của bệnh lao. Được sử dụng trong trang trí phòng, nó hoạt động như một chất kích thích trí tuệ.

Emerald green light vitalizes the digestive system; it is not recommended for decoration or to any great extent in dress. The softer shades of green are suitable for both purposes.

Ánh sáng xanh lục bảo tiếp sinh lực cho hệ tiêu hóa; nó không được khuyến khích để trang trí hoặc ở bất kỳ mức độ lớn nào trong trang phục. Các sắc thái xanh lục nhẹ nhàng hơn phù hợp cho cả hai mục đích.

Sapphire blue light acts as an astringent and disperses congestion; it is used to prepare the body for the influence of other colours. In dress and decoration it induces peace and quietness and is therefore good for bedrooms and even bed linen and sleeping apparel.

Ánh sáng xanh sapphire hoạt động như một chất làm se và phân tán tắc nghẽn; nó được sử dụng để chuẩn bị cho cơ thể đón nhận ảnh hưởng của các màu khác. Trong trang phục và trang trí, nó tạo ra sự bình yên và tĩnh lặng và do đó tốt cho phòng ngủ và thậm chí cả khăn trải giường và trang phục ngủ.

To clairvoyant sight one of the principal features of an Astral Body consists of the colours which are constantly playing through it, these colours corresponding to, and being the expression in Astral matter of feelings, passions, emotions and desires. All known colours, and many which are at present unknown to us, exist upon each of the higher planes of Nature, but as we rise from one stage to another they become more delicate and luminous, so that they may be described as higher octaves of colour.

Đối với nhãn quan thông nhãn, một trong những đặc điểm chính của một Thể Cảm Dục bao gồm các màu sắc liên tục hiển hiện xuyên suốt nó, những màu sắc này tương ứng với, và là sự biểu hiện trong vật chất Cảm Dục của những cảm xúc, đam mê, tình cảm và ham muốn. Tất cả các màu đã biết, và nhiều màu hiện tại chúng ta chưa biết, tồn tại trên mỗi cõi cao hơn của Tự Nhiên, nhưng khi chúng ta thăng lên từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, chúng trở nên tinh tế và phát sáng hơn, để chúng có thể được mô tả là các quãng tám màu cao hơn.

The following is a list of the principal colours in the human aura and the emotions of which they are an expression:

Sau đây là danh sách các màu chính trong hào quang con người và những cảm xúc mà chúng biểu hiện:

Black: In thick clouds—hatred and malice.

Đen: Trong những đám mây dày đặc—sự căm ghét và ác tâm.

Red: Deep red flashes, usually on a black ground: anger.

Đỏ: Những tia đỏ đậm, thường trên nền đen: sự tức giận.

A **scarlet cloud:** Irritability.

Một đám mây đỏ tươi: Tính dễ cáu kỉnh.

Brilliant scarlet: On the ordinary background of the aura: 'noble indignation'.

Đỏ tươi rực rỡ: Trên nền hào quang thông thường: 'sự phẫn nộ cao thượng'.

Lurid and sanguinary red: Unmistakable, though not easy to describe: sensuality.

Đỏ ghê rợn và đẫm máu: Không thể nhầm lẫn, mặc dù không dễ mô tả: sự dâm dục.

Brown-grey: Dull, hard brown-grey: selfishness: one of the commonest colours in the Astral Body.

Xám nâu: Xám nâu xỉn, cứng: sự ích kỷ: một trong những màu phổ biến nhất trong Thể Cảm Dục.

Brown-red: Dull, almost rust colour: avarice, usually arranged in parallel bars across the Astral Body. (The miser is self-imprisoned).

Đỏ nâu: Xỉn, gần như màu gỉ sắt: sự tham lam, thường được sắp xếp thành các thanh song song trên khắp Thể Cảm Dục. (Kẻ keo kiệt tự giam mình).

Greenish-brown: Lit up by deep red or scarlet flashes jealousy. In the case of an ordinary man there is usually much of this colour present when he is 'in love'.

Nâu xanh lục: Được thắp sáng bởi những tia đỏ đậm hoặc đỏ tươi—sự ghen tị. Trong trường hợp một người bình thường, thường có rất nhiều màu này khi y 'đang yêu'.

Grey: Heavy, leaden: depression. Like the brown red of avarice, arranged in parallel lines conveying the impression of a cage.

Xám: Nặng nề, chì: sự trầm cảm. Giống như màu đỏ nâu của sự tham lam, được sắp xếp thành các đường song song truyền tải ấn tượng về một cái lồng.

Grey: livid: A hideous and frightful hue: fear spread to cause panic.

Xám: tái mét: Một màu sắc ghê tởm và kinh khủng: nỗi sợ hãi lan rộng gây ra sự hoảng loạn.

Crimson: Dull and heavy: selfish love.

Đỏ thẫm: Xỉn và nặng nề: tình yêu ích kỷ.

Rose-colour: Unselfish love. When exceptionally brilliant, tinged with lilac: spiritual love for humanity.

Màu hồng: Tình yêu vị tha. Khi đặc biệt rực rỡ, pha chút màu tử đinh hương: tình yêu tinh thần dành cho nhân loại.

Orange: Pride or ambition. Often found with irritability.

Cam: Niềm kiêu hãnh hoặc tham vọng. Thường thấy với tính dễ cáu kỉnh.

Yellow: Intellect. Varies from a deep and dull tint, through brilliant gold, to clear and luminous lemon or primrose yellow.

Vàng: Trí tuệ. Thay đổi từ một màu đậm và xỉn, qua vàng rực rỡ, đến màu vàng chanh hoặc hoa anh thảo trong trẻo và phát sáng.

Dull yellow ochre implies the direction of faculty to selfish purposes.

Màu vàng đất xỉn ám chỉ sự định hướng của năng lực cho các mục đích ích kỷ.

Clear gamboge indicates a distinctly higher type.

Màu hoàng lan trong trẻo cho thấy một kiểu người cao hơn rõ rệt.

Primrose yellow denotes intellect devoted to spiritual ends.

Màu vàng hoa anh thảo biểu thị trí tuệ dành cho các mục đích tinh thần.

Gold indicates pure intellect applied to philosophy or mathematics.

Vàng biểu thị trí tuệ thuần túy được áp dụng cho triết học hoặc toán học.

Green: In general, varies greatly in its significance, and needs study to be interpreted correctly: mostly it indicates adaptability.

Xanh lục: Nói chung, rất khác nhau về ý nghĩa của nó và cần được nghiên cứu để giải thích chính xác: chủ yếu nó chỉ ra khả năng thích ứng.

Grey-green, slimy in appearance: deceit and cunning.

Xanh xám, có vẻ ngoài nhầy nhụa: sự dối trá và xảo quyệt.

Emerald-green: Versatility, ingenuity and resourcefulness, applied unselfishly.

Xanh lục bảo: Tính linh hoạt, khéo léo và tháo vát, được áp dụng một cách vị tha.

Pale, luminous blue-green: Deep sympathy and compassion, with the power of perfect adaptability which only they can give.

Xanh lam lục nhạt, phát sáng: Sự đồng cảm và lòng trắc ẩn sâu sắc, với sức mạnh thích ứng hoàn hảo mà chỉ chúng mới có thể mang lại.

Bright apple green: Seems always to accompany strong vitality.

Xanh táo tươi sáng: Dường như luôn đi kèm với sinh lực mạnh mẽ.

Blue: Dark and clear: religious feeling. It is liable to be tinted by many other qualities thus becoming any shade from indigo or a rich deep violet to muddy grey-blue.

Xanh lam: Tối và trong trẻo: cảm xúc tôn giáo. Nó có thể được pha trộn bởi nhiều phẩm chất khác, do đó trở thành bất kỳ sắc thái nào từ màu chàm hoặc màu tím đậm đến màu xanh xám đục.

Light blue: Such as ultramarine or cobalt: devotion to a noble spiritual ideal.

Xanh lam nhạt: Chẳng hạn như xanh lơ biển hoặc coban: sự tận tâm với một lý tưởng tinh thần cao thượng.

A tint of **violet** indicates a mixture of affection and devotion.

Một chút màu tím cho thấy sự pha trộn giữa tình cảm và sự tận tâm.

Luminous lilac-blue, usually accompanied by sparkling golden stars: the higher spirituality with lofty spiritual aspirations.

Xanh lam tử đinh hương phát sáng, thường đi kèm với những ngôi sao vàng lấp lánh: tâm linh cao hơn với những khát vọng tinh thần cao cả.

Ultra violet: Higher and purer development of psychic faculties.

Tia cực tím: Sự phát triển cao hơn và thuần khiết hơn của các năng lực thông linh.

Ultra red: Lower psychic faculties of one who dabbles in evil or selfish forms of magic.

Tia cực đỏ: Các năng lực thông linh thấp hơn của một người dấn thân vào các hình thức ma thuật xấu xa hoặc ích kỷ.

As explained above, every human emotion is accompanied by a wave of vibrations which appear as colour on their own plane, and there is a tendency for physical colour to affect the mind in such a way as to rouse the corresponding emotions. Anger shows in the human aura as red and therefore too much red acts as an irritant. Sympathy shows as pale green, and pale green surroundings are soothing. Active mentality shows as yellow, and yellow surroundings stimulate thought and assist study.

Như đã giải thích ở trên, mọi cảm xúc của con người đều đi kèm với một làn sóng rung động xuất hiện dưới dạng màu sắc trên cõi của chúng, và có xu hướng màu sắc thể xác ảnh hưởng đến thể trí theo cách khuấy động những cảm xúc tương ứng. Sự tức giận thể hiện trong hào quang con người là màu đỏ và do đó quá nhiều màu đỏ hoạt động như một chất gây kích ứng. Sự đồng cảm thể hiện là màu xanh lục nhạt, và môi trường xung quanh màu xanh lục nhạt có tác dụng xoa dịu. Tính tích cực trí tuệ thể hiện là màu vàng, và môi trường xung quanh màu vàng kích thích tư duy và hỗ trợ học tập.

Colour is therefore a subject well worth consideration and every effort should be made to use it intelligently in healing, in the home and in dress, and so shed colour on the pathway of life.

Do đó, màu sắc là một chủ đề rất đáng để xem xét và mọi nỗ lực nên được thực hiện để sử dụng nó một cách thông minh trong việc chữa bệnh, trong gia đình và trong trang phục, và do đó tỏa sắc màu trên con đường đời.

When seeking to help others who are in need, remember that the recipients must always be visualized as perfectly well and perfectly happy. Never think of a person as sick or suffering when you invoke healing powers for them. Thought is almost omnipotent and such thinking will tend to induce the visualized sufferings. Therefore think of the recipients as radiantly well and drenched with a stream of golden healing power descending upon them from above, pervading, staying within them and healing them. Never feel sad about any case at the time of healing, however deep one's sympathy for the sufferer. Always 'see' them as radiantly well. In fact, happiness amounting to joyousness and inward peace founded upon assurance of the just operation of the Law of Cause and Effect, should pervade one, and characterize one's daily life, i.e., bodily condition and effect upon others.

Khi tìm cách giúp đỡ những người đang gặp khó khăn, hãy nhớ rằng những người nhận luôn phải được hình dung là hoàn toàn khỏe mạnh và hoàn toàn hạnh phúc. Đừng bao giờ nghĩ về một người như bị bệnh hoặc đau khổ khi bạn khẩn cầu sức mạnh chữa bệnh cho họ. Tư tưởng gần như là toàn năng và những suy nghĩ như vậy sẽ có xu hướng gây ra những đau khổ đã hình dung. Do đó, hãy nghĩ về những người nhận như hoàn toàn khỏe mạnh và đắm mình trong một dòng sức mạnh chữa bệnh màu vàng kim giáng xuống họ từ trên cao, lan tỏa, ở lại bên trong họ và chữa lành cho họ. Đừng bao giờ cảm thấy buồn về bất kỳ trường hợp nào vào thời điểm chữa bệnh, dù người ta có đồng cảm sâu sắc đến đâu với người bệnh. Luôn 'nhìn thấy' họ hoàn toàn khỏe mạnh. Trên thực tế, hạnh phúc lên đến vui sướng và sự bình an nội tâm dựa trên sự đảm bảo về hoạt động công bằng của Luật Nhân Quả, nên lan tỏa trong một người và đặc trưng cho cuộc sống hàng ngày của một người, tức là tình trạng thể xác và ảnh hưởng đến người khác.

Theosophy in New Zealand, Vol. 39, No. 4, 1978, p. 83

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [39], Số [4], [1978], tr. [83]

198—

Spiritual Healing—Chữa Lành Tinh Thần

This is one of the highest and one of the commonest of human aspirations. Let us examine the idea in some detail; those who desire to go straight to the heart of the subject will excuse a careful and detailed analysis—a real study, with the accent upon the part played in healing by sufferers themselves.

Đây là một trong những khát vọng cao cả nhất và phổ biến nhất của con người. Chúng ta hãy xem xét ý tưởng này một cách chi tiết; những người mong muốn đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề sẽ bỏ qua một phân tích cẩn thận và chi tiết—một nghiên cứu thực sự, với trọng tâm là vai trò của chính những người bệnh trong việc chữa bệnh.

There is no panacea which can be applied and give immediate results.

Không có phương thuốc chữa bách bệnh nào có thể được áp dụng và mang lại kết quả ngay lập tức.

It is well to make clear at first:

Điều tốt là làm rõ ngay từ đầu:

(a) There are physical causes and physical cures of disease.

Có những nguyên nhân thể xác và những cách chữa trị thể xác đối với bệnh tật.

(b) If seriously ill, go to a reputable physician.

Nếu bệnh nặng, hãy đến gặp một bác sĩ có uy tín.

Four questions present themselves:

Bốn câu hỏi được đặt ra:

1. What can and what cannot be done by spiritual healing alone?

Chỉ riêng chữa lành tinh thần có thể làm được gì và không thể làm được gì?

2. What are the parts played respectively by healer and sufferer? or: How may the suppliant best co-operate?

Các vai trò tương ứng của người chữa bệnh và người bệnh là gì? hoặc: Người cầu xin có thể hợp tác tốt nhất như thế nào?

3. What is the rationale?

Cơ sở lý luận là gì?

4. How may one train oneself effectively to heal by the powers of mind and spirit?

Làm thế nào một người có thể tự rèn luyện một cách hiệu quả để chữa bệnh bằng sức mạnh của thể trí và tinh thần?

To discover the answers, we must know first —What is the individual who aspires to heal and to be healed? He is:

Để khám phá ra câu trả lời, trước tiên chúng ta phải biết—Cá nhân mong muốn chữa bệnh và được chữa bệnh là gì? Y là:

A being of thought: hence his name—MAN.

Một hữu thể của tư tưởng: do đó tên của y—CON NGƯỜI.

A being of emotion and of physical action.

Một hữu thể của cảm xúc và hành động thể xác.

A being of will overshadowing and acting through thought, emotion, words and deed.

Một hữu thể của ý chí phủ bóng và hành động thông qua tư tưởng, cảm xúc, lời nói và việc làm.

Man is a threefold being, one in whom highest spirit and lowest matter are united by intellect. Furthermore, the Spiritual Self is one with the Source of all existence. This is the central truth concerning man, the Highest Spiritual Truth and is all-important in healing. God-Spirit and man-spirit are one. Man in his spiritual nature relays throughout his whole being power from the inexhaustible Universal Source, which is God.

Con người là một hữu thể tam phân, một hữu thể trong đó tinh thần cao nhất và vật chất thấp nhất được hợp nhất bởi trí tuệ. Hơn nữa, Bản Ngã Tinh Thần là một với Nguồn gốc của mọi sự tồn tại. Đây là chân lý trung tâm liên quan đến con người, Chân Lý Tinh Thần Cao Nhất và là điều quan trọng nhất trong việc chữa bệnh. Thượng đế-Tinh thần và con người-tinh thần là một. Con người trong bản chất tinh thần của mình chuyển tiếp sức mạnh từ Nguồn Vũ Trụ vô tận, vốn là Thượng đế, trong toàn bộ con người y.

The Divine Creative Life Force flows continually throughout all Nature and through all men. The unimpeded rhythmic flow of this Divine Power and Life is essential to health and happiness; for the Creative Life Force is a mighty and irresistible power. When it flows freely through him, it empowers, vitalizes and can heal the whole man. Resistance to it, in thought, feeling and action, sets up friction, discordance, distortion, and causes physical malfunction and disease.

Sinh Lực Sáng Tạo Thiêng Liêng chảy liên tục trong khắp Tự Nhiên và qua tất cả mọi người. Dòng chảy nhịp nhàng không bị cản trở của Sức Mạnh và Sự Sống Thiêng Liêng này là điều cần thiết cho sức khỏe và hạnh phúc; vì Sinh Lực Sáng Tạo là một sức mạnh to lớn và không thể cưỡng lại. Khi nó chảy tự do qua y, nó trao quyền, tiếp sinh lực và có thể chữa lành toàn bộ con người. Sự kháng cự đối với nó, trong tư tưởng, cảm xúc và hành động, gây ra ma sát, bất hòa, méo mó và gây ra rối loạn chức năng thể xác và bệnh tật.

We may thus define health as:

Do đó, chúng ta có thể định nghĩa sức khỏe là:

(a) Harmonious relationship between Self and its bodies. Integration, wholeness, attunement.

Mối quan hệ hài hòa giữa Bản Ngã và các thể của nó. Sự tích hợp, toàn vẹn, hòa hợp.

(b) Unimpeded, rhythmic flow of power, life and consciousness from the Higher Self through all its vehicles.

Dòng chảy nhịp nhàng, không bị cản trở của sức mạnh, sự sống và tâm thức từ Chân Ngã Cao Hơn thông qua tất cả các vận cụ của nó.

Hence the true cause of susceptibility to ill health is interior. The root cause of our suffering is *within us.* So also the cure. It is the all-sufficing Life-force.

Do đó, nguyên nhân thực sự của tính nhạy cảm với sức khỏe kém là nội tại. Nguyên nhân gốc rễ của sự đau khổ của chúng ta là ở bên trong chúng ta. Vì vậy, phương pháp chữa trị cũng vậy. Đó là Sinh Lực đầy đủ.

When we are seriously ill, somewhere within our nature, a condition exists which obstructs or diverts from proper channels, the Universal Life-Force. Spiritual Healing can remove these interior obstructions. What prevents free flow? Barriers at the mental, emotional or physical level, or of all three. These barriers are abnormalities caused by wrong thoughts and emotion and physically, by wrong action, the wrong conduct of life.

Khi chúng ta bị bệnh nặng, ở đâu đó trong bản chất của chúng ta, một tình trạng tồn tại cản trở hoặc chuyển hướng khỏi các kênh thích hợp, Sinh Lực Vũ Trụ. Chữa Lành Tinh Thần có thể loại bỏ những tắc nghẽn bên trong này. Điều gì ngăn cản dòng chảy tự do? Các rào cản ở cấp độ trí tuệ, cảm xúc hoặc thể xác, hoặc cả ba. Những rào cản này là những bất thường do những suy nghĩ và cảm xúc sai trái và về mặt thể xác, do hành động sai trái, cách sống sai trái gây ra.

What is meant by 'wrong' in this sense?

'Sai trái' có nghĩa là gì trong trường hợp này?

Erroneous thoughts, unbalanced feelings and hurtful actions—these introduce a discordance between the various parts and principles of our nature and which violate basic laws of Life.

Những suy nghĩ sai lầm, cảm xúc mất cân bằng và những hành động gây tổn thương—những điều này gây ra sự bất hòa giữa các bộ phận và nguyên tắc khác nhau trong bản chất của chúng ta và vi phạm các quy luật cơ bản của Sự Sống.

There are two fundamental principles which man cannot contravene with impunity (a) the unity of life; (b) the supreme importance of the physical body.

Có hai nguyên tắc cơ bản mà con người không thể vi phạm mà không bị trừng phạt (a) sự thống nhất của sự sống; (b) tầm quan trọng tối cao của thể xác.

Let us examine fairly and squarely these contraventions, these transgressions of man. For we are dealing with root causes of disease and seeking final cure.

Chúng ta hãy xem xét một cách công bằng và thẳng thắn những vi phạm này, những sự xâm phạm của con người. Vì chúng ta đang đối phó với những nguyên nhân gốc rễ của bệnh tật và tìm kiếm phương pháp chữa trị cuối cùng.

Life can be very difficult for us and very often unconsciously we drift into errors—sometimes seem to be forced into them.

Cuộc sống có thể rất khó khăn đối với chúng ta và rất thường xuyên một cách vô thức, chúng ta trôi dạt vào những sai lầm—đôi khi dường

như bị buộc phải mắc phải chúng.

We are all one. There is a brotherhood of error as also of sorrow. There are no 'others'. Eugene Debs, President of an American Labour Union said: 'While there is a poorer class, I am of it; while there is a criminal class, I belong to it; while there is a soul in jail, I am not free'. There is realization of Unity! When referring to human errors, therefore, one neither criticizes nor condemns.

Tất cả chúng ta là một. Có một tình huynh đệ của sai lầm cũng như của nỗi buồn. Không có 'người khác'. Eugene Debs, Chủ tịch của một Liên đoàn Lao động Hoa Kỳ cho biết: 'Khi có một tầng lớp nghèo hơn, tôi thuộc về nó; khi có một tầng lớp tội phạm, tôi thuộc về nó; khi có một linh hồn trong tù, tôi không được tự do'. Có sự nhận ra về Sự Thống Nhất! Do đó, khi đề cập đến những sai lầm của con người, người ta không chỉ trích cũng không lên án.

What then are the errors violating the principle of the unity of life? There are two forms of violation (1) Objective, (2) Subjective.

Vậy thì những sai lầm nào vi phạm nguyên tắc thống nhất của sự sống? Có hai hình thức vi phạm (1) Khách quan, (2) Chủ quan.

(1) Objective: Selfishness and cruelty, in word and deed. Hurting others. So much is done even by word, by a subtle undermining of people's character behind their back. By this, and by self-centred thought and feeling, we cut ourselves off from that person and the One Life in them. We sever an artery through which the One Life flows. Within us is a starvation, if only local at first, and a discordance. Without and around us is discord. Self-isolation from the lives of our fellow men; living unto oneself alone; becoming a self-separate, self-centred, self-seeking unit, instead of a helpful member of a family. We are then self-starved of God's ever outpoured Life.

Khách quan: Sự ích kỷ và tàn ác, trong lời nói và việc làm. Làm tổn thương người khác. Rất nhiều điều được thực hiện ngay cả bằng lời nói, bằng cách ngấm ngầm làm suy yếu tính cách của mọi người sau lưng họ. Bằng cách này, và bằng tư tưởng và cảm xúc vị kỷ, chúng ta tự cắt đứt mình khỏi người đó và Sự Sống Duy Nhất trong họ. Chúng ta cắt đứt một động mạch mà qua đó Sự Sống Duy Nhất chảy. Bên trong chúng ta là một sự đói khát, nếu chỉ cục bộ lúc ban đầu, và một sự bất hòa. Bên ngoài và xung quanh chúng ta là sự bất hòa. Sự tự cô lập khỏi cuộc sống của đồng loại; sống cho riêng mình; trở thành một đơn vị tự tách biệt, vị kỷ, tư lợi, thay vì một thành viên hữu ích của một gia đình. Sau đó, chúng ta tự bỏ đói Sự Sống luôn tuôn đổ của Thượng đế.

(2) Subjective: Thoughts and emotions of hate, dislike, desire to dominate—man's ruling passion; grievance, bitterness, anxiety, nursed wrongs, unforgiveness, envy, anger, hatred, malice. These are poisions and can poison the system. These, if habitual and oft repeated, produce inert or discordant substance in the superphysical bodies. These choke the channels. Also karma of ill health is

Chủ quan: Những suy nghĩ và cảm xúc của sự căm ghét, không thích, mong muốn thống trị —niềm đam mê thống trị của con người; sự bất bình, cay đắng, lo lắng, những sai trái được nuôi dưỡng, sự không tha thứ, ghen tị, tức giận, căm hờn, ác tâm. Đây là những chất độc và có thể đầu độc hệ thống. Nếu chúng là thói quen và thường xuyên lặp lại, chúng sẽ tạo ra chất trơ hoặc bất hòa trong các thể siêu hình.

generated. Inevitably, the physical suffers.

Chúng làm tắc nghẽn các kênh. Ngoài ra, nghiệp quả của sức khỏe kém được tạo ra. Chắc chắn, thể xác phải chịu đựng.

Such is one kind of transgression which contributes to and sets up susceptibility to disease. Hurting others and habitual selfishness.

Đó là một loại vi phạm góp phần và gây ra tính nhạy cảm với bệnh tật. Làm tổn thương người khác và sự ích kỷ theo thói quen.

Another is misuse of the body. The body is a Temple of the God-Self within. It is, in truth, the abode of Divinity. Nature cannot allow its desecration.

Một loại khác là lạm dụng cơ thể. Cơ thể là một Ngôi Đền của Chân Ngã Thượng đế bên trong. Nó thực sự là nơi ở của Thần Tính. Tự Nhiên không thể cho phép sự báng bổ của nó.

Thus violation of the principle of Unity and desecration of the body can cause disease.

Do đó, vi phạm nguyên tắc Thống Nhất và sự báng bổ cơ thể có thể gây ra bệnh tật.

Health, therefore, primarily depends upon ethics, upon right conduct in thought, word, deed, diet and habits of life. Our Lord advised those whom He healed: 'GO, SIN NO MORE'. In His simple statement resides the whole truth concerning health and disease.

Do đó, sức khỏe chủ yếu phụ thuộc vào đạo đức, vào hành vi đúng đắn trong tư tưởng, lời nói, việc làm, chế độ ăn uống và thói quen sinh hoạt. Đức Chúa của chúng ta khuyên những người Ngài đã chữa lành: 'HÃY ĐI, ĐỪNG PHẠM TỘI NỮA'. Trong tuyên bố đơn giản của Ngài chứa đựng toàn bộ sự thật về sức khỏe và bệnh tật.

Ill health serves as a teacher, drawing attention to error. The Inner Self knows, learns and desires co-operation by the Personality. The Healer's mission is not only to relieve pain and cure disease, but also to open up the lower to the Higher Self and so to assist in a return to inner and outer harmony and right conduct.

Sức khỏe kém đóng vai trò như một người thầy, thu hút sự chú ý đến lỗi lầm. Chân Ngã thấu suốt, học hỏi và mong muốn sự hợp tác từ phàm ngã. Sứ mệnh của Nhà Trị Liệu không chỉ là xoa dịu cơn đau và chữa lành bệnh tật, mà còn là mở ra hạ trí cho Thượng trí và do đó hỗ trợ sự trở về với sự hài hòa bên trong và bên ngoài cũng như hành vi đúng đắn.

The healer can be a great quickener of evolution. It is possible greatly to help others in the removal of barriers and the restoration of rhythm. The healer's true purpose is to assist the sufferer back to the right attitude towards life, to right conduct of life, to remove interior barriers and to restore the harmonious flow of inner life throughout the whole nature. Successful spiritual healing brings down an immense flood of Divine Life.

Nhà trị liệu có thể là một tác nhân thúc đẩy sự tiến hóa tuyệt vời. Có thể giúp đỡ người khác rất nhiều trong việc loại bỏ các rào cản và phục hồi nhịp điệu. Mục đích thực sự của nhà trị liệu là hỗ trợ người bệnh quay trở lại thái độ đúng đắn đối với cuộc sống, hành vi đúng đắn trong cuộc sống, loại bỏ các rào cản bên trong và khôi phục dòng chảy hài hòa của sự sống nội tại trong toàn bộ bản chất. Chữa lành tinh thần thành công mang lại một dòng thác Sự

This can both restore the sufferer to his centre and sweep him clean. The spiritual healer can indeed be of very great evolutionary help.

Sống Thiêng Liêng vô cùng lớn. Điều này có thể vừa phục hồi người bệnh về trung tâm của y, vừa quét sạch y. Nhà trị liệu tinh thần thực sự có thể là một sự giúp đỡ rất lớn cho sự tiến hóa.

What is the Method?

Phương pháp là gì?

In dealing with the layman and chiefly with healing in absence, though the same principles apply everywhere, the patient's attitude should be (a) Acceptance, surrender, understanding, forgiveness, no bitterness and deliberate readjustment to persons and circumstances;

Khi đối phó với người bình thường và chủ yếu là chữa bệnh từ xa, mặc dù các nguyên tắc tương tự được áp dụng ở mọi nơi, thái độ của bệnh nhân phải là (a) Chấp nhận, đầu hàng, thấu hiểu, tha thứ, không cay đắng và điều chỉnh có chủ ý đối với con người và hoàn cảnh;

(b) Co-operation. (1) In quiet receptiveness, at specified times, with thoughts fixed on the highest; (2) In correction of the errors in conduct, character, thought and the management of life, and especially in the attitude towards life and habitual thinking. What a man thinks on, he becomes. Poisonous thoughts poison the body. Hate, fear, greed, jealousy and bitterness are indeed poisons. They are destructive and break down the body. Apart from their unpleasant nature, these are separative, they violate the principle of Unity, they cut the individual off from the One Life and from his fellow men.

Hợp tác. (1) Trong sự tiếp thu tĩnh lặng, vào những thời điểm được chỉ định, với những suy nghĩ tập trung vào điều cao cả nhất; (2) Trong việc sửa chữa những sai sót trong hành vi, tính cách, suy nghĩ và cách quản lý cuộc sống, và đặc biệt là trong thái độ đối với cuộc sống và lối suy nghĩ quen thuộc. Một người nghĩ về điều gì, y sẽ trở thành điều đó. Những suy nghĩ độc hại đầu độc cơ thể. Hận thù, sợ hãi, tham lam, ghen tị và cay đắng thực sự là những chất độc. Chúng có tính hủy diệt và phá hủy cơ thể. Ngoài bản chất khó chịu của chúng, những điều này có tính chia rẽ, chúng vi phạm nguyên tắc Hợp Nhất, chúng cắt đứt cá nhân khỏi Sự Sống Duy Nhất và khỏi đồng loại của y.

'When we, by withdrawal from our fellows in any way, sever the cords of love that bind us together as men and women, we at the same time sever the arteries and veins through which the Universal Life flows. We then find ourselves mere bundles of strained nerves, trembling and shaking with fear and weakness, and finally dying for the lack of God's love'.

'Khi chúng ta, bằng cách rút lui khỏi đồng loại của mình bằng bất kỳ cách nào, cắt đứt những sợi dây yêu thương vốn gắn kết chúng ta lại với nhau như những người nam và nữ, đồng thời chúng ta cắt đứt các động mạch và tĩnh mạch mà Sự Sống Vũ Trụ chảy qua. Sau đó, chúng ta thấy mình chỉ là những bó dây thần kinh căng thẳng, run rẩy và run rẩy vì sợ hãi và yếu đuối, và cuối cùng chết vì thiếu Tình thương của Thượng đế'.

Self Cure—Five Rules

1. Cultivate a state of goodwill to all. Never by thought or word or deed hurt another. Harmlessness to all is the great preventative.

2. Develop a habit of happiness, joy—e.g. arthritis is 'smouldering' resentment. The perfect lubricant for stiff joints is the oil of joy.

3. Do not nurse grievances. Deliberately forgive all. 'To be able to stand in the midst of darkness and live as though all about you was light is the final test of the human spirit'.—Edward Howard Griggs

4. Send out affection to all, flooding every living creature with the power of love, never wantonly harming a single one.

As harmlessness prevents, so goodwill cures disease and suffering. Both of these open and keep open the channels for the Life Force from within. Neither provokes the corrective action of law.

5. Regularly link up with the Spiritual Source. Invoke and trust Spiritual Power.

The statement that such actions can actually cure disease may sound far-fetched. Such actions do far more than cure disease. They also prevent its incidence. They insure against ill health. They produce health, just as their opposites bring ill-health.

This process of self-harmonization deliberately carried out alsorests and calms the nerves, brings peace to the mind restores

Tự Chữa Lành—Năm Quy Tắc

Nuôi dưỡng một trạng thái thiện chí với tất cả mọi người. Không bao giờ bằng suy nghĩ, lời nói hay hành động làm tổn thương người khác. Vô tổn hại cho tất cả là biện pháp phòng ngừa tuyệt vời.

Phát triển thói quen hạnh phúc, vui vẻ—ví dụ: viêm khớp là sự oán giận 'âm ỉ'. Chất bôi trơn hoàn hảo cho các khớp cứng là dầu của niềm vui.

Đừng nuôi dưỡng những bất bình. Cố ý tha thứ cho tất cả. 'Có thể đứng giữa bóng tối và sống như thể mọi thứ xung quanh bạn đều là ánh sáng là bài kiểm tra cuối cùng của tinh thần con người'.—Edward Howard Griggs

Gửi tình cảm đến tất cả mọi người, tràn ngập mọi sinh vật sống bằng sức mạnh của tình thương, không bao giờ cố ý làm hại một ai.

Vì vô tổn hại ngăn ngừa, nên thiện chí chữa lành bệnh tật và đau khổ. Cả hai điều này đều mở ra và giữ cho các kênh dẫn đến Sinh Lực từ bên trong luôn mở. Không điều nào kích động hành động điều chỉnh của luật pháp.

Thường xuyên kết nối với Nguồn Tinh Thần. Khẩn cầu và tin tưởng vào Quyền Năng Tinh Thần.

Tuyên bố rằng những hành động như vậy thực sự có thể chữa khỏi bệnh tật có vẻ khó tin. Những hành động như vậy làm được nhiều hơn là chữa khỏi bệnh tật. Chúng cũng ngăn ngừa sự cố của nó. Chúng bảo đảm chống lại sức khỏe kém. Chúng tạo ra sức khỏe, giống như những điều ngược lại của chúng mang lại sức khỏe kém.

Quá trình tự hài hòa hóa này được thực hiện một cách có chủ ý cũng làm dịu và xoa dịu các dây thần kinh, mang lại sự bình yên cho thể

interior harmony. It throws open the channels through which new life is conveyed to every cell of the body. Life can thus be built anew from within. Thus we can recreate ourselves. We can both prevent illness and cure ourselves. We can emerge from an illness, if it comes, spiritually refreshed and physically reorientated.

trí, khôi phục sự hài hòa bên trong. Nó mở ra các kênh mà qua đó sự sống mới được truyền đến mọi tế bào của cơ thể. Do đó, sự sống có thể được xây dựng lại từ bên trong. Vì vậy, chúng ta có thể tái tạo lại bản thân. Chúng ta có thể vừa ngăn ngừa bệnh tật vừa tự chữa lành. Chúng ta có thể thoát khỏi bệnh tật, nếu nó đến, được làm mới về mặt tinh thần và tái định hướng về mặt thể chất.

Patients must thus be instructed and their co-operation gained.

Do đó, bệnh nhân phải được hướng dẫn và giành được sự hợp tác của họ.

Various methods may be used.

Có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau.

Sacramental Healing

Chữa Lành Bí Tích

Using the power of an ordained priest, laying on of hands and anointing with oil.

Sử dụng quyền năng của một linh mục được phong chức, đặt tay và xức dầu.

1. A Spiritual impulse, quickens evolution, enlarges the outlook. Brings down a flood of spiritual and sustaining healing life and power and blessing from the 2nd aspect of the Holy Trinity. Sometimes a vision.

Một xung lực Tinh Thần, thúc đẩy sự tiến hóa, mở rộng triển vọng. Mang xuống một dòng thác sự sống và quyền năng chữa lành tinh thần và duy trì và phước lành từ phương diện thứ 2 của Tam Vị Nhất Thể. Đôi khi là một khải tượng.

2. Encouragement and comfort gained.

Được khuyến khích và an ủi.

3. Truer attitude attained.

Đạt được thái độ chân thật hơn.

4. Psychological correction. Sweeps aura clean.

Điều chỉnh tâm lý. Quét sạch hào quang.

5. Physical healing on occasion.

Chữa lành thể chất vào những dịp nhất định.

There are two other methods:

Có hai phương pháp khác:

(1) Affirmation: In utter faith! 'Thou shalt be healed'. Some people, unique individuals, become charged with a healing passion.

Khẳng định: Với đức tin tuyệt đối! 'Ngươi sẽ được chữa lành'. Một số người, những cá nhân độc nhất vô nhị, trở nên tràn đầy đam mê chữa bệnh.

(2) Invocation and Distribution: Mention names to distribute the power.

Khẩn Cầu và Phân Phối: Đề cập đến tên để phân phối quyền năng.

A METHOD OF SPIRITUAL HEALING

First, have a list of the Christian and surnames of those to be healed. Then, in complete privacy, and with the body completely relaxed, turn the thoughts in powerful concentration to a recognized Healing Source. For most Christians, doubtless, this will be the Lord Christ, the Great Healer of Men. Visualize Him and reverently draw near to Him, seeking to realize His Presence. With half minute pauses for concentration and visualization after each phrase, repeat aloud and with powerful intent, the following invocation:

'May the healing power of the Lord Christ descend upon……..'Here mention the Christian and surnames of those to be healed, with a five second pause between each. During the pause, visualize the sufferers as radiantly well and as in the very Presence of the Lord Christ, flooded by His glorious healing power and golden light. After all the names have been mentioned, continue:

'May Christ's healing power descend upon them all and may the Holy Angels encompass them'.

After a further pause say:

'May the light of Christ's Love enfold them forever. Amen'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 40, No. 4, 1979, p. 76

MỘT PHƯƠNG PHÁP CHỮA LÀNH TINH THẦN

Đầu tiên, có một danh sách tên thánh và họ của những người cần được chữa lành. Sau đó, trong sự riêng tư hoàn toàn và với cơ thể hoàn toàn thư giãn, hãy chuyển những suy nghĩ tập trung mạnh mẽ vào một Nguồn Chữa Lành được công nhận. Đối với hầu hết các Kitô hữu, chắc chắn đây sẽ là Đức Christ, Nhà Trị Liệu Vĩ Đại của Nhân Loại. Hình dung Ngài và thành kính đến gần Ngài, tìm cách nhận ra Sự Hiện Diện của Ngài. Với những khoảng dừng nửa phút để tập trung và hình dung sau mỗi cụm từ, hãy lặp lại to và với ý định mạnh mẽ, lời khẩn cầu sau:

'Cầu xin quyền năng chữa lành của Đức Christ giáng xuống……..' Ở đây đề cập đến tên thánh và họ của những người cần được chữa lành, với khoảng dừng năm giây giữa mỗi người. Trong khi tạm dừng, hãy hình dung những người bệnh khỏe mạnh rạng rỡ và như đang ở trong Sự Hiện Diện của Đức Christ, tràn ngập quyền năng chữa lành vinh quang và ánh sáng vàng của Ngài. Sau khi tất cả các tên đã được đề cập, hãy tiếp tục:

'Cầu xin quyền năng chữa lành của Đức Christ giáng xuống tất cả họ và cầu xin Các Thiên Thần bao bọc họ'.

Sau một khoảng dừng nữa, hãy nói:

'Cầu xin ánh sáng Tình Thương của Đức Christ bao bọc họ mãi mãi. Amen'.

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 40, Số 4, 1979, tr. 76

199—

An Occult Approach to the Cause, Prevention and Cure of Disease—Một Cách Tiếp Cận Huyền Bí về Nguyên Nhân, Phòng Ngừa và Chữa Bệnh

The subject of the interplay between spirit, thought and body is continuous. Whilst recognizing physical causes and the value of physical treatments of disease in miscalled ‘accident’, old age, dietetic errors and wrong conduct of life, more recent medical research supports the view that habitual long continued discordant conditions of mind and emotion can cause physical disease.

Chủ đề về sự tương tác giữa tinh thần, suy nghĩ và cơ thể là liên tục. Trong khi thừa nhận các nguyên nhân thể chất và giá trị của các phương pháp điều trị thể chất đối với bệnh tật trong cái gọi là ‘tai nạn’, tuổi già, sai sót trong chế độ ăn uống và hành vi sai trái trong cuộc sống, thì nghiên cứu y học gần đây hơn ủng hộ quan điểm cho rằng các tình trạng bất hòa kéo dài liên tục của thể trí và cảm xúc có thể gây ra bệnh thể chất.

The Academy of Para-Psychology and Medicine holds certain beliefs to be axiomatic. It is believed:

Học viện Tâm lý học và Y học Cận tâm linh tin rằng một số niềm tin là tiên đề. Người ta tin rằng:

• That medicine must adopt a new view of man: one which recognizes the unity of body, mind and spirit and the importance of the interrelationship of these dimensions in health and disease.

Rằng y học phải chấp nhận một quan điểm mới về con người: một quan điểm thừa nhận sự thống nhất của thể xác, thể trí và tinh thần và tầm quan trọng của mối quan hệ tương hỗ giữa các chiều này trong sức khỏe và bệnh tật.

• That all physical and mental disease is directive experience, meaningful in the context of significant human development, and therefore must be viewed as the manifestation of conditions existing on the subtler levels—whether mental, emotional or spiritual.

Rằng tất cả các bệnh thể chất và tinh thần là kinh nghiệm chỉ đạo, có ý nghĩa trong bối cảnh phát triển con người quan trọng và do đó phải được xem là biểu hiện của các điều kiện tồn tại ở các cấp độ tinh tế hơn—cho dù là trí tuệ, cảm xúc hay tinh thần.

• That treatment of disease (in the full sense) must be directed at the whole man, and that no lasting healing of the physical body can be achieved where the mental, emotional and spiritual elements have been left untouched.

Rằng việc điều trị bệnh (theo nghĩa đầy đủ) phải hướng vào toàn bộ con người và không thể đạt được sự chữa lành lâu dài cho cơ thể vật chất nếu các yếu tố trí tuệ, cảm xúc và tinh thần không được chạm đến.

• That there is no condition of disease in the human body that cannot be successfully treated if a means is discovered for treating on the appropriate level.

Rằng không có tình trạng bệnh tật nào trong cơ thể con người mà không thể điều trị thành công nếu khám phá ra một phương tiện để điều trị ở cấp độ thích hợp.

'Signals' that Indicate Psychosomatic Disease

'Tín hiệu' cho Thấy Bệnh Tâm Thể

There appear to be ten basic and often prolonged danger signals which tend to precede the onset of psychosomatic disease:

Dường như có mười tín hiệu nguy hiểm cơ bản và thường kéo dài có xu hướng xảy ra trước khi bắt đầu bệnh tâm thể:

1. Feelings of anxiety

Cảm giác lo lắng

2. Restlessness

Bồn chồn

3. Irritability

Khó chịu

4. Feelings of sadness

Cảm giác buồn bã

5. Inability to make decisions

Không có khả năng đưa ra quyết định

6. Insomnia

Mất ngủ

7. Loss of appetite

8. Compulsive overeating

9. Fatigue

10. Loss of interest in work and life in general

The late Dr Alexis Carrel stated this clearly in *Man the Unknown*:

'Envy, hate, fear, when these sentiments are habitual, are capable of starting organic changes and genuine diseases. Moral suffering profoundly disturbs health. Business men who do not know how to fight worry, die young. Emotions determine the dilation or the contraction of the small arteries, through the vasomotor nerves. They are, therefore, accompanied by changes in blood circulation. Pleasure causes the skin of the face to flush. Fear turns it white. The affective states stimulate or stop gland secretions, or modify their chemical constitution. It has been proved that a moral shock may cause marked changes in the blood. Thought can generate organic lesions. The instability of modern life, the ceaseless agitation, create states of consciousness which bring about nervous and organic disorders of the stomach and of the intestines, defective nutrition and passage of intestinal microbes into the circulatory apparatus. Various kidney and bladder infections are the remote results of mental and moral unbalance. Such diseases are almost unknown in social groups where life is simpler, where anxiety is less constant. Likewise, these who keep the peace of their inner-self in the midst of tumult are immune from nervous and organic disorders. Man thinks, invents, loves, suffers, admires and prays with his brain and all his organs'.

Chán ăn

Ăn quá nhiều một cách cưỡng ép

Mệt mỏi

Mất hứng thú với công việc và cuộc sống nói chung

Tiến sĩ Alexis Carrel quá cố đã tuyên bố điều này rõ ràng trong Con Người Bí Ẩn:

'Ghen tị, hận thù, sợ hãi, khi những tình cảm này trở thành thói quen, có khả năng gây ra những thay đổi hữu cơ và những căn bệnh thực sự. Đau khổ về mặt đạo đức làm xáo trộn sâu sắc sức khỏe. Những doanh nhân không biết cách chống lại sự lo lắng sẽ chết trẻ. Cảm xúc quyết định sự giãn nở hoặc co lại của các động mạch nhỏ, thông qua các dây thần kinh vận mạch. Do đó, chúng đi kèm với những thay đổi trong lưu thông máu. Niềm vui khiến da mặt ửng hồng. Nỗi sợ hãi biến nó thành màu trắng. Các trạng thái tình cảm kích thích hoặc ngăn chặn sự tiết ra của tuyến, hoặc sửa đổi thành phần hóa học của chúng. Người ta đã chứng minh rằng một cú sốc về mặt đạo đức có thể gây ra những thay đổi rõ rệt trong máu. Suy nghĩ có thể tạo ra các tổn thương hữu cơ. Sự bất ổn của cuộc sống hiện đại, sự kích động không ngừng, tạo ra những trạng thái tâm thức gây ra các rối loạn thần kinh và hữu cơ của dạ dày và ruột, dinh dưỡng khiếm khuyết và sự xâm nhập của vi khuẩn đường ruột vào bộ máy tuần hoàn. Các bệnh nhiễm trùng thận và bàng quang khác nhau là kết quả từ xa của sự mất cân bằng về tinh thần và đạo đức. Những căn bệnh như vậy hầu như không được biết đến trong các nhóm xã hội nơi cuộc sống đơn giản hơn, nơi sự lo lắng ít thường xuyên hơn. Tương tự, những người giữ được sự bình yên trong nội tâm giữa sự hỗn loạn được miễn nhiễm khỏi các rối loạn thần

kinh và hữu cơ. Con người suy nghĩ, phát minh, yêu thương, đau khổ, ngưỡng mộ và cầu nguyện bằng bộ não và tất cả các cơ quan của y'.

What anger does to you:

Sự tức giận gây ra cho bạn điều gì:

Increases your heart-beat.

Làm tăng nhịp tim của bạn.

Raises your blood pressure.

Làm tăng huyết áp của bạn.

Narrows the smaller blood vessels.

Thu hẹp các mạch máu nhỏ hơn.

Widens the pupils of your eyes.

Mở rộng đồng tử mắt của bạn.

Dilates the breathing tubes in your lungs.

Làm giãn các ống thở trong phổi của bạn.

Releases sugar from the liver into your blood to provide an energy boost.

Giải phóng đường từ gan vào máu của bạn để cung cấp năng lượng.

But most of all it spoils your looks.

Nhưng trên hết, nó làm hỏng vẻ ngoài của bạn.

There have been found, up to the present, most frequent chronic organic disturbances in which emotional conflicts will always be found to be present, even though not recognized. These are:

Cho đến nay, người ta đã tìm thấy những rối loạn hữu cơ mãn tính thường xuyên nhất, trong đó những xung đột về cảm xúc sẽ luôn được tìm thấy, ngay cả khi không được công nhận. Đó là:

1. Chronic indigestion and hyperacidity—stress, tension, worry.

Khó tiêu mãn tính và tăng axit—căng thẳng, căng thẳng, lo lắng.

2. Gastric ulcer and duodenal ulcer emotional disturbance.

Loét dạ dày và loét tá tràng do rối loạn cảm xúc.

'The stomach is the sounding board of the emotions'.

'Dạ dày là bảng cộng hưởng của cảm xúc'.

3. Colitis, a more severe form of fear associated with resentment even up to panic.

Viêm đại tràng, một dạng sợ hãi nghiêm trọng hơn liên quan đến sự oán giận thậm chí lên đến mức hoảng loạn.

4. Bronchial asthma.

Hen phế quản.

5. Chronic respiratory disturbances.

Rối loạn hô hấp mãn tính.

6. Chronic hyperthyroidism.

Cường giáp mãn tính.

7. Chronic headaches and recurring migraine attacks.

Đau đầu mãn tính và các cơn đau nửa đầu tái phát.

8. Rheumatism (one physician has said: resentment, grudge.)

Bệnh thấp khớp (một bác sĩ đã nói: oán giận, hận thù.)

9. Diabetes.

Bệnh tiểu đường.

10. Cancer

Ung thư

Psychosomatic illness is not produced by a bacterium or by a virus or by a new growth. It is produced by the circumstances of daily living.

Bệnh tâm thể không phải do vi khuẩn, vi rút hoặc sự phát triển mới gây ra. Nó được tạo ra bởi các hoàn cảnh của cuộc sống hàng ngày.

Three groups of people are prone:

Ba nhóm người dễ mắc bệnh:

1. Those who are habitually cross and complaining.

Những người thường xuyên cáu kỉnh và phàn nàn.

2. Those who are continually anxious and worrying, if not on their own account then on account of someone else.

Những người liên tục lo lắng và lo lắng, nếu không phải vì bản thân thì vì người khác.

3. Those in trouble, financial or domestic.

Những người gặp rắc rối về tài chính hoặc gia đình.

We do not think with the brain only. Thinking involves the entire body in a series of complicated nerve impulses that centre in the brain. For example, in anger the face gets white or red; the eyes widen; muscles tighten to cause trembling.

Chúng ta không chỉ suy nghĩ bằng bộ não. Suy nghĩ liên quan đến toàn bộ cơ thể trong một loạt các xung thần kinh phức tạp tập trung ở não. Ví dụ, khi tức giận, mặt trở nên trắng bệch hoặc đỏ; mắt mở to; các cơ thắt lại gây ra sự run rẩy.

Embarrassment produces dilation of the blood vessels in the face, or blushes. Also, other emotions of this kind all cause muscular tightening and pressure. When they are habitual, harm is done, for emotion affects the endocrine system. Sudden acute fear, like a near motor smash sends an impulse to the adrenal glands which squeeze adrenalin into the system, causing the heart to thump and the respiratory centre in the brain to be over-active, causing one to gasp.

Sự bối rối tạo ra sự giãn nở của các mạch máu trên khuôn mặt, hoặc đỏ mặt. Ngoài ra, các cảm xúc khác thuộc loại này đều gây ra sự căng cơ và áp lực. Khi chúng trở thành thói quen, tác hại sẽ xảy ra, vì cảm xúc ảnh hưởng đến hệ nội tiết. Nỗi sợ hãi cấp tính đột ngột, giống như một vụ va chạm xe máy gần đó, gửi một xung động đến tuyến thượng thận, tuyến này ép adrenalin vào hệ thống, khiến tim đập mạnh và trung tâm hô hấp trong não hoạt động quá mức, khiến người ta thở hổn

hển.

Thus, psychosomatic medicine is not a branch of psychiatry, or of any speciality. It is based on the fact that the mind and the body are inseparable and together constitute the human being. The word 'psychosomatic', I repeat is derived from the Greek *psyche,* meaning mind or spirit or soul, and *soma,* the body. It is, therefore, a fresh approach to all medicine. This new attitude recognizes the fact that the human being is complex and mysterious, a creature whose brains and emotions and tissues are constantly reacting on one another.

Do đó, y học tâm thể không phải là một nhánh của tâm thần học, hay của bất kỳ chuyên khoa nào. Nó dựa trên thực tế là thể trí và cơ thể không thể tách rời và cùng nhau cấu thành con người. Tôi xin nhắc lại, từ 'tâm thể' có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp psyche, có nghĩa là thể trí hoặc tinh thần hoặc linh hồn, và soma, cơ thể. Do đó, nó là một cách tiếp cận mới đối với tất cả các loại thuốc. Thái độ mới này thừa nhận một thực tế rằng con người là phức tạp và bí ẩn, một sinh vật có bộ não, cảm xúc và các mô liên tục phản ứng lẫn nhau.

Once considered an inevitable consequence of growing old, heart disease emerged as a national epidemic early in the century. The epidemic increased in ferocity as control of such major disease killers as diphtheria and pneumonia extended the life span of the average American and lifted him into the coronary-prone ranges.

Từng được coi là một hệ quả tất yếu của tuổi già, bệnh tim đã nổi lên như một bệnh dịch quốc gia vào đầu thế kỷ này. Dịch bệnh gia tăng về mức độ tàn khốc khi việc kiểm soát các tác nhân gây bệnh chính như bạch hầu và viêm phổi kéo dài tuổi thọ của người Mỹ trung bình và đưa y vào phạm vi dễ mắc bệnh mạch vành.

But to many public health experts, that is only part of the story. The transition from a predominantly rural to an affluent urban culture has also changed the average American's life-style.

Nhưng đối với nhiều chuyên gia y tế công cộng, đó chỉ là một phần của câu chuyện. Sự chuyển đổi từ một nền văn hóa nông thôn chủ yếu sang một nền văn hóa đô thị giàu có cũng đã thay đổi lối sống của người Mỹ trung bình.

Its hallmarks: A rich diet, sedentary living, cigarette smoking and a high input of tension. 'Just as TB was the prevalent disease in a young industrial society', says Dr Jeremiah Stamler, director of the Chicago Coronary Prevention Evaluation Program, 'the disease of a mature industrial society is coronary disease'.

Những dấu hiệu của nó: Chế độ ăn giàu chất béo, lối sống ít vận động, hút thuốc lá và lượng căng thẳng cao. Tiến sĩ Jeremiah Stamler, giám đốc Chương trình Đánh giá Phòng ngừa Bệnh Mạch vành Chicago, cho biết: 'Giống như bệnh lao là căn bệnh phổ biến trong một xã hội công nghiệp non trẻ, thì bệnh của một xã hội công nghiệp trưởng thành là bệnh mạch vành'.

Clearly, the coronary epidemic will not be curbed, as the infectious diseases were, by the simple development of drugs or vaccines. If experts like Stamler are right, nothing less

Rõ ràng, dịch bệnh mạch vành sẽ không được ngăn chặn, như các bệnh truyền nhiễm đã từng, bằng sự phát triển đơn giản của thuốc hoặc vắc-xin. Nếu các chuyên gia như Stamler

than a restructuring of the American way of life may be required to bring heart disease under control.

đúng, thì không có gì khác ngoài việc tái cấu trúc lối sống của người Mỹ có thể được yêu cầu để kiểm soát bệnh tim.

Who Gets Cancer?

Ai Bị Ung Thư?

The cancer patient, says Dr Claus Bahnson of the Eastern Pennsylvania Psychiatric Institute, tends to be lonely, emotionally isolated and to have difficulty forming deep relationships with other people.

Tiến sĩ Claus Bahnson của Viện Tâm thần Đông Pennsylvania cho biết, bệnh nhân ung thư có xu hướng cô đơn, bị cô lập về mặt cảm xúc và gặp khó khăn trong việc hình thành các mối quan hệ sâu sắc với người khác.

Denial. A striking psychological feature of the cancer-prone personality is extreme denial and repression of emotional responses, particularly depression and anxiety.

Chối bỏ. Một đặc điểm tâm lý nổi bật của phàm ngã dễ mắc bệnh ung thư là sự chối bỏ và kìm nén cực độ các phản ứng cảm xúc, đặc biệt là trầm cảm và lo lắng.

A conference on the psycho-physiologic aspects of cancer, under the auspices of the New York Academy of Sciences, produced more evidence of the possible relationship between the disease and emotional problems. University of Rochester Medical Centre researchers Arthur Schmale and Howard Iker maintain they were able to a significant degree to predict the appearance of cancer on the basis of emotional and psychological tests. Using an attitude of hopelessness as their criterion, they predicted cancer in 18 patients, 11 of whom were found to actually have the disease. In 33 patients they predicted no cancer, and 25 of those proved cancer free.

Một hội nghị về các khía cạnh tâm-sinh lý của bệnh ung thư, dưới sự bảo trợ của Viện Hàn lâm Khoa học New York, đã đưa ra nhiều bằng chứng hơn về mối liên hệ có thể có giữa bệnh tật và các vấn đề cảm xúc. Các nhà nghiên cứu Arthur Schmale và Howard Iker thuộc Trung tâm Y tế Đại học Rochester khẳng định rằng họ có thể dự đoán sự xuất hiện của bệnh ung thư ở một mức độ đáng kể dựa trên các xét nghiệm về cảm xúc và tâm lý. Sử dụng thái độ vô vọng làm tiêu chí, họ đã dự đoán bệnh ung thư ở [18] bệnh nhân, [11] trong số đó được phát hiện thực sự mắc bệnh. Ở [33] bệnh nhân, họ dự đoán không mắc bệnh ung thư và [25] người trong số đó đã được chứng minh là không mắc bệnh ung thư.

The following couplet appeared in a British Medical Journal:

Đoạn thơ sau xuất hiện trên Tạp chí Y khoa Anh:

'Eat all kind nature can bestow,

'Hãy ăn tất cả những gì tự nhiên có thể ban tặng,

It will amalgamate down below, if the mind says so!

Nó sẽ hợp nhất xuống dưới, nếu thể trí nói vậy!

But if you once begin to doubt

Nhưng nếu bạn bắt đầu nghi ngờ

Your gastric juice will find it out! ’

Dịch vị của bạn sẽ tìm ra nó!’

THE MECHANISMS OF PSYCHOSOMATICS

Cơ Chế của Tâm Thân

A general theosophical view of the problem of disease, the subject of the mechanism of interaction between body and Soul, is now considered.

Một quan điểm thông thiên học chung về vấn đề bệnh tật, chủ đề về cơ chế tương tác giữa thể xác và Linh Hồn, hiện đang được xem xét.

One theosophical contribution, fundamentally founded upon direct clairvoyant research, consists of a description of the anatomy of the Soul of man and includes information concerning the link between body and Soul.

Một đóng góp của thông thiên học, được xây dựng cơ bản dựa trên nghiên cứu thông nhãn trực tiếp, bao gồm mô tả về giải phẫu của Linh Hồn của con người và bao gồm thông tin liên quan đến mối liên kết giữa thể xác và Linh Hồn.

The mortal bodies of man are four in number and named the mental, the emotional, the etheric and the physical. Though fourfold, the mortal Personality is really a unit.

Các thể phàm ngã của con người có bốn loại và được gọi là thể trí, thể cảm xúc, thể dĩ thái và thể xác. Mặc dù tứ phân, Phàm ngã phàm trần thực sự là một đơn vị.

Theosophy teaches of the presence of the Superphysical within the physical—of the vehicles of the Ego, the mind and the emotions as interpenetrating and interacting upon the physical body. As a result of this ensouling Presence, the body is perpetually affected by feeling and thought.

Thông Thiên Học dạy về sự hiện diện của Siêu Vật Lý bên trong thể xác—về các vận cụ của Chân ngã, thể trí và cảm xúc như là sự thâm nhập lẫn nhau và tác động lên thể xác. Do sự Hiện Diện phú linh này, thể xác liên tục bị ảnh hưởng bởi cảm xúc và tư tưởng.

An important additional idea must here be considered. Vitality is not only a bodily state, but also a force with its specific vehicle and channels—the Etheric Double, the nerves and the force-centres, constituting a third circulatory system.

Một ý tưởng bổ sung quan trọng phải được xem xét ở đây. Sinh lực không chỉ là một trạng thái thể chất, mà còn là một mãnh lực với vận cụ và các kênh cụ thể của nó—Thể Dĩ Thái Kép, các dây thần kinh và các trung tâm mãnh lực, tạo thành một hệ tuần hoàn thứ ba.

Every nerve, artery and vein has an etheric sheath and constitutes a physical and an etheric canal along which life-force or *prana* flows. Physically, the main organic centres are at the glands and nerve centres whilst super-physically they are at the *chakras* or centres of Soul energy in the subtle bodies.

Mọi dây thần kinh, động mạch và tĩnh mạch đều có vỏ bọc dĩ thái và tạo thành một ống dẫn thể xác và dĩ thái, dọc theo đó sinh mệnh lực hoặc prana chảy. Về mặt thể chất, các trung tâm hữu cơ chính nằm ở các tuyến và trung tâm thần kinh, trong khi về mặt siêu vật lý, chúng nằm ở các luân xa hoặc các trung tâm năng lượng Linh Hồn trong các thể vi tế.

The *chakras* and these flowing *pranas* serve as links between body and Soul and it is largely through them that mental and emotional states reach and affect the body, its organs and their functions. This flow of vitality is influenced by both bodily and psychological changes which later affect especially the nervous systems in at least three ways. They do this by influencing the flow of *prana,* by affecting the condition of the mental, Astral and etheric bodies themselves and thirdly by affecting the force-centres or *chakras* in the superphysical bodies and the associated glands and other organs in the physical body.

Các luân xa và các dòng prana này đóng vai trò là liên kết giữa thể xác và Linh Hồn và phần lớn thông qua chúng mà các trạng thái trí tuệ và cảm xúc đạt đến và ảnh hưởng đến thể xác, các cơ quan của nó và các chức năng của chúng. Dòng sinh lực này bị ảnh hưởng bởi cả những thay đổi về thể chất và tâm lý, sau này ảnh hưởng đặc biệt đến hệ thần kinh theo ít nhất ba cách. Chúng làm điều này bằng cách ảnh hưởng đến dòng prana, bằng cách ảnh hưởng đến tình trạng của chính các thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái và thứ ba là bằng cách ảnh hưởng đến các trung tâm mãnh lực hoặc luân xa trong các thể siêu vật lý và các tuyến liên quan và các cơ quan khác trong thể xác.

The seven *chakras* are specific organs in the etheric, Astral and mental bodies. The Sanskrit word *chakra* means 'wheel'. The etheric *chakras* are flower or bell-shaped vortices, lying with their edges on the surface of the Etheric Double and situated at the crown, the brow, the throat, the heart, the solar plexus, the spleen and the sacrum.

Bảy luân xa là các cơ quan cụ thể trong các thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí. Từ chakra trong tiếng Phạn có nghĩa là 'bánh xe'. Các luân xa dĩ thái là các xoáy hình hoa hoặc hình chuông, nằm với các cạnh của chúng trên bề mặt của Thể Dĩ Thái Kép và nằm ở đỉnh đầu, trán, cổ họng, tim, tùng thái dương, lá lách và xương cùng.

Each vortex has a tube or stalk running back into the spinal tract or cranial glands. There is a two-way flow along these stalks incoming and outgoing from spinal cord to nervous systems.

Mỗi xoáy có một ống hoặc cuống chạy ngược vào đường cột sống hoặc các tuyến sọ. Có một dòng chảy hai chiều dọc theo các cuống này đi vào và đi ra từ tủy sống đến hệ thần kinh.

In the Astral and mental bodies they are larger, highly coloured and convey super-physical *pranas* via the etheric *chakras* to the physical glandular and nerve centres, their function being greatly affected by thought and emotion.

Trong các thể cảm dục và thể trí, chúng lớn hơn, có màu sắc rực rỡ và truyền prana siêu vật lý thông qua các luân xa dĩ thái đến các trung tâm tuyến và thần kinh thể chất, chức năng của chúng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tư tưởng và cảm xúc.

Theosophy thus refers to the *chakras* and the Etheric Double as links between physical consciousness. When the throat tightens with self-consciousness or the stomach 'turns over' or 'sinks'—changes in Astral consciousness affect first the Astral Body, then the Astral

Do đó, Thông Thiên Học đề cập đến các luân xa và Thể Dĩ Thái Kép như là các liên kết giữa tâm thức thể chất. Khi cổ họng thắt lại vì tự ý thức hoặc dạ dày 'lộn nhào' hoặc 'chìm xuống'—những thay đổi trong tâm thức cảm dục ảnh hưởng đầu tiên đến Thể Cảm Dục, sau đó đến

throat *chakra,* then the etheric *chakra,* and so the physical glands and nerve centres.

luân xa cổ họng cảm dục, sau đó đến luân xa dĩ thái, và do đó đến các tuyến và trung tâm thần kinh thể chất.

The *chakras* have a definite influence on the endocrine glands in their region and this is one theosophical view of behaviourism and glandular disturbances. Generally, after long strain, after negative or discordant thought and emotion, and after shock the subtle bodies alter and then the *chakras.*

Các luân xa có một ảnh hưởng nhất định đến các tuyến nội tiết trong khu vực của chúng và đây là một quan điểm thông thiên học về thuyết hành vi và các rối loạn tuyến. Nói chung, sau một thời gian dài căng thẳng, sau những tư tưởng và cảm xúc tiêu cực hoặc bất hòa, và sau cú sốc, các thể vi tế thay đổi và sau đó là các luân xa.

These effects then gradually reach the glands and the nerve centres thereby affecting the supply of *prana,* the chemistry and the metabolism of the body.

Những ảnh hưởng này sau đó dần dần đến các tuyến và các trung tâm thần kinh, do đó ảnh hưởng đến việc cung cấp prana, hóa học và sự trao đổi chất của thể xác.

In addition to this general interaction, the functions of the glands, nerve centres and organs are governed by cyclic law, as is the whole body. Within the major cycle of birth, growth, maturity, senility, death are the individual cycles of varying degrees of activity of the glands at different ages. These cycles and functions are also affected by thought, emotion, mode of life, diet, infection, 'accident' and old age. All these affect the glands; for wrong thought, wrong emotion, wrong mode of life and diet interfere with their proper cycles and the harmonious blending of all the separate cycles of activity of each organism in the body, which is essential to perfect health. In other words, they upset the balance of bodily function.

Ngoài sự tương tác chung này, các chức năng của các tuyến, trung tâm thần kinh và cơ quan được điều chỉnh bởi định luật tuần hoàn, như toàn bộ thể xác. Bên trong chu kỳ chính của sinh, trưởng, thành, suy, tử là các chu kỳ riêng lẻ với các mức độ hoạt động khác nhau của các tuyến ở các độ tuổi khác nhau. Các chu kỳ và chức năng này cũng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng, cảm xúc, lối sống, chế độ ăn uống, nhiễm trùng, 'tai nạn' và tuổi già. Tất cả những điều này ảnh hưởng đến các tuyến; vì tư tưởng sai, cảm xúc sai, lối sống và chế độ ăn uống sai can thiệp vào các chu kỳ thích hợp của chúng và sự pha trộn hài hòa của tất cả các chu kỳ hoạt động riêng biệt của mỗi sinh vật trong thể xác, điều này rất cần thiết cho sức khỏe hoàn hảo. Nói cách khác, chúng làm đảo lộn sự cân bằng của chức năng cơ thể.

In addition, each *chakra,* in health, also has its own chord and place in the total personal chord. In health all are in tune, and the life-force then flows freely and harmoniously through vehicles and *chakras* to the physical body and, other factors being present, produce and maintain perfect health.

Ngoài ra, mỗi luân xa, khi khỏe mạnh, cũng có hợp âm và vị trí riêng trong hợp âm cá nhân tổng thể. Khi khỏe mạnh, tất cả đều hòa hợp và sinh mệnh lực sau đó chảy tự do và hài hòa qua các vận cụ và luân xa đến thể xác và, các yếu tố khác hiện diện, tạo ra và duy trì sức khỏe hoàn hảo.

Self correction of habitual mental and emotional errors and of harmful physical habits is most important in the maintenance of health. Both habitual, temporary errors and the more deep-seated psychological difficulties must be attacked by the sufferer and cleared up. In this, especially at first, external help is often needed and that is the place of the true healer.

Tự điều chỉnh các lỗi trí tuệ và cảm xúc theo thói quen và các thói quen thể chất có hại là rất quan trọng trong việc duy trì sức khỏe. Cả những lỗi tạm thời, theo thói quen và những khó khăn tâm lý sâu sắc hơn đều phải bị người bệnh tấn công và giải quyết. Trong việc này, đặc biệt là lúc đầu, thường cần sự giúp đỡ từ bên ngoài và đó là vị trí của người chữa bệnh thực sự.

The chief influence, it would to us appear, however, in achieving and maintaining good health is the general attitude to life. This can be either excited, contracted, tense, bitter, envious, fearful, strained, acquisitive, greedy, pugnacious, personal or calm, relaxed, free, kindly, impersonal, benevolent. Naturally, the latter is the ideal.

Tuy nhiên, ảnh hưởng chính, theo chúng ta thấy, trong việc đạt được và duy trì sức khỏe tốt là thái độ chung đối với cuộc sống. Điều này có thể là kích động, co rút, căng thẳng, cay đắng, ghen tị, sợ hãi, căng thẳng, chiếm đoạt, tham lam, hiếu chiến, cá nhân hoặc bình tĩnh, thư giãn, tự do, tử tế, vô tư, nhân từ. Đương nhiên, cái sau là lý tưởng.

PSYCHOSOMATIC DIFFICULTIESCLAIRVOYANTLY OBSERVED

NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ TÂM THÂN ĐƯỢC QUAN SÁT BẰNG THÔNG NHÃN

The clairvoyant diagnostician first studies the case history, the physical problems, the Etheric Double, the Astral and Mental Bodies and if necessary and possible, relevant past lives.

Nhà chẩn đoán thông nhãn trước tiên nghiên cứu bệnh sử, các vấn đề thể chất, Thể Dĩ Thái Kép, Thể Cảm Dục và Thể Trí và nếu cần thiết và có thể, các kiếp sống quá khứ có liên quan.

Inner causes are thus seen first and the questions to the patient limited to those which will draw out a personal realization and confession, or restore to conscious memory the incidents in the past which are the causes of present ill health, thus bringing relief from constriction and clearing away obstructions.

Do đó, các nguyên nhân bên trong được nhìn thấy trước và các câu hỏi dành cho bệnh nhân được giới hạn ở những câu hỏi sẽ rút ra sự nhận thức và thú nhận cá nhân, hoặc khôi phục lại ký ức có ý thức về những sự cố trong quá khứ vốn là nguyên nhân gây ra bệnh tật hiện tại, do đó mang lại sự giải tỏa khỏi sự co thắt và loại bỏ các tắc nghẽn.

Mento-emotional disturbances show themselves as:

Những xáo trộn về trí-cảm thể hiện như sau:

(a) abnormalities of shape, such as constrictions or enlargements in the Astral Body, as in alcoholism.

những bất thường về hình dạng, chẳng hạn như sự co thắt hoặc mở rộng trong Thể Cảm Dục, như trong chứng nghiện rượu.

(b) Hyperactive areas or auric imbalance in and around the physically affected area.

Các khu vực hoạt động quá mức hoặc mất cân bằng hào quang trong và xung quanh khu vực bị ảnh hưởng về thể chất.

(c) Inert patches in the Astral Body representing residue or 'ashes' from indulgences in former lives, scars from childhood, and also later sufferings such as shock, corporal punishment, frustration, disappointment, loneliness and neglect.

Các mảng trơ trong Thể Cảm Dục đại diện cho cặn hoặc 'tro' từ sự nuông chiều trong các kiếp sống trước đây, những vết sẹo từ thời thơ ấu, và cả những đau khổ sau này như sốc, trừng phạt về thể xác, thất vọng, thất vọng, cô đơn và bỏ bê.

(d) Jealous anger, irritation and resentment appear as areas of brown-green with red flashes and scarlet flecks, and when these are deeply felt the black of malice can also be present. These direct and use up undue amounts of Astral life-force, and render discordant some of that which reaches the physical body.

Sự tức giận, khó chịu và oán giận ghen tuông xuất hiện dưới dạng các vùng màu nâu-xanh lá cây với những tia đỏ và những đốm đỏ tươi, và khi những điều này được cảm nhận sâu sắc, màu đen của sự ác ý cũng có thể hiện diện. Chúng trực tiếp sử dụng một lượng sinh mệnh lực cảm dục quá mức và làm cho một số sinh mệnh lực đến được thể xác trở nên bất hòa.

(e) Depression shows as an enveloping cloud of grey, clogging the *chakras* and compressing the Astral Body.

Trầm cảm biểu hiện như một đám mây xám bao trùm, làm tắc nghẽn các luân xa và nén Thể Cảm Dục.

(f) Fear, anxiety and worry, show as dull, livid grey areas deep within the aura and as obstructions in, and constrictions of, the heart and solar plexus *chakras*.

Sợ hãi, lo lắng và lo lắng, biểu hiện như những vùng màu xám xỉn, xanh xao sâu bên trong hào quang và như những tắc nghẽn và co thắt ở tim và các luân xa tùng thái dương.

(g) Permanent thought-forms can appear within the aura, feeding upon its life. They can be caused by living too much in the past by dwelling unduly upon old happinesses and the people and places associated with them, as also by dwelling on old miseries.

Các hình tư tưởng vĩnh viễn có thể xuất hiện bên trong hào quang, ăn vào sự sống của nó. Chúng có thể bị gây ra bởi việc sống quá nhiều trong quá khứ bằng cách quá chú trọng vào những hạnh phúc cũ và những người và địa điểm liên quan đến chúng, cũng như bằng cách chú trọng vào những khổ sở cũ.

These habits all make thought-forms, which live on the life-force flowing through the Mental and Astral Bodies, thereby reducing the supply of the life-force available to them and flowing through them to the physical body.

Tất cả những thói quen này tạo ra các hình tư tưởng, sống nhờ vào sinh mệnh lực chảy qua Thể Trí và Thể Cảm Dục, do đó làm giảm nguồn cung cấp sinh mệnh lực có sẵn cho chúng và chảy qua chúng đến thể xác.

We may wisely remember and love the past,

Chúng ta có thể khôn ngoan nhớ và yêu quá

but should not unduly cling to it. We should not surrender to past sorrows, bereavements and mistakes.

khứ, nhưng không nên quá bám víu vào nó. Chúng ta không nên đầu hàng những nỗi buồn, mất mát và sai lầm trong quá khứ.

(h) In nightmares and recurring night terrors sometimes the Astral elemental essence assumes an ugly shape, which may range from an enveloping black cloud to a terrifying animal-like or other form seeming to threaten the person. These are met on the Astral Plane and the fright sends the person rushing back in terror to the physical body. A nightmare is the result.

Trong những cơn ác mộng và những cơn kinh hoàng về đêm tái diễn, đôi khi tinh chất hành khí cảm dục mang một hình dạng xấu xí, có thể từ một đám mây đen bao trùm đến một hình dạng giống động vật hoặc hình dạng khác đáng sợ dường như đe dọa người đó. Chúng được gặp trên Cõi Cảm Dục và sự hoảng sợ khiến người đó vội vã trở lại thể xác trong kinh hoàng. Một cơn ác mộng là kết quả.

These forms must be broken up by the will-power of the healer who, in addition must clear the aura and stabilize and strengthen the consciousness. Such abnormalities affect adversely the *chakras,* especially their two functions as channels for *prana* and aspects of consciousness.

Những hình thức này phải bị phá vỡ bởi ý chí của người chữa bệnh, người ngoài ra phải làm sạch hào quang và ổn định và tăng cường tâm thức. Những bất thường như vậy ảnh hưởng xấu đến các luân xa, đặc biệt là hai chức năng của chúng như là các kênh cho prana và các khía cạnh của tâm thức.

For example, the solar plexus *chakra* and the Astral Body both contract and become choked up in sudden fear, panic, habitual anxiety, anger and resentment, thus reducing the inflow of the ensouling Astral life-force.

Ví dụ, luân xa tùng thái dương và Thể Cảm Dục đều co lại và trở nên nghẹt thở trong nỗi sợ hãi đột ngột, hoảng loạn, lo lắng theo thói quen, tức giận và oán giận, do đó làm giảm dòng sinh mệnh lực cảm dục phú linh.

A broken heart can appear astrally as a closed heart *chakra* with interlocked petals—a tragic sight.

Một trái tim tan vỡ có thể xuất hiện trên cõi cảm dục như một luân xa tim khép kín với những cánh hoa lồng vào nhau—một cảnh tượng bi thảm.

(I) Alcoholism appears as an enlarged belt of protruding, brick red Astral matter reaching from the throat to the thighs, according to the degrees of addiction and indulgence.

(I) Chứng nghiện rượu xuất hiện như một vành đai mở rộng gồm vật chất cảm dục màu đỏ gạch nhô ra kéo dài từ cổ họng đến đùi, tùy theo mức độ nghiện và nuông chiều.

Within and outside of it, in its field of force, many small elemental, reptilian and animal-like forms are to be seen, battening upon the very life-force and influence of the abnormally active area.

Bên trong và bên ngoài nó, trong trường mãnh lực của nó, có thể thấy nhiều hình thức hành khí nhỏ, giống bò sát và động vật, đang bám vào chính sinh mệnh lực và ảnh hưởng của khu vực hoạt động bất thường.

EXPERIENCES IN PAST LIVES CAN AFFECT

NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG NHỮNG KIẾP

THE HEALTH OF THE NEW BODY AS FOLLOWS

SỐNG TRƯỚC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CỦA THỂ XÁC MỚI NHƯ SAU

(a) The effect of death from imprisonment—claustrophobia; from hunger, thirst or being lost or injured in open spaces—agoraphobia.

Ảnh hưởng của cái chết do bị giam cầm—chứng sợ không gian kín; do đói, khát hoặc bị lạc hoặc bị thương ở không gian rộng—chứng sợ không gian rộng.

(b) Inborn paralysing fear and unreasoning terror, as of snake-bite, scorpions, beasts or birds of prey, or bats, can be brought over as a result of death from any of these in a recent preceding life.

Nỗi sợ hãi tê liệt bẩm sinh và nỗi kinh hoàng vô lý, như bị rắn cắn, bọ cạp, thú dữ hoặc chim săn mồi, hoặc dơi, có thể được mang đến như là kết quả của cái chết do bất kỳ điều nào trong số này trong một kiếp sống trước đó gần đây.

(c) Fear of heights, water, fire, earth, caves, etc., may be related to the manner of death in a former life.

Sợ độ cao, nước, lửa, đất, hang động, v.v., có thể liên quan đến cách chết trong một kiếp sống trước đây.

(d) Fear of explosives, shots, planes overhead, slopes, water, knives or guns, can also be brought over especially in quick reincarnations after death from any of them, as of soldiers killed in battle.

Sợ chất nổ, tiếng súng, máy bay trên cao, dốc, nước, dao hoặc súng, cũng có thể được mang đến đặc biệt là trong những lần tái sinh nhanh chóng sau khi chết do bất kỳ điều nào trong số chúng, như của những người lính bị giết trong trận chiến.

(e) Complexes which are not thus caused can have their origin in mother-child relationships, both during pregnancy and in the early years of life, as stated earlier. These, too, will be visible appropriately as effects upon the *etheric mould* during intrauterine life, and later upon the *Etheric Double.*

Các phức cảm không phải do đó gây ra có thể có nguồn gốc từ các mối quan hệ mẹ con, cả trong thời kỳ mang thai và trong những năm đầu đời, như đã nêu trước đó. Những điều này cũng sẽ hiển thị một cách thích hợp như những ảnh hưởng lên khuôn dĩ thái trong cuộc sống trong tử cung, và sau đó lên Thể Dĩ Thái Kép.

Theosophy in New Zealand, Vol. 39, No. 3, 1978, p. 51

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. [39], Số [3], 1978, tr. [51]

200—

The Influence of Mind and Emotion on Health, Disease and Nutrition—Ảnh Hưởng của Thể Trí và Cảm Xúc đến Sức Khỏe, Bệnh Tật và Dinh Dưỡng

Although sanitation, hygiene and dietetics have reduced mortality and lengthened the average duration of life, statistics demon-

Mặc dù vệ sinh, giữ gìn vệ sinh và chế độ ăn uống đã làm giảm tỷ lệ tử vong và kéo dài tuổi thọ trung bình, nhưng số liệu thống kê chứng

strate that the general ill-health and proneness to disease of mankind are on the increase. A growing sickliness is showing itself among modern civilized humanity. Every individual and every family are continually faced with the possibility that mental or physical, and often mortal, disease will strike them. Disabling and painful diseases and epidemics are the almost certain lot of present-day man.

minh rằng tình trạng sức khỏe kém nói chung và khuynh hướng mắc bệnh của nhân loại đang gia tăng. Một sự ốm yếu ngày càng tăng đang thể hiện ở nhân loại văn minh hiện đại. Mọi cá nhân và mọi gia đình liên tục phải đối mặt với khả năng bệnh tật về thể trí hoặc thể chất, và thường là gây tử vong, sẽ tấn công họ. Các bệnh tật và dịch bệnh gây tàn phế và đau đớn gần như là số phận chắc chắn của con người ngày nay.

Psycho-somatic Medicine

Y Học Tâm Thân

Whilst meat-eating is a basic cause of toxaemia and many diseases, the psychological causes, now accepted and granted their due position in what is known as psycho-somatic medicine, and malnutrition, are undoubtedly contributory factors. The influence of mental and emotional states upon both bodily functions and nutrition are now too well proven to be either doubted or neglected with impunity. There is an increasing evidence that repressed anxiety, for example, which cannot be discharged in action, is discharged in the form of disease, while habitual, environmental stress, poverty, grief, family anxiety, envy, hate, fear, worry, secretiveness, pride, nursed grievances and a deep and often silently endured sense of frustration, are capable of causing organic changes and physical diseases.

Trong khi việc ăn thịt là một nguyên nhân cơ bản gây ra nhiễm độc máu và nhiều bệnh tật, thì các nguyên nhân tâm lý, hiện được chấp nhận và thừa nhận vị trí xứng đáng của chúng trong cái được gọi là y học tâm thân, và suy dinh dưỡng, chắc chắn là những yếu tố góp phần. Ảnh hưởng của các trạng thái trí tuệ và cảm xúc đối với cả chức năng cơ thể và dinh dưỡng hiện đã được chứng minh quá rõ ràng để có thể bị nghi ngờ hoặc bỏ qua mà không bị trừng phạt. Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy sự lo lắng bị kìm nén, chẳng hạn, không thể được giải tỏa trong hành động, được giải tỏa dưới dạng bệnh tật, trong khi căng thẳng môi trường theo thói quen, nghèo đói, đau buồn, lo lắng gia đình, ghen tị, ghét bỏ, sợ hãi, lo lắng, bí mật, kiêu hãnh, nuôi dưỡng những bất bình và một cảm giác thất vọng sâu sắc và thường âm thầm chịu đựng, có khả năng gây ra những thay đổi hữu cơ và bệnh tật thể chất.

Health Essentials

Những Điều Cốt Yếu cho Sức Khỏe

The human body is nourished from many sources, the principal ones being food, the radiations from the sun, earth, air and water and the many less ponderable energies which flow continually upon the human body. The elimination of flesh, fish and fowl from the diet and the inclusion of fresh fruits and

Cơ thể con người được nuôi dưỡng từ nhiều nguồn, trong đó các nguồn chính là thực phẩm, bức xạ từ mặt trời, đất, không khí và nước và nhiều năng lượng ít quan trọng hơn liên tục chảy vào cơ thể con người. Việc loại bỏ thịt, cá và gia cầm khỏi chế độ ăn uống và bao gồm trái cây và rau quả tươi, thường là chưa

vegetables, often uncooked, whole grain cereals, dried fruits and nuts and fresh dairy products, form the essentials of sound nutrition. The most perfect and complete dietary, however, though it will greatly help will not, I believe, conduce to perfect health unless a measure of mental emotional equipoise and harmony obtains, both in general and in particular when food is being taken.

nấu chín, ngũ cốc nguyên hạt, trái cây khô và các loại hạt và các sản phẩm từ sữa tươi, tạo thành những điều cốt yếu của dinh dưỡng lành mạnh. Tuy nhiên, tôi tin rằng chế độ ăn uống hoàn hảo và đầy đủ nhất, mặc dù nó sẽ giúp ích rất nhiều, sẽ không dẫn đến sức khỏe hoàn hảo trừ khi có được một mức độ cân bằng và hài hòa về trí tuệ cảm xúc, cả về tổng thể và đặc biệt khi dùng thức ăn.

Body Functions

Chức Năng Cơ Thể

The human body is composed of trillions of cells, each performing its life functions by virtue of its instinctual action. Every cell is connected by a very fine nerve to other nerves until at last they are gathered into centres in the spinal cord. The cells are controlled automatically by the glands and the sympathetic nervous system. When these cells, nerves and glands are functioning harmoniously, there is health. When they are disturbed in their functioning, there is ill-health.

Cơ thể con người được cấu tạo từ hàng nghìn tỷ tế bào, mỗi tế bào thực hiện các chức năng sống nhờ vào hoạt động bản năng của nó. Mỗi tế bào được kết nối bằng một dây thần kinh rất nhỏ với các dây thần kinh khác cho đến khi cuối cùng chúng tập hợp lại thành các trung tâm trong tủy sống. Các tế bào được kiểm soát tự động bởi các tuyến và hệ thần kinh giao cảm. Khi các tế bào, dây thần kinh và tuyến này hoạt động hài hòa, sẽ có sức khỏe. Khi chúng bị xáo trộn trong hoạt động, sẽ có bệnh tật.

The body is a whole and all its parts are inseparable. Body, life, mind, opinions, emotions, moods, instincts, nerves, glands, tissues, blood and organs altogether constitute an operative unit. If any part is out of harmony there is a general discordance, thus disease, of the whole. Sickness and disease, then, are unnatural states resulting from disturbances and hindrances to the life functions of the body, nerve and gland cells, The cure will be found in the removal of the cause of the psychological disturbance to the function and processes of the parts that make up the bodily self. The adjustment of these discordances is found only in that self-knowledge which reveals the cause of the inhibitions and repressions which obstruct the flow of the life forces.

Cơ thể là một tổng thể và tất cả các bộ phận của nó không thể tách rời. Thể xác, sự sống, thể trí, ý kiến, cảm xúc, tâm trạng, bản năng, dây thần kinh, tuyến, mô, máu và các cơ quan hoàn toàn cấu thành một đơn vị hoạt động. Nếu bất kỳ bộ phận nào không hài hòa, sẽ có một sự bất hòa chung, do đó gây ra bệnh tật, cho toàn bộ cơ thể. Vậy thì, bệnh tật là những trạng thái không tự nhiên do những xáo trộn và cản trở các chức năng sống của cơ thể, tế bào thần kinh và tuyến. Phương pháp chữa trị sẽ được tìm thấy trong việc loại bỏ nguyên nhân gây ra sự xáo trộn tâm lý đối với chức năng và quá trình của các bộ phận tạo nên bản thân thể xác. Sự điều chỉnh những bất hòa này chỉ được tìm thấy trong sự tự-tri vốn tiết lộ nguyên nhân của những ức chế và kìm nén vốn cản trở dòng chảy của các sinh lực.

Vitalizing Necessities

The process of nutrition demands vitality to stimulate glandular secretion. Hormones and enzymes must reach the necessary organs in order that the breaking up and rebuilding of the cells may be completed. The body is like a flowing vesture; it is completely rebuilt every seven years. Harmonious living and right thinking and feeling, especially when taking food, are essential to continued good health. Worry can disturb the structural procedure. Anger can destroy and distort the growing new cells. Equable emotions, on the other hand, permit the wonderful, automatic body mechanisms to make repairs and eliminate waste products. Psychological conditions operating through the nerves and glands affect each cell at the moment of growth or resolution. A harmonious atmosphere at meal times is essential to good digestion and assimilation. Eating should be done in a state of happiness. Heated arguments, severe correction of children by parents, quarrelling of any kind, reproaches and the discussion of unpleasant subjects, all these should be kept away from the table.

Whilst a sound dietary is essential to vigorous health—and vegetarianism is definitely indicated by the anatomy and physiology of the body—right food alone is not enough. An impoverished or frustrated emotional life, maladjustment to environment and continued thoughts of guilt, grievance, resentment, anger, hatred and malice can both prevent full nutrition from the best of foods and set up disease conditions in the body. Vegetarianism, whilst most important, must be supplemented by right thought, right emotions and right conduct of life.

The New Zealand Vegetarian, June/August

Những Nhu Cầu Tiếp Sinh Lực

Quá trình dinh dưỡng đòi hỏi sinh lực để kích thích sự bài tiết của tuyến. Các hormone và enzyme phải đến được các cơ quan cần thiết để quá trình phân hủy và tái tạo các tế bào có thể được hoàn thành. Cơ thể giống như một chiếc áo choàng đang chảy; nó được xây dựng lại hoàn toàn sau mỗi bảy năm. Cuộc sống hài hòa và suy nghĩ và cảm xúc đúng đắn, đặc biệt là khi ăn, là điều cần thiết để duy trì sức khỏe tốt. Lo lắng có thể làm xáo trộn quy trình cấu trúc. Giận dữ có thể phá hủy và bóp méo các tế bào mới đang phát triển. Mặt khác, những cảm xúc ổn định cho phép các cơ chế cơ thể tự động tuyệt vời thực hiện sửa chữa và loại bỏ các chất thải. Các điều kiện tâm lý hoạt động thông qua các dây thần kinh và tuyến ảnh hưởng đến mỗi tế bào tại thời điểm tăng trưởng hoặc phân giải. Một bầu không khí hài hòa vào giờ ăn là điều cần thiết cho quá trình tiêu hóa và đồng hóa tốt. Nên ăn trong trạng thái hạnh phúc. Những cuộc tranh cãi gay gắt, việc cha mẹ sửa phạt con cái nghiêm khắc, mọi cuộc cãi vã, trách móc và thảo luận về những chủ đề khó chịu, tất cả những điều này nên tránh xa bàn ăn.

Mặc dù một chế độ ăn uống lành mạnh là điều cần thiết cho sức khỏe cường tráng—và chế độ ăn chay chắc chắn được chỉ ra bởi giải phẫu và sinh lý của cơ thể—thì chỉ thực phẩm đúng thôi là chưa đủ. Một đời sống tình cảm nghèo nàn hoặc thất vọng, sự điều chỉnh sai lệch với môi trường và những suy nghĩ liên tục về tội lỗi, bất bình, oán giận, tức giận, thù hận và ác ý đều có thể ngăn cản dinh dưỡng đầy đủ từ những thực phẩm tốt nhất và gây ra các tình trạng bệnh tật trong cơ thể. Ăn chay, mặc dù rất quan trọng, phải được bổ sung bằng tư tưởng đúng đắn, cảm xúc đúng đắn và cách sống đúng đắn.

The New Zealand Vegetarian, tháng 6/tháng 8

1950, p. 9

năm 1950, tr. [9]

201—

Man in Health and Disease—Con Người trong Sức Khỏe và Bệnh Tật

A THEOSOPHICAL APPROACH

I

INTRODUCTION

One theosophical view of the nature of man is that he is both a trinity — spirit and matter united by intellect—and, when awake, a septenary—spiritual will, wisdom, and intelligence functioning as thought, emotion, vital, and physical bodies. He is said also to be a unit of power, life, and consciousness and, in consequence, all his vehicles are interconnected and mutually interactive. The purpose of man's existence is to attain to 'perfection' or Adeptship which is achieved by means of successive lives, all being governed by an exact law, the Law of Cause and Effect. This law is described as an incessant, impersonal adjustment whose sole purpose is to maintain and, when disturbed, to restore the balanced harmony of the universe. It is the law inherent in the nature of things, changeless, inevadable[123]; the ultimate law of the universe, the source, fount, and origin of all other laws under which effects follow causes. In Sanskrit called karma, the law operates continually upon all mankind, its effects upon the individual being modified from hour to hour, day to day, and life to life.

MỘT TIẾP CẬN THÔNG THIÊN HỌC

I

GIỚI THIỆU

Một quan điểm thông thiên học về bản chất của con người là y vừa là một tam vị nhất thể —tinh thần và vật chất hợp nhất bởi trí tuệ— và, khi thức tỉnh, một thất phân—ý chí tinh thần, minh triết và trí thông minh hoạt động như thể tư tưởng, cảm xúc, sinh lực và thể xác. Y cũng được cho là một đơn vị của quyền năng, sự sống và tâm thức và, do đó, tất cả các vận cụ của y đều được kết nối với nhau và tương tác lẫn nhau. Mục đích tồn tại của con người là đạt đến 'sự hoàn hảo' hay Địa vị Chân sư vốn đạt được bằng các kiếp sống kế tiếp nhau, tất cả đều bị chi phối bởi một định luật chính xác, Luật Nhân Quả. Định luật này được mô tả như một sự điều chỉnh liên tục, vô ngã mà mục đích duy nhất là duy trì và, khi bị xáo trộn, khôi phục sự hài hòa cân bằng của vũ trụ. Đó là định luật vốn có trong bản chất của mọi vật, bất biến, không thể tránh khỏi; định luật tối thượng của vũ trụ, nguồn gốc, suối nguồn và căn nguyên của tất cả các định luật khác theo đó các hiệu ứng tuân theo các nguyên nhân. Trong tiếng Phạn gọi là nghiệp quả, định luật này liên tục tác động lên toàn thể nhân loại, những tác động của nó lên cá nhân được điều chỉnh từ giờ này sang giờ khác, ngày này sang ngày khác và kiếp này sang kiếp khác.

---

[123] 'For verily I say unto you, Till heaven and earth pass, one jot or one tittle shall in no wise pass from the law, till all be fulfilled'. Matthew. 5:18., also Luke 16:17; Matthew 7:1, 2, 12; Galatians 6:7.

Human experience—in health and disease for example—differs because causative action differs, and as a result the world of men may be regarded as an ever-changing, ever-growing, network of karma. Persistent selfishness, cruelty, and the misuse of the body and its powers bring disease and sorrow, whilst consistent non-possessive love, service, and the right use of the body bring health and happiness. Unless neutralized by intervening conduct, actions based on unity and motivated by unselfish love and service eventually produce a pleasure, a health, and a growing freedom of self-expression which encourage the actor to repeat them. Actions based on separateness and motivated by dislike, greed, cruelty and selfishness, can similarly produce pain, ill health and an increasing limitation of self-expression, which discourage the actor from repeating them. The wise man who knows and obeys this law need fear naught outside himself, but only his own defects of character and the errors of conduct to which those defects lead him. This knowledge concerning man is herein presented as the heart of the science of health, and indeed, happiness.

Kinh nghiệm của con người—ví dụ như trong sức khỏe và bệnh tật—khác nhau vì hành động nhân quả khác nhau, và kết quả là thế giới loài người có thể được xem như một mạng lưới nghiệp quả luôn thay đổi, luôn phát triển. Sự ích kỷ, tàn ác dai dẳng và việc lạm dụng cơ thể và các quyền năng của nó mang lại bệnh tật và đau khổ, trong khi tình thương vô tư, sự phụng sự và việc sử dụng đúng đắn cơ thể mang lại sức khỏe và hạnh phúc. Trừ khi bị vô hiệu hóa bởi hành vi can thiệp, các hành động dựa trên sự hợp nhất và được thúc đẩy bởi tình thương và sự phụng sự vô vị kỷ cuối cùng sẽ tạo ra một niềm vui, một sức khỏe và một sự tự do ngày càng tăng trong việc tự biểu hiện vốn khuyến khích người hành động lặp lại chúng. Các hành động dựa trên sự tách biệt và được thúc đẩy bởi sự không thích, tham lam, tàn ác và ích kỷ, cũng có thể tạo ra đau đớn, bệnh tật và sự hạn chế ngày càng tăng của sự tự biểu hiện, vốn không khuyến khích người hành động lặp lại chúng. Người khôn ngoan vốn biết và tuân theo định luật này không cần phải sợ hãi bất cứ điều gì bên ngoài bản thân y, mà chỉ sợ những khiếm khuyết trong tính cách của chính y và những sai lầm trong hành vi mà những khiếm khuyết đó dẫn y đến. Kiến thức này liên quan đến con người được trình bày ở đây như là trái tim của khoa học về sức khỏe, và thực sự là hạnh phúc.

Applying this law to the problem of health, and to ill health and its treatment, it is found that behind every disease is both a defect of character and an error of conduct, whether in the present or a former life. The true means of prevention and cure at once emerge; for if wrong thought, emotion, and action produce pain, then right thought, emotion, and action produce happiness. Prevention of ill health, it may be added, is effected by continued right conduct, which means wise and, above all, kind conduct. Final cure, one may conclude, consists in correcting the error in

Áp dụng định luật này vào vấn đề sức khỏe, và vào bệnh tật và cách điều trị nó, người ta thấy rằng đằng sau mọi bệnh tật đều có cả một khiếm khuyết về tính cách và một sai lầm trong hành vi, dù là trong kiếp này hay kiếp trước. Các phương tiện phòng ngừa và chữa trị thực sự ngay lập tức xuất hiện; vì nếu tư tưởng, cảm xúc và hành động sai trái tạo ra đau đớn, thì tư tưởng, cảm xúc và hành động đúng đắn tạo ra hạnh phúc. Có thể nói thêm rằng, việc phòng ngừa bệnh tật được thực hiện bằng hành vi đúng đắn liên tục, có nghĩa là hành vi khôn ngoan và trên hết là hành vi tử

consciousness and eliminating the defect in character, thereby reducing the tendency to perform pain-producing actions.

tế. Người ta có thể kết luận rằng, phương pháp chữa trị cuối cùng bao gồm việc sửa chữa sai lầm trong tâm thức và loại bỏ khiếm khuyết trong tính cách, do đó làm giảm xu hướng thực hiện các hành động gây đau đớn.

Psychosomatic Disorders

Rối Loạn Tâm Thể

Whilst recognizing physical causes of disease, as in 'accidents', old age, dietetic errors, and the wrong conduct of life, recent research supports the view that long-continued discordant conditions of mind and emotion can and do cause disease. A medical explanation of this condition is that in time of fear or anger, powerful changes take place within the body; the heart muscles are stimulated to more rapid pulsation, circulation is shifted from the stomach and intestines to the heart, brain, lungs, and skeletal muscles—all resources are mobilized for the most effective fight or flight. The mechanisms of these automatic reactions are largely chemical, being caused by powerful substances secreted by the glands and the nerve endings. Every impression from the outside world that threatens the security of the individual, that provokes him to anger or inspires him to fear, automatically calls into play this complicated biochemical mechanism to prepare the body for action. Frequently, however, no action follows, hence emotional repression and tensed bodily energy charges intensify the situation and cause further difficulties. It is known, for example, that under strong emotion changes in the 'structure' of the blood are wrought by minute quantities of added substance—adrenalin, for instance. Blood may be regarded as a fluid organ, and as it is changed by slight alteration of its chemical content, so are the other organs changed as they are bathed by the altered fluid. Anxiety thus becomes a biochemical factor. Through automatic

Mặc dù thừa nhận các nguyên nhân vật lý gây ra bệnh tật, như trong 'tai nạn', tuổi già, sai sót trong chế độ ăn uống và hành vi sai trái trong cuộc sống, nghiên cứu gần đây ủng hộ quan điểm cho rằng các tình trạng bất hòa kéo dài của thể trí và cảm xúc có thể và gây ra bệnh tật. Một lời giải thích y học về tình trạng này là trong thời gian sợ hãi hoặc tức giận, những thay đổi mạnh mẽ diễn ra bên trong cơ thể; các cơ tim được kích thích để đập nhanh hơn, tuần hoàn chuyển từ dạ dày và ruột đến tim, não, phổi và cơ xương—tất cả các nguồn lực được huy động cho cuộc chiến hoặc cuộc chạy trốn hiệu quả nhất. Các cơ chế của những phản ứng tự động này phần lớn là hóa học, do các chất mạnh mẽ do các tuyến và đầu dây thần kinh tiết ra gây ra. Mọi ấn tượng từ thế giới bên ngoài đe dọa sự an toàn của cá nhân, vốn kích động y tức giận hoặc truyền cảm hứng cho y sợ hãi, đều tự động kêu gọi cơ chế sinh hóa phức tạp này để chuẩn bị cho cơ thể hành động. Tuy nhiên, thường thì không có hành động nào xảy ra, do đó sự kìm nén cảm xúc và các điện tích năng lượng cơ thể căng thẳng làm tăng thêm tình hình và gây ra những khó khăn hơn nữa. Ví dụ, người ta biết rằng dưới cảm xúc mạnh mẽ, những thay đổi trong 'cấu trúc' của máu được tạo ra bởi một lượng nhỏ chất được thêm vào—ví dụ, adrenalin. Máu có thể được coi là một cơ quan lưu chất, và vì nó bị thay đổi bởi sự thay đổi nhỏ về hàm lượng hóa học của nó, nên các cơ quan khác cũng bị thay đổi khi chúng được tắm trong lưu chất đã thay đổi. Do đó, lo lắng trở thành một yếu tố sinh hóa. Thông qua sự kích thích tự động của các chất tiết, nó có thể giải phóng các vật liệu gây

stimulation of secretions, it may release materials as upsetting to the system as bacteria.

khó chịu cho hệ thống như vi khuẩn.

Dr Alexis Carrel writes in *Man, the Unknown:.*

Tiến sĩ Alexis Carrel viết trong Con Người, Điều Chưa Biết:.

'Envy, hate, fear, when these sentiments are habitual, are capable of starting organic changes and genuine diseases. Moral suffering profoundly disturbs health. Business men who do not know how to fight worry, die young. Emotions determine the dilation or concentration of the small arteries, through the vasomotor nerves. They are, therefore, accompanied by changes in blood circulation. Pleasure causes the skin of the face to flush. Fear turns it white. The affective states stimulate or stop gland secretions, or modify their chemical constitution. It has been proved that a moral shock may cause marked changes in the blood. Thought can generate organic lesions. The instability of modern life, the ceaseless agitation, create states of consciousness which bring about nervous and organic disorders of the stomach and of the intestines, defective nutrition, and passage of intestinal microbes into the circulatory apparatus. Various kidney and bladder infections are the remote results of mental and moral unbalance. Such diseases are almost unknown in social groups where life is simpler, where anxiety is less constant. Likewise, those who keep the peace of their inner self in the midst of tumult are immune from nervous and organic disorders. Man thinks, invents, loves, suffers, admires and prays with his brain and all his organs'.

'Ghen tị, thù hận, sợ hãi, khi những tình cảm này trở thành thói quen, có khả năng khởi đầu những thay đổi hữu cơ và những căn bệnh thực sự. Đau khổ về mặt đạo đức làm xáo trộn sâu sắc sức khỏe. Những doanh nhân không biết cách chống lại sự lo lắng sẽ chết trẻ. Cảm xúc quyết định sự giãn nở hoặc tập trung của các động mạch nhỏ, thông qua các dây thần kinh vận mạch. Do đó, chúng đi kèm với những thay đổi trong tuần hoàn máu. Niềm vui khiến da mặt ửng hồng. Sợ hãi biến nó thành trắng bệch. Các trạng thái tình cảm kích thích hoặc ngăn chặn sự bài tiết của tuyến, hoặc sửa đổi thành phần hóa học của chúng. Người ta đã chứng minh rằng một cú sốc về mặt đạo đức có thể gây ra những thay đổi rõ rệt trong máu. Tư tưởng có thể tạo ra các tổn thương hữu cơ. Sự bất ổn của cuộc sống hiện đại, sự kích động không ngừng, tạo ra những trạng thái tâm thức gây ra các rối loạn thần kinh và hữu cơ của dạ dày và ruột, dinh dưỡng khiếm khuyết và sự xâm nhập của vi khuẩn đường ruột vào bộ máy tuần hoàn. Các bệnh nhiễm trùng khác nhau ở thận và bàng quang là kết quả từ xa của sự mất cân bằng về tinh thần và đạo đức. Những căn bệnh như vậy hầu như không được biết đến trong các nhóm xã hội nơi cuộc sống đơn giản hơn, nơi sự lo lắng ít thường xuyên hơn. Tương tự, những người giữ được sự bình yên trong nội tâm giữa sự hỗn loạn được miễn nhiễm khỏi các rối loạn thần kinh và hữu cơ. Con người suy nghĩ, phát minh, yêu thương, đau khổ, ngưỡng mộ và cầu nguyện bằng bộ não và tất cả các cơ quan của y'.

Man in Health and Disease

Con Người trong Sức Khỏe và Bệnh Tật

II

THE MECHANISM OF PSYCHOSOMATICS

'There are two classes of disease—bodily and mental. Each arises from the other. Neither is perceived to exist without the other. Of a truth mental disorders arise from physical ones, and likewise physical disorders arise from mental ones' (*Mahabharata, Shanti Parva,* XVI, 8-9).

This general view of the problem of disease having been presented, the subject of the mechanism of interaction between body and soul may now be further considered. One contribution, founded upon clairvoyant research, consists of a description of the anatomy of the soul of man and includes information concerning two of the links between body and soul. One of these, of course, is the Immortal Self or reincarnating Ego and another is the vital energy flowing from an interior source, throughout the four mortal vehicles, those of mind, emotion, vitality, and physical matter.[124]

An important additional idea may perhaps usefully be considered here: for the term vitality refers not only to a bodily state, but also to a force with its specific vehicle, the Etheric Double. Every nerve, artery and vein has an etheric sheath and constitutes a physical and an etheric canal along which life force or *prana*[125] flows. Physically, the main pranic centres are at the glands and nerve centres, whilst superphysically they are located at the *chakras* (see later) or centres of

II

CƠ CHẾ CỦA TÂM THỂ HỌC

'Có hai loại bệnh—thể xác và tinh thần. Mỗi loại phát sinh từ loại kia. Không loại nào được nhận thấy tồn tại mà không có loại kia. Quả thật, các rối loạn tinh thần phát sinh từ các rối loạn thể chất, và tương tự, các rối loạn thể chất phát sinh từ các rối loạn tinh thần' (Mahabharata, Shanti Parva, XVI, 8-9).

Quan điểm chung này về vấn đề bệnh tật đã được trình bày, chủ đề về cơ chế tương tác giữa thể xác và linh hồn giờ đây có thể được xem xét thêm. Một đóng góp, dựa trên nghiên cứu thông nhãn, bao gồm một mô tả về giải phẫu của linh hồn con người và bao gồm thông tin liên quan đến hai trong số các liên kết giữa thể xác và linh hồn. Một trong số này, tất nhiên, là Bản Ngã Bất Tử hay Chân Ngã tái sinh và một cái khác là năng lượng sinh lực chảy từ một nguồn bên trong, xuyên suốt bốn vận cụ hữu tử, đó là thể trí, cảm xúc, sinh lực và vật chất hồng trần.

Một ý tưởng bổ sung quan trọng có lẽ có thể được xem xét một cách hữu ích ở đây: vì thuật ngữ sinh lực không chỉ đề cập đến một trạng thái cơ thể, mà còn đề cập đến một mãnh lực với vận cụ cụ thể của nó, Thể Dĩ Thái Kép. Mỗi dây thần kinh, động mạch và tĩnh mạch đều có một vỏ bọc dĩ thái và cấu thành một ống dẫn vật lý và dĩ thái dọc theo đó sinh lực hay prana chảy. Về mặt vật lý, các trung tâm prana chính nằm ở các tuyến và trung tâm thần kinh, trong khi siêu vật lý, chúng nằm ở các luân xa (xem

---

[124] See Chapter 105, 'The Rod of Hermes' in this collection, and *The American Theosophist,* Vol. 58, No. 5, Spring 1970 Special Issue: AN INQUIRY INTO ESP AND OTHER ASPECTS OF PARAPSYCHOLOGY.

[125] *Prana* (Sk.) The Life-Principle: the breath of Life. See *The Etheric Double,* C. W. Leadbeater.

soul energy in the subtle bodies. The *chakras* and these flowing *pranas* serve as links between body and soul, and it is largely through them that mental and emotional states reach and affect the body, its organs and their functions. This flow of vitality is influenced by both bodily and psychological changes which later affect especially the nervous systems in at least three ways. They do this by influencing the flow of *prana;* by affecting the condition of the mental, Astral, and etheric bodies themselves; and by affecting the force centres or *chakras* in the superphysical bodies and the associated glands and other organs in the physical body.

sau) hoặc các trung tâm năng lượng linh hồn trong các thể vi tế. Các luân xa và các prana đang chảy này đóng vai trò là liên kết giữa thể xác và linh hồn, và phần lớn là thông qua chúng mà các trạng thái thể trí và cảm xúc đạt đến và ảnh hưởng đến cơ thể, các cơ quan của nó và các chức năng của chúng. Dòng chảy sinh lực này bị ảnh hưởng bởi cả những thay đổi về thể chất và tâm lý vốn sau đó ảnh hưởng đặc biệt đến hệ thần kinh theo ít nhất ba cách. Chúng làm điều này bằng cách ảnh hưởng đến dòng chảy của prana; bằng cách ảnh hưởng đến tình trạng của chính các thể trí tuệ, cảm dục và dĩ thái; và bằng cách ảnh hưởng đến các trung tâm mãnh lực hoặc luân xa trong các thể siêu vật lý và các tuyến liên quan và các cơ quan khác trong cơ thể vật lý.

The seven *chakras* are specific organs in the etheric, Astral or emotional, and mental bodies, the Sanskrit word *chakra* meaning 'wheel'. The etheric *chakras* are floweror bell-shaped vortices, lying with their edges on the surface of the Etheric Double and situated at the crown, the brow, the throat, the heart, the solar plexus, the spleen, and the sacrum. Each vortex has a tube or stalk running back into the spinal tract or cranial centres. There is a two-way flow along these stalks, incoming and outgoing from spinal cord to nervous system. In the Astral and mental bodies they are larger, highly coloured, and convey super-physical *pranas* via the etheric *chakras* to the physical glandular and nerve centres, their function being greatly affected by thought and emotion.

Bảy luân xa là các cơ quan cụ thể trong các thể dĩ thái, cảm dục hoặc cảm xúc và thể trí, từ Phạn chakra có nghĩa là 'bánh xe'. Các luân xa dĩ thái là các xoáy hình chuông hoặc hình hoa, nằm với các cạnh của chúng trên bề mặt của Thể Dĩ Thái Kép và nằm ở đỉnh đầu, trán, cổ họng, tim, tùng thái dương, lá lách và xương cùng. Mỗi xoáy có một ống hoặc cuống chạy ngược vào đường cột sống hoặc các trung tâm sọ não. Có một dòng chảy hai chiều dọc theo các cuống này, đi vào và đi ra từ tủy sống đến hệ thần kinh. Trong các thể cảm dục và thể trí, chúng lớn hơn, có màu sắc rực rỡ và truyền prana siêu vật lý thông qua các luân xa dĩ thái đến các tuyến vật lý và trung tâm thần kinh, chức năng của chúng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tư tưởng và cảm xúc.

The *chakras* and the Etheric Double are thus seen as links between physical and superphysical consciousness. When, for example, the throat tightens with self-consciousness or the stomach 'turns over' or 'sinks', changes in Astral consciousness affect first the emotional or Astral Body,[126] then the

Do đó, các luân xa và Thể Dĩ Thái Kép được xem như là các liên kết giữa tâm thức vật lý và siêu vật lý. Ví dụ, khi cổ họng thắt lại vì tự ý thức hoặc dạ dày 'lộn nhào' hoặc 'chìm xuống', những thay đổi trong tâm thức cảm dục ảnh hưởng trước tiên đến Thể Cảm Dục hoặc cảm xúc, sau đó đến luân xa cổ họng cảm dục, sau

Astral throat *chakra,* then the etheric *chakra,* and so the physical glands and nerve centres. The *chakras* thus have a definite influence on the endocrine glands in their regions, and this is one view of behaviourism and glandular disturbances. Generally, after long strain and tension especially, negative or discordant thought and emotion, and after shock, the subtle bodies alter first and then the *chakras.* These effects then gradually reach the glands and the nerve centres, thereby affecting the supply of *prana,* and so the chemistry and the metabolism of the body.

đó đến luân xa dĩ thái, và do đó đến các tuyến vật lý và trung tâm thần kinh. Do đó, các luân xa có một ảnh hưởng nhất định đến các tuyến nội tiết trong các vùng của chúng, và đây là một quan điểm về thuyết hành vi và các rối loạn tuyến. Nói chung, sau một thời gian dài căng thẳng và đặc biệt là căng thẳng, tư tưởng và cảm xúc tiêu cực hoặc bất hòa, và sau cú sốc, các thể vi tế thay đổi trước tiên và sau đó là các luân xa. Sau đó, những tác động này dần dần đến các tuyến và trung tâm thần kinh, do đó ảnh hưởng đến nguồn cung cấp prana, và do đó ảnh hưởng đến hóa học và sự trao đổi chất của cơ thể.

The Human Chord

Hợp Âm Con Người

In addition to this general interaction, the functions of the glands, nerve centres, and organs are governed by cyclic law, as is the whole body. Within the major cycle of birth, growth, maturity, and death are the individual cycles of varying degrees of activity of the glands at different ages. These cycles and functions are also affected by thought, emotion, mode of life, diet, infection, 'accident', and old age. All these influence the glands; for wrong, discordant thought, wrong emotion, wrong mode of life and diet interfere with their proper cycles and the harmonious blending of all the separate cycles of activity of each organism in the body, which is essential to perfect health. In other words, they upset the balance of bodily function. In addition, each *chakra,* in health, also has its own chord and place in the total personal chord. In health all are in tune, and the life-force then flows freely and harmoniously through vehicles and *chakras* to the physical body and, other necessary factors being present, produces and maintains reasonably good health. Self-correction of

Ngoài sự tương tác chung này, các chức năng của tuyến, trung khu thần kinh và các cơ quan được điều chỉnh bởi định luật tuần hoàn, giống như toàn bộ cơ thể. Bên trong chu kỳ lớn của sinh, trưởng, thành thục và tử là các chu kỳ riêng lẻ với các mức độ hoạt động khác nhau của các tuyến ở các độ tuổi khác nhau. Các chu kỳ và chức năng này cũng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng, cảm xúc, lối sống, chế độ ăn uống, nhiễm trùng, 'tai nạn' và tuổi già. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng đến các tuyến; vì tư tưởng sai lệch, bất hòa, cảm xúc sai lệch, lối sống và chế độ ăn uống sai lệch can thiệp vào các chu kỳ thích hợp của chúng và sự hòa trộn hài hòa của tất cả các chu kỳ hoạt động riêng biệt của mỗi sinh vật trong cơ thể, vốn rất cần thiết cho sức khỏe hoàn hảo. Nói cách khác, chúng làm đảo lộn sự cân bằng của chức năng cơ thể. Ngoài ra, mỗi luân xa, khi khỏe mạnh, cũng có hợp âm và vị trí riêng trong hợp âm cá nhân tổng thể. Khi khỏe mạnh, tất cả đều hòa hợp và sinh lực sau đó chảy tự do và hài hòa qua các vận cụ và luân xa đến thể xác và, các yếu tố cần thiết khác hiện diện, tạo ra và duy trì sức khỏe khá tốt. Tự điều

[126] q.v. *Man Visible and Invisible*, C. W. Leadbeater and Annie Besant.

habitual mental and emotional errors and of harmful physical habits is most important in the maintenance of health. Habitual, temporary errors and more deep-seated psychological difficulties must be reduced in extent and eventually eliminated.

chỉnh các lỗi về trí tuệ và cảm xúc theo thói quen và các thói quen thể chất có hại là rất quan trọng trong việc duy trì sức khỏe. Các lỗi tạm thời theo thói quen và những khó khăn tâm lý sâu sắc hơn phải được giảm bớt về mức độ và cuối cùng loại bỏ.

To digress briefly, if these generalizations are applicable, then the whole body can be expressed in terms of frequency, each type of tissue and each organ having its own wave length, note and colour, these in their turn varying in states of health and of disease. In perfect health, every part is in tune and the chord of the human body perfectly harmonized. In ill health, the opposite exists; there is a dissonance at some part or other. The true art of healing, therefore, would seem to be that of reattunement or the restoration of rhythm.

Nói lạc đề một chút, nếu những khái quát này có thể áp dụng được, thì toàn bộ cơ thể có thể được biểu thị bằng tần số, mỗi loại mô và mỗi cơ quan có bước sóng, nốt và màu sắc riêng, đến lượt chúng khác nhau ở các trạng thái sức khỏe và bệnh tật. Khi sức khỏe hoàn hảo, mọi bộ phận đều hòa hợp và hợp âm của cơ thể con người hoàn toàn hài hòa. Khi sức khỏe kém, điều ngược lại tồn tại; có một sự bất hòa ở một bộ phận nào đó. Do đó, nghệ thuật chữa bệnh thực sự dường như là sự điều chỉnh lại hoặc phục hồi nhịp điệu.

III

PSYCHOSOMATIC DIFFICULTIES

Clairvoyantly Observed

Mental and emotional disturbances can be seen in the superphysical bodies as abnormalities of shape, such as constrictions, enlargements, hyperactive areas or auric imbalance generally in the region of the physically affected area. Inert patches may also be observed in the Astral Body more especially, representing residue or ‘ashes’ from indulgences in former lives, ‘scars’ from prenatal life and childhood sufferings such as shock, corporal punishment, frustration, disappointment, loneliness, and neglect.

Jealous anger, irritation, and resentment appear as areas of brown-green with red flashes and scarlet flecks, and when these are very deeply felt the black of malice can also be

III

NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ TÂM THỂ

Được Quan Sát Bằng Thông Nhãn

Những xáo trộn về trí tuệ và cảm xúc có thể được nhìn thấy trong các thể siêu hình như những bất thường về hình dạng, chẳng hạn như sự co thắt, mở rộng, các khu vực hoạt động quá mức hoặc sự mất cân bằng hào quang nói chung trong khu vực bị ảnh hưởng về thể chất. Các mảng trơ cũng có thể được quan sát thấy đặc biệt hơn trong Thể Cảm Dục, đại diện cho cặn bã hoặc ‘tro tàn’ từ những đam mê trong các kiếp trước, ‘vết sẹo’ từ cuộc sống trước khi sinh và những đau khổ thời thơ ấu như sốc, trừng phạt về thể xác, thất vọng, thất vọng, cô đơn và bỏ bê.

Sự tức giận, khó chịu và oán giận ghen tuông xuất hiện dưới dạng các khu vực màu nâu-xanh lá cây với các tia đỏ và các đốm đỏ tươi, và khi những điều này được cảm nhận rất sâu

present. These both misdirect and use up undue amounts of Astral life force, and also render discordant some of that which reaches the physical body. Depression shows as an enveloping cloud of grey, clogging the *chakras* and sometimes compressing the Astral Body. Fear, anxiety, and worry show as dull, livid grey areas deep within the aura and as obstructions in, and constrictions of, the heart and solar plexus *chakras.*

sắc thì màu đen của sự ác ý cũng có thể hiện diện. Cả hai điều này đều chuyển hướng sai và sử dụng một lượng sinh lực Cảm dục quá mức, và cũng làm cho một số sinh lực đến được thể xác trở nên bất hòa. Trầm cảm biểu hiện như một đám mây xám bao trùm, làm tắc nghẽn các luân xa và đôi khi nén Thể Cảm Dục. Sợ hãi, lo lắng và lo lắng biểu hiện như những vùng màu xám xỉn, tái mét sâu bên trong hào quang và như những tắc nghẽn và co thắt ở tim và luân xa tùng thái dương.

Permanent or semi-permanent thought-forms[127] can also appear within the aura, caused by living too much in the past, by dwelling unduly upon old happinesses and sorrows and upon the people and places associated with them. These habits all make thought-forms, memory-forms, which can absorb some of the life force flowing through the Mental and Astral Bodies, thereby reducing the supply available to them and the physical body.

Các hình tư tưởng vĩnh viễn hoặc bán vĩnh viễn cũng có thể xuất hiện bên trong hào quang, do sống quá nhiều trong quá khứ, do quá chú trọng vào những hạnh phúc và nỗi buồn cũ và những người và địa điểm liên quan đến chúng. Tất cả những thói quen này tạo ra các hình tư tưởng, hình thức ký ức, có thể hấp thụ một số sinh lực chảy qua Thể Trí và Thể Cảm Dục, do đó làm giảm nguồn cung cấp cho chúng và thể xác.

Nightmares may sometimes be caused when the Astral elemental essence assumes ugly shapes, which may range from an enveloping black cloud to a terrifying animal-like, or other form seeming to threaten the sufferer. These may be met astrally during physical sleep and the resultant fright drive the person in terror back to the physical body. These forms must be broken up by the will power of the healer who, in addition, must clear the aura and stabilize and strengthen the consciousness. Such abnormalities affect adversely the *chakras,* especially their two functions as channels for *prana* and the stabilizing aspects of the Inner Self; for the solar plexus *chakra* and even the whole Astral Body may contract and the former become choked up in sudden fear, panic, habitual

Ác mộng đôi khi có thể xảy ra khi tinh chất hành khí Cảm dục mang những hình dạng xấu xí, có thể từ một đám mây đen bao trùm đến một hình dạng giống động vật đáng sợ, hoặc hình dạng khác dường như đe dọa người bệnh. Những điều này có thể gặp phải ở cõi cảm dục trong khi ngủ về thể chất và sự hoảng sợ do đó khiến người đó kinh hoàng trở lại thể xác. Những hình thức này phải bị phá vỡ bởi ý chí của nhà chữa bệnh, người mà ngoài ra, phải làm sạch hào quang và ổn định và tăng cường tâm thức. Những bất thường như vậy ảnh hưởng xấu đến các luân xa, đặc biệt là hai chức năng của chúng như các kênh dẫn prana và các khía cạnh ổn định của Nội Ngã; vì luân xa tùng thái dương và thậm chí toàn bộ Thể Cảm Dục có thể co lại và luân xa trước đây bị nghẹn lại trong sự sợ hãi đột ngột, hoảng loạn, lo lắng

[127] q.v. *Thought Forms,* C. W. Leadbeater and Annie Besant.

anxiety, anger and resentment, thus reducing the inflow of the ensouling Astral life-force. A recently 'broken' heart can appear astrally as a closed heart *chakra* with interlocked petals—a tragic sight indeed.

theo thói quen, tức giận và oán giận, do đó làm giảm dòng sinh lực Cảm dục phú linh. Một trái tim 'tan vỡ' gần đây có thể xuất hiện ở cõi cảm dục như một luân xa tim khép kín với các cánh hoa lồng vào nhau—một cảnh tượng bi thảm thực sự.

Alcoholism produces an enlargement of the Astral Body, brick red in colour, reaching from the throat to the thighs, according to the degrees of addiction and indulgence. Within and outside of it, many small elemental, reptilian and animal-like forms may be seen, battening, as it were, upon the affected life force.

Chứng nghiện rượu tạo ra sự mở rộng của Thể Cảm Dục, có màu đỏ gạch, kéo dài từ cổ họng đến đùi, tùy theo mức độ nghiện và đam mê. Bên trong và bên ngoài nó, nhiều hình thức hành khí nhỏ, giống loài bò sát và động vật có thể được nhìn thấy, đang sinh sôi nảy nở, như thể, trên sinh lực bị ảnh hưởng.

Influences from Former Lives

Ảnh Hưởng Từ Các Kiếp Trước

Experiences in past lives can, it would seem, affect the health of the new body as follows:

Kinh nghiệm trong các kiếp trước, dường như, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cơ thể mới như sau:

The effect of death from imprisonment—claustrophobia; from being lost in open spaces—agoraphobia. Inborn paralysing fear and unreasoning terror, as of snake bite, scorpions, beasts or birds of prey, or bats, can be brought over as a result of death from any of these in a recently preceding life. Fear of heights, water, fire, earth caves, etc., may be related to the manner of death in a former life. Fear of explosives, shots, planes overhead, slopes, water, knives or guns, can also be brought over especially in quick reincarnations after death from any of them, as of soldiers killed in battle.

Ảnh hưởng của cái chết do bị giam cầm—chứng sợ không gian hẹp; từ việc bị lạc trong không gian mở—chứng sợ không gian rộng. Nỗi sợ hãi tê liệt bẩm sinh và nỗi kinh hoàng vô lý, như bị rắn cắn, bọ cạp, thú dữ hoặc chim săn mồi, hoặc dơi, có thể được mang đến do cái chết từ bất kỳ điều nào trong số này trong một kiếp trước đây. Sợ độ cao, nước, lửa, hang động đất, v.v., có thể liên quan đến cách chết trong một kiếp trước. Sợ chất nổ, tiếng súng, máy bay trên cao, dốc, nước, dao hoặc súng, cũng có thể được mang đến đặc biệt là trong các lần tái sinh nhanh chóng sau khi chết vì bất kỳ điều nào trong số đó, như của những người lính bị giết trong trận chiến.

Complexes which are not thus caused can have their origin in mother-child relationships, both during pregnancy and in the early years of life, as already stated. These, too, will be visible appropriately as effects upon the etheric mould during intrauterine life, and later upon the Etheric Double and

Các phức cảm không do đó gây ra có thể có nguồn gốc từ mối quan hệ mẹ con, cả trong thời kỳ mang thai và trong những năm đầu đời, như đã nêu. Những điều này cũng sẽ hiển thị một cách thích hợp như những ảnh hưởng lên khuôn dĩ thái trong cuộc sống trong tử cung, và sau đó lên Song Dĩ Thái và các thể vi

subtler bodies.

IV

SPIRITUAL HEALING

Man is theosophically described as 'that being in whom highest Spirit and lowest matter are united by intellect'. The Spiritual Self of man is in its turn affirmed to be one with the Spiritual Source of all existence. This attribution, I suggest, is all important in spiritual healing; for the divine creative life force is said to flow from an inexhaustible universal Source continuously throughout all nature and all men. The unimpeded, rhythmic flow of this power is, I conclude, essential to permanent health and happiness; for the creative life force is an irresistible power. When it flows freely through one, it empowers, vitalizes, and if one is sick, can heal the whole man. Resistance to it in thought, feeling and action, sets up friction, discordance, distortion, and causes physical malfunction and disease, which truly is disease.

A Definition of Health

If this be accepted, then health may be defined as a harmonious relationship between the Spiritual Self and its bodies, or integration, wholeness, attunement. Thus viewed, human health is a condition resulting from the unobstructed rhythmic flow of power, life, and consciousness from the Higher Self through all its vehicles. Hence, the true cause of susceptibility to ill health is interior. The root cause of human suffering is within man, as also is the cure. 'The heal for every wound is in the wound' and consists of an adequate restoration of the all-sufficing life force. Somewhere within man's nature, when he is seriously ill, a condition exists which

tế hơn.

IV

CHỮA LÀNH TINH THẦN

Con người được mô tả theo Thông Thiên Học là 'thực thể mà trong đó Tinh Thần cao nhất và vật chất thấp nhất được hợp nhất bởi trí tuệ'. Đến lượt nó, Bản Ngã Tinh Thần của con người được khẳng định là hợp nhất với Nguồn Tinh Thần của mọi sự tồn tại. Tôi cho rằng, sự quy kết này là rất quan trọng trong việc chữa lành tinh thần; vì sinh lực sáng tạo thiêng liêng được cho là chảy từ một Nguồn phổ quát vô tận liên tục trong khắp tự nhiên và tất cả con người. Tôi kết luận, dòng chảy nhịp nhàng, không bị cản trở của sức mạnh này là rất cần thiết cho sức khỏe và hạnh phúc lâu dài; vì sinh lực sáng tạo là một sức mạnh không thể cưỡng lại. Khi nó chảy tự do qua một người, nó trao quyền, tiếp sinh lực và nếu một người bị bệnh, có thể chữa lành toàn bộ con người. Sự kháng cự đối với nó trong tư tưởng, cảm xúc và hành động, tạo ra ma sát, bất hòa, méo mó và gây ra rối loạn chức năng thể chất và bệnh tật, thực sự là bệnh tật.

Định Nghĩa Về Sức Khỏe

Nếu điều này được chấp nhận, thì sức khỏe có thể được định nghĩa là một mối quan hệ hài hòa giữa Bản Ngã Tinh Thần và các thể của nó, hoặc sự tích hợp, toàn vẹn, chỉnh hợp. Như vậy, sức khỏe con người là một tình trạng do dòng chảy nhịp nhàng không bị cản trở của sức mạnh, sự sống và tâm thức từ Chân Ngã Cao Thượng thông qua tất cả các vận cụ của nó. Do đó, nguyên nhân thực sự của tính dễ mắc bệnh là bên trong. Căn nguyên của sự đau khổ của con người là ở bên trong con người, cũng như phương pháp chữa trị. 'Phương pháp chữa lành cho mọi vết thương nằm trong vết thương' và bao gồm sự phục hồi đầy đủ của sinh lực đầy đủ. Ở đâu đó trong bản chất của

obstructs, or diverts from its proper channels, the universal sustaining power.

con người, khi y bị bệnh nặng, một tình trạng tồn tại cản trở hoặc chuyển hướng khỏi các kênh thích hợp của nó, sức mạnh duy trì phổ quát.

All too often sick people are, temporarily at least, incapable of achieving these corrections and in this the healer, by whatever method, can make his or her contribution; for spiritual healing can remove these interior obstructions or barriers at the mental, emotional, or physical level—or at all three—which prevent the free flow of the life-force.[128] What are these barriers? They consist, I suggest, of abnormalities set up either by others or by the sufferer, in consequence of wrong thought and emotion and, physically, by wrong action or in general the wrong conduct of life. What is meant by 'wrong' in this sense? Erroneous thoughts, tense and unbalanced feelings, and hurtful actions—these are 'wrong' from this point of view. They introduce a discordance between the various parts and principles of man's nature. Should they violate basic laws of life—especially that of unity, as by the infliction of cruelty—they can also evoke very adverse karmic reactions.

Quá thường xuyên, những người bệnh, ít nhất là tạm thời, không có khả năng đạt được những điều chỉnh này và trong điều này, nhà chữa bệnh, bằng bất kỳ phương pháp nào, có thể đóng góp; vì chữa lành tinh thần có thể loại bỏ những tắc nghẽn hoặc rào cản bên trong này ở cấp độ trí tuệ, cảm xúc hoặc thể chất—hoặc ở cả ba—vốn ngăn cản dòng chảy tự do của sinh lực. Những rào cản này là gì? Tôi cho rằng, chúng bao gồm những bất thường do người khác hoặc do người bệnh gây ra, do tư tưởng và cảm xúc sai lệch và, về mặt thể chất, do hành động sai lệch hoặc nói chung là cách sống sai lệch. 'Sai' có nghĩa là gì trong ý nghĩa này? Những suy nghĩ sai lầm, cảm xúc căng thẳng và mất cân bằng, và những hành động gây tổn thương—những điều này là 'sai' từ quan điểm này. Chúng tạo ra sự bất hòa giữa các bộ phận và nguyên tắc khác nhau trong bản chất của con người. Nếu chúng vi phạm các định luật cơ bản của sự sống—đặc biệt là định luật về sự hợp nhất, như bằng cách gây ra sự tàn ác—chúng cũng có thể gợi lên những phản ứng nghiệp quả rất bất lợi.

Faith, Sacramental, and Mental Healing

Chữa Lành Bằng Đức Tin, Bí Tích và Trí Tuệ

Three methods of spiritual healing may here be usefully considered. The view taken by faith healers in general is well described in *The Healing Light* by Agnes Stanford as follows:

Ba phương pháp chữa lành tinh thần có thể được xem xét hữu ích ở đây. Quan điểm của những người chữa bệnh bằng đức tin nói chung được mô tả rõ trong Ánh Sáng Chữa Lành của Agnes Stanford như sau:

'God is both within and without us. He is the Source of all life; the Creator of universe behind universe; of unimaginable depths of interstellar space and of light-years without

'Thượng đế vừa ở bên trong vừa ở bên ngoài chúng ta. Ngài là Nguồn của mọi sự sống; Đấng Sáng Tạo vũ trụ đằng sau vũ trụ; của những chiều sâu không thể tưởng tượng được của

[128] The advice to consult a physician when one is ill is implicit through Part IV.

end. But He is also the indwelling Life of our own little selves.

không gian giữa các vì sao và của năm ánh sáng vô tận. Nhưng Ngài cũng là Sự Sống ngự trị trong những bản ngã nhỏ bé của chính chúng ta.

'So it is with that power of God that works through the being of one person for the healing of another. It is not really "unscientific" at all. It is only the channelling of a flow of energy from God's being through man's being. It is the entering in of the Holy Spirit of God through the Spirit of man, via the conscious and subconscious minds of that man, via the nerves of his body, via the nerves of the patient's inner control centre and thence to his mind and Spirit. The nerves are the telegraph wires of the body. Thus the healer makes of his whole being, Spirit, mind and body, a receiving and transmitting centre for the power of God. He offers and presents to God himself his Soul and body, as a holy and living sacrifice, which is his reasonable service'.

'Vì vậy, nó là sức mạnh của Thượng đế hoạt động thông qua sự tồn tại của một người để chữa lành cho người khác. Nó không thực sự "phi khoa học" chút nào. Nó chỉ là sự dẫn truyền một dòng năng lượng từ sự tồn tại của Thượng đế thông qua sự tồn tại của con người. Đó là sự đi vào của Chúa Thánh Thần của Thượng đế thông qua Tinh Thần của con người, thông qua trí hạ trí và thượng trí của người đó, thông qua các dây thần kinh của cơ thể y, thông qua các dây thần kinh của trung tâm kiểm soát bên trong của bệnh nhân và từ đó đến trí tuệ và Tinh Thần của y. Các dây thần kinh là dây điện báo của cơ thể. Do đó, nhà chữa bệnh biến toàn bộ sự tồn tại của mình, Tinh Thần, trí tuệ và cơ thể, thành một trung tâm tiếp nhận và truyền tải sức mạnh của Thượng đế. Y dâng hiến và trình bày cho chính Thượng đế Linh Hồn và cơ thể y, như một sự hi sinh thánh thiện và sống động, đó là sự phụng sự hợp lý của y'.

In faith healing, healers must believe that they are receiving and being channels for the thing for which they pray. In other words, if one is going to pray effectively for the world, for a sick friend or for one in danger, one *must believe that the thing for which one prays is at that moment being accomplished.* In other words, one must have complete faith.

Trong chữa lành bằng đức tin, những người chữa bệnh phải tin rằng họ đang nhận và là kênh dẫn cho điều mà họ cầu nguyện. Nói cách khác, nếu một người sẽ cầu nguyện một cách hiệu quả cho thế giới, cho một người bạn bị bệnh hoặc cho một người đang gặp nguy hiểm, thì người đó phải tin rằng điều mà người đó cầu nguyện đang được hoàn thành vào thời điểm đó. Nói cách khác, một người phải có đức tin hoàn toàn.

Sacramental healing brings 'down', both directly and through the officiant, a flood of healing and sustaining divine life, power and blessing. This can sweep the subtle bodies 'clean' and co-ordinate and realign the four personal vehicles. Expected results are the

Chữa lành bằng bí tích 'hạ xuống', cả trực tiếp và thông qua người hành lễ, một dòng thác chữa lành và duy trì sự sống, sức mạnh và phước lành thiêng liêng. Điều này có thể quét sạch các thể vi tế và phối hợp và điều chỉnh lại bốn vận cụ cá nhân. Kết quả mong đợi là người

receipt by the suppliant of a spiritual impulse, a quickening of evolution, an enlargement of outlook, sometimes illuminating spiritual visions giving encouragement and comfort, a truer attitude towards life and its problems, psychological corrections and, when karma is favourable in this sense, physical healing.

cầu xin nhận được một xung động tinh thần, một sự tăng tốc của sự tiến hóa, một sự mở rộng về triển vọng, đôi khi soi sáng những tầm nhìn tinh thần mang lại sự khích lệ và an ủi, một thái độ chân thật hơn đối với cuộc sống và các vấn đề của nó, những điều chỉnh về tâm lý và, khi nghiệp quả thuận lợi theo nghĩa này, chữa lành về thể chất.

Mental and Spiritual Healing by Individuals and Groups

Chữa Lành Trí Tuệ và Tinh Thần bởi Các Cá Nhân và Nhóm

In this approach it is essential always to think of the patient as perfectly well, all thoughts of symptoms of illness being strictly avoided. The flow of divine healing power is invoked by means of thought-power and prayer, its distribution being directed by the purposeful repetition of the patient's full names. Here is a simple formula:

Trong cách tiếp cận này, điều cần thiết là luôn nghĩ về bệnh nhân như hoàn toàn khỏe mạnh, tất cả những suy nghĩ về các triệu chứng bệnh tật đều phải tránh hoàn toàn. Dòng chảy của sức mạnh chữa lành thiêng liêng được khẩn cầu bằng sức mạnh tư tưởng và cầu nguyện, sự phân phối của nó được hướng dẫn bằng cách lặp đi lặp lại có chủ ý tên đầy đủ của bệnh nhân. Đây là một công thức đơn giản:

Christians may think reverently and intently of the Lord Christ[129] as the Great Healer of the World, seek to draw near to Him and to become a channel for His Healing Grace.

Các Kitô hữu có thể suy nghĩ một cách thành kính và chăm chú về Đức Christ như là Đấng Chữa Lành Vĩ Đại của Thế Giới, tìm cách đến gần Ngài và trở thành một kênh dẫn cho Ân Sủng Chữa Lành của Ngài.

Then say with fullest intent and complete assurance,

Sau đó, hãy nói với ý định đầy đủ nhất và sự đảm bảo hoàn toàn,

'May the healing Power of the Lord Christ descend upon…' (Here repeat all the names of each sufferer, pausing after the name of each person whilst the descent of power is VISUALIZED.)

'Cầu xin Quyền Năng Chữa Lành của Đức Christ giáng xuống…' (Ở đây lặp lại tất cả tên của mỗi người bệnh, tạm dừng sau tên của mỗi người trong khi sự giáng xuống của quyền năng được HÌNH DUNG.)

'May the Holy Angels encompass them. (Pause)

'Cầu xin Các Thiên Thần Thánh Thiện bao bọc họ. (Tạm dừng)

[129] Members of Faiths other than the Christian will naturally substitute the appropriate Divine Source or Personage.

'May the Light of Christ's Love enfold them forever. (Pause) 'Amen'.

'Cầu xin Ánh Sáng Tình Thương của Đức Christ bao bọc họ mãi mãi. (Tạm dừng) 'Amen'.

Those who, filled with Christlike compassion, will regularly employ this or a similar method will gain increasing skill and effectiveness, develop their own techniques from experience, and prove for themselves that it is possible by the power of thought and prayer to become a healer of men.

Những người, tràn đầy lòng trắc ẩn giống như Đức Christ, sẽ thường xuyên sử dụng phương pháp này hoặc một phương pháp tương tự sẽ đạt được kỹ năng và hiệu quả ngày càng tăng, phát triển các kỹ thuật riêng của họ từ kinh nghiệm và chứng minh cho chính họ rằng có thể bằng sức mạnh của tư tưởng và cầu nguyện để trở thành một người chữa lành cho con người.

The American Theosophist, Vol. 59, Issue 5, May 1971, p. 91 *[See 'The Mechanism of Psychosomatics', Chapter 204]*

Nhà Thông Thiên Học Hoa Kỳ, Tập. 59, Số 5, tháng 5 năm 1971, tr. 91 [Xem 'Cơ Chế của Tâm Thể', Chương [2]204[/h2]]

202—

Healing Invocation—Lời Khẩn Cầu Chữa Lành

HAIL! Angels of healing, come to our aid.

KÍNH CHÀO! Các Thiên Thần chữa lành, hãy đến giúp chúng ta.

POUR FORTH your mighty power upon this suffering one.

TUÔN ĐỔ sức mạnh vĩ đại của các Ngài lên người đang đau khổ này.

UTTER the Master word, sound forth the Master note, shine resplendent with the Master colour.

THỐT lên linh từ Chân sư, xướng lên âm điệu Chân sư, chiếu sáng rực rỡ với màu sắc Chân sư.

RELEASE your divine energy that his bodies may be strengthened, purified and harmonized.

GIẢI PHÓNG năng lượng thiêng liêng của các Ngài để các thể của y có thể được củng cố, thanh lọc và hài hòa.

AWAKEN the powers sleeping within his soul that he may drink of the healing wine for which he is athirst.

ĐÁNH THỨC những quyền năng đang ngủ yên bên trong linh hồn y để y có thể uống rượu chữa lành mà y đang khao khát.

DELIVER him from pain. Relieve his tortured senses, and restore the flow of his own vital energies.

GIẢI THOÁT y khỏi đau đớn. Làm dịu các giác quan đau khổ của y, và phục hồi dòng năng lượng sinh mệnh của chính y.

Purify, attune, soothe, and vitalize him/her that by your aid, and according to the will of

Thanh lọc, điều chỉnh, xoa dịu và tiếp sinh lực cho y để nhờ sự giúp đỡ của các Ngài, và theo ý

God, he/she may be restored to perfect health.

chí của Thượng đế, y có thể được phục hồi sức khỏe hoàn hảo.

The Theosophist, December 1928

Nhà Thông Thiên Học, tháng 12 năm 1928

203—

Meditation as a Healing Process—Thiền Định Như Một Quá Trình Chữa Lành

Question: There is beginning to be an interest by western psychotherapists in meditation as a healing process. I know of three psychotherapists who recommend meditation to their patients. Of course they think of it as psychological healing rather than as a spiritual influence. Do you think this type of meditation has much future as a kind of healing process?

Câu hỏi: Các nhà trị liệu tâm lý phương Tây đang bắt đầu quan tâm đến thiền định như một quá trình chữa lành. Tôi biết ba nhà trị liệu tâm lý khuyên bệnh nhân của họ nên thiền định. Tất nhiên, họ nghĩ về nó như là sự chữa lành tâm lý hơn là một ảnh hưởng tinh thần. Bạn có nghĩ rằng loại thiền định này có nhiều tương lai như một loại quá trình chữa lành không?

Answer: Yes. When people come to me for healing **I** always teach them meditation since, in my opinion, it is a kind of self-healing from within. In a great many cases of disease, and psychological disorders, there is a mental or emotional or a mento-emotional discordance, disease, error, excess, regression or disturbance. There may be a misdirection of energy—a hidden grief, a nursed grievance, a shock, the results of suffering, disappointment in life. Suffering may begin in the uterus and be present right on through child and adulthood. People can be suffering without having remembered where it began or when. It may take the form of various kinds of psychic and psychological dislodgment, disturbances, discordances or disease. An individual may take up wrong attitudes and adhere to them with the most tremendous intensity and willfulness, causing their whole attitude to be askew.

Trả lời: Vâng. Khi mọi người đến với tôi để chữa bệnh, tôi luôn dạy họ tham thiền, vì theo tôi, đó là một kiểu tự chữa lành từ bên trong. Trong rất nhiều trường hợp bệnh tật và rối loạn tâm lý, có một sự bất hòa, bệnh tật, sai lầm, thái quá, thoái lùi hoặc xáo trộn về mặt trí tuệ hoặc cảm xúc hoặc trí-cảm. Có thể có một sự chuyển hướng năng lượng—một nỗi đau ẩn giấu, một sự bất bình được nuôi dưỡng, một cú sốc, những kết quả của đau khổ, sự thất vọng trong cuộc sống. Đau khổ có thể bắt đầu trong tử cung và hiện diện ngay trong suốt thời thơ ấu và tuổi trưởng thành. Mọi người có thể đang đau khổ mà không nhớ nó bắt đầu từ đâu hoặc khi nào. Nó có thể mang hình thức của nhiều loại xáo trộn, xáo trộn, bất hòa hoặc bệnh tật về tâm linh và tâm lý. Một cá nhân có thể có những thái độ sai lầm và tuân thủ chúng với cường độ và sự cố chấp ghê gớm nhất, khiến toàn bộ thái độ của y trở nên lệch lạc.

It is the work of the psychotherapists to help them, and I am very glad to hear that at long last meditation is being used by some. In this country the psychotherapists are so busy that

Công việc của các nhà trị liệu tâm lý là giúp đỡ họ, và tôi rất vui khi nghe nói rằng cuối cùng thì thiền định cũng đang được một số người sử dụng. Ở đất nước này, các nhà trị liệu tâm lý

many have long waiting lists even though they work about fourteen hours a day. The pressure is so tremendous that the tendency to give a drug and a tranquillizer, electric shocks or other purely physical treatment, is very strong. Such treatment leaves the basic situation unsolved—the psychical condition remains the same. There are two ways to treat this condition: one is by means of long, patient conversation, hoping to re-educate mind and heart so that things are seen in their proper perspective. This is often a most arduous and difficult task. Yet the most magical effects may be produced if, in the process, the person comes to a point where he sees his own error and exclaims, 'Of course, there's where all my troubles are!' In addition to this patient re-education is the other way, and this is by meditation which I think is an invaluable and important way to help to correct psychological disturbances.

bận rộn đến nỗi nhiều người có danh sách chờ đợi dài ngay cả khi họ làm việc khoảng mười bốn giờ một ngày. Áp lực quá lớn đến nỗi xu hướng cho thuốc và thuốc an thần, sốc điện hoặc các phương pháp điều trị thuần túy về thể chất khác là rất mạnh. Phương pháp điều trị như vậy khiến tình hình cơ bản không được giải quyết—tình trạng tâm linh vẫn như cũ. Có hai cách để điều trị tình trạng này: một là bằng cuộc trò chuyện dài, kiên nhẫn, hy vọng tái giáo dục thể trí và trái tim để mọi thứ được nhìn nhận đúng mực. Đây thường là một nhiệm vụ khó khăn và gian khổ nhất. Tuy nhiên, những hiệu ứng kỳ diệu nhất có thể được tạo ra nếu, trong quá trình này, người đó đạt đến một điểm mà y thấy được sai lầm của chính mình và thốt lên: "Tất nhiên, đó là nơi mọi rắc rối của tôi bắt nguồn!" Ngoài việc tái giáo dục kiên nhẫn này, còn có một cách khác, và đó là bằng thiền định, mà tôi nghĩ là một cách vô giá và quan trọng để giúp điều chỉnh những xáo trộn tâm lý.

My personal idea about healing is that it can be effective if you can get deep down to the causes, clarifying the inner issues and enabling the person to get on the right road in his mental, emotional, and physical life. This enables the inner forces to flow through without interruption. Thus you have not only healed the person, but you have also helped or quickened their evolution—helped them on the pathway to the fulfilment of the purpose of life. In complete psychological healing, you are also releasing the spiritual forces within the person. Amongst the ancients, the function of healing was a priestly function.

Ý kiến cá nhân của tôi về chữa bệnh là nó có thể hiệu quả nếu bạn có thể đi sâu vào nguyên nhân, làm rõ các vấn đề bên trong và cho phép người đó đi đúng con đường trong cuộc sống thể trí, cảm xúc và thể xác của y. Điều này cho phép các lực bên trong chảy qua mà không bị gián đoạn. Do đó, bạn không chỉ chữa lành cho người đó mà còn giúp hoặc thúc đẩy sự tiến hóa của họ—giúp họ trên con đường đạt được mục đích của cuộc sống. Trong việc chữa lành tâm lý hoàn toàn, bạn cũng đang giải phóng các lực tinh thần bên trong người đó. Trong số những người cổ đại, chức năng chữa bệnh là một chức năng của giáo sĩ.

Question: Is it necessary, in meditation for self-healing, to dig out the psychological causes of disease?

Câu hỏi: Trong thiền định để tự chữa bệnh, có cần thiết phải đào sâu các nguyên nhân tâm lý của bệnh tật không?

Answer: It may be unwise to dig for psychological causes. This reminds me of

Trả lời: Có thể là không khôn ngoan khi đào bới các nguyên nhân tâm lý. Điều này làm tôi nhớ

Claire Voc who early in life was very cruelly and unjustly punished. A friend who had been there at the time of this punishment, later said to her: 'Do you remember such and such an experience?' The answer was, 'No, I don't remember it'. The friend continued, 'But you must remember'. The reply: 'Oh yes, I distinctly remember forgetting that! ' In another incident a person was asked if he had ever been snubbed. His reply was, 'Yes, but I was never there'. He had gotten his self out of the way. So forget yourself. This, of course, is a counsel of perfection.

đến Claire Voc, người từ khi còn nhỏ đã bị trừng phạt rất tàn nhẫn và bất công. Một người bạn đã ở đó vào thời điểm bị trừng phạt này, sau đó nói với Bà: "Bạn có nhớ trải nghiệm như vậy không?" Câu trả lời là: "Không, tôi không nhớ". Người bạn tiếp tục, "Nhưng bạn phải nhớ chứ". Câu trả lời: "Ồ vâng, tôi nhớ rõ ràng là đã quên điều đó!" Trong một sự cố khác, một người được hỏi liệu y có từng bị hắt hủi không. Câu trả lời của y là: "Có, nhưng tôi chưa bao giờ ở đó". Y đã loại bỏ bản thân mình. Vì vậy, hãy quên mình đi. Tất nhiên, đây là một lời khuyên hoàn hảo.

Don't bear grudges. Grudges are very, very bad both for the body and the soul. A grudge is a poison. Get rid of grievances—forget them. All of us have such times in our lives—I have times when I feel that I was cruelly and unjustly ill-treated. I used to brood about it, but now I no longer think about it, since I am fully aware that the people involved were in fact only the agents of my own karma which I myself created in the past. They merely happened to be the nearest agents in the working out of the law. It is over and done with.

Đừng nuôi hận thù. Hận thù rất, rất tệ cho cả thể xác và linh hồn. Một mối hận thù là một chất độc. Hãy loại bỏ những bất bình—hãy quên chúng đi. Tất cả chúng ta đều có những khoảng thời gian như vậy trong cuộc đời—tôi có những lúc cảm thấy mình bị đối xử tàn nhẫn và bất công. Tôi đã từng suy nghĩ về nó, nhưng bây giờ tôi không còn nghĩ về nó nữa, vì tôi hoàn toàn nhận thức được rằng những người liên quan trên thực tế chỉ là những tác nhân của nghiệp quả của chính tôi mà chính tôi đã tạo ra trong quá khứ. Họ chỉ đơn giản là những tác nhân gần nhất trong việc thực thi luật. Nó đã qua và kết thúc.

Think of the great exemplars—this is what I do. I think of our Lord on the Cross, enduring one of the most severe forms of agony to which a human body can be subjected. In the midst of his six-hour death by crucifixion, in the presence of the torturers, he said, 'Father forgive them for they know not what they do'. Likewise the Lord Buddha said: 'To those who scorn and revile me I will give the protection of my most ungrudging love, and the greater the measure of their hostility, the greater shall be the measure of my love'. He rose sublimely above personalities into the vision of Oneness like a spiritual and mental broom sweeping out the debris and removing the scum.

Hãy nghĩ về những tấm gương vĩ đại—đây là những gì tôi làm. Tôi nghĩ về Đức Chúa của chúng ta trên Thập giá, chịu đựng một trong những hình thức đau đớn tột cùng mà một cơ thể con người có thể phải chịu đựng. Giữa sáu giờ chết vì đóng đinh, trước sự chứng kiến của những kẻ tra tấn, Ngài đã nói: "Lạy Cha, xin tha cho chúng vì chúng không biết việc chúng làm". Tương tự, Đức Phật đã nói: "Đối với những người khinh miệt và lăng mạ ta, ta sẽ ban cho sự bảo vệ của tình yêu vô tư nhất của ta, và sự thù địch của họ càng lớn thì tình yêu của ta càng lớn". Ngài đã trỗi dậy một cách siêu phàm vượt lên trên các phàm ngã vào tầm nhìn về Sự Hợp Nhất như một cây chổi tinh

thần và thể trí quét sạch các mảnh vụn và loại bỏ cặn bã.

To the clairvoyant, some of those old wounds look a little like scars. There may be an area of the Astral Body that is not wholly participating in the general circulation. It looks like an unyielding, unresponsive area and is the result of very acute suffering indeed so that it has not yet become wholly harmonized into the general psyche. Meditation helps to get rid of all this and self-forgetfulness clears the way. Remember that nobody is your enemy. To the student of Theosophy there are no enemies, since everyone is an agent of your karma, otherwise they could not touch you mentally or physically.

Đối với người thông nhãn, một số vết thương cũ đó trông hơi giống sẹo. Có thể có một khu vực của Thể Cảm Dục không hoàn toàn tham gia vào quá trình tuần hoàn chung. Nó trông giống như một khu vực không chịu khuất phục, không phản ứng và là kết quả của sự đau khổ rất lớn, đến nỗi nó vẫn chưa hoàn toàn hòa hợp vào tâm lý chung. Thiền định giúp loại bỏ tất cả những điều này và sự quên mình sẽ mở đường. Hãy nhớ rằng không ai là kẻ thù của bạn. Đối với đạo sinh của Thông Thiên Học, không có kẻ thù nào, vì mọi người đều là tác nhân của nghiệp quả của bạn, nếu không họ không thể chạm vào bạn về mặt thể trí hoặc thể xác.

In connection with any harm you have knowingly done, you must—if you can, make the fullest possible restitution, both mentally and physically 'pressed down and running over'. Karma implies that every act contrary to nature's harmony sets going a current from which there will be a reaction until harmony is restored. I want to add this postulate which is called, 'The principle of the modification of karma by intervening acts'. Karma is not fixed at all, since every intervening act affects the results of an action. You may have oppressed, ill treated or, injured a person and so generated a force from which, in time, there will be an appropriate reaction. If, in the mean time, you have a complete change of heart and become a lover and server of your fellow men, then such contra-action will modify oncoming adversity.

Liên quan đến bất kỳ tác hại nào bạn đã cố ý gây ra, bạn phải—nếu có thể, bồi thường đầy đủ nhất có thể, cả về thể trí và thể xác "bị đè xuống và tràn ra". Nghiệp quả ngụ ý rằng mọi hành động trái với sự hài hòa của tự nhiên đều tạo ra một dòng chảy mà từ đó sẽ có một phản ứng cho đến khi sự hài hòa được phục hồi. Tôi muốn thêm định đề này, được gọi là, "Nguyên tắc sửa đổi nghiệp quả bằng các hành động can thiệp". Nghiệp quả hoàn toàn không cố định, vì mọi hành động can thiệp đều ảnh hưởng đến kết quả của một hành động. Bạn có thể đã áp bức, ngược đãi hoặc làm tổn thương một người và do đó tạo ra một lực mà từ đó, theo thời gian, sẽ có một phản ứng thích hợp. Nếu, trong thời gian đó, bạn có một sự thay đổi hoàn toàn trong trái tim và trở thành một người yêu thương và phụng sự đồng loại của mình, thì hành động chống lại như vậy sẽ sửa đổi nghịch cảnh đang đến.

Question: What is the best way to control what might be called 'sinful thoughts'?

Câu hỏi: Cách tốt nhất để kiểm soát những gì có thể được gọi là "những suy nghĩ tội lỗi" là gì?

Answer: The ideal answer could only be given

Trả lời: Câu trả lời lý tưởng chỉ có thể được đưa

after a very thorough personal investigation of the person, digging deeply into the causes, beginning with early childhood and continuing through Life. Since I cannot do that, I must generalize.

ra sau một cuộc điều tra cá nhân rất kỹ lưỡng về người đó, đào sâu vào nguyên nhân, bắt đầu từ thời thơ ấu và tiếp tục trong suốt Cuộc Đời. Vì tôi không thể làm điều đó, nên tôi phải khái quát hóa.

The rule which I have found to be most helpful to people is not to fight the difficulty directly. Ignore it, since it lives on thought; it is fed by thought. Every time you think of it, even to try to stop it, you are feeding it. Therefore, the advice generally given is to ignore the problem or habit and concentrate strongly on the opposite virtue. Character is moulded by thought—what a man thinks on, he becomes. Think therefore of the eternal—always approach your problem by concentrating your mind on the very opposite qualities to those which are troubling you. Suppose the trouble is irritation which mounts to anger with all its undesirable results. Suppose it has become an ingrained quality of your character. It takes charge, distresses and humiliates you and must be dealt with. How?

Quy tắc mà tôi thấy hữu ích nhất cho mọi người là không chống lại trực tiếp khó khăn. Hãy bỏ qua nó, vì nó sống bằng suy nghĩ; nó được nuôi dưỡng bằng suy nghĩ. Mỗi khi bạn nghĩ về nó, ngay cả khi cố gắng ngăn chặn nó, bạn đang nuôi dưỡng nó. Do đó, lời khuyên thường được đưa ra là bỏ qua vấn đề hoặc thói quen và tập trung mạnh mẽ vào đức tính đối lập. Tính cách được hình thành bởi suy nghĩ—một người nghĩ về điều gì, y sẽ trở thành điều đó. Vì vậy, hãy nghĩ về sự vĩnh cửu—luôn tiếp cận vấn đề của bạn bằng cách tập trung thể trí của bạn vào những phẩm chất hoàn toàn trái ngược với những phẩm chất đang gây rắc rối cho bạn. Giả sử rắc rối là sự khó chịu leo thang thành tức giận với tất cả những kết quả không mong muốn của nó. Giả sử nó đã trở thành một phẩm chất ăn sâu vào tính cách của bạn. Nó nắm quyền, gây đau khổ và làm bạn xấu hổ và phải được giải quyết. Bằng cách nào?

Here is the prescription: Every day, preferably in the morning before going out, preserve fifteen minutes for the treatment of this disease. The first five minutes will be spent in contemplating the opposite virtue which, in this case, is patience, poise, control. These qualities will be thought about and so will be built in—the ideal patience unmoved in the presence of every irritation. For five minutes think about the ideal of patience and equipoise. In the second five minutes, evoke the circumstances which distress and irritate and in their presence maintain perfect calm with no reaction. During the last five minutes, make the irrevocable resolve: ‘This day I will attain to complete patience, equipoise and calm’. During the day remember this resolve

Đây là đơn thuốc: Mỗi ngày, tốt nhất là vào buổi sáng trước khi ra ngoài, hãy dành mười lăm phút để điều trị căn bệnh này. Năm phút đầu tiên sẽ được dành để chiêm ngưỡng đức tính đối lập, trong trường hợp này là sự kiên nhẫn, điềm tĩnh, kiểm soát. Những phẩm chất này sẽ được suy nghĩ và do đó sẽ được xây dựng—sự kiên nhẫn lý tưởng không lay chuyển trước mọi khó chịu. Trong năm phút, hãy nghĩ về lý tưởng của sự kiên nhẫn và điềm tĩnh. Trong năm phút thứ hai, gợi lên những hoàn cảnh gây đau khổ và khó chịu và trước sự hiện diện của chúng, hãy duy trì sự bình tĩnh hoàn hảo mà không có phản ứng. Trong năm phút cuối cùng, hãy đưa ra quyết tâm không thể thay đổi: "Hôm nay tôi sẽ đạt được sự kiên nhẫn, điềm tĩnh và bình tĩnh hoàn toàn".

and at noon recall it and quickly repeat it.

Trong ngày, hãy nhớ quyết tâm này và vào buổi trưa, hãy nhớ lại và nhanh chóng lặp lại nó.

Every time a disturbing factor stirs to anger, retire as it were, into a position of calm—if you can. In the evening, before sleeping, review the day and see how you got on—where you fell, how you succeeded. Give an order to the subconscious self that while you are asleep it will build in the ideal of patience under all circumstances and that you will awake in the morning completely in control. In three weeks it should be possible for any intelligent person —not merely to control their anger-but to eliminate it. It has been replaced by the opposite virtues of patience, calm, equipoise.

Mỗi khi một yếu tố gây xáo trộn khuấy động sự tức giận, hãy rút lui, như thể, vào một vị trí bình tĩnh—nếu bạn có thể. Vào buổi tối, trước khi ngủ, hãy xem xét lại ngày và xem bạn đã tiến bộ như thế nào—bạn đã vấp ngã ở đâu, bạn đã thành công như thế nào. Hãy ra lệnh cho bản ngã tiềm thức rằng khi bạn ngủ, nó sẽ xây dựng lý tưởng về sự kiên nhẫn trong mọi hoàn cảnh và bạn sẽ thức dậy vào buổi sáng hoàn toàn kiểm soát được. Trong ba tuần, bất kỳ người thông minh nào cũng có thể—không chỉ kiểm soát được cơn giận của họ—mà còn loại bỏ nó. Nó đã được thay thế bằng những đức tính đối lập là sự kiên nhẫn, bình tĩnh, điềm tĩnh.

So-called sinful thoughts should be replaced by thoughts of purity, until your aura shines with them. Unwanted thoughts then simply cannot reach you. You may endeavour to fashion your personality into an ideal one by taking qualities you think desirable and then you build them in one after the other. You resolve that ‘I will be this kind of person’.

Cái gọi là những suy nghĩ tội lỗi nên được thay thế bằng những suy nghĩ về sự thanh khiết, cho đến khi hào quang của bạn tỏa sáng với chúng. Những suy nghĩ không mong muốn sau đó đơn giản là không thể chạm đến bạn. Bạn có thể cố gắng tạo ra phàm ngã của mình thành một phàm ngã lý tưởng bằng cách lấy những phẩm chất bạn cho là đáng mơ ước và sau đó bạn xây dựng chúng lần lượt. Bạn quyết tâm rằng "Tôi sẽ là kiểu người này".

There is a practice in yoga called ‘Self recollection’. The ideal is to live one’s life in such a way that however much one may be absorbed or even participating in external events or pleasures, nevertheless always—even throughout the day and night—there should be part of one’s consciousness which remains free and mindful of what one really is and the real meaning of one’s existence. This is called Self-recollection. In all this, one must be very careful to avoid anything which might be termed morbid introspection. A person might tend to think too much about himself,

Có một phương pháp trong yoga được gọi là "Tự hồi tưởng". Lý tưởng là sống cuộc đời của một người theo cách mà dù một người có thể bị cuốn hút hoặc thậm chí tham gia vào các sự kiện hoặc thú vui bên ngoài đến đâu, thì dù sao đi nữa—ngay cả trong suốt cả ngày lẫn đêm—phải có một phần tâm thức của một người vẫn tự do và ghi nhớ những gì một người thực sự là và ý nghĩa thực sự về sự tồn tại của một người. Đây được gọi là Tự hồi tưởng. Trong tất cả những điều này, người ta phải rất cẩn thận để tránh bất cứ điều gì có thể được gọi là sự tự kiểm điểm bệnh hoạn. Một người có thể có xu

perhaps morbidly. Actually, self-forgetfulness is the secret of happiness and of spirituality, so—forget yourself in the highest meaning of that idea.

hướng suy nghĩ quá nhiều về bản thân, có lẽ là bệnh hoạn. Trên thực tế, sự quên mình là bí mật của hạnh phúc và của tinh thần, vì vậy—hãy quên mình đi theo ý nghĩa cao nhất của ý tưởng đó.

Question: How can one help another who is sick by the use of prayer?

Câu hỏi: Làm thế nào một người có thể giúp người khác bị bệnh bằng cách sử dụng lời cầu nguyện?

Answer: I think first of all of a healing Source. In my upbringing from childhood, this has always been the Lord Christ. I think of Him first as the great Healer of the world. Then I think of the sufferer, but always in radiant health. Never allow yourself to visualize mentally anyone as being ill. You will increase the illness if you do. Always think of them as being perfectly well, even if it is not quite right. Then, as it were, in the presence of the Lord—visualize Him, if you like, full of light, grace, beauty and love in the highest form and bring your patient into His presence. Imagine Him putting His hands on the patient or whatever image comes to your mind. Then invoke the Divine healing aid saying: 'May the healing power of the Lord Christ descend upon (insert the Christian and the surname)'. You visualize the Divine healing grace—golden glowing—as flooding and saturating the suppliant. Continuing, you say, 'May the healing angels minister'. Visualize a circle of shining Beings who are servants of the Lord and who both conserve energy and add to it. At this time the patient is flooded both in your mind and actually too—with this Divine healing force. If it is in accordance with your temperament, you may close with this invocation: 'May the light of Christ's love enfold forever'. Remain quiet for a minute or two with this strong clear thought, ending with 'Amen'.

Trả lời: Trước hết, tôi nghĩ đến một Nguồn chữa bệnh. Trong sự nuôi dưỡng của tôi từ thời thơ ấu, đây luôn là Đức Christ. Trước hết, tôi nghĩ về Ngài như là Đấng Chữa Lành vĩ đại của thế giới. Sau đó, tôi nghĩ về người đau khổ, nhưng luôn luôn trong sức khỏe rạng rỡ. Đừng bao giờ cho phép bản thân hình dung về mặt thể trí bất kỳ ai là bị bệnh. Bạn sẽ làm tăng thêm bệnh tật nếu bạn làm như vậy. Luôn nghĩ về họ như là hoàn toàn khỏe mạnh, ngay cả khi nó không hoàn toàn đúng. Sau đó, như thể, trước sự hiện diện của Đức Chúa—hãy hình dung Ngài, nếu bạn thích, tràn đầy ánh sáng, ân sủng, vẻ đẹp và tình yêu ở dạng cao nhất và đưa bệnh nhân của bạn vào sự hiện diện của Ngài. Hãy tưởng tượng Ngài đặt tay lên bệnh nhân hoặc bất kỳ hình ảnh nào xuất hiện trong thể trí của bạn. Sau đó, hãy khẩn cầu sự trợ giúp chữa bệnh thiêng liêng bằng cách nói: "Cầu xin quyền năng chữa bệnh của Đức Christ giáng xuống (chèn tên thánh và họ của người đó)". Bạn hình dung ân sủng chữa bệnh thiêng liêng—vàng rực rỡ—như đang tràn ngập và thấm đẫm người cầu xin. Tiếp tục, bạn nói, "Cầu xin các thiên thần chữa bệnh phục vụ". Hãy hình dung một vòng tròn gồm những Đấng Cao Cả tỏa sáng, vốn là những người tôi tớ của Đức Chúa và những người vừa bảo tồn năng lượng vừa bổ sung vào nó. Vào thời điểm này, bệnh nhân được tràn ngập cả trong thể trí của bạn và thực tế cũng vậy—với lực chữa bệnh thiêng liêng này. Nếu nó phù hợp với tính khí của bạn, bạn có thể kết thúc bằng lời cầu khẩn này: "Cầu xin ánh sáng tình

yêu của Đức Christ bao bọc mãi mãi". Hãy giữ im lặng trong một hoặc hai phút với suy nghĩ rõ ràng mạnh mẽ này, kết thúc bằng "Amen".

Question: How can a person discover his own vibratory tone? I mean the note to which each person vibrates.

Câu hỏi: Làm thế nào một người có thể khám phá ra âm điệu rung động của chính mình? Ý tôi là nốt nhạc mà mỗi người rung động.

Answer: There is one form of yoga in which sound is used. It is called *mantra* yoga. A *mantram* may be constituted of a single syllable or of a sentence which, when chanted correctly, can have a liberating effect on the mind-brain. It is helpful to find that one of the six notes of the diatonic scale to which you respond best. One way is to chant, using for example the sacred word *Aum.* Begin with the middle C at the piano using concert pitch and then chant *aum* or *om.* How does it go? Does it fit you? If not try D,E,F, right up the scale. Keep on until you find the note that rings through your whole nature.

Trả lời: Có một hình thức yoga trong đó âm thanh được sử dụng. Nó được gọi là mantra yoga. Một mantram có thể được cấu thành từ một âm tiết duy nhất hoặc một câu, khi được tụng chính xác, có thể có tác dụng giải phóng trên thể trí-bộ não. Sẽ rất hữu ích khi tìm ra một trong sáu nốt của âm giai toàn cung mà bạn phản ứng tốt nhất. Một cách là tụng, ví dụ, linh từ thiêng liêng Aum. Bắt đầu với nốt Đô ở giữa trên đàn piano bằng cách sử dụng cao độ hòa nhạc và sau đó tụng aum hoặc om. Nó diễn ra như thế nào? Nó có phù hợp với bạn không? Nếu không, hãy thử D, E, F, ngay lên thang âm. Tiếp tục cho đến khi bạn tìm thấy nốt nhạc vang vọng khắp bản chất của bạn.

Each of the notes of our scale is in mutual, sympathetic resonance with one of the parts of the body, one of the *chakras*; one of planes, one of the planets and one of the signs of the zodiac. There is a set of what HPB [Helena P. Blavatsky] calls 'correspondences' bringing it right down from the zodiac to one's Self. For example, the note E natural, for all of us in general, is our best note from the point of view of yoga. Why? It is in mutual correspondence with the pineal gland, *buddhic* vehicle, Neptune, Gemini, Virgo—all of which are on the frequency of the intuitive faculty and of the organ in the brain corresponding to that faculty. It is not only a matter of what notes you choose but what you want to accomplish. If you want to awaken the intuition, then use D natural every time. In one school C is the note of Scorpio. E Natural, the note of the intuition, is a very good note on which to

Mỗi nốt nhạc trong thang âm của chúng ta đều có sự cộng hưởng cảm thông lẫn nhau với một trong các bộ phận của cơ thể, một trong các luân xa; một trong các cõi, một trong các hành tinh và một trong các dấu hiệu của hoàng đạo. Có một tập hợp những gì HPB [Helena P. Blavatsky] gọi là "sự tương ứng" đưa nó từ hoàng đạo xuống Bản Thân của một người. Ví dụ, nốt E tự nhiên, đối với tất cả chúng ta nói chung, là nốt nhạc tốt nhất của chúng ta từ quan điểm của yoga. Tại sao? Nó có sự tương ứng lẫn nhau với tuyến tùng, vận cụ Bồ đề, Sao Hải Vương, Song Tử, Xử Nữ—tất cả đều nằm trên tần số của khả năng trực giác và của cơ quan trong não tương ứng với khả năng đó. Nó không chỉ là vấn đề bạn chọn nốt nhạc nào mà là bạn muốn hoàn thành điều gì. Nếu bạn muốn đánh thức trực giác, thì hãy sử dụng D tự nhiên mỗi lần. Trong một trường phái, C là nốt nhạc của Hổ Cáp. E Tự Nhiên, nốt nhạc của

meditate or to use for chanting since it provides an uplifting pattern of vibrations.

trực giác, là một nốt nhạc rất tốt để tham thiền hoặc sử dụng để tụng kinh vì nó cung cấp một mô hình rung động nâng cao.

In yoga it is not so much what you find yourself doing but what you decide to do and do it without question. You must use your own intuition in this matter and not rely on someone else.

Trong yoga, không phải là những gì bạn thấy mình đang làm mà là những gì bạn quyết định làm và làm điều đó mà không cần thắc mắc. Bạn phải sử dụng trực giác của riêng bạn trong vấn đề này và không dựa vào người khác.

Question: Would you comment on the use of LSD to attain states of supernormal consciousness?

Câu hỏi: Ông có thể cho biết ý kiến về việc sử dụng LSD để đạt được các trạng thái tâm thức siêu thường không?

Answer: I have here a letter from the Vancouver, B.C. Medical Health Officer. He says: 'The dangers of LSD are so great that no one should allow it in his or her body. The only exception would be under the highly skilled control of a medical specialist'. There are five major dangers associated with LSD. First to the individual. Persons who use LSD are often young and cannot cope with the overpowering effects.

Trả lời: Tôi có ở đây một lá thư từ Viên chức Y tế Vancouver, B.C.. Ông viết: 'Sự nguy hiểm của LSD là quá lớn đến nỗi không ai nên cho phép nó vào cơ thể mình. Ngoại lệ duy nhất là dưới sự kiểm soát có tay nghề cao của một chuyên gia y tế'. Có năm mối nguy hiểm chính liên quan đến LSD. Thứ nhất là đối với cá nhân. Những người sử dụng LSD thường còn trẻ và không thể đối phó với những tác động áp đảo.

Second, psychological and physical reaction—LSD can result in bodily harm to the users and to others. It can create a panic state of mind by causing distortions of shapes, sizes, colours, distances sounds and time. A second may seem an hour or an hour a second. A person on the fourth storey of a building may believe that he is two feet from the ground and jump to his death. The effects are not temporary, since hallucinations can occur later at the most unexpected times and with great danger to everyone around. The brain damage may be permanent, even after one single experience with LSD.

Thứ hai, phản ứng tâm lý và thể chất—LSD có thể gây ra tổn hại về thể chất cho người sử dụng và cho những người khác. Nó có thể tạo ra một trạng thái tinh thần hoảng loạn bằng cách gây ra sự biến dạng về hình dạng, kích thước, màu sắc, khoảng cách, âm thanh và thời gian. Một giây có vẻ như một giờ hoặc một giờ một giây. Một người ở tầng bốn của một tòa nhà có thể tin rằng y cách mặt đất hai feet và nhảy xuống chết. Các tác động không phải là tạm thời, vì ảo giác có thể xảy ra sau đó vào những thời điểm bất ngờ nhất và gây nguy hiểm lớn cho mọi người xung quanh. Tổn thương não có thể là vĩnh viễn, ngay cả sau một trải nghiệm duy nhất với LSD.

Third, the impurities and the impossibility of controlling the dosage in the commonly obtained form of LSD add to the dangers. The regular medical dosage is so small that one

Thứ ba, các tạp chất và việc không thể kiểm soát liều lượng trong dạng LSD thường thu được làm tăng thêm sự nguy hiểm. Liều lượng y tế thông thường nhỏ đến mức một

ounce is sufficient to treat 300,000 patients!

ounce là đủ để điều trị cho 300.000 bệnh nhân!

Fourth, the legal consequences—it is illegal to give or to transfer LSD to any person. The only exception is for use at approved research centres. Penalties are severe, with three years imprisonment and a fine of up to $5,000.

Thứ tư, hậu quả pháp lý—việc cho hoặc chuyển LSD cho bất kỳ người nào là bất hợp pháp. Ngoại lệ duy nhất là để sử dụng tại các trung tâm nghiên cứu được phê duyệt. Hình phạt rất nghiêm khắc, với ba năm tù giam và khoản tiền phạt lên tới 5.000 đô la.

Fifth, the social consequences—the possible social consequences are serious. Case histories show a slipping in achievement in every phase of life. The secrecy that surrounds the use of LSD and all illicit drugs tends to drive young people into groups separated from the rest of society. The overwhelming evidence shows LSD to be an extremely dangerous drug. Every person who is in danger of dabbling with this hallucination-producing drug should be seriously warned.

Thứ năm, hậu quả xã hội—những hậu quả xã hội có thể xảy ra là nghiêm trọng. Các bệnh sử cho thấy sự sa sút trong thành tích ở mọi giai đoạn của cuộc đời. Sự bí mật bao quanh việc sử dụng LSD và tất cả các loại thuốc bất hợp pháp có xu hướng đẩy những người trẻ tuổi vào các nhóm tách biệt khỏi phần còn lại của xã hội. Bằng chứng áp đảo cho thấy LSD là một loại thuốc cực kỳ nguy hiểm. Mọi người có nguy cơ thử nghiệm loại thuốc gây ảo giác này nên được cảnh báo nghiêm túc.

In regard to the attainment of super-normal states of consciousness, the drug does not produce the effects but it acts as an inhibitor and a releaser—it is a kind of key which lets the control of consciousness of the user free from the normal limitations of bodily egohood. It sets persons free. Now the level to which they reach, will depend on several factors: the person's character, their expectations, their preparations, and finally, the setting. Under the best conditions—if they can be called best—sometimes not only the Astral Plane is reached, but Causal consciousness is attained. There is a freedom from the limitations of egohood; there is a universalization of consciousness; there is a feeling of oneness with life and with other people. There are other experiences which can be described as appertaining to super consciousness—this occurs only in very exceptional cases. Very large numbers of LSD users suffer from immediate and overwhelmingly devastating effects. For

Về việc đạt được các trạng thái tâm thức siêu thường, thuốc không tạo ra các hiệu ứng mà nó hoạt động như một chất ức chế và giải phóng—nó là một loại chìa khóa cho phép sự kiểm soát tâm thức của người dùng thoát khỏi những hạn chế thông thường của phàm ngã thể xác. Nó giải phóng mọi người. Bây giờ cấp độ mà họ đạt được sẽ phụ thuộc vào một số yếu tố: tính cách của người đó, kỳ vọng của họ, sự chuẩn bị của họ và cuối cùng là bối cảnh. Trong điều kiện tốt nhất—nếu chúng có thể được gọi là tốt nhất—đôi khi không chỉ Cõi Cảm Dục đạt được, mà tâm thức Nguyên Nhân cũng đạt được. Có một sự tự do khỏi những hạn chế của phàm ngã; có một sự phổ quát hóa tâm thức; có một cảm giác hợp nhất với sự sống và với những người khác. Có những trải nghiệm khác có thể được mô tả là thuộc về siêu tâm thức—điều này chỉ xảy ra trong những trường hợp rất đặc biệt. Rất nhiều người sử dụng LSD phải chịu những tác động tàn khốc và áp đảo ngay lập tức. Ví dụ, một cô gái trẻ 16 tuổi, trong một 'chuyến đi', đã được đưa đến

example, one young girl of 16, in the course of a 'trip', was brought into a medical centre believing that she had been skinned alive. Another man was under the delusion that he was destroying people by devouring their souls.

một trung tâm y tế vì tin rằng mình đã bị lột da sống. Một người đàn ông khác lại ảo tưởng rằng y đang hủy diệt mọi người bằng cách nuốt chửng linh hồn của họ.

Under the influence of the drug, the freed consciousness can range from lower Astral and even elemental bodily consciousness—all askew and all wrong—right up to a touch of Causal consciousness. The successful yogi does precisely the same thing, and he, too, must and does affect his brain in order to produce the results and to release himself from the limitations of egohood. In full self-control and knowledge he then touches his real Self. He not only touches this spiritual Self but he learns to identify himself therewith and to experience full Causal consciousness. When the yogi, in successful meditation, enters into what is called in the East, '*Samadhf*, he may be in one of three states. In one, he remains awake in his body, in two, he is partially awake and partially gone and in three, the body is entranced. In each of these states the *kundalini* fire is brought up from the base of the spine. It divides into its three currents—one goes into the pineal gland, one into the pituitary, and one through the third ventricle of the brain and out of the top of the head. The arrival of this powerful electrical fire into the brain itself, into the cerebellum and the pineal gland has an extraordinarily stimulating effect. It causes the brain cells to vibrate more rapidly than is normal, and the same with the frontal brain and the pituitary. This increased and stimulating activity of the brain-mind allows it to respond to signals, conditions and forces at superphysical and supra-mental levels.

Dưới ảnh hưởng của thuốc, tâm thức được giải phóng có thể dao động từ Cõi Cảm Dục thấp hơn và thậm chí là tâm thức thể xác hành khí—tất cả đều xiêu vẹo và sai trái—cho đến một chút tâm thức Nguyên Nhân. Vị yogi thành công làm chính xác điều tương tự, và y cũng phải và thực sự tác động đến bộ não của mình để tạo ra kết quả và giải phóng bản thân khỏi những hạn chế của phàm ngã. Với đầy đủ sự tự chủ và hiểu biết, y sau đó chạm vào Bản Thể thực sự của mình. Y không chỉ chạm vào Bản Thể tinh thần này mà còn học cách đồng nhất mình với nó và trải nghiệm đầy đủ tâm thức Nguyên Nhân. Khi vị yogi, trong thiền định thành công, bước vào cái được gọi ở phương Đông là 'Samadhf, y có thể ở một trong ba trạng thái. Trong một trạng thái, y vẫn tỉnh táo trong cơ thể, trong hai trạng thái, y tỉnh táo một phần và biến mất một phần và trong ba trạng thái, cơ thể bị xuất thần. Trong mỗi trạng thái này, ngọn lửa kundalini được đưa lên từ gốc cột sống. Nó chia thành ba dòng—một dòng đi vào tuyến tùng, một dòng vào tuyến yên và một dòng qua tâm thất thứ ba của não và ra khỏi đỉnh đầu. Sự xuất hiện của ngọn lửa điện mạnh mẽ này vào chính bộ não, vào tiểu não và tuyến tùng có một tác dụng kích thích phi thường. Nó khiến các tế bào não rung động nhanh hơn bình thường, và điều tương tự cũng xảy ra với não trước và tuyến yên. Hoạt động kích thích và gia tăng này của thể trí cho phép nó đáp ứng với các tín hiệu, điều kiện và lực ở các cấp độ siêu vật lý và siêu trí tuệ.

When a person is in this exalted state—the brain itself is, as it were, enfired. Why does the

Khi một người ở trong trạng thái cao thượng này—bản thân bộ não, như thể, được đốt cháy.

stimulation of the pineal gland contribute to the arousing of a supernormal or exalted state of consciousness? A very interesting discovery was made only last month. It is that the pineal gland is not only the vestigial organ they thought it was, since under certain stimulation and certain conditions it produced a chemical called serotonin. Extraordinarily enough, the action of this chemical on the brain consciousness is closely allied with that of exaltation in meditation and to some of the effects of LSD. For the occultist this is a very, very interesting discovery. It indicates that the stimulation of the pineal gland by the arousing of the *kundalini* fire may and I think, does, cause it to produce, release and secrete an added quantity of its various hormones which contribute to higher states of consciousness.

Tại sao sự kích thích của tuyến tùng lại góp phần vào việc khơi dậy một trạng thái tâm thức siêu thường hoặc cao thượng? Một khám phá rất thú vị đã được thực hiện chỉ vào tháng trước. Đó là tuyến tùng không chỉ là cơ quan thoái hóa mà họ nghĩ, vì dưới một số kích thích nhất định và một số điều kiện nhất định, nó tạo ra một chất hóa học gọi là serotonin. Điều kỳ lạ là tác động của chất hóa học này lên tâm thức não bộ có liên quan chặt chẽ đến sự hưng phấn trong thiền định và một số tác động của LSD. Đối với nhà huyền bí học, đây là một khám phá rất, rất thú vị. Nó chỉ ra rằng sự kích thích của tuyến tùng bằng cách khơi dậy ngọn lửa kundalini có thể và tôi nghĩ, thực sự, khiến nó sản xuất, giải phóng và tiết ra một lượng hormone khác nhau, góp phần vào các trạng thái tâm thức cao hơn.

Finally, it must be stressed that the difference between the yogi and the user of LSD is that the latter is entirely dependent on his drug, needing larger and ever larger doses. He has no will in the matter at all, whereas the successful yogi can achieve these higher states of consciousness at any time he wills. He has full control.

Cuối cùng, phải nhấn mạnh rằng sự khác biệt giữa vị yogi và người sử dụng LSD là người sau hoàn toàn phụ thuộc vào thuốc của mình, cần liều lượng ngày càng lớn hơn. Y hoàn toàn không có ý chí trong vấn đề này, trong khi vị yogi thành công có thể đạt được những trạng thái tâm thức cao hơn này bất cứ lúc nào y muốn. Y có toàn quyền kiểm soát.

Theosophy in New Zealand, Vol. 30, No. 4, 1968, p. 82

Thông Thiên Học ở New Zealand, Tập. 30, Số 4, 1968, tr. 82

204—

The Mechanism of Psychosomatics—Cơ Chế của Tâm Thể Học

There are two classes of disease—bodily and mental. Each arises from the other. Neither is perceived to exist without the other. Of a truth mental disorders arise from physical ones, and likewise physical disorders arise from mental ones (*Mahabharata, Shanti Parva,* XVI, 8-9).

Có hai loại bệnh—thể xác và tinh thần. Mỗi loại phát sinh từ loại kia. Không loại nào được nhận thấy tồn tại mà không có loại kia. Quả thật, rối loạn tinh thần phát sinh từ rối loạn thể chất, và tương tự, rối loạn thể chất phát sinh từ rối loạn tinh thần (Mahabharata, Shanti Parva, XVI, 8-9).

The subject of the mechanism of interaction

Chủ đề về cơ chế tương tác giữa cơ thể và linh

between body and soul will now be considered. One contribution, founded upon clairvoyant research, consists of a description of the anatomy of the soul of man and includes information concerning two of the links between body and soul. One of these, of course, is the Immortal Self or reincarnating Ego and another is the vital energy flowing from an interior source, throughout the four mortal vehicles, those of mind, emotion, vitality and physical matter.

hồn sẽ được xem xét bây giờ. Một đóng góp, dựa trên nghiên cứu thông nhãn, bao gồm một mô tả về giải phẫu của linh hồn con người và bao gồm thông tin liên quan đến hai trong số các liên kết giữa cơ thể và linh hồn. Một trong số này, tất nhiên, là Bản Thể Bất Tử hoặc Chân Ngã tái sinh và một cái khác là năng lượng sinh lực chảy từ một nguồn bên trong, xuyên suốt bốn vận cụ hữu tử, đó là thể trí, cảm xúc, sinh lực và vật chất thể xác.

An important additional idea may perhaps usefully be considered here: for the term vitality refers not only to a bodily state, but also to a force with its specific vehicle, the Etheric Double. Every nerve, artery and vein has an etheric sheath and constitutes a physical and an etheric canal along which life-force or *prana* flows. Physically, the main pranic centres are at the glands and nerve centres, whilst super physically they are located at the *chakras* (see later) or centres of soul energy in the subtle bodies. The *chakras* and these flowing *pranas* serve as links between body and soul, and it is largely through them that mental and emotional states reach and affect the body, its organs and their functions. This flow of vitality is influenced by both bodily and psychological changes which later affect especially the nervous systems in at least three ways. They do this by influencing the flow of *prana;* by affecting the condition of the mental, Astral and etheric bodies themselves; and by affecting the force centres or *chakras* in the superphysical bodies and the associated glands and other organs in the physical body.

Một ý tưởng bổ sung quan trọng có lẽ có thể được xem xét hữu ích ở đây: vì thuật ngữ sinh lực không chỉ đề cập đến một trạng thái thể xác, mà còn là một lực với vận cụ cụ thể của nó, Thể Dĩ Thái Kép. Mọi dây thần kinh, động mạch và tĩnh mạch đều có vỏ bọc dĩ thái và tạo thành một ống dẫn thể xác và dĩ thái dọc theo đó sinh lực hoặc prana chảy. Về mặt thể chất, các trung tâm prana chính nằm ở các tuyến và trung tâm thần kinh, trong khi siêu vật lý, chúng nằm ở các luân xa (xem sau) hoặc các trung tâm năng lượng linh hồn trong các thể vi tế. Các luân xa và các prana đang chảy này đóng vai trò là liên kết giữa cơ thể và linh hồn, và phần lớn là thông qua chúng mà các trạng thái tinh thần và cảm xúc đạt đến và ảnh hưởng đến cơ thể, các cơ quan của nó và các chức năng của chúng. Dòng sinh lực này bị ảnh hưởng bởi cả những thay đổi về thể chất và tâm lý, sau này ảnh hưởng đặc biệt đến hệ thần kinh theo ít nhất ba cách. Chúng làm điều này bằng cách ảnh hưởng đến dòng chảy của prana; bằng cách ảnh hưởng đến tình trạng của chính các thể trí, Cảm Dục và dĩ thái; và bằng cách ảnh hưởng đến các trung tâm lực hoặc luân xa trong các thể siêu vật lý và các tuyến liên quan và các cơ quan khác trong thể xác.

The seven *chakras* are specific organs in the etheric, Astral or emotional, and mental bodies, the Sanskrit word *chakra* meaning

Bảy luân xa là các cơ quan cụ thể trong các thể dĩ thái, Cảm Dục hoặc cảm xúc và trí tuệ, từ chakra trong tiếng Phạn có nghĩa là 'bánh xe'.

'wheel'. The etheric *chakras* are flower or bell-shaped vortices, lying with their edges on the surface of the Etheric Double and situated at the crown, the brow, the throat, the heart, the solar plexus, the spleen and the sacrum. Each vortex has a tube or stalk running back into the spinal tract or cranial centres. There is a two-way flow along these stalks, incoming and outgoing from spinal cord to nervous system. In the Astral and mental bodies they are larger, highly coloured, and convey super-physical *pranas* via the etheric *chakras* to the physical glandular and nerve centres, their function being greatly affected by thought and emotion.

Các luân xa dĩ thái là các xoáy hình hoa hoặc hình chuông, nằm với các cạnh của chúng trên bề mặt của Thể Dĩ Thái Kép và nằm ở đỉnh đầu, trán, cổ họng, tim, tùng thái dương, lá lách và xương cùng. Mỗi xoáy có một ống hoặc cuống chạy ngược vào đường cột sống hoặc các trung tâm sọ não. Có một dòng chảy hai chiều dọc theo các cuống này, đi vào và đi ra từ tủy sống đến hệ thần kinh. Trong các thể Cảm Dục và trí tuệ, chúng lớn hơn, có màu sắc rực rỡ và truyền prana siêu vật lý thông qua các luân xa dĩ thái đến các tuyến thể xác và các trung tâm thần kinh, chức năng của chúng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tư tưởng và cảm xúc.

The *chakras* and the Etheric Double are thus seen as links between physical and super-physical consciousness. When, for example, the throat tightens with self-consciousness or the stomach 'turns over' or 'sinks', changes in Astral consciousness affect first the emotional or Astral Body, then the Astral throat *chakra,* then the etheric *chakra,* and so the physical glands and nerve centres. The *chakras* thus have a definite influence on the endocrine glands in their regions, and this is one view of behaviourism and glandular disturbances. Generally, after long strain and tension especially, negative or discordant thought and emotion, and after shock, the subtle bodies alter first and then the *chakras.* These effects then gradually reach the glands and the nerve centres, thereby affecting the supply of *pranas* and so the chemistry and the metabolism of the body.

Do đó, các luân xa và Thể Dĩ Thái Kép được xem là các liên kết giữa tâm thức thể xác và siêu vật lý. Ví dụ, khi cổ họng thắt lại vì tự ý thức hoặc dạ dày 'lộn nhào' hoặc 'chìm xuống', những thay đổi trong tâm thức Cảm Dục ảnh hưởng đầu tiên đến Thể Cảm Dục hoặc cảm xúc, sau đó đến luân xa cổ họng Cảm Dục, sau đó đến luân xa dĩ thái, và do đó đến các tuyến thể xác và các trung tâm thần kinh. Do đó, các luân xa có ảnh hưởng nhất định đến các tuyến nội tiết trong khu vực của chúng, và đây là một quan điểm về thuyết hành vi và các rối loạn tuyến. Nói chung, sau thời gian dài căng thẳng và đặc biệt là căng thẳng, tư tưởng và cảm xúc tiêu cực hoặc bất hòa, và sau cú sốc, các thể vi tế thay đổi trước và sau đó là các luân xa. Sau đó, những tác động này dần dần đến các tuyến và các trung tâm thần kinh, do đó ảnh hưởng đến việc cung cấp prana và do đó ảnh hưởng đến hóa học và sự trao đổi chất của cơ thể.

The Human Chord

Hợp Âm Con Người

In addition to this general interaction, the functions of the glands, nerve centres and organs are governed by cyclic law, as is the whole body. Within the major cycle of birth, growth, maturity and death are the individual

Ngoài sự tương tác chung này, các chức năng của các tuyến, trung tâm thần kinh và cơ quan được điều chỉnh bởi định luật tuần hoàn, giống như toàn bộ cơ thể. Trong chu kỳ chính của sự sinh ra, trưởng thành, trưởng thành và

cycles of varying degrees of activity of the glands at different ages. These cycles and functions are also affected by thought, emotion, mode of life, diet, infection, 'accident' and old age. All these influence the glands; for wrong, discordant thought, wrong emotion, wrong mode of life and diet interfere with their proper cycles and the harmonious blending of all the separate cycles of activity of each organism in the body, which is essential to perfect health. In other words, they upset the balance of bodily function. In addition, each *chakra*, in health, also has its own chord and place in the total personal chord. In health all are in tune, and the life-force then flows freely and harmoniously through vehicles and *chakras* to the physical body and, other necessary factors being present, produces and maintains reasonably good health. Self-correction of habitual mental and emotional errors and of harmful physical habits is most important in the maintenance of health. Habitual, temporary errors and more deep-seated psychological difficulties must be reduced in extent and eventually eliminated.

cái chết là các chu kỳ riêng lẻ với các mức độ hoạt động khác nhau của các tuyến ở các độ tuổi khác nhau. Các chu kỳ và chức năng này cũng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng, cảm xúc, lối sống, chế độ ăn uống, nhiễm trùng, 'tai nạn' và tuổi già. Tất cả những điều này ảnh hưởng đến các tuyến; vì tư tưởng sai trái, cảm xúc sai trái, lối sống và chế độ ăn uống sai trái can thiệp vào các chu kỳ thích hợp của chúng và sự pha trộn hài hòa của tất cả các chu kỳ hoạt động riêng biệt của mỗi sinh vật trong cơ thể, điều này rất cần thiết cho sức khỏe hoàn hảo. Nói cách khác, chúng làm đảo lộn sự cân bằng của chức năng cơ thể. Ngoài ra, mỗi luân xa, khi khỏe mạnh, cũng có hợp âm và vị trí riêng trong hợp âm cá nhân tổng thể. Khi khỏe mạnh, tất cả đều hòa hợp và sinh lực sau đó chảy tự do và hài hòa qua các vận cụ và luân xa đến thể xác và, các yếu tố cần thiết khác hiện diện, tạo ra và duy trì sức khỏe khá tốt. Việc tự điều chỉnh các lỗi tinh thần và cảm xúc theo thói quen và các thói quen thể chất có hại là rất quan trọng trong việc duy trì sức khỏe. Các lỗi tạm thời theo thói quen và những khó khăn tâm lý sâu sắc hơn phải được giảm bớt về mức độ và cuối cùng phải được loại bỏ.

To digress briefly, if these generalizations are applicable, then the whole body can be expressed in terms of frequency, each type of tissue and each organ having its own wave length, note and colour, these in their turn varying in states of health and of disease. In perfect health, every part is in tune and the chord of the human body perfectly harmonized. In ill-health the opposite exists; there is a dissonance at some part or other. The true art of healing, therefore, would seem to be that of re-attunement or the restoration of rhythm.

Để đi lạc một chút, nếu những khái quát này có thể áp dụng được, thì toàn bộ cơ thể có thể được biểu thị bằng tần số, mỗi loại mô và mỗi cơ quan có bước sóng, nốt và màu sắc riêng, những thứ này đến lượt mình thay đổi theo trạng thái sức khỏe và bệnh tật. Khi sức khỏe hoàn hảo, mọi bộ phận đều hòa hợp và hợp âm của cơ thể con người được hài hòa một cách hoàn hảo. Khi sức khỏe kém thì điều ngược lại tồn tại; có một sự bất hòa ở một bộ phận nào đó. Do đó, nghệ thuật chữa bệnh thực sự dường như là sự điều chỉnh lại hoặc phục hồi nhịp điệu.

Psychosomatic Difficulties Clairvoyantly Observed

Những Khó Khăn về Tâm Thể Học Được Quan Sát Bằng Thông Nhãn

Mental and emotional disturbances can be seen in the superphysical bodies as abnormalities of shape, such as constrictions, enlargements, hyperactive areas or auric imbalance generally in the region of the physical area. Inert patches may also be observed in the Astral Body more especially, representing residue or 'ashes' from indulgences in former lives, 'scars' from prenatal life and childhood sufferings such as shock; corporal punishment, frustration, disappointment, loneliness, and neglect.

Những xáo trộn về tinh thần và cảm xúc có thể được nhìn thấy trong các thể siêu vật lý như những bất thường về hình dạng, chẳng hạn như sự co thắt, mở rộng, các khu vực hoạt động quá mức hoặc sự mất cân bằng hào quang nói chung trong khu vực thể xác. Các mảng trơ cũng có thể được quan sát thấy đặc biệt hơn trong Thể Cảm Dục, đại diện cho cặn hoặc 'tro' từ sự nuông chiều trong các kiếp trước, 'vết sẹo' từ cuộc sống trước khi sinh và những đau khổ thời thơ ấu như sốc; trừng phạt về thể xác, thất vọng, thất vọng, cô đơn và bỏ bê.

Jealous anger, irritation, and resentment appear as areas of brown-green with red flashes and scarlet flecks, and when these are very deeply felt the black of malice can also be present. These both misdirect and use up undue amounts of Astral life-force, and also render discordant some of that which reaches the physical body. Depression shows as an enveloping cloud of grey, clogging the *chakras* and sometimes compressing the Astral Body. Fear, anxiety, and worry show as dull, livid grey areas deep within the aura and as obstructions in, and constrictions of, the heart and solar plexus *chakras.*

Sự tức giận, khó chịu và oán giận ghen tuông xuất hiện dưới dạng các vùng màu nâu-xanh lá cây với các tia đỏ và các đốm đỏ tươi, và khi những điều này được cảm nhận rất sâu sắc thì màu đen của sự ác ý cũng có thể xuất hiện. Cả hai đều chuyển hướng sai và sử dụng một lượng sinh lực Cảm Dục quá mức, đồng thời cũng làm cho một số sinh lực đến được thể xác trở nên bất hòa. Trầm cảm biểu hiện như một đám mây xám bao trùm, làm tắc nghẽn các luân xa và đôi khi nén Thể Cảm Dục. Sợ hãi, lo lắng và lo lắng biểu hiện như những vùng màu xám xỉn, tái nhợt sâu bên trong hào quang và như những tắc nghẽn và co thắt ở các luân xa tim và tùng thái dương.

Nightmares may sometimes be caused when the Astral elemental essence assumes ugly shapes, which may range from an enveloping black cloud to a terrifying animal-like, or other form seeming to threaten the sufferer. These may be met astrally during physical sleep and the resultant fright drive the person in terror back to the physical body. These forms must be broken up by the will power of the healer who, in addition, must clear the aura and stabilize and strengthen the consciousness. Such abnormalities affect adversely the *chakras,* especially their two functions as channels for *prana* and the

Ác mộng đôi khi có thể xảy ra khi Tinh chất hành khí Cảm dục mang những hình dạng xấu xí, có thể từ một đám mây đen bao trùm đến một hình dạng giống động vật đáng sợ, hoặc một hình dạng khác dường như đe dọa người bệnh. Chúng có thể gặp nhau ở cõi cảm dục trong khi ngủ thể xác và sự hoảng sợ dẫn đến việc người đó kinh hoàng trở về thể xác. Những hình dạng này phải bị phá vỡ bởi ý chí của người chữa bệnh, người này, ngoài ra, phải làm sạch hào quang và ổn định và tăng cường tâm thức. Những bất thường như vậy ảnh hưởng xấu đến các luân xa, đặc biệt là hai chức năng của chúng như là các kênh dẫn prana và

stabilizing aspects of the Inner Self; for the solar plexus *chakra* and even the whole Astral Body may contract and the former become choked up in sudden fear, panic, habitual anxiety, anger and resentment, thus reducing the inflow of the ensouling Astral life-force. A recently 'broken' heart can appear astrally as a closed heart *chakra* with interlocked petals—a tragic sight indeed.

các khía cạnh ổn định của Bản Thể Nội Tại; vì luân xa tùng thái dương và thậm chí toàn bộ Thể Cảm Dục có thể co lại và cái trước bị nghẹn lại trong nỗi sợ hãi, hoảng loạn, lo lắng, giận dữ và oán giận theo thói quen, do đó làm giảm dòng chảy của sinh lực Cảm dục phú linh. Một trái tim 'tan vỡ' gần đây có thể xuất hiện ở cõi cảm dục như một luân xa tim khép kín với các cánh hoa lồng vào nhau — một cảnh tượng bi thảm thực sự.

Alcoholism produces an enlargement of the Astral Body, brick red in colour, reaching from the throat to the thighs, according to the degrees of addiction and indulgence. Within and outside of it, many small elemental, reptilian and animal-like forms may be seen, battening, as it were, upon the affected life-force.

Chứng nghiện rượu tạo ra sự mở rộng của Thể Cảm Dục, có màu đỏ gạch, kéo dài từ cổ họng đến đùi, tùy theo mức độ nghiện và buông thả. Bên trong và bên ngoài nó, có thể thấy nhiều hình dạng hành khí nhỏ, bò sát và giống động vật, đang bám vào, như thể, sinh lực bị ảnh hưởng.

Influences from Former Lives

Ảnh hưởng từ Các Kiếp Sống Trước

Experiences in past lives can, it would seem, affect the health of the new body as follows:

Kinh nghiệm trong các kiếp sống trước, dường như, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của thể mới như sau:

The effect of death from imprisonment—claustrophobia; from being lost in open spaces—agoraphobia. Inborn paralysing fear and unreasoning terror, as of snake bite, scorpions, beasts or birds of prey, or bats, can be brought over as a result of death from any of these in a recently preceding life. Fear of heights, water, fire, earth caves, etc., may be related to the manner of death in a former life. Fear of explosives, shots, planes overhead, slopes, water, knives or guns, can also be brought over especially in quick reincarnations after death from any of them, as of soldiers killed in battle.

Ảnh hưởng của cái chết do bị giam cầm — chứng sợ không gian hẹp; do bị lạc trong không gian rộng mở — chứng sợ quảng trường. Nỗi sợ hãi tê liệt bẩm sinh và nỗi kinh hoàng vô lý, như bị rắn cắn, bọ cạp, thú dữ hoặc chim săn mồi, hoặc dơi, có thể mang đến do cái chết từ bất kỳ điều nào trong số này trong một kiếp sống gần đây. Nỗi sợ độ cao, nước, lửa, hang động đất, v.v., có thể liên quan đến cách chết trong một kiếp sống trước. Nỗi sợ chất nổ, tiếng súng, máy bay trên cao, dốc, nước, dao hoặc súng, cũng có thể được mang đến đặc biệt là trong các lần tái sinh nhanh chóng sau khi chết vì bất kỳ điều nào trong số chúng, như của những người lính bị giết trong trận chiến.

Complexes which are not thus caused can have their origin in mother-child

Các phức cảm không do đó gây ra có thể có nguồn gốc từ mối quan hệ mẹ con, cả trong

relationships, both during pregnancy and in the early years of life, as already stated. These, too, will be visible appropriately as effects upon the etheric mould during intrauterine life, and later upon the Etheric Double and subtler bodies.

thời kỳ mang thai và trong những năm đầu đời, như đã nêu. Chúng cũng sẽ hiển thị một cách thích hợp như những ảnh hưởng lên khuôn dĩ thái trong cuộc sống trong tử cung, và sau đó lên Thể Dĩ Thái Đôi và các thể tinh vi hơn.

The American Theosophist, Vol. 58, No. 5—Special Issue

The American Theosophist, Tập. [58], Số. [5] — Ấn bản đặc biệt

A Self-Healing Visualisation

Một Hình Dung Tự Chữa Lành

This is a personal healing meditation designed to restore the harmonious flow of the Divine Life through one's whole nature; this Life, which is the vital energy of the universe, is everywhere present in abundance; its steady and continuous flow through us maintains us in perfect health and strength. Illness is a sign that through lack of inner harmony we are temporarily shut off from this universal supply of healing force. We must attain a state of spiritual, mental, emotional and physical harmony and accord, whereupon the Divine healing and vitalizing power will flow freely through us, and we shall be whole.

Đây là một bài tham thiền chữa lành cá nhân được thiết kế để khôi phục dòng chảy hài hòa của Sự Sống Thiêng Liêng thông qua toàn bộ bản chất của một người; Sự Sống này, vốn là năng lượng sống còn của vũ trụ, hiện diện ở khắp mọi nơi một cách dồi dào; dòng chảy ổn định và liên tục của nó qua chúng ta duy trì chúng ta trong sức khỏe và sức mạnh hoàn hảo. Bệnh tật là một dấu hiệu cho thấy do thiếu sự hài hòa bên trong, chúng ta tạm thời bị cắt đứt khỏi nguồn cung cấp mãnh lực chữa lành phổ quát này. Chúng ta phải đạt đến một trạng thái hài hòa và hòa hợp về tinh thần, trí tuệ, cảm xúc và thể xác, khi đó quyền năng chữa lành và sinh lực thiêng liêng sẽ chảy tự do qua chúng ta, và chúng ta sẽ được toàn vẹn.

To achieve this consummation, the aspirant may visualize the Divine Life as being everywhere present and as filling the upper air with its radiant and golden glow; he may reach up towards it with all the power of his thought and will, aspiring ardently to become one with it, to embody it within himself, so that it may flow freely through him, in the helping of the world.

Để đạt được sự viên mãn này, người chí nguyện có thể hình dung Sự Sống Thiêng Liêng hiện diện ở khắp mọi nơi và lấp đầy không trung với ánh sáng rạng rỡ và vàng óng của nó; y có thể vươn lên về phía nó bằng tất cả sức mạnh của tư tưởng và ý chí của mình, khao khát mãnh liệt để trở thành một với nó, để thể hiện nó trong chính mình, để nó có thể chảy tự do qua y, trong việc giúp đỡ thế giới.

Then he may dwell in thought upon God as the Source of all power and life, seek to realize His presence and to lose himself There-in. He may think of himself as a chalice into which the Divine Life is poured, and as he aspires to at-one himself with God, the cup will increase in

Sau đó, y có thể suy ngẫm về Thượng đế như là Nguồn gốc của mọi quyền năng và sự sống, tìm cách nhận ra sự hiện diện của Ngài và đánh mất mình ở đó. Y có thể nghĩ về bản thân như một chén thánh mà Sự Sống Thiêng Liêng được rót vào, và khi y khao khát hợp nhất

size, growing ever higher, into the inner worlds, where dwells the Healing Life.

mình với Thượng đế, chiếc chén sẽ tăng kích thước, ngày càng cao hơn, vào các cõi nội tại, nơi Sự Sống Chữa Lành ngự trị.

Then let him think of the Divine Life in all its glowing Splendour, as pouring down upon and into him in a torrent of vital force, filling the cup to overflowing and flooding his whole nature with its power. After dwelling for a time in silent realization, this power may be directed outwards through his heart to heal the sorrows and sufferings of the world.

Sau đó, hãy để y nghĩ về Sự Sống Thiêng Liêng trong tất cả sự Huy Hoàng rực rỡ của nó, như đang tuôn xuống và vào y trong một dòng thác sinh lực, lấp đầy chiếc chén đến tràn bờ và tràn ngập toàn bộ bản chất của y bằng quyền năng của nó. Sau khi ở lại một lúc trong sự nhận biết thầm lặng, quyền năng này có thể được hướng ra ngoài qua trái tim của y để chữa lành những nỗi buồn và đau khổ của thế giới.

This meditation may safely be performed regularly, day by day, even many times a day, preferably at early morning, midday and before retiring.

Bài tham thiền này có thể được thực hiện an toàn thường xuyên, ngày này qua ngày khác, thậm chí nhiều lần một ngày, tốt nhất là vào sáng sớm, giữa trưa và trước khi đi ngủ.

Gradually an automatic flow of healing life will be established in the aspirant, who will then bear about with him wherever he goes a healing and uplifting power of incalculable value to the world. Thus as he treads his upward Path, he may heal and bless his fellow men and truly say with Christ, the great Exemplar of the Spiritual Life, 'I, if I be lifted up, will draw all men unto Me'.

Dần dần, một dòng chảy tự động của sự sống chữa lành sẽ được thiết lập trong người chí nguyện, người sau đó sẽ mang theo mình bất cứ nơi nào y đến một quyền năng chữa lành và nâng cao có giá trị không thể tính toán được cho thế giới. Như vậy, khi y bước đi trên Thánh Đạo hướng lên của mình, y có thể chữa lành và ban phước cho đồng loại của mình và thực sự nói với Đức Christ, Huấn Sư Vĩ Đại về Đời Sống Tinh Thần, 'Ta, nếu Ta được cất lên, sẽ kéo mọi người đến với Ta'.

Theosophy in New Zealand, Vol. 46, No. 1, 1985, p. 13

Theosophy in New Zealand, Tập. [46], Số. [1], 1985, tr. [13]

[See 'Man in Health and Disease', Chapter 201]

[Xem 'Người trong Sức Khỏe và Bệnh Tật', Chương [201]]

205—

The World of the Occult [6]—Thế Giới của Huyền Bí Học [6]

Can one be sure of theosophical interests in the next incarnation?

Người ta có thể chắc chắn về những mối quan tâm thông thiên học trong kiếp sau không?

I mean the life of an active man and woman of

Ý tôi là cuộc sống của một người nam và nữ

the world who, illumined by spiritual ideas, tries to be Christlike in motive, thought, word and deed then one will be doing almost all one can to ensure for oneself, under the Law of Cause and Effect, a continuation of that mode of life in the next incarnation, and with even better opportunities than have presented themselves this time; for a successful entry upon the way of the spiritual life is, like every other human experience, governed by the Law of Cause and Effect.

năng động của thế giới, được soi sáng bởi những tư tưởng tinh thần, cố gắng trở nên giống Đức Christ trong động cơ, tư tưởng, lời nói và hành động thì người ta sẽ làm gần như tất cả những gì người ta có thể để đảm bảo cho bản thân, theo Luật Nhân Quả, một sự tiếp nối của phương thức sống đó trong kiếp sau, và với những cơ hội thậm chí còn tốt hơn so với những gì đã thể hiện trong thời gian này; vì một sự gia nhập thành công vào con đường đời sống tinh thần, giống như mọi kinh nghiệm của con người khác, được điều chỉnh bởi Luật Nhân Quả.

One other step in that direction could also be taken; it is to adopt a regular regime of wisely ordered, daily meditation. This will tend to unify the consciousness of the Ego in its own world with the consciousness of the Ego in the brain. This achievement will be carried over into future lives, so that the Egoic determination to live spiritually in this life will be remembered and ratified in the next would add that when the call to the spiritual life is felt, answer that call visibly and actually. Make a corresponding gesture of some kind, such as giving up an undesirable habit. Do this primarily for its own sake, but also because it will constitute a sowing of seeds from which there will be a reaping, in terms of memory of the aspiration and conditions favourable to entry upon the spiritual life in the next incarnation. Whenever there is an inner spiritual experience, a true vision, it is important to recognize and ratify it physically by making some favourable change in one's character, one's habits and one's conduct of life. Then the way to further experiences remains open. If on the other hand, an inner call is disregarded and one goes on being much the same person as before, then the likelihood of receiving further inspiration could be diminished.

Một bước khác theo hướng đó cũng có thể được thực hiện; đó là áp dụng một chế độ tham thiền hàng ngày, được sắp xếp một cách khôn ngoan. Điều này sẽ có xu hướng thống nhất tâm thức của Chân Ngã trong thế giới của chính nó với tâm thức của Chân Ngã trong bộ não. Thành tựu này sẽ được chuyển sang các kiếp sống tương lai, để sự quyết tâm của Chân Ngã để sống tinh thần trong cuộc sống này sẽ được ghi nhớ và phê chuẩn trong kiếp sau sẽ nói thêm rằng khi tiếng gọi đến đời sống tinh thần được cảm nhận, hãy trả lời tiếng gọi đó một cách hữu hình và thực tế. Thực hiện một cử chỉ tương ứng nào đó, chẳng hạn như từ bỏ một thói quen không mong muốn. Hãy làm điều này chủ yếu vì lợi ích của chính nó, mà còn bởi vì nó sẽ cấu thành một sự gieo hạt mà từ đó sẽ có một sự gặt hái, về mặt ký ức về khát vọng và các điều kiện thuận lợi cho việc gia nhập vào đời sống tinh thần trong kiếp sau. Bất cứ khi nào có một kinh nghiệm tinh thần nội tại, một tầm nhìn chân thực, điều quan trọng là phải nhận ra và phê chuẩn nó về mặt thể xác bằng cách thực hiện một số thay đổi thuận lợi trong tính cách, thói quen và cách sống của một người. Sau đó, con đường dẫn đến những kinh nghiệm tiếp theo vẫn rộng mở. Nếu mặt khác, một tiếng gọi nội tại bị bỏ qua và người ta tiếp tục là người giống như trước đây, thì khả năng nhận được cảm hứng

hơn nữa có thể bị giảm bớt.

The Evolution of the Mentally Defective

Sự Tiến Hóa của Người Khiếm Khuyết Trí Tuệ

Understanding of the problem is aided if one remembers that we in the West mistakenly identify the Soul with the body. The great Teachers have said: 'Dissociate your inner Spiritual Self from your body and you will find peace. Identify yourself with your body and you will never find peace'. In India, where these teachings are so well known, if not always followed, you may sometimes hear it said: 'My body is hungry. My body is tired. I think I will take my body into the town'. We perhaps, need not go so far as that in words, but in thought we should. Then we would find much peace and serenity and also understand this particular problem.

Sự thấu hiểu vấn đề được hỗ trợ nếu người ta nhớ rằng chúng ta ở phương Tây nhầm lẫn đồng nhất Linh Hồn với thể xác. Các Huấn Sư Vĩ Đại đã nói: 'Hãy tách Bản Thể Tinh Thần bên trong của bạn khỏi thể xác của bạn và bạn sẽ tìm thấy sự bình an. Đồng nhất bản thân với thể xác của bạn và bạn sẽ không bao giờ tìm thấy sự bình an'. Ở Ấn Độ, nơi những giáo lý này rất nổi tiếng, nếu không phải luôn luôn được tuân theo, đôi khi bạn có thể nghe thấy người ta nói: 'Cơ thể tôi đói. Cơ thể tôi mệt mỏi. Tôi nghĩ tôi sẽ đưa cơ thể mình vào thị trấn'. Có lẽ chúng ta không cần phải đi xa đến thế trong lời nói, nhưng trong tư tưởng thì chúng ta nên. Sau đó, chúng ta sẽ tìm thấy nhiều sự bình an và thanh thản và cũng hiểu được vấn đề cụ thể này.

The body and brain of a defective person are imperfect, perhaps injured, but the Ego within is whole. He is rather like a musical genius trying to play on a piano with missing notes, or without pedals, or with the pedals always down, or the piano badly out of tune. In cases of mental deficiency, as also in cases of still-born children and children dying very young which seems so purposeless we should realize first that it is only the body which suffers and second that debts are being paid by the Spiritual Soul or reincarnating Egos, which are fully alive to the nature of such debts, are learning the lesson taught by experiences of reaction from preceding actions and in consequence, are growing wiser. In another life, the debt paid and the lesson learnt, the Ego will have a more perfect physical vehicle and use it more wisely than formerly.

Thể xác và bộ não của một người khiếm khuyết không hoàn hảo, có lẽ bị thương, nhưng Chân Ngã bên trong thì toàn vẹn. Y giống như một thiên tài âm nhạc đang cố gắng chơi trên một cây đàn piano bị thiếu nốt, hoặc không có bàn đạp, hoặc với các bàn đạp luôn hạ xuống, hoặc cây đàn piano bị lệch tông nghiêm trọng. Trong các trường hợp khiếm khuyết trí tuệ, cũng như trong các trường hợp trẻ chết non và trẻ chết khi còn rất nhỏ dường như vô mục đích, chúng ta nên nhận ra trước hết rằng chỉ có thể xác là đau khổ và thứ hai là các khoản nợ đang được trả bởi Linh Hồn Tinh Thần hoặc các Chân Ngã tái sinh, vốn hoàn toàn ý thức được bản chất của những khoản nợ đó, đang học bài học được dạy bởi những kinh nghiệm phản ứng từ những hành động trước đó và do đó, đang trở nên khôn ngoan hơn. Trong một kiếp sống khác, khoản nợ đã trả và bài học đã học, Chân Ngã sẽ có một vận cụ thể xác hoàn hảo hơn và sử dụng nó một cách

khôn ngoan hơn trước đây.

Is there a Personal God?

Có Thượng Đế Cá Nhân không?

Theosophy as I understand it, does not teach of the existence of a personal God in the ordinary Christian sense. By that, I mean a Being in human form, subject to the limitations of man, an angry, jealous God to be adored through fear and potent to destroy. Such, in part, is Jehovah, as portrayed in the Old Testament. I think that I could safely answer: 'No, Theosophy does not include the idea of a supposedly

Thông Thiên Học như tôi hiểu, không dạy về sự tồn tại của một Thượng đế cá nhân theo nghĩa Cơ đốc giáo thông thường. Với điều đó, ý tôi là một Đấng trong hình dạng con người, phải chịu những hạn chế của con người, một Thượng đế giận dữ, ghen tuông được tôn thờ thông qua nỗi sợ hãi và có khả năng hủy diệt. Một phần như vậy là Jehovah, như được miêu tả trong Cựu Ước. Tôi nghĩ rằng tôi có thể trả lời một cách an toàn: 'Không, Thông Thiên Học không bao gồm ý tưởng về một Đấng

Supreme Deity with purely human vices and weaknesses'. Its teachings are, however, never uttered dogmatically, each theosophist being free to form his or her own opinion.

Tối Cao được cho là có những thói xấu và điểm yếu thuần túy của con người'. Tuy nhiên, những giáo lý của nó không bao giờ được thốt ra một cách giáo điều, mỗi nhà thông thiên học được tự do hình thành ý kiến của riêng mình.

There are at least two concepts of God, according to Theosophy. First, Universal Triplicity of Will, Wisdom and Intelligence, operative as a Creative, Formative, and Directive Principle throughout the Cosmos as a whole; or, to put it another way, God can be conceived of as the Creator, the Preserver and the Transformer of all beings and all things, and the Spiritual Parent of all men.

Có ít nhất hai khái niệm về Thượng đế, theo Thông Thiên Học. Thứ nhất, Tam Ngôi Phổ Quát về Ý Chí, Minh Triết và Trí Tuệ, hoạt động như một Nguyên Khí Sáng Tạo, Hình Thành và Chỉ Đạo trong toàn bộ Vũ Trụ nói chung; hoặc, nói một cách khác, Thượng đế có thể được hình dung như là Đấng Sáng Tạo, Đấng Bảo Tồn và Đấng Biến Đổi của tất cả chúng sinh và tất cả mọi thứ, và là Cha Mẹ Tinh Thần của tất cả mọi người.

Second, to that idea is added a modification which makes the concept of our Divine Source and Father less remote. It is this—Our Solar System—the sun and the family of planets wheeling around it—is a unity within the whole Sidereal Scheme. Every star is similarly the sun or centre of a planetary family, and there are myriads of them. Over each of them presides a manifestation of the Universal Deity, a distinct Individuality—though beyond the bounds of our imagination—for

Thứ hai, vào ý tưởng đó được thêm vào một sự sửa đổi làm cho khái niệm về Nguồn Gốc và Cha Thiêng Liêng của chúng ta bớt xa vời hơn. Đó là điều này — Hệ Mặt Trời của chúng ta — mặt trời và gia đình các hành tinh quay quanh nó — là một sự thống nhất trong toàn bộ Hệ Ngân Hà. Mỗi ngôi sao cũng tương tự là mặt trời hoặc trung tâm của một gia đình hành tinh, và có vô số chúng. Trên mỗi ngôi sao trong số chúng, một sự biểu hiện của Thượng Đế Phổ Quát ngự trị, một Cá Tính riêng biệt —

Whom the Solar System is as it were, a body. This Individuality presides over it as its Power, Life, Intelligence, Law, Love, Beauty and Truth—an individual Deity known as the Solar Logos, a Ray of Whose Presence shines in each one of us.

mặc dù vượt quá giới hạn trí tưởng tượng của chúng ta — Đối với Đấng mà Hệ Mặt Trời giống như một cơ thể. Cá Tính này ngự trị trên nó như là Quyền Năng, Sự Sống, Trí Tuệ, Luật Pháp, Tình Thương, Vẻ Đẹp và Chân Lý của nó — một Thượng đế cá nhân được gọi là Thái dương Thượng đế, một Tia của Sự Hiện Diện của Đấng chiếu sáng trong mỗi chúng ta.

God, then, is not regarded theosophically as separate from man and far away in some heaven. The Deity is within us all and is also the ensouling Power, Life and Consciousness of our little universe. So far as I understand it there are, as I have already said, two concepts of Deity contained in Theosophy—one is an abstract, universal, omnipresent, Divine Principle and Power from which all things emanate, the other is a manifestation of that Principle as the Deity of our Solar System, the Solar Logos.

Vậy thì, Thượng đế không được coi là thông thiên học như là tách biệt khỏi con người và ở xa trong một thiên đường nào đó. Thượng đế ở trong tất cả chúng ta và cũng là Quyền Năng, Sự Sống và Tâm Thức phú linh của vũ trụ nhỏ bé của chúng ta. Cho đến nay, như tôi hiểu, có, như tôi đã nói, hai khái niệm về Thượng đế chứa đựng trong Thông Thiên Học — một là một Nguyên Khí và Quyền Năng Thiêng Liêng trừu tượng, phổ quát, hiện diện ở khắp mọi nơi mà từ đó mọi thứ phát ra, cái còn lại là một sự biểu hiện của Nguyên Khí đó như là Thượng đế của Hệ Mặt Trời của chúng ta, Thái dương Thượng đế.

Theosophy in New Zealand, Vol. 22, No. 2, 1961, p. 37

Theosophy in New Zealand, Tập. [22], Số. [2], 1961, tr. [37]

206—

Vibration and the Human Chord[130] *[1]—Rung Động và Hợp Âm Con Người [1]*

The terms vibration and frequency are creeping more and more into our language and in certain schools of medicine there is a growing tendency to interpret the body, its organs, and their conditions, in terms of frequency. This is quite in line with the accepted facts of occult science.

Các thuật ngữ rung động và tần số đang ngày càng xâm nhập vào ngôn ngữ của chúng ta và trong một số trường phái y học nhất định, có một xu hướng ngày càng tăng trong việc giải thích cơ thể, các cơ quan của nó và các tình trạng của chúng, theo tần số. Điều này hoàn toàn phù hợp với các sự kiện được chấp nhận của huyền bí học.

The idea of the human chord is a profoundly occult one. Every individual is said to have his

Ý tưởng về hợp âm con người là một ý tưởng huyền bí sâu sắc. Người ta nói rằng mỗi cá

[130] The substance of an address delivered to physicians in Chicago, April, 1931.

chord or individual group of frequencies; in occultism this is sometimes called his occult name. It is a profoundly and apparently secret truth, which a man discovers for himself when he reaches a certain stage of development; he learns his occult name, which is the keynote of his interior, essential existence; it expresses his past, his present, and his future in one synthetic sound, so powerful that it may not safely be uttered at the physical level, lest its effect prove disruptive.

nhân đều có hợp âm hoặc nhóm tần số riêng của mình; trong huyền bí học, điều này đôi khi được gọi là tên huyền bí của y. Đó là một chân lý sâu sắc và dường như bí mật, mà một người tự khám phá ra khi y đạt đến một giai đoạn phát triển nhất định; y học được tên huyền bí của mình, vốn là chủ âm của sự tồn tại thiết yếu, nội tại của y; nó thể hiện quá khứ, hiện tại và tương lai của y trong một âm thanh tổng hợp, mạnh mẽ đến mức nó có thể không được thốt ra một cách an toàn ở cõi hồng trần, kẻo hiệu ứng của nó chứng tỏ gây rối.

All the notes of all living things make up a great chord, which is the dominant tone for the universe. That tone which is continually being uttered at spiritual levels, is the sound of the Creative Word, to use religious terms. It is the form-producing and life-expressing vibration which emanates continuously from the First Cause. From this point of view the universe is a sounding board, which echoes this tone with increasing fidelity as evolution proceeds. Thus we have the conception of the continuous sounding forth of the dominant note of our Solar System, the material of which is gradually being brought into a state of perfect inter-synchronisation. Every individual life, whether of atom, infusorium, mineral, vegetable, animal, man, angel or superman, planet or sun has its own note, the whole being gradually blended to make perfect and to complete the chord of the system. The evolution of form and the complementary unfolding of life can be expressed in terms of a gradual synchronisation or attunement of the individual to the whole. The chord of a Solar System is in its turn one of the notes of a major chord of a universe containing many Solar Systems, the universe in its turn being part of a still larger cosmic group.

Tất cả các nốt của tất cả các sinh vật sống tạo nên một hợp âm vĩ đại, vốn là âm điệu chủ đạo cho vũ trụ. Âm điệu đó liên tục được thốt ra ở các cấp độ tinh thần, là âm thanh của Linh Từ Sáng Tạo, để sử dụng các thuật ngữ tôn giáo. Đó là rung động tạo ra hình tướng và biểu hiện sự sống liên tục phát ra từ Nguyên Nhân Đầu Tiên. Từ quan điểm này, vũ trụ là một bảng cộng hưởng, vang vọng âm điệu này với độ trung thực ngày càng tăng khi quá trình tiến hóa diễn ra. Như vậy, chúng ta có quan niệm về sự vang lên liên tục của nốt chủ đạo của Hệ Mặt Trời của chúng ta, chất liệu của nó đang dần được đưa vào trạng thái đồng bộ hóa hoàn hảo. Mỗi sự sống cá nhân, cho dù là của nguyên tử, trùng đế giày, khoáng vật, thực vật, động vật, người, thiên thần hay siêu nhân, hành tinh hay mặt trời đều có nốt riêng, toàn bộ đang dần được pha trộn để tạo nên sự hoàn hảo và hoàn thành hợp âm của hệ thống. Sự tiến hóa của hình tướng và sự mở ra bổ sung của sự sống có thể được thể hiện bằng sự đồng bộ hóa hoặc điều chỉnh dần dần của cá nhân với toàn thể. Hợp âm của một Hệ Mặt Trời đến lượt nó là một trong những nốt của một hợp âm chính của một vũ trụ chứa nhiều Hệ Mặt Trời, vũ trụ đến lượt nó là một phần của một nhóm vũ trụ lớn hơn.

Now as long as man, who is a self-conscious,

Giờ đây, chừng nào con người, vốn là một thực

self-impelled entity, keeps his note reasonably in tune with the whole, he is both happy and healthy. He may be low in the evolutionary scale; he may be limited in manifestation, intellectually and physically, but if he is natural, he will be well. If unnatural, he will be unwell. The human note is a chord composed of seven notes, each also a chord, the whole governed by a system of harmonics or correspondences. There are the physical, etheric, emotional, and mental notes. These form the four notes of the personal, mortal man living down here. The other three notes are those of the spiritual man, a triune, immortal being living in the inner spiritual worlds. We may safely apply the principles of correct harmonization to man, for it is of great importance to his well-being and development that the personal man, the lower quaternary, should be maintained in tune with the higher triad.

thể tự nhận thức, tự thúc đẩy, giữ cho âm điệu của mình hòa hợp một cách hợp lý với toàn thể, y vừa hạnh phúc vừa khỏe mạnh. Y có thể ở cấp độ thấp trong thang tiến hóa; y có thể bị giới hạn trong biểu hiện, về trí tuệ và thể chất, nhưng nếu y tự nhiên, y sẽ khỏe mạnh. Nếu không tự nhiên, y sẽ không khỏe mạnh. Âm điệu của con người là một hợp âm bao gồm bảy nốt, mỗi nốt cũng là một hợp âm, toàn bộ được điều chỉnh bởi một hệ thống hài âm hoặc tương ứng. Có các nốt thể xác, dĩ thái, cảm xúc và trí tuệ. Chúng tạo thành bốn nốt của phàm nhân, người phàm sống ở dưới đây. Ba nốt còn lại là của con người tinh thần, một bản thể tam phân, bất tử sống trong các cõi tinh thần nội tại. Chúng ta có thể áp dụng một cách an toàn các nguyên tắc hài hòa chính xác cho con người, vì điều quan trọng đối với hạnh phúc và sự phát triển của y là phàm nhân, tứ phân hạ cấp, phải được duy trì hòa hợp với tam nguyên tinh thần cao hơn.

Applied to ill health, it is found that disease results from a breaking of the perfect rhythm or harmony which should characterize this relationship. In order to discover the root cause of disease, we must learn how and at what level that rhythm becomes broken; for the broken rhythm throws a man out of tune with his spiritual Self and, therefore, out of tune with the major note of the Solar System, making inharmonious his mental, emotional, vital or physical being. This unharmony impedes the flow of the life force of the system throughout his nature and therefore also inhibits the free manifestation of consciousness through his vehicles. Investigation shows that the rhythm is broken whenever man fails to conform to the principles by which his spiritual Self is inspired. In the early stages of his self-conscious emotional and mental evolution, it is almost inevitable that he should so fail through ignorance; the reactions to that failure take many forms all

Áp dụng cho tình trạng sức khỏe kém, người ta thấy rằng bệnh tật là kết quả của sự phá vỡ nhịp điệu hoặc sự hài hòa hoàn hảo vốn nên đặc trưng cho mối quan hệ này. Để khám phá ra nguyên nhân gốc rễ của bệnh tật, chúng ta phải học cách thức và ở cấp độ nào mà nhịp điệu đó bị phá vỡ; vì nhịp điệu bị phá vỡ khiến một người mất hòa hợp với Chân ngã tinh thần của y, và do đó, mất hòa hợp với nốt chính của Hệ Mặt Trời, làm cho thể trí, cảm xúc, sinh lực hoặc thể xác của y trở nên bất hòa. Sự bất hòa này cản trở dòng chảy của sinh lực của hệ thống trong toàn bộ bản chất của y và do đó cũng ức chế sự biểu hiện tự do của tâm thức thông qua các vận cụ của y. Điều tra cho thấy rằng nhịp điệu bị phá vỡ bất cứ khi nào con người không tuân theo các nguyên tắc mà Chân ngã tinh thần của y được truyền cảm hứng. Trong giai đoạn đầu của quá trình tiến hóa trí tuệ và cảm xúc tự nhận thức của mình, gần như không thể tránh khỏi việc y thất bại như vậy do thiếu hiểu biết; những phản ứng

appropriate to the transgression. One of these is disease. There are two main transgressions which are the root of all unhappiness and ill health.

The first transgression consists of action which violates the fundamental principle of unity. The chord of life is one harmonious synthesis. There may be—indeed there are—countless billions of notes, but the chord is one. Similarly the life within all the infinite variety of forms is one. We perceive this physically, for the air which makes possible the conveyance of the sound from an orchestra is one air, though the sounds which it conveys may be many. Unity is the fundamental and inviolable principle behind all manifested life. Any attempts to violate it bring inevitable reactions, which may be felt instantly or through long periods of time. Violation of the principle of unity occurs in all actions which are unduly selfish—actions based on the motive of obtaining something for one's self at the expense of another. Oppression, exploitation, abuse and the infliction of cruelty violate the principle of unity. This violation inevitably brings its reaction, primarily in a broken rhythm, and later in a limitation of self-expression through mind, emotion, body or all three combined.

The second transgression is a misuse and abuse of the physical body and its forces. Apparently this cannot be done with impunity. The triple spiritual Self is dwelling in the body and manifests there by reflection as thought, feeling, and action. This body is, therefore, literally, and not only in merely a theological sense, a temple of the indwelling God. All the bodily powers are therefore divine; and this applies especially to the creative power. If man abuses his body and its powers, wastes his life force, either in over-

đối với sự thất bại đó có nhiều hình thức khác nhau, tất cả đều phù hợp với sự vi phạm. Một trong số đó là bệnh tật. Có hai vi phạm chính là gốc rễ của mọi bất hạnh và sức khỏe kém.

Vi phạm đầu tiên bao gồm hành động vi phạm nguyên tắc cơ bản của sự thống nhất. Hợp âm của sự sống là một tổng hợp hài hòa. Có thể có —thật vậy, có—hàng tỷ nốt nhạc vô số, nhưng hợp âm là một. Tương tự, sự sống trong tất cả sự đa dạng vô tận của các hình tướng là một. Chúng ta nhận thức điều này về mặt thể chất, vì không khí giúp cho việc truyền tải âm thanh từ một dàn nhạc là một không khí, mặc dù những âm thanh mà nó truyền tải có thể rất nhiều. Sự thống nhất là nguyên tắc cơ bản và bất khả xâm phạm đằng sau tất cả sự sống biểu hiện. Bất kỳ nỗ lực nào vi phạm nó đều mang lại những phản ứng không thể tránh khỏi, có thể được cảm nhận ngay lập tức hoặc trong một khoảng thời gian dài. Sự vi phạm nguyên tắc thống nhất xảy ra trong tất cả các hành động quá ích kỷ—những hành động dựa trên động cơ đạt được điều gì đó cho bản thân bằng cái giá của người khác. Áp bức, bóc lột, lạm dụng và gây ra sự tàn ác vi phạm nguyên tắc thống nhất. Sự vi phạm này chắc chắn sẽ mang lại phản ứng của nó, chủ yếu là ở một nhịp điệu bị phá vỡ, và sau đó là sự hạn chế biểu hiện bản thân thông qua thể trí, cảm xúc, thể xác hoặc cả ba kết hợp.

Vi phạm thứ hai là lạm dụng và lạm dụng thể xác và các mãnh lực của nó. Rõ ràng điều này không thể được thực hiện mà không bị trừng phạt. Tam phân tinh thần đang ngự trong cơ thể và biểu hiện ở đó bằng sự phản ánh như tư tưởng, cảm xúc và hành động. Do đó, cơ thể này, theo nghĩa đen, và không chỉ theo nghĩa thần học đơn thuần, là một ngôi đền của Thượng đế ngự trị. Do đó, tất cả các năng lực của cơ thể đều thiêng liêng; và điều này đặc biệt áp dụng cho năng lực sáng tạo. Nếu con người lạm dụng cơ thể và các năng lực của nó,

exercise or in asceticism, abuses his creative forces in over-indulgence or abnormality or stifles them by unhealthy repression, or misuses any of the other forces of bodily life in thought, feeling, or action, he is violating a fundamental principle in Nature and limitation of self-expression will result. This process of action and reaction is an important factor in evolution. By it Nature produces a higher type and enforces her standards, for the purpose of these reactions is educative. Nature is seeking through pain to guide the sufferer along the right road. Disease is really a beneficent influence in human life. I know that is a strong and startling statement to make, particularly to those who have to live and work amid the sufferings of humanity, but I am convinced that it is true.

lãng phí sinh lực của mình, hoặc là trong việc tập luyện quá sức hoặc trong khổ hạnh, lạm dụng các mãnh lực sáng tạo của mình trong việc nuông chiều quá mức hoặc bất thường hoặc kìm hãm chúng bằng sự đàn áp không lành mạnh, hoặc lạm dụng bất kỳ mãnh lực nào khác của đời sống thể xác trong tư tưởng, cảm xúc hoặc hành động, y đang vi phạm một nguyên tắc cơ bản trong Tự Nhiên và sự hạn chế biểu hiện bản thân sẽ xảy ra. Quá trình hành động và phản ứng này là một yếu tố quan trọng trong quá trình tiến hóa. Bằng cách đó, Tự Nhiên tạo ra một kiểu người cao hơn và thực thi các tiêu chuẩn của mình, vì mục đích của những phản ứng này là giáo dục. Tự Nhiên đang tìm cách thông qua nỗi đau để hướng dẫn người đau khổ đi đúng đường. Bệnh tật thực sự là một ảnh hưởng có lợi trong đời sống con người. Tôi biết đó là một tuyên bố mạnh mẽ và gây sốc, đặc biệt đối với những người phải sống và làm việc giữa những đau khổ của nhân loại, nhưng tôi tin chắc rằng điều đó là đúng.

From this conception, a new view of the healing art arises. The physician can play an important part in aiding Nature to fulfil her function for humanity, which is to produce the perfect man. Not only may he relieve suffering, but he may work with Nature by pointing out her purposes, helping the sick to understand the cause of their ill-health, showing the transgression that is behind the disease, the failure in character which it reveals, and by advising the sufferer 'to sin no more', as did the Great Healer of the World. Frequently, both the transgression and the failure in character occur or are repeated in the present life and are discernible as the obvious causes of ill health. To remove the symptoms without pointing to the cause is to do a disservice to the patient, and to Nature, who is teaching him through pain. By this chain of reasoning, I have come definitely and strongly to believe in the necessity for

Từ quan niệm này, một quan điểm mới về nghệ thuật chữa bệnh nảy sinh. Thầy thuốc có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp Tự Nhiên hoàn thành chức năng của mình đối với nhân loại, đó là tạo ra con người hoàn hảo. Y không chỉ có thể làm giảm bớt đau khổ, mà y có thể làm việc với Tự Nhiên bằng cách chỉ ra các mục đích của Bà, giúp người bệnh hiểu được nguyên nhân gây ra bệnh tật của họ, chỉ ra sự vi phạm đằng sau căn bệnh, sự thất bại trong tính cách mà nó tiết lộ, và bằng cách khuyên người bệnh 'đừng phạm tội nữa', như Huấn Sư Vĩ Đại của Thế Giới đã làm. Thông thường, cả sự vi phạm và sự thất bại trong tính cách xảy ra hoặc được lặp lại trong cuộc đời hiện tại và có thể được nhận thấy là những nguyên nhân rõ ràng gây ra sức khỏe kém. Loại bỏ các triệu chứng mà không chỉ ra nguyên nhân là gây bất lợi cho bệnh nhân và cho Tự Nhiên, vốn đang dạy y thông qua nỗi đau. Bằng chuỗi lý luận này, tôi đã đi đến một

educative therapy.

niềm tin dứt khoát và mạnh mẽ về sự cần thiết của liệu pháp giáo dục.

Where the transgression only occurred in earlier lives, the help of clairvoyant research is needed to prepare a chart to help those who cannot look up each patient to discover the nature of the transgression and the vehicle in which the broken rhythm exists. This chart I am endeavouring to complete. I do not think it will be very complex, for I find a common type of transgression and common deficiency of character behind each of the major diseases.

Trường hợp sự vi phạm chỉ xảy ra trong những kiếp trước, sự giúp đỡ của nghiên cứu thông nhãn là cần thiết để chuẩn bị một biểu đồ để giúp những người không thể tra cứu từng bệnh nhân để khám phá bản chất của sự vi phạm và vận cụ trong đó nhịp điệu bị phá vỡ tồn tại. Tôi đang nỗ lực hoàn thành biểu đồ này. Tôi không nghĩ nó sẽ quá phức tạp, vì tôi thấy một kiểu vi phạm phổ biến và sự thiếu hụt tính cách phổ biến đằng sau mỗi bệnh chính.

By means of this knowledge patients may be helped to mend their broken rhythm from within themselves; and I believe that ultimately this can only be achieved by and within the sufferers themselves. Even from a bodily point of view, it is the body's own response to treatment, its power of vital reaction, which is the essential factor in recovery. The final healing in disease comes from within the person. Furthermore, however much is done from outside, unless the lesson is learned, and the defect in character remedied, the patient is not healed, even if the symptoms temporarily disappear. They may be driven inwards or suppressed to reappear in some other and often more serious form later on; whilst the character failure remains, there is always the danger of a repetition of the transgression. The ideal physician, therefore, is both healer and spiritual advisor; he is an agent of Nature, aiding her continually in the fulfilment of her purposes.

Bằng kiến thức này, bệnh nhân có thể được giúp đỡ để sửa chữa nhịp điệu bị phá vỡ của họ từ bên trong chính họ; và tôi tin rằng cuối cùng điều này chỉ có thể đạt được bởi và trong chính những người đau khổ. Ngay cả từ quan điểm thể xác, chính phản ứng của cơ thể đối với điều trị, khả năng phản ứng sinh lực của nó, là yếu tố thiết yếu trong quá trình phục hồi. Sự chữa lành cuối cùng trong bệnh tật đến từ bên trong con người. Hơn nữa, dù có làm bao nhiêu từ bên ngoài, trừ khi bài học được học và khiếm khuyết trong tính cách được khắc phục, bệnh nhân không được chữa lành, ngay cả khi các triệu chứng tạm thời biến mất. Chúng có thể bị đẩy vào trong hoặc bị kìm hãm để tái xuất hiện ở một dạng khác và thường nghiêm trọng hơn sau này; trong khi sự thất bại về tính cách vẫn còn, luôn có nguy cơ lặp lại sự vi phạm. Do đó, thầy thuốc lý tưởng vừa là người chữa bệnh vừa là cố vấn tinh thần; y là một tác nhân của Tự Nhiên, liên tục hỗ trợ Bà trong việc hoàn thành các mục đích của Bà.

Such is the theory or hypothesis to which I have come, after some years of experimental research upon disease.

Đó là lý thuyết hoặc giả thuyết mà tôi đã đưa ra, sau một vài năm nghiên cứu thực nghiệm về bệnh tật.

The Theosophist, Vol. 53, November 1931, p.

The Theosophist, Tập. 53, tháng 11 năm 1931,

207—

Vibration and the Human Chord [2]—Rung Động và Hợp Âm Con Người [2]

The mechanism whereby these results are produced is exceedingly intricate, though the principle is a simple one. The mechanism consists superphysically of the subtle bodies with their force centres or 'organs', and, physically of atoms, minute 'lives', enzymes, bacteria, and cells. The body is built of atoms. Occultly, every atom is the physical end of a stream of energy which arises in the very highest interior realms, in the Source of Life itself. Clairvoyantly, each atom is seen as the physical end of a shaft of light, which passes between the highest spiritual and densest physical planes. Down that shaft three types of energy are playing; they are electricity, vitality and the creative force. If you look at any substance with this particular kind of vision, you see a bundle of these shafts of light.

Cơ chế mà qua đó những kết quả này được tạo ra là vô cùng phức tạp, mặc dù nguyên tắc là một nguyên tắc đơn giản. Cơ chế bao gồm siêu vật lý của các thể vi tế với các trung tâm mãnh lực hoặc 'cơ quan' của chúng, và, về mặt thể chất, các nguyên tử, 'sự sống' nhỏ bé, enzyme, vi khuẩn và tế bào. Cơ thể được xây dựng từ các nguyên tử. Về mặt huyền bí, mọi nguyên tử là đầu thể chất của một dòng năng lượng phát sinh ở các cõi nội tại cao nhất, trong Chính Nguồn Sự Sống. Về mặt thông nhãn, mỗi nguyên tử được nhìn thấy như là đầu thể chất của một trục ánh sáng, đi qua giữa các cõi tinh thần cao nhất và thể chất đậm đặc nhất. Xuống trục đó, ba loại năng lượng đang hoạt động; chúng là điện, sinh lực và mãnh lực sáng tạo. Nếu bạn nhìn vào bất kỳ chất nào bằng loại tầm nhìn đặc biệt này, bạn sẽ thấy một bó các trục ánh sáng này.

As the triple energy leaves the Major Source, the keynote of the Solar System is imparted to it, there deciding its fundamental frequency. This is modified at each stage of its descent through the seven planes of Nature.

Khi năng lượng tam phân rời khỏi Nguồn Chính, chủ âm của Hệ Mặt Trời được truyền cho nó, ở đó quyết định tần số cơ bản của nó. Điều này được sửa đổi ở mỗi giai đoạn đi xuống của nó thông qua bảy cõi của Tự Nhiên.

In the case of man, these shafts pass through his Individuality or Egoic consciousness, the note of which is imparted to the descending power. It is thus tuned a little away from the major tone, and is therefore rendered temporarily imperfect from that point of view. It is still partly in tune with the major tone, but it is given an individual vibratory frequency which differentiates it somewhat. When it comes down to the mental level a further modification occurs, produced by the indi-vidual mentality. Similarly, at the emotional, vital and physical levels further

Trong trường hợp con người, các trục này đi qua Tính Cá Nhân hoặc tâm thức chân ngã của y, nốt nhạc của nó được truyền cho mãnh lực đi xuống. Do đó, nó được điều chỉnh hơi lệch khỏi âm chính, và do đó tạm thời trở nên không hoàn hảo từ quan điểm đó. Nó vẫn một phần hòa hợp với âm chính, nhưng nó được cung cấp một tần số rung động cá nhân giúp phân biệt nó phần nào. Khi nó đi xuống cấp độ trí tuệ, một sửa đổi nữa xảy ra, được tạo ra bởi trí tuệ cá nhân. Tương tự, ở các cấp độ cảm xúc, sinh lực và thể chất, những thay đổi khác xảy ra.

changes occur.

Now as long as these bodies are all reasonably in tune with each other, there is perfect health. The rhythm, though modified, is still unbroken. When an individual transgresses, he generates and liberates energy the frequency of which will not synchronize with the individual and major rhythms. If you will think of the reaction to the transgression as a return of this energy as a lateral force, which sooner or later impinges on this bundle of atomic shafts of vertically flowing energy, and breaks its rhythm, throwing it out of tune, you will see diagrammatically how karma works in the case of disease. This will happen at the mental, emotional, vital or physical level, or at all of them according to the type of consciousness put into the action, its motive and direction. The result is an unharmony, which upsets the polarity of the atoms in the body, because their force is vitiated somewhere in its descent. These atoms are not vibrating in tune with the bodily chord, so that down here on the physical plane a bodily change occurs.

Giờ đây, chừng nào các thể này còn hòa hợp một cách hợp lý với nhau, thì sẽ có sức khỏe hoàn hảo. Nhịp điệu, mặc dù đã được sửa đổi, vẫn không bị phá vỡ. Khi một cá nhân vi phạm, y tạo ra và giải phóng năng lượng mà tần số của nó sẽ không đồng bộ với các nhịp điệu cá nhân và chính. Nếu bạn nghĩ về phản ứng đối với sự vi phạm như là sự trở lại của năng lượng này như một mãnh lực bên, sớm hay muộn sẽ tác động vào bó trục nguyên tử năng lượng chảy theo chiều dọc này, và phá vỡ nhịp điệu của nó, khiến nó mất hòa hợp, bạn sẽ thấy bằng sơ đồ cách nghiệp quả hoạt động trong trường hợp bệnh tật. Điều này sẽ xảy ra ở cấp độ trí tuệ, cảm xúc, sinh lực hoặc thể chất, hoặc ở tất cả chúng tùy thuộc vào loại tâm thức được đưa vào hành động, động cơ và phương hướng của nó. Kết quả là một sự bất hòa, làm đảo lộn sự phân cực của các nguyên tử trong cơ thể, bởi vì mãnh lực của chúng bị làm suy yếu ở đâu đó trong quá trình đi xuống của nó. Các nguyên tử này không rung động hòa hợp với hợp âm của cơ thể, do đó ở dưới đây trên cõi hồng trần, một sự thay đổi của cơ thể xảy ra.

Let us look more closely at that change in the physical body, in which you have an altered note in a cell, group of cells, or organ. In the construction of the body the first combination of atoms produces molecules; next is an intermediate organic state between the molecule and the smallest known bacteria. These bodies are not yet known to physical science but are referred to in occult science as the ‘fiery lives’. These are the minute, ultramicroscopic living organisms, which form the basic unit of organic life. Bechamp, the French scientist, who preceded Pasteur by a century or more, came very near to their discovery in his microzymas. As the ‘fiery lives’ are etheric, rather than physical,

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn sự thay đổi đó trong thể xác, trong đó bạn có một nốt nhạc bị thay đổi trong một tế bào, nhóm tế bào hoặc cơ quan. Trong cấu trúc của cơ thể, sự kết hợp đầu tiên của các nguyên tử tạo ra các phân tử; tiếp theo là một trạng thái hữu cơ trung gian giữa phân tử và vi khuẩn nhỏ nhất được biết đến. Những cơ thể này vẫn chưa được khoa học vật lý biết đến nhưng được gọi trong khoa học huyền bí là ‘sự sống rực lửa’. Đây là những sinh vật sống cực nhỏ, siêu vi, tạo thành đơn vị cơ bản của sự sống hữu cơ. Bechamp, nhà khoa học người Pháp, người đi trước Pasteur một thế kỷ hoặc hơn, đã đến rất gần với khám phá của chúng trong các microzyma của mình. Vì ‘sự sống rực lửa’ là dĩ thái, hơn là thể chất, nên nhà

the scientist could not actually have discovered them, though he probably found the first truly physical unit of organic life. These 'fiery lives' appear to be three-fold in type, reflecting the inner triplicity of the Source of Life. They are creative, or growth producing, preservative or nutrifying, and destructive, or transforming in their function. That triplicity shows itself deeper down in matter in the activities of enzymes and bacteria, which again, I believe, are of those same three main types, each type being present in the body in a certain proportion, and in health, functioning true to type.

khoa học không thể thực sự khám phá ra chúng, mặc dù có lẽ ông đã tìm thấy đơn vị thể chất thực sự đầu tiên của sự sống hữu cơ. Những 'sự sống rực lửa' này dường như có ba loại, phản ánh tính tam phân bên trong của Nguồn Sự Sống. Chúng có chức năng sáng tạo, hoặc tạo ra sự tăng trưởng, bảo tồn hoặc nuôi dưỡng và phá hủy, hoặc biến đổi. Tính tam phân đó thể hiện sâu hơn trong vật chất trong các hoạt động của enzyme và vi khuẩn, mà tôi tin rằng, một lần nữa, thuộc về ba loại chính đó, mỗi loại có mặt trong cơ thể theo một tỷ lệ nhất định và trong sức khỏe, hoạt động đúng với loại.

As long as the rhythm is unbroken, the polarity of atom, organism and cell is correct, and those triple functions will be performed in true proportion. In the case of disease, the due balance of these three activities is destroyed. Excessive activity of one type, and deficiency in the others may occur, all due to a breaking of the rhythm and a consequent disturbance of polarity, resulting in its turn in the upsetting of the balance in numbers and correct ratio of activity of these organisms. This, as I have suggested, is caused by the incoming of a lateral non-synchronizing energy, itself a rebound of the energy released by the disease-producing transgression against a principle of Nature. In this chain of causes and effects, I believe, is the true answer to the problem of the change of tissue from a healthy to an unhealthy state.

Chừng nào nhịp điệu còn không bị phá vỡ, sự phân cực của nguyên tử, sinh vật và tế bào là chính xác, và những chức năng tam phân đó sẽ được thực hiện theo tỷ lệ thực. Trong trường hợp bệnh tật, sự cân bằng thích hợp của ba hoạt động này bị phá hủy. Hoạt động quá mức của một loại và sự thiếu hụt ở những loại khác có thể xảy ra, tất cả là do sự phá vỡ nhịp điệu và sự xáo trộn sự phân cực sau đó, dẫn đến sự đảo lộn sự cân bằng về số lượng và tỷ lệ hoạt động chính xác của các sinh vật này. Điều này, như tôi đã gợi ý, là do sự xâm nhập của một năng lượng không đồng bộ bên, bản thân nó là một sự phục hồi của năng lượng được giải phóng bởi sự vi phạm gây ra bệnh tật đối với một nguyên tắc của Tự Nhiên. Trong chuỗi nguyên nhân và kết quả này, tôi tin rằng, là câu trả lời thực sự cho vấn đề thay đổi mô từ trạng thái khỏe mạnh sang trạng thái không khỏe mạnh.

Although, in this talk, I am not dealing primarily with the healing process, it follows that this must consist of retuning the whole Personality of the sufferer. This must be done in terms of the bodies and of the mechanism of consciousness on the one hand, and in terms of the consciousness itself on the other. It is important too, not only that the whole

Mặc dù, trong bài nói chuyện này, tôi không chủ yếu đề cập đến quá trình chữa bệnh, nhưng nó phải bao gồm việc điều chỉnh lại toàn bộ phàm ngã của người đau khổ. Điều này phải được thực hiện theo các thể và cơ chế tâm thức một mặt, và theo chính tâm thức mặt khác. Điều quan trọng nữa, không chỉ là toàn bộ sẽ một lần nữa hòa hợp, mà cá nhân đó sẽ học

shall be once more in tune, but that the individual shall have learnt from the experience that the causative transgressions must not be repeated. This belongs essentially to the most important educative side of medicine and concerns the consciousness rather than the form.

được từ kinh nghiệm rằng những vi phạm gây ra không được lặp lại. Điều này thuộc về khía cạnh giáo dục quan trọng nhất của y học và liên quan đến tâm thức hơn là hình tướng.

II

II

With this hypothesis in view, a clairvoyant study of pre-natal life has proved most illuminating. Certain ladies who were expectant mothers, in one case the wife of a doctor, allowed themselves to be examined clairvoyantly month by month in order that the operation of the principle of resonance, upon which health and disease depend, might be studied as the bodies are being built. The important principle emerged, that the actual construction of each of the four bodies is in turn ordered by sound, note, frequency.

Với giả thuyết này trong tầm nhìn, một nghiên cứu thông nhãn về đời sống trước khi sinh đã tỏ ra vô cùng sáng tỏ. Một số phụ nữ đang mang thai, trong một trường hợp là vợ của một bác sĩ, đã cho phép mình được kiểm tra bằng thông nhãn hàng tháng để hoạt động của nguyên tắc cộng hưởng, mà sức khỏe và bệnh tật phụ thuộc vào đó, có thể được nghiên cứu khi các thể đang được xây dựng. Nguyên tắc quan trọng nổi lên, rằng việc xây dựng thực tế của mỗi trong bốn thể lần lượt được sắp xếp theo âm thanh, nốt nhạc, tần số.

As soon as the zygote is formed, the emission of the physical note of the individual begins. The descending stream of the triple energy of the individual—the Egoic shaft, as I name it, in the book recording these studies, *The Miracle of Birth*—is tuned to the major note of the Solar System; it is also attuned and slightly modified by the individual consciousness, according to type, level in evolution, past experiences, development, activities, capacities, genius, qualities of character, deficiencies and adversities. This Egoic life-stream plays down through the planes into the uterus and is attached to the zygote. Its complex vibration, which is of the order of Sound, though not physically audible, is then emitted into the etheric and physical atmosphere. Watched clairvoyantly, it is seen to produce three main results.

Ngay khi hợp tử được hình thành, sự phát ra âm điệu thể xác của cá nhân bắt đầu. Dòng chảy đi xuống của tam phân năng lượng của cá nhân —trục Chân ngã, như tôi gọi nó, trong cuốn sách ghi lại những nghiên cứu này, Phép Màu của Sự Sinh Ra—được điều chỉnh theo âm điệu chính của Hệ Mặt Trời; nó cũng được điều chỉnh và sửa đổi một chút bởi tâm thức cá nhân, theo loại hình, cấp độ tiến hóa, những kinh nghiệm trong quá khứ, sự phát triển, các hoạt động, năng lực, thiên tài, các phẩm tính tính cách, những thiếu sót và nghịch cảnh. Dòng sinh mệnh Chân ngã này đi xuống qua các cõi vào tử cung và gắn liền với hợp tử. Rung động phức tạp của nó, thuộc trật tự của Âm Thanh, mặc dù không thể nghe được về mặt thể chất, sau đó được phát ra bầu không khí dĩ thái và hồng trần. Được quan sát bằng nhãn thông, nó được thấy tạo ra ba kết quả chính.

First: the insulation of a sphere of influence slightly larger than the nine months embryo. Thus there is established in the surrounding air and etheric matter, the dominant note—really a complex chord—of the physical body of the individual. That is the first thing that happens.

Thứ nhất: sự cách ly của một phạm vi ảnh hưởng lớn hơn một chút so với phôi thai chín tháng. Do đó, trong không khí và vật chất dĩ thái xung quanh, âm điệu chủ đạo—thực sự là một hợp âm phức tạp—của thể xác của cá nhân được thiết lập. Đó là điều đầu tiên xảy ra.

Second: all the free matter within the range of the vibration becomes impressed with that note, becomes dynamited, attuned to it, and it is of this that the body is mostly built.

Thứ hai: tất cả vật chất tự do trong phạm vi rung động đều bị ấn tượng bởi âm điệu đó, trở nên năng động, hòa hợp với nó, và chính từ điều này mà cơ thể chủ yếu được xây dựng.

The third result is the production of a form in etheric matter. It is well known that if you take a violin-bow and draw it down the edge of a plate which has sand on it, the vibration will cause the grains of sand to fall into geometrical figures. All sound has that peculiar form producing power, and this vibration is of the occult order of sound, and so produces within the sphere of influence a complete model in etheric matter of the body of the child—an etheric mould, in fact. Outside it resembles a baby built of etheric matter, slightly luminous with a sheeny moon-like kind of luminosity.

Kết quả thứ ba là sự tạo ra một hình tướng trong vật chất dĩ thái. Ai cũng biết rằng nếu bạn cầm một cây vĩ cầm và kéo nó xuống mép một cái đĩa có cát trên đó, thì rung động sẽ khiến các hạt cát rơi vào các hình hình học. Tất cả âm thanh đều có sức mạnh tạo ra hình tướng đặc biệt đó, và rung động này thuộc trật tự huyền bí của âm thanh, và do đó tạo ra trong phạm vi ảnh hưởng một mô hình hoàn chỉnh bằng vật chất dĩ thái về cơ thể của đứa trẻ—thực tế là một khuôn dĩ thái. Bên ngoài, nó giống như một đứa trẻ được xây dựng bằng vật chất dĩ thái, hơi phát sáng với một loại ánh sáng bóng lưỡng như mặt trăng.

Inside this mould an important discovery was made. Within it, there is a complete sketch plan of the whole body, but not in matter; not as drawn with pencil, but in lines of force, each line of force having its specific note or frequency. All the different types of bony structure, for example, are laid down, the whole skeleton being visible in lines of force each with its own specific rate of vibration. Similarly all types of tissue are represented, each again in their particular note or wave length.

Bên trong khuôn này, một khám phá quan trọng đã được thực hiện. Bên trong nó, có một kế hoạch phác thảo hoàn chỉnh về toàn bộ cơ thể, nhưng không phải bằng vật chất; không phải được vẽ bằng bút chì, mà bằng các đường sức, mỗi đường sức có một âm điệu hoặc tần số cụ thể. Ví dụ, tất cả các loại cấu trúc xương khác nhau đều được đặt xuống, toàn bộ bộ xương có thể nhìn thấy được bằng các đường sức, mỗi đường có tốc độ rung động cụ thể riêng. Tương tự, tất cả các loại mô đều được đại diện, mỗi loại lại có âm điệu hoặc bước sóng riêng.

When the building process begins, the matter impressed with the note of the individual falls naturally into its proper place by the law

Khi quá trình xây dựng bắt đầu, vật chất được ấn tượng với âm điệu của cá nhân sẽ tự nhiên rơi vào đúng vị trí của nó theo định luật rung

of synchronized vibration, the law of resonance. This subtle, marvellous process of natural building is a most wonderful thing to watch. It is all so exact, so scientific, so perfect. It cannot go wrong. The person is bound to get an absolutely appropriate body, because the vibration which is emitted is the individual vibration, and that governs the type of matter of which the body is built, as well as the perfection or imperfection of structure.

động đồng bộ, định luật cộng hưởng. Quá trình xây dựng tự nhiên tinh tế, kỳ diệu này là một điều tuyệt vời nhất để xem. Tất cả đều rất chính xác, rất khoa học, rất hoàn hảo. Nó không thể đi sai hướng. Người đó chắc chắn sẽ có được một cơ thể hoàn toàn phù hợp, bởi vì rung động được phát ra là rung động cá nhân, và điều đó chi phối loại vật chất mà cơ thể được xây dựng, cũng như sự hoàn hảo hay không hoàn hảo của cấu trúc.

From this one sees the importance of perfect attunement, perfect rhythm in the building of the bodies, and how disease becomes manifest first as a vibratory error, which affects the construction of the body; the defect may at first be slight and the disease latent awaiting the time, when, if other conditions mature, active disease will appear.

Từ điều này, người ta thấy được tầm quan trọng của sự điều chỉnh hoàn hảo, nhịp điệu hoàn hảo trong việc xây dựng các cơ thể, và bệnh tật biểu hiện đầu tiên như thế nào như một lỗi rung động, ảnh hưởng đến cấu trúc của cơ thể; khiếm khuyết ban đầu có thể nhỏ và bệnh tiềm ẩn chờ thời điểm, khi các điều kiện khác chín muồi, bệnh tích cực sẽ xuất hiện.

One sees also that in this delicate process of the building of the body, governed by rhythm and vibration, if there is a lateral incoming inharmonious force from the past, it mars this perfect pattern or model, and the resultant body is marred in just the same manner and degree. This may be so severe as actually to cause malformation of the whole body, which may range from a monstrosity down to a small deformity; or, it may not appear at all in terms of form. It may simply be present as inherent, latent disharmony, sharp or flat of the true note of that particular type of tissue. This would produce susceptibility to disease.

Người ta cũng thấy rằng trong quá trình tinh tế xây dựng cơ thể này, được điều khiển bởi nhịp điệu và rung động, nếu có một lực không hài hòa từ bên ngoài từ quá khứ đi vào, nó sẽ làm hỏng mô hình hoặc khuôn mẫu hoàn hảo này, và cơ thể kết quả bị làm hỏng theo cùng một cách và mức độ. Điều này có thể nghiêm trọng đến mức thực sự gây ra dị tật cho toàn bộ cơ thể, có thể từ một quái thai cho đến một dị tật nhỏ; hoặc, nó có thể không xuất hiện chút nào về mặt hình tướng. Nó có thể chỉ đơn giản là hiện diện như một sự bất hòa cố hữu, tiềm ẩn, sắc nét hoặc bằng phẳng so với âm điệu thực sự của loại mô cụ thể đó. Điều này sẽ tạo ra tính nhạy cảm với bệnh tật.

Thus, my own particular studies have brought me to this conception of the body in terms of wave-length and vibration: that there is for all types of tissue a natural polarity, a type or order of consciousness, a note for health and a note for disease. I do feel therefore, that the systems of medicine

Vì vậy, những nghiên cứu đặc biệt của riêng tôi đã đưa tôi đến quan niệm này về cơ thể về mặt bước sóng và rung động: rằng đối với tất cả các loại mô, có một cực tính tự nhiên, một loại hình hoặc trật tự tâm thức, một âm điệu cho sức khỏe và một âm điệu cho bệnh tật. Do đó, tôi cảm thấy rằng các hệ thống y học bao gồm một

which include a vibratory conception of the body in health and disease, vibratory diagnosis of disease and a vibratory selection of a remedy, have in them great possibilities. I do not say that they are the only reliable methods, but I do feel that it is along those lines, together with the complementary application of educational therapy, that there is reason for much hope and promise that the dread spectre of disease will finally be banished.

quan niệm rung động về cơ thể khi khỏe mạnh và bệnh tật, chẩn đoán rung động về bệnh tật và lựa chọn rung động về một phương thuốc, có trong chúng những khả năng lớn. Tôi không nói rằng chúng là những phương pháp đáng tin cậy duy nhất, nhưng tôi cảm thấy rằng chính theo những đường hướng đó, cùng với việc áp dụng bổ sung liệu pháp giáo dục, có lý do để hy vọng và hứa hẹn nhiều rằng bóng ma đáng sợ của bệnh tật cuối cùng sẽ bị xua tan.

The Theosophist, Vol. 53, November 1931, p. 174

The Theosophist, Vol. [53], November [1931], tr. [174]

"Tôi đã có thể làm việc rất chặt chẽ với Geoffrey Hodson trong một vài tháng vào cuối những năm năm mươi, kiểm tra các quyền năng thông nhãn của ông trên các mảnh hóa thạch của người tiền sử có tuổi đời hai triệu năm . . . Ông không bao giờ nhận dạng sai một mẫu vật hoặc đưa ra những tuyên bố mâu thuẫn về một mẫu vật đã được trình bày nhiều hơn một lần. Theo như tôi có thể xác định, thông tin của ông luôn chính xác và ông đã mang lại cho tôi ấn tượng mạnh mẽ về sự tin cậy hoàn toàn."

Prof. J. T. Robinson, D. Sc.

GEOFFREY HODSON là một huấn sư và nhà văn được biết đến trên thế giới, người đã dành cả cuộc đời mình để lan tỏa các nguyên lý và ứng dụng của Minh Triết Ngàn Đời hay Thông Thiên Học. Ông đã viết viết hơn 60 cuốn sách về tinh thần, các năng lực cảm cảm giác ngoại vi, thế giới vô hình, thông thiên học, tôn giáo và các lĩnh vực tương tự, và đã là một người ủng hộ hòa bình thế giới, phúc lợi động vật, ăn chay, và các phong trào khác nhằm thúc đẩy sự hòa hợp, lòng từ bi và sự thấu hiểu.